# Lưu Tâm Vũ

## giải mã Hồng Lâu Mộng

Bách Gia Giảng Đàn (百家讲坛)

Trọn bộ

Kinh Dịch Tâm

# Lưu Tâm Vũ

## giải mã Hồng Lâu Mộng

Bách Gia Giảng Đàn (百家讲坛)

Trọn bộ 61 / 61 tập + 141 phụ lục

Kinh Dịch Tâm — Thư viện kinh điển Đông phương

# Mục Lục


. Bìa
. - Mục Lục -
. Tập 1: Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (thượng)
. Tập 2: Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (hạ)
. Tập 3: Bí ẩn hôn phối trong phủ Giả
. Tập 4: Bí ẩn Tần Khả Khanh được nhận nuôi
. Tập 5: Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh
. Tập 6: Bí ẩn thân thế của Tần Khả Khanh
. Tập 7: Bí ẩn vụ cảnh báo đêm trong trướng điện
. Tập 8: Bí ẩn thăng trầm của nhà họ Tào
. Tập 9: Bí ẩn nhật nguyệt cùng treo
. Tập 10: Bí ẩn Tưởng Ngọc Hàm
. Tập 11: Bí ẩn Bắc Tĩnh vương
. Tập 12: Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (thượng)
. Tập 13: Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (hạ)
. Tập 14: Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (thượng)
. Tập 15: Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (hạ)
. Tập 16: Bí ẩn nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân
. Tập 17: Bí ẩn lời phán về Giả Nguyên Xuân
. Tập 18: Bí ẩn cái chết của Giả Nguyên Xuân
. Tập 19: Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (thượng)
. Tập 20: Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (hạ)
. Tập 21: Bí ẩn tình ái của Diệu Ngọc
. Tập 22: Bí ẩn thân thế của Diệu Ngọc
. Tập 23: Giải mã kết cục Diệu Ngọc
. Tập 24: Bí ẩn huyết thống của Lâm Đại Ngọc
. Tập 25: Bí ẩn đôi mày của Lâm Đại Ngọc
. Tập 26: Bí ẩn Thoa Đại hợp nhất
. Tập 27: Bí ẩn hiểm cảnh của Lâm Đại Ngọc
. Tập 28: Giải mã kết cục Lâm Đại Ngọc
. Tập 29: Bí ẩn tuyển tú của Tiết Bảo Thoa
. Tập 30: Bí ẩn chỉ hôn của Tiết Bảo Thoa
. Tập 31: Bí ẩn tình ái của Tiết Bảo Thoa
. Tập 32: Bí ẩn quan hệ với Giả mẫu của Tiết Bảo Thoa
. Tập 33: Bí ẩn tình chướng của Tiết Bảo Thoa
. Tập 34: Giải mã kết cục Tiết Bảo Thoa
. Tập 35: Bí ẩn bảo thạch của Giả Bảo Ngọc
. Tập 36: Bí ẩn nhân cách của Giả Bảo Ngọc
. Tập 37: Bí ẩn ý dâm của Giả Bảo Ngọc
. Tập 38: Bí ẩn đa nhân cách của Giả Bảo Ngọc

. Tập 39: Giải mã kết cục Giả Bảo Ngọc
. Tập 40: Bí ẩn xuất tràng của Sử Tương Vân
. Tập 41: Bí ẩn ký dưỡng của Sử Tương Vân
. Tập 42: Bí ẩn đính hôn của Sử Tương Vân
. Tập 43: Bí ẩn kỳ lân vàng của Sử Tương Vân
. Tập 44: Giải mã kết cục Sử Tương Vân
. Tập 45: Bí ẩn toàn bản Hồng Lâu Mộng
. Tập 46: Bí ẩn kết cấu Hồng Lâu Mộng
. Tập 47: Bí ẩn Giả Nghênh Xuân
. Tập 48: Bí ẩn Hương Lăng
. Tập 49: Bí ẩn Giả gia hoạch tội
. Tập 50: Bí ẩn Giả Tích Xuân
. Tập 51: Bí ẩn Tập Nhân và Xạ Nguyệt
. Tập 52: Bí ẩn Giả Thám Xuân
. Tập 53: Bí ẩn Vương Hy Phượng và Xảo Thư
. Tập 54: Bí ẩn Lý Hoàn
. Tập 55: Bí ẩn miếu Ngục Thần
. Tập 56: Kim Lăng thập nhị thoa phó sách
. Tập 57: Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách
. Tập 58: Bí ẩn Tình bảng
. Tập 59: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (thượng)
. Tập 60: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (trung)
. Tập 61: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (hạ)
. Chuyện về cổ bản và bản thông hành
. Không đọc phàm lệ, thật đáng tiếc
. Đá thừa Nữ Oa vá trời, ngọc thông linh bảo ngọc, và Giả Bảo Ngọc: có phải là ba trong một?
. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần vốn có thơ mở đầu hồi
. Sự phản chiếu của lịch sử gia tộc
. Bốn đại gia tộc gây chú ý
. Chung Tình đại sĩ (钟情大士)? Chủng Tình đại sĩ (种情大士)?
. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần trần thuật linh hoạt bằng ba ngôi kể
. Không hiểu được Hồi thứ bảy, thì đừng đọc Hồng Lâu Mộng
. Xương trắng chất chồng, quên mất họ tên
. Dò xét kỹ càng, tinh chọn để cầu chân thực
. Từ Phong Nguyệt bảo giám mà chắt lọc, cải biên?
. Nguyên mẫu của Sử Tương Vân: một người em họ mang họ Lý của Tào Tuyết Cần
. "Chân sự ẩn" rồi mới "giả ngữ tồn"
. "Tần nhân cựu xá" càng thêm lộ liễu
. Mấy dòng lời phê Chi Nghiễn Trai không thể không biết
. Đừng bỏ qua: những con em tông tộc họ Giả đã được và đang mưu cầu chân sai việc
. Tiểu Hồng là nhân vật quan trọng xuyên suốt cả sách
. Rùa sáu chân · Hai mươi sáu tháng tư · Mồng ba tháng năm

. Ngày hai mươi sáu tháng tư là ngày thánh đản của Đại vương Che Trời
. Bí ẩn kim kỳ lân
. Ai là kẻ tố giác · Nhìn nhận Tập Nhân thế nào · Giả mẫu khéo khen Bảo Thoa
. Chẩm Hà các thập nhị thoa
. Giả mẫu bàn cửa sổ cần ngẫm kỹ, sách đến hồi ba mươi tám đã qua hơn một phần ba
. Không thể xem thường Vưu thị, Lý Hoàn cũng có lúc sắc sảo cay nghiệt
. Ba câu chuyện về dục vọng
. Lư Tuyết Nghiễm (芦雪广) không phải là Lư Tuyết Am (芦雪庵) · Giải mã thơ đố đèn của Tiết Bảo Cầm
. Đừng bỏ qua các cảnh đệm
. "Vai vụn lẻ tẻ", "vô tình thuận tay" đều thấy công lực
. Thêu dệt bức tranh nhân sinh phức tạp
. Chọn từ Hồng Lâu Mộng ra bốn cảnh đẹp nhất, bạn chọn bốn cảnh nào?
. Bi kịch tự cứu của "Hồng lâu nhị Vưu"
. Hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán
. Gai góc · Phật thủ lạp du đông · Bình phong kính · Quan trung
. Gió nổi từ ngọn thanh bình
. Khuyết thơ Trung thu đợi Tuyết Cần · gạo yên chi Ngọc Điền
. Chẳng thèm cái công danh ấy, chẳng để người đời xem đọc khen ngợi
. Hai hồi này có phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần không? Nếu là bổ tác, tác giả hẳn chẳng phải Cao Ngạc
. Điều anh nhất định phải biết: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng
. Thám dật Hồng Lâu Mộng từ hồi thứ tám mươi mốt đến hồi một trăm lẻ tám
. Bốn cách đọc sách
. Kim Bình Mai là tổ tiên của Hồng Lâu Mộng: không có Kim Bình Mai thì không có Hồng Lâu Mộng
. Chuyện Hồng
. ·Lời tựa gốc «Hồng lâu nhãn thần»·
. Nhìn chết trân
. Nhìn nhau trong gương
. Liếc mắt ra hiệu «giết gà lau cổ»
. Liếc xéo
. Giả Chính đưa mắt
. Nhìn nhau mà cười
. Nhìn theo bằng ánh mắt
. Thế pháp bình đẳng
. Sự nhược cầu toàn hà sở nhạc
. Thị chân danh sĩ tự phong lưu
. Duy đại anh hùng năng bản sắc
. Tiểu tâm không quá du đích
. Đáo để hoàn nên quy bản lai diện mục
. Trông thấy chim yến thì nói chuyện với chim yến
. To nhỏ đều có thiên lý
. Mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng
. Rốt cuộc bắt thăm mới công bằng

. Trạng nguyên bảng nhãn há chẳng có kẻ hồ đồ
. Người pha lê ruột thủy tinh
. Đầy quá thì tràn bớt ra ngoài
. Đẩy đổ bình dầu chẳng buồn đỡ
. Nhiều người ăn càng vui
. Người đời từ bé ai chẳng đi qua thế cả
. Cô ả bán dầu gội đầu bằng nước
. Người đọc sách cứ lấy lẽ phải làm trọng
. Gỗ hoàng bá làm dùi khánh
. Trâu không muốn uống nước cố đè sừng?
. Người trước rải đất làm mờ mắt người sau
. Đem miến nấu nước lã anh ăn đi tôi xem
. Đánh mất thể thống lớn thì chẳng ra gì
. Canh chừng kẻo trượt khỏi nếp gấp lớn
. Đàn ông mà giở cái bộ dạng lẩm cẩm như đàn bà
. Ông nội nằm trong chiếc nôi
. Đánh trống gõ mõ làm ầm ĩ
. Có động chạm gì đến ai
. Hoa rụng rồi kết trái bí ngô
. Đo đầu mà làm mũ
. Chuột kho lúa đi hỏi qua mượn lương
. Gà mái đen cả một ổ
. Nắm lấy lẽ phải mà đóng bè
. Cây đèn cao một trượng tám
. Xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên
. Cánh bèo còn có ngày gặp gỡ
. Cơm nồi khác thơm hơn
. Tự cho rằng tiêu vài đồng tiền đồng thối (几个臭铜) là chẳng có việc gì không xong được
. Rạp dù làm dài đến nghìn dặm
. Liễu giấu vẹt, nghe tiếng mới hay
. Giả mẫu luận về cửa sổ
. Tên tiểu hí tử để tóc kiểu nắp bô
. Những thú cưng trong Hồng Lâu Mộng
. Hòa Thạc Thục Thận công chúa
. Mắt thấy miếu Ngục Thần
. Lễ cửa là bột phục linh
. Tiểu Cát Tường hỏi Tuyết Nhạn mượn áo
. Bảo Quan và Ngọc Quan
. Liên Hoa Nhi mắt tinh
. Bà lớn viện Bắc
. Vợ của A Kỳ Na
. Trà đáp tử · phích nước · máy nước uống

. Nhịn đói
. Hai đời Vinh quốc công
. Đai ngọc treo giữa rừng
. Tình cờ gặp gỡ nơi Đại Hành cung
. Phó Hằng bao giờ trở về quê nhà?
. Bình lệch Phượng Thư
. Thèm một bát cháo gạo cẩm
. Để thế giới biết đến Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng
. Người trong hiên Khoa Đầu Bão Tất
. Cụ già ngoài tám mươi đến cổ vũ
. Chân nhện và cánh chim
. Hồng học chia sẻ với công chúng
. Xướng đọc Tào Hồng, hứng thú càng thêm nồng nàn
. Giới thiệu bản hội hiệu "Hồng Lâu Mộng" của Chu Nhữ Xương
. Thơ cụ Chu tặng, có người đáp hòa
. Thơ tặng huynh Tâm Vũ sang Mỹ diễn thuyết Hồng học
. Chỉ kẻ say mê mới giải được vị
. Hối không theo thầy thưởng hoa hải đường
. Tôi tục "Hồng Lâu Mộng"
. Thơ từ sau tám mươi hồi
. "Trắng xóa" và "chết sạch"
. Về việc Đại Ngọc trầm hồ
. Tiểu Cát Tường từ đâu ra?
. Giả Bảo Ngọc sau tám mươi hồi
. Bước vào văn thể Tào
. Cùng khung hình với Lâm muội muội
. Giải mã Lưu Tâm Vũ
. Tiên sinh Chu Nhữ Xương tặng thơ
. Túi gấm thứ nhất: Chân Anh Liên bị bắt cóc
. Túi gấm thứ hai: Kim Lăng thập nhị thoa
. Túi gấm thứ ba: Giáng Động hoa vương
. Túi gấm thứ tư: Tiễn biệt Hoa thần
. Túi gấm thứ năm: Bắt bướm · Táng hoa · Say nằm · Xâu hoa
. Túi gấm thứ sáu: Ngâm thơ điền từ
. Túi gấm thứ bảy: Tứ đại gia tộc
. Túi gấm thứ tám: Chơi chữ đồng âm ẩn nghĩa
. Túi gấm thứ chín: Rắn cỏ vệt tro
. Túi gấm thứ mười: Chân tình trên hết

# Tập 1

Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (thượng)

*Một kỳ thư hiếm có, bí ẩn cứ nối tiếp không dứt. Giữa dòng sử sách rối rắm, phức tạp ta lần tìm về cội nguồn. Qua từng câu chữ của Hồng Lâu Mộng, rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình dài kỳ quy mô lớn: Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng.*

*Hồng Lâu Mộng ra đời vào giữa thời Càn Long nhà Thanh. Từ khi vừa xuất hiện, nó đã liên tục làm nảy sinh những bí ẩn. Tác giả của nó rốt cuộc là ai? Ông muốn miêu tả chủ đề gì? Vì sao tác phẩm lại có nhiều phiên bản đến thế? Mọi người bàn tán, mỗi người một ý, không ai thống nhất. Kéo theo đó là sự thịnh suy của đủ các phái Hồng học. Vậy mà hơn hai trăm năm sau, hôm nay chúng ta kinh ngạc nhận ra rằng, khi ngoảnh lại lầu hồng, dù đã giải được nhiều vấn đề Hồng học, những băn khoăn và nghi vấn vẫn ùn ùn kéo đến. Chúng ta vẫn nhìn nó như ngắm hoa trong sương. Hồng Lâu Mộng có phải tự truyện của Tào Tuyết Cần không? Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc có phải đồng tác giả không? Hồng học rốt cuộc từ đâu mà có? Chúng ta nên nhìn nhận thế nào về tranh luận giữa các phái Hồng học?*

*Nhà văn Lưu Tâm Vũ, người đã hơn mười năm chuyên tâm với Hồng học, sẽ dẫn chúng ta từng bước đi vào vườn hoa Hồng học muôn hồng nghìn tía, kể lại nguồn mạch và các cuộc tranh luận của Hồng học.*

Cuối đời Thanh, có một người tên Chu Xương Đỉnh. Ông là một thư sinh. Một hôm, ông ngồi trong nhà đọc sách thì có một người bạn đến. Người bạn thấy ông đang đọc sách, vẻ như đang chuyên tâm nghiên cứu học vấn, bèn hỏi: "Này huynh, huynh đang nghiên cứu học vấn gì vậy? Có phải huynh đang nghiên cứu kinh học không?" Ngày xưa người ta chia sách vở thành kinh, sử, tử, tập. Kinh thư là thiêng liêng nhất, là sách thánh hiền. Sách Khổng Tử, Mạnh Tử, Tứ thư Ngũ kinh đều là kinh thư. Nghiên cứu kinh học được xem là việc thiêng liêng nhất. Thấy một thư sinh ngồi đọc và khảo cứu, người ta nghĩ ngay là đang nghiên cứu kinh học.

Chu Xương Đỉnh này rất thú vị. Nghe hỏi như vậy, ông liền đáp: "Đúng, tôi đang nghiên cứu kinh học. Nhưng thứ kinh học tôi nghiên cứu hơi khác với kinh học của các anh." Khác ở đâu? "Chữ 'kinh' của tôi là chữ 'kinh' bỏ đi một nét ngang và ba nét gấp, tức ba khúc cong ấy." Người bạn nghĩ: "Ồ, ông ấy nghiên cứu một thứ kinh học lạ thật." Mọi người đều biết chữ kinh phồn thể bên trái là bộ mịch. Bên phải, phía trên là một nét ngang, rồi ba nét cong, hoặc gọi là ba nét gấp, dưới cùng là chữ công. Vậy chữ kinh phồn thể ấy, nếu bỏ một nét ngang và ba nét cong phía trên đi thì bên phải chỉ còn chữ công. Một bộ mịch, một chữ công, thành chữ gì? Thành chữ hồng. Người bạn nói: "Hóa ra nghiên cứu của huynh là Hồng học."

Điều đó cho thấy khi ấy Hồng Lâu Mộng đã ăn sâu vào lòng người; đã có văn nhân nhã sĩ coi việc đọc và nghiên cứu Hồng Lâu Mộng là một việc đứng đắn, thậm chí thiêng liêng như nghiên cứu kinh thư. Điều này đủ chứng tỏ Hồng Lâu Mộng đã sớm thấm sâu vào lòng người.

Ban đầu, Hồng Lâu Mộng lưu truyền dưới dạng bản chép tay trong giới văn nhân nhã sĩ và xã hội thượng lưu, về sau, cùng với sự phổ biến của kỹ thuật in chữ rời, nó dần đi vào dân gian. Đến thời Gia Khánh nhà Thanh, đã có câu: "Mở miệng mà không nói Hồng Lâu Mộng thì đọc hết cả thi thư cũng vô ích!"

Về độ lưu hành và phổ biến của Hồng Lâu Mộng lúc bấy giờ, một thi nhân tên Tiết Thu thị đã dùng bài Tục Hồng Lâu Mộng trúc chi từ để ghi lại một cách rất sinh động, thú vị. Trong Tục Hồng Lâu Mộng trúc chi từ của Tiết Thu thị, tôi phát hiện một bài rất thú vị. Bây giờ tôi đọc cả bốn câu cho bạn nghe. Bạn nghe rồi thử ngẫm xem, rất có ý vị. Ông ấy viết:

"Hồng Lâu Mộng đã nối xong,
Tranh treo, quạt lụa lan khắp;
Thử nhìn trên cửa sổ xe ấm,
Tương Vân vẫn say ngủ ngon lành."

Nó truyền đạt rất nhiều thông tin. Câu "Hồng Lâu Mộng đã nối xong" cho thấy khi ấy người ta đã hiểu rằng bản Hồng Lâu Mộng in chữ rời mà họ đọc bao gồm hai phần. Một phần vốn do một người viết nhưng chưa hoàn chỉnh. Phần kia do người khác viết tiếp, nối cho nó hoàn chỉnh. Đây là một thông tin rất quan trọng. Vào thời Gia Khánh, có thể người ta chưa thật rõ nguyên tác giả Hồng Lâu Mộng là ai, người viết tiếp là ai. Nhưng họ đã rất rõ rằng Hồng Lâu Mộng 120 hồi không phải do một người viết từ đầu đến cuối. Đó là một cuốn sách từ chỗ chưa hoàn chỉnh đã được nối viết cho hoàn chỉnh. Thông tin này rất quan trọng.

Sau khi Hồng Lâu Mộng lưu truyền, nó không chỉ lưu truyền bằng chữ, mà rất nhanh chuyển sang các hình thức nghệ thuật khác, như tranh vẽ. Câu thứ hai của bài trúc chi từ cho ta biết: Hồng Lâu Mộng không còn chỉ để đọc; tranh treo và quạt lụa đều vẽ cảnh trong tác phẩm. Tranh treo tức là tranh treo trong nhà, chẳng hạn loại bình phong bốn tấm, tranh đều là Hồng Lâu Mộng. Còn quạt lụa là loại quạt mùa hè ngày xưa. Ngoài quạt xếp, còn có loại gọi là quạt lụa, lấy lụa căng trên một khung, phía trên có thể vẽ tranh, vừa quạt vừa thưởng tranh. Lúc ấy, tranh Hồng Lâu Mộng đã đi sâu vào dân gian: trong nhà nhìn thấy trên tranh treo, trên quạt cũng nhìn thấy. Bạn nghĩ xem ảnh hưởng lớn đến mức nào.

Thú vị hơn nữa, ông ấy nói: "Thử nhìn trên cửa sổ xe ấm, / Tương Vân vẫn say ngủ ngon lành." Xe thời Thanh là loại xe gì, mọi người đều rất rõ. Dân thường thường đi xe la. Xe la là một con la kéo một càng xe. Phía sau có một khoang xe. Nó giống như khoang kiệu khi người ta khiêng kiệu. Nhưng phía trên có lẽ là dạng vòm. Là dạng tròn.

Mùa đông, loại xe này có thể gọi là xe ấm. Vì sao? Vì khí hậu Bắc Kinh, mọi người biết đấy, mùa đông rất lạnh. Xe có rèm cửa, rèm cửa sổ. Bên trong khá ấm, tạo thành một không gian nhỏ ấm áp. Mọi người cũng biết, khi người xưa ngồi loại xe la ấy, dụng cụ sưởi có thể là một lò đồng nhỏ, trong bát đồng có than lửa. Tức là một cái lò sưởi nhỏ. Trong Hồng Lâu Mộng có miêu tả thứ này. Vậy trên loại xe ấy cửa sổ vẽ gì?

Rõ ràng đã là mùa đông, người ta phải tìm cách sưởi ấm, vậy mà trên cửa sổ lại vẽ cảnh mùa xuân. Vẽ một tình tiết trong Hồng Lâu Mộng.

Đó là Sử Tương Vân say ngủ dưới bóng hoa thược dược. Đó là một trong những cảnh đẹp nhất trong Hồng Lâu Mộng. Mọi người còn nhớ mùa xuân, cánh hoa thược dược rơi đầy đất. Sử Tương Vân lấy khăn lụa gói hoa thược dược lại làm gối. Nàng uống say, nằm trên một ghế đá, gối lên chiếc gối hoa thược dược ấy mà ngủ. Dáng vẻ say ngủ rất đáng yêu. Vậy là cảnh ấy được vẽ ra. Chiếc xe chạy trên phố, bạn xem, Sử Tương Vân như chạy khắp phố. Đó chính là tình hình Hồng Lâu Mộng đi sâu vào dân gian lúc bấy giờ.

Dù Hồng Lâu Mộng lưu truyền trong đời nhờ sức hấp dẫn nghệ thuật cao siêu và nội hàm tư tưởng sâu sắc, người đời lại biết quá ít về tác giả Tào Tuyết Cần. Trước thập niên 1920, ngay cả tác giả Hồng Lâu Mộng là ai cũng không phải người nào cũng biết. Cùng với sự lưu hành và phổ biến của các bản in Hồng Lâu Mộng, vấn đề tác giả đã dẫn tới một cuộc tranh luận kéo dài trong đời. Tác phẩm khiến người ta rung động, đọc mãi không buông ấy rốt cuộc do ai viết? Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc rốt cuộc có phải đồng tác giả không? Họ có cùng sáng tác Hồng Lâu Mộng không?

Tra tư liệu là thấy không phải. Hai người này chẳng có quan hệ gì với nhau. Căn bản không quen biết. Đường đời của họ chưa từng giao nhau. Không liên quan gì cả.

Tào Tuyết Cần sinh năm nào, mất năm nào? Chuyện ấy còn có tranh luận. Đặc biệt là ông sinh năm nào. Có học giả cho rằng không dễ xác định rõ. Năm mất cũng có tranh luận. Nhưng tranh luận này chỉ chênh nhau một, hai năm. Rốt cuộc là năm 1763 hay 1764? Nếu tính theo can chi thời ấy thì rốt cuộc là năm Nhâm Ngọ hay Quý Mùi? Tranh luận chỉ ở mức ấy thôi. Cho nên tuy năm sinh, năm mất của Tào Tuyết Cần còn có điểm phải bàn nhưng đại thể vẫn có thể tra rõ qua tư liệu.

Cao Ngạc gần như nhỏ hơn Tào Tuyết Cần mười mấy, hai mươi tuổi. Thậm chí nhỏ hơn trên hai mươi tuổi. Ít nhất là nhỏ hơn hai mươi tuổi. Ít tuổi hơn một chút thì không sao. Người già và người trẻ vẫn có thể cùng viết chung. Đúng không?

Nhưng hai người này căn bản không qua lại. Căn bản không quen biết. Hơn nữa, sau khi Tào Tuyết Cần mất năm 1763 hoặc 1764, Cao Ngạc đến viết tiếp Hồng Lâu Mộng vào lúc nào? Tư liệu này là chính xác. Lúc ấy đã là năm 1791 rồi. Tức là đã gần ba mươi năm. Gần ba mươi năm sau khi Tào Tuyết Cần qua đời mới xuất hiện chuyện Cao Ngạc viết tiếp Hồng Lâu Mộng. Chuyện là như vậy.

Cao Ngạc cùng một nhà buôn sách tên Trình Vĩ Nguyên hợp tác, cuối cùng xuất bản một bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi. Họ lấy tám mươi hồi, về đại thể là nguyên tác của Tào Tuyết Cần, cộng thêm bốn mươi hồi do họ đưa ra. Theo nghiên cứu của rất nhiều chuyên gia Hồng học, bốn mươi hồi ấy là do Cao Ngạc viết tiếp. Chủ yếu là ông ấy cầm bút viết tiếp.

Vì vậy, xét từ góc độ quyền tác giả, sao có thể in tên hai người này cùng nhau trên cuốn sách ấy? Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc. Như thể hai người cùng viết một cuốn sách. Như thể từ hồi một đến hồi một trăm hai mươi đều do hai người hợp tác. Không phải vậy. Cho nên việc tôi nghiên cứu không hề vô lý.

Thật ra giới Hồng học đã nghiên cứu vấn đề này từ rất sớm. Nhưng bất kể giới Hồng học rút ra kết luận gì, điều khiến tôi băn khoăn là đến tận bây giờ cuốn Hồng Lâu Mộng mà mọi người thường mua được vẫn in theo kiểu ấy. Tôi nêu nghi vấn về chuyện đó.

Tôi đề nghị các nhà xuất bản sau này khi in lại, ít nhất trên bìa sách nên ghi: "Tào Tuyết Cần trước tác, Cao Ngạc nối viết." Anh vẫn có thể xuất bản một bản 120 hồi, nhưng phải phân định như vậy. Như thế còn tạm nói được.

Theo lý mà nói, vốn không nên gộp chung mà in. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thì cứ là Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Ai muốn đọc phần viết tiếp — mà sách nối viết thật ra cũng không chỉ có một bản của Cao Ngạc — thì có thể in riêng một cuốn Bốn mươi hồi Cao Ngạc nối Hồng Lâu Mộng. Như thế mới phân rõ hẳn vấn đề quyền tác giả. Phân rõ điểm này rất quan trọng.

Theo khảo chứng của chuyên gia, ban đầu Tào Tuyết Cần về cơ bản đã hoàn thành việc sáng tác Hồng Lâu Mộng, nhưng do người mượn làm thất lạc và thời gian trôi qua, cuối cùng chỉ còn lưu truyền tám mươi hồi đầu. Cuối thời Càn Long nhà Thanh, năm 1791, nhà buôn sách Trình Vĩ Nguyên mời văn nhân Cao Ngạc dựa trên nguyên tác của Tào Tuyết Cần để sưu tập, chỉnh lý và viết tiếp bốn mươi hồi sau, cuối cùng hoàn thành bản in 120 hồi Hồng Lâu Mộng, gọi là Trình bản, lại căn cứ thứ tự xuất bản mà chia thành bản Trình Giáp và bản Trình Ất.

Bốn mươi hồi sau do Cao Ngạc nối viết là gấm thêm hoa hay đuôi chó nối đuôi chồn? Tục ngữ nói rất hay: cải trắng, củ cải, mỗi người một sở thích, đúng không? Hiện nay cũng có người cho rằng bốn mươi hồi sau viết tiếp rất hay. Lại có ý kiến cực đoan cho rằng bốn mươi hồi sau còn hay hơn tám mươi hồi đầu. Tôi rất tôn trọng đó như một ý kiến cá nhân. Nhưng tôi phải thẳng thắn nói cảm nhận của mình. Bốn mươi hồi sau rất tệ, rất tệ. Tệ thế nào? Nói đơn giản là hai điểm.

Điểm thứ nhất: khi Tào Tuyết Cần viết tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, ông đã nói rất rõ, ám chỉ rất rõ, liên tục nhắc người đọc rằng kết cục cuối cùng sẽ là một đại bi kịch. Bạn xem hồi thứ năm. Ở hồi thứ năm, trong Thái Hư Ảo Cảnh, Giả Bảo Ngọc lật xem những sách tranh Thập Nhị Thoa. Trên đó viết thế nào? Còn

Cảnh Huyễn tiên cô để các ca kỹ hát mười hai khúc Hồng Lâu Mộng cho Giả Bảo Ngọc nghe. Họ hát thế nào? Trong đó nói quá rõ rồi. Kết cục sau tám mươi hồi lẽ ra phải là phủ Giả nhà tan người tản, mỗi người một nẻo. Ầm ầm như tòa nhà lớn đổ, tối sầm như ngọn đèn sắp tắt. Chính văn viết:

"Như chim khi đã hết mồi,
Bay về rừng, thẳm đậu nơi yên lành."

Chẳng phải nói rất rõ sao? Kết cục là như thế.

Nhưng bạn nhìn hồi nối viết của Cao Ngạc xem, không ổn. Chưa cần chờ về sau; chỉ cần nhìn hồi tám mươi mốt, hồi vừa bắt đầu phần nối viết, đã thấy hồi mục rất kỳ lạ. Hồi ấy mang tên: "Chiêm vượng tướng, bốn nàng câu cá; vâng lời nghiêm phụ, hai lần vào gia thục." Hồi 81 Hồng Lâu Mộng kể chuyện Giả Bảo Ngọc buồn bã vì Nghênh Xuân xuất giá; cậu gặp Thám Xuân và mấy chị em khác, rồi dùng việc câu cá để bói vận may của mỗi người. Sau đó, dưới lời răn của cha là Giả Chính, cậu đành vào gia thục học hành. Phong cách ấy đã thay đổi rõ rệt so với tám mươi hồi đầu.

Chúng ta biết, đến hơn bảy mươi hồi, tác phẩm đã viết tới thế "núi mưa sắp tới, gió đầy lầu". Bạn nghĩ xem, bên ngoài còn chưa tới khám xét nhà họ Giả đã tự khám xét nhà mình rồi. Đã khám xét Đại Quan Viên rồi. Đã có người chết rồi. Đã bắt đầu có án mạng rồi. Chẳng phải Tình Văn, một cô gái đáng yêu đang yên lành sau khi bị đuổi ra ngoài đã bị bức hại đến chết sao?

Hơn nữa, đến hồi tám mươi đã viết chuyện Giả Nghênh Xuân gả cho Tôn Thiệu Tổ. Nàng cũng đối diện với số phận tử vong. Phần trước chẳng phải đã sớm ám chỉ rồi sao? Đúng không? Một con sói dữ vồ lấy một người đẹp. Trong Cảnh Huyễn tiên cung thiên cơ đã được tiết lộ. Để Giả Bảo Ngọc xem bức vẽ trong sách tranh đã vẽ ra cả rồi. Đến hồi tám mươi đã viết tới đó. Nàng đã được gả đi rồi. Sao đến hồi tám mươi mốt đột nhiên mọi chuyện lại bình lặng? Chiêm vượng tướng, bốn nàng câu cá. Ung dung nhàn tản như không hề có chuyện gì.

Hơn nữa, trong tám mươi hồi đầu bạn thấy Tào Tuyết Cần phản đối kiểu mê tín này. Ông phản đối nó. Bạn xem nhân vật Mã đạo bà. Yểm hại Phượng Thư và Bảo Ngọc. Ông cực kỳ căm ghét chuyện ấy. Sao ông lại viết những cô gái dưới ngòi bút mình — những người ông cho là xương thịt do nước làm thành — đi câu cá, đi chiêm vượng tướng, dùng những trò bói toán ấy?

"Bảo Ngọc đỗ hương khôi rồi dứt trần duyên; nhà họ Giả đội ơn vua, được nối dài phúc trạch." Tuy cũng từng bị tịch biên gia sản, cuối cùng hoàng đế lại đối xử rất tốt với họ; mọi thứ gần như được khôi phục. Đó là hồi 119 của Hồng Lâu Mộng. Lúc này tác phẩm đã đi vào đoạn kết. Hồi này kể chuyện Giả Bảo Ngọc trải qua nhiều biến cố tham gia thi hương, đỗ cử nhân hạng bảy nhưng lại nhìn thấu hồng trần, vào cửa Phật. Hoàng thượng xá tội cho nhà họ Giả; nhà họ Giả lại phục hưng.

Giả Bảo Ngọc xuất gia cũng rất kỳ lạ. Điểm này Lỗ Tấn tiên sinh đã chỉ ra. Cậu đã xuất gia rồi, sao bỗng lại chạy ra bờ sông để gặp cha mình là Giả Chính, vốn là người cậu không ưa nhất? Giữa cha con từng xảy ra xung đột dữ dội. Mọi người còn nhớ chứ? Bất hiếu đủ đường, chịu đòn nặng. Ai đánh ai? Đánh gần chết. Đúng không? Vậy mà lại chạy tới trước Giả Chính cúi đầu lạy phục. Hơn nữa vị hòa thượng xuất gia này rất kỳ lạ. Cậu khoác một chiếc áo lông vượn màu đại hồng. Chiếc áo ấy rất xa hoa. Là thứ của gia đình quý tộc. Viết như thế là không ổn, đúng không? Chính Tào Tuyết Cần ở phần trước đã báo trước rằng kết cục của Bảo Ngọc sẽ là một bi kịch triệt để, sao cuối cùng lại thành một đoạn kết thậm chí có màu hài kịch như vậy? Không ổn.

Ngoài ra, viết nhân vật chính Giả Bảo Ngọc càng viết càng không ổn. Nhân vật Giả Bảo Ngọc trong tám mươi hồi đầu đã cho ta cảm nhận rằng cậu là người không hòa hợp với xã hội chính thống phong kiến, đúng không? Cậu mắng những kẻ đọc kinh thư, đi thi khoa cử là quốc tặc lộc mọt, những chuyện công danh ấy cậu ghét đến tận xương. Vậy mà dưới ngòi bút Cao Ngạc, sao Giả Bảo Ngọc bỗng chốc biến thành một đứa trẻ ngoan, nghe lời Giả Chính hai lần vào gia thục, một lòng đọc sách thánh hiền?

Mọi người còn nhớ bốn mươi hồi sau có viết: một hôm Giả Bảo Ngọc gặp Xảo Thư. Ôi, Giả Bảo Ngọc này viết quá quái lạ. Giả Bảo Ngọc nghe nói Xảo Thư đọc Nữ Hiếu Kinh thấy rất tốt bèn giảng cho cô bé Liệt Nữ Truyện. Một tràng dài giảng đạo đức phong kiến. Đây là Giả Bảo Ngọc sao? Tào Tuyết Cần ở phần trước đã viết rất rõ. Đúng không? Giả Bảo Ngọc là kẻ sa sút, không thông thế sự, ngu bướng, sợ đọc văn chương. Cậu là người vừa nghe nói đến trường học, vừa nghe nói phải đọc sách đã đau đầu. Có lần đến trường chỉ để kết bạn với Tần Chung chứ không phải học hành nghiêm túc. Cậu không phải kiểu người ấy, nên phần sau đã viết lệch nhân vật này.

Dĩ nhiên tôi cũng thừa nhận bốn mươi hồi Cao Ngạc nối viết có tác dụng nhất định đối với sự lưu truyền toàn bộ Hồng Lâu Mộng. Nó khiến tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần có thể lưu truyền trên đời như một câu chuyện hoàn chỉnh. Vì sao bản thông hành được in nhiều hơn, tôi cũng hiểu. Hiểu thì hiểu, nhưng khi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, ý kiến cần nêu vẫn phải nêu: phần Cao Ngạc nối viết là không đúng. Có người nói: "Có phải ông quá giật gân không? Ý kiến nào sắc nhọn thì ông chạy theo ý kiến đó; có phải hơi như hò hét lấy lòng đám đông không?" Không phải vậy. Đây là cảm nhận chân thật của tôi.

Hơn nữa, tôi nói cho bạn biết: từ rất sớm đã có người nêu ý kiến về bốn mươi hồi sau còn sắc nhọn hơn tôi nhiều.

Vào thời Gia Khánh nhà Thanh, có một hậu duệ quý tộc tên Dụ Thụy viết một cuốn sách. Dĩ nhiên là người Mãn. Ông viết một cuốn tên Tảo Song Nhàn Bút. Trong đó ông đưa ra ý kiến phê bình rất sắc bén về bốn mươi hồi sau. Có thể nói là ý kiến phê phán. Ông nói như thế này. Lúc ấy ông còn chưa biết Cao Ngạc. Cũng chưa biết chính Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên nối viết bốn mươi hồi sau. Ông còn chưa biết ai viết tiếp. Nhưng ông cũng thấy không ổn.

Ông nói: "Xét kỹ bốn mươi hồi sau, tuyệt đối không cùng bút mực với phần trước; chắc chắn là phần bổ viết giả." Ông lại nói phần ấy "cẩu thả chắp vá"; đọc lướt qua thì có vẻ cùng một bút mực, nhưng xét kỹ dụng ý lại không hay, nhiều chỗ làm hỏng phong cảnh. Vì vậy, người viết tiếp tuyệt không thoát khỏi hạng "hạ hạ". Ông cho rằng người nối viết chỉ đáng xếp hạng hạ hạ. Tuyệt đối không thể là do Tào Tuyết Cần viết. Còn một câu nữa ghê gớm hơn. Ông có một câu rất ghê gớm. Ông gọi đó là thứ không có một điều thiện, đủ mọi điều ác. Ngay chút ưu điểm chúng ta vừa nói ông cũng không giữ lại. Ông cho rằng đó là một thứ không có một điều thiện, đủ mọi điều ác. Căm ghét đến cực điểm. Cho nên từ rất sớm đã có các bậc tiền bối, những nhà nghiên cứu Hồng học rất sớm đưa ra phê phán vô cùng sắc bén đối với bốn mươi hồi sau.

Cùng với sự xuất hiện của một số tư liệu lịch sử, người ta dần biết rằng gia tộc Tào Tuyết Cần qua ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đều có quan hệ vô cùng rối rắm, phức tạp. Tổ tiên nhà họ Tào có quan hệ không tầm thường với hoàng đế Khang Hy. Tằng tổ mẫu của Tào Tuyết Cần là Tôn thị từng làm vú nuôi của hoàng đế Khang Hy. Ông nội từng làm bạn học của hoàng đế Khang Hy. Tằng tổ phụ, ông nội, cha, ba đời bốn người liên tục sáu mươi lăm năm giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Hoàng đế Khang Hy sáu lần nam tuần, lần nào cũng do nhà họ Tào tiếp giá. Có thể nói là ân vua mênh mông.

Đầu thời Ung Chính, nhà họ Tào vì bị cuốn vào đấu tranh chính trị nội bộ triều đình mà bị cách chức, tịch biên gia sản. Từ đó nhà họ Tào suy sụp không gượng dậy. Sau khi nhà họ Tào bị tịch biên, Tào Tuyết Cần khi còn nhỏ theo gia đình đến Bắc Kinh. Sau khi tự mình trải qua thịnh suy của gia tộc, từ đời sống phú quý phồn hoa chuyển thành cảnh nghèo túng, sa sút nghiêm trọng, ông đã đưa nỗi bi phẫn và phê phán đối với sự mục nát, đen tối của chế độ chính trị phong kiến cùng lễ giáo phong kiến đã trói buộc tư tưởng con người vào trong Hồng Lâu Mộng. Điều này lại càng làm tăng thêm nhiều tranh luận của người đời về cuộc đời và gia thế Tào Tuyết Cần.

Từ đó, thuyết cho rằng Hồng Lâu Mộng là tự truyện của Tào Tuyết Cần lan truyền rất nhanh. Vậy sự thật có đúng như vậy không? Tào Tuyết Cần rốt cuộc là người thế nào? Hồng Lâu Mộng có phải tự truyện của Tào Tuyết Cần không?

Vừa rồi chẳng phải đã nói rồi sao? Bắt đầu từ việc nghiên cứu bìa sách ta phát hiện Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc căn bản không phải đồng tác giả. Phần Cao Ngạc nối viết không phù hợp với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Phần Cao Ngạc nối viết hay hay dở, nên đánh giá thế nào, chúng ta có thể tạm gác sang một bên. Tạm thời chưa bàn. Chúng ta chỉ nghiên cứu tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần. Vậy muốn nghiên cứu tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần thì phải nghiên cứu chính nhà văn Tào Tuyết Cần là người thế nào. Ông là người ra sao? Con cái nhà ai? Sao có thể viết ra cuốn sách này?

Về phương diện này, thành quả nghiên cứu của người đi trước rất phong phú.

Trong Trung Quốc tiểu thuyết sử lược, Lỗ Tấn tiên sinh đã tiếp nhận một thành quả mới nhất của nghiên cứu Hồng học thời ấy và cho rằng Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm mang tính tự thuật, có tính tự truyện. Lỗ Tấn tiên sinh nói: "Lời kể đều giữ cái chân thật, những điều nghe thấy đều là từng tự trải qua." Đặc điểm của Hồng Lâu Mộng nằm trong tám chữ: "Vì viết thực mà hóa thành mới lạ." Nó viết thực đến mức thật sự có sức xuyên thấu trang giấy. Vốn dĩ viết thực dường như là thứ kém mới lạ nhất, còn hư cấu tưởng tượng mới là mới lạ nhất. Nhưng vì ông dốc sức lớn nhất để viết thực, lại viết cực hay, nên nó chuyển hóa thành mới lạ, trái lại vượt qua những tác phẩm thuần hư cấu, thuần ảo tưởng. Đó là đánh giá của Lỗ Tấn tiên sinh về Hồng Lâu Mộng. Nhìn từ hôm nay, tôi vẫn rất khâm phục. Tôi thấy tiên sinh nói vô cùng chính xác.

Có người liền nói: ôi, nói như vậy có phải ông muốn đặt Tào Tuyết Cần và Giả Bảo Ngọc ngang bằng nhau không? Muốn đặt phủ Giả trong Hồng Lâu Mộng ngang bằng với nhà họ Tào không? Có phải ông cho rằng Hồng Lâu Mộng là phóng sự không? Rằng mỗi sự việc, mỗi cảnh trong đó đều là ghi chép đời sống máy móc một trăm phần trăm? Tôi không nói như vậy. Tôi không có ý đó. Ý của tôi thật ra rất rõ.

Theo tôi hiểu ý của Lỗ Tấn tiên sinh, khi viết Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần dựa vào trải nghiệm sinh mệnh của chính mình, dựa vào gia tộc của mình. Nhà họ Tào trong ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long của nhà Thanh đã trải qua những biến động lớn, những thăng trầm thịnh suy vinh nhục làm người ta kinh tâm động phách. Vì thế tác phẩm có tính tự truyện, có tính tự thuật. Tôi không nói nó chính là tự truyện, càng không nói mọi thứ đều có thể đặt dấu bằng với hiện thực đời sống. Cũng không nói nó không có một quá trình tưởng tượng nghệ thuật. Dĩ nhiên nó đi từ chân thực đời sống, thăng hoa thành chân thực nghệ thuật. Điều này khỏi cần nói.

Cho nên muốn đọc thông Hồng Lâu Mộng thì phải hiểu gia thế Tào Tuyết Cần. Ít nhất phải tra ba đời, biết ông nội của ông là ai, cha ông đại khái là ai. Bản thân ông có trải nghiệm đời sống và cảnh ngộ như thế nào. Gia tộc ông từng thịnh vượng rực rỡ ra sao dưới triều Khang Hy.

Sang triều Ung Chính, vì Ung Chính không ưa nên nhà họ Tào bị xử tội. Bị tịch biên gia sản, bị trị tội. Đầu thời Càn Long, vì sao lại được Càn Long xá miễn? Từng có một thời khá giả. Nhưng vào năm Càn Long thứ tư, vì sao họ lại đột ngột bị cuốn vào một cuộc đấu tranh chính trị lớn? Khi Càn Long tiêu diệt đối thủ chính trị ông cũng xử lý luôn những người liên quan khác trong xã hội. Thế là nhà họ Tào bị liên lụy và bị hủy hoại triệt để. Nhà họ Tào bị liên lụy, bị hủy diệt hoàn toàn. Vì vậy, phải biết gia thế Tào Tuyết Cần thì mới đọc thông Hồng Lâu Mộng. Cho nên muốn đi vào lĩnh vực Tào học hiện nay có rất nhiều trước tác liên quan có thể đọc. Tôi đi vào lĩnh vực này trước và thấy nó vô cùng thú vị.

*Theo khảo chứng, tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, tức nguyên tác của Tào Tuyết Cần, ban đầu lưu hành dưới dạng bản chép tay. Trong quá trình truyền chép, do trình độ tư tưởng, trải nghiệm đời sống và tu dưỡng văn học của người chép khác nhau nên hình thành nhiều phiên bản. Tuy số phiên bản rất nhiều, gây ra*

*không ít bất tiện cho người đời sau thưởng thức và nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, nhưng không nghi ngờ gì, chúng cũng để lại một không gian rất lớn để nghiên cứu chính văn bản tác phẩm. Hồng Lâu Mộng rốt cuộc có bao nhiêu phiên bản? Những phiên bản ấy khác nhau ở đâu? Trong quá trình truyền chép Hồng Lâu Mộng từng có bao nhiêu tên gọi khác nhau?*

Trong Hồng học, ngoài Tào học còn có một nhánh lớn gọi là phiên bản học. Nó rất thú vị. Ta biết được rằng Hồng Lâu Mộng năm xưa vốn lưu truyền bằng hình thức chép tay. Bản chép tay đại thể là tám mươi hồi. Nhưng nói nghiêm ngặt, có thể còn chưa đủ tám mươi hồi. Hiện nay đa số người cho rằng một bản cổ nhất gọi là bản Giáp Tuất. Đó là một bản vào năm Càn Long thứ mười chín. Tên sách của Hồng Lâu Mộng trong bản Giáp Tuất là Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký.

Mọi người biết, trong quá trình lưu truyền, Hồng Lâu Mộng từng có rất nhiều tên gọi. Trong văn bản bản Giáp Tuất hiện nay, chính nó có tổng kết một chút. Trong một số bản khác cũng có vài ghi chép. Tức là Thạch Đầu Ký từng có nhiều tên gọi khác nhau trong quá trình lưu truyền.

Thật ra tên sớm nhất của nó lẽ ra là Thạch Đầu Ký. Về sau lại được gọi bằng nhiều tên khác. Ví dụ còn được gọi là Tình Tăng Lục. Vì nhân vật chính Giả Bảo Ngọc từng có lúc xuất gia. Nên gọi là Tình Tăng Lục. Về sau lại được gọi là Hồng Lâu Mộng. Lại được gọi là Phong Nguyệt Bảo Giám. Lại được gọi là Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Nhưng Hồng Lâu Mộng bản cổ cuối cùng định tên là Thạch Đầu Ký. Vì vậy, Thạch Đầu Ký phải là tên sách thể hiện rõ nhất ý đồ sáng tác ban đầu của Tào Tuyết Cần. Chỉ vì hiện nay chúng ta đã quen gọi là Hồng Lâu Mộng. Cho nên Hồng Lâu Mộng, Hồng học đều gọi như vậy. Điều ấy dĩ nhiên cũng không sao. Chỉ là vấn đề ký hiệu mà thôi. Nhưng nên biết Hồng Lâu Mộng bản cổ thuộc hệ thống Thạch Đầu Ký.

Năm Càn Long thứ mười chín có bản Giáp Tuất. Đến năm Càn Long thứ hai mươi bốn có bản Kỷ Mão. Năm thứ hai mươi lăm có bản Canh Thìn. Về sau, tại một vương phủ Mông Cổ lại phát hiện một bản chép. Ở Liên Xô trước kia, nay là Nga, nơi trước kia gọi là Leningrad, nay là Saint Petersburg, trong thư viện lại phát hiện một bản cổ, do một giáo sĩ Nga năm xưa mang về Nga.

Dĩ nhiên về sau còn phát hiện một số bản in đá cuối Thanh hoặc đầu Dân Quốc. Ví dụ có một người tên Thích Liệu Sinh. Bản có lời tựa do ông viết gọi là bản Thích Liệu Sinh tự, gọi tắt là bản Thích tự. Một người tên Thư Nguyên Vĩ viết lời tựa, gọi là bản Thư tự. Một người tên Mộng Giác Chủ Nhân viết lời tựa, gọi là bản Mộng Giác, vân vân. Còn một số phiên bản nữa. Tôi không nói kỹ.

Nói chung, vừa bước vào lĩnh vực này đã thấy rất thú vị. Ta biết một cuốn sách lưu truyền cũng có câu chuyện của nó. Tào Tuyết Cần nói: "Cay đắng mười năm khéo lạ lùng." Việc nó đến với dân gian cũng thật khác thường, chuyện lưu truyền cũng thật khác thường. Ông viết ra, rồi người ta chép lại, rồi lại lưu truyền. Khó khăn chồng chất. Sách có số phận của sách, người có số phận của người.

*Khi nghiên cứu phiên bản Hồng Lâu Mộng, điều chúng ta thu nhận không chỉ nằm ở bản thân phiên bản. Chúng ta còn có thể hiểu quá trình phát triển của văn minh cổ điển Trung Quốc. Hiểu rằng, trong một hoàn cảnh quanh co, gian nan như thế nào, một cuốn sách cuối cùng trở thành tác phẩm được mọi người yêu mến, nhà nhà đều biết.*

*Hồng Lâu Mộng giống như một kho tàng văn hóa khổng lồ. Nó chứa đựng dưỡng chất văn hóa phong phú. Đó cũng là lý do quan trọng khiến nó trường thịnh không suy.*

*Trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng ngoài Tào học và phiên bản học còn có những nhánh Hồng học nào? Trước rất nhiều tranh luận giữa các phái Hồng học chúng ta nên ứng xử ra sao?*

Còn có một ý kiến cho rằng nghiên cứu Hồng Lâu Mộng nên đặt trọng điểm vào phân tích tư tưởng tính và nghệ thuật tính của nó. Đừng lúc nào cũng đi làm Tào học Chi học phiên bản học hay thám dật học gì đó. Chẳng phải hiện nay đã có bản thông hành Hồng Lâu Mộng sẵn đó sao? Anh cứ phân tích tư tưởng tính và nghệ thuật tính của nó đi. Nó phản phong kiến thế nào, ca ngợi tình yêu trong sáng ra sao, v.v. Ý kiến này cũng rất hay. Cũng rất hay. Cũng thật sự đáng nghiên cứu.

Nhưng tôi đề nghị tốt nhất bạn đừng trộn lẫn bốn mươi hồi của Cao Ngạc với nguyên bút của Tào Tuyết Cần để nghiên cứu. Nghiên cứu thì có thể tách ra mà nghiên cứu.

Còn rất nhiều nhánh nhỏ. Mà xét riêng nó, cũng chưa chắc đã nhỏ.

Có người cả đời chuyên nghiên cứu thi từ ca phú trong Hồng Lâu Mộng. Vì bản thân Hồng Lâu Mộng cũng là một tác phẩm tập đại thành về thi từ ca phú. Đúng không? Đúng không? Phía sau còn có bài Phù Dung lụy cùng những áng cổ văn rất uyên áo, đều khác với ngôn ngữ tự sự của tác phẩm và đều đáng nghiên cứu. Vậy nghiên cứu thi từ ca phú của Hồng Lâu Mộng cũng là một nhánh của Hồng học.

Cũng có người nghiên cứu Đại Quan Viên: Đại Quan Viên vừa là không gian tưởng tượng nghệ thuật do tác giả tạo dựng, vừa là một đoạn văn lớn miêu tả tập trung về vườn cảnh Trung Quốc. Đúng không? Vì vậy Đại Quan Viên học rất sôi nổi, bao gồm ý nghĩa biểu tượng của Đại Quan Viên, bản thân Đại Quan Viên có nguyên mẫu hay không, có một nguyên mẫu vườn cảnh hay mấy nguyên mẫu hợp lại, bố cục vườn cảnh trong Đại Quan Viên thể hiện giá trị thẩm mỹ của kiến trúc cổ điển Trung Quốc ra sao, vân vân. Đại Quan Viên học cũng tạo thành một môn học.

Nghiên cứu ẩm thực Hồng Lâu cũng tạo thành một môn học. Có người nói môn học này quá tục chăng? Bạn xem, một ngành học cao nhã như thế cuối cùng lại biến thành một hành vi thương mại. Ra phố thấy quán Hồng Lâu nào đó ăn món ăn hệ Hồng Lâu nào đó. Nhưng đúng hôm người nói câu ấy với tôi lại đang ăn món Hồng Lâu cùng tôi. Tôi liền cười ông ta. Tôi nói người như ông thật là bản thân ăn món ấy rồi lại

bảo đó không phải học vấn. Tôi nói ông như vậy thuộc loại gì? Tức là tự cho mình là đúng. Tôi cho rằng thế pháp bình đẳng. Đây là một câu Giả Bảo Ngọc nói trong Hồng Lâu Mộng: thế pháp bình đẳng. Bạn có thể nghiên cứu những thứ rất cao thâm, rất nhã.

Cũng có người từ góc độ tục mà nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, nghiên cứu ẩm thực trong Hồng Lâu Mộng. Điều đó rất có ý nghĩa, đúng không? Có thể giúp ta hiểu mấy đời trước của chúng ta ăn uống như thế nào. Giữa quý tộc và bình dân có khác biệt gì, có quy củ gì, đều không thể xem nhẹ. Không nên quá so đo người khác.

Dĩ nhiên giới Hồng học tranh luận rất nhiều, hơn trăm năm Hồng học là hơn trăm năm tranh luận không dứt. Có người thấy phiền: ôi thôi, thật là, đừng nhắc Hồng học nữa, cứ nhắc Hồng học là tôi đau đầu, ý kiến quá nhiều, tranh luận quá nhiều.

Tôi nghĩ chúng ta hãy nghe lời bậc tiền hiền. Thái Nguyên Bồi, bạn biết chứ? Đầu thời Dân Quốc, ông là hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh, một học giả lớn.

Khi bàn về Hồng học, ông có tám chữ. Ông nói: "Quý ở nhiều dị biệt, chớ cầu đồng thuận dễ dãi." "Dị biệt" ở đây là cái "kỳ" trong "phân kỳ". Nhiều dị biệt nghĩa là xuất hiện nhiều phân kỳ, tranh luận, ý kiến khác nhau. Xuất hiện những ý kiến bạn thấy trái tai, gây kinh động, hoặc rất khiêu khích. Hoặc bạn thấy người ta là người ngoài nghề, thấy lời ấy không nên nói, nhưng người ta vẫn nêu ý kiến. Trong lĩnh vực học thuật, trong không gian học thuật, xuất hiện rất nhiều dị nghĩa, rất nhiều tranh luận, phải nhìn nhận thế nào? Tiền hiền Thái Nguyên Bồi nói với chúng ta: quý ở nhiều dị biệt. Cầu còn không được. Vô cùng quý báu. Nghìn vàng khó cầu một ý kiến khác. Bạn xem khí độ học thuật của người ta.

Nửa sau câu ấy lại càng hay. Quý ở nhiều dị biệt cũng không thể như thế này: nghe bên này thấy có lý, có lý nghe bên kia lại thấy anh nói cũng đúng, cũng đúng. Sao có thể như vậy được? Ông gọi đó là không lấy sự hùa theo làm chuẩn.

Trong tình trạng nhiều dị biệt, nhiều phân kỳ, bạn nên giữ thái độ nào? Đừng dễ dàng nghe theo ý kiến người khác, đồng ý với người khác, đừng hùa theo. Hùa theo là miễn cưỡng đồng ý với ý kiến của người khác. Đừng làm như vậy.

Bạn phải có cốt khí học thuật, phải kiên trì quan điểm của mình. Tôi chẳng đã nói rồi sao:

"Hoa rêu nhỏ tựa hạt gạo,
Cũng học mẫu đơn mà nở."

Huống chi bạn có thể còn không phải hoa rêu. Có thể bạn chỉ là một đóa mẫu đơn cấp thấp hơn một chút. Đúng không? Bạn cũng có thể là hoa loa kèn. Bạn cũng có thể tự nở theo cách của mình. Đúng không?

Chính trong làn sóng phát triển trăm năm của Hồng học mà tôi vừa mô tả, trong quá trình tích lũy thành quả ấy, tôi đã hình thành lối suy nghĩ của mình. Tôi từ một người cảm thấy mình rất nhỏ bé, không dám bàn Hồng học, trở thành một người đường hoàng, tự tin bước vào không gian học thuật công cộng ấy để bàn rộng về Hồng học với tư cách một người yêu thích nó. Chính vì tôi chịu sự khích lệ từ nghiên cứu Hồng học của các bậc tiền bối và chịu ảnh hưởng từ tấm lòng học thuật rộng lớn như của Thái tiên sinh mà bước vào lĩnh vực này.

Muốn biết chuyện sau thế nào, xin nghe hồi sau phân giải.

# Tập 2

Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (hạ)

*Một kỳ thư hiếm có, những bí ẩn từ xưa cứ nối tiếp nhau xuất hiện. Trong dòng sử sách rối rắm, phức tạp, ta lần tìm về cội nguồn. Qua từng hàng chữ của 《Hồng Lâu Mộng》, rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện ra điều gì? Chương trình dài kỳ quy mô lớn: 《Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng》.*

Niềm hứng thú của chính tôi đối với 《Hồng Lâu Mộng》 đã bắt đầu từ thời thơ ấu. Tôi đọc 《Hồng Lâu Mộng》 khá sớm. Có phụ huynh không cho con mình đọc 《Hồng Lâu Mộng》 khi còn nhỏ; họ nghĩ trẻ còn quá nhỏ mà đọc tác phẩm này thì có thể sẽ học thói xấu. Nhưng theo kinh nghiệm cá nhân của tôi, không hẳn là như vậy. Cha mẹ tôi thích 《Hồng Lâu Mộng》, anh chị tôi cũng thích 《Hồng Lâu Mộng》. Tôi là con út trong nhà nên thường xuyên nghe họ bàn luận về tác phẩm; mưa dầm thấm lâu, đó cũng là một sự hun đúc đối với tôi.

Trong Hồng học, ngoài nhánh Tào học và nhánh văn bản học, còn có một nhánh rất lớn gọi là Chi học. Chi học là gì? Khi phát hiện những bản chép tay cổ của 《Hồng Lâu Mộng》, bạn sẽ thấy chúng không giống hẳn các bản khắc in hay bản in chữ rời: trên đó đều có lời phê. Những người phê sách ấy có lúc ký tên, có lúc không; trong đa số trường hợp, họ ký một cái tên rất lạ: Chi Nghiễn Trai.

Các bản cổ của 《Hồng Lâu Mộng》 còn giữ lại lời phê, lời bình với số lượng khác nhau. Trong số những người phê sách ấy, nổi tiếng nhất chính là Chi Nghiễn Trai. Danh hiệu này thậm chí còn được ghi ngay trong tên sách của những bản chép tay sớm, như 《Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký》. Hơn hai trăm năm qua, cuộc tranh luận về việc Chi Nghiễn Trai rốt cuộc là ai chưa từng dứt. Người phê sách thần bí ấy là ai? Có quan hệ gì với Tào Tuyết Cần? Là nam hay nữ, là thân thích hay bạn bè? Rất nhiều lời phê của Chi Nghiễn Trai đã tiết lộ những dấu vết nào về nguyên tác của Tào Tuyết Cần?

Tôi thấy bên dưới có người đang mỉm cười. Một người đọc sách rồi viết vài lời bình thì có gì lạ đâu? Tôi đọc sách cũng viết lời bình mà. Nhưng phải xem chính những lời phê của Chi Nghiễn Trai rồi ta mới dễ bàn. Lời phê của Chi Nghiễn Trai thật không tầm thường: không phải loại lời phê thông thường mà ta nói đến, cũng không giống kiểu phê bình của Kim Thánh Thán. Không phải chuyện người phê vốn chẳng liên quan gì đến tác giả, nay đọc sách thấy có điều muốn nói nên viết lời bình. Hiện còn lại rất nhiều lời phê của Chi Nghiễn Trai; lời phê trên các bản chép tay cổ cũng không hoàn toàn giống nhau, có chỗ giống, có chỗ khác. Những lời phê ấy rất thú vị.

Trong phần chính văn của bản Giáp Tuất có xuất hiện tên Chi Nghiễn Trai. Nghĩa là người này không chỉ là một nhà phê bình; tên của người ấy còn xuất hiện trong chính văn của Tào Tuyết Cần. Bản Giáp Tuất có nói

đến quá trình thay đổi tên sách của 《Hồng Lâu Mộng》, câu cuối là: "Đến năm Giáp Tuất, Chi Nghiễn Trai chép đọc và phê lại, vẫn dùng tên 《Thạch Đầu Ký》." Tên Chi Nghiễn Trai đã được Tào Tuyết Cần trịnh trọng viết vào chính văn của cuốn sách.

Trong các bản cổ còn có một số bài thơ. Ví dụ, bản Giáp Tuất có một bài "thơ dẫn"; "dẫn" tức là lời mở đầu trước khi một cuốn sách bắt đầu, đoạn văn ấy gọi là "dẫn tử". Bài thơ dẫn viết:

"Vạt thắm nào riêng người đẫm lệ,
Tình ngây còn vướng hận ôm lòng.
Xem ra chữ chữ toàn bằng huyết,
Cay đắng mười năm khéo lạ lùng."

Rõ ràng bài thơ muốn nói người phê sách và người viết sách có quan hệ cực kỳ mật thiết. Một người là "hồng tụ", được bản dịch diễn thành "vạt thắm". "Hồng tụ" dĩ nhiên là một cách nói ẩn dụ. Trước đây, mọi người đều biết câu "hồng tụ thêm hương cho người đọc sách đêm khuya". Một thư sinh có phúc, bên cạnh có người yêu thương, thì người ấy dẫu nghèo khó vẫn có thể gọi là "hồng tụ" — ý nói một người phụ nữ. Nàng thêm hương cho chàng để chàng tiếp tục đọc sách.

Vậy câu "Vạt thắm nào riêng người đẫm lệ" nói rằng có một người phụ nữ ở đó rất đau buồn, khóc lóc. Còn "Tình ngây còn vướng hận ôm lòng" nói đến "tình si". Từ này xuất hiện nhiều lần trong 《Hồng Lâu Mộng》, cũng như "tình chủng"; đó là cách gọi thay cho Giả Bảo Ngọc, đồng thời là cách tác giả tự ví mình. "Hồng tụ" và "tình si" — hai người này có quan hệ cực kỳ mật thiết.

Hai câu cuối là: "Xem ra chữ chữ toàn bằng huyết, / Cay đắng mười năm khéo lạ lùng." Nghĩa là trong mười năm ấy, họ gần như cùng nhau hoàn thành tác phẩm này; chữ nào cũng là máu. Mười năm cùng phấn đấu của họ quả không tầm thường.

Chỉ riêng bài ấy thì cũng thôi; trong một bản cổ khác lại phát hiện thêm một bài, trong đó có hai câu:

"Công tử Thiến Sa tình vô hạn,
Chi Nghiễn tiên sinh hận biết bao."

Đó là "thiến sa": "thiến" chỉ sắc đỏ thẫm, "sa" là thứ vải mỏng màu đỏ. "Công tử Thiến Sa tình vô hạn." Chữ "thiến sa" trong chính văn 《Hồng Lâu Mộng》 cũng từng được miêu tả; nó ám chỉ cửa sổ của Di Hồng Viện. Cửa sổ Di Hồng Viện được dán bằng một loại sa màu hồng ánh bạc. Có một hồi, Giả mẫu chẳng đã hỏi Vương Hy Phượng và mọi người: "Các cô có biết đây là loại vải gì không?" Một người tháo vát như Vương Hy Phượng cũng không biết, bèn thưa: "Mau dạy chúng con đi." Giả mẫu nói: "Các cô làm sao biết được? Cái này gọi là Nhuyễn Yên La; trong đó, loại màu hồng ánh ráng gọi là Hà Ảnh Sa."

Vị "công tử Thiến Sa" này rõ ràng là nhân vật chính Giả Bảo Ngọc trong sách. Đồng thời, vì cuốn sách có tính tự thuật, tự truyện — tuy ta không thể đánh đồng hoàn toàn Bảo Ngọc với Tào Tuyết Cần — trong một số trường hợp, đó cũng có thể coi là mật hiệu chỉ tác giả Tào Tuyết Cần. "Công tử Thiến Sa tình vô hạn, / Chi Nghiễn tiên sinh hận biết bao." Chúng ta đã biết Chi Nghiễn là một phụ nữ; phía trước đã có câu "Vạt thắm nào riêng người đẫm lệ". Nhưng ngày xưa, gọi phụ nữ là "tiên sinh" là chuyện rất bình thường: một là để tự trào, hai là đôi khi để không bộc lộ giới tính, cũng có khi để tỏ lòng tôn trọng. Gọi một người phụ nữ là "tiên sinh" không có nghĩa người ấy là nam giới.

Như vậy có thể thấy quan hệ giữa hai người này không tầm thường. Chi Nghiễn Trai không phải một người phê bình bình thường; bà tham dự vào việc sáng tác cuốn sách, và quan hệ giữa bà với Tào Tuyết Cần thân thiết đến mức khó mà tách rời. Trong lời phê của Chi Nghiễn Trai thậm chí có câu: "Từ nay về sau, chỉ mong Tạo hóa chủ lại sinh ra một Cần, một Chi, để hai chúng tôi được thỏa lòng nơi chín suối."

Ý là gì? Khi bà phê lại cuốn sách này, Tào Tuyết Cần đã qua đời. Bà rất đau buồn và hy vọng sau này Tạo hóa chủ — tức Thượng đế, Đấng tạo hóa, vị chủ tể vận mệnh ở nơi thăm thẳm vô hình — sẽ tái tạo một Tào Tuyết Cần và một Chi Nghiễn Trai. Nếu được như thế, cuối cùng hai người sẽ gặp lại nhau dưới lòng đất. "Chín suối" chỉ nơi sâu nhất dưới đất; gặp lại nhau ở đó thì sẽ vô cùng thỏa lòng, trong lòng yên ổn, nhẹ nhõm. Nếu Tạo hóa chủ hứa rằng sau khi hai người qua đời, ngài sẽ cho họ sống lại một lần nữa trên thế gian... Bà có lời phê như vậy, bạn nói xem hai người ấy có quan hệ gì?

Đúng không? Ai mới là người cộng tác của Tào Tuyết Cần? Cao Ngạc thì làm sao đủ tư cách? Cao Ngạc chẳng có liên quan xa gần gì cả. Người này thì ở ngay bên cạnh Tào Tuyết Cần và nói với ông như thế; không chỉ là bạn bè, mà có thể là vợ chồng. Có một ý kiến cho rằng đó chính là quan hệ vợ chồng. Cá nhân tôi khá nghiêng về ý kiến này; mối quan hệ ấy đã quá rõ rồi.

Về thân phận chính xác của Chi Nghiễn Trai, giới Hồng học luôn tranh luận không ngừng và cuối cùng chưa có kết luận. Tổng hợp lại, có thuyết nói là vợ, có thuyết nói là chú, có thuyết nói là anh em họ, v.v. Dù thân phận của Chi Nghiễn Trai còn nhiều tranh cãi, giới Hồng học nhìn chung cho rằng bản thân các lời phê của bà có giá trị sử liệu cực cao. Vậy những lời phê ấy rốt cuộc viết gì? Chi Nghiễn Trai và Tào Tuyết Cần đã cộng tác như thế nào?

Chi Nghiễn Trai rất lợi hại. Rất nhiều chất liệu đời sống mà Tào Tuyết Cần sử dụng, bà đều biết; bà biết rõ mười mươi — theo tiếng Bắc Kinh là "môn thanh", biết rõ tận cửa. Ví dụ, bà thường phê những câu như: "Có việc ấy, có người ấy"; "Thật có việc ấy, thật có người ấy"; "Tác giả và tôi thường từng trải qua." Bà có thể làm chứng như vậy. Thậm chí còn có: "Lời ấy vẫn còn văng vẳng bên tai" — câu nói ấy khi đó bà từng nghe, giờ vẫn còn vang bên tai — hay: "Đây là viết lại chuyện xưa cũ", v.v. Bà và Tào Tuyết Cần cùng chia sẻ những tư liệu nguyên thủy, những chất liệu ban đầu của 《Hồng Lâu Mộng》.

Có lúc, trong lúc phê 《Hồng Lâu Mộng》, bà nghĩ đến chuyện tác phẩm chưa viết tới rồi quay lại nhắc Tào Tuyết Cần. Ví dụ, sách viết đến đoạn Bảo Ngọc và Tần Chung rất thân nhau. Bảo Ngọc đưa Tần Chung đi gặp Giả mẫu; Giả mẫu thấy Tần Chung trông cũng khá, rất thích, bèn tặng cậu một tượng Khôi Tinh bằng vàng. Lúc này, Chi Nghiễn Trai liền nói: "Tác giả nay còn nhớ chuyện Khôi Tinh bằng vàng chăng? Nhớ nay nghĩ xưa, lòng đau như đứt ruột."

Đây đâu phải lời phê bình thường? Bà nắm được những thứ đằng sau việc sáng tác của Tào Tuyết Cần: nguyên mẫu đời sống, nguyên mẫu sự kiện, nguyên mẫu đồ vật, nguyên mẫu chi tiết. Có một hồi viết đến chuyện uống rượu ủ bằng hoa sen, Chi Nghiễn Trai lại phê: "Đau xót thay! Tác giả còn nhớ chăng, trước Ái Áo Phường từng cùng nhau dùng hoa sen ủ rượu chăng? Bấm ngón tay tính, đã hai mươi năm rồi."

Bạn xem bà ấy là người thế nào? Tào Tuyết Cần không viết chuyện này. Ái Áo Phường ước chừng là một kiến trúc vườn cảnh; bà lại biết chất liệu đời sống này bắt nguồn từ chuyện năm xưa ở đó: lúc ấy, họ từng dùng hoa sen ủ rượu. Việc ấy đã xảy ra hai mươi năm trước mà vẫn rõ ràng mồn một. Vì thế, bạn xem bà ấy là người thế nào.

Quay đầu nghĩ lại, Cao Ngạc là người thế nào? Càng nghĩ càng thấy Chi Nghiễn Trai bị oan. Nếu trên bìa 《Hồng Lâu Mộng》 viết "Tào Tuyết Cần, Chi Nghiễn Trai", tôi thấy còn hợp lý; viết tên Cao Ngạc lên thì thật sự quá vô lý.

Hơn nữa, có những lời phê cho thấy Chi Nghiễn Trai còn lợi hại hơn: bà không chỉ biết những nguyên mẫu ấy, mà ở một số chỗ còn trực tiếp cầm bút, tham dự sáng tác. Ví dụ, hồi thứ hai mươi hai có lời phê: "Phượng Thư điểm hí là việc Chi Nghiễn chấp bút. Nay người biết chuyện đã ít lắm rồi, há chẳng đáng than sao?" Bà than trách, trách cả chúng ta nữa, vì chúng ta chỉ chú ý đến Cao Ngạc mà quên mất một người cộng tác quan trọng như Chi Nghiễn Trai.

Hồi hai mươi hai, chuyện Phượng Thư điểm hí là do Chi Nghiễn chấp bút. Nửa đầu hồi này kể chuyện Giả mẫu đứng ra làm chủ, tổ chức sinh nhật mười lăm tuổi cho Tiết Bảo Thoa; mọi người mở tiệc, chọn tuồng và nghe hát, từ đó dẫn đến chuyện Bảo Ngọc ngộ thiền cơ. Trong các vở hí được chọn, Phượng Thư biết Giả mẫu thích náo nhiệt nên chọn một vở Côn khúc 《Lưu Nhị Cầm Áo》, khiến Giả mẫu rất vui lòng. Bảo Thoa thì chọn vở 《Lỗ Trí Thâm say rượu náo loạn Ngũ Đài Sơn》, mở ra câu chuyện Bảo Ngọc tham ngộ thiền cơ.

Dĩ nhiên, câu "Phượng Thư điểm hí là việc Chi Nghiễn chấp bút" có hai cách hiểu. Một cách cho rằng khi sách viết đến sinh nhật Tiết Bảo Thoa, mọi người chọn tuồng cho nàng, thì trong đó có một nhân vật thật ra chính là Chi Nghiễn Trai. Bà có mặt lúc ấy và cũng chọn tuồng; người khác đều không nhớ nữa, bà cho rằng tác giả đáng ra phải nhớ. Bởi người biết chuyện quá ít nên bà cảm thấy thương cảm, buồn bã. Đó là một cách giải thích.

Cách giải thích khác là khi viết đến chi tiết Phượng Thư chọn tuồng, có lẽ Tào Tuyết Cần lúc ấy bị bí, không biết để Phượng Thư chọn vở gì. Chi Nghiễn Trai nói: "Được rồi, ông sang một bên đi. Lần này 'hồng tụ' không thêm hương nữa; ông thêm hương cho tôi là được, để tôi viết." Vậy "Phượng Thư điểm hí, Chi Nghiễn chấp bút" có thể mang ý này. Bất kể hiểu theo cách nào, bạn thử nghĩ xem Chi Nghiễn Trai có lợi hại không: bà tham dự sáng tác, cùng viết chung. Đó là chuyện rất quan trọng.

Theo khảo chứng, ban đầu Tào Tuyết Cần về cơ bản đã hoàn thành việc sáng tác 《Hồng Lâu Mộng》. Chỉ vì người mượn đọc làm thất lạc và thời gian trôi qua nên cuối cùng chỉ còn lưu truyền tám mươi hồi đầu. Vậy nguyên tác bị thất lạc của Tào Tuyết Cần rốt cuộc viết gì? Tào Tuyết Cần đã thi triển đại bút pháp như thế nào?

Chi Nghiễn Trai từng chỉnh lý bản thảo sau hồi tám mươi. Bà không chỉ từng tận mắt thấy, từng đọc phần Tào Tuyết Cần viết sau hồi tám mươi, mà còn từng chỉnh lý nó. Nhưng điều rất kỳ lạ là những bản thảo ấy không biết vì sao đều thất lạc. Chi Nghiễn Trai để lại rất nhiều lời phê về phần này.

Ví dụ, ở hồi thứ tám có một nha hoàn tên là Thiến Tuyết — "thiến" là màu đỏ. Nha hoàn Thiến Tuyết xuất hiện rồi rất nhanh biến mất: vì chuyện một chén trà mà bị đuổi đi; phần sau tôi còn sẽ nói đến. Tôi là người viết tiểu thuyết nên tôi hiểu. Ban đầu tôi còn ngốc nghếch, lúc đó chưa đọc bản cổ 《Hồng Lâu Mộng》. Tôi nghĩ: một đại tác gia như Tào Tuyết Cần sắp đặt một nhân vật bưng một chén trà, "bốp", bị đuổi ra ngoài; rồi hết nửa trước tác phẩm không còn chuyện của người này nữa, bốn mươi hồi sau do Cao Ngạc nối viết lại càng không có. Không nên có sai sót như vậy chứ? Đã sắp đặt một nhân vật, hẳn hoi có một việc như vậy, sao lại không có đoạn sau? Tiểu thuyết trường thiên lẽ ra không nên viết thế.

Sai là ở tôi. Tôi đã lầm bốn mươi hồi của Cao Ngạc thành nguyên bút của Tào Tuyết Cần. Tào Tuyết Cần thật ra đã viết rồi. Ở hồi thứ hai mươi, Chi Nghiễn Trai có lời phê: "Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới thành chính văn." Chi Nghiễn Trai từng nhìn thấy đại bút pháp của Tào Tuyết Cần. Đó gọi là gì? Là "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm".

Nghĩa là gì? Bạn từng nghe câu "đánh cỏ động rắn" chưa? Một con rắn rất dài trườn trong đám cỏ cao: lúc thì lộ ra đoạn này, lúc lại lộ ra đoạn kia, như có như không; nhưng trên thực tế, nó có cả một quỹ tích vận động. Đó là "rắn luồn trong cỏ".

Còn "đường tro" thì sao? Ngày xưa không có nhiều công cụ kẻ vạch như bây giờ. Người ta cầm một nắm tro trong tay, vừa lùi vừa rắc thành một đường; hiện nay thỉnh thoảng vẫn có người kẻ đường như vậy. Đường tro có hai đặc điểm. Một là nó đứt quãng, vì rốt cuộc đó không phải một công cụ thật chặt chẽ. Hai là nó có thể kéo rất dài: một nắm tro có thể vạch được rất lâu. Vì thế, "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm" là đại bút pháp của Tào Tuyết Cần. Nhận xét về đặc điểm sáng tác này đã nhiều lần xuất hiện trong lời phê của Chi Nghiễn Trai.

Vậy Thiến Tuyết, bạn đừng tưởng chuyện nàng đã hết. Thật ra là tôi ngốc nghếch, khờ khạo nên tưởng người ta viết đến đó là hết. Nói cho bạn biết: phía sau nàng rất quan trọng. Ở hồi miếu Ngục Thần sẽ có cả một đoạn văn lớn; Thiến Tuyết trở thành nhân vật chính của hồi ấy.

Trong lời phê ở một hồi khác, Chi Nghiễn Trai còn nói cho mọi người biết Tào Tuyết Cần đã viết xong câu chuyện hồi miếu Ngục Thần. Sau này, khi nhà họ Giả hoàn toàn suy bại, Giả Bảo Ngọc, Phượng Thư và những người khác đều bị giam vào ngục. Ngày xưa, trong nhà ngục thường có một miếu Ngục Thần; phạm nhân khi vào ngục và khi ra ngục được phép đến bái Ngục Thần. Đó là một phong tục trong nhà ngục thời ấy.

Ở hồi miếu Ngục Thần, Thiến Tuyết xuất hiện, Tiểu Hồng cũng xuất hiện. Nhân vật Tiểu Hồng cũng bị phần nối viết của Cao Ngạc làm cho mất hút. Tiểu Hồng quan trọng biết bao! Bạn xem câu chuyện của nàng ở phần đầu 《Hồng Lâu Mộng》. Nếu thật sự nói về tình yêu táo bạo, phá vỡ đạo đức phong kiến, Giả Bảo Ngọc tuyệt đối không phải quán quân; quán quân là Giả Vân và Tiểu Hồng. Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc e rằng chỉ xếp thứ hai, thậm chí thứ ba.

Họ táo bạo đến mức nào? Tiểu Hồng đánh rơi khăn tay, gợi nỗi tương tư. Nàng dám ở trong Đại Quan Viên để lại tín vật cho người đàn ông mình yêu — thật rất có gan, còn khéo hơn chúng ta đón lễ Tình nhân bây giờ nữa. Sao một nhân vật như thế được viết ra rồi lại mất hút? Làm sao có thể như thế? Chi Nghiễn Trai đã nói cho bạn biết: ở hồi miếu Ngục Thần, Tiểu Hồng và Thiến Tuyết đều sẽ xuất hiện. Họ đi làm gì? Đi an ủi Bảo Ngọc, cứu giúp Bảo Ngọc. Vào thời khắc then chốt, những con người như vậy liền đứng ra. Đó là tình tiết rất quan trọng.

Nhưng vô cùng đáng tiếc, Chi Nghiễn Trai lại nói với chúng ta: "Tôi chỉ từng thấy một lần bản chép sạch của năm, sáu hồi như miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc; bị người mượn đọc làm thất lạc. Than ôi! Than ôi!" Không chỉ một bản thảo mà là năm, sáu hồi. Bây giờ tôi cũng than theo bà ấy. Tôi muốn xem biết bao! Người mượn đọc ấy là loại người gì vậy? Thất đức đến thế! Không chỉ hủy hoại tác phẩm của Tào Tuyết Cần lúc bấy giờ, người ấy còn khiến chúng ta mất đi cái phúc được tận mắt đọc nó.

Dĩ nhiên, cũng có nhà Hồng học khảo chứng rằng đó không phải một người mượn đọc bình thường. Trên thực tế, cách viết của Tào Tuyết Cần khi ấy có thể đã bị người ta để mắt tới. Có nhà nghiên cứu cho rằng việc thất lạc nguyên cảo 《Hồng Lâu Mộng》 có thể liên quan mật thiết đến nạn văn tự ngục đang thịnh hành. Từ triều Thuận Trị, nhà Thanh đã bắt đầu đẩy mạnh văn tự ngục. Nó kéo dài qua bốn đời Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính và Càn Long trong hơn một trăm năm; quy mô lớn, số lần nhiều, lại càng ngày càng dữ dội, đều là những điều chưa từng có. Nó gây ảnh hưởng tiêu cực cực kỳ nghiêm trọng đối với tư tưởng và văn hóa của toàn xã hội Trung Quốc.

Văn tự ngục thời Càn Long rất khốc liệt. Phần trước viết đời sống phồn hoa thì còn được; đến phần sau, nếu anh viết sự suy bại của một gia đình quý tộc thì rất nguy hiểm, viết đến miếu Ngục Thần thì càng nguy hiểm. Vì thế, có người lấy danh nghĩa mượn về xem, cầm đi rồi không trả nữa. Đó là một tổn thất vô cùng lớn.

Cho nên bạn xem, nhánh lớn thứ ba trong nghiên cứu 《Hồng Lâu Mộng》 là Chi học — thú vị biết bao, đáng nghiên cứu biết bao! Nên đi vào đó mà dạo một vòng.

Do ảnh hưởng của bản thông hành 120 hồi 《Hồng Lâu Mộng》, ấn tượng của người đời sau về kết cục của nam nhân vật chính Giả Bảo Ngọc thường chỉ dừng ở chỗ: sau nhiều lần trắc trở, Bảo Ngọc nghe theo lời khuyên của người nhà, tham gia kỳ thi hương và đỗ cử nhân, rồi nhìn thấu hồng trần, lập tức vào cửa Phật. Nhưng nguyên tác của Tào Tuyết Cần có thật như vậy không? Đối với ba người Bảo — Đại — Thoa, Tào Tuyết Cần đã sắp đặt như thế nào? Chi Nghiễn Trai tiết lộ rất nhiều điều, bao gồm cả những đoạn văn sau hồi tám mươi.

Ví dụ, ở phần trước có một hồi viết chuyện Giả Bảo Ngọc xem hát ở phủ Ninh Quốc. Cậu cảm thấy nơi đó quá náo nhiệt, phiền đến mức không chịu nổi nên muốn ra ngoài chơi. Cuối cùng, Minh Yên đi cùng, đưa cậu đến nhà Tập Nhân. Nhà Tập Nhân vội vàng tiếp đãi cậu. Nhà ấy không phải quá nghèo, nhưng Tập Nhân vẫn cảm thấy đồ bày trên bàn "chẳng có món gì có thể ăn được", không có món nào có thể đưa cho cậu. Nàng nghĩ đi nghĩ lại: cậu đã đến nhà mình một chuyến, không ăn gì cũng không hay. Cuối cùng, nàng chọn mấy hạt thông, thổi sạch lớp vỏ mỏng rồi đặt trên khăn tay đưa cho Giả Bảo Ngọc ăn.

Lúc này, Chi Nghiễn Trai để lại lời phê, tiết lộ đoạn văn phía sau: "Hãy lưu bút về sau, đến mấy chục hồi sau xem đối chiếu với chỗ mùa đông giá nuốt bã rau muối chua, đêm tuyết quấn nỉ rách."

Nghĩa là bây giờ đồ ăn ngon như vậy — thật ra lúc ấy nhà Tập Nhân đang ăn Tết Nguyên tiêu, trà bánh bày ra đều rất ngon — mà Tập Nhân vẫn cảm thấy không có gì xứng để cho Giả Bảo Ngọc ăn. Giả Bảo Ngọc đang sống cuộc sống thế nào chứ? Nhưng phần sau sẽ viết cậu rơi vào cảnh ngộ nào? Có còn khoác chiếc áo lông vượn màu đại hồng không? Áo lông vượn màu đại hồng ư? Mơ đi! Chi Nghiễn Trai nói rất rõ, phía sau sẽ viết cậu "mùa đông giá nuốt bã rau muối chua". "Tề" là thứ ngày trước chúng ta gọi là rau muối chua nghiền nát thành bột vụn; cậu chỉ còn bã rau muối chua mà ăn.

Hiểu chứ? Giữa mùa đông lạnh, cậu chỉ có thể ăn thứ đó. Dùng gì để chống rét? Áo lông vượn màu đại hồng sao? Không, đó là "đêm tuyết quấn nỉ rách": nhặt đâu được một tấm nỉ rách thì quấn vào người.

Vì thế, Cao Ngạc hoàn toàn trái với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Người ta trước đó đã xem phần sau, đã thấy Tào Tuyết Cần viết thế nào rồi mới nói với bạn rằng có những câu như vậy.

Hơn nữa, có những thông tin Chi Nghiễn Trai tiết lộ còn gây chấn động hơn. Bà nói hồi cuối của 《Hồng Lâu Mộng》 có một "Tình bảng". Tức là khi viết xong, cũng giống cuối 《Thủy Hử Truyện》 có một trăm linh tám vị tướng được xếp thứ bậc anh hùng Lương Sơn Bạc, thì ở đây có một Tình bảng. Tình bảng này sắp xếp thế nào? Có thể suy đoán: ngoài Giả Bảo Ngọc ra, toàn là nữ giới. Giả Bảo Ngọc đứng riêng và có thể được gọi là "Giáng Động Hoa Vương" — một từ từng chính thức xuất hiện trong tác phẩm — tức vị tiên hộ hoa, người bảo vệ muôn hoa.

Chi Nghiễn Trai còn nói rằng phía sau, Giả Bảo Ngọc có lời "khảo ngữ". Trong Tình bảng, sau mỗi người đều có vài chữ khảo ngữ, tức lời nhận xét phẩm hạnh; nói theo cách ngày nay là một lời đánh giá, nhưng được viết bằng lời rất tinh luyện. Khảo ngữ của Giả Bảo Ngọc là "tình bất tình". Điều ấy được viết trong lời phê phía trước: ở hồi sau cùng, Giả Bảo Ngọc là "tình bất tình". Chữ "tình" đầu là động từ, chữ "tình" thứ hai là danh từ, nghĩa là Giả Bảo Ngọc có thể dùng tình cảm của mình để trao cho những thứ vốn không có tình cảm. Con người này có tình hoài nhân văn sâu dày đến mức ấy.

Còn khảo ngữ của Đại Ngọc là "tình tình": chữ đầu là động từ, chữ sau là danh từ. Đại Ngọc chỉ dâng tình cảm của mình cho người nàng yêu, dâng cho chính tình cảm của mình; nàng trở thành một người chuyên nhất. Còn Tiết Bảo Thoa là gì thì rất tiếc, chúng ta chưa tra ra, không có dấu vết để lại. Ước chừng là "vô tình" hoặc điều gì đó tương tự.

Từ các sách tranh ở hồi thứ năm, ta đã biết Tào Tuyết Cần có cấu tưởng Kim Lăng Thập Nhị Thoa, gồm "chính sách", "phó sách" và "hựu phó sách". Rất có thể, giống như 《Thủy Hử Truyện》, cứ mười hai người thành một nhóm, chia làm chín nhóm; 108 người phụ nữ đều ở trên bảng này. Ông đã viết xong rồi.

Hơn nữa, Chi Nghiễn Trai còn thẳng thắn nói cho bạn biết một hồi mục ở phần cuối. Hồi mục của 《Hồng Lâu Mộng》 rất thú vị, đều là tám chữ. Bà nói có một hồi là: "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng." Bà đã nói cả hồi mục này cho bạn rồi, sao có thể bảo sau tám mươi hồi Tào Tuyết Cần chưa viết được? Nói thật lòng, vốn làm gì đến lượt Cao Ngạc nối câu chuyện sau hồi tám mươi? Người ta đã viết xong rồi, chỉ là bản thảo chưa định cảo, còn thiếu một số chỉnh lý, bổ sung mà thôi.

Vì vậy, 《Hồng Lâu Mộng》 là một cuốn sách rất bi thảm; Tào Tuyết Cần thật là một thiên tài mang bi kịch. Nghiên cứu Chi phê, những điều tâm đắc của tôi có thể nói là rất nhiều.

*Dựa theo lời phê của Chi Nghiễn Trai đối với phần sáng tác sau tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần, chúng ta thu hoạch được rất nhiều trong việc tìm lại phần thất lạc. Còn đối với tám mươi hồi đầu — tức nguyên tác của Tào Tuyết Cần — lời bình của Chi Nghiễn Trai cũng tiết lộ một số dấu vết, manh mối. Hồi thứ mười ba của 《Hồng Lâu Mộng》 rốt cuộc đã miêu tả Tần Khả Khanh như thế nào? Nguyên nhân thật sự khiến Tào Tuyết Cần nhẫn đau cắt sửa hồi mười ba là gì? Và Lưu Tâm Vũ đã xây dựng lối nghiên cứu Tần học như thế nào?*

Còn một môn học rất quan trọng nữa là "thám dật học". "Dật" nghĩa là bị mất; "thám dật" là tìm lại những thứ đã mất. Dựa theo lời phê của Chi Nghiễn Trai, chúng ta đã có rất nhiều thu hoạch thám dật. Nhưng ngoài phần này, thám dật còn có một không gian rất lớn. Nếu nguồn tư liệu của Tào học, văn bản học hay Chi học chỉ có chừng ấy, không gian chưa phải lớn nhất, thì không gian của thám dật học lại vô cùng rộng lớn. Mỗi người chúng ta đều có thể tham gia.

Chúng ta có thể dựa vào cách hiểu của mình về văn bản tám mươi hồi đầu, dựa vào lời phê của Chi Nghiễn Trai, cũng như năng lực quan sát, lĩnh hội và trí tuệ của chính mình, để khám phá 《Hồng Lâu Mộng》 — hay 《Thạch Đầu Ký》 — đã mất những gì trong quá trình lưu truyền.

Thám dật có rất nhiều tầng. Trước hết, tám mươi hồi ta đọc được hiện nay về cơ bản là của Tào Tuyết Cần. Vậy sau tám mươi hồi, Tào Tuyết Cần dự định viết thế nào? Ông đã viết những gì? Có thể thám dật được, vì vẫn có manh mối. Tuy tư liệu không cực kỳ phong phú, nhưng tuyệt đối không phải bằng không.

Ngoài ra, tám mươi hồi đầu có cần thám dật không? Cũng có thể thám dật. Chẳng phải từng có người nêu rằng hồi sáu mươi tư và sáu mươi bảy không giống do chính Tào Tuyết Cần viết lắm sao? Dĩ nhiên, chúng cũng không phải do Cao Ngạc nối viết. Liệu có phải Chi Nghiễn Trai giúp ông bổ sung, hoặc do người khác giúp ông bổ sung không? Điều này có thể khảo tìm. Tại sao trong bản hiện còn lưu truyền, văn bút của hồi sáu mươi tư và sáu mươi bảy hơi kỳ lạ? Đều có thể thám dật.

Không gian thám dật còn rất lớn. Trong tám mươi hồi đầu có những chỗ Tào Tuyết Cần đã sửa đổi. Bản thân tôi viết tiểu thuyết; dĩ nhiên tôi chỉ là một học trò viết tiểu thuyết, không tiện so với các bậc đại sư của những tác phẩm kinh điển ấy. Nhưng có một câu thơ nói rất hay:

"Hoa rêu nhỏ tựa hạt gạo,
Cũng học mẫu đơn mà nở."

Hoa rêu, bông hoa trên rêu, chỉ lớn bằng chừng ấy mà cũng nghiêm chỉnh nở; lúc nở, nó rất có tôn nghiêm. Tôi học mẫu đơn: mẫu đơn nở thế nào, tôi cũng nở thế ấy. Tôi cảm thấy mình có chí khí đó. Người Trung Quốc không thể cứ mãi tự xem nhẹ mình, luôn thấy mình không được, chẳng có gì hay. Bạn càng nói mình không được, người khác càng bảo: "Bạn đúng là không được." Khen rằng bạn khiêm tốn, có đức khiêm tốn, bạn thật tốt — như thế là khen đến chết người ta rồi. Không thể khen người kiểu ấy.

Phải khen thế nào? Phải dám nghĩ, dám nói, dám làm. Có tác phẩm kinh điển do đại sư viết thì bạn cũng thử viết một tác phẩm xem. Vì vậy, tôi dù chỉ là hoa rêu cũng học mẫu đơn mà nở. Tôi thể hội việc sáng tác của Tào Tuyết Cần. Tôi cảm thấy tuy mình là hoa rêu, ở một số phương diện vẫn tương thông với hoa mẫu đơn; ví dụ, đều là thực vật, việc nở hoa đều đi từ nụ đến lúc bung nở rồi hình thành một đóa hoa hoàn chỉnh. Ở điểm ấy, chúng ta giống nhau mà.

Vì vậy, tôi bắt đầu suy nghĩ: trong tám mươi hồi đầu có không gian nào có thể thám dật không? Tôi liền phát hiện vấn đề của hồi mười ba, hồi viết về cái chết của Tần Khả Khanh.

Hồi thứ mười ba của 《Hồng Lâu Mộng》, "Tần Khả Khanh chết, được phong Long Cấm úy; Vương Hy Phượng hiệp lý phủ Ninh Quốc", kể chuyện Tần Khả Khanh báo mộng cho Vương Hy Phượng, trăn trối việc sau; nhà họ Giả tổ chức tang lễ lớn; Vương Hy Phượng bước đầu bộc lộ tài năng quản gia, trị sự. Hồi này rất quan trọng. Nó viết câu chuyện Tần Khả Khanh, người thứ mười hai trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, qua đời. Nhân vật này xuất hiện chưa lâu, đến hồi mười ba — hồi mười lăm còn chưa tới — đã chết. Điều đó không sao cả. Trong một tác phẩm lớn, việc sắp đặt số phận nhân vật có người chết sớm, có người chết muộn, có người mãi không chết, có người già rồi vẫn chưa chết; tóm lại đều có thể.

Vấn đề là ở hồi này có một lời phê rất rõ của Chi Nghiễn Trai: "Tần Khả Khanh dâm tang lầu Thiên Hương, tác giả dùng bút pháp sử gia." Câu này sau này chúng ta còn phân tích; ở đây tôi chưa triển khai.

Chi Nghiễn Trai có lẽ đã cùng Tào Tuyết Cần trải qua quá trình làm cuốn sách suốt mười năm, rất vất vả. Bà tự xưng "lão hủ", cũng có ý hài hước. Bà nói: "Lão hủ vì thấy có hồn nhờ Phượng Thư dặn hai việc hậu sự của nhà họ Giả..." Tức là Tào Tuyết Cần viết hồn ma Tần Khả Khanh đến nói chuyện với Phượng Thư. Bà cho rằng Tần Khả Khanh đang ở giữa cảnh giàu sang tôn quý, ngồi hưởng điều người đời ai cũng thèm muốn, mà vẫn nghĩ được đến chỗ ấy, quả thật không dễ. Nếu không có tư tưởng rất sâu sắc, nhiều người sẽ không nói ra được những lời như vậy.

Bà nói: "Việc ấy tuy hơi lộ liễu, nhưng lời nói và ý nghĩa của nó khiến người ta bi cảm mà khâm phục, vì thế mà tha cho nàng; vì thế sai Cần Khê xóa đi." Cần Khê là một biệt hiệu khác của Tào Tuyết Cần. Tức là, hồi mục "Tần Khả Khanh chết, được phong Long Cấm úy" là về sau mới sửa lại; ban đầu, hồi này gọi là "Tần Khả Khanh dâm tang lầu Thiên Hương". Hơn nữa, Tào Tuyết Cần đã viết đủ mọi chuyện, mọi tình tiết về cái chết dâm ở lầu Thiên Hương.

Chi Nghiễn Trai vì những nguyên nhân bà đã nói, cảm thấy nguyên mẫu đời sống của Tần Khả Khanh có số phận vẫn rất đáng được khoan thứ: đừng viết chuyện ấy ra nữa, hãy bỏ qua đi. Bà bèn bảo Tào Tuyết Cần xóa nó. Xóa bao nhiêu?

Ôi, xóa quá nhiều! Chính Chi Nghiễn Trai nói: "Hồi này chỉ có mười tờ, vì xóa đi một đoạn lầu Thiên Hương mà thiếu mất bốn, năm tờ." Xin chú ý chữ "tờ" này. Tôi lại phải nói đến chữ phồn thể. Nghiên cứu 《Hồng Lâu Mộng》 đôi khi bạn bắt buộc phải trở về với chữ phồn thể, vì chữ "diệp" ngày xưa chỉ một tờ trong sách đóng chỉ. Sách đóng chỉ là một tờ giấy gấp lại rồi đóng chung với nhau; một "diệp" tương đương hai trang ngày nay. Xóa bốn, năm tờ tức là xóa tám đến mười trang ngày nay.

Thông tin trong 《Hồng Lâu Mộng》 được truyền tải rất dày đặc. Ví dụ, Diệu Ngọc chính thức xuất hiện trong cảnh phẩm trà ở am Lũng Thúy, hồi thứ bốn mươi mốt. Nửa đầu hồi này kể chuyện Lưu lão lão lần thứ hai vào phủ Vinh Quốc; Giả mẫu dẫn mọi người đến am Lũng Thúy, nơi Diệu Ngọc tu hành; Diệu Ngọc cùng Bảo, Đại, Thoa luận trà, phẩm trà. Hồi này không dùng nhiều bút mực để miêu tả Diệu Ngọc, nhưng đã khắc họa hết sức sống động những đặc điểm như thanh cao, đơn thuần, ưa sạch sẽ đến mức kỳ lạ. Chỉ dùng hơn một nghìn ba trăm chữ, chưa đến một nghìn năm trăm chữ, mà hình tượng đã hoàn thành, tính cách đã hiện ra. Hơn nữa, quan hệ giữa nàng với Giả mẫu, Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa đều bật sống lên. Chỉ hơn một nghìn chữ, có lợi hại không?

Vậy hồi mười ba bị xóa nhiều đến bốn, năm tờ — có nhiều không? Đã động đến gân cốt rồi. Tại sao ông phải xóa? Tôi vừa nói "hoa rêu nhỏ tựa hạt gạo". Bản thân tôi biết vì sao mình xóa tiểu thuyết của mình. Tôi cũng viết tiểu thuyết. Có hai nguyên nhân.

Một là cân nhắc về nghệ thuật. Viết rồi, tôi cảm thấy viết như vậy không hay, không bằng cách viết kia; đoạn này thừa, tôi xóa đi, sửa lại. Đã xóa, đã sửa thì không cần nữa; giữ nó cũng không có ý nghĩa. Tôi thấy không hay thì giữ làm gì?

Loại khác là trở ngại tâm lý, không phải cân nhắc nghệ thuật: viết thế này chẳng phải đắc tội người ta sao, chẳng phải sẽ gây chuyện sao? Thôi, tôi đừng viết như vậy nữa; sửa đi là được, nhẫn đau xóa đi là được. Đó là cân nhắc phi nghệ thuật.

Rõ ràng, Tào Tuyết Cần khi ấy nghe theo ý kiến của Chi Nghiễn Trai. Trong môi trường nhân văn khắc nghiệt lúc bấy giờ, vì cân nhắc phi nghệ thuật, ông xóa đi khoảng bốn, năm tờ trong hồi này. Vậy phần ông xóa là gì? Phần bị mất là gì? Để nghiên cứu tác giả và cấu tứ tổng thể của ông, nghiên cứu môi trường nhân văn mà một nhà văn khi ấy phải sống trong đó, hiểu cuốn sách sâu hơn và toàn diện hơn, chúng ta cần thám dật.

Việc thám dật của tôi chính là bắt đầu từ đây. Sau khi bước vào lĩnh vực này, từ năm 1992 tôi bắt đầu công bố các bài viết nghiên cứu về Tần Khả Khanh, sau đó lần lượt hình thành bốn cuốn sách. Bốn cuốn sách không ngừng cập nhật, bổ sung nội dung, từng tầng từng tầng thúc đẩy nghiên cứu của tôi.

Đến lúc này, cũng giống điều tôi nói lúc mở đầu, có một thư sinh; nhưng thư sinh này không tên Chu Xương Đỉnh nữa mà tên Lưu Tâm Vũ. Ông ngồi đó đọc và nghiên cứu 《Hồng Lâu Mộng》 thì có một người đến. Người này tên Vương Mông; mọi người đều biết Vương Mông cũng là một nhà văn, một đồng nghiệp. Vương Mông gặp tôi liền nói: "Tâm Vũ à, nghiên cứu của anh, tôi đặt cho anh một cái tên nhé. Chẳng phải anh đang nghiên cứu 'Tần học' sao?" Trong lúc nói cười, ông ấy đã đặt tên cho nghiên cứu của tôi. Tôi rất vui.

Tôi tin rằng nghiên cứu Hồng học dân gian có thể bắt đầu từ một câu chuyện cười, nhưng đến cuối cùng thì hoàn toàn không đáng cười. Chỉ cần chúng ta có chí khí, hoa rêu cũng có thể nở như mẫu đơn. Vì thế, tôi vô cùng vui khi có thể kể lại một cách hệ thống những điều tâm đắc của mình trong nghiên cứu Tần học.

Nghiên cứu của tôi cuối cùng hình thành một lối tư duy riêng: nghiên cứu Tần Khả Khanh, tức nghiên cứu Tần học. Vấn đề đầu tiên gặp phải chính là: xuất thân của Tần Khả Khanh có ẩn chứa điều bí hiểm hay không? Muốn biết chuyện sau thế nào, xin nghe hồi sau phân giải.

# Tập 3

Bí ẩn hôn phối trong phủ Giả

*《Hồng Lâu Mộng》 được gọi là một tác phẩm thần bí. Sự thần bí ấy chủ yếu bắt nguồn từ việc trong sách có những ám chỉ về thời cuộc chính trị ba triều Khang Hy, Ung Chính và Càn Long. Tào Tuyết Cần đem những việc gia tộc mình từng trải qua cùng những nhân vật trong đầu ông lần lượt phơi bày trong tác phẩm, dường như có điều muốn nói nhưng lại không dám nói thẳng.*

*Những nhân vật và sự kiện chính trong 《Hồng Lâu Mộng》 đều có thể tìm thấy bóng dáng trong ba triều Khang — Ung — Càn. Giữa mạng lưới nhân vật và sự kiện chằng chịt ấy, có một nhân vật then chốt nối kết tất cả: Tần Khả Khanh, vợ của Giả Dung. Nhân vật thần bí này là chiếc chìa khóa lớn để mở bí mật 《Hồng Lâu Mộng》. Trên người nàng ẩn giấu một bí mật khổng lồ của tác phẩm.*

*《Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng》 bắt đầu từ nhân vật Tần Khả Khanh. Muốn từ nàng mà giải đọc tác phẩm, trước hết phải làm rõ nàng nằm ở vị trí nào trong tông tộc họ Giả. Chúng ta cùng nghiên cứu vấn đề này.*

Trong 《Hồng Lâu Mộng》, Tào Tuyết Cần khắc họa một đại gia tộc quyền quý mang tước Quốc công: phủ họ Giả. Sách nói rõ tổ tiên của hai phủ là hai anh em ruột cùng một mẹ sinh ra, đều được hoàng đế đương triều sủng ái, phong quan ban tước, địa vị hiển hách. Người anh là Ninh Quốc công, người em là Vinh Quốc công. Hai anh em lần lượt cưới vợ, sinh con, nối tiếp huyết mạch.

Khi câu chuyện bắt đầu, hai vị Quốc công đều đã qua đời, nhưng tước vị vẫn do con cháu kế tục; gia tộc họ Giả vẫn mang một vẻ phú quý rực rỡ. Thế nhưng, phía sau danh tiếng hiển hách ấy đang tiềm phục một mối nguy. Mối nguy ấy là gì? Vì sao phải bắt đầu từ đó để nghiên cứu Tần Khả Khanh?

Chúng ta biết nhánh trưởng của tông tộc họ Giả là phủ Ninh Quốc, nhánh thứ là phủ Vinh Quốc. Nhưng câu chuyện trong 《Hồng Lâu Mộng》 chủ yếu diễn ra ở phủ Vinh Quốc. Tác phẩm cũng viết đến phủ Ninh Quốc và những nơi khác, song không gian chính vẫn là phủ Vinh Quốc. Vì vậy, khi hệ thống lại tình hình tông tộc nhà họ Giả, chúng ta có thể bắt đầu từ nhánh Vinh Quốc.

Vinh Quốc công sinh mấy người con trai, sách không nói rõ; nhưng con trai trưởng của ông là Giả Đại Thiện. Giả Đại Thiện có hai con trai: trưởng là Giả Xá, thứ là Giả Chính. Cả hai đều tiếp tục sinh con trai, vì vậy huyết mạch của nhánh Vinh Quốc công được nối tiếp xuống dưới.

Sách viết Giả Xá có hai người con trai. Nói đến đây, tôi nghĩ có người ngồi dưới đang mỉm cười vì thấy một chỗ rất thú vị. Trong sách, con trưởng của Giả Xá tên là Giả Liễn; theo âm Hán ngữ, chữ "Liễn" ấy đọc là

“Liăn”.

Bên dưới có người cười: “Chẳng phải vẫn đọc là ‘Jiă Lián’ sao?” Các bạn đọc là “Jiă Lián”, tôi cũng không phản đối. Nhưng nếu tra từ điển, bạn sẽ thấy chữ ấy gồm bộ ngọc và chữ “liên”, chỉ có một âm đọc là “liăn”, chỉ một loại lễ khí thời cổ.

Sách nói rõ Giả Liễn là con cả, là trưởng tử. Thế nhưng mọi người lại gọi ông là “Liễn nhị gia”, tức cậu Hai Liễn. Con trưởng của Giả Xá vì sao lại được gọi là nhị gia? Vấn đề này tạm để lại phía sau, tôi sẽ giải mã cho các bạn.

Giả Xá còn một người con nữa tên là Giả Tông. Có người lại cười, nói rằng cách gọi “Liễn nhị gia” thật ra rất dễ giải thích: Giả Tông là anh của ông ấy, chẳng phải xong rồi sao? Nhưng không đúng.

Giả Tông có xuất hiện trong sách. Có lần, Giả Bảo Ngọc vâng lệnh Giả mẫu đến viện của Giả Xá và Hình phu nhân để thăm Giả Xá. Sau đó, Hình phu nhân giữ cậu ở lại và Giả Tông xuất hiện. Hình phu nhân vừa thấy cậu ta đã rất không thích, liền mắng đại ý: “Ở đâu chạy ra con khỉ sống thế này? Vú nuôi của ngươi chết hết rồi à, để ngươi đen nhẻm, bẩn thỉu thế này? Vú nuôi cũng chẳng chịu sửa soạn cho ngươi, có giống con nhà đại gia đang đi học đâu?”

Có thể thấy Giả Tông còn nhỏ, dáng dấp chẳng ra sao, lại không thích sạch sẽ, là một hình tượng rất nhếch nhác. Cậu ta hẳn xấp xỉ tuổi Giả Hoàn, Giả Lan, vì vậy không thể là anh của Giả Liễn, chỉ có thể là em.

Khả năng sinh con của Giả Chính tương đối mạnh. Ông khá có công trong việc truyền tiếp huyết mạch của nhánh Vinh Quốc công. Trước hết, ông sinh một người con trai cả tên Giả Châu. Khi câu chuyện bắt đầu, Giả Châu tuy đã chết và không còn câu chuyện riêng trong tác phẩm, nhưng ông không chết yểu: ông đã trưởng thành, lấy vợ và sinh cho Giả Chính một người cháu nội rồi mới qua đời.

Người con gây ấn tượng sâu sắc nhất của Giả Chính dĩ nhiên là Giả Bảo Ngọc, nhân vật chính của bộ tiểu thuyết. Bảo Ngọc còn có một người em trai là Giả Hoàn, do tiểu thiếp Triệu di nương của Giả Chính sinh ra. Vì vậy, tình hình nam đinh của phủ Vinh Quốc tương đối khả quan.

Bây giờ chúng ta nói đến phủ Ninh Quốc. Thật ra, đáng lẽ phải nói về phủ Ninh Quốc trước, vì Ninh Quốc công là người anh, đứng trên Vinh Quốc công. Sau khi qua đời, Ninh Quốc công truyền tước vị cho con trai mình là Giả Đại Hóa.

Từ đời Giả Đại Hóa trở xuống, tình hình nhánh Ninh Quốc công không ổn lắm. Giả Đại Hóa cũng sinh được hai người con trai, nhưng sách nói rõ người con đầu là Giả Phu chưa trưởng thành, mới tám, chín tuổi đã chết. Khác với Giả Châu, cậu ta không có tác dụng gì trong việc nối tiếp huyết thống gia tộc, vì vậy có thể bỏ qua không tính. Trên thực tế, Giả Đại Hóa chỉ còn một người con trai là Giả Kính.

Giả Kính lại rất kỳ quái. Về sau, ông không muốn ở phủ Ninh Quốc, cũng không muốn về nguyên quán, mà chạy ra một đạo quán ngoài kinh thành, giao du với đám đạo sĩ và luyện đan ở đó. Giả Kính sinh được một người con trai là Giả Trân; Giả Trân lại sinh một người con trai là Giả Dung. Như vậy, phủ Ninh Quốc hình thành cục diện ba đời đơn truyền.

"Ba đời đơn truyền" nghĩa là gì? Người Trung Quốc lớn tuổi một chút đều hiểu: trong ba đời liên tiếp, mỗi đời chỉ có một nam đinh truyền xuống. Đó là một tín hiệu cực kỳ nguy hiểm. Chỉ cần nam đinh cuối cùng không có khả năng sinh sản, chết bất thường hay chết vì bệnh, mà vợ anh ta chưa sinh được con trai, thì nhánh ấy sẽ tuyệt tự, huyết mạch chấm dứt.

Trong xã hội phong kiến, không chỉ gia đình quý tộc mà cả những nhà bình thường, kể cả nhà nghèo, cũng rất coi trọng việc nối tiếp huyết mạch tông tộc. Ninh Quốc công và Vinh Quốc công đều muốn truyền huyết mạch của mình. Hai phủ lại không giống gia đình bình thường: họ có tước vị, nên sự nối tiếp ấy không chỉ liên quan đến huyết thống, mà còn đến địa vị xã hội và của cải. Vì vậy, nối tiếp huyết mạch là chuyện lớn như trời.

Phủ Ninh Quốc đang đối mặt với nguy cơ kế tục huyết thống nghiêm trọng hơn phủ Vinh Quốc. Tôi nói chuyện này để làm gì?

Có người hỏi: "Chẳng phải ông định nghiên cứu Tần Khả Khanh sao?" Tôi nói đến đây là để cùng các bạn thảo luận một điều: trong một đại gia đình phong kiến cực kỳ coi trọng huyết thống, phủ Ninh Quốc đã rơi vào tình trạng ba đời đơn truyền, vậy nam đinh ở mắt xích cuối cùng — Giả Dung — có thể tùy tiện lấy vợ không? Có thể tùy tiện cưới bất kỳ người nào sao?

Dưới này có người cười: "Tại sao lại không thể? Đây là tiểu thuyết; Tào Tuyết Cần cứ cố ý viết như thế cho hay, cho có kịch tính. Tông tộc họ Giả có thể không coi trọng chuyện cưới vợ, thậm chí không xét huyết thống; chẳng những con gái nhà nghèo có thể cưới, mà cả một đứa trẻ bị bỏ rơi, không biết cha mẹ là ai, cũng có thể cưới."

Nếu Tào Tuyết Cần thật sự muốn viết như vậy, ông không nên chỉ thể hiện điều ấy ở một người con dâu duy nhất. Vì thế, chúng ta phải xem tình hình cưới dâu của tông tộc họ Giả được viết trong sách như thế nào.

Trong 《Hồng Lâu Mộng》, Tào Tuyết Cần cố ý nói những điều mình viết không biết thuộc triều nào, đời nào. Nhưng căn cứ vào nội dung tác phẩm và suy đoán của các chuyên gia, câu chuyện phản ánh ba triều đầu nhà Thanh: Khang Hy, Ung Chính và Càn Long.

Vào thời Thanh, tước vị hoàng đế ban cho công thần thường chia làm hai loại. Loại thứ nhất, con cháu có thể đời đời thừa tập mà tước vị không thay đổi. Loại thứ hai, con cháu cũng có thể đời đời thừa tập, nhưng

tước vị lần lượt giáng xuống. Hai phủ Ninh, Vinh trong 《Hồng Lâu Mộng》 thuộc loại thứ hai. Dù vậy, phủ họ Giả vẫn có địa vị rất ghê gớm trong xã hội đương thời.

Một đại gia tộc công thần khai quốc như thế có thể qua loa trong chuyện cưới dâu sao? Những người con dâu họ cưới có thân phận và địa vị thế nào? Điều này liên quan gì đến nhân vật Tần Khả Khanh?

Ninh Quốc công và Vinh Quốc công cưới vợ thế nào, sách không nói rõ vì bối phận ấy quá cao. Nhưng tình hình Giả Đại Thiện cưới vợ thì có được nhắc đến. Sau khi Vinh Quốc công qua đời, tước vị quý tộc được truyền cho con trưởng là Giả Đại Thiện. Vậy Giả Đại Thiện cưới ai? Ông cưới một tiểu thư nhà họ Sử, thuộc một hầu phủ thế huân ở Kim Lăng.

Ở hồi thứ tư có tình tiết Giả Vũ Thôn được bổ làm quan ở phủ Ứng Thiên và xét xử một vụ án mạng. Trong lúc xét xử, một môn tử đứng bên cạnh ra dấu bằng mắt. Vũ Thôn lấy làm lạ, bèn ngừng xử án, gọi người ấy vào mật thất rồi hỏi vì sao không cho mình xét xử. Môn tử nói: "Nếu ông muốn giữ chức quan này cho vững thì phải có 'hộ quan phù'." Giả Vũ Thôn lúc ấy mới vỡ lẽ, bèn hỏi hộ quan phù viết thế nào.

Người môn tử tiết lộ bốn câu đầu.

"Giả không phải là giả dối, ngọc làm nhà ở, vàng làm ngựa cưỡi.

Cung A phòng xây lên ba trăm dặm đã đủ chưa? Họ Sử đất Kim Lăng vẫn ở không vừa.

Vua Đông Hải thiếu ngọc trắng làm giường, phải đến vay Kim Lăng Vương.

Được mùa tuyết lã chã rơi, Ngọc châu như đất, vàng thời sắt thoi."

Đứng đầu trong đó là họ Giả: "Giả không phải là giả dối, ngọc làm nhà ở, vàng làm ngựa cưỡi." Giàu sang đến mức nào! Một gia tộc như thế, khi cưới vợ cho công tử trẻ tuổi, tuyệt đối không thể qua loa; họ phải tìm chỗ môn đăng hộ đối. Họ tìm đúng tiểu thư nhà họ Sử — gia tộc thứ hai trong bốn đại gia tộc: "Cung A phòng xây lên ba trăm dặm đã đủ chưa? Họ Sử đất Kim Lăng vẫn ở không vừa." Khí phái lớn biết bao!

Nhà họ Giả muốn cưới dâu, trước hết không nghĩ đến những nhà phú quý bình thường mà nghĩ đến nhà họ Sử. Quả nhiên Giả Đại Thiện cưới một tiểu thư nhà họ Sử làm vợ; đó chính là Giả mẫu. Tác phẩm không viết thời bà còn là tiểu thư. Khi câu chuyện bắt đầu, bà đã là một bà lão; những người cùng thế hệ với bà ở hai phủ Ninh, Vinh hầu như đều đã qua đời, lớp già chỉ còn lại một mình bà. Vì bà họ Sử nên sách đôi khi gọi bà là Sử thái quân.

Tiểu thư nhà họ Sử gả vào nhà họ Giả — chuyện ấy có coi trọng huyết thống không? Rất coi trọng. Khi nói chuyện với Giả Vũ Thôn, người môn tử còn cho biết bốn đại gia tộc kết thông gia với nhau, đồng thời liên

minh về chính trị và kinh tế. Họ "khổ cùng khổ, sướng cùng sướng", nương tựa, che chở và chiếu ứng lẫn nhau. Trong hôn phối, họ cũng xem nhau là lựa chọn hàng đầu.

Tôi nói như vậy tuyệt không gượng ép. Các bạn xem tiếp miêu tả của Tào Tuyết Cần. Giả Chính cưới người vợ thế nào? Chẳng lẽ ông không coi trọng huyết thống, ra đường tìm đại một phụ nữ, đem thỏi bạc đến xin một người về sao? Tuyệt đối không. Ông cưới Vương phu nhân, con gái nhà họ Vương.

Nhà họ Vương trong bốn đại gia tộc cũng không tầm thường: "Vua Đông Hải thiếu ngọc trắng làm giường, phải đến vay Kim Lăng Vương." Long vương có việc còn phải cầu đến nhà họ, các bạn nói xem đó là gia đình thế nào! Vương phu nhân là một tiểu thư nhà họ Vương gả cho Giả Chính.

Em gái bà gả vào nhà họ Tiết, gia tộc thứ tư trong bốn đại gia tộc: "Được mùa tuyết lã chã rơi, / Ngọc châu như đất, vàng thời sắt thoi." Giàu đến mức không còn lý lẽ gì nữa, trân châu cũng thành bùn đất. Bốn đại gia tộc đều kết hôn qua lại. Trong chuyện cưới dâu, họ chẳng những tuyệt đối không tùy tiện mà trước hết còn cân nhắc trong bốn nhà có người phù hợp hay không.

Có thể trong bốn đại gia tộc không có người phù hợp: ở lứa tuổi ấy không có tiểu thư nào, hoặc có nhưng đã hứa gả cho nhà khác. Khi đó họ mới xét đến nhà ngoài. Trong phủ họ Giả, chúng ta thấy một người con dâu khác không thuộc bốn đại gia tộc nhưng cũng không tầm thường: vợ của Giả Châu là Lý Hoàn.

Xuất thân của Lý Hoàn được nói rất rõ. Cha nàng là Lý Thủ Trung, từng giữ chức Quốc tử giám Tế tửu — một chức quan không nhỏ — và thuộc một nhà danh gia lễ giáo. Những nàng dâu phủ Vinh Quốc cưới có ai tầm thường không? Đều xuất thân từ những nhà có căn cơ, gia nghiệp chịu được sự soi xét.

Người duy nhất yếu hơn một chút có lẽ là Hình phu nhân. Họ Hình không thuộc bốn đại gia tộc; sách cũng không giới thiệu cụ thể bối cảnh gia đình bà như với Lý Hoàn. Qua miêu tả, ta còn mơ hồ cảm thấy Hình phu nhân lòng dạ hẹp hòi, tính cách có phần bệnh thái. Nhưng nhìn chung, bà rõ ràng vẫn là con gái một nhà phú quý, biết rõ gốc gác, không phải quá kém.

Hình phu nhân kém sắc hơn những nàng dâu vừa nói có thể vì bà là vợ kế. Bà không phải nguyên phối của Giả Xá; Giả Liễn, Giả Tông, kể cả Nghênh Xuân, đều không phải do bà sinh. Khi cưới vợ kế, có lẽ khó tìm được tiểu thư của một nhà quyền thế bậc nhất. Vì vậy, bối cảnh gia đình và tình hình kinh tế của Hình phu nhân hơi kém hơn, nhưng cũng không thể quá kém.

Đó là tình hình cưới dâu của phủ Vinh Quốc. Giờ chúng ta quay lại nhìn nhánh trưởng, tức phủ Ninh Quốc. Ninh Quốc công cưới ai thì sách không nói. Giả Đại Hóa cưới ai, ta chỉ mơ hồ biết dường như cũng là một tiểu thư nhà họ Sử. Đến Giả Kính thì không biết ông cưới ai.

Chúng ta biết vợ của Giả Trân là Vưu thị, một vai khá quan trọng trong 《Hồng Lâu Mộng》. Có thể thấy Vưu thị vẫn là con gái nhà giàu, hiểu quy củ của đại gia. Dĩ nhiên, qua miêu tả trong tiểu thuyết, tình hình nhà họ Vưu về sau dường như không tốt lắm.

Cha của Vưu thị có lẽ đã góa vợ rồi tục huyền với một góa phụ. Người vợ kế ấy mang theo hai cô con gái sinh với người đàn ông khác vào nhà họ Vưu; trong xã hội cũ gọi là "con riêng mang theo". Về sau, sách gọi bà là Vưu lão nương. Hai cô con gái bà mang theo cũng đã trưởng thành: Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư. Hai người này với Vưu thị không cùng cha cũng không cùng mẹ, chỉ là em gái trên danh nghĩa.

Qua đó có thể thấy bối cảnh gia đình của Vưu thị về sau không tốt lắm. Nhưng điều ấy không ngăn chúng ta ước đoán rằng Vưu thị vẫn xuất thân từ một gia đình khá, là một tiểu thư gả vào nhà họ Giả. Bà kém Vương Hy Phượng và những người xuất thân từ các nhà có căn cơ một chút cũng vì bà là vợ kế; tình hình tương tự Hình phu nhân.

Có lẽ có người lắc đầu: "Thật sao? Chẳng phải bà ấy có Giả Dung sao? Giả Dung chẳng phải con bà ấy à?" Vưu thị là mẹ kế, không phải mẹ ruột của Giả Dung.

Dựa vào đâu mà nói vậy? Ở hồi Phượng Thư đại náo phủ Ninh Quốc, vì Giả Liễn lén cưới Vưu Nhị thư, Vương Hy Phượng xông đến phủ Ninh Quốc, khóc lóc làm ầm lên. Trong lời mắng Giả Dung, bà nói: "Linh hồn mẹ mày có chết đi, chắc không tha mày, tổ tiên không dung túng mày!" Câu này cho thấy mẹ ruột của Giả Dung đã chết. Vậy Giả Dung không phải do Vưu thị sinh mà hẳn là con của người vợ trước của Giả Trân. Vưu thị là vợ kế nên không thể đòi hỏi xuất thân của bà quá cao.

Từ toàn bộ những miêu tả ấy, chúng ta có thể hình thành một logic: khi tông tộc họ Giả chọn vợ cho Giả Dung, lẽ nào họ có thể không coi trọng? Ngay cả nếu trong bốn đại gia tộc không tìm được người thích hợp, họ vẫn có thể tìm một gia đình có bối cảnh như nhà Lý Hoàn. Nếu như vậy cũng không tìm được, ít nhất phải lấy Hình phu nhân và Vưu thị làm tọa độ để tìm một cô gái tạm ổn: huyết thống rõ ràng, gia cảnh còn được, thân phận còn chấp nhận được.

Thế nhưng, lời giới thiệu về xuất thân của Tần Khả Khanh hoàn toàn không phải như vậy. Tào Tuyết Cần thiết kế nàng thành một đứa trẻ bị bỏ rơi, được bế về từ Dưỡng Sinh Đường. Vì năm xưa không có con, Tần Nghiệp đến đó nhận nuôi một trai, một gái. Nào ngờ người con trai lại chết, chỉ còn người con gái tên nhỏ là Khả Nhi. Tần Nghiệp vốn có chút quan hệ với nhà họ Giả nên mới kết thân, gả nàng cho Giả Dung làm vợ.

Tôi nói đến đây, lập tức có bạn Hồng học muốn bàn với tôi: "Ông lải nhải lâu như vậy để làm gì? Đây là tiểu thuyết; tiểu thuyết có thể tưởng tượng, có thể hư cấu. Người ta cứ viết như thế, ông việc gì phải truy tận gốc rễ mãi không thôi?"

Bản thân tôi cũng viết tiểu thuyết. Tuy còn xa mới sánh được với các bậc đại sư, tôi biết tiểu thuyết có nhiều loại. Trong đó có một loại mang tính tự thuật, tự truyện: nhân vật trong tiểu thuyết có nguyên mẫu đời sống. Dĩ nhiên phải hư cấu, phải tưởng tượng, nhưng tất cả đều phát triển từ nền tảng những sinh mệnh sống động từng tồn tại; rồi tác giả mới tưởng tượng, dựng quan hệ nhân vật và sắp đặt lại với nhau.

Xuất thân hàn vi của Tần Khả Khanh rõ ràng hoàn toàn không tương xứng với địa vị của đại tộc trăm năm phủ họ Giả. Nàng trở thành một ngoại lệ trong số nhiều nàng dâu của gia tộc ấy. Vậy vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như vậy?

Theo khảo chứng của các chuyên gia, 《Hồng Lâu Mộng》 là một tác phẩm mang tính tự thuật và tự truyện; những nhân vật chính trong sách đều có thể tìm được nguyên mẫu đời sống. Tào Tuyết Cần nâng những nguyên mẫu ấy thành nhân vật tiểu thuyết. Dù trong sáng tác có tưởng tượng và hư cấu, các nhân vật vẫn giống đến kinh ngạc với một số người trong gia tộc của chính ông. Điều này phải giải thích thế nào? Những nhân vật nào có nguyên mẫu? Việc ấy giúp gì cho ta khi hé mở thân phận thật của Tần Khả Khanh?

Có thể đưa ra rất nhiều chứng cứ cho thấy 《Hồng Lâu Mộng》 là một tác phẩm tả thực, mang sắc thái tự thuật, xây dựng nhân vật từ nguyên mẫu. Nói đơn giản, nguyên mẫu của Giả Bảo Ngọc hẳn là Tào Tuyết Cần. Nhưng vì sau này chúng ta còn bàn riêng chủ đề này, ở đây tôi tạm chưa phân tích nguyên mẫu của Bảo Ngọc mà trước hết nói đến nguyên mẫu của Giả mẫu.

Giả mẫu có nguyên mẫu. Dựa vào đâu mà nói vậy? Hãy nhìn vào ông nội Tào Tuyết Cần là Tào Dần. Vợ của Tào Dần là Lý thị, em gái của Lý Húc. Khi Tào Dần làm Giang Ninh Chức tạo, Lý Húc làm Tô Châu Chức tạo. Đó là hai chức Chức tạo lớn ở vùng Giang Nam, Kim Lăng. Hoàng đế Khang Hy rất sủng ái họ, thường để hai người thay phiên hoặc cùng quản lý sai vụ muối địa phương.

Đồng thời, Khang Hy còn muốn hai người làm tai mắt mật vụ. Ngoài công việc chính, họ phải mật báo nhiều tình hình ở Giang Nam, đặc biệt là động tĩnh của các di thần đời Minh và lời bàn của dân gian về triều đình. Quan hệ giữa hai nhà rất mật thiết.

Vợ Tào Dần là Lý thị, em gái của Lý Húc. Trong tiểu thuyết, Tào Tuyết Cần nghệ thuật hóa Lý thị thành người họ Sử, tức Giả mẫu. Có rất nhiều ví dụ chứng minh điều ấy; tôi chỉ nêu vài trường hợp.

Khi phủ Vinh Quốc ăn Tết, đón Nguyên tiêu, Giả mẫu không chỉ biết ăn, biết mặc mà còn rất biết xem kịch, thưởng thức văn nghệ. Trong nhà mời người kể chuyện đến, bà liền chê những chuyện của họ toàn là sáo mòn cũ rích, rồi kể ngày xưa nhà mình diễn kịch thế nào.

Bà nói, nếu trên sân khấu có cảnh gảy đàn thì nhà bà không làm giả. Hí khúc Trung Quốc rất chú trọng tả ý và ước lệ; diễn viên chỉ cần làm bộ gảy đàn là đủ biểu thị. Nhưng nhà bà không thế: nhạc công biết gảy đàn

thật phải lên sân khấu, thật sự đàn trong lúc diễn.

Giả mẫu nêu ba ví dụ. Một là cảnh "Nghe đàn" trong 《Tây Sương Ký》, tác phẩm của Vương Thực Phủ đời Nguyên, đến thời Minh — Thanh rất thịnh hành. Hai là đoạn "Cầm khiêu" trong 《Ngọc Trâm Ký》, vở kịch của Cao Liêm đời Minh, đương thời cũng rất phổ biến. Hai ví dụ ấy không có gì lạ.

Nhưng bà còn nêu một vở tên 《Tục Tỳ. Bà》, viết về câu chuyện Thái Văn Cơ, trong đó diễn viên phải vừa gảy đàn vừa hát Hồ gia thập bát phách. Giả mẫu nói những vở như thế, nhà bà đều mời diễn viên thật sự biết gảy đàn lên sân khấu. Vậy 《Tục Tỳ. Bà》 do ai viết?

Nếu tra tư liệu lịch sử hí khúc Trung Quốc, bạn rất khó tìm thấy vở này. Đó là một kịch bản ít lưu hành, hầu như chưa từng công diễn và không được tiếp tục biểu diễn đến ngày nay. Kịch bản ấy do chính Tào Dần viết. Tư liệu còn cho biết vở này chỉ từng được diễn trong nhà Tào Dần và nhà thân thích của ông, tức nhà Lý Húc.

Ví dụ ấy chứng minh nguyên mẫu của Giả mẫu chính là em gái Lý Húc. Nếu không, khi viết nét bút này, Tào Tuyết Cần không thể nhắc đến một vở kịch hẻo lánh do Tào Dần sáng tác, về cơ bản chỉ từng diễn trong nhà họ Tào và họ Lý.

Ngoài ra, sách nói rõ Sử Tương Vân là người bên nhà ngoại của Giả mẫu. Nàng có hai người chú đều được phong hầu: Bảo Linh hầu Sử Nại và Trung Tĩnh hầu Sử Đỉnh. Sử Nại là anh, Sử Đỉnh là em; tức có hai người cháu gọi Giả mẫu là cô.

Nếu tra gia phả nhà Lý Húc, bạn sẽ phát hiện ông cũng có hai người con trai: con cả tên Lý Nại, con thứ tên Lý Đỉnh. Điều này không thể là trùng hợp. Nếu hoàn toàn hư cấu, theo lẽ thường, người mang tên "Đỉnh" — chữ có ý vị trấn giữ trong nhà — đáng lẽ dễ được đặt ở vị trí người anh. Nhưng Tào Tuyết Cần viết không hề rối loạn. Có thể thấy nguyên mẫu của Giả mẫu chính là Lý thị, vợ của Tào Dần.

Vậy Giả Chính có nguyên mẫu hay không? Càng có nguyên mẫu, mà nói ra còn thú vị hơn.

Có một chuyện rất kỳ quái. Giả Xá là con trai cả của Giả mẫu, hơn nữa đã thừa tập tước vị, là Nhất đẳng tướng quân. Theo trật tự luân lý của xã hội phong kiến, ông đáng lẽ phải phụng dưỡng Giả mẫu, ở cùng bà trong khu kiến trúc trên trục giữa của phủ Vinh Quốc. Tòa viện có treo tấm biển của hoàng đế, nơi Lâm Đại Ngọc nhìn thấy khi mới vào phủ, đáng lẽ phải do Giả Xá ở. Vậy tại sao người ở đó lại là Giả Chính?

Đọc 《Hồng Lâu Mộng》 không thể làm người lười; phải siêng động não, giỏi quan sát, giỏi lĩnh hội thì mới đọc ra điều thú vị. Giả Chính căn bản không thừa tập tước vị. Sau khi Giả Đại Thiện chết, hoàng đế cho Giả Xá kế thừa tước vị. Biết còn một người con trai là Giả Chính, hoàng đế nhớ công lao khai quốc của nhà họ

Giả, bèn cho ông một danh nghĩa chủ sự, vào bộ học việc, về sau làm Viên ngoại lang. Đó không phải một chức quan đặc biệt lớn.

Giả mẫu rõ ràng có người con trai cả mang tước Nhất đẳng tướng quân, nhưng bà không để người ấy ở cùng mình. Người ở chính phòng, đại viện trên trục giữa của phủ Vinh Quốc lại là con trai thứ Giả Chính và Vương phu nhân. Vì sao?

Càng xem càng thấy lạ. Hồi bảy mươi lăm viết về Tết Trung thu, khi nhà họ Giả đã mưa gió chao đảo mà Giả mẫu vẫn gắng gượng tổ chức tiệc đoàn viên. Cách xếp chỗ ngồi rất kỳ quái: bên phải Giả mẫu toàn là người trực hệ với bà — Giả Chính, Giả Bảo Ngọc, Giả Hoàn, Giả Lan — nhưng không có Giả Xá. Giả Xá lại ngồi bên trái bà, cùng Giả Liễn, Giả Trân và Giả Dung, rõ ràng là vị trí của nhánh bên. Chuyện này là sao?

Không phải Tào Tuyết Cần tùy tiện hư cấu. Đạo lý rất đơn giản: ông quá trung thành với nguyên mẫu đời sống. Câu đố này đã được tiên sinh Chu Nhữ Xương vạch ra qua khảo chứng nghiêm mật.

Trong 《Hồng Lâu Mộng》, cách Tào Tuyết Cần sắp xếp nơi ở của Giả Xá và Giả Chính có liên quan đến tình hình thực tế của chính gia tộc ông.

Năm Thiên Khải thứ nhất đời Minh, tức năm 1621, Thanh Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích đích thân thống lĩnh quân Bát kỳ Hậu Kim đánh chiếm vùng Thẩm Dương, Liêu Dương. Cụ tổ đời xa của Tào Tuyết Cần là Tào Thế Tuyển, cao tổ là Tào Chấn Ngạn, bị bắt rồi quy hàng, trở thành bao y của quý tộc Mãn Châu, tức gia nô.

Cha con Tào Thế Tuyển về sau được phân về dưới trướng Đa Nhĩ Cổn, đảm nhiệm thân binh nghi trượng. Năm Thuận Trị thứ nhất đời Thanh, triều Thanh định đô ở Bắc Kinh, nhà họ Tào cũng theo đại quân nhập quan. Năm Thuận Trị thứ tám, Thuận Trị thu Chính Bạch kỳ của Đa Nhĩ Cổn về tay mình quản lý; nhà họ Tào từ bao y vương phủ chuyển thành bao y Nội vụ phủ, trở thành gia nô của hoàng đế.

Điều đó khiến Tào Tỉ, cụ tổ của Tào Tuyết Cần, từ hộ vệ vương phủ thăng làm Nội đình nhị đẳng thị vệ. Nội đình là nơi hoàng đế cư trú; Tào Tỉ làm việc ở đó nên có nhiều cơ hội tiếp xúc với người trong hoàng gia, được họ yêu thích và tin cậy.

Ba năm sau, hoàng đế Khang Hy ra đời. Vợ của Tào Tỉ là Tôn thị được chọn làm bảo mẫu của Khang Hy, từ đó quan hệ giữa nhà họ Tào với hoàng đế càng thân mật. Năm Khang Hy thứ hai, Tào Tỉ đang làm việc ở Nội vụ phủ được bổ nhiệm làm Giang Ninh Chức tạo, phụ trách dệt may tơ lụa, vải vóc dùng cho cung đình và triều đình, cùng những sai việc hoàng đế tạm thời giao phó; ông còn kiêm làm tai mắt cho hoàng đế.

Trong mấy chục năm sau đó, nhờ quan hệ đặc biệt với Khang Hy, nhà họ Tào mấy đời liền được giữ chức béo bở Giang Ninh Chức tạo. Sau khi Tào Tỉ qua đời, con trai ông — Tào Dần, ông nội Tào Tuyết Cần — tiếp tục đảm nhiệm chức ấy.

Nguyên mẫu lịch sử Tào Dần trong tiểu thuyết đã được làm nhạt đi; Giả Đại Thiện chỉ còn lại một cái tên. Tào Dần sinh một người con trai là Tào Ngung.

Hoàng đế Khang Hy rất thích nhà họ Tào. Sau khi Tào Dần chết, Khang Hy vẫn cho Tào Ngung tiếp tục làm Giang Ninh Chức tạo. Nhưng Tào Ngung sức khỏe không tốt, làm chưa được mấy năm thì bệnh chết. Lý thị trở thành góa phụ, bên dưới không còn con trai để tiếp tục chức Chức tạo.

Khang Hy thật sự quá yêu quý nhà họ Tào, đồng thời đặc biệt quý mến Lý Húc, anh trai bên nhà mẹ đẻ của Lý thị. Ông đích thân hỏi Lý Húc: trong các cháu trai của Tào Dần, có người nào tốt thì chọn một người làm con thừa tự. Tuy Tào Dần đã chết, trên danh nghĩa ông vẫn có thể nhận một người con để người ấy phụng dưỡng Lý thị và tiếp tục giữ chức Giang Ninh Chức tạo.

Lý Húc nghiêm túc lựa chọn rồi chọn người cháu của Tào Dần là Tào Phủ làm con thừa tự, tức làm con của Lý thị. Tào Phủ lại sinh một người con trai là Tào Chiêm, cũng chính là nguyên mẫu của Tào Tuyết Cần.

Từ trải nghiệm gia tộc mình, Tào Tuyết Cần biết cha mình là một người con thừa tự được nhận về cho bà nội. Vì vậy, khi quay lại xem 《Hồng Lâu Mộng》, bạn sẽ thấy ông viết rất tả thực: quan hệ giữa Giả mẫu với Giả Chính khá nhạt, còn bà đặc biệt yêu cháu nội.

Theo quan niệm xã hội phong kiến, nếu người con trai không phải con ruột mà là con thừa tự, thì cháu nội vẫn có thể được xem như ruột thịt. Người con trai đã lớn mới được đưa đến, hai bên muốn lập tức nhận nhau là cốt nhục sẽ khá khó khăn. Còn cháu nội thì có thể được nuôi từ nhỏ, dễ được coi là sự nối tiếp cốt nhục của mình hơn.

Vì sao Tào Tuyết Cần viết như vậy? Chính vì ông có nguyên mẫu đời sống. Cha ông, Tào Phủ, là nguyên mẫu của Giả Chính. Tào Phủ không phải con ruột của Lý thị, nhưng được nhận làm con thừa tự, kế thừa gia nghiệp; vì vậy, Giả Chính ở trong chính đường, đại viện của phủ Vinh Quốc.

Trong thực tế, nhà họ Tào chỉ có một người con thừa tự như vậy. Tại sao tiểu thuyết còn viết thêm Giả Xá? Đây là chỗ Tào Tuyết Cần phát huy tưởng tượng và hư cấu nghệ thuật. Nếu quá trung thành với toàn bộ sự thật đời sống, tác phẩm sẽ rất phiền phức. Vì vậy, ông dùng cách ghép những người cùng loại, tương ứng với nhau.

Giả Xá trong tiểu thuyết là anh ruột của Giả Chính; trong nguyên mẫu đời sống cũng có người anh ruột của Tào Phủ. Nhưng người anh ấy không được nhận làm con thừa tự của Lý thị, vì vậy không thể ở trong sân viện chính, mà phải sống ở một viện khác. Hiểu logic này rồi, ta sẽ thấy Tào Tuyết Cần vì quá trung thành với nguyên mẫu đời sống nên mới viết thành cách sắp đặt tưởng như kỳ lạ ấy.

Từ đó, tôi muốn nói rằng các nhân vật trong 《Hồng Lâu Mộng》 đều có nguyên mẫu. Giả Dung có nguyên mẫu, thì vợ của Giả Dung là Tần Khả Khanh cũng hẳn có nguyên mẫu. Vậy nguyên mẫu của Tần Khả Khanh rốt cuộc là ai? Chúng ta sẽ nói tiếp ở buổi sau.

# Tập 4

Bí ẩn Tần Khả Khanh được nhận nuôi

Gia tộc họ Giả trong 《Hồng Lâu Mộng》 là một đại tộc trăm năm. Danh vọng và địa vị của họ đều rất hiển hách. Lại nói nhà họ Giả, đứng đầu tứ đại gia tộc, trong hôn nhân của các thành viên trong tộc, không chỉ coi trọng môn đăng hộ đối, mà còn hết sức liên kết thông gia với các đại gia tộc khác, để tiếp tục giữ gìn của cải và địa vị của gia tộc. Nhưng về chuyện nối dõi của con cháu họ Giả, Ninh Quốc phủ đã đứng trước tình thế nguy hiểm ba đời đơn truyền. Đối với một đại gia đình phong kiến, đây chắc chắn là chuyện lớn.

Giả Dung và người vợ của anh ta là mắt xích then chốt trong thế ba đời đơn truyền. Thế nhưng, trong 《Hồng Lâu Mộng》, vợ của Giả Dung là Tần Khả Khanh lại không có xuất thân tôn quý như những cô dâu khác trong phủ Giả.

Rốt cuộc vì sao lại như vậy? Xuất thân thật sự của Tần Khả Khanh rốt cuộc là thế nào? Bài trước chúng ta đã rút ra hai kết luận. Kết luận thứ nhất là: gia tộc họ Giả khi cưới dâu không hề qua loa chút nào. Kết luận thứ hai là 《Hồng Lâu Mộng》 là một tiểu thuyết mang tính tự truyện, các nhân vật đều có nguyên mẫu ngoài đời. Tiếp theo chúng ta sẽ bàn về Tần Khả Khanh. Các bạn yêu 《Hồng Lâu Mộng》 đều biết rõ về xuất thân của Tần Khả Khanh, trong 《Hồng Lâu Mộng》 có lời bàn giao rất rõ ràng, ngay ở cuối hồi thứ tám.

Lời bàn giao ấy vô cùng kỳ lạ. Tần Nghiệp hiện giữ chức lang trung Doanh thiện ty thuộc Bộ Công, tuổi gần bảy mươi, vợ mất sớm. Vì năm ấy không con cái, ông bèn đến Dưỡng Sinh Đường nhận nuôi một bé trai và một bé gái.

Ai ngờ bé trai lại chết, chỉ còn bé gái. Tên mụ là Khả Nhi. Lớn lên thì dáng vẻ thướt tha, tính tình phong lưu. Vì từ trước có chút liên hệ với nhà họ Giả, nên kết thân, hứa gả cho Giả Dung làm vợ. Sau đó, ngoài năm mươi tuổi, Tần Nghiệp mới sinh được Tần Chung.

Bây giờ chúng ta sẽ phân tích từng câu một. Ở cuối hồi thứ tám, vì Bảo Ngọc và Tần Chung sắp vào gia thục để học, nên nhân chuyện này làm cớ, tiện thể nhắc tới xuất thân của Tần Chung và chị gái cậu là Tần Khả Khanh. Sách nói Tần Nghiệp hiện giữ chức lang trung Doanh thiện ty thuộc Bộ Công. Lang trung Doanh thiện ty là một chức quan rất nhỏ, có lẽ là quản việc xây dựng công trình. Tần Nghiệp là cái tên Tào Tuyết Cần đặt cho cha nuôi của Tần Khả Khanh.

Có một điểm đặc biệt đáng chú ý: trong bản thông hành, tức về sau khi Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên tục 《Hồng Lâu Mộng》, họ không chỉ viết tiếp bốn mươi hồi sau tám mươi hồi, mà phần trước cũng có sửa đổi. Ở hồi này, với hai chữ Tần Nghiệp, họ đã sửa. Rất kỳ lạ, cái tên ấy có gì đáng sửa chứ?

Cao Ngạc bọn họ đổi tên Tần Nghiệp thành Tần Bang Nghiệp. Có thể thấy Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên rất nhạy cảm với cái tên này. Vì sao? Bởi trong cổ bản 《Hồng Lâu Mộng》, Chi Nghiễn Trai đã bình rất rõ về cái tên Tần Nghiệp. Bà nói: "Tên hay; chữ Nghiệp là nghiệp chướng, tội nghiệp." Mọi người biết trong chữ Hán phồn thể Trung Quốc, hai chữ nghiệp và nghiệt vốn thông với nhau; nói nghiệp chướng hay nghiệt chướng cũng là một nghĩa.

Tần Nghiệp, chữ Tần ấy đồng âm với chữ tình. Vì Tào Tuyết Cần từ Giang Nam dời đến Bắc Kinh, nên trong 《Hồng Lâu Mộng》 có nhiều khẩu âm phương Nam. Người miền Nam thường không phân biệt rõ các âm đầu, nhiều âm cũng thường lẫn với nhau.

Vì thế bà cho rằng Tần và Tình thông nhau, là lối hài âm. Tức là vì có tình cảm mà tạo thành tội nghiệp. Cái tên này, cách đặt tên này, là có hàm ý. Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên có lẽ cũng nhìn ra ý ấy; họ không muốn vì bản thảo này mà chuốc họa, thậm chí có thể còn có ý nghĩ tệ hơn, nên đã sửa nó, xóa dấu vết ấy đi. Cho nên các bạn thấy, sách của Tào Tuyết Cần quả thật có số phận rất gập ghềnh, rất quanh co. Theo lời Tào Tuyết Cần, Tần Nghiệp là một viên quan nhỏ, tuổi gần bảy mươi, vợ mất sớm.

Khi Tần Khả Khanh xuất hiện trong sách, nàng đại khái chừng hai mươi tuổi.

Điều đó cho thấy Tần Nghiệp nhận được nàng khi ông khoảng năm mươi tuổi. Vì năm ấy không con trai con gái, ông bèn đến Dưỡng Sinh Đường nhận một bé trai và một bé gái. Đó chính là lai lịch của Tần Khả Khanh. Điều này rất kỳ lạ. Bài trước chúng ta đã nhắc tới rồi: xã hội phong kiến cực kỳ coi trọng việc huyết mạch truyền nối. Cho đến xã hội ngày nay, rất nhiều người vẫn còn rất coi trọng chuyện này. Không chỉ coi trọng huyết thống của người khác, mà thậm chí còn coi trọng huyết thống của chính mình hơn.

Tôi có phải là con ruột của cha mẹ tôi không? Hiện nay có một kỹ thuật khoa học mới gọi là xét nghiệm DNA, có thể đem đi kiểm nghiệm.

Người hiện đại trong vấn đề huyết thống còn có những băn khoăn như vậy, huống chi là thời đại mà Tào Tuyết Cần thể hiện. Huyết thống ở đó là một vấn đề vô cùng quan trọng. Tần Nghiệp vì vợ mất sớm, lại không có con, nên quyết định đến Dưỡng Sinh Đường nhận con nuôi. Dù ông chỉ là một viên quan nhỏ, túi tiền eo hẹp, nhưng sao ông lại dùng cách ấy để nối dõi? Điều này vẫn rất kỳ lạ. Trước hết phải hiểu Dưỡng Sinh Đường là gì. Cá nhân tôi rất nhạy cảm với ba chữ Dưỡng Sinh Đường. Vì sao? Tôi sinh năm 1942.

Con phố nơi tôi sinh ra có một Dục Anh đường. Dục Anh đường tức là Dưỡng Sinh Đường. Hai tên gọi ấy thông với nhau. Tiếng Tứ Xuyên, tiếng Thành Đô gọi là phố Dục Anh đường. Đó là một địa danh.

Vì vậy sau khi cha mẹ tôi kể cho tôi biết, về sau khi đọc 《Hồng Lâu Mộng》, tôi liền rất nhạy cảm với chuyện này.

Hai mươi năm trước tôi còn từng chạy tới con phố ấy để tìm dấu tích của Dục Anh đường trên con phố đó. Nhưng xã hội phát triển rất nhanh, đã không còn dấu vết nào để tìm nữa. Dục Anh đường hoặc Dưỡng Sinh Đường là gì? Chúng ta có thể xem một bức tranh biếm họa của nhà văn, họa sĩ truyện tranh nổi tiếng Phong Tử Khải ở thế kỷ trước. Ông có một bức tranh mang tên Nụ hôn cuối cùng. Trong tranh là một người phụ nữ nghèo bế một đứa trẻ. Bà không nuôi nổi đứa bé nữa, nên quyết định đem nó giao cho Dưỡng Sinh Đường.

Trước khi đưa đi, bà hôn nó nụ hôn cuối cùng. Ở một góc tranh còn có một con chó. Con chó ấy lại không bỏ rơi con của mình, vẫn để con mình được ủ ấm trong lòng nó. Đó là một bức biếm họa vẽ hiện tượng xã hội ấy. Toàn bộ sắc thái rất bi thương.

Dưỡng Sinh Đường tiếp nhận trẻ bị bỏ rơi, quy tắc vận hành của nó rất lạ. Ngày nay nhìn lại, ta thấy gần như khó tin. Người của Dưỡng Sinh Đường không gặp cha mẹ đứa trẻ. Trên tường của tòa nhà Dưỡng Sinh Đường có một cái ngăn kéo lớn. Cái ngăn kéo này có thể kéo mở từ hai phía. Hiểu ý này chứ? Bên ngoài tường có thể kéo ngăn kéo ra, bên trong tường cũng có thể kéo ngăn kéo ra. Bức tranh của Phong Tử Khải vẽ một người phụ nữ bế một đứa trẻ. Bà không nuôi nổi nó nữa, vì quá nghèo, nên đem nó đến Dưỡng Sinh Đường.

Bà kéo cái ngăn kéo ấy ra. Trong tranh, cái ngăn kéo đã được kéo mở. Sau khi hôn tạm biệt, bà sẽ đặt đứa trẻ vào ngăn kéo. Đặt vào trong ngăn kéo xong, bà có thể đẩy ngăn kéo vào, rồi quay người bỏ đi.

Người của Dưỡng Sinh Đường sẽ thường xuyên kiểm tra ngăn kéo này. Nếu mở ra thấy ngăn kéo trống, thì chứng tỏ thời điểm đó không ai đến bỏ con. Mở ra mà thấy có đứa trẻ, thì họ sẽ bế đứa trẻ ra nuôi dưỡng. Chỉ những người thật sự hết cách mới kéo ngăn kéo ra, đem con mình gửi cho Dưỡng Sinh Đường. Hoặc là nghèo đến mức cùng đường, hoặc là con ngoài giá thú, hoặc vì huyết thống của người cha hay người mẹ có vấn đề, hoặc có nguyên nhân nào khác, không muốn nhận, hoặc là trẻ sơ sinh khuyết tật, thì mới đem cho Dưỡng Sinh Đường.

Đoạn văn này của Tào Tuyết Cần rất kỳ lạ. Ông nói Tần Nghiệp vì không con trai con gái, nên đến Dưỡng Sinh Đường nhận con nuôi.

Chúng ta thử suy ra một chút. Trong xã hội mà Tần Nghiệp sống, theo quy tắc thông thường về việc nối tiếp huyết mạch gia tộc, nếu ông là một người đàn ông chừng ngoài năm mươi, không có con cái, muốn giải quyết vấn đề nối dõi, chiêu thứ nhất là tục huyền. Vợ đã mất thì cưới vợ khác thôi mà, đúng không? Cưới người vợ này mà vẫn không sinh được, thì nạp thiếp. Khi ấy xã hội thực hành chế độ một chồng nhiều vợ, cưới vợ lẽ là điều xã hội cho phép. Đúng không? Cứ như vậy mà sinh con nối dõi, chẳng phải là xong sao?

Cũng có độc giả có thể muốn thảo luận với tôi, nói rằng Tần Nghiệp có lẽ không còn khả năng sinh con nữa. Nhưng dựa vào những đoạn văn sau của 《Hồng Lâu Mộng》, Tần Nghiệp có khả năng sinh con.

Người đàn ông ấy có khả năng sinh con. Về sau ông sinh được Tần Chung. Tần Nghiệp ngoài năm mươi mới sinh được Tần Chung. Vậy nên Tần Nghiệp vốn có khả năng sinh con. Nếu ông muốn nối dõi, không cần thiết phải đến Dưỡng Sinh Đường nhận con.

Mà còn kỳ lạ hơn: thông thường khi đến Dưỡng Sinh Đường nhận con, nếu là để nối dõi, thì nên nhận con trai. Nhưng Tần Nghiệp vừa nhận, là nhận cả một đôi: một trai một gái. Vì năm ấy không có con trai con gái, nên đến Dưỡng Sinh Đường nhận nuôi một bé trai, và một bé gái.

Nếu nói ông có khả năng nuôi hai đứa, thì nhận hai bé trai đi, song sinh cũng được, chẳng phải càng có thể nối tiếp họ Tần của ông sao? Nhưng ông lại nhận thêm một bé gái. Xem ra bé gái ấy ông không nhận không được. Ai bắt ông nhận? E rằng chưa chắc là tự ông muốn nhận. Nhưng dù thế nào, ông đã nhận một trai một gái. Hơn nữa, điều càng kỳ lạ là cuối cùng bé trai lại chết. Chết không phải bé gái, mà là bé trai. Chỉ còn lại một bé gái. Nếu chỉ còn một bé gái mà ông muốn nối dõi, thì đi nhận thêm một bé trai chẳng phải xong sao?

Con trai ở Dưỡng Sinh Đường rất dễ nhận mà, tùy ông chọn; ông cũng đâu phải người nghèo nhất.

Ông là một viên lang trung Doanh thiện ty, một viên quan nhỏ, không thể so với phủ Giả, nhưng so với người bình thường ngoài xã hội thì cũng còn khá. Điều rất lạ là ông chỉ nuôi bé gái này, không nhận thêm con trai. Bé gái ấy rất được yêu thích, tên mụ gọi là Khả Nhi; trong ngôn ngữ xưa, Khả Nhi có nghĩa là đáng yêu. Khi Tào Tuyết Cần viết đến câu này, Chi Nghiễn Trai liền phê hai chữ "xuất danh": nhân vật họ Tần bắt đầu có tên, chính là Khả Nhi, tức Tần Khả Khanh.

Còn người họ Tần này rốt cuộc không biết xuất thân từ đâu. Câu nói về việc muốn khen chê, phân biệt thiện ác, sự nghiệp thì chưa có gì đặc biệt. Dưới đó lại viết: "Đây là ngòi bút cầm dao rìu mà có tấm lòng Bồ Tát, thật khó thay."

Dường như có điều gì ẩn giấu. Nếu đúng là giống suy nghĩ của một số độc giả: hư cấu mà, tôi cho nhận từ Dưỡng Sinh Đường thì sao? Nhưng Chi Nghiễn Trai lại nói, viết như vậy là cầm ngòi bút dao rìu, tức là chém mạnh bằng dao lớn, cắt bỏ rất nhiều chân tướng, phải không? Dao rìu ấy chém bỏ cái gì? Nói có lòng Bồ Tát, không nỡ viết ra chân tướng, là chuyện gì vậy? Bí ẩn chồng chất. Bà nói viết như vậy có thể thấy một phen khổ tâm; lại biết tác giả muốn người trong thiên hạ cùng khóc cho chữ Tần này.

Ông đặt họ cho nhà này là họ Tần, là có dụng ý, để hài âm với chữ tình. Tần Khả Khanh lớn lên, dáng vẻ thướt tha, tính tình phong lưu. Điều này thì không cần bàn, vì một cô gái ở Dưỡng Sinh Đường được nuôi lớn cũng có thể như vậy.

Điều kỳ lạ là vị lang trung Doanh thiện ty này vì vốn có chút liên hệ với nhà họ Giả, nên kết thân, hứa gả cho Giả Dung làm vợ. Bài trước tôi đã tốn rất nhiều công sức để rút ra một kết luận, tức là người vợ của Giả Dung tuyệt đối không thể cưới bừa. Đúng không? Huyết mạch của Ninh Quốc phủ đã đến thời khắc khủng hoảng ba đời đơn truyền rồi. Cưới vợ nhất định phải cưới người môn đăng hộ đối.

Thậm chí nếu môn không đăng, hộ không đối, thì nhà bên kia cũng phải cao hơn nhà họ Giả, hơn nữa phải bảo đảm có thể sinh con trai cho Giả Dung, tức là nối dõi cho nhánh Ninh Quốc công này.

Thế mà, chỉ vì vị lang trung Doanh thiện ty này có chút liên hệ với nhà họ Giả, chỉ có chút liên hệ thôi, họ lại đem cô con gái nuôi nhận từ Dưỡng Sinh Đường của ông cưới cho Giả Dung, mà còn không phải cưới làm vợ lẽ. Xã hội cũ một chồng nhiều vợ, có thể cưới vợ lẽ trước, rồi sau đó cưới chính thê cũng được. Nhưng không phải vậy. Nàng được cưới đàng hoàng làm vợ của Giả Dung. Vì vậy đoạn văn này thật sự mỗi câu đều kỳ lạ.

Những dòng chữ ly kỳ cổ quái nói ra xuất thân khác thường của Tần Khả Khanh. Tần Nghiệp túi tiền eo hẹp, sao chỉ vì có chút liên hệ với phủ Giả mà có thể kết thông gia với Ninh Quốc phủ? Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, vì sao riêng phần bàn giao về Tần Khả Khanh lại kỳ lạ đến thế? Là lấp liếm, là sợ hãi, khiến mọi sự trở nên mơ hồ, khó đoán. Tần Khả Khanh xuất thân hèn mọn, địa vị thấp kém, lại có thể trở thành nhân vật có sức nặng trong Ninh Quốc phủ. Viết như vậy, Tào Tuyết Cần có dụng tâm khổ sở gì?

Một đại phủ trăm năm có công khai quốc, vì sao lại cưới cô con gái nuôi mà một viên quan nhỏ nhận từ Dưỡng Sinh Đường? Chẳng lẽ Tào Tuyết Cần muốn thể hiện một đại gia đình phong kiến có ánh mắt vượt lên phú quý hay sao? Có bạn từng thảo luận với tôi.

Vì tôi giảng ở đây, tôi luôn cảm thấy có người đang thảo luận với tôi. Thực tế cũng đúng là như vậy. Có thảo luận mới sinh ra thú vị. Nên bạn có thể thảo luận với tôi, nói rằng cũng có khả năng Tào Tuyết Cần ở đây muốn làm một sự vượt thoát, muốn viết nhà họ Giả có một loại tư tưởng tình cảm khác với các gia đình quý tộc khác, không chê người ta nghèo, tuy là gia tộc phú quý, nhưng không có con mắt phú quý. Tào Tuyết Cần quả thật viết văn quá kỳ lạ. Ông như sợ chúng ta hiểu lầm, như thể đã đề phòng sẵn lối suy nghĩ ấy của chúng ta.

Ngay sau đó ông liền nói rằng trên dưới phủ Giả đều là một đôi mắt phú quý, sợ bạn quên mất điểm này.

Làm gì có chuyện ông muốn thể hiện phủ Giả không có con mắt phú quý? Ông nhắc bạn rằng trên dưới đều là con mắt phú quý. Vì thế Tần Nghiệp muốn đưa con trai mình là Tần Chung vào gia thục họ Giả, tương đương với việc học nhờ. Vì cậu ta không phải hậu duệ họ Giả, chỉ là một thân thích, đến đó đọc sách. Đến đó đọc sách thì phải nộp học phí. Bề ngoài không gọi là học phí, mà gọi là lễ nhập học. Theo quy tắc trò chơi lúc bấy giờ, ít nhất phải hai mươi bốn lượng bạc.

Hai mươi bốn lượng bạc đối với gia tộc họ Giả quả thật chẳng đáng gọi là tiền. Nhưng đối với Tần Nghiệp, ông lại cảm thấy rất vất vả. Ông túi tiền eo hẹp, ông rất nghèo.

Trên dưới nhà họ Giả đều khinh người nghèo. Ông sẽ bị kỳ thị nặng nề. Cũng có thể có người muốn thảo luận với tôi: "Ôi, ông soi kỹ quá rồi đấy, bẻ ra vò nát từng chút để làm gì? Người ta Tào Tuyết Cần không được phép ngẫu nhiên viết một câu như thế sao?" Không hề ngẫu nhiên. Chuyện nhà họ Giả có "đôi mắt phú quý" còn được viết lại ở hồi thứ bảy mươi mốt. Lần đó là đại lễ mừng thọ tám mươi của Giả mẫu. Các bạn còn nhớ không? Rất nhiều thân hữu đều đến góp mặt, đều đến chúc thọ bà.

Khi ấy cũng có bà con xa đến. Một người là Giả Băng, mẹ anh ta dẫn con gái tên Hỉ Loan đến chúc thọ Giả mẫu. Còn một người nữa là Giả Quỳnh. Mẹ của Giả Quỳnh cũng dẫn một cô con gái tên Tứ Thư đến phủ Giả chúc thọ Giả mẫu.

Giả mẫu có một đặc điểm: bà thích các cô gái. Bạn xem, bà đưa Tích Xuân của Ninh Quốc phủ và Nghênh Xuân — con gái Giả Xá, vốn lẽ ra phải sống cùng Giả Xá và Hình phu nhân trong đại trạch bên Hắc Du môn — đến bên mình nuôi dưỡng. Đặc biệt, bà thấy Hỉ Loan và Tứ Thư dung mạo khác thường, lại biết ăn nói, nên rất thích. Thế là Giả mẫu giữ hai đôi mẹ con ở lại: "Ăn xong tiệc mừng thọ thì đừng đi, ở lại chơi vài ngày."

Sau đó, Tào Tuyết Cần đặc biệt viết rằng Giả mẫu sai các quản gia đến dặn những người hầu ở các nơi trong vườn: "Hỉ Loan và Tứ Thư tuy nghèo, nhưng cũng như các cô nương trong nhà, mọi người phải chăm sóc chu đáo. Ta biết nam nữ trong nhà ta đều là một tấm lòng phú quý, hai con mắt thể diện, chưa chắc đã để hai đứa nó vào mắt. Ai xem thường chúng, ta nghe được sẽ không tha."

Ở cuối hồi thứ tám, chuyện người phủ Giả đều có "đôi mắt phú quý" còn do Tào Tuyết Cần nói qua lời trần thuật. Đến hồi bảy mươi mốt, ông lại để Giả mẫu — người có vai vế cao nhất trong cả hai phủ Vinh, Ninh — tự nói ra: "Tình hình nhà ta, ta hiểu; đó là một tấm lòng phú quý, hai con mắt thể diện." Ngay cả đám nô bộc trong nhà cũng như vậy, thì con cháu họ Giả có thể ngoại lệ sao?

Giả mẫu xem ra hơi ngoại lệ, nhưng bà cũng chỉ giữ họ lại chơi mấy ngày mà thôi. Huống hồ xét về huyết thống, họ đều là thân thích. Là một đại gia tộc phong kiến, phủ Giả trên dưới đều có ánh mắt chê nghèo chuộng giàu.

Điểm này tác giả đã nhắc nhiều lần, và trong 《Hồng Lâu Mộng》 cũng có rất nhiều miêu tả. Nhưng vì sao một gia tộc vốn luôn coi trọng môn đăng hộ đối lại tiếp nhận Tần Khả Khanh có địa vị thấp kém? Vì sao một nhà có "đôi mắt phú quý" lại tin cậy một Tần Khả Khanh xuất thân hàn vi đến vậy? Trong đoạn giới thiệu xuất thân của nàng, vì sao Chi Nghiễn Trai lại dùng mấy chữ "ngòi bút cầm dao rìu"? Sau đoạn văn ấy rốt cuộc ẩn giấu bí mật gì?

Chúng ta hãy đưa sự việc trở lại hồi thứ tám của 《Hồng Lâu Mộng》, trở lại trên người Giả Bảo Ngọc.

Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần là một hình tượng rất có tính vượt thoát. Trong xã hội ấy, cậu không hòa hợp với dòng chính. Bây giờ tôi muốn nói với các bạn điều gì? Tức là Giả Bảo Ngọc cũng có mặt khá tệ. Tuy cậu đối với những người gọi là hạ nhân đều khá bình đẳng, đặc biệt là với các nha đầu, cậu thích các nha đầu, không chỉ đối xử bình đẳng, mà còn coi họ như những đóa hoa. Cậu là một Giáng Động Hoa Vương, là một vị vương tử hộ hoa trong động màu đỏ.

Cậu yêu hoa, yêu những đóa hoa thanh xuân, yêu các cô gái, không chỉ yêu các tiểu thư chủ nhân, mà cả người hầu, nha đầu, các thiếu nữ trẻ tuổi cậu đều thích. Nhưng rốt cuộc cậu vẫn là một công tử quý tộc. Đôi lúc cậu cũng nổi tính công tử.

Có lần trời mưa, cậu bị ướt một chút, đến gõ cửa Di Hồng viện. Cửa mở chậm một chút, vừa mở cửa, cậu liền đá một cú. Không ngờ người bị đá lại là Tập Nhân. Tình tiết này mọi người còn nhớ chứ? Cậu nổi tính công tử. Thật ra ngay từ đầu 《Hồng Lâu Mộng》, đã viết cậu nổi tính công tử rồi, hơn nữa còn tạo thành một sự kiện lớn. Đây là điều hôm nay tôi đặc biệt muốn nói với mọi người. Tức là ở hồi thứ tám.

Hồi thứ tám quá hay, đến mức có người đối với hồi thứ tám, đoạn tôi vừa nói về lời bàn giao xuất thân của Tần Khả Khanh, lại không coi trọng nữa, vì phần trước quá hấp dẫn. Cậu ở chỗ dì Tiết, uống rượu đến say. Trong đó còn xen vào chuyện vú nuôi của cậu ngăn cậu uống rượu, cậu không vui, cậu ghét bà vú nuôi ấy, hai người còn xảy ra xung đột.

Nhưng về sau bà Lý cũng chỉ quản mồm vài câu, rồi tự mình thừa lúc rảnh đi nghỉ, và bỏ đi. Giả Bảo Ngọc say khướt trở về Giáng Vân hiên, tức phần không gian cậu ở. Lúc này xuất hiện một sự việc. Sự việc này có thể gọi là sự kiện trà phong lộ.

Ban đầu khi đọc 《Hồng Lâu Mộng》 tới đoạn này, tôi rất xem nhẹ. Tôi nghĩ: "Có gì đâu, viết chuyện này làm gì?" Chỉ là sau khi Giả Bảo Ngọc trở về, cậu muốn uống trà. Một nha đầu tên Thiến Tuyết bưng trà tới; cậu vừa uống liền thấy không đúng, hỏi: "Sao lại đưa ta thứ trà này? Sáng nay chẳng phải ta đã pha một chén trà phong lộ sao?" Trà phong lộ là một loại trà rất lạ; trong các sách chuyên về trà, rất khó tra được tư liệu về nó. Đại thể, người ta dùng mầm non của lá phong để chế trà.

Loại trà này pha nước đầu thì chưa ra màu, tức là pha một lượt xong thì chắt nước đi, lại pha lượt thứ hai rồi chắt đi, đến lượt thứ ba, thứ tư mới lên màu, khi đó uống là ngon nhất.

Vì thế, Giả Bảo Ngọc cho rằng lúc cậu đi, trà đã được pha; khi trở về vừa đúng tới nước thứ ba, thứ tư, đáng lẽ là lúc ngon nhất để uống. Cậu đòi: "Các ngươi phải bưng chén trà ấy cho ta." Thiến Tuyết thưa: "Ôi, trà ấy

vốn để dành cho cậu, nhưng Lý ma ma đã đến rồi uống mất." Lý ma ma thường đến chỗ ở của cậu để ăn uống; phía trước đã viết mấy món đồ đều bị bà ấy ăn hết.

Đến chén trà phong lộ này, bà ấy nói: "Giữ lại cho nó làm gì, ta uống đi", rồi uống mất. Giả Bảo Ngọc liền nổi giận dữ dội; đặc quyền của một công tử quý tộc bộc lộ ra. Cậu ném cả chén lẫn khay trà ra ngoài.

Chén trà vỡ tan, nước bắn ướt váy Thiến Tuyết. Cậu giậm chân chửi mắng, đại ý: "Vú với bõ gì! Chẳng qua năm xưa bà ấy từng cho ta bú vài ngụm sữa, có gì ghê gớm đâu? Đuổi ra, đuổi ra!" Cậu muốn đuổi bà vú Lý đi. Khi ấy cậu chưa ở Di Hồng viện mà vẫn sống cùng Giả mẫu. Dù chính phòng rất lớn, một chiếc chén bị ném xuống hành lang lát vật liệu cứng rồi vỡ tan vẫn gây tiếng động rất lớn.

Phía Giả mẫu liền hỏi: "Tiếng gì vậy?" Tập Nhân còn thay cậu che giấu; chi tiết này cũng viết ra tính cách của nàng.

Tập Nhân đáp: "Tuyết rơi, con trượt chân ngã, làm vỡ một chén trà; không có chuyện gì đâu." Như vậy, chuyện này dường như đã được che lấp. Từ chén rượu cuối cùng trong bữa tiệc ở chỗ dì Tiết, Giả Bảo Ngọc đã say lớn; say xong thì nổi giận lớn. "Trà phong lộ" có thể hài âm với "trà phùng lộ": vừa gặp đúng Giáng Động Hoa Vương nổi trận lôi đình, thế mà vị vua hộ hoa lại tàn phá hoa, quát tháo om sòm với Thiến Tuyết. Khi ấy Lý ma ma đã về nhà, hoàn toàn không có mặt ở đó. Đây là hồi thứ tám.

Ở đây tôi có một nghi vấn. Ban đầu tôi đọc không hiểu, tôi nghĩ hồi thứ tám viết chuyện này để làm gì.

Về sau tôi đọc cổ bản 《Hồng Lâu Mộng》, mới phát hiện Chi Nghiễn Trai có lời phê, nói nhân vật Thiến Tuyết này rất quan trọng. Ban đầu tôi tưởng Thiến Tuyết chỉ là bưng một chén trà, gặp xui xẻo một lần, rồi biến mất. Theo các lời bàn giao về sau, nàng bị đuổi đi. Rồi bạn đọc đến cuối tám mươi hồi, nhân vật này không còn xuất hiện nữa. Vì vậy tôi từng nghi ngờ, tôi nói Tào Tuyết Cần viết sách sao có thể viết như vậy? Viết tiểu thuyết thì phải sắp đặt một nhân vật, để người đó có tác dụng của mình, đúng không?

Một số nhân vật quan trọng thì nên có tính xuyên suốt. Viết một bộ tiểu thuyết dài, đó là thông lệ xưa nay, đông tây đều vậy. Sao lại viết Thiến Tuyết rồi cuối cùng mất hút?

Hơn nữa điều càng kỳ lạ là, Bảo Ngọc lớn tiếng chửi mắng, miệng cứ nói muốn đuổi bà vú của mình, đuổi Lý ma ma, sao người bị đuổi lại là Thiến Tuyết? Vì Lý ma ma về sau lại xuất hiện, như không có chuyện gì. Mọi người còn nhớ phía sau viết Phong Yêu Kiều khéo truyền tâm sự, Tiểu Hồng và Giả Vân yêu nhau. Tiểu Hồng trong Đại Quan viên gặp Lý ma ma, chứng tỏ Lý ma ma không sao, không bị đuổi. Nhưng Thiến Tuyết thì biến mất.

Trong sự kiện trà phong lộ ở hồi thứ tám 《Hồng Lâu Mộng》, thủ phạm chính là Lý ma ma lại bình an vô sự, còn Thiến Tuyết vô tội thì từ đó biến mất. Điều kỳ lạ là trong văn bản 《Hồng Lâu Mộng》 hiện còn,

không thấy bàn giao về việc Thiến Tuyết bị đuổi đi như thế nào. Độc giả chỉ dựa vào đối thoại của nhân vật ở các chương sau của 《Hồng Lâu Mộng》 mới biết sự thật Thiến Tuyết bị đuổi. Đến sau tám mươi hồi của 《Hồng Lâu Mộng》, Thiến Tuyết bị đuổi ấy lại xuất hiện ở miếu Ngục Thần, nhân vật này mới xem như có đầu có cuối.

Chúng ta tưởng người bị đuổi là Lý ma ma, đó là do chúng ta đọc không kỹ. Nếu đọc kỹ sẽ phát hiện, Thiến Tuyết mới là người bị đuổi đi, phía sau nhiều lần điểm ra rằng Thiến Tuyết đã bị đuổi, đã đi rồi. Nhưng ở hồi thứ tám, dường như thiếu một đoạn văn. Thiến Tuyết bị đuổi đi như thế nào? Không rõ.

Văn mạch này nối không khớp. Các bạn nghĩ xem, viết đến đây rồi, bỗng nhiên không nói nữa, chỉ nói sau đó Bảo Ngọc tỉnh rượu, ngày hôm sau Tần Chung đến, hai người hẹn nhau đi học, rồi bàn giao nhà Tần Chung ra sao, rồi tiện thể đem chị gái cậu, đem xuất thân ấy bàn giao một chút. Vì vậy hồi thứ tám là một hồi văn rất đáng suy xét kỹ, rất kỳ lạ. Sau khi đọc cổ bản 《Hồng Lâu Mộng》 mới biết Thiến Tuyết này không đơn giản. Chi Nghiễn Trai nói Tào Tuyết Cần viết 《Hồng Lâu Mộng》 có một kỹ pháp sáng tác căn bản nhất, gọi là gì?

Gọi là một cây nghìn cành, một nguồn vạn nhánh; tùy ý tiện tay mà phục mạch nghìn dặm. Các bạn đừng thấy ông viết một chuyện, chuyện ấy có tác dụng tỏa ra khắp nơi.

Một cây nghìn cành, ông không chỉ viết một thân cây, mà viết một cây lớn cành lá sum suê. Một nguồn vạn nhánh, dù khởi nguồn chỉ là một mạch nước nhỏ, nhưng cuối cùng chảy thành rất nhiều sông suối. Một nhánh tức là một dòng phụ; một nguồn vạn nhánh. Hơn nữa đôi khi bạn cảm thấy ông dường như vô tâm, tùy ý tiện tay, nhưng thực ra ông đã phục mạch nghìn dặm. Tào Tuyết Cần rất khổ tâm; ông viết Thiến Tuyết là đang mai phục. Đừng thấy hồi thứ tám về sau đột nhiên nàng không thấy đâu nữa.

Về sau, đến hồi thứ hai mươi, nhân vật trong sách lại nhắc tới Thiến Tuyết.

Trong lời phê của Chi Nghiễn Trai có cách nói thế này: Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới hiện ra chính văn. Tức là phía trước về Thiến Tuyết chỉ được viết lướt qua, còn chính thức lập truyện cho Thiến Tuyết, là ở hồi miếu Ngục Thần sau tám mươi hồi. 《Hồng Lâu Mộng》 là một tiểu thuyết quần tượng. Bạn có thể nói Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc họ là nhân vật chính, nhưng nó tuyệt đối không chỉ viết câu chuyện của họ. Trong đó có rất nhiều nhân vật khác nhau.

Những nhân vật ấy ở một hồi nào đó có thể chỉ là nhân vật rất thứ yếu, nhưng đến một hồi khác có thể bỗng trở thành nhân vật chính của hồi ấy. Ví dụ Nghênh Xuân trong hồi Lại tiểu thư lầm gả Trung Sơn lang, hồi ấy chính là chính truyện của Nghênh Xuân, là chính văn của Nghênh Xuân.

Toàn bộ hồi văn ấy dâng cho Nghênh Xuân, khắc họa hình tượng của nàng, biểu hiện sự nhu nhược của nàng, thứ tính hiền lành quá mức, lòng tốt đến mức không chịu nổi, mặc người bắt nạt. Vậy chính văn của Thiến Tuyết nằm ở hồi nào?

Ít nhất phải có nửa hồi văn chuyên viết về Thiến Tuyết này. Chi Nghiễn Trai đang nói cho chúng ta biết điều đó. Dụ Tử Kiếm có lần mượn bản để chép lại, thấy ở miếu Ngục Thần có năm sáu tờ viết về úy lạo Bảo Ngọc, nhưng đã bị người mượn đọc làm thất lạc, thật đáng than. Rõ ràng bà đã nhìn thấy. Có một lần chép lại, bà thấy những dòng viết về miếu Ngục Thần và chuyện úy lạo Bảo Ngọc. Khi ấy Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần, an ủi Bảo Ngọc. Bảo Ngọc vì một chén trà mà nổi giận lôi đình, khiến nàng bị đuổi ra ngoài.

Nhưng nàng không nhớ thù cũ, cũng tức là nàng có thể nhìn người toàn diện. Nàng thấy đó là một lần bộc lộ khuyết điểm của Giả Bảo Ngọc, còn Giả Bảo Ngọc vẫn có rất nhiều ưu điểm. Sau khi Giả Bảo Ngọc lâm nạn, cậu đáng được giúp đỡ.

Và đây không phải chỉ là một cấu tứ sơ lược, mà là Tào Tuyết Cần ở một hồi nào đó sau tám mươi hồi đã viết ra rồi. Bản thảo ấy đã có rồi. Nhiều lần chép tay, đáng tiếc đã thất lạc. Từ đó có thể thấy, hồi thứ tám viết sự kiện trà phong lộ tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Vậy tôi giảng Tần Khả Khanh, sao lại nói tới sự kiện trà phong lộ? Mạch suy nghĩ của tôi là gì? Mạch suy nghĩ của tôi là thế này: đoạn văn về lai lịch Tần Khả Khanh có dấu hiệu được bổ sung về sau. Tức là hồi thứ tám không hoàn chỉnh.

Nó đã bị bỏ đi một đoạn văn, đoạn bị bỏ đáng lẽ là viết việc Thiến Tuyết bị đuổi đi. Chuyện này chẳng có gì không thể viết, phải không? Đúng không?

Vì làm đổ một chén trà phong lộ, Giả Bảo Ngọc luôn miệng nói muốn đuổi Lý ma ma, cuối cùng người bị đuổi không phải Lý ma ma, mà lại là Thiến Tuyết. Hồi này vốn nên có bàn giao về chuyện ấy, nên có đoạn văn như vậy. Nhìn từ văn khí, đúng ra phải có. Đúng không? Nhưng hiện nay, dù xem các loại cổ bản hay bản thông hành, chúng ta đều không thấy đoạn ấy.

Số chữ mỗi hồi đại thể là cân bằng. Nó có một mức khống chế cơ bản, có chênh lệch chút ít, nhưng chênh lệch không lớn. Vậy hồi thứ tám, văn bản hiện truyền lại quy mô của nó cũng gần bằng các hồi khác. Vì thế tôi phán đoán rằng nó thiếu một đoạn văn về việc Thiến Tuyết bị đuổi đi. Còn đoạn chúng ta thấy hiện nay về xuất thân của Tần Khả Khanh, tôi đoán là được bổ sung vào sau. Vì để giữ mức cân bằng của mỗi hồi, lại do những nguyên nhân khác mà nay chúng ta không thể biết, ông đã bỏ đi đoạn kia, và bổ sung đoạn này vào.

Bởi vậy vì sao đoạn văn này rất kỳ lạ, điều đó liên quan đến việc nó là đoạn bổ sung về sau. Hơn nữa Tào Tuyết Cần dường như rất sợ chúng ta không đọc ra sự kỳ lạ của đoạn văn này, rất sợ chúng ta không hiểu nỗi khổ tâm của ông.

Ông bất đắc dĩ phải bổ sung một đoạn như vậy, nên mỗi câu trong đó đều như càng nói hoang đường càng thấy hoang đường, mỗi câu đều kỳ lạ đến cùng. Lời bàn giao kỳ lạ về xuất thân của Tần Khả Khanh, sự biến mất đột ngột của Thiến Tuyết trong sự kiện trà phong lộ, Tào Tuyết Cần dường như đang cùng độc giả chơi một trò chơi văn tự. Vì sao trong hồi thứ tám 《Hồng Lâu Mộng》 lại để lại những lỗ hổng và điểm nghi vấn như vậy? Đoạn văn về xuất thân Tần Khả Khanh và sự kiện trà phong lộ rốt cuộc có mối liên hệ như thế nào?

Phần cuối hồi thứ tám trong cấu tứ ban đầu của Tào Tuyết Cần đáng lẽ phải có hình dạng ra sao? Vừa rồi tôi đã gỡ lại một lượt, phải không, mỗi câu chúng ta đều có nghi vấn.

Khi ông viết về những người khác, sẽ không khiến chúng ta nảy sinh nhiều nghi vấn như vậy. Lại liên hệ tới hồi thứ mười ba, hồi Tần Khả Khanh qua đời, nguyên hồi mục là Tần Khả Khanh dâm tang lầu Thiên Hương, hơn nữa ở hồi đó, trước phần ấy, trong lời phê đã nói rõ rằng chính bà khuyên Tào Tuyết Cần xóa đi một đoạn văn lớn về cái chết của Tần Khả Khanh. Thực tế, việc ấy cũng chính là che giấu, ẩn đi xuất thân thật sự của Tần Khả Khanh và nguyên nhân chết thật sự của nàng.

Đây lại là một cân nhắc phi nghệ thuật, chứ không phải cân nhắc nghệ thuật. Vì ở hồi thứ mười ba, thân phận thật và nguyên nhân chết thật của Tần Khả Khanh đã bị xóa đi, nên nhất định phải tìm một chỗ để vá lại, phải có một lời bàn giao.

Vì thế Tào Tuyết Cần rất đau khổ tìm đến cuối hồi thứ tám. Sau sự kiện trà phong lộ, ông có thể ngược lại đã xóa đi một số đoạn văn cụ thể.

Về sự kiện trà phong lộ, trong đó có việc Thiến Tuyết bị đuổi, rồi vẫn phải thêm một miếng vá, đưa vào một đoạn văn nói về xuất thân của Tần Khả Khanh và Tần Chung. Suy đoán này của tôi có thể vẫn còn thiếu logic luận chứng thật vững chắc, nhưng tôi nêu ra để mọi người tham khảo. Hy vọng các bạn yêu 《Hồng Lâu Mộng》 có thể cùng tôi bàn luận. Dù sao tôi có hai tiền đề. Tôi nghĩ về cơ bản các bạn có thể chấp nhận.

Một tiền đề là: xuất thân của Tần Khả Khanh, dựa theo toàn bộ miêu tả về phủ Giả trong 《Hồng Lâu Mộng》, không thể hàn vi đến mức ấy, không thể là đứa trẻ bị bế từ Dưỡng Sinh Đường, được một viên tiểu lại nhận nuôi lớn lên. Thứ hai, là khi Tào Tuyết Cần xử lý hình tượng Tần Khả Khanh, ông rất đau khổ. Ông rất đau khổ.

Ngoài những cân nhắc nghệ thuật, ông còn có rất nhiều cân nhắc phi nghệ thuật. Vì vậy trong văn bản, có những chỗ bị xóa xén, sửa vá, chắp nối, do đó mới hình thành kỳ tích để ngày nay chúng ta có thể từ Tần Khả Khanh mà bắt đầu giải đọc 《Hồng Lâu Mộng》.

Vậy chúng ta còn phải tiếp tục bàn xuống nữa. Tiếp tục bàn xuống, chủ yếu là bàn điều gì? Tức là chúng ta đổi một mạch suy nghĩ, đổi một góc độ.

Nếu đúng như lời bàn giao của Tào Tuyết Cần, Tần Khả Khanh là đứa trẻ bị bỏ rơi ở Dưỡng Sinh Đường, được một viên tiểu lại túi tiền eo hẹp nuôi lớn. Chỉ nhờ chút liên hệ với nhà họ Giả, nàng được gả vào phủ, hơn nữa còn làm chính thê của Giả Dung — người nối dõi một nhánh đã ba đời đơn truyền. Theo quy luật cơ bản của sáng tác nghệ thuật, mọi phương diện của nhân vật này đáng lẽ phải phù hợp với xuất thân mà tác giả đã đặt ra.

Nói cách khác, vấn đề mà bài sau chúng ta sẽ bàn là: nếu Tần Khả Khanh thật sự có xuất thân hàn vi như vậy, thì trong sách nàng nên có biểu hiện như thế nào?

Hồi sau chúng ta sẽ cùng tiếp tục bàn luận.

# Tập 5

Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh

*Tần Khả Khanh là một nhân vật vô cùng bí ẩn trong 《Hồng Lâu Mộng》. Nàng vốn chỉ là một đứa trẻ bị bỏ rơi được bế về từ Dưỡng Sinh Đường. Về sau lại trở thành cháu dâu của dòng ba đời đơn truyền ở Ninh Quốc phủ. Trong một gia đình quý tộc như phủ Giả, rất coi trọng môn đệ, rất coi trọng xuất thân, Tần Khả Khanh không những không bị lạnh nhạt, mà ngược lại còn được trên dưới trong phủ Giả đều kính trọng.*

*Điều càng khiến người ta khó hiểu hơn là, với thân phận thấp kém mà bước vào nhà quý tộc, Tần Khả Khanh không hề có chút tự ti hay lạc lõng nào, ngược lại còn tự do như cá bơi trong nước xuân, ung dung và rất thuận tay thuận việc. Vậy những dấu hiệu lộ ra ở các chỗ ấy vì sao lại khiến người ta cảm thấy khó nắm bắt đến vậy?*

*Về thân thế của Tần Khả Khanh, Tào Tuyết Cần vì sao lại phải che che giấu giấu như thế, muốn nói lại thôi? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, người nghiên cứu Hồng học hơn mười năm, bước vào Bách Gia Giảng Đàn, để vén mở cho chúng ta bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh.*

Trước khi kết thúc bài giảng trước, tôi đã đưa ra một phán đoán, rồi lại nêu ra một vấn đề. Phán đoán của tôi là gì?

Tôi đã chỉ ra rằng, đoạn giải thích kỳ lạ về thân thế Tần Khả Khanh vốn không có trong cấu tứ ban đầu; nó xuất phát từ một cân nhắc phi nghệ thuật và cuối cùng được Tào Tuyết Cần dán thêm vào như một miếng vá. Vấn đề tôi nêu ra là gì? Chính là cần khảo sát trạng thái sinh tồn của Tần Khả Khanh trong phủ Giả. Vấn đề là rốt cuộc nàng sống trong phủ Giả với trạng thái như thế nào?

Vậy bài này tôi sẽ bắt đầu từ đây, tiếp tục khảo sát nguyên mẫu đời thực của nhân vật Tần Khả Khanh. Chúng ta biết tác giả 《Hồng Lâu Mộng》 là Tào Tuyết Cần, ông viết nhân vật rất giỏi. Ông không chỉ thông qua hành động và lời nói của bản thân nhân vật, thông qua tình cảm, tâm lý để khắc họa nhân vật ấy, mà thường còn thông qua cách người khác nhìn nhân vật, thông qua ánh mắt của người khác, thông qua đánh giá và suy nghĩ của người khác về nhân vật, để khắc họa nhân vật đó. Những ví dụ như vậy có rất nhiều.

Vậy khi viết Tần Khả Khanh, ông cũng không ngoại lệ. Vì vậy trước hết chúng ta hãy xem những người trong phủ Giả nhìn Tần Khả Khanh như thế nào.

Tần Khả Khanh, một đứa trẻ bị bỏ rơi được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, về sau lại trở thành cháu dâu của dòng ba đời đơn truyền ở Ninh Quốc phủ. Nàng cử chỉ nhã nhặn, xử sự ôn hòa, rất được lão tổ tông Giả mẫu trong phủ Giả yêu thích. Không thể tranh cãi, nàng trở thành người mà Giả mẫu vừa ý nhất trong số

các chắt dâu. Vậy một Tần Khả Khanh từ nhỏ lớn lên trong một gia đình quan lại nhỏ túng thiếu, làm sao lại có được tu dưỡng và sự bình thản tốt như vậy?

Vì sao nàng lại có sức hấp dẫn mê người đến thế, đến mức khiến Giả mẫu cảm thấy nàng là người không thể vượt qua trong mắt mình?

Trước đây có một kiểu dán nhãn, một cách phân tích rất giản đơn: nhà họ Giả là gia đình quý tộc mục nát, thuộc giai cấp bóc lột; Giả mẫu lại đứng trên đỉnh tháp của gia đình ấy. Theo lối suy luận đó, khỏi cần động não cũng có thể kết luận bà là người tệ hại nhất, một bà già ngoan cố, một "lão phong kiến". Cách phân tích đơn giản hóa như vậy không phù hợp với 《Hồng Lâu Mộng》.

Tào Tuyết Cần khi viết nhân vật, ông xuất phát từ nguyên mẫu đời sống, ông viết ra những sinh mệnh sống động. Thực ra ông tin rằng những sinh mệnh ấy trong một không gian thời gian lịch sử nào đó đã từng thực sự tồn tại. Ông viết ra sự phức tạp của con người.

Giả mẫu đương nhiên là một nhân vật của một gia đình quý tộc phong kiến, ở trên đỉnh tháp của gia đình ấy. Một số tội ác của gia đình này, những mặt tối của nó, trên người bà cũng có. Bản thân bà cũng phải chịu trách nhiệm về những phương diện ấy của gia tộc. Nhưng đó chỉ là một phương diện của bà mà thôi. Giả mẫu là một nhân vật rất phức tạp. Giả mẫu có một mặt rất nhân từ. Đối với những người gia cảnh nghèo khó, những người địa vị thấp kém, đôi khi bà có thể biểu hiện một sự quan tâm chân thành, một sự thương xót, không phải giả vờ.

Ví dụ như trong 《Hồng Lâu Mộng》 có viết một cảnh như thế này. Mọi người hẳn còn nhớ, đó là cảnh Giả mẫu dẫn nữ quyến phủ Vinh Quốc đến Thanh Hư quán làm lễ đả tiếu. Đả tiếu là một nghi thức tôn giáo, mục đích là cầu phúc.

Giả mẫu đương nhiên là người rất có phúc rồi. Vì vậy hồi ấy có hồi mục gọi là người hưởng phúc phúc còn sinh phúc, phúc lại đổ thêm phúc. Bà cảm thấy hưởng phúc vẫn chưa đủ, phúc lại đổ thêm phúc. Bà cảm thấy hưởng phúc vẫn chưa đủ, "cầu phúc nơi biển phúc". Bà cảm thấy phúc vẫn chưa đủ, còn muốn đi cầu thần Phật ban cho bà nhiều phúc hơn nữa. Đó là một bà cụ như vậy. Khi ấy bà rất hứng chí. Bà nói thời tiết cũng đẹp, sau khi nghi thức đả tiếu kết thúc, có thể để gánh hát diễn ở đó cho mọi người xem.

Bà nói tất cả các thái thái, tiểu thư nhà ta đều đi. Giả mẫu đã hứng lên, bên dưới tất nhiên đều hưởng ứng. Vì vậy nữ quyến Vinh Quốc phủ gần như dốc toàn bộ ra đi.

Vương phu nhân đi, Vương Hy Phượng đi, các tiểu thư cũng đi, đại a hoàn bên cạnh các tiểu thư cũng đi, một số phụ nhân quản sự cũng đi, các má má, bà tử hầu hạ họ cũng đi. Vì vậy cảnh tượng được miêu tả là một trong mấy cảnh lớn của sách. Xe kiệu người ngựa của phủ Giả, đằng trước đã gần tới Thanh Hư quán,

đằng sau ở cổng Vinh Quốc phủ vẫn chưa nhúc nhích. Các vị nghĩ xem, đó là một đoàn đông đảo thế nào. Bởi vì nữ quyến đi làm lễ đả tiếu, nên đạo sĩ ở Thanh Hư quán cần phải tránh mặt trước.

Các đạo sĩ khác đều rất khôn, vừa nghe nói nữ quyến phủ Giả sắp tới, từng người vội vàng tránh đi. Có một tiểu đạo sĩ động tác hơi chậm. Nữ quyến phủ Giả đã vào cửa rồi, cậu ta mới chạy ra ngoài. Kết quả đâm sầm vào lòng Vương Hy Phượng.

Vương Hy Phượng bị một phen kinh động, rất tức giận, liền giơ tay tát cậu ta một cái, đánh tiểu đạo sĩ ấy lăn nhào xuống đất. Hơn nữa Vương Hy Phượng buột miệng chửi một câu thô tục rất khó nghe. Còn tiểu đạo sĩ ấy, vừa nhìn thấy toàn là phụ nữ, không biết chạy trốn đi đâu, hoảng hốt vô cùng. Tất cả những quản sự và tôi tớ của nhà họ Giả đều muốn tỏ ra bảo vệ thể diện chủ nhân, liền ầm ĩ giậm chân quát tháo, la lối rối rít. Tiểu đạo sĩ ấy càng hoảng sợ, chạy trốn ra ngoài. Giả mẫu nghe thấy, bên dưới liền có một đoạn miêu tả.

Giả mẫu hỏi có chuyện gì. Người ta bèn bẩm lại với bà. Giả mẫu nói: "Con nhà nghèo người ta, thật đáng thương; đừng làm nó sợ." Tôi cho rằng bà nói rất chân thành, không hề giả dối.

Bà chính là một con người như thế. Bà bảo Giả Trân tìm tiểu đạo sĩ ấy trở lại. Vì sao Giả Trân lại xuất hiện? Giả Trân là tộc trưởng của họ Giả. Khi lão tổ tông trong tông tộc đi làm lễ đả tiếu, ông phải tổ chức con cháu đến đó lo hậu cần. Ông là tổng chỉ huy của hoạt động đả tiếu lần này, tất nhiên ông có mặt ở đó. Ông vội đến trước mặt Giả mẫu. Giả mẫu liền nói mau đưa tiểu đạo sĩ ấy đến đây. Ông đưa tiểu đạo sĩ lại. Tiểu đạo sĩ run rẩy toàn thân, đứng cũng không vững nữa.

Giả mẫu rất hiền từ hỏi cậu ta: Bao nhiêu tuổi rồi, mấy tuổi rồi? Con tên gì? Cậu ta làm sao trả lời nổi, phải không? Giả mẫu liền dặn Giả Trân: Trân ca, con đối đãi với nó cho tử tế. Con đưa nó ra ngoài, dỗ dành nó, cho nó ít tiền mua quả mà ăn.

Giả mẫu nói đi nói lại: "Thật đáng thương! Con nhà nghèo đã bao giờ thấy trận thế như nhà ta đâu; các người làm nó sợ hỏng rồi. Đầu óc nó còn non nớt, phải thương nó nhiều mới được."

Giả mẫu là người như vậy. Biểu hiện kiểu này của bà không chỉ có một lần. Tôi không nêu thêm ví dụ nữa; chúng ta có thể theo logic này mà suy tiếp.

Giả sử Tần Khả Khanh thật sự là đứa bé bị bỏ rơi được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, còn cha nuôi chỉ là một tiểu quan nghèo túng. Chỉ vì ông có chút liên hệ với nhà họ Giả, nàng lại được gả vào Ninh Quốc phủ, làm vợ Giả Dung của nhánh ba đời đơn truyền và trở thành cháu dâu đời chắt của Giả mẫu. Nếu quả thật như vậy, ta có thể suy đoán người đầu tiên phản đối cuộc hôn nhân này rất có thể là Giả mẫu.

Sao có thể cưới con dâu như thế được? Ninh Quốc phủ của các người vốn đã khác với Vinh Quốc phủ. Mấy bài trước chúng ta đã nói rõ, các người đã là ba đời đơn truyền rồi. Giả Dung cưới vợ là chuyện vô cùng quan trọng.

Không chỉ là chuyện riêng của Giả Dung, mà là chuyện của Ninh Quốc phủ, cũng là chuyện chung của hai phủ Ninh và Vinh. Sao có thể cưới vợ như vậy được? Tất nhiên cũng có thể Giả mẫu nghĩ rằng, dù sao Ninh Quốc phủ vẫn hơi khác Vinh Quốc phủ, phải không? Ninh Quốc phủ người ta nhất định muốn cưới cô con dâu này, ta cũng không tiện can thiệp sâu. Thôi ta nhịn vậy. Nhưng chúng ta xem miêu tả trong 《Hồng Lâu Mộng》, thì thấy không đúng.

Sách không viết như vậy. Tần Khả Khanh chính thức xuất hiện ở hồi thứ năm. Nàng vừa xuất hiện đã có khí tượng rất lớn. Hồi thứ năm viết câu chuyện gì? Ninh Quốc phủ hoa mai nở rộ, nên Vưu thị rất hứng thú, cảm thấy đây là một dịp tốt để lấy lòng họ hàng, đặc biệt là lấy lòng lão tổ tông. Bèn mời Giả mẫu, mời Vương phu nhân, Vương Hy Phượng và mọi người đến Ninh Quốc phủ thưởng mai. Thế là mọi người đều đến. Giả Bảo Ngọc thích góp vui, Giả Bảo Ngọc cũng đi theo.

Giả Bảo Ngọc này, một mặt quả thật phản đối con đường công danh, có một kiểu phản nghịch nào đó. Cậu nói những người đọc sách, đi thi khoa cử, mưu cầu chức quan là quốc tặc mọt nước. Nhưng mặt khác, cậu lại là một công tử quý tộc chính hiệu. Cậu rất lười nhác.

Thưởng hoa mai xong, ăn cơm trưa xong, cậu muốn ngủ trưa. Cậu không phải ngủ qua loa tùy tiện, mà phải ngủ một giấc thật tử tế. Lúc này trong sách có một miêu tả rất đáng kinh ngạc. Đó là Tần Khả Khanh đi thu xếp cho cậu ngủ trưa. Tần Khả Khanh đi sắp xếp cho Giả Bảo Ngọc ngủ trưa. Điều này khiến rất nhiều người không sao hiểu nổi. Dù tuổi của Tần Khả Khanh lớn hơn Giả Bảo Ngọc khá nhiều, nhưng dù sao nàng cũng là cháu dâu của Giả Bảo Ngọc.

Trong một đại gia đình quý tộc phong kiến như phủ Giả, hành động này của Tần Khả Khanh hiển nhiên không hợp quy củ, rõ ràng trái với lễ giáo phong kiến. Vậy với tư cách anh họ của Giả Bảo Ngọc, Giả Trân, hoặc chị dâu họ là Vưu thị, vì sao không đi sắp xếp, mà lại cứ để Tần Khả Khanh sắp xếp?

Vậy Giả mẫu, người có địa vị cao nhất trong phủ Giả, nhìn việc này như thế nào? Trước khi xem sách viết ra sao, chúng ta thử nghĩ một chút. Liệu bà có cho rằng: "Thật tội nghiệp, trong nhà không có ai, làm khó cho nó rồi" hay không? Không phải vậy. Giả mẫu vốn biết họ Tần là người rất thỏa đáng.

Không phải chỉ thỏa đáng một lần, hai lần thỏa đáng, mà xưa nay vốn thỏa đáng. Nàng bỗng bước ra dẫn Bảo Ngọc đi ngủ trưa, cũng là vô cùng thỏa đáng. Đó là ánh mắt của Giả mẫu.

Giả mẫu cho rằng Tần Khả Khanh có dáng vẻ yểu điệu như tiên nữ, tính tình lại ôn nhu, hòa nhã: một nét tả dung mạo, vóc dáng; một nét tả tính cách, khí chất, đều rất tốt. Sau đó, qua lời tự sự, Tào Tuyết Cần còn thay Giả mẫu đưa ra một phán đoán không thể tranh cãi: Tần Khả Khanh đứng đầu trong số các chắt dâu mà bà vừa ý. Không phải thứ hai, cũng không phải đồng hạng, mà vững vàng đứng đầu. Các vị không thấy lạ sao?

Nếu đoạn văn ở cuối hồi thứ tám không phải là miếng vá như tôi nói, mà quả thật là như vậy, thì sao nàng lại là đối tượng khiến bà vừa ý? Khiến vị lão tổ tông này thấy rất vừa ý, hơn nữa là vừa ý nhất.

Tôi thấy có khán giả bên dưới mỉm cười, nói rằng 《Hồng Lâu Mộng》 có rất nhiều bản cổ, chữ nghĩa thì có khác biệt, có bản viết thế này, có bản viết thế kia. Có phải câu này trong bản ông chọn đã chép sai không? Lạ thay, những bản cổ 《Hồng Lâu Mộng》 mà hiện nay chúng ta có thể thấy có rất nhiều loại. Rất nhiều câu chữ trong các bản cổ ấy đều không giống nhau. Nhưng riêng câu này thì bản nào cũng giống. Có thể thấy đó là bút tích và ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

Giả mẫu chính là cho rằng Tần Khả Khanh là người đứng đầu trong số các chắt dâu mà bà vừa ý. Trong một đại gia đình phong kiến, với thân phận như Giả mẫu, khi bà đánh giá con dâu, cháu dâu, chắt dâu của mình, yếu tố hàng đầu để bà cho là thỏa đáng, cho là vừa ý, phải là gì?

Chính là huyết thống, chính là môn đăng hộ đối, chính là bối cảnh gia đình tốt.

Các vị xem, chẳng phải điều này đối nghịch với miếng vá ở cuối hồi tám sao? Hơn nữa nếu tự suy xét thêm, câu này lại càng kỳ lạ. Ở giai đoạn đầu của câu chuyện, cả hai phủ Ninh và Vinh chỉ có một người chắt đã cưới vợ, chính là Giả Dung cưới Tần Khả Khanh. Vốn không có ai để so sánh, phải không? Nhưng Giả mẫu gần như đã đưa ra một lời tiên đoán: sau này Giả Liễn có sinh con trai, cưới con dâu, thì người con dâu ấy nhất định cũng không bằng Tần Khả Khanh.

Sau này Giả Bảo Ngọc hoặc Giả Hoàn có con trai rồi cưới vợ, những nàng dâu ấy cũng đều không bằng Tần Khả Khanh. Dĩ nhiên lúc đó, những người ấy còn chưa có con trai.

Nhưng trước mắt Giả mẫu cũng đã có một chắt trai, chính là Giả Lan, chữ Lan có bộ thảo, cùng vai với Giả Dung. Khi ấy Giả Lan còn nhỏ, nhưng cũng không quá nhỏ; chỉ cần Giả mẫu khỏe mạnh, bà vốn là người có phúc, thì bà có thể tận mắt thấy Giả Lan cưới vợ. Nhưng làm sao bà lại có thể phán định trước rằng Giả Lan sau này bất kể cưới người vợ nào, Tần Khả Khanh vẫn mãi là người đứng đầu làm bà vừa ý? Vì sao Tần Khả Khanh lại không thể vượt qua như thế? Điều này có đáng để chúng ta suy nghĩ không? Tôi cho rằng rất đáng để suy nghĩ.

Tần Khả Khanh là vợ của Giả Dung ở Ninh Quốc phủ, là con dâu của vợ chồng Giả Trân và Vưu thị.

Nhưng điều khó hiểu là, với tư cách công công, Giả Trân có quan hệ ám muội với con dâu Tần Khả Khanh, chuyện như vậy ở Ninh Quốc phủ đã chẳng còn là bí mật gì. Còn Vưu thị, mẹ chồng của Tần Khả Khanh, tuy cũng có nghe phong thanh chuyện này, nhưng không những không tỏ ra chút bất mãn nào, trái lại, khi Tần Khả Khanh lâm bệnh, bà còn càng quan tâm, chăm sóc nàng hơn. Và bà nhiều lần dặn con trai Giả Dung không được làm khó Tần Khả Khanh, không được chọc cho Tần Khả Khanh tức giận.

Vì sao lại xuất hiện một việc không hợp lý, không hợp tình thường như vậy? Là do Vưu thị trời sinh tính cách nhu nhược, hay là lời đồn kia có nguyên nhân khác? Tiếp theo chúng ta phân tích cha mẹ chồng của Tần Khả Khanh nhìn Tần Khả Khanh như thế nào.

Có khán giả bên dưới khóe miệng lại cong lên, tôi biết bạn đang cười tôi. Tôi biết trong lòng bạn nghĩ gì.

Bạn nói: "Thôi, đừng nhắc đến công công của nàng nữa. Công công đối xử tốt với nàng đâu nhất thiết vì xuất thân của nàng; đó là chuyện khác." Nhận xét ấy cũng có lý.

Các vị nói cũng rất đúng. Quan hệ ám muội giữa Giả Trân và Tần Khả Khanh không phải là bí mật gia tộc cực đoan gì. Ở cuối hồi thứ bảy chúng ta đã thấy, lúc ấy Vương Hy Phượng và Giả Bảo Ngọc đến Ninh Quốc phủ chơi, và lần đó cũng gặp Tần Chung. Cuối cùng Tần Chung phải về nhà. Tần Chung có quan hệ gì với Tần Khả Khanh? Trên danh nghĩa là chị em. Vừa không cùng cha, cũng không cùng mẹ, chỉ là chuyện bề mặt thôi. Vì thế không để cậu ngủ lại Ninh Quốc phủ, đến tối phải đưa về. Đưa cậu về thì phải sai người. Quản gia sai ai?

Sai một lão bộc tên là Tiêu Đại. Tiêu Đại này uống say rượu, vừa nghe bị sai làm việc ấy liền nổi trận lôi đình. Hơn nữa ỷ vào việc mình từng có thể diện trước mấy đời chủ nhân trước, hắn liền chửi ầm lên. Hắn chửi rất nhiều câu.

Bây giờ tôi chỉ rút ra một câu. Hắn có một câu làm người ta rợn lòng, gọi là "Ba hôi thì ba hôi". Tiêu Đại chửi gì? Rất rõ ràng, mũi nhọn của hắn chĩa thẳng vào Giả Trân. Mũi nhọn lời chửi của hắn không phải nhằm vào Tần Khả Khanh. Nó chĩa thẳng vào Giả Trân. Hắn chửi rất to; không chỉ Phượng Thư và Giả Bảo Ngọc đã lên xe nghe rõ mồn một, Giả Dung cũng nghe thấy. Vưu thị đương nhiên cũng nghe thấy. Xung quanh, một số đầy tớ trong nhà cũng đều nghe thấy. Vì vậy vấn đề của Giả Trân ở Ninh Quốc phủ không phải bí mật gì.

Cho dù Vưu thị là một người, ví dụ nói tính cách tương đối nhu nhược, hoặc là người không có quyết đoán gì, bà chưa thể phán định cuối cùng con dâu mình có thông dâm với chồng mình hay không, thì ít nhất bà cũng phải không vui, phải không? Ít nhất bà cũng phải cảm thấy rất ghê tởm, rất bực tức.

Cho nên đến hồi thứ mười, khi viết Tần Khả Khanh mắc bệnh, theo logic thông thường Vưu thị đáng lẽ phải nghĩ: "Cô vốn không biết cha mẹ mình là ai, chỉ từ một gia đình tiểu quan lại mà miễn cưỡng gả vào nhà

chúng ta. Thế mà cô lại còn không trong sạch với công công; cô bị bệnh thì đáng đời, chết đi càng tốt." Hơn nữa, ai cũng biết cuộc hôn nhân này có nhiệm vụ giúp Giả Dung truyền dòng ba đời đơn truyền của Ninh Quốc phủ sang đời thứ tư.

Đúng không? Nếu là mang thai thì với Vưu thị, chuyển thành "tin mừng" vẫn còn có thể. Vì dù sao người vợ ấy mục đích là để Giả Dung truyền dòng ba đời đơn truyền của phủ Ninh Quốc sang đời thứ tư. Đúng không?

Nhưng đại phu nói rất chắc chắn: không phải tin mừng. Vưu thị dường như cũng thừa nhận phán đoán ấy của đại phu: không phải mang thai, mà là bị bệnh.

Trong 《Hồng Lâu Mộng》 có một đoạn dài viết thái độ và phản ứng của Vưu thị khi Tần Khả Khanh lâm bệnh, rất đáng đọc kỹ. Bà dặn nàng: "Không nên giữ lễ lắm; sớm tối không cần theo lệ đến thăm nom." "Sớm tối theo lệ đến thăm nom" nghĩa là gì? Trong tác phẩm, Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc và những người khác buổi sáng phải đến trước mặt bề trên thỉnh an, buổi tối cũng phải vấn an. Đó là bài vở thường lệ mỗi ngày.

Trừ phi sau khi bị bệnh, bề trên thông cảm, cho phép không phải đi, nếu không đều phải đi. Đó là bài vở thường lệ. Nhưng Vưu thị lại khoan dung với Tần Khả Khanh như thế. Con bệnh rồi thì sớm tối không cần theo lệ đến thăm nom nữa.

Vưu thị còn dặn: "Con cứ tĩnh dưỡng cho tốt. Họ hàng trong nhà có đến thì đã có tôi; nếu bề trên trách con, mẹ sẽ nói hộ." Bà lại bảo con trai mình là Giả Dung: "Không được quấy rầy nó." Đây là một câu khẩu ngữ miền Bắc, nghĩa là không được làm khó nàng, không được làm nàng tức giận. Những lời tiếp theo càng nói càng lạ.

Bà nói: "Nếu chẳng may nàng có mệnh hệ nào, con muốn cưới thêm một người vợ có dung mạo, tính tình như thế thì dù đốt đuốc đi lùng khắp thiên hạ cũng chẳng tìm đâu ra." Điều này quá kỳ lạ. Bà đã nghe Tiêu Đại chửi "Ba hôi thì ba hôi"; trước khi nói những lời này, đáng lẽ bà phải rất phản cảm với cô con dâu ấy. Bà đâu cần phải thế.

Nàng không mang thai mà mắc một căn bệnh lạ, vậy mà Vưu thị quan tâm, chăm sóc đến mức ấy. Hơn nữa, sao bà lại nói có đốt đuốc cũng chẳng tìm đâu ra một người hơn cô gái bị bế về từ Dưỡng Sinh Đường kia? Điều này không hợp logic; ngay cả trong xã hội ngày nay cũng không hợp logic. Chẳng cần thắp đèn, người ta cũng có thể tìm được một cô gái biết rõ cha mẹ mình. Thế mà Vưu thị lại nói như vậy. Các vị thử nghĩ xem, Tần Khả Khanh sống trong phủ Giả với địa vị như thế nào?

Nhìn qua ánh mắt người khác, thì cũng rất rõ rồi. Nàng là một người, bắt đầu từ Giả mẫu, trên dưới trong phủ đều tôn trọng và yêu thích nàng. Nàng ở đó không có bất cứ chỗ nào không thích ứng.

Nàng giống như cá bơi trong nước xuân, hết sức tự tại. Vưu thị còn nói với mợ cả Hoàng: "Họ hàng nào, bậc bề trên nhà nào mà không thích nàng?" Điều này thật kỳ lạ. Cho dù phủ Ninh Quốc và Giả mẫu đều dung nạp nàng, chẳng lẽ thân thích xa gần cũng không một ai dị nghị chuyện nhà họ cưới một cô gái được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, có nhà mẹ đẻ chỉ là một gia đình tiểu quan lại túng thiếu? Lạ thật.

Không có nhà bề trên nào không thích nàng. Cho nên Vưu thị nói: "Vì thế hai ngày nay ta buồn phiền biết bao, lo đến mức không chịu nổi. Ta nghĩ đến bệnh tình của nàng, trong lòng ta như bị kim châm chết đi được." Một cô con dâu chỉ mắc chút bệnh mà lòng bà đã đau như kim châm. Bạn nói xem, bà đau xót đến mức nào. Tần Khả Khanh được Giả mẫu yêu mến, được cha mẹ chồng thương yêu; nhân duyên của nàng cực tốt. Ngay cả Vương Hy Phượng, người quản lý phủ Vinh Quốc, cũng rất coi trọng nàng.

Điều này thật kỳ lạ: một người bề ngoài xuất thân hàn vi, một người xuất thân danh môn và nắm quyền lớn trong tay, vì sao lại có thể trở thành bạn thân, thân đến mức không chuyện gì không nói?

Vậy, Vương Hy Phượng trời sinh có đôi mắt phú quý, vì sao lại đối với Tần Khả Khanh biểu hiện một thái độ thân mật, hữu thiện như thế? Trong lòng Tần Khả Khanh bản thân nàng lại nghĩ gì? Trong chuyện này ẩn giấu bí mật kinh người nào? Vương Hy Phượng, nói thật, quả đúng như Giả mẫu đã điểm ra, là một người có một tấm lòng phú quý và hai con mắt trọng thể diện. Con người ấy lợi hại lắm, phải không? Các vị xem người họ hàng xa là Giả Vân đến chỗ cô ta xin một việc, cô ta còn chẳng thèm nhìn Giả Vân bằng khóe mắt, phải không?

Mãi đến khi Giả Vân hối lộ cô ta, tặng cô ta một ít băng phiến, xạ hương, đó là những thứ rất đáng tiền. Cô ta nhận rồi. Nhận rồi mà trong lòng vẫn nghĩ, vốn dĩ cô ta đã định giao cho Giả Vân một việc.

Vì con cháu trong tông tộc, một khi được giao một việc, liền có thể lập tức đến tổng trướng phòng lĩnh bạc. Lĩnh bạc xong, một phần dùng để làm việc, một phần, nói thật, thì về túi mình.

Cho nên các nhánh bên họ Giả, những người cháu họ xa, đều muốn vào phủ Giả kiếm một việc.

Giả Vân cũng không ngoại lệ. Nhưng Vương Hy Phượng đối với cậu thì mắt mở cũng không nhìn; sau khi nhận xạ hương, băng phiến, nàng cũng không lập tức giao việc. Mãi về sau, nàng mới giả vờ nói: "Sao cậu không nói sớm?", rồi giao cho cậu trông coi việc trồng cây hoa cỏ trong Đại Quan viên. Đó chính là Vương Hy Phượng. Với một thân hữu biết rõ gốc gác, một thành viên chính thức của tông tộc họ Giả dù gia cảnh đã sa sút, nàng còn đối xử như vậy.

Cha mẹ là ai, đời trên nữa là ai, tra gia phả là rõ ràng hết. Cô ta còn đối xử như vậy. Vậy đối với Tần Khả Khanh, theo lý mà nói, cô ta đáng lẽ phải muôn phần coi thường, phải không?

Ninh Quốc phủ các người đúng là mù mắt rồi, cưới về một cô con dâu từ Dưỡng Sinh Đường, một đứa trẻ bị bỏ rơi được bế về. Bối cảnh gia đình gì chứ? Tần Nghiệp, một tiểu quan lại. Theo lý, thái độ tốt nhất của cô ta với Tần Khả Khanh cũng chỉ là qua loa lấy lệ. Nhưng không phải vậy. Cô ta và Tần Khả Khanh hình thành một quan hệ bạn thân. Dù cô ta bối phận cao hơn, cô ta là chị dâu, Tần Khả Khanh là cháu dâu, hai người thân thiết vô cùng. Trong sách viết rõ ràng minh bạch như vậy.

Ví dụ, hồi thứ mười một viết Vương Hy Phượng đến Ninh Quốc phủ thăm Tần Khả Khanh đang bệnh và nói rất nhiều lời. Nàng bảo: "Công công, bà bà của cô nghe nói thuốc có thể chữa khỏi cô thì đừng nói một ngày hai nghìn tiền nhân sâm, ngay cả hai cân cũng lo nổi."

Cô ta an ủi Tần Khả Khanh rằng cả phủ Giả, hai phủ Ninh và Vinh, sẽ dốc hết sức để giữ mạng cho Tần Khả Khanh. Một ngày dùng hai cân nhân sâm cũng được; đó không thành vấn đề. Ninh Quốc phủ không có thì Vinh Quốc phủ sẽ đem sang. Khi đi thăm Tần Khả Khanh, Giả Bảo Ngọc cứ lẽo đẽo theo sau như cái đuôi. Vương Hy Phượng thấy cậu hơi thừa thãi, sau đó liền đuổi khéo Giả Bảo Ngọc đi.

Sau khi đuổi cậu đi, có một nét bút rất quan trọng, đó là Vương Hy Phượng lại cùng họ Tần hai người hạ thấp giọng, nói rất nhiều lời tâm sự. Các vị xem tình cảm giữa họ tốt đến mức nào. Đó có phải thái độ đối với một người là đứa bé bị bỏ rơi được bế về từ Dưỡng Sinh Đường không? Tuyệt đối không phải. Vậy bây giờ chúng ta xem thử bản thân Tần Khả Khanh nghĩ gì.

Viết một nhân vật, một mặt là viết người bên ngoài, những người xung quanh nhìn nhân vật đó thế nào, một mặt là viết bản thân nhân vật, đi vào nội tâm của nhân vật, xem bản thân nhân vật nghĩ gì. Nếu Tần Khả Khanh là đứa trẻ bị bỏ rơi được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, nếu cha nuôi của nàng thật sự chỉ là một tiểu quan lại túng thiếu, thì nàng tất nhiên sẽ có tâm lý tự ti. Nàng sẽ tự ti.

Nàng sẽ cảm thấy rất khó xử. Ít nhất ngoài mặt nàng có thể gắng gượng, nhưng một khi đêm khuya tĩnh lặng, đối diện lòng mình trong đêm vắng, nàng sẽ cảm thấy mình ở trong một hoàn cảnh rất hiểm nguy. Người ta phú quý như thế, bối cảnh của mình lại khó coi đến vậy, nàng sẽ tự ti. Sẽ đau khổ. Nhưng trong sách không có một nét miêu tả nào như thế. Từ khi nàng xuất hiện ở hồi thứ năm đến khi chết ở hồi thứ mười ba, hoàn toàn không có nội dung như vậy.

Ngay cả khi Phượng Thư đến thăm bệnh, lời Tần Khả Khanh có vẻ áy náy nhưng không hề biểu lộ mặc cảm vì huyết thống hay gia đình. Nàng nói: "Đó đều là do tôi không có phúc. Nhà người ta, công công bà bà coi tôi như con gái ruột. Tuy cháu trai của thẩm nương còn trẻ, nhưng chàng kính tôi, tôi kính chàng; từ trước đến nay chưa từng đỏ mặt."

Cả một nhà, trong bậc trưởng bối và đồng bối, ngoài thẩm tử ra thì khỏi phải nói, người khác cũng không ai không thương tôi, không ai không hòa thuận với tôi. Sở dĩ nàng cảm thấy có chút áy náy không phải vì nàng thấy mình xuất thân hàn vi nên tự ti, mà vì nàng cảm thấy người khác đối với nàng tốt như vậy, nhưng nàng lại không có phúc, bệnh đến sắp chết. Hơn nữa nàng còn nói một câu khiến người ta rợn lòng. Câu ấy là: "Dẫu có thần tiên đi nữa, cũng chỉ chữa được bệnh, không chữa được mệnh." Lời ấy là lời gì? Ý nghĩa là gì?

Vì vậy, trong tâm lý Tần Khả Khanh có một cái bóng: bóng của cái chết, chứ không phải nỗi đau do xuất thân, huyết thống hay gia cảnh thấp kém. Tôi biết có vị sẽ muốn hỏi: "Lẽ nào không cho phép Tào Tuyết Cần cứ viết như vậy sao? Đây là tiểu thuyết; ông ấy muốn xây dựng một nhân vật có gia cảnh kém nhưng không tự ti thì có gì không được?"

Vậy ông ấy có viết mọi nhân vật như thế không? Khi Tào Tuyết Cần viết 《Hồng Lâu Mộng》, ông tuân theo rất nhiều nguyên tắc.

Trong đó có một nguyên tắc quan trọng, đó là ông luôn xuất phát từ xuất thân bối cảnh, cũng như địa vị kinh tế, địa vị chính trị của nhân vật, để phơi bày hoàn cảnh thực tế của nhân vật, khắc họa tâm lý nhân vật. Ông miêu tả Thám Xuân và Giả Hoàn như vậy, miêu tả Hình Tụ Yên và những người khác cũng đều như thế. Vậy thủ pháp viết này của Tào Tuyết Cần đã tiết lộ cho độc giả thông tin gì? Nó giúp gì cho việc vén mở thân thế của Tần Khả Khanh? Ví dụ đơn giản nhất là Thám Xuân và Giả Hoàn. Thám Xuân là con gái của Giả Chính.

Huyết thống bên cha của nàng không cần bàn, vô cùng tôn quý. Chỉ vì huyết thống bên mẹ của nàng tương đối thấp kém, các vị xem trong trạng thái tồn tại của nàng có cái bóng nặng nề đến mức nào. Trong sách, tác giả dùng rất nhiều bút mực để viết nỗi đau kiểu ấy của nàng. Chỉ vì mẹ nàng vốn là một nô tì trong phủ Giả. Không biết một ngày nào đó bị Giả Chính ngủ cùng, sinh ra nàng, rồi lại sinh thêm một em trai.

Vì vậy Giả Chính nạp người ấy làm thiếp, tức Triệu di nương. Chỉ vì một nguyên nhân như vậy, nàng đã đau khổ vô cùng. Hơn nữa nàng và mẹ ruột của mình nảy sinh xung đột dữ dội. Nàng không thừa nhận Triệu di nương là mẹ mình. Nàng chỉ nhận lão gia và thái thái. Ai là cha ta? Giả Chính. Ai là mẹ ta? Vương phu nhân. Còn bà là gì? Bà là nô tài. Tuy nàng đấu tranh với Triệu di nương, nhưng trong lòng vô cùng đau khổ. Chỉ vì trong huyết quản của nàng chảy dòng máu, một nửa là của Giả Chính, nửa kia lại là của Triệu di nương.

Thực ra nàng còn khá hơn đứa trẻ bị bỏ rơi từ Dưỡng Sinh Đường rất nhiều. Nàng rất đau khổ. Giả Hoàn cũng vậy. Giả Hoàn chạy đến chỗ Tiết Bảo Thoa chơi, cùng Oanh Nhi, Hương Lăng đánh cờ vây, đổ xúc xắc, cậu ta ăn gian.

Oanh Nhi liền nói cậu mấy câu: "Cậu là một cậu chủ mà sao lại xấu tính, còn ham chút tiền nhỏ của chúng tôi?" Giả Hoàn lập tức khóc. Trong lòng cậu có một cái bóng về huyết thống. Cậu nói: "Các người đều biết tôi không phải do thái thái sinh nên mới bắt nạt tôi." Các vị xem, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, huyết thống của nhân vật đi thẳng vào nội tâm họ như thế nào.

Không thể nói khi viết Thám Xuân, viết Giả Hoàn, ông tuân theo nguyên tắc viết nhân vật như vậy, nhưng khi viết đến Tần Khả Khanh, nàng tự đối chọi với chính mình, thì ông lại dùng một nguyên tắc khác. Không thể như vậy, đúng không?

Cũng có bạn có thể muốn thảo luận với tôi, nói rằng chuyện này chỉ là vấn đề huyết thống thôi, phải không? Vậy trong 《Hồng Lâu Mộng》 có viết ai vì gia cảnh bản thân tương đối nghèo khó mà trong lòng đau khổ không? Có ví dụ như vậy không? Có. Ví dụ Hình Tụ Yên. Hình Tụ Yên là con gái của anh em bên Hình phu nhân. Khi ấy nhà họ Hình đã xuống dốc. Cha nàng đưa nàng đến nương nhờ Hình phu nhân. Hình phu nhân liền sắp xếp cho nàng ở tại nơi ở của Nghênh Xuân trong Đại Quan viên.

Trong sách viết đến cảnh sau trận tuyết, các cô gái trong Đại Quan viên cùng với Giả Bảo Ngọc tụ hội. Viết rất hay, chúng ta đều nên nhớ. Trong đoạn miêu tả ấy, mỗi vị tiểu thư đều mặc những áo choàng, áo khoác chống tuyết rất hoa quý. Giả Bảo Ngọc thì khỏi cần nói.

Áo Giả mẫu đưa cho cậu, là một chiếc áo choàng lông công dệt kim tuyến. Dùng vàng kéo thành sợi, rồi lại kết với lông chim công, dùng thứ ấy may thành một chiếc áo choàng lớn. Có hoa quý không? Giả mẫu thích Tiết Bảo Cầm, tặng Tiết Bảo Cầm một chiếc áo choàng. Chiếc áo choàng này còn ghê gớm hơn, gọi là áo choàng lông má vịt trời, được làm bằng chút lông trên đầu vịt trời, góp lại mà may thành một chiếc áo choàng. Phải cần bao nhiêu cái đầu vịt trời?

Còn những người khác mặc, hoặc là áo vải nỉ Đa La, những loại áo dài lớn, hoặc là cái gọi là áo choàng hạc, hoặc mũ trùm Chiêu Quân, hoặc mũ Quan Âm, đua nhau khoe vẻ. Áo choàng đỏ tía, xanh biếc cũng chẳng còn lạ nữa.

Vậy mà sách viết rằng, Hình Tụ Yên vì gia cảnh nghèo khó, nàng không có áo choàng lớn như vậy, không có áo khoác lớn. Hình ảnh của nàng trước mặt các mỹ nhân khác liền trở thành co vai rụt cổ, trông thật đáng thương. Bản thân nàng trong lòng cũng rất đau khổ. Cho nên các vị xem, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, những ví dụ đau khổ vì gia cảnh nghèo khó là có. Nhưng khi ông viết đến Tần Khả Khanh, huyết thống của Tần Khả Khanh còn tệ hơn Thám Xuân, Giả Hoàn nhiều, phải không?

Bối cảnh gia đình của Tần Khả Khanh còn tệ hơn Hình Tụ Yên rất nhiều. Nhưng trong những miêu tả về Tần Khả Khanh, có bao giờ có dù chỉ một chút tâm lý tự ti không? Có bao giờ có dù chỉ một chút đau khổ vì huyết thống của mình, vì bối cảnh gia đình của mình mà gây ra không? Không có.

Đây chính là trạng thái sinh tồn thực tế của Tần Khả Khanh trong phủ Giả mà Tào Tuyết Cần đã vẽ ra cho chúng ta. Vì vậy, sau khi nghe những trình bày trên, chúng ta nên nêu ra một vấn đề mới. Nếu như đoạn giải thích về Tần Khả Khanh ở cuối hồi thứ tám của 《Hồng Lâu Mộng》 là về sau ông vì muốn che giấu điều gì, muốn đậy lại điều gì, bất đắc dĩ mới đắp vào như một miếng vá, thì thân thế thật sự của Tần Khả Khanh rốt cuộc là gì? Nguyên mẫu của nhân vật này là ai?

Tần Khả Khanh mà Tào Tuyết Cần dựa trên nguyên mẫu ấy để miêu tả, trong cấu tứ ban đầu của ông, và trong văn bản ban đầu mà ông hình thành, ban đầu là một người như thế nào? Vấn đề của chúng ta đã bị đẩy đến bước này. Đó chính là bí mật mà bài giảng sau chúng ta sẽ vén mở. Tức là, xuất thân của Tần Khả Khanh không những không hàn vi, mà xuất thân của Tần Khả Khanh còn cao hơn phủ Giả. Vì sao? Xin nghe bài sau tôi giảng tiếp.

# Tập 6

Bí ẩn thân thế của Tần Khả Khanh

*Tần Khả Khanh là một nhân vật rất đặc biệt trong《Hồng Lâu Mộng》. Cô là người cuối cùng trong Kim Lăng thập nhị thoa. Nhưng đã xuất hiện ở hồi thứ năm. Đến hồi thứ mười ba thì qua đời. Theo lẽ thường, Tần Khả Khanh lẽ ra là một nhân vật không có nhiều tranh cãi. Vì cô xuất hiện thế nào, tính cách ra sao, cách đối nhân xử thế thế nào, cuối cùng kết cục ra sao, Tào Tuyết Cần đều nói khá rõ trong sách. Điều người ta quan tâm hơn là thân thế gia thế của cô.*

*Ở cuối hồi thứ tám, Tào Tuyết Cần cũng đã nói rõ: cô là con gái nuôi của một tiểu quan lại nghèo, được bế về từ Dưỡng Sinh Đường. Qua đó có thể thấy xuất thân của cô khá hàn vi. Điều này gần như có thể nói là chuyện đã đóng đinh. Nhưng nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ lại không cho là như vậy.*

*Ông bắt đầu từ các chi tiết như cách bài trí phòng ngủ của Tần Khả Khanh, giấc mộng cô báo cho người khác, tang lễ của Tần Khả Khanh, và nhiều chi tiết khác, cuối cùng đã vạch ra một bí mật gây kinh ngạc. Vậy rốt cuộc đây là do Tào Tuyết Cần viết chưa đủ chặt chẽ, vô tình để lộ sơ hở, hay ông có nỗi khó nói, cố ý che che giấu giấu? Và phân tích của nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ liệu có thật sự có căn cứ, hợp tình hợp lý, không chỗ bắt bẻ hay không?*

*Chúng ta hãy cùng bước vào Bách Gia Giảng Đàn, cùng chú ý đến bí ẩn thân thế của Tần Khả Khanh.*

Ở cuối bài trước, tôi đã nói rằng nguyên mẫu của Tần Khả Khanh có xuất thân thật không những không hàn vi, mà còn cao hơn phủ Giả. Vì sao tôi nói như vậy? Không phải đoán mò, mà căn cứ vào mô tả trong《Hồng Lâu Mộng》. Ở hồi thứ năm, Tần Khả Khanh chính thức xuất hiện và dẫn Giả Bảo Ngọc đi ngủ trưa. Trước hết, nàng dẫn cậu đến chính phòng của Giả Trân và Vưu thị. Điều đó hợp lẽ, vì Giả Bảo Ngọc cùng hàng vai vế với hai người ấy.

Kết quả trong chính phòng này treo một bức Nhiên Lê đồ. Nhiên Lê đồ là bức tranh khuyên người ta chăm học, chuyên tâm làm học vấn. Giả Bảo Ngọc vừa nhìn đã không thích. Cậu nói không thể ngủ ở đây.

Thế là Tần Khả Khanh dẫn Giả Bảo Ngọc vào phòng ngủ của chính mình. Điều này tất nhiên khá vượt khuôn phép. Vì Giả Bảo Ngọc là chú của cô. Cháu dâu đưa chú vào phòng ngủ của mình để ngủ trưa, quả thật có phần trái với quy phạm lễ giáo phong kiến. Vì thế trong sách đã viết rằng có một bà vú lên tiếng: Sao lại sắp xếp như vậy? Nhưng khí phái của Tần Khả Khanh rất lớn, cô hoàn toàn không để ý, nói rằng trẻ con còn bày đặt câu nệ gì chứ, rồi nhất quyết dẫn Giả Bảo Ngọc vào phòng ngủ của mình.

Vì vậy, trong văn bản 《Hồng Lâu Mộng》 xuất hiện một đoạn văn rất lạ, tức là đoạn mô tả phòng ngủ của Tần Khả Khanh.

Phòng ngủ của Tần Khả Khanh trước hết có treo bức Hải Đường Xuân Thụy đồ của Đường Bá Hổ. Hải Đường Xuân Thụy đồ vẽ Dương Quý Phi sau khi uống say, đẹp như hoa hải đường trong một cảnh rất mỹ lệ. Giả Bảo Ngọc thích nó.

Đường Bá Hổ là danh họa đời Minh. Điều đó cho thấy Tần Khả Khanh cất giữ một bức tranh lớn của Đường Bá Hổ. Việc này cũng chưa phải là gì ghê gớm. Rồi trong phòng ngủ của Tần Khả Khanh còn có một đôi câu đối của Tần Thái Hư. Tần Thái Hư là người đời Tống. Đôi câu đối này rất hợp với thị hiếu thẩm mỹ của Giả Bảo Ngọc.

Câu đối viết:

"Lờ mờ giấc mộng hơi xuân lạnh,
Ngào ngạt mùi hương rượu khá nồng."

Cậu vỗ tay nói: "Hay quá, hay quá, tôi sẽ ngủ trưa ở đây." Rồi nhìn quanh phòng ngủ này, thật là ghê gớm.

Đâu chỉ có tranh Đường Bá Hổ và câu đối Tần Thái Hư. Cách bài trí ấy như thế nào? Nó được bài trí như thế này: Trên án đặt chiếc gương báu mà Võ Tắc Thiên ngày xưa từng dùng trong tẩm cung. Quả là khoa trương. Có phải vậy không? Một bên còn bày chiếc mâm vàng Triệu Phi Yến từng đứng múa.

Trong mâm còn đặt quả mộc qua từng bị An Lộc Sơn ném làm thương nhũ hoa Thái Chân. Chỗ này nói "mộc qua", có lẽ không phải quả mộc qua thật, mà là một quả mộc qua mô phỏng bằng ngọc thạch. Đó là một vật cực kỳ quý giá. Bên trên đặt chiếc giường Thọ Dương công chúa từng nằm dưới điện Hàm Chương, treo tấm rèm kết châu do Đồng Xương công chúa chế tác.

Bạn nghĩ xem đây là những thứ gì? Trước đây trong giới Hồng học, cách giải thích đoạn miêu tả này về cơ bản đều theo một giọng điệu: nói đây là miêu tả khoa trương. Cách miêu tả này chủ yếu nhằm biểu hiện Tần Khả Khanh sống rất xa hoa, hơn nữa bản thân cô rất dâm đãng. Cách giải thích ấy cũng không thể nói hoàn toàn vô lý. Nhưng nó không thể khiến một người yêu thích 《Hồng Lâu Mộng》 như tôi hoàn toàn tin phục. Nói rằng nó biểu hiện cuộc sống xa hoa của cô thì tất nhiên nói thông được.

Nhưng nói rằng những miêu tả ấy hoàn toàn là để ám chỉ Tần Khả Khanh sống dâm đãng, thì không thật thông.

Võ Tắc Thiên, Triệu Phi Yến, hay An Lộc Sơn, hoặc Dương Thái Chân, nếu nói họ đều mang một ý vị dâm đãng nào đó, xuất hiện như những ký hiệu của dục vọng, điểm này tôi đồng ý. Nhưng trong chuyện Thọ

Dương công chúa và Đồng Xương công chúa lại không có nội dung dâm đãng gì. Vị Thọ Dương công chúa này chính là Thọ Dương công chúa. Nhân vật lịch sử này tôi không nói kỹ.

Thật ra câu chuyện về cô rất đơn giản, chỉ là một việc: một hôm cô nằm trên giường dưới điện Hàm Chương, gió thổi một đóa hoa mai rơi xuống giữa hai hàng lông mày, hơi chếch lên trán. Hoa mai ấy phủi mãi không đi, cứ như in lại trên trán cô. Ban đầu cô rất phiền não, nhưng về sau người khác nhìn thấy liền nói sao lại đẹp đến thế. Thế là trong cung thi nhau bắt chước.

Hoa mai rơi lên trán người khác thì không in lại được, nên họ dùng son phấn để vẽ hoa mai. Khi ấy hình thành kiểu trang điểm nổi tiếng gọi là mai hoa trang. Người này có câu chuyện như vậy. Chuyện đó chẳng dâm đãng chút nào.

Có phải không? Trong đó điểm quan trọng nhất là cô tự tay dùng trân châu kết thành một tấm màn. Tức là rèm liên châu. Tất nhiên rất hoa lệ, nhưng không thể nói là dâm đãng. Hơn nữa xin bạn đặc biệt chú ý: Võ Tắc Thiên từng làm nữ hoàng đế, Phi Yến là một ái phi, Dương Thái Chân cũng là một ái phi, An Lộc Sơn về sau soán quyền, có một thời tự xưng hoàng đế.

Nhưng, không chỉ viết đến những nhân vật như hoàng đế, ông còn viết đến hai vị công chúa. Vậy những biểu tượng khoa trương, ám chỉ ấy rốt cuộc đang ẩn dụ điều gì? Tôi nghĩ nó tuyệt đối không chỉ ẩn dụ cuộc sống xa hoa của Tần Khả Khanh, hoặc nói Tần Khả Khanh rất dâm đãng. Trên thực tế, nó hẳn là đang ám chỉ huyết thống thật của Tần Khả Khanh. Có thể lại có người muốn tranh luận với tôi: nói rằng đây là tiểu thuyết mà, là sáng tác nghệ thuật, dùng một cách viết khoa trương, có gì đáng ngạc nhiên đâu?

Nhưng khi đọc 《Hồng Lâu Mộng》, ta phải xét toàn cục. Tào Tuyết Cần nhiều lần viết về đồ đạc bài trí trong phủ Giả. Tất cả đều rất tả thực. Dù có chút khoa trương, nhưng vẫn là tả thực nghiêm ngặt.

Chẳng hạn khi ông viết Tiêu Tương quán, lúc Giả mẫu dẫn Lưu lão lão đi thăm Đại Quan viên, đến Tiêu Tương quán, nhìn phòng của Lâm Đại Ngọc: dưới cửa sổ trên án có nghiên bút, trên giá sách chất đầy sách, rất tả thực. Ông không dùng thủ pháp cực kỳ khoa trương. Rồi khi viết đến Thu Sảng trai của Thám Xuân, Thám Xuân là một tài nữ trong tiểu thuyết, rất có tài năng. Có độc giả không để ý, thấy Thám Xuân làm thơ không bằng Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân, nên cho rằng cô có vẻ bình thường.

Độc giả thường nhớ Tích Xuân biết vẽ; giờ bạn nên hiểu Thám Xuân là một nhà thư pháp, cô có tài năng đặc biệt, viết chữ rất đẹp. Trong Thu Sảng trai có bày biện gì? Giữa phòng đặt một chiếc án lớn kiểu đại lý bằng gỗ hoa lê.

Đó là nơi để phóng bút viết thư pháp. Trên án chất đủ loại pháp thiếp danh nhân. Cô nghiền ngẫm thư pháp của các bậc danh nhân đời trước. Hơn nữa trên bàn có mấy chục phương nghiên báu. Cô không chỉ

dùng một hai chiếc nghiên. Điều đó cho thấy một là cô sưu tầm nghiên mực, hai là lượng sáng tác thư pháp của cô rất lớn. Các loại ống bút, biển bút cắm đầy bút như rừng. Đây cũng dùng thủ pháp khoa trương, nhưng tuyệt đối không phải cực độ khoa trương. Đó là một cảnh tượng về cơ bản có thể phục dựng. Tôi nói những điều này có ý gì?

Nghĩa là phong cách tổng thể của 《Hồng Lâu Mộng》 từ đầu đến cuối, về các bài trí trong phòng ốc, đều dùng cách tả thực, gần như không có ngoại lệ. Ngoại lệ duy nhất là đoạn viết về bài trí phòng ngủ của Tần Khả Khanh.

Nó cực kỳ khoa trương, không thể phục dựng được. Phục dựng thế nào đây? Lấy đâu ra những thứ ấy? Điều đó chứng tỏ ông có dụng tâm riêng. Khi viết các bài trí khác, có lẽ chẳng qua là làm nền cho không khí, phô bày tính cách nhân vật mà thôi. Nhưng khi viết cách bài trí phòng ngủ của Tần Khả Khanh, mục đích của ông là ám chỉ với chúng ta huyết thống của Tần Khả Khanh. Thực tế là cao hơn phủ Giả. Trong hồi thứ năm 《Hồng Lâu Mộng》, Tào Tuyết Cần hư cấu ra cõi tiên Thái Hư ảo cảnh, và hư cấu nhân vật tiên giới là Cảnh Huyễn tiên cô.

Sau đó ông còn viết rằng Cảnh Huyễn tiên cô và tổ tiên phủ Giả, tức Ninh Quốc công và Vinh Quốc công, có quan hệ mật thiết. Còn quan hệ giữa Cảnh Huyễn tiên cô và Tần Khả Khanh lại càng khác thường.

Điều này khiến người ta không khỏi rất băn khoăn: vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như vậy? Cách viết tưởng như hoang đường không thể tin ấy rốt cuộc đang ám chỉ điều gì? Và bốn câu phán từ về Tần Khả Khanh tưởng như viết rất hờ hững ấy.

Lại ẩn giấu bí mật gì? Nói đến đây có lẽ có người không phục, nói rằng anh chỉ nêu một chứng cứ, không đủ thuyết phục tôi. Vậy chúng ta tiếp tục xem xuống. Hồi thứ năm, Giả Bảo Ngọc ngủ trong phòng của Tần Khả Khanh. Sau khi ngủ thì nằm mộng. Trong mộng, cậu phát hiện Tần Khả Khanh ở phía trước như một người hướng dẫn, dẫn cậu đến một nơi. Nơi ấy là đâu? Là Thái Hư ảo cảnh, một cõi tiên. Không phải ai khác, mà chính Tần Khả Khanh dẫn cậu vào cõi tiên. Điều này tất nhiên cũng không có gì lạ, vì Tần Khả Khanh sắp xếp cho cậu ngủ.

Trong cõi tiên, cậu gặp một vị tiên cô, tức là Cảnh Huyễn tiên cô. Những đoạn chữ liên quan đến Cảnh Huyễn tiên cô ở đây tôi không nhắc lại kỹ. Bạn có thể về tự giở sách xem.

Đây không chỉ là một nhân vật của tiên giới; Cảnh Huyễn tiên cô còn có quan hệ rất sâu với hai phủ Ninh, Vinh. Không phải quan hệ với những người đang sống, mà với tổ tiên hai phủ ấy. Về sau, Cảnh Huyễn tiên cô kể: "Từ khi ta đi qua phủ Ninh, ngẫu nhiên gặp linh hồn hai công Ninh, Vinh." Ninh Quốc công và Vinh Quốc công đã gặp bà, dĩ nhiên dưới hình hài âm linh.

Hai vị dặn bà: "Nhà ta từ khi lập công mở nghiệp theo triều đại này, công danh sự nghiệp và phú quý truyền đời tuy đã trải trăm năm, nhưng vận số nay đã hết, không thể vãn hồi. Con cháu còn lại tuy nhiều, rốt cuộc không ai có thể kế nghiệp."

Trong đó chỉ có đích tôn Bảo Ngọc, bẩm tính ngang trái, si tình quái lạ; tuy thông minh linh tuệ, hơi có thể mong thành tài, nhưng đáng tiếc vận nhà đã đến hồi nguy ngập, e rằng con cháu sa vào đường tà. Vì vậy họ khẩn khoản cầu xin Cảnh Huyễn tiên cô dẫn dắt Giả Bảo Ngọc đi vào chính đạo.

Hy vọng Cảnh Huyễn tiên cô có thể giúp họ làm việc ấy. Cho nên bạn thấy thân phận của Cảnh Huyễn tiên cô rất cao. Bà cao hơn hai công Ninh, Vinh. Hai công Ninh, Vinh gặp bà phải tha thiết cầu xin bà làm việc tốt. Điều này vốn cũng không có gì lạ. Nhưng cảnh mộng viết qua viết lại, viết đến cuối cùng chúng ta phát hiện, hóa ra Tần Khả Khanh là em gái của Cảnh Huyễn tiên cô. Cảnh Huyễn tiên cô dẫn dắt Giả Bảo Ngọc đi chính đạo thế nào?

Bà muốn trước hết để cậu hưởng đủ dục sắc, hiểu rằng chẳng qua cũng chỉ đến thế mà thôi. Bà hy vọng sau đó cậu sẽ đột nhiên hối ngộ, thấy rằng mình vẫn nên đi theo con đường khoa cử kinh bang. Đó là logic của Cảnh Huyễn tiên cô.

Trong quá trình này, để Giả Bảo Ngọc hưởng thụ tình dục, bà giới thiệu em gái mình là Khả Khanh cho Giả Bảo Ngọc. Vì thế Tần Khả Khanh vừa là em gái của Cảnh Huyễn tiên cô, vừa là người kết minh tình dục với Giả Bảo Ngọc.

Bạn nói xem, thân phận như vậy của Tần Khả Khanh chẳng lẽ không cao hơn phủ Giả sao? Đúng không? Vậy hãy xem phán từ liên quan đến cô được viết ra sao. Ở trang cuối của Kim Lăng thập nhị thoa chính sách, vẽ lầu cao nhà lớn. Trong tòa nhà ấy có một mỹ nhân treo cổ tự vẫn.

Rồi có bốn câu phán từ:

"Trời tình, bể tình là mộng ảo,
Mà tội dâm kia cũng bởi tình.
Đầu têu nào phải 'Vinh' hư hỏng,
Mở lối khơi nguồn, thực tại 'Ninh'."

Bốn câu này trong các bài giảng sau tôi sẽ còn nhiều lần bàn đến. Bây giờ chúng ta chỉ nói câu đầu tiên, tức là câu "Trời tình, bể tình là mộng ảo".

Bối cảnh của Tần Khả Khanh là trời và biển.

Khi Tào Tuyết Cần nói cô xuất thân từ đứa trẻ bị bỏ rơi, ông đặt cho dưỡng phụ của cô một cái tên là Tần Nghiệp.

Vậy cô là một đứa con do trời tình, biển tình huyễn hóa mà ra. Lai lịch của cô không hề tầm thường. Bức tranh vẽ một mỹ nhân treo cổ tự vẫn là ở trên một tòa lầu cao. Tòa lầu ấy tên gì? Bạn còn nhớ không? Trong 《Hồng Lâu Mộng》 có tiết lộ. Đó là lầu Thiên Hương. Lầu Thiên Hương nghĩa là gì? Có hai câu thơ:

"Quế tử trong trăng rụng,
Hương trời bay bổng ngoài tầng mây."

Bạn nghĩ xem, rất tôn quý. Nếu nói mặt trời có thể ví với hoàng đế, thì mặt trăng có thể ví với Đông cung, ví với Thái tử. Trong tưởng tượng của người Trung Quốc, trên mặt trăng có Hằng Nga, có một cây quế, có Ngô Cương, và còn có một con thỏ đang giã linh dược ở đó. Tóm lại, trong mặt trăng có cây quế: "Quế tử trong trăng rụng, / Hương trời bay bổng ngoài tầng mây."

Bạn nghĩ xem, "Tình thiên tình hải huyễn tình thân", đó là một xuất thân như thế nào? Treo cổ tự vẫn, về sau ta biết là treo cổ ở lầu Thiên Hương. Vậy lầu Thiên Hương tượng trưng cho gì? Chính là hai câu "Quế tử trong trăng rụng, / Hương trời bay bổng ngoài tầng mây". Có thể thấy xuất thân của Tần Khả Khanh không hề tầm thường, mà cao hơn phủ Giả. Hồi thứ bảy 《Hồng Lâu Mộng》 thường bị người ta xem nhẹ.

Vì chẳng phải chỉ viết chuyện Tiết di mẫu giao tiếp xã giao với họ hàng phủ Giả, thuần túy là vài chuyện sinh hoạt thường ngày thôi sao, không đáng kể gì. Thật ra không phải vậy. Bởi vì Tào Tuyết Cần trong bài thơ trước hồi vốn có của ông đã tiết lộ cho người đọc một thông tin: Tần Khả Khanh và Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân không giống nhau.

Vậy sự khác nhau ấy rốt cuộc biểu hiện ở phương diện nào? Tào Tuyết Cần viết như vậy muốn nói rõ điều gì?

Nếu những chứng cứ này vẫn chưa đủ thuyết phục bạn, thì chúng ta hãy cùng đọc lại hồi thứ bảy. Hồi thứ bảy bị rất nhiều độc giả xem nhẹ. Phần đầu hồi thứ bảy viết chuyện đưa hoa cung. Chuyện là thế nào? Tức là Tiết di mẫu và Vương phu nhân đang ngồi trò chuyện. Vợ Chu Thụy đến. Vợ Chu Thụy là một người hầu thân cận của Vương phu nhân. Bà ta rất được sai phái, rất đắc dụng. Khi đến trước mặt Tiết di mẫu, Tiết di mẫu chợt nhớ ra một việc. Nhà Tiết di mẫu làm gì? Là nhà chuyên mua sắm, cung ứng cho cung đình.

Vì vậy trong cung dùng thứ gì, thường trước hết phải qua tay nhà họ. Đồ hoàng đế hoặc các phi tần dùng có thể lượt đầu tiên đi qua nhà họ. Khi họ đưa vào cung, sẽ tự giữ lại một phần, hoặc tự dùng, hoặc đem tặng người khác.

Tiết di mẫu bảo nha đầu Hương Lăng lấy ra một chiếc hộp, trong đó có mười hai cành hoa cài đầu xếp bằng lụa, chế tác trong cung. Rồi Tiết di mẫu dặn: "Mười hai cành hoa này, chị Chu giúp tôi đưa đi." Bà nói mười hai cành hoa cung này, mỗi cô nương hai cành, cho Lâm Đại Ngọc hai cành. Như vậy đã là tám cành. Bốn cành còn lại thì đưa cho nha đầu Phượng đi. Ở hồi thứ bảy, viết chuyện đưa hoa cung này, trong một bản cổ có bài thơ trước hồi. Bài thơ trước hồi này gồm bốn câu, rất thú vị:

"Mười hai dung hoa sắc mới tinh,
Chẳng biết ai là người tiếc hoa.
Gặp nhau nếu hỏi tên là gì,
Nhà ở Giang Nam, vốn họ Tần."

Bạn thử nghiền ngẫm xem. Đây không phải lời phê của Chi Nghiễn Trai, mà là thơ trước hồi, là một phần của chính văn. Bởi vì 《Hồng Lâu Mộng》 là một bộ tiểu thuyết chưa kịp định cảo hoàn chỉnh, nên các bài thơ trước hồi của nó không đầy đủ.

Có hồi đã viết xong, có hồi còn thiếu. Nhưng hồi này có bài thơ trước hồi ấy. Đại ý của bài thơ trước hồi là: mười hai cành hoa cung là kiểu trang sức mới nhất trong cung, không biết ai mới thật là người biết tiếc hoa. Cuối cùng sẽ có một người và hoa cung hình thành một quan hệ gặp gỡ, một quan hệ tao ngộ. Vậy người ấy vốn họ gì? Người ấy họ gì? Người ấy "nhà ở Giang Nam, vốn họ Tần". Nói rất rõ ràng. Vậy chúng ta hãy xem mô tả liên quan ở hồi thứ bảy về việc đưa hoa cung. Khi ấy Đại Quan viên còn chưa xây.

Giả mẫu đem các cô nương này, cả Lý Hoàn nữa, tập trung cho ở những căn phòng phía sau đại viện của bà. Vợ Chu Thụy cầm hoa cung đi. Rồi bà gặp Nghênh Xuân và Thám Xuân. Hai chị em đang đánh cờ. Thấy hoa cung, họ rất khách khí nhận lấy, cảm ơn.

Cảm ơn xong, họ lại tiếp tục đánh cờ. Bạn nói xem họ có được tính là người tiếc hoa không? Có độc giả tranh luận với tôi: "Họ cũng tính là người tiếc hoa; họ đâu có từ chối, sao lại không tiếc hoa được?" Được, cứ coi họ cũng là người tiếc hoa. Nhưng giữa họ và hoa cung có quan hệ "tương phùng" không? Rõ ràng là không. Sau đó, vợ Chu Thụy cầm số hoa còn lại đến gặp Tích Xuân, lúc ấy đang chơi với tiểu ni cô Trí Năng.

Sư phụ của Trí Năng thật ra đến phủ Giả để lĩnh tiền tháng. Phủ Giả hằng tháng cấp bạc nguyệt lệ cho am ni cô của họ. Sư phụ đi lo việc, cô bé không có việc gì, lại đặc biệt hợp với Tích Xuân, nên hai người chơi cùng nhau.

Tích Xuân thấy hoa ấy thì tỏ ra rất không nghiêm túc. Đây là hoa dì của cô tặng, hơn nữa lại do Tiết Bảo Thoa nhờ người đưa tới. Thế nhưng Tích Xuân nói: "Tôi đương nói với Trí Năng, ngày mai sẽ cắt tóc theo cô ấy đi tu. Rõ khéo chưa? Giờ lại mang hoa đến! đã cắt tóc thì còn cài hoa vào đâu nữa?"

Cho nên Tích Xuân có thể nói là không yêu tiếc hoa ấy. Sau đó vợ Chu Thụy đến chỗ Vương Hy Phượng.

Có phải không? Tựa hồi này tôi nhớ là "Đưa hoa cung, Giả Liễn trêu Hy Phượng". Đời sống vợ chồng của Giả Liễn và Vương Hy Phượng được viết rất thú vị. Tất nhiên ông viết rất hàm súc. Còn hoa cung của Vương Hy Phượng, nếu nói hoàn toàn không yêu tiếc thì có vẻ cũng hơi quá. Nhưng bà cũng không phải đặc biệt quý hiếm nó. Vốn dĩ Tiết di mẫu dặn bà giữ lại bốn cành, nhưng bà chỉ giữ lại hai cành. Bà nói với vợ Chu Thụy: đem hai cành này đưa sang Đông phủ cho Tần Khả Khanh. Bà có thái độ như vậy.

Về sau, vợ Chu Thụy đem hai cành hoa đến chỗ Lâm Đại Ngọc. Tính tình Đại Ngọc hơi hẹp hòi, nàng liền hỏi: "Hoa này chỉ tặng riêng cho tôi, hay người khác cũng có?" Vợ Chu Thụy nói ai cũng có. Thấy chỉ còn hai cành, Đại Ngọc hỏi tiếp: "Nghĩa là người khác không chọn mới còn lại cho tôi à?" Vợ Chu Thụy nghe xong không dám nói gì, vì thân phận Đại Ngọc rất cao: nàng là cháu ngoại gái được Giả mẫu yêu thương nhất và giữ ở bên mình.

Cô cùng Giả Bảo Ngọc, cùng Giả mẫu ở trong một không gian lớn thuộc viện của Giả mẫu. Cô ở nơi đó. Tính qua tính lại như vậy, hoa cung này ai mới là người tiếc hoa?

Rõ ràng, những phụ nữ kể trước đó, dù miễn cưỡng tính là tiếc hoa, cũng đều không phải quá yêu quý nó. Đặc biệt là câu "gặp nhau nếu hỏi tên là gì". Ở đây có người họ Lâm, có người họ Giả, có người họ Vương. Nhưng tác giả trong bài thơ trước hồi đã nói rất rõ: người tiếc hoa không mang họ khác, mà họ Tần. Người họ Tần là ai? Hai cành hoa cung này cuối cùng được đưa đến tay Tần Khả Khanh. Chính là Tần Khả Khanh. Cô và hoa cung có quan hệ gì? Là một quan hệ tương phùng.

Điều đó cho thấy người này vốn thuộc gia tộc thường dùng loại đồ này. Còn hiện nay, cô và hoa cung trong cung ấy vui mừng gặp lại nhau. Đó là một quan hệ như vậy. Cho nên, tình tiết như thế cũng đang ám chỉ xuất thân thật của Tần Khả Khanh cao hơn phủ Giả.

Trên người Tần Khả Khanh đầy những màu sắc thần bí. Trước khi lâm chung, cô lại báo mộng cho tổng quản phủ Vinh Quốc là Vương Hy Phượng. Cái gọi là báo mộng, theo cách lý giải về mộng trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, là chỉ linh hồn của thân hữu xuất hiện trong mộng của người sống, đem những việc còn chưa yên tâm gửi gắm lại. Tất nhiên đây là một mê tín. Nhưng ở giữa đời Thanh hơn hai trăm năm trước, Tào Tuyết Cần dùng hình thức báo mộng để viết người, kể chuyện cũng là chuyện bình thường.

Vậy Tần Khả Khanh, với thân phận cháu dâu, đã nói gì với Vương Hy Phượng khiến người ta cảm thấy mây mù nghi vấn chồng chất? Tào Tuyết Cần dùng bút pháp gần như hoang đường không thể tin để viết như vậy, rốt cuộc muốn ám chỉ điều gì?

Tần Khả Khanh đột nhiên mắc bệnh. Chính nàng nói: "Trị được bệnh, không trị được mệnh." Đến hồi thứ mười ba, nàng qua đời. Trước khi chết, Tần Khả Khanh báo mộng cho Vương Hy Phượng; giấc mộng này rất đáng nghiên cứu kỹ vì nội dung vô cùng phong phú. Trước hết là những lời chỉ dẫn về đại cục, được nói từ vị thế của người nhìn xuống toàn cảnh.

Cô đâu giống một đứa trẻ hoang được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, đâu giống con gái của một tiểu quan nghèo túng, chưa thấy việc lớn, được nuôi lớn trong nhà một quan lại nhỏ. Cô từ trên cao chỉ đạo Vương Hy Phượng, trước hết là chỉ đạo về mặt lý luận.

Nàng nói: "Tục ngữ có câu: trăng tròn rồi lại khuyết, nước đầy rồi lại tràn; trèo cao tất ngã nặng. Nay nhà ta uy thế lẫy lừng đã gần trăm năm. Một ngày nào đó, nếu niềm vui đến cực điểm mà sinh buồn, lại ứng vào câu 'cây đổ bầy khỉ tan' trong dân gian, chẳng phải uổng công mang tiếng là dòng dõi thi thư lễ nghĩa một đời hay sao?"

Sau lời cảnh báo về đại cục, nàng bảo Vương Hy Phượng phải làm gì khi phủ Giả gặp biến cố, rồi đưa ra phương án thực tiễn cụ thể.

Cô đã nghĩ sẵn cả cho họ.

Cô gửi gắm với Vương Hy Phượng. Vai vế của cô thấp hơn Vương Hy Phượng, nhưng khẩu khí rất lớn. Đại ý phương án cô đưa ra là: hiện nay các người còn chưa suy sụp, hãy mau chóng mua thêm ruộng đất quanh mộ tổ, để con cháu trong họ thay phiên quản lý địa tô. Địa tô dùng làm gì? Một là lập từ đường của tông tộc tại đó, như vậy hương hỏa có thể đời đời không dứt. Hai là lập gia thục ở đó, để về sau, bất luận thế nào, con em còn lại trong nhà vẫn có thể thông qua học hành khoa cử mà mưu cầu phát triển.

Cô đưa ra phương án thực tiễn cụ thể như vậy; nếu không phải một phụ nữ có kinh nghiệm chính trị phong phú, sinh ra trong một gia tộc vô cùng cao quý, thì không thể nghĩ đến những điều ấy.

Nếu cô chỉ là đứa trẻ hoang được bế từ Dưỡng Sinh Đường, nếu chỉ lớn lên từ nhỏ trong nhà Tần Nghiệp, làm sao cô có được kinh nghiệm xã hội, chính trị như vậy? Cô không thể có. Điều đó chứng tỏ Tần Khả Khanh có xuất thân cao hơn phủ Giả. Cô không chỉ đưa ra lý luận, đưa ra phương án thực tiễn, mà còn có thể dự báo họa phúc. Bạn nói xem cô lợi hại hay không? Điều này thật sự rất phù hợp với thân phận em gái của Cảnh Huyễn tiên cô.

Cô biết sau khi mình chết, nhà họ Giả sẽ xảy ra những chuyện gì. Trước hết cô dự báo một chuyện tốt. Cô nói trước mắt chẳng mấy ngày nữa lại có một việc vui cực lớn, đúng là cảnh thịnh vượng như lửa nấu dầu, hoa tươi phủ gấm. Chỉ điều gì? Đến hồi mười sáu chúng ta biết: đó là Giả Nguyên Xuân được tấn phong làm Hoàng phi. Sau đó mới có câu chuyện Hoàng phi về thăm nhà. Cô dự báo địa vị của Giả Nguyên Xuân sẽ

được nâng cao. Nhưng cô cũng rất thẳng thắn dự báo tai họa của nhà họ Giả với Vương Hy Phượng. Cuối cùng cô đọc hai câu.

Cô nói cô phải nhớ kỹ, hai câu này làm người ta kinh hãi. Hai câu ấy là:

"Ba xuân khi đã qua rồi.
Hoa tàn, thơm hết, mọi người chia tay!"

Đại ý của cô là: sau khi ba mùa xuân trôi qua, tất cả những sự vật đẹp đẽ trong phủ, đặc biệt là các nữ nhân này, đều sẽ rơi vào kết cục bi thảm. Người phủ Giả sẽ nhà tan người tán, mỗi người một ngả. Ai nấy tự tìm đường sống. Đây là một lời tiên đoán kinh tâm động phách: sau ba mùa xuân, cảnh phồn hoa sẽ chấm dứt và mọi người phải chia lìa.

Nếu xuất thân của Tần Khả Khanh rất hàn vi, cô không thể nói ra những lời ấy. Chỉ có thể giải thích rằng cô là người xuất thân cao hơn phủ Giả. Chỉ có thể giải thích như vậy.

Tần Khả Khanh quả thật là một nhân vật thần bí. Ngay cả sau khi cô chết, trong tang lễ của cô cũng có tầng tầng bí ẩn, khắp nơi đầy huyền cơ. Tần Khả Khanh chỉ là một cháu dâu đời chắt của phủ Giả. Cái chết của cô làm kinh động rất nhiều người. Điều càng khó tin hơn là lại có một người có thân phận rất đặc biệt huy động rầm rộ vì tang lễ của cô. Vậy người đó là ai? Vì sao ông ta phô trương rất lớn, nhất cử nhất động không hề kiêng dè? Đằng sau chuyện này rốt cuộc ẩn giấu bí mật gì?

Sau khi Tần Khả Khanh chết, trong tang lễ ấy cũng có vài chi tiết có thể chứng thực phán đoán của tôi. Chẳng hạn quan tài cô dùng. Cô dùng quan tài gì? Dùng gỗ còn cất trong nhà Tiết Bàn. Loại gỗ này lúc ấy chưa được làm thành quan tài. Đó là một loại gỗ tường mộc sản xuất ở núi Thiết Võng thuộc Hoàng Hải. Loại gỗ này ban đầu ai đặt? Là Nghĩa Trung thân vương lão Thiên Tuế đặt. Nghĩa Trung thân vương là một tước hiệu rất cao. Tất nhiên cấp bậc đã rất cao. Mà ông ta lại là lão Thiên Tuế. Thiên tuế nghĩa là gì?

Dưới vạn tuế chỉ có thiên tuế. Nói cách khác, sau khi vạn tuế không còn, người sẽ được nâng lên thành vạn tuế mới gọi là thiên tuế. Có phải vậy không? Đó là nhân vật như vậy. Nhưng với nhân vật này, ngôn ngữ Tào Tuyết Cần dùng cực kỳ tinh chuẩn.

Ông gọi là "hỏng việc". Vì sao người này về sau không lấy gỗ ấy để làm quan tài? Vì về sau người này "hỏng việc". Hàm nghĩa của "hỏng việc" vừa hàm hồ vừa rõ ràng. Hàm hồ ở đâu? Nếu bạn không hiểu chính trị đời Thanh, sẽ thấy mơ mơ hồ hồ. Có phải ông ấy chết rồi không? Không phải. Vì sao lại rất chính xác? Nếu ông ấy chết, nói ông ấy chết chẳng xong rồi sao? Nhưng nó truyền đi một thông tin rất chính xác. Ông không nói người này chết. Quan hệ của ông ta với gỗ quan tài nếu chết thì không dùng nữa.

Chết rồi chẳng phải càng nên dùng sao? Ông ta là "hỏng việc", nên không dùng được nữa. Tóm lại, thứ gỗ tường mộc này chỉ nhân vật như vậy mới được dùng.

Vì thế khi Tiết Bàn nói nhà mình còn cất một thứ như thế, Giả Trân lập tức muốn dùng; Giả Chính còn khuyên một câu. Giả Chính về chính trị tương đối tỉnh táo, cảm thấy thứ này không thể tùy tiện dùng. Đó không phải thứ người thường có thể hưởng. Nhưng Giả Trân cố chấp làm theo ý mình. Rất nhanh gỗ tường mộc ấy được đưa tới, rồi bắt đầu xẻ ra, vội vàng làm thành quan tài.

Sau khi Tần Khả Khanh chết, cô đường đường chính chính, thậm chí có thể nói là danh chính ngôn thuận nằm vào chiếc quan tài vốn để dành cho Nghĩa Trung thân vương lão Thiên Tuế, làm từ thứ gỗ tường mộc quý giá ấy. Bạn nói xem Tần Khả Khanh nên có xuất thân như thế nào? Tôi đã nêu nhiều ví dụ đến đây. Nếu vẫn chưa thể thuyết phục bạn, thì tôi nghĩ tôi cũng không nản lòng.

Chúng ta còn có thể tiếp tục bàn. Chúng ta bàn tiếp. Chẳng hạn trong tang lễ của cô còn có một số chi tiết. Cô là một cháu dâu đời chắt của phủ Ninh Quốc, một người như vậy chết đi, có đến mức kinh động hoàng đế, kinh động hoàng cung không? Trong sách lại viết rất lạ. Bỗng nhiên có Đới Quyền, thái giám tổng quản Đại Minh cung, mọi người biết Tào Tuyết Cần đặt tên cho nhân vật tưởng như tùy ý, tiện tay, nhưng lại thường thông qua đồng âm hoặc cách tách chữ để gửi gắm ngụ ý.

Rất nhiều nhà Hồng học chỉ ra rằng Đới Quyền đồng âm với "đại quyền", tức là tổng quản thái giám trong cung, đại thái giám, thái giám có quyền lực lớn nhất, thái giám nắm quyền ở Đại Minh cung. Trước đó ông ta vốn đã bày tỏ lễ nghi đối với cái chết của Tần Khả Khanh.

Nhưng hôm ấy ông ta còn ngồi kiệu lớn, che lọng, gõ chiêng, đích thân đến làm lễ. Ông ta không sai tiểu thái giám đến. Nếu không có hoàng đế phê chuẩn, ông ta có thể đến sao? Nếu nói đại thái giám này to gan làm bậy, hoàng đế không cho phép mà cũng đến, thì ông ta cũng không thể ngồi kiệu lớn, che lọng, gõ chiêng. Che lọng còn tạm được, có thể ông ta yếu ớt, sợ nắng. Nhưng gõ chiêng làm gì? Chẳng phải sợ người khác không biết sao? Có phải không, suốt đường gõ chiêng mà đến. Khí phái gì đây?

Nếu không phải vì xuất thân của Tần Khả Khanh đặc biệt cao quý, thì không thể xuất hiện hiện tượng kỳ lạ này. Nói đến đây, xuất thân thật của Tần Khả Khanh, cũng tức nguyên mẫu đời sống của nhân vật này, đã như sắp hiện ra trước mắt. Có phải không?

Mắt thấy sắp chân tướng lộ ra. Nhưng xin bạn giữ thêm chút kiên nhẫn. Sự việc cũng không đơn giản như vậy trong bài giảng sau, tôi sẽ tiếp tục nói với bạn xuất thân thật của Tần Khả Khanh là gì, nguyên mẫu đời sống của cô rốt cuộc là ai. Bài này đến đây thôi. Hẹn gặp lại ở bài sau.

# Tập 7

Bí ẩn vụ cảnh báo đêm trong trướng điện

*Một bộ kỳ thư hiếm có trong đời; những điều bí ẩn nối tiếp không cùng. Giữa lớp sử xanh rối rắm, phức tạp, ta lần về cội nguồn, truy nguyên gốc rễ. Xuyên qua từng hàng chữ của 《Hồng Lâu Mộng》, rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình chuyên đề quy mô lớn: 《Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng》.*

Ở cuối buổi trước, tôi đã rút ra một kết luận như thế này. Đó là xuất thân của Tần Khả Khanh không những chưa chắc thấp hèn, thậm chí còn cao hơn cả phủ Giả. Cao hơn phủ Giả, bạn thử nghĩ xem, phủ Giả đã là quý tộc cấp quốc công rồi. Cao hơn phủ Giả, thì có nghĩa nàng có thể là thành viên hoàng tộc. Vì vậy, chúng ta nên đi vào hoàng tộc ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, để lần tìm tung tích của nàng, xem có nguyên mẫu đời thực nào cho nhân vật Tần Khả Khanh hay không.

*Bây giờ, chúng ta hãy điểm lại thật ngắn gọn trong bốn kỳ chương trình trước, lập luận của Lưu Tâm Vũ về nguyên mẫu Tần Khả Khanh. Trong "Bí ẩn hôn phối ở phủ Giả", Lưu Tâm Vũ giới thiệu rằng hai phủ Ninh, Vinh của họ Giả trong việc cưới gả tuyệt đối sẽ không qua loa, cùng biểu hiện và nguyên nhân của điều đó. Trong "Bí ẩn Tần Khả Khanh được nuôi dưỡng", thông qua phân tích hồi thứ tám của 《Hồng Lâu Mộng》, ông chỉ ra rằng cách Tào Tuyết Cần nói về xuất thân Tần Khả Khanh rất kỳ lạ, nghi vấn chồng chất.*

*Còn trong "Bí ẩn đời sống của Tần Khả Khanh", Lưu Tâm Vũ tiếp tục thông qua phân tích thái độ của vài nhân vật tiêu biểu trong phủ Giả đối với Tần Khả Khanh, chỉ ra rằng Tần Khả Khanh sống ở phủ Giả như cá gặp nước, không hề có bất kỳ tâm lý tự ti nào.*

*Trong "Bí ẩn xuất thân của Tần Khả Khanh", Lưu Tâm Vũ lại thông qua việc phân tích cách bài trí phòng ngủ của Tần Khả Khanh, việc nàng báo mộng cho Vương Hy Phượng, cùng tang lễ rình rang, long trọng, để chứng minh thêm rằng xuất thân thật sự của Tần Khả Khanh quả thật cực kỳ cao quý, đến từ trong cung. Theo từng bước phân tích ở trên, nguyên mẫu của Tần Khả Khanh dường như đã sắp lộ diện. Nhưng khoan đã. Trên thực tế, hành trình giải mã của Lưu Tâm Vũ mới chỉ bắt đầu.*

*Vì tuy chúng ta đã suy đoán được rằng Tần Khả Khanh đến từ trong cung, nhưng trong hoàng tộc rộng lớn ba triều Khang, Ung, Càn, rốt cuộc ai mới là nguyên mẫu của Tần Khả Khanh, không thể chỉ vài ba câu là kết luận được. Trong đó còn rất nhiều bí ẩn đang chờ chúng ta tháo gỡ.*

*Theo sử liệu ghi chép, ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long có con cháu hoàng tộc rất đông đảo, rất hưng thịnh. Vì vậy, muốn tìm nguyên mẫu Tần Khả Khanh trong số đông hoàng tộc ấy quả thật vô cùng khó. Vậy rốt cuộc Lưu Tâm Vũ sẽ bắt đầu từ đâu để vén bức màn bí ẩn này?*

Ba triều ấy kéo dài trong một thời gian rất lâu, thành viên hoàng tộc cũng rất đông. Đặc biệt như Khang Hy, khả năng sinh con của ông rất mạnh. Cả đời ông sinh ba mươi lăm hoàng tử, hai mươi công chúa. Chỉ riêng con cái của ông đã nhiều đến thế. Khả năng sinh con của Ung Chính cũng khá mạnh. Còn Càn Long, chỉ ít hơn Khang Hy một chút về số con sinh ra mà thôi. Cũng rất nhiều. Vì vậy việc tìm kiếm của chúng ta, nói thật, nếu cứ đem từng người ra nói, thì quá tốn thời gian, mà cách làm cũng rất ngốc. Vậy chúng ta làm thế nào?

Thế là tôi chợt nghĩ, ta có thể bắt đầu từ một sự kiện lịch sử nổi tiếng năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, nói từ đó, lần theo xem có manh mối gì không. Nhà Thanh giành thiên hạ trên lưng ngựa.

Tức là quân Bát kỳ cưỡi ngựa, cầm binh khí, mang cung tên, đánh vào Sơn Hải Quan, làm chủ Trung Nguyên, thống nhất Trung Quốc. Vì vậy, mấy vị hoàng đế đầu triều Thanh đều đặc biệt coi trọng việc giữ gìn truyền thống ấy. Đã giành được thiên hạ trên lưng ngựa thì cũng nên trị thiên hạ trên lưng ngựa. Tất nhiên, sau khi thống nhất Trung Quốc, về cơ bản bình định xong, trọng điểm phải là văn trị. Nhưng võ trị, võ bị cũng không thể lơi lỏng.

Đặc biệt vào triều Khang Hy, hoàng đế Khang Hy rất coi trọng việc duy trì sức mạnh quân sự của Mãn Châu Bát kỳ. Ông cho rằng truyền thống cưỡi ngựa bắn cung của người Mãn không thể để mất. Ông đích thân làm gương, hằng năm đều dẫn hoàng tử, vương công đại thần và đội ngũ lớn đi săn.

Thông qua săn bắn để tiến hành huấn luyện quân sự. Bởi một cuộc vây săn chẳng khác gì một chiến dịch quân sự. Trong quá trình ấy, đặc biệt có thể rèn luyện khả năng cưỡi ngựa bắn cung của từng người. Khi đó, trọng điểm hằng năm là vào mùa thu. Vì vậy có một cách gọi là Mộc Lan thu tiển. Mộc Lan là một địa danh, là một bãi săn, gọi là Mộc Lan vi trường. Nơi ấy để cây cỏ sinh trưởng tự nhiên, bên trong có rất nhiều thú hoang tự do hoạt động. Mỗi mùa thu, hoàng đế sẽ dẫn một đội ngũ lớn tới đó vây săn.

Địa điểm ấy đại khái nằm trong địa phận tỉnh Liêu Ninh ngày nay. Vào thời xưa, không thể đi tới chỉ trong một ngày. Dĩ nhiên trên đường phải liên tục đóng trại. Đóng trại thì phải ở lều. Tới Mộc Lan vi trường cũng ở lều.

Lều của hoàng đế được gọi là trướng điện. Nó cũng rất tôn quý. Theo sử liệu ghi chép, khi ấy đi săn, lúc đông nhất thường lên tới mười lăm, mười sáu nghìn người. Một đội ngũ vô cùng hùng hậu. Khi trú lại, đó là một đại doanh trại rất lớn. Lều của hoàng đế ở chính giữa, chắc là màu vàng, làm bằng vải bạt có màu sắc đặc biệt dành riêng cho hoàng đế, tạo thành một chiếc lều lớn. Nằm ngay chính giữa. Bên ngoài là những lều của người bảo vệ ông. Khu doanh trại nơi hoàng đế và những tùy tùng thân cận nhất của ông ở được gọi là hoàng thành.

Rồi xung quanh vây lấy ông, mục đích không phải gây bất lợi cho ông, mà là để bảo vệ ông. Nhưng về hình thức thì tạo thành một vòng tròn, gọi là võng thành. Sau đó hình thành một doanh trại bên trong, gọi là nội thành.

Ngoài doanh trại bên trong còn có lớp ngoài. Lớp ngoài thì lều trại càng nhiều hơn. Toàn bộ doanh trại có hình thức trong tròn ngoài vuông, vô cùng tráng quan. Trên đường họ có thể đóng trại vài lần, đến nơi thì lại càng an doanh hạ trại kỹ hơn. Có thể doanh trại sẽ càng hùng vĩ hơn, cơ sở cũng càng chu toàn hơn. Trong tình hình như vậy, Khang Hy cứ liên tục đi săn. Đến năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, bạn nghĩ xem, năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy nghĩa là ông đã lên ngôi bốn mươi bảy năm rồi, đúng không?

Khang Hy đại khái lên ngôi lúc bảy, tám, tám chín tuổi, vẫn là thiếu niên thiên tử. Vậy bạn nghĩ xem, đến năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, ông đã hơn năm mươi tuổi. Nhưng con người Khang Hy thân thể rất khỏe. Khả năng săn bắn của ông cũng đặc biệt mạnh.

Võ công của ông rất giỏi. Năm ấy, ông lại dẫn Thái tử, các hoàng tử, cùng những người theo hầu khác đi Mộc Lan thu tiển. Dĩ nhiên ông ở trong chiếc lều chính giữa, tức là ở trong trướng điện. Nhưng không ngờ lại xảy ra sự kiện dạ cảnh. "Dạ" là đêm, ban đêm, đêm khuya. "Cảnh" là một tình huống nguy hiểm. Một tình thế hiểm nghèo xuất hiện. Chuyện là thế nào? Đó là Khang Hy phát hiện vào ban đêm có người ở bên ngoài lều lén lút nhòm ngó hành động của ông. Bạn nghĩ xem, chuyện ấy còn được sao?

Sự kiện trướng điện dạ cảnh xảy ra năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy không chỉ khiến Khang Hy vô cùng tức giận, mà còn trực tiếp ảnh hưởng tới biến động chính cục triều Khang Hy. Rốt cuộc ai to gan đến mức dám rình xem hành động của hoàng đế Khang Hy?

Người ấy có quan hệ gì với nguyên mẫu Tần Khả Khanh?

Bây giờ cần nói một chút vì sao sự kiện trướng điện dạ cảnh ấy về sau trở thành đại sự chấn động triều dã, và còn dẫn tới rung chuyển chính đàn triều Thanh. Chuyện này lại phải quay về nói từ đầu. Khi Khang Hy đăng cơ, ông chỉ là một thiếu niên thiên tử. Lúc ấy, ông chủ yếu dựa vào bà nội của mình, Hiếu Trang Thái hoàng thái hậu, để được chỉ dẫn về mặt chính trị. Bà chỉ cho ông nên trị chính như thế nào.

Trong quá trình đó, đến năm Khang Hy thứ mười bốn, khi ấy ông đã sớm đại hôn, sinh con, và cũng đã có kinh nghiệm nhất định làm người thống trị, làm hoàng đế. Vậy dưới sự chỉ dẫn của Hiếu Trang Thái hoàng thái hậu, ông đưa ra một quyết sách rất trọng đại: chọn một người trong số các con trai để lập làm Thái tử.

Công khai tuyên bố với triều đình và dân gian rằng ngôi hoàng đế triều Thanh đã có người kế vị chính thức. Người kế vị ấy chính là Thái tử. Trước Khang Hy, mấy vị hoàng đế của nhà Thanh có tình hình như thế này. Nỗ Nhĩ Cáp Xích và Hoàng Thái Cực tuy đã xưng đế, nhưng khi ấy họ vẫn chưa hoàn toàn đánh vào trong

quan nội, chưa trở thành hoàng đế của một Trung Quốc thống nhất. Người thật sự trở thành hoàng đế của Trung Quốc thống nhất, sau khi đưa đại quân vào quan nội, chính là hoàng đế Thuận Trị mà mọi người rất quen thuộc.

Trong tình hình lúc bấy giờ, Hiếu Trang Thái hoàng thái hậu có một suy xét. Đây là một phụ nữ rất sáng suốt, một chính trị gia lớn. Bà có một suy xét. Vì bà nghĩ rằng, nhìn từ tình hình mấy đời đầu hoàng đế nhà Thanh, Hoàng Thái Cực, hoàng hậu của ông không sinh được con trai, tức là không có đích tử. Đến triều Thuận Trị, hoàng hậu cũng không sinh con trai. Bản thân Khang Hy cũng không phải do hoàng hậu sinh. Ông cũng là con thứ xuất, không phải đích xuất.

Khi ấy, sau khi người Mãn vào quan nội, họ càng tiếp nhận sâu hơn ảnh hưởng tư tưởng tông pháp của người Hán. Tức là họ cho rằng đích xuất và thứ xuất có khác biệt rất lớn. Đến thời Khang Hy, liền xuất hiện một tình huống: hoàng hậu của Khang Hy bắt đầu sinh con.

Chính cung hoàng hậu của Khang Hy, Hách Xá Lý thị, thai đầu sinh một bé trai. Tuy đứa bé sinh ra không lâu thì yểu mệnh, nhưng bà lại mang thai lần thứ hai. Thai thứ hai lại là bé trai, và đã được sinh ra. Sau khi sinh ra, đứa trẻ được nuôi lớn.

Như vậy, chuyện ấy trở thành một đại sự của tầng lớp thống trị nhà Thanh. Dưới sự chỉ dẫn của Hiếu Trang Thái hoàng thái hậu, Khang Hy quyết định lập đứa con do hoàng hậu sinh ra làm Thái tử. Tuy là con thứ hai, nhưng vì con cả đã yểu mệnh, nên cũng tương đương là con cả. Vậy khi hoàng thái tử được lập làm Thái tử, cậu bao nhiêu tuổi? Chưa đầy hai tuổi. Mới một tuổi rưỡi. Nhưng khi ấy hoàng đế Khang Hy cáo thị thiên hạ, tổ chức nghi thức rất long trọng, để tuyên bố việc này.

Bởi trong nghi thức ấy, một đứa trẻ hơn một tuổi, chưa tới hai tuổi căn bản không thể hoàn thành các mục nghi lễ; phải do vú nuôi bế cậu để làm xong từng khâu đại lễ. Đây là một đại sự của triều Thanh. Sau khi Thái tử được lập, Khang Hy coi trọng cậu đến mức không gì sánh được.

Khang Hy là người yêu con, một người cha từ ái. Nói đơn giản, tất cả hoàng tử của ông, ông đều yêu. Tất cả con gái của ông, ông cũng đều yêu. Ông là người có tình phụ tử bao la. Có rất nhiều ví dụ có thể chứng minh điều này. Đối với Thái tử thì dĩ nhiên lại càng yêu hơn. Yêu đến mức nào? Yêu đến mức đãi ngộ của Thái tử không những giống ông, ví dụ hoàng đế phải dùng màu vàng, dùng một loại màu vàng đặc biệt, thì ông cho trang phục của Thái tử, cùng những thứ Thái tử dùng, như kiệu chẳng hạn, đều có màu giống như ông.

Về sau ông xây cho Thái tử một cung điện rất đẹp, đó là Dục Khánh cung. Theo ghi chép sử liệu triều Thanh, trong Dục Khánh cung của Thái tử, những đồ cổ bày biện, những đồ trang trí xa hoa ấy, còn vượt quá cả của chính ông.

Về sau, có một việc ông rất hối hận. Rất buồn cười. Ông thấy Thái tử lớn lên đáng yêu như thế, lại là người sẽ kế thừa ngôi vị của ông về sau, là người nối nghiệp của ông. Ông nghĩ Thái tử cần dùng thứ gì, thì nên hỏi Nội vụ phủ mà lấy. Đó là cơ quan chuyên cung ứng các loại vật dụng cho hoàng gia. Ông nói, vậy thì cứ để chồng của vú nuôi Thái tử, để "nhũ phụ" của Thái tử làm tổng quản Nội vụ phủ cho rồi. Vì sao? Vì Thái tử muốn thứ gì sẽ tiện hơn. Chỉ cần làm nũng nói với vú nuôi một tiếng, một lát sau món đồ ấy đã được đem tới.

Đỡ phải tầng tầng lớp lớp bẩm báo. Về sau Khang Hy dĩ nhiên rất hối hận, nhưng ban đầu ông đã làm như vậy. Về mặt sinh hoạt, ông chăm lo cho Dận Nhưng tới mức không thiếu sót điều gì.

Còn ở các phương diện khác, ông bồi dưỡng cậu. Một là bồi dưỡng về văn. Trước hết cho cậu học Mãn văn, Mông văn và Hán văn. Thái tử cũng rất biết cố gắng. Cuối cùng Mãn văn, Mông văn, Hán văn đều đặc biệt giỏi. Vừa rồi ngay từ đầu tôi đã nói, Khang Hy đặc biệt coi trọng việc giữ gìn năng lực cưỡi ngựa bắn cung của người Mãn. Vì vậy việc bồi dưỡng Dận Nhưng cũng không ngoại lệ. Từ nhỏ đã để cậu đi săn. Những ví dụ tôi nêu bây giờ không phải lấy từ dã sử, mà đều là ghi chép trong chính sử.

Dĩ nhiên các ghi chép chính sử ấy đôi khi cũng không thể tin hoàn toàn. Bởi lịch sử là do người chiến thắng viết ra, đúng không? Hồ sơ cũng do người chiến thắng nắm giữ.

Vì vậy những người ấy khi viết lịch sử và chỉnh lý hồ sơ, cũng có thể đưa vào một số yếu tố chủ quan. Nhưng về cơ bản vẫn đáng tin, vì cơ bản là thuật lại theo sự thật. Theo ghi chép, Khang Hy dẫn Dận Nhưng đi săn, khi ấy Dận Nhưng mới năm tuổi. Năm tuổi mà đi Mộc Lan vi trường thì dĩ nhiên quá xa, có lẽ không đi được. Vậy săn ở đâu? Đi tới Hải Tử ở Nam Uyển cũng còn thấy khá xa, nên săn ngay ở Cảnh Sơn. Tức là Cảnh Sơn phía sau Tử Cấm Thành. Trong Cảnh Sơn khi ấy không giống bây giờ, bên trong vốn có khá nhiều nơi hoang.

Vì vậy cũng có một số loài vật hoang dã được thả nuôi. Theo sử sách ghi chép, Thái tử năm tuổi theo hoàng phụ đi săn, bắn liền năm mũi tên, trúng năm con thú. Một con hươu, bốn con thỏ.

Bên dưới có người cười, nói chuyện này có thể sao? Có phải lúc đi săn, người dưới đã bắt con vật đưa tới trước mắt cậu để cậu bắn hay không? Nói thật, một đứa trẻ năm tuổi, cho dù bạn bắt con vật đưa tới trước mắt để nó bắn, cũng không phải đứa trẻ năm tuổi nào cũng bắn trúng, đúng không? Cậu ấy bắn năm mũi không hề trượt, bắn trúng một con hươu, bốn con thỏ. Cậu ấy cứ như vậy, dưới sự bồi dưỡng tỉ mỉ của hoàng phụ, có thể nói là lớn lên khỏe mạnh. Thái tử Dận Nhưng dần dần trưởng thành dưới sự bồi dưỡng tỉ mỉ của phụ hoàng Khang Hy.

Một câu chuyện cha hiền con thảo, vui hưởng tình thân, diễn ra trong hoàng cung tường đỏ ngói vàng. Và việc Thái tử cuối cùng kế vị cha, đăng cơ ngôi báu dường như cũng chỉ còn là chuyện sớm muộn.

Thế nhưng, sự việc hoàn toàn không đơn giản như chúng ta tưởng. Theo thời gian trôi qua, giữa cha con Khang Hy bắt đầu xuất hiện vết rạn. Vậy, một bên là phụ hoàng từ ái vô biên, anh minh cả đời, một bên là Thái tử khí phách hăng hái, văn võ toàn tài, vì sao giữa hai người lại xuất hiện mâu thuẫn?

Mâu thuẫn ấy và nguyên mẫu Tần Khả Khanh lại có liên hệ như thế nào? Mâu thuẫn này thật ra rất dễ giải thích, từ nhân tính là có thể giải thích được. Bạn thử nghĩ, một Thái tử lúc mười hai tuổi, cậu ta nghĩ sau này mình sẽ làm hoàng đế, thì rất vui. Đến hai mươi hai tuổi, cậu ta nghĩ mình đã có thể làm hoàng đế rồi, nhưng cha mình vẫn rất khỏe, thì mình cứ hầu hạ, cứ chờ thôi. Đến ba mươi hai tuổi rồi, cha mình vẫn còn rất khỏe, thì ngày nào mình mới được làm hoàng đế đây? Có phải không?

Từ góc độ nhân tính mà nói, trong lòng hoàng trữ bắt đầu nảy sinh tâm trạng ấy. Thế là liên tiếp xảy ra rất nhiều chuyện. Ban đầu những chuyện ấy không liên quan trực tiếp đến bản thân Khang Hy. Ví dụ tính khí của hoàng thái tử trở nên vô cùng nóng nảy.

Thầy của cậu đều là các đại nho, những bậc học vấn uyên bác và tuổi tác đã cao. Khi dạy cậu, họ chừng bốn, năm mươi tuổi; đến lúc cậu lớn lên, họ đã bảy, tám mươi. Thế nhưng Dận Nhưng thường mắng nhiếc họ. Hễ tức giận, cậu bất kể tuổi tác, học vấn mà nhục mạ thầy; lại còn đánh đòn cả những đại thần nắm quyền lớn trong triều. Dĩ nhiên sẽ có người báo việc đó tới Khang Hy. Hoàng đế nghĩ: "Chuyện này là sao? Sao lại nhục mạ thầy?"

Khang Hy vẫn đối đãi tử tế với họ; có lúc nổi giận thì cũng chỉ phê bình vài câu, cũng rất ít khi nói rằng phải cởi quần ra cho người đánh vào mông, nhục mạ công khai hoặc là dùng roi trách phạt các đại thần ấy. Thái tử đã từng làm như vậy. Hễ nổi giận, cậu ta liền làm thế.

Người bên dưới dĩ nhiên là ông chỉ huy thế nào thì họ làm thế ấy. Vì ông chính là hoàng đế tương lai, còn gì để nói nữa, đúng không? Mệnh lệnh của ông thì phải nghe. Khang Hy bắt đầu không vui. Dận Nhưng sao có thể làm như vậy? Nhưng Khang Hy vẫn nhẫn nhịn. Vẫn nhịn xuống. Bởi đó là con trai của mình, hơn nữa sau này cậu quả thật cũng sẽ làm hoàng đế. Làm hoàng đế thì có chút uy phong, cũng có thể hiểu được. Nhưng về sau, dần dần sự bất mãn của ông đối với Thái tử không còn chỉ nằm ở những việc ấy nữa.

Có một lần, khi Khang Hy xuất chinh, ông thấy không khỏe, thân thể mắc bệnh.

Dĩ nhiên không chỉ Thái tử, các hoàng tử khác, khi ấy con trai Khang Hy ngày càng nhiều, đều phải tới thăm hỏi. Kết quả người ta phát hiện, trước việc Khang Hy bị bệnh, Thái tử chẳng những không hề tỏ ra lo lắng, đau buồn hay sốt ruột, trái lại trên mặt còn có vẻ vui mừng. Từ góc độ nhân tính, bạn hiểu được không? Dĩ nhiên chuyện này khá phức tạp. Nếu nghiêm túc chỉnh lý lịch sử nhà Thanh, bạn sẽ phát hiện ghi chép ấy có mặt không chân thực. Vì mọi người đều biết, về sau Khang Hy không truyền chính quyền cho Dận Nhưng.

Điều này rất rõ ràng. Hoàng đế về sau là Ung Chính. Đúng không? Là một người em của Dận Nhưng, Tứ a ca. Sau khi Tứ a ca nắm quyền, ông sẽ chỉnh lý, sửa đổi các loại hồ sơ.

Nếu nghiên cứu kỹ tư liệu Triều Tiên, chúng ta sẽ thấy 《Lý triều thực lục》 ghi chép khác đi. Lần ấy Thái tử có tới và không biểu hiện điều gì đặc biệt tệ với Khang Hy; chính những người đi theo Thái tử mới không kìm được vẻ vui mừng. Họ nói: "Ông cụ xem ra sắp xong rồi." Chi tiết ấy vẫn rất đáng sợ.

Vị thiên tuế mà chúng ta đi theo sắp lên thành vạn tuế rồi. Họ chúc mừng nhau, chính những người ấy làm ầm ĩ đến mức rất khó coi, rồi bị báo lên Khang Hy. Nhưng dù thế nào, Khang Hy cũng bắt đầu cảnh giác.

Hóa ra ta bồi dưỡng bao lâu như vậy, cuối cùng lại thành một mối uy hiếp đối với ta. Có phải muốn tranh quyền đoạt vị không? Khang Hy bắt đầu cảnh giác, bắt đầu đề phòng. Nhưng ông vẫn nhịn xuống, vì đã bồi dưỡng bao nhiêu năm rồi, đúng không, hơn ba mươi năm bồi dưỡng, không thể để tất cả đổ xuống sông xuống biển. Hơn nữa quả thật Thái tử vẫn có ưu điểm. Vì vậy Khang Hy vẫn chọn cách nhẫn nhịn. Nhưng đến năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, khi xảy ra sự kiện trướng điện dạ cảnh mà tôi đang nói tới, Khang Hy không thể nhịn được nữa.

Có mấy ngòi nổ. Ngòi nổ thứ nhất: khi ấy Khang Hy dẫn một đội ngũ đông đảo đi Mộc Lan thu tiển. Trên đường, họ dựng doanh trại. Khi dựng doanh trại, ông dẫn theo rất nhiều hoàng tử.

Khi ấy người con trai thứ mười tám, tức Thập bát a ca, lúc ấy con trai ông đã rất nhiều rồi. Thập bát a ca khi ấy cũng đã bảy, tám tuổi. Khang Hy đặc biệt thích Thập bát a ca. Mỗi người con trai của Khang Hy, ông đều thích. Cậu Thập bát a ca ấy, trên đường mắc bệnh quai bị. Theo ghi chép sử sách triều Thanh, khi ấy chưa có từ này, nhưng chúng ta có thể dựa vào triệu chứng của cậu để từ y học lâm sàng hiện nay mà phán đoán. Chẳng qua là bệnh quai bị. Không phải bệnh gì quá ghê gớm.

Nhưng ở triều Thanh, chữa bệnh này lại không có cách gì hay. Thập bát a ca liền sốt cao. Khang Hy thương cậu, thương đến mức hận không thể hai mươi bốn giờ ôm cậu trong lòng. Khi thái y xem bệnh, ông cũng ôm cậu trong lòng như thế mà xem.

Ông đặc biệt thương Thập bát a ca này. Theo ghi chép sử sách, lúc ấy Thái tử quả thật rất lạnh nhạt với bệnh tình của Thập bát a ca, người em ruột đang cùng đoàn đi săn. Nói thật, với tư cách Thái tử, cậu ta thấy mỗi người anh em đều là một mối uy hiếp tiềm tàng, đúng không? Mỗi người anh em đều có thể đoạt lấy vị trí thiên tuế của mình, đều nghĩ cuối cùng sẽ kế thừa hoàng quyền. Vậy khi thấy cha mình yêu thích Thập bát a ca như thế, trong lòng cậu dĩ nhiên không vui: ý gì đây? Ông ôm tôi còn tạm được, ông lại đi ôm Thập bát a ca.

Vì vậy cậu rất lạnh nhạt. Khang Hy đau lòng đến cực điểm. Khang Hy khi ấy không nói gì, nhưng về sau Khang Hy nói, rằng cậu ta đối với em ruột của mình chẳng có chút tình cảm nào.

Người như vậy sao có thể kế thừa vương nghiệp?

Nhưng Khang Hy vẫn nhịn. Tuy nhiên, lúc ấy tình thế đã như ngòi nổ chỉ chực bùng lên. Điều ông không thể chịu đựng nhất chính là "trướng điện dạ cảnh". Khang Hy nhận được mật báo: "Phụ hoàng có biết ban đêm có người từ bên ngoài lều lén lút nhìn vào trong, theo dõi người không?" Lúc ấy, Khang Hy lập tức cảm thấy mâu thuẫn giữa mình và Thái tử đã lên tới cực điểm.

Là xem tình hình ta thế nào, thân thể ta ra sao, chê ta sống quá lâu rồi. Đúng không? Tức là xem khi nào ta chết. Thế là đây chính là sự kiện trướng điện dạ cảnh. Sau đó một ngày nọ, Khang Hy nổi giận dữ dội, thông báo cho tất cả mọi người tập hợp lại.

Trước hết, ông cho trói Thái tử lại, không phải bằng dây thừng, mà bằng xích sắt. Rồi trong cơn tức giận, ông lại cho trói tất cả những anh em của Thái tử, các hoàng tử, các a ca khác, đều trói hết lại. Khi ấy ông nổi trận lôi đình, trước mặt triều thần, đau đớn kể tội Thái tử, nói rằng ngươi thật quá không ra gì. Ông đau lòng lắm, đau lòng tới mức nào? Ngã sấp xuống đất. Ông đã hơn năm mươi tuổi; vào thời đó, hơn năm mươi tuổi đã là người rất lớn tuổi rồi, vậy mà ông đau khổ ngã sấp xuống đất. Cảnh tượng ấy rất khó coi.

Một vị đế vương anh minh một đời, một người bình thường trông vô cùng uy nghiêm, đột nhiên thất thố. Trong những lời ông đau đớn trách mắng Thái tử, có một đoạn như thế này. Đoạn này đặc biệt quan trọng.

Ông nói: "Lại có điều lạ hơn nữa, y mỗi đêm áp sát vào vách vải, khe hở, nhìn trộm vào trong. Khiến trẫm không biết hôm nay bị yểm, hay ngày mai gặp hại, ngày đêm lo sợ không yên." "Người như thế, sao có thể giao cơ nghiệp tổ tông cho được?" Trong đó câu then chốt nhất là gì? Chính là "áp sát vào vách vải, khe hở, nhìn trộm vào trong". "Y" mà ông nói chính là Dận Nhưng: điều lạ hơn nữa là mỗi đêm cậu ta áp sát vách vải, lần theo khe hở để nhìn trộm vào trong. Mọi người đều biết chữ viết Trung Quốc ngày xưa không có dấu câu.

Muốn đọc thông một bài văn, cần làm việc gì? Cần ngắt câu. Bạn có biết ngắt câu không? Ngắt câu là cả một học vấn. Như câu này, "mỗi đêm áp sát vách vải, rạch khe, nhìn trộm vào trong", có hai cách ngắt câu.

Một cách là: "áp sát vách vải, rạch khe, nhìn trộm vào trong". Tức là Thái tử đi tới bên ngoài chiếc lều nơi Khang Hy ở, "rạch khe nhìn trộm vào trong". Ở đây "rạch" là động từ. Vậy thì nhất định phải lấy dao găm ra, đúng không, nếu không thì làm sao rạch ra một khe? Chuyện ấy rất đáng sợ. Đúng không, cậu ta rạch chiếc lều ấy ra, rồi banh nó ra nhìn vào trong. Lão già chưa chết ấy vẫn chưa chết. Chuyện ấy đáng sợ biết bao. Đó là một cách ngắt câu.

Còn có một cách ngắt câu khác: đó là "áp sát vào khe hở của vách vải", rồi "nhìn trộm vào trong". Như vậy thì dịu đi nhiều. Mọi người biết chiếc lều hoàng đế ở cũng làm bằng vải. Hơn nữa nếu là một chiếc lều hình tròn, nó được ghép từ rất nhiều tấm vải. Đúng không?

Chồng khít vào nhau để tạo thành. Hiểu ý tôi chứ? Giống như chúng ta kéo rèm cửa, giữa hai tấm rèm cuối cùng chúng che phủ lẫn nhau, đúng không? Vậy cách ngắt câu khác này có thể gọi là "áp sát vào khe hở của vách vải". Bản thân vách vải đã có khe hở, bản thân nó đã có sẵn khả năng dùng hai tay tách ra thành một khe. "Khe hở" ở đây là danh từ. Hiểu rồi chứ? Vậy cậu ta banh nó ra, nhìn vào trong. Ồ, ông ấy vẫn còn hoạt động kia. Đến bao giờ ta mới được làm hoàng đế? Như vậy thì dịu hơn một chút.

Bây giờ thì không biết Khang Hy lúc ấy tức giận đến như vậy đã ngắt câu này như thế nào. Ước chừng có thể là cách thứ nhất tôi vừa nói. Bạn nghĩ xem, chuyện ấy còn được sao? Có phải không? Vì vậy ông nói mình rất lo lắng mà.

Ông nói: "Khiến trẫm không biết hôm nay bị yểm, ngày mai gặp hại." "Trẫm" là cách hoàng đế tự xưng. Nghĩa là, đã có thể cầm dao găm rạch lều ra để nhìn ta, thì cũng có thể một ngày nào đó dâng cho ta một chén rượu, pha cho ta một chén trà, bắt ta uống; cuối cùng có thể bỏ thuốc độc vào đó, đúng không? Như vậy ta còn ngủ yên được sao? Không chỉ ngủ không yên, ăn uống cũng không thể yên được. Đúng không? Vì vậy Khang Hy tức muốn chết. Cho nên ông nói, căn bản là không được. Người này không thể truyền cơ nghiệp tổ tông cho cậu ta.

Thế là ông tuyên bố phế bỏ Dận Nhưng. Đây chính là sự kiện trướng điện dạ cảnh nổi tiếng năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy. Tức là Thái tử bị phế bỏ.

Thái tử bị phế, đó là đại sự mà trên dưới hoàng triều đều không ngờ tới. Những hành động của Thái tử Dận Nhưng quả thật cũng khiến người ta cảm thấy mịt mờ khó hiểu. Vì sao ông ta lại làm ra những hành động trái lẽ thường như vậy? Sau khi bị phế, ông ta sẽ có kết cục như thế nào? Việc giải mã Thái tử Dận Nhưng và nguyên mẫu Tần Khả Khanh rốt cuộc có liên hệ như thế nào? Sau khi Thái tử bị phế bỏ, lại xuất hiện rất nhiều câu chuyện. Tôi thấy bên dưới có người nhíu mày. Có lẽ mọi người vẫn muốn nghe, nhưng vì sao lại nhíu mày?

Có vị sẽ hỏi: "Chẳng phải ông đang giảng Tần Khả Khanh sao? Ông đã lạc đề xa mười vạn tám nghìn dặm rồi còn gì?" Bạn đừng sốt ruột.

Muốn làm rõ nguyên mẫu đời thực thật sự của Tần Khả Khanh, thì bạn còn phải nghe tôi nói từng đoạn một. Phải trải qua mấy lần "liễu ám", mấy lần "hoa minh", cuối cùng mới tới được "hựu nhất thôn".

Tức là nơi ở của nguyên mẫu Tần Khả Khanh mà tôi nói tới. Bạn đừng sốt ruột. Hơn nữa tôi nghĩ, cứ nghe như vậy, chắc bạn cũng sẽ thấy khá thú vị. Mục đích của chúng ta không chỉ là tìm hiểu nguyên mẫu Tần Khả Khanh, mà còn là dựng lại toàn bộ bối cảnh khi Tào Tuyết Cần viết cuốn sách này. Ta cần hiểu vinh nhục, hưng suy của gia tộc ông liên quan thế nào tới sóng gió chính trị ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long. Đúng không?

Ngoài ra, chúng ta cũng cần hiểu Tào Tuyết Cần, khi ông viết 《Hồng Lâu Mộng》, đã ở trong một môi trường nhân văn như thế nào, một bối cảnh thời đại như thế nào, đúng không?

Vì vậy tôi nói, tuy hiện nay cuộc tìm hiểu này của chúng ta có thể khiến bạn cảm thấy còn khá xa điểm mà chúng ta muốn đi tới, nhưng tôi khẩn thiết mong bạn theo tôi tìm hiểu tiếp. Tôi bảo đảm bạn nghe vẫn sẽ thấy rất thú vị. Vậy nói Thái tử đã bị phế. Bị phế rồi chẳng phải xong sao? Câu chuyện lẽ ra nên kết thúc ở đó. Không kết thúc. Sang ngày hôm sau Khang Hy đã bắt đầu hối hận. Ông chẳng cần đợi lâu hơn. Vì khi Thái tử bị phế, bạn nghĩ xem Thái tử đã bao nhiêu tuổi rồi. Khi ấy Thái tử đã ba mươi tư, ba mươi lăm tuổi.

Ông bồi dưỡng cậu từ một tuổi rưỡi, bạn nghĩ xem chuyện ấy dễ sao, có phải không? Ông bắt đầu tâm thần bất an, tuyên bố không đi Mộc Lan nữa. Mà hồi thành, quay về, trở lại Tử Cấm Thành.

Trên đường trở về, ông cảm thấy có luồng gió lạ trước kiệu. Trước kiệu có ghế, ông ngồi đó, tức là ngự tọa; luồng gió xoáy quanh trước ngự tọa. Ông cảm thấy thiên tượng ấy là điềm báo, là ông trời đang cảnh cáo mình. Không thể làm như vậy trong lòng ông liền không yên. Sau khi trở về Tử Cấm Thành, ban đêm ông nằm mộng, tức là mơ nhiều. Mơ thấy ai? Mơ thấy hai người phụ nữ. Hai người phụ nữ từng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời ông. Là ai? Một người chính là Hiếu Trang Thái hoàng thái hậu, bà nội của ông.

Việc sắp đặt Thái tử làm thiên tuế, làm trữ quân, là quyết sách do bà nội đưa ra cho ông. Ông liền mơ thấy bà nội mình. Ông phát hiện bà nội ngồi rất xa mình, sắc mặt lộ vẻ không vui, không hài lòng.

Bà nội xưa nay đối với ông vô cùng từ ái, luôn tươi cười đón ông. Đột nhiên trong mộng bà lại không vui. Sau đó ông mơ thấy hoàng hậu của mình. Khang Hy và hoàng hậu của ông, Hách Xá Lý thị, tức mẹ của Dận Nhưng, có tình cảm vô cùng sâu nặng. Hơn nữa, sau khi hoàng hậu sinh Dận Nhưng, bản thân bà liền qua đời. Bởi sau khi hoàng hậu sinh người con trai đầu, nuôi chưa được bao lâu thì đứa trẻ yểu mệnh. Vì vậy khi mang thai lần thứ hai, bà rất căng thẳng. Lại thêm khi ấy, nhà Thanh đang đối mặt với loạn Tam phiên.

Khi nhà Thanh vào quan nội, có ba tướng lĩnh người Hán bày tỏ đầu hàng nhà Thanh, giúp nhà Thanh chiếm lĩnh những vùng đất chưa chiếm được. Cuối cùng họ được phong làm phiên vương. Ba phiên vương này đều không yên phận.

Đến khi Khang Hy lớn hơn một chút, thì họ đều bắt đầu tạo phản. Năm Khang Hy thứ mười hai triều Thanh, tức năm 1673, Ngô Tam Quế, người đã hàng Thanh và được phong làm phiên vương, cùng Thượng Chi Tín, Cảnh Tinh Trung và những người khác, vì bất mãn với quyết sách triệt phiên của hoàng đế Khang Hy, đã phát động cuộc nổi loạn liên hợp. Sử gọi là loạn Tam phiên. Khang Hy áp dụng biện pháp củng cố hậu phương, phân hóa chính trị, vân vân, trải qua tám năm, cuối cùng dẹp yên cuộc nổi loạn, bảo vệ sự thống trị của vương triều Thanh.

Vì vậy lúc này, khi hoàng hậu sắp sinh, bà cảm thấy nhiệm vụ của mình vô cùng trọng đại.

Nếu bà sinh ra một người con trai, và người con trai ấy có thể nuôi lớn, thì có nghĩa là chính quyền nhà Thanh có thể tiếp tục kéo dài vững chắc hơn. Bà căng thẳng. Cho nên vô cùng bi thảm là sau khi bà sinh, đứa trẻ sống, còn bà thì qua đời. Vì vậy Khang Hy đau buồn khôn xiết. Do đó Khang Hy luôn nhớ bà. Không ngờ đêm ấy nằm mơ, bà xuất hiện. Bà xuất hiện với biểu hiện gì? Rất không vui; dĩ nhiên bà càng nên không vui, vì Dận Nhưng là con trai của bà, có phải không?

Vì vậy Khang Hy cảm thấy: có phải việc này mình trong cơn tức giận đã làm quá hấp tấp hay không?

Đúng lúc đó lại xuất hiện một tình huống mới; lại có hoàng tử tới nói với ông, rằng người có biết vì sao Nhị a ca giống như phát điên, nhục mạ thầy, đánh đòn đại thần, hơn nữa thường xuyên điên điên dại dại không? Ông ấy bị người ta yểm rồi. Một cách yểm người ngày xưa là dùng giấy xoắn thành hình người, hoặc dùng gỗ làm thành hình người, hoặc dùng vải làm thành hình người, rồi châm vào tim, vào hốc mắt, vào những bộ phận yếu hại trên thân thể người ấy. Đó gọi là yểm.

Ở bên này, trên hình nhân giấy hoặc hình nhân gỗ đại diện cho người kia, hoặc trên hình nhân vải, bạn làm việc ấy, thì người sống kia sẽ sinh ra phản ứng. Ví dụ như sẽ phát điên, sẽ trở nên bất thường. Sau khi Khang Hy nhận được báo cáo này, ông vừa lo vừa mừng. Lo điều gì?

Khang Hy nghĩ: "Hóa ra ta lập lão nhị làm Thái tử, lại dẫn đến cục diện có anh em tới yểm nó. Điều này thật không ngờ. Ta có nhiều con trai như vậy, thế thì sao được?" Điều khiến ông mừng là lão nhị có thể đã bị oan, đã bị người ta yểm. Khi Dận Nhưng bị áp giải về Tử Cấm Thành, người ta không cho ông trở về Dục Khánh cung mà giữ tại Thượng Tứ viện, nơi nuôi ngựa trong cung đình. Họ dựng lều để giam ông ở đó. Khang Hy liền nói: "Vậy ta đi nói chuyện với nó."

Liền gọi Dận Nhưng tới nói chuyện. Đột nhiên phát hiện thần trí Dận Nhưng bắt đầu tỉnh táo. Vì lúc này Khang Hy cũng sai người đi điều tra nguồn gốc việc yểm Dận Nhưng. Tra ra nguồn gốc là ai? Ở đâu? Chính là lão đại.

Tức là con trai trưởng của Khang Hy, tên là Dận Đề. Dận Đề là lão đại. Có người hỏi rằng, lão đại chẳng phải nên được phong làm Thái tử sao? Vì sao Khang Hy không phong ông ấy? Bởi lão đại không phải đích xuất, mà là thứ xuất. Hiểu ý này chưa? Lão đại không phải do hoàng hậu sinh. Lão nhị Dận Nhưng là do hoàng hậu sinh. Hiểu rồi chứ? Vậy lão đại không phục, có thể hiểu không? Ông ta có quyền mà. Đương nhiên ông ta không phục. Ta là lão đại mà.

Vì vậy về sau khi khám xét nhà lão đại, khám xét nhà lão đại thì ở trong vườn đào lên được một số con rối gỗ. Đó là mộc nhân dùng để yểm người.

Chứng cứ xác thực rồi. Do đó Khang Hy nổi giận. Ông nói, hóa ra là lão đại đã yểm lão nhị. Liền giam lão đại lại. Lập tức nói, nhốt ông ta lại. Về sau lão đại từ đó bị giam giữ cả đời. Lão đại này rất bi thảm. Vô cùng bi thảm.

Sau khi sự thật lão đại yểm lão nhị được xác nhận, Khang Hy lại nói chuyện với lão nhị, cảm thấy quả nhiên thần trí lão nhị rất sáng suốt. Như vậy là bình thường rồi. Khang Hy nói, các người xem, chẳng phải điều này chứng minh nó bị yểm sao? Vừa loại bỏ vật yểm ấy, chẳng phải nó quả nhiên liền khỏi sao? Khang Hy bắt đầu suy nghĩ, e rằng lão nhị đúng là bị oan. Khó khăn lắm mới lập nó làm Thái tử, ta không thể tùy tiện phế bỏ nó nữa.

Về sau, nửa năm sau, tức năm sau, năm Khang Hy thứ bốn mươi tám, ông lần thứ hai khôi phục ngôi Thái tử. Có phải rất kịch tính không? Nếu chỉ phế một lần, câu chuyện đã không quanh co như vậy, đúng không? Người ta còn lập lần thứ hai, lại lập làm Thái tử lần nữa.

Dận Nhưng liền lại trở thành Thái tử. Vì vậy, những biến cố và tình hình như thế trong cung đình không chỉ ảnh hưởng tới bản thân cung đình, tới bản thân hoàng tộc, mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ triều dã, đặc biệt là tập đoàn quan liêu, ảnh hưởng tới quan viên các cấp từ trên xuống dưới, cũng bao gồm cả Tào gia. Vì vậy, xin bạn nghe buổi sau; tôi sẽ giảng việc tranh đoạt ngôi vị trong tập đoàn thống trị lúc bấy giờ đã phản ánh vào văn tự của 《Hồng Lâu Mộng》 như thế nào.

Và điều này càng then chốt hơn đối với việc chúng ta tìm ra nguyên mẫu đời thực thật sự của Tần Khả Khanh.

# Tập 8

Bí ẩn thăng trầm của nhà họ Tào

*Xoay quanh bí ẩn nguyên mẫu Tần Khả Khanh, ta bắt đầu lần theo hoàng tộc ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, trong một cuộc tìm kiếm gian nan. Vào năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, xảy ra vụ cảnh báo đêm trong trướng điện, rồi sau đó là cả một chuỗi biến cố. Những việc ấy không chỉ ảnh hưởng nội bộ cung đình, mà còn tác động tới cả triều đình lẫn dân gian, và đương nhiên cũng tác động rất lớn tới gia tộc Tào Tuyết Cần. Vậy nhà họ Tào với hoàng đế Khang Hy, với thái tử Dận Nhưng, rốt cuộc có quan hệ thế nào?*

*Việc Ung Chính kế vị đã trải qua một quá trình phức tạp ra sao? Quan hệ giữa nhà họ Tào và hoàng đế Ung Chính thế nào? Những chìm nổi, lên xuống ấy của nhà họ Tào trong chốn quan trường lại được phản chiếu vào 《Hồng Lâu Mộng》 như thế nào?*

*Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, trên hành trình truy tìm nguyên mẫu Tần Khả Khanh, đã nghiêm túc sắp xếp lại những gì nhà họ Tào trải qua trong ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, qua đó mở ra một cánh cửa kỳ diệu để hé lộ thân thế của Tần Khả Khanh.*

Ở cuối bài giảng trước, tôi đã rút ra một kết luận như thế này. Những biến cố như thế trong cung đình, những tình hình như thế, không chỉ ảnh hưởng tới bản thân cung đình, tới chính hoàng tộc, mà còn ảnh hưởng tới cả triều dã, đặc biệt là tập đoàn quan lại. Nó ảnh hưởng tới quan viên các cấp, từ trên xuống dưới, trong đó cũng có nhà họ Tào. Vì sao? Vì ai cũng biết nhà họ Tào quá thân thiết với Khang Hy và thái tử. Họ cũng không thể tách quan hệ với Khang Hy và thái tử ra làm hai. Đúng không?

Trong ngần ấy năm, Khang Hy vẫn tin cậy thái tử như vậy, vẫn bồi dưỡng ông ta. Phải không? Mọi người đã quen với điều đó rồi. Nếu tôi muốn tốt với Khang Hy, muốn trung thành với ông ấy, thì đồng thời cũng phải trung thành với thái tử. Phải không?

Nếu tôi trung thành với thái tử, thì cũng có nghĩa là tôi trung thành với Khang Hy. Hai người ấy lẽ ra không thể tách rời. Không cần phải nói thành hai chuyện. Tôi không thể có hai thái độ khác nhau. Đúng không? Nhà họ Tào đã đối đãi với họ như vậy. Mấy lần Khang Hy nam tuần, ông đều đưa thái tử cùng xuống phương Nam. Đến Nam Kinh, đến Giang Ninh, ông không ở hành cung do quan khác sắp xếp, mà ở nhà người bạn nối khố của mình, tức nhà Tào Dần.

Đó chính là ông nội của Tào Tuyết Cần, Tào Dần. Tào Dần là bạn nối khố của Khang Hy. "Bạn nối khố" là một câu Bắc Kinh, chỉ người bạn nhỏ cùng lớn lên từ thuở bé. Vì sao lại nói như vậy? Điều này liên quan tới lịch sử nhà họ Tào. Quan hệ giữa nhà họ Tào và hoàng tộc nhà Thanh có thể truy ngược về cuối đời Minh. Năm

Thiên Khải nguyên niên đời Minh, tức năm 1621, Thanh Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn quân Bát kỳ Hậu Kim chiếm vùng Thẩm Dương, Liêu Dương. Tổ tiên Tào Tuyết Cần bị bắt rồi đầu hàng.

Sau đó họ bị phân vào trướng Đa Nhĩ Cổn, trở thành gia nô. Năm Thuận Trị nguyên niên nhà Thanh, tức năm 1646, triều Thanh định đô ở Bắc Kinh. Nhà họ Tào cũng theo đại quân vào quan nội.

Năm Thuận Trị thứ tám, Thuận Trị thu Chính Bạch kỳ của Đa Nhĩ Cổn về tay mình quản lý. Nhà họ Tào cũng từ bao y vương phủ chuyển thành bao y Nội vụ phủ, trở thành gia nô của hoàng đế. Lúc này, cụ cố của Tào Tuyết Cần là Tào Tỉ cũng từ hộ vệ vương phủ thăng lên thị vệ nhị đẳng nội đình. Nội đình là nơi hoàng đế cư trú. Tào Tỉ làm việc ở nơi như thế, nên có nhiều cơ hội hơn tiếp xúc với người trong hoàng gia, được họ yêu mến và tin cậy. Ba năm sau, hoàng đế Khang Hy chào đời.

Theo chế độ nhà Thanh, mỗi khi hoàng tử, hoàng nữ ra đời, đều chọn vú nuôi và bảo mẫu trong phụ nữ bao y ba kỳ Nội vụ phủ. Vợ Tào Tỉ, cũng tức mẹ của Tào Dần, là Tôn thị, được chọn làm bảo mẫu cho Khang Hy.

Quan hệ giữa nhà họ Tào và hoàng thất nhà Thanh từ đó mở sang một trang mới.

Mẹ của Tào Dần là một trong những bảo mẫu của Khang Hy, hơn nữa là người quan trọng nhất trong số các bảo mẫu. Người mẹ ấy họ Tôn, tức Tôn thị. Các bạn biết đấy, thuở nhỏ Khang Hy không có tình mẹ. Trước hết là không có tình cha, bởi sau khi Khang Hy ra đời, cha ông là hoàng đế Thuận Trị căn bản không để ý tới ông. Bấy giờ Thuận Trị bận gì? Bận yêu đương. Thuận Trị khi ấy đang say đắm với Đổng Ngạc phi. Phải không? Ông mong Đổng Ngạc phi sinh con trai. Sau đó bà quả nhiên sinh cho ông một con.

Lúc ấy ông nói trước quần thần: "Đây là con trai đầu của ta." Nếu đứa con này lớn lên từng ngày, ngôi vua sẽ không truyền tới Khang Hy. Hiểu chứ? Nhất định sẽ truyền cho đứa con ấy. Nhưng đứa con ấy về sau cũng chết yểu. Chưa nuôi lớn được thì đã mất.

Khi Thuận Trị lâm bệnh, thân thể suy kiệt, ông từng muốn truyền ngôi cho một người anh em, cũng chưa từng nghĩ truyền cho Khang Hy. Vào lúc ấy, mẹ của Thuận Trị, tức Hiếu Trang thái hậu, đã đóng vai trò quan trọng. Sau một phen lựa chọn cân nhắc, cuối cùng bà xác định Khang Hy sẽ kế thừa ngôi vị của Thuận Trị. Khang Hy từ nhỏ không có tình cha, cũng không có tình mẹ. Vì sao? Không phải mẹ ông không thương ông, mà vì quy củ nhà Thanh: Dù là hoàng hậu hay phi tần, sinh con xong đều ra ngoài Tử Cấm Thành.

Mỗi năm chỉ gặp mẹ vào lễ tết, vào những dịp đại điển. Bình thường trẻ không lớn bên mẹ, mà bên Tôn thị, bảo mẫu của Khang Hy. Bấy giờ, một căn bệnh đáng sợ nhất của triều Thanh là bệnh đậu mùa. Tức là phát đậu.

Đó là một thứ bệnh ma quái không thể cưỡng lại thời ấy. Hễ xuất hiện dịch đậu, nổi ban đậu, thì cả vùng đều mắc, rồi chết hàng loạt. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ chết đặc biệt nhiều. Hoàng cung cũng không ngoại lệ.

Nhiều vương tử, công chúa chết trong cung đều chết vì mắc đậu mùa. Ngay cả hoàng đế Thuận Trị và hoàng đế Đồng Trị sau này nghe nói cũng đều chết vì đậu mùa.

Cho nên thời ấy, bệnh đậu, tức bệnh đậu mùa, cực kỳ ghê gớm. Nghe thôi đã sợ. Về mặt thân thể, Khang Hy có một lợi thế: từ rất sớm ông đã mắc đậu. Mắc rồi thì khỏi. Ông không chết. Loại bệnh đậu mùa này thuộc loại gì? Đó là loại bệnh nếu đã mắc mà không chết, thì cả đời sẽ không mắc lại nữa. Tức là đã có miễn dịch.

Vì vậy trong số những người con trai của Thuận Trị, Khang Hy là người có thân thể được bảo đảm nhất.

Đây cũng là một con át chủ bài để Hiếu Trang thái hoàng thái hậu quyết định cho Khang Hy làm hoàng đế. Ông đã từng mắc đậu. Vì vậy bây giờ xem chân dung Khang Hy, các bạn phải nhìn cho kỹ. Nhìn kỹ nghe nói cũng vô ích. Dùng kính lúp soi mặt cũng vô ích. Vì người ta không dám vẽ. Nghe nói mặt Khang Hy có vết rỗ. Sau khi bệnh đậu lui đi, sẹo để lại không nhiều, chỉ rỗ nhẹ. Vì Khang Hy đã từng mắc đậu mùa, lại đã khỏi, nên về sau người ta không cho ông ở trong cung.

Trong cung còn có vương tử khác có thể đang phát bệnh, nên họ chuyển ông ra ngoài Tử Cấm Thành, tức khu ngoài Đông Hoa môn, Bắc Trường nhai ngày nay. Nơi ấy hiện gọi là chùa Phúc Hựu. Ông lớn lên trong chùa Phúc Hựu. Người cả ngày ông nhìn thấy trước mắt là bảo mẫu của mình.

Có người hỏi: "Chẳng phải đó là vú nuôi sao?" Không phải. Vú nuôi chỉ đến lúc cho bú. Chữ "mẫu" trong "bảo mẫu" ở đây là chữ "mẫu" trong "mẹ", chỉ một người phụ nữ thay thế vai trò người mẹ; không phải "bảo mẫu" theo nghĩa người giúp việc gia đình ngày nay. Bà phụ trách bồi dưỡng ông toàn diện, nói theo cách hiện đại là giáo dục tố chất. Từ nhỏ, bà dạy ông: "Đứng như tùng, ngồi như chuông, nằm như cung", rồi cách hành lễ, thỉnh an khi gặp người.

Trong giao tiếp xã hội, ngồi ra sao, đứng ra sao. Khi trò chuyện với người khác, phải hòa nhã dễ gần, lời lẽ thích đáng. Là bồi dưỡng toàn diện kiểu ấy. Vì vậy từ nhỏ Khang Hy đã rất thân với Tôn thị. Các bạn hiểu quan hệ của họ rồi chứ?

Quan hệ giữa Khang Hy và Tào Dần quả thật không bình thường. Vì sao nói là bạn nối khố? Các bạn biết đấy, đọc sách thường cần bạn học. Không có bạn học thì một mình quá cô quạnh. Cho nên mới có câu "đọc sách cùng thái tử". Thời ấy Khang Hy đương nhiên chưa lập thái tử, nên đó là đọc sách cùng vương tử. Vậy ai đến học cùng? Thường là chọn trong con em của bảo mẫu những thiếu niên thích hợp. Tào Dần khi ấy từ nhỏ đã được chọn để cùng đọc sách với Khang Hy. Ông là một người học cùng.

Sau khi Khang Hy lên ngôi hoàng đế, Tào Dần trở thành thị vệ thân cận của ông, một tiểu đầu mục trong cấm vệ quân. Như thế đương nhiên quá đáng tin. Một người cùng chơi với mình từ bé, đem bảo vệ mình thì hợp biết bao. Hơn nữa, về sau Khang Hy trừ Ngao Bái.

Ngao Bái là một quyền thần chuyên quyền. Dùng đủ mọi cách vẫn không trừ được ông ta. Nếu dùng thủ tục chính thức để bắt ông ta, đã sớm có người báo tin trước. Hơn nữa ông ta còn có thể trả đũa, thậm chí làm phản. Cuối cùng dùng cách gì? Tức là một số thị vệ bên cạnh, trong đó có Tào Dần, đều biết vật. Biết vật thì khi Ngao Bái vào gặp hoàng đế, tức gặp Khang Hy, vị thiên tử thiếu niên Khang Hy làm như đùa giỡn, rồi bắt ông ta lại. Lúc ấy Ngao Bái không phản kháng mấy.

Chắc ông ta nghĩ toàn là trẻ con, cấm vệ binh, thị vệ, thiếu niên, đang vật nhau thôi. Ông ta thấy kéo kéo giằng giằng cho vui, không ngờ thật sự bị bắt. Bên cạnh Ngao Bái cũng không có ai khác, còn ai đến cứu ông ta được? Không còn cách nào. Thế là Ngao Bái bị trừ bỏ.

Vì vậy hãy nghĩ xem, vai trò của Tào Dần có lớn không? Quan hệ có tốt không? Quan hệ cực kỳ tốt. Vì thế, khi hoàng đế Khang Hy đưa thái tử xuống phương Nam nam tuần, ông ở tại nhà Tào Dần, tại nhà Giang Ninh Chức tạo. Nói thật, điều này hơi lạ. Bởi ở Giang Ninh có rất nhiều quan lớn. Xét theo phẩm hàm, địa vị, họ đều quan trọng hơn Tào Dần. Huống nữa nơi hoàng đế ở lẽ ra không phải dinh thự của bất kỳ quan nào, mà phải là một hành cung riêng. Đúng không? Nhưng Khang Hy chẳng quan tâm chuyện đó. Các nơi khác đừng nói với ta.

Ta chỉ đến đâu? Ta chỉ đến nhà Tào Dần. Chỉ đến chỗ Giang Ninh Chức tạo. Ta sẽ ở đó. Các bạn thấy quan hệ của họ thế nào?

Sau khi ở đó, theo ghi chép chính thức của sử liệu, dĩ nhiên lúc ấy Tôn thị vẫn còn sống, mẹ Tào Dần vẫn còn sống, bảo mẫu của Khang Hy vẫn còn sống. Tôn thị, tức "hoàng nương", phải vào yết kiến. Bà phải đến gặp hoàng đế. Vậy thì phải quỳ. Vì đó là hoàng đế mà, đúng không? Khang Hy lập tức đỡ bà dậy, không cho bà quỳ. Hơn nữa mặt đầy vẻ vui mừng, gọi là "thấy mà sắc mặt vui lên". Ông rất vui. Hơn nữa còn nói một câu rất cảm động với các đại thần xung quanh: "Đây là người già trong nhà ta." Lợi hại không? Ông buột miệng vì xúc động.

Theo lẽ ra không nên nói vậy. Phải không? Dù ông thích bà đến đâu, bà cũng chỉ là một bảo mẫu. Đúng không? Bà chẳng qua là một nô tài cao cấp. Đúng không? Nhưng tình cảm của ông quá sâu.

Ông nói với người xung quanh: "Đây là người già nhà ta, là bậc lão thành trong nhà ta", nên câu ấy được ghi lại. Lúc đó ông rất cao hứng, lại đúng dịp hoa huyên thảo đang nở. Ở Trung Quốc, hoa huyên tượng trưng cho lòng hiếu thuận với mẹ. Vì vậy, ông viết một tấm biển lớn mang tên "Huyên Thụy đường". Đó chính là quan hệ giữa nhà họ Tào và Khang Hy.

*Quan hệ giữa nhà họ Tào và hoàng đế Khang Hy mật thiết đến như vậy. Chỉ từ một việc cũng có thể thấy rất rõ. Từ năm Khang Hy thứ hai, cụ cố Tào Tuyết Cần là Tào Tỉ, ông nội là Tào Dần, cùng đời cha là Tào Ngung, Tào Phủ, ba đời bốn người liên tiếp giữ chức Giang Ninh Chức tạo suốt sáu mươi lăm năm. Tức là phụ trách*

*dệt lụa, vải vóc dùng trong cung đình. Họ còn nhiều lần kiêm sai vụ muối Lưỡng Hoài, một chức béo bở. Ngoài ra, Khang Hy sáu lần nam tuần, có bốn lần do nhà họ Tào tiếp giá. Có thể nói hoàng ân mênh mông, vinh quang vô hạn.*

*Mối quan hệ thân mật ấy giữa nhà họ Tào và hoàng đế Khang Hy đương nhiên cũng ảnh hưởng tới quan hệ giữa nhà họ Tào và thái tử Dận Nhưng. Vậy nhà họ Tào và thái tử rốt cuộc có quan hệ thế nào? Quan hệ ấy có liên hệ gì với nguyên mẫu Tần Khả Khanh?*

Quan hệ giữa thái tử và nhà họ Tào, nói ra thì không có nhiều màu sắc ấm áp như vậy, mà tương đối thô lậu. Về sau thái tử là một người rất không ra gì. Ông ta vơ vét tiền của khắp nơi. Bao nhiêu tiền cũng không đủ dùng. Bao nhiêu bạc vào tay ông cũng chảy đi như nước. Thái tử là một người như vậy. Ông ta thường tìm nhà họ Tào để làm gì? Sai nhũ công của mình đến nhà họ Tào lấy bạc. Lấy bao nhiêu? Ung dung đi tới, mở miệng là hai vạn. Nhà họ Tào lập tức tìm cách đưa ông ta hai vạn.

Đưa hai vạn là xong à? Vài hôm sau lại đến, lại đòi hai vạn. Vì thế phía sau quan hệ kinh tế ấy phản ánh quan hệ quyền lực của họ. Dĩ nhiên nhà họ Tào mong Dận Nhưng, vị hoàng thái tử, thuận lợi nối ngôi.

Nếu Dận Nhưng không nối ngôi, chẳng phải số bạc ấy đều đổ đi vô ích sao? Quan hệ là như vậy. Có người sẽ hỏi: "Ông nói mãi, chuyện này liên quan gì tới 《Hồng Lâu Mộng》? Ông đang say sưa nói Thanh sử, trong khi đây là bài giảng 《Hồng Lâu Mộng》 mà?" Tôi xin trả lời: quan hệ thân mật giữa nhà họ Tào, Khang Hy và thái tử Dận Nhưng đã được viết vào tác phẩm, không chỉ ở một chỗ. Bây giờ tôi chỉ nêu một ví dụ tại hồi thứ ba.

Hồi thứ ba, Lâm Đại Ngọc vào phủ. Có thể bạn sẽ nói: "Tôi đọc kỹ lắm. Tôi nhớ cảnh Vương Hy Phượng chưa thấy người đã nghe tiếng; cảnh Giả Bảo Ngọc biết Lâm Đại Ngọc không có ngọc rồi nổi giận, đem miếng ngọc của mình ném đi. Chuyện ấy náo nhiệt như vậy, tôi đều nhớ." Nhưng bạn có nhớ khi Đại Ngọc đến chính đường của khu nhà lớn trên trục giữa phủ Vinh Quốc, nàng nhìn thấy tấm biển và câu đối nào không?

Đó là một nét bút rất quan trọng, bạn không thể bỏ qua. Vì thế trong hồi ba 《Hồng Lâu Mộng》, bạn thấy một biển vàng và một đôi câu đối bạc. Hãy chú ý: một cái là vàng, một cái thấp hơn nó, nhưng cũng không thấp lắm, là bạc. Trên biển vàng viết gì? Viết bằng ngự bút của hoàng đế, ba chữ lớn: Vinh hy đường. Vừa rồi tôi vừa nói gì? Hoàng đế Khang Hy từng viết một tấm biển nào trong nhà Tào Dần? Ông từng viết "Huyên Thụy đường".

Vậy nguyên mẫu vật của Vinh hy đường chính là biển Huyên Thụy đường từng treo ở phủ Giang Ninh Chức tạo. Chỉ từ nghĩa chữ, bạn cũng thấy được mối liên hệ giữa chúng. Phải không? Huyên Thụy và Vinh hy đều mang ý nghĩa cát tường, đều báo trước rằng gia tộc ấy sẽ ngày càng phồn thịnh. Vì vậy thực ra Tào Tuyết Cần đã lấy tấm biển vàng trong nhà ông nội mình, qua sự thăng hoa nghệ thuật, biến thành tấm biển vàng

mà Lâm Đại Ngọc nhìn thấy ở phủ Vinh Quốc. Chuyện ấy tạm để đó. Nàng còn nhìn thấy một đôi câu đối bạc. Trên đó viết:

"Chậu ngọc trên lầu trông chói lọi;
Ái xiêm ngoài của bóng huy hoàng."

Câu đối như vậy, còn ấn tượng chứ? Bây giờ tôi nói cho bạn biết. Khi Dận Nhưng còn làm thái tử, ông ta có một đôi câu đối.

Đôi câu đối ấy rất được hoàng phụ Khang Hy khen ngợi, và ông ta thường viết nó tặng người khác. Chỉ là trong sách sử không ghi cụ thể rằng ông ta cũng viết tặng Tào Dần mà thôi. Khi ông ta nam tuần tới Giang Ninh, việc tặng cho quan viên khác đều được ghi chép rõ. Rảnh là ông ta lại viết câu đối nổi tiếng ấy. Đó là một vế đối hay ông ta làm được từ khi còn nhỏ. Câu đối ấy là:

"Trong lầu hứng uống vì trăng sáng;
Trên sông tình thơ bởi ráng chiều."

Bạn hãy so sánh hai đôi câu đối này. Chữ cuối vế trên đều là "nguyệt". Chữ cuối vế dưới đều là "hà", ráng mây. Bây giờ tôi bảo bạn đem đôi câu đối bạc Lâm Đại Ngọc thấy ở phủ Vinh Quốc, tức đôi câu đối màu bạc ấy, so với đôi câu đối trong đời thực, do Dận Nhưng viết khi còn làm thái tử.

Hãy đối chiếu chúng. Bạn sẽ phát hiện hai đôi câu đối này có quan hệ huyết thống. Chúng có một quá trình từ sự thật đời sống thăng hoa thành sự thật nghệ thuật, tức là từ một đồ vật nguyên mẫu ngoài đời thăng hoa thành một đồ vật trong câu chuyện của tác phẩm. Giữa chúng có quan hệ ấy.

Dù nhà họ Tào có quan hệ cực kỳ mật thiết với Khang Hy và thái tử, nhưng quan hệ thân thiết với hoàng gia ấy đã thay đổi lớn sau khi hoàng đế Ung Chính kế vị. Về việc Ung Chính kế vị, giới sử học lâu nay tranh luận rất nhiều, dân gian cũng có rất nhiều truyền thuyết. Vị Tứ a ca thường ngày luôn tỏ ra khiêm hòa, cung thuận, thành tín với Lạt-ma giáo ấy, vì sao có thể nổi bật giữa đông đảo hoàng tử của Khang Hy, rồi lên ngôi hoàng đế? Việc Ung Chính kế vị sẽ ảnh hưởng gì tới nguyên mẫu Tần Khả Khanh?

Lần tiếp từ vụ cảnh báo đêm trong trướng điện, ta quả nhiên phát hiện rằng hoàng đế và thái tử triều Khang Hy nhà Thanh với gia tộc của chính Tào Tuyết Cần, tức đời ông nội và đời cha của ông, có quan hệ vô cùng mật thiết. Đến khi viết 《Hồng Lâu Mộng》, ông đã đem những thông tin truyền lại từ đời ông, đời cha khéo léo viết vào bản thảo của mình. Tôi nghĩ kết luận này hẳn đứng vững. Có người có thể hỏi: "Ông nói những chuyện ấy thì cũng được, có thể tiếp nhận. Nhưng chúng ta đều biết, về sau chẳng phải Khang Hy qua đời sao?"

Kết quả thái tử cũng không thể nối ngôi, đúng không? Phía sau còn nói tới việc thái tử lần thứ hai bị phế. Sau lần đầu bị phế, chẳng phải nửa năm sau thái tử được phục vị sao? Nhưng ba năm sau, ông ta lại bị phế. Lại bị phế nữa. Sóng gió lớn biết bao, phải không? Sau khi Khang Hy phế thái tử lần thứ hai, ông thề sẽ không công khai lập thái tử nữa, tức là không công khai dựng người kế vị nữa. Rõ ràng ông đã áp dụng một kế hoạch lập trữ bí mật.

Từ việc công khai chỉ định thái tử, dựng ngôi dự bị cho hoàng quyền, ông đổi hình thức chuyển giao hoàng quyền thành lập trữ bí mật.

Tức là: ta nhìn trúng một vương tử nào đó, ta trọng điểm bồi dưỡng người ấy, nhưng ta không lộ thanh sắc. Ta không lập tức nói với người ấy: con chính là thái tử. Như thế người ấy dễ kiêu căng, dễ sinh ra những ý nghĩ không tốt khác. Ta tin cậy người ấy, nhưng cũng kiểm soát người ấy. Khi ấy đa số người đều cho rằng người ông coi trọng là Thập tứ a ca. Tức người con trai thứ mười bốn của ông. Người con thứ mười bốn này rất thú vị. Ông và Tứ a ca, người về sau trở thành hoàng đế Ung Chính, là cùng mẹ sinh ra. Hai người là anh em ruột.

Tức là vừa cùng cha vừa cùng mẹ, anh em ruột như vậy.

Biểu hiện nổi bật nhất cho thấy Khang Hy tin Thập tứ a ca là về sau ông cho Thập tứ a ca làm Phủ viễn đại tướng quân, đi tây chinh, làm tây chinh đại tướng quân. Ông giao trọng binh cho Thập tứ a ca chỉ huy. Thập tứ a ca cũng rất có chí khí. Trong quá trình làm Phủ viễn đại tướng quân, ông thu phục Tây Tạng, tiêu diệt nhiều bộ tộc phản loạn, khiến chính quyền nhà Thanh càng thêm vững chắc. Khang Hy rất thích Thập tứ a ca. Xem ra đúng là ông muốn trao hoàng vị cho người con này.

Nhưng rồi ông lại bệnh. Ông cũng không nghĩ lần này mình có thể đã đến tận cùng sinh mệnh. Ông nghĩ mình có lẽ còn khỏi được. Vì vậy ông không kịp điều người con mình coi trọng, Thập tứ vương tử, từ Tây Bắc về Bắc Kinh. Dĩ nhiên, nếu thật sự ra lệnh gọi về, đó cũng là một quá trình rất dài. Các bạn biết phương tiện giao thông khi ấy đâu phát triển như bây giờ. Lúc ấy dù suốt hai mươi bốn giờ không ngừng nghỉ, cầm roi quất ngựa, chạy từng trạm một, cũng phải rất lâu mới về tới kinh thành.

Ông chưa kịp gọi Thập tứ a ca yêu quý trở về thì đột nhiên không ổn. Lần này bệnh rất nặng, đã lâm chung, tức sinh mệnh đã nguy kịch. Trong tình thế ấy, các vương tử khác không biết tin chính xác, chỉ biết phụ vương bệnh.

Nhưng có một vương tử nắm được bệnh tình Khang Hy. Đó là người con thứ tư của ông, Dận Chân. Ông chính là anh cùng cha cùng mẹ của Thập tứ a ca. Vì sao ông biết được? Bình thường Tứ a ca tỏ ra rất khiêm hòa. Sau khi thái tử bị phế lần thứ hai, có mấy a ca đều muốn mưu cầu được lập làm thái tử. Ví dụ Bát a ca là một người không an phận. Ông tên là Dận Tự. Dận Tự từng sinh tà tâm, muốn mưu cầu địa vị "thiên tuế gia"

của thái tử. Khang Hy rất cảnh giác. Ông từng nghiêm khắc quở trách Bát a ca, không để ông ta toại nguyện.

Một số a ca khác vẫn rục rịch, hoặc liên hợp lại, hoặc cùng ủng hộ một người, đều mong kiếm lợi từ việc kế thừa hoàng quyền. Tứ a ca bình thường tỏ ra rất khiêm hòa, như muốn nói: "Ta không can dự những chuyện ấy."

Nhưng tuổi ông cũng đã lớn. Người con thứ tư này tuổi cũng đã cao. Ông nuôi lạt-ma trong vương phủ của mình. Ngày nay Bắc Kinh có một danh thắng rất nổi tiếng, gọi là Ung Hòa cung. Nơi ấy được cải tạo từ vương phủ của ông. Vì sao thành chùa Lạt-ma? Vì về sau ông tín phụng Lạt-ma giáo. Ông nuôi lạt-ma trong vương phủ, lập phật đường. Như vậy khiến mọi người cảm thấy ông là người không cần phải tính toán với ông, đúng không, rồi buông lỏng cảnh giác.

Không ngờ lúc Khang Hy lâm chung, vương tử duy nhất nắm bệnh tình của Khang Hy lại chính là Tứ a ca. Vì sao ông có thể nắm tình hình Khang Hy? Ông đã lôi kéo được bộ binh thống lĩnh khi ấy là Long Khoa Đa. Người này rất quan trọng, gần như là thủ lĩnh cấm vệ quân, hiểu chứ? Hoàng đế cần có người bảo vệ.

Người bảo vệ hoàng đế phải là nhân viên quân sự. Nhân viên quân sự phải có thủ lĩnh. Thủ lĩnh ấy chính là Long Khoa Đa. Vì thế Long Khoa Đa nắm toàn bộ tình hình của Khang Hy đế. Khi ấy Khang Hy bệnh nặng không xong, ông không ở trong Tử Cấm Thành, mà ở Sướng Xuân viên ngoại ô phía tây. Ở nơi đó, Long Khoa Đa gần như khống chế Khang Hy. Vì vậy chỉ riêng ông ta đem tin Khang Hy bệnh nguy kịch, sắp chết, báo cho Tứ vương tử.

Vì thế, theo sử sách ghi chép, dù bộ sử ấy, những ghi chép lịch sử ấy, về sau đã được Ung Chính sửa chữa sau khi kế vị, nhưng ngay cả như vậy, vẫn để lại dấu vết. Trong một ngày, ông nhiều lần vào Sướng Xuân viên, hơn nữa có thể trực tiếp tiến sát tới trước giường bệnh của hoàng phụ, gọi là thăm bệnh hoàng phụ.

Chuyện ấy so với vụ cảnh báo đêm trong trướng điện, nhìn trộm vào trong qua khe lều, chẳng phải còn đáng sợ hơn sao? Khi Khang Hy đang lâm chung như thế, vừa mở mắt đã thấy một gương mặt lớn lắc lư trước mắt, chứ không còn là ở rất xa, ngoài cửa sổ nữa. Rất đáng sợ. Cuối cùng Khang Hy qua đời. Sau khi ông mất, có hai quyền thần, một là Long Khoa Đa, một là Niên Canh Nghiêu.

Hai người họ đứng ra tuyên bố di chiếu Khang Hy đế để lại khi lâm chung, nói rằng Tứ a ca đặc biệt tốt, Tứ a ca đặc biệt giống chính ta, nên truyền hoàng vị cho ông ấy. Như vậy Ung Chính đã vội vã kế vị.

Vào hậu kỳ triều Khang Hy, do chi phí thường nhật, phô trương, giao tiếp, tặng quà, đặc biệt là việc tiếp giá trong bốn lần Khang Hy nam tuần, về kinh tế, nhà họ Tào đã thiếu hụt một khoản khổng lồ. Đến khi hoàng đế Ung Chính kế vị, nhà họ Tào đã nguy cơ trùng trùng. Vậy nhà họ Tào vốn có quan hệ mật thiết với hoàng

đế Khang Hy có được người kế vị Khang Hy, tức Ung Chính, bảo toàn không? Ung Chính có mở một đường sống cho nhà họ Tào đã mất chỗ dựa mạnh mẽ không?

"Một khi quyền đã vào tay", "lệnh ban ra là phải thi hành", tức vị hoàng đế Ung Chính ấy, lại có quan hệ gì với nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh? Nghe nói khi Ung Chính kế vị, ông tỏ ra vô cùng miễn cưỡng, như thể khóc lóc cầu xin, nói đừng bắt ta làm, làm ra vẻ như vậy.

Nhưng một khi ngồi vững trên ngai, một khi long bào đã khoác lên người, mặt liền sầm xuống. Thế là không khách khí nữa. Ta chính là hoàng đế. Việc đầu tiên là gì? Là phong quan tước thật lớn, đại phong tước vị. Ông gia phong cho các anh em, cho một số công thần, không hạ thấp bất kỳ ai. Đồng thời ông thông báo cho em mình, Thập tứ vương tử, hỏa tốc về Bắc Kinh. Vì phụ vương đã qua đời, ta đã kế vị, cũng phải mau về kinh thành. Khi ấy xuất hiện một cục diện như vậy. Cục diện ấy đả kích nhà họ Tào rất nặng.

Bởi trong số các con trai Khang Hy, nhà họ Tào có quan hệ khá mật thiết với rất nhiều a ca. Nhưng chi thái tử là mật thiết nhất. Ngoài ra cũng có người rất thân. Ví dụ Bát a ca, Cửu a ca đều rất thân.

Nhưng trớ trêu là quan hệ với Tứ a ca lại tương đối xa cách. Không có quan hệ lớn gì. Vì thế sau khi Khang Hy qua đời, nhà họ Tào đối diện tai họa diệt đỉnh. Dĩ nhiên lúc ấy nhà họ Tào chẳng qua chỉ là một Giang Ninh Chức tạo. Trong mắt hoàng đế Ung Chính, đó chỉ là chuyện nhỏ. Bởi ông có quá nhiều chính địch phải đối phó. Ông phải đối phó với những ai? Một là đối phó với những anh em không phục. Người đầu tiên không phục là Thập tứ vương tử cùng mẹ với ông. Nghe nói sau khi Thập tứ vương tử trở về, ông còn không quỳ lạy.

Chuyện gì thế này? Ta đang yên đang lành trở về, ngươi đã làm hoàng đế rồi sao? Ta phải hành lễ quân thần với ngươi ư? Trên đời nào có chuyện như vậy? Rất ngang ngạnh, bất phục. Thập tứ a ca không phục. Còn mẹ của họ thì sao?

Hai người cùng một mẹ. Mẹ họ cũng yêu người con út này hơn, chứ không thích Ung Chính. Vì vậy sau khi Ung Chính làm hoàng đế, lập tức muốn dời cung cho mẹ mình. Trước kia bà chẳng qua là một trắc thất của Khang Hy, một phi tần thứ. Bây giờ phải tôn bà làm hoàng thái hậu, dời tới cung điện chuyên dành cho hoàng thái hậu. Nhưng mẹ ông kiên quyết không dời. Điều đó cũng tương đương không hài lòng với Ung Chính, thiên về người em trai kia. Cho nên dù Ung Chính đã lên ngai, tình hình vẫn rất phức tạp.

Thêm nữa, Bát a ca và Cửu a ca kết thành liên minh, cùng đối phó với ông. Hai người này cũng dùng hết mánh lới, muốn lật đổ hoàng vị của ông. Mọi người đều biết, về sau Ung Chính trị Bát a ca và Cửu a ca đến cùng cực.

Ông giam lỏng họ, rồi định tội, tước bỏ tước vị của họ, thậm chí khai trừ họ khỏi hoàng tộc, đuổi ra khỏi tông thất. Ông còn đặt cho mỗi người một cái tên quái lạ. Một người gọi là A Kỳ Na, một người gọi là Tái Tư Hắc. Dân gian có nhiều truyền thuyết nói Bát a ca bị gọi A Kỳ Na, nghĩa là chó. Cửu a ca bị gọi Tái Tư Hắc, nghĩa là lợn. Thực ra theo nghiên cứu của chuyên gia Thanh sử, không phải như vậy trong tiếng Mãn, âm A Kỳ Na không có nghĩa là chó. Âm Tái Tư Hắc cũng không có nghĩa là lợn.

Sau khảo chứng của một số chuyên gia, họ cho rằng A Kỳ Na là cái tên Bát a ca tự đặt cho mình sau thất bại. Đó là tên ông tự đặt cho mình. Nghĩa là "con cá đông trên thớt". "Thớt" chính là cái thớt ấy.

Con cá trên thớt đã đông cứng hỏng rồi, tức mặc người ta định đoạt, xẻ thịt. Đó là cái tên rất bất lực một kẻ thất bại đặt cho mình. Còn Tái Tư Hắc, theo chuyên gia khảo chứng, có nghĩa là đáng ghét. Trong tiếng Mãn là nghĩa khiến người ta ghét. Bất kể nghĩa là gì, khi ấy Ung Chính phải đối diện rất nhiều chính địch. Những người như em tám, em chín của ông, là chính địch đầu tiên ông phải đối phó. Về sau hai người này bị trị rất thảm. Sau đó, hai người lần lượt ăn gì vào là lập tức nôn mửa, rồi rất nhanh chết đi.

Nghe nói là bị ông đầu độc. Truyền thuyết ấy có thể tin được. Nếu không thì sao hai người chết trùng hợp vậy, mà cách chết lại giống nhau, đúng không? Ông nhất định phải trừ họ mới hả dạ.

Ông còn phải đối phó với vài người anh em khác, ở đây không nói kỹ. Đồng thời, ông phải xử lý Long Khoa Đa và Niên Canh Nghiêu. Có người sẽ hỏi: "Có phải ông nói nhầm không? Chẳng phải hai người này đã giúp ông lên ngôi sao?" Chính vì họ biết quá nhiều. Trước mặt hoàng đế, chẳng biết gì có khi là tội chết; biết quá nhiều cũng có khi là tội chết. Vì vậy, Ung Chính nhất thiết phải xử lý hai người này. Về sau cả hai đều bị kết tội.

Sau khi lên ngôi, ông rất bận rộn. Ông không rảnh để ý các quan nhỏ hơn. Đến năm Ung Chính thứ ba, Ung Chính giao Tào Phủ cho Di thân vương trông coi. Di thân vương là ai? Rất thú vị. Vị Di thân vương này chính là Dận Tường.

Di thân vương Dận Tường là con thứ mười ba của Khang Hy. Tính cách trầm ổn, chín chắn, vốn rất được Khang Hy yêu mến. Nhưng về sau vì tham dự cuộc tranh đoạt hoàng quyền mà bị lạnh nhạt. Sau khi Ung Chính kế vị, Dận Tường mới bước vào thời huy hoàng trên chính trường. Dận Tường rất được Ung Chính trọng dụng, trở thành Di thân vương quyền thế hiển hách, thực tế nắm đại quyền phụ chính, trở thành nhân vật số hai của triều đình. Năm Ung Chính thứ tám, Dận Tường qua đời vì bệnh.

Ban đầu, trong tất cả các vương tử của Khang Hy, Dận Tường là người lận đận nhất. Lận đận thế nào? Bài trước tôi có nói tới vụ cảnh báo đêm trong trướng điện, còn nhớ chứ? Vụ cảnh báo đêm trong trướng điện.

Hoàng đế Khang Hy cảm thấy có người từ khe nứt bên ngoài doanh trướng nhìn trộm vào trong. Đó là do có người tố mật. Ai tố mật? Thực ra là hai người. Một là Đại a ca. Còn một người tố mật nữa, rất có thể chính là Dận Tường này. Chính là ông ấy. Nhưng chuyện này, sau khi trở về, Khang Hy cũng khó nói với người khác. Một trong những cách Khang Hy biểu đạt là trước sau không phong tước vị cho ông. Ông trở thành một nhân vật rất lúng túng. Ông cũng giống những anh em khác, đều là con ruột của hoàng đế.

Nhưng người khác đều được phong tước này tước nọ, chỉ riêng ông thì mãi chỉ có thân phận vương tử, không có bất kỳ tước vị nào.

Nhưng Ung Chính vừa nắm quyền, liền phong Dận Tường làm thân vương, tước vị cao nhất, tức Di thân vương, và vô cùng tin cậy ông.

Vì vậy đến năm Ung Chính thứ ba, Ung Chính mới rảnh tay trừng phạt nhà họ Tào, trừng phạt Tào Phủ, trước hết giao ông cho Di thân vương. Ung Chính nói với Tào Phủ: ngươi đừng tìm cửa này cửa nọ nữa. Có việc gì thì nói với một người này, nói với Di thân vương. Di thân vương thương ngươi, mọi việc ông ấy đều có thể giúp ngươi. Đại ý là như vậy. Dĩ nhiên Ung Chính không nói trực tiếp, mà thêm vài lời phê vào tấu chương của Tào Phủ. Đại ý là như thế. Điều này rất bất lợi cho nhà họ Tào, phải không?

Bởi một vương tử ít được sủng ái nhất trong triều Khang Hy, nay đã thành thân vương. Vận mệnh nhà họ Tào nằm trong tay ông. Đó không phải chuyện tốt. Nghe nói Di thân vương này thật ra cũng không phải người quá hung ác.

Vì thế với nhà họ Tào, ông cũng không đổ thêm dầu vào lửa giúp Ung Chính đánh đòn hủy diệt ngay lập tức. Cho đến năm Ung Chính thứ năm, Ung Chính hoàn toàn rảnh tay, đã xử lý gần hết các chính địch khác, mới bắt đầu xử lý những quan viên mà ông không thích. Ông có một nguyên tắc cơ bản: phàm ai năm xưa cha ông thích, ông đều không thích; ngược lại, ai cha ông không thích, ông lại cứ muốn thích.

Dưới sự chi phối của tình cảm và lối nghĩ phản nghịch ấy, Ung Chính chỉnh trị một loạt quan viên từng được sủng ái ở triều cha ông, trong đó có Tào Phủ. Năm Ung Chính thứ năm, ông tịch thu gia sản nhà họ Tào. Năm Ung Chính thứ sáu, ông bắt Tào Phủ về kinh vấn tội, phạt đeo gông bêu tội.

Dù ở Bắc Kinh cũng cấp cho nhà họ một căn sân rất nhỏ để ở, nhưng Tào Phủ bị phạt đeo gông. Đeo gông thì ngày nào cũng phải đi làm. Đi làm gì? Đeo cái gông gỗ lớn, có khi bên trên còn có mép bọc sắt, hoặc thứ kết hợp giữa sắt và gỗ. Đeo vào rồi đứng ngoài phố. Đứng làm gì? Bạn còn không được im lặng, phải không ngừng hô: tôi có tội. Tội gì? Bạn phải nói rõ với người qua đường. Rất thảm. Đó là bêu trước công chúng. Tào Phủ lâm vào cảnh ngộ bi thảm như vậy.

Nhưng trong 《Hồng Lâu Mộng》, khi đọc kỹ 《Hồng Lâu Mộng》, ta phát hiện một số tình hình của nhà họ Tào thời Ung Chính rất ít được viết vào 《Hồng Lâu Mộng》. Ngay cả khi được nâng từ nguyên trạng đời sống lên thành cảnh huống nghệ thuật, cũng khá ít. Tào Tuyết Cần dường như không mấy muốn viết đoạn này. Vậy trọng điểm Tào Tuyết Cần viết là những chuyện xảy ra dưới triều Càn Long. Cuộc đấu tranh quyền lực chính trị ở thượng tầng triều ấy được phản chiếu nhiều hơn vào văn tự 《Hồng Lâu Mộng》.

Bản thân tôi, trên hành trình truy tìm nguyên mẫu Tần Khả Khanh này, thu được rất nhiều niềm vui. Tôi muốn đem niềm vui ấy chia sẻ với các bạn. Vì thế tôi không muốn đơn giản nói ngay với bạn nguyên mẫu này là ai.

Tôi tha thiết mời các bạn cùng tôi tiếp tục chuyến du hành lịch sử vui vẻ để khám phá nguyên mẫu.

# Tập 9

Bí ẩn nhật nguyệt cùng treo

*Những cuộc tranh chấp trong hoàng thất nhà Thanh trực tiếp chi phối vinh nhục, thịnh suy của nhà họ Tào. Năm Ung Chính thứ mười ba, tức năm 1735, hoàng đế Ung Chính qua đời. Người con thứ tư là Hoằng Lịch kế vị, đó chính là hoàng đế Càn Long. Đối với nhà họ Tào, sau cảnh phú quý phồn hoa thời Khang Hy và cảnh sa sút mắc tội thời Ung Chính, một thời đại hoàn toàn mới lại bắt đầu. Vậy nhà họ Tào và hoàng đế Càn Long có quan hệ thế nào? Tào Tuyết Cần đã viết những biến động thời cuộc rối ren vào 《Hồng Lâu Mộng》 ra sao?*

*Và chuyện "nhật nguyệt cùng treo" kinh tâm động phách rốt cuộc là gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục hành trình lịch sử truy tìm nguyên mẫu Tần Khả Khanh, dẫn chúng ta tìm dấu vết trong triều Càn Long.*

Trong 《Hồng Lâu Mộng》, nếu đọc kỹ, ta sẽ phát hiện những chuyện của nhà họ Tào dưới triều Ung Chính rất ít được viết tới. Ngay cả khi được nâng từ nguyên trạng đời sống thành cảnh nghệ thuật, vẫn rất ít. Dường như Tào Tuyết Cần không muốn viết đoạn ấy. Điều ông chú trọng hơn là những chuyện xảy ra trong triều Càn Long. Còn cuộc đấu tranh quyền lực thượng tầng của triều này thì được khúc xạ nhiều hơn vào văn bản 《Hồng Lâu Mộng》. Đó là điều trong bài giảng này tôi muốn báo cáo trọng điểm với các bạn.

*Lưu Tâm Vũ cho rằng 《Hồng Lâu Mộng》 là một bộ tiểu thuyết mang tính tự truyện. Vì vậy, Tào Tuyết Cần đã đem trải nghiệm của Tào gia trong ba triều Khang, Ung, Càn — đặc biệt là trải nghiệm và cảm ngộ thời Càn Long — dung nhập vào tác phẩm. Sự thật có đúng như thế không? Đằng sau văn tự 《Hồng Lâu Mộng》 rốt cuộc ẩn giấu bí mật gì? Quan hệ giữa nhà họ Tào và hoàng đế Càn Long ra sao?*

Trong hồi 40 của 《Hồng Lâu Mộng》, có nửa hồi gọi là "Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài". Hồi ấy viết chuyện gì? Viết chuyện Giả mẫu cùng dì Tiết, Vương phu nhân và các cô tiểu thư cùng chơi nha bài. Rồi để Kim Uyên Ương, đại a hoàn của Giả mẫu, làm người đọc mặt bài và tên bài.

Mỗi người sau khi lấy được một bộ bài, Uyên Ương đọc màu và quân của từng bộ, rồi đọc ra tên bộ bài ghép thành. Sau đó người chơi phải nói một câu văn vần, một câu có gieo vần.

Câu chuyện là như vậy. Bây giờ, sau khi nghe tôi nói nhiều về triều Thanh, Khang Hy, Ung Chính, và sắp nói đến Càn Long, bạn đọc lại hồi này sẽ có thu hoạch mới, thấy câu nào cũng quan trọng. Trò chơi của họ bắt đầu. Vừa mở đầu, Giả mẫu đã ghép được một bộ bài. Ở quân bài thứ nhất của Giả mẫu, Uyên Ương bảo bà nói. Giả mẫu nói: "Trời xanh đứng ở bên trên". Vì sao Giả mẫu nói câu ấy? Đó là vì dưới triều Càn Long, Ung Chính đột ngột qua đời, Càn Long lên ngôi. Sau khi lên ngôi, Càn Long là một nhà chính trị lớn.

Ông biết rút kinh nghiệm cai trị từ ông nội và cha mình. Ông cảm thấy hai triều của cha và ông nội đã để lại những vết thương chính trị quá sâu. Trước hết, vết thương trong nội bộ hoàng tộc quá sâu.

Vì vậy ông thi hành chính sách gọi là "thân thân mục tộc". Nghĩa là: hoàng tộc chúng ta phải đoàn kết lại. Ân oán cũ xóa sạch một nét. Từ nay chúng ta bắt đầu lại, cùng sống một đời sống chính trị đoàn kết để chống đỡ vương triều Đại Thanh. Hơn nữa, ông tự mình làm gương. Với các thành viên hoàng tộc từng bị Ung Chính trị tội, ai còn bị giam thì ông thả ra; ai đã chết thì ông đối xử tử tế với con cháu họ, khôi phục một số tước vị cho con họ. Ông làm rất nhiều việc như thế.

Với các quan viên phạm tội vì đấu tranh trong hoàng tộc, vì thay đổi quyền lực, chỉ cần họ không thật sự chống lại sự thống trị nhà Thanh, mà chỉ vướng chuyện thiếu hụt ngân khố hoặc vài vấn đề khác, ông đều xá miễn, cho qua một lượt.

Vì vậy năm Càn Long nguyên niên, nhà Tào Tuyết Cần gặp tình thế "trên đầu có trời xanh"; Giả mẫu hài lòng với vị hoàng đế khi ấy. Tất nhiên trong 《Hồng Lâu Mộng》 có hoàng đế. Hoàng đế trong sách là sự hợp nhất của ba hoàng đế Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, nhưng phần nhiều hơn nên hiểu là Càn Long.

Nói đến đây, tôi còn muốn sắp lại vấn đề thế hệ cho các bạn, để đầu óc rõ hơn. Trong ba hoàng đế nhà Thanh ấy, Khang Hy là một đời vua. Ứng với nhà họ Tào là đời nào? Là đời Tào Dần. Chiếu vào 《Hồng Lâu Mộng》, đó là đời nào? Là đời Giả mẫu. Đời tiếp theo, tức đời Ung Chính, ứng với con của Tào Dần: Tào Ngung. Tào Ngung mất rất sớm, kế đó là Tào Phủ. Chiếu vào 《Hồng Lâu Mộng》, đó là Giả Xá, Giả Chính, Giả Kính, những người cùng một đời. Họ là một thế hệ. Sau đó là thế hệ thứ ba.

Thế hệ thứ ba trong hoàng thất chính là hoàng đế Càn Long. Người cùng thế hệ với Càn Long trong nhà họ Tào chính là đời Tào Tuyết Cần. Họ là một thế hệ. Còn chiếu vào 《Hồng Lâu Mộng》, đó là những người thuộc hàng chữ ngọc, như Giả Trân, Giả Liễn, Giả Bảo Ngọc v.v.

Quan hệ đối ứng là như vậy. Cho nên Giả mẫu nói "Trời xanh đứng ở bên trên", vì dưới triều Càn Long tình cảnh nhà họ Tào đã được nới lỏng rất nhiều. Điều này có hồ sơ để tra. Khi ấy các khoản nợ bạc, thiếu hụt của Tào Phủ đều được xóa sạch. Tào Phủ lại trở về Nội vụ phủ. Chiếu vào 《Hồng Lâu Mộng》, chính là người như Giả Chính lại làm quan. Tuy chức ấy không cao, nhưng cũng coi như tạm ổn. Ông làm một viên ngoại lang. Cho nên Giả mẫu nói "Trời xanh đứng ở bên trên".

Thực ra, dù xét nhà họ Tào ngoài đời hay nhà họ Giả trong 《Hồng Lâu Mộng》, họ đều muốn trung thành và rất biết ơn vị hoàng đế đương thời. Đó là kiểu miêu tả phản ánh qua khúc xạ. Dĩ nhiên, khi Giả mẫu nói những quân bài sau, các câu vận ngữ cũng rất thú vị.

Bà nói: "Lục kiều mai nở hương tràn thấu xương". Câu ấy ngụ ý rằng nhà họ Tào — trong tiểu thuyết là các đại gia tộc được viết tới, như nhà họ Sử, nhà họ Giả — cuối cùng đã vượt qua mùa đông khắc nghiệt nhất. Hoa mai đã nở, tình cảnh của họ đã khá hơn. Rồi bà lại tụng thánh: "Một vành đỏ chói đương treo giữa trời". Giả mẫu biết ơn vị hoàng đế đương thời trong tiểu thuyết, mà theo cách giải thích này chính là hoàng đế Càn Long ngoài đời.

Nhưng khi cả bộ bài ghép lại, tên bộ bài lại không hay. Đây là cấu tứ nghệ thuật của Tào Tuyết Cần. Ông cố ý cấu tứ như vậy. Vì Uyên Ương nói với bà: ba quân bài này của cụ, trong cách chơi nha bài thì ba quân hợp thành một bộ, ba quân bài này của cụ "Hợp thành con quỷ bù đầu". Không ngờ ba quân ấy ghép lại không thành một tên bài tốt đẹp gì, mà lại là "con quỷ bù đầu". Giả mẫu cũng rất thông minh. Bà nói một câu: "Quỷ này ôm chặt đùi sau Chung Quỳ". Đó là một cấu tứ nghệ thuật cực kỳ cao diệu.

Đây chính là bản lĩnh của Tào Tuyết Cần khi chuyển đời sống thành nghệ thuật. Các bạn biết Chung Quỳ là người đánh quỷ. Chung Quỳ chuyên đánh quỷ.

Ông viết ra một tình thế vi diệu: một mặt Giả mẫu cảm thấy Chung Quỳ sẽ bảo vệ mình, nhưng con quỷ ấy có bị đánh ngay không? Nó chưa bị đánh ngay. Nó lại ôm lấy chân Chung Quỳ. Nói cách khác, cục diện của nhà họ Giả khi ấy vừa gặp khó khăn, vừa có người bảo vệ, nhưng sự bảo vệ ấy chưa chắc đi đến cùng. Ngay cả khi Chung Quỳ đánh quỷ, con quỷ vẫn ôm chân Chung Quỳ. Biết đâu nó còn kéo Chung Quỳ ngã dúi dụi, khó mà nói chắc. Có phải vậy không? Chỗ này rất khéo. Vì thế những câu lệnh bài này không phải được viết tùy tiện.

Tác giả đã động não rất nhiều. Tác giả dụng tâm đến thế, "mười năm cay đắng đâu tầm thường". Chúng ta đọc 《Hồng Lâu Mộng》 cũng phải chịu khó một chút, cẩn thận một chút, thì mới đọc ra hương vị. Phải không? Đúng chứ?

Giống như trà phong lộ tôi đã nói mấy bài trước: phải qua ba bốn lượt nước mới ra vị. Đúng không? Vừa pha xong đã uống ngay, thì không ngon. Đun qua ba bốn lượt nước, rồi lại pha, khi ấy uống mới thấy vị ngon. Đó là lời lệnh bài của Giả mẫu. Thời đầu triều Càn Long, nhờ thi hành chính sách hòa mục thân tộc như vậy, không chỉ các tông thất hoàng tộc từng tham gia tranh giành hoàng quyền được tương đối bình ổn, mà nhà họ Tào cũng từ vàng úa chuyển xanh tươi.

Đúng lúc Càn Long đang đắc ý với quyết sách khá rộng lượng của mình, một âm mưu chính trị lớn đã như mưa núi sắp đến, gió đầy lầu. Rốt cuộc chuyện ấy là gì? Ai dám động thổ trên đầu hoàng đế? Và nó có quan hệ gì với việc ta vạch ra nguyên mẫu Tần Khả Khanh?

Khi Sử Tương Vân tiếp tục bốc bộ bài này, tình hình liền thay đổi. Lúc ấy xuất hiện một câu khiến người ta rúng động. Xin mỗi bạn đang ngồi đây cùng tôi nghĩ kỹ: câu lệnh bài này có nghĩa gì? Sử Tương Vân đột

nhiên nói:

“Hai vầng nhật nguyệt sáng trưng trần hoan”.

Câu ấy nghĩa là gì? Theo tư tưởng thống trị của xã hội phong kiến thời bấy giờ, thì không thể có chuyện nhật nguyệt cùng treo. Trời không thể có hai mặt trời. Tuy anh không phải một mặt trời khác, nhưng anh là mặt trăng. Anh cùng mặt trời treo ngang hàng trên trời, thế thì còn ra sao nữa? Câu này vốn là thơ Lý Bạch. Câu thơ ấy của Lý Bạch nói về chuyện Đường Huyền Tông trong loạn An Sử vội vã chạy sang Tứ Xuyên. Ông vẫn là hoàng đế, nhưng rất thảm hại. Nửa đường, ba quân nổi loạn.

Ông buộc phải giết tể tướng sủng ái của mình là Dương Quốc Trung. Giết tể tướng rồi vẫn chưa xong. Người ta nói em gái của tể tướng vẫn còn bên cạnh ông. Ông đành khuyên Dương Quý Phi, em gái Dương Quốc Trung, tự tận. Dương Quý Phi không còn cách nào, đành tự vẫn mà chết.

Trong lúc ấy, con trai ông ở một nơi khác tuyên bố mình làm hoàng đế. Ông chưa hề thoái vị, mà một hoàng đế khác đã xuất hiện. Vì vậy Lý Bạch khi ấy có câu “song huyền nhật nguyệt chiếu càn khôn”. Sử Tương Vân dẫn câu thơ này, ngụ ý chính là điều tôi vừa nói.

Dưới triều Càn Long, trên đầu nhà họ Tào ngoài đời đã xuất hiện cục diện nhật nguyệt cùng treo. Phản ánh vào trong sách, Tào Tuyết Cần thông qua đoạn Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài, thông qua Sử Tương Vân, đã kinh tâm động phách nói ra câu ấy: “Song huyền nhật nguyệt chiếu càn khôn.”

Có bạn có thể hỏi tôi: nhật nguyệt cùng treo ư? Lúc này chẳng phải sao lại nhật nguyệt cùng treo? Khang Hy đã chết, Ung Chính cũng đã chết, Càn Long đã làm hoàng đế và ngồi vững rồi. Sao lại là nhật nguyệt cùng treo? Mặt trăng ấy là ai? Mặt trời dĩ nhiên là Càn Long, đúng không? Vậy mặt trăng là ai? Có mặt trăng không? Có chứ, một vầng trăng rất lớn. Người ấy là ai? Các bạn biết, thái tử từng được Khang Hy hết sức yêu quý. Khả năng sinh con của thái tử cũng rất mạnh. Hoàng tử đầu tiên của Khang Hy được sinh khi ông mới mười ba tuổi.

Quá sớm hôn, sớm sinh, đúng không? Còn vị thái tử này cũng rất có khả năng sinh con, sinh rất nhiều con trai. Con trai đầu của thái tử cũng chết yểu, nên người con thứ hai coi như con trưởng. Các bạn hiểu chứ?

Người con ấy tên là gì? Ông ta tên là Hoằng Tích. Hoằng Tích lớn tuổi hơn nhiều. Khi thái tử bị phế lần thứ nhất, ông ta khoảng mười lăm tuổi, đã là một người khá trưởng thành. Hoằng Tích lớn lên ngay dưới mắt Khang Hy. Khi cha ông bị phế lần thứ hai, ông đã mười tám tuổi. Hơn nữa ông đã kết hôn, cũng đã sinh con trai. Ông đã sinh cho Khang Hy một người chắt thuộc dòng đích tôn. Vì vậy sau vụ phế thái tử lần thứ hai, triều dã phản ứng ra sao? Nay bạn tra văn hiến đời Khang Hy, Ung Chính, sẽ thấy ghi chép rất ít, phần lớn đã bị xóa bỏ.

May là chúng ta có một nước láng giềng, Triều Tiên. Trong lịch sử của họ vẫn còn ghi chép. Trong 《Lý triều thực lục》 của Triều Tiên có ghi gì? Có những ghi chép sau.

Chẳng hạn, thứ nhất: sau khi thái tử bị phế lần thứ hai, 《Lý triều thực lục》 tiết lộ rằng, tuy bản thân Dận Nhưng quả thật khiến Khang Hy đau lòng, và bị cho là không thể kế thừa ngôi vua, nhưng con của Dận Nhưng là Hoằng Tích lại là cháu đích tôn. Khang Hy rất thích ông ta. Khang Hy vẫn tính truyền ngôi cho dòng đích. Nếu con trai không được, thì có thể truyền cho cháu nội. Mà người cháu này không phải trẻ nhỏ, đã là một thanh niên văn võ toàn tài. Trong 《Lý triều thực lục》 có ghi như vậy.

Hơn nữa sách ấy còn chép rằng, về sau Khang Hy đột nhiên lâm bệnh rồi mất. Ung Chính kế vị. Khi Khang Hy sắp mất, vẫn có hai điều di ngôn. Một điều là: phế thái tử người này về sau quả thật không thể để ông can dự chính trị nữa, phải vĩnh viễn giam giữ.

Nhưng phải chu cấp ăn mặc đầy đủ cho ông. Điều nữa là cháu đích tôn Hoằng Tích của ông phải lập tức phong làm thân vương. Trong 《Lý triều thực lục》 có ghi như vậy. Cho nên đến thời Càn Long, Càn Long tuyệt đối không ngờ rằng lại xuất hiện một chính địch mạnh mẽ: chính là Hoằng Tích, người anh họ của ông. Càn Long tuổi còn nhỏ. Khi thái tử bị phế lần đầu, Càn Long còn chưa sinh ra. Khi phế lần thứ hai, Càn Long vẫn chỉ là một trẻ nhỏ, còn rất bé, chưa hiểu chuyện. Vì thế ban đầu ông xem nhẹ người anh họ Hoằng Tích này.

Ông không thể ngờ rằng sau khi mình lên ngôi, Hoằng Tích rất nhanh chóng bành trướng thế lực chính trị. Ông ta trở thành một đối thủ mạnh. Nếu Càn Long là mặt trời, thì Hoằng Tích được người ta xem là mặt trăng.

Bạn đừng thấy lạ. Sử liệu nhà Thanh có nhiều điểm nâng đỡ luận đoán này. Lúc ấy, Ung Chính từng xem nhẹ Hoằng Tích. Bài trước tôi đã nói rằng sau khi lên ngôi, ông phải đối mặt với quá nhiều chính địch. Tục ngữ có câu: "Ấn được quả bầu thì gáo lại nổi"; ông không sao xoay xở hết. Hơn nữa, dường như Khang Hy từng căn dặn phải đối đãi tử tế với Hoằng Tích, nhất là sau khi cha ông mất vào năm Ung Chính thứ hai.

Ung Chính lên ngôi không lâu thì phế thái tử trước kia qua đời. Nghĩ lại thì Hoằng Tích đã cách một đời, đúng không? Khi ấy bề ngoài Hoằng Tích có lẽ cũng khiêm cung thật thà, chưa lộ nanh độc, đúng không? Vì thế Ung Chính tha cho ông một lần.

Cha đã nói phong ông ta làm thân vương, vậy thì cứ phong. Quả nhiên Hoằng Tích được phong làm Lý thân vương. Trước là quận vương, sau là thân vương. Dĩ nhiên Hoằng Tích vẫn là nhân vật nhạy cảm. Nên không thể để ông sống trong Tử Cấm Thành, hay cấp cho ông một vương phủ lớn để ở ngay trong thành Bắc Kinh. Vì vậy ông được sắp xếp ở đâu? Được đưa tới Trịnh Gia Trang ở Xương Bình. Bây giờ bạn đến Xương Bình,

vẫn có một địa danh gọi là Trịnh. Các Trang, có lẽ chính là chỗ ấy. Ông được bố trí ở đó. Ở đó xây một vương phủ rất lớn.

Có người hỏi: "Lớn đến mức nào?" Việc này có sử liệu chắc chắn để tra. Ngay khi Khang Hy còn sống, công trình ấy đã bắt đầu được xây dựng.

Lúc ấy, mục đích chính của Khang Hy chưa phải là dời Hoằng Tích tới đó, vì phế thái tử vẫn còn sống. Sau khi bị giam, ban đầu phế thái tử ở Hàm An cung trong Tử Cấm Thành. Khang Hy thấy để người bị phế ở đó trước sau vẫn là chuyện rắc rối, nhưng dù sao ông ta cũng là máu mủ của mình. Vì thế, Khang Hy nói: "Vậy thì xây cho ông ta một vương phủ lớn ở ngoại ô."

Để tiện trông giữ, mà lại là cách trông giữ mềm, chi bằng chọn một nơi trên tuyến đường mỗi lần ta đi Mộc Lan thu tiển, xây hành cung của ta cùng vương phủ của ông ta vào một chỗ. Khang Hy từng có ý tưởng ấy.

Quy mô nhà cửa xây ở Trịnh Gia Trang, Xương Bình như sau: trong hành cung là đại viện lồng tiểu viện, phòng lớn nhỏ có 290 gian, hành lang có 96 gian. Rồi lại xây cho Dận Nhưng khi ấy một vương phủ, gồm 189 gian phòng lớn nhỏ. Đãi ngộ ấy tương đối cao. Lại để cung ứng cho hành cung và vương phủ, xung quanh còn xây phòng ăn, phòng trà, nhà ở cho binh đinh, nhà bếp v.v. Tổng cộng bao nhiêu gian? Có 1.973 gian. Quy mô toàn bộ thế nào? Các bạn thử nghĩ xem. Đó là một quy mô rất lớn.

Vì vậy dưới triều Ung Chính, sau khi phế thái tử mất vào năm Ung Chính thứ hai, Hoằng Tích được xếp là một thân vương và được đưa tới Trịnh Gia Trang sinh sống. Đối với Hoằng Tích, việc ấy vừa có hại vừa có lợi. Cái hại là vẫn mang chút ý bị giáng truất, đúng không?

Tuy tôi là một thân vương, vương phủ thân vương thường ở trong thành, đúng không? Vậy mà tôi lại bị đưa ra một nơi rất xa ở ngoại ô phía bắc. Cái lợi là dù anh trông giữ thế nào, nơi ấy vẫn lỏng hơn trung tâm chính trị. Tôi có thể toan tính chuyện khác. Và Hoằng Tích quả nhiên toan tính chuyện khác.

Tuy ở vùng ngoại ô xa, nhưng dựa vào thân phận đặc biệt là cháu đích tôn của Khang Hy, ông ta tại Trịnh Gia Trang xa Tử Cấm Thành đã mơ giấc mộng hoàng đế. "Hai vầng nhật nguyệt sáng trưng trần hoan" chính là tái hiện sinh động tình thế chính trị kinh tâm động phách khi ấy. Là con dòng đích của phế thái tử từng bị lập rồi bị phế hai lần, Hoằng Tích thật sự dám thách thức hoàng đế Càn Long đương triều sao?

Hoằng Tích và Tần Khả Khanh có quan hệ gì? Có lẽ bạn còn muốn tôi đưa ra luận cứ chắc hơn: làm sao biết Hoằng Tích muốn đoạt quyền, mưu đoạt hoàng vị? Đây là lời Càn Long nói về sau, không phải lời của người khác. Ông nói: "Hoằng Tích dám tự tiện mô phỏng chế độ quốc gia, lập ra bảy ty như Hội kế, Chưởng nghi." Chỉ hoàng đế mới có những cơ cấu như thế.

Chưởng nghi ty là cơ quan lo việc hoàng đế xuất hành, nghi trượng phải bày đặt ra sao, trải thảm thế nào, hai bên dựng màn che thế nào. Còn Hội kế ty thì khỏi cần nói, Ngoài ra còn năm ty nữa, tổng cộng là bảy ty. Hoằng Tích vừa khéo ở tận Trịnh Gia Trang, không ở trong thành. Ở trong thành có thể phiền hơn.

Vừa rồi tôi vì sao nói số nhà ở Trịnh Gia Trang cho các bạn nghe? Vì rất nhiều, đủ để ông ta lập cơ cấu hành chính riêng. Có phải không? Hoằng Tích ở đó tự mình làm hoàng đế. Ông ta lập cho mình bảy ty.

Tức là Hoằng Tích đã bắt đầu làm hoàng đế. Càn Long nhỏ tuổi hơn ông ta, lúc đầu còn hồ đồ; nhưng về sau khi trưởng thành, nắm quyền và trở thành một nhà chính trị lớn, ông hiểu ra. Sử liệu nhà Thanh còn ghi rất rõ lời Càn Long: "Hoằng Tích tự cho mình là con dòng đích của Đông cung cũ, lòng dạ rất khó hỏi tới."

Càn Long lúc ấy mới ý thức rằng ngay về huyết thống, mình thậm chí còn không địch nổi Hoằng Tích. Theo tư tưởng tông pháp xã hội phong kiến, phải phân đích thứ. Càn Long là con thứ xuất của Ung Chính, còn Hoằng Tích là con của người con do hoàng hậu sinh ra. Có phải không? Vì vậy về sau Càn Long bừng tỉnh: hóa ra ta đã không phòng bị người này cẩn thận. Thì ra ông ta tự nhận mình là con dòng đích của Đông cung.

Hơn nữa, về sau Càn Long đau lòng phát hiện rằng rất nhiều người trong hoàng tộc, kể cả một số quý tộc và thân tín từng được cha ông ưu đãi, vẫn nghĩ: "Ai mới nên làm hoàng đế? Đương nhiên phải là con dòng đích của Khang Hy, phải không?"

Con dòng đích ấy đã chết, đã chết rồi. Vậy người con dòng đích ấy có con nối dòng đích không? Mà Hoằng Tích lại là con dòng đích của Dận Nhưng, do chính thất của Dận Nhưng sinh ra. Ông ta cũng thuộc dòng đích. Vậy chẳng phải người ấy nên làm hoàng đế sao? Đều có suy nghĩ như vậy. Cho nên sau này Càn Long mới cảnh giác. Ban đầu ông sơ ý. Kết quả là trong một thời gian, đúng là nhật nguyệt cùng treo soi càn khôn.

Trong hồi 40 《Hồng Lâu Mộng》, đoạn "Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài" đã kinh tâm động phách tuyên bố rằng toàn bộ bối cảnh chính trị của 《Hồng Lâu Mộng》 chính là nhật nguyệt cùng treo. Rốt cuộc hươu chết vào tay trăng hay chết vào tay mặt trời, vẫn chưa thể định.

Hoằng Tích tự cho mình mới là vầng trăng chính thống, lại bị mặt trời của người khác thay thế. Nội tâm bành trướng, Hoằng Tích liên lạc với các thân vương và hoàng tử ủng hộ mình, bắt chước triều đình lập Nội vụ phủ, mơ giấc mộng hoàng đế, và toan mưu sát Càn Long. Đây chính là vụ án Hoằng Tích nổi tiếng trong lịch sử. Cách làm đại nghịch bất đạo ấy tất nhiên Càn Long không thể dung thứ. Thế là Càn Long dùng dao sắc chặt rối, kết liễu vụ nghịch án ấy, và sau đó tiêu hủy toàn bộ hồ sơ quan trọng.

Bản thân Hoằng Tích cuối cùng được khoan miễn tội chết, nhưng từ đó bị giam cấm vĩnh viễn cho đến khi qua đời. Vì vậy những câu nha bài lệnh sau đó của Sử Tương Vân càng lúc càng đáng sợ. Câu ấy là: "Tiếng hoa rụng xuống nào nghe thấy gì."

Khi ấy cuộc đấu tranh này vẫn còn là đấu ngầm. Năm Càn Long nguyên niên vẫn là đấu ngầm. Đến năm Càn Long thứ tư, trận quyết đấu lớn ấy mới biến thành đấu công khai. Vì thế lúc này là ngấm ngầm so sức, gọi là: "Tiếng hoa rụng xuống nào nghe thấy gì." Hơn nữa, cục thế khi ấy khá kỳ lạ. Câu tiếp là: "Kìa cây hồng hạnh tựa mây bên giời." Cũng có người dựa vào sức mạnh của mặt trời mà đắc thế. Nhưng bạn phải cẩn thận. Lại có một câu khiến tim bạn đập như "nhật nguyệt cùng treo soi càn khôn": "Vườn qua lại để chim vào tha ra."

Câu này rất hay. "Vườn ngự" là vườn Ngự Hoa ở Tử Cấm Thành mà các bạn từng đến. Một khu vườn lớn như thế, vậy mà hãy coi chừng. Bạn phòng người này, phòng người kia, nhưng một con chim cũng có thể tha bạn đi. Ghê gớm không?

Đó là một sức mạnh đoạt quyền tiềm tàng đang hổ thị đam đam. Vườn ngự có thể bị chim tha ra ngoài. Đừng nhìn bề ngoài là "hoa rơi xuống đất chẳng nghe tiếng". Vì vậy lệnh từ của Sử Tương Vân cũng rất đáng sợ. Nó báo trước rất nhiều điều.

Tào Tuyết Cần quả là một nhà văn cao tay. Trong lúc ta không hay không biết, ông đã đặt ra cho chúng ta từng cảnh tượng hàm ý sâu xa mà lại đầy lớp nghi vấn.

*Lưu Tâm Vũ cho rằng thông qua "Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài", Tào Tuyết Cần đã nói rõ với chúng ta: trăng trong 《Hồng Lâu Mộng》 đại diện cho Hoằng Tích. Đây chính là bí mật lớn ẩn sau văn tự 《Hồng Lâu Mộng》. Và nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh có liên hệ trọng đại với điều ấy.*

*Vậy ngoài "Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài", trong 《Hồng Lâu Mộng》 còn có những ví dụ dùng trăng ví thái tử. Việc giải đọc rất nhiều văn tự về trăng trong 《Hồng Lâu Mộng》 đối với việc vạch ra nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh rốt cuộc có tác dụng gì?*

Các ví dụ dùng trăng ví thái tử quá nhiều. Không chỉ có trong "Kim Uyên Ương ba lần xướng lệnh nha bài". Chẳng hạn, mở 《Hồng Lâu Mộng》, ngay hồi thứ nhất, ta đã thấy nhân vật Giả Vũ Thôn xuất hiện. Trong hồi thứ nhất, Giả Vũ Thôn có một bài khẩu hiệu nhất tuyệt. Biểu hiện thứ nhất của việc dùng trăng ví thái tử: bài khẩu hiệu nhất tuyệt. Bài khẩu hiệu nhất tuyệt của Giả Vũ Thôn viết:

"Đêm rằm gặp buổi đoàn loan,
Sáng trong, dõi khắp lan can phía ngoài.

Vừng trăng vừa ló trên trời.
Dưới trần ngửa mặt muôn người ngắm trông."

Về sau cảnh tượng này quá phô trương. Chẳng phải là hoàng đế xuất hiện đó sao?

"Vừng trăng vừa ló trên trời, / Dưới trần ngửa mặt muôn người ngắm trông." Đây là làm gì vậy?

Nói là viết cảnh trăng Trung thu, nhưng thực ra bài thơ này ẩn phục một tình thế chính trị. Trong cục diện nhật nguyệt cùng treo soi càn khôn, mặt trăng đã bành trướng rất mạnh. Có thể bạn thấy bài thơ này vẫn hơi gượng ép, đúng không? Dùng một bài thơ thế này chưa thuyết phục được bạn. Được, ta xem thêm vài bài. Mọi người đều biết ở hồi 48, có viết về một cô gái xinh đẹp muốn học làm thơ. Cô gái ấy là ai? Là Hương Lăng, con gái Chân Sĩ Ẩn. Biểu hiện thứ hai của việc dùng trăng ví thái tử: Hương Lăng học thơ.

Hương Lăng trước sau viết ba bài, bài sau hay hơn bài trước. Bài đầu, Lâm Đại Ngọc xem xong thấy quả là người ngoài nghề, không được. Nhưng trong bài ấy có một câu: "Đêm lạnh vừng trăng đứng giữa giời."

Đó là tình thế của vầng trăng khi ấy: tuy đã treo giữa trời, đêm vẫn còn lạnh; xem ra nó còn cách lúc thật sự đắc thế một quãng. Đến bài thứ hai của Hương Lăng, Tiết Bảo Thoa nhận xét: "Bài này không hợp đề. Đề là viết về trăng, nhưng chị lại viết về ánh trăng." Tuy vậy, trong bài vẫn có một câu đáng nghiền ngẫm: "Ngoài rèm còn đấy mảnh gương trong." Khi ấy, Hoằng Tích được đưa tới Trịnh Gia Trang, Xương Bình, và Càn Long đã bắt đầu để ý đến ông ta.

Ban đầu ông được Ung Chính sắp xếp tới đó. Sau khi Ung Chính mất, về sau Càn Long cũng bắt đầu cảnh giác ông. Tuy ông bị đẩy ra rìa, nhiều gia đình quý tộc vẫn biết ông có thực lực.

Hơn nữa, trong lòng họ đặc biệt coi ông là con dòng đích của người con trưởng dòng đích của Khang Hy, tức cháu đích tôn của hoàng đế. Vì vậy, tuy chỉ còn dư quang, nhưng "ngoài rèm còn đấy mảnh gương trong": ánh sáng ấy vẫn tồn tại. Đến bài thứ ba, Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa và Lý Hoàn đều cho là hay; Hương Lăng cuối cùng đã tu luyện thành thi nhân. Trong bài được xem là hay nhất này có một câu càng kinh tâm động phách: "Tinh hoa đâu để giấu cho mình."

Nghĩa là tinh hoa của vầng trăng ấy, anh muốn che lấp nó ư? Nói cho anh biết, đến lúc này e đã khó rồi. Vầng trăng ấy sắp thành việc. Câu này đầy kỳ vọng với mặt trăng.

Có lẽ lại có người nói: "Ông giải thích thơ Hương Lăng như vậy có quá gượng ép, quá giật gân không? Tôi đọc 《Hồng Lâu Mộng》 trước nay đâu thấy như thế." Cá nhân tôi vẫn giữ quan điểm của mình. Vẫn còn một ví dụ ở hồi 76: trong đêm Trung thu, Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân liên thơ tại Ao Tinh quán. Đây là biểu hiện thứ ba của việc dùng trăng ví thái tử.

Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân liên thơ. Trong bài liên thơ ấy có rất nhiều câu rất đáng để chúng ta chú ý. Dĩ nhiên toàn bài là thơ làm trong tiết Trung thu, nên có liên quan tới trăng.

Nhưng trong đó có những câu càng nghĩ càng thấy kinh tâm động phách. Chẳng hạn có những câu:

"Thanh cao sao Vụ đẹp thay,
Thiền thừ thở hút hơi bay khoảng trời."

Hai câu này còn tạm được. Nghĩa là sao Vụ, cũng chỉ một ngôi sao trên trời, có cảnh ngộ cô độc nhưng rất trong sạch. Thực ra cũng là chỉ mặt trăng. "Thiền thừ thở hút hơi bay khoảng trời": trong mặt trăng có con thiềm thừ đang thở.

"Thỏ thiêng thuốc đã luyện rồi,
Người nơi hạ giới lên chơi Quảng Hàn."

Chẳng phải trong mặt trăng có con thỏ giã thuốc sao? Lúc ấy, hai người liên thơ về ý con người nhìn trăng liền muốn chạy lên cung Quảng Hàn, nơi Hằng Nga ở.

Bốn câu này tuy nói về trăng, nhưng dường như chưa đến mức dữ dội. Chỉ là miêu tả cảnh tượng thông thường. Những câu bên dưới là:

"Bên trời Ngưu nữ chờn vờn,
Bè tiên lên hỏi thăm nàng đế tôn."

Hai câu này thì không tầm thường nữa. "Đẩu" là chỉ Bắc Đẩu, sao Bắc Đẩu trên trời. "Phạm Đẩu" nghĩa là một ngôi sao xâm phạm một ngôi sao khác. Đó gọi là "Phạm Đẩu mời Ngưu Nữ". Ý thơ ấy, trong sự mơ hồ, bộc lộ một bầu không khí căng thẳng rất mạnh. Câu ấy hãy tạm gác; bên dưới còn ba câu. Bây giờ tôi nói với các bạn: trong một số bản cổ 《Hồng Lâu Mộng》, ba câu tôi sắp nói bên dưới có thể đã bị người chép sách, vì đọc ra mùi vị trong đó mà sợ hãi, xóa đi. Không phải bản cổ nào cũng giữ ba câu này, vì nói theo ngôn ngữ hôm nay, ba câu ấy quá lộ liễu.

Câu dưới là gì? Là "thừa tra đãi đế tôn". "Tra" tức là cái bè gỗ, các bạn biết chứ? "Thừa tra". Ngày xưa người ta cho rằng trên trời có Thiên Hà, nên chiếc bè ấy cũng có thể đi trong Thiên Hà. Ngồi trên chiếc bè gỗ ấy đi trong Thiên Hà, đang đợi ai giáng lâm? Đợi "đế tôn". "Đế tôn" tuy chỉ một tinh tú, xưa gọi sao Chức Nữ là "đế tôn", nhưng ở đây rõ ràng chỉ cháu của Khang Hy.

Vì dưới triều Càn Long, mọi người đều biết hai chữ "đế tôn" chỉ Hoằng Tích, không ai khác.

Ông là cháu đích tôn của hoàng đế Khang Hy.

Gọi tắt là "đế tôn". Các tông thất khác đều không thể được gọi như vậy. Thế là trong bài liên thơ Ao Tinh quán lại xuất hiện câu như thế. Tôi muốn "đi bè đợi đế tôn".

Một số người hy vọng ông ta thành việc. Hy vọng ông ta, cuối cùng là "Vừng trăng vừa ló trên trời", "Dưới trần ngửa mặt muôn người ngắm trông." Chuyện này có kinh tâm động phách không?

Có người có thể vẫn chưa phục: "Ông có quá nhạy cảm không?" Không phải tôi nhạy cảm, mà Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên nhạy cảm. Bản họ có được vốn chép câu này, và họ cũng không xóa cả câu. Nhưng vừa thấy "thừa tra đãi đế tôn", họ nghĩ: "Đừng chuốc họa", rồi vội xóa chữ "đãi", đổi thành chữ "phỏng". Vì thế, trong bản thông hành, bạn có thể thấy chỗ Cao Ngạc sửa. Ông ta không chỉ nối bốn mươi hồi sau mà còn sửa tám mươi hồi trước.

Ông ta đổi "thừa tra đãi đế tôn" thành "phỏng đế tôn". Một chữ "đãi" và một chữ "phỏng", ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. "Đãi đế tôn" nghĩa là bạn có chờ đợi một sức mạnh. Bạn hy vọng sức mạnh ấy đến giải cứu mình.

Đó là ý trông mong cứu tinh, ý chờ ông ta thành công. "Phỏng đế tôn" thì chỉ là đi thăm một chuyến, một chuyến thăm hữu nghị, khác hẳn. Vậy bạn nói ai nhạy cảm? Người họ Cao hơn hai trăm năm trước còn nhạy cảm hơn tôi, nên vội sửa. Còn hai câu nữa:

"Bánh xe khi khuyết khi tròn,
Đổi thay hối sóc hãy còn trơ trơ."

Có người nói: "Mặt trăng vốn có âm, tình, tròn, khuyết, đúng không? Có lúc nó thành trăng lưỡi liềm, có lúc lại tròn; có lúc hư, có lúc doanh, tức đầy." Có thể nói vầng trăng ấy không ổn định.

Họ cũng chú ý đến điểm này. Sức mạnh ấy quả thật có lúc tỏ ra rất mạnh, có lúc tỏ ra rất yếu. Nhưng câu dưới nêu rõ một niềm tin của họ: "Đổi thay hối sóc hãy còn trơ trơ." Khi nó tối hẳn và khi nó sáng hẳn, đó đều chỉ là biểu tượng bên ngoài. Hiểu không? Đừng chỉ nhìn biến hóa bề mặt ấy. Thực thể của nó, cái phách của nó, vẫn tồn tại ổn định trên bầu trời. Trong bài liên thơ ấy lại liên ra những câu như vậy. Lẽ nào là ngẫu nhiên sao? Lẽ nào tôi cho rằng trong văn bản《Hồng Lâu Mộng》, trăng ví thái tử lại hoàn toàn không có lý sao?

Vì vậy bạn xem, những chỗ này đều cho thấy tình thế chính trị ba triều Khang, Ung, Càn khi ấy đã ảnh hưởng đến nhà họ Tào, đến vận mệnh gia tộc của chính tác giả Tào Tuyết Cần.

Đồng thời nó lại được chiếu vào văn bản《Hồng Lâu Mộng》, để lại rất nhiều dấu vết. Hơn nữa có chỗ đã không còn là tơ nhện hay dấu chân ngựa nữa; có những dấu tích đã cực kỳ rõ ràng. Đó chính là điều tôi muốn nhấn mạnh trong bài này. Xin bạn chú ý: nhật nguyệt cùng treo soi càn khôn. Có lẽ có bạn bắt đầu

sốt ruột: ông nói cả buổi mà vẫn chưa cho chúng tôi biết, nguyên mẫu Tần Khả Khanh rốt cuộc là ai? Tôi đành mời mọi người nghe bài sau.

# Tập 10

Bí ẩn Tưởng Ngọc Hàm

*Một cuốn kỳ thư hiếm có; những câu đố tầng tầng lớp lớp. Trong lịch sử nhà Thanh rối rắm, phức tạp, ta truy tìm tận gốc nguồn cơn. Qua từng câu từng chữ của 《Hồng Lâu Mộng》, rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình dài kỳ: 《Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng》.*

*Tần Khả Khanh là nhân vật bí ẩn, đồng thời là chiếc chìa khóa lớn để giải mã 《Hồng Lâu Mộng》. Nguyên mẫu của nàng rốt cuộc là ai? Sau quá trình lần tìm từng đầu mối, thân phận thật của Tần Khả Khanh đã bắt đầu lộ dấu vết. Đằng sau nhân vật này còn ẩn giấu một âm mưu lớn trong cuộc đấu tranh quyền lực thời Khang — Ung — Càn. Trong âm mưu ấy, một con hát tên Tưởng Ngọc Hạm đã làm dấy lên sóng gió. Tưởng Ngọc Hạm là ai? Vì sao anh ta bị cuốn vào vòng xoáy tranh quyền? Anh ta đóng vai trò gì trong âm mưu ấy?*

*Và ai trong 《Hồng Lâu Mộng》 là kẻ đứng sau sắp đặt cuộc tranh quyền?*

*Với công phu nghiên cứu Hồng học nhiều năm, nhà văn Lưu Tâm Vũ đến với Bách Gia Giảng Đàn, dẫn chúng ta đi vào văn bản 《Hồng Lâu Mộng》. Thông qua việc giải đọc nhân vật Tưởng Ngọc Hạm, ông tiếp tục tiếp cận nguyên mẫu của Tần Khả Khanh.*

Vậy khi đọc 《Hồng Lâu Mộng》 chúng ta không thể bỏ qua một số cảnh chuyển tiếp. Mỗi hồi của 《Hồng Lâu Mộng》 đều có tình tiết chính. Trong quá trình chuyển từ tình tiết chính này sang tình tiết chính khác, nó có một số cảnh đệm. Giới Hồng học đã chứng minh rằng những cảnh đệm ấy không phải bút thừa chữ rườm. Tất cả đều được thiết kế rất công phu. Tất cả đều mang ý nghĩa trọng đại. Tào Tuyết Cần dốc tâm huyết hơn mười năm để sáng tác 《Hồng Lâu Mộng》. Tác phẩm ấy đã xác lập một tầm cao và địa vị khó vượt qua trong lịch sử văn học.

Nó làm nên danh hiệu bậc thầy văn chương cho Tào Tuyết Cần. Vì thế có người nói 《Hồng Lâu Mộng》 là một tác phẩm văn học vĩ đại. Cũng có người nói 《Hồng Lâu Mộng》 là một tiểu thuyết chính trị đậm màu sắc.

Nó luôn thấp thoáng những thông tin chính trị phản Thanh phục Minh. Nhưng điều khiến người ta khó hiểu là trong một tác phẩm văn học nổi bật về tính văn chương như vậy vì sao lại pha trộn màu sắc đấu tranh chính trị? Còn Tần Khả Khanh, người được bế về từ Dưỡng Sinh Đường, vì sao lại có liên hệ với những cuộc đấu tranh ấy? Trong 《Hồng Lâu Mộng》, những nhân vật nào mang màu sắc chính trị rõ rệt mà lại bị độc giả xem nhẹ? Chúng ta hãy xem cảnh chuyển tiếp đầu tiên trong 《Hồng Lâu Mộng》.

Đó là hồi thứ hai mươi sáu. Hồi này kể một số chuyện khác, nhưng đột nhiên xuất hiện một nhân vật. Nhân vật ấy là Phùng Tử Anh.

Mọi người còn nhớ nhân vật này chứ? Thật ra trước hồi này, cái tên ấy đã xuất hiện nhiều lần. Còn vai Phùng Tử Anh thì sẽ chính diện ra sân. Trong tám mươi hồi đầu, anh ta đã chính diện xuất hiện. Đến hồi hai mươi sáu, nhân vật này xuất hiện. Sau khi xuất hiện, lúc gặp Giả Bảo Ngọc và Tiết Bàn, họ liền hỏi anh ta. Tiết Bàn thấy trên mặt anh ta có mấy vết bầm nhẹ, bèn cười nói: "Trên mặt này lại với ai vung quyền, treo biển đánh nhau rồi?"

Phùng Tử Anh cười nói: "Từ khi đánh con ông đô úy họ Cừu bị thương, tôi đã hối hận và nhớ mãi việc ấy, không dám nóng nẩy, thì còn đánh nhau với ai? Vết thương ở trên mặt là tại hôm nọ tôi đi săn ở núi Thiết Võng, bị con chim ưng đập cánh trúng đấy." Bảo Ngọc hỏi: "Bao giờ thế?" Tử Anh đáp: "Đi từ hôm hai mươi tám tháng ba đến hôm qua mới về."

"Thảo nào hôm mồng ba mồng tư vừa rồi tôi đến dự tiệc nhà anh Thẩm không thấy anh. Tôi định hỏi, nhưng lại quên mất. Anh đi một mình hay cả bác cũng đi?" "Vì cha tôi đi, tôi không thể từ chối được, nên phải cùng đi Chứ tôi có phải hóa rồ đâu. ở nhà mấy anh em cùng nhau uống rượu nghe hát, chẳng vui hơn sao, tội gì mà lại chuốc lấy sự bực tức vất vả vào người. Chuyến đi này trong sự không may lại gặp sự rất may."

Đoạn văn này không biết có độc giả nào, có bạn nào còn nhớ hay không. Đoạn văn này rất đáng suy xét.

Anh ta nói mình đi ngày hai mươi tám tháng ba, hai hôm trước mới trở về. Anh ta đi vào mùa xuân. Chuyện đi săn tôi đã giảng ở phần trước rồi. Tức là vào thời Khang Hy, ông đặc biệt nhấn mạnh phải giữ gìn truyền thống văn hóa cưỡi ngựa bắn cung của Mãn tộc.

Ông nhấn mạnh hằng năm đều phải tổ chức những cuộc vây săn quy mô lớn. Chủ yếu là vào mùa thu. Mấy bài trước tôi đã nói đến Mộc Lan thu tiển. Nhưng vào mùa xuân đôi khi cũng đi săn. Hồi hai mươi sáu nhắc đến Phùng Tử Anh, con trai Thần Vũ tướng quân Phùng Đường. Vì sao lại nhắc chuyện này? Bởi vì Tiết Bàn và Giả Bảo Ngọc thấy mặt anh ta bị bầm. Trên mặt có vết thương. Ban đầu họ tưởng anh ta đánh nhau. Các công tử quý tộc này thường hay vung quyền đánh nhau.

Cho nên Tiết Bàn mới hỏi: "Lại đánh nhau với ai mà có vết thương trên mặt?" Bản thân Tiết Bàn cũng thích đánh nhau; bọn họ vốn cùng một hội và quả thật thường xuyên ẩu đả.

Vậy Phùng Tử Anh mới nói với anh ta rằng: "Từ khi đánh con ông đô úy họ Cừu bị thương, tôi đã hối hận và nhớ mãi việc ấy, không dám nóng nẩy, thì còn đánh nhau với ai?" Có thể thấy họ có một đối thủ chung, đó là Cừu Đô úy. Con trai Cừu Đô úy, trong mắt họ, cũng chẳng phải hạng tốt đẹp gì. Họ từng đánh nhau.

Nhưng từ sau lần ấy, Phùng Tử Anh nói anh ta không còn tùy tiện đánh nhau nữa. Không còn hoang đường như trước nữa. Anh ta muốn làm người đứng đắn. Vậy đã làm chuyện đứng đắn gì? Anh ta nói mình đi ngày hai mươi tám tháng ba, hai hôm trước mới về.

Đi làm gì? Đi theo phụ thân đi vây săn. Tức là đi săn. Địa điểm anh ta cũng nói ra. Đó là nơi nào? Nếu anh đọc lướt qua cho xong thì sẽ bỏ qua nó. Nhưng nếu anh cẩn thận, vừa nhìn là mắt sẽ sáng lên.

Anh ta nói ở Thiết Võng sơn.

Địa danh Thiết Võng sơn đã từng xuất hiện ở hồi mười ba. Anh thử nghĩ xem, có phải đã xuất hiện không? Hồi mười ba, Tần Khả Khanh chết. Chết rồi thì phải làm một cỗ quan tài để đặt nàng vào mà an táng. Khi ấy loại ván quan tài đó gọi là tường mộc. Tiết Bàn nói nhà anh ta còn cất giữ một bộ gỗ tường mộc. Loại tường mộc ấy sản xuất từ Hoàng Hải Thiết Võng sơn.

Hồi mười ba xuất hiện địa danh Thiết Võng sơn, hồi hai mươi sáu lại xuất hiện. Điều này tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, đây là thông tin rất quan trọng. Đối với Phùng Tử Anh lúc này, đó là một địa điểm hết sức quan trọng. Anh ta đã đến Thiết Võng sơn. Anh ta nói ở Thiết Võng sơn bị chim ưng bắt thỏ quạt trúng cánh. "Thỏ hốt tử" là một loài ưng. Là loài ưng chuyên bắt thỏ. Ngày xưa có một loài gọi là hải đông thanh, chuyên vồ thỏ. Vô cùng dũng mãnh. Cũng có thể gọi là thỏ hốt tử.

Vậy Phùng Tử Anh giải thích với họ rằng vết thương trên mặt từ đâu mà có? Không phải do vung quyền đánh nhau, mà là theo phụ thân đến Thiết Võng sơn vây săn. Ở đó thả ưng bắt thỏ, cánh chim ưng chớp một cái, đánh trúng anh ta, nên để lại vết bầm. Anh ta giải thích như thế. Vì sao anh ta phải giải thích như vậy? Hẳn là có rất nhiều nguyên nhân. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, ông viết rằng Giả Bảo Ngọc và Tiết Bàn đều sốt ruột hỏi anh ta: vì sao anh phải đi? Ở đây Phùng Tử Anh không trực tiếp, rành rọt nói ra đầu đuôi sự việc.

Nhưng Phùng Tử Anh lại nói một câu khiến người ta nghe xong trong lòng ngứa ngáy. Phùng Tử Anh nói: "Chuyến đi này trong sự không may lại gặp sự rất may." Câu này thú vị biết bao. Đại bất hạnh, đó là tiền đề lớn.

Vì sao lại đại bất hạnh? Nhưng trong đại bất hạnh lại có đại may. Anh ta nói như vậy, khiến Tiết Bàn và Giả Bảo Ngọc sốt ruột hỏi rốt cuộc là chuyện gì. Anh ta vẫn không nói. Anh ta không chịu nói. Anh ta nói hôm nay có một việc rất, rất quan trọng, về nhà còn phải gặp phụ thân bẩm lại. Anh ta rất bận. Anh ta đang che giấu điều gì? Hơn nữa Phùng Tử Anh là một nhân vật rất thần bí.

Giả Bảo Ngọc còn bấm đốt tính thử: "Thảo nào hôm mồng ba mồng tư vừa rồi tôi đến dự tiệc nhà anh Thẩm không thấy anh." Thẩm thế huynh xem ra cũng là người qua lại với họ. Bữa tiệc ấy hẳn diễn ra vào

mồng ba, mồng bốn tháng tư. Tính như vậy, Phùng Tử Anh đã đi bao lâu?

Anh ta nói đi ngày hai mươi tám tháng ba. Đến mồng ba mồng bốn tháng tư vẫn chưa thấy bóng dáng anh ta. Ít nhất phải là bao nhiêu ngày, anh thử tính xem. Ít nhất cũng hơn một tuần. Phải không nào? Ngay cả nếu mồng năm anh ta đã về, thì cũng cho thấy anh ta đi một tuần. Một tuần cả đi lẫn về, là đến Thiết Võng sơn. Vậy Thiết Võng sơn rốt cuộc ở vị trí như thế nào? Có thể ước đoán được. Hẳn là vị trí gần giống Mộc Lan vi trường. Khoảng cách cũng tương đương.

Trong điều kiện giao thông lúc bấy giờ, đi săn một chuyến, cưỡi ngựa đến nơi, lượn một vòng rồi nhanh chóng trở về, gần như chính là quãng thời gian ấy. Đúng khoảng thời gian đó. Anh ta đi làm gì? Đây là hồi hai mươi sáu. Tôi nói chuyện này để làm gì?

Là để nói rằng 《Hồng Lâu Mộng》 không chỉ miêu tả tình yêu và những va chạm tâm lý tinh tế giữa người với người. Tác phẩm còn chiếu vào câu chữ những cuộc đấu tranh chính trị, tranh giành quyền lực mà gia tộc họ Tào từng trải qua. Đoạn văn này thực ra có tác dụng như vậy. Anh ta đi làm gì? Vì sao trong đại bất hạnh lại có đại may mắn? Một cuộc vây săn bình thường có thể liên quan gì tới đấu tranh chính trị lúc bấy giờ?

Câu trả lời úp mở của Phùng Tử Anh càng làm nặng thêm mối nghi ngờ của Giả Bảo Ngọc và Tiết Bàn đối với anh ta. Đoạn này xưa nay không được độc giả 《Hồng Lâu Mộng》 coi trọng như một cảnh chuyển tiếp. Nó có thể cất giấu bí mật gì?

Còn thân phận thật của nhân vật Tần Khả Khanh có quan hệ gì với nó? Điều Phùng Tử Anh nói, trong đại bất hạnh có đại may mắn, có lẽ là vì anh ta suýt bị chim ưng bắt thỏ làm nguy đến tính mạng, nhưng may mắn thoát nạn. Có thể chuyện ấy chẳng liên quan gì đến đấu tranh chính trị phức tạp. Nhưng ngay sau đó, cảnh chuyển tiếp thứ hai lại càng khiến người ta khó nắm bắt. Trong hồi hai mươi bảy, chúng ta thấy một số cảnh rất đẹp. Giả Bảo Ngọc cùng các cô gái trong Đại Quan viên tổ chức một hoạt động trong Đại Quan viên.

Ngày hai mươi sáu tháng tư năm ấy gọi là tiết Mang Chủng. Theo sách, vào thời ấy trong chốn khuê các có một phong tục vào tiết Mang Chủng: lấy ngày này làm lễ tiễn hoa. Tức là trăm hoa nở đến lúc này đều lần lượt phải rời sân khấu.

Hoa nở đến Đồ Mi thì việc hoa đã hết. Loài hoa cuối cùng là hoa Đồ Mi. Sau khi hoa Đồ Mi cũng tàn, mọi chuyện của hoa mùa xuân coi như xong. Vì vậy vào ngày Mang Chủng, người ta phải tiễn đưa tất cả các loài hoa. Các cô gái Đại Quan viên đã làm hoạt động ấy. Thực ra ngày này hẳn chính là sinh nhật Giả Bảo Ngọc. Trong văn bản 《Hồng Lâu Mộng》, sinh nhật của nhiều người đều được nói rõ. Giả mẫu là ngày mấy tháng

mấy, Tiết Bảo Thoa là ngày mấy tháng mấy, Vương Hy Phượng mừng sinh nhật vào lúc nào, đều có những lời bàn giao rất rõ.

Nhưng Giả Bảo Ngọc sinh ngày nào? Trong tám mươi hồi đầu của 《Hồng Lâu Mộng》, không hề có lời nói rõ. Điều này, sau này khi chuyên bàn về Giả Bảo Ngọc, chúng ta còn có thể giải mã tiếp. Bây giờ tôi chỉ điểm đến đó thôi.

Tôi chỉ nói với anh rằng hồi hai mươi tám, Phùng Tử Anh mời Giả Bảo Ngọc đi dự tiệc, thực ra chính là chúc thọ cho anh ta. Vì sao nói như vậy? Bởi vì hôm ấy, người đi theo Giả Bảo Ngọc đến nhà Phùng Tử Anh là ai? Là bốn tên tiểu đồng. Giả Bảo Ngọc có rất nhiều tiểu đồng. Trong 《Hồng Lâu Mộng》 có thể thấy rất nhiều tên tiểu đồng. Quan trọng nhất trong số đó là người tên Bồi Minh. Rồi còn có Sừ Dược. Đương nhiên anh ta còn có vài tiểu đồng khác. Nhưng riêng khi hồi hai mươi tám viết anh ta đi dự tiệc, lại thêm hai tiểu đồng.

Hai tiểu đồng này trước đó và sau đó không bao giờ xuất hiện nữa. Tên của hai tiểu đồng ấy, một là Song Thụy, một là Song Thọ. Điều này ám chỉ rằng anh ta được mời đi dự tiệc mừng thọ. Thụy, thọ mà.

Những nét bút được sắp đặt tinh vi như vậy, một khi tác giả đã công phu viết xuống, khi đọc chúng ta cũng rất nên đọc thật cẩn thận, để thể hội được vô vàn điều huyền diệu bên trong. Sau khi Phùng Tử Anh mời Giả Bảo Ngọc và Tiết Bàn đến, trên tiệc xuất hiện hai nhân vật mới. Một là Tưởng Ngọc Hạm, một là Vân Nhi, một kỹ nữ. Mấy người tụ lại uống rượu.

Trong tình tiết câu chuyện này, tác giả cũng chiếu ứng với hồi hai mươi sáu. Bởi hồi hai mươi sáu chẳng phải Phùng Tử Anh đã nói lần này trong đại bất hạnh có đại may hay sao? Lúc ấy anh ta không nói cho Tiết Bàn và Giả Bảo Ngọc biết. Anh ta nói để hôm khác sẽ nói. Bây giờ đã là hôm khác, hai người cũng được mời đến; kết quả, Phùng Tử Anh lại nói chẳng có việc gì. Anh ta cười: "Các vị biểu huynh đệ của tôi thật lòng thật dạ.

Hôm trước chẳng qua tôi viện cớ, thành tâm mời các vị đến một chuyến; sợ các vị lại từ chối, thoái thác nên mới nói mấy lời ấy. Hôm nay vừa mời là đến ngay, ai ngờ đều tin là thật." Nói rồi, mọi người cùng cười; sau đó bày rượu, theo thứ tự ngồi vào chỗ. Câu "vừa rồi tôi mời các vị đến, đó là tôi viện cớ" cho thấy anh ta đã cố ý dùng một cái cớ để thu hút họ. Ở hồi 26, tác giả nêu chuyện ấy rất trịnh trọng; đến hồi 28 lại nhẹ nhàng gạt đi. Có thể thấy khi viết những tình tiết này, Tào Tuyết Cần luôn cân nhắc phải hé lộ tới đâu.

Ông không viết thẳng ra, nhưng lại khiến chúng ta lờ mờ cảm thấy trong lời có lời, trong văn còn có văn.

Phần dưới tôi còn sẽ quay lại giải thích cho anh vì sao lại như vậy. Hãy nói tiếp một tình tiết rất quan trọng trong hồi này. Mọi người còn nhớ chứ? Đó là Giả Bảo Ngọc và Tưởng Ngọc Hạm gặp nhau, quen biết nhau, kết giao với nhau, và trao đổi tín vật.

Giả Bảo Ngọc liền lấy chiếc khăn lưng mang theo bên mình đem tặng Tưởng Ngọc Hạm. Tưởng Ngọc Hạm cũng tháo chiếc khăn hãn cân quấn ở lưng mình, tức dây lưng quần trong, tháo ra đưa cho Giả Bảo Ngọc. Hơn nữa anh ta còn nói rất rõ, chiếc khăn lưng ấy là do ai tặng anh ta? Là Bắc Tĩnh vương tặng. Bắc Tĩnh vương đem một chiếc khăn hãn cân màu đỏ thẫm, rất quý giá, vốn là đồ ngoại quốc tiến cống, trao cho Tưởng Ngọc Hạm. Nghệ danh của Tưởng Ngọc Hạm là Kỳ Quan. Ngày trước người hát hí thường được gọi nôm na là gì quan, gì quan.

Trong 《Hồng Lâu Mộng》 có mười hai quan đào hát, mọi người còn nhớ chứ? Hai người trao tặng lễ vật kết giao cho nhau. Điều này rất quan trọng. Quan trọng thế nào?

Tôi thấy phía dưới có bạn đang trợn mắt nhìn tôi: "Chuyện này có gì quan trọng?" Trong toàn bộ 《Hồng Lâu Mộng》, đây là một tình tiết rất cốt yếu: nó chiết xạ vào tiểu thuyết phần nào cuộc đấu tranh quyền lực thời Ung Chính — Càn Long. Nếu đọc kỹ tác phẩm, bạn sẽ phát hiện trong đó thấp thoáng hai tập đoàn chính trị lớn.

Hai tập đoàn chính trị này đối lập nhau, xung đột với nhau. Xung đột ấy cuối cùng lan đến phủ Giả, làm mâu thuẫn giữa Giả Chính và Bảo Ngọc trở nên gay gắt, cuối cùng dẫn đến việc Bảo Ngọc bị cha đánh dữ dội. Bảo Ngọc bị đánh là một đoạn rất quan trọng trong 《Hồng Lâu Mộng》. Đó là tình tiết mà giới nghiên cứu Hồng học xưa nay đều hết sức chú ý. Nguyên nhân chính khiến Bảo Ngọc bị đánh, độc giả thông thường cho là do Bảo Ngọc trêu ghẹo a hoàn Kim Xuyến. Kim Xuyến bị Vương phu nhân nổi giận mắng chửi, không chịu nổi nhục mà nhảy giếng.

Sau đó Giả Hoàn lại tố giác Bảo Ngọc. Giả Chính nghe xong nổi trận lôi đình, bèn đánh đập Bảo Ngọc. Điều lạ là Bảo Ngọc bị đánh thì sao lại phản ánh đấu tranh chính trị lúc bấy giờ?

Tưởng Ngọc Hạm, một con hát bình thường, sao lại có thể kéo phủ Giả vào vòng xoáy chính trị? Chẳng lẽ Bảo Ngọc bị đánh còn có nguyên nhân khác? Chúng ta hãy xem lại cảnh Bảo Ngọc bị đánh. Ngòi nổ đương nhiên có hai. Một là chuyện Kim Xuyến. Chuyện Kim Xuyến hôm nay chúng ta tạm gác sang một bên. Nhưng thực ra cuối cùng Giả Chính đánh Bảo Ngọc đến chết đi sống lại không phải vì chuyện này. Đó chỉ là một chuyện phụ thêm, là chuyện gì? Quan trọng nhất là chuyện nào?

Giả Chính đang ở đó, bỗng người hầu bên ngoài vào nói với ông rằng phủ Trung Thuận vương phái người đến muốn gặp ông. Phủ Trung Thuận vương. Giả Chính liền nghĩ, phủ Trung Thuận vương này xưa nay không qua lại với nhà ta, giữa hai bên không có quan hệ.

Sao bỗng nhiên phủ Trung Thuận vương lại phái người đến? Hơn nữa người được phái đến không phải hạng thường, mà là trưởng sử quan. Một vương phủ chính là một tiểu triều đình. Nó có cơ cấu và ban bệ riêng. Trong đó, vị quan phụ trách chung công việc của vương phủ gọi là trưởng sử quan. Đó là một nhân

vật rất lớn rồi. Phủ Trung Thuận vương phái một trưởng sử quan đến. Ông ta muốn gặp Giả Chính. Giả Chính thấy rất lạ, vội mời vào trong.

Bởi chỉ nghe tước hiệu Trung Thuận vương phủ đã biết là hết sức tôn quý, là một hoàng thân quốc thích rất quan trọng, một nhân vật nắm quyền thống trị rất quan trọng. Ông mời vị trưởng sử quan ấy vào, rồi hỏi có việc gì.

Quan trưởng phủ cười nhạt: "Không phải làm gì cả, chỉ xin ngài nói cho một câu là xong. Trong phủ chúng tôi có một con hát đóng vai nữ tên là Kỳ quan, mấy hôm nay không thấy về, cho đi tìm cũng không thây nó ở đâu. Chúng tôi phải cho người đi dò các nơi. Ở trong thành mười người thì tám người nói: Gần đây nó chơi thân với cậu em ngậm ngọc ở đây. Vì tôn phủ không phải như các nhà thường, nên không dám thiện tiện đến bắt. Bởi vậy hạ quan phải vào trình đức Vương. Ngài nói: 'Con hát khác mất trăm đứa cũng không cần, nhưng tên Kỳ quan này là người cẩn thận, chắc chắn, biết lựa dịp ứng đáp, rất hợp ý già này, không thể nào bỏ nó được'. Vì thế, chúng tôi đến nhờ ngài bảo cậu Hai cho tên Kỳ quan về, để thỏa lòng Vương gia chúng tôi thiết tha mong đợi, và chúng tôi cũng đỡ phải đi tìm vất vả."

Ông liền bảo người hầu mau gọi Giả Bảo Ngọc đến. Bảo Ngọc vẫn muốn nói dối, bảo mình không biết Kỳ Quan là ai, chưa từng nghe tên ấy. Trưởng sử quan cười lạnh: "Cậu đừng nói dối nữa. Nếu để ta nói ra thì cũng chẳng có lợi gì cho cậu."

Ông ta còn nhắc đến chiếc khăn hãn cân đỏ của Kỳ Quan đang thắt ở lưng Bảo Ngọc. Cậu vừa nghe liền ngây người: chuyện cơ mật như thế mà ông ta cũng biết. Tào Tuyết Cần viết rằng Bảo Ngọc nghĩ: "Lời này ông ta làm sao biết được? Ông ta đã biết cả việc cơ mật như thế, chắc những chuyện khác cũng không giấu được. Chi bằng khai toạc ra, tránh để ông ta nói thêm chuyện khác." Trong tình thế ấy, Bảo Ngọc đành nhận.

Không chỉ nhận chuyện đó, Giả Bảo Ngọc còn gần như tiết lộ cơ mật. Cậu nói: "Ngài đã biết đầu đuôi việc Kỳ quan, nhưng có việc lớn là nó mua nhà, sao ngài lại không biết? Tôi nghe nói hình như nó về Tử Đàn bảo, ở phía đông giao, cách thành độ hai mươi dặm gì ấy. Nó có mua mấy mẫu ruộng và làm mấy gian nhà ở đấy. Có lẽ nó về đấy cũng nên."

Thế là cậu nói ra tung tích Tưởng Ngọc Hạm cho trưởng sử quan. Ông ta cười lạnh: "Thế thì nhất định nó về đấy rồi, để tôi đi tìm xem. Nếu thấy thì thôi, bằng không, tôi lại đến phiền cậu." Đây mới là căn nguyên khiến Giả Chính ra tay đánh dữ, suýt đánh Bảo Ngọc đến chết. Việc Kim Xuyến nhảy giếng chỉ là nguyên nhân phụ, đổ thêm dầu vào ngọn lửa vốn đã cháy lên từ đây. Đọc đến chỗ này, bạn phải nghĩ kỹ: vì sao lại như vậy?

Mọi người thử nghĩ, Trung Thuận vương đang đối đầu với ai? Tưởng Ngọc Hạm bị ai lôi kéo đi? Người thật sự chứa chấp con hát Kỳ Quan, có phải Giả Bảo Ngọc không?

Không phải, mà là Bắc Tĩnh vương. Đó chính là xung đột giữa các vương phủ cùng cấp. Cuối cùng nó va đập lung tung, sóng xung kích phản chiếu đến phủ Giả, phản chiếu đến nhà họ Giả. Phải không nào? Hai bên tranh đoạt một con hát. Một con hát lại khơi lên cuộc tranh đấu giữa hai vị vương gia trong 《Hồng Lâu Mộng》, dẫn đến việc Bảo Ngọc bị đánh. Tưởng Ngọc Hạm, một con hát bình thường không địa vị trong xã hội phong kiến, vì sao lại gây ra xung đột lớn như vậy? Vì sao lại khiến hai vương phủ tranh giành qua lại?

Nhà họ Giả cũng vì thế mà gặp tai họa. Chẳng lẽ trên người anh ta còn bí mật không ai biết?

Theo phân tích của nhiều nhà Hồng học, Tưởng Ngọc Hạm, anh đọc là Tưởng Ngọc Hạm cũng không sai, bởi thật ra cách đọc đồng âm của tên anh ta chỉ một chiếc hộp bằng ngọc. "Hạm" là một cái hòm, một cái hộp. Hai bên đang tranh đoạt một cái hộp. Chuyện này là thế nào? Kỳ Quan. Chữ trong sách là chữ "kỳ" bộ ngọc, nhưng âm của nó dĩ nhiên cũng có thể là "kỳ" trong ván cờ, đúng không? Những âm chữ ấy đều gợi như thể trong một ván cờ, hai bên đang tranh đoạt một thứ hết sức quan trọng. Cái "ngọc hạm" ấy về sau được giấu ở đâu?

Ở Tử Đàn bảo, trong một chiếc rương lớn hơn bằng gỗ tử đàn. Đó là thứ gì? Trong lịch sử phát triển Hồng học, từng có một phái gọi là phái sách ẩn. Phái sách ẩn hiện nay đã suy vi, bị rất nhiều người phủ định.

Nhưng cá nhân tôi cho rằng trong lịch sử phát triển Hồng học, phái sách ẩn đã để lại dấu vết rất quan trọng. Như vị Thái Nguyên Bồi, Thái tiên sinh tôi nhắc đến trong bài đầu tiên, ông chính là một đại sư của phái sách ẩn. Họ cho rằng chủ đề, tôn chỉ của 《Hồng Lâu Mộng》 là thương tiếc sự diệt vong của nhà Minh, vạch ra lỗi lầm của nhà Thanh. Tức là một cuốn sách bất bình cho sự mất nước của triều Minh, và bày tỏ phẫn uất trước việc nhà Thanh thống trị người Hán. Bởi trong sách có rất nhiều câu chữ ẩn chứa ý nghĩa như vậy.

Họ thường từ âm chữ và nghĩa chữ mà làm những phân tích rất tinh vi, cho rằng đã giải khóa được nội dung ẩn giấu trong đó. Vì thế gọi là phái sách ẩn.

Phái sách ẩn đối với nhân vật Tưởng Ngọc Hạm, và ý nghĩa ngụ trong âm đọc của tên anh ta, ở điểm này vẫn rất gợi mở. Tôi thấy mạch suy nghĩ ấy vẫn có thể tham khảo. Tức là thứ mà phủ Trung Thuận vương và phủ Bắc Tĩnh vương tranh đoạt — một bên muốn bảo vệ, một bên muốn cướp lấy — chính là quyền lực chính trị tối cao. Chính là quân cờ quan trọng nhất trong một ván cờ. Thật ra đó chính là ngọc tỷ. Chính là con dấu của hoàng đế ngày xưa. Hiểu ý này rồi chứ?

Ấn chương của hoàng đế làm bằng ngọc, đặt trong một chiếc hộp gỗ tử đàn, giấu trong đó. Điều này chỉ xin để mọi người tham khảo.

Nói cách khác, các nhà Hồng học trước đây từng có một hướng tư duy như thế. Cá nhân tôi làm nghiên cứu nguyên mẫu; toàn bộ việc nghiên cứu 《Hồng Lâu Mộng》 của tôi tập trung vào nguyên mẫu nhân vật. Đây là điểm khác biệt giữa tôi với họ. Nhưng từ nhiều góc độ, họ đã phát hiện một số phương pháp đặt tên được sử dụng trong tác phẩm, đặc biệt là ý nghĩa hài âm. Tôi cũng tiếp thu dưỡng chất ấy và thấy nó đáng tham khảo.

Tôi không nhất thiết cho rằng Tưởng Ngọc Hạm chính là đại diện cho thứ đó. Nhưng cuối cùng hai bên vì vấn đề một con hát mà xảy ra xung đột kịch liệt. Một bên quyết không buông bỏ, một bên quyết giấu anh ta đi.

Ở giữa lại liên lụy đến Giả Bảo Ngọc. Phùng Tử Anh đi vây săn, Bảo Ngọc bị đánh, cuộc tranh giành Tưởng Ngọc Hạm, những mảnh vụn rời rạc ấy đều truyền đạt một loại mã hiệu chính trị nào đó trong 《Hồng Lâu Mộng》. Trong những mâu thuẫn ấy, dường như có một sợi dây vô hình luôn luôn dẫn dắt họ. Tuy sợi dây ấy không chính diện xuất hiện, nhưng vẫn khiến độc giả cảm thấy sự tồn tại của nó. Ai là kẻ thao túng sợi dây ấy phía sau màn? Hắn đã sắp đặt điều gì ở phía sau? Tần Khả Khanh có quan hệ gì với hắn?

Phùng Tử Anh ấy là người thế nào? Vì sao anh ta lại giới thiệu Tưởng Ngọc Hạm cho Giả Bảo Ngọc? Đúng không? Giả Bảo Ngọc vốn đã có liên hệ với Bắc Tĩnh vương, đã quen biết nhau, mọi người còn ấn tượng chứ? Sau khi Tần Khả Khanh chết, có hẳn nửa hồi sách gọi là Giả Bảo Ngọc trên đường yết kiến Bắc Tĩnh vương. Hơn nữa Bắc Tĩnh vương còn mời cậu đến phủ mình làm khách. Nhưng Giả Bảo Ngọc thật sự quen con hát mà Bắc Tĩnh vương yêu thích, tức Kỳ Quan, lại là ở nhà Phùng Tử Anh.

Phùng Tử Anh lúc ấy mời cậu đến, cái gọi là trong đại bất hạnh có đại may, tuy không nói thẳng ra, về sau lại chỉ nói bằng một câu đùa bâng quơ: nếu hai anh em các cậu không đến, thật ra đều có hàm nghĩa.

Nghĩa là trong 《Hồng Lâu Mộng》, thật ra chúng ta có thể lờ mờ nhìn thấy hai tập đoàn chính trị đối lập nhau. Xung đột lợi ích của hai tập đoàn ấy đều liên quan đến quyền thống trị tối cao. Vậy chúng ta có thể sắp xếp lại. Nếu anh cẩn thận sắp xếp 《Hồng Lâu Mộng》, sẽ phát hiện một phe trong đó là phe Bắc Tĩnh vương. Nhân vật đại diện thực sự của phe này trong văn bản 《Hồng Lâu Mộng》 thực ra đã được điểm ra. Gọi là Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế. Được điểm ra vào lúc nào?

Chính là sau khi Tần Khả Khanh chết, lúc người ta tìm gỗ làm quan tài cho nàng. Tiết Bàn nói: "Nhà chúng tôi có cất một khối gỗ lấy từ Hoàng Hải Thiết Võng sơn, gọi là tường mộc." Khối gỗ ấy năm xưa đã có người đặt mua. Là ai?

Chính là Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế. Vậy gỗ này đã được đặt rồi, sao lại không lấy đi? Bởi Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế đã hỏng việc, nên không từng lấy đi.

"Hỏng việc" là gì? Đây là một câu vô cùng quan trọng. Nếu 《Hồng Lâu Mộng》 hoàn toàn là tiểu thuyết hư cấu, hoàn toàn không có nguyên mẫu đời sống, thì khi nói tấm gỗ ấy từng có người đặt, sau đó người ấy không chết lành, nên không lấy đi, hoặc người ấy phá sản, người ấy hết tiền, ông sẽ nói như thế. Ông lại dùng một cụm từ mà người hư cấu vạn lần cũng khó nghĩ ra, rất khó nghĩ ra, đó là "hỏng việc".

Nhưng ở mấy bài trước, tôi đã giảng cho mọi người rằng vào triều Khang Hy, có "thiên tuế" hay không? Triều Khang Hy đúng là có thiên tuế đàng hoàng. Thiên tuế là gì? Chính là chính thức sách lập thái tử, cáo thị thiên hạ rằng sau khi Khang Hy ta trăm tuổi, ngôi hoàng đế này sẽ do con trai ta, đích tử của ta, đứa con do hoàng hậu của ta sinh, Dận Nhưng, kế thừa. Lúc mới một tuổi rưỡi, ta đã sách lập nó làm thái tử. Đó chính là thiên tuế.

Phải không? Vậy Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế, về sau vị thái tử này từng được phong làm thân vương. Thậm chí sau khi thái tử đã bị giam cầm, Khang Hy vẫn hậu đãi thái tử và hoàng thái tôn của ông. Một là ông nói việc cung cấp ăn mặc cho thái tử nhất định không được hạ tiêu chuẩn, phải bảo đảm áo cơm đầy đủ, sống thoải mái. Còn đối với trưởng tử của thái tử, tức Hoằng Tích, ông đặc biệt nhấn mạnh rằng người ấy phải được phong làm thân vương.

Cho nên trong mấy chữ Nghĩa Trung thân vương, không chỉ bao hàm thái tử, thực ra cũng bao hàm Hoằng Tích. Đó là một loại nguyên mẫu nhân vật trong đời sống, được chiết xạ vào tiểu thuyết. Đương nhiên chủ yếu vẫn chỉ Dận Nhưng, chủ yếu là chỉ vị thái tử này.

Vị thái tử này, bài trước tôi đã nói rồi, rất bi thảm. Hai lần lập, hai lần phế. Cả đời ông ta rất long đong trắc trở. Ông ta đã gần bốn mươi tuổi mà vẫn chưa được làm hoàng đế. Phụ thân của ông ta vẫn rất khỏe mạnh. Vốn sức khỏe của phụ thân đáng lẽ là niềm vui của ông ta, nhưng về sau người này không chờ nổi nữa. Sức khỏe của phụ thân trở thành nỗi đau của ông ta. Lại theo 《Lý triều thực lục》 của Triều Tiên, khi ấy sứ thần Triều Tiên từng đi yết kiến thái tử. Lúc đó thái tử bị phế lần thứ nhất, chưa bị phế lần thứ hai.

Ông ta buông lời than phiền với sứ thần nước ngoài: "Các ông xem, thái tử trên toàn thế giới có ai lớn tuổi như ta mà vẫn chưa làm hoàng đế không?" Đương nhiên, lời như thế rất không đúng mực.

Nhưng đó cũng là tiếng lòng thật của ông ta. Lão thiên tuế. Ba chữ này có sinh động không? Mười mấy tuổi thì không thể gọi là lão thiên tuế, đúng không? Phải không? Dưới này có người gật đầu, cũng có người lắc đầu, nói bốn mươi tuổi thì chưa tính là quá già. Đó là quan điểm hôm nay của quý vị. Vào thời đại Tào Tuyết Cần, ngay chính Tào Tuyết Cần trong hồi đầu đã nói "nửa đời lận đận". Tức là tác giả dùng giọng của mình nói mình nửa đời lận đận. Thế nào là nửa đời?

Vào thời ấy, người ta coi ba mươi tuổi là một nửa tuổi thọ của con người. Đến ba mươi tuổi tức là đã qua một nửa đời người, gọi là nửa đời.

Sáu mươi tuổi tức là tuổi thọ đã trọn. Bảy mươi tuổi thì "người thọ bảy mươi xưa nay hiếm" rồi. Cho nên gần bốn mươi tuổi vào thời đó đã là một vị thiên tuế rất lớn tuổi. Kết quả về sau quả nhiên ông ta hỏng việc, bị phế lần thứ hai, và bị phế triệt để.

Những năm tháng sau đó, ông ta luôn sống trong cảnh bị giam cầm. Ở trong một nơi có thể là đãi ngộ còn khá tốt, điều kiện khá dễ chịu, giống như nhà tù cao cấp, nhưng không có tự do. Ông ta sống hết quãng đời tàn ở đó. Hơn nữa còn trơ mắt nhìn em trai mình, Tứ a ca, ngồi lên ngai vàng vốn đáng lẽ thuộc về mình. Vì vậy người đã hỏng việc: ông ta bị phế; bị phế rồi lại không chết ngay, nên bộ tường mộc ấy dĩ nhiên không vận chuyển đi được. Nếu sau đó ông ta đặt quan tài, ông ta cũng không dám dùng tường mộc nữa.

Tường mộc, theo miêu tả trong sách, không chỉ là một loại gỗ chất lượng cực cao, mà còn đúng như trong sách, Giả Trân nói để khuyên Giả Chính, "không phải người thường có thể nghĩ đến". Không phải người bình thường có thể dùng.

Tường mộc cho thấy nó mọc rất thẳng. "Tường" là gì? Mọi người biết chữ "tường" bộ mộc ấy, không phải chữ tường bộ thổ. Đó là cột buồm trên thuyền. Biết chứ? Cột buồm. Ông dùng chữ này cũng có hàm nghĩa riêng. Thực ra trong 《Hồng Lâu Mộng》, chúng ta cũng tìm thấy nguồn gốc của một phe lực lượng chính trị, đó là Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế. Bắc Tĩnh vương nghiêng về phía ông ta. Nhân vật Bắc Tĩnh vương này quá thú vị, quá đáng để khám phá. Bởi sau đám tang Tần Khả Khanh, Bắc Tĩnh vương đã chính thức xuất hiện.

Hơn nữa chúng ta phát hiện miêu tả ông ta gần như một nhân vật thần tiên trên trời. Đúng không? Hình tượng ấy rực rỡ chói lọi, đến mức làm Giả Bảo Ngọc cũng lu mờ. Phải không?

Sách kể Bảo Ngọc ngẩng mắt nhìn Bắc Tĩnh vương Thủy Dung, đầu đội vương mũ bạc cánh trắng gắn tua trâm anh, mặc áo mãng trắng thêu giang nhai hải thủy, ngũ trảo tọa long, thắt đai ngọc bích, mặt như ngọc đẹp, mắt tựa sao sáng, quả thật tuấn tú. Hơn nữa chúng ta trước đây chịu ảnh hưởng của một kiểu luận điệu, luôn cảm thấy Giả Bảo Ngọc là nhân vật phản phong kiến. Cậu ghét nhất bọn quốc tặc lộc đố, không muốn giao du với quan to quyền quý nhất. Nhưng khi cậu gặp Bắc Tĩnh vương, biểu hiện thế nào?

Tôi không nói kỹ, anh tự nhắm mắt lại mà nhớ. Chỉ cần nhớ năm giây thôi. Đúng không? Được sủng ái mà vừa mừng vừa sợ. Hơn nữa là thật lòng, không phải giả vờ. Vì sao lại như vậy? Nhân vật này do ngòi bút nhà văn điều khiển. Tác giả vì sao phải viết như vậy?

Trong đó có vô số điều huyền diệu. Bắc Tĩnh vương có nguyên mẫu. Ở bài sau, tôi sẽ vạch rõ chân tướng của nhân vật này.

# Tập 11

Bí ẩn Bắc Tĩnh vương

*Cuốn kỳ thư hiếm có. Những câu đố tầng tầng lớp lớp. Trong lịch sử nhà Thanh rối rắm phức tạp. Truy tìm tận gốc nguồn cơn. Qua từng câu từng chữ của Hồng Lâu Mộng. Rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình dài kỳ Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng.*

*Trong quá trình tầng tầng lần tìm nhân vật Tần Khả Khanh, trong Hồng Lâu Mộng, có một nhân vật thần bí bước vào thế giới của chúng ta. Đó chính là Bắc Tĩnh vương. Bắc Tĩnh vương có vai trò then chốt trong việc vén mở thân phận thật của Tần Khả Khanh. Đây là một nhân vật khiến người ta khó hiểu. Trong Hồng Lâu Mộng, ông hai lần chính diện xuất hiện, nhiều lần xuất hiện ở hậu cảnh. Trên người ông có quá nhiều nghi vấn. Không ai có thể giải thích vì sao Tào Tuyết Cần đối với ông lại thật lòng khen ngợi, trân trọng đến vậy, thậm chí còn có người hỏi: khi Tần Khả Khanh phát tang, vì sao đột nhiên xuất hiện nhân vật Bắc Tĩnh vương? Bắc Tĩnh vương rốt cuộc là ai? Ông có quan hệ thế nào? với Tần Khả Khanh? Đằng sau cuộc đấu tranh của hai thế lực chính trị trong Hồng Lâu Mộng, ông lại đóng vai trò gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ đến với Bách Gia Giảng Đàn, thông qua việc vạch rõ thân phận thật của Bắc Tĩnh vương, để tiếp cận nguyên mẫu của Tần Khả Khanh.*

Bắc Tĩnh vương có nguyên mẫu. Trước hết, chúng ta có thể nhìn vào tên của Bắc Tĩnh vương. Sách nói Bắc Tĩnh vương tên là gì? Sách nói ông tên là Thủy Dung. Vậy trong hoàng tộc nhà Thanh, có người nào tên Thủy Dung không? Không có.

Nhưng có một người tên Vĩnh Dung. "Vĩnh" là chữ vĩnh trong vĩnh viễn. Bỏ đi một nét chấm của chữ vĩnh, bỏ nét chấm phía trên thì thành gì? Chính là chữ thủy. Chữ thứ hai, chữ Dung trong Vĩnh Dung, là chữ dung bộ ngọc. Lấy chữ dung bộ ngọc ấy, bỏ đi một nét ở phần bên cạnh, đổi thành bộ thủy ba chấm, chẳng phải chính là chữ dung trong hòa tan sao?

Đúng không? Cho nên trong Hồng Lâu Mộng viết tên Bắc Tĩnh vương là Thủy Dung, rõ ràng là đem hai chữ Vĩnh Dung mỗi chữ bỏ đi một nét, tạo thành nhân vật như vậy trong tiểu thuyết. Điều này quá rõ ràng. Thủy Dung được diễn hóa từ cái tên Vĩnh Dung. Vậy Vĩnh Dung là ai? Vĩnh Dung là một người con của Càn Long.

Các con trai Càn Long đều thuộc thế hệ chữ Vĩnh. Vậy có thể rút ra kết luận rằng: Thủy Dung trong Hồng Lâu Mộng, tức Bắc Tĩnh vương, được viết theo một người con của Càn Long chăng? Lại không phải như vậy. Ông mượn cái tên Vĩnh Dung ấy, mỗi chữ bớt một nét, để tạo thành tên Thủy Dung trong tiểu thuyết. Nhưng thật ra nguyên mẫu đời sống của nhân vật này do hai người hợp thành. Người thứ nhất có thể nói chính là Vĩnh Dung, bởi đã lấy dùng cái tên của ông ta, biến hóa tên ấy thành tên nhân vật tiểu thuyết.

Người thứ hai là ai? Là một trong các vương tử của Khang Hy. Khang Hy có rất nhiều con trai. Bài trước chúng ta đã giới thiệu, năng lực sinh sản của Khang Hy rất mạnh. Người con trai thứ hai mươi mốt của Khang Hy, Nhị thập nhất a ca, tên là Doãn Hy. Các con trai Khang Hy, trước khi Ung Chính lên ngôi, chữ đầu đều là Dận.

Chữ thứ hai đều có bộ thị. Về nghĩa chữ đều là cát tường, hạnh phúc đại loại như vậy. Sau khi Ung Chính lên ngôi, ông giữ lại chữ Dận của chính mình. Còn chữ Dận đứng đầu tên các anh em khác, đều đổi thành chữ Doãn, lấy một chữ có âm gần giống. Vậy vị vương tử thứ hai mươi mốt gọi là Doãn Hy. Con người Doãn Hy này, tuy bối phận rất cao, ông là con trai Khang Hy.

Ông cùng hàng với Ung Chính, phải không? Ông cao hơn Càn Long một bối phận, đúng không? Là chú của Càn Long. Trong bài trước tôi đã nói, từ chân thực đời sống đến chân thực nghệ thuật, về cơ bản Khang Hy và ông là cùng bối phận. Trong đời sống, Tào Dần cùng hàng với ông. Trong tiểu thuyết là hàng Giả Đại Thiện, Giả mẫu.

Lần xuống dưới nữa, người cùng bối với Ung Chính là các con của Tào Dần, Tào Ngung, Tào Phủ, những người ấy cùng một bối. Chiết xạ vào tiểu thuyết là Giả Kính, Giả Xá, Giả Chính cùng hàng. Xuống nữa mới là Càn Long. Trong đời sống, ông cùng bối với Tào Tuyết Cần. Phản ánh vào tiểu thuyết, hình tượng nghệ thuật được thăng hoa chính là Giả Bảo Ngọc. Đó là một quan hệ bối phận như vậy.

Bây giờ chúng ta lại lần lại một lần. Doãn Hy là em út của phế thái tử, cũng là em út của Ung Chính. Ông là Nhị thập nhất a ca. Bối phận của ông cao, nhưng sinh ra muộn. Cho nên tuổi tác của ông thực ra phải không? chênh lệch lắm với Tào Tuyết Cần, chỉ hơi lớn hơn Tào Tuyết Cần. Đó là một vị vương tử như vậy.

Người này rất thú vị. Khảo sát cả đời ông, ông không hỏi chính sự. Bề ngoài không hỏi chính sự, mà thích văn nghệ. Ông tự hiệu là Tử Quỳnh đạo nhân, lại có một hiệu là Xuân Phù cư sĩ. Ông để lại tác phẩm. Ngày nay nếu anh tìm những sách ấy vẫn có thể tìm được.

Một quyển của ông gọi là Hoa Gian Đường thi thảo. Ông làm thơ. Còn một quyển gọi là Tử Quỳnh Nham thi thảo. Tôi nói đến đây, có lẽ quả thật có người hơi mất kiên nhẫn, nói ông có phải lạc đề quá không, nói xa quá rồi. Ông vẫn nên nói vài điều trực tiếp liên quan đến Hồng Lâu Mộng, được không? Doãn Hy.

Tôi chỉ nêu một ví dụ để biết ông tuyệt đối có quan hệ với Hồng Lâu Mộng. Ngoài việc để lại một tập thơ, người này còn để lại một tấm biển. Tấm biển ấy hiện vẫn còn treo trong thành Bắc Kinh của chúng ta. Anh có thể đi xem. Ở đâu? Ở Hậu Hải, Thập Sát Hải. Trên biển viết bốn chữ: Thiên Hương đình viện.

Có liên quan chút nào đến Hồng Lâu Mộng không? Hai chữ Thiên Hương chúng ta quen thuộc biết bao. Tần Khả Khanh dâm tang ở Thiên Hương lâu, phải không? Bây giờ anh vẫn có thể đi xem tấm biển ấy, nó gọi là

Thiên Hương đình viện. Tuy không viết Thiên Hương lâu, nhưng Thiên Hương đình viện cũng đủ để chúng ta thưởng thức, suy ngẫm. Phải không nào? Tấm biển này dĩ nhiên cũng rất lạ; trên đó không có chữ ký của Doãn Hy. Nhưng có một con ấn của ông. Con ấn và chữ ký có hiệu lực như nhau, phải không? Chứng minh chính là do ông viết.

Nói điều này có ý gì? Tức là nói sau khi nhà họ Tào gặp nạn dưới triều Ung Chính, trong các mối quan hệ cũ của họ vẫn có một số vương tử triều Khang Hy đối xử với nhà họ khá tốt, âm thầm bảo vệ. Trong bóng tối có thể cũng thu nhận họ. Doãn Hy là một trong số đó. Bề ngoài ông không hỏi chính sự. Quả thật ông cũng không có dã tâm đoạt hoàng vị, không có dục vọng quyền lực.

Nhưng con người này, trong cuộc đấu sức chính trị giữa mấy phe, ông giữ lập trường trung lập. Mà sự trung lập ấy lại không phải là trung lập thật sự. Nói bằng ngôn ngữ hôm nay, ông có một tình cảm nhân đạo chủ nghĩa nào đó. Ông luôn đồng tình với phía bị phá hủy, phía bị đả kích. Ông luôn dành cho phía ấy một số viện trợ, trao cho họ chút hơi ấm. Đó là một nhân vật như vậy.

Nhân vật này lớn tuổi hơn Tào Tuyết Cần. Hình tượng, khí chất của ông hẳn giống với Bắc Tĩnh vương được viết trong hồi mười bốn, mười lăm của Hồng Lâu Mộng. Hơn nữa về sau Doãn Hy, thụy hiệu của ông chính là Kính. Tức là sau khi một vương công quý tộc thời xưa chết, hoàng đế sẽ ban cho ông một thụy hiệu, cho ông một đánh giá cuối cùng. Dùng một chữ. Trường hợp cá biệt có thể dùng hai chữ, đa số là dùng một chữ để đậy nắp quan tài mà định luận.

Ông được định là Kính. Thụy hiệu của ông chính là Kính. Hơn nữa về sau ông được phong là quận vương. Chữ "quận" và chữ "kính" cũng rất gần, âm đọc cũng rất gần. Cho nên từ những dấu vết tơ nhện vết ngựa ấy có thể thấy nguyên mẫu trong đời sống và nhà họ Tào có quan hệ vô cùng mật thiết. Khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng, ngay cả Thiên Hương lâu, một cái tên kiến trúc cụ thể trong tiểu thuyết, cũng có quan hệ với nhân vật ngoài đời này.

Là có quan hệ. Trong rất nhiều hoàng tử của Khang Hy, Doãn Hy là hoàng tử thứ hai mươi mốt. Ông nhỏ hơn người con trai thứ hai của Khang Hy là Dận Nhưng ba mươi bảy tuổi. Người này cả đời yêu thơ, không thiết chính trị, và có tác phẩm lưu truyền. Ông sinh năm 1711, mất năm 1758, trải qua ba triều Khang - Ung - Càn. Còn Bắc Tĩnh vương trong Hồng Lâu Mộng tên là Thủy Dung.

Nhưng nhìn riêng cái tên, dường như không tìm ra liên hệ nào với con trai Khang Hy là Doãn Hy. Trái lại, nó rất phù hợp với tên Vĩnh Dung, con trai Càn Long. Như vậy liền xuất hiện sự lẫn lộn về bối phận. Vậy rốt cuộc ai là nguyên mẫu của Bắc Tĩnh vương? Nói đến đây, tôi phải nhặt lại sợi dây lúc nãy tạm bỏ xuống. Bởi có thính giả có lẽ đã không chịu nổi nữa.

Nói vừa rồi chẳng phải ông còn phải nói về Vĩnh Dung sao? Phải không? Giờ ông lại nói là Doãn Hy. Doãn Hy thuộc cùng bối với Ung Chính. Phải không? Tuổi nhỏ nhưng bối phận lớn, đúng không?

Còn Vĩnh Dung, vừa rồi nói đến một Vĩnh Dung. Vĩnh Dung này là con trai Càn Long. Chẳng phải ông ta là hàng cháu sao? Tính từ Doãn Hy trở xuống, chẳng phải là hàng cháu sao? Quý vị tính rất chính xác.

Hai người họ có quan hệ. Quan hệ gì? Sau khi Doãn Hy chết, nhà ông tuyệt tự. Sau khi Càn Long lên ngôi, để duy trì sự đoàn kết của hoàng tộc, Càn Long sau khi lên ngôi thi hành một chính sách gọi là thân thân mục tộc. Giữa những người trong hoàng tộc, từ đời cha ông đến đời tổ phụ ông, hai đời đã kết mối thù oán quá sâu. Cho nên khi vừa lên ngôi, ông cảm thấy mọi người đều là cốt nhục thân thích, phải thân cận với cốt nhục của mình, phải dùng thái độ và nguyên tắc thân ái để đối đãi với cốt nhục của mình. "Mục tộc", chữ mục là mục trong hòa mục. Tức là trong một tông tộc, mọi người phải sống hòa thuận với nhau. Càn Long làm như vậy là đúng. Lúc ấy nếu anh không xoa dịu vết thương chính trị hai triều trước để lại, làm sao có thể củng cố sự thống trị của mình? Muốn củng cố sự thống trị, trước hết phải đoàn kết tầng lớp thượng tầng. Vì thế khi ấy Càn Long rất tinh tế. Ông phát hiện một người chú của mình, tức Doãn Hy, sau khi chết trong nhà không có hậu duệ. Ông liền đem một người con của mình, chính là Vĩnh Dung, cho làm con thừa tự nhà Doãn Hy, trở thành cháu nội của Doãn Hy. Hiểu quan hệ này rồi chứ? Cho nên về sau hai người này thực ra cùng ở trong một vương phủ, kế thừa cùng một tước vị. Vì vậy hai người này rất rõ ràng đều có quan hệ với nhà họ Tào. Vĩnh Dung tuy nhỏ tuổi, ông còn nhỏ hơn Tào Tuyết Cần.

Nhưng Càn Long cho ông làm con thừa tự nhà Doãn Hy, rõ ràng cũng không phải ngẫu nhiên, không phải tùy tiện. Khi còn rất nhỏ, đứa trẻ này từng đến nhà ông chú họ ấy chơi. Hẳn cũng là một người thích ngâm thơ làm phú. Mọi người biết, sau khi nhân vật Bắc Tĩnh vương xuất hiện, ông có một đoạn lời.

Đó là lúc Bắc Tĩnh vương mời Giả Bảo Ngọc đến phủ mình làm khách. Ông nói: tiểu vương tuy bất tài, nhưng rất quý những danh sĩ ẩn dật bốn bể, phàm người đến kinh đô, chưa ai là không khiến tôi dốc lòng kính mộ. Vì thế hàn đệ khá nhiều cao nhân, mong lệnh lang thường đến đàm đạo. Như vậy học vấn có thể ngày một tiến bộ. Ông không có dã tâm chính trị. Ông không có dục vọng đoạt lấy quyền lực tối cao. Nhưng trong nhà mình, ông gần như lập ra một câu lạc bộ chính trị. Cao nhân danh sĩ từ các nơi đến, ông đều có thể đưa họ đi tụ họp đàm đạo. Điều này vào triều đại ấy, xét từ góc độ hoàng đế, là không được phép, không thể dung nhẫn. Không thể làm như vậy.

Nhưng trong sách, Bắc Tĩnh vương công khai cho thấy mình có đặc điểm như vậy. Ông thường chiêu tập cao nhân từ các nơi đến phủ mình đàm luận sôi nổi. Hơn nữa ông còn mời Giả Bảo Ngọc đến. Thực tế trong đời sống xã hội lúc bấy giờ, Doãn Hy chính là một nhân vật như vậy. Ông thường tổ chức thi hội trong phủ của mình. Vì sao về sau ông có thi tập? Một người làm thơ thì rất cô quạnh. Chúng ta xem Hồng Lâu Mộng là biết, đúng không? Đại Quan viên cộng lại cũng không có mấy người. Thám Xuân còn phải phát thiệp, mỗi người viết một lá thư mời đến, tổ chức một thi xã. Phải không? Doãn Hy trong đời sống, nếu có điều kiện

ấy, đương nhiên ông sẽ làm như vậy. Cho nên ông mời rất nhiều người. Ông cũng mời một người trong đời sống, ước chừng vào năm Càn Long nguyên niên, sau khi nhà họ Tào khá lại, Tào Phủ, hoặc Tào Tuyết Cần khi còn thiếu niên, đều từng đến đó. Vì vậy họ hẳn rất quen thuộc Doãn Hy, rất ngưỡng mộ ông. Đồng thời, đứa trẻ thường đến phủ ông chơi, Vĩnh Dung, họ cũng rất quen. Cho nên cuối cùng Tào Tuyết Cần đem hình tượng Doãn Hy và cái tên Vĩnh Dung này kết hợp lại với nhau, tạo thành một hình tượng nghệ thuật trong sách, đó là Bắc Tĩnh vương.

Bắc Tĩnh vương này rõ ràng trong tiểu thuyết thuộc về phe Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế, là một chiếc ô che chở của phe ấy. Bản thân ông có thể đối với việc đoạt lấy hoàng quyền không có hứng thú gì. Nhưng tình cảm của ông nghiêng về phía dư đảng của Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế. Hồng Lâu Mộng xưa nay được xem là một tác phẩm văn học vĩ đại, ít có nội dung chính trị. Dù qua việc giải mã, chúng ta đã nhận ra nhân vật Bắc Tĩnh vương có thân phận đặc biệt trong đời thực, nhưng điều đó hoàn toàn không ảnh hưởng đến màu sắc văn học của Hồng Lâu Mộng. Huống chi thời Khang - Ung - Càn, văn tự ngục từng thịnh hành.

Gia tộc Tào Tuyết Cần tuy gặp đủ loại khổ nạn, nhưng trong hành vi cũng chỉ có thể đem nỗi khổ gia tộc chôn sâu trong lòng. Vậy tín hiệu chính trị của Hồng Lâu Mộng sẽ biểu hiện ở đâu? Nhưng trên thực tế, chuyện không đơn giản như người ta tưởng. Sự xuất hiện của nhân vật Bắc Tĩnh vương là do Tào Tuyết Cần có dụng ý đặc biệt. Khi viết Giả Bảo Ngọc trên đường yết kiến Bắc Tĩnh vương, có một câu như thế này. Nhất định chú ý, đừng bỏ qua.

Lúc ấy Bắc Tĩnh vương khen Bảo Ngọc, và còn nói sau này Bảo Ngọc có thể vượt qua Giả Chính. Hậu bối có thể vượt qua tiền bối. Ông trích một câu cổ văn để biểu đạt ý ấy. Khi đó Giả Chính bèn cười phụ họa. Trong lời cười phụ họa có một câu gọi là "nhờ dư trinh của phiên quận". Tôi nói trước bốn chữ phía sau.

"Phiên quận" chỉ một người được phong vương vị, một người có tước vương như vậy. Đó là cách xưng hô cung kính đối với ông ấy. Phiên quận. Dư trinh. Chữ "trinh" này, mấy bài trước tôi đã nói với anh, là chữ trong tên của ai? Là Thập tứ a ca của Khang Hy.

Năm xưa Khang Hy đặt tên ông là Dận Trinh. Tứ a ca tên là gì? Tứ a ca cũng tên Dận Chân. Chữ "Chân" của Tứ a ca là chữ bộ thị ghép với chữ chân trong thật giả. Còn tên của Thập tứ a ca này là chữ bộ thị ghép với chữ trinh trong trinh tiết. Hai chữ Hán chỉ khác nhau nửa nét, âm đọc cũng giống nhau.

Sở dĩ Khang Hy đặt tên cho hai người bề ngoài rất gần nhau, cũng bởi hai người là con cùng một mẹ sinh ra. Khang Hy sinh rất nhiều con trai, nhưng hai người con trai này cùng một mẹ. Cho nên khi đặt tên, Khang Hy có thể cố ý để tên hai người con này hơi gần nhau. Có thể ông đã cân nhắc như vậy. Dận Đề, trong bài trước tôi đã giảng rồi, về sau cũng trở thành tâm bệnh của Ung Chính, cái gai trong mắt, cái dằm trong thịt. Đương nhiên Ung Chính ra tay với Dận Đề không độc như với Bát a ca, Cửu a ca.

Hai người kia cuối cùng bị ông đặt tên một người là A Kỳ Na, một người là Tái Tư Hắc, hoàn toàn tiêu diệt, và hoàn toàn đuổi khỏi tông tộc. Tức là căn bản không còn được coi là người trong hoàng tộc. Đến con người cũng không phải. Đến tiện dân cũng không phải. Cuối cùng đơn giản là nghĩ cách bức chết cả hai. Còn người này dù sao cũng là em ruột cùng mẹ của ông.

Sau khi giam cầm Dận Đề, ông không hại chết. Nhưng ông cáo thị thiên hạ. Một là tất cả anh em, chữ đầu không được gọi là Dận nữa, đều phải đổi thành Doãn. Hai là tên người này, Dận Trinh. Chữ đầu đổi thành Doãn cũng chưa được, chữ thứ hai còn phải đổi. Không cho gọi chữ Trinh nữa.

Không cho phép chữ Trinh ấy xuất hiện nữa. Ai làm xuất hiện chữ ấy thì ông ta sẽ nổi giận. Nếu bị ông phát hiện, không chừng sẽ bị chém đầu. Vậy đổi thành một chữ rất lạ. Một chữ bộ thị, thêm chữ "thị" trong phải hay không, rồi thêm chữ "diệp" trong một lá hai lá. Cuối cùng tên ông được đổi thành Doãn Đề.

Vì vậy vào triều Càn Long, theo lẽ một người viết sách tuyệt đối không thể trong ngòi bút của mình để xuất hiện chữ Trinh. Nhưng Tào Tuyết Cần, khi viết Bắc Tĩnh vương, lại cố ý đặt chữ này vào. Các bản cổ ở điểm này không có khác biệt. Đó là "phiên quận dư trinh". Nghĩa bề mặt là gì? Nói rằng đứa Giả Bảo Ngọc nhà chúng tôi cũng có chút đẹp như châu như ngọc, lớn lên còn khá được.

Nhờ phúc của ai? Nhờ vương gia ngài. Phúc khí của ngài rất lớn. Phúc khí của ngài lớn vô cùng rồi, ngài còn có phần dư. Ngài còn thừa một chút phúc khí. Một chút phúc dư của ngài rơi đến nhà chúng tôi, chút dư phúc này mới khiến đứa trẻ nhà chúng tôi tốt đẹp như vậy.

Đại ý là thế. Bề ngoài là ở đó khiêm nhường cảm tạ Bắc Tĩnh vương, nhưng thực ra ở đây, nói không khách khí, đã lộ nanh độc. Chẳng phải hoàng đế Ung Chính không thích chữ Trinh sao? Bây giờ tôi viết sách, cứ nhất định đem chữ Trinh ấy viết giấy trắng mực đen ra cho ông xem. Ở chỗ này, cho nên nếu anh cho rằng Tào Tuyết Cần viết hoàn toàn không có tâm lý chính trị, thì không nói thông được. Ông quả thật không muốn viết một tiểu thuyết chính trị, nhưng tao ngộ của gia tộc họ và đấu tranh chính trị ba triều liên hệ quá chặt chẽ với nhau.

Nhà họ Tào không chỉ quan hệ mật thiết với phế thái tử, mà còn quan hệ với vị hoàng tử thứ mười bốn này cũng cực kỳ mật thiết. Vô cùng mật thiết. Tốt đẹp đến mức không thể hơn. Cho nên sau khi Ung Chính làm hoàng đế, trong lòng họ không phục. Sự không phục ấy thông qua thế hệ trước, thông qua Tào Phủ, sẽ truyền sang Tào Tuyết Cần. Khi Tào Tuyết Cần viết, thỉnh thoảng lại lộ ra một số oán hận trong nội tâm như vậy.

Vì thế "nhờ dư trinh của phiên quận" bản thân mấy chữ này đã rất kinh người. Nói đến đây, tôi cũng cảm thấy có bạn có lẽ vẫn cho rằng tôi chỉ nêu một ví dụ thì chưa thuyết phục. Tôi giảng thường thường kéo thời gian rất dài. Vì sao? Bởi tôi luôn cảm thấy một ví dụ không đủ. Chúng ta lại nêu thêm một ví dụ nữa.

Thật ra tôi còn rất nhiều ví dụ. Vậy ta lại nêu một ví dụ. Còn nhớ khi Bắc Tĩnh vương gặp Giả Bảo Ngọc, ông đã tặng Giả Bảo Ngọc vật gì không? Tích linh hương xuyến châu. Đúng không? Có ai đi tra chưa?

Tích linh hương xuyến châu là gì? Anh đi hỏi nhà buôn đồ cổ xem, có loại hương xuyến châu này không? Không có. Đây là một từ Tào Tuyết Cần tự đặt ra. Tích linh là tên một loài chim. Hơn nữa trong Hán ngữ cổ, nghĩa của tích linh còn có hàm nghĩa anh em.

Hiểu chứ? Vậy tích linh hương xuyến châu mang ý vị châm biếm.

Thủy Dung nói chuỗi tích linh hương xuyến châu này do ai cho ông? Là hoàng thượng đương kim cho ông. Mọi người biết rằng phải sau khi Nguyên Xuân tỉnh thân mới là câu chuyện năm Càn Long nguyên niên. Sau này tôi còn tiếp tục cung cấp luận cứ cho anh. Từ hồi một đến hồi mười lăm của Hồng Lâu Mộng, về cơ bản có lẽ mơ hồ là chuyện triều Ung Chính. Ở giai đoạn câu chuyện này, thứ tự thời gian của ông đã có lúc rối loạn, và hữu ý hoặc vô ý làm nó mơ hồ không rõ. Nhưng đại thể có thể suy đoán rằng phần này viết chuyện triều Ung Chính. Bao gồm Tần Khả Khanh chết, Bắc Tĩnh vương đi viếng, Giả Bảo Ngọc yết kiến trên đường, đều hẳn là chuyện thời Ung Chính. Sau hồi mười sáu mới nên là câu chuyện triều Càn Long. Vì vậy, chuỗi tích linh hương xuyến châu ấy được tặng cho Bắc Tĩnh vương bởi vị hoàng đế đó hẳn chính là hoàng đế Ung Chính. Tào Tuyết Cần có dám mắng hoàng đế không?

Ông dám mắng hoàng đế. Ông mắng hoàng đế là gì? Có một câu rất rõ: đồ đàn ông thối. Ông mượn miệng ai để mắng? Ông mượn lời của Lâm Đại Ngọc để mắng. Cho nên anh đừng tưởng trong Hồng Lâu Mộng không có chính trị.

Nó có tiếng lóng. Tào Tuyết Cần viết tiếng lóng. Ông không thể không viết xuống một số tiếng lóng như vậy. Hơn nữa vì sao ông gọi chuỗi hương ấy là tích linh hương xuyến châu? Ngài còn mặt mũi nào gọi một chuỗi xuyến châu bằng cái tên mang hàm nghĩa anh em? Việc Ung Chính tàn sát anh em trong lịch sử cũng hiếm thấy.

Ông không chỉ tàn hại Bát a ca, Cửu a ca, Tam a ca cũng bị ông chỉnh cho thê thảm. Thập tứ a ca, em ruột cùng cha cùng mẹ của ông, cuối cùng cũng bị ông giam cầm cho đến chết. Những người bên dưới bị ông chỉnh trị thì còn nhiều nữa. Bao gồm cả những người nâng ông lên ngôi là Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa, ông cũng không hề nương tay. Anh thử nghĩ xem, một người như vậy lại giả nhân giả nghĩa đem một chuỗi hương, mà bí mật của chuỗi hương ấy lại như thể là thứ mang tình nghĩa anh em, trao cho Bắc Tĩnh vương. Bắc Tĩnh vương không nhận, đưa cho Giả Bảo Ngọc; Giả Bảo Ngọc không hiểu chuyện, lại đưa cho Lâm Đại Ngọc.

Đưa cho Lâm Đại Ngọc thì hay. Tình tiết Tào Tuyết Cần thiết kế hết sức khéo léo. Để Lâm Đại Ngọc mắng rằng: "Đồ đàn ông thối từng cầm qua, ta không cần." Cho nên nàng kiên quyết không nhận, "bốp" một cái

ném xuống đất. Trút ra một hơi oán khí lớn, phải không? Tôi thấy phân tích này của tôi vẫn có đạo lý. Điều này cho thấy trong Hồng Lâu Mộng là có chính trị.

Hơn nữa là hai quân đối trận. Một phe là lấy Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế làm ngọn cờ, lấy Bắc Tĩnh vương làm chỗ che chở, lấy Phùng Tử Anh và những người khác làm mũi tiên phong, một thế lực chính trị như vậy. Hơn nữa nhân vật thuộc thế lực chính trị này còn rất nhiều. Sau này tôi còn sẽ nói đến. Tất cả đều có phục tuyến. Đây là một phe.

Phe này, nói khái quát là phe Nghĩa. Hiểu rồi chứ? Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế nổi bật ở một chữ "nghĩa". Một phe khác là phe phủ Trung Thuận vương. Phe này viết tương đối mơ hồ. Lộ diện giáp mặt xung đột chính là vị trưởng sử quan ấy đến chỗ Giả Chính đòi người, đòi Tưởng Ngọc Hạm.

Phe này, trong thao tác đặt tên, Tào Tuyết Cần cũng phí rất nhiều tâm sức. Đây là phe Thuận. Hiểu chưa? Một phe đối với người đang ngồi trên hoàng vị hiện tại là thuận tòng, tương đối hài lòng. Đối với hoàng đế đương kim, phe phủ Trung Thuận vương tương đối hài lòng. Cho nên Tào Tuyết Cần đặt tên cho nó là Trung Thuận vương, tức phe Thuận. Còn phe kia là phe Nghĩa. Nghĩa Trung thân vương Lão thiên tuế. "Thuận" đại diện cho sự thuận tòng và ủng hộ hoàng quyền. "Nghĩa" thì chữ nghĩa này không thể tùy tiện xuất hiện. Mọi người thử nghĩ trong Thủy Hử truyện, những người tạo phản ấy, trong sảnh đường của họ treo tấm biển gì? Tụ Nghĩa sảnh. Cái gọi là nghĩa, tức là khi đối diện với bất nghĩa, phẫn mà đứng dậy, muốn tổ chức chính nghĩa. Chính là phe này. Vì vậy thực ra trong Hồng Lâu Mộng, nó có rất nhiều bút mực viết đến những điều ẩn sau cái kiểu sinh hoạt thường ngày như nước chảy ấy. Anh cảm thấy chẳng qua chỉ là ăn cơm, làm thơ, ngắm hoa, nhưng đằng sau những câu chữ ấy là bối cảnh thời đại trọng đại, bối cảnh lịch sử. Trong cốt lõi câu chuyện của nó có chính trị.

Tào Tuyết Cần không muốn dính đến chính trị, nhưng trong Hồng Lâu Mộng vẫn gửi gắm tình cảm phức tạp của ông. Doãn Hy, Vĩnh Dung, hai nhân vật trong đời sống này đã biến thành Bắc Tĩnh vương dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần. Vị vương gia được tác giả thật lòng yêu quý này cuối cùng đã được vén khăn che mặt. Nhưng nhiều nghi vấn hơn về Bắc Tĩnh vương cũng theo đó xuất hiện. Vị vương gia này đã vô tâm với chính trị, vì sao lại cuốn vào cuộc vòng xoáy đấu tranh quyền lực phức tạp ấy? Chỉ vì ông xuất phát từ sự đồng cảm nhân đạo chủ nghĩa đối với người bị tổn hại thôi sao?

Tình cảm chính trị của ông vì sao lại nghiêng về phía phế thái tử mà nhà họ Tào ủng hộ? Điều này có quan hệ gì với Tần Khả Khanh? Tất cả những điều này còn phải nói từ nhà họ Giả và quan hệ với phủ Giả. Quan hệ giữa phủ Bắc Tĩnh vương và phủ Giả trong lịch sử được viết đến mức nào? Ở phần sau của tiểu thuyết có rất nhiều chỗ hé lộ. Một số chỗ hé lộ cũng đáng lấy ra nói.

Ví dụ trong hồi năm mươi lăm, dường như rất tùy tiện viết một câu, nói trong cung có một vị thái phi không khỏe. Thái phi là một phi tần thuộc hàng mẹ của hoàng đế đương kim. Nhưng đến hồi năm mươi tám, có

người nói đây có phải lại viết sai không? Hồi năm mươi tám nói vị lão thái phi được nhắc ở hồi trước đã hoăng. Trước đó chẳng phải nói một thái phi bị bệnh sao? Người chết đáng lẽ phải là thái phi.

Sao lại nói lão thái phi? Thật ra nói cùng một người. Phải xem anh lấy ai làm hệ tọa độ. Một phi tử của Khang Hy, phải không? Ở triều Ung Chính, bà là gì? Bà là thái phi.

Đến triều Càn Long, bà vẫn chưa chết, thì bà là phi gì? Bà là lão thái phi. Có người nói: có thể sống lâu như vậy sao? Anh tra tư liệu thì sẽ thấy không thể xem thường. Khang Hy có một vị phi tử sống đến chín mươi bảy tuổi.

Có người sống lâu như vậy. Vậy vị được viết trong Hồng Lâu Mộng, thái phi triều Ung Chính, lão thái phi triều Càn Long ấy, có thể khảo chứng ra được. Bởi trong Hồng Lâu Mộng, ở các hồi năm mươi lăm và năm mươi tám của tiểu thuyết, đã viết đến câu chuyện thời Càn Long năm thứ hai. Tra sử liệu năm Càn Long thứ hai, quả thật có một vị tần năm xưa của Khang Hy. Chữ tần, tần thấp hơn phi một bậc. Bà họ Trần, có huyết thống Hán tộc. Bà đã hoăng vào năm đó. Quả thật tang sự được làm rất lớn. Điều này cho thấy trong Hồng Lâu Mộng, việc viết cái gọi là thái phi, lão thái phi hoăng, cũng có nguyên mẫu đời sống. Nguyên mẫu này chính là họ Trần. Tên cha của vị họ Trần này cũng tra ra được. Quê quán Giang Nam, tên là Trần Ngọc Khanh. Có quan hệ không? Vậy vì sao Tào Tuyết Cần phải viết vị họ Trần này? Vì sao phải đem một nhân vật ngoài đời dường như không đáng kể như vậy đặt vào tiểu thuyết để viết? Hơn nữa còn có một đoạn văn càng cổ quái. Đoạn văn cổ quái ấy xuất hiện ở hồi năm mươi tám của Hồng Lâu Mộng, trong sách nói triều đình có một vị lão thái phi qua đời, phải làm tang lớn; Giả mẫu, Vương phu nhân v.v. đều phải rời phủ, vào cung dự tang. Vì thế Giả mẫu, Vương phu nhân và mọi người đến nơi làm tang sự. Lúc này trong sách có một đoạn văn miêu tả chỗ ở của Giả mẫu, Vương phu nhân và mọi người.

Vừa khéo chỗ trú ấy là gia miếu của một đại quan, là nơi tỳ-kheo-ni tu hành, nhiều phòng ốc, chia thành hai viện đông tây. Phủ Vinh liền thuê riêng đông viện, phủ Bắc Tĩnh vương thuê riêng tây viện. Các thái phi, thiếu phi hằng ngày dùng tiệc, liền để Giả mẫu và mọi người ở đông viện, hai bên cùng ra cùng vào, cùng ở, đều có chiếu ứng.

Đoạn văn này rất cổ quái. Phải không? Theo miêu tả trong tiểu thuyết, địa vị phủ Giả không cao. Phải không nào? Sau khi Giả Đại Thiện chết, phủ Giả chỉ còn Giả Xá kế thừa tước vị ấy, chẳng qua là một Nhất đẳng tướng quân. Bắc Tĩnh vương tôn quý đến mức nào!

Hai nhà cùng ở trong một đại viện. Hơn nữa mọi người biết, trong xã hội phong kiến Trung Quốc, phía đông và phía tây, bên nào tôn quý hơn? Phía đông tôn quý hơn phía tây. Phải không? Dưới này có người lẩm bẩm: không đúng, chẳng phải. Từ Hy thái hậu là Tây thái hậu sao? Bà ấy chẳng phải rất lợi hại sao?

Bản thân bà ấy lợi hại, đúng không? Nhưng thật sự vào thời Đông thái hậu còn sống, địa vị Đông thái hậu cao hơn bà ấy. Chỉ vì Đông thái hậu rất hiền lành, mềm yếu, quyền bính rơi vào tay Tây cung. Hơn nữa về sau Đông thái hậu lại mất, đúng không? Quả thật đông quý hơn tây. Có người liền nói: Tào Tuyết Cần viết không nghiêm túc, hoặc nói người ta hư cấu nghệ thuật nên thích viết như vậy.

Ông ấy cứ muốn viết như vậy. Còn bàn luận làm gì, phải không? Đông tây có gì đáng bàn? Viết tiểu thuyết mà. Nhà họ Giả ở đông viện, Bắc Tĩnh vương ở phía tây, thì sao nào? Nếu anh nhất định nói như vậy, tôi cũng không có cách nào.

Đó cũng là một cách đọc sách của quý vị. Tôi cũng rất tôn trọng. Ở đây tạm gác ý ấy. Nhưng tôi mong các bạn dưới đây vẫn nghe tôi nói tiếp. Đó là vì có chân thực đời sống ở đó. Đây là một tiểu thuyết có tính tự thuật, một tiểu thuyết có tính tự truyện.

Ông viết những chuyện này đều có nguyên mẫu đời sống. Vì sao trong đời sống lại như vậy? Tôi phải nói với anh. Tào Dần và cậu cả Lý Húc của ông thời ấy, dưới triều Khang Hy, bề ngoài là giữ chức Chức tạo, thực ra còn gánh vác một số nhiệm vụ bí mật rất quan trọng, bao gồm thay Khang Hy trong các cô gái Hán tộc tuyển chọn phi tần.

Điều này có sử liệu chống đỡ, có ghi chép. Phải không? Hiện nay dĩ nhiên không tra được nhiều tư liệu, nhưng anh vẫn có thể từ tấu chương của Lý Húc mà tra thấy:

Khang Hy có một vị phi tử họ Vương, người Hán. Mẹ của vị họ Vương này họ Hoàng, qua đời. Lý Húc liền chuyên viết một bản tấu chương để tấu lên Khang Hy. Những việc riêng tư như vậy của Khang Hy là do họ xử lý.

Cho nên đoạn văn này sở dĩ có thể hiểu được, là vì sao? Bởi trong lịch sử, Khang Hy ngoài đời và Tào Dần ngoài đời là cùng một bối. Chuyển hóa vào tiểu thuyết, thì cùng bối với Giả mẫu. Còn vị họ Trần này, sở dĩ phải làm tang lớn cho bà, bây giờ tôi sẽ nói với anh bà là mẹ của ai. Bà chính là mẹ của vị vương tử đề biển Thiên Hương đình viện mà trước đó chúng ta đã nói. Bà chính là sinh mẫu của Doãn Hy.

Doãn Hy và Ung Chính là cùng một bối, tức là thấp hơn Giả mẫu một bối. Vậy rất có thể trong đời sống, sở dĩ gia tộc họ Trần này có thể vào hoàng cung, và sở dĩ vị họ Trần cuối cùng có thể ở bên Khang Hy, lại còn sinh con trai cho Khang Hy, đều có quan hệ mật thiết với việc tuyển chọn của nhà họ Tào năm xưa. Vì vậy sau khi nhân vật này chuyển hóa thành Bắc Tĩnh vương trong tiểu thuyết, người trong phủ của ông đối với nhà họ Tào ngoài đời tuyệt đối không thể bày tư cách bề trên, không thể khoe địa vị tôn quý của mình, mà tuyệt đối hết sức cảm kích. Thậm chí do vị tiền bối già của tông tộc ấy, Giả mẫu, vẫn còn đó, nên để họ ở đông viện, vương phi của Bắc Tĩnh vương gì đó thì tự mình ở tây viện. Đương nhiên tôi nói là nhân vật trong tiểu thuyết, thực ra hai nhóm nhân vật ngoài đời chính là một cách ở chung như vậy. Cách ở chung ấy được

Tào Tuyết Cần rất nghiêm túc, rất đúng thực, viết vào tiểu thuyết. Tuy tên các nhân vật ấy đã chuyển hóa, nhưng diện mạo được trình hiện vẫn là diện mạo chân thực trong đời sống.

Nghĩ như vậy thì thật quá thú vị. Doãn Hy rốt cuộc và nhà họ Tào qua lại đến mức nào? Phải không? Thiên Hương lâu trong Hồng Lâu Mộng rất rõ ràng bắt nguồn từ tấm biển Thiên Hương đình viện của Doãn Hy. Trong Hồng Lâu Mộng, lúc thì nói thái phi, lúc thì nói lão thái phi. Sau khi bà hoăng, trong tang sự ấy, tình hình trong đó, phủ Bắc Tĩnh vương và phủ Giả tạm thời cư trú, đã phản ánh quan hệ vô cùng vi diệu giữa nhà họ Tào khi ấy và vương phủ Doãn Hy. Tóm lại, hiện nay chúng ta rút ra kết luận rằng: sau một phen tìm kiếm, cuối cùng chúng ta đã tìm thấy vài nhánh hoàng tộc có quan hệ mật thiết nhất với gia tộc Tào Tuyết Cần. Nguyên mẫu của Tần Khả Khanh nhất định nằm trong các nhánh ấy. Bài sau tôi sẽ cho anh biết rốt cuộc nguyên mẫu Tần Khả Khanh là ai.

# Tập 12

Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (thượng)

*Cuốn kỳ thư hiếm có. Những bí ẩn tầng tầng lớp lớp. Giữa lịch sử nhà Thanh rối rắm phức tạp. Truy tìm tận gốc nguồn cơn. Qua từng câu từng chữ của Hồng Lâu Mộng. Rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình dài kỳ Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng.*

*Tần Khả Khanh. Một nhân vật như câu đố trong Hồng Lâu Mộng. Từ Dưỡng Sinh đường đến Ninh Quốc phủ. Từ lúc sinh ra đến khi chết đi Tần Khả Khanh để lại cho độc giả quá nhiều nghi vấn. Trong quá trình truy tìm thân phận thật của Tần Khả Khanh. Không ít nhân vật thần bí trong Hồng Lâu Mộng đã dần tìm thấy nguyên mẫu đời thực của mình. Còn nguyên mẫu của nhân vật Tần Khả Khanh cũng ẩn giấu ngay trong số họ Nguyên mẫu của Tần Khả Khanh sẽ là ai? Trong Hồng Lâu Mộng những nghi vấn đủ loại liên quan đến nàng phải giải thích thế nào? Điều khiến độc giả bối rối là mối quan hệ ám muội giữa Tần Khả Khanh và Giả Trân rốt cuộc là chuyện gì? Những cách dùng chữ đặc biệt dành cho Tần Khả Khanh trong Hồng Lâu Mộng có quan hệ gì với xuất thân thật của nàng?*

*Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn tiếp tục kể về câu chuyện phía sau Tần Khả Khanh. Trong Hồng Lâu Mộng những văn tự kỳ lạ liên quan đến Tần Khả Khanh đều sẽ được lần lượt giải mã.*

Sau mấy bài giảng trước đã chải chuốt lại mạch vấn đề chúng ta đã biết muốn làm rõ nguyên mẫu của Tần Khả Khanh thì phải tìm manh mối. Trong cuộc đấu tranh chính trị ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long. Vậy hiện nay có thể nói rằng chân tướng đã gần như lộ ra. Qua một phen đi hết đường quanh lại thấy lối sáng chúng ta đã đi đến một thôn mới khác của Tần Khả Khanh Bây giờ ta dùng cách này để quay lại bàn vấn đề ấy Tức là lần theo những lần Tần Khả Khanh xuất hiện. Trong Hồng Lâu Mộng mà sắp xếp lại một lượt thì sẽ rất rõ ràng.

*Trong việc giải đọc Hồng Lâu Mộng ông Lưu Tâm Vũ đã dùng hai tập trước hết để hệ thống lại nghiên cứu Hồng học từ cuối Thanh đến nay và phân tích con đường mà Hồng học đã đi qua Lưu Tâm Vũ cho rằng muốn hiểu rõ Hồng Lâu Mộng nhân vật Tần Khả Khanh là cực kỳ quan trọng. Nàng là chiếc chìa khóa tổng để mở bí mật Hồng Lâu Mộng.*

*Trong các chương trình sau đó Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ chuyện hôn phối của phủ Giả để từng bước tiếp cận nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh Thông qua tập ba Bí ẩn hôn phối của phủ Giả tập bốn Bí ẩn việc ôm nuôi. Tần Khả Khanh tập năm Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh và tập sáu Bí ẩn xuất thân của Tần Khả Khanh chúng ta đã rút ra một kết luận. Xuất thân của Tần Khả Khanh không thể thấp hèn đến mức chỉ là một đứa trẻ bị bỏ rơi từ Dưỡng Sinh đường mà phải là xuất thân cực kỳ cao quý thậm chí rất có thể đến từ hoàng*

*cung Thông qua tập bảy, Bí ẩn vụ cảnh báo đêm. Trong trướng điện tập tám, Bí ẩn thăng trầm nhà họ Tào tập chín, Bí ẩn nhật nguyệt cùng treo tập mười, Bí ẩn Tưởng Ngọc Hàm và tập mười một, Bí ẩn Bắc Tĩnh vương chúng ta tiếp tục rút ra kết luận bối cảnh xã hội mà Hồng Lâu Mộng miêu tả chính là ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long của nhà Thanh. Trong đó tồn tại hai thế lực chính trị đối địch mà nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh với một.*

*Trong hai thế lực ấy có mối liên hệ mật thiết. Sau một phen hệ thống như vậy nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh về cơ bản đã nổi lên mặt nước. Nhưng trong Hồng Lâu Mộng vẫn còn tồn tại một số điểm nghi vấn then chốt Việc giải mã những điểm nghi vấn ấy đối với việc vạch rõ nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh có tác dụng rất quan trọng Chẳng hạn. Trong tập ba Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh có một điểm đặc biệt khiến người ta khó hiểu. Vì sao Giả mẫu lại đối với Tần Khả Khanh, người bị nói là xuất thân thấp hèn, cực kỳ hài lòng?*

*Bài trí trong phòng ngủ của Tần Khả Khanh vì sao lại kỳ lạ như vậy? Những hiện tượng ấy rốt cuộc nói lên điều gì?*

Tần Khả Khanh xuất hiện ở hồi thứ năm Thông qua việc này Giả mẫu nhận định Tần Khả Khanh là người trong số các cháu dâu khiến bà đắc ý nhất và thông qua phòng ngủ của Tần Khả Khanh chúng ta mơ hồ biết rằng xuất thân của Tần Khả Khanh cao hơn phủ Giả có thể đem lại lợi ích cho phủ Giả khiến cả Giả mẫu cũng thấy đắc ý. Hơn nữa Tần Khả Khanh hẳn là một nhân vật cấp công chúa ít nhất cũng là cấp quận chúa là huyết mạch hoàng gia. Khi phân tích cách bài trí phòng ngủ của Tần Khả Khanh những điều trước đã nói thì không lặp lại bây giờ chỉ bổ sung đôi chút Tức là khi Tào Tuyết Cần hành văn ông còn đặc biệt viết rằng Tần Khả Khanh sắp xếp cho Giả Bảo Ngọc ngủ trưa lại đích thân trải chiếc chăn sa Tây Tử từng giặt và dời chiếc gối uyên ương Hồng Nương từng ôm còn nhớ chứ?

Ngoài một số đồ vật khác còn có hai món ấy. Vậy mọi người đều biết Tây Tử tức Tây Thi ở đây không bàn rộng vì mọi người đều rất quen thuộc Tây Thi tượng trưng cho một âm mưu chính trị Tây Thi không phải một phụ nữ bình thường nàng có tính lật đổ trong chính trị. Còn Hồng Nương thì sao? Cũng không phải một nha hoàn bình thường Hồng Nương có thể giúp việc tốt thành công là một loại môi giới trung gian có thể khiến. Hai bên được mai mối với nhau để cùng có lợi. Cho nên những phù mã như vậy nói đúng hơn là những ký hiệu như vậy đều ám thị cho chúng ta rằng Tần Khả Khanh với xuất thân cao hơn phủ Giả của nàng. Trong đó hàm chứa một sắc thái âm mưu chính trị nào đó và còn có thể khiến phủ Giả mưu lợi từ đó "Hồng Lâu Mộng" hồi thứ mười Tần Khả Khanh đột nhiên đổ bệnh Rốt cuộc mắc bệnh gì. Trong sách nói rất mơ hồ Phùng Tử Anh hướng về Giả Trân Tiến cử một vị tiên sinh lúc nhỏ từng theo học Tên là Trương Hữu Sĩ Là người lên kinh cho con quyên chức, kiêm thông y lý. Có thể đến khám bệnh cho Tần Khả Khanh Thế là hồi mục hồi thứ mười "Hồng Lâu Mộng" Liền xuất hiện một...

Thế là xuất hiện mấy chữ Trương thái y luận bệnh tìm tận gốc nguồn. Vì sao Trương Hữu Sĩ lại được gọi là Trương thái y? Ông ta có quan hệ gì với Tần Khả Khanh? Vì sao đang yên đang lành nàng đột nhiên lo âu rồi u uất? Vị lão tổ tông của tông tộc là Giả mẫu đối với nàng chẳng phải rất tốt sao? Bà còn cho rằng nàng là người đắc ý nhất Mẹ chồng nàng đối với nàng cũng rất tốt Ngay cả Vương Hy Phượng bên Vinh Quốc phủ cũng chăm nom nàng đủ điều như vậy Trên dưới đều đối với nàng khá tốt vậy sao nàng lại lo âu? Rồi sách viết rằng vì mắc bệnh nên phải xem bệnh cuối cùng xuất hiện một Trương Hữu Sĩ Tên người trong Hồng Lâu Mộng.

Đều được đặt theo cách hài âm hàm nghĩa. Có lúc tên của một người hài ra một ý nghĩa có lúc tên của vài người hợp lại mới hài ra một ý nghĩa Trương Hữu Sĩ rõ ràng hài âm với hai chữ "hữu sự" tức là có việc đúng không? Vậy người họ Trương này có việc gì?

Mấy bài trước tôi đã chỉ rõ rồi ở hồi này trong hồi mục thứ mười viết rằng Trương thái y luận bệnh tìm kỹ tận nguồn nhưng trong chính văn hồi thứ mười lại nói rõ với bạn rằng thân phận của ông lúc ấy thân phận công khai không phải thái y. Ông ta từ đâu đến? Bài trước chúng ta nói đến một nhân vật rất quan trọng: Phùng Tử Anh. Từ nhà Phùng Tử Anh mà đến. Ông ta có việc nên đột nhiên lấy thân phận thái y chạy đến phủ Giả đến Ninh Quốc phủ. Ông ta có việc gì? Ông ta luận bệnh tìm tận gốc nguồn. Ông ta luận bệnh gì? Ông ta tìm nguồn nào?

Rất đáng khảo cứu. Điều này cho thấy nguyên mẫu của nhân vật Tần Khả Khanh không chỉ là thành viên hoàng tộc mà hẳn còn là thành viên của một nhánh bất đắc chí. Trong hoàng tộc, nàng là một nhân vật mang sắc thái âm mưu nào đó về thân phận. Giữa hoàng tộc và nhà họ Giả nàng lại có vai trò Hồng Nương nào đó một vai trò môi giới nào đó. Nàng mắc bệnh, đột nhiên lo âu và u uất không phải vì người trong nhà họ Giả đối xử không tốt với nàng mà vì có nguyên nhân trọng đại từ phía bối cảnh riêng của nàng. Cho nên mới mời đến một nhân vật có trọng lượng để xem bệnh cho nàng Bề ngoài nhân vật này được nói là một người bạn của Phùng Tử Anh mục đích là lên kinh quyên chức cho con nhưng lại có một thân phận kỳ lạ: thái y Tôi ước đoán sau tám mươi hồi, nhân vật này nhất định sẽ xuất hiện với thân phận thái y. Nếu không thì trong rất nhiều bản cổ lại có nhiều hồi mục như vậy xuất hiện các dị văn khác nhau mà ở ba chữ Trương thái y mọi bản cổ lại đều nhất trí.

Bên dưới có bạn khẽ gật đầu nói đúng rồi: thái y mà, chỉ có hoàng đế mới có thể lập Thái y viện, đúng không? Đại phu trong đó mới được gọi là thái y, có phải không? Bạn của Phùng Tử Anh sao có thể gọi là thái y? Trong mấy bài trước chúng ta đã nói, trong đời sống thật có một người đã tự tiện lập bảy ty của Nội vụ phủ, lập ra một loạt cơ cấu hoàn toàn giống hoàng đế như trong cung đình. Người ấy không phải ai khác, chính là Hoằng Tích. Người này là con của phế thái tử; nói về huyết thống, ông ta là cháu đích tôn của Khang Hy. Khi ấy ông ta sống ở Trịnh Gia Trang, thân phận lúc đó là thân vương, nhưng ông ta tự tiện làm theo quy cách cung đình.

Thiết lập đủ loại cơ cấu cho mình. Vậy đã có thể lập bảy ty Nội vụ phủ thì đương nhiên cũng có thể lập một cơ cấu để xem bệnh cho mình gọi là Thái y viện. Vì vậy từ chân thực đời sống đến chân thực nghệ thuật vị Trương Hữu Sĩ này hẳn phải là một nhân vật đến từ hệ thống ấy Nói cách khác, nguyên mẫu đời thực của Trương Hữu Sĩ hẳn chính là một người trong Thái y viện của tiểu triều đình do Hoằng Tích tự tiện lập ở Trịnh Gia Trang. Vậy sau khi vào kinh thành đương nhiên ông ta không thể công khai nói rằng tôi đến từ một triều đình khác tôi là thái y ở nơi ấy nên ông ta nói mình lên kinh để quyên chức Ở nhà ai?

Ở nhà Phùng Tử Anh. Lúc này chúng ta lại nhớ điều bài trước đã nói trong Hồng Lâu Mộng có hai thế lực chính trị một phe lấy Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế cùng những người đồng tình và che chở cho ông ta hợp thành có thể gọi là phe chữ Nghĩa một phe khác lấy Trung Thuận vương phủ làm đại diện, tức phe chữ Thuận. Vậy Trương Hữu Sĩ này rõ ràng là một nhân vật trong phe chữ Nghĩa ông ta xuất hiện trước mặt Tần Khả Khanh để bắt mạch cho Tần Khả Khanh và xem bệnh. Hơn nữa còn kê đơn thuốc Trương Hữu Sĩ xuất hiện với thân phận thái y sau khi bắt mạch cho Tần Khả Khanh và xem bệnh xong còn kê một toa thuốc rất dài. Các nhà nghiên cứu Hồng học về tình tiết Trương Hữu Sĩ hành y có những cách nhìn khác nhau. Có người cho rằng tình tiết này không có dụng ý đặc biệt gì. Trong sách, Giả Trân, Giả Dung khách khí với vị lang trung giang hồ này cũng chỉ phản ánh quan niệm thời ấy là tôn trọng nghiệp dư hơn chuyên nghiệp. Lại có người nói đây là nét bút ứng tác mang tính trò chơi của tác giả không có nội dung sâu hơn để khảo. Còn toa thuốc trong sách cũng chỉ là tác giả mượn đó để phô bày học thức uyên bác của mình. Nếu quả thật là như vậy vì sao Tào Tuyết Cần phải tốn nhiều công sức để viết Trương thái y luận bệnh tìm kỹ tận nguồn?

Trong toa thuốc có ẩn giấu bí mật gì không? Trong Hồng Lâu Mộng, qua lời phê Chi Nghiễn Trai tiết lộ, vốn có rất nhiều toa thuốc Nghe nói, khi viết Lâm Đại Ngọc, từ ngoài hai mươi hồi về sau, gần như hồi nào cũng có một toa thuốc để cho thấy bệnh của Lâm Đại Ngọc ngày càng nặng lời Chi phê ấy hiện vẫn còn giữ lại nhưng trong các bản cổ Hồng Lâu Mộng chúng ta thấy hiện nay không còn bất kỳ toa thuốc nào kê cho Lâm Đại Ngọc. Khi Tào Tuyết Cần chỉnh lý văn bản của mình sau nhiều lần điều chỉnh ông đã xóa bỏ các toa thuốc khác Hiện trong tám mươi hồi đầu nếu nói chính thức là văn tự trần thuật của tác giả tự thân kê ra toa thuốc.

Thì chỉ có toa thuốc Trương Hữu Sĩ kê cho Tần Khả Khanh mà toa thuốc này, Tào Tuyết Cần từ đầu đến cuối không xóa bỏ nó ông để nó vĩnh viễn ở đó, cho nên hiện nay rất nhiều nhà Hồng học bao gồm cả các nhà Hồng học dân gian đều đến khảo sát toa thuốc ấy xem toa thuốc ấy rốt cuộc nói điều gì. Bởi Tào Tuyết Cần có một cách viết quen dùng là thông qua hài âm và cái gọi là chiết tự Chẳng hạn. Trong sách Kim Lăng thập nhị thoa của Hồng Lâu Mộng viết về Vương Hy Phượng một tòng. Hai lệnh, ba nhân mộc đúng không? Một tòng, hai lệnh hiện nay ta không phân tích.

Ba nhân mộc chính là phép chiết tự: nhân mộc hợp lại thành chữ hưu. Tức là ông tách chữ hưu ra trình bày ra, gọi là phép chiết tự, nói rằng cuối cùng Vương Hy Phượng bị Giả Liễn bỏ. Tôi nêu ví dụ này để nói rằng Tào Tuyết Cần thường dùng phép chiết tự, có lúc dùng phép hài âm. Tức là trong văn bản của mình, ông thường dùng một thủ pháp như vậy để tiết lộ một số thông tin cho độc giả. Vì vậy, toa thuốc của Trương thái y có khả năng cũng dùng phương pháp hài âm và chiết tự để tiết lộ thông tin. Tôi cũng nghiên cứu toa thuốc ấy, ở đây không triển khai, chỉ nói mấy vị thuốc đầu trong toa: Nhân sâm, Bạch truật, Vân linh, Thục địa, Quy thân. Thực ra, toa thuốc này hẳn là một mật ngữ dùng để liên lạc bí mật, một tờ mật ngữ Trương Hữu Sĩ để lại khi đến xem bệnh cho Tần Khả Khanh.

Ít nhất mấy câu đầu của toa thuốc này đã rất đáng sợ. Vì sau khi ông xem bệnh xong, Giả Dung hỏi ông rằng bệnh nhân này liệu có thể khỏi không. Trương Hữu Sĩ nói thế nào? Những lời ấy mọi người còn nhớ: Trương Hữu Sĩ nói, bệnh đến mức này không phải triệu chứng một sớm một chiều. Theo tiểu đệ thấy, mùa đông năm nay thì không sao; chỉ cần qua tiết Xuân phân là có thể trông mong khỏi hẳn. Đó đều là những lời lóng, đúng không? Vì sao là lời lóng? Bởi khi Tào Tuyết Cần viết, ông trong phần tự sự cũng nói: Giả Dung cũng là người hiểu chuyện nên không hỏi tiếp nữa, hiểu chứ?

Văn bản tự sự như vậy nói với bạn rằng đó không phải lời của một thầy thuốc bình thường, mà đang truyền đạt một thông tin không thuộc chẩn đoán y học. Vì vậy, chúng ta có thể phán đoán nguyên mẫu của Tần Khả Khanh hẳn thuộc một nhánh trong hoàng tộc: một nhánh bị đương kim hoàng đế khi ấy đả kích và bài xích, lại rất không cam lòng, muốn quay trở lại, muốn lật đổ ngôi vị của hoàng đế hiện tại. Vậy trong tập đoàn âm mưu ấy có đủ loại nhân vật; Trương Hữu Sĩ là một trong số đó. Vì thế, thân phận hoàng tộc thật của Tần Khả Khanh lại rõ thêm một bước. Nàng hẳn là một người như vậy.

Vậy câu đầu của toa thuốc, nếu dùng phép hài âm để giải thích, "nhân sâm, bạch truật" hẳn đại diện cho cha mẹ nàng. Bởi chữ sâm là một loại tinh tú trên trời. Còn truật, điều này tôi đã nói rồi: Tào Tuyết Cần từ phương Nam đến Bắc Kinh, nhiều khi không phân biệt âm bằng và âm uốn lưỡi; truật và túc có thể trong tai ông là cùng một âm. Túc, tâm túc, có từ này chứ? Cũng có nghĩa là sao trời. Cho nên, "nhân sâm, bạch truật" hẳn đại diện cho cha mẹ nàng. Bây giờ tôi tách hai chữ "vân linh" ra: "nhân sâm, bạch truật vân", tức cha mẹ nàng nói với nàng, nói cho nàng câu phía dưới. Nói thật, có lẽ tâm tình cha mẹ nàng cũng rất nặng nề; còn bản thân nàng sau khi xem xong lại càng đau khổ. Gọi là "lệnh thục địa quy thân", ra lệnh cho nàng ở nơi nàng sinh trưởng, nơi quen thuộc ấy, kết thúc sinh mạng của mình. Vì sao? Trong cuộc đấu tranh quyền lực hoàng tộc, bối cảnh của nàng, gia tộc nàng đã đưa ra một quyết định rất đáng sợ.

Bắt nàng hy sinh bản thân để làm chậm thời cơ giao tranh giữa hai bên nhằm mưu cầu thành công. Cho nên sau này nàng chết dâm ở Thiên Hương lâu.

"Xà nhà xuân hết, bụi hương rơi" như vậy càng tiếp cận nguyên mẫu đời thực của nàng. Điều đó cho thấy cha mẹ nàng đang ở trong cảnh khốn đốn: không chỉ bị đương kim hoàng đế bài xích, mà nếu họ tiến thêm

một bước để đoạt quyền thì lại khó khăn chồng chất, trở ngại trùng trùng, rất khó thành công. Thậm chí có lúc không thể không hy sinh một số thứ, đến mức hy sinh cả con gái ruột của mình. Tất nhiên, cách giải đọc toa thuốc này của tôi hoàn toàn có thể tranh luận; bản thân tôi hiện cũng chưa nắm chắc mười phần. Đối với một số phán đoán trong nghiên cứu của mình thì tôi khá có lòng tin, nhưng đối với phán đoán về toa thuốc này, hiện nay tôi chỉ có thể nói đây là một suy nghĩ bước đầu để mọi người tham khảo. Không lâu sau khi Trương Hữu Sĩ xem bệnh xong, Tần Khả Khanh chết.

*Tần Khả Khanh rốt cuộc mắc bệnh gì? Trương Hữu Sĩ không chỉ rõ, chỉ nói mùa đông năm nay thì không sao; chỉ cần qua tiết Xuân phân là có thể trông mong khỏi hẳn. Hiểu bề mặt câu này, bệnh của Tần Khả Khanh không có gì đáng ngại, chẳng bao lâu sẽ khỏi; nhưng không lâu sau đó, Tần Khả Khanh lại chọn cái chết. Vì sao vậy?*

*Cha mẹ nàng vì sao phải hy sinh tính mạng con gái để cầu tự bảo toàn? Nghi vấn này sẽ được giải đáp cho quý vị trong phần Bí ẩn nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân phát sóng sau này. Nhưng đến đây những nghi vấn về Tần Khả Khanh vẫn chưa hoàn toàn được vén mở.*

*Trong phần ông Lưu Tâm Vũ giải mã nhân vật Tưởng Ngọc Hàm ông từng nhắc đến chi tiết Phùng Tử Anh theo cha đi một chuyến trên mặt xuất hiện vết thương nhẹ Những cảnh chuyển tưởng như rất nhỏ nhặt ấy lại ẩn giấu một âm mưu chính trị lớn Âm mưu ấy là gì? Cái chết của Tần Khả Khanh có quan hệ với họ không?*

Vậy tại sao Trương Hữu Sĩ luôn nói người này qua mùa đông thì không sao? Vì sao mùa đông lại không sao? Vì sao cứ qua tiết Xuân phân thì có thể trông mong khỏi hẳn? Hơn nữa về sau khi viết Tần Khả Khanh chết, bạn có thể cảm thấy mơ mơ hồ hồ là lúc gió lớn hẳn là vào mùa thu. Vì sao vận mệnh nhân vật như vậy thường được quyết định vào xuân thu? Điều này trong mấy bài trước tôi đã chỉ rõ. Bởi hoàng đế nhà Thanh có một hoạt động rất quan trọng đó là cuộc săn bắn Mộc Lan vào hai mùa xuân thu trong đó quan trọng là thu tiển mùa thu là lần quan trọng nhất mùa xuân đôi khi cũng đi.

Vì vậy, mùa đông nói chung tương đối yên tĩnh. Bởi trong lúc Mộc Lan thu tiển, đặc biệt là trong cuộc săn bắn quy mô nhỏ vào mùa xuân, phe đối lập dễ ra tay nhất, dễ nhất để gọi là dựng lên một cuộc nghĩa cử, cái gọi là tụ nghĩa rồi gây chuyện để lật đổ hoàng quyền. Vì vậy, trong tiểu thuyết, người xem bệnh cho nhân vật này thực ra là một mật thám do gia tộc nàng phái đến.

Nói lộ cho nàng biết. Tất nhiên, lời này nói trước mặt Giả Dung: mùa đông năm nay thì không sao. Mùa đông này, có lẽ hai bên đều án binh bất động; còn cứ qua tiết Xuân phân thì có thể trông mong khỏi hẳn. Lần săn bắn mùa xuân của hoàng đế, nếu phía này chuẩn bị đầy đủ thì có thể giết hoàng đế. Sau khi phát động biến cố, phe này có thể nắm chính quyền. Vậy bây giờ bạn hãy nghĩ lại đoạn tình tiết tôi nhắc đến trong bài trước: chính là Phùng Tử Anh nói mùa xuân ông ta theo cha đến bãi săn. Có tình tiết như vậy

không? Hãy nghĩ xem, đúng không? Đi về mất khoảng hơn một tuần, trên mặt còn để lại vết thương nhẹ ấy. Ông ta đại bất hạnh, nhưng lại trở về; trong đại bất hạnh lại có đại may. Họ từng thử một lần.

Đoạn chuyện ấy hẳn xảy ra vào năm đầu Càn Long. Mùa xuân năm Càn Long nguyên niên, phe đối lập đã tích tụ lực lượng một lần, xem như một lần thử, nhưng không thành công, không thể thành công. Tất nhiên, câu chuyện Tần Khả Khanh chết xảy ra trước tình tiết tôi vừa nói. Điều này chứng tỏ mỗi lần hoàng đế ra ngoài săn bắn, phe đối lập đều từng hoặc đi khảo sát địa hình, làm một số chuẩn bị trước, hoặc thậm chí manh nha động thủ đến mức ra tay, từng có một số thử nghiệm, nhưng đều bị đánh bại. May thay họ chưa hoàn toàn bị hoàng đế tra ra triệt để, chưa gặp đòn hủy diệt, vì vậy họ chỉ có thể dùng cách co rụt lại, hy sinh một số lợi ích, thậm chí hy sinh một số người.

Trong dòng tộc mình, họ làm vậy để duy trì cục diện, tích lũy lực lượng cho lần sau. Cho nên bạn xem, phía sau những miêu tả này có rất nhiều điều đáng suy nghĩ. Vì vậy, chúng ta có thể biết nguyên mẫu của Tần Khả Khanh hẳn là một công chúa bất hạnh. Nàng mắc bệnh chính trị; nhánh hoàng tộc mà nàng lệ thuộc ở thế yếu trong cuộc đấu tranh quyền lực. Gia tộc nàng sau mấy lần đánh vào hoàng quyền đều không thành công, vì vậy truyền cho nàng một thông tin rất tồi tệ: khi cần thiết, bảo nàng vì đại cục mà tự vẫn, làm kế hoãn binh. Đây chính là cảnh ngộ lúng túng của nhân vật Tần Khả Khanh trong tiểu thuyết. Còn nguyên mẫu của nàng trong đời sống hẳn cũng ở cảnh ngộ khó khăn tương tự.

Trên người Tần Khả Khanh, ngoài thân thế rối rắm khó hiểu của nàng điều khiến người ta bàn tán nhiều nhất chính là quan hệ giữa nàng và công công của nàng Giả Trân.

*Trong bản Hồng Lâu Mộng hiện còn việc miêu tả quan hệ này khá hàm hồ. Trong Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh ông Lưu Tâm Vũ đặc biệt nêu ra điểm này Tiêu Đại vốn tính thẳng thắn ngay khi câu chuyện bắt đầu đã mắng ra rất rõ ràng. Từ miêu tả trong Hồng Lâu Mộng mà xem mối quan hệ ám muội giữa Tần Khả Khanh và Giả Trân ở Ninh Quốc phủ đã là sự thật không thể chối cãi. Nhưng là mẹ chồng, Vưu thị lại nhắm một mắt mở một mắt những người khác trong phủ Giả cũng đều ngầm hiểu mà không nói. Vì sao vậy?*

Tiêu Đại say rượu mắng có hai câu khó nghe. Một câu tôi đã phân tích trong mấy bài trước không lặp lại nữa, chính là "kẻ bò tro cứ bò tro"

Đó là mắng Giả Trân và Tần Khả Khanh có quan hệ bất chính. Còn một câu nữa mắng ai? "Kẻ nuôi em chồng cứ nuôi em chồng"

Câu mắng này khá khiến người ta phải đoán. Có người đoán rằng ông ta có thể mắng Phượng tỷ và Bảo Ngọc.

Bởi tiểu thúc tử không phải là chú trong lời thường, tiểu thúc tử nghĩa là gì? Một phụ nữ gả vào nhà người ta em trai của chồng nàng gọi là tiểu thúc tử anh trai của chồng gọi là đại bá tử nếu còn anh khác thì là nhị bá tử, tam bá tử đúng không? Em trai mới là tiểu thúc tử. Vậy Vương Hy Phượng là chị dâu của Giả Bảo Ngọc quả thật là tiểu thúc tử của Vương Hy Phượng cho nên có người cho rằng câu ấy là mắng Vương Hy Phượng và Giả Bảo Ngọc có quan hệ bất chính. Nhưng từ miêu tả trong sách mà xem chứng cứ không đủ cũng khó nói Tiêu Đại chính là mắng hai người họ. Hơn nữa, trong sách miêu tả rằng tiếng mắng ấy mọi người đều nghe thấy lúc ấy Giả Bảo Ngọc chỉ hỏi bò tro nghĩa là gì? Giả Bảo Ngọc lại không hỏi nuôi em chồng nghĩa là gì lẽ nào Giả Bảo Ngọc tự biết mình chính là vai tiểu thúc tử ấy sao? Hiển nhiên không phải như vậy cho nên điểm này cũng đáng suy xét. Vậy Tần Khả Khanh và Giả Trân rốt cuộc là quan hệ thế nào? Đây là điều độc giả các đời đều đặc biệt hứng thú.

Có người cười nói có phải vì trong đó có miêu tả tình sắc nên mới hứng thú không? Tôi thấy cũng không hẳn phải nói như vậy.

Vì nó cấu thành một quan hệ tương tác vô cùng phức tạp rất đáng để chúng ta khảo cứu Sinh tồn của con người là gian nan nhân tính là phức tạp nhà văn giỏi luôn phải viết đến khủng hoảng sinh tồn của con người trong quá trình sống viết đến giữa người với người trong sinh tồn vừa đấu tranh với nhau vừa an ủi nhau vì vậy tôi cho rằng bây giờ chúng ta hoàn toàn có thể đường hoàng thảo luận mối tình giữa Giả Trân và Tần Khả Khanh. Có bạn mê Hồng Lâu trước sau không thể tha thứ cho Tần Khả Khanh càng không thể tha thứ cho Giả Trân nói là loạn luân xấu xa biết bao đúng không? Tiêu Đại cũng mắng họ ngay cả người trình độ như Tiêu Đại cũng mắng họ Tôi là người trình độ cao chẳng lẽ tôi không mắng họ sao? Tôi cũng phải mắng theo Xin đừng mắng theo Thật ra bạn cũng là một sinh mệnh tồn tại phức tạp. Bạn từng xem kịch Lôi Vũ chứ? Từng xem chưa? Đó là tác phẩm của một nhà văn hiện đại đúng không? Khi xem biết đâu bạn còn cầm khăn tay lau khóe mắt nữa đúng không?

Trong Lôi Vũ có tình yêu không? Trong Lôi Vũ có một mối tình quan trọng. Nhưng ai yêu ai? Đó là tình yêu giữa Chu Bình và Phồn Y Giữa hai người họ là trật tự luân thường thế nào? Là con trai yêu mẹ kế là mẹ kế yêu con trai lớn của chồng trước là mối tình loạn luân. Vì sao với tình yêu của Chu Bình và Phồn Y bạn lại có thể tiếp nhận như vậy mà với Giả Trân và Tần Khả Khanh với tình cảm giữa họ bạn lại không thể dung nhẫn như vậy? Tôi thấy bạn có thể bình tĩnh lại suy nghĩ kỹ.

Đúng không? Không thể hoàn toàn đứng trên lập trường luân lý phong kiến lạc hậu ấy để nhìn nhận sự việc này để suy nghĩ vấn đề này Huống chi qua mấy bài phân tích của tôi bạn hẳn đã hiểu Tần Khả Khanh sở dĩ đến phủ Giả là để tránh nạn gia đình của nàng trong cuộc đấu tranh hoàng quyền đã thất lợi trong một tình huống đặc biệt.

Gia đình buộc phải giấu nàng đi vì vậy nói dối là đứa trẻ bị bỏ rơi ở Dưỡng Sinh đường Đưa thẳng đến nhà họ Giả thì không tiện Giả Chính trong tiểu thuyết viết là một viên ngoại lang.

Là viên ngoại lang Bộ Công viên ngoại lang của bộ phụ trách xây dựng công trình vì vậy tìm cấp dưới của mình là Doanh Thiện lang là một tiểu quan thuộc một nhánh dưới Bộ Công Viên tiểu quan ấy là cấp dưới trực tiếp của Giả Chính Tức Giả Chính để Doanh Thiện lang vì không con không cái ôm nuôi một đôi con trai con gái. Trong đó có một bé gái là Tần Khả Khanh. Vì năm ấy không có con cái bèn đến Dưỡng Sinh đường ôm nuôi một người con trai và một người con gái ai ngờ con trai lại chết chỉ còn lại con gái tiểu danh gọi là Khả Nhi gửi nuôi ở nhà họ Giả. Lúc gửi vào nhà họ Giả Giả Trân đã kết hôn với Vưu thị cho nên về danh phận chỉ có thể nói nàng là vợ của Giả Dung. Nhưng trên thực tế.

Nhân vật Tần Khả Khanh xét theo bối phận nguyên mẫu đời thực là cùng thế hệ với Giả Trân không hề loạn luân. Vì sao tôi nói như vậy? Trong mấy bài trước tôi nhiều lần nói với mọi người. Từ nguyên mẫu đời sống đến tình hình thật của nhà họ Tào rồi đến vai trò nghệ thuật. Trong tiểu thuyết bối phận nhân vật của chúng được sắp xếp tương ứng với nhau Xin lặp lại một lần Triều Khang Hy Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế đây là một danh xưng xuất hiện. Trong tiểu thuyết nguyên mẫu đời thực chính là phế thái tử thời Khang Hy tức Dận Nhưng về sau bị Ung Chính đổi tên thành Doãn Nhưng chính là người này con trai người này là Hoằng Tích. Trong gia tộc họ Tào những người như Tào Phủ cùng thế hệ với phế thái tử trong tiểu thuyết là những người như Giả Kính, Giả Xá, Giả Chính họ là một thế hệ. Vậy con trai do Dận Nhưng sinh ra chính là Hoằng Tích nếu ông ta sinh con gái chẳng hạn là em gái của Hoằng Tích thì trong đời sống hẳn phải tương ứng với thế hệ Giả Bảo Ngọc đúng không? Trong tiểu thuyết cùng thế hệ với Giả Bảo Ngọc là ai? Ở Ninh Quốc phủ là Giả Trân Ở Vinh Quốc phủ có Giả Liễn, Giả Hoàn vân vân. Cho nên nói nếu nguyên mẫu đời thực của Tần Khả Khanh.

Thuộc gia tộc phế thái tử hơn nữa nếu nàng là một người em gái của Hoằng Tích thì bối phận của nàng khi dời sang tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng sẽ cùng thế hệ với Giả Trân và cũng cùng thế hệ với Bảo Ngọc Logic này của tôi mọi người nghe hiểu chứ? Bây giờ tôi nói hơi chậm đúng không? Vì vậy vì sao Tào Tuyết Cần phóng bút viết.

Tình cảm giữa Giả Trân và Tần Khả Khanh vì sao ông dám phóng bút viết?

Bởi trong lòng ông ông không cho rằng đây là tình loạn luân ông chỉ cho rằng đây là một thứ kỳ tình, một mối tình dị dạng. Từ miêu tả trong tiểu thuyết về Tần Khả Khanh có thể mơ hồ cảm thấy tuổi của nàng thực ra lớn hơn Giả Dung lớn hơn cả Giả Bảo Ngọc Tất nhiên nàng nhỏ hơn Giả Trân một chút xét về tuổi tác, nàng không phải loại tuổi rất vãn bối. Khi nàng gửi vào phủ Giả, rất có thể nàng cùng thế hệ với Giả Trân mà Giả Trân cũng biết nàng và Giả Dung chỉ là vợ chồng trên danh phận. Trong tiểu thuyết bạn có thể thấy Giả Dung và Tần Khả Khanh căn bản không có dấu hiệu chung phòng. Khi nói đến phòng ngủ của Tần Khả Khanh đều không nói là phòng ngủ của Giả Dung. Theo xã hội phong kiến ngày xưa không thể nói phòng ngủ ấy là của nàng dâu nhất định phải dùng tên người chồng để gọi phòng ngủ ấy chẳng hạn đến phòng của Giả Chính đến viện của Giả Xá Thực ra ở Ninh Quốc phủ nàng có một cách sống rất đặc biệt nàng ở.

Trong phòng riêng của mình nàng với Giả Dung là vợ chồng trên danh phận và điểm này trên dưới hẳn đều khá rõ Sở dĩ Tiêu Đại giậm chân mà mắng Tiêu Đại là người có đầu óc chính trị. Ông ta mắng kẻ bò tro cứ bò tro đương nhiên cũng là mắng Giả Trân bởi về danh phận ông là công công đúng không? ông tư thông với con dâu là không đúng. Ông ta mắng kẻ nuôi em chồng cứ nuôi em chồng là mắng Tần Khả Khanh và Giả Bảo Ngọc. Ông ta biết Tần Khả Khanh và Bảo Ngọc cùng thế hệ biết chứ Tần Khả Khanh thực ra là người vợ bí mật của Giả Trân họ là thân thích.

Bảo Ngọc là em trai của Giả Trân, em họ là tiểu thúc tử của nàng. Trong hồi thứ năm Cảnh Huyễn tiên cô bí mật truyền cho Giả Bảo Ngọc chuyện mây mưa, thực ra chính là Tần Khả Khanh, với tư cách người khai sáng tính dục cho cậu, khiến cậu nếm trải tình mây mưa. Cho nên Giả Bảo Ngọc với Tập Nhân không phải lần đầu thử chuyện mây mưa, mà đã là lần thứ hai. Các nhà bình luận xưa đã sớm chỉ ra rằng đó không phải sơ thí vân vũ tình, thực ra là ôn tập, là học lại bài cũ. Cho nên Tiêu Đại hiểu rất rõ Tôi cho rằng Tiêu Đại mắng câu nuôi em chồng cũng là mắng Tần Khả Khanh. Vì vậy tôi cho rằng quan hệ tình ái giữa Giả Trân và Tần Khả Khanh không phải bí mật gì mọi người đều nghe thấy ngay cả Vưu thị lúc ấy cũng không lấy làm gì bởi Vưu thị là người hiểu rõ đại nghĩa bà biết cô gái này được nuôi trong nhà quyết định tiền đồ chính trị sau này của Ninh Quốc phủ. Một khi gia tộc phía sau Tần Khả Khanh giành được chính quyền thì họ sẽ là một trong những công thần khai quốc họ đã bảo tồn huyết mạch quý báu của gia tộc ấy.

Vinh hoa phú quý của họ sẽ được nâng cấp. Cho nên bà nghe Tiêu Đại mắng bà biết công công với Tần Khả Khanh có quan hệ ám muội như vậy trước khi Tần Khả Khanh chết bà đều dung nhẫn Giả Dung cũng như vậy Vương Hy Phượng cũng như vậy. Nếu chúng ta đọc những văn tự Hồng Lâu Mộng như vậy sẽ có cảm giác bỗng nhiên thông suốt. Cho nên sau khi Tần Khả Khanh chết, Giả Trân không hề che giấu nỗi đau xót đối với Tần Khả Khanh ông khóc như người đẫm lệ còn có một câu rằng ông hận không thể chết thay Tần thị. Nếu chỉ là tình yêu sao đến mức như vậy đúng không? Ông cảm thấy đó là chôn vùi một tiền đồ chính trị rất trọng đại của Ninh Quốc phủ ông vô cùng đau lòng ông nói cả nhà lớn nhỏ, họ hàng gần xa ai chẳng biết con dâu này của tôi hơn con trai gấp mười nay nàng duỗi chân đi rồi có thể thấy. Trong trưởng phòng tuyệt diệt không còn ai nữa. Người ta hỏi ông xử lý thế nào? ông nói xử lý thế nào? ư chẳng qua dốc hết những gì ta có mà thôi vẫn vừa vỗ tay vừa nói không phải thì thầm mà nói không phải hạ giọng lén nói mà công khai nói ông không hề để tâm. Sau khi chết nàng nằm trong loại quan tài gì? Chính là nằm trong ván gỗ do Tiết Bàn để lại món hàng đã hỏng việc do Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế để lại chiếc quan tài làm bằng gỗ tường quý báu. Nàng lá rụng về cội Bài sau tôi sẽ nói cho bạn biết rốt cuộc nguyên mẫu của Tần Khả Khanh là ai.

# Tập 13

Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (hạ)

*Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm từng bị cắt sửa đây là sự thật không thể tranh cãi. Tác giả Tào Tuyết Cần và người phê sách của ông Chi Nghiễn Trai nhiều lần tiết lộ rằng trong quá trình sáng tác Hồng Lâu Mộng vì một nguyên nhân nào đó không thể nói rõ nên có nội dung đã bị cắt bỏ. Khi đọc kỹ Hồng Lâu Mộng một dấu vết bị cắt sửa rất rõ chính là hồi thứ mười ba Chi Nghiễn Trai chỉ rõ hồi này đã bị cắt đi đến bốn năm trang. Hồi thứ mười ba của Hồng Lâu Mộng nói về chuyện Tần Khả Khanh đột ngột treo cổ tự sát và Vương Hy Phượng hiệp lý việc tang Ninh Quốc phủ. Trong phần ông Lưu Tâm Vũ nói về bí ẩn Tần Khả Khanh được nhận nuôi ông đưa ra một quan điểm ông cho rằng. Khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng vì một nguyên nhân nào đó không thể nói rõ trong hồi thứ mười ba đã cắt bỏ những dòng về xuất thân thật của Tần Khả Khanh Mà để nhân vật này không có kẽ hở. Tác giả đành ở cuối hồi thứ tám vá thêm một miếng, giải thích xuất thân của Tần Khả Khanh. Cho nên trong hồi thứ tám của Hồng Lâu Mộng đoạn chữ liên quan đến xuất thân Tần Khả Khanh có dấu vết được thêm về sau. Vậy hồi thứ mười ba của Hồng Lâu Mộng rốt cuộc đã viết gì? Điều này có quan hệ gì với việc vén mở thân phận thật của Tần Khả Khanh?*

Mọi người đều biết hồi thứ mười ba viết về cái chết của nàng bị cắt bỏ đến bốn năm trang. Trong bốn năm trang ấy rốt cuộc viết những nội dung gì? Có người đoán chắc chắn viết về mối tình giữa Giả Trân và Tần Khả Khanh: hai người làm bậy với nhau, nhất định là viết chuyện đó. Tôi cũng cho rằng nhất định có nội dung ấy, nhưng chỉ có nội dung ấy thôi sao? Tôi thấy chắc chắn không chỉ có vậy. Nếu chỉ là nội dung ấy, Tào Tuyết Cần không đến mức phải cắt bỏ. Chi Nghiễn Trai nói với ông một câu là đủ rồi, ông cắt bỏ nó; điều đó không thể xảy ra. Bởi trong Hồng Lâu Mộng, có khi vì nhu cầu tình tiết, vì nhu cầu xây dựng nhân vật, ông cũng viết một số cảnh tình ái, viết cũng khá lộ liễu nhưng ông đều không cắt. Vì vậy có thể phán đoán rằng, trong bốn năm trang bị cắt bỏ ấy vừa có tình yêu của hai người họ, lại còn có nội dung chính trị bắt buộc phải cắt.

Cho nên mới dẫn đến phản ứng kỳ lạ của hai nha đầu một là Thụy Châu sau khi Tần Khả Khanh chết nàng liền đâm đầu chết theo. Bạn nói nếu nàng chỉ nhìn thấy chủ nhân làm bậy thì sao đến mức phải đâm đầu chết? Hơn nữa trong phủ đệ quý tộc ngày xưa, các ông chủ thiếu gia thường chẳng kiêng dè gì ngươi là nô bộc của ta ta làm việc ấy ngay trước mặt ngươi ngươi làm gì được ta? đúng không? nhìn mãi rồi cũng chẳng lấy làm lạ Mọi người còn nhớ Vưu Nhị Thư, Vưu Tam Thư đến Ninh Quốc phủ không? nhớ tình tiết ấy chứ? Giả Kính chết Giả Kính nuốt đan mà chết lúc ấy Giả Trân và Giả Dung đều không ở nhà Vưu thị đến lo liệu tang sự sau đó Giả Trân và Giả Dung cưỡi ngựa trở về Giả Dung về trước có một đoạn văn rất dài miêu tả rằng ngay trước mặt đám nha đầu, bà tử gì đó hắn đã nói năng bừa bãi Vưu Nhị Thư, Vưu Tam Thư tuy là dì của hắn nhưng hắn rất không tôn trọng vì hai người ấy tuổi cũng chưa lớn lại rất xinh đẹp hắn liền nghĩ trước hết chưa nói gì khác, chỉ muốn chiếm tiện nghi.

Mọi người có nhớ hồi ấy còn viết đến việc này không? Bên cạnh có người hầu còn khuyên can đúng không? nói rốt cuộc người ta cũng là bậc dì của cậu đấy đúng không? Giả Dung nói nếu ngươi nói đúng thì hai ta hôn nhau trước đã Bây giờ tôi không nói nguyên văn chỉ nói đại khái tình tiết ấy còn nhớ không? kéo lại là hôn luôn. Trong đại gia tộc phong kiến ấy chủ nhân có địa vị chí cao vô thượng đặc biệt là nam chủ nhân hắn không kiêng dè đám nha đầu ấy. Cho nên nếu chỉ là hắn và Tần Khả Khanh có quan hệ ám muội như thế có miêu tả tình ái thì Thụy Châu không đến mức thấy rồi phải đâm đầu chết. Thụy Châu nhất định đã nghe thấy lời tuyệt đối không nên nghe những lời tuyệt đối không nên nghe hẳn chính là việc lộ ra xuất thân thật của Tần Khả Khanh hẳn là thông tin mang tính chính trị. Cho nên, Thụy Châu cảm thấy mình bị phát hiện đã nghe được nếu tự mình không chết chủ nhân xử chết mình thì còn thảm hơn thôi thì đừng sống nữa nàng gần như không sống nổi nữa, bèn đâm đầu mà chết.

Một nha đầu khác thì rõ ràng cũng nghe thấy điều gì đó: đó chính là Bảo Châu. Bảo Châu không muốn chết; nàng thông minh hơn Thụy Châu. Bảo Châu dùng cách gì? Nàng nghĩ: Tần Khả Khanh không sinh nở, không có con cái. Ta tình nguyện làm nghĩa nữ của nàng, để ta chống linh cữu, để ta đập chậu tang, để ta thay nàng tham dự đầy đủ tang lễ. Sau đó, linh cữu của Tần Khả Khanh được đưa đến Thiết Hạm tự; nàng ở lại đó, tỏ ý mình sẽ không trở về nữa. Như vậy, đương nhiên Giả Trân rất yên tâm. Giả Trân vừa nghe nói một người đâm đầu chết, ông biết người ấy đã nghe thấy thứ thông tin cơ mật chính trị bí ẩn ấy: ngươi chết rồi thì tốt, chết rồi thì không thể tiết lộ nữa. Còn người này định mãi mãi ngậm miệng, cũng tốt. Nhận nàng làm nghĩa nữ, chuyện này rất buồn cười.

Cho nên có thể thấy, trong tình tiết bị cắt bỏ sẽ có việc tiết lộ xuất thân thật của Tần Khả Khanh; sẽ có những miêu tả về gia tộc của Tần Khả Khanh đã phạm thượng và thất bại ra sao. Điều này không phù hợp với động cơ tổng thể của Tào Tuyết Cần. Khi viết Hồng Lâu Mộng, quả thật ông vẫn không phải muốn viết một tiểu thuyết chính trị. Lại thêm văn tự ngục thời ấy khắc nghiệt như vậy, nên Chi Nghiễn Trai nói với ông: thôi, ông cắt đi, đừng để những nội dung ấy. Tất nhiên, Chi Nghiễn Trai có thể cũng cho rằng: ông viết tình ái giữa Giả Trân và nàng, viết cảnh tình sắc ấy, cũng đừng viết như vậy nữa. Nguyên mẫu nhân vật này vốn đã đáng thương như thế; những chuyện này ông cũng giúp nàng che giấu đi thôi. Cho nên mới cắt bỏ.

*Trong quá trình giải mã Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ từng nhắc đến một nhánh của Hồng học, đó là phiên bản học. Nói cách khác, Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm lưu truyền qua nhiều phiên bản; các bản chép tay thời kỳ đầu phần lớn đều gọi là Thạch Đầu Ký. Các phiên bản khác nhau đều có một số sai biệt về chữ nghĩa; nghiên cứu những khác biệt ấy có thể tìm ra trạng thái bản thảo của Tào Tuyết Cần xa hơn bản đang thấy. Trong một số bản, có thể là sai sót của người sao chép, nhưng một số lại là sự xuyên tạc do con người cố ý. Trong các phiên bản Hồng Lâu Mộng, nhân vật Tần Khả Khanh có đoạn chữ nào khác biệt không?*

Trong bản Thạch Đầu Ký có lời tựa của Thích Liệu Sinh, người ta phát hiện một chỗ bị các bản khác cắt bỏ; đó là bài thơ trước hồi này, phản ánh ý đồ sáng tác chân thật của Tào Tuyết Cần. Tác giả đã có hé lộ về thân

phận thật của nhân vật Tần Khả Khanh. Trong cổ bản Hồng Lâu có lời tựa của Thích Liệu Sinh, bài thơ trước hồi ấy gần như đã phơi bày hết những lời tôi vừa nói. Thực ra người ta vốn đã có chỗ tiết lộ, chỉ là trong các bản về sau, có lẽ cảm thấy khá nguy hiểm nên đều cắt bỏ hết; trong các bản thông hành thì đều không còn. Bốn câu thơ trước hồi ấy viết như sau: sinh tử cùng thông nơi nào chứng, âm minh khó át ấy tinh thần, bí mật giấu lâu lại tự lộ, trong mộng hư huyễn muốn kinh người.

Những câu thơ ấy nghĩa là gì? Sinh tử cùng thông nói rằng sự sống và cái chết của nhân vật trong sách cùng và thông cũng là hai khái niệm đi đôi với sinh tử cùng là nói hết đường đến tận cùng rồi thông là thông đạt đi thông rồi. Vậy trong tiểu thuyết này nói rằng viết những chuyện sống sống chết chết cùng cùng thông thông ấy chỗ nào là thật?

Hà tiên sinh tự hỏi trước câu âm minh khó át ấy tinh thần không thể viết ra quá nhiều ngòi bút này rất âm minh nó không thể viết ra quá nhiều nhưng lại có một thứ tinh thần. Tác giả có một khuynh hướng tinh thần ông không sao kìm nén được âm minh khó át ấy tinh thần kết quả là bí mật giấu lâu lại tự lộ thân phận thật của Tần Khả Khanh được giấu rất kín rất lâu nhưng trong hồi này lại cứ muốn lộ ra muốn hiện ra Tần Khả Khanh báo mộng cho Vương Hy Phượng.

Trong mộng hư huyễn muốn kinh người trước lúc lâm chung Tần Khả Khanh từng báo mộng cho Vương Hy Phượng đưa ra lời cảnh báo về vận mệnh sau này của phủ Giả cực bĩ thái lai, vinh nhục xưa nay tuần hoàn lặp lại, sức người sao có thể giữ mãi được Cuối giấc mộng mà Tần Khả Khanh báo, nàng lại đưa ra một phán đoán kinh người trước mắt chẳng bao lâu nữa lại có một chuyện vui phi thường, đúng là thịnh cảnh lửa bén dầu sôi, hoa tươi gấm rực Rõ ràng người nói là một nhân vật cao hơn phủ Giả, có tầm mắt chính trị rộng hơn nàng đến dạy phủ Giả rằng sau này các người nên làm gì Ta đã không được nữa, ta phải đi rồi nhưng thực ra ta là sản phẩm của một cuộc giao dịch chính trị sau khi ta chết nhà các người không phải lập tức gặp tai họa ngược lại còn có một chuyện vui giáng xuống sẽ xuất hiện cảnh lửa bén dầu sôi hoa tươi gấm rực nhưng đó cũng chỉ là phồn hoa trong chớp mắt sau chuyện vui ấy kéo đến chính là sau ba xuân mọi hương sắc tàn ai về đường nấy, ai buồn phận nấy cho nên người này rất lợi hại. Trong mộng hư huyễn muốn kinh người. Cho nên bạn xem trong lời bình của Chi Nghiễn Trai và.

Trong bài thơ trước hồi của cổ bản Hồng Lâu Mộng đã tiết lộ ra rồi nguyên mẫu đời sống của nhân vật Tần Khả Khanh đến từ đâu.

Từ xuất thân của Tần Khả Khanh đến cái chết của nàng, từ văn học đến lịch sử, trong quá trình từng tầng giải đọc thân phận thật của Tần Khả Khanh, chúng ta đã trải qua một chặng đường dài. Nguyên mẫu đời sống của nhân vật Tần Khả Khanh cũng sẽ dần dần nổi lên mặt nước. Rốt cuộc nàng là ai?

Nói đến đây, trước hết tôi đưa ra một kết luận rồi trả lời đôi chút những chất vấn có thể được nêu ra với tôi. Kết luận của tôi là nhân vật Tần Khả Khanh mà Tào Tuyết Cần viết có nguyên mẫu đời sống; nguyên mẫu

của nhân vật này chính là vào triều Khang Hy, khi thái tử từng hai lần được lập rồi hai lần bị phế. Một người con gái do ông sinh ra hẳn chào đời vào thời khắc then chốt, khi ông bị phế lần thứ hai. Cho nên vào lúc ấy, để tránh cho người con gái này cũng bị giam cấm cùng ông, liền gửi nhờ nhà họ Tào che chở. Nhà họ Tào trong đời sống đã thu nhận người con gái ấy, giấu nàng đi. Khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng, nguyên mẫu đời sống này khiến ông cảm thấy không thể né tránh, nên viết lại; ông bèn xây dựng hình tượng Tần Khả Khanh. Nói tóm lại, nguyên mẫu của Tần Khả Khanh chính là con gái của phế thái tử Dận Nhưng, là em gái của Hoằng Tích, con trưởng của phế thái tử. Thời gian nàng chào đời hẳn là vào lúc phế thái tử bị phế lần thứ hai, vào thời khắc cuộc đấu tranh trong hoàng tộc căng thẳng và dữ dội nhất.

Nàng ra đời, để không đăng ký với Tông Nhân phủ để tránh bị giam cấm cùng cha và những người khác. Trong gia tộc để có thể thoát khỏi cảnh bị giam cấm bèn thông qua việc bịa ra một lời nói dối nói rằng đó là đứa trẻ bị bỏ rơi ở Dưỡng Sinh đường là con gái được một Doanh Thiện lang ôm nuôi lớn vì một chút dây dưa mà gả vào nhà họ Giả Tất nhiên đây là một miếng vá mà về sau Tào Tuyết Cần nghĩ tới nghĩ lui mới thêm vào. Trong đời sống chưa chắc đã như vậy nhưng đại thể đường nét hẳn là như thế.

Chính là nhà họ Tào trong đời thực đã liều chết thu nhận một người con gái của phế thái tử, thu nhận một người em gái của Hoằng Tích. Thân phận cấp công chúa của nguyên mẫu Tần Khả Khanh là điều rất nhiều độc giả Hồng Lâu Mộng không ngờ tới. Vào thời Khang Hy, sau khi thái tử Dận Nhưng bị phế và giam cấm, ông bị trông coi rất nghiêm ngặt; trong tình huống như vậy, lén đưa một đứa trẻ sơ sinh ra khỏi cung lẽ nào có thể xảy ra sao? Trong lịch sử thật sự từng có việc tương tự không? Sau khi kết luận của tôi được đưa ra.

Chắc chắn có người sẽ chất vấn tôi như vậy trong đời sống, khi tôi trình bày quan điểm của mình, bạn bè tôi cũng chất vấn tôi. Họ nói: kết luận của anh thật quá huyền hoặc, đúng không? Anh nghĩ xem, hoàng đế đã giam cấm ông ta rồi, ông ta còn dám làm việc như thế sao? Đúng không? Sau khi phế thái tử bị phế, ông bị giam ở đâu? Bị giam trong Tử Cấm Thành. Ban đầu trong Tử Cấm Thành, nơi ấy gọi là Hàm An cung, chắc chắn có rất nhiều người được phái tới giám sát, đúng không? Như vậy làm sao có thể truyền đồ ra ngoài, truyền người ra ngoài? Không thể nào. Là có thể. Tôi nói là có thể, mà tôi không cùng bạn suy luận trừu tượng; chúng ta từ hồ sơ lưu lại của triều Thanh có thể tìm được căn cứ. Những tài liệu này thậm chí trong triều Ung Chính và Càn Long, khi họ nhiều lần thanh lý hồ sơ còn sót lại, cũng không bị xóa bỏ; là có ví dụ.

Một ví dụ là vào khoảng trước sau khi thái tử bị phế lần thứ hai, từ Hàm An cung, nơi thái tử bị giam, đã từng có một người trốn ra. Không phải một đứa trẻ, mà là một người lớn; người này có tên họ rõ ràng, đương nhiên là người Mãn, tên là Đức Linh. Có một người như vậy cảm thấy lại bị phế rồi, lại sắp bị dời từ Dục Khánh cung đến Hàm An cung, mà sau khi dời đến Hàm An cung thì không biết ngày nào mới có thể thoát khỏi cuộc sống bị giam cấm, bèn quyết định bỏ trốn. Ông ta dùng cách gì? Giả chết. Ông ta giả chết, nghĩ cách báo cho người canh giữ bên ngoài, nói có người chết rồi, phải chuyển thi thể ra; thế là người ta khiêng ông ta ra như thi thể. Có người có thể sẽ chất vấn tôi rằng việc này có thể sao?

Nếu Tần Khả Khanh thật sự vào lúc thái tử bị phế lần thứ hai bị lén bế ra khỏi cung lúc ấy canh giữ nghiêm ngặt như vậy có thể xảy ra chuyện ấy sao? Kết quả tôi tra Thanh Thánh Tổ thực lục thì tìm được ví dụ khác Tất nhiên sách không ghi việc một người con gái của Dận Nhưng bị bế ra ngoài nhưng nó ghi chép rõ ràng sự thật Đức Linh trốn ra, hơn nữa sau đó Khang Hy đích thân xử lý việc này. Sau khi Đức Linh giả chết trốn ra ông ta còn được một đại quan liêu thu nhận cho nên bạn đừng nghi rằng có ai dám thu nhận không cho dù ông ta trốn được ra ngoài, liệu có ai thu nhận ông ta không?

Con người là có tình cảm, nghiệp xưa, chủng tình; vì đủ loại nguyên nhân, đặc biệt là nguyên nhân tình cảm, sẽ có người thu nhận. Tất nhiên, cuối cùng Đức Linh trốn ra ấy bị tra ra, rồi chết đột ngột; vị đại thần thu nhận ông ta cũng bị chỉnh trị. Đây là sử thực có thể kiểm chứng. Đức Linh là một người lớn; sau khi giả chết, thân thể ấy đóng giả thi thể cũng rất lớn, vậy mà còn có thể lén vận chuyển ra ngoài, huống chi là một đứa trẻ sơ sinh vừa chào đời, hoàn toàn có khả năng đưa ra. Vậy lại có người nói rằng: tôi vẫn có chút không phục, vì tôi biết thời Thanh có Tông Nhân phủ. Tông Nhân phủ là gì?

Chính là mỗi một thành viên của hoàng thất, mỗi đứa trẻ thuộc huyết mạch hoàng tộc, ngay từ khi còn là trẻ sơ sinh đã phải bắt đầu đăng ký. Tông Nhân phủ quản việc ấy, phải đăng ký rất nghiêm ngặt; không thể nói ngươi sinh con rồi lại để người khác bế nuôi, ngươi che giấu, bị phát hiện thì là tội chết. Ở bất kỳ thời đại nào cũng sẽ có một số cá biệt liều chết đi làm những việc phạm cấm; triều Thanh cũng vậy. Tôi lại nêu một ví dụ: vào triều Khang Hy, hoàng đế Khang Hy đã phát hiện hai ví dụ. Một ví dụ là Tông thất Giác La Tháp Đạt: ông ta có một đứa con nhưng giấu Tông Nhân phủ, không báo. Còn một việc nữa là khi ấy Thượng Tứ viện có một đại thần. Thượng Tứ viện là cơ quan quản ngựa trong hoàng cung. Có một vị đại thần vì con cái quá nhiều, ông ta muốn bỏ đứa con do thiếp sinh ra; thiếp của ông ta sinh con mà ông ta không muốn nuôi, con của ông ta quá nhiều. Cũng có loại người không yêu thương con mình như vậy. Thế là giao cho một Bao y tá lĩnh; người này còn có tên, Khang Hy còn điểm danh, gọi là Trịnh Đặc, nhà họ Tào.

Trong đời sống, chính là Bao y Mãn Châu, là một nhóm nô tài của tập đoàn thống trị. Thành viên trong đó gọi là Bao y. Trịnh Đặc này chính là một Bao y tá lĩnh, vậy mà lại nhận đứa trẻ bỏ ấy về nuôi; người kia liền giao đứa trẻ cho ông ta, đứa trẻ ấy trở thành của ông ta. Việc này bị Khang Hy xử lý rất nghiêm khắc. Hơn nữa, Khang Hy còn nêu thêm một điều rằng huyết mạch nhà ấy đã không rõ ràng nữa, cho nên khi tuyển tú nữ, con gái của nhà ấy không được lẫn vào danh sách tuyển tú nữ nữa. Hơn nữa, Khang Hy chỉ thị rất nghiêm khắc: nếu có tình hình tương tự thì phải tra rõ nghiêm ngặt. Tuy hoàng đế rất nghiêm khắc, nhưng bạn thấy đấy, có ví dụ mà, đúng không?

Có người có thể từ trong cung bị giam cấm trốn ra ngoài; có người có thể thu nhận con cái hoàng gia mà không được phép thu nhận. Bao y tá lĩnh, thân phận ấy gần giống nhà họ Tào; chính là nhà Bao y không thể tùy tiện đưa một huyết mạch hoàng tộc về nhà mình nuôi, huống chi lại là người đã bị phế, hỏng việc. Nhưng dưới triều Khang Hy từng xảy ra việc như thế, có ví dụ như vậy. Hơn nữa, việc này trong bài trước tôi

cũng đã điểm qua: phế thái tử ấy tuy bị giam ở bên trong, bản thân ông rất không an phận. Người bị giam bên trong muốn trốn ra; người vây bên ngoài có lúc lại muốn xông vào xem họ ra sao. Nhưng trong tình trạng hai bên đối đầu, đều có khe hở để xoay xở. Phế thái tử từng dùng nước phèn viết thư mật. Nước phèn viết lên giấy xong không nhìn thấy gì, đặt lên lửa hơ một chút, chữ sẽ hiện ra. Ông ta tự viết mật thư ra ngoài, muốn thông qua một triều thần để truyền tin này cho Khang Hy xem có thể cho ông thêm một cơ hội lập công chuộc tội không. Khi ấy bộ Chuẩn Cát Nhĩ lại phản loạn, ông mưu cầu làm đại tướng quân, muốn lại trở về vị trí thái tử. Việc này về sau cũng bị tra ra. Sau khi tra ra, Khang Hy chỉnh trị nghiêm khắc những người khác, nhưng đối với ông thì cũng chỉ là không để ý mà thôi, vẫn nuôi giữ ông ta.

Sau khi vén mở thân phận thật của Tần Khả Khanh những nghi vấn liên quan đến nàng trong Hồng Lâu Mộng cũng đều lần lượt được giải hết Thực ra, trong Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần đã có ám chỉ về vận mệnh của nhân vật Tần Khả Khanh thậm chí cũng đã bàn giao vận mệnh cuối cùng của phủ Giả. Hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng du ảo cảnh chỉ mê thập nhị thoa ẩm tiên lao khúc diễn Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần liên tiếp viết rất nhiều bài thơ sách trang những bài thơ ấy là lời phán của Kim Lăng Thập Nhị Thoa ngoài ra còn có mười hai khúc Hồng Lâu Mộng mỗi bài thơ, mỗi khúc hát đều ám chỉ vận mệnh về sau của nhân vật. Trong sách Tuy Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm tàn khuyết không trọn vẹn nhưng thông qua ám chỉ của từ khúc độc giả có thể hiểu được quỹ đạo vận mệnh và kết cục cuối cùng của các nhân vật ấy cũng có thể hiểu được thái độ và đánh giá của tác giả đối với nhân vật ấy.

Trong phán từ ở trang cuối của chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa và trong khúc liên quan đến Tần Khả Khanh khúc Hảo sự chung Tào Tuyết Cần đã khái quát vận mệnh của Tần Khả Khanh đồng thời cũng có đánh giá về nàng Trời tình biển tình, thân huyễn tình sâu; gặp nhau trong tình ắt chủ dâm; lời chẳng vinh dự đều từ ra; gây họa mở đầu thật tại Ninh; tranh vẽ xuân tàn, bụi hương rơi; giỏi phong tình, đẹp trăng hoa, chính là căn bản bại gia; cơ cừu suy đọa đều từ Kính; gia sự tiêu vong tội đầu ở Ninh; nghiệp xưa đều do tình. Trong phán từ và khúc Hảo sự chung không chỉ bàn giao vận mệnh cuối cùng của Tần Khả Khanh mà còn ám chỉ kết cục cuối cùng của phủ Giả mà kết cục này có quan hệ mật thiết với thân phận thật của nhân vật Tần Khả Khanh Bí mật ẩn sau lưng Tần Khả Khanh ấy Tào Tuyết Cần đã cố ý viết vào văn bản Hồng Lâu Mộng, trong các từ khúc này chúng ta tìm được một nguyên nhân căn bản khiến phủ Giả cuối cùng bị tịch biên.

Vậy bây giờ chúng ta đã hiểu trong trang sách về Tần Khả Khanh thuộc mười hai kim thoa, phán từ của nàng nghĩa là gì. Trọng điểm là hai câu: một câu là "gia sự tiêu vong tội đầu ở Ninh", một câu là "cơ cừu suy đọa đều từ Kính". Ngay trong sách trang Hồng Lâu Mộng mười hai kim thoa và trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, khúc liên quan đến Tần Khả Khanh có tên là Hảo sự chung. Bây giờ hiểu Hảo sự chung nghĩa là gì rồi chứ? Vốn dĩ nếu nhà họ Giả nuôi một người em gái của Hoằng Tích, nuôi ở trong nhà đến gần hai mươi tuổi, nếu Hoằng Tích thật sự "song huyền nhật nguyệt chiếu càn khôn", kết quả cuối cùng của cuộc đấu tranh ấy là một vầng trăng sáng treo trên trời, muôn dân đều ngẩng đầu nhìn, ông đăng cơ làm hoàng

đế, chẳng phải ai nấy đều vui sao? Như vậy nhà họ Giả chẳng phải đã lập công lớn sao? Đúng không? Cho nên gọi là chuyện tốt. Nhưng không ngờ cuối cùng chuyện tốt ấy có thành không?

Không thành, nên gọi là Hảo sự chung, chuyện tốt đến hồi kết. Cho nên trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, khúc về Tần Khả Khanh gọi là Hảo sự chung. Những câu trong đó tôi không phân tích từng câu một, vì mọi người đều có thể hiểu. Tôi chỉ tập trung phân tích vài câu. Một câu là "gia sự tiêu vong tội đầu ở Ninh", chính là nhà họ Giả cuối cùng diệt vong. Tội đầu là ở Vinh Quốc phủ hay Ninh Quốc phủ? Sau đây điều tôi nói có âm thanh khác nhau. Có người có lẽ chịu ảnh hưởng quá sâu từ phần nối sách của Cao Ngạc. Trong phần nối sách về sau, Cao Ngạc tất nhiên cũng viết tội của Ninh Quốc phủ có vẻ khá lớn, vì hoàng đế chỉnh trị Ninh Quốc phủ khá triệt để, còn Giả gia nguyên thủy chủ yếu là khoan xá Vinh Quốc phủ. Nhưng cuối cùng Cao Ngạc quy nạp tội trạng của Ninh Quốc phủ là gì? Bây giờ bạn thử xem lại, rất buồn cười. Đại thể một điều là nói bức cưới phụ nữ nhà lành, chính là chuyện Vưu Nhị Thư. Là ai cưới nàng? Ai lén cưới nàng? Là Giả Trân sao? Cho dù Giả Trân có đóng vai trò không tốt trong đó thì tội danh này nên thuộc về Giả Liễn mới phải, đúng không?

Giả Liễn bất chấp cả quốc tang lẫn gia tang, vi phạm lễ pháp phong kiến mà cưới Vưu Nhị Thư, đúng không? Hơn nữa về sau khiến Vưu Nhị Thư với người đã đính hôn trước đó ở phủ Hàm phải chia lìa, gây ra một số hậu quả khác; đó là chuyện của Vinh Quốc phủ. Về cuối, để viết Ninh Quốc phủ tội ác tày trời, Cao Ngạc liệt kê một tội trạng như thế. Còn một điều càng buồn cười hơn liên quan đến Vưu Tam Thư. Văn của Cao Ngạc đại thể nói rằng sau khi người này chết, không báo quan mà tự ý chôn cất. Đó là tội lớn đến đâu? Trong xã hội phong kiến cũng không phải tội ghê gớm gì, đúng không? Rồi ông ta viết Giả Trân cuối cùng bị trị rất thảm. Ông ta không nghĩ ra cách nào khác, vì ông ta không hiểu rõ những miêu tả phía trước về tình và tính là thế nào; hoặc là ông ta quá hiểu rõ nên muốn né tránh, muốn che đậy, vì thế mới viết như vậy. Thực ra sau tám mươi hồi, theo cấu tứ của chính Tào Tuyết Cần, sự diệt vong của phủ Giả, gia sự tiêu vong, hẳn là tội đầu ở Ninh, hẳn là Ninh Quốc phủ. Vì sao?

Chính vì về sau Ninh Quốc phủ lại thu nhận con gái của một nhà mang tội trong hoàng tộc; đương nhiên đó là tội lớn tày trời. Một khi việc này bị phanh ra thì không còn đường sống, cho nên gọi là "gia sự tiêu vong tội đầu ở Ninh". Hơn nữa, nghiệp xưa đều do tình. Trong bài trước tôi đã nói, chữ Khanh trong Tần Khả Khanh với chữ tình trong cảm tình là hài âm. Tào Tuyết Cần từ phương Nam đến, ông cho rằng âm Khanh và tình gần như giống nhau.

Tôi là người Tứ Xuyên, đôi khi âm này và âm kia cũng phân không rõ về mặt phát âm. Ông cho là hài âm như vậy chứng tỏ nhà họ Tào, trong đời sống, với nhà phế thái tử có tình cảm quá sâu nặng. Vì tình cảm đặc biệt sâu nặng nên đã làm ra một số việc, rồi tạo nghiệp, khiến gia tộc mình cuối cùng bại vong. Phản ánh vào Hồng Lâu Mộng, chính là Ninh Quốc phủ thu nhận Tần Khả Khanh, gây nên sự hủy diệt cuối cùng của toàn bộ tông tộc họ Giả. Còn một câu gọi là "cơ cừu suy đọa đều từ Kính"; câu này rất nhiều người không

hiểu. "Cơ cừu suy đọa": cơ cừu này là ví với việc nhà, ví với những việc trọng yếu của một gia tộc, vậy mà đều suy đọa, đều bị vứt sang một bên, đảo lộn, không ai quản. Việc này đều bắt đầu từ Giả Kính. Nhìn bề ngoài chúng ta cũng có thể hiểu, bởi ở hồi Lâm Như Hải tiến cử Tây Tân, Vinh Quốc phủ đã cho chúng ta biết rằng Giả Kính đã ra ngoài thành đô, ở cùng đám đạo sĩ luyện đan nhảm nhí. Về sau ông ta luyện đan rồi nuốt đan mà chết, đúng không? Ông ta không ở Ninh Quốc phủ quản lý Ninh Quốc phủ nữa, đúng không?

Ông ta trốn tránh. Vậy Giả Trân thì đường đường chính chính kế tục tước vị và ở ngay Ninh Quốc phủ làm đại gia, lại trở thành người chủ trì tông tộc họ Giả. Ông ta làm Ninh Quốc phủ rối tung lên mà chẳng ai quản được. Vậy Giả Kính đang trốn tránh điều gì? Bây giờ chúng ta đã rõ: nguyên mẫu trong đời sống của ông ta, khi đối đãi việc thu nhận nguyên mẫu Tần Khả Khanh, đã có thái độ tiêu cực; ông ta có thể không đồng ý. Nếu các người đã đón nàng đến thì ta rời đi, mọi việc phát sinh về sau không liên quan đến ta. Một chuyện lớn như vậy, chuyện quyết định vận mệnh gia tộc, ông ta lại không quản. Cho nên trong khúc Hảo sự chung nói rằng.

Về mặt chính trị đối với sự suy bại về sau của phủ Giả ông ta có trách nhiệm không thể chối bỏ ông ta đã chọn thái độ trốn tránh vì sao ông ta đi luyện đan? đến sinh nhật cũng không trở về phủ Giả vì sao? trước kia thấy không thể hiểu nổi bây giờ thì trong sách chắc chắn có nguyên mẫu đời sống khi ấy đối đãi việc này chính là thái độ ấy dẫn đến cuối cùng Hồng Lâu Mộng một tác phẩm có tính tự thuật trong cách thiết lập nhân vật trong cách miêu tả nhân vật trong miêu tả tình tiết đã viết như vậy.

*Trong việc nắm bắt nhân vật Tần Khả Khanh Tào Tuyết Cần đã phí hết tâm tư đến các phiên bản về sau cũng xuất hiện khác biệt quan trọng Cuối cùng Tần Khả Khanh khép lại bằng một số phận bi kịch thân phận cấp công chúa cũng không đem lại cho nàng số phận tốt đẹp. Vì sao số phận của Tần Khả Khanh bi thảm như vậy? Khi Lưu Tâm Vũ giải mã bí ẩn xuất thân Tần Khả Khanh trong Hồng Lâu Mộng có một chi tiết nhà Chu Thụy đưa hoa cung về, gặp nha hoàn Hương Lăng nói một câu khiến người ta nghi hoặc câu ấy thực ra đã ám chỉ số phận cuối cùng của Tần Khả Khanh Số phận của nàng có quan hệ gì với Hương Lăng?*

Mấy bài trước tôi nhiều lần nhắc đến một số chi tiết quý vị tuyệt đối đừng quên.

Đó là sau khi Hương Lăng đến nhà họ Tiết về sau lại ở phủ Giả nhà Chu Thụy nhìn thấy Hương Lăng nhà Chu Thụy nói nàng trông giống ai? nói tính cách dung mạo nàng giống ai? chính là giống Tần Khả Khanh.

Hương Lăng vốn tên là Chân Anh Liên vốn là một tiểu thư của một gia đình hương hoạn ở Giang Nam cha nàng tên là Chân Sĩ Ẩn. Khi Anh Liên một tuổi, nàng theo người hầu đi xem đèn tiết Nguyên tiêu bị người ta lén bế mất từ đó nàng và gia tộc của nàng rơi vào cảnh gập ghềnh sau khi Anh Liên bị mất gia đình họ Chân bị một trận hỏa hoạn thiêu sạch cha của Anh Liên theo một tăng một đạo đi khắp nơi du lịch mẹ nàng đành về nương nhờ nhà mẹ đẻ một nhà hương hoạn cứ thế suy bại Anh Liên bị người ta bắt trộm rồi bán vào nhà họ Tiết làm nha hoàn chịu đủ mọi sỉ nhục Mà căn nguyên gây nên bi kịch của Hương Lăng quan

điểm của Tào Tuyết Cần đã được thể hiện. Trong Hồng Lâu Mộng. Vậy Tào Tuyết Cần viết nét ấy là viết bừa sao? viết tùy tiện sao? ông đều có ngụ ý. Vậy Hương Lăng là người thế nào? Hồi thứ nhất bạn còn nhớ không? Chân Sĩ Ẩn bế Hương Lăng.

Một tăng một đạo đi tới, hai người ấy nói thế nào? Nói tại sao ông lại ôm một vật có mệnh mà không vận như thế trong lòng? Đó là vật có mệnh mà không vận, làm lụy cha mẹ. Những lời này đều tương thông. Tần Khả Khanh chính là một thần minh có mệnh mà không vận, làm lụy cha mẹ; bản thân nàng rất rõ. Cho nên nàng nói mặc cho thần tiên cũng vậy, trị được bệnh hay không trị được bệnh cũng vậy, sinh tử tồn vong của nàng hoàn toàn quyết định bởi liệu gia tộc của nàng có thể, trong cuộc đấu tranh quyền lực chính trị, giành được thắng lợi hay không. Vì vậy ở cuối bài này chúng ta rút ra một kết luận như thế: Tần Khả Khanh được viết trong Hồng Lâu Mộng có nguyên mẫu đời sống. Nguyên mẫu này chính là một cô con gái nhỏ của nhà phế thái tử. Trong đời thực, nàng hẳn đã vào thời khắc then chốt khi phế thái tử bị phế lần thứ hai được lén đưa đến nhà họ Tào nuôi dưỡng. Khi Tào Tuyết Cần viết một tác phẩm mang tính tự thuật, ông đã chuyển hóa nguyên mẫu đời sống ấy thành Tần Khả Khanh trong tiểu thuyết. Nhưng câu chuyện về Tần Khả Khanh vẫn chưa kết thúc, bởi trước khi chết, khi Tần Khả Khanh báo mộng cho Phượng tỷ, nàng có ám chỉ rõ ràng rằng cái chết của nàng và thân phận của một người khác là trong ngoài tương ứng với nhau: nàng bị người ta bán đứng, nàng bị người ta tố giác. Vậy trong đời sống và trong tiểu thuyết, kẻ tố giác với hoàng đế, khiến Tần Khả Khanh phải chết, người ấy là ai? Trong bài sau tôi sẽ vén mở diện mục thật của người này.

# Tập 14

Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (thượng)

*Cổ kim kỳ thư hiếm có ẩn đố tầng tầng lớp lớp trong sử xanh rối rắm phức tạp truy tìm gốc rễ, lần ra chân tướng xuyên qua từng hàng chữ của Hồng Lâu Mộng rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì? Chương trình chuyên đề quy mô lớn Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng.*

*Trong các chương trình trước ông Lưu Tâm Vũ đã vì chúng ta vén mở chân tướng thật của Tần Khả Khanh. Nhưng câu chuyện của Tần Khả Khanh không kết thúc tại đó bởi trong hồi thứ mười ba Hồng Lâu Mộng khi Tần Khả Khanh sắp chết nàng báo mộng cho Vương Hy Phượng nàng đã ám chỉ rất rõ rằng cái chết của nàng có quan hệ. Trong ngoài tương ứng với thân phận của một người khác nàng bị người ta bán đứng nàng bị người ta tố giác. Vậy trong Hồng Lâu Mộng người tố giác với hoàng đế khiến Tần Khả Khanh phải chết rốt cuộc là ai? Trong đời sống thật sự từng xảy ra chuyện như vậy sao?*

*Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ bước vào Bách Gia Giảng Đàn, vén mở tấm màn bí mật của kẻ tố giác.*

Ở cuối bài trước, tôi đã nói cho mọi người biết một kết luận do chính tôi tìm tòi: hình tượng nghệ thuật Tần Khả Khanh trong Hồng Lâu Mộng, nguyên mẫu đời sống của nàng là một người con gái của phế thái tử triều Khang Hy. Sau khi kết luận này được đưa ra, tôi gặp một người bạn Hồng học. Ông ấy không phục lắm, đến thảo luận với tôi. Tất nhiên, những kết luận của riêng tôi không đòi hỏi người khác đều phải đồng ý. Hồng học vốn là một không gian học thuật công cộng cùng chia sẻ, mọi người đều có thể hăng hái nêu ý kiến riêng. Tôi hỏi ông ấy: anh nghĩ không thông ở điểm nào?

Ông ấy nói, theo ông nghĩ, nếu nhà họ Tào giấu một người con gái của phế thái tử, lại bị người ta tố giác, sự việc bại lộ, thì hoàng đế sẽ không chỉ bắt con gái của phế thái tử tự vẫn, nhất định sẽ lập tức đánh vào nhà họ Tào. Nhưng ông ấy nói: anh xem trong sách viết thế nào? Mọi người nhớ lại xem trong sách viết thế nào. Trong sách viết như thế này: sau khi Tần Khả Khanh tự vẫn trên Thiên Hương lâu, nhà họ Giả trong sách không những không lập tức bị đả kích, ngược lại còn bước vào một cục diện mới, lửa bén dầu sôi, hoa tươi gấm rực, vinh hoa phú quý của nhà ấy lại lên một nấc mới. Ông ấy thảo luận với tôi, hỏi tôi rằng: ông nói như vậy, nếu trong đời sống quả thật từng xảy ra sự việc như ông nói, thì vì sao ông lại nói nó là một cuốn tiểu thuyết có tính tự truyện, có tính tự thuật? Khi phản ánh vào tiểu thuyết, tác giả lại viết như thế: cái chết của Tần Khả Khanh không lập tức đem đến đòn đánh cho nhà họ Giả, chưa nói đến đòn hủy diệt; không những không bị đả kích, ngược lại hoàn cảnh nhà họ Giả còn tốt hơn. Xuất hiện chuyện trái với lẽ thường tình thường như vậy, quả thật khiến người ta thấy hơi như nhà sư cao hai trượng sờ không ra đầu óc. Hoàng đế thật sự có thể dung thứ hành vi bất trung như vậy của nhà họ Giả sao? Hơn nữa không chỉ dung thứ, mà gần như còn thưởng trá hình. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như vậy? Rốt cuộc trong đời sống đại thể

vốn là tình trạng như thế, hay là khi Tào Tuyết Cần sáng tác câu chuyện này, ông hoàn toàn rời khỏi sự thật đời sống mà hư cấu nghệ thuật từ hư không? Ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận vấn đề này như thế nào?

Vậy bây giờ tôi có thể trả lời mọi người rất dứt khoát đối với người bạn thảo luận với tôi ấy tôi cũng trả lời ông ấy rất dứt khoát. Tôi nói trong đời sống đúng là tình trạng như vậy. Khi Tào Tuyết Cần viết vào tiểu thuyết đương nhiên đối với trạng thái đời sống nguyên thủy ông có thay đổi, có logic hóa có phóng đại, có tô đậm.

Có né tránh, có che đậy, nhưng nói chung, trong đời sống cơ bản là tình trạng ấy. Tôi nói xong, ông ấy lại cảm thấy có một vấn đề mới muốn thảo luận với tôi. Tôi nói: anh đừng vội, vì ở cuối bài trước tôi tự nêu ra một vấn đề; tôi phải trả lời vấn đề ấy của mình trước, rồi chúng ta hãy thảo luận vấn đề mới của anh. Ông ấy cũng thấy khá thú vị: sao nghiên cứu Hồng Lâu Mộng lại như búp bê lồng hộp, một vấn đề lồng trong một vấn đề. Tôi nói: đọc Hồng Lâu Mộng như vậy mới thú vị. Mọi người nhớ không? Ở cuối bài trước chính tôi nêu ra một vấn đề: nếu nói trong sách, chúng ta trước hết nói tiểu thuyết, việc Tần Khả Khanh bị lộ là có người tố giác, vậy kẻ tố giác ấy là ai? Ai đã nói thân phận thật của Tần Khả Khanh cho hoàng đế biết? Còn nhớ chứ? Lần trước tôi nêu vấn đề ấy, đúng không? Vậy tôi nói vấn đề này bây giờ tôi không vòng vo nhiều nữa. Tôi cũng có thể nói rất dứt khoát với bạn: bạn đọc Hồng Lâu Mộng, sau khi đọc xong cái chết của Tần Khả Khanh, rất nhanh sẽ đọc đến thân phận của một người khác. Người này là ai?

Chính là Giả Nguyên Xuân. Hồi mười ba Tần Khả Khanh chết, đúng không? Hồi mười bốn, mười lăm cơ bản đều viết về tang sự của Tần Khả Khanh; đến hồi mười sáu lại viết một chuyện vui tương phản rất lớn với tang sự. Chuyện vui gì? Giả Nguyên Xuân được tuyển vào Phượng Tảo cung. Vì vậy, nhìn từ logic tình tiết nội tại trong tiểu thuyết, người tố giác với hoàng đế thân phận thật của Tần Khả Khanh hẳn chính là Giả Nguyên Xuân. Thực ra bây giờ bạn nghĩ kỹ lại vận mệnh nhà họ Giả: nếu ví nhà họ Giả như thân một con chim, thì vận mệnh của họ chính là hai cánh vỗ lên, quyết định sự bay lên hay rơi xuống của gia tộc này. Một mặt, nhà họ Giả đã bí mật thu nhận huyết mạch còn sót của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, một người con gái, đó chính là Tần Khả Khanh. Vậy vì sao họ làm như vậy?

Chỉ nhìn trong tiểu thuyết, bạn cũng có thể hiểu: tuy Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế đã hỏng việc, nhưng hỏng việc không có nghĩa là thế lực ấy đã bị tiêu diệt triệt để. Nó vẫn còn tồn tại, họ vẫn có thể từ trạng thái hỏng việc chuyển thành được việc. Cho nên từ tiểu thuyết mà nhìn, Ninh Quốc phủ giấu một nhân vật như vậy, để nàng làm vợ của Giả Dung, nuôi dạy nàng thành một người phụ nữ có khí tượng muôn vàn, chính là đang đầu tư chính trị. Đúng là đầu tư về phía Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, về phía ngôi chính thống ấy. Trong mấy bài trước tôi đã nói với mọi người, nguyên mẫu của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế hẳn chính là vào triều Khang Hy: thái tử từng hai lần được lập rồi hai lần bị phế, hẳn chính là người này. Bạn chú ý, người này tuy hai lần được lập rồi lại hai lần bị phế, nhưng dưới triều Khang Hy, người này vẫn chưa chết.

Người này đến năm Ung Chính thứ hai mới qua đời. Hơn nữa đến cuối đời, mọi người cảm thấy tính khí hoàng đế Khang Hy cũng trở nên hơi thất thường: đã có thể phế rồi lại lập, lập rồi lại phế, vậy có khả năng nào ngay khi ông còn sống lại lập người ấy thêm lần nữa không? Bởi đó là cốt nhục ruột thịt của ông, ông đã nuôi dạy người ấy thành thái tử từ nhỏ, đúng không? Cho nên một số tập đoàn quan liêu trong đời sống đều có suy đoán ấy. Vậy khi chuyển hóa thành nhà họ Giả trong tiểu thuyết, bạn cũng có thể hiểu, đúng không?

Tuy Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế đã hỏng việc, nhưng thế lực tàn dư của ông vẫn còn; những người như Phùng Tử Anh trong tiểu thuyết đều thuộc phe Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế. Cho nên nhà họ Giả cảm thấy có thể thông qua việc thu nhận và giấu Tần Khả Khanh để đầu tư chính trị về phía này. Một khi chính cục thay đổi, bản thân Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế hoặc con trai ông, chính là hoàng tôn đích Hoằng Tích, trong cục diện chính trị mới trở thành hoàng đế, thì nhà họ Giả đã lập công đầu trong lúc khó khăn nhất. Khi người ta khó xử nhất mà ngươi có thể làm ra chuyện như vậy thì hoàng đế mới chắc chắn sẽ khen thưởng họ. Trong bài trước tôi đã đại thể nhắc đến rồi, bây giờ bạn nên hiểu điểm này: vì sao vị Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế hỏng việc ấy lại gửi một người con gái như Tần Khả Khanh vào nhà họ Giả? Chính bởi trong sự thật đời sống, khi thái tử bị phế lần đầu, có thể ông chưa có chuẩn bị tư tưởng gì. Nội dung tôi đã nói mấy hôm trước, tôi không lặp lại nữa; nhưng trước khi bị phế lần thứ hai, bạn nghĩ người này có chuẩn bị tư tưởng không?

Ông đã trải qua một lần rồi, vậy ông có chuẩn bị tư tưởng. Gia quyến của ông thái tử ấy có một đám người lớn xung quanh. Ngoài chính thất của ông ra, ông còn có rất nhiều tiểu thiếp. Chính thất sinh con cho ông, tiểu thiếp cũng sinh con cho ông; thái tử cũng con cái đầy nhà, còn có rất nhiều người hầu hạ họ. Hơn nữa, mấy bài trước tôi đã nói rồi, đó không phải tiểu thuyết mà là sử liệu ghi chép. Có một người tên là Đức Linh, ông ta phát hiện thái tử lại không ổn rồi, lại sắp bị phế, là sẽ bị giam cấm. Cho dù tiêu chuẩn cung ứng đời sống đối với thái tử không hạ thấp quá nhiều, nhưng không có tự do. Ông ta không còn tự do, mọi người ấy, bao gồm người hầu hạ ông, đều không còn tự do. Cho nên người tên Đức Linh ấy chẳng phải đã giả chết sao?

Ông ta giả làm người chết, nghĩ cách rồi để người ta đưa mình ra ngoài, thế là trốn thoát. Sau khi trốn ra, có một quan liêu đã thu nhận ông ta, đã che chở ông ta. Cuối cùng, ông ta bị người ta tố giác, bị phát hiện; vậy Đức Linh chết đột ngột, quan liêu giấu ông ta cũng bị chỉnh trị.

*Mọi người đều rất rõ, Hồng Lâu Mộng là một tiểu thuyết, nó rốt cuộc không thể vạch ranh thật rõ với lịch sử. Vậy ông Lưu Tâm Vũ kể cho chúng ta câu chuyện lịch sử như vậy rốt cuộc muốn chứng minh điều gì? Lẽ nào câu chuyện lịch sử như vậy có mối liên hệ nào đó với cái chết của Tần Khả Khanh, với việc Giả Nguyên Xuân tố giác, cũng có mối liên hệ nội tại nào đó sao?*

Ý tôi nói là bạn có thể hiểu rằng khi cơn bão lớn lần thứ hai sắp đến rất có thể vào lúc ấy một thê thiếp của thái tử sắp lâm bồn nghĩa là ông đã nghĩ tới đứa trẻ sắp sinh ra rất có thể phong thanh đã truyền đến lại sắp bị phế lại sắp bị giam cấm vì sao ngay từ khi còn là trẻ sơ sinh nó đã phải làm tù nhân? nghĩ cách thông qua đủ loại quan hệ lén đưa ra khỏi cung lén đưa ra ngoài sau đó hoặc là nói dối là đứa trẻ của Dưỡng Sinh đường hoặc nói dối là được một tiểu quan liêu nào đó nhận nuôi hoặc đơn giản là trực tiếp giấu vào nhà họ Tào để nhà họ Tào tạo ra vài lời đồn nói nàng là con của ai đó bảo vệ và nuôi dưỡng nàng.

Cho nên dù là trong đời sống hay trong tiểu thuyết, bạn đều nên có thể hiểu vì sao một gia đình có thể đi giấu và thu nhận một cốt nhục của phe chính trị đang tạm thời thất thế. Cho nên bạn xem, nhà họ Giả có một cánh vỗ như vậy: họ hy vọng thông qua khoản đầu tư chính trị phía này đem lại lợi ích cho gia tộc về sau. Nhưng giống như các quan liêu khác của triều Thanh lúc ấy, đầu tư chính trị không thể chỉ đầu tư vào một phía; đầu tư một phía thì không bảo hiểm, phải bảo hiểm hai lớp. Người ta cũng để cánh bên kia vỗ lên: đưa một người con gái trong gia tộc vào trong cung, nghĩ cách để nàng dần dần đến gần, cuối cùng có thể đến bên cạnh hoàng đế, trở thành một người phụ nữ được hoàng đế sủng ái. Trong tiểu thuyết, đó chính là Giả Nguyên Xuân.

Đây đương nhiên là một khoản đầu tư rất hiện thực vì là vị hoàng đế hiện tại. Vì vậy nếu khoản đầu tư phía này thất bại không thành công chỉ cần cánh bên này chưa hoàn toàn gãy còn miễn cưỡng vỗ được thì nếu cánh bên kia rất mạnh con chim này vẫn có thể bay lên cho nên họ đầu tư chính trị. Hai phía như vậy bạn nên hiểu trong tiểu thuyết cấu tứ nghệ thuật của Tào Tuyết Cần.

Ông thiết kế một nhà họ Giả kể cho bạn nghe một số câu chuyện nhà họ Giả. Trong nửa đầu tiểu thuyết ông tập trung kể cho bạn nghe một là Tần Khả Khanh một là Giả Nguyên Xuân câu chuyện của hai người họ Tất nhiên phía trước cũng viết đến một số phụ nữ khác viết rất nhiều chuyện về Lưu lão lão nhưng có thể nói từ hồi thứ nhất đến hồi thứ mười sáu. Trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, người lộ diện khá đầy đủ hẳn là Tần Khả Khanh sau đó đến hồi mười sáu như một vật nổi lên từ mặt biển Giả Nguyên Xuân nổi lên mặt biển. Đây là hai người phụ nữ liên quan đến vận mệnh nhà họ Giả họ vô cùng quan trọng.

Theo miêu tả của tiểu thuyết chúng ta phát hiện có một quan hệ nhân quả như vậy đó là sau khi Tần Khả Khanh treo cổ tự sát sự việc xảy ra tiếp theo chính là địa vị Giả Nguyên Xuân được nâng lên. Vì vậy vừa rồi tôi mới có thể dứt khoát nói với bạn phán đoán của tôi là cấu tứ của tác giả ông không viết thẳng ra nhưng cấu tứ của ông là như vậy phía sau tôi còn sẽ nêu rất nhiều ví dụ để chứng minh quả thật ông có cấu tứ như thế chính vì. Giả Nguyên Xuân nói với hoàng đế rằng nhà chúng tôi giấu một người con gái của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế nên mới hình thành những dòng chảy tình tiết như vậy trong tiểu thuyết ví dụ Tần Khả Khanh treo cổ tự vẫn ở Thiên Hương lâu tuy nàng không thể không chết nhưng phía hoàng đế lại che đậy việc này phái đại thái giám Đới Quyền đến tế lễ khiến tang sự bề ngoài có vẻ rất vẻ vang che đậy chuyện xấu của hoàng gia như vậy không để những người khác. Trong xã hội biết hơn nữa đối với Giả

Nguyên Xuân, người nói cho ông sự tình chân thật ấy thì biểu dương và ban thưởng nâng cao địa vị của nàng nàng được tuyển vào Phượng Tảo cung. Trong tiểu thuyết đó là logic tình tiết như vậy.

*Nếu cấu tứ sáng tác của Tào Tuyết Cần đúng như phân tích của ông Lưu Tâm Vũ vậy trong sự thật đời sống lẽ nào hoàng đế thật sự sẵn lòng tha thứ cho nhà họ Tào. Trong đời sống vì vậy khi viết vào Hồng Lâu Mộng nó biến thành nhà họ Giả sau cái chết của Tần Khả Khanh không những không bị trừng phạt ngược lại xuất hiện một cục diện rất tốt Phân tích của ông Lưu Tâm Vũ có thật sự không có kẽ hở không? căn cứ của ông biểu hiện ở chỗ nào?*

Vậy tôi cảm thấy chúng ta nhất định phải nghĩ kỹ vấn đề này Hồng Lâu Mộng là tiểu thuyết; tác giả trong hồi thứ nhất thông qua đối thoại giữa hòn đá và Không Không đạo nhân đã cố ý có một cách nói gọi là triều đại, niên kỷ, địa dư, bang quốc đều ngược lại thất lạc không thể khảo chứng ông không muốn trực tiếp nói ra tôi viết chuyện của triều nào đời nào ông cũng không muốn trực tiếp nói ra tôi viết chuyện. Trong không gian nào cho nên về sau chẳng phải giới Hồng học còn tranh luận sao rốt cuộc Đại Quan viên ở Nam Kinh hay Bắc Kinh, rốt cuộc ở đâu, thời gian và không gian đều được ông cố ý làm mờ về mặt nghệ thuật, ông sử dụng thủ pháp nghệ thuật mơ hồ hóa, nhưng thực tế nó lại có tính tự thuật và tự truyện rất mạnh, nó cũng có thể được khảo sát rõ ràng, nó cũng có tố chất ấy, văn bản này rất thú vị Ngay bên cạnh câu tôi vừa dẫn. Trong hồi thứ nhất Hồng Lâu Mộng Chi Nghiễn Trai có một lời phê Chi Nghiễn Trai rất lợi hại bởi bà là người cộng tác của Tào Tuyết Cần bà ở bên cạnh nói.

Chẳng phải là hòn đá trong tiểu thuyết đối thoại với Không Không đạo nhân sao? điểm này bạn hiểu chứ? vì sao gọi là Thạch Đầu Ký? chính là hòn đá ấy về sau thu nhỏ thành một viên nhỏ bằng đá quý rồi xuống phàm trần trải qua một phen nhân thế sâu xa phức tạp cuối cùng hòn đá ấy lại trở về chỗ ban đầu khôi phục thành một tảng đá lớn. Sau khi trở lại thành tảng đá lớn, nó khác gì trước kia? trên đó viết đầy chữ viết đầy những chữ gì? ý là viết đầy những chữ chúng ta đang thấy hiện nay chính là Thạch Đầu Ký. Cho nên hòn đá nói với Không Không đạo nhân những triều đại, niên kỷ, địa dư, bang quốc tôi viết đều ngược lại thất lạc không thể khảo chứng nhưng Chi Nghiễn Trai lập tức phê ngay sau đó một câu rằng ngu ý nói, lại rất có thể khảo chứng. Khi phê như vậy Chi Nghiễn Trai cũng rất vui hai người họ dường như đang trêu chọc lẫn nhau thực tế những thứ ông viết ông kéo dài nói là hòn đá viết thực ra chẳng phải chính là Tào Tuyết Cần viết sao? thực ra những gì ông viết bất luận xét về thời gian hay không gian đều rất có thể khảo chứng Phương pháp nghiên cứu cá nhân của tôi thuộc về phái khảo chứng. Trong Hồng học mạch khảo chứng của tôi là nghiên cứu nguyên mẫu cho nên bây giờ tôi tiến hành những khảo chứng này tôi không thấy buồn cười bởi Chi Nghiễn Trai đã khích lệ tôi Chi Nghiễn Trai nói rồi rất có thể khảo chứng.

Vậy bây giờ tôi và người bạn đang thảo luận với tôi ấy rốt cuộc muốn khảo chứng vấn đề gì? Tôi muốn khảo chứng điều gì? Chính là muốn khảo chứng vấn đề niên đại trong Hồng Lâu Mộng: về mặt thời gian, vấn đề thứ tự niên đại, Hồng Lâu Mộng rốt cuộc viết chuyện thời nào, triều nào, lúc nào? Phương hướng lớn chúng

ta từ lâu đã xác định. Ngay từ đầu giảng, chúng ta đã biết hẳn là viết chuyện xảy ra dưới bối cảnh lớn ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long. Vậy bây giờ cần tinh tế hóa hơn: từ hồi thứ nhất đến hồi thứ tám mươi rốt cuộc viết chuyện của năm nào? Sau khi làm rõ vấn đề này thì có lợi gì?

Không những chúng ta có thể hiểu thêm bối cảnh lịch sử của việc viết Hồng Lâu Mộng, mà còn có thể hiểu được khi nhà văn viết đủ loại tình cảm trong nội tâm ông, nỗi đau khổ, niềm vui của ông. Hơn nữa chúng ta còn có thể thông qua việc lập một bảng thời gian để hiểu nguyên mẫu sự kiện, nguyên mẫu đồ vật, nguyên mẫu chi tiết, cho nên rất thú vị. Nghiên cứu nguyên mẫu đã được rất nhiều nhà nghiên cứu ở nhiều nước sử dụng. Chẳng hạn, người ta nghiên cứu tác phẩm David Copperfield của nhà văn Anh Dickens và tính tự truyện; nghiên cứu tiểu thuyết Trà hoa nữ của nhà văn Pháp Alexandre Dumas con; nghiên cứu nhà văn Nga Lev Tolstoy trong tiểu thuyết Chiến tranh và hòa bình về nguyên mẫu sự kiện. Họ cũng nghiên cứu tiểu thuyết Phục sinh về nguyên mẫu đời sống của nam chính Nekhlyudov và nữ chính Maslova; nghiên cứu tiểu thuyết Gia của Ba Kim về nguyên mẫu đời sống của nam chính Giác Tân.

*Không nghi ngờ gì, nghiên cứu nguyên mẫu đã trở thành một mô thức nghiên cứu văn học thịnh hành trong thế giới hiện nay. Vậy trong nghiên cứu nguyên mẫu Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ, người có kiến giải sâu sắc, cho rằng muốn vén mở tấm màn bí mật của Giả Nguyên Xuân, trước hết phải bắt đầu từ việc làm rõ trình tự thời gian kể chuyện của Hồng Lâu Mộng.*

Vậy để tiện thảo luận, trước hết tôi nói phần dễ trả lời nhất; phần tương đối rắc rối tôi để phía sau. Phần dễ nhất là gì? Đó là tôi có thể nói rất dứt khoát với bạn: kể từ nửa sau hồi thứ mười tám của Hồng Lâu Mộng đến hồi thứ năm mươi ba, đều viết chuyện trong một năm. Điều này tôi nghĩ mọi người không nên có tranh luận, bởi chỉ cần đọc là sẽ phát hiện trật tự thay đổi mùa của nó rất rõ ràng, có thể nói không loạn chút nào. Nguyên phi tỉnh thân, đương nhiên đêm Trừ tịch tôi không tính; qua đó là đến Tết, rồi đến tiết Nguyên tiêu, rồi là mùa xuân, rồi là đầu xuân, giữa xuân, rồi là cuối xuân, rồi là đầu hạ, rồi là mùa thu, rồi mùa đông, rồi tuyết rơi, rồi lại đến lúc ăn Tết. Cho nên từ nửa sau hồi thứ mười tám đến hồi thứ năm mươi ba, ba mươi lăm hồi này rất rõ ràng là viết chuyện trong một năm; hơn nữa nó miêu tả bối cảnh bốn mùa xuân hạ thu đông rất rõ ràng. Vậy năm mà ba mươi lăm hồi này viết là năm nào? Chính là năm Càn Long nguyên niên.

*Tuy Hồng Lâu Mộng có tính tự thuật và tự truyện nhất định, nhưng rốt cuộc nó là một cuốn tiểu thuyết, có không gian hư cấu nghệ thuật rất lớn. Vậy ông Lưu Tâm Vũ, người rất hiểu tam muội sáng tác tiểu thuyết, vì sao cho rằng nửa sau hồi thứ mười tám đến hồi thứ năm mươi ba của Hồng Lâu Mộng viết chuyện năm Càn Long nguyên niên? Và nếu phân tích của ông Lưu Tâm Vũ là đúng, thì điều này đối với việc vén mở tấm màn bí mật của Giả Nguyên Xuân có trợ giúp đặc biệt hay không?*

Vì sao tôi nói đó là năm Càn Long nguyên niên? Có rất nhiều chứng cứ, nhưng ở đây vì vấn đề cần thảo luận quá nhiều, tôi không liệt kê từng cái, chỉ nêu vài ví dụ. Trước hết nêu một ví dụ rất nhỏ: hồi mười tám viết đến việc Giả Nguyên Xuân tỉnh thân, có một số miêu tả chi tiết. Trong tỉnh thân có cái gọi là lỗ bộ. Đây là

một từ văn hiến, có thể nghe không dễ hiểu lắm, nhưng tôi nói thành bạch thoại với bạn, bạn sẽ hiểu: đó chính là một đoàn nghi trượng. Trước khi hoàng đế xuất hành hoặc hậu phi xuất hành đều có nghi trượng; đoàn nghi trượng rất phức tạp, nó có quy định nghi trượng vô cùng phức tạp. Trong Hồng Lâu Mộng đương nhiên là cách viết nghệ thuật; nó viết rất khái quát, tôi không dẫn nguyên văn chi tiết nữa, bạn có thể tự mở ra xem. Nhưng trong đó có một chi tiết rất đáng chú ý: nó nhắc trong đoàn nghi trượng của Giả Nguyên Xuân tỉnh thân có lọng vàng cán cong bảy phượng. Loại nghi trượng này, nghi trượng ngày xưa, bạn xem một số tranh vẽ Hồng Lâu Mộng hoặc hiện nay khi quay thành phim truyền hình đều sẽ có một số đạo cụ xuất hiện. Trước hết trong nghi trượng ấy sẽ có một loại lọng; đương nhiên cái lọng này không giống chiếc ô.

Trong đời sống hiện nay của chúng ta, nhỏ và thấp như thế, nó đều có cán rất dài, phía trên có tán lọng rất lớn. Hơn nữa, bên cạnh tán lọng ấy có khi có một tầng, chẳng hạn ba tầng vải phủ quanh. Công dụng chính của nó không phải là chức năng thực dụng, không phải chủ yếu để che nắng hay che mưa. Nó có tác dụng ấy, nhưng tác dụng ấy là thứ yếu; chức năng chủ yếu của nó là biểu thị một thứ uy nghi. Ngoài lọng tán còn có những thứ khác như cờ xí, lại có quạt lông, còn có rất nhiều thứ phức tạp, rất nhiều quy củ, rất nhiều đồ vật. Còn có người xách lư hương, luôn chuẩn bị đến cuối cùng cho hoàng đế hoặc hậu phi ống nhổ, ấm thóa bằng gỗ đàn; những thứ ấy đều có một bộ nghi trượng rất phức tạp. Trong đó xuất hiện một danh từ rất cụ thể. Tào Tuyết Cần nói cho bạn biết, trong cảnh Giả Nguyên Xuân tỉnh thân có một đồ vật cụ thể; đây là một miêu tả đồ vật. Trong tiểu thuyết, nó gọi là lọng vàng cán cong bảy phượng. Vậy bây giờ tôi nói luôn với bạn: loại lọng vàng cán cong này chỉ đến triều Càn Long mới bắt đầu có; vào triều Khang Hy và Ung Chính.

Trong lỗ bộ được quy định lúc ấy cũng tức là trong nghi trượng nếu có lọng thì đều là cán thẳng lọng cán cong là một sáng chế chỉ bắt đầu có từ triều Càn Long nghĩa là. Trong phương diện nghi trượng các triều đại không ngừng có cải tiến vậy mới có loại lọng cán cong ấy chỉ riêng câu này đã chứng minh.

Đoạn truyện từ cuối hồi mười tám đến hồi năm mươi ba bối cảnh triều đại của nó là chuyện. Trong thời Càn Long. Nhưng một chi tiết đồ vật rất nhỏ như vậy vẫn chưa đủ để chứng minh đầy đủ vấn đề bởi bạn có thể nói ông ấy có thể mượn thứ có ở triều Càn Long đặt vào đây. Vậy được bây giờ bạn đọc từ hồi mười tám đến hồi năm mươi ba đọc câu chuyện của năm ấy bạn sẽ phát hiện. Trong đó có một hồi, chính là hồi hai mươi bảy trong hồi hai mươi bảy nêu rất rõ một ngày ngày gì? chính là ngày hai mươi sáu tháng tư. Tác giả nói rất rõ với bạn.

Ngày hai mươi sáu tháng tư của năm ấy là tiết Mang Chủng trong hai mươi bốn tiết khí có một tiết Mang Chủng ông nói với bạn ngày. Hai mươi sáu tháng tư năm ấy chính là Mang Chủng vậy bạn đi tra vạn niên lịch xin quý vị đi tra vạn niên lịch Càn Long nguyên niên đúng là ngày. Hai mươi sáu tháng tư gặp Mang Chủng đây không phải trùng hợp lại thêm có nhà Hồng học chẳng hạn ông Chu Nhữ Xương khảo chứng

rằng thực ra ngày. Hai mươi sáu tháng tư chính là sinh nhật Tào Tuyết Cần. Tác giả sở dĩ trịnh trọng viết câu chuyện của năm ấy như vậy chính vì năm ấy ông mười ba tuổi ký ức của ông là hoàn chỉnh nhất hơn nữa đời sống năm ấy là đẹp nhất cho nên ông dốc hết sức để viết câu chuyện của năm ấy. Vậy trong tiểu thuyết trong một câu chuyện nghệ thuật ông đặt định năm ấy là ngày hai mươi sáu tháng tư giao tiết Mang Chủng điều này hẳn chứng minh ông viết.

Chuyện năm Càn Long nguyên niên bởi cả bộ sách có tính tự thuật và tự truyện cả bộ sách có tiền đề tả thực vì vậy làm rõ điểm này rất quan trọng. Hơn nữa Tào Tuyết Cần viết rất thú vị ông gọi tiết Mang Chủng ngày hai mươi sáu tháng tư là một tiết tiễn hoa ngày tiễn hoa thần bởi đến tiết Mang Chủng về cơ bản mọi loài hoa đều đã tàn hết. Trong Hồng Lâu Mộng có một câu thơ thường được trích dẫn gọi là nở đến đồ mi thì mùa hoa hết nghe nói hoa đồ mi là loài hoa nở muộn nhất trong các loài hoa, vì vậy cũng tàn muộn nhất đợi nó tàn rồi thì về cơ bản không còn hoa gì nở nữa, cây cỏ đều bắt đầu kết quả bắt đầu xuất hiện một cục diện khác, tức là nở đến đồ mi thì mùa hoa hết. Trong truyền thuyết có hoa thần, đây là một tưởng tượng rất đẹp.

Hoa thần cai quản trăm hoa, sau khi mọi hoa đều nở xong, hoa thần phải đi nghỉ vì vậy phải tiễn biệt, tiễn hành cho hoa thần cho nên các cô gái. Các cô gái trong khuê phòng đặc biệt coi trọng phong tục này. Vì vậy, trong Hồng Lâu Mộng mới xuất hiện miêu tả hồi ấy bao gồm cả cảnh Đại Ngọc chôn hoa. Vì sao Đại Ngọc lại chôn hoa vào ngày ấy? Cũng chính là ý này: bởi ngày ấy là ngày từ biệt hoa thần, phải thông qua nghi thức chôn hoa như vậy để biểu đạt sự trân quý của mình đối với hoa cảm tạ hoa thần đã vất vả cả năm, đem đến cho chúng ta cảnh tượng bao nhiêu hoa đẹp nở rộ. Đương nhiên cũng biểu thị sự thương tiếc bởi hoa tàn vẫn là chuyện rất khiến người ta tiếc nuối. Cho nên từ hồi thứ mười tám đến hồi thứ năm mươi ba hẳn chính là viết chuyện năm Càn Long nguyên niên.

*Nhìn như vậy kết luận mà ông Lưu Tâm Vũ rút ra rất có đạo lý bởi chúng ta biết có không ít nhà Hồng học sau khi nghiên cứu cho rằng Hồng Lâu Mộng không chỉ là tiểu thuyết nó còn có tính tự thuật, tự truyện cả bộ sách có tiền đề tả thực sự thăng hoa nghệ thuật của nó đều hoàn thành trên cơ sở thời gian và không gian thực tế đã xảy ra. Vậy đã như thế có phải điều đó có nghĩa là mọi nhân vật trong Hồng Lâu Mộng đều có nguyên mẫu mọi tình tiết câu chuyện đều từng xảy ra trong đời sống hiện thực và tất cả những điều ấy lại có quan hệ gì với Giả Nguyên Xuân?*

Vậy hồi năm mươi bốn đến hồi sáu mươi chín, mười lăm hồi này, tôi lại có thể phán định là viết chuyện năm Càn Long thứ hai nó cứ viết từng năm tiếp xuống như vậy, nó viết chuyện năm Càn Long thứ hai. Vì sao tôi nói nó viết chuyện năm Càn Long thứ hai? tôi cũng có chứng cứ này bởi trong hồi năm mươi bốn đến hồi sáu mươi chín vừa bắt đầu viết mùa xuân năm ấy đã viết đến trong cung có một thái phi ban đầu là bị bệnh về sau lại nói vị lão thái phi đã nói ở hồi trước hoằng thệ còn nhớ không? có lời bàn giao ấy chứ? đúng không? Vậy tôi nhớ trong bài trước đã điểm ra cho mọi người rồi cái gọi là thái phi, lão thái phi, hoặc về sau

chúng ta còn sẽ nói đến chẳng hạn nói vương phi, hoàng phi có lúc chỉ cùng một người bởi chẳng hạn một người phụ nữ bên cạnh Khang Hy nếu là một phi tử thì đến triều Ung Chính nàng là một thái phi đúng không? mọi người gọi nàng là thái phi rất bình thường nhưng sau khi Ung Chính qua đời, đến triều Càn Long nàng trở thành lão thái phi đúng không? nàng vẫn chưa chết người này vẫn còn tồn tại, vì vậy cách xưng hô đối với nàng có thể thay đổi Thực tế thái phi và lão thái phi được viết trong tiểu thuyết chính là cùng một người người này có nguyên mẫu không? Một nhân vật bối cảnh như vậy thực ra cũng có nguyên mẫu.

Cũng có nguyên mẫu nhân vật, bởi đúng vào mùa xuân năm Càn Long thứ hai vào tháng hai năm Càn Long thứ hai trong cung đã mất một vị người phụ nữ bên cạnh Khang Hy gần như chính là chết vào lúc ấy Tiểu thuyết này gần như rất trung thực đã viết ra tình hình trong triều đình năm Càn Long thứ hai ấy. Người phụ nữ này họ Trần.

Cha nàng tên là Trần Ngọc Khanh nàng là người Hán bây giờ bạn có thể tra các tài liệu liên quan đến Khang Hy là người rất phát đạt về tình dục, rất khỏe mạnh ông có bốn mươi người phụ nữ bên cạnh từng được phong hiệu trước sau, còn người không được phong hiệu thì nhiều hơn tức là những người được ông phong hiệu, hoặc sau khi họ qua đời được Ung Chính hoặc Càn Long phong hiệu thêm, loại phụ nữ như vậy có đến bốn mươi người Tất nhiên, trong đó hơn ba mươi người đều là phụ nữ Mãn tộc Khang Hy ở điểm này vừa là một đế vương biết hưởng lạc lại vừa là một người rất có nguyên tắc chính trị.

Những phụ nữ ấy sau khi vào cung ông có thể rất sủng ái cũng sinh con với họ nhưng khi ban phong hiệu thì ông rất thận trọng về cơ bản ông đều phong hiệu cho phụ nữ Mãn tộc một số phụ nữ Hán tộc rất xinh đẹp ông cũng rất sủng ái cũng sinh con đẻ cái cho ông nhưng trong việc phong hiệu cho phụ nữ Hán tộc Khang Hy khá keo kiệt điều này cho thấy ông là một chính trị gia bởi ông cảm thấy nếu muốn củng cố chính quyền Mãn tộc thì kể cả từ chi tiết cũng phải xác lập nguyên tắc Mãn tộc cao hơn Hán tộc.

Bởi Mãn tộc là dân tộc thiểu số. Sau khi nhập chủ Trung Nguyên, trong một vùng rộng lớn mà họ thống trị, đa số đều là người Hán, cho nên không thể để người Hán cảm thấy mình có thể vểnh đuôi. Vì vậy đối với phụ nữ Hán tộc vào cung, ông cũng có thái độ ấy. Trần thị này rất được sủng ái. Trần thị sinh cho ông một người con trai, ông rất thích. Nhưng vào triều Khang Hy, phong hiệu ban cho Trần thị rất thấp. Trần thị đến triều Càn Long mới chết. Khi chết vào năm Càn Long thứ hai, Càn Long mới nâng phong hiệu cho nàng, phong làm tần.

Nhưng tiểu thuyết lại gọi nàng là phi điều này bạn có thể hiểu, đúng không?

*Từ đời sống đến nghệ thuật có một quá trình phóng đại vừa phải hoặc tô đậm Phân tích của ông Lưu Tâm Vũ rất có đạo lý Là một nhà văn bản thân ông Lưu Tâm Vũ cũng viết tiểu thuyết ông hiểu sâu sắc làm thế nào? để một nguyên mẫu đời sống thăng hoa thành hình tượng nghệ thuật. Trong đó cần đi qua cây cầu như thế nào?*

*Nhưng trong này cũng có điểm nghi vấn đó là cách nói của ông Lưu Tâm Vũ có phải có thành phần suy đoán quá lớn không chỉ vì năm Càn Long thứ hai trong hoàng cung mất một người phụ nữ bên cạnh Khang Hy người phụ nữ này về sau từng được phong làm tần thì ông Lưu Tâm Vũ nói hồi năm mươi bốn đến hồi sáu mươi chín của tiểu thuyết chính là viết chuyện trước sau năm Càn Long thứ hai nói như vậy có phải quá võ đoán không? Mà điều này lại có liên hệ gì với Giả Nguyên Xuân?*

Tôi cảm thấy nếu tôi nói tiếp thì sẽ thấy quả thật tôi không hề võ đoán. Nếu chỉ điểm đến đây rồi không nói nữa thì tất nhiên cách nói của tôi có vẻ còn thiếu căn cứ đầy đủ. Nhưng mọi người nhớ phía sau. Trong sách lại có vài lời bàn giao rất cụ thể lời bàn giao này rất lạ nó nói Giả mẫu Hình phu nhân, Vương phu nhân vì sao những người này, những phụ nữ này đều phải ra mặt tham dự tang sự ấy? đó là quy định của triều đình, vì có một người mất, trong sách gọi là lão thái phi hoăng. Vậy khi an táng lão thái phi này, phụ nữ các gia đình quý tộc phải đi túc trực bên linh cữu trong tiểu thuyết có bàn giao, đúng không? trong thời gian túc trực không thể về nhà, buổi tối ngủ ở đâu? phải tìm một chỗ nghỉ chân bèn thuê dùng gia miếu của một đại quan chuyện này vốn cũng không lạ quý tộc ngày xưa tham dự tang lễ thường làm như vậy. Vậy gia miếu này trong tiểu thuyết viết rất rõ Đông viện là chỗ Giả mẫu và họ ở. Vậy ai ở Tây viện? người của Bắc Tĩnh vương phủ thái phi và thiếu phi của Bắc Tĩnh vương phủ ở Tây viện.

Nhìn qua có vẻ chỉ là một nét bâng quơ nhưng nếu bạn nghĩ kỹ chúng ta trước hết chưa nói đến sự thật đời sống chỉ luận trong tiểu thuyết thôi viết như vậy không thông Bắc Tĩnh vương trong tiểu thuyết đã nói rõ phong hiệu của ông là vương gia là một thân vương còn nhà họ Giả thì ngươi là cái gì? trong mấy bài trước tôi từng đưa ra một ví dụ không thật tương xứng tôi nói quan chức của Giả Chính rất nhỏ cùng lắm chỉ là cấp thứ trưởng bây giờ có khán giả nhiệt tình gửi thư chỉ chính cho tôi, tôi rất cảm ơn họ nói viên ngoại lang của Giả Chính nếu quy đổi thành cấp bậc hiện nay thì chưa tới cấp thứ trưởng cùng lắm chỉ là cấp phó ty cục.

Thực ra lấy ví dụ thì vốn chỉ là nói đại khái, thực tế không có cách nào quy đổi, không có cách nào so sánh tương tự một bên là vương triều phong kiến, một bên là xã hội hiện nay của chúng ta.

Nhưng sự chỉ chính này vẫn rất đáng quý, chứng tỏ mọi người rất để tâm Tôi rất đồng ý quan điểm như vậy của những người bạn chỉ chính tôi nghĩa là trong tiểu thuyết, chức vị quan của Giả Chính được đặt ra thật sự rất thấp không cao đúng không? tuy Giả Xá có một danh hiệu, có một tước vị cũng chẳng qua là cấp tướng quân so với vị vương gia Bắc Tĩnh vương thì còn kém rất xa. Nhưng ngày xưa mọi người có hiểu không đông quý hơn tây hiểu chứ? trong vị trí chỗ ngồi, đông quý hơn tây phủ Giả ở Đông viện Bắc Tĩnh vương thì ở Tây viện tất cả cổ bản cho đến bản thông hành đều viết như vậy không viết sai có thể thấy Tào Tuyết Cần chính là muốn viết như vậy vì sao ông viết như vậy? bài sau chúng ta gặp lại.

Ông vì muốn đạt mục đích gì khác? chẳng hạn vì muốn phá vỡ quan niệm đẳng cấp nên cố ý viết như vậy để biểu thị tính phản nghịch khác người của mình hay là trong đời sống hiện thực thật sự từng xảy ra

chuyện lạ không hợp lẽ thường, không hợp thói quen như vậy Mà làm rõ vấn đề này đối cũng như phá giải những bí ẩn trên người kẻ tố giác Giả Nguyên Xuân lại có trợ giúp như thế nào? Xin hãy tiếp tục theo dõi Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác.

# Tập 15

Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (hạ)

*Một kỳ thư xưa nay hiếm bí ẩn nối tiếp không cùng giữa dòng sử xanh rối rắm truy nguyên nguồn cội xuyên qua từng câu chữ trong Hồng Lâu Mộng rốt cuộc chúng ta sẽ phát hiện điều gì Chương trình chuyên đề quy mô lớn Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng.*

*Trong chương trình kỳ trước ông Lưu Tâm Vũ đã hé mở cho chúng ta một góc tấm màn bí ẩn về kẻ tố giác. Giả Nguyên Xuân nhưng cũng để lại một nghi vấn rất lớn đó là vì sao Tào Tuyết Cần lại để các nữ quyến phủ Giả có địa vị tương đối thấp ở đông viện, tức thượng viện còn để nữ quyến phủ Bắc Tĩnh vương có địa vị rất cao ở tây viện, tức hạ viện. Vì sao? Tào Tuyết Cần lại viết như vậy Chẳng lẽ về vị trí đông quý hơn tây, một lẽ thường đơn giản như thế mà ông cũng không nắm rõ sao hay ông làm vậy để đạt mục đích nào khác chẳng hạn nhằm đả phá quan niệm đẳng cấp nên cố ý viết như thế để biểu thị mình có tính phản nghịch khác người thường hoặc là. Trong đời sống hiện thực quả thật từng xảy ra một chuyện kỳ quặc trái lẽ thường như vậy Và làm rõ vấn đề này đối với việc chúng ta nhận thức toàn diện nguyên nhân cái chết của Tần Khả Khanh cũng như giải mã bí ẩn trên người kẻ tố giác Giả Nguyên Xuân rốt cuộc sẽ giúp ích thế nào? Mời cùng bước vào Bách Gia Giảng Đàn cùng theo dõi nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ vén màn bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác.*

Trong đời sống có thật ông nội của Tào Tuyết Cần là Tào Dần còn Giả mẫu trong tiểu thuyết nguyên mẫu đời thực là vợ của Tào Dần anh trai của nguyên mẫu ấy tên là Lý Húc và Tào Dần đều được Khang Hy đặc biệt yêu thích.

Một người về sau được cho làm Giang Ninh Chức tạo một người về sau được cho làm Tô Châu Chức tạo nhìn qua thì chức quan không cao Chức tạo là gì? là quản lý các xưởng dệt chuyên làm cho trong cung những đồ dệt dùng. Trong cung một cơ quan như vậy nhưng trên thực tế hai người này có quan hệ với Khang Hy không hề tầm thường trước đây tôi từng nói họ còn kiêm làm mật thám cho Khang Hy họ thường mật tấu về vùng Giang Nam về dư luận. Trong dân gian cũng như biểu hiện của các quan viên đã về hưu họ phái người theo dõi, hoặc tự mình đi ngoài mặt là thăm hỏi thực ra là dò xét tình hình rồi viết tấu chương gửi Khang Hy Ngoài ra. Hai nhà ấy còn có một nhiệm vụ rất vinh dự nhưng tuyệt đối không thể đem vinh dự ấy ra phô bày đó là tuyển chọn mỹ nữ Giang Nam cho Khang Hy bổ sung cho nội cung của Khang Hy rất thích phụ nữ Hán tộc thích những phụ nữ bó chân nhỏ điều này không phải tôi nói bừa các giáo sĩ nước ngoài thời Khang Hy những giáo sĩ nước ngoài ấy đôi. Khi rất bạo dạn lẽ ra họ không được tiếp xúc cũng không được nhìn các phi tần của Khang Hy nhưng có một giáo sĩ sau.

Khi về nước đã viết hồi ký ông ta nói có một lần khi ấy ông ta không được phép vào hiện trường nhưng ông ta kéo rèm. Trong vườn ra lén nhìn ra ngoài ông ta thấy Khang Hy cùng các phi tần của mình đùa giỡn vui

vẻ ông ta nói. Trong số phi tần của Khang Hy có hai kiểu ăn mặc của phụ nữ một kiểu là trang phục Mãn người Mãn thì chân lớn một kiểu là phụ nữ Hán tộc chân nhỏ ông ta nói. Khang Hy cố ý dùng ếch để dọa phụ nữ Hán tộc sợ quá kêu lên rồi chạy nhưng chân nhỏ nên chạy không nổi. Khang Hy bèn cười ha hả nếu nói theo tình ái thì đây là một biểu hiện hơi cuồng cũng có thể hiểu được nếu nói theo tâm lý học hiện đại thì cũng không quá vượt giới hạn trò đùa này không phải quá lớn không cần vì điểm ấy mà phủ định gay gắt. Khang Hy chỉ là ông rất thích một số phụ nữ Hán tộc xinh đẹp. Hồi ký của vị giáo sĩ nước ngoài này quả thực khiến chúng ta thấy rất hứng thú nhưng nội dung ông ghi chép liệu có thật sự đáng tin không.

*Trong hồ sơ lịch sử triều Thanh có ghi chép tương tự không hoặc trong các mỹ nữ Hán tộc ấy, liệu có người do Tào Dần hoặc Lý Húc tuyển chọn cho Khang Hy không ông Lưu Tâm Vũ có thể cung cấp cho chúng ta chứng cứ đáng tin cậy hơn không Lùi một bước mà nói nếu có chứng cứ đáng tin hơn có thể chứng minh Tào Dần hoặc Lý Húc quả thực từng tuyển chọn mỹ nữ Hán tộc cho Khang Hy thì liệu điều ấy có thể chứng minh nó có mối liên hệ nào đó với Giả Nguyên Xuân không?*

Hiện nay, tư liệu đáng tin về phía Tào Dần vẫn chưa thể tra ra nhưng về Lý Húc thì đã tra rất rõ Lý Húc và Tào Dần gần như là cùng một kiểu người cho nên giữa hai người họ mà loại suy và suy luận như vậy có thể nói là hợp lý hiện nay trong kho lưu trữ Cố Cung có thể tra được Lý Húc có một bài tấu gọi là bài tấu về việc mẹ của Vương thị là Hoàng thị qua đời nó cho thấy Vương thị này có một Vương thị, là một phụ nữ Hán tộc bà chính là mỹ nhân Giang Nam. Do Lý Húc tuyển chọn đưa đến bên Khang Hy và được Khang Hy sủng ái hơn nữa Vương thị này cũng rất có phúc bà sinh cho Khang Hy ba người con trai. Trong đó có một người con chính là người tôi từng nhắc đến trong mấy bài trước trong vụ cảnh báo đêm. Trong trướng điện Khang Hy vì một người con trai mà triệu tập mọi người Thập bát a ca theo quan điểm lâm sàng của y học hiện đại là đứa bé mắc bệnh quai bị Khang Hy ôm chặt cậu vào lòng còn nhớ chứ, đó là con.

Do Vương thị sinh đây là một hoàng tử mang dòng máu Mãn - Hán là một hoàng tử được Khang Hy vô cùng yêu quý tất nhiên về sau Thập bát a ca ấy đã qua đời không thể lớn lên thành người trưởng thành vì vậy bên cạnh Khang Hy quả thật có phụ nữ Hán tộc mọi việc của Vương thị đều. Do Lý Húc lo liệu cho nên khi mẹ của Vương thị trong nhà họ Hoàng qua đời việc ấy cũng phải. Do Lý Húc viết tấu chương báo cho Khang Hy bởi nếu nhìn theo góc độ ngày nay chẳng phải đó là mẹ vợ của ông ấy sao một trong những bà mẹ vợ tất nhiên hoàng đế chưa chắc đã nhận như vậy hiểu chứ? quan hệ ấy rất mật thiết. Vậy còn Trần thị này tuy chúng ta chưa tìm được tài liệu hồ sơ cứng chứng minh Tào Dần tiến cử Trần thị cho Khang Hy nhưng suy đoán của chúng ta cũng không vô căn cứ vì sao bởi về sau phát hiện nhà họ Tào qua lại rất mật thiết với một hoàng tử của Khang Hy. Do Trần thị sinh người này chính là Doãn Hy mà tôi từng nhắc đến trong mấy bài trước còn nhớ chứ, hoàng tử thứ 21 của Khang Hy hoàng tử thứ 21 tên là Doãn Hy hiện nay còn để lại một tấm biển.

Do chính tay ông đề trước đây tôi cũng từng nói với các bạn bây giờ chúng ta nhắc lại, tấm biển ấy treo ở đâu. Trong Cung vương phủ trên biển viết bốn chữ nào Thiên Hương đình viện các bạn không thấy giật mình sao ở những chữ như vậy lẽ nào hết thảy đều là trùng hợp trên đời có chuyện trùng hợp đến thế sao sao cứ trùng hợp mãi rồi lại trùng vào cùng một chỗ điều đó chứng tỏ rằng hiện thực đời sống của Hồng Lâu Mộng và hiện thực nghệ thuật của nó đều có rất nhiều chứng cứ cho thấy nhà họ Tào. Trong đời thực có quan hệ mật thiết với vị lão thái phi qua đời năm Càn Long thứ hai vì vậy trong tiểu thuyết mới viết thành như thế tức sau khi vị lão thái phi ấy hoăng thệ con cháu của bà lại tôn trọng nhà họ Giả. Trong tiểu thuyết đến vậy tôi nói thế có lẽ các bạn vẫn mù mờ con cháu của bà, tôi nhớ bài trước tôi đã nói nguyên mẫu của Bắc Tĩnh vương là ai nguyên mẫu của Bắc Tĩnh vương tên của nhân vật ấy đến từ một người con của Càn Long tên là Vĩnh Dung mấy bài trước có lẽ đã khá lâu rồi bây giờ chúng ta nhắc lại.

Trong tiểu thuyết nói Bắc Tĩnh vương tên là gì tên là Thủy Dung chữ Vĩnh trong Vĩnh Dung bỏ đi một nét biến thành gì biến thành thủy một bên là bộ ngọc một bên là chữ Dung. Trong dễ dàng bỏ đi một nét trong bộ ngọc thành ba chấm thủy, đọc là gì, đọc Dung, đúng không? vì vậy cái tên Thủy Dung rõ ràng là chuyển hóa từ Vĩnh Dung mà ra, phải không.

Vậy các bạn sẽ nói: đó chẳng phải Vĩnh Dung sao, Vĩnh Dung có quan hệ gì với Doãn Hy Vĩnh Dung về sau được cho làm con thừa tự của Doãn Hy, trở thành cháu nội của Doãn Hy, hiểu chưa khí chất hình tượng nguyên mẫu của Bắc Tĩnh vương. Trong tiểu thuyết chủ yếu lấy từ Doãn Hy còn tên thì lấy từ người cháu được cho làm thừa tự của ông Bắc Tĩnh vương là hình tượng nghệ thuật tổng hợp từ. Hai nhân vật này.

Cho nên trong tiểu thuyết viết rằng hai nhà họ Giả và Bắc Tĩnh vương sau khi lão thái phi hoăng thệ. Khi nghỉ lại trong các viện thì nhà họ Giả ở thượng viện còn thiếu phi, thái phi của Bắc Tĩnh vương phủ cam lòng ở hạ viện hiện thực đời sống phía sau tiểu thuyết bây giờ các bạn hiểu rồi chứ sở dĩ nhà họ cuối cùng có được một Doãn Hy có vinh hoa phú quý như vậy uống nước không quên người đào giếng năm xưa ai đã tiến cử bà vào hoàng cung dù bà có xinh đẹp nếu không ai tiến cử chẳng phải bà cũng chỉ tự héo mòn đến cùng sao phải không? rõ ràng là Tào Dần, cũng như Lý Húc luân phiên đưa mỹ nữ Giang Nam cho Khang Hy Trần thị. Do nhà họ Tào tiến cử cũng sinh con mà đứa con ấy, vị hoàng tử thứ 21, về sau còn trưởng thành về sau được phong vương, chính là Doãn Hy. Trong tiểu thuyết thì diễn hóa thành hình tượng Bắc Tĩnh vương cho nên từ những phân tích ấy tôi nghĩ các bạn đại thể có thể đồng ý với phán đoán của tôi tức là từ hồi 54 đến hồi 69 của Hồng Lâu Mộng đáng lẽ chính là kể câu chuyện năm Càn Long thứ hai việc này xảy ra vào năm Càn Long thứ hai không có bất kỳ phi tần nào khác của Khang Hy, hoặc người trong cung có quan hệ với Khang Hy là phụ nữ họ Trần.

Chỉ có một người như vậy trong đời thực là Hy tần trong tiểu thuyết gọi là lão thái phi hoăng thệ vì vậy các bạn xem Hồng Lâu Mộng tuy còn gọi là Thạch Đầu Ký chính Hòn đá nói ta đây niên đại không thể khảo

nhưng Chi Nghiễn Trai lại nói rất có thể khảo chứng dựa theo chỉ điểm của Chi Nghiễn Trai tôi bèn khảo chứng một phen xem ra như vậy.

*Trong hồi thứ nhất Hồng Lâu Mộng qua lời Hòn đá nói với Không Không đạo nhân rằng triều đại, niên kỷ, địa dư, bang quốc đều ngược lại, không thể khảo chẳng qua chỉ là một lời thác thôi; Ông Lưu Tâm Vũ thông qua những dấu vết trong và ngoài tác phẩm thăm dò sâu, phát hiện vi tế cuối cùng đã hé lộ rằng trình tự tự sự. Trong Hồng Lâu Mộng lại có bối cảnh niên đại cụ thể như thế vậy điều này giúp gì cho việc nhận thức Giả Nguyên Xuân của chúng ta?*

Từ hồi 70 đến hồi 80 là viết chuyện năm Càn Long thứ ba tôi cũng có chứng cứ. Trong hiện thực đời sống đến năm Càn Long thứ ba tình hình nhà họ Tào đã không còn tốt lắm vẫn còn chống đỡ được nhưng thân thích của họ đã xảy ra chuyện một số chỗ dựa của nhà họ Tào từ núi đá vững chắc biến thành núi băng lúc ấy nhà họ Tào có hai chỗ dựa lớn một người tên là Phó Nại.

Phó Nại là người thế nào? đường làm quan cả đời của Phó Nại quan vận lên xuống có thể gọi là sóng gió dữ dội vậy người họ Phó này và người họ Tào có quan hệ gì? Đó là vì nhà họ Tào, tức của Tào Dần có một em gái gả cho Phó Nại, hiểu chưa vì vậy Phó Nại nên gọi là gì của Tào Tuyết Cần chồng của em gái ông nội ông ấy là ông cô tổ em gái của ông nội thì là cô tổ đúng không? nói như vậy tất nhiên người hiện đại không còn tính kỹ tôi thấy mấy bạn trẻ bên dưới đang cười người hiện đại không tính kỹ chuyện này nhất là nay nhiều người đều là con một quan hệ không phức tạp như thế tam cô lục cậu cũng chẳng biết là ai nhưng ở thời đại trước kia đó là họ hàng rất gần phải không? quan vận của Phó Nại, nói đơn giản thực ra rất phức tạp nói đơn giản thì vào triều Khang Hy khá tốt đầu triều Ung Chính thì bị đả kích bởi các bạn biết, với Ung Chính, hễ là quan viên cha ông thích ông ta đều không thích nhưng Phó Nại có lẽ cũng có thủ đoạn làm quan ông cố khiến hoàng đế cảm thấy mình vẫn vô hại nên đến cuối thời Ung Chính sau khi chính cục tương đối ổn định Ung Chính lại dùng một số quan viên trước đây ông từng lạnh nhạt thậm chí từng đả kích. Trong đó có Phó Nại ông ta lại được cất nhắc đến triều Càn Long năm Càn Long nguyên niên Phó Nại được trọng dụng làm đến bậc thượng thư.

Tức là ông làm Binh bộ thượng thư lại kiêm Hình bộ thượng thư một chức quan rất lớn rất được dùng đến nhưng đến năm Càn Long thứ ba Phó Nại xảy ra chuyện đắc tội với Càn Long bèn chỉnh trị Phó Nại không chỉ bãi quan, còn tống vào ngục sau khi vào ngục, có lẽ ông thật sự bệnh nặng trong tù hoàng đế lại phát lòng từ bi, cho ông về nhà nói theo ngày nay là bảo lãnh ra ngoài chữa bệnh rồi ông chết ở nhà, chẳng phải rất bi thảm sao một thân thích quan trọng như vậy của nhà họ Tào lại rơi vào tình trạng rất không hay Ngoài ra còn một nhánh thân thích gần. Tào Tuyết Cần hơn ông nội của Tào Tuyết Cần chẳng phải là Tào Dần sao một em gái của Tào Dần gả cho một đại quan tức gả cho Phó Nại một cô con gái của Tào Dần gả còn tốt hơn gả cho ai gả cho Bình Quận vương trở thành phi của Bình Quận vương, vương phi trở thành chính thất của Bình Quận vương.

Vào triều Khang Hy có một vị Bình Quận vương trong các vương được phong đó là một vương gia. Trong hoàng tộc một cô con gái của Tào Dần gả cho Bình Quận vương vậy cô con gái này có quan hệ gì với Tào Tuyết Cần chính là cô ruột của ông ấy cô con gái này của Tào Dần cũng rất có phúc. Trong xã hội phong kiến, có phúc nghĩa là gì? là đến nhà người ta rồi phải sinh con, sinh con trai bà sinh cho họ một thế tử. Thế tử là gì ở triều Thanh, con trai hoàng đế gọi là hoàng tử, con của hoàng tử gọi là thế tử, chữ thế trong đời đời cho thấy huyết thống hoàng tộc tiếp tục truyền xuống Thế tử ấy là ai, chính là Phúc Bành. Phúc Bành là ai, lại là bạn thuở nhỏ của Càn Long. Trước khi làm hoàng đế, Càn Long chưa gọi là Càn Long mà tên là Hoằng Lịch. Hồi nhỏ Hoằng Lịch học hành, người thường bồi học là Phúc Bành. Vì sao bồi học? Vì ông là con nhà vương gia, thế tử bồi con của hoàng đế, bồi hoàng tử đọc sách, chuyện ấy rất bình thường. Hai người quan hệ rất tốt. Khi ấy Càn Long thích làm thơ, tập thơ của Càn Long tự khắc in, ai viết lời tựa? Phúc Bành viết lời tựa vì vậy sau khi Càn Long làm hoàng đế các bạn đoán Phúc Bành sẽ thế nào.

Tất nhiên quan vận hanh thông chức Phúc Bành làm còn cao hơn thượng thư còn cao hơn gần như là thành viên. Trong tập đoàn chính trị nòng cốt tổng lý sự vụ nội đình, Phúc Bành được trọng dụng vô cùng. Nhưng quan hệ tốt đến đâu bởi nó là quan hệ quyền lực quan hệ lợi ích cũng sẽ xuất hiện vết rạn. Đến năm Càn Long thứ ba, giữa Phúc Bành và Càn Long mất hòa khí. Phúc Bành bị người ta đàn hặc. Càn Long sa sầm mặt không còn kể bạn thuở nhỏ hay không nữa liền sai cơ quan hữu quan điều tra vấn đề của ông. Phúc Bành liền suy sụp. Vốn dĩ Phúc Bành là anh họ của Tào Tuyết Cần quan hệ rất thân nhà họ Tào có chỗ dựa lớn như vậy ngày tháng dễ sống biết bao. Nhưng đến năm Càn Long thứ ba tình hình đã không ổn. Tôi nói những điều này có lẽ các bạn sẽ hỏi ông nói những chuyện lịch sử ấy để làm gì. Trong sách có phản ánh không trong sách có phản ánh.

Từ hồi 70 đến hồi 80 Tào Tuyết Cần viết rất khéo ông không viết nhà họ Tào trực tiếp bị đả kích khi ấy quả thực nhà họ Tào chưa trực tiếp bị đả kích tuy những thân thích giàu sang thân thích quyền quý của họ có vấn đề lúc ấy nhà họ Tào vẫn còn tạm qua được.

Nhưng hậu cảnh đã bắt đầu có vấn đề vì vậy ở hồi 75 của Hồng Lâu Mộng các bạn có thể đọc được nội dung như sau có người đọc không để ý những nội dung này cho rằng ông giảng Hồng Lâu Mộng sao cứ nói những cảnh chuyển tiếp.

Cảnh chuyển tiếp là gì? là do các bạn chịu ảnh hưởng của một kiểu định kiến tư duy trước kia bởi bản lưu hành thông tục trước đây ảnh hưởng quá lớn Hồng Lâu Mộng lại nhiều lần được cải biên thành nào là hí khúc, kịch nói gì đó người ta loại bỏ rất nhiều thứ loại bỏ cũng có lý của họ nhất là lối tả ý lớn của hí khúc không thể nói tỉ mỉ như tiểu thuyết đúng không? chỉ có thể chọn những phần chủ yếu nhất dùng nét thô để trình hiện cho các bạn cho nên chỉ là bi kịch Bảo - Đại có người thảo luận với tôi. Trong đầu họ ngoài tráo hôn kế Đại Ngọc đốt bản thảo Bảo Ngọc khóc trước linh cữu thì chẳng còn gì khác phải không? tôi nói những thứ đó đó là Hồng Lâu Mộng sao tôi hỏi ngược lại họ của các vị mới là Hồng Lâu Mộng sao phải

không? tất nhiên mỗi người có cách nhìn của mình cách nhìn ấy tôi cũng rất tôn trọng nhưng tôi hy vọng các bạn cũng tôn trọng cách nhìn của tôi đây đều không phải cảnh chuyển tiếp đều là những đoạn chữ không thể thiếu phải không? ông viết gì viết Vưu thị lúc ấy sau khi xử lý xong một số việc bà định đến thượng phòng đến chỗ Vương phu nhân Vưu thị đi lúc này người hầu bên cạnh khuyên bà nói bà đừng đi vì sao đừng đi nói vừa rồi có mấy người nhà họ Chân đến còn mang theo một số đồ không biết là việc cơ mật gì vấn đề liền xuất hiện ở đây nhà họ Chân có người mang đồ đến về sau lại nói là xem Đê báo.

Vưu thị biết Giả Trân bọn họ đều xem Đê báo đó là một loại công báo do triều đình phát hành khi ấy cho tất cả quan viên xem giống như một loại tài liệu tham khảo nội bộ ngày nay.

Bên trên có một số sự kiện trọng đại của triều đình một số chỉ thị quan trọng của hoàng đế cùng những tình hình khác loại ấy gọi là Đê báo nói rằng xem Đê báo thấy nhà họ Chân phạm tội nay bị tịch biên gia sản điều về kinh trị tội.

Người hầu bên dưới còn phản ánh với Vưu thị nói vừa rồi có mấy người đàn bà đến sắc mặt chẳng ra sắc mặt hoảng hoảng hốt hốt chắc hẳn có việc gì giấu giếm người ta các bạn hiểu đang làm gì không gửi giấu tài vật tức là. Trong tiểu thuyết viết thấp thoáng có một nhà họ Chân ở Giang Nam bị khám xét tịch biên sau.

Khi bị khám xét tịch biên những người này đến nhà họ Giả gửi giấu tài vật, hiểu chứ? có mấy người đàn bà đến, sắc mặt chẳng ra sắc mặt lại còn mang đồ đến, việc này là phạm pháp là hoàng đế không cho phép nhưng vì quan hệ giữa họ thật sự không dứt ra được phải không? nên giúp họ cất giấu những thứ ấy liền xuất hiện tình tiết kinh tâm động phách như vậy vì thế Vưu thị vừa thấy đã như vậy thì thôi đừng đến chỗ Vương phu nhân phải không? không đi nữa bèn tránh đi về sau lại viết Vương phu nhân đến trước Giả mẫu vì chuyện như vậy không thể không nói với Giả mẫu phải báo cáo với lão tổ tông cho nên Vương phu nhân cũng nói với Giả mẫu việc nhà họ Chân gặp nạn, bị tịch biên gì đó Giả mẫu không thích nghe tất nhiên không thích nghe tâm tình rất không tốt về sau đại ý của Giả mẫu là chúng ta đừng nói những chuyện ấy nữa chúng ta nên vui thế nào? thì cứ vui thế ấy cứ sống những ngày vui của mình câu chuyện lại tiếp tục trôi chảy.

Trong Hồng Lâu Mộng, những chỗ viết về nhà họ Chân ở Giang Nam không nhiều cảm giác đem lại luôn là bóng dáng mờ mờ rất không sáng rõ đến hồi 75 Tào Tuyết Cần lại đột ngột để nhà họ Chân xảy ra chuyện rốt cuộc vì nguyên nhân nào mà xảy ra chuyện. Trong sách Tào Tuyết Cần không nói rõ vậy sắp đặt như thế, Tào Tuyết Cần muốn đạt mục đích gì là thuần túy cân nhắc nghệ thuật, cố ý tạo hấp dẫn và giấu kín hay là ám tả một đoạn ẩn tình không thể nói rõ và điều ấy có liên hệ thế nào? với Giả Nguyên Xuân.

Tào Tuyết Cần viết như vậy Chi Nghiễn Trai cũng có lời phê của Chi Nghiễn Trai dường như phê đúng vào lòng ta ví dụ như tôi đọc đến chỗ này tôi thấy sao lại nói đây là việc của nhà họ Chân thật kỳ lạ, phải không?

thấp thoáng dẫn ra một nhà họ Chân cuối cùng lại nói nhà họ Chân xảy ra chuyện. Trong lời phê, Chi Nghiễn Trai nói thế nào? Kỳ diệu thay, gọi đó là nhà họ Chân, nghĩa là gì tức là nói tác giả này thật khó cho ông nghĩ ra được ông đem chuyện như thế đặt lên đầu nhà họ Chân ông có thể nói đây là chuyện nhà họ Chân giữa hai người họ có quan hệ hợp tác lời phê đôi khi cũng rất đùa cợt Tào Tuyết Cần có dụng ý gì ông muốn đem tình hình. Trong đời thực nhà họ Giả, vào ba năm đầu, gặp việc các gia tộc có quan hệ rất mật thiết với mình bị hoàng đế đả kích.

Viết một cách hàm súc vào tiểu thuyết ông nghĩ đi nghĩ lại trong tiểu thuyết, nếu nói có người gặp nạn thì chỉ có thể chọn nhà họ Chân đặt tình tiết ấy lên đầu nhà họ Chân vì vậy như thể đang bàn với Chi Nghiễn Trai rằng cách viết như thế có hợp lý hay không phải không? Kỳ diệu thay, gọi đó là nhà họ Chân nhưng Tào Tuyết Cần cứ viết như thế văn bản chúng ta đọc hiện nay là như vậy đó là vì trong ba năm đầu Càn Long hai nhà thân thích rất cứng có địa vị rất cao của nhà họ Tào đều xảy ra chuyện một nhà đặc biệt thảm Phó Nại cuối cùng vào ngục dù cuối cùng được cho về nhà dưỡng bệnh nhưng chết ngay. Trong nhà coi như xong còn Phúc Bành về sau trong chính trường vẫn có lúc nổi lúc chìm nhưng vào năm thứ ba năm Càn Long thứ ba thì nguy rồi, không ổn nữa vì vậy thực ra từ hồi thứ nhất đến hồi thứ tám mươi của Hồng Lâu Mộng toàn bộ viết câu chuyện dưới triều Thanh từ Khang Hy, Ung Chính đến Càn Long.

Trong đó nửa sau hồi 18 đến hồi 70 đều là việc thời Càn Long hơn nữa đặc biệt rõ có thể dùng tám chữ để hình dung mức rõ ấy một là sáng rõ như đôi mày rực rỡ sáng là vô cùng rõ ràng sáng lên giống như hai hàng lông mày của tôi vô cùng rõ, lông mày rậm không phải là nhìn không rõ mà là có thể nhìn rất rõ còn một câu nữa là khớp như phù khí thời cổ, hoàng đế phái tướng quân ra trận ra lệnh thế nào? lúc chia tay lấy một phù khí làm bằng kim loại hoặc ngọc thạch chẻ thành hai nửa nó có hình dáng hoa văn riêng trên đó còn có chữ ta giữ một nửa, ngươi cầm một nửa đến lúc ta có mệnh lệnh đặc biệt quan trọng ta sẽ sai sứ giả.

Do ta phái sứ thần cưỡi ngựa chạy đến chỗ ngươi nói hoàng đế truyền chỉ thế này thế nọ ngươi hỏi có bằng chứng gì bèn lấy ra ghép lại khít không kẽ hở, gọi là khớp như phù khí cho nên thực tế, từ nửa sau hồi 18 đến hồi 80 viết chuyện năm Càn Long nguyên niên, năm thứ hai, năm thứ ba là rất rõ bối cảnh toàn bộ câu chuyện không phải không? thể khảo đúng như Chi Nghiễn Trai nói rất có thể khảo chứng.

*Qua sự sắp xếp công phu của ông Lưu Tâm Vũ chúng ta đã biết thực ra Hồng Lâu Mộng từ nửa sau hồi 18 đến hồi 80 viết chính là thời Càn Long nguyên niên năm thứ hai, năm thứ ba của triều Thanh vậy từ hồi thứ nhất đến hồi thứ mười bảy của Hồng Lâu Mộng viết chuyện vào thời nào rốt cuộc là viết chuyện thời Càn Long hay chuyện thời Ung Chính hay là chuyện thời Khang Hy vì sao?*

*Trong đó có nhiều chỗ mơ hồ không rõ ví dụ lúc thì nói là mùa thu lúc lại nói là mùa đông mạch sáng tác của Tào Tuyết Cần vì sao lại nhảy vọt lớn như thế đúng như tục ngữ nói người trí nghĩ nghìn điều cũng có một điều sai Tào Tuyết Cần cũng phạm sai lầm thường thức như vậy sao hay còn có nguyên nhân khác vậy ông*

*Lưu Tâm Vũ liệu có thể giúp chúng ta gỡ mạch suy nghĩ cuối cùng vén mở tấm màn bí ẩn của Giả Nguyên Xuân không?*

Vấn đề hiện nay là từ hồi thứ nhất đến hồi thứ 17 rốt cuộc viết chuyện lúc nào trong thời Khang - Ung - Càn điều này khá lẫn lộn quả thật khá lẫn lộn. Trong đó rất thú vị tất nhiên các hồi 13, 14, 15 có thể nói vẫn rõ kể cả hồi 16 đều là một số chuyện xảy ra. Khi Ung Chính băng hà đột ngột, Càn Long lên ngôi thời điểm ấy xảy ra một số việc phía dưới tôi sẽ giải thích chi tiết cho các bạn phần này còn tương đối rõ nhưng từ hồi thứ nhất đến hồi thứ hai nó khá hỗn loạn trong cách biểu đạt thời gian đại thể có một quỹ tích nhưng thứ nhất là trước sau có mâu thuẫn thứ hai là có chỗ mập mờ không rõ ví dụ trong kỳ trước tôi đã nhiều lần nói với các bạn về sự kiện trà Phong Lộ, phải không? sự kiện trà Phong Lộ ở hồi thứ tám các bạn nhớ chứ tuyết rơi, có hạt tuyết, phải không? hơn nữa sau.

Khi Giả Bảo Ngọc ném vỡ chén trà bên Giả mẫu hỏi là chuyện gì Tập Nhân còn nói dối rằng tuyết rơi con rót trà bị trượt chân ngã có phải tuyết rơi không chắc là mùa đông, đúng không? nhưng viết tiếp xuống dưới câu chuyện lại không bị gián đoạn, đúng không? nhân vật và sự kiện dường như vẫn xuôi theo một dòng sông mà đi tiếp nhưng lại mâu thuẫn với nhau ông viết đến ví dụ hồi 11 Vương Hy Phượng đến phủ Ninh Quốc lúc này lại là một cảnh tượng mùa thu hoa vàng phủ đất, liễu trắng nằm ngang cầu nhỏ thông đến đường sâu đồng nội lối quanh dẫn tới đường Thiên Thai giữa ao dòng. Trong mấy dải, bên rào hương thoảng lá đỏ trên cành phất phới, rừng sách như tranh, gió tây xen gấm, tiếng chim ưng mới dứt, nắng ấm trước hiên, lại mưa trời trong, nhìn xa đông nam thấy mấy chỗ áo xiêm thưa mảnh, ngắm về tây bắc thấy ba gian hiên bên nước rừng cây chim hoàng oanh kêu, riêng có tình ý lưu luyến lụa là xuyên rừng, đầy trời vẻ diễm lệ.

Các bạn còn nhớ không, phải không? lại là cúc nở rộ lại có nước thu long lanh chảy lại có tiếng ve tàn kêu đó là cảnh cuối hạ đầu thu hoặc là cảnh cuối thu, phải không? nói thế nào? cũng không phải chuyện sau khi đã rơi hạt tuyết có người trượt ngã vì tuyết xảy ra sau đó cho nên về mùa tiết và trình tự thời gian, có chỗ không thông khiến các bạn phải suy nghĩ kỹ ngoài ra. Trong lời tự thuật của chính tác giả từ rất sớm đã có nhà nghiên cứu Hồng Lâu Mộng chỉ ra ví dụ cha của Lâm Đại Ngọc rốt cuộc chết.

Khi nào Lâm Đại Ngọc do Giả Liễn đưa đi chịu tang, rốt cuộc là lúc nào? Ông nói trước sau không giống nhau: lúc thì nói là tháng chín, lúc lại nói là cuối năm. Lúc gọi A Hoàn trở về, lại để Phượng tỷ nói với Bình Nhi rằng phải đem mấy bộ áo lông dày gửi cho Giả Liễn, giống như trời rất lạnh. Cách bàn giao thời gian cũng có mâu thuẫn. Hơn nữa, về nội dung câu chuyện cũng có một số chỗ phong cách rõ ràng không nhất trí. Ví dụ đoạn chuyện Giả Thụy có vẻ hơi đột ngột, đúng không? Đó là vì mấy nguyên nhân sau. Thứ nhất, cá nhân tôi cho rằng vì Tào Tuyết Cần không thật sự muốn viết kỹ thảm trạng nhà họ Tào thời Ung Chính. Khi ấy, một là ông còn rất nhỏ. Ung Chính khám xét tịch thu nhà họ Tào là vào năm Ung Chính thứ năm. Tào Phủ bị bắt về kinh hỏi tội, đeo gông bêu tội là vào năm Ung Chính thứ sáu. Tất nhiên, Hồng học giới còn

tranh luận Tào Tuyết Cần rốt cuộc sinh năm nào: có người cho rằng sinh vào thời Khang Hy, cuối thời Khang Hy; có người lại cho rằng sinh vào năm Ung Chính thứ.

Hai dù tính thế nào? thì khi ấy ông còn rất nhỏ ký ức của ông không thật rõ ông chủ yếu phải nghe người lớn kể mới biết tình hình lúc ấy trải nghiệm sinh mệnh cá nhân của ông không phong phú nên ông không viết nhiều thậm chí ông còn chuyển dời một số chuyện tốt về cục diện mới. Khi nhà họ sau Càn Long nguyên niên được nâng lên một nấc đưa vào từ hồi thứ nhất đến hồi thứ mười sáu để viết.

Đó là một nguyên nhân khác, tôi cho rằng vì khi bắt đầu viết Hồng Lâu Mộng ông dự định hòa trộn một bản thảo cũ của mình vào trước đó Tào Tuyết Cần đã hoàn thành một bản thảo tiểu thuyết gì Phong Nguyệt Bảo Giám Tào Tuyết Cần. Khi còn nhỏ hơn, có lẽ lúc ấy vẫn đang luyện tay luyện bút từng viết một cuốn tiểu thuyết, ước chừng không dài như vậy, tên là Phong Nguyệt Bảo Giám ông đem những thứ. Trong Phong Nguyệt Bảo Giám năm xưa trộn vào mười mấy hồi đầu trong đó phần được giữ lại hoàn chỉnh nhất hẳn là câu chuyện Giả Thụy như vậy thì thời gian rối loạn, nhất là chỗ Giả Thụy, Giả Thụy rốt cuộc bệnh bao lâu từ. Khi lấy cái gương của đạo sĩ què đem về rồi mắc bệnh uống bao nhiêu thuốc cũng vô dụng đến. Khi chết rốt cuộc là bao lâu trong đó lời kể mạch tự sự đã hỗn loạn vì sao vì nó là bản cũ được trộn vào bây giờ đọc, các bạn sẽ có cảm giác này cho nên từ hồi thứ nhất đến hồi 16, 17, về thời gian đặc biệt là từ hồi thứ nhất đến hồi thứ mười.

Hai về thời gian tự sự có đường dây và quỹ tích đại khái nhưng lại tương đối mơ hồ hơn nữa có chỗ trước sau mâu thuẫn điều này có thể hiểu và thông cảm vì sao bởi dù sao Hồng Lâu Mộng cũng là một bộ sách chưa định bản cuối cùng nó đại thể đã hoàn thành lại bi thảm đánh mất những chương sau hồi 80 tám mươi hồi sách này lại bị người khác sửa đổi. Trong tám mươi hồi ấy, có nơi cũng chưa thật hoàn chỉnh có chỗ gai góc chưa được gọt sạch có chỗ đáng lẽ cần điều chỉnh mà chưa chỉnh xong nhưng dù thế nào, chính tác phẩm tàn khuyết như vậy đã khiến tôi mê say đến không chịu nổi; đọc nó, phân tích nó là niềm vui cực lớn.

Vậy cuối bài này, chúng ta sẽ thảo luận vấn đề gì? Tức là, nếu như tôi đã nói phía trước, trong tiểu thuyết cái chết của Tần Khả Khanh là do Giả Nguyên Xuân mật báo với hoàng đế, thì trong hiện thực đời sống có thể xảy ra chuyện như vậy không? Nguyên mẫu đời thực của Giả Nguyên Xuân rốt cuộc là ai? Chúng ta gặp lại ở bài sau.

# Tập 16

Bí ẩn nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân

*Trong các chương trình trước, ông Lưu Tâm Vũ đã vén mở cho chúng ta nguyên nhân cái chết của Tần Khả Khanh: chính vì Giả Nguyên Xuân mật báo với hoàng đế mà dẫn đến cái chết nhanh chóng của Tần Khả Khanh. Vậy Giả Nguyên Xuân rốt cuộc là người như thế nào? Bà vào cung bằng con đường nào? Cuối cùng lại dùng thủ đoạn gì để đến được bên hoàng đế và được sủng ái? Vì sao bà có thể nắm rõ lai lịch của Tần Khả Khanh như lòng bàn tay? Trong đời sống có thật sự có nguyên mẫu của người này không, hay chỉ là sự sáng tạo nghệ thuật của Tào Tuyết Cần? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ mở lối riêng, xuất phát từ văn bản Hồng Lâu Mộng, đồng thời cẩn thận khảo chứng tư liệu lịch sử Thanh, vén mở cho chúng ta tấm màn bí ẩn của Giả Nguyên Xuân.*

Trong bài trước, tôi đã cùng các bạn rà lại bối cảnh thời gian từ hồi thứ nhất đến hồi thứ tám mươi của Hồng Lâu Mộng, đồng thời nêu ra một vấn đề muốn cùng các bạn nghiên cứu: nhân vật Giả Nguyên Xuân này có nguyên mẫu đời thực hay không, nếu có thì có thể là ai? Các bạn có chú ý không, trong Hồng Lâu Mộng, hình tượng Giả Nguyên Xuân thật sự nổi lên mặt nước là ở hồi thứ mười sáu. Phía trước tuy cũng từng nhắc đến người này, Lãnh Tử Hưng diễn thuyết phủ Vinh Quốc có nhắc đến người này, nhưng người này xuất hiện tương đối rõ là sau khi Tần Khả Khanh chết.

Vì vậy hồi 16 đáng đọc kỹ; trong hồi 16 có một câu đặc biệt quan trọng. Đó là người nhà phủ Giả báo với Giả mẫu, bọn họ nói rằng nay lão gia lại đến Đông cung rồi.

Cho nên muốn tìm hiểu Giả Nguyên Xuân rốt cuộc là thế nào, chúng ta phải bắt đầu từ Đông cung, các bạn hiểu chứ? Từ rất sớm trong Kinh Thi đã có từ này, chỉ nơi ở của thái tử. Từ thời rất xưa, Trung Quốc đã hình thành một quy củ: cung điện của thái tử phải xây ở phía đông hoàng đế, cung ấy thường để thái tử cư trú. Đông cung là một yếu tố rất quan trọng ẩn sau.

*Văn bản Hồng Lâu Mộng quả thật là một cuốn sách như câu đố. Tào Tuyết Cần đâu đâu cũng đặt mê trận Giả Nguyên Xuân rõ ràng là được chọn vào Phượng Tảo cung được gia phong Hiền Đức phi điều này cho thấy Giả Nguyên Xuân rất được hoàng đế sủng ái, vậy vì sao lại cố tình kéo ra một Đông cung? Tào Tuyết Cần viết như vậy rốt cuộc muốn ám chỉ điều gì cho người đọc? Ông Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ chế độ tuyển tú nữ triều Thanh liệu có thể giải đọc bí ẩn khiến người ta khó hiểu này không?*

Ở hồi thứ tư, khi nói đến Tiết Bảo Thoa, nhà họ Tiết họ muốn lên kinh thành để làm gì tất nhiên họ có mấy mục đích. Trong mấy mục đích ấy có một mục đích là xét từ góc độ Tiết Bảo Thoa trong sách nói như thế này sách nói vì kim thượng chuộng thơ trọng lễ chiêu nạp tài năng, ban ân điển hiếm có; ngoài việc sính

tuyển phi tần, phàm con gái danh gia quan hoạn đều ghi tên trình bộ, để dự bị chọn làm người hầu học cho công chúa, quận chúa, hoặc sung chức tài nhân, tán thiện vậy triều Thanh có một chế độ tuyển tú nữ Tiết Bảo Thoa là một cô gái của nhà họ Tiết. Trong bốn đại gia tộc Kim Lăng dần dần trưởng thành gia đình phải đưa cô đến kinh thành chuẩn bị tham gia tuyển tú nữ việc tuyển tú nữ triều Thanh có phạm vi rất rộng và công dụng của các nữ tử được chọn ra cũng rất rộng người đẹp nhất hoặc có bối cảnh tốt nhất hoặc có người phụ trách tuyển chọn được hối lộ có thể vào được. Trong cung hoàng đế đến nơi khá gần hoàng đế có người có lẽ chỉ ở lại trong cung như một sự hiện diện bình thường cũng có người có thể không ở bên hoàng đế mà được phân đến bên con trai của hoàng đế, tức một số vương tử. Khi có thái tử ví dụ triều Khang Hy hai lần lập thái tử, phân đến bên thái tử, những điều này đều có thể điều thú vị ở đâu?

Thú vị là khi Tào Tuyết Cần hành văn, ông có một điểm nói rất đáng chú ý ông nói cô được chọn làm gì, ông không hoàn toàn viết theo các điều lệ tuyển tú nữ của triều Thanh ở chỗ này, ông có ý thức chủ quan của mình thấm vào ông nói chọn làm gì chọn làm người hầu học cho công chúa, quận chúa càng thú vị hơn. Trong hành văn của Tào Tuyết Cần ông cố ý nói còn có thể sung chức tài nhân, tán thiện tài nhân là một loại cách gọi nữ quan. Trong cung trước kia gọi là tài nhân nhưng từ tán thiện.

Thì rất đặc biệt các bạn tra cổ thư sẽ biết trước triều Thanh, trong thời cổ tán thiện chuyên chỉ một chức quan. Trong phủ thái tử chức quan này chỉ một vai trò trong phủ thái tử hoặc bên con trai hoàng đế nếu chưa phong thái tử thì cũng là vương tử. Trong phủ của họ có một vai trò gọi là tán thiện vì vậy Tào Tuyết Cần dùng những từ này rõ ràng không phải tùy tiện ông có động cơ sáng tác của mình tức ở một chỗ rất nhỏ những nhân vật. Trong tiểu thuyết này không chỉ sẽ có quan hệ với hoàng cung nơi hoàng đế ở mà còn có quan hệ với công chúa, quận chúa, thái tử và những người ấy cũng như với không gian nơi họ cư trú ở chỗ rất nhỏ, ông đã đặt phục bút này vào triều Thanh một cô gái sau khi được tuyển vào cung sẽ có rất nhiều cơ hội bậc thấp nhất có thể gọi là đáp ứng có một bậc gọi là đáp ứng, các bạn đừng thấy từ này thô tục quê mùa. Khi ấy nó là một cách gọi chính thức nói rằng được làm đáp ứng thì ghê gớm lắm đáp ứng tức là đã vào hoàng cung hơn nữa đã có cơ hội tiếp cận hoàng đế gọi là đáp ứng có gia tộc. Khi ấy có một cô con gái trong cung là gì? là đáp ứng thì cả nhà đã vui mừng không sao kể xiết.

Đáp ứng nghĩa là bất cứ lúc nào hoàng đế cũng có thể gọi cô đến nhưng xác suất đôi khi quả thật không cao có thể cả đời cũng không được gọi qua muốn đáp ứng nhưng chẳng ai gọi.

Nếu thật sự vừa gọi mà cô đáp ứng đến, rồi lại thấy không tệ, trên đáp ứng gọi là thường tại. Hai chữ này, các bạn nghĩ kỹ: như vậy là khá rồi thì sẽ "thường tại". Có thể cô chưa hoàn toàn được hoàng đế sủng ái, nhưng khoảng cách đã khá gần, gọi là thường tại. Trên thường tại mà tương đối được sủng thì gọi là quý nhân; trên quý nhân là tần; trên tần là phi; trên phi là quý phi; trên quý phi là hoàng quý phi; trên hoàng quý phi tất nhiên là hoàng hậu. Cho nên lục cung phấn đại của hoàng đế số người đông, cấp bậc phức tạp.

Ngày nay nghe cũng thấy rất thú vị: sao lại như vậy? Người đương thời vì sao phải sống như thế, xây dựng một chế độ như vậy?

Khi Tào Tuyết Cần viết ông đặc biệt nhấn mạnh Tiết Bảo Thoa có thể sung chức tán thiện.

Vì sao ông viết như vậy, chúng ta sẽ lần lượt xem tiếp. Vấn đề hiện nay cần thảo luận là: trong đời thực, con gái nhà họ Tào có khả năng tham gia tuyển tú nữ không? Hoàn toàn có khả năng. Tuy xét về huyết thống, nhà họ Tào là người Hán, nhưng họ không phải người Hán bình thường. Khi người Mãn ở ngoài quan ngoại chiến đấu với quân đội triều Minh, tổ tiên họ từ rất sớm đã bị bắt làm tù binh rồi được biên nhập vào Bát kỳ Mãn Châu làm nô bộc, gọi là bao y. Tổ tiên nhà họ Tào đều là bao y Chính Bạch kỳ. Tuy là thân phận bao y, nhưng con gái của họ có thể có tư cách tham gia tuyển tú nữ. Vì vậy trong Hồng Lâu Mộng, như Nguyên, Nghênh, Thám, Tích đều có khả năng được tuyển vào cung; còn Nguyên Xuân, từ nhỏ đã cho các bạn biết là được tuyển vào. Trong đoạn Lãnh Tử Hưng diễn thuyết phủ Vinh Quốc, sách đã nói với các bạn rằng bà đã vào cung: trưởng nữ của Giả Chính lão gia tên là Nguyên Xuân, nay vì hiền hiếu, tài đức, được tuyển vào cung làm nữ sử.

Rõ ràng trong đời thực nhà họ Tào hẳn có một cô gái được tuyển vào cung bối phận của cô gái này hẳn là một người chị của Tào Tuyết Cần có thể là con gái của con ruột Tào Dần là Tào Ngung cũng có thể là con gái của con thừa tự của Tào Dần là Tào Phủ cũng có thể là con gái của người cùng bối với Tào Phủ, trong tông tộc nhà họ Tào.

*Tóm lại cô gái này sau khi vào cung đã trở thành niềm kiêu hãnh của cả gia tộc họ Tào xét về bối phận, đối với Tào Tuyết Cần sẽ là một người chị nên có một cô gái như vậy được tuyển vào cung suy đoán của ông Lưu Tâm Vũ rất có lý nhưng thường thức cho chúng ta biết. Trong vấn đề học thuật không thể chỉ dựa vào suy đoán và tưởng tượng mà cần phải có chứng cứ đầy đủ vậy suy đoán của ông Lưu Tâm Vũ có chỗ dựa mạnh mẽ hay không?*

Có chỗ dựa vì trong văn bản Hồng Lâu Mộng nhiều lần có sự gợi lộ là gì nó khác với thổ lộ là tương đối có ý thức trực tiếp truyền một thông tin cho các bạn gợi lộ nghĩa là gì tức có những chỗ nó chỉ hơi điểm một chút kích thích các bạn một chút hơi lộ ra một ít rồi để các bạn tự suy nghĩ nó không tiện dùng cách thổ lộ nói rõ ràng như thế với các bạn. Hai chữ gợi lộ này, mong các bạn chú ý, đôi khi tôi sẽ dùng từ này để nói cảm nhận khi càng đọc Hồng Lâu Mộng, tức nó sẽ gợi lộ ra.

Ví dụ hồi 63 của Hồng Lâu Mộng viết về sinh nhật Giả Bảo Ngọc chính là Thọ Di Hồng quần phương khai dạ yến, tại Di Hồng viện họ tụ họp uống rượu hơn nữa còn chơi một trò rút loại thẻ ấy trên thẻ có tên hoa có một câu thơ điều này tất nhiên ám chỉ vận mệnh của mỗi người rút thẻ. Trong quá trình chơi trò này mọi người còn nhớ Thám Xuân uống rượu rút được một thẻ phải không? trên thẻ này có một câu thơ gọi là Hồng hạnh bên vầng nhật tựa mây mà trồng hơn nữa lời thẻ nói rằng người rút trúng thẻ này có khả năng

trở thành vương phi lúc ấy mọi người có một câu bàn luận nói nhà ta đã có vương phi rồi lẽ nào cô cũng thành vương phi sao chúng ta cứ theo tiểu thuyết mà bàn tiểu thuyết phải không? điểm này có độc giả cảm thấy chỗ này viết sai rồi.

Trong toàn bộ miêu tả nhà họ Giả có vương phi không không có vương phi đúng không? trong tiểu thuyết, thân phận được thiết định của Giả Nguyên Xuân là gì ở hồi 16 đã được chọn vào Phượng Tảo cung rồi bà là hoàng phi, đúng không? bà không phải vương phi, nói vậy là hạ thấp rồi phàm chuyện gì cũng nên nói từ thấp lên cao nào có ai nói từ cao xuống thấp vậy chỗ này viết thế nào? phải không? sở dĩ Tào Tuyết Cần viết ra một câu như vậy hơn nữa. Trong các bản cổ, câu này đều giống nhau chính là từ của tôi ông đã gợi lộ ra một tin tức tức nguyên mẫu của nhân vật. Giả Nguyên Xuân ban đầu không phải hoàng phi mà là một vương phi các bạn hiểu ý tôi rồi chứ chúng ta đều biết Hồng Lâu Mộng là một cuốn tiểu thuyết đã là tiểu thuyết thì bất kể về thời gian, địa điểm, nhân vật hay về tình tiết câu chuyện. Tào Tuyết Cần không nghi ngờ gì có thể hư cấu nghệ thuật.

*Vậy vì sao ông Lưu Tâm Vũ, người hiểu sâu cái tinh túy của sáng tác tiểu thuyết lại cho rằng Giả Nguyên Xuân trong Hồng Lâu Mộng và nguyên mẫu của bà ban đầu không phải hoàng phi mà là vương phi, vậy căn cứ của ông Lưu Tâm Vũ nằm ở đâu? Chân tướng trong đời thực thật sự là như vậy sao?*

Chúng ta phải nói đến việc lập đàn ở Thanh Hư quán. Việc này mấy hồi trước tôi đã nói, các bạn còn ấn tượng không? Đây là tình tiết rất quan trọng. Nguyên nhân khởi đầu của việc lập đàn ở Thanh Hư quán là gì? Vì sao phải lập đàn ở Thanh Hư quán?

Vì sao có người nói ông đã giảng rồi chẳng phải là Giả mẫu muốn nhờ Vương phu nhân cầu phúc, hoàn lễ sao Giả mẫu có mục đích như vậy nhưng người khởi xướng việc lập đàn ở Thanh Hư quán là Giả Nguyên Xuân. Trong sách viết rất rõ cho chúng ta qua lời Tập Nhân báo lại cho Bảo Ngọc nói hôm qua quý phi sai thái giám ra đưa một trăm. Hai mươi lạng bạc bảo từ mồng một đến mồng ba ở Thanh Hư quán lập đàn bình an ba ngày việc lập đàn ở Thanh Hư quán nguyên nhân đầu tiên không phải là bản thân Giả mẫu muốn đi cầu phúc cái cớ để Giả mẫu cầu phúc là vì Giả Nguyên Xuân có một lời dặn nét bút này, tôi nghĩ Tào Tuyết Cần không thể viết bừa càng không thể là tôi viết một câu vô dụng. Trong Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, mỗi câu ông đều hạ bút nghiêm túc đều có dụng ý.

Duyên cớ lập đàn ở Thanh Hư quán là Giả Nguyên Xuân bà muốn phủ Giả làm việc này làm vào ngày nào từ mồng một đến mồng ba tháng năm.

Trước Tết Đoan Ngọ lập đàn gì? Lập đàn bình an.

Lập đàn tức là cầu phúc rõ ràng là cầu bình an cho một người nào đó nếu là người còn sống thì mong người ấy sống bình an nếu là người đã mất thì mong linh hồn người ấy được yên nghỉ vậy vì sao? Giả

Nguyên Xuân vào mồng một đến mồng ba tháng năm lại sai Thanh Hư quán lập đàn bên dưới tôi nêu ra một việc lẽ nào lại là trùng hợp sao tra tất cả năm sinh của con trai. Khang Hy chúng ta phát hiện chỉ có một người sinh vào tháng năm âm lịch chỉ có một người sinh vào mồng ba tháng năm âm lịch người này không phải ai khác chính là phế thái tử chính là Dận Nhưng cuộc đời. Dận Nhưng rất đau khổ. Hai lần được lập, hai lần bị phế sau khi bị phế lại bị giam cầm hơn mười năm trơ mắt nhìn một Tứ a ca chưa từng được lập làm thái tử trở thành hoàng đế rồi mới tắt thở.

Giả Nguyên Xuân trong sách lại chỉ định vào mồng một đến mồng ba tháng năm để an hồn cho một người lập đàn bình an.

Tôi cho rằng đây không phải trùng hợp nếu không, Tào Tuyết Cần viết chỗ này chẳng thành lời thừa hết sao phải không? lại là từ của tôi tôi không gọi là thổ lộ tôi gọi là gợi lộ. Khi ông viết, trong lòng có một tình cảm không kìm nổi nên khi hạ bút, ông phải viết như thế vì vậy suy đoán của tôi hẳn có một phần đạo lý tức nguyên mẫu đời thực của Giả Nguyên Xuân ban đầu bà không ở bên hoàng đế bà ở bên ai bà ở bên phế thái tử sau khi tuyển tú nữ trước hết bà được sung vào chức tán thiện.

Ban đầu rất có thể bà ở bên Dận Nhưng. Nhà họ Tào có một cô gái ban đầu hẳn được đưa đến bên Dận Nhưng; bà từng sống một thời gian cùng Dận Nhưng, ít nhất từng sống một thời gian cùng con trai Dận Nhưng là Hoằng Tích. Nếu các bạn cho rằng Dận Nhưng tuổi quá lớn, thì lúc ấy Hoằng Tích cũng đã lớn rồi. Tức là bà ở trong phủ thái tử; với tư cách một nữ quan trong phủ thái tử, một nữ bộc cao cấp, bà từng ở đó. Nếu không, khi Tào Tuyết Cần viết tiểu thuyết sẽ không viết đến chỗ này, cứ nhất định phải nói là Giả Nguyên Xuân sai từ mồng một đến mồng ba tháng năm đến Thanh Hư quán lập đàn, hơn nữa là lập đàn bình an.

Suy đoán này bản thân tôi thấy vẫn có lý, và cũng rất phù hợp với địa vị của nhà họ Tào trong Chính Bạch kỳ. Bởi trong Chính Bạch kỳ, họ dù sao cũng là bao y, xét cho cùng là nô bộc; bất kể về sau các bạn giàu sang thế nào, từ lúc sinh ra đã bị đóng dấu từng bị bắt làm tù binh rồi trở thành nô bộc của một dân tộc, một thế lực chính trị khác. Gia thế như vậy không có cách nào sửa đổi trong lịch sử. Vì vậy nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân hẳn là một phụ nữ nhà họ Tào, ban đầu hẳn đến phủ thái tử. Rốt cuộc bà hầu hạ thái tử, hay hầu hạ Hoằng Tích, hay hầu hạ thái tử phi, điều này thì không rõ; nhưng gợi lộ ra điểm này là có thể. Hơn nữa rất có thể bà còn được Dận Nhưng yêu thích ở mức độ nhất định; nếu không, sao bà nhất định phải sai người đến mồng một, mồng ba tháng năm đến Thanh Hư quán lập đàn? Tất nhiên điều này được hóa thành một hình tượng nghệ thuật, nhưng từ hình tượng nghệ thuật truy ngược lại nguyên mẫu ấy, rõ ràng sẽ có động cơ tâm lý như vậy và từng làm chuyện tương tự như vậy. Vì thế trong bài trước tôi nói với các bạn: để Giả Nguyên Xuân tố giác thân thế thật của Tần Khả Khanh càng phù hợp logic hơn, tức trong đời thực, nếu một cô gái nhà họ Giả ban đầu tuyển tú nữ được chọn vào phủ thái tử.

Và sống ở đó một thời gian thì đối với một số chuyện bí mật trong phủ thái tử bà sẽ có nghe phong thanh có nhận ra đôi chút cho nên về sau gia tộc của chính bà lại che giấu một phụ nữ từ phủ thái tử lén đưa ra ngoài bà có thể có được thông tin ấy và sau một thời gian dài quan sát, phán đoán suy nghĩ bà có thể rút ra kết luận các bạn hiểu logic này của tôi rồi chứ.

Vì vậy nhìn từ những phân tích như thế có thể nói là ăn khớp những tình hình chúng ta suy đoán về nhà họ Tào. Trong đời thực và văn bản nghệ thuật được trình hiện trong tiểu thuyết vì tiền đề lớn chúng ta xác định là tính tự thuật, tự truyện nên những mạch suy nghĩ ấy đều có thể đứng vững nếu không. Trong tiểu thuyết sẽ không có nhiều chỗ gợi lộ đến vậy.

*Thông qua những thông tin được gợi lộ giữa từng câu chữ Hồng Lâu Mộng ông Lưu Tâm Vũ đã vén mở cho chúng ta rất nhiều nghi điểm quanh Giả Nguyên Xuân nhưng dù như vậy vẫn còn rất nhiều bí ẩn đến nay chưa được giải ví dụ hồi 16 Hồng Lâu Mộng đã khiến người ta nghi hoặc khó hiểu nói rằng Giả Chính đang mừng sinh nhật bỗng nhiên thái giám. Trong cung đến truyền thánh chỉ Giả Chính và mọi người hoảng hốt vô cùng vì sao lại xuất hiện hiện tượng khác thường này có phải việc phủ Giả trước kia từng che giấu Tần Khả Khanh. Khi ấy chưa xử lý triệt để để lại di chứng gì hay là Tào Tuyết Cần đang chơi trò chữ nghĩa cố làm ra vẻ huyền bí đối với hiện tượng này ông Lưu Tâm Vũ giải thích ra sao.*

Có người từng thảo luận với tôi nói hồi 16 có chỗ không thông tức Giả Chính đang mừng sinh nhật bỗng nhiên. Trong cung có một thái giám đến tức thái giám đến để truyền thánh chỉ làm Giả Xá, Giả Chính cùng mọi người không biết là tin gì các bạn nhớ tình tiết này chứ phải không.

Về sau tuyên Giả Chính vào triều Giả Chính liền đi Giả Xá bọn họ không biết là điềm gì vậy Giả mẫu cùng cả nhà họ Giả trong lòng đều hoang mang bất định nhiều lần viết rằng lại là Giả mẫu tâm thần không yên.

Nói như vậy viết không có lý chuyện Tần Khả Khanh này chẳng phải đã kết thúc rồi sao hồi 16 là sau hồi 13 đúng không? tang lễ Tần Khả Khanh đã làm xong hoàng đế cũng đã sai đại thái giám đích thân đến ban tế các công hầu khắp đường đều làm lễ tế bên đường Bắc Tĩnh vương cũng thân thiết tiếp kiến Giả Bảo Ngọc. Trong đoàn đưa tang đúng không? vậy nhà họ Giả các vị trong lòng có quỷ gì các vị làm gì vậy sao hoàng đế vừa hạ chỉ gọi Giả Chính vào triều lại hoảng thành ra như thế đây là viết gì cũng có người hồ đồ nói có phải để tra vấn đề thân thế thật của Tần Khả Khanh không không viết như vậy ngươi phái Đới Quyền đến dự tang tế lúc ấy sao không tra bây giờ mới tra ra là chuyện gì đây hơn nữa rất nhanh lại chuyển sợ thành mừng.

Rồi một đám người nhà ấy về báo nói hóa ra là chuyện tốt là Giả Nguyên Xuân được chọn vào Phượng Tảo cung hồi 16 viết rằng Giả mẫu bọn họ mới yên lòng không khỏi mừng rỡ hớn hở.

Đây là một câu rất quan trọng lại là từ của chúng ta: gợi lộ rồi người nhà lại báo với Giả mẫu nói nay lão gia lại đến Đông cung rồi đây là chuyện gì.

Những cách viết này tự thân đều cho thấy ông đang viết một sự kiện trọng đại trong đời sống thật. Sự kiện trọng đại này chính là Ung Chính đột ngột qua đời và tình hình xuất hiện sau khi Càn Long, tức Hoằng Lịch, kế vị. Ung Chính mất vào tháng tám năm Ung Chính thứ mười ba. Ông chết rất đột ngột: buổi sáng vẫn còn khỏe, đột nhiên đến chiều tối đã truyền ra tin ông hoăng thệ. Đến nay, các bạn vẫn không tra được hồ sơ chi tiết, chính xác để nói rõ rốt cuộc ông mắc bệnh gì, vì nguyên nhân nào mà chết. Vậy hồi 16 đang viết gì? Hồi 16 thực ra viết chính là việc Ung Chính băng hà đột ngột, và Càn Long sắp từ Đông cung chuyển sang chính cung, đến chính cung làm hoàng đế: một đoạn sử thực như vậy.

Các bạn hiểu ý tôi rồi chứ hiện thực đời sống của hồi 16 là Ung Chính băng hà đột ngột và Càn Long đăng cơ.

Giả như với tư cách một quan viên, ông ta ở nhà vẫn bày tiệc lớn mừng sinh nhật, điều này có nghĩa là gì? Có nghĩa là ông ta không biết hoàng đế sẽ xảy ra chuyện. Nếu hoàng đế bệnh, ngay cả một thái phi, lão thái phi bệnh, theo quy củ, khi ấy các quý tộc cũng không được tiếp tục hoạt động vui chơi, không được bày tiệc lớn làm những việc như vậy, đúng không? Huống hồ là hoàng đế. Điều đó cho thấy Tào Tuyết Cần đã viết rất chân thực: trạng thái Ung Chính chết là chết đột ngột, tất cả mọi người đều không thể dự cảm; nhà họ Tào trong tiểu thuyết cũng không ngoại lệ.

Tin tức này truyền đến nhà họ Giả trong tiểu thuyết hoảng loạn là đúng không? phải vì chuyện gì của Tần Khả Khanh mà là chính cục xảy ra một chấn động rất lớn rất đột ngột, một triều thiên tử một triều thần phải không? nhà họ Tào. Trong đời thực từng nếm mùi vị này Khang Hy vừa chết, nhà họ Tào lập tức mất sự sủng ái của hoàng đế phải không? đời sống của các bạn ngay lập tức có biến đổi lớn xảy ra bước ngoặt thảm đau.

Vậy khi tin Ung Chính đột ngột qua đời truyền đến nhà họ Tào có thể tưởng tượng nhà họ Tào. Trong đời thực chắc chắn rối loạn cả lên dù Ung Chính đối với họ rất không tốt tình cảm của họ đối với Ung Chính hẳn không giống tình cảm đối với Khang Hy nhưng yếu tố không thể biết trước. Trong vận mệnh rõ ràng đã tăng lên nên ông viết tình hình này ông chuyển nó vào trong sách viết thành một cảnh. Trong câu chuyện ông viết như vậy rất hợp lý trong tình huống ấy các vương công đại thần nhận được tin trước hết tất nhiên phải đến chính cung hoàng đế chết rồi, phải thực hiện một nghi thức nào đó, các vị phải tỏ thái độ.

Rồi phàm là những người có quan hệ với vị vương tử sắp kế thừa ngôi vị thì nên đến Đông cung, đến nơi ở của người kế thừa vương vị để chúc mừng.

*Phản ánh vào tiểu thuyết chính là tình hình viết ở hồi 16 lão gia đến Đông cung rồi cách nói của ông Lưu Tâm Vũ tất nhiên không phải không? có lý nhưng ban đầu suy đoán nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân sớm nhất được đưa đến chỗ thái tử Dận Nhưng về sau sao lại được chọn vào Phượng Tảo cung tấn phong làm Phượng Tảo cung thượng thư gia phong Hiền Đức phi đây là chuyện thế nào? chẳng lẽ. Khi sáng tác Tào Tuyết Cần thiếu suy xét toàn cục nên để lại lỗ hổng hay còn có ẩn tình khác ông Lưu Tâm Vũ liệu có thể phá giải bí ẩn này cho chúng ta không?*

Điểm này hoàn toàn không kỳ lạ vì các bạn tra các hồ sơ liên quan của triều Thanh sẽ phát hiện những phụ nữ tuyển tú nữ này. Khi họ không có cơ hội trở thành nữ tử được hoàng đế sủng ái số phận của họ hoàn toàn. Do các thái giám quản lý lục cung có liên quan thậm chí do Nội vụ phủ sắp đặt có thể bị phân phối lại nhiều lần các bạn hiểu ý tôi không phải không? các bạn đâu phải người quan trọng gì cũng chưa thật sự trở thành nữ tử được hoàng đế sủng ái thì sẽ bị phân phối lại nhiều lần vậy.

Trong số con trai và cháu trai của Khang Hy khả năng nữ tử bên cạnh bị phân phối lại lớn nhất là ai tất nhiên là vị thái tử. Hai lần lập, hai lần phế cùng con trai ông là Hoằng Tích bởi họ là nhóm yếu thế về chính trị là một quần thể bị đả kích, bị giám sát, bị giam cấm nên. Trong việc phân phối lần hai, rất rõ ràng người phụ nữ chúng ta đang tìm kiếm trong đời thực có thể chính là một cô gái nhà họ Tào. Trong lần phân phối thứ hai, rõ ràng bà đến bên Hoằng Lịch phân phối lần hai cũng không đưa bà đến bên Ung Chính hiểu chứ? tức từ bên cạnh, chẳng hạn cháu đích tôn của Khang Hy là Hoằng Tích chuyển đến bên một người cháu khác của Khang Hy là Hoằng Lịch đó là số phận những phụ nữ ấy. Khi ấy, không do tự mình nắm giữ mà phải bị phân phối lại.

Nhưng sau khi bà đến bên Hoằng Lịch rất có thể khi Hoằng Lịch còn chưa làm hoàng đế bà đã được sủng hạnh.

Sau khi đưa những chuyện ấy vào tiểu thuyết có phần phóng đại, nói bà đã là vương phi vì vậy trong tiểu thuyết, nhà họ Giả có một vương phi do đó khi Thám Xuân rút được thẻ này vì sao mọi người nói với cô nhà ta đã có một vương phi rồi lẽ nào cô cũng sẽ trở thành vương phi sao câu này thực ra là lời người nhà họ Tào từng nói. Trong đời thực Tào Tuyết Cần đem nó viết vào hiểu không khi ông viết chỗ này, vì ông chưa thông cả bản thảo từ hồi thứ nhất đến hồi cuối ông chưa kịp tỉ mỉ gọt bỏ những gai góc phía trước ông thiết kế nhân vật Giả Nguyên Xuân này đã làm hoàng phi rồi không phải vương phi hiểu chứ? nhưng trong đời thực câu chuyện sinh nhật Giả Bảo Ngọc có lẽ còn xảy ra trước đó ông đã mượn dùng, hoặc là. Trong đời thực lúc ấy người ta thường nói như vậy nhà ta đã có vương phi rồi lẽ nào còn có vương phi nữa sao tức là thân phận ban đầu của nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân chính là một vương phi nhưng vị vương mà bà hầu hạ một. Khi trở thành trữ quân ở Đông cung một khi thật sự kế thừa vương vị thì vương phi và hoàng phi có thể là cùng một người không cũng như thái phi và lão thái phi có thể là cùng một người tất nhiên chính là

cùng một người tôi nghĩ tôi đã gỡ thông logic này cho các bạn vì vậy tuy việc tìm kiếm nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân không dễ nhưng chúng ta vẫn có nhiều manh mối như thế.

Giả Nguyên Xuân này, theo vị hoàng đế ấy, đã trải qua một thời gian rất tốt đẹp; nhưng cảnh đẹp chẳng dài lâu, đúng như lời dự ngôn đáng sợ của Tần Khả Khanh: ba xuân qua rồi muôn hoa tàn, mỗi người phải tự tìm cửa riêng của mình. Vào các năm Càn Long nguyên niên, năm thứ hai, năm thứ ba, sau khi ba mùa xuân tốt đẹp ấy qua đi, đến mùa xuân thứ tư thì xảy ra biến đổi trọng đại. Nhà họ Tào trong đời thực lần này gặp tai họa ngập đầu, bị hủy diệt hoàn toàn; nhà họ Giả trong tiểu thuyết cuối cùng cũng bị hủy diệt hoàn toàn. Vì vậy chúng ta cần tiếp tục thảo luận vấn đề như sau.

Nếu nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân quả thật trước ở bên Dận Nhưng, Hoằng Tích sau đến bên Hoằng Lịch cuối cùng may mắn trở thành một nữ tử được Hoằng Lịch sủng ái.

Vậy vì sao tiểu thuyết cuối cùng lại viết sau khi ba mùa xuân qua đi đến mùa xuân thứ tư bà bi thảm chết đi trong đời thực đã xảy ra sự kiện nguyên mẫu nào trong đời thực, người phụ nữ này hẳn cũng đã chết một cách bi thảm vào năm Càn Long thứ tư thật ra trong hồi thứ năm Hồng Lâu Mộng.

Tào Tuyết Cần về lời phán và khúc Hận vô thường của Giả Nguyên Xuân đã đối với số mệnh nhân vật này có một sự gợi lộ rất hoàn chỉnh có một lời tiên đoán rất rõ ràng.

Nhưng Hồng học giới từ trước đến nay đều có tranh luận về lời phán và khúc Hận vô thường của Giả Nguyên Xuân trong hồi thứ năm vậy trong kỳ sau tôi sẽ nói với các bạn cách nhìn cá nhân của tôi về số mệnh sau hồi 80 của hình tượng nghệ thuật Giả Nguyên Xuân đồng thời dĩ nhiên xin mời nghe bài sau của tôi.

# Tập 17

Bí ẩn lời phán về Giả Nguyên Xuân

*Trong Hồng Lâu Mộng, Giả Nguyên Xuân là một người phụ nữ đặc biệt và bí ẩn. Tuy bà chỉ chính thức xuất hiện một lần, nhưng lại trở thành nhân vật then chốt chi phối vận mệnh của Giả phủ. Tuy bà tôn quý là hoàng phi, cuối cùng vẫn khó thoát số phận chết thảm. Trong bốn điều khó giải nhất liên quan đến Hồng Lâu Mộng, có hai điều trực tiếp liên quan đến bà. Vì sao trên người Giả Nguyên Xuân lại có nhiều bút pháp phục tuyến như vậy? Tào Tuyết Cần rốt cuộc muốn gửi gắm thông tin gì qua Giả Nguyên Xuân? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục khảo chứng nguyên mẫu, đưa ra cách giải mới về phán từ của Giả Nguyên Xuân.*

Hôm nay chúng ta tiếp nối bài giảng trước, bàn tiếp vấn đề Giả Nguyên Xuân. Trong tám mươi hồi đầu, Giả Nguyên Xuân chính thức xuất hiện rất ít. Chỉ trong hồi tỉnh thân, bà có một màn quan trọng. Sau đó bà trở thành một nhân vật nền. Sau hồi 80, Giả Nguyên Xuân chắc chắn còn có phần diễn. Vì trong phán từ ở hồi thứ năm, đã dự báo vận mệnh sau này của bà. Bây giờ chúng ta cần chạm tới cái gọi là "nút chết Hồng Lâu", điều đầu tiên trong bốn bí ẩn khó giải, xem liệu chúng ta có cơ hội rút ra kết luận của riêng mình hay không.

Hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng dùng hình thức thơ để ám chỉ số phận cuối cùng của một số nhân vật chính. Những câu thơ mang tính ám chỉ ấy gọi là phán từ. Trong đó, phán từ về Giả Nguyên Xuân vì có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc nghiên cứu thân phận, vận mệnh của bà, cũng như bối cảnh sáng tác và mạch tư duy sáng tác của Tào Tuyết Cần, nên luôn được giới Hồng học đặc biệt coi trọng, và cũng gây tranh luận lớn nhất. Bí ẩn trong phán từ Giả Nguyên Xuân, cùng với bí ẩn về tên gọi trong khảo ngữ của Giả Nguyên Xuân, bí ẩn về tên sách Hồng Lâu Mộng, và bí ẩn trong hai mươi bài tuyệt cú về Hồng Lâu Mộng, được gọi chung là bốn bí ẩn của nghiên cứu Hồng học. Có người còn gọi chúng là "nút chết Hồng Lâu".

Sau tuổi hai mươi đã trải đời,

Kìa hoa lựu nở cửa cung soi.

Ba xuân nào được bằng xuân mới,

Thỏ gặp hùm kia giấc mộng xuôi.

*Bốn câu phán từ ngắn ngủi ấy về Giả Nguyên Xuân rốt cuộc nói lên điều gì? Phía sau mỗi câu phán từ rốt cuộc ẩn giấu bí mật nào? Lưu Tâm Vũ, người nhiều năm nghiên cứu nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân, bắt đầu giải mã từng câu cho chúng ta.*

“Hai mươi năm qua phân định thị phi”, đây là câu đầu trong phán từ của Giả Nguyên Xuân. Nhìn bề mặt chữ nghĩa, dường như không có gì khó giải thích. Một phần là một khoảng thời gian, một phần là làm một việc. Về năm tháng thì là hai mươi năm. Làm việc gì? Phân định thị phi. Nhưng trước đây giới Hồng học đều thấy câu này rất lạ. Hai mươi năm được tính thế nào? Tính từ lúc nào đến lúc nào là hai mươi năm? Có người nói rằng, đó là Giả Nguyên Xuân đã vào cung hai mươi năm. Vậy hãy nghĩ xem, tuyển tú nữ nếu bà được chọn năm mười ba tuổi, vào cung hai mươi năm, thì đã là phụ nữ trung niên rồi, đã ba mươi ba tuổi rồi.

Vậy hai mươi năm này có nghĩa là gì? Hai mươi năm từ khi vào cung đến nay, là muốn nói bà ở trong cung đã lâu, hay muốn nói bà ở trong cung vẫn chưa đủ lâu? Nói vậy để làm gì? Hai mươi năm đã khó giải thích, “phân định thị phi” lại càng khó giải thích. Trước đây có người giải thích thế nào? Nghe xong quý vị sẽ bật cười. Họ nói bà trong hai mươi năm ở cung không ngừng phân biệt đúng sai của hoàng đế. Điều đó có thể sao? Có cần thiết sao? Một phụ nữ khó khăn lắm mới được hoàng đế sủng ái, liệu bà có dùng hai mươi năm để phân biệt đúng sai của hoàng đế không?

Hoàng đế có đúng hay sai không? Nếu nhìn từ lịch sử cách mạng vô sản ngày nay, thì khỏi phải nói, trước hết ông ta là đại sai.

Từ góc nhìn của người khởi nghĩa nông dân, đương nhiên ông ta cũng là sai. Vấn đề là tiền đề chúng ta đang bàn là nhân vật Giả Nguyên Xuân trong tiểu thuyết. Đúng không? Từ góc độ Giả Nguyên Xuân mà nói.

Bà sẽ không lấy mục đích đời mình là đi phân biệt đúng sai của hoàng đế. Trong tiểu thuyết cũng không có tình tiết nào viết bà đi phân biệt đúng sai của hoàng đế. Cũng không có ám chỉ như vậy. Vì thế chúng ta nói riêng về Giả Nguyên Xuân, về hình tượng nghệ thuật này, thì rất khó giải thích vì sao bà lại đi biện luận thị phi của hoàng đế, mà còn dùng tới hai mươi năm để biện luận. Cho nên điểm này không dễ giải thích. Có người cho rằng bà đúng là đang biện luận thị phi của hoàng đế.

Tôi cho rằng ý kiến ấy cần được tôn trọng. Nó cũng là một kiến giải cá nhân. Vậy bây giờ ta lại tách câu này làm hai phần. Trước hết bàn về “hai mươi năm”. Trong Hồng Lâu Mộng, cụm “hai mươi năm” xuất hiện nhiều lần. Quý vị thử nhớ lại xem, đúng không?

Trong Hồng Lâu Mộng thường xuất hiện những lời nói liên đới. Ví dụ hồi thứ bảy, Tiêu Đại say rượu chửi mắng. Trong mấy bài trước, ta đã dẫn một số lời của Tiêu Đại. Bây giờ ta lại dẫn thêm một câu. Trong đoạn cuối, Tiêu Đại có một câu thế này: “Hai mươi năm trước, trong mắt Tiêu đại gia có ai?” Hai mươi năm trước, ở đây lại xuất hiện một “hai mươi năm”. Đó là Tiêu Đại.

Vậy “hai mươi năm trước” mà Tiêu Đại nói chỉ thời điểm nào? Tiểu thuyết vốn có thời gian và không gian hư cấu. Nhưng điều chúng ta đang bàn là trong hiện thực đời sống, nếu khảo sát nguyên mẫu đời sống của Tiêu Đại, thì khi ông ta chửi, “hai mươi năm”, “hai mươi năm trước” ấy đại thể là lúc nào? Lúc ông ta chửi

hẳn là vào thời Ung Chính, hơn nữa là cuối thời Ung Chính, gần lúc Ung Chính đột ngột băng hà. Mọi người đều biết Ung Chính làm hoàng đế được mười ba năm, và mất đột ngột vào tháng tám năm Ung Chính thứ mười ba. Nói đơn giản, triều Ung Chính kéo dài hơn mười năm.

Lấy hai mươi năm trừ hơn mười năm, còn lại mấy năm. Phần còn lại chỉ về triều Khang Hy. Sai lệch trên dưới sẽ không nhiều. Vì vậy câu Tiêu Đại nói: "Hai mươi năm trước, trong mắt Tiêu đại gia có ai?" chứng minh rằng nhà họ Giả trong tiểu thuyết, vào hơn hai mươi năm trước.

Trạng thái của họ còn mạnh hơn rất nhiều so với lúc Tần Chung đến nhà họ làm khách, rồi để Tiêu Đại đưa cậu về. Khi ấy, Tiêu Đại với tư cách một lão bộc rất vinh phong, rất oai phong. Cho nên không dễ động vào ông ta. Vậy nếu ta xét Hồng Lâu Mộng là một bộ tiểu thuyết có tính tự thuật, có đặc sắc của gia tộc sử mang tính tự truyện, thì quay lại hiện thực đời sống mà nhìn, quả thật vào triều Khang Hy, nhà họ Tào là lúc huy hoàng nhất. Cá nhân tôi cho rằng trong Hồng Lâu Mộng, khi những nhân vật ấy nói ra các mốc năm tháng, đều có thể đặt vào ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long. Tức là đều có thể tìm thấy nguyên mẫu đời sống.

Đặc biệt có một cách nói liên đới rất đáng chú ý ở hồi thứ 47. Đó là một lời của Giả mẫu. Giả mẫu nói thế nào? Giả mẫu nói rằng: "Ta bước vào cửa nhà này, từ khi làm cháu dâu, đến nay chính ta cũng đã có cháu dâu rồi. Tính cả đầu lẫn đuôi là năm mươi tư năm. Những chuyện kinh thiên động địa, hiểm nguy, lạ lùng, ta cũng đã trải không ít." Bà không nói năm mươi, cũng không nói năm mươi lăm, mà nói năm mươi tư.

Tôi nghĩ đây không phải ngẫu nhiên. Không phải chuyện ngẫu hứng, cảm hứng đến đâu thì tùy tiện viết vào như vậy. Hơn nữa nhân vật Giả mẫu có nguyên mẫu đời sống. Nguyên mẫu đời sống này có thể xác định rất chính xác. Nguyên mẫu của Giả mẫu là một người em gái của Lý Húc. Bà gả cho Tào Dần.

Trong tiểu thuyết, bà hóa thành hình tượng nghệ thuật Giả mẫu. Vậy tra lịch sử nhà họ Tào, lời Giả mẫu nói ở hồi thứ 47 hẳn ứng với năm Càn Long nguyên niên. Từ Càn Long nguyên niên lùi lại năm mươi tư năm, là năm nào? Là năm Khang Hy thứ hai mươi mốt. Năm ấy Tào Tỉ còn sống, giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Tào Tỉ là cha của Tào Dần; khi ấy Tào Dần ở kinh thành, giữ các chức như trị nghi chính, hoặc kiêm Tá lĩnh.

Lúc đó Tào Dần khoảng hai mươi lăm tuổi, tuổi của Giả mẫu đại thể cũng tương đương Tào Dần. Bà chính là lúc ấy bước vào cửa nhà họ Tào, gả cho Tào Dần. Tính từ lúc ấy đến Càn Long nguyên niên là năm mươi tư năm. Vì vậy lời Giả mẫu nói có nghĩa là khi bà gả sang, bên trên có thể vẫn còn một bà thái bà. Sau năm mươi tư năm vào cửa nhà họ Tào, tính xuống dưới bà cũng đã có cháu dâu rồi. Hơn nữa Giả mẫu nói năm mươi tư năm ấy không hề yên ổn.

*Bà đã trải qua rất nhiều chuyện kinh hãi, hiểm nguy, kỳ dị. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tình cảnh nhà họ Tào trong lịch sử. Sau khi Tào Dần cưới Lý thị, quý vị biết đến cuối đời bà, thật sự đã có quá nhiều*

*chuyện kinh hãi, hiểm nguy. Cho nên nguyên mẫu đời sống của Giả mẫu chính là Lý thị. Lời này có thể đối chiếu được. Lưu Tâm Vũ cho rằng Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm có tính tự thuật.*

Nó có quan hệ mật thiết không thể tách rời với gia thế của tác giả Tào Tuyết Cần. Từ mấy mốc năm tháng trong văn bản vừa giới thiệu, có thể phản ánh chính xác mối quan hệ ấy. Còn câu đầu trong phán từ của Giả Nguyên Xuân, "Hai mươi năm qua phân định thị phi", rốt cuộc có nghĩa là gì? Nó có quan hệ gì với kết cục vận mệnh của Giả Nguyên Xuân? Và giữa nó với gia tộc Tào Tuyết Cần lại có liên hệ gì? Tôi nói nhiều như vậy nhằm mục đích gì?

Chính là để nói với quý vị rằng, con số "hai mươi" trong câu "Hai mươi năm qua phân định thị phi" cũng không phải là một con số được viết tùy tiện. Nó cũng giống các con số tôi vừa nói, có thể suy tính tương ứng.

Vậy "hai mươi năm qua" phải tính thế nào? Cá nhân tôi cho rằng không phải nói Giả Nguyên Xuân đã vào cung hai mươi năm. Không phải ý ấy. Mà là vì một việc, Giả Nguyên Xuân có thể nói đã vất vả suốt hai mươi năm. Vì việc gì? Phán từ mà hiện nay chúng ta đọc được, trong đa số bản đều viết là "Hai mươi năm qua phân định thị phi". Thực ra ít nhất trong hai bản cổ, nó viết là "Hai mươi năm qua phân định là ai".

Điều này rất đáng suy nghĩ. Rất có thể câu trong các bản cổ ấy gần với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần hơn. Suốt hai mươi năm, bà vẫn phán đoán một người rốt cuộc là ai. Người này tuyệt đối không phải hoàng đế.

Người bà phán đoán chính là Tần Khả Khanh trong tiểu thuyết.

Nói đại thể, Giả Nguyên Xuân hẳn hơi lớn hơn Tần Khả Khanh một chút, cũng chỉ lớn hơn khoảng bốn, năm tuổi. Khi bà bốn, năm tuổi, bắt đầu biết chuyện, bà đã phát hiện trong nhà mình xuất hiện một cô gái bí ẩn. Có thể nhỏ hơn bà. Đứa trẻ này được nói là con gái được một tiểu quan lại nhận nuôi, rồi đến phủ Ninh Quốc, có lẽ làm con dâu nuôi từ nhỏ. Vì khi ấy tuổi còn rất nhỏ, nên lớn lên trong Ninh phủ. Từ khi còn nhỏ, Tần Khả Khanh đã có khí tượng phi phàm, phong thái rất lớn.

Tôi đã có nhiều phân tích, ở đây không nói thêm. Trong hiện thực đời sống, người này, với tư cách con gái của phế thái tử, không thật sự sinh trưởng trong một gia đình quan lại sa sút. Sau khi được nhà họ Tào thu nhận, khi ấy tình cảnh nhà họ Tào có thể cũng không quá tốt. Nhưng cô vẫn giữ một số liên hệ với gia tộc của chính mình. Cô cũng hẳn có quan hệ mật thiết với những người trong hoàng tộc biết thân phận thật của cô nhưng không vạch trần, và vẫn đồng tình với cô. Vì thế môi trường sống và môi trường trưởng thành của cô không phải môi trường của một gia đình tiểu quan lại.

Thậm chí cũng không phải môi trường của Ninh Quốc phủ, cũng không phải môi trường tương đương Ninh Quốc phủ trong đời sống nhà họ Tào. Thực ra nhà họ Tào vào thời Ung Chính không thể nào tốt đẹp như hai phủ Vinh, Ninh được viết trong tiểu thuyết. Vì vậy sở dĩ Tần Khả Khanh không chỉ có huyết thống cao quý, mà về sau còn có tầm nhìn và tu dưỡng cao hơn nhà họ Giả.

Nếu ta khảo sát hiện thực đời sống, thì kết luận ấy là có thể. Miêu tả như vậy trong tiểu thuyết cũng hợp lý.

Vậy vì sao Giả Nguyên Xuân lại phải suy xét một Tần Khả Khanh như thế trong gia tộc mình rốt cuộc là ai? Trong một, hai bài trước tôi đã phân tích với mọi người rồi. Nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân rất có thể là người chị của Tào Tuyết Cần, trước tiên được đưa vào diện tuyển tú nữ để tham gia tuyển chọn. Do điều kiện bản thân không thật sự xuất sắc, ban đầu có thể bà không được chọn đến bên cạnh hoàng đế, mà rất có thể được phái đi hầu hạ Dận Nhưng và Hoằng Tích. Hãy nghĩ xem, nếu trước lúc Dận Nhưng bị phế lần thứ hai, gia tộc của Dận Nhưng từng làm một việc như vậy: giấu đi một phụ nữ sắp lâm bồn và đứa trẻ vừa chào đời.

Che đậy toàn bộ việc này, cuối cùng còn lén đưa đứa trẻ ra khỏi cung điện, gửi nuôi trong một gia tộc quan liêu luôn thân thiết với họ, thì điều đó hoàn toàn có thể. Còn Giả Nguyên Xuân khi nhỏ, có thể mơ hồ cảm thấy cô gái nhỏ hơn mình ấy hơi kỳ lạ, nhưng bà chưa thể có nhận thức sâu sắc, cũng chưa chắc đã có hứng thú rất mạnh trong việc nhận ra cô là ai. Nhưng khi bà bước vào không gian sống của Dận Nhưng và Hoằng Tích, bà sẽ từ những lời xì xào bàn tán của các phụ nữ trong không gian ấy mơ hồ cảm thấy có điều kỳ lạ. Trong phủ năm xưa nói là đã sinh con, nhưng đứa trẻ sinh ra rồi lại chết, rất có thể chính là đồng thời vào lúc bà còn nhỏ, cô gái đã đến gia tộc của bà. Bà cứ mãi suy nghĩ chuyện này. "Hai mươi năm qua phân định thị phi", sở dĩ trong một số bản cổ lại viết là "Hai mươi năm qua phân định là ai", ý nghĩa của nó chính là: Giả Nguyên Xuân luôn suy xét người phụ nữ trong Giả phủ ấy rốt cuộc là ai. Cuối cùng, nguyên mẫu đời sống của Giả Nguyên Xuân, từ bên cạnh Dận Nhưng và Hoằng Tích, trong lần phân phối thứ hai ở nội đình lại đến bên Hoằng Lịch. Sau khi bà dần nắm được chứng cứ xác đáng, bà chọn thời cơ tốt nhất để ghi báo việc này.

Hãy nghĩ xem, nếu bà bắt đầu suy xét chuyện này từ lúc bốn, năm tuổi, hơn hai mươi năm sau bà hẳn khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Khi Hoằng Lịch lên làm hoàng đế, ông cũng khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Tuổi hai người hẳn tương đương. Hoằng Lịch chắc chắn có thiện cảm với người con gái nhà họ Tào đến bên mình như vậy. Bà được Hoằng Lịch sủng ái. Đúng lúc Ung Chính băng hà, Hoằng Lịch đăng cơ. Việc đầu tiên sau khi Hoằng Lịch đăng cơ là xoa dịu các vết thương chính trị, làm công tác đoàn kết trên dưới. Cái gì nên tha thì tha, nên miễn thì miễn.

Sau khi Giả Nguyên Xuân nhìn thấy tình thế ấy, tức người con gái nhà họ Tào trong đời thực nhìn thấy tình thế ấy, bà cảm thấy đây là thời cơ tốt nhất.

Vì vậy việc Giả Nguyên Xuân tố giác Tần Khả Khanh phải được bà chọn đúng thời cơ tốt nhất.

Bà muốn đạt ba mục đích. Mục đích thứ nhất, bà cảm thấy mình phải giữ nguyên tắc. Tôi là người của hoàng gia, tôi phải giữ một nguyên tắc hoàng gia chí cao vô thượng. Trong hoàng gia có người làm chuyện không ổn như vậy, thì tôi có nghĩa vụ vạch trần. Mục đích thứ hai của bà là bảo vệ gia tộc của chính mình. Bà vạch trần việc Giả gia che giấu Tần Khả Khanh, không phải để gia tộc mình bị liên lụy.

Đúng không? Bà làm vậy để bảo vệ cha mẹ mình, để gia tộc mình được giải thoát. Vì sao vào thời điểm này, bà báo cáo ra thì gia tộc bà có thể được giải thoát? Bà thấy hoàng đế bây giờ đang bận làm gì? Chính là đặt dấu chấm hết cho toàn bộ những vấn đề di lưu trong hoàng tộc. Đồng thời, bà cũng đạt được một nguyện vọng ẩn sâu trong lòng.

Không thể nói bà không có nguyện vọng leo lên cao. Đúng không? Vì đã làm chuyện như vậy, hơn nữa Giả gia phối hợp rất tốt, nên cuối cùng hoàng đế thăng cấp cho bà. Bà được tuyển vào Phượng Tảo cung, gia phong Hiền Đức phi. Trong tiểu thuyết viết như vậy trong hiện thực đời sống đại thể cũng hẳn là như vậy.

Vì thế tôi cho rằng câu "Hai mươi năm qua phân định thị phi" trong phán từ có ý nghĩa rất rõ. Không khó giải thích. Câu thứ hai trong phán từ Giả Nguyên Xuân là "Kìa hoa lựu nở cửa cung soi". Đối với câu thăm dò này, nhiều nhà nghiên cứu Hồng học cho rằng nó không có ý nghĩa gì đặc biệt, chỉ là miêu tả cảnh vật chuyển tiếp mà thôi. Sự thật có đúng như vậy không? Phía sau câu này rốt cuộc có lời điểm hóa đặc biệt nào?

"Kìa hoa lựu nở cửa cung soi", ý của câu này thực ra cũng rất dễ giải thích. "Lựu" chính là thạch lựu. Thạch lựu có đặc điểm gì? Thạch lựu nhiều hạt. Vì sao trong sân nơi các phi tần ở trong Tử Cấm Thành đều trồng cây thạch lựu? Đôi khi không trồng trực tiếp xuống đất, mà trồng trong chậu lớn. Bây giờ quý vị đến Cố Cung tham quan, đôi khi vẫn có thể nhìn thấy một dãy toàn cây thạch lựu. Vì sao? Từ hoàng tộc phong kiến cho đến dân thường trong xã hội ấy, đều mong đa tử đa phúc. Bản thân hoàng đế Khang Hy là một ví dụ. Cả đời ông có rất nhiều con cái. Ông lấy việc con cháu đông đúc làm vinh, làm vui.

"Kìa hoa lựu nở" có nghĩa là gì? Cá nhân tôi cho rằng điều đó đã có nghĩa là Giả Nguyên Xuân trong tiểu thuyết thực ra đã mang thai với hoàng đế. Vậy vì sao bà được hoàng đế sủng ái đến thế? Nói chung, hoàng đế sủng ái một phụ nữ, trong đa số trường hợp, vẫn là vì người ấy sinh nở cho mình, đặc biệt là có thể sinh con trai cho mình. Vì sao vận mệnh về sau của Giả Nguyên Xuân lại rất bi thảm? Vì trong tiểu thuyết, ta không thấy một ám chỉ hay dấu vết nào nói rằng bà sinh đứa trẻ mình đang mang thai ra. Trong hiện thực đời sống, chuyện ấy có thể cũng rất bi thảm. Cho nên "Kìa hoa lựu nở cửa cung soi", toàn bộ ý cảnh nằm ở phía trước rất sâu. Có hoa thạch lựu đang nở. Hoa thạch lựu nở nghĩa là sắp kết thành quả thạch lựu. Nhưng đã kết ra chưa? Nó không nói "nơi quả lựu rậm soi cung vi". Nó là hoa lựu, vẫn chưa hoàn toàn kết thành quả thạch lựu. Đó là trạng thái như vậy.

*Câu thứ ba trong phán từ Giả Nguyên Xuân là: "Ba xuân nào được bằng xuân mới". Đối với câu phán từ này, nhiều nhà nghiên cứu Hồng học cho rằng đây là chỉ quan hệ giữa bốn vị tiểu thư của Giả phủ: Nguyên Xuân, Nghênh Xuân, Thám Xuân và Tích Xuân. "Ba xuân" chỉ Nghênh Xuân, Thám Xuân và Tích Xuân. Vì ba người ấy đều không bằng Nguyên Xuân về địa vị và phong quang hiển hách, nên mới là "ba xuân nào được bằng xuân mới". Đối với cách giải thích này, Lưu Tâm Vũ sẽ nhìn nhận thế nào?*

Cách nói ấy không thông. Vì sao không thông? Vì khi chúng ta đọc đến hồi thứ năm Hồng Lâu Mộng, khúc nhạc viết cho Giả Nguyên Xuân là Hận Vô Thường, thì biết bà chết rất bi thảm. Đúng không? Bà chết thế nào, bàn sâu có thể hơi phức tạp, nhưng bà chết bi thảm, đó là điều không thể tranh cãi. Đúng không? Còn Nghênh Xuân thì sao? Vận mệnh rất không may, gặp phải con "sói Trung Sơn", phải không? Cũng chết thảm. Dĩ nhiên Thám Xuân và Tích Xuân còn sống, nói gì thì kết quả cũng tốt hơn cuối cùng của Nguyên Xuân một chút. Vậy sao lại "ba xuân nào được bằng xuân mới" được? Hơn nữa Nguyên Xuân là Nguyên Xuân, sao lại nói "xuân đầu" làm gì?

Vì vậy giải thích như thế, càng giải càng rối. Không chỉ vấn đề ở câu này. Những câu có chữ "ba xuân" xuất hiện rất nhiều. Ví dụ "nhìn thấu ba xuân rồi, đào phai". Đem ba xuân ấy mà nhìn thấu. Huống hồ, chúng ta nhiều lần dẫn lời Tần Khả Khanh trước khi chết báo mộng cho Phượng Thư. Câu bà đọc cuối cùng là thế này: "Ba xuân qua rồi, muôn hương tận, mỗi người hãy tự tìm cửa của mình." Cho nên nếu quý vị cứ vướng vào ý nghĩ rằng tổng cộng có bốn chữ xuân, tức bốn người, rồi quay qua quay lại sắp xếp ba xuân ấy, thì sắp xếp thế nào? cũng không ra đạo lý. Càng sắp xếp càng rối. Rất rối.

Vậy "ba xuân nào được bằng xuân mới" nghĩa là gì? Nếu quý vị hiểu "ba xuân" là ba mùa xuân, tức là ba năm tốt đẹp, hiểu "ba xuân" theo nghĩa ấy, thì vấn đề lập tức được giải quyết. Một năm cố nhiên có bốn mùa. Nếu chúng ta cảm thấy ba năm của mình trôi qua không tốt, thì có thể nói là "ba đông". Vì mùa đông thường khiến người ta cảm thấy lạnh lẽo.

"Ba xuân" hẳn chỉ những năm tháng tốt đẹp. Tổng cộng có ba năm. Hãy đem cách nghĩ vướng vào bốn người kia đặt sang một bên. Hãy xoay mạch suy nghĩ của mình theo một hướng khác, tức là tính theo năm tháng, thì tất cả những câu này đều thông. Thông một điểm thì trăm điểm đều thông. Cái gì gọi là.

"Ba xuân"? "Tranh chẳng bằng cảnh xuân đầu" nghĩa là gì? Tức là những ngày tháng của Giả Nguyên Xuân, ngày tháng tốt nhất của bà chính là năm đầu tiên, chính là Càn Long nguyên niên. Vì "xuân đầu" trước hết là lúc bà về tỉnh thân. Đúng không? Tiểu thuyết cũng viết những câu chuyện của năm xuân thứ hai, thứ ba, phải không?

Bối cảnh khoảng năm Càn Long thứ hai và thứ ba. Do đủ loại nguyên nhân, dù khi ấy tình hình của Nguyên Xuân vẫn tương đối tốt, nhưng bà còn về nhà tỉnh thân nữa không? Không. Đúng không? Vì vậy đối với Giả Nguyên Xuân, quả thật là ba xuân nào được bằng xuân mới. Bà có ba mùa xuân đều tương đối tốt đẹp,

nhưng nếu so sánh giữa ba mùa xuân ấy, mùa xuân nào tốt nhất? Xuân đầu. Như vậy ta đã nắm rõ quỹ đạo phát triển vận mệnh của Giả Nguyên Xuân.

*Câu thứ tư trong phán từ Giả Nguyên Xuân là: "Hổ tê gặp nhau, đại mộng về". Đối với câu phán từ này, giới Hồng học vẫn tranh luận rất lớn. Vậy trọng tâm tranh luận của giới Hồng học nằm ở đâu? Câu phán từ này rốt cuộc có nghĩa gì?Lưu Tâm Vũ đã giải mã câu này như thế nào? Và câu phán từ này với vận mệnh cuối cùng của Giả Nguyên Xuân lại có quan hệ gì?*

"Hổ tê gặp nhau, đại mộng về." Tôi vừa đọc như vậy, phía dưới tôi thấy có vài bạn yêu Hồng Lâu đã tỏ vẻ có lẽ muốn tranh luận với tôi. Nói rằng thầy đọc sai rồi chăng? Không phải là "hổ thỏ gặp nhau, đại mộng về" sao? Quý vị thấy, trong bản quý vị đọc rất có thể viết là "hổ thỏ gặp nhau, đại mộng về".

Về sau các bản thông hành đều viết là "hổ thỏ gặp nhau, đại mộng về". Rốt cuộc là "hổ thỏ gặp nhau" hay "hổ tê gặp nhau"? Đây là một đề tài rất nóng trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Cuộc tranh luận giữa "hổ thỏ gặp nhau" và "hổ tê gặp nhau" xuất hiện từ đầu thế kỷ trước. Bản Hồng Lâu Mộng thông hành do Cao Ngạc viết tiếp là "hổ thỏ gặp nhau". Còn một số bản cổ Hồng Lâu Mộng được phát hiện vào thập niên hai mươi, ba mươi của thế kỷ trước lại là "hổ tê gặp nhau".

Vì vậy giới Hồng học đã nảy sinh tranh luận lớn về điểm này. Nhiều nhà nghiên cứu Hồng học cho rằng nguyên bút của Tào Tuyết Cần hẳn là "hổ tê gặp nhau". Trong quá trình Hồng Lâu Mộng được sao chép lưu truyền, người chép sách đã chép nhầm chữ "tê" thành chữ "thỏ". Có người lại cho rằng nguyên bút của Tào Tuyết Cần quả thực hẳn là "hổ tê gặp nhau", Cao Ngạc và những người tục thư vì một mục đích nào đó cố ý đổi chữ "tê" thành chữ "thỏ". Cũng có người kiên trì quan điểm rằng nguyên bút của Tào Tuyết Cần hẳn là "hổ thỏ gặp nhau". Vì vậy cuộc tranh luận nảy sinh từ một chữ khác nhau này trở thành một đề tài nóng của nghiên cứu Hồng học.

Ý kiến cá nhân của tôi là thế này: tôi cho rằng phải là "hổ tê gặp nhau, đại mộng về". "Hổ" thì không cần giải thích, là một loài mãnh thú. "Tê" cũng là một loài mãnh thú, một loài thú giống tê giác. Trung Quốc xưa gọi nó là "tê". Một loài thú một sừng, rất hung mãnh, thân hình rất lớn, sức lực rất mạnh, nếu húc người thì rất đáng sợ. Giữa nó với hổ có thể nói là có thể đấu một trận.

Rất khó nói nhất định hổ thắng, cũng khó nói nhất định tê thắng. Chính trong cuộc gặp gỡ hổ và tê, trong trận ác đấu của hai con thú, Giả Nguyên Xuân đã chết. "Đại mộng về", đến đây quý vị có thể hiểu: đó là vì bà đã chết. Đời người như giấc mộng, thế là chết đi. Nhưng có một số người kiên trì cho rằng đó là "hổ thỏ gặp nhau, đại mộng về". Ví dụ Cao Ngạc, Trình Vĩ Nguyên, về sau họ viết tiếp bốn mươi hồi Hồng Lâu Mộng, trong phần sau có viết cái chết của Nguyên phi.

Sách nối của Cao Ngạc có một số ưu điểm, tôi không muốn phủ định toàn bộ. Nhưng Cao Ngạc viết cái chết của Giả Nguyên Xuân thật sự quá hoang đường. Bây giờ ta xem ông ấy viết thế nào.

Trước hết Cao Ngạc nói Giả Nguyên Xuân chết ra sao. Không xảy ra bất kỳ sự kiện lớn nào. Từ khi được tuyển vào Phượng Tảo cung, thánh quyến long trọng, thân thể phát phì. Theo cách nói ngày nay là béo phì. Nói rằng bà để tránh cử động nhọc sức, mỗi ngày sinh hoạt mệt mỏi, rồi phát chứng đờm tắc. Có lẽ là ăn đồ béo nhiều quá, lúc nào cổ họng cũng bị đờm nghẹn. Sau khi hơi nhiễm chứng đờm, thì kéo bệnh cũ tái phát, khiến bệnh cũ trỗi dậy. Dẫn đến đờm tắc nghẽn, tứ chi co quắp, vì thế mà qua đời. Bà chết rất yên ổn. Vì phát phì, vì nhiều đờm, vì trúng phong hàn, có lẽ bị cảm một chút, thế là chết. Cứ như vậy mà chết. Phải không? Phán từ ở hồi thứ năm cũng được, khúc Hận Vô Thường về bà cũng được, đều coi như viết uổng. Bà chết rất yên bình, rất bình thường. Vậy ông ấy giải thích "hổ thỏ gặp nhau, đại mộng về" thế nào? Không phải tôi cố tình gây khó dễ với Cao Ngạc. Ông ấy thật sự hết cách, viết ra quả thật là lời lẽ hồ đồ. Ông ấy nói thế này: Ông nói năm ấy là năm Giáp Dần, ngày 18 tháng chạp lập xuân, ngày Nguyên phi mất là ngày 19 tháng chạp. Đã bước sang năm Mão, tháng Dần, Nguyên Xuân khi ấy bốn mươi ba tuổi.

Ông ấy nói rằng, vì năm ấy là năm Mão, tháng ấy là tháng Dần. Mão tức là thỏ, Dần tức là hổ, vậy chẳng phải thỏ hổ gặp nhau sao? Thế là đại mộng về. Trước hết, đó là thỏ hổ gặp nhau, không phải hổ thỏ gặp nhau. Đáng lẽ phải đặt năm ở trước, tháng ở sau, đúng không? Hơn nữa người Trung Quốc.

Về thuộc tướng, về quy định mười hai con giáp, đều nhắm vào năm. Hầu như không ai lấy tháng giêng đến tháng chạp chia theo mười hai con giáp. Trong nhà quý vị, người già, tổ tiên có chia như vậy không? Bây giờ là tháng mấy âm lịch? Thuộc con giáp nào? Có hỏi như vậy không? Thông thường không làm vậy, đúng không? Huống hồ, chỗ lời lẽ lộn xộn của ông ấy là ở đâu? Chính ông ấy nói năm ấy là năm Giáp Dần, ngày 18 tháng chạp lập xuân. Nếu ông ấy nói đó là năm Giáp Dần, Giáp Dần là năm hổ, đúng không? Sao sau ngày 18 tháng chạp lập xuân, ngày 19 tháng chạp lại đến một tháng Dần nữa? Chẳng phải thành hổ hổ gặp nhau sao? Ngay logic của mình ông ấy cũng không xét đến. Ông ấy chỉ muốn né khái niệm "hổ tê gặp nhau". Nhất định phải viết nó thành "hổ thỏ gặp nhau".

Ít nhất có thể nói đó là một nét bút hỏng. Quý vị có thể viết tiếp, có thể có cách viết tiếp của mình. Chuyện này ai ép được ai, đúng không? Nhưng không thể vô lý đến mức ấy. Hơn nữa ông ấy nói khi Giả Nguyên Xuân qua đời, bà bốn mươi ba tuổi. Trong xã hội ấy, bốn mươi ba tuổi là một phụ nữ khá lớn tuổi, gần như một bà lão nhỏ. Đúng không? Điều này cũng rất kỳ lạ, không biết ông ấy nghĩ thế nào.

Mới được tuyển vào Phượng Tảo cung không lâu, bà đã bốn mươi ba tuổi. Những tưởng tượng ấy, ông ấy có tự do tưởng tượng. Vấn đề là tôi không tưởng tượng theo ông ấy. Tôi đọc thấy không thoải mái. Theo phân tích của tôi, khi Giả Nguyên Xuân về tỉnh thân mới hơn hai mươi tuổi. Hơn nữa điều ấy khớp với những lời bàn giao liên đới khác trong sách. Cũng có thể đại thể đối chiếu với tình hình nhà họ Tào trong hiện thực đời sống. Vì vậy tôi cho rằng mạch suy nghĩ của tôi có thể đứng vững. Huống hồ trong bản cổ

viết chính là “hổ tê gặp nhau, đại mộng về”. Điều đó có nghĩa là hai con vật, hoặc nói một mãnh thú với một mãnh thú nào đó, ác đấu với nhau. Trong quá trình ấy, Giả Nguyên Xuân bất hạnh mất mạng. Cuối cùng chỉ còn lời cảm khái đời người như mộng. Vì thế bây giờ chúng ta đã đọc thông phán từ của Giả Nguyên Xuân. Đây là một mạch suy nghĩ của tôi. Dĩ nhiên.

Hồi thứ năm không chỉ dùng một phán từ để ám chỉ kết cục cuối cùng của Giả Nguyên Xuân. Nó còn dùng một khúc trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, khúc Hận Vô Thường, để khái quát vận mệnh Giả Nguyên Xuân.

Vì vậy nếu muốn tìm hiểu nguyên nhân cái chết của Giả Nguyên Xuân, thì nhất thiết phải nghiên cứu và phân tích khúc Hận Vô Thường cũng như các miêu tả khác trong sách. Bài giảng sau của tôi sẽ chuyên cùng mọi người bàn về cái chết của Giả Nguyên Xuân. Bài sau gặp lại. Giả Nguyên Xuân, trong Hồng Lâu Mộng.

# Tập 18

Bí ẩn cái chết của Giả Nguyên Xuân

*Giả Nguyên Xuân, trong Hồng Lâu Mộng, là một người phụ nữ đặc biệt và bí ẩn. Tuy bà chỉ chính thức xuất hiện một lần, nhưng lại trở thành nhân vật then chốt chi phối vận mệnh Giả phủ. Tuy bà tôn quý là hoàng phi, cuối cùng vẫn khó thoát số phận chết thảm. Giả Nguyên Xuân rốt cuộc chết vào lúc nào? Nguyên nhân cái chết của bà là gì? Bà thật sự bị người ta hại chết sao? Người hại chết bà lại là ai? Cái chết của bà đã trải qua những quá trình nào vừa kinh tâm động phách, vừa rối rắm mơ hồ? Lưu Tâm Vũ, nhà văn nổi tiếng nhiều năm nghiên cứu nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân, tiếp tục khảo chứng nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân, và về cái chết của Giả Nguyên Xuân đưa ra một suy luận hoàn toàn mới, táo bạo.*

Vấn đề chúng ta hiện cần tìm hiểu là Giả Nguyên Xuân rốt cuộc chết như thế nào. Bài trước chúng ta đã phân tích phán từ và những ám chỉ về vận mệnh của Giả Nguyên Xuân trong đó. Vậy bây giờ chúng ta sẽ đem khúc nhạc ở hồi thứ năm liên quan đến Giả Nguyên Xuân ra khảo sát thêm. Vì ý nghĩa tổng thể của phán từ và khúc nhạc là thông nhau, là giống nhau. Nhưng trong việc bàn giao một số sự kiện cụ thể, một số tình huống cụ thể, mỗi bên lại có trọng điểm riêng. Dù hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng thông qua phán từ và khúc nhạc đã ám chỉ kết cục vận mệnh của các nhân vật chính, nhưng do góc nhìn của các nhà nghiên cứu khác nhau, nên kết luận đưa ra cũng không hoàn toàn giống nhau. Ví dụ đối với khúc Hận Vô Thường của Giả Nguyên Xuân, ý kiến trong giới học thuật không thật thống nhất. Nội dung khúc này như sau: Đương vui chợt đã buồn ngay, Trố nhìn mọi việc thôi rày bỏ qua, Hồn thơm dằng dặc bay xa. Non cao trời rộng đây là quê hương, Tìm nơi báo mộng gia nương; Suối vàng con đã lỡ đường thần hôn, Mau mau lùi bước là hơn. Đối với khúc này, ta nên giải ra sao? Nó đã dự báo cái chết của Giả Nguyên Xuân như thế nào?

Khúc này có một tên khúc, gọi là Hận Vô Thường. Mọi người thử nghĩ xem, tên khúc về Tần Khả Khanh là gì? Là Hảo Sự Chung. Còn tên khúc về Giả Nguyên Xuân thì được đặt là Hận Vô Thường. Điều này càng chứng minh thêm quan hệ nhân quả mà tôi đã nói trong mấy bài trước. Tần Khả Khanh và Giả Nguyên Xuân là hai cánh kéo động vận mệnh nhà họ Giả. Tần Khả Khanh "hảo sự chung" rồi.

Rất nhanh sau đó việc tốt của Giả Nguyên Xuân cũng đến.

Nhưng vận mệnh cuối cùng của Giả Nguyên Xuân vẫn không tốt, nên mới gọi là Hận Vô Thường. Vô thường là gì? Nếu trước sau đều không tốt, đó gọi là thường không tốt. Nếu trước sau đều tốt, đó gọi là thường tốt. Vậy vô thường là gì? Là mọi trạng thái đều không thể kéo dài. Nếu trạng thái xấu không thể kéo dài, dĩ nhiên rất tốt, đúng không? Nhưng bi kịch trong vận mệnh của Giả Nguyên Xuân nằm ở chỗ vận may của bà không kéo dài. Vì vậy cái gọi là Hận Vô Thường thực ra cũng tương đương Hảo Sự Chung. Khi Tào Tuyết Cần kiến tạo các khúc Hồng Lâu Mộng này, ông thật sự đã rất khổ công.

Khúc này hát như sau. Lời hát là: "Đương vui chợt đã buồn ngay," Hai câu này, tôi thấy thật sự rất khớp với tên khúc của Tần Khả Khanh. Nếu đem tên khúc Hảo Sự Chung của Tần Khả Khanh đặt sang đây, tôi thấy cũng rất thích hợp.

Vinh hoa đang đẹp, kết quả vô thường lại đến. Vô thường vừa là danh từ chỉ việc không ổn định, thường xuyên biến đổi, đồng thời trong xã hội Trung Quốc xưa, nó còn có một nghĩa đặc chỉ. Vô thường là gì? Là quỷ đòi mạng. Sau khi một người chết, lúc xuống địa ngục, đầu trâu mặt ngựa sẽ đến, quỷ vô thường sẽ đến. Vì vậy "vô thường lại đến" vừa biểu thị một biến cố không ngờ lại xuất hiện, đồng thời cũng có nghĩa là con quỷ vô thường đến câu hồn xuống địa ngục lại chạy đến rồi. Vậy là "Trố nhìn mọi việc thôi rày bỏ qua".

Rất bi thảm. Bà đã "hai mươi năm qua phân định là ai", dồn biết bao tâm tư để tỏ lòng trung với hoàng đế, đúng không? Khổ tâm sắp đặt một cục diện, hơn nữa rất có thể còn đã mang thai. Vì hoa lựu nở soi chốn cung vi, cây thạch lựu đã nở hoa. Nếu kết thành quả thì sẽ là cảnh tượng thế nào, đúng không? Nhưng bà "Trố nhìn mọi việc thôi rày bỏ qua". Chú ý, không phải vì phát phì, đờm nghẹn, cảm mạo rồi chết trong bệnh. Bà chết đột ngột. "Trố nhìn mọi việc thôi rày bỏ qua" nghĩa là một người cứ trơ mắt, không muốn chết. Theo lẽ thường, còn chưa đến lúc phải chết. Kết quả lại đem muôn việc bỏ hết, điều đó nói rõ đây là cái chết bất thường. Nếu quý vị không phục cách giải thích này của tôi, xin hãy đọc, hoặc nói là xin nghe, mời Hoán Tiên cô để các ca kỹ hát ra câu tiếp theo: "Hồn thơm dằng dặc bay xa." Câu này rất đáng sợ.

Có người bàn với tôi rằng, nói đi nói lại, chẳng phải bà cũng thắt cổ chết sao? Cách chết của bà hóa ra giống Tần Khả Khanh. Người ấy rất cảm thán. Nhưng bây giờ tôi phải trịnh trọng nói với quý vị: cách chết của bà khác với Tần Khả Khanh. Tần Khả Khanh tự treo cổ mà chết, là "xuân tận xà vẽ, hương bụi rơi". Còn bà chết thế nào? "Hồn thơm dằng dặc bay xa." Rất có thể bà bị người khác bức tử. Bị người khác dùng dải lụa gấm siết chết. Hơn nữa trong quá trình ấy, bà vô cùng đau đớn. Hương hồn của bà bay dằng dặc, từng chút đi tới tiêu tan. Vô cùng bi thảm.

Dáng chết của bà hẳn còn thảm hơn Tần Khả Khanh. Bà chết ở đâu? Khúc Hận Vô Thường bàn giao rất rõ. Có phải viết bà ở trong cung không? Ở Phượng Tảo cung không? Không. Nó nói: "Nhìn quê nhà, đường xa núi cao." Là nơi nào? Trong khúc Hận Vô Thường viết cái chết của Nguyên Xuân như vậy, vẫn chỉ rằng bà chết ở chốn hoang giao dã ngoại, chết ở một nơi không chỉ cách quê gốc Kim Lăng rất xa, mà còn cách Phượng Tảo cung nơi bà thường ở cũng rất xa. Dĩ nhiên cũng xa phủ Vinh Quốc nơi cha mẹ bà ở. Đó là một nơi đường xa núi cao.

Vậy bà cũng có chỗ giống với Tần Khả Khanh. Sau khi Tần Khả Khanh treo cổ, lúc chưa chết hẳn đã chạy đi báo mộng cho Phượng Thư, nói rằng tôi phải đi rồi. Còn khi hương hồn bà bay dằng dặc, ước chừng bà cũng báo mộng cho cha mẹ mình, hoặc ít nhất là anh linh của bà muốn báo mộng, muốn bày tỏ một ý. Ý gì? Trong khúc Hận Vô Thường viết rất rõ, là "Tìm nơi báo mộng gia nương". Câu này cho thấy bà vẫn báo mộng. Trong tiểu thuyết, trong phạm vi tám mươi hồi, chưa kịp viết đến cái chết của bà. Phần văn sau hồi

80, nguyên bút của Tào Tuyết Cần hiện nay ta chưa thấy. Ước chừng bà cũng báo mộng. Vì câu này trong Hận Vô Thường nói rất rõ. Bà "Tìm nơi báo mộng gia nương". Trong mộng, bà nói gì với cha mẹ? Bày tỏ ý gì? Bà nói: "Suối vàng con đã lỡ đường thần hôn." Câu này càng xác định bà đã chết. Đúng không? Nếu nói "Hồn thơm dằng dặc bay xa" mà quý vị còn thấy chưa chắc là chết, thì câu này đã quá rõ ràng rồi. Cuối cùng bà đã chết. Bà phát ra một lời cảnh cáo đau đớn như thế nào? Bà nói: "Mau mau lùi bước là hơn." "Thân tộc" là tiếng bà gọi cha mẹ.

Dĩ nhiên cũng không chỉ cha mẹ. Một khi nói "thân tộc", thì toàn bộ họ hàng thân thích hầu như đều có thể bao gồm trong đó. Tức là gia tộc họ Giả.

"Mau mau lùi bước là hơn." Lùi bước từ đâu? Chính là lùi bước. Dĩ nhiên lời khuyên ấy ước chừng không có tác dụng, vì như bốn đại gia tộc được miêu tả trong tiểu thuyết, những gia đình quý tộc như nhà họ Giả, đặc biệt là một số thành viên chủ chốt trong gia đình, không mấy có khả năng thật sự rời khỏi vòng quyền lực. Vì vậy nguồn gốc bi kịch bao trùm toàn bộ Hồng Lâu Mộng nằm ở đây. Dù do thất tán trong lưu truyền, chúng ta không thể thấy nguyên tác thật sự của Hồng Lâu Mộng sau hồi 80, nhưng thông qua khúc Hận Vô Thường của Giả Nguyên Xuân, chúng ta vẫn có thể rút ra một kết luận rõ ràng: Giả Nguyên Xuân cuối cùng sẽ khó thoát số phận chết thảm. Vậy Tào Tuyết Cần, người nổi tiếng với bút pháp "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm", giỏi đặt những phục bút lớn, trong tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, có sắp đặt nào về phương diện này không? Lần công khai lộ diện duy nhất của Nguyên Xuân, cũng tức lúc về tỉnh thân, có để lộ manh mối nào không?

Thực ra những ám chỉ về kết cục bi thảm của Giả Nguyên Xuân không chỉ được hé lộ trong phán từ và khúc Hận Vô Thường. Dù tám mươi hồi đầu không trực tiếp viết đến những gì Giả Nguyên Xuân gặp về sau, nhưng nhiều lần ám chỉ kết cục bất hạnh của bà. Ví dụ khi Giả Nguyên Xuân về tỉnh thân, sau khi các hoạt động khác của cuộc tỉnh thân xong thì phải hát hí, phải diễn kịch. Khi ấy liền chọn vở. Chọn những vở nào? Chọn bốn trích đoạn.

Bốn trích đoạn này vô cùng quan trọng. Vì Chi Nghiễn Trai đã nhắc chúng ta rằng, các vở được chọn đều là phục bút cho sự việc sau này. Chúng thông báo các bước ngoặt và then chốt lớn của toàn sách.

Dù hiện nay chúng ta đọc tiểu thuyết này chỉ có thể đọc đến hồi 80, nguyên bút của Tào Tuyết Cần cũng chỉ đọc được đến hồi 80, nhưng trong hồi 18, bốn trích đoạn được chọn trong hồi Nguyên phi tỉnh thân thực ra đã sớm ám chỉ một số tình huống sau hồi 80. Bốn trích đoạn nào? Trích đoạn thứ nhất gọi là Hào Yến. Đó là một trích đoạn hí. Nó là một đoạn trong vở nào? Gọi là Nhất Bổng Tuyết. Tên vở Nhất Bổng Tuyết có nghĩa gì? Nhất Bổng Tuyết là tên một món đồ cổ, chính là một món ngọc khí, một món đồ ngọc trắng như tuyết. Cầm trong tay giống như một nắm tuyết, vô cùng quý giá.

Đây là kịch bản do một người đời Thanh tên Lý Ngọc sáng tác. Vở truyền kỳ Nhất Bổng Tuyết. Nhất Bổng Tuyết là tên một chiếc chén ngọc. Tôi không kể kỹ cốt truyện. Tóm lại, đạo cụ quan trọng này xuyên suốt vở kịch từ đầu đến cuối, gây nên số phận bất hạnh cho rất nhiều người.

Lời phê của Chi Nghiễn Trai rất tỉ mỉ. Bên cạnh trích đoạn thứ nhất này, Hào Yến trong Nhất Bổng Tuyết, ông phê rằng: phục cho sự bại vong của nhà họ Giả. Tức là vở này, sở dĩ xuất hiện lúc Nguyên phi về tỉnh thân, chính là một phục bút. Ước chừng sau hồi 80, sự tan vỡ cuối cùng của nhà họ Giả có liên quan đến một món đồ cổ quan trọng. Trong vở là Nhất Bổng Tuyết. Trong tiểu thuyết chắc không ngốc đến mức cũng viết Nhất Bổng Tuyết, mà sẽ viết một món đồ cổ khác. Liên quan đến Nguyên Xuân, đó hẳn là món đồ cổ như thế nào? Tôi nghĩ ý kiến của tôi có thể khiến quý vị thấy hứng thú. Mọi người biết ở hồi 72 Hồng Lâu Mộng, đột nhiên viết đến một việc. Đó là Uyên Ương vì một chuyện gì đó chạy đến chỗ Vương Hy Phượng và Giả Liễn ở. Hai người họ ở trong một tiểu viện riêng phía sau Giả phủ.

Giả Liễn bỗng hỏi Uyên Ương, đại ý là nói có một việc ta quên mất. Đó là sinh nhật lão thái thái năm ngoái, có một hòa thượng từ nơi khác đến dâng kính một món Phật thủ bằng đá lạp du đông. Vì lão thái thái thích.

Nên lập tức đem đi bày. Rồi ông nói, vì mấy hôm trước sinh nhật lão thái thái, ta thấy trong sổ đồ cổ còn ghi khoản này, nhưng lại không biết món ấy hiện rơi vào đâu. Giả Liễn, với tư cách quản gia phủ Vinh Quốc, đích thân hỏi đến chuyện này. Mỗi món đồ cổ sau khi dùng xong đều phải nhập kho ghi sổ. Giả phủ có một cơ cấu chuyên quản lý việc trong phủ.

Kết quả phát hiện trong sổ đồ cổ có ghi một món Phật thủ lạp du đông, nhưng tra trong hiện vật nhập kho lại không có món như vậy. Liền cho đây là chuyện động trời, muốn tra hỏi. Uyên Ương nổi giận. Uyên Ương nói lão thái thái bày mấy ngày đã chán, sớm đã đưa cho các người rồi. Tức là đưa cho Vương Hy Phượng. Giả Liễn vẫn muốn tra hỏi. Sau đó Bình Nhi đi ra. Bình Nhi nói là đã đưa cho Vương Hy Phượng, và trách Giả Liễn, nói một việc như vậy sao ông lại nhớ không rõ, cứ hỏi đi hỏi lại. Về sau Giả Liễn cảm thán, nói trí nhớ của ta bây giờ cũng ngày càng kém. Đại ý là như vậy. Tào Tuyết Cần viết văn, hầu như không có bất cứ nét bút hay giọt mực thừa nào. Vậy ông viết về món Phật thủ lạp du đông này mấy trăm chữ, để làm gì? Chẳng lẽ lại là nói nhảm dài dòng sao? Lại không đáng đọc kỹ sao?

Phật thủ lạp du đông là gì?

Chữ lạp du đông này, tôi từng thỉnh giáo các chuyên gia đồ cổ, đặc biệt là những thợ ngọc làm ngọc khí. Họ nói lạp du đông thực ra chỉ màu sắc và chất cảm của nó, giống phần mỡ trên miếng thịt ướp ở phương Nam, trơn bóng, quý vị hiểu ý chứ? Có cảm giác như vậy.

Đó là một tượng Phật thủ được khắc bằng một loại đá khác. Đây là một thông tin vô cùng quan trọng. Tôi nhận được thông tin này và cho rằng nó rất quan trọng. Vì sao trong tám mươi hồi đầu lại có một tình tiết như vậy? Chữ dùng còn khá nhiều. Tôi ước chừng sau hồi 80, món đồ cổ này sẽ là ngòi nổ cho sự bại vong của Giả gia. Vì lúc tỉnh thân, vở thứ nhất được chọn chính là Nhất Bổng Tuyết. Nhất Bổng Tuyết chính là đồ cổ. Chi Nghiễn Trai đã nói rồi: phục cho sự bại vong của Giả gia. Hơn nữa xin quý vị chú ý, Phật thủ là gì? Phật thủ là một loài thực vật họ Vân hương.

Phật thủ là một loài cây, một dạng biến dị của quả. Nếu nó không biến dị thì gọi là gì? Gọi là hương viên.

Từ hương viên này trong Hồng Lâu Mộng, quý vị hẳn rất quen. Bài trước tôi đã giảng phán từ. Tôi chưa đặc biệt nhấn mạnh bức tranh bên cạnh phán từ. Bức tranh ấy vẽ thế nào? Nhớ không? Vẽ một cái cung, cái cung trong cung tên.

Dĩ nhiên đó là lối đồng âm, khiến quý vị liên tưởng đến ý "cung". Đúng không? Nguyên Xuân mà, bà đã vào cung mà, đúng không? Trên cái cung treo gì? Treo một quả hương viên. Chữ "viên" trong hương viên dĩ nhiên đồng âm với chữ "Nguyên" của Nguyên Xuân.

Đúng không? Có một bức tranh như vậy không? Cái treo là hương viên. Dĩ nhiên hiện nay vì chúng ta không thấy được câu chuyện cụ thể về Giả Nguyên Xuân mà Tào Tuyết Cần viết sau hồi 80, nên chỉ có thể đưa ra một số suy đoán. Nhưng loại suy đoán này của tôi cũng không thể nói là hoàn toàn vô lý. Đúng không?

Có người nói với tôi: thầy xem, lại là trùng hợp. Bài giảng này của thầy đầy trùng hợp. Ban đầu tôi cũng nhìn như vậy. Tôi nói đây là trùng hợp, kia là trùng hợp. Nhưng lần thứ nhất là trùng hợp, ví dụ thứ hai lại là trùng hợp, đến ví dụ thứ ba vẫn là trùng hợp, cuối cùng quan điểm cá nhân của tôi là bỏ chữ "trùng" đi. Không phải trùng hợp, mà là khế hợp, là hợp.

Những chỗ này hiển nhiên tuyệt đối không phải viết bừa theo ngòi bút, không hề có ý nghĩa. Vì thế vở được chọn lúc tỉnh thân, Nhất Bổng Tuyết, phục cho sự bại vong của Giả gia, hơn nữa phục trên người Nguyên Xuân, hẳn là một suy đoán hợp lý. Vậy vở thứ hai là gì? Vở thứ hai chính là Trường Sinh điện. Vở Trường Sinh điện này, lời phê của Chi Nghiễn Trai phía sau tên vở còn rõ hơn. Chi Nghiễn Trai nói rõ là phục cho cái chết của Nguyên phi.

Trường Sinh điện viết về câu chuyện Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi. Về sau Dương Quý Phi thế nào? Ba quân nổi loạn, Dương Quý Phi bị ban chết. Bản thân bà không muốn treo cổ, liền bị người ta dùng lụa siết chết. Chính là "Hồn thơm dằng dặc bay xa", là như vậy, đúng không? Vì vậy về sau Giả Nguyên Xuân, hiển nhiên là chết thảm.

Bà không muốn chết, nhưng lại không thể không chết. Bà chết còn thảm hơn Tần Khả Khanh. Tần Khả Khanh còn có một quyền lựa chọn nơi tự treo cổ, hoặc một khoảng chừa lại để tự kết thúc sinh mệnh mình. Còn cuối cùng bà là bị người khác từ từ siết chết. Rất thảm. Vở thứ ba là một trích đoạn, Tiên Duyên.

Viết về điều gì? Viết về câu chuyện Hoàng Lương nhất mộng. Về điểm này, lời phê của Chi Nghiễn Trai đặc biệt khiến các nhà nghiên cứu Hồng học chấn động. Chỗ này mọi người đều không đoán được. Chi Nghiễn Trai nói chọn vở này là mai phục điều gì? Là phục bút gì?

Là phục cho Chân Bảo Ngọc đưa ngọc. Tức là sau hồi 80, sẽ có một tình tiết quan trọng: nhân vật Chân Bảo Ngọc sẽ chính thức xuất hiện, hơn nữa có một hành động là đưa ngọc. Chân Bảo Ngọc đưa viên ngọc nào? Vì sao phải đưa ngọc? Sau khi đưa ngọc thì xuất hiện tình huống gì? Hiện nay hoàn toàn không biết được.

Tôi cũng không tiếp tục suy đoán nữa. Vì chuyện này thật sự không có manh mối. Vở thứ tư là trích đoạn Ly Hồn. Nằm trong Mẫu Đơn đình. Về việc này, Chi Nghiễn Trai phê rằng thực ra là phục cho cái chết của Đại Ngọc. Vì hiện nay chúng ta chủ yếu khảo sát chuyện Giả Nguyên Xuân, nên tạm thời gác Đại Ngọc lại.

Ngoài các vở được chọn lúc Nguyên Xuân tỉnh thân có ám chỉ kết cục của Giả Nguyên Xuân, Hồng Lâu Mộng còn có những miêu tả liên quan khác. Ở nửa đầu hồi 22 Hồng Lâu Mộng, trong đoạn "Chế đăng mê, Giả Chính bi sấm ngữ", thông qua câu chuyện tết Nguyên tiêu mọi người trong Giả phủ làm câu đố đèn để đoán, đã ám chỉ vận mệnh riêng của các nhân vật này. Trong đó, câu đố đèn do Giả Nguyên Xuân làm là điều khiến người ta hứng thú nhất. Câu đố đèn ấy rốt cuộc nên giải thế nào, và nó ám chỉ gì về kết cục của Giả Nguyên Xuân?

Vận mệnh bi thảm của Giả Nguyên Xuân còn thể hiện ở hội đố đèn tết Nguyên tiêu. Bà cũng dẫn đầu viết câu đố đèn, và đáp án của câu đố ấy là pháo trúc. Câu đố đèn này viết như sau: "Nó khiến yêu ma hết hồn bay vía, thân như bó lụa, khí như sấm. Một thân chính khí, người mới sợ, quay đầu nhìn lại đã thành tro.".

Ý này vẫn rất nông gần, rất dễ hiểu. Bà ví mình như một cây pháo trúc. Có thể khiến yêu ma hết hồn bay vía. Vì sao bà lại có tâm thế như vậy? Điều này liên quan đến điều tôi giảng ở bài trước: "Hai mươi năm qua phân định là ai". Bà phát hiện trong gia tộc mình lại cất giấu một người con gái của lão thiên tuế Nghĩa Trung thân vương. Bà cho rằng làm như vậy không phù hợp quy định của hoàng gia, là phạm pháp, là một cách làm yêu nghiệt, là không đúng. Đặc biệt vì bản thân bà trong tiểu thuyết cũng được đặt là người của Vinh Quốc phủ. Bà đối với Ninh Quốc phủ có thể vốn không có thiện cảm gì. Nhất là đối với người như Giả Trân, bà không có thiện cảm. Vì vậy bà cảm thấy mình có thể khiến yêu ma hết hồn bay vía, rất có dũng khí. Còn bà, "thân như bó lụa, khí như sấm". Sở dĩ bà có thể tố giác Tần Khả Khanh, bà cảm thấy đạo lý chính nghĩa đứng về phía mình, nằm trong tay mình. Bà có một thân chính khí. Vì vậy khí thế của bà như sấm, nghĩa vô phản cố.

“Một thân chính khí, người mới sợ.” Cuối cùng cục diện xuất hiện là gì? Tần Khả Khanh không thể không chết. Còn chính bà thì sao? Lại thế nào? “Quay đầu nhìn lại đã thành tro.” Người khác quay đầu nhìn lại, bà rất nhanh đã hóa thành tro. Đó chính là vận mệnh như vậy.

Chi Nghiễn Trai bên cạnh câu đố này có lời phê. Lời phê của ông giải thích nội hàm này rõ hơn. Ông nói như thế này: Ông nói: đây là câu đố của Nguyên Xuân, mới được may mắn, nhưng thọ không dài, đáng buồn thay. Thế nào là may mắn? Tức là sở dĩ bà được hoàng đế sủng ái, không hoàn toàn vì tố chất bản thân, mà còn vì bà có một đóng góp nào đó. Một đóng góp của bà có thể là bà đã tố giác một việc gia tộc không nên làm.

Còn nữa là “Kìa hoa lựu nở soi chốn cung vi”, bà có thể đã mang thai. Vì vậy bà rất may mắn, được hoàng đế tín nhiệm đầy đủ. Nhưng thọ không dài. Sinh mệnh của bà vẫn ngắn ngủi. Vì vậy Cao Ngạc nói bà sống đến bốn mươi ba tuổi, không chỉ không khớp với miêu tả phía trước của Tào Tuyết Cần, mà cũng không khớp với lời phê của Chi Nghiễn Trai. Quý vị luôn nói phân tích hiện nay của tôi là trùng hợp, nếu quý vị thích Cao Ngạc đến thế, thì sao Cao Ngạc lại không khéo đến vậy?

Sao lại vụng như vậy? Sao cách viết của họ cứ không thể khớp? Viết tiếp sách thì phải khớp. Cách viết của Cao Ngạc không hay. Thông qua phân tích Hồng Lâu Mộng, chúng ta không khó rút ra kết luận rằng Giả Nguyên Xuân cuối cùng chết thảm. Nhưng vì Hồng Lâu Mộng là một tác phẩm tàn khuyết không đầy đủ, sau hồi 80, rốt cuộc sẽ giải thích chi tiết cái chết của Giả Nguyên Xuân như thế nào, chúng ta rốt cuộc không thể biết.

*Giả Nguyên Xuân rốt cuộc chết vào lúc nào? Nguyên nhân cái chết của bà là gì? Bà thật sự bị người ta hại chết sao? Người hại bà lại là ai? Tất cả những điều ấy có quan hệ gì với cục diện chính trị triều Thanh? Sau khi trải qua tìm tòi và phân tích sâu ở trên, Lưu Tâm Vũ sắp đưa ra suy đoán táo bạo của ông, giải mã bí ẩn cái chết của Giả Nguyên Xuân.*

Giả Nguyên Xuân chết thảm. Vậy bà chết trong tay ai? Vì sau hồi 80, chúng ta không nhìn thấy văn bản.

Nên không dễ suy đoán thật cụ thể, tỉ mỉ. Nhưng nói đại thể, chúng ta cũng có thể hiểu rằng cái chết của Giả Nguyên Xuân hẳn xảy ra trước khi Giả gia bại vong, trước khi hoàn toàn suy sụp. Hẳn không phải câu chuyện ở mấy hồi cuối sau hồi 80. Nó hẳn xảy ra trước khi viết đến đại bại vong của toàn bộ gia tộc họ Giả. Với tư cách một khúc dạo đầu, cái chết của bà hẳn ở vào điểm như vậy. Rất rõ ràng, cái chết của bà có liên quan đến hoạt động của các nhân vật phái Nguyệt trong tiểu thuyết. Người hận bà nhất hẳn là các nhân vật phái Nguyệt trong tiểu thuyết, đặc biệt là người trong gia tộc lão thiên tuế Nghĩa Trung thân vương. Trong hiện thực đời sống, người hận người con gái nhà họ Tào này nhất cũng hẳn là Hoằng Tích và những người của ông ta. Đúng không?

Vì vậy cuối cùng Giả Nguyên Xuân hẳn chết trong tay họ. Tình tiết hẳn tương tự điều được viết trong Trường Sinh điện.

Trong tình huống bức cung, hoàng đế không thể không hy sinh bà để đổi lấy đình chiến tạm thời. Bà trở thành một vật hy sinh trong cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng chính trị.

Trong tám mươi hồi đầu, đã lờ mờ xuất hiện rất nhiều nhân vật phái Nguyệt. Ví dụ Phùng Tử Anh, là một nhân vật còn đang bị treo lửng trong đó. Nhân vật này được nhắc khá nhiều bằng lời nói. Cũng có mấy lần xuất hiện ở hậu cảnh. Trong lời phê của Chi Nghiễn Trai, còn có những lời rất thú vị. Chi Nghiễn Trai có một lời phê nói như thế này: Ông nói viết về Nê Nhị, Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm, bốn hiệp khách, đều được bút pháp truyền thần tả thực. "Truyền thần tả thực" vừa là một đánh giá thẩm mỹ, cũng là tiết lộ nguyên mẫu đời sống. Ông điểm ra bốn hiệp khách này rất thú vị, thân phận, tính cách hoàn toàn khác nhau. Nê Nhị. Nê Nhị là ai? Là tên vô lại du côn nơi phố chợ, cho vay nặng lãi. Nhớ không? Trong sách Hồng Lâu Mộng, nhân vật này rất nổi bật. Giữa một đám nhân vật thuộc gia đình quý tộc, đột nhiên xuất hiện một người như vậy. Đó là một kẻ du côn vô lại nơi phố chợ. Nhưng nhân vật này hiển nhiên sẽ không chỉ xuất hiện một lần trong tiểu thuyết, cũng không chỉ có một hành vi là cho Giả Vân vay bạc. Phùng Tử Anh thì khỏi phải nói. Phùng Tử Anh là một công tử quý tộc, con trai của Thần Vũ tướng quân Phùng Đường. Đây là một cậu ấm quý tộc, là bạn thân của Giả Bảo Ngọc và những người kia. Còn Liễu Tương Liên lại là một loại nhân vật khác. Liễu Tương Liên là con em thế gia sa sút, phiêu bạt.

Lại thuộc một kiểu người khác. Người này đa tài đa nghệ, còn biết hát hí. Văn võ song toàn, là một dạng tồn tại dân gian, một nhân vật bên lề tồn tại trong dân gian. Anh ta vừa có thể quan hệ với phủ đệ quý tộc, cũng có thể hòa lẫn với dân quê thôn dã. Đó là người có thân phận rất mập mờ. Đồng thời còn có Tưởng Ngọc Hàm. Nói khó nghe, Tưởng Ngọc Hàm là một con hát. Nói dễ nghe, là một ưu linh. Tưởng Ngọc Hàm không phải một nhân vật bình thường. Ban đầu anh ta ở Trung Thuận vương phủ, hát hí cho Trung Thuận vương. Nhưng về sau anh ta tự giác chạy đến Bắc Tĩnh vương phủ, trở thành con hát được Bắc Tĩnh vương yêu thích. Về sau nữa, để Trung Thuận vương phủ không tìm được mình, anh ta mua trang viện ở Tử Đàn Bảo, cách phía đông kinh thành hai mươi dặm, ẩn cư ở đó.

Hãy nghĩ xem, Chi Nghiễn Trai đã đọc toàn bộ phần văn sau hồi 80 đã viết xong, đúng không? Ông ấy nói với quý vị rằng có bốn hiệp khách Hồng Lâu, hơn nữa lại là bốn người có thân phận khác nhau đến thế, độ tương phản lớn đến thế. Điều này có nghĩa là gì? Tôi cho rằng điều này có nghĩa là về phía thế lực phái Nguyệt.

Thông qua tiểu thuyết, quý vị sẽ cảm thấy nó là một thế lực tập hợp rộng khắp, gồm những người khác nhau thuộc các tầng lớp khác nhau, tạo thành một lực lượng. Nhưng dù thế nào, trong hiện thực đời sống, phái Nguyệt cuối cùng không thành công.

Ước chừng trong hiện thực đời sống, nguyên mẫu của Phùng Tử Anh và nhóm người ấy sở dĩ vào mùa xuân chạy đến Hoàng Hải, Thiết Võng sơn để đi săn, chính là để trinh sát địa hình. Một khi Hoằng Lịch ra ngoài đi săn, họ sẽ hành thích.

Suy đoán như vậy của tôi không kỳ lạ. Vì theo khảo chứng của các chuyên gia Thanh sử, về sau Càn Long dẹp vụ án Hoằng Tích, không chỉ vì Hoằng Tích có tư lợi, có tâm lý không phục, hoặc chỉ có chút dã tâm, mà vì ông ta đã tập hợp một số người, thật sự tạo ra một vụ mưu sát khi Càn Long rời kinh xuất hành, nhưng họ không thành công. Sau khi Càn Long dẹp việc này, ông đã tiêu hủy các hồ sơ liên quan để giữ thể diện cho mình.

*Lưu Tâm Vũ cho rằng mùa xuân năm Càn Long thứ tư, phe Hoằng Tích lợi dụng lúc hoàng đế Càn Long rời cung ra ngoài săn xuân, thực hiện hành thích ông. Nhưng sự việc trái với mong muốn, việc hành thích không thành công. Ngược lại, Càn Long nhanh chóng chém đứt mớ rối, quyết đoán xử lý vụ án này.*

Bên ngoài, ông cố gắng không để lộ động tĩnh, triều chính dường như cũng không xuất hiện vấn đề lớn. Đối với đảng Hoằng Tích, ông áp dụng cách xử lý phân hóa, tan rã. Đối với bản thân Hoằng Tích, ông không xử tử, mà giam giữ ông ta tại Đông Quả viên ở Cảnh Sơn, canh phòng nghiêm mật, cho đến hết đời. Cuối cùng lại tiêu hủy phần lớn hồ sơ liên quan. Đây chính là vụ Hoằng Tích nghịch án khiến người ta kinh tâm động phách. Cái chết của nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân hẳn chính là trong năm Càn Long thứ tư, trong sự kiện hành thích lần này.

Trong sự kiện ám sát ấy, trong tình huống các nhân vật phái Nguyệt bức cung, hoàng đế Càn Long không thể không hy sinh nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân để đổi lấy đình chiến tạm thời, giành được thời gian tương đối cho Càn Long xoay chuyển thành thắng. Cuối cùng, bà bị các nhân vật phái Nguyệt siết chết. Thế là, nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân trở thành một vật hy sinh bi thảm trong cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng chính trị triều Càn Long. Qua nhiều bài giảng như vậy, chúng ta nói mãi, đã bàn về hai nhân vật trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa của Hồng Lâu Mộng. Một nhân vật chúng ta đã tốn rất nhiều công sức, đó là Tần Khả Khanh. Còn mấy bài gần đây, tôi giảng về Giả Nguyên Xuân.

Xin quý vị chú ý, nghiên cứu tôi làm không phải là nhân vật luận. Tôi thông qua nhân vật Tần Khả Khanh để vào đề, coi đó là một cửa sổ để bước vào cung điện này. Mục đích tôi muốn đạt tới không chỉ là phân tích riêng Tần Khả Khanh cho quý vị, hoặc chỉ phân tích một Giả Nguyên Xuân thuộc hai cánh kéo động cùng với bà. Sự tìm tòi của tôi sẽ liên quan đến hầu như toàn bộ nhân vật trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, trước hết là các nhân vật trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Vậy trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa có những ai? Quý vị trong lòng đều biết rõ.

Vậy trong bài tiếp theo, trước hết tôi sẽ báo cáo với quý vị thành quả tìm hiểu vận mệnh của thoa nào trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa? Trước hết tôi sẽ kể cho quý vị tâm đắc của tôi khi khảo sát vận mệnh của Diệu

Ngọc. Chúng ta bài sau gặp lại.

# Tập 19

Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (thượng)

*Trong phần Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, Hai nhân vật bí ẩn Tần Khả Khanh và Giả Nguyên Xuân Đều đã tìm được nguyên mẫu đời sống của họ. Nhưng bí mật trong Hồng Lâu Mộng vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Sau Tần Khả Khanh và Giả Nguyên Xuân, Còn một nhân vật rất đáng suy ngẫm, Đó là Diệu Ngọc, một trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa.*

*Nhân vật này xuất hiện không nhiều trong Hồng Lâu Mộng, Nhưng lại là một vai trò rất khác thường. Ngay từ danh sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Đã thấy rõ sự đặc biệt của Diệu Ngọc. Trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Bà là người ngoài duy nhất không có quan hệ huyết thống hay hôn nhân với bốn họ lớn. Hơn nữa, bà còn là một nữ tu xuất gia. Vì sao một người phụ nữ như vậy lại được Tào Tuyết Cần Xếp vào danh sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách? Diệu Ngọc, cô gái băng thanh ngọc khiết ấy, Trên người bà còn ẩn giấu bí mật gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ Làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn, Vén màn cho chúng ta về điều bí ẩn trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách: Bí ẩn thứ tự xếp hạng của Diệu Ngọc.*

Mọi người đều đã rất quen thuộc rồi. Trong cấu tứ nghệ thuật của Tào Tuyết Cần, Ở hồi thứ năm, Ông đã dựng nên một Thái Hư ảo cảnh. Trong Thái Hư ảo cảnh, có các trang sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Ông thiết kế Ít nhất ba quyển: chính sách, phó sách và hựu phó sách. Đều được viết ra. Vậy trong chính sách, chúng ta đã khảo cứu hai người phụ nữ, Một là Tần Khả Khanh, Một là Giả Nguyên Xuân. Vậy còn lại mười vị. Trong mười vị còn lại ấy, Người tôi muốn khảo cứu bây giờ Là một trong số đó: Diệu Ngọc.

*Ở hồi thứ năm Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần thiết kế một cảnh như thế này: Giả Bảo Ngọc mộng du Thái Hư ảo cảnh, Nhìn thấy các trang sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, Trong đó có chính sách, phó sách và hựu phó sách. Mỗi sách đều có mười hai người. Riêng trong chính sách. Có mười một bức tranh và mười một bài thơ. Qua khảo chứng của giới Hồng học, Bức tranh thứ nhất và bài thơ thứ nhất trong sách Nói về hai người phụ nữ. Sau đó, mỗi bức tranh, mỗi bài thơ đều dự báo trong Hồng Lâu Mộng Kết cục vận mệnh của một nhân vật nữ. Thứ tự xếp hạng của họ Lần lượt là: Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa Cùng đứng thứ nhất, thứ hai. Thứ ba là Giả Nguyên Xuân. Thứ tư là Giả Thám Xuân. Thứ năm là Sử Tương Vân. Thứ sáu là Diệu Ngọc. Thứ bảy là Giả Nghênh Xuân. Thứ tám là Giả Tích Xuân. Thứ chín là Vương Hy Phượng. Thứ mười là Xảo Thư. Thứ mười một là Lý Hoàn. Thứ mười hai là Tần Khả Khanh. Thứ tự này, Trong mắt độc giả bình thường chúng ta, Có lẽ rất bình thường. Chỉ là một chi tiết do tác giả sắp đặt mà thôi. Nhưng trong mắt một số nhà nghiên cứu, Nghi vấn liền nảy sinh. Vậy Lưu Tâm Vũ nhìn nhận thế nào?*

Vì sao tôi muốn truy tìm Diệu Ngọc? Bởi về sau, khi đọc Hồng Lâu Mộng, Đọc thật kỹ rồi, Tôi phát hiện thứ tự sắp xếp của Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Có phần kỳ lạ. Mọi người đều biết Kim Lăng Thập Nhị

Thoa chính sách Thu nhận mười hai người phụ nữ. Trong mười hai người phụ nữ ấy, mười một người hoặc là con gái của bốn họ lớn được viết ở hồi bốn, Hoặc là người được gả vào bốn họ lớn làm dâu. Chỉ duy có một người là cả hai đều không phải. Người "cả hai đều không phải" ấy là ai? Chính là Diệu Ngọc.

Điều này hơi kỳ lạ. Bây giờ các vị thử nhớ lại một chút, Có phải trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, mười một vị còn lại đều thuộc bốn họ lớn không? Nghĩ một chút thì đúng là như vậy. Nguyên, Nghênh, Thám, Tích, Đây là bốn cô gái nhà họ Giả. Vậy là bốn người rồi. Sau đó có ba người phụ nữ rất quan trọng: Một là Lâm Đại Ngọc.

Lâm Đại Ngọc tuy mang họ Lâm, Nhưng bà do ai sinh ra? Do Giả Mẫn sinh ra. Giả Mẫn là con gái của Giả mẫu. Vì vậy bà cũng có huyết thống nhà họ Giả. Còn Tiết Bảo Thoa, Tiết Bảo Thoa là Hậu duệ của một trong bốn họ lớn Giả, Sử, Vương, Tiết Tức con cháu nhà họ Tiết. Vậy Sử Tương Vân thì sao?

Chính là hậu duệ nhà họ Sử trong bốn họ lớn. Có phải không? Vì vậy họ đều là con gái của bốn họ lớn. Còn Vương Hy Phượng, Thân phận của bà lại càng đặc biệt. Bà vừa là con gái nhà họ Vương trong bốn họ lớn, Lại gả vào một nhà khác trong bốn họ lớn, Tức nhà họ Giả, làm con dâu. Có phải không?

Còn con gái bà là Xảo Thư, Vừa có huyết thống nhà họ Giả Lại có huyết thống nhà họ Vương trong bốn họ lớn. Đúng không? Đương nhiên cũng thuộc phạm trù những người phụ nữ ấy. Lý Hoàn tuy mang họ Lý, không phải con gái của bốn họ lớn, Nhưng bà gả vào nhà họ Giả trong bốn họ lớn làm con dâu, Hơn nữa còn sinh con cho nhà họ Giả. Có phải không? Còn Tần Khả Khanh, Phía trước chúng ta đã khảo cứu rất nhiều.

Về sau bà sống với thân phận vợ của Giả Dung, Tại phủ Ninh Quốc một thời gian. Bà cũng là một trong những nàng dâu của bốn họ lớn. Vì vậy tính đi tính lại.

Trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Người phụ nữ duy nhất vừa không phải con gái của bốn họ lớn, Cũng không gả vào bốn họ lớn làm dâu, Chính là Diệu Ngọc.

Ban đầu tôi thấy không sao cả. Về sau nghĩ kỹ, tôi thấy hơi lạ. Vì sao Tào Tuyết Cần lại cấu tứ nghệ thuật như vậy? Tôi cũng từng bàn với vài người bạn. Có người nói, có phải vì các nhân vật nữ khác không đủ nhiều không? Nếu chọn thêm người vào Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách thì không đủ tư cách chăng? Bởi mọi người đều biết, trong thiết kế chính sách, phó sách và hựu phó sách, Tào Tuyết Cần vẫn có quan niệm đẳng cấp. Người được vào chính sách, Nói đơn giản, theo tiêu chuẩn thời ấy, phải thuộc hàng chủ nhân. Còn a hoàn như Tình Văn, dù xinh đẹp, thông minh, đáng được khẳng định đến đâu, dường như cũng không thể vào chính sách. Vậy có phải loại vai này không đủ không? Vì không đủ người nên kéo thêm vào cho đủ, nghĩ tới nghĩ lui bèn lấy Diệu Ngọc Đặt vào trong đó cho đủ một người? Nhưng nghĩ kỹ xem, tình hình có phải như vậy không? Hiển nhiên là không. A hoàn thì bây giờ chúng ta loại ra trước. Bởi ta biết

trong cấu tứ nghệ thuật của ông, Đánh giá Tào Tuyết Cần thế nào, ở đây tạm chưa bàn. Ông vẫn có quan niệm thượng, trung, hạ. Vậy bây giờ ta rà lại, Trong tiểu thuyết, những người có thân phận tiểu thư, Có ai đủ tư cách vào Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách không? Rất rõ ràng, ít nhất có một người, Theo lý mà nói là không thể tranh cãi, Đủ tư cách vào chính sách, đó là Tiết Bảo Cầm.

Có nhân vật như vậy không? Mọi người nghĩ xem, đất diễn có nhiều không? Tác giả dụng bút tinh tế đến mức nào? Có phải không? Những lời khen của các nhân vật khác dành cho bà có nhiều không? Đó là một vai rất quan trọng. Nhưng khi ông điều chỉnh đi điều chỉnh lại sau cùng, Tức là Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách này, Rốt cuộc lấy mười hai cô gái nào làm nhóm chủ yếu nhất, Nghĩ tới nghĩ lui, Cuối cùng ông bỏ Tiết Bảo Cầm.

Mà lại có Diệu Ngọc. Tiết Bảo Cầm là con gái nhà họ Tiết trong bốn họ lớn. Đúng không? Theo lý, đưa Tiết Bảo Cầm vào, Thì Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách chẳng phải rất chỉnh tề sao? Rất ngay ngắn, Đội hình vô cùng chỉnh tề. Đều là con gái của bốn họ lớn Kim Lăng, Hoặc là người gả vào nhà họ Giả làm dâu.

Nhưng ông thà để không chỉnh tề, Ông chọn Diệu Ngọc, Bỏ Tiết Bảo Cầm. Vì sao vậy? Điều này có đáng nghiên cứu không? Tôi thấy rất đáng nghiên cứu. Tiết Bảo Cầm là cháu gái của Tiết di mụ, Cũng là một người phụ nữ xinh đẹp. Vì đến nhà họ Giả làm khách, Bà trở thành nhân vật hoạt động trong Đại Quan viên.

*Tuy bà cũng là một thành viên của bốn họ lớn, Nhưng lại không được vào Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Còn Diệu Ngọc, người không có huyết thống Hay quan hệ hôn nhân gì với bốn họ lớn, Không chỉ vào chính sách, Mà còn xếp trước cả một nhân vật lớn trong Hồng Lâu Mộng, Người được gọi là "anh hùng phấn son" Vương Hy Phượng. Thật khó tin. Vì sao Tào Tuyết Cần lại sắp đặt như vậy? Chẳng lẽ đất diễn của Tiết Bảo Cầm không nhiều, Hay còn nguyên nhân nào khác? Trước hết, Lưu Tâm Vũ. Từ góc độ văn bản đối chiếu Diệu Ngọc với Tiết Bảo Cầm.*

Chúng ta có thể so sánh trong sách Phần miêu tả về Diệu Ngọc và Tiết Bảo Cầm. Dung lượng hai bên Thực ra có chênh lệch. Diệu Ngọc trong tám mươi hồi đầu chính thức xuất hiện Chỉ có hai lần. Các vị nghĩ xem, Số lần lộ diện trực tiếp có nhiều không? Chỉ hai lần. Một lần là ở hồi bốn mươi mốt, Khi nếm trà trong Lăng Thúy am.

Lúc này Diệu Ngọc chính thức xuất hiện. Đây là chính truyện của Diệu Ngọc trong tám mươi hồi đầu. Là một màn lấy bà làm trung tâm. Đó là lần xuất hiện chính thức thứ nhất. Sau đó bà đều xuất hiện ở ám trường. Lần chính thức xuất hiện tiếp theo thì khá muộn, Tức ở hồi bảy mươi sáu.

Tại Ao Tinh quán, Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân cùng liên thơ. Hồi này trọng điểm là viết về hai người phụ nữ ấy. Đến cuối bỗng có một người bước ra, chính là Diệu Ngọc. Cuối cùng Diệu Ngọc dẫn hai người họ

vào Lăng Thúy am. Phần thơ liên cú chưa xong của hai người, Diệu Ngọc một hơi viết thêm một đoạn dài, Hoàn tất bài thơ ấy. Đây là lần thứ hai Diệu Ngọc xuất hiện.

Rồi trong tám mươi hồi đầu, Diệu Ngọc không còn mấy cơ hội chính thức lộ diện. Chỉ có hai lần ra sân. Tất nhiên ám tả thì tương đối nhiều. Ám tả khá nhiều. Chẳng hạn như viết Đại Quan viên xây xong, Gia nhân trong nhà bèn báo với Vương phu nhân Rằng có một cô gái như thế, Có thể mời đến hay không. Đây là một lần xuất hiện gián tiếp.

Đúng không? Còn một lần ám xuất rất quan trọng, Là sinh nhật Giả Bảo Ngọc, Trong hồi "Thọ Di hồng", "Quần phương khai dạ yến". Sáng hôm sau, khi mọi người tỉnh dậy sau một đêm vui, Giả Bảo Ngọc phát hiện dưới bàn tiệc có một tấm thiếp, Là thiếp chúc thọ Diệu Ngọc gửi cho mình. Từ đó dẫn ra một số tình tiết. Đây là một lần Diệu Ngọc ám xuất. Ở giữa còn vài lần mờ hơn nữa.

Ví dụ như trời đổ tuyết, Mọi người vui vẻ ngắm tuyết. Ngắm tuyết rồi nghĩ hoa mai trong Lăng Thúy am đang nở, hồng mai rất đẹp; Lý Hoàn nói bà rất ghét con người Diệu Ngọc, không muốn tự mình sai người đến xin, nhưng hồng mai của bà ấy đẹp, nên nên xin về thưởng ngoạn. Về sau Giả Bảo Ngọc ra mặt đi xin hồng mai; Tiết Bảo Cầm cũng đi, ban đầu Diệu Ngọc tặng họ một cành hồng mai rất đẹp, Sau đó lại cho Tiết Bảo Cầm hồng mai, Rồi lại tặng hồng mai cho từng tiểu thư. Có lẽ cả Lý Hoàn cũng được tặng hồng mai. Như vậy là ám tả Diệu Ngọc có một hành động như thế, Tức từng tặng hoa hồng mai cho các cô gái trong Đại Quan viên. Cũng chỉ là những tình tiết như vậy.

Cho nên thực ra nếu ta nhìn kỹ Diệu Ngọc trong Hồng Lâu Mộng, Thống kê chính xác thì số lần lộ diện của bà chỉ có hai. Ám xuất, tính hết những lần tôi vừa nói, cũng chỉ chừng năm lần.

Tất nhiên bà rất quan trọng, Nhưng không phải là số lần xuất hiện đặc biệt nhiều, Đất diễn đặc biệt nhiều, Quan trọng đến mức nhất định phải đưa vào Thập Nhị Thoa chính sách. Theo lối nghĩ thông thường, đáng lẽ phải kết luận rằng Dường như trừ khi là thiếu người, Thiếu người nên bà cũng được tính một người. Nhưng thực tế, như tôi vừa chỉ ra, Tiết Bảo Cầm hoàn toàn đủ tư cách, thân phận cũng đủ tư cách, Lại tương xứng với mười một cô gái còn lại, có phải không? Vậy số lần xuất hiện của Tiết Bảo Cầm có nhiều không? Rất nhiều, hơn nữa đều là chính diện xuất hiện. Vậy Tiết Bảo Cầm chính diện xuất hiện bao nhiêu lần?

Chúng ta có thể tính thử. Trước hết là hồi bốn mươi chín, Viết bà cùng hai em họ của Lý Hoàn là Lý Văn, Lý Kỳ, Và cháu gái của Hình phu nhân là Hình Tụ Yên, Bốn người cùng đến nương nhờ phủ Giả. Về sau Giả mẫu rất thích, bèn giữ họ ở lại. Mà Giả mẫu đặc biệt thích Tiết Bảo Cầm. Lý Văn, Lý Kỳ vì là thân thích của Lý Hoàn, Tự nhiên ở Đạo Hương thôn. Hình Tụ Yên vì là thân thích nhà họ Hình, Nên ở chỗ con gái của Hình phu nhân, Tất nhiên không phải con ruột của bà, Tức con gái của Giả Xá và Hình phu nhân, Là chỗ của Nghênh Xuân, Được sắp xếp ở đó.

Vậy Tiết Bảo Cầm được đãi ngộ thế nào? Tiết Bảo Cầm nhận đãi ngộ như Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc thuở đầu, Tức được Giả mẫu giữ lại ở bên cạnh mình. Yêu thích đến mức ấy. Hơn nữa Tiết Bảo Cầm vừa xuất hiện đã rực rỡ chói mắt. Giả mẫu thích bà đến mức không kìm được. Bèn cho bà một chiếc áo choàng vô cùng quý giá.

Trước đây tôi từng nói đến, Các vị còn nhớ không? Là chiếc áo choàng quý giá Làm bằng lông đầu vịt trời. Cho bà mặc. Hơn nữa trong sách thậm chí còn viết rằng. Sau khi họ ở lại trong phủ, Mở tiệc, Giả mẫu để Tiết Bảo Cầm cùng Bảo Ngọc và Đại Ngọc Ngồi chung với mình. Lúc ấy Tiết Bảo Thoa vì có Tiết Bảo Cầm, Bèn sang một bàn khác, Ngồi cùng Nghênh Xuân gì đó. Trong sách còn đặc biệt viết rằng, Khi các tiểu thư đang vui chơi, Giả mẫu còn sai người đến truyền lời, Nói không được để Tiết Bảo Cầm chịu thiệt thòi.

Tiết Bảo Thoa còn có chút ghen. Tiết Bảo Thoa là người trong sách Luôn được viết là rất độ lượng, Một người như vậy, Nhưng trong cảnh cụ thể này, Cũng nói vài câu chua chát. Thật ra mức độ hẹp hòi lúc ấy không kém gì Lâm Đại Ngọc thường ngày.

Tào Tuyết Cần viết Tiết Bảo Cầm như vậy. Bà vừa xuất hiện đã khí độ phi phàm. Đến hồi năm mươi, viết các tiểu thư ở Lô Tuyết am bắt đầu liên thơ. Trong cuộc liên thơ, vai nổi bật nhất là ai? Có mấy người trong đó quan trọng nhất là Sử Tương Vân và Tiết Bảo Cầm.

Bởi liên thơ là so tài với nhau, xem tài thơ có nhanh nhạy không. Người khác ra câu trên, mình có nối tiếp được không, nối xong có hợp niêm luật không. Lúc này, tác giả đặc biệt viết rằng Mấy người hợp sức đấu với Sử Tương Vân, cuối cùng chỉ còn một người tranh tài với Sử Tương Vân, chính là Tiết Bảo Cầm. Tài thơ của bà áp đảo quần phương, Không nhường người bên cạnh, Tôi nói "người bên cạnh" ở đây là chị họ của bà, Tức Tiết Bảo Thoa. Hơn nữa còn tiến sát Sử Tương Vân. Bà là một người phụ nữ đáng yêu như vậy.

Bà còn viết bài thơ hồng mai, Tự mình lại đến Lăng Thúy am xin hoa mai, Và xuất hiện một cảnh đẹp nhất trong tiểu thuyết. Đó là trên sườn núi phủ tuyết trắng, Bỗng xuất hiện một người đẹp như trong tranh, Chính là Tiết Bảo Cầm. Sau khi bà xuất hiện, Phía sau lại có một a hoàn ôm chiếc bình, Trong bình cắm hồng mai. Các vị nghĩ xem, thời ấy chưa có điện ảnh, truyền hình, Nhưng tư duy của Tào Tuyết Cần Quả thật khiến người ta kinh ngạc. Ông có tư duy hình ảnh như điện ảnh. Cuối tiểu thuyết còn viết rất rõ, Giả mẫu nói cô gái này đẹp quá.

Có người nói: lão tổ tông, giống hệt bức tranh trong phòng người trong phòng Giả mẫu có một bức tranh rất quý Của đại họa gia đời Minh Cửu Thập Châu, Tên là Song Diễm đồ. Giả mẫu nói thế nào? Giả mẫu nói, người trong tranh cũng không đẹp bằng người ta đang thấy bây giờ.

Giả mẫu này đều là nhân vật dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần. Nhà văn viết tiểu thuyết, Tuy có căn cứ đời sống, có chất liệu đời sống, nhưng khi viết ra, nhân vật do ngòi bút ông chi phối; ông để Giả mẫu dưới ngòi bút

của mình khen Tiết Bảo Cầm như vậy. Chưa từng thấy Giả mẫu khen Lâm Đại Ngọc hay Tiết Bảo Thoa, hay bất cứ cô gái nào như thế. Sau khi Giả mẫu khen xong, bà hỏi Tiết di mụ. Hỏi điều gì? Hỏi kỹ về canh thiếp bát tự và gia cảnh của Tiết Bảo Cầm. Các vị nghĩ xem, điều này có nghĩa gì? Đến mức này.

Giả mẫu đã nảy ý trong lòng rồi. Trong sách cũng viết rõ rằng Tiết di mụ cũng là người thông minh, Nên hiểu ý của Giả mẫu. Dường như Giả mẫu muốn hỏi rõ rồi Gả cho Bảo Ngọc. Nhưng Giả mẫu lại không nói thẳng. Vì vậy Tiết di mụ nửa kín nửa hở thưa với Giả mẫu, Đại ý là đã hứa gả cho nhà khác rồi.

Hứa gả cho nhà Mai Hàn lâm rồi. Giả mẫu nghe nói đã hứa gả cho người ta rồi, Trong xã hội phong kiến, một khi đã hứa gả, Thì trên pháp luật và đạo đức Đều coi như đã định vị rồi. Nếu đi phá hoại, Đi chia rẽ mối ấy, Thì vừa trái luật vừa trái đạo đức. Giả mẫu bèn không nói tiếp nữa. Tác giả viết Tiết Bảo Cầm đến mức ấy, Gần như suýt được Giả mẫu nhận định Là người có thể kết hôn với Bảo Ngọc. Tác giả dụng bút với Tiết Bảo Cầm. Không hề keo kiệt đến mức nào?

Hồi bốn mươi chín viết bà như vậy, Hồi năm mươi mốt lại viết bà. Hơn nữa hồi năm mươi mốt còn để bà lên thẳng hồi mục, Tức "Tiết tiểu muội tân biên hoài cổ thi". Đến hồi năm mươi hai, Lại càng dùng chiêu lạ. Tiết Bảo Cầm thật không tầm thường. Tiết Bảo Cầm tự mình biết làm thơ, Hơn nữa người này theo cha Đã đi đến rất nhiều nơi. Không chỉ trong lãnh thổ Trung Quốc, Bà hầu như đã đi khắp nhiều vùng rộng lớn, Thậm chí cả bên ngoài biên giới, Bà cũng từng du lịch.

Bà còn biết bài thơ chữ Hán của cô gái Chân Chân quốc. Cuối cùng bà còn đọc thuộc bài thơ chữ Hán của cô gái Chân Chân quốc cho mọi người nghe. Bài thơ ấy xuất hiện trọn vẹn trong văn bản Hồng Lâu Mộng. Các vị nói xem, vai Tiết Bảo Cầm này như thế nào? Quan trọng hơn nữa là đến hồi năm mươi ba. Hồi năm mươi ba viết gì?

Tức là lại đến cuối năm, Một năm mới sắp bắt đầu, Lúc này phải tế tổ, Tế tông từ. Về việc tế tông từ, Nhiều nhà bình luận Hồng Lâu Mộng các đời đều chỉ ra Tào Tuyết Cần viết chỗ này rất kỳ lạ. Theo lý là không hợp tập tục xã hội thời ấy. Bởi phủ Giả tế tông từ, Người khác họ không thể vào từ đường, Cũng không cần vào từ đường. Nhưng Tào Tuyết Cần lại cố tình viết có một người Đứng bên quan sát việc tế tự của phủ Giả. Các vị còn nhớ không?

Ai vào đó để quan sát? Tác giả chọn nhân vật nào? Chọn chính là Tiết Bảo Cầm.

Điều này thật rất kỳ lạ. Nếu ông không có với nhân vật này. Một tình cảm rất đặc biệt, Hoặc một đánh giá đặc biệt, Nếu trong cấu tứ tổng thể của ông, Nhân vật này không được quan chiếu rất đặc biệt, Ông sẽ không viết như vậy. Bởi ngôn ngữ trần thuật của toàn bộ Hồng Lâu Mộng Về cơ bản vẫn là trần thuật khách quan, Tức trần thuật ngôi thứ ba. Thỉnh thoảng có chen một chút ngôn ngữ ngôi thứ nhất, Nhưng cơ bản là

kể ở ngôi thứ ba. Không nhất thiết phải thông qua Tiết Bảo Cầm để nhìn phủ Giả tế tự ra sao. Nhưng tác giả cứ muốn viết như vậy.

Một khi đời sống đi vào nghệ thuật, Bản thân nghệ sĩ, bản thân nhà văn, Quả thật có tự do sáng tác của mình.

Sở dĩ ông tự do như vậy, Trong lòng nhất định có một sức thúc đẩy. Các vị nghĩ xem, Tiết Bảo Cầm quan trọng biết bao. Tôi nói nhiều như vậy để làm gì? Là để nói vai Tiết Bảo Cầm không hề tầm thường. Đúng không? Sau tám mươi hồi, có thể thấy bà còn có đất diễn. Đây là nhân vật xuyên suốt toàn cục. Nhưng sau khi Tào Tuyết Cần điều chỉnh đi điều chỉnh lại, Ông không xếp bà vào Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách.

Bà là một cô gái chính thống của bốn họ lớn, Nghĩ tới nghĩ lui vẫn không xếp. Vậy ông xếp ai? Diệu Ngọc.

Cho nên nghiên cứu Diệu Ngọc từ góc độ này cũng rất thú vị. Có phải không? Trong tám mươi hồi đầu, bà chỉ chính diện xuất hiện hai lần. Vừa rồi Tiết Bảo Cầm xuất hiện bao nhiêu lần? Tôi vừa kể đó, Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, Đúng không? Ít nhất sáu bảy lần. Có phải không?

Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, Ông vẫn sắp đặt như vậy. Sự tréo ngoe giữa Tiết Bảo Cầm và Diệu Ngọc Khiến người ta cảm thấy rất kịch tính. Trong Hồng Lâu Mộng, Diệu Ngọc xuất hiện thưa thớt, Còn Tiết Bảo Cầm xuất hiện thường xuyên. Vừa ra đã rực rỡ chói mắt. Dung mạo và tài học của bà Khiến nhân vật trong sách lẫn độc giả đều khâm phục. Nhưng một người phụ nữ gần như hoàn mỹ như vậy Lại lỡ mất cơ hội với Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách.

*Vì sao Tào Tuyết Cần làm như vậy? Chẳng lẽ những phụ nữ được đưa vào Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Cũng như thứ tự xếp hạng của họ, Đều chỉ là tác giả nhất thời hứng lên, Tùy tiện hạ bút hay sao? Đối với vấn đề này, Lưu Tâm Vũ lại nhìn nhận thế nào? Bản thân Tào Tuyết Cần đối với sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, Việc chia thành mấy nhóm, Mỗi nhóm mười hai người, Chia thế nào, Ông đã động não rất nhiều. Đây là một công việc rất quan trọng của ông. Bởi viết một tiểu thuyết trường thiên, Phải lập đề cương.*

Tình tiết phát triển ra sao, Như lúc ấy có thể ông phải lập hồi mục. Tức là tuy chưa viết xong toàn bộ sách, Ông có thể trước hết viết mỗi hồi thành, Có thể liệt kê hồi mục trước. Sau đó phải lập bảng nhân vật. Tôi sẽ viết những nhân vật nào? Bộ sách này chủ yếu là lập truyện cho ai? Là lập truyện cho nữ giới.

Vậy ông cấu tưởng ra một phương pháp Gọi là Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Từng nhóm trình hiện những người phụ nữ ấy. Trong đó quan trọng nhất là chính sách, Kế đến là phó sách, Rồi đến hựu phó sách. Hiện nay, theo khảo chứng của một số nhà Hồng học, Ở hồi cuối cùng, tức Tình bảng, Tình bảng đáng lẽ gồm chín nhóm kim thoa, Tổng cộng 108 người phụ nữ. Cấu tứ hẳn là như vậy. Vì vậy trong cổ bản Hồng Lâu

Mộng, Ta có thể phát hiện Ở hồi thứ nhất của cổ bản Hồng Lâu Mộng, Có giới thiệu sự biến đổi tên sách Hồng Lâu Mộng.

Tên sớm nhất của sách là Thạch Đầu ký bởi cấu tứ nghệ thuật của nó cũng là Cuối cùng hòn đá ấy Biến thành hình người, Đi dạo một vòng trong nhân gian. Tất nhiên nó có thể lớn có thể nhỏ. Cuối cùng có thể thu nhỏ đến mức. Có thể cùng một sinh mệnh chào đời đồng thời. Bởi nó có thể để người ấy ngậm trong miệng, Lúc nhỏ, người ấy chính là Giả Bảo Ngọc, Ngậm một viên Thông linh bảo ngọc trong miệng, Vì thế sinh ra trong chốn ôn nhu phú quý. Trải qua một phen phồn hoa, Cuối cùng lại trở về Đại Hoang sơn, Trở về dưới Thanh Ngạnh phong. Rồi khôi phục hình dáng ban đầu của nó: một hòn đá rất lớn, trên khắc đầy chữ.

Vì vậy đây là Thạch Đầu ký. Tên sách ban đầu chính là Thạch Đầu ký. Trong sách lại nói Không Không đạo nhân, Đây là một nhân vật do tác giả tưởng tượng trong sách, Một nhân vật hơi mang màu sắc phi hiện thực, Không Không đạo nhân. Sau khi Không Không đạo nhân đọc một lượt, Thấy có thể chép lại để lưu truyền, Bèn đổi tên thành Tình Tăng lục. Bởi trong sách, sau tám mươi hồi, Đáng lẽ viết Giả Bảo Ngọc về sau từng xuất gia, Xuất gia tức làm hòa thượng, hòa thượng là tăng; ông lại là một tình si, tình chủng, nên gọi Tình Tăng lục. Trong cổ bản Thạch Đầu ký, Rất nhiều bản không có tên sách Hồng Lâu Mộng.

Chỉ trong bản Giáp Tuất có một câu, nói có người tên Ngô Ngọc Phong gọi sách này là Hồng Lâu Mộng; chuyện này thế nào, sau này chúng ta sẽ nghiên cứu. Trong đó đặc biệt nhắc tới một người nữa là Đông Lỗ Khổng Mai Khê. Đông Lỗ là địa danh, chỉ quê hương Khổng phu tử; Khổng Mai Khê hàm ý hậu duệ của Khổng phu tử. Người này lại gọi sách là Phong Nguyệt Bảo Giám. Qua lời phê của Chi Nghiễn Trai, ta biết Tào Tuyết Cần thời niên thiếu từng viết một tiểu thuyết cũ gọi là Phong Nguyệt Bảo Giám; rõ ràng trong Hồng Lâu Mộng hiện nay có dùng một số chất liệu từ tiểu thuyết sớm ấy. Đặc biệt là câu chuyện Giả Thụy.

Trong đoạn chuyện Giả Thụy này, Bây giờ khi ta đọc Hồng Lâu Mộng, Có một vật gọi là Phong Nguyệt Bảo Giám. Mọi người còn nhớ không? Nó giống như một chiếc gương. Cầm lấy rồi soi mặt trước thì sẽ thế nào, Soi mặt sau thì sẽ thế nào.

Đoạn chuyện này rõ ràng là từ. Tác phẩm cũ Phong Nguyệt Bảo Giám của ông. Được lấy ra, Dung hòa vào câu chuyện tổng thể của Hồng Lâu Mộng. Tất nhiên, dùng tên Phong Nguyệt Bảo Giám Để khái quát Hồng Lâu Mộng, Nếu nhìn văn bản tám mươi hồi hiện nay thì rất không thích hợp. Chi Nghiễn Trai đã giải thích rằng, Bởi năm xưa khi Tào Tuyết Cần viết Phong Nguyệt Bảo Giám, Có lẽ còn khá trẻ, Em trai ông tên Đường Thôn từng viết lời tựa cho ông. Về sau Đường Thôn chẳng may qua đời. Vì để tưởng niệm Đường Thôn, Chi Nghiễn Trai cho rằng tên Phong Nguyệt Bảo Giám vẫn có thể giữ lại. Còn đối với bản thân Tào Tuyết Cần, Trong hồi thứ nhất do chính ông viết, Ông nhấn mạnh rằng, Tào Tuyết Cần ở Điệu Hồng hiên Phê duyệt mười năm, Thêm bớt năm lần, Soạn thành mục lục, Chia ra chương hồi, Rồi đề tên là gì? Bản thân Tào Tuyết Cần từng một thời Khá nghiêng về việc đặt tên sách là Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Nhưng cuối cùng, Người cộng tác với ông là Chi Nghiễn Trai khuyên rằng.

Sách này vẫn nên gọi là Thạch Đầu ký. Cho nên đến khi Chi Nghiễn Trai Về sau vào năm Bính Tuất chép lại và bình điểm, Lại khôi phục tên sách sớm nhất là Thạch Đầu ký. Có người không hiểu. Có người đọc đoạn này trong cổ bản mà không hiểu, Nói Tào Tuyết Cần này cũng thật là, Bây giờ chúng ta đều gọi sách của ông là Hồng Lâu Mộng, Còn ông thì hay rồi, Ngay cả Thạch Đầu ký ông cũng không gọi, Ông gọi là Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Vì vậy có người nghi ngờ rằng những chữ này có phải do chính Tào Tuyết Cần viết không. Tôi cho rằng ngược lại, chính là ông viết.

Điều đó cho thấy một tác giả, Khi cấu tứ một tiểu thuyết trường thiên, Khi cân nhắc bố trí nhân vật, Ông đã suy nghĩ rất nhiều. Tào Tuyết Cần vì chuyện này, Tức phải xác định trong tiểu thuyết này. Các vai nữ ra sao, Ông đã hao tâm tổn huyết. Chính sách nên là ai, Phó sách nên là ai, Hựu phó sách nên là ai, Từ tứ phó, ngũ phó đến cửu phó là những ai, Ông điều chỉnh qua lại, Không phải một lần là thành hình. Như thứ tự của Chính sách này, Ông đã hao phí rất nhiều tâm tư. Trong việc đặt tên cho tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng, Tác giả Tào Tuyết Cần từng một thời nghiêng về Cái tên Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Từ đó có thể thấy, Mức độ coi trọng mười hai người phụ nữ được chọn Tuyệt đối không phải tùy hứng.

*Mà là sau một phen suy nghĩ Mới quyết định ra. Dù Tiết Bảo Cầm gần như hoàn mỹ, Nhưng trong chính sách, Tào Tuyết Cần cuối cùng không chọn Tiết Bảo Cầm, Mà chọn Diệu Ngọc. Vì sao Tào Tuyết Cần lại sắp đặt như vậy? Thông qua Diệu Ngọc, ông rốt cuộc muốn nói rõ điều gì? Trong quá trình Lưu Tâm Vũ khảo cứu Diệu Ngọc, Ông phát hiện nhân vật Diệu Ngọc này. Còn được Tào Tuyết Cần để lại cho chúng ta. Không chỉ những nghi vấn ấy.*

Bây giờ chúng ta chú ý thấy rằng, Diệu Ngọc không những vào chính sách, Mà thứ hạng của Diệu Ngọc còn rất cao. Diệu Ngọc xếp thứ sáu. Các vị nghe xem, Diệu Ngọc có đặc biệt không? Có phải rất đặc biệt không? Bây giờ các vị còn nhớ không, Thứ tự Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách trong Hồng Lâu Mộng. Được sắp xếp rất thú vị. Hạng một, hạng hai của nó không phân biệt rõ, Mà song song là Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa.

Trong Thái Hư ảo cảnh, Các trang sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa Thực tế chỉ có mười một bức tranh, mười một bài thơ. Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa hợp thành một tranh, một thơ. Trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa Cũng được gộp lại với nhau. Cho nên thứ tự này, ông đã rất động não. Bởi hai người này, ông thấy rất khó phân ra một, hai. Vì vậy hai người này cùng song song.

Đó là hai người đứng đầu. Thứ ba là Giả Nguyên Xuân. Bởi Giả Nguyên Xuân, ông thấy rất quan trọng. Bà là người lớn tuổi nhất trong phủ Giả, Hơn nữa về sau địa vị cao nhất, Và qua mấy buổi giảng trước, các vị cũng biết, Bà là một nhân vật nữ quan trọng chi phối vận mệnh toàn bộ phủ Giả. Vì vậy Giả Nguyên Xuân xếp thứ ba. Nhưng bên dưới, các vị xem ông có động não không.

Theo lý, sau khi Giả Nguyên Xuân đã xếp rồi, Tiếp theo đáng lẽ là Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân. Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Đúng không? Nguyên, Nghênh, Thám, Tích. Đã xếp Giả Nguyên Xuân rồi, Bên dưới đáng lẽ phải tiếp ngay Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân. Nhưng ông không xếp như vậy. Các vị có chú ý không?

Vị trí thứ tư ông xếp ai? Xếp Giả Thám Xuân. Cho nên nhân vật Giả Thám Xuân này cũng không đơn giản. Điều đó cho thấy trong lòng tác giả, Bà là một vai rất quan trọng. Bí mật của Thám Xuân là đặc biệt nhất. Về sau chúng ta còn sẽ khảo cứu đến.

Bà không phải chết, Cũng không phải xuất gia, Mà là đi xa lấy chồng. Mà cuộc viễn giá này lại không phải cuộc viễn giá bình thường. Đây là một vai rất quan trọng. Vì vậy các vị xem, Nghĩ tới nghĩ lui, Ở vị trí thứ tư ông xếp Thám Xuân. Thứ năm xếp Sử Tương Vân. Theo lý, Sử Tương Vân xếp thứ năm đã đủ thiệt thòi rồi.

Sử Tương Vân, các vị nghĩ xem, là một người phụ nữ đáng yêu biết bao. Đúng không, một vai vô cùng quan trọng. Nhưng ông nghĩ tới nghĩ lui, đặt bà ở vị trí thứ năm. Vậy ai nên đứng thứ sáu? Khi tôi đọc Hồng Lâu Mộng lúc ấy, Tôi cảm thấy Vương Hy Phượng phải đứng thứ sáu. Vương Hy Phượng không thể xếp lùi thêm nữa.

Vai này có phải không? Đúng không? Xét từ mọi phương diện, bà là "anh hùng phấn son". Đất diễn quá nhiều. Các vị nói xem bà xuất hiện bao nhiêu lần, đếm cũng không xuể. Đếm xong rồi hai chúng ta còn có thể cãi nhau.

Các vị nói tôi đếm không chuẩn, chỗ nào lại bỏ sót. Quá nhiều. Lời bà từng nói. Có thể chất đầy mấy xe. Người chưa tới mà tiếng đã tới trước. Nhưng nhân vật này, Trong chính sách, Tào Tuyết Cần. Không xếp bà lên phía trước. Sau vị trí thứ năm, Khi xếp thứ sáu thì lại là Diệu Ngọc.

Diệu Ngọc ở trong Mười hai thoa, Có thể nói là Đứng ngang giữa dãy núi, Chia các thoa còn lại Thành hai nửa. Diệu Ngọc xếp thứ sáu. Tào Tuyết Cần cấu tứ thế nào? vậy? Có phải không? Sau Diệu Ngọc, Rồi mới đến Nghênh Xuân, mới đến Tích Xuân, Rồi mới đến Vương Hy Phượng, Còn có con gái Vương Hy Phượng là Xảo Thư. Có người nói Xảo Thư dường như xếp vào Thập Nhị Thoa. Có phần gượng ép.

Bởi trong tám mươi hồi đầu, Xảo Thư còn rất nhỏ, Cũng không có mấy đất diễn. Nhưng tôi thấy bà được xếp vào là có đạo lý. Bởi nếu muốn phô bày vận mệnh của những người phụ nữ nhà họ Giả ở Kim Lăng, Những người khác về cơ bản đều cùng một thế hệ.

Có Xảo Thư vào, đội hình ấy có thể hơi lập thể hơn một chút. Hơn nữa vận mệnh cuối cùng của Xảo Thư lại rất đặc biệt, Lại có liên quan đến câu chuyện Lưu lão lão. Nó thể hiện một phương diện rất quan trọng trong tư duy của Tào Tuyết Cần. Vì vậy có Xảo Thư là nói được thông. Sau đó là Lý Hoàn, Sau nữa là Tần Khả

Khanh. Cho nên các vị xem Diệu Ngọc này, Bà vừa không phải cô gái có huyết thống của bốn họ lớn, Lại không gả vào bốn họ lớn làm dâu. Trong sách, đất diễn của bà Lại ít hơn Tiết Bảo Cầm.

Nhưng Tào Tuyết Cần tuyệt đối không thể cắt bỏ vai này. Ông thật lòng yêu quý người phụ nữ ấy. Ông nhất định phải xếp bà vào hàng nữ tử trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Hơn nữa còn cho bà đứng thứ sáu.

Chúng ta có thể tìm được trong sách vài manh mối để giải mã Những bí ẩn trong việc Tào Tuyết Cần thiết lập nhân vật này không? Tôi cho rằng có manh mối. Có manh mối. Vậy trong buổi giảng sau, chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận về Diệu Ngọc. Hẹn gặp lại các vị ở buổi sau.

# Tập 20

Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (hạ)

*Trong danh sách chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa của Hồng Lâu Mộng có một nhân vật rất khác thường. Đó chính là Diệu Ngọc.*

*Nàng là người duy nhất trong Thập Nhị Thoa không có quan hệ huyết thống hay hôn nhân với tứ đại gia tộc. Trong Hồng Lâu Mộng, đất diễn của nàng kém xa Tiết Bảo Cầm. Nhưng nàng lại được đưa vào danh sách chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, còn Tiết Bảo Cầm, người ở trong tứ đại gia tộc, lại bị tác giả gạt ra ngoài chính sách. Lẽ nào đây là sơ suất của tác giả? Vì sao Diệu Ngọc lại được tác giả trân trọng đến thế? Trên người nàng ẩn giấu bí mật gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiên sinh làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn, mở lối đi riêng, từ hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng, bắt đầu với Cảnh Huyễn tiên cô, để vén màn cho chúng ta bí mật ẩn sau Diệu Ngọc.*

Diệu Ngọc, nàng không phải là cô gái mang huyết thống của tứ đại gia tộc, cũng không gả vào tứ đại gia tộc làm dâu. Trong sách, phần xuất hiện của nàng lại ít hơn Tiết Bảo Cầm.

Nhưng Tào Tuyết Cần tuyệt đối không thể bỏ nhân vật này. Ông thật sự yêu quý người phụ nữ này. Vì thế nhất định phải xếp nàng vào hàng nữ tử trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, và còn xếp nàng ở vị trí thứ sáu.

Chúng ta có thể tìm được vài manh mối trong sách hay không, để giải mã những điều sâu kín khi Tào Tuyết Cần xây dựng nhân vật này? Tôi cho rằng là có manh mối. Có manh mối. Chúng ta sẽ phát hiện văn tự hồi thứ năm nếu đọc kỹ thì rất thú vị. Giả Bảo Ngọc đi tới Thái Hư ảo cảnh, Cảnh Huyễn tiên cô dẫn chàng đi du ngoạn khắp nơi. Cuối cùng Cảnh Huyễn tiên cô gọi ra một số tiên nữ trong tiên cảnh, các tiên cô đến gặp chàng. Hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng viết rằng Giả Bảo Ngọc theo Giả mẫu sang phủ Ninh Quốc chơi. Sau bữa trà cơm buổi trưa, Giả Bảo Ngọc hơi mệt, bèn được Tần Khả Khanh dẫn vào phòng ngủ nghỉ. Trong giấc ngủ, Giả Bảo Ngọc mộng du tới Thái Hư ảo cảnh. Đây là một nơi hư cấu do tác giả Tào Tuyết Cần dựng nên. Từ đó xuất hiện chủ nhân của Thái Hư ảo cảnh là Cảnh Huyễn tiên cô. Cảnh Huyễn tiên cô lại cho bốn vị tiên cô gặp mặt Bảo Ngọc. Điều này cấu thành một chi tiết trong Hồng Lâu Mộng.

Vậy xin các bạn chú ý, Tào Tuyết Cần đã có ý thức viết tới việc xuất hiện bốn vị tiên cô này. Ông không viết nhiều hơn. Tiên cô lẽ ra phải rất nhiều, nhưng ông viết bốn vị tiên cô chủ yếu nhất. Bốn vị tiên cô chủ yếu nhất này đều có tiên danh. Các bạn đã từng nghiền ngẫm những tiên danh ấy chưa? Tào Tuyết Cần tuyệt đối không phải viết bừa vài cái tên như thế. Bốn tiên cô ở Thái Hư ảo cảnh được sắp xếp theo thứ tự như sau. Các cổ bản ở điểm này đều có văn tự nhất trí. Một vị tên là Si Mộng tiên cô, một vị tên là Chung Tình

đại sĩ, một vị tên là Dẫn Sầu kim nữ, một vị tên là Độ Hận Bồ Đề. Rất nhiều người không nghiền ngẫm, nhưng điều này rất đáng nghiền ngẫm. Thái Hư ảo cảnh tuy là một không gian hư ảo do tác giả thiết lập, nhưng trong không gian ấy, tác giả lại dự đặt số phận của các nhân vật trong hiện thực. Vì thế hồi thứ năm rất quan trọng. Hồi thứ năm có thể nói là tổng cương của toàn sách.

Cho nên ông viết bốn tiên cô của Thái Hư ảo cảnh, lại còn đặt tên cho họ, tuyệt đối không phải tiện tay viết bừa. Cho dù bạn nhìn thấy như thể ông vô ý viết thuận tay, Chi Nghiễn Trai cũng đã nói với bạn rồi, cái gọi là vô ý thuận tay của ông thật ra đều là một cây nghìn nhánh, một nguồn muôn dòng, đều là rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm. Vì vậy cách đặt tên bốn tiên cô này thật ra, tôi nói với các bạn cảm nhận của tôi, chính là Tào Tuyết Cần ở đây đã điểm rõ cho bạn thấy trong cả đời Giả Bảo Ngọc, đối với vận mệnh của chàng, có bốn người phụ nữ giữ vai trò then chốt rất lớn. Ông ám chỉ chính là bốn thoa trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Bốn người phụ nữ nào? Chúng ta nói từng người một. Một vị tên Si Mộng tiên cô, không cần nói cũng biết là Lâm Đại Ngọc; Lâm Đại Ngọc rất si, đắm chìm trong giấc mộng ái tình, bản thân nàng vốn là tiên nữ từ trời xuống, là Giáng Châu tiên thảo trên trời, đó là Si Mộng tiên cô.

Cho nên trong Thái Hư ảo cảnh, Si Mộng tiên cô thật ra ám chỉ Lâm Đại Ngọc; nàng là người phụ nữ quan trọng nhất trong đời Giả Bảo Ngọc, người Giả Bảo Ngọc thật sự yêu chính là nàng. Có người đoán thế này thế kia, Giả Bảo Ngọc có yêu Tiết Bảo Thoa không, có từng yêu Sử Tương Vân không, có phải cũng từng yêu Diệu Ngọc không; Giả Bảo Ngọc cũng rất thân mật với vài nha hoàn, với một số nha hoàn như Tập Nhân còn có quan hệ xác thịt. Nhưng tình yêu đúng nghĩa nghiêm ngặt thì chàng chỉ dành cho một người, đó chính là Lâm Đại Ngọc. Lâm Đại Ngọc càng không cần nói. Lâm Đại Ngọc đem toàn bộ tình cảm thân tâm dâng hiến cho Giả Bảo Ngọc. Vì vậy Si Mộng tiên cô chính là ám chỉ Lâm Đại Ngọc, một người phụ nữ then chốt vô cùng quan trọng trong đời Bảo Ngọc.

Vị thứ hai là ai? Các bạn chú ý thứ tự bốn tiên cô trong Thái Hư ảo cảnh. Vị thứ hai gọi là Chung Tình đại sĩ, là ai? Chính là ám chỉ Sử Tương Vân trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Vì sao nói vậy? Bởi trong cùng hồi ấy, lời phán và khúc viết cho Sử Tương Vân đều nói rất rõ: Sử Tương Vân là người thế nào?

Nàng chưa từng đem chuyện nhi nữ tư tình ra ngâm nga thưởng thức. Hơn nữa người này lòng dạ anh hùng, rộng rãi khoáng đạt, tuy là nữ giới nhưng có phong độ nam nhi. Trong tiểu thuyết thật ra còn viết rằng nàng mặc y phục của Giả Bảo Ngọc, giả làm con trai, đến mức làm Giả mẫu tưởng nàng chính là Bảo Ngọc. Các bạn còn nhớ tình tiết này chứ? Nàng chơi trò gì? Nàng nhào cả người xuống tuyết, nhớ chứ?

Có đoạn miêu tả như vậy. Hơn nữa nàng và Giả Bảo Ngọc ở Lô Tuyết am còn ăn đồ nướng, ăn thịt hươu. Bây giờ ăn đồ nướng, bạn thấy là một cách ăn rất thịnh hành, nhưng năm xưa, một cô gái quý tộc trong đại gia tộc phong kiến lại tự tay ăn đồ nướng trên vỉ sắt, điều này rất vượt khuôn phép, rất lãng mạn. Nàng là một người như vậy. Vì thế ông dùng Chung Tình đại sĩ để bao quát Sử Tương Vân. Cái gọi là chung tình, trong Hồng Lâu Mộng có một từ thường xuất hiện, gọi là tình chủng.

Trong một số cổ bản, chỗ này viết là chúng tình, cũng tức là nhiều thứ tình. Đúng không? Sử Tương Vân là một người gieo rắc niềm vui, gieo rắc tình cảm. Nhưng bản thân nàng, xét trong tám mươi hồi đầu, vẫn chưa thật hiểu ái tình nam nữ. Nàng là một cô gái cứ gọi Giả Bảo Ngọc là anh yêu, anh yêu, một người phụ nữ hoạt bát như thế. Còn đại sĩ tuy là một thuật ngữ Phật giáo, trong dân gian bên ngoài, đại sĩ, như Quan Âm đại sĩ, Quan Thế Âm Bồ Tát; Bồ Tát nói chung, theo cách hiểu của chúng ta, lẽ ra không có giới tính, là một tồn tại trên cõi trời mà người phàm tin có thể cứu khổ cứu nạn.

Quan Âm Bồ Tát được yêu mến đến vậy chính vì Quan Âm hiện nữ tướng; thật ra Ngài không phân nam nữ, đúng không? Nói ngược lại, đại sĩ Quan Âm tự thân hàm nghĩa có nữ tướng, vừa có tướng Bồ Tát, cũng có nữ tướng. Vì thế điều này hẳn ám chỉ Sử Tương Vân là một người phụ nữ rất quan trọng trong đời Giả Bảo Ngọc. Hơn nữa không chỉ một nhà nghiên cứu Hồng học đã qua khảo cứu chứng minh rằng trong phần sau tám mươi hồi của tiểu thuyết sẽ viết tới Sử Tương Vân. Tuy nàng từng gả cho một người chồng khá tốt, nhưng cuối cùng vẫn nhà tan người mất. Trong hoàn cảnh vô cùng gian nan, lận đận, nàng và Giả Bảo Ngọc trong tiểu thuyết nhờ con kỳ lân mà nên duyên bạc đầu song tinh.

Đây là một chi tiết phục bút trong tám mươi hồi đầu, các bạn còn nhớ chứ? Cuối cùng họ hội hợp. Vậy trong những năm tháng cuối cùng của Giả Bảo Ngọc, người bạn đường đi cùng chàng chính là Sử Tương Vân. Tất nhiên, đối với khảo luận về phần sau tám mươi hồi này vẫn còn tranh cãi. Nhưng chứng cứ ủng hộ luận điểm ấy cũng không ít. Từng có người thời Dân Quốc nhìn thấy một bản tục thư khác, một bản nối tám mươi hồi khác, tức là chỉ từng thấy cổ bản tám mươi hồi.

Ông ta nối tiếp từ sau tám mươi hồi, nội dung nối khác với Cao Ngạc. Có người đọc xong còn thấy càng ly kỳ hơn, vì bản tục thư của ông ta ngay từ đầu đã không bắt đầu ở hồi tám mươi, mà hồi thứ nhất của ông ta đã là Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân, hai người làm ăn mày, vợ chồng ăn mày ở đó đi xin ăn. Điều này cho thấy kết cục trong cổ bản mà người viết tiếp ấy nhìn thấy chính là Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc thành một đôi vợ chồng nghèo hèn, cùng nhau đi xin ăn.

Vì vậy chúng ta có thể tham khảo thành quả khảo luận này, thành quả khảo cứ này. Do đó quay trở lại, chúng ta thấy rằng vị thứ hai trong bốn tiên cô của Thái Hư ảo cảnh rất có thể chính là ám chỉ Sử Tương Vân. Vị thứ ba trong bốn tiên cô tương đối dễ bàn. Vì sao? Bởi vị này tên là Dẫn Sầu kim nữ. Kim nữ chính là Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Thoa đeo khóa vàng.

Ở đây tôi chen một câu. Trước đó tôi đã nhắc tới sách Hồng Lâu Mộng và các tên sách khác nhau. Có lẽ bên dưới sẽ có người nhắc tôi rằng có phải ông quên một tên không, còn có một tên sách gọi là Kim Ngọc duyên. Bây giờ tôi nói với các bạn, khi Tào Tuyết Cần còn sống, dù là ông, Chi Nghiễn Trai, những người thân cận với ông lúc bấy giờ, hay cả những người không thân cận với ông, đều chưa từng gọi cuốn sách này là Kim Ngọc duyên. Theo ý thức của những người lúc ấy gọi là Kim Ngọc duyên, họ cho rằng trong đó chủ

yếu kể chuyện một cô gái mang khóa vàng là Tiết Bảo Thoa, và một người con trai ngậm Thông Linh Bảo Ngọc mà sinh ra, nên gọi là Kim Ngọc duyên. Hai người sau này cũng từng kết hôn một thời, đúng không?

Họ hiểu như vậy. Cách hiểu ấy về mặt logic tôi có thể hiểu, có thể thừa nhận, vì Tiết Bảo Thoa đúng là một kim nữ; nhưng kim nữ này lại dẫn ra trong đời Giả Bảo Ngọc vô số phiền muộn, vô số sầu khổ, nên nàng là Dẫn Sầu kim nữ. Bản thân Tiết Bảo Thoa cũng rất bất hạnh. Đây là một cô gái vô cùng xinh đẹp, vô cùng có tài, cũng có tư tưởng, có năng lực hành động. Đánh giá nàng thế nào, sau này chúng ta sẽ nói. Nhưng cuối cùng nàng cũng rất bất hạnh.

Tuy nàng kết hợp với Giả Bảo Ngọc, nhưng căn cứ vào rất nhiều manh mối, chúng ta có thể biết hai người họ không thật sự sống đời vợ chồng. Nàng chẳng khác nào thủ tiết khi chồng còn sống. Cuối cùng nàng cũng u uất mà chết. Nàng là một cô gái rất bi thảm như vậy. Nàng là Dẫn Sầu kim nữ. Đây cũng là người phụ nữ giữ tác dụng rất lớn trong đời Giả Bảo Ngọc.

Vị thứ tư là ai? Độ Hận Bồ Đề là ai? Bồ Đề, mọi người đều biết, là một thuật ngữ Phật giáo. Có cây bồ đề, nghe nói ở Bắc Kinh tổng cộng chỉ có hai cây. Chúng ta không nói lan man, không nói kỹ, đó là loài cây Phật giáo rất quý. Nghe nói Thích Ca Mâu Ni năm xưa đã ngộ đạo dưới cây bồ đề.

Vì vậy bồ đề cũng có nghĩa gần với Bồ Tát, mở rộng ra là ý cứu khổ cứu nạn. Vậy Độ Hận Bồ Đề cuối cùng dẫn dắt Giả Bảo Ngọc vượt qua mọi gian nan khổ nạn. Cuối cùng độ luôn cả tầng cao nhất của hận trong tình cảm. Nghĩa là giúp chàng bước vào một cảnh giới mới. Người phụ nữ này là ai? Đó chính là ám chỉ Diệu Ngọc.

Vì vậy thật ra, Lâm Đại Ngọc, Sử Tương Vân, Tiết Bảo Thoa, và Diệu Ngọc mới là bốn người phụ nữ quan trọng nhất trong đời Giả Bảo Ngọc. Điều này trong hồi thứ năm, khi Cảnh Huyễn tiên cô dẫn bốn vị tiên cô ra gặp mặt Giả Bảo Ngọc, đã tiết lộ cho độc giả rồi. Điều này phản ánh rằng trong cấu tứ tổng thể của ông, tuy Diệu Ngọc xuất hiện khá ít trong tám mươi hồi đầu, đất diễn tương đối nhạt, nhưng sau tám mươi hồi.

Nàng sẽ là nhân vật then chốt khiến Giả Bảo Ngọc sa cơ và Sử Tương Vân sa cơ cuối cùng thoát khỏi khổ nạn, kết hợp với nhau. Nàng là Độ Hận Bồ Đề. Ý này sau đây tôi còn sẽ triển khai để nói tiếp.

*Thái Hư ảo cảnh trong Hồng Lâu Mộng là một phương pháp bố cục kiểu câu đố. Tác giả Tào Tuyết Cần dùng đoạn Giả Bảo Ngọc mộng du Thái Hư ảo cảnh để đối với vận mệnh Kim Lăng Thập Nhị Thoa đưa ra lời tiên đoán mang tính khái quát. Ông bày cho độc giả một đại thế chung. Cụ thể tới bốn vị tiên cô bên trong, từ trước tới nay rất ít người nghiên cứu nổi danh. Lưu Tâm Vũ tiên sinh cho rằng họ lần lượt đại diện cho bốn người phụ nữ quan trọng nhất trong đời Giả Bảo Ngọc. Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân, ba người phụ nữ này có thể nói là được công nhận là những người quan hệ mật thiết với Giả Bảo Ngọc, không có nghi vấn. Nhưng vị thứ tư là Diệu Ngọc, có phải hơi gượng ép không? Nếu Diệu Ngọc cũng là một trong những*

*người phụ nữ quan trọng nhất trong đời Giả Bảo Ngọc, vậy tại sao trong tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, tác giả lại dành bút mực cho nàng ít ỏi như vậy? Điều này có phải chứa quá nhiều suy đoán không? Lưu Tâm Vũ tiên sinh còn đủ chứng cứ để xác nhận quan điểm này không?*

Tôi nói như vậy, quả thật sẽ có bạn bè nêu ý kiến, chúng ta còn phải thảo luận, nên thảo luận. Tôi chưa bao giờ cho rằng bản thân mình đều đúng. Đừng tưởng tôi giảng những điều này ở đây, tôi mở một buổi giảng, thì giống như nói tôi đều đúng, tôi đem cái đúng của tôi nói cho mọi người, còn bạn nghĩ khác tôi thì đều là sai. Không phải ý đó. Hồng Lâu Mộng là một kho báu văn học cổ điển để công chúng cùng chia sẻ, cùng nghiên cứu. Tôi chỉ đem những tâm đắc của mình sau khi đọc kỹ, nghiền ngẫm kỹ, thành khẩn nói với mọi người.

Đến giờ tôi sở dĩ nói với bạn, là vì hiện nay tôi vẫn thấy điều này là đúng, hoặc tôi thấy nó có đạo lý, hoặc tôi thấy nó có một mức đạo lý nhất định. Tôi hy vọng bạn sẽ đến thảo luận với tôi. Sau khi thảo luận, có thể bạn sẽ sửa được sai lầm thật sự tồn tại của tôi, cũng có thể hai chúng ta mỗi người giữ quan điểm của mình. Nhưng trong quá trình ấy, tôi nghĩ hứng thú của chúng ta đối với Hồng Lâu Mộng chắc chắn sẽ đậm hơn, mỗi người chúng ta cũng đều hiểu nó sâu hơn. Tôi nghĩ mục đích của chúng ta là như vậy. Vì thế phải thảo luận.

Bây giờ chúng ta cần thảo luận điều gì? Nếu nói những chuyện chúng ta vừa nói, những điều tôi vừa giảng, vẫn chưa đủ để chứng minh Tào Tuyết Cần coi trọng Diệu Ngọc như vậy là vì Diệu Ngọc giữ vai trò quan trọng như thế trong đời Giả Bảo Ngọc, thì bây giờ chúng ta hãy xem Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng. Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng cùng với tranh và thơ phán từ trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách của Hồng Lâu Mộng là tương ứng với nhau, cũng dùng để khái quát số phận của mười hai người phụ nữ. Hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng là một hồi đặc biệt đáng suy ngẫm, cũng là hồi then chốt nhất để hiểu nhân vật Hồng Lâu Mộng, trong hồi này, Tào Tuyết Cần đặt rất nhiều phục bút, quả thật có thể gọi là vắt óc suy nghĩ, dụng tâm khổ nhọc. Sau mỗi câu trong hồi này đều ẩn giấu rất nhiều câu chuyện.

Hồi thứ năm, Giả Bảo Ngọc mộng du Thái Hư ảo cảnh, thấy các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, bên trong có chính sách, phó sách và hựu phó sách. Mỗi sách đều có mười hai người trong đó, chính sách có tất cả mười một bức tranh và mười một bài thơ lời phán. Thứ tự xếp hạng của họ lần lượt là: Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa cùng xếp hai vị trí đầu, thứ ba là Giả Nguyên Xuân, thứ tư là Giả Thám Xuân, thứ năm là Sử Tương Vân, thứ sáu là Diệu Ngọc, thứ bảy là Giả Nghênh Xuân, thứ tám là Giả Tích Xuân, thứ chín là Vương Hy Phượng, thứ mười là Xảo Thư, thứ mười một là Lý Hoàn, thứ mười hai là Tần Khả Khanh. Sau khi Giả Bảo Ngọc xem xong mười một bài thơ ấy, Cảnh Huyễn tiên cô lại sai người diễn tấu khúc nhạc, tổng cộng diễn tấu mười bốn khúc.

*Mười bốn khúc ấy lần lượt là: thứ nhất, Hồng Lâu Mộng dẫn tử, thứ hai, Chung Thân Ngộ, thứ ba, Uổng Ngưng Mi, thứ tư, Hận Vô Thường, thứ năm, Phân Cốt Nhục, thứ sáu, Lạc Trung Bi, thứ bảy, Thế Nan Dung,*

*thứ tám, Hỷ Oan Gia, thứ chín, Hư Hoa Ngộ, thứ mười, Thông Minh Lụy, thứ mười một, Lưu Dư Khánh, thứ mười hai, Vãn Thiều Hoa, thứ mười ba, Hảo Sự Chung, thứ mười bốn, khúc kết, Phi Điểu. Các Đầu Lâm. Qua khảo chứng của các nhà Hồng học, mười bốn khúc này cũng là sự khái quát và ám chỉ vận mệnh cuối cùng của mười hai nhân vật. Nhưng vì sao là mười hai người mà lại dùng mười bốn khúc? Tào Tuyết Cần vốn cẩn trọng khi đặt bút, vì sao lại xuất hiện lỗ hổng như vậy? Lưu Tâm Vũ giải thích vấn đề này ra sao?*

Vậy chúng ta phát hiện trong Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, có một khúc tên là Uổng Ngưng Mi. Các bạn nhớ chứ? Hơn nữa nếu bạn đối chiếu kỹ, bạn sẽ phát hiện trong hồi thứ năm, thứ tự của Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách và thứ tự của Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng không hoàn toàn tương ứng. Hiện tượng này các bạn đã chú ý chưa? Bây giờ chúng ta lần lượt gỡ lại. Vì Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng là trong đó Cảnh Huyễn tiên cô nói mười hai khúc, thật ra cuối cùng bà đưa cho Giả Bảo Ngọc trong sách một bản văn tự, để Giả Bảo Ngọc vừa xem vừa nghe.

Đúng không? Thật ra là mười bốn khúc. Phía trước có một khúc dẫn tử, cuối cùng có một khúc thu vĩ, ở giữa là mười hai khúc. Vì vậy thật ra những khúc ấy là mười bốn bài. Nói là mười hai khúc cũng được. Trước tiên chúng ta không tính khúc mở đầu ấy và không tính dẫn tử cùng thu vĩ vào.

Vậy mười hai khúc ở giữa, bạn sẽ chú ý thấy nó không hoàn toàn giống mười một bức tranh trong chính sách. Bởi trong Hồng Lâu Mộng viết tới các trang sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, thật ra chỉ có mười một trang. Đúng không? Bởi Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa hợp chung một trang. Đúng không? Nhưng mười hai khúc thì thật sự có mười hai khúc.

Một bên là mười một, một bên là mười hai, con số đã không giống nhau. Đúng không? Hơn nữa thông thường mọi người đều cho rằng khúc thứ nhất trong mười hai khúc tên là Chung Thân Ngộ, là dùng giọng của Giả Bảo Ngọc để nói cả hai người, vừa nói Lâm Đại Ngọc, vừa nói Tiết Bảo Thoa.

Ai rằng vàng ngọc duyên ưa,

Ta quên cây, đá, thề xưa được nào.

Trơ trơ người tuyết trên cao,

Ngoài đời, đường vắng khuây sao được nàng.

Cuộc đời ngán nỗi tang thương,

Đẹp không toàn đẹp, lời càng đúng thay.

Dù cho án đặt ngang mày,

Cuối cùng vẫn thấy lòng này băn khoăn.

Dù cho án đặt ngang mày, Cuối cùng vẫn thấy lòng này băn khoăn.

"Dù cho án đặt ngang mày", "Cuối cùng vẫn thấy lòng này băn khoăn". Điều này chẳng phải tương đương với trong Hồng Lâu Mộng bức tranh đầu tiên của chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa và bài thơ đầu tiên sao? Đúng không?

Nói cách khác, cuối cùng chúng ta phát hiện mười hai khúc lại nhiều ra một khúc, chính là khúc thứ hai ấy.

Từ khúc thứ tư, tức là nói, sau khi bỏ dẫn tử, từ khúc thứ ba, thì khớp với thứ tự trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách.

Bởi trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, bức tranh thứ hai, bài thơ thứ hai nói về ai? Nói về Giả Nguyên Xuân. Vậy bây giờ bạn xem Mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, khúc Hận Vô Thường của nó, không tính dẫn tử và thu vĩ, thì nó là khúc thứ ba. Phía dưới đều có thể đối ứng. Vậy trong sách trang kia, vị thứ ba là Giả Nguyên Xuân, thứ tư là Thám Xuân, thứ năm là Sử Tương Vân. Rồi bạn nhìn xuống, mãi tới Tần Khả Khanh. Còn trong mười hai khúc này, nếu bạn đem khúc thứ hai Uổng Ngưng Mi tách riêng ra, đặt riêng sang một bên, thì những khúc còn lại đều tương ứng, đều khớp. Hiểu chưa? Đúng không? Tức là Chung Thân Ngộ tương đương với Đại Ngọc và Bảo Thoa hợp một. Rồi đến Nguyên Xuân, Thám Xuân, Sử Tương Vân, Diệu Ngọc, Nghênh Xuân, Tích Xuân, Vương Hy Phượng, Xảo Thư, Lý Hoàn.

Vì vậy bắt buộc phải nghiên cứu khúc Uổng Ngưng Mi này. Vì sao số khúc lại nhiều hơn tranh và thơ trong sách một bài? Mà khúc này tên là Uổng Ngưng Mi, khúc này rốt cuộc nói về ai? Bạn xem các bản Hồng Lâu Mộng thông thường hiện nay giải thích, đều nói với bạn rằng khúc này nói về Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Nhìn từ mặt chữ thì nói như vậy dường như cũng thông. Khúc Uổng Ngưng Mi nói thế nào? Trong phim truyền hình Hồng Lâu Mộng, cũng xem khúc này như một bài chủ đề ca ngợi tình yêu của Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, hát lên những câu trong đó bằng giai điệu du dương, uyển chuyển. "Một bên hoa nở vườn tiên", Nếu nói là có lời ấy... "Bảo rằng sẵn có duyên may, Thì sao lại đổi thay lời nguyền? Một bên ngầm ngấm than phiền, Một bên đeo đẳng hão huyền uổng công. Một bên trăng dọi trên sông, Một bên hoa nở bóng lồng trong gương, Mắt này có mấy giọt sương, Mà dòng chảy suốt năm trường, được chăng?" Hiểu điều này là Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc dường như cũng nói được.

Vì nghĩ đến "ngọc đẹp không tỳ vết", chẳng phải Giả Bảo Ngọc mang Thông Linh Bảo Ngọc đó sao?

Còn nói Lâm Đại Ngọc là hoa tiên Lãng Uyển, vì nàng là Giáng Châu tiên thảo, dường như mơ hồ cũng vẫn ăn khớp. Huống chi cuối cùng Lâm Đại Ngọc thích khóc, Lâm Đại Ngọc là người trả lệ, cả đời phải đem nước mắt của nàng trả lại cho Giả Bảo Ngọc, bởi ở thiên giới, Giả Bảo Ngọc là Thần Anh thị giả, từng tưới

nước cho Giáng Châu tiên thảo của nàng. Vì thế cuối cùng có câu gì "trong mắt có bao nhiêu giọt lệ" này nọ. Bao nhiêu năm qua không ai hoài nghi, đều cảm thấy khúc này nói về Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc.

*Khúc Uổng Ngưng Mi, như Lưu Tâm Vũ tiên sinh đã nói, từ trước đến nay rất nhiều người đều cho rằng nó nói về Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Ngay cả bản Hồng Lâu Mộng thông hành hiện nay, chú giải của nó đối với khúc này vẫn nói là chỉ hai người Bảo - Đại. Bao nhiêu năm qua, đại đa số người đều không nghi vấn. Nhưng Lưu Tâm Vũ tiên sinh, trong quá trình khảo sát nhân vật Diệu Ngọc, đã phát hiện một cách giải thích khác cho khúc này. Cách giải thích này có lẽ có thể giải được việc Tào Tuyết Cần viết ra mười bốn khúc.*

Vậy bây giờ vì sao phải thảo luận? Bởi trong khúc Chung Thân Ngộ, đã dùng giọng của Giả Bảo Ngọc nói tới Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa rồi. Đúng không? Sao lại còn có một khúc Uổng Ngưng Mi, lại nói thêm một lần nữa? Nhưng lần này dường như không có Tiết Bảo Thoa, chỉ riêng nói Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc thôi sao? Thêm nữa, Lâm Đại Ngọc là tiên thảo. Mọi người biết "ba" nghĩa là gì không? "Ba" nói về hoa. Lâm Đại Ngọc không phải hoa, nàng trước sau là một cây cỏ ở thiên giới.

Đúng không? Vậy rốt cuộc khúc này nói về ai? Suy ngẫm thêm, mọi người sẽ thấy rất thú vị.

Lãng Uyển, Lãng Uyển ở đây có thể chỉ chung, Đại Quan viên cũng có thể gọi là Lãng Uyển, là khu vườn rất đẹp. Vì sao bỗng xuất hiện chữ "tiên ba"? Tiên ba. Trong chính văn Hồng Lâu Mộng, chúng ta có thấy Tào Tuyết Cần viết tới Di Hồng viện. Di Hồng viện có hoa gì? Di Hồng viện có hoa hải đường.

Hoa hải đường tượng trưng cho ai? Trong đoạn "Thọ Di Hồng quần phương khai dạ yến", chúng ta đều biết rất rõ, chính là Sử Tương Vân. Hoa hải đường tượng trưng cho Sử Tương Vân. Khi Hồng Lâu Mộng viết tới hoa hải đường ở Di Hồng viện, có văn tự thế nào? Nói rằng: "kỳ thế như tán, tơ rủ giày biếc, hoa nhả son đỏ". Cho nên "một người là hoa tiên nơi Lãng Uyển" rất có thể nói về Sử Tương Vân.

Vì mọi người biết nha hoàn của Sử Tương Vân tên là gì? Tên là Thúy Lũ. Vậy khi Tào Tuyết Cần viết về hoa hải đường ở Di Hồng viện, vì sao ông dùng những chữ như thế? Ông nói hoa hải đường này, thế của nó như tán, tơ rủ giày biếc, hoa nhả son đỏ. Văn tự Hồng Lâu Mộng có một đặc điểm, nó luôn hô ứng trước sau với nhau. Giữa lúc tưởng như vô ý thuận tay, nó luôn truyền đạt rất nhiều thông tin.

Vì vậy ở đây chúng ta có thể thảo luận, "Một bên hoa nở vườn tiên". Bởi khi miêu tả hải đường ở Di Hồng viện, tác giả đã dùng rất rõ chữ "ba". Hơn nữa tên nha hoàn mà tác giả thiết kế cho Sử Tương Vân chính là Thúy Lũ. Do đó "Một bên hoa nở vườn tiên" có thể là chỉ Sử Tương Vân. Vậy "Một bên ngọc đẹp không hoen ố màu" chưa chắc chỉ Giả Bảo Ngọc. Ai là ngọc đẹp không tỳ vết?

Diệu Ngọc. Trong lời phán về Diệu Ngọc và trong khúc Thế Nan Dung nói về nàng, rõ ràng nói Diệu Ngọc là ngọc đẹp. Thế Nan Dung: "Đàn xanh, đền cổ, người già, Uổng công trang điểm, xuân đà kém xuân. Ngán

cho cái kiếp phong trần, Sau này cũng lại xấu dần mãi đi. Ngọc kia bùn trát đen sì, Vương tôn công tử còn gì là duyên." Mọi người còn nhớ bức tranh về Diệu Ngọc chứ? Một khối ngọc đẹp rơi trong bùn nhơ, đúng không?

Bản thân cụm chữ "ngọc đẹp không hoen ố màu" đã từng xuất hiện khi nói về Diệu Ngọc. Vì vậy rất có thể "Một bên ngọc đẹp không hoen ố màu" nói về Diệu Ngọc.

Nghĩ như vậy, mạch suy luận bỗng thông suốt. Các bạn nghĩ xem, chúng ta vừa phân tích bốn tiên cô ở Thái Hư ảo cảnh. Bốn người phụ nữ là ai? Chính là Lâm Đại Ngọc, Sử Tương Vân, Tiết Bảo Thoa, Diệu Ngọc. Bốn người phụ nữ. Vậy bây giờ, ông viết họ thành khúc.

Khúc thứ nhất là hai người phụ nữ hợp làm một, chính là Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Vậy khúc thứ hai rất có thể là đem hai người còn lại trong bốn người phụ nữ quan trọng này gộp lại để nói, một người là Sử Tương Vân, một người là Diệu Ngọc. Tôi không nói mạch suy nghĩ của tôi nhất định đúng, nhưng thăm dò như vậy vẫn rất có ý nghĩa. Vậy các bạn lại nghiền ngẫm, tách lời khúc ra mà suy xét. Tương ứng với câu "Một bên hoa nở vườn tiên", những câu phía sau nói rằng: "Bảo rằng chả có duyên đâu, Thì sao lại được gặp nhau kiếp này?" Trong tám mươi hồi đầu, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân không nhìn ra có quan hệ ái tình.

Hai người họ thân như anh em, hoặc có thể nói là đều không có cảm giác giới tính, những sinh mệnh hồn nhiên trong sáng giao lưu hoàn toàn không có ngăn cách. Đó là một cảnh giới đẹp nhất của đời người. Hai người họ không có kỳ duyên, nhưng sau tám mươi hồi, hai người họ lại rất kỳ lạ mà hội hợp. Lại gặp nhau, lại hợp lại với nhau. Vì thế "Bảo rằng chả có duyên đâu, Thì sao lại được gặp nhau kiếp này?" "Một bên ngầm ngấm than phiền", "Một bên trăng dọi trên sông".

Đây đều là tôi tách khúc này ra. Những câu tương ứng với Sử Tương Vân bên dưới ấy đều có thể nói thông.

Bây giờ, sau một phen trải qua vô vàn lận đận, cuối cùng hội hợp, thì uổng công than thở. Tất nhiên sẽ rất cảm khái, rất cảm khái, nhưng sự đã như vậy. Số phận là như thế, cuộc sống là như thế, đời người là như thế. Vì sao nói là trăng trong nước? Tất nhiên còn có thể bàn thêm. Bởi tất cả những năm tháng đẹp nhất của đời người đã qua. Sử Tương Vân lúc ấy cũng đã là một vầng trăng tiều tụy, là trăng trong nước. Hình tượng của chính Giả Bảo Ngọc chắc chắn cũng rất tiều tụy. Nhưng họ vẫn có thể nương tựa vào nhau mà sống. Cùng nâng đỡ nhau, đi hết quãng đời còn lại. Vậy tương ứng với "một người là ngọc đẹp không tỳ vết", những câu phía dưới là gì? Tách khúc này ra, đó là: "Nếu nói có kỳ duyên", "vì sao tâm sự cuối cùng hóa thành hư không?".

Bởi sau này, sau tám mươi hồi, rất có thể đã viết tới Diệu Ngọc lại xuất hiện, lại gặp mặt Giả Bảo Ngọc. Nếu nói thật có kỳ duyên, vì sao tâm sự cuối cùng hóa thành hư không? Tâm sự là gì? Điều này cũng đáng thảo

luận. Giữa Giả Bảo Ngọc và Diệu Ngọc rốt cuộc có ái tình hay không là một đề tài rất lớn đáng thảo luận. Nhưng tôi cho rằng tâm sự ở đây chưa chắc chỉ tình yêu.

Hai người họ khẳng định lẫn nhau, thưởng thức lẫn nhau, nhưng đều không kịp nói nữa. "Một người là hoa trong gương". Đối với Giả Bảo Ngọc mà nói, Diệu Ngọc chỉ là một người phụ nữ đẹp có thể ngắm nhìn mà không thể với tới, chỉ để lại một hồi ức như vậy mà thôi. Nghĩ đến vận mệnh cuối cùng của hai người phụ nữ này, bản thân Giả Bảo Ngọc nghĩ "trong mắt có bao nhiêu giọt lệ", "sao chịu nổi thu chảy đến đông", "xuân chảy đến hạ". Đây cũng là một cách giải mã. Điểm hay của cách giải mã này là có thể tương ứng với bốn tiên cô ở Thái Hư ảo cảnh, tức là bốn người phụ nữ được nhắc tới, và mức độ quan trọng của họ.

Hơn nữa nó có thể giải thích vì sao trong các trang sách là mười một trang, có mười một bức tranh, mười một bài thơ, mà đã nói đủ cả mười hai người. Còn ở đây, sau khi bỏ phần dẫn tử mở đầu và phần thu vĩ phía sau, trong mười hai khúc, vì sao từ khúc thứ ba trở đi đều phù hợp với thứ tự từ Giả Nguyên Xuân trở xuống. Chính là vì ông đem bốn người phụ nữ quan trọng cứ mỗi hai người thành một nhóm, mỗi nhóm viết thành một khúc. Một khúc là Chung Thân Ngộ, một khúc là Uổng Ngưng Mi. "Ngưng mi" chính là chau mày vô ích.

Con người đứng trước một kết cục số phận bất lực, đành cau mày thật sâu mà bi thán. Nó chính là ý như vậy trong buổi giảng sau, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu Diệu Ngọc, nàng rốt cuộc có thân thế như thế nào, bao gồm cả quan hệ giữa nàng và Giả Bảo Ngọc rốt cuộc là thế nào. Hẹn gặp lại trong buổi giảng sau.

# Tập 21

Bí ẩn tình ái của Diệu Ngọc

*Diệu Ngọc, một phụ nữ tuyệt đối khác lạ trong Hồng Lâu Mộng. Một nhân vật mang ý nghĩa phân thủy trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Lạnh lùng, cao ngạo, cô độc, nàng có thế giới tình cảm bí ẩn ra sao? Diệu Ngọc và Bảo Ngọc rốt cuộc có quan hệ gì? Giữa họ có thật như một số người cho rằng là một quan hệ tình yêu hay không? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ qua sự khảo cứu và phân tích tỉ mỉ sẽ dẫn chúng ta bước vào thế giới của Diệu Ngọc, đi sâu vào thế giới tình cảm ít người biết của nàng.*

Trong bài trước, tôi đã nêu một vấn đề. Đó cũng là điều mọi người rất quan tâm. Tức là giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc rốt cuộc là quan hệ gì. Đặc biệt ở hồi 41, mọi người chú ý thấy rằng, khi Diệu Ngọc mời người thưởng trà, nàng lấy một món trà cụ mà chính nàng từng dùng, một cái đấu ngọc xanh, đưa cho Bảo Ngọc dùng. Có người rất nhạy cảm, liền nói: một người ưa sạch sẽ đến thế, vì Lưu lão lão mới uống một ngụm trà, một chén trà Thành diêu quý báu và hiếm lạ như vậy mà nàng cũng có thể bỏ không dùng nữa. Vậy sao nàng lại nỡ đem cái đấu ngọc xanh từng dùng uống trà đưa cho Bảo Ngọc dùng?

Điều này có phải hàm ý rằng Diệu Ngọc có một tình cảm đặc biệt với Bảo Ngọc không? Nói thẳng ra, có phải nàng yêu Bảo Ngọc không? Giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc rốt cuộc có tình yêu hay không? Đây thật sự là một đề tài mà những người yêu thích và nghiên cứu Hồng học xưa nay đều say mê bàn luận và tranh cãi. Rất nhiều người cho rằng, nếu phân tích từ những miêu tả bằng văn tự trong Hồng Lâu Mộng, Diệu Ngọc ở tuổi xuân phơi phới cũng như Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, nhất định có lòng ái mộ đối với Giả Bảo Ngọc. Còn nhiều người hơn thì cho rằng, dù giữa hai người không phải quan hệ tình yêu, thì cũng có một mối tình ý khó nói rõ trong đó.

Nếu không, Diệu Ngọc sao lại đem cái đấu ngọc xanh nàng từng dùng cho Bảo Ngọc rót trà uống? Vậy giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần rốt cuộc là quan hệ gì? Trong đó rốt cuộc ẩn chứa huyền cơ gì? Đây là một vấn đề rất thú vị. Khi Cao Ngạc viết tiếp Hồng Lâu Mộng, mạch suy nghĩ của ông là cho rằng Diệu Ngọc thầm yêu Bảo Ngọc. Cho nên bạn thấy trong phần viết tiếp của ông, ông sắp đặt mấy cảnh diễn của Diệu Ngọc.

Diệu Ngọc vừa nhìn thấy Bảo Ngọc thì đỏ mặt tim đập. Trở về thiền phòng của mình, ngồi lên bồ đoàn, liền tâm viên ý mã. Ông cứ theo mạch ấy mà viết tiếp. Hơn nữa cuối cùng, kết cục ông sắp cho Diệu Ngọc là: tâm viên ý mã của nàng đối với Bảo Ngọc không thành. Kết quả lại bị bọn cướp dùng mê hương xông ngất, cuối cùng bị bọn cướp bắt đi. Trước khi bế nàng đi, bọn cướp còn khinh bạc nàng một phen.

Cuối cùng, hoặc là nàng khuất phục bọn cướp, hoặc không chịu khuất phục thì bị chúng giết chết. Thông tin cuối cùng ông đưa ra cũng mơ hồ. Vậy Cao Ngạc viết tiếp như thế có hợp lý không? Diệu Ngọc có nên có một kết cục như vậy không? Câu trả lời của tôi là phủ định. Cao Ngạc. Trong hai bài giảng trước, tôi đã nói với mọi người rằng, Diệu Ngọc là một nhân vật Tào Tuyết Cần vô cùng trân quý trong lòng.

Trong lòng Tào Tuyết Cần, Diệu Ngọc là một phụ nữ rất đẹp, có tài hoa, lại tỏa ra một thứ ánh sáng tính cách đặc biệt. Vậy Cao Ngạc viết về nàng như thế, làm hỏng nàng như thế, là không đúng. Quan hệ giữa Diệu Ngọc và Giả Bảo Ngọc có vài lời của Giả Bảo Ngọc có thể giúp chúng ta nhìn thấu. Khi Giả Bảo Ngọc mừng sinh nhật nhận được bái thiếp của Diệu Ngọc, cậu muốn tìm Lâm Đại Ngọc để bàn nên đáp lại bái thiếp thế nào. Kết quả giữa đường gặp Hình Tụ Yên. Giữa Giả Bảo Ngọc và Hình Tụ Yên có một đoạn đối thoại.

Lúc ấy tác giả cũng viết đến lời của chính Giả Bảo Ngọc. Trong đối thoại với Hình Tụ Yên, một mặt cậu nghe Hình Tụ Yên giới thiệu, đánh giá đủ điều về Diệu Ngọc, mặt khác chính cậu cũng nói vài lời, thể hiện đánh giá của cậu về Diệu Ngọc. Giả Bảo Ngọc nói những lời như thế này: rằng nàng làm người cô cao, không hợp thời, vạn người không lọt vào mắt nàng. Giả Bảo Ngọc hiểu nàng. Giữa hai người họ, về tâm linh là tương thông, họ hiểu lẫn nhau là người như thế nào. Hơn nữa Bảo Ngọc còn nói: nàng vốn không thể tính trong số những người ấy.

Bảo Ngọc cả ngày lẫn trong đám con gái. Giả Bảo Ngọc nói: con người Diệu Ngọc không tính trong đám ấy; không chỉ cách sống không thuộc đám ấy, mà tâm cảnh, cảnh giới tinh thần của nàng cũng không thuộc đám ấy; nàng là một loại người khác. Cậu nói nàng vốn là người ngoài ý nghĩ của thế nhân: người đời có lẽ đều không hiểu nàng, nhưng hành vi nào đó cuối cùng của nàng sẽ khiến người ta rất bất ngờ; nàng là người ngoài dự liệu của thế nhân. Những lời này đều có hàm nghĩa rất sâu. Vậy cá nhân Giả Bảo Ngọc hiểu nguyên nhân Diệu Ngọc gửi thiếp cho cậu là giải thích như thế này. Vì sao Diệu Ngọc coi trọng cậu như vậy, đến sinh nhật cậu lại gửi một bái thiếp?

Giả Bảo Ngọc nói: vì cho rằng tôi là người ít nhiều có "tri thức", nên mới gửi cho tôi tấm thiếp này. "Ít nhiều có tri thức"; xin đặc biệt chú ý câu này. "Ít nhiều" tức là hơi hơi, có một chút. Có một chút gì? Diệu Ngọc coi trọng Bảo Ngọc ở điểm nào? Bảo Ngọc hơi có "tri thức"; chữ "tri thức" này không cùng khái niệm với "tri thức" ta thường nói hôm nay.

Những "tri thức" ta nói hôm nay là một khái niệm được biểu đạt trong ngữ cảnh bạch thoại hiện đại. Học tri thức, dùng tri thức, không phải ý ấy. Chữ "tri thức" này là ngôn ngữ Phật giáo, nghĩa là có ngộ tính, có một thứ giác ngộ. Đối với cá nhân và vũ trụ, sinh mệnh và tự nhiên, bản thân và người khác, có một sự tỉnh ngộ tương đối lớn. Dĩ nhiên Bảo Ngọc cũng tự thấy mình tỉnh ngộ chưa đủ, nhưng có một chút. Có một chút là được rồi.

Diệu Ngọc liền nói: ta coi trọng ngươi. Một vạn người ta đều không coi vào mắt, nhưng Bảo Ngọc, nay ta thấy ngươi ít nhiều có tri thức. Bảo Ngọc quả thực là người ít nhiều có tri thức. Bạn xem cậu đối với tự nhiên, đối với những sinh mệnh, những đóa hoa, những đóa hoa thanh xuân của các thiếu nữ xinh đẹp, cậu có thái độ gì? Cậu thấy chim én thì nói chuyện với chim én. Đến bờ sông thấy cá bơi trong nước, cậu có thể giao lưu với cá.

Bạn nói Giả Bảo Ngọc có phải là người ít nhiều có tri thức không? Nhìn từ góc độ này, ngay trong đời sống xã hội hôm nay, người có cảnh giới như vậy cũng không nhiều. Cậu hiểu rằng bất kỳ sinh mệnh nào trong trời đất vạn vật đều đáng quý. Thấy mèo hoang, cậu thấy rất lo, đêm nay sinh mệnh ấy ngủ ở đâu? Đêm mà thời tiết đột nhiên báo có sấm mưa, hoặc thậm chí có mưa lớn, nó tránh mưa ở đâu? Có phải không?

Ngày mai nó ăn gì? Nó là một sinh mệnh mà, phải không? Cậu thấy một con chim sẻ chui vào cục nóng máy điều hòa ngoài nhà, thứ bây giờ nhà nào cũng có. Trước tiên cậu không nghĩ cục nóng nhà mình có bị hỏng không, mà lại thấy thật thú vị, bạn xem con sẻ này chui qua chui lại kìa. Cậu yêu sinh mệnh. Cậu hiểu rằng mỗi sinh mệnh đều không dễ dàng.

Ai tạo ra sinh mệnh? Tôn nghiêm của sinh mệnh không phân lớn nhỏ, phải không? Bao gồm cả việc hôm nay chúng ta có duyên tụ họp ở đây: tôi giảng, bạn nghe, phải không? Chúng ta đều là những sinh mệnh sống động; sự tồn tại của ai là dễ dàng đâu, đúng không? Giữa sinh mệnh với sinh mệnh, yếu nghĩa đầu tiên không phải tranh đấu, mà là an ủi lẫn nhau. Bảo Ngọc có những điều ấy, cậu có những "tri thức" ấy không?

Đọc suốt toàn bộ sách, bạn hẳn phải rút ra kết luận này. Diệu Ngọc nhìn ra Bảo Ngọc cũng khác người. Bảo Ngọc thật ra cũng là một người rất kỳ dị. Nhưng điều đó chủ yếu thể hiện ở phương diện này: cậu là người ít nhiều có tri thức. Bảo Ngọc hiểu điều ấy. Vì vậy cá nhân tôi cho rằng, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc không phải là quan hệ tình ái, mà là một sự giao lưu tinh thần cao cấp.

Hai nhân vật này đối với nhau là có sự thưởng thức. Là có đánh giá. Họ chiếm giữ một kiểu quan hệ như vậy. Về cái đấu ngọc xanh kia, đúng không? dường như đã thành một công án nghìn xưa. Vì sao Diệu Ngọc lại đưa cho Bảo Ngọc một chiếc chén như vậy để uống trà? Đúng không?

Mọi người đều biết đó là thứ Diệu Ngọc từng dùng. Nhưng nếu bạn cẩn thận suy xét nguyên văn trong sách, trong sách dùng từ như thế này, các bản cổ về cơ bản đều giống nhau. Sách nói: Diệu Ngọc vẫn đem cái đấu ngọc xanh mà lần trước chính mình thường dùng nếm trà, đưa cho Bảo Ngọc để rót trà. Không phải hôm ấy Diệu Ngọc tự dùng đấu ngọc xanh uống trà, rồi Bảo Ngọc đến thì đưa ngay chén nàng vừa uống cho cậu uống. Mà là "lần trước". Thế nào là lần trước?

Là một dạo trước, không phải dạo này. Có một khoảng cách thời gian khá lớn mới gọi là "lần trước". Bây giờ chúng ta không nói như thế nữa, nhưng người xưa có thể nói vậy. Đúng không? Hỏi: anh đã từng đi Hoàng

Sơn chưa? Tôi đáp: lần trước tôi có đi.

"Lần trước" không phải nói hôm qua hay tháng trước, mà là lần trước nữa, có thể đã rất lâu rồi. Phải không? Chỉ vì một cái đấu mà trước kia có một dạo nàng tự dùng để nếm trà, nay đưa cho Bảo Ngọc uống trà, mà dẫn ra bao nhiêu suy nghĩ thế này thế nọ của chúng ta. Điều này chỉ chứng tỏ nàng đặc biệt thân thiết với Giả Bảo Ngọc. Nàng coi trọng Giả Bảo Ngọc. Vạn người không lọt vào mắt nàng.

Dĩ nhiên nàng thấy Giả Bảo Ngọc là người ít nhiều có tri thức. Cho nên tuy cái đấu ngọc xanh ấy, trước kia có một dạo, nàng mỗi ngày dùng nó uống trà, nhưng nay đã qua một thời gian dài, nàng cũng không dùng nó nữa. Hơn nữa bạn cũng biết chứng ưa sạch của nàng. Mỗi đồ dùng của nàng sau khi dùng xong rõ ràng đều được rửa sạch hết sức kỹ càng. Vì vậy tôi thấy chi tiết này không thể rút ra kết luận rằng trong lòng Diệu Ngọc có một ý nghĩ rất kỳ lạ, muốn thông qua vật này để đạt tới một mục đích. Như là trong lòng được hôn Bảo Ngọc.

Không phải như vậy. Diệu Ngọc là một phụ nữ rất đặc biệt trong Hồng Lâu Mộng. Nàng đẹp, thuần khiết, lại cao ngạo cô độc. Một thiếu nữ tuổi xuân như thế vì sao lại chọn, trong tuổi hoa, bầu bạn với đèn xanh điện cổ, chuông sớm mõ chiều? Chẳng lẽ trước khi nương cửa Phật, nàng từng có một đoạn vướng mắc tình cảm khó nói thành lời? Còn sau hồi 80, Diệu Ngọc sẽ trải qua những gì?

Nàng có thật sẽ rơi vào chốn thanh lâu không? Những miêu tả của Cao Ngạc trong phần viết tiếp về Diệu Ngọc rốt cuộc là hợp tình hợp lý, hay là xuyên tạc diễn giải? Vậy tôi nói đến đây, có lẽ sẽ có bạn muốn thảo luận với tôi, nói rằng Diệu Ngọc về sau rốt cuộc thế nào. Trong các trang sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách ở hồi 5, Tào Tuyết Cần đã có tiết lộ. Đặc biệt là bài khúc phía sau, trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, bài khúc về Diệu Ngọc, mọi người đều rất rõ. Nhan đề bài này gọi là "Thế Nan Dung".

Lan ví chất, tiên ví tài,

Chỉ hiềm cô tịch, tình trời bẩm sinh.

Cho là ăn thịt hôi tanh,

Lụa the, là lượt, coi khinh không thèm.

Biết đâu cao quá. đời ghen,

Biết đâu sạch quá, đời khen da mà.

Đàn xanh, đền cổ, người già,

Uổng công trang điểm, xuân đà kém xuân.

Ngán cho cái kiếp phong trần,

Sau này cũng lại xấu dần mãi đi.

Ngọc kia bùn trát đen sì,

Vương tôn công tử còn gì là duyên.

Đến cuối cùng, vẫn là phong trần khảng tảng trái lòng mong. Một viên mỹ ngọc không tì vết lại gặp bùn nhơ.

Nào cần vương tôn công tử than vô duyên. Trong khúc "Thế Nan Dung", tác giả đã toàn diện phô bày phong thái tính cách, số phận và kết cục của Diệu Ngọc. Chúng ta hãy xem. "Thế Nan Dung" — ngay cái tên khúc ấy đã hàm ý rằng Diệu Ngọc sống trên đời này là vô cùng khó khăn. Thế giới này không dung nổi nàng. Nhưng Tào Tuyết Cần viết như thế này: nói nàng "khí chất đẹp như lan, tài hoa phong phú sánh tiên".

Đây là hai câu đánh giá rất cao. Cái gọi là tinh thần như ngọc, hơi thở như lan, là một đánh giá cao nhất mà người xưa dành cho phụ nữ. Diệu Ngọc chính là "khí chất đẹp như lan". Tài hoa của nàng, thế nào? gọi là "phú"? Tức là phong phú, rất nhiều, nhiều đến tràn ra. Tài hoa của nàng đến mức ấy, có thể sánh với tiên nhân.

Tính cách của nàng dĩ nhiên khá cổ quái, gọi là "trời sinh cô tịch, người đời hiếm thấy". Trên đời rất ít gặp người như thế. Vạn vạn người không lọt vào mắt nàng. Được nàng coi trọng là rất khó, nàng rất cao ngạo. Nhưng sự cao ngạo cô độc của Diệu Ngọc không có tính phá hoại, không có tính công kích. Nó không cản trở sự tồn tại của người khác và tập thể.

Nó chỉ là một lối sống theo tính tình riêng của cá nhân, sống thuận theo bản tính mình. Tình trạng là như vậy. Phía dưới bài khúc có một câu, câu này nói thế này: "Cho là ăn thịt hôi tanh, Lụa the, là lượt, coi khinh không thèm." Đây là lời người hát khúc nói với Diệu Ngọc. Nói rằng, con người ngươi cho rằng ăn thịt. Ăn những thứ tanh nồng ấy là việc làm của những kẻ mặc lụa là gấm vóc. Vì thế ngươi khinh thường loại người ấy, cho rằng họ là phàm tục.

Trong bài khúc, "ngươi lại" nối với "nào hay" bên dưới, là hai giọng điệu liền nhau. Rồi nói: nào hay người càng cao càng dễ bị ghen, quá sạch cũng cùng một dạng với hiềm nghi. Câu này rất dễ hiểu, tôi không triển khai phân tích nữa. Những lời phía dưới đáng chú ý. Rồi nói: đáng than thay, đèn xanh điện cổ, người sắp

già; phụ mất lầu son phấn hồng, xuân sắc tàn. “Đèn xanh điện cổ, người sắp già.” Lăng Thúy am có phải một kiến trúc cổ không?

Thiền đường của Lăng Thúy am, thiền đường của Lăng Thúy am có phải một điện cổ không? Không phải. Mọi người đều biết rất rõ, trong sách viết rất rành. Toàn bộ Đại Quan viên là một khu vườn mới xây. Tuy bên trong dùng một số những cảnh trí sẵn có của phủ Vinh Quốc, phủ Ninh Quốc, một số đá núi, cây cối cũ, cùng những đình đài lầu gác nhỏ rồi tổ hợp, vận dụng thêm, nhưng Lăng Thúy am hẳn cũng như các quần thể kiến trúc kiểu Đạo Hương thôn, là mới xây. Nó được xây mới trước khi Nguyên phi tỉnh thân.

Vì vậy Lăng Thúy am không thể gọi là một điện cổ. Do đó câu “Đàn xanh, đền cổ, người già,” nói về vị trí không gian hẳn không phải Lăng Thúy am trong Đại Quan viên, mà hẳn là, như Hình Tụ Yên đã kể, ngôi chùa năm xưa Diệu Ngọc ở tại Giang Nam. Ngôi chùa ấy, chính Diệu Ngọc cũng từng tiết lộ. Khi thưởng trà, nàng tự nói: lúc ấy ta ở chùa Bàn Hương tại Huyền Mộ. Toàn bộ là một địa danh. Có một địa danh nào?

Chùa Bàn Hương. Đó hẳn là một ngôi chùa cổ. Cũng có thể có người thảo luận với tôi rằng: già ư? Khi Diệu Ngọc vào Đại Quan viên, nàng mười tám tuổi. Năm năm trước thì hẳn là mười ba tuổi. Dĩ nhiên không già.

Nhưng “người sắp già” nghĩa là gì? Bởi trong xã hội ấy, mười ba tuổi đã có thể, nếu đủ tư cách, nền nếp gia đình đủ tư cách, thì phải tham gia tuyển tú nữ. Hơn nữa, nếu là nhà bình thường, đôi khi cũng phải bàn chuyện hôn nhân rồi. Thời đại ấy là như vậy. Vậy khi Diệu Ngọc sống ở chùa Bàn Hương, năm tháng thanh xuân của nàng đang vội vã trôi đi. Vào lúc ấy, một cô gái tròn mười ba tuổi là một việc lớn.

Điều đó có nghĩa nàng rời khỏi thời thiếu nữ, bắt đầu bước vào một thế giới nhân sinh rộng hơn. Vậy lúc này đã xảy ra chuyện gì? Phía dưới có một câu, nói rằng nàng phụ mất “lầu son phấn hồng, xuân sắc tàn”. Chuyện này là sao? “Lầu son phấn hồng” hiển nhiên cũng không chỉ những kiến trúc vườn cảnh trong Đại Quan viên. Bởi câu này nối liền với câu “đèn xanh điện cổ”.

Điều đó cho thấy trong thời thanh xuân thiếu nữ của nàng, tuy nàng mang tóc tu hành, nhưng có khả năng ngôi chùa nơi nàng ở, ngôi chùa cổ ấy, ngôi chùa có điện cổ ấy, có những lầu son phấn hồng, có những kiến trúc vườn cảnh đẹp đẽ. Đôi khi nàng cũng lên trên lầu ấy ngắm nhìn xuân sắc. “Xuân sắc tàn”, “tàn” nghĩa là sắp kết thúc. Mùa xuân sẽ vội vã trôi qua. Xuân mất, xuân sông trôi đi, tiễn xuân, giấc xuân tan theo mây. Đây đều là một thứ cảm thán chung của người Trung Quốc, thậm chí của toàn cầu, của các dân tộc trước sự trôi chảy của tự nhiên và sự trôi chảy của sinh mệnh.

Điều đó cho thấy bản thân nàng cũng là một sinh mệnh sống động. Nàng chắc chắn có tình ái của nàng. Có tình yêu của nàng. Tôi cho rằng hai câu này trên thực tế đã điểm rõ cảnh giới tình ái của Diệu Ngọc trước khi nàng đến Đại Quan viên. Việc nàng mang tóc tu hành là bị ép buộc, là bất đắc dĩ. Nàng có sự rung động xuân tâm của riêng mình, có tấm lòng thơm thảo của một thiếu nữ.

Hai câu này viết rất rõ. Trong tất cả những lời chữ ấy, câu gây tranh luận lớn nhất và dễ làm người ta hiểu lầm nhất là câu phía dưới. Xin chú ý cách tôi đọc: "Đến cuối cùng, vẫn là phong trần khảng tảng trái lòng mong." Có người nói: có phải ông đọc nhầm không? Chẳng phải là "ô uế" sao? "Vẫn là phong trần ô uế trái lòng mong." Cao Ngạc chắc chắn đã viết tiếp theo cách hiểu ấy. Đúng không?

Bất kể phía trước nàng thế nào, đến cuối cùng người này một là phong trần, phong trần chẳng phải nghĩa là kỹ nữ sao? Phong trần nữ tử. Về sau có phải vào lầu xanh không? Phải không? Ngươi thích sạch sẽ đến thế, cuối cùng lại rất ô uế, trái với tâm nguyện ban đầu của ngươi. Nếu đọc và hiểu như thế, thì những gì Cao Ngạc viết tiếp đều hợp lý cả, phải không?

Vậy bây giờ tôi muốn nói với mọi người: đối với câu "đến cuối cùng, vẫn là phong trần khảng tảng trái lòng mong", cách hiểu câu này giữa tôi với Cao Ngạc, hoặc giữa rất nhiều nhà nghiên cứu Hồng học với Cao Ngạc, có sự khác biệt rất lớn. Cao Ngạc đã hữu ý hoặc vô ý xuyên tạc câu này. Căn cứ vào sự hiểu sai và bóp méo ấy, khi viết bốn mươi hồi sau, ông đã viết Diệu Ngọc thành một dáng vẻ không chịu nổi như vậy. Ông làm thế là không đúng. Trên thực tế, chữ "phong trần" trong câu này không phải mang ý nghĩa kia.

"Phong trần" ở đây là ý đời tục, là ý việc đời nhiễu nhương. Nó là "phong trần" trong "dặm dài phong trần". Chúng ta nói một người bình thường bôn ba đường dài, một đường phong trần, đúng không? Còn về hai chữ "khảng tảng", cách viết là như vậy, nhưng trong cổ Hán ngữ, "khảng tảng" biểu thị ý không xu phụ, không khuất phục. Tức là một người rất kiên cường. Khi ở trong hoàn cảnh rất khó khăn, người ấy không cúi đầu, có thể kiên trì lý niệm của mình.

Rất bướng bỉnh mà sống tiếp. Đó gọi là "khảng tảng". Có ví dụ không? Có rất nhiều ví dụ. Bây giờ chỉ nêu một ví dụ. Chẳng hạn Văn Thiên Tường, mọi người biết chứ?

Văn Thiên Tường tuy là một nhân vật chính trị, nhưng ông cũng làm thơ. Văn Thiên Tường có một bài thơ nổi tiếng gọi là "Đắc nhi nữ tiêu tức thi". Trong đó có hai câu: "Khảng tảng đến cùng mới là hán tử, bơ vơ còn muốn hướng về ai." Văn Thiên Tường dùng chữ ấy như vậy. Hôm nay vì không hiểu cổ văn, bạn thấy đó là "ô uế". Kỳ thực đó là "khảng tảng", là không khuất, không cong, không đầu hàng, không cúi đầu. Đó là ý như vậy.

"Khảng tảng đến cùng mới là hán tử", câu này còn có thể giải thích khác sao? Không thể giải thích khác được. Hơn nữa là Văn Thiên Tường viết, bạn nghĩ xem có phải không? Ông có thể biểu đạt ý rằng một người từ đầu đến cuối bẩn thỉu thì mới là một hảo hán sao? Lại còn viết thành thơ, mà là Văn Thiên Tường viết, có thể không? Không thể.

*Câu thơ này của Văn Thiên Tường chưa từng bị ai hiểu lầm. Mọi người đều rất rõ, nó thống nhất với nhân cách của ông và biểu hiện lịch sử của chính ông. Vì vậy Tào Tuyết Cần dùng hai chữ này ở đây chính là hai*

*chữ Văn Thiên Tường năm xưa từng dùng, là "khảng tảng". Cả hai đều đọc thanh ba. Hàm nghĩa của nó đều là không khuất không cong. Qua từng tầng phân tích trên, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc chỉ là một sự giao lưu tinh thần cao cấp, không có cái gọi là quan hệ tình yêu.*

*Vậy đã như thế, Diệu Ngọc vì tình yêu mà chọn nương cửa Phật, người nàng yêu ấy lại là ai? "Vương tôn công tử than vô duyên" được miêu tả trong khúc "Thế Nan Dung", vị vương tôn công tử ấy rốt cuộc chỉ người nào? Trong văn bản Hồng Lâu Mộng, có bóng dáng của người này không? Sau khi Lưu Tâm Vũ khảo cứu và phân tích tỉ mỉ, ông đã phát hiện manh mối quan trọng trong Chi Nghiễn Trai phê ngữ, cuối cùng đưa ra một kết luận lớn lao và đáng kinh ngạc về vị vương tôn công tử được Diệu Ngọc yêu mến.*

Cuối khúc "Thế Nan Dung" nói: "Một viên mỹ ngọc không tì vết lại gặp bùn nhơ, nào cần vương tôn công tử than vô duyên." Có người nói: tôi càng thấy Cao Ngạc viết đúng rồi, phải không? Cuối cùng nàng gặp bùn nhơ, phải không?

Cuối cùng Giả Bảo Ngọc, Giả Bảo Ngọc dĩ nhiên là vương tôn công tử rồi, đúng không? Hậu duệ của Vinh Quốc công, đúng không? Vậy nên thấy rằng, bạn xem, cậu với nàng không có duyên phận. Bây giờ điều tôi muốn nói với bạn là: khi nàng, như một viên mỹ ngọc không tì vết, gặp bùn nhơ, vương tôn công tử than vô duyên, vị vương tôn công tử này rốt cuộc là ai? Ai than vô duyên?

Tôi cho rằng không phải Giả Bảo Ngọc. Giả Bảo Ngọc dĩ nhiên cũng đủ tư cách là một vương tôn công tử. Nhưng không phải Giả Bảo Ngọc. Trong tám mươi hồi đầu, bạn không tìm thấy Giả Bảo Ngọc cảm thấy giữa mình và Diệu Ngọc có nhân duyên, sau vì nhân duyên này không thành mà thở than. Không tìm được dấu vết nào như vậy trong văn bản Hồng Lâu Mộng, có chỗ nào nghiêm chỉnh viết ra bốn chữ "vương tôn công tử" không?

Có. Có đấy. Khi lo tang sự cho Tần Khả Khanh, ở hồi 14, cách hành văn của Tào Tuyết Cần rất rõ ràng. Lúc ấy những nhân vật đến tham gia nghi thức tang lễ là những ai? Ông có một câu như thế này. Phía trước ông liệt kê rất nhiều người khác, rồi nói: "Còn lại như công tử Hàn Kỳ của Cẩm Hương bá, công tử Phùng Tử Anh của Thần Vũ tướng quân, Trần Dã Tuấn, Ngụy Nhược Lan và các vương tôn công tử, không thể kể hết." Bạn chú ý thấy chưa?

Trong chính văn có "vương tôn công tử". Trong đó, dĩ nhiên Phùng Tử Anh mọi người rất quen. Mấy bài trước tôi cũng nhiều lần nói đến người này. Phùng Tử Anh trong tám mươi hồi đầu có khi xuất hiện chính diện, có khi xuất hiện ngầm. Đúng không? Dĩ nhiên có người có thể hỏi: có lẽ chỉ là viết tùy tiện thôi chăng?

Đúng không? Liệt kê danh sách mà, phải không? Ai đến dự tang? Vương tôn công tử có những người này, những vương tôn công tử kia. Sau Phùng Tử Anh có hai cái tên, một người gọi Trần Dã Tuấn, một người gọi Ngụy Nhược Lan. Hẳn cũng là viết tùy tiện thôi, ông cũng vậy, đúng không?

Chẳng lẽ "vương tôn công tử than vô duyên" lại là người trong số đó sao? Tôi cho rằng đúng là có thể. Vì sao? Ba chữ Ngụy Nhược Lan trong chính văn tám mươi hồi đầu chỉ xuất hiện một lần này. Xuất hiện rất nhạt. Đúng không?

Nhưng Ngụy Nhược Lan là một nhân vật vô cùng quan trọng. Vì sao? Trong phê ngữ của Chi Nghiễn Trai, điểm này được nhắc đi nhắc lại. Sau hồi 80, đây là một nhân vật vô cùng quan trọng. Ở hồi 26, Chi Nghiễn Trai phê rằng: "Tiếc đoạn văn Ngụy Nhược Lan bắn nai, mất bản thảo, than thay, than thay." Tào Tuyết Cần đã viết rồi, không chỉ là một cấu tứ. Sau hồi 80 có một hồi văn viết về Ngụy Nhược Lan bắn nai.

Thế nào là bắn nai? Người Mãn rất coi trọng luyện võ. Ngoài việc như hoàng gia đi săn, các gia đình quý tộc đôi khi cũng luyện bắn cung trong vườn nhà mình hoặc ở sân bãi nào đó. Đó gọi là bắn nai. Vậy sau hồi 80, Tào Tuyết Cần đã viết đoạn Ngụy Nhược Lan bắn nai. Chỉ tiếc là mất bản thảo.

Về sau bị người mượn đọc làm thất lạc. Có người tò mò: Ngụy Nhược Lan cuối cùng còn bắn nai, cảnh bắn nai ấy có bao nhiêu đất diễn? Giữa ông ta và các nhân vật khác trong sách có quan hệ quan trọng gì không? Vô cùng quan trọng. Bởi ở hồi 31, chúng ta lại phát hiện một lời Chi phê: "Sau mấy chục hồi, con kỳ lân Nhược Lan đeo khi bắn nai chính là con kỳ lân này. Đề cương phục ở hồi này, đó gọi là rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm." Quan trọng như vậy đấy.

Hồi 31 viết Sử Tương Vân đi trong Đại Quan viên, a hoàn Thúy Lũ đi theo nàng. Cuối cùng họ nhặt được một con kỳ lân vàng. Đúng không? Trên người Sử Tương Vân vốn đã đeo một con kỳ lân vàng, lại nhặt được một con kỳ lân vàng nữa. Hơn nữa hồi này có hồi mục rất lạ, gọi là "Nhân kỳ lân phục bạch thủ song tinh". Vì vật kỳ lân này, cuối cùng phục xuống một việc.

Việc gì? Tức là một nam một nữ, cuối cùng họ bạc đầu bên nhau, cùng nhau qua những năm tháng cuối đời. Tình tiết này trong mấy chục hồi sau, Tào Tuyết Cần đã viết ra rồi. Vậy con kỳ lân Sử Tương Vân nhặt được là con kỳ lân ai đeo? Chính là Ngụy Nhược Lan này. Sau mấy chục hồi, khi Nhược Lan bắn nai, con kỳ lân ông ta đeo chính là con kỳ lân ở hồi 31.

Bạn nói có thể khinh thường danh sách Tào Tuyết Cần liệt kê ở hồi 14 sao? Có phải không? Trong tám mươi hồi đầu, Ngụy Nhược Lan chỉ xuất hiện một lần trong danh sách hồi 14, chỉ cái tên ấy. Bạn thấy rất vô vị, tác giả bỗng nêu ra cái tên này, viết tùy tiện thôi sao? Không phải đâu. Nói với bạn rằng: rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm.

Như rắn ẩn trong ba thước cỏ, thấy đầu không thấy đuôi. Thấy đuôi không thấy đầu. Vô cùng quanh co uốn lượn. Vì sao Hồng Lâu Mộng là một tiểu thuyết vĩ đại? Trong việc bố trí phục bút, nó rất phi thường. Vậy nếu Ngụy Nhược Lan, cái tên xếp cuối kia, sau hồi 80 cũng là một nhân vật quan trọng, thì cái tên Trần Dã Tuấn chẳng lẽ chỉ là một cái tên viết bừa sao?

Lại vì trong hai bài trước, tôi đã nói với mọi người mạch suy nghĩ của tôi: từ bốn tiên cô ở Thái Hư ảo cảnh và khúc "Uổng Ngưng Mi", có thể phán đoán Sử Tương Vân và Diệu Ngọc là song song, đều là những phụ nữ từng đóng vai trò trọng đại trong đời Bảo Ngọc. Vậy đã như Ngụy Nhược Lan có quan hệ với Sử Tương Vân, thì vì thế tôi thấy phán đoán của tôi không thể nói là hoàn toàn không có lý. Trần Dã Tuấn này chính là một vương tôn công tử có quan hệ với Diệu Ngọc. "Nào cần vương tôn công tử than vô duyên." Cá nhân tôi cho rằng, thứ nhất, không phải Giả Bảo Ngọc; thứ hai, rất có thể chính là Trần Dã Tuấn. Diệu Ngọc, thế nào gọi là không hợp thời?

Trong xã hội ấy. Ngươi đã mang tóc xuất gia, mang tóc tu hành, cha mẹ lại đều đã mất, mà tự mình làm chủ, yêu một vương tôn công tử, ngươi theo đuổi tự do yêu đương triệt để, điều đó vô cùng vượt khuôn phép. Như thế gọi là không hợp thời. Chuyện ấy cũng thôi đi, rất có thể còn có nhà quyền quý dựa vào quyền thế của mình muốn cưỡng đoạt Diệu Ngọc. Cho nên Diệu Ngọc không phải vì nguyên nhân chính trị mà trốn đến kinh thành, đến nương nhờ Đại Quan viên, vào ở Lăng Thúy am. Rất có thể nàng là để giành lấy tự do chi phối sinh mệnh của mình, tự mình quyết định vận mệnh của mình.

Nàng muốn thuận theo bản tính mà làm, sống theo tính tình của mình. Đây là một phụ nữ khảng tảng đến cùng. Vậy cuối cùng, rõ ràng nàng đã không thể kết hợp với vị vương tôn công tử nàng yêu, rất có thể là Trần Dã Tuấn. Cho nên ở cuối khúc "Thế Nan Dung" mới nói: "Nào cần vương tôn công tử than vô duyên." Vì thế trong lời đều có lời. Tôi cho rằng bút lực của Tào Tuyết Cần thật cao diệu đến cực điểm. Chỉ mười mấy chữ, mấy chục chữ ngắn ngủi, mà một giọng có hai điệu, một bài có hai cách đọc.

Thật đúng là một mũi tên trúng ba đích, thậm chí một mũi tên trúng nhiều đích. Vậy rốt cuộc kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc là gì? Nàng đã đảm nhiệm một vai trò rất quan trọng trong đời sống của Giả Bảo Ngọc. Nếu nói giữa nàng và Giả Bảo Ngọc không có quan hệ tình ái, thì sau hồi 80, giữa nàng và Giả Bảo Ngọc sẽ có câu chuyện gì? Kết cục của nàng có thật như Cao Ngạc viết: bị bọn cướp dùng mê hương xông ngất rồi bắt đi không? Vậy trong bài sau, tôi sẽ cùng bạn tìm hiểu kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc.

*Diệu Ngọc, một phụ nữ tuyệt đối khác lạ trong Hồng Lâu Mộng. Một nhân vật mang ý nghĩa phân thủy trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Nàng rốt cuộc sẽ có kết cục thế nào? Sau tám mươi hồi Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần rốt cuộc đã miêu tả Diệu Ngọc ra sao? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục hành trình về Diệu Ngọc của mình, dẫn chúng ta bước vào thế giới của Diệu Ngọc, khảo cứu kết cục cuối cùng của nàng. Một thế giới hoa quỷ hồ yêu, những câu chuyện từng thiên, từng trang kỳ lạ.*

# Tập 22

Bí ẩn thân thế của Diệu Ngọc

*Trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Diệu Ngọc là người có thân phận đặc biệt nhất. Dù nàng không có quan hệ huyết thống hay hôn nhân với tứ đại gia tộc, nàng vẫn được xếp vào đó. Thứ hạng lại còn đứng trên "anh hùng son phấn" Vương Hy Phượng, khiến rất nhiều người không khỏi thắc mắc. Điều càng khiến người ta kinh ngạc là, qua sự khảo cứu của ông Lưu Tâm Vũ về Diệu Ngọc, Diệu Ngọc còn là một trong những phụ nữ quan trọng nhất trong cuộc đời Giả Bảo Ngọc, càng thấy nàng thật không tầm thường. Vậy thân phận của Diệu Ngọc rốt cuộc như thế nào? Vì sao nàng được tác giả dành cho lễ ngộ cao đến vậy? Trên người nàng còn có những bí mật nào không ai biết? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ đến với Bách Gia Giảng Đàn, bắt đầu từ văn bản Hồng Lâu Mộng, giải mở cho chúng ta những bí mật ẩn sau Diệu Ngọc.*

Về việc Diệu Ngọc là người có thân thế thế nào, trong sách chủ yếu thông qua hai người bên cạnh để giới thiệu. Thông qua lời người khác để bàn giao nhân vật là một thủ pháp sáng tác Tào Tuyết Cần thường dùng. Trong Hồng Lâu Mộng, có rất nhiều nhân vật đều như vậy. Sự xuất hiện của Diệu Ngọc cũng thế. Nhưng khác với các nhân vật khác, cách bàn giao về Diệu Ngọc rất có thâm ý. Nhân vật này cũng vì thế mà khác người.

Lần đầu là trong hồi 17 và hồi 18. Mọi người biết rằng ở các bản cổ Hồng Lâu Mộng, hai hồi 17 và 18 chưa hoàn toàn tách riêng. Chúng vẫn giữ một trạng thái cần chia mà chưa chia hẳn. Vì vậy tôi nói hồi 17, 18, chủ yếu là nói theo trạng thái của bản cổ. Trong hồi 17, 18, Diệu Ngọc lần đầu xuất hiện gián tiếp, tức là qua một người hầu báo cáo với Vương phu nhân mà được nói ra như vậy. Lúc này Đại Quan viên đã xây xong, xây xong và chuẩn bị cho lễ tỉnh thân.

Giả Nguyên Xuân sắp về tỉnh thân, trong phủ phải nghênh đón Nguyên Xuân về thăm nhà trong tình hình ấy, phải chuẩn bị đủ mọi việc, bao gồm cả việc chuẩn bị một số nghi thức tôn giáo. Lúc này, trong phủ đã mua về một số cô gái trẻ làm ni cô, đạo cô, chuẩn bị dùng khi tỉnh thân. Thế là khi công việc chuẩn bị gần như sắp kết thúc, có một người hầu đến báo cáo với Vương phu nhân. Người ấy nói rằng ngoài các tiểu ni cô, tiểu đạo cô ấy, còn có một người, không biết bà có xét đến không. Bên ngoài có một cô gái mang tóc tu hành, vốn là người Tô Châu.

Dĩ nhiên cũng thuộc phạm vi Kim Lăng. Kim Lăng là một khái niệm rộng. Tổ tiên cũng là nhà đọc sách làm quan. Dĩ nhiên phía sau có một đoạn dài, nói vì sao nàng xuất gia. Đại ý là hồi nhỏ nàng nhiều bệnh nhiều tai. Nhà giàu có người nhiều bệnh nhiều tai thường bỏ tiền mời người khác làm thế thân, thay mình đi xuất gia.

Kết quả cũng không ăn thua. Nàng bệnh đến mức gần như không chịu nổi. Cuối cùng cứ để chính nàng xuất gia. Bệnh của nàng liền khỏi. Vì vậy nàng mang tóc tu hành như thế. Hơn nữa đến khi câu chuyện phát triển tới lúc Nguyên phi sắp tỉnh thân, nàng đã mười tám tuổi rồi.

Như vậy là đã lớn. Rốt cuộc họ thật của nàng là gì? Nàng có một tên thật hay không? Sách không bàn giao. Ít nhất trong tám mươi hồi đầu, chúng ta trước sau không thấy bất kỳ dấu vết nào về phương diện này. Trong sách chỉ nói rằng nàng có một pháp danh.

Pháp danh là Diệu Ngọc. Hơn nữa còn bàn giao rất rõ: cha mẹ Diệu Ngọc đều đã qua đời. Bây giờ Diệu Ngọc sống ra sao? Bên cạnh chỉ có hai bà vú và một tiểu a hoàn hầu hạ. Có thể nói nàng cô độc lẻ loi. Nhưng Diệu Ngọc có ưu thế rất lớn.

Người hầu ấy báo cáo rằng nàng văn mặc cũng cực thông, kinh văn cũng không cần học nữa, dáng vẻ đều rất tốt. Không phải tốt tầm thường. Tức là nói Diệu Ngọc có tình hình như vậy. Đó là thông qua người hầu này mà nói ra. Sau khi người hầu ấy nói những điều này với Vương phu nhân, vốn định đưa ra đề nghị. Nhưng hành văn trong sách rất thú vị.

Mọi người biết Vương phu nhân là người tính cách thế nào. Trong lòng Vương phu nhân rất có chủ ý. Nhưng làm việc gì cũng một là chậm, hai là xem, ba là mới thông qua. Bà là một người khá trầm ổn. Ngay cả chuyện đuổi Kim Xuyến, lần ấy bạn xem bà cũng nghe xong lời trêu ghẹo của hai người. Đợi đến khi bà thấy tội chứng của Kim Xuyến đã xác thực, bà mới đột nhiên đứng dậy, tát Kim Xuyến.

Nếu là người tính cách khác, nghe câu đầu đã nhảy dựng lên rồi, phải không? Vương phu nhân không như vậy. Bà là người rất trầm ổn. Nhưng trong sách, ở chỗ này, xin chú ý cách hành văn của Tào Tuyết Cần. Sách nói Vương phu nhân không đợi nói xong. Chưa đợi người hầu nói xong, chưa nghe hết báo cáo đã nói: "Đã như vậy, sao chúng ta không đón nàng đến?" Rất dứt khoát.

Người ta còn chưa nói xong, bà đã quyết định rồi. Điều đó có nghĩa gì? Lát nữa về sau tôi sẽ quay lại giải thích điểm này.

Nhưng người hầu này cũng nói trước: Diệu Ngọc này không dễ mời lắm. Nàng từng nói: "Cửa hầu phủ công ắt lấy quyền thế áp người, ta không đi nữa." Câu này một mặt phản ánh tính cách của Diệu Ngọc. Chúng ta đều biết, nàng là người cô cao tự phụ, vạn người không lọt vào mắt nàng. Mặt khác cũng một lần nữa chứng minh bối cảnh gia đình Diệu Ngọc hẳn không thuộc loại cửa hầu phủ công. Nàng thật ra là kiểu gia đình thư hương, dựa vào khoa cử thi đỗ từng bước, trở thành một nhà làm quan đọc sách. Hẳn là một gia đình như vậy. Nhưng lời của Vương phu nhân lại khiến người ta thấy rất lạ. Vương phu nhân chủ động nói: "Nàng đã là tiểu thư nhà quan, tự nhiên kiêu ngạo một chút. Gửi thiếp mời nàng có hề gì?" Vương phu nhân chủ trương gửi thiếp mời nàng. Một khi gửi thiếp, đó là vật giấy trắng mực đen. Trong Hồng Lâu Mộng,

những đạo cụ như thế đều không xuất hiện tùy tiện. Tấm thiếp này, tôi ước đoán sau hồi 80 sẽ có tình tiết liên quan. Phía trước đã bàn giao là viết thiếp mời. Khi xét nhà Đại Quan viên, ban đầu là nội bộ tự xét nhà, tự làm loạn. Về sau khi bên ngoài vào xét, tấm thiếp này sớm muộn gì cũng sẽ bị xét ra.

Đây là một ví dụ nữa cho thủ pháp rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm. Rất thú vị. Đó là người hầu báo cáo tình hình Diệu Ngọc với Vương phu nhân. Đó là lần Diệu Ngọc xuất hiện gián tiếp đầu tiên. Nàng chưa tự mình ra mặt, nhưng người khác đã nói về nàng rất chi tiết. Trong lần Diệu Ngọc xuất hiện gián tiếp đầu tiên, người hầu đã bàn giao nàng khá rõ. Dường như chúng ta cũng chưa thấy nàng đặc biệt đến mức nào. Chẳng qua chỉ là một tiểu thư nhà quan, thân thế cũng rất bình thường. Không sánh được với Tiết Bảo Cầm trong tứ đại gia tộc. Vậy vì sao nàng lại được sắp vào hàng Thập Nhị Thoa chính sách? Trên người nàng còn có điểm gì khác thường?

Vậy lần thứ hai là một người khác nói về nàng. Khi ấy nàng đã chính thức xuất hiện rồi, nhưng nàng vẫn như rồng trong mây, thấy đầu đuôi mà không thấy thân. Vì vậy tiểu thuyết sắp đặt một nhân vật khác lại từ bên cạnh giới thiệu nàng. Người này chính là Hình Tụ Yên. Đó là ở hồi 63. Hồi 63, Giả Bảo Ngọc phát hiện vào ngày sinh nhật mình, Diệu Ngọc để lại cho cậu một bái thiếp, một tấm thiếp chúc thọ.

Trên đó viết rằng: "Kẻ ngoài bậc cửa Diệu Ngọc kính lạy từ xa, chúc thọ phương thần." Giả Bảo Ngọc xem xong rất vui, rất trân trọng. Cậu cảm thấy nên có lời đáp lại. Có qua có lại. Người ta gửi cho anh một tấm thiếp, anh nên có thư hồi đáp người ta. Nhưng viết thế nào? đây? Cậu liền nghĩ phải tìm người giải quyết vấn đề này.

Tìm ai? Tự nhiên là tìm em Lâm, lẽ nào tìm chị Bảo? Việc này không thể tìm chị Bảo, việc này phải tìm em Lâm. Nhưng chưa tìm được em Lâm thì thấy đối diện một mỹ nhân yểu điệu bước tới; là ai? Chính là Hình Tụ Yên. Cậu hỏi Hình Tụ Yên đi đâu; cậu cũng chưa nghĩ sẽ hỏi nàng ngay, hỏi Hình Tụ Yên làm gì chứ?

Vì vậy cậu thuận miệng hỏi: cô đi đâu? Nàng nói: tôi đến Lăng Thúy am. Bảo Ngọc nghe vậy thì kinh ngạc: Diệu Ngọc vốn vạn người không tiếp, sao cô lại đến Lăng Thúy am? Thế là Hình Tụ Yên nói với cậu một phen. Thông qua Hình Tụ Yên, lại bàn giao thêm một số tình hình của Diệu Ngọc. Bổ sung những điều ngoài phần người hầu trước kia đã giới thiệu với Vương phu nhân.

Hình Tụ Yên nói với Bảo Ngọc, khiến Bảo Ngọc vô cùng kinh ngạc. Thì ra Hình Tụ Yên và Diệu Ngọc đã quen nhau từ rất sớm, quan hệ cực kỳ tốt.

Hình Tụ Yên liền kể với Giả Bảo Ngọc quá trình qua lại giữa hai người. Nàng nói: "Nàng ấy cũng chưa chắc thật lòng trọng tôi." Tức là vì sao người khác nàng không để ý, chỉ riêng tiếp tôi. Chỉ vì tôi và nàng từng làm hàng xóm mười năm. Nhà họ Hình khi ấy thuê căn phòng chính là phòng trong ngôi chùa ấy. Trong mười

năm ấy, lúc đó có lẽ nàng còn là cô bé, Hình Tụ Yên thường đến trong chùa, làm bạn với Diệu Ngọc. Chữ mà Hình Tụ Yên biết đều do Diệu Ngọc dạy cho.

Vì thế Hình Tụ Yên khái quát quan hệ giữa mình và Diệu Ngọc là: "vừa là giao tình nghèo khó, lại có phận nửa thầy." Đó là quan hệ như vậy. Những tình hình Hình Tụ Yên nói bên dưới là điều nàng nghe được. Bởi về sau nhà họ đã rời đi. Đó chỉ là thông tin mơ hồ. Nàng nói vì Diệu Ngọc không hợp thời, quyền thế không dung, nên mới nương đến đây. Cụm "Diệu Ngọc không hợp thời" như một định ngữ về nàng xuất hiện nhiều lần.

Thế nào gọi là không hợp thời? Cái "không hợp thời" này không phải là một từ ngữ có màu sắc chính trị rất đậm. Đây là một lời chê phi chính trị trong xã hội tục thế. Tức là việc người này làm có thể không phạm pháp, nhưng khác hẳn mọi người, rất cổ quái. Người thường nhìn thấy đều ghét. Dĩ nhiên, sự không hợp thời ấy lại dẫn đến điều gì?

Lại dẫn đến việc quyền quý không dung. Theo lẽ, người thường ghét nàng thì cũng thôi. Sau cùng người thường ghét nàng cũng chẳng làm gì được nàng. Nhưng rõ ràng cuối cùng nàng lại chọc giận quyền quý, bị quyền quý không dung. Vì thế cuối cùng mới nương đến đây. Đây là một lời giải thích của Hình Tụ Yên.

Nhưng đó chỉ là điều nàng nghe nói. Tào Tuyết Cần viết rất mơ hồ khó lường. Giả Bảo Ngọc nghĩ: trước mắt có người hiểu Diệu Ngọc nhất, thì khỏi cần tìm em Lâm nữa. Cứ hỏi Hình Tụ Yên, hỏi nàng mình nên đáp thiếp thế nào? là xong. Thế là cậu đưa tấm thiếp này cho Hình Tụ Yên xem. Hình Tụ Yên đánh giá Diệu Ngọc thế nào?

Nàng vừa nhìn tấm bái thiếp liền nói: ôi, tính khí nàng ấy vẫn không đổi. Quả là trời sinh phóng túng quái gở như thế. Nàng chưa từng thấy trên thiếp lại ghi biệt hiệu. Cho nên khi viết thiếp chúc thọ cho người ta, theo lẽ nên ghi tên mình. Dù nói Diệu Ngọc đã xuất gia, không có tên thật để ghi, thì có thể ghi Diệu Ngọc, pháp hiệu của nàng cũng rất tốt. Nhưng nàng lại ghi một biệt hiệu, ghi là "kẻ ngoài bậc cửa".

Thế là Hình Tụ Yên bực quá bật ra, nói những lời thực ra rất cay nghiệt về Diệu Ngọc. Hình Tụ Yên vốn nên là một cô gái rất dịu dàng. Nhưng vì thấy tấm bái thiếp quá cổ quái, quá không hợp thời, nên Hình Tụ Yên buột miệng nói ra lời phê bình rất sắc bén. Đúng như tục ngữ nói: tăng không tăng, tục không tục, nữ không nữ, nam không nam, ra cái thể thống gì? Trong xã hội ấy, đây là một lời phê bình rất sắc bén, rất nghiêm khắc. Nhưng Hình Tụ Yên sau đó bình tĩnh lại, nghĩ về vấn đề mà mình từng cùng Diệu Ngọc bàn luận.

Nghĩ rồi nàng nói: tôi cũng có thể giải thích cho cậu vì sao nàng tự xưng là "kẻ ngoài bậc cửa". Bởi Diệu Ngọc này từng nói với Hình Tụ Yên, hơn nữa còn thường nói, không chỉ nói một lần. Nàng nói trong người

xưa, từ Hán, Tấn, Ngũ Đại, Đường, Tống trở đi, đều không có thơ hay. Chỉ có hai câu thơ hay. Hai câu thơ này rất cổ quái. Đến nay cá nhân tôi vẫn chưa thấy hai câu ấy hay.

Nhưng Diệu Ngọc thấy hai câu thơ ấy là hai câu thơ duy nhất hay trong suốt bao triều đại từ người xưa đến nay. Là câu thơ gì? Hai câu này người trẻ bây giờ có thể không hiểu lắm. Gọi là: "Dẫu có bậc cửa sắt nghìn năm, rốt cuộc cũng cần một nấm mồ đất." Đó là hai câu thơ của một thi nhân đời Tống tên Phạm Thành Đại. Chỉ trong xã hội ấy mới có hai thứ này. Một thứ gọi là bậc cửa sắt.

Tức là trước kia trong gia đình quý tộc phong kiến hoặc nhà giàu có, người ta nói bậc cửa cao. Bậc cửa cao không chỉ là một cách hình dung, mà thật sự cao. Nó thể hiện khí phái của nhà ở. Hơn nữa những người giàu nhất, thế lực nhất bậc cửa nhà họ còn bọc sắt. Có nhà mong bậc cửa sắt ấy có thể tồn tại một nghìn năm. Nhưng thi nhân Phạm Thành Đại này chỉ ra rằng: dù bậc cửa sắt của ngươi có thể tồn tại một nghìn năm, ngươi có thể sống một nghìn tuổi không? Đến cuối cùng ngươi cần gì? Cần một "bánh bao đất". Cái này người trẻ bây giờ không hiểu. Tôi từng nói với một em học sinh tiểu học, em ấy hỏi: có phải giống bánh bao ngũ cốc gì không, "bánh bao đất" là gì, ngon không? Em ấy không hiểu. Bởi trước kia là thổ táng. Nếu thổ táng, mộ phần đều phải có một ụ mộ đắp bằng đất. Hơn nữa thời cổ, người ta còn đặc biệt coi trọng hình ụ mộ như bánh bao đất. "Bánh bao đất" trong câu thơ này biểu thị rằng cuối cùng chẳng qua ngươi cũng phải chết đi, chỉ còn một ngôi mộ tồn tại mà thôi. Con người ngươi không còn nữa. Vậy Diệu Ngọc cho rằng hai câu thơ ấy hay, điều đó có nghĩa gì? Nghĩa là nàng có một cái nhìn riêng, rất độc đáo về đời người. Cách nhìn ấy hô ứng với câu thơ của Phạm Thành Đại thời cổ. Đó là một cách nhìn rất bi quan. Đó là một nhân sinh quan mang tính bi kịch. Nó thuộc về kiểu nhìn thấu hồng trần.

Mọi vinh hoa phú quý đều không có ý nghĩa. Đời người theo đuổi trường thọ cũng chẳng có ý nghĩa bao nhiêu. Cuối cùng ai cũng không thoát khỏi cái chết. Nó biểu đạt ý nghĩa như vậy. Sau khi Hình Tụ Yên giới thiệu việc Diệu Ngọc thưởng thức hai câu thơ ấy, nàng lại giới thiệu Diệu Ngọc thích đọc văn của ai: thích đọc Trang Tử. Nàng nói trong văn chương, chỉ Trang Tử là hay.

Trong một số bài của Trang Tử có nói đến ai? Kỳ nhân, người kỳ linh. Tức là loại người rất cá biệt, rất cổ quái. Người ấy tuyệt đối không giống đám đông khác. Nhưng người ấy hài hòa với ai? Người ấy hài hòa với trời, với một thứ tự nhiên, vũ trụ cổ xưa và vĩnh tồn hơn.

Một sinh mệnh như vậy gọi là "kỳ nhân". Vì vậy Hình Tụ Yên liền bày kế cho Bảo Ngọc: nay nàng tự xưng là "kẻ ngoài bậc cửa", cậu hiểu nghĩa là gì rồi chứ? Cậu phải tự hạ mình, đừng đối lại ngang hàng với nàng. Cậu cứ nói mình là "kẻ trong bậc cửa". Về sau Giả Bảo Ngọc quả nhiên nghe ý kiến của Hình Tụ Yên, viết một tấm hồi thiếp tự xưng mình là "kẻ trong bậc cửa". Cậu cũng không trực tiếp đưa cho Diệu Ngọc, mà đến Lăng Thúy am, nhét vào qua khe cửa am.

Tình tiết rất quan trọng này cũng là một kiểu giới thiệu gián tiếp. Nhưng qua báo cáo trước đó của người hầu với Vương phu nhân, và qua phần tôi vừa nhắc lại kỹ lưỡng về những điều sách viết Hình Tụ Yên đã giới thiệu về Diệu Ngọc, nhân vật Diệu Ngọc qua hai lời giới thiệu khách quan về cơ bản đã dựng lên được. Chúng ta biết thân thế cơ bản của nàng, đường đời đến tuổi mười tám của nàng cho tới lúc ấy, những mối giao du của nàng, thơ nàng thích, văn nàng thích, nàng nhìn mình và nhìn người khác ra sao, cơ bản đều rõ. Hai lần xuất hiện gián tiếp của Diệu Ngọc đã khiến độc giả lĩnh hội được sự cô cao và tâm khí cao của nàng. Nói chung, đối với các nhân vật quan trọng trong Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần đều phải lập riêng truyện cho họ. Vì vậy với Diệu Ngọc, nhân vật tác giả xem trọng, dĩ nhiên cũng không ngoại lệ.

Hồi 41 Hồng Lâu Mộng, "Lăng Thúy am trà phẩm mai hoa tuyết", chính là chính truyện của Diệu Ngọc. Trong hồi này, Lưu lão lão lần thứ hai vào Đại Quan viên. Giả mẫu cùng Lưu lão lão đi dạo khắp Đại Quan viên. Khi đi đến Lăng Thúy am, họ dừng chân uống một ngụm trà. Như vậy dẫn ra câu chuyện Diệu Ngọc dâng trà. Sau khi đã được vài người bàn giao, Diệu Ngọc cũng chính diện bước ra gặp độc giả.

Sự xuất hiện chính diện của nàng càng làm sâu thêm nhận thức của độc giả về nàng. Vậy trong hồi này, phần chính thức viết Diệu Ngọc xuất hiện, từ lúc Giả mẫu và mọi người đến Lăng Thúy am đến khi rời khỏi Lăng Thúy am, kết thúc màn này, tổng cộng có bao nhiêu chữ? Tôi đã tra các bản cổ khác nhau cũng như bản thông hành hiện nay. Số chữ chênh lệch trên dưới chưa đến năm chữ, đại thể là một nghìn ba trăm năm mươi chữ. Rất ít chữ. Trong chương này, Diệu Ngọc chỉ nói mười hai câu.

Hoặc nói nghiêm ngặt hơn, có lần nàng mở miệng mà nếu ngắt câu thì còn có thể chia thành vài câu. Nói chính xác là nàng chỉ mười hai lần mở miệng. Nhân vật này, trong một nghìn ba trăm năm mươi chữ, Tào Tuyết Cần chỉ để nàng mở miệng mười hai lần, là đủ rồi; con người ấy đã đứng dậy trước mắt. Vì vậy tôi thật sự khâm phục Tào Tuyết Cần, khâm phục Hồng Lâu Mộng. Ông không chỉ viết tính cách người này, mà còn truyền đạt rất nhiều thông tin. Chẳng hạn ngay từ đầu, Giả mẫu và mọi người đến Lăng Thúy am, đi cùng Lưu lão lão, lại có một nhóm tiểu thư gì đó, cùng đến.

Diệu Ngọc liền dâng trà cho Giả mẫu. Dùng thứ trà cụ như thế nào? Đó là một khay trà nhỏ hình hoa hải đường, sơn khắc, khảm vàng bạc, có hình hiến thọ. Bên trong đặt một chiếc chén nhỏ có nắp, Thành diêu ngũ sắc vẽ chim hỉ thước. Đây là đạo cụ rất quan trọng, bây giờ tôi không nói kỹ. Rồi vừa hạ bút, tôi đã vô cùng kinh ngạc.

Ông viết thế nào?

Trước hết ông viết Giả mẫu nói một câu. Câu này của Giả mẫu rất lạ, gọi là: "Ta không uống trà Lục An." Lạ không? Tào Tuyết Cần tiết kiệm chữ biết bao. Ông truyền đạt thông tin gì? Rõ ràng Giả mẫu từng rất quen thuộc với bối cảnh gia đình của Diệu Ngọc. Bà biết thói quen đãi khách của nhà Diệu Ngọc. Khi cha mẹ Diệu Ngọc còn sống, nhà Diệu Ngọc đãi khách luôn bưng trà Lục An ra. Giả mẫu là lão tổ tông của phủ Giả, bà

không cần khách sáo. Cho nên Tào Tuyết Cần không nói dài dòng. Giả mẫu mở đầu nói: ta không uống trà Lục An. Rồi nhân vật Diệu Ngọc, lần đầu xuất hiện liền mở miệng. Câu thứ hai rất ít chữ, nhưng rất lợi hại. Gọi là: "Biết rồi, đây là Lão Quân Mi.".

Lợi hại không? Phải không?

Quan hệ giữa nhà họ Giả và gia đình phía sau Diệu Ngọc đã được điểm ra. Nhà ấy trước kia qua lại với nhà họ Giả, luôn bưng trà Lục An ra, không hợp khẩu vị người phủ Giả, đặc biệt không hợp khẩu vị Giả mẫu. Điểm này, Diệu Ngọc đã mười tám tuổi, cha mẹ đều mất, nhưng ký ức gia đình nàng vẫn còn. Nàng đã đề phòng từ rất sớm, phải không? Đúng không? Cho nên nàng lập tức nói hai chữ: "Biết rồi." Rồi lập tức nói với Giả mẫu: "Đây là Lão Quân Mi." Diệu Ngọc này cũng rất cứng cỏi.

Bạn không thể nói nàng, không thể bảo: ta không uống thứ trà ấy. Không phải thứ trà ấy, không cần đổi. Đây là Lão Quân Mi. Lão Quân Mi thì bà phải uống. Lão Quân Mi là để chúc thọ, bà nói xem có đúng không? Bà không thể từ chối ý tốt.

Giả mẫu cũng rất lợi hại. Giả mẫu hỏi: là nước gì? Phải hiểu trà mới hỏi được như vậy, phải không? Đúng không? Người không hiểu trà có hỏi như thế không? Bạn xem ông viết Giả mẫu cũng rất giỏi.

Kiểu người như bà, thật sự gọi là phẩm trà, không thể gọi là uống trà, mà là phẩm trà. Người biết phẩm không chỉ phẩm trà, chỉ nói trà là Lão Quân Mi cũng chưa đủ. Còn phải hỏi là nước gì. Diệu Ngọc liền nói với bà: đây là nước mưa tích trữ từ năm trước. Trước kia, người tinh về nấu trà lấy nước mưa trong mùa mưa năm nay, dùng một số vò, hũ hứng lại. Hứng xong thì để cho nước trong. Khi nước đã trong thì gạn nước ấy ra, đặt vào một loại đồ sứ hoặc đồ gốm chuyên dụng, chôn dưới gốc cây. Sau một năm lại đào lên, rồi dùng nước ấy pha trà, cho là tinh tế nhất. Dĩ nhiên người hiện đại có thể nghe xong thì thấy: có uống được không?

Bây giờ chúng ta có nước tinh khiết, lại có nước khoáng, nước không gian gì đó. Không nói đồ uống của chúng ta bây giờ, thời ấy người ta cho đó là rất cao cấp rồi.

Kết quả Giả mẫu vừa xem, dĩ nhiên cũng thôi. Vì nước này rất tốt. Diệu Ngọc rất hiểu dùng trà gì nấu với nước gì. Sau khi Diệu Ngọc nói xong hai câu, nàng lười không để ý đến Giả mẫu và mọi người nữa. Nàng là một người rất cao ngạo. Thế là nàng kéo nhẹ vạt áo Bảo Thoa và Đại Ngọc, đưa họ đến phòng bên cạnh đông thiền phòng, riêng mời họ uống trà thân mật. Giả Bảo Ngọc theo lệ phải đi theo vào. Con người Giả Bảo Ngọc, hễ là hoạt động đẹp đẽ của phụ nữ, cậu đều muốn nhập bọn, không thể thiếu cậu. Đây cũng là một nhân vật rất thú vị. Thế là cậu đi vào. Lúc này, cách viết ở các bản cổ Hồng Lâu Mộng khác nhau. Có bản nói Đại Ngọc và Bảo Thoa hai người nói với cậu: "Anh lại chạy đến ăn ké trà, ở đây không có phần anh." Có bản nói là ba người nói. Nếu là ba người nói, thì coi như Diệu Ngọc lại mở miệng thêm một lần. Tôi đã

tính cả câu ấy, coi là một trong mười hai lần mở miệng. Có lẽ câu "ở đây không có phần anh" hẳn chính là Diệu Ngọc nói. Bởi nàng muốn riêng mời Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa thưởng trà.

Rồi đúng lúc này, bên Giả mẫu và mọi người đã uống gần xong. Mọi người đều biết, Giả mẫu uống nửa chén trà ấy xong, liền đưa nửa chén trà ấy cho ai? Cho Lưu lão lão. Lưu lão lão liền uống. Lúc ấy Diệu Ngọc nhìn thấy. Khi ấy người hầu của Diệu Ngọc thu lại chiếc chén nhỏ có nắp Thành diêu ngũ sắc vẽ chim hỉ thước.

Thu lại xong, Diệu Ngọc mở miệng lần thứ tư. Diệu Ngọc ra lệnh cho người hầu, bảo chiếc chén trà Thành diêu ấy thì đừng cất nữa, đem ra ngoài đi. Điều này viết về người này là mắc chứng ưa sạch. Quá mức thích sạch sẽ. Hơn nữa nếu nhìn bằng quan điểm hôm nay, nàng kỳ thị nhân dân lao động. Phải chụp cái mũ ấy cho nàng.

Nếu chỉ Giả mẫu uống, có lẽ nàng cũng bỏ qua, rửa sạch một chút, rửa kỹ một chút. Kết quả dù sao Lưu lão lão đã uống. Lưu lão lão thời ấy có lẽ điều kiện nông thôn kém, răng vàng khè, nàng nhìn đã khó chịu. Uống xong, rửa rồi nàng cũng không cần nữa, thế nào? cũng không cần nữa, nàng không muốn lấy nữa. Đó chính là Diệu Ngọc. Đây là lần nàng nói thứ tư.

Rồi nàng tiếp đãi Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa, lấy ra trà cụ vô cùng quý báu. Đoạn miêu tả này rất phóng đại. Phía dưới có những miêu tả rất giống với phòng ngủ của Tần Khả Khanh trong đoạn trước, thật sự quá phóng đại. Nàng lấy ra một vật gọi là gì? Gọi là "ban, đào, giả". Ba chữ này rất khó viết, đọc âm cũng rất lạ.

Hơn nữa vật này không phải đồ sứ. Đại thể mà nói, khi quả hồ lô đang lớn, người ta dùng một khuôn ép bọc bên ngoài. Đợi hồ lô lớn lên, lấp đầy không gian trong khuôn, thì tháo khuôn ra. Quả hồ lô sẽ lớn thành hình dạng kỳ quái mà khuôn yêu cầu. Và vật này còn trải qua một số gia công khác. Người ghi chú bên sách nói vật này gọi là ban bào giả.

Vậy chiếc chén này nàng dùng để rót trà cho Tiết Bảo Thoa, mời Tiết Bảo Thoa thưởng thức. Một đồ đựng khác cũng là kỳ trân, gọi là "điểm tê kiều". Có bản cổ viết là "tấn tê kiều". Về phương diện phiên bản học, điểm này cũng có tranh luận. Bây giờ tôi không nói kỹ. Tóm lại, đó cũng là một vật vô cùng quý báu, làm bằng sừng tê giác.

Nàng dùng nó để cho Lâm Đại Ngọc thưởng trà.

Vậy lúc này, Giả Bảo Ngọc liền xem nàng lấy gì cho mình thưởng trà. Đây cũng là vấn đề mà tất cả các nhà nghiên cứu Hồng Lâu Mộng quan tâm nhất. Tức là họ phát hiện Tào Tuyết Cần viết thế nào. Diệu Ngọc đem chiếc đấu ngọc xanh mà lần trước chính nàng thường dùng để uống trà, lấy ra cho Bảo Ngọc thưởng trà.

Thế nào là đấu ngọc xanh? Tức là làm bằng ngọc màu xanh. Hình dạng phía trên là vuông, phía dưới bắt đầu thu nhỏ theo hình thang, giống một cái đấu, một chén ngọc như vậy. Nàng cầm nó cho cậu thưởng trà. Vì đây là vật trước kia Diệu Ngọc thường dùng uống trà, cho nên gợi lên bao nhiêu liên tưởng.

Trong rất nhiều độc giả. Vấn đề này, chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận kỹ ở phần sau. Diệu Ngọc sắp mở miệng lần thứ năm. Đó là vì trước hết Giả Bảo Ngọc phản đối. Giả Bảo Ngọc nói rằng: "Thường nói pháp bình đẳng, hai cô ấy dùng cổ ngoạn kỳ trân như vậy, còn tôi lại dùng thứ tục khí này sao?" Đây là lần Diệu Ngọc mở miệng tiếp theo. Nàng nói: "Đây là tục khí ư? Không phải tôi nói khoác, e rằng trong nhà anh chưa chắc tìm ra được một món tục khí như thế." Đây chính là tính cách Diệu Ngọc. "Không phải tôi nói khoác" — nàng chính là đang nói khoác. Con người này câu sau còn ngông hơn câu trước.

Đến đây, ngôn ngữ của nàng trong bút Tào Tuyết Cần cộng lại còn chưa đến một trăm chữ, nhân vật ấy chẳng phải đã sống rồi sao? Chính là một người như vậy, tính cách như vậy. Sau đó, nàng thấy mọi người uống vui, lại tìm ra một vật nữa. Cái này thì quá phóng đại. Tôi thấy rất khó phục nguyên. Vật ấy gọi là một "đại hải" bằng rễ trúc Tương Phi, chín khúc mười tám vòng, một trăm hai mươi đốt, chạm hình rồng cuộn. Ôi chao, bạn hãy thử tưởng tượng. Tôi không nói bung ra cho rõ nữa. Vốn là một vật chạm từ rễ trúc Tương Phi.

Đó là cái gì? Rồi nàng cầm vật ấy cười, nói với Giả Bảo Ngọc: "Chỉ còn cái này thôi. Anh có uống nổi cả hải này không?" Giả Bảo Ngọc lúc ấy hơi ngốc nghếch. Giả Bảo Ngọc nhìn rồi nói: "Tôi uống nổi." Diệu Ngọc liền cười. Diệu Ngọc tiếp tục nói: "Anh tuy uống nổi, nhưng cũng không có nhiều trà để anh phá phí. Anh chẳng nghe nói sao, một chén là phẩm, hai chén đã là loài ngu vật giải khát, ba chén thì thành trâu với lừa rồi." Lời này lợi hại quá. Quá lợi hại. Mỗi lần tôi đọc đến đây, tôi đều đặc biệt xấu hổ, vì tôi uống trà toàn dùng ca lớn, uống từng ca. Nếu theo tiêu chuẩn của Diệu Ngọc, thì chúng ta đừng uống nữa. Chỉ có thể uống một chén, nhấp một chút. Một chén là phẩm. Hai chén là loài ngu vật giải khát. Ba chén thì tôi không lặp lại nữa, nghe rất khó lọt tai. Nhưng Diệu Ngọc cứ nói ra. Rồi đến lần thứ tám nàng bắt đầu nói. Nàng nói: "Anh lần này được uống trà là nhờ phúc hai cô ấy. Một mình anh đến, tôi không cho anh uống đâu." Lời này vốn không nói mọi người cũng hiểu. Nàng là người xuất gia, đúng không? Cậu là một nam giới. Nàng mang tóc tu hành, nàng là một ni cô, đúng không? Nhưng nàng cứ phải nói ra. Chính là người như vậy. Sau đó câu thứ chín, Bảo Ngọc nói: "Tôi chỉ cảm tạ hai cô ấy biết phân biệt." Diệu Ngọc nói: "Lời này rõ ràng." Những lời này đều rất có độ cứng.

Đều như thứ của công ty gang thép vậy.

Rồi đoạn nổi bật nhất viết về sự cô độc, sắc nhọn của Diệu Ngọc là phần bên dưới. Tức là lần nàng nói thứ mười. Lần thứ mười, Đại Ngọc trong sách thật là một nhân vật tiên nữ vượt khỏi phàm trần. Bạn còn nhớ có lần Lâm Đại Ngọc rời Tiêu Tương quán, nàng dặn Tử Quyên thế nào? không? Đoạn ấy tôi không thuộc lòng, nhưng bạn nhớ đại ý là gì? Bảo treo con vẹt ở đâu, hạt sen thì xử lý thế nào, dùng lồng hương ép lên ra sao.

Đời sống của Lâm Đại Ngọc, bạn nghĩ xem, là đời sống thơ họa, là thi tiên. Bạn phê bình Lâm Đại Ngọc có thể dùng vô số từ, nhưng có một chữ bạn không thể dùng để phê bình Lâm Đại Ngọc: nói Lâm Đại Ngọc tục. Bạn nhẫn tâm không? Bạn có thể nói vậy không? Nhưng phía dưới, Lâm Đại Ngọc giống như Giả mẫu, ở đây lại cũng ngớ người. Lâm Đại Ngọc liền hỏi một câu: "Đây cũng là nước mưa năm trước à?" Bởi phía trước mọi người đều ở cùng một không gian với Giả mẫu, ở đông thiền đường, phải không? Giả mẫu hỏi: đây là nước gì? Nàng nói: đây là nước mưa tích trữ năm ngoái. "Tích" nghĩa là cất giữ. Cho nên Lâm Đại Ngọc tưởng rằng thứ trà mình uống cũng là nước mưa tích trữ năm ngoái, vậy cũng đã là loại nước rất cao cấp để pha trà rồi.

Diệu Ngọc cười lạnh nói: "Con người cô thế mà lại là đại tục nhân, ngay cả nước cũng không nếm ra. Đây là tuyết trên hoa mai mà năm năm trước tôi thu được khi ở chùa Bàn Hương tại Huyền Mộ. Tổng cộng được một vò hoa men xanh mặt quỷ. Tôi vẫn tiếc không dùng, chôn dưới đất, đến hè năm nay mới mở ra. Tôi mới uống một lần, đây là lần thứ hai. Sao cô lại không nếm ra? Ngay cả nước mưa tích trữ, làm sao có được độ trong thuần như vậy, làm sao uống được?".

Diệu Ngọc này, quả chỉ ông mới viết ra nổi. Sao nàng nói năng như thế? Nàng dám dạy bảo Lâm Đại Ngọc.

Tiết Bảo Thoa về sau cũng từng khuyên dạy Lâm Đại Ngọc, nhưng bạn xem, phải dè dặt bao nhiêu, lời nói vòng qua vòng lại, cuối cùng mới chỉ điểm Lâm Đại Ngọc một chút. Diệu Ngọc thì không như vậy. Hơn nữa đoạn này tiết lộ rất nhiều thông tin. Nó cho thấy nước mưa năm trước nàng cho Giả mẫu uống bản thân cũng không có nghĩa nàng đặc biệt coi trọng Giả mẫu. Bạn biết không, đúng không? Còn nước ngon hơn nữa, chưa đến lượt bà uống. Đúng không? Bà vừa mở miệng đã nói không uống trà Lục An. Cái thói kén chọn ấy của bà, ai chẳng biết. Biết rồi, đây là Lão Quân Mi. Đó chính là Diệu Ngọc. Rồi lần thứ mười một nàng nói, là sau đó Bảo Ngọc đề nghị: chén nhỏ Thành diêu có nắp ấy, nàng đã không cần nữa, thì dứt khoát tặng cho Lưu lão lão đi. Diệu Ngọc nghe xong.

Nàng nghĩ một chút rồi mới mở miệng. Lần này khi mở miệng, nàng có một khoảng ngừng. Không giống phía trước, mở miệng là nói ngay. Người ta vừa hỏi xong thì nàng nối lời luôn. Lần này nàng nghĩ một chút, rồi nói: "Thế cũng được. May mà chiếc chén ấy tôi chưa dùng qua.

Nếu là thứ tôi đã dùng, tôi đã đập vỡ rồi. Chỉ có điều tôi không tự tay đưa cho bà ấy. Anh muốn đưa thì tôi cũng không quản. Tôi chỉ giao cho anh, anh mau cầm đi đi." Nàng cứ thế xử lý chiếc chén này. Đây là lần nàng nói thứ mười một. Lần thứ mười hai, là lúc khách sắp đi.

Khách sắp đi, Giả Bảo Ngọc liền nói: hay có cần gọi mấy tiểu nha đầu ra sông gánh vài thùng nước đến rửa đất không? Thật ra Giả Bảo Ngọc là đang trêu, nói đùa, phải không? Kết quả Diệu Ngọc bắt đúng giọng ấy. Người ta đùa, còn nàng lại coi là thật, phải không? Thế càng hay, Diệu Ngọc càng hay. "Chỉ cần anh dặn họ

gánh nước xong, đặt dưới chân tường ngoài sơn môn, đừng vào cửa là được." Viết tính cách Diệu Ngọc thật là tuyệt, phải không?

Đúng không? Vậy bên dưới viết rằng tất cả mọi người đều ra khỏi Lăng Thúy am. Diệu Ngọc cũng không lưu khách, tiễn ra khỏi sơn môn, quay người liền đóng cửa lại. Đó chính là Diệu Ngọc. Vậy đoạn văn này, bây giờ tôi nói với bạn, các bản cổ và bản thông hành chênh lệch trên dưới rất ít, chỉ là một nghìn ba trăm năm mươi chữ. Lấy bản Mông Cổ vương phủ làm bản nền, sau khi tôi đối chiếu sáu bản, con số chính xác cuối cùng là 1347 chữ.

Đoạn ấy viết đến tính cách của Diệu Ngọc, viết đến quan hệ giữa nàng và Giả mẫu, viết đến thái độ của nàng đối với Lưu lão lão, viết đến sự xung đột giữa bản thân nàng với người con gái nhã nhất trong Đại Quan viên, Lâm Đại Ngọc, viết đến đủ mối quan hệ vi diệu của nàng với Tiết Bảo Thoa, Giả Bảo Ngọc. Mà chỉ dùng ngần ấy chữ. Nói đến đây, tôi nghĩ vấn đề mọi người quan tâm nhất liền hiện ra. Rốt cuộc giữa Diệu Ngọc và Bảo Ngọc có quan hệ tình ái hay không? Nói thẳng ra, nàng đem cái đấu ngọc xanh của mình cho Bảo Ngọc uống, có ý hôn gián tiếp trong đó không? Đây là câu một bạn trẻ tri kỷ từng nêu với tôi, phải không? đúng không?

Trong đó có ý này không? Vậy trong bài sau, tôi sẽ phân tích bí ẩn tình ái của Diệu Ngọc. Cảm ơn mọi người đã nghe tôi giảng.

# Tập 23

Giải mã kết cục Diệu Ngọc

*Diệu Ngọc trong Hồng Lâu Mộng, một phụ nữ tuyệt đối khác lạ, trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, là nhân vật mang tính phân thủy. Nàng đẹp đẽ, thuần khiết, nhưng cao ngạo và cô tịch; rốt cuộc nàng sẽ có kết cục thế nào? Một thiếu nữ thông tuệ như Diệu Ngọc, vì sao lại được Tào Tuyết Cần đặc biệt trân quý? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ tiếp tục hành trình tìm hiểu Diệu Ngọc, dẫn chúng ta bước vào thế giới của nàng, khảo sát kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc.*

Ở cuối bài trước, tôi nêu ra một vấn đề muốn cùng mọi người bàn tiếp. Đó là sau hồi thứ 80, tác giả rốt cuộc sẽ viết về Diệu Ngọc như thế nào. Nếu nói phần tục thư của Cao Ngạc đã hoàn toàn bóp méo Diệu Ngọc, thì khi không bóp méo, thử tưởng tượng Tào Tuyết Cần sẽ viết Diệu Ngọc ra sao. Đó chính là một đề tài đặt ra trước mắt chúng ta. Vì bản thảo Hồng Lâu Mộng sau hồi 80.

Đã thất lạc trong quá trình lưu truyền, nên đối với Diệu Ngọc sau hồi 80 rốt cuộc sẽ có kết cục chân thực thế nào, quả thật chúng ta không thể biết được. Đã là như vậy, thì trong tám mươi hồi đầu, ta còn có thể tìm được manh mối nào về kết cục của Diệu Ngọc? Vậy sau hồi 80, Diệu Ngọc sẽ thể hiện vai trò quan trọng trong cuộc đời Giả Bảo Ngọc. Vậy nàng sẽ giữ vai trò quan trọng như thế nào? Tôi nghĩ trước hết ta nên khảo sát kỹ lần xuất hiện chính diện thứ hai của Diệu Ngọc trong tám mươi hồi đầu. Trong tám mươi hồi ấy, Diệu Ngọc có hai lần xuất hiện trực diện.

Một lần là hồi 41, hồi thưởng trà. Lần thứ hai là hồi 76, lần lộ diện thứ hai. Ở hồi 76, nhân vật chính thật ra chưa phải Diệu Ngọc. Nhân vật chính là Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân. Hai người cùng liên thơ ở Ao Tinh quán. Liên đến cuối cùng thì xuất hiện hai câu rất nổi tiếng.

Mọi người đều nhớ. Một câu là: "Bóng hạc qua ao lạnh", một câu là: "Trăng lạnh chôn hồn hoa". Hai câu của Sử Tương Vân và Lâm Đại Ngọc rất hay. Nhưng bây giờ chúng ta đang nói về Diệu Ngọc. Bởi khi họ liên đến chỗ ấy, Diệu Ngọc bỗng xuất hiện. Sau khi xuất hiện, Diệu Ngọc nói: các cô liên thơ đến mức này rồi, thì tạm thời đừng liên tiếp nữa.

Rồi Diệu Ngọc dẫn họ vào Lăng Thúy am. Bản thân Diệu Ngọc đang rất hứng chí, liền nói: bây giờ tôi sẽ nối tiếp bài liên thơ của các cô cho xong. Tôi sẽ một hơi nối hết bài này. Cuối cùng Diệu Ngọc quả nhiên đã nối trọn bài thơ ấy. Trước khi nối thơ, Diệu Ngọc có nói mấy câu. Những lời này rất quan trọng.

Xin chú ý lời nói ấy của Diệu Ngọc. Diệu Ngọc nói: "Nay thu thúc lại, rốt cuộc vẫn nên quay về diện mạo vốn có." Câu này có hàm ý rất sâu. Bề ngoài là nói: bây giờ tôi làm một kết thúc cho bài thơ này. "Thu thúc" ở

đây tức là: các cô đã liên được hai mươi hai vần rồi, đúng không? Nếu tôi muốn làm phần kết cho nó, thì tức là thu thúc bài thơ này. Nên quay về diện mạo vốn có.

Các cô chẳng phải đang vịnh trăng đó sao? Bề ngoài nàng nói: tôi phải quay lại để bám sát đề. Nhưng tầng ý nghĩa khác là gì?

Tức là làm người cũng giống làm thơ. Hoặc nói làm thơ cũng giống làm người. Đến cuối cùng, con người nên giữ diện mạo vốn có của mình. Đó là điều Diệu Ngọc theo đuổi suốt đời. Tức là: tính cách của tôi, tôi không che giấu. Góc cạnh trong tính cách của tôi, tôi không mài phẳng. Tôi muốn sống trong bản tính vốn có của mình. Tôi muốn lấy gương mặt chân thật mà đối đãi với đời. Vì thế, qua câu ấy, Tào Tuyết Cần thật ra ở tầng thứ hai cũng gợi mở cho độc giả chúng ta. Trên con người Diệu Ngọc có điều đáng để học. Đó là yêu cầu giữ một trạng thái chân thực nguyên sơ. Điều ấy rất đáng nể.

Còn một tầng ý nghĩa nữa. Nó cũng báo trước rằng sau hồi 80.

Điều tác giả theo đuổi rốt cuộc cũng là quay về diện mạo vốn có. Sau đó Diệu Ngọc còn nói tiếp: "Nếu cứ bỏ mất chân tình chân cảnh, mà đi tìm tòi điều hiểm quái," thì thật ra Tào Tuyết Cần qua lời Diệu Ngọc một lần nữa tuyên bố nguyên tắc sáng tác của mình. Tức là không được đánh mất chân tình chân cảnh, không được đi tìm tòi điều hiểm quái. Nhưng nửa sau câu nói rất đáng nghiền ngẫm. Cũng có vài nhà Hồng học, những người nghiên cứu Hồng học, đã chú ý đến ngữ khí kỳ lạ trong nửa sau câu này. Xin chú ý. Nửa sau nói thế nào? Nàng nói: "Một là làm mất quy cách diện mạo của chúng ta, hai là cũng không liên quan đến đề nữa." Vế thứ hai ta tạm không bàn. Ta hãy nói vế thứ nhất. Có người sẽ nói: sao Tào tiên sinh lại viết như vậy? Nàng là một ni cô mà. Đúng không? Dù nói là tu hành mà vẫn để tóc, nàng ở trong am, mỗi ngày ngồi bồ đoàn tụng kinh, làm công phu, đúng không? Sao nàng có thể cùng Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân đứng trên cùng một lập trường, nói rằng "chúng ta" đều có quy cách diện mạo, đều là nữ tử chốn khuê các, đúng không? Cá nhân tôi cho rằng Tào Tuyết Cần viết như vậy là có dụng ý. Ông muốn nói với ta rằng Diệu Ngọc này quả thật không hợp thời.

Người nàng ở trong am, nhưng lòng nàng có tình yêu. Nàng yêu không phải Giả Bảo Ngọc. Nàng yêu một vương tôn công tử nào đó. Nàng luôn cho rằng mình là người chốn khuê các. Nàng không cho rằng bản thân, vì đủ loại nguyên nhân, đã trở thành một ni cô như thế, thì nhất định phải tuân thủ những thanh quy giới luật của Phật giáo. Nàng cho rằng mình chính là một người phụ nữ có tôn nghiêm trong chốn khuê các. Nàng được hưởng mọi quyền lợi mà những phụ nữ ngoài thế tục đáng được hưởng. Đó chính là Diệu Ngọc. Nàng nói năng như vậy đấy.

Đây là lời nói của Diệu Ngọc mà chúng ta cần chú ý. Điều còn đáng chú ý hơn là: Diệu Ngọc nói nàng sẽ nối thơ thế nào. Trước khi đặt bút, trước hết nàng tuyên bố với hai người Lâm, Sử rằng mình sẽ nối ra sao. Nàng nói: "Theo tôi, nhất thiết phải xoay ngược lại như thế này."

“Dù phía trước có câu kỳ quật, cũng không còn hại gì nữa.” Trước khi viết, sau khi viết, nàng đều có lời riêng. Hãy nhìn cách nàng nối bài thơ này. Nàng không nối một cách thông thường. Nàng có nguyên tắc tối cao của mình, có tuyên ngôn mỹ học của mình, có sự theo đuổi hàm chứa trong thơ của mình.

Vì sao nàng phải nối như vậy? Nàng nói: chỉ có như thế mới có thể xoay ngược lại. Xin chú ý bốn chữ “xoay ngược lại”. Sau hồi 80, vai trò của Diệu Ngọc trong đời Bảo Ngọc có thể được khái quát bằng bốn chữ: “xoay ngược lại”. Lát nữa tôi sẽ nói với các vị suy đoán của tôi. Hồi 76 Hồng Lâu Mộng để Diệu Ngọc xuất hiện bằng bút pháp ngoài dự liệu, và để nàng viết một mạch mười ba vần của bài liên cú đêm Trung thu. Cơ quan huyền diệu trong đó rốt cuộc nằm ở đâu? Mười ba vần của Diệu Ngọc rốt cuộc nói rõ điều gì? Và nó có quan hệ gì với kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc?

Về sau, những câu thơ nàng nối ra, có độc giả đọc lên sẽ thấy khá hiểm hóc, khó hiểu. Có người đọc đến đây thì bỏ qua không đọc nữa.

Cá nhân tôi trước đây đối với mười ba vần Diệu Ngọc nối cũng thường bỏ qua mà đọc tiếp. Nhưng bây giờ tôi cần khảo sát rốt cuộc Diệu Ngọc là thế nào, nên phải đọc kỹ. Sau khi đọc kỹ, nhận thức cá nhân của tôi là: trong những câu thơ Diệu Ngọc nối, nàng đã nói về phủ Giả, đặc biệt về những phụ nữ trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa.

Ngoại trừ chính nàng ra, thậm chí cũng có thể tính cả chính nàng vào, và quét nhìn, khái quát kết cục của họ.

Sau đây, cách nhìn của tôi chỉ để mọi người tham khảo. Tôi chưa bao giờ cho rằng suy nghĩ của mình đều đúng. Nhưng tôi lại luôn rất sẵn lòng đem những cách nhìn mình hình thành thành thật nói với người khác, tạo thành một quan hệ cùng nhau thảo luận. Vậy Diệu Ngọc đã viết thế nào? Hai câu đầu là: “Hương triện tàn trong đỉnh vàng, sáp băng nhờn nơi chậu ngọc.” Câu đầu, “hương triện tàn trong đỉnh vàng”, đại ý là nói loại hương rất cao cấp ấy, sau khi được đốt lên trong một chiếc đỉnh vô cùng quý giá, thì đang cháy, và rất nhanh sẽ cháy hết. Đây là ám chỉ Giả Nguyên Xuân.

Sau hồi 80, tuy nàng sống trong “đỉnh vàng”, nhưng vận mệnh của nàng chẳng qua cũng như nén hương, rất nhanh sẽ cháy tàn. Còn “sáp băng nhờn nơi chậu ngọc” thì nói về Tần Khả Khanh. Ngày xưa, khi thắp nến, người ta thường thắp nến trong một loại đồ đựng hình chậu bằng ngọc. Dĩ nhiên chỉ nhà quý tộc, nhà có tiền mới làm như vậy. Còn ngọn nến ấy đã cháy sạch hoàn toàn rồi. Sau khi cháy sạch đã lâu, nó giống như tờ giấy, giống một khối sáp vậy, giống như băng, đọng lại trong đó.

Điều này dĩ nhiên chỉ việc Tần Khả Khanh. Sự việc ấy đã qua rồi. Nguyên Xuân là nén hương sắp cháy hết, còn ngọn nến này thì đã cháy hết từ lâu. Sau đó nàng lại viết: “Tiếng tiêu thêm tiếng góa phụ khóc, chăn nhờ thị nữ ủ ấm.” “Tiêu” tức là thổi tiêu. Tiêu bèn thổi tiêu, động tiêu Tiếng tiêu luôn rất bi thương, rất thê

thảm Ly phụ, chính là quả phụ. Người thủ tiết, ở đó mà khóc. Nhưng sự cấm dục của ông ta cũng còn tạm được Buổi tối còn có thị nữ hầu hạ ông ta Giúp ông ta làm ấm chăn Ví như đặt cái bình nước nóng ủ ấm gì đó Phải không Thế thì cái này chính là khái quát bí mật của Tiết Bảo Thoa. Sau hồi 80, Tiết Bảo Thoa quả thật đã gả cho Giả Bảo Ngọc. Nhưng giữa nàng và Giả Bảo Ngọc không có đời sống vợ chồng bình thường.

Giả Bảo Ngọc còn từng có lúc xuất gia. Nàng sống một cuộc đời góa bụa sống rất bi khổ. Nhưng theo tiết lộ của Chi Nghiễn Trai phê ngữ, sau cùng, khi Tiết Bảo Thoa rất bi khổ, bên cạnh nàng chỉ còn lại một người hầu hạ. Về sau Xạ Nguyệt ở lại bên nàng. Cho nên nói "chăn nhờ thị nữ ủ ấm". Vậy Vương Hy Phượng đi đâu rồi?

Bên dưới liền viết: "Trướng không còn treo hình phượng văn, người đi lầu vắng." Chỉ còn trên tấm màn giấy có hoa văn chim phượng. Nó chỉ còn là một hồi ức xa xăm. Điều này ám chỉ Vương Hy Phượng về sau ngay cả người cũng không còn. Câu tiếp theo là: "Bình phong nhàn che cặp uyên ương màu." Đó cũng là tả cảnh nghiêng, căn phòng cũng trống. Nhưng trên bình phong còn vẽ mấy đôi uyên ương rực rỡ. Điều này ám chỉ trong phủ Giả, những đại nha hoàn như Uyên Ương cuối cùng cũng hoa tàn mây tản, phiêu bạt không biết về đâu.

Những gì còn lại chỉ là vài hồi ức, vài hình ảnh. Hai câu dưới đây hẳn là khái quát toàn bộ tình cảnh gian nan.

Của phủ Giả sau hồi 80. Gọi là: "Sương đậm rêu càng trơn, tuyết nặng trúc khó vin." Hai câu tiếp nữa, tôi cho rằng khái quát cảnh ngộ của Nghênh Xuân và Thám Xuân. Một câu là: "Dường như bước bên ao quanh co." Tức là đi bên bờ ao đầm, bất cứ lúc nào cũng có thể rơi xuống. Đó là báo trước việc Nghênh Xuân sau khi gả cho Tôn Thiệu Tổ, cuối cùng vẫn rơi xuống, bị con sói Trung Sơn ấy nuốt chửng. Còn Thám Xuân thì thế nào? Thám Xuân là "lại lên gò xa vắng cô tịch".

Thế nào là "xa vắng cô tịch"? Là rất cô quạnh, rất xa người thân và quê nhà, ở trên một nơi cao như vậy. Điều này báo trước số mệnh Thám Xuân phải đi lấy chồng xa. Hai câu bên dưới trước đây thường được cho là viết cảnh Đại Quan viên về đêm, gọi là: "Đá lạ như thần quỷ vật nhau, cây quái như hổ sói chồm rình." Nhưng cá nhân tôi cho rằng hai câu này thật ra là khái quát sau hồi 80 cảnh ngộ hiểm ác của Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. "Đá lạ" dĩ nhiên là Giả Bảo Ngọc; vận mệnh của chàng rất mong manh, thần quỷ đều muốn hại chàng. "Cây", dĩ nhiên là Lâm Đại Ngọc; nàng là Giáng Châu tiên thảo, cây cỏ là biểu tượng của nàng.

Tiền đồ của Lâm Đại Ngọc cũng rất hung hiểm, có hổ có sói đang rình ở đó, muốn nuốt chửng nàng. Hai câu này khái quát vận mệnh sau hồi 80 của hai nhân vật chính trong sách. Rồi lại có hai câu: "Bệ đá đội bia thấu ánh mai, song lưới đọng sương sớm." Đây là viết bối cảnh lớn, viết bối cảnh rộng phía sau số phận những nhân vật ấy. Bài thơ của Diệu Ngọc rất khéo. Bên dưới nàng viết hai câu: "Rừng rung muôn chim

động, hang vang một tiếng vượn kêu." Nói dường như là phản ứng của tự nhiên. Thật ra nàng viết về một thứ phản kháng.

Sau đó lại có hai câu. Một câu là: "Ngõ rẽ đã quen, sao quên lối?" Tức là có người rất quen đường tà, không phải chính đạo. Có người ngay từ đầu đã không muốn đi đường chính. Người ấy rất quen những lối ngách đường nghiêng. Vì vậy đến thời khắc then chốt, người ấy không hoảng. Người ấy cũng không quên con đường mình đã chọn.

Rất tự nhiên, người ấy đi vào con đường đó. Nói về ai? Cá nhân tôi cho rằng là Tích Xuân. Tích Xuân xuất gia. Ý nghĩ ấy của nàng không phải sau khi gia tộc suy bại mới nảy sinh. Mọi người còn nhớ không?

Ở hồi 7, khi đưa cung hoa, khi ấy tình trạng nhà họ còn rất tốt. Đúng không? Phải không? Chưa hề xuất hiện nguy cơ gì. Nhưng khi nàng chơi đùa đùa cợt với Trí Năng Nhi, nàng đã nói sau này mình cắt tóc làm ni cô. Vậy có thể gọi là "ngõ rẽ đã quen" không?

Kết quả đến sau hồi 80, Tích Xuân về sau quy y cửa Phật. Bản thân nàng từ lâu đã có ý nghĩ ấy. Vì vậy nàng rất tự nhiên, không quên con đường đó, liền lựa chọn xuất gia.

"Suối biết, chẳng cần hỏi nguồn." Câu này nói về ai? Dĩ nhiên là nói về Xảo Thư. Số phận về sau của Xảo Thư tương đối tốt. Tương đối mà nói là khá tốt, chỉ là tương đối thôi.

Sau đó Diệu Ngọc bắt đầu viết đến chính mình và Lý Hoàn. Dĩ nhiên viết rất hàm súc, gọi là: "Chuông ngân Lăng Thúy tự, gà gáy Đạo Hương thôn." Tức là sau khi toàn bộ phủ Giả suy bại, xuất hiện hai hiện tượng. Một là Lăng Thúy tự. "Am" và "tự" trong cách gọi dân gian Trung Quốc đôi khi có thể dùng lẫn nhau.

Lăng Thúy tự vẫn còn tồn tại một thời gian. Thú vị hơn, nó gợi cho ta thấy Đạo Hương thôn cũng còn tồn tại riêng lẻ. Rồi nàng làm phần kết: nàng nói: "Nỗi thơm chỉ tự mình khuây, nhã thú biết nói cùng ai?" Câu này tương đối rõ ràng. Tôi nghĩ không cần phải phân tích kỹ với mọi người nữa. Đây là một câu tổng kết. Câu cuối là phần kết lớn của cả bài thơ. Gọi là: "Suốt sáng đừng nói mệt, nấu trà lại bàn kỹ." Tức là kết thúc bài thơ này. Đây là ba mươi lăm vần liên cú tức cảnh ở Đại Quan viên đêm Trung thu. Bạn thử nghĩ Diệu Ngọc có quan trọng không? Ba mươi lăm vần ấy, bạn tính mà xem, một mình nàng làm mười ba vần. Hai người Lâm, Sử cộng lại làm bao nhiêu vần? Làm hai mươi hai vần. Mỗi người chỉ làm mười một vần.

Cho nên Tào Tuyết Cần từ rất sớm đã đặt sẵn: khí chất của Diệu Ngọc đẹp, tài hoa không kém người trước. Nàng rất phi thường. Hơn nữa, còn có một đoạn miêu tả mang tính đối chiếu. Mọi người còn nhớ hồi 41 không? Sau khi Giả mẫu và mọi người thưởng trà xong, rời khỏi Lăng Thúy am, Diệu Ngọc biểu hiện thế nào? Diệu Ngọc tiễn ra đến cửa am, rồi quay người đóng cửa lại ngay. Nhưng lần này, họ gần như thức suốt đêm. Khi hai người kia rời đi, trời đã sắp sáng. Nàng tiễn họ ra ngoài cửa, nhìn họ đi xa rồi mới khép mắt.

Đối với Diệu Ngọc, đây là điều hiếm thấy. Với một người như nàng, điều ấy rất hiếm. Đúng không? Vì sao? Tác giả cố ý nói với chúng ta rằng Diệu Ngọc là một nhân vật có tính thu kết. Là một người muốn xoay ngược sự việc lại.

Ở một mức độ nào đó, nàng thậm chí hơi có phong vị của Cảnh Huyễn tiên cô. Nàng dự báo được vận mệnh của những nhân vật ấy. Nàng cảm thấy hai người này đi rồi, không biết ngày nào mới gặp lại. Dường như có ý vị như vậy. Những nét bút này đều đáng để chúng ta suy xét. Đã nói Diệu Ngọc là một nhân vật có tính thu kết, một nhân vật có tính xoay chuyển, thì sau hồi 80, nàng rốt cuộc có những tác dụng nào? Từ mấy bài giảng trước có thể thấy, trong Hồng Lâu Mộng, những manh mối có thể tra được đều đã tra rồi. những gì nên dùng cũng đều đã dùng. kể cả toàn bộ Chi Nghiễn Trai phê ngữ cũng không cung cấp đáp án về phương diện này. Lẽ nào việc truy tìm kết cục của Diệu Ngọc đến đây phải chấm dứt sao? Vậy rốt cuộc sau hồi 80, Diệu Ngọc có tình tiết quan trọng nào đáng để tác giả lót nền như vậy ở phía trước, đáng để cuối cùng cân nhắc đi cân nhắc lại, thậm chí loại cả một nhân vật quan trọng như Tiết Bảo Cầm khỏi thứ tự chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa? Hiện nay những manh mối ta nắm được quả thật rất ít. Nhưng vẫn còn có thể làm một số nỗ lực. Mọi người biết, trong lĩnh vực nghiên cứu phiên bản học Hồng Lâu Mộng, từng xuất hiện một chuyện gây tranh cãi rất nhiều. Đó là vào thập niên 60 của thế kỷ trước, ở miền Nam, tại Dương Châu, có một người tên là Tĩnh Ứng Côn.

Tĩnh tiên sinh khi ấy gia cảnh đã sa sút. Đại khái khoảng năm 1964. Mọi người cũng biết thời đại ấy là thời đại thế nào. Gia cảnh đã sa sút, đời sống bản thân cũng rất bình thường, thậm chí có thể nói là khá khó khăn. Nhưng nhà họ còn nhiều sách cổ tổ truyền, sách đóng chỉ. Về sau nhà họ cũng khá chật hẹp, ông liền chất hết những sách ấy trên gác xép. Một hôm có người bạn nói muốn mượn sách đọc. Ông nói: anh tự lên chọn đi. Người ấy lên xem thì thấy một bộ Thạch Đầu Ký, là bản chép tay. Bản Thạch Đầu Ký tám mươi hồi, bản chép tay. Ông liền đem về nhà đọc. Đem về đọc rồi, người này vốn có hứng thú với Hồng Lâu Mộng, và cũng có hứng thú nhất định với nghiên cứu Hồng học. Ông phát hiện trên bản sách này, chưa nói đến chính văn, chỉ nói riêng Chi Nghiễn Trai phê ngữ, thì đã khác với một số lời phê mà giới Hồng học khi ấy công bố.

Cùng một lời phê, trong sách này có chỗ nhiều hơn vài chữ, có chỗ ít hơn vài chữ. Còn có một số lời phê không có trong các bản khác mà các nhà Hồng học đã công bố. Tức là lời phê độc nhất. Người này liền lấy một cuốn sổ tay chép lại. Sau khi chép xong, lúc ấy ông cũng không biết các nhà Hồng học ấy ở đâu, nhưng biết nhiều người ở Bắc Kinh. Cũng biết cơ quan lớn mà họ trực thuộc, ví dụ như Viện Nghiên cứu Văn học và trường đại học nào đó. Ông liền đem những gì mình sao chép về Chi Nghiễn Trai phê ngữ trong bản Thạch Đầu Ký họ Tĩnh cất giữ gửi cho những người ấy. Việc này đã khiến các chuyên gia trong giới Hồng học chú ý. Thế là cuối cùng có một lúc, họ bắt đầu liên hệ với ông, nói: các vị có thể gửi bộ Thạch Đầu Ký ấy đến Bắc Kinh không, để chuyên gia chúng tôi xem qua? Người bạn ấy nhận được thư thì rất vui, liền đi tìm Tĩnh tiên sinh. Tĩnh tiên sinh cũng rất vui. Vì trong quá trình ấy, sau khi người bạn đọc xong, đã trả sách lại cho Tĩnh tiên sinh. Hiểu không? Đến khi Bắc Kinh muốn mượn bộ sách ấy, họ lên gác tìm thế nào? cũng không thấy.

Tìm thế nào? Cũng không thấy nữa. Cuối cùng người nhà họ mới nói rằng: mấy hôm trước có người đến thu mua phế phẩm. Vợ ông ấy không tham gia chuyện này nên không biết, thấy trên gác chất một đống lớn, nói để ở đó thật khó chịu, không chỉ bộ sách ấy, mà cả một loạt sách cũ như vậy, đã đem bán theo cân rồi.

Thế là tìm thế nào? cũng không thấy nữa.

Đó chính là một vụ nổi tiếng trong lịch sử phiên bản Hồng học: nghi án bản Tĩnh.

Vì vậy về sau nó gây tranh luận trong giới Hồng học. Người ta nói: rốt cuộc có thứ ấy hay không? Có bộ sách ấy hay không? Đúng không? Có phải người họ Tĩnh kia đã bịa ra một câu chuyện không? Nhưng người họ Tĩnh và người bạn ấy cũng rất sốt ruột. Sau đó họ nói toàn bộ sách trên gác đều không được động nữa. Phải giữ từng quyển một, rồi kiểm tra từng quyển một.

Cuối cùng phát hiện những sách còn lại trên gác đều không phải sách độc đáo gì. Đều là thứ nơi khác cũng có, chẳng hiếm lạ. Nhưng trong một cuốn sách, họ phát hiện một tờ giấy. Tờ giấy này rơi ra từ bản Tĩnh của Thạch Đầu Ký. Tờ giấy ấy hiện nay vẫn còn. Vì thế nó chứng minh bộ sách ấy từng tồn tại.

Họ không thể về sau lại giả tạo ra một tờ giấy như thế. Trên tờ giấy ấy còn viết một ít chữ, hơn nữa còn có một lời phê độc đáo. Ở đây tôi không nói kỹ nữa. Vậy vì sao tôi nói đến bản Tĩnh của Thạch Đầu Ký? Bởi trong những lời phê độc nhất mà người bạn của Tĩnh tiên sinh đã sao chép lại từ bản Tĩnh của Thạch Đầu Ký, có một lời phê liên quan đến câu chuyện của Diệu Ngọc sau hồi 80. Đây là điều chúng ta không thấy trong các bản khác.

Chỉ riêng trong bộ thủ sao bản quý giá có thể cuối cùng đã bị đem bán phế phẩm ấy mới có. Đúng là "sơn cùng thủy tận ngờ hết lối, liễu tối hoa tươi lại một thôn".

*Trên một bản Hồng Lâu Mộng họ Tĩnh cất giữ trong dân gian lại có lời phê độc nhất của Chi Nghiễn Trai liên quan đến Diệu Ngọc. Lời phê quý giá vô cùng ấy có đáng tin hay không? Và nếu lời phê ấy đáng tin, thì nó sẽ giải thích kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc như thế nào? Diệu Ngọc có thể phát huy vai trò xoay chuyển đã nói ở trên hay không? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, qua khảo sát tinh tế đến từng chi tiết, cuối cùng đã phá giải câu đố về kết cục cuối cùng của Diệu Ngọc. Một suy luận gây chấn động cũng sắp hiện rõ trước mắt.*

Lời phê ấy viết như thế này. Nó nằm ở hồi 41, nói rằng: "Ngày sau, tại bến đò Qua Châu..." "Ngày sau" tức là về sau. Câu chuyện trong hồi này nói đến đây, rồi nói về sau. Qua Châu, chúng ta đều biết, là một bến đò bên Trường Giang. Thời cổ, đó là một bến đò rất nổi tiếng. Nói: "Ngày sau, tại bến đò Qua Châu, mỗi người đều phơi bày điều khuyên răn, cảnh giới." "Hồng nhan..." Chỗ này hẳn là chỉ Diệu Ngọc. "Cho nên không thể không khuất phục xương khô."

Hồng nhan nên không thể không khuất phục cái gì? Xương khô. Một bộ xương già.

“Há chẳng đáng thương sao?” Câu này thì dễ hiểu. Nó ám chỉ sau hồi 80, vận mệnh của Diệu Ngọc, và vai trò mà nàng đảm nhiệm.

Dĩ nhiên căn cứ này, nên nói rằng, không phải căn cứ thật vững chắc. Bộ Thạch Đầu Ký bản Tĩnh do Tĩnh tiên sinh cất giữ hiện nay không tìm được nữa, đã thất lạc. Nói nó nhất định bị bán phế phẩm rồi hủy mất cũng khó nói. Cũng có thể lại gặp một người yêu Hồng Lâu Mộng giữ lại để đọc. Rốt cuộc bộ sách này ở Trung Quốc hiện nay, hay trên thế giới này, còn tồn tại hay không, rất khó nói. Cho nên không thể kiểm chứng. Có thật có một lời phê như vậy hay không? Lời phê trên tờ giấy còn sót lại không phải lời phê này. Vì thế tôi chỉ có thể nói: cá nhân tôi tin lời phê này là thật. Và có lời phê này, tôi có thể suy đoán ra rằng sau hồi 80.

Trước đó Tào Tuyết Cần đã có lót nền. Khi người hầu trình bày với Vương phu nhân về lai lịch của Diệu Ngọc, từng nói rằng: thầy của nàng lúc viên tịch đã nói với nàng thế nào. Nói rằng nàng không nên về quê. Có nhớ không? Nếu nàng ở lại kinh thành thì không sao. Nếu nàng về quê thì bất lợi cho nàng. Nhưng hiển nhiên sau hồi 80, tác giả cố ý viết rằng vì một nguyên nhân nào đó, nàng lựa chọn đi về phía Nam. Tức là cái gọi là xuôi Nam. Nàng một đường xuôi Nam.

Vậy nàng đến đâu? Đến bến đò Qua Châu.

Thế nào là “mỗi người phơi bày điều khuyên răn, cảnh giới”? Phân tích câu này tương đối khó. Nhưng câu tiếp theo, ta có thể thử tưởng tượng. Thế nào là “hồng nhan nên không thể không khuất phục xương khô”? “Xương khô” hiển nhiên là một cách hình dung thế lực xấu xa ấy, hơn nữa là một thế lực xấu xa đã có tuổi.

Trong bài giảng trước, tôi từng phân tích Diệu Ngọc. Về khúc “Thế nan dung” của nàng, trong đó nói rằng nàng từng có tuổi trẻ đẹp đẽ của mình.

Thậm chí tôi còn dự đoán rằng nàng từng có một tình yêu táo bạo, độc lập, tự chủ. Tôi thậm chí còn liên tưởng rằng, nếu Vệ Nhược Lan và Sử Tương Vân có vai diễn sau hồi 80, thì cái tên Trần Dã Tuấn xuất hiện không phải ngẫu nhiên. Rất có thể nó có liên quan đến Diệu Ngọc.

Nhưng sự theo đuổi tự do yêu đương và hôn nhân không được thế tục dung nạp, không hợp thời của Diệu Ngọc không chỉ gặp phải sự phản đối thông thường. Xin chú ý: Hình Tụ Yên từng nói với Giả Bảo Ngọc rằng nàng không chỉ không hợp thời, mà còn “không được quyền thế dung chứa”. Vậy rất có thể có một “xương khô”.

Một lão sắc quỷ có thế lực như thế, đã nhắm trúng nàng, ép nàng phải gả qua đó.

Nàng kiên quyết chống lại. Huống chi nàng là người có cá tính như vậy, đúng không? Vì thế, nàng mới rời Giang Nam, đến Bắc Kinh, hơn nữa ẩn trong chùa am, sau cùng còn ẩn vào một am viện trong Đại Quan

viên, cách rất xa trung tâm chính trị và khu vực phồn hoa của xã hội. Vậy sau hồi 80, vì sao Diệu Ngọc không nghe theo lời dặn của thầy nàng? Thầy đã nói nàng không nên về quê. Trong giới Phật giáo, lời một vị thầy nói với anh trước lúc viên tịch là tuyệt đối phải tuân theo. Hơn nữa người ấy biết Tiên thiên thần số, tức là biết đoán mệnh. Nhưng Diệu Ngọc vẫn một đi không ngoảnh lại. Theo suy đoán của tôi, nàng đi để giải cứu Giả Bảo Ngọc. Và trong tình huống phức tạp như vậy, nàng còn giải cứu cả Sử Tương Vân. Điều kiện để giải cứu hai người ấy chính là phải khuất phục "xương khô".

"Xương khô" rất tàn khốc đưa ra điều kiện: nếu cô hy sinh chính mình, thì ta có thể tha cho hai người này một con đường. Vậy hồng nhan không thể không khuất phục xương khô. Cho nên nàng là một người rất cao thượng. Cuối cùng nàng hy sinh chính mình.

Nàng lấy cái giá khuất phục xương khô để khiến Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân, sau khi trải qua gian nan khốn khổ, được gặp lại nhau, cuối cùng có thể cùng nhau nắm tay đến bạc đầu. Bạn nói xem, một người phụ nữ như vậy cao thượng biết bao. Một người phụ nữ như vậy trong đời Giả Bảo Ngọc chiếm một vị trí quan trọng, thì còn gì phải nói nữa? Một người phụ nữ như vậy, nếu bạn đọc được văn bản thật sự sau hồi 80, và thật có những đoạn chữ như thế, thì nàng được xếp vào một thành viên của chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, dĩ nhiên là xứng đáng. Nàng còn không xếp cuối. Nàng phải xếp thứ sáu. Dĩ nhiên những điều trên đều chỉ là một số suy đoán cá nhân của tôi. Tôi bắt đầu nghiên cứu Hồng Lâu Mộng từ Tần Khả Khanh. Vì nhiều bài giảng trước của tôi đều nói về Tần Khả Khanh, nên có người hiểu lầm, tưởng rằng tôi chỉ nghiên cứu một nhân vật Tần Khả Khanh này. Không phải vậy. Hồng Lâu Mộng là một kho tàng nghệ thuật, một kho tàng tư tưởng, một kho tàng văn hóa, một tòa cung điện nguy nga.

Tôi nhìn vào qua cửa sổ nào thì tốt hơn, hay tôi bước qua ngưỡng cửa nào để đi vào thì tốt hơn? Cá nhân tôi đã chọn Tần Khả Khanh để nghiên cứu nguyên mẫu.

Đến bài này, mọi người đã rất rõ: tôi không chỉ nghiên cứu Tần Khả Khanh. Nghiên cứu nguyên mẫu của tôi đã mở rộng đến Giả Nguyên Xuân, nay lại mở rộng đến Diệu Ngọc. Dĩ nhiên nghiên cứu của tôi còn phải mở rộng đến nhiều lĩnh vực hơn. Nhưng loạt bài giảng của tôi đến đây là kết thúc. Tôi hy vọng mọi người có thể giữ sự hứng thú sâu đậm đối với Hồng Lâu Mộng. Tôi cảm ơn mọi người đã kiên nhẫn lắng nghe phần trình bày của tôi. Tôi chân thành mong mọi người phê bình, chỉ chính cho tôi. Xin tạm biệt.

# Tập 24

Bí ẩn huyết thống của Lâm Đại Ngọc

*Lâm Đại Ngọc là nữ nhân vật số một trong Hồng Lâu Mộng. Nàng và Giả Bảo Ngọc đã có một tình yêu sống chết có nhau. Trong sách, Bảo Ngọc và Đại Ngọc được đặt thành anh em cô cậu ruột. Kiểu hôn nhân cận huyết như vậy, ngay trong thời đại ấy, cũng bị coi là không thích đáng. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như thế? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã Hồng Lâu Mộng một cách đặc sắc cho quý vị. Giải đọc "Bí ẩn huyết thống của Lâm Đại Ngọc".*

Lâm Đại Ngọc, nữ nhân vật số một trong Hồng Lâu Mộng, đứng đầu Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Nàng là cháu ngoại của Giả mẫu, em họ của Giả Bảo Ngọc. Trong việc khắc họa nhân vật Hồng Lâu Mộng, tác giả Tào Tuyết Cần dùng bút pháp tinh luyện, độc đáo để hiện ra trước mắt ta một Lâm Đại Ngọc đẹp đẽ, mềm mại, đa sầu đa cảm, tài hoa hơn người, mà tâm cao khí ngạo. Hồi thứ ba của Hồng Lâu Mộng viết rằng, Lâm Đại Ngọc vì mẹ qua đời, không nơi nương tựa nên đến nhờ nhà họ Giả. Trong Vinh Quốc phủ, tri kỷ duy nhất của nàng chính là Giả Bảo Ngọc.

*Nàng yêu Giả Bảo Ngọc chân thật và bền bỉ. Giả Bảo Ngọc cũng yêu nàng như báu vật. Nhưng trước tình yêu giữa Bảo và Đại, điều khiến chúng ta khó hiểu là: một thiên tài như Tào Tuyết Cần vì sao lại viết một đôi nhân vật có quan hệ huyết thống gần đến thế yêu nhau? Trong sự thật của Tào Tuyết Cần rốt cuộc ẩn giấu điều gì? Bắt đầu từ hôm nay, nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ đi từ hệ thống văn bản, với một góc nhìn hoàn toàn mới, tiếp tục hành trình giải mã Hồng Lâu Mộng. Chương trình chuyên đề dài kỳ: Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Lâm Đại Ngọc, tập một, "Bí ẩn huyết thống của Lâm Đại Ngọc".*

Xin chào mọi người. Tôi rất vui lại được đến Bách Gia Giảng Đàn để báo cáo với mọi người vài điều tâm đắc trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng của mình. Bây giờ chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu Lâm Đại Ngọc. Về hình tượng nghệ thuật Lâm Đại Ngọc, thành quả nghiên cứu của tiền nhân đã vô cùng phong phú. Hôm nay chúng ta cố gắng chọn một góc độ mới để nghiên cứu Lâm Đại Ngọc. Bài giảng này sẽ khảo sát một vấn đề như sau.

Đó là, căn cứ vào thiết kế quan hệ nhân vật trong sách, Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc là anh em cô cậu. Nói cách khác, trong một nhà, con trai của người anh và con gái của người em gái lại yêu nhau. Điều này có vẻ rất đáng nghiên cứu. Đừng nói xã hội hiện đại, anh em cô cậu không thể kết hôn; ngay trong thời xưa, hôn nhân giữa anh em cô cậu cũng là một điều kiêng kỵ. Bởi từ góc độ ưu sinh học, kiểu hôn nhân này sẽ sinh ra kết quả rất tệ, có thể sinh ra đứa trẻ ngu đần. Nhưng Tào Tuyết Cần lại viết như vậy.

Vì sao? Muốn hiểu điều đó, ta phải nắm được một nguyên tắc cơ bản trong lối viết của Hồng Lâu Mộng, trong các bài giảng trước, tôi đã nhiều lần nhấn mạnh một nhận định cơ bản của cá nhân tôi. Đó là cuốn tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng mang đặc điểm tự truyện, tự thuật và lịch sử gia tộc. Rất nhiều nhân vật của nó đều có nguyên mẫu trong đời sống. Tôn chỉ nghệ thuật cơ bản của nó là: "chân sự ẩn, giả ngữ tồn".

Tức là giấu sự thật đi, ẩn vào trong lời kể tiểu thuyết được hư cấu, nhưng mục đích vẫn là lưu giữ sự thật mà tác giả buộc phải thổ lộ. Đó là xuất phát điểm cơ bản khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng. Hiểu thông điểm này, thì vấn đề tôi nêu ra sẽ dễ có một đáp án sáng rõ hơn. Trong văn bản Hồng Lâu Mộng, hai hình tượng Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc tuy được đặt thành anh em cô cậu, nhưng trong đời sống thật, nguyên mẫu của hai vai ấy có thật gần huyết thống đến vậy không? Muốn làm rõ điều này, trước tiên ta phải hiểu nguyên mẫu của nhân vật Giả mẫu. Trong hệ thống nhân vật nghệ thuật của Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần đặt Giả mẫu là lão tổ tông của phủ họ Giả.

Vậy trong đời sống thật, nguyên mẫu của Giả mẫu là ai? Trong các bài giảng trước, tôi đã đề cập khá nhiều đến vấn đề nguyên mẫu nhân vật trong tiểu thuyết. Chắc mọi người vẫn còn ấn tượng. Ví dụ như hình tượng Giả mẫu. Giả mẫu có nguyên mẫu trong đời sống. Nguyên mẫu của Giả mẫu là em gái của Lý Húc, Chức tạo Tô Châu đời Khang Hy.

Bà gả cho Tào Dần, Giang Ninh Chức tạo đời Khang Hy, là chính thê của Tào Dần. Vì vậy vai Giả mẫu về cơ bản dựa trên nhân vật có thật này trong đời sống. Tất nhiên khi viết vào tiểu thuyết, vì đi vào tầng "giả ngữ tồn", ông đã gia công nghệ thuật, đã thăng hoa nghệ thuật, để cấu thành một hình tượng nghệ thuật độc đáo. Trong đời sống, bà Lý thị gả cho Tào Dần. Số phận đời bà rất kỳ lạ. Ban đầu, lẽ ra bà rất hạnh phúc.

Vì anh trai bà là Chức tạo Tô Châu, chồng bà là Giang Ninh Chức tạo. Hai chức Chức tạo ấy, cộng với Chức tạo Hàng Châu, là ba chức Chức tạo, tai mắt của hoàng đế Khang Hy ở Giang Nam, rất được hoàng đế sủng ái, trọng dụng và tin cậy. Nhưng Lý thị lại rất bất hạnh: khi đang hưởng vinh hoa phú quý như thế, chồng bà là Tào Dần mắc bệnh nặng. Chữa bệnh ấy cần một loại thuốc nhập khẩu gọi là kim kê nạp sương. Tôi thấy có người bên dưới đang nhíu mày. Các vị nói: thời ấy đã có thứ đó sao?

Có đấy. Trong hoàng cung có. Hồ sơ Thanh cung ghi chép điều này rất rõ ràng. Hoàng đế Khang Hy nghe tấu báo xong thì vô cùng sốt ruột, lập tức lấy kim kê nạp sương trong cung, cho khoái mã chạy từng trạm không ngừng nghỉ đưa đến Nam Kinh cho Tào Dần đang bệnh. Nhưng Tào Dần chưa kịp đợi thuốc quý ấy đưa tới thì đã qua đời. Thế là Lý thị trở thành góa phụ.

Rất bất hạnh. Nhưng hoàng đế Khang Hy đối với nhà họ Tào tốt đến mức không thể tốt hơn. Nói ra nhiều chuyện nghe còn khó tin, nhưng ông đúng là tốt với nhà họ Tào như vậy. Vì sao? Mẹ của Tào Dần, Tôn thị, từng là bảo mẫu của hoàng đế Khang Hy. Khi còn nhỏ, Khang Hy không lớn lên bên mẹ ruột của mình, mà lớn lên bên cạnh Tôn thị.

Con trai ruột của Tôn thị chính là Tào Dần. Từ nhỏ, Tào Dần đã học cùng Khang Hy. Sau khi Khang Hy lên ngôi, ông lại làm thị vệ thân cận của Khang Hy. Về sau Khang Hy lại sắp xếp cho ông một chức béo bở, đến Nam Kinh giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Đó là Tào Dần. Nói theo cách người Bắc Kinh bây giờ, Khang Hy và Tào Dần là bạn nối khố.

Tình cảm đặc biệt sâu nặng. Vì thế sau khi Tào Dần mất, chức Giang Ninh Chức tạo sẽ do ai đảm nhiệm? Theo quy tắc hoàng gia đời Thanh trước thời Khang Hy, loại quan viên thuộc Nội vụ phủ như Chức tạo không thể cha truyền con nối. Nhưng hoàng đế có thể không tuân theo quy tắc cũ. Vì Khang Hy đối với Tào Dần quá tốt, ông bèn tự làm chủ. Tào Dần mất rồi, có con trai không?

Có con trai thì để con trai ông tiếp tục làm Giang Ninh Chức tạo. Người con trai ấy là Tào Ngung. Tào Ngung lại làm Giang Ninh Chức tạo. Như thế chẳng phải rất tốt sao? Nhưng trời không chiều lòng người. Tào Ngung lại mắc bệnh, chữa không khỏi rồi cũng mất.

Vậy Lý thị còn con trai nào nữa không? Không còn. Bà đã mất chồng trước, rồi lại mất con trai ruột. Thế là bà cô khổ lẻ loi. Nhưng vì hoàng đế Khang Hy có tình cảm rất sâu với Tào Dần, nên đối với Lý thị, một người vị vong nhân, ông quan tâm hết mực. Lại vì Lý thị là em gái của Lý Húc, Chức tạo Tô Châu, mà Khang Hy cũng hết sức sủng ái Lý Húc.

Vì thế Khang Hy liền ra lệnh cho Lý Húc: Tào Dần chẳng phải con trai cũng mất rồi sao? Trẫm vẫn muốn nhà Tào Dần giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Ngươi hãy đến trong số cháu trai họ Tào Dần, chọn một người rồi tấu lên cho trẫm. Để người ấy được nhận làm con thừa tự của Lý thị, tiếp tục giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Về sau Lý Húc dâng sớ lên Khang Hy, đề cử một người cháu là Tào Phủ. Hiện nay chúng ta biết Tào Phủ được nhận làm con thừa tự của Lý thị.

*Ông không phải con ruột có quan hệ huyết thống, mà là con trong quan hệ quá kế. Tào Phủ khi chuyển hóa vào tiểu thuyết thì cấu thành nguyên mẫu của hình tượng nghệ thuật Giả Chính. Về điểm này, tiên sinh Chu Nhữ Xương đã khảo chứng rất sâu. Theo phân tích của Lưu Tâm Vũ, Tào Tuyết Cần đã thiết kế Giả Chính thành con ruột của Giả mẫu, viết vào văn bản Hồng Lâu Mộng. Nhưng nguyên mẫu đời sống của ông thật ra là Tào Phủ. Trong đời sống thật, hai mẹ con này không có quan hệ huyết thống trực tiếp.*

Nhưng khi đọc văn bản Hồng Lâu Mộng, ta phát hiện Giả mẫu có hai người con trai. Nếu nguyên mẫu của Giả Chính, người con trai thứ hai của Giả mẫu trong sách, là Tào Phủ, thì nguyên mẫu của Giả Xá, người con trai cả trong sách, lại là ai? Tìm hiểu nguyên mẫu của Giả Xá có giúp gì cho việc hiểu huyết thống của Lâm Đại Ngọc không? Trước đây tôi cũng đã trình bày với mọi người logic khảo chứng cơ bản của Chu Nhữ Xương. Vì đã khá lâu, bây giờ cần nhắc lại sơ qua. Các vị xem, tiểu thuyết viết rất lạ.

Trong tiểu thuyết nói Giả mẫu có hai con trai. Con trai cả là Giả Xá. Nhưng Giả Xá có ở cùng Giả mẫu không? Không ở cùng. Đây không chỉ là hiện tượng lạ trong một gia đình quý tộc. Ngay trong gia đình bình thường của xã hội phong kiến xưa, điều đó cũng rất trái lẽ.

Trong tiểu thuyết, chồng Giả mẫu là Giả Đại Thiện. Khi câu chuyện bắt đầu, ông đã mất nhiều năm. Sau khi Giả Đại Thiện mất, tước vị này do Giả Xá kế thừa. Nhưng người thừa tước ấy không ở Vinh hy đường của Vinh Quốc phủ, không ở cụm kiến trúc chính trên trục giữa Vinh Quốc phủ, mà lại chạy sang một viện có cửa sơn đen bên cạnh Vinh Quốc phủ; vậy không gian quan trọng nhất của Vinh Quốc phủ do ai chiếm giữ? Là "Giả Chính và Vương phu nhân." Họ ở trong Vinh Quốc phủ, sống trên trục giữa, trong cụm kiến trúc chính. Họ chiếm giữ một nơi rất quan trọng như Vinh hy đường, nơi treo biển ngự bút của hoàng đế, một không gian như vậy.

Xét từ thiết kế nhân vật của tiểu thuyết, điều này nói không thông. Vì trong tiểu thuyết cũng giao đại rất rõ: Giả Chính ấy, ông có kế thừa tước hiệu quý tộc không? Không có. Hoàng đế chỉ có thể ban tước cho một người đàn ông trong nhà. Còn Giả Chính, vì hoàng đế cũng khá coi trọng ông, nên ngoài lệ ban cho ông một chức quan. Chức quan ấy cũng không cao, chỉ là một Viên ngoại lang.

Vậy vì sao người con thứ hai như ông và chính thê Vương phu nhân lại chiếm không gian cư trú chính của Vinh Quốc phủ, để ông và Vương phu nhân làm con trai, con dâu ở bên cạnh hầu hạ Giả mẫu? Vì sao lại như vậy? Đó là vì khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng, ông tuân theo một nguyên tắc: khi thiết kế nhân vật trong tiểu thuyết và tình hình thực tế của đời sống khó điều hòa, thì phải xem bên nào nhường bên nào: hy sinh sự thật đời sống để giữ logic nguyên bản của tiểu thuyết, hay hy sinh logic nguyên bản của tiểu thuyết để chiếu cố sự thật đời sống? Tào Tuyết Cần chọn cách sau. Đây là đặc điểm lớn nhất của văn bản "chân sự ẩn, giả ngữ tồn". Bởi trong đời sống thật, chồng Lý thị đã mất, con trai ruột cũng mất, bà nhận một người con quá kế.

Người con này đưa cả con dâu đến, trở thành con trai và con dâu hợp pháp được luật lệ thừa nhận của bà, để hầu hạ bà. Họ sống cùng bà. Còn Giả Xá, trong đời sống thật, tuy là anh ruột cùng họ của Giả Chính, nhưng không hề được quá kế cùng vào chi hệ của Lý thị. Trong tiểu thuyết, để thống nhất với các hình tượng cùng loại, và để thuận tiện cho việc viết, ông lại thiết kế rằng: nguyên mẫu đời sống của Giả Xá vốn không phải một người con được quá kế cùng sang với Lý thị. Ông lại nói người ấy thành con trai cả của Giả mẫu trong tiểu thuyết. Còn Tào Phủ trong đời sống, ông nói thành người trong tiểu thuyết, con trai thứ hai của hình tượng nghệ thuật Giả mẫu.

*Nhưng khi miêu tả, ông vẫn trung thành với tình hình thật trong đời sống. Ông lại viết cảnh Tào Phủ được quá kế cùng vợ mình sống chung với Lý thị, hầu hạ Lý thị. Đây là một đặc điểm rất quan trọng trong Hồng Lâu Mộng. Nếu đúng như phân tích của Lưu Tâm Vũ, Giả Chính, người được đặt là con ruột của Giả mẫu trong văn bản Hồng Lâu Mộng, lại có nguyên mẫu là người con quá kế của nguyên mẫu Giả mẫu, thì từ góc*

*độ nguyên mẫu đời sống, nguyên mẫu của Giả Bảo Ngọc không phải cháu nội ruột của nguyên mẫu Giả mẫu. Nhưng khi đọc Hồng Lâu Mộng, ta thường phát hiện Giả mẫu xem Bảo Ngọc như báu vật trong tim, như sinh mệnh của mình. Nếu không có quan hệ huyết thống, Giả mẫu có thể đối xử với cậu như vậy không?*

*Về điểm này, Lưu Tâm Vũ sẽ giải thích thế nào? Lại nữa, hồi thứ ba của Hồng Lâu Mộng viết rằng, khi Lâm Đại Ngọc mới vào Vinh Quốc phủ và gặp Giả mẫu, vì sao Giả mẫu lại xúc động đến thế? Nguyên mẫu đời sống của Bảo và Đại rốt cuộc là ai?*

Có bạn Hồng học có thể muốn thảo luận với tôi vấn đề này. Họ nói: nếu nhìn như vậy, Giả Bảo Ngọc căn bản không phải cháu nội ruột của Giả mẫu về huyết thống. Nhưng tiểu thuyết nói là như thế.

Chúng ta hiện đang bàn vấn đề nguyên mẫu. Xét theo nguyên mẫu đời sống, nếu Tào Tuyết Cần là con của Tào Phủ, thì ông và Lý thị không có quan hệ huyết thống trực tiếp. Ông là đứa con do người con quá kế sinh ra. Nhưng trong xã hội phong kiến, dù gia đình phú quý hay bình dân đều công nhận một đạo lý: con trai được quá kế, nếu khi trưởng thành được quá kế sang và quan hệ với cha mẹ nhận quá kế còn hòa thuận, thì con trai do người con ấy sinh ra sẽ được ông bà đời trên xem như cháu ruột của mình. Đó là một nhận thức tâm lý ước định thành tục thời ấy nhằm nối tiếp huyết mạch gia tộc. Vì thế Giả mẫu đối với Giả Chính thì không có bao nhiêu tình cảm, nhưng đối với Bảo Ngọc thì quả thật xem như báu vật trong tim.

Sau khi gỡ rõ vấn đề này, bây giờ các vị hãy nghĩ tiếp. Khi Tào Tuyết Cần cầm bút viết, trong tâm trí ông, Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc có huyết thống gần nhau không? Trong đời sống thật, nguyên mẫu của hai nhân vật này có quan hệ huyết thống khá xa. Các vị nghe hiểu chưa? Lý thị trong đời sống có một con gái ruột. Trong tiểu thuyết, người ấy hóa thành Giả Mẫn, sinh ra một người con gái.

Người con gái này, khi vào trong tiểu thuyết, được ông thiết kế tên là Lâm Đại Ngọc. Đây là con gái ruột của bà. Hiểu rồi chứ? Là con gái ruột của con gái ruột bà sinh ra. Rất thân. Vì sao hồi thứ ba, khi Lâm Đại Ngọc đến Vinh Quốc phủ, ông viết cảnh ấy, Giả mẫu lại xúc động đến thế?

Nếu không thì không hợp lý. Trước mắt bà có rất nhiều cô nương mà. Con trai cả của bà là Giả Xá chẳng có một con gái là Giả Nghênh Xuân sao? Đó chẳng phải cục cưng của bà sao? Nhưng trong tiểu thuyết, Giả mẫu đối với Giả Nghênh Xuân có thái độ thế nào? Các vị còn nhớ không?

Có lần trong phủ mở tiệc đãi khách, có một phụ nữ quý tộc đến, muốn gặp các cô nương nhà họ. Kết quả Giả mẫu để Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân đều ra gặp người ta. Còn các cô nương nhà họ Giả, bà nói chỉ gọi Thám Xuân đến thôi. Về sau chẳng phải còn mai phục một mâu thuẫn sao? Về sau Vương phu nhân đương nhiên gọi Giả Thám Xuân qua, không sao cả. Còn Hình phu nhân thì thế nào?

Trong sách có viết rõ Hình phu nhân. Viết rằng đối với sự tồn tại của Giả Nghênh Xuân, Giả mẫu gần như có cũng như không. Nhưng khi Giả mẫu gặp Lâm Đại Ngọc, bà có biểu cảm thế nào? Có biểu hiện thế nào? Hơn nữa mọi người đều biết Vương Hy Phượng là người giỏi lấy lòng Giả mẫu nhất. Vương Hy Phượng vừa xuất hiện đã nói thế nào?

Nàng biết trong lòng Giả mẫu đang nghĩ gì. Nàng nói: đâu phải cháu ngoại gái, rõ ràng là cháu gái ruột thân thiết. Nàng biết về huyết thống, Lâm Đại Ngọc là sinh mệnh gần Giả mẫu nhất. Sở dĩ Giả mẫu trân quý nàng, là vì với một bà lão phong kiến, nhận thức huyết thống kiểu ấy thật ra chúng ta hoàn toàn có thể hiểu. Bà ngẩng đầu nhìn con trai Giả Chính, giống con ruột không? Hồi thứ hai mươi hai, khi cùng nhau đoán đố đèn, vì nguyên mẫu đời sống của Giả Chính là một người con quá kế, trong tiểu thuyết thật ra cũng viết theo tình hình thật trong đời sống.

Ở trước mặt ông, Giả mẫu cảm thấy không vui, không thoải mái. Giả Chính ở đó cũng rất gượng gạo, cuối cùng bị bà đuổi đi. Có phải không? Con ruột thật sự có như vậy không? Đúng không? Sau khi Giả Chính đánh Giả Bảo Ngọc, Giả mẫu run rẩy đi tới nói những lời ấy, bây giờ tôi không nhắc lại từng câu, các vị tự lật lại xem.

Những lời đó là lời mẹ ruột nói với con ruột sao? Đó chính là một người con được quá kế. Vì thế trong đời sống thật, Lâm Đại Ngọc là người gần Giả mẫu nhất về huyết thống. Vậy vì sao Giả mẫu muốn Lâm Đại Ngọc gả cho Giả Bảo Ngọc? Bây giờ vấn đề ấy càng rõ hơn. Thứ nhất, bà không có chướng ngại tâm lý rằng huyết thống quá gần nên không nên kết hôn.

Bởi trên thực tế hai người này huyết thống căn bản không gần. Tương đối mà nói, quan hệ huyết thống giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc còn gần hơn nhiều. Vì đó là con trai của một người chị và con gái của một người em gái. Nếu kết hôn thì là hai người họ kết hôn, chính là anh em con dì. Các vị hiểu lời tôi không? Anh em con dì, theo quan điểm di truyền học ngày nay, thì huyết thống ấy cũng phải có điều kiêng kỵ.

*Xét từ góc độ ưu sinh học, cũng không thích hợp kết hôn. Vì thế sự thật đời sống sau khi phản chiếu vào tiểu thuyết, nhân vật trong tiểu thuyết tuy được thiết kế nghệ thuật thành một dạng khác, nhưng trạng thái tâm lý vẫn là mô tả trạng thái tâm lý thật trong đời sống. Cho nên Giả Bảo Ngọc nên kết hôn với Tiết Bảo Thoa, hay nên kết hôn với Lâm Đại Ngọc, nếu chỉ xét từ góc độ huyết thống, Giả mẫu chọn Lâm mà bỏ Tiết đều là chuyện hợp tình hợp lý. Tình hình là như vậy. Theo phân tích của Lưu Tâm Vũ, Tào Tuyết Cần mượn bút pháp "chân sự ẩn, giả ngữ tồn" để ánh xạ sự thật đời sống vào trong tiểu thuyết, tạo nên từng hình tượng nghệ thuật độc đáo. Ngoài những hình tượng nghệ thuật đã nói có nguồn gốc từ nguyên mẫu đời sống, còn một nhân vật nữa.*

Tào Tuyết Cần đã biến đổi một người có thật trong đời sống và viết vào tiểu thuyết. Đó là Lý Hoàn trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Trong Hồng Lâu Mộng, sau hồi 80 viết rằng, khi cả nhà họ Giả bị tịch biên, vì sao chỉ có hai mẹ con Lý Hoàn thoát ra ngoài, không bị giam giữ trong nhà, sau này lại còn rất phát đạt? Lý Hoàn trong đời sống thật rốt cuộc là người thế nào? Tìm hiểu nguyên mẫu đời sống của Lý Hoàn có liên quan gì đến việc hiểu nguyên mẫu của Lâm Đại Ngọc? Về vấn đề nguyên mẫu, chúng ta còn có thể bàn thêm một chút.

Lý Hoàn. Trên nhân vật Lý Hoàn có bóng dáng Mã thị, vợ của Tào Ngung, con trai ruột của Lý thị trong đời sống thật. Thế nào gọi là trong hình tượng Lý Hoàn có bóng dáng Mã thị? Mã thị là ai? Sau khi Tào Dần mất, con trai ông là Tào Ngung tiếp nhiệm chức Giang Ninh Chức tạo. Chính thê của Tào Ngung họ Mã.

Mã thị này rất bất hạnh. Chồng bà là Tào Ngung đang làm Giang Ninh Chức tạo rất ổn, đột nhiên lâm bệnh không dậy nổi rồi mất. Thế là nhà họ Tào thành cảnh hai đời cô sương. Lý thị là góa phụ, Mã thị lại cũng là góa phụ. Vấn đề của Lý thị được hoàng đế giải quyết. Hoàng đế bảo anh trai Lý thị là Lý Húc chọn một người thích hợp trong số cháu trai của Tào Dần để quá kế cho Lý thị.

Như vậy vấn đề của Lý thị tạm thời được giải quyết: bà có một người con quá kế, người con ấy tiếp tục làm Giang Ninh Chức tạo, còn bà tiếp tục là bậc cao đường phía trên của Giang Ninh Chức tạo, tiếp tục hưởng vinh hoa phú quý. Nhưng các vị thử nghĩ Mã thị có thảm không? Chồng bà mất rồi, lại xuất hiện một Tào Phủ, đem theo một người vợ. Hai người ấy cứ đường đường chính chính trở thành con trai, con dâu của Lý thị. Hơn nữa còn thay thế vị trí của chồng bà. Tào Phủ ấy làm Giang Ninh Chức tạo.

Hai vợ chồng họ vào ở trong cụm kiến trúc chính của phủ Giang Ninh Chức tạo. Còn bản thân bà thì phải né sang một bên. Bà được tính là gì? Cá nhân tôi cho rằng, Tào Tuyết Cần sau khi "chân sự ẩn", trong quá trình "giả ngữ tồn", đã hạ Mã thị xuống một bậc, thiết kế thành Lý Hoàn, khắc họa thành một hình tượng nghệ thuật. Đây là cách nhìn cá nhân của tôi. Nhưng lại không hoàn toàn là như vậy.

Cho nên tôi không nói trực tiếp rằng rằng nguyên mẫu đời sống của Lý Hoàn chính là Mã thị. Tôi không đặt câu như vậy. Tôi chỉ nói trong hình tượng nghệ thuật Lý Hoàn có một số bóng dáng của Mã thị. Nguyên mẫu đời sống của Lý Hoàn có thể không chỉ là Mã thị, có thể còn có người khác, là sự tổng hợp sử dụng của vài nhân vật. Vì sao nói nàng còn có bóng dáng Mã thị? Nghĩa là trong sách rất hiếm khi thấy Lý Hoàn và Vương Hy Phượng đấu khẩu qua lại đến mức tranh chấp.

Lý Hoàn rất ít khi làm như vậy. Nhưng ở hồi thứ bốn mươi lăm, vì sau khi Vương Hy Phượng bị sảy thai lại đánh Bình Nhi, Lý Hoàn nhìn không nổi; hai người nói qua nói lại liền va chạm. Lúc ấy Vương Hy Phượng nói mấy câu vạch chuyện riêng của Lý Hoàn: "Lão thái thái, thái thái thương chị là góa phụ thủ tiết, một tháng cho chị mười lạng bạc tiền tháng, nhiều gấp đôi chúng tôi; lão thái thái, thái thái còn nói chị góa bụa thất nghiệp, đáng thương không đủ dùng, lại có một đứa con trai, thế là thêm đủ mười lạng nữa, ngang bằng

với thái thái." Nói cách khác. Trong tiểu thuyết, Lý Hoàn được hưởng số tiền tháng là hai mươi lạng, ngang với Vương phu nhân. Vì sao tiểu thuyết lại viết như vậy? Có thể thấy trong đời sống có một Mã thị. Các vị nghĩ xem, tuy Mã thị mất địa vị nữ chủ nhân, nhưng khi phủ Giang Ninh Chức tạo cấp tiền tháng cho bà, mức ấy không thể bị hạ xuống.

Cũng không có lý do gì để hạ xuống. Tuy bà mất thân phận nữ chủ nhân, nhưng số tiền tháng của bà phải bằng số tiền của phu nhân Tào Phủ. Điểm này trong tiểu thuyết đã được hé lộ ở hồi thứ bốn mươi lăm. Vì vậy những chỗ này phải đọc thật kỹ. Nghiên cứu của tôi, một là nghiên cứu nguyên mẫu, hai là đọc kỹ văn bản. Các vị xem, tôi đúng là đọc rất kỹ.

Những chỗ này có người chỉ liếc mắt là bỏ qua. Còn tôi đọc kỹ thì đọc ra được ý vị. Trong những miêu tả ấy đều có rất nhiều hình chiếu của đời sống thật.

*Theo phân tích của Lưu Tâm Vũ, nếu trên người Lý Hoàn có bóng dáng Mã thị, thì nguyên mẫu của con trai Lý Hoàn, Giả Lan, liệu có phải cháu ruột của nguyên mẫu Giả mẫu không? Nếu thật là như vậy, thì bên cạnh Giả mẫu chẳng phải có một cốt nhục còn gần huyết thống hơn cả Bảo Ngọc và Đại Ngọc sao? Lưu Tâm Vũ sẽ giải thích điều này thế nào?*

Bây giờ nói đến Giả Lan. Vì có bạn Hồng học bàn với tôi rất kỹ, nói rằng nếu ông cho rằng Mã thị vào trong tiểu thuyết chính là Lý Hoàn, thì Giả Lan đáng lẽ phải là cháu ruột của Giả mẫu, đúng không? Trong tiểu thuyết đã hạ nàng xuống một bậc. Nàng trở thành vợ của con trai một người con của Giả mẫu, tức là cháu dâu. Vậy người con nàng sinh ra chính là chắt của Giả mẫu, đúng chứ? Nếu các vị đọc rất kỹ, các vị sẽ rất hứng thú bàn với tôi vấn đề này.

Bởi trong hồi thứ hai mươi hai có một nét bút viết rất thú vị. Đó là cảnh mọi người trong Vinh Quốc phủ tụ họp ăn Tết Nguyên tiêu. Đây là một ngày lễ truyền thống, chú trọng đoàn viên, cả nhà sum họp. Trong tình huống ấy, mọi người đều rất vui. Bỗng nhiên Giả Chính phát hiện Giả Lan không có mặt. Có tình tiết này phải không?

Giả Chính bèn hỏi: sao không thấy anh Lan? Giả Chính hỏi câu này, đương nhiên cần Lý Hoàn trả lời, vì Lý Hoàn là mẹ nó, đúng không? Lý Hoàn nói thế nào? Nàng nói: vì lão gia không gọi nó, nên nó không đến. Điều này nói rõ vấn đề gì? "Chân sự ẩn".

Nó ẩn giấu sự thật thế nào? Còn bây giờ "giả ngữ tồn", nó lưu giữ logic gì? Có phải không? Nếu căn cứ vào thiết kế nhân vật trong tiểu thuyết, Giả Lan là chắt của Giả mẫu, là cháu nội ruột của Giả Chính. Cả nhà đoàn viên mà còn cần ai gọi sao? Khi câu chuyện tiểu thuyết bắt đầu, tuy Giả Lan nhỏ tuổi hơn Giả Bảo Ngọc, nó cũng đã đọc sách biết chữ rồi, đúng không?

Trong xã hội phong kiến có quy định rất nghiêm: vãn bối đối với trưởng bối, không chỉ lễ tết phải đến trước mặt thừa hoan, mà mỗi sáng tối đều phải đến thăm hỏi. Nhưng trong tiểu thuyết, ông thiết kế Giả Lan thành cháu nội ruột của Giả Chính, chắt ruột của Giả mẫu; vậy mà thái độ của nó là: không gọi thì ta không đi. Có thể thấy sự thật bị "chân sự ẩn" che đi là: trong đời sống thật, nhân vật này không có quan hệ huyết thống trực hệ với Giả mẫu và Giả Chính; chỉ có thể giải thích như vậy. Có bạn Hồng học có thể hỏi: vậy vì sao Lý Hoàn nhất định phải đến? Lý Hoàn nhất định phải đến, vì thân phận của nàng rất rõ ràng. Nàng là con dâu của người con trai đã mất của Giả Chính và Vương phu nhân.

Trong tiểu thuyết, nàng trước sau đều phải đến hầu hạ trước mặt Giả mẫu và Vương phu nhân. Cả hai lớp trưởng bối ấy nàng đều phải hầu hạ. Nàng phải có mặt. Nhưng Giả Lan thì rõ ràng có thể không đến. Tất nhiên sau khi Giả Lan đến, Giả Chính cũng tỏ vẻ rất thích nó. Giả mẫu thì để nó ngồi bên cạnh, bốc quả cho nó ăn.

*Trong sách có miêu tả như vậy. Qua việc đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, Lưu Tâm Vũ cho rằng nguyên mẫu của nhân vật Giả Lan với Giả mẫu trong đời sống không có quan hệ huyết thống trực tiếp. Vì thế Giả Lan không phải cháu ruột của Giả mẫu. Tào Tuyết Cần đã hạ hai mẹ con Lý Hoàn xuống một bậc để viết, mục đích là chiếu cố sự thật của nguyên mẫu đời sống. Còn hai nhân vật Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, trong quá trình từ nguyên mẫu thăng hoa thành hình tượng nghệ thuật, về cơ bản vẫn giữ nguyên bối phận ban đầu, và ông phóng tay viết tình yêu của họ, viết sự ủng hộ của Giả mẫu đối với mộc thạch nhân duyên. Nhưng trong bốn mươi hồi sau Hồng Lâu Mộng do Cao Ngạc viết tiếp, lại xuất hiện tình tiết đánh tráo cô dâu, viết Giả mẫu thích Thoa ghét Đại.*

*Cách viết ấy của Cao Ngạc có phù hợp nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần không? Lưu Tâm Vũ có cách nhìn thế nào? về điều này? Vậy, nói vòng sang vấn đề Lý Hoàn và Giả Lan, mục đích vẫn là quay về vấn đề Lâm Đại Ngọc. Nó tiếp tục nói cho các vị biết: trong đời sống thật, Lý thị khi ngẩng mắt nhìn quanh, bà vẫn là một lão phong quân, trước mắt đầy con cháu, nhưng ai mới thật sự thân? Xét từ huyết thống, các vị thử nghĩ thay bà: Tào Phủ có thân không? Phu nhân Tào Phủ có phải con dâu ruột không?*

Tất nhiên Bảo Ngọc từ nhỏ được nâng niu lớn lên, có thể nhận là cháu ruột; nhưng thân này thân kia đều không bằng Lâm Đại Ngọc thân. Tôi chỉ có thể rút ra kết luận như vậy. Các vị nghĩ có phải thế không? Đúng không? Vì thế Cao Ngạc viết rằng khi Giả mẫu còn sống, bà dung túng cho kim ngọc nhân duyên thành công, đồng ý với kế đánh tráo của Vương Hy Phượng, thậm chí trong quá trình thực hiện kế đánh tráo, còn tỏ ra tuyệt tình với Lâm Đại Ngọc; Cao Ngạc có tự do viết tiếp sách, viết như vậy cũng tự thành logic của ông. Nhưng bây giờ tôi muốn bày tỏ rất rõ một quan điểm cá nhân: Cao Ngạc viết như vậy là trái với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần trong tám mươi hồi đầu.

Nó vừa trái với sự thật mà Tào Tuyết Cần che giấu, vừa trái với "giả ngữ" mà Tào Tuyết Cần lựa chọn. Về cách miêu tả ấy, ông viết không đúng. Nói đến đây, có bạn Hồng học có thể nhắc tôi như thế này. Lâm Đại Ngọc

là hình tượng nghệ thuật; ông có thể tăng cường phân tích nghệ thuật về hình tượng Lâm Đại Ngọc không? Tôi rất vui vẻ tiếp nhận đề nghị ấy. Khắc họa một nhân vật thì một phần rất quan trọng là miêu tả chân dung, tức viết ngoại hình của nhân vật.

*Lâm Đại Ngọc vừa xuất hiện đã được viết đến lông mày và đôi mắt. Mày và mắt của Lâm Đại Ngọc rốt cuộc như thế nào? Xin mọi người nghe bài sau của tôi. Trên trời rơi xuống một cô em họ Lâm, nàng rốt cuộc trông ra sao? Nhiều bản khác nhau, cách viết cũng rất đa dạng. Rốt cuộc lối miêu tả nào mới phù hợp nhất với bản ý của Tào Tuyết Cần?*

# Tập 25

Bí ẩn đôi mày của Lâm Đại Ngọc

*Từ trên trời rơi xuống một cô em họ Lâm. Rốt cuộc nàng trông như thế nào? Các bản khác nhau, cách viết mỗi nơi mỗi khác. Rốt cuộc lối miêu tả nào mới hợp với dụng ý của Tào Tuyết Cần nhất? Lúc yên tĩnh, như hoa soi xuống nước. Khi cử động, tựa liễu nghiêng trong gió. Vẻ đẹp của Lâm Đại Ngọc, rốt cuộc chỉ là do Giả Bảo Ngọc "trong mắt người tình hóa Tây Thi", hay ngay cả phàm phu tục tử cũng cùng thưởng thức? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục cùng quý vị giải mã Hồng Lâu Mộng, giải đọc bí ẩn đôi mày của Lâm Đại Ngọc.*

*Trong tập trước, ông Lưu Tâm Vũ đã bắt đầu từ nghiên cứu nguyên mẫu, lần lượt giải đọc cho chúng ta Giả mẫu, Giả Chính trong Hồng Lâu Mộng, cùng Giả Xá, Lý Hoàn và Giả Lan, năm nhân vật này, có thể tương ứng với những nguyên mẫu trong đời sống thật. Từ đó ông đã gỡ mở mối quan hệ giữa Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc trong nguyên mẫu đời thực của họ. Nhưng Lâm Đại Ngọc suy cho cùng là một hình tượng văn học nghệ thuật. Lâm Đại Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần không chỉ là một tiểu thư quý tộc có chuyện tình với Giả Bảo Ngọc, mà còn là một tuyệt đại giai nhân khuynh quốc khuynh thành. Trong rất nhiều bản Hồng Lâu Mộng được lưu truyền đến nay, phần miêu tả chân dung Lâm Đại Ngọc lại có khác biệt rất lớn. Rốt cuộc cách miêu tả nào mới là cách phù hợp nhất với ý gốc của Tào Tuyết Cần?*

*Ông Lưu Tâm Vũ sẽ giải đọc như thế nào? về miêu tả hình tượng Lâm Đại Ngọc? Chương trình chuyên đề lớn Bách Gia Giảng Đàn: Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, phần Lâm Đại Ngọc, Bí ẩn đôi mày, xin quý vị theo dõi.*

Bài giảng này chúng ta sẽ đi vào thế giới nghệ thuật của Tào Tuyết Cần, phần miêu tả chân dung nhân vật. Vậy thì, Lâm Đại Ngọc, Tào Tuyết Cần khắc họa nàng một cách toàn diện, trong đó có miêu tả chân dung. Trong Hồng Lâu Mộng, rất nhiều nhân vật đều được Tào Tuyết Cần miêu tả chân dung. Ví dụ như khi Lâm Đại Ngọc vào phủ, đến phủ Vinh Quốc, trước hết người ta giới thiệu với nàng ba vị tiểu thư trong phủ.

Tào Tuyết Cần liền thông qua cái nhìn của Lâm Đại Ngọc mà nhìn sang, thế là có miêu tả chân dung. Trước hết là Nghênh Xuân, Giả Nghênh Xuân, nói rằng nàng... nói nàng cơ thể hơi đầy vóc dáng vừa phải má tựa vải tươi mũi mịn mỡ ngỗng ôn nhu trầm mặc nhìn vào thấy dễ gần đây là phần miêu tả chân dung Giả Nghênh Xuân. Sau đó viết đến Giả Thám Xuân. vai thon eo nhỏ, vóc dáng thanh mảnh mặt trái xoan, mắt đẹp mày thanh mắt nhìn linh động, văn thái tinh hoa nhìn vào quên tục rất khác biệt với Giả Nghênh Xuân So với Giả Nghênh Xuân, có sự phân biệt rất rõ. Còn đối với Giả Tích Xuân, thì viết khá đơn giản, chỉ nói nàng thân hình còn nhỏ bé, diện mạo còn non nớt.

Vương Hy Phượng xuất hiện cũng có miêu tả chân dung, nói nàng... nói nàng một đôi mắt phượng mày liễu hai hàng mày liễu cong vóc dáng yểu điệu, đầy vẻ phong tình mặt phấn ẩn vẻ xuân, khẽ cười môi son chưa mở, đã thấy tiếng cười Giả Bảo Ngọc vừa xuất hiện cũng có miêu tả chân dung, nói chàng... nói chàng mặt như trăng rằm mùa thu sắc như hoa buổi sớm xuân tóc mai như dao cắt mày như mực vẽ mặt như cánh hoa đào mắt như sóng thu tuy giận mà như cười dù nghiêm mà vẫn có tình đây là nét mặt tươi cười của nhân vật Những đoạn này đều là miêu tả chân dung khá rõ ràng. Trong các cổ bản, một vài chữ có thể hơi khác nhau, nhưng không có bất đồng lớn. Nhưng đến Lâm Đại Ngọc, vấn đề liền phức tạp. Hai người bạn Hồng học của tôi ở trong thư phòng của tôi, sở dĩ cãi nhau không dứt về đôi mày của Lâm Đại Ngọc, chính là vì các cổ bản khác nhau đối với miêu tả đôi mày Lâm Đại Ngọc không giống nhau, có bản còn khác rất xa.

Ví dụ, nếu xem một bản thông hành gọi là Tân bình bổ đồ Thạch Đầu ký, bản Hồng Lâu Mộng do nhà xuất bản của tôi ấn hành vẫn dùng loại bản gốc như thế. Ở hồi thứ ba, khi viết đến đôi mày Lâm Đại Ngọc, bản ấy nói nàng là: "đôi mày cau như khói", "mày khói đậm", "một đôi mắt như vui mà chẳng vui", "ánh mắt hàm tình". Sở dĩ tôi tất nhiên không thật hài lòng với câu chữ này, là vì lúc ấy Lâm Đại Ngọc tuổi còn rất nhỏ. Sao lại đã có một đôi mắt hàm tình được? Còn như bản Canh Thìn, đó là một cổ bản giữ được số hồi tương đối nhiều. Bản này có rất nhiều ưu điểm, nhưng trong hồi này, khi viết đến đôi mày Lâm Đại Ngọc, câu chữ của nó là thế này: gọi là "đôi mày hơi cau", "một cặp mắt đa tình".

Nó cũng nhấn mạnh chữ đa tình. Cái gọi là "mắt tình" này là một cách nói không có sáng tạo, chỉ là một kiểu văn từ rất tầm thường. Cá nhân tôi cho rằng ông Chu Nhữ Xương đã dùng mười một cổ bản, đối chiếu từng câu từng chữ, chọn ra câu phù hợp nhất với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần, rồi biên hiệu thành bản Chu hội. Đó quả thật là một bản đáng được đề cử. Tất nhiên vẫn có thể tranh luận: cách lựa chọn như vậy liệu có nhất định thật thỏa đáng hay không. Nhưng nhìn tổng thể, đó là một công trình của một gia đình, hai đời ba người, dùng tới năm mươi sáu năm, mới hiệu đính tinh công ra được.

Vì thế, về vấn đề đôi mày Lâm Đại Ngọc, tôi cũng khuyên mọi người hãy xem bản này. Nó có lẽ tương đối hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần.

Rốt cuộc, Tào Tuyết Cần trong nguyên bút nguyên ý của mình đã viết đôi mày Lâm Đại Ngọc như thế nào? Ông Chu Nhữ Xương cho rằng trong bản tàng trữ tại Nga, ở Sankt-Peterburg, câu chữ bên trong có lẽ là gần nhất với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Tôi đồng ý với phán đoán ấy. Câu ấy là như thế này: gọi là "hai nét mày như muốn cau", "mày quyện khói, như cau mà chưa cau", một đôi "như vui mà chẳng vui", "mắt ngậm sương". Như vậy mới đem đôi mày của Lâm Đại Ngọc trong tình cảnh lúc ấy miêu tả được hết sức tinh tế. "Như cau mà chưa cau" nghĩa là dường như sắp nhíu lại, nhưng chưa thật sự nhíu hẳn. Đôi mày hơi hơi rung động. Ấy là "như cau mà chưa cau". Vậy đôi mày ấy giống gì? Là "quyện yên mi". "Quyện yên" là gì? Tức là những làn khói lơ lửng giữa không trung. Cách nói "quyện yên" này có điển cố. Hơn nữa,

bản thân Tào Tuyết Cần có hai người bạn thân, một người tên Đôn Mẫn, một người tên Đôn Thành, là hai anh em. Đôn Mẫn từng làm thơ, có một bài gọi là "Tiểu vũ ký thi". Trong đó.

Có một câu thơ, viết như thế này: "Xa nhìn từng sợi mảnh như khói quyện". Ông dùng câu ấy để tả bóng liễu, ở trong màn sương mỏng mùa xuân, dường như có mà lại như không, giống như một sự tồn tại tựa làn khói treo giữa không trung, như vậy. Nhờ thế, đôi mày của một cô bé Lâm Đại Ngọc vẫn chưa hoàn toàn trưởng thành, một đôi mày còn có thể tiếp tục lớn lên, được miêu tả rất đắc địa. Đó là đôi mày "như cau mà chưa cau", "mày quyện khói" như vậy. Nó giống như hai nét lá liễu bay lơ lửng giữa không trung. Còn đôi mắt là một đôi mắt như vui mà chẳng vui, ngậm sương, dường như hàm chứa nước mắt.

Điều này phù hợp với thiết kế tổng thể của Tào Tuyết Cần. Bởi ngay hồi thứ nhất đã nói rằng, Lâm Đại Ngọc vốn là ở cõi trời phương Tây, bên bờ Linh Hà, cạnh đá Tam Sinh, một cây Giáng Châu tiên thảo. Về sau, sau khi tu thành thân nữ, nàng theo Thần Anh thị giả xuống trần. Nàng phải đem nước mắt cả đời để trả lại cho người xuống trần, Thần Anh thị giả ấy chính là Giả Bảo Ngọc. Khi vừa gặp Giả Bảo Ngọc, nàng chưa thể lập tức nảy sinh tình cảm. Vì vậy nếu lập tức viết nàng có đôi mắt đa tình, thì đó phải là những câu chữ do người sau tự ý sửa đổi, tự ý thêm vào.

Khi Tào Tuyết Cần viết hồi thứ ba, đáng lẽ phải là: lúc ấy nàng đã có một đôi mắt ướt đẫm long lanh. Điều đó nói rằng lượng nước mắt tích chứa trong nàng hẳn là rất dồi dào. Vì thế, giống như có giọt sương, nàng có một đôi mắt ngậm sương. Nước mắt của nàng sẽ từng bước, từng bước cạn khô. Về sau trong tiểu thuyết có rất nhiều đoạn miêu tả điều này, và ở một hồi nào đó còn có lời bàn giao rất cụ thể. Phần sau tôi sẽ giảng cho mọi người nghe.

*Nàng có cả một quá trình trả nước mắt. Về phần miêu tả chân dung Lâm Đại Ngọc, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng bút pháp "mày quyện khói, mắt ngậm sương" ẩn chứa thiết kế nghệ thuật Giáng Châu tiên thảo trả nước mắt cho Thần Anh thị giả, khá phù hợp với dụng ý của Tào Tuyết Cần. Trong Hồng Lâu Mộng, nhân vật xuất hiện không chỉ đông mà còn phức tạp. Miêu tả chân dung trở thành một trong những bút pháp quan trọng để Tào Tuyết Cần khắc họa nhân vật. Vậy trong rất nhiều phần miêu tả nhân vật, có phải chân dung Lâm Đại Ngọc là hay nhất hay không? Ông Lưu Tâm Vũ lại thưởng thức nhất miêu tả chân dung của nhân vật nào?*

Vì thế có thể nói, khi Tào Tuyết Cần viết chân dung nhân vật, ông bỏ công phu vô cùng lớn, đem lại cho chúng ta sự hưởng thụ thẩm mỹ rất lớn. Về sau, hai người bạn ấy, vì bản họ đọc không giống nhau, nên về đôi mày của Lâm Đại Ngọc, mỗi người giữ ý kiến riêng. Hơn nữa, tuy tôi đã giới thiệu với họ, nói rằng trong bản Chu hội, hai câu rút ra từ bản Nga tàng là thích hợp nhất, nhưng hai người họ nhất thời cũng khó lập tức đồng ý với tôi. Tuy vậy chúng tôi hòa mà không đồng. Sau khi đọc Hồng Lâu Mộng, chúng tôi thử nói xem phần miêu tả chân dung của nhân vật nào làm mình cảm động nhất, ấn tượng sâu nhất. Ba chúng tôi mỗi người đều có một ấn tượng sâu nhất.

Một người bạn Hồng học nói anh ấy ấn tượng nhất với miêu tả chân dung Uyên Ương trong tiểu thuyết, còn hơn cả miêu tả đôi mày Lâm Đại Ngọc, và hơn cả những ví dụ tôi vừa nêu. Ở hồi thứ bốn mươi sáu, Hình phu nhân muốn hoàn thành nhiệm vụ do người chồng hư hỏng của mình giao, tức là đi thuyết phục Uyên Ương rời khỏi Giả mẫu, để đi làm thiếp cho Giả Xá, làm vợ lẽ, làm di nương. Lúc ấy, tiểu thuyết thông qua con mắt của Hình phu nhân để nhìn Uyên Ương, thế là có một đoạn miêu tả chân dung Uyên Ương. Nàng trông như thế nào? Nói nàng lưng thon, vai gầy, mặt trái xoan, tóc đen mượt. Những câu ấy thì cũng bình thường.

Người bạn Hồng học ấy nói, ấn tượng sâu nhất với anh là hai câu sau: "sống mũi cao cao", "hai bên má lấm tấm vài nốt tàn nhang". Tôi nói, lập tức tôi cảm thấy trước mắt hiện ra một người phụ nữ rất riêng biệt. Đoạn ấy thật sinh động biết bao. Hai chúng tôi nghe xong cũng thấy đúng. Vì thế, đọc kỹ văn bản không phải chỉ mình tôi làm, người khác cũng đọc rất kỹ. Trong biết bao miêu tả chân dung, anh ấy chọn đoạn viết về Uyên Ương, cho rằng sau khi đọc suốt tám mươi hồi đầu, đó là lần miêu tả chân dung để lại cho anh ấn tượng sâu nhất.

Tôi lại hỏi người bạn Hồng học kia: "Còn anh thì sao?" Anh ấy cũng có kiến giải độc đáo của mình.

Anh nói rằng anh đặc biệt ấn tượng với một nét bút viết về Tư Kỳ. Mọi người biết Tư Kỳ là đại nha hoàn trong phòng Nghênh Xuân. Người này còn có một chút hành vi lãng mạn. Trong tiểu thuyết có miêu tả cụ thể, tôi không nói nhiều ở đây. Vậy chuyện ấy bị ai phát hiện? Đúng là bị Uyên Ương phát hiện.

Uyên Ương phát hiện thế nào, vì sao lại biết là nàng? Tiểu thuyết viết rằng Uyên Ương vào Đại Quan viên truyền lời xong, rồi trời đã tối, bèn phải rời Đại Quan viên, trở về sân viện của Giả mẫu. Quan hệ không gian trong Hồng Lâu Mộng, quý vị rõ chứ? Riêng phủ Vinh Quốc mà nói, đường trục giữa của phủ Vinh Quốc gồm mấy lớp sân lớn, cuối cùng là Vinh hy đường. Vinh hy đường là kiến trúc quan trọng nhất trên trục giữa. Đó là nơi Giả Chính và Vương phu nhân ở.

Sau Vinh hy đường còn có vài dãy nhà phụ khác. Còn ở phía tây của cụm kiến trúc theo trục giữa, có một sân lớn, chính là sân viện của Giả mẫu. Về sau, ở phía đông của phủ, vùng đông bắc, người ta lại đem một phần vườn cũ của phủ Vinh Quốc nối liền lại, đồng thời phá dỡ một số nhà của người hầu. Để khi Nguyên Xuân về thăm nhà có một khu vườn riêng, người ta xây nên Đại Quan viên. Đại Quan viên nằm ở vị trí ấy. Lúc đó đi lại trong phủ cũng rất mệt, vì khoảng cách không hề gần.

Cho nên Uyên Ương gặp phải một vấn đề rất cụ thể, cũng là vấn đề ai trong chúng ta cũng thường gặp: đó là mót đi vệ sinh. Tiểu thuyết viết tình huống ấy rất sinh động: nàng muốn đi tiểu, quay về sân Giả mẫu thì không kịp, nên men theo lối đi trong vườn Đại Quan viên đi vào bụi cỏ, kết quả phát hiện dưới gốc cây, cạnh núi đá có bóng người lay động. Lúc ấy, thông qua mắt Uyên Ương, tiểu thuyết viết một nét về hình ảnh Tư Kỳ mà nàng nhìn thấy. Nét ấy khiến người bạn Hồng học kia ấn tượng cực kỳ sâu: một người mặc

váy đỏ, búi tóc phồng, thân hình cao lớn vạm vỡ. Vì Tư Kỳ, thứ nhất, dáng người khác hẳn các nha hoàn khác: nàng đặc biệt cao lớn vạm vỡ; thêm nữa, kiểu tóc cũng rất độc đáo, búi tóc phồng. Tuy chúng ta không thật quen với trang sức, kiểu tóc phụ nữ đời Thanh, nhưng hai chữ "tóc phồng" liền gợi ra rất nhiều tưởng tượng.

Người bạn ấy còn khoa tay, tôi hỏi: "Anh thật từng thấy tóc phồng à?" Anh nói: "Dù sao tôi thấy rất sinh động." Một nha hoàn thân hình cao lớn vạm vỡ thì tóc tự nhiên phải phồng lên mới xứng với vóc dáng ấy. Vì thế Tư Kỳ rất biết ăn mặc, chọn một kiểu tóc rất hợp với tỷ lệ thân hình của mình; anh ấy thấy nét bút này rất sống động. Cho nên quý vị thấy đấy, nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí; người ta viết rất nhiều hình tượng Giả Bảo Ngọc, anh ấy cũng thấy hay, nhưng ấn tượng sâu nhất, xin lỗi, lại là Tư Kỳ. Thế là hai người họ tất nhiên đều hỏi tôi: "Còn ông thì sao?" Không ngờ tôi lại đưa ra một đòn bất ngờ. Tôi không nêu ví dụ về nhân vật chính, thậm chí chỉ nêu một vai rất nhỏ, chỉ xuất hiện trong một đoạn ngắn ngủi. Hơn nữa, đó còn không phải miêu tả chân dung trong lời trần thuật, mà là lời người khác hình dung về nhân vật ấy: chính là vợ Tần Hiển. Trong phủ Vinh Quốc có một người hầu tên Tần Hiển, vợ ông ta gọi là "Tần Hiển gia". Nhân vật này xuất hiện thế nào? Bởi vì về sau tiểu thuyết viết trong Đại Quan viên của phủ Vinh Quốc, nhà bếp bên trong Đại Quan viên xảy ra đấu tranh quyền lực. Đừng xem thường đó chỉ là một nhà bếp; với một số người, nhà bếp ấy cũng là một chỗ béo bở, cũng cần tranh đoạt quyền khống chế. Tư Kỳ không phải ngọn đèn cạn dầu; nàng đứng sau chống lưng, muốn đuổi người đang quản bếp lúc ấy là Liễu gia đi để nắm lấy nhà bếp.

Tất nhiên bản thân nàng không làm đầu bếp, mà muốn tìm một người thân với mình lên nắm bếp, sau này mọi việc đều tiện. Sau một trận ác đấu, vợ họ Liễu vốn là đầu bếp, kết quả con gái bà là Liễu Ngũ Nhi cùng bà gặp chuyện, bị cho là trộm đồ nên bị bãi chức. Lúc đó quản gia trong phủ là vợ Lâm Chi Hiếu trông coi việc này; Lâm Chi Hiếu và vợ Lâm Chi Hiếu xử lý, bãi Liễu gia đi rồi cử Tần Hiển gia lên. Tần Hiển gia rốt cuộc là thế nào, lát nữa tôi còn phải chuyên nói đến bà ta. Ở đây chỉ nói đơn giản: sau khi vợ Lâm Chi Hiếu sắp đặt sự thay đổi quyền lực như vậy, Bình Nhi có chút nghi vấn, hỏi Tần Hiển gia là ai, sao tôi không nhận ra, không quen. Bình Nhi là người rất biết nắm việc; với tư cách trợ thủ của Phượng tỷ, trong phủ Vinh Quốc nàng nắm quyền lớn, lẽ ra phải khá quen mọi tôi tớ nam nữ.

Nhưng bỗng để một Tần Hiển gia thay Liễu gia, Bình Nhi thấy lạ nên hỏi. Thế là vợ Lâm Chi Hiếu bắt đầu giới thiệu Tần Hiển gia. Trong lời giới thiệu ấy có một đoạn phác họa chân dung Tần Hiển gia. Nói thế nào? Vợ Lâm Chi Hiếu bẩm rằng: "gò má cao cao" — "cô quải" tức là xương gò má, chỗ này gọi là cô quải — "gò má cao cao, mắt to to, là một người sạch sẽ lanh lợi nhất". Khi bà giới thiệu hình tượng Tần Hiển gia, bà gợi cho Bình Nhi ấn tượng về một sinh mệnh như vậy.

Không ngờ tôi đọc đến đó liền cảm thấy hình ảnh Tần Hiển gia sống động nhảy ra trước mắt. Tôi nói với họ rằng tôi rất thưởng thức hai câu ấy: gò má cao cao, mắt to to, sạch sẽ nhanh nhẹn; hình tượng một người

đàn bà giúp việc trong phủ lập tức hiện ra. Vì thế chúng tôi bàn về cách dùng từ, lối đặt bút của Tào Tuyết Cần thật đầy thú vị, rất vui. Uyên Ương, Tư Kỳ và Tần Hiển gia đều không phải nhân vật chính trong Hồng Lâu Mộng, nhưng chỉ bằng vài nét miêu tả chân dung không nhiều, Tào Tuyết Cần lập tức khiến họ trở nên tươi sống, hiện rõ trên trang giấy, khiến người đọc xem qua là khó quên. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Lâm Đại Ngọc "bệnh như Tây Thi mà hơn ba phần" có vẻ đẹp bệnh thái sánh được với Tây Thi. Vậy vẻ đẹp ấy có phải chỉ là "trong mắt người tình hóa Tây Thi" của Giả Bảo Ngọc, chứ không được người thường thưởng thức hay không?

Hai người bạn Hồng học cũng bàn với tôi vấn đề này. Một người nói: Lâm Đại Ngọc dù sao cũng có bệnh; nếu dùng phương pháp kiểm tra ngày nay, có thể nàng mắc lao phổi. Cho nên trong tiểu thuyết, những miêu tả về nàng đều là vẻ đẹp bệnh thái. Vì vậy có thể kết luận rằng Giả Bảo Ngọc yêu nàng là "trong mắt người tình hóa Tây Thi"; còn khách quan mà nói, Lâm Đại Ngọc có đẹp hay không là vấn đề đáng bàn. Hai người họ liền tranh luận gay gắt. Một bên nói Lâm Đại Ngọc chỉ là vẻ đẹp bệnh thái, chỉ có Giả Bảo Ngọc thích nàng, người khác thấy nàng là phiền; chẳng những tính cách cay nghiệt, mà còn ốm yếu nghiêng ngả, đi đứng xiêu vẹo, làm sao có thể hấp dẫn đàn ông khác, làm sao được xem là mỹ nhân?

Người bạn kia đọc kỹ hơn, hơn nữa thường đọc các cổ bản Hồng Lâu Mộng. Có những đoạn trong bản thông hành bị xóa, không còn, nhưng anh ấy thấy được, nên lập tức nghiêm túc nêu ý kiến khác. Anh nói: "Anh đã đọc đoạn này chưa? Ở hồi thứ hai mươi lăm, tức hồi Triệu di nương thông qua Mã Đạo bà làm phép hãm hại Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc." Hồi ấy viết sau khi bị làm phép, sự việc phát tác: Vương Hy Phượng phát điên, cầm dao xông vào sân, gặp gà giết gà, gặp chó giết chó, gặp người cũng muốn giết; Bảo Ngọc thì gần như rơi vào trạng thái sắp chết, vì thế kinh động tất cả thân hữu. Những người như Vương Tử Đằng, phu nhân Vương Tử Đằng đều đến thăm; người nhà họ Tiết cũng đến, Tiết Bàn cũng đến. Thế là có đoạn miêu tả rằng, lúc ấy người rất đông, chen chúc một chỗ, mỗi người một lời tỏ ý quan tâm, đưa ra chủ ý; người khác hoảng hốt thì khỏi phải nói.

Chỉ riêng Tiết Bàn còn bận tâm hơn mọi người mười phần: vừa sợ Tiết di mụ bị người ta chen ngã, coi như còn có hiếu tâm; lại sợ Tiết Bảo Thoa bị người khác nhìn thấy, xem ra cũng còn quan tâm đến em gái. Bởi con gái nhà khuê các nói chung không nên để đàn ông bên ngoài nhìn thấy, nhưng trong tình huống ấy thật khó tránh, cả nhà đã loạn lên rồi. Lại sợ Hương Lăng bị người ta trêu ghẹo, sợ trong cảnh hỗn loạn có kẻ háo sắc sàm sỡ, chiếm tiện nghi nàng; đối với Tiết Bàn mà nói, có suy nghĩ như thế cũng rất tự nhiên. Rồi có một câu: "Chợt liếc thấy Lâm Đại Ngọc phong lưu uyển chuyển, đã sớm mềm nhũn cả người ở đó." Tiết Bàn tuy là họ hàng của Lâm Đại Ngọc, nhưng không có mấy cơ hội gặp nàng; nam nữ có biệt, thụ thụ bất thân. Trong tình huống ấy, vì mọi thứ rối loạn, Phượng tỷ và Bảo Ngọc như sắp chết, cả nhà loạn, thân hữu cũng loạn, lúc ấy nam nữ lẫn lộn. Tiết Bàn liếc thấy Lâm Đại Ngọc.

Tiết Bàn là một người rất tục, quan niệm thẩm mỹ cũng rất tục, nhưng hắn cũng thấy Lâm Đại Ngọc phong lưu uyển chuyển, đẹp đến mức người hắn mềm nhũn ra. Chúng ta từng ăn một loại bánh gọi là hạch đào tô; thân thể hắn cứ như biến thành cái bánh hạch đào tô ấy, mềm rã ra như vậy. Đoạn miêu tả này trong bản thông hành đều bị xóa, có lẽ người làm bản thông hành cho rằng đoạn này quá đáng, viết để làm gì? Nhưng những nét bút giàu tính sáng tạo được cổ bản giữ lại như thế là rất quý giá. Nó nói rõ vấn đề gì? Rằng vẻ đẹp bề ngoài của Lâm Đại Ngọc là nhã tục cùng thưởng thức; ngay cả kẻ tục như Tiết Bàn cũng thấy nàng đẹp.

Điều này cũng phản ánh một đồng thuận thẩm mỹ của cả xã hội. Ví dụ một câu chuyện hiện đại như Bạch Mao Nữ: địa chủ ác bá vì sao muốn cướp Hỉ Nhi? Bởi Hỉ Nhi đẹp. Hỉ Nhi đẹp hay không, trong mắt người nghèo và trong mắt địa chủ đều có thể đưa ra cùng một kết luận. Con người khi xét một người đẹp hay không, ở vấn đề thẩm mỹ, có thể vượt qua giới hạn giai cấp để đạt được đồng thuận. Nhưng sau khi đã có đồng thuận, kẻ xấu có thể nảy sinh ý xấu, làm chuyện xấu; còn người tốt thì là một tình huống khác, đó là chuyện khác.

Vì vậy, tôi cho rằng nét bút này được Tào Tuyết Cần viết ra là có dụng ý. Ông dùng những câu chữ như vậy để cân bằng một số tâm lý bất bình hành sinh ra khi người ta đọc Hồng Lâu Mộng.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nét miêu tả này của Tào Tuyết Cần nhằm cho thấy Lâm Đại Ngọc không chỉ đẹp trong mắt Giả Bảo Ngọc, người hiểu nàng và yêu nàng. Vẻ đẹp của nàng cũng chinh phục cả phàm phu tục tử như Tiết Bàn. Trong Hồng Lâu Mộng, giữa Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc là một tình yêu chân chính khắc cốt ghi tâm. Nhưng điều khó hiểu là trong sách, Tào Tuyết Cần lại sắp đặt cho Giả Bảo Ngọc có những quan hệ hoặc mơ hồ, hoặc ái muội với các nữ giới khác.*

*Vậy vì sao Tào Tuyết Cần thiết kế như thế? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ phân tích ra sao về lối viết tưởng như mâu thuẫn này? Điều đó cho thấy khi Tào Tuyết Cần viết, ông thật sự rất dụng công. Ví dụ, ông viết Giả Bảo Ngọc sau khi thần du Thái Hư ảo cảnh, đến cuối hồi thì bắt đầu có sự thức tỉnh giới tính, rồi giữa chàng và Tập Nhân xảy ra quan hệ như thế. Rất nhiều độc giả không hiểu, nói rằng: ông khó khăn lắm mới xây dựng hình tượng một chiến sĩ phản phong kiến, vậy mà lại viết chàng có chuyện như vậy.*

Rồi có người nói: ông giảng Hồng Lâu Mộng, lại cứ đem chuyện này ra giảng, chẳng phải là cố tình bôi bẩn hay sao? Không phải vậy, không thể nhìn vấn đề như thế. Khi Tào Tuyết Cần viết Giả Bảo Ngọc, ông rất sợ độc giả hiểu lầm, bởi quả thật có độc giả đã sinh ra hai hiểu lầm. Một hiểu lầm là cho rằng về mặt sinh lý, Giả Bảo Ngọc còn lâu mới trưởng thành, vì vậy hứng thú của chàng đối với các thiếu nữ thanh xuân là rất mông lung. Kể cả quan hệ tình cảm giữa chàng và Lâm Đại Ngọc cũng chưa thể nói là tình yêu. Đó là một hiểu lầm.

Hiểu lầm ấy kéo dài ra còn nghiêm trọng hơn: có người quá nhấn mạnh sự cộng hưởng tư tưởng giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, như thể họ thuần túy chỉ là tình yêu tinh thần. Giả Bảo Ngọc rốt cuộc có yêu thân thể Lâm Đại Ngọc hay không, có phải yêu toàn diện từ linh hồn đến thân xác hay không, liền trở thành một vấn đề. Tào Tuyết Cần sợ quý vị hiểu lầm, nên ở nhiều chỗ ông viết rất kỹ, nói rõ rằng tình yêu của hai người là thứ tình yêu toàn diện từ tinh thần đến thân thể, khi cả thân và tâm đều đã phát triển đến giai đoạn trưởng thành. Điều này rất quan trọng để chúng ta hiểu hai nhân vật chính trong Hồng Lâu Mộng. Chúng ta phải thoát khỏi kiểu hiểu lầm cũ, không thể tiếp tục hiểu lầm nữa. Còn một hiểu lầm khác: vì trong sách có viết Giả Bảo Ngọc rất thân với Tần Chung, lại rất thân với Liễu Tương Liên, rồi rất thân với Tưởng Ngọc Hàm, nên có người cho rằng Giả Bảo Ngọc là người đồng tính.

Chàng thân với các thiếu nữ thanh xuân như thế, coi họ đều là bạn chơi, cùng chơi đùa, cùng làm thơ, cùng vui chơi; dường như chàng không có nhận thức giới tính của bản thân. Nếu nói chàng có nhận thức giới tính, thì lại cho rằng chàng là người đồng tính, thích nam giới, thích những nam giới thông minh và đẹp đẽ. Thông qua việc Giả Bảo Ngọc "sơ thí vân vũ tình", Tào Tuyết Cần nói rất rõ với quý vị rằng Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút ông không phải như vậy. Thứ nhất, thân tâm Giả Bảo Ngọc đã phát triển đến giai đoạn trưởng thành; tất nhiên, thời xưa tuổi thọ con người tương đối ngắn.

Ngay mở đầu sách đã có chữ "nửa đời lận đận"; xưa kia người ta cho rằng ba mươi tuổi là nửa đời, sáu mươi là trọn thọ, bảy mươi là "xưa nay hiếm". Vì vậy ngày xưa đàn ông mười bốn, mười lăm tuổi cưới vợ không phải chuyện lạ. Vào thời ấy, nam giới mười ba, mười bốn tuổi, khi thân tâm phát triển đến lúc "khai tịch hồng mông", bắt đầu thức tỉnh giới tính và trở thành người trưởng thành có định vị bản thân về giới tính, là điều có thể xảy ra. Tất nhiên quý vị có thể nói Giả Bảo Ngọc hơi sớm trưởng thành, nhưng không thể cho rằng chàng phát triển chậm, không hiểu chuyện nam nữ. Tào Tuyết Cần viết rất cụ thể cho quý vị xem; đồng thời ông nói với quý vị rằng, tuy Giả Bảo Ngọc có tình cảm sâu nặng với một số nam giới, nhưng về khuynh hướng tính dục thật sự, chàng không phải người đồng tính. Có người hỏi có phải song tính không, chứng cứ song tính cũng không thấy rõ.

Ngay cả nếu nói là song tính, nhận thức giới tính chủ yếu của chàng vẫn định vị mình là một người đàn ông, muốn kết hôn với người phụ nữ mình yêu; người phụ nữ ấy không ai khác chính là Lâm Đại Ngọc. Trong sách viết rất rõ. Hơn nữa còn một chi tiết mọi người nhớ chứ, cũng là điều tôi từng giảng trước đây: Giả Nguyên Xuân ban lễ tết Đoan Ngọ, phần chàng nhận được giống hệt phần Tiết Bảo Thoa nhận được. Trong đó có chuỗi hồng xạ, thứ Lâm Đại Ngọc không nhận được. Tiết Bảo Thoa nhận xong liền đeo lên. Trong một tình huống nhất định, Giả Bảo Ngọc muốn nhìn xem chuỗi hồng xạ ấy rốt cuộc ra sao, mời Tiết Bảo Thoa tháo xuống để nhìn gần; lúc ấy chàng nhìn thấy cánh tay trắng như tuyết của Tiết Bảo Thoa.

Giả Bảo Ngọc liền có phản ứng tâm lý: nói rằng nếu cánh tay này mọc trên người Lâm Đại Ngọc thì ta còn có thể sờ một chút; ý là tiếc thay bây giờ nó lại mọc trên người chị Bảo.

Nét bút rất quan trọng này cho thấy Giả Bảo Ngọc không phải người thật sự lạm tình. Tuy chàng có chút phiếm ái, tức "tình bất tình", các thiếu nữ thanh xuân chàng đều yêu mến, nhưng thật sự muốn sống đời vợ chồng với ai, muốn cưới ai làm chính thê, thì chỉ có Lâm Đại Ngọc, không có lựa chọn thứ hai. Thông qua những chi tiết ấy, chúng ta nên lĩnh hội được dụng tâm khổ nhọc của Tào Tuyết Cần, đừng hiểu lầm. Cá nhân tôi cho rằng trong sách viết Giả Bảo Ngọc rất thân với những người như Tần Chung, Liễu Tương Liên, Tưởng Ngọc Hàm, chủ yếu là để biểu đạt một thứ tình cảm đặc biệt của Giả Bảo Ngọc đối với những con người bên lề xã hội. Mà những người bên lề xã hội trong thời đại ấy bị xã hội chủ lưu và quan niệm giá trị chủ lưu kiên quyết bài xích; còn Tào Tuyết Cần dùng ngòi bút của mình viết ra những nhân vật, những câu chuyện như vậy, ca ngợi và khẳng định họ. Hơn nữa, ông viết vị công tử quý tộc Giả Bảo Ngọc này: một mặt chàng yêu sâu sắc Lâm Đại Ngọc, muốn cưới nàng làm chính thê; mặt khác chàng tôn trọng, che chở và quan tâm tất cả những thiếu nữ thanh xuân ấy. Đồng thời, đối với những người bên lề trong xã hội nam giới, những người phi chủ lưu và không liên quan đến quyền lực, chàng đặc biệt muốn giao du, đặc biệt yêu thích họ. Đó chính là Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần.

Nói đến đây, hai người bạn Hồng học lại nêu với tôi rằng: chúng tôi biết ông có một số kiến giải độc đáo về Hồng Lâu Mộng. Ví dụ, người ta thường cho rằng chủ đề Hồng Lâu Mộng là phản phong kiến, hình tượng Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc đại diện cho một kiểu con người mới trong xã hội lúc bấy giờ, có nội hàm tư tưởng phản phong kiến. Vì thế chúng tôi cũng biết ông đồng ý với điểm này. Tôi quả thật thừa nhận Hồng Lâu Mộng có chủ đề như thế, và hai hình tượng nhân vật này cũng thật sự có phẩm chất như thế. Nhưng hai người ấy nói rằng, dù bản chúng tôi đọc khác nhau, chúng tôi thường tranh cãi, nhưng ở một điểm thì cả hai rút ra cùng kết luận: Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa trong sách từ rất sớm đã hòa giải, đã thành "Đại–Thoa hợp nhất". Thế là họ hỏi tôi: vậy ông nhìn nhận cách xử lý nghệ thuật ấy của Tào Tuyết Cần thế nào?

Vì sao nếu chỉ xét tám mươi hồi đầu, đến hơn bốn mươi hồi thì mâu thuẫn giữa Đại Ngọc và Bảo Thoa đã tiêu tan, hai người hòa thuận, không còn xung đột nữa, chuyện ấy là thế nào? Vì vậy trong bài giảng sau, tôi sẽ cùng mọi người thảo luận vấn đề: nên nhìn nhận "Đại–Thoa hợp nhất" dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần như thế nào. Xin quý vị nghe bài sau.

# Tập 26

Bí ẩn Thoa Đại hợp nhất

*"Trơ trơ người tuyết trên cao, Ngoài đời, đường vắng khuây sao được nàng". Họ vốn là tình địch trời sinh Tiết Bảo Thoa cuối đời không oán vì vô duyên Lâm Đại Ngọc thì tình thiết tha, ý miên man. Nhưng vì sao lại có lúc "Mạnh Quang nhận mâm của Lương Hồng"? Phải chăng hai người gặp nhau mỉm cười, chuyện trước đã qua? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị Diễn giải đặc sắc: Bí ẩn Đại–Thoa hợp nhất.*

*Trong tập trước ông Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ phân tích văn bản trong rất nhiều dị bản Hồng Lâu Mộng về cách tả mày mắt của Lâm Đại Ngọc ông cho rằng câu "hai hàng mày như khói tụ" và "đôi mắt như sương ngậm" mới là cách miêu tả gần nhất với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Trong Hồng Lâu Mộng Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc đối với Giả Bảo Ngọc mà nói một người là chị Bảo trong "kim ngọc lương duyên" một người là em Lâm trong "mộc thạch tiền minh" họ vốn là tình địch trời sinh nhưng theo phân tích của ông Lưu Tâm Vũ sau cùng Đại và Thoa lại gác bỏ hiềm khích bắt tay vui vẻ với nhau rốt cuộc vì sao lại như vậy? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ diễn giải ra sao về mối tình rối rắm Bảo–Đại–Thoa trong Hồng Lâu Mộng?*

*Chương trình dài kỳ Bách Gia Giảng Đàn Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng Lâm Đại Ngọc, tập 3 Bí ẩn Đại–Thoa hợp nhất, kính mời theo dõi.*

Vậy bây giờ căn cứ vào cách hiểu của tôi về bộ sách này tôi sẽ cùng mọi người lần lượt gỡ mạch mối dây tình cảm của ba người Bảo–Đại–Thoa xem. Trong sách viết thế nào? Lần đầu ba người ấy bộc lộ những nét tính cách khác nhau của mình có lẽ là ở hồi thứ tám Tào Tuyết Cần viết rất khéo ông đặt cả ba người vào cùng một không gian lúc ấy Tiết di ma đã vào ở. Trong phủ Vinh Quốc có một viện trống gọi là Lê Hương viện bèn để họ ở đó Vào một ngày tuyết rơi Giả Bảo Ngọc đến đó thăm dì của mình và gặp Tiết Bảo Thoa sau đó họ uống rượu ăn uống với nhau. Trong quá trình ấy Lâm Đại Ngọc cũng đến như vậy tác giả đã ở Lê Hương viện ngay trong chỗ ăn uống ấy triển khai đầy đủ tính cách khác nhau của ba người nhưng.

Trong hồi ấy, phải nói rằng vẫn rất khó khẳng định ai đối với ai đã nảy sinh thứ tình cảm gọi là tình yêu; điều đó còn khó nói. Về cơ bản, họ vẫn là những cô bé cậu bé, sự qua lại giữa họ còn là thứ giao tiếp tự nhiên, hồn nhiên, hoạt bát, không gò bó. Nhưng Tào Tuyết Cần viết rất hay. Qua hồi ấy, chúng ta đã thấy rõ ưu điểm và nhược điểm trong tính cách của Lâm Đại Ngọc. Nàng quả thực ngay trong hồi ấy đã thể hiện ra rằng đối với khuôn phép lễ giáo phong kiến, nàng hoàn toàn không bận tâm; nàng sống theo tính cách của mình, bộc lộ cá tính của mình rất đầy đủ. Điều này trong xã hội và thời đại ấy, ở các cô gái khuê các, là rất hiếm gặp. Điều ấy khiến rất nhiều độc giả đọc xong liền yêu thích nàng, cũng khiến có độc giả đọc xong lại rất không thích nàng. Tác giả đã tạo ra một hiện tượng sinh mệnh sống động để độc giả tự đưa ra phán

đoán của mình. Tất nhiên, ông cũng phơi bày một nhược điểm, khuyết điểm lớn trong tính cách Lâm Đại Ngọc: chua ngoa, cay nghiệt. Những biểu hiện trong tình tiết ấy, ở đây tôi không kể lại từng cái vì mọi người đều rất quen rồi.

Vậy thì Tiết Bảo Thoa trong toàn bộ màn ấy lại thể hiện một ưu thế trong tính cách của nàng. Nàng về tuổi tác chỉ lớn hơn một chút, về cơ bản vẫn là một cô bé, nhưng trầm ổn, hàm súc, dịu dàng, đoan nhã. Nàng thể hiện ra trong tính cách của mình, trong cách xử thế làm người, một ưu thế rõ rệt; mà trong hồi này Tiết Bảo Thoa rất đáng yêu. Loại tâm tư của Tiết Bảo Thoa mong Giả Bảo Ngọc đọc sách tiến thân, đi con đường công danh sự nghiệp, ở hồi này nàng chưa bộc lộ. Nên trong hồi này, về cơ bản Tiết Bảo Thoa đã làm Lâm Đại Ngọc bị lu mờ. Có thể nói Lâm Đại Ngọc một mặt tính cách rất cởi mở, rất giàu cái tinh thần giải phóng cá tính ấy; còn Tiết Bảo Thoa lại biểu hiện một phong thái dịu dàng, bình hòa, đoan nhã. Sự chua ngoa cay nghiệt của Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa lại không có. Cho nên trong hồi này, khi phô bày hai người nữ này, tác giả đã có ý tạo thành một cục diện không hẳn hoàn toàn cân bằng. Ông muốn độc giả tiếp tục đọc xuống, bởi con người là người sống; hình tượng nghệ thuật được tạo ra từ những con người sống trong đời, rồi thêm vào đó thủ pháp nghệ thuật cao diệu của ông, khiến hai nhân vật này đều để lại những nghi vấn về tính cách để độc giả suy ngẫm. Lâm Đại Ngọc chua ngoa cay nghiệt như vậy, trong một phủ Vinh Quốc như thế nàng có thể sống tốt được không? Hoặc lại nghĩ rằng Tiết Bảo Thoa tuy dịu dàng đôn hậu, rất bình hòa, nhưng rốt cuộc Giả Bảo Ngọc yêu Lâm Đại Ngọc hay yêu nàng? Như vậy rất thú vị.

Dưới ngòi bút tài hoa của Tào Tuyết Cần, sự lanh lợi tinh tế của Lâm Đại Ngọc và vẻ dịu dàng đôn hậu của Tiết Bảo Thoa ở Lê Hương viện đã có một lần bộc lộ lớn. Phong thái ôn hòa, biết giữ lễ của Tiết Bảo Thoa thậm chí có lúc còn vượt lên Lâm Đại Ngọc. Vậy rốt cuộc tình yêu giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc bắt đầu nảy mầm từ khi nào? Tình yêu của họ sẽ phải đối diện những thử thách nào?

Mầm mống tình yêu của hai người được bộc lộ ở hồi thứ hai mươi ba là trong vườn Đại Quan viên ở dưới gốc đào. Hai người cùng đọc Tây Sương ký Tình tiết này mọi người quá quen rồi. Qua hồi này tác giả phơi bày tình cảm giữa hai người đã có một kênh liên thông đó là trong truyền thống văn hóa Trung Quốc trước thời họ có những yếu tố đẹp đẽ, tích cực những thứ dám thách thức đạo đức luân lý phong kiến và hệ giá trị chủ lưu. Hai người họ đều tiếp nhận rồi họ tâm tâm tương ấn Đến hồi thứ hai mươi sáu lại có tình tiết "Tiêu Tương quán, xuân buồn phát u tình". Trong hoàn cảnh ấy tình ý của hai người bắt đầu phát triển theo hướng tình yêu vì họ đã đọc Tây Sương ký và chịu sự gợi mở từ đó một người tự ví mình là Trương Sinh người kia không đồng ý. Khi đối phương ví mình là Thôi Oanh Oanh nhưng trong lòng thực ra đã chấp nhận cách định vị ấy Họ bắt đầu mối tình đầu đẹp đẽ Mối tình đầu thời thanh xuân ấy.

Trong thời đại như vậy trong môi trường như vậy trong một đại trạch quý tộc như vậy sự phát triển của nó vô cùng khó khăn có rất nhiều trở ngại Và trở ngại lớn nhất chính là. Trong hoàn cảnh lúc ấy Vương phu nhân và Tiết di ma đã tung ra một dư luận đó là "kim ngọc nhân duyên" Nói rằng có một vị hòa thượng từ

rất sớm đã nói một lời tiên đoán tốt đẹp rằng Tiết Bảo Thoa, cô gái đẹp đẽ như vàng thật ấy vì đeo một chiếc khóa vàng nên về sau nhất định phải gả cho một công tử đeo ngọc như thể đây là chuyện trên trời đã định sẵn một quy luật không thể thay đổi họ bắt buộc phải kết làm vợ chồng Dư luận ấy. Trong Đại Quan viên trong phủ Vinh Quốc rất nhiều người đều biết điều này gây áp lực rất lớn cho Lâm Đại Ngọc Lại thêm mấy buổi trước tôi đã nói với mọi người sau khi cha của Lâm Đại Ngọc qua đời nàng trở nên không nơi nương tựa thành một cô gái không còn nền tảng kinh tế phải ăn nhờ ở đậu nhà người. Còn Tiết Bảo Thoa nói rằng cảnh nhà họ hiện nay kém hơn so với. Khi cha nàng còn sống rất nhiều nhưng anh trai nàng vẫn nhận bạc trong cung làm người mua bán cho hoàng gia.

Trong nhà có nhà, có ruộng, còn có hiệu cầm đồ; về kinh tế là một thế rất mạnh. Lại thêm bản thân Tiết Bảo Thoa luôn luôn biểu hiện cách làm người giữ mình kín đáo, nghĩa là nàng chưa bao giờ muốn để những điều thật trong lòng mình trực tiếp lộ ra, mà luôn dùng cách che giấu, hàm súc để xử lý quan hệ với người khác. Nhưng tình ý của nàng đối với Giả Bảo Ngọc vẫn không phải là không có; nó thỉnh thoảng vẫn lộ ra bằng cách này hay cách khác. Người khác không chú ý lắm, nhưng Lâm Đại Ngọc rất chú ý. Vì vậy, rốt cuộc giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc có quan hệ tình cảm như thế nào? Lâm Đại Ngọc luôn có sự nghi ngờ. Còn bản thân Giả Bảo Ngọc, tuy rất yêu Lâm Đại Ngọc, nhưng Giả Bảo Ngọc đối với tất cả các thiếu nữ trẻ tuổi đều rất hứng thú. Chàng muốn cùng mỗi cô gái trẻ đều giữ một quan hệ qua lại vui vẻ; không chỉ với các tiểu thư, mà ngay cả các a hoàn chàng cũng có thái độ như vậy. Điều này đối với Lâm Đại Ngọc cũng tạo nên một trở ngại tâm lý nhất định. Đối với người khác thì nàng không sao; nhất là với Tiết Bảo Thoa, nàng luôn suy nghĩ.

Hai người rốt cuộc là quan hệ gì trong lòng Giả Bảo Ngọc, rốt cuộc chàng yêu ta hay yêu nàng ấy?

Vì vậy Lâm Đại Ngọc phải đối diện rất nhiều khó khăn trong tiểu thuyết có rất nhiều đoạn miêu tả cực kỳ tinh tế Tình tiết tiếp tục trôi đi đến hồi thứ ba mươi. Hai Bảo và Đại đã thổ lộ gan ruột với nhau khi ấy, tình yêu giữa hai người đạt tới một đỉnh điểm Giả Bảo Ngọc đã nói toạc ra Lâm Đại Ngọc. Trong lòng cũng hoàn toàn hiểu rõ Tình cảm giữa hai người không còn là tình bạn nam nữ thiếu niên nữa mà hoàn toàn là tình yêu Giả Bảo Ngọc đã biểu thị rất rõ nói theo ngôn ngữ hôm nay là ta chỉ yêu một mình nàng hơn nữa ta muốn thành thân với nàng. Trong chế độ một vợ một chồng khi ấy ta muốn cưới nàng làm chính thất bây giờ tuy ta còn chưa có được nàng nhưng ngày đêm ta nghĩ đều là nàng vì nhớ nàng mà ta sinh bệnh đại ý là biểu đạt những điều như vậy. Còn Lâm Đại Ngọc cũng cảm thấy: à, hóa ra là thế.

Trong lòng đã nắm chắc rồi. Cho nên Tào Tuyết Cần viết sự phát triển tình cảm của hai người từng vòng. Từ giai đoạn tương đối thấp rồi từng bước, từng bước phát triển lên giai đoạn cao hơn Tình yêu giữa. Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc nảy mầm từ Tây Sương ký lúc này tình yêu của Tiết Bảo Thoa đối với Giả Bảo Ngọc cũng thỉnh thoảng lộ ra. Lâm Đại Ngọc vừa có vị ngọt của mối tình đầu đồng thời cũng cảm nhận nỗi ghen tuông, nghi kỵ. Nhưng lời tỏ bày chân thành của Giả Bảo Ngọc cuối cùng khiến. Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại

Ngọc có được tình yêu đích thực Thế nhưng dư luận về "kim ngọc nhân duyên" của Vương phu nhân và Tiết di ma vẫn luôn tràn ngập. Trong phủ Vinh Quốc Đối diện với áp lực này Giả Bảo Ngọc sẽ biểu đạt lòng mình ra sao?

Vậy thì tình yêu của hai người sau cùng hình thành một cơn sóng lớn là vào khoảng hồi thứ hai mươi chín đó là đoạn đến Thanh Hư quán lập đàn chay. Trong mạch tình tiết lập đàn ở Thanh Hư quán ấy tác giả viết đến một chi tiết là đạo sĩ Trương ở Thanh Hư quán mời miếng ngọc Thông Linh của Giả Bảo Ngọc ra đem cho đồ tử đồ tôn của ông ta xem những đồ tử đồ tôn ấy vì được bái kiến bảo vật ngọc Thông Linh của Giả Bảo Ngọc nên tỏ ra rất kích động và rất sùng kính rồi lần lượt dâng bảo vật của mình đặt vào chiếc khay ấy cho nên. Khi đạo sĩ bưng miếng ngọc Thông Linh của Giả Bảo Ngọc trở lại bằng khay trong đó không chỉ có miếng ngọc Thông Linh mà còn có rất nhiều những đồ ngọc đeo khác. Trong đó có một con kỳ lân vàng ấy người khác không hứng thú nhưng Giả Bảo Ngọc vừa nhìn thấy thì rất thích Giả Bảo Ngọc bèn cầm lấy con kỳ lân vàng ấy giữ lại đối với những món quà nhỏ khác dâng cho chàng chàng không hứng thú chỉ hứng thú với kỳ lân vàng Mà nguyên nhân Giả Bảo Ngọc giữ con kỳ lân vàng là vì Giả Bảo Ngọc nhớ Sử Tương Vân bình thường cũng đeo một con kỳ lân vàng. Vì vậy trong hoàn cảnh ấy vốn "kim ngọc nhân duyên" đã khiến Lâm Đại Ngọc rối bời phiền não một "kim" chưa dứt lại thêm một "kim" nữa điều này khiến tâm lý Lâm Đại Ngọc hoàn toàn hỗn loạn phải không?

Chuyện này là thế nào? đây?

Vì chuyện ấy Lâm Đại Ngọc liền cãi nhau dữ dội với Giả Bảo Ngọc ồn ào đến mức náo loạn cả lên Tào Tuyết Cần rất biết cách viết ông viết như vậy có nhiều tầng ý nghĩa ông viết như vậy không phải để nói cho độc giả rằng. Khi ấy Giả Bảo Ngọc không yêu Lâm Đại Ngọc và giữ lại kỳ lân vàng là chuyển tình yêu của mình sang Sử Tương Vân Cá nhân tôi cho rằng không phải vậy Giả Bảo Ngọc đối với Sử Tương Vân rất có hứng thú chàng cho rằng nàng là một người bạn nữ quý tộc rất tốt. Hai người ở bên nhau rất vui vẻ nhưng giữa chàng và Sử Tương Vân trong nhiều vấn đề lớn lại có khác biệt. Trong sách viết rất rõ Sử Tương Vân khuyên chàng rằng chàng đừng suốt ngày lẫn trong đám chúng tôi chàng cũng nên đi gặp những người làm quan, làm tể tướng học một chút đường công danh sự nghiệp đại ý là như vậy. Giả Bảo Ngọc nghe xong rất giận khiến nàng mất mặt ngay trước đó Về nhận thức giá trị xã hội Sử Tương Vân gần với Tiết Bảo Thoa còn. Giả Bảo Ngọc ở điểm này lại vạch rõ ranh giới với nàng. Cho nên nhìn tổng thể Giả Bảo Ngọc ở chung với nàng rất vui vẻ Tính cách của Sử Tương Vân tài năng của Sử Tương Vân đều khiến chàng có một sự vui thích về thẩm mỹ nhưng trong lòng chàng thật sự yêu quả thực vẫn là Lâm Đại Ngọc. Khi ấy Giả Bảo Ngọc giữ lại thứ này chủ yếu là vì chàng nghĩ Sử Tương Vân có một con mình lại tặng nàng một con nữa chẳng phải thú vị sao?

Tôi nghĩ tâm lý chủ yếu là như vậy. Nhưng Lâm Đại Ngọc thì không chịu lúc ấy lòng Lâm Đại Ngọc rối loạn Vào khoảng hồi này trước sau việc lập đàn ở Thanh Hư quán trạng thái của Tiết Bảo Thoa cũng rất không ổn

quý vị có chú ý không? bên nàng cũng loạn lên trong hoàn cảnh ấy, Giả Bảo Ngọc bị kẹt hai bên cũng rơi vào cuộc khủng hoảng lớn nhất của riêng chàng về tình cảm và quan hệ giữa người với người. Cho nên khoảng hồi. Hai mươi chín Tào Tuyết Cần dùng ngòi bút như hoa viết nên cảnh "hoa đoàn cẩm tú" đem mối tình rối rắm và va chạm tính cách giữa ba người này cộng thêm những nhân vật khác những câu chuyện khác đặt cùng một chỗ cấu thành một văn bản vô cùng sinh động Đến hồi thứ ba mươi sáu của tiểu thuyết cá nhân tôi cho rằng về mối tình rối rắm Bảo–Đại–Thoa Tào Tuyết Cần về cơ bản đã làm một cuộc thu bó lại viết đến đó, về cơ bản. Trong các hồi về sau ông không còn viết quá nhiều về va chạm tình cảm giữa ba người họ nữa. Hồi thứ ba mươi sáu nửa đầu hồi có tên "Thêu uyên ương, mộng điềm Giáng Vân hiên".

Đó là sau khi Bảo Ngọc đã bị đánh rồi; về sau vết thương cũng dưỡng lành. Trong thời gian dưỡng thương, Bảo Ngọc sống rất nhàn tản. Một ngày kia Tiết Bảo Thoa đến. Tập Nhân vốn ngồi bên giường nằm của Bảo Ngọc, đang thêu đôi uyên ương. Tập Nhân tạm thời đi ra ngoài. Tiết Bảo Thoa liền không tự chủ được ngồi xuống bên giường nằm của Giả Bảo Ngọc, thấy bức thêu uyên ương Tập Nhân chưa thêu xong, đường chỉ rất đẹp, liền không nhịn được cầm kim lên thêu tiếp ở đó. Trong quá trình ấy, Tào Tuyết Cần viết rằng Giả Bảo Ngọc khi ấy đang ngủ. Sau khi ngủ thì nói mê. Lời nói mê này thật kinh tâm động phách. Mọi người nghĩ là nhớ ngay, chàng nói: lời hòa thượng, đạo sĩ sao tin được?

Cái gì là kim ngọc nhân duyên trong lòng ta chỉ nhớ mộc thạch nhân duyên. Cho nên trên thực tế. Khi Tào Tuyết Cần viết đến chỗ này ông cũng như nói với độc giả chủ ý của Giả Bảo Ngọc là không thể thay đổi nữa không thể có biến đổi nữa. Qua những tiếp xúc sau đó với chàng Lâm Đại Ngọc. Trong lòng cũng hiểu Giả Bảo Ngọc quả thực yêu chính nàng về sau Giả Bảo Ngọc muốn thành thân thì phải cưới nàng là làm chính thê mà chính thê chỉ có một người. Cho nên về cơ bản. Khi Tào Tuyết Cần viết đến chỗ này ông đã đối với quan hệ tình ái của ba người Bảo–Đại–Thoa làm một sự thu kết đó là cách nhìn của tôi.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng ở hồi thứ ba mươi sáu của Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần mượn lời nói mê của Giả Bảo Ngọc để biểu thị với độc giả rằng Giả Bảo Ngọc yêu Lâm Đại Ngọc đã là một sự thật không thể thay đổi. Trong lòng Giả Bảo Ngọc tình cảm đối với Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc đã có sự phân biệt hết sức rõ ràng người chàng thật sự yêu trong lòng là Lâm Đại Ngọc Đến đây quan hệ tình cảm của ba người Bảo–Đại–Thoa đã có một phần tổng kết. Vậy rốt cuộc nguyên nhân nào đã dẫn tới Đại–Thoa hợp nhất?*

Sau đó chúng ta tiếp tục đọc xuống Tào Tuyết Cần đã công khai viết đến sự hòa giải hòa hảo của Bảo Thoa và Đại Ngọc mà lúc này trong lời phê của Chi Nghiễn Trai người cộng tác thân thiết của Tào Tuyết Cần ông cũng công khai nói với chúng ta rằng đó chính là Đại–Thoa.

Hiện tượng văn bản này tôi không có cách nào phủ nhận chúng ta phải thừa nhận quả thực là như vậy Đến hồi thứ bốn mươi hai tôi nhớ lúc ấy khi đọc hồi bốn mươi hai ngay từ đầu tôi khá căng thẳng vì sao? Bởi vì Tiết Bảo Thoa hẹn Lâm Đại Ngọc đến chỗ nàng nói chuyện nói thẳng rằng: Bình Nhi, ta phải thẩm vấn cô. Vì sao Tiết Bảo Thoa muốn "thẩm" Lâm Đại Ngọc?

Bởi trong phần trước của câu chuyện khi Lưu lão lão còn chưa rời phủ Vinh Quốc Lưu lão lão lần thứ hai đến phủ Vinh Quốc chơi xong rồi rời đi nhưng trước khi rời đi mọi người cùng nhau chơi nha bài có một hồi gọi là "Kim Uyên Ương ba lần tuyên lệnh nha bài". Trong các buổi giải mã trước về vấn đề ấy tôi đã triển khai rất đầy đủ trước đã nói rồi, ở đây không nhắc lại Lâm Đại Ngọc. Khi tham gia trò nha bài ấy là một người thật thà mà háo thắng nàng không muốn thua nên. Trong quá trình ấy cần nói ra một vài câu có vần để khớp với tình thế của lá bài lúc đó Lâm Đại Ngọc lại đem những câu.

Trong Tây Sương ký ra nói. Người khác nghe có thể không để ý nhưng Tiết Bảo Thoa nàng đều đã đọc những thứ ấy nên tai nàng rất thính nàng ghi nhớ lại Thế là một ngày sau đó nàng hẹn. Lâm Đại Ngọc đến chỗ mình và nói với Lâm Đại Ngọc về chuyện ấy Tiết Bảo Thoa cảm thấy việc Lâm Đại Ngọc nói ra những câu lệnh nha bài như thế chứng tỏ rằng nàng không phải vì xem kịch mà biết nhất định là đã đọc Tây Sương ký đã đọc Mẫu Đơn đình đã đọc những thứ dâm từ lãng khúc ấy nên mới nhớ được. Vì thế. Tiết Bảo Thoa rất chắc chắn bèn hỏi nàng. Vậy thì. Sau một đoạn tình tiết trôi qua chúng ta phát hiện. Tiết Bảo Thoa hỏi nàng là để bảo vệ nàng bởi trong một gia đình phong kiến như thế lúc bấy giờ nếu Tiết Bảo Thoa không tốt với Lâm Đại Ngọc muốn đánh đổ Lâm Đại Ngọc nàng có một cách rất tiện lợi nhưng Tiết Bảo Thoa không làm vậy Tiết Bảo Thoa đã chỉ ra thẳng trước mặt Lâm Đại Ngọc rằng chuyện này rất nguy hiểm. Hơn nữa Tiết Bảo Thoa thành thật đến mức nàng nói với Lâm Đại Ngọc rằng.

Khi nhỏ nàng cũng từng đọc những thứ ấy và từ hai người đối thoại trong tiểu thuyết có thể thấy quý vị có thể thấy ra Tiết Bảo Thoa đọc còn nhiều hơn nàng lại còn sớm hơn Tiết Bảo Thoa thực sự rất thẳng thắn đến với Lâm Đại Ngọc để giao lưu. Vậy nàng có giải quyết được vấn đề định hướng giá trị của Lâm Đại Ngọc không?

*Có giải quyết được một vấn đề cơ bản trong tư tưởng, tình cảm của Lâm Đại Ngọc không? Nàng không giải quyết cũng không thể giải quyết Lâm Đại Ngọc cũng không cho phép nàng giải quyết vấn đề này. Nhưng Lâm Đại Ngọc đối với việc nàng bảo vệ mình thì hiểu rất rõ và vô cùng cảm kích. Sau khi hai người hòa hảo định hướng giá trị của hai người vẫn không giống nhau không phải nói họ hòa hảo rồi thì. Hai người đều từ bỏ thế giới quan cơ bản và nhân sinh quan của mình không phải nói hai người từ bỏ định hướng giá trị của mình không phải ý đó nhưng trong quan hệ người với người quả thực họ đã hòa hảo. Theo cách diễn giải của ông Lưu Tâm Vũ. Trong nghi thức lệnh nha bài Tiết Bảo Thoa không vì thất thế trong tình yêu mà nắm lấy sai lầm của Lâm Đại Ngọc nơi công chúng. Khi nàng đọc câu chữ của Tây Sương ký và Mẫu Đơn đình để công kích nàng trái lại còn bảo vệ nàng. Trong tình cảm lại càng thành thật đối đãi phản ánh mặt khoan dung và đẹp đẽ trong nhân tính của Tiết Bảo Thoa. Vậy trước sự hòa hảo của Đại–Thoa Giả Bảo Ngọc, người luôn bị kẹt. Hai bên tình cảm sẽ có phản ứng như thế nào?*

Điểm này về sau khi đọc lại kỹ tôi vẫn có chút kinh ngạc Tào Tuyết Cần sao lại viết như vậy? Nhưng khi đọc đến hồi bốn mươi chín tôi phát hiện Tào Tuyết Cần cũng biểu thị sự kinh ngạc ông thông qua Giả Bảo Ngọc

mà biểu thị sự kinh ngạc quý vị có chú ý những miêu tả ở hồi bốn mươi chín không? Hồi bốn mươi chín là chuyện gì? Hồi bốn mươi chín nói rằng trong Đại Quan viên lại có thêm rất nhiều người mới.

Khi ấy em họ của Tiết Bảo Thoa Tiết Bảo Cầm cũng đến phủ Vinh Quốc còn có hai con gái của người thím góa bên họ Lý Hoàn tức. Hai em họ của nàng cũng đến lại còn có một cháu gái của Hình phu nhân Hình Tụ Yên cũng đến Đại Quan viên. Khi ấy vô cùng náo nhiệt. Người đã nhiều lên thì phát sinh một vấn đề ai được sủng ái nhất kết quả. Trong tình hình lúc ấy xuất hiện một cục diện cũng khiến độc giả kinh ngạc người được sủng ái nhất là Tiết Bảo Cầm một nhân vật mới xuất hiện như vậy. Nếu quý vị đọc kỹ văn bản tiểu thuyết sẽ phát hiện Tiết Bảo Thoa cũng không chịu nổi Đối diện cục diện ấy Tiết Bảo Thoa đã ghen. Trước đây cứ tưởng Lâm Đại Ngọc là người dễ ghen nhất dễ đố kỵ người khác nhất dễ nói lời cay nghiệt nhất phải không?

Kết quả ngòi bút sinh hoa của Tào Tuyết Cần viết cho chúng ta thấy ông viết nhân tính vô cùng sâu sắc người là người sống Tiết Bảo Thoa cũng rất ghen. Nhưng trong sách lại viết đến phản ứng của Lâm Đại Ngọc hoàn toàn khác với Tiết Bảo Thoa Lâm Đại Ngọc không chỉ tốt với Tiết Bảo Cầm mà với Tiết Bảo Thoa cũng tốt lạ thường như thể bản thân thật sự có một người chị và một người em như vậy. Vì thế có một đoạn miêu tả rất thú vị. Hồi thứ bốn mươi chín Bảo Ngọc nhìn thấy ba người họ thân thiết một khối. Trong lòng buồn bực không vui. Đây là viết nhân tính. Theo lý chàng chẳng phải nên vui sao? trước kia chỉ vì có một Bảo Thoa có một khóa vàng mà khiến chàng cũng rất phiền não trong mộng còn phải kêu lên phải không? Lâm Đại Ngọc thì cứ không yên lòng Bây giờ Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa hòa hảo thậm chí em họ của Tiết Bảo Thoa đến được Giả mẫu yêu chiều nàng cũng không ghen chẳng phải thiên hạ thái bình rồi sao?

Nhưng nam nữ đang yêu là như vậy: đối phương ghen tuông nghi kỵ, giờ chút tính khí nhỏ thì họ rất sốt ruột; nhưng bỗng một ngày đối phương bình tâm hòa khí, hoàn toàn không để ý nữa, họ tưởng là chuyện tốt thì lại buồn bực không vui. Đó chính là chỗ cao minh của Tào Tuyết Cần. Bảo Ngọc liền buồn bực không vui. Trong lòng nghĩ: hai người họ vốn không như vậy, bây giờ xem ra còn tốt hơn người khác gấp mười lần. Bảo Ngọc nhìn thấy chỉ âm thầm kinh ngạc, chàng cảm thấy rất kỳ lạ. Sau đó có một cơ hội, Bảo Ngọc bèn đi hỏi Đại Ngọc, dùng một câu trong Tây Sương ký gọi là "từ khi nào Mạnh Quang lại nhận mâm của Lương Hồng?" Lương Hồng và Mạnh Quang là hai người đời Hán.

Lương Hồng là nam, Lương Hồng là một người đàn ông; Mạnh Quang là một người phụ nữ. Mạnh Quang gả cho Lương Hồng. Sau khi Mạnh Quang gả cho Lương Hồng, bà có một thứ ngôn ngữ thân thể rất nổi tiếng: sau khi nấu cơm xong, mỗi lần đến trước mặt chồng, bà không dám ngước nhìn chồng mà nâng mâm cơm lên thật cao, gọi là "cử án tề mi". Vốn trong đời sống, là Mạnh Quang nâng mâm rồi Lương Hồng đến nhận. Câu này trong Tây Sương ký rất dí dỏm, nó nói ngược lại. Vì sao Giả Bảo Ngọc dẫn câu này? Là để nói

rất khác thường: "từ khi nào Mạnh Quang lại nhận mâm của Lương Hồng?" Vì sao Giả Bảo Ngọc dẫn như vậy?

Là ý này: kỳ lạ quá, khiến người ta buồn bực. Trước kia nàng nghi kỵ cô ấy như vậy, ta giải thích thế nào cũng không được; bây giờ nàng lại hòa hảo với cô ấy rồi. Cho nên Giả Bảo Ngọc có một câu nói đặc biệt sinh động rằng: trước kia nàng nghi ngờ ta, nay nàng cũng chẳng còn gì để nói, ngược lại ta bị bỏ lẻ loi. Tâm trạng người đang yêu thật khó hiểu: sợ nhất là bị bỏ lẻ loi, sợ nhất là lẻ loi. Có người bên cạnh hơi gây chuyện, hơi giận dỗi, ra vài tiểu xảo thì lại rất vui; hoặc chính mình cũng tức giận, cũng hờn dỗi, nhưng giữa nhau đấu chút khí nhỏ lại là một thú vui lớn. Về sau mọi chướng ngại đều không còn nữa, mọi thứ trở nên quá bằng phẳng, không có gì lạ, lúc này lại thấy mình bị bỏ lẻ loi. Cho nên Giả Bảo Ngọc cảm thấy Lâm Đại Ngọc không còn tình địch, vì thế chàng cũng cảm thấy đặc biệt cô quạnh.

Trong đời sống của chàng thiếu mất rất nhiều những thứ phức tạp hoặc có vị cay hay cái thú vị cay tê như món ma lạt thang không còn nữa Kết quả Đại Ngọc trả lời chàng rất nghiêm túc rằng ai ngờ cô ấy thật sự là người tốt trước đây ta chỉ xem cô ấy theo thói thường Lâm Đại Ngọc đối với phẩm chất căn bản của Tiết Bảo Thoa, đã có một nhận thức định hướng giá trị của hai ta không giống nhau ngươi cứ tiếp tục chủ trương một công tử quý tộc như Giả Bảo Ngọc nên đọc sách tiến thân nên thăng quan phát tài nên đi con đường công danh sự nghiệp ngươi cứ tiếp tục giữ quan điểm ấy của ngươi còn ta xưa nay sẽ không khuyên. Giả Bảo Ngọc đi đường công danh sự nghiệp còn ta đòi hỏi cá tính được bộc lộ và tiếp tục đi con đường đời của mình nhưng ta cảm thấy ngươi là một người tốt vì ngươi không hại người không những không hại người ngươi còn bảo vệ người khác như thế là họ hòa hảo Đối diện sự hòa hảo của chị Bảo và em Lâm ngay cả, Giả Bảo Ngọc cũng cảm thấy kỳ lạ thậm chí dùng lời trong Tây Sương ký để trêu hỏi Lâm Đại Ngọc.

*Lâm Đại Ngọc tuy cùng Tiết Bảo Thoa về định hướng giá trị là đạo khác không cùng mưu nhưng trong quan hệ giữa người với người lại có thể hòa mà không đồng sau cùng thân như chị em. Tuy nhiên mối tình rối rắm của ba người Bảo–Đại–Thoa là một tuyến chính của Hồng Lâu Mộng, vậy vì sao ở nửa đầu toàn sách đã để Đại–Thoa hợp nhất? Ông Lưu Tâm Vũ phân tích cách viết này ra sao?*

Vậy Đại–Thoa hợp nhất trong thiết kế tổng thể của toàn bộ sách Tào Tuyết Cần chúng ta thấy rất rõ bởi chỉ cần quý vị, quen thuộc văn bản một chút là biết ví dụ như trong sách viết hồi thứ năm các sách trong Thái Hư ảo cảnh chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa Đại và Thoa hợp thành một bức tranh hợp thành một bài thơ. Khi Cảnh Huyễn tiên cô mời Giả Bảo Ngọc nghe khúc Đại và Thoa cũng hợp thành một khúc và về sau Cảnh Huyễn tiên cô. Trong giấc mộng khi khai mở tính tình cho Giả Bảo Ngọc giới thiệu với chàng một mỹ nhân rồi nói đó là em gái của bà Mỹ nhân này văn bản miêu tả như sau "tươi đẹp quyến rũ rất giống Bảo Thoa phong lưu yểu điệu lại như Đại Ngọc tên gọi Kiêm Mỹ, tên chữ Khả Khanh" Chi Nghiễn Trai. Trong các lời phê khác cũng nhiều lần chỉ rõ với độc giả rằng "Thoa và Đại tuy tên là hai người nhưng người lại là một thân, ấy là bút pháp ảo hãy xem văn tự về Bảo Thoa sau khi Đại Ngọc mất sẽ biết lời ta không sai" Bà nói

như vậy cũng có căn cứ là sau khi xem phần sau tám mươi hồi Đại Ngọc đã qua đời Bảo Thoa còn có một thái độ đối với Đại Ngọc thông qua thái độ ấy bà cho rằng.

Hai người chính là "người lại một thân" tên tuy là hai, người lại một thân, ấy là bút pháp ảo điều này rất khó hiểu vì tôi không được thấy văn bản sau tám mươi hồi ấy. Hơn nữa. Chi Nghiễn Trai về mặt tư tưởng và truy cầu nghệ thuật cũng không thể hoàn toàn đặt dấu bằng với Tào Tuyết Cần bà cũng có thể có chỗ nhìn nhầm nhưng bà không thể cố ý nói những lời kỳ quặc, sai lạc cho nên lời phê ấy rất đáng tham khảo. Vậy theo cá nhân tôi thật ra vấn đề rất đơn giản Thứ nhất, Tào Tuyết Cần sở dĩ viết như vậy viết Đại–Thoa hòa hảo thậm chí để Chi Nghiễn Trai nêu ra cách nhìn rằng. Hai người thực ra là một người là vì ngay ở hồi thứ năm Tào Tuyết Cần đã nói với chúng ta rằng tất cả những cô gái ấy đều nằm.

Trong Bạc mệnh ty Dù Lâm Đại Ngọc truy cầu giải phóng cá tính sống theo tính mình, là một bi kịch thì dù Tiết Bảo Thoa cố gắng hết sức tự thu liễm bản thân nỗ lực tuân thủ khuôn phép phong kiến cuối cùng, xã hội ấy vẫn là tội ác nó không vì những cô gái khuê các ấy có định hướng giá trị cá nhân khác nhau mà ban cho họ số mệnh khác nhau cuối cùng nó đều có thể đem đến cho họ những cảnh đời mang tính đả kích đều rất bi thảm.

Cho nên Tào Tuyết Cần không muốn để độc giả nảy sinh một hiểu lầm rằng những cô gái khuê các ấy vì tình cảm định hướng giá trị, tính cách khác nhau mà có người sẽ có số mệnh tốt đẹp ông là người tố cáo xã hội ấy đã tàn hại các cô gái khuê các trẻ tuổi ông có một lập trường cơ bản như vậy cho nên viết đi viết lại, ông nói với chúng ta rằng sau cùng cả. Hai người đều không thoát khỏi điềm dữ của số mệnh cuối cùng đều đi tới kết cục bi kịch Đồng thời cũng nói rõ rằng Tào Tuyết Cần sau khi kết thúc mạch tình cảm rối rắm giữa Bảo Ngọc, Đại Ngọc và Bảo Thoa ông muốn buông tay viết đời sống rộng lớn hơn cho nên về sau mới có mấy hồi liên tiếp viết. Trong Đại Quan viên vì tranh giành nhà bếp nhỏ mà phát sinh đủ loại sự việc nhân vật lên sân khấu vô cùng nhiều rồi lại rảnh tay viết câu chuyện Hồng Lâu nhị Vưu, v.v. Như vậy đã nói rõ đầy đủ rằng Hồng Lâu Mộng không thể đơn giản khái quát là một tiểu thuyết tình yêu. Vì trong những bài giảng trước tôi nói khá nhiều về hình chiếu chính trị của nó có người tưởng quan điểm của tôi là Hồng Lâu Mộng là một tiểu thuyết hoàn toàn chính trị hóa cách nhìn của tôi cũng không phải vậy Hồng Lâu Mộng nên là một bộ miêu tả số mệnh khác nhau của rất nhiều nhân vật khác nhau phơi bày những nẻo đời rộng lớn như một tiểu thuyết mang tính xã hội.

Trong bài giảng này cuối cùng tôi muốn nêu ra một vấn đề để cùng mọi người thảo luận. Nếu nói Lâm Đại Ngọc tự nói vận mệnh của nàng là "gió đao sương kiếm nghiêm bức nhau".

Hoặc nói hoàn cảnh của nàng hiểm nguy đến mức nào? gọi là "bọ ngựa rình ve, chim sẻ ở sau" tất nhiên đó là một ví dụ nếu nàng được ví như con ve vậy ai là bọ ngựa, ai là chim sẻ? Chỗ quy túc cuối cùng của số mệnh nàng rốt cuộc ra sao? Hẹn gặp lại ở bài sau.

# Tập 27

Bí ẩn hiểm cảnh của Lâm Đại Ngọc

*Lâm Đại Ngọc mồ côi cả cha lẫn mẹ, nương nhờ Giả phủ, cô khổ. Nàng yêu sâu nặng Bảo Ngọc nhưng đành bó tay. Áp lực từ mọi phía khiến nàng thấm nỗi bất lực của kẻ ăn nhờ ở đậu. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng cảnh ngộ hiểm ác của Đại Ngọc không hề đơn giản như độc giả vẫn cảm nhận. Vậy trong Giả phủ, rốt cuộc ai sẽ gây khó dễ cho Lâm muội muội yếu đuối này? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị, phân tích Lâm Đại Ngọc trong Giả phủ và huyền cơ tiềm ẩn của cảnh như đi trên băng mỏng. Lâm Đại Ngọc là cháu ngoại của Giả mẫu. Vì cha mẹ đều mất, lại không có anh chị em, nên nàng phải sống nhờ lâu dài trong Giả phủ. Lâm Đại Ngọc thân thể yếu ớt, tính tình nhạy cảm, thường tự thương thân phận lẻ loi, buồn bã, đau lòng. Mặt khác, nàng phong lưu, yểu điệu, tài hoa hơn người, và đặc biệt thanh cao, tự phụ. Nàng yêu sâu nặng Bảo Ngọc, muốn nên duyên với Bảo Ngọc, nhưng lại đối mặt với trở ngại không thể vượt qua. Lâm Đại Ngọc trong Giả phủ, ai đang đặt chướng ngại cho tình yêu của Đại Ngọc?*

*Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị, phân tích hiểm cảnh của Lâm Đại Ngọc trong Giả phủ.*

Đời sống của Lâm Đại Ngọc trong Vinh Quốc phủ, như chính nàng từng hình dung, là "gió đao sương kiếm nghiêm ngặt bức nhau". Tất nhiên nàng cũng có niềm vui, có những lúc ngọt ngào, nhưng xét tổng thể, nàng cảm thấy rất bất ổn. Nói bằng một câu tục ngữ thì gọi là bọ ngựa bắt ve, chim sẻ rình sau. Nếu ta ví Lâm Đại Ngọc như một con ve, thì trước hết có bọ ngựa muốn bắt nàng. "Bắt nàng" nghĩa là gì? Tức là muốn loại trừ nàng. Ai là người đầu tiên muốn loại trừ nàng? Đó chính là Vương phu nhân và Tiết di mẫu. Vì họ muốn thành tựu "kim ngọc nhân duyên" thì nhất định phải loại trừ Lâm Đại Ngọc. Dĩ nhiên họ sẽ không quá độc ác với Lâm Đại Ngọc. Nói bọ ngựa bắt ve là muốn hại chết nàng, có lẽ chưa đến mức ấy. Nhưng họ nhất định phải đào sâu những lý do khiến nàng không thích hợp để gả cho Giả Bảo Ngọc, và bày hết ra trước mắt Giả mẫu. Mọi người còn nhớ Vương phu nhân, trước cuộc xét soát Đại Quan viên, bà ta có thái độ thế nào chứ?

Bà ta vào trong Đại Quan viên, thấy một nha đầu trong phòng Bảo Ngọc đang ở đó mắng một tiểu nha đầu. Bà ta liền nói "mày mày mắt mắt có hơi giống Lâm muội muội", rồi bà ta nói tiếp: đại nha đầu này rất ngông cuồng, bà ta không ưa cái vẻ khinh cuồng ấy. Người được nói tới là Tình Văn. Nhưng thật ra điều đó lại bộc lộ trong lòng bà ta có muôn phần không vừa mắt Đại Ngọc. Vương phu nhân không ưa Lâm Đại Ngọc; bà ta thật lòng không ưa. Không phải trong lòng bà ta thấy Lâm Đại Ngọc tốt, chỉ vì muốn thúc đẩy kim ngọc nhân duyên mà phải nén thiện cảm với Đại Ngọc. Không phải như vậy. Bà ta vốn không ưa. Nhưng không ngờ Giả mẫu còn sống ngày nào thì sẽ che chở Lâm Đại Ngọc ngày ấy. Vì thế, trong lòng Vương phu nhân rất không thoải mái. Bà ta luôn luôn tìm cơ hội để loại trừ Lâm Đại Ngọc. Cho nên sau khi Bảo Ngọc bị

đánh, Tập Nhân đến tìm bà ta để báo cáo sự việc. Tập Nhân đã nói đến nỗi lo thường trực của mình. Lo điều gì?

Đại ý là lo Bảo Ngọc nay đã lớn rồi, mà có hai cô chị em luôn ở trước mắt cậu ấy. Vậy thì một người là Lâm muội muội, một người là Bảo tỷ tỷ. Theo lẽ thường, phải nói chị trước rồi mới nói em sau mới hợp thứ tự lời nói. Nhưng Tập Nhân biết rất rõ trong lòng Vương phu nhân, người bà ta thích là ai, không thích là ai. Nàng không thể không nhắc tới Tiết Bảo Thoa, nhưng nàng nói Lâm Đại Ngọc trước. Cho nên Vương phu nhân vừa nghe liền thấy Tập Nhân sao mà hiểu chuyện đến thế, và lập tức thu nàng làm tâm phúc, cho nàng một địa vị gần như "chuẩn di nương". Từ tiền tháng của mình, bà ta trích ra hai lạng bạc, một quan tiền để thưởng cho Tập Nhân. Trong sách có những miêu tả rất cụ thể, đều nói rõ điều này: Vương phu nhân và Tiết di mẫu nhất định phải loại trừ Lâm Đại Ngọc, phải từ trong cuộc hôn nhân của Bảo Ngọc mà vô tình loại bỏ Lâm Đại Ngọc.

Vương phu nhân xuất thân từ nhà họ Vương. Trong bốn họ Giả, Sử, Vương, Tiết, từ miêu tả của Tào Tuyết Cần có thể thấy Vương phu nhân thích kiểu tính cách thanh tâm quả dục, cực kỳ chuộng vẻ đạm bạc như Bảo Thoa. Còn Đại Ngọc thì phong lưu, linh xảo, sắc sảo lộ hẳn ra ngoài, hoàn toàn trái với sở thích của bà ta.

*Trong mắt Vương phu nhân, Đại Ngọc thể yếu nhiều bệnh, tính khí cũng không tốt, nàng đa nghi, hay khóc, lại còn thích trêu chọc Bảo Ngọc, khiến Bảo Ngọc vì nàng mà thần hồn điên đảo. Đó là điều Vương phu nhân không thể dung thứ nhất. Như vậy xem ra, nguyên nhân khiến Vương phu nhân trong tâm lý không thể tiếp nhận Đại Ngọc đã không cần nói cũng rõ. Vậy đối với quan hệ Bảo - Đại, Tiết di mẫu, em gái của Vương phu nhân, sẽ đóng vai trò gì? Về điểm này, ông Lưu Tâm Vũ lại có những kiến giải độc đáo nào?*

Có bạn mê Hồng Lâu Mộng có thể sẽ bàn với tôi rằng: chẳng phải Tiết di mẫu từng có lần còn chủ động nói tốt nhất nên gả Lâm muội muội cho Bảo Ngọc sao? Trong sách đúng là có một đoạn như vậy. Đó là ở hồi 57; trước mặt Lâm Đại Ngọc, khi ấy còn có Tiết Bảo Thoa, Tiết di mẫu đã nói lời như vậy. Bà ta nói: "Bảo huynh đệ của con được lão thái thái thương như thế, lại sinh ra như thế, nếu nói ra ngoài, lão thái thái chắc chắn không vừa ý. Chi bằng cứ đem muội muội của con định cho cậu ấy, chẳng phải chu toàn cả bốn bề sao?" Khi nói "chi bằng cứ đem muội muội của con định cho cậu ấy", rõ ràng mặt bà ta quay về phía con gái mình, Tiết Bảo Thoa. Đây là một tình huống nói năng rất mạo hiểm, đúng không?

Trong lòng bà ta vốn luôn ôm ấp ý đồ kim ngọc nhân duyên. Người có mặt lúc ấy chính là con gái bà ta, người đáng được hưởng kim ngọc nhân duyên; và chướng ngại lớn nhất của kim ngọc nhân duyên, Lâm Đại Ngọc, cũng ở đó. Nhưng Tiết di mẫu lại đột nhiên đi một nước cờ hiểm, trước mặt con gái mình và Lâm Đại Ngọc mà nói những lời như vậy. Tiết di mẫu đang làm gì? Tiết di mẫu thật sự muốn thúc đẩy cuộc hôn nhân ấy sao? Thật sự chủ trương để Giả Bảo Ngọc cưới Lâm Đại Ngọc sao? Khi ấy Tào Tuyết Cần lập tức viết thêm

một nét, quý vị có chú ý không? Tử Quyên nghe thấy. Tử Quyên thế nào? Liền vội chạy tới cười nói: "Di thái thái đã có chủ ý này, sao không nói với thái thái đi?"

Tử Quyên là người thông minh. Có cổ bản chép chỗ này thành "sao không nói với lão thái thái đi?" Cá nhân tôi cho rằng, trong các dị văn khác nhau, câu phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần nên là "sao không nói với thái thái đi?" Tử Quyên đáng lẽ phải nói như vậy. Vì thái độ của lão thái thái khỏi cần bàn. Ngay đầu lời của Tiết di mẫu, quý vị xem, trong đó mấy chữ "lão thái thái" được lặp lại mấy lần: "Bảo huynh đệ của con được lão thái thái thương như thế, lại sinh ra như thế, nếu nói ra ngoài, lão thái thái chắc chắn không vừa ý." Ý của lão thái thái đã bày rành rành rồi. Nhưng quý vị phải chú ý quan hệ nhân vật. Trong tiểu thuyết, thiết kế nhân vật vẫn rất chính xác. Dẫu sao nữ chủ nhân của Vinh Quốc phủ đáng lẽ là Vương phu nhân. Giả mẫu là một vị lão tổ tông rất tôn quý trong tông tộc. Nhưng chồng của Giả mẫu đã qua đời, hiện Giả mẫu ở trong một đại viện phía tây, bên cạnh quần thể kiến trúc trên trục giữa.

Tuy Giả mẫu được mọi người kính trọng, nhưng Giả Bảo Ngọc là con của Giả Chính và Vương phu nhân. Vậy đối với Giả Bảo Ngọc, việc lấy ai làm vợ, người có tiếng nói nhất đáng lẽ là Giả Chính. Nhưng từ biểu hiện trong tiểu thuyết ta thấy, Giả Chính không mấy quản những việc này, về cơ bản do Vương phu nhân làm chủ. Cuối cùng Giả Bảo Ngọc muốn cưới vợ vẫn phải do Giả Chính và Vương phu nhân quyết định, do Vương phu nhân tuyên bố. Cho nên Tử Quyên quá thông minh: nàng biết chướng ngại của cuộc hôn nhân này tuyệt đối không nằm ở lão thái thái, mà nằm ở chỗ Vương phu nhân. Tiết di mẫu là em ruột của Vương phu nhân. Bà nói như thế, những lời khác nàng không chen vào. Nàng vốn ở bên ngoài, chỉ là một nha đầu đang làm việc của mình, nghe lời ấy lập tức chạy vào, và nàng lập tức điểm huyệt, điểm đúng vào huyệt vị, đánh trúng huyệt: "Di thái thái đã có chủ ý này, sao không nói với thái thái đi?" Bà đi nói đi, bà nói với thái thái đi. Vương phu nhân vừa tỏ thái độ, Giả mẫu vừa vui lòng, chuyện chẳng phải xong rồi sao?

Kết quả, miêu tả phía sau ai cũng thấy: Tiết di mẫu giơ lên thật cao rồi đặt xuống thật nhẹ. Ý là chỉ nói đùa thôi, ý là đó chỉ là một câu nói đùa. Nghĩa là, cô xem ý bà ta là: cô nha đầu này có lẽ chính cô đang muốn tìm nhà chồng rồi, cô vội cái gì chứ? Thế là bà ta gạt câu chuyện đi. Tử Quyên rất cụt hứng, đành phải bỏ đi. Tiết di mẫu đang làm gì? Bà ta đang trinh sát hỏa lực.

Theo lẽ thường, Tiết di mẫu đây là một biểu hiện rất tàn nhẫn. Vì Lâm Đại Ngọc yêu Giả Bảo Ngọc, Giả Bảo Ngọc yêu Lâm Đại Ngọc, là chuyện ai cũng biết. Ở hồi đánh đàn tế lễ tại Thanh Hư quán, hai người làm ầm lên đến long trời lở đất, mọi người trong phủ đều biết. Hơn nữa Giả mẫu từng nói "không phải oan gia thì không gặp nhau", câu ấy truyền khắp cả phủ. Đến lúc này, Tiết di mẫu còn công nhiên trước mặt Đại Ngọc cố ý nói như vậy, bà ta muốn xem phản ứng của Đại Ngọc.

*Trong tiểu thuyết của Tào Tuyết Cần, Tiết di mẫu là hình tượng một người mẹ hiền. Nhưng phân tích của ông Lưu Tâm Vũ lại khiến người ta cảm thấy: trong Đại Quan viên, lòng người khó dò, ảo tượng chồng chất. Đọc kỹ Hồng Lâu Mộng có thể thấy, Tào Tuyết Cần rất ít khi dễ dàng khen chê nhân vật, mà để độc giả tự mình*

*phán xét qua diễn tiến tình tiết. Đôi khi ông cũng trực tiếp hoặc gián tiếp nói đôi câu theo lối nói thuận mà hóa nghịch, nhưng ngắn gọn, chừng mực, hầu như không để lộ sơ hở. Có lẽ chính vì lối viết của Tào Tuyết Cần như rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa, ẩn hiện từng nét đứt nối tinh diệu ấy, mới lôi cuốn người ta suy ngẫm về càn khôn dưới từng con chữ của Hồng Lâu Mộng. Vậy đối với phân tích rằng Vương phu nhân và Tiết di mẫu liên thủ bài xích Đại Ngọc, ông Lưu Tâm Vũ có thể tìm được chứng cứ đầy đủ trong tiểu thuyết không?*

Trong toàn bộ Hồng Lâu Mộng, ngoài câu chuyện tình yêu, tác phẩm còn viết về một đại gia đình quý tộc với đủ loại tập đoàn lợi ích khác nhau. Tất cả đều ra sức tranh đoạt quyền khống chế phủ đệ này, trước hết là quyền chiếm hữu và quyền phân chia tài sản. Ai nấy đều dốc sức. Vương phu nhân và Tiết di mẫu mong thông qua việc Bảo Ngọc cưới Bảo Thoa, không chỉ cưới được một cô con dâu mà họ vừa ý trong lòng, mà còn để lợi ích của nhà họ Tiết được bành trướng trong Vinh Quốc phủ. Với Vương phu nhân, đó là có được con dâu tốt; với Tiết di mẫu, đó là con gái mình gả cho một lang quân vừa ý nhất. Sau đó, hai chị em họ coi như cùng nhau nắm giữ khối tài phú của Vinh Quốc phủ. Một khi Giả mẫu qua đời, thiên hạ sẽ thuộc về họ. Vì thế họ luôn mơ giấc mộng đẹp như vậy. Đó chính là "bọ ngựa" mà Đại Ngọc phải đối mặt. Họ một lòng một dạ làm những việc này.

Về sau tình tiết phát triển đến một mức như thế này: triều đình có một vị thái phi qua đời, Giả mẫu, Vương phu nhân đều phải vào triều tham dự các hoạt động tế lễ liên quan. Bởi vậy họ cảm thấy trong phủ cần tăng cường bố trí an toàn. Mượn cái cớ ấy, Tiết di mẫu liền dọn vào Tiêu Tương quán. Có tình tiết này, đúng không?

Về chuyện này, một số lời bình đời Thanh đã đưa ra nhận xét như vậy, nói rằng Tiết di mẫu này quả thật rất lợi hại. Cuối cùng bà ta tự mình dọn vào Tiêu Tương quán, tức là triệt để khống chế mọi hoạt động của Đại Ngọc, khiến việc qua lại giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc trở nên đặc biệt bất tiện. Còn Đại Ngọc, quý vị nói nàng hẹp hòi, nói nàng chua ngoa cay nghiệt, thật ra Đại Ngọc trong lòng vô cùng đơn thuần, rất thiện lương. Đại Ngọc không ý thức được điều đó, cảm thấy mình cô khổ lẻ loi, thế là dứt khoát nhận Tiết di mẫu làm mẹ nuôi. Tiết di mẫu giả vờ thân thiết, nhận nàng làm con gái nuôi, và hình thành một cục diện rất kỳ quái. Đây là một mặt trong sự hiểm nguy sinh tồn của Đại Ngọc. Nhưng mọi người đừng quên, các tập đoàn lợi ích trong phủ có đến mấy nhóm. Đối với Vương phu nhân, có một tập đoàn lợi ích suốt ngày nhắm vào bà ta, không phải ai khác, chính là Triệu di nương, là thiếp của Giả Chính. Bà ta sinh cho Giả Chính một trai một gái. Theo lẽ thường, xã hội phong kiến rất coi trọng "mẹ nhờ con mà quý". Nhưng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, mọi chuyện tốt trong Giả phủ đều không có phần của Triệu di nương. Ví dụ trong rất nhiều hoạt động quan trọng, ngay cả nha đầu hơi có thể diện cũng được nhắc đến, chỉ không có phần Triệu di nương. Một nhân vật tưởng như không đáng kể như vậy, vì sao có thể nổi sóng gió trong Giả phủ?

*Ông Lưu Tâm Vũ xem Vương phu nhân và Triệu di nương là hai tập đoàn lợi ích đối lập. Quan điểm này có thể tìm được căn cứ trong văn bản của Tào Tuyết Cần không? Triệu di nương và Đại Ngọc lại có xung đột lợi hại như thế nào?*

Vậy Triệu di nương trong tay có con bài chủ. Bà ta sinh cho Giả Chính một con gái và một con trai, bà ta có công sinh nở. Trong xã hội như thế, trong gia đình như thế, một người làm thiếp, một di nương, nếu sinh được con thì tiếng nói của bà ta sẽ được nâng lên. Nếu còn sinh được con trai thì tiếng nói của bà ta lại càng được nâng cao. Nếu như nam chủ nhân còn thích bà ta, mỗi tối khi đi ngủ không cần người khác hầu hạ mà muốn bà ta hầu hạ, thì tiếng nói của bà ta thậm chí có thể lấn át nữ chủ nhân. Vậy Triệu di nương là người rất có tâm cơ. Đối với bà ta, chướng ngại lớn nhất trước hết chính là Giả Bảo Ngọc. Vì Giả Chính tổng cộng có hai con trai. Dĩ nhiên hiện giờ ta không tính Giả Châu, vì ngay từ đầu câu chuyện, người con trai cả ấy đã chết, chỉ còn lại quả phụ Lý Hoàn. Sau khi câu chuyện bắt đầu, tổng cộng chỉ có hai con trai: một là Giả Bảo Ngọc, một là Giả Hoàn. Có Giả Bảo Ngọc ở đó, địa vị của Giả Hoàn không thể cao được, đúng không? Một là anh thuộc hàng con vợ lẽ, không phải do chính thất sinh ra. Hai là anh xếp sau Giả Bảo Ngọc, tính thứ bậc theo tư lịch, trưởng ấu có thứ tự.

Điểm nào cũng bất lợi cho cậu ta. Cho nên hai mẹ con này suốt ngày muốn hại Giả Bảo Ngọc. Phần trước đã viết rất sinh động, quý vị đều còn nhớ. Có một hồi, Vương phu nhân bảo Giả Hoàn chép kinh cho bà trong phòng Vương phu nhân. Đang chép kinh, Giả Bảo Ngọc đi học tư thục tan học trở về, lăn vào lòng Vương phu nhân; giữa mẹ con họ liền biểu lộ tình mẫu tử. Vương phu nhân không ngừng vuốt ve cậu, Bảo Ngọc ôm cổ Vương phu nhân nói chuyện dài ngắn. Giả Hoàn nhìn thấy, trong mắt ghen hận, trong lòng ghen hận. Cuối cùng, khi Bảo Ngọc nằm trên giường sưởi không xa chiếc bàn Giả Hoàn đang chép kinh, cậu ta liền hạ độc thủ, đẩy chiếc đèn nến đầy dầu nóng đổ về phía mặt Bảo Ngọc. Cậu ta muốn làm bỏng mù mắt Bảo Ngọc. Dĩ nhiên không trúng mắt, chỉ làm mặt Bảo Ngọc nổi một dải bọng phỏng.

Quý vị xem, Giả Hoàn đối với anh mình còn độc như thế, Triệu di nương thì càng độc hơn. Triệu di nương lợi dụng Mã đạo bà dùng tà thuật yểm Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc, khiến Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc đều kề sát bờ vực tử vong. May mà về sau có một tăng một đạo từ cõi trời xuống nhân gian hoạt động, đi vào nghĩ ra một cách cứu sống hai người họ. Nếu không, lần ấy Bảo Ngọc đã chết rồi. Khi đó Bảo Ngọc đã ở tình trạng ấy, Triệu di nương còn nói những lời rất khó nghe, đại ý là: "các người đừng khóc nữa; ngày thường thương nó như thế, bây giờ trong tình cảnh này, chi bằng để nó đi sớm cho rồi; có lẽ để nó đi sớm thì nó còn được nhẹ nhõm." Nguyên văn không phải như vậy, nhưng đại ý là thế. Dĩ nhiên khi ấy, những lời này khiến Giả mẫu nghe xong giận hỏng người; Vương Hy Phượng nghe rồi tất nhiên cũng vô cùng tức giận.

Họ là các tập đoàn lợi ích đối lập, đang tranh đoạt quyền lực tương lai của Vinh Quốc phủ. Cho nên gọi là bọ ngựa bắt ve, chim sẻ rình sau. Con chim sẻ ấy chính là Triệu di nương, tức tập đoàn lợi ích của Triệu di

nương; thủ đoạn vô cùng độc ác. Nếu nói Vương phu nhân và Tiết di mẫu đối với Lâm Đại Ngọc chỉ là không thích, chán ghét, muốn bài xích, thì tôi nghĩ họ chưa đến mức hại chết nàng. Từ miêu tả trong sách không thấy được tâm tư ấy. Nhưng từ miêu tả trong sách về Triệu di nương mà xét, bà ta tuyệt đối là người có thể, với những gì mình cho là chướng ngại, dùng biện pháp quyết liệt.

Rất độc địa. Vậy Triệu di nương đối với Lâm Đại Ngọc có thái độ gì? Bà ta luôn nhìn chằm chằm. Đừng tưởng chỉ có Tiết di mẫu đang trinh sát hỏa lực; Triệu di nương cũng không hề rảnh tay. Triệu di nương nhất định muốn hại Lâm Đại Ngọc. Vì sao? Giữa bà ta và Lâm Đại Ngọc không có xung đột lợi hại trực tiếp. Nhưng bà ta tuyệt đối không thể dung nhẫn việc Giả Bảo Ngọc cưới Lâm Đại Ngọc rồi sống cuộc đời viên mãn hạnh phúc. Hơn nữa, bà ta biết rất rõ Giả Bảo Ngọc yêu Lâm Đại Ngọc đến mức ấy. Nếu Lâm Đại Ngọc không còn nữa, Giả Bảo Ngọc hoặc là chết, hoặc là xuất gia. Chính Giả Bảo Ngọc cũng hay nói không giữ miệng, thường trước mặt người khác nói như thế: "nàng chết rồi ta sẽ đi làm hòa thượng", đúng không? Vậy hại không chết cậu, dùng Mã đạo bà yểm cậu cũng không chết, nếu chính cậu phủi áo bỏ đi, chẳng phải đỡ việc cho ta sao? Cho nên Triệu di nương rất mong Giả Bảo Ngọc hoặc chết đi, hoặc bỏ đi. Làm sao khiến Giả Bảo Ngọc chết hoặc bỏ đi?

*Một cách trong đó là để Lâm Đại Ngọc chết. Từ tiểu thuyết chúng ta có thể thấy, Triệu di nương, vị "nửa chủ tử" này, làm người chủ thật quá tủi nhục: con gái Thám Xuân khinh thường bà ta, con trai Giả Hoàn lại thường không nghe lời bà ta, ngay cả tiểu nha đầu cũng dám xô đẩy bà ta. Sự hụt hẫng to lớn ấy khiến bà ta càng điên cuồng, vì tranh đoạt quyền khống chế Vinh Quốc phủ mà liều lĩnh mạo hiểm. Vậy Triệu di nương có dã tâm mà thiếu trí tuệ này rốt cuộc sẽ làm thế nào, đặt chướng ngại trên con đường tình Bảo - Đại? Lại vì nguyên nhân gì khiến bà ta trong Giả phủ có chỗ dựa mà không sợ? Về điểm này, ông Lưu Tâm Vũ sẽ lần tìm dấu vết tơ nhện, móng ngựa như thế nào?*

Nếu quý vị đọc kỹ văn bản thì đừng bỏ qua một chi tiết ở hồi 52. Vào hồi 52, giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc đã không còn ngờ vực hay va chạm trong tình yêu nữa. Quan hệ giữa hai người họ có thể nói đã trở lại yên ổn. Hai người quan tâm lẫn nhau. Có một chi tiết như vậy: những người khác đều không có mặt, Bảo Ngọc và Đại Ngọc ở trong Tiêu Tương quán. Bảo Ngọc cười nói với Đại Ngọc: "đúng là có một câu quan trọng đến lúc này mới nhớ ra". Hơn nữa, lúc ấy cậu và Đại Ngọc đã rất hòa hợp, nên vừa nói vừa ghé sát thân mình lại, thì thầm rằng: "Ta nghĩ chỗ yến sào Bảo tỷ tỷ tặng nàng..." Lời này còn chưa nói xong, một câu chưa dứt, đã thấy Triệu di nương bước vào đến thăm Đại Ngọc, hỏi: "Cô nương, hai hôm nay khỏe không?" Quý vị chú ý, Tào Tuyết Cần hạ bút vô cùng tinh tế, miêu tả vô cùng chính xác. Bước vào Tiêu Tương quán, đi vào không gian riêng nơi Đại Ngọc sinh hoạt, đáng lẽ phải vượt qua vài khoảng đệm hoặc một vài không gian chuyển tiếp, ở đó có nha đầu, có bà tử.

Còn Triệu di nương rõ ràng bước chân rất gấp gáp, vô cùng vô lễ. Gần như có nghĩa là chưa đợi các nha đầu, bà tử thông báo, bà ta đã tự mình bước vào. Trước khi bước vào, bà ta có lẽ còn khẽ dừng chân nhìn

vào trong; đợi đến lúc Bảo Ngọc ghé thân sát lại Đại Ngọc, bà ta đột nhiên xông vào. Bảo Ngọc "một câu chưa dứt", độc giả chúng ta không đọc được Giả Bảo Ngọc rốt cuộc định nói gì tiếp. Tào Tuyết Cần không viết nữa. Sau đó thể hiện rằng bà ta đến hỏi thăm Đại Ngọc: "Cô nương, hai hôm nay khỏe không?" Đây là không có ý tốt. Bà ta đang tiến hành dò xét, bà ta muốn lấy chứng cứ về hành vi không đứng đắn giữa Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc, bà ta muốn làm nhân chứng. Bà ta sẽ nói với ai? Bà ta không cần nói với Vương phu nhân, cũng không cần nói với Giả mẫu, vì bà ta biết Giả mẫu và Vương phu nhân đều ghét mình, không nghe lời mình. Cho dù bà ta nắm được cái gọi là bằng chứng sự thật, người ta cũng không thèm nghe bà ta. Nhưng bà ta có con bài chủ. Bà ta nói với ai? Bà ta nói với Giả Chính, là người đứng đầu đại phủ đệ này, là vị phủ chủ chính thức thật sự.

Có bạn mê Hồng Lâu Mộng nói: bà ta chỉ là một di nương mà có quyền lên tiếng lớn thế sao? Quyền lên tiếng của bà ta rất lớn, trong sách viết rất rõ. Ví dụ hồi 73 có nói chuyện này: Triệu di nương và Giả Chính đang nói chuyện, bỗng nghe ngoài kia có tiếng động, ra hỏi mới biết là một cánh song bên ngoài chưa cài chặt nên rơi xuống. Triệu di nương liền mắng nha đầu mấy câu, tự mình dẫn nha hoàn đi cài lại, rồi mới vào hầu Giả Chính an nghỉ, chuyện không kể tiếp. Đừng dễ dàng bỏ qua những lời chuyển tiếp như thế. Giả Chính với tư cách một lão gia của Vinh Quốc phủ, mỗi tối ai hầu ông ta đi ngủ?

Không phải Vương phu nhân, cũng không có miêu tả về Chu di nương, mà chính là Triệu di nương. Lối văn này trong sách xuất hiện không chỉ một lần. Còn có một lần, Triệu di nương ở trước mặt Giả Chính, mong Giả Chính có thể chuẩn y đem một nha đầu bên cạnh Vương phu nhân đến cho Giả Hoàn. Tức là trước mặt Giả Chính, bà ta có quyền lên tiếng, vì Giả Chính thích bà ta. Người khác ghét bà ta, nhưng vị chủ tử này thích bà ta; người đứng đầu thích bà ta, cho nên có những việc bà ta không sợ gì cả. Triệu di nương này rất đáng sợ. Đọc kỹ Hồng Lâu Mộng, chúng ta không khó phát hiện Tào Tuyết Cần về cơ bản không xử lý hình tượng nhân vật theo lối đơn giản hóa, mặt nạ hóa. Đó là nguyên tắc mỹ học quan trọng khi Tào Tuyết Cần xây dựng hình tượng nhân vật. Nhưng Triệu di nương là một ngoại lệ.

*Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Triệu di nương tâm thuật bất chính, hành vi thô bỉ, là một nhân vật tương đối phẳng. Nếu đúng như ông Lưu Tâm Vũ nói, Triệu di nương lòng dạ độc ác, muốn thông qua việc hại chết Lâm Đại Ngọc để đạt mục đích khiến Giả Bảo Ngọc sụp đổ, thì Triệu di nương rốt cuộc sẽ ra tay với Lâm Đại Ngọc thế nào? Cuốn Hồng lâu thám dật của ông Lưu Tâm Vũ sẽ còn hé lộ những huyền cơ nào về hiểm cảnh của Lâm Đại Ngọc? Vậy Triệu di nương sẽ dùng cách gì để hại Lâm Đại Ngọc?*

Trong tám mươi hồi trước không có miêu tả minh văn, nhưng cũng có manh mối để tìm. Manh mối gì? Hồi thứ ba viết Lâm Đại Ngọc vào phủ. Sau khi vào phủ, Giả mẫu và mọi người vừa nhìn Lâm Đại Ngọc liền phát hiện Lâm Đại Ngọc thân thể dung mạo tuy yếu đuối mảnh mai, nhưng tự có một vẻ phong lưu tự nhiên, liền biết nàng có chứng bất túc, nghĩa là chứng bẩm sinh suy nhược, từ trong thai đã mang bệnh. Thế là hỏi nàng thường uống thuốc gì, vì sao không gấp rút chữa trị?

Lâm Đại Ngọc liền thật thà bẩm với bà ngoại mình, nói: "Con vốn vẫn như vậy, từ khi biết ăn cơm đã phải uống thuốc, nay con vẫn uống Nhân sâm Dưỡng Vinh hoàn." Giả mẫu liền dặn: "Thế thì đúng lúc quá, ở đây ta đang bào chế thuốc viên, bảo họ làm thêm một liệu là được." Nhân sâm Dưỡng Vinh hoàn đối với Giả phủ không phải chuyện gì ghê gớm. Thứ thuốc này là một loại thuốc rất thường quy, chẳng qua dùng nhân sâm và những thứ tương tự để chế thành. Điều này vốn dĩ dường như chỉ là một nét nhàn nhạt, dường như không có ý nghĩa lớn. Nhưng Chi Nghiễn Trai nhắc nhở chúng ta. Ở chỗ này, Chi Nghiễn Trai có hai lời phê đáng chú ý. Một lời là "văn tự nhỏ như lông bò". Cho nên Chi Nghiễn Trai chủ trương phải đọc văn bản thật tỉ mỉ, đừng bỏ qua. Sau đó, ngay chỗ Giả mẫu nói "bảo họ làm thêm một liệu là được", có một lời phê rất rõ ràng, gọi là "vì Xương, Lăng về sau mà phục mạch", nghĩa là vì câu chuyện phía sau của một người tên Giả Xương và một người tên Giả Lăng mà đặt xuống một phục bút.

Vì thủ pháp của Tào Tuyết Cần chính là phục mạch xa ngàn dặm. Ông thường là rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa, phục mạch xa ngàn dặm. Cho nên ở hồi thứ ba, ông đã có một đường rắn trong cỏ như vậy, có một vệt tro như vậy trong tám mươi hồi đầu ông chưa hô ứng, nhưng sau tám mươi hồi ông sẽ nói đến rốt cuộc chuyện gì xảy ra. Xương, Lăng đại diện cho hai người này về sau trong sách đã xuất hiện, chính là Giả Xương và Giả Lăng.

Mọi người đều biết tông tộc họ Giả rất lớn. Ninh Quốc phủ và Vinh Quốc phủ là hai phủ lớn được phong tước quý tộc, là hai nhánh vinh hiển nhất trong họ Giả. Nhưng họ cũng còn một số họ hàng nghèo, một số thân thích có tình trạng kinh tế từ trung đẳng thậm chí xuống thấp. Một số thân thích như vậy sẽ tìm đến họ để xin họ hỗ trợ về kinh tế. Một số nam giới trong họ Giả cũng sẽ chạy đến mong nhận một việc trong phủ để kiếm ít tiền. Vì nếu nhận được việc, trong phủ sẽ cấp bạc cho anh; anh cầm bạc đi làm việc ấy, trong quá trình đó có thể tự giữ lại một phần làm lợi tức cho mình. Trong tiểu thuyết, người để lại ấn tượng sâu nhất cho mọi người là Giả Vân. Người này là hậu duệ của một chi gần với hai phủ Ninh, Vinh, là thân thích cùng huyết thống, chỉ là huyết thống không quá gần mà thôi. Giả Vân mấy lần cầu việc đều không thành, cuối cùng mới được giao một việc, đó là trồng bổ sung hoa cỏ cây cối trong Đại Quan viên. Đây là chức việc mà Giả Vân nhận được. Vậy còn có những con em tông tộc họ Giả khác tham gia sự vụ trong phủ không?

Có chứ. Ví dụ sau khi Nguyên phi về thăm nhà ở Đại Quan viên, các biển ngạch ấy đều chỉ là biển đèn tạm. Vì Nguyên phi chưa phê chuẩn, anh không thể cố định chúng lại. Sau khi Nguyên phi phê chuẩn, có cái còn được sửa đổi, thì phải chính thức cố định lại. Chữ trên đá thì phải khắc, sau khi khắc còn phải tô màu đỏ. Một số biển ngạch thì phải chế tác. Về người tham gia việc này, trong sách nói rất rõ: nhân thủ không đủ, thế là Giả Tường lại gọi Giả Xương, Giả Lăng đến giám công, thế là xuất hiện Giả Xương, Giả Lăng. Nét bút này cho ta biết hai thông tin. Một thông tin là Giả Xương, Giả Lăng vốn dĩ ở trong phủ, đáng lẽ có công việc của họ. Nay vì việc này rất gấp và cần rất nhiều người, nên tiến hành bố trí lại nhân lực; Giả Tường tạm thời gọi cả hai người họ đến giúp. Vậy Giả Xương, Giả Lăng, nếu lần này chỉ là giúp tạm thời, thì thường ngày ở trong phủ họ phụ trách việc gì? Họ hẳn là phụ trách bào chế thuốc. Hồi thứ ba đã nói rồi mà, đúng không?

“Vì Xương, Lăng về sau mà phục mạch.” Câu ấy được viết ở đâu? Chính là khi Giả mẫu hỏi đến việc chế thuốc viên, đúng không?

Cho nên nói văn bút Tào Tuyết Cần thật nhỏ như lông bò, và thủ pháp của ông thật cao diệu vô cùng. Vậy nếu Giả Xương, Giả Lăng nắm quyền bào chế thuốc, Triệu di nương có thể lôi kéo quan hệ với họ. Triệu di nương từng lôi kéo Mã đạo bà, và thông qua việc lôi kéo, cuối cùng bà ta cũng ra tay được, chỉ là kết cục cuối cùng công bại trong gang tấc, suýt chút nữa thành công, đúng không? Vậy Triệu di nương hoặc Giả Hoàn thuyết phục Giả Xương, Giả Lăng, khi bào chế thuốc cho Lâm Đại Ngọc, không nhất thiết trực tiếp hạ độc, nhưng có thể khiến Lâm Đại Ngọc trúng độc mạn tính, xuất hiện một trạng thái tử vong mà cuối cùng không tra ra nguyên nhân chết. Như vậy, Giả Bảo Ngọc chắc chắn sẽ đau mà chết. Vì ở hồi 57 của tiểu thuyết đã viết đến một chuyện như vậy, chính là “Tuệ Tử Quyên dùng lời tình thử Mãng Ngọc”, mọi người còn nhớ chứ?

Giả Bảo Ngọc liền cuống đến chết, ốm nặng một trận, gần như chết thật. Khi ấy đâu phải Lâm Đại Ngọc đã chết; chỉ là Tuệ Tử Quyên nói dối rằng Lâm Đại Ngọc sắp bị nhà họ Lâm đón đi. Một tin giả như thế mà còn khiến Giả Bảo Ngọc sống không nổi. Vậy nếu Lâm Đại Ngọc bệnh chết, lại không tra ra nguyên nhân, Giả Bảo Ngọc chắc chắn hoặc sẽ chết, hoặc sẽ xuất gia. Đó chính là mục đích Triệu di nương muốn đạt tới, cũng chính là điều chúng ta nói: bọ ngựa bắt ve, chim sẻ rình sau; con chim sẻ ấy chính là Triệu di nương. Việc bà ta muốn làm, bà ta sẽ làm việc ấy thế nào? Theo tôi suy đoán, có liên quan đến Giả Xương, Giả Lăng ở Vinh Quốc phủ, bình thường phụ trách bào chế đủ loại thuốc, trong đó bao gồm việc làm thuốc viên. Vậy nhìn từ góc độ thế tục, nguyên nhân cụ thể khiến Lâm Đại Ngọc chết là do Vương phu nhân và Tiết di mẫu vì tranh đoạt quyền khống chế Vinh Quốc phủ mà bài xích nàng, và do Triệu di nương vì tranh đoạt quyền khống chế Vinh Quốc phủ đã hạ độc thủ. Vậy Lâm Đại Ngọc rốt cuộc chết như thế nào? Có phải giống như Cao Ngạc đã viết là “đốt bản thảo, đoạn tình si” không?

Là vì một kế đánh tráo mà giận Giả Bảo Ngọc, rồi tự mình đốt bản thảo, đoạn tuyệt tình si mà chết sao? Cá nhân tôi cho rằng cấu tứ của Tào Tuyết Cần không phải như vậy. Miêu tả của Tào Tuyết Cần về cái chết của Lâm Đại Ngọc đáng lẽ là viết nàng trầm hồ. Vì sao tôi rút ra kết luận như vậy? Xin mời nghe bài giảng sau.

# Tập 28

Giải mã kết cục Lâm Đại Ngọc

*Lâm Đại Ngọc, nữ nhân vật số một trong Hồng Lâu Mộng. Rốt cuộc nàng đã chết như thế nào? Bản Hồng Lâu Mộng thông hành miêu tả Lâm Đại Ngọc vì Bảo Ngọc cưới Bảo Thoa mà uất hận đến chết. Điều đó có phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần không? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ văn bản Hồng Lâu Mộng, lần theo dấu vết trong lời phê của Chi Nghiễn Trai, để đưa ra một cách giải mã hoàn toàn mới về kết cục cuối cùng của Lâm Đại Ngọc.*

*Dựa trên phân tích sâu về lời phê của Chi Nghiễn Trai, giới Hồng học hiện nay nhìn chung cho rằng sau khi Tào Tuyết Cần hoàn thành Hồng Lâu Mộng, vì nhiều nguyên nhân, ngoài tám mươi hồi đầu được giữ lại, phần nội dung phía sau đã hoàn toàn thất lạc. Bốn mươi hồi sau mà chúng ta thấy hiện nay được viết tiếp gần ba mươi năm sau khi Tào Tuyết Cần qua đời bởi Cao Ngạc. Đối với nữ nhân vật số một Hồng Lâu Mộng, cái chết cuối cùng của Lâm Đại Ngọc, Cao Ngạc đã có sự sắp đặt riêng. Sau khi Giả gia không ngừng suy bại, để xung hỉ cho Giả Bảo Ngọc đang mê loạn, Giả mẫu bỏ mặc Lâm Đại Ngọc, dùng kế tráo người do Vương Hy Phượng nghĩ ra, sắp xếp cho Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa thành hôn. Lâm Đại Ngọc trơ mắt nhìn người mình yêu cưới Tiết Bảo Thoa, thế là đốt bản thảo đoạn tình si, cuối cùng uất hận mà chết. Kết cục như vậy của Lâm Đại Ngọc, vì bản thông hành lưu truyền rất rộng, nên đã ăn sâu vào lòng người.*

*Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, tuy đoạn "đốt bản thảo đoạn tình si" có thể xem là phần thành công nhất về văn bút trong phần Cao Ngạc viết tiếp, nó vẫn không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy ông Lưu Tâm Vũ vì sao lại có kết luận như vậy? Rốt cuộc Tào Tuyết Cần sẽ sắp đặt kết cục đời người cuối cùng của Lâm Đại Ngọc ra sao? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn, thành tâm giải mã cho quý vị bí ẩn về cái chết của Lâm Đại Ngọc. Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Đại giải mã kết cục Lâm Đại Ngọc đang phát sóng. Kính mời theo dõi.*

Trong bài giảng này, chúng ta sẽ bàn về trong ngòi bút Tào Tuyết Cần, Đại Ngọc đã rời cõi nhân gian như thế nào. Trong tiểu thuyết, tác giả có một thiết định đặc biệt về thân phận của Bảo Ngọc và Đại Ngọc. Cuốn tiểu thuyết này nói với chúng ta rằng Bảo Ngọc và Đại Ngọc vốn dĩ đều là tiên nhân trên trời. Bảo Ngọc vốn là một tiên nhân. Ở trên trời, chàng là Thần Anh thị giả ở Xích Hà cung. Đại Ngọc vốn là một cây tiên thảo trên trời, Giáng Châu tiên thảo.

Thần Anh thị giả trong Xích Hà cung mỗi ngày đều đi ra tưới cam lộ cho nàng, nhờ vậy Giáng Châu tiên thảo mới có thể sinh trưởng khỏe mạnh, và về sau tu thành nữ thể. Vì thế Giáng Châu tiên thảo sau khi tu thành nữ thể có thể gọi là Giáng Châu tiên tử. Sau khi hạ phàm, nàng trở thành Lâm Đại Ngọc. Nàng phải đem hết nước mắt của đời mình trả lại cho Thần Anh thị giả ở trên trời. Bởi vì Thần Anh thị giả ấy sau khi hạ

phàm chính là Giả Bảo Ngọc, nên cả đời Lâm Đại Ngọc phải đem nước mắt của nàng trả lại cho Giả Bảo Ngọc. Đây là ở hồi thứ nhất, tác giả đã kể với độc giả một thiết kế quan hệ nhân vật mang màu sắc thần thoại.

Đó là một cách miêu tả vô cùng đẹp. Rồi trong sách, ở dòng chảy tình tiết về sau, chúng ta có một cảm giác: hai người từ trời hạ xuống nhân gian ấy, bản thân họ ở cõi người không biết mình là từ thiên giới hạ phàm. Tình hình là như vậy. Trừ phi trong mộng, đôi khi họ có thể mơ hồ khôi phục lại cảm giác ở thiên giới. Nhưng ở nhân gian, họ không biết rằng bản thân có thân phận tiên nhân nơi thiên giới. Họ sống giống như những người phàm khác, như thế mà sống.

Còn Lâm Đại Ngọc, mỗi lần giận dỗi với Giả Bảo Ngọc, nàng đều phải rơi lệ. Theo giả thiết ở hồi thứ nhất, nàng đang trả ơn tưới tắm. Vậy trong sách, có hồi nào viết rằng nước mắt của Lâm Đại Ngọc đã trả gần hết không? Có. Đó là ở hồi thứ 49. Đại Ngọc nói: "Gần đây ta chỉ thấy trong lòng chua xót, nước mắt lại như ít hơn năm trước." "Trong lòng cứ đau xót, nhưng nước mắt lại không chảy." Với tư cách một người phụ nữ ở nhân gian, nàng vốn hay khóc, luôn có rất nhiều nước mắt.

Bây giờ chính nàng ý thức được nước mắt của mình đã ít đi. Nhưng nàng không ý thức được rằng mình là một Giáng Châu tiên tử trên trời, đang trả nước mắt. Còn độc giả đọc đến đây trong lòng sẽ hiểu: tổng lượng nước mắt của nàng về cơ bản phải bằng với tổng lượng cam lộ Thần Anh thị giả đã tưới cho nàng. Lượng ấy không ngừng giảm xuống, cuối cùng gần bằng không. Nàng đang đi về số không. Vì vậy thực ra cũng báo trước rằng hành trình trả lệ của Lâm Đại Ngọc có điểm kết thúc.

Còn Bảo Ngọc, tuy là tiên nhân hạ phàm, nhưng đến nhân gian, chàng không hiểu mình là thế nào. Vì vậy mọi suy nghĩ của chàng đều nhân gian hóa. Nghe lời Đại Ngọc xong, Bảo Ngọc nói thế nào? Bảo Ngọc nói: "Ấy là nàng khóc quen rồi, trong lòng tự nghi ngờ đấy thôi." "Làm gì có chuyện nước mắt lại ít đi?" Chàng không biết mối quan hệ đặc biệt của hai người. Nước mắt của người ta đúng là sẽ ít đi. Lượng cam lộ ông tưới năm xưa, khi đã trả gần xong, người ta sẽ không còn nước mắt nữa.

Trong Hồng Lâu Mộng, tác giả Tào Tuyết Cần thiết kế nam chính Giả Bảo Ngọc và nữ chính Lâm Đại Ngọc quả thật vô cùng tinh xảo và đặc biệt. Đặc biệt là việc gán cho hai người thân phận tiên giới: Thần Anh thị giả và Giáng Châu tiên thảo, càng khiến câu chuyện bi kịch thăng trầm của hai người đầy màu sắc thần bí. Còn với Lâm Đại Ngọc mang thân phận tiên giới, phải sắp xếp kết cục cuối cùng của nàng ra sao chắc chắn là nội dung mà tác giả Tào Tuyết Cần cần dụng công thiết kế. Vậy, trong tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, cảnh "Đại Ngọc chôn hoa", thể hiện rõ nhất trạng thái sống và khí chất tinh thần của Lâm Đại Ngọc, đã cung cấp cho chúng ta văn bản tốt nhất để phân tích sâu ý đồ sáng tác của Tào Tuyết Cần. Nói như vậy, cảnh "Đại Ngọc chôn hoa", một trong những bức tranh đẹp nhất trong Hồng Lâu Mộng, rốt cuộc thể hiện đặc điểm sinh mệnh nào của Lâm Đại Ngọc? Và điều đó có quan hệ gì với cái chết cuối cùng của nàng?

Trong sách miêu tả Lâm Đại Ngọc có một đặc điểm, đó là tồn tại đầy chất thơ. Đời sống của nàng là một đời sống được thi hóa. Hơn nữa, đời sống của Lâm Đại Ngọc được nghệ thuật hóa một cách trọn vẹn. Đại Ngọc chôn hoa là một lần nghệ thuật hành vi hoàn chỉnh. Khái niệm nghệ thuật hành vi ở phương Tây mới xuất hiện và trở nên sôi nổi trong khoảng một trăm năm gần đây, thậm chí chỉ khoảng năm mươi năm gần đây. Nhưng tổ tiên chúng ta, Tào Tuyết Cần, hơn hai trăm năm trước đã viết trong tiểu thuyết của mình nghệ thuật hành vi của Lâm Đại Ngọc.

Tôi tuyệt đối không nói quá. Quý vị nghĩ xem, nàng chôn hoa có phải là nghệ thuật hành vi không? Trước hết, nàng có đạo cụ. Có gì nào? Có cuốc hoa. Bởi cuối cùng nàng chôn hoa, nàng phải đào hố.

Có cuốc hoa. Lâm Đại Ngọc là người yếu liễu đào tơ, nàng vác một chiếc cuốc hoa. Quý vị nghĩ xem, chiếc cuốc hoa ấy nếu không phải là một chiếc cuốc đã được nghệ thuật hóa, nếu là cuốc mua ngoài chợ, đừng nói vác, nàng nhấc cũng chẳng nhấc nổi, đúng không? Điều đó chứng tỏ nàng đã tự làm cho mình một chiếc cuốc hoa có thể vác trên vai. Chiếc cuốc hoa ấy nhất định phải được chế tác riêng. Đó không phải hành vi nghệ thuật thì là hành vi gì?

Trên chiếc cuốc hoa ấy còn phải treo một túi hoa. Túi hoa này hiển nhiên được may vá, thêu thùa rất công phu. Vẫn chưa hết. Tay kia còn phải cầm một chiếc chổi hoa, bởi cánh hoa cần được quét gom lại. Quý vị nghĩ xem chiếc chổi hoa ấy, chẳng lẽ là cây chổi to mà các a hoàn quét dọn thường dùng sao? Chắc chắn không phải.

Nó chắc chắn là một vật rất tinh xảo, hơn nữa vật liệu chế tác cũng chưa chắc là tre trúc gì đó. Chúng ta rất khó tưởng tượng, nhưng lại có thể tưởng tượng rằng nó hoàn toàn được nghệ thuật hóa. Trang phục thì khỏi cần nói nữa. Ngày hôm ấy chắc chắn nàng đã tự mình dụng tâm thiết kế áo quần của mình. Rồi nàng vác cuốc hoa, trên cuốc hoa còn có túi hoa, tay này lại cầm chổi hoa. Nàng có đạo cụ.

Việc nàng chôn hoa có lộ tuyến. Lúc ấy nàng còn thật sự có lộ tuyến. Từ Tiêu Tương quán đi ra, dọc theo những nơi nào, ví dụ đi qua thước ngăn Thấm Phương, rồi lại thế này thế nọ, cuối cùng đến gò hoa ở một góc. Nàng có lộ tuyến. Trong toàn bộ quá trình ấy, nàng ngâm hát bài Táng hoa từ mà mình đã chuẩn bị sẵn. Hành vi của nàng là nghệ thuật hành vi có âm thanh, chứ không phải vô thanh.

Đó chính là Lâm Đại Ngọc. Quý vị nghĩ xem, Tào Tuyết Cần ở thời ấy có thể tưởng tượng ra một cảnh như vậy, tạo dựng một nhân vật như vậy, với một hành vi nghệ thuật hóa hoàn chỉnh như vậy, thật là phi thường. Lại có một lần, Lâm Đại Ngọc rời Tiêu Tương quán. Lúc ấy nàng vẫn đang giận Bảo Ngọc. Tuy đang giận Bảo Ngọc, nhưng với tư cách một tồn tại như thơ như họa, nàng vẫn mang khí chất thi nhân. Đời sống của nàng hoàn toàn được nghệ thuật hóa.

Vừa nói, nàng vừa dặn Tử Quyên: "Em thu dọn phòng đi, chừa lại một cánh cửa lưới sa, đợi chim én lớn bay về, thì buông rèm xuống, lấy tượng sư tử chặn lại, đốt hương, rồi khép cửa lại." Đó là đời sống gì vậy? Đúng không? Bây giờ chúng ta nói xã hội hài hòa, nói sự hài hòa giữa con người và tự nhiên. Lâm Đại Ngọc từ lâu đã hòa hợp với tự nhiên rồi. Trong phòng nàng cho phép chim én đến làm tổ. Nàng nói: "Em thu dọn phòng đi, chừa lại một cánh cửa lưới sa" để làm gì?

Chim én lớn bay ra ngoài để kiếm thức ăn cho én con, rồi phải bay về mớm mồi. Nàng muốn chim én lớn cảm thấy thuận tiện. Vì vậy ở Tiêu Tương quán, trong cửa sổ sa của nàng có một khoảng trống, trong khoảng trống ấy có tổ én. Chim én lớn có thể bay về, rồi lại bay ra. Đó là đời sống của Lâm Đại Ngọc. Sau đó buông rèm xuống.

"Lấy tượng sư tử chặn" là gì? Sư tử là một món đồ mỹ nghệ, dùng để chặn mép dưới của rèm, khiến nó trong luồng không khí không bị rối tung quá mức. Nàng sắp đặt đời sống của mình vô cùng tinh tế. Rồi tất nhiên còn phải hưởng thụ khoái cảm của khứu giác, còn phải đốt hương. Sau khi đặt hương trong lò hương, còn phải đậy lên trên lò một chiếc nắp lò có hoa văn thủng. Quý vị xem Lâm Đại Ngọc, đời sống tiểu thư quý tộc quả thật rất biết hưởng thụ.

Nhưng đây không phải hưởng thụ vật chất. Nàng biến nó thành một thái độ sống được thi hóa. Sống như vậy, đó chính là Lâm Đại Ngọc. Lâm Đại Ngọc là sự tồn tại đầy chất thơ. Một khi Lâm Đại Ngọc cạn lệ và phải rời thế giới này, nàng nhất định cũng sẽ biến mất một cách đầy chất thơ.

*Theo lẽ thường, trong một tác phẩm văn học, những gì liên quan đến số phận đời người và rối ren tình cảm của nhân vật chính chẳng qua đều là một dạng sáng tác nghệ thuật. Độc giả cũng sẽ từ đó sinh ra những cảm nhận đọc khác nhau. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, tuy Cao Ngạc đã sắp đặt cho Lâm Đại Ngọc một kết cục bi kịch "đốt bản thảo đoạn tình si", và về ý tưởng cơ bản có chỗ phù hợp với cấu tứ của Tào Tuyết Cần, nhưng trong cách xử lý thời điểm chết, nguyên nhân chết, và phương thức chết của Lâm Đại Ngọc, đều không phù hợp với ý đồ vốn có của Tào Tuyết Cần. Do đó khiến độc giả hiểu lệch nghiêm trọng ý đồ sáng tác và khoái cảm thẩm mỹ của Hồng Lâu Mộng. Vậy nếu đã như thế, ông Lưu Tâm Vũ sẽ phá giải kết cục chân thực của Lâm Đại Ngọc như thế nào? Căn cứ của ông lại là gì?*

Theo cá nhân tôi, cái chết của Đại Ngọc trước hết nên xảy ra sau khi Giả mẫu qua đời. Bởi trước đây tôi đã tốn rất nhiều công sức phân tích để mọi người có thể hiểu một quan điểm cá nhân của tôi: chỉ cần Giả mẫu còn sống một ngày, Giả mẫu sẽ che chở cho Lâm Đại Ngọc một ngày. Hơn nữa ngay từ đầu, Giả mẫu đã muốn Bảo Ngọc và Đại Ngọc thành đôi. Không thể nào, không thể nào. Giả mẫu lại quay ngoắt một trăm tám mươi độ, đồng ý dùng kế tráo người, thậm chí khi Lâm Đại Ngọc đau khổ cùng cực, bà lại lạnh mặt, dứt tình. Điều này không phù hợp với những miêu tả trước đó của Tào Tuyết Cần về quan hệ giữa Giả mẫu và Lâm Đại Ngọc.

Vì vậy, việc Lâm Đại Ngọc rời nhân thế trước hết phải xảy ra sau khi Giả mẫu qua đời. Trong tình hình ấy, tất nhiên Vương phu nhân và Tiết di mẫu muốn thúc đẩy mối nhân duyên kim ngọc thì trở ngại lớn nhất đã không còn. Cục diện trở nên rõ ràng. Trong bài giảng trước, tôi cũng đã nói rằng trong phủ Vinh Quốc không chỉ có một tập đoàn lợi ích. Một tập đoàn lợi ích khác, Triệu di nương, Giả Hoàn bọn họ, cũng đã ra tay độc ác. Rất có thể thông qua Giả Xương và Giả Lăng pha thuốc, khiến Lâm Đại Ngọc, với tư cách một sinh mệnh thế tục, bị trúng độc mạn tính.

Thêm nữa, bài trước tôi cũng đã nói với mọi người: Triệu di nương có tiếng nói nhất trước mặt ai? Bà ta nói với ai cũng có thể chẳng ai nghe, nhưng có một người, bất kể nghe hay không, bà ta nói bên tai người ấy tuyệt đối không thành vấn đề. Người này vừa khéo chính là Giả Chính, người chủ thật sự, hợp pháp, của phủ đệ phủ Vinh Quốc. Vì vậy sau khi Giả mẫu chết, Lâm Đại Ngọc mất chỗ dựa, mối nhân duyên kim ngọc lại đang được khẩn trương chuẩn bị. Bản thân nàng lại uống thuốc mà Triệu di nương thông qua Giả Xương, Giả Lăng phối chế, nên bị trúng độc mạn tính. Mà Triệu di nương lại tố cáo với Giả Chính cái gọi là hành vi không đứng đắn giữa nàng và Bảo Ngọc.

*Vì vậy tình cảnh của Lâm Đại Ngọc trở nên vô cùng tồi tệ. Điều mấu chốt hơn cả là Lâm Đại Ngọc đến nhân gian để trả lệ, mà nước mắt của nàng về cơ bản đã khóc cạn. Vì thế đã đến lúc nàng trở về trời. Đại Ngọc ở nhân gian, trong tình hình ấy, sẽ chủ động kết thúc sinh mệnh của mình. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, phương thức sống của Lâm Đại Ngọc là một sự tồn tại đầy chất thơ. Cộng thêm thân phận tiên giới Giáng Châu tiên thảo của nàng, nên phương thức chết của Lâm Đại Ngọc nhất định cũng là một phương thức chết đầy chất thơ.*

*Rốt cuộc đó sẽ là một phương thức chết như thế nào? Và vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại rút ra kết luận như vậy?*

Theo nghiên cứu và phán đoán của tôi, trong ngòi bút Tào Tuyết Cần, sau tám mươi hồi, hình thức cái chết cuối cùng của Lâm Đại Ngọc phải là một lần nghệ thuật hành vi còn đẹp hơn cả việc chôn hoa. Cách thức mà nàng chọn, theo cá nhân tôi, chính là trầm hồ. Có một bạn Hồng học nghe tôi nói đến đây thì sốt ruột.

Liền sốt ruột: "Tôi biết rồi, ý ông là Đại Ngọc tự sát, nhảy xuống hồ." Thứ nhất, tôi không nói Đại Ngọc tự sát. Đại Ngọc là tiên nữ trên trời. Bạn nói tự sát, khái quát như vậy, tôi không hoàn toàn phản đối, vì ý bạn diễn đạt đại thể là đúng. Nhưng tôi thà chọn một từ ngữ khác. Bởi Lâm Đại Ngọc rất có chất thơ khi sắp đặt quá trình tự mình từ biệt nhân gian. Nàng đến một cách đầy chất thơ, và ra đi cũng đầy chất thơ.

Vì vậy tôi cảm thấy, thay vì nói là tự sát, không bằng nói nàng tiên khứ. Tức là chữ "tiên" trong tiên nhân. Nàng đến từ tiên giới, rồi lại trở về tiên giới. Còn cách nói "nhảy xuống hồ", tôi kiên quyết không tán thành. Bởi nó cho thấy bạn hoàn toàn vô cảm trước sự khác biệt lớn lao về mặt hành vi, về mặt nghệ thuật, giữa "nhảy xuống hồ" và "trầm hồ". Nhảy xuống hồ là từ chỗ cao lao xuống theo một đường parabol, "tõm" một tiếng.

Tất nhiên có thể chết rất nhanh, nhưng hoàn toàn không có chất thơ. Trầm hồ là sau khi tự mình ăn mặc chỉnh tề, từ chỗ nước nông chậm rãi đi vào chỗ sâu. Rất khác nhau. Đừng cho rằng lời tôi nói là lời quái gở. Trong lịch sử cận đại Trung Quốc, đã có người chọn cách chết được nghệ thuật hóa như vậy để thức tỉnh dân chúng. Ví dụ một liệt sĩ trong Cách mạng Tân Hợi tên là Trần Thiên Hoa.

Quý vị từng nghe chưa? Trần Thiên Hoa chết như thế nào? Quý vị xem, có người cứ nhất định nói là nhảy xuống biển. Trần Thiên Hoa không nhảy xuống biển. Trần Thiên Hoa gọi là "đạo hải", dấn mình xuống biển. Đây là một khác biệt rất lớn, quý vị biết chứ?

Trần Thiên Hoa cảm thấy vô cùng u uất. Ông muốn kêu gọi dân chúng Trung Quốc kết thúc sự thống trị của nhà Thanh. Trước hết ông cắt bỏ bím tóc mà triều Thanh bắt đàn ông phải để. Vì vậy những bức ảnh Trần Thiên Hoa còn lưu lại hiện nay, thời ấy trên thế giới đã có thuật chụp ảnh, ông có ảnh. Một người đàn ông để tóc xõa ngang vai, đã cắt bỏ bím tóc, rồi ở Nhật Bản ông dấn mình xuống biển. Văn hiến liên quan có thể chứng minh điều này.

Ông đã để lại di ngôn. Ông từ chỗ nông bên bờ biển, từng bước đi vào. Khi nước biển dâng đến ngực, ông có một cảm giác, lúc tiến vào có một cảm giác. Cuối cùng nước ngập qua đầu, ông cảm thấy mình đã hoàn thành sứ mệnh đời người của mình, nói với mọi người phải thay đổi hiện thực một vương triều phong kiến trong đó người Mãn thống trị người Hán. Trần Thiên Hoa là một nhà cách mạng như vậy. Hành vi ấy của ông, quý vị đánh giá thế nào? là chuyện khác, nhưng ông không nhảy xuống biển.

Ông dấn mình xuống biển. Vậy bây giờ tôi lại nhấn mạnh: khi tôi nói về cách chết của Lâm Đại Ngọc, quý vị đừng khái quát thành nhảy xuống hồ. Nàng là trầm hồ.

*Lâm Đại Ngọc, nhân vật nữ quan trọng nhất trong Hồng Lâu Mộng, cuối cùng dùng cách trầm hồ để tự kết liễu sinh mệnh. Điều này tuy có phần ngoài dự liệu, nhưng lại hợp tình hợp lý. Song chúng ta không khỏi phải hỏi: căn cứ của ông Lưu Tâm Vũ về việc Lâm Đại Ngọc chết vì trầm hồ rốt cuộc là gì?*

Trong văn bản tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, có chứng cứ liên quan nào để chứng minh phán đoán ấy của ông không? Vậy căn cứ của tôi là gì? Vẫn phải khảo sát từ văn bản Tào Tuyết Cần trong tám mươi hồi đầu. Bởi thủ pháp nghệ thuật của Tào Tuyết Cần, tôi đã lặp lại nhiều lần, hình như rất nhiều bạn Hồng học cũng tán thành, là ông luôn có phục bút. Ông luôn đặt phục bút ở rất nhiều nơi, rồi rất lâu về sau mới hồi ứng, chiếu rọi lại. Hơn nữa trong bài trước tôi cũng nói, người xưa đã nói văn bút của ông "mịn như lông trâu".

Văn bản của ông chính là như vậy. Có người nói đọc Hồng Lâu Mộng như thế có mệt không? Nếu quý vị không muốn mệt thì đó là tự do của quý vị. Tôi đọc như vậy không những không thấy mệt, mà còn thấy rất vui. Tôi đạt được thú vị thẩm mỹ rất lớn. Không phải nói mọi tiểu thuyết đều phải viết như vậy.

Thiên hạ rất rộng, tính cách con người mỗi người một vẻ, tiểu thuyết cũng có rất nhiều loại. Đây là một trong số đó. Vậy vì sao tôi nói nàng trầm hồ? Một căn cứ là hồi thứ 76. Hồi 76 viết rằng vào Trung thu, Đại Ngọc và Tương Vân hai người trong đêm Trung thu rất cô quạnh, ở bên hồ cùng nối thơ. Nối tới nối lui, cuối cùng nối ra hai câu.

Hai câu ấy thật kinh tâm động phách. Câu của Tương Vân là "Hàn đường độ hạc", còn câu của Lâm Đại Ngọc là "Lãnh nguyệt táng hoa hồn". "Lãnh nguyệt táng hoa hồn", tức là trong một đêm Trung thu trong trẻo lạnh lẽo, trên mặt hồ in bóng vầng trăng rằm Trung thu. Hồ nước gợn sóng, và trong tình cảnh ấy, hồn hoa lặng lẽ từng bước chìm xuống. Nó được chôn vùi ở trong đó. Vì vậy câu thơ nối này chính là một ám chỉ về việc Lâm Đại Ngọc trầm hồ, chính là một phục bút. Về sau trong Đại Quan viên thành lập thi xã. Hồi thứ 37 xuất hiện Hải Đường xã.

Sau khi có Hải Đường xã, mọi người nói sau này làm thơ đừng dùng cách xưng hô anh anh em em nữa. Chúng ta phải nghĩ một biệt hiệu. Đã làm thi ông thì đều phải có một biệt hiệu. Cuối cùng, biệt hiệu của Lâm Đại Ngọc là Tiêu Tương phi tử. Tiêu Tương phi tử nghĩa là gì? Tiêu Tương phi tử chỉ hai phi tử của Thuấn trong thời truyền thuyết Nghiêu, Thuấn, Vũ. Tức là vua Thuấn. Hai phi tử của ông, một người tên Nga Hoàng, một người tên Nữ Anh. Thuấn là một thủ lĩnh bộ tộc rất tốt. Ông thường ra ngoài tuần du. Về sau ông bất hạnh chết ở Thương Ngô. Nga Hoàng, Nữ Anh đi tìm ông, hết sức đau buồn. Nước mắt của Nga Hoàng, Nữ Anh rơi lên trúc, khiến trên thân trúc xuất hiện vết đốm. Đó chính là thứ gọi là trúc ban, trúc Tiêu Tương. Biệt hiệu Tiêu Tương phi tử bắt nguồn từ đó. Vậy cuối cùng Nga Hoàng, Nữ Anh chết thế nào? Rơi lệ rồi vào nước, đây là điều sách cổ ghi chép. Nga Hoàng, Nữ Anh cuối cùng đi tìm Thuấn, không tìm thấy. Cuối cùng họ khóc cạn nước mắt, rồi chết trong nước, chết giữa sông hồ. Vì vậy bản thân biệt hiệu Tiêu Tương phi tử trên thực tế cũng ám chỉ rằng Lâm Đại Ngọc cuối cùng trầm hồ. Còn một phục bút nữa. Hồi thứ 44. Hồi 44, Vương Hy Phượng mừng sinh nhật.

Sinh nhật Hy Phượng thì diễn kịch. Trong các vở diễn có một vở là Kinh Thoa ký, trong đó có một màn gọi là Nam tế. Nhân vật chính của vở này tên Vương Thập Bằng. Màn kịch ấy thể hiện Vương Thập Bằng chạy ra bờ sông tế một người. Vậy viết nét này để làm gì? Bởi hồi này viết rất khéo.

Sinh nhật Hy Phượng là một ngày rất quan trọng, nhưng Giả Bảo Ngọc đột nhiên không báo cho người nhà, tự mình chạy ra ngoài. Mặc một bộ áo trắng, cưỡi ngựa, chỉ có một tiểu đồng Bội Minh đi theo. Chàng đi làm gì? Nói ngắn gọn, độc giả đều đã quên chuyện Kim Xuyến rồi. Bởi phong ba ấy đến lúc truyện đi tới đây đã qua từ lâu. Nhưng Tào Tuyết Cần hạ bút rất lợi hại.

Ông thông qua nét bút này nói với quý vị rằng Giả Bảo Ngọc trước sau không quên Kim Xuyến. Chàng biết chính vì hành vi không đúng của mình mà gây nên cái chết của Kim Xuyến. Vì vậy chàng đi tế Kim Xuyến. Bởi ngày này cũng là sinh nhật Kim Xuyến. Nhưng, sau khi Giả Bảo Ngọc đi, chàng vẫn quay về. Bởi dù sao chàng cũng phải xuất hiện trong dịp sinh nhật Hy Phượng, trong các trường hợp yến tiệc, xem hát như vậy.

Lúc này, Tào Tuyết Cần viết rất lợi hại. Người khác đều không để ý nữa, chỉ riêng Lâm Đại Ngọc nhìn thấy Vương Thập Bằng đang tế một người bên bờ sông, thì Lâm Đại Ngọc lên tiếng. Nàng nói: "Vương Thập Bằng này cũng thật không thông hiểu. Ông tế ở đâu chẳng được, hà nào phải chạy đến bờ sông làm gì? Tục ngữ nói: thấy vật nhớ người. Nước trong thiên hạ rốt cuộc đều về một nguồn.

Bất kể là nước ở đâu, múc một bát nhìn mà khóc, thế cũng được rồi." Nét bút này của Tào Tuyết Cần có thể nói là một hòn đá trúng ba con chim.

Thứ nhất, tất cả mọi người đều đoán không ra Giả Bảo Ngọc đi đâu. Có một người cùng Giả Bảo Ngọc tâm tâm tương ấn, hiểu hành vi của Giả Bảo Ngọc nhất. Lâm Đại Ngọc đã đoán ra. Nàng biết chàng đi tế Kim Xuyến. Đồng thời, điều đó cũng nhân đây nói rõ rằng bản thân Lâm Đại Ngọc nói những lời như vậy: một người chết nơi sông nước, một người khác đến tế người ấy. Đây gọi là sấm ngữ.

Từ "sấm ngữ" xuất hiện nhiều lần trong Hồng Lâu Mộng, tức là một sự ám chỉ trước về vận mệnh sau này. Điều này cũng cho thấy cuối cùng Lâm Đại Ngọc, cái chết của nàng có liên quan đến vùng nước. Đồng thời, tầng ý thứ ba lại nói với chúng ta: sau khi Lâm Đại Ngọc chết nơi vùng nước, Giả Bảo Ngọc sẽ tế nàng. Rất có thể lần ấy Giả Bảo Ngọc sẽ múc một bát nước. Nước trong thiên hạ rốt cuộc đều về một nguồn. Chàng sẽ tế nàng trước bát nước ấy.

Rất có thể phía sau sẽ có tình tiết như vậy. Vì vậy nói những điều này đều là phục bút. Chúng ta biết, một đặc điểm rõ rệt phân biệt Hồng Lâu Mộng với các tiểu thuyết khác chính là lối viết đặc biệt: rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm. Bất kể là hai câu nối thơ Trung thu của Đại Ngọc và Tương Vân, hay hàm ý đặc biệt trong biệt hiệu Tiêu Tương phi tử của Lâm Đại Ngọc, cũng như ám chỉ một hòn đá trúng ba chim trong việc Giả Bảo Ngọc tế Kim Xuyến, đều là biểu hiện của lối viết phục bút ấy. Nhưng ngoài bản thân văn bản Hồng Lâu Mộng, lời phê của Chi Nghiễn Trai là căn cứ quan trọng nhất để giải đọc Hồng Lâu Mộng. Rất nhiều manh mối sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng chính nhờ Chi phê mà có thể biết được đôi chút.

*Vậy ở điểm then chốt là cái chết của Đại Ngọc, ông Lưu Tâm Vũ có thể tìm được lời Chi phê trực tiếp ủng hộ quan điểm của mình không? Thực ra, còn có một phục bút quan trọng hơn. Nó ở hồi thứ 18.*

Lúc Nguyên phi tỉnh thân chọn tuồng. Bà chọn bốn vở. Bốn vở nào? Mọi người đều nhớ. Vở thứ nhất là Hào yến, trong Nhất Bổng Tuyết. Trong các bài giảng trước, tôi đã nói với mọi người Chi Nghiễn Trai chỉ ra rằng: "Trong Nhất Bổng Tuyết phục việc Giả gia suy bại." Vở thứ hai gọi là Khất xảo, đây là một màn trong Trường Sinh điện, nói là phục cái chết của Nguyên phi.

Vở thứ ba là Tiên duyên, Tiên duyên là một màn trong Hàm Đan mộng. Chi Nghiễn Trai chỉ ra là "phục Chân Bảo Ngọc đưa ngọc". Rốt cuộc Chân Bảo Ngọc đưa ngọc là chuyện thế nào, tôi sẽ kể lại tâm đắc tìm tòi của cá nhân tôi trong các bài giảng sau. Bây giờ điều then chốt chúng ta cần phân tích là vở thứ tư, Ly hồn. Đây

là một màn trong Mẫu Đơn đình. Ở chỗ này, Chi Nghiễn Trai đã có một lời phê rõ rành rành, nói rằng đây là "phục cái chết của Đại Ngọc".

Bây giờ quý vị xem trong màn Ly hồn của Mẫu Đơn đình có nói như thế nào. Nó nói: "Người nói Trung thu chẳng tự do." Quý vị xem, có liên quan đến tiết Trung thu. "Mệnh nô không trúng, trăng cô chiếu", liên quan đến trăng sáng. "Tàn thân đêm nay cùng Trung thu", liên quan đến đêm. "Hận chất chồng, bóng sóng trong bình, gió cắt đóa ngọc phù dung." Ngọc phù dung. Hoa phù dung có hai loại: một loại là thân gỗ, mọc trên đất khô.

Một loại là thủy sinh, tức hoa sen. Vậy ở đây nói "bóng sóng trong bình, gió cắt đóa ngọc phù dung", chính là nói hoa sen, đóa hoa trong nước. Nó đang ám chỉ rằng Lâm Đại Ngọc cuối cùng chết vì trầm hồ, chết ở nơi sông nước. Vậy Đại Ngọc, trong tình huống như thế, nàng đã "lãnh nguyệt táng hoa hồn". Những điều khác có thể không tin, nhưng lúc Nguyên phi tỉnh thân chọn bốn vở tuồng, vở thứ tư phục cái chết của Đại Ngọc, có lời phê rõ rành rành của Chi Nghiễn Trai, điều này khó mà không tin. Hơn nữa Chi Nghiễn Trai đã nói: "Những vở tuồng được chọn đều phục bốn việc, người sau không biết, bỏ qua mấu chốt lớn." Cái chết của Đại Ngọc dĩ nhiên là một mấu chốt lớn trong tiểu thuyết.

Vì vậy Đại Ngọc là trầm hồ. Hơn nữa, nàng nhất định sẽ giống như Đại Ngọc chôn hoa, dụng tâm sắp đặt trang phục của mình, đạo cụ của mình, lộ tuyến hành vi của mình. Nàng có bài thơ nào để từ biệt nhân thế hay không? Quý vị cũng có thể tưởng tượng. Đúng không? Nàng cứ từng bước đi vào như thế. Tất nhiên, vì Đại Ngọc là một thần tiên trên trời hạ phàm, cái gọi là cái chết của nàng ở nhân gian thực ra là nàng trở về thiên giới. Vì vậy tôi ước đoán đoạn miêu tả này của Tào Tuyết Cần sẽ vô cùng đẹp. Hơn nữa cuối cùng, nó sẽ rất khác cái chết của một người thế tục. Sau khi Đại Ngọc trầm hồ, ví dụ ngày hôm sau mọi người phát hiện, sẽ không có thi thể. Chỉ còn lại y phục và trâm vòng của nàng. Chỉ để lại thắt lưng hoặc khăn lụa của nàng. Nàng là tiên độn. Điều này trong sách nói rất rõ. Vốn dĩ nàng không phải một phàm nhân ở cõi người. Nàng là một Giáng Châu tiên tử. Về Lâm Đại Ngọc, chúng ta đã giảng nhiều như vậy.

Tiếp theo chúng ta buộc phải bàn đến Tiết Bảo Thoa. Vậy tôi có góc nhìn mới, lời nói mới nào không? Tôi nghĩ là tôi vẫn có. Bây giờ, trước hết tôi nêu ra một vấn đề để mọi người về suy nghĩ: Tiết Bảo Thoa, với tư cách một nhân vật mẫu mực của cô gái khuê các ôn lương cung kiệm nhượng, vì sao? Trong tiểu thuyết, khi viết đến việc đánh đàn ở Thanh Hư quán, vào khoảng trước sau Tết Đoan Ngọ, nàng lại trở nên bực bội như vậy, thậm chí sắc mặt rất khó coi, lời nói rất khó nghe? Chuyện này là thế nào? Từ bài giảng sau, tôi sẽ dùng sáu bài để cùng mọi người bàn về Tiết Bảo Thoa, và sẽ bắt đầu từ vấn đề này, cùng mọi người chia sẻ niềm vui trong hành trình giải mã Hồng Lâu. Kính mời đón xem.

# Tập 29

Bí ẩn tuyển tú của Tiết Bảo Thoa

*Tiết Bảo Thoa, một đóa mẫu đơn lạnh lùng mà rực rỡ. Nàng khéo léo mọi bề, biết làm vừa lòng người. Hồi thứ tư của Hồng Lâu Mộng viết rằng: Tiết Bàn vướng vào án mạng, nhưng vẫn đưa Bảo Thoa và mẹ lên kinh thành. Vì sao lúc ấy Tiết Bàn lại vào kinh? Ông đưa Bảo Thoa vào kinh rốt cuộc để làm gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ tiếp tục giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị, đọc ra bí ẩn tuyển tú của Tiết Bảo Thoa.*

Tiết Bảo Thoa là nhân vật nữ số hai trong Kim Lăng thập nhị thoa. Nàng xuất thân từ một trong tứ đại gia tộc Kim Lăng. Về cách đánh giá nàng, độc giả từ xưa đã có hai phe: bênh Tiết và chống Tiết. Vậy rốt cuộc nàng là người như thế nào? Trong hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng có viết rằng: Ngay khi nàng xuất hiện trong phủ họ Giả, vì phẩm cách đoan trang, ôn nhu đôn hậu, cử chỉ khoáng đạt, biết tùy phận xử sự, nên được tầng lớp trên trong phủ họ Giả yêu mến, và cũng rất được lòng bọn a hoàn. Chính một cô gái dung mạo xinh đẹp, phong thái hiền nhã như thế, vào hồi thứ hai mươi chín, trước sau đoạn Thanh Hư quán lập đàn, lại bộc lộ tâm trạng nóng nảy.

*Vậy rốt cuộc nguyên nhân gì khiến cô gái vốn được mọi người khen phục ấy liên tiếp thất thố, vượt ngoài dự liệu? Bắt đầu từ hôm nay, nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục loạt chương trình về Hồng Lâu Mộng của ông. Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, Tiết Bảo Thoa, tập một: Bí ẩn tuyển tú.*

Từ buổi giảng này trở đi, chúng ta cùng bàn về Tiết Bảo Thoa. Không biết mọi người có chú ý không, trước sau hồi thứ hai mươi chín của Hồng Lâu Mộng, biểu hiện của Tiết Bảo Thoa rất khác thường. Hồi hai mươi chín viết về chuyện gì?

Hồi hai mươi chín kể chuyện lập đàn ở Thanh Hư quán, chính là đoạn ấy. Trước sau chuyện lập đàn ở Thanh Hư quán, Tiết Bảo Thoa vô cùng khác thường. Bởi tính cách của nhân vật Tiết Bảo Thoa đã được định hình từ trước. Ngay ở hồi thứ năm, tác giả đã có một lời giới thiệu rất rõ về tính cách của nàng. Tính cách nàng là thế nào? Nàng rất ôn hòa, rất thanh nhã, là một cô gái khoáng đạt trong xử sự, biết an phận và tùy thời.

Vì tính cách nàng đặc biệt tốt, nên nói theo cách ngày nay, quan hệ xã hội của nàng rất tốt. Từ Giả mẫu đến Vương phu nhân, các bậc lớn tuổi trong phủ đều thích nàng. Người cùng thế hệ cũng đều thích nàng. Thậm chí các cô hầu nhỏ cũng thích tìm nàng để chơi. Hơn nữa, tác giả còn đem tính cách của nàng đối chiếu với tính cách Lâm Đại Ngọc, và chỉ ra rằng: Con người Lâm Đại Ngọc có nhược điểm trong tính cách: tự cho mình cao khiết, không coi ai ra gì. Một cô gái như Tiết Bảo Thoa, sau khi xuất hiện, về cơ bản vẫn giữ dáng vẻ ấy, quả thực đúng là người như thế.

Trong văn bản Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần từng ví Tiết Bảo Thoa là đóa mẫu đơn đứng đầu muôn hoa về sắc đẹp. Nàng cử chỉ hiền nhã, đoan trang, rộng rãi, mỗi hành động đều toát lên vẻ đoan trang, hiền thục, hoàn toàn phù hợp phong thái thục nữ phong kiến. Nhưng chính một thục nữ như thế, vào hồi thứ hai mươi chín của Hồng Lâu Mộng, trước sau câu chuyện Thanh Hư quán lập đàn, lại tỏ ra rất bứt rứt, hễ động một chút là nổi nóng, lời lẽ làm tổn thương người khác, nói năng gay gắt. Vậy rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì khiến cảm xúc của Tiết Bảo Thoa biến đổi lớn đến như vậy? Khi Tiết Bảo Thoa mới đến kinh thành, Tiết Bàn đang vướng vào án mạng. Lúc này ông đưa em gái và mẹ vào kinh, rốt cuộc là để trốn kiện hay có dụng ý khác?

Vì sao nàng lại như vậy? Chuyện này phải lần từ gốc rễ. Xin hỏi, Tiết Bảo Thoa từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, nàng có mục đích gì? Tôi thấy bên dưới có người đang cười, ý nói: Ồ, chẳng phải là anh nàng gây chuyện sao? Anh nàng là Tiết Bàn, đó là một kẻ rất tệ. Tiết Bàn ở đất Nam Kinh, để tranh một cô gái bị bắt cóc đem bán, về sau chúng ta biết cô ấy được đổi tên là Hương Lăng, kết quả trong lúc tranh cô gái ấy, ông ta đã sai người đánh chết đối phương, người tên là Phùng Uyên.

Tức là đã gây ra án mạng. Vì vậy có người cho rằng chính vì anh nàng gây án mạng, ở địa phương không còn sống yên được nữa, nên anh nàng dẫn nàng và mẹ nàng coi như sợ tội bỏ trốn. Có phải như vậy không? Không phải. Đọc Hồng Lâu Mộng phải đọc thật kỹ, không thể chỉ mở sách lật qua rồi để lại một ấn tượng mơ hồ. Như thế không có lợi cho việc hiểu dụng tâm của Tào Tuyết Cần.

Thật ra hồi thứ tư đã bàn giao rất rõ. Đúng là Tiết Bàn vì tranh cô bé ấy, đã sai người dưới tay đánh chết một người tên Phùng Uyên. Đúng là cũng gây ra án kiện. Viên quan xét vụ án khi ấy là Giả Vũ Thôn. Quả có chuyện như vậy. Nhưng Tiết Bàn có để tâm không?

Ông ta coi án mạng ấy như trò trẻ con. Ông ta cho rằng chỉ cần bỏ vài đồng tiền bẩn, thì chẳng có chuyện gì không xong. Việc ông đưa mẹ và em gái lên kinh thành là một kế hoạch đã định sẵn. Cho nên ông để lại mấy gia nhân ứng phó vụ kiện, còn mình thì nghênh ngang đưa mẹ và em gái lên kinh. Trong sách bàn giao như vậy. Vậy Tiết Bàn đưa mẹ và em gái lên kinh thành, ông ta có mục đích gì?

Trong sách cũng có bàn giao. Có ba mục đích. Mục đích thứ nhất là gì? Có người nói mục đích thứ nhất là vì ông ta là hoàng thương. Hoàng thương tức là lĩnh bạc từ trong cung, rồi đi mua sắm hàng cho cung đình. Sau khi mua xong, giao hàng vào cung, thì thanh toán sổ sách.

Thanh toán xong rồi lại lĩnh khoản bạc mới để tiếp tục mua sắm. Cha ông ta làm việc ấy. Sau khi cha mất, ông ta nối nghiệp cha, cũng làm việc ấy. Nhà họ Tiết đời đời làm nghề này. Vậy đây lẽ ra phải là mục đích thứ nhất khi ông ta từ Nam Kinh lên kinh thành. Trong sách viết như vậy sao?

Không phải. Trong sách có viết ông ta có mục đích ấy, nhưng mục đích ấy được đặt ở hàng thứ ba. Mục đích hàng đầu là gì? Đưa em gái vào kinh chờ tuyển. Nghĩa là gì? Tuy trong hồi thứ nhất của Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần có nói toàn bộ câu chuyện có niên đại, địa vực, nước nhà đều không khảo được, đó là một thủ pháp nghệ thuật.

Nhưng khi đọc, quý vị sẽ cảm thấy thực ra nó rất tả thực. Nó viết về bối cảnh đại thể là ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long của nhà Thanh. Địa điểm câu chuyện dĩ nhiên xuất hiện khá nhiều. Ban đầu là ở phương Nam, trên đất Tô Châu, Nam Kinh. Về sau, câu chuyện chủ yếu diễn ra ở kinh thành. Kinh thành ở đây chính là thủ đô của nhà Thanh khi ấy, tức Bắc Kinh.

Vì thời gian và không gian của nó thật ra rất rõ. Vậy trong triều Thanh có một chế độ, đó là tuyển tú nữ. Tuyển tú nữ nghĩa là gì? Trước hết, hoàng đế cần có hậu cung. Thời xưa thường nói hậu cung ba nghìn. Hoàng đế muốn hưởng thụ phương diện ấy thì phải tuyển chọn phụ nữ từ dân gian.

Nhưng nhà Thanh không giống nhà Minh lắm. Bởi nhà Thanh là dân tộc Mãn, dân số tương đối ít. Nhưng họ đã trở thành lực lượng chính trị thống trị toàn Trung Quốc. Chế độ tuyển tú nữ ở triều Thanh có những biến đổi. Từ Thuận Trị, Thuận Trị là vị hoàng đế đầu tiên sau khi nhà Thanh đánh vào Bắc Kinh. Trước đó đương nhiên cũng có hoàng đế.

Sau khi định đô ở Bắc Kinh, từ Thuận Trị đến cuối Thanh có rất nhiều hoàng đế. Họ đều phải tuyển tú nữ. Quy tắc tuyển tú nữ có một số thay đổi, nhưng có những nội dung hằng định không đổi. Ví dụ có một nội dung tương đối ổn định, đó là đối tượng tuyển chọn phải nằm trong phạm vi Bát kỳ. Vì sao họ làm như vậy? Bởi họ xét rằng người Mãn là dân tộc thiểu số, đặc biệt là hoàng tộc.

Hoàng đế tìm các cô gái ông ưa thích, quan hệ với họ, rồi sinh ra hậu duệ. Vậy về huyết thống không thể quá lẫn lộn. Tuy về sau các hoàng đế nhà Thanh cũng có người rất thích phụ nữ Hán, có người còn thích phụ nữ. Hồi, và cũng cưới một số phụ nữ như thế vào cung. Nhưng địa vị được phong đều khá thấp, số người cũng bị kiểm soát nghiêm ngặt. Cho nên để giữ huyết thống Mãn Châu thuần chính, khi tuyển tú nữ, phạm vi đặt ra được quy định là tuyển trong Bát kỳ. Trước hết là Mãn Châu Bát kỳ, sau đó là Mông Cổ Bát kỳ.

Còn ở thời kỳ đầu, trong quá trình họ hoạt động quân sự ngoài quan ngoại và tranh đoạt quyền lực chính trị, có không ít người Hán quy thuận họ, đầu hàng họ. Thế là tổ chức thành Hán quân kỳ. Còn một bộ phận người Hán không được tổ chức vào Hán quân kỳ, mà trực tiếp trở thành bao y của những người trong Mãn Châu Bát kỳ. Có người đời đời làm bao y. Bao y tức là nô bộc, nhưng loại nô bộc này có thể vì được chủ nhân ưa thích, lại do thời kỳ đầu họ cùng chiến đấu, cùng nhau giành quyền thống trị toàn Trung Quốc, nên được phong làm quan lớn, trở thành người có tước vị, sống một đời phú quý phồn hoa. Gia đình của chính Tào Tuyết Cần là một thế gia bao y.

Phản ánh vào tiểu thuyết, tứ đại gia tộc đều nên được hiểu là mang tính chất bao y. Vậy trong Hồng Lâu Mộng, điều này có bàn giao rất rõ. Tác giả không dùng từ "tuyển tú nữ", nhưng điều ông nói chính là tuyển tú nữ. Hồi thứ tư viết rằng: "Nhân kim thượng sùng thi thượng lễ, trưng chọn người có tài, ban ân điển hiếm có, ngoài việc tuyển phi tần ra, phàm con gái nhà quan lại danh gia đều phải ghi tên trình lên bộ để chờ tuyển chọn." Tào Tuyết Cần khi viết rất cẩn thận. Vì thế đối với Hồng Lâu Mộng, nhất định phải đọc kỹ văn bản. Một trong các phương pháp nghiên cứu của tôi chính là đọc sát văn bản, phải đọc rất tỉ mỉ.

Ông nói những việc tuyển chọn ấy bao gồm những gì? Bao gồm làm người hầu học cho công chúa, quận chúa, và sung vào các chức tài nhân, tán thiện. Chức danh "tán thiện" này trong cổ đại chuyên dùng trong phủ thái tử. Chỉ một số quan viên trong phủ thái tử mới gọi là tán thiện. Ngoài nơi ấy, không chỗ nào có tán thiện. Vậy ông dùng từ "tán thiện", lẽ nào là dùng bừa sao?

Ông đang truyền đi một thông tin. Tức là phía sau văn bản tiểu thuyết của ông ẩn giấu một vài câu chuyện về vị thái tử hai lần được lập, hai lần bị phế. Mọi người đều biết, triều Khang Hy có một vị thái tử. Khang Hy phong con trai mình là Dận Nhưng làm thái tử, rồi hai lần lập, hai lần phế. Trong các buổi giảng trước, tôi từng nói với mọi người quan điểm cá nhân của tôi: Vị thái tử Dận Nhưng của triều Khang Hy ấy khi đi vào tiểu thuyết đã hóa thành một ký hiệu, gọi là Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế. Việc vị thái tử ấy bị phế hai lần trong tiểu thuyết trở thành một câu ám ngữ, gọi là "hỏng việc".

Đọc Hồng Lâu Mộng cần có một nền tảng như vậy: đặc điểm văn bản của Hồng Lâu Mộng là "chân sự ẩn, giả ngữ tồn". Đem chuyện thật ẩn giấu đi. Ẩn giấu đi là hết sao? Không phải. Trong lời nói giả, ông vẫn giữ lại tình hình chân thực. Đó là bí mật của Hồng Lâu Mộng.

Về việc Tiết Bảo Thoa vào kinh có phải để tham gia tuyển tú hay không, Tào Tuyết Cần trong hồi thứ tư Hồng Lâu Mộng quả thực có miêu tả rõ ràng. Tiết Bàn đưa em gái và mẹ vào kinh, một là đưa em gái chờ tuyển, hai là thăm họ hàng, ba là đích thân vào bộ thanh toán sổ cũ, và xin khoản mới. Nhưng trước chuyện tuyển tú của Tiết Bảo Thoa, chúng ta không thể không nêu một vấn đề.

*Theo chế độ tuyển tú của Mãn Châu khi ấy, để bảo đảm sự thuần chính của huyết thống Mãn tộc, yêu cầu đối với các cô gái chờ tuyển rất nghiêm ngặt. Nhưng Tiết Bảo Thoa, xuất thân từ gia tộc hoàng thương, vừa không có huyết thống Mãn, vừa không có huyết thống Mông Cổ. Nàng có tư cách tham gia tuyển tú không? Ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận vấn đề này thế nào?*

Như Tiết Bảo Thoa, nàng có tư cách được đưa đi tuyển tú nữ không? Nàng có. Bởi tôi vừa nói rồi, nàng thuộc thành viên tứ đại gia tộc. Tứ đại gia tộc này, qua những tiết lộ trong tiểu thuyết có thể biết, đều thuộc về những thế gia bao y đời đời trong Mãn Châu Bát kỳ. Khi cha họ làm đến một chức vị nhất định, con gái của họ đến tuổi mười bốn đến mười sáu thì phải ghi tên trình lên bộ.

Quý vị thử nghĩ xem, sau khi câu chuyện trong sách bắt đầu, tuổi của Tiết Bảo Thoa cũng phù hợp. Đúng không? Bởi ở hồi thứ hai mươi lăm, Giả Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng bị yểm. Sau khi bị yểm, qua hòa thượng và đạo sĩ cầm Thông Linh bảo ngọc tụng niệm, họ nói: "Từ biệt Thanh Ngạnh phong đã mười ba năm rồi." Từ đó có thể biết năm ấy Giả Bảo Ngọc mười ba tuổi. Vì khi Giả Bảo Ngọc sinh ra, trong miệng đã đồng thời ngậm Thông Linh bảo ngọc. Vậy Giả Bảo Ngọc gọi Tiết Bảo Thoa là gì?

Gọi là chị Bảo. Có thể thấy Tiết Bảo Thoa đã mười bốn tuổi. Mười bốn tuổi là đã đến tuổi tuyển tú nữ. Bảo Ngọc gọi Lâm Đại Ngọc là gì? Gọi là em Lâm. Có thể thấy Lâm Đại Ngọc nhỏ tuổi hơn nàng.

Dĩ nhiên lúc này, có thể có thính giả sẽ thấy hứng thú mà hỏi: Vậy Lâm Đại Ngọc vì sao không đi tham gia tuyển tú? Lâm Đại Ngọc có tư cách tham gia tuyển tú không? Theo lý mà nói, mẹ nàng là thành viên tứ đại gia tộc. Mẹ nàng là Giả Mẫn, đúng không? Rõ ràng khi ấy Giả Mẫn tham gia tuyển tú nhưng không được chọn, hoặc không cho bà đi tham gia tuyển tú. Hoàng gia đôi khi có thể thông qua Hộ bộ thông báo: người nào, người nào phải đi, người nào có thể không đi.

Tình hình của Giả Mẫn không rõ. Nói chung là bà không trúng tuyển làm tú nữ, vì vậy mới xuất giá. Bà gả cho ai? Gả cho Lâm Như Hải. Còn Lâm Như Hải này, từ miêu tả trong tiểu thuyết mà xem, tôi thiên về nhận định ông là một quan văn người Hán. Vừa rồi đã nói, nhà Thanh để giữ huyết thống Mãn Châu chính thống, nên khi tuyển tú, dù quan viên Hán tộc có làm quan lớn đến đâu, con gái của họ cũng không nằm trong hàng được tuyển.

Vì vậy có thể nói Lâm Đại Ngọc không có vấn đề tuyển tú. Tiết Bảo Thoa thì có. Tuổi nàng cũng đủ. Tiết Bảo Thoa vào kinh chính là để chờ tuyển, đợi Hộ bộ thông báo vào cung tham gia tuyển tú nữ. Bên dưới lại có người cười, nói rằng: Ông nói nãy giờ, đây là nói về Hồng Lâu Mộng sao? Tôi đọc Hồng Lâu Mộng rồi mà.

Chưa nói phần sau, chỉ nói tám mươi hồi đầu, làm gì có tình tiết tuyển tú nữ? Không có mà. Không viết rõ ra. Bây giờ tôi hỏi quý vị: Có viết ngầm không? Đọc Hồng Lâu Mộng phải biết đọc phần viết ngầm. Chỉ biết đọc những gì viết rõ, thì quý vị không thể đọc hiểu Hồng Lâu Mộng.

Một ngòi bút của Tào Tuyết Cần thật là thần hóa diệu bút. Ông có phần viết rõ. Ví dụ Giả Nguyên Xuân được tuyển vào cung, cuối cùng nàng được chọn, và cuối cùng được phong làm phi tử, đó là viết rõ. Ông bàn giao minh bạch cho độc giả, đúng không? Còn chuyện Tiết Bảo Thoa tham gia tuyển tú, ông cũng có viết, nhưng là viết ngầm. Vì sao lại là viết ngầm?

Bởi như tôi vừa nói, trước sau hồi hai mươi chín, chính là trước sau tiết Đoan Ngọ, Tiết Bảo Thoa trở nên rất khác thường. Nàng bứt rứt, u uất, ngày càng thấy chán chường. Hơn nữa, chỉ một chuyện nhỏ, đã nổi giận đùng đùng, lời lẽ làm tổn thương người khác. Có tình tiết như vậy không? Hãy nhớ lại xem. Trong sách lại bàn giao rằng, đúng vào ngày mồng ba tháng năm, Tiết Bàn mừng sinh nhật.

Ngày ấy là sinh nhật của ông ta. Có bàn giao như vậy đúng không? Vậy thì, Tiết Bàn mừng sinh nhật, dĩ nhiên trong nhà phải bày tiệc lớn, mời gánh hát đến diễn. Đó là hiện tượng thường thấy trong các hoạt động cưới xin, tang tế thời trước. Nhưng vốn đều là chuyện rất bình thường, phải không? Anh của Tiết Bảo Thoa bên kia bày tiệc lớn, có hát tuồng.

Còn nàng, lại không ở bên ấy, mà chạy sang phủ Vinh Quốc, đến chỗ ở của Giả mẫu. Những người có mặt dĩ nhiên có Giả Bảo Ngọc, có Lâm Đại Ngọc, và còn những người khác. Điều này vốn cũng rất bình thường. Đây cũng là nơi nàng thường đến, phải không? Nhưng có thể ngày ấy rất khác thường. Giả Bảo Ngọc vì vừa mới giận dỗi Lâm Đại Ngọc, vừa mới làm lành, nên có chút lúng túng.

Vì thế gặp nàng, chàng bèn tìm chuyện để nói. Giả Bảo Ngọc hỏi nàng điều gì? Giả Bảo Ngọc nói: Hôm nay sinh nhật anh chị, đúng không? Bên ấy đang hát tuồng, sao chị không xem hát? Nàng nói: Nóng quá. Bởi câu chuyện phát triển đến đó đã viết tới chuyện trước sau tiết Đoan Ngọ.

Mọi người thử nghĩ xem, đầu tháng năm âm lịch, tính sang dương lịch đã là tháng sáu rồi. Thời tiết rất nóng. Nàng nói: Tôi thấy nóng, chán quá, xem hai vở rồi sang đây. Giả Bảo Ngọc nghe nàng nói nóng, bèn buột miệng nói một câu. Chàng nói rằng: Chả trách mọi người đều nói chị giống Dương Phi. Thân đầy đặn nên sợ nóng, quả đúng là thế.

Dương Phi tức là Dương Ngọc Hoàn, Dương Quý Phi, phi tử được Đường Huyền Tông, Đường Minh Hoàng nhà Đường sủng ái. Giả Bảo Ngọc chỉ nói một câu như vậy. Theo lý mà nói cũng chẳng có gì, phải không? Dù câu ấy hơi chướng tai, quý vị nghĩ xem, tính cách nàng đã được định vị rồi mà. Nàng là người xử sự khoáng đạt mà. Là người an phận tùy thời mà.

Huống chi nàng xưa nay đối với Giả Bảo Ngọc đều rất tốt, quan hệ hai người cũng vô cùng hòa hợp, đúng không? Không ngờ.

Tiết Bảo Thoa này lại nổi giận dữ dội. Hơn nữa, nàng không kìm được cơn giận, liền buông lời làm tổn thương người khác, nói những câu rất kỳ lạ. Rất nhiều bạn yêu Hồng Lâu Mộng thật sự đọc không hiểu, nói rằng: Sao Tiết Bảo Thoa lại nói ra lời như vậy? Tiết Bảo Thoa nói gì, quý vị còn nhớ không? Tiết Bảo Thoa nói: Tôi thì giống Dương Quý Phi đấy, chỉ tiếc tôi không có một ông anh, ông em tốt có thể làm được Dương Quốc Trung. Câu này quá kỳ lạ.

*Cho dù Giả Bảo Ngọc nói chị hơi đẫy đà, nói chị thân đầy nên sợ nóng, đem Dương Quý Phi ra ví với chị, sao chị lại tức đến mức ấy? Tiết Bảo Thoa nghiêm giọng phản bác Giả Bảo Ngọc, liên tiếp thất thố. Điều này hoàn toàn trái ngược với tính cách ôn nhu đôn hậu thường thấy của nàng. Trong ý thức mọi người, Tiết Bảo Thoa là một tiểu thư khuê các cẩn trọng, yên ổn, ung dung, nhã nhặn, nhìn vào như gió xuân, giấu cái khôn và giữ vẻ*

*vụng về. Vậy rốt cuộc nguyên nhân gì khiến Tiết Bảo Thoa trở nên nóng nảy như vậy? Ông Lưu Tâm Vũ lại nhìn nhận thái độ ấy của Tiết Bảo Thoa như thế nào?*

Tôi vừa nói rồi, nàng đã tham gia tuyển tú, và nàng đã bị loại. Tào Tuyết Cần viết ngầm chuyện đó. Vì sao phải viết ngầm? Bởi việc tuyển tú nữ khi ấy, bề ngoài có một số tiêu chuẩn. Theo tiêu chuẩn bề ngoài, Tiết Bảo Thoa tuyệt đối đạt chuẩn, hơn nữa còn vượt chuẩn. Trước hết, dung mạo của Tiết Bảo Thoa, quý vị thử nghĩ xem, đúng không?

Còn nhớ trong sách miêu tả thế nào? không? Mặt như mâm bạc, mắt như làn nước. Môi thì sao? Không tô mà đỏ. Mày thì sao? Không vẽ mà xanh.

Một đại mỹ nhân, phải không? Hơn nữa tính cách Tiết Bảo Thoa cũng rất tốt. Đúng không? Ở phủ họ Giả nàng đã biểu hiện rất tốt, vào cung lẽ nào lại không tốt? Khi khen có dáng khen, đúng không? Khi cười có dáng cười, phải không?

Tuyệt đối thể hiện được ưu thế tính cách của nàng: văn nhã, trinh tĩnh, dịu dàng, hòa thuận. Chưa kể nàng còn có tài năng về một phương diện là làm thơ. Nàng là tài nữ, đa tài đa nghệ. Nàng bị loại. Vì sao bị loại? Tuyển tú nữ cũng rất thối nát.

Những thái giám nắm giữ vận mệnh của các cô gái được tuyển, những quan viên Hộ bộ ấy, đều muốn nhận hối lộ. Hơn nữa chỉ đưa bạc thôi cũng chưa chắc được. Họ phải thông qua hoạt động này để vun trồng lợi ích của chính mình, và vắt lấy lợi ích lớn nhất cho mình. Vì vậy họ thường thao tác trong bóng tối. Quý vị phải có người trong triều. Chỉ dựa vào việc xinh đẹp, có tu dưỡng, tính cách tốt, chưa chắc đã được chọn.

Kết quả là Tiết Bảo Thoa chắc hẳn vốn một lòng cho rằng mình nhất định trúng tuyển. Nàng sùng bái Giả Nguyên Xuân nhất mà. Còn nhớ không? Khi Nguyên phi về thăm nhà, nàng đã châm biếm Giả Bảo Ngọc một phen. Giả Bảo Ngọc lại cảm ơn nàng, gọi nàng là chị. Nàng nói thế nào?

Ai là chị của cậu? Người ở trên kia mặc áo vàng mới là chị của cậu. Cho nên đối với Tiết Bảo Thoa, hôm nay của Giả Nguyên Xuân lẽ ra phải là ngày mai của nàng.

Nhưng nàng lại bị loại. Cuối cùng công bố không có tên nàng. Quý vị nghĩ xem, trong lòng nàng có chịu nổi không? Một cô gái rất biết tự kiềm chế như thế cũng không khống chế nổi nữa. Vốn nói người này giấu cái khôn, giữ vẻ vụng về. Bây giờ cái khôn nàng cũng không giấu nổi, vẻ vụng cũng không giữ nổi. Nàng để lộ ra sự bứt rứt trong lòng mình, đúng không? Nếu nàng có một ông anh, ông em tốt làm được Dương Quốc Trung, thì đâu đến nỗi không được chọn. Đúng không? Dương Quốc Trung là ai? Chính là anh em họ của Dương Ngọc Hoàn. Đường Huyền Tông thích Dương Ngọc Hoàn đến mức nào? Yêu ai yêu cả đường đi lối về.

Các chị em của Dương Ngọc Hoàn, ông cũng cùng sủng ái. Rồi anh họ của Dương Ngọc Hoàn là Dương Quốc Trung đột nhiên được làm quan lớn, cuối cùng thành một tể tướng quyền thế nhất trong triều bấy giờ. Vì thế lúc ấy nhà họ Dương quyền thế nóng bỏng tay. Cho nên Tiết Bảo Thoa nghĩ tới chuyện ấy, trong lòng liền ấm ức. Anh nàng thật sự quá kém cỏi. Anh nàng cũng giao du với rất nhiều người, nhưng chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, theo đuổi cái gọi là da thịt thối tha. Đúng không? Những quan viên mà ông ta kết giao cũng chẳng qua là hạng như Phùng Tử Anh. Tôi đã nói với quý vị trong các buổi giảng trước: về chính trị, họ thuộc về nhân vật bên lề chính trị, không phải nhân vật quyền thế trong dòng chính trị chủ lưu, đúng không? Họ là những nhân vật nguy hiểm có ý đồ lật đổ chính trị chủ lưu. Tiết Bảo Thoa có chút qua lại với những người ấy. Nhưng có qua lại với các vương phủ tông thất không? Không có. Trong sách không thấy. Đúng không? Ví dụ trong sách có vị đại thái giám trong cung là Đới Quyền, người này từng xuất hiện chứ? Còn có thái giám Hạ Thủ Trung chẳng hạn. Tiết Bảo Thoa đều không nói chen vào được.

Vì vậy Tiết Bảo Thoa chỉ dựa vào cái gọi là thực lực của mình để tham gia tuyển tú. Trong triều nàng không có người. Đúng không? Kết quả nàng bị loại. Cục tức ấy thật sự nàng nuốt không trôi. Cho nên bây giờ quý vị đọc hiểu đoạn tình tiết ấy rồi chứ?

Vì sao nàng đột nhiên nói ra những lời kỳ quặc như thế? Những lời kỳ quặc ấy không hề kỳ quặc. Tào Tuyết Cần đã viết ngầm việc nàng thất bại trong tuyển tú. Hơn nữa cơn giận của nàng còn rất lớn. Trút vào Giả Bảo Ngọc vẫn chưa đủ. Nàng trút vào ai?

Trút vào cô hầu nhỏ. Đoạn này cũng viết rất thú vị. Hồi thứ năm rõ ràng đã bàn giao rằng tính nàng đặc biệt tốt, ngay cả bọn a hoàn nhỏ cũng thích chơi với nàng. Kết quả hôm ấy Điện Nhi đến tìm nàng chơi. Vốn thì Điện Nhi rất vô tội. Khi ấy trời rất nóng, cái quạt của cô bỗng không tìm thấy.

Thế là Điện Nhi chạy tới, nói rằng: Chắc là cô nương giấu quạt của em rồi phải không? Xin thưởng lại cho em đi. Quý vị nói xem, chuyện ấy có là gì đâu? Cho dù nói Điện Nhi hơi đáng ghét, quý vị là một chủ tử trong phủ, một a hoàn tới nói như vậy, thì có thể tức giận đến mức nào? Tào Tuyết Cần viết rất hay. Lúc ấy Tiết Bảo Thoa quá bứt rứt.

"Ngươi phải coi chừng đấy!" Đọc đến câu này, tim tôi đập loạn lên, đúng không? Người ta đều nói Lâm Đại Ngọc tính khí không tốt, nói con người Lâm Đại Ngọc chua ngoa cay nghiệt, đúng không? Lời lẽ làm tổn thương người khác. Nhưng Lâm Đại Ngọc trong tám mươi hồi đầu đã từng có biểu hiện như thế chưa? Đã từng có lối nói như vậy chưa? Đã từng có thứ từ ngữ như vậy chưa?

Ôi chao, Điện Nhi chỉ hỏi nàng xin một cái quạt. "Ngươi phải coi chừng đấy!" Ở thời đại ấy, trong không gian ấy, một tiểu thư quý tộc xinh đẹp đột nhiên nói năng như vậy, chuyện này thật không đơn giản. Đúng không? Đây là giận dữ lắm. Đúng không? Hơn nữa tình tiết này ở hồi ấy, tức là hồi thứ ba mươi, còn được đưa vào hồi mục, gọi là: "Bảo Thoa mượn quạt, lời ngầm đánh đôi." Bảo Thoa nói: Ngươi phải coi chừng.

Đúng không? Ta chơi với ngươi, ngươi lại nghi ta. Ngươi nên đi tìm những cô nương ngày thường cười cợt đùa giỡn với ngươi mà hỏi đi. Câu phía sau này là nói cho Giả Bảo Ngọc nghe. Cơn giận của nàng lớn đến thế. Quý vị nói xem, một người nếu không phải đã thất bại trong một chuyện lớn, thất vọng đến cùng cực, thì đâu đến nỗi như vậy?

Huống chi trước đó tu dưỡng của nàng tốt đến thế. Đúng không? Vì vậy những chỗ này quý vị phải hiểu. Tiết Bảo Thoa cảm thấy quá uất ức, đúng không? Mục đích đầu tiên khi anh nàng đưa nàng đến Bắc Kinh chính là để nàng tham gia tuyển tú, hy vọng nàng được tuyển. Mục đích thứ hai mới là đến kinh thành thăm họ hàng bạn bè.

Mục đích thứ ba mới là vào trong bộ để thanh toán, rồi lại lĩnh một khoản mới, một khoản tiền mới. Một mục tiêu lớn như thế đã bị lỡ mất. Hơn nữa, chủ thể của chuyện này vốn không phải Tiết Bàn, mà là chính Tiết Bảo Thoa. Quý vị nghĩ xem nàng thất vọng biết bao. Điểm này nhất định phải đọc hiểu. Còn Tiết Bảo Thoa là người rất có chí hướng.

Nàng xưa nay lấy Giả Nguyên Xuân làm tấm gương của mình. Ở hồi thứ tám, chúng ta thấy có một đoạn miêu tả, có một số bàn giao. Viết thế nào? Khi ấy qua miệng Oanh Nhi đã nói ra chuyện này. Tiết Bảo Thoa đeo một khóa vàng. Khóa ấy do một hòa thượng trao cho nàng.

Hòa thượng này để lại một lời tiên đoán, nói rằng nàng đeo khóa vàng, vì thế về sau nàng sẽ gả cho một người đàn ông mang ngọc. Đoạn miêu tả ấy, quý vị xem, lúc đó Tiết Bảo Thoa còn trách Oanh Nhi lắm lời, đúng không? Đó chính là mặt tính cách của nàng: nhẫn nhịn, hàm súc, không phô trương, được thể hiện khá đầy đủ. Hơn nữa đoạn ấy phải hiểu cho đúng. Đoạn ấy có nghĩa gì? Nghĩa là Tiết Bảo Thoa không cho rằng cái gọi là kim ngọc lương duyên mà nàng sẽ thành tựu nhất định là gả cho Giả Bảo Ngọc.

Bởi mọi người thử nghĩ xem.

Hoàng đế có ngọc không? Hoàng đế có ngọc tỷ chứ. Đúng không? Hơn nữa còn có rất nhiều. Đúng không? Cho nên trong lòng Tiết Bảo Thoa, nàng có chí hướng rất cao. Quý vị xem câu: "Người ở trên kia mặc áo vàng mới là chị của cậu.".

*Nàng muốn mặc áo vàng. Điều này không phải chúng ta vu oan cho nàng. Ở thời đại ấy, một cô gái được đưa đi tuyển có những ý nghĩ như vậy, cũng nên nói là rất bình thường. Nó thuộc về tâm lý cạnh tranh bình thường và một hành vi cạnh tranh bình thường dưới luật chơi thời bấy giờ. Đúng không? Vì vậy nhu cầu thứ nhất của nàng là vào cung. Thông qua việc đọc sát văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, trước sau chuyện Thanh Hư quán lập đàn.*

*Tiết Bảo Thoa biểu hiện tâm trạng bứt rứt, lời lẽ làm tổn thương người khác, hoàn toàn là do việc nàng thất bại trong tuyển tú gây nên. Về chuyện Tiết Bảo Thoa thất bại trong tuyển tú, một số bạn mê Hồng Lâu Mộng nêu nghi vấn. Hồi thứ tư của Hồng Lâu Mộng nêu rõ: nhà họ Tiết vào kinh chủ yếu là để Tiết Bảo Thoa chờ tuyển tú. Nhưng vì sao trong các chương tiếp theo lại không có bàn giao? Trước vấn đề này, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, Hồng Lâu Mộng vẫn theo phong cách nhất quán "chân sự ẩn, giả ngữ tồn", đem chuyện tuyển tú của Tiết Bảo Thoa biểu đạt một cách rất hàm súc qua việc Giả Nguyên Xuân ban quà tiết Đoan Ngọ. Vậy quà tiết mà Giả Nguyên Xuân ban rốt cuộc biểu đạt hàm ý gì? Giả Nguyên Xuân trước tiết Đoan Ngọ rất bận rộn. Khi ấy Giả Nguyên Xuân làm hai việc. Một việc được viết ra thông qua Tập Nhân báo cáo với Giả Bảo Ngọc, người vừa từ bên ngoài dự tiệc trở về. Vị nương nương này sai thái giám Hạ trong cung đến phủ họ Giả đưa một trăm hai mươi lạng bạc. Một trăm hai mươi lạng bạc này là khoản chuyên dùng. Dùng để làm gì? Dùng để đến Thanh Hư quán lập đàn bình an. Bà chỉ định rõ công dụng của khoản tiền này: lập đàn. Lập đàn là một hoạt động tôn giáo, đã đưa đến một trăm hai mươi lạng bạc. Một trăm hai mươi lạng bạc này là khoản chuyên dùng. Dùng làm gì? Bảo mang đến Thanh Hư quán để lập đàn bình an.*

Bà đã chỉ định công dụng của khoản tiền ấy. Lập đàn. Lập đàn là một hoạt động tôn giáo. Một hoạt động tôn giáo trong đạo quán. Vậy thì, chủ đề của đàn lễ là gì? Nguyên Xuân đã quy định rõ: đó là đàn bình an. Thế nào là đàn bình an? Thời xưa tức là, đó là làm cho vong linh, cho người đã chết, một nghi thức tôn giáo. Có hai hàm nghĩa. Một là hy vọng người đã khuất có thể ở thế giới bên kia được yên ổn. Đồng thời cũng biểu thị hy vọng vong linh ấy đừng từ âm gian chạy về nhân gian, quấy nhiễu chính mình, để mình cũng được yên ổn. Hai phía đều bình an, thái bình yên ổn. Vậy, chủ đề là thế. Vậy, ai đi? Giả Nguyên Xuân có điểm tên. Bà điểm tên ai? Giả Trân. Bà điểm tên Giả Trân. Điều này rõ ràng có hàm ý nhắm vào ông ta. Đúng không? Tập Nhân nói rồi: nương nương bảo Giả Trân dẫn các anh em đến Thanh Hư quán đốt hương lễ Phật.

Vậy thì, trong các buổi giảng trước, tôi đã nói với mọi người một quan điểm cá nhân của tôi. Đó là Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế trong tiểu thuyết trong đời sống chân thực, hẳn chính là vào triều Khang Hy, vị thái tử hai lần được lập, hai lần bị phế, Dận Nhưng. Còn thân phận chân thực của Tần Khả Khanh trong tiểu thuyết hẳn chính là một người con gái của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế đã "hỏng việc" ấy, chưa đăng ký ở Tông Nhân phủ, được ẩn giấu trong Ninh Quốc phủ.

Một trong những căn cứ của tôi là: trong tiểu thuyết, ông viết Giả Nguyên Xuân sắp xếp hoạt động lập đàn này, rốt cuộc sắp vào thời gian nào? Từ mồng một đến mồng ba tháng năm. Trong các hoạt động tôn giáo thời xưa, kể cả việc mừng sinh nhật cho người ta, ngày cuối cùng mới là trọng điểm, cao trào, chủ đề. Hai ngày trước chỉ là phần phụ. Bởi nếu chỉ tiến hành một ngày thì bị cho là không đủ long trọng. Vì vậy, phải bắt đầu từ hai ngày trước ngày chính.

Vậy vào triều Thanh, Khang Hy sinh rất nhiều con trai. Nhưng người sinh vào mồng ba tháng năm chỉ có một vị. Không phải ai khác, chính là phế thái tử Dận Nhưng.

Vì vậy, cá nhân tôi cho rằng, Tào Tuyết Cần viết Giả Nguyên Xuân đặc biệt vào ngày mồng ba tháng năm sai người đến Thanh Hư quán lập đàn bình an, không phải ngẫu nhiên. Điều này cho thấy nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân trong đời sống chân thực từng ở bên cạnh vị phế thái tử triều Khang Hy nhà Thanh.

Hơn nữa, trong các buổi giảng trước tôi đã nói, vì bà ta tố giác, đã gây ra cái chết của Tần Khả Khanh. Trong lòng bà ta vẫn không yên. Bà ta hy vọng qua hành động tôn giáo, qua một nghi thức tôn giáo, có thể khiến Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, nếu ông đã chết, còn Tần Khả Khanh thì chắc chắn đã chết, thì những vong linh ấy đừng lại quấy nhiễu cuộc sống hạnh phúc hiện tại của bà ta. Cho nên bà ta muốn vào ngày ấy lập đàn bình an. Mà người được bà ta điểm tên không phải ai khác, chính là Giả Trân. Bởi chính Ninh Quốc phủ đã thu nhận Tần Khả Khanh. Vậy chính trong tiểu thuyết, ở phần xoay quanh sự bứt rứt của Tiết Bảo Thoa và chuyện Thanh Hư quán lập đàn, đây là một trong rất nhiều nội dung được viết đến. Đây là phần liên quan đến Giả Nguyên Xuân. Giả Nguyên Xuân còn làm việc gì nữa? Mọi người ấn tượng càng sâu hơn. Đó là: trước tiết Đoan Ngọ, bà ban cho người nhà quà tiết. Năm nào bà cũng ban quà. Nhưng năm nào cũng ban, riêng năm nay đặc biệt khác. Khác ở đâu?

Chính là bà khiến trong những người cùng hàng với bà, hai người nhận được phần quà hoàn toàn giống nhau. Hai người nào? Chính là Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Còn Lâm Đại Ngọc thì bị xếp thấp hơn một bậc, chỉ giống như Giả Nghênh Xuân, Giả Thám Xuân, Giả Tích Xuân. Vậy lần ban quà tiết Đoan Ngọ của Giả Nguyên Xuân này có nghĩa gì? Xin nghe tôi ở lần sau giảng tiếp cho quý vị: Tiết Bảo Thoa Con đường cự tuyệt hôn nhân.

# Tập 30

Bí ẩn chỉ hôn của Tiết Bảo Thoa

*Hoa mẫu đơn của Tiết Bảo Thoa, người đứng đầu muôn hoa trong yến tiệc Đại Quan viên. Hồi 22 của Hồng Lâu Mộng viết rằng Giả Nguyên Xuân ban lễ tiết Đoan Ngọ. Vì sao những món ban cho lại giống của Giả Bảo Ngọc? Việc ban thưởng của Giả Nguyên Xuân rốt cuộc ám chỉ điều gì? Giả mẫu đối với ý tứ ban thưởng của Giả Nguyên Xuân là khó lòng chấp nhận hay vờ như không thấy? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã đặc sắc Hồng Lâu Mộng cho quý vị. Đọc kỹ Tiết Bảo Thoa: Bí ẩn chỉ hôn.*

*Hồng Lâu Mộng, trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ đã nói rằng vì Tiết Bảo Thoa thất bại trong tuyển tú, trước sau chuyện lập đàn ở Thanh Hư quán, tâm trạng nàng nhiều lần mất thăng bằng, thốt lời làm tổn thương người khác, lời lẽ gay gắt, hoàn toàn đánh mất phong thái khoan hòa, tùy phận xử sự vốn có. Ngay trước khi phủ Giả đến Thanh Hư quán lập đàn, Giả Nguyên Xuân đã ban lễ tiết cho người trong phủ. Theo lý, Tiết Bảo Thoa nhận được lễ hậu thì phải vui mới đúng. Nhưng nàng lại càng thấy chán chường hơn. Vậy vào tiết Đoan Ngọ, vì sao Giả Nguyên Xuân lại ban lễ?*

*Trong những món lễ được ban, rốt cuộc ẩn giấu huyền cơ gì? Vì sao trong lòng Tiết Bảo Thoa lại càng thấy vô vị? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ tiếp tục loạt bài giải mã Hồng Lâu Mộng của ông, Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, Tiết Bảo Thoa, tập hai, Bí ẩn chỉ hôn.*

Bài trước đã nói rằng Giả Nguyên Xuân ban lễ tiết Đoan Ngọ, nàng cố ý để Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa nhận được hoàn toàn giống nhau. Còn Lâm Đại Ngọc thì được đặt ngang hàng với Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, ít hơn rất nhiều. Những món được ban, Tập Nhân báo lại với Giả Bảo Ngọc, gồm bốn thứ.

Thứ nhất, hai chiếc quạt cung hạng thượng. Thứ hai gọi là hai xâu hồng xạ hương. Thứ ba, hai tấm the đuôi phượng. The là một loại hàng dệt rất mỏng, nhưng cũng rất cao cấp. Sau đó là nệm phù dung. Nệm phù dung, có người đọc nhầm là hai chiếc, không phải một chiếc.

Vì sao nệm phù dung lại chỉ một chiếc? Nệm là một loại chiếu mát đan bằng sợi tre. Trên chiếu mát cao cấp có hoa văn hoa phù dung. Vì sao chỉ một chiếc? Vì là đồ dùng cho hai người trong đó có hàm ý không?

Có hàm ý. Mà thứ hàm ý nhiều nhất chính là xâu hồng xạ hương, cũng có thể gọi tắt là xâu hồng xạ. Vậy xâu hồng xạ là thứ gì? Đây là một vật được tác giả đặc biệt đặt ra, một đạo cụ rất quan trọng. Xạ là một loài động vật họ hươu. Nhưng dù là xạ đực hay xạ cái, trên đầu đều không mọc sừng.

Có nơi gọi loài vật này là hươu xạ. Vì sao vậy? Con xạ đực ở phần bụng, phần bụng dưới có một tuyến, tiết ra một chất. Chất ấy gọi là xạ hương. Dùng xạ hương ấy trộn với vài nguyên liệu khác, đặc biệt thêm thuốc

nhuộm màu đỏ, làm thành xâu hồng xạ. Đó là một loại vô cùng quý giá, vô cùng kỳ lạ: tràng hạt.

Vì sao gọi là tràng hạt? Thông thường nó gồm mười tám hạt. Ngày xưa người ta tin Phật. Khi lấy nó xuống, niệm A Di Đà Phật, niệm một tiếng Phật, thì lần một hạt. Cứ tuần hoàn như vậy, để biểu thị lòng thành kính với thần Phật. Cho nên gọi là tràng hạt.

Từ tràng hạt này xuất hiện trong Hồng Lâu Mộng. Tập Nhân báo lại với Giả Bảo Ngọc, nói rằng riêng đồ của Bảo Ngọc và Bảo Thoa là giống nhau. Nàng nói cô Lâm và những người kia chỉ có quạt cung và tràng hạt. Vậy từ miêu tả trong sách mà xét, xâu hồng xạ lẽ ra chỉ Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc mới có. Bởi hồi mục ở nửa sau hồi 28 gọi là Tiết Bảo Thoa thẹn thùng đeo xâu hồng xạ. Nếu ai cũng có xâu hồng xạ thì chẳng còn lạ nữa.

Cho nên sách đặc biệt nêu Tiết Bảo Thoa. Sau khi có nó, nàng không đặt sang một bên mà không đeo. Giả Bảo Ngọc thì không đeo. Giả Bảo Ngọc có nhưng không đeo, thậm chí sau khi nhận được, ngay cả nhìn kỹ cũng không nhìn. Nhưng Tiết Bảo Thoa thì đeo nó lên. Song nàng không đeo với lòng thật yên ổn, vui vẻ.

Nàng là thẹn thùng mà đeo.

Nếu đọc kỹ văn bản, những chỗ này đều rất đáng suy ngẫm, rất đáng cân nhắc. Ngày xưa, chuyện hôn phối nam nữ trẻ tuổi có một cách nói rằng có ông Tơ dưới trăng buộc sợi chỉ đỏ cho hai người. Có cách nói như vậy, phải không? Vì vậy, trên thực tế bản thân xâu hồng xạ có ý nghĩa làm mai, khiến một công tử và một tiểu thư nên duyên. Cho nên Giả Nguyên Xuân thông qua việc ban lễ Đoan Ngọ đã biểu đạt một ý tứ hàm súc, đó là chỉ hôn cho Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Giả Nguyên Xuân lúc ấy ở trong cung, rõ ràng không thể tham dự việc tuyển tú.

Nếu không được chỉ định tham dự tuyển tú, thì không thể can dự triều chính. Vì thế nàng chỉ có thể sốt ruột suông ở bên cạnh. Nhưng tin tức thì hẳn nàng nhận được rất nhanh. Nàng có thể nhanh chóng nghe từ người dưới tay, nhận được tin rằng: em họ gái của ngươi đã rớt tuyển. Không còn phần nữa. Cho nên nàng cảm thấy phải mượn lần ban lễ Đoan Ngọ này để an ủi Tiết Bảo Thoa.

Người em họ này tốt như thế, đã không được chọn trong tuyển tú, thì cũng không sao. nàng còn có thể gả cho em trai yêu quý Bảo Ngọc của ta làm vợ. Vì vậy trong lễ ban của Nguyên Xuân, đặc biệt có xâu hồng xạ này, mang ý hướng chỉ hôn. Trong Vinh Quốc phủ, hạt nhân chủ yếu của chính trị gia tộc chính là hôn nhân của Giả Bảo Ngọc. Dù dụng ý của Giả Nguyên Xuân không nói cũng rõ, Vương phu nhân và Tiết di mẫu cũng vui vẻ tiếp nhận kim ngọc nhân duyên, nhưng thái độ của Giả mẫu là gì? Giả mẫu rốt cuộc ủng hộ kim ngọc nhân duyên, hay vẫn duy trì mộc thạch nhân duyên?

Đó là vấn đề rất gay gắt mà phủ Giả phải đối mặt. Nửa đầu hồi 29 của Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần viết là Giả mẫu đến Thanh Hư quán cầu phúc. Nhưng nếu chúng ta đọc kỹ Hồng Lâu Mộng, liền sẽ phát hiện người khởi xướng việc lập đàn ở Thanh Hư quán thật ra không phải Giả mẫu, mục đích cũng không phải để tiếp tục cầu phúc cho Giả mẫu. Vậy câu Giả mẫu đến Thanh Hư quán cầu phúc rốt cuộc nói rõ điều gì? Chỉ thị của Giả Nguyên Xuân về việc lập đàn ở Thanh Hư quán rất rõ ràng, đúng không? Ý tứ của Nguyên Xuân trong việc ban lễ cũng rất rõ.

Nhưng trong phủ lại có một người giả ngây giả dại. Là ai? Chính là Giả mẫu. Ôi chao, đừng coi thường người này. Tuổi tuy cao, bản lĩnh lại rất mạnh. Mười Vương Hy Phượng gộp lại cũng không bằng nổi một mình bà.

Về chuyện làm chính trị gia tộc, trình độ của Giả mẫu tuyệt đối không thấp. Vì thế anh xem Giả mẫu ở hồi 29 có biểu hiện rất kỳ lạ. Trước hết, đối với việc Nguyên Xuân bảo lập đàn ở Thanh Hư quán, bà đã làm một cuộc lật ngược triệt để. Vậy thì, Nguyên Xuân lập đàn, một khoản bạc thưởng là người ta bỏ ra, không phải Giả mẫu tự bỏ tiền, đúng không? Là tiền chuyên dùng cho việc ấy. Chủ đề lập đàn là gì?

Là đàn cầu bình an. Giả mẫu thì sao? Bà đổi nó thành gì? Giả mẫu muốn cầu phúc thêm cho chính mình. Bà không quan tâm chuyện ấy. Bà biến nó thành một hội vui của riêng mình, phải không?

Ta muốn để mọi người giải khuây xem hát, vui chơi. Ta muốn cho chính mình cầu thêm nhiều phúc hơn nữa. Bà đã thay đổi mục tiêu và mục đích của việc lập đàn. Đúng không? Hơn nữa, ban đầu Giả Nguyên Xuân đặc biệt nhấn mạnh người do phủ Giả xuất động trong việc lập đàn, ai là chủ thể? Giả Liễn là chủ thể.

Đúng không? Để Giả Liễn dẫn các ông đàn ông đến đó quỳ lạy, dâng hương. Cuối cùng Giả mẫu lại biến nó thành một hoạt động tập thể của nữ quyến phủ Giả. Giả Liễn thành nhân vật lo hậu cần. Có phải vậy không? Đàn ông bị gạt sang bên.

Giả mẫu là một người rất lợi hại. Hơn nữa bài trước tôi đã nói rồi, trọng điểm của việc lập đàn là ngày nào? Là mồng ba. Ngày mồng ba Giả mẫu có đi không? Bà không để ý ngày ấy. Giả mẫu chỉ đi một ngày, bởi vì Bảo Ngọc và Đại Ngọc đang giận dỗi, bà quan tâm chuyện ấy.

Bà quan tâm tâm trạng của hai người này. Bà nói: có phải oan gia thì mới gặp nhau không? Đúng không? Bà phải bảo vệ, hộ giá cho họ. Bà nói trừ phi bà tắt thở, không nhìn thấy thì bà không quản. Chỉ cần bà còn sống thì bà phải quản đến cùng.

Giả mẫu là vậy. Bà nắm rất rõ những chuyện này. Giả mẫu hiểu rằng chỉ khi để Giả Bảo Ngọc cưới Lâm Đại Ngọc, nếu bà còn sống, thì quyền khống chế của phủ Giả mới nằm trong tay bà và người bà tin cậy. Bởi trong rất nhiều bài viết và bài giảng, tôi đã nói với quý vị rằng trên thực tế, về huyết thống, Lâm Đại Ngọc

và Giả mẫu là cực kỳ thân thiết. Còn Bảo Ngọc, bà vô cùng yêu quý. Trên lý thuyết, với bà, không thể nói là cháu nội ruột, nhưng thực ra Giả Chính là người được nhận làm con thừa tự.

Cho nên, Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc kết hôn cũng không nảy sinh vấn đề về ưu sinh. Sau khi hai người kết hợp, trước mắt bà toàn là người của mình. Là những người bà tin cậy nhất. Một người là cháu ngoại ruột thịt của bà, một người là người bà yêu quý nhất. Dù cách mấy đời, nhưng từ nhỏ đã được bà nuôi lớn, là Bảo Ngọc mà bà tin cậy. Hơn nữa, bà đã sớm nhìn ra hai chị em họ Vương dưới vẻ ngoài nịnh nọt và dịu thuận ẩn giấu dã tâm, muốn khống chế quyền lực của phủ Giả.

Cho nên giữa họ, anh xem, khi ăn uống, nói vài câu chuyện phiếm, đều là chiến đấu trong nụ cười. "Cười mà nói." Trong Hồng Lâu Mộng kiểu câu ấy rất nhiều, phải không? Ai đó cười mà nói, nụ cười ấy nghĩ kỹ thì thường không phải nụ cười vui. Đúng không? Đó là dưới tấm màn êm ái tình cảm của gia đình quý tộc, một kiểu bộc lộ tâm tư thật sự. Cho nên Giả mẫu đã đem việc lập đàn ở Thanh Hư quán từ chủ đề, đúng không? đến thành viên, đến ngày tháng, đều lật ngược hết.

Nó trở thành một hoạt động tùy ý của riêng bà. Hơn nữa, có một nét viết đặc biệt quan trọng. Quý vị nhất định phải chú ý. Ngay trước khi lập đàn ở Thanh Hư quán, Vương phu nhân xin nghỉ. Vương phu nhân liên tục nói rằng mình không đi. Ngay từ đầu tiểu thuyết đã viết rằng Vương phu nhân trước mặt Giả mẫu luôn răm rắp nghe theo.

Trong xã hội thời ấy, con dâu hầu mẹ chồng là một trách nhiệm tuyệt đối không thể thoái thác. Có bệnh cũng phải cố gượng. Quý vị chú ý trong sách có rất nhiều miêu tả như vậy, bao gồm viết về Tần Khả Khanh, phải không? Bệnh nặng đến thế, mỗi ngày nàng vẫn phải đúng giờ đến chỗ Giả Trân, chỗ Vưu thị, thỉnh an vấn hỉ. Cho nên về sau chẳng phải Vưu thị đã nói sao, rằng cô bệnh thì có thể đừng đến nữa, đại loại thế. Trong tiểu thuyết cũng nhiều lần viết Vương phu nhân sai người hỏi Giả mẫu ngủ trưa đã dậy chưa.

Hễ bà dậy là vội vàng qua ngay. Nhưng một hoạt động quan trọng như lập đàn ở Thanh Hư quán lần này, Vương phu nhân lại xin nghỉ, liên tục nói không đi. Hỏi vì sao không đi? Một là nói thân mình không khỏe, hai là còn phải chờ trong cung, Nguyên phi có thể sai người đến, cần tiếp đón.

Điều này rất khác thường, cũng khác thường như sự bất thường của Tiết Bảo Thoa. Nhưng Giả mẫu không bỏ qua. Chú ý Giả mẫu sắp đặt thế nào. Trước hết, Vương phu nhân xin nghỉ rồi phải không? Em gái ngươi, tức Tiết di mẫu, phải đi. Bà sai người đi báo Tiết di mẫu, bảo bà ấy nhất định phải đi.

Còn tiện đường báo lại với Vương phu nhân, cho bà ấy thêm một cơ hội cuối cùng. Có câu này không? Có. Quý vị hãy lật văn bản Hồng Lâu Mộng ra xem. Lại cho bà ấy một cơ hội. Tất nhiên Vương phu nhân vẫn không đi.

Được, ngươi không đi, em gái ngươi đi là được. Trong bài giảng về Lâm Đại Ngọc, tôi đã phân tích với mọi người rồi. Khi đến Thanh Hư quán, một đoạn đối thoại giữa Giả mẫu và Trương đạo sĩ thực ra chính là nói cho Tiết di mẫu nghe. Tức là để Tiết di mẫu sau khi về Vinh Quốc phủ kể lại với Vương phu nhân. Nó tỏ rõ rằng trong chuyện hôn nhân của Giả Bảo Ngọc, không ai được nhúng tay. Xin lỗi nhé, phải không? chuyện này, ai nói cũng vô ích.

Vậy Giả Nguyên Xuân nói chẳng lẽ cũng vô ích sao? Xin lỗi, cũng vô ích. Cho nên đối với lễ tiết Đoan Ngọ, Giả Nguyên Xuân ám chỉ rõ ràng như thế, Giả mẫu lại giả vờ không biết, xem như không nghe, đúng không? Vì vậy bây giờ càng hiểu Tiết Bảo Thoa vì sao tâm tình u uất rồi chứ? Đúng không? Theo lý, vị mặc áo vàng, vị phi tử trong cung này, đã rõ ràng biểu đạt một ý hướng, tức là thúc đẩy kim ngọc nhân duyên.

Đúng không? Vậy mẹ nàng, Tiết di mẫu chắc chắn vui mừng hớn hở. Có phải vậy không? Nhưng lão tổ tông vẫn còn sống. Lão tổ tông trở thành một trở ngại lớn. Vị lão tổ tông này không hề lộ sắc.

Phải không? Nguyên phi rốt cuộc cũng chỉ là một ý hướng. Đúng không? Nàng chỉ thông qua việc ban lễ, để phần lễ giống nhau, biểu đạt một ý nguyện. Nàng không nói rõ. Nếu nàng thật sự xuống một đạo ý chỉ, thì bà cũng không còn cách nào.

Có phải vậy không? Nhưng nàng không xuống ý chỉ, thì ta cứ xem như nàng không có ý ấy. Viết như vậy thú vị biết bao. Cho nên đọc Hồng Lâu Mộng, nếu không đọc ra những ý vị này, thì không được. Xét từ lễ pháp phong kiến, việc Giả Nguyên Xuân ban lễ Đoan Ngọ ám chỉ kim ngọc nhân duyên. Chi tiết này quả thật đáng suy ngẫm.

*Vấn đề là lão tổ tông Giả mẫu trong Đại Quan viên có thái độ thế nào? Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Tào Tuyết Cần dùng thủ pháp viết ngầm, mượn câu Giả mẫu đến Thanh Hư quán cầu phúc để biểu thị thái độ của Giả mẫu đối với việc Nguyên phi chỉ hôn. Nhưng đối với Tiết Bảo Thoa mà nói, xâu hồng xạ là món Nguyên phi ban riêng cho nàng và Bảo Ngọc, là dấu hiệu của một mối nhân duyên định sẵn. Cho nên trước món lễ Nguyên phi ban, một tiểu thư quý tộc vốn thanh nhã mộc mạc, không chuộng chạm trổ, nên xử sự thế nào? Hồi 28 của Hồng Lâu Mộng, trong câu Tiết Bảo Thoa thẹn thùng đeo xâu hồng xạ, chữ "thẹn" rốt cuộc nói rõ điều gì?*

Vậy Giả Nguyên Xuân ban lễ, đã ban cho xâu hồng xạ. Xâu hồng xạ là đeo trên cổ tay, phải không? Cho nên nàng nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng vẫn đeo lên. Đeo lên rồi, nhưng trong lòng nàng lại không vui. Vì vậy nàng là thẹn thùng mà đeo. Cái gọi là thẹn thùng che đậy, thường là sau khi đeo, tay áo kéo xuống che một phần, nửa che nửa hở, đó là cách đeo như vậy.

Đúng không? Nàng thấy Giả Bảo Ngọc ở cùng Lâm Đại Ngọc, trong lòng nàng rất khó chịu. Trong sách có một nét viết rằng nàng đã sớm nghe mẹ mình nói với dì của mình, rằng cái khóa vàng của nàng là hòa

thượng tặng, sau này cần kết hợp với một người con trai có ngọc. Ban đầu nàng khí chất cao, muốn vào cung. Vào cung không được nữa. Rõ ràng đây chính là Bảo Ngọc.

Đúng không? Giả Nguyên Xuân lại biểu thị một ý nguyện rõ ràng. Theo lý nàng phải rất vui. Nhưng sau khi tuyển tú thất bại, lòng tự tôn của nàng bị tổn thương rất lớn. Vì vậy trong sách có một câu: nàng càng thấy vô vị. Nàng càng thấy vô vị hơn.

Có câu như vậy phải không? Thế nào gọi là càng? Tức là đã có một điều vô vị rồi, lại thêm một điều vô vị nữa mới gọi là càng vô vị. Phải không? Phía trước không có một điều vô vị, thì sao gọi là càng vô vị? Đúng không?

Điều vô vị thứ nhất là, ban đầu nàng nghĩ người mang ngọc ấy cũng có thể là hoàng đế. Đúng không? Điều kiện của mình tốt như vậy, tham gia tuyển tú, vừa đứng ra đó, đáng lẽ phải là đúng không? rực rỡ chói mắt, lấn át các quần phương khác. Kết quả lại rớt tuyển. Có thú vị không? Không thú vị.

Không thú vị rồi, cuối cùng Giả Nguyên Xuân bù lại cho nàng, bù lại tức là nói: đã như vậy, cô hãy gả cho em trai ta đi. Mẹ nàng cũng đã sớm nói ý ấy. Ban đầu nàng cũng chẳng thấy lạ. Năm ấy Oanh Nhi nói ra, nàng còn bảo Oanh Nhi đừng nói nữa. Phải không? Cho nên trong tình cảnh ấy, nàng càng thấy vô vị.

Thêm nữa, nàng trơ mắt nhìn thấy, nàng là người thông minh. Mẹ nàng, Tiết di mẫu, ngấm ngầm sốt ruột, mong Giả mẫu tỏ thái độ. Giả mẫu lại không tỏ thái độ. Anh nói nàng có thấy vô vị không? Cho nên nàng thẹn thùng che đậy. Dù nàng che đậy, Giả Bảo Ngọc lại tinh mắt.

Vừa gặp, liếc mắt đã nhìn thấy. Đây chính là tình tiết ấy. Giả Bảo Ngọc bản thân cũng nhận được xâu hồng xạ này. Theo lý, sau khi nhận được xâu hồng xạ, chàng phải rất vui. Chàng có thể không đeo, nhưng có thể cầm lên xem là thứ gì, ngửi thử xem có thơm không. Những việc ấy chàng đều không làm.

Lúc ấy toàn bộ tâm tư chàng đặt vào việc gì? Chàng hỏi Tập Nhân: em Lâm được gì? Em Lâm không được. Chàng liền bảo a hoàn của mình ôm hết mọi thứ chàng nhận được đến chỗ em Lâm, ôm tới Tiêu Tương quán để em Lâm chọn. Tính cách của em Lâm, anh nghĩ xem, phải không? đều trả lại hết. Nói ta cũng có rồi, không cần.

Mọi người có thể nhớ lại, sau khi em Lâm từ Dương Châu lo xong tang sự của cha, trở về kinh thành, gặp nàng, chàng cũng đem một xâu tràng hạt dâng cho Lâm Đại Ngọc, tức là tràng hạt vua ban. Có tình tiết này phải không? Lâm Đại Ngọc hoàn toàn không xem trọng. Nàng nói: đây là thứ từ chỗ hoàng đế, thứ đàn ông thối nào đó đã đeo qua. Ném đi không lấy, đó chính là Lâm Đại Ngọc. Phải không?

Đàn ông thối đã đeo qua, nàng còn không cần. Đàn bà thối đã đeo qua, ta còn cần sao? Phải không, đó là tâm tư của Lâm Đại Ngọc. Cho nên Giả Bảo Ngọc lúc ấy toàn tâm toàn ý không vui vì chuyện này. Sao ta và

em Lâm lại không giống nhau? Bởi trong mắt Giả mẫu, họ là oan gia không gặp thì thôi.

Đúng không? Nhưng sao trong mắt chị của chàng, phải không? Tiết Bảo Thoa lại thành một đôi với chàng? Cho nên viết rất hợp lý. Chàng có xâu hồng xạ này mà không xem. Vậy đến khi tình cờ thấy Tiết Bảo Thoa đeo nó, rốt cuộc chàng vẫn là một nam tử ở tuổi chuyển từ thiếu niên sang thanh niên, phải không? Chàng liền sinh lòng hiếu kỳ.

Chàng muốn xem, bèn bảo chị Bảo tháo xuống cho chàng xem. Lúc này Tiết Bảo Thoa cũng miễn cưỡng tháo xuống đưa cho chàng. Nhưng Tiết Bảo Thoa, phía sau có nói rồi, phải không? là kiểu đầy đặn, không phải mỹ nhân gầy mảnh; người ta là một mỹ nhân đầy đặn. Cho nên không dễ tháo xuống. Lúc ấy, Tào Tuyết Cần viết tâm lý Giả Bảo Ngọc, viết rất hợp lý. Chàng cảm thấy cánh tay trắng muốt của Tiết Bảo Thoa rất quyến rũ.

Chàng động lòng, nghĩ cánh tay ấy nếu mọc trên người em Lâm thì tốt biết bao, lại cứ mọc trên người nàng. Phải không? Viết vô cùng hợp lý. Vừa viết Giả Bảo Ngọc là một nam giới khỏe mạnh, có tâm lý hợp lý, có nhu cầu bản năng thân xác. Nhưng chàng lại có sự kiểm soát đạo đức với bản thân, và bản thân chàng quả thật yêu Lâm Đại Ngọc. Trong tình yêu, chàng có một sự tự ràng buộc tồn tại ở đó.

Viết như vậy. Tiết Bảo Thoa vừa thấy, ta đã tháo xuống rồi, sao ngươi không nhận? Ngươi ngẩn ra làm gì? Liền ném xâu tràng hạt ấy đi. Cho nên trong tiểu thuyết, Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa mỗi người từng ném một xâu tràng hạt. Lâm Đại Ngọc ném tràng hạt vua ban cho Lâm, còn Tiết Bảo Thoa ném xâu hồng xạ.

Viết rất thú vị. Lúc ấy, về sau lại viết vừa đúng Lâm Đại Ngọc đi tới. Phải không? Giữa ba người có rất nhiều va chạm, cọ xát tâm lý. Tôi không nói kỹ nữa. Tóm lại, Tiết Bảo Thoa trong khoảng thời gian ấy thật sự chịu rất nhiều giày vò.

Lâm Đại Ngọc nói:

Gió dao sương kiếm ép nhau. Thực ra một cô gái như Tiết Bảo Thoa, nàng cũng không thể thật sự tự quyết số phận mình. Nàng có một mặt rất bi khổ. Anh nghĩ xem, thử nghĩ thay nàng xem. Trong tình cảnh lúc ấy, bao nhiêu nỗi không vui dồn tụ trước mắt nàng, trong lòng nàng. Trong đời sống, Tiết Bảo Thoa không giống Lâm Đại Ngọc, bộc lộ chân tình, mà thường giấu kín tâm cơ. Bề ngoài nàng tùy phận xử sự, vững vàng, tự chủ, mỗi cử chỉ đều tỏ ra đoan trang hiền thục. Vì vậy Tiết Bảo Thoa mới thẹn thùng đeo xâu hồng xạ. Nhưng dù Giả Nguyên Xuân thông qua lễ Đoan Ngọ bày tỏ ý chỉ hôn, thái độ của Vương phu nhân và Tiết di mẫu đối với kim ngọc nhân duyên cũng ngày càng rõ, nhưng với tư cách nhân vật đứng trên đỉnh tháp gia đình phong kiến, Giả mẫu lại làm như không nghe thấy. Một Tiết Bảo Thoa chấp nhận "mệnh cha mẹ".

Phải làm sao để chiều lòng Giả mẫu?

Tiết Bảo Thoa trong tình huống như vậy, bắt buộc phải sắp xếp lại suy nghĩ của mình. Nàng phải làm sao? Mọi người nên nghĩ thay nàng một chút. Nàng phải làm sao? Mẹ nàng chắc chắn cũng rất sốt ruột. Vương phu nhân có thể cũng ngấm ngầm sốt ruột.

Có phải vậy không? Cục diện đến mức ấy, nàng phải làm sao? Tào Tuyết Cần viết rất thông minh. Sau khi làn sóng lớn này nổi lên, ông lại để làn sóng ấy dần dần lắng xuống. Bởi co giãn, căng chùng, ấy là đạo văn võ. Viết tiểu thuyết, sau một cao trào, phải có cái gọi là trầm bổng.

Có một đỉnh sóng bất ngờ nổi lên, rồi phải có một đáy sóng, mới đẩy sang một tình tiết khác. Cho nên trong những tình tiết của tiểu thuyết, chúng ta có thể thấy tác giả viết nổi một số thứ, đồng thời lại viết ngầm không ít thứ. Vì vậy khi đọc, phải biết đọc ra tiềm văn bản nằm dưới hiển văn bản, hoặc nói là phải đọc hiểu phần viết ngầm sau phần viết nổi. Sau khi viết sự thất thố của Tiết Bảo Thoa, tác giả lại từng bước, từng bước viết ngầm quá trình Tiết Bảo Thoa dần dần tự điều chỉnh. Quả thật có tình tiết như vậy. Trước hết, Tiết Bảo Thoa biết rằng rốt cuộc trong phủ Giả, ai là người định đoạt?

Giả mẫu là người định đoạt. Cho nên nàng phải tiếp tục lôi kéo Giả mẫu. Từ rất sớm nàng đã biết lấy lòng Giả mẫu. Tiểu thuyết mở đầu không lâu đã viết, lần đầu nàng mừng sinh nhật ở Vinh Quốc phủ. Giả mẫu bỏ ra hai mươi lạng bạc, nói là muốn làm sinh nhật cho nàng. Có độc giả hiểu lầm, có người nói: Giả mẫu chính là đã chấm Tiết Bảo Thoa rồi, phải không?

Anh xem, không nghe nói Lâm Đại Ngọc mừng sinh nhật Giả mẫu bỏ tiền. Còn một Tiết Bảo Thoa thì Giả mẫu chủ động bỏ ra hai mươi lạng. Phải không? Tào Tuyết Cần sợ anh hiểu lầm, nên viết lời nói đùa của Vương Hy Phượng.

Vương Hy Phượng nói thế nào? Bà nói: hai mươi lạng bạc lớn này đủ làm gì? Đủ rượu hay đủ hát? Phải không? Thực ra, Giả mẫu chẳng qua là khách khí. Bởi lúc ấy, Tiết di mẫu dẫn Tiết Bảo Thoa và người nhà đến ở Vinh Quốc phủ chưa lâu.

Là thân thích, phải không? là thân thích có quan hệ rất mật thiết. Cô gái của thân thích ấy quả thật cũng không tệ, dung mạo cũng đẹp, tính cách cũng tốt. Lần đầu nàng mừng sinh nhật, thì gọi là có chút ý, góp hai mươi lạng bạc. Tào Tuyết Cần thông qua câu đùa của Vương Hy Phượng để nói cho chúng ta biết, hai mươi lạng chỉ là một chút ý rất nhỏ. Đủ rượu hay đủ hát? Hiểu rồi chứ?

Vì vậy, không thể cho rằng những tình tiết như vậy chứng minh Giả mẫu dường như đối với Tiết Bảo Thoa có một sự đánh giá và cách nhìn cao hơn Lâm Đại Ngọc. Không đủ để nói rõ điều đó. Không thể nói rõ điều

đó. Còn bản thân Tiết Bảo Thoa, nàng rất khôn khéo. Giả mẫu hỏi nàng muốn ăn gì, muốn nghe vở hát gì. Nàng biết vị Giả mẫu này là người già, phải không? ăn uống thì thích đồ ngọt mềm.

Có phải vậy không? Xem hát thì thích nghe những vở náo nhiệt. Cho nên nàng thuận theo sở thích của Giả mẫu, nói một lượt những thứ bà thích. Giả mẫu vừa nghe, liền thấy: quá biết điều. Bà rất thích. Bà quả thật rất vui.

Nhưng thông qua những việc sau đó ở Thanh Hư quán, Tiết Bảo Thoa hiểu ra rằng Giả mẫu không dễ đối phó. Gừng càng già càng cay. Phải không? Nàng cảm thấy chỉ lấy lòng thông thường là không được. Cho nên nàng áp dụng nhiều cách. Tác giả viết ngầm một cách của Tiết Bảo Thoa.

Cách gì? Về sau trong Đại Quan viên lập thi xã, ban đầu là Hải Đường xã. Phải không? Sau khi Hải Đường xã vịnh xong hoa hải đường, vừa đúng đến mùa thu, phải không? liền phải thưởng cúc. Đúng không? Lúc này vừa hay Sử Tương Vân lại trở về Vinh Quốc phủ, trở về Đại Quan viên.

Đúng không? Sử Tương Vân bèn nghĩ: muốn làm chủ tiệc, phải không? Tổ chức một hoạt động, mời mọi người ăn cua, ngắm cúc. Ban đầu Sử Tương Vân ngay cả chuyện ăn cua cũng chưa nghĩ tới, chỉ nghĩ đến chuyện thưởng cúc. Sử Tương Vân nghĩ rằng: đã là ta đến rồi, thì ta đứng ra làm chủ, chủ trì một hoạt động thưởng cúc. Mọi người cùng vịnh thơ hoa cúc, chẳng phải rất hay sao? Nhưng tình hình kinh tế của Sử Tương Vân thế nào? Trong sách có miêu tả không?

Trong sách, có một số chỗ vừa không phải viết nổi, cũng không thể tính là viết ngầm, mà là viết nghiêng, viết bên cạnh. Tác giả viết ra rằng cảnh ngộ của Sử Tương Vân có một mặt rất khó khăn. Tuy nhà họ Sử lúc ấy vẫn khá có thế lực, hai anh em họ Sử đều được phong tước, một người là Trung Tĩnh hầu, một người là Bảo Linh hầu, phải không? Theo lý, Bảo Linh hầu là tước vị thế tập của tổ tiên họ, nên cao hơn một chút. Về sau lại có một người được phong Trung Tĩnh hầu. Nhưng hai vị được phong hầu này đều không phải cha nàng.

Cha mẹ nàng đều đã mất. Hai vị ấy đều là chú bác của nàng. Cho nên nàng coi như ăn nhờ ở đậu, luân phiên ở hai nhà ấy. Không thể nói hai nhà ấy đối xử tệ với nàng. Dù sao cũng là cháu gái ruột của mình, đúng không? Nhưng rốt cuộc không phải con ruột.

Cho nên các thím của nàng đối với nàng khá hà khắc. Trong nhà rõ ràng đã được phong hầu, được phong tước, nhưng vị nữ chủ nhân trong phủ vẫn rất keo kiệt. Để tiết kiệm tiền, việc thêu thùa trong nhà để con gái trong nhà tự làm. Họ đặt cho nàng phần việc kim chỉ rất nặng. Nàng thường làm đến rất khuya, ngủ cũng không ngon, cổ cũng mỏi. Đó là một mặt rất bi khổ của Sử Tương Vân.

Cho nên khi nàng nhắc đến chuyện thưởng hoa cúc, làm thơ hoa cúc gì đó, lúc này Tiết Bảo Thoa rất thông minh. Tác giả không trực tiếp viết Tiết Bảo Thoa nghĩ cách lôi kéo Giả mẫu như thế nào. Nhưng ông viết ngầm rằng Tiết Bảo Thoa đã đưa ra chủ ý. Nàng nói vẫn để cô làm chủ, vẫn tính là cô mời khách. Sau đó, chúng ta ăn cua, thưởng cúc. Nàng nói trong phủ, nàng biết từ lão thái thái trở xuống, cho đến người dưới, quá nửa đều thích ăn cua.

Mà cua của Tiết Bảo Thoa thì không cần mua ngay. Lúc ấy tuy cha của Tiết Bảo Thoa đã mất, anh trai nàng lại là một kẻ có phẩm chất rất kém, một sự tồn tại như vậy, nhưng nhà Tiết Bảo Thoa vẫn có trang điền, có người làm, còn mở tiệm cầm đồ. Vẫn là khá giàu có. Trong tiệm cầm đồ của họ, ở nhà người làm, tức là những người trong nông trang, trong ruộng lúa của họ nuôi rất nhiều cua. Con nào cũng to và béo. Nàng gần như có thể bảo họ mang không tới, thông qua anh trai nàng là có thể chuyển đến.

Lại có thể chuẩn bị thêm vài đĩa hoa quả gì đó để nhắm rượu. Như vậy chẳng đủ cả rồi sao? Nghĩa là không cần Sử Tương Vân bỏ bạc ra. Còn đối với Tiết Bảo Thoa, chỉ cần nói với anh trai một câu, anh trai nàng sẽ chuẩn bị đầy đủ hết. Nàng chỉ sợ anh trai mình quên, bởi anh trai nàng là một kẻ hồ đồ, dễ quên việc. Chỉ cần không quên, phải không? thì đều là đồ sẵn có, không cần đặc biệt bỏ tiền mua.

Mời như vậy, từ Giả mẫu đến toàn bộ những người khác trong phủ, đều vô cùng vui. Về sau có đoạn miêu tả này. Có đoạn miêu tả này phải không? Đúng không? Anh nghĩ xem, Tiết Bảo Thoa thật có tâm cơ. Chắc chắn có người sẽ nói, vậy có phải người khác sẽ hiểu rằng, chẳng phải Sử Tương Vân là chủ tiệc sao?

Đáng ra phải cảm ơn Sử Tương Vân chứ? Nhưng tình trạng kinh tế của Sử Tương Vân trong phủ không phải bí mật kinh tế gì. Trên dưới đều biết. Ngay Tập Nhân cũng từng nói, nàng ở nhà như thế nào, như thế nào, phải không? Nàng từ nhà đến Vinh Quốc phủ, còn mang cho các a hoàn vài chiếc nhẫn gì đó, đều là những chiếc nhẫn khá rẻ. Lễ vật tuy nhẹ, nhưng tình ý rất nặng.

A hoàn đều biết. Cho nên một khi làm như vậy, Tiết Bảo Thoa chắc chắn được cộng điểm. Mọi người đều biết rằng đằng sau việc Sử Tương Vân làm chủ tiệc, thực ra là Tiết Bảo Thoa đang ra sức, đang hiến kế. Ai cũng sẽ vui. Cho nên hôm ấy Giả mẫu quả thật cũng rất vui. Vì vậy Tiết Bảo Thoa trước hết điều chỉnh quan hệ với Giả mẫu.

Hơn nữa Tiết Bảo Thoa đặc biệt hiểu rằng chứ không phải các vai khác nhau trong chuyện yêu đương hôn nhân. Quyền quyết định không ở Bảo Ngọc, cũng không ở Đại Ngọc, mà ở gia trưởng. Ngoài Giả mẫu ra, thì còn có dượng của nàng, dì của nàng. Tất nhiên trọng điểm là dì nàng, bởi Giả Chính không mấy quản việc nhà. Dì của nàng và mẹ nàng là chị em, thân như tay chân, lợi ích nhất trí. Cho nên nàng cảm thấy quan hệ giữa mẹ nàng và dì nàng không cần điều chỉnh nữa.

Vốn đã vô cùng hòa hợp, đều hướng về nàng. Vậy thì nhất thiết phải điều chỉnh quan hệ giữa nàng và Đại Ngọc. Anh nghĩ có phải như vậy không? Cho nên trong diễn tiến tình tiết của tiểu thuyết, nàng dần dần, lại trở về mặt dịu dàng trong tính cách ban đầu của nàng, mặt hòa thuận, mặt nhường nhịn, mặt khiêm hòa. Anh phải đọc kỹ. Kiểu biểu hiện kia không còn nữa.

Vì thế về sau, khi tình tiết phát triển đến hồi 42, thì nàng gọi Lâm Đại Ngọc tới, hòa giải với Lâm Đại Ngọc. Đồng thời, nàng cũng điều chỉnh quan hệ với Giả Bảo Ngọc.

Nàng không còn vì một hai câu của Giả Bảo Ngọc mà phát tác như vậy nữa, nói những câu như "ta..." "đáng tiếc ta không có một người anh tốt," "một người em tốt để có thể làm Dương Quốc Trung" gì đó. Những lời quái gở như vậy đều không còn nữa. Vì thế, nàng ngồi đợi thu hoạch. Đó chính là Tiết Bảo Thoa. Tác giả đã viết ra một người sống động, một người trong xã hội phong kiến, vừa muốn tuân thủ khuôn phép đại gia tộc, nhưng trong bản tính con người cũng có những yếu tố nhân tính vốn có, chẳng hạn cảm giác hụt hẫng, lòng tự tôn, lòng hiếu thắng tăng thêm, vân vân. Nhưng thông qua sự cố gắng đè nén, cố gắng tự kiểm soát, nàng từ một trạng thái hoảng loạn, một trạng thái thất thố, lại dần dần điều chỉnh đến một trạng thái thậm chí còn tốt hơn trước, trạng thái bình hòa, trạng thái dịu dàng. Nàng đang ngồi đợi thu hoạch. Vậy đây chính là kết quả mà chúng ta từ đoạn này, xâu hồng xạ, mở rộng suy nghĩ ra thành một mạch tư duy và ngộ ra được. Vậy thì, sẽ có người hỏi một vấn đề như thế này. Ông nói nãy giờ, về Tiết Bảo Thoa, dường như vẫn phân tích nàng từ phương diện lý tính nhiều hơn. Tức là đây là một người rất có tâm cơ, thông qua lý tính, và còn thông qua sự tự điều chỉnh. 1002 00:36:09,260 --> 00:36:11,460 một người phụ nữ theo đuổi hạnh phúc cá nhân.

Vậy nàng đối với Giả Bảo Ngọc, rốt cuộc có thứ tình cảm xuất phát từ sâu thẳm nhân tính ấy không? Nói thẳng ra, nàng có thứ tình yêu phi công lợi ấy không? Gạt công lợi sang một bên, nàng có yêu Giả Bảo Ngọc không? Nếu nói nàng yêu Giả Bảo Ngọc, vậy xin hỏi, trong tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần, có mấy lần thể hiện nổi bật? Cá nhân tôi cho rằng có hai lần. Bạn cho rằng có mấy lần? Vậy tôi cho là hai lần, thì là hai lần nào? Buổi sau chúng ta cùng bàn tiếp.

# Tập 31

Bí ẩn tình ái của Tiết Bảo Thoa

*Tiết Bảo Thoa, một trong những nữ chính quan trọng nhất của Hồng Lâu Mộng. Là một thiếu nữ đang tuổi tình yêu chớm nở, liệu nàng có tình yêu thật sự với nam chính Giả Bảo Ngọc không? Còn mối tình rối rắm giữa Bảo Ngọc, Đại Ngọc và Bảo Thoa, đằng sau đó rốt cuộc ẩn giấu bí mật gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ đến với Bách gia giảng đàn, hấp dẫn kể về bí ẩn tình yêu của Tiết Bảo Thoa.*

*Trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ việc đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, giới thiệu với chúng ta một trong những nữ chính của Hồng Lâu Mộng: Tiết Bảo Thoa. Sau khi trải qua thất bại trong tuyển tú và việc Nguyên Xuân chỉ hôn, nàng dần tiếp nhận con đường do Tiết di mẫu, Vương phu nhân và Nguyên Xuân sắp đặt cho mình, đó là cố giành được tình yêu của nam chính Giả Bảo Ngọc trong Hồng Lâu Mộng, để đạt hạnh phúc cá nhân và lợi ích gia tộc. Trong rất nhiều phụ nữ của Hồng Lâu Mộng, Tiết Bảo Thoa nhờ xử sự rộng rãi, tùy phận mà làm, được trên dưới Giả phủ khen ngợi và yêu mến. Nàng xử lý quan hệ người với người thông suốt trên dưới, rất được trọng dụng. Nhưng vấn đề then chốt là: người chị Bảo tao nhã, dịu dàng ấy có được Giả Bảo Ngọc để mắt đến hay không? Trong văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có phát hiện khác thường nào?*

*Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục làm khách tại Bách gia giảng đàn, hấp dẫn kể phần ba trong loạt Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng về Tiết Bảo Thoa: "Bí ẩn tình yêu" đang phát sóng, kính mời theo dõi.*

Giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc, trước hết tồn tại khác biệt về tư tưởng, ý thức, quan niệm giá trị và khuynh hướng giá trị. Ở phương diện này, hai người không giống nhau. Trong sách đã viết điều đó. Cho nên đọc Hồng Lâu Mộng phải biết đọc, phải hiểu bút pháp của tác giả. Khi tác giả viết một sự việc, hoặc biểu đạt một ý, ông thường dùng nhiều bút pháp khác nhau.

Chẳng hạn có chính tả, có trắc tả, có minh tả, có ám tả.

Thế nào gọi là chính tả? Chính tả là thiết lập một cảnh, để nhân vật ấy xuất hiện, rồi triển khai một đoạn tình tiết. Trong đó còn có một số chi tiết, qua đó thể hiện mâu thuẫn xung đột giữa các nhân vật. Vậy từ hồi một đến hồi tám mươi, có cảnh nào như thế không? Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa đều có mặt, rồi Tiết Bảo Thoa khuyên chàng đọc sách cầu tiến, Giả Bảo Ngọc không tiếp nhận, hai người xảy ra xung đột. Có không? Có lẽ là không. Ông tránh viết chính diện như vậy.

Vậy có trắc tả không? Có trắc tả. Thế nào gọi là trắc tả? Tức là tôi dựng một cảnh, cũng có một số nhân vật xuất hiện, giữa các nhân vật có đối thoại, cũng xảy ra vài xung đột, nhưng lại từ bên cạnh viết ra mâu thuẫn

xung đột giữa một nhân vật vắng mặt và một nhân vật đang có mặt trong cảnh ấy. Khi viết xung đột giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc, ông đã dùng cách trắc tả. Các bạn nhớ lại xem đó là hồi nào? Đó chính là trắc tả. Hẳn là ở hồi ba mươi hai. Đoạn tình tiết này nói chuyện gì? Bối cảnh là Di Hồng viện. Trời rất nóng. Bỗng có người đến truyền lời rằng Giả Vũ Thôn lại đến phủ Vinh Quốc làm khách. Là một quan liêu phong kiến rất có tâm cơ, mỗi lần Giả Vũ Thôn đến phủ Vinh Quốc, ngoài việc gặp Giả Chính, hắn luôn yêu cầu được gặp Giả Bảo Ngọc. Giả Bảo Ngọc cực kỳ chán chuyện này. Chàng rất bực bội. Vừa mặc áo, vừa xỏ giày, chàng vừa tỏ ra không vui. Lúc ấy, người có mặt không phải Tiết Bảo Thoa. Lúc ấy có mặt là Sử Tương Vân. Sử Tương Vân là một cô gái tâm địa rất đơn thuần.

Phóng khoáng, nói năng không kiêng dè, một phụ nữ đáng yêu như vậy. Thấy Giả Bảo Ngọc bực bội đến thế, nàng bèn khuyên Giả Bảo Ngọc. Đại ý là nói: cho dù anh không muốn đọc sách, không muốn học bát cổ văn, không muốn thi cử nhân, tiến sĩ, thì cũng nên giao du với những nhân vật như thế, có vài người bạn đứng đắn. Sau này ra xã hội xoay xở, anh cũng có một nền tảng. Đại ý nàng là như vậy. Nghĩa là anh cứ suốt ngày lẩn quẩn trong đám chúng tôi, thì ra làm sao? Thực ra nàng chỉ thuận miệng nói thế thôi. Không ngờ Giả Bảo Ngọc cũng thất thố. Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân tình cảm rất sâu, quan hệ giữa hai người vốn rất hòa thuận. Không ngờ vì đụng đến một vấn đề căn bản, tức là vấn đề lý niệm, vấn đề khuynh hướng giá trị, Giả Bảo Ngọc lập tức trở nên khác thường. Vì chàng rất bực bội, không muốn đi gặp Giả Vũ Thôn, nên lại nói ra những lời rất khó nghe. Chàng nói: cô nương xin sang phòng các chị em khác mà ngồi. Ở chỗ tôi, coi chừng làm bẩn mất học vấn kinh tế của cô.

Chẳng phải cô cũng đang tuyên truyền chuyện phải đọc sách cầu tiến, phải hiểu "sĩ đồ kinh tế" đó sao? Bớt cái giọng ấy đi. Muốn nói những lời đó thì sang phòng các chị em khác mà nói, đừng đến đây quấy rầy tôi. Điều này khiến Sử Tương Vân rất khó xử. Nhưng con người Sử Tương Vân, tính cách nàng quyết định phản ứng của nàng. Nàng là người vô tư, không để bụng.

Nàng không giống Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Thoa thật sự có cả một hệ quan niệm ấy. Nàng có cả một lối nghĩ đặt ở đó. Xung đột giữa nàng và Giả Bảo Ngọc là xung đột thật sự nghiêm túc. Còn Sử Tương Vân chỉ là có miệng không có lòng, thuận miệng nói vậy. Bản thân nàng, các bạn thử nghĩ xem, đâu có giống Tiết Bảo Thoa, tuân thủ quy phạm phong kiến như thế?

Tính cách của nàng quyết định nàng như vậy. Tuy Giả Bảo Ngọc rất khác thường, nói ra những lời khó nghe như thế, về thực chất là đuổi khách, nhưng nàng không đi. Nàng vẫn ở đó. Đến lúc này, Tập Nhân vội đến hòa giải. Tập Nhân nói. Đại ý lời Tập Nhân là: ôi nói cô đừng trách nhé, cậu chúng tôi vốn là như vậy.

Lần trước cô Bảo đến, cũng nói vài lời như thế. Kết quả cô ấy "hừ" một tiếng, nhấc chân bỏ đi. Lần ấy cậu ấy không đuổi Tiết Bảo Thoa, mà nàng tự xoay người bỏ đi. Việc đó khiến Tiết Bảo Thoa rơi vào một cảnh rất mất mặt, rất khó xử. Kết quả thì sao? Tiết Bảo Thoa như thế nào?

Tuy trong lòng Tiết Bảo Thoa cũng rất nghẹn, rất khó chịu, lúc ấy Tiết Bảo Thoa cũng chưa lập tức chết lặng, không biết phải làm thế nào. Nàng bỗng thẹn đến đỏ bừng mặt, nói tiếp cũng không được, không nói tiếp cũng không được. Còn Tập Nhân, thật ra trong lòng nàng ở tầm nhận thức của nàng, chỉ suy tính làm sao để Giả Bảo Ngọc cưới được một chính thất có lợi cho nàng. Làm sao nàng có thể vững vàng trở thành nàng hầu số một của Giả Bảo Ngọc sau chính thất. Kiến thức của con người này chỉ đến mức đó. Về mặt ý thức hệ, về mặt khuynh hướng giá trị, nàng rất phục Tiết Bảo Thoa.

Vì thế nàng thật ra không hiểu lắm giữa Tiết Bảo Thoa với Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc, ở những vấn đề cấp cao ấy có những bất đồng gì. Theo logic tâm lý của mình, nàng nói: may mà lúc đó là cô Bảo. Nếu là cô Lâm gặp Giả Bảo Ngọc đối xử với mình như thế, chẳng biết đã ầm ĩ đến mức nào. Lúc ấy, chính Giả Bảo Ngọc mới nhắc đến Tập Nhân. Chàng nói: cô Lâm có từng nói những lời khốn kiếp ấy không? Nếu cô Lâm cũng nói những lời khốn kiếp ấy, thì ta đã xa cách cô Lâm từ lâu rồi.

"Xa cách" tức là trở nên lạnh nhạt, xa lạ. Vốn dĩ rất thân mật, nhưng vì một sự việc nào đó xảy ra, liền xa cách nhau. Tất nhiên, Sử Tương Vân và Tập Nhân đều không hiểu được tư tưởng ấy của Giả Bảo Ngọc. Họ nghĩ: lẽ nào đó là lời khốn kiếp sao? Đoạn miêu tả này, bề ngoài nhìn vào, là viết về trong không gian Di Hồng viện, Giả Bảo Ngọc với Sử Tương Vân, Tập Nhân có vài xung đột tâm lý và ngôn ngữ. Nhưng tôi cho rằng nó viết về Tiết Bảo Thoa.

Đó là trắc tả. Vừa rồi chẳng phải tôi đã nói rồi sao? Viết một nhân vật thì có chính tả, có trắc tả. Đây chính là một ví dụ về trắc tả. Thực tế, câu chuyện này truyền đạt cho độc giả thông tin chủ yếu về việc giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa tồn tại một bất đồng tư tưởng rất nghiêm trọng.

*Nam nhân vật chính Giả Bảo Ngọc của Hồng Lâu Mộng, với sự phản nghịch và lật đổ của mình, hoàn toàn không hợp với quy phạm đạo đức phong kiến truyền thống. Còn Tiết Bảo Thoa, người nghiêm ngặt tuân thủ quy phạm đạo đức phong kiến, và Giả Bảo Ngọc, tất nhiên sẽ có bất đồng nghiêm trọng về tư tưởng, ý thức, quan niệm giá trị và khuynh hướng giá trị. Vì thế, tác giả Tào Tuyết Cần trong Hồng Lâu Mộng đã triển khai miêu tả bằng nhiều bút pháp, trong đó có trắc tả. Tào Tuyết Cần còn sử dụng thủ pháp minh tả và ám tả, để tiếp tục đào sâu và tô đậm xung đột, bất đồng giữa hai người. Vì sao Tào Tuyết Cần làm như vậy? Giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc, lẽ nào không còn chỗ nào để điều hòa sao? Về điều này, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có phân tích độc đáo ra sao?*

Bút pháp thứ ba của Tào Tuyết Cần: minh tả. Thế nào gọi là minh tả? Minh tả nghĩa là, với tư cách tác giả, thậm chí tôi không sắp đặt một câu chuyện. Không phải là dựng một cảnh, cho một nhóm nhân vật xuất hiện, rồi để họ va chạm với nhau, tạo thành một đoạn truyện. Không phải như vừa rồi. Tôi nói thẳng, nói rõ ra luôn. Tôi viết ra thật minh bạch.

Về bất đồng tư tưởng giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa, về khác biệt nghiêm trọng trong khuynh hướng giá trị, nó đã được minh tả. Đó là ở hồi ba mươi sáu. Ở đó không phải kể cho bạn một câu chuyện, mà là nói thẳng. Khi đến hồi ba mươi sáu, Bảo Ngọc không chỉ đã chịu trận đòn của cha, mà vết thương do gậy đánh cũng đã lành. Vì Giả mẫu thương yêu chàng, thương đến mức gần như vô lý, bà sai người nói với Giả Chính: từ nay đừng bắt Bảo Ngọc đi gặp khách nữa, đừng để nó phải gặp khách nữa, cũng đừng vì đạo lý hay việc tiền đồ mà hỏi bài vở của nó. Ông cũng đừng hỏi công khóa của nó nữa. Lần trước đánh quá nặng, nó bị kinh sợ rồi. Bây giờ nó cần tĩnh dưỡng. Như vậy, Giả Bảo Ngọc rất vui. Đúng không? Hoàn toàn được giải thoát, được tự do. Chàng không còn bị trói buộc bởi bộ quy tắc của cha nữa.

Nhưng lúc này, liền có một đoạn minh tả. Những người như Bảo Thoa, chủ yếu là nói Bảo Thoa, vẫn còn đến khuyên bảo chàng. Khó khăn lắm mới gạt được cha chàng ra, đúng không? Hai bên coi như mắt không thấy thì lòng không phiền. Đúng không? Nào ngờ, Bảo Thoa các kiểu vẫn còn đến khuyên. Vì sao ở chỗ này lại phải viết một đoạn minh tả như thế? Đoạn chữ này còn không ngắn. Nói rằng sau đó Bảo Thoa và những người khác thỉnh thoảng nhân cơ hội khuyên bảo. Vậy chàng trái lại thở dài, chỉ nói: đang yên lành một cô gái thanh sạch trắng trong, cũng học thói câu danh mua tiếng. Lời phía sau rất nặng. Gọi đó là sa vào hạng "quốc tặc lộc quỷ".

Giả Bảo Ngọc đối với lời khuyên của Tiết Bảo Thoa dành cho mình là căm ghét tận xương. Chàng nói những thứ ấy là người xưa vô cớ sinh sự, lập ngôn đặt lời, khuyên người ta đọc sách cầu tiến, đi con đường sĩ đồ kinh tế, vân vân. Nói vốn là để dẫn dắt hậu thế là đám đàn ông ô trọc, vốn là để cho nam giới, cho đàn ông trưởng thành trong xã hội phong kiến, chỉ ra một con đường gọi là chính đạo như thế. Không ngờ trong chốn khuê các, cũng có thứ phong khí ấy. Thật uổng cho người con gái vốn được trời đất phú cho linh tú, mang đức tốt kết tinh của rừng chuông. Bảo Thoa khuyên chàng sẽ dẫn đến kiểu hậu quả này.

Hơn nữa chàng không chỉ rất giận Bảo Thoa, trong cơn tức, chàng còn giận lây cả cổ nhân. Ngoài Tứ Thư ra, chàng muốn đốt hết những sách khác, đốt sạch tất cả. Đây chính là xung đột gay gắt giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Đây là một đoạn minh tả. Các bạn thử nghĩ xem, vì sao đoạn minh tả này lại xuất hiện ở đây? Ta có thể nhớ lại hai bài giảng trước, những điều tôi đã nói với các bạn.

Tiết Bảo Thoa ban đầu, dĩ nhiên nàng vốn có tư tưởng như vậy. Nhưng mâu thuẫn xung đột giữa nàng và Bảo Ngọc chưa nghiêm trọng đến thế. Vì sao? Vì sao nàng từ Nam Kinh đến Bắc Kinh? Nàng đến để chờ tuyển. Nàng hy vọng thông qua tuyển tú nữ có thể vào bên cạnh hoàng đế.

Nếu không vào được bên cạnh hoàng đế, thì ít nhất cũng vào vương phủ, đến bên cạnh vương tử. Kém nữa thì có thể đến bên cạnh công chúa, quận chúa. Tóm lại là phải bước vào một tầng xã hội cao hơn, đến đó phát triển. Tuy vị hòa thượng kia từng nói nàng đeo khóa vàng, sau này sẽ gả cho một người đàn ông có ngọc. Nhưng người có ngọc ấy, lúc ban đầu, mục tiêu trong lòng nàng chưa chắc đã là Giả Bảo Ngọc. Bởi từ hoàng đế cho đến vương gia, đều có ngọc.

Không nhất định là Thông linh bảo ngọc, cũng không nhất định là thứ ngày ngày đeo trên cổ. Nhưng từ một góc độ nào đó, họ đều là những người sở hữu ngọc. Chí của nàng rất cao. Trong hai bài trước, tôi đã phân tích với các bạn. Đó đều là kết luận cá nhân của tôi. Nàng tham gia tuyển tú, nhưng thất bại.

Nàng bị loại. Nàng không được tuyển. Niềm trông cậy về sau của nàng chính là Giả Bảo Ngọc. Đây chính là một công tử đeo ngọc. Huống chi mẹ nàng, dì nàng, lại nhiều lần tạo dư luận, rằng có tồn tại một mối kim ngọc nhân duyên do số mệnh định sẵn. Nhưng Tiết Bảo Thoa lại là một người rất có suy nghĩ.

Giả Bảo Ngọc là một công tử quý tộc, khỏi cần nói về dung mạo, khỏi cần nói về nền tảng gia đình. Nhưng Giả Bảo Ngọc rất hoang đường. Trong mắt nàng, Giả Bảo Ngọc không biết đọc sách cầu tiến, không hiểu sĩ đồ kinh tế. Tiết Bảo Thoa cảm thấy rằng sau này nếu đã trông cậy vào Giả Bảo Ngọc, thì các mặt khác của Giả Bảo Ngọc đều rất tốt, chỉ riêng mặt này là không được. Vì vậy sau khi vết thương do gậy đánh của Giả Bảo Ngọc đã lành, thậm chí chàng không cần đi gặp Giả Chính nữa, Giả Chính cũng không có cơ hội dạy dỗ chàng nữa, nàng phải đứng ra khuyên bảo Giả Bảo Ngọc. Vì thế Tào Tuyết Cần ở đây thẳng thừng dùng minh tả.

Ông thậm chí không dựng một khung cảnh. Ông nói rõ với các bạn: hai người này ở điểm ấy không có chỗ nào để điều hòa. Bút pháp thứ tư của Tào Tuyết Cần: ám tả. Vậy có ám tả không? Ví dụ về ám tả, trong hai bài trước tôi đã nói rồi. Tiết Bảo Thoa có tham gia tuyển tú hay không, tuyển tú có đậu hay không, đó chính là ám tả.

Việc Tiết Bảo Thoa khuyên Giả Bảo Ngọc thật ra cũng có ám tả. Đó là sau khi Giả Bảo Ngọc bị đánh dữ dội, đang dưỡng thương trong nhà, nàng đến thăm Giả Bảo Ngọc. Lúc ấy nàng nói thế nào? Nếu sớm nghe người ta một câu, thì đâu đến nỗi hôm nay. "Người ta" ở đây chính là chỉ nàng. Tức là: anh xem, tôi vẫn thường khuyên anh, nếu anh sớm nghe tôi một câu, thì đâu đến nông nỗi này.

Vậy rốt cuộc một câu của Tiết Bảo Thoa là câu gì? Tác giả chỉ điểm đến thì dừng, để bạn tự triển khai tưởng tượng. Đó chính là ám tả. Ông không viết tiếp rằng Tiết Bảo Thoa nói ra câu gì gì đó, hoặc hồi tưởng rằng trước đây nàng từng nói gì gì đó. Ông chỉ ám tả một nét. Tức là giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc có một quan hệ như vậy: một bên khuyên bảo, một bên chống lại lời khuyên, một quan hệ rất rắc rối.

*Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tiết Bảo Thoa là hình tượng một tiểu thư quý tộc giữ nghiêm quy phạm đạo đức phong kiến, lại giàu tâm cơ. Dù Giả Bảo Ngọc nhiều lần phản bác, kháng nghị và chống đối nàng, Tiết Bảo Thoa vẫn thông qua việc không ngừng tự điều chỉnh để cố thực hiện hạnh phúc cá nhân và lợi ích gia tộc. Nhưng nếu gạt bỏ những nhân tố công lợi ấy, với tư cách một thiếu nữ đang tuổi tình yêu chớm nở, rốt cuộc Tiết Bảo Thoa có yêu Giả Bảo Ngọc không? Trong văn bản Hồng Lâu Mộng, nàng có hành động nào chủ động bày tỏ tình ý với Giả Bảo Ngọc không? Ông Lưu Tâm Vũ lại phân tích những điều huyền diệu trong đó như thế nào?*

Khi đọc Hồng Lâu Mộng, thể nghiệm của riêng tôi là: Tiết Bảo Thoa thật sự yêu Giả Bảo Ngọc.

Nàng yêu chàng. Dù Giả Bảo Ngọc có những biểu hiện mà nàng cho là rất hoang đường, dù lời khuyên của nàng gieo xuống, theo nàng nghĩ, lẽ ra phải là dưa là đậu, nhưng thu hoạch lại là gai góc, là chông gai, nàng vẫn yêu Giả Bảo Ngọc. Điều này, từ hồi một đến hồi tám mươi, ít nhất có hai tình tiết thể hiện nổi bật. Nó thể hiện loại tình cảm của nàng dành cho Giả Bảo Ngọc vượt ra ngoài ý thức hệ, vượt ra ngoài bất đồng tư tưởng, vượt ra ngoài khác biệt khuynh hướng giá trị, là tình yêu chân thực giữa nam và nữ.

Lần đầu nàng bộc lộ tình yêu với Giả Bảo Ngọc là sau khi Giả Bảo Ngọc bị đánh, nàng đi thăm Giả Bảo Ngọc. Chỗ này viết rất hay. Sau khi gặp Giả Bảo Ngọc, Tiết Bảo Thoa chỉ nói ngắn ngủi vài câu. Mấy câu ấy, Tào Tuyết Cần viết rất hay. Nó phát triển theo tầng thứ nhất, tầng thứ hai, tầng thứ ba. Tầng thứ nhất vẫn là tầng ý thức hệ, là tầng quan niệm. Vừa mở miệng đã nói: nếu sớm nghe một câu, thì đâu đến nỗi hôm nay. Lúc này, trong mấy giây ấy, điều chủ đạo trong tư duy của nàng vẫn là bất đồng về tư tưởng. Tức là nàng nói: anh xem anh, đi kết giao với đào hát, gây nên bao chuyện, lại dính đến Tưởng Ngọc Hàm, đi làm những chuyện hoang đường ấy. Kết quả thì sao? Vì anh không lo chính nghiệp, nên mới dẫn đến kết quả tệ hại như thế. Đúng không? Nhưng rất nhanh, tâm lý của nàng và tình cảm của nàng chuyển sang một tầng khác. Tầng này vượt ra ngoài ý thức hệ, vượt ra ngoài phê phán đạo đức, vượt ra ngoài khuynh hướng giá trị. Nàng nói: đừng nói lão thái thái, thái thái đau lòng, ngay cả chúng tôi nhìn thấy, trong lòng cũng... Nàng không nói tiếp được nữa. Đây là tầng nào? Đây là đi đến một tầng giữa người với người, gạt bỏ chính trị, kinh tế, ý thức hệ và những thứ khác, người với người, với tư cách những sinh mệnh mộc mạc, có một thứ tình ý thuần túy.

Nàng trước tiên nhắc đến lão thái thái, thái thái đau lòng. Rồi ý nàng là: chúng tôi nhìn thấy thì cũng đau lòng. Tất nhiên lời này nói hơi vội. Bởi với một người tuân thủ quy phạm đạo đức phong kiến như nàng, mà nói, nàng không nên đặt mình với lão thái thái, với lão thái thái và thái thái ngang hàng nhau. Có phải không? Đúng không? Theo trật tự luân thường phong kiến, nàng là thứ mấy chứ? Một người là bà nội của người ta, một người là mẹ của người ta. Còn nàng? Nàng là chị, gọi là chị thì cũng chỉ là một người chị họ. Đúng không? Vì thế nói đến nửa chừng, nàng liền không nói tiếp được nữa. Nàng cảm thấy hơi xấu hổ. Rồi đến tầng thứ ba, chính là tầng tình yêu trong tầng tình cảm. Điều quan trọng nhất trong tình yêu là một thiếu nữ trẻ tuổi đối với một công tử trẻ tuổi có một thứ tình yêu một trăm phần trăm. Lúc này, tất cả đều nằm trong im lặng. Nàng không dùng lời nói để biểu đạt, mà dùng động tác thân thể để biểu đạt. Đó là động tác gì? Trong sách viết rất rõ. Đúng không? Nàng tự thấy mình nói quá vội, hơi hối hận, liền đỏ mặt cúi đầu. Đúng không? Nàng che giấu vẻ ngượng ngùng, không nói tiếp, bèn cúi đầu, chỉ mân mê dải váy.

Mân mê dải váy, ngôn ngữ cơ thể này biểu đạt chính là tình yêu. Còn Giả Bảo Ngọc lúc ấy đã cảm nhận được. Giả Bảo Ngọc ý thức được điều đó. Nhưng Giả Bảo Ngọc lúc ấy nhìn ra vẻ ngượng ngùng, e thẹn ấy của nàng, khó có thể hình dung được. Hơn nữa chàng thấy những lời nàng nói thân thiết, thắm thiết, rất có

thâm ý. Khi một thiếu nữ trẻ tuổi xinh đẹp hướng về bạn mà biểu đạt tình yêu thuần túy, thì dù thế nào? bạn cũng không thể không động lòng.

Giả Bảo Ngọc lúc ấy bất giác trong lòng rung động mạnh. Vốn sau khi bị đánh, chàng rất đau. Kết quả là cơn đau ấy đã bị ném lên tận chín tầng mây. Cuối cùng có một cảnh như vậy, viết về Tiết Bảo Thoa đối với Giả Bảo Ngọc, về tình yêu, tình cảm yêu đương. Trong khoảnh khắc ấy, nàng yêu Giả Bảo Ngọc. Nàng đã quên bất đồng tư tưởng với Giả Bảo Ngọc.

Nàng cũng không bận tâm đến thân phận chỉ là một người chị họ. Nàng ở bên giường nằm của chàng, đứng đó, cúi đầu, đỏ mặt, lặng lẽ mân mê dải váy. Viết rất sinh động, rất đẹp. Đó là một bức tranh tình yêu rất đẹp. Trong Hồng Lâu Mộng, xoay quanh Bảo, Đại, Thoa, mối rối ren tình cảm giữa ba người có một loạt miêu tả sinh động, truyền thần. Tình yêu theo đuổi giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc cùng kết cục bi kịch của họ trở thành những đoạn kinh điển khiến đông đảo độc giả rung động và thở dài thương tiếc.

*Còn mối rối ren tình cảm giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc cũng là đề tài nóng khiến mọi người bàn luận không ngớt. Vậy trong tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, có còn miêu tả nào về việc Tiết Bảo Thoa chủ động bày tỏ tình yêu với Giả Bảo Ngọc không? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ tiếp tục chỉ ra sâu hơn như thế nào? cách sách miêu tả quan hệ tình yêu giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc? Lần tỏ tình thứ hai của Tiết Bảo Thoa. Các bạn có thể nhớ lại, ở hồi ba mươi sáu, lúc ấy vết thương do đòn gậy của Giả Bảo Ngọc đã dưỡng gần xong, về cơ bản đã hồi phục. Trưa hôm đó, vốn là ở trong phòng của Vương phu nhân, mọi người tụ họp.*

Tiết Bảo Thoa có mặt, Lâm Đại Ngọc có mặt, Vương Hy Phượng có mặt, một số người đều ở đó. Mọi người ăn dưa hấu, có thể thấy là mùa hè. Trời rất nóng, nên buổi trưa ăn ít dưa hấu để giải nhiệt. Chi tiết ăn dưa hấu cũng chứng minh rằng đó là sau bữa cơm, đúng không? Và gần đến giữa trưa, ăn dưa hấu xong thì mọi người nên nghỉ trưa. Tiết Bảo Thoa bỗng cảm thấy quá dễ...

Sức thúc đẩy nguyên sơ của sự sống đang thúc đẩy nàng. Vốn đây là nếp sinh hoạt thường ngày, một nghi thức đáng lẽ phải quy củ nhất. Nhưng trưa hôm ấy, nàng lại không muốn ngủ trưa. Thế là sau khi ra khỏi sân của Vương phu nhân, nàng hẹn Lâm Đại Ngọc, nói hay là chúng ta đến Ngẫu Hương tạ đi. Ngẫu Hương tạ là chỗ ở của ai? Là chỗ ở của Tích Xuân.

Tích Xuân có sở trường gì? Nàng biết vẽ. Tiết Bảo Thoa liền thử dò hỏi, hỏi Đại Ngọc: chúng ta đến Ngẫu Hương tạ nhé? Kết quả Lâm Đại Ngọc nói nàng phải đi tắm. Vậy Tiết Bảo Thoa liền nói... Lâm Đại Ngọc đi tắm, còn nàng tự mình đi về phía nào?

Nàng không về Hành Vu viện. Nàng đi về phía Di Hồng viện. Nàng đến Di Hồng viện để làm gì? Nàng nói muốn tìm Giả Bảo Ngọc trò chuyện một lát, để xua đi cơn buồn ngủ buổi trưa. Mọi người đều có thể khỏi ngủ trưa, trong tiếng cười nói vui vẻ, trải qua một buổi trưa rất tốt đẹp.

Nàng cứ như vậy, đi đến Di Hồng viện. Tôi nhìn xuống dưới, thấy biểu cảm của vài người dường như không tán đồng cách kể của tôi. Các bạn nói: chuyện này liên quan gì đến tình yêu? Nàng chẳng thường đến Di Hồng viện sao? Số lần nàng đến còn ít à? Nhưng các bạn thử nghĩ xem, giữa trưa nắng, giờ ngủ trưa.

Nàng lại đi. Sau khi đến thì thế nào? Cả Di Hồng viện đều là cảnh ngủ trưa. Cụm kiến trúc chính của Di Hồng viện, gian nhà chính cũng rất lớn. Sau khi nàng đi vào, nhiều a hoàn ở đó, nằm ngang nằm dọc ngủ trưa. Nàng lại vượt qua không gian ấy, đi thẳng vào gian trong cùng của Giả Bảo Ngọc, phòng ngủ riêng tư nhất ấy.

Nàng đi vào. Nhìn thì thấy Giả Bảo Ngọc đang ngủ trưa trên giường, đã ngủ rồi, mặt quay vào trong. Bên cạnh có ai ngồi? Là Tập Nhân. Tập Nhân lúc ấy, vì đã lấy lòng được Vương phu nhân, thân phận đã được nâng lên phần nào. Nàng đã trở thành một "chuẩn di nương", thành một vị thiếp trong tương lai.

Lúc ấy Tập Nhân ở đó đang làm hai việc. Việc gì? Nàng thêu cho Bảo Ngọc một chiếc yếm. Về cơ bản đã hoàn thành, có lẽ chỉ cần thêm vài mũi nữa là xong hẳn. Chiếc yếm ấy lấy nền lụa trắng, bên trên thêu gì? Thêu hình uyên ương giỡn nước.

Sen đỏ lá xanh, uyên ương năm màu, thêu rất tinh xảo, rất hoa mỹ. Hơn nữa còn đã viền bằng lĩnh đỏ. Nàng đang hoàn thành chiếc yếm ấy, đang làm việc này. Còn một việc nữa, nàng cầm một chiếc phất trần, cũng gọi là chổi ruồi, để xua ruồi muỗi. Cầm thứ này, nghĩa là chủ nhân đang ngủ trưa, còn mình hầu hạ rất chu đáo. Lúc ấy, Tiết Bảo Thoa bước vào.

Các bạn thử nghĩ xem, Tiết Bảo Thoa đáng lẽ là một cô gái rất tuân thủ quy phạm luân lý đạo đức phong kiến, phải không? Đây là phòng ngủ riêng tư của một công tử. Lúc này, chàng đang ngủ trưa. Nàng đã nhìn rõ rồi. Nàng không quay người đi ra, mà còn tiến lên trước. Điều gì đang thúc đẩy nàng?

Nàng yêu người này. Dù chỉ thêm một phút, một giây, được gần gũi người ấy, đối với nàng đều là niềm vui lớn nhất trong đời.

*Hồi ba mươi sáu của Hồng Lâu Mộng khắc họa quan hệ vi diệu giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc vô cùng truyền thần, sâu sắc đến tận cùng. Lúc này, Tập Nhân sẽ đối đãi với chị Bảo đột ngột đến thăm như thế nào? Tiết Bảo Thoa sẽ có hành động bất ngờ ra sao? Đằng sau những tình tiết có vẻ bình thường ấy rốt cuộc có ý nghĩa gì? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ tiếp tục phân tích sâu hơn như thế nào? về quan hệ tình yêu giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc?*

Tất nhiên Tập Nhân liền phát hiện ra nàng. Tập Nhân giật mình. Dĩ nhiên là giật mình. Tập Nhân giật mình có hai nguyên nhân. Một nguyên nhân là, tất nhiên Tiết Bảo Thoa đi rón rén, hành động của nàng không hề thô lỗ. Nàng là một người rất nhàn nhã, tao nhã, chậm rãi bước vào. Nguyên nhân còn lại là vừa thấy là

nàng, nói thật, nếu là Lâm Đại Ngọc, Tập Nhân cũng sẽ không ngạc nhiên, vì nàng biết tính Lâm Đại Ngọc thường hay vượt khuôn phép. Nhưng Bảo Thoa là một người rất tuân thủ quy phạm luân lý đạo đức phong kiến, vậy mà lại là nàng. Tất nhiên giữa hai người này, trong vô thức có vài sự cộng hưởng tư tưởng. Vì thế sau khi gặp nhau, hai bên đều rất thân mật. Lúc này, Bảo Thoa hỏi một câu.

Nàng nói: cô đang thêu gì vậy? Tập Nhân nói là yếm. Mọi người đều biết, lúc ấy Giả Bảo Ngọc đã khá lớn rồi, đúng không? Từ mười ba tuổi sắp sang mười bốn. Trong xã hội thời ấy, tuổi thọ con người có hạn. Cách nói thời ấy là ba mươi tuổi đã là nửa đời, sáu mươi tuổi là đủ thọ, đến bảy mươi thì là "nhân sinh thất thập cổ lai hy".

Vì vậy mười ba, mười bốn tuổi đã là một nam tử trưởng thành rồi. Nam tử trưởng thành sao còn đeo yếm? Phải không? Những người ngồi đây ăn cơm có còn đeo yếm ăn không? Đúng không? Không có.

Thứ đó ở mỗi độ tuổi lại có đồ dùng tương ứng với độ tuổi ấy, đúng không? Ở chỗ này, ông viết rất khéo. Ông rất sợ độc giả hiểu lầm, cho rằng giữa Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc vẫn là vô tư thuở nhỏ, thanh mai trúc mã, vẫn ở trạng thái trẻ con. Không phải. Tiết Bảo Thoa tất nhiên biết Giả Bảo Ngọc đã là một nam tử trưởng thành. Đúng không?

Nàng cũng yêu chàng như một nam tử trưởng thành. Vì thế khi thấy chiếc yếm, nàng cảm thấy kỳ lạ. Tập Nhân bèn giải thích, nói rằng ban đầu cậu ấy cũng không đeo. Bởi Giả Bảo Ngọc đương nhiên không muốn đeo. Tôi lớn thế này rồi, cô còn bắt tôi đeo cái này sao? Đúng không?

Nhưng Tập Nhân nói, phép của Tập Nhân chỉ có một điều: cuối cùng tôi cứ dỗ dành cậu ấy, không còn cách nào khác. Nàng thêu chiếc yếm ấy đẹp vô cùng, khiến cậu ấy nhìn thấy thì yêu thích không rời tay, vì thế mới chịu đeo. Cho nên Tập Nhân nói, cô thấy chiếc này thêu rất đẹp, thật ra chiếc đang mặc trên người cậu ấy còn đẹp hơn. Nàng nói thấy cậu ấy không muốn đeo, sau vì thấy nó đặc biệt đẹp, khuyên một câu là cậu ấy đeo. Tôi nói ban đêm ngủ, lỡ tốc chăn gì đó thì cũng không bị lạnh. Điều này cũng thể hiện Tập Nhân đối với Bảo Ngọc quả thật trung thành tận tụy, hầu hạ chu đáo mọi bề.

Sau khi hai người trò chuyện một lúc, Tập Nhân nói: ôi, tôi thêu nửa ngày, cổ cũng mỏi, người cũng mệt rồi. Cô Bảo, tôi đi một chút rồi về ngay. Lúc này, ông có một đoạn miêu tả rất tinh tế. Tập Nhân đi rồi. Nói rằng: Tiết Bảo Thoa, như thế là đủ rồi, nàng cũng nên đi. Người ta đang ngủ mà.

Tiết Bảo Thoa yêu người ấy. Dù chỉ nhìn một bóng lưng quay mặt vào trong, một bóng lưng đang nằm, nàng cũng không nỡ rời đi. Nàng không kiêng kỵ, nghiêng người ngồi xuống đâu? Nàng ngồi đúng vào chỗ Tập Nhân vừa ngồi. Tôi thấy bên dưới có một chàng trai đang cau mày, chắc nghĩ: vậy thì có gì đâu? Ngồi đâu chẳng được?

Nhưng đó là xã hội gì? Đúng không? Lễ giáo của xã hội ấy quy định thế nào? Phòng ngủ của một công tử trẻ tuổi, bên cạnh giường nằm là chỗ của a hoàn. Hoặc nếu không phải a hoàn, thì cũng là chỗ của di nương, thiếp hầu. Đó là vị trí của người hầu hạ.

Ở vị trí ấy, người hầu vừa làm hai việc: một là thêu chiếc yếm kia, thêu yếm cho nam chủ nhân; hai là xua côn trùng cho chàng. Đúng không? Vậy Tiết Bảo Thoa, nàng là một tiểu thư khuê các, giữa trưa nắng, nàng chạy đến bên giường nằm ấy, nàng không hề kiêng kỵ, cứ thế ngồi xuống vị trí của người hầu đang hầu hạ chàng. Có phải nàng quá quên mình vì tình không? Nàng hoàn toàn quên mình vì tình. Hơn nữa hai việc của Tập Nhân, nàng đều nhận làm thay.

Có miêu tả này không? Có phải không? Nàng liền thêu chiếc yếm ấy. Hơn nữa nàng còn cầm lấy chiếc phất trần, để xua côn trùng. Cho nên đoạn này thực tế là miêu tả chính diện, vô cùng tinh tế, Tiết Bảo Thoa với tư cách một thiếu nữ thanh xuân yêu say một công tử trẻ tuổi như thế nào. Trong đoạn tình yêu này, trong biểu hiện tình yêu ở tình tiết này, không có thành phần ý thức hệ nào, không có bất cứ điều gì thuộc về khuynh hướng giá trị, không có thuyết giáo đạo đức, không có lời khuyên bảo liên quan gì cả.

Nàng chỉ là yêu người này. Viết rất hay.

Tiết Bảo Thoa, nàng yêu Giả Bảo Ngọc như thế, đúng không? Vậy cuối cùng nàng có thể gả cho Giả Bảo Ngọc, trở thành chính thất của Giả Bảo Ngọc không? Bản thân Tiết Bảo Thoa rất hiểu rõ. Xã hội ấy là mọi chuyện đều phải nghe theo gia trưởng. Nhân vật then chốt là Giả mẫu. Vì thế, về sau trong đời Tiết Bảo Thoa, một nhiệm vụ rất quan trọng là làm sao để cuối cùng Giả mẫu trong vấn đề chọn ai làm chính thất của Giả Bảo Ngọc ở vấn đề ấy, cán cân nghiêng về phía nàng. Vậy giữa Giả mẫu và nàng rốt cuộc có mâu thuẫn xung đột hay không? Trong vấn đề chọn chính thất cho Giả Bảo Ngọc, vấn đề này, cán cân của Giả mẫu rốt cuộc nghiêng về phía nào? Khi bàn về Tiết Bảo Thoa, vấn đề này cũng cần được sắp xếp lại từ góc độ của nàng. Hẹn gặp lại ở bài sau.

# Tập 32

Bí ẩn quan hệ với Giả mẫu của Tiết Bảo Thoa

*Tiết Bảo Thoa, một tiểu thư khuê các giữ nghiêm lễ giáo phong kiến, một quý cô gửi lòng vào kim ngọc nhân duyên, nàng sẽ giành lấy hạnh phúc cá nhân của mình ra sao? Trong thời phong kiến coi "lệnh cha mẹ, lời mai mối" là khuôn vàng thước ngọc ấy, nàng sẽ vắt óc thế nào? để được phủ Giả thừa nhận và yêu mến? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục giải đọc Tiết Bảo Thoa, hấp dẫn kể về bí ẩn quan hệ giữa Tiết Bảo Thoa và Giả mẫu.*

*Trong chương trình trước, ông Lưu Tâm Vũ phân tích rằng tuy Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc có khác biệt nghiêm trọng về ý thức tư tưởng, quan niệm và lựa chọn giá trị, nàng vẫn có một tình yêu chân thật từ đáy lòng với Bảo Ngọc. Trong hồi 36 của Hồng Lâu Mộng, cảnh "Bảo tỷ tỷ" gửi lòng vào kim ngọc nhân duyên đến thăm Giả Bảo Ngọc đang ngủ trưa đã chứng minh rất rõ điều ấy. Nhưng đúng lúc Tiết Bảo Thoa nhập tâm quên mình, ngồi bên giường Giả Bảo Ngọc thêu uyên ương, một câu nói kinh thiên động địa trong mộng của Bảo Ngọc lại giáng cho nàng một đòn rất nặng. Rốt cuộc đó là câu gì? Câu ấy có khiến tình yêu chân thật của Tiết Bảo Thoa dành cho Giả Bảo Ngọc thay đổi không? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ tiếp tục giải đọc Tiết Bảo Thoa, hấp dẫn kể tập bốn "Bí ẩn quan hệ với Giả mẫu" trong loạt Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi.*

Vậy tình tiết Tiết Bảo Thoa vào Di Hồng viện, gặp Giả Bảo Ngọc đang ngủ trưa, thể hiện rằng nàng yêu Bảo Ngọc. Chắc chắn có khán giả, có bạn sẽ hỏi: ông giảng rất kỹ, nhưng vì sao một chi tiết quan trọng nhất lại không nói? Dĩ nhiên tôi cố ý để lại. Bây giờ, ngay từ đầu buổi này, ta sẽ bổ sung chi tiết ấy. Khi ấy Tiết Bảo Thoa ngồi bên sập ngủ của Giả Bảo Ngọc, ngồi đúng chỗ Tập Nhân, rồi bắt đầu thêu uyên ương, vá đường kim. Nhưng lúc đó, chính là chỗ tôi cố ý để lại ở bài trước, để mở đầu bài này nói với các vị, cũng là chỗ các vị lập tức nhớ ra. Nàng đang ngồi yên ổn, bỗng Giả Bảo Ngọc nói mớ. Ôi, câu nói mơ ấy của Bảo Ngọc ghê gớm lắm. Cậu nói thế nào? "Lời hòa thượng, đạo sĩ làm sao tin được? Kim ngọc nhân duyên gì chứ? Ta cứ nói là mộc thạch nhân duyên.".

Các vị thử nghĩ, trước đó nàng từng bước phát triển đến mức ngồi vào vị trí ấy, còn vá kim thêu uyên ương; đùng một cái, âm thanh ấy vang lên. Có thể tưởng tượng Tiết Bảo Thoa đã chịu cú đánh, cú kích thích lớn đến mức nào. Nhưng về chi tiết này, giữa một số bạn Hồng học và tôi có tranh luận. Một bạn Hồng học trẻ kiên trì cho rằng thật ra Bảo Ngọc không hề nói mơ, lúc ấy Bảo Ngọc đã tỉnh rồi. Hơn nữa cậu ấy biết bên cạnh mình là Bảo Thoa. Tôi hỏi: sao biết được?

Bạn ấy nói: ông quên cạnh giường Bảo Ngọc có một tấm gương kính lớn à? Về sau có vài đoạn miêu tả điều đó, nhớ chứ? Vì vậy bạn ấy nói, Bảo Ngọc lờ mờ thấy Bảo Thoa ngồi bên cạnh mãi chưa đi, nên cố ý kêu câu

ấy ra để cảnh cáo nàng. Ý là: đừng si tâm vọng tưởng nữa, với cô thì không có cửa đâu. Nhưng tôi không tán thành phân tích này của bạn Hồng học ấy. Dù vậy cũng rất thú vị.

Tôi nghĩ đọc một đoạn tình tiết như vậy, mỗi người có cách nhìn riêng, trao đổi bình đẳng là bình thường. Bạn ấy có thể giữ lại cảm nhận đọc và thưởng thức của mình, tôi cũng có thể trình bày cách đọc của tôi; tất cả chỉ để mọi người tham khảo, các bạn Hồng học có thể có ý kiến khác. Tôi thì cho rằng Bảo Ngọc vẫn đang nói mơ. Trong mộng cậu cũng không quên Lâm Đại Ngọc; trong mộng cậu cũng mơ thấy sức ép gia tộc đè lên mình, cứ nhấn mạnh kim ngọc nhân duyên. Vì vậy từ đáy lòng cậu bật ra lời phản kháng. Dù là nói mơ thật hay giả, rốt cuộc cậu đã kêu lên; với Bảo Thoa, đó là một cú đánh rất lớn.

Nhưng xin chú ý: khi mạch tình tiết tiếp tục chảy về trước và về sau, Tiết Bảo Thoa trước sau không thay đổi tình yêu ấy dành cho Giả Bảo Ngọc.

Trước đoạn này cũng vậy, sau khi chịu cú kích thích ấy cũng vậy, nàng vẫn yêu Giả Bảo Ngọc. Tiết Bảo Thoa thông minh hơn Lâm Đại Ngọc ở chỗ nào? Nàng coi trọng quy phạm đạo đức phong kiến hơn, vì thế cũng biết mình biết người hơn. Nàng cũng càng có khả năng từ góc độ ấy mà giành lấy hạnh phúc cá nhân cho mình. Lâm Đại Ngọc hoàn toàn ở trạng thái tự nhiên trời sinh, tùy tâm tùy ý, sống theo tính cách của mình: muốn nói gì thì nói, muốn làm sao thì làm vậy, chuyện sau này không nghĩ nhiều. Đó là Lâm Đại Ngọc. Còn Tiết Bảo Thoa, mỗi bước đi đều rất nghiêm túc; như đánh cờ, nàng nhìn trước ba bước, năm bước. Cho nên nàng nghĩ: dù Giả Bảo Ngọc không yêu ta như vậy, dù cho ta một cú kích thích lớn, nhưng quyết định hôn nhân của chúng ta đâu phải bản thân chúng ta. Điểm này nàng tỉnh táo hơn Đại Ngọc. Trong thời đại ấy, trong tầng lớp gia đình ấy, rốt cuộc người quyết định hôn phối của họ là gia trưởng.

*Tuy Hồng Lâu Mộng cố ý làm mờ thời đại xảy ra câu chuyện, nhưng sau khi phân tích khảo chứng, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng thời đại mà sách phản ánh đại thể tương đương ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long đời Thanh. Mà giai đoạn ấy chính là thời lễ giáo phong kiến ngày càng nghiêm ngặt; chuyện hôn nhân đại sự của nam nữ trẻ tuổi đương nhiên phải tuân theo quy củ "lệnh cha mẹ, lời mai mối". Vậy người quyết định hôn sự của Giả Bảo Ngọc sẽ là Giả Chính và Vương phu nhân sao? Còn Tiết Bảo Thoa thận trọng, nhiều mưu tính và xử sự khéo léo sẽ đối đãi chuyện chung thân giữa mình với Bảo Ngọc như thế nào? Nếu chỉ xét theo việc và theo gia trưởng, gia trưởng của Giả Bảo Ngọc là Giả Chính. Giả Bảo Ngọc lấy người vợ nào, lẽ ra phải do Giả Chính quyết định.*

Nhưng trong sách, Giả Chính được viết rất cụ thể, khiến chúng ta nhận ra đây là một quan liêu phong kiến kiểu gì. Đó là một người đàn ông phân biệt rất rạch ròi giữa chính trị, việc nhà với khuynh hướng cá nhân, đời sống cá nhân của mình. Nhưng trong thời đại ấy, trong tầng lớp xã hội ấy, kiểu này rất thường thấy. Ông ta đem các hoạt động chính trị triều đình mà mình tham dự tách hẳn khỏi việc gia đình. Vậy với việc nhà, ông ta giữ thái độ gì? Ông ta chẳng hỏi chẳng han, giao hết cho người vợ chính thất của mình là Vương phu nhân. Vương phu nhân cũng muốn nhẹ việc, bèn tìm người giúp việc nội bộ là Vương Hy

Phượng. Trên danh nghĩa là tìm Giả Liễn, nhưng cuối cùng quyền bính rơi vào tay Vương Hy Phượng. Họ lo liệu việc nhà; toàn bộ sự vụ trong phủ đều do hai vợ chồng ấy nắm, Giả Chính cũng mặc kệ. Vì thế đối với hôn nhân của Bảo Ngọc, ông ta giữ một thái độ có thể nói là rất vô trách nhiệm, cứ luôn bảo nó còn nhỏ, còn nhỏ. Đừng nói chuyện cưới chính thê, ngay cả định cho Giả Bảo Ngọc một nàng thiếp, ông ta cũng thấy còn sớm. Ông ta là thái độ như vậy.

Còn Tiết Bảo Thoa, sau khi ở phủ Vinh Quốc lâu ngày, nàng nhìn rất rõ. Huống hồ Giả Chính là cậu dượng; nam nữ hữu biệt, bối phận cũng khác, căn bản không có cơ hội nói chuyện. Muốn tranh thủ thái độ của Giả Chính là rất khó làm, mà cũng không có ý nghĩa. Còn Vương phu nhân thì không cần nàng phải vận động. Vương phu nhân là chị ruột của mẹ nàng, đương nhiên chủ trương thúc đẩy kim ngọc nhân duyên. Chướng ngại mà nàng đối diện chính là Giả mẫu, chính là Giả mẫu.

Hơn nữa theo các bài giảng trước của tôi, tôi từng bày tỏ một quan điểm cá nhân: bộ sách này lấy chân thực đời sống để phản chiếu vào chân thực nghệ thuật. Trong chân thực đời sống, nguyên mẫu của Giả Chính không phải con ruột của Giả mẫu, Vương phu nhân cũng không phải con dâu ruột của Giả mẫu. Hai người họ sau khi trưởng thành mới được quá kế sang. Nếu các vị có thể tán đồng quan điểm ấy, sẽ càng hiểu vì sao quan hệ giữa họ tinh vi như vậy. Theo lý, Vương phu nhân có một chủ ý, không quyết được thì có thể xin ý kiến mẹ chồng. Hoặc nói Giả mẫu là mẹ chồng, trước mắt bà chỉ có một con trai, con dâu ở đây; con trai cả và con dâu cả lại ở viện khác, quan hệ với bà rất xa. Vậy có chuyện gì, bà lẽ ra nên thường bàn với cô con dâu trước mắt này, hơn nữa lợi ích của hai bên lẽ ra phải nhất trí. Nhưng vì trong chân thực đời sống, giữa họ có khoảng cách, lợi ích của họ không hoàn toàn ăn khớp. Cho nên khi cân nhắc hôn sự của Giả Bảo Ngọc, giữa họ đều có bàn tính riêng.

Tiết Bảo Thoa đã nhìn thấu điều đó. Các vị thấy Tiết Bảo Thoa chịu kích thích lớn như vậy; nàng yêu Bảo Ngọc đến thế, mà Bảo Ngọc trong mộng còn kêu ra lời như vậy. Nhưng Tiết Bảo Thoa có một ưu thế tính cách: nàng không dễ dàng lùi bước, vì việc đó liên quan hạnh phúc đời sau của bản thân, nàng phải tranh thủ. Vì vậy sau chuyện lập đàn ở Thanh Hư quán, nàng đã quyết ý phải tranh thủ thật nhiều thiện cảm của Giả mẫu. Qua miêu tả của Hồng Lâu Mộng, ta có thể thấy với việc thúc đẩy kim ngọc nhân duyên giữa Bảo Thoa và Bảo Ngọc, cha mẹ hai bên đương nhiên khỏi phải bàn. Cha của Tiết Bảo Thoa đã mất; mẹ nàng là Tiết di mẫu, còn mẹ Bảo Ngọc là Vương phu nhân, hai người là chị em ruột. Hai người ấy ra sức thúc đẩy kim ngọc nhân duyên; cha Bảo Ngọc là Giả Chính thì chẳng hỏi han hôn sự của con, giao toàn quyền cho Vương phu nhân lo liệu. Như vậy, nhân vật then chốt quyết định hôn nhân đại sự của Bảo Ngọc chính là lão tổ tông của phủ Giả: Giả mẫu. Giành được lòng tin và sự yêu mến của Giả mẫu, trở thành cửa đột phá quan trọng nhất của kim ngọc nhân duyên. Vậy Tiết Bảo Thoa, người đã được trên dưới phủ Giả yêu mến, sẽ tiếp tục lấy lòng Giả mẫu thế nào? để được vị gia trưởng quan trọng nhất của phủ Giả ưu ái? Còn Giả mẫu sẽ giữ thái độ ra sao trước chuyện đó?

Ở hồi 35 có một đoạn miêu tả rất cụ thể, hơn nữa viết đặc biệt khéo: Tiết Bảo Thoa muốn lấy lòng Giả mẫu. Lúc ấy mọi người đang trò chuyện. Nói qua nói lại, Tiết Bảo Thoa bỗng bật ra một câu: "Con đến đây mấy năm, lặng lẽ xem ra, Phượng tỷ tỷ khéo đến vậy mà vẫn không khéo bằng lão thái thái." Nàng muốn lấy lòng Giả mẫu, đúng không?

Kết quả không ngờ, sau khi câu ấy nói ra, lão thái thái không lập tức tỏ ra vui vẻ. Giả Bảo Ngọc khi ấy lại tiếp lời, khiến toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện trở nên rối loạn. Ý của Giả Bảo Ngọc đại khái là: Phượng tỷ tỷ miệng khéo như vậy nên lão thái thái thích. Nhưng có người như đại tẩu Lý Hoàn, đơ như khúc gỗ, miệng không khéo, chẳng phải lão thái thái cũng thích sao? Đại khái cậu nói tới nói lui như vậy. Rồi vòng qua vòng lại, lại nói nếu bàn chuyện miệng khéo thì đâu chỉ Phượng tỷ tỷ miệng khéo, Lâm muội muội cũng miệng khéo chứ.

Khi ấy Giả Bảo Ngọc căn bản không để ý Tiết Bảo Thoa đang làm gì: Tiết Bảo Thoa muốn lấy lòng Giả mẫu. Lúc đó trong lòng cậu chỉ muốn làm gì? Cậu muốn dẫn dụ Giả mẫu khen Lâm muội muội, cho nên đoạn này viết rất thú vị. Các vị nghĩ xem, ở hoàn cảnh ấy Giả mẫu có thể trực tiếp khen Lâm muội muội không? Giả mẫu đâu phải kẻ ngốc. Dù có thích Lâm muội muội đến mấy, bà cũng không thể rơi vào cái bẫy ấy.

Giả mẫu ở giữa bèn nói lấp lửng, dẫn sang chuyện khác, chẳng hạn nói có người không nói nhiều mà vẫn khiến người ta thích. Lúc ấy Giả mẫu nói với Bảo Thoa: "Như Lý Hoàn đáng thương kia, không nói nhiều, lại chất phác, trước mặt công bà không mấy nổi bật." Ở đây bà chỉ Vương phu nhân, điểm tên ra. Bà không sợ điểm thẳng. Với Vương phu nhân, bà không mấy tán thưởng. Khi ấy Vương phu nhân cũng có mặt; lời này rất sắc, chính là chính trị gia tộc, chiến đấu trong tiếng cười. Bà mỉm cười nói, phải không?

Các vị đừng chỉ cười theo, phải nhìn ra: bà đang nói cô đôi khi cũng nên tỏ ra có chút phong thái. Đây là đang đùa mà cũng là nói thật.

Bảo Ngọc thì nói tới nói lui, cứ khen Lâm muội muội, hy vọng Giả mẫu tiếp lời. Không ngờ Giả mẫu nhìn quanh: bên này là Vương phu nhân, bên kia là Tiết di mẫu, hai vị đang đợi nghe gì?

Đúng không? Đợi nghe bà khen Tiết Bảo Thoa. Vậy Giả mẫu khen. Ôi, Giả mẫu thật không tầm thường: trong chiến đấu mỉm cười, bà tuyệt đối là quán quân. Bà nói thế nào? Bà nói: "Nhắc đến các chị em, không phải ta trước mặt dì thái thái mà nịnh đâu, nghìn thật vạn thật." "Nghìn thật vạn thật" thế nào?

"Tính từ bốn cô gái nhà ta trở đi..." Tôi nhìn vẻ mặt bên dưới khác nhau lắm. Có người nói: ôi, khen rồi, khen đến tận cùng rồi, Giả mẫu có ấn tượng tốt với Bảo Thoa như vậy. Nhưng lời của Giả mẫu, nghe lời phải nghe âm, gõ trống phải nghe tiếng; phân tích kỹ sẽ thấy bà rất độc. Giả mẫu nói: cô chẳng phải cứ buộc ta khen Bảo Thoa sao? Đúng không? Được thôi.

Ta khen. “Nhắc đến các cô gái…” “Ta nịnh trước mặt dì thái thái”, đúng không? “Nghìn thật vạn thật” tính thế nào? “Tính từ bốn cô gái nhà ta trở đi.” Bốn cô gái nhà họ Giả là bốn vị nào? Nguyên, Nghênh, Thám, Tích. Đúng không?

Giả mẫu rất thông minh. Lúc này nếu bà khen Lâm Đại Ngọc, tất nhiên nói “tính từ bốn cô gái” thì rộng ra cũng có thể tính cả Lâm Đại Ngọc, cả Sử Tương Vân vào. Nhưng bây giờ ta không nói chuyện đó. Bây giờ ta là người họ Sử, đã gả vào nhà họ Giả. Ta ở nhà họ Giả đã bao nhiêu năm rồi. Đời này nhà họ Giả của chúng ta có bốn cô gái.

Đúng không? Ta đem ra so. Cả bốn cô gái ấy đều không bằng cô, Tiết Bảo Thoa này. Bà cố ý gom cả Giả Nguyên Xuân vào trong đó. Các vị nói xem bà độc không? Đây là thật khen hay giả khen?

Là làm người ta vui, hay làm người ta nghẹn trong lòng? Đây chính là Giả mẫu. Bà rất cao minh. Các vị nghe hiểu chưa? Đúng không? Tiết di mẫu nghe xong liền biết chuyện này không ổn.

Đúng không? Phải không? Các vị nói xem, cô gái nhà ta so với Đại Ngọc, so với Nghênh, Thám, Tích thì tốt hơn hẳn sao? Đúng không? Nhưng bà nói “tính từ bốn cô gái nhà ta”, rồi tính từ Nguyên Xuân trở đi. Lời ấy nói cũng như không.

Có thể đem so với Nguyên Xuân sao? Đúng không? Chẳng phải tuyển tú của cô đã thất bại rồi sao? Đúng không? Giả mẫu chẳng phải chọc đúng vết sẹo của người ta sao? Đúng không?

Phải không? Đúng không? Giả mẫu rất lợi hại. Vì thế Tiết di mẫu đành ngượng ngập nói: “Lão thái thái nói thế là thiên vị rồi.” Vương phu nhân cũng đành đứng ra giảng hòa. Nói rằng lão thái thái thường sau lưng cũng nói với tôi Bảo nha đầu tốt. Rằng câu này không phải lời giả.

Bản thân lời của Vương phu nhân nghe cũng chua lắm. Đúng không? Bà ý thức được đây là lời giả, nhưng nói với em gái mình: em đừng để bụng. Đúng không? Lần này có thể không tính. Sau lưng bà cũng từng nói với chị.

Nhưng chứng minh như vậy đâu có tác dụng gì. Đúng không? Cho nên mọi người nhất định phải đọc hiểu những chỗ này. Có vài độc giả hồ đồ, đọc đến đây, liền rút ra một kết luận sai. Họ nói: thấy chưa, cuối cùng Giả Bảo Ngọc muốn Giả mẫu khen Lâm Đại Ngọc, đúng không? Giả mẫu không khen, Giả mẫu khen Tiết Bảo Thoa.

Điều đó chứng tỏ Giả mẫu thấy Tiết Bảo Thoa phù hợp quy phạm đạo đức phong kiến, nên khi Giả mẫu chọn chính thê cho Giả Bảo Ngọc, bà sẽ chọn Tiết Bảo Thoa, chứ không chọn Lâm Đại Ngọc. Kết luận của tôi thì hoàn toàn ngược lại. Dĩ nhiên cách nhìn này của tôi chỉ để tham khảo. Không phải nói cách nhìn của

tôi nhất định đúng. Nhưng tôi cảm thấy đọc như vậy, tôi đọc ra được hương vị. Hơn nữa tôi cho rằng hương vị ấy.

*Vẫn là chính vị của Tào Tuyết Cần. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng miêu tả ở hồi 35 Hồng Lâu Mộng đã chứng minh thái độ của Giả mẫu khi chọn chính thê cho Giả Bảo Ngọc: không phải chọn Tiết Bảo Thoa, mà chỉ có thể là chọn Lâm Đại Ngọc. Nhưng chỉ dựa vào mấy câu ngắn ngủi ở hồi 35 của Hồng Lâu Mộng, dường như vẫn chưa đủ để nói rõ vấn đề. Vậy còn chứng cứ nào có thể chứng minh đầy đủ quan điểm ấy? Tiết Bảo Thoa khéo dụng tâm cơ liệu còn có hành động nào.*

Để lấy lòng Giả mẫu không? Còn Giả mẫu thật sự sẽ thờ ơ sao? Nếu nói đoạn tình tiết này vẫn chưa đủ để chứng minh Giả mẫu không vừa mắt Tiết Bảo Thoa, vậy tình tiết quan trọng bên dưới, theo tôi, hầu như không còn khả năng giải thích nào khác. Đó chính là hồi 40 vô cùng then chốt. Hồi này viết chuyện Lưu lão lão lần thứ hai vào phủ Vinh Quốc. Khi Lưu lão lão lần đầu vào phủ Vinh Quốc, còn chưa có chuyện Nguyên phi tỉnh thân. Khi ấy cũng chưa có Đại Quan viên. Đợi đến lần thứ hai bà đến, hoạt động tỉnh thân đã xong. Sau khi Đại Quan viên đóng cửa một thời gian, nó được mở ra, cho Giả Bảo Ngọc và một số tiểu thư, bao gồm Lý Hoàn dẫn Giả Lan, vào ở. Vì vậy sau khi Giả mẫu giữ Lưu lão lão lại, bà dẫn Lưu lão lão đi dạo Đại Quan viên. Trạm đầu tiên là đến Tiêu Tương quán. Vì Tiêu Tương quán trước đó đã được miêu tả nhiều, nên trong hồi này chỉ viết khái quát. Đại ý là: các vị xem, đây là phòng của cô cháu ngoại tôi. Bước vào xem, vừa có bút vừa có sách. Người ta cảm thấy cứ tưởng là thư phòng của một công tử. Điều đó nói lên cách bố trí môi trường sống của Lâm Đại Ngọc rất tao nhã, cũng rất tùy ý, rất hợp với tính cách Lâm Đại Ngọc. Sau đó, lại đến trạm thứ hai, tức Thu Sảng trai. Thu Sảng trai là nơi ai ở? Là nơi Thám Xuân ở. Ở Thu Sảng trai, nó thể hiện khí phái của Thám Xuân. Bên trong có rất nhiều đồ, đều rất hoa mỹ.

Rồi sau đó, Giả mẫu dẫn Lưu lão lão đến Hành Vu uyển. Tức nơi Tiết Bảo Thoa ở. Lúc này, sách viết về tình trạng bài trí bên trong Hành Vu uyển. Giả mẫu lần đầu vào Hành Vu uyển, bước vào nội thất Hành Vu uyển. Vừa nhìn, thấy như hang tuyết, bốn vách trắng trơn. Không có trang sức. Đồ chơi, khí vật hoàn toàn không có. Trên án chỉ có một chiếc bình thổ định. Bình thổ định là loại thấp nhất trong đồ sứ. Nó tương đối thô. Chỉ một chiếc bình thổ định như vậy, bên trong cắm mấy nhánh cúc. Còn có hai bộ sách. Rồi chỉ là trà bánh, chén trà của nàng mà thôi. Lại nhìn đến giường.

Trên giường chỉ treo rèm sa xanh. Trên rèm ấy không có chút hoa văn nào, chỉ là sa xanh, vô cùng thanh đạm. Chăn nệm cũng hết sức bình thường. Trước đó viết Thu Sảng trai, có viết đến chiếc màn giường bằng gai của Thám Xuân. Lúc ấy Lưu lão lão chẳng phải dẫn Bản Nhi đi sao? Bản Nhi chạy tới nói: đây là quả dưa, kia là cái gì?

Trên đó thêu rất nhiều hoa văn cỏ cây, côn trùng tinh xảo. Thám Xuân là một tiểu thư xuất thân từ gia đình quý tộc, nên đời sống của nàng rất cầu kỳ. Màn trướng của nàng vô cùng hoa mỹ, trên đó có rất nhiều thêu

thùa trang trí. Nhưng Tiết Bảo Thoa thì sao? Nàng là con gái duy nhất của Tiết di mẫu. Cha nàng tuy đã mất, nhưng anh trai còn làm hoàng thương.

Nhà nàng rất giàu có. Tuy là ở nhờ phủ Vinh Quốc, ở nhờ trong Đại Quan viên, ở nhờ Hành Vu uyển, cũng không đến mức màn giường của cô chẳng có hoa văn gì, chẳng có trang sức gì, chỉ là một tấm rèm sa xanh như vậy. Khi đọc đến chỗ này, người bạn Hồng học trẻ của tôi cũng cùng tôi thảo luận. Bạn ấy vừa nhìn liền nói, rằng sở dĩ Hành Vu uyển được bố trí thành như vậy, là do Tiết Bảo Thoa cố ý. Tiết Bảo Thoa vốn có thể cũng khá giản dị, nhưng chưa chắc đến mức ấy. Nhưng nàng dự đoán Giả mẫu có thể sẽ đến.

Vì trước đó khi gặp Lưu lão lão, nàng phát hiện Giả mẫu rất hứng thú. Hơn nữa Giả mẫu nói vào vườn xem, đó cũng là kế hoạch đã định. Vì thế nàng tạm thời phí một phen tâm tư: làm sao lấy lòng Giả mẫu. Bạn ấy nói, nàng nghĩ phải dìm Lâm Đại Ngọc xuống. Lâm Đại Ngọc có đời sống riêng của mình, sao có thể không khác người được? Tiểu thư là tiểu thư, công tử là công tử.

Thư phòng của cô sao lại giống thư phòng của một công tử được? Còn Thám Xuân, tôi cho đó là chuyện khác, không cần để ý nàng. Còn tôi bây giờ nhất định phải giành một tiếng khen lớn. Đúng không? Tôi là người phù hợp nhất với quy phạm lễ giáo phong kiến. Tôi là một phụ nữ tôn sùng giản phác.

Tôi tuyệt đối không theo đuổi xa hoa. Phòng tôi như hang tuyết. Đồ chơi, khí vật đều không có. Màn của tôi là rèm sa xanh, giản dị đến cực điểm. Lão thái thái, lẽ nào bà còn không khâm phục?

Tìm đâu ra một cô cháu dâu như thế? Sau này cùng sống trong nhà, chăm lo gia đình cần kiệm, còn có vấn đề gì nữa không? Đúng không? Kết quả nàng vạn lần không ngờ. Không chỉ quan niệm của nàng, sự theo đuổi giá trị của nàng, thị hiếu thẩm mỹ của nàng xung đột với Bảo Ngọc. Lần này, khi giáp mặt Giả mẫu, nó cũng xảy ra xung đột dữ dội.

Đây là điều Tiết Bảo Thoa không hề lường trước. Phân tích cơ bản của bạn Hồng học trẻ này tôi đều đồng ý. Tôi chỉ không đồng ý một điểm. Tôi nói Tiết Bảo Thoa không phải cố ý đến ngày ấy mới dẹp bớt đồ. Nói vốn trên màn có chút hoa văn đơn giản, rồi hôm ấy nàng dẹp luôn đi. Lại không biết từ đâu lấy ra một tấm rèm sa xanh thanh tĩnh mà treo lên.

Tôi nói Tiết Bảo Thoa chưa đến mức làm tới như vậy. Bởi bản thân Tiết Bảo Thoa trước sau vốn là thế. Trước đó chẳng phải đã viết rồi sao? Nhà Chu Thụy hỏi nàng uống thuốc gì. Nàng nói uống một loại Lãnh hương hoàn. Nguyên liệu cần cho Lãnh hương hoàn, các vị có thể mở sách ra xem, tôi không thể đọc thuộc hết.

Vô cùng phức tạp, vô cùng khắt khe. Vậy Lãnh hương hoàn có hàm nghĩa gì? Tức là bản thân nàng là một cô gái đang bừng nở tuổi xuân. Nội tâm nàng có tất cả những khát vọng tình yêu mà thiếu nữ tuổi xuân

đều có. Qua bài trước, tôi giảng chuyện thêu uyên ương, cũng hé lộ bí mật nội tâm của người phụ nữ tuổi xuân ấy. Đúng không?

Nàng cũng có thể tạm gác những thứ như ý thức hệ, tiền đồ, để yêu một người đàn ông sống sờ sờ, một chàng trai trẻ. Đúng không? Nhưng nàng lại kìm nén loại tình cảm vốn có của mình, kìm nén nhiệt tình thanh xuân hợp lý ấy. Nàng phải nuốt Lãnh hương hoàn. Ba trăm sáu mươi lăm ngày mỗi năm, đều cứ nuốt mãi. Đem nhiệt tình thanh xuân vốn là bình thường trong nội tâm mình đè nén xuống.

Vì thế, trong cách bố trí căn phòng của mình, nàng cũng theo đuổi một phong cách như vậy. Tức là: ta kìm nén dục vọng của mình, ta phải đạt vượt mức những quy định đạo đức phong kiến của các người. Nàng theo đuổi như thế. Điều ấy nhất quán ở nàng. Tiết Bảo Thoa, một tiểu thư khuê các giữ nghiêm lễ giáo phong kiến, một quý cô gửi lòng vào kim ngọc nhân duyên. Để đạt vượt mức những quy định của đạo đức phong kiến, nàng không tiếc hy sinh nhiệt tình tuổi xuân của mình.

Từ ăn uống, dùng thuốc đến bài trí chỗ ở, tất cả đều biểu hiện sự đè nén và khắt khe ấy. Ở hồi 40 Hồng Lâu Mộng, biểu hiện của Tiết Bảo Thoa càng đạt đến mức tột đỉnh, không thể thêm được nữa. Vậy Giả mẫu sẽ có thái độ thế nào? Biểu hiện lấy lòng vượt quá thông lệ của Tiết Bảo Thoa liệu có thể thay đổi thái độ của Giả mẫu đối với hôn sự của Bảo Ngọc không? Kết quả, sau khi Giả mẫu nhìn thấy, dĩ nhiên mọi người đều chờ phản ứng của bà. Những người khác có lẽ hơi lơ đãng, nhưng Tiết Bảo Thoa đương nhiên đặc biệt chú ý phản ứng của Giả mẫu.

Không ngờ Giả mẫu rất không vui. Giả mẫu nói: "Đứa trẻ này thật thà quá." Bà nói: "Con không có đồ bày biện, thì xin dì con ít cũng có sao đâu. Ta cũng không trách." Cũng không ngờ. Bà nói: "Đồ nhà con tự nhiên để ở nhà, không mang đến. Nhưng ta có thể cho con một ít.".

Giả mẫu là một lão phu nhân quý tộc rất có phẩm vị thẩm mỹ. Lúc ấy Giả mẫu liền sai Uyên Ương đi lấy vài món đồ cổ đến. Cô chẳng phải thích phong cách thanh nhã sao? Ta lấy cho cô đồ phong cách thanh nhã. Vậy vẫn chưa hết. Ban đầu Giả mẫu trách Bảo Thoa trước, nói: "Con cũng không chịu nhận." Rồi lại trách Phượng tỷ. Vì sao con không tặng vài món bày biện cho em gái con? Nhưng Phượng tỷ liền giải thích với bà: nàng đã trả lại, nàng không nhận. Khi ấy Tiết di mẫu lại chưa đoán ra rõ rốt cuộc Giả mẫu có ý nghĩ gì. Bà đứng bên cạnh cười phụ họa.

Nói: "Ôi, ở nhà nó không hay bày vẽ những thứ này." Tưởng như thế có thể thắng. Hai mẹ con họ tưởng như thế có thể thắng. Chẳng phải như vậy sẽ dìm mấy cô gái khác xuống sao? Nhất là dìm Lâm Đại Ngọc xuống. Đúng không? Như vậy tốt biết bao.

Phải không? Rất cần kiệm, rất giản dị. Rất trinh tĩnh. Rất thật thà. Không ngờ lúc này Giả mẫu thật sự không nén nổi ngọn lửa giận trong lòng. Một người vốn luôn hiền từ, vốn luôn trong chính trị gia tộc dùng chiến

đấu mỉm cười để thắng, lúc này không mỉm cười nữa.

Giả mẫu lúc này chắc chắn không cười. Các vị nghe lời bà thì biết. Bà nói: "Không được. Tuy là bớt việc, nhưng nếu có thân thích đến xem thì không ra dáng." Bởi vì, nói cho cùng, giữa các gia đình quý tộc vẫn có qua lại với nhau. Đúng không? Cô làm như vậy quá mức rồi.

"Nhìn không ra dáng" nghĩa là gì? Tức là theo tiêu chuẩn nguyên tắc ấy, cô đã quá đà. Vượt quá mức rồi. Lời này còn là thứ yếu. Bên dưới, Giả mẫu càng nói, lửa giận trong lòng càng bốc lên. Lúc này vẻ mặt của Giả mẫu, các vị có thể tự tưởng tượng.

Có thể tự soi gương bắt chước vẻ mặt Giả mẫu lúc ấy. Bà nói: "Thứ hai, phòng cô nương trẻ tuổi mà thanh lạnh như vậy cũng kiêng kỵ. Bọn bà già chúng ta càng nên vào chuồng ngựa mà ở rồi." Lời này, cũng rất phản kích. Theo lý, trong tình huống bình thường, Giả mẫu chưa chắc đã nói nặng lời như vậy. Đúng không? Phải không?

Cô là cô nương trẻ tuổi, cô lại dựng lên một tiêu chuẩn như vậy, nói rằng phụ nữ nên sống như thế. Sống như thế mới phù hợp đạo đức, mới cao thượng, mới bình thường. Đúng không? Thế thì kỳ lạ quá: cô bảo ta đến xem, rốt cuộc ý cô là gì? Đúng không? "Bọn bà già chúng ta", thật ra chủ yếu là bà nói chính mình. Đúng không? "Càng nên vào chuồng ngựa mà ở rồi." Lời này rất lợi hại. Các vị ngẫm kỹ đi.

Đúng không? Nó cũng sắc bén y như lời Tiết Bảo Thoa đối chọi trực diện với người khác. Ôi, lời này thật lợi hại. Không ngờ Tiết Bảo Thoa lại khéo quá hóa vụng. Đúng không? Nàng tưởng rằng mình nuốt Lãnh hương hoàn, mình kìm nén, mình đạt vượt mức một cảnh giới giản dị, nhưng Giả mẫu rất kiêng kỵ điều này.

Bởi mọi người đều biết Giả mẫu không phải một lão thái thái phong kiến bình thường. Các vị xem Vương phu nhân và Tiết di mẫu, thị hiếu thẩm mỹ của họ chỉ là mức trung bình của phụ nữ quý tộc. Không có gì thật sự độc đáo của riêng mình. Còn Giả mẫu thì khác. Bà là người phá bỏ sáo cũ khuôn mòn. Trong sách có miêu tả cụ thể.

Các vị có ấn tượng không? Con người Giả mẫu sống một đời tinh tế, sống một đời nhã trí, sống một đời cực lạc. Bà biết hưởng phúc giữa cõi phù sinh. Bà là một người như vậy. Cho nên Giả mẫu thấy Bảo Thoa lại đem ra cho bà xem một căn phòng như thế. Vì vậy cái "hang tuyết" của Bảo Thoa cuối cùng chẳng khác nào biến thành một hốc tuyết chôn vùi chính bản thân nàng.

Nói thật lòng, nếu Giả mẫu không đến Hành Vu uyển thì còn đỡ. Sau khi đến Hành Vu uyển, Giả mẫu lại càng không thể nào trong lúc chọn chính thê cho Bảo Ngọc mà chọn nàng. Các vị thử nghĩ xem. Giả mẫu là người mong mình sống lâu, cũng tin rằng mình có thể sống lâu. Đúng không? Bà sẽ tận mắt nhìn cháu trai mình cưới cháu dâu.

Phải không? Kết quả cưới một cô cháu dâu lại ở trong một căn phòng giống hệt hang tuyết. Thế chẳng phải tương đương giáng cho bà một cú thật lớn sao? Đúng không? Viện của Giả mẫu, mọi người đều biết cảnh tượng ấy mà. Phải không?

Đúng không? Bà sống thế nào? được? Không thể điều hòa. Nhìn thì tưởng là xung đột thị hiếu thẩm mỹ, thật ra đó là xung đột căn bản về thái độ đối với đời sống. Vì thế, chúng ta hãy nghĩ lại bản do Cao Ngạc viết tiếp, tức Hồng Lâu Mộng 120 hồi. Đúng không?

Ông ấy viết rằng Vương Hy Phượng bày kế tráo người, mà Giả mẫu lại ủng hộ. Còn lúc ấy, Lâm Đại Ngọc thì sao? Đúng không? Nàng khổ sở cầu xin Giả mẫu rủ chút thương xót cho mình. Giả mẫu vậy mà không chút lưu tình, sai người đem Lâm Đại Ngọc đuổi đi. Khiến Lâm Đại Ngọc chết thảm.

Dĩ nhiên, Cao Ngạc có tự do viết tiếp sách. Đoạn tục thư này, xét riêng theo bản thân ông ấy, cũng tự tròn vẹn được. Nhưng, tôi phải nói với các vị, theo cách nhìn cá nhân của tôi, nó không phù hợp nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Quá không phù hợp. Bởi Tào Tuyết Cần vốn viết như thế này. Viết rất rõ ràng.

Đúng không? Giả mẫu không thể nào trong hôn sự của Bảo Ngọc lại chọn Bảo Thoa. Người bà ngầm định chính là Đại Ngọc. Sau chuyện này, sau lần ấy, khi Giả mẫu dạo Đại Quan viên, bước vào Hành Vu uyển, nhìn thấy một căn phòng như hang tuyết, bị kích thích như vậy, bà càng thêm kiên định niềm tin và quyết tâm bỏ Bảo Thoa mà chọn Đại Ngọc. Vậy, đương nhiên vấn đề lại đến. Đúng không?

Nếu chúng ta muốn hiểu toàn diện con người Tiết Bảo Thoa, thì còn một vấn đề cần phải thảo luận. Đó là Tiết Bảo Thoa, nàng sống trong một căn phòng như hang tuyết. Tấm màn sa trên giường nàng thậm chí không có lấy một chút hoa văn trang trí nào.

Thế nhưng, tại sao dường như nàng còn hiểu nhiều hơn Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc? Nàng đã đọc rất nhiều tạp thư. Biết rất nhiều chuyện mà theo tuổi tác của nàng, lẽ ra không nên biết. Rốt cuộc chuyện này là thế nào? Lần sau chúng ta cùng thảo luận.

# Tập 33

Bí ẩn tình chướng của Tiết Bảo Thoa

*Tiết Bảo Thoa. Một thiếu nữ gửi lòng vào kim ngọc nhân duyên. Trong thời đại bị lễ giáo phong kiến trói buộc ấy, nàng phải đối diện tình yêu và hôn nhân của mình thế nào? Để thực hiện mục tiêu đời mình, nàng sẽ gặp những chướng ngại nào? Trước mấy tình chướng ngăn nàng có được Giả Bảo Ngọc, thiếu nữ thông tuệ ấy sẽ lần lượt hóa giải ra sao? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã hấp dẫn cho quý vị. Giải đọc Hồng Lâu Mộng: Tiết Bảo Thoa, Bí ẩn tình chướng.*

*Trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ bắt đầu từ việc đọc kỹ văn bản, nói đến Tiết Bảo Thoa. Để thực hiện kim ngọc nhân duyên của mình, nàng không tiếc dùng lễ giáo phong kiến để ràng buộc thú thẩm mỹ của bản thân. Nàng không trang điểm tô điểm, bày biện phòng ốc như một hang tuyết. Tiết Bảo Thoa dùng cách ấy để uốn mình lấy lòng Giả mẫu. Nhưng đúng là oan gia thì vẫn phải gặp nhau. Thái độ của Giả mẫu với mộc thạch nhân duyên đã định hình. Vì vậy trước mặt Tiết Bảo Thoa, chướng ngại tình cảm ngăn nàng có được Giả Bảo Ngọc chỉ còn lại Lâm Đại Ngọc. Vậy khi đối diện tình địch của mình, một tiểu thư quý tộc gửi lòng vào kim ngọc nhân duyên sẽ hành xử ra sao? Dàn xếp được Lâm Đại Ngọc rồi, Tiết Bảo Thoa còn gặp tình chướng nào khác không? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục loạt chương trình Hồng Lâu Mộng của ông: Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Tiết Bảo Thoa, tập năm, Bí ẩn tình chướng.*

Bài này chúng ta tiếp tục thảo luận vấn đề Tiết Bảo Thoa. Theo mấy bài phân tích trước của tôi, Tiết Bảo Thoa yêu Giả Bảo Ngọc. Nàng muốn lấy Giả Bảo Ngọc, trở thành chính thê của Giả Bảo Ngọc. Nhất là sau khi nàng thất bại trong việc tuyển tú, hy vọng duy nhất của nàng là thực hiện mục tiêu đời mình ấy. Nhưng nàng phải đối mặt với rất nhiều chướng ngại. Chướng ngại thứ nhất là bản thân Giả Bảo Ngọc không hợp nhịp tư tưởng với nàng.

Quan niệm giá trị của hai người không giống nhau. Điều này quả thật cũng khiến nàng rất phiền não. Nhưng sau một phen tự điều chỉnh, Tiết Bảo Thoa hình thành một ý nghĩ: thỉnh thoảng có thể khuyên bảo Giả Bảo Ngọc. Dù Giả Bảo Ngọc rất phản cảm với những lời khuyên của nàng, thậm chí còn xung đột với nàng, nàng vẫn nghĩ vấn đề này có thể để lại sau khi nàng lấy Giả Bảo Ngọc rồi sẽ giải quyết triệt để. Đó là suy nghĩ cơ bản của nàng đối với Giả Bảo Ngọc. Một chướng ngại khác đương nhiên là Lâm Đại Ngọc.

Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc quyến luyến quấn quýt, trên dưới phủ Vinh Quốc đều biết. Căn bản không phải bí mật gì. Tình trạng hai người yêu nhau đã lộ rõ qua hành động. Vì vậy nên đối xử với Lâm Đại Ngọc thế nào, nàng cũng phải suy tính một phen. Nàng phải nghĩ ra một cách. Một cách là xung đột trực diện, coi Lâm Đại Ngọc là tình địch, tranh đoạt Giả Bảo Ngọc với nàng ấy.

Nhưng điều này không phù hợp tính cách của Tiết Bảo Thoa. Nhìn chung, nàng vẫn là người xử sự rộng rãi, an phận tùy thời, một cô gái ôn hòa đôn hậu. Mặt khác, nếu xét theo mục tiêu nàng muốn đạt tới, đó cũng không phải cách hay. Bởi qua nhiều phân tích trước của tôi, quý vị đã hiểu thực ra người quyết định vận mệnh của những công tử tiểu thư trẻ tuổi ấy là gia trưởng. Lâm Đại Ngọc tồn tại với tư cách tình địch không đáng sợ. Điều đáng sợ là cuối cùng gia trưởng gả Lâm Đại Ngọc cho Giả Bảo Ngọc.

Cho nên, trong vấn đề nên đối xử với Lâm Đại Ngọc thế nào, ở nhiều mạch tình tiết trước, quý vị có thể cảm thấy Tiết Bảo Thoa cố hết sức nhường nhịn. Lâm Đại Ngọc gây gổ trong chuyện này, thậm chí ngay trước mặt nàng, có những biểu hiện chua ngoa sắc cạnh, nàng đều cố hết sức nhẫn nhịn. Về cơ bản, nàng giữ tư thế như vậy. Bởi nàng cảm thấy đến cuối cùng, người quyết định hôn sự của họ vẫn là gia trưởng. Trong số gia trưởng, tôi cũng đã phân tích ở trên, Giả Chính không quản việc nhà. Vương phu nhân là dì ruột của nàng, với mẹ nàng gần như cùng một lòng.

Vì thế, thật ra chướng ngại chính là Giả mẫu. Với Giả mẫu, nàng ra sức lôi kéo, ra sức lấy lòng Giả mẫu. Kết quả thì sao? Hiệu quả đều không được tốt lắm. Vậy quý vị nghĩ xem, trong tình cảnh ấy, cuộc sống của Tiết Bảo Thoa cũng có một mặt rất bi khổ. Nàng vẫn là một cô gái đi tìm hạnh phúc cá nhân của mình.

*Mà để thực hiện hạnh phúc cá nhân, nàng phải đối mặt với khá nhiều chướng ngại. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, Tiết Bảo Thoa dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần vừa có khí chất trác việt của tiểu thư khuê các, vừa có sự hào sảng rộng lượng sâu trong tâm hồn. Khi đối diện tình yêu giữa mình và Giả Bảo Ngọc, nàng rõ ràng có sự theo đuổi và hướng vọng tình yêu. Nhưng lại phong kín tình cảm ấy đến mức có mà không lộ. Trước sự giễu cợt châm chọc của Lâm Đại Ngọc, nàng luôn lặng lẽ nhường bước, làm dịu mâu thuẫn để tránh xung đột trực diện. Nhưng khi nàng phát hiện nhược điểm của Lâm Đại Ngọc, vị tiểu thư khuê các nghiêm thủ lễ giáo phong kiến ấy sẽ đối xử với nàng ra sao?*

Hồi 42 Hồng Lâu Mộng, Kim Uyên Ương ba lần tuyên nha bài lệnh.

Đã viết nhược điểm này của Lâm Đại Ngọc thế nào? Vậy nét bút đặc sắc nhất trong sách là gì? Tức có một đoạn viết rằng sau cùng, nàng có được một cơ hội, liền điều hòa quan hệ giữa mình và Lâm Đại Ngọc. Hơn nữa còn ngoài dự liệu của độc giả thông thường, thậm chí trong miêu tả của tiểu thuyết, cũng ngoài dự liệu của Giả Bảo Ngọc. Quý vị đều biết, Lưu lão lão lần thứ hai vào phủ Vinh Quốc, Giả mẫu bèn dẫn Lưu lão lão đi chơi khắp phủ Vinh Quốc. Sau cùng, Uyên Ương làm người tuyên đọc nha bài lệnh, rồi mọi người chơi nha bài. Trong quá trình ba lần tuyên nha bài, đến lượt Uyên Ương để Lâm Đại Ngọc nói nha bài lệnh, Lâm Đại Ngọc liền buột miệng nói ra hai câu đáng lẽ không nên nói trong hoàn cảnh ấy.

Một câu là: "Lương thần mỹ cảnh nại hà thiên." Sau khi nàng nói ra câu ấy, trong sách liền viết rằng Tiết Bảo Thoa nhìn nàng. Bởi câu này là lời trong Mẫu Đơn đình. Mẫu Đơn đình trong xã hội thời ấy bị xem là dâm từ diễm khúc, là thứ con gái khuê môn không được đọc. Vậy mà nàng buột miệng nói ra, có thể thấy nàng đã

lén đọc, đúng không? Người khác đều không để ý, vì khi ấy ai cũng có tâm tư riêng. Nhưng Tiết Bảo Thoa rất tinh tế. Nàng liền nhìn Lâm Đại Ngọc. Lâm Đại Ngọc thì không để ý. Nói một câu còn chưa đủ, bên dưới Uyên Ương lại bảo nàng nói, nàng lại nói thêm một câu, càng tệ hơn.

Đó là: "Sa song dã một hữu cá Hồng Nương báo." Đây là một câu trong Tây sương ký. Mà câu này, nếu nhìn từ mặt chữ, càng không phù hợp chuẩn mực đạo đức phong kiến. Đúng không? Thế nào gọi là "bên song lụa cũng chẳng có Hồng Nương báo tin"? Đúng không? Tức trong Tây sương ký viết Thôi Oanh Oanh và Trương Sinh trái ý chí của gia trưởng phong kiến để tư tình.

Ở giữa, người giúp họ xe duyên chính là Hồng Nương, đúng không? Vậy trong hoàn cảnh ấy, nàng lại buột miệng nói ra. Lúc ấy tất nhiên rồi cũng trôi qua, bởi sau đó người khác lại nói mấy câu chuyện khác, sau nữa, Sau đó thì Lưu lão lão lại nói ra câu gì đó "Hoa rụng rồi", "kết một quả bí to", đúng không? khiến mọi người cười vang cả nhà. Ai nấy liền quên chuyện này. Người khác quên, Tiết Bảo Thoa không quên.

Tiết Bảo Thoa thấy đây là một cơ hội. Đây là một cơ hội để điều hòa quan hệ với Lâm Đại Ngọc rất tốt. Cho nên chuyện này, sau khi Lưu lão lão rời đi, Tiết Bảo Thoa gọi nàng lại. Nàng vạch chuyện ấy ra. Đúng không? Vừa vạch ra, tất nhiên Lâm Đại Ngọc cũng rất hoảng.

Bởi chuyện này, dưới sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến thời ấy, một tiểu thư khuê các trong đại gia đình phong kiến không thể trong hoàn cảnh như vậy mở miệng nói ra những câu chữ đó. Tức là cái nhược điểm này đã bị Tiết Bảo Thoa nắm lấy. Tiết Bảo Thoa làm như vậy, quý vị nghĩ xem, mục đích của nàng là gì? Mục đích thứ nhất của nàng vẫn là chính diện nhắc nhở Đại Ngọc: giữa hai ta vẫn có khác biệt. Ta thì tương đối là phù hợp với quy phạm phong kiến. Ta tương đối giữ phép.

Còn nàng, thì rất nguy hiểm. Nàng ở trước mặt gia trưởng lại nói ra những câu trong dâm từ diễm khúc. Nàng có vấn đề. Vấn đề này của nàng, bây giờ ta đã thấy rõ mồn một. Nàng không chạy được đâu. Vẫn có mặt này.

Khi Lâm Đại Ngọc chơi nha bài, vô ý dùng câu trong Tây sương ký và Mẫu Đơn đình, nói ra lệnh từ như vậy trong thời phong kiến lúc ấy, đó là phạm đại kỵ. Hồi 42 Hồng Lâu Mộng viết: Tiết Bảo Thoa gọi Lâm Đại Ngọc đến Hành Vu uyển, bảo Đại Ngọc quỳ xuống, muốn thẩm vấn Đại Ngọc. Có độc giả sẽ cảm thấy đây nghiễm nhiên là một người bảo vệ lễ giáo phong kiến đang thẩm vấn một kẻ phản nghịch phong kiến. Theo lẽ thường, Tiết Bảo Thoa lòng đầy ghen tuông, đố kỵ, tất sẽ phải cùng Lâm Đại Ngọc xảy ra xung đột trực diện. Nhưng Tào Tuyết Cần vung ngòi bút thần diệu, lại viết ra một Tiết Bảo Thoa khiến những độc giả ấy khó mà tin nổi.

Vậy Tào Tuyết Cần đã miêu tả Tiết Bảo Thoa như thế nào? Lúc này, chỗ lợi hại của Tiết Bảo Thoa là ở đâu? Theo cách nghĩ của người bình thường, đã là tình địch, mà mình lại nắm được nhược điểm của nàng ấy,

đúng không? vậy thì nên nghiêm mặt đưa điều kiện với nàng ấy. Nhưng lúc này, Tiết Bảo Thoa hoàn toàn dùng một cách ngoài dự liệu của độc giả thông thường. Cách gì vậy?

Tức là trong lúc nàng nắm được nhược điểm của nàng ấy, khiến nàng ấy cũng sợ hãi, đột nhiên nàng lại bày tỏ một thái độ thế nào? Nàng nói rằng: giữa ta và nàng, ta đặt mình vào địa vị của nàng. Ta nói thật lòng với nàng. Ta cũng nói nhược điểm của ta cho nàng biết. Từ nay về sau, hai ta làm bạn tốt. Chiêu này nàng viết thật sự lợi hại.

Tào Tuyết Cần quả thật không phải nhà văn bình thường, mà là bậc đại thủ bút. Vậy Tiết Bảo Thoa nói gì?

Nàng nói: "Em tưởng chị là ai?" Câu này nghĩa là gì? Trong phủ, mọi người trên dưới, cho đến cả độc giả, ban đầu đều cảm thấy Tiết Bảo Thoa là một người ngay từ cốt cách đã tuân thủ quy phạm đạo đức phong kiến, một tiểu thư phong kiến mẫu mực. Thực ra, Tiết Bảo Thoa vừa tự vạch nhược điểm của mình, chúng ta liền giật mình. Nàng nói: "Chị cũng là đứa nghịch ngợm." "Từ lúc bảy tám tuổi, đã khiến người ta nhức đầu." Tiết Bảo Thoa liền nói về tình hình nhà mình. Khi ấy ông nội nàng vẫn còn. Sau khi ông nội mất, ông để lại sách. Trong số sách ông nội để lại, thứ gì cũng có. Ngoài Tứ thư Ngũ kinh, tức các loại kinh thư, còn có đủ loại sách nhàn tản, thậm chí cả những sách gọi là dâm từ diễm khúc. Đều có cả. Mẫu Đơn đình này, Tây sương ký này. Tiết Bảo Thoa còn nêu đến Tỳ bà ký, cho đến Nguyên nhân bách chủng, đều có. Khi ấy nhà họ Tiết nhân khẩu cũng khá đông. Nàng còn có một số huynh đệ. Nàng nói huynh đệ này có thể bao gồm cả anh em họ. Họ đều lén đọc những loại sách gia trưởng không cho đọc ấy. Con trai lén con gái mà đọc, còn nàng cũng lén con trai mà đọc. Vì vậy, nếu thật sự nói đến việc đọc Tây sương.

Đọc những thứ như Mẫu Đơn đình, thì Tiết Bảo Thoa đọc sớm hơn Lâm Đại Ngọc rất nhiều. Thực ra trong sách, ở một số chỗ, từ rất sớm đã để lộ ra rồi. Tiết Bảo Thoa này có đọc cái gọi là tạp thư. Quý vị có nhớ không? Ở hồi 22, khi ấy Tiết Bảo Thoa vào phủ chưa được bao lâu. Nàng mừng sinh nhật. Mừng sinh nhật, Giả mẫu liền nói góp hai mươi lạng bạc, đứng ra tổ chức sinh nhật cho nàng. Trong buổi mừng sinh nhật, phải diễn hí. Khi diễn hí, Giả mẫu bảo nàng cũng chọn một vở. Nàng liền chọn vở Lỗ Trí Thâm đại náo Ngũ Đài Sơn. Khi ấy, Giả Bảo Ngọc liền hỏi: chọn vở này làm gì? Sao lại thích chọn vở náo nhiệt như vậy? Thực ra, một nguyên nhân khiến nàng chọn vở náo nhiệt là vì nàng biết rằng Giả mẫu thích loại hí náo nhiệt. Vở Lỗ Trí Thâm đại náo sơn môn này khá náo nhiệt, đúng không? Nó cũng khá thú vị. Cho nên nàng chọn vở này. Mục đích nàng chọn vở này, ngoài việc là để phù hợp với sở thích của Giả mẫu, thì bản thân nàng quả thật cũng thích vở hí này. Hơn nữa nàng hiểu vở hí này, và còn có thể dẫn ra lời hát trong vở hí ấy. Quý vị nghĩ xem, nếu nàng chưa từng đọc kịch bản ấy, làm sao có thể thành thạo dẫn ra lời hát ấy như vậy? Đúng không? Có thể thấy trên thực tế, về mặt đọc tạp thư, nàng.

Đã sớm hơn Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, và đọc nhiều hơn. Tất nhiên tôi nói đến đây, bên dưới có một số bạn Hồng học vẫn hơi cau mày, nói rằng trong phủ họ thường xuyên diễn hí. Diễn những vở gì? Tây sương

ký này, Mẫu Đơn đình này, chẳng phải đều diễn sao? Đúng không? Họ là tiểu thư, chẳng phải ngồi dưới xem sao?

Sao xem hí thì không sao, mà đọc sách ấy lại thành vấn đề? À, điều này thì quý vị phải hiểu luật chơi xã hội thời ấy. Lạ vậy đấy. Xã hội thời ấy chính là như vậy. Những nữ quyến, những phụ nữ trong xã hội phong kiến, khi cùng đàn ông xem hí, thì diễn vở gì cũng có thể xem. Nhưng những kịch bản ấy, hoặc những văn tự liên quan đến các vở hí ấy, thì họ không được đọc.

Tiết Bảo Thoa vào lúc này lại thẳng thắn với Lâm Đại Ngọc. Nàng nói thật với muội: ta không những đọc nhiều hơn muội, mà còn đọc sớm hơn muội. Vì vậy bây giờ trong nha bài lệnh, muội bỗng mở miệng nói ra, ta vừa nghe là nghe ra ngay, đều biết cả. Đây là Tiết Bảo Thoa. Sau đó trong tình huống này, Tiết Bảo Thoa mới bắt đầu giảng đạo lý, giảng cái gọi là đạo lý. Đại ý đạo lý của Tiết Bảo Thoa là: trong xã hội ấy, đàn ông nên đọc sách cầu tiến, đều không nên đọc tạp thư này.

Nên đọc sách đứng đắn. Phải đọc sách để hiểu lý. Đàn ông sau khi đọc sách hiểu lý mới có thể đóng góp cho xã hội. Có đàn ông đọc sách mà vẫn không hiểu lý, thì còn chẳng bằng không đọc. Còn làm phụ nữ như chúng ta, thì nên lấy kim chỉ làm chính, tức làm nữ công. Phụ nữ chúng ta lấy việc làm kim chỉ làm nội dung đời sống của mình.

Việc làm kim chỉ này là một biểu tượng, ý nói phụ nữ vô tài mới là đức. Sau này lấy chồng, làm một người vợ tốt, hiền thê lương mẫu, thì nên không tiếp xúc với bất kỳ tư tưởng linh tinh nào từ bên ngoài. Những thông tin ấy, chúng ta đều không nên biết. Tức là nói không nên đọc những tạp thư này. Sợ nhất là gặp những tạp thư ấy, làm lệch tính tình. Như thế thì không cứu được nữa. Cho nên nàng nhắc nhở Lâm Đại Ngọc rằng không được để lệch tính tình.

*Tiết Bảo Thoa nghiêm trang dạy bảo Lâm Đại Ngọc không được lén xem sách dâm từ diễm khúc, để khỏi làm lệch tính tình. Nhưng chính nàng đối với Tây sương ký, Mẫu Đơn đình lại thuộc làu làu. Nàng đâu đâu cũng dùng quan niệm "nữ tử vô tài tiện thị đức" để yêu cầu bản thân, hơn nữa còn dùng nó để quy phạm người khác. Vậy, trước ý thức phong kiến của Tiết Bảo Thoa, Lâm Đại Ngọc, người mang tính cách phản nghịch phong kiến, đã có thái độ gì? Ông Lưu Tâm Vũ lại nhìn nhận Lâm Đại Ngọc như thế nào?*

Lúc này, phản ứng của Lâm Đại Ngọc là gì? Trong các cổ bản, có hai cách viết. Một cách viết là "trong lòng thầm phục". Một cách viết khác cũng là "trong lòng thầm phục", nhưng chữ khác. Tức là để người khác đứng thế trên, mình đứng thế dưới, thế là có chữ "phục". Hai chữ "phục" này về hàm nghĩa có khác biệt.

Chữ "phục" trong phục tùng nghĩa là: bộ lý lẽ của chị tôi hoàn toàn tiếp nhận. Đó là chân lý. Tôi thừa nhận mình ngu muội. Đó là "trong lòng thầm phục". Còn nếu là chữ "phục" kia, thì có nghĩa: tôi không còn cách nào. Đúng không?

Tôi cũng là người hiểu chuyện. Chúng ta sống trong môi trường này, đúng không? Sau khi chị nói ra điều ấy, tôi đành chịu lép vế, đúng không? Tôi thầm chịu phục. Dù là loại "phục" nào, thì đều là thầm phục. Lâm Đại Ngọc vẫn là một người rất bướng bỉnh, đúng không?

Miệng nàng cũng không trực tiếp nói ra nhiều lời để biểu đạt rằng sau khi nghe lời dạy bảo này, nàng tiếp nhận hay không, nên thế nào. Những lời như vậy nàng nói khá ít. Cá nhân tôi cho rằng, trong hai cách viết, chữ "phục" có bộ nhân đứng mới càng phù hợp với nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Bởi từ miêu tả phía sau trong sách có thể thấy, tuy quan hệ của nàng với Tiết Bảo Thoa đạt đến hòa hợp hài hòa, nàng không còn gây gổ với Tiết Bảo Thoa nữa, thậm chí với Giả Bảo Ngọc cũng không còn gây gổ nữa, đúng không? Nhưng bản thân Lâm Đại Ngọc, những góc cạnh trong tính cách của nàng không hề bị mài mất. Cái lối sống theo đúng tính tình mình, cái đặc điểm tính cách cô cao tự trọng, mắt không nhìn xuống kẻ thấp hơn, không hề biến mất.

Vì vậy nàng chỉ ý thức được rằng: chị Bảo nêu ra một vấn đề như vậy, nhắc nhở ta ta đang sống trong một môi trường như thế. Ta không thể không chịu lép vế, phải chú ý hơn. Nhưng về quan niệm căn bản, nàng không nhượng bộ. Nàng không hề, cũng không có cần thiết phải nhượng bộ. Đoạn viết quan hệ hai người này viết rất thú vị. Vậy, vào lúc ấy, tình hình chính là như vậy.

Tiết Bảo Thoa thông qua đoạn giao phong ngắn ngủi giữa nàng và Lâm Đại Ngọc, ban đầu không khí rất căng thẳng, nhưng cuối cùng lại biến gươm giáo thành ngọc lụa. Sau cùng hai người trở thành chị em tri kỷ. Viết rất khéo. Tiết Bảo Thoa này đã đi con đường đời của nàng như vậy. Tôi hy vọng mọi người nhất định phải nhảy ra khỏi kiểu phân tích cứng nhắc xưa kia, lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh, cứng nhắc như vậy. Đừng định vị Tiết Bảo Thoa chỉ là một hình tượng phản diện.

Đừng xem nàng chỉ là một người tuân thủ đạo đức phong kiến, a dua các chuẩn mực của gia trưởng phong kiến, đồng thời đối với Lâm Đại Ngọc thì đả kích và áp bức, lại đối với Giả Bảo Ngọc thì khuyên cậu đọc sách cầu tiến, và phát sinh xung đột tư tưởng kịch liệt với Giả Bảo Ngọc, một ví dụ đáng bị phủ định. Đừng nhìn nàng như vậy. Nàng sống trong xã hội như thế, hình thành những nếp nghĩ như vậy, có những biểu hiện như thế, là có thể lý giải được. Mà chẳng phải nàng cũng nỗ lực theo đuổi hạnh phúc của chính mình sao? Quý vị xem, khi Bảo Ngọc bị đánh, nàng lặng lẽ ngồi trên chỗ cô hầu Tập Nhân từng ngồi, để chăm sóc Giả Bảo Ngọc, đúng không? Nàng cũng có một tấm lòng thiếu nữ.

Đúng không? Nàng cũng có tình yêu thanh xuân dâng động trong lòng mình. Hơn nữa, nàng theo đuổi hạnh phúc hôn nhân cá nhân của mình thì cũng không có gì đáng trách. Hãy nghĩ thay cho nàng một chút. Trong môi trường xung quanh nàng, Giả Bảo Ngọc là một người chồng lý tưởng biết bao. Đúng không?

Nàng theo đuổi cậu ấy, nàng phạm luật gì chứ? Đúng không? Nếu dùng tiêu chuẩn hôm nay để đo, nàng có quyền theo đuổi Giả Bảo Ngọc. Tiết Bảo Thoa có sự theo đuổi và hướng vọng tình yêu. Đối với Giả Bảo

Ngọc, nàng là tình có chỗ gửi, yêu có nơi chuyên nhất. Lâm muội muội công khai yêu Bảo ca ca, còn Bảo tỷ tỷ lại thầm yêu Bảo đệ đệ.

Vì tình yêu, nàng có thể "Thoa - Đại hợp nhất". Vì tình yêu, nàng có thể cùng Đại Ngọc hóa can qua thành ngọc lụa. Hai chị em bắt tay giảng hòa, thân như ruột thịt. Nào ngờ, một đợt sóng vừa lặng, một đợt sóng khác lại nổi lên. Lâm Đại Ngọc, người bị Tiết Bảo Thoa xem là tình chướng, vừa mới tạm lắng, một tình chướng mới lại xuất hiện trước mặt Tiết Bảo Thoa. Vậy, lần này Tiết Bảo Thoa sẽ phải đối mặt với tình chướng là gì?

Nhưng quá trình theo đuổi ấy của nàng thật sự lắm khúc quanh. Cũng vô cùng cực nhọc. Nàng gặp quá nhiều chướng ngại. Nàng tuyệt đối không ngờ rằng, sau khi hòa hảo với Lâm Đại Ngọc, lại xuất hiện một chướng ngại nữa. Chướng ngại này khá đáng sợ. Là gì vậy?

Tức là trong Đại Quan viên lại có thêm mấy thiếu nữ thanh xuân đến. Trong đó có những ai? Có hai người con gái của người thím góa bên họ Lý Hoàn, tức hai em họ, Lý Văn, Lý Ỷ. Điều này thì còn không sao. Còn có một cô cháu gái bên Hình phu nhân, Hình Tụ Yên. Điều này cũng không sao.

Còn một người là ai? Tiết Bảo Cầm, em họ của Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Cầm vừa đến, thì ghê gớm rồi. Giả mẫu thích nàng vô cùng. Thích đến mức ngay cả độc giả cũng phải trợn mắt há miệng. Giả mẫu có một chiếc áo choàng lớn làm bằng lông trên đầu vịt trời, mặc khi trời tuyết.

Ngay cả Giả Bảo Ngọc cũng chưa được cho. Quý vị nghĩ xem, Giả Bảo Ngọc ngồi bên Giả mẫu, không cho. Lâm Đại Ngọc đến ngồi bên Giả mẫu, cũng không cho. Sử Tương Vân, theo sách cũng biết, thường đến chỗ Giả mẫu ngồi, cũng không cho. Vừa thấy Tiết Bảo Cầm, bà lấy ra. Thấy Bảo Cầm là lấy ra.

Lập tức khoác lên cho nàng. Ôi, thích đến mức ấy. Hơn nữa khi ấy đã có Đại Quan viên rồi, không gian cư trú rất nhiều, đúng không? Nhưng Tiết Bảo Cầm được đãi ngộ thế nào? Giả mẫu nói: Bảo Cầm, đừng đi ở đâu cả, ở với ta. Đãi ngộ này giống như Bảo Ngọc năm xưa, giống như Tương Vân, đều ở ngay bên cạnh bà.

Thậm chí còn gần như ép Vương Hy Phượng nhận nàng làm con gái nuôi. Khi Tiết Bảo Cầm và mọi người đang chơi trong Đại Quan viên, đột nhiên nha đầu đến truyền lời, nói Giả mẫu có chỉ thị. Chỉ thị gì? Nói là không được để Bảo Cầm chịu ấm ức. Nàng còn nhỏ mà. Nàng muốn thế nào, cứ chiều theo nàng.

Lúc này mọi người chú ý, trong sách viết rất tinh tế. Người ghen, người nói lời chua ngoa cay nghiệt, người nói những lời vòng vo khó nghe ấy, không phải Lâm Đại Ngọc, mà là Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Thoa không chịu nổi chuyện này, đúng không? Hơn nữa còn có một tình tiết rất đáng nghiền ngẫm, nhiều độc giả chưa đọc ra. Cá nhân tôi cũng đã đọc đi đọc lại, đổi cách hiểu mấy lần. Hôm nay tôi muốn nói với mọi người tâm đắc mới nhất của mình.

Tức là Giả mẫu thích Tiết Bảo Cầm, thích đến mức nào? Có một ngày sau trận tuyết lớn, Tiết Bảo Cầm đến Lăng Thúy am xin hoa mai về. Nàng xuất hiện trên sườn núi. Vì Đại Quan viên là một khu vườn có núi có nước. Tất nhiên núi trong đó không cao lắm. Nàng đứng ở đó.

Phía sau là nha đầu Tiểu Loa của Tiết Bảo Cầm, ôm một chiếc bình, trong bình cắm hồng mai. Ôi, Giả mẫu vừa nhìn đã thấy quá đẹp. Bà nói: các ngươi thử nói xem, cảnh này so với tranh thì thế nào? Trong phòng Giả mẫu treo một bức tranh rất lớn.

Đúng không? Tranh của danh họa, Song Diễm đồ. Vậy Giả mẫu liền nói: cảnh trước mắt này còn đẹp hơn cả tranh. Cho nên về sau, gặp một cơ hội, Giả mẫu bắt đầu hỏi Tiết di mẫu rằng ngày sinh tháng đẻ của Bảo Cầm là gì, gốc gác gia đình thế nào. Giả mẫu là một người mà quý vị buộc phải khâm phục. Mấy bài trước, tôi đã nhiều lần nói với quý vị.

Cách hiểu đơn giản trước đây nói bà là một bà lão mê muội ở đỉnh tháp xã hội phong kiến, mỗi ngày chỉ biết ăn uống vui chơi, chẳng hiểu gì cả. Không phải như vậy. Tôi đã nhiều lần nói với quý vị, trong góc độ chính trị gia đình, Giả mẫu luôn chiếm thế thượng phong. Vậy, trong sách viết như thế này. Tiết di mẫu vừa nghe, liền cảm thấy dụng ý của Giả mẫu là muốn lấy Tiết Bảo Cầm để gả cho Giả Bảo Ngọc. Tiết di mẫu tất nhiên vẫn vui.

Con gái ruột của bà, Tiết Bảo Thoa, không gả được cho Giả Bảo Ngọc, Bảo Cầm gả được cũng không tệ. Nhất là Bảo Cầm trong tình cảnh nào? Cha của Bảo Cầm đã qua đời. Mẹ nàng đã mắc chứng đàm. Trong xã hội ấy, nói đến chứng đàm chính là bệnh không chữa được. Cổ họng cứ bị nghẹn tắc, bất cứ lúc nào cũng có thể ngất lịm đi.

Quý vị nghĩ xem, nếu Tiết Bảo Cầm sau này cha mẹ đều mất, ai là người giám hộ của nàng? Chính là Tiết di mẫu. Đúng không? Mà sở dĩ Tiết di mẫu muốn đem con gái, hoặc cả cháu gái ruột của mình, gả cho Giả Bảo Ngọc, thì bà không phải chủ yếu suy nghĩ từ tình yêu và hạnh phúc của cô gái ấy. Bà chủ yếu suy nghĩ. Bởi lúc ấy tình thế nhà họ Giả mạnh hơn nhà họ Tiết. Hơn nữa từ miêu tả trong sách, mọi người cũng thấy.

Chỉ nói về bất động sản thôi, không nói tới ruộng trang ở xa, đúng không? chỉ lấy phủ Vinh Quốc này mà nói, một phủ đệ lớn biết bao. Đúng không? Chỉ riêng Vương Hy Phượng và Giả Liễn, hai người quản việc trong phủ, xét số bạc qua tay họ, đã là con số lớn biết bao. Đúng không? Cho nên nếu con gái bà gả cho Giả Bảo Ngọc, mà Giả Bảo Ngọc là người thừa kế gần như không ai tranh cãi của phủ Vinh Quốc, quý vị nghĩ xem, đó là quả thắng lợi lớn đến mức nào.

Vì vậy trong lòng Tiết di mẫu rất bằng lòng. Nhưng Tiết di mẫu nghĩ lại, lại không thể không nói thật với Giả mẫu. Sự thật gì? Chính là Tiết Bảo Cầm đã có nhà chồng rồi, đã đính hôn rồi. Trong thời đại xưa, một khi đã đính hôn, hai bên đã làm thủ tục, ví như trao đổi canh thiếp với nhau, thì về pháp lý và đạo đức đều đã

đứng vững. Nếu muốn chia rẽ hoặc phá hoại, thì vừa trái quy định pháp luật, càng trái với chuẩn mực đạo đức.

Vì vậy Tiết di mẫu đành nửa nuốt nửa nhả, nói với bà rằng nàng đã hứa cho nhà họ Mai Hàn Lâm. Tiết Bảo Cầm đã có nhà chồng rồi. Nói đến đây, Giả mẫu cũng không nói tiếp gì. đã có nhà chồng rồi. Nói đến đây, Giả mẫu cũng không nói tiếp gì. Trong sách viết rất khéo, là Vương Hy Phượng nói: "Tiếc thật, đúng là không khéo.

Con đang muốn làm mai cho cô ấy, thành tựu một mối hôn sự tốt." Trong sách lại viết rất khéo. Không phải người khác, mà là Giả mẫu tiếp lời hỏi: "Ngươi muốn làm mai cho ai?" Điều này để độc giả đoán, đúng không? Đúng chứ? Vì sao nói Hồng Lâu Mộng cần được giải mã? Không phải là tôi tự mình bỗng nổi hứng, muốn giải mã thì giải mã. Bút pháp của Tào Tuyết Cần chính là bút pháp như vậy.

Đúng không? Khói mây mờ ảo, trong tranh có tranh, đúng không? Một đợt ba khúc, một hòn đá ném trúng hai chim. Ông ấy dùng lối viết như vậy, để quý vị phải suy ngẫm. Đúng không? Giả mẫu hỏi Vương Hy Phượng: "Vậy ngươi định làm mai cho ai?" Vương Hy Phượng cũng rất khéo, nói: "Nếu đã như vậy, thì con cũng khỏi nói nữa, vì người ta đã có nhà chồng rồi." Thế là đoạn tình tiết này trôi qua.

Các đời độc giả đa số đều cho rằng Giả mẫu vốn định đem Tiết Bảo Cầm gả cho Giả Bảo Ngọc. Nhưng quý vị xem, chính tôi đã giảng nhiều bài như vậy; chuỗi logic của tôi phát triển đến hôm nay. Cá nhân tôi cho rằng Giả mẫu không thể thay đổi thái độ cơ bản vốn có của bà đối với hôn sự của Giả Bảo Ngọc, chỉ vì xuất hiện một Tiết Bảo Cầm rất đáng yêu: đứng trên sườn núi, phía sau có một Tiểu Loa ôm bình mai, vô cùng xinh đẹp. Không thể vì thế mà bà liền quyết định không cần Lâm Đại Ngọc, cũng không cần Tiết Bảo Thoa nữa, đem Bảo Cầm như vậy gả cho Giả Bảo Ngọc. Đến nay, khi hình thành mạch suy nghĩ của mình, tôi cảm thấy không phải như vậy.

*Thông qua đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Giả mẫu luôn luôn hộ tống, bảo vệ cho sự kết hợp cuối cùng giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Chỉ cần Giả mẫu còn một hơi thở, bà sẽ để đôi oan gia ấy tụ họp. Vì thế, Giả mẫu không thể thay đổi sơ tâm của bà.*

Nhưng Giả mẫu hỏi kỹ Tiết di mẫu về niên canh bát tự của Tiết Bảo Cầm, lại hỏi kỹ tình hình trong nhà nàng, vậy Giả mẫu rốt cuộc muốn gả Tiết Bảo Cầm cho ai? Vương Hy Phượng nói muốn làm mai. Nàng muốn làm mai cho ai? Vậy rốt cuộc khi ấy, Giả mẫu có tâm tư gì? Còn khi ấy Vương Hy Phượng lại nói nàng muốn làm mai, là muốn hứa Tiết Bảo Cầm cho ai? Cá nhân tôi cho rằng, ở sau hồi 80 đáng lẽ phải có lời bàn giao.

Người họ nghĩ tới trong lòng khi ấy là Chân Bảo Ngọc. Nhân vật Chân Bảo Ngọc này, tuy không chính diện xuất hiện trong 80 hồi đầu, nhưng trong mộng cảnh của Giả Bảo Ngọc thì đã xuất hiện. Mọi người nhớ

không? Khi Chân phu nhân dẫn một cô con gái đến kinh thành, bà đã phái bốn người phụ nữ đến Giả phủ thỉnh an trước. Điều này trong sách đã chính diện miêu tả. Quý vị còn ấn tượng không?

Hơn nữa khi ấy Giả mẫu đã nói, nói rằng hai nhà chúng ta vừa là thế giao vừa là thân cũ. Hơn nữa, Giả mẫu còn nói: nhà các vị có hai cô con gái ở kinh thành, qua lại với chúng ta rất mật thiết. Đặc biệt cô con gái thứ hai trong đó qua lại với chúng ta nhiều hơn. Hơn nữa Giả mẫu từ sớm cũng biết nhà họ có một công tử trẻ tuổi tuổi tác tương đương với Bảo Ngọc. Cho nên nếu nhìn từ phương diện liên kết thông gia giữa tứ đại gia tộc, tuy nhà họ Chân này không được liệt vào tứ đại gia tộc, nhưng nó là cái bóng của nhà họ Giả. Vì vậy cá nhân tôi cho rằng, thật ra khi ấy Vương Hy Phượng cũng muốn suy tính: đem Tiết Bảo Cầm hứa cho Chân Bảo Ngọc chẳng phải rất tốt sao?

Có thể mạch suy nghĩ là như vậy. Tất nhiên đây cũng chỉ là ý kiến cá nhân của tôi, chỉ để tham khảo. Tuyệt đối đừng cho rằng tôi ở đây giảng như vậy là tôi cho chân lý ở chỗ tôi, quý vị đều phải nghe tôi. Không phải ý ấy. Chúng ta cùng thảo luận, cùng bàn bạc. Vậy, Giả mẫu thông qua việc hỏi về niên canh bát tự của Tiết Bảo Cầm và nền tảng gia đình nàng, bà đang truyền một thông tin.

Truyền một thông tin mơ hồ. Thông tin gì là đáng sợ nhất? Thông tin chính xác không đáng sợ. Thông tin mơ hồ mới có sức chiến đấu và sức sát thương mạnh nhất. Nhận một cuộc điện thoại, nói người nào đó của anh đang ở bệnh viện. Hỏi: "Sao vậy?" "Anh cứ đến đi, đến rồi sẽ biết." Thế thì quá kinh khủng.

Quá kinh khủng. Đúng không? Giả mẫu chính là bà biết làm chuyện này. Đúng không? Bà chỉ hỏi, như thể muốn tìm cho Tiết Bảo Cầm một người chồng, một nhà để gả vào. Sau khi Phượng tỷ nói, bà lại hỏi ngược Phượng tỷ: "Vậy ngươi là muốn làm mai cho cô ấy, ngươi làm mai gì?" Đúng không?

Cách ấy cũng có thể giữ yên Tiết di mẫu. Bởi Tiết di mẫu và Vương phu nhân, thật ra sau việc kim kỳ hoàn bị đánh, đã không ngừng minh tranh ám đấu với bà. Bà bèn giữ yên họ. Sau đó Tiết di mẫu nghĩ: thế cũng tốt, đúng không? Đúng chứ? Như vậy bà có thể bớt rất nhiều phiền phức.

Cho nên Giả mẫu là một bà lão quý tộc rất thông minh. Còn Tiết Bảo Thoa phải vượt qua nghìn núi muôn sông mới có thể đạt được mục đích gả cho Giả Bảo Ngọc. Từ góc độ này mà nói, vận mệnh của nàng cũng rất khiến người ta thở dài.

Cho nên lòng đồng cảm của quý vị hoàn toàn dành cho Lâm Đại Ngọc, tôi cũng không phản đối. Nhưng hiện nay, sau khi hy vọng quý vị cùng tôi bàn về Tiết Bảo Thoa, cũng có thể chia một phần đồng cảm cho người con gái xinh đẹp này. Đúng không? Sống trong thời đại ấy, ý thức hệ chủ lưu là như vậy, khuynh hướng giá trị chủ lưu là như vậy. Nàng chịu ảnh hưởng của thứ ấy, phù hợp với thứ ấy, trách nhiệm không nằm ở nàng, mà ở chính nền chính trị chủ lưu và ý thức hệ chủ lưu thời ấy. Nàng ngồi bên giường Giả Bảo Ngọc, nàng yêu người này.

Tình yêu ấy vượt lên trên ý thức hệ, vượt lên trên chính trị chủ lưu, vượt lên trên khuynh hướng giá trị. Đúng không? Vậy nàng vì tiền đồ của mình mà dùng các thủ đoạn khác nhau, cũng đều không thể gọi là hèn hạ vô sỉ. Đúng không? Huống chi chiêu của nàng với Đại Ngọc, tất nhiên là nắm được nhược điểm của Đại Ngọc. Nhưng nàng giơ cao, lại đặt xuống nhẹ nhàng.

Nàng dùng cách hòa hảo với Đại Ngọc. Đúng không? Thoa - Đại hợp nhất. Những phương diện ấy cho thấy người phụ nữ này quả thật không thể đơn giản phủ định nàng. Bởi nàng không phải một hình tượng phản diện thuần túy. Nàng là một hình tượng phức tạp.

Trên người nàng có mặt chính diện, có mặt tiêu cực, cũng có những thứ không thể nói rõ ràng. Nàng là một người phụ nữ như vậy. Vậy người phụ nữ này cuối cùng có lấy Giả Bảo Ngọc không? Nàng có sinh con trai với Giả Bảo Ngọc không? Sau đó nàng vẫn sống hay đã chết? Nàng chết như thế nào?

Những điều này đáng lẽ đều ở sau hồi 80, dưới ngòi bút sinh hoa của Tào Tuyết Cần, lần lượt được bày ra. Trong bài sau, tôi sẽ đem tâm đắc thám dật của mình sau hồi 80 về số phận Tiết Bảo Thoa báo cáo với mọi người.

# Tập 34

Giải mã kết cục Tiết Bảo Thoa

*Tiết Bảo Thoa. Một tiểu thư hiền thục, trang nhã, giữ nghiêm đạo làm phụ nữ, một cô gái quý tộc biết tùy phận theo thời, giả ngu giữ vụng. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, vận mệnh cuối cùng của nàng sẽ khác thường ra sao? Nàng có được như ý nguyện, gả cho Giả Bảo Ngọc không? Nàng và Giả Bảo Ngọc quả thật có sinh một đứa con tên Giả Quế không? Cuối cùng nàng đi tới đoạn kết sinh mệnh thế nào? Nhà văn Lưu Tâm Vũ đặc sắc giảng giải đại giải mật kết cục Tiết Bảo Thoa.*

*Nhà văn Lưu Tâm Vũ đã giới thiệu với chúng ta về Tiết Bảo Thoa, một trong những nữ nhân vật quan trọng nhất của Hồng Lâu Mộng. Từ tuyển tú, chỉ hôn đến tình yêu, ông đã phân tích rất nhiều phương diện. Nhưng vẫn còn một bí ẩn khiến chúng ta băn khoăn. Đó là vị Bảo tỷ tỷ hiền thục, trang nhã, nghiêm khắc tuân thủ chuẩn mực đạo đức phong kiến ấy, cuối cùng sẽ có kết cục đời người ra sao? Bản Hồng Lâu Mộng thông hành 120 hồi đã thiết kế kết cục của Tiết Bảo Thoa sau hồi 80 như thế này. Tiết Bảo Thoa nghe theo sự sắp đặt của mẹ, thông qua kế tráo người do Vương Hy Phượng bày ra, cuối cùng thành hôn với Giả Bảo Ngọc, trở thành Bảo nhị nãi nãi hằng mong ước.*

*Sau khi nhà họ Giả bị hoàng đế xét tội, dần suy bại, Tiết Bảo Thoa vất vả gánh vác gia đình, và sinh cho Giả Bảo Ngọc một người con trai tên Giả Quế. Còn Giả Bảo Ngọc bị tình cảm vây khốn, cuối cùng "buông tay nơi vách núi" (xuất gia làm tăng). Về kết cục lưu truyền rộng rãi trong dân gian ấy, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nó khác rất xa với nguyên bút, nguyên ý thật sự của tác giả Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần. Ông Lưu Tâm Vũ vì sao lại có nhận định như vậy? Kết cục đời người thật sự của Tiết Bảo Thoa rốt cuộc sẽ ra sao? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn, đặc sắc giải mật kết cục khác thường của Tiết Bảo Thoa.*

*Loạt chương trình Lưu Tâm Vũ giải mật Hồng Lâu Mộng: Tiết Bảo Thoa, tập sáu, Đại giải mật kết cục. Kính mời quý vị theo dõi.*

Kết cục của Tiết Bảo Thoa cũng như kết cục của các nhân vật khác, có thể thông qua phương pháp thám dật mà hiểu được bảy, tám phần. Thám dật nghĩa là gì? “Dật” là thứ đã thất lạc. Thám dật là cố gắng tìm lại thứ đã mất ấy. Vì thế, nó liên quan đến một vấn đề căn bản: Tào Tuyết Cần rốt cuộc đã viết xong Hồng Lâu Mộng hay chưa? Bây giờ tôi xin nói với quý vị: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng.

Không phải viết đến hồi 80 thì Tào Tuyết Cần qua đời, ngừng bút, và không còn gì nữa. Tào Tuyết Cần không chỉ có một cấu tứ hoàn chỉnh cho Hồng Lâu Mộng, ông về cơ bản cũng đã hoàn thành bản thảo toàn bộ sách. Chỉ là chưa kịp chỉnh lý bản thảo lần cuối. Một số chỗ mâu thuẫn trước sau và những gai góc cần gọt bỏ vẫn chưa được xử lý. Những chỗ chưa thống nhất trước sau chỉ là như vậy mà thôi. Thông qua các cổ

bản Hồng Lâu Mộng, nguyên văn từ hồi 1 đến hồi 80 của Tào Tuyết Cần, và các lời phê liên quan trong cổ bản của Chi Nghiễn Trai cùng những người ký tên khác, thêm một số tư liệu văn hiến đương thời, chúng ta hoàn toàn có thể đối với nội dung sau hồi 80 tiến hành thám dật.

Được. Vào thời Càn Long, có một người Mãn tên là Phú Sát Minh Nghĩa. Người này suốt đời chức vụ không cao, chỉ làm ở Thượng Tứ viện của hoàng đế, nơi quản ngự mã, một chức quan nhỏ chuyên cầm roi trông coi ngựa ngự. Nhưng người này thích đọc sách, cũng thích làm thơ. Phú Sát Minh Nghĩa để lại một tập thơ của mình, tên là Lục Yên Tỏa Song Tập. Bản chép tay ấy hiện nay vẫn còn được lưu giữ trong thư viện của chúng ta.

Trong Lục Yên Tỏa Song Tập, có hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng thi, rất quý giá. Những bài thơ này, xét về thi vị, không phải rất đậm. Nếu chỉ bàn thơ theo thơ, trình độ nghệ thuật không cao. Nhưng chúng quý ở điểm nào? Chúng là tư liệu quý báu để nghiên cứu Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Chúng là một loại tư liệu rất đáng tin cậy để chúng ta thám dật nội dung sau hồi 80.

Ví dụ, bài thứ mười chín, bài thơ thứ mười chín viết như sau. Nó nói rằng, Bài thơ thứ mười chín của Phú Sát Minh Nghĩa: Chớ hỏi chuyện kim ngọc nhân duyên Tụ như mộng xuân, tan tựa khói Đá về chân núi hết linh khí Dù nói được cũng uổng công điều này chứng tỏ ông ta đã thấy phần kết của sách. Điều này cho thấy kim ngọc nhân duyên, dù đã thành, cuối cùng cũng là bi kịch, không nỡ hỏi đến. "Tụ như giấc mộng xuân", có thể là Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa sau này quả thật đã tụ lại thành vợ chồng. Nhưng đó cũng chỉ là một giấc mộng xuân. "Tan như khói", cuối cùng là một kết cục bi thảm tiêu tán như khói.

Huống chi ông còn viết: "Đá về dưới núi không linh khí". Rõ ràng đây là phần kết toàn sách. Đúng không? Vì ngay đầu sách đã nói với quý vị: một tăng một đạo ở cõi trời trông thấy một tảng đá lớn, vốn là đá luyện để vá trời còn thừa lại. Về sau, do vị tăng ấy thi pháp, biến tảng đá lớn này thành một viên Thông Linh Bảo Ngọc. Cuối cùng, khi Giả Bảo Ngọc, vốn là Thần Anh thị giả trên trời, hạ xuống nhân gian, đã ngậm viên Thông Linh Bảo Ngọc ấy trong miệng, đem theo xuống đời.

Cuối hồi thứ nhất cũng nói rằng, sau đó rất nhiều năm trôi qua, không biết bao lâu, đó là một cách nói mơ hồ. Cuối cùng tảng đá này lại xuất hiện ở cõi trời, lại xuất hiện dưới Thanh Ngạnh phong, nơi Đại Hoang sơn, Vô Kê nhai. Rồi một Không Không đạo nhân đi tới. Không Không đạo nhân phát hiện trên tảng đá viết đầy chữ, còn đối thoại một phen với tảng đá. Cuối cùng ông chép lại những chữ viết trên đá, gọi là Thạch Đầu ký. Không Không đạo nhân đổi tên nó thành Tình Tăng lục.

Những điều này đều viết trong hồi thứ nhất, đúng không? Có thể thấy, đến phần kết toàn sách, sẽ phải viết Thông Linh Bảo Ngọc làm sao trở về cõi trời. "Đá về dưới núi" chính là trở lại dưới Thanh Ngạnh phong, đúng không? Bài thơ ấy đã viết tới mức này rồi. "Đá về dưới núi không linh khí". Khi xuống nhân gian, nó là Thông Linh Bảo Ngọc.

Khi trở về tiên giới, nó trở thành một tảng đá lớn, không còn linh khí nữa. Dù trên nó viết đầy chữ của Thạch Đầu ký, nhưng Phú Sát Minh Nghĩa đã cất tiếng cảm thán: "Dẫu biết nói cũng uổng công". Ông rất cảm khái. Nghĩa là, dù ngươi đem những việc này kể lại rành rọt, nhưng cuối cùng vẫn khiến người ta cảm thấy rất bất lực. Có thể thấy Phú Sát Minh Nghĩa về trình độ lý giải Hồng Lâu Mộng, trình độ thưởng thức của ông đối với ý vị sâu xa trong Hồng Lâu Mộng có lẽ vẫn chưa hoàn toàn hiểu thấu. Nhưng thứ ông nhìn thấy là một bản toàn vẹn.

*Tào Tuyết Cần, người dốc cả đời sáng tác kiệt tác văn học Hồng Lâu Mộng, do đủ loại nguyên nhân trong quá trình lưu truyền, bản thảo sau hồi 80 đã thất lạc, không thể khảo cứu. Điều đó để lại cho hậu thế một tiếc nuối văn hóa to lớn, đồng thời cũng để lại cho đời sau một không gian thám dật rộng lớn. Ông Lưu Tâm Vũ, sau khi tiến hành đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng và nghiên cứu nguyên mẫu, cho rằng phần chữ sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng phải là 28 hồi. Tào Tuyết Cần đã viết xong 28 hồi sau ấy. Nhưng vì các bản thảo này đã thất lạc, nên kết cục cuối cùng của Tiết Bảo Thoa dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần chỉ có thể dựa vào nguyên văn 80 hồi đầu, lời phê của Chi Nghiễn Trai và một lượng nhỏ tư liệu văn hiến để thám dật. Vậy trong 28 hồi sau này, kết cục thật sự liên quan đến Tiết Bảo Thoa sẽ ra sao?*

*Tiết Bảo Thoa có thật sẽ gả cho Giả Bảo Ngọc không? Ông Lưu Tâm Vũ đã thám dật bí ẩn hôn nhân của Tiết Bảo Thoa như thế nào? Giải mật Tiết Bảo Thoa: bí ẩn hôn nhân.*

Vậy trong câu chuyện 28 hồi sau mà Tào Tuyết Cần viết, kết cục của Tiết Bảo Thoa là như thế nào? Tiết Bảo Thoa có gả cho Giả Bảo Ngọc không? Nàng có thực hiện được nguyện vọng của mình không? Câu trả lời là có. Vì trong 28 hồi sau, trước hết sẽ viết đến cái chết của Giả mẫu. Cái chết của Giả mẫu đã gỡ bỏ trở ngại lớn nhất để Tiết Bảo Thoa gả cho Giả Bảo Ngọc. Điều này qua mấy buổi trước tôi đã nói đi nói lại, quý vị hẳn đã hiểu, đúng không? Bởi lúc này, trên Giả Chính và Vương phu nhân không còn một vị gia trưởng nào khác nữa. Giả Chính lại không mấy quản việc. Vương phu nhân là người quyết định. Đương nhiên bà có thể để Giả Bảo Ngọc cưới Tiết Bảo Thoa. Tất nhiên, vì đang trong thời kỳ tang tổ mẫu, mọi việc có thể làm giản lược. Điều này là có thể. Lại cũng có thể lấy lý do ổn định gia tộc, an ủi vong linh tổ mẫu, vân vân. Tất cả đều có thể dùng cách biến thông để thành toàn hôn sự này. Còn Lâm Đại Ngọc thì sao? Lâm Đại Ngọc hẳn là trước khi hôn sự của họ được thực hiện, vì nội hao, lại vì Triệu di nương cùng bọn họ thông qua Giả Xương, Giả Lận pha thuốc có độc, cuối cùng, dù với tư cách một tồn tại ở nhân gian hay với tư cách Giáng Châu tiên thảo giáng xuống cõi đời, nàng đều đã hoàn thành sứ mệnh. Nàng không còn cách nào tiếp tục tồn tại. Vì thế nàng trầm hồ trong Đại Quan viên.

Cho nên Lâm Đại Ngọc cũng không còn nữa. Trong tình huống ấy, trở ngại mà Tiết Bảo Thoa phải đối mặt là gì? Có người nói: còn trở ngại gì nữa? Làm gì còn trở ngại nào? Vẫn còn một trở ngại: người chồng trước mặt nàng, Giả Bảo Ngọc, rất cố chấp, vẫn không sửa thói cũ. Vì vậy trong 28 hồi sau sẽ có một hồi, lần này sẽ chính diện viết Tiết Bảo Thoa khuyên răn Giả Bảo Ngọc như thế nào.

Tôi nhớ trong mấy buổi trước tôi đã nói rằng Tiết Bảo Thoa khuyên Giả Bảo Ngọc có bốn cách viết: có chính tả, có trắc tả, minh tả, và ám tả, đúng không? Trong phân tích 80 hồi đầu, tôi từng nêu ra. Thật ra chưa có chính tả. Sau khi buổi giảng kết thúc, có một thính giả đến hỏi tôi: "Sao có thể như vậy? Tào Tuyết Cần viết một bộ sách lớn, đây là một xung đột tư tưởng rất quan trọng, sao ông ấy có thể không viết chính diện?" Tào Tuyết Cần rất thông minh. Ông ấy viết chính diện khi nào?

Ông đặt nó trong 28 hồi này, tức là trong 28 hồi sau. Tiết Bảo Thoa đã gả cho Giả Bảo Ngọc. Lúc này nàng chính là vợ. Các trở ngại khác đều không còn. Nàng đặt tất cả hy vọng vào người chồng này. Thế nên nàng sẽ không còn e dè, chính diện khuyên răn Giả Bảo Ngọc.

Ông cũng sẽ đem cảnh khuyên răn Giả Bảo Ngọc ấy viết thành một tình tiết rất quan trọng. Lại có người hỏi: căn cứ của ông ở đâu? Là có căn cứ. Trong các lời phê của Chi Nghiễn Trai, nhiều lần tiết lộ tình tiết sau hồi 80, tiết lộ rất nhiều. Ví dụ, ở hồi thứ 21, hồi thứ 21 viết về Tập Nhân, nàng khuyên Bảo Ngọc, quý vị còn nhớ chứ? Hồi mục nói: Hiền Tập Nhân hờn dỗi răn Bảo Ngọc.

Đương nhiên cũng viết Bình Nhi, sau chuyện Giả Liễn phóng túng bừa bãi, để lại một sợi tóc xanh, để lại chứng cứ, cuối cùng nàng che giấu, giúp qua mắt Hy Phượng tra hỏi. Gọi là Bình Nhi khéo lời cứu Giả Liễn. Đó là hồi mục hồi 21, phải không? Trong hồi này, hiện còn một lời phê. Lời phê nói: hồi này "hờn dỗi răn Bảo Ngọc, khéo lời cứu Giả Liễn", đúng không? trích hồi mục ấy, rồi nói: hồi sau, "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng". Lời phê nói: nay từ hai tỳ nữ nói lên, về sau thì chỉ thẳng vào chủ nhân.

Có thể thấy người phê đã đọc toàn sách, đúng không? Từ hồi 1 đến hồi 80, có hồi mục nào gọi là "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng" không? Không có. Có thể thấy hồi mục hoàn chỉnh này đáng lẽ nằm sau hồi 81, phải không? Lúc đó người phê không dự liệu rằng bản thảo phía sau mà Tào Tuyết Cần viết sẽ thất tán, mất đi, không còn bản thảo. Khi ấy bà không ý thức được điều này, nên bà nói rất nhẹ nhàng.

Quý vị thấy, hai hồi này viết về hai người hầu, và quan hệ của họ với chủ nhân. Bà nói đến phần sau, sẽ trực tiếp viết mâu thuẫn giữa chủ nhân với chủ nhân. Ý của bà là như vậy. Tức là bố cục của Tào Tuyết Cần vô cùng khéo léo. Bà đang ca ngợi đại thủ bút trong kết cấu của Tào Tuyết Cần. Nhưng vô tình bà đã cho chúng ta biết một hồi mục hoàn chỉnh.

Hồi mục ấy chính là "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng". Điều đó cho thấy Tào Tuyết Cần chính diện viết Tiết Bảo Thoa trong hoàn cảnh ấy. Đã gả cho Giả Bảo Ngọc rồi, nàng không thể dung thứ Giả Bảo Ngọc lại tiếp tục cái gọi là hoang đường, đúng không? Hơn nữa nhà họ Giả lúc ấy đang mưa gió chao đảo. Trong tình cảnh đó, Bảo Ngọc nhất định

phải đọc sách, tham gia khoa cử, giành công danh, để bảo vệ cả gia tộc, trong đó cũng bao gồm lợi ích của chính Tiết Bảo Thoa. Hai người sẽ xung đột chính diện.

Từ đó có thể thấy, sau hồi 80, Tiết Bảo Thoa ở phương diện này vẫn có hành động. Lưu Hưng tiên sinh cho rằng Tiết Bảo Thoa dù trong lòng có tình yêu chân thật với Giả Bảo Ngọc nhưng nàng nghiêm thủ quy phạm đạo đức phong kiến tất nhiên về tư tưởng ý thức, quan niệm giá trị và định hướng giá trị tồn tại phân kỳ và xung đột nghiêm trọng với Giả Bảo Ngọc Đã như vậy. Khi Tiết Bảo Thoa sau hồi tám mươi mượn lời ngụ ý khuyên răn, khuyên Giả Bảo Ngọc theo đường sĩ đồ kinh tế, liệu Giả Bảo Ngọc có nghe theo lời khuyên của nàng? Cuộc sống hôn nhân của Tiết Bảo Thoa sẽ ra sao đây? Giải mã bí ẩn cuộc sống sau hôn nhân của Tiết Bảo Thoa.

Nhưng nỗ lực này có kết quả thế nào? Vô cùng khiến nàng tiếc nuối. Vẫn là không thu hoạch gì. Dựa vào đâu mà thấy? Ở hồi thứ 21, lại có một chứng cứ báo cho chúng ta biết một số tình tiết quan trọng trong 28 hồi sau. Lời phê nói: Bảo Ngọc có cái "độc" mà người đời không chịu nổi, cho nên về sau mới có hồi "buông tay nơi vách núi" (xuất giá, đi tu). Nếu người khác có được người vợ như Bảo Thoa, người hầu như Xạ Nguyệt, lẽ nào có thể bỏ mà đi làm tăng? Đó là chỗ quái gở của Bảo Ngọc một đời. Có một lời phê như vậy. Nó có nghĩa gì? Nghĩa là sau này nhà họ Giả càng ngày càng suy sụp. Trong tình cảnh ấy, cuối cùng các nha hoàn bên Giả Bảo Ngọc cũng chỉ có thể lần lượt phiêu tán. Trong đó số phận Tập Nhân càng đặc biệt. Cuối cùng Tập Nhân bị Trung Thuận vương phủ ép đòi đưa đi. Để bảo toàn Giả phủ, Tập Nhân chẳng khác nào hy sinh chính mình, đành phải đi. Sau một phen quanh co, nàng trở thành vợ của con hát Tưởng Ngọc Hàm ở Trung Thuận vương phủ. Về sau, khi kinh tế nhà họ Giả cũng sụp đổ, họ còn cứu tế Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Khi Tập Nhân ra đi, nàng để lại một câu. Điều này trước đó lời phê cũng đã tiết lộ. Nàng để lại câu gì? "Dù thế nào? cũng giữ Xạ Nguyệt lại.".

Lúc ấy có thể vì đủ loại nguyên nhân, phúc lợi cũng giảm, trong phòng Giả Bảo Ngọc chỉ có thể giữ một đại nha hoàn. Chỉ có thể giữ một người. Vậy giữ ai? Lúc ấy, tuy Tình Văn đã chết, có thể vẫn còn vài nha hoàn khác. Tập Nhân bèn để lại câu: "Dù thế nào? cũng giữ Xạ Nguyệt lại." Cho nên cuối cùng, bên cạnh Giả Bảo Ngọc có một vợ, một thiếp, hoặc có thể chưa thành thiếp, nhưng đó hẳn là một đại nha hoàn quan trọng nhất bên cạnh chàng, cũng là đại nha hoàn duy nhất. Vậy, lời phê của Chi Nghiễn Trai cho chúng ta biết: nếu là đàn ông bình thường, nghĩ mà xem, người vợ có được là một mỹ nhân lớn như Tiết Bảo Thoa, lại có đạo đức như thế, đúng không?

Đáng lẽ phải thỏa mãn chứ. Mà bên cạnh đại nha hoàn duy nhất, thậm chí có thể trở thành thiếp của mình, lại là Xạ Nguyệt. Dù dung mạo Xạ Nguyệt có lẽ bình thường, nhưng các nha hoàn khác ít nhiều đều có khuyết điểm này nọ, không chu đáo bằng. Chỉ riêng Xạ Nguyệt gần như là người thay thế Tập Nhân. Vì vậy trước khi đi, Tập Nhân nói: người khác có thể không giữ, nếu còn có thể giữ, thì dù thế nào? cũng phải giữ Xạ Nguyệt. Về sau quả nhiên giữ Xạ Nguyệt lại.

Bởi vậy, tuy lúc ấy địa vị chính trị của Giả phủ đang lung lay sắp đổ, tình hình kinh tế cũng sát bờ sụp đổ, nhưng bên cạnh Bảo Ngọc rốt cuộc vẫn có một người vợ như vậy, một thị thiếp như vậy; đáng lẽ phải thỏa mãn. Nhưng Bảo Ngọc lại buông tay nơi vách núi.

"Buông tay nơi vách núi" nghĩa là gì? Nói thẳng ra, chính là đi làm hòa thượng, rời nhà xuất gia làm tăng. Cho nên Chi Nghiễn Trai nói chàng có cái gọi là "người đời không chịu nổi" một thứ "độc". Nghĩa là Giả Bảo Ngọc quá lệch đời, tính cách quá cổ quái. Trong bản Hồng Lâu Mộng thông hành 120 hồi, phần tình hình Tiết Bảo Thoa sau hồi 80 được thiết kế như sau. Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc sau khi thành hôn không lâu, Giả Bảo Ngọc bị tình vây khốn bèn buông tay nơi vách núi, xuất gia làm tăng. Còn Tiết Bảo Thoa thì sinh cho Giả Bảo Ngọc một người con trai tên Giả Quế.

*Thông qua lời kể của Chân Sĩ Ẩn, bản sách còn ám chỉ Giả Quế cuối cùng sẽ đỗ đạt công danh, cùng Giả Lan, con trai Lý Hoàn, "Lan Quế cùng thơm", chấn hưng nhà họ Giả. Thiết kế như vậy có phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần không? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ thám dật bí ẩn con nối dõi của Tiết Bảo Thoa như thế nào?*

Giải mật Tiết Bảo Thoa: bí ẩn con nối dõi. Trong giai đoạn sinh hoạt sau đó, tình cảm giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa không thể hòa hợp. Vậy, một vấn đề rất quan trọng xuất hiện: hai người họ có sinh con không? Vì theo lời kể của Cao Ngạc, họ sinh một con trai tên Giả Quế. Giả Quế về sau còn tham gia khoa cử, còn thi đỗ. Cùng với Giả Lan, cậu ta thi đỗ, nên nhà họ Giả "Lan Quế cùng thơm". Cách viết của Cao Ngạc rõ ràng là hoang đường. Bởi từ thiết kế tổng thể của Hồng Lâu Mộng mà xét, nó rất có trật tự. Nhà họ Giả, đời trước của họ, ấy là Ninh Quốc công, Vinh Quốc công, thuộc thế hệ chữ "Đại". Giả Đại Hóa, Giả Đại Thiện. Con trai do họ sinh ra là thế hệ chữ "Văn". Đúng không? Vinh Quốc phủ có Giả Xá, Giả Chính, Ninh Quốc phủ có Giả Kính, đều là thế hệ chữ "Văn". Thế hệ chữ "Văn" sinh con, thì đến thế hệ chữ "Ngọc". Giả Bảo Ngọc, vì dùng thẳng chữ Ngọc, nên không cần nói thêm thế hệ chữ Ngọc. Những người khác đều thuộc thế hệ bộ Ngọc. Hiện nay có người quen viết nghiêng về bên trái, vì bộ ấy cũng nói được, đều là thế hệ bộ Ngọc.

Như Giả Trân, Giả Liễn, Giả Hoàn, còn trong sách xuất hiện Giả Tông, nhiều người đều thuộc thế hệ bộ Ngọc. Đến đời sau nữa, là thế hệ đầu chữ Thảo. Những tên có đầu chữ Thảo như Giả Vân, Giả Lan, Giả Tường, Giả Xương, Giả Lận, Giả Cần, rất nhiều. Đương nhiên có người ở trong phủ, có người ở ngoài phủ, nhưng đều là đầu chữ Thảo. Vì vậy, nếu Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa sinh một người con trai, thì cũng phải đặt một cái tên có đầu chữ Thảo, đúng không? Nhất là Tiết Bảo Thoa, quý vị nghĩ xem, nàng là người tuân thủ quy phạm phong kiến nhất.

Làm sao nàng có thể sau khi gả vào nhà họ Giả lại phá vỡ quy định trong gia phả họ Giả? Không thể nào. Vì vậy Cao Ngạc viết quá hoang đường. Ông ta chỉ vì muốn khớp với câu "Lan Quế cùng thơm", cuối cùng bèn

viết họ sinh một con trai, thuộc thế hệ bộ Mộc. Điều này quả thật không đúng. Vậy rốt cuộc hai người họ có sinh hoạt vợ chồng bình thường hay không?

Có khả năng sinh một con trai hay không? Điều này trong hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng của Phú Sát Minh Nghĩa mà tôi vừa nói, có thể nhìn thấy được. Chúng ta có thể từ đó nhận được gợi ý. Trong hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng của Phú Sát Minh Nghĩa, bài thứ mười bảy viết như sau, đó là: Bài thơ thứ mười bảy của Phú Sát Minh Nghĩa: Chàng công tử áo gấm tựa mầm lan tươi, Nàng giai nhân má phấn tuổi chưa cập kê. Thuở nhỏ chẳng ngại chung phòng chung sập, Hồn mộng thêm mấy lớp màn the. Về cách giải thích nội dung bài thơ này, đương nhiên cũng có tranh luận.

Nhưng ý kiến cá nhân của tôi xin nêu ra để quý vị tham khảo. Tôi cảm thấy hẳn cũng có một số người có thể cùng tôi suy nghĩ theo một mạch như vậy. "Công tử áo gấm trổ mầm lan" nghĩa là gì? Câu thơ này dĩ nhiên khá thô bút. Nhưng nó nói rất rõ. "Công tử áo gấm" tất nhiên chỉ Giả Bảo Ngọc.

"Trổ mầm lan" chỉ chính là thứ của nam giới. Ông dùng một cách nói như vậy để thay thế. Nó cho quý vị biết rằng: cuối cùng Giả Bảo Ngọc, dù cưới một người vợ xinh đẹp như vậy, nhưng bản thân chàng không có dục vọng phương diện ấy. Vì nàng cứ ở bên cạnh mượn lời hàm ý châm biếm khuyên can, điều đó rất phiền. Chàng không có dục vọng này. Vì vậy "giai nhân hồng phấn", giai nhân hồng phấn là ai?

Chính là Tiết Bảo Thoa. "Chưa phá qua". Có người nói chữ "phá qua" này quá khó nghe, quá tệ. Đương nhiên vào thời Thanh, đưa từ này vào thơ không phải do một mình Phú Sát Minh Nghĩa tự sáng tạo. Khi ấy chữ này có thể dùng trong thơ. Nó nói rằng nàng là một trinh nữ.

Tuy người này đã kết hôn nhưng trước sau vẫn là trinh nữ. Chẳng phải rất rõ ràng sao? Phải không? Hai người họ ngoài mặt hợp mà trong lòng lìa, đúng không? Tuy Tiết Bảo Thoa thực hiện được nguyện vọng, gả cho người chồng này, nhưng giữa nàng và chồng không có đời sống vợ chồng bình thường. Đương nhiên quý vị cũng có thể giải thích rằng lúc ấy có lẽ vẫn còn đang trong thời kỳ tang Giả mẫu.

Theo chuẩn mực đạo đức phong kiến đương thời, tạm thời có thể ở cùng nhau, thành hôn nhưng chưa viên phòng. Cho nên, dù nói thế nào, trong bản toàn vẹn mà Phú Sát Minh Nghĩa nhìn thấy, đã viết rất rõ: giữa hai người họ không có đời sống vợ chồng bình thường, không thể sinh con. Đúng không? Tất nhiên hai câu sau giải thích ra thì khá phiền, có đủ loại cách giải thích. Cá nhân tôi cho rằng hai câu sau thật ra muốn nói Giả Bảo Ngọc, trong lòng chàng, người chàng yêu là Lâm Đại Ngọc. "Thuở nhỏ không ngại chung giường chiếu", quý vị còn nhớ từ trước khi Đại Quan viên xây xong, đã có một hồi chuyện "một giường trong gang tấc, hương ngọc thơm lừng", đúng không?

Hai người họ thanh mai trúc mã, ở trên cùng một chiếc giường, phải không? Ở tuổi ấy, trong cảnh ấy, họ không thể có những ý nghĩ khác. Họ rất ngây thơ. Nhưng bây giờ Giả Bảo Ngọc đã trưởng thành. Bây giờ

Giả Bảo Ngọc là một nam tử trưởng thành, đúng không? Người khiến chàng hồn vương mộng vấn không phải ai khác.

Đối với mỹ nhân trước mắt, vị mỹ nhân lạnh ấy, chàng không có hứng thú như vậy. Mộng hồn của chàng vẫn nhiều lần trở về nơi màn sa xưa, thường xuyên trở lại Tiêu Tương quán. Trở lại Tiêu Tương quán cũng là có căn cứ. Bởi vì trước đó, trong lời phê cũng từng tiết lộ. Khi viết Tiêu Tương quán, nguyên dùng tám chữ: "đuôi phượng rậm rậm, tiếng rồng rì rào", quý vị nhớ không? Ở chỗ này, Chi Nghiễn Trai có một lời phê.

Bà nói về sau có "lá rụng xào xạc, khói lạnh mịt mờ", đối lại, tạo thành một cặp câu. Đáng thương, đáng than. Có thể thấy sau này Giả Bảo Ngọc thường đến Tiêu Tương quán hoang phế ấy. Thắng cảnh năm xưa đã không còn nữa. Tre trúc đều khô héo. Vì vậy, nó là cảnh tượng lá rụng xào xạc, khói lạnh mịt mờ.

Điều đó cho thấy trong lòng chàng vẫn chỉ có Lâm Đại Ngọc. Viết như vậy đương nhiên phù hợp với những phục bút trong 80 hồi đầu. Vì thế, cách viết của Cao Ngạc rõ ràng không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Sau khi giải quyết các vấn đề về hôn phối và con nối dõi của Tiết Bảo Thoa, một nghi vấn lớn nhất vẫn còn treo đó. Đó là kết cục đời người cuối cùng của Tiết Bảo Thoa rốt cuộc như thế nào. Trong bản thông hành Hồng Lâu Mộng, không có chữ nào liên quan đến kết cục của Tiết Bảo Thoa.

*Nhưng theo hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng, trong phán từ hợp nhất hai người Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc, "Đáng than đức dừng khung cửi, đáng thương tài ngâm tuyết; đai ngọc treo trong rừng, trâm vàng vùi trong tuyết." Tiết Bảo Thoa cũng nhất định như các nữ nhân khác trong Hồng Lâu Mộng, phải kết thúc bằng một bi kịch. Vậy ông Lưu Tâm Vũ sẽ phá giải bí ẩn này như thế nào? Đằng sau câu "trâm vàng vùi trong tuyết" ẩn chứa dụng ý đặc biệt nào của tác giả Tào Tuyết Cần? Giải mật Tiết Bảo Thoa: bí ẩn cái chết. Kết cục cuối cùng của Tiết Bảo Thoa ra sao? Nàng gả cho Giả Bảo Ngọc, lại không có đời sống vợ chồng bình thường.*

Nàng khuyên Giả Bảo Ngọc đọc sách tiến thân, Giả Bảo Ngọc giậm chân, bỏ đi, xuất gia. Vì vậy, kết cục toàn sách là như thế này: cuối cùng Tiết Bảo Thoa chết thảm trong u uất. Tôi không biết tâm trạng quý vị thế nào, nhưng mỗi khi nghĩ đến, lòng tôi vẫn rất khó chịu, đúng không? Quý vị đừng trách nàng, nói nàng cả đời trung thành với quy phạm phong kiến. Mọi người biết, có một lần Giả Bảo Ngọc mừng sinh nhật, có một hồi sách rất quan trọng, gọi là "Mừng Di Hồng, quần phương mở tiệc đêm". Khi rút thẻ, Tiết Bảo Thoa rút được thẻ gì?

"Dẫu là vô tình cũng động lòng người". Nói nàng diễm áp quần phương.

Là hoa mẫu đơn. Nàng quả thật xứng đáng với vẻ lộng lẫy, phú lệ. Hơn nữa, cái "vô tình" của nàng là do xã hội ấy áp chế mà thành. Bởi ý thức hệ chủ lưu của xã hội ấy, quan niệm giá trị chủ lưu của xã hội ấy, yêu cầu con gái nhà khuê các chỉ có thể làm kim chỉ, không được đọc sách "tà", phải nghe chỉ thị của gia trưởng, không được để lộ tình cảm. Nàng bị áp chế rất nhiều. Đương nhiên, nàng có chỗ động lòng người.

Giả Bảo Ngọc mấy lần từng động lòng vì nàng. Gác sang một bên sự khác biệt về tư tưởng quan niệm và khác biệt trong theo đuổi giá trị giữa hai người, khi Giả Bảo Ngọc nhìn thấy cánh tay tuyết trắng của nàng, chàng từng động lòng. Khi Giả Bảo Ngọc thấy nàng mặt như mâm bạc, mắt như hạnh nước, chàng cũng động lòng. Nhưng một người con gái xinh đẹp như vậy, nỗ lực theo đuổi hạnh phúc, vượt qua rất nhiều trở ngại, cuối cùng gả cho vị công tử nàng yêu, nhưng sau cùng nàng chẳng nhận được gì. Trước khi Giả phủ đại sụp đổ, nàng chết vì u uất. Điều này trong phán từ hồi thứ năm đã có giao đại rõ ràng.

Trang đầu tiên trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách vẽ Lâm Đại Ngọc thế nào, tôi không nói nữa. Bây giờ chúng ta nói về Tiết Bảo Thoa. "Trâm vàng vùi trong tuyết." Có bạn thính giả đã từng thảo luận với tôi, hỏi vì sao Tào Tuyết Cần không viết "kim thoa vùi trong tuyết", mà lại viết "trâm vàng vùi trong tuyết". Trâm và thoa khác nhau ở đâu? Trâm và thoa là cùng một loại đồ vật, đều là thứ phụ nữ cổ đại dùng để cài tóc. Tất nhiên đồng thời cũng là đồ trang sức.

Vậy trâm vàng và thoa vàng khác nhau ở đâu? Trâm vàng là vật dạng kim hoặc dạng thanh làm bằng vàng. Một chân gọi là trâm, hai chân gọi là thoa. Hai cây vàng, hoặc hai thanh vàng, có thể đặt song song với nhau, hoặc xoắn lại như bím tóc một phần, dùng làm vật trang sức trên đầu, gọi là thoa. Cho nên ở đây Tào Tuyết Cần cố ý viết như vậy. "Trâm vàng vùi trong tuyết" nghĩa là gì?

Thật bi thảm biết bao. Cả đời nàng hy vọng mình có thể thành toàn kim ngọc nhân duyên, đúng không? Nhưng cuối cùng, khi nàng chết, nàng chết cô đơn lẻ loi. Thoa vẫn là hai nhánh. Còn trâm chỉ có một nhánh. Nàng hẳn chết vào một ngày tuyết lớn bay đầy trời, mà Giả Bảo Ngọc rõ ràng không ở bên nàng.

Vì vậy, trong phán từ, Tào Tuyết Cần cố ý viết "trâm vàng vùi trong tuyết".

Một người con gái như vậy đã đi hết con đường đời của nàng. Tôi hy vọng thông qua rất nhiều buổi giảng phân tích về Tiết Bảo Thoa, quý vị thật ra không nhất thiết phải đồng ý với quan điểm của tôi. Nhưng tôi hy vọng có thể khơi dậy trí tưởng tượng phong phú và năng lực phán đoán của quý vị. Quý vị nên đọc kỹ văn bản của Tào Tuyết Cần, và đối với 28 hồi sau sau hồi 80, thông qua thám dật, mở rộng trí tưởng tượng của mình. Rồi từ đó đưa ra phán đoán cá nhân của quý vị về hình tượng nghệ thuật Tiết Bảo Thoa, cũng như cảm nhận thẩm mỹ của mình.

Mọi người đều biết, trong đời Tào Tuyết Cần, có bốn người con gái quan trọng nhất đối với ông. Trong loạt bài giảng của tôi, tôi đã nói về một trong số đó, là Diệu Ngọc, rồi cũng đã nói về Lâm Đại Ngọc. Lâm Đại Ngọc đã nói rồi, lại nói về Tiết Bảo Thoa. Vậy còn lại một người là ai? Chính là Sử Tương Vân. Tiếp theo tôi sẽ giảng cho quý vị về Sử Tương Vân. Tôi sẽ bắt đầu từ đâu? Bây giờ tôi nêu ra một vấn đề, hy vọng quý vị hãy suy nghĩ thử. Lần sau khi chúng ta gặp lại, sẽ từ vấn đề này mở đầu thảo luận. Xin hỏi, trong Hồng Lâu Mộng, đối với sự xuất hiện của Lâm Đại Ngọc, Tào Tuyết Cần có rất nhiều chuẩn bị, rất nhiều miêu tả báo trước. Đối với sự xuất hiện của Tiết Bảo Thoa, ông cũng làm như vậy. Sự xuất hiện của Diệu Ngọc, tuy là xuất

hiện ngầm, thông qua một người hầu giới thiệu tình hình của nàng với Vương phu nhân, nhưng cũng viết rất chi tiết. Vậy sự xuất hiện của Sử Tương Vân là như thế nào? Buổi sau chúng ta sẽ bắt đầu bàn từ vấn đề này.

# Tập 35

Bí ẩn bảo thạch của Giả Bảo Ngọc

*Giả Bảo Ngọc, nam chính quan trọng nhất trong Hồng Lâu Mộng. Một hình tượng nghệ thuật đầy mâu thuẫn và bí ẩn. Xoay quanh Giả Bảo Ngọc, vì sao Tào Tuyết Cần lại trong Hồng Lâu Mộng sáng tạo nên một thế giới thần thoại khác thường? Giả Bảo Ngọc và các nhân vật tiên giới ấy rốt cuộc có quan hệ gì? Miếng Thông linh bảo ngọc thần kỳ mà cậu đeo lại từ đâu mà có? Nhà văn Lưu Tâm Vũ đặc sắc giải mã: Giả Bảo Ngọc, bí ẩn ngọc và đá.*

*Giả Bảo Ngọc là nhân vật chính xuyên suốt toàn bộ Hồng Lâu Mộng. Là nam chính tuyệt đối. Đồng thời cũng là một hình tượng nghệ thuật đầy bí ẩn và mâu thuẫn. Đặc sắc nghệ thuật rõ nét của nhân vật này cùng nội hàm nghệ thuật phong phú đã làm kho tàng văn học nghệ thuật cổ đại Trung Hoa thêm một điển hình rực rỡ chói sáng. Còn những lai lịch, bối cảnh về kiếp trước kiếp này của Giả Bảo Ngọc cũng trở thành một đề tài nóng được người yêu Hồng học tranh luận không ngừng mà vẫn say mê không chán. Vậy tác giả Tào Tuyết Cần vì sao trong Hồng Lâu Mộng lại sáng tạo ra một thế giới thần thoại khác thường? Giả Bảo Ngọc và các nhân vật tiên giới ấy rốt cuộc có quan hệ gì? Miếng Thông linh bảo ngọc thần kỳ mà cậu đeo rốt cuộc từ đâu mà có? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục làm khách tại Bách Gia Giảng Đàn, đặc sắc giải mã lai lịch thần kỳ kiếp trước kiếp này của Giả Bảo Ngọc. Loạt chương trình Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Giả Bảo Ngọc, tập thứ nhất, Bí ẩn ngọc và đá. Kính mời theo dõi.*

Xin chào mọi người. Tôi rất vui lại được đến Bách Gia Giảng Đàn để báo cáo với mọi người một số tâm đắc trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Từ bài giảng này trở đi, tôi sẽ dùng vài buổi xoay quanh vấn đề Giả Bảo Ngọc để cùng mọi người thảo luận.

Bây giờ ta bắt đầu bàn nhé. Trước hết tôi nêu một câu hỏi. Xem bạn có trả lời được không. Ngay từ đầu Hồng Lâu Mộng, sách đã nói đến trong không gian nơi các thần tiên hoạt động có một số sự vật tồn tại. Tôi gọi gọn đó là tiên giới. Trong tiên giới có một tảng đá lớn. Đó là tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời. Nữ Oa bèn bỏ nó ở núi Đại Hoang, ghềnh Vô Kê, dưới đỉnh Thanh Ngạnh. Đây là một tồn tại của tiên giới.

Trong tiên giới còn có một nơi khác. Còn nữa, trong tiên giới còn có một không gian là bờ Linh Hà ở phương Tây. Ở bờ Linh Hà phương Tây ấy có một tòa Xích Hà cung. Trong cung có một vị thần tiên, Thần Anh thị giả.

Dĩ nhiên trong tiên giới còn nhiều tồn tại khác. Bây giờ tôi trước hết chọn ra hai thứ này. Còn ở nhân gian, tôi cũng chọn ra hai thứ. Ở nhân gian, trong kinh thành, trong phủ Vinh Quốc, có một công tử quý tộc là Giả Bảo Ngọc.

Giả Bảo Ngọc ấy, là trong Hồng Lâu Mộng nhân vật chính số một không thể tranh cãi. Vậy Giả Bảo Ngọc trên cổ luôn đeo một vật. Đó là một miếng ngọc đẹp trong sáng long lanh. Hai mặt đều có khắc chữ. Miếng ngọc ấy chính là Thông linh bảo ngọc.

Tôi thấy có khán giả bên dưới đang mỉm cười, nghĩ chuyện này chẳng đơn giản lắm sao, ai cũng biết cả. Ẩn sĩ cũng biết. Nhưng câu hỏi của tôi đến đây mới xuất hiện. Hai tồn tại trong tiên giới mà tôi vừa nói và hai tồn tại ở nhân gian, giữa chúng có quan hệ đối ứng gì?

Nếu tôi viết bốn tồn tại ấy lên một tờ giấy, rồi bảo bạn dùng cách kẻ đường để biểu đạt quan hệ giữa chúng, bạn sẽ vẽ những đường ấy thế nào?

Hồi ở nhà tôi, trong thư phòng của tôi, tôi cùng hai người bạn Hồng học đã bàn vấn đề này. Người bạn Hồng học thứ nhất vẽ đường như thế này. Trước hết anh ta nối tảng đá lớn ở núi Đại Hoang, ghềnh Vô Kê, dưới đỉnh Thanh Ngạnh, tức tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, với Giả Bảo Ngọc. Anh ta vẽ một đường. Anh ta nói: Tảng đá này sau khi xuống phàm đến nhân gian chính là Giả Bảo Ngọc. Nghĩ một lúc, anh ta lại vẽ đường thứ hai.

Anh ta lại ở giữa tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời và Thông linh bảo ngọc vẽ thêm một đường. Anh ta nói tảng đá này đến nhân gian cũng chính là Thông linh bảo ngọc. Nghĩ thêm một lúc, anh ta lại giữa Thần Anh thị giả và Giả Bảo Ngọc vẽ một đường. Bạn xem, anh ta đã vẽ ba đường rồi. Anh ta nhìn tôi mỉm cười và nói: Ông khoan hãy cười, tôi còn chưa vẽ xong. Tôi nói: Anh còn muốn vẽ nữa à?

Anh ta lại vẽ một đường, giữa Giả Bảo Ngọc và Thông linh bảo ngọc, anh ta vẽ một đường. Trong cách nhìn của anh ta, giữa những sự vật ấy tồn tại những quan hệ như vậy. Nói giản dị, tức là tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, Giả Bảo Ngọc, và Thông linh bảo ngọc ba ngôi hợp một. Ngoài ra, Giả Bảo Ngọc lại là Thần Anh thị giả xuống phàm. Đối với câu hỏi tôi nêu, anh ta trả lời như thế. Người bạn Hồng học thứ hai đến lượt vẽ đường, thì vẽ rất đơn giản.

Anh ta chỉ vẽ hai đường. Một đường là ở giữa tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời và Thông linh bảo ngọc, anh ta vẽ một đường. Anh ta nói, tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời này sau khi đến nhân gian chính là miếng Thông linh bảo ngọc ấy. Sau đó, anh ta lại ở giữa Thần Anh thị giả và Giả Bảo Ngọc vẽ một đường. Tức Thần Anh thị giả của tiên giới sau khi xuống phàm chính là Giả Bảo Ngọc của phủ Vinh Quốc.

Tôi hỏi: Anh còn đường nào khác không? Anh ta nói: Không còn. Chỉ hai đường ấy thôi. Cùng là bốn tồn tại ấy, dưới ngòi bút của hai người yêu Hồng học dường như lại xảy ra lẫn lộn. Xoay quanh Giả Bảo Ngọc, Thông linh bảo ngọc, tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, và Thần Anh thị giả, quan hệ giữa họ dường như cắt không đứt, gỡ càng rối. Vì sao lại xuất hiện cục diện hỗn loạn như vậy?

Đằng sau chuyện này rốt cuộc hàm ý gì? Bốn tồn tại nói trên giữa chúng rốt cuộc nên là quan hệ thế nào? Lúc ấy trong thư phòng của tôi, hai người bạn Hồng học đều nhìn tôi, ý là muốn tôi đưa ra một lời phán xét. Tôi nói, chúng ta đều bình đẳng. Tôi phát biểu ý kiến của tôi cũng chỉ để tham khảo. Không phải ý kiến của tôi nhất định đúng.

Tôi nói, hai vị vẽ đường khác nhau, tôi biết nguyên nhân. Nguyên nhân gì? Là vì hai vị đọc các bản Hồng Lâu Mộng khác nhau. Người bạn thứ nhất đọc bản nào? Tôi với cha mẹ của người bạn Hồng học thứ nhất này rất thân. Tôi cùng thế hệ với cha mẹ anh ta.

Sách cất giữ trong nhà họ tôi cũng biết rất rõ. Vậy bộ Hồng Lâu Mộng trong nhà họ là bộ Hồng Lâu Mộng như thế nào? Đó là bản năm 1957, do Nhà xuất bản Văn học Nhân dân in với số lượng lớn và phát hành. Một bộ Hồng Lâu Mộng chữ giản thể, sắp ngang. Trên bìa in Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc, trước tác. Tổng cộng 120 hồi.

Phía trước cũng có lời thuyết minh xuất bản. Trong lời thuyết minh ấy nói rằng 80 hồi đầu của sách này là do Tào Tuyết Cần viết, 40 hồi sau là Cao Ngạc viết tiếp. Nhưng độc giả thông thường khi đọc sách thường không mấy khi suy xét kỹ loại thuyết minh xuất bản ấy. Chủ yếu là mở sách ra xem câu chuyện. Vì vậy trong nhà họ, lâu ngày hình thành một quan niệm: Hồng Lâu Mộng chính là do Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc trước tác, chính là 120 hồi, chính là bản ấy. Cho nên nội dung họ quen thuộc là nội dung bản này.

Bản này có thể gọi là bản thông hành. Nó quả thật rất thông hành. Nếu truy nguyên bản thông hành này, thì có thể truy mãi đến thời Càn Long đời Thanh. Vào cuối triều Càn Long, khi ấy có một nhà buôn sách tên Trình Vĩ Nguyên. Ông cùng một văn nhân tên Cao Ngạc đã hợp tác với nhau làm một việc, đó là chỉnh lý, viết tiếp và xuất bản một bộ Hồng Lâu Mộng 120 hồi. Bản này hiển nhiên có vấn đề nhất định.

Vấn đề ấy trong các bài giảng trước tôi đã nói mấy lần, có lẽ các bạn còn nhớ. Nhưng ở đây tôi thấy cần nhắc lại: xin chú ý, Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc có quen biết nhau không? Không quen. Có qua lại không? Không qua lại. Vậy đường đời của hai người có điểm giao nhau không?

Không có điểm giao. Hoàn cảnh sống của hai người có chỗ nào chồng lấn không? Cũng không. Hai người này chẳng có quan hệ gì cả. Khi Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc dùng phương thức mộc hoạt tự để in bộ sách này, thì Tào Tuyết Cần đã mất gần 30 năm rồi. Đó là một bộ sách như vậy.

Vì thế nói một cách nghiêm ngặt, nó không phải Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Hơn nữa Cao Ngạc không chỉ viết tiếp 40 hồi, mà còn đối với 80 hồi đầu thực hiện rất nhiều sửa đổi.

Cho nên đây là một bản thông hành. Đọc Hồng Lâu Mộng bằng bản thông hành này là một hiện tượng lịch sử. Nhưng đối diện hiện tượng lịch sử ấy, hiện nay chúng ta cần chỉ ra rằng nói nghiêm ngặt, nó vẫn chưa

phải Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Nhà họ vì luôn cất giữ một bộ Hồng Lâu Mộng như thế, nên người bạn Hồng học thứ nhất khá trẻ, anh ta từ nhỏ đọc chính là bộ Hồng Lâu Mộng như vậy. Sau khi đọc bản Hồng Lâu Mộng ấy, đối với câu hỏi tôi nêu ra, anh ta đưa ra câu trả lời như thế. Tình hình là như vậy. Còn người bạn Hồng học thứ hai đọc một bản Hồng Lâu Mộng nào? Anh ta nói anh ta đọc một cổ bản Hồng Lâu Mộng.

Đọc loại cổ bản nào? Anh ta nói là bản Giáp Tuất. Giáp Tuất là một can chi ghi năm. Cứ 60 năm lại có một năm Giáp Tuất. Vậy năm Giáp Tuất mà anh ta nói là Giáp Tuất khi nào? Là năm Càn Long thứ 19, năm ấy là năm Giáp Tuất. Nếu tính theo dương lịch, là năm 1754. Anh ta đọc một bản cổ xưa như vậy. Ban đầu khi Tào Tuyết Cần viết, ông dùng bút mực viết trên giấy. Viết xong rồi, có một người cộng tác thân mật giúp ông chỉnh lý, đóng vai trò biên tập. Hơn nữa còn đưa ra vài góp ý cho ông. Sau khi Tào Tuyết Cần nghe góp ý, ông còn chỉnh sửa, cắt bớt. Người cộng tác này không chỉ giúp ông biên tập, chỉnh lý, sao chép, mà còn thường xuyên thêm lời phê. Người này, bút danh có ký là Chi Nghiễn Trai.

Còn bản Giáp Tuất, trên đó viết rằng trên thực tế là một bản Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký. Chi Nghiễn Trai luôn chủ trương gọi tác phẩm này là Thạch Đầu Ký. Vì vậy các bản do Chi Nghiễn Trai chỉnh lý ra đều gọi là Thạch Đầu Ký. Mà đây là trùng bình, tức trước năm Giáp Tuất Chi Nghiễn Trai đã từng có một lần sơ bình. Đáng tiếc, bản sơ bình ấy đến nay vẫn chưa lộ diện. Không dám nói là hoàn toàn thất truyền, nhưng chúng ta chỉ có thể rất tiếc mà nói rằng vẫn chưa khai quật được nó.

Hiện nay bản sớm nhất mà chúng ta có thể thấy chính là bản Giáp Tuất, một bản Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký. Nếu bạn đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng thì sẽ rất rõ. Tào Tuyết Cần viết rất rõ: tảng đá lớn ở núi Đại Hoang, ghềnh Vô Kê, dưới đỉnh Thanh Ngạnh, tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời ấy, nó ở đó lâu ngày, cảm thấy mình vô tài vá trời, nên rất đau khổ, ngày đêm khóc lóc ở đó, kêu than ở đó. Trong quá trình ấy, nó bỗng linh tính đã thông. Linh tính đã thông nghĩa là nó đã có tư tưởng, có nguyện vọng. Sau này thậm chí nó có thể mở miệng nói chuyện.

Dĩ nhiên bản thân tảng đá lớn ấy có thể tự di chuyển không? Tào Tuyết Cần viết rất rõ, bản thân nó không thể di chuyển. Cho nên sau này có một ngày, có một tăng một đạo đi tới. Họ ở đó nói chuyện, nói đến đủ mọi chuyện nơi nhân gian. Tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời này nghe xong liền rất kích động, nói rằng: Nhân gian tốt như vậy, tôi muốn đi. Hai vị tiên sinh có thể đưa tôi đến nhân gian không?

Nhưng thể tích nó lớn như vậy, muốn mang đi rất khó. Thể tích lớn đến đâu? Trong sách có miêu tả cụ thể. Cao mười hai trượng, chu vi đáy hai mươi bốn trượng. Bạn nghĩ xem lớn đến mức nào, đúng không? Vậy làm thế nào?

Tào Tuyết Cần viết rất rõ. Vị tiên tăng ấy, tức hòa thượng thần tiên, thi triển đại pháp ảo thuật. Ông bèn biến tảng đá lớn này thành một miếng ngọc đẹp trong sáng long lanh. Nó lớn bao nhiêu? Ông biến nó thành

một vật cỡ ba thước. Người bạn Hồng học thứ hai bàn với tôi rằng, anh ta nói với tôi, cũng nói với người bạn Hồng học thứ nhất rằng: Tôi thấy rất rõ.

Vị hòa thượng và đạo sĩ này sau khi biến tảng đá lớn thành nhỏ, bèn nghĩ cách để nó có thể đến nhân gian du lịch một phen. Họ nghĩ ra cách gì? Vậy thì, ở trước phần đầu hồi thứ nhất, trong đoạn nhắc đến Tô Châu, kể về một nhân vật tên Chân Sĩ Ẩn, trước khi nhân vật này xuất hiện, có một đoạn lớn kể tình hình trên trời, gọi là phần mở đầu. Sau đó, khi câu chuyện bắt đầu, khi phần miêu tả nhân gian bắt đầu, lại nghĩ cách móc nối một số việc nhân gian với những việc trong thế giới thần tiên ở phần mở đầu. Móc nối lại với nhau. Sách bèn viết rằng nhân vật Chân Sĩ Ẩn này giữa ban ngày nằm mộng.

Ông mộng thấy một tăng một đạo. Lúc đó một tăng một đạo đang làm gì? Vừa khéo đang cầm vật đã biến thành cỡ đồ trang sức đeo rủ, họ gọi nó là "xuẩn vật". Họ đi tìm ai? Đến Thái Hư ảo cảnh tìm Cảnh Huyễn tiên cô. Cảnh Huyễn tiên cô là nhân vật gì?

Dĩ nhiên là một vị thần tiên. Thần tiên như thế nào? Người này chuyên quản phong tình trăng gió nơi nhân gian, và nỗi oán si của nữ giới cõi trần. Nói giản dị, dùng ngôn ngữ hôm nay, đó là một nữ thần tình yêu. Bà ấy cả ngày bận việc gì? Gọi là "bố tán tương tư", tức gieo rắc tình yêu.

Bà thường sắp đặt một số sinh mệnh giáng sinh trên mặt đất, có nam hài, có nữ hài. Sau khi những sinh mệnh ấy lần lượt ra đời, lớn lên rồi, liền nảy sinh tình cảm. Giữa một số người lại phát sinh dây dưa tình ái. Cảnh Huyễn tiên cô quản chuyện ấy. Vị hòa thượng và đạo sĩ này bèn đi tìm bà. Tìm bà làm gì?

Có phải để bà đem viên đá cỡ đồ đeo rủ ấy cũng biến thành một đứa trẻ ở nhân gian không? Không phải như thế. Tào Tuyết Cần viết rất rõ, là để bà đem vật này kẹp theo, mang theo, để nó cũng có thể giáng xuống nhân gian. Mang theo bằng cách nào? Đến phần miêu tả sau trong sách thì rất rõ. Lúc ấy Cảnh Huyễn tiên cô sắp xếp một số sinh mệnh ra đời.

Trong đó có một sinh mệnh chính là Giả Bảo Ngọc của phủ Vinh Quốc. Khi Giả Bảo Ngọc ra đời, cậu khác với người khác. Khác thế nào? Khi Giả Bảo Ngọc ra đời, cậu đã mang theo một vật. Vật gì? Trong miệng cậu ngậm một thứ.

Thứ này sau này ở hồi thứ tám có miêu tả rất cụ thể. Ở hồi thứ tám, thể tích của thứ này được nói rất rõ ràng: lớn bằng trứng chim sẻ. Tức lớn bằng một quả trứng chim sẻ. Trứng chim sẻ, một thể tích như vậy, nằm ngang trong miệng một đứa trẻ mập mạp, không phải hoàn toàn ngậm kín trong miệng, mà là ngậm hờ, một nửa ở trong, một nửa lộ ra. Điều này hoàn toàn hợp lý. Vì vậy, một tăng một đạo đã đem tảng đá ở núi Đại Hoang, ghềnh Vô Kê, dưới đỉnh Thanh Ngạnh, tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời ấy biến nhỏ lại, rồi để Cảnh Huyễn tiên cô, khi sắp xếp một số sinh mệnh nhỏ ra đời, đặt nó vào miệng một sinh mệnh như Giả Bảo Ngọc, cùng giáng sinh xuống mặt đất.

Cho nên nếu vẽ đường, tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời chỉ có thể nối với Thông linh bảo ngọc bằng một đường. Tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời này không biến thành Giả Bảo Ngọc. Nó có quan hệ đối ứng với Thông linh bảo ngọc. Người bạn Hồng học thứ hai đã giải thích vì sao sau khi đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng anh ta vẽ đường ấy. Còn Thần Anh thị giả, điều này không có gì phải tranh luận. Trong bản thông hành cũng giữ lại đoạn này.

Tức là, ở bờ Linh Hà phương Tây, trong Xích Hà cung, có một vị Thần Anh thị giả. Mỗi ngày ông dùng cam lộ tưới một cây Giáng Châu tiên thảo ở nơi đó. Vì Giáng Châu tiên thảo thường xuyên được cam lộ tưới tắm, nên phát triển rất tốt. Về sau tu thành thân nữ. Sau đó Thần Anh thị giả ấy nảy ý muốn xuống phàm. Ở trên trời thấy rất cô quạnh, muốn đến nhân gian trải qua một phen, bèn đi tìm Cảnh Huyễn tiên cô đăng ký.

Tức ghi tên ở đó, nói rằng xem ngày nào có thể sắp xếp đầu thai xuống mặt đất. Cảnh Huyễn tiên cô bèn sắp xếp cho ông. Về sau chúng ta biết, ông giáng sinh vào phủ Vinh Quốc. Vương phu nhân sinh ông ra. Đó là Thần Anh thị giả.

Còn Giáng Châu tiên thảo thì sao? Giáng Châu tiên thảo ấy, vừa nghĩ Thần Anh thị giả đã xuống phàm, lại thấy ông dùng cam lộ tưới cho mình, mình phải báo đáp ông. Cho nên sau khi Thần Anh thị giả xuống phàm trước, qua một thời gian, nàng cũng theo xuống phàm. Sau khi xuống nhân gian, nàng nghĩ ra một cách để báo đáp Thần Anh thị giả, đó là dùng nước mắt cả đời mình.

Để báo đáp Thần Anh thị giả, báo đáp ân cam lộ tưới tắm của ông. Mọi người đều rất rõ, Giáng Châu tiên thảo này sau khi xuống nhân gian chính là Lâm Đại Ngọc. Hai phiên bản Hồng Lâu Mộng khác nhau đối với việc giải đọc bối cảnh liên quan đến Giả Bảo Ngọc có tác dụng rất khác nhau. Vậy rốt cuộc cách đọc nào phù hợp với ý đồ sáng tác thật sự của tác giả Tào Tuyết Cần? Trong Hồng Lâu Mộng, tình yêu đầy màu sắc bi kịch giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc được đông đảo độc giả yêu thích. Quan hệ giữa họ cũng được gọi là mộc thạch nhân duyên.

Nhưng chúng ta không khỏi phải hỏi: đã là nam nhân vật chính tên Bảo Ngọc, vậy mối nhân duyên này vì sao không gọi là mộc ngọc nhân duyên? Một danh từ được tác giả đặc biệt nhấn mạnh như thế rốt cuộc ẩn chứa bí mật gì? Dĩ nhiên có thể có một vấn đề muốn đem ra thảo luận với tôi. Bạn nói về sau trong tiểu thuyết viết Giả Bảo Ngọc đặc biệt phản cảm với kim ngọc nhân duyên. Nhất là có một hồi viết Tiết Bảo Thoa ngồi bên giường cậu, cậu đang nằm mộng, trong mộng hét lớn: Cái gì kim ngọc nhân duyên, lời hòa thượng đạo sĩ làm sao nghe được! Ta chỉ tin mộc thạch nhân duyên.

Có khi còn gọi là mộc thạch tiền minh. Vấn đề này quả thực đáng bàn. Vì có một người bạn Hồng học đã nói với tôi rằng: Cậu ấy phản đối kim ngọc nhân duyên, điều này tôi hiểu. Nhưng nhân duyên giữa cậu ấy và Lâm Đại Ngọc nói thế nào? cũng không phải mộc thạch nhân duyên, mà phải là ngọc mộc nhân duyên hoặc

mộc ngọc nhân duyên, đúng không? Vì Lâm Đại Ngọc là một cây cỏ. Cỏ cây vốn trong khái niệm của chúng ta thường được gộp làm một.

Cho nên nếu gọi Giáng Châu tiên thảo là mộc thì còn nói được. Nhưng chẳng phải cậu ấy là Thần Anh thị giả sao? Lại ở trong Xích Hà cung. Bạn xem chữ "Hà" trong Xích Hà cung có bộ ngọc, đúng không? Chữ "Anh" trong Thần Anh thị giả cũng có bộ ngọc. Chẳng phải ông ấy là ngọc sao?

Đúng không? Vậy thì, Tào Tuyết Cần đặt tên rất cẩn thận. "Hà" là gì? Ngọc có bệnh mới gọi là "hà". Ngọc có tì vết gọi là hà, hoặc phần có lỗi trên viên ngọc gọi là hà. Vậy "Xích Hà" lại càng không hay.

Vì trong các loại ngọc, hồng ngọc nói chung giá trị tương đối thấp. Vừa đỏ, vừa có tì vết. Cho nên khi đặt tên cung điện này, ông đã nói với bạn rằng đây không phải là ngọc thuần túy. Còn chữ "Anh", bạn tra. Từ Hải thì sẽ rõ hơn. Từ Hải giải thích "anh" thế nào? Là đá đẹp giống ngọc, tức là đá.

Chỉ là loại đá này trong các thứ đá thì tương đối tốt, giống như ngọc mà thôi. Vì vậy Thần Anh thị giả này sau khi xuống phàm, định vị bản thân là đá thì nói rất thông. Cho nên giải thích mộc thạch nhân duyên như vậy, bạn hẳn có thể nghe hiểu. Chính là như thế. Cho nên Tào Tuyết Cần trong hồi thứ nhất viết quan hệ giữa ngọc và đá đã viết rất rõ. Nhưng Cao Ngạc lại làm hỏng chuyện.

Cao Ngạc viết tiếp 40 hồi, ông có tự do tự sự của ông. Nhưng ông không nên đem 80 hồi đầu sửa đến rối tung rối mù. Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc hợp tác với nhau, dùng mộc hoạt tự sắp in bộ sách 120 hồi. Lần in thứ nhất diện mạo còn tương đối tốt. Trong lịch sử Hồng học gọi là bản Trình Giáp.

Nhưng năm thứ hai họ lại in một lần nữa, trong lịch sử Hồng học gọi là bản Trình Ất. Bản Trình Ất này rất không ra thể thống. Họ đã đối với 80 hồi đầu thực hiện cuộc cải tạo động gân động cốt. Hồi thứ nhất Cao Ngạc thêm thế nào? Khi viết đến tảng đá còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, sau khi linh tính đã thông, Cao Ngạc thêm tám chữ: "tự đi tự đến, có thể lớn có thể nhỏ". Thế là loạn hết.

Đúng không? Nếu nó tự có thể bay đi bay lại, cần gì phải làm phiền hòa thượng và đạo sĩ ấy sắp xếp nó đến nhân gian? Đúng không? Tự đi tự đến, thì tự bay xuống nhân gian là xong rồi. Phải không? Nếu bản thân nó có thể lớn có thể nhỏ, thì không cần người khác biến hóa.

Như vậy đã hoàn toàn thay đổi cấu tứ của Tào Tuyết Cần. Trong cổ bản do Tào Tuyết Cần viết, một tăng một đạo đang trò chuyện dưới tảng đá lớn, nghe tảng đá lớn nói chuyện, xin họ đưa nó đến nhân gian. Vị tiên tăng ấy mới thi triển đại pháp ảo thuật để biến nó nhỏ lại. Nhưng trong bản thông hành bạn thấy, ngay đầu bản ấy, ở hồi thứ nhất, đã viết rằng tảng đá này "tự đi tự đến, có thể lớn có thể nhỏ". Khi một tăng một đạo đến đỉnh Thanh Ngạnh, vừa nhìn đã thấy nó là một vật cỡ ba tấc rưỡi rồi. Cho nên cuối cùng, Cao Ngạc bọn họ đã đem các đoạn chữ liên quan phía dưới đều xóa đi, đều sửa đi.

Điều này khiến người ta hình thành một quan niệm mơ hồ, không còn nắm rõ quan hệ tinh vi giữa ngọc và đá. Chỉ mơ mơ hồ hồ cảm thấy rằng tảng đá này, tảng đá thiêng còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, Thông linh bảo ngọc, và Giả Bảo Ngọc thành ba ngôi hợp một. Sau khi chúng ba ngôi hợp một, thì việc Thần Anh thị giả xuống phàm trở nên rất lúng túng. Đúng không? Vậy ông ấy rốt cuộc là chuyện gì nữa? Thế là loạn.

*Qua phần phân tích vừa rồi, Lưu Tâm Vũ cho rằng bản thông hành Hồng Lâu Mộng đã cắt sửa bối cảnh liên quan đến Giả Bảo Ngọc, nghiêm trọng đi ngược lại ý đồ sáng tác và đặc sắc nghệ thuật ban đầu của tác giả Tào Tuyết Cần. Nó làm lẫn lộn tảng đá thiêng còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, Thông linh bảo ngọc, Thần Anh thị giả, và Giả Bảo Ngọc, bốn tồn tại trên trời và dưới nhân gian ấy. Trái lại, cổ bản Hồng Lâu Mộng đối với bốn tồn tại nói trên có sự giới định tương đối rõ ràng và nắm bắt chính xác. Vì thế, muốn thật sự giải đọc ý đồ sáng tác và thú vị thẩm mỹ của Tào Tuyết Cần, thì phải nghiên cứu tỉ mỉ cổ bản Hồng Lâu Mộng, trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, tảng đá thiêng còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời xuống nhân gian trở thành một viên Thông linh bảo ngọc đeo trên người Giả Bảo Ngọc. Nó linh tính đã thông, giống như một phóng viên đi theo, cảm nhận trăm nghìn trạng thái của nhân thế, muôn vàn chuyện đời, và ghi chép tất cả lại, gọi là Thạch Đầu Ký.*

Vậy tác giả Tào Tuyết Cần sẽ thiết kế giọng kể của Thông linh bảo ngọc này thế nào? Còn văn bản thể hiện rõ nhất đặc điểm linh động của Thông linh bảo ngọc sẽ nằm ở hồi thứ mấy của Hồng Lâu Mộng? Tào Tuyết Cần của chúng ta, bộ Hồng Lâu Mộng của ông, giá trị văn học rất cao. Trong đó còn có một đặc điểm, là nó có thể đem ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba hòa vào nhau để cấu thành một văn bản. Trong lịch sử văn học tự sự của nhân loại, đây là một sáng tạo đầu tiên. Đặc điểm khai sáng này không thể bị gạt bỏ.

Sở dĩ ông có thể dùng ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba để kể chuyện hỗn hợp, là vì ông thiết kế một tảng đá thiêng còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời, sau khi xuống phàm biến thành Thông linh bảo ngọc. Bản thân Thông linh bảo ngọc này trở thành một người quan sát sự vật nhân gian và một kẻ cảm tri toàn năng. Vì vậy, trong văn bản thường xuất hiện lời nói của chính tảng đá ấy. Cao Ngạc đã xóa sạch toàn bộ. Ví dụ hồi thứ mười tám viết "Nguyên phi tỉnh thân". Khi viết Nguyên phi tỉnh thân, trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, viết tới viết lui, liền có cảm khái của chính tảng đá.

Ở hồi thứ mười tám, ông viết rất nhiều cảnh xa hoa. Vào lúc ấy, trong cổ bản của Tào Tuyết Cần có những câu như thế này: "Lúc này tự mình hồi tưởng ban đầu, ở trong núi Đại Hoang, dưới đỉnh Thanh Ngạnh, cảnh lạnh lẽo thê lương nhạt nhẽo ấy; nếu không nhờ vị tăng lở và đạo sĩ què mang đến đây.

Thì làm sao được thấy cảnh tượng thế này?" Hơn nữa tảng đá ấy còn bày tỏ rằng, sau khi trải qua cảnh tượng như vậy, bản thân còn nên sáng tác thêm, ví dụ viết một bài Đăng Nguyệt phú, hoặc viết một bài Tỉnh Thân tụng. Có độc giả cũng đọc bản còn giữ lại một vài câu như thế, nên không hiểu. Có một độc giả viết thư cho tôi, nói có phải Giả Nguyên Xuân chính là tảng đá thiêng còn thừa sau khi Nữ Oa vá trời xuống phàm không? Đúng không? Sao lại có câu này? Chính vì bản mà người ấy đọc còn sót lại vài câu như thế, nhưng không giữ trọn diện mạo cổ bản của Tào Tuyết Cần, nên người ấy nảy sinh hiểu lầm. Thực tế Tào

Tuyết Cần có ý thức thiết kế một văn bản như vậy. Tức Thông linh bảo ngọc toàn tri toàn năng này có lúc trực tiếp trải qua một số chuyện, có lúc nó không ở hiện trường, nhưng vẫn biết việc ấy. Rồi khi nó kể lại, giọng điệu vô cùng linh động. Ví dụ điển hình nhất là phần mở đầu hồi thứ sáu. Đầu hồi thứ sáu viết Lưu lão lão lần đầu vào phủ Vinh Quốc. Những câu chữ ấy mọi người hẳn rất quen. Ví dụ, sách viết như thế này. Sách nói: "Tính cả một nhà phủ Vinh, nhân khẩu tuy không nhiều, từ trên xuống dưới cũng có ba bốn trăm người; việc tuy không nhiều, một ngày cũng có một hai chục chuyện, như mớ tơ rối.

Chẳng có đầu mối nào làm cương lĩnh." Đây là ngôi thứ nhất. Ở đây có chút ý vị ngôi thứ nhất, tức người kể chuyện tự mình đang suy nghĩ: ta phải kể tiếp thế nào? Sau đó nói: "Đang nghĩ nên từ việc nào, từ người nào mà viết lên, vừa khéo từ ngàn dặm xa xôi, mượn thế lực tổ tông, có một nhà nhỏ bé vì có chút dây mơ rễ má với phủ Vinh, hôm ấy đang đi vào phủ Vinh, vì thế bèn từ nhà này nói ra.

Thì cũng coi như có một đầu mối." Trong đây có yếu tố ngôi thứ hai. Giống như đang thảo luận với độc giả: Tôi nên viết từ đâu đây? Vừa hay có một cái cớ như vậy.

Tôi bắt đầu từ đây, các vị thấy được không? Dĩ nhiên giọng điệu chủ yếu lại là một kiểu kể ở ngôi thứ ba. Hơn nữa nó có một góc nhìn cúi xuống quan sát nhân thế, vô cùng quý giá. Hồi thứ sáu có ý vị như vậy. Thời đó còn chưa có kỹ thuật nhiếp ảnh, điện ảnh, truyền hình đều chưa có. Nhưng bản thân tác giả đột nhiên đã có một góc nhìn như vậy: từ trên không nhìn xuống cõi nhân gian rối như tơ vò.

Ông bỗng nhìn thấy ở chỗ kia có một người ngồi xe lừa đi vào thành. Ông nói: Ai vậy? Chúng ta bắt đầu kể từ người này đi. Rồi từ nhìn xuống biến thành đại toàn cảnh, biến thành trung cảnh, biến thành cận cảnh, biến thành đặc tả. Trong bản Chi phê, Tào Tuyết Cần còn giữ lại những câu sau, bản thông hành đã xóa sạch. Ông nói: "Ngươi đến nhà này, tùy theo tính tình mà nghe, lại có chút liên hệ sống với phủ Vinh." Hai câu này trong bản thông hành bị xóa.

Đây là một kiểu ngày nay chúng ta gọi là tương tác. Bây giờ làm chương trình truyền hình, chúng ta thường nói phải tương tác, đừng để một người ngồi đó nói khan. Tôi giảng ở đây cũng hy vọng chúng ta có thể tương tác. Tào Tuyết Cần từ rất sớm đã biết giao lưu văn học cần có tương tác. "Ngươi đến nhà này, tùy theo tính tình mà nghe", ông hỏi độc giả, ông dùng ngôi thứ hai. Sau đó ông có những câu như vậy.

Ông biết có thể bạn chưa chắc biết phía sau đặc sắc đến đâu, có thể hơi do dự, chưa chắc đã đọc tiếp. Ông lập tức nói: "Chư công nếu chê vụn vặt thô bỉ, thì bỏ cuốn sách này xuống, đi tìm sách hay khác cho sáng mắt; nếu khi chưa hết buồn chán, hãy đợi xuẩn vật kể chuyện mua vui." Vô cùng sinh động. Vô cùng linh hoạt. Ngày nay chúng ta dùng chữ vuông viết văn, nói thật, thường còn chưa đạt đến trình độ ấy. Tào Tuyết Cần của chúng ta hơn 200 năm trước đã đạt trình độ như vậy. Vài loại ngôi kể dùng lẫn, mà lại liền lạc không vết nối, rất tự nhiên.

Nói đến đây, có lẽ có bạn Hồng học quả thật ít nhiều hơi mất kiên nhẫn, nói rằng: Ông lại lải nhải giảng cả một buổi như thế, vậy rốt cuộc ông định nói với chúng tôi kết luận gì? Được, bây giờ tôi rất thẳng thắn nói cách nhìn của tôi. Tức khi đọc Hồng Lâu Mộng, mọi người chọn bản nào để đọc, độc giả đều có tự do của mình. Nhưng tôi đề nghị các vị sau này có thể chọn cổ bản Hồng Lâu Mộng để xem thử. Dĩ nhiên khi chúng ta thảo luận vấn đề Giả Bảo Ngọc, mấu chốt vẫn là phải đi thảo luận kiểu loại nhân cách của Giả Bảo Ngọc. Trong Hồng Lâu Mộng, không lâu sau khi tiểu thuyết mở đầu, sách thông qua một phàm nhân và một tiên nhân lần lượt giải thích nhân cách của Giả Bảo Ngọc.

Vậy xin hỏi phàm nhân ấy là ai? Người ấy đưa ra cách giải thích thế nào? Còn tiên nhân kia là ai? Lại đưa ra cách giải thích ra sao? Ở bài sau, tôi sẽ cùng mọi người thảo luận vấn đề này. Hẹn gặp lại lần sau.

# Tập 36

Bí ẩn nhân cách của Giả Bảo Ngọc

*Giả Bảo Ngọc, nhân vật trung tâm của Hồng Lâu Mộng Cậu có cá tính thuần chân, tính cách chấp nhất Đang ở trung tâm xã hội như cậu vì sao lại chọn cách sống tự đẩy mình ra bên lề? Cậu tuy phản đối lễ giáo phong kiến vì sao lại tự ràng buộc mình bằng lễ nghi phong kiến? Về đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc rốt cuộc chúng ta nên hiểu thế nào? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ giải đọc đặc sắc cho quý vị Bí ẩn nhân cách Giả Bảo Ngọc.*

*Trong chương trình kỳ trước ông Lưu Tâm Vũ đã nói rằng Giả Bảo Ngọc là Thần Anh thị giả trên trời giáng phàm vào phủ Vinh Quốc trở thành người kế thừa được họ Giả gửi gắm kỳ vọng Về hình tượng nhân vật Giả Bảo Ngọc các học giả có rất nhiều cách nói khác nhau. Có nhà nghiên cứu cho rằng cậu là một công tử lãng mạn thích lẫn. Trong đám con gái Cũng có nhà nghiên cứu cho rằng Giả Bảo Ngọc phản đối chế độ hôn nhân phong kiến tranh thủ tự. Do hôn nhân là kẻ phản nghịch của giai cấp quý tộc phong kiến. Vậy rốt cuộc Giả Bảo Ngọc là người như thế nào? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục loạt chương trình "Hành trình giải mã Hồng Lâu Mộng" của ông Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Giả Bảo Ngọc, kỳ thứ hai Bí ẩn nhân cách Ngay từ đầu Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần đã thông qua một người phàm và một tiên nhân để lần lượt giải thích nhân cách của Giả Bảo Ngọc. Người phàm này là ai? Đó là một nhân vật rất phức tạp trong tiểu thuyết chính là Giả Vũ Thôn.*

Khi Giả Vũ Thôn cùng Lãnh Tử Hưng ở quán rượu thôn quê bàn luận về việc phủ Vinh Quốc và phủ Ninh Quốc lúc ấy. Khi Lãnh Tử Hưng nói với ông ta về tình hình Giả Bảo Ngọc Giả Vũ Thôn liền có một tràng dài giải thích về nhân cách Giả Bảo Ngọc Ngày trước khi đọc đoạn này tôi không thích lắm cứ đến đây là tôi bỏ qua vì đoạn văn ấy một là khá dài. Hai là cũng khá khó hiểu câu cú ấy mà đều là những câu rất dài đọc lên cũng khá trúc trắc bên. Trong lại liên quan đến rất nhiều tri thức văn sử Giả Vũ Thôn đã bàn luận thế nào? Nói đại khái Giả Vũ Thôn nêu ra một quan điểm như sau. Ông ta nói trên đời này có một loại người thuộc loại khá kỳ quái phẩm tính của người ấy tức nhân cách của người ấy là do hai khí chính và tà rót vào trong linh hồn mà thành. Ông ta cho rằng trên đời này có một loại chính khí và có một loại tà khí. Hai khí chính và tà này sau khi gặp nhau sẽ va chạm sẽ kích phát, giao tranh. Trong quá trình ấy hỗn hợp của hai khí chính và tà sẽ rót vào linh hồn một số người khiến một số người trở thành người bẩm thụ hai khí chính tà Đoạn bàn luận ấy nếu tôi dùng lời của mình để diễn đạt thì tôi thấy ý là như vậy.

Ông ta còn nêu rất nhiều ví dụ chẳng hạn hai họ Vương và Tạ tức hai gia tộc đều có thể xem là sinh ra những sinh mệnh bẩm thụ hai khí chính tà Họ Vương là nhà Vương Đạo Họ Tạ là nhà Tạ An đều là hai gia tộc nổi tiếng thời Đông Tấn. Trong các gia tộc ấy đã xuất hiện rất nhiều kỳ nhân, quái nhân Như nhà Vương Đạo có đại thư pháp gia Vương Hi Chi Nhà họ Tạ thì có nữ thi nhân Tạ Đạo Uẩn. Vậy Giả Vũ Thôn đối với

hạng người này có một số lời tổng kết. Ông ta nói nếu sinh. Trong nhà công hầu phú quý thì là tình si, tình chủng Ở đây xuất hiện khái niệm tình si. Còn nếu sinh. Trong nhà thi thư thanh bần thì là ẩn sĩ, cao nhân Dẫu ngẫu nhiên sinh trong hàn môn bạc phận tức xuất thân thấp kém hơn một chút nhưng hạng người này cũng nhất định không thể làm kẻ sai dịch tầm thường cam chịu bị người dung tục sai khiến, điều khiển mà tất sẽ là danh kép, danh xướng tức nếu làm con hát cũng không phải con hát bình thường mà là con hát có kỳ tài nếu làm kỹ nữ cũng không phải kỹ nữ bình thường mà cuối cùng cũng là người lưu danh. Trong thanh sử một kiểu kỹ nữ như thế.

Điều đáng chú ý là trong những ví dụ Giả Vũ Thôn nêu ra còn có ba vị quân chủ; điều này rất đáng bàn. Vậy là ba vị quân chủ nào? Quý vị nghe thử nhé: ban đầu, nếu không quen thuộc với Hồng Lâu Mộng, nghe xong có thể bật cười kinh ngạc. Đây là ba vị quân chủ ít đáng khẳng định nhất. Một vị là Trần Hậu Chủ, một vị là Đường Minh Hoàng, một vị là Tống Huy Tông, ba hoàng đế thất bại. Trần Hậu Chủ thì khỏi nói, là vua mất nước. Đường Minh Hoàng vì bản thân ông ta yêu đương với Dương Quý Phi, không lo quốc sự, chính sách sai lầm dẫn đến loạn An Sử; kết quả bản thân ông ta cũng buộc phải để Dương Quý Phi tự tận, còn mình cũng đành thoái vị để con trai lên làm hoàng đế. Đó cũng là một quân chủ thất bại. Tống Huy Tông thì kết quả cùng con trai đều bị quân xâm lược bắt làm tù binh, và trong cảnh bị bắt ấy chết đi rất bi thảm. Nhưng rất kỳ lạ, Giả Vũ Thôn lại rất trịnh trọng đưa ba vị quân chủ này vào một danh sách dài. Ý ông ta là gì?

Ông ta phát biểu một quái luận. Ý của ông ta là: đừng thấy ba vị quân chủ này không có thành tựu gì về chính trị, thậm chí thất bại về chính trị, nhưng họ lại sáng tạo ra những giá trị khác ngoài chính trị. Trần Hậu Chủ thì chúng ta đều biết, Trần Hậu Chủ là người thưởng thức ca múa, cũng là một người tham dự vào sáng tác ca múa. Khúc Ngọc thụ hậu đình hoa của ông ta được lưu truyền đến nay như một tiết mục ca múa đẹp. Đáng tiếc là nhạc phổ của nó, và rốt cuộc múa như thế nào, hiện nay rất khó phục nguyên, nhưng trong lịch sử vẫn để lại dấu vết. Còn Đường Minh Hoàng thì ai cũng biết ông ta tham gia sáng tác cái gì?

Nghê thường vũ y vũ Hiện nay ở Tây An vẫn có đoàn ca múa đang phục dựng Nó còn để lại một số tư liệu nên cơ bản có thể phục nguyên đã sáng tạo ra những tác phẩm văn học nghệ thuật vô cùng đẹp. Còn. Tống Huy Tông thì càng khỏi phải nói Quý vị tra từ điển lịch sử tra mục Tống Huy Tông đương nhiên sẽ tra ra nhưng nếu quý vị tra đại từ điển văn nghệ thế giới thì có thể Trần Hậu Chủ và Đường Minh Hoàng đều không có phần nhưng chỉ cần tra. Triệu Cát dù bấm trên máy tính hay lật bản in giấy tra danh nhân thế giới hoặc đại từ điển nghệ thuật thế giới nhất định sẽ có tên này một đại nghệ thuật gia Về thư pháp ông sáng tạo ra thể Sấu Kim là một đại thư pháp gia Về hội họa những bức tiểu phẩm chim muông của ông những tranh hoa điểu của ông trên thế giới đều là tác phẩm mỹ thuật hạng nhất Những tác phẩm ấy của ông so với tranh của Da Vinci và một số tác phẩm của các họa gia đỉnh cao. Trong lịch sử mỹ thuật thế giới có thể ngang hàng với nhau.

Trong bảo tàng các nước trên thế giới, nếu còn giữ một bức của Triệu Cát thì đều được xem là bảo vật trấn quán mà gìn giữ ở đó. Ông ta đã sáng tạo giá trị về phương diện này. Vì vậy Giả Vũ Thôn muốn biểu đạt một ý là: nhìn người phải có những góc độ khác nhau. Ông ta đã cung cấp một góc độ rất lạ, tức là đối với một con người, có lúc quý vị rời khỏi chuẩn mực giá trị chủ lưu, nhìn người ấy từ bên cạnh, có thể sẽ phát hiện ra giá trị đặc thù của họ. Đương nhiên, ba ví dụ về quân chủ này không khỏi quá cực đoan, chúng ta tiếp nhận quả thật có khó khăn. Nhưng đó là điều Tào Tuyết Cần đã viết ra. Tào Tuyết Cần mượn lời Giả Vũ Thôn, thông qua ba vị quân chủ cực đoan, để nói với độc giả rằng Giả Bảo Ngọc là một nhân vật có bẩm thụ hai khí chính tà. Thứ chính khí ấy biểu hiện ở sự thừa nhận quy phạm đạo đức phong kiến, còn tà khí biểu hiện ở sự phản nghịch của cậu đối với quan niệm giá trị chủ lưu của xã hội đương thời. Sự phản nghịch ấy chủ yếu thể hiện ở hứng thú và lòng quan ái của cậu đối với những người bên lề xã hội, ngoài dòng chính.

Trong Hồng Lâu Mộng giữa quan hệ nhân vật chằng chịt phức tạp Giả Bảo Ngọc và Tần Chung Liễu Tương Liên Tưởng Ngọc Hàm cùng những nhân vật bên lề xã hội có quan hệ rất mật thiết và vì thế mà chịu nỗi đau da thịt Đối diện với đặc trưng nhân cách ấy của Giả Bảo Ngọc điều chúng ta khó hiểu là Giả Bảo Ngọc, người ở trung tâm xã hội vì sao lại chọn một lối sống bên lề?

Vậy ông ta đã dùng đạo lý như thế để giải thích Giả Bảo Ngọc Nói theo lẽ thường, Giả Bảo Ngọc là hậu duệ của một dòng tộc đời đời hưởng ân ấm là con cháu quý tộc của nhà chuông đỉnh thi thư. Sau khi câu chuyện bắt đầu, chúng ta biết trong phủ Vinh Quốc địa vị của cậu vô cùng tôn quý cậu đáng lẽ là người kế thừa hợp pháp của phủ Vinh Quốc là nhân vật thuộc dòng chủ lưu xã hội. Nhưng Giả Bảo Ngọc này rất kỳ lạ bản thân cậu không có tư tưởng đứng. Trong dòng chủ lưu xã hội và làm phần tử kiệt xuất của dòng chủ lưu ấy Cậu lại nghiêng khỏi chủ lưu cậu lại có một số ý nghĩ kỳ lạ và hành vi kỳ lạ.

Một biểu hiện nổi bật của cậu là cậu tự đẩy mình ra bên lề. Thân cậu ở dòng chủ lưu, nhưng lòng cậu ở bên lề. Nếu xét những người cậu qua lại, cậu ghét nhất là giao tiếp với hạng người như Giả Vũ Thôn, bàn chuyện công danh kinh tế, bàn đại sự quốc gia. Cậu phiền nhất những chuyện ấy. Cậu phiền nhất chuyện đội mũ, mặc lễ phục, đi tham gia những hoạt động mang tính nghi thức. Cậu không thích tiếp xúc với những người ấy. Đối với cha mình, cậu cũng như vậy: đặc biệt sợ cha cậu nghiêm mặt giảng cho cậu những đạo lý lớn lao, nhất là sợ cha hỏi bài vở. Đó là Giả Bảo Ngọc. Vậy cậu thân với ai hơn? Gặp ai thì cậu rất thân thiết?

Trong sách có rất nhiều miêu tả cụ thể chẳng hạn có một hồi viết rằng trong vườn nhà bộc nhân nhà họ Lại vì con trai Lại Đại được bổ một chức quan mà tổ chức tiệc khoản đãi cậu đã gặp một công tử con nhà thế gia sa sút Liễu Tương Liên. Hai người vừa gặp nhau, quý vị xem đoạn miêu tả ấy đã cho thấy thật ra họ sớm đã rất quen, qua lại nhiều lần chỉ là trước đó chưa miêu tả mà thôi Nó hiện ra quan hệ bạn bè thân thiết khác thường giữa hai người họ. Hơn nữa vừa gặp nhau hai người còn nhắc đến một người khác người này

trong phần trước tiểu thuyết đã chết có độc giả còn quên mất rồi nhưng Giả Bảo Ngọc không quên Liễu Tương Liên không quên. Ai?

Tần Chung Nghĩ kỹ thì Tần Chung là một người rất khó hiểu Nói là em trai Tần Khả Khanh nhưng rốt cuộc giữa họ có quan hệ huyết thống hay không vẫn còn đáng ngờ Là một người con của một tiểu quan thanh bần túng thiếu cậu ta đến tư thục nhà họ Giả học ké rồi lại gây ra rất nhiều sóng gió. Sau đó. Trong tang sự của chị cậu ta lại đến am Màn Thầu và lại cùng một ni cô nảy sinh tình yêu cuối cùng kết thúc bằng bi kịch cậu ta chết rất thảm. Nếu dùng giá trị quan của xã hội chủ lưu để đánh giá Tần Chung thì quả là một nhân vật rối bét nhưng Giả Bảo Ngọc đặc biệt thân với cậu ta Lần đầu nhìn thấy cậu ta Giả Bảo Ngọc đã tự thấy hổ thẹn cảm thấy sao cậu ta tốt đến thế còn mình sao tệ đến vậy có cả một đoạn dài, quý vị có thể tra đọc. Vậy về sau khi viết Giả Bảo Ngọc gặp Liễu Tương Liên, còn nhắc tới Tần Chung có người nói rằng Liễu Tương Liên còn từng sửa sang mộ Tần Chung. Sau khi Tần Chung chết vì mưa làm mộ biến dạng Liễu Tương Liên còn góp ít bạc để tu sửa ngôi mộ ấy Những miêu tả ấy đều không phải bút pháp hiển lộ nó cho thấy đối với Giả Bảo Ngọc cách nhìn người.

Trong lòng cậu đã lệch khỏi quan niệm giá trị chủ lưu của xã hội Giả Vũ Thôn về sau làm quan lớn thì ta ghét ông lười gặp ông cha bắt ta gặp ta không thể không gặp. Nhưng Tần Chung Liễu Tương Liên những người mà dưới giá trị quan chủ lưu không có địa vị, không có giá trị như thế thì ta rất thích gặp họ là ta vô cùng thân thiết có rất nhiều điều để nói. Đó chính là Giả Bảo Ngọc. Rồi về sau. Trong tình tiết mọi người đều rất quen thuộc cậu lại gặp Tưởng Ngọc Hàm vừa gặp đã như bạn cũ. Hai người liền trao lễ gặp mặt cậu đưa một chiếc quạt của mình cho Tưởng Ngọc Hàm thì đem một chiếc khăn mồ hôi rất quý của mình tháo xuống đưa cho cậu.

Tuy Tưởng Ngọc Hàm là một nhân vật ra vào chốn hào môn nhưng thân phận của anh ta rất thấp kém anh ta là một con hát là món đồ chơi. Trong tay hào môn nhưng Giả Bảo Ngọc vô cùng tôn trọng anh ta rất thích qua lại với hạng người như thế Giả Bảo Ngọc là một người chuyên giao du với những người bên lề xã hội. Vì vậy cậu chính là một quái nhân bẩm thụ. Hai khí chính tà là một tình si, tình chủng Ngoài việc dành tình cảm đặc biệt cho những người nam giới bên lề xã hội Giả Bảo Ngọc còn dành sự quan ái hết mực cho các thiếu nữ thanh xuân. Trong Đại Quan viên và quan tâm đến họ tột bậc Giả Bảo Ngọc từng nói con gái là cốt nhục làm bằng nước ta thấy con gái thì thấy. Trong mát Cậu cho rằng giữa cõi trần mênh mông chỉ thế giới nữ nhi mới là một mảnh đất tinh sạch Những lời hỗn hào ấy. Trong xã hội trọng nam khinh nữ bấy giờ quả là một kiểu phản nghịch một sự đại nghịch bất đạo. Vậy vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như thế? Rốt cuộc chúng ta nên hiểu đặc trưng nhân cách ấy của Giả Bảo Ngọc ra sao?

Đương nhiên điều Giả Bảo Ngọc hứng thú nhất vẫn là những thiếu nữ thanh xuân cậu hứng thú nhất với các thiếu nữ thanh xuân không chỉ hứng thú với các tiểu thư cậu cũng rất hứng thú với các nha hoàn. Vậy điều này cũng đáng được khẳng định sao? Đáng được khẳng định vì trong xã hội như thế lúc bấy giờ các thiếu

nữ thanh xuân thuộc về nhóm người bên lề xã hội. Trước khi gả cho đàn ông họ được nuôi trong khuê phòng cổng lớn không thể tùy tiện bước ra cửa. Trong cũng không thể tùy tiện vượt qua họ bị áp chế. Nhưng Giả Bảo Ngọc đối với họ tràn đầy tình cảm vô cùng đẹp đẽ xem họ như hoa mà thưởng thức, trân trọng Đặc biệt là cậu không dùng địa vị để đo người đối với các nha hoàn cậu cũng rất tốt. Trong Đại Quan viên sau khi đã xảy ra biến cố lớn đã xảy ra vụ lục soát kiểm xét Tình Văn cũng bị đuổi đi trong tình huống ấy sau khi Vương phu nhân báo cáo một số việc với Giả mẫu cũng có lời cảm thán quý vị còn nhớ Giả mẫu nói thế nào? không?

Giả mẫu nói ta cũng không hiểu nổi, xưa nay chưa từng thấy đứa trẻ nào như thế. Bà nói nghịch ngợm chuyện khác thì còn được, chỉ riêng chuyện nó thân với bọn nha hoàn quả thật khó hiểu. Giả mẫu còn nói mình là người hiểu Giả Bảo Ngọc nhất: từ nhỏ nó lớn lên bên cạnh bà. Giả mẫu cũng có một số suy đoán về Giả Bảo Ngọc, nói có lẽ vì nó mỗi ngày một lớn, đã có lòng nam nữ, nhưng nhìn kỹ lại không giống, không phải vì nguyên nhân ấy. Hoặc là nói rằng cậu ấy là một linh hồn nữ nhi nhưng lại sinh trong thân thể nam nhân. Tất nhiên đây không phải nguyên văn, mà là tôi đem cách hiểu của Giả mẫu về Bảo Ngọc diễn đạt bằng lời của mình. Nói theo ngôn ngữ hôm nay, có phải cậu ấy giống như một người có cảm giác rối loạn giới tính không?

Nhưng Tào Tuyết Cần không có ý đó đọc kỹ thì không phải ý ấy Chính vì Giả Bảo Ngọc đặc biệt có tình cảm với những người bên lề xã hội bất kể nam hay nữ. Trong phương hướng giao du và đặt gửi tình cảm cậu thể hiện một kiểu giá trị quan phi chủ lưu rất đặc thù của cá nhân mình điều này rất đáng để chúng ta chú ý. Còn nhớ sau khi cậu bị đánh trong tiểu thuyết viết thế nào? về việc Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc đi thăm cậu không?

Tiết Bảo Thoa đi thăm cậu Tiết Bảo Thoa đương nhiên cũng khuyên cậu Tiết Bảo Thoa cũng ở trong trường hợp ấy lần đầu bộc lộ tình yêu đối với cậu và cũng khiến Giả Bảo Ngọc rất cảm động. Nhưng đối tượng mà Giả Bảo Ngọc thật sự yêu say đắm là Lâm Đại Ngọc. Hai người họ về mặt tinh thần có sự cộng hưởng sâu sắc. Vì vậy khi Lâm Đại Ngọc đi thăm Giả Bảo Ngọc và sau khi Lâm Đại Ngọc khuyên một câu Giả Bảo Ngọc nói một câu tận đáy lòng Lâm Đại Ngọc nói: từ nay anh sửa đi thôi tức là nếu không anh sẽ chịu thiệt xem anh bị đánh thành ra thế này Bảo Ngọc nói: em yên tâm điều này chứng tỏ. Hai người tâm tâm tương ấn Lâm Đại Ngọc biết Giả Bảo Ngọc vì sao lại thân với người bên lề xã hội như vậy Lâm Đại Ngọc không phải nói rằng anh sai rồi, anh sửa đi anh đừng để chịu thiệt nữa Đại Ngọc định vị như thế hiểu lời này chứ? Giả Bảo Ngọc nói: em yên tâm nghĩa là gì?

Thật ra quan điểm của hai ta giống nhau lập trường và quan điểm của anh sẽ không thay đổi em cứ yên tâm đừng nói những lời như thế. Giả Bảo Ngọc lại nói một câu có thể gọi là vang như vàng đá rằng: dẫu ta vì những người ấy mà chết cũng cam lòng. Đó là một câu rất nặng. Giả Bảo Ngọc cho rằng cậu vì những người bên lề xã hội mà chết cũng sẵn lòng Quý vị xem cậu cách giá trị quan chủ lưu của xã hội phong kiến

đương thời xa đến mức nào Cậu có một kiểu giá trị quan. Điều này rất phi thường. Tào Tuyết Cần có thể viết cậu như thế có thể nói là chưa từng có trước đó trước Hồng Lâu Mộng, trong bất kỳ văn bản chữ nghĩa nào của Trung Quốc đều chưa từng biểu đạt tư tưởng như vậy. Nhưng.

*Trong văn bản của Tào Tuyết Cần lần đầu tiên đã nêu ra rằng phải coi trọng những người bên lề xã hội Tư tưởng này thật ra kéo dài đến hôm nay vẫn có giá trị vì cấu thành của một xã hội nên đa dạng ngoài trung tâm còn phải có vùng trung gian rộng lớn và kéo dài đến vùng bên lề. Muốn xây dựng một xã hội hài hòa người ở trung tâm phải biết tôn trọng sự tồn tại ở bên lề. Đó là một triết lý nhân sinh rất cao. Tào Tuyết Cần thông qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc đã biểu đạt điều ấy Giả Bảo Ngọc từ chối tiếp nhận giáo dục chính thống phong kiến thể hiện sự yêu thích và quan tâm với người bên lề xã hội. Có nhà nghiên cứu cho rằng. Giả Bảo Ngọc chính là đại diện phản phong kiến, phản lễ giáo. Trước vấn đề này ông Lưu Tâm Vũ cho rằng. Giả Bảo Ngọc căm ghét công danh kinh tế chủ trương tự. Do yêu đương nhưng điều cậu căm ghét và chống đối chỉ là phần chính trị của xã hội ấy. Còn đối với những quan niệm luân lý phong kiến phi chính trị Giả Bảo Ngọc có phải cũng nhất loạt phản đối không?*

Hai khí chính tà trên người Giả Bảo Ngọc được viết rất thấu triệt Những phân tích về Giả Bảo Ngọc trước đây đôi. Khi có người dễ rơi vào kiểu phân tích khái niệm hóa mang tính giáo điều Chẳng hạn từ một số tình tiết họ nhìn ra rằng Giả Bảo Ngọc theo đuổi tình yêu tự. Do theo đuổi việc tự chủ lựa chọn vợ mình tức tranh thủ quyền tự chủ hôn nhân vì thế cậu là một hình tượng nghệ thuật phản phong kiến Cách phân tích ấy tôi hoàn toàn không phản đối vì quả thật. Trong Hồng Lâu Mộng đã viết như vậy Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần có đặc điểm như thế Tôi cho rằng chúng ta nên hiểu một cách toàn diện và chính xác Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần Giả Vũ Thôn đã nói rồi cậu bẩm thụ. Hai khí chính tà Bây giờ chính khí và tà khí ấy chúng ta tạm đo theo tiêu chuẩn xã hội phong kiến lúc bấy giờ không tính theo tiêu chuẩn hôm nay. Vậy trên người Giả Bảo Ngọc có hay không, theo xã hội phong kiến mà đo, một thứ chính khí?

Có. Chẳng hạn hồi 25 viết đến Giả Bảo Ngọc đi học về, có lẽ là từ tư thục tan học về. Trở về phòng Vương phu nhân, cậu liền nhào vào lòng Vương phu nhân; bà dùng tay sờ nắn khắp người, khắp mặt, vỗ về cậu. Giả Bảo Ngọc ôm cổ Vương phu nhân nói chuyện dài ngắn. Tào Tuyết Cần đã bày ra trước mắt chúng ta một bức tranh vô cùng sinh động, rõ nét về tình mẹ con sâu đậm, phải không? Nói Giả Bảo Ngọc phản phong kiến, gặp Vương phu nhân, một phu nhân quý tộc phong kiến, chẳng lẽ lại hỏi: bà bóc lột nhân dân lao động thế nào? Không phải như vậy. Đó là mẹ cậu; cậu đối với mẹ mình có tình cảm rất sâu. Quý vị xem đoạn miêu tả ấy, tình tiết phía dưới còn nhớ chứ? Ai nhìn thấy liền không chịu nổi? Giả Hoàn. Lúc ấy Giả Hoàn vừa đúng đang ở phòng Vương phu nhân, bà bảo nó chép kinh Phật. Giả Hoàn ở trên giường sưởi, trên bàn giường sưởi thắp một cây nến chép kinh Phật. Giả Hoàn có một chứng bệnh gọi là gì? Hội chứng đói da.

Thế nào gọi là hội chứng đói da? Mẹ của nó, Triệu di nương, tuy nắm chặt nó trong tay như thể chăm nom nó, nhưng khi chăm nom nó, bà ta là một nhân vật rất thô lậu; đối với nó, bà ta chưa từng có sự vuốt ve âu yếm. Cho nên nó vừa thấy Vương phu nhân như thế này, vuốt ve, sờ nắn khắp người khắp mặt Bảo Ngọc, nó liền vô cùng ghen tị; trên làn da của chính nó liền nảy sinh một cảm giác rất khó chịu. Tôi chen vào một câu, xin quý vị đừng trách: nếu chính quý vị có con, thì từ nhỏ phải biết vuốt ve nó. Bất cứ sinh mệnh nào từ nhỏ không được cha mẹ vuốt ve đầy đủ đều sẽ có một khiếm khuyết tâm lý, đó chính là hội chứng đói da. Từ hội chứng đói da sẽ kéo dài ra nhiều tâm lý biến thái. Cho nên về sau, quý vị xem, Giả Hoàn chẳng phải đã đẩy đổ giá nến ấy sao? Sáp nến chảy xuống mặt Giả Bảo Ngọc. Vốn nó muốn làm bỏng mắt Giả Bảo Ngọc. May mà sáp nến không rơi vào trong mắt, nhưng trên mặt nổi lên một dãy bọng nước. Có tình tiết ấy chứ? Tào Tuyết Cần cũng là một nhà tâm lý học vĩ đại, đúng không?

Ông đã viết ra điều ấy hơn hai trăm năm trước ông không dùng khái niệm "hội chứng đói da" như thế một thuật ngữ về sau do tâm lý học phương Tây định danh một thuật ngữ nhưng điều ông viết chính là nó phải không? Vậy có thể quý vị sẽ nói tình tiết ấy chỉ là sự bộc lộ tình cảm tự nhiên chưa nói được bên trong có quan niệm gì. Vậy còn một tình tiết khác rất quan trọng là hồi 52 thì mọi người biết Vương phu nhân có một người anh em tên Vương Tử Đằng làm quan rất lớn chức quan ấy cao hơn Giả Chính rất nhiều. Trong câu chuyện ông là một đại quan trong triều đình. Vì thế thường có miêu tả rằng Giả Bảo Ngọc và mọi người phải đi chúc thọ Vương Tử Đằng phải đến nhà Vương Tử Đằng đó là cậu ruột của Bảo Ngọc. Hồi 52 viết rằng Giả Bảo Ngọc phải đến nhà Vương Tử Đằng lúc ấy một đám đông bộc nhân vây quanh theo hầu cậu phải không?

Trước khi ra khỏi sân phủ Vinh Quốc thì phải cưỡi ngựa, phải lên ngựa. Sau đó bộc nhân sẽ dắt con ngựa này đến chỗ một cửa ra khỏi phủ, ra bên ngoài rồi có một số người cưỡi ngựa tiếp ứng cậu, sau đó cùng cưỡi ngựa đi. Trong lúc dắt ngựa đi ấy, Tào Tuyết Cần rất có ý thức viết một đoạn tình tiết. Tình tiết này rất quan trọng, đừng xem nhẹ, phải không? Lúc ấy Giả Chính không có ở nhà; trong tiểu thuyết có nói rõ lúc ấy hoàng đế phái ông đi công cán, cho nên Giả Chính không ở nhà. Đến nhà cậu làm khách, đó là việc rất vui, đáng lẽ nên đi ra rất thuận lợi. Nhưng Giả Bảo Ngọc lại nói: bây giờ vì con cưỡi con ngựa này sẽ đi ngang qua thư phòng của cha; đi ngang thư phòng của cha thì con phải xuống ngựa. Không ai ép cậu xuống ngựa. Hơn nữa lúc ấy, bộc nhân Chu Thụy và vợ Chu Thụy là người hồi môn của Vương phu nhân. Người hồi môn tức là một phụ nữ quý tộc sau khi gả vào một nhà, nhà mẹ đẻ của bà ta đưa theo làm của hồi môn những người sống từng hộ. Vì Chu Thụy và vợ Chu Thụy còn có con trai con gái; trong tiểu thuyết đều có viết, phải không?

Cho nên Chu Thụy là một nam bộc lúc ấy ông ta dắt ngựa dẫn Giả Bảo Ngọc ra khỏi sân phủ Vinh Quốc Chu Thụy liền nói với cậu lão gia hiện không ở nhà vì vậy đi qua thư phòng không cần xuống ngựa thư phòng khóa rồi, xuống ngựa làm gì? Nhưng Giả Bảo Ngọc kiên trì phải thực hiện lễ nghi này Cậu nói vẫn

phải xuống ngựa Về sau bọn bộc nhân chọn một con đường không đi qua cửa thư phòng ấy mới tránh được việc xuống ngựa Tào Tuyết Cần viết như vậy để làm gì?

Ông đang nói với chúng ta rằng Giả Bảo Ngọc là một tồn tại rất phức tạp hình tượng nghệ thuật này có nguyên mẫu. Trong đời sống lấy chính Tào Tuyết Cần làm nguyên mẫu những điều ông thấy trong đời mình hình ảnh các công tử quý tộc đem ra tổng hợp và thăng hoa thành một hình tượng là một hình tượng phức tạp có máu có thịt cậu không hoạt động vì khái niệm Tức là nói Giả Bảo Ngọc điều cậu phản đối. Trong phong kiến trong giá trị quan chủ lưu phần cốt lõi ấy là bắt người ta đọc sách làm quan đi theo công danh kinh tế theo bộ ấy Đối với bộ ấy cậu phủ định cực kỳ căm ghét thậm chí vì Tiết Bảo Thoa khuyên cậu vài lời cậu còn nói với Tiết Bảo Thoa mấy lời phê bình rất cay nghiệt. Nhưng đối với văn hóa truyền thống đạo đức truyền thống và một số bộ phận. Trong quan niệm giá trị truyền thống một số bộ phận ấy Giả Bảo Ngọc không phản đối hơn nữa còn tự giác tuân thủ Chẳng hạn. Trong tư tưởng phong kiến truyền thống phần luân lý trong trật tự ấy Giả Bảo Ngọc không phản đối. Trong tiểu thuyết có rất nhiều miêu tả như vậy quý vị thử nghĩ xem có phải không? Lại nêu một ví dụ đó là trong phủ Vinh Quốc ăn Tết mở tiệc lớn lúc ấy cả gia tộc đoàn viên Giả Trân xuất hiện Mọi người đều biết Giả Trân trong tông tộc họ Giả có một thân phận đặc biệt gì?

Ông ta là tộc trưởng. Vì vậy khi phủ Vinh Quốc mở dạ tiệc Nguyên tiêu tuy địa điểm dạ tiệc ấy không ở phủ Ninh Quốc mà ở phủ Vinh Quốc nhưng với tư cách tộc trưởng ông ta phải ra mặt huống chi. Trong toàn bộ tông tộc khi ấy người bối phận cao nhất không ở phủ Ninh Quốc mà ở phủ Vinh Quốc, là Giả mẫu cho nên ông ta phải có mặt một bộ luân lý phong kiến theo lối lễ nghi rườm rà mà hành sự. Trong tiểu thuyết viết rất kỹ ông ta liền dẫn Giả Liễn đến kính rượu Giả mẫu có tình tiết ấy chứ? Lúc ấy Giả mẫu là một bà lão quý tộc sống trong sung sướng, được tôn kính bà không ngồi mà ngả mình trên giường thấp đúng không? vì vậy trọng tâm của bà tương đối thấp. Khi kính rượu bà Giả Trân và Giả Liễn rất tự nhiên phải quỳ xuống một chút. Vậy Giả Trân là tộc trưởng hơn nữa. Trong hàng chữ Ngọc ông ta lại là nhân vật đứng đầu cho nên cả phòng những nam nhân thuộc hàng chữ Ngọc trở xuống đều lập tức rời khỏi chỗ ngồi quỳ xuống theo ông ta. Rồi đây chính là một trật tự cố hữu của luân lý phong kiến hiện ra. Trong phủ Vinh Quốc. Vậy lúc ấy Giả Bảo Ngọc biểu hiện thế nào?

Quý vị nhắm mắt mà nghĩ nếu quý vị không quen thuộc Hồng Lâu Mộng cậu là kẻ phản nghịch mà cậu phản phong kiến mà phải không? lúc ấy cậu có phải bỗng đứng phắt dậy ta cứ nhất quyết không quỳ ta cứ phải đứng hoặc ta cứ ngồi.

Có phải vậy không? Miêu tả của tiểu thuyết lại vô cùng đúng chỗ viết ra một con người sống cậu lập tức rời chỗ ngồi cũng phải quỳ xuống theo hai vị anh họ của mình cậu cũng quỳ xuống Cậu bị ép sao? Có áp lực không? Không hề. Trong tiểu thuyết lại viết rất kỹ lúc ấy Giả mẫu liền cười cậu đại ý là con theo làm gì? con quỳ xuống làm gì? phải không?

Vì mọi người đều biết Giả Bảo Ngọc được Giả mẫu vô cùng sủng ái nếu cậu không tuân thủ những quy củ ấy Giả mẫu sẽ không trách cậu Giả mẫu không trách người khác càng không bắt bẻ cậu. Nhưng Giả Bảo Ngọc. Trong bầu không khí đại hòa hợp của gia tộc lúc bấy giờ đã tự nguyện lựa chọn quỳ xuống theo Giả Trân và Giả Liễn Miêu tả như vậy không đáng để chúng ta suy ngẫm sâu sao?

Điều đó nói rõ Tào Tuyết Cần không xuất phát từ khái niệm để viết một nhân vật Tôi nói cậu phản đối công danh kinh tế phản đối giá trị chủ lưu phong kiến thì cứ khắp nơi dán chặt vào chủ đề một cách rất cứng nhắc rất khái niệm hóa để tạo dựng một nhân vật. Không phải vậy ông đã viết ra một con người sống. Theo tiêu chuẩn Giả Vũ Thôn lúc ấy trên người cậu có hai khí chính tà phần này nếu theo xã hội phong kiến và tiêu chuẩn giá trị ấy để phán đoán thì thuộc về chính khí Cậu với đại gia tộc phong kiến với luân lý đạo đức phong kiến có điểm khế hợp có chỗ thừa nhận có lúc còn hưởng được niềm vui. Trong đó. Đó chính là Tào Tuyết Cần của chúng ta ngay từ thời sớm như vậy đã hiểu phải tạo dựng hình tượng nghệ thuật như thế viết rất chính xác ra một thời đại đặc định một hoàn cảnh đặc định và một sinh mệnh sống. Trong đó. Có người còn nhớ câu hỏi của tôi còn nửa sau Tôi đã nói ngoài việc có một người phàm ra mặt giải thích Giả Bảo Ngọc Tào Tuyết Cần còn viết một tiên nhân một vị thần tiên cũng đưa ra cách giải thích của mình về Giả Bảo Ngọc. Vậy vị thần tiên này là ai?

Người ấy giải thích thế nào? Kỳ sau tôi sẽ nói. Nhưng vào lúc cuối này, tôi muốn nêu ra một câu hỏi rất sắc bén, không biết quý vị có thể đón lấy câu hỏi của tôi không, có đỡ được chiêu này của tôi không. Vì nhiều người đã khẽ gật đầu ở đó rồi: một tiên nhân chẳng phải là Cảnh Ảo tiên cô sao? Đúng không? Khi Giả Bảo Ngọc thần du Thái Hư ảo cảnh, Cảnh Ảo tiên cô đã tiếp đón cậu. Hơn nữa, cuối cùng còn giới thiệu em gái mình là Khả Khanh cho cậu, để giữa hai người họ còn phát sinh quan hệ. Và lúc ấy, Cảnh Ảo tiên cô cũng đối với Giả Bảo Ngọc làm một phen giải thích. Vậy cách giải thích của Cảnh Ảo tiên cô về Giả Bảo Ngọc đã nêu ra hai chữ này. Hiện nay có người đến nói ra cũng thấy ngại; cũng có rất nhiều người đem hai chữ này hoàn toàn xem thành khái niệm phản diện, mang nghĩa chê bai để sử dụng. Vậy bây giờ mọi người hãy lắng lại mà nghĩ: Cảnh Ảo tiên cô khi khái quát nhân cách Giả Bảo Ngọc đã nêu ra khái niệm gì? Là hai chữ nào? Đối với hai chữ ấy, quý vị có cách nhìn thế nào?

Quý vị có dũng khí cùng tôi thảo luận hai chữ ấy không? Khái niệm được hình thành từ hai chữ ấy rốt cuộc là một khái niệm chính diện hay là một khái niệm phản diện? Trong kỳ sau chúng ta sẽ cùng thảo luận.

# Tập 37

Bí ẩn ý dâm của Giả Bảo Ngọc

*Trong Hồng Lâu Mộng, để vạch rõ đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần đã nêu ra mấy khái niệm. "Ý dâm" là một khái niệm rất quan trọng trong đó. Vậy "ý dâm" của Giả Bảo Ngọc rốt cuộc là một thứ tình hoài như thế nào? Ngày nay có một số người xem "ý dâm" là khái niệm hoàn toàn mang nghĩa xấu. Cách hiểu ấy có phù hợp với ý định ban đầu của Tào Tuyết Cần khi sáng tạo khái niệm này không? Nhà văn Lưu Tâm Vũ đến với Bách Gia Giảng Đàn, sẽ giải mã đặc sắc cho quý vị bí ẩn "ý dâm" của Giả Bảo Ngọc.*

*Trong các chương trình trước, ông Lưu Tâm Vũ đã phân tích cho chúng ta nhân cách hai mặt vừa chính vừa tà của Giả Bảo Ngọc. Trong Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần khi định vị đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc đã dùng nhiều khái niệm khác nhau. "Ý dâm" chính là một trong những khái niệm rất quan trọng ấy. Trong xã hội hôm nay, "ý dâm" bị một số người xem như một từ mang sắc thái chê bai rất rõ. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng hai chữ "ý dâm", khái niệm này, là sáng tạo riêng của Tào Tuyết Cần. Không chỉ trước đó chưa từng có, mà khi đặt lên con người Giả Bảo Ngọc, nó tuyệt đối không phải là khái niệm mang nghĩa xấu. Vậy rốt cuộc đây là một thứ tình hoài như thế nào? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ phân tích đặc sắc cho quý vị "ý dâm" của Giả Bảo Ngọc. Loạt chương trình Bách Gia Giảng Đàn, Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc, tập 3, Bí ẩn "ý dâm", kính mời quý vị theo dõi.*

Đọc Hồng Lâu Mộng, nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, khám phá đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc, thì không thể né tránh hai chữ này. Ta buộc phải đối diện với nó. Hai chữ ấy chính là "ý dâm".

Ở đây có một hiện tượng rất thú vị. Đặc biệt hiện nay, nếu lên mạng tra cứu, quý vị sẽ phát hiện hai chữ này xuất hiện với tần suất rất cao. Nhưng gần như tất cả những người dùng hai chữ ấy, dùng khái niệm ấy, đều xem nó như một từ mang nghĩa xấu. Hơn nữa không phải nghĩa xấu thông thường, mà là nghĩa xấu rất nặng. Nói người nào đó "ý dâm", tức là nói người ấy có vấn đề lớn. Nói người nào đó "ý dâm" với ai đó, người nào đó, người ở trước có thể là nam giới, người ở sau có thể là nữ giới, thì ý là người ấy ít nhất trong ý thức đã thực hiện hành vi phạm tội rồi.

Cách hiểu và diễn giải như thế đối với hai chữ "ý dâm", đối với khái niệm này, là không đúng. Xin hãy đọc kỹ Hồng Lâu Mộng. Từ "ý dâm" là sáng tạo riêng của Tào Tuyết Cần. Trước Tào Tuyết Cần, trong ngôn ngữ Trung Quốc không tồn tại cách nói như vậy, cũng không có khái niệm như vậy. Đến khi Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng, ở hồi thứ năm, viết cảnh Cảnh Ảo tiên cô nói chuyện với Giả Bảo Ngọc, thì mới xuất hiện một khái niệm như thế. Bà dùng hai chữ ấy để cấu thành khái niệm này.

Vậy trong Hồng Lâu Mộng, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, "ý dâm" là một khái niệm chính diện. Nó không những không phải nghĩa xấu, mà còn là một lời khen. Đó là khi Bảo Ngọc dạo chơi trong Thái Hư ảo cảnh, trong giấc mộng, Cảnh Ảo tiên cô đã nói với Giả Bảo Ngọc một đoạn rất dài. Tôi không trích dẫn từng câu, quý vị có thể tự tra nguyên văn. Nhưng trong đó có một ý rất quan trọng, bà nói rằng: con người ngươi trong thiên bẩm vốn có một đoạn tình cảm đặc biệt, tức là ngươi có một thiên tính tình si rất đặc biệt. Vậy thiên tính ấy của ngươi, "bọn ta", vì Cảnh Ảo tiên cô không sống một mình trong Thái Hư ảo cảnh, mà có rất nhiều tiên nữ cùng sống với bà.

Cho nên Cảnh Ảo tiên cô nói "bọn ta", tức là bà đại diện cho chính mình và những tiên nữ khác trong cõi tiên để bày tỏ thái độ. Bà nói, thứ tình si trong thiên bẩm của ngươi, "bọn ta suy tôn là ý dâm". "Suy tôn là" nghĩa là đề cao, là khẳng định. Ý của bà chính là như vậy. Nếu quý vị đối với hai chữ này, nhất là chữ đầu tiên trong hai chữ, cảm thấy gai mắt, cảm thấy không thuận, tôi có thể hiểu. Nhưng trong Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần, khi viết hai chữ ấy, khi biểu đạt những ý này, thì đó là một khái niệm chính diện.

Cảnh Ảo tiên cô còn nói thêm một số lời như sau. Bà nói rằng, hai chữ "ý dâm" này chỉ có thể tâm lĩnh hội, không thể miệng truyền, hợp với thần mà không thể dùng lời nói hết. Tức là điều này rất khó dùng ngôn ngữ thế tục để nói cho thật rõ. Nhưng nếu quý vị là người có ngộ tính, thì từ sâu trong linh hồn quý vị nên có sự lĩnh hội, có sự giác ngộ. Đó là một khái niệm như vậy. Và Cảnh Ảo tiên cô cũng biết rằng, vì bà dùng khái niệm ấy, một khái niệm gồm hai chữ, mà chữ đầu tiên khá gai mắt, cho nên Cảnh Ảo tiên cô cũng chỉ đường cho Giả Bảo Ngọc.

Bà nói rằng, hôm nay ngươi nghe được hai chữ này, thì sẽ vừa có lợi vừa có hại. Lợi ở đâu? Trong chốn khuê các, ngươi sẽ được xem là bạn tốt. Tức là trong giữa những cô gái khuê các, ngươi sẽ nhận được một sự hồi đáp tình cảm rất vui vẻ và lành mạnh. Nhưng nếu ngươi ở trong thế đạo, ở giữa những kẻ đầu óc cứng nhắc, không hiểu ngươi, mà giao thiệp với họ, thì khó tránh bị nghi ngờ, quái gở, bị trăm miệng cười chê, bị muôn mắt nhìn xéo. "Nhìn xéo" tức là ánh mắt khác thường, nhìn người bằng con mắt ngang ngược.

Như thế thì ngươi khổ rồi. Người ta sẽ cho rằng ngươi là kẻ háo sắc, là sắc quỷ, là dâm ma. Cho nên, muốn hiểu dụng ý sâu xa của Tào Tuyết Cần, muốn khám phá cấu thành nhân cách của Giả Bảo Ngọc, thì không thể đi vòng qua khái niệm này. Ta buộc phải thảo luận nó. Những ý kiến tôi phát biểu bây giờ dĩ nhiên chỉ là vài thể hội cá nhân của tôi. Tôi không cho rằng mình tuyệt đối đúng.

Tôi chỉ nêu ra để cùng mọi người suy nghĩ, cùng nhau khám phá. Thật ra, hai chữ "ý dâm" không khó hiểu đến thế. Bởi trước hết, thông qua Cảnh Ảo tiên cô, Tào Tuyết Cần còn nói một số lời để phân định ranh giới giữa "ý dâm" và những loại hành vi, suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm cần bị khinh bỉ khác. Cảnh Ảo tiên cô nói thế này. Bà nói: Bà nói rằng, Tình tuy giống nhau về lẽ, nhưng đã là "dâm" thì có phân biệt. Như kẻ háo dâm thế tục, chẳng qua là thích sắc đẹp, thích ca múa, đùa cợt không chán, chuyện mây mưa khắp nơi, hận không hết được mỹ nữ trong thiên hạ để thỏa thú mây mưa của mình.

Cảnh Ảo tiên cô nói rằng loại theo đuổi này là tệ hại, là điều bị Cảnh Ảo tiên cô phủ định. Bà nói tất cả những thứ ấy đều là thói dâm loạn ngoài da thịt, là dâm loạn ngoài da thịt. "Dâm loạn" ở đây là một từ mang nghĩa xấu, là ý không tốt. "Dâm loạn ngoài da thịt" là chỉ việc theo đuổi những khoái lạc cảm quan. Đó là điều Cảnh Ảo tiên cô bài xích. Bà còn nói rõ với Giả Bảo Ngọc rằng điều ấy không tốt.

Nhưng bà cho rằng trong thiên tính của Giả Bảo Ngọc sinh ra một đoạn si tình. Vì vậy, các tiên nữ mới suy tôn nó là "ý dâm". Bà cho rằng điều ấy là tốt.

Đây là trong nguyên văn tiểu thuyết, thông qua Cảnh Ảo tiên cô mà có luận thuật như vậy. Khi đọc, quý vị phải đọc thật kỹ, hãy tự thể hội xem Tào Tuyết Cần có phải đang biểu đạt một khái niệm chính diện hay không. Ông xem "ý dâm" như một khái niệm khẳng định, còn xem "dâm loạn ngoài da thịt" là một khái niệm bị phủ định. Quý vị có thể có ý kiến khác về cách viết ấy của Tào Tuyết Cần. Nhưng trước hết ta phải làm rõ Tào Tuyết Cần muốn biểu đạt điều gì. Ông chính là biểu đạt ý này.

*Ông khẳng định "ý dâm" của Giả Bảo Ngọc. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, "ý dâm" dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần là một khái niệm chính diện. Nó nhấn mạnh chữ "ý" của Giả Bảo Ngọc, chứ không phải chữ "dâm". Tào Tuyết Cần cũng phủ định thói dâm loạn ngoài da thịt nhằm hưởng lạc. Vậy đối với khái niệm "ý dâm" này, người cộng tác thân thiết của ông là Chi Nghiễn Trai đã nhìn nhận như thế nào? "Ý dâm" của Giả Bảo Ngọc rốt cuộc có hàm nghĩa ra sao?*

Chi Nghiễn Trai là người cộng tác của Tào Tuyết Cần. Bà hiểu rõ nhất những khái niệm dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần. Trong một lời phê, Chi Nghiễn Trai đã giải thích "ý dâm" rất thông tục, rất dễ hiểu. Chi Nghiễn Trai nói thế nào? Bà nói: Xét tâm tính cả đời của Bảo Ngọc, chỉ không ngoài hai chữ "thể thiếp", nên gọi là "ý dâm". Lời giải thích này rất thông suốt, rất thẳng thắn, và cũng rất dễ hiểu.

Tức là cậu ta vô cùng hiếm có ở chỗ có thể cảm thông, săn sóc những thiếu nữ xuân xanh đến mức tinh tế không sót điều gì. Sự cảm thông, săn sóc ấy của cậu chính là "ý dâm". Dĩ nhiên, ngày nay chúng ta là người hiện đại, nghe hai chữ này vẫn cảm thấy hơi chói tai, nhìn bằng mắt cũng hơi khó chịu. Nhưng hiện giờ chúng ta đang nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, tìm hiểu dụng ý sâu xa của Tào Tuyết Cần, thì ta phải thừa nhận cách giải thích của Chi Nghiễn Trai hẳn là đúng với ý của Tào Tuyết Cần. Tức là "thể thiếp". Vậy quý vị hãy nhìn sự vận động tình tiết trong Hồng Lâu Mộng, dòng chảy tình tiết bên trong, bây giờ ta hồi tưởng một chút.

Ông cũng viết một số chuyện dâm loạn ngoài da thịt. Trong Hồng Lâu Mộng có một số miêu tả tính dục. Ông không cố ý viết sắc tình, mà là vì nhu cầu tình tiết, nhu cầu xây dựng nhân vật. Chẳng hạn ông viết về Giả Liễn, về vợ Bao Nhị, những chuyện dâm loạn ngoài da thịt như vậy. Ông có một số miêu tả. Trong đó còn có hai hồi chuyên viết chuyện cóc ghẻ đòi ăn thịt thiên nga.

Con cóc ghẻ ấy là ai? Đó là một người tên Giả Thụy. Hắn cũng là một thành viên trong tông tộc họ Giả. Con thiên nga mà hắn muốn ăn là ai? Chính là Vương Hy Phượng. Đây là hai đoạn tình tiết trong sách.

Có hẳn hai hồi viết về việc này. Ông viết rất nhiều tâm tư của Giả Thụy, Giả Thụy trêu ghẹo Vương Hy Phượng, Vương Hy Phượng đặt kế tương tư riêng để trị Giả Thụy thế nào. Về sau Giả Thụy lại có được một tấm Phong nguyệt bảo giám, soi mặt trước thì thế nào, mặt sau thì thế nào, quý vị có thể tự nhớ lại. Nếu "ý dâm" là một từ mang nghĩa xấu, là một khái niệm không tốt, thì trước hết Tào Tuyết Cần hẳn phải dùng từ này, khái niệm này, trong câu chuyện của Giả Thụy, đúng không? Đặc biệt là khi Giả Thụy soi Phong nguyệt bảo giám, hắn soi mặt trước của Phong nguyệt bảo giám, theo lẽ khi ấy nên dùng từ này, dùng khái niệm này. Vậy Tào Tuyết Cần có dùng không?

Ông không dùng. Điều đó cho thấy Tào Tuyết Cần xếp biểu hiện hành vi của Giả Thụy vào khái niệm dâm loạn ngoài da thịt. Ông phủ định nó, ông phê phán nó. Nhưng đối với Giả Bảo Ngọc, ông nghiêm ngặt phân biệt cậu với Giả Liễn, với Giả Thụy và những hành vi của họ. Ông ca ngợi Giả Bảo Ngọc biết che chở, cảm thông với các thiếu nữ xuân xanh. Hai ví dụ quan trọng nhất, chắc mọi người đều rất ấn tượng: một là Bình Nhi sửa trang, một là Hương Lăng đổi váy.

Đó là cách tác giả thể hiện Giả Bảo Ngọc cảm thông, săn sóc thiếu nữ thế nào, tức là viết "ý dâm" của cậu, viết thứ tình cảm độc hữu trong thiên bẩm của cậu. Chỉ có con người cậu mới làm như vậy. Không một nam giới nào khác trong sách làm như vậy. Nhưng Giả Bảo Ngọc thì làm như vậy. Chẳng hạn chuyện Bình Nhi sửa trang, vì hoàn toàn không có nội dung sắc tình nào. Bình Nhi là một thiếu nữ rất đẹp, nhưng lại rất bất hạnh, trước mặt Giả Liễn và Vương Hy Phượng, nàng trở thành một đại a hoàn thông phòng, bị họ sai khiến. Trong đoạn tình tiết Bình Nhi sửa trang này, Tào Tuyết Cần dùng bút mực đậm mà tinh để viết sự săn sóc của Giả Bảo Ngọc dành cho Bình Nhi. Ông viết như sau:

Từ trước Bảo Ngọc luôn cảm thấy mình chưa từng tận tâm với Bình Nhi. Mà Bình Nhi lại là một cô gái thượng đẳng cực thông minh, cực thân cận, khác hẳn những thứ ngu xuẩn, thô lậu. Mãi không thể tận tâm trước mặt Bình Nhi, cậu vô cùng hối tiếc. Giả Bảo Ngọc nghĩ rằng, Giả Liễn chỉ biết lấy nàng làm trò vui để thỏa mình, chẳng biết nuôi dưỡng son phấn. Người hiện đại chúng ta nhìn câu này có thể hơi lạ. Thế nào là "nuôi dưỡng son phấn"? Đúng không? Ý Giả Bảo Ngọc là.

Đối đãi với những cô gái xuân xanh như đóa hoa, thì phải như Thần Anh thị giả trên trời chăm tưới Giáng Châu tiên thảo vậy, phải che chở họ, bồi dưỡng họ, khiến đóa hoa của họ nở càng thêm rực rỡ. Ông ca ngợi một thứ tình hoài như thế. Đến đời sống hiện thực, đến nhân gian, ông dùng cách nói "nuôi dưỡng son phấn" này. Có thể quý vị cảm thấy lạ, nhưng thật ra điều được biểu đạt là sự tôn trọng thưởng thức và yêu thương đối với thiếu nữ xuân xanh. Hơn nữa Giả Bảo Ngọc còn nghĩ sâu hơn: Bình Nhi không cha mẹ anh em, chỉ một thân một mình, phải hầu hạ hai vợ chồng Giả Liễn. Cái tục của Giả Liễn, cái uy của Phượng thư, một người tục không thể chịu, một người thì tính cách hết sức mạnh bạo, ghê gớm.

Vậy mà nàng vẫn có thể chu toàn thỏa đáng. Nghĩ đến đó, cậu không khỏi ứa nước mắt. Lại thừa lúc người khác không để ý, cậu dứt khoát khóc hết sức, rơi mấy giọt lệ đau lòng. Ông viết ra hơn hai trăm năm trước, cấu thành nhân cách của một công tử quý tộc như vậy rất khác với các công tử quý tộc khác. Đối với một Bình Nhi trong phủ, thật ra địa vị Bình Nhi trong phủ vẫn rất thấp. Chỉ có điều người này khá biết lo việc.

Vì Giả Liễn và Vương Hy Phượng coi như là những người quản lý phủ Vinh Quốc, nàng giúp họ xử lý công việc, trong tay quả thật có chút quyền phát ngôn, quyền quyết định. Nhưng địa vị thực tế của nàng rất thấp hèn, thậm chí còn không bằng dì Chu, dì Triệu. Nàng không phải một tiểu thiếp của Giả Liễn, chỉ gọi là một đại a hoàn thông phòng. Không có cha mẹ anh em, một mình hầu hạ hai ông bà chủ dữ dằn như vậy. Hai người ấy.

Tức là Giả Liễn đi tư thông với vợ Bao Nhị, bị Phượng thư phát hiện, rồi náo loạn, "Phượng chua nổi trận ghen lớn". Cả hai đều lôi nàng ra, một người đá nàng, một người đánh nàng. Cho nên Giả Bảo Ngọc tràn đầy đồng cảm và thể thiếp đối với nàng. Sau khi nàng bị đánh, sau khi nàng khóc, cậu chăm sóc nàng, giúp nàng sửa trang, khôi phục cho một thiếu nữ xuân xanh khuôn mặt xinh đẹp và một phần tôn nghiêm. Giả Bảo Ngọc cảm thấy rất an ủi, thậm chí còn rơi xuống mấy giọt lệ đau lòng. Những miêu tả như vậy đủ để chứng minh Tào Tuyết Cần khẳng định thành phần này trong nhân cách Giả Bảo Ngọc, và ca ngợi nó.

Chuyện Hương Lăng đổi váy cũng như vậy. Hương Lăng vì chơi đấu cỏ với người khác, đến cuối cuộc đấu cỏ, giữa các cô bé cãi nhau mồm năm miệng mười, rồi cuối cùng mọi người tan ra. Nàng ở lại trên bãi cỏ, không cẩn thận bị ngã. Khi đứng dậy, nước trên bãi cỏ sau mưa đọng trong những chỗ trũng đã làm bẩn chiếc váy thạch lựu của nàng. Chiếc váy thạch lựu ấy rất đẹp. Vào thời ấy, hẳn đó là một thứ váy chất liệu rất cao cấp.

Vốn đây là một việc rất nhỏ. Nhưng Giả Bảo Ngọc nhìn thấy, liền cảm thấy mình nên giúp nàng giải quyết vấn đề, vô cùng săn sóc nàng. Sau đó cậu vận động Tập Nhân lấy ra một chiếc váy thạch lựu của mình giống hệt như thế để giúp nàng thay. Chuyện nhỏ này cũng thể hiện lòng thể thiếp ấy của Giả Bảo Ngọc. Lúc đó cậu cũng có hoạt động tâm lý. Tào Tuyết Cần rất giỏi viết tâm lý nhân vật.

Giả Bảo Ngọc nghĩ gì? Tuyệt đối không phải ý nghĩ dâm loạn ngoài da thịt, tuyệt đối không phải kiểu nghĩ ấy, tuyệt đối không phải tâm tư tà môn ngoại đạo như Giả Thụy soi Phong nguyệt bảo giám. Giả Bảo Ngọc nghĩ như sau: thấy Hương Lăng cuối cùng đã thay xong váy, và Hương Lăng cũng vui lên, Giả Bảo Ngọc cúi đầu thầm nghĩ trong lòng: đáng tiếc một người như thế, không cha mẹ. Dĩ nhiên độc giả biết nàng có cha mẹ, ta đọc phần trước thì biết, cha nàng là Chân Sĩ Ẩn, mẹ nàng là Phong thị. Nhưng Giả Bảo Ngọc không biết. Cậu nói, một người như thế mà không cha mẹ, đến cả họ tên thật của mình cũng quên mất.

*Từ nhỏ đã bị người ta bắt cóc, bị bắt cóc đem đi, lại cứ phải bán cho một tên bá vương như thế. Bán cho ai không bán, lại bán cho Tiết Bàn, bán cho một tên Ngốc Bá Vương. Cho nên Giả Bảo Ngọc rất đồng cảm với*

*nàng. Cậu cảm thấy trong một việc rất nhỏ như vậy, có thể giúp nàng một chút, giúp nàng từ trong đau khổ ấy thoát ra, có được dù chỉ là niềm vui tạm thời, thì Giả Bảo Ngọc đã cảm thấy rất an ủi. Đây chính là Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, Bình Nhi và Hương Lăng đều không phải nhân vật chính trong Hồng Lâu Mộng.*

*Nhưng tình yêu thương, che chở của Giả Bảo Ngọc đối với thiếu nữ xuân xanh đã đi sâu, tinh tế và thể thiếp đến cả hai nhân vật này. Dựa theo lời phê của Chi Nghiễn Trai, ông Lưu Tâm Vũ suy đoán rằng ở phần cuối Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần có lập một Tình bảng. Vậy Tình bảng ấy là gì? Nó có quan hệ thế nào? với "ý dâm" của Giả Bảo Ngọc? Chi Nghiễn Trai nói rằng, "ý dâm" có thể đặt dấu bằng, viết phía sau là "thể thiếp". Đó là khái niệm chính diện.*

Chi Nghiễn Trai rất lợi hại, vì bà trực tiếp tham dự sáng tác của Tào Tuyết Cần. Bà phải giúp ông chỉnh lý bản thảo, bản thân lại viết lời phê. Cho nên bà rất rõ Hồng Lâu Mộng từ đầu đến cuối. Trong một lời phê, bà nói cho chúng ta biết rằng ở cuối Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần đã lập một Tình bảng. Tình bảng này, ngoài Giả Bảo Ngọc ra, đều là phụ nữ. Trên Tình bảng, sau tên người được liệt kê còn phải có một lời khảo ngữ.

Khảo ngữ giống như ngày nay chúng ta viết nhận xét phẩm chất cho một người. Dĩ nhiên, khảo ngữ của ông rất tinh luyện, dùng hai chữ, ba chữ để khái quát đặc điểm nhân cách của người ấy. Đáng tiếc khi ấy Chi Nghiễn Trai không biết rằng về sau số phận bản thảo của bộ sách này rất bi thảm, sau hồi 80 đều thất lạc không còn bản thảo. Lúc ấy bà không biết. Cho nên lúc ấy trong lời phê, bà chỉ tiết lộ hai khảo ngữ, không nói nhiều. Nếu bà dự liệu được sau này phần sau mất hết, có lẽ bà đã nói thêm vài cái, chúng ta cũng đã biết thêm vài cái.

Nhưng bà chỉ nói hai cái. Một là bà cho chúng ta biết trong Tình bảng cuối cùng, khảo ngữ của Giả Bảo Ngọc là "tình bất tình".

Còn Lâm Đại Ngọc là "tình tình". Chữ "tình" đầu tiên trong hai khảo ngữ này đều là động từ. "Tình bất tình", tức là dùng tình cảm của mình để phú cho những thứ đối với mình không có tình cảm, thậm chí là vô tình. Ông viết nhân cách Giả Bảo Ngọc đến mức độ này. Cậu có thể yêu những người không yêu mình, có thể quan tâm, thể thiếp với những sự vật đối với cậu không có phản ứng, cũng không thể có phản ứng. Ông viết Giả Bảo Ngọc đến mức ấy.

Điều này đáng để chúng ta suy ngẫm. Thực ra nó cũng thể hiện rằng, vào thế kỷ 18, một người như Tào Tuyết Cần đã đạt tới một tầm cao tư tưởng. Thực tế ông đang khẳng định và đề xướng một thứ tình hoài như vậy. Tức là một sinh mệnh nên có thứ tình cảm "tình bất tình" ấy, thứ tình hoài ấy. Ví dụ thì quá nhiều. Từ trước đến sau, ta có thể chọn ra vài ví dụ để nói.

Chẳng hạn ở hồi thứ 15, lúc ấy là tang sự của Tần Khả Khanh. Cậu đi theo đội đưa tang, cùng tiến về Thiết Hạm tự. Cậu và Phượng thư ở cùng nhau. Phượng thư đi được nửa đường liền bảo dừng lại, ghé vào một nông trang. Để làm gì? Độc giả hiện đại, một số người trẻ có thể mơ hồ.

Có phải đi tham quan nông trang không? Không phải. Bà chỉ muốn vào đó tiện một chút. Trong sách thật ra là biểu đạt ý ấy. Giả Bảo Ngọc và Tần Chung liền đi theo bà. Sau khi đến đó, Giả Bảo Ngọc phát hiện mọi sự vật ở thôn quê, thứ nào cũng rất mới lạ.

Cậu thấy một guồng xe sợi, liền chạy tới quay thử guồng xe ấy. Lúc này xuất hiện một phụ nữ thôn quê, một cô gái trẻ. Cô nói: đừng làm hỏng nó, cậu không biết xe sợi đâu. Để tôi xe cho cậu xem. Về sau, Bảo Ngọc nghe thấy có người gọi cô là Nhị nha đầu, Nhị nha đầu. Đây là một cô gái ở nông thôn.

Và Giả Bảo Ngọc đối với Nhị nha đầu ấy nảy sinh một thứ tình cảm. Thứ tình cảm ấy tuyệt đối không phải tình cảm thuộc dâm loạn ngoài da thịt. Hơn nữa khi Tào Tuyết Cần hạ bút, có những chỗ ông tạo câu khiến người ta chấn động. Nếu quý vị đọc kỹ, quý vị sẽ thấy rất chấn động. Vốn đây chỉ là một cảnh ngắn ngủi. Rất nhanh sau đó, Phượng thư xong việc, rửa tay rồi nói: chúng ta đi tiếp thôi.

Đúng không? Cậu và Tần Chung cũng theo Phượng thư lên xe. Lúc này cậu nhìn thấy Nhị nha đầu ở nông trang ấy ôm em trai mình. Điều này viết rất chính xác. Các cô gái nông thôn đều còn rất nhỏ tuổi mà đã biết lo việc nhà, ôm em trai, cùng mấy cô gái nông thôn khác vừa nói vừa cười đi tới.

Sách viết rằng: chỉ thấy Nhị nha đầu ấy ôm em trai nhỏ trong lòng, cùng mấy cô bé nói cười đi tới. Bảo Ngọc chỉ hận không thể xuống xe đi theo cô ấy.

Theo lẽ, việc gì phải tạo ra một câu như vậy? Tào Tuyết Cần viết tiểu thuyết, viết một Giả Bảo Ngọc ngẫu nhiên tới một nông trang, gặp một Nhị nha đầu, đến khi rời khỏi nông trang thì thấy Nhị nha đầu ôm em trai nhỏ, cùng mấy cô bé vừa nói vừa cười. Thật ra cũng không phải đang chào tạm biệt cậu. Điều cậu đối diện hẳn là "bất tình", không có tình cảm với cậu, cũng không thể nảy sinh tình cảm. Đúng không? Hơn nữa còn nhớ không, khi cậu nghịch guồng xe sợi, cô nói: đừng làm hỏng nó.

Nhưng lúc này Giả Bảo Ngọc lại sinh ra một cảm xúc, cảm thấy chỉ muốn xuống xe đi theo họ. Tào Tuyết Cần thông qua câu như vậy muốn biểu đạt điều gì? Chẳng lẽ không đáng suy ngẫm sao? Tuy câu chuyện chính của bộ sách này chủ yếu diễn ra trong phủ đệ quý tộc, những nhân vật chính trong đó đều là nam nữ của các gia tộc quý tộc, nhưng Tào Tuyết Cần không từ bỏ ngòi bút của mình khi nó vươn từ phủ đệ quý tộc đến sự tồn tại xã hội bình thường, đến những nhân vật ở tầng dưới, không thuộc quý tộc, là bình dân. Ở ngay chỗ này, ông có ý thức thông qua nhân vật chính của mình, Giả Bảo Ngọc, để biểu đạt một thứ tình hoài "tình bất tình". Vì sao Giả Bảo Ngọc lại sinh ra tình hoài ấy?

Sau khi đọc thông Hồng Lâu Mộng, ta không nên thấy lạ. Bởi cậu ở trong phủ đệ quý tộc ấy, sống đời gấm vóc ngọc thực, nhưng thực ra chẳng khác gì bị nhốt trong ngục. Đó là một nhà tù nhung lụa. Hành động bị người khác quản thúc. Lần đầu tiên cậu tiếp xúc với.

Cảnh tượng trong một trang viện, nhìn thấy Nhị nha đầu, nhìn thấy trạng thái sống không gò bó như thế, cậu vô cùng hâm mộ. Giả Bảo Ngọc là một sinh mệnh có ngộ tính, không phải một vật ngu xuẩn. Có lúc cậu tự xưng mình là một thứ ngu ngốc, nhưng thực ra cậu có thiên phú rất cao. Trong thiên tính của cậu có một thứ tự nhiên, muốn cố gắng tiếp xúc với thế giới bên ngoài phạm vi sinh hoạt của mình, muốn quan tâm yêu thương. Cậu có một thứ tình hoài như vậy.

Và Tào Tuyết Cần đã viết nó ra. Cho nên những chi tiết như thế trong Hồng Lâu Mộng quả thật không thể bỏ qua. Đây là cậu nhìn thấy một phụ nữ. Không nhìn thấy phụ nữ, cậu cũng sẽ quan tâm yêu thương.

Hồi thứ 35 có một nét bút rất quan trọng. Đây là một phục bút rất quan trọng. Đó là có một người họ Phó. Người họ Phó này, nghe tên đã thấy chẳng ra gì, tên là Phó Thí. Chữ "thí" trong tên Khuất Nguyên Phó Thí. Nhưng người Phó Thí này, em gái của hắn có lẽ rất khác hắn, tên là Phó Thu Phương.

Trong sách có xuất hiện cái tên như vậy, đúng không? Phó Thu Phương này, Giả Bảo Ngọc chưa từng gặp. Chỉ là nghe nói. Nghe nói Phó Thí có một cô em gái, tên gọi Thu Phương, cũng là một khuê tú nghèo, người trong họ truyền rằng tài mạo đều đủ. Tuy chưa tận mắt thấy, nhưng lòng yêu mến từ xa đã mười phần thành kính. Đây chính là Giả Bảo Ngọc, phải không?

Phó Thu Phương, chỉ là nghe nói thôi. Sau khi nghe nói, cậu liền rất trân trọng, rất hướng vọng. Hơn nữa trong sự trân trọng, hướng vọng ấy tuyệt đối không có yếu tố dâm loạn ngoài da thịt. Chỉ là cảm thấy trong thiên hạ có nhiều thiếu nữ xuân xanh tốt đẹp như vậy. Vốn cậu không muốn gặp nhất những bà già ngu xuẩn. Kết quả nghe nói đó là bà tử nhà họ Phó đến, từ chỗ Phó Thu Phương tới, muốn vào thỉnh an cậu.

Cậu liền phá lệ tiếp kiến. Có tình huống này chứ? Và hai bà tử ấy, hai bà tử nhà họ Phó, sau khi gặp Giả Bảo Ngọc, vừa đi ra ngoài, vừa có một đoạn đối thoại. Những lời đối thoại này cũng rất quan trọng, cũng thể hiện chữ "tình" của Giả Bảo Ngọc. Họ nói gì? Nghe nói con người Giả Bảo Ngọc thường khi không có ai trước mặt, thì tự khóc tự cười.

Thấy chim én, thì nói chuyện với chim én. Thấy cá dưới sông, thì nói chuyện với cá. Gặp sao trăng, không thở dài than vắn, thì cũng lầm bầm trong miệng. Nói vị công tử quý tộc này chẳng có chút cương khí nào, ngay cả mấy con bé lông bông cậu cũng chuyện trò. Câu ấy đã viết thấu chữ "tình" của Giả Bảo Ngọc. Từ con người, đến những sinh mệnh khác, động vật, thực vật, rồi đến vật vô cơ, đến sao trăng, tất cả đều có tình.

*Cậu đều có tình với chúng. Ông tạo nên một công tử quý tộc như vậy, điều đó rất đáng kinh ngạc. Theo phân tích của Lưu Tâm Vũ về khảo ngữ của Giả Bảo Ngọc trên Tình bảng, "tình bất tình", thì "tình bất tình" là một dạng "ý dâm" sâu hơn và rộng hơn. Nếu nói "ý dâm" mới chỉ là sự yêu thương, che chở của Giả Bảo Ngọc đối với các thiếu nữ xuân xanh, thì "tình bất tình" lại là tình hoài xuất phát từ nội tâm của Giả Bảo Ngọc đối với tất cả những sự vật đẹp đẽ trên đời. Về "ý dâm" và "tình bất tình" dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, ông Lưu Tâm Vũ đánh giá như thế nào? Cho nên "tình bất tình" của Giả Bảo Ngọc.*

Thực ra là một thứ vượt lên trên tình hoài chính trị, thậm chí cũng vượt lên trên thứ tình hoài xã hội tương ứng với tư tưởng chúng sinh bình đẳng tôi đã nói trước đây, là một thứ tình yêu lớn của nhân loại. Đó là cảnh giới tinh thần cao nhất đạt tới sự quan hoài với toàn nhân loại và toàn vũ trụ. Vậy đây chính là.

Tinh túy của thiên nhân hợp nhất và hài hòa vũ trụ trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Vì sao Hồng Lâu Mộng được Mao Trạch Đông xem là một trong bốn yếu tố đáng để dân tộc chúng ta tự hào? Tôi không ngại lặp lại để quý vị khắc sâu ấn tượng. Dân tộc chúng ta, tôi thấy các vị đang ngồi đây đều là đồng bào, da vàng, tóc đen, một tấm lòng Trung Hoa. Tuy tuổi tác chúng ta có người già hơn, có người trẻ hơn, nhưng những sinh mệnh chúng ta đều từ tổ tiên của chúng ta, đời này qua đời khác, truyền tiếp xuống. Phẩm cách tư tưởng của chúng ta, sự truyền thừa văn hóa của chúng ta, có thể truy ngược về cội rễ truyền thống của chúng ta.

Dân tộc chúng ta, thứ nhất, đất rộng của nhiều, thứ hai, dân số đông, thứ ba, lịch sử lâu đời, thứ tư, trong văn học có một bộ Hồng Lâu Mộng. Vì sao phải nâng lên đến độ cao như thế? Là bởi, chẳng hạn xét riêng việc Hồng Lâu Mộng xây dựng hình tượng Giả Bảo Ngọc, nó đã đem tinh túy văn hóa truyền thống độc đáo của dân tộc Trung Hoa: thiên nhân hợp nhất, vũ trụ hài hòa, thông qua một hình tượng nghệ thuật sống động biểu đạt đến mức trọn vẹn. Nó là đỉnh cao mà trước thế kỷ 18, dòng chảy văn hóa truyền thống của chúng ta tích tụ đến thời điểm ấy đã đạt được. Điều này chúng ta nhất định phải kế thừa di sản văn hóa ấy. Tuyệt đối không thể xói mòn, không thể vứt bỏ.

Dĩ nhiên, có thể nhất thời hiểu ra hơi khó. Khó thì chúng ta khắc phục khó khăn, phải đi tìm hiểu. Vậy việc xây dựng hình tượng Giả Bảo Ngọc không chỉ xét từ.

Nội hàm tư tưởng là đáng để chúng ta nhiều lần thưởng thức, mà xét về thủ pháp nghệ thuật, độ cao mà bút pháp Tào Tuyết Cần đạt tới cũng khiến người ta kinh ngạc. Bây giờ tôi nêu ra một vấn đề. Trong toàn bộ Hồng Lâu Mộng, đặc biệt hiện nay ta nói tới cổ bản Hồng Lâu Mộng, hoặc nói bản thông hành Hồng Lâu Mộng, tám mươi hồi đầu, vì về cơ bản vẫn là của Tào Tuyết Cần, những miêu tả về Giả Bảo Ngọc quả thật quá nhiều. Nhưng cá nhân tôi cho rằng, trong đó có một hồi rất tập trung viết ra năm tầng diện trong nhân cách Giả Bảo Ngọc. Bây giờ quý vị hãy nghĩ xem, tôi nói đó hẳn là hồi nào? Hoặc quý vị có cách nhìn của quý vị. Quý vị cho rằng trong tám mươi hồi đầu, hồi nào tập trung thể hiện đầy đủ các tầng diện nhân cách phức tạp của Giả Bảo Ngọc? hồi nào tập trung đem nhân cách của Giả Bảo Ngọc với những tầng diện phức

tạp thể hiện ra đầy đủ, Đó là hồi nào? Trong buổi giảng sau, tôi sẽ trình bày với mọi người cách nhìn cá nhân của tôi.

# Tập 38

Bí ẩn đa nhân cách của Giả Bảo Ngọc

*Trong danh tác cổ điển Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần là hình tượng công tử quý tộc điển hình. Có lúc cậu thương hoa tiếc ngọc, tôn sùng hài hòa, có lúc lại thất thường, ngang ngược kiêu căng. Tính cách ấy chứa nhiều mặt phức tạp và khuynh hướng phân liệt lờ mờ thấy được. Vậy nhân cách của Giả Bảo Ngọc vì sao lại đầy mâu thuẫn như vậy? Độc giả nên phẩm bình Giả Bảo Ngọc thế nào? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục làm khách Bách Gia Giảng Đàn, với góc nhìn độc đáo phân tích nhân cách đa tầng của Giả Bảo Ngọc.*

*Ở cuối buổi giảng trước, ông Lưu Tâm Vũ gợi ý rằng trong tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, có một hồi tập trung miêu tả đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc, vừa viết tự nhiên trôi chảy, vừa lên xuống biến hóa rất hay. Hồi mà ông Lưu Tâm Vũ nói tới rốt cuộc là hồi nào trong sách? Chỉ trong một chương ấy, có thể thấy được tính cách phức tạp của Giả Bảo Ngọc sao? Nhà văn Lưu Tâm Vũ làm khách Bách Gia Giảng Đàn, với góc nhìn độc đáo phân tích nhân cách đa tầng của Giả Bảo Ngọc. Chương trình nhiều kỳ "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng", phần Giả Bảo Ngọc, tập bốn: Hành trình nhân cách đa tầng đang được phát sóng. Kính mời quý vị theo dõi.*

Ở buổi trước, cuối cùng tôi nêu ra một vấn đề. Theo ý kiến cá nhân tôi, trong Hồng Lâu Mộng có một hồi đã tập trung viết ra mấy tầng trong nhân cách của Giả Bảo Ngọc. Hơn nữa hồi ấy viết rất hay, liền mạch như áo trời không vết chỉ. Vậy đó là hồi nào? Cách nhìn của quý vị có thể khác tôi, nhưng không sao. Tôi xin đem cách nhìn của mình trình bày với quý vị, để chúng ta cùng bàn luận. Theo cá nhân tôi, hồi thứ ba mươi là một hồi cực kỳ quan trọng. Thông qua hồi này, Tào Tuyết Cần đã khắc họa năm tầng nhân cách của Giả Bảo Ngọc một cách lâm li tận trí. Hồi mục của hồi thứ ba mươi là Bảo Thoa mượn quạt khéo châm chọc đôi bề, Linh Quan vạch chữ Tường, kẻ si đứng ngoài cuộc. Thật ra câu chuyện trong hồi này có thể chia thành năm màn. Nếu chuyển thành kịch thì rất thuận tiện. Màn thứ nhất, về thời gian có lẽ là trước buổi trưa. Về địa điểm, là Tiêu Tương quán trong Đại Quan viên. Nội dung chính của màn này là Giả Bảo Ngọc đến Tiêu Tương quán để xin lỗi Lâm Đại Ngọc. Trước đó giữa hai người đã có rất nhiều va chạm về tình cảm. Vì vậy Giả Bảo Ngọc đi xin lỗi Lâm Đại Ngọc trong tình cảnh ấy đã không chỉ xảy ra một lần. Trong đoạn miêu tả Giả Bảo Ngọc đến tìm Lâm Đại Ngọc để xin lỗi, xuất hiện một chi tiết kinh tâm động phách. Chi tiết gì? Chính là trong quá trình ấy, Giả Bảo Ngọc đã nắm lấy tay Lâm Đại Ngọc. Hai người có tiếp xúc thân thể. Tôi nhìn xuống đây thấy các bạn trẻ.

Qua nét mặt là tôi hiểu rồi. Các bạn nghĩ: thế thì có gì đâu? Nhưng đây là chuyện giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Con người Giả Bảo Ngọc ấy, khi tiếp xúc thân thể với các thiếu nữ thanh xuân khác, cậu rất phóng túng lãng mạn. Cậu không quá ràng buộc bản thân. Mọi người chắc còn nhớ vài tình tiết.

Ví dụ, có một lần Uyên Ương đến nơi họ ở đúng không? để báo rằng Giả Xá bị bệnh, cậu nên đến thăm. Lúc ấy, cậu nhìn thấy cổ Uyên Ương, làn da trắng mịn, liền cảm thấy thân thể của Uyên Ương rất đẹp. Cậu còn quấn lấy Uyên Ương, đòi ăn son trên môi nàng. Hơn nữa tính từ được dùng khi miêu tả đến chúng ta đọc cũng thấy rất chói mắt. Giống như kẹo da trâu vậy. Quý vị thử nghĩ hình ảnh ấy xem.

Vì vậy, nói về Giả Bảo Ngọc, với tư cách một công tử quý tộc, đối với một số thiếu nữ thanh xuân, cậu có một thứ đặc quyền nào đó. Cậu có thể có những biểu hiện lãng mạn, khinh suất. Nhưng với Lâm Đại Ngọc mà cậu yêu tha thiết, vì họ chủ yếu thông nhau về tinh thần, trước hết là tình yêu trên tinh thần, nên cậu vô cùng trân trọng quan hệ giữa mình và Lâm Đại Ngọc. Việc cậu tiếp xúc thân thể với Lâm Đại Ngọc được thực hiện rất thận trọng. Nhưng như thế không có nghĩa tình yêu của cậu với Lâm Đại Ngọc chỉ là tình yêu thuần tinh thần. Mọi người chắc cũng còn nhớ một tình tiết.

Đúng không? Có lần cậu thấy cánh tay của Tiết Bảo Thoa đặc biệt đẹp. Cậu liền nghĩ thế nào? Cậu nghĩ: cánh tay này nếu mọc trên người em Lâm, thì mình còn có thể vuốt ve một chút. Nhưng bây giờ nó lại mọc trên người Bảo Thoa. Cậu có hoạt động nội tâm như thế.

Cho nên đối với Lâm Đại Ngọc, từ tinh thần đến thân thể, cậu đều yêu toàn diện. Tình yêu của Bảo Ngọc dành cho Đại Ngọc là khắc cốt ghi tâm. Trong hồi "thổ lộ tâm can khiến Bảo Ngọc mê", Bảo Ngọc nói: em ngoan, vì em mà ta cũng mắc một thân bệnh ở đây, lại không dám nói với người khác, chỉ đành âm thầm chịu đựng. Trong ngủ trong mơ cũng không quên được em. Điều này cho thấy tình cảm của cậu với Đại Ngọc tuyệt không chỉ là chí hướng tư tưởng hợp nhau, mà là tình yêu sâu nặng, nồng nhiệt từ đáy lòng. Nhưng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Giả Bảo Ngọc lại là một tình chủng phiêu hốt khó nắm bắt.

*Cậu thích lẩn quẩn trong đám con gái, và cũng thường biểu hiện những cử chỉ gần như thô tục. Điều này mâu thuẫn mạnh mẽ với mối si tình của cậu đối với Đại Ngọc. Tào Tuyết Cần viết như vậy dụng ý là gì? Ông Lưu Tâm Vũ sẽ bình luận ra sao?*

Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như thế? Là để nói với chúng ta rằng Giả Bảo Ngọc là một nam giới đã trưởng thành. Tuy trong xã hội lúc bấy giờ, tuổi của Giả Bảo Ngọc ngày nay nghe có vẻ rất nhỏ, nhưng tuổi thọ trung bình của con người thời ấy tương đối ngắn. Ngay đầu Hồng Lâu Mộng đã nói, tác giả bảo mình nửa đời lận đận. Ba mươi tuổi đã là nửa đời, người ta cho rằng một đời là sáu mươi tuổi. Đến bảy mươi thì xưa nay hiếm rồi.

Vì vậy nam nữ thời ấy có người trưởng thành sớm cũng không lạ. Tuổi thọ trung bình ngắn. Khi đó Giả Bảo Ngọc đã mười ba tuổi. Cậu là một nam giới đã trưởng thành về tình tính. Kể cả những đoạn trước viết Cảnh Ảo tiên cô mật truyền việc nam nữ cho cậu, và viết Bảo Ngọc lần đầu thử chuyện mây mưa, một số độc giả mãi vẫn không hiểu nỗi dụng tâm khổ nhọc của Tào Tuyết Cần. Thậm chí nay vẫn có độc giả nói: đây chẳng phải dạy thói lưu manh sao?

Sao tiểu thuyết lại viết chuyện này? Nhưng đối với Tào Tuyết Cần, viết như vậy là rất cần thiết. Thông qua những sắp đặt tình cảnh ấy, ông nói cho bạn biết lúc đó Giả Bảo Ngọc là một nam giới trưởng thành. Nếu không, độc giả đọc về sau sẽ nảy sinh hiểu lầm. Thuộc loại hiểu lầm này, dù Tào Tuyết Cần đã viết rõ như vậy, nay vẫn có người mắc phải. Ví dụ, có người cải biên thành phim truyền hình, đối với hình tượng Giả Bảo Ngọc, luôn muốn chọn một nữ diễn viên đóng.

Có độc giả cảm thấy Giả Bảo Ngọc rất nữ tính, hoặc cảm thấy đây là một vai không có giới tính. Về sau tiểu thuyết viết đến một nghi vấn của Giả mẫu về Giả Bảo Ngọc. Bà nói cậu thân thiết với đám a hoàn như thế, thật không hiểu nổi. Hoặc là cậu đã hiểu việc nam nữ, hoặc là cậu vốn là con gái đầu thai nhầm, sinh ra thân thể nam nhi. Lại thêm Giả Bảo Ngọc qua lại với một số người bên lề xã hội, như Liễu Tương Liên, Tần Chung và Tưởng Ngọc Hàm, nên cũng có người giải thích Giả Bảo Ngọc rằng cậu là người đồng tính, không hứng thú với thân thể khác giới. Không phải như vậy.

Tào Tuyết Cần hạ bút rất tinh tế, chính là sợ bạn hiểu lầm. Ông viết một nam giới thân tâm đều trưởng thành và lành mạnh. Vì vậy tình yêu của cậu với Lâm Đại Ngọc không phải tình yêu bệnh thái, mà là toàn diện, một tình yêu thật sự từ tinh thần đến thân thể. Do đó cậu vô cùng tôn trọng Lâm Đại Ngọc. Cậu cho rằng không thể tùy tiện thân mật với Lâm Đại Ngọc. Vì vậy trong tình tiết này, cậu nắm lấy tay Lâm Đại Ngọc, bản thân việc ấy chính là một thứ ngôn ngữ thân thể của tình yêu toàn diện, khắc cốt minh tâm đối với Lâm Đại Ngọc.

Tào Tuyết Cần vì thế rất trịnh trọng trình bày cho chúng ta màn này trong hồi thứ ba mươi. Vậy Lâm Đại Ngọc có hoàn toàn cự tuyệt cậu không? Lâm Đại Ngọc không hoàn toàn cự tuyệt. Nếu Lâm Đại Ngọc hoàn toàn cự tuyệt, thì cảnh phía dưới sẽ không xuất hiện. Cảnh gì? Một người đang xin lỗi, một người thì lúng túng, nửa đẩy nửa nhận, vừa không nhận lời xin lỗi, cũng không hoàn toàn cự tuyệt lời xin lỗi.

Hai người đang ở thời điểm ấy, bỗng nghe một tiếng: được rồi, được rồi! Vương Hy Phượng đến. Vương Hy Phượng đến rồi. Sau khi Vương Hy Phượng đến, liền kéo cả hai người họ đưa đến chỗ Giả mẫu. Vương Hy Phượng có một lời báo cáo. Bà báo cáo thế nào?

Đại ý là: lão tổ tông à, bà còn lo lắng gì nữa? Hai người đang xin lỗi nhau kia. Bà nói cảnh tượng ấy giống như chim hoàng oanh túm chân diều hâu, hai đứa đều bị móc vào nhau rồi. Đó là cách hình dung mức độ gần gũi về thân thể của hai người khi ấy. Màn thứ nhất này rất quan trọng. Bởi trước đó đã viết rất nhiều những khúc mắc tình cảm giữa hai người.

Còn Giả Bảo Ngọc lại là người tình cảm rất phong phú. Lúc thì cậu hứng thú với người này, lúc lại hứng thú với người kia. Vì vậy Tào Tuyết Cần rất sợ bạn hiểu lầm, nghĩ rằng Giả Bảo Ngọc chưa trưởng thành, mơ mơ hồ hồ, không biết giới tính của mình, hoặc sau khi biết mình là nam giới thì yêu bừa bãi, hoặc cho rằng cậu đối với Lâm Đại Ngọc chẳng qua chỉ là cùng nhau bất mãn với con đường công danh sự nghiệp. Lâm Đại

Ngọc chưa bao giờ khuyên cậu đọc sách cầu tiến, cho nên chỉ là cộng hưởng tư tưởng. Đều không phải. Trong màn thứ nhất của hồi ba mươi, đã viết ra một phần cốt lõi cực kỳ quan trọng trong nhân cách Giả Bảo Ngọc.

Đó là với tư cách một nam giới trưởng thành, cậu đã có tình yêu trưởng thành. Tình yêu ấy chỉ dâng hiến cho một người. Người ấy không phải ai khác, chính là Lâm Đại Ngọc.

*Đây là nội dung của màn thứ nhất. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Tào Tuyết Cần khắc họa hình tượng Giả Bảo Ngọc là muốn viết ra một con người sống động. Ông khiến chúng ta tin rằng trong bối cảnh xã hội và không gian sinh tồn ấy, quả thật có một sinh mệnh như vậy tồn tại. Sinh mệnh ấy mang theo toàn bộ những nhân tố phức tạp trong nhân tính, cứ như thế đi hết con đường đời của mình. Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần giúp chúng ta nhìn thấy nhân tính chân thực. Trong màn thứ nhất, ông Lưu Tâm Vũ đã phân tích cho chúng ta cảnh giới cao quý trong tình cảm của Bảo Ngọc đối với Đại Ngọc. Còn trong quan hệ tam giác Bảo - Đại - Thoa, quan hệ đặc biệt giữa Bảo Ngọc và Bảo Thoa lại càng có vẻ phức tạp hơn. Thái độ của cậu đối với Tiết Bảo Thoa cũng có thể bộc lộ đặc điểm nhân cách sinh mệnh của Giả Bảo Ngọc.*

Tiếp đó là màn thứ hai. Màn thứ hai: Vương Hy Phượng kéo họ đến chỗ Giả mẫu. Đó là buổi trưa. Vương Hy Phượng kéo hai người đến đó, vừa là để cho Giả mẫu thấy cảnh hai người đã làm hòa, khiến lão tổ tông yên tâm, thật ra cũng đúng giờ cơm, gọi họ cùng đi ăn. Sau khi ăn xong, lúc này xảy ra tình tiết ở nửa trước hồi mục: Bảo Thoa mượn chuyện quạt châm chọc đôi bề. Lúc ấy sau khi ăn ở chỗ Giả mẫu xong, Giả Bảo Ngọc hơi không tự nhiên.

Bởi cậu và Đại Ngọc miễn cưỡng xem như đã ổn, nhưng trong cuộc sống của cậu vẫn tiềm phục nhiều uy hiếp. Khi đó cậu lại biết người khác đều dùng ánh mắt đặc biệt nhìn cậu và Lâm Đại Ngọc. Trước mắt lại có một Tiết Bảo Thoa. Trong tình hình ấy, Giả Bảo Ngọc muốn đạt được một trạng thái cân bằng trong quan hệ người với người. Cậu muốn hưởng niềm vui cân bằng trong luân thường tình cảm. Vì vậy cậu chủ động nói chuyện với Tiết Bảo Thoa.

Tâm trạng Tiết Bảo Thoa lúc ấy cũng không tốt lắm. Lúc này truyện lướt thêm một nét, có một tiểu a hoàn bỗng chạy đến trước mặt Tiết Bảo Thoa, hỏi nàng rằng: quạt của em không thấy đâu, có phải cô giấu đi không? Vốn chuyện này chẳng có gì. Tiểu a hoàn này có cổ bản viết là Điển nhi, có cổ bản viết là Lượng nhi. Nay tôi chọn cách gọi Điển nhi, vì tôi thấy cô bé giống người bị đem ra đỡ đòn. Cô bé không hề có ác ý.

Vốn chỉ là một chuyện rất nhỏ. Kết quả, vì Tiết Bảo Thoa đang bực bội, nên đem cô bé ra trút giận. Trong tiểu thuyết, ấn tượng chung của độc giả là Lâm Đại Ngọc nói năng cay nghiệt sắc nhọn, còn Tiết Bảo Thoa thì dịu dàng, nói năng đặc biệt biết chừng mực. Nhưng quý vị xem trong chi tiết này, Tiết Bảo Thoa biểu hiện thế nào? Nàng nổi giận, chỉ vào Điển nhi mà nói: ngươi phải cẩn thận đấy. Bốn chữ này nói thật giống như sấm đánh.

Ý bên dưới là: ngươi nên hỏi ai thì đi hỏi người ấy, sao lại chạy đến hỏi ta? Điển nhi lúc ấy sợ quá liền bỏ chạy. Lúc này, Giả Bảo Ngọc rất lúng túng. Thế nào gọi là "châm chọc đôi bề"? Bề ngoài Tiết Bảo Thoa mắng Điển nhi, thực ra cơn giận của Tiết Bảo Thoa nhằm vào ai? Chính là nhằm vào Giả Bảo Ngọc.

Nghĩa là: chuyện hai người các anh giận dỗi ai cũng biết cả, đúng không? Bây giờ anh lại không có chuyện mà kiếm chuyện nói với tôi, đến bắt chuyện với tôi, đúng không? Anh phải cẩn thận đấy. Không được đối xử với tôi như vậy. Vì thế Giả Bảo Ngọc vô cùng nhếch nhác. Điểm này viết rất vi diệu.

Trong màn thứ hai, một yếu tố khác trong nhân cách Giả Bảo Ngọc là cậu hy vọng ngoài việc hưởng tình yêu chuyên nhất với Lâm Đại Ngọc, cậu còn có thể cùng các thiếu nữ thanh xuân khác, đặc biệt là với Tiết Bảo Thoa, duy trì một cân bằng tình cảm. Kết quả, xin lỗi nhé, cậu muốn cân bằng, nhưng Tiết Bảo Thoa không nể mặt cậu. Nàng mượn chuyện quạt mà châm chọc đôi bề. Lúc này Giả Bảo Ngọc tất nhiên rất mất hứng. Và như vậy dẫn vào màn thứ ba.

Thời gian tiếp nối ngay cảnh trước. Cậu từ chỗ Giả mẫu đi ra. Sân của Giả mẫu nằm ở phía tây trong phủ. Nếu Giả Bảo Ngọc muốn về Đại Quan viên, cậu phải đi về phía đông. Đi về phía đông sẽ đi ngang chỗ ở của Vương phu nhân, vì Đại Quan viên nằm xa hơn về phía đông trục chính. Lúc đó Vương phu nhân đang nghỉ trưa.

Đại a hoàn thân cận của Vương phu nhân là Kim Xuyến đang hầu hạ Vương phu nhân. Đó là những nhân vật xuất hiện trong màn thứ ba. Trong hồi này, Giả Bảo Ngọc đã gây họa lớn. Mọi người đều nhớ rất rõ, vì hồi này thường được người ta kể lại. Giữa Giả Bảo Ngọc và Kim Xuyến quả thật đang trêu ghẹo nhau. Bản thân Kim Xuyến tương đối lẳng lơ.

Sự lẳng lơ của Kim Xuyến trước đó đã có phục bút. Ngay từ hồi hai mươi ba, khi nói Đại Quan viên để trống cũng không hay, Giả Nguyên Xuân hạ ý chỉ cho Bảo Ngọc và các chị em dọn vào ở, để thực hiện việc này, Giả Chính và Vương phu nhân đã cho gọi Bảo Ngọc và các cô. Khi Giả Bảo Ngọc được gọi đến, còn chưa vào nhà, đã gặp Kim Xuyến. Lúc ấy Kim Xuyến nói với cậu thế nào, còn nhớ không? Cô nói: trên môi ta có son mới thoa, cậu có muốn ăn một miếng không? Đại ý là như vậy.

Tức là khi Giả Chính và Vương phu nhân đang ở trong phòng, còn mình ở ngoài, Kim Xuyến đã dám trêu ghẹo Giả Bảo Ngọc như thế. Tất nhiên cũng không nên xem chuyện này quá ghê gớm. Vì Kim Xuyến là đại a hoàn thân cận của Vương phu nhân, trong số a hoàn trong phủ, địa vị của cô khá cao. Vì thế đến màn thứ ba của hồi ba mươi, khi Vương phu nhân ngủ trưa, nằm trên giường lim dim, Kim Xuyến lại trêu ghẹo Giả Bảo Ngọc. Có lời của Kim Xuyến quả thật hơi quá đà.

Ngoài việc trêu ghẹo Giả Bảo Ngọc rằng trâm vàng rơi xuống giếng, là của anh thì vẫn là của anh, cô còn bảo: cậu đến trong vườn đi, ý là đi bắt gian, bắt Giả Hoàn với Thải Vân. Thật ra Giả Hoàn và Thải Vân chưa

chắc đã như vậy. Cô dùng những lời trêu đùa như thế. Không ngờ lần này Vương phu nhân ngủ không say, nên đã nghe được lời họ. Bà lập tức nổi trận lôi đình, tát Kim Xuyến một cái. Giả Bảo Ngọc vừa thấy mẹ mình nổi giận, liền chạy mất như làn khói. Những chuyện sau đó lúc ấy Giả Bảo Ngọc không biết. Vương phu nhân lập tức gọi mẹ Kim Xuyến đến, đuổi Kim Xuyến ra khỏi phủ.

Trong một phủ quý tộc như thời ấy, một đại a hoàn bị đuổi ra ngoài như vậy, số phận sẽ vô cùng bi thảm. Vì sao các a hoàn không muốn bị đuổi đi? Vì sao người ta thường dùng câu "kéo ra gả cho một thằng hầu" để uy hiếp họ? Điều này sau này khi tôi giảng về số phận a hoàn sẽ giải thích kỹ với mọi người. Bây giờ chỉ nói với quý vị rằng, ở màn thứ ba này, mặt hình nhi hạ trong nhân cách Giả Bảo Ngọc lộ ra: vì ở màn thứ nhất cậu xin lỗi Lâm Đại Ngọc, coi như có chút kết quả, nhưng lòng vẫn hơi rối bời; đến chỗ Giả mẫu lại bị Tiết Bảo Thoa mượn quạt châm chọc đôi bề, làm cho mặt mũi xám tro. Vì thế với tư cách công tử quý tộc, lúc ấy trong tâm lý cậu đòi hỏi dùng vài cách hình nhi hạ để gây tê bản thân.

Giống như có người buồn bực rồi hút thuốc, hoặc uống rượu vậy. Vì thế cậu chạy đến chỗ Vương phu nhân, thấy Kim Xuyến, liền dùng trò đùa cợt với a hoàn để tự gây tê một chút. Kết quả không ngờ lại gây thành họa lớn. Đây chính là màn thứ ba. Tào Tuyết Cần miêu tả nam nhân vật chính Giả Bảo Ngọc biến hóa khôn lường, rối rắm khó đoán, khiến không ít người mê Hồng Lâu bàn luận khác nhau. Lỗ Tấn từng đánh giá Tào Tuyết Cần rất cao, cho rằng ông đã phá bỏ mô thức công thức hóa, đơn giản hóa trong tạo hình nhân vật trước kia.

*Ông không viết người tốt thì cái gì cũng tốt, người xấu thì tội ác tày trời. Thay vào đó, ông cố gắng hoàn nguyên diện mạo vốn có của đời sống. Vì vậy với hình tượng Giả Bảo Ngọc, chúng ta mới thấy thân thiết, mới thấy chân thực, gần gũi. Cũng có người cho rằng Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần hỉ nộ thất thường, dao động không định, dường như có nguy cơ nhân cách phân liệt. Vậy đối với những cách nói ấy, ông Lưu Tâm Vũ sẽ dựa vào các sự việc liên quan trong sách để phân tích thế nào? Tiếp ngay sau đó là màn thứ tư.*

Thời gian hoàn toàn nối tiếp. Cậu từ sân Vương phu nhân chạy về phía đông, đi vào Đại Quan viên. Đại Quan viên khi ấy, theo miêu tả của Tào Tuyết Cần, im ắng như tờ, chỉ có tiếng ve chim kêu. Một hoàn cảnh mới khiến cậu dần dần bình tĩnh lại. Vậy tại viện Tường Vi.

Xảy ra một câu chuyện. Đây là màn thứ tư của hồi ba mươi. Giả Bảo Ngọc bỗng nghe thấy bên kia giàn hoa tường vi có người đang khẽ khóc. Cậu đứng bên này giàn hoa nhìn lén vào trong, thấy một cô gái ngồi xổm trên đất, dùng một cây trâm vốn cài trên tóc ở trên mặt đất, bới đất. Cô cứ bới đi bới lại. Giả Bảo Ngọc trong tay áo của mình phục dựng lại nét bới đất ấy, thì thành một chữ.

Nghĩ kỹ thì đó là chữ "Tường" trong hoa tường vi. Xin chú ý, người con gái viết chữ ấy là ai? Trong hồi này không nói rõ, nhưng về sau đã giải thích rất rõ. Đó là vì chuẩn bị cho Nguyên phi về thăm nhà, Vinh Quốc

phủ lập một gánh hát, gồm mười hai cô gái. Tên mỗi người sau cùng đều có chữ Quan, gọi là Hồng Lâu thập nhị quan. Người vẽ chữ Tường này chính là Linh Quan trong Hồng Lâu thập nhị quan.

Giả Bảo Ngọc lúc ấy bị cảm động. Cậu nghĩ người này cứ đi đi lại lại viết một chữ Tường, chuyên chú đến thế. Khi ấy trời bỗng đổ mưa. Khí hậu mùa hè biến đổi thất thường, liền mưa xuống. Trong cơn mưa, cô gái ấy vẫn không dừng, vẫn cứ vẽ. Giả Bảo Ngọc liền nói: trời mưa rồi.

Lúc này cô gái mới bị tiếng nói làm kinh động, ngẩng đầu lên, thấy bên kia giàn hoa tường vi có một khuôn mặt nhìn về phía mình. Vì trên giàn tường vi ấy rất nhiều hoa, lá hoa cũng rất nhiều, làm nền cho khuôn mặt Giả Bảo Ngọc. Khuôn mặt Bảo Ngọc vốn lại rất mềm đẹp, nên cô gái ấy tưởng rằng bên ngoài cũng đứng một cô gái. Chị bảo em mưa rồi phải tránh mưa, chẳng lẽ chị ở đó không bị mưa ướt sao? Giả Bảo Ngọc nghĩ lại mới nhận ra mình cũng đang đội mưa. Ở buổi trước tôi đã nói, điều này tất nhiên thể hiện "tình bất tình" của Giả Bảo Ngọc, lấy chân tình đối đãi vật vô tình, thể hiện đặc sắc nhân cách của cậu.

Trong hồi thứ ba mươi, điểm ấy lại được miêu tả đậm thêm một lần. Tiếp theo là màn thứ năm.

Màn năm: thời gian tiếp nối màn trước Màn thứ năm, thời gian nối ngay cảnh trước. Trời mưa rồi mà, phải vội chạy về Di Hồng viện. Kết quả ở Di Hồng viện xuất hiện một cục diện chưa từng có trước đó. Cục diện gì? Ban ngày ban mặt mà Di Hồng viện đóng cửa. Đúng không?

Vì sao? Có hai tiểu đào hát trong gánh hát, một người tên Bảo Quan, một người tên Ngọc Quan, đến Di Hồng viện tìm các a hoàn chơi. Đám a hoàn ấy cũng thật biết chơi. Trời mưa, họ liền bịt rãnh thoát nước lại, để trong sân đọng nước, rồi đem mấy con chim nước, lại còn khâu cánh chúng lại sợ chúng bay mất, thả chúng bơi trong nước, lấy làm vui. Mọi người chơi rất vui vẻ. Giả Bảo Ngọc ở ngoài gõ cửa, thế mà chẳng ai ra mở.

Trong đó, người a hoàn Giả Bảo Ngọc yêu thích nhất chính là Tình Văn, giọng cũng to nhất, và không muốn mở cửa nhất. Cô nói: ai lại chạy đến vào lúc này chứ? Cuối cùng vẫn là Tập Nhân chạy ra mở. Tập Nhân nhìn qua khe cửa, ôi ôi, hóa ra Giả Bảo Ngọc đã về. Cô liền mở cửa. Nhưng cửa vừa mở, Giả Bảo Ngọc đã đá một cước tới, đá trúng ngực Tập Nhân.

Đến tối cởi áo ra xem, thì đã bầm máu. Đến nửa đêm cô còn thổ huyết. Tập Nhân đã ăn một cú đá vào giữa ngực. Và cũng có miêu tả tâm lý của Tập Nhân ở đầu hồi ba mươi mốt, nối tiếp câu chuyện hồi ba mươi. Nói rằng Tập Nhân bất giác trong mấy ngày nghĩ đến về sau, cái lòng tiến thân, vượt lên gần như nguội lạnh. Tập Nhân là một người bề ngoài rất dịu dàng, nội tâm cũng rất cứng cỏi, có nhiều khát vọng.

Vậy mà sau cú đá vào giữa ngực ấy, ngay cả chí khí ấy của cô cũng nguội lạnh. Đó là một lần thương hại thân thể rất nghiêm trọng. Giả Bảo Ngọc bỗng lại hiện ra một bộ mặt như vậy, dữ tợn như hung thần ác sát,

phô bày mặt tệ hại nhất trong nhân cách Giả Bảo Ngọc. Là công tử quý tộc, cậu có đặc quyền. Tất nhiên về sau cậu rất hối hận, nhưng quý vị phải biết, trong xã hội ấy, trong một gia đình quý tộc như vậy, với tư cách công tử quý tộc, cậu đá một a hoàn, đá rồi cũng như không. Cậu có thứ đặc quyền ấy.

*Vậy mà trong tình tiết này, cậu thế mà đã sử dụng đặc quyền ấy. Đây chính là Giả Bảo Ngọc. Tào Tuyết Cần viết cực kỳ chính xác, viết ra một sinh mệnh sống sờ sờ. qua phân tích của Lưu Tâm Vũ tiên sinh, chúng ta không thể không thấy sự hình thành nhân cách Giả Bảo Ngọc không tách rời bối cảnh thời đại. Cậu sống trong môi trường quý tộc hủ bại, khó tránh khỏi nhiễm một số thói xấu. Nhưng phần nhiều khi, cậu vẫn ở trong thế giới nữ nhi nơi Đại Quan viên, thưởng hoa ngắm cỏ, ngâm nga khe khẽ, sống tự do tự tại.*

*Trên người cậu, hai loại tính cách tốt xấu cùng tồn tại. Hình tượng tính cách này không đơn nhất thuần túy. Giả Bảo Ngọc chịu hạn chế của thời đại, không tìm được lối thoát trong đời sống hiện thực. Cậu muốn thoát khỏi chế độ của xã hội quý tộc, nhưng lại không thể không nương vào giai cấp quý tộc. Đó chính là mâu thuẫn nghiêm trọng mang tính bi kịch trong tư tưởng và tính cách của cậu. Đối với tính cách đa tầng của Giả Bảo Ngọc, ông Lưu Tâm Vũ đã dựa vào một chương để phân tích tỉ mỉ.*

*Vậy dưới góc nhìn đa chiều của ông Lưu Tâm Vũ, đặc trưng nhân cách của Giả Bảo Ngọc rốt cuộc nên nhận thức và quy nạp ra sao? Bây giờ chúng ta tổng kết một chút. Từ tầng thấp nhất đến tầng cao nhất, chúng ta cùng hồi cố.*

Trước hết nói tầng tương đối thấp. Ta gọi nó là tầng thứ nhất. Tầng thứ nhất trong nhân cách cậu. Tầng thứ nhất này, tôi khái quát như sau: bản sắc công tử hoàn khố, lấy cái tôi làm trung tâm, có đặc quyền phát uy thị thế.

Nói trắng ra bằng ngôn ngữ hôm nay, là cậu có dấu ấn giai cấp. Điểm này Tào Tuyết Cần viết không hề hàm hồ. Không phải vì tôi yêu nhân vật này nên chỗ nào cũng nâng cao cậu lên. Không phải như vậy. Cậu có tầng thứ nhất. Tuy cậu và các công tử quý tộc khác có nhiều điểm khác nhau, nhưng xin lỗi, giữa cậu và họ cũng có điểm chung. Sống trong nhung lụa, không chịu nổi chút ấm ức nào. Cửa mở chậm một chút đã tức đến chết, không tiếc tung một cú đá mạnh vào người khác, cũng chẳng cần biết người đến là ai. Vậy tầng thứ nhất chính là một tầng thấp hèn nhất trong nhân cách Giả Bảo Ngọc, một tầng hình nhi hạ. Tầng thứ hai, tầng thứ hai cũng là hình nhi hạ.

Đó là Giả Bảo Ngọc không bỏ được phần hình nhi hạ. Cậu thích ăn son. "Thích ăn son" nghĩa là gì?

Chỉ là một cách nói kín của chuyện ấy mà thôi. Tôi không nói thẳng lời đó ra nữa. Quý vị tự hiểu trong lòng. Đúng không? Nghĩa là có lúc cậu rất khinh bạc. Cậu dùng trò khinh bạc, trêu ghẹo để giải tỏa u uất của mình.

Đó là tầng thứ hai của cậu. Nói cách khác, cậu có nhược điểm nhân tính của mình. Tầng thứ ba là Giả Bảo Ngọc là một con người sống. Bất cứ con người sống nào cũng không thể tồn tại đơn độc. Đều có vấn đề chung sống với người khác và tập thể. Trong xã hội ngày nay càng như vậy.

Phải không? Vì vậy có vấn đề quan hệ giao tiếp. Trong quan hệ giao tiếp, mỗi người có cách xử lý khác nhau. Mỗi người có truy cầu khác nhau. Cách xử lý và truy cầu của Giả Bảo Ngọc cấu thành tầng thứ ba trong nhân cách cậu. Đó là cậu có một truy cầu thân hòa nhân luân.

Cậu hy vọng cùng mỗi người tạo thành quan hệ hài hòa. Trong đó khó xử lý nhất là quan hệ giữa cậu với Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân, và những thiếu nữ thanh xuân thân cận nhất bên cạnh. Những quan hệ ấy. Cậu hy vọng đều xử lý tốt, đều có thể khiến mình vui vẻ, và cậu cũng khiến họ đều vui vẻ. Đây là tầng thứ ba trong nhân cách Giả Bảo Ngọc. Cậu hưởng niềm vui bạn bè, niềm vui tình cảm, cậu khát vọng cân bằng.

Cậu hy vọng trong sự săn sóc tinh tế đem lại niềm vui cho người khác và cũng vui cho mình. Nhưng có lúc cậu sẽ va phải đinh, cậu sẽ không đạt được mục đích. Vì thế cũng sẽ sinh ra phiền não. Tầng thứ tư là tầng tình ái. Đây là bộ phận quan trọng nhất trong tình cảm của cậu. Nó có nét đặc sắc riêng.

Trong thời đại lúc bấy giờ, đó là một cảnh giới tình cảm khá cao. Tức là cậu tin chắc vào mộc thạch nhân duyên, không thừa nhận kim ngọc nhân duyên. Cậu đem toàn bộ tình yêu của mình dâng cho Lâm Đại Ngọc. Đó là một tình yêu thánh khiết, tuyệt đối tôn trọng, tuyệt đối chuyên nhất. Cậu có thể cùng một số thiếu nữ thanh xuân cùng chơi đùa, cùng nô giỡn, thậm chí với vài a hoàn, cậu có chút trêu ghẹo. Nhưng nếu thật sự nói đến tình yêu, cậu chỉ yêu Lâm Đại Ngọc.

Nếu cậu muốn cưới vợ, cưới chính thất, thì không có lựa chọn nào khác, chính là mộc thạch nhân duyên, chính là cưới Lâm Đại Ngọc. Trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, phải nói đó là một cảnh giới tinh thần phi thường nhất. Tầng thứ năm là điều ở buổi trước chúng ta đã giảng trọng điểm: "tình bất tình". Đó là mặt rực rỡ nhất trong nhân cách Giả Bảo Ngọc. Tức là cậu còn theo đuổi đời sống thi ý, hòa vào vũ trụ, lấy chân tình đối đãi vật vô tình, thật sự vượt khỏi phàm tục, đạt đến cảnh giới tình yêu lớn của vũ trụ.

Năm tầng này thế mà chỉ trong một hồi thứ ba mươi, Tào Tuyết Cần đã viết đủ cả. Hơn nữa ông không viết cứng nhắc. Không phải nói trước tiên phô bày tầng thứ nhất, cuối cùng phô bày tầng thứ năm. Không phải, ông viết xen cài đan hoa.

Khi bắt đầu chuỗi bài giảng này, tôi từng nhắc đến hai người bạn mê Hồng Lâu. Đó là hai người có thật. Trong quá trình tôi chuẩn bị bài giảng, chúng tôi không ngừng thảo luận. Tôi từng hỏi họ: quý vị thấy Tào Tuyết Cần trong hồi thứ ba mươi này viết năm tầng nhân cách của Giả Bảo Ngọc như vậy, có thấy gượng gạo không? Họ nói cũng thật thích hợp. Họ bảo: nghe anh phân tích như vậy, nói thật tôi còn giật mình. Sao

tầng thấp thì thấp đến thế, mà tầng cao thì cao đến thế? Nhưng khi đọc dòng chảy tình tiết của tiểu thuyết, tôi lại thấy rất tự nhiên. Tôi hoàn toàn không thấy gượng. Vì thế chúng tôi rút ra một kết luận chung: đó là Tào Tuyết Cần, về thành tựu văn học, chúng ta nên nhận thức đầy đủ. Ông không chỉ viết ra một hình tượng nghệ thuật sống động, mà khi biểu đạt chủ đề của mình, ông cũng không hề có chỗ khiên cưỡng. Ông đã cực kỳ tự nhiên khắc họa ra hình tượng nhân vật như vậy. Tất nhiên, nói đến đây thì một vấn đề căn bản nhất xuất hiện. Có bạn mê Hồng Lâu nhất định sẽ hỏi: thưa thầy, thầy nói suốt về cổ bản Hồng Lâu Mộng tám mươi hồi đầu, vậy cổ bản Hồng Lâu Mộng có phải chỉ có tám mươi hồi không? Sau tám mươi hồi còn bao nhiêu hồi? Nếu nói phần tục của Cao Ngạc không đúng, vậy thầy có thể nói cho tôi biết những nội dung mà thầy cho là đúng không? Ở buổi tiếp theo, tôi sẽ rất vui lòng nói với quý vị những tâm đắc thám dật của tôi về số phận Giả Bảo Ngọc sau hồi tám mươi.

# Tập 39

Giải mã kết cục Giả Bảo Ngọc

*Trong bản Hồng Lâu Mộng thông hành 120 hồi, Giả Bảo Ngọc dự khoa cử, lại thi đỗ cử nhân. Cuối cùng cậu biến mất giữa cõi hồng trần, bay vút lên trời; phần kể của Cao Ngạc kết thúc ở đó. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng kết cục như vậy không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy số phận cuối cùng của Giả Bảo Ngọc rốt cuộc ra sao? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ căn cứ vào tâm đắc thám dật để giải mã cho quý vị kết cục cuối cùng của Giả Bảo Ngọc trong Hồng Lâu Mộng.*

*Bản Hồng Lâu Mộng thông hành hiện nay gồm tất cả 120 hồi. Giới học thuật phổ biến thừa nhận 80 hồi đầu là nguyên tác của Tào Tuyết Cần, còn 40 hồi sau là phần tục viết của Cao Ngạc. Ở cổ bản Hồng Lâu Mộng, đến hồi 80 nhà họ Giả đã lộ rõ khí tượng suy bại. Dù đã có những bi kịch như Thám Xuân lấy chồng xa, Tình Văn chết thảm, Nghênh Xuân chịu nhục, nhưng các nhân vật chính Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa vẫn còn sống trong Đại Quan viên. Trong 40 hồi sau của Cao Ngạc, Bảo Ngọc bị kế đánh tráo lừa cưới Bảo Thoa; sau khi Đại Ngọc và Giả mẫu lần lượt qua đời, Bảo Ngọc đi thi khoa cử, đỗ cử nhân rồi mất tích; toàn thư kết thúc bằng việc cậu trở về tiên giới. Lưu Tâm Vũ cho rằng cách viết ấy không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần.*

*Vậy kết cục sau hồi 80 vốn phải thế nào? Chương trình Bách Gia Giảng Đàn, Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc kỳ năm: đại giải mã kết cục, kính mời theo dõi.*

Bây giờ có một vấn đề cần nói rõ với mọi người: đừng tưởng rằng Tào Tuyết Cần chưa viết xong Hồng Lâu Mộng. Mười năm lao khổ của ông thật khác thường; bộ tiểu thuyết hao tâm tổn huyết ấy thực ra đã được viết xong. Chỉ vì nhiều nguyên nhân, phần sau hồi 80 đến nay chúng ta chưa tìm được bản thảo lưu truyền. Lại thêm Cao Ngạc tục viết 40 hồi, bản 120 hồi về sau được in ấn rộng rãi thành bản thông hành, khiến người ta nghĩ Hồng Lâu Mộng vốn là một bộ 120 hồi, rồi lầm tưởng Tào Tuyết Cần chưa viết xong nên cần một người tên Cao Ngạc viết tiếp.

Sự thật không phải như thế. Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng, và chúng ta có căn cứ đầy đủ: thứ nhất là rất nhiều lời phê của Chi Nghiễn Trai; thứ hai là những ghi chép văn tự của người cùng thời và những người hơi muộn hơn, đều cho thấy Hồng Lâu Mộng đã hoàn thành. Vậy toàn bộ sách Tào Tuyết Cần viết xong có bao nhiêu hồi? Tôi thường gặp những bạn mê Hồng Lâu Mộng khích lệ tôi rằng: thầy Lưu, nếu thầy thấy 40 hồi sau tục không hay thì thầy thử tục 40 hồi xem. Họ tự nhiên cho rằng sau 80 hồi nhất định phải là 40 hồi. Nay tôi trịnh trọng nói với mọi người: Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần toàn thư không phải 120 hồi.

Căn cứ ở đâu? Chỉ nêu một ví dụ: trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, hồi 38 có một lời phê của Chi Nghiễn Trai nói rất rõ: kinh sách đến hồi 38 thì đã qua hơn một phần ba. Nếu toàn thư là 120 hồi thì hồi 38 còn chưa tới một phần ba; ba bốn mười hai, đúng không? Làm sao đến hồi 38 đã là hơn một phần ba được? Có thể thấy chân bản cổ bản Hồng Lâu Mộng không phải 120 hồi, mà ít hơn 120 hồi. Để khỏi rườm rà, tôi nói thẳng: Hồng Lâu Mộng nên là 108 hồi.

*Với một bộ 108 hồi, qua hồi 38 thì đương nhiên đã hơn một phần ba. Vậy 28 hồi sau của Hồng Lâu Mộng tuy bản thảo đã thất lạc, nhưng nội dung phần mất ấy vẫn có thể thám dật ra đại thể. Trong Hồng học có một nhánh rất quan trọng gọi là thám dật học, chuyên làm việc này. Căn cứ thám dật của chúng ta gồm: một là chính văn 80 hồi đầu của Tào Tuyết Cần; hai là những nội dung còn thấy được trong các lời phê; ba là những thơ văn bên ngoài Hồng Lâu Mộng do các văn nhân thời Tào Tuyết Cần qua đời hoặc không lâu sau đó để lại, cũng có thể giúp chúng ta thám dật. Theo phân tích của Lưu Tâm Vũ, toàn bộ Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không phải 120 hồi mà là 108 hồi. Vì ngày nay chỉ thấy 80 hồi đầu, kết cục của 28 hồi sau trở thành phần được quan tâm nhất.*

Vậy vận mệnh của Giả Bảo Ngọc sau hồi 80 rốt cuộc thế nào?

Sau hồi 80, nhân vật Giả Bảo Ngọc còn có những câu chuyện gì? Tác giả sẽ tiếp tục khai triển cậu ra sao? Chúng ta hãy bàn vấn đề này. Kết quả thám dật cá nhân của tôi cho rằng, ít nhất trong 28 hồi sau.

Việc đầu tiên là "nhị Bảo thành hôn": Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa kết hôn. Điều này bản thông hành, tức phần tục thư của Cao Ngạc, cũng có viết. Nhưng điều tôi muốn bàn là cuộc hôn nhân ấy diễn ra trong hoàn cảnh nào. Theo kết quả thám dật, trước hết phải nói với mọi người: họ chỉ kết hôn sau khi Giả mẫu đã qua đời, và sau khi Lâm Đại Ngọc cũng qua đời. Theo cấu tứ của Tào Tuyết Cần, không có chuyện "kế đánh tráo", không có chuyện khi Giả mẫu còn sống thì Giả mẫu ghét bỏ Lâm Đại Ngọc và dung túng hôn nhân của nhị Bảo.

Trong cấu tứ của Tào Tuyết Cần, Giả mẫu mất trước; rồi Lâm Đại Ngọc mất chỗ dựa ấy và cũng qua đời. Trong tình thế đó, Vương phu nhân mới có thể rảnh tay sắp đặt hôn sự giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Vương phu nhân cùng Tiết di mẫu liên thủ đạo diễn cuộc hôn nhân nhị Bảo này.

Bảo Ngọc trong tình cảnh ấy, vì bị hình thức cụ thể của gia đình phong kiến ép buộc, đành miễn cưỡng thành hôn với Tiết Bảo Thoa. Đây là một tình tiết quan trọng về Giả Bảo Ngọc mà chúng ta có thể suy đoán được.

Vậy Giả Bảo Ngọc, sau khi Lâm Đại Ngọc qua đời, đương nhiên vô cùng đau khổ. Sau khi cưới Tiết Bảo Thoa, cậu rất không vui. Điều ấy khi đọc phần trước của Hồng Lâu Mộng đã có thể cảm nhận được, vì hồi thứ năm có phán từ và khúc Chung thân ngộ nói rất rõ. Dù Tiết Bảo Thoa đối với cậu cũng rất tốt, có "đức

dừng thoi". "Đức dừng thoi" dùng một điển cố xưa: người vợ đang dệt vải, thấy chồng không chịu đọc sách, không cầu công danh mà lại chạy về nhà, bèn lấy dao cắt đứt tấm vải đang dệt, dừng khung cửi không dệt nữa, ý nói: anh không chịu tiến thủ thì tôi đoạn tuyệt với anh. Trong xã hội phong kiến xưa, đó được xem là một mỹ đức của phụ nữ. Tiết Bảo Thoa có cái gọi là đức dừng thoi ấy. Nhưng chính ở điểm này hai người không hợp nhau, điều đó 80 hồi đầu đã nói rất rõ. Bảo Ngọc luôn nhớ Lâm Đại Ngọc. Trong khúc Chung thân ngộ có câu: dù có nâng khay ngang mày, rốt cuộc ý cũng khó yên. Tiết Bảo Thoa có thể đối xử với cậu rất chu đáo. "Nâng khay ngang mày" là lễ vợ dâng cơm cho chồng, nâng mâm cao ngang lông mày để tỏ kính trọng. Bảo Thoa chắc chắn làm được, là một người vợ tốt. Nhưng dù nàng đối đãi như vậy, lòng Bảo Ngọc vẫn khó nguôi nỗi nhớ vô hạn đối với Lâm Đại Ngọc. Vì thế hai người nhất định sẽ xung đột.

Họ có xung đột không? Chắc chắn có. Bởi ở hồi 21 có một lời phê của Chi Nghiễn Trai rất lợi hại: lời phê ấy gần như chép nguyên một hồi mục nào đó trong phần truyện sau 80 hồi. Nếu Tào Tuyết Cần chưa viết xong Hồng Lâu Mộng, sao Chi Nghiễn Trai có thể dẫn đầy đủ một hồi mục sau hồi 80? Điều này chứng tỏ ông đã viết xong. Vậy nội dung hồi ấy là gì? Hồi mục đầy đủ là: "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng." Vì hồi 21 hiện còn có hồi mục: "Hiền Tập Nhân nũng nịu khuyên Bảo Ngọc, khéo Bình Nhi mềm lời cứu Giả Liễn." Lời phê của Chi Nghiễn Trai nói: hồi này là nũng nịu khuyên Bảo Ngọc, mềm lời cứu Giả Liễn; hồi sau là Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can, Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng. Ông nói: nay từ hai thị tỳ mà viết lên, về sau sẽ trực chỉ chính chủ. Bởi hồi 21 viết Tập Nhân là đại nha hoàn của Bảo Ngọc, Bình Nhi là đại nha hoàn của Giả Liễn, tức viết quan hệ giữa hai nam chủ nhân và nha hoàn của họ. Nhưng lời phê tiết lộ rằng về sau không còn thông qua nha hoàn nữa, mà viết trực tiếp quan hệ giữa hai người đàn ông ấy với những người phụ nữ chủ yếu bên cạnh họ. Vì vậy nó tiết lộ một hồi mục trọn vẹn, rất quý. "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can" nghĩa là gì? "Phúng" là châm biếm, "gián" là nêu ý kiến, mong người ta sửa đổi. Vì sao Bảo Thoa phải mượn lời để châm biếm khuyên can?

*Rất rõ: Bảo Ngọc trong lòng không buông được Lâm Đại Ngọc. Có thể trong một cuộc va chạm ngôn ngữ cụ thể, Bảo Thoa mượn câu chuyện ấy để châm chọc cậu, đồng thời đưa ra ý kiến rất sắc bén, muốn cậu sửa sai. Hai người vốn không hợp. Sự khác biệt về nhân sinh quan và giá trị giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa đã định sẵn hôn nhân của họ không thể hạnh phúc. Theo thám dật của Lưu Tâm Vũ, trong 28 hồi sau, Tiết Bảo Thoa và Giả Bảo Ngọc đã có xung đột trực tiếp bằng lời. Vậy trước một người vợ đạo bất đồng bất tương vi mưu, Bảo Ngọc hóa giải u uất trong lòng như thế nào?*

Vì thế, trong tình huống ấy, Giả Bảo Ngọc từng lần đầu tiên "phùng tăng xuất gia", tức buông tay nơi vực thẳm. "Buông tay nơi vực thẳm" xưa dùng để hình dung một người rời cõi tục mà xuất gia, vì ở lại trần thế khác nào đi trên bờ vực, bất cứ lúc nào cũng có thể rơi xuống; chỉ xuất gia mới được giải thoát. Về sau Bảo Ngọc có hai lần xuất gia. Vì sao là hai lần? Đọc Hồng Lâu Mộng kỹ sẽ thấy manh mối. Hồi 31, Bảo Ngọc từng thề; khi ấy hình như Tập Nhân nói mình chết hay gì đó, Bảo Ngọc nói: nàng chết thì ta đi tu.

Đại Ngọc liền giơ hai ngón tay, cười mà nói với Bảo Ngọc đang thề: đã thành hai ông sư rồi, từ nay tôi sẽ nhớ chiêu làm hòa thượng của anh. Đây không phải bút nhàn, mà là phục bút: sau hồi 80, Bảo Ngọc hai lần xuất gia. Lần xuất gia thứ nhất hẳn phát triển theo logic của tình tiết vừa nói: giữa cậu và Tiết Bảo Thoa lại xảy ra xung đột tư tưởng gay gắt; Bảo Thoa "mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can". Đây không phải tôi nói, mà là Chi Nghiễn Trai nói; Chi Nghiễn Trai cũng không tự bịa, ông nói Tào Tuyết Cần ở phần sau có một hồi như vậy. Cho nên nhân cách của Giả Bảo Ngọc quả thật độc đáo và cổ quái. Trong lời phê, Chi Nghiễn Trai cũng tiết lộ: Bảo Ngọc do đó có độc tính chẳng ai chịu nổi, nên sau mới có hồi buông tay nơi vực thẳm; nếu là người khác, được vợ như Bảo Thoa, tỳ nữ như Xạ Nguyệt, sao có thể bỏ mà thành tăng? Bảo Ngọc một đời thiên lệch cố chấp. Nói đơn giản, khi nhà họ Giả đã bắt đầu suy bại, Tập Nhân rời đi; bên cạnh Bảo Ngọc chỉ còn một nha hoàn, không ai khác chính là Xạ Nguyệt.

Nhưng theo cách hiểu thế tục, cưới được người vợ ôn nhu đôn hậu như Tiết Bảo Thoa, bên cạnh lại có Xạ Nguyệt hầu hạ, mà Xạ Nguyệt về tư tưởng hành vi rất gần Tập Nhân, chẳng phải rất tốt sao? Trong truyện có một hồi mọi người đi chơi, Xạ Nguyệt ở lại trông nhà; Bảo Ngọc còn chọc nàng sao không đi chơi, rồi cảm khái: đúng là lại một Tập Nhân. Vậy có vợ là Bảo Thoa, nha hoàn là Xạ Nguyệt, tưởng như mỹ mãn. Nhưng Bảo Ngọc là người có cái "độc" không ai chịu nổi. Trong hoàn cảnh ấy cậu không thỏa mãn, vẫn có ý muốn đoạn tuyệt. Bảo Thoa dù đẹp, dù nâng khay ngang mày, nhưng chí hướng khác nhau, khó lòng chịu nổi. Xạ Nguyệt tuy hầu hạ tốt, nhưng điều Bảo Ngọc theo đuổi không chỉ là hưởng thụ vật chất, mà là một cảnh giới tinh thần tự do. Đại Ngọc lại không còn nữa. Vì thế cậu lần đầu xuất gia; đây hẳn là một nội dung rất quan trọng trong 28 hồi sau. Nhưng sau khi xuất gia, vì sao Giả Bảo Ngọc lại trở về? Nhìn lên thì khá khó, nhưng không phải hoàn toàn không có manh mối. Mọi người có lẽ còn nhớ trong những bài giảng trước, tôi từng phân tích khi Giả Nguyên Xuân về thăm nhà đã điểm bốn vở hí. Chi Nghiễn Trai nói bốn vở ấy rất quan trọng, là bốn cương mục lớn, bốn then chốt lớn của toàn thư. Trong số ấy có một trích đoạn nằm trong vở Hàn Đan. Dưới trích đoạn này, Chi Nghiễn Trai có một lời phê khiến các nhà nghiên cứu Hồng học xưa nay đều rất khổ sở vì khó hiểu: "phục Chân Bảo Ngọc tống ngọc". Trước đây tôi cũng từng nói thật là không có manh mối, quá khó. Nhưng nay đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, nhất là cổ bản, so sánh các bản cổ rồi tiếp tục lĩnh hội, tôi thấy chúng ta phải thoát khỏi một quan niệm hẹp: "Chân Bảo Ngọc tống ngọc" không nên cứ hiểu chữ "ngọc" là Thông linh bảo ngọc. Cứ mắc vào đó, con hẻm suy nghĩ càng lúc càng hẹp. Theo chuỗi tình tiết mà tôi thám dật, Bảo Ngọc lần đầu xuất gia trở về bằng cách nào? Chính là Chân Bảo Ngọc đưa cậu về. Vì vậy "Chân Bảo Ngọc tống ngọc" nên chỉ chuyện Bảo Ngọc lần đầu xuất gia nhưng cuối cùng chưa thể cắt đứt hoàn toàn trần duyên; trong một hoàn cảnh đặc biệt, cậu gặp Chân Bảo Ngọc, và Chân Bảo Ngọc đưa cậu trở lại phủ Vinh Quốc. Đây hẳn là một tình tiết quan trọng khác về Bảo Ngọc sau hồi 80.

*Về phục bút của vở thứ hai "Tiên duyên" trong bốn vở Nguyên Xuân điểm, tức "Chân Bảo Ngọc tống ngọc", học giới xưa nay mỗi người một ý. Chân Bảo Ngọc là công tử nhà họ Chân ở Giang Nam, thế giao với nhà họ Giả; theo miêu tả của người khác, từ tướng mạo đến tính tình đều rất giống Giả Bảo Ngọc. Trong 80 hồi đầu,*

*Chân Bảo Ngọc chưa thật sự xuất hiện, chỉ từng gặp Bảo Ngọc trong mộng. Lưu Tâm Vũ cho rằng "Chân Bảo Ngọc tống ngọc" có thể chỉ tình tiết sau hồi 80: Giả Bảo Ngọc xuất gia, rồi cuối cùng do Chân Bảo Ngọc đưa trở về Giả phủ. Sau khi Bảo Ngọc trở lại Giả phủ, cậu lại phải đối diện với vận mệnh nào? Đương nhiên, theo cấu tứ của Tào Tuyết Cần, sẽ không giống Cao Ngạc viết: nhà họ Giả tuy từng chịu đả kích nhưng về sau hoàng đế lại đặc biệt tốt với họ, nhờ đội ơn vua mà kéo dài phúc trạch; Bảo Ngọc thậm chí còn đi thi khoa cử, thành tích không mấy lý tưởng mà vẫn chấp nhận sự thật ấy.*

Những điều này đều không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Theo thiết kế tình tiết của Tào Tuyết Cần, về sau những đồ cổ như tượng Phật thủ bằng sáp quả nhiên dẫn ra biến cố lớn. Sau một phen diễn biến phức tạp, nhà.

Họ Giả bị hoàng đế trị tội; phủ Ninh Quốc cũng vậy, phủ Vinh Quốc cũng vậy, đều phá bại. Bốn đại gia tộc vốn một vinh cùng vinh, một tổn cùng tổn, cuối cùng đều bị hủy diệt. Trong tình thế ấy, riêng nói về Giả Bảo Ngọc, cậu bị bắt giam vào ngục, cùng Vương Hy Phượng đều vào tù. Bởi trong lời phê hiện còn không chỉ một lần tiết lộ: cuối cùng Bảo Ngọc sẽ xuất hiện ở một nơi gọi là miếu Ngục Thần. Ở đó, Thiến Tuyết, cô nha hoàn trước kia chỉ xuất hiện một hai lần, lại xuất hiện và trở thành nhân vật quan trọng của hồi ấy, đến an ủi và cứu giúp Bảo Ngọc. Mấy hôm trước tôi vừa đến huyện Nội Hương, Hà Nam.

Ở đó còn giữ một nha huyện hoàn chỉnh đời Thanh, trong nha huyện ấy có nhà ngục phụ thuộc, và trong nhà ngục có một cổ tích thật sự: miếu Ngục Thần. Đây là không gian đặc biệt Hồng Lâu Mộng sẽ viết đến trong 28 hồi sau khi ấy những phạm nhân chờ xét xử hoặc đã bị phán mà chờ xử lý được phép vào một không gian rất nhỏ trong nhà ngục gọi là miếu Ngục Thần để bái Ngục Thần, cầu giảm bớt đau khổ hoặc giảm nhẹ phán quyết. Vị thần được thờ là Cao Dao, nhân vật truyền thuyết thời Nghiêu Thuấn Vũ, người sớm đặt ra việc khoanh đất làm ngục, hạn chế tự do con người để trật tự nhân gian được sắp xếp hợp lý; cũng có thể xem là người khai sáng sớm nhất về nhà ngục và tư pháp. Bảo Ngọc chắc chắn từng vào ngục, nếu không làm sao có tình tiết miếu Ngục Thần? Hơn nữa, theo ghi chép của người đời Thanh không lâu sau khi Tào Tuyết Cần mất, có người từng thấy cổ bản sau hồi 80, trong đó có tình tiết Bảo Ngọc sa vào hàng "kẻ gõ mõ canh", tức cái mõ dùng để gõ canh.

Bảo Ngọc trong ngục, vì còn trẻ và xét tội cả phủ thì cậu chỉ là người liên đới chịu trách nhiệm, không phải phạm nhân quan trọng nhất, nên được giao một việc, chứ không bị nhốt chặt trong lồng không chút tự do; cậu bị sai gõ mõ canh. Có người tiết lộ đã từng thấy tình tiết như vậy trong phần sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Theo lời phê Chi Nghiễn Trai, trong 28 hồi sau, Giả Bảo Ngọc thậm chí từng một độ chịu tai họa lao ngục. Vậy Bảo Ngọc trong ngục vận mệnh sẽ thế nào? Trong tục thư của Cao Ngạc, một hồng nhan tri kỷ khác của Bảo Ngọc là Sử Tương Vân đã lấy chồng; chồng tuy không tệ nhưng lại mất sớm. Vậy theo nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, sau hồi 80, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân có xảy ra câu chuyện gì không?

Điều này khi giảng về Diệu Ngọc ở phần trước tôi đã nói với mọi người. Tâm đắc thám dật của tôi là: về sau Bảo Ngọc lại được ra khỏi nhà ngục. Người ta yêu cầu cậu đi sống nơi xa xôi, đây cũng là một hình phạt đối với phạm nhân thời ấy, dĩ nhiên là loại nhẹ hơn, gọi là phát phối về nơi xa. Bảo Ngọc bèn đi về phía Giang Nam. Trong quá.

Trình ấy, cậu nhận được sự cứu giúp của một người, chính là Diệu Ngọc. Tôi không lặp lại ở đây. Đây cũng là bộ phận quan trọng trong tình tiết về Bảo Ngọc sau hồi 80: cậu chạy gấp xuống Giang Nam rồi được Diệu Ngọc giải cứu. Sự giải cứu của Diệu Ngọc đối với cậu lại bao gồm cả việc cứu Sử Tương Vân. Sau khi cứu cả hai, Diệu Ngọc còn thúc thành sự tái hợp giữa họ. Lúc này chồng của Sử Tương Vân là Vệ Nhược Lan đã qua đời; Sử Tương Vân sa vào thân.

Phận một ca kỹ, ở trong trạng thái bi thảm. Diệu Ngọc cứu nàng ra, khiến nàng có thể cùng Bảo Ngọc đoàn tụ. Điều mọi người quan tâm nhất vẫn là hồi mục tôi từng nhắc: "Nhân kỳ lân phục xuống hai sao bạc đầu". Vì con kỳ lân ấy đã mai phục trạng thái sinh mệnh về sau của hai người: cả hai đều bạc đầu, nhưng trở thành "song tinh". Song tinh là cách nói quen thuộc xưa, hai ngôi sao sóng đôi trên trời, thực ra dùng để ví một đôi vợ chồng. Vậy "bạc đầu song tinh" chỉ ai? Tôi cho rằng vẫn nên chỉ Giả Bảo Ngọc và Sử.

Tương Vân. Khi ấy tuổi họ chưa lớn, nhưng họ đã trải qua những đau đớn người thường khó tưởng tượng: nhà tan người mất. Chỗ dựa của Sử Tương Vân vốn là Giả mẫu, vị cô mẫu họ Sử. Hai người chú của nàng, tuy trong 80 hồi đầu đều ở địa vị cao, là Bảo Linh hầu và Trung Tĩnh hầu, nhưng sau hồi 80 bốn đại gia tộc đều bị hoàng đế hủy diệt, nhà họ Sử tuyệt không ngoại lệ. Huống chi Tương Vân từ sớm đã mồ côi cha mẹ, ở nhờ nhà hai chú thím, thỉnh thoảng lại đến phủ Vinh Quốc ở một thời gian, vốn đã có phần cô khổ. Vận mệnh về sau càng thê thảm: nàng gả cho Vệ Nhược Lan.

Tên Vệ Nhược Lan trong 80 hồi đầu chỉ xuất hiện một lần trong danh sách tang lễ Tần Khả Khanh, nhân vật chưa chính diện ra sân; khi liệt kê các vương tôn công tử dự tang lễ, có Hàn Kỳ, Phùng Tử Anh, Trần Dã Tuấn, Vệ Nhược Lan... Không ngờ Tào Tuyết Cần ở trước chỉ nhắc thoáng một cái, mà sau hồi 80 lại có tình tiết rất quan trọng. Ít nhất lời phê cho biết ở hồi bắn hươu, kỳ lân Vệ Nhược Lan đeo chính là con kỳ lân mà Thúy Lũ và Sử Tương Vân nhặt được, cũng tức con kỳ lân Giả Bảo Ngọc nhận từ Trương đạo sĩ. Cho nên Tào Tuyết Cần quả thật dùng bút pháp rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm. Chúng ta có thể suy đoán: sau nhiều trắc trở, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân đều bạc đầu, tạm thời nương tựa vào nhau. Nhưng tiểu thuyết không kết thúc như vậy.

Phần sau còn viết cụ thể đời sống cực kỳ gian nan của hai người. Đời sống ấy gọi là "mùa đông giá nuốt bã rau muối chua, đêm tuyết quấn nỉ rách". Đây là nguyên bút của Tào Tuyết Cần do Chi phê hiện còn tiết lộ. Mọi người còn nhớ không? Bài trước tôi cũng đã nói: khi phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc đang ở giai đoạn phồn hoa, đời sống tốt đẹp nhất, Bảo Ngọc từng bảo tiểu đồng Bội Minh dẫn mình lén chạy khỏi phủ

Ninh Quốc đến nhà Hoa Tập Nhân. Trong tình tiết ấy có một chi tiết: Tập Nhân thấy cậu đến, đương nhiên kinh ngạc nhưng vẫn phải tiếp đãi.

Sách viết: "Tập Nhân thấy rốt cuộc không có vật gì có thể ăn." Thật ra nhà Tập Nhân không đặc biệt nghèo; theo sách miêu tả, lúc tết người nhà đoàn tụ cũng có nhiều bánh trái. Nhưng vì Bảo Ngọc quá quý giá, sống trong cảnh phồn hoa và cầu kỳ đến vô lý, nên Tập Nhân hầu hạ trong phủ lâu rồi cảm thấy đồ nhà mình chẳng có thứ gì đem cho cậu ăn được. Lúc ấy Chi Nghiễn Trai phê ngay cạnh câu này rằng: câu này phải đối chiếu với về sau "mùa đông giá nuốt bã rau muối chua, đêm tuyết quấn nỉ rách". Có thể thấy tám chữ ấy là nội dung Tào Tuyết Cần đã viết trong phần sau hồi 80, chứ không phải lời bình cá nhân của Chi Nghiễn Trai. Ông đang nhắc: khi đọc đến đoạn trước, đợi đọc đến đoạn sau thì quay đầu nghĩ lại, ý là vậy. Vậy Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân sống một cuộc đời rất nghèo khổ như thế.

*Cuối toàn thư viết Bảo Ngọc lần thứ hai xuất gia, lần này mới thật sự "buông tay nơi vực thẳm" (ndlr: xuất gia/tu hành), triệt để nhận thức thế giới, không còn cách nào hòa giải với hiện thực mà cậu không ưa. Cậu hoàn toàn rời khỏi trần thế, rời khỏi xã hội thế tục. Dĩ nhiên cậu vốn là thần tiên trên trời, là Thần Anh thị giả, nên sau khi theo hòa thượng lần thứ hai xuất gia, cậu bay về tiên giới, trở lại Xích Hà cung, trở về bản vị Thần Anh thị giả. Ở cuối toàn thư, Tào Tuyết Cần liệt ra Tình bảng. Giả Bảo Ngọc là nam giới duy nhất đứng trước Tình bảng; phía sau, cứ mười hai phụ nữ thành một nhóm, tổng cộng chín nhóm. Đây chính là nội dung cơ bản của 28 hồi sau mà Tào Tuyết Cần đã viết xong cho Hồng Lâu Mộng. Đến đây, phần thám dật và phân tích của ông Lưu Tâm Vũ về Giả Bảo Ngọc đã hoàn toàn kết thúc. Trong đời Bảo Ngọc có ba người con gái quan trọng nhất: Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa và Sử Tương Vân. Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng tuy số lần xuất hiện không nhiều, nhưng mỗi lần đều rực rỡ một nét khiến người ta khó quên. Vậy Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng rốt cuộc là một cô gái như thế nào? Mời quý vị tiếp tục theo dõi loạt chương trình Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Sử Tương Vân.*

# Tập 40

Bí ẩn xuất tràng của Sử Tương Vân

*Sử Tương Vân là nhân vật quan trọng trong Hồng Lâu Mộng. Tính cách lạc quan, cởi mở của nàng, trong niềm vui lại ẩn chứa số phận bi thương, đã để lại ấn tượng sâu sắc cho độc giả. Nhưng trong văn bản Hồng Lâu Mộng, cách miêu tả sự xuất hiện của Sử Tương Vân lại rất khác thường. Trong đó rốt cuộc ẩn giấu huyền cơ gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị, đặc sắc kể về bí ẩn lần xuất hiện của Sử Tương Vân.*

*Hồng Lâu Mộng. Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng là một nhân vật quan trọng được Tào Tuyết Cần dụng công khắc họa rất đậm nét. Nàng mồ côi cha mẹ, thân thế bi thảm phải sống nhờ nhà người. Tính cách vui cười thoải mái, không câu nệ tiểu tiết, tấm lòng khoáng đạt, thẳng thắn, hào sảng, tài thơ đầy chất "trăng gió, sương tuyết", thậm chí cả chút nói lắp rất nhẹ, đều để lại ấn tượng cực kỳ sâu sắc cho độc giả. Trong nghiên cứu Hồng học, về gia thế, hôn phối, kết cục của Sử Tương Vân, cũng như vấn đề nguyên mẫu nhân vật, từ trước đến nay vẫn có rất nhiều ý kiến khác nhau. Bắt đầu từ hôm nay, chúng ta hãy theo chân nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, bắt đầu từ cách xuất hiện khác thường của Sử Tương Vân, lần lượt tìm hiểu những bí ẩn trong đó. Chương trình Bách Gia Giảng Đàn Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng, kỳ thứ nhất về Sử Tương Vân: Bí ẩn xuất hiện, kính mời theo dõi.*

Từ bài giảng này trở đi, chúng ta cùng bàn một chút về nhân vật trong Hồng Lâu Mộng, người đứng thứ năm trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, Sử Tương Vân. Đây là một hình tượng nghệ thuật mà hễ nhắc đến, mọi người đều có ấn tượng rất rõ. Nhưng nếu quý vị đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, quý vị sẽ có một phát hiện. Tức là trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, mười hai cô gái này, mười một người còn lại khi xuất hiện trước sau đều có một đoạn giới thiệu rất cụ thể về thân thế, gia đình, thậm chí cả tính cách của từng người. Vậy trước hết hãy thử nghĩ xem, Sử Tương Vân dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần có một đoạn giới thiệu như thế không? Bây giờ quý vị nghĩ xem, có không?

Chúng ta có thể ôn lại một chút cách Tào Tuyết Cần giới thiệu cụ thể từng người trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Về Lâm Đại Ngọc, mọi người ở hồi thứ hai đã nhận được thông tin về nàng. Khi ấy tuy chưa nêu thẳng tên nàng, nhưng Giả Vũ Thôn và Lãnh Tử Hưng ở một quán rượu thôn quê vừa uống rượu vừa trò chuyện, Giả Vũ Thôn có nhắc tới lúc mình bị bãi quan, nhàn cư không chức, đã đến Dương Châu, phủ tuần diêm, vào nhà Lâm Như Hải làm tây tân, tức làm thầy dạy học trong nhà. Vậy ông ta, với tư cách gia sư, dạy mấy học trò? Rất nhẹ nhàng, chỉ có một cô bé, chính là con gái của Lâm Như Hải. Sau này chúng ta biết đó chính là Lâm Đại Ngọc.

Vì thế, về Lâm Đại Ngọc ở hồi thứ hai, tác giả đã có một bước đệm, một lời giới thiệu rất cụ thể. Còn Tiết Bảo Thoa, nàng cũng có phần giới thiệu. Ở hồi thứ tư, Tiết Bảo Thoa đã được giới thiệu qua việc anh nàng là Tiết Bàn đưa mẹ và nàng vào kinh. Mục đích thứ nhất là sắp xếp cho nàng tham gia tuyển tú. Nàng thuộc gia đình như thế nào, nàng vào kinh để làm gì, đều có nói rõ. Đến hồi thứ bảy, Tiết Bảo Thoa chính thức xuất hiện.

Hơn nữa, còn có một đoạn văn khá dài giới thiệu rằng cô gái này bẩm sinh có một luồng nhiệt độc, vì thế mỗi ngày phải dùng một thứ thuốc đặc biệt, gọi là Lãnh hương hoàn. Nguyên liệu của Lãnh hương hoàn rất phức tạp, quá trình bào chế rất khó khăn. Nhưng nhà họ đã chuẩn bị sẵn cho nàng từ sớm. Cho nên nàng thường phải ăn, phải uống thứ thuốc đó. Đến hồi thứ tám, Tiết Bảo Thoa lại càng xuất hiện rực rỡ, rất nổi bật. Giữa nàng và Giả Bảo Ngọc có sự tiếp xúc rất thân mật.

Nàng xem kỹ miếng Thông linh bảo ngọc mà Giả Bảo Ngọc đeo, Giả Bảo Ngọc thì cũng chăm chú xem chiếc khóa vàng nàng mang bên mình. Tất cả đều được giới thiệu rõ. Còn Nguyên, Nghênh, Thám, Tích, khi Lãnh Tử Hưng diễn thuyết về phủ Vinh Quốc ở hồi thứ hai, đều đã được nhắc tới. Ngay từ đầu câu chuyện đã nói với mọi người rằng Nguyên Xuân, vì nàng vừa có đức hạnh, vừa có tài năng, đã vào cung làm nữ sử. Nói cách khác, nàng đã trúng tuyển tú, đã nhập cung. Rồi lại giới thiệu Giả Nghênh Xuân là con gái của người vợ trước của Giả Xá.

Giả Thám Xuân là con do thiếp của Giả Chính sinh ra, là con thứ xuất. Giả Tích Xuân là người bên phủ Ninh Quốc, em ruột của Giả Trân. Tất cả đều có giới thiệu. Còn Vương Hy Phượng, khi Lãnh Tử Hưng diễn thuyết ở hồi thứ hai, cũng đã có nhắc đến. Đến hồi thứ ba, nàng xuất hiện, để lại ấn tượng rất sâu. Hình phu nhân, Vương phu nhân, Lý Hoàn, khi Lâm Đại Ngọc vào phủ, đều đã xuất hiện, đều có giới thiệu.

Sau đó đến hồi thứ tư lại bổ sung rất tường tận. Cha nàng là ai, nàng xuất thân từ gia đình thế nào, nàng vì sao thủ tiết góa chồng, sau khi góa chồng thì trạng thái sinh tồn của nàng ra sao, vân vân, đều có nói rõ. Còn Tần Khả Khanh, trước đây tôi đã giảng rất nhiều rồi. Nàng xuất hiện rực rỡ ở hồi thứ năm, rồi đến cuối hồi thứ tám lại có một đoạn bổ sung kiểu "vá miếng" về nàng. Còn Diệu Ngọc, ở hồi thứ mười bảy, qua lời một người hầu bẩm với Vương phu nhân, đã có một đoạn giới thiệu rất tường tận. Sau đó, tuy nàng chính thức xuất hiện rất muộn, đến tận hồi thứ bốn mươi mốt mới ra sân, nhưng chúng ta đối với nàng đã nên có hiểu biết.

*Ngoại trừ tên thật của nàng trong sách không nói rõ, các mặt khác đều khá rõ ràng. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong Hồng Lâu Mộng, bối cảnh của đa số nhân vật quan trọng, thân thế và lai lịch của họ, đều gắn rất chặt với lần xuất hiện của nhân vật. Nhưng riêng phần miêu tả về Sử Tương Vân lại hoàn toàn khác. Hồi thứ bảy của Hồng Lâu Mộng, "Đưa hoa cung, Giả Liễn đùa Hy Phượng", là một chương quan trọng miêu tả các nhân vật trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Vậy hồi này có quan hệ thế nào? với sự xuất hiện của Sử Tương Vân? Bây giờ chúng ta trọng điểm nói về hồi thứ bảy.*

Hồi thứ bảy rất quan trọng. Nửa đầu hồi thứ bảy viết chuyện nhà Chu Thụy đưa hoa cung. Nhà Tiết di mẫu là nhà thầu mua sắm cho hoàng gia. Những thứ hoa dùng trong cung đều do nhà họ mua giúp. Loại nhà thầu này, sau khi mua cho trong cung, thường giữ lại một phần trong nhà để tự dùng. Vì vậy bản thân nhà họ Tiết có rất nhiều hoa cung.

Thế là Tiết di mẫu lấy ra một hộp hoa cung, rồi nói muốn đem số hoa cung này tặng cho các cô tiểu thư trong phủ Giả, cũng như vài người khác để cài. Dĩ nhiên Vương phu nhân liền khách sáo. Vương phu nhân nói: ôi, hoa đẹp thế này hãy để Bảo cô nương cài đi. Tiết di mẫu bèn giải thích, rằng Bảo cô nương nhà chúng tôi không thích những thứ hoa này. Như vậy có thể nói, trước hết tác giả đã quét tới Tiết Bảo Thoa. Tuy hoa là của nhà họ, nàng không cần dùng, nhưng cũng đã được quét tới.

Sau đó, nhà Chu Thụy cầm hộp hoa ấy bắt đầu đi trong phủ Vinh Quốc, bắt đầu di chuyển. Đoạn miêu tả này rất quan trọng. Nó gần như giới thiệu rất kỹ kiến trúc, kết cấu và bố cục nhà cửa của phủ Vinh Quốc. Bà ta xuất phát từ đâu? Từ góc đông bắc của toàn phủ Vinh Quốc. Nơi đó là Lê Hương viện.

Sau khi Tiết di mẫu và người nhà đến, họ ở trong Lê Hương viện. Từ Lê Hương viện đi ra, bà ta đi ngang qua phía sau chính phòng của kiến trúc chủ đạo trên trục giữa phủ Vinh Quốc. Vì sao lại đến đó? Bởi lúc ấy Nghênh Xuân, Tích Xuân, Thám Xuân đều được sắp xếp ở ba gian nhà phía sau chính phòng của Vương phu nhân để cư trú. Ba cô cùng ở đó. Tiết di mẫu nói mỗi người tặng một cành hoa.

Vì thế nhà Chu Thụy cầm hộp hoa đến nơi ấy. Trước hết bà gặp Nghênh Xuân và Thám Xuân đang đánh cờ. Bà bèn đưa cho họ mỗi người một cành hoa. Sau đó lại tìm được Tích Xuân, cũng tặng Tích Xuân một cành. Như vậy ba vị tiểu thư của phủ Giả cũng đều được quét tới.

Sau đó, xin chú ý bút pháp của Tào Tuyết Cần, vô cùng tinh tế, có thể gọi là mảnh như lông trâu. Ông viết nhà Chu Thụy bưng hộp hoa tiếp tục đi về phía tây, đi ngang dưới cửa sổ căn phòng Lý Hoàn ở. Hoa này có cần tặng cho Lý Hoàn không? Trước hết tôi xin hỏi một câu. Tiết di mẫu đem hoa đi tặng, vì sao không tặng hoa cho Lý Hoàn? Bởi trong xã hội thời đó, Lý Hoàn là góa phụ.

Lý Hoàn không được cài hoa. Dĩ nhiên Tiết di mẫu đối với nàng cũng rất tốt, nhưng chuyện tặng hoa thì không có phần nàng. Nhưng khi Tào Tuyết Cần viết nhà Chu Thụy bưng hộp hoa đi tặng, ông vẫn cố ý viết cả Lý Hoàn vào. Ông đang làm gì? Ông đang quét qua từng người trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Có một bản cổ còn viết rằng khi nhà Chu Thụy bưng hộp hoa đi ngang qua căn phòng Lý Hoàn ở, qua cửa sổ, bà thấy Lý Hoàn nằm nghiêng trên giường sưởi ngủ.

Như vậy đã giới thiệu Lý Hoàn. Còn việc Lý Hoàn ở đó là để chăm nom ba chị em kia, vì rốt cuộc họ cùng ở một nơi. Rồi nhà Chu Thụy bưng hộp hoa tiếp tục đi về phía tây, qua xuyên đường, qua lối đi, thì thấy một

tấm bình phong sơn phấn, sau bình phong là một sân nhỏ. Sân nhỏ đó ai ở? Vương Hy Phượng ở. Đoạn tình tiết này quý vị còn nhớ chứ?

Nhà Chu Thụy cầm hộp hoa đi vào. Vào rồi, bà đi thẳng tới chính phòng Vương Hy Phượng ở, vì bà phải tặng hoa cho Vương Hy Phượng. Hơn nữa, lúc ấy Tiết di mẫu còn dặn riêng rằng hoa cho Vương Hy Phượng đặc biệt nhiều, phải đưa cho nàng bốn cành. Vì vậy bà đi về phía chính phòng đó. Kết quả thấy ai ngồi trên bậc cửa chính phòng? Đó là Phong Nhi, nha hoàn của Vương Hy Phượng.

Nàng đang làm gì? Đang canh cửa. Phong Nhi vẫy tay ra hiệu cho bà. Nhà Chu Thụy này là người theo hầu của Vương phu nhân khi về nhà chồng, ở phủ Vinh Quốc đã lâu, bà rất biết điều. Bà lập tức rón rén đi sang gian phía đông. Xin chú ý, nét bút này rất then chốt.

Trong gian đông là thế nào? Trong gian đông, vú em đang dỗ một cô bé ngủ. Cô bé ấy gọi là Đại Thư, tức Xảo Thư. Bởi lúc đó cô bé còn chưa được đặt tên. Cái tên Xảo Thư là khi Lưu lão lão lần thứ hai đến phủ Vinh Quốc, sắp rời đi, Vương Hy Phượng nhờ bà đặt cho. Lúc này tuy cái tên ấy chưa xuất hiện, nhưng nàng là một người trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách.

Vì vậy, trong quá trình tặng hoa cung, phải đặc biệt viết tới nàng. Sau đó, thấy Đại Thư đang ngủ trưa, nhà Chu Thụy lại đi ra. Lúc này bà thấy Bình Nhi từ chính phòng cầm một cái chậu đi ra, bảo Phong Nhi đi múc nước. Khi ấy, nhà Chu Thụy bèn bẩm với Bình Nhi, nói rằng vị dì bên kia bảo tôi đem bốn cành hoa này đưa cho Nhị nãi nãi. Lúc ấy, Bình Nhi liền nhận hoa đem vào. Một lát sau nàng lại đi ra.

Vì sao lại đi ra? Bởi Vương Hy Phượng có một ý. Bốn cành cho nàng, nàng thấy quá nhiều, bèn nhường ra hai cành. Bảo đem tặng cho ai? Đem tặng cho Tiểu Dung đại nãi nãi bên Đông phủ, đưa sang cho nàng. Tiểu Dung đại nãi nãi là ai?

Mọi người thử nghĩ xem. Tiểu Dung đại nãi nãi chính là Tần Khả Khanh, đem hoa sang tặng nàng. Nét bút này cũng không phải tùy tiện viết cho có. Nó chính là đang quét qua từng người trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Tần Khả Khanh không xuất hiện trực tiếp ở đây, nhưng được nhắc tới. Vậy đến đây chúng ta hãy tính thử.

Qua việc nhà Chu Thụy đưa hoa cung, đã quét tới nhiều người như thế. Cuối cùng dĩ nhiên bà tiếp tục đi về phía tây. Ra khỏi cửa phụ, tiếp tục sang tây, bà đến viện của Giả mẫu. Bởi lúc ấy Bảo Ngọc và Đại Ngọc đang ở cùng Giả mẫu, hai người cùng chơi ở đó. Thế là nhà Chu Thụy đem cành hoa cuối cùng đưa cho Đại Ngọc. Đại Ngọc rất không vui. Vậy quý vị tính xem, đã quét tới bao nhiêu thoa rồi? Hãy tính thử. Từ nhà Tiết Bảo Thoa bắt đầu: Bảo Thoa, Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Lý Hoàn, Đại Thư, tức Xảo Thư, Vương Hy Phượng, lại còn nhắc tới Tần Khả Khanh.

Sau đó, lại có Lâm Đại Ngọc, vậy là chín thoa rồi. Ngay từ rất sớm, đời Thanh đã có người chỉ ra rằng thật ra thông qua chữ "cung" trong hoa cung, tác giả đã ám chỉ tới Nguyên Xuân. Hoa cung là thứ đồ dùng trong cung đình, đúng không? Ông đã nhờ đó ám chỉ tới Nguyên Xuân. Lại thông qua việc khi hoa cung được đưa đến chỗ Tích Xuân, Tích Xuân đang chơi với ai? Tích Xuân đang chơi cùng một ni cô nhỏ là Trí Năng từ am Mạn Đầu đến.

*Đã xuất hiện ni cô nhỏ, nên người ta cho rằng cũng ám chỉ tới Diệu Ngọc. Cách hiểu ấy không quá gượng ép. Vậy quý vị xem, mười một thoa đều đã được quét tới, chỉ thiếu ai? Chỉ không có Sử Tương Vân. Theo cách giải đọc của ông Lưu Tâm Vũ, hồi thứ bảy của Hồng Lâu Mộng, "Đưa hoa cung, Giả Liễn đùa Hy Phượng", trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, mười một thoa bằng đủ cách sáng hoặc tối đều đã lần lượt xuất hiện, nhưng Sử Tương Vân, người đứng thứ năm trong Thập Nhị Thoa, lại bị gạt ra ngoài. Vậy Sử Tương Vân rốt cuộc xuất hiện vào lúc nào?*

Lần xuất hiện của nàng lại có điểm gì đặc biệt? Đó là ở hồi thứ hai mươi. Hồi thứ hai mươi, nàng đột nhiên xuất hiện. Lúc đó Bảo Thoa đang ở chỗ Bảo Ngọc, hai người đang nói chuyện. Sách viết: "Bảo Ngọc đang cùng Bảo Thoa cười đùa, chợt thấy có người nói: Sử đại cô nương đến rồi." Sử đại cô nương là ai? Quý vị lật về phía trước xem, không có một đoạn nào tập trung giới thiệu Sử đại cô nương.

Lật về phía sau, đọc đến hồi tám mươi, cũng không có đoạn nào. Từ đầu không hề nói với quý vị Sử đại cô nương là ai. Không có. Vậy sau khi Sử đại cô nương đến, phản ứng của hai người này thế nào? Bảo Ngọc nghe xong liền đứng dậy đi ngay. Trong lòng Bảo Ngọc nghĩ gì, sách cũng không nói.

Dường như vừa nghe Sử đại cô nương đến, lập tức phải đi gặp. Còn Bảo Thoa thì sao? Bảo Thoa cười nói: đợi đã, hai chúng ta cùng đi xem nàng ấy. Bảo Thoa cũng rất quen thuộc với nàng, biểu hiện cũng rất thân mật. Nói rồi xuống khỏi giường sưởi, cùng Bảo Ngọc đi sang bên Giả mẫu. Chỉ thấy Sử Tương Vân cười nói ồn ào, thấy hai người họ đến, bèn vừa hỏi han vừa chào hỏi.

Sử Tương Vân xuất hiện như thế ở hồi hai mươi. Sở dĩ chúng ta rất quen thuộc với Sử Tương Vân, thường không phải vì đã đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, mà vì chẳng hạn từng xem phim truyền hình, từng xem phim điện ảnh, từng xem Việt kịch Hồng Lâu Mộng, hoặc các vở diễn sân khấu khác, từng xem truyện tranh liên hoàn, hoặc nghe người khác kể chuyện về nàng, đúng không? Từng xem vài bức tranh đơn, như tranh Sử Tương Vân say ngủ bên thược dược chẳng hạn. Vì thế chúng ta cảm thấy dường như Sử Tương Vân không cần giới thiệu, tự nhiên ta đã biết có nhân vật ấy. Nhưng nếu một người hoàn toàn chưa từng được tiếp xúc như thế, trực tiếp đọc Hồng Lâu Mộng, người ấy rất có thể sẽ thắc mắc. Bởi các nhân vật phía trước đều có giới thiệu.

"Sử đại cô nương đến rồi", người ấy sẽ thấy rất lạ. Một nhân vật quan trọng như thế đến, lại làm Bảo Ngọc và Bảo Thoa vội vàng đi xem. Hơn nữa trước mặt Giả mẫu, nàng lại không chút câu thúc, cười nói rất thoải

mái.

Nàng là ai vậy? Tôi thấy bên dưới có người nói: nàng là người nhà họ Sử, nàng họ Sử, tất nhiên có quan hệ họ hàng với Giả mẫu. Điều này chưa chắc. Giả Vũ Thôn cũng họ Giả. Giả Vũ Thôn và Giả Xá có quan hệ huyết thống thật không? Khi ông ta khoe khoang, nói từ thời Đông Hán xa xưa, nhà họ Giả bọn họ đều truy nguyên từ đó mà ra. Chuyện này không thể tra được. Không có quan hệ máu mủ trực tiếp. Lại như Lưu lão lão đến phủ Giả, bà thuộc phía lão lão. Bà có một người con rể là Vương Cẩu Nhi. Cha của Vương Cẩu Nhi từng cùng cha của Vương phu nhân liên tông. Liên tông nghĩa là gì? Nhà người ta họ Vương, giàu sang quyền thế, ta cũng họ Vương. Rõ ràng về huyết thống không có quan hệ, nhưng ta tìm đến, hạ mình thấp giọng, xin xem có thể tính ta vào họ hàng nhà quý vị không. Lúc ấy vì một quan hệ nào đó, người ta đồng ý. Chỉ có chút quan hệ ấy thôi, cũng không phải quan hệ huyết thống thật. Nhưng những việc ấy đều có giới thiệu. Giả Vũ Thôn và nhà họ Giả ở phủ Vinh Quốc có quan hệ huyết thống hay không, trong sách thật ra có nói rõ. Lai lịch của Lưu lão lão cũng có giới thiệu. Nhưng Sử Tương Vân thì không có một đoạn giới thiệu nào như vậy. Dĩ nhiên có người có thể bắt bẻ tôi. Có bạn Hồng học có thể nói: thưa ông, bản tôi đọc Sử Tương Vân trước hồi hai mươi đã từng xuất hiện rồi. Hồi nào? Hồi mười ba. Có một số bản thông hành in như thế. Hồi mười ba chẳng phải viết.

Tần Khả Khanh qua đời, rất nhiều người đến phúng tang sao? Khi kể tới tình hình người đến phúng tang, có một đoạn miêu tả như sau: "Lại nghe tiếng hô dẹp đường, thì ra là phu nhân của Trung Tĩnh hầu, Sử Đỉnh, đến." Một vị hầu phu nhân tới, rất có khí thế. Trước khi bà tới có tiếng hô dẹp đường. Người khác đến đều không có câu miêu tả này. Nhân vật này vừa tới đã phải hô dẹp đường. Hô dẹp đường là gì? Tức là kiệu hoặc xe của bà ấy chưa tới nơi, đã có người đi trước dẫn đường, lớn tiếng hô, tránh ra, tránh ra, hoặc hô lớn rằng ai đó đến đường, vân vân. Vì vậy người không phận sự phải tránh không kịp. Một nhà giàu sang quyền thế, một phu nhân quý tộc, đã đến. Rồi câu dưới, có người nói bản tôi đọc viết rằng: sau khi phu nhân Sử Đỉnh, Trung Tĩnh hầu, đến, Sử Tương Vân, Vương phu nhân, Hình phu nhân, Phượng Thư, v.v. ra đón.

Đây là do Cao Ngạc và Trình Vĩ Nguyên, khi truyền bản thông hành, đã thêm tên Sử Tương Vân vào. Trong cổ bản, câu này không có Sử Tương Vân, và cũng không thể có. Nếu có nàng, cũng không thể viết hời hợt như thế. Đúng không? Nhà ai đang lo tang sự? Nhà họ Giả đang lo tang sự.

Phủ Ninh Quốc đang lo tang sự. Vợ của Giả Trân là Vưu thị, vì chuyện này, bà ta lấy cớ rằng mình bệnh cũ tái phát, nên nằm liệt giường, buông tay không quản nữa. Vậy các phu nhân trong phủ Giả, chủ yếu phải là Vương phu nhân, Vương Hy Phượng bọn họ. Vương Hy Phượng đi hiệp lý phủ Ninh Quốc mà, đúng chứ? Họ đi ra đón vị khách quý ấy, đón vị phu nhân quý tộc ấy. Cho dù lúc đó có Sử Tương Vân, nàng sao có thể đứng ở vị trí đầu tiên?

Một cô gái trẻ lại nhảy ra trước tiên sao? Chữ "nha đầu" khi ấy chỉ một cô nương trẻ, đúng không? Không thể nào. Đó là chữ được thêm vào, chữ bị sửa thêm về sau. Vì vậy ở hồi thứ mười ba, không thể có Sử

Tương Vân xuất hiện. Hiện tượng văn bản này là hiện tượng về sau bản thông hành đã thêm loạn vào.

Vậy còn có người rất tinh ý nói với tôi rằng: trước hồi hai mươi, tuy Sử Tương Vân chưa xuất hiện, nhưng đã được nhắc tới. Cách nói này có chính xác không? Quý vị nhớ không? Cách nói này rất chính xác. Tôi rất khâm phục vị bạn Hồng học ấy. Bởi ở hồi thứ mười chín, sách viết đến chuyện Tập Nhân và Giả Bảo Ngọc nói chuyện riêng.

Trong một đoạn lời của Tập Nhân, có liên quan tới Sử Tương Vân. Nàng nói như thế này:

"Thật ra, em cũng chỉ là người bình thường. Người giỏi hơn em rất nhiều, trước kia hầu hạ Sử cô nương mấy năm. Hầu hạ tốt vốn là điều bổn phận phải làm." Câu này trong tất cả cổ bản đều có, trong đó có mấy chữ "Sử cô nương". Chỉ vì nhân vật này chưa chính thức xuất hiện nên nhiều người bỏ qua. Mà hiện tượng này lại càng lạ, đúng không? Một tác giả viết một nhân vật như vậy, sao lại nói đơn giản như thể mọi người đều biết nàng hằng ngày?

Tập Nhân đột nhiên nhắc tới chuyện này, đó là thế nào? Nhưng đọc về sau chúng ta mới biết. Tập Nhân vốn là nha hoàn bên cạnh Giả mẫu. Giả mẫu từng đón Sử Tương Vân đến ở phủ Vinh Quốc, cho nàng ở bên cạnh mình, rồi điều một nha hoàn đến hầu hạ Sử Tương Vân. Lúc ấy Tập Nhân vẫn còn tên là Trân Châu. Cái tên Tập Nhân là do Giả Bảo Ngọc đặt cho nàng.

Về sau nàng lại được phân sang bên Giả Bảo Ngọc để hầu hạ Giả Bảo Ngọc. Nhưng phải đến về sau, qua lời đối thoại của một số nhân vật, chúng ta mới hiểu rõ. Thực ra, bản thân Tào Tuyết Cần trong tám mươi hồi đối với Sử Tương Vân không hề có một lần giới thiệu tập trung, rõ ràng. Một nhân vật quan trọng như thế, ông không đặt một đoạn văn như vậy, chẳng lẽ đây không phải là một vấn đề sao? Tôi thấy đây là vấn đề rất thú vị, đáng để tìm hiểu. Vậy hiện tượng văn bản này nên hiểu thế nào?

Đời Thanh đã có một số độc giả rất băn khoăn. Họ rất thích hình tượng Sử Tương Vân. Điều họ khó hiểu nhất là tại sao trong đoạn Nguyên phi tỉnh thân, lại gạt Sử Tương Vân ra ngoài. Trong cảnh Nguyên phi tỉnh thân, có Sử Tương Vân không? Không thấy bóng dáng nàng, đúng không? Nguyên phi tỉnh thân là một đoạn trong Hồng Lâu Mộng được phóng đại nhất, cách đời sống chân thực xa nhất, nói cách khác là đoạn có thành phần hư cấu nhiều nhất.

Đây là cách nhìn cá nhân của tôi. Trong giới Hồng học cũng có nhiều người nghĩ vậy trong đời sống chân thực của đời Thanh, chưa từng có chuyện chỉ một phi tử mà có thể như thế trở về nhà cha mẹ mình, vinh hiển đến thế, phô trương đến thế; không có tình huống ấy. Vậy vấn đề càng lớn hơn. Đã là hư cấu thuần túy, lại không cần có căn cứ đời sống thật, Sử Tương Vân lại là một nhân vật ông yêu quý như vậy, viết nàng vào chẳng phải xong sao? Đúng không?

Bởi trong Nguyên phi tỉnh thân, một tình tiết rất quan trọng là gì? Là làm thơ. Nhân vật Sử Tương Vân mà ông thiết lập không chỉ biết làm thơ, còn biết điền từ, hơn nữa trong những cuộc liên cú, tài hoa tràn trề. Sao lại không viết nàng? Sao nàng không có phần? Tác giả vì sao viết như vậy?

Giải thích thế nào? Dĩ nhiên có một kiểu giải thích khá thô sơ. Người ta giải thích như thế này: Tào Tuyết Cần viết tác phẩm, chỉ là thuận tay mà viết thôi. Ông cứ nói mãi chuyện đọc kỹ văn bản, là thế nào? Nào là có kế hoạch, có dự thiết, đúng không? Thật ra ông chỉ là hứng đến đâu viết đến đó.

Khi viết Nguyên phi tỉnh thân, ông vốn chưa nghĩ tới việc viết Sử Tương Vân. Sau hồi hai mươi, đột nhiên ông cảm thấy hay là viết nhân vật này một chút đi. Thế là đột nhiên có người báo Sử đại cô nương đến. Rồi lập tức Bảo Ngọc và Bảo Thoa đi sang chỗ Giả mẫu, xuất hiện một người cười nói rộn ràng. Chuyện này có gì đáng nghiên cứu? Tiểu thuyết mà, người ta viết như thế đấy.

Cách giải thích này tôi cũng rất tôn trọng. Tôi tôn trọng mọi ý kiến khác nhau. Nhưng vì sao cách nói ấy không đúng? Bởi quý vị hãy xem hồi thứ năm. Tôi nói rằng đối với Sử Tương Vân, tác giả không có một đoạn văn tự nào giới thiệu cụ thể về thân thế, lai lịch của nàng; tôi nói là văn tự tự sự. Nếu không tính văn tự tự sự, thì ngay trong hồi thứ năm, tác giả đã định vị Sử Tương Vân rất vững chắc rồi.

Chẳng phải Giả Bảo Ngọc vào Thái hư ảo cảnh lén xem các trang sách trong Bạc mệnh ti sao? Đúng không? Cậu ta đã lật xem toàn bộ quyển chính sách Thập Nhị Thoa. Trong đó người thứ năm chính là Sử Tương Vân. Có cả tranh, có cả thơ. Bài thơ đó gọi là phán từ, có không?

Có chứ. Về sau lại có khúc Hồng Lâu Mộng, nói là mười hai khúc, thật ra cộng khúc đầu và cuối là mười bốn khúc. Cá nhân tôi có một quan điểm rất riêng, cho rằng trong khúc "Vãn ngưng mi" cũng có một phần nói về Sử Tương Vân. Vấn đề này tranh luận rất lớn. Có một số bạn Hồng Lâu Mộng kiên quyết không đồng ý, họ kiên quyết không đồng ý. Tôi kiên quyết ủng hộ quyền không đồng ý của họ.

Bởi chuyện này vốn là để mọi người thảo luận. Cách nhìn cá nhân của tôi có lẽ quá độc đáo. Còn khúc "Vãn ngưng mi", chúng ta tạm không nói. Khúc "Lạc trung bi" hát chính về Sử Tương Vân, điều này chúng ta không có tranh cãi chứ? Có tranh cãi không? Không có, đúng không?

Có thể thấy Tào Tuyết Cần khi viết Hồng Lâu Mộng, đã sớm định vị Sử Tương Vân. Nàng chính là người thứ năm trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách.

Đúng không? Trong sách mệnh đã có nàng. Khi các tiên nữ trên thiên cung hát khúc Hồng Lâu Mộng, cũng hát về nàng, đúng không? Sao có thể nói hứng đến hồi hai mươi mới vung bút, đột nhiên tôi thêm một nhân vật? Không phải vậy. Ngay trong cấu tứ tổng thể, ông đã có nhân vật này rồi. Nhưng khi xử lý nhân vật này, ông lại xử lý như thế. Sự xuất hiện của Sử Tương Vân quá đột ngột.

Trước sau đối với nàng đều không có một đoạn văn tự khái quát nào giới thiệu gia đình nàng, xuất thân của nàng, lai lịch của nàng. Điều này quả thật đáng để bàn. Sử Tương Vân đột nhiên xuất hiện ở hồi hai mươi, giống như từ trên trời rơi xuống một Sử Tương Vân. Mà nhìn toàn bộ Hồng Lâu Mộng, suốt tám mươi hồi đầu, về thân phận của Sử Tương Vân, lai lịch của nàng lại càng không có đầu mối, cũng không có kết mạch. *Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, trong hồi thứ năm, Tào Tuyết Cần đã sắp đặt sẵn cho Sử Tương Vân cuộc đời "vui trong buồn", không phải hứng đến đâu viết đến đó. Vậy vì sao Tào Tuyết Cần lại miêu tả sự xuất hiện của Sử Tương Vân như vậy?*

Tôi cho rằng có mấy khả năng như sau.

Khả năng lớn nhất là vì nhân vật này, từ nguyên mẫu đời thực đến hình tượng nghệ thuật, ở giữa gần như không có khoảng cách gì. Nói cách khác, tính chân thực của nhân vật này vượt trên mọi nhân vật khác. Tác giả đối với nàng vô cùng quen thuộc, vô cùng trân quý. Khi viết nàng, ông không muốn vì nàng hư cấu bất cứ tình tiết nào. Ông chỉ cầm bút viết thẳng, viết ra hình tượng nữ giới mà mình quen thuộc nhất. Nếu nói Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa ở một số chỗ có phần khoa trương, tô đậm, có phần hư cấu, thì Sử Tương Vân, nguyên mẫu của nhân vật này và hình tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết ở giữa gần như không có khoảng cách gì.

Ông viết trực tiếp. Đã là viết trực tiếp, thì trong mọi tình tiết thuần hư cấu, tôi đều không để nàng xuất hiện. Chẳng hạn như Nguyên phi tỉnh thân. Nguyên phi tỉnh thân là một đại tình tiết thuần hư cấu. Những người khác tôi đều có thể tiếp tục hư cấu hành động của họ trong đó. Nhưng nhân vật Sử Tương Vân, khi viết nàng, tôi chỉ viết cái thật.

Tôi loại trừ yếu tố hư cấu. Vậy đoạn tình tiết ấy, đã lấy hư cấu làm chủ, thì tôi thà không viết nàng, không cần để nàng xuất hiện. Sau này mỗi lần nàng xuất hiện đều là thật. Đó là một cách giải thích. Cách này có khả năng. Bởi tôi đã nhiều lần nói rõ quan điểm cá nhân của mình, rằng Hồng Lâu Mộng là một bộ tiểu thuyết có tính tự truyện theo trật tự, và đặc sắc của lịch sử gia tộc.

Trong đó, rất nhiều nhân vật đều có nguyên mẫu trong đời sống. Khi tác giả gia công nghệ thuật đối với những nguyên mẫu đời sống này, mức độ không giống nhau. Có người được thêm rất nhiều thành phần hư cấu, có người thành phần hư cấu lại yếu hơn. Còn như Sử Tương Vân, theo tôi, sở dĩ hình thành hiện tượng văn bản này chính là vì ông muốn viết thật về nhân vật này. Bởi tất cả lời nói, diện mạo, cử chỉ, biểu hiện của nhân vật này, không cần gia công nghệ thuật thêm, viết ra đã rất hay rồi. Vì thế ông cứ như vậy mà viết nhân vật này.

Dĩ nhiên cách giải thích này chưa đủ để nói rõ toàn bộ trạng thái của hiện tượng văn bản ấy. Vậy có thể còn có nguyên nhân thứ hai, tức là ông từng thử giới thiệu, nhưng không hài lòng, chưa định bản, hoặc giống như hồi thứ bảy mươi lăm, giống bài thơ Trung thu vậy, ông tạm để trống, đợi sau sẽ bổ sung, nhưng về sau

không kịp bổ sung. Thậm chí có thể là vì ông đã viết rõ rồi, nhưng bị người cộng tác của ông, Chi Nghiễn Trai, cắt bỏ. Vì sao Chi Nghiễn Trai lại muốn xóa thứ ấy? Vấn đề này chúng ta sẽ để mấy kỳ sau nói tiếp. Ở đây tôi chỉ nêu một đầu mối trước.

Hiện tượng văn bản này có thể có những nhân tố khá phức tạp. Có điều gì không thể giới thiệu được? Đúng không? Bởi hiện nay, thông qua rất nhiều lời đối thoại phía trước phía sau và một số miêu tả rải rác, chúng ta cũng đại thể có thể thay Tào Tuyết Cần viết ra một đoạn giới thiệu tự sự về Sử Tương Vân. Chúng ta đều có thể viết ra. Vì sao ông không viết?

Ông có một loại trở ngại tâm lý nào đó. Có khi đối với người gần gũi nhất với mình, yêu quý nhất với mình, ngược lại lại cảm thấy khó đặt bút. Đặc biệt là dùng giọng khái quát để tự sự, tổng kết thân thế của người ấy, nói rõ tính cách của người ấy, chỉ ra ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm của người ấy, về tâm lý sẽ thấy rất khó. Viết rồi không hài lòng nên xóa đi, hoặc tạm để trống, đợi khi bút lực chín muồi hơn sẽ bổ sung vào, thậm chí viết xong rồi lại bỏ đi. Đó là một cách giải thích. Dĩ nhiên còn một cách giải thích nữa, là vì cổ bản Hồng Lâu Mộng chúng ta thấy hiện nay chỉ có tám mươi hồi.

Sau hồi tám mươi thì không còn nữa. Nói cách khác, thứ chúng ta hiện thấy là cổ bản không hoàn chỉnh. Dĩ nhiên trong phần tự sự của Cao Ngạc, đối với Sử Tương Vân cũng không có một đoạn bổ sung giới thiệu nào, cũng không có. Nhưng khi Tào Tuyết Cần viết nhân vật, có lúc ông sẽ đến rất muộn mới giới thiệu người này rốt cuộc là thế nào. Chẳng hạn như Tình Văn. Tình Văn xuất hiện rất sớm.

Hồi thứ tám, Tình Văn còn có biểu hiện rất sinh động. Đúng không? Sau khi Giả Bảo Ngọc uống say trở về, nàng đã làm gì? Quý vị thử nghĩ xem. Tôi không nói kỹ nữa. Tính cách của nàng đã nổi bật lên rồi.

Nhưng Tình Văn rốt cuộc có lai lịch thế nào, mãi đến hồi thứ bảy mươi bảy, sau khi nàng đã bị đuổi đi, kết cục bi thảm của nàng đã đến, Tào Tuyết Cần mới bổ sung giới thiệu, rằng lai lịch của nàng là thấp hèn nhất. Tuy là vậy, nhưng hiện nay chúng ta quả thật vẫn chưa thể biết rốt cuộc Tào Tuyết Cần vì sao trong việc biểu hiện từng người của Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách, lại riêng đối với Sử Tương Vân không để lại một đoạn giới thiệu tự sự rõ ràng. Nhưng thông qua việc chải lại những đoạn văn liên quan đến Sử Tương Vân trong sách, bản thân độc giả chúng ta vẫn có thể hình thành một ấn tượng rất rõ ràng về Sử Tương Vân. Trước hết chúng ta có thể biết Sử Tương Vân là một cô gái mồ côi cha mẹ đều mất. Nàng được gửi nuôi trong nhà chú bác của mình. Hơn nữa nàng có hai người chú.

Có lẽ là hai nhà luân phiên nuôi dưỡng nàng. Một người chú là Trung Tĩnh hầu Sử Đỉnh. Người chú còn lại là Bảo Linh hầu Sử Nại. Vậy bây giờ, tôi xin nêu một câu hỏi. Trong hai người chú này, ai là anh, ai là em? Là Sử Đỉnh là anh, hay Sử Nại là anh? Ở bài giảng sau, chúng ta sẽ bắt đầu thảo luận từ vấn đề này. Kính mời đón xem.

# Tập 41

Bí ẩn ký dưỡng của Sử Tương Vân

*Còn bé xíu mà cha mẹ đều qua đời. Dẫu ở chốn gấm vóc, ai biết cảnh được nuôi nấng ra sao. Sử Tương Vân có thân thế gập ghềnh. Từ nhỏ nàng do hai người chú luân phiên nuôi dưỡng. Vậy nàng sống thế nào? trong nhà chú? Sử Tương Vân và họ Sử Kim Lăng của Giả mẫu rốt cuộc có quan hệ như thế nào? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã Hồng Lâu Mộng cho quý vị, đặc sắc kể về bí ẩn Sử Tương Vân được gửi nuôi.*

Hồng Lâu Mộng Ca từ, âm nhạc: Lý Tông Thịnh.

*Trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ đã phân tích cho chúng ta cách xuất hiện rất khác thường của Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng. Sử Tương Vân là nhân vật quan trọng trong Hồng Lâu Mộng. Sử Tương Vân từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, luân phiên được gửi nuôi ở nhà hai người chú. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong Hồng Lâu Mộng, Sử Tương Vân là nhân vật gần với nguyên mẫu đời thực nhất. Vậy trong đời sống thật, nguyên mẫu của Sử Tương Vân và hai người chú ấy rốt cuộc có quan hệ như thế nào?*

Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu bàn từ vấn đề này. Nghĩa là chúng ta đã biết Sử Tương Vân ấy, nàng do hai người chú của mình luân phiên nuôi dưỡng. Nàng được gửi nuôi trong nhà chú. Trong sách xuất hiện hai người chú của nàng. Một người là Trung Tĩnh hầu, Sử Đỉnh. Điều này ở hồi thứ mười ba. Bản thân vị hầu tước này không xuất hiện, nhưng phu nhân của ông ta xuất hiện. Phô trương rất lớn. Đằng trước có tiếng hô dẹp đường, sau đó bà ta đến. Đến hồi thứ bốn mươi chín, lại có một nét bàn giao nữa. Về Sử Tương Vân thì không có một đoạn giới thiệu hoàn chỉnh. Chỉ là thuận tay, có lúc bàn giao lẻ tẻ vài điều. Nói rằng ai ngờ Bảo Linh hầu Sử Nại lại được điều chuyển ra ngoài. Không phải ông ta phải đem cả gia quyến đi nhậm chức sao? Vậy Giả mẫu vì không nỡ xa Tương Vân, bèn giữ nàng lại, đón nàng vào nhà. Có thể thấy đoạn ấy nàng lại ở trong nhà một người chú khác. Tước vị được phong của người chú này là Bảo Linh hầu. Tên ông ta là Sử Nại.

Chữ "hầu" này chỉ là một tước vị. Có tước vị ấy chưa chắc đã có công việc cụ thể. Nhưng đôi khi hoàng đế sẽ giao cho anh một nhiệm vụ nhất định, bảo anh đi làm việc. Có lúc điều anh ra địa phương để quản một việc nào đó. Vậy Sử Nại được điều ra ngoài. Điều ra ngoài thì phải đem theo toàn bộ gia quyến của mình.

Sử Tương Vân đã được gửi nuôi ở chỗ ông ta, thì đáng lẽ phải được coi như con gái ruột mà đưa đi cùng. Nhưng trong sách nói Giả mẫu không nỡ xa Sử Tương Vân, nên giữ nàng lại. Theo lẽ mà nói, thời ấy quy tắc luân lý gia đình mà bà giữ nàng lại, thì tôi cũng không thể dễ dàng đồng ý. Đúng không? Vì tôi có trách nhiệm nuôi dưỡng nàng. Cả nhà đi thì phải đem nàng đi.

Nhưng Sử Nại lại bỏ qua thật, quả nhiên để nàng ở lại bên cạnh Giả mẫu. Vậy trong hai người chú ấy, ai là anh, ai là em? Tôi thấy dưới kia có người bĩu môi. Tôi biết trong lòng anh đang nghĩ gì. Chuyện này có cần bàn không? Có, rất cần bàn.

Nghe tôi nói tiếp, anh sẽ hiểu. Đúng không? Vậy ở hồi thứ tư, chúng ta thấy một Hộ quan phù. Đúng không nào? Những bản thông thường thì phần Hộ quan phù chỉ trực tiếp chép mấy câu tục ngữ ấy. Một số cổ bản lại in thêm vài chú giải nhỏ khá chi tiết.

Trong cổ bản, Hộ quan phù khi nói đến nhà họ Sử đều cùng một câu. Đó là: "A Phòng cung ba trăm dặm, không chứa nổi một họ Sử ở Kim Lăng." Câu ấy nói rõ trong bốn đại gia tộc Kim Lăng, nhà họ Sử này không chỉ đông người, mà điền sản nhà cửa cũng cực kỳ nhiều. Đây là một gia tộc rất lớn, vừa giàu vừa có thế. Trong một số cổ bản, bên dưới câu ấy có chú giải chữ nhỏ. Chú thế nào? Nói rằng: Sau Bảo Linh hầu Thượng thư lệnh Sử công, chia ra tất cả mười tám phòng.

Mười phòng ở kinh thành, tám phòng ở nguyên quán. Mười tám phòng người, quả thật là một gia tộc rất hưng vượng. Gia tộc tuy hưng vượng, nhưng Sử Tương Vân, theo lời nàng nói, lại rất bất hạnh. Cha mẹ đều mất. Từ khi còn rất nhỏ, nàng đã do các chú nuôi dưỡng. Vậy hai người chú ấy, một là Trung Tĩnh hầu, một là Bảo Linh hầu.

Ai là anh, ai là em? Thật ra chỉ cần xem chú giải nhỏ này, vấn đề đã có thể giải quyết ngay. Vì sao? Bởi mọi người đều biết, trong xã hội phong kiến, đặc biệt là đời Thanh, nếu hoàng đế phong cho một người một tước vị, và cho phép tước vị ấy truyền thẳng xuống dòng trực hệ, thì đời đầu được phong là Bảo Linh hầu, khi truyền xuống, nhất định phải truyền cho con trưởng phòng trưởng. Cho nên dòng thừa kế của Bảo Linh hầu này nhất định là người anh. Hiểu ý này chưa?

Vì chỉ cho phép người con cả thừa kế một danh hiệu như thế. Còn tôi là con thứ, tôi cũng có công, hoàng đế thích thì cũng có thể phong hầu cho tôi, được thôi, nhưng phải đổi một danh xưng khác. Vậy anh em nhà họ Sử này, xem ra lúc ấy rất được hoàng gia, được hoàng đế sủng ái, và cũng rất cố gắng phục vụ hoàng đế. Cho nên người tên Sử Đỉnh này cũng được phong hầu, được phong làm Trung Tĩnh hầu. Vậy logic này của tôi anh nghe hiểu chưa? Chính vì Bảo Linh hầu chỉ có thể truyền cho con trưởng, nên Sử Nại nhất định là anh, Sử Đỉnh nhất định là em.

Làm rõ điều này có quan trọng không? Rất quan trọng. Vì tôi nhiều lần nhấn mạnh Hồng Lâu Mộng mang đặc điểm của gia tộc sử. Tôi đã nhiều lần nói đến hình tượng Giả mẫu trong sách, nguyên mẫu của bà là vào triều Khang Hy, một người em gái của Lý Hú, Tô Châu Chức tạo. Bà lấy Tào Dần. Tào Dần lúc ấy là Giang Ninh Chức tạo.

Tào Dần chính là ông nội của Tào Tuyết Cần. Người họ Lý này chính là bà nội của Tào Tuyết Cần. Từ sự thật đời sống thăng hoa thành hình tượng nghệ thuật, Tào Tuyết Cần đã đem họ nhà bà nội mình.

Đổi từ họ Lý thành họ Sử. Cho nên ông để cả hệ tộc phía bà nội mình đều mang họ Sử. Trong hồ sơ lịch sử chân thực, anh có thể tra thấy con trai của Lý Hú, Tô Châu Chức tạo đời Khang Hy, người con trưởng tên là Lý Nại, người thứ hai tên là Lý Đỉnh. Cho nên chuyện này càng rõ hơn. Đúng không? Vì vậy khi ông viết Giả mẫu, ông lấy bà nội thật của mình, người họ Lý, làm nguyên mẫu. Còn Sử Nại, Sử Đỉnh xuất hiện trong sách, ít nhất nguyên mẫu tên gọi.

Chính là anh em nhà ngoại của bà nội ông, tức tên hai người con của Lý Hú, được chuyển hóa và dùng vào đây. Vì thế làm rõ việc này không chỉ là làm rõ ai là anh, ai là em, mà đồng thời còn giúp chúng ta củng cố thêm một ấn tượng: quả thật cuốn Hồng Lâu Mộng này, tuy là tiểu thuyết, nhưng có nguyên mẫu đời sống. Nó có căn cứ đời sống. Nếu không, tên của hai nhân vật ấy trong sách sẽ không được đặt như vậy. Vì có bạn Hồng học từng bàn với tôi, nói rằng theo lẽ thường, chữ "Nại" nghĩa là gì? "Nại" có nghĩa là "lại một cái nữa". Một người gọi là Đỉnh, lại thêm một Đỉnh, trên thêm chữ Nại, đọc là Nại. Vì thế đáng lẽ Đỉnh là anh, Nại là em, như vậy mới thuận lý thành chương. Đúng không? Nhưng Lý Hú lúc ấy không biết nghĩ thế nào, ông lại cứ sinh một người con đặt tên là Lý Nại. Sinh thêm một người con nữa thì không dùng chữ Nại ở trên, mà gọi là Lý Đỉnh. Đây là sự thật lịch sử. Cho nên chuyện này rất thú vị. Từ đó lại chứng minh thêm kết luận tôi nêu trong buổi giảng trước: nhân vật Sử Tương Vân này, mức độ chân thực của nàng.

Có thể vượt hơn các chính thoa khác trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Tác giả gần như viết đúng theo sự thật về một người em họ như thế trong đời sống của ông. Vì vậy tuy trong sách không có một đoạn khái quát tự sự về quan hệ nhân vật này, nhưng chúng ta có thể thay ông khái quát. Bây giờ chúng ta đã làm rõ: vị Sử đại cô nương này, từ nhỏ đã mất cả cha lẫn mẹ. Nàng có hai người chú luân phiên nuôi dưỡng nàng. Có lúc nàng đến bên bà cô tổ của mình, là Giả mẫu.

Hiểu chữ bà cô tổ chứ? Tức là cha của cha nàng đáng lẽ là một người anh em của Giả mẫu. Quan hệ nhân vật là như vậy. Cho nên nàng là thân thích. Dĩ nhiên về huyết thống, nàng không gần với Giả mẫu như Lâm Đại Ngọc. Hiểu không?

Lâm Đại Ngọc là con gái ruột của con gái ruột Giả mẫu. Còn Sử Tương Vân thì hơi xa hơn một chút, nhưng cũng không xa lắm. Vì thế Giả mẫu cũng rất thích nàng. Tuy Sử Tương Vân từ nhỏ đã mất cha mẹ, nhưng sinh trong nhà họ Sử Kim Lăng, đến cả A Phòng cung cũng không chứa nổi. Hai nhà chú luân phiên nuôi nàng đều là hào môn quý tộc được phong hầu. Sử Tương Vân đúng là một tiểu thư khuê các.

Nhưng khúc "Lạc trung bi" trong Hồng Lâu Mộng lại miêu tả Sử Tương Vân như sau: "Dẫu ở giữa chốn lụa là gấm vóc, ai biết được cảnh được nuôi chiều." Vậy Sử Tương Vân ở nhà hai người chú rốt cuộc sống như thế nào? Trong sách không có một lời bàn giao tổng thể, khái quát, nhưng thông qua vài cuộc đối thoại giữa

các nhân vật, đã có hé lộ. Đời sống của nàng không tốt. Theo lẽ ra phải rất tốt chứ. Vì hai người chú đều được phong hầu mà. Phải không?

Đừng nói bản thân hai vị hầu gia, chỉ một phu nhân của Trung Tĩnh hầu đến dự một tang lễ, đằng trước đã có tiếng hô dẹp đường. Đúng không? Oai nghiêm biết bao. Lúc ấy đáng lẽ là đại phú đại quý. Nhưng Sử Tương Vân ở trong hai gia đình của hai người chú ấy đều sống rất không vui. Nàng không thể thường xuyên gặp chú của mình.

Giống như Lâm Đại Ngọc, bây giờ anh nghĩ lại xem, trong Vinh Quốc phủ, Lâm Đại Ngọc và Giả Chính có nhiều cơ hội gặp trực tiếp không? Cảnh miêu tả liên quan có nhiều không? Rất ít. Vậy bình thường nàng gặp ai suốt ngày? Là Vương phu nhân. Vì thế Sử Tương Vân cũng vậy.

Cái gọi là gửi nuôi trong nhà chú, thật ra tương đương với gửi nuôi trong nhà thím. Hiểu rồi chứ? Người nàng tiếp xúc nhiều nhất mỗi ngày là thím. Vậy hai người thím ấy đối với nàng thế nào? Rất hà khắc. Đối xử với nàng không tốt. Ở hồi thứ ba mươi hai, thông qua cuộc đối thoại giữa Tiết Bảo Thoa và Tập Nhân, Tiết Bảo Thoa hé lộ, thật ra cũng là Tào Tuyết Cần mượn lời của Tiết Bảo Thoa để hé lộ với độc giả. Tiết Bảo Thoa nói thế nào? Nàng nói: ta gần đây nhìn thần sắc của Vân nha đầu, nghe qua những lời nói bóng gió, thì thấy Vân nha đầu ở nhà quả thật chẳng tự chủ được chút nào. Nhà họ chê tốn kém, thế là không dùng những người làm chuyên việc kim chỉ.

Những thứ đại loại như vậy đều do bọn đàn bà con gái họ tự làm. Vì sao mấy lần nàng đến đây, khi nói chuyện với ta.

Hễ trước mắt không có ai, nàng liền nói ở nhà mệt lắm. Ta hỏi thêm vài câu chuyện sinh hoạt, thì vành mắt nàng đã không nghe lời, miệng cứ ngậm lại không nói. Có hỏi nữa cũng không nói. Tiết Bảo Thoa đã nói riêng với Tập Nhân như vậy. Điều đó khiến độc giả hiểu rằng nàng gửi nuôi trong nhà hai người chú, hai người thím đối với nàng không tốt. Vì đọc Hồng Lâu Mộng chúng ta vốn đã biết, như Giả Bảo Ngọc, một số đồ may vá, kim chỉ của cậu, chẳng hạn giày, yếm lót.

Đều do a hoàn làm. Trừ phi chẳng hạn đến sinh nhật cậu, có thể em gái cậu Thám Xuân làm một đôi giày tặng cậu, đó là chuyện thêm vào. Công việc hằng ngày đều do a hoàn làm, thậm chí có những việc thô hơn là do các bà tử, những phụ nhân làm. Thế nhưng trong nhà hầu gia này, Sử Tương Vân cũng phải làm rất nhiều việc kim chỉ. Mệt lắm. Cường độ lao động mà cao như vậy, con người còn có thú vui gì nữa? Dĩ nhiên bề ngoài thì rất vẻ vang. Trong sách có nhiều miêu tả trực tiếp. Ví dụ hồi thứ ba mươi mốt, nàng lại đến Vinh Quốc phủ. Có người vào báo: Sử đại cô nương đến rồi. Chỉ một lát đã thấy Sử Tương Vân dẫn theo nhiều a hoàn, nàng dâu đi ra. Người thím giữ thể diện bề ngoài rất hiểu chuyện này. Ai nói chúng tôi đối với cô nương ấy không tốt? Đúng không? Đi thăm họ hàng, ra khỏi cửa anh xem, đi theo cả đống a hoàn bà tử,

quần áo mặc chỉnh chỉnh tề tề. Trong sách còn có chi tiết nói Sử Tương Vân bảo mặc bộ áo này nóng quá. Nàng nói thím cứ bắt nàng mặc.

Thím nàng bắt nàng mặc như vậy là mong nàng giữ gìn sức khỏe sao? Mong nàng tránh lạnh sao? Nay xem ra không phải. Nghĩa là cô không được làm chúng tôi mất mặt. Đến nhà họ Giả, cô phải có thể diện. Bất kể cô mặc khó chịu thế nào, cô cũng phải mặc cho tươm tất.

Cả đống a hoàn bà tử vây quanh, nhưng trên thực tế nàng rất không hạnh phúc. Sử Tương Vân ở trong nhà chú nhận được tiền tiêu vặt rất ít. Sách cũng không trực tiếp bàn giao điều này. Nó cũng thông qua dòng chảy tình tiết, khi Tiết Bảo Thoa và Sử Tương Vân bàn chuyện làm thế nào? trong Vinh Quốc phủ, trong Đại Quan viên, mời mọi người ngắm hoa cúc, ăn cua, thì mới nhắc đến. Tiết Bảo Thoa có lời như thế. Tiết Bảo Thoa nói: Ở nhà, muội lại không làm chủ được, mỗi tháng tất cả chỉ có mấy xâu tiền, còn chẳng đủ cho muội tiêu vặt.

Nghĩa là muội muốn ở đây mời mọi người ngắm cúc ăn cua, thì lấy tiền ở đâu? Đúng không? Cho nên muội còn muốn mở tiệc, muội muốn làm chủ, và nàng nói thẳng: Thím muội mà nghe thấy, càng oán trách muội hơn. Từ lời này hé lộ rằng Sử Tương Vân ở hai phủ của hai người chú, địa vị của phủ hầu tước ấy cao hơn Vinh Quốc phủ đang được miêu tả trong sách. Vì Vinh Quốc phủ ban đầu dĩ nhiên là Vinh Quốc công, địa vị rất cao. Nhưng đến sau Vinh Quốc công, sau khi chồng của Giả mẫu qua đời, thì hiện nay hệ Giả Xá cũng chỉ còn là Nhất đẳng tướng quân.

Địa vị đã thấp hơn nhiều. Nhưng hai phủ hầu tước này cho Sử Tương Vân mỗi tháng chỉ mấy xâu tiền. Trong khi đó, từ sách chúng ta thấy ở Vinh Quốc phủ, Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, sau này bao gồm cả Lâm Đại Ngọc, mỗi tháng tiền tháng là bao nhiêu? Là hai lạng bạc. Nhiều hơn rất nhiều. Cho nên hoàn cảnh của Sử Tương Vân là không tốt.

Nói đến đây, có bạn Hồng học có thể bàn với tôi: giải quyết vấn đề này chẳng rất đơn giản sao? Giả mẫu lại là người cùng tộc với họ mà, đúng không? Sử Tương Vân lại là cháu gái trực hệ của bà. Bà đón nàng về bên mình nuôi dưỡng chẳng xong rồi sao? Bạn Hồng học ấy nêu vấn đề này, muốn bàn với anh, anh sẽ trả lời người ấy thế nào? Anh nói sao?

Phải biết rằng vào thời đại ấy, trong xã hội ấy, Giả mẫu tuy là người nhà mẹ đẻ của nàng, nhưng nàng đã có chú ruột. Theo trật tự luân lý lúc bấy giờ, Giả mẫu không thể cưỡng ép đón nàng về bên mình nuôi dưỡng. Hai người chú của nàng, bề ngoài cũng tuyệt đối không chịu buông bỏ quyền nuôi dưỡng nàng. Trong xã hội ấy, việc này không thể làm được. Hiểu ý tôi chưa? Huống chi hai người chú đều còn giữ tước vị rất cao.

Phải không? Các thím tuy đối với nàng không tốt, nhưng xét trên danh nghĩa, họ không thể mất mặt. Cho nên Giả mẫu chỉ có thể thỉnh thoảng đón nàng đến chơi, để nàng ở đây được sống vài ngày thư thái. Đến

lúc vẫn phải đưa nàng về. Có khi nàng còn không muốn về. Bên kia có người đến đón nàng, vì bên kia thấy nàng ở lâu quá.

Ở lâu quá thì ra thể thống gì? Phải không? Chẳng phải như vậy cũng vô tình làm mất mặt nhà chúng tôi sao? Cô đang im lặng phản kháng. Chúng tôi đối xử với cô không tốt ư? Ai đối xử với cô không tốt?

Thế là phái vài a hoàn bà tử đến đón nàng. Đó chính là số phận của Sử Tương Vân. Vì thế cô gái này, ngây thơ như thế, hoạt bát như thế, tràn đầy động lực nguyên sơ của sinh mệnh như thế, nhưng cuộc sống gửi nuôi của nàng rất không lý tưởng. Tuy ở trong nhà chú bề ngoài rất vẻ vang, nhưng Sử Tương Vân sống nhờ nhà người lại có một đời sống không hạnh phúc. Dù Giả mẫu thường đón Sử Tương Vân đến Giả phủ, nhưng đó chỉ là ở tạm, rốt cuộc không phải kế lâu dài. Thế nhưng mỗi lần Sử Tương Vân ở Giả phủ xuất hiện ngắn ngủi như bóng hồng thoáng qua, đều đặc biệt rực rỡ.

Vậy Sử Tương Vân ở Giả phủ rốt cuộc sống thế nào? Đến chỗ Giả mẫu, nàng rất vui vẻ. Nàng nhận được rất nhiều ấm áp. Bản thân nàng cũng bộc lộ đầy đủ mặt đẹp nhất trong thiên tính của mình. Trong sách có rất nhiều miêu tả trực tiếp và gián tiếp, rất nhiều nét bút kiểu điểm chấm về nàng. Chẳng hạn, khi nàng còn rất nhỏ, nàng đã được Giả mẫu đón đến Vinh Quốc phủ ở chơi.

Giả mẫu phái Trân Châu đến hầu nàng. Trân Châu này chính là Tập Nhân về sau. Vậy nàng và Trân Châu chung sống rất tốt. Trân Châu có lẽ lớn tuổi hơn nàng một chút. Cho nên hai người thường nói chuyện riêng với nhau. Ở hồi thứ ba mươi hai, chuyện này được hé lộ.

Vì Sử Tương Vân lại đến Vinh Quốc phủ, lúc ấy Tập Nhân bèn ôn chuyện cũ với nàng. Tập Nhân nói: Cô còn nhớ mười năm trước chúng ta ở Noãn các phía tây, buổi tối cô nói với tôi những gì không? Lần ấy không biết xấu hổ, bây giờ sao lại xấu hổ rồi? Lời này từ đâu mà ra? Vì mọi người đều nghe nói Sử Tương Vân lúc ấy sắp đính hôn. Nàng đã lớn rồi.

Đã đến lúc đính hôn. Thật ra nếu tính tuổi, có thể nàng vẫn chưa hoàn toàn đến tuổi đính hôn. Nhưng anh nghĩ xem, những người thím như vậy thì có tâm tư gì? Chỉ muốn sớm gả nàng đi cho xong. Thế là định hôn cho nàng. Cho nên lúc ấy Tập Nhân trước hết hỏi chuyện đính hôn.

Nàng liền xấu hổ. Tập Nhân mới nói: cô xấu hổ gì chứ? Mười năm trước cô nói chuyện riêng với tôi. Chuyện riêng ấy là gì thì không viết rõ. Để lại một khoảng trống cho độc giả chúng ta tưởng tượng. Sử Tương Vân ấy, trong đời sống ở Vinh Quốc phủ, sống bên cạnh Giả mẫu, nàng có thể rất phóng khoáng, để thiên tính trong đời sống được phát huy.

Nàng thường cải trang nam giới. Việc này trong nhà chú thím của nàng tuyệt đối không thể xảy ra. Nhưng ở chỗ Giả mẫu, Giả mẫu là người rất cởi mở, lại rất thích nàng, nên để nàng tùy ý. Nàng bèn cải trang nam

giới. Có một lần nàng cải trang nam giới, đứng hơi xa Giả mẫu. Giả mẫu vì mắt già mờ, nhìn không rõ, liền tưởng đó là Bảo Ngọc.

Bởi nàng mặc quần áo của Bảo Ngọc. Bà liền nói: Bảo Ngọc, con lại đây. Cẩn thận trên đầu vướng vào tua đèn, kẻo bụi rơi xuống. Câu này rất sinh động. Phương pháp nghiên cứu của tôi, một là nghiên cứu nguyên mẫu, một là đọc kỹ văn bản. Câu này viết rất tỉ mỉ.

Nếu là tiểu thuyết thuần hư cấu, theo tôi, không dễ gì xuất hiện một câu như thế. Chính vì tác giả từng sống trong gia đình ấy, nên ông viết sự phú quý của gia đình phú quý rất chân thực. Nếu anh tưởng tượng về gia đình phú quý, thì sao trong nhà lại có bụi được? Chắc chắn bốn phía sáng choang. Phải không? Ông viết trong phòng Vương phu nhân, trên ghế có cái đệm tựa đã nửa cũ.

Ông viết rất chân thực. Điều đó không có nghĩa là không phú quý, hiểu không? Gia đình phú quý đến đâu thì đồ đạc cũng phải dùng. Dùng đến một mức nào đó rồi mới thay mới. Đều sẽ có trạng thái nửa cũ. Trên tua đèn ấy cũng có thể tích bụi.

Bụi này có thể trước một dịp lễ tết nào đó mới được quét dọn. Nhưng khi chưa quét thì trên đó có bụi. Hơn nữa tua đèn rất dài. Phải không? Sau khi cải trang nam giới, trên đầu nàng có thể còn đội mũ. Đúng không, vậy có thể chạm vào tua đèn. Như thế có thể bị bụi nhỏ rơi vào mắt. Giả mẫu nhìn nhầm, tưởng là Bảo Ngọc. Thật ra chính là nàng. Về sau dĩ nhiên mọi người đều rất vui. Vậy ở bên cạnh bà cô tổ của nàng, nàng ít nhiều được hưởng một ít sự ấm áp và niềm vui. Quan hệ giữa nàng và Giả mẫu trong sách trước sau không có một câu tự sự trực tiếp để bàn giao, nhưng rất nhiều chi tiết phản ánh rằng họ rất thân mật, có quan hệ đặc biệt. Chẳng hạn ở hồi thứ ba mươi bảy, lúc ấy Giả mẫu cũng vào Đại Quan viên để dạo chơi. Thế là đến chỗ Ngẫu Hương tạ. Giả mẫu bèn hồi tưởng, nói rằng trong vườn cũ của nhà họ Sử chúng ta khi xưa cũng có một đình các tương tự, gọi là Chẩm Hà các. Lúc ấy, Giả mẫu bảo người ta đọc câu đối ở Ngẫu Hương tạ. Vậy do ai đọc? Khi ấy xung quanh có rất nhiều người. Tác giả không sắp xếp người khác đọc, mà chỉ sắp xếp Sử Tương Vân đọc. Sử Tương Vân đọc câu ấy: "Phù dung ảnh phá quy lan trạo, Lăng ngẫu hương thâm tả trúc kiều." Chữ "tạ" này trong một số cổ bản lại thêm bộ thủy, viết thành "tạ". Giả mẫu còn kể đến chuyện năm xưa, khi còn nhỏ ở Chẩm Hà các, vì chơi đùa mà rơi xuống nước. Sau khi được cứu lên, bị cây đinh tre va phải.

Kết quả ở bên chân bị lõm một chỗ. Đến nay vẫn còn một vết lõm lớn bằng đầu ngón tay. Giả mẫu còn nhắc chuyện này. Những đoạn hoài cũ kiểu điểm chấm ấy khiến chúng ta đối với Sử Tương Vân, với bối cảnh gia tộc của nàng, có trí tưởng tượng phong phú hơn. Vậy Sử Tương Vân không nỡ rời Giả mẫu, không nỡ rời Vinh Quốc phủ. Mỗi lần đến Vinh Quốc phủ, nàng đều không nỡ đi.

Ở cuối hồi ba mươi sáu, bỗng thấy Sử Tương Vân mặc đồ đi đường, đi vào từ biệt, nói rằng người nhà đến đón nàng. Sử Tương Vân chỉ rưng rưng nước mắt. Thấy người nhà nàng ở trước mặt, lại không dám quá tủi

thân. Nàng nếu quay về kể lại với các thím, nói người ở đây không chịu cho nàng về, lại sợ nàng bị ức hiếp thêm. Cho nên nàng đã ra đến cửa, lại quay đầu dặn Bảo Ngọc: Nếu lão thái thái nhớ ta, thì trước hết phải sai người đường hoàng đến đón ta. Tác giả viết ra một cô bé như vậy, được gửi nuôi ở nhà chú thím, nhưng lại không thể có được một đời sống hạnh phúc.

Ở Vinh Quốc phủ, khó lắm nàng mới được hưởng một ít niềm vui của đời sống. Ông viết sự tồn tại sinh mệnh của Sử Tương Vân như thế. Như tôi đã nói trong buổi giảng trước, nhân vật Sử Tương Vân, hình tượng nghệ thuật này và nguyên mẫu đời sống nhất định có khoảng cách rất nhỏ. Gần như là phác họa đúng theo sự thật một con người thật trong đời sống. Cho nên khi viết các phương diện của nàng, kể cả khuyết điểm, như nói ngọng, phát âm không rõ, trong sách đều có bàn giao rất rõ. Lâm Đại Ngọc từng trêu nàng.

Nói rằng ngay cả "nhị ca ca" cũng gọi không được, chỉ toàn "ái ca ca, ái ca ca". Rồi khi làm váy, lại phải đọc lẫn một, hai, ba, bốn, năm. Giai đoạn đầu các cô ấy làm váy có thể là kiểu xếp năm ngón. Đó chính là Sử Tương Vân. Nàng có khuyết điểm. Hồi thứ năm mươi chín, sáng sớm thức dậy, vừa có chút mưa bụi.

Lúc ấy Sử Tương Vân thế nào? Hai má nàng ngứa lên. Nàng làm sao vậy? E rằng phát chứng ban rộm. Mỹ nhân trong Hồng Lâu Mộng cũng mọc ban rộm. Nhà văn bình thường dám viết như vậy sao?

Đúng không? Tuyển mỹ nhân Hồng Lâu Mộng, anh có thể hóa trang thành mấy mảng rộm mà lên sân khấu không? Phải không? Nhưng Tào Tuyết Cần viết tiểu thuyết thì cứ viết như vậy, vô cùng chân thực. Lúc ấy dù là tiểu thư trong gia đình quý tộc, cũng mọc ban rộm. Trước hết Sử Tương Vân thấy hai má ngứa.

Bệnh phát ra rồi. Sau đó nàng hỏi Bảo Thoa xin thuốc trị chứng ấy. Xin phấn hoa hồng. Kết quả Bảo Thoa nói thứ nàng pha chế đã đưa cho Bảo Cầm bọn họ rồi. Rồi nói nghe đâu Đại Ngọc pha chế rất nhiều, bảo nàng đến chỗ Đại Ngọc lấy. Có lẽ những người này đều mọc ban rộm.

Đúng không? Tào Tuyết Cần viết thật khéo. Nhưng tuy ông viết như vậy, khi chúng ta nghĩ đến các cô gái ấy, vẫn thấy họ rất đẹp. Chân thực là bản chất của cái đẹp. Các cô gái trong Hồng Lâu Mộng được độc giả yêu thích vì họ rất khác nhau, mỗi người có tính cách đáng yêu riêng. Họ khiến độc giả cảm nhận được sức sống tươi mới của nhân vật.

*Sử Tương Vân càng là đại diện nổi bật trong số ấy. Trong Hồng Lâu Mộng, Sử Tương Vân là nhân vật quan trọng, nhưng số lần xuất hiện không nhiều. Vậy ông Lưu Tâm Vũ phân tích lối viết kiểu điểm chấm này như thế nào? Vậy chúng ta tổng kết một chút về Sử Tương Vân. Trong tám mươi hồi, nàng xuất hiện mấy lần? Nàng đến Vinh Quốc phủ mấy lần?*

Lần thứ nhất là hồi thứ hai mươi, kỳ trước đã nói rồi. Bỗng có người báo Sử đại cô nương đến, nàng ở trước mặt Giả mẫu nói cười rôm rả. Nàng đã đến như vậy. Vậy nàng rời đi lúc nào? Không có bàn giao rõ. Nhưng nếu anh đọc kỹ văn bản sẽ phát hiện hồi thứ hai mươi hai nàng vẫn còn ở đó, vẫn còn ở Vinh Quốc phủ.

Nhưng về sau lại không còn việc gì của nàng nữa. Đến hồi thứ ba mươi mốt, nàng lại đột nhiên xuất hiện. Cuối hồi thứ ba mươi sáu nói người nhà đến đón nàng đi. Đây là lần thứ hai nàng đến Vinh Quốc phủ. Lần thứ ba, ngay sau đó rất nhanh nàng lại trở về Vinh Quốc phủ, là vì Giả Bảo Ngọc và mọi người thành lập Hải Đường thi xã. Tập Nhân sai một bà Tống mang ít vải tươi đến cho Sử Tương Vân.

Sử Tương Vân tiện hỏi họ đang làm gì. Bà Tống cũng không hiểu, chỉ nói hình như họ lập một hội thơ, nói là muốn làm thơ. Sử Tương Vân nghe xong liền sốt ruột. Làm thơ sao lại quên nàng được? Bà Tống về nói lại như vậy, Giả Bảo Ngọc lập tức giục Giả mẫu, nói hãy đón nàng đến ngay. Giả mẫu nói trời đã muộn.

Vì hai phủ ấy có lẽ cách họ đều khá xa, lúc ấy cũng không biết nàng đang ở nhà Trung Tĩnh hầu hay nhà Bảo Linh hầu. Tóm lại đều khá xa, nên ngày hôm sau vẫn đón nàng đến. Đó chính là lần thứ ba nàng đến Vinh Quốc phủ. Mãi đến hồi thứ bốn mươi hai vẫn có bóng dáng nàng xuất hiện. Nhưng nàng lại rời đi lúc nào thì không nói nữa. Đến hồi thứ bốn mươi chín, có một bàn giao rất rõ ràng, chính là điều kỳ trước tôi đã nhắc.

Một người chú của nàng, Sử Nại, Bảo Linh hầu, được điều ra ngoài. Vì thế phải đem cả nhà đến nơi khác. Giả mẫu không nỡ rời Sử Tương Vân, nên giữ Sử Tương Vân lại, để nàng ở Vinh Quốc phủ. Mãi đến hồi thứ tám mươi, nàng không rời đi nữa. Đó là tình hình vài lần xuất hiện của Sử Tương Vân trong sách. Thông qua buổi trước và buổi này, tôi rút ra một kết luận để mọi người tham khảo: nếu là một nhân vật thuần hư cấu, thì không thể áp dụng lối viết như thế.

Không thể viết thành như vậy. Vì bản thân tôi từng viết tiểu thuyết dài. Khi tôi thiết kế cho nhân vật này gia đình của người ấy, lai lịch của người ấy, đầu đuôi, nguyên do của người ấy, khi viết tôi phải đặc biệt cẩn thận. Bởi đó là một nhân vật hoàn toàn hư cấu, căn cứ đời sống tương đối ít, nên tôi càng phải hết sức chú ý. Tôi phải để trước sau luôn hô ứng với nhau. Tôi phải để kết cục của người ấy trông đặc biệt viên mãn.

Chỉ với nhân vật tôi quen thuộc nhất, khi viết tôi mới yên tâm nhất. Cho nên có lúc ngược lại tôi không cần vá víu tỉ mỉ. Vì thật sự có một cảnh như vậy, tôi viết vào tiểu thuyết thì nó chính là như thế. Người ấy nói như vậy. Đương nhiên biểu hiện cũng như vậy. Nó thú vị như thế.

Dựa vào kinh nghiệm sáng tác và kinh nghiệm đọc của bản thân, tôi cho rằng nhân vật Sử Tương Vân quả thật, nếu so với các nhân vật khác, thì hình tượng nghệ thuật này và nguyên mẫu của nó có khoảng cách ngắn nhất.

*Nghiên cứu nguyên mẫu là phương pháp chính ông Lưu Tâm Vũ dùng để phân tích Hồng Lâu Mộng. Ông cho rằng Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng có nguyên mẫu nhân vật. Thậm chí giữa nàng và nguyên mẫu có độ trùng khớp rất cao. Vậy nguyên mẫu của Sử Tương Vân rốt cuộc là ai?*

Vậy dựa vào những tình hình ấy, chúng ta có thể rút ra kết luận như sau: nhân vật Sử Tương Vân quả thật có nguyên mẫu đời sống.

Nguyên mẫu ấy hẳn là Ở hồi thứ năm này, đối với Sử Tương Vân, vận mệnh của nàng cũng có một số ám chỉ. Ví dụ, trong khúc "Lạc trung bi" đã nói rất rõ về vận mệnh của nàng. Về sau là như vậy: nàng kết duyên riêng với một chàng tài mạo thần tiên, mong được lâu dài đến bạc đầu; bù đắp cho thời thơ ấu gập ghềnh khốn khó. Câu này có nghĩa gì? Nghĩa là nhân vật này về sau xuất giá, lấy một người chồng rất tốt. Người chồng ấy là một chàng tài mạo thần tiên.

Lời đánh giá này rất cao. Hơn nữa nàng và người chồng ấy quan hệ rất tốt. Họ muốn tranh lấy chuyện đầu bạc bên nhau, muốn được dài lâu đến bạc đầu. Như vậy là đem những gập ghềnh thuở nhỏ của nàng toàn bộ bù đắp lại. Tức là đối với việc cha mẹ mất từ khi còn trong tã lót, rồi gửi nuôi trong nhà hai người chú, những điều không vui, không hạnh phúc ấy đều được bù đắp. Dĩ nhiên, hiện trong tám mươi hồi chúng ta chưa thấy những tình tiết như vậy.

Nhưng chắc chắn sẽ có, vì nó được viết ở hồi thứ năm. Hồi thứ năm là cương lĩnh tổng quát về vận mệnh nhân vật. Đúng không? Vậy bây giờ vấn đề của tôi đến rồi. Nếu nói Sử Tương Vân trong sách về sau kết duyên với chàng tài mạo thần tiên, thì chàng tài mạo thần tiên ấy là ai?

# Tập 42

Bí ẩn đính hôn của Sử Tương Vân

*Sử Tương Vân, một tiểu thư khuê các chốn hầu môn. Nàng tuy xuất thân danh giá nhưng đã mồ côi cha mẹ từ thuở còn bọc tã và khi tuổi còn nhỏ đã được hứa gả cho người ta. Vậy vị lang quân được hứa gả ấy là ai? Sự xuất hiện của Sử Tương Vân khiến mối dây tình cảm giữa Bảo, Đại, Thoa càng thêm căng thẳng. Vậy giữa Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc rốt cuộc có quan hệ tình yêu hay không? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã đặc sắc cho quý vị về "Hồng Lâu Mộng", lý giải bí ẩn việc định thân của Sử Tương Vân.*

*Trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ đã giảng rằng Sử Tương Vân là một trong những nhân vật được Tào Tuyết Cần dồn nhiều bút mực, dụng công khắc họa trong "Hồng Lâu Mộng". Nàng là đại tiểu thư nhà họ Sử, nhà "A Phòng cung ba trăm dặm cũng không chứa nổi một họ Sử ở Kim Lăng". Nàng là con gái hầu môn phú quý hiển hách. Nhưng chính một vị đại tiểu thư hầu môn như thế lại mất cha mẹ từ thuở còn bọc tã, chưa từng được cha mẹ săn sóc. Từ nhỏ nàng gửi nuôi ở nhà chú thím, sống những ngày thiếu người thật lòng dạy dỗ. Trong mạng lưới quan hệ nhân vật chằng chịt phức tạp của "Hồng Lâu Mộng", khi viết về sự hiện diện của Sử Tương Vân, tác giả đã để lại giữa các nét bút nhiều ẩn đố khó lý giải.*

*Vị tiểu thư mà Bảo Ngọc luôn gọi là "Ái ca ca" ấy thực ra tuổi tác là bao nhiêu? Vì sao Tào Tuyết Cần vừa viết lần thứ hai Sử Tương Vân xuất hiện thì nàng đã được hứa gả cho người ta? Đã hứa gả cho người ta, thì vị lang quân ấy rốt cuộc sẽ là ai? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục loạt chương trình "Hành trình giải mã Hồng Lâu Mộng", "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Sử Tương Vân", tập thứ ba: Bí ẩn định thân.*

Ở bài giảng trước, cuối cùng tôi nêu ra một câu hỏi: đó là khúc "Lạc trung bi" ở hồi năm, đã cho chúng ta biết rằng Sử Tương Vân về sau "sánh đôi cùng một chàng tiên tài mạo". Vậy chàng tiên tài mạo ấy rốt cuộc là ai?

Cần phải bàn kỹ. Nếu bạn đọc kỹ văn bản "Hồng Lâu Mộng", bạn sẽ phát hiện lần thứ hai Sử Tương Vân đến phủ Vinh Quốc, Vương phu nhân gặp nàng, Vương phu nhân có nói như thế này. Vương phu nhân nói: "Có lẽ bây giờ ổn rồi. Hôm trước có người đến xem mặt, xem ra sắp có nhà chồng rồi." Tức là nói nàng đã định thân. Đến hồi thứ ba mươi hai, nàng lại gặp Tập Nhân. Tập Nhân rất thân với nàng, hồi nhỏ từng hầu hạ nàng, nên Tập Nhân cũng nói: "Đại cô nương, nghe nói hôm trước cô có tin mừng lớn." Tiểu thư nhà quý tộc ngày trước, nếu đã định thân, dĩ nhiên có thể được chúc mừng, tức là có "đại hỷ".

Điều đó chứng tỏ rằng khi câu chuyện trong tiểu thuyết phát triển đến hồi ba mươi mốt, ba mươi hai, Sử Tương Vân đã định thân rồi. Có bạn đọc mê Hồng Lâu đã từng hỏi tôi một câu như thế này. Người ấy nói: Sử Tương Vân rốt cuộc bao nhiêu tuổi? Nếu lấy Giả Bảo Ngọc làm một chuẩn mực, thì chúng ta đều biết

Tiết Bảo Thoa lớn tuổi hơn chàng, cho nên cách gọi "Bảo tỷ tỷ" đã ăn sâu vào lòng người. Lâm Đại Ngọc thì nhỏ hơn Giả Bảo Ngọc, cho nên "Lâm muội muội" chỉ chính Lâm Đại Ngọc. Vậy Sử Tương Vân rốt cuộc ở độ tuổi nào?

Trong sách, thật ra qua cách xưng hô giữa nhân vật, cũng có một cách biểu đạt. Sử Tương Vân gọi Bảo Ngọc là gì? "Ái ca ca, Ái ca ca." Bảo Ngọc gọi nàng là "Vân muội muội". Có thể thấy Bảo Ngọc vẫn lớn hơn nàng. Vậy khi câu chuyện trong tiểu thuyết đến hồi ba mươi mốt, ba mươi hai, bạn thử nghĩ kỹ xem: Bảo Thoa chưa định thân, Nghênh Xuân lẽ ra là một cô gái khá lớn, Nghênh Xuân tương đối lớn tuổi, cũng vẫn chưa định thân. Thám Xuân cũng chưa định thân, Đại Ngọc dĩ nhiên cũng chưa định thân.

Vậy một cô gái nhỏ hơn Bảo Ngọc, được gọi là "Vân muội muội", lại đã định thân rồi. Có phải hơi sớm không? Dĩ nhiên qua bài giảng trước, mọi người cũng đã hiểu: nàng đã mất cha mẹ từ thuở bọc tã. Dù nàng cũng sống trong nhà hầu môn, sống giữa chốn gấm vóc lụa là, nhưng "ai biết nâng niu nuôi dưỡng"? Chú thím của nàng liệu có nuôi nấng nàng thật chu đáo không? Thím của nàng suốt ngày bắt nàng làm kim chỉ.

Vì vậy, dù tuổi nàng còn nhỏ, nhưng chú thím của nàng sớm định thân cho nàng, sớm gả nàng đi, cũng là điều có thể hiểu. Nhưng chú thím của nàng cũng không thể làm quá đáng. Một tiểu thư hầu môn như thế, nếu nói đưa đi làm con dâu nuôi, thì vẫn không thể nói cho xuôi được. Vì thế có bạn mê Hồng Lâu rất băn khoăn, nói Sử Tương Vân rốt cuộc bao nhiêu tuổi? Vì cách gọi "Vân muội muội" không đi sâu vào lòng người. Độc giả ngày nay nhắc đến nhân vật này thường chỉ gọi là Sử Tương Vân, không giống "Lâm muội muội", là cách gọi chung của Lâm Đại Ngọc.

Thật ra, Tào Tuyết Cần ở hồi bốn mươi chín có một đoạn rất đáng chú ý. Ông gần như muốn nói với mọi người rằng: đối với các cách gọi anh em, chị em trong sách, đừng quá chấp nhặt. Hồi bốn mươi chín là hồi náo nhiệt nhất. Khi ấy Đại Quan viên đạt tới trạng thái mỹ nhân tụ hội. Ngoài những mỹ nhân vốn có, lại thêm một số người. Chúng ta nhớ lại xem gồm những ai?

Có em họ của Tiết Bảo Thoa là Tiết Bảo Cầm, có một cháu gái của Hình phu nhân, là Hình Tụ Yên, lại còn bà thím góa của Lý Hoàn đưa đến hai cô em họ là Lý Văn, Lý Khởi. Đều là những cô gái trẻ trung xinh đẹp. Vì thế lúc này, Tào Tuyết Cần có một đoạn giải thích. Ông nói: Lúc ấy trong Đại Quan viên náo nhiệt hơn trước biết bao. Lý Hoàn đứng đầu, còn lại là Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Bảo Thoa, Đại Ngọc, Tương Vân, Lý Văn, Lý Khởi, Bảo Cầm, Tụ Yên, thêm cả Phượng tỷ và Bảo Ngọc, tổng cộng mười hai, mười ba người. Nói đến tuổi tác, trừ Lý Hoàn lớn tuổi nhất, mười hai người ấy đều chỉ khoảng mười lăm, mười sáu, mười bảy tuổi.

Có ba người cùng năm, có năm người cùng tuổi, phần lớn chỉ khác nhau giờ sinh, tháng sinh mà thôi. Ngay chính họ cũng không nhớ rõ ai lớn ai nhỏ. Chỉ là bốn chữ chị em anh em được gọi lẫn lộn cho thân mật.

Đoạn ấy đã giải thích cho bạn: thật ra tuổi họ chênh nhau không nhiều. Có lúc chính họ cũng không rõ. Nói người này lớn thì chỉ lớn hơn vài tháng, vài ngày; nói người kia nhỏ, thì cũng chẳng nhỏ hơn bao nhiêu.

Cho nên xưa nay đều có hiện tượng này: nếu một nam một nữ xấp xỉ tuổi nhau, thông thường, phía nữ sẽ gọi phía nam là anh, phía nam gọi phía nữ là em. Thông thường là cách gọi như thế. Vì vậy tuổi của Tương Vân, do bài giảng trước đã chỉ ra, trong sách không có một đoạn văn tự sự thật chính xác, mang tính khái quát, để giới thiệu nàng. Cho nên tuổi của nàng, trong cảm nhận của chúng ta, khá mơ hồ. Nàng hẳn là xấp xỉ Bảo Ngọc, hoặc nhỏ hơn một chút, thậm chí chưa chắc nàng thật sự nhỏ hơn Bảo Ngọc. Nàng gọi "Ái ca ca", người kia gọi "Vân muội muội", chỉ là gọi tùy miệng cho thân mật mà thôi.

*Qua phần giải đọc văn bản "Hồng Lâu Mộng" của ông Lưu Tâm Vũ, chúng ta biết rằng tuổi của Sử Tương Vân đại khái ngang với Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, đều thuộc lớp cùng trang lứa. Lần thứ hai Sử Tương Vân xuất hiện ở phủ Giả, trong sách đã miêu tả rằng nàng đã được hứa gả cho người ta. Về việc định thân của Sử Tương Vân, một số bạn mê Hồng Lâu đã đặt câu hỏi. Theo mô tả trong văn bản "Hồng Lâu Mộng", khi ấy những người cùng trang lứa như Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa đều chưa định thân. Vì sao Sử Tương Vân lại định thân rồi? Việc định thân của Sử Tương Vân được viết ra qua hình thức đối thoại nhân vật.*

*Tào Tuyết Cần không có một đoạn trần thuật nào để nói rõ cho độc giả nàng rốt cuộc định thân như thế nào, và đó là kiểu hôn ước gì. Vì sao Tào Tuyết Cần không nói rõ? Đây quả thật là một câu đố. Để mở ra lời giải cho câu đố này, ông Lưu Tâm Vũ thông qua việc đọc kỹ văn bản đã hệ thống lại trong "Hồng Lâu Mộng" các hình thức hôn phối của gia đình quý tộc thời phong kiến. Từ những hình thức hôn phối ấy, chúng ta liệu có thể tìm thấy manh mối về việc Sử Tương Vân sớm định thân hay không? Bây giờ chúng ta có thể bàn một chút.*

Sử Tương Vân định thân, nàng phải gả ra ngoài, thì nên thuộc kiểu nào? Trong sách có rất nhiều kiểu cưới gả. Chuyện nha hoàn phối với tiểu bộc không nằm trong phạm vi bàn luận của chúng ta. Cái gọi là "được hay không, kéo ra phối cho một thằng hầu", chuyện ấy ta không bàn ở đây. Điều chúng ta bàn là những người dù sao cũng có thân phận tiểu thư. Dĩ nhiên có người gia cảnh kém hơn, cũng có người gia cảnh rất tốt, có người là thiên kim quý tộc.

Vậy có những kiểu như sau. Một kiểu là do hoàng tộc, hoàng gia chỉ hôn.

Ví dụ tiểu thuyết viết rằng Nguyên Xuân thông qua việc ban lễ tiết Đoan Ngọ đã bày tỏ ý riêng của nàng đối với hôn sự của Bảo Ngọc và Bảo Thoa, một ý hướng chỉ hôn. Việc chỉ hôn ấy về sau, do Giả mẫu khéo léo chống lại, nên không thành công. Nhưng trong xã hội lúc bấy giờ, đó vẫn là một cách hôn nhân, cũng là một kiểu hôn nhân được nhiều gia đình quý tộc và chính các tiểu thư quý tộc mong mỏi. Bởi nếu do hoàng gia, đích thân hoàng đế chỉ hôn, thì đó là vinh dự quá lớn. Ngay cả khi không phải đích thân hoàng đế chỉ hôn, ví dụ có một vị phi tần quan trọng chỉ hôn cho, thì cũng rất vẻ vang. Vì vậy tiểu thư nhà quý tộc có một

con đường là thông qua hoàng đế hoặc nhân vật quan trọng trong hoàng gia để được chỉ hôn, rồi cuối cùng kết thành hôn sự.

Đây là một kiểu. Kiểu thứ hai là kiểu thường quy nhất, một kiểu chuẩn mực của hôn phối giữa các gia đình quý tộc. Kiểu này, vì toàn bộ "Hồng Lâu Mộng" là một đại bi kịch, nên trong những tình tiết chính và nhân vật chính không ai thật sự rơi vào kiểu ấy. Nhưng sách có một nét bút nhắc đến, cho bạn biết rằng có kiểu này. Đó là ở hồi thứ bảy mươi, có một đoạn như thế này. Mong các bạn khi đọc nhất định phải chú ý.

Nó viết rằng: "Gần đây vừa đúng lúc con gái Vương Tử Đằng được hứa làm vợ con trai Bảo Linh hầu, chọn ngày mồng mười tháng năm về nhà chồng, Phượng tỷ lại bận thu xếp, thường ba, năm ngày không ở nhà." Đây là một kiểu điển hình về hôn phối giữa bốn đại gia tộc. Bốn đại gia tộc thì chúng ta đều rất rõ, trong đó có nhà họ Vương. Vương Tử Đằng là người trong bốn đại gia tộc, đến giai đoạn ấy của câu chuyện, có địa vị cao nhất. Ông làm quan lớn trong triều, rất có quyền thế. Vậy con gái ông được hứa cho ai? Con trai Bảo Linh hầu.

Con trai Bảo Linh hầu là gì của Sử Tương Vân? Là anh họ. Lúc ấy hai nhà này đều có địa vị rất cao. Vương Tử Đằng làm quan lớn, về sau còn ra trấn nhậm bên ngoài, gọi là Cửu tỉnh Đô kiểm điểm, địa vị rất cao. Còn Bảo Linh hầu thì khỏi cần nói, bản thân đã là một vị hầu tước. Bạn xem, đây là giữa bốn đại gia tộc một kiểu hôn phối chính quy nhất.

Tác giả viết nó như bối cảnh, nhưng nét bút này cũng rất quan trọng, không thể bỏ qua. Vậy, về lối hành văn của Tào Tuyết Cần, luôn có người tranh luận với tôi, nói ông chỉ tiện tay viết vậy thôi. Họ bảo: cách phân tích của ông luôn thấy cái này cũng có ý nghĩa, cái kia cũng có ý nghĩa. Tiểu thuyết mà, họ cho rằng tiểu thuyết là viết tùy tiện, hoặc phóng bút một cái là xong. Tiểu thuyết được phóng bút viết ra cũng là một loại, điều đó tôi không phủ nhận. Nhưng "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần quả thật không phải kiểu tiểu thuyết ấy.

Văn bút của nó vô cùng tinh tế, tinh như lông trâu. Ví dụ, ngay dưới đoạn tôi vừa dẫn, ông lại viết tiếp một đoạn. Ông nói: "Hôm ấy phu nhân Vương Tử Đằng lại đến đón Phượng tỷ, đồng thời mời các cháu trai cháu gái đến chơi một ngày. Giả mẫu và Vương phu nhân bèn bảo Bảo Ngọc, Thám Xuân, Đại Ngọc, Bảo Thoa, bốn người, cùng Phượng tỷ đi." Vậy, ở hồi thứ bảy mươi, vào giai đoạn ấy của câu chuyện, Sử Tương Vân có ở phủ Giả không? Có ở phủ Vinh Quốc không? Nàng có ở đó.

Hồi bảy mươi chính là chuyện điền từ về liễu nhứ. Bài từ liễu nhứ ấy được làm thế nào? Ai làm bài đầu tiên? Sử Tương Vân. Các bạn còn nhớ không? Đúng không?

Thế nhưng danh sách ấy lại không có Sử Tương Vân. Vì sao? Ông viết rất kỹ. Bạn phải hiểu đạo lý này. Con trai Bảo Linh hầu là ai? Chính là anh họ của Sử Tương Vân.

Đúng không? Vì thế con gái Vương Tử Đằng chẳng phải tương đương với chị dâu họ tương lai của nàng sao? Phải không? Nhưng vì sao khi Tào Tuyết Cần viết, văn bút ông lại tinh tế như thế, lại viết như vậy? Lý do rất đơn giản. Dù là Bảo Thoa, hay Đại Ngọc, dĩ nhiên gồm cả Nghênh Xuân, Thám Xuân, đều chưa định thân.

Những tiểu thư chưa định thân, trong loại hoạt động xã giao này, hành động tương đối tự do. Nhưng Sử Tương Vân thì đã định thân rồi. Một cô em họ đã định thân và một anh họ cũng đã định thân thì không tiện gặp lại nhau nữa. Sẽ không thuận tiện. Dĩ nhiên nàng đi đến nhà Vương Tử Đằng, nhưng cô con gái Vương Tử Đằng này sắp trở thành chị dâu họ của nàng. Cho nên dưới các quy phạm luân lý phong kiến lúc bấy giờ, và những phong tục liên quan, trong hoàn cảnh ấy, Sử Tương Vân đi là không tiện.

Những chỗ này có phải viết rất kỹ không? Ông thật sự viết rất kỹ, và viết rất chuẩn xác. Khi thưởng thức văn bút Tào Tuyết Cần, đồng thời chúng ta cũng hiểu được rằng đọc cuốn sách này chẳng khác nào đọc một bộ bách khoa toàn thư về xã hội phong kiến. Đối với một số quy phạm luân lý đạo đức phong kiến lúc bấy giờ, chúng ta cũng nên hiểu biết đôi chút. Kiểu thứ ba là cha mẹ sắp đặt. Điển hình nhất là Nghênh Xuân.

Nghênh Xuân còn không hẳn là cha mẹ sắp đặt, mà là do người cha sắp đặt. Hình phu nhân vì là một người rất mềm yếu, rất nhu nhược, vừa ngu dốt vừa nhu nhược, một phụ nữ cố chấp. Còn Giả Xá trước mặt bà ta là quyền uy tuyệt đối. Giả Xá bèn tự làm chủ, đem Nghênh Xuân hứa cho ai? Hứa cho Tôn Thiệu Tổ, cũng chính là kẻ được nhắc đến ở hồi thứ năm là "sói Trung Sơn". Dĩ nhiên về sau số phận Nghênh Xuân rất bi thảm, mọi người đều biết, tôi không nói nhiều nữa.

Hơn nữa đến cuối cùng, lại lộ ra một căn nguyên: thực ra nhà họ Tôn và nhà họ Giả không thật sự môn đăng hộ đối. Dù lúc ấy Tôn Thiệu Tổ cũng khá phát đạt, nhưng xét từ gốc rễ, không thể so với nhà họ Giả. Vậy tại sao Giả Xá nhất quyết đem Nghênh Xuân hứa cho Tôn Thiệu Tổ? Về sau Tôn Thiệu Tổ mắng chửi Nghênh Xuân, ý là nói cô chẳng qua là một nha hoàn ta mua bằng năm nghìn lạng bạc. Vì sao vậy? Bởi Giả Xá từng hỏi vay nhà họ năm nghìn lạng bạc, đến lúc ấy vẫn chưa trả.

Vì vậy chẳng khác nào đem con gái gả cho người ta, coi như để gán nợ. Hai bên miệng không nói rõ, nhưng trong lòng đều hiểu. Cho nên Nghênh Xuân rất bất hạnh. Nhưng đây là một kiểu hôn nhân: đó là do cha mẹ sắp đặt, mà thường là do người cha sắp đặt. Còn có một tình huống nữa, đó là có người đến cầu thân, do bạn thế giao hoặc bạn bè làm mai cầu thân. Trong xã hội lúc bấy giờ, đây cũng là một hình thức gả cưới, một hình thức kết hôn.

Ví dụ điển hình nhất vừa rồi tôi đã nhắc đến: khi đi lễ ở Thanh Hư quán, Trương đạo sĩ đã cầu thân cho Giả Bảo Ngọc. Ông là bạn thế giao, nói xa hơn, ông là người thế thân của Vinh Quốc công, đó là một thân phận rất quan trọng. Đúng không? Vì thế ông có tư cách đứng trước Giả mẫu cầu thân cho Bảo Ngọc. Dĩ nhiên việc này bị Giả mẫu từ chối. Nếu thành công, đó cũng là một cách hôn nhân.

Một ví dụ mà chúng ta ấn tượng rất sâu là Giả Liễn. Với tư cách là bạn của Liễu Tương Liên, anh ta đem cô em vợ của mình, đem Vưu Tam Thư, giới thiệu cho Liễu Tương Liên. Ban đầu Liễu Tương Liên nghe cũng rất vui, còn đem thanh kiếm Uyên Ương làm tín vật, nhờ Giả Liễn mang cho Vưu Tam Thư. Dĩ nhiên cuối cùng là một bi kịch. Nếu không phải bi kịch, nếu thành công, thì trong xã hội lúc bấy giờ đó cũng là một hình thức hôn nhân, do bạn bè thế giao đứng ra giới thiệu. Đây lại là một hình thức nữa.

Còn một hình thức bạn phải chú ý. Có người hiểu phần nào về xã hội phong kiến, nhưng đối với điểm này có lẽ không thật rõ. Lúc ấy có bà mối quan phủ. Bà mối không phải đều là tư nhân. Bản thân quan phủ có một tổ chức bà mối, trong đó có nhiều bà mối do quan nuôi. Họ chuyên lo việc qua lại làm mai mối nam nữ cho những gia đình đã có địa vị nhất định.

Trong đa số trường hợp, họ mang theo ý định của bên nhà trai. Một công tử của một gia đình nào đó đã đến tuổi, cần chọn vợ, nhưng chưa có mối sẵn, bèn nhờ quan môi bà đến các gia đình tương ứng tìm cô gái cùng tuổi tác, để làm mối. Chỉ cần phụ huynh đồng ý, thông qua sự se duyên của bà mối quan, cũng có thể hình thành một cuộc hôn nhân. Đây thậm chí là cách làm rất thịnh hành đời Thanh. Vậy trong "Hồng Lâu Mộng" có miêu tả phương diện này không? Miêu tả triển khai thì không nhiều, nhưng có những nét bút như vậy.

Tác giả có nhắc đến. Đến hồi thứ bảy mươi bảy, lúc ấy Vương phu nhân xét lục Đại Quan viên, lại xử trí một số nha hoàn. Trong cảnh rối ren ấy, có một nét bút viết rằng Vương phu nhân vì bà mối quan đến làm mối cho Thám Xuân mà "tâm tự thậm phồn". Bà mối quan đến trong "Hồng Lâu Mộng" một lần là từng vì một nhà họ Tôn đến cầu thân. Còn một lần bà mối quan đến thì rất cụ thể, là nhắm thẳng vào Thám Xuân nhà các vị. Bởi có thể đã tra cứu hộ tịch liên quan, biết cô gái này đã đến tuổi, thế là bà mối quan liền đến vận động.

Vương phu nhân phải quản chuyện ấy. Dĩ nhiên Vương phu nhân lúc đó đang xử trí nha hoàn, lại đối mặt với nhiều vấn đề khác, gọi là "tâm tự thậm phồn". Chú ý chữ "phồn" này. Là chữ "phiền" nào? Có phải "phiền" trong phiền não, bực dọc không? Không phải.

Tào Tuyết Cần không viết như vậy. Ông viết chữ "phồn" trong phồn tạp. Cho nên dùng chữ đều rất dụng công. Nghĩa là Vương phu nhân vì phải xử lý rất nhiều việc, đầu mối quá nhiều, bà xoay xở không kịp. Là nữ chủ nhân số một của phủ, một vị đệ nhất phu nhân, vốn nhiều việc bà ủy thác cho Vương Hy Phượng xử lý. Về sau bà tự mình ra tay, bận không xuể, nên "tâm tự thậm phồn".

Tôi lấy chữ này để nói chuyện, cũng là một lần nữa nói với bạn cảm nhận cá nhân của tôi khi đọc "Hồng Lâu Mộng". Đó là khi Tào Tuyết Cần viết, ông viết rất nghiêm túc. Cách viết của ông ngay trong việc chọn chữ cũng rất cẩn thận. Ông không hề tiện tay viết bừa. Vậy đây lại là một kiểu nữa. Còn có kiểu làm con dâu nuôi.

Những gia đình đại phú đại quý thường rất ít làm như vậy, trừ phi trong hoàn cảnh rất đặc biệt. Trong tiểu thuyết, Xảo Thư sau khi phủ Giả suy bại được Lưu lão lão cứu ra. Khi được cứu ra, tuổi cô còn rất nhỏ. Lưu lão lão đưa cô về nhà. Về sau cô trở thành vợ của Bản Nhi, cháu ngoại của Lưu lão lão. Vậy trước khi cô và Bản Nhi chính thức thành hôn, ở nhà Lưu lão lão cô hẳn là một cô con dâu nuôi.

Đó là trong hoàn cảnh đặc biệt, biện pháp bất đắc dĩ, để hoàn thành hôn nhân của cô. Dĩ nhiên trong tiểu thuyết, phía trước đã có phục bút. Mọi người còn nhớ không? Lưu lão lão lần thứ hai vào Đại Quan viên. Khi ấy có riêng một nét bút viết rằng Bản Nhi lúc đó cầm một quả Phật thủ. Quả Phật thủ ấy được xin từ phòng của Thám Xuân, đang cầm chơi.

Đại Thư thấy quả Phật thủ thì muốn lấy. Bản Nhi thấy vậy không muốn đưa. Về sau, sau khi người lớn khuyên bảo, quả Phật thủ thuộc về Đại Thư. Đại Thư vốn ôm một quả hương duyên, tức là một quả bưởi lớn. Quả bưởi lớn ấy về sau lại thuộc về Bản Nhi. Bản Nhi thấy quả bưởi lớn có thể làm bóng đá, con trai mà, cậu bé lại rất vui, cũng không đòi lại quả Phật thủ nữa.

Ở chỗ này, Chi Nghiễn Trai có một lời phê nói với chúng ta rằng đây chính là phục tuyến ngàn dặm. Thực ra là nói cho bạn biết: sự hoán đổi giữa Phật thủ và hương duyên cho thấy cuối cùng hai đứa trẻ dưới sự phù hộ của Phật lực có thể đạt thành một mối nhân duyên viên mãn. Đó là một phục bút. Còn có một kiểu là chỉ phúc vi hôn, tức hứa hôn khi còn trong bụng mẹ. Loại này thường những nhà công hầu đại phú đại quý chưa chắc làm vậy. Nhưng trong các nhà khá giả, chưa đến mức nghèo khó, đôi khi chỉ phúc vi hôn là một hình thức hôn nhân.

Thế nào gọi là chỉ phúc vi hôn? Tức là hai cặp vợ chồng, cả hai người vợ đều đang mang thai, con còn chưa sinh ra. Cha mẹ hai bên, thật ra chủ yếu là các ông bố, liền có một giao ước. Có người ở dưới cười bảo, thời ấy cũng chưa có siêu âm, không siêu âm được là trai hay gái. Ngày nay có siêu âm, cũng không cho phép xét nghiệm giới tính như vậy. Nếu là hai anh em trai thì sao?

Cả hai đều là con trai thì làm sao? Cả hai đều là con gái thì làm sao? Quy ước xã hội lúc bấy giờ rất thịnh hành. Nghĩa là giao ước ấy nói rằng: vợ của hai chúng ta đều đang mang thai, nếu đều sinh con trai, thì cho chúng kết nghĩa anh em. Nếu đều sinh con gái, thì cho chúng kết nghĩa chị em. Nếu vừa khéo một trai một gái, thì cho chúng kết thành vợ chồng.

Người ta nghiêm túc thực hiện việc chỉ phúc vi hôn. Trong sách, tác giả viết Vưu Nhị Thư và Trương Hoa chính là chỉ phúc vi hôn.

Xem ra gia cảnh của cô ngày càng sa sút. Mẹ cô mang theo cô và em gái cô, khi ấy gọi là "kéo theo con gái". Sau khi cải giá, lại gả vào nhà họ Vưu. Từ đầu là làm kế thất, người cha kia, tức cha của Vưu thị, sau khi

góa vợ, lấy vợ kế. Khi lấy vợ kế, có thể cảnh ngộ của cha Vưu thị lúc ấy cũng không thật tốt. Muốn cưới được một người vợ rất lý tưởng cũng không dễ.

Cuối cùng ông cưới một người đã mang theo hai cô con gái, trong tiểu thuyết tuổi đã lớn, gọi là Vưu lão nương. Điều này cũng cho thấy rằng những gia đình chỉ phúc vi hôn thường đều tương đối khó khăn. Trong tầng lớp cao hơn tầng lớp nghèo của xã hội một chút, lại thuộc về địa vị tương đối thấp. Dĩ nhiên về sau, vì Giả Liễn ve vãn Vưu Nhị Thư, lén cưới Vưu Nhị Thư, trong tiểu thuyết cũng gọi là Vưu Nhị di, điều ấy cũng nói được. Trong tình huống này, dĩ nhiên cần phải cùng Trương Hoa hủy bỏ hôn ước chỉ phúc vi hôn ấy. Về sau quả thật cũng đã hủy bỏ.

Vì vậy về sau Giả Liễn cưới Vưu Nhị Thư về. Dĩ nhiên sau đó Vương Hy Phượng biết chuyện, để bảo vệ quyền lợi của mình, đã dùng rất nhiều thủ đoạn, bao gồm việc đi xúi giục Trương Hoa tố cáo. Cuối cùng sau khi vụ kiện xong, lại sai người đuổi giết Trương Hoa, vân vân. Chuyện ấy tôi không nói nhiều nữa. Vậy chỉ phúc vi hôn cũng là một hình thức hôn nhân lúc bấy giờ. "Hồng Lâu Mộng" là một bộ bách khoa toàn thư về xã hội phong kiến Trung Quốc.

Nó không chỉ miêu tả mối dây tình cảm giữa Bảo, Đại, Thoa, đồng thời còn miêu tả rất nhiều mô thức hôn phối liên quan đến hôn nhân. Thông qua các mô thức hôn phối ấy, Tào Tuyết Cần đã đem cách thức gả chồng của tiểu thư gia đình quý tộc thời ấy trình bày đa dạng phong phú. Thông qua các mô thức hôn phối đó, chúng ta không khó nhận ra xã hội phong kiến có những luật lệ nghiêm ngặt về việc nam nữ không được gần gũi tùy tiện, những quy điều khắt khe. Hôn phối thường cũng là mô thức "lệnh của cha mẹ, lời của mai mối". Vì vậy Sử Tương Vân, một cô gái chốn hầu môn, cũng không thoát khỏi sự ràng buộc hôn nhân của xã hội phong kiến. Đã nói Sử Tương Vân "sánh đôi cùng chàng tiên", thì chàng tiên ấy và Sử Tương Vân đã quen biết nhau thông qua mô thức hôn phối nào?

Bạn xem, vừa rồi chúng ta đã lần lượt điểm qua trong sách, các kiểu định thân, hôn phối của tiểu thư. Vậy mục đích chúng ta nói chuyện này là gì? Mục đích là để bàn xem Tương Vân, việc định thân của nàng, thuộc vào loại nào trong số đó. Các vị nghĩ là loại nào?

Đây có vẻ là một vấn đề khá đơn giản, nhưng khi trả lời, dường như lại không đơn giản như vậy trong sách không viết rõ. Nhưng nó đã mở ra như một mặt quạt nhiều cách định thân, hôn phối như thế, cũng khiến chúng ta suy nghĩ. Bất kể là cách nào.

Nhìn qua khác biệt rất lớn, nhưng có một điểm chung: đó là với tư cách tiểu thư, với tư cách một phụ nữ đang độ xuân xanh, ngay cả khi cô là thiên kim hầu phủ, thiên kim công phủ, bản thân cô không có tự do chọn bạn đời. Tương đối mà nói, công tử thiếu gia của gia đình quý tộc ít nhiều còn có chút tự do. Còn con gái thì hoàn toàn không có chút tự do nào. Vậy Sử Tương Vân, việc định thân của nàng, nhìn từ giọng điệu

của Vương phu nhân, bạn sẽ hiểu. Vương phu nhân nói thế nào? Bà nói: "Có lẽ bây giờ ổn rồi. Hôm trước có người đến xem mặt, xem ra đã có nhà chồng rồi." Theo cá nhân tôi.

Theo cá nhân tôi, điều đó có nghĩa là nàng được cầu thân qua bà mối quan. Có bà mối quan đến. Dĩ nhiên vị bà mối quan này sở dĩ đến nhà họ Sử, cũng là vì phía nhà họ Sử, chú thím của nàng, nôn nóng muốn gả nàng đi, đã thông tin với bên kia. "Nhà chúng tôi có một cô gái khuê các, đang chờ chữ nơi khuê phòng, Bà mối quan liền lắc lư đi đến. Quan môi bà liền lắc lư đi đến. Bà mối quan trước hết thay Quan môi bà trước hết thay bên nhà trai đến xem, hoặc khi chưa xác định nhà trai, thì trước hết xem tình hình, rồi tìm cho cô một bên nhà trai tương ứng.

*Vì vậy bản thân Sử Tương Vân hoàn toàn không có cách nào nắm giữ số phận hôn nhân của mình. Cuối cùng nàng chính là định thân như vậy, được gả đi như vậy. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong thời đại phong kiến "lệnh cha mẹ, lời mai mối" ấy, một tiểu thư khuê các như Sử Tương Vân sống nhờ dưới mái nhà người khác không có quyền tự chủ chọn chồng. Chú thím của nàng thông qua cách cầu thân bằng bà mối quan đem cô gái đang chờ nơi khuê phòng ấy sớm hứa gả cho người khác. Vậy đã hứa gả cho người ta, thì phải gả đến nhà ấy. Nhưng Sử Tương Vân rốt cuộc gả cho ai?*

Một số bạn mê Hồng Lâu cho rằng Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân là ba mỹ nhân thế chân vạc trong "Hồng Lâu Mộng". Sự xuất hiện của Sử Tương Vân khiến mối dây tình cảm giữa Bảo, Đại, Thoa càng thêm căng thẳng. Vậy giữa Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc rốt cuộc có quan hệ tình yêu hay không? Có một số bạn mê Hồng Lâu từng hỏi tôi câu như thế này. Sử Tương Vân có khả năng gả cho Giả Bảo Ngọc hay không? Xét từ bản thân hai người, nếu nhìn cách sách miêu tả, họ sống với nhau rất hòa hợp.

Nhưng điều được biểu hiện ra nên là một thứ tình anh em, hoặc tình cảm giữa nam nữ cùng tuổi hồn nhiên trong sáng. Trong những tiếp xúc giữa hai người họ, không có yếu tố tình yêu. Hơn nữa tác giả còn có ý thức viết rằng giữa hai người về tư tưởng vẫn có khoảng cách. Dĩ nhiên Tiết Bảo Thoa là một cực. Tiết Bảo Thoa không ngừng khuyên Giả Bảo Ngọc đọc sách cầu tiến. Còn Lâm Đại Ngọc thì chưa bao giờ nói những lời như vậy.

Lâm Đại Ngọc yêu chính con người Giả Bảo Ngọc. Còn Sử Tương Vân, hồn nhiên trong sáng, gần như nằm giữa Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Có lúc nàng học lời người khác. Có một hồi đã viết rằng trước mặt Giả Bảo Ngọc, nàng nói vài điều nghe được từ phía Tiết Bảo Thoa, những đạo lý ấy. Giả Bảo Ngọc rất tức giận, thậm chí muốn đuổi nàng đi. Từng có một xung đột ngắn như thế.

Nhưng hai người họ xung đột cũng không xung đột nổi. Vì sao? Bởi Sử Tương Vân là người vô tư vô lo. Sau khi Bảo Ngọc nói như vậy, nói cô nương sang phòng khác ngồi đi, nàng lại không sang phòng khác, vẫn ngồi đó. Một cô gái rất đáng yêu. Cho nên giữa hai người họ, xét từ bản thân họ, không có chuyện tranh đấu rằng: vì chúng ta tự do yêu nhau, nên phải giành tự do hôn nhân, chúng ta phải phản kháng.

Với họ, trước hết không có yếu tố ấy. Giữa hai người không tồn tại vấn đề này. Vậy bản thân Sử Tương Vân cũng hiểu rõ Giả Bảo Ngọc yêu Lâm Đại Ngọc. Nàng hiểu rõ. Ở hồi hai mươi mấy, khi nàng vừa đến phủ Vinh Quốc, nàng đã rất rõ. Như ở hồi hai mươi hai, khi ấy Bảo, Đại, Thoa, Tương đã nảy sinh vài va chạm. Sau khi xảy ra những va chạm ấy, Giả Bảo Ngọc lại thề trước mặt Tương Vân, nói nếu ta có lòng khác, lập tức hóa thành tro, để muôn người giẫm đạp. Những lời thề của Giả Bảo Ngọc.

Đều cổ quái như vậy. Lúc ấy, Sử Tương Vân liền nói một đoạn như sau. Nàng nói: "Đầu tháng giêng, đừng thuận miệng nói bậy. Những lời thề độc, lời tản mạn, lời xiên xẹo vô can như thế, thì nói cho những người nhỏ nhen, hơi động là giận, có thể quản chế anh nghe, chứ đừng để tôi phải nhổ vào anh." Sử Tương Vân thật là người thẳng ruột ngựa, định vị Lâm Đại Ngọc rất chuẩn xác. Đồng thời dĩ nhiên cũng định vị Bảo Ngọc. Phải không? Nàng biết rằng trong phủ này, có một người có thể quản chế Bảo Ngọc. Ai vậy? Chính là Đại Ngọc. Nàng biết quan hệ hai người họ không bình thường. Vậy, cho nên, xét từ bản thân họ, họ không cấu thành một đôi tình nhân. Ngay cả khi họ không có quyền tự chủ hôn nhân, bản thân họ cũng không nảy sinh tình yêu.

Ngoài ra bạn phải chú ý đến miêu tả trong sách: khi Vương phu nhân và Tập Nhân nói thẳng với Sử Tương Vân rằng nàng đã định thân, Sử Tương Vân có phản bác không? Có giải thích không? Có phủ nhận không? Đều không. Sử Tương Vân lúc ấy chưa thật hiểu chuyện tình yêu, hôn nhân. Nàng vẫn còn rất hồ đồ non nớt. Phải không? Vì tuy gọi là đã định thân, nhưng dù sao nàng còn nhỏ. Đến lúc về nhà chồng có thể còn một quãng thời gian khá dài. Nàng cứ sống được ngày nào hay ngày ấy, không nghĩ sâu. Đó là một cô gái như vậy. Tôi thấy bên dưới có một.

Bạn nữa lại chen lời với tôi, à, bắt bẻ tôi. Vì sao? Vì người ấy chê tôi nói dai. Người ấy nói: Ông xem, bài trước ông cũng nêu ra một câu hỏi, rằng về sau Sử Tương Vân định thân xuất giá, gả cho một chàng tiên tài mạo. Nay ông nói nãy giờ, quanh đi quẩn lại, chàng tiên tài mạo ấy là ai? Ông vẫn chưa nói ra. Tiếp theo, chúng ta sẽ tiếp xúc chính đề vừa nói. Đó là phải bàn xem chàng tiên tài mạo ấy rốt cuộc là ai. Vậy tôi nói cho bạn biết, muốn bàn rõ vấn đề này, trước hết phải loại bỏ một trở ngại. Trở ngại gì? Đó là trong "Hồng Lâu Mộng", có một hồi, nửa sau tên hồi là "Nhân Kỳ Lân phục Bạch thủ song tinh". Có một hồi như vậy, phải không? Hồi thứ ba mươi mốt. Trong câu chuyện, xuất hiện con kỳ lân vàng. Con kỳ lân vàng này liên quan đến hôn nhân của Sử Tương Vân. Từ con kỳ lân vàng, có thể định vị người chồng mà nàng gả cho. Cho nên, rất xin lỗi, đến cuối hồi này, tôi vẫn chưa thể nói cho bạn biết chàng tiên tài mạo ấy rốt cuộc là ai. Vậy xin mời nghe tôi ở hồi sau, bắt đầu từ kỳ lân vàng, rồi vén mở lời giải cho câu đố này. Kính mời đón xem.

# Tập 43

Bí ẩn kỳ lân vàng của Sử Tương Vân

*Kỳ lân vàng là một bí ẩn khó giải trong "Hồng Lâu Mộng" Phía sau mối "kim ngọc nhân duyên" đã có sẵn, vì sao tác giả lại thiết kế thêm một "kim ngọc nhân duyên" nữa? Vị "tài mạo tiên lang" được ghép đôi với Sử Tương Vân rốt cuộc là ai? Trong câu "vì kỳ lân phục bạch thủ song tinh", "bạch thủ song tinh" lại ẩn chỉ những ai? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ giải mã đặc sắc "Hồng Lâu Mộng" cho quý vị, lý giải "Bí ẩn kỳ lân vàng" của Sử Tương Vân.*

*Trong chương trình kỳ trước, ông Lưu Tâm Vũ đã giảng rằng Sử Tương Vân từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, được gửi nuôi trong một nhà hầu môn. Chú và thím của nàng thông qua bà mối quan phương để cầu thân, quá sớm ghép nàng với một vị "tài mạo tiên lang". Vậy vị "tài mạo tiên lang" ấy rốt cuộc là ai? Muốn vén mở bí ẩn này, chúng ta không thể không nói tới kỳ lân vàng. Những người nghiên cứu "Hồng Lâu Mộng" hầu như đều sẽ chú ý đến kỳ lân vàng. Kỳ lân vàng: Sử Tương Vân đeo một chiếc bên mình, Giả Bảo Ngọc lại được một chiếc ở Thanh Hư quán.*

*Vì sao Tào Tuyết Cần phải tốn nhiều bút mực như thế để miêu tả đôi kỳ lân vàng này, một lớn một nhỏ, một đực một cái? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục hành trình giải mã "Hồng Lâu Mộng" của mình. Loạt chương trình "Lưu Tâm Vũ giải mã 'Hồng Lâu Mộng'": Sử Tương Vân, tập bốn, "Bí ẩn kỳ lân vàng". Muốn làm rõ hôn nhân của Sử Tương Vân và số phận của nàng về sau, không thể bỏ qua chuyện kỳ lân vàng. Kỳ lân vàng là chuyện thế nào? Mọi người đều nhớ, trong hồi làm lễ cầu cúng ở Thanh Hư quán, bấy giờ Trương đạo sĩ bưng ra một cái khay, nói muốn mời lấy miếng Thông linh bảo ngọc của Giả Bảo Ngọc xuống, rồi đặt trên khay cho đồ tử đồ tôn của mình xem qua, để được mở mang tầm mắt.*

Bởi đây là một vật rất hiếm lạ. Nó được ngậm trong miệng ngay từ lúc chào đời, mà trên đó đã khắc sẵn chữ. Vì vậy nó là một vật kỳ dị, cũng là một vật rất linh thiêng. Sau khi các đồ tử đồ tôn xem xong, ai nấy đều tỏ lòng kính trọng, và tỏ ý cảm tạ, bèn đem một số đồ đeo quý giá của mình đặt lên chiếc khay ấy. Vì thế, sau khi Trương đạo sĩ bưng khay trở lại, Giả Bảo Ngọc đeo lại Thông linh bảo ngọc của mình, rồi nhìn thấy trên khay còn có những vật khác. Trong những vật ấy có một món chính là kỳ lân vàng, một con kỳ lân vàng lớn, văn thái rực rỡ.

Giả Bảo Ngọc vừa thấy đã cảm thấy rất đáng yêu, liền đưa tay lấy con kỳ lân vàng ấy. Trong chuyện này, cậu còn khiến Lâm Đại Ngọc không vui, và bị nàng châm chọc. Vậy Giả Bảo Ngọc lấy con kỳ lân vàng ấy có phải vì cậu biết người khác cũng đeo một con kỳ lân vàng, nên cố ý lấy nó hay không? Trong sách viết rất kỹ. Không phải như vậy. Giả Bảo Ngọc vốn không tin cái gọi là "kim ngọc nhân duyên".

Cho nên có thể nói, cậu không thể nào vì mang ý nghĩ "kim ngọc nhân duyên" mà đi lấy một con kỳ lân vàng. Lúc đó cậu chỉ vì tò mò, ngẫu nhiên lấy được con kỳ lân vàng này. Điều này trong sách viết rất rõ.

Bởi sau khi Giả Bảo Ngọc cầm kỳ lân vàng, Giả mẫu có nói một câu: hình như từng thấy con nhà ai cũng đeo một chiếc. Giả mẫu có một ấn tượng, nhưng chỉ là ấn tượng mơ hồ. Điều đó cho thấy đối với cái gọi là "kim ngọc nhân duyên", Giả mẫu cũng bài xích, bà không có quan niệm ấy. Bà không nghĩ rằng cháu trai mình nhất định phải cưới một cô gái mang đồ bằng vàng. Bà không có quan điểm đó. Bà chỉ nhớ mang máng, nhưng không nhớ nổi là ai.

Tiết Bảo Thoa thì rất tinh tế. Tiết Bảo Thoa bèn nói rằng: "Cái này em Vân cũng có một chiếc, nhỏ hơn chiếc này một chút." Bởi Tiết Bảo Thoa là người rất chú ý đến những chuyện như thế, chuyện ngọc đeo với vàng đeo. Đúng không? Công tử này đeo một miếng ngọc, cô gái kia lại đeo một món vàng. Bề ngoài nàng ta dường như rất trầm tĩnh, nhưng trong lòng vẫn vướng mắc cái tiền đề "kim ngọc nhân duyên". Nàng ta là người tinh ý hơn.

Vậy vì sao trước đó Bảo Ngọc không phát hiện? Một là như vừa nói, đối với bản thân khái niệm "kim ngọc nhân duyên", loại ý niệm đó, cậu không hứng thú. Cậu sẽ không cố ý đứng từ góc độ ấy để chú ý một cô gái đeo món gì. Mặt khác, điều này cũng cho thấy con kỳ lân vàng ấy, nếu Sử Tương Vân có một con nhỏ, thì cũng được đeo bên trong áo ngoài, ngày thường không lộ ra bên ngoài. Chỉ có những cô gái khác, ví dụ như Tiết Bảo Thoa, thân mật với nàng, mới có thể phát hiện nàng đeo một con kỳ lân vàng nhỏ. Điểm này chứng tỏ văn bút của ông thật sự rất tinh tế.

Sau khi Bảo Ngọc có được con kỳ lân vàng, lại nghe nói Sử Tương Vân cũng có một con kỳ lân vàng, cậu liền muốn giữ con kỳ lân vàng này lại, đợi Sử Tương Vân đến rồi tặng cho nàng. Điều này cũng không mang ý nghĩa tình ái gì. Hai người họ lớn lên vô tư bên nhau từ nhỏ, chỉ cảm thấy rất thú vị. Tác giả viết như vậy. Bởi khi làm lễ ở Thanh Hư quán, lúc cậu lấy được con kỳ lân vàng, Sử Tương Vân bấy giờ không ở phủ Vinh Quốc. Kỳ lân vàng trong "Hồng Lâu Mộng" là một sự vật quan trọng.

Nó hàm chứa số phận và kết cục của Sử Tương Vân. Kỳ lân vàng của Sử Tương Vân giống với khóa vàng của Tiết Bảo Thoa, đều là tín vật hôn nhân. Nếu nói mối "kim ngọc nhân duyên" bao phủ trên đầu Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa đã được mọi người quen thuộc, thì kỳ lân vàng của Sử Tương Vân nên ghép với ai? Chi Nghiễn Trai từng có lời phê rằng: trong "Hồng Lâu Mộng", một việc nhàn, một câu nhàn văn cũng không có. Đã như vậy, kỳ lân vàng được tốn nhiều bút mực đến thế, tự nhiên không phải lời văn viết tùy tiện. Vậy lúc này Tào Tuyết Cần viết về kỳ lân vàng rốt cuộc muốn nói rõ điều gì?

Sau đó lại xảy ra nhiều chuyện khác nữa. Đến sau hồi thứ ba mươi, Sử Tương Vân lại đến phủ Vinh Quốc. Sau khi Sử Tương Vân đến phủ Vinh Quốc, nàng dẫn theo một a hoàn là Thúy Lũ. Sử Tương Vân và Thúy Lũ

đi trong Đại Quan viên, thì có một đoạn đối thoại bàn về âm dương. Thúy Lũ hỏi nàng: thế nào? là âm, thế nào? là dương? Nàng liền nêu ra rất nhiều ví dụ để giải thích vấn đề này.

Vừa nói vừa đi, cuối cùng, dưới giàn hoa tường vi, Thúy Lũ phát hiện có một con kỳ lân vàng không biết ai đánh rơi. Nó nhặt lên đưa cho Sử Tương Vân xem. Sử Tương Vân vừa nhìn, thấy nó gần như giống hệt con mình đang đeo, chỉ là lớn hơn một chút. Vậy con kỳ lân vàng này là của ai? Mọi người thử nghĩ xem. Độc giả đã đọc tình tiết phía trước không khó đoán ra nó hẳn chính là con kỳ lân vàng Giả Bảo Ngọc nhận được từ chỗ Trương đạo sĩ.

Bởi trong một cảnh, vị trí của Giả Bảo Ngọc đúng lúc ở bên giàn hoa tường vi. Cách qua giàn hoa tường vi, cậu nhìn thấy một cô gái khác, chính là Linh Quan, đang viết chữ "Tường" trên mặt đất. Sau đó Giả Bảo Ngọc hốt hoảng bỏ chạy. Vì sao vậy? Vì trời đổ mưa. Trong quá trình ấy, việc cậu đánh rơi con kỳ lân vàng mình nhận được từ chỗ Trương đạo sĩ cũng là điều có thể hiểu được.

Thứ nhất, điều đó cho thấy cậu cũng chỉ đeo chơi. Thứ hai, cậu cũng không đặc biệt quý trọng nó. Cho nên có thể nói, dây đeo của con kỳ lân vàng ấy không được chắc lắm, nên tuột ra, rơi ở đó. Rơi ở đó rồi cậu cũng không đi tìm, thôi thì bỏ qua. Mấy ngày sau, mưa tạnh trời quang. Thúy Lũ và Sử Tương Vân vừa đi dạo một đường, vừa bàn âm dương, đến đó thì nhặt được nó.

Sau khi nhặt được, con kỳ lân vàng ấy được họ đem đến cho Giả Bảo Ngọc xem. Điểm này xin mọi người nhớ lại: có phải ngay lúc ấy Giả Bảo Ngọc đã đem con kỳ lân vàng này tặng cho Sử Tương Vân không? Không hề. Giả Bảo Ngọc lại đem con kỳ lân vàng ấy thu về. Tất nhiên giữa hai người còn có một số câu nói đùa bỡn. Ví dụ như Sử Tương Vân đem con kỳ lân vàng lớn trả lại cho cậu, nói: "May mà là cái này.

Ngày mai, nhỡ đánh rơi cả quan ấn, chẳng lẽ cũng mặc kệ hay sao?" Bảo Ngọc bấy giờ liền nói: "Đánh rơi ấn thì còn là chuyện thường; mất cái này, thì ta đáng chết." Những lời này, có một số nhà bình luận luôn nâng lên thành vấn đề lập trường, nói rằng, anh xem, Giả Bảo Ngọc đối với quan ấn thì khịt mũi coi thường, chứng tỏ cậu phản phong kiến; còn Sử Tương Vân lại coi trọng quan ấn như vậy, chứng tỏ Sử Tương Vân về mặt tư tưởng là lạc hậu. Thực ra tôi không nhìn như thế. Đó chỉ là hai thiếu nam thiếu nữ đang đùa với nhau ở đó, không cần quá nghiêm trọng. Sử Tương Vân cũng không nói nàng đặc biệt coi trọng con kỳ lân vàng này. Giả Bảo Ngọc cũng không nói: "Lúc ấy ta giữ nó lại chính là vì muốn tặng cho em; bây giờ em đã đến, lại nhặt được nó về, thì ta tặng lại cho em vậy." Giả Bảo Ngọc rốt cuộc cũng không tặng, mà cầm lại. Cậu chỉ nói không nên làm mất mà thôi.

Nhưng nét bút về kỳ lân vàng này vô cùng quan trọng. Hiển nhiên cách viết về kỳ lân vàng là một loại bút pháp hiển lộ. Khi Chi Nghiễn Trai giới thiệu bút pháp này của Tào Tuyết Cần, ông có một thuật ngữ đặc biệt, gọi là "gian sắc pháp". "Gian sắc" nghĩa là gì? Mọi người biết, một màu sắc thực ra có thể chia rất nhỏ. Ví dụ màu đỏ.

Màu đỏ từ nhạt đến đậm có thể hình thành một phổ hệ rất dài, đúng không? Khi vẽ tranh, nếu anh sử dụng "gian sắc pháp", đó là một bút pháp hiển lộ. Chỉ bậc đại họa gia, cây bút lớn mới dám dùng như thế. Nền cơ bản của tôi đã là màu đỏ, trên đó tôi lại dùng một sắc đỏ khác để vẽ. Việc này rất khó, phải không? Thông thường đều phải dùng bút đối lập.

Thực ra tiểu thuyết cũng như vậy. Anh đã thiết lập một cái bóng của "kim ngọc nhân duyên" rồi, đúng không? Phía trước anh đã viết Tiết Bảo Thoa đeo khóa vàng, Vương phu nhân và Tiết di mụ suốt ngày cứ nghĩ đến chuyện tạo dư luận, nói có một vị hòa thượng thần kỳ từng bảo rằng con gái nhà chúng ta đeo khóa vàng, sau này phải gả cho một công tử đeo ngọc. Đã có một mối "kim ngọc nhân duyên" rồi. Vậy tại sao lại viết thêm một con kỳ lân vàng, lại thêm một món đồ bằng vàng nữa? Hơn nữa cũng do một cô gái đeo, đúng không?

Mà lần này còn mạnh hơn. Cái khóa vàng kia vẫn chỉ là một chiếc khóa vàng đơn lẻ. Còn bây giờ, kỳ lân vàng lại thành một đôi, phải không? Sử Tương Vân đeo một con nhỏ, có thể hiểu đó là con cái. Còn bây giờ, Giả Bảo Ngọc lại được một con lớn, văn thái rực rỡ, hẳn nên là con đực, đúng không? Người khác thì chẳng sao, nhưng Lâm Đại Ngọc làm sao chịu nổi, phải không?

Một món vàng chưa trừ, lại vô cớ thêm một món vàng, đúng không? Hơn nữa đây còn là một cặp vàng. Cho nên trong sách viết rằng, sau khi từ lễ cầu cúng ở Thanh Hư quán về, Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc cãi nhau một trận lớn. Nàng nên làm ầm lên, phải không? Chuyện này rốt cuộc là thế nào? Đúng không?

Hai người làm ầm đến trời long đất lở. Câu "không phải oan gia thì không gặp nhau" chính là trong tình huống ấy được Giả mẫu dùng để nói đỡ cho họ, đúng không? Vì vậy cách viết này của Tào Tuyết Cần gọi là "gian sắc pháp", một trong những cách viết khó nhất. Vốn đã viết thành một mối tình tay ba, quan hệ đã rất phức tạp. Đột nhiên lại xen vào chuyện kỳ lân vàng, thành bốn góc, năm góc, giằng kéo qua lại, việc triển khai tình tiết trở nên vô cùng khó khăn. Nhưng ông lại rất ung dung để các tình tiết ấy lưu chuyển, như nước chảy trong khe, róc rách mà sâu xa, đều trôi qua thuận lợi.

Chúng ta đọc lên thấy rất thoải mái. Đó chính là bút pháp lớn. Nhìn từ thiết kế tình tiết tổng thể của "Hồng Lâu Mộng", "kim ngọc nhân duyên" ẩn dụ hôn nhân giữa Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa, là một cục diện đã được sắp đặt. Nhưng vì sao tác giả vào lúc này lại cố ý thiết kế thêm một con kỳ lân vàng, khiến Lâm Đại Ngọc càng thêm buồn bã ai oán? Từ hồi thứ tám trong sách, khóa vàng của Tiết Bảo Thoa vừa xuất hiện, liền có thuyết "kim ngọc nhân duyên". Xoay quanh thuyết ấy, đã triển khai rất nhiều mâu thuẫn.

Đến hồi ba mươi mốt vẫn chưa được giải quyết. Nhưng lúc này Tào Tuyết Cần lại viết ra một mối "kim ngọc nhân duyên" tiềm ẩn. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như vậy? Giữa hai mối "kim ngọc nhân duyên" ấy rốt cuộc có quan hệ gì? Vậy ông viết thêm một "kim ngọc nhân duyên" để làm gì? Độc giả xưa nay đều rất băn khoăn.

Nếu nói nàng được định thân, rồi kết hôn, và vị lang quân như ý ấy, tức "tài mạo tiên lang", là Giả Bảo Ngọc, dùng một con kỳ lân vàng làm tín vật của hai người, tất nhiên cũng nói được. Nhưng nhìn từ cách sách miêu tả, không phải chuyện như vậy. Nếu người nàng định thân là Giả Bảo Ngọc, Vương phu nhân sao lại nói với nàng như thế? Vương phu nhân là mẹ của Giả Bảo Ngọc mà, phải không? đúng không? May mà Chi Nghiễn Trai để lại cho chúng ta hai lời phê quý giá, khiến chúng ta trong mù mịt nhìn thấy ánh ráng phía xa. Một lời phê là...

Hồi ba mươi mốt. Ở hồi ba mươi mốt, có một lời phê sau hồi, nói rằng:

"Sau mấy chục hồi nữa, kỳ lân mà Nhược Lan đeo khi bắn ở vườn chính là con kỳ lân này; đề cương phục tuyến hiện ra ở hồi này, đó là cái gọi là rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm." Lời phê ấy tiết lộ rằng, trong mấy chục hồi sau hồi tám mươi, có một tình tiết: có người tên là Nhược Lan. Nhược Lan là cách gọi tắt. Về sau chúng ta biết đó là Vệ Nhược Lan. Vậy Vệ Nhược Lan này trong câu chuyện ở một hồi phía sau đeo một con kỳ lân. Con kỳ lân này đúng là con kỳ lân mà Thúy Lũ nhặt lên đưa cho Sử Tương Vân xem, cũng chính là con kỳ lân lớn, con đực, mà Giả Bảo Ngọc nhận được từ Thanh Hư quán. Cuối cùng, con kỳ lân này không phải vẫn luôn đeo trên người Giả Bảo Ngọc, mà đeo trên người một vị công tử tên là Vệ Nhược Lan.

Có người nói: ôi ôi, đáng tiếc quá, ông có một tưởng tượng và thiết kế tình tiết như vậy, nhưng lại chưa viết ra. Ông đã viết ra rồi. Bởi ở hồi thứ hai mươi sáu, từ rất sớm đã có một lời phê. Lời phê này bảo cho anh biết, nói rằng... chính là bảo cho anh biết: "Tiếc thay văn tự Vệ Nhược Lan bắn ở vườn đã thất lạc, không còn bản thảo, than ôi, than ôi!" Tức là Tào Tuyết Cần đã viết hoàn chỉnh một tình tiết liên quan đến Vệ Nhược Lan. Hồi ấy chính là viết về bắn ở vườn.

Vệ Nhược Lan tham gia bắn ở vườn. Vậy thì, việc Vệ Nhược Lan đeo con kỳ lân vàng này hẳn là diễn ra lúc bắn ở vườn. Hồi này Tào Tuyết Cần đã hoàn tất bản thảo. Nhưng nó bị người mượn đọc làm thất lạc, cho nên ngày nay chúng ta vẫn chưa tìm thấy bản thảo thất truyền ấy. Có thể nó đã không còn tồn tại, hoặc cũng có thể vẫn còn, nhưng chúng ta chưa thể phát hiện ra nó. Vì thế bây giờ hết sức cảm thán.

Tào Tuyết Cần có cấu tứ rất hoàn chỉnh, văn bút của ông cũng rất hoàn chỉnh. Ông đã viết ra rồi. Vì vậy chỗ này ông viết về kỳ lân vàng, rõ ràng, điểm rơi của nó không phải là Giả Bảo Ngọc. Giả Bảo Ngọc chỉ tương đương với một trung gian. Ông muốn viết một quan hệ giữa Sử Tương Vân và Vệ Nhược Lan. Lại nói đến việc bắn ở vườn.

"Bắn ở vườn" là gì? Bắn ở vườn thực ra cùng một nghĩa với luyện bắn, bắn bia. Đời Thanh, người Mãn vốn là thông qua vũ trang đoạt chính quyền, giành quyền kiểm soát cương vực Trung Quốc. Vì vậy các hoàng đế về sau, đặc biệt là hoàng đế Khang Hy, rất nhấn mạnh văn trị võ công. Tức là đã thống trị cả nước rồi, tất

nhiên phải trọng văn trị, nhưng cũng không thể bỏ võ. Cho nên trong các gia đình quý tộc hình thành một phong khí: nam giới thường phải luyện cưỡi ngựa bắn cung.

Vậy trong "Hồng Lâu Mộng" có phản ánh phương diện này hay không? Có. Nếu mọi người nhớ lại, thì sẽ cảm thấy rằng ở hồi thứ bảy mươi lăm, thực ra đã viết tới chuyện tương tự như bắn ở vườn. Bấy giờ Giả Trân ở dưới Thiên Hương lâu. Dưới Thiên Hương lâu có một đường bắn, ở đó dựng bia để bắn. "Cốc tử" tức là cái bia.

Rồi ông ta tụ tập một số công tử quý tộc, một số con em thế gia, ở đó thi bắn, luyện tập bắn cung. Tất nhiên trong sách viết Giả Trân rất hoang đường. Ban đầu nói là luyện sức cánh tay, để bắn cung, thậm chí Giả Bảo Ngọc cũng bị gọi đi, phải luyện theo. Giả Bảo Ngọc chắc chắn không muốn đi. Nhưng Giả Chính, Giả Xá đều rất ủng hộ cách làm của Giả Trân. Vì vậy ngay cả Giả Lan, thậm chí cả Giả Hoàn, kẻ lười biếng nhất, không muốn làm việc đứng đắn nhất, cũng đều phải đi.

Có loại hoạt động như vậy. Đó chính là một loại hoạt động bắn bia. Vậy thì, sau hồi tám mươi, việc bắn ở vườn của Vệ Nhược Lan ước chừng là một cuộc diễn tập trước một hoạt động quân sự chính thức. Vào lúc đó, Vệ Nhược Lan lại đeo một con kỳ lân vàng lớn. Mà con kỳ lân ấy chính là con kỳ lân vàng đánh rơi dưới giàn hoa tường vi và được nhặt lên. Điều đó cho thấy cấu tứ tình tiết của ông.

Vô cùng phức tạp, nhưng lại không rối. Ông "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo dài" "phục tuyến đến ngoài ngàn dặm". Đó là đại thủ bút. Vậy thì, điều này cho thấy vị công tử đã định thân với Sử Tương Vân, người mà về sau nàng được gả sang, trở thành chồng của nàng, tức vị "tài mạo tiên lang" ấy, hẳn không phải ai khác, mà chính là Vệ Nhược Lan. Nhân vật Vệ Nhược Lan này trong chính văn tám mươi hồi đã xuất hiện tên một lần, chính là ở hồi thứ mười bốn. Khi viết về tang sự của Tần Khả Khanh, các lộ nhân vật đều đến dự tế, bèn liệt kê một danh sách rất dài.

Phía trước là những người địa vị rất hiển hách, rồi về sau có một câu như thế này: "những người còn lại". Tức là phía trước đã nói xong, vậy còn lại những ai? Có công tử Hàn Kỳ của Cẩm Hương hầu, công tử Phùng Tử Anh của Thần Vũ tướng quân, Trần Dã Tuấn, Vệ Nhược Lan, v.v. các vương tôn công tử, không thể kể xiết. Trong danh sách này có... Trong các bài giảng trước, khi nói về Diệu Ngọc, tôi từng luận chứng rằng hai cái tên Trần Dã Tuấn và Vệ Nhược Lan đều không phải tùy tiện viết vào đây.

Hai nhân vật này sau hồi tám mươi đều sẽ có đất diễn. Trần Dã Tuấn có liên quan đến Diệu Ngọc, còn Vệ Nhược Lan thì có liên quan đến Sử Tương Vân. Hôn nhân của Sử Tương Vân tuy là do chú và thím của nàng, tương đương với cha mẹ nàng, vì họ là người nuôi dưỡng nàng mà, cha mẹ ruột nàng đã mất cả rồi, chú thím tương đương cha mẹ nuôi, đứng ra sắp đặt cho nàng. Thậm chí có thể là thông qua bà mối quan phương để mai mối se duyên. Nhà họ Vệ vừa hay cần cưới vợ cho công tử Vệ Nhược Lan. Còn nhà họ Sử vừa hay có một tiểu thư là Sử Tương Vân cũng có thể xuất giá.

Thế là hai bên định thân, cuối cùng thành hôn. Sau khi thành hôn, sau khi hai người gặp nhau, hẳn là ngay từ đầu đã hài lòng với nhau một cách lạ thường. Tuy là một cuộc hôn nhân sắp đặt, không ngờ họ lại rất vừa ý. Vệ Nhược Lan là một vị "tài mạo tiên lang". Tất nhiên có những bạn mê Hồng Lâu nhất định muốn tranh luận với tôi đến cùng, nói rằng "tài mạo tiên lang" nhất định là chỉ Giả Bảo Ngọc. Giả Bảo Ngọc có tài có mạo, điều đó còn cần bàn nữa sao?

Phải không? Đúng không? Hơn nữa, điểm mạnh nhất là: Giả Bảo Ngọc ở trên trời có thân phận. Cậu là thần tiên trên trời hạ phàm, là Thần Anh thị giả ở cung Xích Hà, phải không? Cậu đã đăng danh ở chỗ Cảnh Ảo tiên cô, được sắp đặt xuống trần, rồi đầu thai vào phủ Vinh Quốc, phải không? Đúng không?

Nếu cậu không phải "tiên lang", thì ai là "tiên lang"? Chẳng lẽ Vệ Nhược Lan cũng là một vị thần tiên trên trời hạ phàm sao? Không có miêu tả ấy, cũng không có thiết định ấy. Những bạn mê Hồng Lâu kiên trì quan điểm như vậy, tôi cũng rất tôn trọng, vì đây cũng là một lối suy nghĩ, có đạo lý nhất định của nó. Nhưng tôi lại cảm thấy rằng anh không thể quá cố chấp một chiều. Bởi trong nhân gian, có những người con gái và con trai, nếu tình trạng của họ đặc biệt tốt, tố chất đặc biệt cao, thì hình dung họ như nhân vật thần tiên cũng là có thể.

Ví dụ như Diệu Ngọc. Diệu Ngọc trong tiểu thuyết, ở hồi thứ mười bảy, đã được giới thiệu rất rõ về lai lịch của nàng, phải không? Trong phần thần thoại ở đầu tiểu thuyết, cũng không có một vị trí trên trời dành cho nàng. Nhưng ở hồi thứ năm, tác giả lại nói rất rõ: "tài hoa ngát hương hơn cả tiên". Không chỉ có thể nói nàng là tiên nữ, mà trình độ của nàng còn cao hơn tiên nữ, đúng không? Nàng "hơn cả tiên", phải không?

*Từ đó có thể thấy, Vệ Nhược Lan, nếu là một vị công tử rất xuất sắc, thì hình dung chàng là "tiên lang" cũng không có gì không được. Hơn nữa, từ lời phê của Chi Nghiễn Trai, qua những ám chỉ ấy, hoặc có thể nói là qua phần tóm lược nội dung của ba mươi hồi sau, hay hai mươi tám hồi sau, chúng ta rút ra kết luận rằng: Sử Tương Vân, người mà nàng được định thân, người chồng nàng gả cho, chính là Vệ Nhược Lan, hẳn vẫn là điều thuận lý thành chương. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Tào Tuyết Cần dùng "gian sắc pháp" viết ra một mối "kim ngọc nhân duyên" tiềm ẩn khác. Mối "kim ngọc nhân duyên" này chính là Sử Tương Vân và Vệ Nhược Lan. Trước cách nhìn của Lưu Tâm Vũ, một số bạn mê Hồng Lâu nêu nghi vấn: nếu Sử Tương Vân gả cho Vệ Nhược Lan, thì nửa sau hồi ba mươi mốt của "Hồng Lâu Mộng", "vì kỳ lân phục bạch thủ song tinh", "bạch thủ song tinh" ở đây hẳn phải chỉ Sử Tương Vân và Vệ Nhược Lan. Nhưng từ hồi thứ năm của "Hồng Lâu Mộng", trong khúc "Lạc trung bi", chúng ta biết rằng Sử Tương Vân và Vệ Nhược Lan không hề bạch đầu giai lão.*

Vì vậy có một số bạn mê Hồng Lâu cho rằng "bạch thủ song tinh" hẳn nên chỉ Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân. Về cách hiểu "bạch thủ song tinh", độc giả bàn luận rất khác nhau, không biết nên theo thuyết nào. Vậy "bạch thủ song tinh" rốt cuộc chỉ ai? Bây giờ quay trở lại, chúng ta hãy bàn một chút. Tức là Sử Tương Vân được hứa gả, rồi kết hôn. Hơn nữa cuộc hôn nhân ấy từng có lúc dường như rất mỹ mãn, bù đắp cho những trắc trở mà trước đây nàng phải chịu, phải không?

Nhưng cuộc hôn nhân này có kéo dài không? Cuộc hôn nhân này rất bất hạnh, bị chấm dứt vì người chồng chết. Căn cứ vào đâu? Nếu anh đọc kỹ hồi thứ năm, trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, trang sách của Sử Tương Vân, và khúc "Lạc trung bi", anh sẽ hiểu. Trong đó ám chỉ rất rõ, phải không? Tôi không dẫn nhiều nữa, chỉ nói hai câu: đó là "mây tan Cao Đường", "nước cạn sông Tương".

Cao Đường là vì ngày xưa Tống Ngọc từng viết "Cao Đường phú". Cao Đường vì thế trở thành một cách gọi thay cho tình ái nam nữ. "Mây tan Cao Đường" nghĩa là điều ấy từng được hưởng, nhưng rất bất hạnh, rồi lại tan đi. "Nước cạn sông Tương". Vốn là nói rằng có nước thì mới sống, phải không? Khó khăn lắm mới bù đắp được số phận trắc trở trước kia.

Nếu được hưởng lâu dài thì tốt biết bao. Kết quả, con người Sử Tương Vân này thật sự rất đáng thương. Tựa núi thì núi lở, tựa nước thì nước trôi. Nước trôi cạn rồi thì nàng phải khóc. Ở trong đó cũng gài tên của nàng vào, phải không? "Mây tan Cao Đường", "nước cạn sông Tương".

Còn có những câu khác, anh tự mình xem là sẽ hiểu, tôi không nói nhiều nữa. Tức là, tuy nàng gả cho Vệ Nhược Lan, nàng cảm thấy bất ngờ có được một vị "tài mạo tiên lang", bù đắp cho những điều không vui trước kia, nỗi mất mát vì từ nhỏ mồ côi cha mẹ, đều được bù lại. Nhưng vạn lần không ngờ, chẳng bao lâu sau, chồng nàng lại qua đời. Nàng lại rơi vào một cảnh ngộ rất trắc trở. Vấn đề này vì thế trở nên phức tạp hơn. Bởi hồi ba mươi mốt, nửa sau hồi mục gọi là: "Vì kỳ lân phục bạch thủ song tinh".

Vì a hoàn Thúy Lũ của nàng nhặt được một con kỳ lân vàng lớn, nên phục xuống, chôn sẵn một đôi "bạch thủ song tinh". "Bạch thủ" tức là tóc bạc. "Song tinh" là ngày xưa dùng một đôi sao trên trời, một cặp tinh tú mãi mãi song hành, để ví những người yêu nhau, vợ chồng bạch đầu giai lão. Lại nói rằng, vì con kỳ lân này, Sử Tương Vân tự nàng đã có một con, là con kỳ lân cái. Thúy Lũ lại nhặt được một con lớn, nguồn gốc ban đầu là Giả Bảo Ngọc lấy được từ Thanh Hư quán, một con lớn, văn thái rực rỡ, hẳn là một con kỳ lân đực, phải không? Vì vậy nó hẳn phải phục xuống một đôi vợ chồng bạch đầu giai lão.

Nếu nói như vậy, thì điều anh vừa nói kia, chẳng phải rối lên sao? Anh nói chồng nàng lại chết. Chết rồi thì còn bạch đầu giai lão thế nào? Khi tóc còn xanh, nàng đã phải thủ tiết, phải không?

Vậy thì, "phục bạch thủ song tinh" là có ý nghĩa gì? Chẳng hạn có những cách nói sau. Một cách nói là thế này. Mới nghe thì khá ly kỳ, nhưng nghĩ kỹ cũng không phải vô lý. Bởi con kỳ lân này ở đâu, nó xuất hiện ở Thanh Hư quán, nơi nguồn gốc đầu tiên, có liên quan đến Trương đạo sĩ, đúng không? Hơn nữa sau khi lấy được con kỳ lân vàng, Giả mẫu cũng nhìn thấy, đúng không? Phải không? Vậy ở hiện trường đó, ai là người tóc bạc nhất? Tất nhiên một là Giả mẫu, một chính là Trương đạo sĩ, phải không? Đạo sĩ là người tu hành để tóc, đạo sĩ khác với hòa thượng. Hòa thượng phải cạo trọc đầu, đúng không? Đạo sĩ phải để tóc, phải không? Vì vậy có người nói rằng, thực ra Giả mẫu và Trương đạo sĩ thời trẻ từng có một đoạn tình ái.

Anh đừng cười, đừng cười. Trong đó có một câu giới thiệu, Trương đạo sĩ được nói thế nào? Ông ta là thế thân của ai? Ông ta là thế thân của chồng Giả mẫu, là thế thân của Vinh Quốc công. Có kỳ lạ không? Phải không? Thế thân cho ai chẳng được, đúng không? Hơn nữa trong sách, anh có chú ý không: Giả mẫu vừa gặp Trương đạo sĩ liền lệ rơi đầy mặt. Có miêu tả như vậy không? Giả mẫu là người nhân hậu, là một bà lão hiền từ. Gặp Lưu lão lão bà cũng rất vui, nhưng có lệ rơi đầy mặt không? Gặp Trương đạo sĩ thì có phải lệ rơi đầy mặt không? Trương đạo sĩ cũng lệ rơi đầy mặt. Hai người già, phải không? đối diện nhau mà rơi lệ. Vì vậy người ta cho rằng có một phần tiền truyện của Giả mẫu và Trương đạo sĩ. Năm xưa, vị tiểu thư nhà họ Sử ấy, người từng bị va ở gác Chẩm Hà làm sứt bên thái dương, người nàng yêu hẳn là một công tử họ Trương. Nhưng trong nhà lại làm chủ, gả nàng cho nhà họ Giả, trở thành vợ của Vinh Quốc công, phải không? Vậy công tử Trương ra sao? Chàng quyết định suốt đời không cưới, phẫn chí xuất gia, đến Thanh Hư quán. Hơn nữa, sau khi đến Thanh Hư quán, ông còn cố ý tạo cho mình một thân phận, tức là thế thân của Vinh Quốc công.

Anh nói có lạ không? Cho nên người ta đưa ra cách giải thích này, anh cũng không thể cười xong rồi thô bạo chỉ trích rằng người ta nói bậy. Đúng không? Tôi cảm thấy rằng, tuy cá nhân tôi đối với cách giải thích này không tán đồng, nhưng tôi rất tôn trọng. Đây gọi là nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí. Đây gọi là trăm nhà đua tiếng, phải không?

Anh xem cả hệ thống vừa rồi họ nói, có phải cũng có chút tự viên kỳ thuyết không? Khá tròn trịa đấy chứ, phải không? Hơn nữa quả thực là "vì kỳ lân", đúng không? Vì xuất hiện kỳ lân, nên phục xuống một cặp "bạch thủ song tinh". Nhưng vì sao tôi không tán đồng? Vấn đề nằm ở chỗ này: cảnh tượng ấy là ở hồi hai mươi chín.

Hồi mục của hồi hai mươi chín không có câu này. Câu này xuất hiện ở hồi ba mươi mốt, có phần ly kỳ, phải không? Dù câu chuyện có tính liên tục, thời gian cách nhau cũng không xa, nhưng vẫn luôn cảm thấy chưa đủ để chứng minh rằng nó phục xuống đúng cặp người già tóc bạc ấy. Đó là một cách nói. Còn một cách nói nữa là do bà Trương Ái Linh đưa ra. Về sau, Trương Ái Linh cũng là một người mê Hồng Lâu, cũng là một nhà Hồng học.

Bà viết một cuốn sách tên là "Hồng Lâu mộng yểm". Bà tìm được một số bản cổ, đọc rất kỹ, và phân tích văn bản. Bà đưa ra quan điểm của mình như thế này: ban đầu, Tào Tuyết Cần dự định viết một câu chuyện "bạch thủ song tinh". Nhưng về sau ông đã từ bỏ. Lý do của bà là gì? Trong rất nhiều bản cổ, bà tìm được một bản cổ, mà hồi mục của bản này không viết như vậy.

Có một bản mà nay chúng ta gọi là bản Dương tàng, tức là bản cổ chép tay về sau do một người tên Dương Kế Chấn sưu tàng. Nửa sau hồi mục của hồi ba mươi mốt gọi là "Nhặt kỳ lân, thị nhi bàn âm dương". Bà nói đây là bản định cảo về sau. Bởi phía sau hồi này chính là chuyện Thúy Lũ và Sử Tương Vân bàn âm dương, đúng không? Thúy Lũ là một thị nhi mà. Cho nên bà cho rằng thực ra về sau Tào Tuyết Cần đã đổi ý.

Vì thế mọi người truy cứu "bạch thủ song tinh" cũng không còn ý nghĩa. Đây là một cách giải thích có tính tiêu cực đối với vấn đề này. Điều này tôi cũng không tán đồng. Vì sao? Bởi tôi đã xem rất nhiều bản cổ. Ít nhất mười ba bản cổ hiện còn tôi đều từng giở qua.

Vậy mà chỉ có một bản cổ ở hồi mục hồi này, nửa sau câu là "bàn âm dương", không có ý "bạch thủ song tinh". Những bản còn lại đều là "vì kỳ lân phục bạch thủ song tinh".

Vậy thì, vì vậy, chúng ta phải đối diện với một vấn đề: nếu muốn làm rõ số phận về sau của Sử Tương Vân, thì không thể không đối mặt với vấn đề thế nào? là "vì kỳ lân phục bạch thủ song tinh". Vấn đề này bắt buộc phải được giải mã. Vậy thì, tiếp dưới đây sẽ nói đến Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc, giữa hai người họ vấn đề tiếp sau ra sao. Tức là, từ nửa trước hồi này, chúng ta có thể thấy Sử Tương Vân về sau đã được định thân. Tuy đến hồi tám mươi, nàng vẫn chưa rời phủ Vinh Quốc, nhưng chắc hẳn sau hồi tám mươi, nàng sẽ xuất giá. Từ trang sách ở hồi thứ năm, chúng ta có thể biết nàng đã gả thành, đã được phối với vị "tài mạo tiên lang".

Nhưng về sau chồng nàng lại chết. Thế là "mây tan Cao Đường", "nước cạn sông Tương". Vậy sau đó nữa, Sử Tương Vân sẽ ra sao? Còn Giả Bảo Ngọc, khi tám mươi hồi kết thúc thì rất bi thương. Bởi những a hoàn cậu yêu quý, có người đã bị hại chết, có người đã phiêu tán. Các chị em bên cạnh cậu, như Nghênh Xuân, đã lỡ gả cho "sói Trung Sơn".

Thám Xuân cũng đã có người đến cầu hôn, và sắp phải xuất giá. Gia đình cũng đã lộ rõ dấu hiệu suy bại, xuất hiện rất nhiều vấn đề. Theo những khảo tìm phần thất lạc của chúng ta, đều biết sau hồi tám mươi, nhà họ Giả sẽ sụp đổ. Vậy hai nhân vật này về sau có còn gặp lại nhau không, có còn chạm mặt nhau không? Có khả năng nào rằng "phục bạch thủ song tinh" rốt cuộc lại phục cho về sau, trong khổ nạn, họ gặp nhau, và lại hợp lại với nhau, là Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân hay không? Đây hiển nhiên là một vấn đề không thể không bàn, đúng không?

Vậy thì, chúng ta sẽ trong phần "dấu hiệu suy bại" cụ thể bàn về vấn đề không thể né tránh này: tức là trong "Hồng Lâu Mộng" sau hồi tám mươi, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân liệu có xuất hiện tình tiết lại gắn bó với nhau hay không? Xin nghe kỳ sau.

# Tập 44

Giải mã kết cục Sử Tương Vân

*Sử Tương Vân, một tiểu thư quý tộc thẳng thắn bộc trực một thiếu nữ tuổi hoa lạc quan, hào sảng cuối cùng nàng sẽ có kết cục đời người ra sao? Nàng và Giả Bảo Ngọc có thật sẽ sau bao gian nan cuối cùng ở bên nhau, thành vợ chồng hoạn nạn hay không? Nhà văn Lưu Tâm Vũ đến với Bách Gia Giảng Đàn đặc sắc kể về kết cục cuối cùng của đời Sử Tương Vân.*

*Sử Tương Vân là một hình tượng nhân vật quan trọng trong Hồng Lâu Mộng. Nàng thẳng thắn bộc trực, lạc quan hào sảng nên rất được Giả mẫu và trên dưới phủ Giả yêu mến. Nhưng kết cục đời người cuối cùng của nàng lại đầy rối rắm khó lường. Bản Hồng Lâu Mộng thông hành một trăm hai mươi hồi viết rằng sau khi phủ Giả sa sút, Sử Tương Vân đi lấy chồng, nhưng lấy ai thì không nói rõ. Chỉ nói rằng tình cảm vợ chồng của Sử Tương Vân rất tốt, với nàng, đó xem như một kết cục không tệ. Nhưng về kết cục đời nàng sau cùng thì lại bỏ lửng, không có miêu tả liên quan. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng cách viết này của bản thông hành rõ ràng trái với ý đồ sáng tác và thiết kế tổng thể trong kết cấu đại bi kịch của Tào Tuyết Cần. Vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại đưa ra phán đoán như vậy? Và kết cục đời người cuối cùng của Sử Tương Vân rốt cuộc sẽ ra sao? Nhà văn Lưu Tâm Vũ tiếp tục đến với Bách Gia Giảng Đàn đặc sắc giải mã kết cục cuối cùng của đời Sử Tương Vân. Loạt chương trình Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng: Sử Tương Vân, tập 5 — Đại giải mã kết cục xin kính mời quý vị theo dõi.*

Đến bài giảng này, chúng ta đã có thể đem quỹ đạo vận mệnh của Sử Tương Vân sau hồi tám mươi sắp xếp lại một lượt. Nói cách khác, tôi có thể khái quát kết quả khảo bàn của mình về đại cương vận mệnh của Sử Tương Vân sau hồi tám mươi để báo cáo với mọi người. Vậy sau hồi tám mươi, ngay từ đầu, Sử Tương Vân hẳn là đã được gả đi. Tức là "xứng đôi với chàng trai tài mạo như tiên". Gả cho ai? Chính là gả cho Vệ Nhược Lan. Còn nhà họ Vệ này, qua tình trạng tên ông ta xuất hiện ở hồi thứ mười ba, quý vị có thể biết rằng đó cũng là một nhà không tầm thường. Vệ Nhược Lan là một vương tôn công tử. Hơn nữa, cứ nghĩ đến cái tên ấy mà xem, khí vị như lan, đã cho thấy đây là một công tử trẻ rất tốt đẹp. Sau khi hai người kết hợp, trong một thời gian họ rất hạnh phúc. Sử Tương Vân cảm thấy những truân chuyên số phận trong quá khứ, những điều không vui, những nỗi đau khổ ấy đều đã được bù đắp. Đó là một trạng thái rất tốt. Nhưng về sau đã xảy ra biến cố cực lớn. Vệ Nhược Lan chết. Vệ Nhược Lan chết như thế nào? Hẳn là cái chết bất thường.

Trong một số bài giảng trước, tôi từng bày tỏ một quan điểm của mình: Tào Tuyết Cần trong câu chuyện của ông đã ẩn giấu một bối cảnh chính trị rất lớn, chính là cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh quyền lực qua ba triều Khang Hy, Ung Chính và Càn Long. Phản ánh vào tiểu thuyết, thì có cuộc đấu tranh quyền lực giữa phe Nhật và phe Nguyệt. Phần trước đã nói rất nhiều, ở đây tôi không nhắc lại nhiều nữa. Vậy Vệ Nhược Lan này

rõ ràng là người thuộc thế lực phe Nguyệt. Không cần tìm thêm chứng cứ, chỉ riêng hồi mười ba, khi liệt kê tên ông ta, đã đặt ông ta cùng với Phùng Tử Anh. Vậy Phùng Tử Anh là nhân vật như thế nào?

Phùng Tử Anh chính thức xuất hiện trong tám mươi hồi đầu. Trước đây tôi đã nói rất nhiều. Đây là một nhân vật quan trọng bên phía phe Nguyệt của Nghĩa Trung Thân vương lão thiên tuế. Cho nên họ hẳn là ở cùng một phía, tham gia vào cuộc đấu tranh quyền lực chốn cung đình. Trong hoạt động như vậy, họ có lẽ đã tiến hành những chuẩn bị về quân sự. Vì thế họ mới tổ chức hoạt động xạ phố.

Trong hoạt động xạ phố ấy, lúc bấy giờ Vệ Nhược Lan đã kết hôn với Sử Tương Vân, tình cảm giữa hai người rất tốt. Trong hoạt động này, trên người Vệ Nhược Lan có đeo một con kỳ lân vàng lớn. Vậy con kỳ lân vàng lớn ấy từ đâu mà có? Hẳn là Giả Bảo Ngọc đã tặng cho ông ta khi hai người kết hôn. Toàn bộ lai lịch của kỳ lân vàng, mọi người hẳn đều rất rõ. Sớm nhất là lúc làm lễ ở Thanh Hư quán, Giả Bảo Ngọc nhận được nó từ Trương đạo sĩ.

Sau khi Bảo Ngọc có được, một thời gian sau lại đánh mất nó. Rồi a hoàn Thúy Lũ của Sử Tương Vân nhặt được. Sau đó Sử Tương Vân đem con kỳ lân vàng ấy trả lại cho Bảo Ngọc. Bảo Ngọc cũng không đem tặng lại cho Sử Tương Vân. Vậy có thể đoán rằng khi Sử Tương Vân và Vệ Nhược Lan kết hôn, lúc ấy Giả Bảo Ngọc nghĩ rằng Sử Tương Vân vốn tự đeo một con kỳ lân vàng nhỏ giống cái, còn đây là con kỳ lân vàng lớn giống đực, tặng cho Vệ Nhược Lan thì vừa hay. Sau khi Vệ Nhược Lan có được con kỳ lân vàng này, ông ta rất quý nó.

Cho nên cả lúc diễn tập quân sự, ông ta cũng đeo con kỳ lân vàng ấy. Bài trước tôi đã nói rồi, qua lời phê của Chi Nghiễn Trai có tiết lộ: con kỳ lân vàng này được Vệ Nhược Lan đeo trong hồi xạ phố ấy.

Vậy về sau, theo những gì tôi đã giảng nhiều ở phía trước, ở đây không nhắc lại từng điểm nữa, nói khái quát đơn giản: trong cuộc đọ sức chính trị này, phe Nguyệt thất bại. Vệ Nhược Lan hẳn đã chết trận.

Trong cục diện chính trị "hai vầng nhật nguyệt cùng soi càn khôn", cuộc đấu tranh ấy khiến phe Nguyệt hoàn toàn sụp đổ. Vì thế về sau bốn đại gia tộc lần lượt bị tiêu diệt. Nhà họ Sử, dù có hai tước hầu, một là Sử Nại, Bảo Linh hầu, một là Sử Đỉnh, Trung Tĩnh hầu, rất có thể đều bị hoàng đế định tội. Nhà họ Sử vì vậy hoàn toàn suy bại. Số phận các nhà khác cũng chẳng tốt đẹp gì. Cuối cùng nhà họ Giả bị hoàng đế tịch biên khám xét.

Trong tình hình ấy, Bảo Ngọc có một thời gian bị bắt giam vào ngục. Còn có tình tiết trong ngục, qua một số lời phê của Chi Nghiễn Trai, chúng ta có thể biết rằng phía sau còn có đoạn ở miếu Ngục Thần, Thiến Tuyết, Tiểu Hồng đi cứu giúp Giả Bảo Ngọc. Về sau Giả Bảo Ngọc có thể là vì dù sao cậu ta cũng là một người đàn ông còn khá trẻ tuổi, còn non nớt, hơn nữa trong các hoạt động mang tính chính trị liên quan đến phủ Giả, không tìm được chứng cứ phạm tội gì của cậu ta. Lại nhờ có người khác cứu giúp, nên cuối

cùng có thể cho phép cậu ta trở về nguyên quán. Nguyên quán của cậu là Kim Lăng. Vậy trong quá trình Bảo Ngọc trở về nguyên quán Kim Lăng, cậu lại gặp rất nhiều gian nan.

Vì có người không chịu thôi, lại muốn truy bắt cậu. Trong tình huống như vậy, Diệu Ngọc xuất hiện. Diệu Ngọc trong lúc nguy cấp nhất đã trái với lời dặn năm xưa của sư phụ. Sư phụ bà từng nói đời bà không nên hồi hương. Tất nhiên Diệu Ngọc cũng từ phương Nam, vùng Kim Lăng, đến kinh đô. Diệu Ngọc trong quá trình hồi hương chủ yếu là để đi tìm Bảo Ngọc, lao vào hiểm cảnh để cứu giúp Bảo Ngọc.

Tại bến Qua Châu, Diệu Ngọc và Trung Thuận vương đã đạt thành một thỏa thuận. Bà hy sinh chính mình, cứu được Bảo Ngọc ra. Trong quá trình này lại có một tình tiết phức tạp: tức là lại phát hiện rằng Sử Tương Vân, vì nhà của hai chú thím đều đã bị hoàng đế tiêu diệt, chồng của nàng lại bị đánh chết trong cuộc đấu tranh với phe của hoàng đế, nên nàng trở thành một người phụ nữ có thân phận hết sức bi đát. Nàng thậm chí còn có thể bị người ta bán vào chốn thanh lâu, trở thành ca nữ trên thuyền hát nơi sông Tần Hoài. Trong tình cảnh ấy, Diệu Ngọc sau khi cứu được hai người họ ra, để hai người gặp lại nhau, cùng sống một đời lưu lạc long đong, nhưng có thể nương tựa, đỡ đần nhau.

*Dựa trên việc đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng và phân tích sâu lời phê Chi Nghiễn Trai, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng sau khi trải qua những gian nan của đời người, Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc cuối cùng sẽ gặp lại nhau, đến với nhau, trở thành đôi vợ chồng cùng chung hoạn nạn. Vậy phán đoán này của ông Lưu Tâm Vũ rốt cuộc có căn cứ đáng tin nào?*

Những đại cương được khảo tầm này, nếu phải chứng minh từng điểm một thì sẽ rất tốn thời gian. Nhưng cũng phải có một lời bàn giao với mọi người. Vì vậy hôm nay, trong toàn bộ đại kết cục vận mệnh về sau của Tương Vân, điểm then chốt nhất ấy, chứng cứ của tôi là gì, tôi sẽ trình bày với mọi người để cùng thảo luận. Trong đó, điểm then chốt nhất chính là: Bảo Ngọc và Sử Tương Vân có gặp lại nhau hay không?

Thông qua chính văn tám mươi hồi và một số lời phê của Chi Nghiễn Trai, hoặc các manh mối khác, liệu có thể chứng minh rằng sau hồi tám mươi có một tình tiết quan trọng: sau một phen ly loạn, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân hai người gặp lại nhau hay không? Cá nhân tôi có một quan điểm khá độc đáo. Sau khi nêu ra trong các bài giảng trước, nó đã gây tranh luận lớn. Tôi nghĩ rằng một kỳ thư như Hồng Lâu Mộng, trong đó có một số hiện tượng văn bản cần được phá giải, không phải một hai chuyên gia là có thể giải quyết được. Nó cần mọi người cùng nhau thảo luận. Hơn nữa có thể còn cần thảo luận lâu dài.

Các quan điểm khác nhau có thể được mỗi bên bảo lưu trong thời gian dài. Thông qua thảo luận không ngừng, chúng ta có thể đào sâu nhận thức về nội hàm của bộ sách này và về thủ pháp nghệ thuật trong sáng tác của Tào Tuyết Cần. Đó chính là cách giải thích riêng của tôi về khúc Uổng Ngưng Mi trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng. Tôi cho rằng khúc này là dùng giọng điệu của Giả Bảo Ngọc để ngâm than về hai người: một là Sử Tương Vân, một là Diệu Ngọc.

Cá nhân tôi cho rằng trong khúc trước, Chung Thân Ngộ, cũng là dùng giọng điệu của Giả Bảo Ngọc để ngâm than về Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc. Ý của tôi là, theo cách nhìn cá nhân tôi, trong khúc Uổng Ngưng Mi, có một số câu nên chỉ Sử Tương Vân, từ góc độ Giả Bảo Ngọc, bằng giọng điệu Bảo Ngọc, ngâm than về Tương Vân và quan hệ giữa Tương Vân với cậu. Chẳng hạn các câu này: "Một người là đóa hoa tiên chốn Lãng uyển". Trước đây tôi từng nhiều lần nói với mọi người rằng Lâm Đại Ngọc ở cõi trời là Giáng Châu tiên thảo, không nói là hoa. Ở đây nói là "tiên ba". Vậy trong Di Hồng viện ở Đại Quan viên có trồng một cây hải đường. Khi miêu tả cây hải đường ấy trong Đại Quan viên, Tào Tuyết Cần đã dùng chữ "ba". Hơn nữa còn nói hình tượng hoa hải đường ấy là "tơ rủ thành sợi biếc". Về sau chúng ta phát hiện rằng a hoàn của Sử Tương Vân vừa hay tên là Thúy Lũ.

Trong hồi thứ mười bảy, khi viết về cảnh sắc nơi sau này thành Di Hồng viện trong Đại Quan viên, ông dùng những câu như vậy. Tất nhiên lúc ấy nơi đó chưa được chính thức gọi là Di Hồng viện. Chính nơi về sau thành Di Hồng viện ấy, có câu "tơ rủ sợi biếc, hoa nhả son đan". Và qua hồi sau, "Tiệc đêm mừng thọ Di Hồng quần phương", chúng ta đều biết tác giả dùng nhiều loài hoa để ám chỉ các cô gái trong sách. Mọi người rút thẻ hoa. Sử Tương Vân rút được thẻ hoa gì?

Chính là hoa hải đường. Cho nên tôi thấy mạch suy nghĩ này của mình cũng có căn cứ nhất định. Cá nhân tôi cho rằng dùng hoa hải đường để ví với Sử Tương Vân. Vậy trong khúc Uổng Ngưng Mi, tiếp đó có những câu như sau, gọi là: "Nếu bảo không có kỳ duyên, đời này lại cứ gặp nàng". Tôi cho rằng câu này chính là ám chỉ Giả Bảo Ngọc lúc sống trong Đại Quan viên đã ở chung với Sử Tương Vân rất tốt. Quả thật là tình anh em họ khiến người ta ngưỡng mộ.

Nhưng giữa hai người họ không nảy sinh tình yêu. Sau khi hai người chia lìa, cũng không nghĩ rằng sau này nhất định phải gặp lại nhau. Thế nhưng giữa họ có một mối kỳ duyên. Về sau, đời này lại cứ gặp nàng. Rồi "một người luống thở than", "một người là trăng trong nước". Vì sao tôi nói "trăng trong nước" cũng phần nào ám chỉ Sử Tương Vân?

Đó là ở hồi bảy mươi sáu, Sử Tương Vân và Lâm Đại Ngọc cùng liên thơ. Trong quá trình liên thơ, về sau hai người đều không nghĩ ra câu hay nữa. Lúc ấy Sử Tương Vân thấy một bóng đen. Nàng bèn dùng một mảnh đá nhỏ ném xuống sau gò, vào hồ. Chỉ nghe tiếng nước vang lên. Thế là một vòng tròn lớn làm bóng trăng tan ra rồi tụ lại mấy lần.

Vì vậy, "trăng trong nước" rất sâu, đối với Sử Tương Vân có ý nghĩa tượng trưng nào đó. Hơn nữa, quan hệ giữa nàng và Bảo Ngọc cũng giống như bóng trăng bị mảnh đá đánh vỡ, tan ra rồi lại tụ mấy lần. Tôi cho rằng đó cũng là một ám chỉ. Tất nhiên có người nói rằng cuối khúc này viết: "Thử nghĩ trong mắt có bao nhiêu giọt lệ, sao chịu nổi chảy từ thu đến hết đông, rồi từ xuân đến hạ". Điều này càng chứng tỏ là Lâm Đại Ngọc, vì Lâm Đại Ngọc hay khóc.

Mạch suy nghĩ ấy, mạch Lâm Đại Ngọc ấy, tôi rất tôn trọng, cũng rất có lý. Nhưng Giả Bảo Ngọc cũng có thể rơi lệ. Vì mọi người biết, ở hồi hai mươi tám, Giả Bảo Ngọc đến nhà Phùng Tử Anh uống rượu tụ họp. Trong buổi tụ họp, mọi người cùng hát khúc. Có phải không? Giả Bảo Ngọc đã hát một khúc Hồng Đậu. Trong khúc Hồng Đậu nói thế nào? Gọi là "rỏ không hết giọt lệ máu tương tư, gieo hồng đậu". Bảo Ngọc cũng có một khoang lệ đau của mình. Vì vậy ở đây, dù xuất hiện hình ảnh rơi lệ, cũng không nhất thiết phải nghĩ ngay đến Lâm Đại Ngọc. Nó có thể chính là Bảo Ngọc sau khi nhớ lại những chuyện ấy cảm thấy mình cũng có dòng lệ chảy mãi không dứt. Cho nên trong những câu chuyện như vậy, đều ẩn giấu một số ám chỉ về việc nàng và Bảo Ngọc gặp lại nhau.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Hồng Lâu Mộng là một tiểu thuyết trong đó tác giả Tào Tuyết Cần đã sáng tạo dung nhập thân thế gia tộc của mình vào tác phẩm, vì vậy mang đặc điểm tự truyện, là gia sử mang tính tự thuật. Trên người nhân vật chính Giả Bảo Ngọc, ít nhiều ẩn dụ bóng dáng của Tào Tuyết Cần. Dựa trên mối quan hệ ấy, từ trải nghiệm đời người của chính Tào Tuyết Cần, ông Lưu Tâm Vũ liệu có thể tìm thấy manh mối phá giải quan hệ giữa Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc hay không?*

Vậy còn có thể tìm được chứng cứ bổ sung nào khác không? Tôi nghĩ vẫn có. Bây giờ chúng ta có thể tìm bên ngoài sách. Mọi người biết rằng Tào Tuyết Cần trong quá trình sáng tác Hồng Lâu Mộng, cũng có một số hoạt động giao du xã hội. Một số bạn bè qua lại với ông để lại những bài thơ liên quan đến ông. Ví dụ, ông có hai người bạn thân nhất là hai anh em, một người tên Đôn Mẫn, một người tên Đôn Thành.

Trong các tập thơ của Đôn Mẫn, Đôn Thành lưu truyền đến nay, đều có thơ liên quan đến Tào Tuyết Cần. Ví dụ, Đôn Mẫn trong Mậu Trai thi sao, tập thơ cá nhân của ông, có một bài tên là Tặng Cần Phố. Trong bài thơ ấy, có nói đến tình cảnh của Tào Tuyết Cần, phát ra cảm khái của tác giả. Bài thơ này của Đôn Mẫn không phải nói về Hồng Lâu Mộng, mà là nói về chính Tào Tuyết Cần. Nó viết: "Chợ Yên khóc hát, buồn gặp gỡ, Tần Hoài phong nguyệt nhớ phồn hoa; Sầu mới hận xưa biết bao nhiêu, một cơn say, mắt trắng liếc nghiêng. Nó khái quát ra một số trải ngộ của chính Tào Tuyết Cần.

Khi Đôn Mẫn qua lại với ông, họ ở Yên Kinh, tức kinh thành, tức chợ Yên. Nhưng lại "khóc hát, buồn gặp gỡ". Điều này rõ ràng trong đời sống, Tào Tuyết Cần đã có một lần gặp lại. Hơn nữa lần gặp lại ấy không phải một sự gặp gỡ rất hạnh phúc, rất vui vẻ, kiểu gấm lại thêm hoa. Mà là "khóc hát, buồn gặp gỡ". Vậy lần gặp lại ấy lại có liên quan đến địa điểm nào?

Liên quan đến một nơi ngoài kinh thành. Nơi nào? Tần Hoài. "Tần Hoài phong nguyệt nhớ phồn hoa." Ý nghĩa ở đây tất nhiên rất phong phú. Vì ban đầu, nhà họ Tào chính là ở vùng Tần Hoài, vùng Kim Lăng mà phát tích. Ông nội của Tào Tuyết Cần, chỉ riêng chuyện này thôi, với tư cách Giang Ninh Chức tạo, Khang Hy sáu lần nam tuần thì bốn lần ở nhà họ.

Hoàng đế ở nhà họ, quý vị thử nghĩ đó là vinh dự thế nào. Cảnh tượng phồn hoa ấy thật không nỡ ngoảnh đầu nhìn lại. Về sau, rõ ràng sau khi gia tộc Tào Tuyết Cần sa sút, ông còn từng đến vùng Tần Hoài. Nếu không, hai câu thơ này sẽ không viết như vậy. Cho nên có thể thấy nếu trong tiểu thuyết sau hồi tám mươi có tình tiết Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân gặp lại nhau, thì nó có căn cứ đời sống. Căn cứ đời sống ấy chính là điều bạn ông, Đôn Mẫn, đã nói: ở vùng Tần Hoài, họ có cuộc gặp lại, cùng nhau hồi tưởng những năm tháng phồn hoa năm xưa.

Về sau họ cùng trở lại kinh thành, trở lại Yên Kinh. Trên đường phố, hẳn là họ xin ăn, khóc hát, lấy tiếng hát thay tiếng khóc, hoặc gọi là có khi là khóc lớn thay tiếng khóc. Đó là một trạng thái sinh mệnh như vậy. Vậy Đôn Mẫn không chỉ viết một bài thơ như thế. Trong một bài khác của ông lại có hai câu, cũng là ý này. Ý này càng chứng minh thêm cuộc gặp gỡ giữa Tào Tuyết Cần và một người phụ nữ là tình cảnh ra sao.

Hai câu ấy như sau: "Giấc cũ Tần Hoài, người vẫn đó, Yên thị bi ca, rượu còn say." Tần Hoài tuy là một giấc mộng cũ, nhưng người ấy vẫn còn. Quý vị thử nghĩ người ấy là ai? Hơn nữa trong mấy bài giảng trước, tôi đã nói với quý vị rồi: Sử Tương Vân trong tiểu thuyết là cháu gái họ của Giả mẫu. Nguyên mẫu của Giả mẫu chính là em gái của Lý Hú, Tô Châu Chức tạo năm xưa. Vì thế nguyên mẫu của Sử Tương Vân hẳn là một cháu gái họ của nhà họ Lý. Trong đời sống thực, họ không mang họ Sử mà họ Lý.

Rõ ràng là trong tiểu thuyết sẽ có một đoạn tình tiết, hơn nữa cuộc gặp lại của họ ở vùng Tần Hoài, "người vẫn đó", tức là Sử Tương Vân trong sách ở tình tiết sau hồi tám mươi sẽ cho độc giả biết nàng vẫn còn sống. Còn Giả Bảo Ngọc, "nếu bảo không có kỳ duyên, đời này lại cứ gặp nàng". Vậy điều này có căn cứ đời sống. Căn cứ đời sống ấy có thể thấy từ thơ Đôn Mẫn: ở vùng Tần Hoài, ông phát hiện một cố nhân vẫn còn sống. Do đó sau khi trở về Yên Kinh, lại là "bi ca". Bản thân cuộc gặp gỡ ấy chứa đựng rất nhiều thành phần bi kịch.

Cho nên nó không phải tiếng hát vui mà là khúc bi ca, mượn rượu giải sầu, men rượu đã ngà.

*Hồng Lâu Mộng là đỉnh cao của văn học cổ đại Trung Quốc, cũng là một tác phẩm trải nhiều kiếp nạn. Trong quá trình lưu truyền bằng bản chép tay ban đầu, phần văn tự sau hồi tám mươi bị thất lạc, không thể khảo chứng, để lại cho hậu thế một tiếc nuối văn hóa rất lớn. Nhưng vẫn có một số ít manh mối tàn tồn trong các bút ký dã sử, cung cấp những dấu vết hết sức quý giá và quan trọng để chúng ta khảo tầm nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần trong Hồng Lâu Mộng sau hồi tám mươi. Vậy trong các bút ký ấy, ông Lưu Tâm Vũ liệu có thể tìm thấy ghi chép liên quan đến việc Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc gặp lại nhau hay không? Chúng ta lại nên hiểu phân tích của ông Lưu Tâm Vũ như thế nào?*

Có người có thể sẽ hỏi thêm rằng: ông hiện nay đã nói nhiều như vậy, nhưng tôi vẫn chưa tin lắm. Làm sao ông biết sau hồi tám mươi nhất định có những tình tiết như ông nói, đặc biệt là tình tiết Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân gặp lại nhau, cùng sống với nhau? Ông có thể đưa ra nhiều chứng cứ chắc chắn hơn một chút

không? Tôi nghĩ là vẫn có thể đưa ra. Bởi bộ Hồng Lâu Mộng này đã lưu truyền trong thời gian rất dài, hơn hai trăm năm. Vào thời kỳ sớm nhất, nó lưu truyền dưới dạng bản chép tay.

Những bản chép tay hiện nay chúng ta có thể thấy chỉ là một phần rất nhỏ trong những bản từng lưu truyền năm xưa, một giọt nước giữa biển cả. Rất nhiều bản đã bị vùi mất trong biến động xã hội. Nhưng qua các đời vẫn có một số người trong tác phẩm của họ ghi chép một vài tình hình về các cổ bản mà họ từng thấy. Dưới đây xin nêu một vài ví dụ. Vào niên hiệu Hàm Phong, có người tên Triệu Chi Khiêm. Ông viết một tác phẩm tên là Chương An tạp thuyết.

Trong đó ghi lại những tình tiết sau hồi tám mươi của Thạch Đầu Ký mà ông biết. Ông nói trong đó có tình tiết gì? Có chuyện Bảo Ngọc làm lính coi phố, Sử Tương Vân tái giá với Bảo Ngọc. "Tái giá" nghĩa là gì? Là quả phụ đi lấy chồng lần nữa. Đây là manh mối rất quan trọng.

Đến niên hiệu Đạo Quang, cũng có một người trong bút ký của mình ghi chép như sau. Ông nói rằng ông quen một người họ Đới, người ấy tên Đới Thành Phu, đã từng thấy một "cựu thời chân bản". Bản thật ấy sau hồi tám mươi "đều không giống bản nay". Tức là hoàn toàn khác với những tình tiết trong bản một trăm hai mươi hồi do Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc đẩy ra lưu hành đã bắt đầu phổ biến rộng rãi trong xã hội lúc bấy giờ. Khác thế nào? Ông nói tình tiết như sau: "Sau khi phủ Ninh, phủ Vinh bị tịch biên", "tịch biên" tức là bị hoàng đế sao xét gia sản, bị suy sụp, sau đó "đều cực kỳ tiêu điều, Bảo Thoa cũng chết sớm".

Bảo Thoa chết đi. Bảo Ngọc thì "không có gì gây dựng cửa nhà, đến nỗi lưu lạc vào hạng đánh mõ canh". Tức là đánh canh. Đánh canh có nhiều cách. Hoặc là cầm một khối gỗ hình hộp, lấy một dùi gỗ gõ vào nó. Rồi Sử Tương Vân thì "làm ăn mày".

Lúc ấy Sử Tương Vân, vì chú thím của nàng đều bị hoàng đế xử lý, chồng nàng lại đã chết, không còn cách mưu sinh, cuối cùng lưu lạc thành ăn mày. Trong tình cảnh ấy, về sau nàng và Bảo Ngọc "vẫn thành vợ chồng".

Nếu chỉ có như vậy thì cũng chưa đủ lạ. Về sau lại có một người tên Bộc Thanh Sĩ. Ông ta trong một cuốn sách của mình cũng có một cách nói. Ông nói mình cũng đã thấy một cổ bản. Vậy cổ bản ấy viết thế nào? Nói rằng "Bảo Ngọc thật sự cưới Tương Vân, cuối đời cực nghèo".

Nói hai vợ chồng ở kinh thành làm gì? Nhặt than cục. Lấy việc nhặt than cục để sống. Thực ra chính là nhặt lõi than cháy dở. Tức là ngày xưa ở Bắc Kinh vào mùa đông, người ta sưởi ấm đều dùng lò than, đều dùng than viên. Sau khi than viên cháy xong, nó biến thành màu tro trắng.

Nhưng có viên chưa cháy hết, trong lõi than vẫn còn chút đen, còn có thể moi ra, làm nhiên liệu, hoặc dùng để tự sưởi, hoặc thậm chí gia công rồi bán cho người khác. Theo lời ông ta, Bảo Ngọc và Tương Vân cuối

cùng chính là dựa vào việc nhặt lõi than cháy dở để sống qua ngày. Hơn nữa, ông còn tiết lộ rằng bản mà ông đã thấy nói rằng về sau Bảo Ngọc và Tương Vân lưu lạc đói rét, đến nỗi phải ở trong lều gỗ của lính coi phố. Tức là có lính coi phố. Nói cuối cùng Bảo Ngọc làm nghề ấy. Mấy người này không cùng một thời đại, có lẽ cũng không quen biết nhau.

Khi viết sách, họ cũng không người này nhắc đến người kia. Nhưng không hẹn mà cùng, họ đều viết về những câu chuyện trên một loại bản chép tay đang lưu truyền lúc bấy giờ mà họ từng thấy. Sau hồi tám mươi là những cảnh tượng như vậy. Vì thế về đại thể là đáng tin. Đến cuối đời Thanh, đầu Dân quốc, có một người tên Trần Am. Khẩu khí của người này còn lớn hơn.

Ông nói mình trực tiếp đã thấy chân bản. Những người trước có thể chỉ nghe nói, nghe người từng thấy chân bản kể rồi ghi lại, còn tôi thì thật sự tận mắt thấy. Cũng có thể là khoác lác. Nhưng hiện nay chúng ta khó phán đoán. Có lẽ ông ta thật sự từng thấy. Bởi lúc bấy giờ, nghiên cứu Hồng Lâu Mộng gì đó, nói rằng mình thấy một cuốn sách Hồng Lâu Mộng nào đó, vừa không kiếm được danh, cũng không kiếm được lợi.

Đó chỉ là chuyện tiêu khiển cá nhân. Cho nên có thể tin rằng điều ông ta nói là có lý. Ông nói ông có được một bản. Bản ấy ông đọc rất kỹ. Ông nói trong đó viết rằng Tiết Bảo Thoa sau khi gả cho Giả Bảo Ngọc thì bệnh chết. Sau khi nàng chết, Sử Tương Vân sau khi xuất giá cũng thành quả phụ.

Về sau, khi Sử Tương Vân gặp Giả Bảo Ngọc thì hai người kết li. "Kết li" tức là hai người họ kết hôn. Còn Bảo Ngọc từng sa cơ làm người coi phố. Quý vị thấy, ông ta cũng thấy một tình huống như vậy. Nội dung tương đối tỉ mỉ thì ông ta nói thế này: ông nói rằng người coi phố ở đâu? Ở trong "đôi tử".

Ngày xưa ở Bắc Kinh, tại bên thành hào hoặc ở một số bên ngõ hẻm, có những căn nhà rách nát, thậm chí không có mái, chỉ còn một chút tường lửng, dân gian gọi là "đôi tử", gần như phế tích. Những người nghèo nhất, hết đường xoay xở nhất, có khi ở đó qua đêm. Ông nói bản mà ông thấy viết rằng Bảo Ngọc cuối cùng sa cơ đến mức ấy. Rồi một ngày nọ, Bắc Tĩnh vương — trong tiểu thuyết có Bắc Tĩnh vương, đúng không? Bắc Tĩnh vương vẫn còn tồn tại. Ông ta từ đầu đến cuối không bị hoàng đế xử lý.

Ông ta có quan hệ với cả phe Nhật lẫn phe Nguyệt, nhưng có thể giữ được thế cân bằng chính trị. Bắc Tĩnh vương đi qua ngoài phố. Sau khi đi qua, người đi trước hô đường theo lệ yêu cầu lính coi phố phải ra ngoài, để chắp tay đứng hầu theo uy thế của Bắc Tĩnh vương. Nhưng người lính coi phố trong đống tường kia lại không ra. Thế là người hầu rất giận, liền vào trong lôi người ấy ra. Hơn nữa lập tức định đánh phạt thật nặng.

Trong tình huống ấy, người này lớn tiếng kêu lên, có thể là kêu oan, đại khái như vậy. Bắc Tĩnh vương vừa nghe, thấy giọng nói rất quen. Thế là Bắc Tĩnh vương bảo những người kia đừng đánh. Ông sai dẫn người ấy đến, đích thân tra hỏi. Ban đầu vừa nhìn cũng không nhận ra, nhưng nghe giọng thì quả thật quen; nghĩ

kỹ lại, thì ra là Bảo Ngọc. Bắc Tĩnh vương rất thích Giả Bảo Ngọc, điều này trong hồi mười bốn, mười lăm của Hồng Lâu Mộng đã có miêu tả rất cụ thể, phải không?

Theo bản mà ông ta đã thấy, còn có tình tiết này. Vì vậy Bắc Tĩnh vương coi như lại cứu Giả Bảo Ngọc, mời cậu vào vương phủ, để cậu kể rõ đầu đuôi trước sau. Vậy những ghi chép về các cổ sao bản này chưa hẳn đều đáng tin. Nhưng những người khác nhau, trong những cuốn sách khác nhau, ghi chép tuy có chỗ không giống nhau, nhưng trong đó phần giống nhau lại rất nhiều. Phần giống nhau ấy là Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân về sau đã gặp lại nhau. Hai người kết thành vợ chồng.

*Điểm này hẳn là đáng tin. Nếu nói một số chi tiết có thể là do họ phát triển thêm, hoặc thậm chí do họ ngụy tạo, thì trong đó, cái hạt nhân hợp lý chúng ta có thể thừa nhận. Giới Hồng học nhìn chung cho rằng Tào Tuyết Cần trong Hồng Lâu Mộng sau hồi tám mươi sẽ có lời bàn giao về vận mệnh cuối cùng của các nhân vật chính. Trong Hồng Lâu Mộng, và thông qua lời phán ở hồi thứ năm, các khúc từ cùng một số miêu tả văn tự khác, dự báo Hồng Lâu Mộng tất sẽ là một kết cấu đại bi kịch; còn qua phân tích trên đây Lưu Tâm Vũ tiên sinh đã xác định Sử Tương Vân và Giả Bảo Ngọc sau khi trải qua gian nan sẽ đến được với nhau, trở thành một đôi vợ chồng nghèo khó nhưng tương nhu dĩ mạt, hoạn nạn có nhau. Nếu quả thực là như vậy, há chẳng phải đã mâu thuẫn với thiết kế kết cấu đại bi kịch của Tào Tuyết Cần hay sao? Rốt cuộc Lưu Tâm Vũ tiên sinh sẽ giải mã như thế nào? kết cục nhân sinh cuối cùng của Sử Tương Vân đây?*

Tào Tuyết Cần sẽ làm thế nào? để giữ vững kết cục đại bi kịch cho toàn bộ tiểu thuyết của mình? Ông sẽ viết về cái chết bi thảm của Sử Tương Vân. Ông sẽ viết về việc Giả Bảo Ngọc huyền nhai tát thủ, triệt để thất vọng với nhân gian, quay về thiên giới.

Xét riêng về điểm này, nó không phù hợp với tình hình thực tế trong đời sống giữa Tào Tuyết Cần và người biểu muội họ Lý của ông ấy. Tuy rằng vai Sử Tương Vân này, như tôi đã giảng ở tập trước, tình tiết trong tám mươi hồi hẳn là có khoảng cách gần nhất với nguyên mẫu đời sống, thành phần hư cấu ít nhất, nhưng vì để duy trì một kết cục đại bi kịch cho toàn thư, ông ấy có lẽ buộc phải về sau xử lý như vậy. Bởi vậy đây cũng chính là một đáp án cho vấn đề tôi đã nêu ra ngay từ đầu khi giảng về Sử Tương Vân, đó là vì sao trước sau khi Sử Tương Vân xuất trường, vẫn luôn không có một đoạn văn tự tự sự ổn định nào để khái quát lai long khứ mạch của Sử Tương Vân? Chính là vì hai người họ cân nhắc đi cân nhắc lại, Lý biểu muội lại hết sức chân thực, thế nhưng cuối cùng con người tôi vẫn còn đây, tình hoài cựu mộng, người lại vẫn còn, phải không? Ông lấy tôi làm nguyên mẫu để viết thành một hình tượng nghệ thuật này, vậy mà ông lại muốn xử lý thành cô ấy chết đi. Tuy rằng nguyên mẫu cũng đồng ý, nhưng làm sao để đưa ra một khái quát về lai long khứ mạch số phận nhân vật đây?

Thì tương đối hao tâm tổn trí. Cho nên những gì chúng ta thấy hiện nay trong văn bản tám mươi hồi, vẫn luôn không hề có một đoạn văn tự như vậy. Như cách viết về Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Lý Hoàn bọn họ,

để đem Sử Tương Vân rốt cuộc là thế nào? mà làm một khái quát hết sức lâm li. Đây là cách lý giải của cá nhân tôi đối với văn bản Hồng Lâu Mộng này, một cách lý giải về cách xử lý vai Sử Tương Vân.

Dĩ nhiên trong Hồng Lâu Mộng còn có rất nhiều vấn đề, nhưng bài giảng của tôi đến đây là kết thúc. Tạm biệt.

# Tập 45

Bí ẩn toàn bản Hồng Lâu Mộng

*Năm 2005, ông lên Bách Gia Giảng Đàn, vì giải mã Hồng Lâu Mộng mà gây sóng gió lớn: chất vấn đi cùng tán đồng, phê phán đi cùng tranh luận. Loạt Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ trở thành điểm nóng văn hóa sôi sục nhất năm ấy. Năm 2010, Lưu Tâm Vũ mang theo thành quả nghiên cứu mới nhất về Hồng Lâu Mộng, một lần nữa lên Bách Gia Giảng Đàn, mở cho quý vị thấy kết cục thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Kết cục của mỗi nhân vật trong Đại Quan viên ra sao? Số phận cuối cùng của Giả phủ sẽ đi về đâu? Các hồi mục sau hồi 80 trong Hồng Lâu Mộng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần sẽ như thế nào? Sau hồi 80 còn có những cảnh nào, chi tiết nào? Một Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần rốt cuộc ra sao? Rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm; lớp lớp phục bút, ẩn giấu huyền cơ. Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ mở lối riêng, dùng nhiều nguồn tư liệu, bằng góc nhìn mới để dựng lại cho quý vị một toàn bản Hồng Lâu Mộng gần nhất với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Kính mời theo dõi loạt Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, tập 1: Bí ẩn toàn bản Hồng Lâu Mộng.*

Trước hết, chúng ta cùng nghe một bài thơ. Chớ hỏi duyên vàng cùng ngọc duyên, tụ như mộng xuân, tan như khói. Đá về dưới núi không linh khí, dẫu có biết nói cũng uổng công. Rất hiển nhiên, đây là một bài thơ viết về Hồng Lâu Mộng. Người làm thơ rõ ràng đã đọc một toàn bản Hồng Lâu Mộng, trong Hồng Lâu Mộng có câu chuyện về "kim nhân" và "ngọc duyên".

Ông ta nói: đừng hỏi nữa, nghĩ lại không chịu nổi. Vì sao vậy? Vì ông vừa thấy những phần trong câu chuyện mà "kim nhân" và "ngọc duyên" tụ lại như mộng xuân. Đồng thời ông cũng thấy phần tan đi như khói. Ông đọc một câu chuyện có đầu có cuối. Tôi thấy dưới kia có người cau mày: ông nói người này đọc Hồng Lâu Mộng, có đầu có cuối rồi làm một bài thơ, có gì lạ đâu?

Tôi cũng đọc Hồng Lâu Mộng mà. Tôi đọc bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi, nó cũng có đầu có cuối. Nhưng quý vị cần biết, người viết bài thơ này không phải người thời nay. Đó là một người xưa, sống thời Càn Long. Người này tên Phú Sát Minh Nghĩa, tự Ngã Trai. Ông là một quý tộc không mấy đắc ý vào đầu triều Càn Long.

Ông là hậu duệ quý tộc, nhưng đến đời ông thì không được hiển đạt lắm. Ông chỉ giữ một chức quan nhỏ. Quan gì? Ở Thượng Tứ viện trong cung Thanh, tức nơi nuôi ngựa, vườn ngựa của hoàng gia. Ông làm một viên chức nhỏ trực ban ở đó. Vườn ngựa ấy chuyên nuôi ngựa, chuẩn bị ngựa cho hoàng đế.

Khi hoàng đế cần dùng ngựa thì có người theo hầu, đó là một cơ quan. Ông làm chức nhỏ ấy trong cơ quan đó, cả đời không được thăng tiến. Nhưng người này thích đọc sách, thích làm thơ. Ông tự biên tập thơ mình

thành một tập. Tên là Lục Yên Tỏa Song Tập. Dĩ nhiên là bản chép tay; trình độ thơ của ông cũng không quá cao.

Cũng không có nhiều người thưởng thức. Có lẽ ông tự chép, tự biên, chủ yếu để tự thưởng thức. Hoặc lưu truyền trong phạm vi nhỏ giữa thân hữu. Nhưng Lục Yên Tỏa Song Tập rất quan trọng. Đối với nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, đó là một tư liệu quan trọng. Bản chép tay Lục Yên Tỏa Song Tập ấy đã trải qua bao dâu bể mà còn được giữ lại.

Hiện nay nó đang được cất giữ ở Thư viện Bắc Kinh. Quý vị có thể mượn đọc, nghiên cứu. Trong Lục Yên Tỏa Song Tập có thơ liên quan đến Hồng Lâu Mộng. Không chỉ một bài, mà là một chùm, gồm hai mươi bài. Đề chung là Đề Hồng Lâu Mộng. Bài tôi vừa đọc là một trong hai mươi bài ấy.

Có thể thấy, Phú Sát Minh Nghĩa lúc bấy giờ, vào triều Càn Long, đã đọc một Hồng Lâu Mộng có đầu có cuối. Vì sao tôi nói đó không phải bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi mà quý vị hiện quen thuộc? Theo khảo chứng của chuyên gia, thơ trong Lục Yên Tỏa Song Tập được sắp xếp theo niên đại. Những bài cuối cùng có thể khảo ra là hoàn thành vào năm Càn Long thứ 46. Tức năm 1781 dương lịch; hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng nằm trong tập thơ ấy. Vậy rõ ràng chúng còn sớm hơn mốc thời gian tôi vừa nói.

Còn bản 120 hồi mà chúng ta hiện quen thuộc được hình thành vào lúc nào? Năm Càn Long thứ 56, tức năm 1791 dương lịch. Hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng trong Lục Yên Tỏa Song Tập rõ ràng còn sớm hơn năm Càn Long thứ 46. Vì vậy quyển Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh, có đầu có cuối mà Minh Nghĩa đã đọc, không thể là bản 120 hồi mà ngày nay mọi người thấy. Ông không thể đọc phần tiếp của Cao Ngạc, vì lúc ấy Cao Ngạc còn chưa viết tiếp. Bản tiếp tục ấy còn chưa in ra, ông làm sao thấy được?

*Do đó, thứ ông đọc phải là một Hồng Lâu Mộng khác, hoàn chỉnh, có đầu có cuối. Lưu Tâm Vũ cho rằng Phú Sát Minh Nghĩa thật có phúc mắt: ông đã thấy một Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh. Bản Hồng Lâu Mộng này là bản nguyên thủy của Tào Tuyết Cần, không phải phần tiếp tục về sau của Cao Ngạc. Vì vậy Lưu Tâm Vũ cho rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng đã từng tồn tại. Điều này mâu thuẫn với thông tin mọi người thường được biết. Trong bản Hồng Lâu Mộng thông hành hiện nay, sáng tác của Tào Tuyết Cần chỉ có 80 hồi, 40 hồi sau do Cao Ngạc viết tiếp.*

*Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần giống như một tượng Venus cụt tay. Một bài thơ của Phú Sát Minh Nghĩa liệu có chứng minh được toàn bản Hồng Lâu Mộng từng tồn tại không? Lưu Tâm Vũ còn có chứng cứ nào để thuyết minh điều Minh Nghĩa đã thấy?*

Có người có thể sẽ hỏi: thông tin tôi biết là Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần chỉ có 80 hồi, không hoàn chỉnh, là tàn khuyết. Bây giờ ông lại lôi ra một tư liệu như thế, khiến tôi giật mình. Rốt cuộc chuyện này là sao?

Một bài thơ vừa rồi chưa đủ thuyết phục tôi, ông có thể nêu thêm một bài nữa không? Được, tôi nêu thêm một bài, trong hai mươi bài ấy. Bài vừa rồi là bài thứ 19 trong chùm thơ đó. Bây giờ chúng ta xem bài thứ 20 ông ấy viết thế nào. Ông viết: "Chưa mấy xuân nấu ngọc thổi vàng, vương tôn gầy quắt xương xẩu; hồng phấn thanh nga về nơi đâu, thẹn với Thạch Quý Luân năm ấy." Nghĩa là gì? Ông nói đời sống của tông tộc họ Giả trong sách là "nấu ngọc thổi vàng".

Gạo họ ăn có thể ví như ngọc, nhiên liệu họ dùng để nấu ăn có thể ví như vàng. Họ "nấu ngọc thổi vàng", sống xa hoa đến tột bậc. Nhưng sách miêu tả cuộc sống ấy không kéo dài được lâu: "chưa mấy xuân", chưa qua được mấy mùa xuân. Chúng ta lập tức nhớ lại 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng từng đọc. Trong đó nói rất rõ: "Ba xuân qua rồi, muôn hồng tàn hết"; "ngộ thấu ba xuân, áo xiêm chẳng còn." Tức là cuộc sống vinh hoa phú quý được viết trong sách chỉ khoảng ba năm. Rõ ràng Phú Sát Minh Nghĩa đã thấy những lời dự ngôn như thế trong 80 hồi đầu.

Ông thấy cuộc sống áo gấm cơm ngọc trải qua ba mùa xuân. Nhưng ông không chỉ thấy 80 hồi đầu; ông còn thấy sau hồi 80. Ông thấy gì? Ông thấy nhân vật chính của tiểu thuyết, công tử vương tôn Giả Bảo Ngọc. Cuối cùng có hình dáng ra sao? "Gầy quắt xương xẩu".

Sau cùng gầy đến không còn ra hình người, chỉ còn da bọc xương. "Lân tuần" vốn chỉ hình thế đá lởm chởm, góc cạnh. Khi dùng để tả người gầy, tức là không còn chút mỡ nào, thậm chí cơ bắp cũng đã teo tóp. Toàn thân chỉ còn da bọc xương, cũng giống như đá lởm chởm vậy. Ông thấy Giả Bảo Ngọc trong nửa sau câu chuyện của toàn bản Hồng Lâu Mộng, vị vương tôn ấy gầy thành một dáng vẻ kỳ dị, thảm hại không chịu nổi. Quý vị thử nghĩ xem, nếu ông chỉ đọc 80 hồi, Giả Bảo Ngọc có hình tượng như vậy không?

Chúng ta có thể nhớ lại, ở phần cuối 80 hồi đầu, chẳng hạn hồi 78, vẫn còn viết về hình tượng Giả Bảo Ngọc. Quý vị nhớ xem có chi tiết như thế này không? Giả Bảo Ngọc đi trong Đại Quan viên, theo sau là hai a hoàn. Một a hoàn là Xạ Nguyệt, một a hoàn là Thu Văn. Lúc ấy Đại Quan viên đã bị lục soát. A hoàn được Giả Bảo Ngọc yêu quý nhất là Tình Văn đã bị đuổi ra ngoài, hơn nữa đã chết.

Khi ấy thân tâm Giả Bảo Ngọc chịu đả kích rất nặng nề. Nhưng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Giả Bảo Ngọc có hình tượng thế nào? Có phải là gầy quắt xương xẩu không? Không. Ông viết rằng lúc đi trong Đại Quan viên, Giả Bảo Ngọc thấy nóng nên cởi áo ngoài. Cởi ra thì lộ chiếc quần màu đại hồng mặc bên trong.

Chiếc quần đại hồng ấy do ai làm cho cậu? Ai khâu cho cậu? Là đường kim mũi chỉ của Tình Văn. Vì vậy đã là người mất mà vật còn. Thu Văn và Xạ Nguyệt cũng rất cảm khái. Thu Văn có một câu tả hình tượng Giả Bảo Ngọc.

Cô nói, chiếc quần đại hồng ấy phối với áo màu lục tùng hoa, càng làm nổi bật mái tóc xanh đen và gương mặt trắng như tuyết. "Tóc xanh đen" nghĩa là tóc rất đen. "Mặt trắng như tuyết" cho thấy gương mặt vẫn

phải đầy đặn, trắng trẻo. Đâu phải gầy quắt xương xẩu? Giả Bảo Ngọc trong 80 hồi không có hình tượng ấy. Chắc chắn Phú Sát Minh Nghĩa đã thấy hình tượng Giả Bảo Ngọc về sau trong Hồng Lâu Mộng, nên mới tả như vậy.

Trong phần tục thư của Cao Ngạc hiện lưu hành, Giả Bảo Ngọc cũng không gầy quắt xương xẩu. Có không? Cũng không. Vì vậy rất rõ, toàn bản Hồng Lâu Mộng mà Phú Sát Minh Nghĩa từng thấy không giống bản 120 hồi hiện nay. Từ đó chúng ta có thể rút ra một kết luận: không phải Tào Tuyết Cần chưa viết xong Hồng Lâu Mộng. Không phải Tào Tuyết Cần viết đến 80 hồi rồi viết không nổi nữa, bèn dừng bút.

Cũng không phải ông muốn viết nhưng lực bất tòng tâm, rồi qua đời. Không phải vậy. Tuy Tào Tuyết Cần chết khá sớm, khoảng ngoài bốn mươi tuổi, nhưng về đại thể ông đã viết xong Hồng Lâu Mộng của mình. Ông từng có một bản thảo có đầu có cuối, có thể chưa hoàn toàn chỉnh lý lần cuối. Có chỗ còn thiếu vài bộ phận, như hồi 75 còn thiếu mấy bài thơ Trung thu. Có nơi trước sau còn hơi mâu thuẫn, ông chưa kịp gỡ bỏ những "gờ ráp" mâu thuẫn ấy.

Chỉ là chưa nhuận sắc hoàn toàn toàn bộ văn cảo, vậy thôi. Nhưng về sự phát triển số phận nhân vật và diễn tiến tình tiết, ông đã hoàn thành tác phẩm ấy. Đã từng có một Hồng Lâu Mộng nguyên bản, một Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh như thế. Dĩ nhiên có người có thể vẫn không phục: ông cứ nói như vậy, tôi thấy vẫn rất huyền hoặc. Bản mà Minh Nghĩa đọc liệu có thể không phải Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không? Bản thảo ông ấy đọc từ đâu ra?

Ông ấy lấy đâu ra một cuốn sách như thế? Bây giờ tôi xin nói với quý vị, hai mươi bài thơ Đề Hồng Lâu Mộng của Phú Sát Minh Nghĩa rất quý. Bản thân thơ quý đã đành, trước hai mươi bài thơ còn có một tiểu tự, và tiểu tự này cực kỳ quan trọng. Mỗi câu trong tiểu tự ấy đều rất quý. Câu đầu của tiểu tự là gì? "Tào tử Tuyết Cần xuất sở soạn Hồng Lâu Mộng nhất bộ." Trước hết, ông ấy cho biết quyển sách này là do Tào Tuyết Cần đưa cho.

Người xưa khi tỏ lòng kính trọng người khác, đặc biệt là nam giới, thường thêm chữ "tử" sau họ tên: Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử, Hàn Phi tử; đến đời Tống có Chu Hy, Chu tử. Đến đời Thanh, Phú Sát Minh Nghĩa rất sùng bái Tào Tuyết Cần. Sau khi đọc tác phẩm của Tào Tuyết Cần, ông xưng Tào Tuyết Cần là "Tào tử", tức "Tào tử Tuyết Cần". "Xuất" là đưa ra, cho xem, cho mượn. Nguồn gốc quyển sách ấy, nơi xuất xứ của nó, chính là bản thân Tào Tuyết Cần. Văn bản Hồng Lâu Mộng có đầu có cuối mà ông đọc là do chính Tào Tuyết Cần cung cấp.

Vậy sách ấy do ai viết? Tào Tuyết Cần cung cấp, hơn nữa câu ấy nói rõ: "sở soạn Hồng Lâu Mộng nhất bộ". "Soạn" tức là trước tác, cho biết quyền tác giả thuộc về người ấy. Tác giả chính là Tào Tuyết Cần; ông đã đưa tác phẩm Hồng Lâu Mộng do mình viết ra. Ông cho Phú Sát Minh Nghĩa mượn. Rất rõ ràng; hơn nữa ông mượn nửa bộ hay một bộ?

Ông mượn một bộ. Vì vậy Hồng Lâu Mộng ấy có phải do Tào Tuyết Cần viết hay không, tôi nghĩ đọc câu này thì không còn nghi vấn nữa. Hơn nữa tôi xin nói với quý vị, Phú Sát Minh Nghĩa sinh sau Tào Tuyết Cần. Nhưng khi ông ra đời, Tào Tuyết Cần vẫn còn sống. Dĩ nhiên sau khi Tào Tuyết Cần qua đời, ông vẫn sống thêm một thời gian. Vì vậy có thể nói ông và Tào Tuyết Cần là người cùng thời.

Sinh mệnh của hai người từng có một giai đoạn cùng không gian, cùng thời gian. Tức là có một khoảng thời gian, Tào Tuyết Cần còn sống và ông cũng còn sống. Không gian sống chủ yếu của Tào Tuyết Cần là thành Bắc Kinh, ngoại ô Bắc Kinh, vùng Bắc Kinh. Không gian sống của Phú Sát Minh Nghĩa cũng là nơi ấy. Hai người rất có khả năng từng qua lại. Từ câu nói ấy có thể thấy được.

*Dù Tào Tuyết Cần không trực tiếp đưa bản thảo hoàn chỉnh Hồng Lâu Mộng cho ông, thì cũng đã đưa cho thân hữu có quan hệ rất mật thiết với Minh Nghĩa. Vì vậy Minh Nghĩa mới có thể đọc được thứ đó. Cho nên câu này rất đáng tin. Tổng hợp các tư liệu về Hồng Lâu Mộng và hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng của Phú Sát Minh Nghĩa, Lưu Tâm Vũ phán đoán rằng Tào Tuyết Cần từng viết xong một Hồng Lâu Mộng có đầu có cuối, và nội dung sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng hoàn toàn khác với 40 hồi tục thư của Cao Ngạc. Điều này cũng được Phú Sát Minh Nghĩa thời Thanh hé lộ trong hai mươi bài thơ Đề Hồng Lâu Mộng. Vậy trong toàn bản Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết mà Phú Sát Minh Nghĩa từng đọc, kết cục của nhà họ Giả rốt cuộc là thế nào?*

Vừa rồi tôi giới thiệu bài thơ thứ hai của Phú Sát Minh Nghĩa, còn hai câu cuối chưa nói. Khán giả tinh ý sẽ nhắc: ông nói tiếp hai câu ấy xem, có thể củng cố luận điểm của ông không? Vậy tôi nói tiếp hai câu sau; chúng có thể củng cố luận điểm của tôi. "Thanh nga hồng phấn về nơi đâu? Thẹn với Thạch Quý Luân năm ấy." "Thanh nga hồng phấn" là cách khái quát tất cả những thiếu nữ thanh xuân trong sách. Ông cho biết về sau trong Hồng Lâu Mộng mà ông thấy, những thiếu nữ thanh xuân ấy thế nào?

"Về nơi đâu?" Không còn nói rõ được họ đi về đâu nữa. Toàn bộ tông tộc họ Giả cuối cùng là nhà tan người tản, mỗi người mỗi ngả. Số phận những phụ nữ ấy đều rất bi thảm. Ông không kịp kể tỉ mỉ; nghĩ đến là trong lòng rất đau xót. Câu cuối cùng, ông dùng một điển cố. Người xưa làm thơ thích dùng điển cố.

Ông dùng điển cố gì? Câu ấy là: "Thẹn với Thạch Quý Luân năm ấy." Thạch Quý Luân là người thời Tây Tấn. Tên ông là Thạch Sùng. Tự của ông là Quý Luân. Người này là một đại phú hào. Trong phân chia quyền lực, ông cũng nắm được một phần quyền lực.

Ông là một kẻ hoang dâm vô độ. Nhưng số phận cuối cùng của người này rất bi thảm. Trong cuộc tranh đoạt quyền lực và so bì của cải, cuối cùng ông là kẻ bại trận. Đối thủ chính trị của ông mang chiếu lệnh hoàng đế đến giết ông. Ông rất giàu có. Ngoài dinh thự xa hoa, ông còn có một khu vườn rất lớn, gọi là Kim Cốc viên.

Trong đó có rất nhiều đình đài lầu gác. Khi chính địch của ông Vp đến, truy sát vào trong, trong nhà ông có một thị thiếp. Tức là người thiếp hầu hạ ông, hay nói nôm na là vợ lẽ. Tên là Lục Châu. Lục Châu đã có một hành động. Biểu thị phản kháng, bất phục, cũng biểu thị sự trung thành với Thạch Sùng.

Cô chạy lên lầu rồi gieo mình xuống. Rơi xuống mà chết. Việc ấy trở thành một sự kiện nổi tiếng trong lịch sử. Đó là Lục Châu gieo mình từ lầu. Thạch Sùng là một người rất tệ. Nói thật, không có gì đáng đồng tình.

Hành động của Lục Châu, theo con mắt hôm nay, cũng không có gì quá đáng để ca tụng. Có thể Thạch Sùng đối xử với cô không tệ. Cô trung thành với chủ của mình. Cô dùng việc gieo mình xuống lầu để tuẫn tình, tuẫn táng. Nhưng sau khi Phú Sát Minh Nghĩa đọc xong toàn bản Hồng Lâu Mộng, ông có một sự so sánh. Ông nghĩ đến tông tộc họ Giả được miêu tả trong sách.

Tông tộc họ Giả có rất nhiều vấn đề. Có tội lỗi, có sai lầm, có mặt không sáng sủa. Nhưng dù nói thế nào, nếu so tông tộc họ Giả với Thạch Sùng thì vẫn tốt hơn nhiều. Vậy mà ông thấy kết cục Hồng Lâu Mộng bi thảm đến mức nào? Ngay cả một nhân vật như Lục Châu cũng không xuất hiện. Những thanh nga hồng phấn ấy không có ai có thể đứng ra, hoặc dù muốn đứng ra, cũng không thể thực hiện nguyện vọng của mình mà đứng ra, để làm một hành động phản kháng như thế.

Không có. Vì vậy ông nghĩ, nếu Thạch Sùng dưới suối vàng có biết, thì Thạch Sùng ở dưới ấy nghĩ rằng: người ta tốt hơn ta, nhưng lúc nhà họ đổ nát, lại không có một Lục Châu nào tỏ chút phản kháng, có chút hành động. Còn ta, dù tệ đến đâu, vẫn có một Lục Châu. Cho nên ta rất hổ thẹn. Ý bài thơ là như vậy. Điều này càng chứng minh Hồng Lâu Mộng mà Phú Sát Minh Nghĩa từng thấy là một Hồng Lâu Mộng có đại kết cục bi kịch.

Hơn nữa đó là một Hồng Lâu Mộng mà tông tộc họ Giả, Giả phủ, cuối cùng "rơi vào mảnh đất trắng xóa mênh mông, thật sạch sẽ". Thứ ông đọc hẳn là Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Ông thật có phúc mắt. Nói đến đây, có những bạn Hồng học sẽ quay lại thảo luận với tôi. Họ nói: Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, đã là ông ấy viết xong, mà còn khá hoàn chỉnh, Phú Sát Minh Nghĩa cũng đã thấy một câu chuyện bi kịch hoàn chỉnh. Vậy vì sao về sau chỉ còn đại thể 80 hồi?

*Sau hồi 80 đã đi đâu mất? Dựa vào nhiều năm nghiên cứu Hồng Lâu Mộng và tổng hợp các loại thông tin, Lưu Tâm Vũ cho rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng từng tồn tại, hơn nữa từng có người đọc được. Điều này liền nảy sinh một câu hỏi: Đã là toàn bản Hồng Lâu Mộng từng tồn tại, vì sao bản lưu truyền đến nay chỉ có 80 hồi? Hồng Lâu Mộng sau hồi 80 đã đi đâu? Vấn đề này nên giải thích thế nào?*

Có một người bạn yêu Hồng Lâu Mộng khi thảo luận vấn đề này với tôi, đã giới thiệu một thông tin.

Anh ấy nói từng nghe một cách nói. Cách nói gì? Rằng sở dĩ Hồng Lâu Mộng sau hồi 80 không còn, là vì chính Tào Tuyết Cần không hài lòng với nội dung ông đã viết, nên tự mình tiêu hủy nó. Hoặc là để tránh văn tự ngục, vì sợ hãi, nhát gan nên tiêu hủy nó. Tôi hỏi: anh nghe chuyện ấy ở đâu? Có tư liệu văn hiến nào làm căn cứ không?

Không có, anh nói chỉ nghe đồn. Vậy bây giờ ở đây tôi xin nói rõ một quan điểm của mình với mọi người: loại lời đồn ấy không thể nghe theo. Không có bất kỳ tư liệu văn hiến nào chứng minh rằng do những nguyên nhân kiểu ấy mà chính Tào Tuyết Cần đã đem những văn cảo sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng mà mình viết đi tiêu hủy. Không có bất kỳ tư liệu nào chống đỡ quan điểm ấy; nó không đứng vững. Mà trái lại, chúng ta đều biết trong các cổ bản Hồng Lâu Mộng có rất nhiều lời phê. Những lời phê này, có cái không ký tên, có cái có ký tên.

Tên ký không chỉ một loại; trong đó xuất hiện nhiều nhất là hai danh xưng: một là Chi Nghiễn Trai, một là Ky Hốt Tẩu. Vậy Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu rốt cuộc là ai? Là nam hay nữ? Có quan hệ gì với Tào Tuyết Cần? Có người nói là vợ chồng, có người nói là chú cháu, có người nói là anh em, có người nói là cha con. Giới Hồng học vẫn luôn tranh luận về chuyện này.

Ở đây, tôi không tham gia cuộc tranh luận ấy. Tôi chỉ muốn nói với quý vị rằng, các bên tranh luận đều thống nhất ở một điểm. Cách nhìn của họ là nhất trí. Đó là người viết lời phê này, dù ký là Chi Nghiễn Trai, hay ký là Ky Hốt Tẩu, đều có quan hệ hết sức mật thiết với Tào Tuyết Cần. Không phải là một người không quen biết Tào Tuyết Cần, đọc sách xong rồi viết lời phê, mà là người có quan hệ rất gần gũi, vừa thảo luận về quyển sách này, về việc nên viết tiếp thế nào, vừa viết lời phê. Tào Tuyết Cần vừa trước tác, người ấy vừa biên tập, vừa viết lời phê, tham dự vào việc sáng tạo toàn bộ Hồng Lâu Mộng.

Vì vậy, lời phê của Chi Nghiễn Trai rất quan trọng, là một nguồn tư liệu rất quan trọng để chúng ta nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, trong lời phê của Chi Nghiễn Trai, có rất nhiều manh mối liên quan đến số phận nhân vật sau hồi 80, kết cục nhân vật, và sự phát triển tình tiết câu chuyện. Chi Nghiễn Trai thường khi bình đoạn trước hồi 80 lại nhắc đến một số tình tiết sau hồi 80, một số quỹ đạo phát triển của số phận nhân vật, và kết cục cuối cùng của một số nhân vật. Thậm chí, bà còn trực tiếp trong lời phê nói trọn vẹn cho chúng ta biết một hồi mục sau hồi 80. Bà nói sau hồi 80 có một hồi mục là gì? Gọi là: Tiết Bảo Thoa, mượn lời, hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng.

Quý vị thử nghĩ xem, trong bản Hồng Lâu Mộng hiện nay chúng ta thấy, 80 hồi đầu có hồi mục này không? Không có. Trong 80 hồi đầu của tất cả cổ bản Hồng Lâu Mộng cũng không có hồi mục này. Vậy trong 40 hồi sau của tục thư Cao Ngạc có hồi mục này không? Cũng không có hồi mục này. Nhưng Chi Nghiễn Trai cho quý vị biết, trong Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh của Tào Tuyết Cần, sau hồi 80, có một hồi chính là hồi mục ấy.

Trong đó hoàn toàn không có chỗ nào qua lời phê của bà mà tiết lộ rằng bản thân Tào Tuyết Cần hoặc bà, với tư cách người cộng tác, vì sau hồi 80 viết không hay, hoặc vì những chữ nghĩa sau hồi 80 không nên tiếp tục tồn tại, nên cần chủ động tiêu hủy nó. Hoàn toàn không có ý như vậy. Một chút cũng không. Điều đáng chú ý hơn là, trong lời phê của Chi Nghiễn Trai, bà còn nhiều lần nhắc đến một số nội dung sau hồi 80 đã bị mất, bị người mượn làm thất lạc. Bà tỏ ra đau xót, không muốn chúng thất lạc, nhưng lại phải đối mặt với hậu quả đã thất lạc. Chẳng hạn, chúng ta thấy trong đó có viết về một công tử vương tôn tên là Vệ Nhược Lan.

Người này có một hành vi gọi là xạ phố. Rốt cuộc "xạ phố" là gì, ở đây chúng ta không bàn rộng. Nhưng bây giờ có thể khẳng định với quý vị rằng, phía sau có Vệ Nhược Lan, có tình tiết xạ phố như vậy trong tình tiết này, trên người Vệ Nhược Lan còn đeo một con kỳ lân vàng. Con kỳ lân vàng ấy vừa khéo chính là con kỳ lân vàng đã được viết trong 80 hồi đầu, do Sử Tương Vân và Thúy Lũ nhặt được trong Đại Quan viên. Bà nói cho quý vị biết rằng, sau hồi 80 có câu chuyện như vậy.

Bà còn nói cho quý vị biết, sau hồi 80 có thể không chỉ một hồi viết về chuyện ở miếu Ngục Thần. Miếu Ngục Thần là một không gian nhỏ trong nhà giam ngày xưa, thờ một vị Ngục Thần. Lúc bấy giờ tù nhân được phép đến miếu Ngục Thần đối diện với Ngục Thần mà cầu khấn, hy vọng Ngục Thần cho mình một số mệnh tốt hơn. Vậy sau hồi 80, Giả phủ gặp đại nạn, Giả Bảo Ngọc cùng một số người bị bắt vào ngục. Họ gặp ai trong miếu Ngục Thần? Chi Nghiễn Trai tiết lộ cho quý vị: gặp Thiến Tuyết, gặp Tiểu Hồng.

Chi Nghiễn Trai nhắc đến những nội dung như thế, rõ ràng không hề cho là chúng không tốt, không nên tồn tại, phải tiêu hủy mới hay. Không có ý đó. Bà đau xót vô cùng trước việc người mượn đã làm những thiên chương ấy, những bản thảo ấy thất lạc. Bà đau lòng đến mức nghiến răng. Cho nên, bản Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh ấy của Tào Tuyết Cần, văn bản ấy, là vô cùng quý giá. Trước hết, chính Tào Tuyết Cần và người cộng tác Chi Nghiễn Trai đều rất trân trọng nó.

Thế là nảy sinh một vấn đề: có người nói, liệu có thể đem nội dung Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần sau hồi 80 tìm lại được không? Cách thứ nhất là, liệu có thể nghĩ mọi cách để tìm ra phần tàn cảo ấy đang còn tồn tại trên đời hay không? Đến nay, cá nhân tôi chưa hoàn toàn nản lòng. Tôi nghĩ vẫn có khả năng. Tuy chúng ta đã trải qua bao nhiêu biến động xã hội, rất nhiều sách vở, bản thảo đều đã bị hủy hoại. Nhưng biết đâu một ngày nào đó, ở một nơi nào đó, lại có thể phát hiện ra một bộ hoàn chỉnh bản chép tay Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần.

Huống chi, từ sau năm 1840, Trung Quốc chịu nhiều sự ức hiếp của các cường quốc phương Tây. Khi nhiều người nước ngoài cướp đoạt văn vật Trung Quốc, họ cũng mang đi rất nhiều sách Trung Quốc, bao gồm cả bản chép tay. Theo tôi biết, chẳng hạn ở một số nước phương Tây, trong một số thư viện, có bộ phận phương Đông. Trong đó lưu giữ rất nhiều sách vở kiểu như vậy. Vì người biết tiếng Trung trong số họ rất ít, chỉ ghi lại những mục tra cứu và biên mục đơn giản, chưa có ai lật xem kỹ. Vậy trong những bản thảo và

sách vở mà họ lưu giữ ấy, cũng có khả năng khai quật ra văn cảo Hồng Lâu Mộng sau hồi 80 của Tào Tuyết Cần.

Không phải hoàn toàn không có khả năng. Vì đủ loại nguyên nhân, văn cảo sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng đã thất lạc. Sau hồi 80, Tào Tuyết Cần rốt cuộc viết gì, mọi người đều không thể biết. Thế là, các tục thư Hồng Lâu Mộng ra đời theo nhu cầu ấy. Trong số đó, bản lưu hành rộng nhất chính là 40 hồi sau do Cao Ngạc viết tiếp. Vậy câu chuyện sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng thật sự sẽ như một bí ẩn, vĩnh viễn không thể giải khai sao?

*Chúng ta có cách nào biết được Tào Tuyết Cần sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng muốn viết những nội dung gì không? Về điều này, Lưu Tâm Vũ có quan điểm gì?*

Vậy trong khi văn cảo. Vậy trong lúc văn cảo Hồng Lâu Mộng sau 80 hồi của Tào Tuyết Cần chưa nổi lên mặt nước, có phải chúng ta hoàn toàn không có việc gì để làm không? Có phải chúng ta chỉ có thể ngồi đây than thở suông không? Tôi nghĩ là không. Trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, từ rất sớm đã có một nhánh, gọi là thám dật học.

Tức là tìm lại những thứ đã mất, đó gọi là thám dật. Hồng Lâu thám dật học là muốn đem nội dung sau hồi 80 của toàn bản Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh, mà Tào Tuyết Cần từng viết, từng tồn tại, tìm lại. đối với tôi mà nói, khi làm công việc này, làm nghiên cứu này, tôi có bốn nguồn tư liệu. Nguồn thứ nhất là 80 hồi đầu. Trước hết, muốn tiến hành thám dật, thì phải đọc thật kỹ 80 hồi đầu. Bởi đặc điểm văn bản của Tào Tuyết Cần trong Hồng Lâu Mộng là đặt rất nhiều phục bút.

Có phục bút lớn, có phục bút nhỏ, có phục bút tổng quát, có phục bút bộ phận. Khắp nơi đều đầy phục bút. Vì vậy nếu nghiên cứu kỹ 80 hồi đầu, quý vị có thể sắp xếp ra sau hồi 80, mạch tư duy của ông là gì; quỹ đạo phát triển số phận của những nhân vật dưới ngòi bút ông là gì; kết cục cuối cùng của nhân vật là gì. Bao gồm cả sự phát triển tình tiết, quỹ đạo vận hành chung của nó là gì. Rồi sẽ có những cao trào mới nào nảy sinh? Tình tiết sẽ đan xen như thế nào?

Sẽ kết thúc ra sao? Thậm chí, sau hồi 80 sẽ có những cảnh diện nào? Những khung cảnh nào? Những chi tiết nào? Nhân vật với nhau sẽ có những đối thoại nào? Khi tác giả miêu tả môi trường, sẽ dùng những lời lẽ nào?

Những điều này trong 80 hồi đầu đều có phục bút, có manh mối. Vì vậy, bản thân thám dật là quá trình đọc tinh, đọc kỹ Hồng Lâu Mộng. Nguồn thứ hai chính là điều tôi vừa nhắc đến: những lời phê trong các cổ sao bản quý giá của Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu. Lượng lời phê ấy rất lớn, những nội dung liên quan đến sau hồi 80 cũng khá nhiều, là nguồn tư liệu rất quý. Như tôi vừa nhắc, chẳng hạn Vệ Nhược Lan xạ phố, sau hồi

80 có tình tiết ấy. Miếu Ngục Thần, có Tiểu Hồng xuất hiện, thì qua lời phê của Chi Nghiễn Trai, chúng ta cũng biết được.

Bây giờ tôi chỉ nêu vài ví dụ như vậy. Đó là một kho tàng rất phong phú, cung cấp rất nhiều manh mối. Đây cũng là một nguồn tư liệu quan trọng để chúng ta thám dật phần sau hồi 80. Còn một nguồn nữa là thơ văn v.v. của những người đại thể cùng thời với Tào Tuyết Cần. Như tôi vừa giới thiệu với quý vị, Lục Yên Tỏa Song Tập của Phú Sát Minh Nghĩa, trong đó có hai mươi bài Đề Hồng Lâu Mộng, bao gồm tiểu tự quý giá của nó, đều là nguồn tư liệu quý để chúng ta thám dật câu chuyện thật của Hồng Lâu Mộng sau hồi 80.

Bởi Hồng Lâu thám dật thực ra không phải bây giờ mới bắt đầu. Trước đây đã có rất nhiều nhà nghiên cứu, đã tích lũy rất nhiều thành quả học thuật về phương diện này, có thể để chúng ta tham khảo. Hiện nay, không phải chỉ một mình tôi quan tâm đến Hồng Lâu thám dật. Cũng có một số chuyên gia, trọng tâm nghiên cứu của họ chính là tiến hành Hồng Lâu thám dật. Có những chuyên khảo chuyên môn, có những thành quả nghiên cứu như vậy, có thể mượn để tham khảo. Cho nên quý vị thấy, đối với việc thám dật câu chuyện thật sau hồi 80 của Tào Tuyết Cần, chúng ta có nguồn tư liệu.

Dĩ nhiên, có người sẽ có nghi vấn như thế này: ông nói những điều ấy, tôi cứ cảm thấy như ông đang thách thức bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi. Tôi lại thích bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi, nó đã có đầu có cuối rồi, lại lưu truyền lâu như vậy, đúng không? Mà các bản chúng ta tiếp xúc hiện nay về cơ bản đều là Hồng Lâu Mộng 120 hồi. Đúng không? Tôi đã quen đọc rồi. Kể cả hiện nay Đài Truyền hình Bắc Kinh, qua chương trình tuyển diễn viên Hồng Lâu, quay một bộ phim truyền hình quy mô lớn.

Theo báo chí, bộ phim truyền hình Hồng Lâu Mộng ấy hoàn toàn dựa theo bản 120 hồi để quay. Đó là một nhận thức, một cách làm rất chủ lưu. Bây giờ ông nói những điều này, có thích hợp không? Tôi nghĩ, nếu quý vị thích Hồng Lâu Mộng 120 hồi, thì cứ tiếp tục thích nó. Bài giảng của tôi còn có thể thúc đẩy quý vị càng thích nó hơn. Đúng không?

Bởi sau khi tôi thám dật, tôi sẽ cung cấp cho quý vị một vật tham chiếu. Tôi nói với quý vị rằng, theo tâm đắc thám dật của tôi, Tào Tuyết Cần sau hồi 80 sẽ viết theo hướng như thế. Rồi quý vị có thể so sánh với 40 hồi sau hiện nay của Cao Ngạc. Có thể sau khi so sánh, kết luận của quý vị là: ông nói những điều này chỉ để tôi tham khảo mà thôi. Tôi thấy không đáng tin. Hoặc dù đáng tin, nhưng tôi vẫn không thích.

Tôi vẫn thấy 40 hồi sau của Cao Ngạc hay hơn. Vậy chẳng phải điều đó càng thúc đẩy quý vị đọc bản thông hành 120 hồi sao? Đúng không? Tôi nghĩ không có hại gì. Huống chi trong các bài giảng về Hồng Lâu Mộng trước đây, tôi luôn nhấn mạnh với quý vị. Sở dĩ tôi dám đến đây giảng Hồng Lâu Mộng, là vì trong lòng tôi có hai câu nói của hai người.

Một là bậc tiên hiền, Thái Nguyên Bồi, tiên hiền họ Thái. Ông nói rằng: “Đa kỳ vi quý, bất tất câu đồng.” Ông cung cấp một cảnh giới học thuật rộng lớn. Còn hai câu nữa, thực ra là hai câu thơ. Nhà thơ đời Thanh Viên Mai viết rằng: “Rêu hoa nhỏ như hạt gạo, cũng học mẫu đơn mà nở.” Trong thời đại văn hóa Trung Hoa phục hưng mạnh mẽ, văn hóa truyền thống của chúng ta một lần nữa nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt từ già đến trẻ, từ các thành viên của dân tộc Trung Hoa. Chúng ta quan tâm đến nó, thì chúng ta phải tham gia. Cho nên, tuy chúng ta là những bông rêu nhỏ bé, chúng ta cũng có thể giống mẫu đơn, cố gắng nở ra và trình hiện chính mình.

Nói đến đây, quý vị hỏi tôi: được rồi, được rồi, ông nói đến đây là đủ, tôi hiểu rồi. Nói đi nói lại, chẳng phải ông thấy 40 hồi sau của Cao Ngạc viết tiếp không hay sao? Ông cho rằng Tào Tuyết Cần vốn đã có nội dung sau hồi 80, và ông đang thám dật, phải không? Vậy trước hết ta đừng nói nhiều, ông hãy nói hồi 81 trước đi. Hồi 81 của Cao Ngạc có tên là: có tên là: Chiếm vượng tướng, bốn mỹ nhân câu cá; Dâng lời nghiêm, hai phen vào gia thục. Ông thử nói xem, nó không phù hợp nguyên ý Tào Tuyết Cần ở chỗ nào?

Ông thấy nó không đúng, vậy hồi 81 của Tào Tuyết Cần đáng lẽ phải có nội dung gì? Vậy mong quý vị tiếp tục nghe bài giảng sau của tôi.

# Tập 46

Bí ẩn kết cấu Hồng Lâu Mộng

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Toàn bản Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết chỉ có 108 hồi, chứ không phải 120 hồi như bản thông hành hiện nay. Ông nói sở dĩ rút ra kết luận ấy là vì ông phát hiện trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng có một kết cấu đặc biệt mà người thường khó nhận ra. Kết cấu đặc biệt ẩn giấu ấy rốt cuộc là gì? Và nhờ dày công nghiên cứu kết cấu đặc biệt đó, cuối cùng ông đã công bố nhiều kết quả thám dật đáng kinh ngạc. Những kết quả đáng kinh ngạc ấy gồm những gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi tập 2: Bí ẩn kết cấu Hồng Lâu Mộng*

*Qua nhiều năm nghiên cứu, nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ cho rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần từng tồn tại, và phần sau hồi 80 của nó khác rất xa phần tục thư của Cao Ngạc, đặc biệt là kết cục số phận của các nhân vật chính. Những suy đoán mang tính lật lại vấn đề của Lưu Tâm Vũ không chỉ giới hạn ở việc phân tích tình tiết đơn giản, mà còn hướng cái nhìn vào kết cấu văn bản của 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, và phát hiện trong đó ẩn giấu một phương thức kết cấu đặc biệt. Phương thức kết cấu ấy lại có quan hệ hết sức mật thiết với thăng trầm tình tiết và số phận nhân vật trong Hồng Lâu Mộng. Sau khi phân tích kỹ phương thức kết cấu đặc biệt ấy, ông lại căn cứ vào một lời phê quan trọng của Chi Nghiễn Trai. Trong cổ bản Hồng Lâu Mộng: "Viết đến hồi 38, đã qua hơn một phần ba." Từ đó ông suy đoán toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không phải 120 hồi, mà là 108 hồi, rồi chất vấn nhiều nội dung quan trọng. Trong phần tục thư của Cao Ngạc, đặc biệt là hồi 81.*

*Lưu Tâm Vũ đã công bố những kết quả thám dật gần như mang tính lật đổ. Vậy rốt cuộc ông chất vấn điều gì? Hãy cùng theo chân Lưu Tâm Vũ bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể tập 2: Bí ẩn kết cấu Hồng Lâu Mộng.*

Có những bạn mê Hồng Lâu rất tinh ý đã phát hiện trong tập trước khi tôi đặt câu, có một đặc điểm: tôi luôn nói "Hồng Lâu Mộng sau hồi 80". Vì sao tôi không nói "40 hồi sau của Hồng Lâu Mộng"? Sao lúc nào ông cũng nói "Hồng Lâu Mộng sau hồi 80"?

Chẳng lẽ sau hồi 80 không phải là 40 hồi sao? Vậy bây giờ tôi sẽ bắt đầu giảng từ chỗ này. Hồng Lâu Mộng hoàn chỉnh của Tào Tuyết Cần, theo khảo chứng nghiên cứu của ông Chu Nhữ Xương, có một kết cấu văn bản nội tại, đó là quy luật 9 nhân 12. Riêng tôi, ở điểm này, tán đồng thành quả nghiên cứu của cụ Chu. Nói cách khác, Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có kết cấu văn bản rất chặt chẽ. Đại thể cứ mỗi 9 hồi hợp thành một đơn nguyên, toàn sách gồm 12 cụm 9 hồi.

Vì vậy toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần là 108 hồi, không phải 120 hồi. Vì tôi có quan điểm như vậy, nên quý vị thấy khi tôi đặt câu, tôi không nói "40 hồi sau", không dùng cách nói ấy. Tôi chỉ nói "sau hồi 80, sau hồi 80", đó là cách nói của tôi. Vậy có thể bàn rộng thêm một chút không: Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, về kết cấu văn bản, có thật mang quy luật nội tại 9 nhân 12 hay không? Trước hết chúng ta có thể xem 80 hồi đầu của Tào Tuyết Cần mà hiện nay chúng ta cùng đọc được. Ở rất nhiều chỗ, nó biểu hiện rất rõ rằng kết cấu văn bản của nó là phương thức kết cấu 9 nhân 12.

Từ hồi 1 đến hồi 9 là một đơn nguyên. Điều này còn chưa thật rõ, nhưng từ hồi 1 đến hồi 18, tức 2 lần 9 bằng 18, nếu coi đây là một đơn nguyên tình tiết lớn, thì quá rõ ràng. Hồi 18, quý vị còn nhớ không? Hồi 17, hồi 18 viết gì? Viết về Nguyên phi tỉnh thân. Theo các bài giảng trước của tôi, cá nhân tôi còn có một quan điểm: quyết định vận mệnh của tông tộc họ Giả có hai nhân vật nữ quan trọng.

Một là Tần Khả Khanh, một là Giả Nguyên Xuân. Trong khoảng từ hồi 1 đến hồi 18, vừa khéo cho thấy hai nhân vật nữ này quan trọng thế nào? đối với tông tộc họ Giả. Tần Khả Khanh chết ngay ở hồi 13. Còn nguyên mẫu nghệ thuật của Tần Khả Khanh, trong các bài giảng trước, tôi đã báo cáo với quý vị tâm đắc cá nhân của mình. Theo tôi, bà ấy hẳn là một người con gái của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, người con gái ấy chưa kịp đến Tông Nhân phủ đăng ký ghi tên, được bí mật nuôi giấu trong phủ Ninh Quốc. Thân phận thật của bà ấy không phải đứa trẻ bị bỏ rơi ở Dưỡng Sinh đường.

Điều đã giảng rồi, tôi không lặp lại nữa. Vì tông tộc họ Giả này đã bí mật nuôi giấu dòng máu của kẻ thất thế trong cuộc đấu tranh hoàng quyền, nên cuối cùng sẽ chuốc lấy đòn đánh thảm trọng, gieo sẵn căn nguyên chung cho đại bi kịch. Nhưng tông tộc họ Giả đi bằng hai chân, bay bằng hai cánh. Họ vừa bí mật nuôi giấu dòng máu của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, lại vừa đưa một cô gái trong nhà mình, Giả Nguyên Xuân, vào trong cung, được hoàng đế sủng ái. Cho nên đến hồi 16, chúng ta thấy Tần Khả Khanh vừa chết không lâu, địa vị của Giả Nguyên Xuân đã đột nhiên được nâng lên. Bà được tuyển vào Phượng Tảo cung, gia phong Hiền Đức phi.

Hoàng đế lại ân chuẩn cho bà về nhà tỉnh thân. Vì thế tông tộc họ Giả ở một thời điểm đã đạt tới trạng thái như hoa nở gấm trải, như lửa lớn đun dầu, phồn thịnh đến mức ấy. Từ hồi 1 đến hồi 18, tức 2 lần 9 bằng 18, câu chuyện của hai đơn nguyên này đã trình hiện những quan hệ nhân vật quan trọng như vậy và những tình tiết truyện quan trọng như vậy. Từ hồi 19 trở đi, nó bắt đầu viết về "quy tình", viết đời sống tình cảm của Giả Bảo Ngọc. Sự phân giới trong kết cấu này tương đối rạch ròi.

Vậy, 3 lần 9 bằng 27, 4 lần 9 bằng 36. Từ hồi 19 đến hồi 36, tác phẩm tập trung viết về sau khi có Đại Quan viên, các công tử tiểu thư được vào ở trong đó, viết đời sống tình cảm của Giả Bảo Ngọc, tình yêu giữa chàng và Lâm Đại Ngọc, quan hệ vi diệu giữa chàng và Tiết Bảo Thoa, rồi sau đó Sử Tương Vân cũng đến, cũng rất đáng yêu. Nó viết những vướng mắc tình cảm của những người trẻ tuổi này. Nhưng đến hồi 36, nó đã làm một cuộc tổng kết cho những vướng mắc tình cảm ấy. Gọi là gì? Gọi là Giả Bảo Ngọc thế nào?

“Tình ngộ Lê Hương viện”. Đó là nội dung hồi 36. Quý vị nhớ lại xem, có đúng vậy không? Nghĩa là gì? Ban đầu Giả Bảo Ngọc cảm thấy tất cả các cô gái trẻ đều yêu mình. Lâm Đại Ngọc yêu chàng thì khỏi phải nói.

Tiết Bảo Thoa đối với chàng rõ ràng có ý. Còn Sử Tương Vân tuy rất ngây thơ hồn nhiên, nhưng với chàng cũng vô cùng thân thiết. Các a hoàn thì càng khỏi phải nói. Vì vậy chàng cảm thấy mình được người gặp người yêu. Thế rồi, trong Đại Quan viên, những đào kép nhỏ đến diễn kịch, chàng cũng nghĩ các cô nương ấy hẳn phải yêu mình. Linh Quan là người hát khúc hay nhất trong gánh hát, một vai đào nhỏ.

Chàng nghĩ cô ấy cũng nên yêu mình chứ. Kết quả, khi Bảo Ngọc đến chỗ ở của các đào hát, gọi là Lê Hương viện, chàng chứng kiến cảnh gì? Chàng chứng kiến Linh Quan đối với mọi người đều chẳng để tâm, chỉ đối với Giả Tường là có để tâm. Cuối cùng chàng bừng tỉnh: hóa ra tình cảm của con người, tình cảm ấy, phần tình cảm mà con người có thể hưởng được, là có định phận. Rõ ràng đều đã có trời định. Cái thuộc về anh thì anh có thể hưởng, cái không thuộc về anh thì anh cưỡng cầu không được.

Chàng bảo Linh Quan hát khúc, chàng tưởng Linh Quan sẽ mừng chết đi được. Chàng là công tử của phủ Vinh Quốc cơ mà, phải không? Khoan nói đến địa vị, bản thân chàng cũng rất ưa nhìn, phải không? Đến cả Triệu di nương cũng từng nói, cũng nói rằng Bảo Ngọc bất kể mặt khác thế nào, riêng dáng vẻ thì rất ưa nhìn, phải không? Kết quả Linh Quan đối với chàng thế nào? Dửng dưng chẳng buồn để ý.

Bảo tôi hát à? Xin lỗi, giọng tôi khàn rồi, không hát được. Vì vậy, trên vấn đề hưởng thụ tình cảm, chàng có một lần thăng hoa, có một lần giác ngộ. Đây cũng là điều Tào Tuyết Cần muốn thông qua văn bản tiểu thuyết của ông truyền cho chúng ta một cảm ngộ đời người. Cho nên đến hồi 36, quý vị thấy, nó lại là một điểm phân giới.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng cứ mỗi 9 hồi trong Hồng Lâu Mộng lại xuất hiện một sự thu thúc tình tiết rất rõ rệt, và 9 hồi tiếp theo lại xuất hiện một nhóm tình tiết mới, câu chuyện lại có phát triển mới.*

*Tuy nhiên, theo phân tích của ông về kết cấu tổng thể 36 hồi đầu, chúng ta phát hiện đơn nguyên tình tiết lớn có đặc điểm “gặp 9 thì biến”, tuy tồn tại, nhưng dường như vẫn chưa đủ rõ. Điều này còn chưa đủ để chứng minh toàn bản Hồng Lâu Mộng thật sự ẩn giấu quy luật kết cấu đặc biệt 9 nhân 12. Vậy tiếp theo, để chứng minh quan điểm của mình, ông Lưu Tâm Vũ... Rõ nhất là đến hồi 54, 6 lần 9 bằng 54. Nó viết gì? Nó viết trạng thái cực thịnh của gia tộc họ Giả.*

Sau khi tế xong tông từ, bèn mở tiệc Nguyên tiêu, bày yến tiệc lớn, hưởng hết vinh hoa phú quý, trong nhà hát tuồng. Giả mẫu vui đến không thể tả. Cuối cùng, sau khi hát xong thì thế nào? Một tiếng rầm. Tác phẩm miêu tả ra sao? Tôi không đọc nguyên văn.

Quý vị có thể nhắm mắt nghe trước âm thanh. Âm thanh gì? Bọn tiểu đồng cầm mâm lớn đổ tiền lên sân khấu, thưởng cho những người hát tuồng. Gia tộc ấy lúc bấy giờ thật sự đạt tới cực điểm vinh hoa phú quý. Nhưng vui quá hóa buồn, lên cao ắt phải nặng nề, trăng tròn ắt phải khuyết, nước đầy ắt phải tràn. Vì vậy từ hồi 55 trở đi, tác phẩm bắt đầu viết về đủ loại khốn cảnh nội bộ và bên ngoài mà tông tộc họ Giả gặp phải.

Tào Tuyết Cần rất dụng công trong kết cấu văn bản. Vì sao nói ông ấy lấy 9 làm đơn vị cho từng đoạn tình tiết, mà lại lấy 12 làm hằng số tổng quát? Điều này, tôi nghĩ quý vị sẽ phải phục. Bởi xem hồi 5 là hiểu, phải không? Hồi 5, Giả Bảo Ngọc thần du Thái Hư ảo cảnh. Rồi Cảnh Huyễn tiên cô dẫn chàng đến Bạc Mệnh ty xem trộm các tập sách trong tủ.

Những tập sách ấy ghi chép vận mệnh của các cô gái nguyên quán Kim Lăng. Vậy các tập sách ấy được phân bố ra sao? Trong sách viết rằng, Giả Bảo Ngọc lật xem Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách. Chàng xem hết phần chính sách. Vậy trong chính sách là mười hai tập, lấy mười hai làm một nhóm. Rồi chàng lại xem hựu phó sách, lại xem phó sách, đều lấy mười hai cô gái làm một nhóm.

Cảnh Huyễn tiên cô khoản đãi Giả Bảo Ngọc, bảo các tiên nữ hát khúc, đó là mười hai khúc Hồng Lâu Mộng. Tất nhiên cộng thêm mở đầu và kết thúc là mười bốn khúc, nhưng ở giữa, phần trực tiếp ngâm vịnh, than cho vận mệnh các cô gái trẻ, là mười hai khúc. Ông luôn dùng số mười hai làm một hằng số xuyên suốt trong sách. Kể cả Linh Quan mà tôi vừa nói, Linh Quan là người trong một gánh hát nuôi ở Lê Hương viện. Gánh hát ấy là do Giả Tường đến vùng Cô Tô mua một số bé gái về. Tổng cộng bao nhiêu người?

Mười hai người. Gọi là "Hồng Lâu thập nhị quan". Vì những bé gái này được cho học hát tuồng, nên đặt cho các em một nghệ danh gồm hai chữ, chữ cuối đều là "Quan". Đó cũng là mười hai người thành một nhóm. Vì vậy kết cấu văn bản của ông rõ ràng có liên quan đến số 9, và có liên quan đến số 12. Năm mươi bốn hồi đầu viết sự phồn hoa giàu sang của tông tộc họ Giả đạt đến cực thịnh.

Năm mươi bốn hồi sau bắt đầu viết sự suy lạc của nó, viết kết cục đại bi kịch cuối cùng. Vì vậy chúng ta phải nắm được kết cấu văn bản toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Đây là một chiếc chìa khóa. Muốn tìm hiểu rốt cuộc sau hồi 80 của Tào Tuyết Cần có những nội dung gì, thì phải có tiền đề này. Có tiền đề này thì dễ làm hơn. Chúng ta sẽ biết phía sau không phải 40 hồi, mà là 28 hồi.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần hẳn có quy luật kết cấu 9 nhân 12 như vậy. Tổng số hồi mục của nó cũng hẳn là 108 hồi, chứ không phải 120 hồi của bản thông hành hiện nay. Nếu suy theo quy luật kết cấu 9 nhân 12, hồi 81 của Hồng Lâu Mộng phải là một chương hồi hết sức quan trọng. Nhưng toàn bộ bản thảo sau hồi 80 do Tào Tuyết Cần viết đều đã thất lạc. Hồi 81 mà hiện nay chúng ta thấy là hồi 81 do Cao Ngạc viết tiếp. Căn cứ vào quy luật kết cấu đặc biệt 9 nhân 12 của Hồng Lâu Mộng, 9 lần 9 bằng 81, nó phải là điểm kết thúc của một đơn nguyên tình tiết lớn.*

*Các mâu thuẫn tích lũy phía trước phải ở hồi này có một cuộc bùng nổ tổng thể. Người đọc bình thường khi đọc đến hồi 81 do Cao Ngạc viết tiếp, cũng không cảm thấy quá khó chịu. Nhưng Lưu Tâm Vũ lại nói hồi 81 do Cao Ngạc viết tiếp cách nguyên ý Tào Tuyết Cần quá xa, khiến người ta khó chấp nhận. Vậy vì sao ông lại rút ra kết luận như vậy?*

Có thể quý vị vẫn thấy đọc cũng ổn, nhưng dù sao tôi thấy không đúng. Vì sao?

Bởi vì Cao Ngạc từ hồi 81 trở đi chẳng khác nào dựng bếp khác nấu lại. Những tình tiết đã đi tới từ 80 hồi đầu, ông ta lại không hề đếm xỉa. Từ hồi 73 đến hồi 81 phải là một đơn nguyên tình tiết. Đây là một đơn nguyên tình tiết rất đáng sợ. Từ hồi 73 đến hồi 81 đều viết những nội dung gì? Tôi không nói kỹ nữa.

Quý vị thử nghĩ nhanh xem: có chuyện xét lục soát Đại Quan viên không? Có chuyện Tình Văn chết, Phương Quan bị đuổi không? Đúng không? Có chuyện Vưu thị đi lên thượng phòng, người dưới nói bà đừng đi không? Vì sao? Vì ở đó đang giúp một nhà bị tịch biên ở Giang Nam cất giấu tài vật.

Rất đáng sợ. Nhưng hồi 81 của Cao Ngạc lại không coi đó là phần kết của một nhóm tình tiết đang phát triển như vậy. Nó dựng bếp khác, gọi là "Chiếm vượng tướng, bốn mỹ nhân câu cá". Nhàn nhã thong dong, mọi chuyện vô sự, bình an vô sự. Các mỹ nhân ở Đại Quan viên câu cá. Ở đâu có thế bị lục soát? Ở đâu có thế có người chết? Dường như mọi chuyện bi kịch đều chưa từng xảy ra, mọi dấu hiệu bi kịch đều không có tác dụng. Trong lúc bão táp sắp đến, có thể nói là chớp đã giật rất mạnh, sấm đã cuộn vang, nó đột nhiên không phát triển tiếp tình tiết đi xuống từ hồi 73 nữa. Nó thấy Giả Bảo Ngọc đột nhiên biến thành một đứa trẻ ngoan. "Phụng nghiêm từ, hai lần vào gia thục." Điều này rất lạ. Tất nhiên nó cũng nói lúc đầu Giả Bảo Ngọc không muốn, không muốn đọc sách. Nhưng sau khi được thầy trong tư thục, Giả Đại Nho dạy bảo, được Giả Chính chỉ điểm, Giả Bảo Ngọc không những đọc sách thánh hiền, mà còn học làm văn bát cổ. Ông ta dùng rất nhiều bút mực để viết một số đề văn bát cổ, phá đề thế nào, từng phần viết xuống ra sao, ông ta viết những điều ấy.

Đây còn là Giả Bảo Ngọc trong 80 hồi đầu sao? Giả Bảo Ngọc phản đối con đường khoa cử làm quan, điều này đã được viết rành rành. Thậm chí chàng không tiếc vì phán đoán giá trị này, vì quan niệm giá trị này, mà nảy sinh xung đột gay gắt với những cô gái trẻ vốn rất thân thiện với chàng, yêu chàng, và thường ngày chàng cũng không ghét, tích lũy thành xung đột. Chàng xung đột với Tiết Bảo Thoa, với Sử Tương Vân, đã xảy ra xung đột. 80 hồi đầu viết rất rõ ràng. Chàng chỉ đặc biệt tôn trọng Lâm Đại Ngọc.

Vì sao? Bởi vì Lâm Đại Ngọc từ nhỏ đến lớn chưa từng khuyên chàng đi theo con đường khoa cử làm quan, tham gia khoa cử, lập thân dương danh. Chỉ riêng Lâm Đại Ngọc không khuyên chàng điều này. Vì vậy chàng hết sức trân trọng Lâm Đại Ngọc. Nhưng dưới ngòi bút Cao Ngạc, Giả Bảo Ngọc hoàn toàn đổi khác. Chàng ngoan ngoãn vào gia thục, rất nghiêm túc học làm văn bát cổ.

Từ không thích đến khá thích. Lạ lùng hơn nữa, Lâm Đại Ngọc cũng biến vị. Dưới ngòi bút Cao Ngạc, Lâm Đại Ngọc nói thế nào? Lâm Đại Ngọc nghe chàng học làm văn bát cổ, rất ủng hộ. Lâm Đại Ngọc nói văn bát cổ bên trong cũng có loại tận tình tận lý, cũng có loại thanh vi đạm viễn, không thể nhất loạt xóa bỏ. Huống chi nếu anh muốn lấy công danh, thứ này cũng có lợi hơn một chút.

Đó là lời Lâm Đại Ngọc nói. Cho nên thật sự không phải tôi có thành kiến bẩm sinh với Cao Ngạc. Mà là sau khi đọc văn bản của ông ta, tôi không thể chấp nhận. Đây không nên là văn tự hồi 81 của Tào Tuyết Cần, không nên là những nội dung này. Tất nhiên sau hồi 81, ông ta viết càng hoang đường hơn. Quý vị còn nhớ không, Bảo Ngọc cùng Xảo Thư "Tuyên dương đạo đức phong kiến" trong một hồi sách ấy?

Có ấn tượng không? Đáng sợ không? Xảo Thư là cháu gái họ của chàng. Theo miêu tả của Cao Ngạc, lúc đó cô bé đã lớn, đã biết đọc biết viết, đã đọc Liệt Nữ truyện. Liệt Nữ truyện là một cuốn sách từ đầu đến cuối đầy rẫy cặn bã, tuyên dương đạo đức phong kiến, tuyên dương cái gọi là đạo làm phụ nữ phong kiến. Bảo Ngọc không những không phản đối Xảo Thư đọc sách ấy, mà còn với tư cách bậc trưởng bối ôn lại nội dung cuốn sách ấy với cô bé.

Quý vị có ấn tượng không? Trong nội dung ôn sách có một điều, quý vị chú ý thấy chưa? Bảo Ngọc liệt kê rất nhiều cái gọi là sự tích phụ nữ gương mẫu trong sách. Trong đó có một chuyện gọi là "Tào thị cắt mũi". Nói rằng thời Tam Quốc, nước Ngụy, có một phụ nữ gả cho người họ Tào, nên gọi là Tào thị. Chồng bà ta chết, bà ta muốn thủ tiết.

Thủ tiết thì cứ thủ tiết thôi. Nhưng không được. Tôi phải tỏ chí. Tỏ chí thế nào? Trước hết cắt tóc của mình. Cắt tóc đi, nghĩa là tôi trở nên rất xấu, có lẽ sẽ chẳng có đàn ông nào thích tôi nữa, để chứng tỏ tôi kiên quyết không tái giá.

Cắt tóc như vậy có đủ chưa? Chưa. Người phụ nữ này rất kỳ quặc. Bà ta còn cầm dao cắt tai mình. Máu me đầm đìa. Bà ta nói, như vậy tôi thể hiện lòng trung thành với đạo đức phong kiến, tôi là tiết phụ, là liệt nữ, không chịu kém ai.

Tai đã cắt rồi, đã đủ đáng sợ lắm rồi. Có phải đến đây là dừng không? Không được, bà ta vẫn thấy chưa được. Không xong. Tôi còn phải kiên quyết hơn nữa để biểu thị rằng tôi muốn thủ tiết. Bà ta bèn cầm dao cắt mũi mình.

Đó gọi là "Tào thị cắt mũi". Tôi thấy có người đã nhắm mắt rồi. Nhắm mắt là đúng. Tưởng tượng cảnh này thì phải nhắm mắt. Cầm dao cắt đi chiếc mũi nhô lên trên mặt. Còn lại một hốc máu lớn.

Đúng là không còn đàn ông nào thích bà ta nữa, bà ta không thể lấy chồng được nữa. Nhưng thủ tiết đến mức ấy, có đáng sợ không? Có đáng sợ không? Nhưng thời cổ lại có loại sách như Liệt Nữ truyện. Thời cổ

lại có loại sách như Liệt Nữ truyện, ghi lại sự tích ấy coi như một khuôn mẫu. Thế mà Giả Bảo Ngọc trong Hồng Lâu Mộng lại rất cảm động, lại tuyên dương với cháu gái Xảo Thư chuyện Tào thị cắt mũi.

Tôi không biết quý vị khi đọc văn bản của Cao Ngạc có cảm giác gì. Tôi đọc đến đây thì sởn gai ốc. Quá đáng sợ. Đây còn là Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần sao?

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng hồi 81 do Cao Ngạc viết tiếp có vấn đề ở rất nhiều phương diện, dẫn tới chỗ nó trái ngược với Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần ở nhiều điểm. Vậy, nếu hồi 81 do Cao Ngạc viết tiếp cách nguyên cảo rất xa, thì hồi 81 dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần đáng lẽ phải như thế nào?*

*Qua nhiều năm dày công nghiên cứu, Lưu Tâm Vũ mạnh dạn đưa ra kết quả thám dật của mình.*

Theo thám dật của tôi, tôi cho rằng Tào Tuyết Cần sẽ viết gì ở hồi 81? Nó hẳn là hồi kết thúc cho đơn nguyên tình tiết bắt đầu từ hồi 73. Hồi 73 nói về chuyện gì? Nói về cô a đầu ngốc vô tình nhặt được túi thêu xuân. Nói về cô tiểu thư nhu nhược không hỏi lụy Kim Phượng.

Nó đẩy các mâu thuẫn nội bộ trong tông tộc họ Giả đi theo hướng gay gắt hóa, cuối cùng ủ thành một biến cố lớn, đó là lục soát Đại Quan viên. Trong đơn nguyên tình tiết trước đó, nó đã đặt nền sẵn. Nó viết "Hiền Tập Nhân vô ý sinh hiềm khích", chính là viết mâu thuẫn giữa phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc đã bộc lộ ra bên ngoài. Phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc vốn là một cộng đồng lợi ích, nhưng giữa họ thực ra cũng có va chạm lợi ích. Kết quả, tác phẩm triển hiện qua tình tiết nào? Chính là Vưu thị của phủ Ninh Quốc sang phủ Vinh Quốc làm việc, thực ra là dự tiệc mừng thọ của Giả mẫu.

Tan tiệc xong, bà phát hiện cửa hông chưa đóng, đèn treo chưa tháo xuống, bèn sai a hoàn của mình đi tìm các bà già hầu trong phủ Vinh Quốc phụ trách những việc ấy, bảo họ giải quyết chuyện này. Kết quả, hai bà già ấy vừa nghe là người phủ Ninh Quốc đến sai bảo mình liền không thèm để ý, thậm chí còn nói những lời rất không ra thể thống. Nói gì nào: nhà ai cửa nấy, nước trong nấu mì lẫn, anh ăn thì tôi thấy. Ý là nói trắng ra: phủ Ninh Quốc của bà là phủ Ninh Quốc, phủ Vinh Quốc của tôi là phủ Vinh Quốc, bà không quản được chúng tôi. Vậy, phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc có quan hệ vô cùng mật thiết. Giữa chủ nhân vốn có mâu thuẫn, nhưng đám tôi tớ bên dưới đã khơi mâu thuẫn ấy ra.

Phía trước đã có sự đặt nền như vậy. Cuối cùng mâu thuẫn ấy càng lăn càng lớn. Rồi tiểu a hoàn kể lại cho Vưu thị, Vưu thị cũng rất tức giận. Sau đó người nhà đi theo Vương Hy Phượng, gọi là vợ Chu Thụy, sau khi nghe chuyện, liền bắt lấy việc này, nói rằng thế này thì còn ra thể thống gì, bèn đến chỗ Vương Hy Phượng bẩm báo. Vương Hy Phượng vừa nghe liền thấy chuyện này ầm ĩ lớn rồi. Làm thế nào?

Chỉ có thể dẹp yên. Cách dẹp yên là trói hai bà già kia lại và trách phạt. Lúc này, mâu thuẫn giữa phòng trưởng và phòng thứ hai của phủ Vinh Quốc liền nhân cơ hội bùng phát thêm một lần nữa. Đó là Hình phu

nhân. Vậy, Giả Xá và Giả Chính tuy ở riêng, nhưng họ chưa thật sự chia nhà. Theo lý mà nói, Giả Xá và Hình phu nhân là con trai trưởng và con dâu trưởng của Giả mẫu, thuộc phòng trưởng.

Giả Chính và Vương phu nhân là phòng thứ hai. Nhưng nhìn từ trong sách, phòng thứ hai luôn rất đắc thế. Phòng thứ hai ở trong phủ Vinh Quốc, phòng trưởng lại ở một sân nhỏ có cửa sơn đen cạnh phủ Vinh Quốc. Vì vậy Hình phu nhân trong lòng luôn bất bình. Lúc này Hình phu nhân liền bước ra. Một mặt, bà vốn bất mãn với phủ Vinh Quốc, mặt khác, bà cảm thấy con dâu mình, Vương Hy Phượng, khuỷu tay lại ngoặt ra ngoài, sang phủ Vinh Quốc quản việc, kết quả chẳng hề đoái hoài đến lợi ích của phòng trưởng họ.

Cho nên khi cuộc vui còn chưa tan, vẫn còn náo nhiệt, trước mặt Giả mẫu, trước mặt rất nhiều người, bà cố ý làm ra vẻ nhún nhường, đến cầu xin Vương Hy Phượng cho hai bà già kia. Trong xã hội ấy, chỉ có con dâu cầu xin mẹ chồng, đó mới là lẽ thường. Làm gì có chuyện mẹ chồng trước mặt mọi người đi cầu xin con dâu? Bà cố tình khiến Vương Hy Phượng khó xử. Vì vậy sau đó Vương Hy Phượng tức đến phát khóc. Mâu thuẫn chồng chất.

Sau hồi 73, trong đơn nguyên tình tiết này, tác phẩm gom tất cả mâu thuẫn ấy lại, để chúng hình thành một cuộc bùng nổ lớn. Vì vậy từ hồi 73 đến hồi 81, nó hẳn là một mảng tình tiết trong đó mâu thuẫn nội bộ của bản thân gia tộc sôi trào dữ dội đến cực điểm. Trong tình hình tự sát hại lẫn nhau ấy, lực lượng bên ngoài hủy diệt nhà họ Giả cũng xông vào. Vì vậy toàn bộ hình thế có thể nói là "núi mưa sắp đến, gió đầy lầu", thậm chí có thể nói là "núi mưa sắp đến, gió đầy lầu". Cuối cùng là một cảnh hỗn loạn. Bởi cô a đầu ngốc, bởi ngốc đại thư nhặt được một túi thêu xuân, tình tiết sau đó quý vị đều rất quen, tôi không lặp lại từng điểm.

Điều đó dẫn tới việc lục soát Đại Quan viên. Cuối cùng Vương phu nhân trong cơn thịnh nộ đuổi những a hoàn lẳng lơ, và một số a hoàn muốn xuất gia, bà cũng cho họ xuất gia. Trong đó thảm nhất là Tình Văn, cô đã chết. Tình Văn là một mục quan trọng trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa hựu phó sách. Phía trước, trong chính sách, hồi 13 đã chết một Tần Khả Khanh. Vậy đến khi câu chuyện phát triển đến giai đoạn này, lại bắt đầu có người chết.

Những cô gái trong các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa bắt đầu lần lượt chết đi. Một người chết chính là Tình Văn. Vì vậy bất hạnh của gia tộc cứ từng bước phát triển, từng bước trượt xuống. Đến hồi 78, 79, đến hồi 80, tác phẩm đã viết cho quý vị thấy: trong các cô gái của gia tộc này, có người đã đến cửa tử. Trong chính sách sắp có người chết. Trước đó chính sách đã chết Tần Khả Khanh, đến bây giờ, Giả Nghênh Xuân sắp chết.

Trong phó sách cũng sắp có người chết. Tương ứng, nhân vật thuộc phó sách là Hương Lăng, sau khi Hạ Kim Quế được cưới về, đã rơi vào khốn cảnh sinh tồn nghiêm trọng. Cô cũng sắp chết. Cho nên hồi 81 của Tào Tuyết Cần hẳn là một sự thu thúc đại bi kịch phát triển từ hồi 73. Tức là sau khi hựu phó sách có người

chết, trong phó sách và chính sách cũng phải có người chết. Những người chết ấy hẳn là Giả Nghênh Xuân và Hương Lăng.

Vì vậy, căn cứ theo kết cấu văn bản của Tào Tuyết Cần, tôi cho rằng hồi 81 hẳn là hồi cuối của đơn nguyên phát triển từ hồi 73, nên viết tới kết cục bi thảm của hai cô gái trẻ. Nếu đoán hồi mục của nó, thì hẳn là một hồi mục kiểu như thế này.

*Ví dụ hồi 81 của Tào Tuyết Cần rất có thể là: "Trung Sơn lang nuốt chửng nàng yên chi, Hà Đông sư rống đứt hồn vô vận." Theo Lưu Tâm Vũ, hồi 81 hẳn là một trong những chương hồi quan trọng nhất của Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút nguyên ý Tào Tuyết Cần. Đó hẳn là một cuộc đại bùng nổ mâu thuẫn nội bộ trong gia tộc họ Giả. Sau đó, nhà họ Giả bắt đầu gia nghiệp suy tàn, từ đó không gượng dậy nổi. Vậy, sau khi ông cơ bản thám dật ra nội dung hồi 81, Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút nguyên ý Tào Tuyết Cần, sau hồi 81, lại sẽ kể đến những nội dung gì? Những nội dung ấy so với phần Cao Ngạc viết tiếp khác nhau ở những điểm nào?*

Nếu Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần là 108 hồi, vậy còn lại bao nhiêu hồi? Còn lại 27 hồi.

Vậy là mấy đơn nguyên tình tiết? Ba đơn nguyên tình tiết. 3 lần 9 bằng 27. Trong ba đơn nguyên tình tiết ấy, Tào Tuyết Cần sẽ hoàn thành những nhiệm vụ nào? Tất nhiên, ông cũng sẽ viết đến kết cục bi kịch tình yêu giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, sẽ viết đến Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa, tuy kết hợp với nhau, nhưng ngoài hợp trong lìa, cuối cùng cũng là một kết cục bi thảm. Ông sẽ viết bi kịch trên phương diện tình yêu, hôn nhân.

Cao Ngạc cũng đã viết, Cao Ngạc có cách viết của ông ta, đọc lên cũng vẫn không tệ. Nhưng cách viết của Tào Tuyết Cần sẽ khác với ông ta. Tuy vậy, phần nội dung này trong ba đơn nguyên tình tiết phía sau chắc chắn sẽ có, nhưng tuyệt đối không chỉ có những nội dung ấy. Tào Tuyết Cần nhất định sẽ căn cứ vào những tuyến phục bút đã chôn trước đó để viết đến đòn đánh cuối cùng từ phía hoàng đế mà tông tộc họ Giả chuốc lấy vì đã bí mật nuôi giấu Tần Khả Khanh. Đó là đòn đánh đến từ phương diện hoàng đế. Ông sẽ viết đến chính trị.

Ông sẽ không viết trực tiếp. Có thể ông sẽ viết cách một lớp, hoặc viết một cách hàm súc, nhưng ông sẽ không né tránh. Ông sẽ viết đến, sẽ viết đến phái Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế. Trong các bài giảng trước, tôi đã triển khai rất kỹ để nói với quý vị: trong 80 hồi đầu, ông dùng sự vật "trăng" để ẩn dụ một phái thế lực chính trị, lại dùng "mặt trời" để ẩn dụ một phái thế lực chính trị khác. Cuộc đấu tranh gay gắt giữa phái mặt trời và phái mặt trăng sẽ được triển khai đan xen trong ba đơn nguyên 9 hồi phía sau. Đồng thời, đích đến của rất nhiều nhân vật trong 80 hồi đầu đều phải được tìm kiếm và giải quyết trong ba đơn nguyên tình tiết phía sau.

Nó sẽ có nội dung mang tính xã hội. Chẳng hạn phía trước, chúng ta sẽ nghĩ tới một số nhân vật, là những nhân vật ngoài xã hội. Có người đã được đưa vào hồi mục, ví dụ Túy Kim Cương, có một nhân vật như vậy. Đây là một vai quan trọng, ông ta lên hồi mục. Túy Kim Cương, Khinh tài Thượng nghĩa hiệp. Chẳng lẽ ông ta tùy tiện lên hồi mục sao?

Rõ ràng những nhân vật ngoài xã hội như vậy, cuối cùng sẽ ra sao, cũng sẽ được bàn giao trong 27 hồi phía sau. Thêm vào đó, phía trước còn có một đôi nam nữ trẻ rất quan trọng, chính là Tiểu Hồng và Giả Vân, quý vị còn nhớ không? Tiểu Hồng được đưa vào hồi mục không chỉ một lần. Nhân vật này vô cùng quan trọng. Tất nhiên hồi mục của các cổ bản Hồng Lâu Mộng giữa các bản có một số khác biệt, nhưng Tiểu Hồng lên hồi mục là một sự thật chắc chắn. Đó là một nhân vật rất quan trọng.

Thông qua lời phê của Chi Nghiễn Trai, lại cho chúng ta biết Tiểu Hồng còn sẽ xuất hiện ở miếu Ngục Thần. Vì vậy tác phẩm còn sẽ viết đến một số nhân vật khác. Những nhân vật này liên quan đến việc tác giả miêu tả nhiều mặt đời sống xã hội đương thời. Cá nhân tôi cho rằng Tào Tuyết Cần trong ba đơn nguyên tình tiết phía sau của ông sẽ trình hiện nội dung vô cùng phong phú. Cũng tức là nói, tôi cho rằng Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần tuyệt đối không thể được khái quát đơn giản thành một câu chuyện tình yêu, một cuốn tiểu thuyết tình yêu. Nó là một bộ tiểu thuyết có nội dung hết sức phong phú, có tính chính trị, có tính xã hội, hơn nữa bản thân Tào Tuyết Cần thông qua văn bản này đã có suy tư tối hậu, có chất vấn tối hậu, một bộ tiểu thuyết ở cảnh giới rất cao.

Nói đến đây, có người có thể muốn thảo luận thêm với tôi. Ông nói hồi 81 hẳn viết về kết cục bi thảm của Giả Nghênh Xuân và Hương Lăng. Nói điều này, sau khi nghe, về đại thể tôi đồng ý với suy đoán của ông. Vậy ông có nên mau chóng kể tiếp sau hồi 82 cho chúng tôi không? Người ấy cảm thấy, nhất là Giả Nghênh Xuân, nhân vật này rất đơn giản, nhân vật này rất rõ ràng, còn có gì đáng phân tích nữa? Đó là cách nhìn như vậy.

Nhưng tôi, nói thật, không thể cứ thế bỏ qua Giả Nghênh Xuân. Tôi thấy Giả Nghênh Xuân từ lâu bị rất nhiều độc giả xem nhẹ. Có phải sự chú ý đều dồn vào Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân và những nhân vật ấy, còn đối với một sinh mệnh như Giả Nghênh Xuân thì thiếu quan tâm? Tào Tuyết Cần mang tình cảm rất sâu khi viết Giả Nghênh Xuân. Giả Nghênh Xuân không đơn giản.

Tôi tiến hành nghiên cứu Hồng Lâu dựa trên nguyên tắc đọc kỹ văn bản và nghiên cứu nguyên mẫu. Vậy có người sẽ hỏi tôi: chẳng lẽ Giả Nghênh Xuân cũng có nguyên mẫu sao? Tôi cho rằng có. Căn cứ của tôi ở đâu? Giả Nghênh Xuân chẳng lẽ có nguyên mẫu sao? Có. Căn cứ của tôi là bởi vì trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, kể cả bản thông hành Hồng Lâu Mộng, về cha mẹ của Giả Nghênh Xuân là ai, cô là do ai sinh ra, bản Canh Thìn bạch chỉ hắc tự, viết như thế này: Nói rằng nhị tiểu thư, nhị tiểu thư tức là Giả Nghênh Xuân, "là con của tiền thê lão gia Giả Xá". Quý vị nghe hiểu chưa? Bản mà hiện nay mọi người thường đọc, được các giáo sư Hồng học sử dụng, lấy bản Canh Thìn làm bản nền, bản ấy, trong nguyên văn bản Canh Thìn, nói nhị

tiểu thư này là do tiền thê của Giả Xá sinh. Chẳng lẽ không đáng nghiên cứu sao? Hiện tượng văn bản này là thế nào? Nếu Giả Nghênh Xuân là do tiền thê của Giả Xá sinh, thì Hình phu nhân thành người vợ kế, chứ không phải chính thất đầu tiên. Quan hệ nhân vật chẳng phải toàn bộ rối tung sao? Chuyện này rốt cuộc là thế nào? Có đáng tìm hiểu không? Đáng tìm hiểu. Được, lần sau, tôi sẽ cùng quý vị tìm hiểu vấn đề này.

# Tập 47

Bí ẩn Giả Nghênh Xuân

*Trong Hồng Lâu Mộng, vì tính cách không tranh với đời, Giả Nghênh Xuân thường bị người ta xem nhẹ. Trong Kim Lăng thập nhị thoa của Quần phương tranh diễm, nàng gần như thành người đại diện cho hai chữ mềm yếu. Nhưng chính cô gái trẻ yếu mềm, không nơi nương tựa ấy lại khiến ông Lưu Tâm Vũ đặc biệt chú ý. Ông đã chuyên tâm nghiên cứu nàng, và cuối cùng thu được thành quả thám dật của riêng mình. Do 28 hồi sau bản thảo của Tào Tuyết Cần không may thất lạc, lại thêm các cổ bản Hồng Lâu Mộng có nhiều sai biệt, còn phần viết tiếp của Cao Ngạc lại có rất nhiều điểm mâu thuẫn với nguyên tác, nên người ta về xuất thân và cái chết của Giả Nghênh Xuân lâu nay vẫn có nhiều cách nói khác nhau. Vậy, Giả Nghênh Xuân dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần rốt cuộc có vận mệnh như thế nào? Trước những bí ẩn quanh Giả Nghênh Xuân, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có những kiến giải và cách nhìn độc đáo nào? Khi giải đọc người con gái yếu đuối, nhiều tai ách này, ông sẽ mang một tâm tình đặc biệt và phức tạp ra sao? Chúng ta hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào câu chuyện thật sau 80 hồi Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi tập 3: Bí ẩn Giả Nghênh Xuân.*

Ở cuối bài giảng trước, tôi đã nói với các vị rằng trong một cổ bản, về xuất thân của Giả Nghênh Xuân, sách viết rằng: "Nhị tiểu thư Nghênh Xuân là con do vợ trước của ông Chính sinh ra." Tôi tin sau khi nghe xong bài trước, nhiều người sẽ ngẫm lại câu này và thấy không ổn. Nhị tiểu thư chính là Giả Nghênh Xuân. Theo thứ bậc nữ giới trong phủ Giả, tuổi nàng chỉ sau Giả Nguyên Xuân. Nàng là nhị tiểu thư. Sao nàng lại là con vợ trước của ông Chính được? Nàng chẳng phải là con gái Giả Xá sao?

Nếu vậy lại thành con gái Giả Chính mất rồi. Mà xem ra Giả Chính này còn từng có vợ trước nữa. Vương phu nhân rõ ràng là người vợ kế. Cho nên, rất hiển nhiên, câu này không đúng. Nhưng một lỗi như thế sao lại xuất hiện trong một cổ bản có rất nhiều ưu điểm, gọi là bản Canh Thìn? Bây giờ tôi sẽ đem các cách viết trong những cổ bản tôi từng thấy về xuất thân của Giả Nghênh Xuân lần lượt từng cách một giới thiệu với mọi người.

Sau khi nghe, các vị thử ngẫm xem rốt cuộc chuyện này là thế nào. Trước hết, có một cổ bản hiện là cổ bản sớm nhất mà chúng ta phát hiện được, gọi là bản Giáp Tuất. Trong bản Giáp Tuất, sách nói thế này. Sách viết: "Nhị tiểu thư là con do vợ trước của ông Giả Xá sinh ra." Tức là nói Giả Nghênh Xuân là con của vợ trước Giả Xá. Đó là cách nói của bản Giáp Tuất. Lại có một bản Nga tàng.

Trong cổ bản này, sách viết: "Nhị tiểu thư là con do vợ của ông Giả Xá sinh ra." Không phải vợ trước. Sách nói nàng do người vợ của ông ta sinh ra. Đó lại là một cách nói khác. Còn có bản Canh Thìn mà tôi vừa nhắc với các vị. Bản Canh Thìn viết: "Nhị tiểu thư là con do vợ trước của ông Chính sinh ra." Những câu này số

chữ còn gần gần nhau. Đến một cổ bản gọi là bản Kỷ Mão, câu ấy lại kéo dài ra, càng không thể nói là người chép sách nhìn lầm, nghe lầm, rồi viết sai.

Câu này rất dài, gọi là: "Nhị tiểu thư là con gái của ông Giả Xá, được lão gia Giả Trân nuôi làm con gái mình." Nó tạo ra một câu rất dài. Tức là nói Giả Nghênh Xuân vốn là một con gái của Giả Xá, sau đó như thể được Giả Trân nhận nuôi, được mang từ chỗ Giả Xá sang chỗ mình nuôi làm con gái. Thế là lại hình thành một quan hệ nhân vật khác. Còn một cổ bản nữa gọi là bản Thích tự. Sở dĩ gọi là bản Thích tự, là vì đầu bản này có một người viết lời tựa. Người viết lời tựa ấy tên là Thích Liệu Sinh, họ Thích, nên gọi là bản Thích tự.

Cách nói của nó lại khác hết những bản khác. Sách viết: "Nhị tiểu thư là con do thiếp của ông Giả Xá sinh ra." Tức lại là một người vợ lẽ của Giả Xá sinh ra. Năm cổ bản Hồng Lâu Mộng về xuất thân Giả Nghênh Xuân lại có đến năm cách nói khác nhau. Hiện tượng văn bản kỳ lạ như vậy trong Hồng Lâu Mộng là rất hiếm thấy. Nếu chỉ cho rằng đó là lỗi bút của người chép sách, hiển nhiên nói không thông. Nếu không phải lỗi bút, thì nguyên nhân dẫn tới kết quả phức tạp ấy lại sẽ là gì? Sự thật về xuất thân Giả Nghênh Xuân rốt cuộc là gì? Hiện tượng văn bản như thế nói rõ vấn đề gì? Cá nhân tôi cho rằng nó vừa đúng lúc chứng minh rằng nhân vật Giả Nghênh Xuân không phải được hư cấu từ không khí. Nàng có nguyên mẫu trong đời sống. Nàng hẳn là một phụ nữ trong chính gia tộc của Tào Tuyết Cần.

Tình hình xuất thân của người phụ nữ ấy khá phức tạp. Việc định vị thân phận của bà không hề đơn giản. Vì vậy, khi Tào Tuyết Cần dựng nên nhân vật này, khi nói đến xuất thân của nàng, ông đã cân nhắc đi cân nhắc lại. Nếu trong đời sống không có một người có tình huống thật sự phức tạp như vậy, thì ông không đến mức viết như thế. Vậy có thể truy tìm được Giả Nghênh Xuân rốt cuộc là chuyện thế nào? không? Có thể truy tìm được.

Mọi người đều nhớ đến hồi 73, Hình phu nhân đến chỗ Giả Nghênh Xuân và nói với nàng một hồi. Lời Hình phu nhân rất quan trọng. Trong những lời ấy, tình hình xuất thân của Giả Nghênh Xuân thật ra đã được bàn giao rất cụ thể, rất tỉ mỉ. Chỉ là độc giả bình thường đọc đến đây rồi thường không chú ý phân tích, nên không đọc hiểu. Hình phu nhân nói thế nào? Trong lời Hình phu nhân, có những ý như sau.

Bà nói: "Huống hồ con lại không phải do ta nuôi lớn." Thậm chí bà còn nói một câu rất thô, rằng "con đâu phải miếng thịt rơi từ người ta ra". Điều này trước hết chứng minh rằng mẹ của Giả Nghênh Xuân không phải Hình phu nhân. Đương nhiên, xét theo quan hệ tông pháp, Hình phu nhân là mẹ nàng. Nhưng từ góc độ huyết thống mà nói, nàng không phải do Hình phu nhân sinh ra. Rồi Hình phu nhân lại nói trắng ra hơn nữa. Vậy Giả Liễn có phải con của Hình phu nhân không?

Cũng không phải. Trong sách còn có một Giả Tông, cũng không phải con Hình phu nhân. Chính Hình phu nhân nói rồi, rằng "ta cả đời không con không gái, sạch sẽ một đời". Hình phu nhân không sinh nở. Sau đó, khi Hình phu nhân nói chuyện với nàng, bà kể đến Giả Liễn và Vương Hy Phượng, rồi lấy Giả Liễn làm mốc,

Hình phu nhân có nói thế này: "Con tuy không cùng một mẹ với nó, nhưng rốt cuộc cùng một cha." Điều này lại nói rõ rằng Giả Nghênh Xuân đương nhiên là con gái Giả Xá, nhưng mẹ nàng và mẹ ruột Giả Liễn không phải cùng một người. Các vị thấy đó, những lời này biểu đạt ý nghĩa rất tinh vi.

Rồi bà lại nói tiếp. Bà nói rõ với độc giả, Tào Tuyết Cần thông qua lời Hình phu nhân nói rõ với độc giả rằng Giả Nghênh Xuân vừa không phải do bà sinh ra, cũng không phải do mẹ ruột của Giả Liễn sinh ra. Vậy nàng do ai sinh ra? Hình phu nhân đã nói. Bà nói: "Con là do người bên cạnh Đại lão gia sinh ra." "Người bên cạnh" tức là di nương, tức vợ lẽ. Có người nghe đến đây sẽ lập tức cau mày, bảo: ồ, vậy xuất thân của Nghênh Xuân chẳng giống hệt xuất thân Thám Xuân sao?

Đều không phải con chính thất, đều là con thứ. Mà trong sách, ấn tượng để lại rất rõ ràng là Thám Xuân vì bản thân là con do vợ lẽ sinh ra nên lòng tự tôn bị tổn thương. Lòng tự tôn của nàng ở trong trạng thái vô cùng nhạy cảm. Bất cứ lúc nào nàng cũng có thể bộc phát vì việc ấy. Thám Xuân là một phụ nữ cá tính rất kiên cường, rất có chủ kiến. Nàng vì bản thân do vợ lẽ sinh ra mà còn tự ti như thế, trong sâu thẳm có một cảm giác tự ti như thế.

Còn Nghênh Xuân thì sao? Nếu nàng cũng giống Thám Xuân, cũng do vợ lẽ sinh ra, lẽ ra nàng cũng phải tự ti. Chẳng lẽ vì tính cách nàng nhu nhược, mà đến chuyện bản thân là con chính hay con thứ cũng không bận tâm sao? Thế là xuất hiện một bí ẩn. Nhưng may thay, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Hình phu nhân nói rất nhiều. Không chỉ nói đến mức vừa rồi, bà còn nói tiếp.

Bà nói thế nào? Bà nói: "Con là do người bên cạnh Đại lão gia sinh ra. Còn con bé Thám ở bên này cũng là do người bên cạnh Nhị lão gia sinh ra. Xuất thân thì giống nhau." Rồi bà ngừng lại, phía dưới chuyển ý. Bà nói: "Nay mẹ con đã chết. Mọi người đều biết, mẹ ruột của Thám Xuân vẫn còn, chính là Triệu di nương.

Bà ta trong sách vẫn rất hoạt động. "Xưa nay xem ra, mẹ của hai đứa các con, chỉ có mẹ con là mạnh hơn Triệu di nương bây giờ gấp mười lần." Tức là mẹ của Nghênh Xuân, tuy là vợ lẽ, nhưng nếu đem so ngang với Triệu di nương thì mạnh hơn gấp mười lần. Thế nào gọi là mạnh hơn gấp mười lần? Mạnh ở chỗ nào? Rất đáng suy ngẫm. Bây giờ chúng ta thử sắp xếp lại.

Vừa sắp xếp như vậy, các vị sẽ cảm thấy thật ra những cổ bản khác nhau phía trước, ở những thời kỳ khác nhau, có những cách viết khác nhau. Các cách viết ấy đều lưu truyền lại, và những câu trong một số cổ bản đều có phần hợp lý nhất định. Trừ câu trong bản Canh Thìn có thể nói quả thật không hợp lý, còn lại đều hợp lý. Chuyện là thế nào? Đáng lẽ phải là thế này. Giả Xá ban đầu có một chính thất.

Người chính thất ấy sinh một người con trai, chính là Giả Liễn. Rốt cuộc chỉ sinh một con trai, hay hai con trai, điều này đáng suy ngẫm. Vì trong tiểu thuyết, Giả Liễn được gọi là Liễn nhị gia. Có người nói, sở dĩ gọi

là Liễn nhị gia là vì trong tông tộc họ Giả xếp hàng chung. Giả Trân lớn hơn ông ta, nên Giả Trân phải là đại gia. Vậy Giả Liễn phải là nhị gia.

Nhưng thật ra, xem tình hình sách miêu tả, tông tộc họ Giả không hề xếp hàng chung cho nam giới. Bởi nếu Giả Trân là đại gia, Giả Liễn là nhị gia, thì Bảo Ngọc phải là mấy gia? Phải là tam gia. Nhưng rõ ràng, trong phủ Vinh Quốc, nam giới của họ xếp riêng từng phòng. Giả Châu là đại gia, còn Bảo Ngọc là nhị gia. Vậy tam gia là ai?

Trong tiểu thuyết không ngừng xuất hiện hai chữ "tam gia, tam gia". Đó là Giả Hoàn. Vì vậy, trong sự thật đời sống, người vợ nguyên phối của Giả Xá hẳn từng sinh hai con trai. Trong đó người thứ nhất tiểu thuyết không viết đến, đã lược bỏ đi. Cũng có thể nói trong đời sống, người ấy đã mất. Vì thế người còn lại là Giả Liễn, nhị gia.

Sau đó, người nguyên phối của Giả Xá mất. Sau khi bà mất, ông không lập tức cưới Hình phu nhân làm kế thất. Ở giữa có một quá trình thế nào? Một người vợ lẽ của ông sinh cho ông Giả Nghênh Xuân. Người vợ lẽ ấy được ông rất yêu thích. Tuy vợ lẽ ấy ban đầu địa vị giống Triệu di nương, nhưng về sau lại "mạnh hơn gấp mười lần". Nghĩa là gì? Ông đã nâng người vợ lẽ ấy lên làm chính thất. Do đó, Giả Nghênh Xuân vốn do vợ lẽ sinh ra, nhưng mẹ nàng được cha nàng nâng làm chính thất, nên nàng trở thành con chính thất. Như vậy xuất thân của nàng khác Thám Xuân. Nàng cao hơn nhiều. Vì vậy trong tiểu thuyết, Nghênh Xuân tuy rất nhu nhược, nàng không vì bản thân do thiên phòng sinh ra mà nảy sinh cảm xúc tự ti. Thế là giải thích thông suốt được.

*Nhưng người phụ nữ sinh ra nàng lại mất. Như vậy, Giả Xá mới lại cưới Hình phu nhân vào nhà. Theo phân tích của ông Lưu Tâm Vũ, vấn đề xuất thân của Giả Nghênh Xuân cuối cùng đã có lời giải thích hợp lý. Vị tiểu thư quý tộc sinh trong hào môn vọng tộc này, vì tính trời nhu nhược, gần như trở thành đại diện cho chữ mềm yếu, nên trong Kim Lăng thập nhị thoa của Quần phương tranh diễm, nàng mờ nhạt không ánh sáng, thường bị người ta xem nhẹ, thậm chí lãng quên. Nhưng chính người con gái yếu mềm tưởng như có cũng được, không cũng được ấy, ông Lưu Tâm Vũ lại dành cho sự chú ý rất lớn, và từ một tình tiết rất dễ bị bỏ qua, đọc ra tình cảm chân thành của mình. Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, Giả Nghênh Xuân rốt cuộc là một phụ nữ như thế nào?*

Qua việc giải đọc kỹ người con gái yếu đuối này, ông sẽ cảm nhận được một cảm ngộ nhân sinh lay động lòng người ra sao? Người này, trong tông tộc họ Giả, thuộc về thành viên yếu thế trong tầng lớp xã hội mạnh thế. Trong giai cấp, tầng lớp mà nàng thuộc về, nàng là một người con gái yếu. Nàng mềm yếu, nhu nhược, hèn yếu, mong manh. Đó là một sinh mệnh như vậy. Nàng hoàn toàn không có tính cạnh tranh.

Trong tiểu thuyết, tình tiết về Nghênh Xuân không nhiều, nhưng tôi thấy có hai chỗ đặc biệt đáng chú ý. Bây giờ ở điểm này, các vị thử nghĩ xem. Hai chỗ đáng chú ý ấy là gì? Xem chúng ta có thể bất mưu nhi hợp

không. Tôi nghĩ có một chỗ các vị nên chú ý, đó là hồi 37. Những công tử, tiểu thư trẻ tuổi trong các gia đình quan lại lớn ấy họ tổ chức thi xã, lập nên một Hải Đường xã.

Nghênh Xuân không giỏi làm thơ lắm, nhưng trong hoàn cảnh ấy, nàng cũng tham gia. Vì vậy bài thơ của nàng là thế này, gọi là: "Vườn thành gấm vóc thật vừa thay, Vâng lệnh tu đề luống thẹn thay. May mắn nhân gian còn cảnh ấy, Từ xưa lòng tục khó nguôi say." Tức là, tức là, thơ của Nghênh Xuân viết không hay lắm, nhưng thể hiện tính cách của nàng. Cả đời nàng theo đuổi chẳng qua là một sự yên tĩnh. Nàng là một sinh mệnh mong manh. Nàng chỉ mong có thể sống ngày tháng yên ổn, bình an.

Nàng tuyệt đối không xâm phạm người khác. Nhưng nàng cũng mong người khác đừng quấy nhiễu nàng. Đó là một sinh mệnh như vậy. Khi mở thi xã, vì nàng không giỏi làm thơ, các chị em khác, kể cả em họ nàng là Giả Bảo Ngọc, cũng đều biết. Nhưng họ không nói thẳng ra. Vì thế họ khen nàng, nói chị Nghênh Xuân thật không tệ, thi xã chúng ta hãy bầu chị làm phó xã trưởng.

Đội cho nàng một cái mũ cao, nàng thành phó xã trưởng. Vậy nàng phụ trách việc gì? Phụ trách hạn vần. Khi ấy phải làm thơ vịnh bạch hải đường, gọi là hạn vần. Tình tiết bên dưới, thiết kế của Tào Tuyết Cần thật rất tinh diệu. Ông viết Giả Nghênh Xuân dùng cách gì để hạn vần?

Giả Nghênh Xuân cả đời không nắm được vận mệnh của mình. Nàng đem tất cả giao cho tính ngẫu nhiên, giao cho sự tình cờ. Vì vậy, đến đây tiểu thuyết viết rằng ý của Giả Nghênh Xuân là, nàng nói: "Theo tôi, cũng không cần học theo kiểu một người ra đề hạn vần, cứ bốc thăm cho công bằng." Tức là bốc thăm. Nàng dùng cách bốc thăm để hoàn thành nhiệm vụ hạn vần. Trước hết nàng tùy tiện rút một quyển sách trên giá sách, mở ra, thấy là thất luật, nàng nói vậy chúng ta làm thất luật. Sau đó, nàng thấy một cô a hoàn đứng bên cửa, liền nói: "Em tùy miệng nói ra một chữ đi." A hoàn vừa khéo dựa cửa, đương nhiên nói chữ "môn".

Thế là nàng nói, được, vậy chúng ta lấy chữ "môn" làm vần. Rồi nàng lại bảo a hoàn rút hòm thẻ vần thơ ra. Ngày xưa có loại dụng cụ làm thơ như thế. Rồi rút ra bốn tấm thẻ vần, gọi là "bồn", "hồn", "môn", "hôn". Như vậy, nàng hoàn thành nhiệm vụ hạn vần. Cuối cùng các vị thấy thơ bạch hải đường đều là thất luật, đều dùng vần ấy.

Còn một hiện tượng văn bản nữa đặc biệt đáng chú ý, tuyệt đối đừng bỏ qua. Đó là về sau, ở hồi 38. Hồi 38 là khi mùa thu đến, hoa cúc nở, thế là ăn cua, vịnh hoa cúc. Khi mọi người chuẩn bị làm thơ hoa cúc, có một đoạn văn miêu tả, miêu tả những người khác nhau với ngôn ngữ thân thể khác nhau, trạng thái sinh mệnh khác nhau. Đoạn ấy viết như thế này. Đoạn văn này rất quan trọng.

Sách nói Lâm Đại Ngọc thế nào? Đại Ngọc sai người dời một cái ghế thêu đến, ngồi tựa lan can, cầm cần câu câu cá. "Dời" tức là chuyển lại đây. Lâm Đại Ngọc ngồi đó câu cá. Đó là một bức mỹ nhân đồ, rất đẹp.

Vậy Tiết Bảo Thoa đang làm gì?

Trong tay Bảo Thoa cầm một cành quế, chơi một lát, rồi tựa vào khung cửa sổ, ngắt nhụy quế, thả xuống mặt nước, dẫn đàn cá nổi lên đớp mồi. Hai chữ "sát táp" không dễ nhận, nhưng rất dễ hiểu. Vì cá trong nước, miệng cứ há ra khép lại. Há ra khép lại như thế gọi là "sát táp". Đó là Tiết Bảo Thoa, cũng rất có tình thú. Còn Tương Vân thì sao?

Vì lúc ấy là tiệc cua, trên danh nghĩa Tương Vân làm chủ, nên nàng phải lo liệu. Vì thế sách viết rất đơn giản: Tương Vân ngẩn ra một lát, rồi đi lo việc. Có mấy người được viết gộp chung, tức Tích Xuân, Lý Hoàn và Thám Xuân. Thám Xuân, Lý Hoàn, Tích Xuân thường được viết chung với Nghênh Xuân. Nhiều khi tác giả chỉ dành cho Lâm Đại Ngọc, cho Tiết Bảo Thoa, cho Sử Tương Vân những đặc tả, những cận cảnh lớn. Còn những người này thường chỉ được một trung cảnh, viễn cảnh, thế là xong.

Lần này, đối với Thám Xuân, Lý Hoàn, Tích Xuân, cũng chỉ cho một trung cảnh, một ống kính hài hòa. Nói họ đang làm gì? Họ đứng trong bóng liễu rủ xem âu lộ. Sau đó xuất hiện một câu làm người ta kinh tâm động phách. Rất nhiều độc giả đều bỏ qua nó. Tào Tuyết Cần đã dành cho Giả Nghênh Xuân một cận cảnh lớn.

Riêng với nàng, ông viết một câu, gọi là:

"Nghênh Xuân lại một mình ở dưới bóng hoa, cầm kim xâu hoa lài." Xâu hoa lài.

Giữa trời đất vũ trụ, giữa trời đất vũ trụ, trong ngày thu ấy, trong không gian ấy, có một người con gái yếu mềm. Nàng không tranh với đời, không đòi hỏi gì nhiều ở cuộc sống, nàng không có sức cạnh tranh. Trong Đại Quan thi xã này, nàng làm gì có sức cạnh tranh? Tài nữ nhiều như mây. Cũng giống như hiện nay, nhiều nhân viên cổ cồn trắng nơi công sở. Có người nói với tôi: tôi ở trong không gian lớn của tòa nhà văn phòng, sống trong từng ô ngăn cách, mỗi lần đi làm là trong lòng đập loạn thình thịch. Không có sức cạnh tranh. Người nào cũng mạnh mẽ hơn tôi. Nghênh Xuân chính là một người như thế. Nói tương đối trong xã hội, nàng là một thành viên yếu thế trong tầng lớp mạnh thế.

Nhưng vào khoảnh khắc ấy, trong ngày thu ấy, nàng ở dưới bóng hoa, cầm kim xâu hoa, lặng lẽ xâu từng đóa hoa lài. Kim xâu hoa: ngày xưa các nhà quý tộc cầu kỳ có một loại kim chuyên dùng để xâu hoa. Nó làm bằng xương hoặc ngà voi, cũng có lỗ kim, có thể luồn chỉ, xâu hoa lài lại với nhau. Xâu xong, có thể làm thành một chiếc vòng tay, đeo lên tay, thậm chí có thể làm thành một chuỗi vòng cổ, đeo trên cổ. Vậy Nghênh Xuân, vào khoảnh khắc ấy, một mình ở dưới bóng hoa, dùng kim xâu hoa xâu những đóa hoa lài. Đó là một bức tranh thục nữ vô cùng đẹp.

Khi đọc Hồng Lâu Mộng, chúng ta thường chỉ nhớ Bảo Thoa bắt bướm, Đại Ngọc chôn hoa, Tương Vân say ngủ. Bây giờ tôi đề nghị các vị hãy bổ sung thêm một hình ảnh rất quan trọng như thế, gọi là Nghênh Xuân

xâu hoa. Nàng một mình ở dưới bóng hoa, dùng kim xâu hoa lài. Nó thể hiện một sinh mệnh nhỏ bé, mong manh của nàng. Giữa trời đất vũ trụ, trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, đó là toàn bộ tôn nghiêm sinh tồn và niềm vui sống của nàng. Vì vậy Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần phải được đọc kỹ.

Vì sao tôi chủ trương đọc sát văn bản? Đọc đến một vài chỗ, nước mắt hiện lên trong mắt các vị phải là hiện tượng tự nhiên. Có một nữ nhân viên văn phòng xinh đẹp đến thảo luận Hồng Lâu Mộng với tôi. Sau khi được gợi ý, cô ấy nói: ông cho tôi biết câu này thật quá quan trọng. Trước đây tôi đọc đi đọc lại, đến câu này cứ lướt qua, chưa từng chú ý. Bây giờ tôi nghĩ rằng trong một xã hội cạnh tranh mạnh đến thế, chúng ta vẫn nên giữ một trái tim mềm yếu.

Chúng ta nên cùng nhau vì những người kém sức cạnh tranh, những người sinh tồn trong xã hội tương đối khó khăn, những người yếu thế, mà cùng rơi một dòng lệ. Nói đến đây, nước mắt cô ấy chảy xuống. Tôi cũng rất xúc động. Tôi cảm thấy đọc Hồng Lâu Mộng đọc đến mức này mới thật là đọc ra hương vị. Nên đọc như thế.

*Một cuộc sống không tranh với đời. Nhưng chính người phụ nữ tính cách nhu nhược ấy lại có một kết cục đặc biệt bi thảm. Chúng ta đều biết trong bản viết tiếp của Cao Ngạc, Giả Nghênh Xuân bị ép gả cho Tôn Thiệu Tổ, biệt hiệu Trung Sơn lang, và cuối cùng bị hắn ngược đãi đến chết. Vậy Tôn Thiệu Tổ rốt cuộc là người như thế nào? Hắn và nhà họ Giả rốt cuộc có quan hệ gì? Trước cách nói trong bản viết tiếp của Cao Ngạc, ông Lưu Tâm Vũ sẽ nêu ra những quan điểm khác biệt nào?*

Vậy, kết cục của Giả Nghênh Xuân là rất bi thảm. Mọi người đều biết nàng gả cho một kẻ có ngoại hiệu Trung Sơn lang, một công tử hư hỏng. Quá thê thảm. Không ngờ một người con gái yếu mềm như thế lại rơi vào tay một con lang, trong móng vuốt của lang, cuối cùng kết thúc sinh mệnh của mình. Vì vậy trong Hồng Lâu Mộng, ở khoảng ngoài hồi 80, khi tình tiết hồi 73 được đẩy đến cực điểm, sẽ viết đến kết cục bi kịch của Nghênh Xuân, và cũng sẽ viết đến kết cục bi kịch của Hương Lăng. Vậy, nếu các vị đọc kỹ hồi 79 và hồi 80 hiện nay chúng ta đọc được, trong đó đã viết đến chuyện Nghênh Xuân mới lấy chồng, viết đến Tiết Bàn cưới Hạ Kim Quế.

Nhưng nếu các vị đọc kỹ, sẽ phát hiện trên văn bản có một số chỗ không thật hài hòa. Là thế nào? Bởi chúng ta đều nhớ rằng ở hồi 5, về mỗi người trong Kim Lăng thập nhị thoa, đặc biệt là 12 người trong chính sách, kết cục số phận của họ đều được ám chỉ rõ ràng. Chứng cứ được viết rõ ràng. Trong hồi 5, ở Thái Hư ảo cảnh, trong chính sách Kim Lăng thập nhị thoa, về Nghênh Xuân, có vẽ một bức tranh: một con sói ác đang vồ một người đẹp. Còn lời phán là: "Đừng gần Trung Sơn lang, đắc chí liền điên cuồng." Sau đó nói chồng nàng cũng chính là một Trung Sơn lang.

Hơn nữa trong Thái Hư ảo cảnh, Cảnh Ảo tiên cô mời Giả Bảo Ngọc nghe mười hai khúc. Trong đó có một khúc, tên khúc mang ý phản phúng, gọi là Hỷ oan gia. Trong đó cũng nói đến Trung Sơn lang, loài thú vô

tình, hoàn toàn không nhớ căn nguyên ngày trước, vân vân. Cho nên, theo thiết kế tổng thể của Tào Tuyết Cần ở hồi 5, cuối cùng Giả Nghênh Xuân vẫn gả cho một kẻ xấu vong ân phụ nghĩa. Người này đáng lẽ là khi gặp lúc khó khăn nhất được phủ Giả giúp đỡ, cứu vớt. Nhưng một khi vượt qua cửa ải khó khăn ấy, hắn không những không nhớ tình xưa, không những không báo ơn, mà còn đối xử tệ với nhà họ Giả, bao gồm cả việc bức hại Giả Nghênh Xuân, thậm chí khiến Giả Nghênh Xuân chết.

Lẽ ra phải là một câu chuyện như vậy. Nhưng nếu các vị xem phần chúng ta hiện có, lời bàn giao trong hồi 79, so với hồi 5, xét từ hiện tượng văn bản, các vị sẽ thấy nó không thật ăn khớp, không thật khớp mộng. Hồi 79 nói thế nào? Hồi 79 bàn giao rằng người Giả Nghênh Xuân gả cho là Tôn Thiệu Tổ. Người này có chức quan là Chỉ huy. Người này và nhà họ Giả đời trước là thế giao.

Sách nói nhân phẩm, gia sản đều tạm được, hơn nữa nhà hắn giàu có, quan vận cũng còn khá hanh thông. Không viết ra rằng người này từng lâm vào khó khăn, được nhà họ Giả cứu giúp. Không có lời bàn giao như vậy. Đương nhiên hồi 79 cũng nói Giả Xá nhất định muốn gả Nghênh Xuân cho Tôn Thiệu Tổ. Giả Chính không đồng ý lắm. Giả Chính cảm thấy quan hệ giữa nhà họ Tôn và nhà họ Giả được gây dựng từ đời tổ tiên, khi ấy chỉ là hạng bám víu cửa quyền.

Hơn nữa, ông lại cho rằng Tôn Thiệu Tổ không phải giống dòng thi lễ. Giả Chính tuy không hài lòng lắm với xuất thân của Tôn Thiệu Tổ, nhưng cũng không nói rằng Giả Chính cho rằng Tôn Thiệu Tổ từng được nhà họ mang ơn sâu đức dày của hai phủ Vinh, Ninh, đặc biệt là bản thân Tôn Thiệu Tổ từng được phủ Giả cứu giúp. Không có nội dung ấy. Vì vậy chỗ này không thật ăn khớp. Tại sao? Do đó, phải nói đến một hiện tượng phiên bản của Hồng Lâu Mộng.

Tôi nói ra rồi, có người có thể sẽ hơi mất hứng. Chuyện là thế nào? Theo khảo chứng của không ít chuyên gia, Hồng Lâu Mộng nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần thật ra chỉ có 76 hồi. Hồi 64 và hồi 67 không phải bút pháp của Tào Tuyết Cần. Hồi 64 và 67 liên quan đến câu chuyện Vưu Nhị thư, Vưu Tam thư. Hai hồi ấy có vấn đề.

Sau đó là hồi 79 và 80 cũng không giống bút pháp Tào Tuyết Cần. Vậy có phải do Cao Ngạc bổ sung không? Cũng không giống. Đáng lẽ là những người như Chi Nghiễn Trai, có quan hệ rất thân mật với Tào Tuyết Cần, biết cấu tứ tổng thể của ông, rồi vì nhiều nguyên nhân, văn bản bị thất lạc, nên đã bổ sung vào. Vì vậy chúng ta thường nói 80 hồi của Tào Tuyết Cần, đó là một cách nói khái quát, đại lược. Nói nghiêm ngặt, văn tự nguyên bút nguyên ý mà Tào Tuyết Cần để lại không đủ 80 hồi.

Vì do người khác bổ sung, nên so với cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần có những chỗ không hoàn toàn ăn khớp. Thế mới xuất hiện những tình huống như ta đọc được trong hồi 79 hiện nay. Theo cách viết ban đầu của Tào Tuyết Cần, đáng lẽ phải viết Tôn Thiệu Tổ ác hơn bây giờ nữa. Đáng lẽ vào lúc hắn gặp nguy cơ, nhà

họ Giả đã cứu hắn. Nhưng một khi vượt qua cửa ải ấy, hắn lại vô cùng ngông cuồng. Đáng lẽ phải miêu tả như vậy.

Hiện nay chúng ta không thể nhìn thấy. Tôi đoán trong 80 hồi của chính Tào Tuyết Cần hắn có những miêu tả như thế. Đáng lẽ phải viết như vậy về kết cục của Giả Nghênh Xuân. Trong Hồng Lâu Mộng hiện nay chúng ta thấy, còn có lời bàn giao thế này: Tôn Thiệu Tổ vì sao cưới Giả Nghênh Xuân? Tôn Thiệu Tổ là một kẻ cuồng dâm. Trong phủ, hễ là phụ nữ trẻ một chút, cơ bản đều bị hắn đùa bỡn.

Nghênh Xuân khuyên thế nào? cũng vô dụng. Hơn nữa còn nói Nghênh Xuân là do nợ nần mà ép ra, và hắn còn nói thẳng với Giả Nghênh Xuân rằng: vì sao cha cô gả cô cho ta? Bởi cha cô từng từ chỗ ta lấy đi năm nghìn lạng bạc, chưa trả. Cho nên chẳng khác nào đem Giả Nghênh Xuân đổi thành bạc, bán cho Tôn Thiệu Tổ. Đó là cách viết trong tiểu thuyết hiện nay. Cách viết này tuy khiến ta cảm thấy Giả Xá là một người rất xấu, đối với việc khắc họa nhân vật Giả Xá dường như có chút tác dụng, nhưng thật ra không hoàn toàn phù hợp với nguyên lý của Giả Nghênh Xuân.

Vì nếu như vậy, thì không còn nói được Tôn Thiệu Tổ là Trung Sơn lang nữa. Đúng không? Người ta gần như còn giúp anh về kinh tế, còn giúp đỡ anh, chứ không phải anh từng giúp hắn, để rồi hắn vong ân phụ nghĩa. Vì vậy những chỗ này đều đáng bàn. Từ khi gả cho Tôn Thiệu Tổ, biệt hiệu Trung Sơn lang, vận ác từ đó giáng xuống đầu Giả Nghênh Xuân. Người con gái yếu mềm cả đời không tranh với đời ấy cuối cùng trong nước mắt vô tận đi đến tận cùng sinh mệnh.

*Chúng ta đều biết cuối cùng Giả Nghênh Xuân bị ép tự sát mà chết. Nhưng nàng rốt cuộc chết như thế nào? thì lâu nay vẫn có nhiều cách nói khác nhau. Về vấn đề này, ông Lưu Tâm Vũ sẽ đưa ra câu trả lời thế nào? Vấn đề tiếp theo là: các vị nói nàng ở hồi 81 sẽ chết một cách bi thảm, vậy nàng chết như thế nào? Trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, ở mười hai khúc Hồng Lâu Mộng, khi hát về vận mệnh Giả Nghênh Xuân, có những câu như sau, nói rằng: "Than hồn thơm phách én, một năm lơ lửng." Sau khi nàng chết, hồn phách nàng ở trạng thái lơ lửng. Điều này rất giống chết treo cổ.*

Rồi các vị nghĩ lại lời phán phía trước, nói nàng "thân hoa liễu nơi khuê vàng, một năm phó Hoàng Lương". Chữ "lương" trong "hoàng lương" có hai cách viết. Một cách viết bên dưới là bộ mộc. Như vậy chứng tỏ nàng chết treo cổ. "Hoàng lương" tức là thanh xà ngang dưới mái nhà. Một cách viết khác bên dưới là bộ mễ.

Cũng có thể nói thông. Vì mọi người đều biết có một điển cố gọi là giấc mộng hoàng lương. Trong bản thông hành của Trình Vĩ Nguyên - Cao Ngạc hiện nay, họ dùng chữ "lương" bộ mễ. Nhưng cá nhân tôi cảm thấy nếu nói nàng "một năm phó hoàng lương" thì không thật thông. Vì giấc mộng hoàng lương là sẽ tỉnh. Một người mơ giấc hoàng lương, tức trong mộng trải qua rất nhiều vinh hoa phú quý, cũng trải qua nhiều gập ghềnh đời người, nhưng cuối cùng sẽ tỉnh lại.

Vì vậy gọi là giấc mộng hoàng lương. Còn Nghênh Xuân cuối cùng hẳn là chết thật. Cho nên tôi cho rằng phải là chữ "lương" có bộ mộc ở dưới. Cuối cùng nàng bị ép treo cổ mà chết. Đó là một người phụ nữ rất đáng để chúng ta thương tiếc. Chúng ta thương tiếc Nghênh Xuân, thì nên phát nguyện, cùng Tào Tuyết Cần phát nguyện: mong trên mặt đất này từ nay về sau có thể có nhiều hơn tấm lòng thương trời xót người, dung nạp những sinh mệnh yếu mềm, mong manh, yếu thế như thế.

Vì vậy trong Hồng Lâu Mộng, nó có một tinh thần nhân văn rất sâu sắc. Thông qua câu chuyện của một người phụ nữ như vậy, lời kêu gọi mà nó phát ra vượt qua thời đại, rất đi trước thời đại. Tình cảm ấy ở châu Âu phải đến thế kỷ XIX, trong ngòi bút nhà văn Anh Dickens, nhà văn Pháp Hugo, và nhà văn Nga Lev Tolstoy, mới xuất hiện. Còn Hồng Lâu Mộng của chúng ta, Hồng Lâu Mộng của chúng ta ngay đầu thế kỷ XVIII đã thông qua Giả Nghênh Xuân, thông qua một người phụ nữ dưới bóng hoa dùng kim xâu hoa lài, qua vận mệnh bi thảm của nàng, truyền cho chúng ta một thông điệp: phải tôn trọng kẻ yếu, đồng cảm với kẻ yếu, phải có tấm lòng thương trời xót người. Thật là rất lớn lao. Vậy ở hồi 81, ngoài việc viết đến nỗi bi thảm của Nghênh Xuân, còn sẽ viết đến nỗi bi thảm của Hương Lăng.

Hương Lăng, mọi người đều biết, vốn là con gái của Chân Sĩ Ẩn. Ngay đầu tiểu thuyết đã viết đến, ở Cô Tô có một Chân Sĩ Ẩn. Ông là một nhân sĩ tầng lớp trung lưu. Ông có một con gái độc nhất. Cô con gái ấy khi đó tên là gì? Nhớ ra rồi chứ?

Chân Anh Liên, nghĩa là "thật đáng thương". Nhưng bây giờ tôi phải nói với các vị, trong một số cổ bản, tuyệt đối không phải chép sai, con gái của Chân Sĩ Ẩn không tên Chân Anh Liên. Mà tên ấy cũng có hàm nghĩa hài âm. Vậy Hương Lăng khi còn ở nhà họ Chân rốt cuộc tên là gì? Nếu trong một số cổ bản, nàng không tên Chân Anh Liên, thì đó là tên gọi nào? Bài giảng sau, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu vấn đề này.

# Tập 48

Bí ẩn Hương Lăng

*Hương Lăng, một cô gái yếu đuối có thân phận thấp kém trong Hồng Lâu Mộng, lại là người đầu tiên xuất hiện trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Trong bản lưu hành, tên gốc của nàng là Chân Anh Liên, nhưng có cổ bản lại chép là Chân Anh Cúc. Chỉ khác một chữ, rốt cuộc hàm chứa những ngụ ý khác nhau thế nào? Qua việc đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ đã khảo ra cho số phận Hương Lăng một kết cục khác với phần tục thư của Cao Ngạc. Vậy kết cục nào của Hương Lăng phù hợp nhất với ý đồ ban đầu của Tào Tuyết Cần? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin đón xem tập 4: Bí ẩn về Hương Lăng.*

Hương Lăng là một cô gái có số phận bi thảm trong Hồng Lâu Mộng. Nàng còn rất nhỏ. Hương Lăng là một cô gái có số phận bi thảm trong Hồng Lâu Mộng. Từ khi còn rất nhỏ đã bị bọn buôn người bắt cóc; lớn lên lại bị bán vào tay tên Ngốc Bá Vương Tiết Bàn. Xuất thân của nàng không cao quý, nhưng trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, nàng lại là nhân vật đầu tiên xuất hiện.

*Trong bản Hồng Lâu Mộng lưu hành, tên gốc của Hương Lăng là Chân Anh Liên, nhưng trong một số cổ bản lại chép là Chân Anh Cúc. Đây là chép nhầm, hay còn có ẩn tình khác? Dựa trên nghiên cứu sâu về văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ đã đưa ra kiến giải của mình về vấn đề này. Ông cho rằng cách Cao Ngạc viết số phận Hương Lăng trong phần tục thư không phù hợp với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy kết cục nào của Hương Lăng mới phù hợp nhất với ý đồ ban đầu của Tào Tuyết Cần? Hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin đón xem tập 4: Bí ẩn về Hương Lăng.*

Trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, ngay phần đầu viết rằng Hương Lăng là con gái của Chân Sĩ Ẩn, có tên là Chân Anh Liên. Cái tên này mọi người đều rất quen, trong các bản lưu hành đều viết như vậy. Hơn nữa nó có hài âm: Chân Anh Liên là gì? Tức là "thật đáng thương". Nghĩ kỹ mà xem, số phận cô gái này thật quá đáng thương. Nếu nói Giả Nghênh Xuân đến cuối mới đáng thương, thì cô bé Chân Anh Liên khi chưa hiểu chuyện đã bị người ta bắt cóc.

Bị kẻ bắt cóc nuôi đến lúc có thể bán thì đem bán. Một khi bị bán, lại bán vào tay tên Ngốc Bá Vương Tiết Bàn. Người này đúng là mệnh quá khổ. Đúng là cái gọi là "có mệnh mà không vận, lại làm lụy cha mẹ". Nhưng tôi lại nói với quý vị, trong các cổ bản khác nhau, cách viết tên con gái Chân Sĩ Ẩn không giống nhau. Cá nhân tôi cảm thấy đó không phải do bút lầm gây ra, mà là có đạo lý.

Điều đó cho thấy khi Tào Tuyết Cần cấu tứ nhân vật này, ông đã cân nhắc về ngụ ý hài âm. Gọi như thế này hay hơn, hay gọi như thế kia hay hơn? Vậy một cách viết khác về tên nàng là gì? Gọi là Chân Anh Cúc, chữ

“cúc” trong hoa cúc.

Nhìn trên mặt chữ, bên kia là Anh Liên, chữ “liên” trong hoa sen. Còn đây là Anh Cúc, chữ “cúc” trong hoa cúc. Chữ cúc và chữ liên khác nhau rất xa, không thể là nhìn nhầm hay chép nhầm. Huống hồ cũng không chỉ một cổ bản chép là Chân Anh Cúc. Vậy có người sẽ bàn với tôi: Chân Anh Liên, chữ “liên” ấy có ý nghĩa hài âm, nói nàng thật đáng thương. Còn Chân Anh Cúc có ý nghĩa hài âm gì? Có đấy. Chi Nghiễn Trai nói với chúng ta là có. Nghĩa là gì? Tức là thật có thể dùng nhân vật này để chiếu ứng toàn cục, nó có ý nghĩa ấy.

Vậy căn cứ ở đâu?

Trong hồi thứ nhất, viết rằng Chân Sĩ Ẩn bế cô con gái nhỏ trên phố. Ông đang xem náo nhiệt. Lúc ấy liền xuất hiện một tăng một đạo. Một tăng một đạo này vừa thấy Chân Sĩ Ẩn bế một bé gái, liền nói. Vị hòa thượng nói: “Thí chủ, ông ôm cái vật có mệnh mà không vận, làm lụy cha mẹ ấy trong lòng để làm gì?” Câu này rất đáng sợ. Một người cha bế cô con gái yêu quý của mình, nghe vậy đương nhiên thấy chẳng phải lời điên rồ sao?

Nói bừa, có phải không? Nhưng thực ra đó cũng là một lời sấm. Nó tuyên bố một viễn cảnh bất tường. Ở chỗ này Chi Nghiễn Trai có lời phê. Hơn nữa vừa phê là cảm xúc dâng trào, một câu không đủ, câu này nối câu kia. Lời phê này rất đáng nghiên cứu.

Bà ấy nói thế nào? Bà nói: tám chữ ấy làm chết oan biết bao anh hùng, biết bao trung thần hiếu tử, biết bao nhân nhân chí sĩ, biết bao thi nhân tao khách. Quý vị thấy không, đọc tới đây bà ấy xúc động rồi, không kìm được nữa. Liền phát biểu nghị luận ấy. Bà còn chưa nói hết, bà nói: nay tác giả lại đem một nắm nước mắt rảy vào chốn khuê các, cho thấy hàng quần thoa còn gặp vận số ấy, huống hồ những nỗi khổ trong thiên hạ há chỉ dừng ở đó. Tức là bà thấy tác giả đem tám chữ ấy trao cho một người phụ nữ trong khuê các.

Bởi những điều phía trước bà nói thường đều liên quan đến nam giới. Trong xã hội phong kiến, bất kể là trung thần hiếu tử, nhân nhân chí sĩ, hay thi nhân tao khách, thường đều do nam giới đảm nhận. Đương nhiên cũng thỉnh thoảng có nữ giới, nhưng về cơ bản, trong xã hội phụ quyền, những vai trò quan trọng đều do nam giới đóng.

Còn nay bà cảm thấy tác giả đem tám chữ ấy, không trực tiếp đặt lên nam giới, mà đặt lên một cô gái khuê các như vậy, một sinh mệnh nữ tính nhỏ bé yếu đuối như vậy.

Vì thế bà cho rằng người con gái được viết ở mở đầu sách mang ngụ ý bao trùm toàn cục. Nếu quý vị vẫn không tin, thì tôi lại dẫn thêm một lời phê của Chi Nghiễn Trai, để nói với quý vị cái tên Chân Anh Cúc rốt cuộc có ý nghĩa ở đâu. Chi Nghiễn Trai lại nói, rằng bà xem người con gái đầu tiên được viết ở đầu sách, nhân vật Chân Anh Cúc xuất hiện, nàng là người phụ nữ thanh xuân đầu tiên xuất hiện trong toàn sách.

Đương nhiên lúc ấy nàng còn rất nhỏ, vẫn là một đứa trẻ sơ sinh, là một cô gái yếu đuối. Nàng phải là người đầu tiên xuất hiện trong toàn bộ phụ nữ thuộc các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Bà nói: nhìn người con gái đầu tiên được viết ở đầu sách, liền dùng hai câu ấy để định cả đời nàng.

*Tức là dùng tám chữ này để khóa chặt tính bi kịch trong cả đời nàng. Câu này quá quan trọng. Nó nói với quý vị rằng, trên thân nàng không chỉ thể hiện bi kịch cá nhân, mà còn thể hiện bi kịch xã hội lúc bấy giờ. Vậy trong nguyên tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, trong nội dung sau hồi 80 đã thất lạc, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Tào Tuyết Cần sẽ viết kết cục của Hương Lăng ra sao? Ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận thế nào? về cách Cao Ngạc viết số phận Hương Lăng trong phần tục thư? Bây giờ phải nói đến việc hồi 81 sẽ viết kết cục của Hương Lăng như thế nào.*

Quý vị đương nhiên còn nhớ bản Hồng Lâu Mộng 120 hồi, chúng ta lại nói đến phần viết tiếp của Cao Ngạc. Tôi đã nhiều lần nói rõ với quý vị, cá nhân tôi đối với Cao Ngạc là bình tâm tĩnh khí. Bình tâm mà luận Cao Ngạc. Về phương diện hoàn thành bi kịch tình yêu hôn nhân trong Hồng Lâu Mộng, phần tục thư của Cao Ngạc không những đạt yêu cầu, mà có một số đoạn, một số chương vẫn rất xuất sắc. Nhưng Cao Ngạc hoàn toàn không hiểu được lập ý hồi thứ nhất của Tào Tuyết Cần. Dù bản sớm nhất ông ta thấy nhân vật này gọi là Chân Anh Liên hay Chân Anh Cúc, ông ta đều không hiểu vì sao người con gái đầu tiên ở đầu sách lại được viết như vậy, ý nghĩa sâu sắc nằm ở đâu.

Vì thế phần tục thư của Cao Ngạc đã viết số phận Hương Lăng rẽ sang hướng khác. Tuy ông ta vẫn phải giữ lại những bất hạnh.

Mà Tào Tuyết Cần đã viết trong 80 hồi đầu: nàng bị bắt cóc, bị kẻ buôn người nuôi lớn rồi bán đi, trong quá trình mua bán còn gây ra án mạng, cuối cùng rơi vào tay Ngốc Bá Vương Tiết Bàn. Sau đó Tiết Bàn lại cưới Hạ Kim Quế, một người vợ hung dữ như "sư tử Hà Đông". Nàng ta nóng nảy, ngông cuồng, gào lên như sư tử rống, ngay cả chồng cũng phải sợ. Hạ Kim Quế hành hạ, bức hại Hương Lăng, thậm chí còn muốn hạ độc nàng trong bát canh. Cao Ngạc thiết kế khá khéo: bát canh có độc vô tình bị nha đầu đổi đi, rốt cuộc Hạ Kim Quế tự uống phải và chết, còn Hương Lăng thoát nạn. Có lẽ Cao Ngạc thương Hương Lăng, cho rằng một cô.

*Gái tốt như thế chết đi thì quá đáng tiếc, nên để người đàn bà dữ chết thay. Cách viết ấy không vụng về, nhưng theo Lưu Tâm Vũ, nó không phù hợp với nguyên ý và cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần. Đến cuối toàn sách, Cao Ngạc còn viết Hương Lăng được Tiết di mẫu nâng lên làm chính thê của Tiết Bàn, trở thành phu nhân của nhà hoàng thương, lại sinh cho nhà họ Tiết một hậu duệ rồi.*

*Chết vì khó sinh. Chết vì khó sinh đương nhiên không phải chuyện tốt, nhưng như vậy bi kịch của Hương Lăng đã bị biến thành một tai nạn y khoa hoặc một tổn thất sinh lý, không còn là bi kịch xã hội. Cao Ngạc đã biến chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không, thậm chí biến chuyện xấu thành chuyện tốt. Lưu Tâm Vũ cho*

*rằng, dù độc giả có thể vì thương Hương Lăng mà thích một kết cục đẹp hơn, khi khảo sát nguyên tác vẫn phải tôn trọng Tào Tuyết Cần. Ngay cả nếu tạm không bàn việc tên Chân Anh Cúc có phải định bản cuối cùng hay không, thì hồi thứ năm đã bàn giao rất rõ số phận Hương Lăng. Trong Thái Hư ảo cảnh, Giả Bảo Ngọc trộm xem các sách của Bạc Mệnh ty.*

Chàng không hiểu tầm quan trọng của chúng, tùy tiện lật xem: trước là hựu phó sách, rồi phó sách, cuối cùng mới là chính sách. Trong phó sách, số phận được phơi bày chính là Hương Lăng. Bức họa trong phó sách vẽ một nhành hoa quế, bên dưới là ao nước đã cạn, bùn đã khô, sen héo, ngó tàn. Hoa quế là biểu tượng của Hạ Kim Quế; Hương Lăng gắn với củ ấu, vốn phải nương vào nước mà sống. Khi nước cạn bùn khô, sen tàn ngó hỏng, thì củ ấu cũng không còn chỗ sinh tồn. Bức họa đã nói rõ: cuối cùng Hương Lăng sẽ bị Hạ Kim Quế hại chết.

Lời phán của Hương Lăng càng rõ hơn: "Cùng gốc với sen, một nhành hương; bình sinh gặp cảnh thật đáng thương. Từ khi hai đất sinh cây lẻ, khiến hồn thơm trở lại cố hương." Củ ấu tuy thường thấp hơn hoa sen trong cảm nhận thông thường, nhưng "cùng gốc với sen, một nhành hương" nói rằng khí chất, hương thơm, vẻ đẹp và sự cao quý bên trong của Hương Lăng không hề kém những người cao quý trong phủ. Ở hồi thứ bảy, nhà Chu Thụy nhìn thấy cô nha đầu nhỏ Hương Lăng bên ngoài chỗ ở của Tiết di mẫu và cảm thán rằng dáng vẻ phẩm cách của nàng giống đại nãi nãi họ Dung ở Đông phủ, tức Tần Khả Khanh. Tần Khả Khanh là chính thê của Giả Dung ở phủ Ninh Quốc, địa vị rất cao, không thể tùy tiện đem một nha đầu bình thường ra so sánh. Điều đó chứng tỏ Hương Lăng tuy thân phận thấp kém nhưng có phong thái cao quý. Vì vậy Hương Lăng không cùng Tình Văn, Tập Nhân, Bình Nhi nằm trong hựu phó sách, mà cao hơn một bậc, ở trong phó sách.

Nàng không vào chính sách, nhưng là nhân vật quan trọng của Kim Lăng Thập Nhị Thoa phó sách. Lời phán nói "bình sinh gặp cảnh thật đáng thương", ứng với tám chữ "có mệnh mà không vận, làm lụy cha mẹ"; đặc biệt bốn chữ "có mệnh mà không vận" phải được ghi nhớ. Câu "Từ.

Khi hai đất sinh cây lẻ, khiến hồn thơm trở lại cố hương" là phép chiết tự. "Hai đất" là hai chữ thổ; thêm một cây lẻ, tức một chữ mộc đơn độc, hợp lại.

*Thành chữ "quế". Điều này nói rõ rằng từ khi Hạ Kim Quế bước vào cửa, bi kịch của Hương Lăng liền đến. "Hương hồn trở lại cố hương" đương nhiên là chết. Cố hương của nàng ở Cô Tô, xa kinh thành; nàng đã không thể trở về nhà cha mẹ khi sống, chỉ còn hồn thơm sau khi chết mới trở lại quê xưa. Bởi vậy, Cao Ngạc viết Hạ Kim Quế chết, Hương Lăng được nâng làm chính thê và sinh con cho Tiết Bàn là trái với nguyên ý. Lưu Tâm Vũ suy đoán rằng trong hồi 81 của nguyên bản, Tào Tuyết Cần sẽ viết đến cái chết bi thảm của Hương Lăng, đồng thời với bi kịch của Giả Nghênh Xuân.*

*Hồi 81 là phần kết của đơn nguyên tình tiết bắt đầu từ hồi 73, nơi mâu thuẫn nội bộ gia tộc dồn tụ thành đại bi kịch. Theo cách nhìn của Lưu Tâm Vũ, kết cấu toàn bản Hồng Lâu Mộng là 9 nhân 12: đại thể cứ chín hồi tạo thành một đơn nguyên. Đến hồi 81 là hết chín đơn nguyên, nếu toàn sách 108 hồi thì còn lại ba đơn nguyên, tức 27 hồi. Trong 27 hồi này, Tào Tuyết Cần phải viết rất nhiều: bi kịch tình yêu của Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, cuộc hôn nhân bất hạnh giữa Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa, cùng nhiều nội dung xã hội và chính trị rộng lớn khác. Hồng Lâu Mộng không thể chỉ hiểu là tiểu thuyết tình yêu. Phần sau còn phải viết những mâu thuẫn chính trị liên quan đến phe Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế và phe phủ Trung Thuận vương, thậm chí chạm tới vấn đề hoàng vị.*

Trong lời phán của Giả Nguyên Xuân có câu "hổ tê tương phùng đại mộng quy", tức cuộc ác đấu giữa hai thế lực như hổ và tê giác; cuộc đấu ấy sẽ khiến Giả Nguyên Xuân chết bi thảm. Trong 80 hồi đầu còn có nhiều phục tuyến khác. Khi viết đến kim kỳ lân, Chi Nghiễn Trai phê rằng về sau có tình tiết xạ phố. Hồi 75 đã viết Giả Trân tập hợp các công tử quý tộc.

Ở Thiên Hương lâu để tập bắn. Điều đó cho thấy sau hồi 80 sẽ có những cảnh võ hí, những xung đột chính trị dữ dội, chứ không thể nhàn tản, chậm chạp, rườm rà và nhẹ nhàng như phần tục thư Cao Ngạc. Ngoài bi kịch của Bảo, Đại, Thoa và các nội dung chính trị, phần sau còn phải viết số phận của nhiều nhân vật khác: Túy Kim Cang, Giả Vân và Tiểu Hồng, Giả Tường và Linh Quan, cùng nhiều nhân vật ngoài hai phủ Ninh, Vinh. Không gian truyện sẽ từ phủ Giả và Đại Quan viên tỏa ra xa hơn, bao dung thêm nhiều câu chuyện.

*Nhiều sân khấu mới như miếu Ngục Thần. Vì thế ba đơn nguyên cuối phải có tiết tấu nhanh hơn và khí bi kịch ngày càng dày đặc. Có người hỏi: nói như vậy có phải ông muốn tự mình viết tiếp Hồng Lâu Mộng không? Lưu Tâm Vũ trả lời rằng ai yêu Hồng Lâu Mộng cũng có tự do viết tiếp, nhưng điều ông đang làm không phải trình bày một văn bản tục thư của riêng mình. Ông đang thám dật, tức dựa vào văn bản 80 hồi đầu, lời phê và tư liệu để lần tìm câu chuyện thật sau hồi 80, đồng thời cùng độc giả đọc kỹ lại những chi tiết trong phần còn lại. Tục thư cho phép tác giả phát huy tưởng tượng; thám dật thì phải chịu giới hạn nghiêm ngặt hơn. Nó phải đứng trên nền văn bản đã có và được tư liệu hỗ trợ để tìm kiếm nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Bất cứ ai viết tiếp mà không tìm được 27 hồi văn bản Tào Tuyết Cần để lại.*

*Thì đều không thể phục nguyên hoàn toàn. Tào Tuyết Cần có một tài tuyệt: nhiều nhân vật và tình tiết của ông không hoàn toàn được khái quát trong hồi mục, cũng không nhất thiết có phục bút rõ ràng ở trước. Lưu Tâm Vũ nêu ví dụ về các mâu thuẫn nội bộ Đại Quan viên, nhất là cuộc tranh giành quyền quản bếp. Nhà Liễu quản nội trù, một chức béo bở vì có thể nắm lợi ích và ảnh hưởng đến việc ăn uống của các chủ nhân, tiểu thư và nha đầu. Tư Kỳ, đại nha đầu của Giả Nghênh Xuân, tuy chủ nhân nhu nhược nhưng bản thân rất mạnh mẽ; nàng dẫn tiểu nha đầu xông vào bếp đánh, đập, cướp để lật địa vị nhà Liễu, mong đưa người của mình lên. Trong mạch ấy, hồi 60 và 61 xuất hiện một nhân vật rất nhỏ: tiểu đồng để kiểu tóc "mã tử cái", tức kiểu tóc*

*như nắp bô, chuyên canh một góc cửa. Nhà Liễu từ nhà anh chị về lại Đại Quan viên, gặp tiểu đồng này ở cửa. Hai người đấu khẩu rất sống động. Tiểu đồng trêu bà rằng bà không giống vừa từ nhà mình.*

Về, có phải đi tìm nhân tình không. Nhà Liễu cũng không vừa, đáp rằng nếu ta đi tìm thì chẳng phải ngươi lại có thêm một ông chú hay sao. Tiểu đồng đòi nhà Liễu hái hạnh trong vườn cho ăn.

Nhà Liễu không chịu, vì sau khi Thám Xuân và Bảo Thoa thực hiện giao khoán trong Đại Quan viên, cây trái đều có người quản, ai cũng giữ rất chặt. Tiểu đồng bèn vạch chuyện riêng: con gái bà là Liễu Ngũ Nhi đang muốn được phân vào Di Hồng viện, nơi tốt nhất, vì Giả Bảo Ngọc đối đãi với nha đầu tử tế hơn và cho họ một chút tự do khi lớn tuổi. Bị vạch bí mật, nhà Liễu nổi giận. Tiểu đồng nói một câu rất hay: đừng tưởng ta ở đây thấp kém, bên trong ta cũng có mấy chị em có thể diện, có chuyện gì mà ta không biết. Qua một nhân vật nhỏ chỉ xuất hiện một lần, Tào Tuyết Cần viết ra trạng thái sinh tồn của tầng lớp dưới trong phủ quý tộc: họ cũng có lợi ích, nguồn tin và cách kiềm chế lẫn nhau. Những chi tiết ấy không có trong hồi mục, nếu không đọc nguyên văn thì không thể tưởng tượng ra.

Ví dụ này nhằm nói rằng tuy chúng ta có thể thám dật phần sau hồi 80, nhưng càng cần đem tinh lực đọc kỹ 80 hồi đầu. Chỉ bằng đọc kỹ, đọc sâu, ta mới phát hiện những cảnh, những chi tiết, những nhân vật từng bị bỏ qua. Khi khảo về phần đã mất, chúng ta chỉ có thể thám dật ở cấp độ đơn nguyên lớn, không thể phục nguyên đến từng chi tiết nhỏ như tiểu đồng "mã tử cái". Nói tiếp đến các đơn nguyên sau, hoàn cảnh của tông tộc họ Giả đã là "núi mưa sắp đến, gió đầy lầu". Trong tình thế ấy, nhà họ Giả tất sẽ mắc tội, hoàng đế sẽ ra tay tịch biên. Nhưng cảnh tịch biên dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần chắc chắn không giống Cao Ngạc.

Cao Ngạc cũng viết tịch biên, nhưng cuối cùng Bắc Tĩnh vương vừa đến thì mọi chuyện như gãi ngứa, chỉ là một phen hú vía; chẳng bao lâu nhà họ Giả lại tắm gội hoàng ân, phục thế chức, kéo dài ân trạch. Tào Tuyết Cần sẽ viết hoàng đế trị tội nhà họ Giả rất nặng. Nếu trong đơn nguyên tiếp theo sẽ viết nhà họ Giả bị hoàng đế trị tội, vậy rốt cuộc là tội gì? Có người nói bản 120 hồi của Cao Ngạc đã viết các lý do rồi. Nhưng hãy bình tĩnh nghĩ lại: những lý do ấy có đứng vững không? Có thật sự đối ứng với phục bút ở 80 hồi đầu không?

Nếu không phải những lý do ấy, nguyên nhân khác là gì? Nhà họ Giả bị hoàng đế tịch biên là tình cảnh quan trọng sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Cao Ngạc cũng biết điểm này, nhưng Lưu.

*Tâm Vũ cho rằng nhà họ Giả mắc tội không hề đơn giản như phần tục thư. Lý do nhà họ Giả bị tịch biên thực ra ẩn chứa một bí mật kinh thiên động địa. Bí mật ấy là gì? Nhà văn Lưu Tâm Vũ sẽ kể tiếp trong tập sau: Bí ẩn nhà họ Giả mắc tội.*

# Tập 49

Bí ẩn Giả gia hoạch tội

*Việc nhà họ Giả bị hoàng đế xét nhà là một tình cảnh quan trọng sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Điều này Cao Ngạc cũng biết rõ. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, việc nhà họ Giả mắc tội thật ra không đơn giản như phần tục thư của Cao Ngạc đã viết. Sở dĩ nhà họ Giả bị hoàng đế xét nhà, thật ra còn ẩn giấu một bí mật kinh thiên động địa. Vậy bí mật ấy là gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin đón xem tập 5: Bí ẩn nhà họ Giả mắc tội.*

*Trong 40 hồi sau Hồng Lâu Mộng do Cao Ngạc viết tiếp, nguyên nhân nhà họ Giả bị hoàng đế xét nhà chủ yếu nằm ở Giả Xá và Giả Trân. Vinh Quốc phủ của Giả Chính bị xét nhà là do bị Giả Xá liên lụy. Hơn nữa dưới ngòi bút Cao Ngạc, việc Vinh Quốc phủ bị xét cũng chỉ là một phen hú vía, chỉ là một bước thăng trầm trước kết cục đại đoàn viên về sau. Sau đó, dựa trên nghiên cứu sâu về văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ đối với nguyên nhân Giả phủ mắc tội đã thám dật ra một kết luận gần như hoàn toàn khác với phần tục thư của Cao Ngạc.*

*Vậy rốt cuộc ông Lưu Tâm Vũ đã thám dật ra nguyên bút, nguyên ý nào của Tào Tuyết Cần? Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, nguyên nhân thật sự khiến nhà họ Giả bị xét nhà là gì? Hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin đón xem tập 5: Bí ẩn nhà họ Giả mắc tội.*

Cuối buổi trước, tôi đã nói với mọi người rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, sau hồi 81, sẽ viết về đòn đánh nặng nề của hoàng đế vào Vinh Quốc phủ và Ninh Quốc phủ. Chẳng hạn như Cao Ngạc, chẳng phải ông ta cũng đã viết đó sao?

Cao Ngạc viết việc hoàng đế xét nhà, ông ta trực tiếp viết cảnh xét Vinh Quốc phủ, cũng có nhắc đến Ninh Quốc phủ bị xét, đặc biệt là viện của Giả Xá bị xét. Nhưng Cao Ngạc, về việc Ninh Quốc phủ, Vinh Quốc phủ và Giả Xá mắc tội, cũng như những miêu tả, lời giải thích cụ thể, đều không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Chúng ta có thể cùng bàn thử, xem có phải như vậy không. Nếu quý vị quen thuộc với phần tục thư của Cao Ngạc, quý vị sẽ thấy Giả Xá mắc tội gì? Hai tội. Một là Giả Xá tự ý kết giao với ngoại quan.

Ông ta và Tiết độ sứ Bình An châu qua lại riêng tư. Cao Ngạc viết như vậy là có căn cứ. Điểm này phải bình tâm mà luận về Cao Ngạc. Ông ta dựa theo phục bút trong 80 hồi đầu của Tào Tuyết Cần mà viết ra. Trong 80 hồi đầu, phục bút ấy ở đâu? Quý vị có nhớ không, trong đoạn chuyện về Vưu Nhị Thư và Vưu Tam Thư, có một lời bàn giao.

Vì sao Vương Hy Phượng có thể đến ngõ Hoa Chi lừa Vưu Nhị Thư vào Vinh Quốc phủ? Khi ấy Giả Liễn không có nhà. Giả Liễn đi đâu? Trong sách có nói rõ. Giả Xá sai Giả Liễn đến Bình An châu tìm Tiết độ sứ, gọi là đi lo việc. Sách có một lời bàn giao như vậy.

Ông ta đi cũng khá lâu, đến nửa tháng. Vì thế Vương Hy Phượng có đủ thời gian lừa Vưu Nhị Thư vào Vinh Quốc phủ, cuối cùng hại chết Vưu Nhị Thư. Điều này vừa là để sắp đặt số phận nhân vật, quan hệ nhân vật, cần có một khoảng thời gian chênh ra, đồng thời quả thật cũng chôn xuống một phục bút. Ngươi kết giao với ngoại quan, ngươi là một quý tộc ở kinh thành, mà lại tự ý phái con trai mình đến Bình An châu, để qua lại với quan viên do hoàng đế cử ra ngoài. Xảy ra quan hệ như vậy là điều thời ấy không cho phép. Vì thế Cao Ngạc viết Giả Xá vì chuyện này chọc giận hoàng đế, khiến hoàng đế xét nhà; điểm này phải nói là ông ta viết đúng.

Dưới ngòi bút Cao Ngạc, Giả Xá còn một tội nữa. Tội gì? Gọi là ỷ mạnh hiếp yếu. Ông ta cưỡng đoạt tài vật trong tay dân thường. Có đoạn chuyện như vậy không? Trong 80 hồi đầu cũng có.

Nó chỉ việc Giả Xá biết có một kẻ sa sút tên là Thạch Ngốc Tử. Thạch Ngốc Tử này, tuy gia cảnh đã rất nghèo, nhưng trong nhà vẫn có đồ sưu tầm. Ông ta sưu tầm rất nhiều quạt cổ do các danh họa và danh thư pháp gia vẽ, viết lên. Giả Xá biết chuyện ấy, liền muốn chiếm đoạt những chiếc quạt cổ này. Vậy ông ta chiếm đoạt thế nào? Ông ta mượn sức Giả Vũ Thôn.

Sau khi Giả Vũ Thôn đến kinh thành, liền câu kết với Ninh Quốc phủ và Vinh Quốc phủ. Bọn họ cấu kết với nhau, nhận nhau là đồng tông. Đều mang họ Giả. Thế là xuất hiện tình hình như sau. Giả Vũ Thôn mượn một cái cớ, bắt Thạch Ngốc Tử. Ông ta nói: ngươi nợ tiền không trả.

Nợ tiền không trả, thì phải tịch thu tài sản. Tài sản bị tịch thu rồi sung công. Thế là những chiếc quạt cổ quý gXá của Thạch Ngốc Tử bị tịch biên. Tịch biên xong, chúng được đem dâng cho Giả Xá. Giả Xá liền có được những chiếc quạt cổ ấy. Đó là một hành vi rất tồi tệ thời bấy giờ.

Ngay cả ở triều Thanh, tuy những quý tộc ấy, những phú hào ấy thường làm loại việc này, nhưng theo Đại Thanh luật khi đó, ít nhất nhìn từ điều văn pháp luật, việc này cũng là sai, không thể làm như vậy. Nhưng Giả Xá cứ làm như thế. Có người sẽ nói: đúng là có đoạn chuyện này, nhưng nằm ở hồi nào? Sao trong hồi mục lại không thấy có nội dung như vậy? Đây chính là điều tôi đã nói ở bài trước: Tào Tuyết Cần khi viết một số tình tiết, tuy rất quan trọng, nhưng chưa chắc đều thể hiện trong hồi mục. Câu chuyện Giả Xá cưỡng đoạt những chiếc quạt cổ của Thạch Ngốc Tử chính là được viết bằng lối nghiêng bút.

Nó không trực tiếp đi vào hồi mục, nhưng lại vô cùng quan trọng. Vậy được viết ở hồi nào? Ở hồi 48. Hồi ấy viết Tiết Bàn muốn giở trò với Liễu Tương Liên, muốn cưỡng ép Liễu Tương Liên phát sinh một quan hệ

không đứng đắn với mình. Liễu Tương Liên không chịu. Trong lúc giao tiếp qua lại, Tiết Bàn cứ khiêu khích như vậy, Liễu Tương Liên liền đánh hắn.

Đánh hắn bị thương. Sau khi bị đánh bị thương, hắn về nhà chữa trị. Sớm hơn nữa, ở hồi 33, 34, khi viết Bảo Ngọc bị đánh, trong sách đã có một phục bút. Đó là nhà họ Tiết, vì thay hoàng gia mua sắm đồ, bao gồm cả mua dược liệu, nên trong tay có loại thuốc trị đòn rất tốt, thuốc chữa vết thương sau khi bị đánh. Nhà họ có thứ ấy. Vì Tiết Bàn bị đánh, đương nhiên thuốc trị đòn trong nhà hắn phải đem ra dùng.

Lại có một người khác đến chỗ họ xin thuốc trị đòn. Người ấy là ai? Là Bình Nhi. Vì sao Bình Nhi đến nhà họ Tiết xin thuốc trị đòn? Một là biết nhà họ Tiết có thứ thuốc tốt này. Hai là, Bình Nhi kể với Tiết Bảo Thoa một chuyện.

Nàng nói rằng Nhị gia Giả Liễn nhà chúng tôi bị đánh. Vì sao bị đánh? Chính vì ban đầu Giả Xá sai Giả Liễn đi làm việc ấy cho ông ta. Hãy kiếm những chiếc quạt ấy về cho ta. Giả Liễn nghĩ đủ cách mà không kiếm được. Còn Giả Vũ Thôn dùng quyền lực trong tay, tạo ra một vụ án oan để đoạt được chúng.

Như vậy, Giả Xá liền chất vấn Giả Liễn, nói: sao người ta lại dễ dàng kiếm được như thế? Còn Giả Liễn, tuy cũng là một kẻ rất tệ, nhưng trong chuyện này, ít nhiều vẫn còn chút lương tâm. Giả Liễn bèn nói, chỉ vì một chuyện nhỏ như thế, mà làm người ta khuynh gia bại sản, thì cũng chẳng phải bản lĩnh gì. Chẳng phải tài cán gì. Giả Xá nghe vậy liền nổi giận. Tức là, không biết lúc đó ông ta vớ lấy thứ gì, quăng thẳng vào Giả Liễn, đánh Giả Liễn bị thương.

Vì thế cần chữa vết thương do đòn đánh, nên mới đến nhà họ Tiết xin thuốc. Vì chuyện này của Giả Xá làm rất tồi tệ, cho nên trong phần tục thư của Cao Ngạc, ông ta bàn giao rằng Giả Xá có tội. Có hai tội, làm hoàng đế nổi giận, dẫn đến xét nhà. Ở điểm này, Cao Ngạc phải nói là vẫn viết có lý. Cao Ngạc lần theo các dấu vết tơ nhện chân ngựa trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, viết tiếp đủ loại tình cảnh Giả Xá trong nhà họ Giả mắc tội. Tuy có phần hợp lý, nhưng đó không phải nguyên nhân căn bản khiến nhà họ Giả bị hoàng đế xét nhà.

Cao Ngạc có lẽ cũng chú ý đến điểm này. Trong tục thư, ông ta chính diện viết Vinh Quốc phủ bị xét, đồng thời cũng viết gXán tiếp Ninh Quốc phủ của Giả Trân bị xét nhà. Vậy vì sao Giả Trân bị xét nhà? Việc Giả Trân bị xét có phải là nguyên nhân căn bản khiến nhà họ Giả bị xét không? Giả Trân của Ninh Quốc phủ vì sao bị xét? Cách viết của Cao Ngạc rất buồn cười.

Buồn cười thế nào? Quý vị xem Cao Ngạc viết ra sao. Ông ta nói hoàng đế xét Giả Trân là vì ba tội. Ba tội nào? Tội thứ nhất là cưỡng chiếm vợ con nhà lành, không theo thì ép đến chết. Lời nói nghe rất nghiêm trọng.

Thực ra chỉ cái chết của Vưu Nhị Thư. Vậy mọi người nghĩ kỹ xem, Vưu Nhị Thư bị ai chiếm đoạt? Ai lén cưới Vưu Nhị Thư? Không phải Giả Trân. Là Giả Liễn. Hơn nữa việc hắn nuôi vợ lẽ này, nuôi Vưu Nhị Thư này, không gian ấy có phải ở Ninh Quốc phủ không?

Cũng không phải. Cũng không phải ở Vinh Quốc phủ. Ở đâu? Ở một nơi gọi là ngõ Hoa Chi. Đương nhiên về sau Vưu Nhị Thư bị Vương Hy Phượng lừa vào Vinh Quốc phủ. Rồi bị bức ép đến chết.

Nuốt vàng tự vẫn, tức là nghẹn cổ nuốt cả thỏi vàng vào. Cách tự sát ấy rất thảm. Nàng chết như vậy. Cho dù Giả Trân có trách nhiệm, Giả Trân nhiều lắm cũng chỉ là tòng phạm. Chủ phạm phải là Giả Liễn, đúng không? Chuyện này phải là chuyện của nhánh Giả Xá.

Nhưng Cao Ngạc, không biết vì tâm lý gì, lại nói Giả Trân mắc tội, mà tội thứ nhất chính là chuyện Vưu Nhị Thư. Chuyện Vưu Nhị Thư về sau quả thật gây ầm ĩ rất lớn, rất phức tạp, bởi Vương Hy Phượng lúc đó cảm thấy mình rất có quyền thế. Nàng không nương tay. Để làm Giả Liễn mất mặt, để địa vị của Vưu Nhị Thư chịu một đòn hủy diệt hoàn toàn, nàng sai xui đầy tớ Vượng Nhi, người thân tín của mình, đến quan phủ tố cáo Giả Liễn. Nghĩa là gì? Nói rằng Vưu Nhị Thư vốn đã từng đính hôn, có vị hôn phu.

Vị hôn phu ấy tên là Trương Hoa. Rồi nói rằng Giả Liễn đi cưới Vưu Nhị Thư vào thời đó cũng là không hợp pháp. Lúc ấy Vương Hy Phượng không nghĩ đến hậu quả. Nàng cảm thấy trong tình cảnh ấy chẳng có gì phải sợ. Vượng Nhi cũng không dám đi kiện. Vượng Nhi tìm Trương Hoa.

Trương Hoa nói: tôi nào dám kiện như vậy? Vương Hy Phượng nói: không sao, nhà chúng ta không sợ chuyện đó. Ngươi cứ đi kiện. Cứ phải làm cho mọi người mất mặt. Trương Hoa quay về, quả nhiên đi kiện. Chuyện ấy gây ồn ào náo động.

Làm ầm lên, quả thật khiến Giả Liễn mất mặt. Còn Vưu Nhị Thư cũng có khổ mà không nói ra được. Thật ra Vưu Nhị Thư, trong nhà nàng, trước khi sắp xếp cho nàng gả cho Giả Liễn, đã hủy hôn với Trương Hoa rồi. Trương Hoa cũng đã viết giấy tờ. Chuyện ấy lẽ ra đã kết thúc. Nhưng Vương Hy Phượng lại lật nó ra làm loạn.

Hơn nữa, ác độc hơn là, về sau Trương Hoa thấy vụ kiện càng lúc càng lớn, trong lòng không yên nên bỏ trốn. Vương Hy Phượng còn sai Vượng Nhi đi truy sát, bảo ngươi hãy diệt hắn đi, phải giết người diệt khẩu. Đương nhiên vì Vượng Nhi lương tâm chưa mất, nên không xuống tay tàn nhẫn. Chuyện này đến về sau, phía đối lập của nhà họ Giả, các chính địch gì đó, liền đem tố gXác. Hoàng đế chấn nộ, ra lệnh truy xét. Đây là một tội.

Nhưng tội này, mọi người nghĩ xem, xét tới xét lui phải là tội của Giả Liễn và Vương Hy Phượng. Thế mà Cao Ngạc viết rất khôi hài. Ông ta lại coi đó là tội của Ninh Quốc phủ, là tội của Giả Trân. Ông ta nói tội của Giả

Trân là cuối cùng gây nên cái chết của Vưu Nhị Thư. Còn một tội nữa, ông ta nói rằng sau khi Vưu Tam Thư chết, việc chôn cất là tự ý chôn cất, không báo quan. Vưu Tam Thư tự vẫn mà chết.

Mọi người đều biết nàng tự sát. Sau khi tự sát, đương nhiên được đem chôn. Việc ấy tính là tội lớn gì? Huống chi việc Vưu Tam Thư tự vẫn và Giả Trân thật sự không có quan hệ lớn. Phải không? Là Giả Liễn đã đem Liễu Tương Liên với Vưu Tam Thư se lại với nhau.

Vưu Tam Thư yêu Liễu Tương Liên. Rồi Giả Liễn biết chuyện thì giúp tác hợp hôn sự này. Cuối cùng không thành. Sau khi không thành, Vưu Tam Thư tự mình dùng đôi kiếm Uyên Ương mà tự vẫn. Cho nên ông ta gò gượng thêm một tội danh, đọc lên thấy hơi buồn cười, khó mà nói cho thông. Tội thứ ba, ông ta nói rằng bên trên cho rằng vấn đề của Giả Trân còn có một điều, là dụ dỗ con em thế gia đánh bạc.

Tụ tập đánh bạc. Việc Giả Trân triệu tập nhiều con em thế gia đánh bạc là tình tiết có trong 80 hồi đầu. Ở hồi 75 quý vị sẽ thấy. Đúng vậy. Ông ta triệu tập một số con em thế gia đánh bạc. Nhưng mọi người nghĩ xem, hồi 75 viết căn nguyên của việc con em thế gia đánh bạc là gì?

Chỉ vì đánh bạc mà đánh bạc sao? Không phải. Là Giả Trân đặt một đường bắn dưới lầu Thiên Hương, tổ chức con em thế gia ở đó luyện võ, luyện bắn. Nếu nói Giả Trân có tội, đây mới là một manh mối tội trạng quan trọng. Nhưng Cao Ngạc không nói đến điểm luyện bắn này, chỉ nói tụ tập đánh bạc. Thực ra trong cấu tứ của Tào Tuyết Cần, Giả Trân tụ tập đánh bạc chỉ là một lớp che đậy.

Thực tế là ông ta tập bắn. Mà tập bắn là một hành vi vô cùng nguy hiểm. Tức là một phe lực lượng chính trị tụ tập lại, chuẩn bị một số hành động vũ trang. Những hành động vũ trang ấy nhằm vào thế lực đối địch của họ. Trên thực tế, cũng là nhằm vào hoàng đế. Đó là tội lớn ngập trời.

*Giả Trân thật ra có tội. Thế nhưng đến dưới ngòi bút Cao Ngạc, điều này lại bị ông ta nhẹ nhàng xóa đi. Sau khi tỉ mỉ chải chuốt một lượt các tội danh khiến nhà họ Giả bị hoàng đế xét nhà dưới ngòi bút Cao Ngạc, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng tội của Giả Xá và Giả Trân không phải nguyên nhân căn bản khiến nhà họ Giả bị xét. Như vậy, chúng ta buộc phải dồn tiêu điểm vào một nhân vật then chốt khác của nhà họ Giả: Giả Chính. Từ trước đến nay, Giả Chính gây ấn tượng luôn là một người rất chính phái. Vậy ông ta có thể phạm tội gì đến mức bị hoàng đế xét nhà?*

Theo miêu tả của Cao Ngạc, Giả Chính rất vô tội. Ông ta chính diện miêu tả cảnh Vinh Quốc phủ bị xét. Giả Chính đang mở tiệc lớn đãi khách, đột nhiên đội xét nhà kéo đến, khiến ông ta vô cùng nhếch nhác. Nhưng Giả Chính rất vô tội. Vậy những thứ bị xét ra chẳng qua có hai loại. Một loại gọi là những đồ dùng vượt quy chế.

Khi ấy hoàng gia có quy định: đến cấp bậc nào, mới được dùng thứ gì. Trong nhà họ bị xét ra một số đồ dùng cấm, vượt quy chế. Nhưng đó cũng không phải nguyên nhân xét nhà. Đó chỉ là kết quả của việc xét nhà. Còn nữa là từ chỗ ở của Giả Liễn và Vương Hy Phượng xét ra các giấy vay nợ. Tức là Vương Hy Phượng lén cho vay nặng lãi.

Vượt lệ để lấy lời. Nàng vi phạm các lệ tắc liên quan đến cho vay thời ấy. Nàng cho vay loại lãi nặng vượt quá giới hạn pháp định của chính quyền. Điều này ở triều Thanh là phạm pháp. Nhưng việc này không phải do Giả Chính làm. Hơn nữa sau khi bị xét ra, ngay lúc đó Giả Liễn quỳ xuống nhận tội, nói rằng chuyện này không liên quan đến chú của tôi.

Nó được xét ra trong phòng tôi. Vả lại đây cũng là kết quả của việc xét nhà, chứ không phải nguyên nhân xét nhà. Vì vậy dưới ngòi bút Cao Ngạc, Giả Chính rất vô tội. Cho nên có độc giả đến nay vẫn giữ ấn tượng ấy, rằng nhà này, người khác đều rất tệ, nếu nhìn theo tiêu chuẩn của hoàng đế thời đó, thì Giả Chính là một người rất nghiêm chỉnh, một người rất chính phái. Giả Chính lẽ ra vô tội. Cao Ngạc cũng theo mạch suy nghĩ này mà viết tiếp, dẫn dắt độc giả theo tình tiết ấy mà nghĩ tiếp.

Rằng quý vị xem, Vinh Quốc phủ oan biết bao. Giả Chính chỉ là bị vạ lây. Phải không? Cho nên cuối cùng, thông qua biểu hiện cố gắng của chính Giả Chính, cuối cùng hoàng đế không những tha thứ cho ông ta, mà còn tha thứ cho Giả Xá, cũng tha thứ cho Giả Trân. Cả nhà họ Giả cuối cùng lại được khôi phục. Không những khôi phục về trạng thái ban đầu, mà còn được nâng lên cao hơn.

Đó là cách kể của Cao Ngạc. Nhưng bây giờ tôi phải rất trịnh trọng nói với quý vị: trong cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần, trước mặt hoàng đế, Giả Chính có tội. Tội của ông ta rất lớn. Có người tròn mắt ngạc nhiên: Tội của ông ta rất lớn ư? Chỗ nào viết Giả Chính có tội? Vậy bây giờ xin hãy cùng tôi đọc kỹ văn bản 80 hồi đầu.

Tôi xin nhắc quý vị, ở hồi 75, viết Vưu thị tâm tình không thuận. Bởi cô em chồng của nàng cãi nhau với nàng. Cô em chồng ấy là ai? Chính là Giả Tích Xuân. Sau khi nàng từ chỗ ở của Giả Tích Xuân đi ra, trong lòng rất khó chịu, rất bực bội. Nàng định đến chỗ Vương phu nhân nghỉ một lát.

Đồng thời, nàng là bậc vãn bối của Vương phu nhân, cũng nên đến thỉnh an. Lúc ấy bà già đi theo nàng khẽ nói với nàng. Nói gì? Lời ấy khiến người ta kinh tâm động phách. Nhiều độc giả đọc sách không kỹ, lật ào ào là bỏ qua hết. Xin quý vị nhất định phải đọc kỹ.

Bà lão ấy khẽ bẩm lại, nói: thưa nãi nãi, chớ vội đến nhà trên. Nhà trên ở đây chỉ quần thể kiến trúc trên trục giữa của Vinh Quốc phủ, chính là Vinh Hy đường. Không gian ấy gọi là nhà trên, chính là chính phòng của "Giả Chính và Vương phu nhân." Nói rằng vừa có mấy người nhà họ Chân đến. Không chỉ có người đến, còn

có cả đồ vật. Không biết đang làm việc cơ mật gì, nãi nãi mà đi qua e không tiện. Trong sách, Tào Tuyết Cần thiết kế một nhà họ Chân ở Giang Nam.

Họ với nhà họ Giả là thân thích cũ. Trên thực tế, trong tiểu thuyết, thấp thoáng ẩn hiện, nhà họ Chân chính là cái bóng của nhà họ Giả. Nhà họ Chân mắc tội. Hoàng đế đã xét nhà họ Chân. Tình cảnh của nhà họ Chân lúc ấy đã là cây đổ nhà tan. Vậy Vưu thị nghe lời ấy xong, có phải vô cùng kinh ngạc không?

Không, không quá kinh ngạc. Vưu thị liền nhớ ra. Vưu thị nói: đúng, hôm qua nghe ông nhà các ngươi nói. Vưu thị gọi Giả Trân như vậy, trong nhà gọi là "gia". Nàng là phu nhân của Giả Trân. Giả Trân là nam chủ nhân cao nhất của Ninh Quốc phủ, nên gọi là "gia".

Nói rằng Giả Trân đọc Để báo. Để báo là một loại văn kiện lưu thông giữa quan viên thời đó, giống như một thứ nội tham. Hoàng đế ban chiếu thư gì, có chính tình đặc biệt nào, ai bị cáo, ai bị xét tội, trong Để báo đều viết ra. Giả Trân là một quý tộc, có tư cách đọc Để báo. Sau khi đọc xong, ông ta từng lẩm bẩm với Vưu thị, nói: nàng xem, trên Để báo nói rằng nhà họ Chân bị xét rồi, hiện nay gia sản bị tịch biên, và còn sắp bị giải vào kinh trị tội. Cho nên Vưu thị thấy lạ, nói đã bị xét rồi, bị trị tội rồi, sao vẫn còn người đến?

Đúng là cái gọi là con rết trăm chân, chết mà chưa cứng. Bởi phía trước trong tiểu thuyết cũng đã bàn giao, nhà họ Chân có mấy người phụ nữ đến bái kiến Giả mẫu. Giả mẫu hỏi thăm tình hình nhà họ Chân. Giả mẫu nhắc đến rằng, ở kinh thành họ còn mấy nhánh nữa. Có con gái nhà họ Chân gả vào kinh thành, địa vị cũng không thấp. Cho nên nhà họ Chân hẳn là vẫn có một lô tài sản ở kinh thành.

Phía Nam Kinh vừa bị xét, phía kinh thành lập tức nghe gió mà động. Họ muốn chống đỡ. Chống đỡ thế nào? Muốn cất giấu một số tội sản của họ. Hoàng đế muốn xét nhà ngươi, toàn bộ tài sản nhà ngươi đều gọi là tội sản. Tức tài sản của kẻ có tội.

Những thành viên nhà họ Chân này bắt đầu chuyển số tội sản ấy sang Vinh Quốc phủ, yêu cầu Vinh Quốc phủ giúp họ cất giấu. Đây là tội rất nghiêm trọng. Nhà họ Chân dám cất giấu những vật hoàng đế sắp xét, đó là tội. Còn Vinh Quốc phủ dám tiếp nhận những tội sản như vậy, càng là tội nặng. Điều này trong phần trước đã có phục bút. Đây là điều Tào Tuyết Cần viết ra.

Tào Tuyết Cần viết ở hồi 78. Ông viết gì? Giả Chính bỗng gọi hai người con trai và một người cháu đến trước mặt, bảo họ làm thơ. Ông ra một đề mục gì? Bảo họ viết thơ ca ngợi một người. Ca ngợi một phụ nữ.

Ca ngợi Lâm Tứ Nương. Lâm Tứ Nương có một danh hiệu gọi là gì? Có chuyện này không? Trong sách viết rất rõ ràng. Cuối cùng, Giả Hoàn làm một bài. Giả Lan làm một bài.

Bảo Ngọc nổi hứng, Bảo Ngọc liền viết một bài trường ca, rất nhiều câu. Trong quá trình viết, lúc đó còn có một số thanh khách mạc liêu của Giả Chính có mặt, đều rối rít khen hay. Cuối cùng Giả Chính trên thực tế

cũng khen ngợi nhiều. Có người có thể sẽ bàn với tôi, nói: ông đừng đụng vào chỗ khó nói ấy nữa. Xưa nay đoạn này là đoạn khó bình luận nhất. Vì sao?

Bởi nhìn từ mặt chữ, Lâm Tứ Nương là chuyện gì? Giả Chính kể chuyện này, nói có một nơi gọi là Thanh Châu. Nơi ấy có một vị Hằng vương. Ông ta nuôi một đội nữ binh, một đội nương tử quân. Người đứng đầu chính là Lâm Tứ Nương. Về sau một loại giặc Hoàng Cân, Xích Mi đánh đến.

Hằng vương chống không nổi, Hằng vương cũng tử trận. Những thuộc hạ của Hằng vương trong thành hoảng loạn đến mức định dâng thành đầu hàng. Chỉ riêng đội nương tử quân do Lâm Tứ Nương chỉ huy lúc này anh dũng xuất kích, đánh vào doanh trại địch. Đương nhiên cuối cùng Lâm Tứ Nương và đội nương tử quân ấy, vì ít không địch nổi đông, cũng bị tiêu diệt. Nhưng kẻ đánh Thanh Châu là Hoàng Cân, Xích Mi. Hoàng Cân, Xích Mi, mọi người đều biết, là cách gọi quân khởi nghĩa nông dân thời xưa.

Vì thế trước đây có người bình luận Hồng Lâu Mộng gặp khó chính ở chỗ này. Họ nói hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc, chúng ta đều nói là phản phong kiến, là một loại con người mới trong thời đại ấy, thuộc loại nhân vật tiến bộ thời ấy. Thế mà ở hồi 78 lại viết bài từ về Cơ Hoạch tướng quân, viết một bài trường thi dài dòng, ca ngợi một nữ tướng trấn áp khởi nghĩa nông dân. Vậy rốt cuộc là sao? Thấy rất khó bình luận, rất khó biện hộ cho Giả Bảo Ngọc. Dường như hắn làm sai một việc.

Điều cổ quái nhất là ở đâu? Hồi 78, nửa trước viết Giả Bảo Ngọc phát huy tài năng của mình, viết một bài trường thi về Cơ Hoạch tướng quân. Nửa sau hồi ấy viết gì? Viết hắn thương tiếc Tình Văn, viết bài Phù Dung Lụy. Những câu trong Phù Dung Lụy lại sắc bén lộ rõ, cái mũi nhọn phản phong kiến ấy có thể nói là vô cùng rõ rệt. Đó chẳng phải là nhân cách phân liệt sao?

Chuyện gì vậy? Cho nên trước đây khi giảng Hồng Lâu Mộng, hoặc giảng Giả Bảo Ngọc, người ta đều né tránh đoạn này. Có thể không giảng thì không giảng. Cái ấm nào không sôi thì đừng nhắc đến cái ấm ấy. Bây giờ tôi nói quan điểm của mình để quý vị tham khảo. Thực ra Giả Chính đang làm việc gì?

Giả Chính đang làm một việc rất nguy hiểm. Không biết hôm ấy Giả Chính làm sao, bỗng nhiên ông ta nổi hứng, liền bắt con cháu của mình ca ngợi một Cơ Hoạch tướng quân. Nói ở vùng Thanh Châu có một Hằng vương. Ở triều Thanh, có một đặc điểm rất lớn. Từ khi Thuận Trị vào Bắc Kinh định đô, cho đến cuối triều, con trai hoàng đế không được phong vương ở bên ngoài. Sau khi được phong các tước hiệu quý tộc, kể cả được phong làm vương, vương phủ đều phải xây trong kinh thành, đều ở ngay trước mắt hoàng đế.

Vì thế triều Thanh không có vị Hằng vương nào phiêu bạt ở bên ngoài cả. Vậy khi nào mới có chuyện hoàng đế phái con trai mình ra ngoài làm vương, phong cho một vùng đất, người ấy làm vương ở vùng ấy? Đó là chuyện của triều Minh. Vậy ở Thanh Châu đời Minh có từng phong một Hằng vương không? Có phong. Nếu nói Hằng vương, đó là một vị vương triều Minh, một vị vương ở địa phương.

Dĩ nhiên chữ "Hành" trong Hành vương triều Minh là chữ "hành" trong cân bằng. Bây giờ khi Tào Tuyết Cần viết hồi 78, ông viết thành chữ "hằng" trong vĩnh hằng. Đó là ông cố ý làm một thay đổi nhỏ trên chữ nghĩa. Nhưng trên thực tế, ở nơi đó, vào triều Minh, quả thật từng có Hành vương tồn tại. Vậy Hành vương có từng đối mặt với kẻ xâm phạm không? Có đối mặt.

Ai đến xâm phạm ông ta? Quân Thanh nam hạ. Đương nhiên có khởi nghĩa nông dân, nhưng cuối cùng sự diệt vong của toàn bộ triều Minh, bao gồm sự diệt vong của các vị vương được hoàng đế phong ở các địa phương phía Nam, nhiều người trong đó đều bị quân Thanh quét sạch. Vì thế, Hoàng Cân, Xích Mi được nhắc trong tiểu thuyết chẳng qua là một cách gọi thay cho kẻ xâm phạm mà thôi. Mà kẻ xâm phạm này rất có thể ngầm chỉ quân Thanh. Do đó Lâm Tứ Nương là nhân vật thế nào?

Là vào lúc triều Minh sắp sụp đổ, khi Thanh Châu đã không giữ nổi, Hành vương đã bị diệt, bà đứng lên kháng Thanh, là thủ lĩnh của một đội nương tử quân. Một khi vén màn bí mật này lên, người ta sẽ giật mình. Vậy Giả Chính đang làm chuyện gì? Ông để con cháu mình ca ngợi người nào? Phải không? Cho nên, trong tình tiết này, Giả Chính biểu hiện trong tư tưởng cá nhân mình một loại tâm trạng thương tiếc triều Minh đã mất.

*Qua phân tích của ông Lưu Tâm Vũ về những phục bút trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, có thể thấy Giả Chính giúp nhà họ Chân cất giấu tội sản. Điều quan trọng nhất là, ông ta công nhiên để con cháu mình dùng thơ ca để ca ngợi đội nương tử quân chống lại quân Thanh. Sự bộc lộ tâm trạng ai điếu nhà Minh này là điều hoàng đế triều Thanh khó dung thứ nhất. Đây mới là nguyên nhân căn bản khiến Vinh Quốc phủ bị xét. Vậy đối với điều này, ông Lưu Tâm Vũ có căn cứ cứng hơn không? Thật ra, căn cứ ấy nằm ngay ở hồi 5 của sách.*

Phải không? Trong hồi 5, lời phán trên sách của Tần Khả Khanh và những câu trong khúc hát về Tần Khả Khanh đều viết thẳng ra cho quý vị thấy. Ở phần sau của tiểu thuyết, vì sao hoàng đế muốn đánh vào tông tộc họ Giả, vì sao muốn xét Vinh Quốc phủ và Ninh Quốc phủ, đều đã viết ra. Đặc biệt là mấy câu này, gọi là: chớ nói kẻ bất tiếu đều từ Vinh mà ra, đầu mối gây họa trước hết ở Ninh. Cuối cùng hoàng đế đến đánh nhà họ Giả, trước tiên là nhằm vào Vinh Quốc phủ. Nhưng "chớ nói kẻ bất tiếu đều từ Vinh mà ra", quý vị chớ vội nói tất cả đều là chuyện do Vinh Quốc phủ gây nên.

Điều đó cho thấy Vinh Quốc phủ có vấn đề. Có người nói: ông giải thích câu này như vậy, tôi nghe thấy lạ tai. Trước đây giải thích thế nào? Nói rằng Tần Khả Khanh là một phụ nữ dâm đãng, dường như đều nói về quan hệ nam nữ. Đừng nói những chuyện bất nhã giữa nam nữ đều phát sinh ở Vinh Quốc phủ. Thật ra chuyện cha chồng tư thông con dâu, chuyện chị dâu tư tình em chồng, những chuyện bất nhã ấy đều bắt đầu từ Ninh Quốc phủ.

Trước đây có người hiểu như vậy. Cho rằng đây là hai câu nói về sự dâm loạn trong gia đình quý tộc. Sao bây giờ ông lại kéo sang chính trị? Tôi cho rằng hai câu này của Tào Tuyết Cần có nói đến ý nghĩa mà quý vị

nêu, nhưng đó tuyệt đối là thứ yếu. Bởi trong xã hội thời ấy, một gia đình quý tộc, nếu chỉ có vấn đề trong quan hệ nam nữ, thì chưa đến mức khiến hoàng đế xét nhà, càng chưa trở thành vấn đề chính trị nghiêm trọng. Thực ra câu này nói rằng cuối cùng hoàng đế phát hiện Vinh Quốc phủ có vấn đề nghiêm trọng.

Nhưng quý vị chớ vội nói đều là Vinh Quốc phủ làm chuyện bất tiếu. Bất tiếu là gì? Tức là không giống. Xưa kia người ta cho rằng một người phản bội mỹ đức của tổ tông mình thì gọi là con cháu bất tiếu. Vinh Quốc phủ vốn dĩ, Vinh Quốc công, bao gồm Ninh Quốc công, đều vì hoàng đế giành lấy chính quyền toàn quốc mà lập công lao hãn mã. Con cháu của họ đáng lẽ phải tiếp tục giống như tổ tiên mình, phục vụ cho hoàng đế.

Nhưng lại xuất hiện một người như Giả Chính. Ông ta có một mặt phục vụ hoàng đế, nhưng trong lòng ông ta thường có sự xao động của tâm trạng thương tiếc triều Minh đã mất. Ông ta không giống tổ tiên mình trung thành một trăm phần trăm với hoàng thất. Vì vậy nói Vinh Quốc phủ có vấn đề. Giả Chính có vấn đề. Vậy cái gọi là "tạo hấn khai đoan", "trước hết ở Ninh" là gì?

Điều này tôi không nói nhiều nữa. Quý vị nghe những gì tôi giảng trước đây sẽ hiểu. Đến cuối cùng, tội lớn nhất của hai phủ là đã cất giấu huyết cốt của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, chính là Tần Khả Khanh. Chuyện này xảy ra trước khi Giả Chính giúp nhà họ Chân cất giấu tội sản, và trước khi ông ta bắt con cháu mình viết thơ về Cơ Hoạch tướng quân. Vì vậy đầu mối gây họa phải tính từ đâu? Phải tính từ Ninh Quốc phủ.

Những điều này tôi giảng trước đây đã triển khai rất đầy đủ. Do Giả Nguyên Xuân mật báo, thân phận của Tần Khả Khanh bại lộ. Nhưng hoàng đế lúc đó vẫn còn sủng ái Giả Nguyên Xuân, nên tha cho một phen. Tần Khả Khanh buộc phải chết, nhưng có thể không công khai thân phận của nàng. Các người có thể bề ngoài rất phong quang mà lo liệu một phen tang sự. Chuyện này tạm thời coi như được bỏ qua.

Nhưng cuối cùng, sau hồi 80, trong phạm vi tôi đang nói, từ hồi 81 đến hồi 90, thậm chí sau hồi 90, thì trong nguyên bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, sẽ viết rằng hoàng đế đối với nhà họ Giả tính cả nợ cũ lẫn nợ mới, tính chung một lượt. Phát hiện vấn đề của Giả Chính, liền lập tức xử trí. Đồng thời lại nhớ ra, nhà họ Giả này còn có tiền án. Phải không? Tiền án gì? Chính là chuyện ở Ninh Quốc phủ.

Trong khúc hát liên quan đến Tần Khả Khanh, bài khúc ấy cũng hát như vậy. Gọi là gì? "Cơ cừu suy đọa đều từ Kính, việc nhà tiêu vong, đầu tội ở Ninh." Như vậy nói càng rõ hơn. Không phải chỉ những chuyện dâm đãng trong quan hệ nam nữ. Bởi từ trong sách nhìn ra, Giả Kính người này có thể nói là có rất nhiều khuyết điểm, nhưng người này không dâm đãng. Người này từ rất sớm đã đến đạo quán ngoài kinh thành để luyện đan.

Cái gì gọi là "cơ cừu suy đọa"? Tức là gia nghiệp của tổ tiên, Giả Kính đều không quản nữa. "Cơ" là cái nia, cái sàng, "cừu" là áo da. Trong thời cổ, đây là hai biểu tượng quan trọng nhất của gia nghiệp. Một là cơ, một là cừu. Còn Giả Kính, theo phân tích trước đây của tôi, tôi không nhắc lại nhiều, đối với việc gia tộc thu nhận và cất giấu Tần Khả Khanh, ông ta có cách nhìn, có ý kiến riêng.

Có thể lúc đó Ninh Quốc công còn sống, hoặc chồng của Giả mẫu, Vinh Quốc công, còn sống. Họ đã đưa ra quyết định. Các người đã chủ trương thu nhận, được, vậy các người chịu trách nhiệm. Để tự giải thoát trách nhiệm, ta không quản nữa. Ta đến đạo quán ngoài kinh thành, ta ở lâu dài tại đó. Trong nhà mừng thọ ông ta cũng không về.

Cứ thế luyện đan, cuối cùng nuốt đan mà chết. Cho nên, vấn đề của Ninh Quốc phủ nằm ở chỗ Giả Kính không quản nữa. Sau khi ông ta không quản, liền đem tước vị của mình, toàn bộ gia sản, gia nghiệp, việc quản lý gia tộc giao hết cho Giả Trân. Còn Giả Trân, trong sách miêu tả, mọi người đều biết, là người dù lật tung Ninh Quốc phủ lên, cũng chẳng ai làm gì được. Cho nên mới gọi là "việc nhà tiêu vong, đầu tội ở Ninh". Vì vậy, sau khi chúng ta chải chuốt một lượt như thế, liền sẽ cảm thấy theo cấu tứ của Tào Tuyết Cần, cuối cùng, sở dĩ hoàng đế gXáng đòn nặng nề vào nhà họ Giả, tuyệt không giống như Cao Ngạc nói.

Nếu viết theo cách của ông ta, sẽ thành "việc nhà tiêu vong, đầu tội ở Xá". Đúng không? Quý vị xem miêu tả của ông ta, trong tông tộc họ Giả, tội ai lớn nhất? Tội của Giả Xá lớn nhất. Đúng không? Tội của Giả Trân thì tính là gì?

Giả Chính thì vô tội. Như vậy hoàn toàn không phù hợp với những phục bút rất rõ ràng trong hồi 5. Bây giờ chúng ta đã đem việc trong tiểu thuyết, sau hồi 81, Giả phủ, Ninh Quốc phủ, Vinh Quốc phủ, bao gồm toàn bộ tông tộc họ Giả, sẽ bị hoàng đế tra xét, nhà họ Giả sẽ bị trị tội, cấu tứ của Tào Tuyết Cần rốt cuộc là gì, chải chuốt cho rõ ràng rồi. Vậy tiếp theo tôi sẽ nói với quý vị, trong quá trình ấy, số phận của một nhân vật sẽ ở sau hồi 82, được viết ra khá sớm, viết ra kết cục của nàng. Đó là Giả Tích Xuân. Có người ở đó tròn mắt, nói rằng: Giả Tích Xuân hình như cũng chẳng có gì để nói.

Giả Tích Xuân chẳng phải đã xuất gia rồi sao? Theo miêu tả của Cao Ngạc, ông ta lấy luôn chất liệu sẵn có, để nàng ở ngay Lăng Thúy am, nơi Diệu Ngọc từng ở, xuất gia ngay tại đó. Cách viết này là không đúng. Kết cục của Giả Tích Xuân không phải như vậy. Vậy kết cục của Giả Tích Xuân dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần đáng lẽ là thế nào? Hẹn gặp lại ở buổi sau.

# Tập 50

Bí ẩn Giả Tích Xuân

*Giả Tích Xuân, một cô gái bạc mệnh một lòng hướng Phật trong Hồng Lâu Mộng, trong 40 hồi sau do Cao Ngạc viết tiếp, Tích Xuân cuối cùng cũng sống đời ni cô cô quạnh, ngồi bên cổ Phật đọc kinh. Vậy động cơ xuất gia của Giả Tích Xuân rốt cuộc có đúng như Cao Ngạc miêu tả, một lòng muốn kết thiện duyên, tu thiện quả, hay còn có ẩn tình khác? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin đón xem tập 6: Bí ẩn Giả Tích Xuân.*

*Hồng Lâu Mộng. Những ai quen thuộc Hồng Lâu Mộng đều biết, Giả Tích Xuân là một cô gái bạc mệnh thành kính hướng Phật. Trong lời phán chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa của Hồng Lâu Mộng, "Thương thay con gái nhà hầu môn cửa gấm, một mình bên đèn xanh cổ Phật." đã báo trước số mệnh cuối cùng của Giả Tích Xuân là xuất gia làm ni cô. Sách tục của Cao Ngạc quả thật cũng viết theo mạch ấy. Nhưng căn cứ vào nghiên cứu sâu văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng lý do Tích Xuân xuất gia không hề đơn giản như Cao Ngạc mô tả. Thời điểm nàng xuất gia không phải sau khi Giả phủ bị xét nhà, địa điểm cũng không phải Lăng Thúy am mà mọi người quen thuộc.*

*Vậy động cơ xuất gia của Giả Tích Xuân rốt cuộc là gì? Đằng sau đó, ta sẽ thấy một Giả Tích Xuân có tính cách như thế nào? Hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tập 6: Bí ẩn Giả Tích Xuân. Mọi người hãy nhớ lại xem, Cao Ngạc viết vì sao Giả Tích Xuân xuất gia? Là vì Địa Tạng am có hai ni cô đến, nói vài lời rất nông cạn về tu thiện quả, thế là Tích Xuân động lòng, muốn đi làm ni cô.*

Điều đó không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Việc Tích Xuân xuất gia có mạch tâm lý rất sâu sắc. Hơn nữa, thông qua việc Tích Xuân xuất gia, điều Tào Tuyết Cần muốn biểu đạt là một ý hướng rất sâu xa. Vì sao Giả Tích Xuân phải xuất gia? Trước hết ta hãy sắp xếp lại động cơ xuất gia của nàng. Mọi người biết, trong 80 hồi đầu, phần chữ miêu tả trực diện Giả Tích Xuân không nhiều.

Trong nhiều trường hợp, nàng chỉ xuất hiện như người đi kèm, là một nhân vật thứ yếu. Nhưng có một hồi gần như lập riêng một truyện cho nàng. Đó là hồi thứ 74. Sau khi xảy ra việc khám xét Đại Quan viên, nàng chủ động sai người mời Vưu thị, chị dâu mình, tới. Nói rằng nàng có chuyện muốn nói. Khi khám xét Đại Quan viên, thật ra chỗ Tích Xuân không có chuyện gì lớn.

Nàng có một a hoàn tên Nhập Họa. Trong rương của Nhập Họa, người ta lục ra vài món đồ. Đó là đồ dùng của đàn ông. Nhưng không phải nàng có quan hệ với đàn ông bên ngoài. Đó là của anh trai Nhập Họa. Anh nàng làm việc ở phủ Ninh Quốc, được chủ thưởng cho vài món.

Không có nơi cất giữ thích hợp, nên gửi tạm ở chỗ em gái, tức chỗ Nhập Họa. Vì vậy sau khi Vưu thị nhìn thấy, bà cho rằng chuyện này không phải việc lớn. Bà nói vừa nhìn đã biết là đồ riêng trong nhà. Ý là nhìn món đồ ấy, đều là do chồng bà thưởng cho chàng trai này. Không phải đồ ăn trộm, cũng không có gian tình nào khác. Chỉ là vài món thưởng rất chính đáng.

Dĩ nhiên họ tự ý truyền qua lại như vậy là không đúng. Theo quy củ trong phủ, việc tự ý chuyển đồ vào đây mà không báo với chủ tử cũng là sai. Nhưng lỗi ấy chỉ là lỗi nhỏ. Vì thế Vưu thị chủ trương chỉ trách mắng Nhập Họa vài câu, rồi coi như xong. Vẫn để nàng làm a hoàn của Tích Xuân. Nhưng Tích Xuân không chịu.

Tính cách Tích Xuân rất cổ quái. Khi bị khám xét, vừa lục ra món đồ ấy, nàng nói thế nào? Nàng nói với chị Phượng: Muốn đánh thì đem nó ra ngoài mà đánh. Tôi không quen nghe chuyện ấy. Tích Xuân là một người như vậy. Lòng rất lạnh, ý chí lại rất kiên định.

Vậy là nàng cự cãi với Vưu thị. Ban đầu Vưu thị tưởng rằng chỉ bàn chuyện xử lý một a hoàn tên Nhập Họa. Không ngờ Tích Xuân càng nói, lời càng khiến người ta kinh hãi. Tích Xuân nói thế nào? Trước mặt Vưu thị, nàng chủ động nêu ra rằng từ nay về sau nàng sẽ một dao cắt đứt với phủ Ninh Quốc. Nàng muốn đoạn tuyệt quan hệ.

Vì sao? Nàng nói: Huống chi gần đây, tôi thường nghe người ta sau lưng bàn tán những lời nhàn thoại rất khó nghe. Nếu tôi còn qua lại, ngay cả tôi cũng bị lôi vào mà đặt điều. Nàng đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc. Nàng nói cổ nhân nói rất hay: thiện ác sinh tử, cha con cũng không thay nhau được. Tôi chỉ cần giữ lấy bản thân tôi là đủ.

Rồi nàng lại nói, từ nay về sau, các người có chuyện gì, đừng kéo tôi vào. Đừng liên lụy tôi. Hơn nữa, nàng còn nói, nàng nói rằng cũng là lời cổ nhân: không làm người nhẫn tâm, khó thành kẻ tự thoát. Từng câu đều đâm vào tim Vưu thị. Nói đến cuối cùng, thậm chí nàng nói những lời như thế này: Tôi là một người trong sạch minh bạch, vì sao lại để các người kéo theo mà làm hỏng tôi? Câu này rất nặng.

*Trong hồi 74 của Hồng Lâu Mộng, Tích Xuân vốn luôn ít nói lại vì một lỗi nhỏ của a hoàn mình mà cãi nhau với chị dâu Vưu thị, mượn cớ để nói rộng ra, muốn một dao cắt đứt với phủ Ninh Quốc. Người ta thường cho rằng những lời ấy của Tích Xuân là muốn phân rõ ranh giới với những chuyện nhơ bẩn của phủ Ninh Quốc. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, chỉ khi tìm ra hàm ý phía sau những lời ấy, mới thật sự hiểu được động cơ chân chính khiến Tích Xuân xuất gia. Vậy phía sau những lời này của Tích Xuân rốt cuộc ẩn chứa huyền cơ gì? Nó liên hệ thế nào với việc Tích Xuân xuất gia làm ni cô?*

Tôi thấy có bạn yêu Hồng học dường như không thấy lời này nghiêm trọng đến đâu.

Thật ra lời này rất dễ hiểu, phải không? Phủ Ninh Quốc các vị đặc biệt nhiều chuyện nhơ bẩn xấu xa, đúng không? Liễu Tương Liên nói rất hay: trong phủ Ninh Quốc của các người, trừ hai con sư tử đá ngoài cửa, e rằng chẳng có thứ gì sạch sẽ, ngay cả mèo chó cũng không sạch. Vì thế cái gọi là thường có người sau lưng bàn ra tán vào, không gì khác ngoài nói về những chuyện dâm loạn trong phủ Ninh Quốc. Đại khái là những chuyện ấy. Những chuyện ấy, Vưu thị cũng không thích nghe.

Nhưng chưa đến mức đau lòng không chịu nổi. Trong xã hội ấy, đối với những lão gia quý tộc, có vài chuyện xấu về quan hệ nam nữ không phải điều hiếm lạ. Vì vậy những lời đồn mà Tích Xuân nhắc tới có thể bao gồm các tin đồn dâm đãng về quan hệ nam nữ, nhưng tuyệt đối không phải lõi chính của các lời đồn ấy. Lõi chính của các lời đồn ấy là gì? Phải là chuyện phủ Ninh Quốc các người năm xưa từng bí mật tổ chức tang lễ cho lão thiên tuế Nghĩa Trung thân vương. Có người bàn tán chuyện này.

Chẳng lẽ người dưới đều biết rõ sao? Có thể họ không biết rõ lắm. Nhưng mọi người hãy nhớ cách viết hồi 13. Hồi 13 viết thế nào? Nói rằng bỗng nhiên vân bản vang lên mấy tiếng, rồi truyền ra tin dữ, nói rằng Tần Khả Khanh đã chết. Hồi ấy viết ra sao?

Gọi là: bấy giờ cả nhà đều biết, ai nấy đều kinh ngạc. Kinh ngạc thì không lạ, vì chuyện xảy ra đột ngột. Nhưng còn có chữ viết rằng, tôi thấy có người môi đang động, tôi nói đó là đau buồn. Có viết như vậy không? Thật ra đều viết là nghi ngờ. Dù việc ấy làm kín đến đâu, cũng không có bức tường nào không lọt gió.

Người ta không biết rốt cuộc là chuyện gì, nhưng họ sẽ chất vấn, sẽ hoài nghi, sẽ thường xuyên sau lưng bàn tán. Còn hiện nay, hai phủ Ninh Vinh đến sau hồi 80 đã là cảnh mưa gió sắp đầy lầu, phải không? Tòa nhà lớn ấy, tuy chưa lập tức đổ xuống, nhưng đã kêu lục cục hỗn loạn. Vì vậy trong phủ cũng sẽ có rất nhiều lời bàn. Bao gồm cả chuyện ở Thường Lập ấy, có mấy người đàn bà nhà Chân đến, sắc mặt rất khác thường. Những lời bàn như thế cũng sẽ có.

Chuyện thảm nhất của nhà họ Chân, đám người dưới chưa hẳn biết hoàn toàn, nhưng họ có thể bàn tán. Rốt cuộc là chuyện gì? Không bình thường. Rồi liên tưởng tới cái chết của Tần Khả Khanh năm xưa, phải không? đúng không? Họ lại sẽ đem nghi vấn năm xưa lật ra, đem ra bàn tán thêm.

Cho nên Tích Xuân là một người có tầm nhìn. Nàng không phải người nông cạn. Nàng ý thức được rằng sẽ có chuyện hỏng. Có khả năng gia tộc này cả tội mới lẫn tội cũ sẽ bị hoàng đế tính sổ chung. Hơn nữa nàng ý thức rằng phủ của bản thân nàng, nàng là em ruột của Giả Trân, là người trong phủ Ninh Quốc. Nàng là cô gái được Giả mẫu yêu quý, được đón sang phủ Vinh Quốc ở.

Nàng cảm thấy trước hết phải cắt lìa với phủ Ninh Quốc. Cắt với phủ Vinh Quốc là bước sau. Trước hết phải cắt với phủ Ninh Quốc. Nàng đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc. Tôi không liên quan tới các người. Hiện giờ tôi chỉ

tự giữ mình.

Đó là một mạch suy nghĩ của Giả Tích Xuân. Nếu đọc Hồng Lâu Mộng mà không hiểu mạch suy nghĩ này của Giả Tích Xuân, thì không được. Trong toàn bộ hai phủ Ninh Vinh, đối với sự suy bại của gia tộc, nàng giống Tần Khả Khanh, đều có dự cảm. Hơn nữa nàng còn có lời tiên báo. Nói thế nào? Gọi là: "Nhìn thấu ba xuân cảnh chẳng dài." Điều này khiến ta nhớ tới lời của Tần Khả Khanh: "Ba xuân qua rồi mọi hương thơm tận." Nàng biết những ngày tốt đẹp của gia tộc này chỉ còn chừng ba năm năm, có lẽ chỉ là ba mùa xuân.

Ba mùa xuân tươi đẹp vừa qua, sát cơ sẽ xuất hiện, toàn bộ gia tộc này sẽ sụp đổ, sẽ nhà tan người tản, mỗi người một ngả. Vì vậy, dù tuổi nàng còn rất nhỏ, nàng đã tự quyết định: ta phải tự giải thoát. Ta phải sớm tính trước. Tích Xuân là một người như vậy. Cho nên vừa thấy phủ Vinh Quốc bắt đầu loạn, khám xét Đại Quan viên, lục đến phòng nàng, lôi hết đồ trong rương Nhập Họa ra, nàng cảm thấy đây là cơ hội. Vưu thị vốn không định qua đó thăm nàng.

Chính nàng chủ động sai người mời Vưu thị tới, để nói rõ với bà: từ nay chúng ta một dao cắt đứt. Vưu thị trước sau vẫn không hiểu ý nàng. Còn ở đó khuyên nàng. Cuối cùng nàng nói cho đến tận cùng: Tôi là người trong sạch minh bạch, dựa vào đâu để các người liên lụy mà làm hỏng tôi? Ý nàng là gì? Không phải chỉ nói rằng tôi là cô nương nhỏ, các người quan hệ nam nữ dâm loạn, cuối cùng người ta nói tôi cũng dâm loạn.

Tôi nghĩ nỗi lo này có lẽ không quá nghiêm trọng. Nàng lo nhất điều gì? Các người đã làm rất nhiều chuyện có thể bị hoàng đế thanh toán. Có người nói, một cô nương nhỏ bị nói là loạn luân, dĩ nhiên nàng cũng không thích nghe. Lời bàn ấy dĩ nhiên cũng đáng sợ. Nhưng đáng sợ nhất là gì?

Trong nhà các người đã giấu một Tần Khả Khanh, và còn một chuyện nữa. Nàng là ai? Có thể bị nghi ngờ về lai lịch của nàng. Đúng không? Thử nghĩ thay nàng, có đáng sợ không? phải không?

Các chị dâu và anh của tôi làm những chuyện ấy, liên lụy đến tôi thì sao? Vì thế Giả Tích Xuân đã sớm tính trước. Việc nàng xuất gia không phải vì nàng thật sự quy y Phật môn. Nào là kết thiện duyên, tu thiện quả, nếu có nội dung ấy thì cũng là thứ yếu. Nàng muốn tự cứu mình. Nàng tự kéo mình ra.

Vì vậy việc nàng xuất gia nhất định xảy ra trước khi phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc bị hoàng đế xét nhà. Đợi đến lúc xét nhà thì không kịp nữa. Khi xét nhà, ngươi không chạy thoát được. Khi xét nhà, thê thiếp con cái của phạm quan đều bị coi là phạm nhân mà giam giữ. Người trưởng thành có thể bị xử lý một cách, người chưa trưởng thành lại bị xử lý cách khác. Tất cả đều dưới uy nghiêm hoàng quyền mà bị xử trí rất nghiêm khắc.

Nhưng nếu tội của gia tộc chưa đến mức tru di cửu tộc, trong tiền đề ấy, nếu ngươi là cô gái đã xuất giá, hoặc đã rời khỏi gia tộc, là con em đã xuất gia, thì theo điều luật thời ấy, vẫn có thể tạm thời tránh được. Vì

vậy phải rời nhà trước khi bị xét nhà. Giả Tích Xuân chính là trước khi phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc bị xét nhà, đã xông ra khỏi phủ đệ, đi ra đường phố, tìm được một ni am, mặc áo đen của ni cô, rồi ôm một bát khất thực. Nghĩ tới đây, chúng ta cũng rất đau lòng. Qua miêu tả trong sách, ta biết khi Lâm Đại Ngọc vào phủ lần đầu, đã giới thiệu Giả Tích Xuân: thân lượng còn chưa đủ, tuổi còn rất nhỏ. Trong các tình tiết mới về sau, ta thấy nàng tuy dần dần lớn lên, nhưng chưa nếm được bao nhiêu niềm vui thiếu nữ.

Nàng chưa từng có trải nghiệm tình yêu. Không giống Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa, dù cuối cùng là kết cục bi kịch, ít nhất họ đã từng yêu, đã từng hưởng thụ tình yêu. Đó là một khâu rất quan trọng trong đời người. Còn Tích Xuân, ta đọc hết 80 hồi đầu, thấy nàng là người chưa từng được hưởng tình yêu, chưa từng được tình yêu gõ cửa hỏi thăm. Nhưng nàng lại đối mặt với cảnh gia tộc mình sắp bị nhổ tận gốc, một đại kết cục bi thảm như thế. Nàng chỉ có thể tự bảo vệ mình.

Trước hết cắt đứt với anh ruột của mình, cuối cùng lại cắt đứt với phủ Vinh Quốc. Trong xã hội ấy, các tiểu thư con nhà hầu môn cửa gấm như thế không những không được ra cổng lớn, đến cổng trong cũng không được tùy tiện bước qua. Cho nên có người nói, Tích Xuân có đi ra được không? Nhưng ngay trước khi đại gia tộc ấy diệt vong, quản lý sẽ xuất hiện vài lỗ hổng. Nàng có cơ hội rời phủ Vinh Quốc. Mà trên thực tế, Tào Tuyết Cần hẳn cũng viết kết cục của nàng trong phần sau hồi 80 như vậy.

*Nàng đi ra khỏi phủ Vinh Quốc, rồi không bao giờ quay đầu nữa. Phủ Ninh Quốc nàng đã sớm đoạn tuyệt. Phủ Vinh Quốc nàng cũng không nghĩ tới nữa. Nàng cứ đi càng lúc càng xa. Cuối cùng gọi là một mình bên đèn xanh cổ Phật. Qua phân tích của Lưu Tâm Vũ, có thể thấy Giả Tích Xuân là một cô gái rất có chủ ý, mà cũng rất có tầm nhìn xa.*

Động cơ xuất gia của nàng không phải như Cao Ngạc miêu tả, chỉ là kết thiện duyên, tu thiện quả. Mà là nàng đã mơ hồ cảm thấy Giả phủ sắp gặp tai họa diệt đỉnh. Trước khi tai nạn ập tới, Tích Xuân muốn nhờ xuất gia làm ni để tìm cho mình một con đường sống. Vậy vì sao Tích Xuân không tiếc trở mặt với chị dâu, kiên quyết đoạn tuyệt với nhà họ Giả? Rốt cuộc nàng sợ điều gì? Ở hồi 74, khi viết Giả Tích Xuân đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc, trong lời Tích Xuân nói với Vưu thị, có một câu mọi người phải đọc kỹ.

Có độc giả đọc rất qua loa. Không chịu nghĩ kỹ. Nàng nói về Nhập Họa: dù chị giải thích cho tôi thế nào, tôi cũng không cần nó nữa. Chị hãy đem nó đi. Đem đi còn chưa hết, Giả Tích Xuân nói thế nào? Nàng nói: chị dâu đến đúng lúc, mau đem nó đi.

Đánh, giết hay bán, tôi đều không quản. Có câu này đúng không? Không ít độc giả thắc mắc:

"Đánh, giết hay bán" sao lại xếp theo thứ tự ấy? Khi tôi tham gia hoạt động đọc sách, tôi cũng từng có nghi vấn này. Theo lý, đánh, giết, bán, đối với một sinh mạng trong xã hội thời ấy, đáng sợ nhất phải là bị giết,

đúng không? Thứ tự lẽ ra phải là bị đánh, bị bán, rồi bị giết. Nhưng tất cả các cổ bản, bao gồm cả bản thông hành, đều viết giống nhau. Thứ tự đều là như vậy: bị đánh, bị giết, bị bán.

Chuyện này là sao? Trong đó có rất nhiều điều đáng nói. Đọc Hồng Lâu Mộng, mà không hiểu những chỗ này, thì coi như đọc uổng. Mọi người phải hiểu, vào triều Thanh, hoàng đế xét nhà quan viên là chuyện cực kỳ đáng sợ. Hồng Lâu Mộng, trong 40 hồi sau do Cao Ngạc viết tiếp, cũng viết về việc phủ Vinh bị xét. Có người nói, viết như thế cũng đã đủ rồi.

Nhưng thật ra ông ấy viết rất khách khí. Xét nhà trong thực tế là thế nào? Chúng ta có thể tham khảo một số tư liệu liên quan. Ví dụ vào triều Thanh, có một người họ Tiêu, ông viết một cuốn sách tên Vĩnh Hiến Lục. Vĩnh Hiến Lục có chính biên và tục biên. Trong phần tục biên của nó, có một ghi chép rất rõ ràng.

Vào triều Ung Chính, có một học chính tên Vu Hoằng Đồ. Nhắc tới học chính, chúng ta nghĩ ngay tới Hồng Lâu Mộng, trong đó có viết Giả Chính có một thời được hoàng đế phái ra ngoài làm việc. Đi làm gì? Chính là chủ trì một vòng thi khoa cử, đó là học chính, đi làm việc ấy. Khi vị học chính này bị xét nhà, vợ ông vừa nghe nói người xét nhà đã vào cửa, liền lập tức tự sát. Chuyện đó còn chưa kể.

Trong nhà có một đứa trẻ, vừa nhìn thấy cảnh tượng ấy, theo ghi chép công văn đương thời, đã bị hù chết sống. Thử nghĩ xem khi ấy hoàng đế xét nhà tàn khốc đến mức nào. Đúng không? Khi ấy quan viên bị xét nhà, bản thân ông ta sẽ bị giam giữ, bị giải đi. Người nhà của ông ta, vợ thiếp và con cái, cũng sẽ bị xem như đối tượng chờ hoàng đế phân phối lại, giống như một loại nhân khẩu, tức như chiến lợi phẩm, chờ xử trí. Còn bọn tôi tớ thì càng thảm.

Tất cả bị quây lại, lập danh sách, rồi thế nào? Thứ tự số phận của họ chính là hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán. Lời này nghĩa là gì? Nêu một ví dụ thực tế thì mọi người sẽ hiểu. Mọi người biết Hồng Lâu Mộng mang đặc điểm sáng tác có gia tộc sử, có tính tự truyện. Trong các bài giảng trước, tôi đã giới thiệu với mọi người một số tâm đắc liên quan.

Ví dụ Giả mẫu trong sách là có nguyên mẫu. Nguyên mẫu của Giả mẫu là ở thế hệ ông nội của Tào Tuyết Cần, một vị Chức tạo Tô Châu, quan chức Chức tạo tên Lý Hú. Em gái của ông ta, khi ấy tổ tiên Tào Tuyết Cần là Tào Dần giữ chức Giang Ninh Chức tạo, Lý Hú giữ chức Tô Châu Chức tạo. Hai nhà thân thiết vô cùng. Cuối cùng Lý Hú gả cô em gái ấy cho Tào Dần. Sau này Tào Tuyết Cần viết sách, ông thật sự mượn chuyện Giả để giữ chuyện thật.

Ông đưa một người bà có xuất thân từ nhà họ Lý như vậy viết vào trong sách. Lý Hú là một người thật. Lý Hú ở triều Khang Hy phong quang vô cùng. Khang Hy đặc biệt yêu thích ông. Nhưng sau khi Khang Hy qua đời, Ung Chính vừa lên ngôi, liền lập tức trị tội Lý Hú, xét nhà ông. Ông bị giam giữ, thẩm vấn, và mang tội.

Vợ thiếp con cái của ông, tôi tớ trong nhà ông, chịu số phận thế nào? Cũng có ghi chép chính thức. Điều này có thể tra được trong hồ sơ triều Ung Chính. Ghi chép khi ấy nói rằng, sau khi nhà họ Lý bị xét, nam nữ già trẻ tổng cộng hơn 200 người. Lúc đầu hoàng đế sai quan viên xét nhà ở Tô Châu trước hết đem họ bán đi. Kết quả không người Tô Châu nào dám mua.

Có người vì trước kia từng chịu ơn nhà họ Lý, không đành lòng mua. Có người tuy hận nhà họ Lý, nhưng không biết sau này tình thế sẽ phát triển ra sao nên không dám mua. Vì thế hoàng đế nhận được tấu báo, thấy rất kỳ lạ. Nói vậy thì được, đem hết về Bắc Kinh cho ta. Thế là họ bị áp giải về Bắc Kinh. Áp giải như súc vật.

Tức là những sinh mạng ấy, trong mắt hoàng đế, không phải là những sinh mệnh bình đẳng sống động, mà là một thứ tài sản biết đi. Những "tài sản sống" ấy được chở tới Bắc Kinh, rồi xử lý riêng. Giống như vận chuyển hàng hóa về Bắc Kinh. Thảm khốc vô cùng. Trên đường đi, chết mất một người đàn ông, một phụ nữ, một bé gái. Điều này có ghi chép công văn chính thức.

Đó chẳng phải là bị giết sao? Đó cũng là vô hình trung bị giết. Chưa kịp bị bán đã chết trước. Đúng không? Cuối cùng áp giải tới Bắc Kinh tổng cộng 227 người trong đó, vợ thiếp con cái của Lý Hú, tức thuộc tầng lớp chủ tử, tổng cộng 10 người.

Còn phụ nhân thì có hơn 200 người. Tới Bắc Kinh rồi, bắt đầu đem những người ấy ra bán. Vợ thiếp con cái của ông cũng bị đem bán như hàng hóa sống. Dĩ nhiên giá có thể định hơi cao hơn một chút. Những tôi tớ cũng phải bán. Có thể giá sẽ thấp hơn.

Có người thậm chí còn bị kèm tặng. Vậy, trước hết đã bán được bao nhiêu người? Trước hết bán 209 người. Lần lượt bán đi. Còn tám người lúc ấy chưa bán. Vì sao chưa bán? Tám người này, sau khi quan viên do hoàng đế sai đến thẩm tra, cho rằng họ và một số tội thực tế của Lý Hú có quan hệ trực tiếp. Họ là nhân chứng sống, còn phải giữ lại. Dưới nghiêm hình tra khảo, phải móc lấy khẩu cung của họ. Tức là, ngươi muốn bị giết, không dễ thế đâu.

Phải không? Đầu tiên đánh ngươi là chuyện không cần nói. Trước hết phải hành hạ ngươi một phen. Còn ngươi muốn được bán, càng không dễ. Đúng không? Sau khi tra tấn ngươi một thời gian, móc được khẩu cung, có thể kết luận là ngươi này căn bản ta không muốn giữ lại, ta sẽ giết ngươi.

Những người còn lại mới đủ tư cách bị bán. Cho nên thời ấy, có được tư cách bị bán phải đến giai đoạn cuối mới đạt được. Nghe tôi nói nhiều như vậy, mọi người cũng hiểu rồi. Tào Tuyết Cần hạ bút, viết Giả Tích Xuân và Vưu thị, tức chị dâu nàng, cãi miệng, nàng nói: chị đem Nhập Họa đi, hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán, tôi đều không quản. Thứ tự đánh, giết, bán ấy được sắp xếp vô cùng nghiêm ngặt. Đó là ông viết theo tình hình thực tế tồn tại trong xã hội đương thời.

*Theo ông Lưu Tâm Vũ, điều Giả Tích Xuân sợ hãi, thứ tự số phận "hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán" ấy, được miêu tả nghiêm ngặt theo hiện thực xã hội thời ấy. Hơn nữa, ông Lưu Tâm Vũ căn cứ vào việc nghiên cứu kỹ lưỡng văn bản 80 hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, đã tiến thêm một bước truy tìm nguyên mẫu của Giả Tích Xuân. Ông cho rằng chỉ khi hiểu nguyên mẫu của Giả Tích Xuân, chúng ta mới đọc hiểu được nguyên nhân Tích Xuân xuất gia không phải như Cao Ngạc viết, là kết thiện duyên, tu thiện quả. Vậy trong mắt Lưu Tâm Vũ, Giả Tích Xuân rốt cuộc là một cô gái như thế nào? Giả Tích Xuân cũng có nguyên mẫu. Nàng hẳn cũng là một phụ nữ cùng thế hệ với Tào Tuyết Cần trong gia tộc Tào Sử.*

Trong xã hội ấy, tuy phụ nữ ở chốn khuê phòng có nguồn tin khá thiếu thốn, nhưng không có bức tường nào không lọt gió. Vì thế khi phủ Ninh Quốc cũng vậy, phủ Vinh Quốc cũng vậy, đã trong cảnh mưa gió lung lay, nàng thường nghe được rất nhiều lời đồn. Giả Tích Xuân hẳn đã nghe thấy nhiều tin đồn như thế. Chẳng hạn thân tộc nhà họ Giả, ví như nhà họ Chân, đã bị trị tội. Những tôi tớ nhà họ Chân, thậm chí bao gồm vợ thiếp con cái nhà họ Chân, có thể đã bị áp giải về phía Bắc Kinh. Sắp phải hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán.

Có thể không kinh tâm sao? Trong đời sống thực, nguyên mẫu của Giả Tích Xuân có lẽ cũng đã nghe được chuyện về gia tộc của bà tổ họ hàng, tức nguyên mẫu Giả mẫu, bối cảnh gia tộc ấy chính là nhà Lý Hú. Nhà họ Sử trong tiểu thuyết thật ra là ám chỉ gia tộc Lý Hú, Tô Châu Chức tạo trong đời sống. Chính là gia tộc ấy. Nguyên mẫu này có thể cũng nghe được những chuyện ấy. Vì thế trạng thái của nguyên mẫu hiện ra khác với người khác.

Nàng cảm thấy: trong tình thế ấy, ta phải sớm quyết định. Thế là nàng nghĩ ra: thứ nhất, cắt với anh chị dâu; thứ hai, rời phủ Vinh Quốc; thứ ba, ta xuất gia làm ni cô. Đến khi các người xét hai nhà ấy, hoặc không tìm thấy ta, hoặc nếu nghe ngóng được ta, thì ta đã xuất gia rồi. Bởi xét theo miêu tả trước hồi 80, hay theo kế hoạch dự định của Tào Tuyết Cần cho phần sau hồi 80, nếu tội của tông tộc họ Giả chưa đến mức diệt cửu tộc, mà nếu là diệt cửu tộc thì đi đâu cũng vô ích, đi đâu cũng bị lôi ra, nhưng nếu chưa đến mức ấy, ngươi đã xuất gia, thì có thể được tha cho một đường. Nếu ngươi là phụ nữ và đã xuất giá, cũng có thể được tha. Bởi trong lịch sử có tình huống như vậy.

Tức là sau này nhà họ Tào, Tào Phủ kế thừa Tào Dần, Tào Ngung, làm Giang Ninh Chức tạo. Nhưng đến triều Ung Chính, ông bị xét tội. Tào Dần có một người con gái, từ rất sớm ở triều Khang Hy đã gả tới kinh thành Bắc Kinh, trở thành vương phi của Bình quận vương, và sinh ra tiểu Bình quận vương. Sau này theo hồ sơ triều Ung Chính chứng minh, tuy Tào Phủ bị trị tội, nhưng người chị đã xuất giá của ông không bị liên lụy, không bị trị tội cùng. Tức thời ấy có một quy tắc trò chơi hoàng gia: một phụ nữ đã xuất gia, hoặc đã xuất giá, thì có thể tha cho một đường. Tích Xuân chính là như vậy, sắp đặt số mệnh của mình.

Đó là một cô gái khuê các con nhà hầu môn cửa gấm trong một đại gia tộc, sống trong thời đại đen tối ấy, giai đoạn lịch sử mà các mâu thuẫn dần dần gay gắt, nàng dự cảm tiền đồ chẳng lành của gia tộc, nên trước

khi tòa nhà lớn sụp đổ, đã kiên quyết bước ra khỏi cửa nhà. Cuối cùng nàng áo nâu xin ăn. Người đời Thanh từng đọc được nội dung sau hồi 80 của bản gốc Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết. Không chỉ có Phú Sát Minh Nghĩa mà tôi đã nhắc ngay đầu loạt bài giảng này là từng đọc được, còn có người khác cũng từng đọc được. Trong các bút ký văn tự họ để lại, có người đã ghi chép những nội dung sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng mà họ từng đọc được, khác với phần Cao Ngạc viết tiếp. Trong đó có cảnh Giả Tích Xuân ôm bát khất thực, dọc kệ xin ăn.

Bây giờ mọi người có thể tưởng tượng: trong những ngõ phố dài của thành cổ, có một cô gái thật ra còn chưa hoàn toàn trưởng thành. Nàng mặc áo sam đen của ni cô, ôm một chiếc bát khất thực, cô độc bước đi, di chuyển về phía trước. Nàng làm như vậy chỉ để tránh số phận bi thảm bị đánh, bị giết, bị bán. Nàng sẽ không có tiền đồ tốt đẹp hơn. Nàng chỉ là, thứ nhất, giữ được một mạng. Thứ hai, tương đối còn có tự do hành động cá nhân.

*Ban đêm nàng sẽ ngủ dưới pho tượng Phật sơn vàng bong tróc trong một ni am đổ nát. Sau khi tỉnh dậy, lại tiếp tục mặc áo nâu đi xin ăn. Để tránh số phận bi thảm hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán, Giả Tích Xuân trước khi tòa nhà Giả phủ sắp đổ đã kiên quyết bước ra khỏi Giả phủ, sống đời đèn xanh cổ Phật, áo nâu xin ăn, một kiếp sống ni cô cô quạnh. Theo miêu tả 40 hồi sau của Cao Ngạc, cuối cùng Tích Xuân xuất gia ở Lăng Thúy am. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng địa điểm xuất gia ấy không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy lý do của ông Lưu Tâm Vũ là gì?*

Theo miêu tả của Cao Ngạc, ở hồi cuối nói rằng Giả Chính cũng được thả về. Cuối cùng Giả Chính cũng vô tội. Hoàng đế cũng xá miễn. Sau khi về, ông chỉnh lý lại phủ Vinh Quốc. Giả Chính liền nói, vậy hãy khoanh Lăng Thúy am vào trong. Khoanh vào phủ Vinh Quốc.

Mọi người biết, Đại Quan viên ban đầu được tạo thành bằng cách phá một phần hoa viên phủ Vinh Quốc. Cho nên khi chỉnh lý lại phủ Vinh Quốc, có thể khoanh Đại Quan viên, khoanh Lăng Thúy am vào trong. Điểm này Cao Ngạc viết không sai. Nhưng ông nói, Giả Chính nói cứ để Tứ muội muội ở đó tĩnh dưỡng. Vì vậy dường như cuối cùng Giả Tích Xuân không những không rời khỏi gia tộc họ Giả, mà thậm chí còn quay lại trong phủ Vinh Quốc. Bởi cuối cùng Giả Chính thực sự đã khoanh Lăng Thúy am vào trong phủ Vinh Quốc.

Điều này hoàn toàn không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Nói đến Lăng Thúy am, mọi người rất rõ, Lăng Thúy am không thể là một ngôi chùa cổ. Bởi trong hai phủ Ninh Vinh ban đầu không hề nói có một ni am. Lăng Thúy am xuất hiện thế nào? Là vì Giả Nguyên Xuân muốn về thăm nhà, trong chuyến thăm ấy phải làm Phật sự, cho nên khi xây dựng Đại Quan viên, mới xây một Lăng Thúy am. Hơn nữa còn gửi thiếp mời một ni cô xuất thân danh môn, tu hành mang tóc, đó là Diệu Ngọc.

Nó phải là một ngôi am mới, một chỗ thờ mới. Nó không thể có cổ Phật. Vì vậy bức tranh trong sách của Giả Tích Xuân đã nói rõ là vẽ một ngôi cổ tự. Lời phán lại nói với ta: "Thương thay con gái nhà hầu môn cửa gấm, một mình nằm bên đèn xanh cổ Phật." Càng chứng tỏ đó không thể là Lăng Thúy am. Hơn nữa, theo cách tôi giảng ở trước, chúng ta càng hiểu rõ, nếu nàng xuất gia ở Lăng Thúy am, rồi hoàng đế xét nhà tới, thì nàng ở Lăng Thúy am cũng vô ích. Nàng là con gái nhà này, vẫn phải bị canh giữ, đem phát mại.

Giả Tích Xuân không thể xuất gia trong Lăng Thúy am. Nàng phải là lưu lạc ngoài đường, mặc áo nâu xin ăn. Bây giờ ta lại nghĩ tới số phận của người phụ nữ ấy, quả thật sẽ thở dài rất lâu. Dưới ngòi bút của Tào Tuyết Cần, Giả Nghênh Xuân là một phụ nữ bạc mệnh bi thảm, đã chết như thế. Hương Lăng lại là một quỹ đạo sinh tồn khác, cuối cùng cũng chết. Đến phần sau hồi 80, đến khoảng hồi 82 đến hồi 90, ông sẽ viết tới Giả Tích Xuân, một trạng thái sinh tồn thật ra sống không bằng chết, chết cũng không bằng sống, vô cùng bi thảm. Nàng mặc áo nâu xin ăn trong phố lớn ngõ nhỏ. Có người sẽ hỏi tôi: nếu theo phân tích của ông, từ hồi 91 đến hồi 99 phải viết kết cục của một số phụ nữ khác rồi. Vậy trong đơn nguyên tình tiết tiếp theo, sẽ viết đến kết cục số mệnh của những nhân vật nữ nào trong chính sách, phó sách, hựu phó sách của Kim Lăng Thập Nhị Thoa? Tôi cho rằng trước hết sẽ liên quan tới Tập Nhân. Lại có người suy nghĩ: chẳng phải Tập Nhân về sau gả cho Tưởng Ngọc Hàm sao? Cao Ngạc cũng viết như thế. Về việc thám dật toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, tôi có tâm đắc. Tôi phát hiện Tập Nhân gả cho Tưởng Ngọc Hàm tuyệt đối không giống tình huống Cao Ngạc viết trong 40 hồi tục thư. Nó phải là một tình huống khác. Hơn nữa là một tình huống kinh tâm động phách. Vậy vì sao kinh tâm động phách?

Hẹn gặp ở lần sau. Trong Hồng Lâu Mộng, địa vị của Tập Nhân rất đặc biệt. Đối với đại a hoàn thân cận bên cạnh Giả Bảo Ngọc này, Tào Tuyết Cần dành bút mực thậm chí còn nhiều hơn một số tiểu thư chủ tử của nhà họ Giả. Vậy mà một phụ nữ như thế, thường xuyên xuất hiện trong tiểu thuyết, lại khiến rất nhiều người phản cảm và chán ghét. Không ít người nhao nhao chỉ trách Tập Nhân hẹp hòi, ích kỷ, giỏi tính toán, là kẻ tiểu nhân xu thời thấy gió xoay chiều, và định cho nàng ba tội lớn. Thậm chí có người chỉ ra rằng chính vì Tập Nhân cáo mật mới dẫn đến bi kịch tình yêu cuối cùng giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc. Vậy mà chính một người như thế, một phụ nữ thường xuyên xuất hiện trong tiểu thuyết, lại bị rất nhiều người phản cảm và ghét bỏ. Không ít người nhao nhao chỉ trách Tập Nhân hẹp hòi, ích kỷ, giỏi tính toán, là kẻ tiểu nhân xu thời thấy gió xoay chiều. Họ còn định cho nàng ba tội lớn. Có người thậm chí chỉ ra rằng chính vì Tập Nhân cáo mật mới dẫn tới bi kịch tình yêu cuối cùng giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc.

*Đối với ba tội trạng mà người ta gán cho Tập Nhân, nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ lại nêu ra cách nhìn khác của mình, và lần lượt biện giải. Đặc biệt là trước sự hiểu lầm trong lời chỉ trách của mọi người, qua nghiên cứu, ông Lưu Tâm Vũ rút ra một kết luận như sau: khi Tập Nhân cuối cùng rời phủ Vinh Quốc, sẽ xảy ra một chuyện lớn kinh tâm động phách. Chính chuyện lớn ấy lại lật đổ những cách nói trên. Vậy chuyện mà ông nói*

*rốt cuộc là chuyện như thế nào? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tập 7: Bí ẩn Tập Nhân và Xạ Nguyệt.*

# Tập 51

Bí ẩn Tập Nhân và Xạ Nguyệt

*Trong Hồng Lâu Mộng, Tập Nhân là một nhân vật hết sức đặc biệt. Nhiều người đối với cô hầu thân cận bên cạnh Giả Bảo Ngọc không khỏi khinh bỉ, chán ghét, và gán cho nàng ba tội lớn. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ lại cho rằng đánh giá Tập Nhân như vậy là chưa công bằng, nên lần lượt biện giải cho ba tội trạng ấy. Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, rốt cuộc Tập Nhân là người như thế nào? Bi kịch tình yêu giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc thật sự có liên quan đến nàng không? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tập 7: Bí ẩn Tập Nhân, Xạ Nguyệt.*

*Trong Hồng Lâu Mộng, địa vị của Tập Nhân rất đặc biệt. Với cô đại nha hoàn thân cận bên cạnh Giả Bảo Ngọc này, Tào Tuyết Cần thậm chí dành bút mực nhiều hơn một số chủ nhân, tiểu thư nhà họ Giả. Thế nhưng chính người phụ nữ thường xuyên xuất hiện trong tiểu thuyết ấy lại bị rất nhiều người phản cảm và chán ghét. Một số người lần lượt chỉ trích Tập Nhân hẹp hòi, ích kỷ, giỏi mưu tính, là kẻ tiểu nhân xu thời, và gán cho nàng ba tội lớn. Thậm chí có người còn chỉ ra rằng chính vì Tập Nhân mật báo nên mới dẫn tới bi kịch tình yêu cuối cùng giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc. Trước ba tội trạng lớn mà người đời gán cho Tập Nhân, nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ lại đưa ra cách nhìn khác và lần lượt biện giải.*

*Đặc biệt trước lời chỉ trích rằng Tập Nhân bất trung với tình yêu của Bảo Ngọc, ông chỉ thẳng rằng đó là hiểu lầm do phần viết tiếp của Cao Ngạc đã trái với nguyên ý nguyên bút của Tào Tuyết Cần. Qua nghiên cứu, ông Lưu Tâm Vũ rút ra kết luận: khi Tập Nhân cuối cùng rời phủ Vinh Quốc, sẽ xảy ra một việc kinh tâm động phách, và chính việc ấy lại lật đổ cách nói trên. Vậy việc mà ông nói rốt cuộc là việc gì? Trong mắt ông, Tập Nhân bị nhiều người chỉ trích kia lại là người như thế nào? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tập 7: Bí ẩn Tập Nhân – Xạ Nguyệt.*

Mọi người biết, ở hồi cuối, tức hồi 120, Cao Ngạc viết chuyện Tập Nhân rời phủ Vinh Quốc. Ông ta viết như thế nào? Ông viết Bảo Ngọc đi thi khoa cử, nghiêm túc làm xong bài bát cổ, rồi ra khỏi trường thi liền mất tích; cuối cùng chứng thực là đã xuất gia. Bảo Ngọc xuất gia rồi, vậy Tiết Bảo Thoa thành góa phụ. Nàng phải thủ tiết vì Bảo Ngọc, điều này không cần bàn. Nếu Bảo Ngọc có thiếp, người thiếp ấy cũng phải thủ tiết.

Nhưng khi ấy Bảo Ngọc có thiếp thật sự không? Không có thiếp thật sự. Còn Tập Nhân thì sao? Bản thân nàng cảm thấy mình là thiếp. Một số người cũng cho rằng nàng chính là thiếp. Nhưng nếu ta lần lại miêu tả trong 80 hồi đầu thì biết, nàng chỉ có được một tư cách "dự bị làm thiếp".

Vương phu nhân cho nàng khoản trợ cấp đặc biệt, ngầm định trước một địa vị tương lai cho nàng, nhưng chưa hề chính thức thực hiện, nên Tập Nhân rơi vào thế rất khó xử. Nàng không phải thiếp, lấy tư cách gì thủ tiết, thủ góa cho Bảo Ngọc? Nàng không có tư cách. Nhưng nếu rời phủ Vinh Quốc, phản bội Giả Bảo Ngọc, dường như lại không thích hợp. Vì thế Cao Ngạc viết nàng đầy tủi thân, uất ức. Nhưng đến cuối cùng, nàng vẫn rời phủ Vinh Quốc.

Theo sắp đặt của phủ Vinh Quốc, nàng đi lấy chồng, và người chồng ấy chính là Tưởng Ngọc Hàm. Đó là cách viết của Cao Ngạc. Khi viết tới việc Tập Nhân rời phủ Vinh Quốc, Cao Ngạc đã dốc hết khả năng châm chọc, mỉa mai. Mọi người còn nhớ không? Ông ta dẫn hai câu thơ của một người đầu đời Thanh tên Đặng Hán Nghi. Hai câu ấy là gì?

Đó là: "Ngàn xưa gian nan chỉ một chết, đau lòng há riêng phu nhân họ Tức." Trước hết nói câu sau. Câu này dùng một điển cố: thời Chiến Quốc, Sở Văn vương diệt một nước nhỏ tên Tức. Ông ta đem vợ của vua nước Tức bắt về, cho làm thiếp của mình. Người phụ nữ ấy có thể gọi là Tức phu nhân. Theo luân lý đạo đức phong kiến xưa, Tức phu nhân lẽ ra phải chết. Nước chồng ta bị người ta diệt, ta phải tuẫn táng, phải tỏ lòng trung trinh với chồng.

Nhưng con người ai cũng quý mạng, Tức phu nhân cũng không ngoại lệ. Bà rất đẹp, Sở Văn vương rất yêu bà. Bà cũng sinh con cho Sở Văn vương, nhưng dù Sở Văn vương nói gì với bà, bà đều không đáp, không nói lời nào. Mãi rất lâu về sau, có người hỏi bà, bà mới mở miệng: vì sao bà trước sau không nói? Bà nói: thân là phụ nữ, lẽ ra phải theo một chồng đến cùng, kết quả ta coi như đã lấy hai người chồng. Ta lại còn sinh con với người chồng thứ hai ấy.

Ta thấy mình không còn mặt mũi, nên không có tư cách mở miệng. Vậy vì sao Cao Ngạc dẫn bài thơ này? Chính là để châm chọc Tập Nhân. Mọi người còn nhớ, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, trong 80 hồi đầu có một hồi rất quan trọng. Hồi ấy gọi là "Tình thiết thiết lương tiêu hoa giải ngữ", viết quan hệ giữa Tập Nhân và Giả Bảo Ngọc. Khi ấy có một chi tiết: vì Bảo Ngọc đối xử tốt với nàng, nàng nói chàng phải hứa với ta vài điều; Bảo Ngọc nói điều gì cũng hứa.

Cuối cùng Tập Nhân nói: đã như thế, nếu hai ta tốt với nhau, dù dao kề cổ, ta cũng không ra ngoài nữa.

Cao Ngạc liền mỉa mai Tập Nhân: nay dao chưa kề cổ, thế mà nàng đã "ôm tỳ bà bước sang thuyền khác", cho rằng đó là hành vi rất giả dối, rất tệ hại. Vì Cao Ngạc viết phần tiếp như vậy, viết Tập Nhân như vậy, cộng thêm trong 80 hồi đầu, Tập Nhân dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần cũng từng làm một số việc, khiến độc giả xưa nay phần lớn không hài lòng, cho rằng Tập Nhân có vấn đề. Khái quát lại, một số độc giả và nhà phê bình thường cho rằng Tập Nhân chủ yếu có ba vấn đề, phê phán và phủ định nàng từ ba mặt. Vấn đề thứ nhất là do Tào Tuyết Cần viết: ngay đầu hồi thứ 6, chúng ta đã thấy nàng và Giả Bảo Ngọc "sơ thí vân vũ tình". Tức là nàng và Bảo Ngọc phát sinh quan hệ xác thịt; đây là hành vi vượt khuôn phép, bị cho là vô đạo

đức, không tốt. Huống nữa trong sách lại viết, Tập Nhân dựa vào quan hệ giữa nàng và Bảo Ngọc, về sau kìm giữ Bảo Ngọc. Nàng biết lúc ấy đại sự hôn nhân của Bảo Ngọc còn rất mịt mờ, nhưng Bảo Ngọc đã trưởng thành, cần hưởng thụ về tính dục, chưa kể trong sinh hoạt còn cần nàng chăm sóc chu đáo. Vì thế nàng thông qua việc phục vụ Bảo Ngọc toàn diện như vậy, không chỉ lôi kéo Bảo Ngọc mà còn kìm giữ chàng. Cho nên rất nhiều độc giả ghét nàng, cảm thấy người phụ nữ này nói chung chẳng ra sao.

Vấn đề ấy vẫn chưa phải là vấn đề lớn nhất. Sau đó có một vấn đề rất lớn, cũng do Tào Tuyết Cần viết trong 80 hồi đầu. Đó là nàng chạy tới trước mặt Vương phu nhân để mật báo. Trong sách có một tình tiết rất sâu: Giả Bảo Ngọc bị cha là Giả Chính đánh một trận đau, đến rách da nát thịt. Sau đó, Tập Nhân chạy tới chỗ Vương phu nhân nói gì? Rất nhiều độc giả không ngờ tới. Ý của nàng là: xét ra, lão gia cũng nên quản Bảo Ngọc một chút. Một số độc giả cảm thấy đó là lời quái gở: Bảo Ngọc bị đánh đến mức ấy, nàng thân với Bảo Ngọc như vậy, sao có thể nói lời ấy? Tập Nhân nêu ra một logic: Bảo nhị gia tuổi mỗi ngày một lớn. Trước mặt chàng luôn có các cô nương qua lại, mà nàng đặc biệt nhấn mạnh Lâm Đại Ngọc. Nàng nói Bảo Ngọc cũng vậy, Đại Ngọc cũng vậy, người lớn lên thì tâm cũng lớn. Trong tình huống ấy sẽ rất nguy hiểm. Vì vậy nàng đề xuất: hay là dứt khoát đừng để Bảo Ngọc và mọi người tiếp tục ở trong Đại Quan viên nữa, nhất là đừng để Bảo nhị gia ở trong Đại Quan viên nữa. Tốt nhất đưa chàng ra ngoài, ở ngay dưới mắt Vương phu nhân thì hơn.

Như vậy chẳng khác nào nàng tố cáo với Vương phu nhân mối tình ái giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc. Hơn nữa nàng còn bày kế như thế để chặt đứt duyên tình của người ta. Vương phu nhân nghe xong vô cùng bất ngờ, không ngờ đứa bé này hiểu chuyện đến vậy; "hiểu chuyện" ở đây là cân theo tiêu chuẩn đạo đức phong kiến.

Bà rất tán thưởng, về sau Vương phu nhân trích từ tiền tháng của mình cho nàng hai lạng bạc và một xâu tiền làm trợ cấp đặc biệt. Nàng được đãi ngộ đặc biệt, tương đương có thân phận dự bị làm thiếp, hoặc gọi là dự bị làm di nương. Vấn đề thứ ba nảy sinh dưới ngòi bút Cao Ngạc, chính là đoạn tôi vừa nói: Cao Ngạc viết Tập Nhân xuất giá. Cao Ngạc công khai châm chọc ngay trong văn. Chẳng phải năm xưa nàng nói dao kề cổ cũng không ra ngoài sao? Hôm nay sao lại "gian khổ gian nan chỉ một chết"? Sao lại giống Tức phu nhân như vậy? Sao lại "ôm tỳ bà bước sang thuyền khác", đi lấy người khác?

Vì thế toàn bộ hình tượng Tập Nhân bị biến thành hình tượng tiêu cực. Dù đọc 80 hồi đầu vẫn có thể cảm nhận một số ưu điểm, sở trường của Tập Nhân, nhưng vì ba vấn đề này quá lớn, nên tất cả đều bị che lấp. Trong mắt một số người, Tập Nhân không nghi ngờ gì là đáng ghét. Nàng không chỉ lợi dụng quan hệ đặc biệt với Bảo Ngọc để kìm giữ Bảo Ngọc, mà còn nhiều lần nói lời gièm pha với Vương phu nhân, tố cáo người khác. Đặc biệt hành vi xu thời, bất trung với tình yêu của Bảo Ngọc càng đáng ghét hơn.

Việc nàng và Giả Bảo Ngọc lén "sơ thí vân vũ tình", nên nhìn tình tiết ấy thế nào? Tình tiết ấy có phải nhằm biểu hiện sự vượt rào đạo đức của Tập Nhân, nhằm khiển trách hành vi ấy của nàng không? Tôi cho rằng khi

Tào Tuyết Cần viết tình tiết này, ông không có dụng ý ấy; trong văn của ông cũng nói rất rõ. Đó là trong quá trình Giả Bảo Ngọc mộng du Thái Hư ảo cảnh, Cảnh Ảo tiên cô có người em gái như Tần Khả Khanh, ngầm truyền dạy cho chàng việc nam nữ. Ông viết rằng Bảo Ngọc trong mộng được khai sáng về tính dục, sau khi tỉnh mộng thì ép Tập Nhân bên cạnh thực hành thử với mình.

Nàng bị Bảo Ngọc cưỡng cầu mà phát sinh quan hệ, không phải Tập Nhân đi dụ dỗ Giả Bảo Ngọc. Trong sách, tình tiết này được viết rất rõ. Dĩ nhiên sách cũng viết hoạt động tâm lý của Tập Nhân: nàng nghĩ mình vốn là người Giả mẫu giao cho Bảo Ngọc, sẽ lâu dài hầu hạ Bảo Ngọc. Hơn nữa nàng lại là đại nha đầu đầu tiên bên cạnh Bảo Ngọc; vì Bảo Ngọc đã có yêu cầu ấy, Tập Nhân lại lớn tuổi hơn Bảo Ngọc, thân thể đã trưởng thành từ lâu. Cho nên nàng cảm thấy dường như "sơ thí vân vũ tình" cũng không có vấn đề lớn gì. Sách viết như vậy. Vì thế chuyện thứ nhất không đủ để phủ định Tập Nhân; chỉ là nếu so Tập Nhân với Tình Văn thì về đạo đức, nàng đương nhiên kém xa. Giữa Tình Văn và Bảo Ngọc không có quan hệ ám muội như vậy. Đó là vấn đề thứ nhất. Vấn đề thứ hai là chuyện nàng mật báo. Tập Nhân đến trước mặt Vương phu nhân mật báo; các nhà luận trước đây chủ yếu phê phán nàng ở hai mặt, một là nói người này giả dối. Bản thân nàng có quan hệ xác thịt với Bảo Ngọc. Vậy mà nàng lại nói ở đó: ghê gớm lắm, Bảo Ngọc có thể bị cô gái khác quyến rũ, có thể thất thân.

Đại loại những lời như thế. Trinh tiết của Bảo Ngọc bị ai lấy mất? Bảo Ngọc thất thân với ai? Chẳng phải chính là nàng sao? Kết quả nàng lại chạy tới đó giả làm người tốt, nói mau đưa Bảo Ngọc ra khỏi Đại Quan viên đi. Nếu không, những người như Lâm Đại Ngọc đều lớn rồi, không khéo sẽ có "tư thế bất tài". Cái gọi là "tư thế bất tài" tức là xảy ra chuyện quan hệ nam nữ. Vì thế người ta cảm thấy nàng giả dối đến cực điểm. Có bạn Hồng học khi nói với tôi chuyện này thì cả người run lên, bảo Tập Nhân thật quá đáng ghét. Nhưng tôi có cách nhìn khác. Tôi nghĩ, khi phân tích chuyện Tập Nhân đến chỗ Vương phu nhân nói những lời ấy, gọi đó là hành vi mật báo, nói Tập Nhân giả dối, nói quan niệm của nàng rất tồi tệ, thì các vị còn bỏ qua một nguyên nhân rất quan trọng: yếu tố tâm lý. Chi phối việc một người làm, ngoài những lựa chọn về chính trị, đạo đức, ngoài những sách lược xử thế như chân thành hay giả dối, còn có một yếu tố vô cùng quan trọng, đó là những điều sâu kín trong tâm lý. Sở dĩ Tập Nhân khi ấy làm việc này là có một căn cứ tâm lý rất quan trọng. Tôi tin Tào Tuyết Cần đã viết nó ra rất nghiêm túc, chỉ là một số độc giả thường bỏ qua. Điều này được viết trong hồi 32 của Hồng Lâu Mộng. Đó là đoạn Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc thổ lộ gan ruột với nhau. Hồi này có nửa hồi mục là "Tố phế phủ tâm mê hoạt Bảo Ngọc".

Tình yêu của Giả Bảo Ngọc dành cho Lâm Đại Ngọc sau một quá trình đã đạt tới thời kỳ cuồng nhiệt. Vì thế cuối cùng có một ngày, sau khi gặp Lâm Đại Ngọc trong Đại Quan viên, chàng móc ruột gan ra mà nói. Lâm Đại Ngọc cũng vô cùng cảm động. Nhưng sau khi cảm động, nàng nói: chàng đừng nói nữa, rồi quay người đi. Giả Bảo Ngọc vẫn còn chìm trong cảnh lời nói khi ấy. Chàng không nhận ra Lâm Đại Ngọc đã đi rồi. Trời rất nóng, chàng định đi gặp Giả Vũ Thôn, lại quên mang quạt. Tập Nhân từ Di Hồng viện cầm quạt đuổi theo, định đưa quạt cho chàng. Tập Nhân đi tới, nhưng vì chàng còn đắm trong cảnh lời nói vừa rồi, không

nhìn rõ là ai, tưởng vẫn là Lâm Đại Ngọc. Chàng liền nắm tay Tập Nhân, nói một phen; những lời ấy, Tập Nhân nghe hiểu. Chàng nói thế nào? Giả Bảo Ngọc thổ lộ gan ruột. Chàng nói: em gái ngoan, những tâm sự này của ta từ trước không dám nói. Dù hôm nay ta cả gan nói ra, chết cũng cam lòng. Rồi chàng nói gì? Chàng nói: vì nàng mà ta cũng mắc căn bệnh suốt đời ở đây, lại không dám nói với ai, chỉ đành giấu kín. Trong ngủ trong mộng cũng không quên nàng. Nghĩa là gì?

Có người còn chưa nghe ra; nhưng Tập Nhân trong sách thì nghe ra. Tập Nhân nghe lời ấy thì thế nào? Tào Tuyết Cần hạ bút viết phản ứng của nàng ra sao? Ông nói Tập Nhân nghe xong thì sợ đến phách tán hồn tiêu, không kìm được kêu lên: trời ơi, Bồ Tát hại chết tôi rồi! Những phân tích trước đây phần nhiều chỉ dừng ở cảnh giới tư tưởng, tiêu chuẩn đạo đức của Tập Nhân. Nói rằng Tập Nhân dù sao cũng là một phụ nữ trẻ, Giả Bảo Ngọc nói ra thứ ngôn ngữ trần trụi như thế, không chỉ hàm nghĩa tình ái mà còn hàm nghĩa tính dục. Nàng cảm thấy nam nữ như vậy không chịu nổi; yếu tố này là có. Nhưng thật ra nét bút này của Tào Tuyết Cần không chỉ viết Tập Nhân, mà còn viết ý nghĩ sâu kín nhất trong lòng nàng. Ý nghĩ gì? Qua lời nói ấy của Giả Bảo Ngọc, Tập Nhân kinh ngạc phát hiện: ban đầu khi chàng cùng nàng sơ thí vân vũ tình, lúc thân mật với nàng thì người chàng nghĩ tới là nàng. Nhưng điều này cho thấy về sau trong một thời gian, cái gọi là trong ngủ trong mộng Giả Bảo Ngọc đều nghĩ tới Lâm Đại Ngọc. Nói cách khác, khi phát sinh quan hệ với Tập Nhân, đối tượng ảo tưởng tình dục của chàng vẫn là Lâm Đại Ngọc; chàng biến Tập Nhân thành một người thay thế. Đó là điều mọi phụ nữ khó lòng chịu đựng nhất.

Tôi nghĩ các phụ nữ trong thính phòng hoặc trước màn hình, những phụ nữ trưởng thành hãy tự hỏi lòng, điều không thể chịu đựng nhất chính là điều này. Dù chỉ là duyên sương móc, chàng cũng không thể làm như thế. Bất kỳ người phụ nữ nào cũng không thể chấp nhận điều ấy. Một phụ nữ bị tổn thương đến mức ấy, nơi sâu kín nhất trong lòng nàng, nơi không thể bị làm tổn thương nhất, đã bị làm tổn thương. Nàng sẽ hành động. với mình, đó là chuyện rất tự nhiên.

Vì thế nàng đi tìm Vương phu nhân nói những lời ấy, bởi phẩm chất của Tập Nhân quả thật không hoàn mỹ. Nàng có vấn đề của nàng. Nhưng phải nhìn Tập Nhân một cách toàn diện. Nàng có giới hạn cuối cùng mà nội tâm một người phụ nữ có thể bám giữ. Đó là giới hạn cuối cùng của tôn nghiêm. Chàng ôm ta, thân mật với ta, thì đối tượng ảo tưởng tình dục của chàng không thể là người khác.

Chỉ xét điểm này thì cũng có phần hợp lý.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, dù là chuyện Tập Nhân và Bảo Ngọc sơ thí vân vũ tình, hay hành vi mật báo sau này của nàng, tuy đều có chỗ không thỏa đáng, nhưng chúng đều xuất phát từ thiên tính của một người phụ nữ, không thể hoàn toàn dùng hai chữ ích kỷ, giả dối để khái quát. Chỉ khi đọc kỹ và phân tích cẩn thận, mới có thể đưa ra một đánh giá tương đối khách quan. Ngoài hai lời chỉ trích nói trên, hành vi Tập Nhân khi nhà họ Giả suy bại mà bội bỏ lời thề tình yêu với Bảo Ngọc cũng khiến nhiều người rất phản cảm, cho rằng nàng là kẻ tiểu nhân không có khí tiết. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ lại cho rằng, nội dung Cao Ngạc viết tiếp trong*

*phần này đã trái với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Theo khảo cứu của ông, việc Tào Tuyết Cần miêu tả Tập Nhân rời phủ Vinh Quốc sẽ là một đại sự kinh tâm động phách. Và việc này chính là chứng minh tấm lòng trung thành của Tập Nhân với nhà họ Giả và Bảo Ngọc. Rốt cuộc chuyện ấy là thế nào?*

Ở phần cuối đơn nguyên tình tiết từ hồi 82 đến hồi 90. Theo sự khảo cứu của chúng ta, có thể ước đoán rằng, Tào Tuyết Cần sẽ viết ở cuối đơn nguyên tình tiết này việc hoàng đế giáng đòn đầu tiên xuống nhà họ Giả, xuống phủ Vinh Quốc. Đòn đánh lần này có thể là phái Trung Thuận vương tới, không phải xét nhà, mà trước tiên là niêm phong, kiểm tra. Trước hết là đối với những người hầu hạ của phủ, một số sẽ bị Trung Thuận vương chia lấy đi, bị giải tán. Trong tình huống này, Trung Thuận vương sẽ chỉ đích danh đòi Tập Nhân. Có người nói: việc này có căn cứ gì? Chẳng phải hoàn toàn dựa vào tưởng tượng của chúng ta sao?

Mọi người còn nhớ hồi 28 có một tình tiết không? Đó là ở nhà Phùng Tử Anh, Phùng Tử Anh mời Giả Bảo Ngọc, mời Tiết Bàn đi uống rượu, trong đó còn có một đào hát, tức Kỳ Quan, chính là Tưởng Ngọc Hàm, cùng một kỹ nữ ở Cẩm Hương viện tên Vân Nhi. Mấy người ở đó uống rượu, hát khúc. Chính trong trường hợp ấy, Giả Bảo Ngọc quen Tưởng Ngọc Hàm, hơn nữa còn trao đổi lễ vật. Tưởng Ngọc Hàm đem một chiếc khăn thắt lưng đỏ thẫm điểm máu tặng cho Giả Bảo Ngọc. Về sau Giả Bảo Ngọc trở lại Di Hồng viện, lại vào lúc ngủ đêm buộc chiếc khăn ấy lên lưng Tập Nhân.

Đương nhiên đây là một phục bút, cho thấy cuối cùng Tưởng Ngọc Hàm sẽ cưới Tập Nhân. Về cách hiểu phục bút này, Cao Ngạc không sai. Cuối cùng ông cũng viết có một chiếc khăn thắt lưng đóng vai trò như vật môi giới, vì vậy sau cùng, Tưởng Ngọc Hàm cưới Tập Nhân. Nhưng trong các bài giảng trước của tôi, tôi đã phân tích rất nhiều. Thực tế, giữa Trung Thuận vương và Bắc Tĩnh vương, việc tranh giành một đào hát là Tưởng Ngọc Hàm có ý nghĩa tượng trưng. Đó là một cuộc đấu đá chính trị, không phải một việc đơn giản.

Vì vậy khi Trung Thuận vương đến Giả phủ, niêm phong Giả phủ, vậy thì, khi chia một phần lớn nô bộc về chỗ mình, ông ta liền điểm tên Tập Nhân. Một mặt là để đả kích Bảo Ngọc. Ông ta biết Bảo Ngọc là người thừa kế quan trọng nhất của phủ Vinh Quốc, đời sống của chàng không thể thiếu Tập Nhân. Ông ta chỉ đích danh đòi Tập Nhân. Vốn có thể với các phòng khác, ông ta chỉ nêu con số, ví dụ phòng Vương Hy Phượng chỉ cho phép giữ lại hai người, còn lại đều phải về chỗ ta, hai người được giữ lại thì tự các ngươi cân nhắc. Ta muốn ai cũng không điểm tên.

Các phòng đều như vậy, nhưng đối với phòng Giả Bảo Ngọc, ông ta lại điểm tên: Tập Nhân, ngươi theo ta. Lúc này, Tập Nhân đứng trước một lựa chọn sinh tử.

Đi hay không đi. Ở thời điểm then chốt này, nếu đắc tội với Trung Thuận vương, thì không còn là vấn đề sống chết của riêng Tập Nhân nữa. Nó liên quan tới an nguy của Bảo Ngọc. Lúc ấy Bảo Ngọc hẳn đã kết làm vợ chồng với Tiết Bảo Thoa. Nó liên quan tới an nguy của hai người Bảo Ngọc – Bảo Thoa. Càng liên quan

tới tiền đồ của cả phủ Vinh Quốc. Nếu ứng phó tốt, có lẽ còn có thể thông qua Giả Nguyên Xuân vận động trong cung. Cuối cùng, cục diện của phủ Vinh Quốc có thể còn được hòa hoãn. Nếu không.

Thì mọi người cùng chết. Vì vậy lúc này, Tập Nhân dứt khoát đưa ra quyết định. Nàng nói: ông điểm tên tôi, thì tôi đi. Có thể Giả Bảo Ngọc và Tiết Bảo Thoa không nỡ rời nàng. Họ còn đang nghĩ, liệu có thể tìm một cách ứng phó qua chuyện, giữ nàng lại không. Nhưng nàng tự mình quyết định: để tôi đi. Cho nên việc Tập Nhân rời phủ Vinh Quốc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần không giống như Cao Ngạc viết, dường như rất vô sỉ, bản thân không muốn chết, bản thân nuốt lời.

Bản thân đánh mất chuẩn mực đạo đức tối thiểu. Không phải như vậy. Tập Nhân vẫn là một nghĩa cử, nàng vì bảo vệ Bảo Ngọc, Bảo Thoa, vì duy trì cục diện của nhà họ Giả khi ấy không đến nỗi xấu thêm. Ông điểm tên tôi, thì tôi đi.

Nàng rời khỏi Giả phủ như vậy, rời khỏi phủ Vinh Quốc.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, trong Hồng Lâu Mộng theo nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, cuối cùng Tập Nhân rời Giả phủ suy bại không phải là bội tín vong nghĩa. Không phải như trong phần viết tiếp của Cao Ngạc, "ôm tỳ bà, bước sang thuyền khác", mà là vì bảo vệ lợi ích của Giả phủ, vì bảo vệ Bảo Ngọc, Bảo Thoa, nàng rời đi với tấm lòng trung thành không đổi đối với Bảo Ngọc. Không nghi ngờ gì, nếu thật là tình huống như vậy, ấn tượng mà Tập Nhân để lại cho mọi người sẽ có sự thay đổi rất lớn. Nhưng bản thảo sau hồi 80 của Tào Tuyết Cần rốt cuộc đã thất lạc. Vậy căn cứ để ông Lưu Tâm Vũ đưa ra những suy đoán này rốt cuộc là gì?*

Cách nhìn này của tôi có căn cứ không? Có căn cứ. Trong hồi 21, có một lời phê ký tên Ky Hốt Tẩu. Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu là một người hay hai người, hiện giờ chúng ta không bàn. Trong hồi 21, có một lời phê nói như sau: "Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới thấy được chính văn." Điều đó chứng tỏ sau hồi 80 sẽ có một hồi viết tới miếu Ngục Thần, trong đó sẽ xuất hiện Thiến Tuyết. Sau đó, trong hồi ấy còn xuất hiện Tập Nhân. Lời phê nói: "Chính văn chính mục của Tập Nhân là Hoa Tập Nhân có thủy có chung.".

Bản sao chép tay chép nhầm chữ "mục" thành chữ "thương", nhưng rõ ràng đó là một lỗi bút, chính là chữ "mục" trong hồi mục.

Hồi mục của hồi ấy, người phê không dẫn trọn. Có thể nửa hồi đầu có Thiến Tuyết, có miếu Ngục Thần; năm chữ này chắc chắn có. Nửa hồi sau là "Hoa Tập Nhân có thủy có chung", bảy chữ này đều có.

Chỉ có một chữ người phê chưa dẫn ra mà thôi. Vì vậy, theo tiết lộ của Chi Nghiễn Trai, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tập Nhân không phải là nhân vật bị phê phán, không phải người "ôm tỳ bà bước sang thuyền khác", có đầu mà không có cuối. Trái lại, ông cho rằng quan hệ giữa nàng và Giả Bảo Ngọc, chỉ nói về quan

hệ giữa người với người, vẫn là có thủy có chung. Lời phê này lại nói: "Ta chỉ từng thấy một lần khi sao chép lại, ở miếu Ngục Thần, các bản thảo năm sáu hồi về Bảo Ngọc... bị người mượn đọc làm thất lạc, than ôi, than ôi." Điều này càng chứng minh, Chi Nghiễn Trai hoặc Ky Hốt Tẩu không chỉ nghe Tào Tuyết Cần kể một ý tưởng, mà Tào Tuyết Cần đã viết xong bản thảo ấy. Ai sao chép? Ai chép lại sạch? Chính ông ta đã chép lại. Khi chép lại, ông ta nhìn rất rõ có những tình tiết như vậy. Nhưng thật bất hạnh, không chỉ một bản thảo, mà có năm sáu bản, ước chừng là bản thảo năm sáu hồi, cuối cùng đều thất lạc, vô cùng đáng tiếc. lại có một lời phê, nói, nói.

Đến Tưởng Ngọc Hàm. Hồi này cùng với Tập Nhân, cùng phụng dưỡng anh Bảo, chị Bảo, được cùng có thủy có chung, không phải văn chương tầm thường. Tức là về sau, cục diện Giả phủ càng thêm xấu đi, Bảo Ngọc và Bảo Thoa có một thời gian kinh tế vô cùng khó khăn. Khi ấy, ai giúp đỡ họ về kinh tế? Không phải ai khác, chính là Tập Nhân và Tưởng Ngọc Hàm.

Điều này được viết rõ ràng trong cổ bản sao chép tay. Hơn nữa, người ấy đã nhìn thấy những bản thảo phía sau, không phải chỉ nhìn qua loa, mà vừa sao chép vừa đọc. Vì vậy suy đoán của tôi là có căn cứ. Do đó chúng ta có thể rút ra kết luận: đó là Tập Nhân rời phủ Vinh Quốc không giống như Cao Ngạc viết là sau khi Bảo Ngọc xuất gia. Nàng rời đi khi Bảo Thoa còn sống, khi hôn nhân của Bảo Ngọc và Bảo Thoa còn tồn tại.

Trong tình huống phủ Vinh Quốc chịu đợt đả kích đầu tiên. Nàng rời phủ Vinh Quốc không phải là phản bội Giả Bảo Ngọc, không phải cái gọi là "ngàn khổ ngàn nan chỉ một chết", "đau lòng há riêng phu nhân họ Tức", không thể đem nàng so sánh với Tức phu nhân thời Chiến Quốc. Nàng là vì bảo vệ Giả phủ, vì sau này còn có cơ hội giúp Bảo Ngọc. Hơn nữa dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tập Nhân là một sinh mệnh có thủy có chung.

*Nói đến Tập Nhân, chúng ta tự nhiên sẽ nghĩ tới một phụ nữ khác trong Hồng Lâu Mộng: Xạ Nguyệt. Xạ Nguyệt làm việc cẩn thận, suy nghĩ chu đáo, trong rất nhiều nha hoàn bên cạnh Giả Bảo Ngọc, nàng giống Tập Nhân nhất. Đối với nhân vật này, ông Lưu Tâm Vũ cũng tiến hành nghiên cứu. Trong nghiên cứu, ông phát hiện một điểm rất đặc biệt ở Xạ Nguyệt. Rốt cuộc chuyện ấy là thế nào?*

Số phận của Tập Nhân lại liên hệ chặt chẽ với số phận của một nha đầu khác, đó chính là Xạ Nguyệt. Có một lời phê hiện còn tồn tại rất quan trọng. Đó là ở hồi 20. Hồi 20 có một đoạn tình tiết, viết gì? Nguyên Xuân về thăm nhà đã kết thúc, Giả Bảo Ngọc và mọi người vẫn còn ở cùng Giả mẫu.

Lúc ấy đang dịp lễ tết, rất náo nhiệt, các nha đầu đều ra ngoài chơi. Giả Bảo Ngọc phát hiện chỉ có một mình Xạ Nguyệt ở đó trông nhà. Giả Bảo Ngọc hỏi nàng: sao ngươi không ra ngoài chơi? Nàng nói lúc này, Tập Nhân lại không có ở đây, dưới kia nhiều đèn lửa như vậy, nếu ta cũng ra ngoài, lỡ xảy ra chuyện thì làm sao? Lúc ấy, trong lòng Giả Bảo Ngọc có một phản ứng, nói rằng: quả nhiên lại là một Tập Nhân. Bởi chàng nghĩ, những nha đầu ấy đều rất ngây thơ, hồn nhiên, đều ham chơi. Còn Xạ Nguyệt thì nói, trong việc chăm

nom không gian ở của Giả Bảo Ngọc, chăm nom sinh hoạt của Giả Bảo Ngọc, nàng rất giống Tập Nhân. Đoạn tình tiết này.

Vậy thì, tình tiết này có lời phê của Chi Nghiễn Trai. Bà ta nói như sau, bà nói: "Trước dẫn một đoạn khẩu thiệt giữa các cô gái." Tức là trong tình tiết ấy còn có Tình Văn. Nàng cùng người khác đánh bạc chơi, thua, trở về lấy tiền, bắt gặp Bảo Ngọc đang chải đầu cho Xạ Nguyệt. Sau đó có một ít tranh cãi; chuyện này các vị cứ giở sách xem, tôi không triển khai kỹ ở đây.

Bà ta nói: đoạn văn này có ý nghĩa gì? Chi Nghiễn Trai nói với chúng ta, bà nói: tuy viết khẩu thiệt giữa hai cô gái, nhưng thật ra là viết một mình Xạ Nguyệt. Đoạn này chuyên vì Xạ Nguyệt mà viết. Sau đó bà bắt đầu nói cho bạn biết sau hồi 80 có những tình tiết gì. Bà nói: sau khi Tập Nhân xuất giá, vừa rồi tôi đã giảng một đoạn tình tiết rồi, bên cạnh Bảo Ngọc, Bảo Thoa còn có một người. Tuy không chu đáo bằng Tập Nhân, cũng có thể tránh được những mối lo nguy hiểm, bệnh nhỏ, như vậy mới không phụ con người Bảo Thoa. Cho nên sau khi Tập Nhân xuất giá có câu: "Dù sao cũng giữ Xạ Nguyệt lại," một câu như vậy. Tức là Trung Thuận vương điểm danh bắt Tập Nhân đi. Trong tình huống ấy.

Khi Tập Nhân sắp đi, nàng nói với Bảo Ngọc: trong số các nha đầu dưới này, ví dụ nếu chỉ được phép giữ lại một người, thì chàng nên giữ Xạ Nguyệt, dù sao cũng giữ Xạ Nguyệt lại. Có thể Xạ Nguyệt không đẹp lắm, cũng không quá khéo léo, nhưng Tập Nhân để lại lời: dù sao cũng giữ Xạ Nguyệt lại. Về sau, Bảo Ngọc bèn nghe theo lời ấy. Có thể thấy Tập Nhân tuy xuất giá, tuy đi mà thật ra chưa đi. Vì sao? Bởi Xạ Nguyệt quả nhiên lại là một Tập Nhân. Thiết kế tình tiết của Tào Tuyết Cần là như vậy. Dĩ nhiên, còn có một số tình tiết Tào Tuyết Cần có thể sẽ viết sinh động hơn, và có vài làn sóng thăng trầm, nhưng dù thế nào.

Sau khi Trung Thuận vương điểm tên gọi Tập Nhân đi, cuối cùng ông ta thưởng nàng cho đào hát Tưởng Ngọc Hàm. Rõ ràng, ở hồi 35, sau khi Giả Chính đánh Bảo Ngọc đau, chẳng phải Bảo Ngọc đã khai ra Tưởng Ngọc Hàm đi đâu rồi sao? Chàng nói ở Tử Đàn bảo ngoại ô phía đông, mua nhà và ruộng. Trung Thuận vương đương nhiên tìm Tưởng Ngọc Hàm về, khống chế Tưởng Ngọc Hàm, đồng thời lại muốn Tưởng Ngọc Hàm phục vụ mình. Để làm Tưởng Ngọc Hàm hài lòng, ông ta gả Tập Nhân cho anh ta. Điều đáng chú ý nhất là còn có một lời phê.

Lời phê này cũng ký tên Ky Hốt Tẩu. Lời phê này rất đáng kinh ngạc. Lời phê này ở bên cạnh đoạn tình tiết ấy, ông ta nói thế nào? Ông ta nói: "Xạ Nguyệt lặng lẽ không lời, khiến người đọc chua xót sống mũi, đúng là đối cảnh thương tình." Có người đọc Hồng Lâu Mộng quả thật thấy lạ: trong đoạn tình tiết này Xạ Nguyệt nói rất nhiều, trong đoạn tình tiết này Xạ Nguyệt có lời thoại, Xạ Nguyệt đâu phải lặng lẽ không lời, đúng không? Hơn nữa đoạn tình tiết này xảy ra khi Giả phủ còn đang rất thịnh vượng, vào dịp lễ tết, các nha đầu đều có thể tự do vui chơi, đó là những cảnh rất đẹp, sao lại chua xót sống mũi? Điều này chứng minh một vấn đề: người viết lời phê ấy, khi viết lời phê, bên cạnh ông có một người, người ấy chính là nguyên mẫu của Xạ Nguyệt. Điều đó cho thấy rất nhiều nhân vật trong Hồng Lâu Mộng đều có nguyên mẫu. Nhân vật

nguyên mẫu này sau một phen bi hoan ly hợp, cuối cùng lại ngồi cùng nguyên mẫu Chi Nghiễn Trai hoặc Ky Hốt Tẩu. Nguyên mẫu Xạ Nguyệt ấy không có mấy học vấn.

Nhưng Chi Nghiễn Trai hoặc Ky Hốt Tẩu, không cần nói cũng biết, là người có học. Khi phê tới đoạn tình tiết này, người phê sách nói với cô gái bên cạnh: đoạn này viết chính là cô. Xạ Nguyệt nghĩ đến chuyện cũ, lặng lẽ không lời. Vốn dĩ người này hơi ngốc nghếch, không giỏi nói năng, nàng vừa im lặng.

Đối diện với đoạn văn này của Tào Tuyết Cần, người phê sách lúc ấy liền cảm thấy chua xót sống mũi. Thế nào gọi là chua xót sống mũi? Trong đời ai cũng từng có trải nghiệm ấy: đọc sách mà nhất thời không khóc nổi, nước mắt chưa chảy ra, nhưng sống mũi đã cay. Đôi khi đó là trạng thái còn đau lòng hơn cả khóc nức nở. Vì vậy đọc Hồng Lâu Mộng, đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng là rất quan trọng. Đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng, ngoài chính văn, đọc những lời phê này cũng rất quan trọng. Nó giúp chúng ta hiểu bộ sách này, hiểu tâm thế khi Tào Tuyết Cần sáng tác, đặc biệt là giúp chúng ta biết được sau hồi 80 Tào Tuyết Cần sẽ có thể viết theo cách nào, viết ra những văn tự gì, cung cấp những nguồn tư liệu vô cùng quý giá. Đó là sự tìm tòi đại thể về nội dung từ hồi 82 đến hồi 90 sau hồi 80 của cổ bản Hồng Lâu Mộng, tức Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần.

Vậy đơn nguyên tình tiết từ hồi 91 đến hồi 99 sẽ xuất hiện tình tiết quan trọng nào? Sẽ có chuyện Giả Thám Xuân đi lấy chồng xa. Vậy Giả Thám Xuân rốt cuộc vì sao phải lấy chồng xa? Rốt cuộc nàng được gả xa tới nơi nào? Xin mời nghe tôi khảo cứu ở kỳ sau.

*Trong Hồng Lâu Mộng, Giả Thám Xuân là một nhân vật rất quan trọng. Tuy sinh trong hào môn vọng tộc, nhưng vì là con vợ lẽ, Giả Thám Xuân thường vì xuất thân mà cảm thấy tự ti sâu sắc. Nhiều người sau khi đọc Hồng Lâu Mộng do Cao Ngạc viết tiếp đều cho rằng, trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, số phận của Giả Thám Xuân không nghi ngờ gì là tốt nhất. Nàng may mắn được gả xa tới một nhà quan lại, nhờ đó thoát khỏi vận rủi nhà họ Giả bị xét nhà. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ thông qua nghiên cứu kỹ 80 hồi đầu đã phát hiện vấn đề ở vài tình tiết quan trọng, từ đó đặt nghi vấn đối với phần Cao Ngạc viết tiếp về kết cục số phận Giả Thám Xuân. Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, kết cục số phận mà Tào Tuyết Cần thiết kế cho Giả Thám Xuân rốt cuộc là gì? Căn cứ của kết quả khảo cứu mà ông trình bày lại là gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ cùng quý vị khảo cứu câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, kể cho quý vị tập 8: Bí ẩn Giả Thám Xuân.*

# Tập 52

Bí ẩn Giả Thám Xuân

*Sau khi đọc phần Hồng Lâu Mộng do Cao Ngạc viết tiếp, nhiều người đều cho rằng trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa, số phận Giả Thám Xuân chắc chắn là tốt đẹp nhất. Nàng may mắn được gả xa vào một nhà quan lại, nhờ đó thoát khỏi vận dữ khi nhà họ Giả bị xét nhà. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ, qua nghiên cứu kỹ tám mươi hồi đầu, đã phát hiện vấn đề ở vài tình tiết quan trọng, từ đó đặt nghi vấn đối với phần Cao Ngạc viết tiếp về kết cục số phận của Giả Thám Xuân. Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, kết cục mà Tào Tuyết Cần thiết kế cho Giả Thám Xuân rốt cuộc là gì? Kết quả thám dật mà ông đưa ra...*

*Trong Hồng Lâu Mộng, Giả Thám Xuân là một nhân vật rất quan trọng. Tuy sinh trưởng trong nhà hào môn vọng tộc, nhưng vì là con thứ, Thám Xuân thường mặc cảm sâu sắc về xuất thân của mình. Còn tính cách hiếu thắng, tinh minh tháo vát lại khiến nàng được mọi người kính trọng. Sau khi đọc bản Hồng Lâu Mộng thông hành, nhiều người đều cho rằng trong số các tiểu thư của phủ Giả, kết cục số phận của Giả Thám Xuân chắc chắn là tốt đẹp nhất. Khi những người khác chịu khổ vì gia tộc bị xét nhà, chỉ có nàng may mắn được gả xa vào nhà quan lại, nhờ đó tránh được một tai họa ngập đầu. Tuy nhiên, kết cục mà Cao Ngạc sắp đặt cho Giả Thám Xuân có phù hợp nguyên ý của Tào Tuyết Cần không?*

*Qua nghiên cứu kỹ vài tình tiết quan trọng trong tám mươi hồi đầu, đặc biệt là phân tích lời phán và khúc hát về Thám Xuân ở hồi thứ năm, ông Lưu Tâm Vũ đã đặt nghi vấn đối với phần này, cho rằng nó hoàn toàn không phù hợp với sắp đặt cuối cùng của Tào Tuyết Cần dành cho Giả Thám Xuân. Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, số phận cuối cùng của Giả Thám Xuân dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần rốt cuộc thế nào? Căn cứ của kết quả thám dật mà ông đưa ra là gì? Chúng ta hãy cùng theo ông Lưu Tâm Vũ đi vào câu chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng, nghe ông giảng tập thứ tám: Bí ẩn Giả Thám Xuân.*

Bản 120 hồi viết chuyện Giả Thám Xuân gả xa như thế này. Nó nói Giả Chính được hoàng đế phái đi làm việc ở nơi khác, nhờ đó tiếp xúc với một vị Tổng chế trấn giữ vùng Hải Môn, tên là Chu Quỳnh.

Chu Quỳnh có một người con trai, bèn xin Giả Chính gả con gái cho con mình. Sau đó Giả Chính gả Giả Thám Xuân cho con trai Chu Quỳnh. Như vậy cũng miễn cưỡng coi là gả xa, vì chức quan ấy là Tổng chế trấn giữ Hải Môn cùng các nơi, cho thấy đó là vùng phía nam tương đối gần biển. Tức là một viên quan như vậy. Nhưng điều đó không phù hợp với nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Giả Thám Xuân không hề được gả đi rất xa.

Đó là nơi cha nàng còn có thể tới, rồi nàng được gả tới đó. Càng không hề ra nước ngoài. Hơn nữa Cao Ngạc viết rất lạ. Về sau, tuy nhà họ Giả chịu chút đả kích, nhưng lại nhờ hoàng ân được xá tội, nối dài ân

trạch, gia tộc cũng phục hồi. Thế là Giả Thám Xuân lại trở về nhà, thăm hỏi người thân. Tuy là gả xa, nhưng về nhà không khó.

Những điều này đều không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Tào Tuyết Cần rất coi trọng nhân vật Giả Thám Xuân, vì vậy những ám chỉ về vận mệnh sau này của nhân vật này, những phục bút, những lời dự ngôn, đều đặc biệt nhiều. Thật sự rất nhiều. Trước hết là ở hồi thứ năm. Không có ngoại lệ, ông cũng thiết kế cho Giả Thám Xuân bức tranh trên sách mệnh, cùng lời phán bên cạnh. Bức tranh ấy, độc giả và các nhà bình luận xưa nay thường bỏ qua một chi tiết trong đó, rất ít bàn đến.

Hôm nay tôi lại muốn bàn chính chi tiết ấy. Bức tranh vẽ thế nào? Gọi là: hai người thả diều, một vùng biển lớn, một chiếc thuyền lớn, trên thuyền có một cô gái, dáng vẻ che mặt khóc. Một vùng biển lớn cho thấy nàng phải vượt biển. Một chiếc thuyền lớn, không phải thuyền nhỏ, cho thấy phải đi rất xa. Chỉ thuyền lớn mới đi xa được.

Rồi bên trong, một cô gái che mặt khóc, chính là bản thân Giả Thám Xuân. Che mặt khóc, việc nàng gả xa không phải chuyện vui, thực ra là một việc rất thương tâm. Những điều này không lạ. Điều lạ là trên bờ lại vẽ hai người thả diều. Không phải vẽ một người thả diều, mà là vẽ hai người thả diều. Điều này rất đáng khảo cứu.

Rốt cuộc là sao? Vì sao phải vẽ hai người thả diều? Lời phán của nàng thì mọi người đều rất quen. Lời phán Tào Tuyết Cần viết cho Thám Xuân là như thế này:

Chí cao tài giỏi có ai bì,

Gặp lúc nhà suy, vận cũng suy,

Nhớ tiếc thanh xuân ra bến khóc,

Gió đông nghìn dặm mộng xa đi.

Qua câu "Nhớ tiếc thanh xuân ra bến khóc", chúng ta có thể thấy Giả Thám Xuân rơi lệ đau lòng khi bị gả xa nơi khác.

Tiếp đó, trong khúc hát về Thám Xuân, Tào Tuyết Cần lại viết:

Đường xa mưa gió một chèo,

Cửa nhà, ruột thịt thôi đều bỏ qua.

Con đành lỗi với mẹ cha,

Khóc thương chỉ thiệt thân già đấy thôi.

Cùng thông số đã định rồi,

Hợp tan âu cũng duyên trời chi đây,

Phân chia hai ngả từ nay,

Dám mong giữ được ngày ngày bình yên,

Con đi xin chớ lo phiền.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, nếu nói lời phán biểu đạt chỉ là tâm trạng ly biệt đau buồn, thì khúc hát lại viết ra một bầu không khí càng thê lương, nặng nề hơn. Điều này hoàn toàn không khớp với bầu không khí tương đối nhẹ nhàng lạc quan trong kết cục mà Cao Ngạc thiết kế cho số phận Giả Thám Xuân.*

Bây giờ tôi chỉ nêu với bạn một vấn đề: sau khi đọc lời phán và khúc hát hồi thứ năm, bạn có cảm thấy sau khi Giả Thám Xuân gả đi, nàng còn có thể trở về nhà mẹ không? Bạn có tin những gì Cao Ngạc viết phù hợp với phục bút của Tào Tuyết Cần ở hồi thứ năm không?

Về phục bút liên quan đến nàng, ở hồi hai mươi hai lại xuất hiện. Hồi hai mươi hai viết mọi người làm thơ đố đèn. Bài thơ đố đèn của Giả Thám Xuân đố về con diều. Bạn thấy đó, nàng có quan hệ rất lớn với diều. Bức tranh bên cạnh lời phán là hai người thả diều.

Còn thơ đố đèn của nàng là thơ về diều. Tôi đọc qua bài thơ diều này một chút, bạn xem tôi muốn nhấn mạnh điều gì. Bài thơ viết:

Trẻ con ngửa mặt nhìn trời,

Thanh minh là tiết dong chơi hợp thì.

Mỏng manh một sợi du ti,

Biệt ly đừng có trách gì gió đông.
Toàn bài dĩ nhiên là báo trước nàng phải gả xa, điều đó không lạ. Điều tương đối lạ là vì sao lại nhấn mạnh một tiết khí: Thanh minh?

Thanh minh là mùa xuất giá sao? Thanh minh là tiết khí thích hợp để xuất giá sao? Ngày xưa người ta gọi Thanh minh là tiết gì? Gọi là tiết Quỷ. Đó là ngày tế điện vong hồn. Nhưng qua những ám chỉ liên quan ở

phía trước và điểm rõ trong bài thơ này, tất cả đều cho thấy ngày Giả Thám Xuân xuất giá rất không thích đáng, rất không hợp lễ.

Rõ ràng không phải một cuộc xuất giá bình thường.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, qua phân tích lời phán, khúc hát và thơ đố đèn mà Tào Tuyết Cần viết cho Giả Thám Xuân, không khó phát hiện kết cục Giả Thám Xuân gả xa nơi khác dường như không xung đột quá lớn với nội dung Cao Ngạc viết tiếp. Thế nhưng, dù là lời phán, khúc hát hay thơ đố đèn, mỗi lần đọc kỹ đều có thể cảm nhận trong đó một cảm giác thê lương và nặng nề. So sánh ra, phần kết cục Cao Ngạc viết tiếp cho Thám Xuân rõ ràng có không khí nhẹ nhàng hơn nhiều. Hai bên chênh lệch quá lớn. Vậy, Thám Xuân có thật như Cao Ngạc viết, được gả vào một nhà quan lại hiểu sách biết lễ, và còn có cơ hội về nhà thăm thân hay không?*

*Đối với phần nội dung này, ông Lưu Tâm Vũ đã đặt nghi vấn. Vậy căn cứ để ông nêu nghi vấn là gì?*

Ở hồi sáu mươi ba, viết chuyện "Thọ Di Hồng quần phương khai dạ yến", mọi người rút thẻ hoa. Giả Thám Xuân rút được một thẻ. Trên thẻ ấy có bốn chữ "Dao trì tiên phẩm". Rồi có một câu thơ, là "Tựa mây hồng hạnh giồng bên mặt trời". Nàng được ví như hoa hạnh. Đóa hoa hạnh này không phải hoa hạnh bình thường, mà là hoa hạnh nở sát bên mặt trời. Khí tượng ấy rất đẹp. Vì vậy các cô gái có mặt lúc đó liền bàn luận.

Bàn luận điều gì? Họ nói nhà ta đã có một vị vương phi rồi, lẽ nào cô cũng là vương phi hay sao? Câu này xưa nay đã có độc giả chỉ ra rằng hơi kỳ lạ. Theo miêu tả trong sách, nhà họ Giả có vương phi không? Trong câu chuyện của sách, nhà họ Giả không có vương phi. Nhà họ Giả có hoàng phi.

Giả Nguyên Xuân nhà họ Giả địa vị cao hơn vương phi, ở bên cạnh hoàng đế. Bạn còn nhớ không? Hồi mười sáu đã nói rất rõ thân phận của nàng. Nàng được tuyển vào Phượng Tảo cung, được phong Hiền Đức phi. Nàng là một hoàng phi. Vậy vì sao trong sách lại viết thành vương phi?

Trong những buổi giảng trước, tôi từng có một giải mã. Tôi nói với mọi người: trong đời sống chân thực, nhà Tào Tuyết Cần, Tào Dần có một người con gái gả cho Bình quận vương, hơn nữa là do Khang Hy chỉ hôn. Tức là Tào Tuyết Cần có một người cô quả thật là vương phi. Vì vậy khi người nhà họ Tào trò chuyện, các cô gái đùa giỡn với nhau, có thể thường có một câu như thế: Nhà ta đã có một vương phi rồi, lẽ nào cô cũng muốn làm vương phi sao? Ông rất tự nhiên đưa câu nói ấy vào sách của mình. Đây là lời giải thích tôi từng đưa ra trong các buổi giảng trước.

Bây giờ tôi muốn bổ sung cách giải thích của mình. Ngay sau đây tôi sẽ nói rõ với bạn: vì sao trong hồi này, ông lại tạo câu như vậy. Ý ông là nói, sau này Giả Thám Xuân sẽ trở thành một vương phi. Chuyện này là thế

nào? Rất đáng suy xét. Đến hồi bảy mươi, mọi người điền từ về liễu nhứ.

Tào Tuyết Cần viết rất dụng tâm. Ông viết rằng Giả Thám Xuân điền bài từ ấy. Nàng điền một bài từ, nhưng chỉ điền nửa khuyết. Theo lệ, bài từ này chia thượng phiến và hạ phiến, tức thượng khuyết và hạ khuyết. Nàng chỉ điền nửa khuyết. Tác giả cố ý viết rằng nàng viết được nửa khuyết, rồi không viết tiếp được nữa.

Cuối cùng Giả Bảo Ngọc viết tiếp nửa khuyết sau cho nàng. Trong nửa khuyết mà Giả Bảo Ngọc viết tiếp, có một câu là: "Dẫu sang xuân sau lại gặp, cũng cách một năm kỳ". Liễu nhứ mỗi năm xuân đến một lần. Giả Bảo Ngọc có một nguyện vọng, tức là năm sau vẫn có thể gặp lại. Vì sao lại phải để Giả Bảo Ngọc viết câu ấy? Tôi nghĩ dụng ý của tác giả rất rõ.

Bởi nửa khuyết đầu do chính Giả Thám Xuân viết, câu cuối là: "Mặc cho đông tây nam bắc, mỗi nơi một ngả". Chính Giả Thám Xuân viết về liễu nhứ, bị gió thổi đông tây nam bắc, vĩnh viễn chia lìa, vĩnh viễn không còn có thể gặp lại. Nếu ông để cả bài từ này đều là tác phẩm của Giả Thám Xuân, thì chẳng khác nào chính Giả Thám Xuân dự ngôn rằng mình còn có thể trở về. Tào Tuyết Cần sắp đặt rất tinh vi. Ông nói cho bạn biết: nàng không về được. Vì vậy chính Giả Thám Xuân mới viết không nổi nữa.

*Câu Giả Bảo Ngọc viết, gọi là: "Dẫu sang xuân sau lại gặp, cũng cách một năm kỳ", chỉ là một ảo tưởng hư vọng, chỉ là một nguyện vọng cá nhân của Giả Bảo Ngọc, không thể thực hiện được. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, sau khi Thám Xuân gả xa, nàng sẽ không thể trở về nữa. Kết cục cuối cùng giữa nàng và người nhà chỉ có thể là: từ nay chia hai ngả, mỗi bên tự giữ bình an. Trong phần Cao Ngạc kể tiếp, tình tiết Thám Xuân về nhà thăm thân rõ ràng không phù hợp nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy nơi quy túc cuối cùng của Giả Thám Xuân lại ở đâu? Nàng sẽ gả vào một nhà như thế nào?*

*Có phải như Cao Ngạc viết, cuối cùng gả cho một nhà quan lại không? Ông Lưu Tâm Vũ lại hướng ánh mắt vào một phục bút dễ bị người ta bỏ qua, và phát hiện trong đó một thông tin quan trọng được giấu kín. Đó rốt cuộc là thông tin gì? Sự xuất hiện của nó có thể giúp chúng ta thám dật bí ẩn kết cục của Giả Thám Xuân không?*

Phục bút quan trọng nhất xuất hiện ở cuối hồi bảy mươi, chính là cảnh Giả Bảo Ngọc và các cô thả diều. Tác giả miêu tả rất phong phú.

Trong đó, cảnh Giả Thám Xuân thả diều được viết thú vị nhất. Nàng thả một con phượng hoàng. Điều này đương nhiên rất cát tường. Hơn nữa bản thân phượng hoàng cũng có nghĩa là người nữ đã trưởng thành, sắp làm quý phu nhân. Nàng thả một con phượng hoàng. Kết quả là phía đối diện, không biết nhà nào, cũng thả một con diều phượng hoàng.

Hai con diều quấn vào nhau.

Điều này đã khiến độc giả cảm thấy rất lạ. Chuyện gì vậy? Nhưng Tào Tuyết Cần vung bút viết tiếp, lại xuất hiện con diều thứ ba. Nó to như cánh cửa, hơn nữa con diều này còn có âm thanh, gắn chuông kêu. Đó là diều chữ Hỷ. Hơn nữa con diều này khi hạ xuống thì tiếng càng lúc càng lớn, như sấm rền. Con diều này lại quấn vào hai con diều phượng hoàng. Giằng qua giằng lại, cuối cùng dây của cả ba con diều đều đứt. Ba con diều quấn vào nhau, càng bay càng xa. Điều này ý vị sâu xa. Bên trong không chỉ có một tầng nghĩa. Có mấy tầng nghĩa. Lời dự ngôn này là một dự ngôn khá phức tạp. Sau tám mươi hồi, Tào Tuyết Cần sẽ lần lượt hồi ứng và chứng nghiệm nó. Chuyện là thế nào? Khi đọc tới hơn bảy mươi hồi đầu, bạn sẽ phát hiện tuổi của Giả Thám Xuân đã đến lúc bàn chuyện hôn nhân. Nàng có thể gả tới đâu?

Trong tám mươi hồi đầu cũng có manh mối để tìm. Ở hồi bảy mươi viết Giả mẫu mừng thọ, có một số khách quý tới. Trong đó có một vị khách quý tuyệt đối không phải nét bút nhàn. Vì vậy viết tới bà ấy rất thú vị. Đó là Nam An thái phi. Giả mẫu là một người rất có trình độ, rất có tâm cơ.

Sau đó Nam An thái phi nói: Hãy để các cô tiểu thư ra gặp ta. Lúc này Giả mẫu liền sắp đặt. Xin chú ý nét bút này, rất quan trọng. Giả mẫu nói các cô tiểu thư nhà tôi đều đang ở viện khác xem hát, dù sao cũng có đám tiểu đào hát đang làm náo nhiệt ở đó. Được, cứ để các cô ấy tới. Rồi bà dặn dò: để ai tới?

Để Lâm Đại Ngọc tới, để Tiết Bảo Thoa, Tiết Bảo Cầm tới, để Sử Tương Vân tới. Bốn vị tiểu thư này đều không phải người của chính phủ Giả, bạn hiểu chứ? Bốn vị tiểu thư này, nếu bàn chuyện hôn nhân, phải do cha mẹ, người giám hộ của họ quyết định, bạn hiểu chứ? Việc dẫn họ ra gặp Nam An thái phi có thể bà ấy cũng rất thích, nhưng không ảnh hưởng gì lớn. Rồi Giả mẫu lại nói: riêng cho Giả Thám Xuân ra. Phủ Giả có ba vị tiểu thư cũng đang cùng các cô tiểu thư họ hàng ấy xem hát bên trong.

Có Giả Nghênh Xuân, có Giả Tích Xuân. Tích Xuân thì bạn có thể nói là còn nhỏ, nhưng Nghênh Xuân còn lớn tuổi hơn Thám Xuân, phải không? Thế mà Giả mẫu không cho Giả Nghênh Xuân ra, lúc ấy Giả Nghênh Xuân cũng chưa định thân, mà chỉ cho Giả Thám Xuân ra. Giả mẫu có ý gì? Là tiến cử người ra bên ngoài. Sau khi mấy cô tiểu thư này đều tới, Nam An thái phi trước hết nói với Sử Tương Vân: Hóa ra cháu ở đây, nghe ta tới mà cháu cũng không ra gặp ta.

Bởi Nam An thái phi với hai người chú của Sử Tương Vân, Trung Tĩnh hầu và Bảo Linh hầu, rất thân quen, đã biết nhau từ lâu. Hơn nữa lúc ấy, mọi người đều biết Sử Tương Vân đã định thân. Rất thoải mái, chỉ là đùa vài câu. Còn hai chị em họ Tiết và Lâm Đại Ngọc, Nam An thái phi dĩ nhiên cũng nói nhiều lời hay, rất tán thưởng. Nhưng trong sách viết rất rõ: cô tiểu thư đầu tiên được Nam An thái phi kéo tay lại chính là Giả Thám Xuân. Giữa các bà lão này, nhiều chuyện họ hiểu ngầm với nhau.

Bà để Giả Thám Xuân ra, vậy ta liền hiểu. Đúng không? Giả Thám Xuân gả cho ai là do nhà họ Giả định đoạt, phải không? Cho nên Nam An thái phi hẳn đã để mắt tới Giả Thám Xuân. Con diều phượng hoàng thứ nhất tượng trưng cho Nam An quận vương, con trai của nhà bà ấy. Cũng tức là cháu trai của Nam An thái phi.

Cháu trai của Nam An thái phi, con trai của Nam An quận vương, sau khi kế thừa tước vị quận vương, vợ của anh ta có phải là vương phi không? Chính là một vương phi. Một tiền cảnh của Giả Thám Xuân là trở thành vương phi. Vì vậy câu nói ở hồi sáu mươi ba, sau tám mươi hồi, trong đơn nguyên từ hồi chín mươi mốt đến chín mươi chín, sẽ được ứng nghiệm. Tức là: khả năng số phận thứ nhất của Giả Thám Xuân là gả vào nhà Nam An thái phi. Tiền cảnh của nàng là trở thành một vương phi.

Đó là một tiền cảnh rất rực rỡ. Trong tình tiết "Tầm phương khai dạ yến" ở hồi sáu mươi ba, có người từng nói đùa Giả Thám Xuân tương lai có thể làm vương phi. Điều đó có phải có nghĩa là nàng thật sự sẽ gả vào nhà Nam An thái phi không? Nếu quả thật như vậy, thì Thám Xuân chắc chắn đã tìm được một nơi quy túc rất tốt. Vấn đề là, nếu thật như vậy, thì không còn vấn đề Thám Xuân gả xa nữa. Tào Tuyết Cần cũng sẽ không ở hồi thứ năm viết cho Thám Xuân lời phán và khúc hát thê lương, nặng nề như thế.

*Không nghi ngờ gì, tuy Tào Tuyết Cần đã điểm tới khả năng ấy, nhưng kết cục cuối cùng ông viết ra cho Thám Xuân không phải như vậy. Vậy đã không gả vào nhà Nam An thái phi, vì sao lại có cách sắp đặt tình tiết như thế? Tiếp theo lẽ nào còn xảy ra biến cố gì? Ông Lưu Tâm Vũ một lần nữa hướng ánh mắt vào cảnh thả diều ấy. Ở đây, ông còn phát hiện điều gì mới không?*

Cảnh thả diều ở hồi bảy mươi, vừa rồi tôi đã nói rồi.

Bây giờ bạn nghĩ lại xem, hai con phượng hoàng quấn vào nhau, không phải rất tốt sao? Nếu chuyện này thành, thì sau này Giả Thám Xuân chẳng phải là một vương phi sao? Nhưng lại có thêm một con diều khác, đặc biệt lớn, cho thấy một thế lực rất lớn. To như cánh cửa, bạn nghĩ xem lớn đến mức nào. Trên đó là một chữ Hỷ. Nó muốn làm việc hỷ.

Hơn nữa âm thanh của nó đặc biệt vang, như sấm rền. Là ai? Hoàng đế. Chuyện là thế nào? Chúng ta phân tích một chút, thì không khó hiểu. Ở thời đại ấy, vào triều Thanh, không nói thời Thuận Trị, cũng chưa nói sau Càn Long, mà trong ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, hoàng gia thường dùng công chúa hoặc quận chúa để hòa thân với ngoại phiên.

Một mặt, một số dân tộc thiểu số ở vùng biên viễn nổi loạn, thì phải phái lực lượng vũ trang đi trấn áp. Đó là một cách cứng rắn. Có lúc đánh không thắng, hoặc họ đến triều cống, biểu thị thần phục, thì lúc này phải gả nữ tử hoàng gia của mình sang đó, thiết lập quan hệ huyết thống, để ổn định lòng trung thành của họ đối với triều đình.

Vậy trong đơn nguyên tình tiết từ hồi chín mươi mốt đến chín mươi chín sau tám mươi hồi, Tào Tuyết Cần sẽ viết đến hoàng đế trong sách, đem Giả Thám Xuân đi hòa thân với ngoại phiên. Vốn dĩ Giả Thám Xuân có hy vọng trở thành cháu dâu của cháu trai Nam An thái phi, tức là con dâu của con trai Nam An vương, trở thành một vương phi danh chính ngôn thuận. Nhưng sau khi hai con diều phượng hoàng quấn vào nhau, lại

xuất hiện một con diều to bằng tấm ván cửa, vang động rất lớn, phá hỏng chuyện của họ. Nói cách khác, cuối cùng hoàng đế trong sách đem Giả Thám Xuân giả làm nữ tử hoàng gia để gả cho ngoại phiên, đạt tác dụng hòa thân. Tôi thấy phía dưới có người cau mày, nói cách nói này của ông có phải hơi thiếu cân nhắc không? Bởi trước đây ông đã nói, khi trong sách viết tới mức ấy, nói theo bản thân văn bản, nói theo tình tiết, nhà họ Giả đã gặp đợt đả kích thứ nhất rồi.

Vì phủ Vinh Quốc cất giấu tài sản của nhà họ Chân, tức tang sản, lại vì phát hiện bài thơ Cơ Hoạch, bài thơ Cơ Hoạch tướng quân khả nghi, hoàng đế đã đánh vào phủ Vinh Quốc. Sao còn có thể đem nàng đi hòa thân? Dùng con gái nhà họ Giả để hòa thân, thực ra trong hành vi của giai cấp thống trị ngày xưa không hề hiếm lạ. Ngay trong triều Thanh, ngay vào triều Ung Chính, đã từng có một trường hợp. Trường hợp gì? Trong các buổi giảng trước tôi nhiều lần nói tới chuyện thái tử hai lần bị phế.

Đó là vị thái tử từng được lập dưới triều Khang Hy. Thái tử đã sống hơn bốn mươi tuổi, nhưng về sau bị hai lần lập, hai lần phế, cuối cùng bị phế bỏ. Thái tử trở thành một tội nhân. Dĩ nhiên Khang Hy vẫn rất coi trọng tình cốt nhục. Ông phế bỏ tiền đồ chính trị của thái tử, giam giữ ông ta, cấm cố ông ta, nhưng về cung cấp vật chất, vẫn rất đầy đủ nhất thời. Chỉ là không cho ông ta tự do hoạt động.

Cách làm này của Khang Hy được Ung Chính kế thừa. Sau khi Ung Chính đoạt được ngôi vị, đối với người anh này, tức vị phế thái tử ấy, ông ta tỏ ra một thái độ khá hữu thiện. Ông đem một người con gái của phế thái tử nhận làm con nuôi của mình, coi như công chúa. Cho nên con gái của một gia đình như thế hoàn toàn có khả năng được hoàng đế đem tới, coi như thân phận con gái của mình, rồi đưa đi hòa thân, làm một vật hy sinh chính trị. Trong sách, Giả Chính gặp chuyện và bị điều tra. Trong tình huống ấy, con gái ông là Giả Thám Xuân, nếu thông qua Giả Nguyên Xuân để nói với hoàng đế, Giả Nguyên Xuân nóng lòng cứu nhà mẹ, có thể tưởng tượng được. Nàng sao có thể không cứu gia đình mình? Đúng lúc ấy, triều đình cần hòa thân với ngoại phiên. Hoàng đế dù có con gái, chẳng lẽ ông thật lòng muốn đem con gái ruột của mình gả đến nơi khổ hàn hay sao? Bên dưới ông cũng có một số thân vương đang rất đắc thế, con gái của những người ấy dễ vận động lắm sao? Chỉ có thể vận động con gái nhà họ Giả, giả làm máu thịt hoàng gia, đưa ra ngoài hòa thân. Lúc này Giả Nguyên Xuân liền nói với hoàng đế: Thiếp có một em gái, tài mạo song toàn, tuổi tác cũng phù hợp.

Phải không? Xin bệ hạ đồng ý dùng nàng đi hòa thân, hoàn thành nhiệm vụ chính trị này. Hoàng đế liền đồng ý. Vì vậy cuộc gả xa của Giả Thám Xuân là một bi kịch chính trị. Đó là cảnh một phụ nữ trong cuộc đấu đá chính trị bị coi như một món lễ vật, bị coi như một vật hy sinh, một vật cống nạp. Số phận của nàng là như vậy.

Nàng rất bi thảm. Nếu nàng thật sự có thể gả vào nhà Nam An thái phi, hai con diều phượng hoàng quấn vào nhau, thì rất hạnh phúc, cũng không tệ. Con diều lớn như tấm ván cửa, viết chữ Hỷ, chính là muốn đưa

nàng đi hòa thân, muốn nàng lấy thân phận cốt nhục hoàng gia, thật ra là giả mạo, đi gả cho ngoại phiên, để đạt được sự cân bằng chính trị tạm thời. Số phận Thám Xuân là như thế.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, nơi Thám Xuân tỉnh mình tháo vát cuối cùng phải đến không phải là nhà quan lại thế tục theo nghĩa thông thường, mà vì mục đích chính trị, nàng bị gả xa tới ngoại phiên nơi hoang vu. Nếu là đi hòa thân với ngoại phiên, thì nước phiên ấy ở đâu? Về điểm này, trong sách không nói rõ. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ, qua nhiều năm dốc lòng nghiên cứu, cuối cùng đã đưa ra kết quả thám dật của mình.*

Nếu bạn đọc kỹ văn bản, bạn sẽ phát hiện trong Hồng Lâu Mộng có nhắc đến nhiều nước ngoài. Ví dụ có một Nữ Nhi quốc, đây là một quốc độ hư cấu được nhắc tới trong Hồng Lâu Mộng. Nước toàn phụ nữ này dĩ nhiên không thể cần gả một phụ nữ sang để hòa thân. Điều này là không thể.

Chúng ta loại trừ nó. Sách còn nhắc tới Chân Chân quốc, mọi người còn nhớ không? Tiết Bảo Cầm theo cha mình đi qua rất nhiều nơi, còn từng đến một Chân Chân quốc. Nghe nói Chân Chân quốc này nằm ở phía tây Tây Hải. Phương hướng là về phía tây. Ước chừng nó ám chỉ có thể là những nơi như Lý Hải, Hắc Hải.

Nhưng xem ra Chân Chân quốc, nếu muốn xuất giá tới đó, ban đầu hẳn phải đi đường bộ, không phù hợp với bức tranh ở hồi thứ năm phía trước. Bức tranh vẽ một vùng biển lớn, một chiếc thuyền lớn. Thám Xuân gả xa là phải.

Sử dụng phương tiện giao thông như vậy. Còn Chân Chân quốc ở phía tây Tây Hải, trong quá trình đi đến phía tây Tây Hải, không thể toàn bộ đều ngồi thuyền lớn. Vì vậy Chân Chân quốc chúng ta cũng loại trừ. Trong Hồng Lâu Mộng còn nhắc đến một quốc gia, gọi là Phật Lãng Tư Nha. Vừa nghe âm này, rõ ràng có thể là nói Pháp Lan Tây, tức nước Pháp. Nhưng cũng có chuyên gia qua khảo chứng tỉ mỉ chỉ ra rằng Phật Lãng Tư Nha không chỉ nước Pháp, mà là Tây Ban Nha. Hiển nhiên, cũng rất khó tưởng tượng việc Giả Thám Xuân gả xa là gả tới nơi như vậy. Dĩ nhiên trong sách còn thuận miệng nhắc tới ví dụ như Ba Tư quốc, Trảo Oa quốc, Xiêm La vân vân.

Vậy sau tám mươi hồi, theo miêu tả của Tào Tuyết Cần, Giả Thám Xuân có thể gả tới nước nào? Có một nước, vừa rồi tôi chưa nhắc, bây giờ tôi phải nhắc tới, đó là Thiến Hương quốc. Thiến Hương quốc này xuất hiện ở hồi hai mươi tám. Còn nhớ không? Tưởng Ngọc Hàm đem một chiếc khăn mồ hôi làm lễ vật tặng cho Giả Bảo Ngọc. Chiếc khăn mồ hôi ấy từ đâu mà có? Tôi cho rằng cách gọi Thiến Hương quốc có thể chỉ nơi ấy sản xuất nhiều thiến thảo. Thiến thảo, mọi người biết đấy, nở hoa màu vàng, nhưng thân và rễ của nó ép lấy nước thì có màu đỏ tươi, có thể làm thuốc nhuộm.

Chữ "thiến" cũng có nghĩa là màu đỏ. Tên khác của thiến thảo là huyết kiến sầu. Trong Hồng Lâu Mộng, khi miêu tả chiếc khăn mồ hôi này, nó là loại nền đỏ máu, có chấm lớn.

Điều đó cho thấy rất có thể quốc gia này trong tưởng tượng của tác giả xuất khẩu thuốc nhuộm của họ. Họ có một số hàng dệt, rồi dùng thuốc nhuộm từ thiến thảo mà nơi họ sản xuất nhiều nhuộm những hàng dệt ấy thành màu đỏ tươi. Sau đó, họ cống nạp rất nhiều cho triều đình trong sách, cho hoàng đế. Hoàng đế đem các cống phẩm ấy phân phối. Sau khi phân phối, đó chỉ là một số vải lụa cao cấp nhuộm bằng thiến thảo, màu đỏ máu. Rồi những người được ban thưởng khác nhau đem chúng làm thành những vật khác nhau. Ở chỗ Bắc Tĩnh vương, có thể chúng được làm thành nhiều chiếc khăn mồ hôi, trong đó ban cho Tưởng Ngọc Hàm một chiếc. Cách giải thích này tương đối viên mãn.

Vậy Giả Thám Xuân, nàng rất có thể chính là bị hoàng đế đem đi hòa phiên. Hòa với phiên nào? Chính là Thiến Hương quốc này. Có người khảo chứng rằng Thiến Hương quốc ám chỉ Lưu Cầu. Lưu Cầu vốn là nước thuộc của Trung Quốc, phải triều cống Trung Quốc. Lưu Cầu ở đâu? Ở trong Thái Bình Dương. Cho nên nói một vùng biển lớn, một chiếc thuyền lớn, điều này rất hợp lý.

Nàng vượt biển tới Thiến Hương quốc. Sau khi tới đó, nàng sẽ không thể trở về nữa. Lại thêm cuối cùng, theo miêu tả của Tào Tuyết Cần, nhà họ Giả chịu đợt đả kích thứ hai. Khi ấy không chỉ phủ Vinh Quốc bị hoàng đế cho là bất hiếu, phủ Ninh Quốc cũng bị cho là một phủ đệ mở đầu việc tạo phản, bèn triệt để bị phá hủy. Chỉ còn lại một vùng đất trắng mênh mông, thật sạch sẽ. Giả Thám Xuân dĩ nhiên càng không thể trở về. Vậy vì sao trong bức tranh lời phán ở hồi thứ năm lại vẽ hai người thả diều? Đó là bởi trong sách hẳn sẽ miêu tả rằng ban đầu Giả Thám Xuân đã được nói định với nhà Nam An quận vương. Nhà Nam An quận vương đã sắp cưới nàng, đã chuẩn bị làm hôn sự. Nhưng hoàng đế vừa ra lệnh.

Thì tất cả mọi người đều không có cách nào. Hai con phượng hoàng đều không có cách nào, phải không? Vì vậy cuối cùng, cuộc xuất giá của Thám Xuân khiến nàng mất đi tiền cảnh chính trị trở thành vương phi. Đương nhiên lúc ấy, bạn cũng có thể gọi nàng là vương phi. Nàng đi gả cho con trai nữ vương của Thiến Hương quốc, cũng coi như một vương phi. Nhưng vương phi ấy, bạn thử nghĩ xem, là nơi khổ hàn, phải vượt biển, thì còn gọi là vương phi gì nữa?

*Theo ông Lưu Tâm Vũ, nơi Giả Thám Xuân có khả năng đến nhất chính là Thiến Hương quốc. Mà sống trong một tiểu quốc hoang lạnh giữa biển lớn như vậy, cho dù mang thân phận vương phi, điều kiện môi trường sinh tồn cũng hết sức khắc nghiệt. Vì vậy kết cục số phận cuối cùng của Giả Thám Xuân rõ ràng là bất hạnh. Kết quả này vừa hồi ứng lời dự ngôn ở hồi sáu mươi ba rằng Thám Xuân sẽ trở thành vương phi, lại vừa phù hợp với bầu không khí thê lương, nặng nề trong lời phán và khúc hát mà Tào Tuyết Cần viết cho Thám Xuân. Từ đó, nó tìm được một đáp án hợp lý cho kết cục bi kịch của nhân vật này.*

Nói đến đây, chúng ta có thể tính thử. Trong các nữ nhân thuộc chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, qua các buổi giảng trước của tôi và qua buổi giảng lần này, đã có một số nhân vật được phân tích hoàn chỉnh. Ví dụ Tần Khả Khanh, không cần nói nữa, đây là nhân vật tôi đã giảng ngay từ đầu. Kết cục cuối cùng của nàng là vì thân phận thật bị bại lộ, bất đắc dĩ phải treo cổ tự tử trên Thiên Hương lâu, rất bi thảm. Sau đó là Giả

Nghênh Xuân. Nàng lầm gả cho Trung Sơn lang, bị giày vò đến chết. Rồi đến Lâm Đại Ngọc, trong đơn nguyên giảng về Lâm Đại Ngọc trước đây, tôi đã nói tới.

Nàng cuối cùng là trầm hồ. Nàng vì nội thương và trúng độc mạn tính, cuối cùng ở hồ Thấm Phương trầm hồ tiên độn. Rồi đến Tích Xuân, trong buổi giảng trước tôi cũng đã nói tới. Khi phủ Vinh Quốc chịu đợt xung kích thứ nhất, nàng tìm cách rời khỏi phủ Vinh Quốc. Cuối cùng nàng lưu lạc nơi phố dài ngõ nhỏ, áo nâu xin ăn, tự nguyện làm một ni cô đi lưu động khất thực, rất bi thảm. Rồi đến Tiết Bảo Thoa.

Tiết Bảo Thoa, trong các buổi giảng trước tôi cũng đã nói tới. Cuối cùng, sau khi Bảo Ngọc xuất gia, nàng u uất mà chết. Tuy đã gả cho Giả Bảo Ngọc, nhưng chưa từng viên phòng, coi như cũng không được hưởng niềm vui đáng có trong đời người của một người phụ nữ. Nàng sống góa chồng khi chồng còn sống, cuối cùng u uất mà chết.

Bây giờ lại nói tới Giả Thám Xuân, nàng bị gả xa. Như vậy trong mười hai thoa, còn có Giả Nguyên Xuân. Trong đơn nguyên trước liên quan đến nàng, tôi đã nói rằng cuối cùng trong cuộc tranh đấu hổ-tê, nàng bởi vì tuy là "sâu trong hoa lựu chiếu cung vi", nhưng hoa lựu ấy đã nở, mà quả lựu không kết ra. Nàng chắc chắn cuối cùng bị sảy thai. Nàng không sinh được con trai cho hoàng đế, vì vậy cuối cùng hoàng đế đối với nàng cũng rất tuyệt tình. Trong động tác chính trị, hoàng đế coi nàng là vật hy sinh lớn nhất. Nàng cũng chết thảm. Còn nhắc tới một phụ nữ, trước đây tôi cũng có một đơn nguyên riêng về nàng, đó là Diệu Ngọc. Về Diệu Ngọc tôi đã có luận thuật rất hoàn chỉnh, ở đây không lặp lại nữa. Cuối cùng, nàng cũng có số phận của mình: hy sinh bản thân, thành toàn cho người khác. Vậy cuối cùng, còn lại mấy người như thế này đáng để chúng ta tiếp tục tìm hiểu: hai mẹ con Vương Hy Phượng và Xảo Thư, cùng với Lý Hoàn.

Về Vương Hy Phượng, các nhà bình luận xưa nay bàn luận rất nhiều, những câu chuyện liên quan cũng rất nhiều. Vậy tôi có cách giảng giải độc đáo nào không? Ở buổi giảng sau, tôi sẽ giảng với mọi người về Vương Hy Phượng và Xảo Thư, đại kết cục của họ sau tám mươi hồi. Vậy về Vương Hy Phượng, tôi có cách giảng giải độc đáo gì? Bây giờ tôi báo trước cho bạn một điểm: sau tám mươi hồi, có một tình tiết vô cùng quan trọng, gọi là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Vương Hy Phượng vì sao lại quét tuyết? Vương Hy Phượng nhặt được một miếng ngọc. Nàng nhặt được miếng ngọc gì? Xin nghe buổi giảng sau.

# Tập 53

Bí ẩn Vương Hy Phượng và Xảo Thư

*Vương Hy Phượng là một nhân vật quan trọng trong Hồng Lâu Mộng, trong bốn mươi hồi sau phần nối tiếp Hồng Lâu Mộng, Cao Ngạc tuy có viết nhiều câu chuyện liên quan đến bà, nhưng theo ông Lưu Tâm Vũ, trong phần nối tiếp của Cao Ngạc, đã bỏ sót một cảnh rất quan trọng về Vương Hy Phượng. Hơn nữa, việc sắp đặt hôn nhân cho con gái bà là Xảo Thư cũng không phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại cho là như vậy? Căn cứ của ông là gì? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin mời theo dõi tập 9: Bí ẩn Vương Hy Phượng và Xảo Thư.*

*Vương Hy Phượng là một nhân vật vô cùng quan trọng trong Hồng Lâu Mộng, trong nguyên tác 80 hồi đầu của Tào Tuyết Cần, bà đã hiện lên là một người tinh nhanh, giỏi giang, lại khéo léo mọi bề, đúng hình tượng "Phượng ớt". Đồng thời, trong hồi thứ năm, tác giả cũng ám chỉ biến chuyển cuối cùng trong số mệnh của bà. Trong bốn mươi hồi sau của bản Tục Hồng Lâu Mộng, Cao Ngạc tuy cũng viết rằng Vương Hy Phượng có một kết cục bi thảm, nhưng về cách sắp đặt tình tiết liên quan đến bà, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nó khác xa nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần, bao gồm việc bỏ sót chuyện Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc, và viết sai chuyện hôn nhân trọng đại của con gái bà, Xảo Thư. Vậy thì, ông Lưu Tâm Vũ dựa vào đâu để cho là như vậy? Chúng ta hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng.*

*Xin mời theo dõi tập 9: Bí ẩn Vương Hy Phượng và Xảo Thư.*

Trước khi tôi giảng buổi này, có một bạn mê Hồng Lâu tìm đến tôi. Anh ấy nói: lần này ông sắp nói đến Vương Hy Phượng rồi. Vương Hy Phượng không dễ nói đâu. Sở dĩ không dễ nói là vì trước đây có quá nhiều công trình phân tích, nghiên cứu nhân vật này. Các chuyên gia, học giả đủ loại, kể cả những người nghiên cứu nghiệp dư, đều đã phân tích Vương Hy Phượng.

Có thể nói là nhiều như mồ hôi đổ thành dòng. Trong tình hình ấy, ông còn có ý mới gì nữa? Tôi nghe vậy, ban đầu cũng hơi chột dạ. Tôi từng đọc rất nhiều công trình nghiên cứu về Vương Hy Phượng, trong đó có một nhà mỹ học mà mọi người biết, là ông Vương Triều uăn. Ông ấy viết hẳn một cuốn lớn Luận Phượng thư. Vương Hy Phượng tức là Phượng thư.

Ông ấy mổ xẻ rất kỹ, phân tích Vương Hy Phượng từ đủ mọi góc độ. Tôi được lợi rất nhiều từ đó. Nhưng hôm nay, sở dĩ tôi đến đây giảng, là vì tôi cảm thấy mình vẫn có thể có một góc nhìn tương đối riêng, đem đến cho mọi người một số thông tin khá mới mẻ. Tôi muốn nói về chuyện Vương Hy Phượng quét tuyết

nhặt ngọc. Có người sẽ nói: Vương Hy Phượng quét tuyết ư? Tôi đã đọc 80 hồi đầu, trong đó làm gì có cảnh Vương Hy Phượng quét tuyết?

Bốn mươi hồi sau do Cao Ngạc nối tiếp cũng không có chuyện Vương Hy Phượng quét tuyết. Đã không quét tuyết thì càng chẳng có chuyện nhặt ngọc. Ông nói như thế, căn cứ ở đâu? Bây giờ tôi chưa vội đưa ra căn cứ của mình. Trước hết, tôi xin cùng quý vị ôn lại đôi chút trong 80 hồi đầu, cách khái quát cơ bản về hướng đi số mệnh của Vương Hy Phượng. Đó chính là trong hồi thứ năm, bức tranh và lời phán trên sách về Vương Hy Phượng.

Bức tranh ấy mọi người đều nhớ. Bức vẽ Vương Hy Phượng là một con phượng cái trên núi băng. Trong lời phán ấy có dùng phép chiết tự. Trong mấy buổi trước tôi đã từng nói với quý vị thế nào? là phép chiết tự. Lời phán về Vương Hy Phượng càng thể hiện rõ cái hay của phép chiết tự. Lời phán nói như sau: "Phàm điểu thiên tòng mạt thế lai." "Phàm điểu" chính là tách chữ "Phượng" phồn thể ra.

Tách thành hai chữ ấy. Điều này rất rõ ràng, dễ giải thích. "Đô tri ái mộ thử sinh tài." Điều này cho thấy Vương Hy Phượng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, tuy bị viết với rất nhiều tội lỗi, Vương Hy Phượng đã làm rất nhiều chuyện xấu, làm nhiều việc không hay, nhưng nhìn tổng thể, bà là một anh hùng khuê các, một bậc hào kiệt trong nữ giới. Tác giả không phủ định bà toàn diện. Thậm chí ông còn đầy lòng thưởng thức và khẳng định bà. Câu tiếp theo xưa nay độc giả vẫn tranh luận.

Nó cũng là phép chiết tự, nhưng không dễ hiểu lắm, không giống "phàm điểu", vừa nhìn đã biết là tách chữ "Phượng". Câu ấy là "nhất tòng, nhị lệnh, tam nhân mộc". Câu cuối cùng là: "Khóc về Kim Lăng, sự càng thương." "Khóc về Kim Lăng, sự càng thương." Kết cục sau cùng của Vương Hy Phượng có lẽ đã vượt ra ngoài đơn nguyên tình tiết mà hiện nay chúng ta đang nói. Hiện giờ chúng ta phân tích phần Tào Tuyết Cần đã viết ra, phần sau hồi 80, đơn nguyên tình tiết từ hồi 91 đến hồi 99. Toàn bộ quá trình sa sút của Vương Hy Phượng, hướng đi cuối cùng đến cái chết của bà, có lẽ còn kéo sang đơn nguyên tình tiết kế tiếp. Cuối cùng bà chết.

Trước khi chết có một trận khóc vô cùng thảm thiết, mà hướng khóc ấy là Kim Lăng, tức quê gốc của bà. Điều này sau này chúng ta còn nhắc lại. Bây giờ chúng ta hãy nói "nhất tòng, nhị lệnh, tam nhân mộc" nghĩa là gì. Thực ra nó khái quát ba giai đoạn trong quan hệ vợ chồng giữa Vương Hy Phượng và Giả Liễn. Giai đoạn thứ nhất gọi là "nhất tòng". Từ 80 hồi đầu, ta có thể thấy Giả Liễn là một người đàn ông sợ vợ.

Về cơ bản, ông ta thuận theo Vương Hy Phượng. Vương Hy Phượng tuy là phụ nữ, nhưng rất mạnh mẽ, hung hãn. Giai đoạn thứ hai gọi là "nhị lệnh". Vương Hy Phượng càng ngày càng suy thế. Đừng nói đến những phương diện khác, ngay trong quan hệ với chồng là Giả Liễn, đã từ chỗ bà bắt Giả Liễn phục tùng chuyển thành Giả Liễn ra lệnh cho bà, và bà phải phục tùng. Đến giai đoạn thứ ba thì càng thê thảm, gọi là "tam nhân mộc".

Đây chính là chiết tự. Giai đoạn thứ ba là "nhân mộc". "Nhân mộc" là gì? Một bộ nhân đứng bên cạnh một chữ mộc, thành chữ gì? Thành chữ "hưu". "Hưu" nghĩa là gì?

Ngày xưa, khi đàn ông cưỡng ép chấm dứt hôn ước với vợ mình, gọi là "hưu thê", bỏ vợ. Tức là "bị hưu". Vì thế Vương Hy Phượng cuối cùng bị Giả Liễn hưu bỏ.

*Thông qua phép chiết tự, ông Lưu Tâm Vũ đã giải thích hợp lý ý nghĩa câu "nhất tòng, nhị lệnh, tam nhân mộc" trong lời phán của Vương Hy Phượng. Từ đó suy đoán số mệnh cuối cùng của Vương Hy Phượng là bị Giả Liễn hưu bỏ. Nhưng đó mới chỉ là suy đoán. Vậy trong văn bản 80 hồi đầu nguyên tác của Tào Tuyết Cần, có mai phục bút về phương diện này không?*

Về phương diện ấy, trong 80 hồi đầu quả thật có phục bút. Ví dụ trong cảnh Phượng thư đập vỡ chum giấm, vào ngày sinh nhật của bà, cuối cùng Giả Liễn đi tư thông với một người đàn bà hạ tiện khác. Bà nổi uy, nổi giận, rồi trong nhà xảy ra tranh chấp, bà còn đánh cả Bình Nhi. Sau chuyện ấy, khi cơn sóng gió đã lắng xuống.

Lý Hoàn gặp bà. Lý Hoàn vốn là người rất ôn hòa, nói năng hiếm khi chua cay, cay nghiệt. Nhưng sau khi gặp Vương Hy Phượng, Lý Hoàn cũng nói, đại ý là: cô lại dám giơ móng vuốt của mình ra đánh Bình Nhi. Ta thật tức không chịu nổi. Đại ý là như vậy. Rồi bà nói: hai người các cô rất nên đổi vị trí cho nhau mới phải.

Đây chính là một phục bút. Nó cho thấy cuối cùng Giả Liễn sẽ hưu bỏ Vương Hy Phượng, vị trí của Vương Hy Phượng và Bình Nhi sẽ đổi cho nhau. Mọi người đều biết Bình Nhi ở địa vị nào. Trong sách có nói rõ. Khi quan hệ hôn nhân giữa Giả Liễn và Vương Hy Phượng còn rất ổn định, Bình Nhi là một "thông phòng đại nha đầu". "Thông phòng đại nha đầu" là gì? Khác với nha đầu lớn thông thường. Khi nam nữ chủ nhân làm chuyện phòng the, cô ấy có thể ở bên cạnh. Khi nam nữ chủ nhân đồng ý, cô ấy còn có thể tham dự. Đó là hiện tượng trong thời xưa, trong một hệ thống quy phạm lấy nam giới làm trung tâm, có chế độ thê thiếp. Vì vậy, qua lời nói trước đó của Lý Hoàn, cũng gần như là một lời báo trước: cuối cùng Vương Hy Phượng, vì Trung Thuận vương đến niêm phong phủ Vinh Quốc, chủ nhân phủ Vinh Quốc là Giả Chính gần như bị bãi chức, chờ điều tra, chờ xét xử. Vào lúc ấy, người ta phải tiếp tục tra xét các vấn đề trong phủ.

Ngoài việc tra của cải phạm tội được giấu kín, và chuyện bài thơ Cơ Hoạch tướng quân, các việc khác đương nhiên cũng lần lượt dựa theo lời tố giác, vạch tội của đủ hạng người mà tiến hành điều tra. Thế là tất nhiên sẽ tra ra Vương Hy Phượng. Trước hết, bà từng lộng quyền ở chùa Thiết Hạm, vướng đến hai mạng người. Chuyện ấy có lẽ bộc phát tương đối muộn, và tra cho rõ cũng khá mất công. Nhưng có một chuyện rất dễ tra ra. Đó là trong phủ, bà nắm sổ sách tổng.

Bà nhận bạc, phát cho nữ quyến trong phủ, bao gồm cả các công tử, tiểu thư, và cả nha đầu, bà tử các loại, gọi là nguyệt ngân. Mỗi lần phòng tổng trướng giao nguyệt ngân cho bà, bà không phát xuống ngay. Bà

đem số bạc ấy đi cho vay nặng lãi. Là loại cho vay nặng lãi ngắn hạn. Thời hạn càng ngắn thì lãi càng cao. Vì có thương nhân nhất thời cần một khoản vốn lưu động, mà không xoay sở được, thì có thể đến vay bạc của Vương Hy Phượng.

Trong vòng bao nhiêu ngày đó, phải trả lại với lãi rất cao. Sau khi Vương Hy Phượng lấy được khoản tiền lãi ấy, đợi cả vốn lẫn lãi đều quay về, bà mới phát bạc xuống. Điều này khiến rất nhiều người bất mãn. Thậm chí trong sách còn viết, ngay cả Tập Nhân, một nữ tỳ rất trung thành với chủ phong kiến trong nhà, một nha đầu như thế cũng tỏ ra không hài lòng. Cho nên việc này chắc chắn sẽ là việc đầu tiên bị tố giác ra. Sau khi bị tố giác như vậy, trong pháp luật triều Thanh cũng có quy định: anh có thể cho vay, nhưng có giới hạn về mức lãi cho vay.

Không được trái lệ, không được cho vay nặng lãi vượt chuẩn. Việc bà làm chính là "vi lệ thủ lợi". Chữ "lệ" thứ nhất là quy tắc, pháp lệ. Chữ "lợi" thứ hai là lợi ích. Trái lệ để lấy lợi, điều đó là không được. Sau khi chuyện này bộc phát, người điều tra tất nhiên trước hết sẽ truy cứu Giả Liễn.

Vì ngày xưa, trên danh nghĩa, đàn ông là người chịu trách nhiệm pháp lý của gia đình. Thế là Giả Liễn đương nhiên vô cùng căm ghét Vương Hy Phượng. Ông ta nghĩ: cô gây họa cho tôi. Vì chuyện Vương Hy Phượng trái lệ lấy lợi một thời gian đều giấu chồng. Bà là người như thế. Trong tình huống ấy, Giả Liễn lại càng chán ghét bà, bao gồm cả chuyện bà hại chết Vưu Nhị Thư.

Vì vậy Giả Liễn đã hưu bỏ bà. Sau khi hưu bỏ bà, ông ta nâng Bình Nhi lên làm chính thất. Còn bà lại trở thành thông phòng đại nha đầu. Đây là một sự hoán đổi địa vị xã hội rất bi thảm. Đó là một giai đoạn trong vận mệnh của Vương Hy Phượng sau hồi 80. Bà từng bước đi về phía suy tàn, đi về phía cái chết.

Bước đầu tiên là bị chồng mình hưu bỏ. Bà lại đổi chỗ với nha đầu cũ của mình là Bình Nhi. Rồi bà còn tiếp tục bị chỉnh trị.

*Dựa vào nội dung hồi thứ năm trong nguyên tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, tức chữ và lời phán về Vương Hy Phượng trên sách, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong bản thảo thất lạc của Tào Tuyết Cần sẽ viết về sự sa sút của Vương Hy Phượng và kết cục cuối cùng đi đến cái chết. Tuy trong phần sách nối của Cao Ngạc cũng viết về kết cục bi thảm của Vương Hy Phượng, nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Cao Ngạc vẫn bỏ sót một tình tiết rất quan trọng. Đó là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Căn cứ của ông Lưu Tâm Vũ là gì?*

Chính trong tình huống như thế, Tào Tuyết Cần sẽ viết đến một tình tiết vô cùng quan trọng, gọi là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Căn cứ của tôi là gì? Căn cứ rất chắc. Đó là ở hồi thứ 23. Khi quý vị đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng, bên cạnh một chi tiết ở hồi thứ 23 của cổ bản Hồng Lâu Mộng, có một lời phê vô cùng quan trọng.

Hồi thứ 23 nói chuyện gì? Nó nói rằng sau khi Giả Nguyên Xuân về thăm nhà, bà đương nhiên trở lại hoàng cung. Đại Quan viên vốn được chuẩn bị cho việc tỉnh thân. Đã bỏ rất nhiều công sức để chuẩn bị, nhưng thực ra chỉ dùng trong một đêm. Dùng xong rồi, vì đó là không gian hoàng phi từng sử dụng, không thể bỏ mặc, người thường cũng không được tùy tiện sử dụng, đành phải đóng lại, niêm phong lại. Giả Nguyên Xuân tự nghĩ đến chuyện ấy, thấy một khu vườn đẹp như vậy mà phong kín thì quá đáng tiếc.

Lần tỉnh thân sau là khi nào? Không thể nói rõ được. Vì thế bà ban dụ chỉ, nói để Giả Bảo Ngọc và các chị em đều dọn vào ở, tận dụng không gian ấy. Sau khi dụ chỉ của Nguyên Xuân truyền đến, Giả Chính và Vương phu nhân liền triệu kiến các công tử, tiểu thư, để tuyên bố việc này với họ. Giả Bảo Ngọc nhận được tin báo, cũng đi đến. Thế là nghe được dụ chỉ ấy của Nguyên Xuân.

Khi hồi thứ 23 viết chuyện này, có một nét tưởng như viết rất tùy tiện, độc giả thông thường rất dễ bỏ qua. Nói rằng Giả Bảo Ngọc, sau khi Giả Chính nói xong với cậu, cho cậu lui ra. Cậu đặc biệt sợ cha, nên vừa nghe được lui ra, thì như gặp đại xá, rất vui mừng. Ra khỏi chính phòng nơi Giả Chính và Vương phu nhân ở, cậu chạy một mạch về nơi ở của mình. Khi ấy cậu ở đâu? Trước khi dọn vào Đại Quan viên, cậu ở cùng Giả mẫu.

Trong sách viết rất rõ: sau khi cậu từ chính phòng của Giả Chính và Vương phu nhân đi ra, liền đến.

Một lối kẹp, một cửa xuyên đường, rồi tới cửa xuyên đường ấy. Cửa xuyên đường này chính là chỗ từ lối kẹp thông vào sân của Giả mẫu, một địa điểm như vậy, một không gian nhỏ như vậy. Chính tại chỗ này.

Chi Nghiễn Trai có một lời phê rất quan trọng, gọi là: "Tuyệt diệu!" "Đây chính là nơi Phượng thư quét tuyết nhặt ngọc, một tơ không loạn." Nghĩa là gì? Khi ấy Chi Nghiễn Trai đã đọc phần sau hồi 80, đã đọc một bản Hồng Lâu Mộng toàn bản. Trong toàn bản Hồng Lâu Mộng, phần sau hồi 80, có một tình tiết là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Địa điểm quét tuyết nhặt ngọc ở đâu? Chính là chỗ cửa xuyên đường được viết ở hồi thứ 23 này.

Chi Nghiễn Trai đã chỉ rõ điều ấy, chỉ ra kỹ xảo viết văn của Tào Tuyết Cần. Bà nói: quý vị xem, tuyệt diệu biết bao. Diệu ở chỗ nào? Ở hồi 23, ông ấy sắp đặt Giả Bảo Ngọc đi qua không gian nhỏ này. Rồi trong một hồi nào đó sau hồi 80, ông lại vừa khéo dùng chính không gian nhỏ ấy để phát triển một tình tiết rất quan trọng, chính là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Hơn nữa, ông cho rằng phục bút ấy, kiểu sắp đặt rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm ấy, là "một tơ không loạn".

Tức là khi Tào Tuyết Cần viết đến phần sau, ông không quên phục bút mình đã đặt ở phía trước, vô cùng ăn khớp. Có một lời phê quan trọng như vậy. Lời phê này lại một lần nữa chứng minh: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng hay chưa? Ông đã viết xong. Những văn bản liên quan sau hồi 80 đã từng tồn tại hay chưa? Đã từng tồn tại.

Trong đó có một tình tiết như thế nào? Chính là Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Vì vậy, về kết cấu kiến trúc của phủ họ Giả, về những lối đi ở giữa, những hành lang, hoặc gọi là lối kẹp, và các chỗ như cửa xuyên đường ấy, những không gian ấy, quý vị đều không nên xem nhẹ. Vậy thì, bây giờ nó cho chúng ta biết rằng sau hồi 80, Vương Hy Phượng có một tình tiết vô cùng quan trọng, chính là bà quét tuyết nhặt ngọc. Trước hết, ta hãy nói về quét tuyết. Vương Hy Phượng vốn là một nữ bá vương trong phủ này.

Chỉ có bà sai người khác đi quét tuyết, làm gì có chuyện bà tự mình quét tuyết? Nói thật, ngay cả lúc cần quét tuyết, bà cũng không cần mở miệng. Bình Nhi đã mở miệng thay rồi. Có khi Bình Nhi cũng không cần mở miệng, Phong Nhi, một nha đầu hạng hai, đã có thể sai người đi quét tuyết. Vì sao bà lại phải quét tuyết? Bởi theo diễn tiến tình tiết, hai phủ Vinh, Ninh đều bị hoàng đế đánh vào.

Hơn nữa, đợt đánh thứ hai còn triệt để hơn. Sở dĩ bà chưa bị giải ngay vào ngục, chỉ là vì thứ nhất, thân phận của bà trở nên khá nhập nhằng. Theo lý, bà đã không còn là chính thê của Giả Liễn. Chính thê của Giả Liễn là Bình Nhi. Vừa rồi tôi chẳng đã nói với quý vị rồi sao? Bà đã bị hưu bỏ, đã đổi vị trí với Bình Nhi.

Nhưng trong phủ có quá nhiều người oán hận bà. Dù không cần người khác tố giác, người phụ trách xét nhà, chẳng hạn như trưởng sử quan của phủ Trung Thuận vương, cũng rất rõ bà vốn là người nắm việc trong phủ, là nữ tổng quản. Họ không thể bỏ qua bà. Vì thế, thế nào? bà cũng không thoát được. Bà rất thảm. Bà phải quét tuyết.

Trong quá trình quét tuyết, bà nhặt được ngọc. Tuyết lớn che lấp rất nhiều thứ. Khi quét sạch tuyết, quét thật kỹ, sẽ phát hiện một số vật còn sót lại. Thế là phát hiện một miếng ngọc. Điều này rất đáng bàn. Nó rất thú vị.

*Ông Lưu Tâm Vũ, thông qua cổ bản Hồng Lâu Mộng, chi tiết ở hồi thứ 23 khi Giả Bảo Ngọc đi qua lối kẹp, cùng một lời phê quan trọng của Chi Nghiễn Trai ở chỗ này, đã suy đoán rằng Tào Tuyết Cần tại đây đã vì tình tiết sau này Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc mà chôn sẵn phục bút. Bởi vì trong Tục Hồng Lâu Mộng của Cao Ngạc không viết đến tình tiết này, nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng tình tiết Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc phù hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Vậy thì, miếng ngọc mà Vương Hy Phượng nhặt được rốt cuộc là một miếng ngọc gì?*

Tôi thấy có người ngồi dưới kia gật gật đầu, bày tỏ rằng mình đã hiểu rõ trong lòng. Là Thông Linh bảo ngọc chứ gì? Đó là miếng ngọc quan trọng nhất trong sách.

Đúng không? Nhưng cách nhìn của tôi lại không hẳn như vậy. Chúng ta có thể bàn luận. Không nhất định tôi đúng. Có thể quý vị đúng. Nhưng chúng ta có thể bàn.

Có lẽ không phải Thông Linh bảo ngọc. Thông Linh bảo ngọc là thứ Giả Bảo Ngọc mang theo từ khi sinh ra. Chuyện ấy ai cũng biết, thậm chí hoàng đế cũng có thể biết. Vì vậy, người phàm thông thường không dám động vào thứ ấy. Cho nên Thông Linh bảo ngọc đáng lẽ vẫn luôn được chính Giả Bảo Ngọc đeo trên người. Cho dù người xét nhà cảm thấy thứ này cũng là một vật đáng tịch thu, họ cũng sẽ rất trịnh trọng cất giữ nó ở một nơi nào đó.

Nó không thể tùy tiện rơi vào trong tuyết. Hơn nữa, theo cấu tưởng thần thoại trong sách, một tăng một đạo ở thiên giới còn có thể điều khiển miếng ngọc ấy. Nếu miếng ngọc ấy mất đi, thì có lẽ là bị một tăng một đạo gọi đi. Vì vậy không thể là Thông Linh bảo ngọc. Không thể là chính Giả Bảo Ngọc đánh rơi nó xuống đất rồi thôi, hoặc người xét nhà coi nó là vật bị tịch thu, mà không đăng ký, hoặc sau khi đăng ký lại xử trí rất qua loa, đến nỗi để rơi nó trên đất. Điều đó là không thể.

Vì thế phải loại trừ Thông Linh bảo ngọc. Thứ nhặt được không phải Thông Linh bảo ngọc. Vậy miếng ngọc Vương Hy Phượng nhặt được là miếng ngọc gì? Chúng ta hãy nghĩ thử xem. Trong sách có từng nhắc đến một miếng ngọc bị người ta trộm, bị mất hay đại loại như vậy không? Có tình tiết như thế không?

Đọc Hồng Lâu Mộng quả thật phải đọc kỹ. Càng yêu thích nó, quý vị càng nên đọc kỹ. Tất nhiên có người nói: tôi chỉ thích đọc lướt. Quý vị thích đọc lướt thì tôi cũng chúc quý vị vui. Đó cũng là một cách đọc. Đúng không?

Mỗi người một vẻ. Nhưng nếu đọc kỹ, quý vị sẽ phát hiện quả thật từng có một miếng ngọc bị trộm mất, và kẻ trộm ngọc ấy còn có tên. Việc này được viết ở hồi nào? Chính là hồi 52. Hồi 52 kể một chuyện, gọi là: "Bình Nhi khéo léo che giấu chuyện vòng xuyến râu tôm." Bình Nhi là một thông phòng đại nha đầu, lại giúp Vương Hy Phượng xử lý công việc. Trong tay cô cũng có quyền đáng kể.

Khi Vương Hy Phượng bị ốm, chưa báo Vương Hy Phượng, cô đã tự mình xử lý việc này trước. Đây là một người bề ngoài thân phận rất thấp, nhưng trên thực tế, đã từng là nhân vật không tầm thường trong phủ Vinh Quốc. Cho nên chiếc vòng cô đeo rất đáng tiền. Đó là vòng xuyến râu tôm. Trên vòng vàng còn nạm những thứ như trân châu, đá quý. Chiếc vòng râu tôm ấy bị đánh cắp.

Vì lúc ấy trời có tuyết, Bình Nhi cùng các cô tiểu thư vui chơi, ăn đồ nướng, ăn thịt hươu nướng. Khi ăn cần tháo vòng ra trước. Thế là nó bị ai trộm? Bị một nha đầu ở Di Hồng viện tên Trụy Nhi trộm. Trụy Nhi. Quý vị nghe âm gần của cái tên này.

Một trong các thủ pháp nghệ thuật của Tào Tuyết Cần là phép chiết tự. Thủ pháp nghệ thuật thứ hai là dùng âm gần để ví ngầm. Trụy Nhi gợi đến một cô bé có tội. Quả nhiên Trụy Nhi đã trộm chiếc vòng râu tôm của Bình Nhi. Kết quả bị phát hiện. Sau khi phát hiện, Bình Nhi vẫn là người khá tốt bụng.

Cô không muốn làm ầm lên. Cô gọi Xạ Nguyệt ở Di Hồng viện đến, để nói với Xạ Nguyệt chuyện ấy. Xin chú ý sau khi Bình Nhi nói chuyện này, cô nói thế nào. Tào Tuyết Cần viết rất kỹ. Cô nói như sau: đừng để chuyện này lộ ra ngoài. Vì sao?

Cô không hoàn toàn nghĩ cho Trụy Nhi. Cô nghĩ cho Bảo Ngọc. Cô nói: Bảo Ngọc vốn đặc biệt để tâm đến các cô, rất muốn các cô biết tự trọng, hiếu thắng. Trong đại gia đình có nhiều phòng khác nhau. Bảo Ngọc là một phòng, Giả Hoàn cũng là một phòng.

Phòng nào cũng không muốn xảy ra chuyện xấu. Nếu nói phòng tôi có một kẻ trộm, các phòng khác sẽ chỉ trỏ, chê cười. Cho nên Giả Bảo Ngọc lại là người rất giữ thể diện. Vì vậy Bình Nhi nói: chúng ta đừng làm to chuyện. Vì Bảo Ngọc, chúng ta đừng nói ra. Sau đó cô nói tiếp: năm nào đó có một Lương Nhi trộm ngọc.

Cô kể lại tiền sử của chuyện này. Vừa mới nguội đi một, hai năm, vẫn còn có người nhắc lại mà cười chê. Lần này lại lòi ra một kẻ trộm vàng. Hơn nữa lại trộm đến nhà hàng xóm. Nét bút này không phải viết bừa. Đây chính là một phục bút.

Trụy Nhi quả thật đã trộm vàng, trộm vòng râu tôm của Bình Nhi. Thế nào gọi là trộm nhà hàng xóm? Vì Bình Nhi không phải người của Di Hồng viện, không phải người trong không gian ở của Giả Bảo Ngọc. Cho nên hành vi của Trụy Nhi trộm vòng râu tôm là một tội rất nghiêm trọng. Nhưng Bình Nhi thấy trước hết đừng làm ầm lên, cũng đừng gọi Trụy Nhi đến mà nói cô đã trộm vàng gì đó. Chỉ tìm một lý do nào đó đuổi Trụy Nhi ra ngoài là xong.

Ở đây nhắc đến một Lương Nhi. Chuyện Lương Nhi trộm ngọc, Trụy Nhi là có tội, còn cái tên Lương Nhi, quý vị nghĩ xem, nó đi thành cặp với Trụy Nhi. Đúng không? Một người là cô gái có tội, một người là cô gái vốn thiện lương. Đúng không? Từ cách đặt tên này, có thể phán đoán rằng Tào Tuyết Cần đặt tên đều có hàm nghĩa.

Ông dùng cô ấy để đối chiếu với Trụy Nhi. Lương Nhi là người bị oan. Cô vốn thiện lương. Cô không hề trộm ngọc. Vậy miếng ngọc ấy đi đâu? Trong cuộc xét nhà, bọn binh lính lục soát, những lính xét nhà ấy trong quá trình ấy đã biển thủ một số đồ bị tịch thu.

Miếng ngọc ấy rơi ở chỗ cửa xuyên đường trong lối kẹp này. Tuyết lớn bay đầy trời liền che lấp nó. Vương Hy Phượng quét tuyết thì phát hiện ra. Nét bút này sẽ viết Vương Hy Phượng trong tình cảnh ấy trăm mối cảm xúc dâng lên. Ngày xưa Vương Hy Phượng đối đãi với nha đầu như thế nào? Quý vị còn nhớ có lần Vương Hy Phượng nói với Bình Nhi thế nào? không?

Bà nói: những nha đầu này, bất tiện nhất là tự tiện tra khảo đánh đập. Hãy để chúng quỳ trên mảnh sành dưới nắng gắt, không cho ăn, không cho uống, xem chúng có khai không. Vương Hy Phượng ngày xưa đối

đãi với người dưới như thế. Năm ấy Lương Nhi bị oan, chắc chắn cũng bị Vương Hy Phượng xử trí như vậy. Bắt quỳ trên mảnh sành. Mảnh sành là gì?

Sau khi đồ sứ bị đập vỡ, là những mảnh sứ vỡ ấy. Bắt cô quỳ lên đó, dưới nắng to, không cho ăn, không cho uống, xem cô có khai hay không. Thân thể khỏe đến mấy cũng không chịu nổi. Bị đánh ép nên đành nhận tội. Cuối cùng Lương Nhi bị ép nhận tội, bị đuổi ra ngoài. Bây giờ Vương Hy Phượng nhìn thấy miếng ngọc ấy vẫn còn.

Miếng ngọc ấy rõ ràng vẫn còn. Điều đó chứng tỏ Lương Nhi không hề trộm miếng ngọc này. Vì đã qua mấy năm rồi, bà nhận ra mình đã oan uổng người ta. Khi ấy, bà xử trí một sinh mệnh khác một cách khinh suất như thế. Bây giờ phủ Trung Thuận vương đến xét nhà họ Giả, bắt bà khai nhà họ Giả còn bao nhiêu tài sản. Bà nói rõ hết cũng không được.

Họ vẫn bảo: cô còn phải nói tiếp. Bắt quỳ trên mảnh sành, không cho ăn, không cho uống. Trời đổ tuyết lớn, áo quần mỏng manh, lại bắt bà đi quét tuyết. Ông sẽ viết trong tình cảnh ấy, lương tâm của Vương Hy Phượng thức tỉnh. Viết đến nỗi hối hận, day dứt nơi sâu thẳm nhất của lòng người, cảm nhận ấy về mùi vị nhân sinh. Vì vậy, những lời phán về Vương Hy Phượng cũng vậy, các khúc trong mười hai khúc hát nói về bà cũng vậy, ở đây tôi không trích dẫn từng câu.

Quý vị tự hồi tưởng lại, sẽ thấy tất cả đều được thể hiện trong đơn nguyên tình tiết sau hồi 80, trong tình tiết quan trọng Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc ấy. Cho nên đây là một nét bút rất quan trọng về Vương Hy Phượng. Tôi nghĩ điều này có lẽ là một nội dung mà các nhà bình luận, nhà nghiên cứu trước đây ít khi chạm tới, thậm chí hoàn toàn chưa chạm tới. Đây cũng là một cách giảng giải tương đối độc đáo mà giờ tôi xin thành tâm dâng đến quý vị.

*Ông Lưu Tâm Vũ, thông qua việc đọc kỹ văn bản 80 hồi đầu nguyên tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, cũng như lời phê của Chi Nghiễn Trai, đã suy đoán rằng trong phần sau hồi 80 bị thất lạc của Tào Tuyết Cần, đáng lẽ có tình tiết Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc. Đây là tình tiết bị bỏ sót trong sách nối của Cao Ngạc.*

*Ông Lưu Tâm Vũ còn cho rằng Cao Ngạc cũng hiểu sai Xảo Thư. Ông Lưu Tâm Vũ dựa vào đâu để rút ra kết luận này? Về việc Xảo Thư còn nhỏ tuổi đã xuất hiện trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận như thế nào?*

Được rồi. Có người sẽ nói: Vương Hy Phượng là một thoa trong chính sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa, điều đó tôi còn hiểu được. Còn Xảo Thư, trong truyện tuổi còn rất nhỏ, cũng không có nhiều tình tiết, vì sao cũng là một thành viên trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa?

Tôi nghĩ, đó là để thể hiện một bức quét lập thể về những cô gái bạc mệnh của gia tộc họ Giả. Có người đã lấy chồng, đã làm dâu, chẳng hạn Lý Hoàn, Vương Hy Phượng. Cũng có những người cùng thế hệ với họ, chưa kịp xuất giá, hoặc xuất giá tương đối muộn, tức các tiểu thư. Đồng thời, cũng phải có những thành viên thuộc thế hệ muộn hơn một chút. Tần Khả Khanh, nếu tính theo việc nàng lấy Giả Dung, thì bối phận thấp hơn, đáng lẽ cùng bối phận với Xảo Thư. Vì thế, đưa Xảo Thư vào khiến đội hình Kim Lăng Thập Nhị Thoa càng thêm lập thể.

Hơn nữa, số mệnh của nhân vật Xảo Thư cũng gửi gắm rất nhiều cảm khái của Tào Tuyết Cần. Vương Hy Phượng có sai ngàn sai vạn, nhưng khi Lưu lão lão đến phủ Vinh Quốc, với thân phận một bà con nghèo, thực ra còn không phải họ hàng chính thức, chỉ là một mối thân thích rất gượng ép, đến cầu xin bà giúp đỡ, cuối cùng bà đã đối đãi tử tế với Lưu lão lão. Thiện có thiện báo. Cuối cùng chính Lưu lão lão đã cứu Xảo Thư trong cảnh khốn ách. Rốt cuộc Xảo Thư nên có kết cục như thế nào? Đáng lẽ nàng gả cho Bản Nhi, cháu ngoại của Lưu lão lão.

Trong sách, điều này có phục bút rất rõ ràng. Có người tin theo cách viết của Cao Ngạc. Cao Ngạc nói rằng về sau Xảo Thư gả cho một nhà giàu họ Chu ở nông thôn nơi Lưu lão lão sống, gả vào nhà họ Chu. Điều này không đúng. Vì trong tiểu thuyết có một miêu tả rất cụ thể: đó là lần thứ hai Lưu lão lão đến phủ Vinh Quốc, Giả mẫu dẫn bà đi chơi Đại Quan viên, và đưa bà đến nơi ở của Giả Thám Xuân. Trong quá trình ấy, họ nhìn thấy một chuyện.

Xảo Thư, khi đó chỉ có thể gọi là Đại Thư, vì nàng vẫn chưa được đặt tên. Tên Xảo Thư chính là do Lưu lão lão đặt cho sau này. Khi ấy Đại Thư đang làm gì? Nàng ôm một quả bưởi ngồi chơi ở đó. Khi ấy trong tay Bản Nhi có gì? Khi Bản Nhi đến phòng của Giả Thám Xuân, thấy bày rất nhiều phật thủ.

Quý vị đã thấy phật thủ rồi chứ? Phật thủ và quả bưởi, xét về thực vật học, là họ hàng với nhau, là các biến chủng khác nhau của cùng một loài. Trong sách viết rất cụ thể rằng, lúc ấy, Xảo Thư, đáng lẽ vẫn chưa có tên này. Nhưng để tiện kể, tôi gọi nàng là Xảo Thư. Nàng thấy trong tay Bản Nhi cầm một quả phật thủ. Thế là Đại Thư muốn lấy quả phật thủ ấy.

Ban đầu Bản Nhi còn không muốn đưa. Sau đó, nhờ người lớn điều hòa, cuối cùng hương viên, tức quả bưởi còn gọi là hương viên, được đổi sang tay Bản Nhi. Còn quả phật thủ thì được đổi sang tay Xảo Thư. Ban đầu Bản Nhi còn không vui, sau thấy quả bưởi này có thể đá như quả bóng, cậu là con trai mà, lại rất vui. Lời phê của Chi Nghiễn Trai ở chỗ này cũng đã chỉ rõ. Bà nói như sau: "Tình trẻ thơ dài lâu, bèn thành phục tuyến ngàn dặm." Tức là nói cho quý vị biết, cuối cùng hai đứa sẽ kết làm vợ chồng.

Sẽ thành một mối nhân duyên. Vì sao? Vì "bưởi tức thuộc loại hương viên ngày nay, ứng với chữ duyên". Chính là "hương duyên" đó. Trong đó có một mối duyên phận. "Phật thủ chính là thứ chỉ bến mê." Phật thủ giống như những ngón tay, nhưng không phải tay người, mà là tay của thần Phật, cho nên gọi là phật thủ.

Phật thủ "chỉ bến mê" nghĩa là gì? Tức là cuối cùng con người này, khi sinh mệnh đi vào đường mê, cuối cùng làm sao đi thông con đường ấy, làm sao được giải cứu, nó có tác dụng ấy. Người giải cứu nàng chính là Lưu lão lão, chính là nhà Bản Nhi. Vì thế cuối cùng, họ đáng lẽ sẽ kết thành vợ chồng. Cách viết của Cao Ngạc là không đúng. Tất nhiên trong Cao Ngạc có một nét bút viết đại thể còn phù hợp với ý tưởng cơ bản của Tào Tuyết Cần.

Đó là sau khi phủ họ Giả suy bại, số mệnh của Xảo Thư từng rơi vào tình cảnh vô cùng nguy cấp. Tức là có "cậu dữ, anh gian" muốn bán nàng vào kỹ viện. Tình tiết mà Cao Ngạc viết, theo cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần, đáng lẽ có một tình tiết như vậy. Nhưng "cậu dữ, anh gian" mà Cao Ngạc viết lại không chính xác. "Cậu dữ", phải nói rằng vẫn đúng. Ông viết đó là Vương Nhân, tức anh ruột của Vương Hy Phượng, tên là Vương Nhân.

Cái tên này vốn là âm gần. Vương Nhân, đúng không? Ngày xưa nói nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là các thành phần cơ bản của đạo đức phong kiến, đứng đầu là "nhân". Thế mà ông ta đối với thân thích của mình, đối với con gái của em gái ruột mình, lại tàn nhẫn như vậy. Khi ấy ông ta đúng là "vong nhân", quên mất lòng nhân. Nhưng còn "anh gian" thì sao?

Cao Ngạc nghĩ đi nghĩ lại, đã gán "anh gian" cho ai? Ông nói là Giả uân, lại nói là Giả Tường. Sai to. Hai người này căn bản không phải "anh gian" mà Tào Tuyết Cần viết trong phần sau hồi 80. Vậy "anh gian" này là ai? Tôi thấy có người ngồi dưới kia tỏ ra rất hứng thú, nói: đúng rồi, ông nên nói cho chúng tôi biết "anh gian" là ai.

Nhưng lại nhíu mày, vì sao? Họ nói: chẳng phải ông đã báo trước rằng nói xong Vương Hy Phượng, Xảo Thư, thì ông sẽ nói về Lý Hoàn sao? Sao ông lại mọc thêm nhánh ngang như vậy? Tôi không hề mọc thêm nhánh ngang. Muốn làm rõ. "Anh gian" ra tay độc ác với Xảo Thư là ai, thì nhất thiết phải bắt đầu từ phân tích Lý Hoàn. Xin nghe ở buổi sau.

# Tập 54

Bí ẩn Lý Hoàn

*Lý Hoàn, một trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa của Hồng Lâu Mộng, nhìn bề ngoài là một phụ nữ dịu dàng nhân hậu. Nhưng qua nghiên cứu của mình, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong phần tục tác của Cao Ngạc, hình tượng Lý Hoàn không hoàn mỹ như vẻ ngoài. Vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại nghĩ như vậy? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể cho quý vị nghe Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi tập 10: Bí ẩn Lý Hoàn.*

*Lý Hoàn là một nhân vật nữ khá đặc biệt trong Kim Lăng thập nhị thoa. Lý Hoàn là một phụ nữ khá đặc biệt trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa; nhìn bề ngoài, hình tượng của nàng dường như hoàn mỹ không tì vết. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong phần sau hồi 80 đã thất lạc, Tào sẽ viết về một đôi "cậu dữ, anh gian" suýt bán con gái Vương Hy Phượng là Xảo Thư vào kỹ viện. Kẻ "cậu dữ, anh gian" ấy không phải Lý Hoàn, nhưng lại có quan hệ mật thiết với Lý Hoàn. Trong sự kiện Xảo Thư, nhược điểm trong nhân tính của Lý Hoàn, thậm chí mặt u tối trong nhân tính của nàng, sẽ bộc lộ ra. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng bản tục Hồng Lâu Mộng của Cao Ngạc đã hoàn toàn hiểu sai nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần: gán kẻ gian ấy cho người khác, và cũng không thể hiện mặt khác trong hình tượng Lý Hoàn. Vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại nghĩ như vậy? Chúng ta hãy cùng ông bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tập 10: Bí ẩn Lý Hoàn.*

Về nhân vật Lý Hoàn, trước kia có một cách nói rằng trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa có một người hoàn mỹ. Người đó là ai? Chính là Lý Hoàn. Cách nói này, nếu quý vị đã đọc trọn bản Hồng Lâu Mộng lưu hành hiện nay, thì nên thay đổi cách nhìn ấy. Ngay cả khi quý vị đọc bản thông hành hiện nay, nếu suy xét kỹ lời phán và khúc hát về Lý Hoàn ở hồi 5, quý vị cũng nên nghi ngờ những tình tiết Cao Ngạc viết ở phần sau có thật đúng hay không. Về sau, Cao Ngạc gần như không viết nhiều về Lý Hoàn nữa, quả thật khiến người ta có cảm giác rằng Lý Hoàn là người hoàn mỹ không tì vết.

Trước hết, chúng ta hãy nhìn lại trong 80 hồi đầu, Tào Tuyết Cần đã điểm ra một số lời cho thấy Lý Hoàn không hề hoàn mỹ. Quý vị nên ôn lại và suy ngẫm. Ví dụ, trong lời phán của Lý Hoàn có hai câu: "Như băng nước tốt, uổng ghen nhau; uổng để người đời làm chuyện cười." Đó lẽ nào là lời ca ngợi sao? Đặc biệt là câu cuối. Cho dù kết cục của Lý Hoàn về sau có vẻ khá tốt, bởi từ những ám chỉ ở hồi 5 ta biết rằng... con trai nàng là Giả Lan về sau đỗ trong khoa cử, đỗ cử nhân, làm quan lớn, vì vậy Lý Hoàn cũng trở thành cáo mệnh phu nhân.

Một kết cục tưởng như rất viên mãn như vậy, lại bị Tào Tuyết Cần xem là "uổng để người đời làm chuyện cười": người khác không kính phục, không hâm mộ họ, ngược lại còn chê cười họ. Vì sao vậy? Vừa rồi tôi nói

hai câu. Câu trước từ xưa đến nay có nhiều cách giải thích khác nhau. "Như băng nước tốt, uổng ghen nhau" nghĩa là gì? Thực ra câu này không khó hiểu.

Nghĩa là sau hồi 80 sẽ viết đến cảnh tông tộc họ Giả, cuối cùng "ào một tiếng, nhà lớn đổ tan". Trong tình cảnh ấy, vận mệnh những người trong phủ bắt đầu phân dòng. Vốn dĩ họ giống nhau, đều là nước, nhưng có người bị đông lại thành băng. Cũng có người vẫn tồn tại trong trạng thái nước, vẫn có thể chảy đi. Cho nên băng và nước tuy vốn đồng chất, chữ "chất" trong bản chất ấy... nhưng lúc này giữa họ lại sinh ra ngăn cách, thậm chí băng sẽ ghen ghét nước; còn nước thì không còn đoái hoài đến băng nữa.

Đây là nói đến sự phân dòng của số mệnh. Có người bên dưới cau mày: phân dòng số mệnh ư? Chẳng phải trước đây ông đã nói rõ một nguyên tắc rằng nếu hoàng đế đánh vào nhà này, cuối cùng định tội danh... thì bao gồm vợ chính, vợ lẽ của kẻ có tội, cùng tất cả đám đầy tớ trong phủ, đều phải đối diện số phận hoặc bị đánh, hoặc bị giết, hoặc bị bán hay sao? Nếu cả tông tộc họ Giả hoàn toàn sụp đổ, vậy Lý Hoàn dựa vào đâu mà được ngoại lệ? Nhiều người không hiểu.

Muốn hiểu, phải bàn xem nhân vật Lý Hoàn có nguyên mẫu hay không, và vì sao tác giả lại viết nàng như vậy. Nhân vật Lý Hoàn hẳn là có nguyên mẫu. Dĩ nhiên, từ nguyên mẫu đời thực đến hình tượng nghệ thuật trong sách, tác giả đã gia công nghệ thuật rất nhiều, thậm chí còn hạ thấp bối phận của nguyên mẫu để viết. Chuyện là thế nào? Trước hết hãy nói về tình hình trong đời thực. Tức là nhà họ Tào Tuyết Cần, đời ông nội ông, Tào Dần làm chức Giang Ninh Chức tạo.

Tào Dần rất được hoàng đế Khang Hy sủng ái, hai người có thể xem như bạn từ thuở nhỏ. Nhưng về sau Tào Dần mắc bệnh sốt rét nặng, sắp chết. Tin Tào Dần bệnh nặng truyền về kinh thành, Khang Hy vô cùng sốt ruột, bèn sai ngựa trạm chạy ngày đêm đưa ký-ninh đến cho ông. Khi ấy trong hoàng cung có loại thuốc đặc hiệu này. Nhưng Tào Dần không có phúc: ngựa trạm tới nơi thì ông đã qua đời. Theo lẽ thường, ông chết rồi thì triều đình cử người khác đến làm Giang Ninh Chức tạo là xong.

Trước kia, chẳng hạn thời Thuận Trị, hoàng gia đã định nguyên tắc rằng chức như Giang Ninh Chức tạo không thể cha truyền con nối; không có lý nào lại thế tập. Nhưng Khang Hy đã là hoàng đế, lại yêu mến Tào Dần, nên bổ nhiệm con trai Tào Dần là Tào Ngung tiếp tục làm Giang Ninh Chức tạo. Lệ cũ, hoàng đế có thể phá; ông thích nhà họ Tào. Sau khi Tào Ngung làm Giang Ninh Chức tạo, Khang Hy rất hài lòng. Trong những lời để lại về sau, Khang Hy có đánh giá rất cao đối với Tào Dần và Tào Ngung. Ở đây tôi không trích nguyên văn; hiện nay trong hồ sơ Cố Cung có thể tra được.

Nhưng Tào Ngung cũng đoản mệnh, làm Giang Ninh Chức tạo chưa được mấy năm thì lại chết.

Vì thế xuất hiện một cục diện: Tào Dần không còn con trai ruột nào để kế nhiệm chức Giang Ninh Chức tạo. Khang Hy yêu nhà họ Tào đến mức nào? Ông vẫn muốn chi này của Tào Dần tiếp tục giữ chức Giang Ninh

Chức tạo. Vì vậy ông để Lý Húc tìm một người cháu họ Tào thích hợp, nhận làm con thừa tự cho vợ góa của Tào Dần là Lý thị, để nối nghiệp gia đình, tiếp tục làm Giang Ninh Chức tạo. Người đó chính là Tào Phủ, một người con thừa tự được tìm về. Tôi đã nhiều lần nói với quý vị: Lý thị, em gái của Lý Húc, gả cho Tào Dần, vào trong sách thì cấu thành hình tượng Giả mẫu. Nguyên mẫu của Giả mẫu chính là em gái Lý Húc, vợ của Tào Dần.

Bây giờ quý vị nên nghĩ một chút: Tào Dần chết, Lý thị là một góa phụ. Rồi con trai của Tào Dần và Lý thị là Tào Ngung cũng chết; vợ của Tào Ngung cũng trở thành góa phụ. Vợ Tào Ngung họ Mã, gọi là Mã thị. Số phận Mã thị rất thê thảm. Vốn dĩ bà ở trong chính đường của cụm kiến trúc chính trong phủ Giang Ninh Chức tạo. Bà là phu nhân Chức tạo; nhưng chồng bà chết.

Hoàng đế bổ nhiệm một người họ Tào khác, đưa vợ đến đây làm Giang Ninh Chức tạo. Bà phải dời khỏi gian nhà chính ấy, mất thân phận phu nhân Giang Ninh Chức tạo. Tào Phủ và phu nhân của ông trở thành Giang Ninh Chức tạo và phu nhân Chức tạo. Cục diện là như vậy. Nhưng vừa nhậm chức, Tào Phủ đã viết tấu chương dâng lên hoàng đế Khang Hy, nói đến tình hình của chị dâu Mã thị. Ông nói chị dâu hiện đang mang thai; tức Tào Ngung đã chết nhưng còn để lại huyết mạch, có thể sinh ra một đứa con di phúc.

Ông nói nếu đứa trẻ ấy là con trai, thì coi như anh trai ông vẫn có hậu nhân. Ông từng báo cáo với hoàng đế Khang Hy như vậy. Nhưng sau đó trong cung đương, chúng ta không tra được tin mới liên quan nữa. Chúng ta có thể tra được nhiều tấu chương Tào Phủ về sau viết cho Khang Hy, cũng như lời phê Khang Hy viết trên tấu chương của Tào Phủ. Nhưng không còn tin tiếp theo nào về việc Mã thị rốt cuộc có sinh con hay không, sinh trai hay gái, sinh nở thế nào, đứa trẻ sau khi sinh ra ra sao. Thời ấy cũng không có lý do gì phải tiêu hủy hay giấu kín loại văn kiện liên quan chuyện này; nó không phải chuyện gì lớn.

Vì vậy có thể suy đoán Mã thị rất bất hạnh: hoặc sảy thai, hoặc chỉ sinh con gái, hoặc sinh con trai nhưng đứa trẻ không nuôi lớn được.

Bà là một góa phụ thất thế, rất đáng thương. Dĩ nhiên, theo quy tắc trò chơi của xã hội phong kiến xưa, để nối tiếp chi của Tào Ngung, bà vẫn có thể nhận nuôi một bé trai ở nơi khác làm con mình, mẹ con nương tựa nhau mà đi tiếp đường đời. Quý vị nghe rõ rồi chứ? Trong đời thực từng có tình hình như vậy.

*Dựa trên nghiên cứu và phân tích nhiều năm, kết hợp tư liệu sử thực, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nguyên mẫu của nhân vật Lý Hoàn trong Hồng Lâu Mộng chính là Mã thị, vợ Tào Ngung, người từng giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng sau khi Tào Ngung chết, cảnh ngộ của Mã thị trong đời thực được Tào Tuyết Cần đưa vào tiểu thuyết, trở thành hình tượng nhân vật Lý Hoàn. Vậy ngoài việc suy xét sử liệu, trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng nguyên bút Tào Tuyết Cần, ông Lưu Tâm Vũ còn tìm ra chứng cứ gì nữa?*

Nhưng nếu đọc kỹ bộ sách, ta sẽ phát hiện cách định vị và miêu tả nhân vật Lý Hoàn trong sách không phù hợp trật tự luân lý của xã hội khi ấy. Bởi nếu Lý Hoàn đúng là con dâu của con trai trưởng Giả Chính và Vương phu nhân, thì quý vị nghĩ xem: nếu trong phủ Vương phu nhân bận quá, quản việc nhà không xuể, muốn giao cho một người đáng tin cậy quản gia, bà nên giao cho ai? Nên giao cho Lý Hoàn. Mà Lý Hoàn không cần mẹ chồng nói, tự nàng cũng phải đứng ra mới đúng, phải không? Việc bên ngoài thì nàng không cần quản, đúng không? Nhưng đời sống của a hoàn, bà tử, tiểu thư, công tử, cả mớ công việc trong phủ, nàng phải đảm nhận không nhường ai. Thế nhưng ngay từ đầu sách đã cho ta thấy một hiện tượng rất kỳ lạ: nàng như khúc gỗ khô, tro tàn, đối với mọi việc trong gia tộc thì không hỏi han gì cả. Vậy quyền quản lý phủ đệ Vinh Quốc phủ rơi vào tay ai? Rơi vào tay chi bên, rơi vào tay con trai, con dâu của Giả Xá; thực tế là rơi vào tay người con dâu ấy, tức Vương Hy Phượng.

Nhưng Vương Hy Phượng không hề cho rằng mình đoạt quyền của ai; bản thân Lý Hoàn cũng không thấy người khác chiếm mất vị trí của mình.

Nếu chỉ xét quan hệ nhân vật và sự việc trong sách, lấy người luận người, lấy việc luận việc, thì điều này rất kỳ lạ.

Đồng thời, trong sách còn viết một lần Lý Hoàn và Vương Hy Phượng đối thoại với nhau.

Trong phủ, tức mỗi người lĩnh một phần, tương đương một khoản trợ cấp chính thức. Rồi xuất hiện một con số khiến người ta giật mình: số bạc Lý Hoàn lĩnh là hai mươi lượng, nhiều gấp bốn lần Vương Hy Phượng. Nàng ngang với ai? Ngang với Giả mẫu và Vương phu nhân.

Như vậy, nếu chỉ bàn trong sách, lấy sự việc trong sách mà xét, thiết kế tình tiết này là không hợp lý. Phải không? Một cô con dâu, một quả phụ, làm sao đãi ngộ kinh tế của nàng có thể ngang hàng với người đứng đầu phủ, ngang với mẹ chồng, với bà nội chồng của nàng? Không có lý. Hơn nữa, Vương Hy Phượng còn nói rằng ngoài khoản cung ứng ấy, nàng còn có đất riêng; trong phủ có một phần ruộng đất thuộc về nàng, mỗi năm còn thu địa tô. Tức đời sống của nàng và Giả Lan rất đặc thù, đãi ngộ của họ rất đặc biệt.

Vì vậy bây giờ quý vị nghĩ lại tình hình đời thực tôi vừa nói, rồi nghĩ đến cách miêu tả trong sách. Do đó kết luận của tôi là: nếu không thể nói nguyên mẫu Lý Hoàn chính là Mã thị, thì ít nhất trên người Lý Hoàn có bóng dáng Mã thị, bóng dáng rất sâu. Nếu quý vị hình dung Lý Hoàn như Mã thị thì mọi chỗ đều thông. Thế nào là mọi chỗ đều thông? Phủ Giang Ninh Chức tạo có chủ mới và phu nhân mới đến, bà phải dọn sang bên cạnh. Nhưng đãi ngộ của bà có thể bị cắt giảm không? Vốn dĩ bà hưởng đãi ngộ của phu nhân. Chồng bà chết nên bà mới mất địa vị phu nhân phủ Chức tạo, đúng không? Bà lại không phạm pháp, không phạm tội gì.

Tuy hoàng đế đã bổ nhiệm một Giang Ninh Chức tạo mới, đưa phu nhân mới đến, bà phải đứng sang bên, nhưng đãi ngộ của bà không thể thay đổi. Quý vị nghe rõ rồi chứ? Có phải vậy không? Trong tình hình ấy, ngoài đời Lý thị vẫn còn; bà có con trai, con dâu mới, hơn nữa là do hoàng đế chỉ định, hoàng đế đồng ý. Người con dâu ấy tương ứng với Vương phu nhân trong sách. Bà ta quản lý việc nhà, gọi cháu gái bên ngoại của mình đến giúp chống đỡ gia đình; Mã thị, bà không có gì để nói, đúng không?

Bà đã rút khỏi tầng lớp quản lý rồi, đãi ngộ không đổi, phải không? Cho nên từ những chuyện đời thực ấy, đối chiếu với miêu tả trong tiểu thuyết, ta cảm thấy khi Tào Tuyết Cần xây dựng nhân vật này, trong lòng ông có một nguyên mẫu; ông chỉ hạ bối phận của bà xuống một đời để viết mà thôi.

*Ông Lưu Tâm Vũ phát hiện địa vị kỳ lạ của Lý Hoàn trong Giả phủ: nàng có thân phận có thể quản lý đại gia đình họ Giả nhưng lại không quản việc; vậy mà nguyệt ngân mỗi tháng nàng lĩnh lại ngang với Giả mẫu và Vương phu nhân. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng cách miêu tả kỳ lạ ấy trong Hồng Lâu Mộng phù hợp với tình hình Mã thị ngoài đời. Hơn nữa, ông còn tìm ra chứng cứ khác trong sách. Vậy rốt cuộc ông phát hiện điều gì?*

Còn một nét bút nữa càng thú vị hơn, nằm ở hồi 22. Hồi 22 viết về Tết Nguyên tiêu: làm câu đố đèn, mở tiệc gia đình. Đó là dịp gia đình đoàn tụ. Khi gia đình đoàn tụ, tất nhiên Giả mẫu có mặt; trong tiểu thuyết, Giả Chính, Vương phu nhân, cả Lâm Đại Ngọc v.v. đều có mặt. Bảo Ngọc thì khỏi cần nói, đương nhiên cũng có mặt; Giả Hoàn tuy không được yêu thích, nhưng gia tộc đoàn tụ thì cậu ta cũng phải có mặt.

Lý Hoàn, vì theo sự sắp đặt trong sách nàng là con dâu Vương phu nhân, nên viết nàng có mặt là rất đúng; nàng đương nhiên cũng ở đó. Ai không có mặt? Giả Lan không có mặt. Hồi 22 viết như vậy. Mà theo lẽ thường thì viết như vậy không đúng. Nếu nói phủ đệ quý tộc như họ rất coi trọng quy củ thì nhà nhỏ hộ nhỏ cũng coi trọng quy củ chứ, phải không?

Mọi người đoàn viên, sao cậu ta có thể không đến? Miêu tả trong sách đặc biệt kỳ lạ: rồi nói Giả Chính bỗng phát hiện Lan ca không có mặt, bèn hỏi: Lan ca sao không ở đây? Lan ca không thể đứng dậy ở một không gian khác để tỏ lòng kính trọng; người trả lời là Lý Hoàn, nàng cười mà đáp. Nàng nói: bởi lão gia không gọi nó đến, nên nó không đến. Chuyện này là sao? Nếu không có nguyên mẫu đời thực, một tiểu thuyết hư cấu viết về đại gia đình phong kiến thì không thể viết như vậy.

Quá vô lý, phải không? Theo thiết kế nhân vật trong sách, Giả Lan là gì của Giả Chính? Là cháu ruột. Hơn nữa khi ấy Giả Lan có phải đứa bé chưa hiểu chuyện không? Không. Khi ấy Giả Lan đã đi học, biết sách biết lễ rồi, phải không?

Vì sao cậu ta không đến?

Tôi cho rằng đó là vì khi Tào Tuyết Cần viết cảnh này, ông dựa vào tình hình chân thực trong đời sống trong đời thực, quý vị nghĩ xem: nếu Mã thị không sinh được đứa con di phúc của Tào Ngung, hoặc sinh ra rồi đứa trẻ chết yểu, bà bèn nhận nuôi một đứa con trai. Đứa con ấy đối với bà là quan hệ mẹ con ruột thịt trên danh nghĩa, đúng không? Nhưng đối với Tào Phủ, nó có quan hệ huyết thống không? Không có quan hệ huyết thống. Tào Phủ trên danh nghĩa là chú của nó.

Nhà chú mở tiệc đoàn viên Nguyên tiêu, nếu không gọi tôi, tôi không đi. Như vậy chẳng phải thuận lý thành chương sao? Đúng không? Mỗi nhà mỗi cửa, chúng ta đâu phải một nhà, phải không? Vì vậy những chỗ này đều để lộ ra rằng nguyên mẫu và cảnh đời mà tiểu thuyết dựa vào chính là những tình hình chân thực ngoài đời tôi vừa nói, tức tình hình của Mã thị. Vì sao Mã thị buộc phải đi?

Nếu chỉ là Tào Phủ và phu nhân Tào Phủ mở tiệc nhà, nếu mẹ chồng cấp trên đã mất, bà có thể không đi, quý vị hiểu không? Bà thuộc một nhà khác. Nhưng nếu bên trên Lý thị vẫn còn, mẹ chồng của bà vẫn còn; chồng bà mất nhưng mẹ chồng còn, bà có phải đi không? Bà phải đi. Bà phải đi, con trai bà không đi, vì sao khi bị hỏi bà không căng thẳng? Theo lẽ, Lý Hoàn trong tiểu thuyết được thiết kế là con gái Quốc Tử Giám tế tửu, rất hiểu lễ nghĩa, đúng không?

Theo lẽ, người ta hỏi thì nàng phải hoảng sợ. Sao nàng lại làm vậy? Không hiểu lễ pháp à? Nhưng nàng cười mà nói. Vì sao? Vì Mã thị ngoài đời có thể cười mà nói: không phải người nhà các ông, các ông mời thì nó đến, không mời thì nó không đến.

Dĩ nhiên trong tiểu thuyết sau đó viết rằng đứa bé Lan ca quả thật có phần cô lạ, bèn sai Giả Hoàn cùng mấy người khác đi gọi Giả Lan đến, lúc ấy Giả Lan mới tới.

*Trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng nguyên bút Tào Tuyết Cần, có một số miêu tả về Lý Hoàn không phù hợp với cảnh huống bề mặt. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng đó là bởi nguyên mẫu của Lý Hoàn trong tiểu thuyết chính là Mã thị, vợ góa của Tào Ngung ngoài đời. Còn trong tiểu thuyết, sau khi nhà họ Giả bị xét nhà, Lý Hoàn là người bị liên lụy nhẹ nhất. Vậy ngoài đời, khi nhà họ Tào bị xét nhà, Mã thị sẽ bị liên lụy như thế nào?*

Tình hình chân thực ngoài đời cũng là như vậy. Sau khi Ung Chính đoạt được ngôi vua, bước đầu ông không lập tức hủy diệt Tào Phủ, mà giao Tào Phủ cho một người gọi là Di thân vương trông coi.

Tức lúc ấy Tào Phủ ở một mức độ nhất định bị giám sát trọng điểm, hơn nữa lời phê trên tấu chương gửi cho ông cũng rất nghiêm khắc. Trước hết xử lý như vậy; đến năm Ung Chính thứ sáu mới chính thức định tội Tào Phủ và trị tội ông. Việc ấy có một quá trình; trong sách, sự hủy diệt tông tộc họ Giả cũng có một quá trình như vậy. Quý vị nghĩ xem: Ung Chính ra tay với Tào Phủ thì có thể không hề kiêng dè, bởi về sau Khang Hy cũng không để lại ấn tượng tốt đẹp gì về Tào Phủ. Trong những lời phê trên tấu chương về sau của Khang Hy, cũng như trong Khởi cư chú và Thánh Tổ thực lục, đều không có đánh giá khẳng định nào đối với

Tào Phủ. Hơn nữa khi ấy bản thân Tào Phủ lại rất không khéo xử sự; về sau qua cái gọi là sự kiện quấy nhiễu trạm dịch, người ta nắm được thóp và chỉnh trị ông.

Nhưng Ung Chính kế thừa hoàng vị của Khang Hy, ông phải tỏ ra tư thế gì? Tức là: ta là người kế thừa tốt nhất của phụ vương; mọi nơi mọi việc ta đều làm theo ý phụ vương; trong tất cả con cháu, ta là người giống phụ vương nhất. Vậy phụ vương ông đối xử với Tào Ngung tốt như thế, ông có thể hoàn toàn trở mặt tuyệt tình với quả phụ của Tào Ngung không? Ông không thể. Phụ vương ông đã đánh giá Tào Ngung rất chính diện, hơn nữa có ghi chép để lại. Đối với Mã thị, ông có thể đem bà nấu chung một nồi với Tào Phủ và phu nhân Tào Phủ không?

Ông không thể. Quý vị nghe rõ rồi chứ? Vì vậy khi viết vào sách, tuy Tào Tuyết Cần hạ bối phận của Lý Hoàn xuống một đời, nhưng nếu dựa theo tình hình chân thực đời sống mà viết, thì câu ấy là: "như băng nước tốt, uổng ghen nhau". Trong sách, Giả Chính, Vương phu nhân, khỏi nói còn có Giả Xá, Hình phu nhân, thậm chí Giả Trân v.v. đều phạm trọng tội, đều trở thành băng lạnh.

Nhưng có những người cũng là thành viên trong cùng gia đình, theo lẽ là một thể với họ, lại vẫn là nước: đó là Lý Hoàn và Giả Lan. Bởi nguyên mẫu của họ được Ung Chính tôn trọng. Có ghi chép hồ sơ rõ ràng: khi Ung Chính trị tội Tào Phủ, điều ông về Bắc Kinh trị tội, bắt đeo gông bêu tội trước công chúng... trong tình hình ấy, Ung Chính vẫn không quên dặn các quan phụ trách xét nhà ở Bắc Kinh phải để lại cho Lý thị và Mã thị...

Để lại cho Lý thị một sân viện để cư trú và phụng dưỡng. Đó là vì phụ thân, tức phụ vương của ông, từng dành sự khẳng định đầy đủ cho nam giới của hai thế hệ này. Về sau có người khảo cứu rằng cái sân ấy ở vùng Toán Thị Khẩu. Dựa theo sử thực nhà họ Tào, chúng ta không bàn kỹ ở đây. Khi ấy, những người khác trong toàn Giả phủ đều không xong nữa, chỉ còn Lý Hoàn ở Đạo Hương thôn và con trai nàng là Giả Lan còn may mắn sống sót. Và qua miêu tả trong 80 hồi đầu, quý vị biết Lý Hoàn rất keo kiệt.

Con người Lý Hoàn dĩ nhiên cũng khoan hậu, nhân từ, nàng cũng biết làm thơ đôi chút. Lý Hoàn đối với anh em, chị em cũng khá tốt; nhưng trong chuyện tiêu bạc, nàng rất keo kiệt, một xu cũng không chịu nhả. Sở dĩ nàng đối thoại với Vương Hy Phượng, dẫn là vì Vương Hy Phượng nói: bây giờ các người muốn lập thi xã trong Đại Quan viên, chị dâu cả dẫn đám em trai em gái chơi đùa, bỏ ra được mấy lượng bạc chứ? Vậy mà chị cũng không nỡ bỏ ra, còn đến hỏi tôi đòi bạc. Dĩ nhiên Vương Hy Phượng nói bằng giọng đùa, nhưng trong câu đùa ấy cũng có lời thật. Về kinh tế, Lý Hoàn tính toán rất kỹ.

Vì sao nàng phải tính toán? Quý vị nghĩ xem, Mã thị ngoài đời có thể không tính toán sao? Bà buộc phải tính toán; bà phải chừa đường lui cho mình. Đừng nói là khi chịu đả kích thì phải chừa đường lui; ngay cả khi không bị đả kích, nếu Tào Phủ vẫn làm Giang Ninh Chức tạo, bà cũng phải chừa đường lui cho mình,

phải không? Vì đâu phải cùng một nhà, đúng không? Vậy vốn dĩ Lý Hoàn hơi keo kiệt cũng có thể hiểu được.

Nhưng sau hồi 80, trong đơn nguyên tình tiết tôi đang nói đến, sẽ xảy ra chuyện gì? Tức là sau khi nhà họ Giả bị đả kích, Xảo Thư vì còn vị thành niên, trong quá trình ấy số phận nàng đặc biệt không được bảo đảm. Thế là xuất hiện cậu ruột của nàng, Vương Nhân. Theo lẽ là máu mủ ruột thịt, vậy mà ông ta lại muốn bán nàng vào kỹ viện. Tuy nàng còn nhỏ tuổi, nhưng kỹ viện rất tàn nhẫn. Đưa cô bé này về, trước hết bắt làm việc; nuôi lớn rồi bắt tiếp khách.

Rất tàn khốc. Trong tình hình ấy, Lưu lão lão phát hiện chuyện này, bà muốn cứu Xảo Thư. Một cách để cứu nàng là phải lấy bạc ra chuộc. Bạc ấy lấy từ đâu? Nghĩ tới nghĩ lui, có một nguồn: chỗ Lý Hoàn. Bởi Xảo Thư với nàng cũng là cốt nhục chí thân; theo miêu tả trong sách thì rất thân, đúng không?

Thế là người ta tìm đến Lý Hoàn và Giả Lan. Lý Hoàn có thể không lên tiếng; Giả Lan thì biểu hiện rất không ra gì, vô cùng nhẫn tâm, một xu cũng không chịu bỏ. Giả Lan là gì của Xảo Thư? Là anh. Phàm những người thuộc thế hệ có bộ thảo đầu ấy đều cùng một bối phận với Xảo Thư, đúng không? Kẻ "anh gian" không phải ai khác, chính là Giả Lan.

Còn Cao Ngạc viết thành ai? Viết thành Giả Vân. Điều ấy hoàn toàn không đúng. Ở phần trước tiểu thuyết, quý vị có thể thấy Giả Vân là một người có chí khí. Chi Nghiễn Trai có rất nhiều lời phê đánh giá cao anh ta. Chi Nghiễn Trai là người đã xem toàn bản. Hơn nữa Chi Nghiễn Trai còn nói với quý vị rằng đến cuối cùng, sau khi Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc bị bắt vào ngục... ông ta còn đến nhà ngục thăm nom, còn nghĩa khí đi thăm tù; có hành vi như vậy. Anh ta là người tốt. Huống chi Giả Vân và Lâm Hồng Ngọc, tức Tiểu Hồng, có câu chuyện tình yêu, quý vị còn nhớ không? Rất cảm động. Đó là hai người có lương tri. Giả Vân sẽ không làm chuyện như vậy, sẽ không trở thành kẻ gian hại Xảo Thư. Không thể như vậy. Gán cho Giả Tường cũng không có lý. Phượng Thư có ân với Giả Vân. Chưa kể Phượng Thư đối với Giả Tường cũng rất tin dùng. Trong câu chuyện Phong nguyệt bảo giám, đoạn Giả Thụy, quý vị còn nhớ không? Ai là trợ thủ của Phượng Thư? Chính là Giả Dung và Giả Tường. Hơn nữa trong sách có miêu tả chính diện về Giả Tường: con người này hiểu tình cảm chân thật. Ban đầu có thể anh ta đùa bỡn Linh Quan, nhưng đến cuối cùng đã động chân tình; giữa anh ta và Linh Quan về sau thật sự có tình yêu.

Ở cuối 80 hồi đầu có viết việc giải tán mười hai đào hát, nhưng trong đó không viết rõ hướng đi của Linh Quan. Sau hồi 80 sẽ giao代: chính Giả Tường chuộc nàng ra, về sau Giả Tường cùng nàng sống cuộc đời riêng. Giả Tường sẽ không làm chuyện hãm hại Xảo Thư.

Người khiến Xảo Thư suýt rơi xuống hố lửa không thể thoát ra chính là Giả Lan. Rõ ràng có bạc, nhưng vào thời khắc then chốt lại nhẫn tâm không chịu lấy ra.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng nguyên bút Tào Tuyết Cần đã nhắc đến kẻ "cậu dữ, anh gian" suýt đưa con gái Vương Hy Phượng là Xảo Thư vào kỹ viện. Trong đó, "anh gian" không phải Giả Vân và Giả Tường như Cao Ngạc viết trong phần tục thư, mà là con trai Lý Hoàn: Giả Lan. Và trong sự kiện này, Lý Hoàn cũng để lộ mặt u tối trong nhân tính của nàng. Vậy căn cứ nào khiến ông Lưu Tâm Vũ nghĩ như vậy?*

Tôi nói như vậy rốt cuộc có căn cứ không? Có chứ. Quý vị hãy đọc kỹ lời ca về Lý Hoàn trong mười hai khúc hát. "Tuy nói rằng đời người đừng chịu cảnh nghèo lúc tuổi già, nhưng cũng nên tích âm đức cho con cháu." Đây là ngôn ngữ phê phán rất nặng. Nhiều độc giả khi đọc không kỹ, không nhìn kỹ. Lý Hoàn làm gì có chuyện là người hoàn mỹ không tì vết?

Dù xét theo thiết kế của Tào Tuyết Cần, hay xét bản toàn thư ông đã viết xong, đối với Lý Hoàn, lẽ nào ông khẳng định nàng từ đầu đến cuối sao? Ở phía sau, ông cũng sẽ phê phán Lý Hoàn rất nghiêm khắc. Trong 80 hồi đầu, ông đã viết những câu như vậy. Chúng có nghĩa gì? Tức Lý Hoàn tích cốc phòng cơ, vốn là điều có thể hiểu được. Bởi nàng phải nghĩ đến tuổi già của mình sẽ ra sao: "tuy nói rằng đời người đừng chịu cảnh nghèo lúc tuổi già".

Tích cốc phòng cơ, nghĩ cho tương lai của mình, điều ấy nói được. Nhưng khi đại nạn ập đến, cần cứu người, cũng đâu yêu cầu nàng lấy hết tích lũy ra. Nàng phải lấy ra một phần chứ! Người thân của nàng, Xảo Thư, sắp bị nhốt vào lầu xanh rồi. Cô gái ấy sẽ bị hủy hoại.

Nàng tích chút âm đức có được không? Bản thân không tích đức, thì tích chút đức cho con cháu nàng có được không? Lý Hoàn lại không tích cái đức ấy. Cho nên mới có câu: "Tuy nói rằng đời người đừng chịu cảnh nghèo lúc tuổi già, nhưng cũng nên tích âm đức cho con cháu." Âm đức, theo cách nói mê tín xưa, tức là ở cõi âm, ở nơi ấy, quý vị cũng phải có phần tích lũy của mình. Phần tích lũy này không phải tiền bạc, mà là việc thiện, là hành vi tốt của quý vị.

Nhưng sau hồi 80, trong đơn nguyên tình tiết từ hồi 91 đến hồi 99, sẽ xuất hiện một tình tiết kinh tâm động phách như vậy. Tức chúng ta phát hiện người mà ta luôn tưởng là Lý Hoàn ôn hòa đôn hậu, nhân từ thiện tâm... nhưng ở một khớp nối rất quan trọng của đời người, nàng không muốn lấy tiền ra. Nàng giả câm giả điếc, để con trai Giả Lan ra mặt; coi như đuổi người đến cầu cứu ra ngoài, một xu cũng không chịu bỏ. Xảo Thư suýt nữa thật sự trở thành kỹ nữ lầu xanh. Quý vị nói xem, như vậy có tích đức không?

Không tích dương đức, thì tích chút âm đức có được không? Đó là lời phê phán rất dữ dội. Mà Lý Hoàn lại có biểu hiện như vậy. Vào thời khắc then chốt, nàng một xu cũng không bỏ, không tích âm đức, vẫn khiến người ta cảm thấy đáng cười. Huống chi căn cứ vào ám chỉ trong lời phán và khúc hát, có thể biết Lý Hoàn cũng không thật sự hưởng được phúc lớn. Có lẽ đúng lúc con trai nàng vừa thăng quan, nàng vừa trở thành cáo mệnh phu nhân, thì nàng đã một mệnh ô hô. Vì vậy, chịu bao cay đắng nuôi dạy một đứa con như thế,

keo kiệt tích góp của cải, đến cuối cùng cả đời nàng cũng rất đáng cười. Đó chính là Lý Hoàn dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần. Đến đây, tôi đã lần lượt giảng hết mười hai thoa trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách thông qua câu chuyện thật sau hồi 80 trong sách. Nhưng câu chuyện thật sau hồi 80 còn phải tiếp tục kể xuống nữa.

Sau khi Giả phủ bị phá hủy hoàn toàn, như trước đây tôi đã nhiều lần dẫn lời phê của Chi Nghiễn Trai để nói với quý vị, có một màn kịch lớn, không gian diễn ra của nó là ở miếu Ngục Thần.

Nhân vật xuất hiện có Vương Hy Phượng, có Giả Bảo Ngọc. Điều này không lạ, vì qua các phần giảng trước, quý vị đã biết họ đều là thành viên của Giả phủ. Còn có Thiến Tuyết, có Tập Nhân, có Tiểu Hồng nữa. Chuyện này là thế nào? Miếu Ngục Thần là gì? Ở miếu Ngục Thần đã xảy ra những câu chuyện gì? Tào Tuyết Cần sẽ viết những gì? Xin nghe phần sau của tôi.

# Tập 55

Bí ẩn miếu Ngục Thần

*Giả Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng là hai nhân vật phong vân trong phủ họ Giả của Hồng Lâu Mộng. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng sau khi Giả phủ suy bại, sân khấu đời họ sẽ chuyển sang miếu Ngục Thần; nhưng trong phần tục thư của Cao Ngạc, tình tiết quan trọng này lại không hề được nhắc đến. Vậy miếu Ngục Thần rốt cuộc là nơi như thế nào? Trong miếu Ngục Thần, Giả Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng đã nếm trải những ấm lạnh nhân tình ra sao? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin mời theo dõi tập 11: Bí ẩn miếu Ngục Thần.*

*Theo như phần tục thư của Cao Ngạc trong "Hồng Lâu Mộng", kết cục cuối cùng của Giả Bảo Ngọc là gì? Theo tục thư Cao Ngạc, kết cục của Giả Bảo Ngọc là đỗ cử nhân, để lại con trai khôi phục gia nghiệp, rồi phiêu nhiên bỏ đi xuất gia làm hòa thượng. Còn Vương Hy Phượng sống sót qua biến cố, cuối cùng bệnh chết ở nhà. Nhưng dựa trên nghiên cứu sâu về văn bản Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ suy diễn ra một kết cục hoàn toàn khác với tục thư Cao Ngạc. Ông cho rằng trong quãng đời còn lại của Giả Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng, một sân khấu quan trọng là miếu Ngục Thần, nơi họ thật sự cảm nhận hết thói đời nóng lạnh. Vậy căn cứ của ông Lưu Tâm Vũ là gì?*

*Trong miếu Ngục Thần rốt cuộc đã xảy ra những câu chuyện lay động lòng người nào? Hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, theo dõi tập 11: Bí ẩn miếu Ngục Thần.*

Cuối buổi trước tôi nói rằng trong toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, ở đơn nguyên tình tiết từ hồi 100 đến hồi 108 sẽ có câu chuyện miếu Ngục Thần. Có người có thể hỏi: căn cứ ở đâu? Có căn cứ. Vì Chi Nghiễn Trai từng biên tập toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần; bà không chỉ từng đọc, mà còn từng sao chép và chỉnh lý.

Trong lời phê, Chi Nghiễn Trai để lại ghi chép rất quý: “Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới thành chính văn.” Trước đó có một nhân vật tên Thiến Tuyết; lúc nàng xuất hiện, độc giả thường không chú ý, vai diễn cũng không nhiều, nhưng đến sau hồi 8 thì quý vị sẽ để ý. Chính Thiến Tuyết đã gây ra một trận sóng gió gọi là chuyện trà Phong Lộ. Khi ấy Bảo Ngọc uống say, nổi giận, miệng la: “Đuổi ra! Đuổi ra!” Thực ra trong lòng chàng muốn đuổi nhũ mẫu Lý ma ma mà chàng ghét; nhưng chàng lại trút giận lên Thiến Tuyết, ném chén trà, khiến nước trà bắn lên váy nàng. Tiếng động khá lớn, vì lúc đó Bảo Ngọc và Đại Ngọc đang ở cùng Giả mẫu. Trong một không gian lớn như vậy, Giả mẫu nghe thấy tiếng động thì không vui, bèn hỏi xảy ra chuyện gì.

Bảo Ngọc lại la "Đuổi ra! Đuổi ra!" Đọc tiếp về sau, ta thấy quả nhiên có người bị đuổi; người bị đuổi không phải Lý ma ma, mà lại là Thiến Tuyết. Thiến Tuyết rất oan ức: nàng không làm sai điều gì mà vẫn bị đuổi. Chi phê về nhân vật này có một lời nhắc rằng những miêu tả ấy về Thiến Tuyết đều chưa phải "chính văn"; chính văn của nàng sẽ hiện ra trong một hồi ở miếu Ngục Thần. Nghĩa là sau hồi 80, sẽ có một hồi mà Thiến Tuyết trở thành nhân vật quan trọng, thật sự "trình chính văn". Trong bốn mươi hồi tục thư của Cao Ngạc hiện nay, rõ ràng không có tình tiết như vậy: không có miếu Ngục Thần, cũng không có Thiến Tuyết xuất hiện.

Lời phê trước đó còn nói rõ Thiến Tuyết ở miếu Ngục Thần làm gì. Nàng "an ủi Bảo Ngọc", tức đến thăm hỏi Bảo Ngọc trong ngục. Trong lời phê ký tên Ky Hốt Tẩu cũng có câu: "Hồi miếu Ngục Thần có cả một đoạn văn lớn về Thiến Tuyết và Hồng Ngọc." Hồi ấy không chỉ có Thiến Tuyết, còn có một nhân vật tên Hồng Ngọc. Hồng Ngọc chính là Lâm Hồng Ngọc. Lâm Hồng Ngọc là ai? Nàng là con gái của quản gia phủ Vinh Quốc, Lâm Chi Hiếu; vì cùng họ Lâm với Lâm Đại Ngọc, tên lại có chữ Ngọc dường như phạm vào tên của các chủ nhân quá nhiều, nên về sau gọi tắt là Tiểu Hồng.

Như vậy trong miếu Ngục Thần không chỉ có Thiến Tuyết xuất hiện, mà Tiểu Hồng cũng xuất hiện, hơn nữa đó là cả một hồi văn lớn. Tiếc rằng chưa.

Đến ngày nay, ngay lúc ấy Ky Hốt Tẩu đã nói: "Tiếc thay bản thảo đã thất lạc, than ôi!" Phần bản thảo ấy ông từng xem, từng sao chép, từng chỉnh lý. Nhưng khi ông viết bộ lời phê này, phần bản thảo ấy đã thất lạc, tìm không còn nữa. Điều đó vừa thần bí vừa đáng tiếc, khiến ông cũng phải than thở. Cao Ngạc trong phần nối tiếp Hồng Lâu Mộng không hề miêu tả cảnh miếu Ngục Thần; nhưng theo lời phê của Chi Nghiễn Trai, ta có thể suy ra rằng miếu Ngục Thần trong toàn bản Hồng Lâu Mộng hẳn là một cảnh rất quan trọng. Từ những tiếng thở dài lặp đi lặp lại của Chi Nghiễn Trai, ta có thể cảm nhận nơi miếu Ngục Thần từng xảy ra câu chuyện kinh tâm động phách. Vậy miếu Ngục Thần rốt cuộc là nơi như thế nào? Có phải do Tào Tuyết Cần tưởng tượng ra không? Đọc Hồng Lâu Mộng phải hiểu bút pháp của Tào: "chân sự ẩn, giả ngữ tồn". Những câu chuyện ông viết không chỉ nhân vật, mà cả không gian, thường đều có nguyên mẫu; ông chỉ làm mờ chúng đi. Nhưng nếu đi khảo sát thực địa, thậm chí vẫn có thể tìm thấy dấu vết. Có thật từng có loại miếu thờ Ngục Thần như vậy không? Có. Ở Bắc Kinh nay biến đổi quá nhiều nên khó tìm, nhưng tìm trong cả Trung Quốc thì vẫn có thể tìm được. Vài năm trước, chính tôi đặc biệt đến Nam Dương, Hà Nam và tìm thấy miếu Ngục Thần. Ở Nam Dương có.

Một huyện nha được bảo tồn rất hoàn chỉnh, đặc biệt là nó còn có nhà ngục phụ thuộc. Khi tôi tham quan nhà ngục ấy, vừa đến cổng đã thấy rợn người: trên cửa ngục có hình một con quái thú, đặc điểm lớn nhất là lộ hai chiếc răng nanh rất lớn. Con quái thú ấy xưa có điển tích, gọi là Bệ Ngạn. Đó là một loài mãnh thú dữ tợn, ăn không nhả xương. Đặt nó trên cửa ngục là để tượng trưng cho sự tàn khốc và quyền uy của nhà tù, như một lời cảnh cáo: đừng phạm pháp; nếu phạm pháp bước vào đây, tức là đã rơi vào miệng Bệ Ngạn. Đây là cảnh tượng rất đặc biệt của nhà ngục.

Sau khi đi qua cánh cửa dưới hình Bệ Ngạn, tôi thấy trước mặt là một sân nhỏ. Gian nhà phía bắc của sân chính là một ngôi miếu. Tôi bước vào, thấy ở chính giữa thờ một pho tượng thần: một ông lão mặt mũi hiền từ, râu dài, tay phải vuốt râu, dáng vẻ rất uy nghiêm. Tượng ấy nặn ai? Vì sao người ấy lại trở thành thần? Người này chính là một đại thần thời Nghiêu, Thuấn, Vũ trong truyền thuyết lịch sử Trung Quốc.

Ông là người sáng lập sớm nhất của chế độ tư pháp Trung Quốc, tên là Cao Dao, tức Cao Đào. Chữ Đào trong tên ông viết như chữ trong "say sưa", nhưng đọc tên ông là Cao Dao. Thời Thuấn, ông đã đặt nền móng đầu tiên cho chế độ tư pháp. Khi ấy sức sản xuất thấp, của cải vật chất khan hiếm, con người cũng hầu như không có tài sản riêng, nên hành vi phạm tội rất ít. Nhưng khi sức sản xuất dần nâng lên, một bộ tộc có thể thu được nhiều thứ hơn. Chẳng hạn thủ lĩnh bộ tộc dẫn mọi người đi săn, săn được một con lợn rừng, rồi mổ ra chia thịt; khi ấy xã hội khá bình quân, mỗi người đều được chia một phần.

Có thể có người nổi lòng tham, ăn cắp phần thịt của người khác. Như thế là sai. Đại thần Cao Dao của Thuấn nghĩ ra cách xử trí: anh sai rồi, vậy phải phạt thế nào? Ông bảo người ấy đứng yên, lấy người ấy làm tâm, dùng một cành cây vạch một vòng tròn trên đất rồi nói: anh không được ra khỏi vòng này, cứ đứng đó tự kiểm điểm. Đó là một hình phạt. Khi ấy dân phong thuần phác, suy nghĩ con người đơn giản, nên kẻ phạm lỗi ngoan ngoãn đứng trong vòng không dám động.

Đó là hình thức nhà ngục sớm nhất, cho nên Cao Dao trở thành thần của nhà ngục. Đời Thanh, cứ ngày mồng một và rằm, phạm nhân được phép lần lượt đến miếu Ngục Thần bái thần. Nếu thấy mình oan khuất, họ có thể cầu Ngục Thần phù hộ được minh oan; nếu biết mình có tội, họ có thể bái Cao Dao trong miếu Ngục Thần, cầu được xử nhẹ; nếu thật là tội chết, họ cũng có thể khẩn cầu Cao Dao phù hộ cho sau khi chết được đầu thai tốt hơn, kiếp sau đỡ khổ hơn. Vì vậy trong nhà ngục đời Thanh, việc đặt miếu Ngục Thần có tác dụng như một chất bôi trơn: giữa hoàng quyền, vương pháp với dân chúng và phạm nhân, nó tạo ra một vùng đệm, giúp duy trì kết cấu xã hội ấy.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nhiều không gian trong Hồng Lâu Mộng đều có nguyên mẫu; tìm nguyên mẫu không gian của câu chuyện là một phương pháp không thể thiếu trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Phương pháp ấy gọi là khảo sát thực địa.*

*Thông qua khảo sát thực địa, ông Lưu Tâm Vũ đã tìm ra miếu Ngục Thần trong lời phê của Chi Nghiễn Trai: đó đúng là một kiến trúc phụ thuộc thường có trong nhà ngục đời Thanh. Vậy vì sao Giả Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng lại bị giam vào ngục? Vì sao miếu Ngục Thần lại xuất hiện?*

Qua mấy buổi trước, quý vị hẳn đã biết: về sau Giả phủ sụp đổ hoàn toàn, nhà tan người tán mỗi kẻ một nơi. Trong hoàn cảnh ấy, có hai người bị giam trong cùng một nhà ngục: một nam phạm là Giả Bảo Ngọc, một nữ phạm là Vương Hy Phượng. Vì sao Giả Bảo Ngọc bị nhốt vào đó?

Giả Bảo Ngọc là một nam chủ nhân trong phủ Vinh Quốc. Lúc câu chuyện bắt đầu, chàng còn rất nhỏ; khi Nguyên phi về thăm nhà, sách có mấy lần nhắc tuổi, chàng mới mười ba. Nhưng cảnh tốt chẳng dài lâu: "ba xuân qua rồi muôn hoa hết", sau ba mùa xuân, Giả phủ sụp đổ. Khi ấy Bảo Ngọc bao nhiêu tuổi? Mười sáu tuổi. Trong xã hội thời đó, mười sáu tuổi đã là người trưởng thành.

Một khi gia tộc bị hoàng đế xét nhà, trị tội, bất kể cá nhân anh có tội cụ thể hay không, hễ là nam chủ nhân đã trưởng thành thì phải gánh một phần trách nhiệm về tội của gia tộc. Cho nên Bảo Ngọc không thể thoát, cũng bị coi là phạm nhân trưởng thành và bị tạm giam. Cách xử trí những nam giới trưởng thành trong gia đình có tội ấy, nghiêm khắc nhất tất nhiên là chém đầu, thắt cổ hoặc buộc tự tận; kế đến là lưu đày đến vùng biên viễn lạnh khổ làm nô lệ cho người mặc giáp; nữa là giam lâu trong ngục. Nhẹ nhất là tra xét đi xét lại không thấy tội cụ thể quá lớn, nhưng anh vẫn là nam giới trưởng thành của một nhà có tội, nên có thể bị giải về nguyên quán, hoặc bị lệnh tự về quê, không được sống ở kinh thành nữa. Mọi người biết nguyên quán của bốn đại gia tộc đều là Kim Lăng. Vì vậy Bảo Ngọc chờ phán quyết cuối cùng: nếu được cấp một thẻ lệnh, tương đương giấy thông hành, chàng có thể ra khỏi nhà ngục, rời Bắc Kinh trở về quê cũ, tìm cách sinh tồn.

Bảo Ngọc đối diện với tiền đồ như vậy. Còn Vương Hy Phượng thì thảm hơn nhiều. Bà là phụ nữ, và như tôi đã nói trước, trước khi Giả phủ bị hoàng đế xét nhà thì trong nhà đã loạn: Giả Liễn đã hưu bỏ bà, đổi địa vị với Bình Nhi, để Bình Nhi được phù chính làm Nhị nãi nãi, còn bà thành đại nha hoàn thông phòng. Thân phận ấy sau khi xét nhà có thể phần nào che chắn cho bà, vì bà có thể nói mình không còn là chủ nhân; nhưng nghĩ mà xem, bà từng xưng vương xưng bá ở phủ Vinh Quốc bao nhiêu năm, ai mà không biết? Không cần nhiều người tố giác, ngay cả Trung Thuận vương phụ trách xét nhà cũng rõ. Vì vậy họ trị tội bà rất nặng.

Vì sao Trung Thuận vương phải quản bà thật chặt? Vì bà là người quản tài chính. Lấy nhà họ Giả trong bốn đại gia tộc mà nói, tài sản của họ không chỉ có ở kinh thành; nguyên quán có hay không? Trong sách nói rất rõ: ở nguyên quán còn có nhà cũ nguy nga, còn gia nhân trông coi, nơi đó cũng có rất nhiều tài sản. Vì vậy tiền đồ của Vương Hy Phượng là: sau khi người xét nhà tra rõ vấn đề của bà, còn phải áp giải bà về Nam Kinh, về Kim Lăng để làm gì? Bà phải khai hết, dẫn họ đi kiểm kê từng món tài sản ở gốc cũ, ghi chép, đăng ký và bàn giao sạch sẽ.

Không phải muốn chết là chết, cũng không phải định một tội là xong. Vì hoàng đế xét nhà thường sẽ thưởng tài sản tịch thu, kể cả phủ đệ, cho quan viên phụ trách xét nhà. Người phụ trách ấy muốn lợi ích tối đa, nên không cho phép giấu bất cứ tài sản nào. Nếu ở nguyên quán còn tài sản, hắn sẽ coi đó là miếng thịt béo lớn, không thể bỏ qua. Vì vậy Vương Hy Phượng sẽ bị áp giải về Giang Nam; đưa bà đi để kiểm kê tài sản nhà cũ, kiểm kê xong có thể sẽ giết. Cho nên trong miếu Ngục Thần, cả hai người đều rất thảm.

Khi tôi ở Nam Dương, sau khi tham quan miếu Ngục Thần và sân trước, đi tiếp vào phía sau, dù là nam giam hay nữ giam đều thấy rất khủng khiếp. Bên trong có phòng tra tấn, những hình cụ khiến tôi không dám mở mắt nhìn kỹ; mấy dòng thuyết minh cũng đọc không nỡ đọc tiếp. Nó vô cùng tàn bạo, vô cùng khắc nghiệt. Còn phòng giam của phạm nhân không có cửa sổ, chỉ có cửa; cửa thấp như hang chó, người thấp bé nhất cũng phải cúi đầu mới vào được. Bên trong ban ngày cũng tối om, mùi ẩm mốc xộc vào mũi; năm xưa chỉ trải chút rơm, phạm nhân ngủ ngay trên rơm. Có thể tưởng tượng hoàn cảnh của Bảo Ngọc và Vương Hy Phượng khi vào ngục bi thảm thế nào.

*Theo thám dật của Lưu Tâm Vũ, Giả Bảo Ngọc là một công tử quý tộc cuối cùng lại bị nhốt trong nhà ngục điều kiện tồi tệ; chính ở miếu Ngục Thần, chàng mới thật sự nếm đủ ấm lạnh nhân tình: có người bỏ đá xuống giếng, cũng có người đưa than trong tuyết. Những người khiến Bảo Ngọc xúc động sâu sắc ấy là ai?*

Trong miếu Ngục Thần, quanh Giả Bảo Ngọc rốt cuộc xảy ra câu chuyện cảm động nào? Bảo Ngọc bị giải về nguyên quán; tuy chàng quen đời công tử hưởng hết vinh hoa phú quý, nhưng sống đời đồng quê chất phác đối với chàng cũng không phải hoàn toàn không chịu nổi. Nhưng phải biết, Bảo Ngọc có kẻ thù trời sinh; chàng không dễ dàng nhận được kết quả ấy. Bảo Ngọc có thể mong được về quê, nhưng có người sẽ cản trở.

Có người chớp mắt hỏi: trong tám mươi hồi đầu, Bảo Ngọc chẳng phải ai gặp cũng yêu sao? Đối đầu của Bảo Ngọc là ai? Hãy nghĩ kỹ: có một người họ Kim, nhớ ra chưa? Trong tám mươi hồi đầu có tình tiết đại náo học đường không? Gia tộc họ Giả có một tư thục, do một bậc lão học giả cùng hàng với Giả mẫu là Giả Đại Nho chủ trì. Trong tư thục ấy có nhiều con em họ Giả đi học, cũng có một số thân thích ngoại tộc nhờ quan hệ vào học ké.

Trong số học sinh học ké ấy có một người tên Kim Vinh. Mẹ hắn là Kim quả phụ, nghĩa là cha hắn đã mất. Kim quả phụ còn được đưa vào hồi mục; trong tám mươi hồi đầu có hồi mục "Kim quả phụ tham lợi chịu nhục", viết rất thú vị. Chồng Kim quả phụ đã chết, nhưng chồng bà có một em gái. Người em gái ấy gả vào một nhánh của họ Giả, cho người tên Giả Hoàng; vợ ông ta được gọi là Hoàng đại nãi nãi. Bà nghe nói trong vụ náo học đường, Kim Vinh xung đột với Bảo Ngọc và Tần Chung, cuối cùng Kim Vinh bị thiệt; dù hắn cũng đánh người, nhưng địa vị thấp hơn.

Lúc ấy Giả Đại Nho không có mặt ở học đường, để cháu là Giả Thụy quản thay. Giả Thụy không có năng lực quản lý, khiến mọi việc rối tung. Bảo Ngọc có một tiểu đồng là Bồi Minh, về sau sách gọi là Mính Yên, cũng xen vào cậy thế. Cuối cùng Giả Thụy, Bồi Minh và mọi người ép Kim Vinh quỳ trước Bảo Ngọc và Tần Chung dập đầu nhận lỗi. Mối thù này, nghĩ mà xem, là một mối thù rất lớn. Ba năm sau, Bảo Ngọc vào ngục; Kim Vinh nghe tin, liệu có chịu thôi không?

Vì vậy Bảo Ngọc không thể thuận lợi lấy được thẻ lệnh hồi hương, bởi có kẻ thù ngăn cản. Tào Tuyết Cần viết như vậy để nói với ta rằng đời sống xã hội phức tạp đến thế; oan oan tương báo thật chẳng nhẹ. Nhiều việc chính mình không để ý, nhưng một khi đã gieo hận, tất sẽ gặt gai góc, không tránh khỏi. Ông sẽ viết rất sinh động, khiến người ta suy nghĩ sâu xa. Trong cảnh ấy, Bảo Ngọc vô cùng khổ não. Mỗi đêm chàng bị phạt làm gì?

Bị phạt đánh mõ canh. Đời Thanh có người khác, không phải Phú Sát Minh Nghĩa tôi nhắc đầu loạt giảng, từng đọc toàn bản Hồng Lâu Mộng và ghi trong bút ký có ghi chép rằng phần sau Hồng Lâu Mộng viết Bảo Ngọc vào ngục; vào ngục để làm gì? Kể rằng, đọc đến phần sau của Hồng Lâu Mộng, Bảo Ngọc phải vào tù. Vào tù để làm gì? Gọi là kích thác. Chính là dùng một vật làm bằng gỗ, đánh vào thanh bang tử gỗ, để đả canh.

Đó là một khối gỗ giống như cái gối, bên trong được khoét rỗng, có một cái dùi nằm ở trong. Khi đả canh thì lấy cái dùi đó ra, rồi bang bang bang mà gõ. Bảo Ngọc trở thành người phải đánh mõ báo canh. Từ thân phận công tử rơi đến cảnh ấy, thật sự sa sút thê thảm; chàng buồn khổ đến mức cảm thấy cuộc sống chẳng còn chút thú vị nào. Chính vào thời khắc then chốt đó, ai xuất hiện? Chàng tuyệt không ngờ.

Có thể ngục tốt báo rằng: có người muốn gặp ngươi. Ai? Nhìn kỹ thì hóa ra là Thiến Tuyết. Chính người con gái yếu đuối đáng thương vì một chén trà mà bị chàng đuổi đi. Có người hỏi: Thiến Tuyết vào ngục bằng cách nào? Nhà ngục đâu phải muốn vào là vào.

Tôi cho rằng khi Tào Tuyết Cần viết một bộ trường thiên, ông nhất định dự trữ rất nhiều nhân vật như một kho nhân lực, trong quá trình tình tiết phát triển sẽ không ngừng chọn họ ra để về sau phát huy tác dụng. Mọi người còn nhớ ông từng viết những nhân vật phố phường như Nghê Nhị không? Nghê Nhị là hàng xóm của Giả Vân ở dưới mái hiên phía tây. Nghê Nhị có một người bạn tên Vương Chân Ngắn, một lái buôn ngựa. Sau khi Nghê Nhị và Giả Vân gặp nhau ngoài phố, Nghê Nhị hào phóng tặng bạc; Giả Vân dùng bạc ấy mua băng phiến, xạ hương để hối lộ Vương Hy Phượng, nhờ đó nhận được món việc béo bở trong Đại Quan viên là trồng bổ sung cây cỏ hoa lá. Trước đó đã.

Có tình tiết này. Khi ấy Nghê Nhị nói gì với Giả Vân? "Tối nay ta không về nhà, ta đến chỗ lái buôn ngựa Vương Chân Ngắn, ngươi nhắn hộ nhà ta." Tôi cho rằng những nhân vật như vậy không thể viết xong rồi vứt; sau hồi 80 họ nhất định phát huy tác dụng. Như ở hồi 13, 14, Tào đưa ra danh sách vương tôn công tử, trong đó có tên Vệ Nhược Lan, không hình dáng, không hành động, vậy mà về sau vẫn có thể trở thành nhân vật quan trọng sau hồi 80. Huống chi Vương Chân Ngắn là một hình ảnh được viết khá sinh động.

Thấp thoáng mà rõ nét. Về sau Vương Chân Ngắn có thể đã thành ngục tốt; Thiến Tuyết sau khi bị đuổi, trải qua mấy phen trắc trở, có thể đã gả cho Vương Chân Ngắn. Vì vậy Thiến Tuyết mới có thể xuất hiện trong nhà ngục, hẹn gặp Bảo Ngọc ở miếu Ngục Thần, an ủi chàng: "Cậu chịu khổ rồi; bây giờ có khó khăn gì cứ

nói, chúng tôi giúp được gì sẽ cố giúp." Quý vị nghĩ Bảo Ngọc sẽ cảm động đến mức nào. Trước đây Bảo Ngọc thưởng thức thiếu nữ trẻ đẹp: chàng thưởng thức tuổi xuân, dung mạo, như thưởng hoa; nhưng thực ra chàng chưa chắc lập tức nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn sâu bên trong bông hoa ấy. Khi Thiến Tuyết đến an ủi chàng, Tào Tuyết Cần chắc sẽ viết cảnh khiến nội tâm Bảo Ngọc chấn động: đây là người từng bị mình hại.

Nhưng Thiến Tuyết cũng có đánh giá toàn diện về chàng; nàng từng sống cùng chàng một thời gian dài, biết chàng chỉ nhất thời phạm lỗi. Nhìn tổng thể, Bảo Ngọc quả thật vẫn là một công tử biết thương hoa tiếc ngọc, đối xử rất tốt với các cô gái trẻ. Do đó sẽ có một cảnh như vậy. Đúng là "oan oan tương báo thật chẳng nhẹ": Kim Vinh từng chịu thiệt trong vụ náo học đường sẽ khoái trá nhục mạ Giả Bảo Ngọc khi chàng vào ngục; còn khi Bảo Ngọc rơi xuống đáy đời, Thiến Tuyết không chấp chuyện cũ, đến miếu Ngục Thần an ủi và cứu giúp chàng.

*Chính nhờ đọc kỹ tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần và lời phê của Chi Nghiễn Trai, ông Lưu Tâm Vũ mới hiểu được cái nhìn sâu sắc của Tào Tuyết Cần về đáy sâu nhân tính. Hơn nữa, theo tiết lộ trong lời phê Chi Nghiễn Trai, nhân vật Hồng Ngọc tưởng như không đáng kể cũng sẽ xuất hiện ở miếu Ngục Thần. Vậy vì sao Hồng Ngọc xuất hiện ở đó?*

Theo lời phê, Lâm Hồng Ngọc cũng sẽ có mặt. Nàng đến nhà ngục không phải chủ yếu để thăm Bảo Ngọc; nếu có thăm Bảo Ngọc thì cũng chỉ nhân tiện. Trọng tâm nàng đi thăm ai? Hãy nghĩ xem. Hẳn là thăm Vương Hy Phượng.

Vương Hy Phượng là người rất bá đạo, rất ngang ngược, nhưng bà biết yêu người tài. Mọi người còn nhớ cảnh trong tám mươi hồi đầu không? Vương Hy Phượng đang ở Đại Quan viên, chợt có việc cần sai một nha hoàn về viện nhỏ tìm Bình Nhi xử lý. Kết quả bà phát hiện Tiểu Hồng; Tiểu Hồng miệng lưỡi lanh lợi, làm việc rất trọn vẹn. Về sau Vương Hy Phượng điều Lâm Hồng Ngọc, tức Tiểu Hồng, từ Di Hồng viện về viện của mình, trở thành một trợ thủ đắc lực dưới quyền. Lại thêm Giả Vân: ban đầu chàng cầu Giả Liễn xin một việc mà không được, sau nhờ Vương Hy Phượng thì thành, quả nhiên được phụ trách trồng bổ sung cây cối hoa cỏ trong Đại Quan viên.

Trong tông tộc họ Giả, nhận được việc ấy là một món béo bở, vì tổng phòng kế toán sẽ cấp một khoản bạc; ngoài tiền mua cây giống, hoa giống và thuê nhân công, chắc chắn còn dư khá nhiều, phần dư thuộc về mình, nên đó là một việc tốt. Giả Vân và Tiểu Hồng đã yêu nhau rất táo bạo; trong xã hội ấy, họ tiến bộ hơn Bảo Ngọc và Đại Ngọc nhiều. "Cô gái si tình bỏ khăn gợi tương tư": Giả Vân về sau nói nhặt được khăn, nhờ bạn thân của Tiểu Hồng là Trụy Nhi chuyển lại, nhưng thật ra chàng không chuyển khăn của Tiểu Hồng, mà gửi khăn tay của mình sang. Hai bên truyền khăn biểu đạt tình yêu, trong xã hội thời đó là rất vượt khuôn. Hai người rất có ý thức tự chủ. Họ hẳn đã rời khỏi Giả phủ trước khi phủ hoàn toàn sụp đổ, lúc Vương Hy Phượng còn chưa bị hưu; Tiểu Hồng tự chuộc thân, Giả Vân rời Giả phủ đi mưu sinh.

Sau khi thành vợ chồng, họ trở thành một đôi dân thường ngoài phố. Khi Trung Thuận vương theo lệnh hoàng đế triệt để xét nhà họ Giả, các nhánh xa của tông tộc họ Giả, miễn không dính vào trọng án, thường không đến mức bị truy lùng tận cùng; vì vậy Giả Vân và Tiểu Hồng thoát khỏi số phận bị liên lụy tru diên. Họ sống rất thấp giọng trong xã hội. Nhưng việc họ đến miếu Ngục Thần thăm Vương Hy Phượng vẫn rất mạo hiểm. Có thể họ phải hối lộ, nhờ vả đủ đường mới vào được không gian ấy; nếu liên quan đến việc Vương Hy Phượng gửi gắm con gái, họ càng nguy hiểm. Sau khi gặp họ, Vương Hy Phượng đương nhiên rất cảm động.

Nhưng lúc ấy điều khiến bà đau đáu nhất là gì? Không phải vận mệnh của chính mình. Vì bà tự thấy, nói thật, mình không còn đường sống; lẽ ra bà đã không muốn sống. Sở dĩ bà còn sống là vì còn một nỗi lo treo lòng: bà có một cô con gái là Xảo Thư. Xảo Thư chưa trưởng thành, nên trong quá trình xét nhà có thể không bị đưa vào danh sách đem ra chợ phát mại, mà được phép để thân thích vô tội nhận đi. Anh ruột của Vương Hy Phượng là Vương Nhân đã đứng ra nhận Xảo Thư.

Nhưng Vương Nhân là kẻ rất tệ; tên đồng âm với "quên nhân nghĩa". Hắn định bán Xảo Thư vào kỹ viện, bán đến nơi như Cẩm Hương viện. Vương Hy Phượng không có tin xác thực, nhưng mơ hồ biết không ổn nên rất lo. Vì vậy khi vợ chồng Tiểu Hồng và Giả Vân đến thăm, cuộc trò chuyện của họ hẳn tập trung vào việc cứu Xảo Thư. Vương Hy Phượng nhất định nhờ họ: có thể dò được tung tích chắc chắn của Xảo Thư không, nếu con bé sa vào bất hạnh thì liệu có thể cứu giúp nó không? Trong tình thế ấy, Giả Vân và Tiểu Hồng nhận lời Phượng tỷ, nghĩ mọi cách cứu Xảo Thư.

Trong tục thư Cao Ngạc, Tiểu Hồng bị viết mất hút, còn Giả Vân bị viết thành kẻ anh gian cùng Vương Nhân làm việc xấu, đi bán Xảo Thư vào kỹ viện. Điều đó hoàn toàn trái với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Trong một cổ bản Hồng Lâu Mộng còn có lời phê đặc biệt nói rằng sau khi Giả Vân đến.

Miếu Ngục Thần thăm Vương Hy Phượng, chàng có hành động gì? Gọi là "trượng nghĩa thăm am". Các nhà nghiên cứu xưa nay đều rất bối rối: vì sao lại trượng nghĩa thăm am? Nhưng qua mấy buổi trước về Vương Hy Phượng, Xảo Thư và Lý Hoàn, tôi đã lần ra đầu đuôi việc này. Ban đầu Giả Vân và Tiểu Hồng nghĩ nên cầu Lý Hoàn giúp đỡ. Toàn Giả phủ đã sụp đổ, nhưng Lý Hoàn vì góa trẻ giữ tiết, mà hoàng đế thời ấy xưng là lấy hiếu trị nước, lấy tiết trị nước, nên biểu dương bà là tiết phụ, mở cho một lối.

Lý Hoàn về sau trở thành cáo mệnh phu nhân, xem như có một vận mệnh tưởng chừng không tệ. Trong hoàn cảnh ấy, Giả Vân nghĩ phải tìm Lý Hoàn giúp. Nhưng không ngờ Lý Hoàn là một "đại tiên keo kiệt" — cách nói Bắc Kinh, tức kẻ yêu tiền, giữ tiền, chẳng tích âm đức — bà không nỡ lấy bạc ra. Trong tình thế bất đắc dĩ, Giả Vân còn cầu ai được? Mọi người nghĩ xem, lúc ấy trong Đại Quan viên chỉ còn hai nơi có hơi người. Một nơi là Đạo Hương thôn, nơi kia là Lăng Thúy am.

Vì sao Lăng Thúy am còn tồn tại? Vì Diệu Ngọc không thuộc bốn đại gia tộc. Tuy tra ra năm xưa Vương phu nhân gửi thiếp mời nàng đến đó lo việc Phật sự trong am, nhưng lý do lúc ấy rất đường hoàng: hoàng đế cho phép Giả Nguyên Xuân về tỉnh thân, xây biệt thự tỉnh thân, nàng là người chuẩn bị tham dự hoạt động ấy. Không nhất thiết vì thế mà định tội nàng. Cho nên Diệu Ngọc tạm thời vẫn được ở trong Đại Quan viên, đợi vấn đề của nàng được tra rõ, nếu không sao thì rời đi. Trong cảnh bất đắc dĩ, Giả Vân bèn "trượng nghĩa thăm am": nghĩa là vì cứu con gái Xảo Thư của ân nhân Vương Hy Phượng mà hành động nghĩa hiệp.

Chàng vốn rất khó bắt liên hệ, khó đối thoại với Diệu Ngọc, nhưng cứu người là việc cấp bách, nên có thể đã vào Lăng Thúy am. Tôi hình dung rằng chàng không thể gặp trực tiếp Diệu Ngọc, vì Diệu Ngọc rất hiếm khi tiếp khách. Nhưng Diệu Ngọc sẽ dùng một cách khéo léo để để lại một khoản bạc cho Giả Vân. Giả Vân lấy khoản bạc ấy làm kinh phí, chuộc Xảo Thư đã bị bán vào Cẩm Hương viện. Sau khi chuộc ra, đúng lúc Lưu lão lão.

Dẫn cháu trai, cháu gái vào thành, cũng vì muốn cứu Xảo Thư. Sau khi gặp nhau, Xảo Thư được Lưu lão lão đưa về quê, cuối cùng gả cho Bản Nhi. Diễn tiến tình tiết về sau hẳn là như vậy. Do đó đoạn miếu Ngục Thần rất quan trọng, với cả Bảo Ngọc lẫn Vương Hy Phượng. Với Bảo Ngọc, vấn đề là cuối cùng chàng có đi được không, có thật sự về được nguyên quán không. Còn Vương Hy Phượng thì nghĩ: ta bị áp giải về nguyên quán cũng chẳng còn ý nghĩa lớn, ta rất đau khổ, nhưng ta không yên tâm về con gái; ta mong có tin tốt về con truyền đến. Đó là một số nội dung đáng lẽ có trong mấy hồi miếu Ngục Thần. Vận mệnh Bảo Ngọc còn phải tiếp tục chảy về sau; còn Vương Hy Phượng cuối cùng hẳn bị áp giải về Nam Kinh. Trên đường ấy, bà tìm cách biết được tin Xảo Thư rốt cuộc đã được cứu, nên tạm yên lòng về con gái. Bà sẽ nhân lúc lính canh không đề phòng mà nhảy xuống nước tự tận. Khi ấy đường đi Nam Kinh là đường thủy: từ bến Trương Gia Loan ở Thông Châu phía đông Bắc.

Kinh lên thuyền, xuôi vận hà đi về nam. Kết cục của Vương Hy Phượng đúng là "khóc hướng Kim Lăng sự càng bi", vô cùng thê thảm. Đến đây, số phận các nhân vật trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa chính sách của Hồng Lâu Mộng đã được nói tới hết. Vậy mười hai người trong phó sách là ai, vận mệnh của họ kết cục thế nào? Trong hồi 5, Tào Tuyết Cần viết Kim Lăng Thập Nhị Thoa phó sách rất khéo: ông chỉ tiết lộ một thoa là Hương Lăng. Vậy mười một người còn lại là ai? Tôi thấy có người muốn giơ tay nói "tôi biết", vì trong các buổi trước tôi nhiều lần nói rằng có một phụ nữ không chỉ đủ tư cách vào phó sách, thậm chí đủ tư cách vào chính sách. Nhân vật ấy là ai? Chính là Tiết Bảo Cầm. Hãy nghĩ xem, nàng có phải tiểu thư chính hiệu của bốn đại gia tộc không? Có người gật đầu: kết cục Tiết Bảo Cầm tôi biết, nàng gả vào nhà Mai Hàn Lâm, chẳng phải sao? Gả cho nhà họ Mai, đúng không? Nhưng bây giờ tôi trịnh trọng nói với quý vị: cuối cùng Tiết Bảo Cầm không gả cho người họ Mai. Nàng gả cho một người mang họ khác, người này từng đánh đau anh họ của nàng. Vậy hãy nghĩ xem, cuối cùng Tiết Bảo Cầm rốt cuộc gả cho ai? Hẹn gặp buổi sau.

*Những phụ nữ trong Kim Lăng Thập Nhị Thoa phó sách rốt cuộc là ai? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể với quý vị Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Xin mời theo dõi tập 12: Bí ẩn Kim Lăng Thập Nhị Thoa phó sách.*

# Tập 56

Kim Lăng thập nhị thoa phó sách

*Trong hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần chỉ viết rõ trong Kim Lăng thập nhị thoa phó sách, có Hương Lăng. Những phụ nữ còn lại trong phó sách là ai, thứ bậc thế nào? Từ trước đến nay mỗi người nói một cách. Vậy rốt cuộc những phụ nữ trong Kim Lăng thập nhị thoa phó sách, là ai? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ sẽ kể, cho quý vị câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi tập 12. Bí ẩn Kim Lăng thập nhị thoa phó sách.*

*Hồng Lâu Mộng. Đọc Hồng Lâu Mộng, người ta quen thuộc với Kim Lăng thập nhị thoa chính sách. Bởi trong hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc thần du Thái Hư ảo cảnh. Chàng thấy đầy đủ tranh và lời phán của chính sách. Còn phó sách thì chỉ thấy một bức tranh và một bài phán. Tức là lời ám chỉ về số phận Hương Lăng.*

*Mười một người phụ nữ còn lại rốt cuộc là ai? Đây là bí ẩn Tào Tuyết Cần để lại cho hậu thế. Dựa trên việc đọc kỹ văn bản 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, ông Lưu Tâm Vũ lần lượt thám dật ra mười một phụ nữ còn lại. Hơn nữa, Lưu Tâm Vũ còn phát hiện: trên người Tiết Bảo Cầm trong phó sách có rất nhiều bí ẩn. Nàng không như Cao Ngạc miêu tả, là gả cho con trai nhà Mai Hàn lâm. Người nàng lấy thật ra là người khác.*

*Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, Kim Lăng thập nhị thoa phó sách gồm những phụ nữ nào? Cuối cùng Tiết Bảo Cầm lại gả cho ai? Chúng ta hãy cùng ông Lưu Tâm Vũ, đi vào câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Kính mời theo dõi tập 12. Bí ẩn Kim Lăng thập nhị thoa phó sách.*

Bây giờ điều chúng ta bàn chính là phó sách.

Trước hết có thể xác định là Hương Lăng. Điều này ở hồi thứ năm, đã được viết rõ bằng văn bản. Tôi cho rằng người xếp thứ hai trong phó sách, nên là Bình Nhi. Ban đầu Bình Nhi là một nha đầu. Nhưng về sau, như tôi từng nói với quý vị, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, nàng và Vương Hy Phượng đã đổi chỗ cho nhau. Có một thời nàng trở thành chính thê của Giả Liễn.

Vì thế Bình Nhi có tư cách vào phó sách. Vì sao phải xếp Bình Nhi lên trước? Bởi Bình Nhi rất quan trọng. Thông qua Bình Nhi, Tào Tuyết Cần thể hiện một điều rất quan trọng, một lý tưởng tề gia trị quốc, một lý tưởng chính trị. Gọi là gì? Bình Nhi có một cách nói.

Cách nói của nàng là: việc lớn hóa thành việc nhỏ, việc nhỏ hóa thành không có việc, như thế mới là nhà hưng vượng. Nếu chỉ vì một chuyện nhỏ không xong, mà khua chiêng gióng trống làm loạn lên, thì thật

không ra thể thống gì. Bình Nhi làm những việc ấy, không phải làm bừa. Nàng có suy nghĩ, có tư tưởng. Nàng nêu ra một lý thuyết. Lý thuyết ấy trong việc duy trì ổn định, thật sự có tác dụng.

Vì thế Bình Nhi là một nhân vật rất quan trọng. Theo ý kiến cá nhân tôi, nàng nên xếp ở vị trí thứ hai. Vị trí thứ ba, tôi thấy đúng là Tiết Bảo Cầm.

Về Tiết Bảo Cầm, tôi tạm để lại sẽ nói sau. Trước hết tôi nói với quý vị, thứ ba là Tiết Bảo Cầm. Sau đó là ai? Tôi cho rằng ba chị em họ Vưu nên được xếp trong phó sách. Ba chị em này là Vưu thị, và hai cô em gọi là em gái của bà. Thật ra hai người này, không cùng cha cũng không cùng mẹ với bà.

Họ là hai cô con gái, mà người phụ nữ cha bà cưới làm kế thất, mang theo từ người chồng trước, đó là Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư. Câu chuyện về họ tôi không nhắc lại nữa. Ba người đẹp họ Vưu, nên được xếp trong phó sách này. Sau đó là Hình Tụ Yên. Quý vị còn nhớ chứ? Nàng là thân thích của Hình phu nhân bên nhánh Giả Xá, là cháu gái của Hình phu nhân.

Trong sách, nàng cũng có một số tình tiết liên quan, không thể coi là nhàn bút. Chẳng hạn nàng và Bảo Ngọc bàn về Diệu Ngọc, điều đó rất quan trọng. Hình Tụ Yên. Tuy nhà nàng nghèo, nhưng nàng là tiểu thư chính danh, nàng nên được đưa vào phó sách. Còn có hai vị tiểu thư là Lý Văn và Lý Kỳ. Họ là thân thích của Lý Hoàn, là hai con gái của người thím góa của Lý Hoàn.

Họ cùng với Hình Tụ Yên, và Tiết Bảo Cầm đều từng đến Giả phủ, vào ở Đại Quan viên, hoặc được hưởng sự đãi ngộ đặc biệt. Chẳng hạn Tiết Bảo Cầm, còn được Giả mẫu gọi tới ở cùng. Có một thời họ hoạt động trong Đại Quan viên, ngâm thơ, tụ họp ăn uống, có một quãng đời rất tươi đẹp trong Đại Quan viên. Hai vị tiểu thư này, cũng là tiểu thư chính danh. Tuy họ không thuộc bốn đại gia tộc, nhưng giữa họ và bốn đại gia tộc, có một mối quan hệ thông gia nào đó. Còn hai người nữa, một người tên Hỉ Loan, một người tên Tứ Thư.

Hai cô tiểu thư này, xuất hiện trong dịp nào? Là vào lúc Giả mẫu mừng thọ. Giả mẫu rất thích họ, nên giữ họ lại, để họ ở Giả phủ, thêm mấy ngày, vui chơi một phen. Hai cô bé này, trong sách được viết có hình tượng, cũng có lời thoại rất đáng yêu. Vậy, hai vị tiểu thư này cũng nên ở trong phó sách. Còn một người là ai?

Chính là Phó Thu Phương. Nhớ ra cái tên này rồi chứ? Vậy Phó Thu Phương, vì sao nên được xếp vào phó sách? Bởi đây là một nhân vật, rất quan trọng. Vì lúc ấy Bảo Ngọc, đối với nàng. tuy chưa từng gặp mặt, nhưng trong sách.

Tào Tuyết Cần, đã viết một nét rất nặng, rằng đối với nàng, Bảo Ngọc có lòng xa tưởng, xa yêu, hết sức thành kính. Chỉ cần nghe chuyện về nàng, nghe đến cái tên ấy. Bảo Ngọc đã vô cùng yêu mến. Hơn nữa,

nàng là một viên ngọc nơi khuê các, là tiểu thư chính danh. Người này rất quan trọng, cũng nên vào phó sách.

*Ông Lưu Tâm Vũ, qua việc đọc kỹ văn bản 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, đã thám dật ra rất nhiều phụ nữ trong Kim Lăng thập nhị thoa phó sách. Nhưng có người cho rằng Tiết Bảo Cầm không đủ tư cách vào phó sách. Bởi những phụ nữ vào phó sách đều là người bạc mệnh. Mà theo phần viết tiếp của Cao Ngạc, cuối cùng Tiết Bảo Cầm hẳn đã gả vào nhà Mai Hàn lâm, làm thiếu nãi nãi. Số phận của nàng sao có thể là bạc mệnh được? Vậy ông Lưu Tâm Vũ, lý giải điều này thế nào?*

Bây giờ tôi sẽ nói với quý vị. Tiết Bảo Cầm thật sự bất hạnh. Cuối cùng nàng không thể, gả thành công vào nhà Mai Hàn lâm, để trở thành một thiếu nãi nãi, trong một gia đình quan lại, rất hiển hách. Số phận sau cùng của nàng, không phải như vậy. Nó rất quanh co, rất gập ghềnh. Có gì làm chứng? Quý vị biết Tiết Bảo Cầm, cũng làm rất nhiều thơ.

Trong sách, thơ tài của nàng cũng vô cùng xuất chúng. Có một lần, nàng cùng Sử Tương Vân đối thơ. Nàng đã áp đảo cả đám quần phương còn lại, trở thành một nữ thi nhân rất cừ khôi trong đám quần phương. Vậy từ thơ của nàng, tôi nhìn ra rằng số phận về sau của nàng không hoàn mỹ như quý vị tưởng tượng. Nàng cũng là người bạc mệnh. Đến hồi thứ bảy mươi, viết rằng các tiểu thư về sau không làm thơ nữa mà điền từ về liễu nhứ. Tiết Bảo Cầm điền một bài hoàn chỉnh, tên là Tây Giang Nguyệt. Trong đó nàng nói: "Sự nghiệp, ba xuân phó mặc gió đông", "trăng sáng, hoa mai, chỉ một giấc mộng".

Nghĩa là gì? Trong các bài giảng trước tôi, đã nhiều lần nói với quý vị, "ba xuân" chỉ ba mùa xuân, ba năm. Sự nghiệp ba năm gì? Chính là phe "Nguyệt" ấy, muốn làm chính biến, để đoạt lấy quyền lực tối cao. Có thành công không? phó mặc gió đông.

Sự nghiệp ấy sau cùng, Sự nghiệp phó mặc gió đông ấy rốt cuộc tan thành bọt nước. Một trận gió thổi qua, thổi mất hết, không thành công. Vậy Tiết Bảo Cầm có bị liên lụy không? Có bị liên lụy. Chuyện nàng gả vào nhà họ Mai, nếu nói là một giấc mộng, thì giấc mộng ấy có thành không? Trăng sáng, hoa mai, một giấc mộng, cuối cùng chỉ là mộng rỗng.

Phía sau bài từ này, nàng còn nói: "Giang nam, giang bắc cảnh cùng chung, Luống để người xa chạnh lòng!" Số phận cuối cùng của nàng là lưu ly phiêu bạt. Từ Giang Bắc phiêu bạt xuống Giang Nam, và nàng là một "ly nhân", người trong cảnh ly loạn. Giữa thời loạn, nàng không thể đoàn tụ thành công, mà phải phiêu bạt lưu ly, sống một đời chia lìa. Đây là nàng viết về số phận chính mình.

Trong Hồng Lâu Mộng này, cũng còn viết Tiết Bảo Cầm, nàng viết thơ về hoa mai, bài Vịnh hồng mai. Trong bài thơ ấy, tôi cũng nêu hai câu làm ví dụ, có thể thấy trong những câu thơ ấy. Tào Tuyết Cần đều đặt tác

dụng ám chỉ. Một câu là: "sân vắng, lan can cong, chẳng còn tuyết thừa". Nghĩa là gì? Bề mặt là miêu tả, cảnh sân vườn hoa hồng mai nở rộ.

Tôi không nói kỹ. Quý vị xem ba chữ cuối, là "chẳng còn tuyết thừa". Chữ "tuyết" này, trên mặt chữ là tuyết trắng, nhưng thật ra là đồng âm. Đồng âm với gì? Đồng âm với chữ Tiết của gia tộc Tiết Bảo Cầm, chữ Tiết trong nhà họ Tiết. "Chẳng còn Tiết thừa".

Nghĩa là gì? Tức là sau một đợt đả kích, bốn đại gia tộc đều bị đánh trúng, nhà họ Tiết cũng không ngoại lệ. Vậy thành viên nhà họ Tiết có ai là ngoại lệ không? có ai còn sót lại mà vẫn nguyên vẹn may mắn không? Không có. "Chẳng còn Tiết thừa".

Nàng đã là một thành viên của họ Tiết, thì cũng bị liên lụy vào trong đó, nàng không có một số phận tốt riêng biệt. Nói rất rõ ràng. Câu tiếp theo: là "Nước chảy núi vắng có ráng chiều". Nước chảy, núi vắng, bề mặt đương nhiên là tả cảnh, có lẽ cũng viết về cuộc sống, phiêu bạt từ Giang Bắc xuống Giang Nam, như dòng nước chảy, như núi vắng. Núi vắng cho thấy đã chẳng còn gì. Trong tình cảnh ấy, số phận nàng sẽ có điểm sáng nào?

Chính là "có ráng chiều". Chữ "hà" trên mặt chữ là ráng chiều, chữ hà trong triêu hà, vãn hà, nhưng thật ra, nó là đồng âm, với chữ hiệp, chữ hiệp trong hiệp khách. Có người chớp mắt hỏi: trong Hồng Lâu Mộng có hiệp khách sao? Lời phê của Chi Nghiễn Trai cho chúng ta biết, trong Hồng Lâu Mộng có bốn hiệp. Bốn hiệp nào? Liễu Tương Liên.

Phùng Tử Anh. Tưởng Ngọc Hàm. Nghê Nhị, phải không? Vậy quý vị nghĩ xem, "có lạc hà" nghĩa là gì? Tức là cuối cùng tuy nàng phiêu bạt lưu ly, nhưng trong cảnh khốn cùng của số phận, vẫn còn một điểm sáng. Nàng gặp một "lạc hiệp", một hiệp khách lưu lạc.

Hiệp khách ấy là ai? Cuối bài trước tôi đã nói: là người từng đánh đau người anh họ của nàng. Vậy quý vị nghĩ xem là ai.

*Theo phân tích của ông Lưu Tâm Vũ, có thể thấy số phận cuối cùng của Tiết Bảo Cầm không hề hoàn mỹ, mà là phiêu bạt lưu ly. Vậy rốt cuộc Tiết Bảo Cầm gả cho ai? Ông Lưu Tâm Vũ thông qua việc đọc kỹ văn bản 80 hồi đầu Hồng Lâu Mộng, cuối cùng đã tìm thấy đáp án, từ những bài thơ hoài cổ do Tiết Bảo Cầm viết. Vậy trong thơ hoài cổ của Tiết Bảo Cầm, rốt cuộc lại dự báo, những kết cục số phận nào, của các phụ nữ trong Hồng Lâu Mộng?*

Trong văn bản 80 hồi của Tào Tuyết Cần, có một hồi, chính là hồi 51. Hồi 51 viết nội dung gì? Gọi là "Tiết tiểu muội mới soạn thơ hoài cổ". Thơ hoài cổ là gì? Tức là tiêu đề và nội dung mỗi bài, đều liên quan đến một di tích cổ, là nội dung hoài cổ. Đồng thời, vì sao nàng viết những bài thơ này?

Bởi lúc ấy vừa đúng, lại đến dịp lễ đèn, nên chúng cũng đều là thơ đố đèn. Tầng thứ ba, quý vị biết, hầu như tất cả thơ trong Hồng Lâu Mộng, đều dùng để ám chỉ số phận nhân vật. Vậy tiếp theo chúng ta sẽ từng bài một để phân tích. Nàng có một bài tên là Xích Bích hoài cổ, viết như thế này: "Xích Bích trầm mai, nước chẳng trôi." "Tái không chu, minh tín gửi theo dòng." "Một câu ruộng hiên lạnh gió thương, vô hạn âm hồn quẩn quanh trong đó." Vậy đáp án câu đố của nó là gì? Đáp án là loại lư hương có nắp trong chùa miếu. Hiện nay một số chùa vẫn còn.

Loại lư hương ấy còn có một tên khác là pháp thuyền, hình dáng của nó hơi giống chiếc thuyền, vì phía trên có một mái lớn, nó là lư hương. Bài thơ này, ám chỉ số phận Vương Hy Phượng. Cuối cùng Vương Hy Phượng, "khóc về Kim Lăng, việc càng thêm bi ai". Nàng là một anh hùng trong nữ giới, một hào kiệt trong nữ giới. Nhưng kết cục sau cùng cũng rất thảm. Nàng giống như những nắm tro hương trong pháp thuyền, như những giấy tiền ấy, bị thiêu cháy, chỉ còn vô số âm hồn quẩn quanh bên trong bài thứ hai gọi là Giao Chỉ hoài cổ.

Bài thơ như sau: "Cột đồng đứng vững với thành vàng, Tiếng rộn ngoài xa khắp bốn phương. Mã Viện từ đây công rất lớn. Cần chi nhờ đến sáo Trương Lương?" Giao Chỉ là một chiến trường xưa. Bốn câu thơ ấy cũng rất xác đáng, bày tỏ lời vịnh than đối với di tích ấy.

Đáp án của nó là gì? Đáp án là kèn suona. Vậy bài thơ này ám chỉ số phận của ai? Nên là số phận của Thám Xuân. Bởi quý vị biết, Thám Xuân quản việc nhà là một tình tiết rất quan trọng trong sách. Nàng chỉnh đốn Giả phủ, kỷ cương của phủ Vinh Quốc, nên trong đó có câu, "đồng đúc chuông vàng giữ kỷ cương".

Hơn nữa, kết cục cuối cùng của Thám Xuân, là gả xa ra hải ngoại, gả cho cái gọi là Khương Nhung. Thời xưa, Khương Nhung, có thể dùng làm một cách gọi chung, cho ngoại tộc, phiên bang. Vậy số phận Thám Xuân cuối cùng gắn liền với những điều ấy, nên nó ám chỉ số phận Giả Thám Xuân. Sau đó là Chung Sơn hoài cổ. Chung Sơn tức là Nam Kinh, một di tích ở quê hương của thập nhị thoa hôm nay. Bài thơ như thế này:

"Lợi danh ai nỡ buộc vào thân?"

"Bỗng chốc lôi nhau xuống cõi trần. Dùng dằng suốt đời không dứt được, Cho người chế giễu lại băn khoăn."

Bề mặt là để vịnh than những chuyện lịch sử xảy ra ở Chung Sơn, bày tỏ chút cảm khái. Đáp án là con khỉ, được người ta đem ra biểu diễn ngoài phố. Khỉ có đặc điểm gì? Mông lồi, không có đuôi; nhất là con khỉ bị người ta đem ra múa trò, khỉ diễn xiếc, nên gọi là: "vô cớ bị soi ra giữa cõi trần". Vậy, con khỉ ấy cuối cùng biểu diễn nửa ngày trông có vẻ rất vẻ vang, rốt cuộc thì bị người ta thế nào? Bị người ta cười nhạo. Vậy số phận cuối cùng của ai là: "uổng cho người đời đem làm chuyện cười"? Quý vị thử nghĩ xem, chính là Lý Hoàn. Vì thế bài thơ này, nhân vật mà nó ám chỉ chính là Lý Hoàn.

Lý Hoàn nhìn qua rất vẻ vang, nhưng đó là trò khỉ. Hoàng đế nói ngươi là tiết phụ, không đem ngươi cùng cả phủ đệ, hủy diệt một lượt, để con trai ngươi cuối cùng đỗ cử nhân, ban cho ngươi cáo mệnh phu nhân. Thật ra cũng hủy cả đời ngươi, có gì vui thú đâu? "Uổng cho người đời đem làm chuyện cười". Còn một bài nữa tên là Hoài Âm hoài cổ. Bài thơ như sau: gọi là:

"Tráng sĩ nên ngừa chó cắn càn,"

"Vua Tề là lúc sắp vào quan. Bảo cho đời tục đừng khinh vội, Một bữa cơm khi chết vẫn ơn."

Trong lịch sử có một nơi, gọi là Hoài Âm, liên quan đến chuyện, của Hàn Tín đời Hán. Vì thế bài thơ này, là vịnh than, chuyện lịch sử ấy, bày tỏ chút cảm khái. Vậy đáp án của nó là gì?

Gậy đánh chó. "Tráng sĩ phải phòng chó dữ lấn". Vậy bài thơ này nội dung liên quan đến số phận của ai? Liên quan đến số phận Nghênh Xuân. Quý vị biết, trong trang sách phán ở hồi thứ năm cũng vậy, trong mười hai khúc Hồng Lâu Mộng cũng vậy, khi nói về Nghênh Xuân, cách viết của Tào Tuyết Cần rất khéo, đều từ góc độ Tôn Thiệu Tổ, từ việc nàng gả cho một người chồng ác, con sói Trung Sơn mà viết. Vì thế bài Hoài Âm hoài cổ này, tuy mượn bút Tiết Bảo Cầm, nói là thơ đố đèn do Tiết Bảo Cầm viết, nhưng thật ra nó cũng dùng giọng phản phúng để viết, tức là nói Tôn Thiệu Tổ là kẻ vong ân phụ nghĩa. Tôn Thiệu Tổ là con sói Trung Sơn. Vì sao? Bởi theo lẽ thường, một người được người khác ban ơn, thì phải thế nào? Phải "ơn một bữa cơm, chết cũng biết". Người ta lúc ngươi khốn khó nhất, cho ngươi một bát cơm ăn, ngươi cũng nên cảm kích cả đời.

Huống chi người ta cho ngươi nhiều lợi ích như vậy. Thế mà ngươi lại giống con sói Trung Sơn, hoàn toàn không nhớ căn do ngày trước, hành hạ Giả Nghênh Xuân đến chết. Vì thế bài thơ này, thật ra ám chỉ Giả Nghênh Xuân, gả nhầm cho con sói Trung Sơn. Còn một bài nữa, tên là Quảng Lăng hoài cổ, cũng là một di tích xưa. Bài thơ viết rằng: "ve ồn quạ đậu, chớp mắt qua" "Cảnh sắc đê Tùy nay ra sao?" "Chỉ vì chiếm được danh phong lưu", "mà kéo ra bao lời thị phi". Quảng Lăng hoài cổ.

Bài thơ hoài cổ này, đáp án là gì? Chính là mùa xuân, những bông tơ trắng của hoa dương bay phấp phới. Điều này gộp Lý Văn và Lý Kỳ lại mà nói. Bởi họ từng ở nhờ phủ Vinh Quốc, một thời gian, vì từng hoạt động trong Đại Quan viên, bao gồm cả, trong phó sách mà tôi nhắc tới, còn có. Hỉ Loan, Tứ Thư, và những người ấy, kết quả đều bị vạ lây, đều bị liên lụy. Dù đòn đánh của hoàng đế, chưa đến mức trực tiếp, đập xuống đầu họ, nhưng họ sẽ bị người ta bàn tán xôn xao.

Các người có quan hệ, với nhà mang tội, với gia tộc họ Giả có tội, nên gọi là: "kéo ra bao lời thị phi".

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng mười bài Tiết tiểu muội mới soạn thơ hoài cổ nhất định, phải giải mã. Giải được mười bài thơ hoài cổ này, vừa có thể củng cố thành quả thám dật, về kết cục số phận các thoa, trong Kim*

*Lăng thập nhị thoa chính sách, lại có thể suy ra, đường đi số phận của một số phụ nữ trong phó sách. Vậy, trong các bài thơ hoài cổ tiếp theo của Tiết Bảo Cầm. Tào Tuyết Cần lại ngầm chứa, những ám chỉ nào về kết cục số phận nhân vật?*

Còn một bài nữa, tên là Đào Diệp độ hoài cổ. Nội dung bài thơ này, cũng ứng với Đào Diệp độ, nói rằng: Hoa tàn cỏ héo đợi trên ao, Rời rã cành đào với lá đào. Người cũ Lục triều giờ vắng cả, Ảnh đề chỉ thấy vách treo cao.

Đào Diệp độ, có một số chuyện tình yêu, ở đây tôi không triển khai. Bề mặt bài thơ này là ở Đào Diệp độ, để vịnh than câu chuyện ấy. Nhưng thực ra, nó cũng là một câu đố đèn. Đáp án của nó là gì? Đáp án gọi là: trò bóng tay trước đèn. Tức là giữa ngọn đèn và bức tường, bàn tay của tôi, có thể tạo ra đủ hình dạng.

Ví dụ tôi làm thế này, trên tường hiện ra một cái bóng, giống như con chim đang bay. Tôi làm thế này, lại giống như một con vật đang há miệng ngậm miệng. Trò bóng tay trước đèn. Vậy bài thơ này, gộp Đại Ngọc và Bảo Thoa lại mà ám chỉ, ám chỉ kết cục cuối cùng của Đại Ngọc và Bảo Thoa, chính là: "Rời rã cành đào với lá đào". Đôi tình nhân cuối cùng vẫn chim én chia đôi, bay hai ngả, không thể hữu tình nhân thành quyến thuộc. Đó chính là Đại Ngọc và Bảo Ngọc, họ là một bi kịch tình yêu.

Còn Bảo Thoa tuy đã gả cho Bảo Ngọc, nhưng cuối cùng Bảo Ngọc, buông tay bên bờ vực. Bảo Ngọc hai lần xuất gia, lần thứ nhất là buông tay bên bờ vực, rồi rời phủ Vinh Quốc, bỏ đi. Vậy "Ảnh đề chỉ thấy vách treo cao", tương đương với việc Tiết Bảo Thoa cuối cùng chỉ còn giữ lại vài hình ảnh của Bảo Ngọc mà thôi. Nó ám chỉ hai người phụ nữ ấy cuối cùng đều rất bất hạnh. Sau đó là Thanh Trủng hoài cổ. Thanh Trủng chính là: vùng đại thảo nguyên phương bắc, nay gọi là Nội Mông, nơi có mộ, của Vương Chiêu Quân.

Nơi ấy đương nhiên là một di tích. Vì thế, cũng viết một bài thơ hoài cổ. Nội dung bài thơ là vịnh than di tích ấy, gọi là: "nước đen mênh mang nghẹn chẳng trôi", "dây băng gảy hết khúc sầu thôi", "chế độ nhà Hán ai chịu nổi", "gỗ xấu đáng thẹn muôn đời sau". Vậy, đáp án của nó là gì? Mặc đấu, tức cái hộp mực kẻ dây của thợ mộc. Người thợ mộc, khi làm mộc, phải ở trên gỗ, vạch đường.

Sợi dây này, từ bên mặc đấu đi qua vẫn còn trắng, nhưng sau khi qua mực trong mặc đấu, thì biến thành đen, rồi sau khi kéo ra, nó có thể mang mực đen ra, để kẻ đường trên gỗ. Vì thế nó là mặc đấu. Vậy bài thơ này ám chỉ số phận của ai? Ám chỉ số phận Giả Tích Xuân. Trước đây tôi đã giảng rồi, hình tượng cuối cùng của Tích Xuân là gì? áo nâu đi xin ăn, một thân áo đen, bưng một cái bát, ở ngoài phố lớn, làm một ni cô, xin cơm.

Vì thế nhân vật tương ứng của bài thơ này là: Giả Tích Xuân. Vậy, bài tiếp theo gọi là: Mã Ngôi hoài cổ. Mã Ngôi chính là gò Mã Ngôi, nơi Dương Quý Phi, vì quân sĩ nổi loạn mà không thể không tự tận, một nơi như

thế. Vì thế bài thơ của nó cũng là để bề mặt vịnh than di tích cổ, gọi là: "Phấn son lặng lẽ đẫm mồ hôi, Thoắt giã thân kia xuống bể khơi. Vì dấu phong lưu còn sót lại. Áo quần khe ấy vẫn thơm hoài."

Bề mặt là: nói về số phận Dương Quý Phi gì đó, nhưng thực ra, nó cũng là một câu đố đèn. Đáp án của nó là gì? chính là hộp xông hương. Hộp xông hương là gì? Hộp xông hương này, thường có hình dẹt tròn, phía trên, có hoa văn chạm rỗng, những lỗ thoáng khí. Sau khi đặt hương liệu vào trong, rồi hâm nóng, nó có thể tỏa ra mùi thơm.

Bài thơ này, người mà nó ám chỉ, nên chính là: Chi Nghiễn Trai. Bởi tôi có một quan điểm, cho rằng Chi Nghiễn Trai, trong đời thực, bà, nên chính là: một cô em họ của Tào Tuyết Cần, cũng tức là nguyên mẫu của Sử Tương Vân, trong sách, là một phụ nữ. Bà viết lời phê, ký tên, rất lạ, gọi là Chi Nghiễn Trai. Vậy xin quý vị chú ý, trong bài thơ này, xuất hiện câu như "vết Chi cô quạnh thấm ánh mồ hôi". Tức là, cuối cùng bà và Tào Tuyết Cần, cùng nhau hoàn thành bản thảo này, đó là một công việc hết sức cô quạnh, không ai có thể hiểu họ, cũng không biết số phận cuối cùng của bản thảo ấy sẽ ra sao. Nhưng bà vẫn miệt mài không mỏi, thêm lời phê lên trên; càng khỏi cần nói, bà còn phải biên tập, còn phải chép sạch.

Nhưng họ tin chắc chữ nghĩa của mình là dấu tích phong lưu để lại, cuối cùng sẽ lưu hương nơi nhân thế. Đó là bài này. Tiếp theo nữa có bài gọi là: Bồ Đông tự hoài cổ. Nơi này, cũng có thể tính là một cổ tích. Bồ Đông tự. Trong đó nói đến, một câu chuyện xảy ra ở Bồ Đông tự, gọi là: "Tiểu Hồng cốt tiện thân nhẹ nhất", "lén nách", "trộm giày", "gượng ghép thành" "tuy bị phu nhân thường treo lên", "đã lôi kéo", "kẻ kia cùng đi".

Mặt chữ của bài thơ này, tương đối thô bỉ, viết về chuyện nha đầu, và tiểu tư, lén tư tình.

Nhưng nó rất thú vị. Đáp án của nó là gì? Thật ra, tôi nghĩ, chỉ cần động não một chút, là đoán ra, "đã lôi kéo kẻ kia cùng đi". Cái gì gọi là cái xỏ giày? Nó thường bị người ta treo lên, sau khi lấy xuống, muốn, vuốt phẳng gót giày, thì đó là một cái xỏ giày, có thể hoàn thành việc ấy. Vậy, điều này tương ứng với số phận của ai? Cá nhân tôi cho rằng bài thơ này, nên tương ứng với Hình Tụ Yên. Có người nói như vậy quá ly kỳ. Hình Tụ Yên chẳng lẽ lại cùng người ta bỏ trốn sao? Hình Tụ Yên không bỏ trốn với ai. Hình Tụ Yên là một cô gái rất.

Biết tự trọng, rất có đạo đức và tiết tháo. Nhưng Hình Tụ Yên có một nha đầu tên gì? Quý vị nhớ ra chưa? Triện Nhi. Âm của Triện Nhi hơi biến đổi một chút, thành gì? Trụy Nhi.

Trụy Nhi là thứ gì? chính là cái xỏ giày. Vì thế cô Triện Nhi này, phẩm chất không được tốt lắm. Quý vị còn nhớ không, trong 80 hồi đầu, có viết một chuyện. Bình Nhi, cùng các chị em tiểu thư, ăn món thịt nai nướng, hồi ấy gọi là: "Con trẻ phấn son cắt thịt tanh ăn đồ nồng". Trong quá trình ấy, để ăn uống tiện hơn, nàng tháo một món đồ trang sức ra.

Kết quả, bị mất. Người đầu tiên bị nghi là ai? Quý vị về lật sách xem. Người đầu tiên bị nghi chính là Triện Nhi. Tào Tuyết Cần viết rõ ràng, nói rằng: nha đầu Triện Nhi của Hình Tụ Yên, nhà nghèo, chưa từng trải việc đời, chưa biết chừng là nàng. Nhưng sau đó chứng minh không phải nàng.

Là ai? Là Trụy Nhi ở Di Hồng viện, là một nha đầu khác. Vì thế cô Triện Nhi này, là một nha đầu, không thật sự giữ quy củ lắm. Tôi nói có căn cứ, đúng không? Vì vậy sau 80 hồi, sẽ có một đoạn câu chuyện, viết rằng Triện Nhi, cùng một tiểu tư trong một phủ nào đó, hai người bỏ trốn với nhau. Vậy, kéo theo một số câu chuyện.

Cho nên nói nàng tương ứng với Hình Tụ Yên.

*Ông Lưu Tâm Vũ, thông qua việc giải đọc thơ hoài cổ của Tiết Bảo Cầm, một lần nữa chứng minh, số phận sau 80 hồi, của rất nhiều phụ nữ trong Hồng Lâu Mộng. Điều này cũng khiến chúng ta gần như cảm nhận được, mỗi một bài thơ trong Hồng Lâu Mộng, thật ra đều đang ám chỉ, số phận nhân vật. Vậy trong thơ hoài cổ của Tiết Bảo Cầm, nàng dành cho số phận của chính mình, một ám chỉ như thế nào? Tiết Bảo Cầm không gả vào nhà Mai Hàn lâm. Vậy cuối cùng nàng gả cho ai?*

Vậy tiếp theo là bài cuối cùng. Bài cuối cùng trong mười bài. Bài này rất quan trọng. Bài này là trọng điểm. Vì sao? Bài này Tiết Bảo Cầm viết về chính mình, tên là Mai Hoa quán hoài cổ.

Từng câu đều ám chỉ số phận sau này của nàng. Chú ý nhé.

"Không ở bên mai, mà ở bên liễu". Quý vị nghe rõ chưa? Nàng có gả cho người họ Mai không? Số phận cuối cùng của nàng, có ở nhà Mai Hàn lâm không? có ở bên cạnh con trai Mai Hàn lâm không? Không. Nàng có gả cho người họ Mai không? Vậy nàng ở bên cạnh người họ gì? "Không ở bên mai, mà ở bên liễu". Trong sách có một nhân vật rất quan trọng, mang họ Liễu. Ai? Liễu Tương Liên. Số phận cuối cùng của Tiết Bảo Cầm, không thể gả cho Mai Hàn lâm.

Bởi lúc ấy có lẽ, hoàng đế định tội một lượt, nhiều gia đình quý tộc bị liên lụy. Mai Hàn lâm có thể cũng thuộc phe Nguyệt, cũng bị hoàng đế trừ khử, nàng còn gả thế nào? được? Nàng chỉ có thể chạy nạn, chạy nạn từ Giang Bắc xuống Giang Nam, cuối cùng gặp được lạc hiệp, hiệp khách phiêu bạt ấy, người lưu ly ấy, hiệp khách lưu lạc ấy là ai? Chính là Liễu Tương Liên. Nàng và Liễu Tương Liên kết hợp. Vậy trung gian làm nên mối kết hợp ấy là gì?

Ở giữa họ, nó chính là một bức tranh. "trong đó ai nhặt được bức họa mỹ nhân". Trong 80 hồi trước có xuất hiện, một bức họa tương tự không? Có xuất hiện. Quý vị nhớ không? Lúc ấy trời đổ tuyết.

Giả mẫu cũng đến Đại Quan viên ngắm tuyết. Đột nhiên trên sườn núi xuất hiện ai? Xuất hiện Tiết Bảo Cầm, phía sau đứng một nha đầu Tiểu Loa, ôm một bình mai, vô cùng xinh đẹp. Vì thế lúc ấy có một lời đánh giá,

nói rằng cảnh này còn đẹp hơn, bức Song Diễm đồ treo trong phòng Giả mẫu. Song Diễm đồ theo lời sách thuật lại, là tác phẩm của Cầu Anh, Cầu Thập Châu, một đại họa gia đời Minh. Sang đời Thanh, nó cũng là một bức cổ họa.

Vậy khi nhà họ Giả suy bại, trong quá trình bị xét nhà, có thể bức Song Diễm đồ trong phòng Giả mẫu, lẽ ra phải bị đăng ký vào sổ sau khi tịch thu. Nhưng quý vị biết, những người phụ trách xét nhà, từ quan viên chủ yếu đến quan viên thứ yếu, cho đến đám nha dịch bên dưới, đều rất hung ác, đều sẽ nhân đó vơ vét vào túi riêng. Vì vậy bức Song Diễm đồ này, cuối cùng không thể được nhập, vào kho của Trung Thuận vương, không đến được trong phủ Trung Thuận vương. Trong quá trình ấy rất có thể, đã bị ai đó lén lấy ra. Bức tranh vẽ mỹ nhân, thiền quyên. Có người lập tức nghĩ tới, câu của Tô Đông Pha đời Tống.

"Chỉ mong người mãi dài lâu", "ngàn dặm cùng chung thiền quyên". Nói thiền quyên chẳng phải là mặt trăng sao? Thời cổ, thiền quyên vừa dùng để tả mỹ nhân, cũng dùng để chỉ mặt trăng. Hoặc quý vị có thể gộp hai ý tượng ấy lại, người con gái đẹp như trăng sáng, được gọi là thiền quyên. Vì thế bức Song Diễm đồ này, chính là vẽ mỹ nhân. Vậy bức tranh ấy làm sao, thúc đẩy nhân duyên của Tiết Bảo Cầm và Liễu Tương Liên?

Ở giữa có một nha đầu phát huy tác dụng, nha đầu ấy là ai? Nên chính là Tiểu Loa. Tiểu Loa vốn là nha đầu cũ của Tiết Bảo Cầm. Khi nàng đứng trên sườn núi, phía sau có một nha đầu ôm bình mai, đó chính là Tiểu Loa. Mà Tiểu Loa này là nha đầu của nhà họ Tiết, cuối cùng có lẽ cũng sẽ cùng với nhà họ Tiết gặp tai họa, hoặc bị đánh, bị giết, bị bán. Nhưng sau một phen khúc chiết, cuối cùng nàng có thể, bị một tiểu quan dưới phủ Trung Thuận vương, hoặc một nha dịch nhỏ lấy đi.

Vậy nha dịch nhỏ này, trong việc xét nhà, đã chiếm lấy bức Song Diễm đồ. Tiểu Loa phát hiện ra. Vì thế Tiểu Loa đem bức Song Diễm đồ này theo rời khỏi môi trường hiểm ác ấy, đến Giang Nam tìm kiếm, nữ chủ nhân cũ của nàng là Tiết Bảo Cầm. Cuối cùng quả nhiên tìm thấy, và được đoàn tụ. "Đoàn viên chớ nhớ Xuân Hương đến". Tức là nha đầu này tên Xuân Hương, không gọi là Tiểu Loa.

Nhưng quý vị biết Xuân Hương, Mai Hương, là một cách gọi chung, đối với nha đầu. Vì thế nó chỉ một nha đầu cụ thể, nha đầu cụ thể ấy nên chính là Tiểu Loa. Vậy đoạn bi hoan ly hợp này trải qua bao lâu? "Một biệt gió tây lại một năm". Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, gió đông, đều đại diện, cho một thế lực, đến tàn phá, bốn đại gia tộc. Gió tây chính là phe Nguyệt, xét tương đối đối với họ, là một sức mạnh họ ưa thích.

Nhưng bây giờ gió đông đã áp đảo gió tây, gió tây đã tan tác rời rạc. Sau một năm, ở Giang Nam, họ cuối cùng được trùng phùng. Và trong quá trình trùng phùng này, nhất định lại có Liễu Tương Liên tham dự. Có thể chính Liễu Tương Liên, sau khi tham gia cuộc khởi sự vũ trang của phe Nguyệt, bị thất bại, chàng càng lưu lạc trong xã hội, lưu lạc giang hồ. Vậy chàng phát hiện bức tranh ấy, và bức tranh ấy thúc đẩy, sự kết

hợp của Bảo Cầm và Liễu Tương Liên. Đó chính là những gì chúng ta có thể thám dật được, về số phận những nhân vật trong phó sách.

Bây giờ về cơ bản chúng ta đã sắp xếp lại một lượt các nữ nhân, trong chính sách và phó sách. Vậy ở hồi thứ năm, Tào Tuyết Cần viết rất rõ ràng, còn có một hựu phó sách. Hơn nữa chúng ta đều đã đoán ra, trong hựu phó sách, có Tình Văn, có Tập Nhân. Vậy trong hựu phó sách, ngoài Tình Văn và Tập Nhân, còn có những phụ nữ nào? Lần tới chúng ta sẽ cùng nhau thám dật.

# Tập 57

Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách

*Trong hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng có viết: Giả Bảo Ngọc đi tới Thái Hư ảo cảnh. Trong cuốn Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách mà chàng mở ra, chàng chỉ thấy có hai người phụ nữ. Vậy trong hựu phó sách còn phải có những phụ nữ nào nữa? Vì Tào Tuyết Cần không nói rõ trong 80 hồi đầu, điều này trở thành một bí ẩn day dứt trong lòng rất nhiều bạn mê Hồng Lâu. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong lòng Tào Tuyết Cần chắc chắn từng có một phổ đồ hoàn chỉnh cho Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách và qua nhiều năm dốc lòng nghiên cứu ông cuối cùng đã trình bày kết quả thám dật của mình. Hãy cùng theo chân ông Lưu Tâm Vũ đi vào câu chuyện thật sau 80 hồi Hồng Lâu Mộng nghe ông kể cho quý vị tập thứ mười ba: Bí ẩn Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách.*

*Trong hồi thứ năm của Hồng Lâu Mộng có viết dưới sự dẫn dắt của Cảnh Huyễn tiên cô, Giả Bảo Ngọc đã đi tới Thái Hư ảo cảnh. Đã là Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách, thì cuốn đầu tiên chàng mở không phải chính sách hay phó sách, mà là Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách. Trong cuốn sách ấy, chàng chỉ thấy hai phụ nữ, lần lượt là Tình Văn và Tập Nhân. Trong số đông nha hoàn của Giả phủ, địa vị của Tình Văn thấp hơn Tập Nhân. Vì sao Tào Tuyết Cần lại đặt Tình Văn trước Tập Nhân, thậm chí đứng đầu Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách? Trong hựu phó sách, ngoài Tình Văn và Tập Nhân, mười người phụ nữ còn lại đều bị lược đi, trong sách không nhắc đến nữa.*

*Vậy mười phụ nữ còn lại trong hựu phó sách sẽ là ai? Vì Tào Tuyết Cần không nói rõ trong 80 hồi đầu, lại thêm bản thảo sau hồi 80 đã mất sạch, điều này trở thành bí ẩn day dứt trong lòng nhiều bạn mê Hồng Lâu. Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ cho rằng trong lòng Tào Tuyết Cần chắc chắn tồn tại một phổ đồ hoàn chỉnh của Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách, và qua nghiên cứu công phu, ông đã trình bày kết quả thám dật của mình. Vậy phổ đồ hoàn chỉnh của hựu phó sách rốt cuộc ra sao, mười phụ nữ còn lại là những ai? Hãy cùng theo chân ông Lưu Tâm Vũ đi vào câu chuyện thật sau 80 hồi Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể tập thứ mười ba: Bí ẩn Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách.*

Ở hồi thứ năm, Giả Bảo Ngọc vào Bạc Mệnh ty trong Thái Hư ảo cảnh, thấy trong đó có rất nhiều tủ, trên tủ ghi tên các sách thuộc Kim Lăng thập nhị thoa, bèn tùy tay mở tủ, lấy sách ra xem.

Trong hồi thứ năm có viết, chàng lật xem ba cuốn: trước hết là hựu phó sách, rồi mới đến phó sách, cuối cùng mới đến chính sách. Vì vậy chắc chắn có một cuốn hựu phó sách. Nhưng ở hồi thứ năm, hựu phó sách không được viết đủ. Trong sách chỉ nêu hai người, hiện ra hai bức tranh và hai bài phán từ. Độc giả tinh ý sẽ nhanh chóng hiểu rằng người đứng đầu hựu phó sách là Tình Văn, người thứ hai là Tập Nhân. Tình Văn đứng đầu, trong đó ẩn chứa ý sâu xa.

Tuy hựu phó sách toàn là nha hoàn, nhưng trong Giả phủ, xuất thân của nha hoàn không giống nhau. Nguồn gốc nha hoàn trong Giả phủ chủ yếu có hai loại: thứ nhất là gia sinh gia dưỡng. Sách viết Ninh Quốc phủ, Vinh Quốc phủ truyền xuống từ Ninh Quốc công, Vinh Quốc công. Ngay từ đầu trong nhà đã có rất nhiều tôi tớ, có nam bộc, nữ bộc. Dưới sự sắp đặt của chủ, nam bộc nữ bộc lấy nhau, sinh đời sau; con trai lớn lên lại làm nam bộc nhà họ Giả, con gái lại làm nha hoàn nhà họ Giả, đời đời làm nô bộc như vậy. Đó là nguồn thứ nhất của nha hoàn Giả phủ, cũng là nguồn lớn nhất.

Trong sách, phần lớn nha hoàn thuộc loại này. Như nha hoàn số một bên cạnh Giả mẫu là Uyên Ương, chính là một nha hoàn gia sinh gia dưỡng; rất nhiều nha hoàn đều có nguồn gốc này. Một nguồn khác thì không phải gia sinh gia dưỡng, mà là con gái dân thường. Nhưng những nhà dân ấy quá nghèo, nghèo đến không có cơm ăn, đành bán con trai bán con gái; con gái bị bán vào Giả phủ, rồi Giả phủ dùng làm nha hoàn. Trong sách có một nhân vật rất quan trọng là Tập Nhân, cô thuộc nguồn này. Cô không phải con cháu nô bộc đời đời của Giả phủ, mà là được mua về.

Sách còn viết đến tết lễ cô vẫn có thể về nhà thăm thân; cha mất rồi, nhưng mẹ còn, anh còn. Về sau mẹ cô cũng qua đời, trong phủ còn cho cô về chịu tang. Cô là một cô gái được mua vào. Về cơ bản là hai nguồn như vậy. Vậy có bạn mê Hồng Lâu sẽ bàn với tôi: thế Tình Văn thuộc loại nào trong hai loại ấy? Hồi thứ năm Hồng Lâu Mộng viết rằng Giả Bảo Ngọc đến Thái Hư ảo cảnh, trong cuốn Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách được mở ra, trước hết chàng thấy phán từ về Tình Văn.

*Tào Tuyết Cần đã dồn rất nhiều bút mực và tình cảm cho người phụ nữ trẻ "lòng cao hơn trời, thân phận thấp hèn" này. Trong Hồng Lâu Mộng, Tình Văn là một phụ nữ rất có cá tính và cũng đầy tranh luận: một mặt có người thưởng thức sự thông minh khéo léo của cô, mặt khác lại có người cho rằng cá tính cô quá phô trương, quá chua ngoa cay nghiệt, thậm chí cho rằng căn nguyên bi kịch cuối cùng của cô là vì cô không đủ lương thiện. Trước quan điểm ấy, ông Lưu Tâm Vũ đưa ra cách nhìn khác, và từ một tình tiết thường bị người ta bỏ qua, ông đọc ra tấm lòng cảm động sâu trong nội tâm Tình Văn. Rốt cuộc đó là tình tiết nào?*

Tình Văn lại đến nhà họ Giả bằng cách nào? Cô không phải con cháu nô bộc đời đời trong phủ, cũng không phải nha hoàn được trong phủ bỏ bạc ra mua. Vậy cô đến bằng cách nào?

Ninh Quốc phủ, Vinh Quốc phủ này giàu sang đã nhiều năm, theo sách nói thậm chí đã hơn trăm năm. Trong đó có rất nhiều lão bộc. Có người tất nhiên đã chết, còn những lão bộc đang sống thì có người rất có thể diện. Trước mặt chủ, vì họ từng hầu hạ đời trước của chủ, nên chủ cũng phải nể trọng vài phần. Đồng thời, qua nhiều năm phục dịch, họ tích lũy được không ít tiền của; có rồi thì không ở trong Vinh Quốc phủ nữa. Như một đại quản gia của Vinh Quốc phủ là Lại Đại, nhà ông ta đời đời làm nô trong Vinh Quốc phủ, cuối cùng trở nên rất khá giả.

Về sau mỗi ngày Lại Đại đến Vinh Quốc phủ làm việc, hết giờ lại về nhà mình. Nhà ông ta là một trạch viện lớn, thậm chí còn có cả vườn rộng. Mẹ ông ta còn sống, tức Lại ma ma. Lại ma ma hẳn là lão bộc cùng thế hệ với Giả mẫu, tất nhiên đã về hưu từ lâu. Sau khi về hưu, bà sống trong đại trạch có vườn lớn do Lại Đại mua sắm, hưởng một đời sống khá vinh hoa phú quý. Có một lần Lại ma ma đến Vinh Quốc phủ, thực ra là sang chơi.

Một hôm bà mang theo một tiểu nha đầu, chưa đến mười tuổi, một cô bé rất nhỏ. Giả mẫu vừa nhìn đã thích. Thấy lão tổ tông thích, Lại ma ma cũng rất khéo xử sự, muốn làm Giả mẫu vui lòng. Bà bèn nói: nếu cụ thích cô bé này, thì coi nó như món đồ chơi, xin biếu cụ. Thế là bà đem Tình Văn như một món đồ chơi nhỏ tặng cho Giả mẫu. Tình Văn đã vào Vinh Quốc phủ như vậy, và trở thành nha hoàn của Giả mẫu như vậy.

Về sau Giả mẫu lại điều nha hoàn bên cạnh mình sang cho Bảo Ngọc, vì bà thương Bảo Ngọc, đứa cháu mà bà cho là duy nhất giống chim phượng. Thế là bà điều Tập Nhân và Tình Văn bên cạnh mình sang hầu hạ Bảo Ngọc. Tất nhiên lúc đầu Tập Nhân không tên là Tập Nhân; khi còn ở bên Giả mẫu, cô gọi là Trân Châu. Về sau Bảo Ngọc lớn lên, biết đọc biết viết, đọc được ít thơ. Trong thơ cổ có câu: "hương hoa xông người biết ngày ấm". Vì thế chàng bỏ tên Trân Châu, đổi gọi là Tập Nhân.

Nhưng Tập Nhân là nha hoàn Giả mẫu bỏ mấy lượng bạc mua về, còn Tình Văn lại là nô bộc của nô bộc. Cô chẳng có chút thân giá nào. Tập Nhân ít ra còn đáng mấy lượng bạc, còn cô là người được cho không, hết sức hèn mọn, là một phụ nữ như vậy. Không biết mọi người có chú ý không, trong sách về sau có một nét bàn giao như thế. Khi ấy Tình Văn còn rất nhỏ, chỉ là cô bé hơn mười tuổi. Sau khi đến Vinh Quốc phủ, cô đã làm một việc.

Làm việc gì? Cô nghĩ: mình từ vườn nhà họ Lại đến vườn nhà họ Giả. Nhà họ Lại là nô bộc của nhà họ Giả; nay mình đến chỗ chủ của nô bộc, tức là chỗ ông chủ trên ông chủ của mình. Vì thế dường như hoàn cảnh sống của mình đã thay đổi, đã được nâng lên, cô vẫn rất vui. Lúc ấy cô lại nghĩ: mình không thể một mình hưởng lợi này. Tình Văn vốn không biết cha mẹ mình là ai, cũng không có nhiều thân hữu.

Nhưng cô mơ hồ nhớ có một người có quan hệ với mình. Cô có một người anh họ phía cô/cậu, là một đầu bếp biết giết gia súc, biết nấu ăn. Cô bèn nghĩ: sau khi mình đến đây, liệu có thể cầu xin người quản sự trong phủ cho người anh họ ấy thoát khỏi cảnh sống lênh đênh, cơm áo không có chỗ dựa lâu dài hay không. Có thể vào Vinh Quốc phủ, có một công việc ổn định, một khoản thu nhập ổn định, trong sách gọi là "ăn cơm công". Trong sách dùng ba chữ "ăn cơm công". Cô chỉ là một cô bé rất nhỏ mà đã có tấm lòng ấy.

Vừa khéo người quản gia ở Vinh Quốc phủ, một đại quản gia, chính là Lại Đại, ông chủ cũ của cô ở nhà họ Lại. Cô vừa cầu xin Lại Đại, Lại Đại tất nhiên đồng ý. Nhờ vậy người anh họ ấy của cô được vào Vinh Quốc phủ. Về sau chúng ta biết người anh họ ấy lấy vợ. Nhưng người anh họ ấy đối với cô lại vô cùng lạnh lùng. Cô đối xử với anh họ tốt như thế, còn đối phương đối với cô ra sao?

Về sau sau khi cô bị đuổi ra, người ta ném cô lên chiếc giường lạnh nhà anh họ. Chẳng ai chăm nom cô, kết quả cô chết trên chiếc giường lạnh trong nhà người anh họ ấy. Nhưng qua sự bàn giao như vậy trong sách, chúng ta cảm thấy một sinh mệnh nhỏ bé như thế, ở trong trạng thái tồn tại gần như thấp hèn nhất, mà về sau chúng ta còn biết cô có tính như than nổ. Thế nhưng ở sâu trong tâm hồn cô vẫn có điều mềm mại nhất. Bản thân cô vừa được chút lợi ích, còn muốn để người anh họ của mình cùng được chia sẻ. Thực ra cái gọi là "anh họ phía cô/cậu" là một khái niệm huyết thống rất mơ hồ.

Con trai của cô ruột là biểu huynh phía cô; con trai của cậu ruột là biểu huynh phía cậu. Vậy "anh họ phía cô/cậu" là gì? Tức là thật ra cô cũng không rõ đó là con của cô ruột hay con của cậu ruột. Nhưng vì có chút quan hệ với mình, cô đã quan tâm đến người ta, lo nghĩ cho người ta. Vì vậy khi nhìn hình tượng Tình Văn, phải thấy những điều nằm sâu trong cô. Tất nhiên con người Tình Văn có đời sống cá tính rất rõ.

*Trong sách nhiều lần thông qua lời bình bên cạnh của các nhân vật khác để đưa ra một kết luận: tính cách Tình Văn gần với Lâm Đại Ngọc. Các nhà bình luận trước đây cũng thường chỉ ra rằng Tình Văn là một cái bóng của Đại Ngọc. Cũng giống như tính cách Tập Nhân gần với Tiết Bảo Thoa, Tập Nhân là cái bóng của Bảo Thoa vậy. Đây là một con người có đời sống tính cách riêng, phóng túng không kiêng dè, căn bản không tự ràng buộc mình. Hơn nữa bản thân Tình Văn có một câu cửa miệng: "đuổi ra, đuổi ra". Đối với nha hoàn và bà già có địa vị thấp hơn mình, cô rất dữ, thậm chí dọa họ: "đuổi ngươi ra, dứt khoát đuổi ra cho xong".*

*Giọng điệu chẳng khác gì chủ nhân; có khi chủ nhân còn không nói như thế, mà cô lại cứ nói thế. Đó chính là Tình Văn. Trong Giả phủ đẳng cấp nghiêm ngặt, Tình Văn vì kiêu ngạo bất tuân, cá tính mạnh mẽ mà rất được Giả Bảo Ngọc yêu thích. Nhưng đồng thời, cô cũng vì chua ngoa cay nghiệt, lời nói không nhường ai mà bị nhiều người ghi hận. Khi đánh giá nhân vật này, trong lòng rất nhiều người đều đầy mâu thuẫn. Họ vừa thưởng thức sự thông minh khéo léo, giàu cá tính của Tình Văn, vừa có ý kiến về thái độ ngang ngạnh của Tình Văn trong cách đối nhân xử thế.*

*Và họ cho do chính cô tự gây ra. Vậy trước quan điểm ấy, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có cách nhìn như thế nào?*

Có một bạn mê Hồng Lâu khi bàn với tôi về Tình Văn đã nói một câu khiến tôi rất buồn. Người ấy nói thế nào? Anh ấy nói: nhân vật Tình Văn tuy có mặt đáng yêu, nhưng con người này đã tự bê đá đập vào chân mình. Tôi nói: câu này chỉ nên dùng để nói kẻ xấu thôi. Tình Văn là một người mà sau khi chết, Giả Bảo Ngọc còn viết bài "Phù dung lụy" cho cô, đúng không? Một phụ nữ thông minh khéo léo, đẹp đẽ, mà sâu trong lòng vốn cũng rất lương thiện như thế, sao có thể nói về cô như vậy?

Thế là anh ấy cùng tôi thảo luận: Tình Văn cuối cùng bị đuổi ra, nguyên nhân trực tiếp nhất là vì vụ xét khám Đại Quan viên. Vậy Đại Quan viên vì sao bị xét khám? Khởi đầu là ai? Khởi đầu chính là Tình Văn. Các bạn còn nhớ chuỗi logic này không? Một đêm nọ, Bảo Ngọc đang chuẩn bị ngủ, còn đùa giỡn với các nha hoàn.

Bỗng một tiểu nha hoàn tên Tiểu Thước ở chỗ Triệu di nương đi tới Di Hồng viện. Cái tên này cũng rất thú vị. Tiểu Thước, chim khách lẽ ra phải báo tin mừng, đúng không? Nhưng kết quả cô không báo điềm lành, mà báo điềm dữ. Đáng lẽ phải gọi là Tiểu Nha, "nha" trong con quạ mới đúng, phải không? Cô nói gì?

Nói rằng Bảo Ngọc, cậu phải cẩn thận. Tôi nghe thấy Triệu di nương thì thầm bên tai lão gia điều gì đó. Cẩn thận ngày mai lão gia hỏi cậu. Ôi, Bảo Ngọc vừa nghe đến hai chữ "lão gia" liền như Tôn Ngộ. Không nghe Đường Tăng niệm vòng kim cô, đứng ngồi không yên, suốt đêm ôm chân Phật, ôn bài. Bỗng nhiên lại xảy ra một chuyện: Phương Quan đi ra ngoài, có lẽ là đi tiện. Sau khi trở về, cô nói: ôi, tôi thấy hình như có một bóng người nhảy từ trên tường xuống.

Tình Văn cảm thấy: đây là một cái cớ rồi, phải không? Chúng ta cứ làm ầm chuyện này lên. Có người trèo tường! Thôi rồi, Bảo Ngọc bị dọa, Bảo Ngọc sợ đến sinh bệnh rồi. Nói thật, đến ngày mai, dù là lão gia hay thiên hoàng lão tử, ai còn hỏi bài vở chàng nữa, đúng không? Thế là cô làm ầm lên.

Kết quả những người canh đêm đi khắp nơi kiểm tra, làm gì có dấu vết trèo tường? Làm gì tìm được người trèo tường? Họ bèn nói với cô là không có chuyện ấy. Lúc ấy Tình Văn nói thế nào? Tình Văn tưởng mình cùng phe với Bảo Ngọc. Cô nói: rõ ràng đã nhìn thấy, không chỉ Phương Quan thấy, tôi và Bảo Ngọc đều thấy.

Bây giờ tôi còn phải lên nhà trên, đến chỗ thái thái báo việc này, còn phải xin thuốc an thần cho Bảo Ngọc. Theo các người nói, lẽ nào đàn ông thì mắng là xong? Cô muốn làm to chuyện, quậy lớn chuyện. Kết quả quả nhiên ầm ĩ to. Đến hôm sau, Giả mẫu cũng biết chuyện. Tương đương với việc tạm thời mở một cuộc họp gia đình khẩn cấp.

Bình thường Giả mẫu không hỏi chuyện trong phủ nữa, coi như bà đã cáo lão, nghỉ hưu nhiều năm rồi, đúng không? Kết quả Giả mẫu đích thân hỏi đến, nhưng vẫn không tra ra người nào trèo tường. Thế nhưng lại tra ra trong phủ ban đêm có sòng bạc, tra ra đầu sỏ đánh bạc. Khi đầu sỏ đánh bạc bị tra ra, phạm vi liên lụy quá lớn. Một người là thân thích của nhà Lâm Chi Hiếu, một đại quản gia trong phủ. Các bạn nói quản gia có vui được không, đúng không?

Lại tra ra một người là vú nuôi của Giả Nghênh Xuân. Giả Nghênh Xuân tuy rất nhu nhược, nhưng chuyện này khiến cô mất mặt, đúng không? Hơn nữa cô là con gái của Hình phu nhân, Hình phu nhân có thể vui sao? Vì vậy cả phủ rối loạn, mâu thuẫn bị kích hóa. Lại vừa khéo có một con hầu ngốc trong phòng Giả mẫu nhặt được một tú xuân nang. Hình phu nhân thấy như bắt được bảo vật, bèn niêm phong giao cho Vương phu nhân.

Thế nào là niêm phong giao cho Vương phu nhân? Có người hỏi có phải viết thư không? Không cần viết thư, tất cả đều nằm trong im lặng. Mọi người thử nghĩ, Vương phu nhân xem xong sẽ có cảm giác gì?

Tương đương Hình phu nhân đang nói với bà, đúng không? Ai là con trai trưởng của Giả mẫu?

Là Giả Xá. Ai là con dâu trưởng? Là tôi. Ai đáng lẽ phải ở Vinh Hy đường? Nghĩ mà xem, ai đáng lẽ phải quản lý Vinh Quốc phủ, nắm quyền quản sự Vinh Quốc phủ? Vậy mà đại phòng chúng tôi bị gạt ra ngoài.

Tất cả đều giao cho nhị phòng các người, đúng không? Giả Chính ngày nào cũng bận công vụ của ông ấy, đúng không? Người nắm cả Vinh Quốc phủ chẳng phải là Vương phu nhân bà sao, đúng không? Vậy bây giờ bà nhìn xem, bà quản cái phủ này thành ra thế nào? Giữa thanh thiên bạch nhật, ngay trên núi đá trong Đại Quan viên thuộc Vinh Quốc phủ của bà lại có loại vật dâm uế này. Vì thế Vương phu nhân không chịu nổi nữa.

Tình thế phát triển về sau chính là xét khám Đại Quan viên.

Tình Văn tuyệt đối không ngờ rằng cô nhấn mạnh có người trèo tường, nhất định phải tra, phải tra đến cùng. Cuối cùng quả đắng bi kịch đầu tiên lại do chính cô nếm. Trong vụ xét khám Đại Quan viên, người bị đuổi ra đầu tiên chính là cô. Vì vậy bạn mê Hồng Lâu kia nói: các anh xem Tình Văn, vốn là người tốt, kết quả cũng là tự bê đá đập vào chân mình. Cho nên khi chúng tôi bàn đến đây, cả hai đều thở dài. Tào Tuyết Cần viết thật là ngòi bút quá sắc. Nhưng cũng chỉ mới hiểu thế nào? là xã hội, thế nào? là thời thế, thế nào? là đời người, thế nào? là nhân tính.

Thật là một lời khó nói hết. Vì vậy Tình Văn là nhân vật nếu chuyên môn triển khai ra, giảng mười mấy buổi cũng có thể giảng tiếp. Chỉ vì thời gian có hạn, bây giờ chúng ta chỉ nhấn mạnh một điểm. Khi Tào Tuyết Cần thiết lập Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách, ông đặt cô đứng đầu trong tất cả nha hoàn là có lý do. Xuất thân của cô tính ra thấp hèn nhất, nhưng câu chuyện của cô phong phú nhất, cảm động nhất. Những suy nghĩ mà cô có thể khơi dậy trong chúng ta cũng đầy đủ nhất, thậm chí đạt tới mức sâu sắc nhất.

*Trong Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách, hai phụ nữ được Tào Tuyết Cần nhắc tới chỉ có Tình Văn và Tập Nhân. Chúng ta đều biết trong mỗi cuốn thuộc Kim Lăng thập nhị thoa đều phải có mười hai phụ nữ. Vậy trong hựu phó sách, mười phụ nữ còn lại sẽ là ai? Vì Tào Tuyết Cần trong toàn bộ sách không nhắc lại nữa, điều này trở thành một bí ẩn day dứt trong lòng mọi người. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong lòng Tào Tuyết Cần chắc chắn có một phổ đồ hoàn chỉnh của Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách. Và căn cứ vào nhiều năm nghiên cứu, ông trình bày kết quả thám dật của mình.*

*Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, trong Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách còn có những phụ nữ nào? Căn cứ để ông đưa ra kết quả thám dật ấy là gì? Người thứ ba nên là ai?*

Theo tôi, người thứ ba nên là Uyên Ương. Nhân vật Uyên Ương rất quan trọng. Có người lập tức sẽ nghĩ đến chuyện Uyên Ương chống hôn, tất nhiên đó là một đoạn đặc sắc nhất trong toàn sách.

Hơn nữa trong toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, sau hồi 80, sau khi Giả mẫu qua đời, dưới tình huống Giả Xá tiếp tục ép hôn cô, Uyên Ương đã lấy kéo cắt cổ tự vẫn. Cô không chỉ tỏ lòng trung với Giả mẫu. Dưới ngòi bút Cao Ngạc, cô hoàn toàn là tỏ lòng trung với Giả mẫu. Nhưng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần sẽ không viết như vậy; phần nhiều hơn là để bảo vệ tôn nghiêm và tự trọng của chính mình. Cô tuyệt đối không khuất phục lão quỷ háo sắc Giả Xá. Trong câu chuyện của Uyên Ương, có một nét mà các bạn nhất định phải chú ý.

Đó là một hôm sau khi trời tối trong Đại Quan viên, cô muốn đi tiện, bèn đi tới một chỗ vắng. Cô vô tình phát hiện Tư Kỳ và biểu huynh Phan Hựu An của Tư Kỳ đang tư hội trong Đại Quan viên, thậm chí đã có chuyện mây mưa. Trong xã hội ấy, việc này là ghê gớm lắm. Đừng nói là chủ nhân, ngay cả một số nha hoàn nếu nghe chuyện ấy cũng sẽ cho rằng Tư Kỳ vô sỉ. Tư Kỳ quả thật đã phạm vào phép tắc, phạm vào giới luật, nên người ta sẽ không hoàn toàn đồng tình với cô. Nhưng trong sách có một nét viết rất cảm động.

Uyên Ương, nha hoàn lớn số một bên cạnh Giả mẫu, về sau nghe nói sau hôm ấy Tư Kỳ bị bệnh. Tư Kỳ tất nhiên phải bệnh; một mặt thân thể có thể thật sự có vấn đề, phần nhiều hơn là tâm bệnh. Thế là nguy rồi. Nếu Uyên Ương tùy tiện báo lên, cô sẽ rơi vào kết cục như Kim Xuyến. Mà nói thật, Kim Xuyến chẳng qua chỉ đùa giỡn với Bảo Ngọc vài câu. Còn Tư Kỳ thì là chuyện hiện hành, cô thật sự có hành vi.

Nhưng Uyên Ương vừa nghe nói Tư Kỳ bệnh, lại nghe người quản sự nói nha hoàn không thể cứ bệnh mãi trong phòng tiểu thư, tuy không ở chung một không gian với tiểu thư, có thể ở phòng khác, nhưng sợ lây bệnh. Cô cũng không thể hầu hạ tiểu thư nữa, nên người ta muốn dời cô ra, gả/đẩy cô đi. Uyên Ương vội vàng chạy đến bên giường Tư Kỳ, bảo người khác lui ra, rồi thề thốt với Tư Kỳ rằng chuyện của cô tuyệt đối không nói với ai. Đừng đem mạng nhỏ ra đánh cược, hãy dưỡng bệnh cho tốt. Đừng nói là ở thời đại ấy. Ngay cả ngày nay, có người nhìn thấy cái gọi là ngoại tình, hành vi ngoài hôn nhân của người khác, cũng sẽ đi tố giác, cũng không đồng tình.

Còn trong thời đại ấy, một phụ nữ như Uyên Ương thật sự có tư tưởng nhân bản, tư tưởng nhân văn; cô cảm thấy mạng sống là quan trọng nhất, sinh mệnh của Tư Kỳ là quý nhất. Tất nhiên không phải cô tán thành Tư Kỳ làm như vậy; cô cũng khuyên vài câu, bảo sau này phải cẩn thận. Nhưng cô cho rằng không thể vì chuyện ấy mà để một người, coi như chị em với mình, không thể để một người chị em như thế chết đi, bị hủy hoại cả tiền đồ; cô phải bảo vệ Tư Kỳ. Ôi, đó là cảnh giới cao thượng biết bao. Vì vậy Uyên Ương là một nhân vật rất quan trọng; cô xếp ở vị trí thứ ba là hoàn toàn xứng đáng. Vị trí thứ tư, theo tôi nên là Tiểu Hồng.

Nhân vật Tiểu Hồng quá quan trọng, cô còn xuất hiện trong hồi mục. Sau hồi 80, trong các buổi giảng trước tôi đã nói, cô cũng có những màn trọng yếu; đây là một nhân vật vô cùng quan trọng.

Làm nha hoàn trong Vinh Quốc phủ, mỗi nha hoàn có thái độ khác nhau đối với tiền đồ của mình.

Như Tập Nhân, tiền đồ mà cô đặt ra cho mình là: ta phải ổn thỏa làm di thái thái của Bảo Ngọc. Cô có mục tiêu đời mình. Như Uyên Ương, Uyên Ương biết có móng vuốt ma quỷ vươn tới mình, nên đặt sẵn cho mình: sau khi hầu hạ Giả mẫu xong, hoặc ta làm ni cô, hoặc ta tự vẫn. Cô rất quyết liệt, có một thiết kế tiền đồ cho mình như vậy. Còn như Tình Văn, cô là một phụ nữ không có ý thức lo xa; sau này ra sao, cô không dùng cách ấy để nghĩ, không cân nhắc, cứ đi bước nào hay bước ấy. Còn Tiểu Hồng là cô gái giàu lý tính nhất, có tư tưởng nhất, có khả năng tự chủ vận mệnh và tiền đồ của mình nhất. Nhân vật này ghê gớm lắm. Ngay từ trước, các bạn đã thấy một cảnh như thế. Ở phía dưới Di Hồng viện, có một nha hoàn địa vị còn thấp hơn cô tên Giai Huệ, nói chuyện với cô. Tiểu Hồng đã nói một câu kinh tâm động phách, rất bình tĩnh: dựng rạp dài ngàn dặm, không có bữa tiệc nào không tan. Ở cùng nhau cũng chỉ là chuyện ba năm, năm năm.

Qua ba năm, năm năm, ai lo việc nấy, ai còn quản ai? Đại khái là như vậy. Khi ấy cô đã nhìn thấu tất cả. Hơn nữa ở Di Hồng viện cô không đắc chí; nha hoàn ở Di Hồng viện chia nhiều bậc, cô chẳng hạn không thể tiếp cận Bảo Ngọc. Tình cờ được rót trà cho Bảo Ngọc, lại bị các nha hoàn khác chế giễu. Vì vậy cô quyết định: ta phải tự thiết kế tiền đồ của mình, không thể để các chủ nhân thiết kế tiền đồ cho ta; hơn nữa ta đã nhìn thấu rồi.

Không chỉ tiền đồ của riêng ta có rất nhiều yếu tố đáng lo. Ngay cả Giả phủ các người, cũng không có bữa tiệc nào không tan. Cô rất có nhãn quang. Vì thế cô cảm thấy việc mình tranh thủ ở bên cạnh Bảo Ngọc, tranh được địa vị thế này thế nọ, là không thể. Vậy xét về tài năng của ta, ta chủ yếu là có tài ăn nói; chỉ cần có cơ hội liền thi triển khẩu tài trước mặt Phượng Thư, rất được Phượng Thư thưởng thức. Cuối cùng cô rời Di Hồng viện, chuyển sang bên Vương Hy Phượng, trở thành một trợ thủ đắc lực của Vương Hy Phượng.

Như vậy tài năng của cô được phần nào thi triển. Nhưng sau này thì sao? Sau này làm nha hoàn bên Vương Hy Phượng, đến tuổi lớn rồi cũng phải bị phối cho một gã đầy tớ. Cũng phải để chủ nhân hoặc cha mẹ mình sắp đặt hôn phối cho mình. Vậy cô cảm thấy: ta phải tự tìm đối tượng. Một quý công tử hạng nhất như Bảo Ngọc thì ta không tìm được.

Nhưng trong tông tộc họ Giả còn người khác, tướng mạo cũng không tệ, năng lực cũng không tệ. Kinh tế tuy không quá phát đạt, nhưng cũng khá giả. Vậy ta đã để mắt tới rồi, ta phải "phóng điện" với người ấy. Đúng không? Có một câu viết rằng Tiểu Hồng tình cờ ra ngoài truyền lời, thấy Bồi Minh bọn họ đang gọi Giả Vân, nói là nhị gia trong họ, là gia môn cùng tộc. Tiểu Hồng nghe nói là nhị gia trong họ, liền "nhìn chết mắt" vào Giả Vân.

Tôi thấy bên dưới có người đang học cái "nhìn chết mắt" ấy. Thế nào gọi là nhìn chết mắt? Rất táo bạo.

Đừng nói thời xưa, ngay cả bây giờ cũng có cô gái chưa chồng vẫn rất thẹn thùng. Bất cứ người đàn ông nào, cô ấy cũng không dám nhìn chằm chằm, huống hồ là "nhìn chết mắt". Tiểu Hồng này có gan đấy. Về sau chính là một chiếc khăn gợi tương tư. Cuối cùng cô và Giả Vân thành đôi. Vậy sau hồi 80, Tào Tuyết Cần

sẽ viết rằng: Hai người họ đều khá có nhãn quang, biết Giả phủ chẳng qua cũng chỉ còn ba năm, năm năm phồn vinh, nên sớm rút thân, tự chuộc mình ra. Rồi họ tự dựng nhà ở khu Tây lang hạ. Sau khi Giả phủ chịu đợt đả kích đầu tiên, họ sống thấp giọng. Như vậy trong xã hội, tuy chỉ là sinh tồn ở rìa ngoài, họ vẫn lánh qua được đòn đánh của hoàng gia. Nhưng dẫu sao, so với việc bị buộc trên con thuyền Giả phủ rồi cùng chìm xuống, kết quả ấy vẫn tốt hơn một chút. Vì vậy Tiểu Hồng là một nhân vật rất quan trọng.

Trong hựu phó sách cô nên có vị trí. Tôi cho rằng cô nên xếp thứ tư. Vị trí thứ năm là Kim Xuyến. Câu chuyện của cô mọi người đều rất quen, tôi không lặp lại. Vị trí thứ sáu là Tử Quyên, nha hoàn của Đại Ngọc. Ban đầu cô là nha hoàn bên cạnh Giả mẫu, tên là Anh Ca. Sau khi Đại Ngọc đến, Giả mẫu điều cô sang cho Đại Ngọc. Về sau quan hệ giữa cô và Đại Ngọc vượt qua quan hệ chủ tớ, trở thành bạn bè.

Vị trí thứ bảy nên là Oanh Nhi, nha hoàn của Tiết Bảo Thoa. Vị trí thứ tám nên là Xạ Nguyệt. Trước đây tôi đã nói đến Xạ Nguyệt, ở đây không lặp lại. Vị trí thứ chín chính là Tư Kỳ.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng khi Tào Tuyết Cần viết các sách thuộc Kim Lăng thập nhị thoa, ông có trật tự đẳng cấp nghiêm ngặt. Ngoài rất ít ngoại lệ, nói chung ông sẽ xếp những người có thân phận tương đối gần nhau vào cùng một cuốn. Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách là cuốn thứ ba, chỉ đứng sau chính sách và phó sách. Những phụ nữ chủ thể trong đó nên là nha hoàn có địa vị khá cao trong Giả phủ, hoặc hoạt động tương đối nổi bật trong sách. Nếu là như vậy, nha hoàn Tư Kỳ của Giả Nghênh Xuân, xét từ góc độ nào, cũng đều nên được xếp vào hựu phó sách. Trong nhóm nữ nhân Giả phủ muôn hoa đua vẻ, hình tượng Tư Kỳ hơi đặc biệt. Vậy đối với người phụ nữ này, ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận ra sao?*

Tư Kỳ, mọi người phải chú ý, đây cũng là một nhân vật có hình tượng rất rõ nét. Trước hết vóc dáng, dung mạo của cô đã khác các nha hoàn khác. Cô thân hình nở nang, đầy đặn, không phải kiểu mỹ nhân xương gầy. Cô là kiểu mỹ nhân được ưa chuộng thời Đường, hơi thiên về đầy đặn. Cô là loại mỹ nhân ấy.

Trong đó có một chi tiết rất nhỏ, các bạn có chú ý không? Đó là Tiểu Hồng trong Đại Quan viên được Vương Hy Phượng tin dùng; Vương Hy Phượng sai cô đi làm một việc. Làm xong, khi cô quay lại muốn tìm Vương Hy Phượng để báo cáo, Vương Hy Phượng không còn ở chỗ đó nữa. Lúc ấy cô nhìn thấy Tư Kỳ từ trong hốc núi đi ra, đang buộc lại váy. Nét này rất nhiều người không chú ý. Vậy các bạn thử nghĩ xem, điều đó có nghĩa gì?

Trong đó có rất nhiều hàm ý.

Về sau vì sao Tư Kỳ có thể hẹn Phan Hựu An vào Đại Quan viên? Cô đã khảo sát địa hình. Chỗ nào kín đáo nhất? Chỗ nào làm việc ấy ít bị người ta phát hiện nhất? Vì vậy Tư Kỳ không phải như bạn tưởng, thân hình cao lớn thì đầu óc thô sơ; không phải vậy. Cô cũng rất tinh tế. Tư Kỳ còn từng đại náo nhà bếp. Trước đây tôi đã nhắc đến rồi, ở đây không lặp lại. Nhân vật này cũng rất thú vị.

Vậy người xếp thứ mười nên là em gái Kim Xuyến, tên Ngọc Xuyến. Người xếp thứ mười một chính là Thiến Tuyết. Trước đây đã nói quá nhiều rồi, ở đây không lặp lại. Người thứ mười hai là Liễu Ngũ Nhi, con gái nhà họ Liễu, đầu bếp ở nhà bếp trong phủ. Vì Liễu Ngũ Nhi vốn có bệnh, nên kéo dài đến năm mười lăm tuổi vẫn chưa định được vị trí, chưa định biên định việc. Vì vậy trong tình hình ấy, nhà Liễu Ngũ Nhi bắt đầu chạy chọt.

Bởi nếu cứ để đại quản gia phân phối, có thể họ sẽ phân bừa cho cô. Nếu bị phân đến phòng Triệu di nương, cô có vui không? Không vui. Vậy họ cho rằng chỗ nào là tốt nhất? Cho nên họ mưu cầu một chỗ tốt ở Di Hồng viện. Di Hồng viện vừa khéo có chỗ trống.

Mọi người nghĩ xem, Tiểu Hồng vốn ở Di Hồng viện, được thăng lên, sang chỗ Phượng Thư rồi. Chẳng phải có một chỗ trống sao? Rồi Trụy Nhi bị đuổi đi, lại là một chỗ trống nữa. Vì vậy Di Hồng viện có chỗ trống. Cho nên nhà họ bắt đầu mưu cầu một vị trí cho Liễu Ngũ Nhi. Mà trong Di Hồng viện họ có nội tuyến.

Nội tuyến là ai? Chính là Phương Quan. Vì khi Phương Quan còn làm đào hát ở Lê Hương viện, nhà họ Liễu lúc ấy hầu hạ bọn họ ở đó. Hai bên rất quen, thiết lập quan hệ thân thiện. Họ thường thông qua Phương Quan nói bên tai Bảo Ngọc rằng Liễu Ngũ Nhi tốt thế nào, nên Liễu Ngũ Nhi suýt nữa đã vào được Di Hồng viện. Bởi về sau Bảo Ngọc cũng động lòng, coi như chủ động muốn xin Liễu Ngũ Nhi vào.

Nhưng về sau mọi người biết, trong Đại Quan viên xảy ra rất nhiều chuyện: án trộm cắp gì đó, Liễu Ngũ Nhi và mẹ cô là nhà họ Liễu đều bị cuốn vào. Suýt nữa mẹ cô bị cách chức, cô suýt bị đuổi ra. Không phải là còn ở đây chờ phân phối, mà là suýt nữa bị đuổi hẳn khỏi Vinh Quốc phủ ra đường. Suýt nữa là kết cục rất bi thảm như thế. Dưới ngòi bút Cao Ngạc, Liễu Ngũ Nhi vẫn là một nha hoàn còn sống, hơn nữa còn viết Bảo Ngọc từng có một hồi "thương nhầm" cô. Thực ra trong Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, trong 80 hồi đầu, qua miệng Vương phu nhân, ông đã nói với độc giả rằng Liễu Ngũ Nhi không vào được Đại Quan viên, không được phân đến Di Hồng viện.

Sau vụ xét khám Đại Quan viên, các nha hoàn khác bị đuổi; vì chuyện Phương Quan bại lộ, Phương Quan bị đuổi, chuyện của cô cũng bị lôi ra, Vương phu nhân tất nhiên cũng ghét cô. Cho nên Vương phu nhân nói Liễu Ngũ Nhi đã chết, ý là may mà cô ta chết rồi. Nếu không lại kéo cô ta vào, để cô ta kết bè với Phương Quan các người, các người càng nổi loạn trong Di Hồng viện. Đại ý là như vậy. Tất nhiên Phương Quan được viết rất sinh động, Phương Quan dám biện giải. Vương phu nhân nói: ngươi là Phương Quan, ngươi ở Di Hồng viện xúi giục, xúi giục Bảo Ngọc.

Phương Quan cười đáp: con không dám xúi giục gì cả. Điều này trong xã hội ấy là ghê gớm lắm. Một tiểu đào hát biến thành nha hoàn mà dám đối đáp trực diện với nữ số một, phu nhân số một trong phủ; đó chính là Phương Quan. Tất nhiên Phương Quan không nằm trong cuốn này; người cuối cùng của cuốn này

là Liễu Ngũ Nhi. Như vậy, tôi đã cùng mọi người thám dật, quét qua mười hai thoa trong Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách. Vậy vấn đề đặt ra là: trong Bạc Mệnh ty ở Thái Hư ảo cảnh có bao nhiêu chiếc tủ?

Trong các tủ có sách ghi chép vận mệnh của những người phụ nữ quan trọng ở đất Kim Lăng. Vậy có bao nhiêu cuốn sách? Chỉ có ba cuốn ấy, hay còn có nhiều cuốn hơn? Bây giờ tôi có thể dứt khoát nói với các bạn: ít nhất còn có hai cuốn khác. Căn cứ là gì? Buổi sau gặp lại.

# Tập 58

Bí ẩn Tình bảng

*Các sách ghi lời phán về những phụ nữ thanh xuân trong Hồng Lâu Mộng, trong bản lưu hành hiện nay, chúng ta chỉ thấy được ba quyển chính sách, phó sách và hựu phó sách. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ lại cho rằng những sách mà Tào Tuyết Cần thiết kế trong toàn bản Hồng Lâu Mộng không chỉ có ba quyển ấy. Các sách này cuối cùng hợp thành Hồng Lâu Tình bảng, ghi chép tới 108 người phụ nữ trẻ tuổi. Vậy trong toàn bản Hồng Lâu Mộng còn có những sách nào? Trong toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thật sự có một Tình bảng hay không? Xin theo chân ông Lưu Tâm Vũ bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể cho quý vị tập 14: Bí ẩn Tình bảng.*

*Trong cuốn sổ ghi chép về những phụ nữ Kim Lăng được nhắc đến trong Hồng Lâu Mộng, Trong các sách ghi về nữ giới Kim Lăng được nhắc tới trong Hồng Lâu Mộng, chúng ta chỉ có thể thấy được ba quyển. Đó là chính sách, phó sách và hựu phó sách. Trong các sách ấy, Tào Tuyết Cần đã viết lời phán và khúc hát cho các nhân vật chủ yếu, cung cấp những manh mối vô cùng quan trọng để người đời sau nghiên cứu số phận và kết cục của họ. Sau khi nghiên cứu kỹ các lời phê trong cổ bản, ông Lưu Tâm Vũ phát hiện rằng những sách Tào Tuyết Cần thiết kế trong toàn bản Hồng Lâu Mộng tuyệt không chỉ có ba quyển ấy. Các sách này cuối cùng hợp thành Hồng Lâu Tình bảng, ghi chép tới 108 người phụ nữ trẻ tuổi. Nhưng vì bản thảo sau hồi 80 đã thất lạc, nay chúng ta không còn biết được diện mạo thật của những sách khác do Tào Tuyết Cần thiết kế.*

*Đó quả là một điều vô cùng đáng tiếc. Tuy nhiên, ông Lưu Tâm Vũ lại cho rằng thông qua việc đọc kỹ văn bản và nghiên cứu tỉ mỉ lời phê trong cổ bản, ta vẫn có thể thám dật đại thể nội dung những sách khác của Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Vậy ông Lưu Tâm Vũ sẽ trình bày kết quả thám dật như thế nào? Trong toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thật sự có một Tình bảng hay không? Xin theo chân nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể tập 14: Bí ẩn Tình bảng.*

Có bạn yêu Hồng Lâu Mộng cảm thấy rằng các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa hẳn chỉ có ba quyển ấy thôi.

Họ hỏi: ông căn cứ vào đâu mà nói còn có nhiều sách hơn? Là có căn cứ đấy. Trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, có những lời phê của Chi Nghiễn Trai, hoặc của Ky Hốt Tẩu. Trong đó có một lời phê của Ky Hốt Tẩu, ông viết như thế này. Ông nói: "Chỗ trước ẩn mười hai thoa, rốt cuộc chưa xác định." Nghĩa là khi phê sách ở phần trước, có lúc ông còn chưa đọc tới đoạn sau, chưa thấy những tình tiết Tào Tuyết Cần đã viết xong. Vì thế ông chỉ đoán những "mười hai thoa" này có mấy nhóm, mỗi nhóm gồm những ai.

Rồi chính ông cũng nói là rốt cuộc không chính xác. Những điều ông đoán về cách Tào Tuyết Cần cuối cùng sắp xếp không hoàn toàn đúng khớp. Ông nói: tất cả đều chỉ là phỏng định tạm thời. Tức là những điều ông

tự đoán ra đều chỉ là tạm thời, rời rạc, được xếp đặt sơ lược mà thôi. Nhưng đến cuối cùng, khi ông chỉnh lý xong toàn bộ bản thảo của Tào Tuyết Cần, đọc đến tận đoạn cuối, ông mới hiểu rõ. Thế là trong lời phê, ông nói rất rõ cho chúng ta biết.

Ông viết: "Đến hồi cuối." Tức là hồi cuối cùng, hồi 108. Hồi cuối có gì? Tình bảng. "Đến hồi cuối Tình bảng, mới biết chính, phó, tái phó, cùng tam phó, tứ phó đều đã phân rõ." Vậy quý vị thử nghĩ xem: ông nhắc tới mấy quyển sách? Có chính sách, có phó sách, có tái phó sách, tức là hựu phó sách. Rồi còn có tam phó sách, tứ phó sách.

Ít nhất cũng có năm quyển. "Phương húy" nghĩa là gì? Thời xưa tên người không được tùy tiện gọi bừa, đặc biệt là tên của phụ nữ. Nếu là một cái tên thuộc khuê danh, thì ta phải luôn luôn kiêng tránh, không thể gọi bừa. Đó gọi là phương húy. Phải đến khi ông đọc Tình bảng, ông mới biết: Ồ, hóa ra được chia thành nhiều nhóm như vậy, hóa ra trong mỗi nhóm mười hai người, là những người con gái ấy.

Qua lời phê này, ước đoán bảo thủ nhất của chúng ta cũng phải là có năm quyển sách. Bởi ông đã nói rõ với chúng ta rằng ngoài chính sách và phó sách, hựu phó sách ra, còn có tam phó, tứ phó. Mọi người đều biết, cuốn Hồng Lâu Mộng này có rất nhiều tên gọi khác nhau. Chi Nghiễn Trai trong quá trình sao chép, biên tập và viết lời phê, luôn chủ trương gọi cuốn sách này là Thạch Đầu ký. Nhưng bản thân Tào Tuyết Cần có một thời từng chủ trương gọi cuốn sách này là gì? Ngay ở hồi thứ nhất đã có lời giải thích rõ ràng. Tào Tuyết Cần chủ trương gọi là Kim Lăng Thập Nhị Thoa. Có thể thấy Tào Tuyết Cần trong quá trình cấu tứ và viết cuốn sách này, đối với từng nhóm những người con gái ấy, ông vô cùng trân trọng. Ông đem họ cứ mười hai người chia thành một nhóm, sắp xếp thứ tự ra sao, đều dồn biết bao tâm huyết.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, thông qua cổ bản Hồng Lâu Mộng và các lời phê của Chi Nghiễn Trai hoặc Ky Hốt Tẩu, có thể suy đoán rõ ràng rằng: trong toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, những sách ghi chép nữ giới Kim Lăng chắc chắn không chỉ có ba quyển chính sách, phó sách và hựu phó sách. Ngoài ra, ít nhất còn có hai quyển tam phó sách và tứ phó sách. Nhưng dù trong văn bản cổ hay trong lời phê, đều không viết rõ trong hai quyển ấy rốt cuộc ghi những người phụ nữ nào.*

*Vậy thì, theo ông Lưu Tâm Vũ, trong hai quyển sách ấy, những phụ nữ nào trong Hồng Lâu Mộng có khả năng được ghi vào nhất? Họ là những ai? Căn cứ của ông là gì?*

Mọi người đều biết, các tiểu thư của Giả phủ xếp theo thứ tự tuổi tác là Nguyên, Nghênh, Thám, Tích. Nối lại với nhau, nó tạo thành một âm gần giống "nguyên ứng thán tức" - vốn nên than tiếc. Các nha hoàn của họ đều được phối theo bốn nghệ.

Trong sách viết rằng đại nha hoàn của Nguyên Xuân tên là Bão Cầm. Có thể thấy Nguyên Xuân biết gảy đàn. Vậy thì Nghênh Xuân biết đánh cờ. Trong sách mấy lần viết Nghênh Xuân đánh cờ vây, cho nên đại nha

hoàn đứng đầu của nàng tên là Tư Kỳ. Thám Xuân biết gì? Thám Xuân là một nhà thư pháp.

Vì thế đại nha hoàn đứng đầu của nàng tên là Thị Thư. Còn Tư Kỳ này, tôi đã nói với mọi người rồi, nàng rất quan trọng, câu chuyện của nàng tương đối nhiều. Tôi đã xếp nàng vào hựu phó sách. Cho nên bây giờ chúng ta nói tới tam phó sách, tức quyển sách thứ tư. Trong đó đương nhiên không cần xếp Tư Kỳ nữa. Nhưng trong bốn đại nha hoàn đứng đầu, ba người còn lại đều phải xếp vào.

Đó là Bão Cầm, Thị Thư, Nhập Họa. Trong quyển sách này, ba người ấy có thể xác định rồi. Vậy thì, còn có một người nữa, là nha hoàn trong phòng Vương phu nhân, tên là Thái Hà. Nha hoàn này thân với ai? Nàng không thân với Bảo Ngọc, mà thân với Giả Hoàn. Ở những hồi năm mươi mấy, có khá nhiều câu chuyện liên quan đến Thái Hà.

Lại có một người nữa, là Tố Vân. Nàng là đại nha hoàn đứng đầu của Lý Hoàn. Còn một người nữa là Thúy Lũ. Thúy Lũ là nha hoàn của Sử Tương Vân. Ban đầu có lẽ cũng là nha hoàn của Giả mẫu. Bởi theo miêu tả trong sách, Sử Tương Vân khi còn rất nhỏ, vì cha mẹ đều mất, do chú thím nuôi nấng, mà họ đối xử với nàng không thật tốt, nên nàng thường đến chỗ Giả mẫu.

Giả mẫu là bà cô tổ của nàng. Nàng đến đây, Giả mẫu rất thương nàng, bèn phái nha hoàn của mình sang hầu hạ nàng. Về sau nha hoàn ấy có thể theo nàng trở về nhà chú thím của nàng. Đó chính là Thúy Lũ. Thúy Lũ có một tình tiết quan trọng, đó là nàng cùng Tương Vân ở trong Đại Quan viên bàn về âm dương. Cuối cuộc bàn âm dương ấy, hai người còn nhặt được một con kỳ lân vàng.

Đây cũng là một nha hoàn để lại ấn tượng sâu sắc. Lại nữa là Tuyết Nhạn. Tuyết Nhạn có lai lịch gì? Tuyết Nhạn vốn là nha hoàn sẵn có của Giả phủ sao? Không phải. Tuyết Nhạn rất đáng để quý vị đặc biệt chú ý.

Hãy thử nghĩ thay cho nàng xem, nàng đáng thương biết bao. Nàng từ Giang Nam theo Lâm Đại Ngọc vào kinh. Ở trong Đại Quan viên, nàng với các nha hoàn khác không hề có kinh nghiệm cùng lớn lên, cùng sống chung từ trước. Lúc đầu nàng không có những điều ấy. Nàng rất khổ sở. Nếu Lâm Đại Ngọc khỏe mạnh, cuối cùng chẳng hạn xuất giá, thậm chí gả cho Bảo Ngọc, thì tiền đồ của nàng có lẽ sáng sủa hơn một chút.

Nàng sẽ theo Lâm Đại Ngọc mà yên ổn. Nhưng mọi người thử nghĩ xem: sau khi Lâm Đại Ngọc chết, nàng trở thành kẻ lơ lửng không nơi nương tựa. Bởi theo quy tắc trò chơi của các gia đình giàu có thời ấy, nha hoàn này không phải người nhà ta sinh ra nuôi lớn, cũng không phải người ta bỏ bạc ra mua về, mà là người của nhà thân thích. Chủ nhân mà nàng hầu hạ đã chết rồi, thì đáng lẽ phải trả nàng về. Cho nên Tuyết Nhạn là người có số phận và tiền đồ mịt mờ hơn những người khác. Sau đó là một số nha hoàn của Bảo Ngọc trước kia.

Có Thu Văn, có Bích Ngấn, có Tiểu Yến, có Tứ Nhi. Về Thu Văn cũng có một vài câu chuyện. Con người Thu Văn rất hẹp hòi, tham chút lợi nhỏ. Nhưng con người này cũng có hai mặt. Đối với những bà già hầu việc hay nha hoàn địa vị thấp hơn nàng, nàng lại rất dữ. Có lần nàng đi cùng Bảo Ngọc trong Di Hồng viện.

Bảo Ngọc muốn rửa tay sau khi đi ngoài. Trời rất lạnh, nước trong chậu đã nguội. Nàng thấy một bà già xách ấm nước nóng đi ngang qua, bèn hỏi bà ấy xin nước nóng. Bà già nói: nước nóng này không thể cho cô, đây là nước dành cho lão thái thái, lão thái thái đang chờ dùng. Nàng liền cất giọng cao lên, ý là: bà xem chúng ta là ai? Bà già nhìn kỹ, hóa ra là cô Thu Văn.

Nhưng mặt khác, trước những nhân vật mạnh thế, Thu Văn lại tỏ ra rất rộng lượng, rất sẵn lòng nhường nhịn. Người này rất biết xử thế. Vì thế dưới ngòi bút của ông, những nhân vật ấy, tuy chỉ là vai rất nhỏ, đều được viết rất có phong thái, rất muôn màu muôn vẻ. Bích Ngấn thường hầu hạ Bảo Ngọc tắm rửa. Trong sách, qua lời các nha hoàn khác tiết lộ, có khi mỗi lần tắm kéo dài mấy canh giờ. Cuối cùng ngay cả chiếu trên giường cũng đọng đầy nước.

Có ai tắm như thế không? Tiểu Yến còn gọi là Xuân Yến. Nàng cũng ở trong quyển sách này. Còn một người nữa hẳn là Tiểu Loa, tức nha hoàn của Tiết Bảo Cầm. Những nha hoàn này, theo ý kiến cá nhân tôi, cấu thành tam phó sách, tức là quyển thứ tư tính từ chính sách trở xuống. Họ hợp thành mười hai thoa.

Tam phó sách đã đủ số. Vậy thì, tứ phó sách, thực ra là quyển sách thứ năm, bên trong nên có những ai? Theo tôi, thành viên của quyển sách này phải rất chỉnh tề: đó là Hồng Lâu thập nhị quan.

*Trong Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu thập nhị quan là nhóm duy nhất xuất hiện dưới hình thức tập thể, rồi cuối cùng bị buộc phải chia lìa, và sau cùng hình thành những kết cục số phận riêng của từng người. Tuy nhân số đông, nhưng dưới ngòi bút của Tào Tuyết Cần, Hồng Lâu thập nhị quan người nào cũng rạng rỡ sinh động, hình tượng nghệ thuật rất nổi bật. Nhưng rốt cuộc vì họ nương tựa vào một đại gia tộc đã bắt đầu suy tàn, nên kết cục cuối cùng của Hồng Lâu thập nhị quan đều vô cùng bi thảm.*

*Vậy đối với nhóm phụ nữ thanh xuân có thân phận đặc biệt này, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có cách nhìn như thế nào?*

Mọi người đều biết, khi Nguyên phi về thăm nhà, để chuẩn bị lúc tỉnh thân có gánh hát diễn kịch, tăng thêm bầu không khí vui mừng, Giả phủ đặc biệt phái Giả Tường đến Cô Tô mua mười hai cô bé. Những cô bé này vốn có thể đều đã có tên, hoặc cũng có thể ở nhà nuôi đến chừng ấy tuổi mà vẫn chưa được đặt tên. Sau khi đến Giả phủ để tập trung huấn luyện, họ ở trong một viện tên là Lê Hương viện. Người ta phái thầy dạy, dạy họ diễn kịch, dàn dựng vở cho họ. Mười hai cô bé ấy được đặt cho tên mới, chữ cuối cùng đều là "Quan".

Về sau, trong sách viết rằng trong triều đình có một lão thái phi qua đời. Hoàng đế trong sách tỏ ý muốn lấy hiếu trị thiên hạ, nên tổ chức tang lễ rất long trọng. Hơn nữa lại hạ lệnh từ các nhà quan lại, gia đình quý tộc cho tới dân thường đều không được ca hát diễn kịch nữa. Trong một thời gian, mọi trò giải trí bị cấm. Vì thế Giả phủ lại vì Giả Nguyên Xuân về cơ bản không thể tiếp tục tỉnh thân nữa, không còn tin ấy truyền đến, nên giải tán gánh hát. Sau khi giải tán, có một cách nói rằng: trong các cô, ai muốn về nhà, năm xưa chẳng phải ta bỏ bạc ra mua sao, nay Giả phủ chúng ta tỏ ý rằng rất nhân từ: ai muốn về nhà, chúng ta còn cho bạc, thả cho về.

Ai muốn ở lại, thì ở lại trong Giả phủ, chia về các phòng làm nha hoàn. Kết quả trong mười hai quan, có mấy quan ở lại? Có tám quan ở lại. Họ nói rằng: lúc ấy cha mẹ bán chúng tôi ra ngoài, vốn chẳng hề nghĩ gì đến chúng tôi. Nếu đưa chúng tôi về, họ lại bán chúng tôi nữa thôi. Cũng có người nói: ở đây tôi thấy các vị đối xử với tôi cũng không tệ, tôi muốn ở lại đây.

Nói tóm lại, họ ở lại. Có tám quan ở lại. Có bốn quan không ở lại. Bốn quan nào không ở lại? Có một người đã chết. Về sau câu chuyện có nói rõ: sau khi nàng đến Giả phủ, trong quá trình diễn kịch, nàng đã chết.

Nàng tên Địa Quan. Còn một người nữa, quý vị đoán cũng có thể đoán ra, chính là Linh Quan.

Trước đó nàng rất quan trọng. Quý vị còn nhớ chuyện Linh Quan vẽ trên tường không? Hơn nữa trong Lê Hương viện, cuối cùng Bảo Ngọc đột nhiên lĩnh ngộ một điều: việc con người được hưởng tình cảm chăm sóc đều có duyên phận riêng. Ở đó đã viết tới mối tình giữa Linh Quan và Giả Tường. Cho nên hiển nhiên, trong phần sau hồi 80 sẽ viết rằng Linh Quan gả cho Giả Tường. Giả Tường đưa nàng ra khỏi phủ.

Còn hai cô bé nữa, một là Bảo Quan, một là Ngọc Quan, trong danh sách người ở lại không có hai người họ. Những người ở lại là ai? Người để lại ấn tượng sâu nhất với chúng ta đương nhiên là Phương Quan. Đây là một nhân vật về sau rất giành được sân khấu. Tính cách của Phương Quan rất gần với Tình Văn. Nói như vậy rất khó viết, rất dễ lẫn.

Họ tuổi tác cũng không chênh lệch nhiều. Về sau cả hai đều là nha hoàn ở Di Hồng viện, tính cách lại đều khá lãng mạn, khá phóng túng. Nhưng Tào Tuyết Cần vẫn có thể viết ra sự khác nhau giữa hai người. Cho nên ngòi bút ấy thật không tầm thường. Đến về sau, ở hồi 63, "Thọ Di Hồng quần phương khai dạ yến", Tào Tuyết Cần đặc biệt viết riêng cho Phương Quan. Biết bao tiểu thư và nha hoàn đều có mặt, quần phương hội tụ, đúng không?

Nhưng ông đã tập trung miêu tả hình dáng, diện mạo của nhân vật nào? Chính là Phương Quan. Có một đoạn văn như thế này. Nói khi ấy Phương Quan ăn nói đầy giọng địa phương, chỉ mặc một chiếc áo nhỏ kiểu thủy điền may bằng đoạn ba màu ngọc sắc, hồng, xanh và màu vỏ quả trám. Bên tai trái chỉ đeo một

chiếc khuyên lớn bằng quả bạch quả màu đỏ son, hương sắc, xanh biếc. Càng làm nổi bật mặt như vầng trăng tròn mà trắng, mắt như nước thu còn trong.

Sau khi đã viết rất nhiều hình tượng tiểu thư và nha hoàn, ông vẫn có thể đem hình tượng Phương Quan đẩy thành một cận cảnh lớn, để lại cho chúng ta ấn tượng rất sâu sắc.

Vậy thứ tự sắp xếp mười hai quan này, theo tôi là như sau. Người thứ nhất vẫn nên là Linh Quan, tức người về sau đổi tên thành Xuân Linh. Người thứ hai là Phương Quan. Người thứ ba là Văn Quan, về sau đến chỗ Giả mẫu làm nha hoàn. Người thứ tư là Ngẫu Quan, về sau được chia cho Đại Ngọc. Ngẫu Quan có câu chuyện của nàng.

Ngẫu Quan đốt tiền giấy. Nàng đốt tiền giấy cho ai? Nàng đốt cho Địa Quan. Vì sao lại đốt tiền giấy cho Địa Quan? Hai người họ trên sân khấu đóng vai vợ chồng. Cuối cùng giả mà thành thật.

Nàng và Địa Quan là một đôi tình nhân đồng tính. Tào Tuyết Cần viết tới đây hoàn toàn không có ý phủ định hay châm biếm. Rồi đến Nhụy Quan. Nhụy Quan được chia cho Bảo Thoa. Lại có Quỳ Quan được chia cho Sử Tương Vân. Có một người tên Ngải Quan, được chia cho Thám Xuân.

Còn một người nữa là Đậu Quan, được chia cho Tiết Bảo Cầm. Có một người tên Gia Quan, được chia cho Vưu thị. Sau đó có thể là Địa Quan, Bảo Quan, Ngọc Quan. Mười hai quan. Nhìn chung, mười hai quan này có hai đặc điểm. Đặc điểm thứ nhất là vì họ học hát, diễn kịch, nên họ rất lãng mạn.

Quý vị thấy giữa họ còn nảy sinh tình yêu đồng tính, điều này rất lãng mạn và cũng rất táo bạo. Đặc điểm thứ hai là họ vô cùng đoàn kết. Họ đoàn kết hơn các nhóm nha hoàn khác. Mọi người còn nhớ cảnh ấy không? Triệu di nương chạy tới Di Hồng viện để hỏi tội Phương Quan. Mấy nha hoàn tên Quan khác nghe tin thì thế nào?

Lập tức chạy tới Di Hồng viện. Trong đó có Ngẫu Quan, Nhụy Quan, Quỳ Quan, Đậu Quan. Bốn người xông tới, một người chặn trước ngực Triệu di nương, một người chặn sau lưng Triệu di nương, một người ôm cánh tay trái, một người ôm cánh tay phải, rồi khóc ầm lên:

Bà đánh chết chúng tôi đi, đánh chết cả bọn chúng tôi đi. Thật ra họ đang giằng co với Triệu di nương. Về sau số phận họ đương nhiên đều rất xấu. Ước chừng rất nhiều "quan" trong đó cùng với sự hủy diệt của Giả phủ cũng đều hoặc bị đánh, hoặc bị giết, hoặc bị bán. Nói đến đây, chúng ta thử tính: năm nhóm mười hai thoa, cộng lại đã có sáu mươi thoa. Quy mô này đã khá lớn rồi. Vậy có phải các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa đến đây là hết không? Vẫn chưa. Theo nghiên cứu của ông Chu Nhữ Xương, các sách Kim Lăng Thập Nhị Thoa tổng cộng có chín quyển.

Số phụ nữ được chứa trong đó là 108 người. Điều này phù hợp với quy luật tổng thể của văn bản Hồng Lâu Mộng: nó luôn có quan hệ phối hợp giữa số chín và số mười hai. Trong lời phê của Ky Hốt Tẩu ở cổ bản Hồng Lâu Mộng, có một câu: "Đến hồi cuối có Tình bảng."

*Sau khi phân tích, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong hồi cuối của toàn bản Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết, nhất định có một Tình bảng tồn tại. Tình bảng này tập hợp toàn bộ phụ nữ trong các sách. Số lượng những sách ấy vượt xa tưởng tượng của mọi người, lên tới chín quyển. Số phụ nữ trẻ tuổi trong Hồng Lâu Mộng được ghi lại lên tới 108 người.*

*Điểm này rất giống một bộ tiểu thuyết cổ điển khác là Thủy Hử. Nhưng khác với bảng anh hùng một trăm lẻ tám tướng, trong Tình bảng đông người này, ngoài người đàn ông duy nhất là Giả Bảo Ngọc, những người còn lại, trên từ hoàng phi, dưới đến nha hoàn địa vị thấp kém, đều là phụ nữ. Vậy Tình bảng mà ông Lưu Tâm Vũ nói đến rốt cuộc là chuyện như thế nào? Tiếp sau đây, ông sẽ trình bày cho chúng ta kết quả thám dật ra sao?*

Vậy Kim Lăng Thập Nhị Thoa có chính sách, phó sách, hựu phó sách, tam phó, tứ phó, rồi còn có ngũ phó, lục phó, thất phó, bát phó. Cộng lại là chín quyển sách.

Tức là một trăm lẻ tám người phụ nữ. Đương nhiên sẽ có người tò mò: nếu Tào Tuyết Cần thật sự có một Tình bảng như vậy, ông có thể thử phục nguyên nó không? Phần trước ông đã thám dật ra, đã có năm quyển sách. Ông đã nói ra cách nhìn cá nhân của mình. Vậy những quyển phía sau, ông có thể nói qua kết quả thám dật không? Có thể nói một chút.

Bây giờ tôi xin nói giản lược cách nhìn cá nhân của mình. Ngũ phó. Ngũ phó thực ra là quyển sách thứ sáu. Trong này có những ai? Có Nhị Nha Đầu. Quý vị còn nhớ nhân vật này không?

Rất quan trọng. Không thể quên nhân vật Nhị Nha Đầu. Khi Bảo Ngọc tham gia tang lễ Tần Khả Khanh, trong đoàn đưa tang, chàng theo Vương Hy Phượng đến một trang viện nghỉ tạm. Thật ra là Vương Hy Phượng muốn đến đó đi vệ sinh. Bảo Ngọc vào lúc này lần đầu tiên nhìn thấy cảnh nông thôn, nhìn thấy một số phụ nữ thôn quê. Trong đó có Nhị Nha Đầu.

Bảo Ngọc thấy trên kháng trong căn nhà nông có một guồng quay sợi, không biết là thứ gì nên đến nghịch. Nhị Nha Đầu liền đi tới nói: cậu không biết dùng đâu, để tôi làm cho cậu xem. Nhị Nha Đầu còn kéo sợi cho chàng xem. Cuối cùng, chàng theo Vương Hy Phượng trở lại đoàn đưa tang, sắp rời khỏi trang trại ấy. Ở đây có một nét bút kinh tâm động phách. Xưa nay nhiều độc giả khi bình luận đoạn văn này.

Hoặc là không chú ý, hoặc cảm thấy rất chấn động, cần phải giải thích. Đoạn văn nào? Ông viết thế này: "Một lúc lên xe," tức Bảo Ngọc theo Phượng thư lên xe, đi ra chưa được bao xa, chỉ thấy Nhị Nha Đầu ôm

em trai nhỏ trong lòng, cùng mấy cô bé chạy cười đùa mà đến. Điều này vốn không có gì. Các cổ bản và bản thông hành phía dưới đều có cùng một câu, gọi là: "Bảo Ngọc chỉ hận không thể xuống xe theo nàng đi." Nhưng liệu mọi người có cho phép không? Đành phải đưa mắt tiễn theo. Một nhà văn hơn hai trăm năm trước, khi viết một quý công tử ngẫu nhiên gặp một cô bé nông thôn, vì sao lại hạ bút như vậy? Đó là một loại tâm lý gì?

Bây giờ tôi không triển khai phân tích, quý vị tự suy nghĩ. Nhưng tôi phải nói với quý vị: đây là một phục bút. Là một phục bút.

Ở sau hồi 80, trong quá trình câu chuyện phát triển, Nhị Nha Đầu sẽ còn xuất hiện. Xuất hiện thế nào? Ở cuối loạt giảng của tôi, khi nói toàn bộ nội dung sau hồi 80 của sách, tôi sẽ nói với quý vị. Nhị Nha Đầu hẳn là một nhân vật trong quyển sách này. Rồi đến Vạn Nhi. Quý vị còn nhớ nhân vật này không?

Đây là một nha hoàn có quan hệ thân mật thuở nhỏ với Bảo Ngọc, thuộc Ninh Quốc phủ. Sau đó trong quyển này, nên xếp tiếp Thụy Châu và Bảo Châu. Đó là lúc Tần Khả Khanh "dâm tang Thiên Hương lâu", một người đâm đầu vào cột mà chết, một người thì tỏ ý nguyện làm nghĩa nữ để chống chậu tang, nguyện đi giữ linh, vĩnh viễn không trở lại Ninh Quốc phủ nữa. Hai nha hoàn như vậy. Phần trước đã phân tích nhiều, ở đây không nhắc lại. Còn có một ni cô tên là Trí Năng Nhi.

Đây là người tình của Tần Chung. Thật ra có rất nhiều điều để nói, nhưng vì thời gian có hạn, không nói nhiều nữa. Lại có người kỹ nữ duy nhất xuất hiện trong sách, Vân Nhi. Trong bữa tiệc của Phùng Tử Anh, ở tiệc rượu nàng hát khúc, có Vân Nhi. Lại có Thanh Nhi, một cháu ngoại gái của Lưu lão lão. Rồi có nha hoàn nhỏ trong phòng Bảo Ngọc, Gia Huệ.

Rồi lại có Tú Quất, nha hoàn trong phòng Nghênh Xuân, và Thúy Mặc, nha hoàn bên Thám Xuân, Thái Bình, nha hoàn bên Tích Xuân. Người cuối trong quyển này, tôi cho rằng nên là nha hoàn ăn trộm vòng tôm râu kia, tức Trụy Nhi. Trên đây là mười hai thoa của ngũ phó sách. Vậy thì lục phó sách, tức quyển sách thứ bảy, sẽ thu nhận những nha hoàn nào? Theo tôi, sẽ có Hổ Phách. Đó là nha hoàn của Giả mẫu.

Xuân Tiêm, đó là nha hoàn của Đại Ngọc. Bích Nguyệt, đó là nha hoàn của Lý Hoàn. Bội Phượng, Giai Loan, Văn Hoa, đó là các thị thiếp của Giả Trân. Ngoài ra còn có chính là người mà trước đây đã nói nhiều: nàng hỏi Bảo Thoa rằng, có phải cô lấy quạt của tôi không? Bảo Thoa liền mượn cớ ấy nổi trận lôi đình, đánh động cây này để dọa cây kia. Lời nói ấy hư hư thực thực nhắm vào Bảo Ngọc và Đại Ngọc.

Phía trước có tình tiết rất quan trọng như vậy. Vậy thì, còn có một số nha hoàn khác của Bảo Ngọc, có người chỉ xuất hiện một lần, về sau không viết nữa, viết rất thần bí. Có người trong sách nói rõ đã chết rồi, hoặc bị đuổi đi. Trong đó có Mị Nhân, Đàn Vân, Ỷ Hà, Khả Nhân, Lương Nhi. Đây lại là một quyển sách nữa. Vậy thì thất phó, quyển sách thứ tám, theo tôi sẽ thu nhận Trương Kim Ca.

Đây là một cô gái bị Vương Hy Phượng hại chết. Vương Hy Phượng dùng quyền lực ở chùa Thiết Hạm, dẫn đến cái chết của Trương Kim Ca. Rồi còn có cô gái áo đỏ. Cô gái áo đỏ là gì? Bảo Ngọc dưới sự đi cùng của Mị Nhân, lén lút vào dịp lễ tết chạy đến nhà Tập Nhân, xem Tập Nhân ở nhà ăn tết thế nào. Kết quả phát hiện trên kháng nhà Tập Nhân còn có một người chị em họ xa của Tập Nhân, một cô gái áo đỏ.

Theo lời phê của Chi Nghiễn Trai có thể biết, đây là một phục bút. Sau hồi 80, cô gái áo đỏ này sẽ xuất hiện, sẽ có tác dụng trong sự phát triển tình tiết. Lại có con gái của Chu Thụy, rồi có Kiều Hạnh. Đây là người về sau Giả Vũ Thôn cưới làm vợ kế. Vốn dĩ, nàng là nha hoàn của nhà Chân Sĩ Ẩn, tên Kiều Hạnh. Cuối cùng được Giả Vũ Thôn trước hết đưa về, sau đó nguyên phối chết, nàng được phù chính.

Ngoài ra còn có Phong Nhi, nha hoàn của Vương Hy Phượng, nha hoàn của Vưu thị là Ngân Điệp. Lại có bên Nghênh Xuân còn một nha hoàn nhỏ tên Liên Hoa Nhi. Liên Hoa Nhi này trong câu chuyện có một màn quan trọng. Tư Kỳ dẫn một đám nha hoàn đến lục soát nhà bếp, đập phá cướp bóc. Trong đó Liên Hoa Nhi là kẻ xung phong đầu tiên. Cho nên không thể bỏ qua Liên Hoa Nhi.

Nàng có đất diễn. Lại còn có Thiền Tả Nhi, đây là một nha hoàn ở chỗ Thám Xuân. Xào Đậu Nhi, đây là một nha hoàn của Vưu thị. Tiểu Thước, chính là nha hoàn báo tin ở chỗ Triệu di nương mà trước đây tôi đã nhắc tới. Trăn Nhi, nha hoàn của Hương Lăng. Tuy Hương Lăng bản thân là một nha hoàn, nhưng địa vị của nàng cao hơn nha hoàn bình thường. Nàng là một tiểu thiếp dự bị.

Sau khi bị Tiết Bàn chiếm đoạt, nàng là tiểu thiếp dự bị. Cho nên nàng cũng dùng nha hoàn, tên là Trăn Nhi. Rồi đến Yên Hồng. Yên Hồng là: Giả Xá ép cưới Uyên Ương nhưng không thành. Vậy thì làm sao? Ông ta bỏ bạc mua một cô gái để thỏa mãn sắc dục của mình.

Cô gái ấy tên Yên Hồng. Đây là thất phó, tức quyển sách thứ tám.

*Qua sự chỉnh lý tỉ mỉ của ông Lưu Tâm Vũ, một Hồng Lâu quần phương phổ tập hợp đông đảo chủ tử và nha hoàn đã hiện ra rõ ràng trước mắt chúng ta. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ cho rằng như thế vẫn chưa đủ. Trong hồi cuối của toàn bản Hồng Lâu Mộng, Tình bảng mà Tào Tuyết Cần viết hẳn phải có chín quyển sách, dung nạp 108 phụ nữ trong Hồng Lâu Mộng. Vả lại trong tám quyển sách trước, về cơ bản những phụ nữ trẻ tuổi ra dáng trong Hồng Lâu Mộng đã được gom gần hết.*

*Vậy trong quyển cuối cùng còn lại sẽ còn có ai? Đối với việc những phụ nữ có thân phận khá đặc biệt này được đưa vào sách, ông Lưu Tâm Vũ sẽ có cách nhìn như thế nào?*

Có người sẽ nói: ông quét một lượt như vậy, về cơ bản những cô gái ra dáng đều bị ông gom hết rồi. Những người còn lại, trong lòng tôi biết, đều không ra gì. Lẽ nào họ cũng có tư cách vào sách sao? Vậy tôi rất trịnh trọng nói với quý vị: theo ý kiến cá nhân tôi, họ cũng nên vào sách.

Nghĩ kỹ lại, những người phụ nữ tôi sắp nhắc tới dưới đây cũng là vật hy sinh của xã hội. Những biểu hiện của bản thân họ, chẳng hạn lòng người hiểm ác, phẩm chất xấu, phần nhiều do các nhân tố xã hội, nhân tố quan hệ giữa người với người tạo nên. Vậy bát phó, tức quyển sách thứ chín, quyển cuối cùng, tôi cho rằng sẽ liệt vào một số phụ nữ vốn làm quý vị rất chán ghét. Người thứ nhất là Hạ Kim Quế, không nói nhiều nữa. Rồi đến nha hoàn của nàng, tên là Bảo Thiềm. Lại có Thu Đồng và Thiện Tả, những người tham gia ngược đãi Vưu Nhị Thư, dẫn đến cái chết của Vưu Nhị Thư.

Rồi có hai dâm phụ trong phủ: vợ Bảo Nhị và Đa cô nương. Lại có Tiểu Hà, em gái Thái Hà. Có Tiểu Cát Tường Nhi, người hỏi mượn áo gilê màu nguyệt bạch của Tuyết Nhạn. Nha hoàn của Triệu Vân Lương. Rồi có một em gái trong nhà Xuân Yến, lại có Tiểu Kiều Nhi, chữ "Kiều" trong Ban Kiều. Rồi có một nha hoàn của Hạ Kim Quế tên Tiểu Thiền Nhi.

Có Triện Nhi, nha hoàn của Hình Tú Yên. Người ép cuối cùng là Sỏa Đại Thư, Sỏa Đại Thư nhặt túi gấm thêu xuân cung. Cho nên nhóm cuối cùng này, quý vị sẽ cảm thấy hơi kỳ hình dị trạng. Nhưng hợp lại, họ tạo thành 108 hình tượng điển hình về bi kịch phụ nữ thời ấy. Đó chính là toàn bộ danh sách Thập Nhị Thoa được liệt kê trong Tình bảng cuối cùng. Nói đến đây, tôi liền nghĩ tới bậc tiên hiền thế kỷ trước, ông Lỗ Tấn. Trong một bài văn, ông đã viết một đoạn lời. Tôi cho rằng dùng đoạn ấy ở đây rất thích hợp. Ông nói thế nào?

Trong bài "Quan niệm của tôi về tiết liệt", ông nói như sau: "Họ là những người đáng thương, bất hạnh rơi vào cái bẫy vô thức của lịch sử và số mục, làm vật hy sinh cho thứ đạo đức vô chủ. Có thể mở một cuộc truy điệu. Chúng ta truy điệu những người đã qua, còn phải phát nguyện để bản thân và người khác đều trong sạch, để xua bỏ sự mê muội và cường bạo hại người hại mình. Chúng ta truy điệu những người đã qua, còn phải phát nguyện xóa bỏ nỗi khổ không có ý nghĩa gì đối với đời người, xóa bỏ sự mê muội và cường bạo chế tạo, gieo rắc nỗi khổ cho người khác. Chúng ta còn phải phát nguyện cho nhân loại đều được hưởng hạnh phúc chính đáng." Ở cuối bài giảng này, Tào Tuyết Cần đối với một số nhân vật quan trọng trong đó, không chỉ sắp thứ tự, sắp thứ tự của họ trong các sách, mà còn viết cho họ khảo ngữ. Theo tiết lộ của Chi Nghiễn Trai, Giả Bảo Ngọc phải có khảo ngữ.

Giả Bảo Ngọc được liệt riêng. Chàng là một Giáng Động Hoa Vương. Đánh giá về chàng là gì? Gọi là "tình bất tình". Chữ "tình" thứ nhất là động từ, "bất tình" thứ hai là danh từ. Chàng có thể đem tình cảm của mình hiến cho thậm chí cả những đối tượng không có tình cảm.

Đó là con người như vậy. Còn Đại Ngọc là "tình tình". Chữ "tình" thứ nhất là động từ, chữ "tình" thứ hai là danh từ. Nàng đem toàn bộ tình cảm của mình hiến cho người yêu duy nhất. Nhưng Chi Nghiễn Trai không tiết lộ thêm các khảo ngữ khác. Trong danh sách tôi thám dật, tôi đã liệt kê một số khảo ngữ mình nghĩ ra.

Chẳng hạn tôi cho rằng Bảo Thoa là "lãnh tình", Nguyên Xuân là "cung tình", Thám Xuân là "lĩnh tình", Tương Vân là "hám tình", vân vân. Nguyên Xuân là... Thám Xuân là... Hương Lăng là... vân vân. [AUDIT: Whisper rat garbled, can kiem tra lai]

Nói đến đây, có bạn yêu Hồng Lâu Mộng sẽ đưa ra một yêu cầu rất khắt khe: ông đã thám dật đến mức này rồi, cuối cùng còn liệt kê cả Tình bảng, vậy thì chi bằng ông cứ sắp xếp luôn hai mươi tám hồi sau cho chúng tôi được không? Hồi mục của hai mươi tám hồi sau có thể thám dật ra không? Đúng không? Từ hồi 81 đến hồi 108, hồi mục là gì? Nội dung đại thể của mỗi hồi là gì? Ông có thể thám dật không? Tôi đã thám dật rồi. Vậy bài giảng sau chúng ta lại gặp nhau, tôi sẽ dâng lên quý vị.

# Tập 59

Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (thượng)

*Việc bản thảo sau hồi 80 của toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không may thất lạc đã trở thành một nỗi tiếc nuối rất lớn trong lòng đông đảo người mê Hồng Lâu. Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ cho rằng, qua việc đọc kỹ văn bản và nghiên cứu tỉ mỉ những điều cổ bản tiết lộ, đại thể nội dung của bản thảo thất lạc ấy vẫn có thể thám dật ra được. Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, hồi mục và nội dung sau hồi 80 mà Tào Tuyết Cần để thất lạc rốt cuộc phải là như thế nào? Xin theo chân ông Lưu Tâm Vũ đi vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng.*

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng nghe ông kể với quý vị Tập 15: Bí ẩn hồi mục sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, phần thượng. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần đáng lẽ có 108 hồi, trong đó phần bị thất lạc là 28 hồi cuối. Mà trong 28 hồi cuối ấy, vì dính đến kết cục số phận cuối cùng của rất nhiều nhân vật quan trọng, nên sự thất lạc của nó đã trở thành một nỗi tiếc nuối rất lớn trong lòng đông đảo người mê Hồng Lâu. Vậy nội dung sau hồi 80 của toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần rốt cuộc là như thế nào? Lẽ nào nó thật sự sẽ mãi bị chôn vùi trong bụi lịch sử, thành một bí ẩn vĩnh viễn không lời giải? Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ cho rằng, qua việc đọc kỹ văn bản và nghiên cứu tỉ mỉ lời phê trong cổ bản, hồi mục và nội dung 28 hồi cuối bị thất lạc của toàn bản Hồng Lâu Mộng là có thể thám dật được.*

*Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, hồi mục và nội dung phần bị thất lạc của Hồng Lâu Mộng rốt cuộc phải là thế nào? Những kết quả thám dật mà ông nêu ra có căn cứ ở đâu? Xin theo chân ông Lưu Tâm Vũ cùng đi vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể với quý vị Bí ẩn hồi mục sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, phần thượng.*

Vậy trong các buổi giảng trước, tôi đã đem bản Hồng Lâu Mộng toàn vẹn của Tào Tuyết Cần giải mã gần như xong rồi. Giảng đến mức này, có bạn, có khán giả, đã nêu ra một mong muốn. Họ nói: nay ông đã thám dật đến mức ấy, liệu ông có thể nghĩ cách đem những hồi mục của 28 hồi cuối hiện nay chúng ta không còn thấy được thám dật thử không, rồi nội dung của từng hồi ông có thể khái quát lại hay không?

Việc này rất khó. Nhưng tôi đã thử làm. Đã có tư liệu trong tay, có nguyên văn 80 hồi đầu của Tào Tuyết Cần, đặc biệt là rất nhiều cổ bản Hồng Lâu Mộng để tham khảo, chúng ta có Chi Nghiễn Trai, lại có những lời phê ký tên, chẳng hạn hầu như toàn bộ những lời phê ấy, chúng ta còn có, ví dụ, thơ văn của Phú Sát Minh Nghĩa và một số người cùng thời, tất nhiên cũng còn một vài tư liệu khác. Sau khi thám dật, ta thử xem liệu có thể đem hồi mục và nội dung 28 hồi cuối của Tào Tuyết Cần mà đến nay chúng ta vẫn chưa tìm thấy.

Cố hết sức phục nguyên hay không. Vậy sau đây tôi xin báo cáo với mọi người thành quả cụ thể của mình. Tôi cho rằng hồi 81 đáng lẽ sẽ viết về kết cục bi thảm của Giả Nghênh Xuân và Hương Lăng. Hồi mục hồi 81 có thể là thế này. Mọi người đều biết Tào Tuyết Cần khi viết hồi mục Hồng Lâu Mộng thì rất chỉnh tề. Mỗi hồi đều là một đôi câu đối, mỗi câu đều tám chữ.

Hồi 81, trước đây tôi đã giảng với mọi người rồi. Giả Nghênh Xuân là một người con gái bạc mệnh, về sau bị con sói Trung Sơn hành hạ đến chết. Hương Lăng là người con gái có mệnh mà không có vận, về sau bị Hạ Kim Quế một kiểu sư tử Hà Đông hãm hại. Vậy tôi đoán trong hồi này, khi viết đến tình cảnh Giả Nghênh Xuân, trong nguyên văn của Tào Tuyết Cần, ông hẳn sẽ nói rõ Tôn Thiệu Tổ đối với Giả phủ là kẻ vong ân phụ nghĩa. Không chỉ nói người này háo sắc, rằng hắn đánh mắng Nghênh Xuân, rằng cha cô còn nợ năm nghìn lượng bạc chưa trả, dường như đem cô ra gán nợ. Phía trước đã có những lời như vậy.

Đến hồi này hẳn sẽ quay lại nói rõ, cho mọi người biết rằng thực ra Tôn Thiệu Tổ từng được Giả phủ ban ơn cứu giúp. Hắn là một con sói mắt trắng, là một kẻ vong ân phụ nghĩa. Đó là hồi 81. Hồi 82, tôi cho rằng nên viết đến nội dung như sau. Do đó hồi mục có thể là thế này. Còn có một hồi gọi là: Tin đồn nổi bốn phía, công trung đại loạn; đóng vườn, đóng cửa, lòng người kinh hãi.

Nghĩa là gì? Bởi ở 80 hồi đầu, chúng ta đã thấy Vinh Quốc phủ cất giấu tài sản phạm tội của nhà họ Chân. Trong phủ, mọi người đã bắt đầu bàn tán xôn xao. Những người hầu bên cạnh Vưu thị đã bàn luận với Vưu thị về chuyện ấy. Đó là điều 80 hồi đầu đã viết rõ. Khi tình thế phát triển thêm đến hồi 82, trong toàn phủ, tin đồn tự lan truyền.

Lòng người dao động. Công trung bắt đầu rối loạn. Công trung là gì? Tức trong Vinh Quốc phủ có một trung tâm quản lý, người trực tiếp thực hiện hẳn là Giả Liễn. Giả Liễn lại là một nam giới khá mềm yếu, nên quyền lớn rơi vào tay vợ anh ta là Vương Hy Phượng. Trung tâm ấy có một hệ thống tài vụ.

Hệ thống tài vụ này nắm việc phân phối tiền bạc của cả phủ, bao gồm từ Giả mẫu đến các tiểu nha đầu, tiền tiêu vặt hằng tháng của từng người đều do công trung xuất từ tổng kho mà phát ra. Một cơ cấu như vậy gọi là công trung. Tất nhiên công trung không chỉ quản tiền bạc, mà còn quản một số bất động sản và các thứ vật dụng khác. Nếu mọi người đọc kỹ sẽ phát hiện, hồi thứ tám viết Bảo Ngọc đến Lê Hương viện thăm Bảo Thoa, giữa đường ở đường nhà đã gặp người quản việc công trung trong phủ. Vậy công trung của Vinh Quốc phủ ấy, tức cơ cấu quản lý toàn bộ hoạt động phục vụ, có hiệu suất rất tốt không? Tác phong có liêm khiết không?

Dĩ nhiên là không. Tào Tuyết Cần dùng giọng bông đùa viết rằng, có mấy người bước ra thỉnh an Bảo Ngọc. Bảy tám đầu mục bước ra. Trong đó có một người quản kho, tức người qua tay bạc tiền. Tổng quản kho này tên là gì? Tên là Ngô Tân Đăng.

Đó là cách chơi âm. Ngô Tân Đăng, vì ngày xưa cân bạc có một thứ dụng cụ, để xác định khối bạc nặng bao nhiêu, trên đó có một cây đòn cân. Người này quản bạc, nhưng lại là "vô tinh đăng", đòn cân không vạch. Mọi người thử nghĩ, tiền bạc từ tay hắn chi ra, hắn có nghiêm túc không? Có cẩn thận không? Có liêm khiết không?

Chắc chắn là không. Lại còn một người quản kho khác, đầu mục coi kho lương. Vinh Quốc phủ có rất nhiều kho, để cất giữ rất nhiều thứ. Đầu mục này tên là Đới Lương. Chơi âm là "đại lượng", lấy đấu lớn mà đong ra ngoài. Mọi người nghĩ xem, trong kho của hắn, thứ chủ yếu nhất, nhất là vào thời xưa, là lương thực tích trữ, rồi còn, chẳng hạn, việc phân phối vải vóc, quần áo của cả phủ, và phân phối đủ loại đồ dùng hằng ngày.

Tên người này đặt rất thú vị: Đới Lương, đấu lớn mà đong ra ngoài. Hắn chẳng hề xót đồ của chủ nhân. Còn một vị nữa là người mua sắm. Vì có đồ thì phải mua vào. Có thứ cần mua, nhận bạc rồi đi mua, sau đó lại cất vào kho, khi cần mới phân phát ra. Vậy vị mua sắm này nhận tiền rồi tiêu thế nào?

Tên người này là Tiền Hoa. Tiêu tiền như hoa nở, ào ào mà tiêu tiền. Điều này cho thấy đây là một bọn người. Khi chủ nhân đắc thế, họ hung hăng hơn ai hết. Nhưng nếu thế của chủ nhân không vững, họ lại hèn hơn ai hết. Đó là một đám người như vậy.

Do Vinh Quốc phủ lúc ấy đã xuất hiện một số vấn đề, đặc biệt là cất giấu tài sản phạm tội của nhà họ Chân ở Giang Nam, nên những người trong công trung trước hết rối loạn lên. Lúc này lòng người dao động, đủ loại tin đồn nổi lên. Vậy Đại Quan viên thì thế nào? Sau khi xảy ra cuộc xét soát, Vương phu nhân từ lâu đã muốn đưa Bảo Ngọc ra khỏi Đại Quan viên. Đến lúc này, không chỉ vì những ý nghĩ cũ của bà phát huy tác dụng. Cả Giả phủ đã bắt đầu mưa gió chao đảo, việc duy trì một cơ ngơi lớn như Đại Quan viên cũng đã rất không thực tế.

Vì vậy mới đóng vườn, đóng cửa. Bảo Ngọc được dời ra ngoài. Tất nhiên Đại Ngọc cũng được dời ra. Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Nghênh Xuân đã chết rồi. Còn phòng ốc trong vườn đương nhiên càng phải phong kín lại. Phải vậy không?

Thám Xuân, Tích Xuân, cả họ lẫn nha hoàn đều phải dọn ra. Toàn bộ Đại Quan viên hoàn toàn đổi khác. Không còn vẻ hoa lệ rực rỡ và cảnh phồn vinh như trước nữa. Sau khi đóng vườn, đóng cửa, nó trở nên vô cùng tiêu điều. Đó là cảnh tượng như vậy. Không chỉ tiêu điều, trong lòng mỗi người đều thấp thỏm, vì đều nghe được những tin chẳng lành.

Không biết vận mệnh sau này rốt cuộc sẽ đi về đâu. Tôi đoán ở hồi này, phần cuối sẽ nói đến việc bốn đại gia tộc bắt đầu lần lượt bị đả kích. Gia tộc chịu đòn đầu tiên hẳn là nhà họ Sử, tức nhà mẹ đẻ của Giả mẫu. Trong sách, hai người phong hầu của nhà họ Sử, một là Bảo Linh hầu Sử Nại, một là Trung Tĩnh hầu Sử Đỉnh,

đều bị hoàng đế tước bỏ tước vị. Điều đó giáng một đòn rất lớn vào Giả mẫu. Gia tộc đứng sau lưng bà từ đây bắt đầu sụp đổ.

Tôi suy đoán như vậy là có lý do. Vì tôi nhiều lần nói với quý vị rằng, cuốn sách của Tào Tuyết Cần là "chân sự ẩn, giả ngữ tồn". Trong đời sống "chân sự", khi chính quyền thay đổi, Khang Hy băng hà, Ung Chính lên ngôi, người đầu tiên bị đả kích là nhà họ Lý, tức nhà nguyên mẫu của Giả mẫu, chính là anh ruột của nguyên mẫu Giả mẫu, Lý Húc. Ung Chính vừa lên ngôi không lâu, liền lập tức trói bắt Lý Húc. Cho nên trong tiểu thuyết, nếu gia tộc đầu tiên bị đả kích là nhà họ Sử, thì hoàn toàn không có gì lạ. Đó là hồi 82.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, hồi 81 và 82 theo nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần không nhẹ nhàng như Cao Ngạc viết tiếp. Chúng hẳn là khúc dạo đầu của cảnh cả gia tộc họ Giả mưa núi sắp đến, gió đầy lầu. Trong hai hồi này, hai người phụ nữ quan trọng trong sách, Nghênh Xuân và Hương Lăng, sẽ lần lượt qua đời. Mà theo sự biến đổi nặng nề của thời cuộc, toàn bộ tông tộc họ Giả, dưới sự đả kích liên tục của hoàng gia, đã bắt đầu lung lay sắp đổ. Vậy trong tình thế ấy, một nhân vật quan trọng khác của nhà họ Giả cũng sẽ đi đến tận cùng sinh mệnh. Vậy nhân vật quan trọng ấy là ai? Cái chết của bà lại sẽ đem đến cho nhà họ Giả kết quả tai họa như thế nào?*

Mọi người nghĩ xem, Giả mẫu đã là người tuổi già, gia tộc chịu đòn nặng như thế, tất nhiên sẽ từ tinh thần truyền sang thân thể, gây ra một loạt hậu quả xấu. Thế là đến hồi 83, Giả mẫu hẳn sẽ vì kinh sợ mà chết. Vì vậy hồi 83, hồi mục theo tôi có thể là: Sử thái quân bất lực trước tòa nhà nghiêng đổ, Kim Uyên Ương có chí thà ngọc nát. Giả mẫu không thể gắng gượng đến đại thọ tám mươi mốt tuổi, bà đột ngột qua đời. Vì gia tộc của bà bị đả kích, bà hẳn đột nhiên trúng phong, rồi không nói được nữa.

Một khi bà không nói được, thì không biết di chúc của bà rốt cuộc là gì, cũng không biết nhiều việc trong phủ nên xử lý thế nào. Vậy các nhóm lợi ích khác nhau liền lợi dụng việc bà không thể nói, vì phần lợi ích của mình mà xung đột với các nhóm khác, xuất hiện rất nhiều hiện tượng kỳ quặc và xấu xa trong nội bộ gia tộc. Trong tình huống ấy, mọi người thử nghĩ, Giả Xá đương nhiên sẽ ra tay. Trước đây Uyên Ương nhờ có Giả mẫu làm chỗ dựa, ta muốn ngươi làm vợ lẽ, thế mà ngươi dám cự hôn.

Thật không ra thể thống gì. Lúc ấy hắn đã buông lời, sớm muộn gì ngươi cũng không thoát khỏi lòng bàn tay ta. Đến bây giờ, Giả mẫu vừa chết, Giả Xá liền ép Uyên Ương làm vợ lẽ của hắn. Trong tình cảnh ấy, Uyên Ương giấu sẵn kéo nhọn, cắt cổ tự vẫn. Đó là nội dung hồi 83. Còn hồi 84 sẽ viết đến việc đòn đả kích dần dần ép sát tông tộc họ Giả.

Người đầu tiên bị đánh hẳn là Giả Xá. Vì vậy hồi mục hồi 84, tôi đoán là: Bình An châu việc phát chẳng bình an, Sái Lệ đình hạc lệ khó sái lệ. Nghĩa là gì? Mọi người biết ở Bình An châu có một tiết độ sứ. Quý tộc nào trong kinh thành lén đi câu kết với ông ta? Không phải ai khác, chính là Giả Xá.

Trong sách viết rất rõ, hắn sai Giả Liễn đi. Dưới triều Thanh, nghiêm cấm quan lại kinh thành và quý tộc trong kinh thành đi đến địa phương, giao du với các quan viên địa phương. Đừng nói là các người câu kết với nhau làm chuyện bất lợi cho triều đình. Dù các người không có chuyện gì đặc biệt, chỉ qua lại, qua lại công khai, thân mật lui tới, cũng không được phép. Giả Xá làm chuyện này, tất nhiên bị tố giác, rồi bị tra ra. Bên Bình An châu, vị quan ấy chắc chắn sẽ bị xử trí trước.

Sau đó đến phía Giả Xá, hoàng đế chắc chắn cũng sẽ xử trí hắn. Lúc này, làn sóng đả kích, làn sóng xung kích ấy có lẽ tạm thời chỉ dồn đến Giả Xá, chưa lập tức đánh đến Giả Chính. Vì sao lại nói sẽ có Sái Lệ đình? Bởi mẹ đã mất, Giả Chính phải cư tang cho mẹ. Trong thời gian này, ông có thể không phải xử lý việc triều chính, có thể xin nghỉ, tự mình đưa linh cữu của mẹ về nguyên quán an táng. Cho nên ông hắn sẽ đưa linh cữu của mẹ.

Vậy ở nơi tiễn biệt ấy, gọi là Sái Lệ đình. Sẽ có một cảnh tiễn biệt ở đó. Nhưng vì sao lúc này tôi đặt nửa câu hồi mục là "hạc lệ khó sái lệ"? Vốn dĩ mọi người đáng lẽ hoàn toàn chìm trong tang sự của chính gia tộc mình, đáng lẽ là một cảm xúc đơn thuần như vậy. Nhưng lúc này lại truyền đến phong thanh. Phong thanh hạc lệ là gì?

Là thứ động tĩnh khiến người ta cảm thấy căng thẳng. Có người đến báo với anh, rằng Giả Chính, ông sai con trai cháu trai viết thơ gì đó, viết thơ ca tụng Cơ Hoạch tướng quân. Có người đã tố cáo lên triều đình, rằng bài thơ ấy là phản thi. Tuy hoàng đế triều đình có thể còn chưa định luận, nhưng mọi người thử nghĩ xem có hoảng không? Phải vậy không? Cho nên cảm xúc liền rối loạn.

Đó gọi là: Sái Lệ đình hạc lệ khó sái lệ. Tôi hình dung như vậy. Tang sự của Giả mẫu đối với toàn bộ tông tộc họ Giả không nghi ngờ gì là một đòn đả kích rất lớn. Sau đòn ấy, nhà họ Giả mất người đứng đầu bắt đầu trở nên hỗn loạn không chịu nổi.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, trước sự đả kích nghiêm khắc của hoàng gia, nếu cái chết của Nghênh Xuân, Hương Lăng và Giả mẫu chỉ là khúc dạo đầu của tai họa nhà họ Giả, thì trong mấy hồi tiếp theo, Tào Tuyết Cần sẽ tiếp tục bàn giao kết cục số phận của vài nhân vật quan trọng hơn. Vậy những nhân vật quan trọng ấy rốt cuộc là ai? Trên người họ lại sẽ xảy ra những câu chuyện bi kịch nào?*

Đến hồi 85, tình tiết sẽ phát triển đến như sau. Hồi mục gọi là: Hoa rụng tan tác, đình sen tiêu điều; trăng lạnh lay động, Giáng Châu về trời. Không cần nói cũng biết, nửa hồi mục phía trước khái quát rằng trong hồi này, Tích Xuân nhìn thấu "cảnh tam xuân chẳng dài", cô là người trong phủ sớm biết sớm tỉnh, để tránh vận mệnh bi thảm bị đánh, bị giết, bị bán, trước khi hoàng đế đánh đến Vinh Quốc phủ, thứ nhất, cô kiên quyết không đến Ninh Quốc phủ. Cô là người của Ninh Quốc phủ, nhưng kiên quyết không đi. Thứ hai, Vinh Quốc phủ cô cũng không ở nữa.

Cô xông ra khỏi Vinh Quốc phủ, bước ra đường phố, thành một ni cô lưu lạc. Ban đêm có thể cô nương nhờ trong những am ni cô rách nát khác nhau, sống bên đèn xanh, Phật cổ. Phần này trước đây đã giảng rất đầy đủ rồi, tôi không lặp lại nhiều nữa. Trong hồi này, sẽ viết đến Lâm Đại Ngọc tiên độn. Lâm Đại Ngọc, cuối cùng, theo những gì tôi đã giảng trước đây, tôi đã nói rất chi tiết, cách sắp đặt kết thúc sinh mệnh của cô là trầm hồ. Cô vốn là Giáng Châu tiên thảo trên trời, cho nên cuối cùng, sau khi chết, cô không có thi thể.

Cô tiên độn, trở về thiên giới. Hồi này, tôi cho rằng đã đem kết cục của Tích Xuân trình hiện, và đại kết cục cuối cùng của Đại Ngọc cũng được viết ra. Vậy hồi 86, tôi cho rằng sẽ viết đến nội dung sau. Hồi mục có thể gọi là: Miễn cưỡng khó khăn, Nhị Bảo thành hôn; tựa như từng quen, Chẩm Hà xuất giá. Sau khi Giả mẫu qua đời, Đại Ngọc cũng đã tiên độn, rồi sau đó, gia tộc lại ở trong trạng thái ngày ngày hoảng hốt không yên. Trong hoàn cảnh ấy, gia trưởng đứng ra làm chủ, liền tác thành hôn sự của Bảo Ngọc và Bảo Thoa, gọi là Nhị Bảo.

Sau khi Nhị Bảo thành hôn, họ rất không hạnh phúc. Một là đại hoàn cảnh chung không tốt, lại thêm hai người họ ngoài hòa trong cách, bởi ở hồi thứ năm, qua lời phán, qua một số lời hát trong Hồng Lâu Mộng thập nhị khúc, đã nói với chúng ta rồi. Đối với Bảo Ngọc mà nói, dẫu có nâng khay ngang mày, rốt cuộc ý vẫn khó bình. Sau khi Bảo Thoa lấy anh, khỏi cần nói nàng là tốt đến mức ấy. Thế nhưng, người anh yêu vẫn là Lâm Đại Ngọc. Rốt cuộc ý vẫn khó bình.

Còn đối với Bảo Thoa, có phải nàng rất mãn nguyện không? Bảo Thoa yêu Bảo Ngọc. Trong trường hợp không có tiền đồ tốt hơn, lấy Bảo Ngọc đối với nàng tất nhiên vẫn là một chuyện tốt. Nhưng mọi người thử nghĩ, ban đầu Bảo Thoa vào Bắc Kinh, đến kinh thành, nàng mưu cầu là gả cho một Bảo Ngọc như thế này sao? Nàng vốn muốn tham gia tuyển tú. Nàng muốn vào bên cạnh hoàng đế, không được thì vào bên cạnh vương gia, lại không được nữa thì đến bên công chúa, quận chúa.

Ban đầu nàng có ước vọng như vậy. Chính nàng trong bài từ vịnh liễu nhứ cũng nói, lý tưởng cao nhất thật sự của nàng là: "Gió tốt hãy mượn sức, đưa ta lên mây xanh." Lấy Bảo Ngọc thì không thể nói là lên mây xanh được. Vì vậy hôn nhân của họ là ngoài hòa trong cách. Trong tình huống ấy, Sử Tương Vân cũng xuất giá. Hai người chú của nàng, nếu bước đầu chỉ là bị tước tước vị, tước tước vị thì còn chưa đến mức hoàn toàn giống như bị xét nhà trị tội, chưa thảm như vậy. Sau khi bị tước tước vị, người ta vẫn có thể dùng của cải tích lũy trước kia để duy trì cuộc sống.

Một số quý tộc bị tước tước vị sẽ nghĩ đủ mọi cách tìm đường dây, hy vọng khôi phục tước vị của mình. Trong quá trình ấy, hai người chú của nàng liền gả nàng đi. Vậy gả cho ai? Sau khi Sử Tương Vân qua cửa mới biết, phu quân của nàng chính là Vệ Nhược Lan. Trước đây, khi mở danh sách người tham gia tang lễ Tần Khả Khanh, từng xuất hiện tên một số vương tôn công tử. Vệ Nhược Lan cũng có tên trong đó, nhưng chưa triển khai miêu tả. Thế nhưng Chi Nghiễn Trai có rất nhiều lời phê nói rõ ràng rằng người này về sau là một vai rất quan trọng trong sách.

Vậy Sử Tương Vân đã gả cho Vệ Nhược Lan. Mọi người đều biết Sử Tương Vân bản thân có một con kỳ lân vàng, từ nhỏ đã đeo bên mình, nhỏ hơn, có thể coi là con kỳ lân vàng giống cái. Nàng từng ở Đại Quan viên nhặt được một con lớn hơn, có thể coi là con kỳ lân vàng giống đực. Con kỳ lân vàng này từ đâu mà có? Là khi ở Thanh Hư quán xảy ra chuyện, Bảo Ngọc nhận được từ tay một đạo sĩ. Sau khi Sử Tương Vân và Thúy Lũ nhặt được kỳ lân vàng, liền trả con kỳ lân vàng lớn ấy cho Bảo Ngọc.

Khi Sử Tương Vân thành hôn, Bảo Ngọc và Bảo Thoa tất nhiên phải đến chúc mừng. Bảo Ngọc liền đem con kỳ lân vàng lớn này tặng cho Vệ Nhược Lan. Như vậy chẳng phải vợ chồng họ mỗi người đều có một con kỳ lân vàng sao? Cho nên kỳ lân vàng trong toàn bộ Hồng Lâu Mộng là một đạo cụ rất quan trọng.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, nội dung hồi 85 và 86 của toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần sẽ tập trung vào Đại Ngọc, Bảo Thoa và Bảo Ngọc, ba nhân vật cốt lõi. Đại Ngọc cuối cùng trầm hồ tiên độn, chết một cách bi thảm.*

*Còn Bảo Thoa tuy lấy Bảo Ngọc, nhưng Bảo Ngọc rốt cuộc vẫn "ý khó bình". Cuộc sống hôn nhân của họ không hạnh phúc. Vậy trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, ở mấy hồi tiếp theo, Tào Tuyết Cần nhiều khả năng nhất sẽ bàn giao nội dung gì? Những nhân vật nào sẽ lần lượt đăng trường?*

Hồi 87 sẽ viết đến vận mệnh của những người sau. Hồi mục gọi là:

Xuân Linh kháng chỉ, cao chạy xa bay;

Tư Kỳ tuẫn tình, vạ lây người ngu kẻ hổ. Nghĩa là gì? Tức là mọi người đều biết, năm xưa trong phủ Cô Tô mua về mười hai cô bé, đưa vào Lê Hương viện, lập thành một gánh hát nhỏ, để họ biểu diễn trong dịp Nguyên phi tỉnh thân. Sau khi tỉnh thân kết thúc, họ tùy thời nghe chủ nhân gọi đến. Sau cùng trình độ nghệ thuật của họ đều rất cao. Trong số ấy, người có tài diễn xuất nhất là ai?

Là Linh Quan. Trong lúc Nguyên phi tỉnh thân có một chi tiết, mọi người hẳn còn ấn tượng. Giả phi xem hát, nói diễn rất hay, đặc biệt là Linh Quan, còn điểm danh nàng. Vì vậy tôi cho rằng lúc này hẳn sẽ viết đến tình hình trong cung. Giả Nguyên Xuân lúc này gọi là "hoa lựu nở soi chốn cung vi", giống như thạch lựu đã nở hoa, đợi kết trái. Lúc này, nàng hẳn vẫn còn được hoàng đế sủng ái ở mức độ nhất định, vì nàng sắp sinh hậu duệ cho hoàng đế.

Nếu sinh được một bé trai, thì đó là lập đại công. Nhưng vì gia tộc của nàng đối với hoàng đế không tốt, đã giúp nhà họ Chân cất giấu tài sản phạm tội, lại phát hiện người bác của nàng, Giả Xá, lén kết giao quan ngoài, và còn rất nhiều vấn đề khác, cho nên hoàng đế đối với nàng chỉ là còn giữ thân phận của nàng, còn sự sủng ái đã bắt đầu giảm xuống. Nàng phải duy trì sủng ái của hoàng đế. Vậy nàng sẽ nghĩ đến năm xưa khi ta tỉnh thân, có một gánh hát tốt đến thế, diễn những vở thú vị đến thế. Tuy hoàng đế muốn xem hát thì

có rất nhiều con hát diễn cho ngài, nhưng nàng vẫn có thể bày kế. Nàng nhờ thái giám truyền rằng, liệu có thể đem con hát giỏi nhất trong vườn nhà ta, chẳng hạn gọi Linh Quan đến, nói nàng có hai trích đoạn gọi là Tương Ước, Tương Mạ, hai màn nhỏ, rất dí dỏm, rất thú vị.

Vì hoàng đế luôn không vui vẻ gì, nàng muốn làm hoàng đế vui lòng, nên sẽ có ý như vậy. Nhưng sau khi truyền lệnh xuống, trong phủ báo lên rằng, trong phủ còn có người tên Linh Quan này không? Đã không còn nữa. Linh Quan đi đâu? Linh Quan hẳn đã được Giả Tường đón ra ngoài, cưới làm vợ. Hơn nữa, nàng từ đó không còn hát nữa.

Dấu hiệu không còn hát nữa là trong tên của nàng, nàng bỏ chữ "Quan". Bây giờ nàng tên là gì? Tên là Xuân Linh. Trong các cổ bản Thạch Đầu Ký mà mọi người thấy, ít nhất ở vài cổ bản, hồi mục phía trước của nàng đều gọi là "Xuân Linh vạch tường", "Tư Kỳ ở ngoài cuộc". Hồi ấy không nói rõ vì sao người này không gọi là Linh Quan, mà gọi là Xuân Linh. Tôi nghĩ sau hồi 80, chẳng hạn ở hồi 87, sẽ nói cho mọi người biết rằng nàng đã lấy tên một cô gái lương gia, gọi là Xuân Linh.

Nàng đã cao chạy xa bay. Giả Tường là một hậu duệ đích truyền thuộc chi bên trong Ninh Quốc phủ, từ nhỏ được Giả Trân nuôi lớn. Nhưng người này rất có chủ kiến. Anh ta sẽ không tự trói mình vào cỗ xe chiến của Ninh Quốc phủ để cùng bị hủy diệt. Anh ta đem Xuân Linh đi, mở ra một cuộc sống khác cho họ. Còn Tư Kỳ, câu chuyện của nàng, mọi người có thể tham khảo cách viết của Cao Ngạc.

Cách viết của Cao Ngạc, tôi cho rằng đại thể phù hợp với nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, tức câu chuyện của nàng với Phan Hựu An. Ban đầu Phan Hựu An nhát gan, nghe nói chuyện bại lộ, Tư Kỳ còn chưa ra sao, anh ta đã bỏ chạy trước. Sau khi Tư Kỳ bị đuổi ra, Phan Hựu An lại trở về nhà cha mẹ, rất đau khổ. Người khác nàng đều không gả, nàng chỉ muốn gả cho người này. Thế nhưng người này lại bỏ chạy. Nàng chỉ có thể mắng anh ta là kẻ phụ tình.

Nhưng một ngày nọ, người này đột nhiên lại trở về, nói rằng ta ở bên ngoài lăn lộn một thời gian, còn phát tài nữa. Tư Kỳ vô cùng giận dữ, nói: anh đã đi làm gì vậy? Người này ban đầu lại không hiểu tâm lý của Tư Kỳ, hai người xung đột về tâm lý. Tư Kỳ trong cơn giận dữ bèn va vào tường mà chết. Còn người này lại có một biểu hiện rất lạ. Anh ta không lập tức khóc lớn, cũng không hoảng hốt ngay, mà đột nhiên trở nên rất bình tĩnh.

Tất nhiên nhà Tư Kỳ không chịu, kéo anh ta lại: anh đừng hòng chạy, anh hại chết con gái chúng tôi. Anh ta nói: các người cứ để tôi đi trước, để tôi mua quan tài. Kết quả quan tài khiêng về, không phải một cỗ mà là hai cỗ. Vì vậy người chung quanh thấy rất lạ. Chết một người, sao lại cần hai cỗ quan tài? Đến lúc này anh ta mới òa khóc, rồi rút dao ra, tự cắt cổ tự sát.

Mọi người liền hiểu, hóa ra quả thật cần hai cỗ quan tài. Đây là câu chuyện của Tư Kỳ và Phan Hựu An. Vì sao gọi là vạ lây đến người ngu kẻ hổ? Tư Kỳ trong Đại Quan viên là một nhân vật rất sôi nổi. Trong 80 hồi đầu, có chuyện Tư Kỳ đứng phía sau, đấu tranh giành quyền kiểm soát nhà bếp nhỏ trong Đại Quan viên, một cuộc tranh đấu lớn. Tư Kỳ còn dẫn theo một tiểu nha đầu như Tiểu Liên Hoa đến nhà bếp do vợ Liễu gia quản, đập phá, cướp xét, rất dữ.

Tư Kỳ vốn định để một người bà con của mình, tức nhà Tần Hiển, đến nắm nhà bếp. Nhưng cuối cùng không lật đổ được nhà Liễu. Nhà Tần Hiển đến được nửa buổi, lại bị Bình Nhi quở lui. Tư Kỳ ăn một cú ngã đau. Cho nên Tư Kỳ trong phương diện tình yêu, nàng theo đuổi tình yêu của mình, rất cương liệt, điều này đáng được khẳng định. Nhưng nàng cũng là một người phụ nữ có dục vọng khống chế rất mạnh.

Do Tư Kỳ có những quan hệ xã hội chằng chịt ấy, nên tôi hình dung câu chuyện của nàng cuối cùng sẽ kích động mâu thuẫn giữa nhà Liễu, nhà Tần Hiển và những nhân vật còn tồn tại trong Vinh Quốc phủ. Tôi có một số hình dung, ở đây không nói kỹ nữa. Vì vậy cuối cùng, nàng tự mình chết, cũng sẽ đem đến cho người khác một số chuyện không vui, và những tai họa lớn nhỏ khác nhau. Trong hồi này, cũng có thể đã bàn giao tình hình của Hạ Kim Quế. Nàng là một hãn phụ. Nàng đã hại chết Hương Lăng, thị thiếp mà Tiết Bàn yêu thích nhất bên mình.

Tiết Bàn đương nhiên là một thằng ngốc lỗ mãng, nhưng đối với Hương Lăng, hắn vẫn có một tình cảm nhất định. Hắn sẽ không vì Hạ Kim Quế gây ra hậu quả chết người như vậy mà tỏ ý tha thứ. Hạ Kim Quế tất nhiên tiếp tục gây sự với hắn. Vì vậy trong lúc hai người cãi vã, Tiết Bàn có thể lỡ tay đánh chết Hạ Kim Quế. Nhà họ Hạ tất nhiên không chịu. Tiết Bàn liền phạm tội chết.

Bởi lúc ấy, bốn đại gia tộc đều đang xuống dốc, nên hắn sẽ bị bắt giam. Tình hình hắn là như vậy.

*Trong nội dung phía trước, ông Lưu Tâm Vũ thông qua nghiên cứu dày công đã thám dật ra đại thể nội dung từ hồi 81 đến hồi 87 và tên các hồi mục. Do bản thảo 28 hồi cuối của Tào Tuyết Cần đã không may thất lạc, độ chính xác của những tên hồi mục này rốt cuộc cao đến đâu, chúng ta không thể biết được. Nhưng ông Lưu Tâm Vũ đối với tên của hồi mục tiếp theo lại rất có nắm chắc. Mà trong hồi này, sẽ có một nhân vật quan trọng tái xuất hiện.*

*Số phận của người ấy sẽ theo sự suy bại của nhà họ Giả mà xảy ra biến đổi long trời lở đất. Vậy nhân vật ấy rốt cuộc là ai?*

Số phận các nhân vật khác cũng đều đang đi xuống dốc. Đến hồi 88, tôi cho rằng hồi mục của nó có thể chính là hồi mục mà trước đây tôi nhiều lần nhắc đến, mọi người quen thuộc nhất: Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng. Khi nêu hồi mục này, tôi tự tin nhất. Vì sao?

Vì trong lời phê trước hồi 82, người phê đã nói rõ ràng với chúng ta rằng Tào Tuyết Cần đã lập ra hồi mục như vậy, nằm sau hồi 82. Chỉ là người phê không nói với chúng ta đó là hồi tám mươi mấy hay chín mươi mấy mà thôi. Nay tôi sắp xếp nó vào hồi 88. Đây là một hồi mục đúng hương vị nguyên bản của Tào Tuyết Cần. Sau khi Đại Ngọc tiên thệ, Bảo Ngọc hẳn không ngừng nhớ nàng. Điều này trong những câu ở sách phán trong hồi thứ năm, cũng như trong thập nhị khúc, đều đã nói rất rõ: "Uổng đối mặt với tuyết sáng ngời, cao sĩ. Trong núi; rốt cuộc vẫn không quên cây tiên cô quạnh ngoài cõi đời." Vậy Bảo Ngọc, tuy sống bên ngoài Đại Quan viên, Đại Quan viên tuy đã đóng vườn, đóng cửa, nhưng dù sao bên. Trong vẫn còn một ít người ở.

Với tư cách công tử Vinh Quốc phủ, anh vẫn có thể tùy tiện bước vào. Anh hẳn sẽ đến Tiêu Tương quán để tưởng niệm Lâm Đại Ngọc. Mọi người thử nghĩ, Bảo Ngọc nhớ mãi không quên Lâm Đại Ngọc, đến Tiêu Tương quán tưởng niệm Lâm Đại Ngọc, rồi lại trở về nơi ở của anh và Tiết Bảo Thoa bên ngoài Đại Quan viên. Tiết Bảo Thoa có thể bình tâm yên ổn không? Chắc chắn nàng sẽ mượn lời hàm ý châm biếm khuyên can, sẽ khuyên anh. Tất nhiên khi khuyên, nàng sẽ không trực tiếp nêu tên Lâm Đại Ngọc.

Nàng sẽ nói rằng anh nên, trong hoàn cảnh gia tộc hiện nay, đã không ngừng suy bại, dựa vào ân điển của hoàng đế để gia tộc anh khôi phục địa vị quý tộc đã hoàn toàn không còn khả năng. Anh nên chăm chỉ đèn sách, thông qua khoa cử mưu cầu công danh. Nàng vẫn là bộ ấy. Bảo Ngọc chắc chắn sẽ không nghe. Trong tình huống ấy, số phận Vương Hy Phượng xảy ra một bước ngoặt kịch tính.

Do hoàn cảnh Giả phủ ngày càng xấu, sau khi nàng lĩnh tiền tiêu vặt của mọi người trong Giả phủ từ công trung ra, nàng thường đem đi cho vay nặng lãi, gây ra việc cuối cùng không thể phát kịp thời. Vốn đã hình thành một số lời oán. Nàng vẫn không để ý. Về sau có thể thậm chí tiền bạc cho vay đều không thu về được, hoàn toàn không phát ra được nữa. Oán thanh nổi khắp nơi. Sau khi chuyện này bùng phát, trong gia tộc vô cùng phẫn nộ. Bởi việc này không chỉ vi phạm vương pháp, mà cũng vi phạm gia quy, không được phép làm như vậy. Do một số nguyên nhân khác lại cộng thêm vào, Giả Liễn thông qua tộc trưởng Giả Chính có thể sẽ tuyên bố hưu nàng, rồi nâng Bình Nhi lên làm chính thê. Đúng như Lý Hoàn trước đây từng nói, đáng lẽ nên đổi chỗ cho nàng và Bình Nhi. Cuối cùng Vương Hy Phượng và Bình Nhi đổi vị trí cho nhau. Một người thành nhị nãi nãi, một người trở thành nha đầu thông phòng lớn. Nhưng tính cách Vương Hy Phượng vô cùng quật cường. Nàng biết số mệnh của mình là như thế, nhưng vẫn sẽ có một số chi tiết biểu hiện ra. Nàng không chịu ở dưới người khác, nàng vẫn muốn gắng làm anh hùng. Do thời gian có hạn, buổi giảng này tạm thời nói đến hồi 88. Các nội dung khác xin nghe buổi giảng sau.

# Tập 60

Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (trung)

*Bản thảo sau hồi 80 của toàn bản Hồng Lâu Mộng đã thất lạc, còn phần Cao Ngạc viết tiếp lại không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, khiến rất nhiều người mê Hồng Lâu lấy làm tiếc. Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng tuy bản thảo sau hồi 80 đã thất lạc, nhưng qua đọc kỹ văn bản và nghiên cứu tỉ mỉ lời phê của các nhà bình điểm, đại thể nội dung của nó hoàn toàn có thể thám dật ra được. Vậy theo ông, phần sau hồi 80 của toàn bản Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết rốt cuộc phải như thế nào? Xin cùng theo chân ông Lưu Tâm Vũ đi vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể tập 16: Bí ẩn hồi mục sau hồi 80, phần cuối.*

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần gồm 108 hồi, nhưng bản thảo sau hồi 80 của toàn bản đã thất lạc, nay chúng ta không còn thấy được toàn mạo; đó quả là một tiếc nuối lớn. Theo ông Lưu Tâm Vũ, vì nhiều nội dung Cao Ngạc viết tiếp không hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, chúng ta chỉ có thể dựa vào rất nhiều phục bút trong 80 hồi đầu để suy đoán phần đã mất. Vậy những nội dung ấy rốt cuộc sẽ ra sao? Qua đọc kỹ văn bản và nghiên cứu cẩn thận lời phê trong các cổ bản, ở tập trước ông Lưu Tâm Vũ đã thám dật ra đại thể nội dung và hồi mục của hồi 81 đến hồi 88. Ông cho rằng trong các hồi mục ấy, Tào Tuyết Cần sẽ viết nhà họ Giả, dưới đòn trừng phạt nghiêm khắc của hoàng quyền, đã hoàn toàn đi tới sụp đổ; vận mệnh của nhiều nhân vật quan trọng như Đại Ngọc, Bảo Thoa, Bảo Ngọc, Giả mẫu đều sẽ được bàn đến. Vậy sau hồi 88, Tào Tuyết Cần còn kể những gì?*

*Tiếp đó còn những nhân vật nào sẽ có vận mệnh xoay chuyển long trời lở đất? Xin theo chân ông Lưu Tâm Vũ đi vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể tập 16: Bí ẩn hồi mục sau hồi 80, phần cuối.*

Hồi thứ 89, cá nhân tôi nghĩ nội dung có thể như thế này: viết về quan hệ giữa Trung Thuận vương và Giả phủ, đồng thời viết tình cảnh của Hoa Tập Nhân. Hồi mục có thể là: Trung Thuận vương phụng chỉ ra oai phong, Hoa Tập Nhân cố giữ thanh danh. Mọi người đều biết, phủ Vinh Quốc vốn rất hưng thịnh, đến mức gia nhân của họ, như quản gia Lại Đại, cũng trở nên rất mạnh. Nhà ông ta có dinh thự xa hoa, kèm cả vườn lớn, con trai là Lại Thượng Vinh còn được ra làm quan.

Ở đây sẽ viết Lại Thượng Vinh giỏi nịnh bợ, biết luồn lách, quan vận một thời hanh thông; lại được thăng chức, nên bèn mở tiệc lớn trong vườn nhà họ Lại. Trước kia là tôi tớ phải nịnh chủ, nay những ông chủ ấy về sau lại đều đi nịnh kẻ tôi tớ đang leo lên. Vì thế rất nhiều người trong Giả phủ đều sẽ đến góp vui, đến nhà họ Lại dự tiệc. Lại Thượng Vinh luồn lách khắp nơi; bản thân ông ta xuất thân từ Giả phủ, là hậu duệ lão bộc

của nhà ấy. Nhưng ông ta nhất định cũng sẽ kết giao với phía đối lập Giả phủ, tức phủ Trung Thuận vương mà trước đó Giả Chính từng nói là vốn không qua lại.

Người nhà họ Giả và người phủ Trung Thuận vương cần có một điểm gặp nhau: chính là nhà họ Lại, tại nhà Lại Thượng Vinh, trong bữa tiệc của họ. Trong bữa tiệc ấy sẽ xảy ra chuyện gì? Con trai của Trung Thuận vương phát hiện Tập Nhân. Lúc này Tập Nhân hẳn là người ở bên cạnh Bảo Ngọc và Bảo Thoa. Hắn ta nhìn trúng Tập Nhân và muốn chiếm đoạt nàng; hẳn là đã gieo xuống một phục tuyến như vậy.

Trong bữa tiệc ấy cũng sẽ xuất hiện những kẻ biết luồn lách, chẳng hạn Giả Vũ Thôn. Giả Vũ Thôn là một quan liêu thông minh quá mức, thế lực chính trị nào ông ta cũng nịnh bợ, nên chắc chắn sẽ xuất hiện. Ông ta phát hiện thế tử Trung Thuận vương để mắt đến Tập Nhân, muốn chiếm đoạt nàng, liền hiểu ý ngay: người ta nói nửa câu, ông ta đã hiểu mười câu, rồi sẽ bày kế đáp ứng yêu cầu ấy của phủ Trung Thuận vương. Câu chuyện sẽ phát triển đến mùa đông của năm thứ ba sau khi Giả Vũ Thôn làm quan. Trong tình hình ấy, Giả Chính hẳn đã an táng mẹ mình, rồi từ phương Nam trở về Bắc Kinh. Vừa về đến Bắc Kinh, hoàng đế đã ra tay trừng phạt ông; phủ Trung Thuận vương phái người vào đóng giữ. Họ bắt đầu nghiêm tra; chủ nhân bị quản thúc, Vương phu nhân cùng những người khác, kể cả Bảo Ngọc và Bảo Thoa, đều phải dời từ nhà lớn sang nhà nhỏ. Vậy số đông đầy tớ phải làm sao? Phải giải tán, nhưng vẫn cho phép bên cạnh họ giữ lại một ít tôi tớ để sai dùng. Cụ thể với Bảo Ngọc và Bảo Thoa, bên cạnh họ vốn có nhiều nha hoàn.

Nay sau khi cắt giảm, chẳng hạn chỉ cho giữ lại một hai người. Giữ ai? Mọi người trước hết nghĩ rằng Tập Nhân nhất định phải ở lại. Không có sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập Nhân, sinh hoạt hằng ngày của Bảo Ngọc sẽ sụp đổ. Nhưng tình thế lại xuất hiện: phủ Trung Thuận vương chỉ đích danh đòi Tập Nhân.

Trong tình hình này, phần trước tôi đã nói rồi, ở đây không nhắc lại nhiều. Tập Nhân bèn đưa ra một lựa chọn, nói với Bảo Ngọc và Bảo Thoa rằng: hai người cứ đồng ý cho họ, tôi đi. Nếu bên cạnh hai người chỉ được giữ lại một nha hoàn, dù thế nào? cũng hãy giữ Xạ Nguyệt. Cuối cùng bên cạnh Bảo Ngọc và Bảo Thoa chỉ còn lại một nha hoàn, chính là Xạ Nguyệt. Tập Nhân bị phủ Trung Thuận vương đưa đi. Đây hẳn là nội dung hồi 89.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, nếu cái chết nối tiếp của Nghênh Xuân, Hương Lăng, Giả mẫu và Đại Ngọc chỉ là khởi điểm cho sự bại lạc nhanh chóng của nhà họ Giả, thì đến hồi 89, đòn trừng phạt nghiêm khắc của hoàng đế đối với Giả phủ mới thật sự bắt đầu. Trong hồi này, Giả phủ sẽ bị xét sạch, Tập Nhân cũng sẽ bị phủ Trung Thuận vương đưa đi. Chúng ta đều biết, cuối cùng Tập Nhân lấy Tưởng Ngọc Hàm. Còn Tập Nhân bị ép tới phủ Trung Thuận vương có thể nói gần như mất hết tự do. Ở đó, nàng làm sao quen được Tưởng Ngọc Hàm để rốt cuộc lấy chàng?*

Hồi thứ 90 sẽ viết về sự kết hợp giữa Hoa Tập Nhân và Tưởng Ngọc Hàm.

Theo tôi, tình tiết hẳn là như vậy; hồi mục có thể gọi là: Tưởng Ngọc Hàm tưởng đầu hổ đuôi rắn, Hoa Tập Nhân lại có thủy có chung. Cụm "Hoa Tập Nhân có thủy có chung" là nguyên bút của Tào Tuyết Cần. Trong lời phê ở nửa trước sách đã dẫn mấy chữ trong hồi mục này. Gọi là "Hoa Tập Nhân có thủy có chung", chỉ thiếu một chữ, bảy chữ đều đã hiện ra. Vậy theo tôi hồi này viết gì? Về sau Tưởng Ngọc Hàm bị Trung Thuận vương tìm bắt trở lại.

Bởi trước đó, ở khoảng hơn ba mươi hồi, Bảo Ngọc không chịu nổi. Trung Thuận vương sai trưởng sử quan đến hỏi Giả Chính, đòi Tưởng Ngọc Hàm. Giả Chính gọi Bảo Ngọc tới, cuối cùng Bảo Ngọc không giấu nổi. Chàng khai rằng: Chẳng lẽ các ông còn không biết Tưởng Ngọc Hàm đã mua nhà ở Tử Đàn bảo ngoài Đông Giao sao? Chàng ta trốn ở đó. Vì thế về sau Tưởng Ngọc Hàm rất dễ bị phủ Trung Thuận vương bắt về.

Bởi Trung Thuận vương thích Tưởng Ngọc Hàm diễn kịch; chàng là Kỳ Quan mà. Tưởng Ngọc Hàm có tên gọi là Kỳ Quan. Ông ta không rời được Tưởng Ngọc Hàm, nên nuôi trong phủ, thỉnh thoảng bắt diễn kịch mua vui cho mình. Lúc này vận mệnh của Hoa Tập Nhân cũng hẳn xảy ra một bước ngoặt. Sau khi bị gọi đến phủ Trung Thuận vương, vốn là con trai vương gia, tức thế tử, muốn chiếm nàng. Nhưng vừa đến nơi, Trung Thuận vương lại thấy: à, Tập Nhân trông cũng dịu dàng thuận thảo, rất vừa mắt.

Tuy không phải mỹ nhân, nhưng bản thân Trung Thuận vương đã là một bộ xương già rồi, cũng sinh lòng thèm muốn. Nhưng hai cha con cùng tranh một cô gái thì có vẻ rất trái luân thường. Nên trong các nhà quyền quý như thế, thông thường sẽ có một cách xử lý dung hòa. Tức là trước hết đưa nàng đi hầu hạ người bậc cao tuổi nhất trong phủ, như một bà thái thái kiểu Giả mẫu, đặt bên cạnh bà ta. Rồi nhân lúc không ai đề phòng mà chiếm tiện nghi. Đây là chuyện thường gặp trong các gia đình quyền quý ngày xưa.

Vậy Tập Nhân có lẽ cũng gặp phải tình cảnh ấy. Hẳn là khi Trung Thuận vương hoặc thế tử Trung Thuận vương muốn nhân tình huống ấy mà chiếm Tập Nhân, bà thái thái khi đó không ngủ, hoặc chưa hồ đồ mê man, liền nổi giận. Vì thế Trung Thuận vương và con trai ông ta chẳng ai được Tập Nhân. Trung Thuận vương xử lý bằng cách: trong cơn tức, ban nàng cho Tưởng Ngọc Hàm. Đem nàng gả cho một con hát, xét theo chuẩn giá trị xã hội đương thời, là một sự làm nhục. Vì vậy Tập Nhân gả cho Tưởng Ngọc Hàm.

Sau khi lấy Tưởng Ngọc Hàm, Tưởng Ngọc Hàm biết rằng, đây chính là nha hoàn tên Tập Nhân từng ở bên cạnh Bảo Ngọc. Còn Tập Nhân khi gả đi sẽ mang theo một ít của hồi môn. Dưới đáy rương của nàng, nàng sẽ phát hiện thứ mình từng ném vào đó: một chiếc khăn lụa điểm đỏ như tuyết. Nàng nhớ ra đó là năm xưa khi Bảo Ngọc dự tiệc nhà Phùng Tử Anh, uống say, cuối cùng được thắt ở thắt lưng nàng. Chiếc khăn ấy xoay đi xoay lại, quả nhiên trở thành vật liên hệ hôn nhân giữa Hoa Tập Nhân và Tưởng Ngọc Hàm. Đây là một thiết kế tinh xảo của Tào Tuyết Cần.

Vậy "Hoa Tập Nhân lại có thủy có chung" nghĩa là gì? Sau khi thành vợ chồng, họ biết phủ Vinh Quốc đã chịu đợt đả kích thứ nhất. Bên cạnh Bảo Ngọc và Bảo Thoa chỉ còn lại một nha hoàn là Xạ Nguyệt. Trong

phủ căn bản không phát nổi tiền tiêu dùng cho từng phòng nữa. Nàng và Tưởng Ngọc Hàm bèn nghĩ cách chu cấp cho Bảo Ngọc và Bảo Thoa. Còn Vương phu nhân và những người khác, họ không thể lo nổi.

Trọng điểm là chu cấp cho Bảo Ngọc và Bảo Thoa. Có căn cứ không? Có căn cứ.

Trong 80 hồi đầu, chẳng hạn hồi 28, Chi Nghiễn Trai có một lời phê nói rất rõ. Nói rằng Kỳ Quan tuy là con hát, nhưng hồi sau cùng Tập Nhân phụng dưỡng Ngọc huynh, Bảo khanh, được người chuyển tin, không phải đoạn văn tầm thường. Nghĩa là ở hồi 28 xuất hiện Tưởng Ngọc Hàm, không phải vì hình như khí văn chưa đủ nên kéo người vào góp cho đủ, không phải viết một đoạn qua loa để lấp chỗ. Mà là một phục bút lớn. Cuối cùng, chàng và Tập Nhân sẽ cùng nhau, khi Bảo Ngọc và Bảo Thoa gặp khó khăn kinh tế, đến chu cấp cho họ. Từ góc độ này mà nói, đối với Bảo Ngọc, Tập Nhân không thể bị châm biếm như trong tục thư của Cao Ngạc, kiểu như "ngàn xưa gian dâm chỉ một chữ chết", rồi "đau lòng thay nàng Tập phu nhân độc ác" để mỉa mai nàng.

Tập Nhân đối với Bảo Ngọc là có thủy có chung. Nàng trước sau vẫn giữ một phần tình cảm, hơn nữa sự chăm sóc của nàng đối với Bảo Ngọc không hề vì bản thân bị buộc rời khỏi Giả phủ mà gián đoạn. Ý là như vậy.

*Trong mắt ông Lưu Tâm Vũ, sau khi nhà họ Giả gặp đại nạn, thái độ của Tập Nhân đối với Giả phủ và Bảo Ngọc trước sau vẫn trung thành không đổi. Điều này so với thiết kế tình tiết về kết cục Tập Nhân trong phần tục thư của Cao Ngạc có khác biệt rất lớn. Vậy hồi 91 tiếp theo sẽ viết những nội dung gì?*

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, Tào Tuyết Cần đã đặt một phục bút ở hồi 31, phục bút này dành cho Giả Bảo Ngọc, tình tiết liên quan hẳn sẽ thể hiện ở hồi 91. Vậy ở hồi 31, Tào Tuyết Cần rốt cuộc để lại phục bút gì? Trong hồi 31, mạch truyện của Bảo Ngọc sẽ có phát triển mới gì?*

Hồi thứ 91 gọi là: Hiền Bảo Ngọc sớm đi Ngũ Đài Sơn, Hiền Bảo Thoa đêm ngâm Thập độc ngâm.

Chuyện này là sao? Bảo Ngọc và Bảo Thoa, trong bài giảng trước của tôi về Tiết Bảo Thoa, đã nói rất đầy đủ. Họ không có đời sống vợ chồng mới mẻ.

Nhưng cũng chưa đạt tới tâm ý tương thông. Giữa họ trước sau vẫn có một khoảng cách không sao phá vỡ. Trong tình hình ấy, Bảo Thoa lại không ngừng bên tai Bảo Ngọc nói rằng gia tộc đã đến nông nỗi này, chàng càng phải phấn phát đọc sách, mưu cầu một công danh, vân vân. Chàng thật sự không thể nhẫn nhịn nữa. Thế là vào một sáng mưa băng, Bảo Ngọc rời nhà ra đi, lần đầu tiên muốn làm hòa thượng, gọi là "buông tay nơi vách núi". Đây là lần đầu Bảo Ngọc xuất gia. Khi ấy, chàng vẫn là người phàm tục, vẫn nghĩ theo lối thế tục. Xuất gia thì đi đâu? Thánh địa Phật giáo lớn gần kinh thành nhất là Ngũ Đài Sơn, chàng bèn đi về hướng đó.

Điều này ở phần trước có phục bút. Chẳng hạn ở hồi 31, qua đối thoại nhân vật, Lâm Đại Ngọc khi ấy giơ hai ngón tay ra, nói với Bảo Ngọc rằng: "Đã làm hai chiêu hòa thượng rồi, từ nay về sau ta đều ghi nhớ những chiêu làm hòa thượng của huynh." Có những nhà nghiên cứu trước sau không tin, nói Tào Tuyết Cần viết sách tinh xảo đến thế sao? Phía trước Đại Ngọc chỉ nói một câu như vậy, lẽ nào thật sự là phục bút? Tào Tuyết Cần chính là kiểu nhà văn hiếm thấy trên toàn cầu như vậy. Văn bản của ông tinh diệu đến thế. Đó chính là một phục bút.

Chàng "làm hai chiêu hòa thượng", đây là chiêu thứ nhất. Lần đầu, chàng đi về Ngũ Đài Sơn. Ngoài ra còn có lời phê cũng nói rất rõ: Bảo Ngọc vì thế bị người đời ngầm cho là "độc", nên văn sau mới có hồi "buông tay nơi vách núi" (xuất giá, đi tu). Nếu người khác đã đến lúc có Bảo Thoa, lại có Xạ Nguyệt ở bên, há có thể bỏ đi mà thành thân một mình, tìm nơi hẻo lánh để ở sao? Đại ý lời phê này là: tuy khi ấy nhà họ Giả đã suy tàn, kinh tế không còn được nữa, nhưng thử nghĩ xem, bên cạnh chàng có người vợ như Bảo Thoa, lại có thị thiếp như Xạ Nguyệt, đối với một người đàn ông trong xã hội ấy, đó đã là hạnh phúc lớn lắm rồi. Nhưng con người Bảo Ngọc có cái mà người đời ngầm gọi là "độc".

Nghĩa là chàng có một mặt rất cố chấp, rất riêng. Chàng yêu Lâm Đại Ngọc đến mức như vậy. Có một người vợ như thế, một thị thiếp như thế, chàng vẫn cảm thấy đời sống không còn ý nghĩa, vẫn muốn buông tay nơi vách núi (xuất giá, đi tu) một lần.

Đây là lời phê trong cổ bản, phát ra lời cảm thán như vậy. Bảo Ngọc bỗng lại mất tích, không biết đi đâu. Mơ hồ nghe nói là đi về Ngũ Đài Sơn. Lúc ấy, thử nghĩ xem tinh thần Bảo Thoa sẽ gần như sụp đổ. Nhưng Bảo Thoa là một người con gái rất biết tự kiềm chế. Trong hồi này, Bảo Thoa hẳn sẽ thông qua việc làm thơ để điều chỉnh tâm trạng của mình, để biểu đạt bản thân, và bày tỏ ước mong số mệnh có một tiền cảnh tốt đẹp hơn. Vì vậy Bảo Thoa sẽ viết một chùm thơ, chùm thơ này gọi là Thập độc ngâm, viết về mười cổ nhân cô độc lẻ loi, mỗi người một bài thơ. Điều này không phải tôi nghĩ bừa ra. Ở phía trước, hồi 64, mọi người còn nhớ Đại Ngọc viết một chùm thơ không? Gọi là gì? Gọi là Ngũ mỹ ngâm. Các bạn mở Hồng Lâu Mộng ra xem, bản thông hành cũng có, hồi 64, Ngũ mỹ ngâm, viết về năm mỹ nhân thời cổ. Ngay bên cạnh Ngũ mỹ ngâm có lời phê Chi Nghiễn Trai, rõ ràng nói với chúng ta: Ngũ mỹ ngâm đối chiếu với Thập độc ngâm ở phần sau. Ông ta đã đọc hết toàn sách.

Nay Lâm Đại Ngọc viết Ngũ mỹ ngâm, cuối cùng sẽ có một người khác viết Thập độc ngâm, có thể đem ra đối chiếu mà xem. Vậy ai mới có thể tương xứng với Lâm Đại Ngọc? Không ai khác ngoài Tiết Bảo Thoa. Hơn nữa nay tình tiết tôi nói đến đây thì đã rõ. Tiết Bảo Thoa rơi vào nỗi cô độc chưa từng có. Để nàng viết Thập độc ngâm là hoàn toàn hợp lý. Đến hồi 92, sẽ xuất hiện tình tiết như sau, gọi là: Chân Bảo Ngọc đưa Giả Bảo Ngọc về, Chân Sĩ Ẩn lặng lẽ lui Giả Vũ Thôn. Nghĩa là gì? Bảo Ngọc đi về Ngũ Đài Sơn, kết quả giữa đường, trong tuyết lớn thấy phía đối diện có một người đi tới, như soi gương vậy, giống hệt chàng. Ai vậy? Chân Bảo Ngọc. Khi nhà họ Chân bị xét tịch, Chân Bảo Ngọc còn chưa trưởng thành. Tuổi tuy bằng Bảo

Ngọc, nhưng nhà họ Chân đổ sớm, chưa đến mười sáu tuổi, nên chàng đã lưu lạc chịu khổ. Rồi chàng cũng đi tìm một nơi nương tựa cho tâm linh, từng đến Ngũ Đài Sơn. Kết quả Chân Bảo Ngọc phát hiện rằng, muốn cầu sự bình an trong lòng, loại "buông tay nơi vách núi" (xuất giá, đi tu) theo kiểu thế tục, đi làm hòa thượng như vậy, không giải quyết được vấn đề. Nửa đường gặp Bảo Ngọc, chàng liền nói với Bảo Ngọc, nếu muốn tìm sự đốn ngộ sâu xa hơn, hãy vẫn nên trở về nhà. Rồi chàng đưa Bảo Ngọc về kinh thành, đưa về phủ Vinh Quốc, gọi là "tống ngọc". Có người hỏi: điều này có căn cứ không? Trước hết, có bạn mê Hồng Lâu từng thảo luận với tôi.

Nói nhân vật Chân Bảo Ngọc này Tào Tuyết Cần chỉ thiết kế như một cái bóng, tuy 80 hồi đầu cũng từng xuất hiện, nhưng là xuất hiện trong mộng của Bảo Ngọc, sao ông có thể viết thành người thật xuất hiện? Tào Tuyết Cần sẽ viết vậy sao? Nay tôi rất trịnh trọng nói với bạn: Chi Nghiễn Trai đã nói cho bạn biết, Tào Tuyết Cần chính là muốn để Chân Bảo Ngọc ra sân.

Ngay từ phía trước, ở hồi thứ hai, lời phê Chi Nghiễn Trai đã nói rõ ràng: "Chân gia Bảo Ngọc, nửa đầu không viết". Ý là gì? Nửa sau tất sẽ viết. Đúng không? Chân Bảo Ngọc sẽ ra sân. Chân Bảo Ngọc ra sân để "tống ngọc". Tôi có căn cứ gì? Căn cứ rất nhiều. Khi Nguyên Xuân về thăm nhà, lúc ấy mở đại yến, diễn kịch lớn, diễn bốn vở. Trong đó có một vở gọi là Tiên duyên, căn cứ vào truyện Chẩm trung ký đời Đường mà cải biên. Tên vở hí khúc này là Hàn Đan mộng, Tiên duyên là một màn trong đó. Vậy, bốn vở kịch được diễn ấy, có ý nghĩa phục bút. Trong số đó, Tiên duyên phục bút điều gì? Chi Nghiễn Trai nói rất rõ: phục bút "Chân Bảo Ngọc tống ngọc". Vì thế tôi hiểu rằng đến hồi 92, Chân Bảo Ngọc đưa Giả Bảo Ngọc về Giả phủ, ứng với phục bút trong vở kịch ấy.

Rồi, lúc này Giả Vũ Thôn cảm thấy nguy cơ bốn bề. Chuyện nhà họ Giả liệu có liên lụy đến ông ta không? Ông ta rất hoảng. Đừng quên, Giả Vũ Thôn từng làm gia sư ở nhà họ Chân. Tuy chuyện đã khá lâu, hoàng đế có thể không rõ lắm, nhưng đối với ông ta đều rất bất lợi. Vì thế Giả Vũ Thôn chạy vạy khắp nơi. Một mặt có thể ông ta kéo quan hệ, phủi sạch mình, mặt khác tìm sự yên ổn trong lòng. Ông ta có thể ở một nơi nào đó, hoặc chùa Phật, hoặc đạo quán, đi cầu tiên bái Phật.

Kết quả, ông ta phát hiện bên trong có một người ăn mặc rách rưới, dáng vẻ lại rất trang nghiêm, là một hòa thượng hoặc đạo sĩ. Ông ta tới nói chuyện với người ấy, người ấy không để ý. Ông ta nhìn kỹ, nét mặt mơ hồ còn nhận ra được, không phải ai khác, chính là Chân Sĩ Ẩn. Trong phần tục thư của Cao Ngạc cũng có nội dung tương tự. Phần nội dung này tôi cho rằng vẫn phù hợp với cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần, sẽ có cảnh tượng như vậy xuất hiện.

*Qua nghiên cứu kỹ phục bút của Tào Tuyết Cần và lời phê trong cổ bản, ông Lưu Tâm Vũ cho rằng ở hồi 91 và 92 của toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, tác giả rất có thể sẽ viết đến tình tiết và nội dung Bảo Ngọc suýt xuất gia. Với tư cách nam nhân vật chính trong sách, trước những đòn đả kích liên tiếp mà nhà họ Giả gặp phải, lúc này Giả Bảo Ngọc đã lòng nguội ý lạnh, điều này cũng đã chuẩn bị về tình cảm và tinh thần*

*cho kết cục số mệnh cuối cùng của chàng. Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, mấy hồi tiếp theo của toàn bản Hồng Lâu Mộng sẽ còn viết đến những nhân vật nào? Trên người họ sẽ còn xảy ra những bất hạnh gì?*

Hồi thứ 93, hồi mục có thể là: Vệ Nhược Lan xạ phố tiếc kỳ lân, Liễu Tương Liên nhặt tranh gặp giai nhân. Vệ Nhược Lan xạ phố, điều này trong các bài giảng trước tôi đã nhiều lần dẫn lời phê Chi Nghiễn Trai để nói với các bạn: sau hồi 80 có tình tiết như vậy.

Tôi đoán ở chỗ này hẳn nên xuất hiện. "Xạ phố" là gì? Đó là một hành động quân sự, luyện bắn tên ở một nơi nào đó. Mục đích luyện bắn tên không phải rèn thân hay giải trí, mà là chuẩn bị chiến đấu. Vậy Vệ Nhược Lan tham gia lực lượng vũ trang nào? Muốn chiến đấu với ai?

Chàng tham gia lực lượng vũ trang của thế lực chính trị mà trong sách gọi là "song huyền nhật nguyệt chiếu càn khôn". Họ muốn phát động chính biến, thay đổi vị hoàng đế đương thời, muốn giết vị hoàng đế đang ngồi trên ngai trong sách, rồi đưa người họ ủng hộ lên ngôi làm hoàng đế. Tức là nội dung đấu tranh chính trị kinh tâm động phách như vậy đã đi vào sách. Khi Vệ Nhược Lan xạ phố, tức lúc luyện quân sự như thế, lẽ ra trên người không nên đeo bất cứ thứ gì, vì vướng víu, đúng không? Nhưng có một thứ chàng không nỡ tháo xuống, chính là kỳ lân vàng. Mà vợ chàng là Tương Vân trên người cũng có một con, chỉ là nhỏ hơn con của chàng.

Tôi đoán Vệ Nhược Lan rời kinh thành, tập kết đến một sơn trại, cùng tụ họp với một số nhân vật thuộc thế lực "nhật nguyệt". Lúc đầu chàng chưa chắc đã nói thật với Sử Tương Vân. Chàng có thể nói mình muốn đi vân du, bảo nàng ở nhà một thời gian, còn chàng đi vân du. Thực ra chàng tham gia hoạt động chính trị và hoạt động quân sự của phe "nhật nguyệt".

Đó là tình hình của Vệ Nhược Lan. Rồi đến Liễu Tương Liên. Liễu Tương Liên và Vệ Nhược Lan hẳn là cùng một nhóm. Căn cứ của tôi là: trong hồi 26, Chi Nghiễn Trai có một lời phê nói rất rõ. Bà nói, hồi trước viết Nghê Nhị, Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm bốn kiểu văn hiệp, đều được nét bút truyền thần tả chân, đến văn tự Vệ Nhược Lan xạ phố thì đã thấy thất lạc bản thảo, tiếc thay. Lời phê ấy nói rất rõ, xạ phố nhất định là một hành vi hiệp khách, không phải văn diễn, mà là võ diễn.

Vả lại Vệ Nhược Lan có quan hệ với ai? Có quan hệ với bốn hiệp. Bốn hiệp nào? Tức là: nhân vật thị dân tầng đáy, Nghê Nhị say sưa hào hiệp, nhân vật quý tộc, Phùng Tử Anh, con cháu thế gia sa sút phiêu bạt, Liễu Tương Liên, và con hát được quý tộc nuôi dưỡng, Tưởng Ngọc Hàm. Họ thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng vì cùng một mục tiêu chính trị, họ đi đến với nhau. Họ muốn mưu phản.

Trong quá trình ấy, Vệ Nhược Lan hẳn đã hy sinh. Sau khi hy sinh trong chiến đấu, trước lúc chết, chàng sẽ tháo con kỳ lân vàng của mình xuống, giao cho chiến hữu, chẳng hạn Liễu Tương Liên, nói anh hãy đem nó tới trước mặt Bảo Ngọc, nếu có thể gặp Bảo Ngọc, hãy trả lại cho chàng. Điều đó nghĩa là gì? Không chỉ là

vật về nguyên chủ, bởi vốn là Bảo Ngọc tặng chàng mà. Đồng thời cũng có nghĩa chàng hy vọng sau khi mình chết, nếu Bảo Thoa cũng không còn nữa, phải không? thì trong tình huống ấy có thể để Bảo Ngọc và Sử Tương Vân kết thành vợ chồng. Chàng để lại di ngôn như vậy.

Còn Liễu Tương Liên, trong cơn loạn ấy cuối cùng vân du bốn phương. Về sau chàng gặp lại Tiết Bảo Cầm. Trong các bài giảng trước, về cuộc gặp gỡ giữa Bảo Cầm và Liễu Tương Liên, tôi đã nói rất đầy đủ, ở đây không lặp lại. Đến hồi 94, sẽ viết kết cục bi thảm của Tiết Bảo Thoa. Tôi đoán hồi mục hẳn là: Hành Vu quân hóa bướm vì hương lạnh, Chẩm Hà hữu khóc cạn lệ người góa. Mọi người biết rằng, Bảo Thoa và bướm có một quan hệ đi đôi, còn nhớ không?

Bảo Thoa bắt bướm. Trong nỗi lo kép vì gia tộc bại lạc và hôn nhân thất bại, cuối cùng Tiết Bảo Thoa u uất mà chết. Nàng có một kết cục bi kịch. Dù Bảo Ngọc đã được Chân Bảo Ngọc đưa về, cũng không thể cứu vãn. Cuối cùng Bảo Ngọc hẳn vẫn có tình cảm với Bảo Thoa. Tôi đoán Tào Tuyết Cần có thể để Bảo Ngọc viết một bài điếu văn theo phong cách Trang Tử, để tiễn người bạn lâu dài, đồng thời là người vợ đã ở bên chàng rất lâu ấy.

Tin dữ truyền đến, người chồng của Sử Tương Vân vì sao mà đến? Nói chính xác hơn, Vệ Nhược Lan chết, Sử Tương Vân sẽ ở bên bờ sông vì người chồng đã mất của nàng mà khóc lóc thảm thiết. Điều này từ phán từ của Sử Tương Vân ở hồi thứ năm đều có thể rút ra kết luận, có thể suy diễn được. Từ phán từ và khúc hát mà Tào Tuyết Cần viết ở hồi thứ năm có thể thấy, kết cục số mệnh của phần lớn nhân vật đều mang tính bi kịch. Những tình tiết và hồi mục bi kịch ấy phần lớn cũng tập trung ở phần cuối sách, trong đó bao gồm cả Nguyên Xuân, người đã thành hoàng phi.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng kết cục bi kịch cuối cùng của Nguyên Xuân, ngoài liên quan đến sự bại lạc và thất sủng của Giả phủ, còn liên quan đến một món đồ cổ. Vậy món đồ cổ ấy rốt cuộc là gì? Sự xuất hiện của nó sẽ đem đến tai nạn gì cho Nguyên Xuân?*

Hồi thứ 95, tình tiết sẽ từng bước đi vào. Nhịp độ nhanh, mà những đợt sóng dữ dội mỗi lúc càng lớn. Hồi này gọi là: Bình phong pha lê lớn làm lật việc hòa phiên, Phật thủ Lạp Du đông chôn mầm kỳ họa. Bình phong pha lê lớn là một lễ mừng thọ xuất hiện khi nửa trước sách viết Giả mẫu làm thọ. Các bạn còn ấn tượng không? Trong sách có một nét bút đặc biệt: vào dịp mừng thọ Giả mẫu, các nhà đều đem lễ vật đến. Về sau Giả mẫu hỏi: lần này những bức bình phong được tặng có tốt không? Nói với ai? Vương Hy Phượng bẩm lại, nói có hai bức bình phong đặc biệt tốt. Một chiếc là của nhà họ Chân, nhà họ Chân ở Giang Nam tặng. Còn một bức là do Việt Hải Ngô tướng quân tặng, tức nhà họ Ngô tặng. Đó là một bức bình phong lớn bằng pha lê, do một vị quan quản việc hải sự tặng.

Vì sao Tào Tuyết Cần lại thiết kế như vậy? Điều này hẳn có liên quan đến việc Thám Xuân gả xa về sau. Bởi chẳng hạn với Thiến Hương quốc, có lẽ trước là binh rồi sau mới là lễ. Hai bên hẳn đã đánh trận. Thiến

Hương quốc có thể đã thất bại, nữ vương thậm chí bị bắt. Về sau giải quyết vấn đề thế nào?

Chính là hòa phiên. Vì vậy vị tướng họ Ngô của Việt Hải hẳn chính là người tặng bức bình phong pha lê lớn ấy. Khi Giả mẫu làm thọ, ông ta tặng bình phong pha lê lớn, bản thân ông ta không thể ra mặt. Ai ra mặt? Phu nhân của ông ta. Khi phu nhân ông ta ra mặt, Giả mẫu có tự mình nhận lễ không?

Cũng không. Ai nhận lễ? Có người nói đương nhiên là Vương Hy Phượng. Không thể chỉ là Vương Hy Phượng. Khi ấy thân thể bà không khỏe, ai đang giúp quản việc nhà? Không ai khác chính là Giả Thám Xuân.

Vì vậy vị nữ chủ nhân đem bức bình phong pha lê lớn ấy đến đã từng gặp Giả Thám Xuân. Bà ta hẳn có ấn tượng rất tốt. Do đó khi hoàng đế muốn lấy một cô con gái nhà quý tộc đi hòa phiên, ban đầu có thể nghĩ: chính nhà ngươi đánh trận với nước ấy, thì ngươi hãy đem con gái mình đi hòa phiên. Phu nhân nhà ấy có thể nghĩ đến Giả Thám Xuân, bèn tâu với hoàng đế rằng con gái tôi còn nhỏ, không thể đưa đi được, nhưng tôi từng thấy có một tiểu thư nhà họ Giả, khi nhận lễ vật, tôi có ấn tượng đặc biệt tốt. Đây cũng là một manh mối. Bức bình phong pha lê lớn và việc Thám Xuân về thăm nhà cũng có quan hệ ứng chiếu nhất định.

Vậy Phật thủ Lạp Du đông là chuyện gì? Trong sách có một nét bút: Giả Liễn đến hỏi Uyên Ương, nói rằng chàng quản việc trong phủ, là tổng quản trong công khố.

Trong sổ người quản đồ cổ có ghi Phật thủ Lạp Du đông, nhưng khi kiểm kho thì vị trí trên giá lại trống, hỏi là chuyện gì. Có độc giả nói: xem này, chỉ là một mẫu sáp, nay chúng ta còn thường mua táo chuối làm bằng sáp, thứ ấy đâu đáng tiền, sao phải so đo kỹ thế? Như vậy là không hiểu. Người ấy tưởng đó là chữ "lạp" trong sáp nến, không phải. Lạp Du đông là một loại đá rất quý, chất cảm và sắc màu của nó giống phần mỡ trên thịt muối lạp nhục. Viên đá mọc thành dáng như vậy, là thứ cực kỳ quý giá. Lại đem thứ đó khắc thành một bàn tay Phật, hẳn là một đạo cụ cực kỳ quan trọng trong sách. Mọi người biết, khi Nguyên Xuân về thăm nhà, đã diễn bốn vở kịch. Trong đó có một vở gọi là Hào yến. Hào yến là một màn chiết tử hí. Nó thuộc vở lớn nào? Thuộc vở Nhất phủng tuyết. Nhất phủng tuyết nghĩa là gì? Tức có một loại ngọc khí, đặc biệt đẹp, cầm trong tay như đang ôm cả một nắm tuyết.

Vở kịch ấy kể một món đồ cổ như vậy đem đến một thảm họa cho cả gia tộc. Ở chỗ này, Chi Nghiễn Trai rất trịnh trọng nói với chúng ta rằng màn Hào yến này là phục bút cho sự bại vong của nhà họ Giả. Có thể thấy sự bại lạc của Giả phủ có đủ loại nguyên nhân xa gần, nhưng trong đó sẽ liên quan đến một món đồ cổ. Vậy món đồ cổ ấy là gì? Tìm lại trong 80 hồi đầu, nó không thể là thứ khác. Nó chỉ có thể là Phật thủ Lạp Du đông.

Nếu không, vì sao trong 80 hồi đầu lại đột nhiên trịnh trọng viết Giả Liễn hỏi tung tích Phật thủ Lạp Du đông? Về sau Uyên Ương trả lời, nói ban đầu lão thái thái thích thú xem mấy ngày, về sau chẳng phải đã

đưa cho Nhị nãi nãi nhà các cậu rồi sao? Bình Nhi lập tức bước ra nói: đúng, cậu thật hồ đồ, hỏi làm gì? Khi ấy hình như Giả mẫu đã đưa cho Vương Hy Phượng. Trong sách dùng không dưới một hai trăm chữ để nói về món đồ cổ ấy. Tuy trong 80 hồi đầu chưa xuất hiện câu chuyện của món đồ cổ này, nhưng thử nghĩ xem, sau hồi 80 chắc chắn phải viết đến chuyện của nó.

Chính là Phật thủ Lạp Du đông. Phật thủ Lạp Du đông làm sao lại chôn mầm kỳ họa? Tôi đoán là khi Giả mẫu cũng được, Vương Hy Phượng cũng được, chẳng hạn lúc Giả mẫu còn sống, Vương Hy Phượng sau đó chưa bị giam giữ, khi họ còn có cơ hội vào cung thỉnh an Nguyên phi, họ sẽ đem Phật thủ Lạp Du đông trong nhà dâng cho Nguyên Xuân. Bởi mọi người biết Phật thủ là thứ rất cát tường, nó có ý nghĩa tượng trưng tốt lành. Là tay Phật mà. Nếu một người lúc nào cũng cầm Phật thủ trong tay, thì như thể được Phật phù hộ.

Khi ấy Nguyên Xuân cũng luôn bất an trong lòng, phía nàng và phía gia đình đều cảm thấy bất ổn. Vì thế Phật thủ Lạp Du đông có thể chính là một vật truyền đưa. Nhưng việc này trái với quy định trong cung. Nghĩa là cho phép vào thăm vị phi tần ấy, chỉ có nữ quyến được vào thăm, Giả Chính thì không được. Các người vào thỉnh an, nhưng không được tự tiện truyền đưa đồ vật. Thế nhưng một Phật thủ Lạp Du đông kích thước cũng không lớn, lúc ấy họ có thể cũng nghĩ không đến nỗi thế nào. Không ngờ lại chôn xuống kỳ họa. Vì thời gian có hạn, những nội dung khác xin nghe bài giảng sau.

# Tập 61

Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (hạ)

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng trong hồi 95 của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, rất có khả năng sẽ xuất hiện một món cổ ngoạn tên là "Phật thủ Lạp Du đông". Mà sự xuất hiện của món cổ ngoạn này sẽ gây nên kết cục số mệnh bi thảm của Giả Nguyên Xuân. Vậy thì, "Phật thủ Lạp Du đông" rốt cuộc đã gây nên đại bi kịch như thế nào? Số mệnh tông tộc họ Giả sẽ lại xảy ra những biến đổi long trời lở đất ra sao? Xin mời theo chân ông Lưu Tâm Vũ, cùng bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể cho quý vị tập 17: Bí ẩn hồi mục sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, phần hạ.*

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng bản thảo 28 hồi sau của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, tuy đã thất lạc, nhưng thông qua việc nghiên cứu những phục bút tác giả để lại trong 80 hồi đầu, và các lời phê trong cổ bản Hồng Lâu Mộng, vẫn có thể thám dật ra nội dung và hồi mục đại lược của phần thất lạc. Trong hai tập trước, ông Lưu Tâm Vũ đã thám dật được nội dung và hồi mục đại lược từ hồi 81 đến hồi 95. Dưới đòn đánh nghiêm khắc của hoàng quyền, lúc này tông tộc họ Giả đã lung lay trong mưa gió, sắp đến mức sụp đổ tan tành. Trong tình hình ấy, hồi 95 của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần rất có khả năng sẽ xuất hiện một món cổ ngoạn gọi là "Phật thủ Lạp Du đông". Mà sự xuất hiện của món cổ ngoạn này sẽ liên quan đến kết cục số mệnh của Nguyên Xuân. Giả Nguyên Xuân, người vốn là hoàng phi cao quý, sẽ vì món cổ ngoạn này hoàn toàn mất vị trí trong lòng hoàng đế.*

*Vậy kết cục số mệnh bi thảm của Giả Nguyên Xuân rốt cuộc đã xảy ra như thế nào? Xin mời theo chân ông Lưu Tâm Vũ, cùng bước vào Câu chuyện thật sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng, nghe ông kể cho quý vị tập 17: Bí ẩn hồi mục sau hồi 80 của Hồng Lâu Mộng. Tai họa lạ ấy sẽ chôn mầm như thế nào?*

Bởi vậy sẽ xuất hiện hồi 96. Hồi mục có thể là: "Hoàng Hải Thiết Võng Sơn hổ tê giao chiến, Rừng buồm chùa Trí Thông hương hồn đoạn tuyệt". "Hoàng Hải Thiết Võng Sơn" từng xuất hiện trong 80 hồi trước.

Đó là khi Tần Khả Khanh mất, cần làm quan tài, cuối cùng Tiết Bàn đã giới thiệu một loại gỗ quý sản xuất ở Hoàng Hải Thiết Võng Sơn. Lúc này hẳn là năm thứ tư sau khi Giả Nguyên Xuân tỉnh ngộ, tức là "ba xuân" đã qua, bắt đầu đến lúc muôn hoa đi vào đoạn tận. Sau "Thất minh" thì tới "Tứ xuân". Ba xuân trọn vẹn là xuân đẹp, đến xuân thứ tư không còn là đẹp hay không đẹp nữa, mà toàn bộ mùa xuân đi tới hủy diệt. Lúc này hoàng đế có thể tiến hành cái gọi là thu thú. Việc hoàng đế tuyên bố đi săn chỉ là một sự che đậy bên ngoài.

Thực chất là nhằm quét sạch những nơi tụ tập của các nhóm chính trị phản loạn đã bị thám tử hoàng gia dò xét rõ. Trong tiểu thuyết, nơi tụ tập ấy có thể được thiết kế thành Hoàng Hải Thiết Võng Sơn. Hơn nữa còn ở

trong rừng buồm, có thể chính là chùa Trí Thông. Trong chùa Trí Thông có một câu đối, mọi người hẳn còn nhớ: gọi là gì? Sau lưng còn thừa đường rút lại, trước mắt không đường mới muốn quay đầu. Những câu này đều rất có hàm ý.

Quý vị hãy tự mà thể hội. Hoàng đế có thể tạm thời cho đội quân mang danh đi săn do mình dẫn đầu đóng lại ở chùa Trí Thông. Mục đích là để một lần quét sạch lực lượng quân sự phản loạn ở gần đó. Trong quá trình này, Nguyên Xuân đi theo hoàng đế. Nàng vẫn hy vọng bản thân có thể có một tiền đồ tốt đẹp, cũng hy vọng gia tộc mình có thể thoát khỏi cảnh khốn cùng này. Vì vậy nàng sẽ có một hành vi gọi là "khất xảo".

Khất xảo tức là phụ nữ đặt một cây kim vào trong chậu nước, rồi nhìn ánh mặt trời hoặc ánh trăng chiếu xuống, xem bóng cây kim dưới đáy chậu để đoán họa phúc. Việc đó gọi là khất xảo. Mọi người đều biết, khi Nguyên phi về thăm nhà, tổng cộng có bốn vở diễn. Bốn vở ấy là gì? Trong đó có "Khất xảo", một trích đoạn trong Trường Sinh điện. Khi viết đến chỗ này, Chi Nghiễn Trai đã nói rất rõ: "Khất xảo" phục cái chết của Nguyên phi.

Cho nên tôi cho rằng trong hồi 96, nếu viết tới chuyện Nguyên phi khất xảo, thì hoàn toàn không có gì lạ. Bởi nàng đã gần kề cái chết, mà vẫn chưa tự biết. Cuối cùng, nói chung rất có thể là hoàng đế bên này đã sơ suất, ngược lại bị những lực lượng phái Nguyệt bao vây. Hoàng đế đương nhiên phải khẩn cấp điều quân cứu viện. Nhưng ở đó có một khoảng lệch thời gian. Bản thân bộ phận lực lượng tạo phản này thực ra quân lực lại rất mỏng.

Quân cứu viện vừa đến, họ cũng không chống đỡ nổi. Hai bên đạt thành một thỏa hiệp chính trị, tức là phía kia nêu ra: ngươi nhất thiết phải giao Giả Nguyên Xuân ra. Vì sao phái Nguyệt lại ép hoàng đế giao Giả Nguyên Xuân? Trong phần giải mã đầu tiên của tôi, khi nói về Tần Khả Khanh, tôi đã phân tích rất thấu đáo. Quý vị có thể nhớ lại. Bởi chính Giả Nguyên Xuân đã đem thân phận thật của Tần Khả Khanh báo cáo với hoàng đế, mới gây ra việc Tần Khả Khanh buộc phải tự tận mà chết ở Thiên Hương lâu.

Cho nên trong hồi này, hoàng đế vì muốn thỏa mãn yêu cầu ấy của phe đối địch, đồng thời bản thân ông ta đã sớm chán ghét Nguyên Xuân, lại thêm những thái giám bên cạnh Nguyên Xuân, chẳng hạn Hạ Thủ Trung, vốn đã sớm muốn phản bội, muốn phản bội Giả Nguyên Xuân. Giả Nguyên Xuân lại có một thứ gì? Đó là Phật thủ Lạp Du đông. Mọi người biết, về Giả Nguyên Xuân, trong trang sách định mệnh có vẽ một bức tranh. Tranh vẽ một cây cung, trên cung treo một quả hương duyên. Cây cung này không cần nói cũng là hài âm, là chữ "cung" trong hoàng cung.

Đúng không? Biểu thị việc nàng ở trong cung. Nhưng phía trên lại treo gì? Treo một quả hương duyên, đó là thứ gì? Nếu hương duyên biến dị, thì chính là phật thủ. Nếu hương duyên không biến dị, lớn lên bình thường, thì là quả bưởi.

Phật thủ là một loại sản phẩm biến dị của hương duyên. Cho nên những chỗ như thế đều đối ứng rất sát. Lúc này, Hạ Thủ Trung có thể gièm pha với hoàng đế, nói rằng Nguyên phi trong tay luôn nắm một món rất nặng, chính là Phật thủ Lạp Du đông. Nàng muốn nhân lúc bệ hạ ngủ, khi đã ngủ say, không phòng bị, để mưu hại bệ hạ. Khất xảo lại đúng lúc là một trích đoạn trong Trường Sinh điện. Trong Trường Sinh điện, Dương Quý Phi chết thế nào?

Chính là tam quân làm loạn, yêu cầu Đường Huyền Tông xử tử Dương Quý Phi. Cuối cùng cách làm là để bà tự cầm dải lụa trắng ấy, chính là dải gấm màu trắng, mà thắt cổ chết. Nếu bà không chịu tự chết, thì để người bên cạnh siết cổ bà chết. Vậy cuối cùng Giả Nguyên Xuân cũng có một kết cục bi thảm như thế.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng cái chết bi thảm của Giả Nguyên Xuân có nghĩa là toàn bộ nhà họ Giả sẽ triệt để đi tới sụp đổ. Vì mất đi Giả Nguyên Xuân, chiếc ô bảo hộ lớn nhất này, đòn đánh của hoàng quyền sẽ trở nên càng nghiêm khắc và vô tình. Nội dung tiếp theo của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần sẽ tiếp tục trình bày thảm trạng của nhà họ Giả dưới đòn đánh khốc liệt. Vậy trong những hồi mục tiếp theo, Tào Tuyết Cần còn sẽ nhắc tới những nhân vật quan trọng nào? Kết cục số mệnh của họ lại ra sao?*

Đến hồi 97, sẽ viết rằng: "Ninh Quốc phủ nợ cũ thành tội đầu, Vinh Quốc phủ lỗi mới bị xét nhà triệt để". Ninh Quốc phủ có nợ cũ. Nợ cũ gì?

Chính là che giấu Tần Khả Khanh. Vinh Quốc phủ có lỗi mới gì? Náo đến cuối cùng, không chỉ là việc ngươi che giấu tài sản phạm tội của nhà họ Chân, cũng không chỉ là việc con cháu ngươi viết bài từ Cơ Hoạch tướng quân phản Thanh. Bây giờ lại phát hiện ngươi tự ý đưa Phật thủ Lạp Du đông vào trong cung, suýt nữa mưu hại hoàng đế. Như vậy, Ninh Quốc phủ sẽ không còn được đối xử khách khí như đợt đả kích đầu. Nó sẽ tan hoang.

Tan hoang hoàn toàn, bị phá hủy triệt để. Cuối cùng, thành ra một vùng đất trắng xóa mênh mông, sạch trơn. Số mệnh của các nam chủ nhân hoặc là bị ban chết, hoặc bị đày đến Ninh Cổ Tháp, Đả Sinh Ô Lạp, những vùng biên viễn rét mướt khổ hàn như vậy, làm nô lệ cho người thuộc giáp. Các nữ chủ nhân, ai có vài phần nhan sắc, có thể bị những viên quan phụ trách xét nhà này chiếm đoạt. Những người khác, cùng với đám nô bộc nam nữ, thì hoặc bị đánh, hoặc bị giết, hoặc bị bán. Có người căn bản không được coi mạng sống là gì, trong quá trình ấy không chịu nổi hành hạ, chết thì cũng mặc chết.

Có người cuối cùng bị đem đi như súc vật để bán. Bị người mua về làm nô bộc. Rất thê thảm. Vậy, hồi 98, tôi cho rằng nội dung có thể là như thế này. Hồi mục có thể là: "Trăng lặn quạ kêu, sương lạnh đầy trời, thức cạn chim khóc, tan tác chạy loạn". Tức là số mệnh từ chủ nhân đến nô bộc mà tôi vừa nói, sẽ có một số miêu tả.

Và thậm chí còn có thể viết tới đại diện tổng thể của toàn bộ lực lượng chính trị phái Nguyệt, tức là cái gọi là.

Hoàng tôn, cũng chính là con trai của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế. Nếu tính từ vị hoàng đế đầu tiên đã nói ở phía trước trở xuống, thì ông ta thuộc hàng cháu. Đối với vị hoàng đế đương thời, ông ta hẳn là người cùng thế hệ. Nguyên mẫu của người này phải là Hoằng Tích thời Càn Long. Vụ án Hoằng Tích trong các bài giảng trước tôi đã có phân tích triển khai. Quý vị có thể nhớ lại, tra xem lại.

Ở đây tôi không nói nhiều nữa. Vậy nhân vật Hoằng Tích này, sau khi nguyên mẫu đi vào sách, trở thành một hình tượng nghệ thuật ẩn hiện mơ hồ, có thể bị giam lỏng ở chẳng hạn Thanh Hư quán. Khi trăng lặn, quạ kêu, ông ta sẽ cảm thấy lực lượng phe mình hoàn toàn bị tiêu diệt, sẽ cảm thấy phẫn nộ, nhưng lại bất lực. Còn những người bị ông ta liên lụy, nam nữ trong nhà họ Giả, thì suy bại đến mức ngay cả một nhân vật như Lục Châu cũng không xuất hiện nổi, chỉ còn lại một vùng đất trắng xóa mênh mông, sạch trơn. Nhưng câu chuyện vẫn phải phát triển tiếp. Hồi 99, giả định gọi là: "Lương Nhi bị ngờ trộm, chân tướng rõ ràng, Hy Phượng quét tuyết, đau lòng đến cực điểm".

Vừa rồi nói chỉ là một cục diện lớn. Nhưng việc xử trí riêng những con người trong Giả phủ cần phải có một quãng thời gian. Vì vậy trong quãng thời gian ấy, có thể có một giai đoạn, tức là những người đang chờ xử lý thêm đều bị tập trung lại trong một không gian nào đó của Vinh Quốc phủ trước đây. Có thể họ phải nằm la liệt dưới đất, mấy chục phụ nữ, mấy chục nam giới, rồi sau đó bị lần lượt đưa ra thẩm vấn, rồi quyết định bước tiếp theo sẽ phát lạc ra sao, xử trí thế nào. Vào lúc này, Vương Hy Phượng sẽ lẫn trong số đó. Vì sao Vương Hy Phượng lại ở trong đó?

Bởi thân phận Vương Hy Phượng khi ấy đã không còn là chủ nhân. Bà đã không còn là vợ của Giả Liễn. Bà chỉ là một đại nha hoàn trong phòng của Giả Liễn. Thân phận của bà là như vậy. Vậy, trong xã hội ấy, một khi ngươi bị hưu bỏ, pháp luật phải thừa nhận điều đó. Sau khi do tộc trưởng đứng ra, người vợ bị hưu bỏ ấy thì không thể, về mặt pháp lý, không thể còn được coi là vợ của một chủ nhân nữa.

Vì thế, Vương Hy Phượng mới có được một quãng thở dốc như vậy. Nhưng bà vô cùng gian nan. Vì sao? Bởi quý vị nghĩ xem, bà vốn là chủ nhân. Không những vốn là chủ nhân, mà trong phủ, bà từng xưng vương xưng bá. Ai mà không biết?

Không cần tố cáo tỉ mỉ, chỉ cần hỏi thăm vài câu, ai cũng biết cả. Cho nên đám xét nhà đối với bà cũng rất khắc nghiệt. Vì sao? Những người xét nhà của Trung Thuận vương đặc biệt có hứng thú với bà. Bởi tất cả những thứ bị tịch biên hiện nay đều là phù tài. Một phủ đệ lớn như thế, họ sẽ nghĩ: ngươi chôn gì dưới đất?

Giấu gì trong tường? Huống chi, ngoài những dinh thự ở kinh thành ra, chẳng phải ngươi còn có nhà cũ ở Kim Lăng, tức Nam Kinh hay sao? Đúng không? Phải không? Những chuyện ấy, khảo tra đám người dưới

khác là vô dụng. Đúng không?

Ai có khả năng biết rõ nhất? Chính là Vương Hy Phượng ngươi. Cho nên có người có thể đã bị giết, hoặc bị đánh bại rồi, nhưng bà phải bị giữ lại một thời gian. Giữ lại để làm gì? Dù là bắt bà quỳ trên mảnh ngói vỡ, hay là đưa đi thẩm vấn bắt khai, không có việc thì cũng đừng mong ngủ, ngươi phải làm việc cho ta. Vì thế khi trời đổ tuyết, người ta bắt bà quét tuyết.

Trong bài giảng trước của tôi về Vương Hy Phượng, đã nói đến chuyện này rồi: khi quét tuyết, bà nhặt được ngọc. Trong lời phê trước 80 hồi đã có lời nói rất rõ ràng về chuyện này. Tức là khi bà đi ra từ khoảng sân nơi Giả Chính và Vương phu nhân ở, rồi đi sang viện của Giả mẫu, ở giữa có một cửa xuyên đường. Năm xưa Bảo Ngọc từng từ đó đi ra. Đến cửa xuyên đường ấy, khi đó vẫn còn là một thế giới phồn hoa. Bây giờ thì nói rằng, Tào Tuyết Cần viết không hề rối một sợi.

Vì sao? Vì sau này Vương Hy Phượng quét tuyết nhặt ngọc chính là ở nơi này. Cho nên, nếu nay chúng ta có được toàn bản Hồng Lâu Mộng, chân bản của Tào Tuyết Cần, thì trong đó có một hồi có thể viết tới việc bà quét tuyết nhặt ngọc. Bà nhặt được viên ngọc nào? Là viên ngọc mà năm xưa bà đã tra khảo một nha hoàn, chính là Lương Nhi trong phòng Bảo Ngọc, cứ khăng khăng nói Lương Nhi trộm mất viên ngọc ấy. Kết quả bây giờ Lương Nhi đã sớm bị đuổi ra ngoài, thậm chí sau khi bị bà đẩy đi, đã bất hạnh mà chết.

Nhưng hiện nay, vì mọi thứ trong phủ đều bị tịch biên, đám người xét nhà ấy đều rất xấu xa. Khi cấp trên của họ không nhìn thấy, họ đều tự tham ô một vài món nhỏ. Vậy có một viên ngọc có thể đã bị một người xét nhà lấy được. Lúc lấy được thì rất hoảng hốt, chẳng hạn phải tập hợp gì đó, hắn liền đánh rơi bên cửa xuyên đường. Nó bị tuyết phủ lấp. Hy Phượng vừa quét liền quét ra.

Hy Phượng nhìn thấy: Ôi, viên ngọc này chẳng phải vẫn còn đây sao? Không thể nào là Lương Nhi lại đem trả nó về. Có thể thấy năm xưa chính ta đã đánh người ta đến mức phải nhận tội oan. Bắt người ta quỳ trên mảnh ngói vỡ, không cho ăn, không cho uống. Bây giờ bản thân ta cũng rơi vào một cảnh ngộ tương tự.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng hồi 99 của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần rất có khả năng sẽ trọng điểm giới thiệu tình cảnh bi thảm của Vương Hy Phượng.*

*Nhân vật từng hô gió gọi mưa trong 80 hồi trước này, vì thân phận đặc biệt, sẽ phải chịu sự đối đãi thê thảm hơn đa số chủ nhân và nha hoàn. Vậy dưới đòn đánh liên tục giáng xuống nhà họ Giả, tiếp theo còn có những nhân vật nào xuất hiện? Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng những phục bút Tào Tuyết Cần để lại trong 80 hồi đầu cho chúng ta biết, một số nhân vật nhỏ không mấy quan trọng trong sách sẽ lại lộ diện trong các hồi mục sau. Vậy những nhân vật nhỏ ấy gồm những ai?*

Rồi đến hồi 100. Trước đây tôi đã nói rồi, hồi 100 hẳn sẽ xuất hiện câu chuyện miếu Ngục Thần.

Hồi mục này có thể gọi là: "Miếu Ngục Thần, Thiến Tuyết an ủi tình si, Lăng Thúy am, Giả Vân cảm mến thi tiên". Nội dung này tôi mới nói ở các bài trước, không xa với bài hôm nay, nên không nhắc lại chi tiết. Chỉ tiện thể nói lướt qua. Có bạn yêu Hồng Lâu thảo luận với tôi, nói rằng Giả Vân đi tìm Lý Hoàn, Giả Lan, kết quả Lý Hoàn và Giả Lan rất keo kiệt, không chịu bỏ bạc ra cứu Xảo Thư. Vậy Giả Lan vẫn là kẻ gian ác. Có thể hắn đưa một tờ phiếu cầm đồ hay giấy thế chấp giả bảo cô ấy đi lấy tiền.

Cuối cùng cô đi lấy thì phát hiện là phiếu chết, bị lừa. Nhưng cuối cùng cô làm sao có được bạc? Nói là nhờ Giả Vân trọng nghĩa thăm am, lấy được từ chỗ Diệu Ngọc. Vậy Diệu Ngọc sao lại chuẩn bị sẵn một gói bạc? Điểm này phía trước cũng có phục bút. Mọi người biết ở hồi 18, có lời giới thiệu về lai lịch Diệu Ngọc.

Sư phụ của Diệu Ngọc là một người rất phi thường. Có bản lĩnh gì? Gọi là biết Kinh Dịch, giỏi tiên thiên thần số, có thể dự đoán, xem mệnh. Vì vậy Diệu Ngọc học được điều ấy, nàng có thể tính ra trong Giả phủ sẽ có người đến đây cần bạc gấp, ta sẽ đặt sẵn dưới tượng Phật trong am. Cho nên Giả Vân trọng nghĩa thăm am mà có thể nhận được bạc. Tôi thấy các phục bút trước đó của nàng cũng phát huy tác dụng.

Hồi 101, hồi mục của nó có thể là: "Xảo Thư bị lừa, rơi vào tuyệt địa, Lưu lão lão báo ơn như suối trào". Nội dung phía trước đã nói rồi, tôi không lặp lại nữa. Hồi 102, theo cá nhân tôi, hồi mục có thể là: "Phó Thu Phương dùng kế lấy lệnh bài, Cô gái áo đỏ khéo lời cản Kim Vinh". Nhân vật Phó Thu Phương về sau đi đâu? Phía trước có nhắc qua, 24 tuổi rồi vẫn chưa gả. Anh nàng tên là Phó Thí, hài âm là "phụ thế".

Câu chuyện đến hiện tại, quý vị thấy thế lực nào lớn nhất? Tự nhiên là phe Trung Thuận vương, phủ Trung Thuận vương. Cho nên anh nàng đem nàng gả vào phủ Trung Thuận vương, hoặc làm vợ con trai Trung Thuận vương, thậm chí trực tiếp làm thiếp của Trung Thuận vương, đều có thể. Bởi một ông anh xu phụ thế lực như vậy chuyện gì cũng làm được. Phó Thu Phương không có cách nào, chỉ có thể gả qua đó. Phía trước đã nói, khi Bảo Ngọc ở miếu Ngục Thần, Thiến Tuyết đến an ủi cậu, cậu đối diện một vấn đề: cậu không có tội lớn gì, chỉ chờ phát lệnh bài là có thể hồi hương, tức là bị đuổi về nguyên quán, tự tìm đường sống.

Nhưng lệnh bài ấy mãi không phát xuống. Vì lý do gì? Vì có người ngăn trở. Ai ngăn trở? Chẳng hạn Kim Vinh sẽ ngăn trở. Phía trước tôi cũng đã nói rồi, khi còn ở học đường cũ, đối đầu với cậu chính là Kim Vinh.

Trong tình huống này, cuối cùng ai giúp cậu? Kể cả việc lấy ra một số bạc cung cấp cho Thiến Tuyết, Giả Vân để đi hối lộ, đả thông quan hệ trong ngục, đến cuối cùng, thậm chí từ chỗ Trung Thuận vương lừa lấy được lệnh bài, giao cho Bảo Ngọc. Như vậy Bảo Ngọc lập tức cầm lệnh bài. Có lệnh bài thì chẳng khác nào giấy thông hành, không còn bị ngăn cản. Cậu liền lập tức gấp rút đi về Giang Nam, trở về cố hương của mình, tranh thủ tồn tại như một người dân dã tự do. Vậy cái gì gọi là "Cô gái áo đỏ khéo lời cản Kim Vinh"?

Sau khi Kim Vinh nhận được tin, hắn nói: Bảo Ngọc ấy sao bỗng nhiên lại đi được? Nghe nói còn có lệnh bài, không thể nào! Hắn liền đuổi theo. Vậy hắn sẽ đuổi tới bến thuyền. Sau khi đuổi tới bến thuyền, ai dùng kế

khéo để ngăn Kim Vinh, không để hắn bắt được Bảo Ngọc? Hắn chính là cô gái áo đỏ.

Cô gái áo đỏ là ai? Chính là người từng được viết ở phía trước, khi Giả Bảo Ngọc nhân dịp lễ tiết đến nhà Tập Nhân, xem nhà Tập Nhân ăn tết thế nào, thì phát hiện Kháng Nhân, và còn có một cô gái mặc áo đỏ. Sau khi trở về Vinh Quốc phủ, Bảo Ngọc còn hỏi Tập Nhân, nói cô gái mặc áo đỏ ở nhà nàng là ai. Tập Nhân nói lúc ấy hai chị em họ cũng sắp xuất giá gì đó. Những nhân vật như thế sẽ không phải viết rồi vứt bỏ. Quý vị nghĩ xem, hồi 13 một cái tên chưa xuất hiện đã đều có dụng ý, huống chi cô gái áo đỏ phía trước còn có vài nét miêu tả.

Cho nên ở chỗ này, nàng cũng có thể trở thành một người giúp Bảo Ngọc. Hồi 103 phía trước còn có một số nhân vật xuất hiện. Nhân vật Điện Nhi trong vài bản cũng được chép là Lượng Nhi.

Ở đây tôi không thảo luận tỉ mỉ. Nàng trước đó chỉ xuất hiện một cảnh: khi Tiết Bảo Thoa đang không vui, nàng đến hỏi Tiết Bảo Thoa: chị có lấy quạt của em không? Tiết Bảo Thoa liền nhân cơ hội này nói một số lời rất cay nghiệt, rất chua ngoa, để công kích Bảo Ngọc và Đại Ngọc, qua người nha đầu này. Theo lý mà nói, Tiết Bảo Thoa từng đắc tội với nàng. Nhưng về sau khi Bảo Thoa chết, nàng lại không nhớ hiềm khích cũ, bỏ qua oán trước, đi giúp nhà họ Tiết vận linh cữu về phương nam. Tào Tuyết Cần có thể thông qua tình tiết như vậy để phơi bày những cô gái trẻ ấy, trong lòng có một mặt tốt đẹp vượt lên trên các cô gái quý tộc. Vạn Nhi thì mọi người đều biết, phía trước nàng với tiểu đồng Minh Yên của Bảo Ngọc là một đôi. Ban đầu có thể nói là có chút lén lút tư tình, cũng chưa thật hiểu tình yêu là gì. Về sau trước khi Giả phủ suy bại, Bảo Ngọc có thể đã thả Minh Yên ra ngoài, cho cậu ta thân phận tự do. Khi ấy Bảo Ngọc có thể làm việc như thế. Vì vậy về sau Minh Yên hẳn cưới Vạn Nhi, hai người cùng sống với nhau. Nhưng bỗng một ngày, Vạn Nhi phát hiện chồng mình mất tích. Thực ra là Minh Yên.

Biết rằng Bảo Ngọc đã nhận được lệnh bài, có thể đi về phương nam, nên đi hộ tống Bảo Ngọc. Tuy lúc này trên danh phận cậu không còn là nô bộc của Bảo Ngọc, nhưng quan hệ qua lại trước kia của họ, quý vị xem, gần như là bạn bè. Vì vậy ban đầu Vạn Nhi rất giận, về sau biết nguyên do thì hiểu ra. Vì sao? Mọi người nghĩ lại chi tiết ấy: năm xưa Minh Yên và Vạn Nhi làm bậy trong một gian phòng, bị Bảo Ngọc phát hiện. Khi ấy Vạn Nhi không biết phải làm sao.

Bảo Ngọc liền nhắc nàng: sao còn chưa mau chạy? Vạn Nhi chạy ra ngoài. Sau khi nàng chạy ra, Bảo Ngọc đuổi theo nói gì? Nàng cứ yên tâm, ta tuyệt đối không nói với ai. Vạn Nhi sẽ ghi nhớ cậu cả đời. Bởi nếu Bảo Ngọc nói chuyện này với anh họ Giả Trân của cậu, Vạn Nhi sẽ chết không có chỗ chôn.

Cho nên nếu ngươi đắc tội với Kim Vinh, gieo xuống hạt tật lê, thì thu hoạch được cũng là tật lê. Nếu ngươi đối đãi tốt với Vạn Nhi, ngươi gieo xuống hương thảo, thu hoạch được sẽ là hương thảo. Trong sách sẽ có những nội dung như thế.

*Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng sau khi nhà họ Giả chịu đòn đả kích lớn, ngoài việc Tào Tuyết Cần sẽ trình bày kết cục số mệnh của các nhân vật quan trọng, ông còn sẽ viết tới một số nhân vật nhỏ đã được nhắc trong 80 hồi đầu. Đối diện với cảnh ngộ bi thảm của nhà họ Giả, biểu hiện của những nhân vật nhỏ ấy cũng rất khác nhau. Theo phần thám dật của ông Lưu Tâm Vũ, Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần hẳn gồm 108 hồi. Vậy trong số ít hồi còn lại, Tào Tuyết Cần còn sẽ viết những nội dung nào?*

Hồi 104, Khóc về Kim Lăng, Hy Phượng mệnh đoạn, Gấp về Giang Nam, Bảo Ngọc thần hồn mê mẩn. Vương Hy Phượng sẽ bị áp giải xuống phương nam. Bà khác với đãi ngộ của Bảo Ngọc. Với Bảo Ngọc thì nói: ngươi vừa trưởng thành, ngươi không có tội lớn, chỉ bị đuổi về nguyên quán sinh sống. Còn Vương Hy Phượng là bị áp giải. Vì sao phải áp giải ngươi?

Vì về những của cải ấy, sau khi trong lòng họ đã nắm gần đủ, vẫn cần ngươi đến nhà cũ ở Nam Kinh giúp chúng ta moi ra toàn bộ tài sản, kể cả thứ chôn dưới đất, giấu trong tường, đều phải lôi hết ra. Cho nên Vương Hy Phượng khô kiệt tinh linh. Cuối cùng nhân lúc người canh giữ không phòng bị, bà ở trên thuyền gieo mình xuống nước tự tận. Còn Bảo Ngọc thì gấp rút chạy về phương nam, bởi cậu sợ có người đuổi theo. Cuối cùng tâm lực không còn chống nổi, hẳn là rơi vào trạng thái mê man. Hồi 105 hẳn là: "Bến đò Qua Châu, Diệu Ngọc hiện thân, Dưới chùa Kim Sơn, hãn vương mất mạng".

Điều này trong mấy bài giảng trước về Diệu Ngọc tôi đã nói rất tỉ mỉ. Đại ý là, Diệu Ngọc rất vĩ đại. Vì sao? Sư phụ của nàng biết diễn tiên thiên thần số. Sư phụ có một câu dặn dò nàng, nàng hiểu câu ấy, tuyệt đối không được làm trái. Sư phụ nàng nói thế nào?

Nói rằng Kim Lăng là nơi nàng không thể trở về nguyên quán, không được quay về nguyên quán. Nhưng để cứu Bảo Ngọc, nàng quyết định quay về nguyên quán. Bởi phương hướng Bảo Ngọc đi chính là hướng về nguyên quán của nàng, tức vùng Kim Lăng. Cuối cùng, nàng không những cứu được Bảo Ngọc, mà đồng thời còn cứu được Sử Tương Vân. Mà khi Trung Thuận vương.

Lại bắt được Bảo Ngọc, bởi Trung Thuận vương nói: lệnh bài này của ngươi không phải do ta phát ra, hơn nữa có người tố cáo ngươi, vấn đề rất nghiêm trọng. Để cứu Bảo Ngọc, Diệu Ngọc thậm chí ngoài miệng đồng ý để Trung Thuận vương chiếm hữu nàng. Một khối ngọc đẹp đang ở trong bùn nhơ. Nhưng khi Trung Thuận vương thật sự muốn chiếm hữu nàng, nàng và Trung Thuận vương cùng chết. Nàng dùng sinh mệnh của mình nở ra một đóa hoa đẹp đẽ, cho chúng ta thấy rằng những người tính cách rất cô độc, rất đặc biệt, thường bị người đời hiểu lầm. Thực ra trong lòng họ có một tấm lòng bi trời thương người rất đáng khâm phục.

Họ có thể vì người khác mà hy sinh bản thân. Hồi 106, tôi cho rằng hồi mục có thể là thế này, gọi là: "Đất rộng mênh mang, Trung thu còn thơ chăng, Bạch thủ song tinh, tụ được mấy lâu". Tức là Bảo Ngọc và Sử Tương Vân, nhờ sự giúp đỡ của Diệu Ngọc, sau khi trải qua một phen ly loạn phức tạp như thế, đã trùng

phùng. Sau khi trùng phùng, tuy hoàn cảnh của họ rất nguy hiểm, nhưng không lâu sau lại truyền đến một tin có lợi đối với họ. Đó là Trung Thuận vương lại bị hoàng đế trị tội. Cả nhà bị xử trảm tịch thu.

Trung thu hẳn là ở kinh thành, Bảo Ngọc và Tương Vân sống lưu lạc làm ăn mày, hai người vui trong cái khổ, đến Trung thu thì cùng ngâm thơ. Phía trước có một hồi mục gọi là: "Nhân kỳ lân phục bạch thủ song tinh". Rất nhiều người không hiểu. Hồi 31 viết rằng Sử Tương Vân và Thúy Lũ ở Đại Quan viên nhặt được một con kỳ lân vàng. Vì sao con kỳ lân ấy lại có thể phục xuống "bạch thủ song tinh"? "Bạch thủ" là tóc bạc rồi.

"Song tinh" tức là một đôi vợ chồng. Đến chỗ này, độc giả hẳn đã hiểu: điều được phục xuống chính là Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân. Họ trong đời sống ăn mày đã kết thành vợ chồng. Mà việc kết thành vợ chồng có liên quan đến kỳ lân. Bởi Sử Tương Vân khi còn nhỏ bản thân có một con kỳ lân vàng nhỏ. Còn Giả Bảo Ngọc về sau có được một con kỳ lân vàng lớn.

Con kỳ lân vàng này từ tay Vệ Nhược Lan đi một vòng rồi lại trở về chỗ cậu. Cho nên nói, chính vì con kỳ lân ấy mà phục xuống một đôi bạch thủ song tinh. Vì sao là bạch thủ? Lúc đó tuổi họ còn rất nhỏ. Nhưng trong cảnh ăn xin, có thể ngay cả muối ăn họ cũng không đủ. Một người thành "nữ tóc trắng", một người thành "nam tóc trắng", tự nhiên là bạch thủ song tinh.

*Sau khi trải qua một phen gặp gỡ gập ghềnh, Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân cuối cùng đã đến với nhau. Đến đây, số mệnh của đa số nhân vật trong Hồng Lâu Mộng đều đã được bàn giao. Vậy hai hồi cuối của Toàn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần còn sẽ viết những nội dung gì? Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng, là phần kết thúc của Toàn bản Hồng Lâu Mộng, trong hai hồi này, Tào Tuyết Cần sẽ tập trung bàn giao tình hình của nam chính Giả Bảo Ngọc. Do Tào Tuyết Cần trong 80 hồi đầu đã để lại rất nhiều phục bút, tuy bản thảo 28 hồi sau đã thất lạc, nhưng phán đoán ra kết cục số mệnh cuối cùng của Bảo Ngọc đã không phải việc khó. Vậy theo ông Lưu Tâm Vũ, nội dung hai hồi cuối của Toàn bản Hồng Lâu Mộng rốt cuộc là gì?*

Hồi 107 gọi là:

"Đói ở Di Hồng, mùa đông giá nuốt bã rau muối chua, Bệnh nơi Chẩm Hà, đêm tuyết quấn nỉ rách". "Mùa đông giá nuốt bã rau muối chua", "đêm tuyết quấn nỉ rách", đây là trong lời phê Chi bản ở hồi 19 phía trước đã nói rõ ràng với chúng ta, rằng về sau sẽ xuất hiện những câu như vậy. Năm xưa đời sống của Giả Bảo Ngọc là muốn ăn gì có nấy, không muốn ăn gì cũng có nấy. Cậu lén lút để Minh Yên đi cùng đến nhà Tập Nhân. Tập Nhân vừa nhìn, thấy nhà mình tuy tết nhất cũng bày rất nhiều đồ ăn, nhưng vẫn cảm thấy chẳng có gì ăn được, không thứ nào xứng đáng cho Giả Bảo Ngọc ăn. Vậy "mùa đông giá nuốt bã rau muối chua, đêm tuyết quấn nỉ rách", mười chữ ấy chính là khi phía trước viết đến nhà Tập Nhân, Tập Nhân cảm thấy "rốt cuộc không có gì đáng ăn", thì lời phê đã viết xuống.

Có thể thấy đời sống về sau của họ vô cùng bi thảm. Lạnh đến không chịu nổi, thì nhặt một mảnh nỉ rách quấn lên người. Cuối cùng đến hồi 108. Hồi mục của nó có thể gọi là: "Thần Anh đốn ngộ, buông tay bên vực thẳm, Đá trở về núi, Tình bảng nghiễm nhiên". Đôi vợ chồng ăn mày này đến cuối cùng, trong tuyết lớn không còn cách nào sinh tồn ngoài trời. Họ có thể đi ra ngoại ô, rồi phát hiện một căn nhà nông.

Họ hy vọng nhà nông ấy có thể mở cửa, cho họ một chút hơi ấm. Kết quả phát hiện chủ nam và chủ nữ của nhà nông ấy quả nhiên rất nhân từ với họ, rất nhiệt tình. Cậu nhìn kỹ người nông phụ ấy, thấy lờ mờ quen mặt, nhưng không nhớ đã gặp ở đâu. Nghe người chồng gọi người nông phụ ấy thế nào? Gọi là Nhị Nha Đầu. Nhị Nha Đầu là ai?

Vậy chúng ta lập tức nhớ ra, phía trước, khi viết việc đưa tang Tần Khả Khanh, lúc ấy Vương Hy Phượng để tiện nghỉ chân, đã dẫn Bảo Ngọc và Tần Chung đến một thôn trang. Trong thôn trang ấy xuất hiện một nông phụ, một nữ nông dân trẻ, chính là Nhị Nha Đầu. Hơn nữa khi rời đi, Tào Tuyết Cần còn có một câu khiến rất nhiều độc giả hoặc kinh ngạc không thôi, hoặc suy ngẫm mãi không dứt. Câu ấy gọi là: "Giả Bảo Ngọc chỉ hận không thể xuống xe đi theo nàng". Đi theo Nhị Nha Đầu. Cho nên nhân vật này cũng là một người được mai phục lại để cuối cùng tham dự vào việc thu dọn toàn cục.

Vậy hẳn là vợ chồng Nhị Nha Đầu tiếp đãi họ. Sau khi tiếp đãi họ, Sử Tương Vân hẳn đã không còn kịp cứu nữa. Nàng đã rét đến mức không còn chịu nổi, hẳn là chết trong nhà Nhị Nha Đầu. Vì đang là mùa đông, đất đều đã đóng băng, rất khó khăn mới chôn cất được nàng. Vào đêm đó, đương nhiên đôi vợ chồng nhà nông này để Bảo Ngọc nghỉ ngơi tử tế. Nhưng Bảo Ngọc lại trăm mối ngổn ngang.

Cuối cùng Bảo Ngọc đột nhiên nghe thấy trên không có tiếng gọi. Chính là một tăng một đạo, các vị thần tiên trên thiên giới gọi cậu. Cậu liền ý thức được rằng: hóa ra ta đến nhân gian du lịch một phen. Ta vốn là Thần Anh thị giả hạ phàm. Cậu phải trở về thiên giới. Khi trở về thiên giới, liền nảy sinh giác ngộ cuối cùng của cậu.

Lúc đó cậu mới hiểu rằng, những chuyện như đi Ngũ Đài Sơn, cái kiểu xuất gia ấy, thật quá nông cạn. Điều thật sự gọi là "buông tay bên vực thẳm" là phải hiểu rằng tất cả vinh hoa phú quý đều chỉ là mây khói qua mắt. Nhưng chỉ hiểu điểm này vẫn chưa đủ. Bởi từ xưa rất nhiều cổ nhân đã sớm nói đến điểm ấy rồi. Vậy trong đám mây khói qua mắt ấy, điều gì mới đáng trân quý nhất? Đó chính là những linh hồn không bị chính trị, kinh tế, văn hóa tồi tệ của xã hội làm ô nhiễm.

Chính là lòng thương xót đối với kẻ yếu, chính là sự theo đuổi không mỏi đối với những điều đẹp đẽ. Cậu liền trở về thiên giới. Cậu là Thần Anh thị giả, trở về tiên giới. Còn viên Thông Linh bảo ngọc này, chính là khối đá lớn dưới núi Thanh Ngạnh. Sau khi khối đá ấy trở về thiên giới, trên đó liền viết đầy chữ. Vậy đọc những chữ ấy xuống, chính là Thạch Đầu ký 108 hồi, chính là Hồng Lâu Mộng.

Mà ở cuối hồi 108, có một Tình bảng. Nó đầy ý vị sâu xa, ghi riêng Bảo Ngọc là Giáng Động hoa vương. Sau đó là danh sách 108 cô gái, chia thành từng nhóm. Mỗi nhóm gồm 12 người, tổng cộng 9 nhóm, tất cả là 108 phụ nữ. Vậy đây chính là nội dung Toàn bản Hồng Lâu Mộng 108 hồi của Tào Tuyết Cần mà tôi đã thám dật ra. Hoan nghênh phê bình.

Xin cảm ơn quý vị đã theo dõi.

# Chuyện về cổ bản và bản thông hành

## Giải mã chân mạo cổ bản

Những vị từng nghe tôi diễn giảng trên chương trình Bách gia giảng đàn của Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc, từng đọc hai cuốn Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng của tôi, hẳn sẽ để ý thấy rằng khi trình bày quan điểm của mình, tôi luôn nhắc đi nhắc lại đến "cổ bản Hồng Lâu Mộng", để nhắc khán giả biết: những gì tôi nghiên cứu là dựa trên "cổ bản" chứ không phải "bản thông hành". Không ngừng có người, bằng đủ mọi cách, trực tiếp hoặc gián tiếp đặt ra cho tôi những câu hỏi như sau:

- Cổ bản Hồng Lâu Mộng là gì? Vì sao nên đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng?

- "Bản thông hành" Hồng Lâu Mộng là gì? Vì sao nói "bản thông hành" có vấn đề?

- Đã nên đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng, vậy ông có thể giới thiệu một bản in tốt được không?

Mấy câu hỏi này hỏi rất hay. Dưới đây tôi sẽ lần lượt trả lời tường tận cả ba câu hỏi ấy.

Hồng Lâu Mộng rốt cuộc do ai viết? Trải qua hơn một trăm năm phát triển của Hồng học, đến nay phần đông đã đạt được sự đồng thuận: đó là Tào Tuyết Cần. Đáng tiếc, cho tới bây giờ, chúng ta vẫn chưa tìm được bản thảo viết tay do chính tay ông để lại. Trước khi Tào Tuyết Cần qua đời, bản thảo của ông chưa từng được công khai xuất bản, mà chỉ lưu hành dưới hình thức chép tay, từ một bản biến thành hai bản, rồi nhiều bản hơn, lan truyền trong một phạm vi nhỏ hẹp. Những bản chép tay ấy, tất nhiên nét chữ đã không còn là của chính ông nữa. Ban đầu, có lẽ là những người thân thích, bạn bè gần gũi nhất với ông đứng ra chép; về sau, sách được chuyền tay chép đi chép lại nhiều lần, càng khó mà biết rõ ai là người chép sách nữa. Những người chép sách thời kỳ đầu, hẳn là vì yêu thích bản thảo mà làm. Mượn được một bộ từ người khác, đọc xong thấy hay quá, bèn nghĩ: trước khi trả sách, sao mình không giữ lại một bản cho riêng mình? Thế là kiên nhẫn chép lại một lượt. Nhưng đến khi Tào Tuyết Cần qua đời, việc lưu truyền cuốn sách này giống như một giọt mực rơi xuống tờ giấy tuyên, dần dần thấm loang ra, phạm vi lưu truyền ngày một rộng. Lúc này bắt đầu xuất hiện những người chép sách vì mục đích kinh doanh, họ có thể đã dùng cách thức như sau: một người cầm một bản gốc (một bản lưu truyền chép sớm hơn bản của họ) đọc lên, mấy người còn lại vừa nghe vừa viết, chép theo cách này thì sản lượng tăng lên nhiều. Chép ra nhiều bản như thế để làm gì? Đem ra hội chợ đền miếu mà bán. Nghe nói khá đắt giá, một bộ sách có thể bán được đến vài chục lạng bạc! Đến khi Tào Tuyết Cần qua đời đã ngót nghét hai mươi tám năm, mới xuất hiện một bản in bằng chữ rời, ông chủ nhà in tên là Trình Vĩ Nguyên. Người này đáng được ghi một nét đậm trong lịch sử xuất bản Trung Quốc, chính vì ông đã biến bản chép tay Hồng Lâu Mộng có được thành bản in chữ rời, mới

khiến cho cuốn sách của Tào Tuyết Cần có thể lưu truyền rộng rãi hơn. Bản in số lượng lớn, giá thành lại giảm mạnh, bán ra rẻ, người mua về đọc dĩ nhiên càng nhiều hơn.

Gọi là cổ bản Hồng Lâu Mộng, thì "cổ" hay không "cổ", ranh giới phân định chính là sự xuất hiện của bản in chữ rời do Trình Vĩ Nguyên thực hiện: những gì xuất hiện dưới hình thức chép tay trước đó, đều có thể xem là cổ bản Hồng Lâu Mộng. Còn Hồng Lâu Mộng được Trình Vĩ Nguyên in bằng chữ rời, phát hành số lượng lớn, giá rẻ, chính là khởi điểm của "bản thông hành". Tất nhiên, vì đó cũng đã là một bản in cách nay hơn hai trăm năm, lại nằm ngay ở ranh giới phân định, nên khi bàn về vấn đề văn bản của Hồng Lâu Mộng, đôi khi người ta cũng xếp bản in của Trình Vĩ Nguyên, đặc biệt là bản in lần đầu tiên của ông (giới Hồng học gọi là "bản Trình Giáp"), vào phạm trù "cổ bản"; còn về sau, nhất là bản Kim Ngọc duyên thịnh hành từ những năm Đạo Quang, Hàm Phong trở đi, thì đều không thể tính là cổ bản nữa.

Nói cho cùng, Trình Vĩ Nguyên đã biến cổ bản Hồng Lâu Mộng chép tay thành bản thông hành được in ấn, chẳng phải đó là một việc rất tốt hay sao? Sao bây giờ ông cứ nói bản thông hành có vấn đề mãi vậy?

Có một điều tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh với độc giả: theo nghiên cứu của Chu Nhữ Xương và các nhà Hồng học khác, về đại thể Tào Tuyết Cần đã viết xong trọn bộ sách; sau hồi tám mươi, rất có thể ông còn viết thêm hai mươi tám hồi nữa, tổng cộng một trăm lẻ tám hồi, toàn bộ câu chuyện đã hoàn chỉnh, thể hiện khá đầy đủ ý đồ kết cấu tổng thể của ông, chỉ còn thiếu một số chi tiết, chẳng hạn bài thơ Trung thu ở hồi bảy mươi lăm lẽ ra phải bổ sung mà chưa kịp bổ sung; cũng còn vài chỗ gai góc chưa gọt giũa hết, chẳng hạn rốt cuộc ông định cho nhân vật Vương Hy Phượng có hai người con gái (Đại Thư nhi và Xảo Thư nhi), hay chỉ một người con gái (Đại Thư nhi chính là Xảo Thư nhi)? Có thể thấy quyết định cuối cùng của ông là chỉ có một người con gái tên Xảo Thư, nhưng ông chưa kịp thống nhất toàn bộ bản thảo, chưa làm cho câu chữ giữa các hồi trước sau khớp nhau hoàn toàn, để lại một số dấu vết như vậy. Thế là, vấn đề của Trình Vĩ Nguyên bắt đầu lộ ra. Khi ông đứng ra chủ trì in ấn, xuất bản Hồng Lâu Mộng, tám mươi hồi đầu về đại thể là cổ bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, nhưng nội dung sau hồi tám mươi của cổ bản Tào Tuyết Cần thì hoàn toàn không thấy tăm hơi trong cuốn sách ông in ra, thay vào đó lại xuất hiện nội dung bốn mươi hồi sau khác. Theo lời ông tự kể, nội dung sau hồi tám mươi là lần lượt tìm được, bổ sung cho đủ từ gánh hàng của những người bán rong gánh gõ trống rao hàng. Nhưng về sau, các nhà Hồng học qua khảo chứng đã đi đến đồng thuận: Trình Vĩ Nguyên đã mời một nho sinh tên Cao Ngạc đến viết tiếp phần nội dung sau hồi tám mươi. Cao Ngạc chẳng có quan hệ gì với Tào Tuyết Cần cả, không quen biết, không qua lại, lại nhỏ tuổi hơn nhiều. Vào lúc ông thay Trình Vĩ Nguyên viết tiếp sách, hình thành nên bản thông hành, ông vẫn chưa hiển đạt trên đường khoa cử, "nhàn thả bại hĩ" (nhàn rỗi mà mệt mỏi), nhưng ông là kẻ mê khoa cử, mê làm quan, về sau quả nhiên thi đỗ cử nhân, ra làm quan. Cảnh giới tư tưởng, sở thích thẩm mỹ của ông so với Tào Tuyết Cần không chỉ là chênh lệch mà thôi, phải nói là ở nhiều điểm căn bản, hai người hoàn toàn trái ngược nhau. Vì vậy, giờ đây tôi phải một lần nữa nhấn mạnh với mọi người: Cao Ngạc dĩ nhiên có quyền viết tiếp sách, ông viết tiếp hay dở là chuyện khác, nhưng ông tuyệt đối không phải là

người cùng Tào Tuyết Cần hợp tác viết sách; đem bốn mươi hồi ông viết tiếp đóng chung với tám mươi hồi Tào Tuyết Cần viết để xuất bản, là điều không hợp lý.

Khi Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc hợp tác xuất bản bản thông hành một trăm hai mươi hồi Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần đã qua đời gần ba mươi năm. Thời ấy, tiểu thuyết loại này, đọc chơi như "sách nhàn" thì được, chứ viết ra như một áng văn chương đứng đắn thì người thường không dám làm. Cho dù có viết, cũng ít ai chịu công khai đề tên thật, thậm chí rõ ràng đã viết mà bị người khác hỏi tới, vẫn thấy ngượng ngùng, xấu hổ không dám nhận. Vì thế, ngay cả việc Cao Ngạc viết tiếp bốn mươi hồi sau, cũng không phải do chính Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc công bố, mà là do các nhà Hồng học đời sau khảo chứng ra. Thời đó, quyền tác giả đối với loại "dã sử của quan nhỏ" như tiểu thuyết căn bản không được coi trọng; Trình Vĩ Nguyên in sách bán sách, rõ ràng chỉ tuân theo ba nguyên tắc: một là, có người thích đọc, thích mua, kiếm được tiền; hai là, nội dung sách phải có vẻ hoàn chỉnh, nhất là sách kể chuyện thì phải có đầu có đuôi; ba là, an toàn, đừng gây chuyện thị phi. Dựa theo ba nguyên tắc ấy, ông chọn bản chép tay Hồng Lâu Mộng đã lưu truyền trong xã hội hai ba chục năm để in ấn, quảng bá, lại tìm đến Cao Ngạc để viết phần câu chuyện sau hồi tám mươi, hình thành nên bản thông hành một trăm hai mươi hồi như thế. Phần viết tiếp của Cao Ngạc, ngoài việc làm cho câu chuyện hoàn chỉnh, có đầu có đuôi, thì cái lợi lớn nhất đối với Trình Vĩ Nguyên chính là tránh được kết cục bi kịch lớn, cuối cùng biến bi kịch thành hỉ kịch, như vậy sẽ an toàn hơn, không đến nỗi sa vào cái lưới "văn tự ngục" vốn giăng ra khá dày đặc thời bấy giờ. Trong quá trình hợp tác, để tám mươi hồi đầu khớp được với bốn mươi hồi sau, họ còn cắt sửa tám mươi hồi đầu khá nhiều. Cái gọi là "bản Trình Giáp" nói ở trên, là bản in chữ rời lần đầu của Trình Vĩ Nguyên, phần chữ nghĩa tám mươi hồi đầu bị sửa còn ít; năm sau, vì sách bán chạy, họ in thêm lần nữa, và trước khi in thêm lại sửa một lượt nữa, lần này thì động chạm sâu hơn nhiều, nhiều chỗ sửa đổi đã không còn vì cân nhắc kỹ thuật cho "trước sau nhất quán" nữa, mà là vì cân nhắc chính trị nhằm làm suy yếu mũi nhọn phê phán của tám mươi hồi đầu. Vì sự "an toàn" của họ, dĩ nhiên cũng chẳng còn đoái hoài gì đến cảnh giới tư tưởng hay chí hướng thẩm mỹ của tác giả gốc nữa. Bản in lần thứ hai này, về sau được gọi là "bản Trình Ất". "Bản Trình Ất" ấy, từ đó cho đến khoảng hơn hai mươi năm trước, đã lưu truyền rộng rãi trong xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau, ấn tượng của người thường về Hồng Lâu Mộng, chính là ấn tượng về bản thông hành này. Vì vậy, bản thông hành một trăm hai mươi hồi Hồng Lâu Mộng khởi đầu từ Trình Vĩ Nguyên, có thể nói là vừa có công vừa có tội: công là ở chỗ, dù sao đi nữa cũng đã giúp tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần được lưu truyền rộng rãi; còn tội, thì ở chỗ khiến rất nhiều độc giả về sau hoàn toàn không biết rằng bốn mươi hồi sau ấy căn bản chẳng liên quan gì đến Tào Tuyết Cần, hơn nữa còn đi ngược lại rất nhiều với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần!

Vậy chắc chắn sẽ có người hỏi: bản chép tay mà Trình Vĩ Nguyên năm ấy dùng để biên tập, in ấn, rốt cuộc là một cổ bản chỉ có khoảng tám mươi hồi, hay là một cổ bản có cả nội dung sau hồi tám mươi? Rốt cuộc là vì bản ông có trong tay quả thật chỉ có khoảng tám mươi hồi, thấy không hoàn chỉnh, in ra khó bán, nên mới tìm Cao Ngạc hợp tác (có người cho rằng phần tiếp bốn mươi hồi sau kỳ thực do chính ông cùng Cao Ngạc

bàn bạc, biên soạn; nếu Cao Ngạc có quyền đề tên, thì ông cũng phải có) mà làm ra bản một trăm hai mươi hồi? Hay là bản ông có được vốn dĩ đã có nội dung sau hồi tám mươi, nhưng vì cân nhắc chính trị mà bỏ đi nội dung ấy, rồi lo liệu ra bốn mươi hồi sau khác không gây chuyện thị phi? Vấn đề này rất khó chứng thực. Trong quyển thứ mười của bộ Thạch Đầu Ký hội chân do Chu Nhữ Xương tiên sinh cùng anh trai Chu Hỗ Xương, con gái Chu Luân Linh hợp sức hiệu đính, có thu vào một bài viết dài của Chu Nhữ Xương nhan đề Đằng sau bộ toàn bích của Hồng Lâu Mộng, qua luận chứng chi tiết, ông đưa ra kiến giải riêng của mình: nói tóm lại, việc đẩy mạnh lưu hành bản in một trăm hai mươi hồi là một âm mưu chính trị, do quyền thần Hòa Thân, người phụ trách quản lý văn hóa thời Càn Long, đích thân xem xét, sắp đặt; xét thấy cuốn sách này đã lưu truyền trong xã hội, việc nghiêm cấm triệt để đã rất khó khăn, chi bằng đem tám mươi hồi đầu vốn mang tính phản nghịch sửa đổi đi, rồi dùng bốn mươi hồi sau "quay về chính thống" để làm biến đổi tính chất của nó, như vậy khi tiếp tục lưu truyền trong xã hội, sẽ không còn gây trở ngại lớn cho giới cầm quyền nữa. Phán đoán này của Chu tiên sinh, đáng để tham khảo.

Nói bấy nhiêu đó, ý tôi chẳng qua chỉ muốn nhấn mạnh hai điểm:

- Bản thông hành một trăm hai mươi hồi Hồng Lâu Mộng không phải là Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần;

- Muốn đọc Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thì phải đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng.

Vậy thì, hiện nay chúng ta còn có thể thấy được bao nhiêu loại cổ bản Hồng Lâu Mộng?

Nói chung, những cổ bản Hồng Lâu Mộng về cơ bản đáng tin cậy, có mấy loại sau đây:

Một, bản Giáp Tuất. Tên đầy đủ của bản này là Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký. Năm Giáp Tuất tức là năm Càn Long thứ mười chín (1754), năm đó Tào Tuyết Cần vẫn còn tại thế. Trong phần chính văn của bản này có câu "chí Chi Nghiễn Trai Giáp Tuất sao duyệt tái bình" (至脂砚斋甲戌抄阅再评 - đến năm Giáp Tuất, Chi Nghiễn Trai chép, đọc, bình lại lần hai). Về sau, bản này chuyền tay lưu truyền trong xã hội, đến cuối đời Thanh thì được một viên quan tên Lưu Thuyên Phúc sưu tầm, cất giữ. Ông rất coi trọng bản này; về sau vật đổi sao dời, kho sách của ông xuất hiện ở một hiệu sách cũ, đầu thế kỷ 20 được Hồ Thích mua được, nhưng lúc đó đã là một bản khuyết thiếu, tổng cộng chỉ còn mười sáu hồi (không phải từ hồi một đến hồi mười sáu liền mạch, mà chỉ còn các hồi một đến tám, mười hai đến mười sáu, hai mươi lăm đến hai mươi tám). Dù có lúc Hồ Thích từng cho rằng giá trị của Hồng Lâu Mộng không cao, nhưng ông vẫn hết sức trân quý bản khuyết này. Khi Chu Nhữ Xương còn là một thanh niên vô danh, từng đăng bài trên báo trình bày ý kiến về năm sinh năm mất của Tào Tuyết Cần; Hồ Thích tuy không đồng tình với quan điểm của ông, nhưng không hề tự cho mình là bậc quyền uy, không khinh miệt gọi ông là "kẻ ngoại đạo", mà bình đẳng bàn luận cùng Chu Nhữ Xương. Về sau Chu Nhữ Xương biết Hồ Thích đang giữ một cổ bản mà không ai khác được xem, bèn liều gan mượn xem, không ngờ Hồ Thích lại hào phóng cho mượn, đó chính là bản Giáp Tuất. Chu Nhữ Xương mừng rỡ khôn xiết, không chỉ đọc kỹ mà còn cùng anh trai Chu Hỗ Xương sao lại một bản phụ.

Về sau, khi quân Giải phóng vây thành Bắc Kinh, Chu Nhữ Xương chủ động đem sách trả lại nhà Hồ Thích, người nhà Hồ Thích mở cửa nhận sách; chỉ vài hôm sau, Hồ Thích đã được chuyên cơ do Tưởng Giới Thạch phái tới đón sang Đài Loan. Lúc lên máy bay, Hồ Thích chỉ mang theo hai bộ sách, một trong hai bộ đó chính là bản Giáp Tuất này.

Vào thời khắc then chốt của lịch sử, Hồ Thích đã không chọn ở lại đại lục, mà sang Đài Loan. Đến những năm 1950, người ta bắt đầu từ việc phê phán cuốn Hồng Lâu Mộng nghiên cứu của Du Bình Bá, rồi từng bước dẫn mũi nhọn phê phán chính trị hướng về mục tiêu lớn là Hồ Thích. Lúc đó Chu Nhữ Xương đã xuất bản cuốn Hồng Lâu Mộng tân chứng (sau gọi tắt là Tân chứng); chỉ nhìn tên sách cũng đủ thấy, ông đã phát triển nghiên cứu của riêng mình trên nền tảng cuốn Hồng Lâu Mộng khảo chứng của Hồ Thích. Có tư liệu đáng tin cậy chứng minh rằng, sau khi ở nước ngoài đọc được cuốn Tân chứng, Hồ Thích hết sức tán thưởng, cho rằng Chu Nhữ Xương coi như một học trò có thành tựu của mình. Trong bản in Tân chứng lúc bấy giờ, có những lời lẽ hết sức bất kính với Hồ Thích, chẳng hạn gọi ông là "kẻ vọng nhân"; về sau trên báo chí đại lục lại xuất hiện những bài viết của Chu Nhữ Xương phê phán Hồ Thích, tuyên bố ranh giới rạch ròi với ông. Có người kể lại chuyện này cho Hồ Thích nghe, Hồ Thích không hề để tâm, ông nói mình hiểu đó là chuyện bất đắc dĩ, vẫn đặt kỳ vọng lớn vào việc nghiên cứu Hồng học của Chu Nhữ Xương.

Lại qua hơn nửa thế kỷ nữa, có những người trẻ tuổi không hiểu tình thế chính trị xã hội lúc bấy giờ, lật lại sách cũ, bài viết cũ, cảm thấy sao Chu Nhữ Xương tiên sinh lại có thể đối xử với ân sư Hồ Thích như vậy? Điều đó chứng tỏ, cho dù là chuyện của mấy chục năm gần đây, nếu không "giải mã", người ta vẫn sẽ bị vẻ bề ngoài che mắt. May thay, ông Văn Hoài Sa, biên tập viên phụ trách xuất bản cuốn Tân chứng năm ấy, lúc tôi viết những dòng này vẫn còn sống; năm 2006 ông đã chín mươi sáu tuổi cao niên, vậy mà vẫn còn có thể ngồi máy bay vượt đại dương sang Mỹ thăm viếng. Tôi có vinh hạnh gặp ông tại New York, ông kể tường tận cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện: hóa ra, bản thảo cuốn Tân chứng vốn gửi cho một nhà xuất bản, bị trả lại, rồi chuyền qua tay ông. Ông nhận được, đọc xong thấy rất đáng để xuất bản; nhưng lúc đó Hồ Thích là một nhân vật có vấn đề về chính trị, mà trong bản thảo lại nhiều lần nhắc đến Hồ Thích theo hướng tích cực hoặc trung tính, phải làm sao đây? Ông cũng không kịp bàn bạc với Chu Nhữ Xương, vì để cuốn sách xuất bản mà không phạm "sai lầm chính trị", ông liền vung bút sửa "Hồ Thích tiên sinh" thành "vọng nhân Hồ Thích". Kể đến đây, ông cười khà khà như một đứa trẻ tinh nghịch; kỳ thực việc chọn từ "vọng nhân" cũng có dụng ý riêng của ông, bởi trong các tội danh chính trị thời đó, vốn dĩ không hề có cái mã chữ "vọng nhân" này; ông cố tình không sửa thành "phần tử phản động", "văn nhân phản động" các kiểu, mà dùng một từ "vọng nhân" tưởng như rất hỗn xược nhưng kỳ thực mang tính bông đùa, để giúp Chu Nhữ Xương tránh khỏi lời buộc tội "tô hồng cho Hồ Thích". Những người trẻ tuổi ngày nay đọc đến đây, hẳn nên có thêm chút nhận thức về sự phức tạp, éo le khó lường của tình thế lịch sử chứ?

Chu Nhữ Xương tiên sinh xưa nay vốn là người chuyên tâm làm học vấn. Trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Thiên Tân, ông không ra làm việc, đóng cửa ở nhà đọc sách, nghiên cứu, đó hẳn là một biểu hiện của

lòng yêu nước. Sau này Nhật Bản đầu hàng, quân đội Trung Quốc tiến vào thành, ông vô cùng phấn khích chạy ra khỏi nhà, ra đường đón đoàn quân người Trung Quốc, còn viết bài đăng trên báo Thiên Tân sau ngày quang phục, trong đó có câu "đan tự hồ tương, dĩ nghênh vương sư" (mang giỏ cơm bầu nước ra đón vương sư); về sau cũng từng có người vặn vẹo ông: sao ông lại đi đón chào quân đội Quốc dân đảng? Bởi vì lúc đó, quân đội Cộng sản tiếp quản các thành phố vùng Đông Bắc, còn Thiên Tân là do quân đội Quốc dân đảng tiếp quản. Một trí thức, thời Nhật chiếm đóng không đi làm việc cho người Nhật, đến khi thành phố mình sinh sống được quang phục thì xúc động ra đón đoàn quân người Trung Quốc, ông sai ở chỗ nào chứ?

Nhưng tình huống nói ở trên, cũng thực sự cho thấy: ở Trung Quốc, có một lớp trí thức như Chu Nhữ Xương tiên sinh, họ hiểu học vấn nhưng lại không rành chính trị; đòi hỏi họ phải có "trình độ chính trị" đi trước thời đại, liệu có phải quá khắt khe hay chăng?

Khi phong trào chính trị phê phán cuốn Hồng Lâu Mộng nghiên cứu của Du Bình Bá vừa bắt đầu vào năm 1954, Chu tiên sinh chưa lấy làm căng thẳng lắm, vì quan điểm của ông với Du tiên sinh xưa nay vốn khác nhau. Du tiên sinh nhìn chung xem Hồng Lâu Mộng như một thứ đẹp đẽ thuần túy để thưởng thức, nhấm nháp; còn Chu tiên sinh nhìn chung chú trọng phơi bày bối cảnh lịch sử và gia tộc của Hồng Lâu Mộng. Trong cuốn Tân chứng của ông, phần có dung lượng lớn nhất, thu thập tư liệu đầy đủ nhất chính là Sử liệu kê niên. Hiện nay đã có đủ bằng chứng cho thấy: cuốn Tân chứng vừa ra đời, Mao Trạch Đông xem xong liền rất thích, cuốn sách trở thành một trong những "sách gối đầu giường" của ông. Đến tuổi già, ông còn cho in riêng phần Sử liệu kê niên thành bản chữ to đóng gáy chỉ, để tiện lúc nào cũng có thể giở ra xem. Thủ tướng Chu Ân Lai chắc chắn cũng biết chuyện này. Trong thời kỳ "Cách mạng văn hóa", những người làm văn hóa thuộc hệ thống trung ương đều bị đưa xuống "trường cán bộ Ngũ Thất" ở Hồ Bắc lao động, Chu Nhữ Xương tiên sinh dĩ nhiên cũng phải đi, nhưng chỉ mới đi được vỏn vẹn một năm, bỗng có một tờ lệnh điều động từ văn phòng Thủ tướng Chu Ân Lai, riêng ông được điều về Bắc Kinh "dự bị".

Làm rõ được những bối cảnh này rồi, ta cũng không khó hiểu vì sao khi việc phê phán Du Bình Bá phát triển thành phê phán, thanh trừng Hồ Thích, Chu Nhữ Xương lại trở nên căng thẳng. Nay có một số người trẻ tra được trên báo bài viết ký tên Chu Nhữ Xương phê phán Hồ Thích, liền tỏ ra kinh ngạc, làm ầm lên. Người trẻ tuổi hiện nay và cả sau này đều nên hiểu: trong tình thế chính trị của Trung Quốc đại lục lúc bấy giờ, nếu bị xác định là có quan điểm giống với mục tiêu bị phê phán, thuộc "cùng một loại", thì cho dù bạn có muốn viết bài "tham gia phê phán", "vạch rõ ranh giới", cũng chưa chắc đã được cho phép đăng. Vậy khi đó vì sao Chu Nhữ Xương phải viết loại bài ấy? Nghe nói, chính Mao Trạch Đông đã lên tiếng, yêu cầu bảo vệ Chu Nhữ Xương. Bảo vệ bằng cách nào? Một là, cử ái tướng của mình lúc bấy giờ (một trong "hai nhân vật nhỏ" dẫn đầu phê phán Du Bình Bá) là Lý Hy Phàm đến bệnh viện thăm Chu Nhữ Xương đang nằm viện, báo cho ông biết họ sắp đăng một bài phê bình cuốn Tân chứng, nhưng không giống với việc phê phán Du Bình Bá, mà thuộc dạng "phê bình kiểu đồng chí". Chữ "kiểu đồng chí" hồi đó chính là một viên thuốc cứu tim về

mặt chính trị, nghĩa là không xem bạn là kẻ thù hay đại diện cho quan điểm phản động. Bởi vì tội danh phê phán Du Bình Bá là "kẻ truyền bá chủ nghĩa duy tâm tư sản phản động của Hồ Thích", nhưng Du và Hồ trong giao du, trong quan điểm học thuật lại chẳng có bằng chứng gì rõ ràng để nắm; còn Chu Nhữ Xương tiên sinh thì ai cũng biết, ngay cả bản Giáp Tuất của chính mình, Hồ Thích cũng cho ông mượn, quan điểm học thuật của hai người liên quan mật thiết với nhau rất nhiều chỗ, cuốn Hồng Lâu Mộng tân chứng chính là phát triển từ cuốn Hồng Lâu Mộng khảo chứng, làm sao có thể lảng tránh được? Không lảng tránh được, thì đành dùng cách "phê bình kiểu đồng chí" khác với việc phê phán Du Bình Bá. Hai là, do Đặng Thác, tổng biên tập báo Nhân Dân nhật báo, đứng ra mời Chu Nhữ Xương viết một bài vừa phê phán Hồ Thích vừa tự phê bình, "vạch rõ ranh giới", để giúp Chu "qua ải". Chu Nhữ Xương viết, sửa đi sửa lại vẫn khó đạt yêu cầu, cuối cùng do tòa soạn gia công lại, rốt cuộc mới đăng được. Chuyện này phản ánh cái "may mắn" lẫn sự lúng túng, ngượng ngùng của một trí thức không rành chính trị lúc bấy giờ, càng phản ánh đặc trưng xã hội của thời đại ấy; sao có thể từ đó mà rút ra kết luận Chu Nhữ Xương "vong ân bội nghĩa", "cơ hội chủ nghĩa" được? Đem những chuyện này ra để công kích "nhân phẩm" của một trí thức như vậy, rõ ràng, nếu không phải là ngây thơ, thì cũng là có dụng ý riêng.

Bạn thấy đấy, chỉ riêng một cổ bản như bản Giáp Tuất, đã kéo theo bao nhiêu là chuyện, quả thực sách có số phận của sách, người có số phận của người vậy.

Vậy bản Giáp Tuất này, có phải do chính tay Tào Tuyết Cần viết ra không? Hay là, có phải do chính tay Chi Nghiễn Trai chép lại và viết lời phê không? Không phải. Đây vẫn chỉ là một "bản chép qua tay", tức bản được chép lại dựa theo bản gốc nguyên thủy nhất. Tất nhiên, số lần "qua tay" của nó dường như không nhiều lắm, hẳn là rất gần với bản mẹ nguyên thủy ấy. Bản mẹ đó có thể có nét chữ do chính tay Tào Tuyết Cần viết, cũng có thể không có, nhưng chắc chắn có nét chữ của chính Chi Nghiễn Trai. Gọi nó là bản Giáp Tuất, là vì trên bản này tự ghi rõ dòng chữ "Giáp Tuất sao duyệt tái bình", nhưng lời phê của Chi Nghiễn Trai lại không hoàn toàn được viết trong chính năm Giáp Tuất ấy. Trên bản chép qua tay mà chúng ta đang thấy hiện nay, xuất hiện một số ít lời phê thuộc những năm sau năm Giáp Tuất, có nhà nghiên cứu bèn phán đoán bản này là giả. Kỳ thực hiện tượng này rất dễ giải thích: sau khi chỉnh lý xong một bản như vậy vào năm Giáp Tuất, Chi Nghiễn Trai vẫn giữ lại bên mình, đến vài năm sau vẫn có lúc giở ra xem lại, thỉnh thoảng có ý nghĩ gì đó, lại viết thêm vào, và ghi cả thời gian. Nếu Chi Nghiễn Trai muốn làm giả, thì cần gì phải để lại một kẽ hở như vậy? Hơn nữa, việc Tào Tuyết Cần viết sách và Chi Nghiễn Trai phê sách đều là những việc cô quạnh đến cùng cực, chẳng có danh có lợi gì để thu, chúng ta không tìm ra được bất kỳ động cơ làm giả nào cả.

Bản Giáp Tuất tuy chỉ còn lưu lại mười sáu hồi, nhưng nó gần với bản mẹ nguyên thủy nhất, gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần nhất, quý giá vô cùng. Nhưng, khi đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng, chúng ta không thể chỉ đọc riêng bản Giáp Tuất, vì nó khuyết thiếu quá nhiều, lại không liền mạch.

Vậy có cổ bản nào còn giữ lại được dung lượng nhiều hơn không? Có. Dưới đây sẽ nói đến mấy loại:

Hai, bản Mông Cổ vương phủ. Bản này hiện lưu trữ tại Thư viện Bắc Kinh. Nghe nói được thu mua từ một phủ vương gia Mông Cổ đã sa sút, nó mang tên Thạch Đầu Ký, có một trăm hai mươi hồi, lại có cả lời tựa của Trình Vĩ Nguyên, thoạt nhìn tưởng như là một bản thông hành. Nhưng qua nghiên cứu phát hiện, bốn mươi hồi sau hồi tám mươi của nó là chép, ghép theo bản Trình Giáp, lời tựa cũng là chép lại; trong tám mươi hồi đầu của nó, lại phát hiện các hồi năm mươi bảy đến sáu mươi hai cũng là chép từ bản thông hành để bổ sung cho đủ, nhưng bảy mươi tư hồi còn lại thì hẳn là chép qua tay từ một bản chép tay lưu truyền trong các gia đình quý tộc từ trước khi xuất hiện bản thông hành, thuộc về tính chất cổ bản.

Ba, bản Thích Tự. Bản này rất đáng quý, tên sách là Thạch Đầu Ký, có đủ tám mươi hồi trọn vẹn. Nó lưu hành bằng phương thức in đá vào cuối đời Thanh đầu Dân quốc, có nhiều bản in khác nhau, trong đó bản của nhà Hữu Chính thư cục có ảnh hưởng lớn nhất, đầu sách có lời tựa của một người ký tên Thích Liệu Sinh. Thích Liệu Sinh là một tên thật, ông là người Đức Thanh, Chiết Giang; nhà buôn sách hợp tác với ông tên là Địch Sở Thanh, ông này cho in bốn chữ "quốc sơ sao bản" (bản chép đầu triều Thanh) trên sách, ngụ ý muốn đối chọi với bản thông hành đã lưu hành rộng rãi. Bản chép qua tay mà nó dựa vào, qua nghiên cứu chứng minh là một bản giữ lại được khá nhiều bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

Bốn, bản Kỷ Mão. Tên đầy đủ của bản này là Càn Long Kỷ Mão tứ duyệt bình bản Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký. Năm Kỷ Mão này là năm Càn Long thứ hai mươi tư, tức năm 1759 dương lịch. Bản Giáp Tuất là bản trùng bình (bình lại lần hai) của Chi Nghiễn Trai, còn bản này là bản bình lần thứ tư; tiếc rằng bản bình lần đầu và bản bình lần ba của Chi Nghiễn Trai đã không lưu truyền lại được.

Bản này cũng không trọn vẹn, nhưng phần còn lưu lại cũng không phải là ít, có đủ bốn mươi ba hồi trọn vẹn và hai hồi rưỡi. Nó hiện lưu trữ tại Thư viện Bắc Kinh. Trong bản có dòng chữ "Kỷ Mão đông nguyệt định bản" (bản định vào tháng đông năm Kỷ Mão). Đây cũng là một bản chép qua tay. Điều thú vị là, các nhà nghiên cứu khảo chứng ra rằng người sưu tầm sớm nhất của nó là Hoằng Hiểu, con trai của Doãn Tường trong phủ Di thân vương thời Càn Long. Trong bộ sách này tôi từng nói đến "vụ án phản nghịch Hoằng Tích" năm Càn Long thứ tư (1739): Hoằng Tích là con trai của thái tử bị phế Dận Nhưng thời Khang Hy, là anh họ của Hoằng Hiểu; Doãn Tường là con trai thứ mười ba của Khang Hy. Lần đầu tiên Khang Hy phong tước cho các con trai, Doãn Tường vẫn còn nhỏ tuổi, nhưng đến lần phong tước thứ hai, ông đã trưởng thành, lần đó ngay cả Thập tứ a ca cũng được phong tước, còn ông thì vẫn chưa được phong, cảnh ngộ hết sức khó xử. Vì sao Khang Hy không phong tước cho ông? Trong bài giảng "Bí ẩn xuất thân của Tần Khả Khanh", tôi từng đưa ra cách lý giải của riêng mình. Doãn Tường này, vào cuối thời Khang Hy khi một số anh em tranh giành ngôi báu náo loạn không thôi, lại rất kín tiếng. Ông cũng chỉ có thể kín tiếng thôi, phải không? Nhưng sau khi Ung Chính giành được ngôi vua, lập tức phong ông làm Di thân vương, lại giao cho trọng trách. Ông nội và các đời cha của Tào Tuyết Cần từng rất được tin cậy, sủng ái thời Khang Hy; sau khi

Ung Chính lên ngôi, Tào Phủ, khi đó đang giữ chức Giang Ninh Chức tạo, nhanh chóng bị khiển trách, truy cứu. Nay có thể tra được một đoạn châu phê khá dài của hoàng đế trên tờ tấu thỉnh an của Tào Phủ vào năm Ung Chính thứ hai, toàn văn như sau:

"Trẫm bình an. Ngươi vốn đã phụng chỉ giao cho Di thân vương truyền tấu việc của ngươi, mọi việc cứ nghe theo vương tử dạy bảo mà làm. Nếu ngươi tự mình không làm điều sai trái, mọi việc vương tử sẽ chiếu cố được cho ngươi; nếu ngươi làm điều phi pháp, thì dựa vào ai cũng không thể ban phúc cho ngươi được. Chớ có chạy lung tung cửa nọ cửa kia, phí công phí sức mà chuốc vạ vào thân. Ngoài Di thân vương ra, tuyệt không được nhờ cậy thêm một ai khác để liên lụy đến bản thân. Sao không chọn việc đỡ phiền mà có lợi để làm, lại đi làm việc phiền phức mà có hại? Vì các ngươi xưa nay đã quen thói lẫn lộn hồ đồ, e người ta chỉ trích rằng ý trẫm đụng chạm đến ngươi, nếu không hiểu không rõ, hiểu sai ý trẫm, nên đặc biệt dụ cho ngươi biết. Nếu có ai dọa nạt ngươi, không ngại gì cứ hỏi Di thân vương, huống hồ vương tử rất thương yêu ngươi, nên trẫm mới giao ngươi cho vương tử. Chủ ý phải giữ vững, chớ có rối loạn thêm chút nào, làm hỏng thanh danh của trẫm, trẫm sẽ trừng phạt nặng nề, vương tử cũng không cứu nổi ngươi đâu. Đặc dụ."

Đoạn châu phê của Ung Chính trên tờ tấu này, hầu như câu nào cũng là lời lẽ kỳ quặc, ám ngữ, nếu không "giải mã" thì thực không biết rốt cuộc là chuyện gì. Ở đây tạm chưa bàn đến bí mật ẩn chứa trong đoạn châu phê có thật này trong lịch sử, nhưng tôi chép nó ra đây, là để nhắc độc giả rằng: gia tộc Tào Tuyết Cần với hoàng đế, cùng rất nhiều nhân vật hoàng tộc khác, quan hệ thực sự không hề tầm thường, mà rõ ràng, quan hệ giữa Di thân vương với nhà họ Tào lại càng không tầm thường hơn nữa. Đặc biệt đáng chú ý là, trong "vụ án phản nghịch Hoằng Tích" thời Càn Long, lại có Hoằng Xương, con trai của Di thân vương Doãn Tường, anh trai của Hoằng Hiểu, dính líu vào. Những thành viên hoàng tộc từng bị Ung Chính chỉnh trị, họ chống lại Ung Chính và Càn Long, người kế vị mà Ung Chính đã chọn, thì cũng còn dễ hiểu; nhưng sao trong phủ Di thân vương, nơi từng chịu ơn sâu của Ung Chính, lại xuất hiện kẻ phản nghịch? Lại còn là con trai cả của Di thân vương, Hoằng Xương? Điều này thực đáng suy ngẫm. Càng đáng suy ngẫm hơn là, qua hai ba chục năm sau, lại chính trong phủ Di thân vương, lưu truyền lại một bản Kỷ Mão như thế, mà tác giả chính là Tào Tuyết Cần, con trai của Tào Phủ, người mà năm Ung Chính thứ hai đã bị Ung Chính giao cho Di thân vương đích thân trông coi! (Cũng có nhà nghiên cứu cho rằng Tào Tuyết Cần là con di phúc của Tào Ngung, cháu gọi Tào Phủ bằng chú.)

Năm, bản Canh Thìn. Qua năm Kỷ Mão là đến năm Canh Thìn, tức năm Càn Long thứ hai mươi lăm, năm 1760 dương lịch. Bản chép tay Thạch Đầu Ký "Chi Nghiễn Trai phàm tứ duyệt bình quá" (Chi Nghiễn Trai đã bình đọc qua bốn lần) này cũng là một bản chép qua tay. Toàn bản có bảy mươi tám hồi, thiếu hồi sáu mươi tư và hồi sáu mươi bảy, hiện lưu trữ tại Thư viện Đại học Bắc Kinh. Trong bản có dòng chữ "Canh Thìn thu nguyệt định bản". Tuy cũng giống bản Kỷ Mão, đều là bản ghi lời phê bình lần thứ tư của Chi Nghiễn Trai, nhưng lại trải qua một số chỉnh lý, nên vẫn có chỗ khác với bản Kỷ Mão. Bản chép qua tay còn lưu lại này, có lẽ thời điểm chép qua tay đã cách xa bản mẹ khá nhiều, những người được phân công chép sách cũng

không phải ai cũng cẩn thận như nhau. Chẳng hạn mười hồi đầu không có lời phê mà chỉ có chính văn, ước đoán không phải vì bản mẹ nguyên gốc không có lời phê, mà là người được phân công chép phần này lười, không chép luôn cả lời phê; còn từ hồi mười một trở đi, người chép sách cẩn thận hơn, không chỉ có lời phê mà còn kiên nhẫn chép lại cả phê đầu hồi, phê cuối hồi, phê mi (phê ở lề trên trang), phê xen giữa dòng, phê chữ nhỏ hai dòng dưới chính văn; có lời phê ở bản mẹ vốn là châu phê (viết bằng son đỏ), thì cũng chép lại thành châu phê. Bản này vừa có ưu điểm, vừa có khiếm khuyết rõ rệt.

Sáu, bản Dương tàng. Bản này ban đầu do một viên quan yêu văn hóa hồi thế kỷ 19 tên Dương Kế Chấn cất giữ riêng, nay lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Văn học, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc. Những cổ bản nói ở trên đều mang tên Thạch Đầu Ký, riêng bản này mang tên Hồng Lâu Mộng cảo bản, là một bản chép tay một trăm hai mươi hồi, bốn mươi hồi sau về đại thể chép từ bản Trình Giáp, còn bản chép qua tay mà tám mươi hồi đầu dựa vào xem ra khá phức tạp, được ghép lại từ mấy loại bản chép tay lưu truyền trong xã hội. Trong tám mươi hồi đầu, nó lại thiếu từ hồi bốn mươi mốt đến hồi năm mươi, sau khi họ Dương có được bản này, đã dựa theo bản Trình Giáp mà bổ sung vào.

Bảy, bản Nga tàng. Nơi trước kia là Leningrad của Liên Xô, nay là Sankt-Peterburg của Nga, thư viện ở đó có cất giữ một bản chép tay Thạch Đầu Ký, do một giáo sĩ truyền giáo người Nga mang về từ năm Đạo Quang thứ mười hai đời Thanh (1832). Bản tám mươi hồi này thiếu mất hai hồi năm và sáu.

Đến năm 1984, một trăm năm mươi hai năm sau khi bản này lưu lạc ra nước ngoài, Trung Quốc bước vào thời kỳ mới của cải cách mở cửa, không còn liên tục tiến hành các phong trào chính trị theo phương châm "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh" nữa, rất nhiều việc trước kia chưa kịp làm nay rốt cuộc cũng có thể bắt tay vào làm. Trong tình thế ấy, nhà nước khởi động công trình tích lũy văn hóa về chỉnh lý, biên soạn in ấn các thư tịch cổ điển, người đứng đầu chỉ huy là Lý Nhất Manh, một vị lão đồng chí trong Đảng có tu dưỡng văn hóa rất cao; ông quyết định cử người sang Leningrad, Liên Xô, khảo sát bộ cổ bản Thạch Đầu Ký ấy, và người đầu tiên ông nghĩ đến chính là Chu Nhữ Xương tiên sinh. Vào mùa đông rét đậm năm ấy, một đoàn khảo sát có Chu tiên sinh trong thành phần đã sang Liên Xô tiến hành khảo sát, Chu tiên sinh đánh giá rất cao bản lưu trữ này. Nhưng trước sau đợt khảo sát ấy, cũng xuất hiện một số chuyện kỳ lạ, Chu tiên sinh đều viết vào bài Vạn dặm tìm sách kiêm nhớ tiên sinh Lý Nhất Manh, sau này được thu vào cuốn Thiên · Địa · Nhân · Ngã của ông, ai quan tâm không ngại tìm đọc.

Tám, bản Thư Tự. Cổ bản chép tay này đề tên sách là Hồng Lâu Mộng, đáng lẽ là một bản chép tám mươi hồi, nhưng nay chỉ còn lưu lại bốn mươi hồi đầu. Thời điểm chép qua tay của nó có thể xác định là năm Càn Long thứ năm mươi tư (1789). Vì đầu sách có lời tựa của một người tên Thư Nguyên Vĩ, nên giới Hồng học gọi nó là "bản Thư Tự".

Chín, bản Mộng Giác. Bản chép tay này tên sách cũng là Hồng Lâu Mộng, tám mươi hồi. Đầu sách có lời tựa ký tên Mộng Giác Chủ Nhân, lời tựa này viết vào năm Giáp Thìn đời Càn Long, tức năm Càn Long thứ bốn

mươi chín, năm 1784 dương lịch.

Mười, bản Trịnh tàng. Trịnh Chấn Đạc là người thời hiện đại, chuyên gia về lịch sử văn học. Ông từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Văn hóa, năm 1958 khi dẫn đầu một đoàn đại biểu văn hóa ra nước ngoài thăm viếng thì không may hy sinh trong một vụ tai nạn máy bay, hưởng thọ sáu mươi tuổi. Ông yêu thích sưu tầm sách, đã tìm được từ một hiệu sách cũ hai hồi (hồi hai mươi ba, hai mươi bốn) cổ bản Thạch Đầu Ký, tuy chỉ có hai hồi nhưng rất có giá trị nghiên cứu. Cổ bản này, ban đầu do ông sưu tầm, sau hiến tặng cho nhà nước, được gọi là bản Trịnh tàng.

Mười một, bản Trình Giáp. Bản này đã giải thích ở trên. Tám mươi hồi đầu của bản này tuy đã bị sửa đổi, nhưng vẫn giữ lại nhiều đặc điểm của bản mà Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc nắm trong tay, vốn chép qua tay từ hệ thống các cổ bản khác, vì vậy vẫn có thể xem tám mươi hồi đầu của bản Trình Giáp như một loại cổ bản đáng để tham chiếu.

Có một vấn đề chắc chắn ai cũng quan tâm, đó là: hiện nay trên thế giới, liệu còn có cổ bản Hồng Lâu Mộng nào âm thầm tồn tại hay không? Chúng ta còn có thể khai quật được chúng nữa không? Khi giải mã Diệu Ngọc, tôi từng nhắc đến một bản Tĩnh Ứng Côn; bản lưu trữ này từng một lần lộ diện, rồi lại biến mất một cách bí ẩn, nhưng vẫn để lại một tờ giấy kẹp có dòng chữ "Tịch Quỳ thư ốc" trong bản Thạch Đầu Ký. Cổ bản này, hiện nay liệu có còn tồn tại trên đời hay không, vẫn chưa có cách nào biết được. Tôi mong những người trong dân gian yêu mến Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng, đều có thể phấn chấn lên, trân trọng từng manh mối, để tìm kiếm những cổ bản riêng tư tương tự bản Tĩnh tàng. Nếu nhà mình có cổ bản gia truyền mà thực sự không muốn hiến tặng nguyên vật, thì in chụp lại để mọi người thưởng thức, nghiên cứu cũng là điều tốt. Tất nhiên, còn có một manh mối nữa, đó là tìm kiếm ở nước ngoài. Bản Nga tàng đã cho chúng ta một gợi ý: hồi đó Trung Quốc và Liên Xô cùng một phe, nên phía Liên Xô chủ động báo cho phía Trung Quốc biết bên họ có một cổ bản Hồng Lâu Mộng, nhưng mãi đến cuối năm 1984, phía Trung Quốc mới cử chuyên gia sang khảo sát; có thể thấy tình trạng một số cổ bản Hồng Lâu Mộng thất tán ở nước ngoài, bị lãng quên lâu dài đến mức không ai biết đến, vẫn có thể xuất hiện trường hợp thứ hai, thứ ba nữa. Sau chiến tranh Nha phiến, có rất nhiều giáo sĩ phương Tây đến Trung Quốc, còn có cả sĩ quan, thương nhân; họ hoặc vì yêu thích văn hóa Trung Quốc, hoặc xem như "chiến lợi phẩm", rất có thể trong lúc mang một số đồ vật khác của Trung Quốc về phương Tây, cũng đã mang theo cả cổ bản Hồng Lâu Mộng, cách suy đoán này hẳn không phải là quá đáng. Một số sách cũ chữ Hán trong các viện bảo tàng, thư viện phương Tây, đặc biệt là sách đóng gáy chỉ và bản chép tay, tuy họ đã sưu tầm từ lâu, nhưng vì thiếu nhân tài am hiểu chữ Hán, nhất là am hiểu văn hóa Trung Quốc, nên lâu nay không được chỉnh lý, biên mục, hoặc chỉ được phân loại biên mục sơ sài, mà không thể đánh giá đúng giá trị của từng loại sách, cũng có thể đã vùi lấp mất những cổ bản Hồng Lâu Mộng quý giá. Những bộ sưu tập tư nhân ở nước ngoài cũng đáng để tìm hiểu, đặc biệt là Nhật Bản và Hàn Quốc, còn có cả Mông Cổ, nơi những gia đình tư nhân ở đó cũng vẫn có khả năng tìm ra

được cổ bản Hồng Lâu Mộng. Suy nghĩ của tôi là: không nên nản lòng, việc tìm kiếm cổ bản Hồng Lâu Mộng vẫn nên kiên nhẫn mà làm, hơn nữa, hy vọng nằm ở trong dân gian.

Sau năm 1949, cách gọi "tứ đại danh tác" đã ăn sâu vào lòng người. "Tứ đại danh tác" chỉ bốn bộ tiểu thuyết chương hồi cổ điển: Hồng Lâu Mộng, Thủy Hử truyện, Tam Quốc diễn nghĩa, Tây Du Ký. Chủ tịch Mao Trạch Đông rất thích "tứ đại danh tác", nhất là Hồng Lâu Mộng. Trong bài nói chuyện Bàn về mười mối quan hệ lớn năm 1956, ông đã khái quát những ưu điểm của Trung Quốc ta là: đất rộng của nhiều, dân số đông đúc, lịch sử lâu đời, cùng với việc trong văn học có một bộ Hồng Lâu Mộng (ngày 26 tháng 12 năm 1976, Nhân Dân nhật báo chính thức công bố bài Bàn về mười mối quan hệ lớn). Hơn nửa thế kỷ qua, "tứ đại danh tác" đều có số lượng phát hành rất lớn, khá phổ cập.

Việc xuất bản các bản phổ cập của "tứ đại danh tác" về cơ bản luôn do Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân đảm nhiệm. Năm 1953, dưới danh nghĩa Nhà xuất bản Tác Gia, họ cho ra bản Hồng Lâu Mộng in chữ phồn thể, in dọc. Lúc đó, Nhà xuất bản Tác Gia là thương hiệu phụ của Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân; Nhà xuất bản Tác Gia này không phải là nhà xuất bản của Hội Nhà văn Trung Quốc hiện nay, và hiện nay Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân cũng không còn dùng thương hiệu phụ này nữa. Bản in này lấy bản in chữ chì của Nhà sách Á Đông ở Thượng Hải năm 1921 làm bản gốc, mà bản gốc ấy lại là một bản thông hành cuối đời Thanh diễn biến từ bản Trình Ất mà ra; chưa nói đến việc bốn mươi hồi sau căn bản không phải do Tào Tuyết Cần viết, ngay cả tám mươi hồi đầu cũng có rất nhiều vấn đề, là một bản có khiếm khuyết rõ rệt. Lúc đó nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập chưa lâu, trăm việc đều chờ chấn hưng, Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân có thể nhanh chóng cho ra mắt bốn bộ danh tác cổ điển, đối với đông đảo độc giả mà nói, đó đã là làm được một việc rất tốt rồi; lúc đó ý thức về văn bản chưa mạnh, Hồng học cũng chưa phát triển sâu như về sau, nên việc bản in này còn tồn tại vấn đề cũng là điều có thể hiểu được.

Đến tháng 10 năm 1957, Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân dưới danh nghĩa thương hiệu chính thức lại cho ra mắt lần nữa bản thông hành Hồng Lâu Mộng, không còn dùng bản Á Đông làm bản gốc nữa, mà đổi sang dùng bản Trình Ất làm bản gốc, bìa sách đề "Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc trước", chữ giản thể, in ngang, tiện cho quảng đại dân chúng đọc. Bản in này quả thực đã trở nên thông hành rộng rãi; trong hai ba chục năm sau đó, Hồng Lâu Mộng mà độc giả Trung Quốc đại lục đọc được, nói chung đều là bản này. Bản này đã đóng vai trò quyết định trong việc phổ cập Hồng Lâu Mộng. Như vở Việt kịch Hồng Lâu Mộng có ảnh hưởng rất lớn, cũng chính là được cải biên dựa theo bản thông hành này. Bản này cũng khiến người dân bình thường, trong lúc thưởng thức Hồng Lâu Mộng, hình thành một ấn tượng sai lầm ăn sâu bén rễ, đến nay vẫn khó xóa bỏ, đó là cho rằng câu chuyện một trăm hai mươi hồi là do một người tên Tào Tuyết Cần và một người tên Cao Ngạc hợp tác viết ra. Dù trong lời giới thiệu xuất bản cũng có nói rõ Cao Ngạc là người viết tiếp, nhưng độc giả bình thường thường đọc thẳng vào câu chuyện, ít ai chịu suy xét kỹ phần chữ giới thiệu ở đầu sách, hơn nữa trên bìa sách cũng không in chính xác là "Tào Tuyết Cần trước, Cao Ngạc tục", mà lại in "Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc trước", vì vậy cũng khiến độc giả bình thường cho rằng Hồng Lâu Mộng

một trăm hai mươi hồi chính là Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, Hồng Lâu Mộng chính là một cuốn sách như thế.

Năm 1958, Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân xuất bản cuốn Hồng Lâu Mộng bát thập hồi hiệu bản do Du Bình Bá tiên sinh hội hiệu từ một số cổ bản, cũng từng in lại hai lần. Đây là một bản tách rời phần của Tào và phần của Cao, cố gắng khôi phục bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần; đáng tiếc, lúc đó nó đã không lưu truyền rộng rãi trong dân chúng bình thường.

Đến tháng 3 năm 1982, Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân cho ra mắt một bản thông hành mới, chính là bản hiệu chú của Viện Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Trung Quốc, có thể gọi đây là một "bản quan tu" do nhà nước đầu tư. So với bản in ra tháng 10 năm 1957, bản thông hành này đã có tiến bộ rất lớn. Tám mươi hồi đầu của nó lấy bản Canh Thìn làm bản gốc, rồi tham chiếu các cổ bản khác để hiệu chú, sau mỗi hồi có "ghi chú hiệu đính", còn thêm không ít chú thích rất cần thiết, tiện cho độc giả bình thường đọc. Hồng Lâu Mộng mà mọi người đọc hiện nay, nói chung đều là bản này. Nhưng nó vẫn tồn tại một vấn đề cũ, đó là đem nguyên tác của Tào Tuyết Cần và phần viết tiếp của Cao Ngạc in chung với nhau, hơn nữa bìa sách vẫn đề chung tên hai người, khiến độc giả bình thường vẫn tưởng Tào, Cao là những người hợp tác. Bản này ban đầu phát hành thành ba tập thượng, trung, hạ, mỗi tập chứa bốn mươi hồi, tập thượng và trung là của Tào Tuyết Cần viết, tập hạ là của Cao Ngạc viết tiếp, in như vậy còn tương đối hợp lý. Về sau có lẽ nhà xuất bản vì lý do kỹ thuật in ấn, đóng sách cho thuận tiện, nên hiện nay bạn mua nó, đều là hình thức đóng gáy, phát hành thành hai tập thượng, hạ, như vậy vô hình trung càng làm tăng thêm khuyết điểm không phân biệt rạch ròi giữa Tào và Cao. Ngoài ra, bản này đề cao quá mức bản gốc mà nó sử dụng là bản Canh Thìn, giữ thái độ dè dặt trong việc tiếp nhận các dị văn từ các cổ bản khác, cách ngắt câu và thêm dấu chấm câu có nhiều chỗ còn đáng bàn, có chỗ riêng lẻ còn "tự ý sửa thẳng" nguyên văn bản Canh Thìn theo phán đoán chủ quan; vì vậy, tôi đề nghị nó nên lắng nghe ý kiến từ nhiều phía, cải tiến thêm nữa.

Năm 2003, Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân tu chỉnh và xuất bản lại bản điểm hiệu của Du Bình Bá, đưa vào bộ Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới, nằm trong danh mục sách chỉ định của Chuẩn chương trình ngữ văn trung học phổ thông do Bộ Giáo dục ban hành, hướng đến học sinh trung học phổ thông toàn quốc, mỗi lần in số lượng đều rất lớn, lưu hành rộng rãi trong giới thanh thiếu niên. Nhưng nó cũng nhất thiết phải đưa bốn mươi hồi Cao Ngạc viết tiếp vào in liền mạch, bìa sách vẫn in "Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc trước", khiến học sinh trung học phổ thông bình thường vẫn không thoát ra khỏi cái sai lầm lịch sử cho rằng "Hồng Lâu Mộng là do Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc hợp tác viết ra". Hơn nữa, nhìn theo con mắt ngày nay, việc điểm hiệu của Du tiên sinh vẫn còn những hạn chế nhất định, bản in này vẫn chưa thể coi là một thiện bản được hiệu đính tinh tường. (Theo Bắc Kinh thương báo ngày 18 tháng 9 năm 2006, dẫn số liệu do người có liên quan của Nhà xuất bản Văn học Nhân Dân cung cấp, bản hiệu chú của Viện Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng in năm 1982 đã in lũy kế 3,7 triệu bản, còn bản trong bộ Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới đã phát hành đến 450 nghìn bản.)

Nói bấy nhiêu rồi, vẫn phải quay lại câu hỏi cũ: đã vậy hiện nay các bản thông hành vẫn chưa khiến người ta hài lòng, thì ông có thể giới thiệu một bản cho mọi người đọc được không?

Có một bản như thế, đó chính là bản hội hiệu do Chu Nhữ Xương tiên sinh giản lược từ bộ Thạch Đầu Ký hội chân mười quyển mà thành, tức bản Chu hội đã nhắc đến ở trên. Gọi là hội hiệu, tức là đem mười một loại cổ bản mà tôi liệt kê ở trên, so sánh từng câu từng câu một (tất nhiên, vì số hồi mà mỗi cổ bản còn giữ lại không giống nhau, lại có những câu ở hồi đó của cổ bản này không có, nên đôi khi số câu đem ra so sánh không đủ mười một loại); hễ phát hiện chỗ khác nhau, lập tức dừng lại suy xét kỹ càng, cuối cùng chọn ra câu đúng, hay nói cách khác là gần nhất, với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, rồi kiên nhẫn nối kết lại mà tạo thành một thiện bản. Bản này có thể nói là cổ bản Thạch Đầu Ký tám mươi hồi, cũng có thể nói là cổ bản Hồng Lâu Mộng tám mươi hồi.

Trong Lời tựa của bản hội hiệu này, Chu Nhữ Xương tiên sinh đã kể lại hành trình gian nan trải qua hơn nửa thế kỷ mới hoàn thành được cuốn sách. Có thể nói đây là một "bản tư tu" chứa chan tâm huyết, là kết tinh của công sức phấn đấu nối tiếp nhau qua hai thế hệ, mấy người trong cùng một gia tộc. Tôi giới thiệu một bản như thế, và mong nó sẽ dần trở thành một loại bản thông hành khác; không cần giấu giếm, một trong những nhân tố chủ yếu chính là vì tôi và Chu tiên sinh có những điểm tương đồng quan trọng trong cách nhìn nhận về Hồng Lâu Mộng. Cách nhìn cơ bản của chúng tôi, nói ra cũng đơn giản, đó là:

Một, Hồng Lâu Mộng là tác phẩm của Tào Tuyết Cần, không phải do Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc cùng viết. Điểm này ở trên đã nói rất nhiều rồi, đạo lý không nhắc lại nữa. Vì vậy, không nên đem chữ nghĩa của hai người này in chung với nhau, càng không nên đề chung tên hai người trên sách. Phần viết tiếp của Cao Ngạc nên in riêng, bán riêng. Phải trả lại sự trong sạch cho Tào Tuyết Cần và cổ bản Hồng Lâu Mộng.

Hai, không phải Tào Tuyết Cần chưa viết xong Hồng Lâu Mộng, không phải ông chỉ viết được tám mươi hồi rồi câu chuyện dang dở, cần người khác viết tiếp sách của ông. Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng. Bản thảo hoàn thành của Hồng Lâu Mộng có một câu chuyện trọn vẹn, thể hiện được ý đồ kết cấu tổng thể của ông, chỉ còn thiếu công đoạn thống nhất, nhuận sắc cuối cùng. Chỉ là vì một lý do mà hiện nay chúng ta vẫn chưa thể xác định hoàn toàn, bản thảo sau hồi tám mươi mà ông đã viết xong đã bị "người mượn đọc làm thất lạc", đến nay vẫn chưa nổi lên trở lại, chưa xuất hiện trên đời. Vì vậy, nếu muốn biết ý đồ kết cấu tổng thể của Tào Tuyết Cần, muốn hiểu được một câu chuyện Hồng Lâu Mộng trọn vẹn của Tào Tuyết Cần, thì không thể tin vào phần viết tiếp của Cao Ngạc.

Ba, Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần tuy phần chữ nghĩa sau hồi tám mươi đã thất lạc, nhưng trong Hồng học có một nhánh gọi là Thám dật học, thông qua công việc thám dật của các nhà nghiên cứu, vẫn có thể vén mở được một số tình tiết sau hồi tám mươi, kết cục cuối cùng của một số nhân vật trong sách, cũng như việc toàn bộ sách kết thúc ở Tình bảng, v.v. Căn cứ của việc thám dật, chủ yếu là nguyên văn cổ bản Hồng Lâu Mộng, cùng với khối lượng lớn lời phê của Chi Nghiễn Trai và những người phê sách khác thời

bấy giờ. Cái tệ hại lớn nhất của bản thông hành một trăm hai mươi hồi, chính là vì "thống nhất trước sau" mà bắt tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần phải khớp theo bốn mươi hồi sau của Cao Ngạc. Cái quá trình "thống nhất bản thảo" tồi tệ ấy không chỉ là gọt chân cho vừa giày, mà đơn giản là lấy đào thay lý. Vì thế, muốn thưởng thức Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, thì nhất định phải đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng.

Tôi trân trọng giới thiệu với mọi người bản Chu hội Hồng Lâu Mộng, đó là kết tinh của cả đời Chu Nhữ Xương tiên sinh dồn sức nghiên cứu Hồng học, có thể coi là một chân bản. Đọc kỹ bản này, bạn sẽ phát hiện nó giữ lại không ít câu chữ xem ra không khớp với phần viết tiếp của Cao Ngạc. Ai cũng biết Tào Tuyết Cần rất giỏi dùng thủ pháp "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm", bản thông hành vì để khớp với phần Cao viết tiếp, đã chặt đứt một số con rắn trong cỏ, xóa đi một số đường tro, không chỉ khiến người ta tiếc nuối, mà còn có thể nói là bôi phân lên đầu Phật, biến vàng thành sắt. Chỗ không khớp với phần Cao viết tiếp của bản này, chính là minh chứng cho thấy những gì nó thể hiện mới là trạng thái nguyên sinh đã gột rửa hết ô nhiễm của phần Cao viết tiếp, cũng cho thấy sau hồi tám mươi, Tào Tuyết Cần hẳn sẽ viết theo một cách khác. Có độc giả đọc qua, trong trí tưởng tượng về phần sau hồi tám mươi, có thể sẽ bước vào một cảnh giới tư tưởng và nghệ thuật hoàn toàn khác với phần Cao Ngạc viết tiếp, khơi dậy lòng nhiệt tình tham gia vào việc thám dật.

Tất nhiên, quan điểm của Chu tiên sinh chỉ là ý kiến riêng của một nhà; còn tôi thì đến "nhà" cũng chẳng đáng gọi, chỉ coi như một người yêu thích công bố với mọi người tâm đắc đọc sách và tìm tòi của riêng mình. Mục đích của tôi, chỉ là muốn thêm cho đông đảo độc giả Hồng Lâu Mộng một bản có thể lựa chọn thêm mà thôi.

Sau đây, khi nói xong phần phàm lệ, tôi sẽ lần lượt theo từng hồi mà giới thiệu với mọi người đặc sắc của bản cổ bản hội hiệu Hồng Lâu Mộng này. Cuối cùng, tôi sẽ tham khảo thành quả thám dật của Chu tiên sinh, công bố tâm đắc thám dật của riêng mình về việc sau hồi tám mươi Tào Tuyết Cần sẽ viết những gì, để mọi người tham khảo. Mong rằng những dòng chữ của tôi có thể khơi dậy hứng thú của mọi người trong việc đọc chân bản Hồng Lâu Mộng!

# Không đọc phàm lệ, thật đáng tiếc

Trước hồi thứ nhất trong bản Chu hội, có một đoạn văn bản riêng biệt, gọi là phàm lệ.

Điều này vô cùng quan trọng! Chỉ riêng việc bản này có đoạn văn bản ấy, đã cho thấy đặc điểm của nó: nỗ lực áp sát bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Tất cả các bản thông hành đều không thu nhận đoạn văn bản này, hoặc chỉ nhét một phần của nó vào trong hồi thứ nhất.

Phàm lệ là thứ riêng có của bản Giáp Tuất. Chính vì riêng có, nên càng đáng quý vô cùng. Bản của Viện Nghiên cứu Hồng học thuộc Nhân Văn xã (tức Nhân Dân văn học xuất bản xã, từ đây gọi tắt như vậy) đang lưu hành hiện nay thì không thu nhận nó. Bạn thử xem: giở chính văn ra là gặp ngay hồi thứ nhất, câu đầu tiên đã là "đây là hồi mở đầu của cuốn sách" (此开卷第一回也). Chỉ có ở phần "hiệu ký" sau hồi mới có một lời giải thích, nói rõ vì sao buộc phải nhét gượng điều thứ năm của phàm lệ vào đó; chính vì là nhét gượng, nên khi lên khuôn in, người ta xử lý bằng cách lùi vào hai chữ, một kiểu định dạng đặc biệt. Còn bản Giáp Tuất, giở ra là gặp phàm lệ trước tiên. Bản Chu hội tôn trọng đúng bố cục ấy.

Phàm lệ, chính là những nguyên tắc mà việc viết cả bộ sách phải tuân theo. Ngay từ đầu sách, Tào Tuyết Cần đã nói rõ với độc giả mấy nguyên tắc mà ông tuân theo. Ông còn đặt tên cho phàm lệ là "Hồng Lâu Mộng chỉ nghĩa". "Chỉ" tức là tôn chỉ, gần nghĩa với nguyên tắc; "nghĩa" tức là yếu nghĩa, nghĩa là ông khái quát tinh thần chủ yếu của cả cuốn sách. Trước hết ông cho độc giả biết, cuốn sách này có rất nhiều tên gọi; trong hồi thứ nhất ông viết cụ thể ai đã tham gia đặt tên, đã đặt những tên gì; còn trong phàm lệ, ông trình bày trước lý do của từng cái tên ấy.

Câu đầu tiên ông viết xuống, giờ đây bạn không còn thấy được trọn vẹn. Vì bản Giáp Tuất lưu truyền đến nay đã qua tay nhiều chủ, hoặc có người giữ bảo quản không tốt, hoặc trong quá trình mua bán lưu chuyển đã sơ ý, khiến năm chữ trong câu đầu tiên này bị mài mòn mất, giờ chỉ còn cách dùng □□□□□ để thay thế. Năm chữ bị mài mòn ấy vốn nên là gì? Đây là vấn đề thám dật đầu tiên mà các bạn mê Hồng Lâu Mộng gặp phải khi đọc bản này. Kỳ thực, chỉ cần suy xét kỹ mạch văn trước sau, thì không khó đoán ra. Độc giả có thể cùng nhau bàn luận, để đi đến một cách hiểu chung.

Tôi xin chia sẻ với mọi người tâm đắc trong việc thám dật của mình. Trước hết xin dẫn câu ấy ra đây: "Thị thư đề danh cực □□□□□mộng, thị tổng kỳ toàn bộ chi danh dã" (sách này đặt tên rất [khuyết năm chữ]mộng, đó là cái tên thâu tóm trọn cả bộ sách). Tôi đoán như thế này: sau chữ "cực" (极) hẳn phải là chữ "đa" (多); trước chữ "mộng" (梦) chắc chắn là hai chữ "Hồng Lâu" (红楼) (nếu nhìn kỹ bản in chụp của bản Giáp Tuất, trong năm chữ khuyết này còn sót lại nửa chữ, chính là nửa chữ "lâu" (楼) đứng ngay trước chữ "mộng"). Vì vậy, chỉ còn hai chữ ở giữa cần động não mà đoán, hai chữ ấy, theo tôi, là "nhiên viết" (然曰). Ghép lại thành:

"Thị thư đề danh cực đa, nhiên viết Hồng Lâu Mộng, thị tổng kỳ toàn bộ chi danh dã" (Sách này đặt tên rất nhiều, nhưng gọi là Hồng Lâu Mộng, đó là cái tên thâu tóm trọn cả bộ sách).

Tất nhiên, thời Tào Tuyết Cần chưa có dấu câu kiểu mới, đọc văn chỉ dùng cách ngắt câu; nếu cầm bút ngắt câu trên sách, cách làm thông thường là chấm một dấu mực hoặc khoanh một vòng tròn ở bên phải chỗ ngắt câu, có khi người đọc đặc biệt thích một câu nào đó, thì thời hưng khoanh tròn ở bên phải từng chữ một trong câu ấy. Tôi từng viết trong một bài rằng mình nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, đến từng dấu câu cũng soi xét kỹ càng, liền có độc giả phê bình tôi: "Thời đó làm gì có dấu câu, ông soi cái gì?" Kỳ thực, ý tôi muốn nói là: ngắt câu thế nào, cần soi xét kỹ càng; thêm dấu câu kiểu mới ra sao, cũng cần soi xét kỹ càng. Một trong những phương pháp nghiên cứu của tôi là đọc kỹ văn bản, mà đọc kỹ thì phải kỹ đến mức độ như vậy.

Giờ đây tôi đã bổ sung đủ chữ cho câu đầu tiên trong "Hồng Lâu Mộng chỉ nghĩa" của bản Giáp Tuất theo cách hiểu của riêng mình, đồng thời thêm cả dấu câu kiểu mới vào. Không biết quý độc giả có đồng tình chăng? Rất hoan nghênh cùng bàn luận.

Câu này thực sự quan trọng vô cùng. Bản Giáp Tuất, cũng như phần lớn các cổ bản khác, đều lấy "Thạch Đầu Ký" làm tên sách. Trước đây khi bàn về cổ bản, tôi vẫn luôn cảm thấy gọi là "Thạch Đầu Ký" mới là chính tông, gọi là "Hồng Lâu Mộng" dường như lý không thẳng, khí không tráng cho lắm; nhưng giờ đọc kỹ lại câu mở đầu này của bản Chu hội, tôi lại thấy chúng ta nên gọi cuốn sách này là "Hồng Lâu Mộng" một cách đường hoàng chính đáng, bởi ngay từ đầu tác giả đã tuyên bố "Hồng Lâu Mộng" trong vô số tên gọi kia chính là "cái tên thâu tóm trọn cả bộ sách".

Điều thứ nhất của phàm lệ nói về chuyện tên sách.

Điều thứ hai nói về không gian được viết trong sách. Ý là tránh dùng những chữ chỉ phương hướng đông tây nam bắc, nhưng độc giả nên hiểu rằng, nội dung chính được viết là chuyện xảy ra trong kinh thành.

Điều thứ ba nói trọng tâm của những gì được viết là "chốn khuê các", tức lấy việc viết về phụ nữ trong gia đình làm chính, còn những chuyện khác thì viết sơ lược hơn.

Điều thứ tư trịnh trọng tuyên bố "sách này không dám can thiệp triều đình". Trong tập đầu của bộ sách này, tôi từng vạch ra rằng trong truyện có bóng dáng của các cuộc đấu tranh quyền lực chính trị qua ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, có nhà phê bình liền giễu cợt rằng tôi đã biến Hồng Lâu Mộng thành "bí sử chốn cung vi". Tôi cho rằng Tào Tuyết Cần đã viết với tư cách một người ở vị trí bên lề xã hội, tiến hành một lối sáng tác mang tính bên lề. Cuộc sống bên lề của ông, ban đầu là bị động hình thành do gia tộc sa sút, về sau lại trở thành lựa chọn chủ động, tự giác của chính ông. Ông tiến hành lối viết bên lề ấy, hoàn toàn tách khỏi văn hóa chính thống của triều đình và văn hóa chủ lưu của xã hội đương thời. Trong Hồng

Lâu Mộng có đoạn viết Giả Bảo Ngọc từ chối đọc sách làm quan, cũng có đoạn viết Giả mẫu phá bỏ những khuôn sáo cũ kỹ hủ lậu; văn chương khoa cử và thứ văn hóa tiêu khiển tầm thường đều bị ông phủ định. Cái ông viết ra là một thứ diễn ngôn bên lề hoàn toàn mới mẻ, khó được triều đình đương thời dung chứa, cũng khó được những người tiêu thụ văn hóa thấp kém của xã hội thấu hiểu. Việc viết lách của ông là một nỗi đau, bởi gia tộc ông, bản thân ông, đã chịu quá nhiều chấn động chính trị; ông đương nhiên có lập trường chính trị, khuynh hướng chính trị, cảm xúc chính trị của riêng mình, và việc ông thấm đẫm những lập trường, khuynh hướng, cảm xúc chính trị ấy vào văn tự của mình là điều không thể tránh khỏi. Nhưng Tào Tuyết Cần không dừng lại ở tầng bậc ấy; việc ông sửa đi sửa lại nhiều lần câu chuyện về Tần Khả Khanh chính là phản ánh trạng thái tâm lý phức tạp của ông, ông đang tìm cách vượt lên trên; và cuối cùng, ông đã vượt lên được, đã thực sự làm được "không can thiệp triều đình", tức là không tham dự vào cuộc đấu tranh quyền lực hiện thực, mà nâng tình cảm của mình lên một tầng cao mới, tầng quan hoài nhân loại vượt lên trên chính trị. Trong tập hai của bộ sách này, tôi có riêng một phần bàn về việc ông đã thông qua Giả Bảo Ngọc cùng Kim Lăng thập nhị thoa như thế nào để thể hiện tầm cao tư tưởng và nghệ thuật của việc "không can thiệp triều đình" mà "can dự vào tâm hồn con người". Vì vậy, tôi cho rằng không nên hiểu nguyên tắc sáng tác này của ông một cách hẹp hòi, thành ra chỉ là "trốn tránh văn tự ngục".

Điều thứ năm, bản thông hành coi là phần mở đầu của hồi thứ nhất mà nhét vào đó. Bản thông hành viết câu đầu của điều này thành "đây là hồi mở đầu của cuốn sách" (此开卷第一回也). Bản Chu hội cho chúng ta biết, câu này phải là "đây là hồi mở đầu của cuốn sách này" (此书开卷第一回也). Thiếu đi một chữ "thư" (书, nghĩa là "sách"), câu liền trở thành lời tác giả tuyên bố cả cuốn sách bắt đầu; thêm một chữ "thư" vào, thì đó vẫn là khẩu khí của phàm lệ, tức "Hồng Lâu Mộng chỉ nghĩa", giải thích với độc giả dụng ý của việc viết hồi thứ nhất cũng như cả cuốn sách. Tôi chấp nhận cách xử lý câu này của bản Chu hội. "Đây là hồi mở đầu của cuốn sách này..." hợp với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn.

Đáng tiếc nhất là, vì bản thông hành không lấy phàm lệ của bản Giáp Tuất, nên đông đảo độc giả không được đọc một bài thơ quan trọng của Tào Tuyết Cần. Bài thơ này được giữ lại trong bản Chu hội:

Lẫng dẫng trên đời khéo khổ công,
Tiệc tùng rốt cuộc chỉ là không.

Muôn trò mừng tủi đều hư ảo,
Một giấc xưa nay rõ viển vông.

Vạt thắm nào riêng người đẫm lệ,
Tình ngây còn vướng hận ôm lòng.

Xem ra chữ chữ toàn bằng huyết,
Cay đắng mười năm khéo lạ lùng.

Có nhà bình luận nói rằng, Hồng Lâu Mộng thiếu tầm cao triết học. Nhưng câu đầu tiên của bài thơ này, vừa mở đầu đã là một "câu hỏi tận cùng": ý nghĩa của sự tồn tại của con người. Một người sống trên đời, ngày này qua ngày khác khổ sở bôn ba, rốt cuộc là vì cái gì? Vì tiền bạc? Vì danh tiếng? Vì địa vị? Vì sắc đẹp? Vì trường thọ?... Đây là một mệnh đề triết học căn bản nhất, mà Tào Tuyết Cần, ngay trước khi mở đầu cả cuốn sách, đã thông qua một bài thơ như thế mà nêu ra hết sức rõ ràng. Con người nên sống vì điều gì? Rõ ràng, còn có những mục đích đáng để thực hiện hơn hẳn những thứ tôi vừa liệt kê ở trên; kỳ thực, đây chính là chủ đề của toàn bộ cuốn Hồng Lâu Mộng.

Ngoài ra, hai chữ "hồng tụ" (红袖 - tay áo hồng) và "tình si" (情痴) sóng đôi với nhau, cung cấp cho chúng ta một manh mối quan trọng để nhận ra thân phận thật sự của Chi Nghiễn Trai. "Hồng tụ" và "tình si" cùng nhau viết nên cuốn sách này, đại thể mất khoảng mười năm, bản thảo (bao gồm cả những lời phê) thấm đẫm tâm huyết của cả hai người! Cái ký hiệu "hồng tụ" như vậy khiến chúng ta cảm thấy Chi Nghiễn Trai là một người phụ nữ, hơn nữa còn là người phụ nữ thân thiết nhất, sống cùng với "tình si" (tức tác giả).

# Đá thừa Nữ Oa vá trời, ngọc thông linh bảo ngọc, và Giả Bảo Ngọc: có phải là ba trong một?

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ nhất: Chân Sĩ Ẩn trong cơn mộng ảo nhận ra ngọc thông linh, Giả Vũ Thôn giữa cảnh phong trần tưởng nhớ người khuê tú

Trước tiên hãy xem một câu hỏi trắc nghiệm. Xin nối các tồn tại ở cõi trời bên trái với các nhân vật hoặc sự vật nơi trần thế bên phải, để thể hiện mối liên hệ giữa chúng. Nói cách khác, xin bạn phán đoán xem: các tồn tại nơi cõi trời, sau khi giáng trần, lần lượt biến thành những gì:

| Cõi Trời | Nhân gian |
|---|---|
| Đá thừa Nữ Oa vá trời | Giả Bảo Ngọc, con trai Giả Chính ở phủ Vinh Quốc |
| Thần Anh thị giả ở cung Xích Hà | Ngọc thông linh bảo ngọc |
| Cỏ tiên Giáng Châu bên hòn đá Tam Sinh, bờ Linh Hà phương Tây | Lâm Đại Ngọc, con gái Lâm Như Hải, quan Diêm chính Dương Châu |
| Vị hòa thượng khí cốt khác thường, phong thái dị kỳ | Hòa thượng đầu chốc chân khập khiễng (hòa thượng đầu chốc) |
| Vị đạo sĩ khí cốt khác thường, phong thái dị kỳ | Đạo sĩ chân khập khiễng tóc bù xù (đạo nhân khập khiễng) |
| Không Không đạo nhân | Mang Mang đại sĩ |
| | Diểu Diểu chân nhân |

Chỗ gây tranh cãi nhiều nhất, có lẽ là cách nối giữa mục thứ nhất và mục thứ hai. Điều này liên quan đến một vấn đề then chốt: hòn đá do Nữ Oa luyện ra, vì không đủ tài để vá trời mà bị bỏ lại ở Thanh Ngạnh Phong, Vô Kê Nhai, núi Đại Hoang, rốt cuộc có phải sau khi giáng trần đã biến thành Giả Bảo Ngọc hay không?

Nếu bạn nào tham gia làm bài trắc nghiệm này mà đọc bản thông hành trước năm 1982, thì chắc chắn sẽ trả lời khẳng định cho câu hỏi trên. Từ bản Trình Ất thời Càn Long cho đến các bản thông hành đầu thập niên 1980 của thế kỷ XX, tất cả đều để lại ấn tượng như vậy cho độc giả. Nhưng đó hoàn toàn trái với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Bản hiệu chú của Viện Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng năm 1982 rốt cuộc đã bổ sung bốn trăm hai mươi chín chữ chỉ có riêng trong bản Giáp Tuất, về cơ bản đã sửa được một sai lầm lớn của các bản thông hành trước đó. Còn bản tinh hiệu của tiên sinh Chu Nhữ Xương, tập hợp nhiều cổ bản khác nhau, đã chỉnh lý những đoạn văn liên quan sao cho gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn nữa.

Trong hồi thứ nhất, Tào Tuyết Cần đã dựng nên một tiền đề thần thoại bao trùm toàn cục. Nội dung thần thoại này, xét đại thể, có thể chia thành ba phần:

Phần thứ nhất là chuyện Nữ Oa vá trời: bà luyện ra ba vạn sáu nghìn năm trăm linh một viên đá, sau khi vá trời xong còn thừa lại một viên, viên đá này bị bỏ lại dưới chân Thanh Ngạnh Phong, Vô Kê Nhai, núi Đại Hoang. Viên đá ấy rất đau khổ. Nhưng một hôm có một vị tăng, một vị đạo đi tới, ngồi bên cạnh nó trò chuyện. Xin lưu ý, hình dạng của một tăng một đạo này ở cõi trời là khí cốt phi phàm, phong thái khác thường; về sau, khi tả cảnh họ giáng trần hoạt động, tác giả lại cho hiện ra hình dạng giả: một người hóa thành kẻ đầu trọc lở, một người hóa thành kẻ chân khập khiễng. Một tăng một đạo nói đến chuyện vinh hoa phú quý nơi hồng trần, khơi dậy tấm lòng phàm tục của viên đá, khiến nó khẩn khoản xin họ mang mình xuống trần để trải nghiệm một phen. Để tiện mang theo một tảng đá to như vậy, nhà sư bèn thi triển phép huyễn thuật lớn, biến nó thành cỡ một cái quạt trụy, quạt trụy tức là cái vật xâu lỗ, buộc bằng dây tơ ở đuôi cán quạt (quạt xếp hay quạt tròn), thường làm bằng ngọc, phỉ thúy, san hô..., vừa là đồ trang sức, vừa giúp tăng thêm độ ổn định cho đáy quạt, tiện cho việc quạt gió. Tảng đá to hóa nhỏ, nhỏ đến mức có thể đặt gọn trong lòng bàn tay. Nhà sư nói, để khi giáng trần người ta nhìn vào biết ngay đây là vật kỳ diệu, còn phải khắc thêm chữ lên trên nữa. Về sau, sách kể chuyện Chân Sĩ Ẩn ngủ ngày nằm mộng, trong mộng gặp một tăng một đạo, ông có duyên được nhìn thấy cái vật sắp giáng trần mà hai vị tăng đạo gọi là "vật xuẩn ngốc" ấy: "một hòn ngọc sáng đẹp, mặt trên khắc rõ bốn chữ: Thông linh bảo ngọc, mặt sau có mấy hàng chữ nhỏ." Đọc những chữ này trong cổ bản, chúng ta thấy rất rõ: đá thừa sau khi Nữ Oa vá trời, khi giáng trần không phải hóa thành Giả Bảo Ngọc, mà là hóa thành viên "ngọc đẹp năm sắc lóng lánh" mà Giả Bảo Ngọc ngậm trong miệng lúc lọt lòng (hồi hai, do Lãnh Tử Hưng kể lại cho Giả Vũ Thôn nghe). Đến hồi thứ tám, tác giả qua con mắt của Tiết Bảo Thoa, miêu tả ngọc thông linh kỹ hơn nữa, tả nó "to bằng quả trứng chim sẻ" (kích cỡ bằng một quả trứng chim sẻ, ngậm trong miệng một đứa bé mập mạp, cũng là điều hợp lý), và cũng vẽ rõ, kể rõ những chữ khắc trên đó. Viên đá này, sau khi trải qua bao cảnh tan hợp buồn vui, ấm lạnh thế thái nơi trần thế, lại quay về dưới chân Thanh Ngạnh Phong, Vô Kê Nhai, núi Đại Hoang, khôi phục thành tảng đá lớn. Một vị Không Không đạo nhân trên cõi trời (không phải vị đạo sĩ trong cặp một tăng một đạo kia, và trong tám mươi hồi đầu cũng chưa từng xuất hiện nơi trần thế; trong câu hỏi nối ở trên, tuy bên trái có liệt kê ra, nhưng không thể nối với bất cứ mục nào bên phải) khi phát hiện ra nó, thấy trên đó đã viết đầy chữ, "chữ nghĩa rõ ràng, biên chép tường tận", thế là sau khi trò chuyện với viên đá một hồi, Không Không đạo nhân liền chép lại cuốn Thạch Đầu Ký ấy, truyền bá ra nhân gian.

Các bản thông hành trước đây đã gộp lẫn đá thừa Nữ Oa vá trời, Giả Bảo Ngọc và ngọc thông linh làm một, thành "ba ngôi một thể". Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc làm ra bản thông hành một trăm hai mươi hồi, sau khi họ viết tiếp tám mươi hồi sau, việc gì phải sửa cả tám mươi hồi trước? Nếu chỉ là cắt bớt, hoặc đổi vài chữ vài từ, thì cũng chưa đến nỗi gay gắt lắm, cái nghiêm trọng là ở chỗ họ còn ngang nhiên thêm bừa vào. Trong cổ bản hồi thứ nhất, có câu nói viên đá vá trời của Nữ Oa "linh tính đã thông", nghĩa là nó có thể trò chuyện được với một tăng một đạo, và có thể nảy sinh ý muốn giáng trần, nhưng muốn thật sự giáng trần

thì vẫn phải nhờ hai vị tiên giúp sức. Nó chỉ hóa thành viên ngọc thông linh cỡ bằng cái quạt trụy nhờ nhà sư tiên thi triển phép huyễn thuật lớn. Vậy mà Trình, Cao lại ngang nhiên thêm vào sau câu "linh tính đã thông" tám chữ "tự đi tự lại, có thể lớn có thể nhỏ", đồng thời lại bỏ mất những nội dung mà hiện nay chúng ta có thể thấy trong bản Chu hội. Độc giả tinh ý sẽ cảm thấy có sự rối loạn về mặt lô-gích: nếu viên đá tự mình có thể biến nhỏ, lại đi lại tự do, thì nó cứ tự bay xuống trần là xong, cần gì phải nhờ hai vị tiên giúp đỡ? Trình, Cao quả thật đã sai lầm lớn. Đọc kỹ cổ bản mới hiểu, dụng ý của Tào Tuyết Cần là tách bạch Giả Bảo Ngọc và ngọc thông linh ra làm hai, đồng thời để ngọc thông linh đóng vai người quan sát, người cảm nhận những thăng trầm biến ảo nơi trần thế, và cho biết rằng khi nó trở về cõi trời, khôi phục hình dạng tảng đá lớn, thì trên đó xuất hiện một bộ Thạch Đầu Ký. Những ý nghĩa khác chưa bàn tới, chỉ riêng về mặt phương lược tự sự, cách làm này đã cho phép tác giả dùng đan xen cả ngôi thứ nhất, thứ hai, thứ ba: toàn bộ cuốn sách về đại thể là lối kể khách quan ở ngôi thứ ba, nhưng đôi lúc chính "hòn đá" (ngọc thông linh) lại tự cất lời than thở, có khi lại chen vào bằng cách trò chuyện với "quý vị độc giả", khiến ngôn ngữ toàn sách mang dáng dấp của một thứ "âm thanh nổi vòng quanh", sống động hơn không biết bao nhiêu lần so với loại văn bản chỉ kể bằng một ngôi từ đầu đến cuối.

Phần thứ hai trong thiết kế thần thoại, chính là việc dựng nên một cõi Thái Hư ảo cảnh. Vị nữ thần cai quản Thái Hư ảo cảnh là Cảnh Huyễn tiên cô. Trên cõi trời, vị tiên cô này "coi việc nợ trăng tình gió nơi nhân gian, quản gái oán trai si chốn trần thế" (hồi thứ năm nói rõ), nói đơn giản, đó chính là một nữ thần tình yêu. Ở hồi thứ nhất, Chân Sĩ Ẩn trong mộng gặp một tăng một đạo, hai vị tiên đang định đi tìm Cảnh Huyễn tiên cô, tìm bà để làm gì? Bản thông hành để lại ấn tượng cho độc giả là Cảnh Huyễn tiên cô sẽ thu xếp cho viên đá họ mang theo giáng trần biến thành Giả Bảo Ngọc, nhưng cổ bản viết rất rõ ràng: không phải như vậy. Họ đi tìm Cảnh Huyễn tiên cô là vì biết bà lại sắp sửa cho một lứa "tình chủng" xuống trần, tức là lại gieo xuống một lứa hạt giống sự sống, có nam có nữ, để họ xuống trần nếm trải cả nỗi đau lẫn vị ngọt của tình yêu, cho nên mới yêu cầu Cảnh Huyễn tiên cô "giắt theo" viên đá đã biến thành cỡ cái quạt trụy xuống trần. Xin lưu ý, hai chữ "giắt theo" nói rất rõ, và đoạn sau cũng kể rất rành mạch: lúc Giả Bảo Ngọc lọt lòng, trong miệng đã giắt theo một vật, cùng cậu xuống trần, đó chính là ngọc thông linh, cũng tức là viên đá thừa sau khi Nữ Oa vá trời trên cõi trời. Ngọc thông linh xuống trần cùng lúc với Giả Bảo Ngọc, vậy thì nó tạm biệt cõi trời được bao lâu, cũng có nghĩa là Giả Bảo Ngọc đã bao nhiêu tuổi. Về sau trong sách có những đoạn văn như vậy, đến hồi ấy tôi sẽ nhắc mọi người chú ý lại. Ngoài ra, cũng xin mọi người để ý: bộ mặt thật của một tăng một đạo trên cõi trời rất đẹp đẽ, nhưng khi xuống trần lại hiện ra ảo tướng xấu xí bẩn thỉu; còn viên đá trên cõi trời vốn là một vật ngu xuẩn bị ruồng bỏ, khi xuống trần lại hiện ra ảo tướng trong sáng xinh đẹp. Tôi cho rằng trong cách thiết kế này của tác giả có ẩn ý sâu xa đáng tìm hiểu. Các bạn có thể cùng những người đồng hiếu thảo luận thử, rồi công bố tâm đắc của mình lên mạng internet chăng?

Phần thứ ba trong nội dung thần thoại, được kể ra qua việc Chân Sĩ Ẩn trong mộng gặp hai vị tiên tăng đạo, nghe hai người trò chuyện. Ngoài Thanh Ngạnh Phong, Vô Kê Nhai, núi Đại Hoang và Thái Hư ảo cảnh, còn có một cõi tiên khác nữa, đó là bên bờ sông Linh Hà phương Tây, cạnh hòn đá Tam Sinh, có một cây tiên

thảo Giáng Châu xinh đẹp; ở đó còn có một cung Xích Hà, trong cung có một vị Thần Anh thị giả cư ngụ. Thần Anh thị giả ngày ngày dùng nước cam lộ tưới cho cây tiên thảo Giáng Châu, khiến cây cỏ tiên ấy sống mãi. Thần Anh thị giả khao khát trần thế, bèn đến chỗ Cảnh Huyễn tiên cô đăng ký ghi sổ, chuẩn bị giáng trần; cây tiên thảo Giáng Châu nghe vậy, cũng xin đi theo xuống trần. Ý nghĩ của nó là: xuống trần rồi sẽ đem hết nước mắt cả đời dâng cho Thần Anh thị giả khi ấy cũng đã giáng trần, để trả cái ơn tưới bón của chàng. Chúng ta đều biết, hai vị ấy sau khi giáng trần, chính là Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Chuyện Nữ Oa vá trời là thần thoại lưu truyền đã lâu đời, không có gì lạ; trên trời có thần tình yêu, đó cũng chưa phải là ý tưởng gì quá kỳ đặc. Nhưng cái ý tưởng nghệ thuật về việc tiên thảo xuống trần trả nợ nước mắt để đền ơn tưới bón, lại vô cùng độc đáo, đồng thời cũng đẹp đến tột cùng.

Trong bốn trăm hai mươi chín chữ chỉ riêng bản Giáp Tuất mới có, chứa đựng nội dung hết sức quan trọng. Đặc biệt là mấy câu nói của hai vị tiên: "Trong cõi hồng trần kia tuy cũng có đôi phần vui thú, nhưng không thể nương cậy mãi mãi, huống hồ lại có tám chữ mỹ trung bất túc, hảo sự đa ma (美中不足、好事多魔) đi liền sát nhau, trong chớp mắt vui cực sinh buồn, người đổi vật dời..." Có độc giả có thể thắc mắc: phải là "hảo sự đa ma" với chữ 磨 (mài giũa, ý nói lắm gian truân trắc trở) chứ? Đây không phải in sai, cũng không phải cổ bản chép nhầm, mà là Tào Tuyết Cần cố tình viết chữ 魔 (ma quỷ). Đoạn này hô ứng trước sau với lời tiên đoán trong giấc mộng Tần Khả Khanh báo cho Vương Hy Phượng ở hồi thứ mười ba: "cái gọi là việc tốt, bên trong thường ẩn giấu con ma", đây là một quan niệm về chính trị xã hội mà tác giả muốn gửi gắm.

Từ câu đầu tiên của hồi thứ nhất cho đến trước câu "trên mặt đá viết rằng", thực chất chính là đoạn tiết tử của toàn bộ cuốn sách. "Tiết tử" vốn là tên gọi một loại cái chêm mà thợ mộc dùng, trong văn bản tiểu thuyết thì chỉ điểm mở đầu của mạch tự sự. Gần cuối đoạn văn này, sau khi tên Tào Tuyết Cần xuất hiện, Chi Nghiễn Trai có một lời phê rằng: "Nếu nói Tuyết Cần đọc duyệt thêm bớt, rồi mới mở sách viết đến đây, thì đoạn tiết tử này lại do ai soạn ra? Đủ thấy ngòi bút của tác giả, giảo hoạt biết chừng nào. Về sau còn không ít chỗ như thế. Đây chính là chỗ tác giả dùng bút pháp mây khói mờ ảo của họa gia, người đọc chớ để bị tác giả che mắt (bịt mắt) mất, mới là kẻ có con mắt tinh đời." Lời phê này vô cùng hệ trọng, một lần nữa khẳng định lại quyền tác giả của Hồng Lâu Mộng, đồng thời cũng chỉ điểm cho độc giả hiểu được đặc sắc văn bản "mây khói mờ ảo" của cuốn sách này, để cảm nhận cái nghệ thuật cao siêu "mờ ảo mà gần với thực" ấy.

Ngay từ hồi thứ nhất, Tào Tuyết Cần đã sử dụng rất nhiều thủ pháp nghệ thuật đồng âm gửi gắm ý nghĩa (lấy giả ra chân). Dưới đây tôi liệt kê những từ ngữ mang đặc điểm này trong hồi này, mời độc giả tự điền vào:

Chân Sĩ Ẩn (  )  Chân Anh Liên (  )

Giả Vũ Thôn (  )  Hoắc Khải (  )

Kiều Hạnh (  )  Thanh Ngạnh Phong (  )

Thập Lý (　　)　　Nhân Thanh (　　)

Hồ Châu (　　)　　Đại Như Châu (　　)

Điền vào tất nhiên không khó, nhưng cũng có chỗ đáng bàn thêm. "Giả Vũ Thôn" (贾雨村) trước nay phần lớn được giải thích là đồng âm với "giả ngữ thôn ngôn" (假语村言 - lời quê mùa giả tạo, do 雨 và 语 đồng âm), "thôn ngôn" tức là "lời lẽ thôn dã", nói theo kiểu hiện nay thì là "diễn ngôn bên lề", "diễn ngôn phi chính thống". Nhưng tôi cho rằng cũng có thể hiểu là "giả ngữ tồn" (假语存 - giữ lại bằng lời giả), ghép với "chân sự ẩn" (真事隐 - giấu việc thật) thành ra ý: "chuyện có thật được giữ lại nhờ cách kể giả định". Ngoài ra, "Anh Liên" (英莲) có cổ bản chép là "Anh Cúc" (英菊), bản Chu hội chọn "Anh Liên", nhưng tôi thấy "Anh Cúc" cũng nói được. Xem lời phê của Chi Nghiễn Trai ở hồi này thì biết đây là một nhân vật hô ứng xuyên suốt toàn cục, có lẽ khi đặt tên cho cô, Tào Tuyết Cần đã cân nhắc tới cả hai cách đồng âm.

"Thanh Ngạnh" (青埂) trong "Thanh Ngạnh Phong" hẳn là đồng âm gần với "tình căn" (情根 - gốc rễ của tình). "Tình si", "tình chủng", "tình căn", "tình ngộ"... trong hồi này, Không Không đạo nhân đã tóm gọn Thạch Đầu Ký là "đại chỉ đàm tình", chữ "tình" chính là tinh túy của Thạch Đầu Ký, tức Hồng Lâu Mộng. "Nhân không thấy sắc, do sắc sinh tình, truyền tình nhập sắc, tự sắc ngộ không", thoạt nhìn tưởng như cũng chẳng có gì mới mẻ, "không tức là sắc, sắc tức là không", nói gọn lại là "sắc không". Đây là một quan niệm Phật giáo mà dân chúng bình thường ai cũng biết, ý nói rằng vạn sự vạn vật đều là hư vô, những gì chúng ta thấy có hình dạng, có sắc màu, kỳ thực đều chỉ là ảo tướng, cho nên cần phải nhìn thấu tất cả mới hay. Nhưng đọc kỹ bốn câu này của Tào Tuyết Cần, lại thấy có một ý vị rất khác thường. Ông nhấn mạnh chữ "tình" xen giữa "không" và "sắc": "do sắc sinh tình, truyền tình nhập sắc" nghĩa là dù chỉ là "sắc" bề ngoài, vẫn có thể nảy sinh một mối chân tình, rồi đem chính mối chân tình ấy rót vào trong "sắc". Điều này kỳ thực không còn là tuyên dương quan niệm "sắc không" của Phật giáo nữa, mà là nhấn mạnh sức mạnh và sức quyến rũ của chữ "tình". Ở phần cuối tập ba của bộ sách này, tôi đã căn cứ theo thám dật mà xếp ra Tình bảng, Giả Bảo Ngọc được xếp trước cả chín nhóm Kim Lăng thập nhị thoa, khảo ngữ là "tình bất tình". Khảo ngữ này được hé lộ trong lời phê của Chi Nghiễn Trai, chữ "tình" đầu tiên là động từ, nghĩa là đối với cả những sự vật vô tình cũng có thể lấy chân tình mà trân trọng, mà chăm sóc, mà nâng niu. "Tình bất tình" thông với "do sắc sinh tình, truyền tình nhập sắc", chỉ là hai cách diễn đạt của cùng một quan niệm. Chẳng trách đời Thanh đã có người nói Hồng Lâu Mộng đang truyền bá "tình giáo". Chữ "tình" này bao gồm cả tình yêu, nhưng lại rộng hơn tình yêu rất nhiều, không chỉ là tình yêu của con người, mà còn lan tới cả những vật vô cơ, là tình yêu của cả vũ trụ, hàm chứa nội hàm triết học rất sâu sắc.

Điều đặc biệt đáng chú ý là, trong hồi này, sách đã kể rất cụ thể về các tên gọi khác nhau của bộ sách này. Tất cả các bản thông hành, kể cả bản hiệu chú của Viện Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, đều không thu thập đầy đủ các tên gọi có trong cổ bản, chỉ có bản Chu hội là thu thập đầy đủ. Những tên gọi đó là:

- Không Không đạo nhân đổi Thạch Đầu Ký thành Tình Tăng Lục;

- Đến khi Ngô Ngọc Phong đề là Hồng Lâu Mộng;

- Khổng Mai Khê ở Đông Lỗ thì đề là Phong Nguyệt Bảo Giám;

- Sau đó, vì Tào Tuyết Cần ở Điệu Hồng hiên đọc duyệt mười năm, thêm bớt năm lần, soạn thành mục lục, chia ra từng hồi, nên đề là Kim Lăng Thập Nhị Thoa;

- Đến khi Chi Nghiễn Trai chép lại bình duyệt lần nữa vào năm Giáp Tuất, vẫn dùng tên Thạch Đầu Ký.

Bản hiện đang thông hành nhất, do Nhà xuất bản Văn học Nhân dân ấn hành theo bản của Viện Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, đã thiếu mất hai khâu thứ hai và thứ năm. Bản Chu hội, căn cứ theo bản Giáp Tuất, đã ghi lại đầy đủ toàn bộ quá trình từ lúc đổi tên Thạch Đầu Ký cho đến khi khôi phục lại tên Thạch Đầu Ký. Điều này, đối với những người bạn mê Hồng Lâu Mộng như chúng ta, là vô cùng quan trọng.

Vì sao câu "đến khi Ngô Ngọc Phong đề là Hồng Lâu Mộng" này, trong các bản chép lại sau bản Giáp Tuất, đều nhất loạt không còn xuất hiện nữa? Không thể nào tất cả những người sao chép ở khắp nơi đều vô tình chép sót câu này, rõ ràng là có người cố ý bỏ đi. Vậy thì, tại sao lại bỏ nó? Trong phàm lệ đã nói rồi đấy thôi: Hồng Lâu Mộng là "tên gọi tổng quát cho toàn bộ sách", không hề gì là quái lạ, cái tên chúng ta công nhận hiện nay cũng chính là tên này, ba chữ ấy vào thời đó cũng chẳng phạm húy gì, thật ra chẳng cần phải bỏ đi, đúng không? Vậy thì, nguyên nhân bị bỏ đi, chẳng lẽ lại là cái tên Ngô Ngọc Phong? Đây lẽ ra phải là một cái tên rất bình thường chứ? So với những ký hiệu như Không Không đạo nhân, Chi Nghiễn Trai, thì nó chẳng có gì nổi bật cả. Bạn thử tra tư liệu đời Thanh xem, cũng chẳng tra ra người này, rốt cuộc ông ta là ai?

Trên đây đã nói, Tào Tuyết Cần viết cuốn sách này, ngay từ hồi thứ nhất đã dùng rất nhiều thủ pháp đồng âm gửi gắm ý nghĩa, thật ra tôi không phải cố tình đa nghi, rất có thể Ngô Ngọc Phong cũng là một cách đồng âm gửi gắm ý nghĩa. Vậy thì, nó đồng âm với chữ gì, gửi gắm ý gì? Không nghiền ngẫm thì thôi, hễ nghiền ngẫm là giật cả mình. Ngô Ngọc Phong (吴玉峰), liệu có phải đồng âm với "vô ngự phong" (无御封 - không được vua phong tước) chăng? Người này lẽ ra phải được hoàng đế phong tước, nhưng lại không hề được phong, cho nên là "vô ngự phong" (无御封), cũng có thể viết là "vô dụ phong" (无谕封), âm đọc và ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Đây hẳn phải là một nhân vật trong hoàng tộc, một người bất mãn với "đương kim", một "kẻ đã mất quyền lợi" trong hoàng tộc. Người này lại chính là một trong số ít người được xem bản thảo sớm nhất, xem xong còn đề tên sách, cho rằng lấy Hồng Lâu Mộng làm tên sách là hay nhất. Khi Chi Nghiễn Trai chép lại bình duyệt lần nữa vào năm Giáp Tuất, trên bản thảo vẫn còn có ông ta, nhưng đến lần bình duyệt thứ tư ở các bản Kỷ Mão, Canh Thìn, đoạn này đã không còn ông ta nữa. Xem ra, không phải người sao chép chuyển lục về sau đã bỏ câu này, mà rất có thể chính Chi Nghiễn Trai đã bỏ đi. Chi Nghiễn Trai tuy rất thân cận với Tào Tuyết Cần, nhưng đôi khi ý nghĩ lại không giống nhau; ở hồi thứ mười ba, chính Chi Nghiễn Trai đã đề nghị Tào Tuyết Cần cắt bỏ, sửa lớn, Tào Tuyết Cần đã nghe theo lời đề nghị của bà, vậy thì câu về Ngô Ngọc Phong này, rất có thể Tào Tuyết Cần cũng đành phải đau lòng cắt bỏ. Tôi đã nói ở

tập một của bộ sách này: nhà văn cắt sửa bản thảo, nếu là vì lý do nghệ thuật, thì phần cắt bỏ sửa đổi cũng chẳng có gì đáng tiếc, nhưng nếu là vì lý do phi nghệ thuật, thì lại rất đáng tiếc. Câu về Ngô Ngọc Phong bị cắt bỏ, tôi đoán chừng chính là vì lý do phi nghệ thuật, sợ gây họa mà phải cắt đi. Bây giờ cái mối họa ấy có lẽ đã tan biến thành số không, bản Chu hội giữ lại câu này là rất cần thiết. Huống hồ bản Giáp Tuất vẫn được lưu giữ đến tận ngày nay, giấy trắng mực đen rành rành, đáng lẽ phải chép lại y nguyên, để phản ánh đúng bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

Đặc sắc của bản Chu hội, ngay trong hồi thứ nhất đã bộc lộ rõ. Trong bản thông hành, bài kệ khắc trên hòn đá là:

Vô tài khả khứ bổ thương thiên, uổng nhập hồng trần nhược hứa niên (無才可去補蒼天，枉入紅塵若許年).

Thử hệ thân tiền thân hậu sự, thiến thùy ký khứ tác kỳ truyện (此係身前身後事，倩誰記去作奇傳)?

Còn bản Chu hội thì là:

Vô tài khả dữ bổ thương thiên, uổng nhập hồng trần nhược hứa niên (無材可與補蒼天，枉入紅塵若許年)!

Thử hệ thân tiền thân hậu sự, thiến thùy ký khứ tác thần truyện (此係身前身後事，倩誰寄去作神傳)?

Từng chữ từng chữ trong đó đều có căn cứ từ cổ bản, quả thực thể hiện rõ tấm lòng khổ công: trước tiên so sánh chỗ khác nhau của từng câu (như 才/材, 去/與, và đặc biệt 記/寄, hai chữ tuy đồng âm Hán Việt "ký" nhưng một chữ nghĩa là chép, một chữ nghĩa là gửi), rồi chọn ra chữ, từ, câu nào gần nhất với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Chúng ta khi đọc và thưởng thức Hồng Lâu Mộng, có thêm được một bản sách như thế này, quả thật là một điều may mắn!

# Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần vốn có thơ mở đầu hồi

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ hai: Bà họ Giả qua đời ở thành Dương Châu, Lãnh Tử Hưng kể chuyện phủ Vinh Quốc

Hồng Lâu Mộng rốt cuộc có thơ mở đầu hồi hay không? Giở cổ bản Hồng Lâu Mộng ra mà xem, rõ ràng là có thơ mở đầu hồi đấy chứ! Ngay đầu hồi thứ hai đã có bài thơ này:

一局输赢料不真，香消茶尽尚逡巡。
Một ván thắng thua khó biết rành,
Hương tàn trà cạn vẫn chưa đành.

欲知目下兴衰兆，须问傍观冷眼人。
Muốn biết hưng suy điềm trước mắt,
Phải hỏi người ngoài mắt lạnh tanh.

Tiên sinh Chu Nhữ Xương cho rằng ở những bản chép tay thời kỳ đầu, chữ trong câu thứ nhất viết là 贏 (doanh) chứ không viết thành 赢 (doanh), chữ trong câu thứ tư viết là 傍 (bàng) chứ không viết thành 旁 (bàng)[1]; đó chính là diện mạo nguyên bản của bản thảo Tào Tuyết Cần, không cần thiết phải cố ép "chuẩn hóa" cách viết kiểu ấy. Có người có lẽ sẽ nghĩ thế này: liệu bài thơ này có phải là do Chi Nghiễn Trai viết dưới dạng lời phê hay không? Nhưng lời phê của Chi Nghiễn Trai viết bên cạnh bài thơ trong bản Giáp Tuất lại ghi rất rõ ràng: "Chỉ riêng bài thơ này thôi đã tuyệt diệu lắm rồi! Loại tài tình như vậy vốn là sở trường cả đời của Tuyết Cần. Ta tự nhận là bình sách, chứ không phải bình thơ." Quyền tác giả của bài thơ này thuộc về Tào Tuyết Cần, còn gì phải nghi ngờ nữa? Nó được viết ngay ở đầu một hồi, không phải là thơ mở đầu hồi thì là gì?

1. NDLR. 贏 và 赢 cùng đọc Hán Việt là "doanh" (Hán hiện đại đều đọc yíng), tự dạng gần như giống hệt nhau, chỉ khác một bộ phận nhỏ bên trong: 贏 là chữ cổ (chữ trong họ Doanh nhà Tần, như Doanh Chính), 赢 là chữ quen dùng ngày nay với nghĩa "thắng, được lời". Tương tự, 傍 và 旁 cùng đọc Hán Việt là "bàng", cùng mang nghĩa "bên cạnh, gần kề" — 傍 chỉ khác 旁 ở bộ Nhân (亻) thêm bên trái. Vì mỗi cặp đọc giống nhau và viết gần giống nhau, người đời sau chép lại dễ vô tình thay chữ cổ hiếm gặp bằng chữ quen mắt hơn; Chu Nhữ Xương cho rằng phải giữ đúng chữ hiếm trong bản chép tay mới là nguyên bản, không nên "sửa" lại.

Bài thơ mở đầu hồi này không chỉ bản Giáp Tuất có, mà bản Kỷ Mão, bản Canh Thìn, bản Dương tàng, bản Thích Tự, bản Thư Tự, bản Nga tàng, bản Mông Cổ vương phủ đều có cả, làm sao có thể bỏ qua được? Thế

mà bản thông hành do Viện Hồng học hiệu chú mà bạn đang đọc hiện nay lại nhất quyết không thừa nhận, không cho in vào chính văn, chỉ nhắc qua trong phần "hiệu ký", coi như đó là chữ đáng phải xóa bỏ. Bản hiệu chú của Viện Hồng học lấy bản Canh Thìn làm bản nền, mà bản Canh Thìn rõ ràng có bài thơ mở đầu hồi này đấy thôi? Vì sao trong chính cái bản mà họ tôn sùng lại có, mà họ vẫn không chịu thừa nhận? Đây là cách làm rất kỳ lạ. Bản Canh Thìn tuy là một cổ bản quý giá, nhưng tuyệt đối không thể mê tín nó.

Nội dung quan trọng nhất của hồi thứ hai chính là việc tác giả sắp đặt cho Lãnh Tử Hưng giới thiệu bằng lời về thành phần nhân khẩu của hai phủ Vinh Quốc và Ninh Quốc, tạo trước cho độc giả một ấn tượng tổng quát, để rồi từ hồi thứ ba trở đi các nhân vật ấy lần lượt xuất hiện, được khắc họa tỉ mỉ hơn, sống động hơn. Vậy thì, khi Lãnh Tử Hưng giới thiệu đến Nghênh Xuân, bản Canh Thìn viết thế nào? Nó viết như sau: "Tiểu thư thứ hai là do người vợ trước của lão gia Chính sinh ra, tên là Nghênh Xuân."

Đọc hết mọi tình tiết về sau liên quan đến Nghênh Xuân, bạn không thấy lời giới thiệu này có vấn đề rất lớn hay sao? Nếu Giả Chính có vợ trước, thì Vương phu nhân hẳn là vợ kế. Nếu Nghênh Xuân là con gái ruột của Giả Chính, thì nàng chẳng còn quan hệ gì mấy với Giả Xá và Hình phu nhân nữa, Hình phu nhân cũng chẳng có cớ gì phải ăn nói với nàng theo kiểu ấy; việc nàng gả lầm phải sói Trung Sơn thì trách nhiệm đáng lẽ hoàn toàn thuộc về Giả Chính, Vương phu nhân, trước khi xuất giá lại càng vô lý khi phải để bên Giả Xá, Hình phu nhân đón về rồi mới gả đi. Bản Canh Thìn chắc chắn là sai. Nhưng cách viết trên các cổ bản khác cũng khác nhau rất nhiều. Bản Giáp Tuất viết: tiểu thư thứ hai là do vợ trước của lão gia Xá sinh ra. Bản Nga tàng viết: tiểu thư thứ hai là do vợ của lão gia Xá sinh ra. Bản Kỷ Mão viết: tiểu thư thứ hai là con gái của lão gia Xá, được lão gia Chính nhận nuôi làm con gái mình. Bản Thích Tự viết: tiểu thư thứ hai là do vợ lẽ của lão gia Xá sinh ra. Bản Chu hội chọn theo cách viết của bản Giáp Tuất, cho rằng đó là gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần nhất. Tôi cũng nghĩ như vậy. Nói đơn giản, trước hết Nghênh Xuân chắc chắn khác với Thám Xuân, từ văn bản không thấy được ở nàng tâm lý tự ti vì là con thứ xuất, cũng như dấu vết bị coi thường vì xuất thân thứ xuất. Cách nói của bản Thích Tự chắc chắn không đúng. Nàng cũng không thể là con nuôi của Giả Chính, văn bản đã nói rõ với chúng ta rằng Nghênh Xuân thuộc về phía Giả Xá, chỉ có điều không phải do Hình phu nhân sinh ra. Vậy thì chỉ có thể có một cách lý giải: Nghênh Xuân là do vợ trước của Giả Xá sinh ra.

Câu đầu tiên của bài thơ mở đầu hồi đã khái quát vô cùng chính xác cảnh ngộ của hai phủ Vinh Quốc và Ninh Quốc trong câu chuyện: thực ra chúng đã bị cuốn vào một ván cờ. Ván cờ gì? Ván cờ tranh giành quyền lực, ván cờ "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn". Nói cụ thể hơn, đó là cuộc đấu giữa hai tập đoàn chính trị: một bên là "nguyệt phái" giương ngọn cờ "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", một bên là "nhật phái" mà "Trung Thuận vương" phải tuân phục, tức "đương kim". Cuộc đấu này có một quá trình quanh co khúc khuất, nên hai phủ Vinh, Ninh vẫn còn có thể xoay xở, giữ gìn lợi ích riêng cho tới trước khi hương tàn trà cạn, nhưng rồi tất yếu sẽ từ thịnh chuyển suy. Bản thân họ không hề tỉnh ngộ, còn người

đứng ngoài nhìn với con mắt lạnh lùng thì lại hiểu rõ trong lòng. Bài thơ mở đầu hồi này rất quan trọng, không thể thiếu, sao có thể không để độc giả nhìn thấy nó trước khi vào hồi?

# Sự phản chiếu của lịch sử gia tộc

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ ba: Giả Vũ Thôn được phục chức ở thành Kim Lăng, phủ Vinh Quốc thu nhận nuôi dưỡng Lâm Đại Ngọc

Bài "Vạn dặm tìm sách kiêm nhớ tiên sinh Lý Nhất Manh" của tiên sinh Chu Nhữ Xương là một bài viết rất thú vị, kể lại chuyện năm 1984 ông sang thư viện ở Leningrad, Liên Xô lúc bấy giờ, để thẩm định một bộ cổ bản Thạch Đầu Ký được lưu giữ ở đó. Bài viết kể rằng bên tiếp đón đưa cổ bản ấy ra, ông cầm kính lúp, vừa mới lật xem thử vài trang đầu của tập một thì đã không khỏi vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ: vì sao vậy? Ấy là vì hai câu chữ trong hồi thứ ba đã lọt vào mắt ông.

Hai câu nào? Là hai câu miêu tả chân dung Lâm Đại Ngọc: "Đôi lông mày vương làn khói mỏng, tựa cau mà chẳng cau (两湾似蹙非蹙罥烟眉); đôi mắt ngậm ngấn **sương mai**, tựa **khóc** mà chẳng khóc (一双似**泣**非**泣**含**露**目)."[1] Tôi từng nhắc tới điều này trong bài giảng "Bí ẩn lông mày và đôi mắt Lâm Đại Ngọc", câu ấy miêu tả thích đáng nhất hình thái đặc biệt trong đôi mắt Lâm Đại Ngọc. Trước khi khảo sát bản Nga tàng, tiên sinh Chu Nhữ Xương đã sớm nghiên cứu kỹ câu chữ ở chỗ này trong các cổ bản khác nhau, nên khi bất chợt thấy trong bản Nga tàng có câu chữ trong sáng, đúng với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, ông mừng rỡ đến ngoài sức tưởng tượng cũng chẳng có gì lạ.

1. NDLR. Bản thông hành (bản phổ biến hiện hành) viết câu sau là "một đôi mắt chứa chan tình tứ, dáng như vui mà lại không vui" (一双似**喜**非**喜**含**情**目) — khác 2 chữ so với bản Nga tàng dẫn ở đây: 泣 (khóc) thay cho 喜 (vui), 露 (sương) thay cho 情 (tình). Chính 2 chữ khác biệt này là trọng tâm mà tiên sinh Chu Nhữ Xương dùng để lập luận bản Nga tàng gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn.

Hồi thứ ba viết về việc Lâm Đại Ngọc vào phủ Vinh Quốc, đã hòa lẫn vào đó rất nhiều yếu tố thuộc lịch sử gia tộc của Tào Tuyết Cần. Tấm biển vàng "Vinh hy đường" mà Lâm Đại Ngọc nhìn thấy, vốn tiến hóa từ tấm biển lớn "Huyên Thụy đường" mà đích thân Khang Hy ngự bút viết ban tặng cho phủ Chức tạo của Tào Dần ở Nam Kinh; còn đôi câu đối bạc kia thì mượn nguyên câu thơ đời Đường của Lưu Vũ Tích, loại câu mà thái tử Dận Nhưng, trước khi bị phế, thường hay vung bút viết ra để phô diễn tài thư pháp của mình; hơn nữa, hai chữ "phủ phất" (黼黻, nghĩa là hoa văn dệt trên loại gấm vóc dành riêng cho giới quý tộc) lại ngầm chỉ việc nhà họ Tào đã nhiều đời đảm nhiệm chức Giang Ninh Chức tạo. Trong sách tuy viết Giả Xá là con trai trưởng của Giả mẫu, lại còn được tập tước vị (Nhất đẳng tướng quân), nhưng lại không sống chung một viện với Giả mẫu; Lâm Đại Ngọc đi bái kiến ông phải nhờ Hình phu nhân dẫn đi, ra khỏi phủ Vinh Quốc, ngồi xe đến một viện khác riêng biệt. Ngược lại, người con trai thứ hai là Giả Chính, người không được tập

tước mà chỉ giữ chức viên ngoại lang, cùng Vương phu nhân lại sống ngay trong cụm kiến trúc chính nằm trên trục giữa của phủ đệ. Điều này lại vô tình để lộ ra bí mật trong gia đình: sau khi Tào Dần qua đời, Tào Phủ đã được nhận làm con thừa tự cho quả phụ của Tào Dần. Còn việc Giả mẫu giới thiệu Phượng Thư với Đại Ngọc như vậy: "Cháu không nhận được chị này đâu. Nó là một con đanh đá trong nhà này đấy, tiếng Nam kinh gọi là 'Lạt tử', cháu cứ gọi 'Phượng lạt tử' là được"... lại để lộ ra rằng nhà họ Tào vốn sống ở phương Nam, về sau mới dời đến Bắc Kinh. Đoạn viết Đại Ngọc đến chính viện, chính phòng, là lần đầu tiên miêu tả đến cái "kháng" (bệ giường xây bằng gạch, bên dưới có thể đốt lửa sưởi ấm, kiểu ở phương Bắc Trung Quốc). Kháng là thứ mà phương Nam không có, ngay cả Bắc Kinh ngày nay cũng hiếm gặp, nhưng thời ấy hoàng đế cũng dùng kháng để ngồi, nghỉ. Trong Tử Cấm Thành hiện nay vẫn còn rất nhiều kháng, khi đến tham quan Viện Bảo tàng Cố Cung, có thể quan sát kỹ để có được khái niệm thực tế về nó. Đương nhiên, Hồng Lâu Mộng là tiểu thuyết, không phải văn học phóng sự; trên thực tế, trạng thái đời sống của nhà họ Giả mà Tào Tuyết Cần miêu tả ở hồi thứ ba, hoàn toàn không phải là hình ảnh phản chiếu đời sống của nhà họ Tào sau khi bị định tội, áp giải về Bắc Kinh vào triều Ung Chính; ngay cả vào đầu triều Càn Long, khi nhà họ Tào từng có một dạo hồi sinh trở lại như cây khô nảy lộc, cũng chưa hề đạt tới mức giàu sang phú quý như trong sách miêu tả. Đương nhiên là Tào Tuyết Cần đã cường điệu hóa trạng thái đời sống nguyên sơ của nhà họ Tào, đồng thời hòa trộn vào đó những quan sát, trải nghiệm của ông về các gia tộc quý tộc khác, rồi thêm vào trí tưởng tượng nghệ thuật, mới tạo thành được văn bản như thế này. Nhưng, việc vạch rõ đặc trưng lịch sử gia tộc, tính tự truyện, tính tự thuật trong bộ trước tác đồ sộ này của Tào Tuyết Cần, vẫn là điều rất cần thiết.

Hồi mục mà bản Chu hội chọn dùng cho hồi này khác biệt rất lớn so với bản thông hành. Tình huống như vậy còn xuất hiện ở rất nhiều hồi mục về sau nữa. Sự lựa chọn, giữ bỏ của tiên sinh Chu Nhữ Xương xuất phát từ tiêu chí gần nhất với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, đó là quan điểm riêng của một nhà nghiên cứu, có ích cho việc chúng ta đọc và hiểu Hồng Lâu Mộng một cách chính xác hơn.

# Bốn đại gia tộc gây chú ý

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ tư: Cô gái bạc mệnh lại gặp phải chàng trai bạc mệnh, sư hồ lô xử bừa vụ án hồ đồ

Lại có bài thơ mở đầu hồi.

Có cổ bản chép bài thơ mở đầu hồi này như sau:

Xin ngài để mắt đến tờ hộ quan phù, cầm bút xót xa mà kể chuyện lối đời.

Ngấn lệ của tác giả hòa cùng ngấn lệ của tôi, đất Yên Sơn nay còn có bậc như ông họ Đậu (Đậu Vũ Quân, người xưa nổi tiếng vì đức nghĩa dạy con thành đạt) nữa chăng?

Vị trí của nó nằm trước hồi mục, nhưng bản Chu hội lại không chọn dùng, vì sao? Vì cho rằng đây là bài thơ do người phê sách bày tỏ cảm khái.

Nhưng lại chọn bài dưới đây. Bài này nằm sau hồi mục, và phía trước có hai chữ "đề viết" (题曰) dẫn vào:

Xả thân báo đáp ơn vua nước, ơn còn chưa báo, thân này còn đây.

Cảnh vật trước mắt đa tình thay, ơn vua rồi cũng có ngày đợi mong.

Cả bản Nga tàng và bản Dương tàng đều có bài thơ này. (Chua thêm: để phân biệt nghiêm ngặt hai loại thơ này trên cổ bản, bài thơ do người phê sách viết, đặt trước hồi mục, có thể gọi riêng là "thơ phê trước hồi" (回前诗批); còn bài thơ mở đầu hồi do chính tác giả viết, đặt sau hồi mục, dẫn vào bằng hai chữ "đề viết", có thể gọi riêng là "thơ đề trước hồi" (回前标题诗). Phàm trong sách này, hễ tôi nhắc tới bài thơ đặt trước phần văn tự trần thuật của một hồi, đều là chỉ "thơ đề trước hồi".) Điều này cho thấy đây không phải là cảm khái của người phê sách, mà là cảm khái của chính tác giả.

Rất đáng để suy ngẫm. Bốn câu thơ không hề đả động tới nội dung câu chuyện của hồi này, cũng không giống như đang nhắm vào Giả Vũ Thôn và các nhân vật khác trong hồi để phê phán.

Hồi này được Mao Trạch Đông coi trọng nhất. Ông cho rằng đây là tổng cương của Hồng Lâu Mộng, điều đó cũng có lý riêng của nó.

Việc Mao Trạch Đông không thích lối luận Hồng của Du Bình Bá cũng là điều dễ hiểu. Tiên sinh Du thường lấy một tâm thế nhàn nhã, đem Hồng Lâu Mộng ra làm thứ để thưởng ngoạn như một vật đẹp thuần túy. Đó vốn cũng nên được coi là một cách đọc, một cách thưởng thức, nhưng đối với một nhà cách mạng thì lại rất khó dung nạp được. Theo cách hiểu của tôi, Mao Trạch Đông cho rằng hồi thứ tư này, qua "hộ quan phù", đã chỉ rõ ra bốn đại gia tộc, phơi bày ra một phía của giai cấp thống trị xã hội phong kiến, có giá trị nhận thức vô cùng to lớn. Hơn nữa, hồi này viết về việc "xử bừa", sức mạnh phê phán về mặt chính trị xã hội cực kỳ mãnh liệt, thật là điều hiếm có đáng quý.

Đoạn "hộ quan phù" này quả thực lợi hại. "Bốn nhà này đều thân thích qua lại lẫn nhau, khổ cùng khổ, sướng cùng sướng, nương tựa che chở, hô ứng lẫn nhau." Thật là điểm trúng chỗ cốt yếu, sâu sắc vô cùng. Trước nay, trên bản thông hành, đoạn này viết rằng viên môn tử đưa tờ hộ quan phù cho Giả Vũ Thôn xem, rồi mới liệt kê nội dung hộ quan phù ra. Nhưng trên cổ bản lại viết như thế này: "hòn đá cũng từng chép lại y hệt một bản, nay cứ theo bản đã chép trên đá mà thuật lại rằng……" (石头亦曾照样抄写一张，今据石上所抄云……) Phía dưới mới là bốn câu vè tục ngữ cửa miệng kia. Cách viết này khớp với lối viết trong hồi thứ nhất của cổ bản, mà về mặt trần thuật lại càng mang thêm sắc thái khách quan, điềm tĩnh.

Thứ tự sắp xếp của bốn câu vè trên các cổ bản khác nhau có sự khác biệt. Tất cả các bản thông hành, kể cả bản của Viện Hồng học, đều sắp theo thứ tự Giả, Sử, Vương, Tiết; nhưng bản Chu hội lại theo cách sắp xếp của bản Giáp Tuất (ndlr: Giả, Sử, Tiết, Vương — theo Sái Nghĩa Giang 蔡义江), cho rằng đó đúng với tôn chỉ không để cái thân bị cái sơ chen vào, trước sau không lấn vượt nhau, chính là triết lý xử thế của Bảo Ngọc, cũng là quy tắc hành văn của tác giả, quán triệt từ đầu đến cuối. Về sau, có một số bản chép tay đem họ Vương chuyển lên trước họ Tiết, cho rằng họ Vương là nhà mẹ đẻ của Bảo Ngọc trong sách nên đương nhiên phải đứng trước; đó là biểu hiện của việc không hiểu quy tắc hành văn của Tào Tuyết Cần.

Việc bản Chu hội so sánh từng câu để đưa ra lựa chọn được làm rất nghiêm túc, kỹ lưỡng. Ví dụ, trong đoạn đối thoại giữa môn tử và Giả Vũ Thôn, có một câu mà các cổ bản khác nhau: có bản viết là "lời cụ nói chẳng phải chính là đại đạo hay sao" (老爷说的何尝不是大道), có bản lại thêm một chữ vào "đại đạo" (大道) thành "đại đạo lý" (大道理). Bản của Viện Hồng học lấy bản Canh Thìn làm bản nền, mà bản Canh Thìn rõ ràng viết là "đại đạo" (大道), nhưng lại không dùng theo, mà thêm hẳn một chữ "lý" (理) vào. Bản Chu hội chọn lấy "đại đạo" (大道), là vì viên môn tử ấy từng làm chú tiểu ở chùa Hồ Lô, mà "đại đạo" là từ ngữ nhà Phật, Tào Tuyết Cần cố ý viết như vậy để lộ ra thói quen ăn nói của nhân vật. Lại như đoạn viết về tâm lý ác bá của Tiết Bàn, các bản thông thường đều viết là "coi việc án mạng như trò trẻ con, tự cho là chỉ mất vài đồng tiền thối (几个臭钱) là xong xuôi hết". Nhưng bản Nga tàng lại viết là "chỉ mất vài đồng tiền đồng thối" (几个臭铜), bản Chu hội chọn lấy "đồng thối" (臭铜), cho rằng điều đó phù hợp hơn với đặc tính sáng tác của Tào Tuyết Cần vốn luôn không muốn đặt câu theo lối tầm thường.

Quay trở lại nói về bài thơ ngũ ngôn mở đầu hồi kia. Bốn đại gia tộc trong sách, xét cho cùng, là một sự khái quát nghệ thuật của chính gia tộc Tào Tuyết Cần cùng các gia tộc có liên quan. Trong đời thực, bốn đại gia tộc, trong đó có nhà họ Tào, đều đội ơn cảm kích hoàng đế Khang Hy và thái tử Dận Nhưng, người suýt nữa đã trở thành hoàng đế. Nhưng thái tử bị phế truất, Khang Hy băng hà, Ung Chính lại đối xử rất tệ với nhà họ Tào; hơn mười năm sau Ung Chính cũng qua đời, vậy hoàng đế mới là Càn Long rốt cuộc có đối đãi tử tế với nhà họ Tào hay không? Giả như Hoằng Tích thay được Càn Long lên ngôi, thì cái "ơn vua" ấy liệu có đáng để mong đợi hơn chăng? Đời thực là thế, còn trong tiểu thuyết, bốn đại gia tộc, trong cục diện "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn", rốt cuộc có giành được "ơn vua" như mong đợi hay không? Tôi cho rằng có thể lý giải theo hướng này. Nhưng bài thơ đề trước hồi mang hàm nghĩa như vậy rất có thể gây họa, cho nên về sau đã bị xóa bỏ.

# Chung Tình đại sĩ (钟情大士)? Chủng Tình đại sĩ (种情大士)?

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ năm: Mở ra cảnh lạ, giấc mộng diễn Hồng Lâu Mộng; dựng nên trường mới, chữ tình truyền vào cõi huyễn

Hồi này trong cổ bản Hồng Lâu Mộng còn có thêm một bài thơ mở đầu hồi. Câu đầu bài thơ ấy là "xuân thụy uy nhuy ủng tú khâm" (春睡葳蕤拥绣衾 - giấc xuân bời bời ôm tấm chăn gấm). Chữ "uy nhuy" (葳蕤), ai từng đọc Đường thi tam bách thủ hẳn không xa lạ, vì ngay bài mở đầu quyển sách ấy đã có câu "lan diệp xuân uy nhuy" (兰叶春葳蕤 - lá lan xuân tươi tốt); tra từ điển thì nghĩa là cành lá sum suê rậm rạp. Vậy thì, "xuân thụy uy nhuy" (春睡葳蕤) nghĩa là gì? Theo tôi hiểu, hồi này viết cảnh Giả Bảo Ngọc vừa ngủ đã mộng, hồn du Thái Hư cảnh, nội dung giấc mộng ấy vô cùng phong phú, nên mới dùng chữ "葳蕤" để hình dung. Câu chuyện trong hồi này xảy ra vào mùa đông. "Vì hoa mai trong vườn hoa phía đông phủ Ninh nở rộ, vợ Giả Trân là Vưu thị bèn bày tiệc mời Giả mẫu, Hình phu nhân, Vương phu nhân... sang thưởng hoa", Giả mẫu và mọi người nhận lời mà sang, Giả Bảo Ngọc cũng đi theo, đến trưa buồn ngủ, sau cùng chọn sang phòng ngủ của Tần Khả Khanh để nghỉ. Vậy vì sao trong thơ lại nói là "xuân thụy"? "Xuân thụy" (春睡, giấc ngủ mùa xuân) ở đây cũng chính là nghĩa "xuân mộng" (春梦, mộng xuân); "mộng xuân" trong văn hóa truyền thống Trung Hoa là một khái niệm riêng, ví với cảnh đẹp thoáng qua chốc lát. Hồi này viết trong cảnh mộng, Cảnh Huyễn tiên cô chưa hiện hình đã nghe tiếng hát trước, câu đầu tiên nàng hát chính là "mộng đẹp, mây tan mộng" (春梦随云散), bày tỏ nỗi ngậm ngùi vô hạn trước cảnh đẹp chóng tàn. Vì vậy, giấc mộng đẹp làm vào bất cứ mùa nào cũng có thể gọi là "mộng xuân". Tất nhiên, giấc mộng đẹp của Bảo Ngọc, đến đoạn cuối lại biến thành cơn ác mộng, đúng là "việc vui lắm trắc trở" (好事多魔) vậy.

Nhưng, chữ "uy nhuy" (葳蕤) cũng có thể dùng linh hoạt. Vốn dĩ về căn bản là một từ mang nghĩa khen, nhưng trong ngữ cảnh riêng biệt, nó cũng có thể chuyển thành nghĩa chê. Chẳng hạn, ở đoạn dưới đây các bạn sẽ thấy, trong hồi ba mươi ba, Giả Chính trách mắng Bảo Ngọc: "Tự dưng không có việc gì, sao mày lại rũ đầu ỉu xìu như thế? Vừa nãy Vũ Thôn đến muốn gặp mày, gọi mãi mày mới chịu ra. Đã ra rồi thì lại chẳng có lấy một chút khảng khái, cởi mở trong lời ăn tiếng nói, vẫn cứ 葳葳蕤蕤 (uy uy nhuy nhuy) như thường..." Biến chữ "uy nhuy" (葳蕤) thành "uy uy nhuy nhuy" (葳葳蕤蕤), trở thành một cách hình dung mang nghĩa chê. Vậy thì, dáng vẻ "uy uy nhuy nhuy" (葳葳蕤蕤) là thế nào? Bạn có giải thích được không? Không thể dùng lời mà giải thích, liệu có thể lĩnh hội được trong lòng chăng?

Ở hồi hai mươi sáu, Tập Nhân khuyên Bảo Ngọc rằng: "Cậu ra ngoài chơi là khỏe ngay thôi, cứ 葳蕤 (uy nhuy) mãi thế này, trong lòng càng thấy bực bội chán chường." Ở đây, nghĩa của chữ "uy nhuy" (葳蕤) gần với nghĩa "uể oải, biếng nhác" (慵懒).

Nói ngần ấy về mỗi một chữ "uy nhuy" (葳蕤), rốt cuộc dụng ý của tôi là gì?

Tôi chỉ muốn diễn đạt một ý thế này: tiếng mẹ đẻ của chúng ta, chữ vuông của chúng ta, là một hệ thống ký hiệu vô cùng giàu sức biểu đạt, là nền móng của nền đại văn hóa Trung Hoa; còn Tào Tuyết Cần, chính là bậc thầy viết bằng chữ vuông, văn bản Hồng Lâu Mộng là áng kinh điển được viết nên bằng chữ vuông ấy. Chúng ta không những nên tự hào về điều đó, mà còn nên kế thừa nền văn hóa chữ vuông của mình, phát huy rạng rỡ hơn nữa.

Trong hồi này, bản Chu hội thể hiện sự tôn trọng cao nhất đối với chữ vuông, cũng thể hiện nhiệt tình thưởng thức cao nhất đối với việc Tào Tuyết Cần dùng chữ vuông để viết Hồng Lâu Mộng. Bởi vì trong hồi này, sự khác biệt về câu chữ giữa các cổ bản nhiều không kể xiết, nên công việc chọn lựa ra chữ, từ, câu gần nhất với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần cũng trở nên đặc biệt nặng nề; mà chính trong quá trình chọn lựa ấy, lại càng thấy rõ công phu của tiên sinh Chu Nhữ Xương về mặt văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Trong việc lựa chọn câu chữ ở hồi này, bản Chu hội đã tạo ra những trạng thái văn bản khác gì so với bản thông hành mà trước đây bạn từng thấy? Qua đọc kỹ và so sánh, tự bạn có thể có những phát hiện riêng. Chu tiên sinh còn viết thêm một số chú thích dưới trang giải thích lý do ông chọn lựa như vậy từ các cổ bản, mong bạn cũng đừng bỏ qua.

Tôi chỉ xin nói về cảm nhận của mình khi đọc bản Chu hội ở hai chỗ.

Bốn vị tiên cô ở Thái Hư huyễn cảnh, tôi từng viết bài phân tích, trong loạt bài giảng và sách "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" cũng đã có sự diễn giải khá đầy đủ. Tôi chỉ ra rằng cách đặt tên cho bốn vị tiên cô này ẩn chứa dụng ý sâu xa, thực chất là ám chỉ bốn người phụ nữ có ảnh hưởng lớn nhất đến cả đời Giả Bảo Ngọc. Tôi cho rằng Si Mộng tiên cô ám chỉ Lâm Đại Ngọc, Chung Tình đại sĩ (钟情大士) ám chỉ Sử Tương Vân, Dẫn Sầu kim nữ ám chỉ Tiết Bảo Thoa, còn Độ Hận bồ đề ám chỉ Diệu Ngọc. Về điều này, tiên sinh Chu Nhữ Xương rất tán thành, ngoài việc viết thư ủng hộ, khích lệ, ông còn nhiều lần nhắc đến trong các bài viết; trong sách "Ta với Hồ Thích" cũng bàn đến quan điểm này của tôi và lại một lần nữa khẳng định. Nhưng, đối với tên gọi của vị tiên cô thứ hai, Chu tiên sinh không chọn cách viết Chung Tình đại sĩ (钟情大士), cho rằng đó không phải bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần; ông tán đồng cách viết trong cổ bản có lời tựa của Thư Nguyên Vĩ: Chủng Tình đại sĩ (种情大士). Mọi người có thể xem chú giải ông đã viết ra. Tôi rất khâm phục nhãn lực của Chu tiên sinh.

Nói thêm một chỗ nữa. Trong Hồng lâu mộng thập nhị khúc ở hồi này, khúc Hảo Sự Chung có hai câu, nhiều cổ bản lẫn bản thông hành đều chép là "cơ cừu sa sút đều tại Kính, việc nhà tan tác tội đầu ở Ninh" (箕裘颓堕皆从敬，家事消亡首罪宁), nhưng tiên sinh Chu Nhữ Xương cho rằng phải là "cơ cừu sa sút đều bởi Vinh Ngọc, việc nhà tan tác tội đầu ở Ninh" (箕裘颓堕皆荣玉，家事消亡首罪宁); ban đầu Tào Tuyết Cần vốn viết như thế, về sau Chi Nghiễn Trai không nỡ, mới đổi "荣玉" (Vinh Ngọc) thành chữ khác. Điều này

cũng có phần có lý. Trong phán từ về Tần Khả Khanh ở phần trước đó của cuốn sổ, cũng có hai câu tương ứng: "Đầu têu nào phải 'Vinh' hư hỏng, mở lối khơi nguồn thực tại 'Ninh'" (谩言不肖皆荣出，造衅开端实在宁). Câu trước nói phủ Vinh có lỗi, câu sau nói phủ Ninh có tội; vì vậy, khúc Hảo Sự Chung cũng phải nói một câu về phủ Vinh trước, rồi mới nói một câu về phủ Ninh sau.

Nhưng, theo mạch suy nghĩ của tôi, tôi vẫn cho rằng câu ấy trong khúc hát phải là "cơ cừu sa sút đều tại Kính" (箕裘颓堕皆从敬). "Cơ cừu" (箕裘) thời xưa là đại từ chỉ việc nhà; "cơ cừu sa sút" tức là chỉ người lẽ ra phải quản lý việc nhà lại buông bỏ trách nhiệm quản lý. Bảo Ngọc ở phủ Vinh Quốc không quản việc nhà, huống hồ còn là một thiếu niên, cậu ta chẳng có trách nhiệm gì với "cơ cừu" cả, cơ cừu có sa sút thì cậu chỉ vạ lây theo mà thôi. Còn Giả Kính mới là gia trưởng của phủ Ninh Quốc, đáng lẽ ông ta phải chịu toàn bộ trách nhiệm về việc nhà trong phủ, nhưng ngay từ đầu câu chuyện chúng ta đã biết, ông nhường tước vị cho con trai Giả Trân kế tập, còn bản thân thì chạy ra đạo quán ngoài kinh thành lêu lổng cùng đám đạo sĩ; Giả Trân có lật tung cả phủ Ninh Quốc lên ông cũng chẳng thèm hỏi han, thậm chí phủ tổ chức mừng thọ cho ông, ông cũng không về. Vì vậy, nói "cơ cừu sa sút đều tại Kính" là hợp lý. Vì sao Giả Kính lại buông bỏ việc quản lý phủ Ninh Quốc? Tôi từng phân tích trong tập một của bộ sách này: Giả Kính là vì không đồng ý việc phủ Ninh Quốc thu nhận nuôi Tần Khả Khanh, nhưng lại không thể ngăn cản được, nên đành buông xuôi bỏ mặc.

Tôi nói điều này, chỉ là muốn cho mọi người biết: tuy tôi và tiên sinh Chu Nhữ Xương thống nhất về đại thể trong cách nhận thức Hồng Lâu Mộng, nhưng ở một số vấn đề cụ thể, mỗi người vẫn giữ ý kiến riêng của mình. Tôi giới thiệu bản Chu hội, là để đem đến cho đông đảo độc giả phổ thông thêm một lựa chọn khi đọc các bản Hồng Lâu Mộng. Bản thân Chu tiên sinh cũng vậy, tôi cũng vậy, đều không cho rằng bản hội hiệu này từng chữ từng câu đều tuyệt đối đúng với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần; đây chỉ là một nỗ lực cố gắng hết sức để phục hồi lại bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần mà thôi, hoan nghênh mọi người đóng góp ý kiến, kiến nghị, cùng tham gia vào sự nghiệp hoàn thiện một phiên bản mới cho Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần.

# Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần trần thuật linh hoạt bằng ba ngôi kể

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ sáu: Giả Bảo Ngọc lần đầu nếm trải chuyện mây mưa; Lưu lão lão lần đầu vào phủ Vinh Quốc

Hồi này lại có thơ đề trước hồi. Xem ra Tào Tuyết Cần vốn định, sau mỗi hồi mục, dùng hai chữ "đề viết" (题曰) để dẫn ra một bài thơ đề trước hồi, khi thì năm chữ, khi thì bảy chữ. Hiện nay, diện mạo thơ đề trước hồi ở các cổ bản khác nhau không ít. Không rõ rốt cuộc là năm xưa Tào Tuyết Cần chưa viết đủ hết thơ đề trước hồi cho mọi hồi, hay là trong quá trình sao chép qua tay nhiều lần, người chép thấy những bài thơ ấy có cũng được không có cũng được, nên lược bỏ đi cho đỡ công. Còn bản Chu hội thì giữ lại những bài thơ đề trước hồi đáng tin cậy.

Hồi này viết cảnh Bảo Ngọc lần đầu nếm trải chuyện mây mưa khá sơ lược, còn đoạn được tả tỉ mỉ, khắc họa tinh tế chính là cảnh Lưu lão lão lần đầu vào phủ Vinh Quốc. Sau khi thu xếp xong tình tiết "lần đầu nếm trải", trong sách có một đoạn văn thế này: "Nay nói đến phủ Vinh, người không đông lắm, tính trên dưới có tới ba bốn trăm, việc không nhiều lắm, một ngày xử độ vài mươi vụ, rối beng như mối tơ vò, không biết lần từ đâu." Người kể chuyện đột nhiên đặt ra một "vùng trung gian" giữa độc giả và câu chuyện, kéo ra một khoảng cách nhất định, lại dùng giọng điệu như đang bàn bạc với độc giả để cân nhắc góc độ hạ bút, đây là một bút pháp rất cao tay. Phải đến thế kỷ hai mươi, phương Tây mới xuất hiện "mỹ học tiếp nhận" (接受美学), đề xuất rằng một tác phẩm văn học cần do người viết và người đọc cùng nhau hoàn thành; người đọc (người tiếp nhận) không nên thụ động, mà phải chủ động, vừa đọc vừa tưởng tượng, tham dự vào quá trình sáng tác của người viết. Lần đầu đọc đến mấy câu trên, tôi từng sững người: đúng vậy, một phủ đệ quý tộc lớn đến thế, viết xong đoạn này rồi, tiếp theo phải kể cho tôi nghe điều gì đây? Ba bốn trăm người, mười mấy hai chục việc, người nào việc nào mới khiến tôi thấy mới mẻ, thú vị? Kể nhanh lên, kể nhanh lên! Thế rồi, liền thấy tác giả kể tiếp thế này: "Vậy thì nên lấy việc gì, người nào làm đầu mối mà viết truyện được. Bỗng có một nhà tầm thường, nhỏ nhặt ở xa ngàn dặm, có bà con họ hàng với phủ Vinh, hôm nay đến phủ thăm hỏi, nên nhân tiện xin bắt đầu câu chuyện từ nhà ấy. Các vị ngẫm xem nhà ấy là ai, có bà con gì với phủ Vinh?" Hồng Lâu Mộng không phải tiểu thuyết dựa vào yếu tố hồi hộp để lôi cuốn; điều khiến chúng ta đọc tiếp chủ yếu không phải yếu tố hồi hộp, mà là một mảng đời sống, một bầu chân tình, những chi tiết đặc sắc, cái ý thơ họa. Nhưng trong đó cũng có lúc xuất hiện đôi chút hồi hộp nho nhỏ, và chỗ này chính là nơi tác giả đặt ra một chút hồi hộp nho nhỏ như thế.

Ở các bản thông hành, mấy câu tiếp liền sau đó đều bị cắt bỏ. Kỳ thực mấy câu này lại vô cùng quan trọng, tuyệt đối không nên cắt. Bản Chu hội đã giữ lại đầy đủ: "chư vị nếu chê chuyện vụn vặt thô lậu, xin cứ vứt

ngay sách này xuống, tìm sách hay khác mà đọc cho tỉnh mắt; còn nếu bảo tạm có thể khuây khỏa nỗi buồn tẻ, thì xin đợi vật ngu xuẩn kể lể tường tận" (诸公若嫌琐碎粗鄙呢，则快掷下此书，另觅好书去醒目；若谓聊可破闷时，待蠢物逐细言来。).

Cách gọi "vật ngu xuẩn" (蠢物), hẳn mọi người còn nhớ, ở phần mở đầu hồi thứ nhất, "vật ngu xuẩn" chính là chỉ tảng đá thừa ra sau khi Nữ Oa vá trời, để lại dưới chân Thanh Ngạnh Phong. Nó được ai dùng phép thuật biến thành cỡ nhỏ như mặt dây chuyền quạt, nó đến nhân gian bằng cách nào, ở đây không nhắc lại nữa. Tào Tuyết Cần viết như vậy ở chỗ này, chính là để hô ứng với phần mở đầu ấy. Cách đặt câu này gộp cả ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba trần thuật khách quan vào làm một, đọc lên vừa tự nhiên vừa gần gũi. Lối viết này một lần nữa cho thấy: cái chúng ta đang đọc chính là Thạch Đầu Ký, là tảng đá (vật ngu xuẩn) ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe của nó ở nhân gian. Kỳ thực, nó chẳng ngu xuẩn chút nào; tuy đã hóa thành ngọc thông linh bảo ngọc, phần lớn thời gian chỉ quanh quẩn bên Giả Bảo Ngọc, ban ngày đeo trên cổ Bảo Ngọc, ban đêm được Tập Nhân lấy khăn tay gói lại, đè dưới đệm để khỏi thất lạc, sáng ra lấy ra cũng không đến nỗi lạnh ngắt, nhưng nó lại có thể biết được rất nhiều chuyện mà bản thân nó không có mặt tại chỗ, chẳng hạn như chuyện Lưu lão lão lần đầu vào phủ Vinh Quốc. Tất nhiên, "đá ghi chép" chỉ là một kiểu dụng ý nghệ thuật, một sách lược trần thuật của Tào Tuyết Cần; có một lời phê của Chi Nghiễn Trai về phần mở đầu nói rất thấu đáo, đã dẫn ở phần trước, nếu hiểu lầm rằng thật sự có một tác giả khác là "vật ngu xuẩn" hay "đá huynh", thì đó chính là cố chấp máy móc, khư khư câu nệ, không biết biến thông.

Dưới đây, nếu có hứng thú, các bạn có thể nối các từ ngữ nổi bật đặc điểm về ngôi kể trong đoạn văn ở trên, theo gợi ý mà nối đường thẳng trái phải với nhau:

| **Từ ngữ trong sách** | **Yếu tố ngôi kể hàm chứa** |
|---|---|
| Vậy thì nên lấy việc gì, người nào làm đầu mối mà viết truyện được | Ngôi thứ nhất |
| Bổng có một nhà tầm thường, nhỏ nhặt ở xa ngàn dặm, có bà con họ hàng với phủ Vinh, hôm nay đến phủ thăm hỏi | |
| Các vị ngẫm xem nhà ấy là ai? | Ngôi thứ hai |
| Chư vị nếu chê chuyện vụn vặt thô lậu... | |
| Đợi vật ngu xuẩn kể lể tường tận | Ngôi thứ ba |

# Không hiểu được Hồi thứ bảy, thì đừng đọc Hồng Lâu Mộng

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy: Đưa hoa cung, bà Chu chạnh lòng thương Anh Liên; Bàn chuyện học hành, Tần Chung kết bạn Bảo Ngọc

Sau khi hội hiệu xong Hồi thứ bảy, tiên sinh Chu có lời tổng kết như sau: "Hồi thứ bảy thoạt nhìn tựa một mạch văn nhàn tản, nhưng kỳ thực được kết cấu công phu, kiên nhẫn, chỗ nào cũng có dụng ý, nét bút nào cũng cài sẵn mạch ngầm, tất cả đều để trải sẵn những mạch lạc lớn nhỏ, tinh vi cho phần sau... Không hiểu được hồi sách này, thì đừng đọc Thạch Đầu Ký."

Có một người họ hàng nói với tôi rằng trước đây khi đọc Hồng Lâu Mộng, chị ấy luôn đọc nhảy cóc, vì cứ nghĩ Hồng Lâu Mộng chẳng qua là kể một câu chuyện tình yêu, nên hễ chỗ nào có chuyện tình cảm vướng vít giữa Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Bảo Thoa thì mới dừng lại đọc kỹ; còn nếu liếc mắt qua thấy đoạn miêu tả không liên quan gì đến chuyện tình cảm của ba nhân vật chính, thì lật qua, nhất định không đọc kỹ. Chị thẳng thắn thừa nhận, mãi đến khi nghe loạt bài giảng truyền hình "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" của tôi, chị mới lần đầu tiên đọc Hồi thứ bảy. Tôi đoán những người giống người họ hàng này của tôi, không đọc, đọc vội, đọc kiểu nuốt chửng không nhai, đọc xong mà chẳng biết mùi vị gì, hẳn còn không ít. Giờ đây tôi muốn cùng tiên sinh Chu nhấn mạnh: hồi sách này cần phải đọc kỹ, ngẫm kỹ.

Bài thơ đề trước hồi của hồi này, tôi cho rằng còn quan trọng hơn những bài thơ đề trước hồi đã xuất hiện ở các hồi trước:

Mười hai đóa hoa, sắc mới tươi nhất,

nào biết ai là người xót hoa tàn. Nếu gặp nhau, hỏi tên họ gì, nhà ở Giang Nam, họ vốn là Tần.

Bài thơ này cho độc giả biết rất rõ ràng: người "tiếc hoa" có quan hệ mật thiết nhất với hoa cung mang họ Tần, kỳ thực chính là ám chỉ Tần Khả Khanh. "Nhà ở Giang Nam", cái "nhà" được nói tới ở đây, đương nhiên không phải là nhà của Tần Nghiệp, mà là nhà đẻ thật sự của nàng, rất có thể ở tám mươi hồi sau sẽ có chỗ hô ứng với chi tiết này. Nhà đẻ của Tần Khả Khanh trong tiểu thuyết, tức "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" cùng con cháu của ông ta, cũng chính là hậu trường tổng của "nguyệt phái", rất có thể được sắp đặt để bị "đương kim" (tức "nhật phái") giáng trích, đày về một góc Giang Nam.

Bản thông hành đều không thu nhận bất kỳ bài thơ đề trước hồi nào. Bài này không được thu nhận, đối với độc giả mà nói, tổn thất càng lớn.

Nửa sau của hồi này vì có tình tiết Tiêu Đại say rượu chửi mắng, nên tương đối gây chú ý, vì thế tầm quan trọng của nửa đầu hồi lại càng bị che khuất. Kỳ thực nửa đầu hồi càng đáng đọc kỹ, ngẫm kỹ. Nửa đầu hồi về căn bản lấy đường đi lại của bà Chu trong phủ Vinh Quốc làm trục, triển hiện ra rất tự nhiên một loạt tình tiết, mạch ngầm, như thể xâu táo gai bọc đường thành một chuỗi.

Việc Tiết Bảo Thoa chế thuốc Lãnh hương hoàn là một nét bút hết sức quan trọng. Chú ý ở đây có nhắc đến vị hòa thượng chốc đầu, nói rằng bài thuốc Lãnh hương hoàn là do vị hòa thượng này cung cấp. Ở Hồi thứ ba, Lâm Đại Ngọc cũng từng nhắc tới vị hòa thượng chốc đầu này muốn hóa độ nàng xuất gia, lại nói nếu muốn bệnh khỏi thì phải vĩnh viễn không nghe tiếng khóc, ngoài cha mẹ ra, hễ là người thân bạn bè khác họ đều không được gặp mặt. Điều này hô ứng với đoạn ở Hồi thứ nhất, khi hai vị tiên nhân tăng, đạo nói sẽ xuống trần độ thoát vài người.

Anh Liên khi đã lớn xuất hiện. Câu "Dáng điệu con này hơi giống chị Dung bên phủ Đông chúng ta" của bà Chu tuyệt đối không phải câu văn thừa, mà là tác giả ngầm ám chỉ Anh Liên và Khả Khanh đều thuộc loại nhân vật bi kịch "có mệnh mà không có vận, liên lụy đến cha mẹ", hơn nữa, xuất thân thật sự của cả hai đều bị che giấu.

Lộ trình đưa hoa của bà Chu giúp trình bày rõ ràng hơn cách bố cục viện vũ của phủ Vinh Quốc, hơn nữa, ngoài Nguyên Xuân, Tương Vân, Diệu Ngọc ra, chín thoa còn lại về cơ bản đều đã được quét qua (Phượng Thư xuất hiện ngầm, Tần Khả Khanh chưa xuất hiện nhưng được chỉ đích danh).

Trong hồi này, Lãnh Tử Hưng xuất hiện, nhưng là xuất hiện ngầm, do con gái Chu Thụy kể ra. Hóa ra Lãnh Tử Hưng là con rể của vợ chồng Chu Thụy, dính vào vụ kiện tụng lại được Phượng Thư (chưa chắc đã báo lại cho Giả Liễn biết) ra tay giải quyết giúp, nét bút này hết sức quan trọng, có thể nói là một mũi tên trúng nhiều đích:

- Bổ sung giải thích vì sao Lãnh Tử Hưng lại "thông thuộc như lòng bàn tay" hai phủ Vinh, Ninh, nhất là phủ Vinh Quốc đến vậy.

- Lãnh Tử Hưng là nhà buôn đồ cổ, việc phủ Giả sa sút sau này sẽ do một chuyện liên quan đến đồ cổ khơi mào, có thể thấy sau tám mươi hồi, Lãnh nào đó vẫn còn đất diễn; Lãnh Tử Hưng lại là bạn của Giả Vũ Thôn, sau khi việc phủ Giả bại lộ, Giả Vũ Thôn vong ân bội nghĩa, đá thêm mấy cước tàn nhẫn, còn Lãnh Tử Hưng thì sao? Ắt cũng sẽ có màn thể hiện nào đó.

- Lãnh Tử Hưng bị người ta cáo quan, lâm vào cảnh khốn quẫn bị áp giải về nguyên quán, nhưng khi bà Chu nghe con gái kể lại chuyện này, giọng điệu lại thế này: "Tao biết rồi, lo gì việc ấy" "Ừ, con nhà hèn, không từng trải việc, cứ cuống cuồng lên." Qua đó khắc họa gián tiếp quyền thế của phủ Giả lúc bấy giờ.

- "Bà Chu cậy thế của chủ, không thèm để bụng đến việc ấy, cho là chỉ đến nhờ Phượng Thư là xong." Điều này cho thấy Phượng Thư thường không cần thông qua Giả Liễn vẫn có thể sai khiến gia nhân tâm phúc, lấy danh nghĩa phủ Giả mà dàn xếp ổn thỏa một số việc, kể cả kiện tụng. Đây cũng chính là bước lót đường cho việc, sau tám mươi hồi, hàng loạt "hành vi sau lưng" kiểu này lần lượt bị phơi bày, khiến Giả Liễn nổi giận đuổi bỏ Phượng Thư, cũng như tình tiết Phượng Thư vì thế mà bị bắt giam sau khi phủ Vinh bị tịch biên.

Bà Chu cuối cùng đến chỗ ở của Bảo Ngọc, Đại Ngọc trong viện Giả mẫu, phản ứng của Đại Ngọc trước cành hoa cuối cùng là chi tiết đặc sắc đầu tiên khắc họa tính cách nhạy cảm, đa nghi của Đại Ngọc.

Vậy thì, những người bạn đọc kỹ chắc chắn sẽ để ý thấy, Bảo Ngọc sai một a hoàn đi thăm hỏi Bảo Thoa, thế là có một a hoàn đi, a hoàn ấy là ai vậy? Ở hồi sau, cô sẽ gặp phải tai họa từ trên trời rơi xuống.

Nửa đầu hồi còn nhắc tới việc nhà họ Chân ở Giang Nam mỗi năm đều phái thuyền (xuôi theo kênh đào lớn) lên kinh thành "tiến dâng đồ tươi" cho hoàng đế, nhắc tới việc đưa lễ mừng thọ cho cụ bà Lâm An Bá, cho thấy mối quan hệ khăng khít như mạng lưới giữa phủ Vinh Quốc và các gia tộc quý tộc khác. Ngoài ra, phủ Lâm An Bá rất có thể sẽ tái hiện ở tám mươi hồi sau, trong tình tiết kiểu "một khi tổn hại thì cùng tổn hại".

# Xương trắng chất chồng, quên mất họ tên

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ tám: Tiết Bảo Thoa ốm nhẹ ở Lê Hương viện; Giả Bảo Ngọc say khướt ở Giáng Vân hiên

Phần đầu hồi này dành một dung lượng rất lớn để viết về mối quan hệ tay ba tinh tế giữa Bảo Ngọc, Bảo Thoa, Đại Ngọc, đây là điều không một độc giả Hồng Lâu Mộng nào bỏ qua được.

Hồi này còn đặc biệt vẽ tranh giới thiệu viên ngọc thông linh Bảo Ngọc đeo và chiếc khóa vàng Bảo Thoa đeo, nhiều độc giả thuộc lòng cả những chữ khắc trên đó. Nhưng bài thơ về ngọc thông linh được dẫn ra ngay sau câu "người đời sau có thơ giễu rằng" (后人曾有诗嘲云), trong bản Chu hội lại chọn chữ theo cổ bản, khác với bản thông hành. Câu thứ hai, bản thông hành viết "lại đem cái hoang đường ấy diễn thành chuyện Đại Hoang" (又向荒唐演大荒), bản Chu hội thì viết "lại đem cái hoang đường ấy kể chuyện Đại Đường" (又向荒唐说大唐); câu thứ tư, bản thông hành viết "biến ảo mà hóa thân vào cái túi da hôi thối" (幻来亲就臭皮囊), bản Chu hội thì viết "biến ảo mà hóa thân vào cái túi da giả" (幻来亲就假皮囊). Có một người họ hàng nghe tôi nói vậy, nhất thời không chấp nhận nổi, phản ứng ngay: "Việc gì phải sửa thơ trong sách chứ!" Đủ thấy uy lực của bản thông hành trước đây lớn đến mức nào, khiến người họ hàng của tôi cứ đinh ninh bản Chu hội đang "sửa thơ". Tôi bèn kiên nhẫn giải thích cho ông ấy: bản Chu hội không hề tự tiện sửa dù chỉ một chữ của Tào Tuyết Cần, chỉ là trong vô số cách viết khác nhau của câu thơ ấy nằm rải rác ở các cổ bản, người ta chọn ra cách viết được cho là gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn cả mà thôi. Đương nhiên, người nhân thấy nhân, người trí thấy trí, rốt cuộc cách viết nào trong các cổ bản mới thực sự đúng với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, vẫn còn có thể bàn thêm.

Hai câu cuối bài thơ này vô cùng quan trọng, các bản đều nhất trí, không có cách viết nào khác. Nhưng rất nhiều độc giả lại không chịu ngẫm kỹ. Xét kỹ thì câu thứ năm, thứ sáu của bài thơ, "vận bĩ, vàng mất ánh" (运败金无彩) của Bảo Thoa và "thời trái, ngọc hết sáng" (时乖玉不光) của Bảo Ngọc, đã kể ra kết cục của họ rồi, tiếp đó chỉ cần than thở đôi câu về số phận bi kịch của họ là có thể dừng lại được. Nhưng hai câu cuối lại được hai người làm nên một phép "loại suy" (类推) kinh người: "Đống xương trắng, họ tên đâu? Nào công tử, nào hồng trang?" (白骨如山忘姓氏，无非公子与红妆)! Xương trắng, tức là những người gặp nạn mà chết, dùng "xương trắng chồng chất" (白骨累累) để hình dung vẫn còn chưa tới mức, phải nói thành xương trắng chất cao thành núi (白骨如山) mới đủ! Gặp nạn không chỉ có công tử, mà cả "hồng trang", tức phụ nữ khuê các, cũng bị liên lụy mà chết hàng loạt! Càng khiến người ta sững sờ hơn nữa là, những người bị hại chết ấy đến cả họ tên cũng bị xóa sạch, đến nỗi tra hồ sơ chính thức, tra gia phả, cũng chẳng còn lấy một dấu vết nào để tìm!

Tiểu thuyết dĩ nhiên không thể đồng nhất với sử nhà, nhưng Tào Tuyết Cần dùng "giả ngữ" (tiểu thuyết) để ra sức che giấu một số việc thật (vận mệnh gia tộc), động cơ sáng tác và hiệu quả thực tế này rõ ràng là có thật. Tính từ Tào Tuyết Cần ngược lên, đến Tào Dần địa vị hiển hách, danh tiếng lẫy lừng, chỉ cách có ba đời. Tào Dần để lại rất nhiều ghi chép chính thức, tấu chương ông dâng lên Khang Hy cùng vô số lời phê bằng son của Khang Hy trên tấu chương ấy, hiện vẫn còn lưu giữ trong Viện lưu trữ Cố Cung, tư liệu văn hiến liên quan đến ông trong các trước tác tư gia cũng vô cùng phong phú. Đến đời con cháu Tào Dần, tức thế hệ cha của Tào Tuyết Cần, tư liệu hồ sơ chính thức cũng còn lưu lại không ít. Ở phần trước tôi đã dẫn đoạn châu phê son dài của Ung Chính viết trên tấu chương thỉnh an của Tào Phủ vào năm Ung Chính thứ hai, thì văn kiện chính thức về việc Ung Chính trừng trị Tào Phủ mấy năm sau đó, cũng còn được lưu giữ đến ngày nay. Nhưng đến đầu đời Càn Long, đặc biệt là sau vụ "án nghịch Hoằng Tích" năm Càn Long thứ tư, nhà họ Tào dường như biến mất khỏi cõi đời, hồ sơ chính thức không còn lấy một chữ, mà gia phả của một vọng tộc như thế cũng đột ngột đứt đoạn, đến mức bây giờ muốn khảo chứng thân thế của chính Tào Tuyết Cần, chúng ta cũng phải nhờ cậy vào số tư liệu dân gian ít ỏi. Vì vậy, dù "Đống xương trắng, họ tên đâu? Nào công tử, nào hồng trang?" (白骨如山忘姓氏，无非公子与红妆) là lời trong tiểu thuyết, ta xem đó là lời tố cáo trầm thống, bi tráng mà Tào Tuyết Cần cất lên trước việc gia tộc mình không chỉ bị Càn Long hủy diệt mà sau đó hồ sơ liên quan cũng bị tiêu hủy sạch sẽ, kể cũng là hợp lý.

Hồi này viết Giả Bảo Ngọc từ chỗ Tiết phu nhân ở Lê Hương viện say khướt trở về chỗ Giả mẫu, lúc bấy giờ cậu và Đại Ngọc ở riêng trong khoảng không gian tách ra từ chính phòng của Giả mẫu, cậu tự viết một tấm biển vuông cho phần mình ở, sai Tình Văn trèo thang dán lên phía trên cửa, ba chữ ấy là gì? Bản hiệu chú của Viện Hồng học ghi là "Giáng Vân hiên" (绛云轩), bản Chu hội ghi là "Giáng Vân hiên" (绛芸轩), chữ ở giữa lấy "云" (vân, mây) hay "芸" (vân, cỏ thơm) đều có cổ bản làm căn cứ. Tên hiên này mang ý nghĩa tượng trưng gì? Có lẽ chính Tào Tuyết Cần cũng phân vân giữa "绛云轩" và "绛芸轩", đây là một chỗ ông chưa chốt được cách viết cuối cùng, nên mới để lại những dấu vết khác nhau trong các bản mẹ ở những thời kỳ khác nhau. "绛" (giáng, đỏ thẫm) có thể chỉ Giả Bảo Ngọc, cậu ta yêu sắc đỏ, sau khi Đại Quan viên xây xong thì dọn vào ở Di Hồng viện, mà theo thám dật thì biết được, sau tám mươi hồi cậu sẽ gặp gỡ, kết duyên cùng Sử Tương Vân, cho nên dùng "绛云轩" để ngầm báo trước tình tiết này cũng là điều có thể. Nhưng "绛" lại khiến người ta liên tưởng tới tiên thảo Giáng Châu, vậy thì, "Giáng Châu" và "Tương Vân" chính là hai người con gái mà Bảo Ngọc thật lòng yêu trước sau trong đời mình, "绛云轩" cũng có thể ngầm chứa ý gửi gắm như vậy. Tuy nhiên, tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉ ra rằng, "绛" cũng có thể chỉ Tiểu Hồng, còn "芸" là Giả Vân, hai người này sau tám mươi hồi có tình tiết cứu giúp Bảo Ngọc, vì vậy "绛芸轩" nhiều khả năng mang ẩn dụ phức hợp nhiều tầng hơn. Không rõ các bạn mê Hồng Lâu Mộng nghĩ sao về điều này. Đoạn cuối hồi này, trước nay không ít độc giả rất ít để tâm. Một là viết "vụ trà phong lộ" (枫露茶事件), khiến a hoàn Thiến Tuyết bị đuổi. Đừng tưởng Thiến Tuyết từ đó biệt tăm biệt tích, lời phê của Chi Nghiễn Trai cho chúng ta biết, trong câu chuyện tám mươi hồi sau mà Tào Tuyết Cần đã viết xong nhưng bị người mượn đọc làm "thất lạc", cô sẽ xuất hiện ở miếu Ngục Thần, an ủi, cứu giúp Giả Bảo Ngọc.

Hai là viết một đoạn văn tự kỳ quái kể lai lịch xuất thân của Tần Khả Khanh. Bộ "Lưu Tâm Vũ diệu phẩm Hồng Lâu Mộng" của tôi chính là khởi đi từ đây. Có người vẫn luôn thấy lạ: sao anh lại nhạy cảm với đoạn văn tự ấy đến thế? Kỳ thực, ngoài việc bản thân đoạn văn tự khiến tôi thấy khả nghi ra, còn có một duyên cớ riêng tư nữa: tôi sinh năm 1942 tại phố Dục Anh đường ở Thành Đô, Tứ Xuyên, sau khi tôi lớn lên mẹ tôi nhiều lần kể lại rằng Dục Anh đường chính là Dưỡng Sinh đường. Lúc tôi ra đời đang đúng vào giai đoạn giằng co của cuộc kháng chiến chống Nhật, kinh tế gia đình khó khăn, nên mới phải ở nhờ nhà họ hàng trên con phố nhỏ đông dân nghèo lại có Dưỡng Sinh đường ấy, do một bà mợ của tôi tự xoay xở đỡ đẻ cho tôi ngay tại nhà. Lớn lên đọc Hồng Lâu Mộng, đọc tới cuối hồi thứ tám này, thấy hai chữ Dưỡng Sinh đường, lòng tôi không khỏi giật thót: ơ kìa, chính thất của Giả Dung ở phủ Ninh Quốc, sao lại có thể là đứa trẻ bị bỏ rơi không rõ gốc gác của Dưỡng Sinh đường được? Phản ứng đọc sách này của tôi cho thấy, đọc tác phẩm văn học, góc nhìn riêng đặc thù của người đọc đôi khi có thể khơi gợi ra những cảm ngộ đặc biệt.

Trong đoạn văn tự ấy, viên tiểu quan nhận nuôi nàng, trong cổ bản viết là Tần Nghiệp (秦业), lời phê của Chi Nghiễn Trai nói rất rõ, đây là cách chơi chữ đồng âm với "tình nghiệt" (情孽, nghiệt duyên tình ái) trong tiếng Quan thoại, nhưng bản Trình Ất lại cố ý sửa thành "Tần Bang Diệp" (秦邦叶). Xét ra một cái tên của một nhân vật như thế thì có gì đáng phải sửa? Xem chừng Trình Vĩ Nguyên và Cao Ngạc cũng có sự nhạy cảm riêng của họ. Cách viết "Tần Bang Diệp" cứ thế kéo dài đến tận các bản in kiểu "Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký" do Hộ Hoa Chủ Nhân bình điểm, năm 1957 bản thông hành Nhân Văn xã sửa thành "Tần Bang Nghiệp" (秦邦业), vẫn phá vỡ lối chơi chữ đồng âm với "tình nghiệt", đến năm 1982 bản thông hành Nhân Văn xã mới khôi phục lại thành Tần Nghiệp. Nếu "tình nghiệt" chỉ là ám chỉ mối tình ngang trái giữa Tần Khả Khanh và Giả Trân, thì cũng thật chẳng có gì đáng phải căng thẳng, nhưng nếu đó là ám chỉ mối thâm tình hậu nghĩa giữa phủ Giả và phe cánh "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" đã dẫn tới sự hủy diệt của cả hai, mà trong "giả ngữ" của tiểu thuyết lại ẩn giấu "chân sự" (việc thật), thì việc Trình, Cao sửa Tần Nghiệp thành "Tần Bang Diệp" cũng chẳng có gì lạ cả.

Bản Chu hội liên tục rất nhiều hồi, đoạn kết đều dùng chữ "chính thị" (正是) để dẫn ra hai câu đối thất ngôn, đây có lẽ cũng là một thiết kế văn bản của Tào Tuyết Cần, sau tên hồi mỗi hồi là bốn câu thơ đề trước hồi, cuối hồi thì là hai câu cảm thán. Tiếc rằng ông dường như chưa kịp bổ khuyết, thống nhất trọn vẹn thể lệ này.

# Dò xét kỹ càng, tinh chọn để cầu chân thực

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ chín: Mê chuyện phong lưu, bạn tình cùng vào học chung; sinh lòng nghi kỵ, trẻ ngỗ nghịch náo loạn trường học

◇ Hồi thứ mười: Kim quả phụ tham lợi, đành nuốt nhục cam chịu; thầy thuốc họ Trương luận bệnh, kỹ càng truy nguyên

Theo nguyên tắc có gì để nói thì nói cho thấu, không có gì thì nói ngắn gọn, phần giới thiệu bản Chu hội cùng những dòng chữ giãi bày cảm nghĩ đọc sách của riêng tôi, có khi triển khai đầy đủ trong một hồi, có khi gộp mấy hồi lại viết chung. Mong quý độc giả quen dần với lối viết chuyện trò tùy hứng, linh hoạt tự nhiên này.

Bản Chu hội mổ xẻ chữ nghĩa hai hồi này rất kỹ, càng thấy rõ công phu. Chẳng hạn ở hồi chín, Dính Yên đứng ngoài cửa sổ, khinh khỉnh vạch trần "tông tích" của Kim Vinh, kẻ cầm đầu gây náo loạn trường học: "Nó chẳng qua là cháu trai của mụ vợ Giả Hoàng ở ngõ (衕衖) phía đông kia, có phải chỗ dựa cứng cựa gì mà cũng dám ra dọa bọn ta. Vợ Giả Hoàng là cô ruột (姑娘) nó đấy. Còn bà cô (姑妈) nhà mày thì chỉ giỏi tài xoay vần, quỳ lạy trước mặt mợ Liễn nhà ta để vay cầm đồ. Ông đây còn chẳng thèm coi bà chủ ấy của nó ra gì!" Có cổ bản chép nhầm "ở ngõ (衕衖) phía đông" thành "ở nha môn (衙) phía đông", có lẽ người tham gia sao chép là dân phương Nam, không hiểu "衕衖" nghĩa là gì, nên tùy tiện sửa chữ "衕衖" thành chữ "nha" (衙). "Nha" có nghĩa là nha môn, nếu Kim Vinh là người ở nha môn phía đông, chẳng phải đã trở thành "con em quan nha" (衙内) rồi hay sao? Vậy thì Dính Yên còn có thể coi thường nó thế nào được nữa? Hai chữ "衕衖" nay đã giản hóa thành "hồ đồng" (胡同), người phương Nam thường gọi loại không gian này là "hẻm" (巷); ở đây chỉ rõ nhà Kim Vinh ở ngõ phía đông, cũng tức là một lần nữa xác nhận mọi tình tiết câu chuyện đều diễn ra tại Bắc Kinh. Ngoài ra, xin để ý cách viết mấy câu nói ấy của Dính Yên: hai câu đầu là nói với Bảo Ngọc, câu thứ ba là nói với Kim Vinh, câu thứ tư là tự xưng danh mình. Tào Tuyết Cần viết đối thoại nhân vật thường xử lý theo cách này, không tỉ mỉ giải thích sự chuyển đổi đối tượng lời nói, vậy mà độc giả vẫn hiểu trọn vẹn, lại còn cảm thấy như nghe thấy giọng nói, như thấy được cả nét mặt người nói. Còn một điều cần nói rõ nữa: thời ấy trong khẩu ngữ thông thường, "cô nương" (姑娘) và "cô mẫu" (姑妈) là hai cách gọi thông với nhau, nhưng khi diễn đạt theo nghĩa này thì chữ "nương" (娘) phải đọc thanh thứ nhất; còn nếu gọi Đại Ngọc là "cô Lâm" (林姑娘) thì chữ "nương" lại là thanh thứ tư và đọc nhẹ.

Lại như ở hồi mười có một câu là "hôm qua bọn chúng đánh nhau (打降) ở trường học", bản Dương tàng trong các cổ bản chép như vậy, bản Chu hội lấy theo cách viết "đả hàng" (打降) này chứ không lấy cách viết

"đả giá" (打架, đánh nhau) của bản khác, vì thời ấy có từ "đả hàng" (打降), nghĩa thông với "đả giá" (打架), nhưng chữ "hàng" (降) mới là chữ gốc (本字).

Hồi mười bắt đầu viết Tần Khả Khanh mắc bệnh lạ, lại có một vị thầy thuốc họ Trương đến xem bệnh cho nàng. Trong tập một của bộ sách này, tôi đã phân tích rất kỹ về tình tiết ấy, đặc biệt là thân phận thật sự của Trương Hữu Sĩ, đơn thuốc ông kê ra, cùng những lời ám ngữ ông thốt lên, ở đây không nhắc lại nữa. Nhưng tôi muốn cùng mọi người bàn thêm ở đây về vấn đề Kim Vinh, Kim quả phụ và vợ chồng Giả Hoàng. Đây là điều mà trong tập một, tập hai của bộ sách này tôi đều chưa kịp bàn tới.

Khi tên Kim Vinh xuất hiện, Chi Nghiễn Trai phê rằng: "Tên hay lắm, ý nói có vàng (金) mới lấy làm vinh hiển (荣), liêm sỉ còn ở đâu nữa." Kim Vinh này vốn thân thiết với Tiết Bàn, sau bị Tiết Bàn ruồng bỏ; đến khi Bảo Ngọc, Tần Chung vào học, nó lại trở mặt với hai người, thậm chí trực tiếp xảy ra xung đột, còn vung gậy tre lớn đánh trầy một lớp da đầu Tần Chung. Vậy thì, việc xây dựng nhân vật này, chẳng lẽ chỉ để nó gây náo loạn trường học ở hồi chín, rồi đầu hồi mười lải nhải với bà mẹ góa của nó, sau đó không còn đất diễn nữa hay sao? Tôi nghĩ là không phải vậy. Sau tám mươi hồi, "tứ đại gia tộc" "kẻ làm quan thì gia nghiệp suy tàn, kẻ giàu sang thì vàng bạc tiêu tán", "chớp mắt đã hóa kẻ ăn mày bị người đời chê bai", trong cảnh ngộ ấy, Kim Vinh vốn lấy vàng làm vinh hiển hẳn sẽ hả hê trước tai họa của người khác. "Oan oan báo ứng thật chẳng nhẹ nhàng gì", Tần Chung chết sớm, nhưng Bảo Ngọc, Tiết Bàn vẫn còn "sống mà chịu tội", Kim Vinh dù không ra tay đá thêm khi người ta đã ngã xuống giếng, thì chỉ đứng bên cười cợt, giễu cợt mỉa mai cũng đã đủ thỏa lòng báo thù của nó rồi. Sau tám mươi hồi, Kim Vinh chắc chắn sẽ xuất hiện trở lại.

Kim quả phụ là mẹ của Kim Vinh, ở hồi mười đất diễn của bà rất ít, ngược lại vợ Giả Hoàng, người tuyên bố sẽ đi đòi lại công bằng cho bà, lại có khá nhiều đất diễn. Vợ Giả Hoàng hùng hổ xông thẳng tới phủ Ninh Quốc, lúc đi là cả một bầu nhiệt huyết sôi sục, thế mà vừa bước vào cửa lớn, gặp Vưu thị rồi, lại lập tức hóa thành một chậu nước ấm. Tào Tuyết Cần viết đoạn này thú vị vô cùng, vừa khắc họa được sự chênh lệch giai tầng, vừa phơi bày nhân tính. Nhưng nửa đầu hồi mục của hồi này lại không nêu tên vợ Giả Hoàng, mà lại đặc biệt nhấn mạnh Kim quả phụ, vì sao vậy? Có một người bạn mê Hồng Lâu Mộng từng bàn với tôi, anh ấy nói có lẽ chẳng có dụng ý gì sâu xa, chỉ là viết vậy thôi. Nhưng tôi lại cho rằng e là vẫn có bút pháp phục tuyến ở đây. Xét toàn bộ tám mươi hồi sách mà chúng ta đang có, sẽ thấy việc được nêu tên trong hồi mục chẳng phải chuyện đơn giản chút nào. Chẳng hạn hồi tám, các cổ bản khác nhau có hồi mục khác nhau, sự chênh lệch giữa những nhân vật được nêu tên trong hồi mục rất lớn:

Bản Giáp Tuất - Tiết Bảo Thoa ốm nhẹ ở Lê Hương viện; Giả Bảo Ngọc say khướt ở Giáng Vân hiên

Bản Kỷ Mão, bản Canh Thìn, bản Dương tàng - Đọ ngọc thông linh, Kim Oanh khẽ để lộ ý; Thăm Bảo Thoa, Đại Ngọc chớm mang ghen

Bản Thích Tự - Cản hứng rượu, nhũ mẫu họ Lý đáng ghét; Ném chén trà, công tử họ Giả nổi giận

Bản Mộng Giác, bản Trình Giáp - Giả Bảo Ngọc duyên lạ nhận biết khóa vàng; Tiết Bảo Thoa tình cờ nhận ra ngọc thông linh

Bản Chu hội chọn theo cách viết của bản Giáp Tuất, còn bản hiệu chú của Viện Hồng học lại chọn theo cách viết của bản Kỷ Mão, Canh Thìn; tôi cho rằng lựa chọn của bản Chu hội gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn. Ở đây tạm không bàn cách viết nào hay hơn, nêu ví dụ này chỉ để nói rằng: để cho nhân vật nào được lên hồi mục, tác giả đã dụng công vô cùng, trong các bản thảo ở những thời kỳ khác nhau, ông sửa đi sửa lại nhiều lần để tìm ra cách viết hợp lý nhất. Vậy thì ở hồi tám, dù là Bảo Ngọc, Bảo Thoa, Đại Ngọc, hay Oanh Nhi, Lý ma ma, quả thật đều có đủ tư cách để lên hồi mục, vì họ đều còn xuất hiện trong các tình tiết về sau. Suy rộng ra, đến hồi mười, hồi mục nửa trên đã nhấn mạnh Kim quả phụ, nửa dưới nhấn mạnh thầy thuốc họ Trương, thì tuyệt đối không thể là "viết bừa cho xong". Hơn nữa, xin mọi người để ý, các cổ bản đều hoàn toàn nhất trí với nhau về cách viết hồi mục của hồi mười! (Chỉ có một vài cổ bản chép "tường nguồn" (穷源) thành "tường nguyên" (穷原), có một chút khác biệt nhỏ nhặt như vậy mà thôi.) Theo tôi, việc Trương Hữu Sĩ còn có chuyện để kể sau tám mươi hồi thì khỏi phải nói, mà vị Kim quả phụ này, cũng sẽ xuất hiện trở lại, sẽ có tình tiết liên quan đến bà. Đương nhiên, vợ Giả Hoàng cũng còn đất diễn. Trên thực tế, trong tám mươi hồi trước, những chỗ nhắc tới Giả Hoàng không chỉ có một chỗ.

# Từ Phong Nguyệt bảo giám mà chắt lọc, cải biên?

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ mười một: Mừng sinh nhật, phủ Ninh bày tiệc gia yến; gặp Hy Phượng, Giả Thụy nảy lòng dâm dục

◇ Hồi thứ mười hai: Vương Hy Phượng ác ý bày cuộc tương tư; Giả Thiên Tường mê muội soi mặt chính gương phong nguyệt

Ở phần mở đầu Hồi thứ nhất, khi liệt kê các tên gọi khác nhau của bộ sách này, có một câu: Khổng Mai Khê ở Đông Lỗ đề là Phong Nguyệt bảo giám. Cái tên này mang nghĩa "răn chớ vọng động tình phong nguyệt", hàm ý giáo huấn, phù hợp với khuynh hướng đạo đức của nhà Nho. Trước đây tôi vẫn cho rằng Khổng Mai Khê ở Đông Lỗ chưa chắc là một người có thật, rất có thể chỉ là cái tên bịa ra. "Đông Lỗ" là để xác định quê quán của vị họ Khổng này, ngụ ý ông ta là hậu duệ chính tông của Khổng phu tử nước Lỗ cuối thời Xuân Thu; một người như vậy đứng ra đặt tên cho sách, tất nhiên nhắm vào cái điều nhà Nho vẫn đề xướng "phi lễ vật động" (chẳng hợp lễ thì đừng động), nên mới đề là Phong Nguyệt bảo giám. Tôi vẫn thầm cảm thấy cách viết này ít nhiều mang chút giễu cợt. Về sau tôi để ý thấy Hồi thứ mười ba có một điều phê, là lời phê trên đầu trang nhắm vào bài kệ Tần Khả Khanh ngâm "Ba xuân khi đã qua rồi, hoa tàn thơm hết, mọi người chia tay": "Không cần đọc hết, thấy hai câu này là đã muốn rơi lệ. Mai Khê." Người viết điều phê này, Mai Khê, hẳn chính là Khổng Mai Khê đã đặt tên Phong Nguyệt bảo giám, xem ra quả thật có người này. Chi Nghiễn Trai cũng viết một lời phê trên đầu trang cho câu ấy: "Tuyết Cần trước đây từng có cuốn Phong Nguyệt bảo giám, do em trai là Đường Thôn viết tựa. Nay Đường Thôn đã mất, ta nhìn cái mới mà nhớ cái cũ, nên vẫn giữ lại theo đó." Câu này chứa đựng một lượng thông tin rất lớn:

Một, Hồng Lâu Mộng không phải là tác phẩm đầu tay của Tào Tuyết Cần. Trước đó ông ít nhất từng viết một cuốn tiểu thuyết khác là Phong Nguyệt bảo giám.

Hai, Tào Tuyết Cần có một người em trai tên là Đường Thôn, tình cảm anh em rất tốt. Anh viết tiểu thuyết Phong Nguyệt bảo giám thì em viết lời tựa cho.

Ba, Tào Đường Thôn đã qua đời vào lúc Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng.

Bốn, Chi Nghiễn Trai quen biết rất thân cả hai anh em Tào Tuyết Cần và Tào Đường Thôn, quan hệ không tầm thường. Khi phê sách, nhìn cuốn tiểu thuyết mới viết này, bà không khỏi nhớ tới bản thảo cũ của Phong Nguyệt bảo giám.

Năm, đoạn văn trong phần mở đầu ấy, nơi kể ra các tên gọi khác nhau của bộ sách, vốn không nhất thiết phải nhắc tới Phong Nguyệt bảo giám, nhưng vì nghĩ tới việc Đường Thôn đã mất, khiến người ta cảm thương hoài niệm, nên vẫn giữ lại (bảo lưu) cái tên sách này để làm kỷ niệm.

Sáu, không nói là Tào Tuyết Cần "vẫn giữ lại theo đó", mà nói "ta... vẫn giữ lại theo đó", cho thấy Chi Nghiễn Trai có quyền xử lý rất lớn đối với bản thảo, trong quá trình sao chép phê bình thường đưa ra chủ kiến để Tào Tuyết Cần tiếp thu, có khi thậm chí tự tay hoàn thành một số đoạn, thậm chí bổ khuyết một vài hồi.

Hai hồi mười một, mười hai này, trong đó câu chuyện Giả Thụy "cóc ghẻ mà đòi ăn thịt thiên nga" rõ ràng là Tào Tuyết Cần chắt lọc từ bản thảo cũ Phong Nguyệt bảo giám do Đường Thôn viết tựa, đưa vào hòa quyện trong văn bản Hồng Lâu Mộng. Trong đoạn này xuất hiện một đạo sĩ chân thọt, đưa cho Giả Thụy một tấm gương soi được cả hai mặt, bảo là do Cảnh Huyễn tiên tử chế ra, chỉ được soi mặt sau, chớ soi mặt trước, nhưng Giả Thụy lại thích soi mặt trước, kết quả buông thả dục vọng, tiết tinh mà chết. Người nhà đem tấm gương đốt đi, trong gương liền khóc rằng: "Ai bảo các ngươi nhìn mặt trước! Tự các ngươi lấy giả làm thật, cớ sao lại đem đốt ta?" Rồi vị đạo nhân chân thọt cũng kịp thời chạy đến, thu lại tấm Phong Nguyệt bảo giám ấy. Thực ra ở Hồi thứ năm, tác giả đã viết một đoạn lời của Cảnh Huyễn tiên cô, phân biệt nghiêm ngặt giữa việc trút bỏ dục vọng theo lối "da thịt buông tuồng" (皮肤滥淫) với niềm vui đến từ sự chăm chút tỉ mỉ khi thưởng thức vẻ đẹp người phụ nữ; về sau còn có những tình tiết sống động như Bảo Ngọc trang điểm hộ Bình Nhi, thay váy hộ Hương Lăng, khiến việc miêu tả tình yêu nam nữ đã được nâng lên tầm tinh thần vượt trên "da thịt buông tuồng", dường như không cần viết thêm một đoạn chuyện Giả Thụy để "răn chớ vọng động tình phong nguyệt" nữa. Nhưng Tào Tuyết Cần nghĩ đi nghĩ lại, vẫn thấy khó lòng dứt bỏ đoạn sinh động nhất trong tác phẩm thời kỳ đầu Phong Nguyệt bảo giám của mình, bèn biến hóa nó thành hai hồi mười một, mười hai của Hồng Lâu Mộng.

Đương nhiên, việc Tào Tuyết Cần hòa quyện đoạn chuyện Giả Thụy vào đây về cơ bản đã làm được tự nhiên trôi chảy. Hồi mười một có một số đoạn văn nối tiếp Hồi mười, tả tình trạng bệnh lạ của Tần Khả Khanh ngày càng nặng thêm, viết rất tỉ mỉ tinh tế. Như đoạn tả Phượng Thư đến phòng ngủ thăm Tần Khả Khanh, sai Giả Dung, Bảo Ngọc lui ra rồi, cùng Tần thị "lại thì thầm biết bao lời gan ruột", xét ra đôi bên đều là chủ nhân cả, nói chuyện chẳng cần gì phải giữ ý, hơn nữa chẳng qua chỉ là người bệnh với người đến thăm, có bí mật gì đâu? Vậy mà tác giả lại cố tình tả cảnh ấy hết sức bí ẩn, đủ thấy còn có ẩn tình gì khác ngoài bệnh tật.

Từ Hồi ba, Đại Ngọc vào phủ, cho tới Hồi mười, náo loạn trường học, mạch truyện xét về thời gian là liền mạch: Hồi tám nói tuyết hạt rơi rồi, Hồi chín lên trường học Tập Nhân chuẩn bị áo lông dày cùng lò sưởi tay, lò sưởi chân cho Bảo Ngọc, Hồi mười Trương Hữu Sĩ nói bệnh của Tần Khả Khanh "mùa đông năm nay chưa việc gì đâu", tất cả đều cho thấy đã vào mùa đông, mà còn rất lạnh. Câu chuyện Hồi mười một xét về thời gian là viết tiếp nối ngay sau Hồi mười, vậy mà lại nói phủ Ninh Quốc "khắp vườn hoa cúc lại nở rộ", còn có

một khúc tiểu lệnh tả cảnh thu nhìn qua mắt Phượng Thư: "Hoa vàng giải đất, 白柳 (liễu trắng) quanh bờ (có cổ bản lại chép là 绿柳/liễu biếc quanh bờ)... khe đá dòng trong róc rách, hàng giậu đều thơm; trên cây lá đỏ rập rờn, rừng thưa như vẽ... ngày ấm vui dồn, dế cũng rì rầm nói chuyện..." Xét về mùa thì như vậy là không ổn.

Đoạn đầu Hồi mười hai được viết nối liền ngay sau Hồi mười một, về mùa vẫn khớp nhau, là chuyện xảy ra vào khoảng tháng chạp sau tiết đông chí. Giả Thụy trúng phải cuộc tương tư ác ý Phượng Thư bày ra, ốm liệt giường, liệt kê ra hàng loạt triệu chứng, nói hắn "chưa đầy một năm, bệnh cứ nặng lên", đến đây thì đã có một khoảng cách thời gian. Tiếp theo lại kể "chợt lại hết đông sang xuân", dường như đã sang năm thứ hai kể từ khi Phượng Thư bày cuộc tương tư ác ý ấy, theo lẽ đáng ra sớm phải quay lại viết tiếp chuyện Tần Khả Khanh mới phải, chẳng phải Trương Hữu Sĩ đã nói "qua tiết xuân phân, mới có thể mong khỏi hẳn được" hay sao? Vậy thì, mùa xuân năm đầu ấy, Tần Khả Khanh rốt cuộc ra sao? Lại không hề nhắc tới, chỉ một mực viết về Giả Thụy, viết mãi cho tới lúc hắn chết. Cuối hồi này, kể rằng "cuối mùa đông năm ấy, Lâm Như Hải ở Lưỡng Hoài mắc bệnh nặng, viết thư đón Lâm Đại Ngọc về", thế là Giả mẫu sai Giả Liễn đưa Đại Ngọc về Nam thăm cha. Tính đến đây, dường như Tần Khả Khanh đã ốm mấy năm liền mà vẫn chưa chết, mà tiết xuân phân đối với nàng cũng chẳng phải là một "cửa quỷ môn quan" gì cả. Những chỗ mập mờ và mâu thuẫn về thời gian như vậy, càng cho thấy câu chuyện Giả Thụy trong hai hồi này về đại thể là lấy từ bản thảo cũ Phong Nguyệt bảo giám, tuy về cơ bản đã hòa quyện vào khá thành công, nhưng dù sao vẫn chưa được nhuận sắc lần cuối, nó cắt ngang mạch kể chuyện Tần Khả Khanh, về văn phong cũng thiếu thống nhất so với các hồi trước sau.

# Nguyên mẫu của Sử Tương Vân: một người em họ mang họ Lý của Tào Tuyết Cần

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ mười ba: Tần Khả Khanh chết được truy phong Long Cấm úy; Vương Hy Phượng ra tay hiệp lý phủ Ninh Quốc

◇ Hồi thứ mười bốn: Lâm Như Hải qua đời nơi đất khách Dương Châu; Giả Bảo Ngọc giữa đường bái yết Bắc Tĩnh vương

◇ Hồi thứ mười lăm: Vương Phượng Thư lộng quyền tại chùa Thiết Hạm; Tần Kình Khanh tìm vui nơi am Màn Thầu

- Chi Nghiễn Trai

Ba hồi này dùng bút mực đậm đà tô đi tô lại, viết về cái chết của Tần Khả Khanh và tang lễ của nàng.

Về việc thông báo tin Tần Khả Khanh qua đời ở Hồi thứ mười ba, bản thông hành viết: "Bấy giờ cả nhà đều biết, không ai không lấy làm lạ (纳罕), ai nấy đều có phần nghi hoặc." Bản Chu hội lại chọn theo cách viết của bản Mông Cổ vương phủ: "Bấy giờ cả nhà đều biết, không ai không tán thán (赞叹), ai nấy đều có phần nghi hoặc." Theo cách hiểu thông thường, đoạn trước đã tả bệnh tình Tần Khả Khanh nặng đến thế, nàng chết đi thì có gì đáng lấy làm lạ? Càng không thể nói tới chuyện tán thán. Còn "ai nấy đều có phần nghi hoặc", nghi hoặc điều gì? Cũng khó mà hiểu nổi.

Tào Tuyết Cần, ngay từ đầu toàn bộ cuốn sách, đã dùng tên hai nhân vật Chân Sĩ Ẩn (甄士隐) và Giả Vũ Thôn (贾雨村), theo lối chơi chữ đồng âm, để tuyên cáo rằng tác phẩm của ông là "việc thật được cất giữ trong lời lẽ giả định". "Lời lẽ giả định" ấy chính là văn bản của cuốn tiểu thuyết. Hồng Lâu Mộng dĩ nhiên là tiểu thuyết, nhưng cuốn tiểu thuyết này khác với những cuốn tiểu thuyết thuần túy hư cấu, bởi trong "lời giả" của nó vẫn có "việc thật" ẩn giấu bên trong.

Tần Khả Khanh đã bệnh không nhẹ ngay từ Hồi thứ mười, nàng mắc chứng trầm uất. Vì sao nàng trầm uất? Là do nguyên nhân chính trị gây nên. Cũng có thể nói bệnh của nàng là một thứ bệnh chính trị. Câu nói "một mùa đông thì không hề gì, hễ qua tiết xuân phân là có thể mong khỏi hẳn" chính là ứng với lời thầy thuốc trong sách: "mùa đông năm nay chưa việc gì đâu. Qua tiết xuân phân, mới có thể mong khỏi hẳn được." Hồi thứ hai mươi sáu có đoạn kể Phùng Tử Anh theo cha là Thần Vũ tướng quân Phùng Đường, mùa xuân đi khảo sát trường săn; trong sách, "nguyệt phái" luôn muốn nhân dịp vua đi săn xuân mà "khởi sự", vì

thế Tần Khả Khanh, với tư cách con gái của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế, thủ lĩnh "nguyệt phái", luôn tinh thần lo âu bất an mỗi độ trước xuân, khỏi bệnh được hay không hoàn toàn tùy vào tình hình chính trị sau khi "qua tiết xuân phân". Bản hiệu chú của Viện Hồng học có một điều hiệu ký sau Hồi thứ mười bốn, cho rằng Tần thị chết vào mùa xuân, nhưng đọc kỹ chữ nghĩa ba hồi này, không hề có dấu hiệu gì của mùa xuân, trái lại giống mùa thu muộn hơn. Trước khi Phượng Thư mộng thấy Tần thị, nàng cùng Bình Nhi "ôm lồng ấp, biếng thêu, sai người hun ấm chăn đệm từ sớm". Bảo Ngọc nghe tin tang liền lập tức muốn sang phủ Ninh Quốc, Giả mẫu bảo: "Đêm hôm gió to, sáng mai đi cũng chưa muộn." Đến chùa Thiết Hạm, Bảo Ngọc, Tần Chung theo Phượng Thư ngủ lại đêm ở đó, hôm sau Giả mẫu, Vương phu nhân sai người đến thăm hỏi, "còn dặn phải mặc thêm quần áo". Đến đầu Hồi thứ mười sáu, lại kể rằng Tần Chung "ra ngoài thành bị chút sương gió". Cách nhìn của tôi khác với người hiệu chú Viện Hồng học: tôi cho rằng cái chết của Tần Khả Khanh mà sách miêu tả, xét về mùa, chính là vào thu muộn.

Trong tám mươi hồi hiện còn, việc "nguyệt phái" khởi sự nhân dịp vua đi săn xuân, từ đầu đến cuối vẫn chưa từng chính thức khởi động. Sau tám mươi hồi, mới viết tới đoạn Phùng Tử Anh, Trương Hữu Sĩ họ rốt cuộc liều mình một phen. Vậy thì, vì sao Tần Khả Khanh phải chết? Bởi vì Giả Nguyên Xuân đã cáo mật với hoàng đế, tiết lộ sự thật rằng nàng vốn là con gái của Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế. Hoàng đế khen ngợi lòng trung của Nguyên Xuân, dám vạch trần cả người thân của mình (Hồi thứ mười sáu chính là ngầm viết về việc này), đồng thời nghiêm lệnh Tần Khả Khanh phải tự vẫn, nhưng lại cho phép nhà họ Giả làm ma to, cũng cho phép Bắc Tĩnh vương cùng các vương công quý tộc khác đến dự tế theo nghi thức cao. Tóm lại, hoàng đế mong muốn vụ xấu hổ của hoàng gia này kết thúc tại đây, che giấu với bên ngoài, chỉ coi như nhà họ Giả mất đi một cô cháu dâu trưởng vốn là con nuôi từ Dưỡng Sinh đường.

Vì Tào Tuyết Cần đem một đoạn chuyện trong bản thảo cũ Phong Nguyệt bảo giám ghép vào, tạo thành Hồi thứ mười một và Hồi thứ mười hai, khiến cho lô-gích thời gian giữa bệnh tình Tần Khả Khanh ở Hồi thứ mười và cái chết của nàng ở Hồi thứ mười ba trở nên rối loạn, nên độc giả bình thường thậm chí cả một số nhà nghiên cứu, đều không phân biệt rõ được Tần Khả Khanh rốt cuộc chết vào mùa nào. Xét trên văn bản, Tào Tuyết Cần quả thật cũng có phần cố ý làm cho mù mờ như khói mây.

Tôi cho rằng nếu tách Hồi thứ mười một, Hồi thứ mười hai ra, thì Hồi thứ mười nối liền Hồi thứ mười ba, về mặt thời gian là mạch lạc. Tức là Tần Khả Khanh đã vượt qua được mùa đông ấy, sang xuân năm sau cũng không chết, tập đoàn chính trị mà gia tộc nàng thuộc về đã không kịp khởi sự nhân dịp săn xuân, nhưng cũng tạm thời chưa bị hoàng đế phát giác. Nhưng nàng vượt qua được mùa xuân lại khó lòng vượt qua nổi mùa thu. Vì sao Tào Tuyết Cần đặt định cái chết của Tần Khả Khanh vào thu muộn? Chính vì "việc thật giấu đi, được giữ lại trong lời giả". Việc thật bị giấu đi ấy là gì? Chính là cái chết đột ngột của Ung Chính và việc Càn Long lên ngôi. Vào thời điểm nào? Tháng tám âm lịch năm Ung Chính thứ mười ba (1735). Hoằng Lịch nối ngôi không lập tức tuyên bố niên hiệu mới, mãi gần bốn tháng sau mới tuyên bố năm sau là năm Càn Long nguyên niên. Vậy vị hoàng đế mới đang bận rộn những gì? Ông ta đưa ra chính sách hòa giải "thân ái

hòa mục trong tông tộc", xoa dịu những vết thương chính trị trong nội bộ hoàng tộc, đồng thời đại xá cho hầu hết quan lại bình thường từng dính líu vào cuộc tranh đấu nội bộ hoàng tộc đời trước. Vậy thì, trong tình cảnh ấy, nếu có một người con gái được sủng ái bên cạnh đến cáo mật, thú nhận rằng nhà mình từng giấu giếm một người con gái của thái tử bị phế, vị hoàng đế mới sẽ không vì thế mà trừng phạt cha mẹ nhà người con gái đi cáo mật ấy, nhưng nhất định sẽ bắt người con gái bị giấu giếm kia lập tức tự vẫn, đồng thời theo nguyên tắc việc xấu hổ của hoàng gia tuyệt đối không được để lộ ra ngoài, cho phép dùng hình thức tang lễ long trọng để che giấu việc này với dân thường. Tôi cho rằng đoạn chuyện này trong Hồng Lâu Mộng, nguyên mẫu sự việc, nguyên mẫu nhân vật, chính là lấy chất liệu từ đời sống thật của nhà họ Tào. Hoàng đế lên ngôi vào tháng tám, tháng chín tháng mười ban chết cho con gái thái tử bị phế, đúng là thu muộn, viết vào tiểu thuyết, dùng "lời lẽ thôn dã giả định" (假语村言), nhưng vẫn giữ lại dấu vết của việc thật. Vì sao Tần Khả Khanh tự vẫn mà lại "cả nhà đều biết, không ai không tán thán"? Bởi nàng chết là do hoàng đế ban chết, nàng chịu chết, thì hoàng đế sẽ đại xá cho nhà họ Giả, nhà họ Giả liền được giải thoát. Nàng cương quyết đi chết, Giả mẫu, Giả Chính, Vương phu nhân... làm sao lại không tán thán cho được?

Nhưng cuốn tiểu thuyết lại còn viết phức tạp, kỳ bí hơn nữa. Ai cũng biết hồi mục Hồi thứ mười ba nguyên trước có mấy chữ "Tần Khả Khanh gian dâm chết ở lầu Thiên Hương" (秦可卿淫丧天香楼), chính Chi Nghiễn Trai đề nghị Tào Tuyết Cần sửa bỏ đi, còn bắt ông cắt bỏ bốn năm tờ (tương đương tám đến mười trang hiện nay) miêu tả liên quan. Tần Khả Khanh bị hoàng đế ban chết, nàng cũng chịu chết, nàng chọn cách thắt cổ tự vẫn; nếu nàng thắt cổ ngay trong gian phòng ngủ vốn được sắp đặt cho Bảo Ngọc nghỉ trưa, thì không có gì lạ, người ta cũng chẳng có gì đáng nghi ngờ, nhưng nếu trước khi chết nàng còn sinh ly tử biệt với Giả Trân, "gian dâm chết ở lầu Thiên Hương" (淫丧天香楼, có cổ bản chép "淫丧" (dâm mà chết) thành "淫上" (dâm với bậc trên, ngụ ý loạn luân với người trên trong nhà)) thì lại quá đỗi khác thường. Vì thế Tào Tuyết Cần mới viết thêm câu "ai nấy đều có phần nghi hoặc", câu này không bị cắt bỏ, còn được giữ lại đến tận bây giờ. Do câu chuyện Hồi thứ mười một, Hồi thứ mười hai được cấy ghép từ Phong Nguyệt bảo giám sang, nên phần văn bản nói về thời điểm Lâm Như Hải ngã bệnh rồi qua đời cũng trở nên rối loạn rõ rệt. Cuối Hồi thứ mười hai nói Lâm Như Hải ngã bệnh vào cuối đông (冬底), đến Hồi thứ mười bốn, Chiếu Nhi (照儿, các bản thông hành đều chép là Chiêu Nhi/昭儿, bản Chu hội chọn cách viết "照儿", lý do xem chú giải của Chu tiên sinh) theo hầu Giả Liễn trở về báo tin cho Phượng Thư, nói "cụ Lâm mất vào giờ Tị, ngày mồng ba tháng chín", lo xong tang lễ thì "chừng cuối năm (年底) mới về được", "dặn mang theo mấy bộ áo lông dày" - như vậy chẳng phải trước sau mâu thuẫn nhau hay sao? Nhưng nếu theo mạch suy nghĩ của tôi ở trên, tách câu chuyện Giả Thụy ra, rồi sắp xếp lại một lượt, thì cũng không hề mâu thuẫn. "Cuối đông" (冬底) mà cuối Hồi thứ mười hai nhắc tới và "cuối năm" (年底) mà Hồi thứ mười bốn nhắc tới, không nằm trong cùng một năm, mà là hai năm khác nhau. Nói ngắn gọn, câu chuyện phát triển theo trình tự thời gian như sau:

Mùa thu một năm nọ, Tần Khả Khanh mắc bệnh lạ → mùa đông năm ấy, bệnh tình nặng thêm → cuối đông năm ấy, Lâm Như Hải nhiễm bệnh → sang xuân năm sau, Tần Khả Khanh vượt qua cơn nguy, không chết →

lại đến mùa thu, mà là thu muộn, Tần Khả Khanh "gian dâm chết ở lầu Thiên Hương" → ngày mồng ba tháng chín mùa thu ấy, Lâm Như Hải bệnh mất.

Đương nhiên, như vậy thì trên trình tự thời gian không còn mâu thuẫn nữa, nhưng thời gian Lâm Đại Ngọc về thăm cha, lo liệu tang lễ dường như lại quá dài, gần tròn một năm, điều này cũng không thật hợp lý. Những chỗ chưa thật khít khao như vậy, nếu trời cho thêm tuổi thọ, để Tào Tuyết Cần có thể ung dung thống nhất lại toàn bộ bản thảo, thì không khó giải quyết. Tiếc thay ông bất hạnh đến thế, vừa mới ngoài bốn mươi tuổi đã qua đời, thật khiến người ta ngậm ngùi tiếc nuối!

Hồi thứ mười ba viết cảnh các bậc vương công quý tộc, quan lại các nơi lũ lượt đến viếng tế Tần Khả Khanh, có một câu là: "lại nghe tiếng quát dẹp đường, hóa ra là phu nhân Trung Tĩnh hầu Sử Đỉnh đến viếng." Độc giả bình thường hay nhà phê bình nào lại để ý tới câu này? Nhưng Chi Nghiễn Trai lại nghiêm cẩn phê rằng: "Đây là tin tức về Sử tiểu thư Tương Vân vậy." (Các cổ bản câu chữ tuy không hoàn toàn giống nhau nhưng ý nghĩa như nhau.)

Không ngừng có bạn đọc mê Hồng học hỏi tôi: anh cho rằng Chi Nghiễn Trai là ai? Câu trả lời của tôi là: tôi tán đồng khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương, những điểm chính như sau: là nữ giới, họ Lý, là em họ cùng thế hệ với Tào Tuyết Cần, thuộc nhà ngoại của bà nội ông (tức nhà Lý Húc, giữ chức Tô Châu Chức tạo đời Khang Hy); là nguyên mẫu của Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng; sau một phen ly tán loạn lạc, Tào Tuyết Cần và bà tình cờ gặp lại nhau; hai người cùng nhau chung sức sáng tác Thạch Đầu Ký (Hồng Lâu Mộng); một người là "kẻ si tình" (情痴), một người là "hồng tụ" (红袖, người tri kỷ chấp bút bên cạnh); một người viết bản thảo, một người chép sạch lại (thực chất là biên tập) và thêm lời phê; "hồng tụ" thường đưa ra đủ loại kiến nghị lớn nhỏ, Tào Tuyết Cần phần nhiều đều tiếp thu; "hồng tụ" đôi khi cũng tự tay chấp bút viết chính văn, một số đoạn thiếu trong tám mươi hồi là do bà bổ khuyết; sau khi Tào Tuyết Cần qua đời, bà còn sống thêm mấy năm nữa; thời kỳ đầu bà viết lời phê dùng bút danh Chi Nghiễn Trai, về sau dùng bút danh Ky Hốt Tẩu; bà đương nhiên biết rõ nội dung tám mươi hồi sau mà Tào Tuyết Cần đã viết, nhưng do "người mượn đọc làm thất lạc", bà cũng không thể khôi phục lại những nội dung đã "thất lạc" ấy, đau lòng xót dạ mà đành bất lực; bà với Tào Tuyết Cần tâm đầu ý hợp, có rất nhiều điểm ăn khớp, nhưng dù sao bà vẫn là một cá thể độc lập khác, thế giới quan, nhân sinh quan, thẩm mỹ của bà không hoàn toàn giống với Tào Tuyết Cần; lời phê của bà là tư liệu văn hiến vô cùng quý giá, nhưng không thể đem quan điểm, sở thích của bà đánh đồng hoàn toàn với Tào Tuyết Cần.

Tiên sinh Chu Nhữ Xương có rất nhiều thành quả nghiên cứu về Chi Nghiễn Trai, trong Hồng Lâu Mộng tân chứng có hẳn một chương riêng bàn về việc này. Đương nhiên, về việc rốt cuộc Chi Nghiễn Trai là ai, giới Hồng học cũng tranh luận không ít. Trong số những lý do phản bác luận chứng của tiên sinh Chu, quan trọng nhất đại thể có hai điểm: một, dù trong cổ bản, lời phê của Chi Nghiễn Trai có không ít mang khẩu khí phụ nữ, nhưng cũng có một số mang khẩu khí chỉ đàn ông mới có được; hai, Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu

là hai người khác nhau, gọi là "tẩu" (叟, ông già) thì lại càng không thể là phụ nữ được. Với cả hai điểm này, tiên sinh Chu đều có những phản hồi mạnh mẽ. Về điểm thứ nhất, nói gọn lại: lời phê trên cổ bản tuy về cơ bản là do Chi Nghiễn Trai viết, nhưng từ một số điều phê trước sau bác bỏ và sửa chữa lẫn nhau có thể thấy, cũng lẫn vào đó một số lời phê lẻ tẻ của những người khác có thể đọc được bản gốc, huống hồ có "người khác" còn ký cả tên, như Mai Khê, Lập Tùng Hiên, v.v.; ngoài ra, Chi Nghiễn Trai đã không muốn "lộ rõ thân phận thật", thì thỉnh thoảng phê bằng khẩu khí đàn ông cũng là điều có thể xảy ra. Về điểm thứ hai, nói gọn lại: đó lại càng là cố ý dùng thủ pháp mù mờ như khói mây để che giấu thân phận thật; ngoài ra, chữ "笏" (hốt, thẻ cầm khi chầu vua) là dạng biến thể của chữ "砚" (nghiên, nghiên mực), giữa hai bút danh vẫn có mối liên hệ nội tại.

# "Chân sự ẩn" rồi mới "giả ngữ tồn"

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ mười sáu: Giả Nguyên Xuân được tuyển vào cung Phượng Tảo; Tần Kình Khanh chết yểu nơi suối vàng

Câu chuyện Hồi mười sáu nối liền với Hồi mười lăm. Câu mở đầu "một hôm đúng là sinh nhật Giả Chính" (一日正是贾政生日), các cổ bản chỉ khác nhau ở một điểm: có bản thêm chữ "đích" (的) trước "sinh nhật", có bản thì không. Trong sách, sinh nhật của rất nhiều nhân vật đều được ghi rõ là ngày nào tháng nào. Sinh nhật Giả Bảo Ngọc tuy không được viết thẳng ra, nhưng qua lối viết ngầm cũng để lộ là ngày hai mươi sáu tháng tư. Đã viết cảnh bày tiệc mừng sinh nhật Giả Chính, vậy sao lại không chịu viết rõ ngày tháng? Vì sao lại dùng lối viết mập mờ "một hôm" như vậy? Khi phân tích ba hồi trước, tôi đã chỉ ra: đoạn này dùng "lời giả" giấu kín "việc thật", bối cảnh lớn đằng sau chính là việc Ung Chính đột ngột băng hà, Hoằng Lịch vội vã lên ngôi, thời điểm chính xác là tháng tám năm Ung Chính thứ mười ba. Sau khi lên ngôi, Hoằng Lịch lập tức thi hành chính sách vỗ về "thân thân mục tộc" (亲亲睦族 - thân ái người ruột thịt, hòa mục tông tộc). Thế là, cũng trong khoảng thời gian ấy, ước chừng tháng chín, tháng mười, vào cuối thu, đã liên tiếp xảy ra hàng loạt sự việc.

Nguyên mẫu của Giả Nguyên Xuân đã tố giác với nguyên mẫu của nhân vật "đương kim" (hoàng đế) trong sách, tức Hoằng Lịch, về xuất thân thật sự của nguyên mẫu Tần Khả Khanh. Hoàng đế chấp thuận lời thỉnh cầu của nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân, không trị tội phủ Giả nguyên mẫu, tức nhà họ Tào, mà chỉ hạ lệnh nghiêm khắc bắt nguyên mẫu Tần Khả Khanh tự xử. Ở đây cần nói thêm đôi lời. Các gia đình hoàng tộc nhà Thanh, bất kể sinh con trai hay con gái, đều phải đến một cơ quan chuyên trách gọi là Tông Nhân phủ để đăng ký, và được ghi vào sổ sách. Giấu giếm không khai báo là phạm tội. Nếu phế thái tử, trong lúc rối loạn của lần bị phế lần thứ hai, đã lén đưa một người con gái ra khỏi cung và giấu trong một gia đình quan viên Nội vụ phủ vốn giao hảo lâu năm với mình, thì một khi bị tố giác ra, chắc chắn không thể được tha: giết một để răn trăm, ngăn ngừa những chuyện tương tự tái diễn, đồng thời cũng để giữ gìn sự thuần khiết của huyết thống hoàng gia. Nhưng chuyện như vậy không thể để cho dân chúng bình thường biết được, vì nó tổn hại đến thể diện hoàng gia. Bởi vậy, một mặt nghiêm lệnh cho người con gái ấy tự xử, một mặt cho phép gia đình quan viên liên can vốn được khoan hồng cứ thản nhiên tổ chức tang lễ linh đình, để che mắt thiên hạ, đó là điều hết sức cần thiết. Hoàng đế thậm chí còn phái đại thái giám trong cung đích thân đến dự tế, như vậy càng ngăn được "lời đồn" bất lợi cho hoàng gia lan truyền ra ngoài. Còn về một số hoàng thân quốc thích tham dự lễ tế, như nguyên mẫu Bắc Tĩnh vương chẳng hạn, cho dù trong lòng họ đã hiểu rõ sự thật, cũng sẽ không rêu rao ra ngoài, mà trong bụng còn thầm khen ngợi trí tuệ chính trị của vị hoàng đế mới. Có nhà phê bình chất vấn nghiên cứu của tôi về việc vén màn xuất thân thật sự của nguyên mẫu Tần

Khả Khanh rằng: ông hãy đưa ra hồ sơ lưu trữ của Tông Nhân phủ năm xưa xem, có tra được là phế thái tử từng sinh một người con gái như thế hay không? Câu hỏi này đặt ra rất kỳ lạ, vì tiền đề lập luận của tôi chính là: trước khi bị phế lần thứ hai, phế thái tử đã cố ý không để Tông Nhân phủ biết về người con gái này, mà giấu nó vào một gia đình ngoài hoàng tộc, để tránh cho con từ nhỏ đã phải cùng bị giam cầm. Tiền đề đã như vậy, thì làm sao có thể tra được trong hồ sơ lưu trữ của Tông Nhân phủ?

Sau khi nguyên mẫu Tần Khả Khanh quả thật đã tự xử, tang lễ bề ngoài rình rang cũng đã lo liệu xong xuôi, hoàng đế liền qua việc thăng phong, khen thưởng để ngầm ghi nhận và tích cực thi hành chính sách vỗ về của mình đối với các bề tôi. Thế là địa vị của nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân trong cung được nâng lên. Tất nhiên, đã là "việc thật" giấu vào trong "lời giả" để lưu giữ, thì câu chữ ắt có phần khoa trương, tô vẽ thêm: có lẽ "việc thật" chẳng qua chỉ là được thăng từ hàng "Đáp Ứng" (答应) lên hàng "Thường Tại" (常在), còn "lời giả" thì lại viết thành "được thăng phong làm Thượng thư cung Phượng Tảo, gia phong Hiền Đức phi". Trong hồ sơ lưu trữ nhà Thanh, các hàng "Đáp Ứng", "Thường Tại" thường chẳng có phần của họ Tào, nhưng nếu ai đó cứ khăng khăng, nhất định phải lục trong hồ sơ phi tần nhà Thanh tìm cho ra một cô gái họ Tào, tìm không thấy thì không chịu thừa nhận cái đặc sắc riêng của "chân sự ẩn", "giả ngữ tồn" trong văn bản Hồng Lâu Mộng, hoặc dùng cái lý lẽ sáo rỗng "tiểu thuyết thì cứ là tiểu thuyết" để phủ nhận mọi sự vén màn về tính đặc sắc riêng của Hồng Lâu Mộng, thì tôi cho đó đều là máy móc, cứng nhắc. "Tiểu thuyết thì cứ là tiểu thuyết", đúng vậy, cũng đúng y như nói "người thì cứ là người", nhưng người có muôn hình vạn trạng khác nhau, sáng tác tiểu thuyết cũng tồn tại đa dạng nhiều kiểu. Có những tiểu thuyết hoàn toàn không có nguyên mẫu, chẳng hạn nhà văn Áo Kafka viết "Khi Vạn Lý Trường Thành được xây" (万里长城建造时), ông ta hoàn toàn chẳng có trải nghiệm cảm tính nào về Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc, thiên truyện ấy của ông thuần túy là sự tưởng tượng kỳ lạ. Nhưng "Jane Eyre" của nữ văn sĩ Anh Charlotte Brontë thì quả thật có nguyên mẫu, mang tính tự truyện, nên vẫn luôn có người nghiên cứu viết sách bàn về nguyên mẫu của cuốn này. Nghiên cứu nguyên mẫu thì có ích gì? Đối với độc giả bình thường, nó giúp họ hiểu và thưởng thức tốt hơn loại tiểu thuyết như vậy; còn đối với những ai định theo nghiệp viết văn hoặc đã cầm bút viết văn, nó giúp họ biết cách nghệ thuật hóa "việc thật" cho khéo, dựng nên một văn bản "lời giả" hay.

Gỡ rối cho rành mạch phần "việc thật" từ Hồi mười ba đến Hồi mười sáu của Hồng Lâu Mộng, thì phần "lời giả" của nó cũng sẽ đọc thông suốt hoàn toàn. Đoạn văn Hồi mười sáu, từ câu "một hôm đúng là sinh nhật Giả Chính" (一日正是贾政生辰) cho tới câu "ai nấy trên mặt đều lộ vẻ đắc ý, cười nói rộn ràng không dứt" (个个面上皆有得意之色，言笑鼎沸不绝), chính là đem những sự việc "thật" xảy ra trong vòng hai ba tháng: Ung Chính đột ngột băng hà, Hoằng Lịch (khi ấy còn ở Đông cung) lên ngôi, cùng việc nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân đi tố giác, nguyên mẫu Tần Khả Khanh tự xử rồi nhờ đó nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân được nâng địa vị, tất cả cô đọng lại mà viết, nên cũng chỉ có thể viết theo lối "lời quê giả tạo" (假语村言) như thế. Bởi vì ngoài sự cân nhắc về mặt nghệ thuật, còn có sự cân nhắc phi nghệ thuật nữa: nhất định phải viết ra, nhưng lại nhất định không được gây chuyện, nên đành phải mờ ảo như khói mây, thấp thoáng chập chờn,

điểm đến đâu hay đến đó, thấy "vừa đủ" là dừng ngay. Chính vì lẽ đó, không thể viết rõ ngày tháng cụ thể, chỉ có thể hành văn mập mờ: "một hôm đúng là sinh nhật Giả Chính..." Không biết từ hồ sơ cũ có còn tra được ngày sinh của Tào Phủ hay không, nếu như đúng lại là ngày triều đình công bố tin Ung Chính băng hà, thì lại càng thú vị. "Việc thật" trong lịch sử là Ung Chính không hề trải qua một quá trình lâm bệnh nào cả: nếu các quan biết tin vua đổ bệnh, thì dù đúng vào sinh nhật của chính mình cũng tuyệt không dám bày tiệc linh đình; cái chết của ông được công bố đột ngột, cho nên nếu ngay lúc ấy có vị quan nào đang bày tiệc mừng sinh nhật linh đình mà đột ngột bị triệu vào triều, thì hoảng hốt mất vía là lẽ tất nhiên. Vậy thì "lời giả" của Hồi mười sáu viết thành như thế, hoàn toàn không có gì lạ. "Giả bảo là chân, chân cũng giả" (假作真时真亦假), quả đúng thay!

Bản Chu hội đối với văn bản hồi này cũng khảo xét rất tỉ mỉ, đáng chú ý. Trong chính văn có đoạn tả Giả mẫu, Vương phu nhân... "ăn mặc theo đúng phẩm cấp" (按品大粧). Ông Chu chú thêm rằng: "Có hậu duệ hoàng tộc nhà Thanh ra sức biện bác rằng tuyệt không hề có chế độ như vậy, hoàn toàn là tiểu thuyết hư cấu thêm thắt cho đẹp. Nhưng trong Vương phủ sinh hoạt thực lục (王府生活实录) do Kim Ký Thủy (hậu duệ Duệ vương) viết, quả thật có tình tiết kiểu này." Trong tay tôi đúng lúc có cuốn sách này của ông Kim, Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc in lần đầu tháng 10 năm 1988, ở trang 73 có thuật lại cảnh tạ tuế (từ biệt năm cũ) trong vương phủ thuở ấy: "Phàm ai có phẩm cấp, bất kể nam nữ hay quan viên vương phủ, đều mặc theo đúng phẩm cấp của bản thân. Trong nhà tôi, người có địa vị cao nhất, thân phận tôn quý nhất là bà nội tôi, bà đội "điền tử" (钿子, mũ đội đầu của phụ nữ Mãn quý tộc), hình dáng giống như mũ của Tiêu thái hậu trên sân khấu hí khúc. Vì đang thủ tang chồng nên trong số hai mươi tư chiếc "thiêu can" (挑杆, những cây trang sức cắm trên mũ điền tử) vốn có, bà chỉ cài một nửa. Bên trong mặc mãng bào (蟒袍), bên ngoài khoác bổ quái đoàn long (团龙补褂) tám đoàn bốn chính bốn hàng, ngực đeo triều châu (朝珠), tay cầm "thập bát tử" (十八子, chuỗi hạt mười tám hạt cầm tay), chân đi giày bông hai màu đế "bát phân" (八分底) mũi mây. Bác gái và mẹ tôi ăn mặc giống bà nội, chỉ khác ở chỗ đầu không đội đủ bộ "thiêu can", và miếng bổ tử (补子) cũng có chút khác biệt: bác gái là phúc tấn của thân vương, bổ tử thêu hai rồng chính tám rồng hàng; mẹ tôi là phu nhân nhất phẩm, bổ tử thêu mãng bốn móng, hình dáng giống rồng. Đều đi giày đế bồn hoa (花盆底鞋)." Đó chính là ghi chép thực về cảnh các cụ bà, các bà quý tộc "ăn mặc theo đúng phẩm cấp". Tôi có qua lại với ông Kim vào khoảng năm 1980, khi ấy ông sống trong một căn nhà nhỏ ở một khu tạp viện đông đúc, chiều sâu rất hẹp, chỉ chừng hơn chục mét vuông, trong căn phòng nhỏ ấy ông treo một tấm biển tự đề: "Khoa Đầu Bão Tất hiên" (科头抱膝轩), để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc. Ông vẫn giữ nếp lễ nghi chu đáo đến từng chi tiết của người Kỳ cũ, bất kể nói chuyện với ai cũng luôn gọi đối phương là "ngài". Chúng tôi từng cùng nhau trò chuyện về Hồng Lâu Mộng, ông không chỉ am hiểu và yêu thích Hồng Lâu Mộng, mà còn từng xuất bản một cuốn tiểu thuyết chương hồi tên là Tư Kỳ (司棋), đề tặng tôi, tôi vẫn còn giữ gìn trân trọng cho đến nay, viết rất hay.

# "Tần nhân cựu xá" càng thêm lộ liễu

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ mười bảy: Thử tài đề biển đối tại vườn Hội Phương, Giả Bảo Ngọc nhanh trí làm cảm động các tân khách

◇ Hồi thứ mười tám: Lâm Đại Ngọc lỡ tay cắt túi hương, Giả Nguyên Xuân về thăm nhà mừng tiết Nguyên Tiêu

Tần Chi Hiếu đã diễn biến thành Lâm Chi Hiếu như thế nào

Hai hồi này, trong một số cổ bản vẫn chưa tách ra, có bản đã tách nhưng chỗ tách không thống nhất, mà hồi mục sau khi tách lại càng mỗi bản một vẻ. Chẳng hạn:

- Bản Kỷ Mão, bản Canh Thìn không tách, ghi là "Hồi thứ mười bảy đến hồi thứ mười tám", hồi mục là "Đại Quan viên thử tài đề biển đối, phủ Vinh Quốc đón giá về thăm mừng Nguyên Tiêu";

- Bản Mông Cổ vương phủ, bản Thích Tự hồi mười bảy có hồi mục "Đại Quan viên thử tài đề biển đối, viện Di Hồng lạc lối dò đường quanh co (u sâu)", hồi mười tám là "Mừng Nguyên Tiêu Giả Nguyên Xuân về thăm nhà, giúp người tình Lâm Đại Ngọc truyền thơ";

- Bản Thư Tự hồi mười bảy có hồi mục "Đại Quan viên thử tài đề biển đối, phủ Vinh Quốc vâng chỉ được ban cho về thăm nhà", hồi mười tám là "Cách rèm châu cha con khuyên nhau tận trung cần mẫn, cầm bút trúc anh em cùng làm thơ đề vịnh";

- Bản Mộng Giác, bản Trình Giáp hồi mười bảy dùng hồi mục của bản Kỷ Mão, hồi mười tám là "Ơn vua trọng, Nguyên phi về thăm cha mẹ, vui thiên luân, Bảo Ngọc trổ tài văn chương".

Bản Chu hội chọn cách trình bày tách thành hai hồi, và trong số các hồi mục ngổn ngang khác nhau ấy, chọn lấy đúng cái mà bạn đang thấy hiện nay - hồi mục của bản Dương tàng - cho rằng nó hợp với bản ý của Tào Tuyết Cần hơn cả. Hồi mục này không nói "Đại Quan viên" mà nói "Hội Phương viên" là hợp lý nhất, vì khi Giả Chính dẫn một đoàn người đi xem khu vườn vừa xây xong, sai Bảo Ngọc đề vịnh, thì cái tên "Đại Quan viên" còn chưa có, càng chưa có tên gọi "viện Di Hồng"; khu vườn ấy là do mở rộng, cải tạo từ vườn Hội Phương vốn có sẵn trong phủ mà thành.

Hồi mười bảy viết cảnh thử tài đề vịnh, đến một chỗ phong cảnh nước non, Giả Chính hỏi: "Các vị định đặt tên gì?" Trong đám thanh khách, có người nói "Vũ Lăng nguyên" (武陵源), có người chủ trương gọi là "Tần

nhân cựu xá" (秦人旧舍 - nhà cũ người đời Tần). Lúc này Bảo Ngọc lên tiếng: "Cái này càng thêm lộ liễu quá. 'Tần nhân cựu xá' mang ý tránh loạn, dùng sao được? Chi bằng bốn chữ 'Liễu đình hoa thì' (蓼汀花溆) là hơn." Đoạn văn này tôi cho là vô cùng quan trọng. Vườn Hội Phương vốn là hoa viên của phủ Ninh Quốc, lầu Thiên Hương ở ngay gần đó, Tần Khả Khanh từng tránh loạn trong không gian ấy - tránh cuộc nội đấu trong hoàng tộc, tránh cái loạn "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" "hỏng việc" - việc này đến sau hồi mười sáu đã coi như kết thúc, sao còn có thể để mấy chữ "Tần nhân cựu xá" như vậy dẫn ra rắc rối mới được? Đám thanh khách trong truyện dường như vô tình buột miệng nói ra, còn Tào Tuyết Cần thông qua việc để Bảo Ngọc nghiêm sắc mặt bác bỏ, thì lại là cố ý truyền thêm cho độc giả một thông tin về thân phận thật sự của Tần Khả Khanh, độc giả tinh ý tuyệt đối không được bỏ qua dễ dàng.

Hồi mười tám, Nguyên phi nhìn thấy tấm biển Bảo Ngọc thử đề, liền lập tức bày tỏ: "Hai chữ 'hoa thì' (花溆) là ổn rồi, cần gì phải thêm 'liễu đình' (蓼汀)?" Nguyên phi rất kỵ chữ "Ngọc" (玉) - điều này tôi từng viết hẳn một bài riêng để phân tích - tuy em trai bà và nhiều thân bằng khác đều có người đặt tên dùng chữ "Ngọc", nhưng khi tuần du trong biệt thự về thăm nhà vốn được cải tạo từ vườn Hội Phương (tức "Tần nhân cựu xá"), trong lòng bà vẫn không xóa được cái bóng của Tần Khả Khanh. Hồi thứ bảy có một điều Chi Nghiễn Trai phê: "Cổ thi có câu: 'Chưa gả đã mang tên Ngọc, lúc đến vốn họ Tần.' Hai câu ấy chính là chỗ đại cương mục, đại ẩn dụ, đại châm biếm của cả bộ sách này." Có thể thấy việc Tần Khả Khanh "chưa gả đã mang tên Ngọc", Nguyên Xuân là biết. Vừa thấy Bảo Ngọc đề biển có mấy chữ "hồng hương lục ngọc" (红香绿玉), lập tức nảy sinh liên tưởng khó chịu, bèn đổi thành "di hồng khoái lục" (怡红快绿). Điều này cho thấy độ nhạy cảm chính trị của Nguyên Xuân là rất mạnh. Vậy thì vì sao "liễu đình hoa thì" (蓼汀花溆) cũng khiến bà thấy chướng mắt?[1] "Liễu đình" (蓼汀) có thể gần âm với "liễu đình" (了停 - xong, dứt); mà "liễu đình" (了停) ấy chính là "hảo sự chung" (好事终 - việc hay đến hồi kết). Việc "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" "hỏng việc" (坏了事) chính là "liễu đình" (了停); câu "rường vẽ xuân tàn, hương rơi thành bụi" (画梁春尽落香尘) nói về Tần Khả Khanh cũng là "liễu đình" (了停). Cho nên Nguyên Xuân vừa thấy liền lập tức ra lệnh xóa đi. (Nhân tiện nói thêm, "xuân tàn" (春尽) cũng mang nghĩa "hảo sự chung", không cần vì có chữ "xuân" mà máy móc hiểu là việc xảy ra vào mùa xuân.)

1. NDLR. Ở đây có sự trùng âm Hán Việt khá đặc biệt: "蓼汀" (tên một bến nước trong vườn) và "了停" (nghĩa: xong hẳn, chấm dứt) đều đọc là "liễu đình", dù là hai cặp chữ Hán hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì về nghĩa. Chính sự trùng âm ấy là cơ sở cho lối chơi chữ mà tác giả đang phân tích trong đoạn này.

Tôi cứ mổ xẻ tỉ mỉ chữ "Tần" và những từ ngữ liên quan đến nó như vậy, có vị có lẽ sẽ cho là thừa. Nhưng đến hồi mười tám, chữ "Tần" lại một lần nữa kích thích thị giác tôi. Hồi này kể vườn về thăm nhà đã xây xong, các mặt chuẩn bị đang gấp rút tiến hành, ban hát gồm mấy cô gái nhỏ cùng các ni cô, đạo cô nhỏ đều đã mua đủ, thế rồi có một người hầu đến báo cáo với Vương phu nhân một việc quan trọng, để bà quyết định. Người hầu này, trong tất cả các bản thông hành trước nay, đều viết là "Lâm Chi Hiếu gia đích" (林之孝家的 - nghĩa: vợ của Lâm Chi Hiếu), nhưng bất cứ cổ bản nào cũng không có hai chữ "gia đích" (家

的); có năm cổ bản viết là "Lâm Chi Hiếu", bốn cổ bản viết là "Tần Chi Hiếu". Điều này không thể không khiến độc giả tinh ý phải suy nghĩ. Ngay cả hiệu ký sau hồi trong bản hiệu chú của Viện Hồng học cũng thừa nhận các bản đều không có "gia đích", "nay theo văn ý mà thêm vào" - kiểu "thêm vào" này không phù hợp với nguyên bút của Tào Tuyết Cần, cũng chưa chắc phù hợp với dụng ý sáng tác ban đầu của ông.

Đọc tiếp về sau, độc giả sẽ biết trong phủ Giả có một quản gia lớn tên Lâm Chi Hiếu, vợ ông ta thì được gọi là vợ Lâm Chi Hiếu. Họ nắm quyền không nhỏ, nhưng làm người rất kín tiếng, bị coi là một người điếc trời, một người câm đất. Họ có một cô con gái tên Lâm Hồng Ngọc, gọi tắt là Tiểu Hồng, lại "to gan, không coi ai ra gì, là đứa a hoàn điêu ngoa quỉ quái bực nhất" (lời Tiết Bảo Thoa đánh giá về cô ta). Vợ chồng Lâm Chi Hiếu không hề cậy quyền thế của mình mà xếp Tiểu Hồng vào một vị trí tốt nhất; sau khi Nguyên phi về thăm nhà, Đại Quan viên có một dạo bỏ trống, họ chỉ xếp Tiểu Hồng đến viện Di Hồng trông coi nhà không. Sau đó Bảo Ngọc dọn vào viện Di Hồng, mang theo cả một đám a hoàn, riêng a hoàn hạng nhất, hạng nhì đã không dưới tám chín người, Tiểu Hồng chỉ là a hoàn hạng ba, phụ trách tưới hoa, cho chim ăn, dọn lò trà. Có lần tình cờ rót cho Bảo Ngọc một chén trà, còn bị mấy a hoàn địa vị cao hơn giễu cợt mắng nhiếc. Cái cảnh sống của vợ chồng Lâm Chi Hiếu này khá kỳ lạ, so với một cặp quản gia lớn khác là vợ chồng Lại Đại thì quả thật kém xa cả về phong thái lẫn văn thái.

Vậy thì, đã là Tào Tuyết Cần cứ nhắc đi nhắc lại vợ chồng Lâm Chi Hiếu ở những đoạn sau, sao ở hồi mười tám này lại viết có một người hầu tên Tần Chi Hiếu? Nếu Tần Chi Hiếu này là một nhân vật khác, thì sao về sau lại không bao giờ xuất hiện nữa? Là lỗi viết nhầm chăng? Là người sao chép chép sai chăng? Thời điểm chép qua tay của mỗi cổ bản không giống nhau, mẫu bản dựa vào cũng khác nhau, những người tham gia sao chép phần lớn chẳng liên quan gì đến nhau, vậy sao lại có ít nhất bốn cổ bản đều viết là Tần Chi Hiếu?

Ngoài ra, trong một phủ đệ quý tộc quan liêu như phủ Giả, tình huống thông thường là gia nhân nam không thể trực tiếp đến trước mặt nữ chủ nhân để báo cáo, thỉnh thị. Cho dù có cổ bản viết thành Lâm Chi Hiếu, cũng tuyệt đối không có hai chữ "gia đích"; cách viết như vậy trong sách rõ ràng là nói cho độc giả biết: đây chính là một gia nhân nam đang nắm việc, trực tiếp báo cáo thỉnh thị trước mặt Vương phu nhân. Vậy điều này giải thích thế nào đây? Bản Chu hội tôn trọng cổ bản, tuyệt không có lối làm liều lĩnh kiểu "theo văn ý mà thêm vào", "thẳng tay sửa lại", nên đã chọn cách viết Tần Chi Hiếu; tôi cho rằng đó là điều đáng quý hiếm có, là một sự thận trọng, cố gắng phục hồi đúng nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần.

Cách nhìn của tôi về việc cái tên Tần Chi Hiếu xuất hiện là thế này: trong cấu tứ sớm nhất của Tào Tuyết Cần, người hầu này chính là Tần Chi Hiếu. Ông đã thiết kế trong tiểu thuyết một chuỗi nhân vật mang họ Tần. Tuy việc Tần Khả Khanh mang họ Tần có nguyên do là được Tần Nghiệp nhận nuôi, những người có liên quan đến cô chưa chắc cũng phải mang họ Tần, nhưng chữ "Tần" (秦) đồng âm với chữ "Tình" (情); phủ Giả vì có "tình" với "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", nên sau khi "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" "hỏng việc", vẫn vì cái "tình" ấy mà khó lòng dứt bỏ, việc thiết kế các vai liên quan đều mang họ Tần cũng là

chuyện thuận lý thành chương. Vì vậy, trong bản thảo giai đoạn đầu, Tào Tuyết Cần viết những người "tránh loạn" trong "Tần nhân cựu xá" không chỉ có Tần Khả Khanh, mà còn có cả nhà Tần Chi Hiếu. Tất nhiên Tần Chi Hiếu không thể đến phủ Giả sau khi "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" "hỏng việc" mới đến; đám gia nhân này hẳn phải đến vào lúc "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" chưa hỏng việc, vì giao hảo với phủ Giả nên được đem tặng làm lễ vật cho phủ Giả, đến phủ Giả liền làm quản gia lớn. Thời Thanh, các gia đình quý tộc đem gia nhân tặng qua tặng lại cho nhau là chuyện thường thấy. Vậy thì, vợ chồng Tần Chi Hiếu mang theo con cái đến phủ Giả chưa được bao lâu, "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" liền "hỏng việc", sau đó Tần Khả Khanh lại bị vua ban chết, chỗ dựa của họ sụp đổ hoàn toàn, tự nhiên chỉ còn cách sống kín tiếng. Nhưng họ khác với Tần Khả Khanh: Tần Khả Khanh mang tính chất giấu giếm, thuộc loại "muối lậu", một khi bị tố giác vạch trần thì hết đường sống; còn họ lại thuộc loại "muối quan", vì trước khi "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" hỏng việc đã đem họ tặng cho phủ Giả nên không phạm pháp. Họ đã thuộc về phủ Giả rồi, thì hoàng đế không trị tội phủ Giả, họ cũng sẽ không vì "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" "hỏng việc" mà bị liên lụy. Chính vì hoàn cảnh của vợ chồng Tần Chi Hiếu là như vậy, để che giấu cái "gốc gác không sạch sẽ" của mình, họ mới giả điếc giả câm trước mặt người ngoài; vợ Tần Chi Hiếu hẳn đã là một phụ nữ trung niên, vậy mà lại nhận Vương Hy Phượng nhỏ tuổi hơn mình rất nhiều làm mẹ nuôi, đó cũng là để làm nhạt thêm ký ức của người khác về gốc gác của họ. Còn Tiểu Hồng, ở nhà khó tránh khỏi nghe cha mẹ vốn chẳng điếc chẳng câm chút nào than thở kể lại chuyện cũ, nên riêng cô có kiến thức vượt hơn người thường: "Tục ngữ nói 'rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn', có ai ăn đời ở đời với nhau mãi đâu? Chẳng qua độ dăm ba năm, mỗi người đi mỗi ngả, còn ai nhìn ngó đến ai nữa?" Cô không chỉ có kiến thức, mà còn hành động táo bạo: trước tiên dùng miệng lưỡi khéo léo lấy lòng Hy Phượng, bám được cành cao, sau đó sớm tính chuyện ra khỏi phủ tự lập, mạnh dạn theo đuổi Giả Vân - người có tương lai phát triển, cuối cùng tự mở ra được một con đường đời của riêng mình.

Độc giả tinh ý sẽ phát hiện, trong sách còn có một cặp vợ chồng mang họ Tần nữa, đó là vợ chồng Tần Hiển. Vợ Tần Hiển chỉ được giao một chân trực đêm ở cổng góc trong vườn. Đến hồi sáu mươi mốt, Tần Chi Hiếu gia đích đã được đổi thành Lâm Chi Hiếu gia đích rồi, nhưng khi vợ họ Liễu quản việc bếp trong phạm tội, người mà vợ Lâm Chi Hiếu cử đi thay chức vụ của bà ta lại chính là vợ Tần Hiển. Vợ Tần Hiển này ngay cả Bình Nhi cũng không quen biết, vậy mà vợ Lâm Chi Hiếu lại cố cử bà ta, tại sao? Chẳng đáng để suy ngẫm kỹ hay sao? Điều thú vị là, trong sách qua lời Ngọc Xuyến báo cho Bình Nhi, vợ Tần Hiển chính là thím của Tư Kỳ - a hoàn phòng Nghênh Xuân, vậy có thể suy ra Tư Kỳ cũng mang họ Tần. Tôi cho rằng, Tào Tuyết Cần vốn đã thiết kế sẵn mấy tầng lớp nhân vật họ Tần - trên, giữa, dưới - để tăng thêm bầu không khí tổng thể của "Tần nhân cựu xá".

Nhưng trong quá trình sáng tác, Tào Tuyết Cần không ngừng điều chỉnh lại tư duy của mình. Có lẽ ông dần nhận ra, cần phải vượt lên trên tầng chính trị, nâng tiểu thuyết của mình lên một tầng quan hoài nhân loại cao hơn; đã đem "việc thật" của Tần Khả Khanh giấu vào "lời giả" ở phần trước rồi, nhiệm vụ ấy về cơ bản đã hoàn thành, không cần thiết phải thiết kế cả chuỗi nhân vật họ Tần phức tạp đến thế nữa, thế là về sau

ông đổi hết Tần Chi Hiếu thành Lâm Chi Hiếu, nhưng hoàn cảnh sinh tồn và các mối quan hệ liên quan vẫn còn giữ lại dấu vết rõ rệt của cấu tứ ban đầu.

Hồi mười tám viết cảnh Tần Chi Hiếu báo cáo với Vương phu nhân, nội dung vô cùng quan trọng, là việc mời Diệu Ngọc vào phủ. Ngày xưa, ở những phủ đệ quý tộc, nữ chủ nhân trong một số việc quan trọng nhất, cơ mật nhất, cũng sẽ để cho gia nhân nam có vai vế, đáng tin cậy đến trực tiếp báo cáo thỉnh thị. Diệu Ngọc là thoa thứ sáu trong Kim Lăng thập nhị thoa, có địa vị đặc biệt quan trọng trong sách. Đoạn tình tiết này còn đặc biệt viết rõ: Vương phu nhân đứng ra viết thiếp mời, đón Diệu Ngọc vào Đại Quan viên; tôi đoán tấm thiếp giấy trắng mực đen này, khi phủ Giả bị lục soát sau tám mươi hồi, sẽ bị lục ra, dẫn tới những tình tiết liên quan.

Có vị chuyên gia Hồng học phê phán tôi bằng giọng nghiêm khắc gay gắt, nói viết tiểu thuyết thì được phép sách ẩn, còn làm học thuật thì không được sách ẩn. Câu này thật kỳ lạ. "Hồng Lâu Mộng" chẳng phải chính là tiểu thuyết hay sao? "Hồng Lâu Mộng" đâu phải luận văn học thuật. Đã là viết tiểu thuyết thì được phép sách ẩn, vậy thì trong tiểu thuyết "Hồng Lâu Mộng" mà Tào Tuyết Cần viết có yếu tố sách ẩn, độc giả, nhà nghiên cứu tiến hành sách ẩn đối với nó, thì phạm phải "vương pháp học thuật" nào? Đương nhiên nghiên cứu "Hồng Lâu Mộng" có thể có những góc độ và phương pháp hoàn toàn khác nhau, thậm chí trái ngược nhau; anh không chọn phương pháp sách ẩn, nhưng không thể cấm người khác sử dụng phương pháp này. Huống hồ nghiên cứu của tôi tuy hấp thụ dưỡng chất từ cả hai phương pháp sách ẩn và khảo chứng, nhưng phương pháp căn bản lại chỉ có hai: một là nghiên cứu nguyên mẫu, hai là đọc kỹ văn bản. Nhất là đọc kỹ văn bản. Chẳng hạn cách tôi diễn giải lối viết "Tần Chi Hiếu" ở hồi mười tám, chính là tâm đắc của việc đọc kỹ văn bản. Bản hiệu chú của Viện Hồng học không có bất cứ cổ bản nào làm căn cứ, chỉ dựa vào phán đoán chủ quan của họ mà đổi "Tần Chi Hiếu" thành "Lâm Chi Hiếu gia đích"; lẽ nào quan điểm, cách làm của họ thì không cho phép người khác nêu ý kiến khác? Là họ "rời khỏi văn bản", hay là tôi "rời khỏi văn bản"? Động một tí là chụp cho người ta cái mũ to "phái sách ẩn" để đè bẹp, cách làm này rất không hay. Nói cho cùng, một số người vẫn còn tư duy tuyến tính, cứ cho rằng quỹ đạo phát triển của Hồng học nhất định phải là mô hình phát triển tuyến tính, cái sau phủ định cái trước: phái khảo chứng phủ định phái sách ẩn, phái bình luận văn học phân tích tư tưởng tính, nghệ thuật tính lại phủ định phái khảo chứng, rồi cách diễn giải "Hồng Lâu Mộng là sách giáo khoa đấu tranh giai cấp" lại vượt qua phái bình luận văn học... Kỳ thực, sự phát triển của sự vật chưa chắc là mô hình tuyến tính đơn giản, mà rất có thể là mô hình phức tạp xoáy trôn ốc đi lên. Trong bối cảnh ngôn ngữ mới, một số cơ chế tầng sâu của phái sách ẩn được kích hoạt trở lại, cũng là chuyện rất bình thường, không đáng để vội vàng đỏ mặt tía tai tuyên án người ta là "phi học thuật", nhất quyết phải "đánh cho đổ, phê cho thối", cấm đoán tiệt nọc mới hả dạ. "Đã bị phủ định từ lâu rồi" cũng là câu cửa miệng của một số vị. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, trên phương diện đánh giá học thuật, "đã bị phủ định từ lâu rồi" chỉ có thể dùng làm một cách trần thuật hiện tượng, chứ không thể dùng làm một thứ "vương pháp". Như Thẩm Tòng Văn, Trương Ái Linh, cứ giở những bộ sử văn học hiện đại chính thống và giáo trình khoa Trung văn đại học từ những năm 50 đến đầu những năm 80 của thế kỷ

20 mà xem, họ thậm chí còn không có đủ tư cách để bị phê phán, để làm "giáo viên phản diện", mà hoàn toàn bị coi như không hề tồn tại - đó chính là "đã bị phủ định từ lâu rồi". Nhưng bây giờ thì sao? Hễ nhắc đến văn học hiện đại, đương đại Trung Quốc, Thẩm, Trương là những đối tượng "hễ nói ắt phải nhắc tới", ai mà né tránh được họ? Đương nhiên, cách đánh giá về hai người, nhất là đánh giá về Trương Ái Linh, vẫn còn có tranh cãi, nhưng anh chỉ hô lên một tiếng "đã bị chúng tôi phủ định từ lâu rồi" thì có giải quyết được vấn đề gì không?

# Mấy dòng lời phê Chi Nghiễn Trai không thể không biết

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ mười chín: Đêm lành tình thiết tha, hoa biết nói lời khuyên nhủ; Ngày lặng ý miên man, ngọc tỏa hương thơm ngan ngát

◇ Hồi thứ hai mươi: Vương Hy Phượng lời ngay bác lòng ghen; Lâm Đại Ngọc lời khéo trêu giọng nói làm nũng

◇ Hồi thứ hai mươi mốt: Tập Nhân hiền thục giận hờn khuyên Bảo Ngọc; Bình Nhi khéo léo lời mềm cứu Giả Liễn

◇ Hồi thứ hai mươi hai: Nghe khúc hát Bảo Ngọc ngộ thiền cơ; Ra câu đố đèn Giả Chính buồn vì lời sấm

Sau khi Đại Quan viên xây xong, được Nguyên phi dùng để về thăm nhà một lần, rồi bỏ không một thời gian; lúc ấy Bảo Ngọc, Đại Ngọc vẫn còn ở cùng Giả mẫu. Bốn hồi này viết về những chuyện xảy ra với Bảo Ngọc và mọi người, sau khi Nguyên phi về thăm nhà nhưng trước khi họ dọn vào ở trong Đại Quan viên.

Ở cuối Hồi hai mươi hai, có một lời phê ký tên Ky Hốt Tẩu: "Hồi này chưa viết xong thì Tuyết Cần đã mất, than ôi!"

Xem kỹ hồi này thì thấy phần thiếu chủ yếu là đoạn thơ đố đèn của Đại Ngọc và Bảo Thoa ở cuối. Phần trước của hồi này viết rất đầy đặn, lời phê của Chi Nghiễn Trai cũng rất nhiều. Lời phê này truyền đạt hai thông tin:

Một, Tào Tuyết Cần không viết tuần tự lần lượt từng hồi theo thứ tự. Có lẽ trước tiên ông liệt kê hồi mục (nói chính xác hơn là liệt kê đề cương, vì hồi mục cũng có thể điều chỉnh bất cứ lúc nào, hoặc đã nghĩ xong đại thể nội dung mà tạm thời chưa đặt hồi mục), rồi tùy theo hướng cảm hứng bùng lên mà chọn ra hồi mình muốn viết nhất để viết.

Hai, khi xử lý văn bản của một hồi, ông cũng thường sắp xếp phần văn tự thuật kể trước, còn những thơ từ khúc phú cần lồng vào bên trong thì tạm để trống, đợi khi nào có hứng thú khác lại viết bổ sung vào sau.

Cách viết không hồi nào tiếp liền hồi nào này, cái lợi là hoàn toàn lấy sự bùng nổ của cảm hứng làm tiền đề, sẽ tuôn chảy ra những câu chữ rất tự nhiên, đặc sắc, nhưng đồng thời cũng làm tăng độ khó cho sự chặt chẽ, tỉ mỉ của kết cấu tổng thể, đặc biệt khi dùng thủ pháp "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm" (草蛇灰线, 伏延千里), việc nắm bắt sự khớp nối, hô ứng giữa chỗ gài trước và chỗ nối sau đòi hỏi một năng lực phi

thường. Dù khoảng tám mươi hồi văn bản Tào Tuyết Cần để lại cho chúng ta vẫn còn cần gọt giũa những chỗ gai góc để thống nhất toàn bộ bản thảo, nhưng cách viết không theo thứ tự hồi của ông vẫn cơ bản đạt được sự hô ứng trước sau, thật không khỏi phải khen ông một câu: "Thiên tài!"

Trong việc đối chiếu, lựa chọn dị văn cổ bản của bốn hồi này, bản Chu hội cũng cho thấy nhiều nét độc đáo hơn nữa. Xin nêu một ví dụ nhỏ: trong sách có viết Bảo Ngọc có một a hoàn chuyên trách hầu hạ chuyện tắm rửa cho cậu, phần lớn cổ bản đều viết là 碧痕 (Bích Ngân), bản thông hành cũng đều là 碧痕 (Bích Ngân), nhưng ngẫm kỹ lại thì tên các a hoàn khác của Bảo Ngọc, ghép hai chữ lại đều tạo thành một nghĩa hoàn chỉnh, có đôi cái tên còn đối nhau từng cặp, như Xạ Nguyệt và Đàn Vân, Tình Văn và Ỷ Tản, vậy thì 碧痕 (Bích Ngân) có nghĩa là gì? Rất khó giải thích. Nhưng trong bản Mộng Giác, 碧痕 lại viết là 碧浪 (Bích Lãng); trong sách có cảnh a hoàn này xách nước, lại qua lời Tình Văn kể ra chuyện cô ta hầu Bảo Ngọc tắm, xong việc thì nước tràn lênh láng cả đến chân giường, vì thế bản Chu hội đã chọn 碧浪 (Bích Lãng), cho rằng mới hợp với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Tiện thể bổ sung thêm một điểm: trước đó, khi a hoàn lớn của Thám Xuân xuất hiện, các bản thông hành trước năm 1982 đều viết là 侍书 (Thị Thư), bản điểm hiệu của Du Bình Bá được đưa vào Tùng thư đọc bắt buộc theo chương trình chuẩn ngữ văn mới xuất bản năm 2003 cũng là 侍书 (Thị Thư). Thám Xuân là một nhà thư pháp, tên a hoàn bên cạnh đặt theo nghĩa "hầu tiểu thư vung bút viết chữ", xem ra cũng khá hợp lý. Nhưng bản Chu hội lại phán đoán rằng 待书 (Đãi Thư) mới đúng là nguyên bút của Tào Tuyết Cần, bởi cái tên 待书 này khớp với tên a hoàn lớn của Tích Xuân là 入画 (Nhập Họa): một cái có nghĩa "đã được vẽ vào tranh rồi", một cái có nghĩa "còn đợi được viết ra", hô ứng thú vị với nhau. Đã có cổ bản viết là 待书 rồi, thì cứ theo đó mà chọn, không còn gì phải nghi ngờ.

Sử Tương Vân là một nhân vật mà ai cũng vô cùng quen thuộc, trong số bạn đọc mê Hồng Lâu Mộng thì "người mê Tương Vân" lại càng đông; tiên sinh Chu Nhữ Xương còn yêu thích hình tượng nghệ thuật này hơn ai hết, và đã khảo chứng ra rằng sau tám mươi hồi nàng có một tình tiết quan trọng là gặp lại, sum họp với Bảo Ngọc, còn nguyên mẫu của nàng chính là Chi Nghiễn Trai. Dĩ nhiên Chi Nghiễn Trai là một cái tên giả, bà chắc chắn họ Lý, về vai vế thuộc hàng cháu bên nhà bà nội Tào Tuyết Cần, tức là em họ xa đời của Tào Tuyết Cần, còn tên thì rất có thể là Lý Chẩm Hà. Nhưng Sử Tương Vân xuất hiện ở Hồi hai mươi lại đột ngột lạ thường, trước không có dẫn dắt, sau không có giải thích:

Bảo Ngọc đương ngồi chơi với Bảo Thoa, chợt thấy người nói: "Cô Sử đã đến." Bảo Ngọc chực chạy đi ngay. Bảo Thoa cười nói: "Hãy chờ một tí, chúng ta cùng đến thăm cô ta một thể." Nói xong, xuống giường cùng Bảo Ngọc đến chỗ Giả mẫu. Sử Tương Vân đương cười cười, nói nói, thấy họ đến, vội đứng dậy chào.

Sau đó là ngòi bút cứ như mây trôi nước chảy, viết ra những vướng mắc tính cách, va chạm cảm xúc giữa Bảo Ngọc, Bảo Thoa, Đại Ngọc, Tương Vân, một mạch thiên nhiên, thú vị vô cùng. Độc giả Trung Quốc bình thường, trước khi đọc văn bản Hồng Lâu Mộng, nói chung đã sớm biết về Sử Tương Vân qua hí khúc, phim ảnh, phim truyền hình, tranh vẽ, điêu khắc, truyện tranh (liên hoàn họa) cùng lời kể của người khác, nên đọc

đến đoạn này chẳng khác nào gặp lại người quen, không hề có trở ngại tâm lý nào. Nhưng tôi từng gặp một người nước ngoài ở Anh, ông ta đọc bản dịch tiếng Anh *The Story of the Stone* của David Hawkes, đọc đến chỗ này thì hoang mang. Bởi vì thân phận các nhân vật khác trong tiểu thuyết đều được giới thiệu trước, hoặc giới thiệu ngay liền sau khi xuất hiện, chẳng hạn Lý Hoàn, nàng xuất hiện ở Hồi thứ ba đã được Giả mẫu giới thiệu thân phận, đến đầu Hồi thứ tư lại kể tỉ mỉ thêm về xuất thân, hoàn cảnh sống và tính cách của nàng. Còn Sử Tương Vân thì dường như tác giả cho rằng không cần giới thiệu thêm nữa, kiểu nhân vật đặc biệt "đương nhiên bạn phải biết rồi". Kết quả là, vị người nước ngoài kia, trước khi đọc *Hồng Lâu Mộng* vốn chẳng biết gì về cốt truyện, nhân vật của Hồng Lâu Mộng, đã hoang mang: cô gái vừa đến đã cười nói ầm ĩ này, rốt cuộc có quan hệ huyết thống, quan hệ giao tiếp thế nào với những người xung quanh? Dĩ nhiên, đọc tiếp về sau, đọc rồi ngẫm lại, cũng dần dần có thể làm rõ gia tộc, huyết thống của Sử Tương Vân cùng mối quan hệ giữa nàng với Giả mẫu và những người khác trong phủ Vinh Quốc. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết về Sử Tương Vân theo cách này? Liệu có liên quan đến đề nghị của Chi Nghiễn Trai hay không? Hay là trong văn bản vốn cũng từng có một đoạn giới thiệu tập trung, rõ ràng, tương tự như đoạn giới thiệu Lý Hoàn, sau đó Chi Nghiễn Trai bảo Tào Tuyết Cần xóa đi - thậm chí là chính bà xóa rồi được Tào Tuyết Cần gật đầu tán thành - mới hình thành trạng thái văn bản như hiện nay? Đây là một vấn đề đáng để tìm hiểu.

Trong cổ bản, bốn hồi này có rất nhiều lời phê, phần lớn hẳn là của Chi Nghiễn Trai, cũng có lời ký tên Ky Hốt Tẩu. Trong đó có vài điều rất quan trọng, đáng để giới thiệu cho những độc giả không có thời gian trực tiếp đọc cổ bản có kèm lời phê:

- Hồi mười chín có đoạn viết Bảo Ngọc lén chạy đến nhà Tập Nhân, anh trai, mẹ Tập Nhân được thể sủng ái đến sợ hãi, bày ra bao nhiêu đồ ăn để mời Bảo Ngọc, "Tập Nhân thấy không có gì đáng ăn", thế là có lời phê: "bổ sung làm rõ Bảo Ngọc từ nhỏ đã kiêu quý dường nào, dùng câu này để lưu lại, đối chiếu với những đoạn vài chục hồi sau ở hạ bộ, như cảnh đông giá rét nghẹn dưa muối chua, đêm tuyết quấn chăn rách, có thể làm lời răn cho kẻ hậu sinh quá đáng, than ôi than ôi." Từ đó có thể biết, sách này của Tào Tuyết Cần chia làm thượng bộ và hạ bộ, mỗi bộ "vài chục hồi", hơn nữa vào lúc người phê sách viết lời phê này, cả thượng bộ lẫn hạ bộ đều đã cơ bản hoàn thành, trong hạ bộ có nội dung hô ứng với chi tiết này, thậm chí còn dẫn ra cả nguyên văn. Lời phê tương tự còn có ở Hồi hai mươi mốt, tiết lộ rằng về sau Bảo Ngọc "được Bảo Thoa làm vợ, Xạ Nguyệt làm a hoàn hầu", nhưng cậu vẫn có thể "buông tay nơi vực thẳm" mà đi tu, cho thấy "Bảo Ngọc có cái độc đến cùng cực của chữ tình", đó là "chỗ khác người lệch lạc suốt một đời" của cậu.

- Trong Hồi hai mươi hai có cảnh Giả mẫu tổ chức sinh nhật cho Tiết Bảo Thoa, Phượng Thư gọi vở "Lưu Nhị đương y" (刘二当衣), một vở khôi hài trào lộng đùa cợt. Ngay phía trên đoạn văn này, lời phê đầu trang của Chi Nghiễn Trai viết: "Phượng Thư gọi vở kịch này chính do Chi Nghiễn Trai cầm bút viết ra, nay người biết được điều ấy thật hiếm hoi, cũng chẳng có gì lạ vậy." Điều này cho thấy chi tiết Phượng Thư gọi vở hát, vốn

dĩ chính là do bà cầm bút viết ra. Chi Nghiễn Trai không chỉ là người biên tập, bình chú bản thảo, bà còn trực tiếp tham gia vào việc sáng tác tiểu thuyết.

- Trong chính văn Hồi mười chín, mấy lần nhắc đến chuyện Thiến Tuyết bị đuổi; khi Lý ma ma nói đến câu "Ngỡ rằng ta không biết chuyện lần trước đuổi Thiến Tuyết vì trà đấy à", lời phê là: "hô ứng với đoạn văn trước, lại dùng đúng một chữ 撵 (đuổi), oan uổng cho Bảo Ngọc quá, nhưng lại rất giống hệt với những gì trong lòng, trên miệng bà lão họ Lý." Nhưng hiện giờ chúng ta không thấy được "đoạn văn trước" ấy nữa, cảnh Thiến Tuyết bị đuổi hẳn nằm ở cuối Hồi thứ tám, rõ ràng về sau vì cân nhắc điều gì đó mà đã bị xóa, thay đổi. Tôi vẫn luôn cho rằng đã xóa đi đoạn đuổi Thiến Tuyết, rồi bổ sung vào một đoạn văn về xuất thân của Tần Khả Khanh. Nhưng qua lời phê này cũng có thể biết, cái gọi là chuyện Bảo Ngọc say rượu vì trà Phong Lộ mà đuổi Thiến Tuyết, kỳ thực là "oan uổng", chỉ là tình hình cụ thể ra sao thì nay đã rất khó đoán định.

- Hồi hai mươi có một lời phê nói: "Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới hiện ra chính văn, chính văn của Tập Nhân có tiêu mục là 'Hoa Tập Nhân có đầu có cuối'. Ta chỉ thấy có một lần chép lại cho sạch sẽ, cùng với năm sáu bản thảo như đoạn ở miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc, đã bị người mượn đọc làm thất lạc mất. Than ôi than ôi. Mùa hè năm Đinh Hợi. Ky Hốt Tẩu." Năm Đinh Hợi này hẳn là năm Càn Long thứ ba mươi hai, tức năm 1767 dương lịch, lúc ấy Tào Tuyết Cần hẳn đã qua đời hơn bốn năm rồi. Tôi đã phân tích kỹ đoạn phê này trong tập một của bộ sách này. Thiến Tuyết sẽ không phải cứ bị đuổi đi là hết chuyện, theo khảo cứu thám dật, sau tám mươi hồi Tào Tuyết Cần sẽ viết đến cảnh nàng đến miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc đang bị giam giữ. Phần bản thảo này Tào Tuyết Cần đã viết xong, Chi Nghiễn Trai từng xem qua, tiếc rằng về sau bị người mượn đọc làm thất lạc mất. Còn thân phận của người mượn đọc ấy thì rất đáng ngờ.

- Giữa Hồi hai mươi và Hồi hai mươi mốt, trên bản Canh Thìn có một bài thơ rất quan trọng:

Có vị khách đề một bài luật thi về Hồng Lâu Mộng, không rõ họ tên, chỉ thấy ý thơ kinh động sâu sắc, nên chép lại ở đây:

Tự đúc qua vàng, tay lại cầm mâu, tự mình chém giết nhau, tự giăng lưới vây mình.

Công tử Thiến Sa, tình chẳng bến bờ, tiên sinh Chi Nghiễn, hận biết bao nhiêu?

Là ảo là chân, đã trải khắp một vòng không, gió nhàn trăng nhạt, uổng công ngâm nga.

Cơ duyên tình chuyển, trời tình vỡ tan, 情不情 (tình bất tình) hề, ngán ta được gì!

Bài thơ này và bài thơ cuối cùng trong phàm lệ hô ứng với nhau, nhất là hai câu "Vạt thắm nào riêng người đẫm lệ, tình ngây còn vướng hận ôm lòng" (漫言红袖啼痕重,更有情痴抱恨长) và "Công tử Thiến Sa, tình chẳng bến bờ, tiên sinh Chi Nghiễn, hận biết bao nhiêu" (茜纱公子情无限,脂砚先生恨几多), ý nghĩa hoàn

toàn giống nhau, mang lại cho chúng ta gợi mở quan trọng để hiểu quá trình sáng tác cùng nội hàm tư tưởng của tác phẩm này. Bài thơ này rất có thể chính do Chi Nghiễn Trai tự tay viết ra. Trong một lời phê khác, bà tiết lộ rằng cuối toàn bộ sách có Tình bảng (情榜), người được lên bảng đều có một khảo ngữ, khảo ngữ của Giả Bảo Ngọc là "情不情" (tình bất tình), tức là nhân vật này đã đạt tới cảnh giới tinh thần cao nhất, đến cả những vật vô tình cũng có thể được cậu đem lòng thương yêu, trân trọng. "情不情兮奈我何" (tình bất tình hề, ngán ta được gì), tức là nói: ta đã đạt tới cảnh giới ấy rồi, những thứ lề thói phàm tục của các người thì làm gì được ta?

- Hồi hai mươi mốt còn có một lời phê khá dài mà cũng khá kỳ lạ: "Trong sách Thu Thụ Căn Ngẫu Đàm (秋树根偶谭) của tiên sinh Triệu Hương Canh có chép rằng, tại Duyện Châu, đài Thiếu Lăng có từ đường thờ Tử Mỹ (tức Đỗ Phủ), bị quan thái thú phá đi biến thành từ đường của riêng mình. Tiên sinh than rằng Tử Mỹ lúc sinh thời gặp loạn lạc tang thương, bôn ba không nhà không cửa, nào ngờ ngàn trăm năm sau, chỉ còn vài rui vài ngói cũng bị bàn tay độc ác của quan lại tham lam chiếm đoạt, thật quá đỗi, ấy là cái ách nạn của bậc tài hoa vậy. Bèn nhân đó đổi vài câu trong bài Mao ốc vi thu phong sở phá ca (茅屋为秋风所破歌, Bài ca nhà tranh bị gió thu phá) của ông, để giải trào cho Thiếu Lăng: Chân dung Thiếu Lăng còn để lại, thái thú khinh nhược ta không sức chống, nỡ lòng nào đối mặt làm kẻ trộm cướp. Công nhiên bẻ phá, chiếm lấy từ đường vốn chẳng phải của mình, người xung quanh có miệng mà chẳng dám kêu lên. Trong mộng trở về, nghe thấy tiếng thở than, ban ngày không ánh sáng, trời đất tối đen. Ước gì có được muôn ngàn dinh thự cho quan lại, để thái thú tha hồ chiếm lấy không hết mà hớn hở vui tươi, để từ đường của ngài khỏi bị phá, vững vàng như núi. Đọc đến đây cảm khái bi phẫn, lòng canh cánh khôn nguôi." Tiếp theo lại viết: "Tháng chín năm Nhâm Ngọ, vì có người đòi sách gấp quá, tạm ghi chép đến đây thôi, đây không phải là lời phê Thạch Đầu Ký vậy." Tôi cho rằng, tuyệt đối không phải vì Chi Nghiễn Trai muốn ghi lại cảm nghĩ khi đọc một cuốn sách khác mà tìm không ra giấy nào khác, bèn tiện tay kéo ngay bản sao Thạch Đầu Ký quý giá của mình ra, chỉ coi như "mượn dùng tạm" mà thôi - bà nói vậy nhưng còn có hàm ý khác. Tham quan ác lại đến cả Đỗ Phủ, người được tôn là "Thi Thánh", còn có thể bị hủy mất từ đường để chiếm làm của riêng, "cái ách nạn của bậc tài hoa", thật khiến người ta đau xót thấm thía câu "ban ngày không ánh sáng, trời đất tối đen". Bà mượn ghi chép này trong cuốn bút ký của Triệu Hương Canh, để ám chỉ tình cảnh chính mình đang gặp phải. Tình cảnh gì? "Có người đòi sách gấp quá." Ai là người đòi? Bà giấu đi chủ ngữ, chắc chắn là có nỗi khó nói. Vậy mục đích của việc đòi sách kia là gì? E rằng cũng giống như vị thái thú nọ, là muốn hủy đi từ đường của bậc tài hoa để biến thành từ đường của riêng mình - đây dĩ nhiên là một cách ví von, thực chất chính là muốn hủy đi bản thảo thật của Tào Tuyết Cần, mà thay bằng bản thảo giả hợp với ý chí của kẻ "đòi sách gấp quá" kia. Lời phê Chi này cung cấp cho chúng ta một manh mối đáng để suy ngẫm sâu xa, giúp hiểu về tình trạng bản thảo thật của Tào Tuyết Cần sau tám mươi hồi bị "thất lạc" và sự xuất hiện của các bản tục ngụy tạo.

Cuối Hồi hai mươi hai trong các cổ bản, chỗ thì thể hiện rõ sự thiếu khuyết, chỗ thì lộ ra dấu vết thu xếp gượng gạo cho xong. Các bản thông hành trước đây, ở cuối cùng đã xếp bài thơ đố đèn "朝罢谁携两袖烟"

(tan chầu rồi, ai mang theo hai ống tay áo đầy khói - đáp án là cây hương tàn canh, 更香) là của Đại Ngọc, lại thêm một bài thơ đố đèn khác kết bằng câu "恩爱夫妻不到冬" (vợ chồng ân ái chẳng đến mùa đông - đáp án là gối ống tre, 竹夫人, tức ống tre có lỗ thời xưa ôm ngủ mùa hè cho mát) cho là của Bảo Thoa. Cả hai điều này đều không đúng với nguyên bút, nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Bài đố cây hương tàn canh phải là của Tiết Bảo Thoa, còn bài của Lâm Đại Ngọc thì Tào Tuyết Cần chưa kịp bổ sung vào đã chẳng may qua đời.

# Đừng bỏ qua: những con em tông tộc họ Giả đã được và đang mưu cầu chân sai việc

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ hai mươi ba: Lời hay Tây Sương Ký khéo léo dẫn lời đùa cợt; khúc diễm Mẫu Đơn Đình khiến lòng xuân giật mình tỉnh ngộ

Từ hồi này trở đi, phần lớn tình tiết trong sách đều diễn ra ở Đại Quan viên.

Hai tình tiết lớn được nêu rõ trong hồi mục của hồi này là một trong những nội dung được lưu truyền rộng rãi nhất của Hồng Lâu Mộng. Nhưng ngoài hai mạch tình tiết chính đó ra, vẫn còn những chỗ đáng chú ý, đáng ngẫm nghĩ, không thể bỏ qua.

Hai phủ Vinh, Ninh có không ít bà con nghèo. Tất nhiên tình cảnh kinh tế của những bà con nghèo này cũng không hoàn toàn giống nhau. Có người tương đối khá giả, có người thực sự túng quẫn. Bà con khác họ tạm không bàn tới, chỉ nói riêng về những người mang họ Giả. Giả Vũ Thôn tự xưng cùng họ Giả bên phủ Vinh Quốc đều là hậu duệ của Giả Phục đời Đông Hán, cùng chung một phả hệ, nhưng thực ra huyết thống đã cách xa lắm rồi. Lúc còn ở nhờ chùa Hồ Lô, hắn chỉ là một anh nho sĩ nghèo, về sau phát đạt, chơi thân thiết với Giả Chính, Giả Xá, nhân vật này phải bàn riêng. Còn những bà con nghèo cùng họ thực sự có quan hệ huyết thống với phủ Vinh Quốc, Hồi thứ mười có nhắc tới Giả Hoàng, nhưng bản thân Giả Hoàng không hề xuất hiện, mà chính vợ ông, vợ Giả Hoàng, mới có một màn diễn quan trọng. Xem ra kinh tế nhà Giả Hoàng cũng còn tạm ổn, nhưng trong mắt Dính Yên, người hầu của phủ Vinh Quốc, vợ ông cũng chẳng qua chỉ là một mụ nghèo "chỉ biết xoay vòng vòng nài nỉ" (只会打旋磨子), quỳ gối vay mượn đồ cầm cố của Vương Hy Phượng. Những bà con nghèo này, ngoài việc thỉnh thoảng đến xin cứu tế, phần nhiều hơn là mong kiếm được một chân sai việc từ phủ Vinh Quốc, để được chia phần lợi lộc lâu dài, ổn định hơn. Việc xây dựng Đại Quan viên, Nguyên phi về thăm nhà, rồi sau đó Nguyên phi ra lệnh cho các chị em cùng Bảo Ngọc dọn vào ở Đại Quan viên, đã kéo theo không ít chân sai việc béo bở, thế là đám bà con nghèo lần lượt kéo đến xin việc. Hồi hai mươi ba viết về mấy người bà con cùng tông tộc, đều lần lượt kiếm được chân sai việc. Chân béo bở quản lý đám tiểu sa di, tiểu đạo sĩ ở gia miếu rơi vào tay Giả Cần, con trai của Chu thị ở phố sau (đến Hồi hai mươi bốn, cậu của Giả Vân là Bốc Thế Nhân xác nhận đó chính là "anh Tư ở phòng thứ ba" trong họ). Giả Vân, con trai của chị dâu thứ năm ở dãy hành lang phía tây (tính theo vai vế của Giả Liễn), trong hồi này tuy chưa mưu được chân sai việc nào, nhưng đã hé lộ rằng sau này Phượng Thư sẽ giao cho anh phụ trách trồng bổ sung cây cối hoa cỏ trong Đại Quan viên, đó cũng coi là một chân việc không tệ. Giả Vân trong tám mươi hồi đầu có khá nhiều đất diễn, sau tám mươi hồi cũng vẫn còn vai trò. Giả Cần trong tám mươi hồi đầu không có nhiều đất diễn lắm, nhưng sau tám mươi hồi chắc chắn vẫn sẽ được viết tới.

Ngoài hai người này, hồi này còn nhắc tới Giả Bình, được cử cùng Giả Dung phụ trách giám sát thợ mài đá khắc chữ trong Đại Quan viên (khi Nguyên phi về thăm nhà tuần du, những bức hoành phi câu đối và chữ khắc trên đá đều chỉ là tạm thời, phải đợi Nguyên phi phê chuẩn hoặc sửa lại, mới có thể chuyển thành thứ tồn tại vĩnh viễn). Nhân vật Giả Bình này, tôi đoán việc được nhắc tới như vậy khác hẳn với việc chỉ có tên trong danh sách dài khi Hồi mười ba viết về tang lễ Tần Khả Khanh, hẳn là về sau sẽ có tình tiết cụ thể liên quan đến anh ta xuất hiện. Đoạn trần thuật này còn nói Giả Tường phải quản việc gánh hát, không tiện tham gia giám công, Giả Trân bèn gọi thêm Giả Xương, Giả Lăng đến giám công. Có dấu hiệu cho thấy Tào Tuyết Cần tạo ra hai nhân vật Xương, Lăng là để dùng đến trong diễn tiến tình tiết về sau. Hồi thứ ba, khi Đại Ngọc mới vào phủ Vinh Quốc, có nhắc tới việc nàng từ nhỏ đã phải uống thuốc, nay vẫn đang uống thuốc Nhân sâm dưỡng vinh hoàn, Giả mẫu liền nói: "Tốt đấy, ở đây bà cũng đang làm thứ thuốc ấy, bảo làm thêm một tễ cho cháu." Nhắm vào câu này, Chi Nghiễn Trai phê rằng: "Gài sẵn mạch ngầm cho Xương, Lăng về sau." Xương, Lăng không cần nói cũng biết là gọi tắt của Giả Xương, Giả Lăng, còn "mạch ngầm" tức là nói đây là một chỗ gài sẵn, sau này sẽ hình thành một tình tiết. Vậy thì, việc Hồi hai mươi ba đặc biệt nhắc tới Xương, Lăng được Giả Trân điều dùng tạm thời hẳn không phải là câu chữ thừa thãi vô ích, mà là một sự dọn đường cần thiết. Tôi đoán hai vị Xương, Lăng trong phủ Vinh Quốc là những người phụ trách bào chế thuốc lâu dài, còn việc họ "bốc nhầm thuốc" sẽ góp phần đẩy nhanh cái chết của Đại Ngọc.

Bảo Ngọc cùng các chị em, cùng Lý Hoàn, Giả Lan dọn vào ở Đại Quan viên, mỗi người ở viện lạc nào? Xin điền vào chỗ trống:

Bảo Ngọc ở (　　)　Đại Ngọc ở (　　)　Bảo Thoa ở (　　)

Nghênh Xuân ở (　　)　Thám Xuân ở (　　)　Tích Xuân ở (　　)

Lý Hoàn dẫn theo Giả Lan ở (　　)

Nếu điền theo bản thông hành của Nhân dân văn học xuất bản xã năm 1957, thì Bảo Thoa ở Hành Vu viện (蘅芜院), Nghênh Xuân ở lầu Xuyết Cẩm (缀锦楼), Thám Xuân ở Thu Yểm thư trai (秋掩书斋), Tích Xuân dọn vào hiên Lục Phong (蓼风轩). Nếu điền theo bản điểm hiệu của Du Bình Bá và bản hiệu chú của Viện Hồng học, thì Hành Vu viện (蘅芜院) phải đổi thành Hành Vu uyển (蘅芜苑), Thu Yểm thư trai (秋掩书斋) phải đổi thành Thu Sảng trai (秋爽斋). Về việc lựa chọn giữa những chữ khác nhau trên các cổ bản, bản Chu hội còn khác biệt lớn hơn nhiều so với mấy bản kể trên. Hãy điền xong phần chỗ trống ở trên, rồi xem thêm chú giải liên quan trong bản Chu hội, bạn có nhận xét gì?

Chu tiên sinh cho rằng, hồi này còn ẩn chứa ba tầng ngụ ý lớn. Thứ nhất, thông qua bốn bài thơ tức sự bốn mùa của Giả Bảo Ngọc, ngầm báo trước cảnh ngộ bi thảm của Bảo Ngọc sau tám mươi hồi. Như câu "cách hẻm tiếng ễch nghe chưa rõ" (隔巷蟆声听未真) trong bài đầu tiên Xuân Dạ Tức Sự, chính là ngầm báo hiệu về sau anh ta phải mang gông xiềng vào ngục, làm tên lính gác đêm gõ mõ điểm canh trong nhà tù, thê

thảm khôn xiết. Thứ hai, thông qua việc Đại Ngọc nghe khúc hát mà liên tưởng tới những câu thơ như "hoa rụng nước trôi hồng" (花落水流红), ngầm báo hiệu cuối cùng nàng trầm mình xuống hồ mà chết. Thứ ba, đột nhiên viết đến việc Giả Xá lâm bệnh, Bảo Ngọc phải đến thỉnh an, ngầm báo hiệu sự suy bại của phủ Giả bắt đầu từ Giả Xá.

Nói tóm lại, nội hàm của Hồng Lâu Mộng vô cùng phong phú, thủ pháp nghệ thuật vô cùng cao siêu tinh diệu, nếu chỉ tóm gọn nội dung của nó thành "chống phong kiến, đấu tranh cho tự do yêu đương hôn nhân" thì chưa đủ; nếu chỉ chỉ ra rằng văn bút nó "đẹp đẽ" mà không cảm nhận được những ý tượng tinh tế, những "mạch ngầm" khéo léo ẩn chứa bên trong, thì cũng chưa thực sự hiểu được cái vị của nó.

# Tiểu Hồng là nhân vật quan trọng xuyên suốt cả sách

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ hai mươi tư: Túy Kim Cương xem nhẹ của cải, trọng nghĩa hiệp; cô gái ngây dại đánh rơi khăn, vương mối tương tư (醉金刚轻财尚义侠 痴女儿遗帕染相思)

◇ Hồi thứ hai mươi lăm: Phép yểm bùa, chị em gặp năm quỷ; giấc mộng lầu hồng, ngọc thông linh gặp lại đôi chân nhân (魇魔法姊弟逢五鬼 红楼梦通灵遇双真)

◇ Hồi thứ hai mươi sáu: Ở Hành Vu viện, khéo lời truyền ý ngọt; nơi quán Tiêu Tương, ngày xuân uể oải tỏ mối u tình (蘅芜院设言传蜜意 潇湘馆春困发幽情)

Trong ba hồi này, có một hồi (Hồi thứ hai mươi lăm) tập trung viết về xung đột lợi ích ngay trong nội bộ phủ Vinh Quốc. Giả Hoàn ra tay hại Bảo Ngọc trước, tiếp liền đó dì Triệu mua chuộc Mã đạo bà yểm bùa hại cả Hy Phượng lẫn Bảo Ngọc, đồng thời để hai vị tiên từ cõi trời xuống trần hoạt động là hòa thượng và đạo sĩ cùng xuất hiện. Vị hòa thượng cầm viên ngọc thông linh bảo ngọc trên tay, thở dài một tiếng nói: "Từ khi ở núi Thanh Ngạnh đến nay, thấm thoắt đã mười ba năm rồi!" Câu này chỉ rõ câu chuyện phát triển đến giai đoạn này thì Bảo Ngọc đã mười ba tuổi (vì ngọc thông linh bảo ngọc là vật Bảo Ngọc ngậm trong miệng khi lọt lòng). Hai vị tiên cứu thoát Hy Phượng và Bảo Ngọc, ngay trong hồi mục cũng nêu rõ ba chữ "Hồng Lâu Mộng".

Dù ba hồi này xen kẽ miêu tả rất nhiều việc, nhưng sợi chỉ xuyên suốt cả ba hồi lại chính là hai nhân vật Giả Vân và Tiểu Hồng. Trong Hồng Lâu Mộng có rất nhiều câu chuyện tình yêu, không ít độc giả chỉ chú ý tới mối tình tay ba Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Bảo Thoa, nhưng thật ra chuyện tình Giả Vân và Tiểu Hồng cũng được Tào Tuyết Cần dụng công viết rất kỹ. Trong hồi mục Hồi thứ hai mươi tư và Hồi thứ hai mươi sáu, tên Vân, Hồng mỗi người đều xuất hiện ngầm một lần, riêng Tiểu Hồng còn xuất hiện công khai một lần (dưới tên "cô gái ngây dại"); trong bốn câu hồi mục thì có ba câu thuộc về họ. Ở chính văn, đoạn miêu tả họ phát huy tính chủ động trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, trao đổi khăn lụa để định tình với nhau, chiếm một dung lượng không nhỏ, khắc họa hết sức tinh tế, sinh động. Tào Tuyết Cần viết chuyện Vân, Hồng tự do yêu đương, đến ngay cả Chi Nghiễn Trai lúc đầu cũng không hiểu nổi. Đặc biệt với hình tượng Tiểu Hồng, khi chưa đọc tới phần sau, bà từng viết lời phê: "gian tà tỳ nữ sao đáng là kẻ đáp lời chốn Di Hồng" (奸邪婢岂是怡红应答者), sau đó chính bà lại viết thêm một lời phê khác ngay tại chỗ đó để đính chính: "đây là vì chưa thấy các việc ở miếu Ngục Thần sau khi bị tịch biên, nên mới có lời phê này" (此系未见抄没后狱神庙诸事，故有是批). Lời phê trước cuối cùng ghi rõ viết vào "đêm đông năm Kỷ Mão", lời phê sau ghi ở cuối "mùa hạ năm Đinh Hợi, Ky Hốt". Năm Kỷ Mão này hẳn là năm Càn Long thứ hai mươi tư (1759), năm đó Tào Tuyết

Cần chắc chắn vẫn còn sống; còn năm Đinh Hợi này thì phải là năm Càn Long thứ ba mươi hai (1767), lúc ấy Tào Tuyết Cần đã mất được ba bốn năm rồi (Tào Tuyết Cần rốt cuộc mất vào đêm giao thừa năm Nhâm Ngọ hay năm Quý Mùi, giới Hồng học vẫn còn tranh cãi; tiên sinh Chu Nhữ Xương khảo chứng ra là đêm giao thừa năm Quý Mùi, vậy theo dương lịch đã là năm 1764). Vào mùa đông năm Kỷ Mão, khi chưa được đọc phần chữ viết ra sau đó, Chi Nghiễn Trai đã hiểu sai về cách xây dựng hình tượng Tiểu Hồng; đến mùa hạ năm Đinh Hợi, khi lật lại di cảo của Tào Tuyết Cần, đọc tới đoạn này, bà lập tức viết lời đính chính ngay trên đầu trang (khoảng trống phía trên trang sách). Hiện tượng này cho thấy rõ mấy vấn đề sau đây:

Một là, đối với kết cấu tổng thể toàn bộ tác phẩm cũng như cách nắm bắt hình tượng nhân vật ở tầm vĩ mô của Tào Tuyết Cần, thì ngay cả người cộng tác thân thiết với ông như thế, trong hoàn cảnh chỉ mới được đọc một phần bản thảo, cũng khó lòng hiểu ngay được. Có thể đoán rằng, đối với ý đồ tổng thể xây dựng nhân vật Tiểu Hồng, Tào Tuyết Cần cố tình không nói trước cho Chi Nghiễn Trai biết rõ ngọn ngành; một mặt có thể vì bản thân ông cũng còn phải qua một quá trình xoay đi xoay lại để điều chỉnh tứ truyện, mặt khác cũng có thể để dành cho Chi Nghiễn Trai, khi đọc tới phần sau, được tận hưởng cái thú thẩm mỹ của sự bừng ngộ. Nếu cái gì cũng nói toạc hết cho Chi Nghiễn Trai biết trước, thì khi viết lời phê, hứng thú của bà chắc chắn sẽ giảm đi nhiều; phải để Chi Nghiễn Trai như Trịnh Hòa giong buồm xuống Tây Dương vậy, luôn có thể reo lên kinh ngạc vì liên tục phát hiện ra "lục địa mới".

Hai là, mối quan hệ hô ứng trước sau, đính chính rõ ràng giữa hai lời phê ấy cho thấy Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu chính là cùng một người. Tra khắp các lời phê trong mọi cổ bản hiện còn, kể từ khi cái tên Ky Hốt Tẩu xuất hiện với niên đại năm Nhâm Ngọ, thì không còn lời phê nào ký tên Chi Nghiễn Trai mà lại ghi kèm niên đại về sau nữa; điều này lại càng chứng tỏ Ky Hốt Tẩu chính là một bút danh mới của Chi Nghiễn Trai khi tuổi tác đã dần cao (đặc biệt là tuổi tâm lý đã dần già đi).

Ba là, "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm" quả thực là thủ pháp nghệ thuật quan trọng nhất trong sáng tác Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần; tưởng như tùy tiện thuận tay, ngẫu hứng buông bút, nhưng thực chất đều là những dụng ý gài trước được thai nghén hết sức công phu. Giả Vân nhận Bảo Ngọc làm cha nuôi, Hy Phượng định nhận Tiểu Hồng làm con gái nuôi (sau khi hiểu ra tính sai vai vế mới thôi), những tình tiết được sắp đặt như vậy đều là mạch ngầm gài trước. Trong ba hồi này cũng như trong suốt tám mươi hồi sách, Bảo Ngọc cao quý biết bao, Hy Phượng oai phong biết bao; nhưng đến hồi miếu Ngục Thần sau tám mươi hồi, đôi Vân, Hồng vốn năm xưa hèn kém, khuất phục trước mặt họ đến thế, lại xuất hiện trước mặt họ với tư cách người cứu giúp, đem đến cho họ niềm an ủi như giọt cam lộ. Thế đạo hiểm hóc khôn lường, lòng người sâu kín khó dò, thông qua một tứ truyện thấu suốt như vậy, chắc chắn sẽ được thể hiện đến tận cùng. Chỉ tiếc là chúng ta không còn được đọc mấy hồi có sức chấn động ấy nữa.

Tôi vẫn nhiều lần nhấn mạnh, không nên đánh đồng phần tục biên của Cao Ngạc với Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần làm một. Đến nay vẫn có người nói "Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi mới là kinh

điển", bản thông hành của Hồng Lâu Mộng còn cứ nhất định phải xếp tên Cao Ngạc cạnh tên Tào Tuyết Cần; bộ Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới lấy tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng theo bản điểm hiệu Du Bình Bá làm bản nền, mà bản Du vốn chỉ có tám mươi hồi, ấy vậy mà vẫn cứ nhất quyết ghép thêm bốn mươi hồi của Cao Ngạc vào, trên bìa sách vẫn in dòng chữ "Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc trước tác". Bây giờ chưa nói chuyện gì khác, chỉ riêng việc Cao Ngạc bóp méo hình tượng Giả Vân đến mức nào thôi cũng đã đủ khiến người ta rùng mình! Ông ta thẳng tay biến Giả Vân thành "gã anh gian ác" hãm hại Xảo Thư! Còn Tiểu Hồng, một nhân vật quan trọng từng hai lần xuất hiện trên hồi mục ở phần trước, lại bị ông ta viết cho biến mất luôn. Có kể qua loa rằng nàng lấy Giả Vân làm chồng, nhưng Giả Vân đã là "gã anh gian ác" thì nàng cũng thành "mụ chị dâu gian ác" luôn! Bản Trình Cao đối xử tàn tệ với đôi Vân, Hồng như thế, chính là xúc phạm Tào Tuyết Cần và tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng; cho dù họ thật sự không có dụng ý xấu gì, chỉ là hoàn toàn không hiểu được tứ truyện của Tào Tuyết Cần, viết tiếp một cách tùy tiện, thì bốn mươi hồi tục biên của Cao Ngạc kia làm sao có thể dán chết cứng vào văn tự của Tào Tuyết Cần được? Làm sao có thể gọi là kinh điển được? Vẫn cứ có người nói rằng Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi, gộp cả phần tục biên của Cao Ngạc, mới là "hoàn chỉnh". Thử nghĩ mà xem, nếu có người cứ khăng khăng đòi nối liền cánh tay cho bức tượng thần Vệ Nữ cụt tay kia, tuyên bố chỉ có làm thế mới là "hoàn chỉnh", mới xứng là "kinh điển", thì các bạn sẽ nghĩ sao? Cánh tay được nối thêm ấy có đủ tư cách cùng bức tượng cổ khiếm khuyết kia được gọi chung là "kinh điển" hay không?

Hồi thứ hai mươi tư có Túy Kim Cương Nghê Nhị lên hồi mục. Tào Tuyết Cần thông qua Giả Vân, đã đưa tầm nhìn của độc giả vượt ra khỏi phủ đệ quý tộc, phô bày cả một bức tranh phong tình chợ búa. Lối viết mang tính lan tỏa như vậy quả thực rất cao tay. Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng, đó là một lối viết bên lề trong chính sự sinh tồn bên lề của bản thân ông; còn Hồng Lâu Mộng, xét theo một ý nghĩa nào đó, chính là tác phẩm dựng bia lập truyện cho những con người sống ở bên lề. Đó là một thời đại phong kiến, một xã hội nam quyền, phụ nữ, đặc biệt là những cô gái khuê các chưa xuất giá, hoàn toàn ở trong trạng thái bên lề xã hội, có ai sẽ đi khẳng định giá trị sinh mệnh của họ đâu? Vậy mà Hồng Lâu Mộng lại tuyên bố họ là cốt nhục làm bằng nước, còn đàn ông là cốt nhục làm bằng bùn đất, những kẻ làm quan làm tể tướng lại càng là bọn râu mày nhơ nhớp. Trong việc khắc họa những người phụ nữ trẻ tuổi, Tào Tuyết Cần lại dành sự quan tâm hết sức lớn cho đám a hoàn, những kẻ vốn đã ở bên lề ngay cả so với các tiểu thư, phu nhân, khắc họa nên biết bao ánh sáng và phẩm giá đáng trân quý của những sinh mệnh mong manh. Đối với đàn ông trong sách cũng vậy, tình yêu thương và sự trân trọng của ông luôn nghiêng về phía những nhân vật bên lề. Trên thực tế, chính Giả Bảo Ngọc cũng là một nhân vật bên lề: tuy vị trí của cậu nằm ngay trung tâm gia đình quý tộc phong kiến, nhưng về mặt tư tưởng, lập trường, tình cảm, hành vi, cậu đều tự giác "ly tâm", rời xa cái trung tâm ấy. Hồi thứ mười lăm có đoạn viết trên đường đưa tang Tần Khả Khanh, cậu theo Hy Phượng nghỉ chân ở một trang trại, tình cờ gặp cô thôn nữ Nhị Nha Đầu, mở mang tầm mắt, thấy vô cùng mới lạ; lúc rời đi, ngồi trên xe, thấy Nhị Nha Đầu ẵm đứa em trai nhỏ, cùng mấy đứa bé gái vừa cười vừa nói đi tới, cậu phản ứng ra sao? Tào Tuyết Cần đã viết xuống một câu thế này: "Bảo Ngọc chỉ hận không được xuống xe đi theo cô ta." (Thời ấy tiếng Hán còn chưa có chữ riêng để chỉ "nàng, cô ấy" (她) dùng cho giống cái; chữ 她

này là do tiên sinh Lưu Bán Nông, người đề xướng bạch thoại văn hồi đầu thế kỷ 20, sáng chế ra; độc giả trẻ nên biết rằng khi trích dẫn nguyên văn Hồng Lâu Mộng, dù có chỉ người phụ nữ cũng sẽ không có chữ 她 ấy; thời đó cũng chưa có quy định phân biệt cách dùng giữa ba chữ 的, 地, 得, vốn đều đọc là "de" trong tiếng Quan thoại hiện đại, cho nên xin đừng lấy chuẩn ngữ pháp hiện đại mà soi xét các câu trích dẫn.) Đó là một tâm lý như thế nào? Chính là tâm lý không muốn ở lại trong xã hội chủ lưu, mà hướng vọng về xã hội bên lề. Đương nhiên, muốn thực sự thoát ly khỏi cái chủ lưu của thời đại ấy, xã hội ấy, thì Giả Bảo Ngọc có cái tâm mà không có cái lực; sự hạn chế này, chúng ta nên hiểu và cảm thông cho cậu.

Sau Hồi thứ hai mươi sáu, Chi Nghiễn Trai có lời phê cuối hồi thế này: "Hồi trước viết bốn kiểu văn hiệp nghĩa của Nghê Nhị, Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm, đều đạt tới ngọn bút truyền thần tả chiếu, chỉ tiếc văn tự về đoạn Vệ Nhược Lan bắn cung ở vườn xạ đã thất lạc, không còn bản thảo. Than ôi, than ôi!" (前回写倪二、紫英、湘莲、玉菡四样侠文，皆得传真写照之笔，惜卫若兰射圃文字迷失无稿。叹叹！) Nghê Nhị xuất hiện ở Hồi thứ hai mươi tư, trong đám nhân vật chợ búa, cái ngang tàng vô lại kiểu như hắn là một dạng nhân vật bên lề không theo khuôn phép, hay nói cách khác là một thứ "vật liệu lấp đầy xã hội". Phùng Tử Anh xuất hiện chính diện ngay trong hồi này, tôi từng phân tích kỹ ở tập đầu bộ sách này, đây là một nhân vật bên lề chính trị, không thuộc chủ lưu chính trị, thậm chí phản chủ lưu chính trị. Liễu Tương Liên và Tưởng Ngọc Hàm phải đến mấy hồi sau mới chính thức xuất hiện: một người là con cháu lưu lạc của thế gia sa sút, đương nhiên là kẻ bên lề; người kia tuy là một ưu linh đang ở vị trí trung tâm xã hội, bị hai vị vương gia tranh giành, nhưng anh ta lại tự giác trở thành kẻ bên lề, lẩn tránh quyền thế. Nghê, Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm rõ ràng đều là những kẻ bên lề xã hội, nhưng ngòi bút Tào Tuyết Cần khi viết về họ lại tràn đầy tình yêu mến; Chi Nghiễn Trai còn thẳng thắn gộp họ lại gọi là "Hồng lâu tứ hiệp", đồng thời khen ngợi Tào Tuyết Cần viết rất chân thực, rất sinh động. Ở đây, xin đặc biệt chú ý tới Nghê Nhị. Trong câu chuyện tám mươi hồi, không gian sinh tồn của Nghê Nhị gần với hạng thị dân nhỏ như Giả Vân, mà hoàn toàn không dính dáng gì tới không gian hoạt động của Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm; xét cho cùng, ba người sau vẫn thuộc về giới thượng lưu xã hội. Nhưng Chi Nghiễn Trai lại xếp Nghê Nhị ngang hàng với ba người kia, đủ thấy trong câu chuyện sau tám mươi hồi, Nghê Nhị rồi sẽ hợp lưu cùng họ; những kẻ bên lề xã hội vốn khác biệt nhau không nhỏ, thậm chí rất lớn như vậy, dưới cùng một ý thức phản chủ lưu, sẽ tích hợp thành một sức mạnh, xông vào va chạm với chính trị chủ lưu, kết cục là thất bại, còn liên lụy tới Giả Bảo Ngọc, tạo thành một đại bi kịch. Nhưng vì họ "trọng nghĩa hiệp", nên phần câu chuyện về họ sẽ không mang không khí bi thương, mà phải thể hiện ra một khí phách bi tráng.

Vì sao Chi Nghiễn Trai trong lời phê ấy, sau khi nói hết về "Hồng lâu tứ hiệp", lại nói ngay tiếp tới Vệ Nhược Lan? Cái tên Vệ Nhược Lan này trước đó chỉ xuất hiện ở cuối danh sách khách khứa đến viếng tang Tần Khả Khanh trong Hồi thứ mười bốn. Nếu chưa đọc tới phần sau, ai mà ngờ được rằng Tào Tuyết Cần liệt kê cái danh sách ấy cũng là một mạch ngầm gài trước? Vệ Nhược Lan này ở phần sau tám mươi hồi có một màn trọng đầu, anh ta sẽ phải "bắn cung ở vườn xạ"; Tào Tuyết Cần đã viết xong hồi ấy, nhưng về sau bị "người mượn đọc làm thất lạc". Vì sao Chi Nghiễn Trai lại than thở ở chỗ này về việc thất lạc phần bản thảo đó? Bạn

thử đối chiếu kỹ bản thông hành trước đây với bản Chu hội, sẽ phát hiện Hồi thứ hai mươi sáu viết Phùng Tử Anh đến thư phòng Tiết Bàn, kể lại chuyện mình theo cha đi săn ở trường săn: "đi từ hôm hai mươi tám tháng ba, hôm kia mồng sáu mới về" (三月二十八日去的，前日初六才回来); tiếp theo là câu Bảo Ngọc nói, bản thông hành đều in là: "thảo nào hôm mồng ba, mồng bốn vừa rồi, tôi ở nhà anh Thẩm dự tiệc, không thấy anh đâu." (怪道前初三、四儿，我在沈世兄家会席，没见你呢。) Còn bản Chu hội lại in là: "thảo nào hôm mồng ba, mồng bốn vừa rồi, tôi ở [khuyết bốn chữ] dự tiệc, không thấy anh đâu." (怪道前初三、四儿，我在□□□□会席，没见你呢。) Vì sao bản Chu hội lại in như vậy? Có căn cứ không? Có chứ. Trên bản tàng trữ ở Sankt-Peterburg, Nga, rõ ràng còn để lại đúng bốn chữ khuyết trống ấy. Đủ thấy trên bản mẹ mà nó dựa vào vốn đã thiếu bốn chữ này; cũng có thể suy ra rằng bốn chữ "nhà anh Thẩm" (沈世兄家) là do một người sao chép nào đó thấy thiếu chữ không hay, nên trong tình trạng hoàn toàn không có căn cứ mà tự ý bổ sung vào; các bản sao khác lại theo chỗ bổ sung này mà sao chép tiếp, cứ thế mà để một "anh Thẩm" lưu truyền đến tận ngày nay. Tôi cho rằng bản Nga tàng sẽ không vô cớ mà để lại đúng bốn chữ khuyết trống như vậy. Bốn chữ bị khuyết này, rất có thể chính là "nhà Vệ Nhược Lan" (卫若兰家), có lẽ đã bị mài mòn mất trong quá trình truyền sao chép lại; nếu không thì Chi Nghiễn Trai đã chẳng nhắc tới "Vệ Nhược Lan bắn cung ở vườn xạ" trong lời phê ấy làm gì.

Phần tục biên của Cao Ngạc, mà người thường cho là viết hay nhất, chính là đoạn Giả mẫu bỏ rơi Lâm Đại Ngọc, Hy Phượng bày ra "kế đánh tráo" và Lâm Đại Ngọc "đốt thơ dứt tình si". Cao Ngạc có quyền tự do viết tiếp, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc phần ông viết được lưu truyền lâu như vậy thì chúng ta buộc phải thừa nhận nó phù hợp với lô-gích câu chuyện của tám mươi hồi đầu. Trên thực tế, đọc kỹ đoạn tình tiết trước Hồi thứ hai mươi lăm, sẽ thấy ngay việc Cao Ngạc viết Hy Phượng thâm độc bày ra "kế đánh tráo" là không phù hợp với dụng ý gốc của Tào Tuyết Cần. Đoạn tình tiết ấy viết cảnh Đại Ngọc đến viện Di Hồng, mọi người bàn tán về hương vị trà cống của nước Xiêm La mà Hy Phượng chia cho mỗi người, Đại Ngọc và Hy Phượng có chút va chạm nhỏ trong lời ăn tiếng nói, Hy Phượng cười buột miệng nói: "Cô đã uống chè nhà chúng tôi rồi, sao còn chưa chịu làm dâu nhà chúng tôi?" Đại Ngọc dĩ nhiên không giữ nổi vẻ mặt, liền mắng Hy Phượng là giọng lưỡi bần tiện, làm người ta chối cả tai, Hy Phượng liền thẳng thừng chỉ vào Bảo Ngọc nói: "Cô thử xem, con người không xứng đáng sao? Dòng họ không xứng đáng sao? Nề nếp và gia tư không xứng đáng sao? Có cái gì làm cô đáng xấu hổ nào?" Chi Nghiễn Trai là người đã đọc hết phần Tào Tuyết Cần viết về câu chuyện Bảo Ngọc, Đại Ngọc, bà đã viết một lời phê ngay tại chỗ này: "Chuyện hai Ngọc, từ trên xuống dưới cả phủ Giả, kể cả người đọc sách lẫn người phê sách, đều tin chắc đó sẽ là một đôi vợ chồng tốt đẹp, trong sách cũng thường thường nhắc đến, lẽ nào lại không phải vậy. Than ôi, than ôi!" (二玉事在贾府上下诸人，即看书人、批书人皆信定一段好夫妻，书中常常每每道及，岂其不然。叹叹！) Ý bà chỉ là muốn nói rằng đôi tình nhân hai Ngọc rốt cuộc lại không thành được vợ chồng; hầu như tất cả mọi người, kể cả Hy Phượng, đều đinh ninh rằng đến cuối cùng họ sẽ nên duyên chồng vợ, nhưng cái kết cục mà tác giả đã viết ra lại hoàn toàn ngược lại, nên bà mới vì thế mà than thở. Nếu nguyên nhân đó là

do sau này Hy Phượng bày ra "kế đánh tráo", thì ở chỗ này, hẳn bà không thể nào không nhắm thẳng vào Hy Phượng mà bình luận.

# Rùa sáu chân · Hai mươi sáu tháng tư · Mồng ba tháng năm

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ hai mươi bảy: Ở đình Trích Thúy, Dương phi đùa giỡn bướm màu; nơi gò chôn hương, Phi Yến khóc thương hoa tàn (滴翠亭杨妃戏彩蝶 埋香冢飞燕泣残红)

◇ Hồi thứ hai mươi tám: Tưởng Ngọc Hàm vì tình tặng dải lụa Thiến Hương; Tiết Bảo Thoa thẹn thùng đeo vòng xạ hương đỏ (蒋玉菡情赠茜香罗 薛宝钗羞笼红麝串)

Có độc giả tinh ý có thể sẽ hỏi: ở Hồi thứ hai mươi ba, bản Chu hội, dựa theo dị văn trong cổ bản, chọn cách viết "Hành Vu uyển" (蘅芜苑) cho nơi ở của Tiết Bảo Thoa khi dọn vào Đại Quan viên, vậy sao hồi mục Hồi thứ hai mươi sáu lại là "Hành Vu viện, khéo lời truyền ý ngọt" (蘅芜院设言传蜜意)? Ấy là vì trong tất cả các cổ bản còn lưu lại, hồi này đều viết như thế cả. Bản Chu hội tuy có cách phân định riêng về đâu mới là bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, nhưng tiền đề vẫn là tôn trọng hiện trạng của cổ bản, không tự tiện "sửa thẳng". Vậy nên với hồi mục Hồi thứ hai mươi bảy, bản Chu hội một mặt chép nguyên văn, một mặt cho độc giả biết quan điểm riêng của mình: "Chữ 'Dương phi' (杨妃), 'Phi Yến' (飞燕) nghe khá tục, không thể không nghi ngờ. Bản Đằng Hoa Tạ để trống hai chữ 'Phi Yến' (飞燕), ắt không phải vô cớ, lối văn này e không phải xuất từ tay Tuyết Cần." Bản Đằng Hoa Tạ là một loại bản khắc in vào những năm Gia Khánh, Đạo Quang nhà Thanh, tuy đã khắc in gộp cả phần tục thư của Cao Ngạc, là bản một trăm hai mươi hồi, nhưng người khắc in khi thấy hồi mục Hồi thứ hai mươi bảy cũng còn để bụng nghi hoặc. Bởi lẽ lấy "Dương phi" ví Bảo Thoa thì trong chính văn vẫn còn tìm được căn cứ; còn lấy "Phi Yến" ví Đại Ngọc thì chính văn hoàn toàn không có căn cứ nào, hơn nữa ngoài dáng người gầy mảnh, Đại Ngọc thực sự không còn điểm nào ăn khớp với "Phi Yến" (hoàng hậu của Hán Thành Đế, nổi tiếng múa đẹp lấy lòng vua).

Nói cho cùng, những cổ bản chúng ta thấy hiện nay đều không phải bản thảo viết tay gốc của Tào Tuyết Cần, lời phê cũng không phải bút tích của Chi Nghiễn Trai, tất cả đều đã qua tay người khác chép lại (giới Hồng học gọi đó là "bản chép qua tay"), trải bao dâu bể thời gian, năm tháng mài mòn, đều có chỗ khuyết thiếu, lại còn có chỗ tô sửa. Tuy quý giá vô cùng, nhưng cũng không thể không tồn nghi ở một số chỗ.

Tôi từng nói trong một buổi phỏng vấn, đối với Hồng Lâu Mộng, tôi dùng phương pháp đọc kỹ văn bản để nghiên cứu, có lúc đến từng dấu câu cũng phải xét nét thật kỹ. Có người liền vặn lại, rằng cổ bản Hồng Lâu Mộng vốn dĩ làm gì có dấu câu, sao ông lại nói thế? Trước khi bạch thoại văn được phổ biến vào thế kỷ 20, văn chương Trung Quốc không có hệ thống dấu câu kiểu mới. Hệ thống dấu câu chúng ta quen dùng hiện nay, là dần dần hình thành theo đà phổ biến của bạch thoại văn. Ngày xưa đọc văn, vì chữ trên trang sách nối liền thành một mạch, người đọc phải tự dựa vào văn ý mà ngắt câu. Ngắt câu khi ấy chỉ đơn giản là

chấm một dấu mực hay vẽ một vòng tròn sau mỗi câu mà thôi. Sách Trung Quốc thời trước đều dùng chữ phồn thể, viết dọc, lật trang từ phải sang trái. Hiện nay ở Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan, sách in tuy đã dùng dấu câu kiểu mới, nhưng cơ bản vẫn là chữ phồn thể viết dọc, chỉ vài năm gần đây mới có cách in chữ phồn thể mà lại xếp hàng ngang. Chẳng hạn hai cuốn "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" của tôi, xuất bản ở Đài Loan năm 2006, chính là bản chữ phồn thể xếp hàng ngang. Những điều này, cần đặc biệt giải thích cho các bạn trẻ vốn không mấy am hiểu về quá trình biến đổi cách viết, in ấn, xuất bản chữ Hán. Vậy thì, khi tôi nói mình xét nét văn bản Hồng Lâu Mộng thật kỹ, không bỏ sót cả một dấu câu, ý là muốn nói tới hai tầng nghĩa: một, cách ngắt câu văn gốc trên cổ bản, ngắt thế nào, cần xét nét thật kỹ; hai, sau khi đã ngắt câu, dùng dấu câu kiểu mới ra sao để diễn đạt ý nghĩa cho chính xác, càng đáng phải xét nét hơn nữa. Việc này liên quan tới việc xác định bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Mà việc cung cấp cho đông đảo độc giả phổ thông một bản Hồng Lâu Mộng thông dụng, ý nghĩa của công việc ấy lại càng lớn lao hơn nữa. Ưu điểm của bản Chu hội nằm ở chỗ, ngoài việc xét nét kỹ càng câu chữ trên cổ bản, đối với cách ngắt câu và cách thêm dấu câu kiểu mới, cũng xét nét không kém. Để có thể phục hồi, hoặc chí ít cũng tiệm cận với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, việc xét nét tỉ mỉ như vậy là điều cần thiết.

Ở Hồi thứ hai mươi tám, Giả Bảo Ngọc bịa ra trước mặt mọi người một đơn thuốc viên, để chế loại thuốc ấy cần dùng những vị gì, sách có một đoạn liệt kê chưa hề ngắt câu như sau: 头胎紫河车人形带叶参三百六十两不足龟大何首乌千年松根茯苓胆。

Rốt cuộc đoạn ấy nói tới mấy vị, những vị gì? Cách ngắt câu (tức thêm dấu chấm câu) giữa các bản thông hành khác nhau rất lớn, lại còn có cả chỗ khác biệt về câu chữ:

- Bản thông hành của Nhân Văn xã, in lần đầu tháng 10 năm 1957, liệt kê năm vị: đầu thai tử hà xa, nhân sâm mang lá hình người chưa đủ ba trăm sáu mươi lạng, rùa, hà thủ ô lớn, phục linh đảm rễ tùng nghìn năm (头胎紫河车，人形带叶参，三百六十两不足，龟，大何首乌，千年松根茯苓胆).

- Bản điểm hiệu Du Bình Bá (bản trong bộ Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới) lại liệt kê bốn vị: đầu thai tử hà xa, nhân sâm mang lá hình người, còn chưa đủ ba trăm sáu mươi lạng. Hà thủ ô to bằng con rùa, phục linh đảm rễ tùng nghìn năm (头胎紫河车，人形带叶参，三百六十两还不够。龟大的何首乌，千年松根茯苓胆).

- Bản hiệu chú của Viện Hồng học năm 1982 cũng liệt kê bốn vị: đầu thai tử hà xa, nhân sâm mang lá hình người, chưa đủ ba trăm sáu mươi lạng, hà thủ ô to như rùa, phục linh đảm rễ tùng nghìn năm (头胎紫河车，人形带叶参，三百六十两不足，龟大何首乌，千年松根茯苓胆).

Tôi từng viết bài bàn riêng về vấn đề này, cách ngắt câu của tôi là:

Đầu thai tử hà xa, nhân sâm mang lá hình người, rùa nặng chưa đủ ba trăm sáu mươi lạng, hà thủ ô lớn, phục linh đảm rễ tùng nghìn năm (头胎紫河车，人形带叶参，三百六十两不足龟，大何首乌，千年松根茯苓胆).

Còn bản Chu hội thì sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, đã chọn cách ngắt câu sau đây:

Đầu thai tử hà xa, nhân sâm mang lá hình người ba trăm sáu mươi lạng, rùa sáu chân, hà thủ ô lớn, phục linh đảm rễ tùng nghìn năm (头胎紫河车，人形带叶参三百六十两，六足龟，大何首乌，千年松根茯苓胆).

Rốt lại vẫn là năm vị thuốc ấy. Kỳ thực, vị đầu tiên và vị cuối cùng, các bản đều hiểu giống nhau, mấu chốt nằm ở đoạn giữa "人形带叶参三百六十两不足龟大何首乌" ngắt câu ra sao.

Bây giờ tôi tán đồng cách ngắt câu của bản Chu hội. "Hà thủ ô to như rùa" (龟大何首乌) là nói không thông. Ai cũng biết rùa lớn nhỏ không đều, con nhỏ chỉ bằng cái móng tay, con lớn thì to hơn cả cái chậu rửa mặt, "to như rùa" (龟大) không tạo thành một đơn vị đo lường, cũng không tạo thành một tính từ. Bản Chu hội chỉ ra rằng, trong bản thông hành quen thuộc với mọi người, chữ "bất" (不) trong "bất túc quy" (不足龟, rùa chưa đủ), xét kỹ trên cổ bản, chính là chữ "lục" (六, sáu) viết thảo bị chép nhầm; quan trọng hơn nữa, trong sách Đại Minh hội điển có ghi chép rõ ràng việc "nước Xiêm La tiến cống rùa sáu chân" (暹逻国献六足龟). Rùa bình thường đều có bốn chân, rùa sáu chân là một thứ quý hiếm, nên mới có thể trở thành đồ tiến cống; còn Bảo Ngọc, để phóng đại độ khó khi bào chế viên thuốc ấy, điều cậu nói hẳn chính là con rùa sáu chân này.

Xét nét dấu câu tỉ mỉ đến thế, chẳng lẽ lại là không cần thiết? Để hiểu chính xác nội dung của bộ kinh điển dân tộc chúng ta, tôi cho rằng chỉ có cách xét nét tỉ mỉ như vậy mới được.

Trong hai hồi này, có hai ngày tháng đặc biệt đáng chú ý.

Ngày thứ nhất là ngày hai mươi sáu tháng tư. Sách kể rõ đó là tiết Mang Chủng, mà "theo phong tục xưa, hễ tới ngày giao tiết Mang Chủng, đều phải bày biện các loại lễ vật, tiễn đưa hoa thần". Tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉ ra rằng, kỳ thực ngày này chính là sinh nhật Giả Bảo Ngọc. Ở Hồi thứ hai mươi bảy, Thám Xuân nhắc tới việc làm giày tặng Bảo Ngọc, thời ấy, trong những gia đình như thế, quà mừng thọ em gái tặng anh trai phổ biến nhất chính là đôi giày tự tay mình làm; ở Hồi thứ hai mươi tám, Phùng Tử Anh mời Bảo Ngọc đi dự tiệc, trong đám tiểu đồng đi theo Bảo Ngọc bỗng xuất hiện hai cái tên Song Thụy, Song Thọ, hai tiểu đồng này trước và sau đó đều không hề xuất hiện lại, đủ thấy đó là ngầm ám chỉ Bảo Ngọc đi dự tiệc mừng thọ. Đương nhiên hai hồi này không tả rầm rộ chuyện Bảo Ngọc ăn sinh nhật, phải đến Hồi thứ sáu mươi ba mới tả thật đậm, thật kỹ, nhưng Hồi thứ sáu mươi ba cũng không viết rõ sinh nhật cậu là ngày hai mươi sáu tháng tư. Xét khắp tám mươi hồi sách, sinh nhật của rất nhiều nhân vật đều được ghi rõ ngày tháng, chỗ nào không ghi rõ ngày tháng, như Hồi thứ mười sáu tả sinh nhật Giả Chính, có thể là vì có điều

phải kiêng kỵ (đúng vào ngày công bố tin Ung Chính đột ngột băng hà, Hoằng Lịch vội vã lên ngôi), nhưng sinh nhật này của Bảo Ngọc thì có gì phải kiêng kỵ đâu?

Theo quan điểm của tiên sinh Chu Nhữ Xương, nguyên mẫu của Giả Bảo Ngọc chính là Tào Tuyết Cần, mà qua khảo chứng của ông, sinh nhật Tào Tuyết Cần rơi vào ngày hai mươi sáu tháng tư nhuận năm Ung Chính thứ hai (1724), năm Ung Chính thứ ba, sinh nhật đầu tiên của ông vừa vặn đúng vào tiết Mang Chủng. Từ nhỏ Tào Tuyết Cần đã quen coi tiết Mang Chủng là sinh nhật của mình. Nhưng không phải năm nào tiết Mang Chủng cũng rơi đúng vào ngày hai mươi sáu tháng tư. Năm Tào Tuyết Cần mười ba tuổi, đúng vào năm Càn Long nguyên niên (1736), ngày hai mươi sáu tháng tư năm ấy lại đúng là tiết Mang Chủng, đương nhiên ông vui mừng vô cùng. Trong Hồng Lâu Mộng do ông viết, bối cảnh niên đại của Hồi thứ hai mươi bảy chính là năm Càn Long nguyên niên. Giả Bảo Ngọc trong sách, ông cũng thiết kế cho nhân vật này khi ấy mười ba tuổi (Hồi thứ hai mươi lăm, lời hòa thượng chốc đầu nói ngọc thông linh bảo ngọc xuống trần đã mười ba năm có thể làm bằng chứng). Nhưng nếu xét kỹ, ông sinh vào tháng tư nhuận, mà năm Càn Long nguyên niên lại không có tháng tư nhuận, năm Càn Long thứ hai cũng không có, vì thế, ông đã không viết rõ sinh nhật của Bảo Ngọc trong sách. Hồi thứ hai mươi bảy, hai mươi tám không viết, đến Hồi thứ sáu mươi ba tả đậm nét "mừng thọ ở viện Di Hồng, các nàng mở tiệc đêm" (寿怡红群芳开夜宴) cũng không điểm rõ ngày tháng, đây vừa là thủ pháp nghệ thuật dùng khói mây làm mờ nhòe sự việc, cũng có thể là vì ông cảm thấy nếu viết rõ ràng cụ thể (nói rõ tháng nhuận) thì sẽ quá tốn lời.

Ngày thứ hai, là ngày mồng ba tháng năm. Ngay từ Hồi thứ hai mươi sáu, sách đã chỉ rõ sinh nhật Tiết Bàn là ngày mồng ba tháng năm. Câu chuyện Hồi thứ hai mươi sáu diễn ra trước ngày hai mươi sáu tháng tư. Tiết Bàn bịa chuyện dối gạt, lừa Bảo Ngọc ra khỏi Đại Quan viên, bảo cậu rằng mình vừa có được bốn thứ vô cùng đặc sắc, ngó sen, dưa, cá, heo, mời cậu tới thưởng thức. Bảo Ngọc bèn tới thư phòng Tiết Bàn. Kỳ thực hôm ấy còn cách khá xa sinh nhật Tiết Bàn. Cũng ngay trong bối cảnh ấy, đột nhiên Phùng Tử Anh hớt hải chạy tới, nhắc tới việc mình theo cha là Thần Vũ tướng quân đi trường săn Hoàng Hải Thiết Võng. Địa điểm này có liên quan tới "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", tôi từng nói với các bạn ở tập đầu của bộ sách này, thực chất đoạn này viết về việc cha con Phùng Tử Anh và thế lực chính trị "nguyệt phái" trung thành với "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" đi thăm dò trước địa điểm để "khởi sự" nhắm vào "đương kim", trong đó ẩn chứa dụng ý sâu xa. Phùng Tử Anh nói mình rất bận, ngồi cũng không ngồi yên được, đứng mà uống rượu. Vậy thì vì sao anh ta nhất định phải ghé qua một chuyến? Ngó sen, dưa, cá, heo, kỳ thực đều là đồ tế lễ, tế xong đương nhiên cũng có thể ăn bớt một phần, vậy thì, họ đang ngấm ngầm tế lễ ai? Cuối Hồi thứ hai mươi tám, Tập Nhân báo lại với Bảo Ngọc: "Hôm qua Quý phi cho Hạ thái giám đem một trăm hai mươi lạng bạc về, bảo phải đến quán Thanh Hư làm lễ cầu an trong ba ngày, từ mồng một đến mồng ba..." Mồng một đến mồng ba trước tết Đoan Ngọ, đương nhiên là mồng một đến mồng ba tháng năm. Vì sao Nguyên phi lại sai người nhà thay mình làm chay đúng vào những ngày này? Chắc chắn không phải là làm việc ấy vì sinh nhật Tiết Bàn rồi. Trong phần bàn về bí ẩn Giả Nguyên Xuân ở tập đầu bộ sách này, tôi đã bàn kỹ vấn đề này. Những gì đã nói qua rồi thì cố gắng không nhắc lại, nói gọn lại, tôi cho

rằng nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân từng có một thời gian ở bên cạnh vị thái tử bị phế truất đời Khang Hy. Trong mấy chục người con trai của Khang Hy, chỉ riêng vị thái tử bị phế truất ấy là sinh vào ngày mồng ba tháng năm, vị thái tử bị phế truất ấy chính là nguyên mẫu của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế". Nguyên Xuân ra lệnh làm lễ cầu an ba ngày từ mồng một đến mồng ba tháng năm ở quán Thanh Hư, thực chất là để cầu cho vong hồn "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" được "an lành" ở âm phủ, đương nhiên càng là để bản thân nàng có thể vượt qua được một nút thắt trong lòng, dù sao thì chính nàng cũng là người đã tố giác Tần Khả Khanh, nàng mong thông qua cách này cũng khiến mình tránh khỏi bị báo oán, được an hưởng thái bình. Vậy thì, việc Tiết Bàn ở Hồi thứ hai mươi sáu đem ngó sen, dưa, cá, heo loại thượng hạng ra tế lễ trước, cũng nên hiểu là tế cho "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", người sinh cùng ngày với hắn. Vì sao phải tế trước? Chẳng lẽ hắn lại có thể làm việc ấy đúng vào chính ngày sinh nhật của mình? Còn việc Phùng Tử Anh, kẻ trung thành với "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", giữa lúc trăm công nghìn việc vẫn vội vã chạy tới, lại nói những lời như thế, cũng chẳng có gì lạ nữa. Hồi thứ hai mươi chín tả cảnh làm chay ở quán Thanh Hư, có một nét bút đặc biệt viết rằng: "Nghe tin phủ Giả ra miếu làm chay, Phùng Tử Anh sai người sắm sửa các thứ dê, lợn, chè, hương đến lễ." Vì sao lại đúng là nhà Phùng Tử Anh dẫn đầu tới "góp vui náo nhiệt"? Chẳng lẽ đây lại là một câu văn thừa viết tùy tiện hay sao?

# Ngày hai mươi sáu tháng tư là ngày thánh đản của Đại vương Che Trời

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ hai mươi chín: Người hưởng phúc, phúc dày còn cầu phúc; gái si tình, tình nặng lại càng đong tình (享福人福深还祷福 痴情女情重愈斟情)

◇ Hồi thứ ba mươi: Bảo Thoa mượn quạt, nhân tiện mắng cả đôi bên; Linh Quan vạch chữ tường, si tình lây cả người ngoài cuộc (宝钗借扇机带双敲 龄官划蔷痴及局外)

Hồi thứ hai mươi bảy đã nhấn mạnh rằng ngày hai mươi sáu tháng tư là một ngày đặc biệt, đến Hồi thứ hai mươi chín, ngày này lại một lần nữa được nhắc tới. Giả mẫu dẫn cả một đại gia đình đến quán Thanh Hư làm lễ cầu an, đạo sĩ họ Trương ở quán Thanh Hư khi gặp Giả mẫu có nói thế này: "Hôm trước hai mươi sáu tháng tư, ở đây làm lễ thánh đản Đại vương Che Trời (遮天大王), người đến lễ không đông lắm, đồ lễ cũng rất sạch sẽ, tôi có nói mời cậu đến chơi, sao lại bảo là không có nhà?" Giả mẫu thay Bảo Ngọc giải thích: "Quả thật cháu nó không có nhà." Đại vương Che Trời? Cả nhà Phật lẫn nhà Đạo đều không có vị thần tiên nào tên như vậy, cái danh xưng này thật đáng để ngẫm nghĩ. Vị Đại vương Che Trời này cũng có ngày sinh đúng là hai mươi sáu tháng tư. Tôi cho rằng nét bút này cũng không phải viết tùy tiện, mà cũng là kiểu "giấu việc thật đi, gửi lời giả vào" (真事隐去 假语中存), trên thực tế một lần nữa ngầm chỉ ra rằng ngày sinh của Bảo Ngọc chính là hai mươi sáu tháng tư. Hôm đó Đại Quan viên náo nhiệt lắm, buổi sáng cậu suốt ngày quẩn quanh với chị em, buổi chiều lại sang nhà Phùng Tử Anh, thật sự không thể phân thân, không thể nào còn đi quán Thanh Hư được nữa. "Đại vương Che Trời" hẳn là ẩn dụ chỉ Bảo Ngọc. Hai bài từ Tây Giang Nguyệt ở Hồi thứ ba khái quát Bảo Ngọc là "lận đận không thông việc đời, ngu độn sợ đọc văn chương, hành vi lệch lạc, tính khí ngang ngạnh, nào quản miệng đời chê trách" (潦倒不通世务，愚顽怕读文章。行为偏僻性乖张，哪管世人诽谤), là "đối với nước đối với nhà đều vô vọng" (于国于家无望), là "xưa nay bất tiếu không ai bằng" (古今不肖无双). Nói cách khác, cậu là một sự tồn tại kỳ dị, không thể nào "chống đỡ trời" (撑天), càng không thể "vá trời" (补天). Khi giới thiệu Bảo Ngọc với Đại Ngọc, Vương phu nhân lại nói Bảo Ngọc là "cỗi nghiệt mầm họa, ma vương náo loạn đời" (孽根祸胎 混世魔王); về sau ở Hồi thứ bảy mươi ba, viết cảnh Bảo Ngọc nghe tin Giả Chính có thể sẽ hỏi bài, "liền như Tôn Ngộ Không sợ vành kim cô vậy, chân tay bủn rủn, gan ruột bồn chồn", lại càng trực tiếp ví Bảo Ngọc với Mỹ Hầu Vương. Những đoạn văn này, đều đang nói lên rằng trên thực tế Bảo Ngọc chính là một vai "che trời" (遮天).

Hồi thứ hai mươi chín cực kỳ quan trọng. Hồi này có thể được viết ra khá sớm, thể hiện cảnh phủ Giả tổ chức lễ cầu an ở quán Thanh Hư, là một trong vài cảnh lớn hiếm hoi của tám mươi hồi sách. Giả mẫu dẫn đầu các bà các cô phủ Vinh Quốc, rầm rộ kéo đến quán Thanh Hư. Sách liệt kê đầy đủ tên các bà, các cô

cùng các a hoàn đi theo hầu, đây là dịp để chúng ta làm quen với cả đám a hoàn phủ Vinh Quốc, xin hãy theo lời sách mà điền vào chỗ trống (tốt nhất nên gấp sách lại rồi tự nhẩm ra, nếu có từ hai người trở lên cùng bàn luận thì có thể bổ sung, sửa chữa lẫn nhau):

A hoàn của Giả mẫu: ( ) ( ) ( ) ( )

A hoàn của Đại Ngọc: ( ) ( ) ( )

A hoàn của Bảo Thoa: ( ) ( )

A hoàn của Nghênh Xuân: ( ) ( )

A hoàn của Thám Xuân: ( ) ( )

A hoàn của Tích Xuân: ( ) ( )

A hoàn của Tiết phu nhân: ( ) ( )

A hoàn của Hương Lăng: ( )

A hoàn của Lý Hoàn: ( ) ( )

A hoàn của Hy Phượng: ( ) ( ) ( )

A hoàn của Vương phu nhân: ( ) ( )

Có độc giả có lẽ sẽ nghĩ, ông bắt chúng tôi điền những chỗ trống này để làm gì? Tôi nghĩ thế này: xưa nay hiểu biết của phần đông người đọc về Hồng Lâu Mộng, phần lớn chỉ dừng ở "bi kịch Bảo Đại", ít chú ý tới sự quan tâm đặc biệt của Tào Tuyết Cần dành cho cả tập thể các a hoàn, ngay cả khi nói tới a hoàn, cũng chẳng qua chỉ nhắc tới vài người có đất diễn nhiều nhất, như Tình Văn, Tập Nhân, Tử Quyên, Oanh Nhi. Kỳ thực, tất cả những a hoàn được nhắc ở trên đều đáng để độc giả ghi nhớ, họ đều là những sinh mệnh nhỏ bé, đều có buồn vui sống chết riêng của mình. Sức tưởng tượng của chúng ta có thể vươn ra từ khoảng không gian nghệ thuật mà tác giả đã viết ra lẫn chưa kịp viết ra, để đạt tới cảnh giới nhân văn của lòng đại ái, đại từ bi mà chữ "tình bất tình" hướng tới.

Điều đặc biệt đáng chú ý là, một hoạt động tôn giáo quy mô lớn kiểu "quý phi làm việc thiện, Giả mẫu đích thân đi dâng hương" như thế, Vương phu nhân lại không đi. Vì sao bà không đi? Tôi đã phân tích kỹ trong bài giảng "Bí ẩn gia sản Lâm Đại Ngọc", ở đây không nhắc lại nữa. Nói gọn lại, trong Hồng Lâu Mộng không chỉ có bóng dáng của chính trị lớn, mà còn có cả nội dung của "chính trị gia tộc" ẩn trong đó. Giả mẫu đánh

vào Vương phu nhân và Tiết phu nhân, chính là để ngăn hai chị em họ Vương giành lấy quyền lực lớn của gia tộc.

Trong tập hai của bộ sách này, tôi có phân tích rằng, hai hồi này viết cảnh Bảo Thoa bực bội, mất bình tĩnh, không chỉ vì ý định chỉ hôn của Nguyên phi bị hụt, mà thực chất còn ngầm viết về việc Bảo Thoa bị trắc trở trong kỳ tuyển tú. Điều đã nói trong cuốn sách đó, ở đây không nhắc lại.

Trước đây đã nhắc tới, câu chuyện Giả mẫu nói với đạo sĩ họ Trương, chúng ta tuyệt đối không được hiểu lầm, mà Lâm Đại Ngọc và Giả Bảo Ngọc lại chính là hiểu lầm câu ấy, ngay ở cuối hồi này, viết cảnh hai người vì hiểu lầm mà lại giận nhau (cả hai người đều không ai nghe hiểu đoạn nói đó của Giả mẫu), mà lần này giận nhau dữ dội nhất. (Tào Tuyết Cần cũng chính trong đoạn văn viết cảnh họ giận nhau này, đã mở ra tiên hà cho lối miêu tả tâm lý trong tiểu thuyết bạch thoại Trung Quốc, khắc họa hoạt động nội tâm của mấy nhân vật hết sức thiết thực, tinh tế. Nếu đem so ngang hàng với tiểu thuyết cùng thời của các dân tộc khác, thì riêng về độ tinh tế trong khắc họa tâm lý, Hồng Lâu Mộng phải đứng ở vị trí dẫn đầu bỏ xa.) Tào Tuyết Cần đặc biệt viết phản ứng mạnh mẽ của Giả mẫu trước việc hai người giận nhau: "Cái oan gia già này của ta, kiếp nào tạo nghiệt, lại đúng gặp phải hai đứa oan gia nhãi ranh không biết điều này, không ngày nào là chúng không khiến ta phải bận lòng, đúng như tục ngữ vẫn nói: không phải oan gia thì chẳng chụm đầu. Chờ khi nào ta nhắm mắt tắt hơi, mặc cho hai đứa bay có náo loạn lên tận trời, khi ấy mắt ta không trông thấy, lòng ta không phiền, thế là xong chuyện, vậy mà cứ không chịu nhắm mắt cho." Giả mẫu nói những lời ấy, vừa tự trách mình vừa khóc.

Trước một đoạn miêu tả rõ ràng như thế, liệu chúng ta còn có thể tin vào những tình tiết trong phần tục thư của Cao Ngạc, rằng Giả mẫu tán đồng, ủng hộ Hy Phượng bày ra "kế đánh tráo", lạnh lùng bỏ rơi Lâm Đại Ngọc hay không? Rõ ràng, qua diễn biến tình tiết của hồi này, đã gài sẵn mạch ngầm từ rất xa: chính là việc lúc sinh thời Giả mẫu vẫn luôn ra sức bảo vệ cho chuyện hôn nhân của hai người Ngọc, về sau khi ngọn nến sinh mệnh của bà tắt lịm, tắt hơi rồi, trước mặt Vương phu nhân, Tiết phu nhân mới không còn trở ngại nào nữa, Đại Ngọc lại qua đời, hai người Bảo mới có thể thành hôn được.

Có một độc giả trẻ tuổi từng hỏi tôi: ông nói Giả mẫu không đồng ý chuyện hôn nhân của hai người Bảo, lại nói Giả mẫu có mâu thuẫn với hai chị em họ Vương, nhưng trong sách viết bao nhiêu chi tiết Giả mẫu thích thú, khen ngợi Bảo Thoa, lại có bao nhiêu cảnh ấm áp Giả mẫu cùng Vương phu nhân, Tiết phu nhân cười nói vui vẻ, vậy thì giải thích thế nào đây? Con người ta vì còn trẻ, nên thường chưa thông thạo nhân tình thế thái. Đừng nói chi tới cái xã hội gia đình thời xưa vốn khoác lên mình tấm màn dịu dàng của chữ "lễ", nơi người ta có thể rõ ràng là một bên là lửa, một bên là băng, miệng thoa mật mà chân giăng bẫy, lúc nào cũng đang âm thầm diễn ra những "cuộc chiến mỉm cười"; ngay cả ngày nay, khi xã hội đã văn minh hơn xưa rất nhiều, giữa các tập đoàn lợi ích với nhau, giữa những cá nhân có quan hệ lợi hại với nhau, đôi khi cũng vẫn xuất hiện tình trạng phức tạp kiểu bề ngoài coi như tạm ổn, thậm chí khá thân thiện, mà tận trong

xương tủy lại đố kỵ, bài xích, âm thầm cạnh tranh ngầm với nhau. Mà cũng cần nói rõ thêm, vì nhân tính vốn phức tạp, cộng thêm việc các bên có lợi ích trái ngược nhau đôi khi tạm thời không có xung đột trong một giai đoạn nào đó, nên cái vẻ hòa nhã mà họ thể hiện ra với nhau, cũng nhiều khi lại thực sự là chân thành. Hồng Lâu Mộng ngoài chức năng thẩm mỹ, còn có chức năng nhận thức, có thể giúp chúng ta thể nghiệm, thấu hiểu những mối quan hệ giữa người với người phức tạp và cả nhân tính sâu kín.

Đoạn miêu tả Giả Trân ở Hồi thứ hai mươi chín, cũng thường bị độc giả bình thường bỏ qua. Vì trong câu chuyện về Tần Khả Khanh, đặc biệt là câu chửi say của Tiêu Đại thốt ra "cái đồ cạy vách" (爬灰的爬灰), hiệu ứng tiêu cực của hình tượng Giả Trân trở nên khá mạnh, đến mức một số độc giả cứ đơn giản hóa mà dán cho Giả Trân cái nhãn "yêu râu xanh", "kẻ xấu". Kỳ thực cách Tào Tuyết Cần miêu tả Giả Trân là một cách miêu tả lập thể, đây không phải một hình tượng phẳng, mà là một hình tượng tròn đầy. Trong hồi này, Giả Trân bộc lộ uy nghiêm của một tộc trưởng trước hàng con cháu, khả năng ứng biến trước đạo sĩ họ Trương, cũng như sự khéo léo trước mặt cụ tổ. Công việc hậu cần ông ta chuẩn bị cho hoạt động cầu an ở quán Thanh Hư, chu đáo, chất lượng, điều này cho thấy ông có năng lực tổ chức và uy lực hiệu lệnh. Trong sách có một đoạn tình tiết viết cảnh ông ở sân trước đạo quán, lấy Giả Dung ra làm cái cớ, nghiêm khắc thi hành "quân lệnh", dọa cho đám con cháu khác vội vã đến vị trí ra sức, không ai dám ngồi mát ăn bát vàng. Vậy thì, những ai đã bị uy nghiêm tộc trưởng của ông trấn áp? Bản thông hành ấn bản năm 1957 nói có Giả Liễn, bộ Hồng Lâu Mộng trong "Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới" ở hồi này cũng nói có Giả Liễn, đều không đúng với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Quan hệ giữa Giả Trân và Giả Liễn là ngang hàng nhau, không hề có quan hệ trên dưới lãnh đạo, hơn nữa trong hoạt động cầu an lần này, Giả Liễn vốn không cần phải xuất hiện, những người Giả Trân hiệu lệnh, chỉ là mấy đứa con cháu và mấy người bà con nghèo cùng vai vế. Bản Chu hội căn cứ theo cổ bản đáng tin cậy, sau đoạn Giả Trân quát mắng người nhà dạy Giả Dung một trận, đã chọn văn bản như sau: "Bọn Giả Vân, Giả Cần, Giả Bình nghe thấy thế, không những họ hoảng sợ, mà ngay đến cả Giả Nhị (贾瑞), Giả Hoàng (贾璜), Giả Quỳnh (贾琼) cũng vội vàng đội mũ lên, lần lượt từ chân tường lẻn dần lên." Ba người đầu đều thuộc vai chữ "thảo đầu" (bộ cỏ), Vân, Cần thì trước đó đã có ít nhiều miêu tả, tên Giả Bình cũng không phải lần đầu xuất hiện, ước chừng về sau anh ta còn có đất diễn; ba người sau là bà con nghèo cùng vai vế với Giả Trân, đáng chú ý là Giả Hoàng. Hồi thứ mười viết vợ anh ta là "mợ Hoàng" chạy sang phủ Ninh Quốc, vốn định "lý luận" nhưng cuối cùng đành xuôi xị bỏ về. Giả Hoàng này, cùng vợ anh ta, kể cả bà chị dâu góa của vợ anh ta là Kim thị, con trai Kim thị là Kim Vinh, đều có thể còn dính líu tới câu chuyện tám mươi hồi sau.

Hồi thứ ba mươi, tôi đã dành hẳn một bài giảng riêng để phân tích trong tập hai bộ sách này, cho rằng đây là năm màn kịch liên hoàn, làm nổi bật năm tầng lớp trong nhân cách của Giả Bảo Ngọc, thể hiện tập trung nhất, đầy đủ nhất năng khiếu sáng tác của Tào Tuyết Cần. Ở đây không nhắc lại, chỉ xin nhắc độc giả hai điểm:

Một, a hoàn xuất hiện trong đoạn tình tiết "Bảo Thoa mượn cớ cái quạt, ngầm mắng cả đôi bên", các bản thông hành trước đây đều viết là Điến Nhi (靛儿), bản Chu hội lại phán đoán rằng "lấy chữ 靛 (chàm) đặt tên, không hợp lý lẽ gì cả", nên đã theo cách viết của bản Dương tàng, đổi thành Tĩnh Nhi (靓儿). Chữ 靛 (điến) là màu xanh thẫm pha giữa chàm và tía, còn chữ 靓 (tĩnh) mang nghĩa xinh đẹp, ưa nhìn. Theo suy nghĩ riêng của tôi, việc ở đây đặt tên cho một a hoàn vô tội bị đem ra "lót đường" chịu tội thay như thế, cố ý dùng ngược lý lẽ mà chọn chữ 靛 (điến), để đồng âm với chữ "điến" (垫, nghĩa là "lót/đệm"), cũng là điều có thể xảy ra. Ở Hồi thứ hai mươi bảy, Bảo Thoa dùng cách "ve sầu thoát xác" (金蝉脱壳), khiến Tiểu Hồng hiểu lầm là Đại Ngọc đã nghe được chuyện riêng tư của mình, tám mươi hồi sau, ước chừng sẽ có tình tiết Tiểu Hồng vì việc này mà bất hòa với Đại Ngọc; còn Tĩnh Nhi bị Bảo Thoa nổi giận mắng oan lần này, rất có thể tám mươi hồi sau cũng sẽ bất lợi cho Bảo Thoa. Cách Tào Tuyết Cần viết người, viết quan hệ giữa người với người, viết nhân tình, nhân tính, đều không dùng lối viết phẳng, đơn chất, ông đã viết ra được sự éo le của kiếp người, sự phức tạp của nhân tính, đây chính là điều đặc biệt cần chúng ta thể nghiệm tỉ mỉ.

Hai, đoạn Vương phu nhân đang nghỉ trưa nghe thấy Bảo Ngọc và Kim Xuyến đùa cợt trêu ghẹo nhau, bỗng lật mình dậy nổi trận lôi đình, đoạn tình tiết này, sau khi đã thấu hiểu những mâu thuẫn giữa Vương phu nhân và Giả mẫu đã nói ở trên, đem ra đọc kỹ nghĩ kỹ lại một lần nữa, càng thấy chân thực hơn. Sự lẳng lơ của Kim Xuyến, kỳ thực vốn là nhất quán, sớm từ Hồi thứ hai mươi ba, viết cảnh Giả Chính, Vương phu nhân triệu tập Bảo Ngọc cùng các con em khác, đã có một nét bút miêu tả rồi. Với sự lẳng lơ của cô ta, trước nay Vương phu nhân hẳn đã từng để ý, nhưng vẫn còn có thể chịu đựng được, nhưng đến giai đoạn được miêu tả ở hồi này thì không được nữa. Kim Xuyến ở Hồi thứ ba mươi dám lẳng lơ với Bảo Ngọc như thế, tiền đề hẳn là cô ta có kinh nghiệm hầu hạ Vương phu nhân, biết trước nay vào giờ này Vương phu nhân sẽ ngủ say. Cô ta nào biết được, xoay quanh việc cầu an ở quán Thanh Hư đã xảy ra một loạt sự việc, khiến mâu thuẫn giữa cụ già và bà lớn gần như đã đến mức lộ ra ngoài mặt. Việc Nguyên phi chỉ hôn cho hai người Bảo không thành, Tiết phu nhân từ quán Thanh Hư về lại đem đoạn lời ấy của Giả mẫu kể cho Vương phu nhân nghe, Vương phu nhân sao có thể không nôn nao bứt rứt? Những ngày đó, bà làm sao có thể ngủ yên được? Bà lật mình dậy, tát cho Kim Xuyến một cái tát rồi còn mắng: "Con đĩ hèn hạ này! Các cậu nhà này đều bị chúng mày làm hư hỏng cả!" Tuy mắng là mắng Kim Xuyến trước mặt, nhưng trong tiềm thức chưa hẳn không hiện lên bóng dáng của Đại Ngọc. Cái "sấm ngôn" mà Giả mẫu nói về hai người Ngọc, "không phải oan gia thì chẳng chụm đầu", đã truyền khắp phủ Giả, trong lòng bà làm sao không bực bội? Hồi thứ ba mươi hai viết cảnh, sau khi Kim Xuyến bị bà đuổi đi mà nhảy giếng tự vẫn trong nhục nhã, bà để tỏ lòng nhân từ, định đem bộ quần áo mới may cho Đại Ngọc mừng sinh nhật đưa cho Kim Xuyến làm đồ liệm, đây là tâm lý kiểu gì? Cái xã hội, cái gia đình ấy, nếu thực lòng muốn ban thưởng quần áo mới cho a hoàn, chỉ cần bỏ ra ít bạc là có thể may gấp trong đêm, sao lại phải nhất định nhắm vào bộ quần áo sinh nhật của Đại Ngọc mà tính? Rồi liên hệ tới việc về sau nữa, khi bà đuổi Tình Văn, một trong những lý do là Tình Văn có lông mày, đôi mắt giống Đại Ngọc, câu Giả mẫu nói "chỉ cần dáng vẻ xứng đôi" (只要模样儿配得上) đối với bà mà nói rõ ràng như một mũi kim đâm vào tim, hơn nữa lại còn "ngông cuồng", nghĩ tới việc hôn nhân của hai người Bảo bị trắc trở, mà cô gái ngông cuồng kia lại được Giả mẫu che chở, có thể trở thành chính

thất của Bảo Ngọc, chắc chắn bà đã bao ngày ăn không ngon ngủ không yên. Bối cảnh mâu thuẫn giữa người với người và bối cảnh tâm lý nhân vật đằng sau việc Vương phu nhân nổi giận đuổi Kim Xuyến, qua cách đọc kỹ, nghiền ngẫm kỹ như thế, chúng ta hẳn càng thấy rõ như nhìn qua lửa vậy.

# Bí ẩn kim kỳ lân

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ ba mươi mốt: Xé quạt mua lấy nụ cười ngàn vàng; Vì kỳ lân gieo mầm đôi sao bạc đầu

◇ Hồi thứ ba mươi hai: Giãi bày gan ruột, khiến Bảo Ngọc đang sống phải ngẩn ngơ mê muội; Ôm nỗi tủi nhục, vì tình liệt liệt mà Kim Xuyến chết oan

Nửa đầu Hồi ba mươi mốt khắc họa hình tượng nghệ thuật Tình Văn càng thêm đầy đặn, sống động. Trong cổ bản, ngay trước hồi này còn lưu lại một lời phê quan trọng của Chi Nghiễn Trai, nửa câu đầu nhắm vào câu chuyện nửa đầu hồi: "Xé quạt là lấy vật vô tri để cho người đang giận hờn ngây ngô kia được một trận cười, đó gọi là tình bất tình." Về "tình bất tình" tôi đã giảng giải nhiều lần, không nhắc lại nữa. Nửa đầu hồi này dễ hiểu.

Nửa sau Hồi ba mươi mốt, chữ nghĩa bề mặt cũng không khó hiểu, mấu chốt là ở chỗ hồi mục nửa sau này, trong rất nhiều cổ bản, đều là "vì kỳ lân gieo mầm đôi sao bạc đầu" (因麒麟伏白首双星), câu này mới thật khó hiểu. Lời phê đặt trước hồi, nhắm vào nửa sau, nói rằng: "Nhân duyên vàng ngọc đã định, lại viết thêm một con kỳ lân vàng, ấy là phép dùng màu trung gian vậy, sao Tần nhi lại bị nó mê hoặc, cho nên khảo ngữ của Tần nhi là tình tình." Khi Chi Nghiễn Trai viết những lời phê này, bà đã xem qua nội dung sau tám mươi hồi rồi; ở một lời phê khác, bà cho chúng ta biết, cuối toàn bộ sách có Tình bảng, mà các nhân vật trên bảng đều có khảo ngữ riêng, "tình bất tình" là khảo ngữ của Bảo Ngọc, còn khảo ngữ của Đại Ngọc là "tình tình". Nếu triển khai nói kỹ ý nghĩa của nửa câu sau lời phê ấy, thì: xét về tổng thể thiết kế tình tiết, nhân duyên vàng ngọc, tức là cuộc hôn nhân Bảo Ngọc và Bảo Thoa, vốn đã được sắp đặt sẵn (nghĩa là dù Bảo Ngọc, Đại Ngọc yêu nhau, có Giả mẫu làm chỗ dựa vững chắc, nhưng rốt cuộc, sau khi Giả mẫu tắt hơi, Vương phu nhân vẫn cứ tự ý quyết định xong hôn sự của đôi Bảo); đây vốn đã là một thiết kế tình tiết xuất sắc rồi, thế nhưng tác giả không ngại khó, như dùng "phép dùng màu trung gian" trong hội họa vậy, lại cố tình bày thêm ra một con kỳ lân vàng, khiến Đại Ngọc càng thêm sầu não, oán hờn. Chiếc khóa vàng của Bảo Thoa đã khiến nàng canh cánh trong lòng, bỗng lại xuất hiện thêm con kỳ lân vàng của Sử Tương Vân, mà Bảo Ngọc lại cũng có được một con, thành ra một đôi kỳ lân vàng, chẳng trách Đại Ngọc bị chữ "vàng" làm cho mê hoặc, thất thần lạc phách. Tình cảm của Đại Ngọc chỉ dồn hết vào một mình Bảo Ngọc, nói cách khác, tình cảm của nàng chỉ trao đúng cho tình cảm tương ứng, vì thế trên Tình bảng, khảo ngữ của nàng là "tình tình".

Nói một cách đơn giản, "phép dùng màu trung gian" trong hội họa là: trong cùng một gam màu, ngoài việc dùng "chính sắc", còn có thể song song sử dụng thêm "màu ngả" thuộc cùng phạm trù với nó. Ví dụ đã có

màu vàng kim rồi, lại còn dùng thêm màu vàng kim sáng, cách phối màu như vậy dĩ nhiên đòi hỏi kỹ thuật rất cao mới khiến người xem không thấy rối mắt, mà chỉ cảm thấy tinh diệu. Ngay từ Hồi thứ tám, sách đã cho độc giả biết đến thuyết "nhân duyên vàng ngọc", xoay quanh cách nói này, đã triển khai ra rất nhiều mâu thuẫn, đến Hồi ba mươi mốt này mâu thuẫn ấy vẫn chưa được giải quyết, thế mà Tào Tuyết Cần lại viết ra thêm một "nhân duyên vàng ngọc" tiềm ẩn khác nữa, đây chính là "phép dùng màu trung gian" trên trang viết.

Vậy thì, vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như thế? Giữa hai "nhân duyên vàng ngọc" ấy, rốt cuộc có quan hệ gì với nhau? Tiên sinh Chu Nhữ Xương đã nêu ra quan điểm riêng của mình: "Nhân duyên vàng ngọc có hai cục diện, một thật một giả: Tương Vân là thật, Bảo Thoa là giả. 'Vàng ngọc' ở đây kỳ thực chỉ kỳ lân vàng và ngọc thông linh bảo ngọc, không hề liên quan gì đến chiếc khóa vàng của Bảo Thoa. Kỳ lân vàng vốn là vật Tương Vân đeo từ nhỏ, nay lại xuất hiện thêm một con kỳ lân lấy được ở quán Thanh Hư, cho nên mới nói 'lại viết thêm một con kỳ lân vàng', ý là thêm vào một con kỳ lân nữa, khiến 'vàng ngọc' sinh thêm sắc thái mới, đó chính là phép dùng màu trung gian." Theo khảo cứu thám dật của tiên sinh Chu, ở gần cuối toàn bộ sách sẽ viết đến cảnh Bảo Ngọc và Tương Vân gặp lại nhau, đó mới thật sự là "nhân duyên vàng ngọc" đích thực. Còn cuộc hôn nhân của đôi Bảo không lâu sau tám mươi hồi, là ép gượng mà thành, cả hai bên đều không thể hạnh phúc, kết cục Bảo Ngọc xuất gia làm hòa thượng, Bảo Thoa coi như ở góa khi chồng còn sống, u uất mà chết. Cái "nhân duyên vàng ngọc" ấy là giả, còn cuộc gặp lại của Bảo Ngọc và Tương Vân sau cơn ly loạn mới là thật.

Nhưng, ở cuối Hồi ba mươi mốt, lại có một lời phê nói: "Mấy chục hồi sau, con kỳ lân mà Nhược Lan đeo ở vườn xạ, chính là con kỳ lân này, đề cương đã gieo mầm sẵn ngay trong hồi này. Đó gọi là rắn cỏ vệt tro, tận ngoài ngàn dặm." Cuối hồi này viết cảnh Tương Vân cùng a hoàn Thúy Lũ bàn chuyện âm dương, chợt phát hiện dưới đất có một con kỳ lân vàng, nhặt lên xem thì thấy hoa văn rực rỡ, còn to hơn cả con nàng đang đeo, hóa ra đó chính là con kỳ lân vàng mà đạo sĩ họ Trương ở quán Thanh Hư tặng cho Bảo Ngọc; con to như vậy hẳn là kỳ lân đực, còn con nhỏ của Tương Vân hẳn là kỳ lân cái. Đầu Hồi ba mươi hai viết Tương Vân trả con kỳ lân đực ấy lại cho Bảo Ngọc. Vậy thì lời phê ở cuối Hồi ba mươi mốt cho chúng ta biết, con kỳ lân đực này, trong mấy chục hồi sau, thuộc về Vệ Nhược Lan; có một đoạn tình tiết viết về cảnh "vườn xạ" (射圃), lúc Vệ Nhược Lan ở vườn xạ, con kỳ lân anh đeo chính là con kỳ lân đực này. Rõ ràng, hẳn phải có một đoạn văn viết về việc con kỳ lân đực trong tay Bảo Ngọc làm sao lại đến được tay Vệ Nhược Lan. Tiếc rằng những trang đã viết xong ấy đều đã thất lạc.

Ở trên tôi đã dẫn không ít lời phê của Chi Nghiễn Trai và những người khác, dựa vào những lời phê ấy, ta có thể có được không ít thông tin về tình tiết sau tám mươi hồi. Nhưng, trong những cổ bản hiện còn xem được, từ Hồi hai mươi chín đến Hồi ba mươi mốt, chính văn hoàn toàn không có lời phê nào, điều này khiến công việc thám dật của chúng ta mất đi rất nhiều manh mối. May sao quanh Hồi ba mươi mốt vẫn còn tìm được hai lời phê như trên, rốt cuộc cũng đem lại cho chúng ta những gợi mở quý giá.

Gợi mở suy cho cùng vẫn chỉ là gợi mở, chưa thể coi là đáp án. Rốt cuộc hồi mục nửa sau Hồi ba mươi mốt (vì kỳ lân gieo mầm đôi sao bạc đầu) mang ý nghĩa gì, giới nghiên cứu cũng vậy, độc giả cũng vậy, đến nay vẫn còn bàn cãi trăm chiều.

Suy đoán từ lời phê cuối hồi này, đáp án đơn giản nhất là: đã rằng Sử Tương Vân đeo kỳ lân vàng cái, Vệ Nhược Lan đeo kỳ lân vàng đực, thì có thể nói hai người "vì kỳ lân" mà gieo mầm sẵn cho một đoạn nhân duyên, cuối cùng họ sống với nhau đến bạc đầu. Nhưng suy đoán như vậy trên thực tế lại rất khó tìm được thêm căn cứ vững chắc để đứng vững. Lời phê chỉ nói trong cảnh "vườn xạ" ấy, Vệ Nhược Lan có đeo con kỳ lân đực đó, không tiết lộ thêm gì nữa; có lẽ, anh ta chỉ một lần đeo nó lên mà thôi, giống như Vưu Tam thư cũng chỉ một lần có được đôi kiếm uyên ương, chưa chắc đã gieo mầm sẵn cho một kết cục "đôi sao bạc đầu".

Quan điểm của tiên sinh Chu Nhữ Xương nhấn mạnh mối quan hệ giữa vàng ngọc giả và vàng ngọc thật, tức là ngọc thông linh bảo ngọc mà Giả Bảo Ngọc đeo và kỳ lân vàng mà Sử Tương Vân đeo tương ứng với nhau, mới là một "nhân duyên vàng ngọc" đích thực. Trước khi toàn bộ sách kết thúc, Bảo Ngọc và Tương Vân từng gặp lại nhau sau cơn ly loạn, điều này rất có lý. Nhưng nếu giải thích cái nhân duyên vàng ngọc thật này thành "vì kỳ lân gieo mầm đôi sao bạc đầu", thì lại nảy sinh thêm một vấn đề: nếu Bảo Ngọc và Tương Vân gặp lại nhau rồi sống với nhau đến bạc đầu, chẳng lẽ cuốn tiểu thuyết lại thành ra một kết cục vui vẻ hay sao? Cả những gợi ý trong chính văn tám mươi hồi, lẫn những tiết lộ qua nhiều lời phê của Chi Nghiễn Trai, đều cho chúng ta biết rằng cuối cùng Bảo Ngọc sẽ "buông tay nơi vực thẳm" (tức xuất gia đi tu), nghĩa là Thần Anh thị giả sẽ trở về lại cung Xích Hà trên trời, còn ngọc thông linh bảo ngọc thì sẽ "trở về dưới núi đá", nhân gian thì là một đại bi kịch "còn lại một bãi đất trắng phau phau, sạch trơn thật sạch" (落了片白茫茫大地真干净). Đã vậy thì, nhân duyên vàng ngọc thật cũng chỉ có thể là sự an ủi lẫn nhau trong chốc lát, không thể nào tạo thành "đôi sao bạc đầu" được. Những mâu thuẫn logic ấy, phải gỡ cho suôn thế nào đây?

Thế là có người tưởng tượng lan man, nói rằng quan hệ giữa đạo sĩ họ Trương và Giả mẫu không tầm thường. Nhìn vào cách miêu tả giới thiệu trong sách, đạo sĩ họ Trương là người thế mạng của Vinh Quốc công, chồng Giả mẫu; hai người gặp mặt, vừa trò chuyện, Giả mẫu đã nước mắt đầm đìa; trong lễ vật đạo sĩ họ Trương dâng lên lại có một con kỳ lân vàng, con kỳ lân vàng này "gieo mầm đôi sao bạc đầu": Giả mẫu và đạo sĩ họ Trương đều là người tóc bạc, điều đó khỏi phải nói, có lẽ thời trẻ họ từng thầm yêu nhau, biết đâu đạo sĩ họ Trương sở dĩ đến quán Thanh Hư làm đạo sĩ, chính vì không cưới được Giả mẫu mà ra. Nhìn vào toàn bộ hình tượng Giả mẫu được xây dựng trong sách, thời trẻ bà lãng mạn, về già vẫn dám "phá bỏ những khuôn sáo cũ kỹ". Hồi bốn mươi tư viết cảnh sinh nhật Phượng Thư, Giả Liễn lăng nhăng bậy bạ, chuyện om sòm ầm ĩ đến tận trước mặt bà, trước cả một nhà đông người, bà đã nói gì? Độc giả hẳn không ai quên được lời bà: "Việc có quan hệ gì đâu. Bọn trai trẻ chúng nó, thấy gái khác nào mèo thấy mỡ, giữ làm sao được? Lúc còn trẻ ai mà chẳng thế?..." Có người hiểu nửa sau hồi mục Hồi ba mươi mốt theo cách này,

chúng ta cũng không cần phải nghiêm khắc ngăn cản, vì xem ra cũng có phần có lý. Vấn đề là ở chỗ, nếu "đôi sao bạc đầu" chỉ đạo sĩ họ Trương và Giả mẫu (không phải nói họ "bạc đầu giai lão" với nhau, mà chỉ nói cả hai người tóc bạc ấy đều đã thành "thọ tinh", sự xuất hiện của một con kỳ lân vàng ngầm gieo mầm cho một mối tình cũ của họ), thì hồi mục này lẽ ra phải đặt sang Hồi hai mươi chín mới đúng, chứ trong Hồi ba mươi mốt hoàn toàn không còn chuyện gì liên quan đến đạo sĩ họ Trương nữa rồi!

Hồi ba mươi hai là một cao trào lớn nhất trong những đoạn miêu tả tình yêu Bảo Ngọc, Đại Ngọc; từ hồi này trở đi, mối nghi ngờ của Đại Ngọc đối với Bảo Ngọc, tức nỗi "không yên lòng", về cơ bản đã tan biến. Đương nhiên, sự đề phòng đối với Bảo Thoa thì sợi dây ấy vẫn còn căng, mãi đến sau Hồi bốn mươi lăm, sợi dây này mới chùng xuống.

Ở Hồi ba mươi mốt, Sử Tương Vân cũng đột nhiên xuất hiện. Đây là lần thứ hai nàng đến phủ Vinh Quốc, dĩ nhiên "lần thứ hai" này là tính theo trình tự kể chuyện của tiểu thuyết. Trong Hồi ba mươi hai, Tương Vân gặp Tập Nhân, Tập Nhân nhắc lại chuyện cũ, nói rằng mười năm trước hai người đã từng ở chung với nhau. Khi ấy Tập Nhân là a hoàn bên cạnh Giả mẫu, Tương Vân đến, ở trong phòng ấm phía tây; Tập Nhân lớn tuổi hơn, nàng cứ chị chị em em nịnh nọt Tập Nhân chải đầu, rửa mặt cho mình. Vả lại, dù khi ấy còn nhỏ như thế (Tập Nhân khoảng bảy tuổi, Tương Vân mới chỉ chừng ba bốn tuổi), ban đêm hai người thì thầm chuyện riêng, Tương Vân vẫn từng nói với Tập Nhân những lời mà nghĩ lại phải thấy ngượng. Mọi người thử nghĩ xem, đó phải là những lời gì? Rõ ràng, đó là những câu đùa ngây thơ, con nít của một cô bé chưa hiểu chuyện, thấy người lớn có ai lấy chồng thì cũng nói muốn được làm cô dâu.

Giống như ở Hồi hai mươi, về Tương Vân, vẫn không có một đoạn văn nào nói rõ cha mẹ nàng đều đã mất, và rốt cuộc nàng do ai nuôi dưỡng. Chỉ đến Hồi ba mươi hai, qua một đoạn đối thoại giữa Bảo Thoa và Tập Nhân về chuyện thêu thùa may vá, độc giả mới biết được rằng, Tương Vân tuy sống trong nhà chú ruột có tước hầu, nhưng bà thím lại rất khắt khe với nàng, mỗi ngày phải làm rất nhiều việc kim chỉ, sống rất vất vả, đối với số phận của mình, nàng không tự quyết định được điều gì. Nhưng những gian truân ấy không hề mài mòn cái bản tính hồn nhiên, phóng khoáng, lạc quan, khoáng đạt của cô gái này; dù không dùng cách kể tập trung, chỉ qua từng chút một hé lộ, cuối cùng độc giả vẫn có thể hiểu rõ được thân thế trước sau của cô gái đáng yêu ấy. Mà chính cách viết này lại càng chứng tỏ Tương Vân có nguyên mẫu ngoài đời thật, việc khắc họa nàng gần như là lối bạch miêu theo đúng một con người có thật đang tồn tại, nếu không thì rất khó lý giải vì sao lại xuất hiện thành một dạng văn bản như thế này.

# Ai là kẻ tố giác · Nhìn nhận Tập Nhân thế nào · Giả mẫu khéo khen Bảo Thoa

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ ba mươi ba: Anh em ngấm nghé buông lời gièm pha nhỏ; Đứa con hư đốn đủ điều chịu trận đòn to

◇ Hồi thứ ba mươi tư: Tình trong tình, vì tình mà cảm động em gái; Lầm trong lầm, lấy lầm khuyên nhủ anh trai

◇ Hồi thứ ba mươi lăm: Bạch Ngọc Xuyến đích thân nếm canh lá sen; Hoàng Kim Oanh khéo kết dây hoa mai

◇ Hồi thứ ba mươi sáu: Thêu uyên ương, mộng báo điềm ở Giáng Vân hiên; Nhận rõ phận, ngộ tình ở Lê Hương viện

Nghiên cứu của tiên sinh Chu Nhữ Xương về đại kết cấu của Hồng Lâu Mộng, cuối cùng đúc kết thành một quan điểm tổng quát: cốt truyện toàn sách phát triển theo đơn vị chín hồi, cứ chín hồi lại hình thành một đại hoàn tiết, chín lần chín tiến triển liên tiếp, cộng thành mười hai hoàn tiết, vì thế toàn sách lẽ ra phải là 12×9=108 hồi. Kết cấu văn bản như vậy khớp đúng với thiết kế Tình bảng, gồm chín nhóm Kim Lăng thập nhị thoa, tổng cộng 108 thoa.

Tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉ ra: "Từ hồi hai mươi tám đến hồi này, là 'chín' thứ tư của toàn sách, hồi nào cũng có cảnh lạ riêng, văn tứ ý vị, rực rỡ muôn màu, khiến người đọc không kịp thưởng thức hết. Đây chính là chỗ kết tinh tinh hoa của nửa đầu Thạch Đầu Ký." Hồi ba mươi ba đột ngột nổi lên một ngọn núi khác: Bảo Ngọc bị Giả Chính đánh đòn thừa sống thiếu chết, chẳng khác nào tảng đá lớn rơi xuống nước, bắn lên một cột nước, rồi lại tạo thành những vòng sóng dồn dập. Từ hồi ba mươi tư đến hồi ba mươi sáu, vòng sóng ấy dần dần lắng xuống, hóa thành từng vòng gợn lăn tăn, cuối cùng khép lại bằng cảnh Bảo Ngọc "ngộ tình ở Lê Hương viện", trong sự chuyển dịch cảm xúc sang đối tượng khác, trở về với một khoảng lặng tạm thời.

Tôi luôn chủ trương đọc kỹ văn bản. Có người vẫn phê bình tôi là làm "Hồng ngoại học" (红外学 - chơi chữ trên "Hồng học" 红学, thêm chữ "ngoại" 外 vào giữa, ý chê là nghiên cứu lạc ra ngoài văn bản), dường như nghiên cứu của tôi đã rời khỏi văn bản Hồng Lâu Mộng, chỉ toàn kể những chuyện ngoài Hồng Lâu Mộng. Kỳ thực, từ đầu đến cuối tôi luôn kiên trì xuất phát từ việc đọc kỹ văn bản, chính nhờ đọc kỹ mà mới có thể

từ trong "giả ngữ tồn" mà giải mã ra "chân sự ẩn", cách giải mã ấy là sự diễn giải và mở rộng cần thiết của chính văn bản. Dĩ nhiên đây chỉ là một trong vô số cách đọc, cách nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, tôi chưa bao giờ cho rằng chỉ có phương pháp nghiên cứu của riêng mình mới là "đúng đắn". "Mọi con đường đều dẫn tới La Mã", ai cũng có quyền tư duy, quyền nghiên cứu và quyền phát ngôn do trời phú, ai cũng có thể từ góc độ riêng của mình mà kể lại tâm đắc thưởng thức Hồng Lâu Mộng, sao có thể lấy một phương pháp nghiên cứu làm chuẩn mực độc tôn, hễ có dịp là quy chụp người khác "gây hỗn loạn cho văn hóa xã hội", "làm rối loạn phương hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật" (hai chiếc mũ dọa người này thấy trong Hồng Lâu Mộng học san số 6 năm 2005) được?

Vậy thì, đọc kỹ bốn hồi này, tôi có ba câu hỏi, xin nêu ra cùng các bạn đọc mê Hồng Lâu Mộng bàn luận. Câu hỏi thứ nhất: rốt cuộc là ai đã mật báo cho phủ Trung Thuận vương về mối quan hệ thân mật giữa Bảo Ngọc và Tưởng Ngọc Hàm?

Hồi ba mươi ba, Giả Chính đánh Bảo Ngọc thừa sống thiếu chết, xét theo lý do bề mặt là vì Bảo Ngọc "ở ngoài thì đàn đúm với con hát, đem tặng vật riêng cho chúng; ở nhà thì bỏ bê học hành, cưỡng bức đầy tớ gái của mẹ" - dĩ nhiên, Giả Hoàn lại kịp thời đổ thêm dầu vào lửa, khiến cơn giận của Giả Chính bùng lên theo cấp số nhân. Từ nửa sau thế kỷ 20 đến nay, không ít nhà bình luận diễn giải tình tiết này, đại thể là xếp Giả Chính vào hàng đại diện cho chính thống phong kiến, còn Bảo Ngọc là con người mới của xã hội chống phong kiến; Giả Chính đánh đòn Bảo Ngọc là xung đột tất yếu giữa hai thế lực phong kiến và chống phong kiến, thực chất là một cuộc trấn áp của chính thống phong kiến đối với con người mới chống phong kiến. Cách diễn giải này không phải là không có lý, nhưng chưa chắc đã hoàn toàn đúng với dụng ý gốc của Tào Tuyết Cần. Tôi đã nói trong tập một của bộ sách này: bối cảnh thật sự của trận sóng gió này là hai vị vương gia đang tranh giành một đào hát. Một bên là Trung Thuận vương, xưa nay không hề qua lại với hai phủ Vinh, Ninh; bên kia là Bắc Tĩnh vương, đời đời thân thiết qua lại với hai phủ. Còn đào hát mà họ tranh giành ấy, Tào Tuyết Cần cố tình đặt tên là Tưởng Ngọc Hàm; còn nghệ danh thì trong cổ bản thấy cả hai cách viết[1]. Bản Chu hội giữ lại cả hai cách viết, nhưng qua chú giải lại thiên về cho rằng chữ 棋 (quân cờ) mới là bút gốc của Tào Tuyết Cần. Vì quân cờ vây bằng ngọc thời cổ có loại khắc thành hình hoa sen (菡萏), khớp đúng với cách đặt tên "Ngọc Hàm" (玉菡). Tay Kỳ Quan này vốn là đào hát Trung Thuận vương nuôi, nhưng lại ngấm ngầm đi thân cận với Bắc Tĩnh vương; Bắc Tĩnh vương quý mến hắn, đem một chiếc khăn tay lớn màu đỏ thắm, có vệt máu như của nữ vương nước Thiến Hương, ban tặng cho hắn. Hắn gặp Bảo Ngọc ở nhà Phùng Tử Anh, hai người vừa gặp đã như quen cũ, Bảo Ngọc tặng hắn cái tua quạt, hắn liền đổi lại chiếc khăn tay ấy cho Bảo Ngọc. Về chiếc khăn tay này, ở hồi hai mươi tám, các cổ bản có hai cách viết khác nhau: một cách nói đó là vật nữ vương nước Thiến Hương đem tiến cống (进贡来的); một cách chỉ nói đó là vật của nữ vương nước Thiến Hương (之物). Bản Chu hội chọn cách thứ hai, cho là gần với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn. Cũng phải, một nữ vương đem cống phẩm dâng lên hoàng đế Trung Hoa, sao lại có thể là chiếc dây thắt lưng đóng trên quần lót được? Cho dù bà ta thật sự lấy chiếc dây thắt lưng ấy làm cống phẩm, thì hoàng gia Trung Hoa cũng sẽ coi là đại bất kính mà từ chối nhận! Rất có thể là hoàng đế

Trung Hoa đã chinh phục nước Thiến Hương đó, nữ vương của họ có lúc bị bắt làm tù binh, chiếc khăn tay của bà trở thành chiến lợi phẩm, hoàng đế đem nó cùng một số vật khác ban chia cho các vương gia, Bắc Tĩnh vương được nhận, rồi lại ban cho Kỳ Quan - cách giải thích này nghe hợp lý hơn nhiều.

1. NDLR. Cổ bản chép nghệ danh này bằng hai chữ khác nhau: 琪官 (chữ 琪 nghĩa là một loại ngọc đẹp) và 棋官 (chữ 棋 nghĩa là quân cờ). Cả hai đều đọc là "Kỳ Quan" trong Hán Việt, âm hoàn toàn trùng nhau, nên chỉ có thể phân biệt qua mặt chữ Hán.

Kỳ Quan không chỉ rời phủ Trung Thuận vương để thân cận Bắc Tĩnh vương, mà còn đến tụ họp ở nhà Phùng Tử Anh, một tay chân cứng của phe "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", về sau thẳng thừng trốn vào một trang viện chính hắn tậu ở ngoại ô phía đông, khiến Trung Thuận vương tìm mãi không ra. Nơi ấy tên gọi là gì? Tào Tuyết Cần đặt tên là Tử Đàn bảo. Tôi đã nói trong tập một của bộ sách này, đây lại là một lần dùng cả lối chơi chữ đồng âm lẫn lối ngụ ý, để ám chỉ "quân cờ" mà hai vị vương gia đang tranh đoạt nhau trong ván cờ chính trị ấy - xét về mặt biểu tượng, thực chất chính là "chiếc ấn ngọc khắc đựng trong hộp gỗ tử đàn", nói thẳng ra hơn thì đó là "ấn quyền lực", thứ hai bên tranh giành chính là quyền lực chính trị cao nhất. Qua đọc kỹ văn bản, tôi cảm nhận được rằng trong sách thực ra thấp thoáng tồn tại hai thế lực chính trị phe "nhật" và phe "nguyệt", cuộc tranh đấu ngấm ngầm giữa chúng tạo thành cục diện khó lường "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn", lưỡi kiếm tranh quyền treo lơ lửng trên đầu hai phủ Vinh, Ninh. Đừng nhìn cuộc sống thường ngày trong hai phủ tưởng như vẫn êm đềm trôi như một dòng sông phú quý, lưỡi kiếm ấy có thể rơi xuống bất cứ lúc nào, đặt họ vào chỗ chết. Trong hai phủ, người tỉnh táo về chính trị thực ra chỉ có một mình Giả Chính. Trong đám tang Tần Khả Khanh, Giả Trân khăng khăng đòi dùng gỗ tường lấy từ núi Thiết Võng Hoàng Hải, thứ gỗ mà "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" - người đã "thất thế" - từng đặt trước, để đóng quan tài; chỉ một mình Giả Chính can ngăn: "Thứ này e không phải người thường có thể dùng, tìm lấy loại gỗ sam hạng nhất là được." Lúc ấy Giả Chính thừa hiểu rằng dù hoàng đế đã cho phép phủ Ninh Quốc nhận nuôi con gái của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" và coi việc ấy đã yên ổn thể diện, ơn vua tuy vô cùng to lớn, nhưng phủ Ninh Quốc các người cứ gì phải phô trương đến thế? Nhưng Giả Trân nào có chịu nghe những lời ấy? Rốt cuộc vẫn cứ để Tần Khả Khanh nằm vào cỗ quan tài đóng bằng gỗ tường ấy. Chính vì Giả Chính có sự nhạy bén chính trị hơn hẳn người khác, nên khi phủ Trung Thuận cho quan trưởng sử đến giao thiệp với ông, ông mới kinh hãi đến thế, giận dữ đến thế, mới thốt ra câu "mai sau" Bảo Ngọc sẽ "giết cha giết vua".

Về việc kết giao với Kỳ Quan, ban đầu Bảo Ngọc chối quanh, nhưng viên trưởng sử phủ Trung Thuận đã nói ra câu này: "Hiện có đủ chứng cớ, cậu còn cãi quanh làm gì... đã bảo không biết người ấy là ai, vậy thì chiếc khăn tay đỏ của nó sao lại ở ngang lưng cậu?" Có độc giả không suy nghĩ kỹ, sẽ tưởng lúc ấy Bảo Ngọc vẫn đang thắt chiếc khăn đỏ ấy ngang lưng; kỳ thực hồi hai mươi tám đã kể rất rõ, chiếc khăn ấy ngay hôm sau đã bị Tập Nhân vứt vào một cái rương trống, Bảo Ngọc sao còn có thể thắt nó được nữa? Huống hồ đó là thứ buộc quần lót, mặc áo ngoài lên thì cũng chẳng nhìn ra. Cho nên đoạn văn tiếp sau trong sách mới viết:

Bảo Ngọc nghe câu ấy, không khỏi hồn vía lên mây, mắt trợn mồm đờ, trong bụng thầm nghĩ: "Việc này sao hắn lại biết được! Hắn đã biết cả việc kín đến thế, thì chắc những việc khác cũng khó lòng giấu được hắn, chi bằng nói cho hắn về đi, khỏi để hắn moi ra thêm chuyện khác." Đây là lần đầu tiên Bảo Ngọc va chạm trực diện với chính trị hiện thực; cái vẻ hung hiểm của chính trị - len lỏi khắp nơi, thao túng tất cả - khiến một kẻ bên lề xưa nay chẳng bận tâm gì đến chính trị như cậu phải kinh hãi thất sắc, lập tức cảm nhận được sự nhỏ bé mong manh của một cá nhân trước uy thế chính trị. Cậu đã khai ra, nhưng dĩ nhiên chỉ là "khai cái nhỏ để giữ cái lớn" - khai ra nơi Kỳ Quan ẩn náu ở ngoại ô phía đông, mà không để đối phương truy hỏi thêm ra chuyện cha con Phùng Tử Anh đi săn ở núi Thiết Võng Hoàng Hải.

Vậy thì, phủ Trung Thuận đã biết chuyện Bảo Ngọc và Kỳ Quan đổi khăn tay cho nhau ở nhà Phùng Tử Anh bằng cách nào? Ai đã tố giác? Buổi tụ họp được miêu tả ở hồi hai mươi tám, những người có tên có họ có mặt chỉ vỏn vẹn năm người: chủ nhà Phùng Tử Anh, khách chính Bảo Ngọc, khách phụ Tiết Bàn, cùng một nam một nữ giúp vui, nam là đào hát Kỳ Quan, nữ là kỹ nữ Vân Nhi. Trong số đó, đáng ngờ chỉ có hai người là Tiết Bàn và Vân Nhi. Nhưng đến hồi ba mươi tư, Tào Tuyết Cần đã tốn không ít công sức để minh oan cho Tiết Bàn (dĩ nhiên, cho dù chính Tiết Bàn nói ra, thì cũng không thuộc dạng tố giác chính trị, mà chỉ có thể coi là vô tình để lộ tin), hồi mục còn đặt hẳn là "lầm trong lầm, lấy lầm khuyên nhủ anh trai". Vậy thì, có phải Vân Nhi tố giác? Kỹ nữ duy nhất xuất hiện trong tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng này quả thật lợi hại, Kỳ Quan còn chẳng biết a hoàn lớn thân cận nhất bên Bảo Ngọc tên là Tập Nhân, thế mà cô ta lại "nắm rõ như lòng bàn tay". Nhưng đối với một nhân vật giàu cảnh giác chính trị như Phùng Tử Anh - ngay trong buổi tiệc ấy, hắn vẫn không hề nói rõ cái gọi là "trong chỗ đại bất hạnh lại có đại may mắn" là chuyện gì - đã gọi Vân Nhi đến, tức là hắn tin tưởng người con gái phong trần này; đám gia nhân nhà hắn, hẳn cũng đều đã được hắn tự tay chọn lựa, thử thách kỹ càng. Vậy thì, còn ai đáng ngờ nữa? Độc giả cẩn thận lật lại hồi hai mươi tám, sẽ thấy còn có một chi tiết thế này: Bảo Ngọc đến nhà Phùng, "chỉ thấy Tiết Bàn đã ngồi đợi từ lâu, lại còn nhiều tiểu đồng hát khúc... Phùng Tử Anh trước hết sai tiểu đồng hát khúc ra mời rượu..." Các bạn đọc mê Hồng Lâu Mộng nghĩ sao đây? Biết đâu, đó vốn chẳng phải tố giác gì cả, mà là một tên mật thám giả trang thành tiểu đồng hát khúc, báo cáo lại cho Trung Thuận vương?

Bất kể câu trả lời của mỗi người cho câu hỏi này là gì, tôi nghĩ không ít bạn đọc mê Hồng Lâu Mộng sẽ đồng ý với kết luận sau của tôi: qua cách thể hiện của viên trưởng sử phủ Trung Thuận, Tào Tuyết Cần đã chỉ ra bộ mặt hung hiểm của nền chính trị chủ lưu thời ấy.

Câu hỏi thứ hai là: nên nhìn nhận thế nào về hành vi của Tập Nhân ở hồi ba mươi tư, khi được triệu đến trước mặt Vương phu nhân và nói ra những lời ấy?

Trong mấy hồi này, độ minh bạch và độ bền vững của tình yêu giữa hai người Bảo, Đại đã đạt tới một mức mới, đặc biệt chỉ rõ tình yêu của họ có chung một nền tảng tư tưởng là cùng chống lại con đường công danh, khoa cử. Nhất là tình tiết Bảo Ngọc tặng chiếc khăn cũ, Đại Ngọc đề thơ lên khăn, cùng câu Bảo Ngọc

hét lên trong mơ "Lời mấy ông sư ông đạo làm sao mà tin được! Cái gì mà nhân duyên vàng ngọc, ta cứ nói là nhân duyên gỗ đá!" đều cho thấy quan hệ tình yêu giữa hai người Bảo, Đại không thể nào đảo ngược được nữa. Nhưng tình ý của Bảo Thoa dành cho Bảo Ngọc, lại được bộc lộ đầy đủ khi nàng đến thăm Bảo Ngọc lúc bị đòn, khiến cho mối quan hệ tay ba giữa Bảo Ngọc, Bảo Thoa, Đại Ngọc trở nên tế nhị hơn nữa. Chính trong bối cảnh ấy, Tập Nhân được Vương phu nhân triệu đến, nói ra một hồi lời lẽ, trong đó mấu chốt nhất là: "Bây giờ cậu Hai cũng đã lớn, bên trong lại có nhiều cô nương, huống hồ cô Lâm, cô Bảo lại là chị em con cô con dì với cậu ấy... khiến người ta không khỏi phải lo lắng trong lòng..." Tập Nhân cố ý nhắc đến Đại Ngọc trước, kỳ thực người mà Vương phu nhân cần đề phòng cũng chính là Đại Ngọc, câu ấy vừa thốt ra liền hợp đúng ý bà, thế là Vương phu nhân đích thân khen ngợi, giao phó ngay trước mặt, sau đó còn trích từ tiền lương hàng tháng của mình hai lạng bạc một quan tiền, cấp thêm khoản trợ cấp đặc biệt cho Tập Nhân. Có thể hình dung được, sau khi trở thành người tâm phúc của Vương phu nhân, Tập Nhân ắt hẳn từ đó thường xuyên báo cáo lại tình hình trong ngoài viện Di Hồng.

Việc Tập Nhân nhờ giãi bày một bụng lo lắng với Vương phu nhân mà đạt được địa vị chuẩn di nương, nên đánh giá thế nào? Các nhà bình điểm thời cũ phần nhiều căm ghét chuyện này tận xương tủy. Bộ Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký lưu truyền rất rộng, phần đầu có mấy lời bình của nhiều nhà, trong đó Đại Mỗ Sơn Dân (大某山民 - chữ "某" trong chữ phồn thể là một cách viết khác của chữ "梅", tức Mai) nói: "Hoa Tập Nhân (花袭人) tức là Hoa Tiện Nhân (花贱人 - người đàn bà hèn hạ họ Hoa). Ý đặt tên như vậy, đâu cũng có duyên cớ cả." Hộ Hoa Chủ Nhân thì nói: "Cái gian của Vương An Thạch, toàn nằm ở chỗ không gần nhân tình. Than ôi! Gian mà không gần nhân tình, thì không khó phân biệt; cái khó phân biệt, chính là cái gian mà lại gần nhân tình. Tập Nhân chính là kẻ gian mà gần nhân tình vậy." Tức là nói Tập Nhân chẳng khác nào liều thuốc độc bọc đường mật. Các nhà bình điểm này chán ghét Tập Nhân, một là vì hồi thứ sáu đã viết rõ, nàng đã có quan hệ xác thịt với Bảo Ngọc, cái gọi là "việc bất tài" ấy, chính nàng đã làm trước, vậy mà lại đứng trước mặt Vương phu nhân lo sợ Bảo Ngọc xảy ra "việc bất tài" với người khác, làm hỏng "thanh danh phẩm hạnh cả đời" của Bảo Ngọc - thật là hèn hạ! Thật là giả dối! Hai là họ không biết bốn mươi hồi sau là do Cao Ngạc viết tiếp, hoàn toàn không đúng với dụng ý gốc của Tào Tuyết Cần. Trong phần viết tiếp, sau khi Bảo Ngọc xuất gia, Tập Nhân không thể "giữ tiết", phải "ôm đàn tỳ bà sang thuyền khác", lại còn tỏ ra vẻ ấm ức miễn cưỡng - loại phụ nữ không thể "trọn đời theo một người" như vậy, dĩ nhiên càng đáng bị coi là hèn hạ, giả dối.

Từ giữa thập niên 1950 trở đi, thì lại xếp cả Bảo Thoa lẫn Tập Nhân vào phe bảo vệ chính thống phong kiến; hành vi Tập Nhân nói ra những lời ấy trước mặt Vương phu nhân, bị coi là một tên nô tài trung thành với lễ giáo phong kiến, tố giác lấy lòng trước mặt chủ nhân phong kiến. Dĩ nhiên, cũng có ý kiến chỉ ra sự giả dối của Tập Nhân - bởi chính nàng đã vượt qua lễ giáo phong kiến, lén lút thử chuyện chăn gối mây mưa với Bảo Ngọc trong khi danh phận chưa chính thức.

Các nhà bình luận thời cũ nói trên chỉ ra sự tự mâu thuẫn trong lời nói việc làm của Tập Nhân, bảo nàng giả dối, cũng không phải là không có lý; chỉ có điều, lấy tiêu chuẩn lễ giáo phong kiến "trọn đời theo một người" để chỉ trích nàng, là điều người hiện đại chúng ta không thể tán đồng. Cách phân tích, phán xét chiếm vị trí chủ lưu sau thập niên 1950, lấy ý thức hệ làm tiền đề, cũng có phần khá đầy đủ lý lẽ. Nhưng tôi cảm thấy, đọc kỹ ngòi bút Tào Tuyết Cần, sẽ phát hiện ra rằng trước lớp kịch này, ông đã có rất nhiều đoạn dẫn dắt. Cái ông viết ra, kỳ thực là chiều sâu thăm thẳm của nhân tính. Tập Nhân từng chịu một cú kích động cực mạnh ở hồi ba mươi hai: Bảo Ngọc giãi bày gan ruột trước mặt Đại Ngọc, đến mức quên cả người lẫn ta, đến nỗi khi Đại Ngọc đã rời đi rồi, Tập Nhân đến trước mặt cậu, cậu vẫn ngây dại tưởng Đại Ngọc còn ở trước mắt, thậm chí còn nắm lấy tay Tập Nhân nói: "Em ơi, nỗi lòng của anh xưa nay chẳng dám nói ra, hôm nay anh cả gan nói thẳng ra, có chết cũng cam lòng! Anh vì em mà mang cả một thân bệnh ở đây, lại chẳng dám nói cho ai biết, đành cứ chịu đựng, chỉ đợi khi nào bệnh em khỏi, họa may bệnh anh mới khỏi được! Trong giấc ngủ giấc mơ cũng chẳng lúc nào quên được em!" Tập Nhân nghe câu ấy, sợ đến hồn bay phách lạc, chỉ biết kêu trời kêu Bồ Tát, hại chết người ta rồi! Đoạn miêu tả này nói lên điều gì? Nó cho thấy tình yêu của Bảo Ngọc dành cho Đại Ngọc, không chỉ có tinh thần phản nghịch chung về mặt tinh thần, mà trên phương diện tính ái, cũng đầy đủ và mãnh liệt không kém. "Trong giấc ngủ giấc mơ cũng chẳng lúc nào quên được em" - nghĩa là ngay cả khi làm chuyện mây mưa với Tập Nhân, đối tượng trong ảo tưởng tính dục của cậu trong lòng vẫn là Đại Ngọc, Tập Nhân trong hoàn cảnh ấy hóa ra lại trở thành vật thay thế! Cho nên Tập Nhân nghe xong mới hồn bay phách lạc, bật lên tiếng kêu thảng thốt tận đáy lòng "kêu trời kêu Bồ Tát, hại chết người ta rồi".

Một người đàn bà không được độc chiếm tình yêu và ái ân của một người đàn ông, thì cũng đành thôi, nhất là trong cái thời đại ấy, cái xã hội ấy, cái gia đình quý tộc ấy, Tập Nhân cũng không thể có ý nghĩ độc chiếm Bảo Ngọc, nàng chỉ mong có thể ổn định chia sẻ tình yêu và ái ân của Bảo Ngọc với người vợ cả tương lai của cậu mà thôi. Nhưng, màn giãi bày gan ruột trong cơn nhận lầm ấy của Bảo Ngọc, đã khiến nàng phát hiện ra rằng trong lòng Bảo Ngọc kỳ thực chỉ có tình yêu dành cho Đại Ngọc, ngay khi ngủ với nàng làm chuyện mây mưa, trong lòng cậu nghĩ tới vẫn là Đại Ngọc - điều đó đã vượt quá sức chịu đựng tâm lý của nàng với tư cách một người đàn bà. Nàng vốn đã nghiêng về phía ủng hộ Bảo Thoa, gạt bỏ Đại Ngọc, qua việc này rồi thì quyết tâm ngăn cản chuyện hôn nhân của hai người Bảo, Đại chắc chắn càng cứng như đồng như sắt, có được cơ hội tuyệt vời là được Vương phu nhân triệu kiến, sao nàng có thể bỏ lỡ? Xét riêng về bản thân nàng, không có gì đáng gọi là hèn hạ, cũng chẳng có cảm giác giả dối, càng không có tiền đề ý thức hệ nào cả, nàng chẳng qua chỉ muốn bảo vệ lợi ích mà mình đã có được. Còn việc Vương phu nhân vì thế mà hậu đãi nàng, lập tức cấp cho khoản trợ cấp đặc biệt, xác định địa vị chuẩn di nương của nàng, thì quả thực không phải điều nàng chủ quan mưu cầu. Tào Tuyết Cần chính là viết nên chiều sâu nhân tính của Tập Nhân như vậy đó.

Căn cứ vào những gợi ý từ bức tranh và bài phán từ trong Kim Lăng thập nhị thoa phó sách ở hồi thứ năm, cùng mạch ngầm gài trước trong chính văn như chiếc khăn tay đỏ có vệt máu của Tưởng Ngọc Hàm từng

được buộc ngang lưng nàng, lại thêm những gì Chi Nghiễn Trai tiết lộ về nội dung "Hoa Tập Nhân có thủy có chung" trong mấy chục hồi sau, chúng ta có thể biết được: cách viết của Cao Ngạc trong phần tục biên về Tập Nhân là trái với dụng ý gốc của Tào Tuyết Cần. Tào Tuyết Cần đã viết ra một câu chuyện hoàn chỉnh về Tập Nhân. Sau tám mươi hồi, con trai Trung Thuận vương để mắt tới Tập Nhân, sai người đến phủ Giả đòi người. Tập Nhân biết nếu mình từ chối sẽ liên lụy đến phủ Giả, bèn chẳng tiếc thanh danh mà nhận lời sang phủ Trung Thuận. Trước khi đi, nàng đề nghị, nếu sau này hai vị bảo (Bảo Ngọc, Bảo Thoa) chỉ có thể giữ lại được một a hoàn hầu hạ, thì dù thế nào cũng nên "giữ lại Xạ Nguyệt". Đến phủ Trung Thuận, trải qua bao khúc mắc, Tập Nhân được gả cho Tưởng Ngọc Hàm. Từ đó về sau cho tới khi Bảo Thoa qua đời, phủ Giả sụp đổ, vợ chồng họ Tưởng vẫn luôn chu cấp cho hai người Bảo. Sau khi Bảo Ngọc vào ngục, Tập Nhân cũng vẫn hết sức tìm cách cứu giúp cậu. Đây đại thể chính là nội dung Tào Tuyết Cần đã viết về nhân vật Tập Nhân sau tám mươi hồi, nếu những chương hồi sau tám mươi hồi ấy không bị thất lạc, thì vốn dĩ chẳng cần ai phải viết tiếp làm gì cho thừa.

Tào Tuyết Cần khắc họa hình tượng nghệ thuật Tập Nhân, theo tôi ông không hề có khung "chủ đề đi trước", càng không có tiền đề ý thức hệ lớn nào, ông chỉ đơn giản là viết ra một sinh mệnh sống động, sinh mệnh ấy luôn men theo logic tâm lý của chính mình mà lặn lội trên con đường số phận. Nên đánh giá sinh mệnh này ra sao? Tào Tuyết Cần không dán nhãn, không thẩm định phẩm hạnh, ông để ngỏ nhiệm vụ đánh giá ấy cho độc giả. Bất kể xưa nay độc giả bất đồng nghiêm trọng đến đâu trong việc đánh giá Tập Nhân, có một điểm mà tất cả độc giả đều thừa nhận, đó là: Tập Nhân là một sinh mệnh tồn tại đáng tin. Đây lại là một thắng lợi lớn nữa của ngòi bút tài hoa Tào Tuyết Cần.

Câu hỏi thứ ba: ở hồi ba mươi lăm, Giả mẫu trước mặt Tiết phu nhân khen ngợi Bảo Thoa, nên hiểu điều này như thế nào?

Ở hồi hai mươi chín, Nguyên phi qua lễ ban thưởng dịp Tết Đoan Ngọ, cố ý cho hai người Bảo (Bảo Ngọc, Bảo Thoa) nhận được phần quà giống nhau, hàm ý chỉ định hôn nhân, nhưng Giả mẫu lại không đoái hoài gì đến chuyện này, còn nhân dịp đạo sĩ Trương ở quán Thanh Hư ngỏ lời cầu hôn, trước mặt Tiết phu nhân nói ra một hồi, ngầm bày tỏ rằng người cháu dâu bà ưng ý không phải Bảo Thoa mà là Đại Ngọc, thậm chí còn công khai nói hai người Bảo, Đại là "không phải oan gia thì chẳng họp mặt". Vậy thì, việc bà ở hồi ba mươi lăm lại trước mặt Tiết phu nhân hết lời khen ngợi Bảo Thoa, quả thực khiến người ta khó hiểu.

Điều này lại càng cần đọc kỹ văn bản. Giả mẫu là một bà lão có chỉ số thông minh rất cao, câu bà khen Bảo Thoa được buông ra thuận miệng, đúng lúc mọi người đến viện Di Hồng thăm Bảo Ngọc đang dưỡng thương vì bị đòn, khi Bảo Ngọc gợi chuyện mong bà khen Đại Ngọc. Bà cứ gì phải trước mặt mọi người khen Bảo Thoa? Lúc ấy chuyện Nguyên phi chỉ định hôn nhân đã qua rồi, quan hệ căng thẳng giữa bà với Vương phu nhân, Tiết phu nhân cũng đã dịu đi nhiều, vì thế bà vui lòng làm một cử chỉ thuận nước đẩy thuyền. Bà nói thế nào? Câu bà tạo ra khéo léo vô cùng: "Nói đến chị em, thì không phải trước mặt dì đây

mà ta nói lấy lòng đâu, nói thật đúng cả trăm phần trăm, kể từ bốn đứa cháu gái nhà ta, không đứa nào bằng con Bảo cả." Bảo Ngọc đã nêu đích danh Đại Ngọc rất cụ thể, mong Giả mẫu khen ngợi, nhưng Giả mẫu lại không bàn về Đại Ngọc, mà nhấn mạnh "bốn đứa cháu gái nhà ta". Bốn đứa cháu gái nào? Nguyên, Nghênh, Thám, Tích. Dù bà nói "kể từ bốn đứa cháu gái nhà ta", mập mờ gộp cả Đại Ngọc, Tương Vân vào trong đó, nhưng bà cố ý nhắc cả Nguyên Xuân vào, chiếc mũ cao ấy khiến cả Tiết phu nhân lẫn Bảo Thoa đều không đội nổi, thậm chí không phải không mang chút ý vị châm biếm. Tôi đã phân tích tường tận trong tập một của bộ sách này, ở phần trước cuốn sách này cũng đã khái quát trình bày: thực ra câu chuyện được viết quanh hồi hai mươi chín ẩn chứa tình tiết Bảo Thoa tham gia tuyển tú của triều đình mà bị trượt. Tiết phu nhân và Vương phu nhân nghe Giả mẫu "khen Bảo Thoa" theo kiểu ấy, trong lòng thấy ngượng ngùng, miệng cũng chỉ có thể ứng phó gượng gạo. Nói về đấu chính trị trong gia tộc, đừng nói Vương phu nhân, Tiết phu nhân không địch nổi Giả mẫu, ngay cả Phượng Thư khôn khéo như khỉ, trình độ cũng còn kém xa một bậc. Giả mẫu là một hình tượng nghệ thuật có nội hàm vô cùng phong phú, độc giả nên nhìn nhận, thưởng thức từ nhiều góc độ.

# Chẩm Hà các thập nhị thoa

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ ba mươi bảy: Thu Sảng trai tình cờ lập Hải Đường xã; Hành Vu uyển đêm khuya ra đề thơ hoa cúc (秋爽斋偶结海棠社，蘅芜苑夜拟菊花题)

◇ Hồi thứ ba mươi tám: Lâm Tiêu Tương giành ngôi đầu thơ hoa cúc; Tiết Hành Vu họa vần thơ con cua mượn ý châm biếm (林潇湘魁夺菊花诗，薛蘅芜讽和螃蟹韵)

Từ Hồi thứ ba mươi bảy trở đi, câu chuyện có một điểm khởi đầu mới. Trong Đại Quan viên, thi xã được lập ra, do Thám Xuân đứng ra triệu tập. Hoạt động đầu tiên là vịnh hoa hải đường trắng. Thứ hải đường trắng này không phải loại hải đường thân gỗ trồng dưới đất, mà là loại hải đường thân cỏ trồng chậu, tục gọi là thu hải đường. Thu hải đường vốn thường có màu đỏ, màu trắng là giống biến dị, khá hiếm gặp, cho nên Giả Vân mới đem đến hiếu kính Bảo Ngọc. Bọn Bảo Ngọc còn chưa kịp ngắm hoa, chỉ mới nghe kể, đã hứng thơ dâng trào, ngâm vịnh ngay.

Các cổ bản, từ Hồi hai mươi chín đến Hồi ba mươi mốt, chính văn đều không có lời phê; từ Hồi ba mươi hai đến Hồi ba mươi lăm chỉ một vài bản cá biệt có chút ít lời phê, đây là một tổn thất cho việc nghiên cứu của chúng ta. Rốt cuộc là bản mẹ vốn không có lời phê, hay là trong quá trình chép qua tay bị người sao chép bỏ sót, hiện vẫn chưa thể xác định. Nhưng từ Hồi ba mươi sáu trở đi, lời phê lại phong phú trở lại. Trong Hồi ba mươi tám, có mấy điều lời phê đặc biệt đáng chú ý, nay xin giới thiệu cùng quý vị.

Giả mẫu đến Ngẫu Hương tạ, nhớ lại thuở nhỏ trong vườn hoa nhà họ Sử của mình, cũng có một Chẩm Hà các tương tự, khi ấy bà cùng các chị em nhà họ Sử ngày nào cũng ra đó chơi đùa. Có lần nghịch ngợm trượt chân từ cầu tre rơi xuống nước, suýt chết đuối, được vớt lên lại bị đinh gỗ đâm vỡ đầu, đến nay bên thái dương vẫn còn để lại một vết lõm to bằng đầu ngón tay... Phượng Thư nhân dịp nịnh khéo, bảo vết lõm ấy dùng để chứa phúc chứa thọ, chọc cho Giả mẫu và mọi người cười ầm lên. Ngay lúc này Chi Nghiễn Trai phê rằng: "Xem bà đột nhiên mượn mấy câu của Giả mẫu, nhàn nhạt lại bổ khuyết ra rằng trước cuốn sách này dường như đã có một bộ mười hai thoa khác, khiến người đọc chỉ có thể tưởng nhớ xa xăm mà không được thấy tận mắt. Ta thì sẽ muốn bổ khuyết truyện mười hai thoa trong Chẩm Hà các ra, thế chẳng phải lại thêm một bộ sách mới nữa hay sao (定[岂]不又添一部新书 - nguyên bản phê chép chữ 定/định, có cách hiệu đính/đọc khác là 岂/khởi, mang nghĩa phản vấn "chẳng phải")." Thông tin mà điều lời phê này truyền tải, tách ra mà nói, chính là:

Một, văn bản Hồng Lâu Mộng mang đặc điểm của một bộ sử gia tộc. Câu chuyện "thì hiện tại" trong sách, không chỉ có thể kéo dài về phía trước, mà còn có thể kéo dài về phía sau.

Hai, Chi Nghiễn Trai và nguyên mẫu Giả mẫu trong sách cùng thuộc một gia tộc. Sau khi "chuyện thật" bị giấu đi, được gửi gắm bằng "lời giả" của họ Sử. Thực ra nguyên mẫu Giả mẫu là em gái của Lý Húc, Tô Châu Chức tạo triều Khang Hy, gả cho Tào Dần, ông nội Tào Tuyết Cần, làm vợ; còn nguyên mẫu Sử Tương Vân lại là cháu gái của Lý Húc, một người em họ của Tào Tuyết Cần, tức cháu gọi bà họ Lý bằng cô. Nói ngược lại, thì bà họ Lý chính là bà cô tổ của nguyên mẫu Sử Tương Vân. Mối quan hệ giữa Giả mẫu và Tương Vân được đặt ra trong sách, đúng khớp với điều này. Hồi ba mươi tám viết Giả mẫu đến Ngẫu Hương tạ, sai người đọc câu đối sơn đen khảm trai treo trên cột, Tào Tuyết Cần cố ý viết cho chính Tương Vân đọc lên. Từ đó lại một lần nữa chứng minh rằng, không chỉ nguyên mẫu Sử Tương Vân trong sách là một người em họ mang họ Lý bên nhà bà nội Tào Tuyết Cần, mà người viết lời phê Chi Nghiễn Trai cũng chính là người ấy.

Ba, Chi Nghiễn Trai đương nhiên có đủ tư cách nhất để viết câu chuyện của chính gia tộc mình, tức câu chuyện gọi là "mười hai thoa trong Chẩm Hà các". Điều lời phê này cho thấy Chi Nghiễn Trai khá tự tin vào năng lực viết lách của chính mình. Trước đây chúng ta từng nhắc tới việc "Phượng Thư điểm hí, Chi Nghiễn cầm bút", bà can dự rất sâu vào việc viết Hồng Lâu Mộng, hay nói đúng hơn là Thạch Đầu Ký (bà thiên vị cái tên sách sau hơn). Trong tám mươi hồi cổ bản, tiên sinh Chu Nhữ Xương cho rằng có bốn hồi hoàn toàn không phải bút gốc của Tào Tuyết Cần, sau này tôi sẽ nói kỹ, vậy bốn hồi ấy do ai viết bổ sung? Không phải Cao Ngạc, mà rất có thể chính là Chi Nghiễn Trai.

Khi viết tới đoạn mọi người chuẩn bị làm thơ vịnh hoa cúc, có một nét bút tả Bảo Ngọc "sai đem hâm một bầu rượu ủ bằng hoa hợp hoan". Nói cho cùng, câu này có gì đáng kể? Tiểu thuyết mà, hư cấu mà, tác giả cầm bút phóng khoáng, muốn viết gì thì viết, người đọc cần gì phải soi xét kỹ càng? Đúng là có loại tiểu thuyết thuần túy hư cấu, bút muốn đi đâu thì đi, nhưng Hồng Lâu Mộng không thuộc loại ấy, vì thế, ngay chỗ này, xuất hiện một điều lời phê của Chi Nghiễn Trai: "Ta xin thương thay! Tác giả còn nhớ chăng, trước tòa 矮□舫 (chữ giữa khuyết trong nguyên bản; theo tác giả, chữ khuyết ấy đọc là "ngạo", nghĩa đầu to hố mắt sâu) từng dùng hoa hợp hoan ủ rượu? Tính đốt ngón tay đã hai mươi năm rồi!" Phảng (舫) là loại kiến trúc viên lâm hình con thuyền, hiện nay tới Di Hòa viên ở Bắc Kinh vẫn còn thấy một chiếc thuyền đá rất lớn giữa hồ gọi là Thanh Yến phảng. Cái tên phảng mà Chi Nghiễn Trai nhắc tới rất lạ, chữ ở giữa đọc là "ngạo", nghĩa là đầu to, hố mắt sâu, đủ thấy hình dáng chiếc phảng ấy hết sức đặc biệt. Một cái tên phảng như vậy không thể nào là bịa ra tùy tiện được. Điều đó cho thấy trong đời sống thực, quả thật từng có một không gian như thế, ở trong không gian đó, người phê sách và người viết sách từng cùng nhau dùng hoa hợp hoan ủ rượu, tức là nói, một câu "bút nhàn" trong sách, kỳ thực cũng có căn cứ từ đời sống, có nguyên mẫu sự việc, nguyên mẫu chi tiết. Người phê sách vừa thấy câu này, từ mắt động đến lòng, liền xúc động, đến mức buột miệng than: "Thương thay!" Điều này có nghĩa là những ngày tháng tốt đẹp xưa kia của họ đã một đi không trở lại, đúng là "giấc mộng xuân tan theo mây, hoa bay theo dòng nước cuốn". "Thương thay", cũng là một âm điệu bao trùm toàn bộ Hồng Lâu Mộng. Điều lời phê này xuất hiện sớm nhất trên bản Kỷ Mão, rất có thể nó đã được phê ra còn sớm hơn thế nữa. Vậy thì, cứ lấy năm Kỷ Mão (1759) lùi về hai mươi năm, khoảng năm Càn Long thứ ba đến thứ tư, đó chính là thời kỳ nhà họ Tào cùng các gia tộc liên

quan trong đời sống thực "một khô đều khô", thời kỳ sa sút. Lúc ấy Tào Tuyết Cần, Chi Nghiễn Trai chừng mười sáu mười bảy tuổi. "Thương thay!" nỗi oán hận này phát ra tự đáy lòng, dùng hoa hợp hoan ủ rượu chính là "niềm vui cuối cùng" mà họ từng cùng nhau tận hưởng. Điều lời phê như vậy một lần nữa cho thấy, Hồng Lâu Mộng mang đặc điểm của sử gia tộc, tính tự truyện, tính tự thuật, đặc trưng văn bản của nó chính là dùng "lời giả" để lưu giữ "chuyện thật".

Trong Hồi ba mươi bảy, bản Chu hội có hai chỗ lựa chọn câu chữ đáng đặc biệt nhắc nhở với quý vị. Thi xã đã lập, là thi nhân thì ai nấy đều phải lấy một biệt hiệu. Xin quý độc giả điền vào chỗ trống quá trình hình thành biệt hiệu của mấy vị thi nhân trong sách:

Lý Hoàn tự đặt cho mình ( _____ )

Thám Xuân trước tiên tự đặt cho mình ( _____ )

Thám Xuân sau khi nghe theo đề nghị của Bảo Ngọc, lại tự đặt ( _____ )

Sau khi Đại Ngọc nói mỉa Thám Xuân, Thám Xuân đặt cho nàng, nàng mặc nhiên chấp nhận ( _____ )

Lý Hoàn đặt hộ cho Tiết Bảo Thoa ( _____ )

Thám Xuân đặt hộ cho Bảo Ngọc ( _____ )

Lý Hoàn nhắc rằng thuở nhỏ Bảo Ngọc từng tự đặt cho mình một biệt hiệu, là ( _____ )

Bảo Thoa lại đặt cho Bảo Ngọc thêm một biệt hiệu nữa ( _____ )

Biệt hiệu Bảo Ngọc cuối cùng dùng ( _____ )

Biệt hiệu Sử Tương Vân dùng sau khi đến ( _____ )

Biệt hiệu của Nghênh Xuân ( _____ )

Biệt hiệu của Tích Xuân ( _____ )

Trong đó, Lý Hoàn nhắc rằng Bảo Ngọc từng có một biệt hiệu, Bảo Ngọc cười nói: "Đó là chuyện lúc còn bé, gợi ra làm gì nữa." Vậy biệt hiệu ấy rốt cuộc là gì? Bản thông hành của Nhân Văn xã năm 1957 in là "Giáng Động hoa chủ" (绛洞花主), đây là nối tiếp cái sai của bản Trình Ất. Bản hiệu chú của Viện Hồng học ra năm 1982 lại cũng in là "Giáng Động hoa chủ" (绛洞花主), điều này thật kỳ lạ, bởi bản của Viện Hồng học lấy bản Canh Thìn làm bản nền, mà bản Canh Thìn viết rõ ràng rành mạch là "Giáng Động hoa vương" (绛洞花王), vậy tại sao lại đổi chữ "vương" (王) thành "chủ" (主)? Càng kỳ lạ hơn, bản thông hành do Viện Hồng học

hiệu chú này, sau mỗi hồi đều có "hiệu ký", nếu họ cho rằng cách viết của bản Canh Thìn không đáng tin, đổi dùng câu chữ của cổ bản khác, thì theo thể lệ họ tự đặt ra, đáng lẽ phải giải thích trong "hiệu ký". Nhưng một chỗ chữ nghĩa quan trọng như vậy, họ lại bỏ qua chính bản nền mình dùng, lấy "chủ" mà bỏ "vương", thậm chí trong "hiệu ký" cuối hồi cũng không hề giải thích gì. Cái đáng quý của bản Chu hội, chính là ở chỗ chỉnh lại gốc, làm rõ nguồn. Đem chữ "Giáng Động hoa chủ" (绛洞花主) sai lầm bao năm trong bản thông hành, đính chính lại thành "Giáng Động hoa vương" (绛洞花王), lại là một ví dụ rõ ràng nữa. Cũng giống như việc Giả mẫu nhắc tới nhà mẹ đẻ mình từng có Chẩm Hà các, ở đây viết Bảo Ngọc thuở nhỏ từng tự đặt cho mình biệt hiệu "Giáng Động hoa vương", đều thuộc về không gian mở rộng trong văn bản tiểu thuyết, khiến độc giả đối với lời trần thuật "thì hiện tại" dưới ngòi bút tác giả, không chỉ có thể tưởng tượng hướng về phía trước, mà còn có thể tưởng tượng hồi cố về phía sau. Nói cách khác, chính là thông qua những lời thoại như vậy, hé lộ dần "tiền sử" của nhân vật cho độc giả, khiến độc giả cảm thấy nhân vật trong sách có chiều sâu hơn.

Bảo Ngọc nói rằng đặt biệt hiệu như thế là "cái trò nghịch ngợm hồi nhỏ", vậy "hồi nhỏ" là lúc nào? Lúc cậu nói câu này, tuổi đã hơn mười ba chưa đến mười bốn; thời ấy người ta cho rằng sáu mươi tuổi đã là đủ tuổi thọ, "đời người bảy mươi xưa nay hiếm", ba mươi tuổi đã là "nửa đời người", vậy mười ba tuổi đã gần như là thành niên. Cho nên, "hồi nhỏ" ở đây nên chỉ vào lúc năm sáu tuổi, mới bắt đầu hiểu chuyện đôi chút. Lúc đó phủ Vinh Quốc chưa có Đại Quan viên, Bảo Ngọc ở chung với Giả mẫu, chính phòng viện Giả mẫu có không gian rất rộng, Bảo Ngọc nghịch ngợm trong không gian ấy. Đứa trẻ năm sáu tuổi không thể nào có khái niệm về "chủ" (主), nhưng khái niệm về "vương" (王) thì chắc chắn là có, "tấm gương" sẵn có nhất chính là "Mỹ Hầu Vương" Tôn Ngộ Không. Bảo Ngọc từ nhỏ đã thích màu đỏ, thích chơi đùa cùng những cô gái như hoa như nụ, mà sắc màu chủ đạo trong chính phòng của Giả mẫu lại là màu đỏ thẫm (giáng, 绛), cậu bèn tưởng tượng ra mình là "một con khỉ vương trong hang đỏ, chuyên bảo vệ những đóa hoa", thế là có biệt hiệu "Giáng Động hoa vương". Biệt hiệu thuở nhỏ này làm nổi bật đặc điểm tính cách của Bảo Ngọc, mà đặc điểm ấy trong suốt quá trình trưởng thành của cậu chỉ tăng thêm chứ không hề giảm bớt. Biệt hiệu "Giáng Động hoa vương" này, cùng với ký hiệu "Đại vương Che Trời" (遮天大王) xuất hiện ở Hồi hai mươi chín, có sự tương thông với nhau, đều là ẩn dụ cho nhân cách của Bảo Ngọc, trong các bản in tuyệt đối không được sai, còn độc giả thì nên coi trọng đầy đủ điều này.

Hồi ba mươi bảy viết Nghênh Xuân đảm nhận chức phó xã trưởng thi xã, nàng làm việc nghiêm túc có trách nhiệm, khi mọi người đang suy nghĩ tứ thơ, nàng sai a hoàn thắp một cây hương. Tên cây hương này, trước nay tất cả các bản thông hành đều in là "hương mộng ngọt" (梦甜香), còn bản Chu hội thì căn cứ theo cách viết của hai loại cổ bản, xác định là "hương mộng say" (梦酣香). Chúng ta đều biết phía sau có tình tiết Sử Tương Vân say ngủ trên đám hoa thược dược và rút được thẻ hoa "hương mộng chìm say" (香梦沉酣), tiên sinh Chu Nhữ Xương cho rằng chữ "điềm/ngọt" (甜) là chữ chép sai biến từ chữ "hàm/say" (酣), "hương

mộng say" (梦酣香) mới là bút gốc của Tào Tuyết Cần. Điều này cũng cho thấy đặc sắc hiệu đính tinh tế của bản Chu hội.

# Giả mẫu bàn cửa sổ cần ngẫm kỹ, sách đến hồi ba mươi tám đã qua hơn một phần ba

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ ba mươi chín: Bà lão nhà quê bịa chuyện mua vui cười; Chàng công tử si tình dốc lòng tìm dấu vết (村老妪谎谈承色笑，痴情子实意觅踪迹)

◇ Hồi thứ bốn mươi: Sử Thái Quân hai lượt mở tiệc Đại Quan viên; Kim Uyên Ương ba lượt xướng lệnh bài ngà (史太君两宴大观园，金鸳鸯三宣牙牌令)

◇ Hồi thứ bốn mươi mốt: Giả Bảo Ngọc nếm trà ở am Lung Thúy; Lưu lão lão say nằm ở viện Di Hồng (贾宝玉品茶栊翠庵，刘姥姥醉卧怡红院)

◇ Hồi thứ bốn mươi hai: Quân Hành Vu lời như lan giải nỗi nghi kỵ; Người Tiêu Tương lời đùa tao nhã bù hương thừa (蘅芜君兰言解疑癖，潇湘子雅谑补余香)

Bốn hồi này xoay quanh chuyện Lưu lão lão lần thứ hai vào phủ Vinh Quốc, tình tiết trải ra rực rỡ như gấm hoa. Nhờ những đoạn miêu tả ấy, câu "Lưu lão lão vào Đại Quan viên" đã trở thành một câu tục ngữ lưu truyền rộng rãi, người ta thường dùng để diễn tả cái ý từ tầng lớp thấp bước vào tầng lớp cao, mở mắt ra mà cũng vụng về lúng túng. Ví dụ: "Ôi chao! Tôi đúng là Lưu lão lão vào Đại Quan viên rồi!" một mặt tỏ ý không gian mình đang đứng thật cao sang, một mặt trong niềm mãn nguyện ấy cũng ngầm khiêm tốn. Còn "Ôi chao! Cậu đúng là Lưu lão lão vào Đại Quan viên rồi!" thì lại mang ý "cậu đúng là quê mùa quá", "chả trách cậu cứ lóng ngóng thế", ít nhiều có phần giễu cợt.

Lần đầu Lưu lão lão vào phủ Vinh Quốc là ở Hồi thứ sáu, khi ấy Đại Quan viên còn chưa xây. Theo cấu tứ của Tào Tuyết Cần, Lưu lão lão còn phải có lần thứ ba vào phủ Vinh Quốc nữa, ước chừng đoạn tình tiết ấy rơi vào khoảng Hồi thứ chín mươi lăm, nội dung là lúc phủ Giả sa sút nguy khốn, bà biết ơn báo ơn, tham gia vào việc cứu giúp Xảo Thư.

Hồi mục của Hồi thứ ba mươi chín, bản Chu hội theo cách viết của bản Dương tàng, khác hẳn với các bản thông hành trước nay. Hồi này viết Lưu lão lão kể một câu chuyện bịa về cô gái rút củi, chưa kể hết thì chợt nghe ngoài sân người ta ầm ĩ cả lên, hóa ra là chuồng ngựa ở viện phía nam bốc cháy, Giả mẫu đứng dậy được người dìu ra hành lang xem, ánh lửa phía đông nam vẫn còn sáng rực. Nét bút này, theo tôi, hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa:

Một, quy mô phủ Vinh Quốc được viết ra thêm một tầng nữa. Hồi thứ ba viết Đại Ngọc mới vào phủ Vinh Quốc lần đầu, không vào cửa chính, mà vào cửa nách phía tây nam, kiệu khiêng vào còn phải đi thêm "một tầm bắn" nữa, một tầm bắn tức là khoảng cách mũi tên bắn ra bay được, ít nhất cũng phải ba mươi mét, từ đó mới có gia nhân trong phủ ra thay người khiêng kiệu, khiêng tiếp đến cửa Thùy Hoa, bên trong đó mới là viện Giả mẫu ở. Có thể thấy phía nam viện Giả mẫu còn có một khoảng không gian khá rộng. Hồi thứ ba mươi hai nói địa điểm Kim Xuyến nhảy giếng là ở góc đông nam phủ, chỗ đó hẳn là không gian cha mẹ nàng và các gia nhân khác ở, tức chỗ gọi là "hạ phòng". Điều này cho thấy cửa Thùy Hoa của viện Giả mẫu, với cửa nghi môn của viện chính nơi Giả Chính, Vương phu nhân ở, hẳn phải ngang hàng nhau. Mà bên cạnh con đường thông ra hai cửa ấy, lại có một khoảng không gian rất rộng, khoảng không gian này có thể dùng tường ngăn thành vài khu, trong đó ngoài "hạ phòng" ra, còn có chuồng ngựa, nhà để kiệu và các cơ sở cần thiết khác. Nền nhà chính viện Giả mẫu xây khá cao, vì thế đứng dưới hành lang mới có thể nhìn thấy ánh lửa tàn của chuồng ngựa ở phía đông nam. Hồi thứ sáu viết cảnh Lưu lão lão lần đầu lạc bước vào phủ Vinh Quốc, cửa chính cửa nách phía trước đều không vào được, sau đó tìm được cửa sau ở phía bắc phủ, mới cuối cùng vào được và gặp bà Chu, có thể thấy phía bắc phủ cũng có một khoảng không gian khá rộng dành cho gia nhân ở, có lẽ những gia nhân theo hầu có phần thể diện như vợ chồng Chu Thụy đều ở trong khoảng không gian ấy. Từ khoảng không gian đó đi về phía nam, thì có thể đến được tòa viện nhỏ nơi Phượng Thư ở. Trước cửa tòa viện nhỏ ấy có bức bình phong lớn sơn phấn hồng, vòng qua bức bình phong đó, là con đường dưới bức tường cao nằm giữa viện Giả mẫu và viện Giả Chính, Vương phu nhân. Rất nhiều tình tiết trong sách xảy ra ngay trên con đường ấy. Chẳng hạn Giả Vân vì muốn kiếm một chân sai việc mà trước cầu Giả Liễn sau cầu Phượng Thư, đều xảy ra trong khoảng không gian đó. Con đường dài ấy hai bên có xuyên đường, cuối đường có nhà đảo tọa. Đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, nhắm mắt hình dung lại, độc giả hẳn cũng nên hình thành được một khái niệm, dù chỉ là thô sơ, về bố cục kiến trúc phủ Vinh Quốc.

Hai, Lưu lão lão tuy chỉ ăn nói bừa bãi (信口开河, có cổ bản chép là 信口开合 "buông miệng phun ra", nghĩa cũng thông), thế mà Giả Bảo Ngọc lại tin thật, đây lại một lần nữa khắc họa nhân cách đặc biệt "tình bất tình" của Bảo Ngọc. Tâm tư của Bảo Ngọc, chỉ có Đại Ngọc là hiểu thấu, cho nên khi mọi người bàn chuyện ngâm thơ lúc trời có tuyết, nàng lại nói: "Chi bằng kiếm một bó củi, chúng ta rút củi dưới tuyết, còn thú vị hơn." Những người khác nghe Lưu lão lão bịa chuyện xong là quên ngay, chỉ riêng Đại Ngọc biết rằng Bảo Ngọc chẳng những không quên, mà còn giữ mãi trong lòng. Bảo Ngọc há chỉ giữ trong lòng, cậu còn hành động thật, sai Dính Yên đi dò tìm cái miếu thờ người đẹp hóa tượng thần kia, việc này đã đẩy cái "tình bất tình" của Bảo Ngọc lên đến cực điểm.

Ba, ai cũng biết, Dính Yên theo hướng Lưu lão lão kể mà đi tìm miếu thờ người đẹp, cuối cùng lại chỉ tìm được một ngôi miếu hoang, bên trong thờ cái gì? "Có phải cô gái đâu! Là một vị ôn thần mặt xanh tóc đỏ!" Tôi cho rằng chi tiết này mang ý nghĩa tượng trưng, cũng thuộc một ví dụ của thủ pháp "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm". Rút củi giữa tuyết để mong chống rét giữ mạng, đó chính là cảnh ngộ khốn quẫn mà phủ Giả sẽ gặp phải sau tám mươi hồi, nhưng rốt cuộc vẫn không tránh khỏi gặp phải "ôn thần", để rồi tan nát

trong ngọn lửa chính trị "tiếp hai nối ba, kéo năm dắt bốn" (接二连三，牵五挂四, câu trong Hồi thứ nhất). Hồi này viết lửa cháy lên ở phía đông nam, Giả mẫu nhìn xa, ánh lửa chập chờn, ngầm báo rằng nơi gặp biến trước tiên sẽ là nhà họ Chân ở Kim Lăng, phía đông nam. Mở đầu Hồi thứ bảy mươi lăm, liền viết cảnh nhà họ Chân bị tịch biên trị tội, Vương phu nhân buộc phải báo lại với Giả mẫu.

Hồi thứ bốn mươi, viết Giả mẫu dẫn Lưu lão lão dạo Đại Quan viên, bổ sung hết sức tường tận những cảnh phòng ở trước đó chưa được miêu tả kỹ. Ở nơi ở của Thám Xuân, Thu Sảng trai, qua việc con gái Phượng Thư là Đại Thư và Bản Nhi đổi cho nhau quả phật thủ và quả hương duyên, tác giả gài sẵn mạch ngầm cho việc hai đứa trẻ này nên vợ chồng sau tám mươi hồi. Ở nơi ở của Bảo Thoa, Giả mẫu nghiêm khắc phê bình cái lối "giả ngây", "giữ vụng" khiến Bảo Thoa bày biện căn phòng đơn sơ đến cực điểm, nói rằng: "Nhà ở của các cô mà giản dị quá thế này, cũng nên kiêng đấy. Các cô mà ở như vậy thì bọn già chúng ta đây chỉ đáng dọn ra chuồng ngựa mà ở thôi." Đây quả là một câu nói bộc lộ hết gan ruột, xin hỏi: Giả mẫu làm sao có thể chấp nhận cưới một cô con dâu như vậy cho Bảo Ngọc được? Những điều này, tôi đã phân tích tường tận trong tập hai của bộ sách này, ở đây chỉ điểm qua, không bàn sâu thêm nữa.

Hồng Lâu Mộng là một kiệt tác huy hoàng, hội tụ đại thành của văn hóa truyền thống Trung Hoa. Qua Hồng Lâu Mộng, không những có thể hiểu được lịch sử, triết học, tôn giáo, trật tự luân lý, thần thoại truyền thuyết, thơ ca từ phú, nghệ thuật nấu ăn, phương thức dưỡng sinh, đồ dùng trang phục, phong cảnh thiên nhiên, phong tục dân gian của Trung Quốc thời cổ, mà còn có thể hiểu được nghệ thuật viên lâm và tâm lý thẩm mỹ kiến trúc của dân tộc Trung Hoa, mà những yếu tố ấy hoàn toàn không phải được chắp vá một cách khiên cưỡng, mà đã hòa quyện trọn vẹn vào việc xây dựng nhân vật, dòng chảy tình tiết và cách dùng câu chữ của tiểu thuyết.

Trong Hồi thứ bốn mươi, Giả mẫu dẫn Lưu lão lão dạo Đại Quan viên, đến quán Tiêu Tương nơi Lâm Đại Ngọc ở, phát hiện tấm sa che cửa sổ không hợp.

"Bức màn này khi mới treo, trông đẹp đấy, nhưng để lâu phai màu. Ngoài sân không có cây đào cây hạnh nào, mà trúc đã có lá xanh rồi. Cứ treo màn xanh không ăn màu. Ta nhớ nhà ta có những bức màn treo cửa sổ bốn năm màu kia mà. Ngày mai, bảo lấy thay bức màn này đi."

Phượng Thư nghe vậy, liền nói trong nhà còn có mấy tấm the thuyền dực màu ngân hồng, có đủ kiểu hoa chiết chi, lưu vân bức, bách điệp xuyên hoa.

Giả mẫu liền chỉ ra rằng đó không phải the thuyền dực, mà là loại cao cấp hơn, nhuyễn yên la, có bốn màu: vũ quá thiên thanh, thu hương sắc, tùng lục, ngân hồng. Loại lụa này còn có tên khác là hà ảnh sa, mềm mà dày, nhẹ mà khít.

Chi tiết nhỏ này khiến người ta nhận ra, cách người Trung Quốc nhìn nhận về cửa sổ khác hẳn với người phương Tây. Người phương Tây cho rằng cửa sổ chỉ để lấy sáng và thông gió, dù về hình thức bên ngoài của cửa sổ cũng biến hóa ra không ít kiểu dáng. Còn người Trung Quốc thời cổ lại cho rằng cửa sổ trước hết phải là một khung tranh, cửa sổ phải khiến cảnh vật bên ngoài tạo thành một bức tranh đẹp, vì thế trong việc chọn sa che cửa sổ, cũng phải phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ ấy. Bên ngoài đã là khóm trúc "phượng vĩ sum suê" (凤尾森森) thì sa che cửa sổ phải là màu ngân hồng, tạo thành một sự tương phản với khóm trúc, từ đó tạo nên hiệu quả như thơ như họa.

Sau đó Giả mẫu lại dẫn Lưu lão lão đến Thu Sảng trai nơi Thám Xuân ở, một lần nữa bà để ý đến cửa sổ, đứng trong màn cửa sổ nhìn ra sân sau một lượt, nhân đó nói: "Cây ngô đồng ở thềm hành lang đằng sau đẹp nhỉ, chỉ phải tội hơi nhỏ thôi." Đang nói thì chợt có một cơn gió thổi qua, văng vẳng nghe thấy tiếng đàn sáo. Giả mẫu hỏi: "Nhà ai cưới vợ đấy? Ở đây gần phố nhỉ?" Vương phu nhân cùng mọi người cười đáp: "Ngoài phố thì nghe làm sao được? Đó là mười mấy cô gái bé của chúng ta đang tập đàn hát đấy." Giả mẫu cười nói: "Đã là chúng nó tập, sao không gọi vào đây mà tập... cứ bày ở nhà thủy tạ Ngẫu Hương tạ, nhờ tiếng nước mà nghe càng hay!" Giả mẫu chê cây ngô đồng ngoài cửa sổ còn nhỏ, chính là vì bà coi khung cửa sổ ấy như một khung tranh, cửa sổ đã lớn thì cây ngô đồng trên "bức tranh" bên ngoài cũng phải to hơn mới trông hài hòa, đẹp mắt. Cửa sổ cổ điển Trung Quốc không cách âm là bao, điều đó không hẳn vì kỹ thuật chế tác còn kém về mặt cách âm, mà là cố ý để cửa sổ đóng vai trò "lọc âm", dù đã đóng cánh cửa lại, vẫn để cho âm thanh tự nhiên bên ngoài và nhạc âm do người tạo ra thấm vào trong, tạo thành sự cộng hưởng giữa trong và ngoài cửa sổ. Cho nên bà chủ trương ra ngồi trong đình thủy tạ trên mặt nước, mở cửa sổ để thưởng thức tiếng đàn sáo vọng theo sát mặt nước truyền tới.

Lâm Đại Ngọc chịu ảnh hưởng từ gia đình, lại chịu ảnh hưởng gu thẩm mỹ của Giả mẫu, nên hiểu rất sâu cái diệu thú của cửa sổ. Quán Tiêu Tương có một cửa sổ hình vầng trăng tròn, ở Hồi thứ ba mươi lăm, Lâm Đại Ngọc từ ngoài về, liền sai a hoàn tháo cả giá lẫn con vẹt biết ngâm bài Táng hoa từ của nàng xuống, treo sang móc bên ngoài cửa sổ vầng trăng, còn tự mình ngồi trong nhà, cách qua tấm sa cửa sổ trêu đùa con vẹt, lại dạy thêm cho nó vài câu thơ tự mình viết. Lúc ấy bóng trúc bên ngoài rọi vào tấm sa cửa sổ, cả gian nhà rợp bóng xanh biếc, chiếu giường cũng nhuốm hơi mát, chim màu ngoài cửa sổ, người ngọc trong nhà, chiếu rọi lẫn nhau, khiến người ta như say như mê.

Dù sao con vẹt cũng chỉ là một loài thú cưng do con người nuôi dưỡng mà thành. Hồi thứ hai mươi bảy có viết, Lâm Đại Ngọc vừa đi ra ngoài vừa dặn a hoàn: "Dọn nhà đi, buông cửa sổ xuống, xem con chim yến đã về chưa, bỏ rèm xuống, chận cái đôn đá sư tử lại, đốt lò hương rồi đậy nắp lại." Có thể thấy những khung cửa sổ dán sa ấy, là loại có thể tháo hẳn khung sa xuống được, để cho thiên nhiên bên ngoài cửa sổ và con người trong nhà hoàn toàn thông suốt hòa làm một. Mà con chim yến lớn chính là môi giới cho sự gần gũi giữa thiên nhiên và con người, trong phòng ở quán Tiêu Tương vốn có tổ chim yến. Sau khi chim yến trở về, rèm cửa không khép hẳn lại, nói là lấy "sư tử" chặn lại, cái "sư tử" ấy kỳ thực là một món đồ thủ công mỹ

nghệ bằng kim loại hoặc ngọc thạch, đè lên một góc rèm cửa, khiến rèm cửa tạo thành một đường cong đẹp mắt, khiến bên trong và bên ngoài cửa sổ hình thành một quan hệ vừa thông suốt vừa che chắn, mập mờ khó nói rõ, trong đó thật sự ẩn chứa những yếu tố văn hóa hết sức phong phú!

Ở Hồi thứ bảy mươi, Lâm Đại Ngọc có làm một bài Đào hoa hành, gần như từ đầu đến cuối đều là ngâm vịnh nỗi thương xót lẫn nhau giữa người và hoa, trong và ngoài cửa sổ: "... Hoa đào nọ ngoài rèm gió liệng, Người trong rèm sớm biếng điểm trang. Trong ngoài chừng độ tấc gang, Người đây hoa đấy lại càng gần thêm. Gió muốn thổi cho rèm lại mở, Hoa muốn nhòm rèm cứ đứng ngay. Ngoài rèm hoa vẫn nở đầy, Mà trong rèm lại người gầy hơn hoa. Hoa cũng biết xót xa ai đó, Đứng ngoài rèm nhờ gió hỏi han... Tiếng quyên bỗng gọi xuân đi, Rèm này lặng lẽ trăng kia lờ mờ!" Ở phần trước đã nói, Giả mẫu cũng từng có thời trẻ tuổi, từng nghịch ngợm ở Chẩm Hà các bên nhà họ Sử, ngã xuống hồ suýt chết đuối, tuy được cứu lên kịp thời, nhưng rốt cuộc vẫn bị đanh trúc va phải trán, để lại một vết sẹo nhỏ. Lúc trẻ có lẽ bà không đa cảm như Lâm Đại Ngọc, nhưng gu thẩm mỹ của Lâm Đại Ngọc đối với ngoại tổ mẫu, có thể nói là đã kế thừa trọn vẹn y bát của bà, lại còn phát huy rộng thêm; hết thảy hành vi và những câu thơ của nàng, đều là những diễn giải mang tính nghệ thuật cho bài luận về cửa sổ của Giả mẫu.

Đọc Hồi thứ bốn mươi, nên để lại ấn tượng về đoạn Giả mẫu bàn cửa sổ, và phải ngẫm kỹ thêm, nếu không, thật đúng là "Trư Bát Giới ăn quả nhân sâm" (猪八戒吃人参果), mùi vị ngon lành đến thế, dinh dưỡng phong phú đến thế, lại bỏ qua, bỏ sót hết cả, thì tiếc biết bao!

Nửa sau Hồi thứ bốn mươi, "Kim Uyên Ương ba lượt xướng lệnh bài ngà", bề ngoài tưởng như là "văn nhàn", kỳ thực đã khéo léo ngầm gợi ra cuộc nguy cơ chính trị "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" đang bao trùm lên đầu nhà họ Giả. Nửa đầu Hồi thứ bốn mươi mốt có thể gọi là "truyện chính về Diệu Ngọc", chỉ vẻn vẹn hơn một nghìn ba trăm chữ mà đã khắc họa nên một hình tượng nghệ thuật với tính cách khác lạ. Hồi thứ bốn mươi hai viết chuyện "Đại Ngọc, Bảo Thoa hợp làm một", các nhà bình luận có kết luận phân tích khác nhau về chuyện này, nhưng kể từ hồi này trở đi, giữa Đại Ngọc và Bảo Thoa quả thật không còn xung đột nữa, hiện tượng văn bản này thì dù sao cũng không thể phủ nhận được. Những nội dung này đều rất quan trọng, vì tôi đã bàn luận hết sức đầy đủ trong tập hai của bộ sách này, ở đây xin lược bớt.

Trước Hồi thứ bốn mươi hai, có một lời phê của Chi Nghiễn Trai, trong đó nói: "Nay sách đến hồi ba mươi tám, đã qua hơn một phần ba" (今书至三十八回时，已过三分之一有余). Có thể thấy trọn bộ Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần tuyệt đối không phải một trăm hai mươi hồi, nếu là một trăm hai mươi hồi, thì hồi ba mươi tám còn chưa đủ một phần ba, sao có thể nói "đã qua một phần ba" (已过三分之一) mà còn "có dư" (有余) được? Xem ra cũng không giống một trăm mười hồi, mà phải là một trăm lẻ tám hồi, một phần ba của một trăm lẻ tám hồi là ba mươi sáu hồi, hồi ba mươi tám dĩ nhiên đúng là "đã qua hơn một phần ba". Cách nói "Hồng Lâu Mộng kinh điển một trăm hai mươi hồi" là không đúng, đó không phải là Hồng

Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, xin tất cả những ai yêu mến Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần nhất định phải bước ra khỏi màn sương mù của các bản thông hành xưa nay, dứt khoát cắt đứt hẳn với bốn mươi hồi tục thư của Cao Ngạc. Dù có cho rằng phần tục biên của Cao Ngạc viết hay hoặc có chỗ hay đi nữa, cũng đừng bao giờ lẫn lộn nó về mặt khái niệm với Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần nữa!

# Không thể xem thường Vưu thị, Lý Hoàn cũng có lúc sắc sảo cay nghiệt

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bốn mươi ba: Nhàn rỗi mua vui, tình cờ góp tiền mừng thọ; Tình chưa dứt, tạm vun nắm đất làm hương (闲取乐偶攒金庆寿，不了情暂撮土为香)

◇ Hồi thứ bốn mươi bốn: Biến cố bất ngờ, Phượng Thư nổi cơn ghen; Mừng ngoài ý muốn, Bình Nhi được trang điểm lại (变生不测凤姐泼醋，喜出望外平儿理妆)

◇ Hồi thứ bốn mươi lăm: Kết nghĩa kim lan tỏ bày lời kim lan; Chiều mưa gió u buồn làm bài từ Phong Vũ (金兰契互剖金兰语，风雨夕闷制风雨词)

Ba hồi sách này bước vào một mạch tình tiết mới. Sự kiện xuyên suốt là cơn sóng gió quanh sinh nhật của Phượng Thư. Cái tục tằn của Giả Liễn, cái uy quyền của Phượng Thư, nỗi ấm ức của Bình Nhi, sự an ủi của Bảo Ngọc, và lời bàn cao kiến của Giả mẫu, tất cả đều để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng độc giả.

Nhưng cũng cần chú ý, hồi bốn mươi ba kỳ thực là một thiên "chính truyện của Vưu thị". Cuộc sống của Vưu thị không hề dễ dàng. Bà là kế thất của Giả Trân, Giả Dung không phải con đẻ của bà, nhà mẹ đẻ lại ngày càng sa sút, cha bà góa vợ rồi tục huyền, người vợ kế mang theo hai đứa con riêng - Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư. Bà không chỉ phải quán xuyến việc nhà phủ Ninh Quốc, mà còn thường bị Giả mẫu gọi sang lo liệu một số việc, phải ứng phó đủ mọi bề, trong đó không ít chỗ hóc búa. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Vưu thị là người biết rõ đại nghĩa (ở đây nói bà biết rõ đại nghĩa là lấy lợi ích chung của hai phủ Vinh, Ninh làm thước đo), điều này trong những tình tiết liên quan đến Tần Khả Khanh được viết khá kín đáo, nhưng độc giả vẫn có thể cảm nhận được bà đặt lợi ích chung của cả gia tộc lên trên vinh nhục của riêng mình. Khi gia tộc đem Tần Khả Khanh ra làm một khoản vốn chính trị ngầm tích trữ, mong thu về khoản lãi chính trị hậu hĩnh, thì dù nghe phải những lời chửi say sưa của Tiêu Đại, bà vẫn có thể nhẫn nhịn, cho tới khi khoản vốn ấy hoàn toàn tan thành mây khói, và đến lúc Tần Khả Khanh tự vẫn "gian dâm chết ở lầu Thiên Hương", bà mới lấy cớ "bệnh đau dạ dày cũ tái phát" mà tạm thời buông gánh, không tham gia vào việc lo liệu tang lễ. Qua rồi việc rồi, bà lại trở về trạng thái bình thường, tiếp tục coi sóc việc nhà. Hồi này viết bà nhận lời Giả mẫu giao cho việc lo liệu tiệc mừng sinh nhật Phượng Thư, vì áp dụng hình thức góp "phần vốn", liên quan đến lợi ích kinh tế của rất nhiều người trên dưới trong phủ, có người trong lòng sẵn lòng góp, có người góp một cách miễn cưỡng, lại có người trong lòng chống đối, việc lo liệu trên thực tế vô cùng hóc búa, nhưng cái tinh minh của Vưu thị chẳng kém gì Phượng Thư, còn cái đức khoan hậu của bà thì Phượng Thư phải chào thua (hồi bảy mươi lăm Chi Nghiễn Trai có một điều phê khen bà "kỳ tâm thuật từ hậu khoan thuận" -

nghĩa là lòng dạ bà nhân hậu, khoan hòa, ôn thuận). Bà lo liệu việc gì cũng tuyệt không tham ô bớt xén, cuối cùng đem toàn bộ số tiền góp được dùng hết vào việc: "người trong vườn đều nghe nói Vưu thị bày biện linh đình lắm, không những có tuồng, còn có cả các trò chơi và cô gái mù kể chuyện nữa, nên ai đấy đều sắp sẵn đến xem để góp vui".

Hồi bốn mươi bốn viết "mừng ngoài ý muốn, Bình Nhi được trang điểm lại", trong tập hai của bộ sách này, khi bàn về đặc điểm nhân cách Giả Bảo Ngọc, tôi đã phân tích khá kỹ. Ở đây tôi còn muốn kêu gọi: xin hiểu đúng và dùng đúng từ "ý dâm" mà Tào Tuyết Cần sáng tạo ra. "Ý dâm" là gì? Đoạn Bảo Ngọc thương xót Bình Nhi, giúp nàng trang điểm lại trong hồi này, đặc biệt là cả một chuỗi hoạt động tâm lý khi anh nằm nghiêng một mình trên giường sau đó, thậm chí đến mức "cố nén mà vẫn rơi mấy giọt nước mắt đau xót", chính là sự diễn giải nghệ thuật chuẩn xác nhất, đầy đủ nhất cho "ý dâm". "Ý dâm" dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần là một từ mang nghĩa tích cực, đối lập với tâm lý và hành vi tiêu cực kiểu "da thịt buông tuồng" của Giả Liễn, chúng ta tuyệt đối không nên hiểu sai rồi dùng bừa. Hiện nay thường có người dùng "ý dâm" như một từ mang nghĩa xấu, chẳng hạn nói ai đó "ý dâm" một phụ nữ nào đó, ý là lòng dạ người ấy không đứng đắn, thuộc loại "cưỡng hiếp về mặt tâm lý", như vậy là hoàn toàn oan uổng cho tâm huyết mà Tào Tuyết Cần đã bỏ ra khi sáng tạo khái niệm này. Đương nhiên, từ ngữ này rất đặc biệt, thuộc loại thuật ngữ riêng trong "Hồng Lâu Mộng", không nên đem áp dụng tràn lan vào đời sống thường ngày của chúng ta.

Hồi bốn mươi lăm viết đến một mặt khác trong tính cách Lý Hoàn, đáng được chú ý. Khi Phượng Thư tổn thương đến lòng tự trọng của bà, người vốn "như cây khô tro tàn" ấy bỗng nổi giận như lửa cháy, tuôn ra cả một tràng dài lời lẽ, sắc bén như dao, đâm thẳng vào chỗ hiểm. Phượng Thư vốn là người thông minh, hiểu rằng "cây chết" một khi đã bốc cháy thì còn khó chọc hơn cả than nổ, liền lập tức buông vũ khí đầu hàng, tìm cách giảng hòa. Tào Tuyết Cần quả thật đã viết thấu tận cùng nhân tính. Từ đoạn tình tiết này, tôi khảo chứng ra rằng nguyên mẫu của Lý Hoàn là Mã thị, người vợ góa của Tào Phủ, còn nguyên mẫu của Giả Lan rất có thể là người con trai được Mã thị nhận nuôi; chỉ có điều trong tiểu thuyết "Hồng Lâu Mộng", Tào Tuyết Cần đã hạ hai mẹ con họ xuống một vai vế khi viết. Có người nói việc nghiên cứu nguyên mẫu của tôi là đem nhân vật trong sách đánh đồng với người ngoài đời thực, tôi có đánh đồng bao giờ đâu? Bản thân tôi cũng viết tiểu thuyết, lẽ nào tôi lại không hiểu rằng việc chuyển hóa nhân vật ngoài đời thành hình tượng nghệ thuật có nhiều cách biến hóa khác nhau? Những hình tượng nghệ thuật dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, phần lớn đều có nguyên mẫu, nhưng cũng phần lớn đã dùng đủ loại thủ pháp biến hóa. Chẳng hạn tôi từng chỉ ra, nhân vật Bắc Tĩnh vương có hai nguyên mẫu ngoài đời, một là a ca thứ hai mươi mốt của Khang Hy là Doãn Hy, một là a ca thứ sáu của Càn Long là Vĩnh Dung (sau này quá kế làm cháu nội Doãn Hy), như vậy có phải là đánh đồng không? Đây đương nhiên không phải là đánh đồng. Việc nghiên cứu nguyên mẫu của mẹ con Lý Hoàn lại càng không phải là đánh đồng, vai vế trong đời thực và trong tiểu thuyết đã khác nhau rồi, đánh đồng kiểu gì được? Những nghiên cứu này của tôi chỉ nhằm vén mở bí mật sáng tác từ hiện thực đời sống đến hình tượng nghệ thuật, tôi cho rằng điều này dù là để đọc hiểu thấu đáo "Hồng Lâu Mộng", hay để hiểu kỹ thuật viết tiểu thuyết của trường phái tả thực, đều có ích.

Đoạn tình tiết Bảo Ngọc tế điện Kim Xuyến thực sự không thể thiếu. Cái chết của Kim Xuyến, xét cho cùng, có liên quan đến trò trêu ghẹo nhất thời của anh. Con người sống ở đời không thể không phạm sai lầm, sai rồi cũng chưa phải là điều đáng sợ nhất, đáng sợ nhất là sau khi sai mà không biết nhìn lại, không tìm cách bù đắp. Hành động này của Bảo Ngọc thể hiện anh có ý thức sám hối và tinh thần tự cứu chuộc, điều này không chỉ đáng quý hiếm có trong thời đại ấy, mà đem đặt vào ngày nay, cũng là một cảnh giới tinh thần rất cao. Anh trở về dự tiệc mừng thọ Phượng Thư, xem hát, diễn đến đoạn "Người chồng ra tế vợ" trong vở "Kinh thoa ký", Đại Ngọc nói mấy câu, cho thấy chỉ riêng nàng là người đoán trúng rốt cuộc Bảo Ngọc vừa đi làm chuyện gì. Loại nét bút tinh xảo, trong suốt như vậy, chính là sở trường bậc nhất của Tào Tuyết Cần.

Hồi bốn mươi lăm có hai chỗ đáng để độc giả đặc biệt lưu ý. Một là đoạn viết về gia cảnh nhà Lại Đại. Trong đám gia bộc quản gia hạng nhất của phủ Giả, sách viết đến hai cặp vợ chồng: một cặp là vợ chồng Lâm Chi Hiếu, đã nói ở phần trước, họ rất kín tiếng, ít phô trương; cặp còn lại chính là vợ chồng Lại Đại. Nhà Lại Đại này ghê gớm lắm, mẹ Lại Đại tức bà Lại là lão bộc lâu năm của phủ Vinh Quốc, có thể từng hầu hạ mẹ chồng của Giả mẫu, thể diện rất lớn, đến đời Lại Đại, nhà họ chẳng những đã tự lập cơ nghiệp riêng, mà còn sống cuộc sống xa hoa kiểu đại trạch viện. Con trai Lại Đại là Lại Thượng Vinh, theo lệ cũ đáng lẽ cũng phải đến phủ Vinh Quốc làm sai dịch, nhưng từ nhỏ đã được miễn trừ, được nuôi nấng nâng niu như phượng hoàng, đến giai đoạn này của câu chuyện, chẳng những đã bỏ tiền mua chức quan, mà còn được chọn làm tri huyện, sắp phải đi nhậm chức. Vì thế nhà Lại Đại liên tục bày tiệc mấy ngày liền, bà Lại chính là người đến mời Giả mẫu cùng mọi người sang cho thể diện. Đoạn này vừa là sự chuẩn bị cho câu chuyện ở hồi bốn mươi bảy, bốn mươi tám, vừa gài sẵn mạch ngầm cho tám mươi hồi sau: Lại Thượng Vinh sẽ đóng một vai trò đặc biệt trong quá trình phủ Giả sa sút. Trong đoạn tình tiết này, bà Lại nói rất nhiều lời, trong đó câu thấm thía nhất là: "Mày biết viết hai chữ 'nô tài' thế nào không!" Nhà Lại Đại tuy về kinh tế đã trở nên hùng mạnh, thậm chí trên vũ đài chính trị cũng bắt đầu thử sức chút ít, nhưng rốt cuộc thân phận cả nhà họ vẫn là một ổ nô tài! Điều này trên thực tế cũng là Tào Tuyết Cần đang cất lên tiếng thở dài cho chính gia tộc mình. Có những độc giả trẻ khó lòng hiểu được cái thân phận, địa vị và trạng thái sinh tồn đặc biệt của các bậc tổ tiên, cha ông Tào Tuyết Cần. Chẳng hạn khi tôi phân tích ra xuất thân thật sự của nguyên mẫu Tần Khả Khanh, có bạn trẻ mê Hồng Lâu Mộng đến tranh luận với tôi, nói mấy đời trước của Tào Tuyết Cần chẳng qua chỉ làm một chức quan quản lý cung ứng vải vóc, địa vị ấy cao được đến đâu? Họ có với tới được hoàng đế và thái tử không? Nhưng, Khang Hy sáu lần nam tuần, đến Nam Kinh lại có bốn lần ở ngay tại phủ Chức tạo của ông nội Tào Tuyết Cần là Tào Dần, không phải họ đi với tới hoàng đế, mà ngược lại là hoàng đế đi với tới họ, chẳng lẽ điều này không đáng để ta suy ngẫm sâu xa hay sao? Ngay từ đầu cuốn sách này, tôi đã dẫn ra lời châu phê rất dài, rất kỳ lạ của Ung Chính trên tấu chương thỉnh an của Tào Phủ, các bạn thử nghĩ xem, Tào Phủ chỉ là một viên quan nhỏ như thế, tại sao Ung Chính lại phải giao ông cho Di thân vương mới được phong tước trông coi? Ý của Ung Chính là muốn Tào Phủ ngậm miệng lại, Tào Phủ làm sao mà biết được bí mật hoàng gia, khiến Ung Chính phải cảnh giác đến thế? Chúng ta nên hiểu, đây chính là mối quan hệ vi diệu giữa hoàng gia và các đời bao y. Tổ tiên Tào Tuyết Cần bị quân Thanh bắt làm tù binh ngoài quan ải, rất sớm đã trở thành bao y cấp cao của chính quyền Thanh. "Bao y" là phiên âm của tiếng Mãn có

nghĩa là "nô tài", loại bao y này theo quân Thanh tiến phát, cuối cùng nhập quan, trở thành lớp nô tài lâu đời gần gũi nhất của chính quyền Thanh, thường được sắp xếp trong Nội vụ phủ, đời này truyền xuống đời khác thành từng ổ một. Vì từng có tình nghĩa sâu nặng cùng chiến đấu, cùng sống cùng chết từ thuở đầu, nên hoàng gia sẽ ban cho họ một khoảng không gian phát triển nhất định về kinh tế lẫn chính trị. Tình cảnh nhà Lại Đại trong tiểu thuyết, chính là một hình ảnh thu nhỏ của việc hoàng gia đối đãi tử tế với nhà họ Tào ngoài đời thực. Nhưng nô tài rốt cuộc vẫn là nô tài, xa hơn nữa thì không cần nói kỹ, Tào Dần, Tào Ngung, Tào Phủ tuy làm chức Chức tạo, có thể giàu sang, có thể một thời quyền thế nghiêng trời, nhưng lại vĩnh viễn không thể nào có được quan chức và danh phận như những người không phải nô tài. Hoàng gia đối với họ, dù trong lúc đối đãi tử tế nhất, cũng ắt sẽ luôn khiến họ ý thức được mình là "hạt giống nô tài". Cái bóng đen trong tâm hồn ấy, ngay lúc được đối đãi tử tế nhất cũng không thể xóa tan, vậy thì đến khi hoàng đế hủy diệt gia tộc họ như bóp chết một con kiến, những kẻ hậu duệ may mắn sống sót, trong lòng lại phải cảm khái đến mức nào? Tào Tuyết Cần, với tư cách một hậu duệ sót lại của thế gia bao y như thế, đã dốc hết sức viết nên câu nói này của bà Lại, chúng ta nên hiểu được nỗi lòng bi thương của ông lúc hạ bút.

Ngoài ra, dường như trong lúc thuận tay viết vô tình, hồi này lại nhắc đến việc Chu Thụy, người bồi giá theo Vương phu nhân, có một người con trai, đúng ngày sinh nhật Phượng Thư lại lơ là chức trách, Phượng Thư định đuổi ra khỏi phủ, nhờ bà Lại nói giúp mới đổi thành đánh bốn mươi gậy rồi giữ lại. Bản thân Chu Thụy xuất hiện rất ít, nhưng bà Chu (vợ Chu Thụy) trong tám mươi hồi đầu lại có không ít đất diễn, mọi người hẳn còn nhớ tình tiết bà đi đưa hoa cung, trong tình tiết đó còn nhắc đến Lãnh Tử Hưng là con rể bà. Vậy thì, chi tiết nhỏ này ở hồi bốn mươi lăm cũng tuyệt đối không phải là nét bút thừa, cũng là "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm": con trai, con gái, con rể của Chu Thụy, sau tám mươi hồi đều sẽ xuất hiện trở lại. "Oan oan tương báo thật chẳng nhẹ, chia lìa tụ hợp đều đã định sẵn." Tào Tuyết Cần sẽ viết đến việc họ, dựa theo mối ân oán tình thù của riêng mình, có những biểu hiện tương ứng trong quá trình phủ Giả sa sút.

Nửa sau hồi bốn mươi lăm, mối quan hệ tam giác Bảo - Đại - Thoa hiện ra ở cục diện hài hòa nhất. Nhưng dù mỗi người trong số họ có thuận theo hay phản kháng hiện thực xã hội đến đâu, rốt cuộc họ vẫn không thể nắm được vận mệnh của chính mình, tất cả đều là những nhân vật mang tính bi kịch. Trong nửa hồi văn này, cảnh người cầm đèn đi lại trong màn đêm Đại Quan viên được miêu tả vô cùng tinh tế, cảm động, lại còn dùng bài từ "Thu song phong vũ tịch" của Đại Ngọc để tạo dựng nên một ý cảnh thê lương mà đẹp đẽ đến tận cùng. Biết thưởng thức cái đẹp thê lương ấy, cũng là một năng lực thẩm mỹ mà độc giả cần phải có.

# Ba câu chuyện về dục vọng

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bốn mươi sáu: Người khó xử khó tránh khỏi việc khó xử; Nàng Uyên Ương thề dứt duyên uyên ương (尴尬人难免尴尬事，鸳鸯女誓绝鸳鸯偶)

◇ Hồi thứ bốn mươi bảy: Ngốc Bá Vương ghẹo tình chuốc trận đòn đau; Lãnh lang quân sợ vạ bỏ xứ tha phương (呆霸王调情遭苦打，冷郎君惧祸走他乡)

◇ Hồi thứ bốn mươi tám: Kẻ đa tình vì lầm lỡ mà nghĩ chuyện học nghề buôn bán xa nhà; Cô gái mến điều tao nhã họp mặt khổ công làm thơ (滥情人情误思游艺，慕雅女雅集苦吟诗)

Ba hồi sách này mở ra ba câu chuyện xoay quanh dục vọng.

Hồi bốn mươi sáu, hầu như tất cả độc giả Hồng Lâu Mộng đều tóm gọn nội dung của nó thành mấy chữ "Uyên Ương chống hôn". Có những hồi trong Hồng Lâu Mộng không hề mang kịch tính bề ngoài, thậm chí ngôn ngữ cơ thể của mọi nhân vật đều hết sức tiết chế, dù có cố ý dùng đến cũng cố giữ cho không mất vẻ thanh nhã; giữa người với người diễn ra là một cuộc chiến tâm lý, lời nói ra khi thì như kim giấu trong bông, khi thì như roi thép bọc cao su, câu văn thường mở đầu bằng "ai đó cười nói", là kiểu "chiến đấu trong nụ cười". Nhưng hồi này, cũng như hồi ba mươi ba, lại giàu kịch tính bề ngoài, sóng sau dồn sóng trước, cuối cùng dâng lên một cao trào tung tóe bọt nước: Uyên Ương giấu sẵn một cây kéo trong ống tay áo, xông đến trước mặt Giả mẫu, giữa bao nhiêu người, vừa khóc vừa nói, cao giọng hét ra không biết bao nhiêu lời kinh tâm động phách, còn đưa tay vén tóc ra, tay phải cầm kéo cắt phăng. Giả mẫu nghe xong, giận đến mức toàn thân run rẩy, những người có mặt ở đó, ai mà chẳng trợn mắt há hốc mồm?

Trong những lời Uyên Ương hét ra, có hai câu đặc biệt đáng chú ý. Một câu là lời nàng tuyên bố: "Cả đời cháu, đừng nói chi Bảo Ngọc, dù có là 'Bảo Kim', 'Bảo Ngân', 'Bảo Thiên Vương' (宝天王), hay 'hoàng đế' (皇帝) đi nữa, cháu cũng nhất quyết không lấy chồng, cứ thế mà xong cả đời!" Tào Tuyết Cần viết như vậy, cố nhiên là để khắc họa tính cách cương liệt của Uyên Ương qua lời nói buột miệng, không hề kiêng dè gì, nhưng một người viết tiểu thuyết dưới triều Càn Long mà lại múa bút viết ra "Bảo Thiên Vương, hoàng đế" (宝天王、皇帝), lại còn đặt trong ngữ cảnh khinh miệt, cự tuyệt, thì quả thật không thể không khiến người ta cảm thấy đây là "có dụng ý riêng". Bởi vì Hoằng Lịch là con trai thứ tư của Ung Chính, trước khi Ung Chính đột ngột băng hà thì đang là Hòa Thạc Bảo Thân Vương (和硕宝亲王), sau khi kế vị làm hoàng đế mới đổi niên hiệu thành Càn Long. Điểm lại một lượt lịch sử gia tộc Tào Tuyết Cần thì có thể biết, nhà họ Tào vốn mang ơn đội đức với Khang Hy; trong Hồng Lâu Mộng có nói trên hoàng đế còn có thái thượng hoàng, vị thái thượng hoàng ấy không phải ám chỉ Ung Chính mà là ám chỉ Khang Hy. Trong cổ bản có không ít dấu

vết cố ý viết thiếu nét cuối khi viết đến chữ "huyền" (玄), vì Khang Hy tên húy là Huyền Diệp (玄烨), viết thiếu nét cuối chính là cách "kỵ húy" để tỏ lòng tôn kính. Còn hình tượng hoàng đế trong sách thì lại là sự pha trộn giữa Ung Chính và Càn Long. Nhà họ Tào đến triều Ung Chính thì bị đả kích, nhưng vẫn chưa hoàn toàn sa sút; từ năm Càn Long nguyên niên đến năm Càn Long thứ ba, từng có một độ khởi sắc trở lại như cây khô hồi sinh (回黄转绿), nhưng đến năm Càn Long thứ tư lại vì dính líu vào vụ án phản nghịch Hoằng Tích mà suy sụp hoàn toàn. Về mặt tình cảm chính trị, Tào Tuyết Cần tôn sùng Khang Hy, căm ghét Ung Chính, oán trách Càn Long, cho nên trong câu văn mới để lại những dấu khắc tình cảm như vậy. Câu thứ hai là lời Uyên Ương phát ra lời thề độc theo quyết tâm chống hôn của mình: "Nếu bảo không phải lòng thật, chỉ tạm lấy lời gạt qua, sau này còn tính chuyện khác, thì đã có trời đất quỷ thần, có mặt trời mặt trăng cùng soi xuống cổ họng (日头月亮照着嗓子) làm chứng, để cổ mọc mụn nhọt, mưng mủ, rữa nát ra mà chết!" Người thường khi thề độc, nói "mặt trời soi xuống" (日头照着) thế này thế kia, là chuyện rất bình thường, nhưng Tào Tuyết Cần ở đây lại cố ý, qua miệng Uyên Ương, viết thành "mặt trời mặt trăng cùng soi xuống" (日头月亮照着). Điều này hô ứng với lá bài "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" (双悬日月照乾坤) xuất hiện trong đoạn tình tiết Uyên Ương ba lần xướng lệnh bài ngà. Tào Tuyết Cần chính là còn muốn điểm ra thế cục căng thẳng của cuộc ác đấu chính trị giữa hai phe "nhật" "nguyệt" đang bao trùm lên đầu nhà họ Giả.

Câu chuyện Uyên Ương chống hôn, nhìn từ một góc độ khác, cũng chính là câu chuyện dục vọng của Giả Xá. Đây là một ông chủ quý tộc lòng tham không đáy. Ông ta không chỉ có dục vọng "da thịt buông tuồng" mãnh liệt, mà còn có cả dục vọng chiếm đoạt những món đồ nghệ thuật quý giá. Hồi bốn mươi tám xen vào tình tiết Bình Nhi đến chỗ Bảo Thoa xin thuốc bôi vết roi, qua miệng Bình Nhi, kể lại tội ác của Giả Xá: mượn tay Giả Vũ Thôn bẻ cong pháp luật hãm hại thằng Ngốc Đá (石呆子), cướp đoạt bộ quạt cổ mà người này cất giữ trân quý. Về sau còn có thêm vài đoạn miêu tả về Giả Xá, những ông chủ quý tộc như ông ta thuộc loại người lúc nào cũng muốn "ăn trọn cả sòng", chính là kẻ tự đào huyệt chôn mình cho cả một gia tộc quý tộc; sau tám mươi hồi khi phủ Giả sa sút, tội ác của ông ta sẽ là thứ đầu tiên bị lôi ra truy cứu, trở thành ngòi nổ.

Vận mệnh của Uyên Ương về sau rốt cuộc ra sao? Phần tục thư của Cao Ngạc viết na ná như thật mà lại không phải thật. Dưới ngòi bút Cao Ngạc, ý thức tuẫn tiết theo chủ tràn ngập cả tâm hồn Uyên Ương, "Uyên Ương nữ chết theo chủ, về chốn Thái Hư" (鸳鸯女殉主归太虚), nàng trở thành một "tấm gương tôi trung" của lễ giáo phong kiến, điều này không hợp với dụng ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

Hồi bốn mươi bảy viết về dục vọng của Tiết Bàn. Nhưng lần này hắn thực sự đã nhìn lầm người, lần này hắn gặp phải không phải Kim Vinh, không phải Hương Liên hay Ngọc Ái, mà là một tay hiệp khách vẻ ngoài tuấn tú mà cốt cách cứng cỏi tên Liễu Tương Liên. Đáng chú ý là Tào Tuyết Cần đã đem Liễu Tương Liên móc nối với Tần Chung, người đã yểu mệnh qua đời từ trước, khiến độc giả nhận ra rằng Giả Bảo Ngọc và một số người ngoài lề xã hội thuộc loại này đã hợp thành một vòng giao du riêng. Bề ngoài, Bảo Ngọc và

Tiết Bàn dường như có chung một sở thích, đều thích giao du với những kẻ chẳng ra thể thống gì như vậy, nhưng xét kỹ lại, sẽ thấy mục đích của họ hoàn toàn khác nhau. Tiết Bàn là "hứng thú kiểu Long Dương" (龙阳之兴), thứ hắn theo đuổi vẫn là "da thịt buông tuồng"; còn Bảo Ngọc thì thưởng thức họ, chăm chút cho họ, giao cảm với họ từ trong tinh thần, tìm được sự đồng cảm và khoái cảm trong ý thức phản chủ lưu mà anh tự giác đứng về phía ngoài lề.

Hồi bốn mươi tám thì viết về dục vọng tinh thần của một cô gái thân thế bất hạnh. Hương Lăng cuối cùng cũng vào được Đại Quan viên. Nàng khát khao thơ ca, nàng muốn bước vào cõi thơ, trở thành một thi nhân. Lòng thành đến độ đá vàng cũng phải mở, dưới sự dẫn dắt của Đại Ngọc và những người khác, các bài thơ vịnh trăng của nàng cứ bài sau hay hơn bài trước. Tôi cho rằng ba bài thơ vịnh trăng của nàng, cũng như thẻ bài chơi ở hồi bốn mươi, đều hàm chứa ý nghĩa sâu xa, chi tiết xin xem tập một của bộ sách này, ở đây không nhắc lại. Ở phần văn tự liên quan trong hồi này, bản Chu hội có một chỗ khác biệt lớn so với tất cả các bản thông hành trước đây, đáng để nhắc mọi người chú ý. Đó là sau khi Hương Lăng viết xong bài thơ thứ hai, có người nhận xét rằng: "Không giống như vịnh trăng nữa, dưới chữ 'nguyệt' (月) thêm chữ 'sắc' (色) vào, thì còn tạm được, chị xem đấy, câu nào cũng là 'sắc trăng' cả, thôi thì cũng được. Vốn dĩ thơ là bắt đầu từ nói bừa mà thành, chậm thêm vài ngày nữa sẽ khá hơn." Ai là người nói câu này? Phần lớn cổ bản đều chép là "Bảo Thoa xem xong, cười nói" (宝钗看了笑道), các bản thông hành trước đây cũng đều theo đó mà in, nhưng bản Chu hội lại theo cách chép của bản Nga tàng, xác định đó là "Bảo Ngọc xem xong, cười nói" (宝玉看了笑道). Bởi vì câu nói kiểu "vốn dĩ thơ là bắt đầu từ nói bừa mà thành" ấy, nếu lấy tư tưởng, tính cách và thói quen ngôn ngữ của các nhân vật đã được định hình xuyên suốt cả cuốn sách mà xét, thì Bảo Thoa không thể nào nói ra được, còn nếu là từ miệng Bảo Ngọc thốt ra thì lại rất tự nhiên. "Bảo Ngọc xem xong, cười nói" mới đúng là bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

# Lư Tuyết Nghiễm (芦雪广) không phải là Lư Tuyết Am (芦雪庵) · Giải mã thơ đố đèn của Tiết Bảo Cầm

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bốn mươi chín: Thế giới lưu ly, tuyết trắng mai hồng; cô gái phấn son xẻ thịt tanh, nếm mùi nồng (琉璃世界白雪红梅，脂粉香娃割腥啖膻)

◇ Hồi thứ năm mươi: Tại Lư Tuyết Nghiễm tranh nhau nối thơ tức cảnh; ở Noãn Hương ổ đặt ra câu đố đèn xuân (芦雪广争联即景诗，暖香坞创制春灯谜)

◇ Hồi thứ năm mươi mốt: Cô em họ Tiết soạn mới thơ hoài cổ; lang băm họ Hồ dùng bừa thuốc mãnh (薛小妹新编怀古诗，胡庸医乱用虎狼药)

Hồng Lâu Mộng viết ra biết bao người đẹp việc đẹp, nhưng rốt cuộc lại phơi bày trước mắt độc giả cảnh cái đẹp bị hủy diệt, đó chính là bi kịch điển hình. Đến Hồi thứ bốn mươi chín, người đẹp việc đẹp trong Đại Quan viên không chỉ tăng thêm về số lượng, mà còn được nâng lên hẳn về chất lượng. Trong ba hồi này, Tào Tuyết Cần dồn hết bút mực khắc họa một mỹ nhân: Tiết Bảo Cầm. Vẻ đẹp của nàng là từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài, một vẻ đẹp không tì vết.

Sự xuất hiện của Tiết Bảo Cầm là một biệt lệ. Sở dĩ nàng không được xếp vào Chính sách Kim Lăng thập nhị thoa, chủ yếu là vì còn có một nhân vật quan trọng hơn nàng: Diệu Ngọc, cùng với một số cân nhắc tổng hợp khác của Tào Tuyết Cần. Hồi thứ năm mươi xuất hiện một trong những khung cảnh đẹp nhất toàn bộ cuốn sách: sau trận tuyết, Đại Quan viên trắng xóa như dát bạc phấn, Tiết Bảo Cầm khoác áo lông vịt trời đứng trên sườn núi, phía sau một a hoàn ôm bình hoa mai đỏ. Giả mẫu trầm trồ khen ngợi xong, liền hỏi kỹ Tiết phu nhân về giờ sinh tháng đẻ và cảnh nhà của nàng. Tiết phu nhân đoán ý bà, có lẽ là muốn cầu hôn cho Bảo Ngọc, đành phải thưa với Giả mẫu rằng Bảo Cầm đã hứa gả cho con trai quan Hàn lâm họ Mai rồi. Tiết phu nhân có đoán trúng ý Giả mẫu không? Sách viết tiếp: Phượng Thư chưa để Tiết phu nhân nói hết câu, đã thở dài giậm chân nói: "Thực không may! Tôi đang định làm mối cho cô ấy, thế mà đã nhận lời người khác mất rồi!" Giả mẫu cười hỏi: "Cháu muốn làm mối cho ai?" Phượng Thư cười đáp: "Bà đừng bận tâm, trong bụng cháu đã nhắm sẵn rồi, hai người ấy xứng đôi lắm. Nhưng giờ đã có người khác hỏi, nói ra cũng vô ích, thà không nói còn hơn." Giả mẫu đã hiểu ý Phượng Thư, nghe nói đã có nơi rồi thì cũng thôi không nhắc nữa. Lối kể chuyện như vậy càng khiến độc giả cảm thấy Giả mẫu, Phượng Thư đều có ý gả Bảo Cầm cho Bảo Ngọc. Trước đây tôi cũng vẫn phán đoán như thế. Nhưng vì bản thảo Tào Tuyết Cần viết cho tám mươi hồi sau đã thất lạc, nên chúng ta thực khó mà biết được rốt cuộc ông định viết tiếp câu chuyện về Tiết Bảo Cầm như thế nào.

Ở Hồi thứ hai mươi chín, Giả mẫu đã định tính cho Bảo Ngọc và Đại Ngọc: "không phải oan gia không họp mặt" (不是冤家不聚头). Bà còn công khai rơi nước mắt tuyên bố sẽ che chở cho hai đứa đến hơi thở cuối cùng. Đó là chuyện xảy ra trước tết Đoan Ngọ năm ấy. Câu chuyện từ chỗ đó cứ như dòng suối róc rách chảy mãi đến Hồi thứ năm mươi, thời gian đã sang mùa đông cùng năm. Trong khoảng nửa năm ấy, không có tình tiết nào khiến ta cảm thấy cách nhìn nhận của Giả mẫu về mối quan hệ giữa hai người có dấu hiệu thay đổi. Một người từng trải việc đời, mọi sự đều lấy vẻ ngoài "bà già ngộ nghĩnh" để che giấu bản chất mưu sâu tính xa như Giả mẫu, lẽ nào lại nhất thời bốc đồng, từ bỏ thành quả chính trị gia tộc đã giành được nhờ việc chống lại ý chỉ định hôn của Nguyên phi? Tào Tuyết Cần cớ gì phải viết như thế? Hướng suy nghĩ của tôi bây giờ là: rất có thể cả Giả mẫu lẫn Phượng Thư đều đang tính chuyện làm mối Bảo Cầm cho Chân Bảo Ngọc.

Từ Hồi thứ bốn mươi chín trở đi, Sử Tương Vân bốn lần vào phủ Vinh Quốc, và lần này ở lại mãi cho đến hết Hồi thứ tám mươi không rời đi nữa. Lần đầu nàng xuất hiện là ở Hồi thứ hai mươi, rời đi ở Hồi thứ hai mươi hai; lần thứ hai xuất hiện ở Hồi thứ ba mươi mốt, rời đi vào cuối Hồi thứ ba mươi sáu; nhưng đến Hồi thứ ba mươi bảy nàng lại nhanh chóng trở lại, tham gia hoạt động của thi xã. Vậy thì nàng rời đi lúc nào? Sách không nói rõ, nhưng xem các câu chuyện từ Hồi bốn mươi ba đến Hồi bốn mươi tám, không thấy bóng dáng nàng đâu nữa, hẳn là nàng đã rời đi sau các sự việc xảy ra ở Hồi bốn mươi hai, rồi đến Hồi bốn mươi chín mới xuất hiện lần thứ tư. Ở Hồi bốn mươi chín, nàng nói "chính danh sĩ mới tự phong lưu" (是真名士自风流), đến Hồi sáu mươi ba lại nói "chỉ đại anh hùng mới giữ được bản sắc" (惟大英雄能本色), hai câu ghép lại thành một đôi câu đối rất chỉnh; nếu thêm một câu hoành phi, thì bốn chữ "trăng sáng gió trong" (霁月光风) trong phán từ về nàng ở Hồi thứ năm quả thực rất hợp cảnh.

Lư Tuyết Nghiễm (芦雪广), bản thông hành Nhân Văn xã năm 1957 viết là "Lư Tuyết Đình" (芦雪庭), bản in trong Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới lại viết là "Lư Tuyết Am" (芦雪庵), cả hai đều không đúng với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Chữ "广" ở đây không phải là chữ giản thể. Bộ chữ giản thể mà chúng ta dùng ngày nay mãi đến giữa những năm 1950 mới được đưa vào áp dụng ở Trung Quốc đại lục. Việc phổ biến chữ giản thể có ích nhất định cho công cuộc xóa mù chữ, cũng như việc trẻ em, thiếu niên học tiếng Hán. Trong phương án giản thể hóa, có những chữ phồn thể được giản lược thành công. Ví như chữ "thể" (体) trong "thân thể", "thể dục", chữ phồn thể viết là "體" (Thể), nhiều tới hai mươi hai nét, viết vừa tốn sức vừa tốn thời gian, còn chữ giản thể "体" chỉ cần bảy nét, về mặt hình chữ lại hàm ý "gốc của con người" (人之本), mà cũng không gây hiểu lầm gì. Nhưng có những chữ giản thể lại đẻ ra rắc rối. Như "里" và "裏" (còn có thể viết "裡"), trước khi giản thể hóa vốn là hai chữ khác nhau, biểu đạt hai nghĩa khác nhau: "里" là chữ "lý" trong "một dặm đường, hai dặm đường"; còn "裏 (裡)" là chữ "lý" trong "trong ngoài". Sau khi gộp hết "裏 (裡)" vào "里", liền sinh ra lộn xộn: có người đại lục in danh thiếp, địa chỉ là "Tam Lý Hà" (ba dặm sông), chữ "里" ở "Tam Lý Hà" này đáng lẽ phải viết giản thể là "里", nhưng lại in phồn thể nhầm thành "叁裏河", khiến người nhận danh thiếp dở khóc dở cười. Còn việc giản thể hóa chữ phồn "廣" (Quảng) thành "广", phải nói là một bước đi thất bại hoàn toàn. Có một đồng bào Đài Loan từng

nói với tôi bên bờ Hoàng Hà: chữ "廣" (Quảng) rất có thần thái, chữ "黃" (Hoàng, nghĩa là vàng) ở dưới nhắc chúng ta nhớ Hoàng Đế là thủy tổ của dân tộc Trung Hoa, sông Hoàng Hà, đất vàng nuôi sống chúng ta, những người Trung Quốc da vàng, mà đất nước Trung Hoa ta lại rộng lớn của cải dồi dào, nên mới có chữ "廣"; nay bỏ mất chữ "黃" đi, chẳng phải là vứt bỏ luôn "hồn vàng" của dân tộc Trung Hoa hay sao?! Ý kiến của ông ấy khá gay gắt, nhưng tôi cho là đáng để suy ngẫm. Vậy thì, chữ "广" xuất hiện trong hồi mục Hồi thứ năm mươi của Hồng Lâu Mộng, mọi người nên biết, tuyệt đối không phải chữ giản thể của "廣", bởi thời Tào Tuyết Cần làm gì đã có kiểu giản thể ấy? Trong hệ thống chữ Hán nguyên gốc, vốn dĩ đã có sẵn chữ "广" này, âm Quan thoại đọc như chữ "掩" (yểm), nghĩa là ngôi nhà dựng dựa vào sườn núi (đây chính là chữ mà giới Hán tự học xưa nay gọi là "bộ nghiễm", đọc Hán Việt là "nghiễm"). Trên thực tế, Tào Tuyết Cần đã nói rất rõ ở Hồi bốn mươi chín: "Nguyên cái Lư Tuyết Nghiễm này dựng ngay trên bãi sông dựa núi kề nước, một dãy mấy gian mái tranh vách đất, giậu dâm bụt cửa sổ tre, mở cửa sổ ra là có thể buông câu được rồi." Một công trình như thế, sao có thể gọi là "đình" hay "am" cho được?

Nhân nói về chữ giản thể, ở đây xin nói thêm đôi câu. Chữ "蘭" (Lan) trong tên Giả Lan, sau khi giản thể hóa thành "兰", thì không còn nhìn ra được thứ bậc của cậu ta trong họ nữa. Tào Tuyết Cần thiết kế thứ bậc đặt tên trong họ Giả là: đời Giả Đại Thiện thuộc chữ "đại"; đời Giả Kính thuộc bộ "văn"; đời Giả Trân thuộc bộ "ngọc"; còn Giả Lan thì cùng với Giả Dung, Giả Tường, Giả Vân... đều thuộc đời mang bộ "thảo đầu" (bộ cỏ ở trên đầu chữ).

Bài thơ liên cú tức cảnh làm ở Lư Tuyết Nghiễm, tôi cho rằng Tào Tuyết Cần đã nhân đó ngầm ví von cả lịch sử nhà họ Tào. Bảy mươi câu thơ nối tiếp ấy gần như đã bao quát trọn vẹn cả quá trình nhà họ Tào: từ chỗ sa cơ làm tù binh quân Thanh, trở thành nô bộc bao y, được hoàng đế nhà Thanh trọng dụng, cho đến khi cuốn vào cuộc tranh giành quyền lực trong hoàng thất, hy vọng và nguy cơ cùng tồn tại, rốt cuộc thịnh cực rồi suy. Về luận chứng chi tiết liên quan, xin xem thêm những chương liên quan trong cuốn "Hồng Lâu Vọng Nguyệt" của tôi.

Ở Hồi thứ hai mươi hai có thơ đố đèn, đến Hồi thứ năm mươi, năm mươi mốt lại có thơ đố đèn, nhưng ở Hồi hai mươi hai, tác giả đã nói rõ đáp án ngay trong câu chuyện; còn thơ đố đèn ở Hồi năm mươi và năm mươi mốt, ngoài bài Sử Tương Vân viết theo thể tiểu lệnh, tất cả đều không cho độc giả biết đáp án. Cách viết biến hóa như vậy khiến bài văn không đơn điệu, nhưng xưa nay độc giả đoán đáp án các bài thơ này mỗi người một khác, khó đạt được sự đồng thuận, vừa gây hứng thú lớn, vừa gây ra không ít băn khoăn. Trước đây tôi chưa từng bàn riêng về vấn đề này, nay xin đem những suy nghĩ mới nhất của mình dâng hiến ra đây, mong được cùng các bạn mê Hồng Lâu Mộng thảo luận.

Thơ đố đèn ở Hồi hai mươi hai, ngoại trừ bài của Giả Hoàn khiến người đọc phì cười, chúng ta đều biết rằng những bài còn lại không chỉ có đáp án, mà còn ngầm báo trước số phận của người làm thơ. Vậy thì, ba bài

cuối cùng ở Hồi năm mươi và mười bài ở Hồi năm mươi mốt, hẳn cũng phải như thế: vừa có đáp án riêng, vừa mang hàm ý tượng trưng cho số phận nhân vật.

Ba bài cuối ở Hồi năm mươi, bài thứ nhất do Bảo Thoa viết, đáp án hẳn là quả thông, hay còn gọi trái thông, tức thứ quả kết ra trên cây thông, nó hẳn là biểu tượng cho tính cách "giả ngây" "giữ vụng" của chính Bảo Thoa. Bài thứ hai do Bảo Ngọc viết, đáp án hẳn là cái còi kêu gắn trên diều. Hiện nay ở Bắc Kinh vẫn còn người chơi thả diều dùng một loại còi có tiếng kêu, trượt theo dây diều xuống phía dưới con diều; ban đêm, thứ đồ chơi này còn có thể phát sáng, gọi là "thả diều thắp đèn". Cuối Hồi bảy mươi có đoạn tả các cô gái trong Đại Quan viên cùng Bảo Ngọc thả diều, nhắc tới việc "đưa cơm", chính là vật cùng loại ấy; nó hẳn là biểu tượng cho nhân cách "tình bất tình" của chính Bảo Ngọc. Bài thứ ba do Đại Ngọc viết, đáp án hẳn là đèn kéo quân, thứ đồ vật này hiện nay vẫn còn thấy được, nó hẳn là tượng trưng cho việc Đại Ngọc mãi mãi xoay quanh một tâm điểm mà tiêu hao chính sinh mệnh mình, cũng chính là đặc trưng nhân cách "tình tình" của nàng. Cách hiểu như thế này rốt cuộc có đúng không, tôi mong được các bạn mê Hồng Lâu Mộng chỉ giáo.

Nửa đầu Hồi năm mươi mốt có tên gọi ngay là "Cô em họ Tiết soạn mới thơ hoài cổ", đây là một đoạn tình tiết rất quan trọng. Nhưng mười bài thơ đố đèn mà Bảo Cầm viết ra đây, hơn hai trăm năm nay đã làm khó không biết bao nhiêu độc giả và nhà nghiên cứu. Chỗ khó giải mã của nó là:

- Đáp án của những bài thơ này rốt cuộc là gì? Vì sao Tào Tuyết Cần cố ý không nói rõ? Chẳng lẽ lại bảo ông viết bừa, vốn dĩ chẳng có đáp án nào cả hay sao?

- Vì sao lại sắp đặt cho Tiết Bảo Cầm viết liền một mạch mười bài thơ này? Nếu nói đây chỉ đơn thuần là đố đèn, không hề mang nội hàm ngầm chỉ số phận nhân vật trong truyện, thì Tào Tuyết Cần bày vẽ ra chúng để làm gì? Ở trên tôi đã phân tích khá nhiều rồi, trong văn Tào Tuyết Cần, ngay cả những chỗ rất nhỏ cũng đang sử dụng bút pháp gài trước. Có mối gài trước thì hô ứng lại rất nhanh. Như đầu Hồi ba mươi bảy, trên tờ hoa tiên Thám Xuân gửi cho Bảo Ngọc có câu cảm ơn Bảo Ngọc đã tặng nàng quả vải tươi, phía sau cùng hồi ấy, đoạn kể các a hoàn viện Di Hồng chuyện trò phiếm, liền có những chuyện nảy sinh từ việc lấy đĩa mã não trắng vằn chỉ đưa vải tươi cho Thám Xuân nhưng bị giữ lại. Có mối gài trước lại hô ứng tận "ngoài ngàn dặm". Như Hồi mười bốn, trong danh sách khách đến viếng tang Tần Khả Khanh có tên Vệ Nhược Lan; Hồi ba mươi mốt kể a hoàn của Tương Vân là Thúy Lũ nhặt được con kỳ lân vàng trên đất, nhặt xong lại đem trả cho người đánh mất là Bảo Ngọc; sau đó suốt tám mươi hồi đầu không còn viết gì thêm về chuyện Vệ Nhược Lan và con kỳ lân vàng nữa, nhưng Chi Nghiễn Trai lại từng đọc được bản thảo Tào Tuyết Cần đã viết xong cho tám mươi hồi sau, trong đó con kỳ lân vàng ấy, ở đoạn chuyện "xạ phố" (bãi tập bắn), chính là do Vệ Nhược Lan đeo. Vậy thì, Hồi năm mươi dành hẳn một dung lượng lớn như thế để viết ra mười bài thơ hoài cổ của Bảo Cầm, lẽ nào chỉ đơn thuần là "ngầm ẩn mười vật" mà không còn hàm ý nào khác nữa hay sao?

- Vì sao lại là mười bài? Nếu nói là lần lượt ngầm chỉ Kim Lăng thập nhị thoa, thì phải có mười hai bài mới đúng chứ? Bây giờ, tôi xin đem tâm đắc nghiên cứu mới nhất của mình nói ra cho mọi người.

Đáp án của những bài thơ này tuy khó đoán, nhất là có những thứ trong xã hội hiện đại đã trở nên vô cùng hiếm gặp, thậm chí tuyệt tích, nhưng cũng không phải hoàn toàn không thể giải mã được. Những bài thơ này dĩ nhiên đều mang hàm ý ngoài đáp án, hẳn là dùng để ngầm chỉ số phận của mười nhân vật trong truyện. Vậy thì, mười nhân vật được ngầm chỉ ấy là ai? Nếu là ngầm chỉ Kim Lăng thập nhị thoa, thì sao lại chỉ có mười bài? Ý kiến của tôi như sau: Hồi bốn mươi chín đã nói rõ: "lúc này Đại Quan viên đã nhộn nhịp hơn trước biết bao nhiêu, Lý Hoàn đứng đầu, còn lại là Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Bảo Thoa, Đại Ngọc, Tương Vân, Lý Văn, Lý Ỷ, Bảo Cầm, Tụ Yên, thêm cả Phượng Thư và Bảo Ngọc nữa, cộng lại mười hai mười ba người", tính chính xác ra là mười ba người. Bảo Cầm là người hoạt động cùng mười hai người còn lại được nhắc tới ở đây (không kể chính nàng), vì thế, thơ đố đèn hoài cổ của nàng hẳn chỉ liên quan đến những nhân vật trong phạm vi này mà thôi. Trước đây tôi từng cho rằng có bài ngầm chỉ Tần Khả Khanh và Giả Nguyên Xuân, nay tôi xin từ bỏ hướng nghĩ đó. Bởi Tần Khả Khanh đã chết từ trước, còn Nguyên Xuân thì Bảo Cầm không hề gặp mặt, cũng chẳng có quan hệ gì với nàng; trong Đại Quan viên tuy có Diệu Ngọc, Bảo Cầm cũng từng đến am xin hoa mai đỏ của ni cô, nhưng Diệu Ngọc không hòa nhập với mọi người, không được tính vào danh sách kể trên (Hồi sáu mươi ba, Bảo Ngọc nói "cô ấy vốn không được tính vào trong số những người này"), nên đều phải loại trừ. Bảo Ngọc là một thiếu niên, cũng không cần thiết phải xếp lẫn vào đám con gái để bị ngầm chỉ tới. Nhưng trong danh sách trên, bỏ Bảo Ngọc đi thì vẫn còn mười hai người, mười bài thơ làm sao bao quát hết số phận của mười hai người được? Ý của tôi là: Đại Ngọc, Bảo Thoa gộp chung một bài, vì trong trang sách chính sách Kim Lăng thập nhị thoa ở Hồi thứ năm, chính là sắp xếp như vậy; Lý Văn, Lý Ỷ gộp chung một bài, vì thân phận, cảnh ngộ, cho đến số phận về sau của hai người có nhiều điểm giống nhau, gộp chung một bài là hợp lẽ. Tính như vậy thì vừa đúng mười bài thơ, vừa hợp với đề "hoài cổ", vừa tạo thành đố đèn "ẩn vật", lại vừa mang hàm ý ngầm chỉ số phận của mười hai người con gái.

Bây giờ xin phân tích lần lượt từng bài một. Trước hết xem bài Xích Bích hoài cổ: "Xích Bích sông kia nước chẳng trôi, Truyền trơ tên họ chở đi thôi. Ầm ầm gió thảm theo làn khói, Biết mấy hồn thiêng quẩn đấy rồi." Đáp án bài thơ này, hẳn là chiếc lư hương hình chữ nhật có nắp đậy, thường đặt ở từ đường hay chùa miếu, còn gọi là "pháp thuyền". Loại đồ vật này không chỉ dùng để thắp hương, mà còn dùng để đốt tiền giấy, thoi giấy thiếc và các vật mê tín khác. Nó ngầm chỉ số phận của Phượng Thư. Tào Tuyết Cần tuy đã khắc họa mặt âm hiểm trong nhân cách Phượng Thư, nhưng đánh giá tổng thể của ông về nàng lại là "bậc anh hùng trong đám phấn son", vô cùng thương xót trước cái chết thảm của nàng. Có thể đối chiếu với khúc "Thông minh lụy" nói về nàng ở Hồi thứ năm.

Lại xem bài Giao Chỉ hoài cổ: "Cột đồng đứng vững với thành vàng, Tiếng rộn ngoài xa khắp bốn phương. Mã Viện từ đây công rất lớn. Cần chi nhờ đến sáo Trương Lương?" Đáp án bài thơ này hẳn là chiếc kèn thúc

quân trong quân đội thời cổ (hay có thể nói là chiếc kèn suona). Nó ngầm chỉ số phận của Thám Xuân. Từ Hồi năm mươi lăm trở đi có đoạn tả Thám Xuân quản lý gia sự "chỉnh đốn kỷ cương", sau tám mươi hồi sẽ viết cảnh nàng lấy chồng xa nơi "Nhung Khương" (戎羌, chỉ vùng biên viễn phương xa).

Kế đến xem bài Chung Sơn hoài cổ: "Lợi danh ai nỡ buộc vào thân? Bỗng chốc lôi nhau xuống cõi trần. Dùng dằng suốt đời không dứt được, Cho người chế giễu lại băn khoăn." Đáp án bài thơ này giống với bài từ "Điểm giáng thần" của Tương Vân ở Hồi năm mươi: con khỉ bị người làm xiếc rong đem ra giễu trò. Nó ngầm chỉ kết cục của Lý Hoàn. Trong tập ba của bộ sách này, tôi đã phản bác quan điểm gọi là "Lý Hoàn hoàn hảo", phân tích ra rằng sau khi gia tộc sa sút ở tám mươi hồi sau, nàng cùng Giả Lan tuy thoát nạn nhưng lại không chịu chìa tay cứu giúp những người gặp cảnh khốn cùng. Phán từ về nàng ở Hồi thứ năm cũng nói rõ nàng "uổng công làm trò cười cho người khác" (枉与他人作笑谈), đúng khớp với câu cuối bài thơ này.

Xem bài Hoài Âm hoài cổ: "Tráng sĩ nên ngừa chó cắn càn, Vua Tề là lúc sắp vào quan. Bảo cho đời tục đừng khinh vội, Một bữa cơm khi chết vẫn ơn." Đáp án bài thơ này hẳn là chiếc gậy đánh chó. "Chó dữ" với "sói Trung Sơn" (điển tích chỉ kẻ vong ân bội nghĩa) cùng một ý; hai câu sau mỉa mai Tôn Thiệu Tổ không biết đạo lý chịu ơn ắt phải báo đáp. Bài này hẳn ngầm chỉ số phận bi thảm của Nghênh Xuân, người lấy nhầm chồng.

Xem bài Quảng Lăng hoài cổ: "Ve kêu quạ đậu chóng làm sao, Giờ cảnh đê Tùy cảnh thế nào? Vì nỗi xa hoa xưa chiếm hết, Cho đời mai mỉa miệng nhao nhao." Đáp án bài thơ này là những bông tơ liễu trắng bay theo gió. Tôi cho rằng có lẽ ngầm chỉ hai chị em Lý Văn, Lý Ỷ. Họ từng tạm trú trong Đại Quan viên, quãng thời gian ấy trôi qua rất nhanh, đến khi Đại Quan viên trở thành "đê Tùy" (ngụ ý suy vong), họ bị liên lụy, vướng vào không ít điều phiền toái khó mà biện bạch. Ở Hồi năm mươi, Lý Văn từng làm một bài "Phú đắc hồng mai hoa, được vần mai", câu cuối là "gửi lời ong bướm chớ ngờ vực lung tung" (寄言蜂蝶谩疑猜), đúng khớp với câu "vướng vào không ít điều phiền toái" trong bài thơ đố đèn này.

Xem bài Đào Diệp độ hoài cổ: "Hoa tàn cỏ héo đợi trên ao, Rời rã cành đào với lá đào. Người cũ Lục triều giờ vắng cả, Ảnh đề chỉ thấy vách treo cao." Đáp án bài thơ này là trò rối bóng tay trước đèn. Hai câu đầu ngầm chỉ việc Đại Ngọc trầm mình xuống hồ và sinh ly với Bảo Ngọc; hai câu sau ngầm chỉ việc Bảo Thoa về sau tuy lấy được Bảo Ngọc, nhưng Bảo Ngọc lại bỏ đi xuất gia làm hòa thượng, nàng chỉ còn biết ôm mối nhớ nhung suông.

Xem bài Thanh Trủng hoài cổ: "Sông hắc mênh mông khéo nghẹn dòng, Khúc đầu gạn hết nỗi đau lòng; Ngán cho chế độ vua nhà Hán, Cậy gạo muôn năm đáng thẹn thùng." Đáp án bài thơ này là mực thước thợ mộc xưa dùng để kẻ đường. Bài này hẳn ngầm chỉ số phận bi thảm của Tích Xuân: vốn là con gái nhà quyền quý khuê các, sau lại đi tu làm ni cô, mặc áo thâm đi khất thực.

Xem bài Mã Ngôi hoài cổ: "Phấn son lặng lẽ đẫm mồ hôi, Thoắt giã thân kia xuống bể khơi. Vì dấu phong lưu còn sót lại. Áo quần khe ấy vẫn thơm hoài." Đáp án bài thơ này là chiếc hộp xông hương ướp quần áo ngày xưa, thường có dạng dẹt tròn, làm bằng thiếc hay bạc, trên mặt có nhiều lỗ nhỏ li ti. Bài thơ này hẳn là nói về Tương Vân. Xin lưu ý chỗ xuất hiện hai chữ "vết chi" (脂痕): chữ "脂" (chi) này trùng với chữ đầu trong bút danh Chi Nghiễn Trai (脂砚斋). Hai câu sau có thể hiểu là ngầm chỉ việc Chi Nghiễn Trai phê sách.

Xem bài Bồ Đông tự hoài cổ: "Tiểu hồng hèn hạ phận tôi đòi, Lẻn lút đưa đi ghép lứa đôi; Thôi mẫu dù tra ra việc ấy, Ả kia đã bị rủ đi rồi." Đáp án bài thơ này là chiếc lược xỏ giày cán dài. "Tiểu hồng" (小红) cũng như "Xuân hương", "Mai hương" (春香/梅香), đều là tên gọi phiếm chỉ a hoàn thời ấy, đừng nghĩ lầm sang Lâm Hồng Ngọc (tức Tiểu Hồng trong truyện). Bài thơ này có thể đang giấu một đoạn chuyện liên quan đến Hình Tụ Yên. Bản thân Hình Tụ Yên là một cô gái đoan trang hiền thục, nàng lấy em họ Tiết Bàn, cũng là anh ruột Bảo Cầm, là Tiết Khoa (薛蝌). (Tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉ ra rằng, bút gốc của Tào Tuyết Cần đáng lẽ phải là "Tiết Cầu" (薛虯), vì cả "蟠" (Bàn) lẫn "虯" (Cầu) đều thuộc bộ "long" (rồng), thành một cặp tương xứng, còn "蝌蚪" (khoa đẩu, nòng nọc) lại là loài vật rất thấp kém, lấy đặt tên thì không hợp lý; sở dĩ chép nhầm thành "蝌" (Khoa) có lẽ là vì người sao chép đời trước đã chép nhầm chữ "虯" thành một chữ ghép bởi bộ trùng (虫) với chữ "斗" (đấu) bên cạnh, rồi người sao chép lại đời sau, thấy không có chữ ấy, bèn suy diễn gán thành chữ "蝌" (khoa).) Bản thân Tụ Yên cư xử đúng mực, nhưng qua những đoạn miêu tả trong sách có thể thấy, nàng khá nhu nhược, không có khả năng quản thúc a hoàn. Sách kể nàng tự mang theo một a hoàn tên là Triện Nhi (篆儿), âm gần giống với chữ "kéo, lôi" (拽儿), mà lược xỏ giày lại đúng là vật dùng để kéo phần gót giày, dùng nó để ngầm chỉ Triện Nhi là hợp lý. Triện Nhi này "hèn hạ phận tôi đòi": ở Hồi năm mươi hai, Bình Nhi từng nói, có lúc ngờ rằng chính Triện Nhi đã lấy trộm chiếc vòng râu tôm: "người của cô Hình vốn dĩ lại nghèo, e là con trẻ chưa từng thấy thứ ấy bao giờ, nhặt lên dùng thử cũng là chuyện có thể có." Triện Nhi này về sau bị một gã hầu trai nào đó dụ dỗ, bỏ trốn theo hắn, Tụ Yên cũng đành bó tay, chuyện này trở thành một mối phiền muộn lớn trong đời nàng. Đương nhiên, tôi phải thừa nhận, trong việc diễn giải mười bài thơ này, có tám bài tôi khá tự tin là đã đoán trúng đến tám chín phần mười, nhưng riêng bài Đào Diệp độ hoài cổ và bài Bồ Đông tự hoài cổ này, thực sự quá khó đoán, tôi không mấy tự tin vào đáp án mình đoán ra, nêu lên đây chỉ để ném viên gạch dẫn ra hòn ngọc mà thôi. Có người hễ trong nghiên cứu Hồng Lâu Mộng nhắc đến chuyện đoán đố, liền tỏ ý khinh miệt, không thể chấp nhận được. Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng dĩ nhiên không thể biến hết thành chuyện đoán đố, nhưng mười bài thơ này rõ ràng là đố đèn, mà anh cũng không cho đoán, thì thật là kỳ lạ, chẳng lẽ lại cho rằng Tào Tuyết Cần đã cầm bút viết ra cả một đoạn dài toàn lời vô nghĩa hay sao?

Xem bài Mai Hoa quán hoài cổ: "Nếu không bên liễu cũng bên mai, Ai vẽ thuyền quyên vẽ cũng tài. Sum họp Xuân Hương đừng nghĩ vội, Gió tây lại vắng một năm trời." Đáp án bài thơ này là chiếc quạt tròn, nói về chính số phận của Bảo Cầm. Nàng tuy đã hứa gả cho con quan Hàn lâm họ Mai, nhưng nơi về cuối cùng lại là làm vợ Liễu Tương Liên. Mà cái cảnh ngộ kỳ lạ khó lường ấy, lại liên quan đến một a hoàn, còn thời gian thì, là sau đó một năm.

Nửa sau Hồi năm mươi mốt, ngòi bút chuyển sang viện Di Hồng, dẫn vào câu chuyện của Hồi năm mươi hai, một lần nữa dồn hết bút mực khắc họa Tình Văn.

# Đừng bỏ qua các cảnh đệm

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ năm mươi hai: Bình Nhi khôn khéo vì tình che giấu vòng râu tôm; Tình Văn hăng hái mang bệnh vá áo lông công

◇ Hồi thứ năm mươi ba: Phủ Ninh Quốc đêm trừ tịch tế từ đường; Phủ Vinh Quốc tiết Nguyên tiêu mở tiệc đêm

◇ Hồi thứ năm mươi tư: Sử thái quân bác bỏ lối cũ sáo mòn; Vương Hy Phượng bắt chước trò mặc áo hoa mua vui

Toàn bộ sách có một trăm lẻ tám hồi, vậy thì hồi năm mươi tư vừa đúng là nửa chặng đường. Viết đến đây, cảnh thịnh vượng của họ Giả đã lên tới đỉnh điểm. Ở hồi thứ mười ba, khi Tần Khả Khanh báo mộng cho Phượng Thư, có nói: đừng nên quên câu tục ngữ "tiệc vui cũng tàn!" Cuối cùng lại đọc tặng một bài kệ: "Ba xuân khi đã qua rồi, hoa tàn thơm hết, mọi người chia tay." Tất cả những điều này đều thể hiện cấu tứ tổng thể của Tào Tuyết Cần, còn phần tục thư của Cao Ngạc lại đúng ngay ở chỗ then chốt nhất này mà làm trái ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Trong tập một của bộ sách này, tôi đã dùng khá nhiều trang để phân tích bối cảnh thời gian của câu chuyện trong sách: từ hồi thứ mười tám trở đi cho tới hồi năm mươi tư, đều là chuyện của năm Càn Long nguyên niên, "một xuân đã qua"; từ hồi năm mươi lăm đến hồi sáu mươi chín, là chuyện của năm Càn Long thứ hai; "hai xuân qua rồi", từ hồi bảy mươi trở đi bước vào "ba xuân"; ước chừng đến khoảng hồi tám mươi lăm, sẽ viết tới đại bi kịch "sau khi ba xuân qua đi" muôn hoa lìa tan.

Từ nửa sau hồi năm mươi mốt đến hồi năm mươi hai, tác giả lại tập trung viết về Tình Văn. Nếu như trước đó, hồi ba mươi mốt "Tình Văn xé quạt" chủ yếu làm nổi bật nét tính cách "sống theo đúng bản tính của mình" ở Tình Văn, thì đến hồi năm mươi hai "Tình Văn vá áo cừu", lại phô bày ra mặt khác trong nhân cách của cô: đó là, trên tiền đề giữ gìn phẩm giá của bản thân, cô còn có phẩm chất cao quý là sẵn sàng gánh vác, cứu người trong lúc khó khăn. Việc cô mang bệnh vá áo lông công cho Bảo Ngọc, không phải là chuyện một nữ nô đang tận trung với chủ nô của mình; giữa cô và Bảo Ngọc có một mối quan hệ bạn bè chất phác tự nhiên, bình đẳng quý mến lẫn nhau, điều này đã được định sẵn tông điệu ngay từ lần đầu tiên miêu tả về cô ở hồi thứ tám: Bảo Ngọc uống rượu say từ Lê Hương viện trở về, cô trách Bảo Ngọc gạt mình mài mực, mới viết được vài chữ đã ném bút bỏ đi, khiến cô phải chờ suốt cả ngày, lại còn phải trèo thang dán tờ giấy khiến đôi tay lạnh cóng, Bảo Ngọc nghe vậy vội nắm lấy tay cô cho ấm lại. Ở hồi năm mươi hai, cô gắng gượng vá áo cừu cho Bảo Ngọc, chính là hành động nghĩa hiệp "liều mình vì bạn" của một người bạn tri kỷ quý mến lẫn nhau.

Điều thú vị là, khi viết về Tình Văn, Tào Tuyết Cần lại đem mặt sáng và mặt mờ mịt trong nhân cách của cô hòa quyện vào nhau mà viết, đây là lối viết khó nhất, vậy mà ông viết được tự nhiên đến thế, khéo léo đến mức không để lộ một dấu vết nào. Nghe tin Trụy Nhi có hành vi trộm cắp vặt, cô như một cục than nổ, lập tức nổi giận, ra tay trừng phạt nặng nề, không đợi Tập Nhân về, thậm chí cũng chẳng buồn hỏi ý Bảo Ngọc, đã tự mình quyết đoán đuổi thẳng Trụy Nhi ra khỏi cửa ngay lập tức. Miệng Tình Văn thường xuyên buông ra những câu đuổi người này đuổi người kia, thế mà bản thân cô lại hoàn toàn không có chút ý thức đề phòng tự bảo vệ mình nào, cứ ngây thơ cho rằng vì mình được Giả mẫu yêu thích, lại được Bảo Ngọc quý mến bên cạnh, nên tuyệt đối không có khả năng bị đuổi đi. Cô không chỉ thường lấy chuyện đuổi người khác làm câu cửa miệng, mà đến khi tự mình nổi giận dỗi hờn, cũng thường để mặc cho Bảo Ngọc đuổi mình đi mà chẳng bận tâm gì. Số phận trớ trêu đến thế, đến sau hồi bảy mươi tư, người đầu tiên bị Vương phu nhân trong cơn thịnh nộ đuổi đi, lại chính là cô, Bảo Ngọc cũng không cách nào cứu vãn được.

Nhân vật Trụy Nhi, đáng để độc giả chú ý. Đừng nên đơn giản coi cô ta chỉ là một con ăn trộm vặt. Tào Tuyết Cần đã thiết kế nhân vật này thành bạn thân của Tiểu Hồng. Tiểu Hồng là một trong số ít người tỉnh táo hiếm hoi ở Đại Quan viên. Trụy Nhi hẳn đã chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Tiểu Hồng, mơ hồ nhận ra rằng những a hoàn như họ, tiền đồ vô cùng u ám, nói chung chẳng qua ba năm năm sau, "dù hay dù dở, cũng lôi cổ ra, đem gả cho một thằng ranh con nào đó" (lời vú Lý ở hồi hai mươi), cho nên, phải tự mình tính toán trước từ sớm. Cách của Tiểu Hồng là trước tiên bám lấy cành cao, sau đó rút lui an toàn, tự mình chọn Giả Vân làm chồng. Còn Trụy Nhi thì, mọi người thử nghĩ xem, cô ta trộm chiếc vòng râu tôm của Bình Nhi để tự mình đeo ư? Có thể sao? Lập tức đem đi bán tháo ư? Số tiền tháng của một a hoàn nhỏ như cô ta trên dưới đều rõ ràng cả, tiền bạc trong vườn đều do các a hoàn lớn quản lý giúp bọn họ, nếu lập tức đem bán, chẳng phải tự mình tố cáo mình hay sao? Huống chi chưa chắc đã có đường dây bán ra ngoài. Vậy thì có thể suy ra, Trụy Nhi trộm chiếc vòng râu tôm, rõ ràng là định giấu kín đến lúc sắp bị "lôi ra gả cho một thằng ranh con", khi đó cô ta có một món châu báu đáng giá như thế trong tay, cũng coi như có vốn liếng để tự chọn lựa "thằng ranh con", chứ không đến nỗi bị gả bừa cho một thằng hầu xấu xí nghiện rượu tồi tệ. Việc xây dựng nhân vật Trụy Nhi này, tôi cho rằng Tào Tuyết Cần có dụng ý sâu xa trong đó.

Khi Bình Nhi lặng lẽ tiết lộ cho Xạ Nguyệt biết hành vi trộm cắp của Trụy Nhi, còn nhắc tới việc bên cạnh Bảo Ngọc từng có một a hoàn nhỏ tên Lương Nhi, Lương Nhi trộm ngọc bị lộ nên bị đuổi đi. Tôi cho rằng Tào Tuyết Cần viết ra nhân vật Lương Nhi này, cũng không phải là lời thừa chữ vô ích để kéo dài thêm cho tác phẩm, đây lại là một mạch ngầm khác, có liên quan tới tình tiết "quét tuyết nhặt ngọc" của Phượng Thư sau tám mươi hồi.

Trong hồi năm mươi ba và hồi năm mươi tư, còn có không ít đoạn miêu tả về Giả Trân. Cảnh Giả Trân nhận tiền tô ruộng và một lượng lớn vật phẩm từ trang đầu Ô Tiến Hiếu, tình tiết ấy sau những năm 50 của thế kỷ 20 đã được vô số nhà phê bình dẫn ra để luận giải, nhằm chứng minh "Hồng Lâu Mộng" đã viết về sự bóc lột tàn khốc của giai cấp địa chủ đối với giai cấp nông dân, đặc biệt là câu Giả Trân nói với Ô Tiến Hiếu:

"Không hỏi các anh thì hỏi ai bây giờ!", càng phơi bày rõ bộ mặt hung ác của kẻ bóc lột. Cách phân tích luận giải như vậy tôi hoàn toàn tán đồng, giải đọc "Hồng Lâu Mộng" theo góc nhìn đấu tranh giai cấp, là một phương pháp nghiên cứu vô cùng quan trọng, nhưng Tào Tuyết Cần viết bộ sách này vào thời đại ấy, bản thân ông chưa thể có khả năng sáng tác bằng tư duy đấu tranh giai cấp. Ông sống ở Trung Quốc giữa thế kỷ 18, đóng cửa với bên ngoài, còn Marx và Engels sáng lập học thuyết đấu tranh giai cấp là ở châu Âu thế kỷ 19. Vì vậy, có thể nói rằng, chính vì "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần về căn bản là bút pháp tả thực, tác giả trung thành với cuộc sống, ông đã viết đúng như thật những tình cảnh đối lập giai cấp của xã hội thời ấy, vô hình trung đã cung cấp cho chúng ta khả năng phân tích tác phẩm bằng góc nhìn đấu tranh giai cấp. Đây là thắng lợi của chủ nghĩa hiện thực nơi ông, nhưng rốt cuộc vẫn không thể nói rằng Tào Tuyết Cần cố ý viết về đấu tranh giai cấp.

Theo tôi, khi viết về Giả Trân, Tào Tuyết Cần đã khắc họa toàn diện chân dung một vị tộc trưởng của gia tộc quý tộc. Nhân vật Giả Trân, ông không viết theo kiểu như viết dì Triệu. Dì Triệu bị viết xấu đến tận cùng, khá phẳng phiu một chiều; còn Giả Trân, ông mong độc giả nhìn nhận nhân vật này từ nhiều mặt, viết rất sống động linh hoạt. Ở hồi năm mươi ba, khi viết cảnh nhận tô của trang đầu Ô Tiến Hiếu, trước sự tưởng tượng ngây ngô của Ô Tiến Hiếu về mối quan hệ giữa hoàng gia và phủ Giả, Giả Trân nói một câu yết hậu ngữ: "Lấy hoàng bá làm dùi khánh, chỉ đẹp dáng bề ngoài, bên trong thì đắng ngắt." Đây là tiếng thở dài tự đáy lòng của một vị tộc trưởng phải xoay xở giữa các thế lực chính trị và các nhóm lợi ích khác nhau trong gia tộc ở thời đại ấy. Tiếp đó, đoạn viết cảnh Giả Trân "phụ huyên phát của" (负暄发放; phụ huyên tức là phơi nắng sưởi ấm): "Giả Trân trông coi bày biện xong xuôi đồ tế lễ, chân xỏ dép lê, khoác tấm áo cừu lớn bằng lông linh miêu, sai người trải một tấm nệm da sói lớn lên tảng đá dưới cột hiên, nơi có ánh nắng mặt trời chiếu vào, để sưởi nắng, nhàn nhã ngồi xem các con cháu trong họ lần lượt đến lĩnh phần đồ tết." Hoạt động phát đồ tết cuối năm như thế này, đối với những người nghèo khó trong đại gia tộc mà nói, là một khoản phúc lợi quan trọng, cũng là một công việc quan trọng mà người làm tộc trưởng phải đảm nhận để quy tụ lòng người trong tông tộc. Tào Tuyết Cần viết rất tỉ mỉ, cũng rất sống động. Giả Cần cũng chạy đến lĩnh phần phúc lợi này, bị Giả Trân mắng đuổi về. Vì theo "luật chơi" của tông tộc, những thứ này được phát cho những chú bác anh em trong đại gia tộc chưa có được chân việc, không có nguồn thu nhập nào, còn Giả Cần đã có được chân béo bở quản lý gia miếu, tác oai tác quái ngay trong gia miếu, Giả Trân nắm rõ tình hình, nên mắng cho một trận rồi đuổi đi. Ở nửa sau hồi năm mươi ba và trong hồi năm mươi tư, bút mực dành cho Giả Trân cũng không ít. Cách ông thể hiện ở bữa tiệc bên phủ Vinh Quốc, cũng đáng để bàn tới: một mặt, ông có khả năng khoác lên gia tộc ấy một lớp mặt nạ ấm áp tình cảm, dâng rượu xong cho các bậc trưởng bối, ông còn cố ý buông thêm một câu: "Còn các cô thì làm thế nào đây?" Mặt khác, ông cũng là người cố nén tính nết mà cho qua chuyện, cho nên khi Giả mẫu cuối cùng bảo ông cùng Giả Liễn thôi cứ đi lo việc đi, ông thở phào nhẹ nhõm, hai anh em liền rủ nhau đi tìm vui chơi bời, không nói tới nữa.

Cảnh tế tổ đường họ Giả, Tào Tuyết Cần lại cố ý viết qua con mắt của Tiết Bảo Cầm. Chi tiết này từ trước đến nay vẫn bị nhiều nhà phê bình chất vấn: Bảo Cầm là người ngoại tộc, sao đúng vào thời khắc trọng đại

ấy lại chạy vào tận từ đường họ Giả? Thật khó giải thích. Tôi cho rằng điều này cũng giống như đoạn trước viết cô một mình làm liền mười bài thơ đố đèn, Tào Tuyết Cần cố tình thiết kế cô thành một người ngoài cuộc lạnh lùng quan sát cảnh gia tộc họ Giả đang ở đỉnh thịnh mà sắp suy tàn, tất nhiên, cuối cùng bản thân cô cũng bị liên lụy, nhưng trước đó, cô có đủ thời gian để đứng ngoài mà ngẫm nghĩ, cân nhắc.

Ở hồi năm mươi tư, Giả mẫu bác bỏ lối cũ sáo mòn, nhắc tới vở tuồng Tục Tỳ Bà do Tào Dần soạn, ý nghĩa của chi tiết này vô cùng quan trọng, càng chứng minh không thể chối cãi rằng "Hồng Lâu Mộng" có yếu tố lịch sử gia tộc, hơn nữa nguyên mẫu của Giả mẫu chính là người em gái của Lý Húc, quan Tô Châu Chức tạo, người đã gả cho Tào Dần. Trong tập một của bộ sách này tôi đã có phân tích, ở đây xin lược bớt. Về những đoạn miêu tả Phượng Thư trong các hồi này, tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉ ra rằng, đó là tiếp nối mạch những hồi trước viết về việc cô, vì chăm lo cho Bảo Ngọc và các cô các cậu, không ngại phiền phức, tự lập riêng một nhà bếp trong Đại Quan viên, cũng như thương xót cảnh nghèo túng của Hình Tụ Yên mà chủ động quan tâm cứu giúp, cho tới việc thu xếp tỉ mỉ cho Tập Nhân về nhà thăm mẹ, đều là khắc họa mặt khác trong nhân cách của cô, tức là cô có tấm lòng nhiệt thành sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi, mang lại hạnh phúc cho người khác. Tào Tuyết Cần viết Phượng Thư cũng như viết Giả Trân, đều dồn sức khắc họa những hiện tượng sinh mệnh phức tạp, viết nhân tính hết sức khôn lường, hoàn toàn thoát ra khỏi cái khuôn sáo viết "người tốt" hay "người xấu".

Đọc mấy hồi này, cũng như đọc các hồi khác, ngàn vạn lần chớ nên bỏ qua những "cảnh đệm" (过场戏). Thế nào là "cảnh đệm"? Nói chung, những cảnh diễn ra ngoài tình tiết chính mà hồi mục nhấn mạnh, đều có thể coi là "cảnh đệm". Ở hồi ba mươi bảy, có một đoạn "cảnh đệm", viết cảnh các a hoàn viện Di Hồng tụ tập buôn chuyện, câu chuyện bắt đầu từ việc mang đồ biếu các cô, các bà, cụ, trong đó người nói nhiều nhất là Thu Văn. Nhân vật Thu Văn thường bị một số độc giả bỏ qua không để ý, nhưng thật ra Tào Tuyết Cần khắc họa Thu Văn cũng rất đáng để nghiền ngẫm. Đại Mỗ Sơn Dân, người viết lời bình cho bản thông hành cũ Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký, đã cảm thán: "Mỗi người có một địa vị của mình. Mọi việc của Thu Văn, đều thấy nhỏ nhen." "Nhỏ nhen" đây không thể đánh đồng với "keo kiệt". Hồi ba mươi bảy viết Thu Văn vì được Giả mẫu, Vương phu nhân ban thưởng chút ít mà tự đắc hớn hở, Tình Văn cùng những người khác bảo cho cô biết bộ quần áo Vương phu nhân thưởng cho thực ra là đồ thừa của người khác, cô buột miệng nói, "dù có cho con chó nhà này đi nữa, tôi cũng vẫn phải nhận ơn của bà", kết quả chọc cho mọi người cười ồ nói "chẳng phải bà đã cho con chó hoa rồi ư?". Tập Nhân nổi giận, cô mới hiểu ra sự thật, nhưng lại chủ động đi xin lỗi Tập Nhân, đó chính là biểu hiện cụ thể của tính "nhỏ nhen" nơi cô. "Nhỏ nhen" tức là tầm nhìn thiển cận, hèn mọn tầm thường, cẩu thả cầu an. Đến hồi năm mươi tư, Tào Tuyết Cần thật khéo tranh thủ lúc bận rộn mà chen vào khoảng lặng, giữa hai cảnh náo nhiệt sôi động, bỗng lồng vào một đoạn "cảnh đệm" tả cảnh Bảo Ngọc về vườn chưa kịp vào phòng đã lại ra khỏi vườn, giữa chừng bỗng vén áo đi tiểu tiện. Trong đoạn này, hình tượng Thu Văn lại một lần nữa được khắc họa tập trung, phô bày bộ mặt vênh váo oai phong của cô trước mặt đám bà già sai vặt và các a hoàn nhỏ, ỷ mình là a hoàn phòng Bảo Ngọc, mà Bảo Ngọc lại là cháu cưng của Giả mẫu. Nhưng thực ra cô căn bản chẳng lọt vào mắt Giả mẫu chút nào. Ngay

đầu hồi này đã viết, Giả mẫu không thấy Tập Nhân, trách móc nói: "Bây giờ nó đã ra vẻ lớn rồi, chỉ ngồi sai đám hầu nhỏ đi thôi." Giả mẫu nào biết Thu Văn là ai đâu? Chỉ coi cô là một "con bé" vô dụng. Bản thân Thu Văn cũng biết mình chẳng có chút vị trí gì trước mặt các chủ nhân thực thụ, ở hồi ba mươi bảy cô từng tự nói: "Các chị phải biết, xưa nay cụ chẳng nói câu gì với tôi cả, hình như tôi có cái gì không lọt vào con mắt của người." Đây là một nhân vật hoàn toàn thuộc dạng bắt nạt kẻ yếu sợ kẻ mạnh, cậy thế lên mặt, tất nhiên, cô cũng không có ác tâm lớn, và luôn biết liệu chừng dừng việc, xấu hổ mà lui. Ở hồi năm mươi lăm, Tào Tuyết Cần sẽ còn tiếp tục dùng những chi tiết để hoàn thiện thêm bức chân dung của một sinh mệnh như thế.

# "Vai vụn lẻ tẻ", "vô tình thuận tay" đều thấy công lực

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ năm mươi lăm: Làm nhục con gái ruột, dì ngu tranh chuyện thị phi; Lừa gạt chủ nhỏ, nô tỳ ranh ấp mưu hiểm độc

◇ Hồi thứ năm mươi sáu: Thám Xuân nhanh trí khởi việc làm lợi, trừ bỏ thói hư tích tụy; Bảo Thoa thấu người, ân huệ nhỏ giữ trọn đại thể

◇ Hồi thứ năm mươi bảy: Tử Quyên lanh lẹ dò chàng Ngọc bận rộn bằng lời lẽ tình cảm; Dì cả nhân hậu an ủi nàng Tần si dại bằng lời yêu thương

Chuyện "Thám Xuân lo việc nhà" thuộc loại độc giả Hồng Lâu Mộng ai cũng quen thuộc. Tào Tuyết Cần đã chọn một lối viết bình tĩnh, khách quan, nhiều điểm nhìn. Phượng Thư nghỉ việc dưỡng bệnh, Lý Hoàn và Thám Xuân vâng mệnh lệnh của Vương phu nhân quản lý gia sự, về sau còn đặc biệt mời Bảo Thoa phụ giúp. "Ba người họ trị sự như thế, ai nấy đều thấy cẩn trọng hơn cả hồi Phượng Thư còn chấp chính, nên đám gia nô trong ngoài đều oán thầm: vừa ngã xuống một con quỷ dạ xoa, lại thêm lên ba vị thái tuế trấn núi, đến nỗi cả việc ban đêm lén uống rượu chơi bời cũng chẳng còn chút thì giờ nào." Những câu tường thuật như vậy thật khó có được.

Ở đoạn trên, khi phân tích hồi thứ năm mươi tư, tôi đã nhắc riêng đến Thu Văn. Đến hồi này, Thu Văn lại xuất hiện. Cô ta nghênh ngang đi tới trước nghị sự đường, các bà quản sự bên ngoài bảo trong nhà vừa dọn cơm, chờ dọn bàn cơm xuống rồi hãy vào trình việc (thời ấy, các gia đình quý tộc phương Bắc cũng thường đặt chiếc bàn kháng nhỏ trên giường kháng hoặc trên ghế trường đẩu thấp để ăn cơm, ăn xong phải dọn chiếc bàn kháng nhỏ ấy đi). Thu Văn chẳng buồn để tâm, cười nói: "Tôi đâu có rỗi được như các bà, chờ thế nào được." Nói rồi định lao thẳng vào trong. Bình Nhi đứng dậy kịp thời giữ lại, cô ta vẫn một dáng vẻ thong dong, hỏi Bình Nhi: "Chị lại ở đây đóng vai gác cổng bên ngoài gì thế?" Rồi quay người ngồi phịch lên tấm đệm ngồi của Bình Nhi, hoàn toàn là cái thế cậy sủng mà không e ngại gì (tiếc thay cái sủng ấy chỉ là sủng của chủ nhân Bảo Ngọc, còn bản thân cô ta chẳng có gì để tựa cậy). Cho đến khi Bình Nhi nói rõ tình hình, cô ta mới biết dù là Bảo Ngọc đi nữa, giờ Thám Xuân cũng dám bác thẳng, mà càng là đứa được bà cụ, phu nhân cưng chiều như Bảo Ngọc, lại càng phải bắt bác vài việc để trấn an miệng đời, bèn thè lưỡi cười nói: "May gặp chị Bình ở đây, chứ không thì lại bị trát gio vào mặt rồi. Tôi phải mau mau về báo tin cho bọn họ biết." Nói xong liền đứng dậy ra về. Tào Tuyết Cần quả thật khéo như cây kim may kín từng mũi, tài như đường thêu từng nét: vừa triển khai chuyện Thám Xuân lo gia sự, khắc họa những nhân vật chính cấu thành "màn đại hí" như Thám Xuân, Lý Hoàn, Bảo Thoa, dì Triệu, vợ Ngô Tân Đăng, Bình Nhi, mà vẫn không

quên nhân tiện tô đắp thêm vài nét cho Thu Văn, người mang tiếng "nhìn vào ai cũng thấy nhỏ nhen", cái "vai vụn lẻ tẻ" ấy. Đây là một công lực nghệ thuật đáng kinh ngạc.

Hồi thứ năm mươi ba viết cảnh Giả mẫu mở tiệc gia đình linh đình ở hoa sảnh (cái hoa sảnh này thời Đại Ngọc mới vào phủ Vinh Quốc còn chưa có, mãi trước tiệc sinh nhật Phượng Thư ở hồi thứ bốn mươi tư mới dựng thêm), xa hoa hết mức, vật dụng bày biện được tả tỉ mỉ. Bản thông hành in theo bản Trình Ất đã xóa sạch đoạn văn về "Tuệ Văn" trong đó, một việc rất đáng lẽ không nên làm. Đoạn văn ấy thực ra quan trọng lắm. Nó giới thiệu trong các thứ vật dụng, có một loại anh lạc quý hiếm bậc nhất, là tác phẩm của nàng Tuệ Nương, cô gái đất Cô Tô: đồ thêu của nàng "đều bắt từ những mẫu nhã nhặn mà ra, đâu phải lối thêu sặc sỡ của thợ thuyền tầm thường nào so được", lại hoàn toàn xuất phát từ hứng thú cá nhân, chứ không phải làm để bán. Vì đồ thêu của nàng quá đẹp, nên không còn gọi được là "Tuệ Tú" mà phải tôn là "Tuệ Văn". Đoạn văn ấy có thể coi như tuyên ngôn mỹ học của Tào Tuyết Cần, và chính văn chương của ông cũng thật mang cái phong vận "Tuệ Văn".

Nửa sau hồi mục hồi thứ năm mươi sáu, phần tả Bảo Thoa, bản thông hành Nhân Văn xã năm 1957 viết là "hiền Bảo Thoa" (贤宝钗), bản hiệu chú Viện Hồng học năm 1982 viết là "thời Bảo Thoa" (时宝钗); trước kia tôi thấy lẽ ra phải là "thời Bảo Thoa"; bản Chu hội căn cứ ba bản cổ viết là "thức Bảo Thoa" (识宝钗). Nay tôi nhận ra lựa chọn của bản Chu hội mới đúng bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần. Bản Thích Tự còn lưu giữ một lời Chi phê ở cuối hồi này, nói rất rõ: "Thám Xuân nhìn xa, nắm chắc, nói ra được, làm nổi, là người có tài năng, cho nên ban tặng chữ 敏 (tấn, thông tuệ). Bảo Thoa nhận người thật, dụng việc đúng, gánh việc chuyên, đãi người hậu, là bậc giỏi biết người, cho nên ban tặng chữ 识 (thấu biết). 敏 với 识 mà hợp lại, việc gì chẳng thành?"

Câu cuối hồi thứ năm mươi lăm viết Phượng Thư với Bình Nhi bàn kín chuyện nhà, rất đáng để độc giả chú ý. Nghe Bình Nhi tường trình tình hình Thám Xuân trị gia, Phượng Thư trước hết khen "Khéo lắm, khéo lắm, đúng là một cô Ba giỏi giang!", rồi nói tới điểm yếu con gái lẽ của cô, cuối cùng bảo: "Biết đâu sau này kẻ vô phúc nào lại vì dò hỏi con lẽ con chính mà lỡ hỏng việc! Lại biết đâu kẻ có phúc nào chẳng dò hỏi con lẽ con chính mà vẫn lấy được cô ấy", ngụ ý hôn sự sau này của Thám Xuân không dính gì tới chuyện lẽ chính. Bình Nhi nhắc: "Về sau còn có ba bốn cô tiểu thư, hai ba cậu con trai, một vị lão tổ tông, mấy việc lớn ấy vẫn chưa xong nữa." Ba bốn cô tiểu thư, nói cho đúng đều là họ Giả: Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân, Xảo Thư; hai ba cậu con trai là Bảo Ngọc, Giả Hoàn, Giả Lan. Phượng Thư liền bảo: "Bảo Ngọc với cô Lâm, một người cưới, một người gả, chẳng cần tốn tới tiền quan trung; Giả mẫu tự có của riêng đem ra." Nói như vậy là coi chuyện hôn nhân của Bảo Ngọc và Đại Ngọc thành cùng một chuyện, có thể thấy thái độ của Giả mẫu trong chuyện này chưa hề lay chuyển vì việc hỏi tuổi Bảo Cầm và hoàn cảnh gia đình cô, điều ấy Phượng Thư rõ trong lòng. Đến Nghênh Xuân, lời Phượng Thư rất lạ: "Nghênh Xuân là người bên ông lớn cả, không tính tới." Sau đó lại bảo: "Nghênh Xuân lại càng vô dụng, hơn nữa cũng chẳng phải người nhà này." Nghe như hôn sự của Nghênh Xuân, phủ Vinh Quốc chẳng cần tiêu đồng nào cả. Nhưng bà lại nói tiếp: "Tích

Xuân còn bé, Giả Lan càng bé nữa, Giả Hoàn thì đúng là con mèo con lạnh cóng cháy rụi lông, cứ đợi có bếp lửa nóng là toan chui đầu vào ngay!" Tích Xuân là người phủ Ninh Quốc, nói cho phải thì không nên tính vào, và càng phải nói "chẳng phải người nhà này". Vậy mà Phượng Thư nhắc tới Tích Xuân lại chẳng hề coi là người ngoài, khi tính toán chi phí còn xếp cô vào số "hai ba đứa còn lại", bảo "tính sổ tối đa thì mỗi đứa cũng phải tiêu vạn lượng bạc", "cưới vợ cho Giả Hoàn tốn kém có hạn, ba nghìn bạc là vừa, nơi nào chắt bớt một tí cũng xong chuyện". Điều này thật khiến người ta băn khoăn: trong sách chẳng phải đã thiết lập Giả Xá là con trưởng của Giả mẫu ở phủ Vinh Quốc sao? Nghênh Xuân là con gái Giả Xá, là con gái trưởng phòng; tính toán phí gả con gái cho phủ Vinh Quốc, người đầu tiên phải tính tới là cô ấy chứ, sao lại gạt cô ấy ra ngoài? Còn chuyện Tích Xuân lấy chồng, nói cho phải thì phải do phủ Ninh Quốc chi tiền, anh chị em chồng cô phải lo mới đúng, làm sao đến lượt phủ Vinh Quốc tiêu giúp cô vạn lượng bạc? Chính chỗ này đã lộ ra một sự thật: khi đem "chuyện thật" ẩn vào "lời giả" mà gìn giữ, Hồng Lâu Mộng đã kiêng nể, né tránh những quan hệ nhân vật trong đời thực, do đó mà dịch chuyển, mà gộp chung. Nguyên mẫu của Giả Chính, phải là Tào Phủ. Tào Phủ là người trưởng thành rồi mới quá kế cho Lý thị, vợ goá của Tào Dần; phủ Vinh Quốc trong sách, quần thể kiến trúc chính nằm trên trục giữa do Giả Chính, Vương phu nhân cư ngụ, được viết theo tình trạng Tào Phủ sau khi quá kế nhận chức Giang Ninh Chức tạo trong đời thực (chỉ là địa điểm chuyển về Bắc Kinh). Nguyên mẫu của Giả Xá trong sách là anh ruột của Tào Phủ; y không hề cùng quá kế đến trước mặt Lý thị, tiểu thuyết chỉ để tiện cho việc tường thuật mới thiết lập y làm con trưởng của Giả mẫu, nhưng khi bố trí câu chuyện lại sắp xếp chỗ ở các nhân vật theo không gian sống thật của từng người, từ đó mới hình thành hiện tượng văn bản mà hôm nay chúng ta thấy. Nguyên mẫu của Nghênh Xuân vốn là con gái anh ruột Tào Phủ, tất nhiên thuộc dạng cô gái khác cửa khác nhà, hôn sự của cô, nhà họ Tào đương nhiên chẳng phải tiêu tiền.

Hồi thứ năm mươi sáu viết thẳng tới nhà Chân ở Giang Nam. Nhà Chân hồi ấy còn rất thịnh vượng, vâng chỉ vào kinh, Chân phu nhân đưa cô Ba theo hộ tống. Giả mẫu tự miệng kể ra, cô cả và cô hai nhà Chân đều ở kinh đô, hẳn đã gả được phò quý, cô hai qua lại với phủ Giả càng thân mật; bởi thế, Giả mẫu hẳn biết mấy chị em này còn có một cậu em trai quý báu. Gặp Tiết Bảo Cầm xong, nhớ Bảo Cầm đến từ Nam Kinh, lại liên tưởng tới "họ hàng cũ" nhà Chân ở Nam Kinh, và biết sơ sơ nhà Chân cũng có một công tử, nảy ra ý làm mối cho công tử nhà Chân, để Bảo Cầm trở thành sợi dây mới nối tình nghĩa đời nhà Chân với nhà Giả, cũng hợp tình hợp lý. Mà Phượng Thư, người thấu suốt lòng Giả mẫu nhất, cũng động tới cái tâm niệm ấy. Tiết phu nhân tưởng Giả mẫu định gả Bảo Cầm cho Bảo Ngọc, hồi thứ năm mươi bảy bà còn nói thế; bà cũng chỉ có thể có cái hiểu ấy thôi, và "trong lòng vốn cũng vừa ý". Giả sử Bảo Cầm chưa đính hôn với con trai Mai Hàn lâm, thì dù Bảo Thoa không thể lấy Bảo Ngọc, Bảo Cầm lấy Bảo Ngọc cũng tốt. Vì cha Bảo Cầm đã khuất, mẹ lại bệnh nặng, bà coi như là người giám hộ của hai chị em Tiết Khoa, Bảo Cầm; lợi ích của việc Bảo Cầm gả cho Bảo Ngọc, bà hưởng được êm thấm. Nhưng Giả mẫu lại cố chẳng nói rõ dụng ý, đó cũng là "pháp khói mây mơ hồ" mà Tào Tuyết Cần sử dụng. Đây là cách tôi lý giải đoạn tình tiết ấy ở hồi thứ năm mươi trong lúc này, nêu ra để bạn đọc mê Hồng cùng bàn luận.

Nội dung hồi thứ năm mươi bảy rất giàu, trong đó còn có chuyện Hình Tụ Yên được hứa gả cho Tiết Khoa, chuyện Tương Vân, Đại Ngọc không nhận ra giấy cầm đồ, nhưng chỗ tác giả dốc sức viết, hẳn phải là nhân vật Tử Quyên. Hồi này không ngại gọi là "chính truyện của Tử Quyên". Nét sống động nhất là lúc Tiết phu nhân thuận miệng nói chi bằng gả Đại Ngọc cho Bảo Ngọc, Tử Quyên vốn đang ở chỗ xa nghe được, chạy tới nói với Tiết phu nhân: "Dì cả đã có chủ ý ấy rồi, sao lại không đi nói với bà cụ (老太太)?" Sự nóng vội của Tử Quyên, người bạn tri kỷ mong mỏi hết lòng cho Đại Ngọc được hạnh phúc, được tả đậm đà thấm cả tờ giấy. Thế nhưng, ở chỗ này tôi có một ý kiến khác tiên sinh Chu đôi chút. Trong cổ bản, có sáu bản viết nửa sau câu ấy là "sao lại không đi nói với phu nhân" (太太), chỉ có hai bản là "sao lại không đi nói với bà cụ" (老太太); tiên sinh Chu lấy cách viết "bà cụ" mà bỏ cách viết "phu nhân", dẫu rằng cũng có lý của nó, vì Tiết phu nhân là nói tiếp theo câu chuyện của Giả mẫu. Nhưng tôi nghĩ, Tử Quyên vẫn có tính toán trong lòng về thái độ khác biệt của Giả mẫu và của Vương phu nhân đối với Đại Ngọc (người trước sáng tỏ, người sau mập mờ). Hơn nữa, theo "luật chơi" của kiểu gia đình ấy, hôn sự của Bảo Ngọc phải do Giả Chính, Vương phu nhân định đoạt, rồi mới xin ý Giả mẫu. Giả mẫu đương nhiên có quyền phủ quyết, nhưng nếu Vương phu nhân không chủ động đề xuất, Giả mẫu cũng khó mà thay quyền làm thay. Tiết phu nhân là họ hàng ngoại họ, không có tư cách bàn chuyện vợ Bảo Ngọc trước mặt Giả mẫu (chuyện này khác với hôn sự của Tiết Khoa: Tiết Khoa mất cha, mẹ đã hôn mê bất tỉnh, bà chính là người giám hộ của Tiết Khoa, mà người muốn cưới lại là cháu gái Hình phu nhân, đương nhiên có thể nhờ Phượng Thư cầu xin Giả mẫu giúp đỡ), cho nên Tử Quyên mới chạy đến nói với Tiết phu nhân: "Sao lại không đi nói với phu nhân (太太)?" Vì chỉ có Tiết phu nhân nói với Vương phu nhân, Vương phu nhân lại nói với Giả mẫu, mới hợp trình tự. Tử Quyên là ép Tiết phu nhân vào thế phải nước; theo suy nghĩ của cô, có vẻ đây chẳng phải không thể là một biện pháp để Bảo Ngọc và Đại Ngọc "người có tình rốt cuộc thành vợ chồng".

Phép "bận mà tranh thủ lúc rảnh", vô tình thuận tay chen "tuồng nhỏ" vào "màn đại hí" của Tào Tuyết Cần, trong mấy hồi này được vận dụng thuần thục hơn bao giờ hết. Hồi thứ năm mươi bảy, ông rất tự nhiên chèn vào một đoạn chuyện về Tuyết Nhạn: em trai dì Triệu là Triệu Quốc Cơ chết, bà xin phép Vương phu nhân nghỉ phép, ra ngoài túc trực ngồi đêm đưa tang em; thấy Tuyết Nhạn đến chỗ Vương phu nhân lấy nhân sâm, bà vẫy gọi. Tuyết Nhạn sau đó kể với Tử Quyên: hóa ra ngày mai phải đưa đám, đứa hầu nhỏ theo dì Triệu là Tiểu Cát Tường không có áo, muốn mượn chiếc áo the nguyệt bạch của cô. "Tôi nghĩ bọn họ cũng được cấp hai bộ áo như mọi người, sợ đem mặc đi nơi dơ bẩn sẽ làm bẩn, áo mình tiếc không dám mặc, nên đi mượn áo người khác. Mượn áo của tôi mà làm bẩn thì cũng là chuyện nhỏ, nhưng tôi nghĩ, ngày thường nó có bao giờ tử tế gì với chúng ta đâu? Nên tôi bảo: quần áo trâm vòng của tôi, cô tôi giao cả cho chị Tử Quyên giữ; giờ muốn lấy thì phải trình cô tôi trước, lại còn phải thưa với cô nữa! Cô tôi lại đang ốm, hủy hoại việc lớn, lỡ chuyến đi của bà, chẳng bằng bà đi mượn chỗ khác thì hơn." Đoạn văn này lại biến một nhân vật mờ ảo trước đó chỉ thoáng xuất hiện tên thành hình ảnh cận cảnh lấy nét rõ ràng, bỗng sống động hẳn ra trước mắt độc giả.

# Thêu dệt bức tranh nhân sinh phức tạp

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ năm mươi tám: Dưới bóng cây hạnh, phượng giả khóc đôi hoàng hư; trước song Thiến Sa, lòng thật suy xét lẽ si

◇ Hồi thứ năm mươi chín: Bên bãi liễu non, Oanh bị mắng Yến bị rầy; trong hiên Giáng Vân, triệu tướng bằng lệnh bay

◇ Hồi thứ sáu mươi: Bột hoa nhài thế mạng bột tường vi; mai khôi lộ lôi ra bột phục linh

◇ Hồi thứ sáu mươi mốt: Ném chuột sợ vỡ bình, Bảo Ngọc vì tình nhận tang; xử oan quyết ngục, Bình Nhi vì tình dùng quyền

Bốn hồi sách này đưa ngòi bút hướng về tầng đáy phủ Vinh Quốc. Cách nói "Hồng Lâu Mộng là một bi kịch tình yêu" đã không đúng, chính vì nó bỏ hẳn ra ngoài tính toán những chương đoạn mà Tào Tuyết Cần đã dày công gọt giũa đến thế. Độc giả tinh ý chẳng khó nhận ra: từ sau hồi bốn mươi hai, mối tình Bảo Ngọc, Đại Ngọc theo chân cuộc hòa giải giữa Đại Ngọc với Bảo Thoa đã không còn xung đột tâm lý nữa; những mâu thuẫn va chạm về sau, như chuyện Tử Quyên dò ý Bảo Ngọc, đều chỉ là hiểu lầm cả, không phải thứ "xung đột tam giác" do bóng ma nhân duyên vàng ngọc gây nên. Từ sau hồi năm mươi tư, Tào Tuyết Cần càng thoát hẳn lối viết lấy rối rắm ba người Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Bảo Thoa làm trục chính của cốt truyện, buông tay trình bày trước mắt độc giả nhiều tầng lớp sự sống khác nhau, tỏ rõ tài năng phi thường của ông: thêu dệt bức tranh nhân sinh rối rắm phức tạp, hé mở những bí mật sâu thẳm nhất trong tính người.

Hồi năm mươi tám chép: triều đình mất lão thái phi, Giả mẫu, Vương phu nhân cùng các bà đều phải tham dự quốc tang; lại theo quy định nhà vua, gia tộc quý tộc trong một năm không được mở tiệc tùng âm nhạc, nên Nguyên Xuân dĩ nhiên cũng không thể trở về tỉnh thân lần nữa. Vì thế gánh hát ở Lê Hương viện do Giả Tường phụ trách, gồm các cô gái nhỏ, bị giải tán: ai muốn về với cha mẹ thì cho về, ai tình nguyện ở lại thì phân xuống các nơi làm a hoàn sai khiến. Vậy xin độc giả hãy nhớ lại vai diễn sân khấu của từng cô gái dưới đây cùng chỗ phân công hầu việc của họ: Văn Quan, Phương Quan, Nhụy Quan, Ngẫu Quan, Quỳ Quan, Đậu Quan, Ngải Quan, Già Quan.

Tám cô ấy là những đứa tình nguyện ở lại. Mười hai cô gái này có thể gọi chung là "Hồng lâu thập nhị Quan"; trong bản Tình bảng tôi phác thảo, tôi xếp họ thành một nhóm, lập thành "Kim Lăng thập nhị thoa tứ phó sách". Vậy ngoài tám người kia, bốn người ra đi là ai? Trong hồi này không nói rõ, nhưng ta có thể suy đoán dựa vào những gì đã viết ở phần trước. Một người đương nhiên là Linh Quan. Linh Quan và Giả

Tường yêu mến nhau qua lại, nghĩ cũng biết cuối cùng nàng nhất định sẽ về bên Giả Tường, và sau tám mươi hồi họ sẽ xuất hiện trở lại. Hai người nữa hẳn là Bảo Quan đóng vai tiểu sinh và Ngọc Quan đóng vai chính đàn. Hồi ba mươi chép hai cô ấy ở viện Di Hồng, cùng đám a hoàn đắp ngòi mương, thả mấy con chim nước vào vũng nước đọng chơi; hồi ba mươi sáu Bảo Ngọc đến Lê Hương viện, Linh Quan không thèm đón tiếp, người tiếp cậu là Bảo Quan và Ngọc Quan. Người thứ tư là ai? Đọc xuống dưới sẽ biết: là Dược Quan, nhưng sự ra đi của nàng là rời cõi đời, chẳng may yểu mệnh. Ngẫu Quan thương nhớ nàng, tiết thanh minh đốt giấy tiền tưởng niệm, gây ra một trận phong ba.

Hồi năm mươi tám, người Tào Tuyết Cần chú tâm khắc họa là Phương Quan. Ở phần trước ông đã khắc họa biết bao thiếu nữ tuổi xuân, tưởng chừng mọi tính cách khác biệt đều đã viết hết, muốn thêm nhân vật mới mà khiến nàng từ giữa đám con gái ấy nhảy sống dậy thành một con người riêng, thật là khó biết bao; vậy mà ông cứ biết khó mà tiến, lại thêm một vai nữa. Sự ngang ngược của Phương Quan rất gần với Tình Văn; muốn tách bạch việc khắc họa tính cách nàng khỏi Tình Văn, thật khó cộng thêm khó. Nhưng Tào Tuyết Cần bằng hàng loạt chi tiết đã viết ra sự ngang ngược của Phương Quan lại thấm đầy vẻ trẻ con ngây thơ, trong khi sự ngang ngược của Tình Văn lại toát lên chất sắc lẻo bạo mồm, hai cái khác hẳn thú vị; cộng thêm cách ông phác họa dung mạo, dáng điệu, y phục, khiến độc giả lập tức cảm thấy đây là hai hình tượng nghệ thuật chẳng hề na ná nhau.

Mấy câu chữ trong hồi này tựa như viết qua loa cho xong chuyện, ví dụ việc chép "hạ xứ" (chỗ nghỉ tạm) của Giả mẫu và các bà khi dự đại tế triều đình, thực ra truyền tải những thông tin hết sức trọng yếu, giúp chúng ta nhận thức sâu thêm tầng nội hàm lịch sử gia tộc của cuốn Hồng Lâu Mộng. Huống hồ ngay cả lão thái phi vừa mất ở triều đình cũng có nguyên mẫu, và nguyên mẫu ấy lại có liên quan tới nguyên mẫu Bắc Tĩnh vương.

Đến hồi năm mươi chín, tôi thấy độc giả chẳng sao thử đứng về phía dì Triệu và đám bà già gia nhân mà nghĩ hộ họ. Đó là cơn phát tiết lớn của tầng lớp "ả đàn bà ngu dốt" bị đè nén bấy lâu trong khuôn viên quý tộc. Những "ả đàn bà ngu dốt" này thời trẻ, tiền đồ tốt đẹp nhất cũng chỉ là được chủ nam nhận làm di nương như dì Triệu. Nhưng dì Triệu dù sinh cho Giả Chính một cặp con trai con gái, vẫn không tài nào thoát khỏi bản chất thân phận nô tài của tầng lớp mình; Thám Xuân căn bản không nhận nàng là mẹ. Nàng nói với Thám Xuân rằng Triệu Quốc Cơ là "cậu" của cô, Thám Xuân tức đến mặt tái ngạt hơi, vừa khóc vừa hỏi: "Ai là cậu tôi? Cậu tôi dịp cuối năm vừa rồi mới thăng chức tuần kiểm chín tỉnh, sao lại nhảy ra thêm một cậu nữa?" Cô chỉ nhận Vương phu nhân làm mẹ, lấy Vương phu nhân làm hệ quy chiếu, nhận em trai bà là Vương Tử Đằng làm cậu ruột. Thử đứng về phía dì Triệu mà nghĩ, những lời ấy đắng lòng biết bao! Giả Hoàn tuy bị dì Triệu nắm trong tay, đại thể thông với suy nghĩ của mẹ, nhưng chẳng có chút "sức chiến đấu" nào, không tài nào giành mặt giành tiếng cho mẹ đẻ, dì Triệu đành phải tự mình xuất mã. Tào Tuyết Cần viết rất thật, cũng rất thú vị. Đám bà già trong vườn đều coi dì Triệu là nhân vật "lên thêm một tầng lầu" của chính tầng lớp mình, gửi hy vọng vào nàng, chỉ mong nàng nhân lúc Giả mẫu, Vương phu nhân vắng nhà, Phượng

Thư lại nghỉ bệnh, lấy Phương Quan, tựa như điểm yếu nhất trong đám a hoàn, làm cửa phá, giơ mặt hạ mặt náo loạn một trận, ít nhất cũng kiếm được một "chiến thắng tinh thần" kiểu A Q. Ai ngờ dì Triệu xuất quân bất lợi, bộ dạng xấu xí đáng ghét, cụp cánh buồn bã quay về; Đại Quan viên vẫn là thế giới vui vẻ của những "chủ nhỏ thứ hai", "tiểu thư dự bị" (tức đám a hoàn có thể diện)!

Đọc Hồng Lâu Mộng, cần nắm được một điều: thiếu nữ tuổi xuân hễ trở thành a hoàn hạng nhất, nhì, ba trong phòng của chủ tử tầng trên thì chất lượng cuộc sống đã khá tốt, ăn, ở, dùng đều hơn hẳn đám gia nhân thường trong phủ nhiều, mỗi tháng còn có thêm tiền tháng. Vì thế trong phủ, nhà nào có con gái đều mong tìm cách đưa con vào được địa vị ấy; còn các cô gái một khi đã có được địa vị ấy thì hiếm ai cam lòng rời đi, nhất là sợ bị đuổi ra. Vì một khi bị đuổi, không những mọi lợi ích sẵn có mất sạch, còn như khắc vào mặt một dấu ô nhục, có khi bị bán vội bán vàng đi luôn, tiền đồ tối đen. Nhưng đó mới chỉ là một mặt. Mặt khác, làm a hoàn là ăn cơm tuổi xuân, lớn lên chút nữa là bị phủ tái phân phối, nhất là con gái những nô tài sinh ra lớn lên trong nhà, thứ chờ đón họ là "không may thì lôi ra ghép cho một thằng tiểu tử". Đâu phải thứ hôn nhân đàng hoàng gì; nói cho ác liệt thì đó là chủ nô cho nô lệ giống nòi với nhau, để sinh thêm mấy đứa nô lệ nhỏ cho họ. Chẳng hạn con gái trong phủ xuất giá, sẽ trích ra mấy đàn nô lệ nuôi trong nhà như thế, theo sang nhà chồng làm bồi phòng; vợ chồng Chu Thụy chính là bồi phòng của Vương phu nhân ngày bà về nhà họ Giả. Bởi thế, a hoàn như Tiểu Hồng có cái đầu tỉnh táo sẽ lo liệu từ sớm cho khỏi bị động lúc nước đến chân. Bởi thế Bảo Ngọc mới nói với đám a hoàn trong phòng cậu, khi nào chúng lớn rồi, cậu sẽ "thả chúng ra ngoài". "Thả ra ngoài" với "đuổi ra ngoài" là hai thái cực đối lập nhau: "thả ra ngoài" là cho chúng "tự tiện", nghĩa là không còn để cơ quan quản lý của phủ áp đặt việc "ghép tiểu tử" bắt buộc nữa, mà cho phép cha mẹ lãnh về, như con gái gia đình lương thiện tự mình chọn bạn đời; tuy vẫn khó tránh chuyện cha mẹ định đoạt, nhưng vẫn hơn hẳn cái cảnh đến cha mẹ cũng chẳng làm chủ được, "không may thì lôi ra ghép cho một thằng tiểu tử".

Chính trên nền cảnh ấy, chuyện hồi năm mươi chín và hồi sáu mươi lại nảy sinh, đồng thời xuất hiện thêm một nhân vật được vẽ bằng nét mực đậm: Liễu Ngũ Nhi.

Bốn món vật chép trong hồi sáu mươi là những đạo cụ rất thú vị. Ai mà nghĩ tới, Tào Tuyết Cần viết những mỹ nhân dưới ngòi bút mình quyến rũ đến thế, nhưng ông lại hết sức hiện thực bảo độc giả biết: xuân về, những mỹ nhân ấy sẽ nổi "ban hạnh", thứ đốm mẩn trên mặt mỗi độ xuân sang. Các nàng dĩ nhiên không dùng thứ diêm bạc rẻ tiền lại có hại cho da, mà chế loại bột tường vi cao cấp để xoa; mà bột tường vi đến tay đám a hoàn thì lại hóa thành quà tặng tỏ lòng tình bạn. Nhụy Quan nhờ Xuân Yến mang đến tặng Phương Quan; nhưng lúc Phương Quan nhận được thì Giả Hoàn tình cờ đến viện Di Hồng, liền đòi xin. Phương Quan không muốn đưa món mới có được, đi tìm món dùng cũ thì thấy đã cạn sạch, bèn cầm một gói bột hoa nhài ra đối phó Giả Hoàn. Thật ra bột hoa nhài cũng là hóa phẩm thượng hạng, thuở trước tin rằng có thể trừ mụn trên mặt; nhưng cái hành vi "đánh tráo" ấy khiến dì Triệu thấy mình bị kỳ thị sỉ nhục, được đám bà già xúi giục, liền kéo đến viện Di Hồng tìm Phương Quan "tính sổ". Nào ngờ đám tiểu hí tử

này lại giàu tinh thần đồng đội: Ngẫu Quan, Nhụy Quan, Quỳ Quan, Đậu Quan kéo đến hưởng ứng Phương Quan hết cỡ, làm dì Triệu tiến thoáng lưỡng nan. Còn mai khôi lộ thì đã xuất hiện từ lâu lắm rồi. Hồi ba mươi tư, sau khi Bảo Ngọc chịu trận đòn roi lớn, Vương phu nhân đã cho cậu một chai mộc tê thanh lộ, một chai mai khôi thanh lộ, chai nào cũng dán giấy hiệu màu vàng non, là đồ tiến cống cho hoàng đế. Đồ tiến cống cho hoàng đế sao lại đến được nhà họ Giả? Xin xem cách sách giải thích về bột phục linh: quan ở Việt Đông muốn bái kiến chủ nhà họ Giả; loại phủ đệ ấy đâu phải dễ vào, ông đem ba giỏ bột phục linh, hai giỏ làm lễ tiến dâng chủ nhà, còn giỏ kia thì tặng đám trực nhật truyền sự, cho họ chia nhau hưởng. Đây là lệ thường của văn hóa giao tiếp Trung Quốc, mãi đến hôm nay cũng chưa thay đổi. Từ đó biết rằng: dù là đồ hoàng thương đi mua cung điện, hay đồ Nội vụ phủ cung ứng cho hoàng thất, hay cống phẩm địa phương ngoại bang dâng vua, thì cũng luôn luôn có một phần không nhỏ bị đám hoàng thương quan lại qua tay, thậm chí thái giám, gia nô quyền thế, giữ lại hưởng thụ; còn những người cung ứng đồ vật liên quan, chẳng đợi họ lên tiếng, đã tự động chia riêng phần ấy ra, dâng tận tay những "người trực đương" này. Hồi bảy, Tiết phu nhân sai bà Chu đi phân phát hoa cung cho các tiểu thư, cũng thuộc dạng đồ bị giữ lại giữa đường ấy. Một ngòi bút của Tào Tuyết Cần ghê gớm làm sao, viết cái tập tục khó thay đổi trong văn hóa giao tiếp truyền thống Trung Quốc sinh động tinh tế đến thế. Cho đến bây giờ, trong cuộc sống chúng ta vẫn thường gặp những tiểu nhân vật cùng khổ nhất, cuối cùng nhất của xã hội, lấy ra mấy thứ thuốc lá rượu quý hiếm gì đó, đắc ý khoe với họ hàng bạn bè rằng nó lượm lặt chuyển tay từ những nơi cao tầng sang trọng hay hoạt động hạng sang; mà dân thường tặng nhau thứ đồ ấy cũng được coi là có mặt hơn tiêu cả đống tiền mua đồ khác. Như hồi sáu mươi chép, thím Liễu đem chút mai khôi lộ sang nhà anh chị dâu; anh trai nàng lại chia lại cho nàng chút bột phục linh: đó là niềm kiêu hãnh trong thân phận thấp hèn, là vị ngọt trong sự tầm thường. Dân tộc chúng ta đến bao giờ mới bước ra được khỏi thứ văn hóa phong tục giao tiếp ấy?

Hồi sáu mươi và hồi sáu mươi một, chuyện Liễu Ngũ Nhi được dệt vào đúng mạng lưới giao tiếp mà bốn món vật kia lưu chuyển. Liễu tháng năm, mộng xuân đang say: Liễu Ngũ Nhi cùng cha mẹ nàng, nhất là mẹ nàng là thím Liễu, nhờ Phương Quan dốc lòng tiến cử, ráng sức mưu chiếc ghế trống ở viện Di Hồng bỏ lại sau khi Tiểu Hồng, Trụy Nhi ra đi. Nhưng giấc mơ tan vỡ, Liễu Ngũ Nhi chịu nhục thêm bệnh; thím Liễu suýt mất luôn cái ghế đầu bếp nhà bếp trong; cho đến khoảnh khắc hiểm nghèo nhất, tưởng như đã rơi xuống vực thẳm, mới nhờ cái phẩm cách "tình bất tình" của Bảo Ngọc cùng phương lược dùng quyền khai sáng giàu tình người của Bình Nhi mà kỳ tích chuyển nguy thành an.

Hồi mục hồi sáu mươi mốt, bản thông hành Nhân Văn xã năm 1957 lẫn bản hiệu chú Viện Hồng học năm 1982, cùng bản in trong Tùng thư đọc bắt buộc theo chuẩn chương trình ngữ văn mới, đều chép là "ném chuột sợ vỡ bình, Bảo Ngọc **giấu** tang (瞞赃); xử oan quyết ngục, Bình Nhi **thi hành** quyền (行权)"; riêng bản Chu hội chọn từ trong vài bản cổ cách viết "Bảo Ngọc **vì tình** nhận tang (情赃)" và "Bình Nhi **vì tình** dùng quyền (情权)", mà đây mới phải là bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần.

Trong tình trạng quyền lực khuyết chỗ, khi Giả mẫu, Vương phu nhân đi vắng, Phượng Thư dưỡng bệnh, còn Thám Xuân, Lý Hoàn tạm thời đều bất tiện, Bình Nhi đã triển tài năng chính trị gia tộc của mình. "Bình Nhi vì tình dùng quyền" là lấy tình người làm gốc, giữa các nhóm lợi ích trong gia tộc và từng cá nhân có lợi ích thịnh suy đan xen, dùng biện pháp mềm để cầu lấy hài hòa cân bằng. Đương nhiên, việc cô hành quyền rốt cuộc vẫn phải qua cửa Phượng Thư. Phượng Thư là thứ "nhà Pháp gia" người ta gọi vậy, mở cái "công ty gang thép", giỏi lấy uy mãnh dọa nạt các bên để đạt tới "cân bằng khủng bố"; nhưng lần này Bình Nhi làm sao mà thuyết phục nổi Phượng Thư, khiến Phượng Thư tạm nhượng, để cô đi "bình thiên hạ". Trước sau vụ này, Bình Nhi nhiều lần, riêng tư lẫn công khai, tỏ rõ lý niệm chính trị gia tộc của mình: "Chỗ tha người được cứ nên tha; được bớt việc thì cứ tạm bớt việc cho xong." "Khi phải buông tay thì cứ buông tay, có gì to tát đâu mà chẳng làm ơn người ta cho vui!" "Việc lớn coi thành nhỏ, việc nhỏ coi như không, thế mới là nhà thịnh vượng; chỉ một tý cỏn con mà đánh trống gõ mõ ầm lên, thì không ra làm sao." Lý niệm "trị quốc lý gia bình thiên hạ" của Bình Nhi, dù đem đặt vào hôm nay, vẫn đáng để tham khảo.

Hồi sáu mươi một bắt đầu viết cụ thể những cọ xát xung đột giữa những tiểu nhân vật quanh vùng ven rìa Đại Quan viên, tức trong lẫn ngoài nhà bếp. Thiền Tỷ nhi, a hoàn nhỏ phòng Thám Xuân, Tiểu Liên Hoa nhi, a hoàn nhỏ phòng Nghênh Xuân, cùng thằng tiểu đồng mồm loa mép giải trông cửa góc để nguyên cái đầu trùm như nắp bô, đều được khắc họa sống động như thật. Thằng tiểu đồng ấy nói: "Chẳng lẽ chỉ riêng các chị mới có tai mắt trong, bọn tôi lại không có tai mắt trong hay sao? Tôi tuy chỉ đứng nghe ngoài này thôi, nhưng bên trong cũng có hai cô chị giữ được thể thống cả đấy, việc gì giấu được bọn tôi?" Vài câu mồm loa mép giải viết thấu cả thế đạo nhân tình; thực ra đó cũng là lẽ thường của sự thẩm lậu thông tin giữa các tầng lớp trong đời thực hôm nay: những tiểu nhân vật đáy xã hội đôi khi cũng tự hào, cũng khoái trá vì biết được bí mật của nơi chốn có địa vị cao hơn mình. Tình tiết về vợ Tần Hiển trong hồi này rất thú vị. Miêu tả dung mạo vợ Tần Hiển của vợ Lâm Chi Hiếu vỏn vẹn tám chữ "gò má cao cao, mắt to to", mà đã trình bày rõ mồn một trước mắt chúng ta người đàn bà gò má lồi mắt to. Hồi bốn mươi sáu tả dung mạo Uyên Ương: "mặt trái xoan, tóc đen láy, sống mũi cao cao, hai má có mấy nốt rỗ nhỏ nhẹ", cũng đọc qua là nhớ mãi không quên. Theo tôi, đây là hai chỗ miêu tả chân dung thành công nhất trong sách.

# Chọn từ Hồng Lâu Mộng ra bốn cảnh đẹp nhất, bạn chọn bốn cảnh nào?

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ sáu mươi hai: Tương Vân hồn nhiên say nằm trên thảm hoa thược dược; Hương Linh khờ dại vì tình cởi đổi váy thạch lựu

◇ Hồi thứ sáu mươi ba: Chúng mỹ mở tiệc đêm mừng thọ viện Di Hồng; người đẹp một mình lo việc tang cha chồng sau cái chết bởi thuốc đan

Bảo Thoa rượt bướm, Đại Ngọc chôn hoa, Bảo Cầm đứng giữa tuyết, Tương Vân say nằm: đây là bốn trường cảnh đẹp nhất, lay động lòng người nhất trong tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng. Tôi tin tuyệt đại đa số độc giả đều có thể đạt được sự đồng thuận ở điểm này. Dĩ nhiên, mỗi chủ thể thẩm mỹ đều mang cá tính thẩm mỹ riêng; trước cùng một đối tượng thẩm mỹ, dù ai cũng thấy đẹp, niềm vui thẩm mỹ mà nó khơi dậy vẫn khác nhau về mức độ. Một hôm, vài bạn mê Hồng tụ họp với tôi bàn chuyện Hồng, trong số đó có người cho rằng nếu cứ phải chọn ra bốn cảnh đẹp nhất từ Hồng Lâu Mộng thì vài cảnh kể trên nên nhường chỗ cho cảnh khác; giả sử cả bốn đều chọn hết, thứ tự sắp xếp cũng vẫn còn nhiều điều đáng bàn. Gộp lại những trường cảnh chúng tôi nhắc tới hôm ấy, hóa ra nhiều đến hai mươi ba cảnh. Nay theo đúng thứ tự xuất hiện trong sách, tôi liệt kê bên dưới; xin mời những bạn đọc có hứng thú, dựa theo kinh nghiệm thưởng thức thẩm mỹ của mình, điền vào ngoặc đơn sau mỗi trường cảnh thứ hạng từ một đến hai mươi ba. Vì nhận xét của mấy chúng tôi khó tránh khỏi phiến diện nên cuối cùng còn để chừa lại vài ô trống, mời độc giả tự bổ sung:

Cảnh Huyễn tiên cô hiện ra vừa hát bài ca nơi Thái Hư huyễn cảnh ( )

Bảo Ngọc ngồi soi gương lược chải tóc cho Xạ Nguyệt ( )

Hai Ngọc cùng đọc Hội Chân ký dưới gốc đào ( )

Đại Ngọc rời quán Tiêu Tương, dặn Tử Quyên thu dọn phòng cửa ( )

Bảo Ngọc nhìn thấy Tiểu Hồng qua khóm hoa hải đường (Chi Nghiễn Trai cho rằng đó là ý cảnh "cách hoa nhân cận thiên nhai viễn" - người sau khóm hoa tưởng gần mà xa tận chân trời) ( )

Nghênh Xuân một mình dưới bóng cây hoa, kim chỉ xâu từng nụ hoa lài ( )

Bảo Ngọc, Đại Ngọc và mọi người đi thuyền len lỏi trong đám sen tàn trên hồ ( )

Bảo Ngọc xách đèn tạm biệt quán Tiêu Tương; bà già ở Hành Vu uyển che ô, xách đèn đem yến sào đến trong đêm ( )

Đại Ngọc, Tương Vân liên cú: "Cò rò bóng hạc bên ghềnh, hồn hoa chôn chặt dưới vành trăng trong" ( )

Diệu Ngọc nửa đêm trong am tiếp vận thơ ( ); cô con gái son phấn xẻ thịt tanh, ăn thịt dê nướng ( )

Đại Ngọc dạy con vẹt tập ngâm thơ ( ); Hương Linh vừa bới đất vừa ngâm thơ ( )

Bảo Cầm đứng giữa tuyết, Tiểu Loa ôm cành mai ( ); Oanh Nhi bẻ liễu non đan giỏ hoa ( )

Đại Ngọc chôn hoa ( ); Bảo Thoa rượt bướm ( )

Tiệc đêm chúng mỹ ( ); Tương Vân say nằm ( )

Tình Văn xé quạt ( ); Tình Văn vá áo lông công ( )

Linh Quan vẽ chữ "tường" xuống nền đất ( ); thả diều trong Đại Quan viên ( )

Nói cho phải thì phải đợi kể hết tám mươi hồi rồi mới nên làm cuộc "quy kết" kiểu này; nhưng viết đến hồi sáu mươi ba, những chuyện đẹp đẽ cảnh đẹp đẽ còn sót lại đã không bao nhiêu nữa: dấu hiệu suy tàn lần lượt hiện ra, sự mất hứng nối nhau kéo đến. Trong hai mươi ba cảnh đẹp liệt kê trên, sau hồi sáu mươi ba chúng ta chỉ còn nêu được ba cảnh; mà thật ra cảnh thả diều sớm đã mang màu điềm gở của câu "xuân mộng tùy vân tán" (mộng xuân theo mây mà tan), còn vẻ đẹp cuộc liên thơ của Đại Ngọc, Tương Vân với Diệu Ngọc nữa, đã là cái đẹp thê lương đến mức không thể nào gánh chịu.

Có người có thể hỏi: sao trong danh sách lại không có mục "Tích Xuân vẽ tranh"? Đọc kỹ nguyên văn tám mươi hồi đầu của Hồng Lâu Mộng, bạn sẽ phát hiện không hề có đoạn văn nào miêu tả trực tiếp cảnh Tích Xuân vẽ tranh, không có một trường cảnh cụ thể như thế. Tích Xuân vẽ tranh luôn luôn được viết bằng cách ẩn: viết Bảo Ngọc cứ hay chạy sang phía cô để xem cô vẽ được đâu vào đấy; cũng viết Giả mẫu đích thân đến Noãn Hương ổ nơi cô ở để xem tranh, nhưng Tích Xuân nói trời trở lạnh, keo đều đông cứng khô khan không còn trơn mượt, e rằng vẽ sẽ chẳng đẹp, nên đã cuộn cất đi. Song độc giả Hồng Lâu Mộng hoàn toàn có thể từ những nét viết ẩn ấy của tác giả mà triển khai trí tưởng tượng riêng của mình; đó chính là điều "mỹ học tiếp nhận" nói tới: độc giả cùng tác giả chung tay sáng tạo, kiến tạo thành một thế giới nghệ thuật riêng. Ngay từ đời Thanh đã có rất nhiều họa sĩ lấy cảnh Tích Xuân vận bút làm đề tài; nghệ nhân nặn đất lừng danh ở Thiên Tân "Nê nhân Trương" đầu thế kỷ XX đã tạc tượng đất "Tích Xuân vẽ tranh", không những có hình Tích Xuân nắm bút trầm tư, mà quanh án thư còn sinh động đưa ra được cả Bảo Ngọc, Đại Ngọc,

Bảo Thoa, Tương Vân, Nghênh Xuân, Thám Xuân..., xứng đáng là tinh phẩm trong các nghệ phẩm phái sinh từ Hồng Lâu Mộng.

Hồi sáu mươi ba là một bước ngoặt lớn khiến phủ Vinh Quốc, nhất là Đại Quan viên, chuyển từ thịnh sang suy. Trong hồi này, những thẻ hoa mà các nàng rút được toàn đều ám chỉ số phận của từng người. Đáng lưu ý, sách viết đặc biệt kỹ đến thẻ hoa Xạ Nguyệt rút được: số phận các nhân vật khác vốn đã được báo trước từ trước, hồi này chẳng qua chỉ thêm một lớp tô đậm; riêng Xạ Nguyệt thì đây mới là lần đầu tiên. Trên thẻ của cô vẽ cành hoa đồ mi (荼蘼), đề bốn chữ "Cảnh xuân đẹp tuyệt" (韶华胜极); thực ra điều đó không chỉ ám chỉ số phận riêng của cô (cô là a hoàn cuối cùng ở lại canh giữ bên Bảo Ngọc), mà còn nói với độc giả biết: những năm tháng đẹp đẽ của các mạng sống thanh xuân này đều đã đi tới tận điểm cao nhất rồi. Trên thẻ còn có một câu thi cũ: "Hoa đồ mi nở là ngày xuân đi" (开到荼蘼花事了). Hoa đồ mi là loài hoa nở muộn nhất trong mùa xuân của thiên nhiên (riêng các loại hoa ra hoa sau xuân do bàn tay con người lai tạo, nhất là các giống trồng trong nhà kính bốn mùa đều nở, thì lại chuyện khác); hoa đồ mi tàn rụng là mùa xuân khép lại. Xuân đi, là chủ đề than vãn vĩnh cửu của văn học nghệ thuật truyền thống Trung Quốc, cũng chính là tông điệu của toàn bộ Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Ông trân quý những mạng sống đẹp đẽ như hoa xuân dưới ngòi bút mình, viết nên bi kịch trần thế của cái đẹp quy về tiêu vong khi xuân đã tàn.

Hồng Lâu Mộng viết rất đẹp, nhưng Tào Tuyết Cần không phải nhà văn duy mỹ. Trong khi trình bày cái đẹp và hủy diệt cái đẹp, ông giàu sức nặng hiện thực, càng giàu thủ pháp hư cấu, đồng thời nung chảy vào đó nội hàm phong phú về chính trị, xã hội, luân lý, triết học. Ở bộ sách phần thứ nhất, phần thứ hai và cuốn sách này, tôi đều hết sức nỗ lực bộc lộ tính tư tưởng của kiệt tác vĩ đại ấy. Nhưng tôi cho rằng, dù có độc giả cứ muốn thưởng thức cuốn sách theo góc độ duy mỹ, theo thú vị, thì cũng chẳng sao cả. Ngày trước, có nhà nghiên cứu bỏ công khảo cứu thứ tự chỗ ngồi giữa Bảo Ngọc và chúng mỹ trong đêm yến mừng thọ viện Di Hồng, từng bị phê phán đến mức tan nát không còn mảnh lành; kiểu phê phán ấy bất lợi cho việc xây dựng xã hội hài hòa. Người ta có quyền nghiên cứu như vậy; nghiên cứu như thế không những làm tăng hứng thú đọc Hồng Lâu Mộng, xét từ góc độ thuần học thuật cũng có ý nghĩa nhất định: nó khiến chúng ta hiểu rằng Tào Tuyết Cần viết theo lối hiện thực, trước lúc đặt bút, trong lòng ông đã có sẵn trường cảnh "ngọt ngào ngày cũ". Tiên sinh Du Bình Bá nghiên cứu chuyện thứ tự chỗ ngồi chúng mỹ rất giàu thành quả; gần đây hơn lại có nhà nghiên cứu dùng máy tính để tính toán chính xác quan hệ giữa tình hình rút thẻ trong sách với thứ tự chỗ ngồi, làm cho vị trí từng người trong đêm êm ấm "cảnh xuân đẹp tuyệt" ấy càng thêm rõ ràng.

Hồi sáu mươi ba, phía trước sách viết Tiểu Yến (Xuân Yến) đề nghị mời cô Bảo gia, cô Lâm gia và mọi người sang; sau khi bàn bạc, mọi người tán thành rồi còn bổ sung, nhưng trong các đề nghị ấy, gồm cả danh sách bổ sung, vẫn không hề có Sử Tương Vân; vậy mà đến lúc rút thẻ, bỗng nhiên lại thấy cô ngồi đó. Chuyện này cũng trở thành một vấn đề nghiên cứu. Vì sao lại viết thế? Kết quả nghiên cứu là: Tào Tuyết Cần viết đúng theo tình huống từng thật sự tồn tại ngoài đời, bởi ký ức ông còn giữ nguyên ngày hôm ấy nên viết

rất tỉ mỉ; song cũng sinh ra vấn đề khác: có vài chi tiết ông nghĩ rằng chẳng cần giải thích gì cũng được, lỡ quên mất người đọc đọc kỹ sẽ nảy sinh chút hoài nghi nhỏ. Tình huống của Tương Vân hôm ấy chính là như vậy: vì sao chẳng cần đặc biệt mời cô nữa? Vì sau khi say nằm, cô đã được Tập Nhân mời sang viện Di Hồng nghỉ ngơi, bản thân cô vốn đang ở đó rồi. Loại nghiên cứu như thế này, tôi cho rằng cũng có sự cần thiết của nó.

"Khảo chứng rườm rà" là một lời gán ghép ác ý mà thời trước dùng để phê phán các nghiên cứu kể trên. Nay tôi kiên trì lập trường sau đây của mình: nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, tức là Hồng học, là một không gian học thuật công cộng thuộc về tất cả mọi người; nhất là những nhà nghiên cứu nghiệp dư không dùng kinh phí nhà nước, không nhờ nghiên cứu Hồng học mà hưởng cấp bậc hành chính, chức danh chuyên gia hay chế độ lương bổng, họ hoàn toàn có thể từ góc độ mình yêu thích mà nghiên cứu cuốn tiểu thuyết này kiểu này hay kiểu khác, kể cả nghiên cứu duy mỹ, nghiên cứu mang màu sắc thú vị. Nếu công trình của anh ta vì "rườm rà" mà trở nên khô khan nhàm chán, thì chẳng những thị trường bài xích anh ta (nghĩa là khó đăng tải, khó xuất bản), đến thân bằng cố hữu cũng lười nghe anh ta gõ mõ. Nhưng nếu chỉ có mấy vị hồng học gia tự coi mình là "chính thống", "chính xác" quát anh ta "rườm rà", trong khi thành quả nghiên cứu của anh ta vẫn có người thích lắng nghe, thậm chí thị trường cũng dung nạp (ít nhất khiến độc giả thấy thú vị đầy hấp dẫn), thì tôi cho rằng nghiên cứu của anh ta chắc chắn có ý nghĩa ở phương diện nào đó, tuyệt đối không nên áp đặt đàn áp.

Thế thì tôi xin nêu thêm một ví dụ "khảo chứng rườm rà". Chuyện Tình Văn vá áo lông công nằm ở hồi năm mươi hai, xảy ra vào lúc Tập Nhân vì tang mẹ mà không thể về viện Di Hồng. Đến hồi sáu mươi hai, Tập Nhân và Tình Văn có một đoạn đối thoại. Tập Nhân nói: "Tôi nhờ chị làm hộ việc gì ấy, mà cái tính lười của chị, kim ngang chẳng chịu nhặt, chỉ dọc chẳng chịu cầm; nói chung cũng đâu phải việc riêng của tôi phiền chị, dù sao cũng là việc cho cậu ấy cả, vậy mà chị cứ không chịu làm. Sao tôi đi vắng mấy hôm, chị bệnh đến bảy chết tám sống (七死八活), suốt một đêm không kể đến cả mạng sống mà vá xong đưa cho cậu ấy, đây lại là duyên cớ gì? Chị nói cho rõ đi, đừng chỉ giả vờ khờ dại cười với tôi; cười thì cũng chẳng giải quyết được gì." Đây hiển nhiên là bước khắc họa sâu thêm tính cách Tình Văn, chứng tỏ chị ta bệnh mà vá áo lông công quả thật không phải "làm tròn bổn phận a hoàn", mà là vì trong lòng đầy ắp một tình yêu dành cho Bảo Ngọc. Nhưng chúng ta hãy "rườm rà" thêm một chút, hỏi thế này: người bình thường nói chuyện đều sẽ nói "bệnh đến chết đi sống lại", tại sao Tào Tuyết Cần lại cố tình viết thành "bệnh đến bảy chết tám sống"?

Muốn thế thì cần biết đôi chút về thân thế Tào Tuyết Cần. Tổ tiên ông bị quân Thanh bắt làm tù binh ở vùng Thiết Lĩnh ngoài quan, biên vào Chính Bạch kỳ, song thân phận không giống người Mãn, thuộc hàng bao y người Hán. Bao y tức nô tài; song dạng bao y nhà họ Tào theo quân Thanh đánh vào trong quan nội, chủ nhân coi như họ có công; bà cố ông là Tôn thị lại được chọn làm bảo mẫu (tức mụ giáo dưỡng) cho Huyền Diệp con trai Thuận Trị hoàng đế, ông nội làm thị đọc cho Huyền Diệp, nên sau khi Huyền Diệp trở thành

Khang Hy hoàng đế, nhà họ Tào cực kỳ được sủng hạnh, mấy đời nối tiếp giữ chức Giang Ninh Chức tạo. Khang Hy sáu lần nam tuần, bốn lần nghỉ tại nhà họ Tào; trước khi thái tử Dận Nhưng bị phế, quan hệ giữa vị thái tử và nhà họ Tào cũng vô cùng mật thiết. Nhưng Ung Chính lên ngôi hoàng đế, nhà họ Tào liền bị trị tội; tuy không diệt sạch tận gốc, vẫn còn chừa lại chút không gian sinh tồn. Ung Chính băng hà đột ngột, Càn Long kế vị, lập tức thi hành chính sách nhu hòa; nhà họ Tào được lợi, từng hồi hoàng chuyển lục, lại thành "nhà trung đẳng". Song năm Càn Long thứ tư xảy ra "vụ án phản nghịch Hoằng Tích" (Hoằng Tích là con trai Dận Nhưng, kể ra là cháu đích tôn của Khang Hy); nhà họ Tào dính líu, sụp đổ triệt để, sụp đổ đến nỗi cả gia phổ cũng đứt đoạn. Nhờ quá trình khảo chứng gian khổ của hậu nhân (trong đó tiên sinh Chu Nhữ Xương dụng công mạnh nhất, thành tựu phong phú nhất), nay chúng ta có thể biết: Tào Tuyết Cần khoảng ba mươi tuổi đã về cư ngụ nghèo khó ở vùng Tây Sơn ngoại ô Bắc Kinh chuyên tâm viết sách. Tây Sơn có một vùng gọi là Hương Sơn, vùng Hương Sơn có đồn trú của Chính Bạch kỳ. Người Mãn ngay từ ngoài quan đã lấy hình thức Bát kỳ cấu thành tổ chức vừa mang tính quân sự vừa mang tính xã hội; Bát kỳ là Chính Hoàng kỳ, Tương Hoàng kỳ, Chính Bạch kỳ, Tương Bạch kỳ, Chính Hồng kỳ, Tương Hồng kỳ, Chính Lam kỳ, Tương Lam kỳ. Ba kỳ đầu sau này thành "Thượng tam kỳ", tức địa vị cao hơn năm kỳ sau. Cái gọi là "tương" (镶, khảm viền), là viền khảm quanh mép lá cờ hình tam giác dài; nhưng về sau văn thư chính thức nhà Mãn Thanh thường hay viết chữ "tương" (镶) ấy thành chữ "tương" khác (厢, chỉ gian nhà). (Xin "rườm rà" thêm một chút: trong Hồng Lâu Mộng, nhiều chỗ lẽ ra phải viết 镶 (khảm) đều bị viết thành 厢 (gian), điều đó chứng minh Tào Tuyết Cần là người Chính Bạch kỳ, đã theo thói quen viết chữ của dân tộc Mãn.) Như thế, Tào Tuyết Cần đến Hương Sơn theo Chính Bạch kỳ, cũng coi như "quy kỳ", có thể lĩnh ít tiền lương để duy trì cuộc sống. Có thể ông từng ở thôn Chính Bạch kỳ. Dĩ nhiên ông không phải là "kỳ nhân" an phận thủ thường; có nhà nghiên cứu khảo chứng được rằng về sau có khoảng thời gian dài ông cư ngụ ở Bạch Gia Thoán phía sau Hương Sơn. Bất luận Tào Tuyết Cần rốt cuộc ở thôn nào, thì đối với phong vật vùng Hương Sơn, khỏi phải nói, ông rất thuộc lòng. Nay vùng Hương Sơn còn giữ lại Đoàn thành diễn võ sảnh xây dựng đời Càn Long, cùng một số tháp đá luyện võ dành cho binh sĩ Bát kỳ ngày ấy. Những tháp đá này tổng cộng mười lăm tọa: bảy tọa "lòng chết" đặc ruột, tám tọa "lòng sống" rỗng ruột (có thuyết nói tổng cộng tám tọa, trong đó bảy lòng chết, tọa thứ tám lòng sống); "lòng sống" nghĩa là có thể đi vào bên trong. Những tháp khác nhau như thế khi diễn luyện có thể bố trí riêng từng hạng mục: có tọa chỉ dùng để diễn luyện trèo lên tấn công, có tọa lại có thể diễn luyện từ ngoài đánh vào và từ trong phòng thủ. Vì lâu dài dùng những tháp đá này diễn luyện, dân cư chung quanh đều thuộc lòng số lượng tháp lòng chết và tháp lòng sống, từ đó hình thành tục ngữ địa phương "bảy chết tám sống", dần dần cũng trở thành cách nói đồng nghĩa với "chết đi sống lại". Như thế, Tào Tuyết Cần viết như vậy, chứng minh ông quả thật từng sinh sống nơi ấy. Với loại "khảo chứng rườm rà" như thế này, tôi cực kỳ hứng thú, chẳng hay các vị độc giả nghĩ sao.

# Bi kịch tự cứu của "Hồng lâu nhị Vưu"

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ sáu mươi tư: Cô nữ u nhã đau buồn đề thơ Ngũ Mỹ ngâm; gã lãng tử bỏ lại tình cùng chiếc Cửu Long bội

◇ Hồi thứ sáu mươi lăm: Giả Nhị Xá trộm cưới Vưu Nhị di; Vưu Tam thư toan gả cho Liễu Nhị Lang

◇ Hồi thứ sáu mươi sáu: Muội Tình thẹn tình quy về phủ âm; Nhị Lang một thoát lạnh lùng nhập cửa không

◇ Hồi thứ sáu mươi bảy: Biếu quà quê, Bần Khanh nhớ cố hương; tra hỏi tiểu đồng, Phượng Thư ấp ủ âm mưu

◇ Hồi thứ sáu mươi tám: Cô Vưu tội nghiệp bị lừa vào Đại Quan viên; nàng Phượng ghen cay đại náo phủ Ninh Quốc

◇ Hồi thứ sáu mươi chín: Mẹo vặt tinh ranh, mượn đao giết người; biết rõ hạn cùng, nuốt vàng sống tự vẫn

Sáu hồi này là chuyện của "Hồng lâu nhị Vưu". Tôi cho rằng chuyện hai chị em họ Vưu rất có thể cũng là do Tào Tuyết Cần rút từ tác phẩm cũ Phong Nguyệt bảo giám ra rồi khéo léo dung hòa vào Hồng Lâu Mộng. Ông dung hòa khá thành công. Ông thiết kế hai chị em thành hai đứa em gái của Vưu thị, nhưng thật ra chẳng có chút huyết thống gì với nhau; lại buộc Vưu Tam thư với Liễu Tương Liên vào nhau. Ngay từ khi mở đầu toàn sách, qua miệng Giả Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần đã nêu lên quan niệm gây sửng sốt "xương thịt của con gái là nước kết thành, xương thịt của con trai là bùn kết thành", rồi đến hồi năm mươi chín lại mượn miệng Xuân Yến trích lời luận nổi tiếng của Giả Bảo Ngọc: "Cô gái chưa ra khỏi nhà (出家) là hạt châu quý vô giá; đã lấy chồng rồi, không hiểu sao lại sinh ra bao nhiêu tật xấu, tuy vẫn là hạt châu mà không còn vẻ sáng quý giá, thành hạt châu chết; càng già thêm (再老老), thì càng chẳng còn là hạt châu, mà hóa thành mắt cá. Rõ ràng là một người, sao lại hóa ra ba dạng như thế?" (Lưu ý: bản Chu hội khác các bản thông hành trước đây: câu đầu lấy cách viết "出家" (ra khỏi nhà), chỗ sau lại lấy cách viết "再老老" (càng già thêm); vì sao viết như vậy, tiên sinh Chu đều có chú giải.)[1] Trong chuyện trước hồi sáu mươi tư, ông khắc họa hàng loạt thiếu nữ tuổi xanh của giống loài "xương thịt làm bằng nước", đồng thời qua việc miêu tả nhiều "bọn đàn bà ngu muội", khiến chúng ta biết hôn nhân phong kiến và lễ giáo đã biến hạt châu quý thành hạt châu chết rồi thành mắt cá như thế nào. Nhưng đến sáu hồi này, ông lại dựng nên hai hình tượng phụ nữ ngoài dự liệu của độc giả là Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư, mở rộng thêm một bước quang cảnh xã hội và chiều sâu tư tưởng của toàn bộ cuốn sách.

1. NDLR: Các bản thông hành chép câu đầu là "con gái chưa đi lấy chồng" (未出嫁) và chỗ sau là "già thêm nữa thì" (再老了); bản Chu hội chọn đọc "出家" (ra khỏi nhà) và "再老老" (càng già thêm) như trên.

Lúc mới xuất hiện, Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư đều chưa lấy chồng. Vưu Nhị thư tuy từng được chỉ hôn từ khi còn trong bụng mẹ, nhưng nhà chồng đã sa sút, căn bản không đủ sức cưới hỏi, về sau nhận lấy mười lạng bạc để chuộc hủy hôn, bên kia cũng ký giấy bằng lòng. Xét lẽ ra, hai cô cũng phải trong trẻo như nước, phải là hai hạt châu quý. Nhưng Tào Tuyết Cần viết về họ, vừa xuất hiện đã nhẹ dạ buông tuông, còn nói thẳng với độc giả rằng họ với Giả Trân, Giả Dung "từ xưa vốn có tiếng là tụ biêu (聚麃)", mà đây chẳng phải chuyện thiếu trong sạch tầm thường đâu. Con vật biêu (麃) ấy nghe nói giao phối loạn luân, "tụ biêu" tức chỉ hai thế hệ cha con cùng quậy phá với cùng một người đàn bà; chuyện dơ bẩn đó của cha con Trân, Dung lại còn đồn đại ra ngoài, bị người ta lén lút dèm pha cười cợt. Đàn bà như hai chị em họ Vưu, tuy chưa gả nhưng thân đã hoang; dù có thể có phần bị ép buộc, song tự mình cũng nửa đùa cợt nửa bằng lòng, thì chẳng thể coi là "xương thịt làm bằng nước", "hạt châu quý vô giá": ví với nước, cũng chỉ là vũng nước bẩn sau mưa đọng trong hố lầy; ví với châu, cũng chỉ là hạt châu đục ngầu nửa sống nửa chết.

Nhưng khi đặt bút viết về họ, Tào Tuyết Cần tuy lạnh lùng phơi bày sự phù phiếm buông tuông của họ, lại vẫn để lộ niềm tiếc nuối và thương xót vô biên. Sáu hồi sách này, thực chất ông viết về hai người đàn bà ô trọc nơi trần gian, hết sức cố gắng tự cứu rỗi, cuối cùng vẫn không thể tu thành chính quả: một người tự cắt cổ oai liệt, một người nuốt vàng chết thảm, trở thành hai nạn nhân giữa đêm dài không thấy bờ của xã hội phong kiến.

Ở hồi năm mươi chín, thông qua lời Xuân Yến thuật lại lời Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần thực ra đã nói ra lời của chính mình; ý trung tâm của đoạn ấy là: hôn nhân của xã hội ấy sẽ làm biến chất những người phụ nữ vốn trong sạch. Con gái trong khuê các vừa bước qua cánh cửa nhà mình để lấy chồng là lập tức bị tổ chức vào kết cấu quyền lực của xã hội ấy, trở thành một trong những công cụ để tập đoàn lợi ích giữ gìn đặc quyền đã có và tranh giành thêm lợi ích mới, đánh mất trạng thái tự nhiên nguyên thủy của mình; mà trạng thái nguyên sơ của những thiếu nữ tuổi xuân lại là thứ trong sạch nhất, đẹp đẽ nhất. Dĩ nhiên, khi sử dụng luận điểm này ông vẫn có tính linh hoạt. Chẳng hạn với Phượng Thư, với Lý Hoàn, với Vưu thị, những phụ nữ này đều đã lấy chồng, quả thật mỗi người cũng chịu một mức ô nhiễm nào đó từ xã hội nam quyền: Phượng Thư mê quyền tham của, Vưu thị cam lòng phục tùng kẻ độc tài, Lý Hoàn đến lúc mấu chốt lại ích kỷ chẳng chịu tích phúc đức âm; nhưng ông vẫn không coi họ là "hạt châu chết", "mắt cá", mà khắc họa chính xác và tinh tế vẻ thiện mỹ thiên nhiên còn sót lại nơi họ: mặt nhân tình trong việc quản gia của Phượng Thư, mặt khoan hậu trong cách đối nhân xử thế của Vưu thị, mặt êm ấm trong tình thương em cháu của Lý Hoàn.

Có lẽ vì muốn bổ sung quan niệm phụ nữ của mình cho trọn vẹn hơn, tránh phiến diện, khi viết chuyện Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư, Tào Tuyết Cần đặt con đường tự cứu rỗi của hai người phụ nữ này đúng vào việc lấy chồng. Như thể ông đang mở rộng luận bàn ở hồi năm mươi chín: tiếp nối sau câu "Rõ ràng là một

người, sao lại hóa ra ba dạng như thế?", ông như nói thêm rằng: cũng có trường hợp khác nữa, đó là con gái lỡ mất thân ngay tại nhà mình, ví như hạt châu bị vấy bẩn, chỉ cần nghiêm chỉnh lấy chồng, hối cải quyết liệt lỗi lầm trước kia, chăm chỉ sống ngày tháng đàng hoàng, thì vẫn còn có thể rửa được vết nhơ, trở về với chất phác nguyên sơ. Như thế, ông đã viết ra tính đa dạng của những trạng thái sống, chỉ cho các cô gái trẻ mang vết nhơ một khả năng tự cứu rỗi.

Sau khi bị Giả Liễn lén cưới làm vợ lẽ, Vưu Nhị thư luôn luôn hối hận về lần vấp váp thuở trước, nhất tâm nhất ý muốn quay về với đức trinh tĩnh hiền thục. Còn Vưu Tam thư, sau cuộc xé mặt ầm ĩ với Giả Trân, Giả Liễn, cũng quyết tâm tự mình chọn chồng, từ đó nhất tâm nhất ý sống an phận. Trong bất cứ xã hội nào, thông qua yêu đương tự nguyện, chọn bạn trăm năm tự nguyện, để chuyện hoang đường cũ thành ký ức chôn sâu, tự cứu rỗi một con người mới trong quan hệ xã hội mới, đều là một phương lược tốt để xây dựng cuộc đời hòa hợp ổn định. Trong môi trường xã hội hiện nay, nỗ lực kiểu ấy hoàn toàn có thể dệt nên một kết cục hài kịch. Nhưng trong môi trường xã hội của thời đại mà Hồng Lâu Mộng tả lại, mọi người đều nhìn thấy rồi: hai chị em họ Vưu chẳng ai đạt tới mục đích mong muốn, cả hai trở thành những giai nhân như hoa mới tiếp nối phải bỏ mạng thảm thương trong toàn bộ cuốn sách.

Trong cái chết của Vưu Nhị thư, nhân tố then chốt nhất dĩ nhiên là chiêu mượn đao giết người của Phượng Thư. Nhưng sau khi đọc mấy hồi chuyện này, trong số những bạn mê Hồng mà tôi tiếp xúc, có không ít người chẳng hề căm ghét Phượng Thư, bởi chính Giả Liễn trộm cưới trước đã tổn hại lợi ích của Phượng Thư, nàng bị buộc phải tiến hành "phản kích tự vệ". Có một bạn nữa còn nói với tôi, chị ấy cho rằng chuyện Phượng Thư kiểm soát đời sống gối chăn của Giả Liễn, tiền đề là bản thân chị ta chẳng hề lạnh cảm, bất lực hay biến thái về tính dục; trong sách có nhiều đoạn miêu tả chứng tỏ nàng đáp ứng được nhu cầu chăn gối của Giả Liễn. Vì thế, ngoài Bình Nhi ra, ba cô a hoàn theo của hồi môn cùng Bình Nhi, và hai cô từng hầu cạnh Giả Liễn trước khi nàng về làm vợ, đều bị nàng loại bỏ từng người một; cho tới khi nàng dùng kế trừ Vưu Nhị thư, rồi cuối cùng khiến Thu Đồng nguội lạnh lụi tàn, tất cả đều vô hình trung đẩy mạnh chế độ hôn nhân một vợ một chồng kiểu hiện đại. Cho nên, cái tính ghen tuông đổ giấm của nàng cũng được, cái tay "nhổ gai" cũng thế, khách quan mà nói đều mang ý nghĩa tiến bộ! Không biết quý vị có tán thành quan điểm của người bạn mê Hồng này chăng?

Cái chết của Vưu Tam thư, nhân tố then chốt lại hóa ra chính là vài câu Bảo Ngọc nói với Liễu Tương Liên. Có bạn mê Hồng than vãn: Tào Tuyết Cần viết sao mà lạnh lùng đến vậy! Bạn ấy tổng kết thế này: "Một bạt tai của Vương phu nhân giết Kim Xuyến, một câu nói của Giả Bảo Ngọc giết Vưu Tam thư, một tràng cười của Ngốc Đại tỷ giết Tình Văn." Ở đây chỉ bàn chuyện một câu nói của Bảo Ngọc giết Vưu Tam thư. Liễu Tương Liên hỏi han tình hình với Bảo Ngọc, sao Bảo Ngọc lại đáp lời bằng cái giọng đó? Đặc biệt là câu cuối: "Thật đúng là một cặp "Vưu vật" (người đẹp lạ lùng hiếm có), mà khéo cô ấy lại là họ Vưu." Chẳng cần cậu nói thế, thay bằng một câu khác, e rằng đã không lập tức khơi ra phản cảm dữ dội nơi Liễu Tương Liên; mà Liễu Tương Liên dù bụng dạ còn ngờ vực, ráng đợi đến khi gặp mặt Vưu Tam thư, e rằng ác cảm cũng

tan thành mây khói; vậy thì chuyện đâu có đến nỗi dẫn tới cảnh "hoa đào vò nát rơi màu đỏ" thảm thiết như thế. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như vậy? Tôi đoán ông hẳn muốn viết lên cái khó lường kỳ bí của cuộc đời và số phận. Người nọ, chuyện kia, dẫu có nhân quả có thể lần tìm, nhưng thường thường lại càng chứa đựng nhiều toan tính thâm trầm không gọi tên nổi. Chúng ta thực nên hiểu rằng, chính vì thế, bất cứ ai cũng không được tự xưng giải thích được tất cả, nắm chắc được tất cả.

Trong sáu hồi sách này có hai hồi bị nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng không phải bút gốc của Tào Tuyết Cần. Tiên sinh Chu Nhữ Xương cho rằng hồi sáu mươi tư có lẽ vẫn được vá víu dựa trên bản thảo rời còn sót của Tào Tuyết Cần, phần nào vẫn giữ được văn phong của ông; còn hồi sáu mươi bảy, xét về phong cách hành văn thì hoàn toàn không đạt, hẳn là toàn bộ do người khác viết bổ sau; nhưng người chỉnh lý, viết bổ hai hồi ấy cũng chẳng phải Cao Ngạc, kẻ viết tiếp sách hơn hai mươi năm sau khi Tào Tuyết Cần qua đời, mà hẳn là một người khá gần gũi với Tào Tuyết Cần, có khi là Chi Nghiễn Trai, hoặc nhân vật nào tương tự.

Ở hồi sáu mươi tư, Đại Ngọc có bài "Ngũ Mỹ ngâm", năm bài thơ ý vị nhạt nhẽo, kém xa nhiều so với các bài thơ trước đó, nhưng có một lời Chi Nghiễn Trai phê rằng: "Ngũ Mỹ ngâm soi chiếu với Thập Độc ngâm ở phần sau." Điều đó cho chúng ta biết, sau tám mươi hồi, có lẽ vẫn là Đại Ngọc, có khi là người khác (Bảo Thoa? Tương Vân?), sẽ có đoạn viết bài "Thập Độc ngâm". Mười chữ "độc" ấy hẳn cũng chỉ mười nhân vật lịch sử, nhưng "độc" (独) nghĩa là gì? Chỉ những kẻ cô độc? Là mười người phụ nữ, hay mười đối tượng được ngâm vịnh hỗn hợp cả nam lẫn nữ? Rất đáng khảo nghiệm.

Hồi sáu mươi bảy, nửa đầu hồi tình tiết rất gượng ép; nửa sau hồi cách viết lại na ná quá đỗi với nửa đầu hồi bốn mươi tư; còn văn chữ thì chẳng còn chút mạnh khoẻ linh hoạt trong ngòi bút Tào Tuyết Cần. Nhất là đoạn Tập Nhân sang nhà Phượng Thư, chuyện may cái yếm nhỏ cho Xảo Thư, chữ nghĩa cứ cố ghi cho xong chuyện, khan cứng khó chịu vô cùng. Văn chương Tào Tuyết Cần, nhất là khi viết nhân vật nói năng, thường là một người một giọng, tức là biết bày ra ngôn ngữ theo tính cách; lời của vai phụ cũng khiến ta như nghe thấy tiếng nói, đến cả nhịp ngắt nghỉ lên xuống của người nói cũng như được thu âm sẵn mà bay ra từ trang giấy. Chẳng hạn ở hồi sáu mươi lăm và sáu mươi sáu, đoạn Hưng Nhi tiểu đồng của Giả Liễn trước mặt hai chị em họ Vưu khai ra tường tận tình trạng từng chủ nhà phủ Vinh, được ông viết sinh động khác thường, hoàn toàn hợp với trạng thái tâm lý và tập quán ngôn ngữ của hạng người tầm vóc Hưng Nhi, đọc lên không sao nhẫn nổi cười. Nay tôi chép dưới đây lời Hưng Nhi kể về từng người trong phủ, những chỗ để trống xin độc giả tự điền theo chính văn bản Chu hội, mong quý độc giả qua buổi ôn lại này mà thể nghiệm sâu thêm nghệ thuật ngôn ngữ của Tào Tuyết Cần:

- Về Vương Hy Phượng:

Nhắc tới bà chủ nhà chúng tôi thì kể sao xiết, bà chủ ____, ____... chỉ hận không đem bạc tiền tiết kiệm lại, chất đống thành núi, để bà lão với bà cả khen biết lo toan ngày tháng, nào hay khổ tận đám hạ nhân, còn mình thì được tiếng lấy lòng. Ước chừng có việc tốt là bà chẳng đợi người khác mở miệng, bà ____; hoặc gặp

việc chẳng lành, hoặc lỗi tại bà, bà liền ____, lại còn ____. Bây giờ đến nỗi bà cả, mẹ chồng đích thực của bà, còn ghét bà, chê bà ____, ____, việc nhà mình chẳng buồn quản, lại mù quáng xoay xở giúp việc người khác... (nói riêng với Vưu Nhị thư câu: "Em còn định sang tìm bà chủ của anh nữa đấy") Bà chớ đi làm gì. Em nói thật với bà, cả đời đừng gặp nàng ta mới tốt, ____, ____, ____, ____, ____, ____, đủ cả hết... nàng thấy bà đẹp hơn nàng, lại được lòng người hơn nàng, sao nàng chịu buông tha cho yên? Người khác thì ____, còn nàng thì ____. A hoàn nào mà cậu Hai nhìn thêm một cái, nàng cũng có tài ngay trước mặt cậu ____...

- Về Lý Hoàn và các tiểu thư:

Bà goá trong nhà chúng tôi này, biệt danh là ____, là người thiện đức bậc nhất...

Biệt danh của cô nhị là ____, ____.

Biệt danh của cô tam là ____... ____, ai ai cũng yêu mến, ____. Cũng như một vị thần, tiếc thay chẳng phải do bà cả sinh ra, ____.

Ngoài ra còn hai cô tiểu thư nữa, thật đúng là ____, ____. Một cô là con gái bà cô tổ nhà chúng tôi... một bụng văn chương, chỉ tiếc người ốm đau bệnh tật, trời thế này còn mặc áo kép ra ngoài. Bọn miệng trơ trẽn vô pháp vô thiên chúng tôi, đều lén lút gọi cô là ____. Còn một cô nữa là con gái bà dì... thật đúng là ____... bọn tôi... gặp hai cô ấy thì không dám thở mạnh... chỉ sợ hơi thở lớn quá, ____, ____.

Đoạn thoại ấy kéo dài mãi sang tận đầu hồi sáu mươi sáu. Đáng chú ý là, đến một nhân vật tầng dưới như Hưng Nhi ở phủ Vinh cũng khẳng định người Giả mẫu chỉ định làm vợ Bảo Ngọc chính là Đại Ngọc, hai ba năm nữa, Giả mẫu vừa mở lời là cưới hỏi ngay. Từ đó thấy được: bi kịch tình yêu của Bảo Ngọc với Đại Ngọc, còn Giả mẫu tại thế thì chưa đến nỗi xảy ra; sau khi Giả mẫu qua đời, mất chỗ dựa, thế lực gia tộc phía Vương phu nhân, Tiết phu nhân mới có thể đạt tới mục đích loại trừ Đại Ngọc để xếp đặt Bảo Thoa, rồi từ đó nắm chắc thêm tài sản nhà họ Giả vào tay nhà họ Vương.

Hồi sáu mươi sáu viết Giả Xá sai Giả Liễn đi châu Bình An (tên địa danh này mang màu sắc châm biếm, bởi ngay trong phạm vi trị sở của châu ấy, đội thương buôn của Tiết Bàn bị giặc cướp tấn công): dĩ nhiên nhằm chừa đủ thời gian cho Phượng Thư thiết kế lừa Vưu Nhị thư vào Đại Quan viên trên tuyến phát triển tình tiết; đồng thời cũng là một phục bút quan trọng: Giả Xá riêng tư kết giao với tiết độ sứ châu Bình An như vậy, làm những vụ việc quỷ bí, là trái phép luật nhà; khi nhà họ Giả đổ nát, tội trạng ấy của Giả Xá cấu thành "viên đá domino đầu tiên".

Có người cho rằng Tào Tuyết Cần viết phụ nữ, không viết từ đầu tới chân: đầu và thân người thì tả tỉ mỉ, còn đôi chân thì lấp lửng mơ hồ. Viết kiểu đó cũng là thủ pháp "mây khói che mờ". Mục đích thì để né tránh một vấn đề tế nhị: chân của những người phụ nữ ấy rốt cuộc là chân tự nhiên, hay "kim liên ba tấc" (chân

bó)? Có lẽ giờ đây có vài bạn trẻ sẽ không hiểu: có gì phải tế nhị ở đây? Phải biết rằng phụ nữ dân Mãn thời Thanh không bó chân; cái mà bấy giờ gọi là y phục kỳ nhân của phụ nữ, hình thức phổ biến là tóc búi thành hai cụm trên đỉnh đầu, mặc áo kỳ tay rộng cổ cao, chân đi giày đế cao hình chậu hoa. Nhưng phụ nữ dân Hán thời Thanh thì vẫn như đời Minh, phổ biến bó chân. Tổ tiên Tào Tuyết Cần bị quân Thanh bắt làm tù binh, biên vào Chính Bạch kỳ; tuy là người Hán, lại buộc phải sống theo lối sống của dân Mãn, bởi thế về sau các cô gái trong gia tộc đều giữ chân tự nhiên, chẳng ai bó chân. Có thể suy đoán, tình trạng đôi chân của những nguyên mẫu nữ giới trong Hồng Lâu Mộng tương đối phức tạp, nhất là các a hoàn: có người sinh ra lớn lên ngay trong nhà chủ, theo tục phụ nữ Mãn không bó chân; có người lại là con gái Hán mua từ ngoài xã hội về, thì lại thuộc loại bó chân. Nếu khi viết tiểu thuyết mà tả rõ ràng tình trạng chân tự nhiên và "kim liên" song song tồn tại ấy, thì sẽ ghi quá đích thực bối cảnh thời đại của câu chuyện, điều đó chẳng những trái với chủ trương sáng tác của ông là giấu "chuyện thật" trong "lời giả" mà gìn giữ, lại còn có thể chỉ vì miêu tả đôi chân của một vài phụ nữ mà bị tố cáo là "can dựa thời thế", sa vào lưới của "án văn tự". Tuy nhiên, dù Tào Tuyết Cần hết sức né tránh việc miêu tả phương diện này, rốt cuộc vẫn không tránh khỏi thi thoảng lộ sơ. Hồi sáu mươi lăm tả ngôn ngữ cơ thể của Vưu Tam thư giả điên để chống lại sự trêu ghẹo của Giả Trân, Giả Liễn, trong đó có câu "một đôi kim liên (金莲) lúc đập lúc ghép, chẳng nửa khắc nào ra dáng nghiêm trang". Hồi sáu mươi chín, Phượng Thư đưa Vưu Nhị thư ra bái kiến Giả mẫu; Giả mẫu xem da thịt và bàn tay xong, Uyên Ương lại kéo váy cô ta lên, tức là để Giả mẫu xem "kim liên" của cô ấy bó ra sao, nếu là chân tự nhiên thì đâu cần soát xét kiểu đó; Giả mẫu nhận xét "Được cả mọi vẻ", từ đó thấy rõ Vưu Nhị thư, Vưu Tam thư, cùng bà mẹ đẻ của hai người là bà già Vưu, đều là phụ nữ dân Hán. Hồi bảy mươi tám, văn tế Tình Văn của Bảo Ngọc có câu "chơi trốn sau bình phong, cánh sen (莲瓣) lặng lẽ không tiếng"; Tình Văn vốn là người bà Lại mua về dâng cho Giả mẫu, vậy cũng thấy cô là con gái Hán. Trong sách, a hoàn với các mụ mợ hay rủa "con móng nhỏ" (小蹄子), kẻ bị rủa dĩ nhiên là bọn bó chân; lại còn có câu trách mắng kẻ lười biếng "chân gì mà to ra thế", dĩ nhiên cũng nhắm vào các a hoàn bó chân. Các tiểu thư của bốn gia tộc lớn trong sách, gồm cả Phượng Thư, hẳn toàn chân tự nhiên; giữa họ khi cười mắng nhau cũng có nói lời thô tục, nhưng chưa ai dùng từ "con móng nhỏ" ấy. Ngoài ra, Lý Hoàn, Vưu thị là chân tự nhiên hay "kim liên" thì khó đoán. Lâm Đại Ngọc cũng khó nói; mẹ cô là Giả Mẫn hẳn là chân tự nhiên, gả cho Lâm Như Hải, nhà họ Lâm có khi là dân Hán, vậy cô bó chân theo phong tục nhà họ Lâm, hay theo mẹ giữ chân tự nhiên, thì không ai biết được. Hồi bảy mươi ba chép tới Ngốc Đại tỷ, đặc biệt nhấn rõ cô là "hai bàn chân to", từ đó thấy trong số đám tôi tớ phụ nữ phủ Vinh Quốc, người chân tự nhiên cũng rất đông.

Nhân vật trong sách phần nhiều có nguyên mẫu, vậy thì những viện lạc vườn tược, phố phường ngõ xóm trong sách, liệu có nguyên mẫu chăng? Câu trả lời là khẳng định. Tiên sinh Chu Nhữ Xương đã khảo chứng rằng phủ Cung thân vương cuối đời Thanh cùng khu vườn của nó, đến nay vẫn còn giữ được quy mô gần như xưa, chính là nguyên mẫu của phủ Vinh Quốc và Đại Quan viên. Dĩ nhiên, trong sách Tào Tuyết Cần đã cường điệu, tô vẽ nó, lại chuyển dịch, vay mượn một vài thành phần từ những tư liệu thực khác, cộng thêm trí tưởng tượng nghệ thuật, tạo nên không gian truyện mà các nhân vật trong tiểu thuyết hoạt động nơi đó. Tôi từng sống hơn mười năm ngay sát tường ngoài phủ Cung thân vương ở Bắc Kinh, thuộc lòng môi

trường địa lý vùng ấy, bởi thế, mỗi khi đọc tới lời kể ở hồi sáu mươi tư của Hồng Lâu Mộng: "Giả Liễn... mua định một căn nhà trong ngõ Tiểu Hoa Chi, cách phía sau phố Ninh Vinh độ hai dặm...", tôi cảm thấy thân thương lạ thường, bởi cách phủ Cung thân vương về phía tây bắc độ hai dặm, đến nay vẫn còn một con hẻm nhỏ, vẫn mang tên hẻm Hoa Chi. Đây không thể là trùng hợp ngẫu nhiên. Điều này lần nữa chứng minh văn bản mà Tào Tuyết Cần viết ra không phải thuần túy hư cấu, mà là "chuyện thật" được giấu kín sau lớp "lời nói giả".

# Hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi: Lâm Đại Ngọc dựng lại xã Đào hoa; Sử Tương Vân ngẫu hứng xướng từ bông liễu.

Vì sao lại đặt "hoặc giết" trước "hoặc bán"?

Lời kệ Tần Khả Khanh để lại thật đáng sợ: "Ba xuân khi đã qua rồi. / Hoa tàn, thơm hết, mọi người chia tay!" Ta thử đưa tay nhẩm tính một phép: kể từ khi nàng thốt ra lời kệ ấy, từ nửa sau hồi mười tám đến hồi năm mươi tư là tròn một xuân; từ hồi năm mươi lăm đến hồi sáu mươi chín là xuân hai vội vã qua đi; vậy đến hồi bảy mươi, hai xuân được khép lại giản dị, xuân thứ ba bắt đầu mở ra; cái bóng bi kịch quả nhiên ngày một áp sát, ngày một đậm đặc; trước khi ly tán, những người "chư hương" còn lại bao nhiêu thời giờ quý báu để tiêu dao? Tâm trạng độc giả theo bước văn chương của Tào Tuyết Cần mà không tránh nặng trĩu lên.

Hồi bảy mươi vô cùng quan trọng, lại là một cái mốc ngoặt then chốt.

Nội dung hồi này cũng rất phong phú.

Trước hết, kết thúc dứt điểm chuyện chị em Vưu. Giả mẫu không cho đem linh cữu chị Hai Vưu gửi vào gia miếu Thiết Khảm tự, Giả Liễn đành phải đem nàng chôn chung một chỗ với chị Ba Vưu.

Sau đó có một đoạn văn rất quan trọng, chép Lâm Chi Hiếu dâng lên một bản danh sách: tất cả tám thằng tiểu đồng độc thân hai lăm tuổi, đến kỳ phải cưới vợ lập gia thất, chờ trong phủ có đám a hoàn đến tuổi được phóng xuất thì xin chủ chỉ phối cho. Những trang trước đã giảng nhiều lần: trong thời đại ấy, trong loại gia đình ấy, một lũ tiểu đồng độc thân như thế chính là nô tì nam của chủ nhân quý tộc; đến tuổi hai lăm, chủ nhân chỉ phối cho chúng một cô nô tì nữ cũng vừa tới kỳ phát lạc để thành đôi, đâu phải việc nhân đạo như phòng giới thiệu hôn nhân ngày nay, mà là để kiểu hôn phối ấy sinh con đẻ cái, nhân ra lớp tiểu nô lệ đời sau, nhằm mở rộng "động sản" cho gia tộc quý tộc. Tiếp đó sách chép Phượng Thư lo liệu việc này ra sao. Phượng Thư sang thỉnh thị Giả mẫu và Vương phu nhân, cùng bàn bạc, kết quả phát hiện năm ấy các cô nô tì đến tuổi gả đi tình cảnh không khá: số lượng chưa đủ tám, phẩm chất cũng có vấn đề. "Một là Uyên Ương thề không chịu đi"; Uyên Ương là người Giả mẫu phút nào cũng không thể rời, nên có thể làm ngoại lệ. Độc giả nên lưu ý nét bút giao đại này: tác giả không nói rõ như với lũ tiểu đồng rằng chủ nhân phát lạc các cô ở lứa tuổi bao nhiêu, song đọc giả có thể ước lượng, hẳn nằm trong khoảng mười tám đến hai mươi. Hồi bảy mươi mốt chép chuyện "cô Uyên Ương vô tình gặp đôi uyên ương", phản ứng của Uyên Ương có dính dáng đến việc nàng đã chạm tuổi dựng vợ gả chồng. Trong đoạn văn ấy còn nhắc đến Hổ Phách và Thái Vân: "Hai là Hổ Phách hiện đương ốm, nên lần này chưa thể đi được"; "Ba là Thái Vân vì gần đây phải xa

rời Giả Hoàn, cũng đâm ra ốm lơ ốm lửng." Hổ Phách và Thái Vân đều vì bệnh mà tạm hoãn. Nghe qua tưởng rất nhân đạo, nhưng thực ra cái chủ nô quan tâm vẫn là lợi ích của chính y: đem cô a hoàn đau ốm đi hôn phối, hoặc chẳng đạt nổi mục đích sinh ra tiểu nô lệ, hoặc lại sinh sôi ra phải giống xấu, thế thì sao được? Cuối cùng, "Chỉ có mấy a hoàn lớn tuổi làm việc nặng trong phòng Phượng Thư và Lý Hoàn là cho ra thôi. Còn nữa đều chưa đến tuổi, nên cho phép bọn người hầu ra ngoài mà hỏi lấy vợ." Đây chính là sự triển khai cụ thể cho lời vú Lý nói những trang trước: "Tao thì lôi cổ mày ra đem gả cho một thằng ranh con nào đấy."

Nói đến đây, không tránh phải giải thích thêm vài câu. Một người bạn trẻ mê Hồng Lâu Mộng đến bàn với tôi: chả phải Trung Quốc thuở ấy đã ở trong xã hội phong kiến rồi sao? Xã hội phong kiến chẳng đã khác xã hội nô lệ rồi sao? Kẻ bị áp bức trong xã hội phong kiến, dẫu có quan hệ phụ thuộc thân xác nhất định với chủ phong kiến, có chuyện bán con bán gái, nhưng lẽ nào lại còn hiện tượng chủ nô nắm trọn mạng sống nô tì? Sao trong xã hội phong kiến lại còn có thể có cảnh tượng của xã hội nô lệ? Rõ ràng y xét vấn đề hoàn toàn xuất phát từ khái niệm, một lối nghĩ chủ nghĩa giáo điều. Đúng là xét về đại thể, sau khi nhà Thanh định đô ở Bắc Kinh, kế thừa cơ cấu xã hội nhà Minh, vẫn là xã hội lấy giai cấp địa chủ làm nền tảng thống trị; ruộng đất phần lớn tập trung trong tay địa chủ, kẻ canh tác hoặc là tá nông, hoặc là nông dân tự canh, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ với giai cấp nông dân, vì thế đại thể có thể gọi nó là xã hội phong kiến. Nhưng người Mãn, trước lẫn sau khi vượt ải nhập quan, đều có nô lệ tồn tại. Gia tộc Tào Tuyết Cần chính là bao y của Chính Bạch kỳ người Mãn. Bao y tức là nô lệ; dẫu lúc chủ tử là hoàng đế yêu thích, có thể cho làm quan hưởng phúc, nhưng một khi trị tới tội, thì số phận còn thảm hơn quan phạm người Hán. Quan người Hán bị trị tội chẳng qua chém đầu hoặc tù đày; bao y bị trị tội, thì còn có thể bị phát phối ra biên ải làm nô cho "người phi giáp" (lính canh giữ biên cương). Vị Chức tạo Tô Châu oai lộng một thời trong triều Khang Hi, Lý Húc, chính là anh ruột của nguyên mẫu bà Giả mẫu trong Hồng Lâu Mộng; riêng những tấu chương y để lại dâng Khang Hi cùng những dòng chỉ phê của Khang Hi trên đó cũng đủ dựng thành một cuốn sách khá dày, nay đã có bản in chữ chì, bạn đọc nào có hứng thú thì cứ tìm ra mà xem. Khang Hy vừa băng hà, Ung Chính lên nối ngôi, Lý Húc lập tức bị tịch gia trị tội, kết cục của y còn thảm hơn cả chém đầu. Vì nhà Lý là bao y đời đời, thứ mạng sống ấy chủ tử không dễ dàng giết, luôn phải để nó làm nô tì bất thành người, hao mòn cạn sinh mệnh mới thấy "hời". Ung Chính đem Lý Húc gần bảy mươi tuổi phát phối ra biên cương làm nô cho "người phi giáp" (lính tầng dưới cùng, địa vị dù tiện tặn, rốt cuộc vẫn là "người"), nơi cụ thể là Đả Sinh Ô Lạp (nay thuộc kỳ Bố Đặc Lạp, Hắc Long Giang), thuở ấy là chốn giá rét khốn cùng. Đến nơi, cổ y còn bị xích dây, bị coi như "nuôi chó". Người từng mấy chục năm hưởng thụ cuộc sống thanh nhã nơi Giang Nam gấm vóc, từng mấy phen đón giá Khang Hi, oai phong lộng lẫy đến mức cùng cực, tuổi già lại nhận lấy kết cục như thế! Dĩ nhiên, ở chốn ấy chẳng bao lâu y cũng trút hơi thở cuối cùng. Vì Lý Húc vốn là nô lệ của hoàng gia, nên toàn bộ gia quyến cùng nô bộc nhà y cũng đều là nô lệ. Sau khi Ung Chính tịch gia trị tội, phần lớn người nhà cùng nô bộc nhà y được ban thưởng cho đám quan viên vâng chỉ đến tịch gia, số còn lại bị giải về Bắc Kinh, bán công khai ở Sùng Văn môn. Đó chính là quang cảnh xã hội phức tạp dưới chế độ nhà Thanh: đại thể là chính quyền phong kiến, nhưng vẫn giữ lại

tàn dư chế độ nô lệ. Thế thì, trong cơ cấu nội bộ của những gia đình như nhà Lý Húc, dĩ nhiên gồm luôn nhà Tào Dần, cũng như bốn gia tộc lớn được trình bày trong sách sau khi "chân sự ẩn" thì "giả ngữ tồn", có sự tồn tại của quan hệ giai cấp giữa chủ nô với nô tì không một chút tự do thân xác, chúng ta cũng hiểu nổi rồi. Hồi sáu mươi ba từng chép: "Nhà Giả hai phủ đều có những tù binh tổ tiên thu được năm xưa, được ban làm nô lệ, chỉ việc cho chúng nuôi ngựa, chẳng đứa nào đáng dùng vào việc lớn." Hai chữ "nô lệ" viết rõ mực ngay trên sách. Về sau hồi bảy mươi tư, chép sau vụ lục soát Đại Quan viên, Tích Xuân không thể dung thứ cho Nhập Họa, bảo Vưu thị mau đem nàng ta dẫn ra ngoài, "đánh nó, giết nó, hay bán nó đi, tôi cũng mặc kệ". Vì sao nàng đặt "hoặc bán" sau "hoặc giết"? Bởi "hoặc giết" có lẽ vẫn là cách đối xử với "kẻ hữu tội" không phải nô lệ, chứ "hoặc bán" thì đau đớn vô cùng, đã thuộc về cách đối xử bất thành người rồi! Lại dẫn thêm một lần nữa câu của bà Lại ở hồi bốn mươi lăm: "Liệu mày đã biết viết hai chữ 'nô tài' thế nào chưa!" Đây là tiếng than cực đau thương cực thảm thiết, chỉ tác giả mang thân phận thế gia bao y nhà Thanh mới viết nổi. Đọc Hồng Lâu Mộng, nhất định phải đọc hiểu những chỗ này, mới giải được cái vị đắng chát trong đó.

Hồi này rất nhanh đưa mùa sang tiết giữa xuân của xuân thứ ba: "Chỉ tiếc Bảo Ngọc vì Liễu Tương Liên lạnh lùng lánh đi, chị Ba Vưu gươm tự vẫn, chị Hai Vưu vàng nuốt chết, con Năm Liễu giận mà sinh bệnh, chuyện nối chuyện, tang thương chồng tang thương, một lớp chưa dứt một lớp đã chất thêm, sầu vẩn muộn phiền đủ điều, thành ra thần sắc như người si dại, lời ăn tiếng nói thường xuyên rối loạn, tựa như nhiễm phải chứng (怔忡之疾)." Chứng trùng là sau khi kinh sợ, tim đập thất thường, tâm lý ức uất, gây trở ngại cho tư duy và ngôn ngữ; thứ bệnh ấy quả không dễ gì chữa khỏi. Cách Tập Nhân nghĩ ra rất đúng: hết sức khiến Bảo Ngọc vui lên. Thế là sách chép cảnh sáng sớm ở viện Di Hồng, Tình Văn, Xạ Nguyệt với Phương Quan gãi ngứa nghịch đùa, Tập Nhân cố ý gọi Bảo Ngọc ra xem, Bảo Ngọc liền đến cứu Phương Quan đang bị trêu, bốn người nô đùa thành một chỗ. Ở đây có một câu chép Tình Văn mang "giày ngủ đỏ": con gái Mãn tộc chân trời sinh đi ngủ không mang giày ngủ, chỉ các cô gái Hán bị ép chân thành "tam thốn kim liên" mới mang "giày ngủ" lúc ngủ; nét bút vi tế ấy lần nữa chứng minh Tình Văn là cô gái Hán chân bị ép. Tiếp đó chép Bích Nguyệt, a hoàn nơi phòng Lý Hoàn, đến tìm đồ vật, nhìn thấy cảnh rôm rả ở viện Di Hồng thì tỏ vẻ ganh tị hết lời.

Tiếp theo mới là đề chính của hồi này. Bài 《Đào hoa hành》 của Lâm Đại Ngọc cũng như 《Táng hoa ngâm》 của nàng, vừa là tiếng than về số phận chính mình, vừa là bài ai điếu chung cho "chư hương". Hai câu cuối: "Một tiếng đỗ quyên, xuân về tận hết; rèm trúc (簾栊) vắng lặng, chỉ còn dấu trăng không." Các bản thông hành từ sau năm 1957 đều in "rèm trúc (簾栊)" thành "rèm vải (帘栊)", từ đó lại nảy sinh thêm vấn đề giản hóa Hán tự. Tiếng Hán hiện đại gộp "簾" và "帘" làm một chữ; nhưng đồ che cửa sổ trong truyền thống Trung Quốc có loại đan bằng sợi trúc mảnh, gọi là "簾" hay "簾栊", cuộn lên buông xuống được, ban đêm ánh trăng lọt qua kẽ hở của cái rèm trúc ấy chiếu vào trong, đứng cách rèm trúc xa hơn chút nữa còn có thể nhìn đại khái thấy dáng hình mặt trăng, nên thi từ cổ Trung Quốc mới có cách nói "một màn rèm trúc đầy trăng" (一簾明月), đưa chúng ta vào một cảnh giới cực kỳ tĩnh lặng, cực kỳ đẹp. Còn "帘" thì làm bằng

vải dệt, dù buông xuống hay khép lại cũng không thể có hiệu quả ánh trăng thấm qua như rèm trúc; đương nhiên, rèm mềm buông ra có thể cong thành hình cánh cung, tạo nên đường cong uyển chuyển, cũng đủ dệt nên thi tình họa ý. Nhưng "帘" với "栊" lại không thể ghép thành một khái niệm, "帘栊" là nói không thông. Chu hội bản ở điểm này rất lưu tâm: đại thể vẫn dùng chữ giản thể để in, nhưng gặp kiểu viết đặc biệt dính đến văn hóa truyền thống như vậy thì nhất luật tránh "giản hóa bất hợp lý", chỗ nào nên phồn thì phồn. Ông Chu Như Xương có một quan điểm quan trọng: ông cho rằng Hồng Lâu Mộng nên được coi là tinh túy của tân quốc học; người trẻ muốn tìm hiểu quốc học, tìm hiểu văn hóa truyền thống Đại Hoa, chẳng ngại bắt đầu từ Hồng Lâu Mộng, mối vào như thế vừa phong phú vừa thú vị. Vậy thì tìm hiểu sự khác nhau giữa "簾" với "帘", thực ra chính là một ví dụ tìm hiểu văn hóa cửa sổ Trung Quốc truyền thống. Chu hội bản hồi bảy mươi, câu cuối bài 《Đào hoa hành》 không in "rèm vải (帘栊)" mà in "rèm trúc (簾栊)"; riêng một chữ ấy cũng đã tỏ ra chỗ đáng quý của nó.

Theo nghiên cứu riêng của tôi, câu cuối ấy còn âm thầm chỉ lực lượng phe nguyệt trong sách đã đến chỗ cây nỏ hết tầm vóc.

Giữa đoạn tình tiết chuyển từ xã Đào hoa sang từ bông liễu, Tào Tuyết Cần lại cố ý chép tới chuyện bà Vương Tử Đằng sang phủ, chuyện Giả Chính gửi thư nhà báo sẽ về Kinh vào khoảng tháng sáu tháng bảy, trong đó đặc biệt nhắc đến việc "con gái Vương Tử Đằng được hứa gả cho con trai Bảo Ninh hầu", đủ thấy giữa bốn gia tộc lớn cứ cố sức kết thông gia với nhau. Cách đọc nhầm vài lời Giả mẫu dùng để từ chối chuyện làm mai của đạo sĩ họ Trương ở hồi hai chín, rồi từ đó kết luận nhà Giả khi kết hôn chẳng xét đến gốc ngọn gia nghiệp, càng có thể gác sang một bên được rồi.

Vì Giả Chính sắp về, khi trở lại chẳng tránh phải kiểm tra bài vở của Bảo Ngọc, "sách là việc thứ nhất, chữ là việc thứ hai", nhưng ngày thường Bảo Ngọc đâu có đặt những chuyện "chính kinh" ấy vào lòng, đành ôm chân Phật lúc lâm thời, tập chữ chép mẫu cho đủ số. Các chị em cũng giúp sức, Đại Ngọc tích cực nhất, sai Tử Quyên mang đến đủ cả một cuộn. Đang lúc Bảo Ngọc tay chân bối rối đối phó ẩu thì "vừa đúng lúc ven biển xảy ra trận nước dâng, mấy nơi dân chúng gặp hoạn nạn; quan địa phương dâng sớ tâu lên, vua truyền chỉ xuống cho Giả Chính tiện đường đến tra xét và phát chẩn rồi mới hồi kinh". Thế là ngày Giả Chính về nhà lại bị đẩy đến cuối đông, Bảo Ngọc tự nhiên mừng ra mặt, "vẫn cứ y nguyên đi chơi lang thang như trước". Từ đó, sinh hoạt thơ ca trong Đại Quan viên mới hồi phục. Tiếp theo, tình tiết chính mọi người xướng từ bông liễu mới được dẫn ra.

Những trang trước đã nói, Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng không theo trật tự từng hồi một đi xuống, mà nhảy cóc mà viết, tiếng Bắc Kinh gọi là viết kiểu "hoa cắm". Nhưng hiển nhiên ông lại có một bố cục tổng thể vô cùng tinh mật. Không biết ông viết trước hồi năm hay viết trước hồi bảy mươi; ở hồi năm, khi chép cảnh Thái Hư huyễn cảnh, trang đầu của chính sách Kim Lăng thập nhị thoa đã có phán từ về Đại Ngọc với Bảo Thoa: "Than ôi có đức dừng thoi, / Thương ôi cô gái có tài vịnh bông. / Ai treo đai ngọc giữa rừng, /

Trâm vàng ai đã vùi trong tuyết dày?" Có thể thấy, việc chép các con gái Đại Quan viên xướng từ bông liễu là mắt xích quan trọng không thể thiếu trong kế hoạch thông bàn của ông, tuyệt nhiên không phải chữ nghĩa ứng khẩu hứng hứng mà thành.

Tào Tuyết Cần an bài tình tiết vịnh liễu thế này: bài từ bông liễu đầu tiên theo điệu Như mộng lệnh là Tương Vân ngẫu hứng mà thành; tiểu lệnh này ý từ khá giản dị dễ hiểu, nhưng nếu để lời kệ Tần Khả Khanh trong tim, thì câu kết "Giữ chặt! Giữ chặt! / Đừng để xuân đi nơi khác" bỗng trở nên nặng trĩu lạ thường. Thật vậy, xuân đẹp êm đềm của những người đẹp như hoa này, quả thật là bớt đi một tấc là mất một tấc rồi!

Tào Tuyết Cần luôn không muốn viết những dòng văn na ná nhau, lần này ông cố ý chép Thám Xuân không làm nổi nốt bài từ, còn Bảo Ngọc tự mình cũng chẳng làm ra, đành thay Thám Xuân viết nốt bài theo điệu Nam kha tử. Ý từ ám chỉ số phận gả xa của Thám Xuân. Thám Xuân một đi khó trở lại, nên nàng viết đến câu "Thôi đành chia các ngả nam bắc tây đông!" thì bỗng dừng hẳn. Nửa sau do Bảo Ngọc viết tiếp, hai câu cuối là "Sang xuân dù gặp, đã cách một năm rồi.", chỉ thể hiện một niềm mong mỏi của Bảo Ngọc chờ người thân, điều không thể thành hiện thực; phần tục biên của Cao Ngạc chép Thám Xuân gả xa rồi rất sớm trở về, hoàn toàn trái với ý đồ sáng tác của Tào Tuyết Cần.

Sau đó là bài theo điệu Đường đa lệnh của Đại Ngọc. Bài từ này Tào Tuyết Cần chắc chắn đã dốc sức mà viết, hay đến nỗi thuần khiết tự nhiên như không gò ép, có thể sánh vai bài 《Hạnh liêm tại vọng》 nàng thay Bảo Ngọc làm dịp Nguyên phi tỉnh thân. "Bãi hoa phấn rơi tràn", ngụ ý cuối cùng nàng sẽ kết thúc đời sống trần gian bằng cách đâm đầu xuống nước, cũng như câu đầu bài thứ nhất trong 《Ngũ Mỹ ngâm》 hồi sáu mươi tư, "Trôi theo hoa sóng ngán cho đời", tạo nên một biểu tượng như nhau. Chỉ có điều năm bài thơ ở hồi sáu mươi tư ấy, có thể Tào Tuyết Cần từng viết, nhưng về sau bản mẹ bị hư hại hoặc bị nước ngấm, chữ nghĩa không còn nguyên vẹn rõ ràng, do người khác vá víu lại, nên về nghệ thuật không thành công lắm.

Bài Tây giang nguyệt của Bảo Cầm bị hội thơ kết tội là bài rớt, thực ra rất hay: "Vườn Hán lầu hồng lác đác / Đê Tùy sắc lục mênh mông. / Sự nghiệp ba xuân gặp gió đông, / Hoa mai vừng nguyệt cũng là không. / Mấy chỗ hoa rơi đỏ ối, / Nhà ai rèm tuyết hương nồng. / Giang nam, giang bắc cảnh cùng chung, / Luống để người xa chạnh lòng!" Trong đó, những ám chỉ về tình tiết sau hồi tám mươi không ít. Câu "Sự nghiệp ba xuân trao phó cho gió đông" (三春事业付东风): chữ "ba xuân" trong câu này tuyệt đối không thể móc nối với ba người trong bốn chị em Nguyên, Nghinh, Thám, Tịch, mà rõ ràng mười phân vẹn mười là một khái niệm thời gian. Vậy "sự nghiệp ba xuân" là sự nghiệp gì? Chính là sự nghiệp phe nguyệt muốn thay thế phe nhật; mà sự nghiệp ấy sau "ba xuân qua đi" thì "trao phó cho gió đông", tức là đổ bể cả; tắm mình trong ánh quang "vầng trăng sáng" thành ra giấc mộng, chuyện hôn nhân của Bảo Cầm với con trai Hàn lâm họ Mai cũng theo đó hóa bọt nước. Bảo Cầm vốn từ miền Nam mà đến, phỏng đoán sau hồi tám mươi còn sẽ trở lại miền Nam, để rồi nàng nhận ra "Giang nam, giang bắc cảnh cùng chung": bốn gia tộc lớn Bắc Nam

đều chịu thất bại, những người ngày xưa vui vầy sum họp giờ toàn thành chim hồng đau thương giữa loạn ly. Ta lại đem bài 《Mai Hoa quan hoài cổ》 nàng viết ở hồi năm mươi một ra đối chiếu: bên đó là "biệt gió tây", bên này là "trao phó gió đông", xem ra cuối cùng "gió đông" vẫn át được "gió tây"; việc nàng gả vào nhà họ Mai thành một giấc mộng, nhưng vẫn còn người khác cưới được nàng, "chẳng bên mai mà bên liễu", nàng lấy Liễu Tương Liên. Quay lại đọc bài vịnh hồng mai được chữ hoa nàng đề ở hồi năm mươi, hai câu "Cửa cong sân vắng trời tan tuyết (雪), / Nước chảy non cao ráng dọi đầu" cũng dễ hiểu rồi: tức là nói về sau người nhà họ Tiết ngoài nàng ra bị diệt tận sạch sẽ, nhưng may nhờ nàng còn "dòng nước chảy" (chỉ Tương) và "ráng chiều sa" (sắc ráng như hoa sen) nương tựa vào nhau, mà sống nốt quãng đời còn lại.

Bài Lâm giang tiên của Bảo Thoa, các nhà bàn luận xưa đều nhấn mạnh câu kết "Nhờ gió đưa lên mãi, / Trên mây ngất ngưởng trèo.", hé lộ Bảo Thoa đến cùng vẫn hy vọng mượn "sức gió" chính thống mà "leo lên"; nhưng giờ đây tôi muốn nhấn mạnh hai câu "Muôn dây nghìn sợi vẹn toàn, / Cũng đành khi hợp khi tan tha hồ!". Đây là ám chỉ nàng gả cho Bảo Ngọc rồi, hợp mà chẳng lâu, Bảo Ngọc đi xuất gia làm nhà sư, chia lìa với nàng; nàng yêu "chính thống" (cơn gió lành), mà "chính thống" chẳng yêu nàng, đến cuối cùng nàng vẫn khó tránh "theo dòng nước trôi đi", "vùi mình trong bụi thơm", hồn về ti Bạc Mệnh.

Sau bài vịnh liễu là đến tình tiết thả diều. Những con diều xuất hiện, cùng cảnh mỗi người thả diều thế nào, đều được viết sinh động tươi vui, và đều mang theo ý nghĩa riêng:

Con diều đáp xuống khóm trúc quán Tiêu Tương: con bướm lớn, diều của cô Yên Hồng ở viện phía ông lớn.

Con diều các tiểu hoàn quán Tiêu Tương tất bật đem ra: diều hình mỹ nhân.

Con diều Thúy Mặc đi lấy giúp Thám Xuân: con phượng hoàng lớn cánh mềm.

Con diều Bảo Ngọc sai người đi lấy, do mẹ Lại Đại tặng hôm trước: con cá lớn, đã bị Tình Văn thả mất rồi.

Bảo Ngọc lại sai lấy thêm một con nữa: con cua lớn, nhưng đã rơi vào tay cậu Ba Giả Hoàn.

Tập Nhân sai tiểu hoàn đem ra cái diều mỹ nhân do bà Lâm tặng, làm rất tinh xảo; Bảo Ngọc thả không nổi cái này, lại lấy một con khác ra thả. Diều của Đại Ngọc bị cắt dây bay xa khuất dạng, Bảo Ngọc nói nếu nó sa xuống chốn đồng hoang vắng vẻ không một bóng khói nhân gian thì thay cho nó nỗi cô quạnh: "Thì thả cái này của tôi đi theo, cho hai chúng nó làm bầu bạn với nhau!", nói rồi cũng cắt dây diều mình thả luôn; tiếp theo Bảo Cầm sai người đem ra con diều riêng của nàng: con dơi đỏ tươi.

Bảo Thoa chọn lấy một con: diều kết hình bảy con nhạn nối liền một dãy.

Thám Xuân vừa định cắt dây thả con phượng hoàng của mình: trên trời cũng có một con phượng hoàng, dần dần áp sát lại, quấn xoáy vào một chỗ với con phượng hoàng này.

Lại thấy một con diều chữ “Hỷ” to bằng cánh cửa, gắn cả roi pháo nổ lách tách, giữa nửa không trung vang rền như tiếng chuông, cũng áp sát đến, cuộn vào với hai con phượng hoàng; ba bên cùng kéo co giật loạn xạ, nào ngờ dây ai nấy đứt tuột, ba chiếc chao liệng bay mất dạng.

Trong đó, ý nghĩa của cảnh chép Thám Xuân thả diều đáng chú ý nhất; tôi đã giải thích kỹ trong tập thứ ba của bộ sách này: đó là điềm báo chuyện Thám Xuân gả xa, ngoài mặt tưởng còn oanh liệt, thực chất chỉ là quân cờ cho việc nhà vua hòa phiên, từ nay xa xứ đất khách quê người, khó lòng trở về nữa, khổ đau vô cùng.

Những cảnh đẹp êm đềm trong sách, theo các con diều xa dần mà tan biến, cũng coi như viết gần hết rồi. Chữ nghĩa từ đây về sau, như sấm động trong mây u ám, sẽ lần lượt mở ra trước mắt chúng ta tiến trình bi kịch: người đẹp việc đẹp bị xé nát, bị hủy diệt như thế nào.

# Gai góc · Phật thủ lạp du đông · Bình phong kính · Quan trung

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi mốt: Người mang hiềm khích cố tình sinh hiềm khích; nữ Uyên Ương vô tình gặp chuyện uyên ương.

◇ Hồi thứ bảy mươi hai: Vương Hy Phượng cậy mạnh ngại kể bệnh; vợ Vượng Nhi dựa thế ép thành duyên.

Hồi bảy mươi nói Giả Chính vâng chỉ lại đi cứu tế, đến cuối đông năm ấy mới về, vậy mà hồi bảy mươi mốt lại viết ông đã về nhà từ trước tháng tám. Rồi sách ghi "năm nay ngày mùng hai tháng tám là đại thọ bát tuần của Giả mẫu", và câu chuyện tiếp đó được triển khai ngay trong những ngày lễ mừng thọ tám mươi của cụ Giả mẫu diễn ra liên tiếp mấy ngày liền.

Tôi nói Tào Tuyết Cần về đại thể đã hoàn thành toàn bộ "Hồng Lâu Mộng": không chỉ có khối lượng phê chú đồ sộ của Chi Nghiễn Trai làm chứng, mà còn có những tư liệu khác nữa, như hai mươi bài thơ "Đề Hồng Lâu Mộng" của Minh Nghĩa (tự Ngã Trai), quý tộc từng đọc "Hồng Lâu Mộng" chẳng bao lâu sau khi Tào Tuyết Cần qua đời (thấy trong bản chép tay "Lục Yên tỏa song tập" của ông, hiện lưu giữ ở Thư viện Bắc Kinh) cũng đủ làm chứng liệu bên lề. Tôi lại nói Tào Tuyết Cần chưa kịp đem toàn bộ bản thảo ra tu bổ, nhuận sắc, nên một số "gai góc" chưa được nhặt sạch; ý tôi là có vài chỗ trước sau thiếu nhất quán hoặc xung khắc nhau, mà thực ra thứ "gai góc" này độc giả tinh ý nào cũng phát hiện nổi. Cách sách bàn về tuổi tác và ngày sinh của Giả mẫu chính là một ví dụ.

Hồi ba mươi chín, Lưu lão lão lần thứ hai vào phủ Vinh quốc, mới lần đầu được Giả mẫu tiếp kiến. Sách viết Giả mẫu hỏi: "Bà thân này, năm nay bà bao nhiêu tuổi rồi?" Lưu lão lão vội đứng dậy đáp: "Tôi năm nay bảy mươi lăm tuổi." Giả mẫu quay sang mọi người bảo: "Tuổi ấy rồi mà thân thể vẫn mạnh khỏe, hơn bà già này mấy tuổi chứ…" Theo cách giới thiệu ấy thì năm đó Giả mẫu mới vừa quá bảy mươi; nhưng câu chuyện từ hồi ba mươi chín triển khai tiếp xuống, trình tự thời gian nêu rõ ràng mồn một, không còn chỗ mơ hồ như từ hồi một tới hồi mười lăm; đến hồi bảy mươi mốt này, đáng lẽ mới chỉ đi từ "một mùa xuân" vào "ba mùa xuân", Giả mẫu không thể nào một cái nhảy từ khoảng bảy mươi lên tám mươi tuổi được. Đó là một "gai góc". Thực ra lúc tổng duyệt bản thảo, muốn nhặt nó bỏ rất dễ: chỉ cần đổi con số bảy mươi lăm tuổi Lưu lão lão tự xưng thành tám mươi lăm là xuôi chèo mát mái ngay.

Ngày sinh của Giả mẫu rốt cuộc là lúc nào? Hồi sáu mươi hai có đoạn Thám Xuân nói, các bản cổ đều không chênh nhau, đại ý: "Cũng có cái hay đấy. Một năm mười hai tháng, tháng nào cũng có vài sinh nhật… Mồng

một tết cũng chẳng uổng, bị chị cả Nguyên Xuân chiếm mất… Hôm đó lại cũng là ngày sinh của cụ tổ nhà ngày trước. Qua tết đèn thì tới sinh nhật của cụ già và chị Bảo, hai người trúng duyên gặp nhau ghê gớm; mùng một tháng ba là của bà Hai, mùng chín tháng ba là của anh Liễn, riêng tháng hai chẳng có ai." Tập Nhân thưa: "Mười hai tháng hai là sinh nhật cô Lâm cơ mà, sao bảo chẳng có ai? Chỉ có điều nàng không phải người nhà mình thôi." Bảo Ngọc liền chỉ rõ Tập Nhân và Đại Ngọc cùng một ngày sinh. Vậy mà hồi bảy mươi mốt lại ghi sinh nhật Giả mẫu vào mùng hai tháng tám, so với mốc "sau tết đèn" (rằm tháng giêng) nói ở hồi sáu mươi hai lệch hẳn hơn nửa năm. Cái "gai góc" trước sau không khớp này lẽ ra cũng phải nhặt bỏ, cách làm là chỉnh lại lời Thám Xuân trong hồi sáu mươi hai.

Hồi bốn mươi lăm, Lâm Đại Ngọc nói với Tiết Bảo Thoa "năm nay tôi đã mười lăm tuổi", rõ ràng là khai quá; nếu không phải trong quá trình chép lại, tay chép của bản cổ chép nhầm "mười hai" thành "mười lăm", thì đây cũng là một "gai góc" Tào Tuyết Cần chưa kịp nhặt bỏ. Hồi hai mươi lăm ghi rõ Bảo Ngọc ngậm viên thông linh bảo ngọc từ cõi trời xuống trần gian đã mười ba năm; câu chuyện từ điểm ấy chảy tiếp, trình tự đổi mùa ngay ngắn rõ ràng; đến hồi bốn mươi lăm cũng chỉ mới từ mùa xuân sang mùa thu, Bảo Ngọc đang giữa tuổi mười ba và mười bốn; nếu hắn nhỏ hơn Đại Ngọc, vậy suốt đầu cuối bộ truyện hắn gọi Đại Ngọc là muội muội, lấy gì giải thích?

Còn một chuyện nữa: hồi hai mươi chín viết đám nữ quyến nhà họ Giả từ trên xuống dưới kéo nhau đi đả tiếu ở quán Thanh Hư, sáu bản cổ đều có câu "vú ẵm Đại Thư dẫn theo Xảo Thư" (奶子抱着大姐儿带着巧姐儿)， riêng bản Thứ tự lại là "vú ẵm Đại Thư dẫn theo đám tiểu hoàn" (带着丫头们)； nhưng bản Thứ tự in đá ra đời muộn hơn cả sáu bản cổ chép tay, rõ ràng đã bị sửa trước khi in đá. Câu chữ trong sáu bản cổ chắc chắn là nét bút nguyên thủy của Tào Tuyết Cần trước khi ông kịp nhặt "gai góc". Chắc hẳn thiết kế ban đầu của ông là Phượng Thư sinh được hai con gái, không sinh nổi đứa con trai sống sót; thiết kế ấy thuận lợi hơn nhiều cho việc giải thích vì sao Giả Liễn trộm cưới Vưu Nhị tỷ, cũng như vì sao Giả mẫu và các người ngay từ đầu lại giữ thái độ khoan dung với chuyện đó. Nhưng tên "Xảo Thư" phải đợi đến hồi bốn mươi hai do Lưu lão lão đặt mới xuất hiện; thời điểm đả tiếu ở quán Thanh Hư, dù có cô bé này theo đoàn đi, cũng chưa thể viết thành "Xảo Thư" được.

Hồi ba mươi sáu "Thêu uyên ương, mộng báo ở Giáng Vân Hiên" viết Bảo Thoa đến Duy Hồng viện, thấy chiếc yếm "lụa trắng lót đỏ" do Tập Nhân thêu cho Bảo Ngọc, khen "đẹp mắt làm sao"; sau khi Tập Nhân đi khỏi, "lại thấy món thêu thật đáng yêu, bèn không tự chủ được cầm kim lên thay nó thêu tiếp". Sớm từ đời Thanh đã có giới phê bình chỉ ra chỗ này viết không đúng: món thêu đã lên lót rồi thì không thể hạ kim thêu thêm trên mặt ngoài nữa; viết thế là một sơ suất. Hồi bốn mươi tám, Đại Ngọc dạy Hương Lăng học làm thơ, nói: "Việc gì khó mà đáng học? Chỉ là khởi, thừa, chuyển, hợp; phần thừa và chuyển giữa bài tức một cặp đối khác nhau, chữ bằng đối với chữ trắc, hư đối với thực, thực đối với hư…" trong đó cụm "hư đối với thực, thực đối với hư" (虚的对实的，实的对虚的) lẽ ra phải là "hư đối với hư, thực đối với thực" (虚的对虚的，实的对实的)， một lỗi bút lớn, càng thuộc loại "gai góc" đáng phải nhặt đi khi tổng duyệt bản thảo.

Trong di thảo để lại của Tào Tuyết Cần xuất hiện mấy "gai góc" như thế, cũng chỉ là vết nhỏ trên tấm bích trong ngà, chẳng ảnh hưởng gì đến niềm say mê thẩm mỹ mà chúng ta dành cho "Hồng Lâu Mộng".

Riêng trong tình tiết "vợ Vượng Nhi dựa thế ép thành duyên" ở hồi bảy mươi hai, cô a hoàn mà vợ Vượng Nhi định cưỡng lấy làm con dâu cho thằng quỷ bất tài của nhà nó, các bản cổ đều ghi là Thái Hà, và nói rõ Thái Hà "có tình cũ với Giả Hoàn, chuyện chưa định". Nhưng hồi sáu mươi mốt, người qua lại thân mật với Giả Hoàn rõ ràng là Thái Vân, hiện hình sống động biết bao. Hồi sáu mươi hai còn có hẳn một đoạn viết về rắc rối tình cảm giữa Giả Hoàn và Thái Vân, cùng những dòng kể dì Triệu coi Thái Vân như người thân tín. Mở đầu hồi bảy mươi lại nhắc riêng: "Thái Vân vì gần đây đổ vỡ với Giả Hoàn, cũng nhiễm phải cái chứng không thuốc chữa", nên tạm chưa gả cho tiểu đồng đã tới tuổi. Truy ngược về hồi ba mươi, cảnh Kim Xuyến đùa cợt với Bảo Ngọc, đẩy Bảo Ngọc một cái rồi bảo: "Để tôi mách anh chỗ tiện thể, anh sang viện nhỏ phía đông mà xem anh Hoàn với Thái Vân đi." Hồi hai mươi chín đi đả tiếu ở quán Thanh Hư, Vương phu nhân bản thân không đi, nhưng các a hoàn của bà theo Phượng Thư đến, sách ghi rõ là Kim Xuyến và Thái Vân. Chỉ có ở hồi hai mươi lăm, viết Bảo Ngọc và Giả Hoàn cùng có mặt trong phòng Vương phu nhân, mới xuất hiện cả hai tên: Thái Hà và Thái Vân, nhưng vẫn nhấn mạnh người thân với Giả Hoàn là Thái Vân. Vậy Thái Vân và Thái Hà, rốt cuộc là một vai diễn bị viết thành hai cái tên, hay vốn dĩ là hai vai riêng? Hay cũng như Kim Xuyến với Ngọc Xuyến, là hai chị em ruột? Hồi hai mươi ba viết Giả Chính và Vương phu nhân gọi Bảo Ngọc đến gặp; Bảo Ngọc đi rồi, "Kim Xuyến, Thái Vân, Thái Hà, Tú Loan, Tú Phượng... các tiểu hoàn đều đang đứng trên mái hiên", Vân với Hạ đứng cạnh nhau, song lại chẳng thấy Ngọc Xuyến đâu. Hồi năm mươi chín viết cô a hoàn được sai lo đồ đạc cho Vương phu nhân là "Ngọc Xuyến, Thái Vân, Thái Hà". Đến hồi bảy mươi hai, lại viết Thái Hà có đứa em gái tên Tiểu Hà, chứ không hề có câu nào nói nàng còn người chị em ruột mang tên Thái Vân. Tới hồi bảy mươi bảy, Vương phu nhân sai a hoàn đi tìm nhân sâm, Thái Vân lại xuất hiện; mà hồi bảy mươi đã nói Thái Vân "mắc chứng không thuốc chữa", thì dù nàng với Thái Hà là hai người, cũng đã chẳng còn sức làm việc bình thường; huống hồ dù sau đó sức khỏe có khá lên, mối quan hệ thân quen giữa nàng với dì Triệu, Vương phu nhân há thể nào không hay? Người tin cậy hơn nàng vẫn đang ở cạnh bên là Ngọc Xuyến, việc tìm nhân sâm kiểu ấy lẽ ra phải giao cho Ngọc Xuyến mới phải.

Về chuyện Thái Vân, Thái Hà rốt cuộc là một hay là hai, giới nghiên cứu Hồng học nhiều năm qua đã có không ít người dày công khảo cứu. Ý tôi thì, dù đời thực có thật hai người ấy đi nữa, thuở ban đầu Tào Tuyết Cần cũng từng thử đưa cả hai vào truyện; nhưng xét theo văn bản hiện nay, trong hình tượng nghệ thuật do họ tạo nên, chỉ có Thái Vân là rõ nét, còn cái tên Thái Hà là thừa. Đến lúc tổng duyệt bản thảo lần cuối, Tào Tuyết Cần lẽ ra phải nhập Thái Vân và Thái Hà làm một, thống nhất thành Thái Vân, y như Đại Thư và Xảo Thư cuối cùng nhất định phải gộp làm một vậy.

Trước hồi bảy mươi mốt, sách đã viết tới những mâu thuẫn, va chạm giữa các chi trong họ Giả, nhưng chưa vụ nào leo thang đến mức không còn lối thoát. Đến hồi bảy mươi mốt thì không chỉ các mâu thuẫn dần

trắng hóa, mà mọi mâu thuẫn bắt đầu đan xen, xoắn chặt vào nhau, lộ rõ điềm suy tàn: kẻ địch ngoài kia chưa đánh vào, nội bộ đã tự ra tay đấu ác với nhau trước.

Cái gọi là "kẻ mang hiềm khích cố tình gây hiềm khích", thử tính kỹ xem có bao nhiêu cặp mâu thuẫn quyện vào nhau: mâu thuẫn giữa phủ Ninh quốc với phủ Vinh quốc; xô xát giữa nô tài với nô tài, giữa nô tài với chủ; trong lòng phủ Vinh quốc là mâu thuẫn giữa dì Triệu và Vương phu nhân; mâu thuẫn trong khuôn viên nhà Giả Xá; mâu thuẫn củaHình phu nhân với Vương phu nhân, rồi với Phượng Thư; mâu thuẫn của Giả Xá vàHình phu nhân với Giả mẫu sau khi xin Uyên Ương thất bại; Nam An thái phi đến mà Giả mẫu không cho Nghênh Xuân ra tiếp, khiếnHình phu nhân thêm bất mãn với Giả mẫu; cái trò lấy lòng Vưu thị của vợ Chu Thụy khiến pheHình phu nhân khó chịu, và vì thế vợ Lâm Chi Hiếu cũng ghét vợ Chu Thụy hay phen phen chuyện người; trong đám bà vú bị vợ Chu Thụy truyền lệnh trói lại chờ phân xử lại có một người là thông gia của bà Phí, vú theoHình phu nhân từ thuở xuất giá, nên mụ Phí căm phẫn cực độ bọn vợ Chu Thụy bên phủ Vinh, đứng sau tường chửi ầm lên...

Trong hồi bảy mươi mốt có vài chỗ tưởng là nét bút nhàn rỗi, tôi cho là rất đáng chú ý; e rằng bút nhàn mà chẳng nhàn, lại là Tào Tuyết Cần tranh thủ giờ rảnh giữa chốn tất bật để cài phục bút cho tình tiết phía sau. Một chỗ là Giả mẫu ưng hai cô gái trong họ đến chơi cùng khách: cô Hỉ Loan con gái mẹ Giả Biển, và cô Tứ tỷ nhi con gái mẹ Giả Quỳnh; cụ cố ý giữ hai đứa lại chơi thêm mấy ngày, còn truyền lệnh xuống cho mọi tầng lớp trong phủ phải đối xử với hai cháu như với các cô tiểu thư trong nhà. Hai cô bé đương nhiên mừng rỡ lạ thường, sau này Hỉ Loan còn tham gia trò chuyện, nói ra những lời ngây thơ. Tôi đoán hồi này đã nghiêm túc viết tới hai cô gái ấy thì không thể viết xong rồi bỏ; trong chuyện kể sau tám mươi hồi, nhất định các nàng còn có phần diễn xuất. Chỗ kia nữa: Giả mẫu vốn chẳng thèm để bụng đến quà cáp mừng thọ loại này, thế bỗng gọi Phượng Thư đã về tới nơi ở quay trở lại, đích thân hỏi: "Hôm trước mấy nhà ấy gửi quà mừng, cộng lại có mấy nhà gửi bình phong?" Phượng Thư tấu trình: tất cả mười sáu nhà gửi bình phong, mười hai cái lớn, bốn cái nhỏ đặt cạnh giường; trong đó tốt nhất là hai cái, một cái nhà họ Chân ở Giang Nam gửi, mười hai cánh, một mặt là đoạn đỏ thẫm dệt khắc ty đề "hốt đầy giường", mặt kia là tranh bách thọ thiếp vàng, thuộc hàng tuyệt phẩm; cái kia là bình phong kính của tướng quân Việt Hải nhà họ Ô, cũng không tệ. Nghe xong, Giả mẫu bảo hai cái ấy đừng động đến, cứ cất kỹ, cụ sẽ đem tặng người. Đúng chỗ viết nhà họ Chân ở Giang Nam gửi bình phong, Chi Nghiễn Trai phê: "Hay. Vừa nhắc chuyện họ Chân. Bởi việc 'trực' (直， nghĩa là thật) sắp lộ diện thì việc 'giả' (假) sắp kết thúc." Ý này là gì? Suốt bộ "Hồng Lâu Mộng" chẳng phải toàn là "chân sự ẩn" (真事隐) với "giả ngữ tồn" (假语存) đấy sao? Theo tôi hiểu, Chi Nghiễn Trai đang nhắc nhở "quan xem": từ chỗ này trở đi, phần hư cấu trong sách sẽ ngày càng ít đi, yếu tố ký thực sẽ ngày càng đậm thêm. Văn bản như thế ắt sẽ xuất hiện những "lời phạm húy", khiến những "người mượn sách" không tầm thường đòi sách gấp rút, cuối cùng tám mươi hồi sau "mất lạc, không còn bản thảo"!

Nhà họ Chân vốn là "thông gia cũ" của phủ Giả được sách an bài ngay từ hồi một; hồi năm mươi sáu viết trực tiếp đến người nhà Chân, cuối hồi còn tả cuộc hội ngộ trong mơ của Bảo Ngọc nhà Chân với Bảo Ngọc nhà Giả. Mở đầu hồi bảy mươi lăm viết ngay chuyện nhà Chân bị hoàng đế tịch gia trị tội, nhà Giả giúp giấu tài sản phạm pháp cho nhà Chân. Bạn đọc không khó liên tưởng tiếp số phận nhà Chân sau tám mươi hồi. Nhưng nhà Ô của tướng quân Việt Hải chỉ được chấm một chút ở đây, há lại tám mươi hồi sau không bao giờ nhắc tới nữa? Chắc chắn còn diễn xuất, nhưng là diễn xuất gì, thử hình dung thì khó thật.

Giả mẫu nói giữ lại hai cái bình phong ấy để tặng người, nhưng tặng ai? Hai đạo cụ này sẽ đóng vai trò gì trong dòng chảy tình tiết? Rất đáng suy ngẫm.

Hồi mười tám, Nguyên phi về thân, điểm hát bốn vở, vở đầu tiên "Hào Yến" là một trích đoạn trong "Nhất Bỗng Tuyết"; Chi Nghiễn Trai chỉ rõ đó là "mai phục cho sự suy vong của nhà Giả". "Nhất Bỗng Tuyết" là tên một món cổ khí bằng ngọc; nhìn vậy có thể thấy sự suy tàn về sau của nhà Giả, cái vận gở họ chạm phải, hẳn dính dáng đến đồ cổ hay đồ thủ công mỹ nghệ cao cấp. Vậy thì hai cái bình phong nói trên, biết đâu chính là những vật đem lại vận rủi.

Nhưng trong hồi bảy mươi hai lại có hẳn vài trăm chữ viết về một món đồ cổ. Bản Chu hội in theo bản Mông Cổ vương phủ là "Phật thủ lạp du đông" (臈油冻的佛手); bản thông hành của Nhà xuất bản Văn nghệ Nhân dân năm 1957 in "Phật thủ lạp du đông" (腊油冻的佛手); còn bản hiệu chú của Hồng học sở năm 1982 lại in "Phật thủ lạt du đông" (蜡油冻的佛手), căn cứ vào đâu? Hiệu ký cuối hồi (ba) nói: "lạt du đông" (蜡油冻) nguyên bản viết là "lạp du đông" (腊油冻), sửa thẳng luôn. Nghĩa là họ chẳng có căn cứ, cũng chẳng cần căn cứ; rõ ràng bản Canh Thìn mà họ sùng bái in là "lạp du đông" (腊油冻), họ vẫn độc đoán cho là sai, liền "sửa thẳng" thành "lạt du đông" (蜡油冻). Cách làm thô bạo đến nhường nào! Có thể cư xử tùy tiện như thế với văn bản của Tào Tuyết Cần sao? Với thái độ ấy mà động vào chữ nghĩa trong bản cổ, độc giả có còn nhìn thấy được nét bút nguyên thủy, ý tứ nguyên thủy của Tào Tuyết Cần nữa không?

Ngày 2-5-1944, "Tân Dân báo buổi tối" ở Trùng Khánh đăng bài "Hồng Lâu Mộng phát vi · Phật thủ sáp ong" của tác giả ký danh Tự, viết: "Hồi bảy mươi mốt chép phủ Giả có một quả phật thủ 'lạt du đông' (蜡油冻), do một nhà sư phương xa dâng cúng Giả mẫu. Nhìn theo mắt ngày nay, đó chẳng qua là một cái mô hình bằng sáp, không đáng là bao. Nhưng thời ấy thì không phải chuyện nhỏ; tiền mua nó được chi từ sổ sách cổ vật, được coi như cổ vật, Giả Liễn còn đặc biệt hỏi Uyên Ương về tung tích... Đứng đắn làm sao! Người hiện đại đọc thấy không nhịn được cười." Thực ra, cái đáng cười không phải là chữ nghĩa của Tào Tuyết Cần, mà là chính vị "Tự" tiên sinh này, vì kiến thức của ông ta nông cạn quá!

Phật thủ lạp du đông, không thể viết thành phật thủ lạt du đông, càng tuyệt nhiên không phải "một cái mô hình bằng sáp". Lạp du đông là một loại đá quý hiếm nổi tiếng, vân màu của nó hệt như phần mỡ trong miếng thịt lạp (thịt muối hun khói); quả phật thủ điêu khắc từ loại đá ấy đương nhiên là cổ vật khó tìm, quý giá. Việc Tào Tuyết Cần dùng vài trăm chữ ở hồi bảy mươi hai viết về nó rõ ràng là một phục bút lớn, xa xa

ứng đáp với hồi mười tám viết Nguyên phi về thân, điểm hát trúng trích đoạn "Hào Yến" trong "Nhất Bổng Tuyết". Cách lý giải lạp du đông là "quả phật thủ điêu khắc từ đá đông mật ong màu vàng" cũng chẳng ổn. Vì đã hiểu "lạp du đông" thành "đá đông mật ong vàng", rồi quay ngoắt tuyên bố chữ "lạp" (腊) mà Tào Tuyết Cần viết rõ ràng là sai, "sửa thẳng" thành "lạt" (蜡), thì càng thêm hoang đường. Bản Chu hội chọn dạng biến thể "臘" cho chữ "腊", vừa có căn cứ trên bản cổ, vừa tránh được cái oan hiểu "腊" thành "蜡", quả thật đã dành bao tâm huyết.

Hai cái bình phong, một quả phật thủ lạp du đông, nối tiếp xuất hiện trong hồi bảy mươi mốt, hồi bảy mươi hai, tuyệt không phải chữ thừa nét vứt; điều chúng mai phục đều là những vật mang tai họa dẫn đến sự suy vong của nhà Giả.

Hồi bảy mươi hai dùng nhiều trang viết về những lời qua tiếng lại quanh tiền bạc của cải giữa Giả Liễn và Phượng Thư, cùng các hoạt động kinh tế của hai người. Vì phòng tổng sổ đã lỗ vốn, mấy khoản tiền nhà đất cho thuê trong phủ một thời lại không thu về được, Giả Liễn đành sang nhờ Uyên Ương đi cầm đồ hộ: "tạm đưa lén ra một hòm vàng bạc đồ vật mà cụ già không dùng tới, cầm tạm nghìn mấy lạng bạc, gượng xoay xở qua chuyện". Uyên Ương đi rồi, Giả Liễn bảo Phượng Thư tối lại tìm Uyên Ương chốt cho chắc; Phượng Thư liền đòi phần trăm, Giả Liễn ấm ức, nàng bèn buông ra một bài luận dài, trong đó có cả câu nói khó nghe: "Chỉ việc quét cái khe đất nhà họ Vương của tôi thôi là đủ các anh ăn cả đời… Đối chứng có ngay đây: cứ đem đồ cưới của bà Hai và của tôi ra ngắm nghía kỹ, so với đồ nhà các người, xem món nào là không sánh nổi?" Tiếp đó lại viết thái giám họ Hạ trong cung sai tiểu thái giám đến "tạm mượn" bạc; Phượng Thư ra mặt ứng phó, sau khi cuối cùng cũng xoay xở cho hắn về được, Giả Liễn than: "Biết thế này mà lại phát thêm cỡ '三二万' (ba hai vạn lạng) tài lộc nữa thì tốt!" Có bản cổ chép "三二万" thành "三二百万". Vậy thì trước đó, Giả Liễn từng phát món tài lớn cỡ ấy vào lúc nào? Phải là sau khi Lâm Như Hải chết, hắn nuốt trọn số gia sản lẽ ra thuộc về Lâm Đại Ngọc; tôi đã phân tích kỹ ở tập II bộ sách này, ở đây không nói thêm.

Mô hình quản lý kinh tế phủ Vinh quốc, nhìn từ trước tới giờ, đến hồi này bạn đọc hẳn đã rõ trong lòng. Phủ có một phòng tổng sổ phụ trách thu chi bạc tiền của cả nhà, Giả Liễn chắc chắn có phần tham gia quản lý phòng tổng sổ này. Hàng tháng, phòng tổng sổ phát nguyệt tiền cho mọi người trong phủ theo định lệ; những nguyệt tiền ấy là để người nhận tiêu vặt riêng. Từ cụ già, Vương phu nhân, Lý Hoàn, bản thân Phượng Thư, tới dì Triệu, dì Chu, rồi Bảo Ngọc và các cô tiểu thư, kể cả nguyệt tiền của các a hoàn hầu những chủ nhân kể trên, đều do Phượng Thư tổng lĩnh rồi mới chia xuống từng nơi. Lời kể của Phượng Thư ở hồi bốn mươi lăm tiết lộ: cụ già và Vương phu nhân mỗi tháng hai mươi lạng bạc; Lý Hoàn đãi ngộ đặc biệt, cũng hai mươi lạng (đã gồm cả phần của Giả Lan); Phượng Thư năm lạng; Bảo Ngọc cùng Đại Ngọc, Nghênh, Thám, Tịch mỗi người hai lạng. Hồi ba mươi sáu tiết lộ nguyệt ngân của a hoàn hạng lớn như Kim Xuyến là một lạng bạc; a hoàn hạng lớn dạng Tình Văn lãnh một xuyến tiền; đám tiểu hoàn thì năm trăm tiền. Sách lại viết Vương phu nhân hỏi Phượng Thư nguyệt tiền của dì Triệu, dì Chu là mấy lạng; Phượng Thư đáp mỗi người hai lạng, dì Triệu còn thay Giả Hoàn lãnh thêm hai lạng, cộng thêm bốn xuyến tiền; Vương

phu nhân nói dường như nghe có người kêu ca là bị thiệt mất một xuyến; Phượng Thư liền giải thích: đó là phòng sổ bên ngoài bàn định, a hoàn của các dì phi bị giảm nửa định lệ, nên cộng lại thiếu đúng một xuyến. Trước lời than thở của dì Triệu, sau khi rời khỏi phòng Vương phu nhân, Phượng Thư bước ra hành lang, xắn tay áo mấy lần, dẫm chân lên ngưỡng cửa ngách, nghiến răng nói một tràng dài đầy căm giận.

Thuật ngữ "quan trung" xuất hiện nhiều lần trong sách; người trong phủ coi tiền của phòng tổng sổ là tiền "quan trung" (hoặc "công trung"), thứ tiền không được tùy tiện động đến, huống chi tham ô. Hồi ba mươi lăm viết Bảo Ngọc bị đánh xong nằm dưỡng thương, Vương phu nhân hỏi cháu muốn ăn gì, cháu nói thèm món canh lá sen nhỏ, chùm hoa sen nhỏ từng làm dâng Nguyên phi thuở về thân; Giả mẫu liền reo liên tục sai làm ngay. Phượng Thư bèn dặn nhà bếp lập tức lấy mấy con gà, thêm thắt gia vị khác, làm ra cả chừng mười bát. Vương phu nhân hỏi làm cả mấy bát ấy để làm gì, nàng đáp chẳng thà nhân thể làm nhiều cho mọi người cùng ăn, còn bản thân nàng cũng được "thưởng một món ngon" (ý là nếm cái lạ); Giả mẫu nghe xong cười nói: "Con khỉ này, mày khéo lắm! Mang tiền quan trung ra để làm vẻ với người ta." Cả nhà cười ồ; Phượng Thư vội nói: "Không sao cả, bữa tiệc nhỏ này cháu xin thết." Điều đó cho thấy, thời đại ấy, một phủ đệ quý tộc như thế, trong quản lý kinh tế cũng có một bộ "luật chơi" nghiêm ngặt, có ranh giới rành mạch giữa "quan trung" và "túi riêng". Hồi bảy mươi hai Giả Liễn hỏi Uyên Ương về tung tích quả phật thủ lạp du đông cũng cho thấy: "quan trung" có sổ sách và hồ sơ cho từng món cổ vật; hễ có hồ sơ mà không thấy vật là lập tức tra hỏi đến cùng.

Nhưng sách có một sợi dây tình tiết chạy suốt từ đầu đến cuối: mỗi lần Phượng Thư lĩnh buộc nguyệt ngân về từ "quan trung", nàng không phát xuống ngay, mà đem ra xã hội cho vay lấy lãi, cứ phải đợi thu đủ gốc lãi lần trước rồi mới phát xuống; với cụ già và Vương phu nhân có lẽ nàng còn giữ đại thể đúng kỳ, còn nguyệt ngân của những người khác đều bị nàng trì hoãn. Kiểu làm ăn ấy, thuở đầu nàng giấu cả Giả Liễn, chỉ có vợ chồng Vượng Nhi được sai đi thao tác cụ thể và Bình Nhi tâm phúc là biết.

Hồi mười sáu viết Giả Liễn từ Giang Nam tham gia lo liệu tang sự của Lâm Như Hải trở về; Phượng Thư đang ở trong buồng thiết đãi Giả Liễn, bỗng nghe ngoài gian có tiếng người nói chuyện, nàng hỏi là ai, Bình Nhi vào thưa là Tiết di sai Hương Lăng sang hỏi một câu. Sau đó Giả Liễn được Giả Chính gọi đi, Phượng Thư hỏi Bình Nri Tiết di lại sốt sắng sai Hương Lăng đến làm gì, Bình Nri mới thú thật: "Có Hương Lăng nào đâu, là tôi mượn danh nàng nói dối tạm đấy. Mợ xem, cái bà Vượng ấy càng ngày càng mất hết tính toán… Tiền lãi của mợ, chậm thì không đem đến, sớm cũng không đem đến, đằng này cậu Hai vừa ở nhà, nó lại chọn đúng lúc ấy đem tiền đến…" Tào Tuyết Cần không khô khan thuật lại cho bạn đọc hành vi dùng nguyệt ngân cho vay lấy lãi của Phượng Thư, mà truyền tải thông tin ngay trong những chi tiết sống động đầy hơi thở đời thường, một mũi tên trúng nhiều đích. Kiểu tả thực ấy không chỉ nêu rõ hành vi cho vay của Phượng Thư, mà còn phác họa quan hệ giữa mấy con người, đồng thời khắc họa tính cách từng người.

Nội dung chính hồi ba mươi chín là viết Lưu lão lão lần hai vào phủ Vinh quốc, nhưng Tào Tuyết Cần rất tự nhiên cài vào một đoạn: Tập Nhân hỏi Bình Nri: "Sao tháng này tiền nguyệt tiền, đến phần của cụ già và bà Hai vẫn chưa phát thế?" Bình Nri khẽ nói với Tập Nhân: "Chị đừng hỏi nữa, chậm lắm thì hai hôm nữa phát... Nguyệt tiền tháng này mợ tôi lãnh từ sớm rồi, đem cho người ta vay lấy lãi; phải đợi thu đủ tiền lãi mới phát được. Chị nhớ, không được kể với một ai." Tập Nhân cười: "Mợ ấy há lại thiếu tiền tiêu sao? Khổ tâm làm thế chi!" Bình Nri nói: "Ai mà chẳng thế! Mấy năm nay mợ lấy món tiền ấy xoay vòng, lãi đã lôi ra tới mấy trăm. Tiền công quà cáp cùng nguyệt tiền của mợ đâu có tiêu hết, mười lạng tám lạng gom góp lặt vặt lại đem cho vay tiếp; riêng tiền lãi riêng tư ấy của mợ, chưa đầy một năm đã tới nghìn lạng bạc." Tập Nhân cười: "Cầm tiền của chúng tôi đi mà kiếm lãi, chủ tớ các người hưởng lợi, lừa chúng tôi ngồi chờ!" Ngay cả Tập Nhân, kẻ chẳng bao giờ muốn đắc tội với ai, cũng phải buột miệng bật ra lời oán trách.

Hồi ba mươi chín tiếp xuống còn viết đám tiểu đồng quấn quýt xin Bình Nri cho nghỉ việc mấy hôm; Bình Nri gật đầu cho một người, dặn: "Anh đi thì nhắn giùm với Vượng một câu, cứ nói theo lời mợ, hỏi nó phần lãi còn lại ấy, ngày mai nếu không đem nộp đến, thì mợ cũng chẳng thèm nhận nữa, cứ việc cho nó tiêu sạch." Chi tiết ấy tô đậm thêm cho chuyện cho vay lấy lãi của Phượng Thư.

Hồi năm mươi lăm viết Phượng Thư tâm sự riêng với Bình Nri; vì hành vi của mình, nàng tự bào chữa thế này: "Chị biết đấy, mấy năm nay tôi nghĩ ra bao nhiêu cách tằn tiện, e rằng cả nhà chẳng ai khỏi ngầm ghét tôi. Bây giờ tôi như cưỡi lên lưng hổ rồi, tuy thấy rõ vậy mà nhất thời khó lòng buông lơi; lại thêm trong nhà chi ra nhiều, thu vào ít, việc to việc nhỏ vẫn theo đúng phép tắc của cụ tổ để lại, mà ruộng vườn thu nhập mỗi năm lại không bằng trước; mà tằn tiện đi thì người ngoài chế giễu, cụ già và bà Hai chịu thiệt thòi, người hầu kẻ dưới kêu ca cay nghiệt; nếu không sớm liệu bày kế tằn tiện, vài năm nữa là trắng tay hết cả." Vậy thì, nàng lĩnh buộc nguyệt ngân về đem cho vay, khiến khắp nơi chẳng bao giờ lãnh đúng kỳ tiền nguyệt ngân; số tiền lãi kiếm được ấy, rốt cuộc có phải đã dùng để bù vào chi tiêu của phủ hay không? Có phải là một nước cờ trong "kế tằn tiện" ấy chăng?

Đến hồi bảy mươi hai, khi vợ Vượng Nhi, chỗ dựa của bí mật cho vay của Phượng Thư, đến xin gả Thái Hà (đáng lẽ là Thái Vân) cho con trai mình, chuyện cho vay của Phượng Thư cũng hẳn công khai hóa. Trước mặt Giả Liễn, Phượng Thư ra lệnh cho vợ Vượng Nhi: "Cứ bảo với đàn ông nhà em: mọi món nợ ngoài kia nhất loạt đòi cho gom hết về trước cuối năm nay, thiếu một xu cũng chẳng tha! Danh tiếng tôi đã xấu rồi, để tôi cho vay thêm năm nữa, người ta còn sống mà nuốt tươi tôi mất!" Nói xong lại tiếp: "Tôi thật là tấm chân tình hao hụt vô ích. Thực ra tôi có đợi tiền ấy để làm gì, chẳng qua vì bữa cơm ngày hai bữa, chi ra nhiều mà thu vào ít. Trong buồng này cái có cái không, nguyệt tiền của tôi với của cậu ấy, cộng thêm nguyệt tiền của bốn đứa a hoàn, gộp lại cũng chỉ mười hai mươi lạng bạc, chưa đủ xài năm ba ngày. Nếu không phải tôi ngàn cách vạn cách xoay xở, thì sớm đã chẳng biết chui vào cái hố nát nào rồi. Nay còn mang tiếng là con nhà hũ nát chuyên cho vay nặng lãi..." Phượng Thư giải thích việc dùng nguyệt ngân cho vay lấy lãi của

mình như một tấm lòng vị tha, một tấm lòng cam chịu. Nàng cũng có thể dùng một phần lợi tức để vá chỗ hụt chi tiêu gia đình, nhưng phần đem ra béo túi riêng chắc chắn chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Vấn đề là, trong xã hội đương thời, một gia đình quý tộc như thế, "phép tắc của cụ tổ để lại" xét đến cùng vẫn là "vương pháp" của "quan trung"; hành vi của Phượng Thư thuộc loại lấy lãi trái phép. Một xã hội, một gia tộc, mà các thành viên coi chuyện phạm pháp như cơm bữa, thì đó chẳng phải cải cách, càng chẳng phải cách mạng, mà là vừa giữ mặt ngoài hào nhoáng cho "phép tắc của cụ tổ", vừa moi rút quyền uy cùng sức ràng buộc của "phép tắc" ấy; vậy thì chỉ có thể gọi là mục ruỗng tận xương. Qua tuyến tình tiết Phượng Thư lấy lãi trái phép chạy suốt bộ truyện, Tào Tuyết Cần không chỉ khắc họa cấu trúc nhân cách phức tạp của Phượng Thư, mà còn phơi bày nguyên nhân sâu xa khiến tông tộc và xã hội ấy tất phải mục nát.

Sau tám mươi hồi, sách sẽ viết Phượng Thư cho vay lấy lãi trái phép, cùng nhiều lần lén Giả Liễn mượn danh Giả Liễn để dọa nạt, đút lót quan phủ nhằm mưu tư lợi hoặc "xoa dịu" kiện tụng (trong đó có việc dập dều phiền phức cho Lãnh Tử Hưng, con rể của vợ Chu Thụy), cuối cùng dẫn tới Giả Liễn ruồng bỏ nàng; địa vị của nàng với Bình Nri bị "đảo ngược cho nhau" (lời Lý Hoàn ở hồi bốn mươi lăm); đến khi hoàng đế tịch gia nhà Giả, những hành vi phạm pháp trầm trọng hơn của nàng như "làm quyền ở Thiết Giám tự" gây ra hai mạng người bị phơi bày, nàng bị giải vào ngục; cuối cùng đúng như lời khúc từ: "Việc đời tính rất thông minh, còn mình, mình tính phận mình vẫn sai." Tào Tuyết Cần đối với nhân vật này là yêu ghét đan xen, khen chê lẫn lộn; ông khiến chúng ta tin rằng trong không gian thời gian ấy đã từng sống một sinh mệnh bạo miệng lắm chiêu, mà sự sống và cái chết của nàng có thể gợi cho chúng ta biết bao suy ngẫm, khiến chúng ta ý thức sâu sắc hơn về sự phức tạp của lòng người và sự quỷ quyệt của số phận.

Nửa sau hồi bảy mươi mốt với đoạn đầu hồi bảy mươi hai viết chuyện "nữ Uyên Ương vô tình gặp chuyện uyên ương". Trong ánh trăng, Uyên Ương "trông rõ một bóng người mặc váy đỏ, đầu bới bùm cao, dáng vạm vỡ cao lớn, chính là Tư Kỳ hầu ở buồng Nghênh Xuân"; câu chạm trán bóng dáng Tư Kỳ ấy, cùng hai bức chân dung Uyên Ương và vợ Tần Hiển, đều khiến người ta nhớ mãi không quên. Bây giờ tôi muốn hỏi: Tư Kỳ có hành vi lãng mạn dưới chân non đá rừng trong Đại Quan viên, vậy trước đó có phục bút không? Câu trả lời là: có. Hồi hai mươi bảy, tại một sườn dốc trong Đại Quan viên, Hồng Ngọc bám được cành cao của Phượng Thư, được sai ra khỏi viên lấy đồ và truyền lời; khi làm xong quay lại, Phượng Thư đã rời khỏi sườn dốc, "bèn thấy Tư Kỳ từ hang nhỏ chui ra, đứng đó thắt nẹp váy, Hồng Ngọc đuổi tới hỏi: 'Chị ơi, không biết mợ Hai đi về hướng nào?' Tư Kỳ đáp: '没理论' (chẳng buồn nghĩ đến)." Tư Kỳ chui vào "hang nhỏ", tức cái hang đá nhỏ, để làm gì nhỉ? Nàng có nỗi niềm riêng; rất có thể nàng đang dò tìm một chỗ về sau có thể lén hẹn anh họ Phan Hựu An chui vào, nhân màn đêm che chắn mà nên chuyện; nên khi Hồng Ngọc hỏi, nàng đáp "没理论". Rõ ràng, lúc đặt nét bút hồi hai mươi bảy ấy, dù khi đó Tào Tuyết Cần đã viết hồi bảy mươi mốt hay mới chỉ ấp ủ trong đầu chưa kịp hạ bút, chính ông cũng hiểu rõ vì sao phải cài nét ấy vào giữa quá trình Hồng Ngọc chạy việc. Mỗi lần tôi phơi bày bí mật kiểu viết này của Tào Tuyết Cần lại có người chế giễu: "Tào Tuyết Cần mà viết kiểu ấy được à? Viết thế mệt lắm! Đáng công phu không?" Loài

người sáng tạo tiểu thuyết bằng mọi thứ tiếng, viết theo mọi kiểu; xưa nay Trung ngoại đều có thứ tiểu thuyết phóng khoáng không đặt phục bút tỉ mỉ thế, cũng có tác giả tự tuyên bố mình viết rất nhẹ nhõng; nhưng xưa nay Trung ngoại cũng đều có thứ tiểu thuyết cài phục bút tinh vi, đầy bí ẩn huyền cơ, nhiều tầng biểu tượng, mà tác giả tuyên bố là rót cả máu me, đốt cả sinh mệnh để viết. Ví dụ "Uy-lít-xơ" của James Joyce người Ai-ơ-lân thuộc loại ấy; "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần càng là tác phẩm như thế, hơn nữa "Hồng Lâu Mộng" còn sớm hơn "Uy-lít-xơ" tới hơn một trăm năm. Nếu anh cho rằng nhân loại nên tôn trọng "Uy-lít-xơ" của Joyce, vậy với tư cách một người Trung Hoa, tôi chẳng nghĩ ra nổi anh có thể khinh miệt buông câu: "cái gì mà Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, chẳng phải chỉ là một cuốn tiểu thuyết thôi sao?"

Đúng vậy, "Hồng Lâu Mộng" là một cuốn tiểu thuyết, nhưng nó kết tinh gần như toàn bộ tinh hoa của nền văn hóa truyền thống Trung Hoa từ trước cho tới chính thời đại nó ra đời; hơn nữa, trong lúc kế thừa tinh hoa truyền thống, nó còn có những đột phá, những vượt lên. Tôi thật lòng tán thành cách Mao Trạch Đông khái quát những yếu tố đáng tự hào nhất của dân tộc chúng ta thành bốn điều: một là nước ta đất rộng của nhiều; hai là dân số đông đảo; ba là lịch sử lâu đời; bốn là trên văn đàn có một bộ "Hồng Lâu Mộng".

# Gió nổi từ ngọn thanh bình

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi ba: Cô hầu khờ lỡ tay nhặt phải túi thơm thêu xuân; cô tiểu thư nhu nhược chẳng hỏi chuyện phượng vàng lụy rắc (痴丫头误拾绣春囊 懦小姐不问累金凤)

◇ Hồi thứ bảy mươi tư: Mê hoặc bởi lời gièm pha xấu, lục lựa khắp Đại Quan viên; thề giữ nết gầy cứng, dứt khoát đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc (惑奸谗抄拣大观园 矢孤介杜绝宁国府)

- Tiểu Thước báo tin

Nếu nói hai hồi trước mới chỉ là cảnh "mưa chưa tới mà gió đã cuộn quanh lầu", thì đến hai hồi này, trận mưa xối xả đã quật thẳng vào người rồi.

Tào Tuyết Cần vốn quyết viết bi kịch, quyết phá cái lối mòn cũ kỹ mà rốt cuộc vẫn quay về viên mãn đại đoàn viên, quyết mở ra một cục diện bi kịch mới cho "thuyết bộ", "truyền kỳ" truyền thống Trung Quốc. Cuốn sách của ông lấy chín hồi làm một đơn vị; đến hồi thứ bảy mươi hai là vừa khép lại đơn vị thứ tám, phía sau còn bốn đơn vị nữa, tức còn đúng một phần ba dung lượng. Trong một phần ba ấy, ông sẽ viết gì? Chẳng lẽ chỉ viết bi kịch tình yêu? Chẳng lẽ viết thứ hài kịch rằng nhà họ Giả tuy kinh qua đòn đánh vẫn "được vua ban ơn", "nối dài phúc ấm"? Chẳng lẽ sắp đặt để Giả Bảo Ngọc trước hết dự thi khoa cử, tranh cho gia tộc được chút "thể diện", rồi khoác chiếc áo lông vượn màu đại hồng lộng lẫy mà đi xuất gia, lại còn không quên chạy về quỳ lạy cha một cái cho trọn cái kết ngọt ngào? Mọi câu trả lời đều phải là phủ định. Bản tiếp bút của Cao Ngạc có người thích; họ có quyền tự do yêu thích cái văn bản ấy, nhưng tôi xin tại đây một lần nữa nhấn mạnh:

- Tào Tuyết Cần đã viết trọn vẹn Hồng Lâu Mộng, không phải chỉ viết tám mươi hồi rồi ngồi đợi kẻ khác viết nốt;

- Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có một trăm linh tám hồi, chứ không phải một trăm hai mươi hồi;

- Câu chuyện tình yêu chỉ là một phần trong nội dung Hồng Lâu Mộng; nội dung phong phú của tác phẩm không thể gói gọn bằng công thức "bi kịch của Bảo Ngọc với Đại Ngọc tranh giành tự do yêu đương, tự do hôn nhân mà không thành";

- Tính bi kịch của Hồng Lâu Mộng tuyệt không chỉ thể hiện trong chuyện tình yêu; tác phẩm viết về những bi kịch chính trị, bi kịch gia tộc, bi kịch tính cách, và bi kịch con người mà kẻ hữu tội với người vô tội cùng

nhau tiêu vong, trong đó bao hàm cả tình yêu;

- Chủ đề Hồng Lâu Mộng không thể chỉ đóng khung ở "phản phong kiến"; tác phẩm tiến hành cuộc khám phá mang tính khai sáng về nhân tính và vận mệnh con người, không những chưa từng có tiền lệ ở Trung Quốc, mà đặt trong rừng văn hóa thế giới, tầm triết học nó đạt tới trong cùng thời đại cũng thuộc hàng dẫn đầu;

- Phần nội dung thất lạc không còn bản thảo sau hồi thứ tám mươi của Hồng Lâu Mộng là có thể dò tìm phục dựng được; trăm năm qua, hồng học ngành thám dật thu hoạch khá phong phú, những thành quả ấy có thể phổ biến rộng ra, thu hút thêm nhiều người tham gia thám dật;

- Phải cắt rời Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần khỏi bốn mươi hồi tiếp bút mà Cao Ngạc, một kẻ chẳng dính dấp gì đến ông, viết xuống hơn hai mươi năm sau khi ông mất;

- Còn phải khôi phục phần chữ nghĩa tám mươi hồi đầu đã bị Cao Ngạc (cùng thư thương Trình Vĩ Nguyên) sửa xén xuyên tạc trở về nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần.

Khi những khái niệm cơ bản kiểu ấy đã vững vàng trong tâm trí, lấy đó làm tiền đề mà thưởng đọc lại hồi thứ bảy mươi ba và hồi thứ bảy mươi bốn, ta sẽ nhai kỹ được khá sâu tầng nội hàm phong phú trong văn bản của Tào Tuyết Cần.

Cuối hồi thứ bảy mươi hai và đầu hồi thứ bảy mươi ba, đoạn văn về dì Triệu cho chúng ta biết rằng: tuy ở phủ Vinh Quốc, ngoài mấy "bà già ngu dại" ra, dì Triệu gần như ai gặp cũng ghét, bà vẫn là thiếp yêu của Giả Chính; khi Giả Chính ở nhà, đêm nào cũng ngủ với bà. Lối miêu tả tưởng như thờ ơ kia, thực chất phác họa ra phương thức sống của các nam chủ nhân nhiều gia đình quý tộc thời ấy: tách chính trị, luân thường và chuyện phòng the thành từng mảng riêng, rất mang tính điển hình. Tôi từng viết bài "Nói chuyện dì Triệu" phân tích kỹ càng; bài này thu vào tập "Bí ẩn tam thoa Hồng Lâu" của tôi, quý độc giả có thể tham khảo.

Bi kịch chà đạp đóa hoa ở Đại Quan viên diễn ra càng lúc càng ác liệt qua hồi thứ bảy mươi ba và hồi thứ bảy mươi bốn; gần nửa thế kỷ nay, nhiều nhà luận bàn đã hao rất nhiều mực, phân tích rằng bản chất sự kiện nằm ở chỗ mâu thuẫn nội bộ giữa các chủ tử trong gia đình phong kiến đẩy tới gay gắt, khiến ách áp bức của bọn chủ nô đối với nữ nô tỳ lộ hẳn ra mặt và trở nên tàn khốc; mà thứ loạn lạc trong gia tộc ấy lại tạo cơ hội cho lực lượng đánh đấm bên ngoài thừa chỗ mà xâm nhập. Đây hẳn thật sự là tầng ý vị Tào Tuyết Cần muốn gửi gắm. Nhưng đọc kỹ văn bản, chúng ta sẽ thấy Tào Tuyết Cần tuyệt không xuất phát từ khái niệm, nghĩa là không lấy "bản chất" kéo theo tình tiết; cái ông bày ra trước mắt ta là dòng chảy nguyên sinh của cuộc sống, um tùm những chiếc gai nhỏ. Nói cách khác, cái ông muốn chúng ta nghiền ngẫm tuyệt không dừng lại ở những "bản chất" xã hội ấy; ông vượt lên tầng mặt đó, khiến ta ý thức được mối quan hệ

trá hình đầy quỷ quyệt giữa tính cách con người và vận mệnh con người, khiến ta chẳng khỏi hướng xuống tận sâu lòng người mà dò hỏi.

Đến hồi thứ bảy mươi ba, Tình Văn, một sinh mệnh sống động từng khiến muôn vàn độc giả say mê, đã bị thần chết tiến sát. Xét về "bản chất", việc Vương phu nhân trừ khử Tình Văn chỉ còn sớm hay muộn; nhưng kẻ chính tay rút ngắn ngày chết của mình lại chẳng ai khác, chính là Tình Văn. Đây là chỗ kinh tâm động phái nhất trong suy ngộ và hạ bút của Tào Tuyết Cần; chẳng phải đại văn hào với ngòi bút đại tài, tuyệt đối không viết tới nổi ấy!

Hãy cùng xem chuỗi tình tiết của hai hồi thứ bảy mươi ba và thứ bảy mươi bốn:

Dì Triệu, trước khi tiễn Giả Chính đi nghỉ, đã kể với ông không ít chuyện. Trong viện Di Hồng mọi người đang cười đùa (thiên hạ vốn chẳng có việc gì), thì Tiểu Thước, con a hoàn của dì Triệu (thực ra đâu phải chim khách tốt lành, rõ ràng là con quạ, đáng lẽ phải gọi Tiểu Á mới đúng; cái tên Tiểu Thước mang hẳn ý mỉa mai ngược), chạy tới báo tin dữ: "Vừa nãy bà chủ nhà tôi kể lể đủ điều trước mặt lão gia đấy, cậu cứ cẩn thận, ngày mai lão gia hỏi chuyện thì sao!" Bảo Ngọc nghe Tiểu Thước báo tin, "cứ như Tôn Ngộ Không nghe thấy câu thần chú vành kim cô ấy", chân tay bủn rủn, gan ruột bồn chồn (điều này giúp ta hiểu rõ hơn nguồn gốc những mã hiệu "Giáng Động Hoa Vương" (vua hoa động đỏ thẫm), "Che Thiên Đại Vương" (đại vương che trời) đã thấy từ trước); gấp gáp ôm chân Phật, khoác áo đọc sách đêm khuya, làm cả phòng a hoàn chẳng đứa nào được ngủ. Tình Văn hoàn toàn không hay biết diễn biến sự việc sẽ đẩy nhanh cái chết của chính mình, cứ quát mắng bọn a hoàn nhỏ, còn tuyên bố đứa nào buồn ngủ gục xuống là "ta sẽ lấy kim đâm cho mấy cái bây giờ chịu!". Kim Tinh Pha Lê (chính là Phương Quan) chạy từ cửa phòng sau vào, hô lớn: "Nguy rồi! Có một người ở trên tường nhảy xuống!" (Nét bút này chẳng chút gượng ép; quý độc giả hẳn biết cô chỉ ra ngoài giải quyết chuyện riêng đấy thôi; hồi thứ năm mươi mốt chép Xạ Nguyệt "đi ra ngoài một lúc rồi về" cũng là đi tiện, việc làm thường lệ của bọn a hoàn ban đêm.) Tình Văn nhân thể xúi Bảo Ngọc giả bệnh, "cứ nói là do sợ quá". Truyền gọi người trực đêm xông xáo lùng sục khắp nơi với đèn lồng trên tay, nhưng chẳng thấy bóng dáng nào. Riêng Tình Văn nhất định khuếch đại chuyện to ra: "Bây giờ cậu Bảo sợ quá tái hẳn mặt đi, khắp người nóng ran, tôi phải lên buồng lấy thuốc an thần đây, nếu bà Hai hỏi tới thì phải tâu rõ ràng, chẳng nhẽ theo lời các người rồi bỏ qua đi hay sao?" Quả nhiên động tới Vương phu nhân, "đèn đuốc khắp vườn, nhộn lên cả đêm", còn dẫn tới việc hôm sau Giả mẫu đích thân hỏi han. (Quý độc giả thử nghĩ lại: trước đó bao giờ Giả mẫu từng đích thân hỏi đến việc quản gia trong phủ? Lần này Tình Văn coi như "kinh động tới tầng cao nhất" đấy.) Sau khi vận dụng vốn kinh nghiệm chính trị gia tộc tích lũy bao năm, Giả mẫu đích thân hạ lệnh: "Lập tức bắt mấy con bạc đến đây; kẻ nào ra thú trước thì được thưởng, kẻ nào che giấu tình tiết không khai báo thì phải trị tội." Vợ Lâm Chi Hiếu cùng cả đám thấy Giả mẫu nổi giận, ai dám thiên tư. (Xưa nay Giả mẫu chỉ là lãnh tụ tinh thần của phủ; sự việc phát triển tới mức "lãnh tụ tinh thần" phải ra tay làm "lãnh tụ thực tiễn", với gia tộc đó tuyệt không phải điềm lành, mà là điềm suy tàn.) Tuy chẳng tránh được phen mọi người chối quanh, cuối cùng nước rút thì đá cũng lồi ra: tra ra ba

tên đầu mục lớn, tám tên đầu mục nhỏ, gom cộng lại hơn hai mươi kẻ tụ cờ bạc, đều đem ra trình Giả mẫu, quỳ giữa sân lạy đầu cầu tha. Giả mẫu bèn xuống "thuốc dữ chính trị": tên đứng đầu mỗi đứa bốn mươi gậy rồi đuổi cổ đi, nhất thiết không cho vào làm nữa; kẻ theo đuôi mỗi đứa hai mươi gậy, phạt ba tháng tiền lương, bắt vào quét dọn nhà xí. (Quả là "một hòn đá khuấy động nghìn lớp sóng": vướng vào tới một đám người đông như vậy, mà họ lại đều có thân nhân nhà cửa riêng; những kẻ ấy há cam chịu rủi ro xui xẻo rồi thôi! Từ đó phủ Vinh Quốc với Đại Quan viên chìm vào cuộc khuynh động lớn giữa các phe phái lợi ích, bề ngoài không còn chút yên tĩnh nào nữa!) Tình Văn nhân chuyện "có người nhảy tường, Bảo Ngọc bị hù" khuấy ra đại sự, mang tính bất ngờ; kế đó chép cô Ngốc nhặt được túi thơm thêu xuân, "cười tít mắt" đụng trúng Hình phu nhân, lại càng mang tính ngẫu nhiên; nhưng ngẫu nhiên chính là phương thức hiện hình của tất yếu. Tào Tuyết Cần không vội chép Hình phu nhân triển khai biện pháp cụ thể nào vì túi thơm ấy, mà chép bà "chẳng lộ ra nét mặt, đi thẳng vào buồng Nghênh Xuân". Giả mẫu nổi cơn lôi đình sai xét cờ bạc, ba tên đầu mục lớn tra ra được: một đứa là thông gia bên dì của đại quản gia Lâm Chi Hiếu, một đứa là em gái nàng dâu thím Liễu cai quản bếp trong, một đứa chính là vú nuôi của Nghênh Xuân. Nửa dưới hồi thứ bảy mươi ba dành trọn để chép Nghênh Xuân, có thể gọi là "chánh truyện Nghênh Xuân", khắc họa sự nhu nhược của cô sâu ăn vào tận gỗ. Sang hồi thứ bảy mươi bốn, xen kẽ thêm chuyện Hình phu nhân đòi bạc của Giả Liễn, chuyện Bình Nhi kể Uyên Ương đem đồ vàng bạc của Giả mẫu cho Giả Liễn đem đi cầm đổi bạc, kỳ thực đã qua mắt Giả mẫu, còn Giả mẫu cứ giả vờ không biết, vân vân; rồi sau đó mới chép Vương phu nhân bất ngờ đích thân tới chỗ ở của Phượng Thư. Những gì tiếp theo, quý độc giả còn nhớ như in, tôi sẽ chẳng vòng vòng liệt kê từng mắt xích nữa. Tôi chỉ muốn hỏi: gạt chuyện "thực chất" sang một bên, dòng chảy um tùm của muôn vàn chuyện vặt nguyên sinh trong đời sống ấy, há chẳng hoàn toàn vượt ngoài dự liệu của Tình Văn trong truyện, cũng vượt ngoài dự liệu của độc giả, mà với tốc độ chóng vánh đến thế, đã điều động thần chết tới trước mặt cái sinh mệnh bé nhỏ ngang tàng mà mong manh của Tình Văn hay sao!

Ở hồi thứ bảy mươi bốn, có vài điểm đáng chú ý:

Vương phu nhân ra lệnh cho Phượng Thư gọi mấy nhà bồi phòng trông nom công việc đến đây: "Một lúc vợ Chu Thụy với vợ Ngô Hưng, vợ Trịnh Hoa, vợ Lai Vượng, vợ Lai Hỷ, năm nhà bồi phòng vào trước, những người khác đều đang có chức sự riêng ở phương Nam." Ở đúng chỗ này, Chi Nghiễn Trai phê vỏn vẹn bốn chữ: "Lại chôn một nét phục bút." Bà đã đọc thấy phần chữ nghĩa sau hồi tám mươi, nên mới chỉ ra như thế. Ta có thể hình dung phần văn bản phía sau sẽ ngày càng rõ ràng xử lý theo nguyên tắc "chuyện thật sắp lộ diện, chuyện giả sắp cùng tận": "Giang nam, Giang Bắc cảnh cùng chung" (câu trong bài từ Bảo Cầm điền ở hồi thứ bảy mươi), hai phủ Chân, Giả lần lượt tiêu vong, cuối cùng Vương Hy Phượng cũng chỉ còn "nhìn về Kim Lăng, luống ngậm ngùi". Những nội dung ấy Tào Tuyết Cần đều đã viết xong; khi Chi Nghiễn Trai viết phê ngữ, căn bản chẳng cần ai đến viết nốt.

Kẻ khơi lại ấn tượng xấu về Tình Văn trong lòng Vương phu nhân chính là lời gièm pha do vợ Vương Thiện Bảo giăng ra. Vương phu nhân chợt chạm phải chuyện cũ, bèn hỏi Phượng Thư: "Lần trước chúng ta theo cụ

vào chơi trong vườn, có một đứa lưng hơi cong, vai hơi thon, lông mày và mắt lại hơi giống em Lâm của chị, đương quát mắng bọn a hoàn nhỏ. Trông cái dáng ngông cuồng ấy ta khó chịu lắm. Nhưng vì cùng đi với cụ, ta không tiện nói. Sau định hỏi xem là đứa nào, thì lại quên mất. Hôm nay nhớ ra, chắc là nó chứ gì?" Phượng Thư thì chẳng muốn xác nhận cho xuôi chuyện ấy. Chi Nghiễn Trai có mấy hàng phê đôi xen giữa lời Vương phu nhân: "Hay, hay, eo đẹp." "Hay, hay, vai đẹp." "Phàm viết mỹ nhân, lại cứ dùng bút tục bút ngược, khác hẳn các sách khác." Đến câu "lông mày và mắt lại hơi giống em Lâm của chị" thì phê: "Càng hay, tả kiệt được dung mạo." Loại chữ nghĩa này một đá đánh lẫn nhiều chim, càng chứng minh Tào Tuyết Cần tuyệt không viết từ khái niệm mà ra. Nếu xuất phát từ khái niệm, Giả mẫu và Vương phu nhân cùng là chủ tử của gia đình phong kiến, lẽ ra phải mang ý thức lễ giáo phong kiến y hệt nhau, nhìn Tình Văn bằng một cặp mắt một cảm nhận giống hệt; vậy mà ngay ở đoạn này, cũng như ở đầu hồi thứ bảy mươi tám phía sau, Tào Tuyết Cần lại viết ra hai cặp mắt, hai nếp nghĩ khác hẳn nhau của Giả mẫu và Vương phu nhân. Tình Văn là món đồ chơi bà Lại dâng tặng Giả mẫu; Giả mẫu vốn mang gu thẩm mỹ "phá lối mòn cũ kỹ", nên với sự thông minh lanh lợi thậm chí miệng mỏng lưỡi sắc của Tình Văn, bà đều khoan dung coi như một vẻ bộc lộ của sinh lực sống động; tính ngang tàng của Tình Văn quả thật giống cái bộc lộ cá tính ngang nhiên của Đại Ngọc, mà cả hai đứa Giả mẫu đều chẳng hề phản cảm. Ngày ấy Vương phu nhân trông thấy vẻ "ngông cuồng" của Tình Văn, Giả mẫu đương nhiên cũng thấy; nếu bà ghét, có thể bày tỏ ngay lập tức, càng có thể ra tay xử lý ngay để được "mắt không thấy, lòng không phiền"; vậy mà Giả mẫu vẫn chẳng thèm để tâm, nên Vương phu nhân trước mặt bà đành phải nhịn nhịn nhường nhường. Như thế, Tào Tuyết Cần một lần nữa khiến độc giả nhận thức: dù Giả mẫu và Vương phu nhân có cái chung của kẻ làm chủ tử, thì khoảng cách cá tính giữa hai người còn lớn hơn nhiều. Đoạn chữ này cũng một lần nữa lộ ra nỗi u uẩn lớn đã chất chứa lâu nay trong lòng Vương phu nhân: Giả mẫu phán Bảo Ngọc với Đại Ngọc "không phải oan gia không họp mặt", thậm chí ý chỉ hôn giữa hai cháu Bảo của Nguyên Xuân bà cũng coi như tai qua mé ngoài; nhất là với Đại Ngọc, thực ra Vương phu nhân đã xem cô như "con hồ ly quyến rũ". Phượng Thư tuy là người nhà họ Vương, nhưng đứng trước thực tế Giả mẫu vẫn là người ra quyết định tối cao của phủ Giả, y chẳng cần thiết phải đứng hẳn về phe Vương phu nhân; nên khi Vương phu nhân muốn y ngồi tội cái "ngông cuồng" của Tình Văn, y chọn thái độ mập mờ. Suốt quá trình lục lựa Đại Quan viên, Phượng Thư đều chỉ phối hợp đối phó cho xong chuyện; cho tới khi từ chỗ Tư Kỳ lục ra được chứng cứ vững, mà Tư Kỳ lại chính là cháu ngoại ruột của vợ Vương Thiện Bảo, Phượng Thư tự tay mở đọc bức thư tình của Phan Hựu An, y mới tỉnh hẳn tinh thần. Song cái đó cũng chỉ là cơn hăng điên dại mừng người gặp họa bỗng bừng lên, khi vụ việc ầm ĩ rốt cuộc khiến Hình phu nhân, kẻ mượn túi thơm phát động cuộc tấn công vào Vương phu nhân và y, "nhặt hòn đá mà đập vào chân mình".

Phản ứng của Thám Xuân trước việc lục lựa Đại Quan viên, kỳ thực chính là phán quyết trong lòng tác giả về sự kiện ấy. Thám Xuân nói: "Sáng hôm nay các chị chưa từng bàn tán việc nhà họ Chân đấy à; nhà mình vẫn yên ổn, vậy mà quả nhiên bị khám thật rồi!" Thực ra trước đó, truyện chưa hề có chỗ nào chép người phủ Giả bàn tán chuyện nhà họ Chân từ sáng sớm; đó là một kiểu "viết mà như không viết" đầy khéo léo, hoặc gọi là "nét bổ khéo". Kỳ quái nhất là: loại đại gia tộc như vậy lại tự tay khám xét chính nhà mình trước trong

tổ ấm; ai ngờ "bọ ngựa vờn ve, chim vàng anh rình sau", đến cuối cùng hoàng đế lại sai người đến khám nhà loại "gia tộc quan trường đời đời" ấy, "Âm ầm như sắp đổ đình", "Đến sau cơ nghiệp tan tành khắp nơi". Chi Nghiễn Trai ở chỗ này có một lời phê: "Kỳ lạ thay, đây là chuyện nhà Chân." Rất đáng suy ngẫm. Trong bộ thứ nhất của loạt sách này tôi từng phân tích: cái gọi là "chuyện nhà Chân", nguyên mẫu sự kiện chính là chuyện hai nhà thông gia họ Tào, nhà Phó Nại và nhà Phúc Bành, bị hoàng đế xử lý vào năm Càn Long thứ ba. Đó là "tai biến gia tộc có thật"; mà trong tiểu thuyết, nó được đội lên đầu nhà Chân hư cấu; Chi Nghiễn Trai nhìn thấy nét bút ấy trên trang sách, chẳng khỏi xúc động ngàn lời.

Thám Xuân tát vợ Vương Thiện Bảo một cái đau điếng; sau khi bị Phượng Thư quát lui ra tới ngoài cửa sổ, bà ta vẫn còn lẩm bẩm: "Thôi! Thôi! Đây là lần đầu tiên tôi bị đánh đấy! Ngày mai tôi sẽ trình bà Hai, xin về quách nhà thôi." Có lẽ vài độc giả trẻ thoạt đầu chưa hiểu lắm câu ấy: "nhà mẹ đẻ" ở đây là nhà nào? Xin biết: vợ Vương Thiện Bảo là của cải sống động mà Hình phu nhân mang theo từ nhà mẹ đẻ lúc gả cho Giả Xá, thứ bồi phòng cả một nhà người; câu "xin về quách nhà" nghĩa là quay về nhà mẹ đẻ của Hình phu nhân để hầu hạ mẹ đẻ bà ấy (cô lão thái thái). Thám Xuân quát sai Thị Thư cùng cả đám đi quát mắng nó, Thị Thư liền đáp: "Già ơi, nếu già thật sự về nhà mẹ đẻ, lại là phúc cho bọn em đấy, chỉ sợ già chẳng nỡ đi thôi." Câu ấy đâm trúng chỗ ngứa trong bụng vợ Vương Thiện Bảo: làm bồi phòng của Hình phu nhân, không gian tác oai tác quái của bà ta rộng lắm; quay về cái nhà mẹ đẻ đã sa sút của Hình phu nhân, thì đâu còn trái ngon nào để nếm?

Sau khi Tư Kỳ bị lục ra chứng cứ tội trạng, "Phượng Thư thấy Tư Kỳ cúi đầu không nói gì và cũng không có ý sợ hãi hổ thẹn, cũng lấy làm lạ". Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tư Kỳ cũng là một hiện thân sinh mệnh phức tạp. Biểu hiện nổi loạn của cô: tự chủ tình yêu, mạnh dạn cầu hoan, đã được nhiều nhà luận bàn hết sức khẳng định theo thước đo thời đại mới; nhưng kỳ thực đó là một sinh mệnh cường tràng muốn bành trướng dục vọng của mình đến tận cùng trên mọi phương diện. Cô từng tự mình xuất trận trong vụ tranh quyền chủ đạo bếp trong Đại Quan viên, náo loạn cả căn bếp, và một bước giành được thành quả, để vợ Tần Hiển phe cánh mình thế chỗ thím Liễu; chỉ vì Bình Nhi thi hành chính sách bất lợi cho cô, công việc mới tan tành ngay sát vách thành công.

Nửa sau hồi thứ bảy mươi bốn là "chánh truyện Tích Xuân". Qua "chánh truyện Nghênh Xuân" ở nửa sau hồi thứ bảy mươi ba và "chánh truyện Tích Xuân" ở hồi thứ bảy mươi bốn, chúng ta hẳn càng quen thuộc hơn với phép chương pháp của Tào Tuyết Cần: ngoài nhóm vai xuyên suốt từ đầu đến cuối, với những vai còn lại, ông thường để họ chỉ đứng ở địa vị tô điểm, thậm chí chỉ nhắc qua một tiếng; nhưng tới hồi nào đó, ông lại hắt ánh đèn sân khấu thẳng vào vai ấy, khiến vai đó thành nhân vật chính trong đúng hồi ấy, còn Bảo Ngọc, Phượng Thư, Đại Ngọc, Bảo Thoa, Tương Vân, Thám Xuân... đều tạm thời hóa thành vai phụ, thậm chí "quân lính dàn cảnh".

Chép cảnh Tích Xuân "thề giữ nết gầy cứng độc đoán, dứt khoát đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc", quả thật lạnh thấu xương. Nỗi bi thương chẳng gì lớn hơn lòng đã lạnh; Tích Xuân "xem thấu ba mùa xuân", quyết một mình lê bước gầy guộc trên đoạn đường nhân sinh gian truân, khiến độc giả lạnh tỏa khắp người. Nhập Họa bị tra ra vấn đề, Tích Xuân thúc Vưu Thị "mang nó đi ngay đi, đánh nó, giết nó hay bán nó đi, tôi cũng mặc kệ". Vì sao đặt chữ "giết" trước chữ "bán" mà nói, tôi đã có phân tích ở phần trước, trong bộ thứ ba của loạt sách này lại dẫn dụng khá nhiều sử liệu; mong quý độc giả vượt qua lớp màn che của lịch sử, để lĩnh hội nỗi đau thấm thía của Tào Tuyết Cần lúc hạ bút.

Mọi bản thông hành từ trước tới nay, hồi mục hồi thứ bảy mươi bốn đều in là "lục xét Đại Quan viên" (抄检大观园); bản Chu hội lại in là "lục lựa Đại Quan viên" (抄拣大观园). Vì sao vậy? Vì đa số cổ bản đều chép là "抄拣" chứ không phải "抄检"; chỉ có bản có tựa của Mộng Giác Chủ Nhân và bản Trình Ất mới là "抄检". Điểm chung dễ thấy nhất của bản Mộng Giác và bản Trình Ất là thích "chuẩn hóa" các từ ngữ trên bản mẹ được chép lại, kết quả thường xóa nhòa cả thú vị của nguyên bút Tào Tuyết Cần. Thời Tào Tuyết Cần, viết tiểu thuyết bạch thoại thường không thể lấy sẵn chữ trong văn ngôn mà dùng, đành phải vay âm, thậm chí chế chữ mới, để sống động tái hiện nguyên âm nguyên thanh, nguyên vị nguyên hương của "bạch thoại" trong đời sống. Gìn giữ vừa phải những dấu vết hành văn ấy của Tào Tuyết Cần giúp chúng ta biết được, thuở khai sáng một loại văn bản mới, ông đã từng trải qua những cố gắng kiểu "xe cỏ rách, áo vá sờn" đầy gian lao mà mở ra một diện mạo riêng biệt.

# Khuyết thơ Trung thu đợi Tuyết Cần · gạo yên chi Ngọc Điền

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi lăm: Mở tiệc đêm, điềm lạ vang lên tiếng than bi thương; Thưởng Trung thu, bài từ mới hay được điềm lành.

◇ Hồi thứ bảy mươi sáu: Ở đường Đột Bích nghe sáo, lòng cảm hiu hắt lạnh buồn; tại quán Ao Tinh liên cú thơ, than nỗi cô liêu tịch mịch.

Tình Văn, Tư Kỳ rồi chúng nó cuối cùng ra sao? Còn nhớ thuở thiếu niên, đọc xong Hồi thứ bảy mươi ba và Hồi thứ bảy mươi tư là tôi đã không nhịn nổi phải cuống quýt lật vội về phía sau; riêng với Hồi thứ bảy mươi lăm và Hồi thứ bảy mươi sáu này thì rất khó sinh nổi hứng thú. Về sau, khi bản thân đã trải qua nhiều chuyện hơn trên hành trình nhân sinh, tôi mới hiểu rằng số phận của một con người, một gia tộc, thậm chí cả một chủng tộc, đều là một quá trình. Chỉ chăm chú vào kết cục cuối cùng mà không nhẫn nại nổi với hành trình dẫn tới trạm cuối, chính là biểu hiện của việc thiếu tôn trọng sinh mệnh.

Sau cơn lục lựa Đại Quan viên dữ dội như giông bão, Tào Tuyết Cần lại cố ý cài vào đây hai đoạn văn nhịp chậm với tiếng thở dài của âm linh, tiếng sáo não ruột, nhằm kiến tạo cái không khí bi kịch kiểu "cơn bão lớn hơn vẫn còn ở phía sau"; đó là một lần trầm bổng nữa của văn bản, đồng thời gài xuống thêm nhiều sợi mạch ngầm.

Hồi thứ bảy mươi lăm cũng như Hồi thứ hai mươi hai, Chi Nghiễn Trai chỉ rõ rằng Tào Tuyết Cần chưa thể hoàn tất lần cuối. Phần cuối Hồi thứ hai mươi hai chữ nghĩa rối loạn không đầy đủ, thiếu mấy bài thơ đố đèn; còn Hồi thứ bảy mươi lăm thì ghi rõ "thiếu thơ Trung thu, chờ Tuyết Cần": phần bị khuyết phải đợi Tào Tuyết Cần tranh thủ thời gian mà bổ viết. Đó không phải khẩu khí bình điểm, mà là giọng ký sự biên tập ghi lại tiến độ công việc. Trên thực tế, trước hết Chi Nghiễn Trai là người biên tập cho Tào Tuyết Cần khi ông viết Hồng Lâu Mộng; ngay phía trước câu "chờ Tuyết Cần" ấy đặt ở đầu Hồi thứ bảy mươi lăm, bà còn có một dòng ký sự biên tập xác thực hơn nữa: "Năm Càn Long thứ hai mươi mốt, ngày mồng bảy tháng năm, đối thanh."

Năm Càn Long thứ hai mươi mốt là năm Bính Tý, tức năm 1756 dương lịch; năm ấy Tào Tuyết Cần khoảng ba mươi hai, ba mươi ba tuổi. Ông viết xong Hồi thứ bảy mươi lăm, Chi Nghiễn Trai dựa theo bản thảo nguyên để chép lại. Bản thảo của Tào Tuyết Cần có khi đã bị tô sửa rối tung, lại viết bằng nét hành thảo, người không quen thuộc nét chữ của ông khó lòng nhận ra; chép xong rồi lại đem đối chiếu với bản gốc. Như thế, ngay ngày mồng bảy tháng năm năm ấy, bà đã hiệu đối xong chữ nghĩa của hồi này: phần tự sự rất đầy đủ hoàn chỉnh, chỉ còn thiếu ba bài thơ Trung thu của Bảo Ngọc, Giả Lan, Giả Hoàn. Chi Nghiễn Trai

quen thói vừa chép vừa phê; phần nhiều vì bà đã biên tập qua những chương hồi phía sau, nên thường đem tình tiết hiện tại liên hệ với chuyện về sau mà bàn bạc; lúc ấy bà chẳng hề có tâm lý cố ý hé lộ gì cho "quan khách", chỉ nghĩ đến đâu nói đến đó thôi. Nhưng có khi, do chưa biên tập tới những dòng Tào Tuyết Cần viết tiếp phía dưới, bà lại hiểu lầm biểu hiện của nhân vật và diễn biến tình tiết trước mắt, viết xuống mấy lời phê sai trái không hợp với ý đồ của Tào Tuyết Cần. Dù vậy, mấy năm liền bà không ngừng biên tập bản thảo mới của ông, cũng không ngừng cập nhật lời phê của mình; bà can đảm giữ nguyên những lời phê trước kia chưa ổn đáng, rồi lấy lời phê mới sửa chữa lại; ví dụ mấy lời phê về Lâm Hồng Ngọc (Tiểu Hồng) chính là như thế, truyền lưu mãi đến hôm nay, lọt vào mắt chúng ta.

Bản sao có Chi Nghiễn Trai duyệt đọc và phê điểm Hồng Lâu Mộng sớm nhất mà nay chúng ta nhìn thấy được, là "bản Giáp Tuất" của năm Càn Long thứ mười chín (1754). Dĩ nhiên Chi Nghiễn Trai ưng cái tên sách Thạch Đầu Ký hơn, Tào Tuyết Cần cũng tôn trọng ý kiến của bà, và lấy hình thức chính văn trong sách ghi lại sự thật ấy. "Bản Giáp Tuất" đề là "Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký", có thể thấy trước đó hẳn còn phải có lần "sơ bình"; tiếc rằng đến giờ chúng ta vẫn chưa tìm được bản ấy.

Những "bản Kỷ Mão", "bản Canh Thìn" mà nay ta còn xem được, lần lượt là các bản của năm Càn Long thứ hai mươi tư, thứ hai mươi lăm (1760, 1761); xin lưu ý, cũng như "bản Giáp Tuất", đều là "bản chép lại". Trên "bản Canh Thìn" có dòng chữ "tứ bình thu nguyệt định bản" (lần phê thứ tư, bản định mùa thu) của Chi Nghiễn Trai, chứng tỏ từ đông Kỷ Mão đến thu Canh Thìn, bà tiến hành lần biên tập phê điểm Thạch Đầu Ký thứ tư.

Như thế hiển nhiên, giữa khoảng Giáp Tuất với Kỷ Mão, Canh Thìn, trong những năm Bính Tý, Chi Nghiễn Trai từng có một lần tam bình, chỉ tiếc không truyền lưu lại, chỉ còn sót lại chút dấu vết như ta đang thấy trước Hồi thứ bảy mươi lăm bây giờ.

Dù chỉ là chút dấu vết, nhưng rất có lợi cho việc chúng ta tìm hiểu thói quen sáng tác của Tào Tuyết Cần. Từ đó không khó phát hiện ra: lúc viết, Tào Tuyết Cần thường trước hết viết ra phần tự sự; trong đó nếu nhân vật nào phải làm thơ thì cứ để khuyết bài thơ ấy, đương nhiên nhân vật ấy sẽ làm thể thơ gì, bài thơ mang điềm báo gì, trong bụng ông đã có sẵn số liệu; đợi khi hứng khởi nổi lên, ông mới quay lại bổ sung bài thơ vào. Chắc chắn Chi Nghiễn Trai thường xuyên nhắc nhở ông: anh nên viết bài thơ ấy ra rồi đấy! Anh viết ra rồi, Chi Nghiễn Trai chép bổ vào, rồi xoá bỏ những dòng ký sự biên tập kiểu "chờ Tuyết Cần".

Tào Tuyết Cần lại thường viết trước những chương hồi về sau, phần phía trước ngược lại viết sau rồi bổ vào. Vậy thì riêng Hồi thứ bảy mươi lăm, theo ý riêng của tôi, hẳn đã sớm được viết ra từ khi rất nhiều hồi phía trước căn bản chưa hề động bút, chỉ là ông mãi không kịp bổ những bài thơ còn khuyết.

Đầu hồi này đã viết đến nhà họ Chân gặp biến, còn sai người sang phủ Vinh Quốc gửi giấu tài vật. Kỳ thực nhà họ Chân chẳng những nhờ phủ Vinh Quốc mà còn cả phủ Ninh Quốc, chỉ là viết tương đối kín đáo: viết

cảnh ăn bữa cơm sáng ngày trước Trung thu, Vưu thị hỏi thiếp yêu của Giả Trân là Bội Phượng: "Hôm nay ngoài kia có ai?" Bội Phượng đáp: "Nghe nói có hai người ở Nam Kinh mới đến, không biết là ai." Hai phủ Vinh, Ninh tiếp nhận người nhà tội gia và thay che giấu tài sản phạm pháp như thế, cũng càng đẩy nhanh tiến trình mình bị hoàng đế trị tội; nhưng họ Chân với họ Giả vốn như mặt trong mặt ngoài của một bàn tay, bóc ra tách ra không nổi, họ chỉ có thể làm việc theo cái quy luật ấy.

Vương phu nhân đành phải nghiến răng trình lên Giả mẫu chuyện nhà họ Chân bị tịch gia trị tội; Giả mẫu không muốn nghe, bảo đừng bu vào chuyện nhà người ta, cứ bàn việc thưởng trăng Trung thu của nhà mình mới là chính sự. Giả mẫu đâu có mê muội, nàng là một nhân vật tư tưởng có chiều sâu. Trong hồi này có một đoạn tả cảnh hơn một trăm bốn mươi chữ đã bị Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc cắt bỏ. Đoạn ấy tả cảnh Giả mẫu giữ Vưu thị lại ăn cơm; Vưu thị cáo ngồi vào chỗ, rồi "Thám Xuân, Bảo Cầm hai người cũng đứng dậy cười nói: 'Chúng em xin thất lễ chị.' Vưu Thị cười nói: 'Chỉ còn lại một mình tôi, ăn cỗ to chẳng quen.' Giả mẫu cười nói: 'Uyên Ương, Hổ Phách lại đây, nhân thế cũng ăn thêm chút, làm bầu bạn khách nữa.' Vưu Thị cười nói: 'Đúng! Đúng! Đúng! Cháu cũng đang định nói.' Giả mẫu cười nói: 'Nhiều người ăn càng vui' (多多的人吃饭，最有趣的). Rồi trỏ Ngân Điệp: 'Con bé này khá, lại đây ngồi ăn với chủ mày một thể. Bao giờ chúng bay xa ta, lúc ấy lại sẽ có khuôn phép.' Vưu Thị nói: 'Em lại đây mau, đừng giả vờ nữa.' Giả mẫu chống tay đứng xem lấy vui, chợt thấy trong tay kẻ hầu bưng cơm thêm đang bưng một bát cơm của hạng hạ nhân"; kế đó trong bản Trình Cao mới là: "cái Vưu Thị ăn vẫn là cơm gạo thường". Giả mẫu hỏi vì sao không múc cho Vưu thị thứ cháo gạo đỏ vừa nhắc trước đó, kẻ hầu thưa là vì phải giữ Thám Xuân lại dùng cơm, gạo đỏ đã hết; Uyên Ương giải thích thêm: "Từ nay đều phải 'đo đầu mà làm mũ', không thể để thừa một tí gì." Vương phu nhân lại trình: "Mấy năm nay hạn lụt thất thường, gạo ở trại không nộp đủ số. Mấy thứ gạo ngon lại càng khó khăn lắm..." Giả mẫu đành phải tự giãi bầy bằng câu "Phải đấy, đàn bà khôn khéo không có gạo cũng không nấu được thành cháo." Trong đoạn văn bị cắt bỏ ấy, câu cốt lõi nhất là lời Giả mẫu "Nhiều người ăn càng vui" (多多的人吃饭，最有趣的); có hai cổ bản viết câu này thành "Nhìn nhiều người ăn càng vui" (看着多多的人吃饭，最有趣的); tôi cho rằng thêm chữ "nhìn" (看着) mới thần thái hơn. Câu ấy tả cái rung cảm tinh vi nhất trong lòng Giả mẫu sau khi nghe tin họ Chân bị tịch gia trị tội. Đối với một bà tổ như bà trong gia đình quý tộc phong kiến, con cháu hưng thịnh, trên dưới ai cũng có cơm ăn, chính là cảnh tượng cát tường nhất. Kỳ thực trong phần tả cảnh trước đó, biết bao cảnh tượng lộng lẫy phủ Giả mở tiệc linh đình, há bà chưa ngắm cho chán à? Nhưng chuyện phát triển tới đây, họ Chân Giang Nam đã đổ, trong phủ Vinh Quốc khó còn vui nổi; như kẻ sa xuống nước vồ vập níu lấy một cọng rơm, ngày ấy khi uống "chén cháo gạo đỏ cuối cùng", Giả mẫu chợt có một nhu cầu tâm lý cấp thiết: lập tức dựng lên một khung cảnh "nhiều người cùng ăn cơm" để ngắm nhìn, để tự an ủi. Bình thường Thám Xuân, Vưu thị đâu có ăn cơm cùng Giả mẫu, nhưng bà không những giữ hai người lại, còn khiến đám a hoàn theo khuôn phép không được đồng bàn với chủ tử cũng phá lệ kéo đến ngồi cạnh chiếc cỗ lớn ăn cùng, để đạt tới hiệu quả trước mắt thật nhiều người. Thực là một nét bút tinh diệu. Khi Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc chế tác bộ bản in một trăm hai mươi hồi, họ lại cắt đúng đoạn ấy đi; có khi là vì quá nhạy cảm: một nét tả như thế dễ mang tiếng châm biếm cái thời thế đương thời không cho phép "nhiều người cùng ăn cơm".

Cháo gạo đỏ là thứ cháo nấu từ gạo yên chi. Hồi thứ năm mươi ba viết viên đầu trại Hắc Sơn thôn đến phủ Ninh Quốc nộp tô năm, trong đó gồm cả "gạo yên chi Ngọc Điền hai hộc". Trong lần xuất bản đầu tiên năm 1953 của "Hồng Lâu Mộng tân chứng", tiên sinh Chu Nhữ Xương có phần khảo chứng về gạo yên chi Ngọc Điền. Thuở Mao Trạch Đông còn sống, ông thích lật đọc "Hồng Lâu Mộng tân chứng", tuổi già còn sai in riêng cho mình bản đại tự để đọc. Nghe nói năm 1972 khi tiếp Tổng thống Mỹ Nixon, ông từng nhắc tới gạo yên chi; về sau, trong buổi quốc yến Thủ tướng Chu Ân Lai bố trí khoản đãi vợ chồng Nixon, quả nhiên kiếm được gạo yên chi nấu thành cháo mời họ. (Còn có cách nói khác: dùng gạo yên chi khoản đãi Thủ tướng Nhật Bản Tanaka Kakuei.) Loại gạo yên chi này chỉ sản xuất ở Ngọc Điền thuộc Hà Bắc; huyện Phong Nhuận, Hà Bắc hiện nay thời xưa cùng thuộc một huyện với Ngọc Điền; trong văn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, Ngọc Điền được minh đề hay ám viết không chỉ một chỗ. Ví dụ bài thơ vịnh hải đường trắng của Sử Tương Vân ở Hồi ba mươi bảy có câu "Hôm nọ thần tiên xuống cửa thành, Lam điền trồng ngọc chậu xinh xinh", mượn chuyện thời cổ Dương Bách Ung đem hòn đá tiên nhân ban cho trồng xuống đất rồi gặt về đá ngọc; nghe nói địa danh Ngọc Điền chính có liên quan tới truyền thuyết ấy. Tiên sinh Chu Nhữ Xương khảo cứu tổ tịch của Tào Tuyết Cần, cho rằng chính ở Phong Nhuận ngày nay. Tào Tuyết Cần viết về Ngọc Điền theo lối ấy, có khi ẩn chứa động cơ tâm lý tưởng nhớ tổ tiên. Cái mạch suy luận này, độc giả có thể tham khảo.

Trong Hồi thứ bảy mươi lăm còn có mấy chỗ khác đáng chú ý.

Về Giả Trân, ngay trong hồi này tác giả đã viết tới mấy mặt khác nhau của hắn, khiến hình tượng nghệ thuật này càng thêm lập thể chứ không hoạt hình hóa. Giả Trân dựng bia bắn dưới lối đường xạ của lầu Thiên Hương ở phủ Ninh Quốc, rủ một bọn công tử tập bắn cung; việc ấy vừa để giải khuây, song cũng chưa chắc đã không phải là để tiến hành loại kết giao mang màu sắc chính trị. Xin lưu ý, đó là ngay dưới lầu Thiên Hương nơi "Họa lương xuân tận lạc hương trần" (xuân tàn trên xà vẽ, bụi thơm rơi xuống), nơi Tần Khả Khanh người hắn yêu tha thiết "không thể nào không chết"; ở phần trước đã kể tới chuyện sau tám mươi hồi sẽ có tình tiết Vệ Nhược Lan tham dự "xạ phổ", tình tiết ấy hẳn có mối ràng buộc nào đó với tình tiết này. Giả Trân dần dần biến cuộc tập bắn thành cỗ rượu cờ bạc, đương nhiên rất liêu xiêu; nhưng phía sau lại viết đến việc thiếp yêu của hắn là Bội Phượng đứng ra chuyển đạt lời hắn thành tâm thành ý mời Vưu thị cùng dự yến thưởng trăng; mà điều đó chẳng phải là kiểu đối phó (trong phủ hắn còn cần đối phó với ai nữa? Coi như hắn lật ngược cả phủ Ninh Quốc, lại có ai cưỡng nổi?), tỏ ra hắn đối với Vưu thị vẫn có phần tình cảm nhất định; lúc thưởng trăng, Bội Phượng thổi tiêu, Văn Hoa hát xướng, cũng hiện ra một khung cảnh hòa mục trong phủ. Thế nhưng dưới chân tường bỗng vang lên tiếng than dài quái lạ, Giả Trân quát lớn, hỏi dồn: "Ai ở bên kia?" Ít sau một trận gió thổi qua, trong từ đường bên cạnh phát ra tiếng cửa chớp mở đóng, các bà các cô đều rợn tóc gáy; Giả Trân tỉnh rượu được một nửa, song vẫn còn gắng chống đỡ nổi chút ít. Những tiếng than quái, tiếng động lạ ấy đương nhiên đều là hồi chuông báo trước cho hạng con cháu bất hiếu như hắn tất sẽ phá tan nghiệp nhà tổ tiên; nhưng vài nét nghèo nàn ấy cũng cho thấy, trong họ Giả, Giả Trân tổng vẫn tính là gã đàn ông còn chút khí dương cương.

Nơi Giả Trân dẫn vợ thiếp thưởng trăng Trung thu là ở trên đường Tùng Lục trong vườn Hội Phương. Nhưng Hồi thứ mười sáu đã kể rõ: vì xây Đại Quan viên, vườn Hội Phương đã bị dỡ bỏ. Hai chỗ trước sau hơi mâu thuẫn nhau.

Hồi này còn viết cảnh Vưu thị trở về phủ Ninh Quốc, lén nghe lén xem Giả Trân cùng một bọn bạn hủ bại tụ bạc quấy loạn, trong đó có tả cái dáng vẻ xấu xa, lời lẽ bẩn thỉu của cậu Hình, em ruột Hình phu nhân. Vưu thị nghe rất rõ mồn một, bèn khẽ cười bảo Ngân Điệp: "Em nghe đấy. Đây là cậu em của bà cả bên phủ bắc đang bực bội với bà ta đấy." Phủ bắc ư? Các cổ bản ở đây đều viết như thế. Nhưng theo lời kể của Hồi thứ ba cùng nhiều hồi về sau, Giả Xá, Hình phu nhân sống trong một khu nhà có cổng sơn dầu đen, ngăn cách bằng tường giới ở phía đông phủ Vinh Quốc; phủ Ninh Quốc lại nằm ở phía đông hơn nữa; Vưu thị nhắc tới Hình phu nhân, lẽ ra phải nói "bà cả sân tây" mới khớp, vì sao lại nói "bà cả phủ bắc"? Hay là ngoài đời thực, chỗ ở của nguyên mẫu Giả Xá, Hình phu nhân vốn nằm ở phía bắc phủ Ninh Quốc nguyên mẫu? Hoặc phủ Ninh Quốc tuy nằm ở phía đông phủ Vinh Quốc và khu nhà cổng sơn dầu đen, nhưng vị trí cửa chính cùng cả toà phủ lại thiên về đông nam một chút?

Đáng suy ngẫm nhất là, hồi này viết Giả Xá, Giả Chính nghe tin Giả Trân cầm đầu tập luyện bắn cung, cho rằng "Như thế mới phải, văn đã kém tất phải tập võ, huống chi mình lại là dòng dõi con nhà quan võ nữa. Hai bên bèn sai bốn đứa Giả Hoàn, Giả Thông, Bảo Ngọc, Giả Lan, cứ sau bữa cơm sang theo Giả Trân tập bắn một lúc mới được về." Các cổ bản viết cơ bản không khác nhau. Theo logic văn tự của mệnh lệnh "hai bên", Giả Hoàn và Giả Thông lẽ ra thuộc phe Giả Xá, còn Bảo Ngọc với Giả Lan thuộc phe Giả Chính. Giả Hoàn thuộc phe Giả Xá ư? Có phải nhất thời viết nhầm chăng? Đọc xuống dưới, hình như lại không phải viết nhầm. Vì tiếp đó viết Giả mẫu dẫn người trong họ đoàn tụ Trung thu ở đường Đột Bích, Giả Hoàn kế tiếp Bảo Ngọc, Giả Lan cũng làm được một bài thơ; Giả Xá xem xong khen ngợi hết sức; mấy lời khen chung chung thì thôi, nói đến cuối cùng, hắn vỗ đầu Giả Hoàn, cười nói: "Từ nay cứ làm thơ như thế này, mới đúng là khẩu khí nhà chúng ta; sau này phần thế tập, chắc không chệch khỏi tay cháu đâu." Theo "luật chơi" tập tước quý tộc đương thời, tước vị cha để lại sau khi mất phải do trưởng tử tập (Giả Đại Thiện mất, Giả Xá với tư cách trưởng tử tập chức nhất đẳng tướng quân; Giả Chính không có tước, chỉ được ban cho làm một chức quan), dù trưởng tử chết hoặc có lỗi không thể tập, cũng tuyệt không thể để cháu trai sang tập; cách giải thích duy nhất hợp lý chính là trong hồi này, Giả Hoàn được thiết định thành con trai của Giả Xá.

Còn kỳ lạ hơn: hồi này viết cả nhà quây quần quanh chiếc bàn tròn lớn đoàn tụ, phía trên chính giữa Giả mẫu ngồi xuống, bên trái lần lượt Giả Xá, Giả Trân, Giả Liễn, Giả Dung, bên phải Giả Chính, Bảo Ngọc, Giả Hoàn, Giả Lan, quây quần vòng tròn mà ngồi. Mới chỉ chiếm nửa chiếc bàn, nửa dưới còn thừa trống. Giả mẫu liền than người ít, bèn đi gọi Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân sang ngồi ghép một chỗ. Chẳng phải còn có một Giả Thông sao? Tập bắn có phần nó, sao tới đoàn tụ Trung thu ăn bánh dẻo lại chẳng có phần nó? Giả Thông chính thức xuất hiện từ Hồi hai mươi tư, còn bị Hình phu nhân quở mắng: "Thằng khỉ kia chạy nhông đâu về thế! Vú bõ của mày chết cả rồi à! Sao không ai trông nom, để cho mày mặt mũi

nhem nhuốc thế kia, xem có còn ra dáng con nhà gia thế thư hương nữa không?" Giả Thông rõ ràng là một đứa con đẻ của Giả Xá, đương nhiên cũng là đứa cháu đích tôn của Giả mẫu; đại đoàn tụ Trung thu, làm sao lại bị gạt ra ngoài?

Xem những dấu tích trên, Hồi thứ bảy mươi lăm hẳn là một hồi văn viết khá sớm; nhưng xét theo toàn bộ mạch truyện, nó lại nằm ở vị trí khá muộn, bởi thế Tào Tuyết Cần mãi không kịp rảnh tay khiến phần tự sự của nó khớp nối từng hồi với các hồi phía trước, càng chưa kịp bổ sung ba bài thơ còn khuyết. Hồi mục nói "tân từ đắc gia xếch" (từ mới hay được điềm lành); "gia xếch" chính là lời tiên đoán tốt đẹp, đương nhiên đó là lời châm biếm. Toà lâu đài nhà họ Chân đã đổ, nhà họ Giả đã chao đảo trong gió mưa; những người ngồi quây quần bên chiếc bàn tròn, bất luận thiện ác hiền ngu, đều không thoát khỏi phạm trù "Đống xương trắng, họ tên đâu".

Ba bài thơ Hồi thứ bảy mươi lăm Tào Tuyết Cần chưa kịp điền vào, quả là một tổn thất lớn cho việc đọc của chúng ta; nhưng ta phải cảm ơn ông đã viết trọn vẹn Hồi thứ bảy mươi sáu. Hồi thứ bảy mươi sáu nhìn toàn thể chính là một bài thơ. Về hồi này, trong quyển thứ nhất và quyển thứ hai của loạt sách tôi đều có phân tích kỹ lưỡng, ở đây không lặp lại. Chỉ xin nhấn mạnh thêm: câu Lâm Đại Ngọc viết ra để hô ứng với "Hàn đường độ hạc ảnh" ("cò rò bóng hạc bên ghềnh") của Sử Tương Vân, phải là "Lãnh nguyệt táng hoa hồn" ("hồn hoa chôn chặt dưới vành trăng trong", 冷月葬花魂), chứ không phải "Lãnh nguyệt táng thi hồn" ("hồn thơ chôn chặt dưới vành trăng trong", 冷月葬诗魂) như bản hiệu đính của Hồng học sở chủ trương. "Hồn hoa" là một từ ngữ xuất hiện nhiều lần trong văn bản Hồng Lâu Mộng. Câu "bóng hạc" báo trước rằng sau tám mươi hồi, Sử Tương Vân trải qua muôn vàn gian nan khổ đau cuối cùng gặp gỡ Bảo Ngọc phiêu linh; câu "hồn hoa" thì báo trước rằng Đại Ngọc tự đắm mình trong bóng trăng lòng hồ đã không còn xa ngày nữa.

# Chẳng thèm cái công danh ấy, chẳng để người đời xem đọc khen ngợi

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi bảy: A hoàn khéo người mang oan, yểu mạng phong tình; ưu linh đẹp chặt duyên, quy về am nước trăng.

◇ Hồi thứ bảy mươi tám: Lão học sĩ nhàn rỗi xin thơ Quỷ hoạch; công tử si bịa đặt bài tế Phù dung.

Thuở trẻ đọc Hồng, hồi tôi không đành lòng đọc nhất là Hồi bảy mươi bảy, và hồi ít thích đọc nhất là Hồi bảy mươi tám.

Không đành lòng đọc Hồi bảy mươi bảy, là vì cảm xúc trong lòng cộng hưởng quá sâu với Bảo Ngọc trong sách. Thực ra, đó là thắng lợi của ngòi bút siêu đẳng Tào Tuyết Cần. Sau bao lần tạc tỉa tinh công, kể từ cái chi tiết ở Hồi tám: Bảo Ngọc say rượu trở về Giáng Vân hiên, Tình Văn bước tới càm ràm, cậu nắm lấy bàn tay lạnh ngắt của cô áp vào lòng bàn tay mình đang ấm nóng; rồi lắt léo tiếp nối bằng những cảnh lớn như xé quạt, vá áo cừu, cùng những chêm xen vụn vặt như dứt màn rủ xuống lấy tiền mà nghe lén thì thầm của Bảo Ngọc với Xạ Nguyệt, hay nổi cơn như than nổ vung trâm dài đâm loạn vào tay Trụy Nhi; ông đã dựng nên một sinh mệnh chân thành, sống theo ý mình, hiện hình sống động đến mức chúng ta cứ ngỡ đã từng sống cạnh người ấy một thời gian. Một sinh mệnh như thế mang oan mà chết non, sao có thể không khiến người ta đứt ruột tan tim?

Thái độ sống của Tình Văn trái hẳn lễ giáo phong kiến. Việc Vương phu nhân tiêu diệt Tình Văn, xét trên bản chất, là một lần "quét sạch vòng ngoài" cho Bảo Ngọc, thúc cậu quy phục lễ giáo, một cuộc "chỉnh đốn nghiêm minh". Nhưng đào sâu thêm sẽ thấy, đó thực ra còn là một bi kịch tính cách chấn động trời đất. Tính cách tức số phận. Từ Giáng Vân hiên trong nhà Giả mẫu đến viện Di Hồng, khi chưa có các thế lực bên ngoài như trưởng bối hay tổng quản gia vào giám sát, hệ sinh thái bên trong ấy độc giả đã quá quen thuộc. Nhờ Bảo Ngọc nuông chiều, đúng hơn nhờ chính cậu dắt đầu, nơi đó tràn ngập hơi thở tự do lãng mạn: cứ lấy tiệc đêm quần phương ở Hồi sáu mươi ba làm ví dụ, đâu phải chỉ mỗi Tình Văn với Phương Quan xả láng ăn uống ca hát; đến cả Tập Nhân, há chẳng phải cũng vừa rượu vừa hát, vượt cả khuôn phép lễ nghĩa hay sao?

Sau khi Tình Văn bị đuổi, Bảo Ngọc khóc rằng: "Tôi vẫn không biết chị Tình Văn đã phạm cái tội tày trời gì?" Tập Nhân nói: "Bà chỉ nghĩ chị ấy đẹp quá, thế nào cũng có tính lẳng lơ. Bà biết rõ những cô đẹp như người trong tranh, chắc không bao giờ đứng đắn, nên có ý ghét. Chứ cục mịch như chị em tôi lại hóa hay." Lời Tập

Nhân không hoàn toàn là xã giao; phần nào cô đã nói ra sự thật: Tình Văn sụp đổ ở chỗ vẻ đẹp và trí tuệ đều lộ hết ra ngoài, tạo thành bất lợi về tính cách trong môi trường xã hội thời đại ấy; còn Tập Nhân lại sở hữu ưu thế tính cách gọi là "dịu dàng thuận hòa", huống hồ nhan sắc cô tầm thường, thoáng nhìn cũng chẳng gợi cho chủ nhân phong kiến nghi vấn "con hồ ly dâm mị".

Từng có giai đoạn, tôi viết một bài tùy bút, đề là "Tính cách khi nào hết bi kịch?", nay dẫn nguyên văn dưới đây:

"Bi kịch tính cách" từng là câu chuyện thường thấy dưới ngòi bút giới phê bình văn học, lại còn có cả thuyết "tính cách tức số phận".

Gần đây đọc một vài bài viết, mới thấy tiếng thán "bi kịch tính cách" không còn dành riêng cho những hình tượng nghệ thuật hư cấu nữa, mà nhắm vào những con người bằng xương bằng thịt. Ví dụ có bài viết đại ý rằng: gã từng quỳ xưng đệ môn dưới cửa Hồ Phong, sau lại chủ động tố cáo, phê phán ông; rồi khi chạy sang nhà ông mong ngồi hai đầu ghế kia, chẳng buồn nương mặt nể nang chút nào, ngay tại chỗ bị hạ lệnh đuổi khách; điều ấy khiến gã càng "kịp thời" nộp lên những thư từ riêng tư của Hồ Phong cùng nhóm người để cấu thành tội trạng, góp phần đẩy cuộc "trấn áp tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong" cùng phong trào truy quét phản cách mạng toàn quốc bùng cháy dữ dội trong chớp mắt..... Những bài viết đề cập các nhân vật bi kịch khác nhau ấy, gần như đều dùng hai chữ "khí sách sinh" để khái quát điểm yếu tính cách của họ. Nói cho chuẩn xác thì "khí sách sinh" chưa thể tính là một loại tính cách, bởi tính cách là thiên tính riêng có của mỗi sinh mệnh ngay từ khi sinh ra đã mang; qua ảnh hưởng xã hội, giáo dục nhà trường, hun đúc gia đình và nỗ lực cá nhân sau này, nó có thể bị thu nhỏ, kiềm chế, che giấu, sửa chữa, nhưng khó mà nói là thay đổi được tận gốc.

Xét về tính cách, dù tổng kết từ hình tượng nhân vật trong văn học nghệ thuật cổ kim Đông Tây, hay phân tích những cá thể sống động trong lịch sử và thực tại, vẫn có một số kiểu tính cách rõ ràng thuộc hàng dễ sinh bi kịch. Như quá hướng nội hoặc quá bộc lộ, lòng quá mềm, đa sầu đa cảm, do dự không quyết đoán, cố chấp tự dùng, hoặc hành sự theo khí máu dễ kích động, thích ứng tác bộc tài, duỗi được mà không co được, "không bùng nổ trong im lặng thì chết dần trong im lặng"..... Nếu trên đời chỉ có một mình ta sống, thì mang tính cách gì cũng chẳng có chuyện bi kịch tính cách; nhưng ở thời đại nào, dưới thể chế xã hội nào, sinh mệnh cá thể cũng không tránh khỏi phải đối diện vấn đề giao thiệp, va chạm, ma sát, thậm chí xung đột với người khác và với tập thể; trong mối quan hệ phức tạp giữa cá thể với người khác và tập thể ấy, xung đột tính cách là một nhân tố lớn. Nó cũng là một nguồn gốc lớn của phiền muộn đau khổ nơi sinh mệnh cá thể. Đọc tác phẩm cùng tiểu sử của những bậc vĩ nhân, chúng ta cũng tìm thấy từ đó những gì toát ra từ tận đáy tính cách, và không khỏi chấn động sâu xa.

Trong những ngày "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh" trước đây, chẳng thiếu những ví dụ mâu thuẫn tính cách biến thành bi kịch chính trị. Nay xã hội chuyển sang kinh tế thị trường, thị trường cho mỗi sinh

mệnh cá thể nhiều lựa chọn quan hệ nhân tế linh hoạt hơn, không còn cảnh tính cách hoàn toàn bất hợp mà cứ trời mãi không ra khỏi một khối tổ chức xã hội nào đó; nhờ vậy số bi kịch sinh ra từ xung đột tính cách được giảm bớt. Nhưng lựa chọn của thị trường cũng có mặt băng giá khắc khẩu: trong cạnh tranh gay gắt về hiệu quả lợi nhuận, một số kiểu tính cách sẽ cảm nhận áp lực nặng nề hơn, rơi vào cảnh ngộ tính cách lúng túng hơn; bởi vậy bi kịch tính cách vẫn sẽ nối nhau hiện hình. Điều đó với văn chương nghệ thuật có lẽ là phúc (chất liệu đủ lấy mãi không cạn), nhưng với đạo đời thì vẫn đáng không thể hài lòng; vì thế, sự theo đuổi cảnh giới lý tưởng cũng sẽ đi cùng phê phán những khiếm khuyết của hiện thực mà mạnh dần lên.

Nếu nói con người sinh ra vốn bình đẳng, thì những tính cách khác nhau cũng nên bình đẳng với nhau; như chuyện không được kỳ thị chủng tộc, màu da, giới tính, tuổi tác, dung mạo, thân hình ấy, thì khi người với người chung sống cũng không nên có kỳ thị tính cách. Ngay cả những sinh mệnh cá thể tính cách lệch xa đa số người thường đến mức có thể gọi là mang "khuyết tật tính cách", chúng ta cũng nên đối xử bình đẳng như với người khuyết tật thể chất, người chậm phát triển trí tuệ. Xã hội loài người thật đạt tới cảnh giới ấy, thì cái gọi là bi kịch tính cách há chẳng còn tồn tại nữa sao?

Bài viết ấy tuy không hề nhắc tới Hồng Lâu Mộng, không lấy Tình Văn làm ví dụ, nhưng yếu tố thúc đẩy tôi viết nó, dĩ nhiên có sự hun đúc của Hồng Lâu Mộng, có bóng dáng những hình tượng Đại Ngọc, Diệu Ngọc, Tình Văn trong Hồng Lâu Mộng soi sáng, đã tích tụ sẵn trong lồng ngực.

Trải qua nhiều thăng trầm nhân thế, ngoảnh lại nghĩ về những lấm lem trắc trở tôi từng gặp, phần nhiều đều dính dáng tới cá tính riêng của mình. Bây giờ tôi ý thức thật sâu sắc rằng, ở thời đại nào, xã hội nào, thể chế nào, môi trường nhỏ cụ thể nào đi nữa, nỗi đau khổ của sinh mệnh cá thể vẫn nằm ở chỗ: một mặt hắn (hoặc nàng) phải bảo vệ nhân phẩm của mình, mà một phần lớn nhân phẩm chính là tính cách độc đáo của hắn; mặt khác lại cần thiết phải hòa hợp, ma sát lẫn với người khác, với tập thể, và cái hòa hợp ma sát ấy, phần lớn thực chất là hành trình đau đớn kiềm hãm, thậm chí mài phai những góc cạnh cá tính của chính mình. Con người nên là chính mình, mà lại không thể không mất đi một phần bản ngã vì phải nhường nhịn người khác và xã hội. Ở đó có cả suy tư triết học siêu chính trị. Tào Tuyết Cần, bằng Hồng Lâu Mộng, dẫn dắt chúng ta bước lên tầng bậc triết tư này. Đứng trên tầng bậc ấy, chúng ta càng hiểu vì sao Tào Tuyết Cần mượn miệng Giả Bảo Ngọc tuyên bố con gái là xương thịt làm bằng nước, vì sao lại nói cô gái chưa xuất giá là hạt bảo châu. Ông muốn trước tiên tách khỏi tập thể xã hội đoàn người khuê các ít nhiễm bẩn nhất, dễ giữ được tính cách nguyên sơ nhất, đem ra đánh giá.

Chúng ta cũng càng hiểu, vì sao Chi Nghiễn Trai không phải một lần mà nhiều lần nói Đại Ngọc và Bảo Thoa thật ra là một người, cuối cùng hợp hai làm một. Tào Tuyết Cần quả thật có dụng ý ấy: mượn hai vai để phản chiếu hai mặt của nhân sinh. Đại Ngọc hiện diện phía nổi bật cá tính, gìn giữ phẩm giá sinh mệnh cá thể; Bảo Thoa hiện diện phía nuốt viên "Lãnh hương hoàn" nén tính trời lãng mạn, để cầu hợp với khuôn

mẫu "trinh tĩnh" của ý thức hệ chủ lưu xã hội; nhưng cả hai cùng thuộc hàng "hồng nhan bạc mệnh", bởi dù tùy tính mà sống hay quy phục, thời đại ấy, xã hội ấy, ý thức hệ chủ lưu ấy cũng không dành cho họ một khoảng sống hạnh phúc nào.

Chúng ta cũng càng hiểu, vì sao Tào Tuyết Cần lại dựng nên một Diệu Ngọc đẩy phẩm giá cá tính tới cực đoan, và yêu quý nàng vô cùng, xếp nàng vào chính sách Kim Lăng thập nhị thoa, đứng hàng thứ sáu; lại thông qua việc đặt tên cho bốn tiên cô ở Thái Hư huyễn cảnh báo cho độc giả biết, nàng là một trong bốn người phụ nữ quan trọng nhất trên hành trình sinh mệnh Bảo Ngọc; và ở phần sau tám mươi hồi viết nàng giải cứu Bảo Ngọc cùng Tương Vân bằng cách hy sinh cả sự trong sạch của mình, đưa việc phóng khoáng nhân cách bản thân tới mức động trời khóc thần quỷ.

Chúng ta cũng càng hiểu, vì sao trên phương diện hành văn, Tào Tuyết Cần không quy hết mâu thuẫn giữa Vương phu nhân và Tình Văn thành xung đột lễ giáo. Ở Hồi bảy mươi tư, ông viết thế này: "Vương phu nhân vốn là người thiên chân lãng mạn, vui giận đều xuất phát từ tâm can, chẳng giống bọn người lấy lời nói tô điểm che giấu ý thật……" Ông đã viết ra xung đột tính cách giữa Vương phu nhân và Tình Văn. Nói cho cùng, trong mắt Vương phu nhân, Tình Văn phạm phải "cái tội đáng ghét". Khi người với người ở cạnh nhau, yếu tố bài trừ ghê gớm nhất thật ra không hẳn là "phản động" về chính trị, "đồi tệ" về đạo đức, "ngu dốt" về tài năng hay "thảm hại" về hành vi, mà là thứ "ghét" tự nhiên chẳng cần bao nhiêu lý trí lên men bên trong. Cái "ghét" một chiều hay hai chiều, nếu xảy ra giữa những người địa vị xã hội ngang nhau, chưa đến nỗi trực tiếp nấu thành bi kịch nhân sinh; nhưng Vương phu nhân là chủ nhân phong kiến, Tình Văn là nữ nô (cô chẳng phải con sinh ra trong phủ, cũng chẳng phải phủ mua về, mà là nhà bà Lại mua rồi đem vào phủ Vinh Quốc; Giả mẫu thấy thương, nhà bà Lại liền tặng trắng cho Giả mẫu như một món đồ chơi nhỏ; cô thuộc hạng xuất thân thấp kém bậc nhất trong đám nữ nô phủ Vinh Quốc); địa vị xã hội chênh lệch đến thế, đôi bên lại cùng "thiên chân lãng mạn, vui giận từ tâm can"; cho nên hễ hai bên cùng thấy nhau "đáng ghét", phía yếu thế tất phải chịu tội. Tình Văn mang tiếng oan "dụ dỗ Bảo Ngọc" và "mắc bệnh lao con gái", bị xô đuổi thô bạo, đúng như lời hình dung của Bảo Ngọc: "khác gì một chậu lan vừa nhú mầm non đã bị quẳng vào chuồng lợn."

Sự sâu sắc của Hồng Lâu Mộng nằm ở chỗ viết ra sự giày đạp của "cái tội đáng ghét" lên những sinh mệnh vô tội. Sau khi đích thân xử lý Tình Văn xong, Vương phu nhân lại nối tiếp đuổi thêm mấy đứa khiến bà thấy "đáng ghét". Với Tứ Nhi, bà còn bắt được một câu "lời đùa": "sinh cùng một ngày là vợ chồng"; song chủ yếu Vương phu nhân vẫn thấy nó "đáng ghét": "Nhìn kỹ Tứ Nhi còn kém Tình Văn xa, nhưng cũng có đôi phần quyến rũ; xem cách đi đứng, vẻ thông minh đều lộ cả ra ngoài, cả trang sức cũng lộng lẫy hơn đứa khác." Dẫu không có cái cớ "lời đùa" ấy, riêng cái tội đáng ghét cũng đủ để đuổi rồi.

Phương Quan trong mắt Vương phu nhân đương nhiên càng mang nặng "cái tội đáng ghét". Về đoạn chữ Vương phu nhân đuổi Phương Quan, có một điểm đáng chú ý: Vương phu nhân quát mắng cô "ton hót Bảo

Ngọc, việc gì cũng làm", cô phân trần: "Cháu có dám dỗ dành cậu ấy đâu." Có cổ bản viết "Phương Quan cười biện rằng" (笑辩道), có bản lại viết "khóc biện rằng" (哭辩道); bản Chu hội lấy "khóc" không lấy "cười". Ở điểm này, ý tôi khác tiên sinh Chu đôi chút. Tôi thấy "cười biện rằng" (笑辩道) có lẽ gần bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hơn. Vì Phương Quan dù sao cũng là đứa hát, cô có mặt "coi nhân sinh như trò chơi"; đối mặt sự chỉ trích của Vương phu nhân mà dám cãi lại, chứng tỏ khoảnh khắc đó cái khí "xả hết" lớn hơn nỗi sợ; nếu cô khóc lóc lể lê thì trước đã mềm nhũn ra, còn gan gì tự biện. Thanh niên bây giờ nhất định phải hiểu: ở thời đại ấy, xã hội ấy, phủ đệ quý tộc ấy, Vương phu nhân với tư cách đệ nhất phu nhân ngụ ngay giữa trục chính của quần thể kiến trúc phủ, đừng nói con nhỏ hầu tuyệt đối không được phép cãi lẽ phản bác lúc bị quát mắng; đến Bảo Ngọc, Thám Xuân những công tử tiểu thư, dù trong bụng phản cảm cỡ nào cũng chỉ có phần đứng hầu thấp mắt nghe răn dạy. Ở cái trường hợp ấy mà dám cãi lẽ, là một cử chỉ nghịch loạn không phải chuyện nhỏ; đã dám cãi lẽ, còn ngại gì nụ cười? Cho nên tôi thấy viết "Phương Quan cười biện rằng" là đúng. Nay nêu ra đây, xin các bạn hồng mê tham khảo, thảo luận.

Về sau Vương phu nhân còn đích thân tra xét, đuổi luôn người vú bõ mới đến của Giả Lan, lý do là "cũng kiêu sa lẳng lơ lắm, ta cũng chẳng ưng"; lại thêm một "cái tội đáng ghét". Dưới thể chế chuyên chế, biết bao sinh mệnh cứ thế bị "cái tội đáng ghét" đẩy ra mép xã hội, thậm chí vì thế mà lầm lao ngục, đến nỗi bỏ mạng nơi hoàng tuyền.

Điều thú vị là, chính người bị lục ra "tang vật thật" như Tư Kỳ, Vương phu nhân lại không đích thân xem xét, hình như ngày thường cũng chẳng có ấn tượng gì; nghe Phượng Thư trình bày xong, bà "vừa kinh vừa giận, lại vừa khó xử". Bà chẳng kịp đi "ghét" Tư Kỳ; điều bà nghĩ tới, chỉ là Tư Kỳ là người bên họ Hình, xử ra sao mới đạt được cân bằng lợi ích giữa "bên này" và "bên kia".

Việc Tình Văn bị đuổi, sách ghi rõ là vợ Vương Thiện Bảo trước tiên gièm pha, chạm tới hồi ức của Vương phu nhân, khiến tâm lý ghét Tình Văn của bà lên men sinh giận. Còn Tứ Nhi bị đuổi, thì do kẻ khác mách lẻo, tố cáo câu "lời đùa" riêng tư của cô. Vì vậy độc giả các đời đều có bàn luận: kẻ mách lẻo ấy, há lại là Tập Nhân? Ai cho rằng chắc chắn là Tập Nhân, có thể dẫn lời Vương phu nhân làm chứng: "Mày tưởng ta ở xa, không biết đấy à? Mày phải biết ta không năng đến đây, nhưng tai mắt, lòng dạ ta vẫn ở đây luôn. Có nhẽ nào ta chỉ có một thằng Bảo Ngọc mà lại để mặc cho chúng bay tha hồ cám dỗ làm hỏng nó?" Cái "tai mắt, lòng dạ" ấy chẳng phải Tập Nhân thì là ai? Ai mà không biết con "chó bò lông chấm hoa kiểu Tây dương" mỗi tháng lãnh "tiền trợ cấp đặc biệt" hai lạng bạc một xâu tiền? Tiền "trợ cấp đặc biệt" ấy há là thứ có thể lãnh trắng? Cho nên xưa nay có độc giả nghĩ tới đây là nghiến răng, không thể tha thứ Tập Nhân. Huống hồ chính Tập Nhân từ sớm đã với Bảo Ngọc có chuyện "bất tài"; theo lễ giáo xã hội phong kiến, người nhất định phải bị đuổi ra lẽ ra phải là cô; vậy mà trước mặt Vương phu nhân cô lại thành "tai vạc" sạch sẽ nhất; đến cả Đại Ngọc cô cũng dám nêu đích tên để bày tỏ "nỗi lo" của mình; vậy thì, đừng nói Tứ Nhi, chính Tình Văn, người đứng "hàng đầu trong lòng" Bảo Ngọc ở viện Di Hồng, thì cô có điều gì mà chẳng dám gièm pha? Có độc giả, có người bình thậm chí dùng "đồ tiện tỳ", "rắn độc bọ cạp" để chỉ trích Tập Nhân. Nhưng

xưa nay người bênh vực Tập Nhân cũng chẳng ít, cho rằng những lời bình ấy khiến Tập Nhân "chịu oan"; họ cũng tìm được căn cứ trong văn bản Hồng Lâu Mộng. Hồi bảy mươi bảy có ghi rõ thế này: "Sau ngày Vương phu nhân bực bội về cái chuyện túi, vợ Vương Thiện Bảo nhân dịp ton hót mà cáo đổ được Tình Văn; những người nơi này không hiếu hòa với trong vườn cũng nhân thể nhân tiện nói thêm vài câu; hết thảy Vương phu nhân đều ghi nhớ trong lòng." Câu "lời đùa" của Tứ Nhi, hiển nhiên là một trong những lời ấy. Sau đó sách lại ghi rõ Bảo Ngọc chất vấn Tập Nhân: "Những câu chúng ta nói đùa riêng với nhau, không có người ngoài nào lộ chuyện, tại sao bà cũng biết. Thế mới lạ chứ!" Tập Nhân đáp: "Cậu thì có kiêng nể gì, lúc cao hứng lên, cậu cứ nói bừa, không kể có người hay không có người. Có lúc tôi đưa mắt, ra hiệu, bị người ta trông thấy, mà cậu vẫn chẳng biết gì." Phía trước sách có viết, ngay cả trong khoảng không gian tương đối nghiêm túc, nghiêm cẩn gấp trăm lần nơi Vương Hy Phượng cư ngụ, chuyện tối mật nhất là Uyên Ương lén đem một hòm vàng bạc đồ vật của Giả mẫu giao cho Giả Liễn đi cầm để đổi bạc, rốt cuộc vẫn để Hình phu nhân hay biết. Bình Nhi cùng mọi người nghĩ đi nghĩ lại, hôm ấy cũng chỉ có mẹ của con Ngốc Đại tỷ ghé qua (bà này quản việc giặt giũ, đến lấy trả quần áo), ngoài ra chẳng có ai lạ nào khác; mà đám con nhỏ hầu bị tra hỏi thì từng đứa sợ run quỳ xuống thề; Phượng Thư rốt cuộc vẫn tra không ra nguyên nhân rò rỉ. Có thể thấy trong phủ Vinh Quốc, việc gì cũng khó giữ bí đến cùng; câu "lời đùa" của Tứ Nhi quả thật chẳng chắc đã là Tập Nhân đi mách Vương phu nhân. Bảo Ngọc nói cây hải đường trong vườn chết mất một nửa là điềm báo Tình Văn gặp nạn, còn dẫn ra bao nhiêu điển cố; Tập Nhân nghe xong phản ứng gay gắt: "Cậu càng nói làm cho tôi bực mình! Chị Tình Văn là hạng người gì mà phải tốn công suy nghĩ, dám đem so sánh với những danh nhân thuở xưa! Còn một lẽ nữa, chị ấy có đẹp cũng không thể vượt lên trên tôi được. Tức như cây hải đường cũng phải ứng vào tôi trước, chưa đến lượt chị ấy……" Tào Tuyết Cần viết hay thật, ông viết ra những thứ nằm tận đáy nhân tính. Phía sau có chép rõ: tự khi lãnh "tiền trợ cấp đặc biệt", Tập Nhân tự trọng, đêm nào cũng không ngủ nữa ở giường ngoài của Bảo Ngọc, mà nhường Tình Văn ngủ ở đó, đảm trách mọi việc hầu hạ ban đêm. Trong tận đáy lòng Tập Nhân, Tình Văn đã không còn là mối đe dọa tới chiếc ghế di nương số một của cô; Tứ Nhi càng chẳng đáng để cô so đo chấp nhặt. Những gì Tập Nhân nói trước mặt Vương phu nhân, hẳn đều là những lời "chiến lược" kiểu "đứng cao nhìn xa"; điều cô quan tâm là Bảo Ngọc sau này cưới Đại Ngọc hay cưới Bảo Thoa; cô sẽ dùng đủ thứ ngôn từ mềm mại để tăng khả năng cưới Thoa bỏ Ngọc.

Trong ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tập Nhân cũng là một hình tượng nghệ thuật máu thịt đầy đặn. Cô là ích kỷ: xuất phát từ lợi ích bản thân, nếu Bảo Ngọc lấy Đại Ngọc làm vợ cả, tính cách cô với Đại Ngọc khó tránh va chạm, cô sẽ sống không xuôi tay; nếu Bảo Ngọc cưới Bảo Thoa làm vợ cả, thì cô chẳng có chỗ nào không xuôi. Nghĩ giúp cô, quả thật là vậy. Cô lại vô cùng vị tha, thể hiện ở sự chăm sóc Bảo Ngọc chu đáo đến từng chút một; hơn nữa cô có tình cảm thật với Bảo Ngọc, toàn bộ đời sống vật chất và đời sống tinh thần thượng hạng của Bảo Ngọc đều có phần phụ thuộc vào cô. Lời phê của Chi Nghiễn Trai tiết lộ, đối với Bảo Ngọc, cô "có đầu có cuối", cam lòng hy sinh vì Bảo Ngọc, thậm chí hy sinh luôn thứ mà người thường thời đại xã hội ấy coi trọng bậc nhất: danh tiết. Cao Ngạc tục biên, bằng giọng chế giễu, gả cô cho Tưởng Ngọc Hàm, viết thành thứ giả dối phản bội kiểu "ôm đàn tỳ bà lên thuyền khác", khiến một số nhà bình về sau cứ

nối nhau châm biếm công kích; nhưng Tào Tuyết Cần viết về cô ở phần sau tám mươi hồi, lại đặt mắt vào tinh thần vị tha của cô.

Giọng kể của Hồi bảy mươi bảy, cơ bản là trầm uất. Nhưng khi đặt bút, Tào Tuyết Cần vẫn cố giữ một phần bình tĩnh, kéo giãn khoảng cách với nhân vật và sự việc dưới ngòi bút. Phương Quan cùng hai đứa hát kia cuối cùng chẳng cam lòng để mẹ nuôi bày vẽ gả cho người, náo đòi xuất gia; đúng lúc Trí Thông am Thủy Nguyệt với Viên Tín am Địa Tạng đang có mặt ở chỗ Vương phu nhân, "mong được lừa thêm hai đứa con gái về sai vặt", liền hoa ngôn xảo ngữ một hồi; Tào Tuyết Cần viết phản ứng của Vương phu nhân thế này: "Giờ nghe lời hai mụ lừa này nói, cũng hợp tình hợp lý lắm……" Thế là bà để họ đem Phương Quan cùng các cô gái đi. Đây là một thứ bút pháp hài hước mềm.

Cũng trong Hồi bảy mươi bảy, khi quát Phương Quan, Vương phu nhân còn nói: "Ta hỏi mày: năm trước ta đi đưa đám lên hoàng lăng, đứa nào xúi Bảo Ngọc đòi con gái nhà thím Liễu, đứa Ngũ Nhi, vào hầu? May mà nó mạng ngắn đã chết, nếu không vào rồi, chúng bay sẽ kéo bè kéo cánh làm hỏng cả khu vườn này……" Bản Chu hội giữ nguyên câu "may mà nó mạng ngắn đã chết", nhưng cũng chú ý tới một chi tiết: trong bản Dương tàng, câu này chỗ ấy viết ra trước, sau lại bị tẩy đi. Rốt cuộc Liễu Ngũ Nhi có chết hay chưa? Dựng tứ của Tào Tuyết Cần rốt cuộc ra sao? Phần sau tám mươi hồi có viết lại tới cô chăng? (Khi ấy sẽ nói rõ chuyện cô "mạng ngắn" là Vương phu nhân nghe nhầm tin đồn.) Tất cả đều đáng khảo cứu.

Hồi bảy mươi bảy viết đoạn Bảo Ngọc đến thăm Tình Văn, đoạn sinh ly tử biệt giữa hai người ấy, là đoạn khiến người đọc không đành lòng nhất. Nếu bạn thuở trước đọc theo bản thông hành hệ thống Trình-Cao, thì bạn nên biết, những đoạn chữ ấy nhiều chỗ khó tin được. Nay xin bạn đọc kỹ bản Chu hội: chữ nghĩa giản dị sạch thoáng hơn nhiều, mà không khí bi kịch lại càng thêm đậm đà.

Thuở trẻ đọc Hồng, Hồi bảy mươi tám là hồi tôi đọc không hứng thú bậc nhất: trước hết vì thật sự không hiểu nổi vì sao giữa dòng truyện lại chen một đoạn tình tiết về một vị tướng quân; hơn nữa tuy chấp nhận được sự xuất hiện của "Phù dung nữ lỗi", văn từ bài tế ấy lại quá cổ kính, nhiều chữ không biết đọc làm sao, nhiều từ ngữ không hiểu nghĩa gì, đọc vào thấy ngột ngạt, nên thường cuống cuồng lật qua cho xong, chẳng buồn nghiền ngẫm. Nay đọc lại Hồi bảy mươi tám, mới nhận ra: đó lại là một điểm quanh chuyển nữa của toàn thư.

Vị tướng quân Lâm Tứ Nương ấy, tuy lời Giả Chính kể mơ hồ hai chiều, nghe như một nữ lưu bán mạng cho giai cấp thống trị phong kiến chống lại khởi nghĩa nông dân; nhưng cân nhắc kỹ sẽ thấy, các hoàng đế nhà Thanh sau khi phân phong cho hoàng tử (a ca) đều để họ ở lại kinh thành ban phủ đệ cư ngụ, không có lối phái ra tỉnh ngoài phong một vùng thực ấp cho tự xưng vương; ngược lại nhà Minh xưa nay vẫn có truyền thống chính trị ấy. Vì vậy, chuyện nữ tướng Lâm Tứ Nương dưới trướng Hằng vương châu Thanh hy sinh nơi chiến trận, không phải là chuyện nhà Thanh mà là chuyện nhà Minh. Viết thế là phạm kỵ lắm rồi. Sự sụp đổ của nhà Minh, sức xung kích của Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung cùng các đội nghĩa quân nông dân đương

nhiên là một phương diện, nhưng quan trọng hơn là quân Thanh về sau tràn vào dài thẳng thẳng tới; Lâm Tứ Nương cản trở phe nào, khó mà nói rõ; việc Thanh Châu thất thủ, cũng khó nói rơi vào tay ai. Vậy thì bài ca hành dài mà Tào Tuyết Cần viết mượn danh Giả Bảo Ngọc, cũng không thể nói là ngợi ca nữ lưu phản động trấn áp khởi nghĩa nông dân.

Ý tôi là, trong hồi này Tào Tuyết Cần đã viết ra một mặt khác của Giả Chính: mặt phi chính thống, phi quy phạm. Trong hồi này, Giả Chính cũng hiếm hoi công nhận mặt phi chính đạo của Bảo Ngọc. Phía trước đã viết: nhà Chân Giang Nam, ruột thịt máu mỏ với họ Giả, đã bị hoàng đế tịch biên trị tội; họ Giả không những tiếp đón người nhà Chân, còn nhận luôn sản nghiệp có tội vận tới đem giấu giếm. Tuy những đoạn chữ liên quan phía trước không hề nhắc tới Giả Chính, nhưng đó không thể là chuyện Vương phu nhân cùng mấy người làm sau lưng ông. Trong cục diện chính trị "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" bao trùm toàn thư, Giả Chính rốt cuộc buộc phải đưa ra lựa chọn chính trị rõ ràng: đứng về phía lực lượng chính trị "nguyệt phái" lấy "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" làm tinh thần lĩnh tụ. Sở dĩ Giả Chính vừa ngâm vừa than với chuyện vị tướng quân Lâm Tứ Nương, là vì ông trọng chữ "nghĩa trung" nơi Lâm Tứ Nương, tức tinh thần hy sinh "sĩ vì người tri kỷ mà chết". Sự lựa chọn chính trị này của Giả Chính, đương nhiên quyết định cả số phận phủ Giả từ đó về sau. Cho nên tôi nói, hồi này lại là một điểm quanh chuyển.

Riêng với Bảo Ngọc, ngâm thơ tán dương Lâm Tứ Nương là chuyện bị động; viết "Phù dung nữ lỗi" là khuấy động tất cả đam mê trong sinh mệnh, viết nên bằng máu và lệ. Bài lỗi cổ áo ấy, có tự điển, từ điển, sách chú giúp sức, thực ra độc giả phổ thông đều đạt được mức đọc to trôi chảy, lặng lẽ thưởng thức mà tâm lĩnh thần hội. Đó không chỉ là lời tưởng niệm thương nhớ riêng một mình Tình Văn của Bảo Ngọc, mà còn là bản tổng kết thống thiết của cậu về hoàn cảnh sống của quần phương cùng tuổi trẻ gồm cả cậu, và là tiếng kêu vang đòi thoát gông cùm, đòi giải phóng cá tính. Đây là một bước chuyển lớn trong đời sống và tư tưởng Bảo Ngọc. Từ đây về sau, cậu sẽ đối diện nhiều trắc trở nặng nề hơn; việc cậu rốt cuộc "buông tay nơi vực thẳm", hạt giống tinh thần cũng đã được gieo từ đây. Trước khi soạn "Phù dung nữ lỗi", từ viện Hành Vu trống hoác bước ra, cậu "lại thấy con đê rợp bóng xanh ngoài cửa, nửa ngày chẳng bóng ai qua lại, chẳng còn như ngày trước các a hoàn các phòng không hẹn mà nối gót tới. Cậu lại cúi nhìn dòng nước dưới đê, vẫn lững lờ mênh mang chảy đi, trong lòng bèn nghĩ: giữa trời đất há có việc vô tình đến thế!" Đó là một biến tấu nữa của "Giấc xuân tan theo mây, hoa rơi theo dòng nước" (春梦随云散，飞花逐水流). Sách lại viết, khi dựng tứ bài lỗi, Bảo Ngọc đặt ra điểm xuất phát thế này: "Cái công danh kia ta chẳng thèm; viết ra cũng chẳng phải để người đời thưởng thức khen ngợi" (我又不稀罕那功名，我又不为世人观阅称赞); cậu thề lấy máu lệ viết ra tiếng nói của tim. Thực ra, đó há chẳng chính là tuyên ngôn mỹ học của Tào Tuyết Cần sao?

Nay đọc lại Hồi bảy mươi tám, tôi không những có được sự kiên nhẫn, mà cứ đọc cứ thấy mới. Đặc biệt phải cảm ơn Tào Tuyết Cần: "chẳng thèm cái công danh ấy, chẳng để người đời xem đọc khen ngợi", đó là chuẩn mực sáng tác ông đặt ra cho tôi, thành câu cửa miệng tự răn của tôi khi cầm bút. Cái gọi là "chẳng để người đời xem đọc khen ngợi", nghĩa là chịu đựng nổi sự hiểu lầm lâu dài của bậc người đời thường, không chạy

theo hiệu ứng chấn động, càng không có toan tính thương mại. Nghĩa là, có ngày càng nhiều người đời đón nhận chữ nghĩa của mình, có vài lời tán dương khẳng định, được lưu truyền rộng, tiếng theo lợi tới, dĩ nhiên cũng là chuyện có thể xảy ra; nhưng đó tuyệt đối không phải mục đích của việc viết văn; mục đích chỉ có thể là "ta làm là vì tấm lòng của chính mình".

# Hai hồi này có phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần không? Nếu là bổ tác, tác giả hẳn chẳng phải Cao Ngạc

Giải mã cổ bản

◇ Hồi thứ bảy mươi chín: Tiết Văn Long hối tiếc cưới sư tử Hà Đông; Giả Nghênh Xuân lỡ gả nhầm sói Trung Sơn.

◇ Hồi thứ tám mươi: Nghênh Xuân nhu nhược ruột quặn chín khúc; Hương Lăng mong manh bệnh vào chỗ hiểm nghèo.

Theo quan điểm của tiên sinh Chu Nhữ Xương, trong cổ bản Hồng Lâu Mộng (Thạch Đầu Ký) chỉ có bảy mươi sáu hồi đáng tin; hồi sáu mươi tư tạm còn gần nguyên ý của Tào Tuyết Cần, nếu "khoan dung" cho nó, thì những hồi không đáng tin là hồi sáu mươi bảy, bảy mươi chín và tám mươi. Công việc hội hiệu và tuyển chọn tinh lọc của bản Chu hội vì thế cũng không đụng tới hồi sáu mươi bảy, bảy mươi chín và tám mươi.

Với độc giả Hồng Lâu Mộng thông thường mà nói, đào sâu tỉ mỉ đến thế để bàn trên phương diện văn bản xem lời văn có đúng bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần hay không, e rằng quá vất vả. Ý tôi là, việc cấp bách trước hết vẫn phải là cắt rời, trên phương diện văn bản, cuốn tục thư bốn mươi hồi của Cao Ngạc khỏi bộ tám mươi hồi đại thể do Tào Tuyết Cần viết.

Lời "tám mươi hồi đại thể là của Tào Tuyết Cần" của tôi chứa hai tầng nghĩa. Một là: về căn bản tôi tán thành quan điểm của tiên sinh Chu Nhữ Xương, tức bốn hồi sáu mươi tư, sáu mươi bảy, bảy mươi chín và tám mươi trong cổ bản chúng ta đọc được hiện nay đều không phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần; đo bằng tiêu chuẩn nghiêm ngặt, Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần mà hôm nay ta còn thấy được chỉ có bảy mươi sáu hồi. Hai là: bốn hồi ấy tuy không phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần, do người khác bổ viết thành, nhưng những người bổ viết ấy, từ thân phận tới động cơ, đều khác biệt lớn với Cao Ngạc. Xét về thân phận, Cao Ngạc chẳng dính dáng gì tới Tào Tuyết Cần: hai người không những không quen biết, không qua lại, quãng đời không cắt nhau, mà vốn sống trải qua cũng khác xa nhau; nhưng kẻ bổ bốn hồi nêu trên lại hẳn là những người rất gần gũi Tào Tuyết Cần, ở mức độ nào đó hiểu được ý tưởng khung chung của ông cho cả cuốn sách, và trong số đó một người bổ viết rất có thể chính là Chi Nghiễn Trai. Xét về động cơ, người bổ bốn hồi cố sức tiến sát nguyên ý của Tào Tuyết Cần, còn Cao Ngạc lại muốn "chỉnh đốn" cái "hướng đi" mà Tào đã viết ở phần trước, xuyên suốt vào tục thư cái ý đồ khác với Tào, thậm chí ngược hẳn chiều, đồng thời còn sửa tráo tương ứng cả tám mươi hồi trước. Vì vậy tôi cho rằng tục thư bốn mươi hồi của Cao Ngạc không nên còn in ghép chung với lời văn của Tào Tuyết Cần nữa; tục thư của hắn có thể xuất bản riêng, ai muốn xem cứ lấy ra xem, nhưng đừng để mấy chữ ấy còn bị buộc với Tào Tuyết Cần; lối in "Hồng Lâu Mộng,

Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc soạn" như hiện nay nhất định phải thay đổi. Cuộc cách mạng ấy trong lịch sử xuất bản Hồng Lâu Mộng nhất định phải tiến hành!

Dù trong tám mươi hồi cổ bản Hồng Lâu Mộng chúng ta đọc được hiện nay có ba đến bốn hồi không giống nguyên bút của Tào Tuyết Cần, ý nghĩa đại thể vẫn đúng đường hướng; để tiện bề phát biểu, gọi thống nhất tám mươi hồi lời văn đại thể do Tào Tuyết Cần viết ấy là "tám mươi hồi Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần", vẫn là điều thích đáng.

Vì không hài lòng với hồi bảy mươi chín và hồi tám mươi mà chúng ta đang đọc hiện nay, tiên sinh Chu tự dựng lò mới, tự viết lại hai hồi này, như một thành quả thám dật trình bày cho phần bản thảo đã thất lạc của Tào Tuyết Cần. Hồi mục ông đặt cho hồi bảy mươi chín là "Quán Thanh Hư linh ngọc tiêu oan tật, am Thủy Tiên đôi mộ báo tình thơm" (清虚观灵玉消冤疾，水仙庵双冢报芳情), trong đó sắp đặt các tình tiết như Giả mẫu trách mắng Vương phu nhân xua đuổi Tình Văn đến chết, Bảo Ngọc đi quán Thanh Hư kêu oan cho Tình Văn... Còn viết tiếp chuyện nhà Lại Thượng Vinh lại sang mời người phủ Giả đến dự tiệc nhà mình:

Tiệc rượu nhà họ Lại phong phú, tuồng tích mới mẻ, tự không cần kể kỹ; chỉ nói khách nam khách nữ chia làm hai sân ngoài trong, đến lúc dọn bàn rượu sắp xem tuồng mới mời các cô nội quyến nữ khách ra trước sân khấu, kéo rèm ngăn lại, cùng một chỗ coi tuồng. Trong số khách nam, có bạn cũ thân giao của phủ Vinh, cũng có những người Lại Thượng Vinh kết giao khi đối đáp xã giao trong quan trường, trong đó có cậu công tử phủ Trung Thuận vương ngày ấy cũng đến góp vui dự lễ. Trớ trêu thay, giữa lúc tuồng dừng trống ngừng nhạc, Bảo Ngọc đang cùng các công tử bạn thân như Phùng Tử Anh, Vệ Nhược Lan, Trần Dã Tuấn bàn luận âm vận của vở diễn, thì Giả mẫu nhớ ra đến giờ cậu phải uống một viên thuốc, bèn sai Tập Nhân rời chỗ ngồi đi tìm tiểu đồng theo hầu, đem thuốc sang cho Bảo Ngọc. Đúng lúc ấy, công tử Trung Thuận vương đứng dậy nói chuyện với người hầu cận, không phòng một quay đầu lại chạm mặt ngay Tập Nhân. Tập Nhân thấy khách lạ, lập tức né tránh trở về chỗ ngồi. Nào ngờ công tử ấy bèn hỏi tiểu đồng: các người là gia nhân nhà nào, hôm ấy nội quyến đến là ai. Rồi lấy tiền thưởng cho tiểu đồng, tiểu đồng liền nói thẳng: vừa rồi kia là a hoàn của nhị gia nhà chúng tôi, tên là Tập Nhân.

Công tử ấy ghi nhớ trong lòng.

Hồi bảy mươi chín kết thúc ngay tại đó. Sang hồi tám mươi, hồi mục là "Lại Thượng Vinh quan viên mở tiệc lại, Giả Vũ Thôn vương phủ cầu vinh lần nữa" (赖尚荣官园重设宴，贾雨村王府再求荣). Chuyện kể Giả Vũ Thôn để lấy lòng Trung Thuận vương đang nóng bỏng quyền thế cùng công tử của ông, sẵn sàng gây sức ép lên phủ Giả từng giúp đỡ mình muôn vàn, giúp Trụ làm điều ác:

Chuyện là công tử ấy vốn là con trai út của Trung Thuận vương, được nuông chiều cưng cậy đến hư hỏng, là gã công tử ăn chơi nổi danh kinh thành, rượu chè sắc dục, chó ngựa săn đùa, không việc nào không làm. Hôm ấy chợt thoáng thấy Tập Nhân một cái, liền thấy hai ba trăm a hoàn thị nữ trong phủ mình nhất loạt

thành vô dụng. Thấy mẫu phi, gã ép buộc bà nghĩ cách đi đòi Tập Nhân này về... Mẫu phi bất lực, đành phải tâu với vương gia chuyện ấy... Vương gia tuy biết việc này dính tới thanh danh, không dám manh động... Đang lúc buồn bực vô sự, người nhà báo đại nhân Giả Vũ Thôn của Bộ Binh đến bái kiến. Vương gia trong lòng chợt động, vội bảo mau mời.

Nguyên ra, từ khi thăng chức Đại Tư Mã, uy quyền của Vũ Thôn mỗi ngày một lẫy lừng, lần lần đi lại khắp các vương phủ, trong bụng rõ phủ Trung Thuận là dòng hoàng thân quý trọng nhất triều đương thời, đủ sức xoay chuyển cục diện lớn của nội đình, nên thường hay đến khoe công cầu sủng. Hôm ấy lại đến... Ngồi vào chỗ hỏi han xã giao xong, vương giả giả vờ chuyện phiếm vô tâm, hỏi: dạo này còn hay sang phủ Vinh không? Cậu con trai nhà ấy giờ ra sao rồi?

Vũ Thôn còn chưa hiểu đầu đuôi, buột miệng đáp: tôi với Giả Bảo Ngọc kia cũng chẳng thường gặp gỡ, nhưng chàng ấy văn chương hơn người, thơ từ làm hay, người thức chữ thưởng văn trong kinh thành không ai không ngợi khen. Gần đây chàng lại làm một bài thơ lạ thường, đề là Quỷ hoạch từ, tôi vừa chép mang theo một bản đây... Trung Thuận vương vốn định nhờ miệng lưỡi của Vũ Thôn đi nói chuyện với Giả Chính để đòi a hoàn, khỏi mất công văn thư giấy tờ, sinh sự mang tiếng. Sau khi Vũ Thôn ra về, ông ta mở bài thơ ra, đọc kỹ từ đầu tới cuối. Chợt kinh hãi kêu lên: đây là "phản thi"!... Chuyện là vị mạc khách kia bỗng nhiên nghiêm mặt biến sắc, giọng gay gắt nói với mọi người: chỗ hiểm họa của bài thơ này chẳng nằm ở một hai câu thi nhân mỉa mai mà người ta còn giải nghĩa nổi, mà nằm ở chỗ bản thân người Lâm Tứ Nương này vốn thuộc hạng hạ lưu của đảng nghịch, nàng là thiên binh nơi Sơn Đông nghịch chống thánh triều. Anh xem: "Sơn Đông giặc năm sau nổi loạn", đó là lời nói kiểu gì! Chẳng lẽ phải đợi người ngu chỉ ra, mọi người mới tỉnh ngộ hay sao?

Nghe câu ấy, vương giả cùng các khách vừa kinh vừa mừng; mừng ở chỗ, rốt cuộc đã nắm được cái cớ thật sự để hưng sư vấn tội. Trung Thuận vương cũng chẳng phải hạng nông cạn thô vụng, ông liền dặn trưởng sử quan: ngày mai triệu riêng đại nhân Giả sang phủ nghị sự.

Thế là Giả Vũ Thôn sang phủ Vinh Quốc, phân bày lợi hại cho Giả Chính nghe, ép phủ Giả nộp Tập Nhân ra để tránh "văn tự ngục". Giả Chính bất lực, đành phải đi nói trước với Vương phu nhân.

Lời còn chưa dứt, chợt nghe người ngoài báo: trưởng sử quan vương phủ đến bái kiến. Giả Chính vừa nghe câu ấy đã há hốc mồm đờ người ra, cứ nói thôi rồi thôi rồi, thở dài một tiếng dài, vội vàng chạy ra đón. Rốt cuộc Tập Nhân ra sao rồi mới lìa phủ Vinh Quốc, từ biệt Bảo Ngọc, xin xem hồi sau.

Oan tật vừa tiêu, tai họa liền tới; vườn Kim Cốc tiếng tăm, thật ả hay không?[1]

Gieo mình từ lầu, quả là trung trinh tuyệt đối; nhưng khó giữ được Thạch lang, càng đáng thương hơn!

1. NDLR: "vườn Kim Cốc" và "Thạch lang" mượn điển Lục Châu, thiếp yêu của Thạch Sùng đời Tấn gieo mình từ lầu cao khi chủ gặp họa; Chu Nhữ Xương ngầm ví Tập Nhân với Lục Châu.

Tiên sinh Chu viết như vậy, hẳn vì hết sức bất mãn với hồi bảy mươi chín và hồi tám mươi chúng ta đang đọc; đo chừng ông càng bất mãn nhất với hồi tám mươi. Các bản thông hành trước nay đều lấy "Mỹ Hương Lăng uất chịu roi chồng tham, đạo sĩ Vương bịa bừa phương vợ ghen" (美香菱屈受贪夫棒，王道士胡诌妒妇方) làm hồi mục; bản Chu hội kiên quyết không lấy, đo chừng tiên sinh Chu đặc biệt không tin đoạn tình tiết về đạo sĩ Vương ấy. Quả thật cũng phải vậy: phía trước đã có sẵn một đạo sĩ họ Trương cung cấp mạch phát triển tình tiết vô cùng phong phú, còn cần gì nhảy ra thêm một đạo sĩ họ Vương nữa? "Thang vợ ghen" chỉ đủ cho độc giả cười một tiếng, thiếu cái sức nội hàm nhất quán của văn bút Tào Tuyết Cần. Ông tục tiếp từ hồi bảy mươi tám trở xuống, dàn trải tình tiết như thế, vì theo sự hiểu của ông, khủng hoảng trong ngoài của phủ Giả phải từng bước siết chặt nhau; những mạch ngầm đã giăng phía trước, đến hai hồi này lẽ ra phải "thu dây", có đôi chút hô ứng rồi.

Bản viết lại hồi bảy mươi chín và hồi tám mươi của tiên sinh Chu Nhữ Xương, có thể đem ra tham khảo.

Theo ý riêng của tôi, hồi bảy mươi chín và hồi tám mươi, viết Nghênh Xuân lỡ gả nhầm sói Trung Sơn và Tiết Bàn cưới về một con sư tử Hà Đông, viết hoàn cảnh gia đình cùng đặc điểm tính cách của Hạ Kim Quế, viết ảnh hưởng từ đó tới số phận của Hương Lăng, đại thể vẫn còn hợp với ý tưởng khung cơ bản của Tào Tuyết Cần; đối với độc giả thông thường mà nói, chấp nhận như lời văn của Tào Tuyết Cần cũng chẳng hại gì.

# Điều anh nhất định phải biết: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng

Tuy trong sách này tôi đã nhắc đi nhắc lại điều ấy nhiều lần, song sau khi trình bày xong chuyện tám mươi hồi của cổ bản Hồng Lâu Mộng, tôi vẫn thấy cần dành hẳn một mục riêng để một lần nữa nhấn mạnh. Hồng Lâu Mộng bản một trăm hai mươi hồi quả thật có sức ảnh hưởng rất lớn, đến nỗi tới hôm nay nhiều độc giả vẫn tin rằng đó chính là Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Những tình tiết như "mưu tráo dâu", "Đại Ngọc thi đốt bản thảo", "Bảo Ngọc khóc linh đường", vốn chẳng dính dáng gì tới Tào Tuyết Cần, nhờ được cải soạn thành sân khấu, điện ảnh, nghệ thuật kể hát mà lan truyền rộng rãi, khiến không ít người ngỡ đấy là ý nguyên thủy của ông. Còn có cả những nhà nghiên cứu Hồng học khẳng định rằng Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi là "kinh điển" bắt buộc phải tôn trọng, cứ như thể ai rời xa bốn mươi hồi tiếp bút của Cao Ngạc là người đó phạm lỗi.

Cuối năm 2006, Nhà xuất bản Nhân dân cho ra mắt Hồng Lâu Mộng tám mươi hồi theo bản Chu hội: bản sách quy tụ mười một bộ cổ bản còn lưu truyền, đối chiếu từng câu từng chữ, chọn lấy những câu chữ khẳng định là hoặc gần nhất với nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần rồi nối kết lại, hiệu đính tỉ mỉ cầu lấy cái chân, khiến chúng ta mở rộng tầm mắt. Tin rằng sẽ ngày càng nhiều độc giả, nhất là những bạn đọc mê say Hồng lâu từ lâu, nhận thức được cái bản chân, bản thiện, bản mỹ này, và từ trong ý thức thẩm mỹ, phân định và cắt đứt một cách nghiêm khắc giữa Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần với bốn mươi hồi tiếp bút của Cao Ngạc.

Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần truyền tới ngày nay nhưng không còn trọn vẹn, quả là một điều tiếc nuối lớn trời biển. Song có một lầm lẫn nhất định phải phá bỏ, đó là không ít người cho rằng Tào Tuyết Cần chưa viết hết Hồng Lâu Mộng, ông chỉ viết được chừng tám mươi hồi, chưa kịp viết xuống nữa thì đã buông bút, đã qua đời. Lầm lẫn này tôi phải tốn thêm nhiều công sức nữa để phá bỏ. Tào Tuyết Cần đã viết xong toàn bộ Hồng Lâu Mộng, chỉ là toàn thư không phải một trăm hai mươi hồi; theo nghiên cứu của ông Chu Nhữ Xương, khái quát mà nói, kết cấu toàn phần của Hồng Lâu Mộng lấy chín hồi làm một đơn vị, lại lấy con số mười hai làm tổng lĩnh cho cách tổ hợp nhân vật cùng tình tiết, vì thế toàn thư phải là 9×12=108 hồi.

Bộ Hồng Lâu Mộng một trăm lẻ tám hồi ấy, Tào Tuyết Cần đã đại thể hoàn thành: có đầy đủ hồi mục, phần văn tự thuật mỗi hồi về cơ bản đã viết xong, chỉ còn một số "bộ phận" như thơ từ chờ cài vào; tất nhiên cũng cần tổng duyệt thêm lần nữa, mài giũa bớt những "gai nhỏ" tự mâu thuẫn trước sau hoặc do sai sót tay nghề. Nói chung công việc còn lại đã không nhiều, phải nói toàn thư đã ở trạng thái viên ngọc trắng chỉ có vết khuyết tí ti mà tỏa sáng rực rỡ. Vậy mà ông đã đại thể hoàn thành toàn thư rồi, sao khoảng ba mươi hồi sách phía sau, giờ đây chúng ta lại không xem được nữa?

Tào Tuyết Cần viết cuốn sách này trong điều kiện sáng tác vô cùng gian khổ. Bản thảo khoảng ba mươi hồi cuối thất lạc, đại thể có những nguyên nhân như sau:

Một, tổn thất mang tính vật lý. Chẳng hạn mưa dột làm ngâm nước, lật xem lâu ngày gây mài mòn, chuột bọ mọt nát, đều có thể khiến bản thảo quý giá hoặc bản chép để đọc kèm bình điểm gặp nạn.

Hai, thiệt hại do con người nhưng không xuất phát từ động cơ ác. Chẳng hạn thân bằng hữu hảo vội vàng mượn bản thảo vừa viết xong về đọc, có khi vì yêu thích mà giữ lại không trả, có khi thưởng thức không nổi nên không trân trọng gì, cũng có khi gặp khó khăn muốn trả cũng chẳng còn cách nào.

Ba, sự thất thoát do lòng tốt thừa thãi. Có người mượn về đọc, thấy trong đó nhiều chỗ "lời lẽ cấm kỵ", nghĩ rằng mình giữ loại bản thảo ấy sẽ chuốc phiền phức, lại cho rằng Tào Tuyết Cần cứ viết thế mãi thì không an toàn, nên xem xong đã đem tiêu hủy.

Bốn, can thiệp ác ý, chẳng khác gì khám xét tịch thu. Dĩ nhiên đây là những nhân vật "có lai đầu", hối sách gấp gáp, không đưa bản thảo thì không xong; họ lấy xong, dù không quay lại truy cứu, cũng thực hiện việc "kiểm duyệt găm giữ", cả trang giấy châu ngọc lấp lánh, từ đó bị ném vào giếng sâu tối tăm.

Năm, bóp nghẹt một cách có mưu đồ sẵn. Ông Chu Như Xương có viết một bài dài tựa "Đằng sau bộ toàn bích của Hồng Lâu Mộng", đáng để tham khảo.

Trước tiên, cụ Chu trích nguyên văn chiếu chỉ ngày mùng 4 tháng Giêng năm Càn Long thứ ba mươi bảy (1772, cách ngày Tào Tuyết Cần trút hơi thở cuối cùng chừng tám năm) do hoàng đế ban ra, đại ý hạ lệnh mua sắm quần thư, mục đích là để kiểm duyệt, rồi đem một số trong đó ra cấm hủy; quả là một biện pháp chuyên chế văn hóa vô cùng tàn khốc. Theo tư liệu, lúc ấy số sách bị cấm hủy lên tới hơn ba nghìn chủng loại, trên sáu bảy vạn bộ. Nhưng Càn Long hoàng đế rốt cuộc là một đại chính trị gia, ông ta hiểu sâu rằng không thể chỉ một mực cấm hủy; thay vì đối với những cuốn sách chứa "lời cấm kỵ" diệt sạch không chừa cuốn nào, chi bằng "cải tạo" một bộ phận trong đó, biến chúng từ "có hại" thành "vô hại". Vì thế năm Càn Long thứ ba mươi tám (1773), ông ban chiếu khởi động công trình đồ sộ biên soạn Tứ Khố toàn thư, thi hành chuyên chế văn hóa từ "mặt trước": trên tiền đề chỉnh lý, bảo tồn những sách hiện có, vừa tích lũy được văn hóa, vừa tỏ rõ vị hoàng đế này không chỉ võ công hiển hách mà văn trị cũng lừng lững. Công trình ấy kéo dài nhiều năm; năm Càn Long thứ bốn mươi lăm, Hòa Thân lên làm chính tổng tài biên soạn Tứ Khố toàn thư; năm Càn Long thứ bốn mươi bảy (1782), Tứ Khố toàn thư tuyên bố hoàn thành.

Bài luận của cụ Chu còn dẫn một đoạn lời của một nhân sĩ tên Ngô Vân. Khi viết đoạn lời ấy thì đã sang năm Gia Khánh thứ hai mươi bốn, y nói: "Sách Hồng Lâu Mộng là thứ yêu tinh trong sách sử phi chính thống, chẳng biết khởi nguồn từ đâu; khi Tứ Khố toàn thư hoàn thành, nó mới bắt đầu lan truyền đôi chút, phần lớn đều là bản chép tay, chẳng có bộ nào trọn vẹn. Sau đó Cao Lan Thự cùng một họ Trần (Trình) kia nối đủ

nó thành bộ, xen kẽ khá nhiều chỗ sửa xoay nguyên văn, khó tránh tiếng chê 'đuôi chó nối đuôi chồn'... chuyện gốc của nó xuất phát từ nhà họ Tào..." Về sau cụ Chu lại dẫn một đoạn lời của người ký tên "Nạp Sơn nhân": "Sách Hồng Lâu Mộng, chẳng biết do ai viết, có người nói là tay bút của Tào Tuyết Cần... lâu ngày dần dà, cứ nói thẳng rằng đó chỉ là một cuốn thư tình. Thư tình thì là sách gì? Liệu có bậc đại nhân tiên sinh nào cho phép nó lưu truyền đến hôm nay chăng?..."

Bài luận của cụ Chu khảo chứng rất kỹ lưỡng, dẫn rất nhiều sử liệu, dựng nên chuỗi logic chặt chẽ; ở đây không thể trích hết. Gọn lại, kết luận là: Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không bị cấm hủy toàn bộ, mà được "cải tạo" theo sự sắp đặt của vị "đại nhân tiên sinh" Hòa Thân: tìm người viết sửa xoay câu chữ phần tám mươi hồi đầu, viết lại toàn phần tám mươi hồi sau, biến nó thành một bộ "thư tình" thuần túy, nghĩa là một "tiểu thuyết tình yêu" "vô hại"; sau đó cho phép in sống động bằng chữ rời, lưu truyền rộng rãi.

Theo lời Tống Tường Phượng mà Triệu Liệt Văn đời Thanh dẫn lại trong "Năng Tĩnh trai bút ký": "Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, vào cuối triều Cao Tông, Hòa Thân đem dâng vua, song chẳng rõ sách ngầm chỉ vào việc gì. Vua xem rồi gật đầu chấp thuận, bảo: 'Chắc là viết về nhà họ Minh Châu.' Từ đó người ta coi cuốn sách ấy là chuyện cũ để lại của Minh Châu." Điều này cho thấy bộ Hồng Lâu Mộng đã "cải tạo" được chính vua Càn Long (Cao miếu là tôn xưng ông) gật đầu chấp thuận; chính Càn Long mở đường đầu cho trường phái hồng học "tố ẩn", bảo nó viết chuyện nhà đại thần triều Khang Hi là Minh Châu, nhờ thế mà kéo sự chú ý của thiên hạ vốn hướng về nội dung ngầm trong văn bản liên quan thái tử bị phế cùng con ông ta là Hoằng Hiếc, dắt sang vùng tưởng tượng chẳng ăn nhập gì với "triều đình đương kim".

Việc Hòa Thân bỏ ra nặng tiền, mời văn sĩ "cải tạo" Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, còn chưa tìm được chứng cứ trực tiếp về việc tìm đến Cao Ngạc (Lan Thự là tên chữ của y), nhưng chẳng phải không có dấu vết để lần theo. Ông Chu đã moi ra nhân vật nhiều khả năng đã dẫn giới y tới chỗ Hòa Thân. Cao Ngạc năm Càn Long thứ năm mươi ba (1788) dù đỗ cử nhân, nhưng mấy năm liền sau đó đi thi tiến sĩ đều trượt; mà sau khi "cải tạo" xong Hồng Lâu Mộng và cho in xếp chữ vào năm Càn Long thứ năm mươi sáu (1791), đến năm Càn Long thứ sáu mươi (1795) y thuận lợi trúng tuyển tiến sĩ, đúng năm ấy Hòa Thân đảm nhiệm chức quan chấm quyển thi; điều này quả thật đáng suy ngẫm lắm.

Bộ Hồng Lâu Mộng đã "cải tạo" không chỉ do nhà buôn sách Trình Vĩ Nguyên xếp chữ in hành phát hành, mà còn do cơ quan ấn loát của hoàng gia "Vũ Anh điện" chính thức in hành lưu bố. Vì thế Hồng Lâu Mộng bản Trình Cao, xét ra chính là "Hồng Lâu Mộng ngự chế". Năm 1794, Kamensky, đoàn trưởng giáo đoàn Nga (ông cũng là một nhà Hán học), đến Bắc Kinh, mua một bộ Hồng Lâu Mộng như thế, về sau đem về Moskva, nay vẫn còn bảo tồn tại đó. Y viết trên sách: "Bản in này do cung điện in hành." Bộ Hồng Lâu Mộng này với bộ cổ bản Thạch Đầu Ký tám mươi hồi đang bảo tồn ở Sankt-Peterburg, khoảng cách giá trị phiên bản nào có thể đếm xuể: hơn mười vạn tám nghìn dặm.

Cụ Chu từng đối diện tâm sự với tôi: cả đời nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, điều ông theo đuổi là phản giả quy chân. Ông gọi bốn mươi hồi tiếp bút của Cao Ngạc là "bản tiếp giả". Nhà xuất bản Nhân dân cho ra mắt bản Chu hội Hồng Lâu Mộng, cuối cùng thu nhận vào đó những đoạn văn về thành quả thám dật tám mươi hồi sau trong cuốn "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của Chu Nhữ Xương, chính nhằm củng cố nhận thức lẽ ra độc giả phải có: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng; điều không may là tám mươi hồi đầu bị sửa đổi trái phép, nguyên văn tám mươi hồi sau bị cấm hủy, còn bản tiếp của Cao Ngạc chẳng những giả nhem mà hơn nữa còn là một biện pháp mà chính quyền đương thời dùng để đẩy mạnh chính sách chuyên chế văn hóa. Cụ Chu còn có một chuyên khảo khác, "Chuyện thật của Hồng Lâu Mộng", với bề dày lớn, tập trung trình bày sinh động, dễ hiểu thành quả thám dật toàn mạo Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần theo cách riêng của ông.

Tôi mong đông đảo độc giả đừng vì cắt đứt Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần với bản tiếp giả của Cao Ngạc mà cảm thấy mất mát. Giả thì là giả, lớp nguỵ trang phải bóc bỏ. Bỏ qua bốn mươi hồi của Cao Ngạc, rồi chỉnh đốn lại cho đúng trật tự phần tám mươi hồi đầu đã bị y cùng Trình Vĩ Nguyên xoay chuyển dưới sự chỉ điểm của "đại nhân tiên sinh", cái ta thu được là đầy hộc châu ngọc, cái ta đánh mất chỉ là cát vụi với mắt cá.

Vì Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng, việc thám dật tám mươi hồi sau là cần thiết; hơn nữa dựa vào muôn vàn manh mối còn lưu lại, việc thám dật ấy hoàn toàn khả thi. Trong các chương kế tiếp của cuốn sách, tôi sẽ đem những tâm đắc thám dật của mình trình bày ra, để bạn đọc mê Hồng lâu tham khảo, thảo luận. Cách trình bày của tôi, trước hết là công bố những hồi mục phác thảo, rồi dưới mỗi hồi mục giải thích ngắn gọn theo tôi Tào Tuyết Cần sẽ viết những gì.

Cần nói rõ: trước đây tôi từng viết một số bài thám dật, và từng thể hiện những tâm đắc thám dật qua ba bộ tiểu thuyết vừa "Cái chết của Tần Khả Khanh", "Cái chết của Giả Nguyên Xuân", "Cái chết của Diệu Ngọc". Nay viết xuống là thành quả thám dật mới nhất, có điều chỉnh trên nền cũ; mọi chỗ khác với điều đã viết trước đây đều cho thấy tôi đã dùng suy nghĩ mới thay thế phác tưởng cũ.

# Thám dật Hồng Lâu Mộng từ hồi thứ tám mươi mốt đến hồi một trăm lẻ tám

**Hồi thứ tám mươi mốtSói núi Trung Sơn nuốt chửng người con gái bạc phận; sư tử Hà Đông gầm lên, cắt đứt hồn không vận may**

Nghênh Xuân vốn có phán từ "Thân hoa liễu trong khuê các vàng, chỉ một năm mà về cõi hoàng lương" (phán từ hồi thứ năm). Cổ bản có hai lối viết khác nhau: "hoàng lương" 黄粱 và "hoàng lương" 黄梁. Nếu là "hoàng lương" 黄粱 thì dùng điển "một giấc mộng nếp vàng" trong "Chẩm trung ký" của Thẩm Ký Tế đời Đường; nếu là "hoàng lương" 黄梁 thì chỉ việc thòng cổ tự tử. Bản Chu hội chọn chữ 黄梁. Nghênh Xuân chịu không nổi sự dày vò của gã sói Trung Sơn, hoàn toàn có thể là Tào Tuyết Cần viết cô ta cuối cùng thắt cổ tự tận. Còn Hương Lăng, người con gái "có mạng không vận" (lời hòa thượng chốc đầu ở hồi thứ nhất), thì "tự khi hai chỗ đất sinh một cây đơn mộc (ngầm chứa chữ Quế trong tên Hạ Kim Quế), khiến hồn hương phải trở về quê cũ" (phán từ hồi thứ năm): Kim Quế đến thì Hương Lăng mất, đó là phác tưởng rất rõ ràng của Tào Tuyết Cần; Cao Ngạc lại viết Kim Quế chết, Hương Lăng được lập làm chính thất, quả là sự bóp méo lớn nhất. Những chuyện này đều xảy ra vào cuối hạ năm thứ ba, tính từ nửa sau hồi thứ mười tám.

**Hồi thứ tám mươi haiLời gièm pha nổi bốn phía, kho quan đại loạn; đóng cửa vườn khép ngõ, tim đập chân run**

"Kho quan", cũng viết là "công trung", cách nói xuất hiện nhiều lần trong tám mươi hồi đầu, chỉ cơ cấu tập trung quản lý tài chính cùng nhiều công việc khác của phủ Vinh Quốc. Hồi thứ tám chép chuyện Bảo Ngọc đi Lê Hương viện, trên lối đi giữa phủ gặp bảy tám tên đầu mục coi việc, trong đó có Ngô Tân Đăng tổng lãnh kho hàng (vật dùng cân bạc ngày xưa gọi là cân đinh, lúc cân phải chỉnh cho đúng con sao trên cán cân; tên y chơi chữ đồng âm với "cân đinh không sao" 无星戥, đủ biết "trình độ quản tài"), Đái Lương đầu mục kho thóc (ý chơi chữ qua âm: "đấu lớn đổ ra ngoài" 大斗往外量), Tiền Hoa tay mua sắm (âm ý "tiêu tiền như hoa nở" 花钱如开花). Đây là một lũ tiểu nhân nhờ thế chủ mà hung hăng, và còn tùy theo thế lực mà đổi thay. Hồi này chép nhà Chân họ Chẩn ở Giang Nam bị hoàng đế khám xét trị tội, chuyện giấu giếm tài sản phạm pháp sang phủ Vinh Quốc khiến trong phủ tin đồn thất thiệt nổi lên bốn phía, kho quan trước hết đại loạn. Kẻ lo bị lây kéo trốn chạy theo của cải, kẻ mượn thế gia tăng tham ô; Phượng Thư đã chẳng còn chi trả nổi tiền tháng cho đám nữ quyến, các cậu nhỏ cùng a hoàn đầy tớ đầy tớ gái trong phủ, mọi mâu thuẫn trong phủ đệ thêm phần gay gắt; dì Triệu với Giả Hoàn cũng gây thêm nhiều rắc rối cho Vương phu nhân và Bảo Ngọc. Vương phu nhân sai Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Thám Xuân, Tích Xuân dời khỏi Đại Quan viên ra ở riêng; trong vườn chỉ còn hai nơi Đào Hương thôn với Lũng Thúy am, lần lượt do Lý Hoàn (đem theo Giả Lan) và Diệu Ngọc cư ngụ. Sử Tương Vân cũng rút khỏi chỗ Lý Hoàn, chuẩn bị về nhà ông chú. Tiết Bảo Cầm sớm đã được bà Tiết dọn về ở chung. Đại Quan viên đại thể là một cảnh tượng đóng cửa vườn, khép kín ngõ, tiêu điều vắng vẻ. Bất ngờ lại có tin nhà họ Sử, tức họ ngoại của Giả mẫu, chọc giận long nhan: Bảo Linh hầu Sử Nại, Trung Tĩnh hầu Sử Đỉnh đều bị tước chức tước vị; Giả mẫu nghe tin thì tai biến mê man, tính mạng chập chờn.

**Hồi thứ tám mươi ba** **Sử thái quân đành bất lực khi đại gia nghiêng đổ; Kim Uyên Ương chí quyết, thà làm ngọc vỡ**

Giả mẫu không trụ nổi tới ngày sinh nhật tuổi tám mươi mốt đã lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng. Vì sau cơn tai biến đột ngột bà không nói được nữa nên không để lại di chúc rõ ràng, vì thế cuộc tranh đoạt quyền lực gia tộc, đặc biệt là tài sản, giữa mấy nhóm lợi ích trong phủ đệ trở thành căng như dây đàn. Bên ngoài thì tin bất lợi liên tiếp truyền về, nhà Giả đã chao đảo như nhà sắp đổ; Giả mẫu chết mà không nhắm mắt nổi, cuối cùng là Bảo Ngọc khép nhẹ mí mắt cho bà nội. Giả Xá đã bị người tham hặc, càng đắm chìm say sưa trong men rượu bóng tối; Giả mẫu vừa mất, y liền ép buộc Uyên Ương; Uyên Ương giấu sẵn cây kéo sắc, gan góc tự đâm vào cổ, vỡ như ngọc để gìn giữ phẩm giá mình.

**Hồi thứ tám mươi tư** **châu Bình An chuyện bùng ra chẳng còn bình an; đình Tả Lệ sếu gáy, muốn rơi lệ cũng khó**

Giả Xá trái phép chế độ, riêng tư kết giao với quan lại ngoài kinh, hồi thứ sáu mươi tám đã nhắc đích danh việc y phái Giả Liễn đi châu Bình An cấu kết với Tiết độ sứ Bình An; cuối cùng y bị tham hặc đổ ngã, long nhan nổi giận, tước chức trị tội. Giả Liễn tạm thời lọt qua mắt. Nhờ Giả Nguyên Xuân van xin, hoàng đế không truy tội liên đới lên đầu Giả Chính. Giả Chính hộ tống linh cữu Giả mẫu về Nam Kinh; Bảo Ngọc và mọi người tiễn đến đình Tả Lệ bên bờ kênh đạo thì lại có tin bất lợi về Nguyên phi truyền đến, lúc ấy chưa thể tra chứng được gì, ai nấy đều hoảng loạn bất an.

**Hồi thứ tám mươi lăm** **Bức tranh xuân ấm vụn vỡ, ở Ẩu Tạ cạo tóc xuất gia; trăng lạnh lay sóng, Giáng Châu về trời**

Giả Trân phủ Ninh Quốc cùng Phùng Đường, Phùng Tử Anh cha con, rồi Hàn Kỳ, Vệ Nhược Lan, Trần Dã Tuấn những nhân vật "phe nguyệt" quấn quýt thành một bè; chuyện tập bắn dưới chân Thiên Hương lâu phát triển thành bàn bạc đánh cuộc, rồi dần dần trở thành hoạt động mưu mật chính trị. Tích Xuân dời khỏi Đại Quan viên, lẽ ra phải về phủ Ninh, nhưng ý chí cô ta "giữ chí cô cao, tuyệt giao hẳn với phủ Ninh Quốc" chẳng đổi thay chút nào; sau khi Giả mẫu chết, cô càng lúng túng trong phủ Vinh Quốc; Vưu thị một lần nữa sang khuyên cô về phủ Ninh Quốc, cô dùng dao cắt toạc bức tranh vui chơi Đại Quan viên mới vẽ được nửa chừng, rồi cắt tóc lập thề, quyết lòng xuất gia, thậm chí từ chối cả sự sắp đặt của gia đình về nơi am miếu cho cô tu hành; "áo cà sa lập tức thay trang sức năm xưa", cô xông ra khỏi phủ đệ, ăn mày dọc đường, cuối cùng tìm được một am viện hoang tàn, đêm đêm "nằm cạnh ngọn đèn xanh với đức Phật xưa" (phán từ hồi thứ năm). Trước lúc ra đi, Tích Xuân đã "nhìn thấu ba mùa xuân" (khúc "Hư hoa ngộ" hồi thứ năm), còn để lại lời tiên tri rùng rợn như Tần Khả Khanh thuở trước: "Nhìn rõ ba xuân cảnh chẳng dài" (phán từ hồi thứ năm). Cô rời phủ vào một ngày thu của năm thứ ba tính từ nửa sau hồi thứ mười tám, rất gần với cái "bốn mùa xuân" mà gia tộc sẽ hoàn toàn tiêu vong.

Sau khi Giả mẫu qua đời, Đại Ngọc mất chỗ dựa. Tuy Bảo Ngọc đối xử với cô vẫn như xưa, tình yêu giữa họ cũng không còn vì hiểu lầm mà phiền muộn, nhưng nỗi bi thương sống nhờ mái nhà người của Đại Ngọc càng thêm sâu sắc. Một lần Phượng Thư sai Tiểu Hồng mang chè tới, cô cảm tạ rồi hỏi han vài câu, Tiểu Hồng tỏ thái độ lạnh nhạt và cảnh giác với cô khiến người vốn nhạy cảm như cô càng đau đớn hơn (manh mối hiểu lầm của Tiểu Hồng với cô đã gài ở hồi hai mươi bảy). Giả Xương, Giả Linh trong phủ coi quản phòng thuốc phụ trách phối chế thuốc men, sớm bị dì Triệu mua chuộc, khi pha chế thuốc cho cô đã bỏ vào

thành phần bất lợi, nhằm thúc đẩy cái chết của cô mà không để dấu vết (tham khảo một điều chi phê ở hồi thứ ba). Đại Ngọc rơi hết nước mắt; tới Trung thu, cô tự thiết kế cho mình một lối giã từ nhân thế đầy thi vị: từ mép ao từ từ bước xuống giữa mặt nước, tan biến vào bóng trăng lạnh. Hồn hoa chìm xuống, trở về cõi trời.

**Hồi thứ tám mươi sáu Hoàn cảnh khó khăn đành cưỡng, hai Bảo thành hôn; quen thuộc lạ thường, Trẩm Hà xuất giá**

Ở đoạn cuối cùng khi chìm xuống hồ, Đại Ngọc bị Tử Quyên và Tuyết Nhạn đi tìm phát hiện. Hai người hốt hoảng kêu lên; các bà vú trực đêm cũng trông thấy vài dấu tích; Vương phu nhân, Bảo Ngọc, Bảo Thoa, Tương Vân chạy đến bên bờ nước, sóng gợn bóng trăng còn lay động; mọi người vội gọi người xuống lùng cứu, nhưng cho tới sáng chỉ vớt được quần áo của Đại Ngọc, chẳng có thi thể nào; ai nấy kinh ngạc vô cùng. Bảo Ngọc và Bảo Thoa tỉnh ngộ trước, bảo mọi người rằng Đại Ngọc đã thoát xác thành tiên. Tương Vân nhớ tới hai câu cuối hai người cùng ngâm khi liên thơ với Đại Ngọc đầu năm trước, không nén nổi bi thương dâng lên. Từ khi Đại Ngọc ra đi, Bảo Ngọc thần hồn hoang mang; Bảo Thoa khích cho y khóc to một trận để xả bớt uất kết, nhưng phải nhiều ngày sau, khi Bảo Ngọc đọc lại những vần thơ Đại Ngọc để lại, y mới khóc thành tiếng một trận thật sự.

Một thời gian sau, Vương phu nhân cùng bà Tiết sắp đặt chuyện hôn nhân của Bảo Ngọc và Bảo Thoa. Họ nói tuy đang trong tang kỳ bà nội, nhưng gia tộc đã có dấu hiệu tan rã, hoàn thành "nhân duyên vàng ngọc" một cách giản dị chính là sự an ủi lớn nhất cho vong linh Giả mẫu, vân vân. Song với Bảo Ngọc thì "Dù cho án đặt ngang mày, cuối cùng vẫn thấy lòng này băn khoăn" (khúc "Chung thân ngộ" hồi thứ năm). Còn với Bảo Thoa, há đã thực hiện được chí lớn "Nhờ gió đưa lên mãi, trên mây ngất ngưởng trèo" (từ "Lâm Giang tiên" hồi bảy mươi)? Hai người chẳng có chút hạnh phúc nào. Cả hai nhà chú của Tương Vân đều bị tước tước vị, tuy chưa sụp đổ hẳn nhưng cũng mất hết nguyên khí. Cô vốn đã được định mối (hồi ba mươi mốt Vương phu nhân, hồi ba mươi hai Tập Nhân đều nhắc tới), nhờ Vương phu nhân giúp đỡ, cậu cô dâu cô chú đem cô gả đi; người chồng hóa ra là Vệ Nhược Lan, gặp mặt rồi, hai người khá hợp tính. Con kỳ lân vàng mà Bảo Ngọc nhận từ đạo sĩ Trương, từng thất lạc rồi được Thúy Lũ và Tương Vân nhặt được trả lại, Bảo Ngọc đem tặng làm một phần lễ vật mừng cho Vệ Nhược Lan.

**Hồi thứ tám mươi bảy Xuân Linh trái thánh ý bay xa; Tư Kỳ chết theo tình cũ, oan lây đến cá trong ao**

Nguyên phi vốn đang có thai, "Kìa hoa lựu nở cửa cung soi" (phán từ hồi thứ năm), nhưng đòn đánh của hoàng đế nhắm vào thân quyến nhà Giả khiến nàng hoảng sợ khôn nguôi. Tin bà nội qua đời truyền tới, nàng quá đau thương nên sảy thai, dần dần thất sủng. Để giành lấy tình yêu của hoàng đế, nàng dùng hết tâm trí. Khi ấy hoàng đế thích xem hát trong cung; thái giám Hạ Thủ Trung nhắc nàng, năm xưa lúc về thăm nhà, vai diễn xuất sắc nhất trong gánh hát là Linh Quan diễn hai vở "Tương Ước", "Tương Mạ" quả thật tuyệt diệu, sao không triệu nàng vào cung cho vị hoàng đế ngày ngày buồn rầu được cười một tiếng giải buồn? Thế là Nguyên phi hạ chiếu điều Linh Quan vào cung hát. Ai ngờ Vương phu nhân tâu lại rằng đám con gái trong gánh hát đều đã phân phát hết, Linh Quan còn sớm hơn bị Giả Tường dẫn ra ngoài. Nguyên phi lại hạ chiếu tìm Giả Tường và Linh Quan. Giả Trân, Giả Dung kịp thời báo tin, Giả Tường và Linh Quan, nay đã đổi

tên thành Xuân Linh, trong đêm trốn đi xa (nửa sau hồi mục hồi ba mươi trong bốn bộ cổ bản viết "Xuân Linh vẽ tường vi, chí si lan tới người ngoài cuộc").

Tư Kỳ bị đuổi khỏi Đại Quan viên, trước bị giải đến chỗ Hình phu nhân, sau lại bị bà đuổi về nhà cha mẹ ruột. Tư Kỳ căm ghét Phan Hựu An nhút nhát thiếu khí phách đàn ông, bỏ trốn rồi biệt vô âm tín. Cha mẹ cô ép cô gả cho gã đàn ông bất lương tên Tiền Hoài. Gã này là con trai tay mua sắm của phủ Vinh Quốc, đồng thời là cháu gọi dì Triệu bằng cô, được sai theo hầu Giả Hoàn đi học. Trước gã đã để mắt tới Liễu Ngũ Nhi, bị thím Liễu và Liễu Ngũ Nhi khinh miệt (xem lời kể cuối hồi sáu mươi); sau khi Liễu Ngũ Nhi bệnh chết, gã lại cầu hôn Tư Kỳ. Tư Kỳ quyết không chịu, cha mẹ ép buộc mãi, cô uất hận uống thuốc độc tự vẫn. Tiền Hoài xúi vợ Tần Hiển đến tham dự tang lễ, vu khống rằng thuốc độc Tư Kỳ uống chính là bột phục linh do thím Liễu đưa, nói Tư Kỳ nuốt thuốc chỉ vì chữa bệnh, cái chết của Tư Kỳ là mưu hại có chuẩn bị của thím Liễu, rồi xúi giục cha mẹ cô kiện lên quan phủ. Vương phu nhân, Phượng Thư mặc kệ quan phủ bắt tra thím Liễu; mâu thuẫn lợi ích giữa đám đầy tớ trong phủ Giả thêm phần gay gắt.

Vợ Tần Hiển nói với Hình phu nhân nên cấp bạc tang sự cho nhà Tư Kỳ để tránh hồn ma cô ta quay về trả thù; nhưng khi ấy Giả Xá đã bị đeo gông thị chúng, Hình phu nhân đâu còn bạc rảnh đâu? Chẳng đành phải tìm đến Hình Tụ Yên; mà đúng lúc ấy a hoàn Triện Nhi của cô vừa bị Tảo Hồng tiểu đồng của Bảo Ngọc dụ dỗ bỏ trốn (tham khảo phân tích của tôi về bài thơ đèn lồng "Bồ Đông tự hoài cổ" của Tiết Bảo Cầm ở hồi năm mươi mốt trong sách này), lòng cô rối bời; chồng cô là Tiết Khoa đang bận chạy vạy hối lộ cho vụ kiện mới gây ra của Tiết Bàn: trong một cơn quậy phá của Hạ Kim Quế, hai người xô xát, y lỡ tay đánh chết nàng, nhà họ Hạ kiện Tiết Bàn lên quan tội cố ý giết vợ; chẳng thể giúp gì được, Hình phu nhân đành tức tối quay về. Đêm khuya vắng người, sợ hồn ma Tư Kỳ cùng đám khác đến quấy nhiễu, bà mới hơi day dứt về chuỗi biến cố liên hoàn do cách xử lý chiếc túi thêu xuân thuở ấy gây ra.

**Hồi thứ tám mươi tám Tiết Bảo Thoa mượn lời ẩn ý răn bảo; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gồng làm anh hùng**

Hồi mục này là nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, chỉ tiếc không biết ông định dành cho hồi nào. Trước hồi hai mươi mốt có một điều phê của Chi Nghiễn Trai nói rõ ràng: "Xét văn chương hồi này vốn hay lắm, song chưa thấy ba mươi hồi sau thì chưa thấy chỗ hay hơn thế. Hồi này 'nũng nịu răn bảo Bảo Ngọc, lời êm cứu Giả Liễn', hồi sau 'Tiết Bảo Thoa mượn lời ẩn ý răn bảo, Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gồng làm anh hùng'; nay chỉ kể chuyện hai đứa a hoàn, sau sẽ chỉ thẳng vào chủ nhân."

Sau khi Đại Ngọc thoát xác thành tiên, Bảo Ngọc "Trơ trơ người tuyết trên cao, ngoài đời đường vắng khuây sao được nàng". Cuối thu, y lẻn vào Tiêu Tương quán trong Đại Quan viên, chỉ thấy "lá rụng xao xác, khói lạnh mịt mờ". (Hồi hai mươi sáu chép cảnh Bảo Ngọc bước vào Tiêu Tương quán thấy "đuôi phượng ve vẩy, sáo rồng vi vu", Chi Nghiễn Trai phê: "Đối với câu 'lá rụng xao xác, khói lạnh mịt mờ' ở văn sau, một cặp thật đáng thương đáng than.") Về đến nhà, Bảo Thoa hiểu rõ điều y nghĩ và cảm nhận, bèn "mượn lời ẩn ý răn bảo", cuối cùng vẫn quy về việc khuyên y "đọc sách tiến thân"; miệng đắng lòng nhân, quả có "đức giữ cửi dạy chồng", nhưng Bảo Ngọc chẳng hề lay chuyển.

Khi kho quan phủ Vinh Quốc đại loạn, chuyện Phượng Thư trái phép cho vay nặng lãi ăn chia bại lộ thảm hại, cả Hình phu nhân lẫn Vương phu nhân đều giận dữ; ngoài mặt khác còn truy cứu những hành vi trái pháp như giả danh Giả Liễn dẹp yên các vụ kiện. Cha chồng giờ thành phạm nhân, chồng cũng đang bị thẩm tra, những điều xấu xa của nàng bại lộ khiến khủng hoảng của phủ Giả càng trầm trọng thêm. Giả Liễn một là quả thật hết ân ái với nàng, hai là thấy cần có biện pháp để mọi bên biết trách nhiệm thuộc về mình Phượng Thư, xét từ góc độ gia tộc cũng coi như đã xử lý xong chuyện nàng, bèn sai trưởng tộc Giả Trân đứng ra, trước đông người viết thư xuất thê, tước tư cách chính thất của Phượng Thư, lại cho nàng "hoán đổi chỗ với Bình Nhi" (lời Lý Hoàn hồi bốn mươi lăm), Bình Nhi thành bà Liên nhị nãi nãi, còn nàng thành đại a hoàn thông phòng. Trong tình cảnh chật vật khó xử ấy, Phượng Thư một mặt đành cam chịu số phận, một mặt vẫn không đổi nổi tính cũ, "biết mệnh mà vẫn gồng làm anh hùng". Nhờ vậy Giả Liễn hoàn tất ba giai đoạn "Một theo hai lệnh, ba thôi cả" trong phán từ của Phượng Thư hồi thứ năm. Khi ấy Thu Đồng sớm bị đuổi đi, Phong Nhi cũng ra đi gả cho tiểu đồng, Tiểu Hồng tự chuộc thân lấy Giả Vân, Phượng Thư ngược lại thành a hoàn; may mà Bình Nhi còn đối xử tử tế với nàng. Vợ chồng Chu Thụy từng cầu nàng dẹp giúp vụ kiện để con rể Lãnh Tử Hưng khỏi bị áp giải về nguyên quán (xem hồi thứ bảy), nay Phượng Thư bại lộ, họ cũng bị đuổi ra, vợ chồng Lãnh Tử Hưng lại sinh oán giận phủ Giả. Vợ chồng Vượng Nhi cũng vì Phượng Thư thất thế mà bị đuổi. Sái Minh tiểu đồng từng làm việc dưới trướng Phượng Thư thì tự ý bỏ trốn theo Tiểu Thước, a hoàn bên dì Triệu.

**Hồi thứ tám mươi chínHam địa vị cao, Vũ Thôn vứt bỏ lương tri; để giữ cục diện lớn, Tập Nhân hy sinh danh dự**

Lại Thượng Vinh quan vận hanh thông, lại được thăng chức, mở tiệc linh đình trong hoa viên nhà Lại mừng công. Vương phu nhân và mọi người phủ Giả được mời dự tiệc, thời ấy phủ Giả đã tỏ thái độ nịnh bợ nhà Lại. Bảo Ngọc, Bảo Thoa cũng đi, có Tập Nhân với Oanh Nhi hầu theo. Giả Vũ Thôn cũng ngồi trong tiệc. Lại Thượng Vinh còn mời được thế tử Trung Thuận vương đến dự. Thế tử gặp gỡ Tập Nhân ngay trong vườn hoa, lập tức muốn chiếm đoạt. Khi ấy Giả Vũ Thôn vì chuyện cướp bộ quạt cổ của thằng Ngốc Đá đang bị vụ án Giả Xá lây kéo, ngày đêm nghĩ cách thoát thân; gặp dịp này, sau tiệc y bèn hiến cho thế tử một kế sách độc địa.

Khi ấy đã vào đông; Giả Chính từ Nam Kinh vừa trở về thì có người phủ Trung Thuận vương tới điểm danh đòi Tập Nhân, kèm cả lời đe dọa. Ai nấy đều tưởng Tập Nhân nhất định lấy cái chết kháng cự, nào ngờ cô hiểu rõ nền móng phủ Giả đã mục ruỗng, chịu thêm một đòn này nữa thì nguy cấp trong chốc lát; nếu cô không đi, phủ Giả đứng bên bờ sống còn, nên đã xung phong nhận lời vào phủ Trung Thuận vương. Hành động của Tập Nhân khiến cả phủ xôn xao, không ít người chế giễu quát mắng; riêng Giả Chính, Vương phu nhân thì cảm tạ cô vô cùng.

Trước lúc ra đi, Tập Nhân nói với hai Bảo rằng: từ nay cuộc sống hai người e rằng càng thêm khó khăn, người hầu hạ hai người đành phải cắt giảm dần, nhưng "dù thế nào cũng giữ lại Xạ Nguyệt". (Chính văn hồi hai mươi có câu Bảo Ngọc phát hiện Xạ Nguyệt "rõ ràng lại là một Tập Nhân thứ hai"; điều phê Chi Nghiễn Trai cùng hồi nói: "Đoạn trên kể chuyện con gái trai trẻ cãi lẽ, nhưng chỉ viết mình Xạ Nguyệt; ý nói sau khi

Tập Nhân xuất giá, bên cạnh Bảo Ngọc, Bảo Thoa vẫn còn một người, tuy chẳng chu toàn như Tập Nhân nhưng cũng tránh được những phiền toái nhỏ nhặt, mới không phụ tấm lòng của Bảo Ngọc. Vì thế câu 'dù thế nào cũng giữ lại Xạ Nguyệt' mà Tập Nhân nói khi xuất giá, Bảo Ngọc nghe theo, đủ thấy Tập Nhân tuy đi mà thực ra chưa đi...")

**Hồi thứ chín mươiTưởng Ngọc Hàm lại đầu voi đuôi chuột; hoa Tập Nhân quả thật có đầu có cuối**

Từ khi bị Trung Thuận vương lùng sục bắt về khỏi Tử Đàn bảo ở ngoại ô phía đông, Tưởng Ngọc Hàm không còn cách nào tự tiện ra ngoài hoạt động. Khi ấy thế "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" càng lộ rõ và càng nghiêm trọng hơn. Cuộc tranh đấu ngầm giữa phe "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" và phe Trung Thuận vương càng lúc càng quyết liệt, hai bên đều muốn dò đáy nhau. Một hôm sinh nhật Trung Thuận vương, y mở tiệc linh đình; nhân vật "phe nguyệt" (tức "phe nghĩa") tất nhiên y chẳng mời, mà mời cũng chẳng ai đến; song chỉ mời riêng "phe nhật" (tức "phe trung") thì chẳng đạt được mục đích do thám chính trị, vì thế y không tiếc mời cả Bắc Tĩnh vương. Bắc Tĩnh vương tỏ ra "trung lập", nhưng thực lòng thiên về "phe nguyệt" ("phe nghĩa"), nhờ đó mà dò xem động tĩnh của "phe nguyệt" ("phe nghĩa") rồi mật báo cho "đương kim". Lý do mặt ngoài Trung Thuận vương mời ông còn có một điều nữa là "chẳng cần vì một gã hát nhỏ bé mà mất hòa khí". Bắc Tĩnh vương rộng lượng đến dự; Trung Thuận vương sai Tưởng Ngọc Hàm lên diễn. Thấy Bắc Tĩnh vương trong tiệc, Tưởng Ngọc Hàm diễn hết sức chăm chút, rực rỡ sắc tài; nhưng giữa chừng Bắc Tĩnh vương cáo bệnh xin về, Tưởng Ngọc Hàm liền qua loa đại khái hát nốt. Trung Thuận vương cực kỳ khó chịu; Tưởng Ngọc Hàm đổ thừa rằng giờ nghỉ hậu trường giữa chừng, thế tử (con trai Trung Thuận vương, chính là kẻ từng chiếm đoạt Tập Nhân) thưởng cho y một phần trà điểm tâm, ăn xong gây ra chứng mất giọng (giọng hát mất sáng).

Gã con trai Trung Thuận vương sau khi chiếm đoạt Tập Nhân chưa kịp hưởng thụ gì thì bản thân Trung Thuận vương đã thèm thuồng; vì một thời gian ngại ngần chẳng tiện tranh giành với con trai một người đàn bà như thế, y liền ép con trai đem Tập Nhân dâng lên để hầu hạ mẹ y (bà nội gã).

Chẳng bao lâu bà lão bị liệt; một lần Trung Thuận vương định làm điều bất chính với Tập Nhân thì bị con trai bắt gặp, đôi bên xô xát một trận, Trung Thuận vương giận dữ thưởng luôn Tập Nhân cho Tưởng Ngọc Hàm; thấy tài sắc Tưởng Ngọc Hàm dần suy kém, y lại cho phép hắn ra ngoài cư ngụ.

Giả và Tập chính thức thành hôn; sau lễ cưới phát hiện chiếc khăn mồ hôi đỏ thẫm đốm máu của chàng năm xưa nằm ngay đáy một rương quần áo của Tập Nhân. (Chính văn hồi hai mươi tám có manh mối, điều phê Chi Nghiễn Trai cùng hồi chỉ rõ: "Chiếc khăn tía hương lặng lẽ buộc quanh lưng Tập Nhân, là văn tự gài mạch ngầm.") Từ đó hai vợ chồng kiên trì tiếp tế cho cặp Bảo Ngọc, Bảo Thoa ngày một túng thiếu. Khi ấy Thu Văn, Bích Ngân (có bản viết Bích Lãng), Gia Huệ cùng các a hoàn lớn nhỏ lần lượt ra đi, bên cạnh hai Bảo chỉ còn mình Xạ Nguyệt. ("Hoa Tập Nhân có đầu có cuối" thấy trong lời dẫn một điều phê Chi Nghiễn Trai hồi hai mươi. Tổng phê trước hồi hai mươi tám nói: "Kỳ Quan tuy là ưu linh, nhưng hồi sau sẽ hầu hạ anh Ngọc cô Bảo cùng chung cuối đời, quả chẳng phải văn chương tầm thường.")

**Hồi thứ chín mươi mốtSáng hạt tuyết bay, Bảo Ngọc lên núi Ngũ Đài; tối tuyết dày phủ, Bảo Thoa xong Thập Độc ngâm**

Dù hai Bảo đã có danh phận vợ chồng, song chẳng hề có đời sống ái tình. Điều đó vừa vì Giả Chính và Vương phu nhân kiên quyết bắt họ đợi mãn tang Giả mẫu rồi mới "viên phòng", vừa vì Bảo Ngọc vẫn nhớ mãi không quên Đại Ngọc, cùng vì sự tự giữ gìn của chính Bảo Thoa. (Phú Sát Minh Nghĩa, người sinh vào những năm đầu triều Càn Long, trong "Lục Yên Toa Song tập" của ông có thu nhận hai mươi bài thơ "Đề Hồng Lâu Mộng" do chính ông đề vịnh. Trong lời tựa ông nói: "Ông Tào Tử Tuyết Cần đem ra bộ Hồng Lâu Mộng do mình soạn, ghi đủ cảnh phồn hoa phong nguyệt", xác định rõ quyền tác giả Hồng Lâu Mộng thuộc về Tào Tuyết Cần. Xét nội dung hai mươi bài thơ ấy thì cái bản ông được xem hẳn là một bản đại thể hoàn chỉnh. Trong đó bài thứ mười bảy có hai câu: "Công tử áo gấm còn vụng cành lan non, mỹ nhân phấn hồng chưa từng phá quả." Có thể thấy sau hôn nhân hai Bảo chưa hề hưởng được niềm vui ái tình.)

Cặp vợ chồng thiếu ái tình thì cũng rất khó duy trì sự cảm thông về tinh thần. Sau một trận "chiến tranh lạnh" giữa đôi bên, Bảo Ngọc thử làm phép "thả tay nơi vách đá", tức lần xuất gia thứ nhất. (Trong sách Bảo Ngọc xuất gia hai lần; hồi ba mươi mốt, Đại Ngọc chìa hai ngón tay ra, cười mím môi với Bảo Ngọc đang thề nguyền rằng: "Lại làm đủ hai phen hòa thăng rồi đấy. Từ nay về sau, tôi đều nhớ hết mấy lần chàng làm hòa thăng." Đây lại là một manh mối "rắn lượn cỏ, tro chôn vệt" của Tào Tuyết Cần.) Vào một sớm đầu đông trời rơi hạt tuyết, chàng để lại một bài thơ từ biệt rồi lên đường đi núi Ngũ Đài. (Hồi hai mươi mốt Chi Nghiễn Trai có phán như sau: "Bảo Ngọc mang thứ lòng độc mà người đời này chẳng ai nỡ làm, nên về sau mới có được một hồi 'thả tay nơi vách đá'; đổi là người khác, được vợ Bảo Thoa, tì nữ Xạ Nguyệt, há lại bỏ đi mà làm tăng lữ được chăng. Đây là chỗ kỳ lạ suốt một đời của Ngọc.")

Đêm hôm ấy, Tiết Bảo Thoa đau khổ tột cùng, trong đêm rét buốt lấy mười bài "Thập Độc ngâm" mà xua tan ưu phiền trong bụng, làm dịu nỗi uất ức trong lòng. Mười bài ấy hẳn đều là ngâm vịnh những nhân vật góa chồng, góa bụa, cô quả, lẻ loi thuở xưa. (Hồi sáu mươi bốn có năm bài "Ngũ Mỹ ngâm" do Đại Ngọc làm, Chi Nghiễn Trai phán: "'Ngũ Mỹ ngâm' đối chiếu với 'Thập Độc ngâm' về sau.")

**Hồi thứ chín mươi haiChân Bảo Ngọc tiễn trả Giả Bảo Ngọc; Chân Sĩ ẩn lặng lẽ xa lánh Giả Vũ Thôn**

Núi Ngũ Đài khi ấy tuyết lớn phong tỏa cả núi, Bảo Ngọc không thể nào đi lên. Dọc đường chàng gặp một người dung mạo giống hệt mình như đối gương, tựa trong giấc chiêm bao. Hoá ra là Chân Bảo Ngọc. Nhà họ Chân bị hoàng đế tịch gia trị tội, Chân Bảo Ngọc vì còn thiếu một năm nữa mới tính là trưởng thành nên không bị kết án, đã một mình lên núi Ngũ Đài. Chân Bảo Ngọc thấy số phận mình đúng như câu "một giấc mộng Kinh Đô". Chân Bảo Ngọc nói với Giả Bảo Ngọc rằng siêu thoát chân chính không nằm ở hình thức quy y cửa Phật, bởi trên núi Ngũ Đài y vẫn nhìn thấy rõ sự tranh đấu ngầm giữa người với người. Y khai mở cho Giả Bảo Ngọc rằng còn phải tìm sự đốn ngộ thật sự từ tận đáy lòng. Rồi Chân Bảo Ngọc tiễn Giả Bảo Ngọc trở về nhà. (Hồi mười bảy, mười tám kể chuyện Nguyên phi thăm nhà điểm bốn suất hát, suất thứ ba là "Tiên duyên", một màn trong vở "Hàm Đan ký" phỏng theo "Trân trung ký" của Thẩm Ký Tế đời Đường. Chi Nghiễn Trai phán: "Chôn mạch chuyện Chân Bảo Ngọc đưa trả ngọc.")

Giả Vũ Thôn dựa hơi được vào Trung Thuận vương, nhờ vậy vụ án Giả Xá lây kéo bị hóa lớn thành nhỏ, hóa nhỏ thành không, y còn được hoàng đế sai đi nhận nhiệm sở ngoài. Trên đường đi nhậm chức, để tránh gió tuyết y ghé nghỉ vào một đạo quán đổ nát. Người dưới thuộc cho biết, dân quanh vùng đồn rằng đạo quán tuy hoang phế nhưng cây bách cổ trong sân có khả năng đoán họa phúc cho người, cực kỳ linh nghiệm. Vào tới quán, Giả Vũ Thôn thấy dưới gốc bách cổ một đạo sĩ già nua ngồi một mình nhắm mắt. Nhìn kỹ, hoá ra là ân nhân năm xưa Chân Sĩ ẩn. Giả Vũ Thôn gọi hỏi mãi, lại thăm dò phép cây bách đoán họa phúc, Chân Sĩ ẩn cứ nhắm mắt mặc kệ không đáp. Trời đã sập tối, Giả Vũ Thôn đành uất uất ra về.

**Hồi thứ chín mươi baVệ Nhược Lan xạ phủ tiếc kỳ lân; Liễu Tương Liên lau kiếm thưởng bình mai**

Phe "nguyệt" đã lập trại bí mật trong núi làm căn cứ khởi nghĩa. Hội tụ nơi đây có Phùng Tử Anh, Vệ Nhược Lan, Trần Dã Tuấn, Liễu Tương Liên v.v. Họ thiết lập quan hệ bí mật với đủ ba tầng lớp thượng trung hạ trong kinh thành. Ở tầng trên, ngoài cha con Phùng Đường thần võ tướng quân cha của Phùng Tử Anh và công tử Hàn Kỳ nhà Bá tước Cẩm Hương, còn có cha con Bá tước Lâm An, cha con Hàn lâm họ Mai, Thị lang Dương v.v.; nhân vật tầng giữa gồm cả cha con Giả Trân, Giả Dung; tầng đáy thì như kép hát Tưởng Ngọc Hàm, anh giang hồ Nhi Nhị, đều là những "người hữu dụng" họ dò chọn. Còn người đến liên lạc với họ thay cho trung tâm quyền lực tối cao phe "nguyệt" của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", chính là "thái y" Trương Hữu Sĩ trong triều đình riêng vua kia lập nên.

Rời kinh vào ở trại trong núi, Vệ Nhược Lan không nói thật với Sử Tương Vân, chỉ bảo đi cùng bạn bè vân du phương xa. Y luôn đeo bên mình chiếc kỳ lân vàng cỡ lớn Bảo Ngọc tặng, ngay cả trong hoạt động "xạ phủ" luyện cung tên ở trong trại cũng chẳng tháo ra. (Phê cuối hồi hai mươi sáu: "Trước đó viết bốn đoạn hiệp văn Nhi Nhị, Tử Anh, Tương Liên, Ngọc Hàm, đều là bút chân truyền chụp thần; tiếc thay đoạn văn Vệ Nhược Lan xạ phủ đã thất lạc mất bản thảo, than ôi!")

Hoàng đế nhận vài mật báo, cho trinh sát thế lực chính trị phe "nguyệt". Nhà Hàn lâm họ Mai trước tiên bại lộ, con trai Hàn lâm Mai chết ngay lúc kháng cự việc bắt giữ. Vương Tử Đằng lại gặp biến cố. Nguyên trước đây Vương phu nhân và di mẫu Tiết nhờ thế lực nhà ngoại còn gồng gánh được một thời gian, sự sụp đổ của Vương Tử Đằng khiến hoàn cảnh của các bà càng thêm khó khăn. Tiết Khoa đưa Bảo Cầm về Nam Kinh, tại Hương Tuyết hải gặp gỡ Liễu Tương Liên. Liễu đang xuống núi thu thập tin tức, Bảo Cầm khiến lòng chàng xao xuyến. Khi ấy mẹ Bảo Cầm cũng đã qua đời, Tiết Khoa với tư cách người chủ gia cho Bảo Cầm làm mai đính ước cho Tương Liên và Bảo Cầm. Tương Liên không tiện dùng nữa cặp uyên ương kiếm làm vật định ước, bèn lấy một chiếc đai ngọc làm tin. Tiết Khoa thì trao cho Liễu Tương Liên chiếc bình sứ Bảo Cầm thường mang theo để cắm hoa mai, ý nhắc chàng phải gìn giữ mối duyên này như gìn giữ chiếc bình men mỏng, tuyệt đừng để nó vỡ. Liễu mang bình mai về trại, khi lau kiếm thề trước bình rằng: đợi đến lúc trăng rằm nhô lên, nhất định sẽ viên thành hôn lễ cùng tài nữ tuyệt sắc Bảo Cầm. (Đoạn tình tiết tưởng tượng này dựa theo thơ hoa mai của Tiết Bảo Cầm hồi năm mươi, bài thi đèn "Mai Hoa quan hoài cổ" hồi năm mươi mốt và ý từ "Tây Giang Nguyệt" hồi bảy mươi.)

**Hồi thứ chín mươi bốn Quỳnh tiêu quân hoá bướm để lại hương lạnh; bạn Chẩm Hà lưu tiếc nuối bên dòng**

Tiết Bảo Thoa trong nỗi lo lắng chồng chất vì gia tộc sụp đổ và hôn nhân thất bại, nhiễm bệnh mà chết. (Bài thứ mười chín trong nhóm thơ "Đề Hồng Lâu Mộng" của Minh Nghĩa có câu: "Chớ hỏi duyên kim với duyên ngọc, tụ như xuân mộng tan như khói.") Bảo Ngọc viết bài văn truy điệu bằng bút pháp Trang Tử.

Nhân vật phe "nguyệt" với nhân vật phe "nhật" có một lần giao tranh trực diện, Phùng Tử Anh đánh chết con trai đô úy họ Cừu, Vệ Nhược Lan trong cuộc hỗn chiến bị thương nặng, được cứu về trại thì không qua khỏi. Trước lúc lâm chung, y trao chiếc kỳ lân vàng cho Phùng Tử Anh, nhờ khi tiện thì trả lại cho Giả Bảo Ngọc; lúc ấy y đã biết Bảo Ngọc thành người góa vợ, mong Bảo Ngọc và Tương Vân nhờ chiếc kỳ lân mà kết làm phu thê, đầu bạc răng long.

Sử Tương Vân sau hôn lễ đối với Vệ Nhược Lan đã nảy sinh tình cảm. Tin dữ truyền đến, dưới ánh chiều tà xiêu vẹt, nàng ra bến tàu kênh đào năm xưa tiễn đưa Vệ Nhược Lan, khóc một trận thật lớn. (Điều phê về nàng ở hồi năm cùng khúc "Lạc Trung bi" đều hàm chứa ý này.)

**Hồi thứ chín mươi lăm Bình chắn kính lớn vùi mầm hòa phiên; tay Phật ngọc đông mỡ chôn giấu tai ương**

Hoàng đế phái tướng quân Ô trấn ở Việt Hải dẹp loạn biển, xử lý công việc biên cương. Khi ấy nữ vương nước Thiến Hương đã lập con trai mình làm thái tử; thái tử hiến kế với nữ vương rằng: chẳng bằng cùng nước lớn hòa hiếu, lấy đặc sản trong nước đổi lấy phần thưởng lớn cố định hằng năm, còn hơn cứ ra sức cướp bóc bờ biển của họ. Nữ vương bèn qua tướng quân Ô dâng thư cầu hôn cho thái tử với hoàng đế Trung Quốc; hoàng đế cũng muốn dùng cách "hòa phiên" đổi lấy bờ cõi yên ổn. Nhưng bên kia đòi kết duyên với một vị công chúa; hoàng đế nào nỡ gả công chúa thật sang cái nước nhỏ ấy, bèn truyền Trung Thuận vương sắp xếp một quận chúa cấp vương phủ giả làm công chúa. Trung Thuận vương tâu rằng: loại nước nhỏ thế này, lấy con gái nhà tướng quân Ô giả làm công chúa đi "hòa phiên" cũng được. Hoàng đế triệu tướng quân Ô vào gặp; y nói thật: tội thần thì đứa con trai đã trưởng thành, còn đứa con gái tuổi vẫn còn nhỏ, e khó đủ số. Hoàng đế truyền y tìm một cô gái thích hợp đảm đương việc này, hạn kỳ hoàn thành nhiệm vụ. Tướng quân Ô về đến nhà, kể lại với phu nhân. Phu nhân chợt nhớ, ngày trước từng theo chồng đến phủ Vinh Quốc mừng thọ tám mươi của Sử thái quân, khi ấy dâng quà thọ một bức bình chắn kính lớn, do chính phu nhân dẫn đầy tớ gái trao tận tay Phượng Thư và Thám Xuân; ấn tượng về Thám Xuân vô cùng sâu sắc, thấy nàng không những xinh đẹp mà lại rộng rãi nhanh nhẹn; trước khi Sử thái quân qua đời, nhà ấy cũng từng nhờ bà mối quan đến hỏi Thám Xuân, chỉ vì bà mối đến báo nàng là con thứ xuất thân nên mới bỏ cuộc. Phu nhân Ô hiến kế: nay họ Giả đại thế sắp cùng tận, sao không tiến cử cô gái ấy ra ngoài, vừa đáp ứng yêu sách của nước Thiến Hương, vừa tỏ lòng trung ái với hoàng đế làm việc tốt cho nước, đồng thời khiến họ Giả nhờ đó trì hoãn xu hướng suy sụp? Tướng quân Ô bèn tâu lên; hoàng đế nghe Thám Xuân là em ruột Nguyên Xuân nên gật đầu chuẩn thuận. Thái tử nước Thiến Hương đích thân sang tiến cống xem mặt, bị dung mạo phong độ của Thám Xuân thuyết phục, liền tỏ ý nguyện quy phụ làm chư hầu, cưới Thám Xuân làm phi. Thám Xuân từ đó viễn giá sang nước Thiến Hương; ngày xuất phát đúng ngày Thanh minh, sau khi tế bái bà nội xong, nàng vội vàng xuống thuyền trên kênh đào, sẽ theo sông ra cửa bể, men biển

vượt khơi đến đảo quốc Thiến Hương. Giả Chính, Vương phu nhân cùng Bảo Ngọc, Giả Hoàn tiễn tới đình Tả Lệ ven sông. Dì Triệu vốn mừng rỡ quá thể, nào ngờ Thám Xuân vẫn chẳng buồn để mắt tới bà, chỉ sai Giả Hoàn đi theo Giả Chính, Vương phu nhân ra bến đưa tiễn, khiến bà lại oán hận lẩm bẩm. (Căn cứ là: hồi mười sáu Phượng Thư kể: "Bấy giờ ông tôi còn giữ riêng việc đón tiếp người các nước đến triều cống. Người nước ngoài đến, đều do nhà tôi nuôi sống cả. Những thuyền bè hàng hóa ở ngoài đến các tỉnh Việt, Mân, Điền, Chiếng đều là của nhà tôi." Đủ thấy bốn đại gia tộc gắn bó mật thiết với hải sự ngoại giao, với nhà tướng quân Ô ở Việt Hải hẳn là giao hảo đời đời. Hồi bảy mươi mốt tướng quân Ô tặng bức bình chắn kính quý giá thực chẳng phải chuyện tình cờ; thời ấy thủy tinh là thứ vô cùng đắt đỏ, các a hoàn của Giả mẫu lấy tên Trân Châu, Hổ Phách, Ngọc Bích, Thủy Tinh, đủ thấy thủy tinh ngang hàng với trân châu, hổ phách, ngọc bích trong tâm thức người đời; hồi bảy mươi mốt có cảnh Giả mẫu hỏi đến bình chắn, Phượng Thư nhắc bức bình kính lớn nhà họ Ô tặng, chính là manh mối; chuyện bà mối đến hỏi Thám Xuân thấy cuối hồi bảy mươi bảy; hoa thiển Thám Xuân rút được hồi sáu mươi ba, cảnh thả diều của Thám Xuân cuối hồi bảy mươi, đều là manh mối; huống chi điều phê cùng khúc "Phân cốt nhục" hồi năm đã sớm báo trước số phận kết cục của nàng.)

Hồi mười bảy, mười tám kể chuyện Nguyên phi thăm nhà điểm hát, suất đầu là "Hào yến", một màn trong vở "Nhất bổng tuyết" của Lý Ngũ văn sĩ đời Thanh sơ. Chi Nghiễn Trai chỉ rõ: "Trong 'Nhất bổng tuyết' chôn sẵn sự bại vong nhà Giả." "Nhất bổng tuyết" là tên một món cổ ngọc quý giá; có thể thấy sự bại vong nhà Giả gắn chặt với một món đồ cổ, mà món cổ ấy hẳn chính là bàn tay Phật ngọc đông mỡ viết đến ở hồi bảy mươi hai. Một lần vào cung, Vương phu nhân đem món cổ ấy tặng Nguyên Xuân, ý cầu bàn tay thần Phật che chở cho nương nương. Món cổ bị hoạn quan họ Hạ nhìn thấy; nguyên cũng chẳng có chuyện gì, nhưng về sau Nguyên phi sảy thai, ân sủng dần nhạt, họ Xia lấy lời dò hỏi, mong Nguyên phi ban cho mình bàn tay Phật ngọc đông mỡ đem đổi bạc tiêu xài. Nguyên phi biết rõ ý y mà thật khó nỡ rời, làm ra vẻ chẳng hiểu. Họ Xia sinh lòng oán hận, bèn tìm cớ mật tấu hoàng đế, bảo nhà Giả riêng tư mang đồ vật vào cung, Nguyên phi biết rõ sự trao nhận trái phép vi phạm vương pháp mà cứ liều lĩnh giấu giếm. Hoàng đế nghe rồi mặt nặng mày nhẹ không vui, song vì nhà Giả vừa dâng em ruột Nguyên Xuân là Thám Xuân đi hòa phiên nên tạm chưa truy cứu, nhưng từ đó ác cảm với nhà Giả càng thêm sâu đậm.

**Hồi thứ chín mươi sáuNúi Thiết Võng bên bể Hoành, hổ với tê giao phong; rừng gỗ đường am Chí Thông, hồn thơm đứt đoạn**

Sau ngày Thanh minh, đã vào mùa xuân thứ tư tính từ lần Nguyên phi thăm nhà; hoàng đế tiến hành "xuân săn", đoàn xe ngựa hùng hậu kéo về núi Thiết Võng bên bể Hoành. Phe "nguyệt" khi ấy đã mai phục sẵn nơi đó, định thừa cơ ám sát hoàng đế, đoạt lấy ngai vàng. Nguyên phi theo hầu hoàng đế đi săn. Hoàng đế lúc này đang khổ sở u uất, vui giận thất thường, chợt nhớ đến tình cũ, lại thêm sủng ái Nguyên phi. Nguyên phi luôn mang bên mình bàn tay Phật ngọc đông mỡ, thi thoảng lại xoa nắn cầu phúc; hoàng đế hỏi chuyện, Nguyên phi nói thật lai lịch. Khi hoàng đế đóng hành tại nghỉ chân, y treo bàn tay Phật ngọc đông mỡ lên trên cây cung (tranh minh họa bên cạnh điều phê của Nguyên Xuân hồi năm chép: "Thấy vẽ một cây cung, trên cung treo một quả quýt hương"; chữ 弓 (cung) đồng âm với chữ 宫 (cung điện), nói lên Nguyên Xuân

cư ngụ trong cung; mà "trướng điện" nơi hoàng đế tạm trú khi đi săn cũng là "cung"; huống chi bàn tay Phật vốn là một giống biến chủng của quýt hương), cũng mang ý cầu "bàn tay Phật phù hộ". Ở nơi hành tại, Nguyên phi còn làm lễ "khất xảo" đêm trăng (thả kim xuống nước để bói toán). (Hồi mười bảy, mười tám khi thăm nhà điểm hát, suất thứ hai chính là "Khất xảo", một màn trong vở "Trường sinh điện" của văn sĩ đời Thanh sơ Hồng Thăng; Chi Nghiễn Trai chỉ rõ: "Trong Trường sinh điện chôn sẵn cái chết của Nguyên phi.")

Lần này hoàng đế đi săn, mặt ngoài theo lệ thường, thực chất đã dò biết rõ căn cứ phe "nguyệt" trong núi, chuẩn bị điều đại binh vây tiễu, nhất cử tiêu diệt. Vì tình hình thời tiết vô cùng ác liệt, đoàn quân không tới đúng nơi định trước như kế hoạch, tạm thời quyết định đóng hành tại ở am Chí Thông giữa rừng gỗ đường (hồi hai kể Giả Vũ Thôn bước vào am này, thấy đôi câu đối "Sau lưng còn dư mà quên thu tay, trước mắt hết đường mới nghĩ quay đầu"). Vì các tướng hộ giá như tướng quân Ô ở Việt Hải có phần chủ quan lơ là, ngược lại bị Phùng Tử Anh, Trương Hữu Sĩ tập kích, hổ với tê giằng co, kinh tâm động phách. Sức mạnh quân sự của phe "nguyệt" rốt cuộc mỏng yếu, không thể đánh nhanh thắng nhanh; hoàng đế (phe "nhật") để chờ đại viện quân kéo tới cũng chỉ còn cách đánh tiếng hoãn binh. Kết quả đàm phán đôi bên: phe "nguyệt" đòi hoàng đế nộp Nguyên phi để giải mối hận trong lòng, bởi tổng lãnh tụ phe "nguyệt" là trưởng tử của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", mà Tần Khả Khanh chính là em ruột y; Tần Khả Khanh trốn giấu ở phủ Ninh Quốc suốt hai mươi năm chẳng hề bại lộ, vậy mà lại bị Nguyên Xuân mật báo sau khi hoàng đế đăng cơ, nên mới có chuyện "cuối xuân trên dầm vẽ, bụi hương rơi rụng". Hoàng đế sai hoạn quan Hạ Thủ Trung kéo Nguyên phi ra giao cho phe "nguyệt" xử trí; Nguyên phi khóc hỏi mình phạm tội gì, họ Hạ thay lời đáp rằng nàng lúc nào cũng mang theo bàn tay Phật ngọc đông mỡ, là định tìm cơ hội lấy thứ đó đập chết hoàng đế đang say ngủ. Sau khi Nguyên phi bị đẩy ra, Trương Hữu Sĩ lập tức thắt cổ nàng ngay trong rừng gỗ đường nơi "trông về quê nhà, đường xa non cao".

**Hồi thứ chín mươi bảy Nợ cũ phủ Ninh Quốc thành tội đầu; lỗi mới phủ Vinh Quốc chịu khám xét**

Phe "nguyệt" khổ công gây dựng tuy đã thắt cổ Nguyên Xuân, giải được mối hận trong lòng, nhưng viện quân hoàng đế kéo tới, rốt cuộc thế ít không địch nổi quân nhiều. Căn cứ trong núi bị công phá, Phùng Tử Anh, Trương Hữu Sĩ cùng đông đảo nghĩa sĩ trận vong, chỉ có Liễu Tương Liên, Trần Dã Tuấn cùng một số ít người thoát thân.

Hoàng đế về tới kinh sư, mặt ngoài ung dung tự nhiên, chẳng công bố vụ "nghịch án", với phe vốn trung thành với mình như Trung Thuận vương cũng chẳng thưởng tạ gì, trái lại với Bắc Tĩnh vương vốn xem ra trung lập thì tỏ ra thân mật ân cần, ban thưởng rất nhiều. Nhưng trong bụng, hoàng đế căm ghét nhà Giả hơn hết thảy. Nguyên sau khi đăng cơ y thi hành chính sách nhu hoàng; như chuyện che giấu đứa con gái chưa khai vào tông nhân phủ của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" kẻ đã "hỏng việc", y xử hóa lớn thành nhỏ, giữ gìn thể diện cho cả hoàng gia lẫn nhà Giả, ban đại ân rộng rãi; nào ngờ giờ đây tra rõ tận gốc, cha con Giả Trân, Giả Dung phủ Ninh Quốc đều là xương sống của đảng nghịch, vô ơn bạc nghĩa đến mức ấy, khiến y phẫn nộ vô cùng, lập tức tính cả nợ cũ lẫn nợ mới, khám xét triệt để phủ Ninh Quốc. Tra vấn Giả Trân, Giả Dung xong, lần lượt đày hai người đến vùng biên ải Đả Tính Ô Lạt và Ninh Cổ Tháp, làm nô lệ

cho quân lính mặc giáp. Các nữ quyến phủ Ninh như Vưu thị, vợ Dung là thị Hứa cùng Hiệp Uyên, Bội Phượng, Văn Hoa v.v., cộng tất cả a hoàn đầy tớ, quản gia nam nhân, tiểu đồng, tổng cộng hơn hai trăm miệng ăn, một phần ban cho Trung Thuận vương phụ trách việc tịch gia, phần còn lại đem bán công khai. Phủ Ninh Quốc tạm niêm phong, chờ phân phối lại cho kẻ được ban tước.

Riêng nhánh phủ Vinh Quốc, dù đã sớm trị tội Giả Xá nhưng cũng chỉ đóng cũi giam giữ, chưa hề diệt tận gốc; nay thêm điều tra gay gắt, phát hiện tội trạng càng nhiều, thật đáng ghê tởm, bèn xử như với phủ Ninh Quốc: Giả Xá, Giả Liễn đày đi biên ải, chỉ khác là còn cho phép bà Hình theo Xá, Bình Nhi theo Liễn lên đường; những người khác cũng một phần ban cho đô úy họ Cừu phụ trách khám xét nơi ở của họ, một phần bán công khai, nhà cửa cũng niêm phong để dành.

Với Giả Chính, hoàng đế nguyên một mặt tình cũ với Nguyên phi chưa nguôi, một mặt thấy bản thân Giả Chính vốn thanh liêm siêng cẩn, có chỗ dùng được; tuy có sớ tham hặc y tội giấu giếm tài sản phạm pháp của nhà Chân dâng lên, y cũng để đấy không trả lời, tất nhiên còn có lý nhớ công lao tổ tiên tham dự chiến sự khai quốc rất lớn, thái thượng hoàng thi thoảng vẫn nhắc tới, y không thể không cân nhắc chuyện nhánh Ninh Quốc công đã diệt, diệt tiếp nhánh Vinh Quốc công nữa có phải chăng. Nhưng nay Nguyên phi đã chết, rút bài học từ chính sách nhu hoàng quá khoan hồng trước kia, y quyết định không nương tay, cũng trị tội Giả Chính: không những giấu tài sản phạm pháp nhà Chân là trọng tội, riêng tư đưa bàn tay Phật ngọc đông mỡ vào cung như một thứ "hung khí" càng thành lỗi mới, bèn hạ lệnh khám xét phủ Vinh Quốc. Việc tịch gia vẫn do Trung Thuận vương thi hành. Bắc Tĩnh vương ra mặt nói giúp Giả Chính, ý rằng tội Chính nhẹ hơn tội Xá, liệu có khoan dung chút chăng. Hoàng đế hạ chỉ tạm giam Giả Chính vào ngục; Vương phu nhân, Bảo Ngọc v.v. bị giam giữ tại chỗ; những người khác cũng tập trung canh giữ, chờ tra xét kỹ rồi xử lý. Trong Đại Quan viên, Lý Hoàn vì Bắc Tĩnh vương tấu báo nàng góa chồng tuổi trẻ, chẳng buồn việc nhà, chẳng dính líu tới tội danh của Giả Chính, được phép cùng con trai Giả Lan tạm ở lại Đào Hương thôn; riêng Lũng Thúy am khám ra giấy mời cưới năm xưa của phủ Giả một tờ, Diệu Ngọc rốt cuộc có liên quan tới tội trạng phủ Vinh hay không còn chờ điều tra, tạm được cư ngụ trong am.

Hai phủ Ninh Vinh đều sụp đổ như núi lớn; trong tộc họ Giả, người như Giả Cần, Giả Bằng vì làm việc dưới trướng Giả Trân mà bị liên đới; Giả Vân nhờ trước khi Giả mẫu qua đời đã thôi việc ở phủ Vinh Quốc, lại chuộc Tiểu Hồng ra ở riêng nên may mắn thoát; cuộc điều tra gay gắt còn lôi kéo cả Giả Vũ Thôn, Lại Thượng Vinh v.v., cũng bị liên đới bỏ ngục. (Câu "Vì ghét cái mũ sa tí hon, ngược đem gông xiềng mà vác" trong chú "Hảo liễu ca" hồi nhất có Chi Nghiễn Trai phán bên cạnh: "Giả Xá, Vũ Thôn và bọn chúng.")

**Hồi thứ chín mươi tám Trăng lặn quạ kêu sương giá đầy trời; chim ăn hết thóc khóc ríu chạy tán loạn**

Phe "nguyệt" thất bại triệt để; kế sau chuyện "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" hỏng việc, trưởng tử của y, cái "mặt trăng" muốn tranh ngôi với hoàng đế, cuối cùng cũng lặn mất. Nhưng hoàng đế chẳng xử trị công khai, chỉ đem y cùng một số vương công quý tộc dính líu chia nhau giam giữ bí mật ở nhiều nơi. Trưởng tử của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" bị giam ở viện phụ đạo quán Thanh Hư. Thanh Hư

quán hóa thành một nhà tù cao cấp kiên cố như thùng đồng. Đạo sĩ Trương vẫn được phép cư ngụ trong quán, nhưng không được để y cùng đệ tử đồ tôn tiếp xúc với kẻ bị giam, cũng không cho phép người đời đến quán làm lễ đàn giải nữa. Một hôm, đúng ngày mùng ba tháng năm, Bắc Tĩnh vương được hoàng đế đặc phép vào quán làm lễ bình an. Tiếng đàn giải vọng vào phòng giam nơi viện phụ, khiến kẻ bị giam oà khóc thành tiếng, bởi ngày ấy chính là ngày sinh thần giỗ đầu của "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế".

Câu chuyện phát triển tới đây, bốn đại gia tộc đã tiêu vong trọn vẹn. Nhà Giả khỏi phải nói. Nhà họ Sử: hai người chú của Sử Tương Vân đều bị điều tra thêm một tầng nữa, đày đi vùng biên ải lạnh giá khổ cực; chính Tương Vân bị quan phủ đem bán, lưu lạc thành ca nữ trên thuyền hoa. Nhà họ Tiết: Tiết Bán bị tuyên án tử hình, chờ mùa thu xử trảm; Bảo Thoa đã mất; di mẫu Tiết nương nhờ nhà Tiết Khoa, Hình Tụ Yên sống lay lắt tăm tối; Bảo Cầm ở phương Nam gặp lại Liễu Tương Liên; cuối cùng nàng quả thật "chẳng bên mai mà bên liễu", song Liễu là trọng phạm nghịch án bị truy nã, hai người chỉ có thể đổi tên đổi họ, phiêu dạt giữa non cao nước hiểm. Nhà họ Vương: Vương Tử Đằng mất chức rồi còn bị điều tra sâu hơn, án chưa kết thì đã chết; những người họ còn lại mỗi kẻ lo phần mình, tan tác như chim muông.

Bốn mùa xuân đi qua, mùa xuân thứ tư cũng khép lại. Các mỹ nhân trong chính sách Kim Lăng thập nhị thoa: Đại Ngọc chìm xuống lòng hồ; Bảo Thoa uất ức mà mất; Tương Vân sa vào thân phận ca nữ rồi được Diệu Ngọc cứu chuộc; Diệu Ngọc lại cứu Giả Bảo Ngọc, khiến đôi bên nương tựa vào nhau mà sống, còn chính Diệu Ngọc tự nguyện hiến dâng, cùng quyên sinh với Trung Thuận vương; Nguyên Xuân thảm chết nơi xứ người; Nghênh Xuân bị vò xé mà chết; Tần Khả Khanh sớm bị bắt tự vẫn; bảy thoa còn lại: Thám Xuân viễn giá nước Thiến Hương, nghe tin dữ gia tộc bị trị tội chỉ có thể nhìn biển than trời, hết hy vọng về nước thăm thân, đành già đi mãi nơi xứ người xa xôi ấy; Tích Xuân áo ni cô bát bơ ăn xin, để tránh liên luỵ rời kinh đi xa, gặp am miếu đổ nát thì tạm náu thân, càng đi càng xa, cuối cùng không ai biết tung tích; Phượng Thư vì đã chẳng còn là vợ Giả Liễn, chỉ tính như một a hoàn phủ Vinh, bị tạm giam cùng các a hoàn đầy tớ ở hạ phòng phủ Vinh, đòn đánh chờ nàng phía trước còn nặng nề hơn; Xảo Thư coi như "người thân của kẻ phạm tội" viện Giả Xá, tuổi còn nhỏ nên được phép người thân gần gũi lãnh về, anh họ Phượng Thư là Vương Nhân nhân danh cậu ruột lãnh nàng ra, đang định bán vào quán kỹ nữ Cẩm Hương viện; Lý Hoàn với Diệu Ngọc tạm thời êm xuôi, nhưng số phận về sau tuy khác nhau biết bao nhiêu cũng đều khiến người than tiếc...

Sự sụp đổ của phủ Giả khiến Hy Loan và Tứ Tỷ Nhi từng cư ngụ trong phủ bị truy xét; bà goá chú của Lý Hoàn cùng hai cô em họ là Lý Văn, Lý Kỳ tuy từ lâu đã ra đi, cũng vướng tiếng thị phi.

**Hồi thứ chín mươi chínChuyện Lương Nhi trộm nhầm sáng tỏ chân tướng; Phượng Thư quét tuyết, day dứt thấu xương**

Hình Tụ Yên được phép gặp bà Hình một lần trước khi bà theo Giả Xá đi đày. Cô đem chiếc áo khoác vải lông đỏ thẫm nửa mới nửa cũ (thấy hồi năm mươi mốt) mà hồi ấy Bình Nhi lấy danh nghĩa Phượng Thư tặng cho cô ra tiệm cầm đổi ít bạc, định mang đến biếu bà Hình, thì cậu cả họ Hình chạy tới, bảo rằng bà Hình vốn một tay giữ trọn tiền của nhà họ Hình (lời oán trách cậu cả họ Hình thấy hồi bảy mươi lăm), nay bị

tịch gia, cả tài sản nhà Hình cũng bị tịch thu luôn, lẽ ra phải đến cầu xin đô úy họ Cừu phát lại phần tài sản ấy cho nhà Hình; ông ta đến rủ Tiết Khoa cùng Hình Tụ Yên đi đòi lại phần đó. Khi ấy Tiết Khoa vắng nhà (di mẫu Tiết đã qua đời), Hình Tụ Yên khuyên can không nổi, đành đưa ông ta ít bạc chuốc áo; có bạc rồi cậu cả họ Hình đi chơi gái đánh bạc.

Hình Tụ Yên đến tiễn bà Hình, gặp Trụy Nhi với chị em nhà Liễu; hai người đến đặc biệt đưa tiễn Bình Nhi. Nguyên Trụy Nhi sau khi bị đuổi đã được gả cho cháu ngoại của chị em nhà Liễu (gã cháu ngoại này chính thức xuất hiện cuối hồi sáu mươi); nhà anh trai chị em nhà Liễu đã rời phủ Vinh Quốc trước khi việc binh biến; sau khi con gái Liễu Ngũ Nhi bệnh chết, chị em nhà Liễu lại chết chồng, rồi bị vợ Tần Hiển cùng bọn họ hãm hại còn phải bỏ ngục, về sau vì thiếu chứng cứ nên được tha, đành nương nhờ anh trai mà sống, vì thế cùng Trụy Nhi đi tiễn Bình Nhi. Chị em nhà Liễu đi vì Bình Nhi từng xét xử minh oan cứu giúp mẹ con họ; Trụy Nhi đi vì còn day dứt chuyện ngày xưa trộm vòng tay râu tôm của Bình Nhi. Bà Hình gặp Hình Tụ Yên, Bình Nhi gặp Trụy Nhi cùng chị em nhà Liễu, khóc không dứt. Người canh giữ quản thúc nghiêm ngặt, đôi bên cũng chẳng thể nói nhiều.

Nhà Giả Xá kết án đày ra biên ải rồi, nhánh Giả Chính vẫn khó khép án. Hoàng đế còn bao nhiêu chính vụ bận rộn, một thời không thể hỏi tới án Giả Chính; Trung Thuận vương muốn chiếm phủ Vinh Quốc và Đại Quan viên, cũng muốn đợi lúc hoàng đế vui vẻ rồi mới tâu phương án xử lý, bởi khi ấy hoàng đế chỉ cần mở lời, cả tòa phủ đệ đồ sộ cùng viên lâm tinh xảo sẽ thuộc về y; vậy là cũng trì hoãn chờ cơ. Nửa năm trôi qua, đã vào đông tuyết rơi, chủ tớ phủ Vinh Quốc vẫn bị giam tại chỗ, chờ phân xử.

Dì Triệu tố cáo Phượng Thư với người canh giữ rằng nàng nguyên là kẻ cầm quyền trong phủ, giấu giếm biết bao tài vật. Phượng Thư mấy lần bị phạt quỳ trên mảnh vỡ sứ (phạt quỳ trên mảnh sứ để tra tấn nghi phạm vốn là chủ trương của chính Phượng Thư, thấy cuối hồi sáu mươi mốt). Trung Thuận vương sai người đào bới lớn mọi chỗ trong phủ và Đại Quan viên nghi là nơi chôn cất tài vật.

Mỗi ngày Phượng Thư còn bị phạt quét tuyết nơi hành lang xuyên đường trong phủ. Một hôm, đang quét tuyết nàng bỗng nhặt được một khối ngọc. Ngày trước trong đám a hoàn của Bảo Ngọc có cô tên Lương Nhi, từng bị nghi trộm ngọc, bị phạt quỳ trên mảnh sứ ép nhận tội; Lương Nri quyết không nhận, cuối cùng bị đuổi đi. Khi ấy ai cũng tưởng đó là chuyện lớn trời sập: nghi Lương Nhi định trộm ngọc Thông Linh mà trộm nhầm khối ngọc khác. Đến khi Phượng Thư nhặt được khối ngọc ấy, nàng mới biết thuở trước Lương Nhi chịu oan, đau đớn hối hận vô cùng, cảm khái không nguôi. (Hồi tám kể Tập Nhân dùng khăn tay gói ngọc Thông Linh nhét xuống dưới gấm chăn, Chi Nghiễn Trai phán: "Đoạn nhét ngọc lại chôn mạch cho một hồi 'trộm nhầm'." Hồi hai mươi ba kể Bảo Ngọc "vừa tới dưới cổng xuyên đường", Chi Nghiễn Trai phán: "Hay. Đây chính là chỗ Phượng Thư quét tuyết nhặt ngọc." Chuyện Lương Nhi trộm ngọc hồi năm mươi hai có nhắc, nhưng viết thành một hồi văn trọn vẹn, theo lối kể ngược, thì ở chính hồi này.)

**Hồi thứ một trămMiếu Ngục Thần, Thiến Tuyết an ủi Bảo Ngọc; Lũng Thúy am, Giả Vân cảm mến thi tiên**

Mùa đông năm ấy, nhánh Giả Chính cuối cùng cũng khép án. Giả Chính bị tuyên án thắt cổ vì tội mưu định riêng tư đưa bàn tay Phật ngọc đông mỡ vào cung, mượn tay Nguyên Xuân làm phản giết vua. Vương phu nhân, dì Triệu, dì Chu v.v. đều bị bắt tự vẫn. Phượng Thư lại bị phát hiện thêm trọng tội nhận hối lộ ở Thiết Khảm tự gây ra hai mạng người, cùng tội mưu hại Trương Hoa chưa thành, bị truy bắt giam giữ, chờ phán quyết sau chót. Bảo Ngọc bị coi như đã trưởng thành, cũng phải gánh trách nhiệm về tội trạng phủ Vinh, cũng bị bỏ ngục. Giả Hoàn nhờ tuổi chưa thành niên được khoan miễn, cho phép người vô tội trong tộc họ Giả lãnh về; nào ai nhận, đành được đưa vào dưỡng sinh đường hầu hạ chủ quán.

Hoàng đế chẳng ban phủ Vinh Quốc và Đại Quan viên cho Trung Thuận vương, chỉ để y chọn vài kẻ trong số người phủ Vinh đang bị giam mà thôi, phần còn lại giao các nha môn hữu quan bán công khai. Khi ấy trong số mọi người phủ Vinh có không ít kẻ chết đói chết bệnh trong lúc bị giam. Quản gia lớn Lại Đại bị xử tử. Quản gia lớn Lâm Chi Hiếu bị khám ra nguyên tên Tần Chi Hiếu (thấy chính văn cổ bản Hồng Lâu Mộng hồi mười bảy, mười tám), là kẻ "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế" ngày trước tặng cho Vinh Quốc công, đã bị bắt xử tử khi trị tội phủ Ninh Quốc. Trung Thuận vương chỉ chọn hai mươi tên nam nhân, tiểu đồng để dùng; các đầy tớ gái trưởng thành nhất loạt chẳng cần; a hoàn nào dung mạo bình thường sức khỏe yếu kém cũng đều chẳng cần. Khi ấy Bảo Ngọc chỉ còn mình Xạ Nguyệt, vì dung mạo bình thường nên bị đem bán. Trước khi Đại Ngọc tiên du thoát tục, nàng đã để sẵn của hồi môn cho Tử Quyên, Tuyết Nhạn, Xuân Tiên, đến khi thu dọn di vật mới phát hiện ra. Tử Quyên về sau thành hôn với tiểu đồng của Bảo Ngọc là Trừ Dược; Tuyết Nhạn và Xuân Tiên cũng đều sớm xuất giá rời phủ. Sau khi Bảo Thoa mất, Oanh Nhi theo di mẫu Tiết; Tiết Bán bị xử tử xong, di mẫu Tiết dẫn cô sang nương nhờ nhà Tiết Khoa; gia cảnh khó khăn, bèn gả Oanh Nhi cho người ta rồi đi. A hoàn của Nghênh Xuân là Tú Cúc v.v. theo nàng gả sang nhà Tôn Thiệu Tổ, tuy tránh khỏi tai họa phủ Vinh nhưng bị Tôn Thiệu Tổ cưỡng đoạt, hoàn cảnh thê thảm. A hoàn của Thám Xuân là Đãi Thư v.v. theo nàng viễn giá. A hoàn của Tích Xuân là Nhập Họa v.v. khi phủ Ninh Quốc bị trị tội đã bị quan phủ thu nạp đem bán. A hoàn của Nguyên Xuân là Bão Cầm sau khi Nguyên Xuân chết bị bắt tự vẫn. Trong số a hoàn còn sót lại của phủ Giả bị Trung Thuận vương đoạt đi có Hổ Phách, Ngọc Xuyến, Thái Vân, Tú Loan, Tú Phượng v.v. Còn những khách thanh đàm ngày trước quấn quanh Giả Chính như Chiêm Quang, Thiện Sính Nhân, Bốc Cố Tu v.v., lại đầu quân vào phủ Trung Thuận vương giúp y nói đùa chọc ghẹo; thương nhân đồ cổ Trình Nhật Hưng, Lãnh Tử Hưng (nhờ bà Chu đã sớm bị đuổi khỏi phủ nên y lọt qua mắt khi nhà đổ) cũng đến giúp Trung Thuận vương thanh lý đăng ký số cổ vật đoạt được.

Lý Hoàn được hoàng đế coi như biểu tượng thi hành chính sách nhân đức, tỏ dương tiết liệt, không những miễn tội, còn có thể trong lúc chưa tìm được nơi ở thích hợp vẫn dẫn Giả Lan tạm ở Đào Hương thôn; các a hoàn của nàng như Tố Vân, Bích Nguyệt nhờ vậy cũng thoát tai ương. Diệu Ngọc không khám ra chuyện gì; tuy Trung Thuận vương nghe biết cô sở hữu không ít danh khí quý cùng đồ cổ, lại thấy nhan sắc tuyệt vời, thèm thuồng muốn chiếm làm của riêng, nhưng Bắc Tĩnh vương ra mặt chứng thực rằng lão vương gia khi còn sống có giao hảo với cha mẹ Diệu Ngọc, những thứ ấy đều là của truyền gia bên Diệu Ngọc, khiến Trung Thuận vương một thời cũng chẳng làm gì được, bèn hạn Diệu Ngọc sau mùa đông phải dời khỏi

Lũng Thúy am đi tìm am miếu khác mà cư ngụ. (Trong bài liên hoan tiếp vịnh Trung thu do Diệu Ngọc nối vận hồi bảy mươi sáu có hai câu "Chuông reo Lũng Thúy tự, gáy gáy Đào Hương thôn", đúng chỉ tình cảnh này.)

Sau khi Phượng Thư, Bảo Ngọc bị bỏ ngục, tên ngục tốt Vương Đoản Thoái, ngày trước làm nghề bán ngựa (manh mối về anh bán ngựa Vương Đoản Thoái thấy hồi hai mươi tư), lấy cô Thiến Tuyết từng bị đuổi khỏi phủ vì "vụ trà Sương Lộ" (thấy hồi tám) làm vợ, đang hợp lòng phụ trách canh giữ hai người. Thiến Tuyết hay tin, chẳng kể chuyện xưa Bảo Ngọc say giận hất chén trà, đến miếu Ngục Thần (ngôi miếu nhỏ riêng dựng trong ngục để thờ "Ngục thần", cho phạm nhân đến lạy khẩn cầu trước "Ngục thần") thăm hỏi an ủi Bảo Ngọc, khiến Bảo Ngọc lĩnh hội sâu sắc hơn về nhân sinh, nhân tình, nhân tính. Khi ấy Bảo Ngọc được xếp việc mỗi đêm gõ mõ (đánh canh) dọc tường cao nhà tù.

Tiểu Hồng từ trước khi Phượng Thư bị xuất giá đã lấy Giả Vân ở dưới hành lang tây, và từ đó đổi tên ẩn tích, người đời phần lớn chẳng biết nàng nguyên tên Lâm Hồng Ngọc, càng chẳng biết cha nàng vốn họ Tần. Cha Tiểu Hồng là Lâm (Tần) Chi Hiếu bị bắt xử tử, mẹ nàng kinh sợ mà chết, khiến lòng nàng oán hận "đương kim". Bạn thân của Giả Vân là Kim Cang say Nhi Nhị lại là nhân vật ngầm của thế lực chính trị phe "nguyệt" giữa chốn thị ẩn, quan điểm của họ về hiện trạng hiển nhiên gần gũi nhau. Sau khi phe "nguyệt" thất bại, Nhi Nhị thành "con cá lọt lưới", với Vương Đoản Thoái vẫn là đôi bạn rượu. Giả Vân với Tiểu Hồng không quên ân đề bạt ngày trước của Phượng Thư, nhờ Vương Đoản Thoái sắp xếp gặp Phượng Thư trong miếu Ngục Thần, mang tặng nàng thuốc chữa thương roi. Phượng Thư vô cùng cảm động, xin hai người dò tìm tung tích Xảo Thư, bảo nếu cần thì có thể đến cầu Lý Hoàn giúp đỡ.

Ra khỏi ngục thăm xong, Giả Vân với Tiểu Hồng mới biết Xảo Thư đã bị cậu ruột độc ác Vương Nhân bán vào quán kỹ nữ Cẩm Hương viện; may nhờ kỹ nữ nơi ấy là Vân Nhi (xuất hiện đích thực hồi hai mươi tám) còn biết chăm sóc, nàng chưa bị ngược đãi. Để gom bạc chuộc người, Giả Vân mua chuộc người canh cửa phủ Vinh Quốc, Đại Quan viên lúc ấy, ban đêm lẻn vào Đại Quan viên tiêu điều hoang tàn, tìm Lý Hoàn và Giả Lan trong Đào Hương thôn, mong họ đưa bạc cứu Xảo Thư. Nào ngờ Lý Hoàn phản ứng vô cùng lạnh nhạt, nhấn mạnh họ Giả đã đổ, số của cải dành dụm bao năm của mình còn phải dùng để chuyển ra ngoài an gia lập nghiệp, nuôi Giả Lan đi khoa cử, thực đã không thể lo tới nhiều chuyện nữa; Giả Vân van xin mãi, Giả Lan mất kiên nhẫn, lấy một tờ ngân phiếu giả đưa cho hắn. Hôm sau Giả Vân đổi chẳng được, mới biết Giả Lan quả thật là một "huynh đệ gian xảo" của Xảo Thư.

Hồi này còn giao bày chuyện hậu thế: Lý Hoàn dẫn Giả Lan dời khỏi nhà cũ phủ Vinh Quốc, mua nhà ở riêng; mấy năm sau Giả Quân (đã xuất hiện hồi chín) đỗ trạng nguyên khoa văn, Giả Lan đỗ trạng nguyên khoa võ (bên cạnh câu "Hôm qua than áo rách lạnh lùng, hôm nay chê áo tía dài rộng" trong "Hảo liễu ca" hồi nhất có Chi Nghiễn Trai phán: "Giả Lan, Giả Quân và bọn chúng"), Lý Hoàn được phong cáo mệnh phu nhân; nhưng vừa khoác lên mình triều quan phượng áo của cáo mệnh phu nhân thì nàng ngã xuống đất,

chết vì mừng quá, từ đó gây ra tiếng cười chế nhạo của người đời. Đêm ấy, vì cầu xin Lý Hoàn, Giả Lan chẳng thành, Giả Vân thấy Lũng Thúy am vẫn còn ánh sáng, liền một lòng nghĩa dũng thăm am, vào tìm Diệu Ngọc xin giúp đỡ; gõ cửa không ai đáp, y trèo tường vào thẳng. Diệu Ngọc cùng a hoàn bà vú đều đã ngủ, nhưng dưới ngọn đèn trường minh trước tượng Phật trong thiền đường, Giả Vân thấy Diệu Ngọc để lại bài kệ, cùng một bao bạc, mới hay Diệu Ngọc thông diễn tiên thiên thần số (hồi mười tám kể sư cô nàng "cực tinh diễn tiên thiên thần số"), là một vị thi tiên, hình như đã biết trước sẽ có người gặp cơn nạn khó khăn tìm đến đây cầu cứu. Giả Vân lấy theo số bạc ấy, ngày hôm sau mới chuộc được Xảo Thư ra.

Nền tảng căn cứ cho nội dung hồi này rất nhiều; ngoài những điều đã kể ở trên, đáng chú ý như hồi hai mươi có phán ký tên Kỳ Hộ Sưu rằng "Thiến Tuyết đến miếu Ngục Thần mới trình diện chính văn"; hồi hai mươi sáu lại có phán ký tên Kỳ Hộ Sưu: "Hồi 'miếu Ngục Thần' có đoạn văn lớn về Thiến Tuyết với Hồng Ngọc, tiếc thay thất lạc mất bản thảo, than ôi!" Trong bản Tĩnh tàng Thạch đầu ký ở Nam Kinh từng nổi lên mặt nước rồi lại thất truyền, hồi hai mươi tư có một điều phán mà các cổ bản khác đều không có: "Đoạn văn Kim Cang say, chôn mạch chuyện Vân ca nghĩa dũng thăm am." Về Lý Hoàn, điều phê hồi năm nói cuối cùng nàng "oan uổng để người đời đem ra đàm tiếu" (các bản thông hành ngày xưa đều in là 作笑谈 (tác tiếu đàm), bản Chu hội chọn 作话谈 (tác thoại đàm)); khúc "Văn Thiếu hoa" quở trách nàng "Tuy nói đời người chớ phải nghèo tuổi già, cũng phải tích âm đức cho con cháu", "Chỉ chiếc mũ châu đội, áo phượng khoác, cũng chẳng đền nổi cái mạng vô thường" v.v.

**Hồi thứ một trăm lẻ một Xảo Thư bị lừa sa chỗ tuyệt địa; Lưu lão lão báo ân như suối tuôn**

Vương Cẩu... nhầm, Vương Nhân từ chỗ Vân Nhi hay tin Giả Vân và bọn kia đang gom bạc định chuộc Xảo Thư ra, bèn cấu kết với cậu cả họ Hình, để cậu ta ra mặt lừa Xảo Thư khỏi Cẩm Hương viện, định bán tiếp đi nơi khác moi bạc.

Lưu lão lão nghe tin nhà Giả đổ nát vẫn luôn dõi theo tình hình, nhiều lần nghĩ cách cứu Phượng Thư, Xảo Thư đều không dịp may. Lúc này nghe phủ Vinh khép án, bà lại vào thành, hối lộ người canh cửa, lần thứ ba vào phủ Vinh Quốc, đi sâu vào Đại Quan viên, ngoài Đào Hương thôn gặp Tố Vân mới hay Phượng Thư đã bị bỏ ngục, còn Xảo Thư lại bị bán vào quán kỹ nữ; vốn muốn vào gặp Lý Hoàn, bị Tố Vân can rằng Lý Hoàn đau ốm không thể lại gây thêm buồn phiền, nên Lưu lão lão vội vàng chạy đến Cẩm Hương viện cứu Xảo Thư. Nào ngờ khi tới nơi, cậu cả họ Hình và Vương Nhân vừa đưa Xảo Thư đi khỏi; Lưu lão lão và Bản Nhi định đuổi theo tìm kiếm, mẹ chủ kỹ viện vu oan hai cô chú là đồng bọn bắt cóc Xảo Thư, đòi báo quan bắt giữ; may nhờ Giả Vân kịp lúc đến, mang theo bạc chuộc, mẹ chủ kỹ viện mới cho phép họ đi tìm Xảo Thư.

Xảo Thư rốt cuộc được họ giải cứu. Lưu lão lão đưa Xảo Thư về nhà mình. Năm ấy Lưu lão lão uống phần chè thừa trong chén thành yểu của Diệu Ngọc; Diệu Ngọc chê bẩn không cần chiếc chén nữa, Bảo Ngọc xin lấy rồi chuyển tặng bà. Bà đem về nhà, mới biết đó quả là bảo vật hiếm thế; Vương Cẩu Nhi nhờ Lãnh Tử Hưng bán giá cao, mua ruộng xây nhà đã khá giả. Xảo Thư từ đó ở lại nhà Lưu lão lão, về sau nên duyên vợ chồng với Bản Nhi. (Điều phê về Xảo Thư hồi năm cùng khúc "Lưu Dư Khánh"; hồi sáu Chi Nghiễn Trai chỉ rõ:

"Hồi này... chôn mạch chuyện tiến phủ lần thứ hai thứ ba cùng chỗ quy kết của Xảo Thư." Hồi bốn mươi mốt kể Bản Nhi với Xảo Thư đổi tay Phật lấy quả bưởi, Chi Nghiễn Trai phán: "Nhờ trò chơi của trẻ nhỏ, âm thầm lộ mạch xuyên suốt cả bộ...")

**Hồi thứ một trăm lẻ hai Phó Thu Phương mưu sâu dụ lấy bài lệnh; thiếu nữ áo đỏ lời khéo chặn Kim Vinh**

Hồi ba mươi lăm kể Phó Thu Phương vẫn còn son trẻ ngóng chồng, hai mươi mốt tuổi chưa xuất giá. Anh nàng là Phó Thử hạng người xu phụ quyền thế, thuở đầu nịnh bợ phủ Giả, về sau bám theo Trung Thuận vương, đến mức Phó Thu Phương hai tư tuổi thì gả nàng cho con trai Trung Thuận vương, chính là kẻ từng mưu chiếm đoạt Tập Nhân. Phó Thu Phương xoay xở giữa cha con Trung Thuận vương, khổ sở vô cùng. Phó Thu Phương từng qua mấy bà vú trong nhà nghe chuyện về Giả Bảo Ngọc (chuyện bà vú nhà Phó bàn về Bảo Ngọc thấy hồi ba mươi lăm), thấm thía cảm phục. Bảo Ngọc bỏ ngục đã lâu, chẳng có tội trạng cụ thể nào để truy cứu, rốt cuộc bị tuyên án trục hồi nguyên quán cư ngụ. Kim Vinh gã gây loạn học đường viết đến ở hồi chín, hồi mười, cùng mẹ goá Kim của hắn, sau khi nhà Giả đổ thì hoàn cảnh bản thân lại khá lên. Dù cô ruột của Kim Vinh là vợ Giả Hoàng, tức bà đại Hoàng đại nãi nãi, và khi hai phủ Ninh Vinh bại lộ, Giả Hoàng cũng bị lây kéo gặp họa, song bà goá Kim về sau tái giá với một võ quan nhỏ dưới trướng đô úy họ Cừu; gã kia lạiđúng lúc tham dự việc khám xét xử lý nơi ở của nhà Giả Xá, rồi được điều đi làm quản ngục nơi nhà tù giam Bảo Ngọc. Thế là Kim Vinh thấy thời cơ trả thù Bảo Ngọc đã chín muồi; Bảo Ngọc trong ngục bị phạt đi đánh canh, lời gièm pha của Kim Vinh phát huy tác dụng. Nay nghe tin Bảo Ngọc chỉ bị tuyên trục hồi nguyên quán, hắn thấy là đã được rẻ cho Bảo Ngọc, nên qua mẹ hắn, lại rót tai cha dượng, tố cáo Bảo Ngọc với Liễu Tương Liên kẻ phạm nghịch từ lâu giao hảo mật thiết, vụ Bảo Ngọc tham dự mưu phản cần tra xét thêm gay gắt; huống hồ bạn thân thuở nhỏ của Bảo Ngọc là Tần Chung kẻ đã khuất chính là em trai Tần Khả Khanh v.v. Quản ngục này đem tin tức tâu lên Trung Thuận vương; Trung Thuận vương liền giữ bài lệnh trục xuất Bảo Ngọc hồi quán không phát. Trong giờ nguy cấp, Phó Thu Phương lợi lúc Trung Thuận vương say rượu, dùng kế khéo léo dụ lấy bài lệnh, kịp thời ban xuống, giúp Bảo Ngọc thoát ngục nhanh chóng xuôi Nam.

Kim Vinh nghe tin Bảo Ngọc ra ngục, đuổi theo đến bến đò. Khi ấy cô gái áo hồng mà hồi mười chín Bảo Ngọc nhìn thấy tại nhà Tập Nhân, em họ hai bên mẹ của Tập Nhân, đúng lúc ấy lấy làm vợ viên tiểu quan coi bến tàu, bản thân làm bà chủ quán trọ hàng ăn ven bến, đã phối hợp cùng Tưởng Ngọc Hàm (quan hệ chính trị giữa y với phe "nguyệt" chưa bị khám ra), Tập Nhân, cùng Giả Vân, Tiểu Hồng, còn có Thiến Tuyết v.v., sắp đặt chu toàn cho Bảo Ngọc, cho chàng lên thuyền buồm đi Kim Lăng. (Khi ấy đã sang "ngũ xuân" tính từ lần Nguyên phi thăm nhà, tức mùa xuân năm thứ năm, kênh đào đã tan băng.) Kim Vinh đuổi tới định trả thù ngay mặt, thiếu nữ áo đỏ khéo lời cột chân hắn lại, khiến gã không đạt được mưu đồ.

**Hồi thứ một trăm lẻ ba Tĩnh Nhi bỏ hiềm cũ gìn linh cữu; Vạn Nhi giải oán mới giữ tuyệt mật**

Sau khi Tiết Bảo Thoa mất, linh cữu tạm đặt ở miếu Màn Đầu; về sau linh cữu Tiết Bán, di mẫu Tiết cũng đưa về chung một chỗ; Tiết Khoa cố hết sức mới góp đủ ít bạc, trì hoãn đến Thanh minh năm ấy mới sắp xếp được vận linh cữu về Kim Lăng nguyên quán an táng, tiện thể đưa luôn linh cữu Hương Lăng. Hình Tụ Yên

theo Tiết Khoa đi lo liệu việc này. Khi ấy Tiết Khoa đã chẳng còn nam nhân hầu hạ, Tụ Yên cũng không a hoàn; hai người phải chuyên chở bốn bộ linh cữu về phương Nam, thực khó lòng xoay xở. May nhờ đôi vợ chồng láng giềng mở tiệm giấy vàng hương quạt thấy họ khó khăn, quyết định tháp tùng đi Kim Lăng, đồng thời cũng để trước lễ Đoan ngọ mang ít giấy vàng hương quạt từ đấy về bán (đầu hồi bốn mươi tám kể trước lễ Đoan ngọ buôn giấy vàng hương quạt từ Giang Nam về kinh, "trừ tiền thuế quan cùng chi tiêu, cũng còn lại được vài lần tiền lãi"). Kể ra mới hay bà chủ tiệm chính là a hoàn Tĩnh Nhi ngày trước trong phòng Giả mẫu phủ Vinh Quốc (có cổ bản lại viết là Điến Nhi), sớm trước khi Giả mẫu qua đời đã được thả ra, theo gã tiểu thương mở tiệm hiện nay. Hồi ba mươi kể chuyện "Bảo Thoa mượn quạt, một lời hai ngả"; người bị Bảo Thoa vô cớ quát mắng oan uông chính là Tĩnh Nhi. Nay thời thế đổi thay, Bảo Thoa quả đã khuất, Tĩnh Nhi thương cảm không nguôi, còn Tiết Khoa với Tụ Yên thì vô cùng cảm động trước tấm lòng không nhớ hiềm cũ, tự nguyện giúp họ hộ tống linh cữu cả nhà Bảo Thoa. Bốn người thuê bốn chiếc thuyền, hai chiếc chở linh cữu, hai chiếc chở người, kết bạn đi về Kim Lăng.

Tiểu đồng Dính Yên của Bảo Ngọc, sớm trước khi Bảo Ngọc thành hôn đã được Bảo Ngọc thả cho tự do thân phận; Bảo Ngọc lại xin Giả Trân phủ Ninh trả tự do cho Vạn Nhi, giúp hai người thành hôn, lại chu cấp ít bạc; hai người mở quán trà ở ngoại thành mà sống. Trước sau khi nhà Giả đổ, Dính Yên vẫn bên ngoài che chở, trong ngầm bảo vệ cho Bảo Ngọc; Bảo Ngọc vào ngục, y cũng cùng Giả Vân v.v. nhiều phen an ủi tiếp tế. Hôm ấy Vạn Nhi sáng dậy, bỗng thấy Dính Yên mất dạng; hỏi các anh chàng làm quán, đều bảo không thấy; đợi đến chiều cũng chẳng thấy trở về, không khỏi ngạc nhiên sốt ruột, oán trách Dính Yên hoang đường bạc tình. Đang định đi khắp nơi tìm kiếm, thì Tiểu Hồng chợt đến, mách kín rằng Bảo Ngọc đã vội rời kinh xuôi Nam, Dính Yên vội đi hộ tống chàng, phải chờ sắp xếp ổn thỏa ở Kim Lăng rồi mới quay về. Chuyện trước đó không cho Vạn Nhi biết, vì sợ nàng ngăn cản. Vạn Nhi nhớ lại năm xưa Bảo Ngọc phát hiện nàng với Dính Yên bí mật gặp gỡ, nàng xấu hổ bỏ chạy, Bảo Ngọc gọi theo sau rằng "Chị đừng sợ, tôi nhất định không kể với ai" (tình tiết đầu hồi mười chín), cùng ân huệ sau đó Bảo Ngọc thành toàn chuyện hôn nhân cho nàng với Dính Yên, lập tức tan hết oán giận, hứa nghiêm mật giữ kín, tuyệt không tiết lộ.

**Hồi thứ một trăm lẻ tư Khóc về Kim Lăng, Phượng Thư đoạn mạng; cuống chạy Giang Nam, Bảo Ngọc mê man**

Trung Thuận vương nhận mệnh đến Kim Lăng đào tận gốc rễ bốn đại gia tộc Giả Sử Tiết Vương cùng nhà họ Chân, bèn dẫn đoàn thuyền hùng hậu tiến về Giang Nam. Vì Phượng Thư bị chỉ là người nắm rõ nhất mọi bí mật trong ngoài của bốn đại gia tộc nên bị rút khỏi ngục áp giải theo đoàn, để đến Kim Lăng làm "miệng sống" tra hỏi. Phượng Thư nguyên là "bực anh hùng trong đám phấn son" của bốn đại gia tộc (lời Tần Khả Khanh hồi mười ba), nay lại bị ép làm kẻ đào gốc của chính bốn đại gia tộc ấy; cảnh ngộ cực thảm, lòng ruột nát vụn, "khóc về Kim Lăng, việc càng bi thương"; giữa chừng đoàn thuyền đêm neo đậu, nàng thừa lúc người canh sơ hở, gieo mình xuống sông tự vẫn.

Chuyến đi lần này của Trung Thuận vương còn nhằm truy bắt Bảo Ngọc, bởi những khách mưu sĩ ngày trước của Giả Chính đầu quân nơi khác đã dâng lên bài "Quỷ Oa tướng quân từ" Bảo Ngọc viết thuở ấy; y nhận ra

đó rõ ràng là văn tự đại nghịch bất đạo, định bắt được Bảo Ngọc sẽ tấu trình hoàng đế ngay, để lập thêm một công.

Dính Yên hộ tống Bảo Ngọc tới bến Qua Châu bên bờ Trường Giang; Bảo Ngọc tinh thần thể lực cùng kiệt, ngất xỉu bên sông. Dính Yên chẳng còn cách nào, đành bồng chàng vào quán trọ, thầy thuốc đến khám chữa, chờ Bảo Ngọc khỏe lại rồi sẽ xuôi Nam tìm chỗ náu thân. Đoàn thuyền Trung Thuận vương cũng cập bến Qua Châu, dán hình vẽ truy nã Bảo Ngọc; ngày thứ ba đã có người mật báo tung tích, lần theo manh mối lùng sục, quả nhiên bắt được Bảo Ngọc.

**Hồi thứ một trăm lẻ nămBến Qua Châu, Diệu Ngọc hiện thân; chân chùa Kim Sơn, vương hung bại vong**

Người dưới thuộc đem Bảo Ngọc bắt được dẫn đến trước Trung Thuận vương; Bảo Ngọc kêu oan, bảo mình là Chân Bảo Ngọc chứ chẳng phải Giả Bảo Ngọc; mọi người sửng sốt. Một thời trước Trung Thuận vương từng đề thẩm Giả Bảo Ngọc; nhìn kỹ, Bảo Ngọc này với Bảo Ngọc kia tựa như sinh đôi, song quả thật chẳng gầy sạm tiều tụy như Bảo Ngọc kia. Bèn giam Bảo Ngọc này lại, tiếp tục truy bắt Bảo Ngọc kia.

Tin Chân Bảo Ngọc bị bắt truyền đi nhanh chóng; Dính Yên hay tin báo cho Giả Bảo Ngọc, định hóa trang cho chàng, nhân đêm không trăng trốn đến nơi xa hơn ẩn náu (hình vẽ truy nã đã xuất hiện trên chợ, hai người đã rời quán trọ, nấp vào bụi lau). Trong lòng Giả Bảo Ngọc đã có chủ ý, chỉ không nói với Dính Yên, hững hững gật đầu nhận lời. Dính Yên lên chợ dò tin thêm và mua đồ cần thiết; Bảo Ngọc bèn đến tự thú tại chỗ Trung Thuận vương, đòi Trung Thuận vương thả Chân Bảo Ngọc vô tội. Sau khi đối chứng kỹ, Trung Thuận vương tha Chân Bảo Ngọc. Dính Yên tìm khắp bụi lau chẳng thấy Giả Bảo Ngọc, lùng sục bốn phía, chẳng bao lâu nghe tin Giả Bảo Ngọc tự thú đổi lấy Chân Bảo Ngọc, không khỏi giậm chân than dài, đành nghĩ cách khác để cứu Bảo Ngọc.

Đúng vào giờ phút gay cấn ấy, một ni cô phong trần mỏi mệt xuất hiện ở bến Qua Châu; nàng chẳng ai khác, chính là Diệu Ngọc. Nàng đã sắp xếp yên ổn a hoàn bà vú hầu cận bao năm, trái với dặn dò "chẳng nên trở về quê cũ" của sư phụ trước khi viên tịch, tất cả chỉ để cứu Giả Bảo Ngọc.

Diệu Ngọc thuê một chiếc thuyền lớn chở đến đây. Nàng mang theo mấy rương danh khí cổ vật, gồm cả những món viết đến ở hồi bốn mươi mốt. Ở bến Qua Châu, Diệu Ngọc phát hiện Sử Tương Vân. Chồng Sử Tương Vân là Vệ Nhược Lan thuộc nhân vật trọng án của "nghịch án", tuy chết trước khi bị "bắt về án", nhưng nàng vẫn thuộc "thân thuộc nghịch tặc", nhà họ Sử cũng tiêu vong trọn vẹn; nàng bị coi như nô tỳ đem bán, qua mấy vòng chuyển tay, cuối cùng bị bán vào cửa xanh, bị đưa đến Qua Châu làm nhạc kỹ trên "thuyền hoa". Diệu Ngọc chuộc nàng ra.

Đoàn thuyền Trung Thuận vương dời chỗ đậu về chân núi Kim Sơn nơi có chùa Kim Sơn. Bỗng có nữ ni Diệu Ngọc xin gặp; Trung Thuận vương nghe người dưới thuộc báo rằng là một ni cô tuyệt sắc, bèn tiếp kiến. Y từng nhìn thấy Diệu Ngọc, lại biết Diệu Ngọc có tài sản quý cất giấu. Diệu Ngọc nói rõ mục đích là muốn

đổi chác chuộc Bảo Ngọc ra. Ban đầu Trung Thuận vương bảo Bảo Ngọc là trọng phạm "nghịch thơ", há thể vì tình riêng mà tha. Về sau nghe Diệu Ngọc nguyện đem mấy rương danh khí cổ vật truyền gia làm tiền chuộc, y động tâm. Nhưng Trung Thuận vương càng muốn chiếm hữu bản thân Diệu Ngọc, bèn đưa ra điều kiện khắc nghiệt nhất, bắt nàng cùng người cùng của làm điều kiện đổi chác. Diệu Ngọc quả nhiên gật đầu nhận. Diệu Ngọc yêu cầu Trung Thuận vương thả Bảo Ngọc ngay trước mắt mình, và cho phép Bảo Ngọc với Sử Tương Vân cùng viễn tẩu, không được sai người đuổi theo. Trung Thuận vương như xương khô rốt cuộc cũng gật đầu, ôm lấy Diệu Ngọc. "Thương thay chất kim ngọc, sa lầy vũng nhơ nhớp"; "Khéo giống như, mỹ ngọc không vầng sa bùn lầy; hỏi làm chi, công tử vương tôn than duyên ngắn" (điều phê hồi năm cùng khúc "Thế Nan Dung"). Nhưng Diệu Ngọc rốt cuộc tận mắt thấy Bảo Ngọc và Tương Vân gặp gỡ nhau ra đi. Trung Thuận vương đòi bồng Diệu Ngọc lên giường cầu vui; Diệu Ngọc bảo mở mấy rương trân báu ra trước đã; Trung Thuận vương bằng lòng, khi y ghé sát lại xem, Diệu Ngọc kéo cái máy giấu sẵn ngoài rương, thuốc nổ giắt sẵn bên trong nổ ầm vang, hai người cùng quyên sinh.

Trong hồi này còn sẽ kể, thuở thiếu nữ Diệu Ngọc từng nảy sinh tình cảm với Trần Dã Tuấn. Vương tôn "than duyên ngắn" ấy chẳng phải Giả Bảo Ngọc mà là Trần Dã Tuấn. Sau khi trại phe "nguyệt" bị phá phải trốn mệnh, Trần Dã Tuấn vẫn ẩn cư; khi chuyện Diệu Ngọc hy sinh cứu Bảo Ngọc truyền tới tai, ông bi thương soạn khúc "Than duyên ngắn" tỏ lòng kính trọng.

**Hồi thứ một trăm lẻ sáu Trời đất mênh mông, thơ Trung thu hay chăng; đôi kỳ lân đầu bạc, sum họp được chừng nào**

Cuối hè năm ấy, con trai Trung Thuận vương kế tước chưa được bao lâu, hoàng đế vui giận thất thường đã tịch gia y, đày đi biên ải. Phó Thu Phương đêm trước khi nhà bị tịch đã phóng hỏa tự thiêu. Bảo Ngọc với Tương Vân lại từ phương Nam lên kinh thành, mưu sinh bằng nghề ăn xin. "Vàng đầy rương, bạc đầy rương, chớp mắt thành kẻ ăn mày ai cũng gièm pha." Phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc đều thành phủ đệ của những phú hộ mới được hoàng đế ban tước. Khuôn viên cửa sơn đen thuở Giả Xá ở đã nhập vào phủ Vinh Quốc cũ. Đại Quan viên cũng đổi tên khác; nghe nói các hiên quán trong vườn đều bị chủ nhân mới cải tạo theo khẩu vị của họ. Bảo Ngọc, Tương Vân hát liều hoa rơi xin qua trước cổng hai phủ, bị lính canh xua đuổi; mắt thấy xe kiệu tấp nập vào ra thăm viếng hai phủ, thật đúng là "Ồn ào xô bồ, ông hát xong đến lượt bà diễn".

Lại đến Trung thu, giữa đống hoang tàn ngoài cửa thành, Bảo Ngọc, Tương Vân tìm vui trong cảnh khổ, hồi tưởng cảnh thịnh hội thi xã năm xưa. Tuy hai người mới bước vào tuổi thanh niên, đã bị những truân chuyên thống khổ bào mòn đến tóc trắng rủ bờ vai. Hai người thử nối vận làm thơ, cuối cùng trong nỗi thương cảm thở dài chẳng thể tiếp nữa. (Sau bài thơ Trung thu của Giả Vũ Thôn ở hồi nhất, có Chi Nghiễn Trai phán "Mở đầu bằng thơ Trung thu, kết thúc bằng thơ Trung thu"; vậy bài thơ Trung thu nơi đây hẳn là bài thơ cuối cùng của toàn thư.)

**Hồi thứ một trăm lẻ bảy Đói khát Y Hồng, đông rét nuốt dưa muối; bệnh hoạn Chẩm Hà, đêm tuyết quấn chiếu rách**

Đông rét tràn tới, Bảo Ngọc, Tương Vân khó lòng gượng nổi. Hoàn cảnh sống của hai người đúng là "đông rét nuốt dưa chua, đêm tuyết quấn chiếu rách". (Hồi mười chín kể Dính Yên đưa Bảo Ngọc sang nhà Tập Nhân, nhà Tập Nhân nhiệt tình khoản đãi, bày ra bao nhiêu trái cây, nhưng "Tập Nhân thấy chẳng có món gì đáng ăn", Chi Nghiễn Trai phán: "Bổ nghĩa Bảo Ngọc thuở nhỏ quý giá nhường nào. Lấy câu này để về sau mấy chục hồi 'đông rét nuốt dưa chua, đêm tuyết quấn chiếu rách' v.v. đối chiếu, có thể làm bài học cho người trẻ quá đà, than ôi!")

Tưởng Ngọc Hàm, Tập Nhân khi ấy thấy ở kinh thành cư ngụ chẳng yên ổn, đã dời về Tử Đàn bảo ngoại đông thường trú. Dính Yên, Vạn Nhi trốn sang tỉnh khác mở quán trà. Riêng Giả Vân, Tiểu Hồng mở ra cuộc sống mới của mình, chẳng có tí nào tâm trí sợ hãi, dáng vẻ thu mình. Một lần Bảo Ngọc, Tương Vân đi ăn xin ngoài phố, thấy Giả Vân và Tiểu Hồng xuống khỏi xe la, định vào tiệm lụa mua gấm vóc; đôi bên cách nhau rất gần, Bảo Ngọc nhận ra họ, còn họ thì hoàn toàn không nhận ra Bảo, Tương. Vân, Hồng bỏ tiền rồi đi, Bảo Ngọc không khỏi than "gần gang tấc mà xa muôn dặm". (Hồi hai mươi lăm kể Bảo Ngọc buổi sớm nhìn Tiểu Hồng qua cây hải đường mà không rõ mặt, Chi Nghiễn Trai phán: "Xin hỏi người xem, đây chẳng phải 'cách hoa người gần mà chân trời xa' hay sao?")

**Hồi thứ một trăm lẻ tám Thần Anh đốn ngộ, thả tay nơi vách đá; đá về núi cũ, Bảng Tình trang nghiêm**

Tuy Bảo Ngọc, Tương Vân nghèo khó cùng cực, nhưng hai người vẫn giấu kỹ dưới lớp áo rách mỗi người một chiếc kỳ lân vàng. Chiếc kỳ lân của Bảo Ngọc là Phùng Tử Anh trước lần cuối lên trại trong núi đã đem giao cho chàng, và kể lại lời trăng trối của Vệ Nhược Lan. Còn ngọc Thông Linh của Bảo Ngọc, vì người đời đều biết nó sinh ra cùng chàng, rõ ràng là trời ban, vì mê tín sợ thần phạt chuốc họa, cũng mãi chẳng bị tịch thu.

Tuyết bay đầy trời, lại đến cuối năm. Hai người nương tựa dìu dắt nhau, rời bỏ kinh đô chẳng nỡ nhớ lại, gắng gượng đi về phía ngoại ô. Bát ngàn đất trời trắng xoá, thật là sạch sẽ.

Ngoài một khuôn viên trang viện, Tương Vân rốt cuộc không chống nổi nữa, gục xuống giữa đồng tuyết. Bảo Ngọc hô cứu vang dội; mãi lâu sau, cuối cùng có người nghe thấy, lần theo tiếng tìm đến, cứu hai người vào một nhà nông. Một cặp vợ chồng nông dân trẻ giúp Bảo Ngọc đặt Tương Vân nằm lên giường kang ấm, lại đi nấu cháo bột, bưng ra bánh ngô hấp với dưa muối. Bảo Ngọc nhìn quanh, thấy một cái xe kéo sợi; nhìn kỹ người đàn bà nông dân, tựa như quen quen, như trong mộng, bỗng nghe người chồng gọi vợ là "Nhị Nha Đầu", chợt giật mình tỉnh ngộ. (Hồi mười bốn kể Bảo Ngọc thử xe kéo sợi gặp chuyện với Nhị Nha Đầu, có Chi Nghiễn Trai phán: "Chỗ nào cũng điểm mắt, lại chôn mạch một đoạn văn sau này.") Bảo Ngọc cảm kích ân cứu mạng, tháo chiếc kỳ lân vàng tặng; hai người kiên quyết không nhận, nói: "Chúng tôi há lại trông vào cái này chăng?" Bảo Ngọc mới biết người thuần khiết nhất trần gian vốn ở nơi thôn dã.

Tương Vân rốt cuộc không cứu được, thoi thóp trút hơi thở cuối cùng trên giường kang nhà nông. Trước lúc lâm chung Tương Vân dặn Bảo Ngọc hãy chôn nàng dưới gốc hải đường ngoài nhà: trước khi được bồng

vào nhà, tuy đang hôn mê bán tỉnh, nàng vẫn chỉ nhờ trực giác mà chắc chắn bên ngoài là một cây hải đường. Nhị Nha Đầu với chồng, cùng Bảo Ngọc, trong đêm cuốc đất đông cứng mai táng Tương Vân, vì sợ sáng ra chuốc phiền phức. Bảo Ngọc lại van hai người mùa xuân sang năm nhất định trồng mấy bụi thược dược quanh gốc hải đường ấy; Nhị Nha Đầu với chồng gật đầu nhận lời. Khi mai táng Tương Vân, Bảo Ngọc đặt cặp kỳ lân vàng bên cạnh nàng.

Nhị Nha Đầu với chồng để Bảo Ngọc ngủ giường kang ấm phòng đông, hai vợ chồng đốt kang phòng tây rồi sang đó nghỉ. Bảo Ngọc khó ngủ, hai tay xoa nắn khối ngọc Thông Linh sinh cùng mình; khối ngọc bỗng tỏa ánh sáng, còn cất tiếng: "Bảo Ngọc, đã đến lúc chàng thật sự thả tay nơi vách đá rồi!" Rồi lại rằng: "Tiên tăng đến đón, tôi đi trước một bước, hồi Đại Hoang sơn, Vô Kích nhai, Thanh Chấp phong!" Tiếng vừa tắt, Bảo Ngọc chợt thấy ngọc Thông Linh chẳng còn trên tay, bừng giác đại triệt đại ngộ tràn ngập lồng ngực. Trong mờ mịt, chỉ thấy tiên tăng tiên đạo hiện thân, Bảo Ngọc theo họ mà đi; đó là lần xuất gia thứ hai của Bảo Ngọc, cũng là lần thật sự làm được chuyện thả tay nơi vách đá: thăng hoa lên Thái Hư huyễn cảnh, gặp lại tiên cô Cảnh Hoàn...

Sáng hôm sau, Nhị Nha Đầu với chồng trời sáng rõ mới dậy, sang phòng bên mời Bảo Ngọc ăn sáng, chẳng thấy bóng dáng chàng, cũng chẳng có dấu chân dấu vết gì, sửng sốt kinh ngạc; ra cửa nhìn, đồng ruộng trắng xoá, trước cửa nhà họ chẳng hề có vết tích mai táng ai, vậy mà gốc hải đường kia lại nở một cây mầm hoa hồng phái giữa đông giá rét, tỏa thơm ngào ngạt mơ màng. Hai người nhìn nhau, bằng ánh mắt hỏi nhau: đây là thật hay là giả?

Bảo Ngọc trở về cõi trời, khôi phục thân phận Thần Anh thị giả, trở lại cư ngụ trong Xích Hà cung. Ngọc Thông Linh trở về chân Thanh Chấp phong nơi cõi trời, khôi phục dáng vẻ khổng lồ của hòn đá thừa Nữ Oa vá trời; nhưng khác với trước khi hạ giới, trên đá đã viết kín chữ, tức Thạch Đầu Ký, phần cuối là "Bảng Tình": Bảo Ngọc với tư cách Giáng Động hoa vương đứng riêng một hàng, có lời xét "tình bất tình"; tiếp sau là chín tổ "Kim Lăng thập nhị thoa", từ chính sách, phó sách đến bát phó, tổng cộng ghi một trăm lẻ tám người nữ.

【Ghi chú】Những dòng trên viết vào năm 2016. Năm 2011 tôi xuất bản "Lưu Tâm Vũ tục Hồng Lâu Mộng", năm 2014 lại chỉnh đính thêm, năm 2017 chỉnh đính thêm nữa; vì thế thành quả mới nhất trong việc thám dật hai mươi tám hồi sau của Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, chính là "Lưu Tâm Vũ tục Hồng Lâu Mộng" do Nhà xuất bản Dịch Lâm ấn hành năm 2017; sách này còn được hợp cùng bản hiệu đính tinh xác tám mươi hồi đầu của cụ Chu Nhữ Xương, xuất bản dưới nhan đề "Một trăm lẻ tám hồi Hồng Lâu Mộng".

# Bốn cách đọc sách

- Sói, trăn, bò, mèo (lấy đọc Hồng Lâu Mộng làm ví dụ)

Rất vui được có dịp tới Thiên Tân, cùng đông đảo bạn hữu nơi đây trò chuyện về chuyện đọc sách. Hôm nay tôi xin nói với các bạn bốn cách đọc sách của cá nhân tôi, để mọi người tham khảo.

Cách thứ nhất gọi là đọc kiểu sói. Nghe vậy chắc có người nhăn mặt liền, vì từ nhỏ người lớn đã dặn ta: ăn uống phải nhai kỹ nuốt chậm, đừng có nuốt chửng như sói như hổ; gặp bác sĩ thì càng bị dặn thế, vì nuốt chửng dễ sinh khó tiêu, kéo theo bao nhiêu hậu quả xấu. Nhưng đó là chuyện ăn; đọc sách với ăn uống có chỗ giống nhau mà cũng có chỗ khác. Thư viện Thiên Tân này có bao nhiêu vạn cuốn sách? Bạn bảo mình thích đọc sách, muốn đọc sách, liệu bạn đọc hết nổi không? Vậy nên trước biển sách mênh mông ấy, mỗi người đọc sách trước hết phải biết buông bỏ một phần: có những cuốn e rằng cả đời chẳng cần đọc, cũng không đọc nổi, cũng không có thì giờ đọc; lại có một phần sách có thể đọc kiểu sói, nuốt chửng, lướt qua, đại khái biết nó nói gì là xong. Đó là một cách đọc. Trong ký ức đọc sách của tôi cũng có một phần sách tôi đọc kiểu sói. Hoàn cảnh thường thường là thế: cuốn sách rất khó mượn; hồi đó nào có điều kiện mượn và đọc thuận lợi như thư viện Thiên Tân ngày nay, điều kiện còn khó khăn lắm; ví dụ xin mượn một người bạn, người ta cho mượn nhưng dặn trước: bao nhiêu ngày thì phải trả. Trong quãng thời gian hữu hạn ấy mà phải đọc một bộ sách dày cộp, ngoài đọc kiểu sói ra không còn cách nào khác. Chơi xấu tới kỳ không trả thì không được: có vay có trả, vay lại chẳng khó; một lần chơi xấu trót lọt thì đời này đừng hòng mượn tiếp. Nên có những cuốn tôi đọc kiểu sói, mà đọc kiểu sói vẫn có thu hoạch; dù sao những sách đó chẳng nằm trong phạm vi chuyên môn của tôi, đại khái biết sơ sơ là được. Ví dụ hồi ấy có một cuốn "Sự suy vong của Đế chế Thứ ba", sách sử kể chuyện Hitler lên nắm quyền rồi nước Đức Quốc xã sụp đổ; bộ sách đồ sộ, người ta chỉ cho mượn một tuần, tôi lại còn phải đi làm, không thể ngồi gặm mỗi cuốn ấy, nên tôi đọc kiểu sói. Đọc kiểu sói tới tận bây giờ, tôi thấy nó vẫn hữu dụng với mình.

Sau đây, để câu chuyện liền mạch và cũng thú vị hơn, những cuốn tôi lấy làm ví dụ đều là Hồng Lâu Mộng và các sách liên quan đến Hồng Lâu Mộng.

Chuyện đọc kiểu sói, tôi có một kỷ niệm riêng. Năm tôi học trung học cơ sở, tình cờ thấy dưới gối cha tôi có ép một quyển sách. Cha đi làm, tôi tan học, mà giờ tan học của học trò tất sớm hơn giờ tan sở; tôi lôi quyển sách từ dưới gối ra xem, hóa ra là "Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký", một ấn bản in rất cũ, chia hai tập trên dưới, mỗi tập dày cộp. Tôi tò mò lắm; thực ra nó chính là Hồng Lâu Mộng. Hồi ấy tôi chưa phân biệt nổi các phiên bản Hồng Lâu Mộng, chưa hề có kiến thức bản học, chỉ thấy nó thú vị. Vì sao thú vị? Vì nó vừa "tăng bình" (thêm lời bình), vừa "bổ đồ" (thêm tranh), có rất nhiều tú tượng (绣像). Tú tượng là gì? Sách đóng chỉ Trung Quốc ngày xưa thường có tranh minh họa ở đầu sách hoặc giữa sách, đều khắc gỗ: người thợ trước

khi khắc nhờ họa sĩ phác hình bằng nét mảnh lên mặt gỗ, khắc xong đem in; vì loại hình ấy trông như thêu ra vậy, bố cục đầy đặn, nét vẽ tinh tế, nên gọi là tú tượng.

Ban đầu tôi chỉ lật xem mấy bức tú tượng, thấy rất hay, vì tôi là một cậu thiếu niên thời hiện đại, mà nhân vật trong tú tượng đều là người xưa cũ; khoảng cách ấy nhen lên trí tò mò, nên tôi bắt tay vào đọc. Mẹ tôi chiều tôi khá nhiều; có lẽ bà biết tôi lôi sách từ dưới gối chồng ra, nhưng bà không hé răng, vì còn bận lo toan việc nhà. Với việc con đọc sách, bà chỉ mang một mong ước mộc mạc: con cái ham đọc sách luôn là chuyện tốt, nên bà chẳng ngăn cản. Chỉ có điều tôi sợ cha về nhà sẽ tính sổ với mình: ông ép sách dưới gối, hẳn là không muốn ai moi ra xem ông đọc gì, đó là chuyện riêng của ông. Thế nên cứ gần giờ cha tan sở là tôi căng thẳng hẳn lên, đọc kiểu sói, lật rột rột thật nhanh. Mười mấy tuổi, tôi đã đọc trọn Hồng Lâu Mộng, đương nhiên là một bản Trình Cao, nay gọi là bản thông hành, bản một trăm hai mươi hồi. Đọc xong bản một trăm hai mươi hồi ấy, coi như tôi đã rèn được một thứ công phu từ thuở bé: có chỗ tôi chẳng hiểu, có chỗ đọc rồi lại quên, nhưng đọc kiểu sói như vậy thực sự vẫn có lợi.

Nên hễ ai hỏi: cậu có đọc Hồng Lâu Mộng không? Từ hồi phổ thông cho tới lúc trưởng thành, tôi đều đáp là đã đọc. Hỏi: đọc từ bao giờ? Tôi đáp: mười ba tuổi đã đọc rồi, lôi từ dưới gối cha ra mà đọc đấy. Nên chuyện tôi kết duyên với Hồng Lâu Mộng phải nói là rất sớm. Bộ "Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký" một trăm hai mươi hồi ấy chính là cuốn Hồng Lâu Mộng sớm nhất tôi từng đọc.

Thời gian sau, một hôm tôi rời con ngõ nhà mình ra phố dạo hiệu sách; từ bé tôi đã thích dạo hiệu sách. Tôi sinh ra và lớn lên ở Bắc Kinh, ngay ngoài con ngõ nhà có một tiệm sách nhỏ, quy mô tí hon nhưng hàng nhập khá phong phú. Một hôm tôi thấy một cuốn sách, mà cuốn ấy lại gắn bó mật thiết với Thiên Tân: tác giả là một học giả xuất thân từ Thiên Tân, tiên sinh Chu Nhữ Xương, cuốn "Hồng Lâu Mộng tân chứng". Thấy nó dày cộp, tôi liền cầm lên lật xem. Ông chủ tiệm, một tiệm tư nhân thời ấy, bèn can ngăn, bảo đây đâu phải sách cho trẻ con; ông tưởng tôi còn quá nhỏ, không hợp với cuốn ấy. Nhưng vừa lật tôi đã thấy hay. Vì sao? Vì tôi từng đọc kiểu sói Thạch Đầu Ký, tức Hồng Lâu Mộng, còn giữ được ấn tượng về nó; thấy cuốn này dính dáng đến Hồng Lâu Mộng, dính dáng đến cuốn mình đã đọc, lập tức thích thú. Điều hấp dẫn nhất là trong sách có một bức tranh gọi là "Hình tưởng tượng nhân vật Hồng Lâu Mộng"; bức hình tưởng tượng ấy khác hẳn những bức tú tượng trong "Tăng bình bổ đồ Thạch Đầu Ký" tôi từng xem, phong cách khác hẳn nhau. Tôi thầm nghĩ: sao người ta lại có thể hình dung như thế? Nhân vật trong cuốn tôi đọc hồi ấy đâu có như vậy! Tò mò quá, tôi nói với ông chủ: cuốn này cháu mua. Ông hỏi: thằng nhóc mà cũng mua sách à? Nhưng bán được một cuống sách ông cũng mừng, bèn hỏi lại: cậu có nhiều tiền thế sao?

Bắc Kinh còn có một món ăn vặt gọi là quán trường (灌肠), các bạn có biết không? Ngày xưa quán trường ở Bắc Kinh bán rất cầu kỳ, kể cả những gánh hàng rong cũng dùng xiên kim loại để xiên, đồ là "xiên bạc", có khi thực ra làm bằng thiếc, nhưng nhìn rất sang. Quán trường hồi ấy màu hồng phấn, không như bây giờ có nơi bán trắng bệch. Tôi nghiện món ấy; mẹ tôi lại chiều tôi, ngày đi học về vẫn để dành cho tôi ít tiền mua

đồ ăn vặt. Tôi dành dụm mãi, và hôm ấy vừa khéo đủ tiền mua cuốn sách. Với cuốn này, cách đọc của tôi gọi là đọc kiểu trăn.

Đây là một bộ sách học thuật. "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của tiên sinh Chu Nhữ Xương, nếu bây giờ bạn cầm lên đọc sẽ cảm nhận rõ đó là một bộ sách học thuật cao cấp, quả thật không phải sách thiếu niên, kể cả sách thanh niên cũng không phải, càng không phải sách đại chúng. Nhưng hồi ấy tôi là một gã thiếu niên ngông cuồng, một gã văn thanh ngông cuồng đang mày mò tập viết; tôi thấy mình đọc nổi là muốn đọc. Đã từng xem Hồng Lâu Mộng, nay lại có một cuốn bàn về Hồng Lâu Mộng, sao không đọc? Huống hồ cuốn này do tự tay tôi mua, chứ đâu lôi từ dưới gối cha ra, đúng không? Tôi ung dung ngồi nhà mà đọc. Lần này không phải đọc kiểu sói nữa; tôi thật lòng đọc nó từ đầu đến cuối một lượt: chữ nào không biết thì bỏ qua, ý nào chưa rõ thì nuốt tạm rồi tính. Sau này có truyền hình, xem trăn ăn mồi, mới thấy nó chẳng có chân như ta tưởng, tưởng ăn uống khó khăn lắm; hóa ra miệng nó há ra thì cổ họng rộng thênh thang, nuốt gọn cả con dê nguyên con, con bê non cũng nuốt được. Tôi đọc "Hồng Lâu Mộng tân chứng" chính là đọc kiểu trăn: cứ nuốt ực xuống đã, tính sau.

Trăn nuốt xong một mồi thì lâu lâu không cần ăn nữa, nó nghỉ ngơi gần giống ngủ đông, từ từ tiêu hóa; tiêu hóa một quãng dài, thải bỏ những gì không tiêu nổi, cuối cùng thân nó lại to thêm, dài thêm.

Thế là mười mấy tuổi tôi đã đọc "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của tiên sinh Chu; cuốn sách ấy đối với con đường nghiên cứu Hồng học sau này của tôi là một sự khai sáng trọng yếu. Về sau tôi có giao du với tiên sinh Chu; nói phóng đại thì tôi là đệ tử ông. Con đường nghiên cứu Hồng Lâu Mộng của tôi về sau chính là con đường của tiên sinh Chu Nhữ Xương người Thiên Tân này; tôi đã đọc kiểu trăn cuốn "Hồng Lâu Mộng tân chứng" đấy.

Thế đọc kiểu bò là gì? Bò có bốn cái dạ dày; chi tiết giải phẫu tôi không bàn kỹ, nhưng ai cũng biết bò có tập quán nhai lại: sau khi ăn cỏ, thức ăn có thể lưu trong dạ dày rất lâu; bốn cái dạ dày chứa riêng biệt, thi thoảng đưa một phần lên nhai lại, đôi khi không chỉ tiêu hóa lại một lần mà vài lần, nhờ thế hút cạn mọi dinh dưỡng trong cỏ rồi mới thải ra. Cơ chế nhai lại của bò gợi cho tôi rằng: đã thật sự bước vào một lãnh vực đọc mà mình yêu thích thì không thể chỉ đọc kiểu sói, cũng không thể thỏa mãn với đọc kiểu trăn nữa, mà phải đọc kiểu bò. Về sau với Hồng Lâu Mộng, tôi tiến hành đọc kiểu bò. Trong quá trình ấy, những ấn tượng từ thời đọc kiểu sói cùng thành quả của cuốn "Hồng Lâu Mộng tân chứng" nuốt vào từ thời đọc kiểu trăn, rốt cuộc đều được tiêu hóa sâu thêm một tầng, nuôi dưỡng tôi rất lớn.

Chẳng hạn đọc kiểu bò lại Hồng Lâu Mộng: Hồng Lâu Mộng có nhiều phiên bản, về sau tôi cũng đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng. Theo tôi, Hồng Lâu Mộng tồn tại hai hệ thống. Một là Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi; bản một trăm hai mươi hồi nay lưu hành phổ biến nhất, giới học thuật gọi là bản thông hành, một bản hoàn toàn có thể đọc suốt đời.

Dù tôi và tiên sinh Chu đều cho rằng bốn mươi hồi sau là tục thư, khác hẳn tám mươi hồi nguyên tác, nhưng Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi đã lưu hành lâu đời, nay cũng thành một cổ thư, lại là một câu chuyện có đầu có cuối; tục thư cũng có ưu điểm và chỗ hay riêng, nên nó lưu truyền tới hôm nay chẳng phải ngẫu nhiên. Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi là một loại đọc bản trong số các bản Hồng Lâu Mộng.

Nhưng tôi theo tiên sinh Chu, là chúng ta coi trọng hơn hệ thống kia của Hồng Lâu Mộng: Hồng Lâu Mộng do chính tay Tào Tuyết Cần sáng tác. Chúng tôi đều cho rằng Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng; không phải ông viết đến tám mươi hồi thì ngừng bút bỏ dở, chuyện đâu có vậy. Ông viết xong rồi; chỉ là nội dung tám mươi hồi sau của Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần bị thất lạc, đến nay tìm không thấy. Tìm không thấy nhưng có thể thám dật: bằng phương pháp khảo chứng mà nghiên cứu xem tám mươi hồi sau còn bao nhiêu hồi, nội dung ra sao. Chúng tôi cho rằng phần sau tám mươi hồi của ông không phải bốn mươi hồi mà là hai mươi tám hồi; và rất nhiều nội dung trong đó khác hẳn những gì Cao Ngạc tục viết. Cao Ngạc và Tào Tuyết Cần vốn chẳng quen biết, quỹ đạo cuộc đời hai người chẳng giao nhau, hai con người chẳng dính dáng gì; Cao Ngạc sinh muộn hơn Tào Tuyết Cần rất nhiều. Ông cùng một người buôn sách tên Trình Vĩ Nguyên, hai người hợp sức, cuối cùng cho ra đời một Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi. Khi họ làm việc ấy thì Tào Tuyết Cần đã mất độ hai ba chục năm rồi; tức đó là một loại đọc vật ra đời về sau. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần gọi là "cổ bản Hồng Lâu Mộng"; cổ bản ban đầu lưu truyền bằng cách chép tay, nên trong đó còn rất nhiều lời phê. Sự việc đại khái là thế.

Sau này tôi đọc cổ bản Hồng Lâu Mộng. Nếu so với bản một trăm hai mươi hồi, phần lớn nội dung tám mươi hồi trước của nó cơ bản trùng khớp với cổ bản. Khi thương nhân Trình Vĩ Nguyên cùng Cao Ngạc hoàn thành Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi, họ không chỉ tục viết bốn mươi hồi sau, mà tám mươi hồi trước cũng sửa đổi rất nhiều; nhưng có những hồi sửa không đáng kể, đại thể vẫn giữ nguyên diện mạo nguyên bút của Tào Tuyết Cần. Ví dụ Hồi ba: bây giờ nói chuyện đọc kiểu bò, nhưng hồi ấy tôi chỉ đọc kiểu sói Hồi ba thôi, lướt nhanh qua; hoặc cũng coi như đọc kiểu trăn, từng câu từng chữ nuốt vào bụng, mà chẳng chịu nhai lại, chẳng chịu tiêu hóa.

Đến khi đọc kiểu bò, tôi lật lại Hồi ba mới thấy thú vị vô cùng. Nay cùng mọi người nhớ lại: Hồi ba viết gì? Viết Lâm Đại Ngọc tiến phủ Giả, đến phủ Vinh Quốc. Cha Đại Ngọc ở Dương Châu; sau khi mẹ nàng mất, cha tuyên thệ không tái giá, bèn giao cho Giả Vũ Thôn, thầy dạy học trong nhà, đưa con bé về kinh đô gửi cho ngoại tổ mẫu của nó, tức Giả mẫu trong sách. Rồi nàng đến nơi.

Hồi ba viết Lâm Đại Ngọc tiến phủ thật rôm rả, những chi tiết ai cũng nhớ tôi không nhắc lại. Nhưng có những miêu tả, không biết các bạn đã suy nghĩ kỹ chưa? Đọc kiểu sói thì không đọc ra; đọc kiểu trăn, cất vào dạ dày rồi chẳng chịu nghĩ, cũng chưa chắc có thu hoạch; đọc kiểu bò thì hương vị mới lộ ra.

Chuyện Lâm Đại Ngọc tiến phủ Giả có chút kỳ lạ. Kỳ ở đâu? Trước tiên nàng đi thăm ngoại tổ mẫu, điều đó hợp lý, vì mẹ nàng là con gái ruột của bà lão; đi gặp người thân gần huyết thống nhất trước là đúng lẽ, điểm này Hồng Lâu Mộng viết rất rõ. Cụm kiến trúc chính trên trục giữa phủ Vinh Quốc là không gian quan trọng nhất của phủ, nhưng Giả mẫu không ở đó; bà ở một viện xa hoa phía tây cụm kiến trúc chính ấy. Viện ấy tráng lệ lắm: có môn hoa rủ, có hành lang xuyên núi, có chính phòng rộng, về sau còn dựng thêm hoa đình; Giả mẫu sống khá sung sướng, nhưng bà không nằm giữa trục giữa của phủ, bà ở về phía tây.

Đến phủ Vinh Quốc, nàng đi thăm ngoại tổ mẫu trước, vào viện ấy; chỗ này viết rất hợp lý. Rồi sách nói: Giả mẫu có hai con trai, chép rõ đấy chứ? Con trưởng là Giả Xá, con thứ là Giả Chính, đúng không? Theo miêu tả trong sách, phủ Vinh Quốc cùng phủ Ninh Quốc, tổ tiên họ đối với vị hoàng đế trong sách, với triều đại ấy đều có công: họ là công thần khai quốc, nên được phong tước, thành Ninh quốc công và Vinh quốc công, đúng không? Khi câu chuyện trong sách bắt đầu thì chồng Giả mẫu đã mất; Giả mẫu là goá phụ, đúng không? Chồng bà có tước vị; danh xưng Vinh quốc công hẳn từng do chồng bà kế thừa. Vậy sau khi ông mất thì sao? Theo luật chơi tước vị quý tộc của thời đại ấy, có hai luật song song cùng thi hành. Luật thứ nhất: công lao đặc biệt lớn, được phong một tước vị, thế là truyền đời mãi mãi; ví dụ bạn là vương gia gọi là thiết mạo tử vương (铁帽子王, tức vương đội mũ sắt, tước truyền đời); bạn mất, con trai vẫn là vương gia; con trai mất, nếu hoàng đế mới không ghét bỏ, không phế truất, thì con cháu dòng trưởng thế hệ nào cũng thế tập đúng tước vị đó. Đây là một luật chơi.

Luật thứ hai: bạn tuy có công, cũng được phong tước quý tộc, nhưng bạn mất rồi, con trai vẫn thế tước, song phải giảm dần, phẩm cấp tước vị hạ bậc từng đời. Phủ Ninh Quốc, phủ Vinh Quốc thuộc trường hợp thứ hai. Sách giao đại rất rõ: sau khi chồng Giả mẫu mất, con trưởng Giả Xá thế tước, đã giảm bậc; còn là quốc công chăng? Không còn nữa, gọi là nhất đẳng tướng quân. Nên con trưởng của Giả mẫu là một nhân vật có tước quý tộc, địa vị rất cao. Vậy mà nếu bạn đọc kỹ tiếp, đọc kiểu bò là nhai lại không ngừng, là lấy những hồi khác ra tham chiếu, thì xin hỏi mọi người: sách có chép phủ Vinh Quốc phân gia không? Có ghi rõ Giả Chính và Giả Xá phân gia không? Không phân gia. Về sau sách còn có văn tự tường minh: họ chưa hề phân gia. Không phân gia thì mọi người thử nghĩ: phủ Vinh Quốc là phủ đệ mà chồng Giả mẫu ở khi thế tước, đúng không? Ông mất, con trai lại thế một tước vị; con trai lẽ ra phải ở trong phủ Vinh Quốc; chính phòng trên trục giữa cụm kiến trúc chính phủ Vinh Quốc, há chẳng phải lẽ ra phải do Giả Xá cùng vợ ông, trong sách ghi vợ ông thời ấy là Hình phu nhân, ở chăng? Đúng không? Vậy Hồi ba viết thế nào? Kỳ lạ ghê! Đọc kiểu sói bạn không phát hiện ra cái kỳ; đọc kiểu trăn, cất trong bụng chẳng chịu nghĩ tới, bạn cũng chẳng thấy kỳ; một khi đọc kiểu bò: kỳ quá!

Sách viết: Lâm Đại Ngọc tuy tiến phủ lúc còn nhỏ tuổi nhưng rất hiểu chuyện: sau khi gặp ngoại tổ mẫu, tức bà ngoại, phương Bắc gọi là lão lao (姥姥), phương Nam gọi là ngoại bà (外婆), nàng phải đi bái kiến cậu cả và cậu hai; mẹ nàng là em gái của Giả Xá và Giả Chính, đúng không? Cháu ngoại đến thì phải bái kiến hai cậu. Sách chép: Hình phu nhân nói được, cô dẫn cháu đi thăm cậu cả. Viết thế nào? Hình phu nhân dẫn Lâm

Đại Ngọc rời viện nhà Giả mẫu; chuyện đó chẳng có gì lạ, vì Giả mẫu ở phía tây trục giữa phủ Vinh Quốc mà; vậy thì phải đi về phía giữa chứ? Cậu cả lẽ ra phải ở chính phòng trong phủ Vinh Quốc chứ? Không phải! Dù bản một trăm hai mươi hồi hay cổ bản Hồng Lâu Mộng, ở điểm này đều chép thống nhất: Hình phu nhân đưa Lâm Đại Ngọc rời viện nhà Giả mẫu, lại đưa ra khỏi hẳn phủ Vinh Quốc, còn phải ngồi xe! Xe chạy trên phố một đoạn mới dừng trước cửa một khuôn viên riêng; vào khuôn viên ấy mới là nơi ở của Giả Xá và Hình phu nhân. Có người bảo tiểu thuyết mà, hư cấu được thôi; thôi thì coi như Tào Tuyết Cần hư cấu, nhưng có ai hư cấu ra nông nỗi này không? Chớ nói gì một gia tộc quý tộc của xã hội ấy, chỉ một hộ nông dân bình thường: cha mất rồi, mẹ già còn sống, có con trưởng, có con thứ, lại chưa phân gia, thì đứa con trai trưởng há có thể không sống cùng mẹ già? Con dâu trưởng há có thể không chăm sóc mẹ chồng gần gũi? Nào có chuyện lập hộ riêng dọn đi ở đâu! Tiểu thuyết mà hư cấu ra thế à? Thuật ngữ phê bình tiểu thuyết hiện đại gọi đây là tình tiết thiết đặt bất hợp lý. Hồng Lâu Mộng Hồi ba viết y như thế, các bản nào cũng viết như thế. Đọc kiểu sói, đọc kiểu trăn đều không đọc ra; đọc kiểu bò mới phát hiện đây là một vấn đề: nhai lại một vòng, đáng suy ngẫm thật, chuyện gì vậy? Không ai viết thế cả, đúng không? Kỳ lạ ghê! Viết tiếp: vào đến khuôn viên lớn rồi mới biết, khuôn viên này tuy sát cạnh phủ Vinh Quốc nhưng giữa hai bên không có cửa thông nhau, hoàn toàn cách ly. Mà cậu cả Giả Xá thời ấy đang ở nhà. Ông là nhất đẳng tướng quân; đó chỉ là một danh xưng tước vị thôi. Xin đừng hiểu lầm, có người đọc xong thường bảo ông biết đánh trận, là tướng quân; nó chẳng qua là một tước hiệu. Giả Xá chớ nói đánh trận, chẳng có bất kỳ tài nghệ gì, chẳng có chút năng lực nào; ông cũng không làm quan trong triều; đâu phải quý tộc có tước hiệu đều kiêm nhiệm chức thực khác. Ông chỉ là một ông lớn hưởng đãi ngộ quý tộc. Ông nói: hai bên gặp nhau chỉ tổ đau lòng, chẳng gặp nữa cũng được. Với đứa cháu ngoại này ông chẳng có chút tình cảm nào; nếu là con gái ruột của em gái, thế nào cũng phải ra gặp một mặt chứ? Chẳng có tình cảm thì không gặp; cậu cả không gặp thì sao? Thôi vậy.

Khi ấy Lâm Đại Ngọc nói cháu còn phải đi thăm cậu hai. Gặp cậu hai thế nào, sách chép cũng rất rõ: Hình phu nhân tiễn nàng ra khỏi khuôn viên cổng sơn đen ấy, quay về phủ Vinh Quốc, lại bước vào trong phủ. Cậu hai ở đâu? Cậu hai ở không gian quan trọng nhất của cụm kiến trúc chính trên trục giữa phủ Vinh Quốc: chính phòng là chỗ của người con thứ, là chỗ của Giả Chính. Giả Chính có tước quý tộc không? Sách giao đại cực rõ; và theo luật chơi của triều đại phong kiến xưa, tước quý tộc chỉ truyền cho con trưởng. Con trưởng chết rồi thì đương nhiên có thể truyền cho con thứ; con trưởng còn sống, con thứ tuyệt không được hưởng tước quý tộc. Sách chép cực rõ: hoàng đế thời ấy nghe tin chồng Giả mẫu qua đời, hỏi có con trai không? Có, có con trưởng, thế là ban cho con trưởng, ban cho Giả Xá một tước quý tộc là nhất đẳng tướng quân. Nghe nói còn một đứa nữa; hoàng đế rất mừng, vì đây là hậu duệ công thần khai quốc mà, thế là ban thêm cho Giả Chính một thân phận có thể an bài chức quan; về sau an bài cho ông một chức ở Công bộ: Công bộ viên ngoại lang. Giả Chính chưa hề có tước quý tộc, chưa thừa hưởng danh dự thế tập của cha, nhưng ông ung dung cư ngụ chính phòng phủ Vinh Quốc; Vương phu nhân là vợ người con thứ, Vương phu nhân thấy mình ở đó là đúng. Bạn xem sách miêu tả, đúng không, họ không hề có chút áy náy, cũng chẳng thấy chỗ nào bất tiện, cứ thấy ở đấy là danh chính ngôn thuận. Lâm Đại Ngọc vừa bước vào chính

phòng, kinh hãi: treo một tấm biển, biển do hoàng đế ngự đề; điểm này mọi bản đều chép như nhau. Dù phim truyền hình nhiều tập hay phim điện ảnh, đều có màn này: Lâm Đại Ngọc ngẩng đầu lên, một tấm biển vàng, trên khắc ba chữ lớn Vinh hy đường. Lúc ấy tôi thấy việc đọc kiểu bò của mình thật cần thiết: phải xoay trở ngẫm nghĩ xem những chuyện này rốt cuộc là thế nào.

Ở Bắc Kinh tôi chưa từng tiếp xúc những chủ nhân phủ đệ xa hoa như phủ Vinh Quốc, phủ Ninh Quốc; tôi là thiếu niên của Trung Hoa mới. Nhưng tôi cũng từng tiếp xúc người trong những gia môn đại trạch mà, đúng không? Nào có chuyện chưa phân gia, đứa con trưởng với con dâu trưởng ở bên ngoài, đứa con thứ với vợ danh chính ngôn thuận ở chính đường? Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng mà viết ra nông nỗi này? Ban đầu tôi hơi thất vọng: ai cũng bảo đây là danh tác thế giới, tứ đại danh tác, Tào Tuyết Cần phi thường, mà tình tiết thiết đặt bất hợp lý thế này? Để tôi viết tôi còn không viết nổi thế này; không ai viết thế cả, đúng không?

Đúng lúc ấy, "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của tiên sinh Chu phát huy tác dụng then chốt đối với tôi. Cuốn "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của tiên sinh Chu cho chúng ta biết: cuốn Hồng Lâu Mộng này mang trong đó thành phần lịch sử gia tộc. Vì sao ông viết ra nông nỗi ấy? Vì ông có lý do của mình! Ông đã ghi lại một số tình cảnh nhà họ Tào vào cuốn sách này theo cách khéo léo của riêng ông. Ông sáng tạo ra một phương pháp tuyệt đối chưa từng có trên toàn cầu, đến nay hẳn cũng không có người nối sau; không có người thứ hai nào dám viết như ông. Người ta gọi là "chân sự ẩn, giả ngữ tồn" (真事隐，假语存): việc thật giấu đi, lời giả giữ lại. Đây là một phương pháp viết không tầm thường!

"Chân sự ẩn" thì ai cũng hiểu nổi: tiểu thuyết đâu phải báo cáo văn học, đúng không? Tiểu thuyết đâu phải gia sử? Nên những chuyện thật của mình phải che giấu lại để tiện hư cấu, điều này dễ hiểu. Nhưng con người Tào Tuyết Cần quá kỳ lạ, cách viết của ông quá kỳ lạ: "chân sự ẩn" xong rồi, ông còn "giả ngữ tồn". "Giả ngữ" là một văn bản tiểu thuyết, một văn bản hư cấu; trong văn bản hư cấu ấy, ông cố ý lưu giữ lại tình cảnh thật của gia tộc mình. Đây là một lối viết cực nhọc, nên ông nói "mười năm gian khổ chẳng thường" (十年辛苦不寻常), "chữ chữ nhìn ra đều là máu" (字字看来皆是血); một phương pháp viết rất đặc thù.

Tiên sinh Chu qua "Hồng Lâu Mộng tân chứng" đã vuốt lại một lượt lịch sử nhà họ Tào. Nên những gì tôi nuốt vào từ thời đọc kiểu trăn, cất trong dạ dày nhiều năm chẳng tiêu hóa nổi, phải qua một hai chục năm sau, khi tôi đọc lại "Hồng Lâu Mộng tân chứng" mới tiêu hóa nổi con dê nguyên con đã nuốt, tôi bỗng thấy sáng tỏ hết mọi điều! Chuyện gì vậy? Dính líu tới nhà Thanh, tình cảnh ba triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long.

Hoàng đế đời đầu của nhà Thanh sau khi nhập quan là Thuận Trị. Thuận Trị chết, hoàng đế kế vị là Khang Hy. Đương nhiên Khang Hy sinh ra đã có tên của mình; bây giờ tôi gọi ông là Khang Hy, từ bé đã gọi là Khang Hy, là mượn niên hiệu của ông sau khi đăng cơ; điểm này phải hiểu rõ, chúng ta cứ gọi ông là Khang Hy.

Khang Hy sinh ra không do mẫu thân mình nuôi lớn. Những người phụ nữ bên cạnh hoàng đế trong cung nhà Thanh hồi ấy, sinh con xong, đứa trẻ đều không do chính người ấy nuôi thành người. Nhiệm vụ của người phụ nữ ấy là luôn sẵn sàng chờ hoàng đế lâm hạnh lần nữa; nhiệm vụ của bạn là ngoan ngoãn ở đấy, chờ hoàng đế lần sau đến tìm; nào có chuyện sinh xong thì nuôi con, bạn không có nhiệm vụ ấy. Đứa trẻ được đem ra ngoài cung nuôi; Khang Hy cũng chẳng ngoại lệ. Khang Hy được để ở đâu mà nuôi? Ai từng ra Bắc Kinh thăm Tử Cấm Thành thì biết: phía tây Tử Cấm Thành có phố Nam Trường; phố Nam Trường có một ngôi chùa gọi là chùa Phúc Hựu; Khang Hy hồi ấy được đem sang chùa Phúc Hựu nuôi, Nội vụ phái nhiều người ra hầu hạ. Trước hết là một vú nuôi, vì hồi nhỏ ông phải bú sữa. Lớn thêm chút, cai sữa rồi, lại có một ma ma dạy dỗ, gọi là bảo mẫu. Chữ "bảo mẫu" này, các bạn trẻ nghe sẽ nghĩ: bảo mẫu ư, tôi biết, gọi công ty dịch vụ gia chính là thuê được; không phải bảo mẫu ấy. Chữ "mẫu" ở đây không có bộ nữ; nó chỉ một vai trò thay thế người mẹ. Vì đứa trẻ này là con hoàng đế, huyết thống hoàng tộc, mẹ nó không nuôi nó, vậy ai nuôi nó thành người? Là một vai trò gọi như thế. Bảo mẫu có khi không chỉ một, nhưng có người đứng đầu; bảo mẫu đứng đầu của Khang Hy họ Tôn, gọi là Tôn thị; từ nhỏ ông được Tôn thị nuôi lớn. Bảo mẫu làm gì? Từ bé dạy dỗ bạn: đứng phải đứng như tùng, ngồi phải ngồi như chuông, nằm phải nằm như cung; gặp người phải lễ phép, phải chắp tay chào, tới lúc phải quỳ lạy thì quỳ lạy; cơm rơi vãi xuống bàn thì làm sao? Từng hạt đều thấm gian khổ, phải nhặt lên bỏ vào miệng ăn cho hết. Bảo mẫu làm những việc ấy, tức là ma ma dạy dỗ, nuôi ông lớn lên từ bé.

Nên hậu duệ hoàng đế như Khang Hy, cơ hội gặp mẹ đẻ còn rất hiếm hoi, chẳng bàn gì tình cảm; chỉ trong những đại lễ tế tự, hoạt động cung đình, ông mới được gặp mẹ một chút, có khi chỉ gặp từ xa. Phần lớn cuộc đời thơ ấu và thiếu niên của ông là ở cùng bảo mẫu, ngày này qua ngày khác thế ấy; tình cảm sâu nặng vô cùng.

Sau này lớn thêm chút, đến lúc cần đọc sách học chữ, đương nhiên hoàng gia sai những đại nho, những người học vấn cao tới dạy; mà phải có bạn đồng học, đúng không? Ai làm bạn học cho ông? Con trai Tôn thị đương nhiên là nhân tài bạn học tốt nhất. Tôn thị kết hôn với nhà họ Tào; con trai Tôn thị là Tào Dần, tức ông nội của Tào Tuyết Cần. Tào Dần chính là bạn học thuở nhỏ của hoàng đế Khang Hy. Bạn thử tưởng: hai đứa trẻ cùng đọc sách, cùng nghịch ngợm; hồi ấy trẻ con mông lung biết đứa kia là hậu duệ quý tộc hoàng gia, mai kia có khi làm hoàng đế, còn mình là nô tài Nội vụ sai ra hầu hạ; nhưng ý thức ấy rất nhạt. Trẻ con cũng có bạn thân chơi với nhau từ thuở tã lót; hai đứa học xong một bài, chạy nhảy trong sân chùa Phúc Hựu, đùa nghịch rượt nhau, có khi bảo mẫu còn phải quát vài tiếng, rồi lại ngồi rúc gốc cây xem kiến bò; tình cảm rất tốt.

Sau này Thuận Trị chết, Khang Hy kế vị làm hoàng đế. Làm hoàng đế rồi đương nhiên cần người bảo vệ mình, cần thị vệ thân cận, cấm vệ quân; Tào Dần đương nhiên trở thành người đáng tin cậy nhất của ông, đúng không? Bạn thử nghĩ, cặp bài trùng ấy đẹp thế nào: lớn lên cùng nhau từ bé.

Tào Dần về sau làm Giang Ninh Chức tạo. Gia tộc họ Tào của Tào Dần là người Hán, dân tộc Hán; nhưng trước khi quân Bát kỳ Mãn vượt Sơn Hải quan tiến vào, vùng Đông Bắc họ đã sớm bị quân Bát kỳ bắt làm tù binh. Lúc đầu số tù binh còn ít, chưa chuyên môn biên người Hán thành Hán Bát kỳ; Hán quân Bát kỳ là chuyện rất muộn; những người Hán bị bắt sớm nhất bị biên thẳng vào Mãn Châu Bát kỳ. Nhà họ Tào bị biên vào Chính Bạch kỳ. Sau này Bát kỳ lại hình thành cái gọi là Thượng tam kỳ, Hạ ngũ kỳ; Thượng tam kỳ là Chính Hoàng kỳ, Tương Hoàng kỳ, Chính Bạch kỳ; nhà họ Tào vừa đúng biên vào Chính Bạch kỳ. Tuy thân phận là bao y, tức nô tài, nhưng thuộc một trong Thượng tam kỳ của Bát kỳ, địa vị vẫn khá cao.

Nên người Mãn sau khi nhập quan, thống trị toàn Trung Quốc, trong việc dùng người Hán, trước hết tin cậy những người Hán quy phục mình sớm nhất, phái họ giữ chức vụ quan trọng. Nhưng vì có kỳ thị chủng tộc, người Mãn có thể được ban chức quan rất cao, chức quan ban cho người Hán sẽ không quá cao; song vẫn có những vị trí quan trọng để người Hán đáng tin đảm nhận, như vị trí Giang Ninh Chức tạo chẳng hạn. Thời ấy Giang Nam có ba chức tạo: Giang Ninh tức Nam Kinh, có Giang Ninh Chức tạo, có Tô Châu Chức tạo, có Hàng Châu Chức tạo. Nghe tên "chức tạo" tưởng chức không lớn: một ông chức tạo quản cái gì? Quản việc cung ứng dệt vóc cho hoàng thất. Giang Nam ra tơ lụa, ra tơ tằm; thời ấy nguyên liệu chính dùng dệt vóc cho hoàng tộc chưa phải bông mà là tơ, nên chức tạo đặt ở Giang Nam. Giang Ninh Chức tạo là lớn nhất trong ba chức tạo; Tào Dần về sau được Khang Hy phái làm Giang Ninh Chức tạo.

Nhìn vẻ ngoài chức ấy chẳng to, nhưng những người cư ngụ ở Giang Ninh, chẳng hạn tổng đốc, tuần phủ, đều sợ Tào Dần. Vì sao? Vì ai cũng biết ông từ bé lớn lên cùng hoàng đế; chuyện đó chẳng phải bí mật, ai nấy đều biết. Và thực tế ai cũng hiểu: bề ngoài ông cung ứng dệt vóc cho hoàng thất, thực chất là đặc phái viên của Khang Hy, là một tên điệp viên lớn.

Trong hồ sơ Cố cung hiện nay tìm được rất nhiều mật chiết Tào Dần dâng Khang Hy. Ông cung cấp cho Khang Hy đủ loại tình báo cần thiết. Ví dụ thời ấy nhà Minh mới diệt chưa lâu, còn lại những di dân già trẻ của nhà Minh; những người này có lòng mưu phản hay không, động tĩnh ra sao? Đúng không?

Còn có những quan lại từ triều đình Bắc Kinh nghỉ hưu về nguyên quán Giang Nam, có lặng lẽ hưởng tuổi già ở đó không? Có hành vi gì trái phép không? Tất cả đều do Tào Dần mật báo cho hoàng đế; kể cả tình hình khí hậu thời ấy, biến động thời tiết, thiên tai nhân họa, mùa màng thu hoạch đều có. Tào Dần bí mật tường trình; đương nhiên quan lại địa phương cũng tấu trình, nhưng đó là văn chương quan trường; hoàng đế xem tình báo bí mật của người bạn thuở bé.

Nên Tào Dần tại nhiệm Giang Ninh Chức tạo ở vào một trạng thái không phải tầm thường. Ai cũng biết Khang Hy mấy phen nam tuần, về sau hoàng đế Càn Long học theo ông; hai người đều mấy lần xuôi Giang Nam, sinh ra biết bao truyền thuyết, biết bao giai thoại, dựng thành phim truyền hình thì bịa được bao nhiêu tình tiết, thú vị lắm.

Khang Hy quả thật năm lần xuôi Giang Nam. Ví dụ đến Nam Kinh, quan lại địa phương sẽ chuẩn bị hành cung; phải chuẩn bị từ sớm, sắp đặt lúc chót thì không kịp, thậm chí phải xây mới hoặc cải tạo một khu vườn đẹp, chuẩn bị chu đáo mọi mặt.

Năm lần xuôi Giang Nam, bốn lần là thế này: các ngươi chuẩn bị hành cung cho trẫm à? Không ở. Bảo trẫm Tào Dần ở đâu. Bốn lần ông ở nhà họ Tào; ba lần Tào Dần đích thân nghênh giá. Những lời thừa thãi khác đừng nói với trẫm; bạn thuở bé của trẫm ở đâu, trẫm đi tìm hắn! Nên có mấy lần Khang Hy ở ngay chức tạo thự Giang Ninh.

Có một lần ông đến, đúng mùa hoa huyên nở rộ. Hoa huyên chính là thứ bông vàng ta ăn trong món thịt xào mộc nhĩ ngày nay. Hoa huyên phải phơi thật khô. Tôi xin phổ cập chút kiến thức ẩm thực: bông vàng nếu chưa khô hẳn, ăn lúc bán tươi sẽ bị ngộ độc, không may còn chết người, nên ăn bông vàng phải cẩn thận. Bông vàng lúc nở gọi là hoa huyên: chữ "tuyên" (萱) của "hoa huyên" là chữ "tuyên" (宣) trong "tuyên truyền" thêm đầu thảo; trong văn hóa cổ điển Trung Quốc, hoa huyên có một hàm nghĩa đặc thù, các bạn có biết không? Đại biểu cho sự hiếu kính với mẹ. Nhà trồng hoa huyên thường là mẹ còn sống, có khi cha đã mất; trồng hoa huyên để tỏ lòng hiếu kính với mẹ.

Năm ấy Khang Hy xuôi Giang Nam thấy hoa huyên nở rộ, rất vui. Vì sao vui? Vì ông biết mẹ của người bạn thuở bé, Tôn thị, còn sống. Tôn thị cũng rất mừng: hoàng đế xuôi Giang Nam mà ở nhà mình. Tôn thị là một nô tài, run run bèn định quỳ xuống lạy hoàng đế. Lúc ấy xảy ra một cảnh, cảnh này không phải dã sử mà được ghi chép chính thức: Khang Hy vội bảo người quanh mình dìu bà dậy, và Khang Hy lúc ấy buột ra một câu chẳng đúng phép tắc; câu nói chẳng đúng phép tắc ấy được ghi lại, nay trở thành một tư liệu lịch sử. Ông không kìm được, chỉ vào Tôn thị nói với mọi người quanh mình: "Đây là người già nhà chúng ta!" (此吾家老人也).

Khang Hy nói câu ấy xét góc độ nhân tính hoàn toàn hiểu được: ông từ bé không gặp được mấy lần mẫu thân, tình mẫu tử ông nhận được gần như bằng không; ai cho ông tình mẫu tử? Chính là Tôn thị; không kìm được! Lần nam tuần ấy ông còn dẫn theo thái tử; vị thái tử ấy số phận rất bi thảm, hai phen lập rồi hai phen phế, đó lại là một chuyện khác, không bàn ở đây. Nên câu ấy coi như cũng nói cho thái tử nghe: con phải tôn kính bà ấy, biết không? Thái độ phải đứng đắn, đây là người già nhà mình. Khang Hy hồi ấy rất hăng hái, nói: bà còn sống thật là tốt, nay trẫm viết biển ban cho nhà các ngươi. Thế là người họ Tào trải giấy ra, Khang Hy cầm bút ngự thư viết biển, viết ba chữ: Huyên Thụy đường.

Mọi người thử nghĩ: Tào Tuyết Cần viết tiểu thuyết theo lối "chân sự ẩn, giả ngữ tồn"; "giả ngữ tồn" có lưu lại Huyên Thụy đường không? Lưu lại đấy. Vừa nãy tôi nói ông viết Lâm Đại Ngọc đến phủ Vinh Quốc, vào cụm kiến trúc chính trên trục giữa phủ, bước vào chính phòng, ngẩng đầu lên thấy một tấm biển do hoàng đế ban, khắc ba chữ gì? Vinh hy đường. Hai tấm biển này có quan hệ huyết thống không? Chữ "vinh" (荣) trong Vinh hy đường viết thế nào? Có đầu thảo. Chữ "huyên" (萱) trong hoa huyên, trong Huyên Thụy

đường viết thế nào? Cũng có đầu thảo. Chữ "thụy" (瑞) nghĩa là điềm lành, tường thụy; chữ "hy" (禧) cũng là một chữ tốt lành, nghĩa gần với tường thụy. Vậy nên tấm biển Vinh hy đường treo trong phủ Vinh Quốc, nguyên hình sống của nó chính là tấm biển Huyên Thụy đường mà Khang Hy hồi ấy đề cho nhà họ Tào tại chức tạo phủ Giang Ninh.

Hồng Lâu Mộng thú vị biết bao, không đọc kiểu bò được sao? Còn một bức đối liên nữa, tôi không mở rộng ở đây, chỉ nói rằng vì sao ông viết ra nông nỗi ấy; mọi người nghe tôi nói tiếp.

Tào Dần tại nhiệm được Khang Hy tin cậy rất sâu; ngoài việc chức tạo, ông còn nhiều nhiệm vụ khác. Chẳng hạn thư viện Thiên Tân nhất định có "Toàn Đường thi", nhất định có chứ? "Toàn Đường thi" do ai biên soạn? Do Khang Hy chỉ thị Tào Dần dẫn một số văn nhân biên soạn; biên tu quan chính là Tào Dần; nhiệm vụ hoàn thành ở Dương Châu. Nên Tào Dần vừa là cặp bài trùng thép của Khang Hy, lại văn võ toàn tài: lúc làm thị vệ điện tiền bảo vệ ông, lúc giúp ông biên soạn "Toàn Đường thi".

Nhưng Tào Dần rất bất hạnh, về sau mắc bệnh. Mắc bệnh gì? Sốt rét. Thời ấy thế giới có một thứ thuốc trị sốt rét gọi là kim kê nạp sương; nước ngoài có, Trung Quốc có không? Có, nhưng rất ít. Ai có? Khang Hy có. Vì sao Khang Hy có? Con người Khang Hy không tầm thường; ông là người hiếu học. Thời ấy có một số nhà truyền giáo nước ngoài; Khang Hy chủ động kết giao, mời họ vào cung; nhà truyền giáo có thể hoạt động trong cung.

Khang Hy học với nhà truyền giáo cả hình học họa pháp; giờ phổ thông nay còn chưa học tới mức ấy; đại số hình học phổ thông chưa tới mức ấy; còn vi phân tích phân, Khang Hy thích thứ ấy. Nhà truyền giáo tặng ông, ví dụ kính thiên văn, kính hiển vi, ông đều dùng. Nên ông biết Tây Dương có thứ thuốc chuyên trị sốt rét là kim kê nạp sương; ông có. Nghe tin Tào Dần mắc phải thứ bệnh ấy, lập tức phái trạm mã, trạm này nối trạm kia, ngựa chết mệt thì đổi con khác, đem thuốc cho trẫm! Tào Dần quả thật kém vận may: con trạm mã cuối cùng, ngựa đầy mồ hôi, người đưa thuốc cũng đầm đì mồ hôi, vừa nhảy xuống ngựa, tiếng vân bản trong quan thự mới điểm bốn hồi, ông đã tắt thở, ông mất rồi. Thứ thuốc ấy cứu không kịp; Tào Dần chết.

Tào Dần chết, với triều đình hẳn không tính là chuyện lớn. Triều đình bao nhiêu quan lại? Giang Ninh Chức tạo là gì? Ông thuộc Nội vụ quản; Nội vụ lại là một cơ quan phục vụ hoàng thất; cử người khác làm Giang Ninh Chức tạo là xong chứ gì. Khang Hy không làm vậy. Thực ra thời Thuận Trị, sau khi vào Bắc Kinh định đô, đã lập nhiều quy củ; các chức vị như Nội vụ này không được thế tập. Nói thật lòng, Nội vụ chính là cơ quan phục vụ, cơ quan của nô tài; người phái ra đều là nô tài; bạn là kẻ cung ứng dệt vóc cho hoàng thất, đúng không? Bạn chết rồi thì việc ấy há lại do nhà bạn kế thừa? Không có đạo lý ấy; phải cử người khác tới.

Vì quan hệ Khang Hy với Tào Dần quá mật thiết, ông là hoàng đế, có thể phá quy củ; ông không nghe bộ ấy: các ngươi dám can gián trẫm à? Ai dâng ý kiến đều sang một bên! Ông chiếu cố con trai Tào Dần; thực ra ông biết con trai Tào Dần tên Tào Ngung, đánh giá Tào Ngung rất cao, xem Tào Ngung lớn lên từ bé. Tào

Dần có con trai chứ gì; Giang Ninh Chức tạo khỏi phái người khác, để Tào Ngung làm. Đây là sự phá cách cực lớn!

Nên Tào Dần chết, con đẻ ông lại làm Giang Ninh Chức tạo. Tào Ngung này cũng kém vận may, làm được mấy năm lại mắc bệnh, lại bệnh mà chết. Tào Dần chết, Khang Hy không buông tha, cho con trai làm Giang Ninh Chức tạo; Tào Dần chỉ có đúng một đứa con đẻ, lại chết nữa, vậy là thôi chứ gì. Nhưng Khang Hy là hoàng đế trường thọ, sức sinh nở cũng mạnh: ông sinh hơn ba mươi hoàng tử, hơn hai mươi công chúa; ông là một hoàng đế rất khỏe mạnh, rất cường thế. Khang Hy nói: con nó chết rồi, trẫm vẫn muốn nhà họ Tào giữ chức chức tạo này. Ông bảo Tô Châu Chức tạo Lý Húc: đi tra giúp trẫm; con trai không còn, có cháu không? Trong đám cháu chọn cho trẫm một đứa phù hợp, cho đứa cháu ấy quá kế làm con của Tào Dần; Tào Dần chết rồi thì quá kế cho vợ Tào Dần là Lý thị; Lý thị này chính là em gái Lý Húc; quá kế cho bà ấy, lại giúp trẫm làm Giang Ninh Chức tạo. Thế là Lý Húc từ trong các cháu trai nhà họ Tào chọn ra một đứa tên Tào Phủ; Tào Phủ lại làm Giang Ninh Chức tạo. Điều này trong nhà Thanh trở thành một hiện tượng rất dị lạ, nhưng đó chính là gia sử nhà họ Tào. Tào Phủ hồi ấy đã kết hôn, dẫn vợ ung dung đến chức tạo thự Giang Ninh; Lý thị trở thành mẹ của họ, thực chất là mẹ quá kế, không phải mẹ đẻ, là người mẹ nhận qua nghi thức quá kế. Dĩ nhiên ngày xưa thì phải nhận làm mẹ: phải nhận Tào Dần làm cha; tuy người cha ấy đã mất, vẫn là cha.

Hai vợ chồng đến chức tạo thự Giang Ninh, đương nhiên ung dung cư ngụ ngay trong không gian treo tấm đại biển Huyên Thụy đường của chức tạo thự.

Tào Tuyết Cần viết Hồng Lâu Mộng Hồi ba, thực chất đã khéo léo "giả ngữ tồn" tình cảnh gia tộc như thế. Không gian của câu chuyện đã thay đổi, nên tiểu thuyết của ông đâu phải viết gia sử; vì sự thật đời sống là Tào Phủ tiến vào ngôi nhà này. Chức tạo thự Giang Ninh ở Nam Kinh, nhưng sách viết Lâm Đại Ngọc từ vùng Giang Nam, vùng Kim Lăng, về kinh đô, tức Bắc Kinh; phủ Ninh Quốc, phủ Vinh Quốc được giả định ở Bắc Kinh; tiểu thuyết quả thật hư cấu về không gian, đặt ở Bắc Kinh; và phủ đệ Vinh Quốc cũng lớn hơn chức tạo thự Giang Ninh ngoài đời rất nhiều, về sau còn xây thêm Đại Quan viên, phóng đại lắm. Nhưng ông chuyển không gian lịch sử và sự thật lịch sử ấy vào không gian tiểu thuyết. Nên bạn xem tiểu thuyết, đọc kỹ sẽ thấy quan hệ giữa Giả mẫu với Giả Chính rất dị lạ: Giả Chính cùng Vương phu nhân ở trong không gian treo kim biển Vinh hy đường do hoàng đế ngự đề, nhưng Giả mẫu đối với Giả Chính và Vương phu nhân rất nhạt nhòa, bà chỉ xem cháu nội Bảo Ngọc của họ như trân bảo. Đáng lẽ phải thế. Tôi có một người thân cũng vậy: bà quá kế một đứa con trai, hay có người con rể ở rể sinh cho bà một đứa cháu; bà quý đứa cháu như mạng, nhưng với đứa con quá kế ấy tình cảm của bà kém hẳn một bậc; đây là quy luật luân thường Trung Hoa công nhận.

Người ta quá kế chính để có cháu trai; sinh cho tôi rồi thì tôi rất vui, đó là cháu đích tôn; nhưng với đứa con ấy thì rất lạnh nhạt. Bạn xem sách miêu tả tiết lễ đèn: Giả Chính nói mình cũng góp phần náo nhiệt; Giả mẫu

cùng các cháu trai cháu gái vui chơi, ông cũng chuẩn bị lễ vật mà đến; rốt cuộc lại coi như Giả mẫu xua ông về. Có tình tiết ấy không? Có. Nhất là về sau ông đánh Bảo Ngọc, Giả mẫu đau đớn xé gan xé phổi, nói những lời đại ý rằng chưa từng thấy đứa con trai nào ra hồn. Nói ra những lời ấy, chứng tỏ sách đã ghi vào tầng quan hệ quá kế của gia tộc này. Nhưng khi dựng nên một bộ tiểu thuyết dài, lấy chất liệu từ đời sống, ông thấy chuyện nhà anh ruột của Tào Phủ cũng rất đặc sắc, nhất là anh ruột có một người vợ chính là nguyên mẫu Vương Hy Phượng, gia tộc gọi là nhị nãi nãi, không viết không được; thế là ông gộp đồng loại (合并同类项) những tình cảnh đời sống. Tào Phủ có anh ruột, nhưng anh ruột đương nhiên không ở chức tạo thự Giang Ninh; quá kế chỉ quá kế Tào Phủ, chứ đâu quá kế luôn cả anh trai, chẳng cần thiết, ngày xưa cũng không ai quá kế thế. Nên trong tiểu thuyết ông "giả ngữ tồn". Lưu thế nào? Ông lưu thế này: ông viết anh ruột của Tào Phủ thành anh ruột của Giả Chính trong tiểu thuyết, cũng là con trưởng của Giả mẫu; nguyên hình Giả mẫu là Lý thị, người goá phụ của Tào Dần. Tôi vuốt lại thế, mọi người nghe rõ chưa?

Vậy văn bản Hồng Lâu Mộng có thú vị không? Không hiểu những điều này thì bạn không đọc nổi trong sách là chuyện gì. Nên bây giờ thì rõ rồi: vì sao Tào Tuyết Cần phải viết thế? Ông cố ý viết thế; ông làm thế để "chân sự ẩn, giả ngữ tồn": tôi đâu phải viết gia sử; tôi đâu có đem chuyện ông nội tôi là Tào Dần, rồi Tào Ngung, Tào Phủ này kia, viết thành một cuốn sổ ghi chép đều đều; tôi viết tiểu thuyết; nhưng trong tiểu thuyết của tôi, khác với tiểu thuyết khác, tôi còn cố ý khéo léo lưu giữ lại một số tình cảnh gia tộc mình. Người ta đã lưu giữ được rồi; bạn đọc kiểu sói, đọc kiểu trăn đều không đọc ra; chỉ có đọc kiểu bò mới phát hiện ngay: ô, đúng là thế thật! Đó là một thủ pháp như thế. Nên tôi thấy đọc kiểu bò tốn thì giờ nhất; vì sao? Vì đây là phương pháp đọc tốt nhất: với những sách bạn đã đọc, bạn yêu thích, bạn có thể lặp đi lặp lại nhiều lần để thấm thía, nhai lại, thu hoạch sẽ rất lớn.

Thế đọc kiểu mèo là gì? Mèo ăn gọi là "mèo nhi thực" (猫儿食), ăn ít. Nhưng điểm này có người tranh luận với tôi: con mèo nhà tôi tham ăn lắm, đổ một bát thức ăn mèo nó liếm sạch. Mèo bây giờ có khi đều đổi khác rồi; mèo ngày xưa đâu có điều kiện sống tốt thế, nào có công ty sản xuất thức ăn mèo, toàn là nhà nuôi cho ăn. Mèo ăn thường gọi là "mèo nhi thực", mỗi lần lượng rất nhỏ, không tham nhiều. Về sau tôi đọc Hồng Lâu Mộng cũng vậy: không tham nhiều. Hồng Lâu Mộng, tôi thấy mình đã rất quen thuộc; mỗi lần dù nhai lại, tôi chỉ đọc đúng một hồi, tức là ăn "mèo nhi thực", kiểm soát khẩu phần, ăn ít mà tinh, rất có thu hoạch.

Chẳng hạn tôi đọc Hồi năm mươi bảy. Chuyện Hồi năm mươi bảy ai cũng quen: bản thông hành với cổ bản khác nhau rất ít, văn tự cơ bản như nhau. Chủ yếu viết a hoàn của Lâm Đại Ngọc là Tử Quyên lừa Bảo Ngọc, nói nhà họ Lâm sẽ có người đến đón Lâm Đại Ngọc về; Bảo Ngọc lo chết đi được, chứng si phát tác, nhất định không chịu, gây nên một trận; là một hồi sách như thế, coi như trọng điểm viết câu chuyện tình yêu giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc.

Ngày xưa tôi đọc sách, dù không đọc kiểu sói, không đọc kiểu trăn, cũng chưa từng đọc tinh từng đoạn một, nên đã bỏ qua một đoạn rất quan trọng, chỉ vài trăm chữ. Vài trăm chữ ấy, sau này tôi đọc tinh xong, nước mắt suýt trào ra. Đoạn ấy viết chẳng phải Lâm Đại Ngọc, cũng chẳng phải Giả Bảo Ngọc, cũng chẳng phải Tử Quyên; trong đoạn có Tử Quyên, nhưng trọng điểm không phải Tử Quyên; viết ai? Viết Tuyết Nhạn. Tuyết Nhạn ai cũng biết, a hoàn của Lâm Đại Ngọc; a hoàn này là một sinh mệnh nhỏ rất bi thảm. Ai cũng biết nguồn gốc a hoàn phủ Vinh Quốc cơ bản có hai loại: một loại là gia sinh gia dưỡng, thứ nô lệ nhà quý tộc sinh sôi cả ổ, sinh con ra vẫn làm nô lệ cho nhà họ. Ví dụ Uyên Ương, người bị Giả Xá nhìn trúng định chiếm đoạt, chính là a hoàn gia sinh gia dưỡng; nhà họ đến nhà Giả làm nô tài đã rất lâu; cha mẹ cô còn ở Nam Kinh, sách có giao đại, đều không theo; gia tộc này sau đó từ Nam Kinh dời về Bắc Kinh, họ không theo, ở lại Nam Kinh trông giữ nhà cũ. Uyên Ương là một loại a hoàn gia sinh gia dưỡng, nô lệ đời đời kiếp kiếp. Còn một loại là đem bạc mua về, như Tập Nhân; nhà Tập Nhân nghèo, nghèo đến nỗi không còn cơm ăn, đành bán cô đi; về sau chính Tập Nhân cũng kể lại điều ấy.

Thế Tuyết Nhạn thuộc nguồn nào? Cô chẳng thuộc cả hai loại. Cô đến thế nào? Cô theo Lâm Đại Ngọc tiến kinh; cùng đi còn một bà ma ma già lão, và một a hoàn nhỏ; Hồi ba trong sách có viết, Giả mẫu thấy cô một bụng trẻ thơ: Lâm Đại Ngọc còn nhỏ, cô còn nhỏ hơn, thuần túy là một cô bé, một đứa trẻ. Một sinh mệnh nhỏ như thế ở trong phủ Vinh Quốc lặng lẽ trải qua ngày đêm của mình. Bạn thử nghĩ, cô là một cây bèo không rễ. Trong sách viết Uyên Ương, vì Giả Xá định chiếm đoạt, Uyên Ương kháng hôn, cô có nhiều đồng bạn ủng hộ; trong sách có một hồi viết trong Đại Quan viên mấy a hoàn đều xuất hiện, đều đứng về phía cô, đều mắng Giả Xá; ít ra cô ngang được sự nâng đỡ tình cảm, chống đỡ đạo nghĩa, đúng không? Còn Tuyết Nhạn là một chiếc bèo, cô với những người ấy chẳng có quan hệ ấy, lặng lẽ lớn lên.

Vậy Hồi năm mươi bảy đoạn ấy viết chuyện gì? Tuyết Nhạn từ Tiêu Tương quán ra khỏi Đại Quan viên, vào chính phòng của cụm kiến trúc chính trên trục giữa phủ Vinh Quốc, đến chỗ Vương phu nhân để lấy nhân sâm; vì Lâm Đại Ngọc thường xuyên cần dùng nhân sâm. Lấy nhân sâm xong ra ngoài, cô thấy bên nhà kho vẫy tay gọi. Ai? Dì Triệu, một người thiếp của Giả Chính, một người vợ lẽ; vẫy tay gọi cô làm gì? Ngày xưa gặp những văn tự ấy tôi đều quét mắt qua, chẳng để ý. Đọc kiểu mèo thì chuyên tâm đọc riêng đoạn này: dì Triệu tìm cô làm gì? Em trai dì Triệu chết; đoạn trước trong sách có giao đại; chết rồi cô phải tham dự tang sự; tham dự tang sự phải mang theo a hoàn; có một a hoàn gọi là Tiểu Cát Tường; giọng Bắc Kinh âm cuối thêm "nhi", là Tiểu Cát Tường Nhi.

Tham dự tang sự thì mặc đồ cũng có phép tắc: phải mặc áo bạch lăng, tức đồ trắng. Dì Triệu bèn nói với Tuyết Nhạn: đem áo bạch lăng của con ra cho Tiểu Cát Tường Nhi mượn mặc. Đúng là quả mềm thì bóp trước (柿子捡软的捏). Trong phủ, mọi gia nhân kể cả a hoàn, vì là một đại gia tộc quý tộc rất coi trọng lễ nghi, đều được cấp áo bạch lăng; nhưng Tiểu Cát Tường Nhi theo dì Triệu đi viếng, sợ mặc đồ mình dễ bám bẩn trong tang sự, không chịu mặc đồ của mình, lại đòi Tuyết Nhạn đem áo cô ra cho họ mặc. Một sinh mệnh nhỏ yếu sống trong một phủ đệ như thế là một hiện diện rất yếu thế; dì Triệu vốn đã rất yếu thế,

nhưng dì Triệu là người chẳng tốt gì: tự thân đã là kẻ bị xúc phạm, bị tổn hại, còn quay sang tổn hại Tuyết Nhạn. Tuyết Nhạn về kể chuyện với Tử Quyên; Tử Quyên hỏi: người ta đòi mượn áo bạch lăng của con, con nói sao? Một tràng đáp của Tuyết Nhạn cho thấy sinh mệnh nhỏ ấy sau mấy năm trong phủ đã chín chắn tâm trí: từ một cô bé một bụng trẻ thơ đã biết cái gian nan của chuyện xử thế, cái hiểm ác của nhân tình, biết bảo vệ mình. Cô bảo: con biết bọn họ tính gì; bọn họ chỉ sợ làm bẩn đồ của mình; đồ họ cũng có, mà cứ đòi mượn của con; con bèn nói, quần áo trâm vòng của con đều do chị Tử Quyên giữ giúp; chị Tử Quyên đâu dám tự quyết, phải trình lên cô; cô lại đang ốm; thế là rắc rối lắm; hay các người hỏi người khác mượn giúp thì hơn. Tử Quyên cười nói: con láu thật, đổ hết chuyện này cho tôi và cô là xong. Cô đã học được, cô học được bảo vệ mình rồi.

Nên tôi thấy ngòi bút Tào Tuyết Cần thật không thể tưởng: một nhân vật mà ta đọc đi đọc lại vẫn dễ đọc sót, chỉ trong vài trăm chữ của Hồi năm mươi bảy đã được ông khắc họa thành có chiều sâu. Điều đó khiến tôi liên tưởng nhiều; nên ăn "mèo nhi thực" cho tôi thu hoạch rất lớn. Về sau tôi riêng đem đoạn văn ấy ra đọc lại mấy lần, thấy thật sự viết hay: một sinh mệnh nhỏ, một bụng trẻ thơ, bị người ta khi dễ thế, cô nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ ra cách tự vệ, nghĩ ra một kế; rốt cuộc đối phương thật sự hết cách; trở ngại nhiều thế, nhất là vượt qua tầng Lâm tiểu thư, cô lại đang ốm, đúng không? Nên tôi thấy niềm vui đọc sách vô tận, phương pháp thì đa dạng. Riêng tôi có đọc kiểu sói, có đọc kiểu trăn, có đọc kiểu bò, có đọc kiểu mèo. Hôm nay thì giờ hữu hạn, chỉ nói được đến đây; còn chút thời gian, chúng ta tương tác chút, những câu nào tôi trả lời được thì tôi trả lời.

Người dẫn: Kính thưa quý vị thính giả và độc giả, chúng ta cảm ơn tiên sinh Lưu Tâm Vũ vì bài báo cáo đặc sắc vừa rồi. Tiên sinh Lưu kết hợp chính tâm đắc của mình bàn về chuyện đọc sách, bốn phương pháp, lấy bốn con vật làm ví von; tôi nghĩ mọi người nghe xong ít ra cũng có thu hoạch. Tôi chẳng dám bảo mình hiểu hết, nhưng cứ ngỡ mình đã hiểu rồi. Còn một chút thời gian nữa; vì tiên sinh Lưu đã mua vé tàu về Bắc Kinh, trước năm giờ phải rời đi, nên trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, ai có câu hỏi về sáng tác của tiên sinh Lưu có thể nêu lên, rồi nhờ các bạn tình nguyện chuyển xuống.

Đây là câu hỏi đầu tiên nhận được: "Chào tiên sinh Lưu, em luôn yêu quý tác phẩm của ngài, xin hỏi gần đây ngài có kế hoạch sáng tác gì mới không? Có thể hé trước cho chúng em biết được không?"

Lưu Tâm Vũ: Cảm ơn độc giả đã thương mến, quan tâm đến việc viết văn của tôi. Bây giờ tôi là người nghỉ hưu, tuổi cũng ngày một lớn, chưa có kế hoạch mới nhất; nhưng về viết văn, thu hoạch riêng của tôi là trồng được bốn gốc cây. Một gốc là cây tiểu thuyết: tôi viết tiểu thuyết, trường thiên cũng viết, trung thiên cũng viết, truyện ngắn cũng viết, tiểu tiểu thuyết cũng viết; như cột "Đa vị tiễn bính" trên báo "Kim Văn" chính là tiểu tiểu thuyết, viết chuyện đời sống. Tiểu thuyết tôi còn phải viết tiếp. Năm 2014 tôi xuất bản một trường thiên mới gọi là "Phiêu song", tôi nghĩ thư viện này hẳn có. Kế hoạch trường thiên mới hiện chưa có,

vì viết một trường thiên chẳng phải chuyện đơn giản; nhưng tiếp tục viết vài truyện ngắn và tiểu tiểu thuyết thì không thành vấn đề, có cảm hứng là tôi sẽ viết.

Gốc thứ hai là cây tản văn tùy bút. Tôi viết tản văn tùy bút; có một bài tản văn, tôi phát hiện trên mạng có rất nhiều bản âm thanh, nhiều người đem ghi thành tiếng, không chỉ một người, có chuyên nghiệp cũng có nghiệp dư, đó là bài "Trong lòng khó chịu"; một bài tản văn như thế, chứng tỏ có người thích nó mới biến nó thành âm thanh treo lên mạng, không những đọc được, còn nghe được. Những tản văn tùy bút ấy tôi vẫn tiếp tục viết.

Ngoài ra tôi còn làm bình luận kiến trúc; tôi viết một số bài bình luận kiến trúc; mặt này gần đây viết ít, nhưng nhiệt tình viết mặt này vẫn còn, nên thi thoảng vẫn có bài.

Rồi mảng thứ tư là nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng tôi có giảng ở chuyên mục "Bách gia giảng đàn" của Đài Truyền hình Trung ương; về sau các bài giảng ấy được chỉnh lý thành sách xuất bản. Vậy là tám mươi hồi sau của Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần tình cảnh thế nào, tôi đã thám dật dưới sự chỉ đạo của tiên sinh Chu; và tôi dùng cách tục "Hồng Lâu Mộng" để trình bày thành quả thám dật của mình; nên mấy phương diện ấy tôi đều vẫn đang làm.

Gần đây tôi đang đọc lại "Kim Bình Mai"; năm 2012 tôi xuất bản "Lưu Tâm Vũ bình điểm Kim Bình Mai", do Lệ Giang xuất bản xã ấn hành. Bây giờ tôi định viết thêm một cuốn sách giới thiệu "Kim Bình Mai" cho người bình thường, tức khởi điểm từ con số không: với "Kim Bình Mai" chỉ biết tên chứ thực chất chẳng biết gì, hoặc lại tưởng đó là một cuốn sách xấu, một cuốn sách đồi trụy, là sách không được xem sao? Tôi viết cho hạng người ấy xem. Bạn chẳng cần có sẵn học thức hay kiến thức nào về "Kim Bình Mai"; bây giờ đọc sách của tôi là có thể hiểu đại khái về "Kim Bình Mai", để tham khảo; nhưng chuyện này hiện làm rất chậm, đang làm dở.

Người dẫn: Vừa rồi tiên sinh Lưu nói đến sau này có thể sẽ nghiên cứu "Kim Bình Mai"; chúng tôi rất mong trên báo "Kim Văn" của chúng ta được thấy tác phẩm của tiên sinh Lưu. Dưới đây là câu hỏi của một độc giả: "Tiên sinh Lưu, trường thiên 'Chung cổ lâu' của ngài dùng nhiều thủ pháp dòng ý thức; xin hỏi ngài có chịu ảnh hưởng của các tác phẩm nước ngoài hay không?"

Lưu Tâm Vũ: Câu hỏi này hỏi cũng hay đấy. Đất nước chúng ta trải qua mười năm "Cách mạng văn hóa", sau đó bước vào thời cải cách khai phóng; cải cách khai phóng rồi thì cửa sổ cửa lớn mở toang, văn hóa ngoại lai tràn vào ồ ạt, văn học cũng vậy. Nên thập niên 80 thế kỷ XX từng nhen nhóm cơn nóng văn hóa nước ngoài, cơn nóng văn học nước ngoài; nhà văn cùng độc giả rủ nhau đọc những tác phẩm nước ngoài dịch sang mà trước đây chưa xem nổi, ví dụ của Kafka, sau này ví dụ của Borges, Márquez, Joyce.

Trong văn học nước ngoài dịch sang có ma huyễn, có biến hình, có không gian thời gian đan xen, có dòng ý thức, đủ thứ thủ pháp lạ mắt; nên thời ấy một con sóng lớn của giới văn học chính là văn học tân lưu hành đạo rầm rộ; lối viết truyền thống, lối viết hiện thực thi thoảng lại bị coi là bảo thủ, thành lối viết ven rìa.

Riêng tôi thiên về phái hiện thực; tôi là một nhà văn kiên trì hiện thực. Nhưng dưới ảnh hưởng của con sóng ấy, tôi cũng hút thêm một số dinh dưỡng của các phái phi hiện thực; chẳng phải văn học nào cũng hiện thực. Ví dụ ta nói văn học bắt nguồn từ đời sống; ví dụ tôi nghiên cứu "Hồng Lâu Mộng", tôi nói "Hồng Lâu Mộng" viết ra có nguyên mẫu; chẳng phải nhà văn và tác phẩm nào cũng thế; có những nhà văn và tác phẩm không từ đời sống, cũng không có nguyên mẫu. Ví dụ nhà văn Argentina Borges; ông với thư viện Thiên Tân này hẳn có duyên: ông từng làm quản lý một thư viện, là đồng nghiệp nghề; toàn bộ cảm hứng sáng tác của ông đến từ việc đọc sách, chứ không từ người thật việc thật ông tiếp xúc; đó cũng là một lối viết, cũng có thể cho ra những văn bản rất hay.

Cho nên hồi ấy "Chung cổ lâu" hẳn là một tác phẩm kiên trì chủ nghĩa hiện thực, nhưng bên trong cũng hấp thụ một chút dòng ý thức cùng một số kỹ thuật viết của văn học phương Tây, tuy hấp thụ không nhiều. Vì thế khi ra đời, "Chung cổ lâu" thời ấy không đặc biệt được hoan nghênh; được ưa chuộng hơn là nền văn học tiên phong chịu ảnh hưởng phương Tây ấy. Nhưng tôi thấy "Chung cổ lâu" có sức sống: đến nay tôi phát hiện một số đứa trẻ, những người trẻ thế hệ 9x, 0x bắt đầu đọc "Chung cổ lâu", thấy cũng hay đọc; nên tôi rất mừng.

Người dẫn: Cảm ơn tiên sinh Lưu. Lại một độc giả: "Thầy Lưu, có nhà văn giỏi chuyển đổi phong cách sáng tác để đón đầu trào lưu văn học, có nhà văn phong cách lại khá cố định; ngài nhìn hiện tượng ấy thế nào?"

Lưu Tâm Vũ: Tôi thấy cả hai đều tốt cả. Viết văn thứ ấy hẳn không có luật pháp quốc tế nào ràng buộc bạn. Không ngừng đổi phong cách viết, trong lịch sử văn học Trung ngoại cổ kim cũng nhiều thấy; giữ suốt một phong cách viết, trong lịch sử văn học còn nhiều hơn nữa; hai lối đều có thể cho ra những tác phẩm không tồi.

Người dẫn: Mảnh giấy này thực ra hơi giống thư chúc mừng hay lời chúc tụng: "Em yêu Hồng Lâu Mộng từ khi xem tiên sinh Lưu trên chuyên mục 'Bách gia giảng đàn' của Đài truyền hình trung ương, xem 'Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng'; thành thật cảm ơn tiên sinh đã đưa em vào điện đài 'hồng lâu'." Đây là lời cảm ơn. Có một câu hỏi liên quan trực tiếp: "Tiên sinh Lưu, năm nay đã tròn năm năm kể từ khi ngài xuất bản 'Lưu Tâm Vũ tục Hồng Lâu Mộng'; năm năm qua ngài có kiến giải mới nào về Hồng Lâu Mộng không? 'Tục Hồng Lâu Mộng' của ngài có kế hoạch sửa chữa tái bản không?"

Lưu Tâm Vũ: Rất cảm ơn anh ấy khích lệ tôi. Thực ra bài giảng của tôi cũng như sách của tôi đều là lời một nhà; bạn có thể phản đối toàn bộ, phản đối một phần, hay mặc kệ tôi cũng được. Mong muốn ban đầu của tôi đâu phải để kiến giải của mình trở thành quan điểm chủ lưu hay khiến mọi người tin phục; mục đích của

tôi là khơi dậy hứng thú đọc nguyên tác Hồng Lâu Mộng của mọi người, nhất là thế hệ trẻ. Có người bảo tôi chết cũng không đọc nổi Hồng Lâu Mộng; bạn chết cũng không đọc nổi à? Vậy tôi kể ròng rẽ cho bạn nghe chính tôi đọc thế nào, khơi dậy hứng thú đọc của bạn; bạn đọc xong có khi kiến giải hoàn toàn khác tôi, nhưng bạn đã đọc thì tôi đã rất vui. Về chuyện tục thư Hồng Lâu Mộng: có người nói tục thư Hồng Lâu Mộng nhiều lắm, mấy trăm thứ; điều đó không chính xác; vì đại loại như tục thư cuối Thanh đầu Dân quốc đều tục tiếp từ sau bản thông hành một trăm hai mươi hồi; họ không tục từ tám mươi hồi. Tục từ tám mươi hồi xuống đương nhiên cũng có nhiều thứ, nhưng không nhiều đến thế. Còn tục thư của cá nhân tôi đâu phải để theo đuổi giá trị văn học cá nhân; tôi quá yêu Hồng Lâu Mộng; tôi thấy tám mươi hồi sau của Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần bị thất lạc là một tổn thất văn hóa rất lớn. Tuy chúng ta chưa tìm ra được bản thảo thất lạc ấy, nhưng qua phương pháp thám dật có thể hiểu ông viết tiếp phía sau rốt cuộc là gì; quả thật khác với bốn mươi hồi Cao Ngạc tục mà chúng ta thấy bây giờ. Nên tôi lấy hình thức tục thư để trình bày kiến giải và thành quả cá nhân về chuyện tám mươi hồi sau của Hồng Lâu Mộng Tào Tuyết Cần. Vừa rồi vị độc giả ấy khiến tôi rất cảm động: anh ấy tính giúp tôi từ khi tục thư in lần đầu tới nay đã năm năm; thực ra cuốn sách ấy tôi đã chỉnh đốn rồi. Phiên bản mới nhất do Nhân dân văn học xuất bản xã phát hành; có một bộ sách gọi là "Lưu Tâm Vũ trường thiên hệ liệt", bìa đỏ, thu mấy trường thiên của tôi, tức cái gọi là hệ liệt tam lâu, có "Chung cổ lâu", "Tứ bài lâu", "Thê phượng lâu", còn có "Phong quá nhĩ"; rồi lấy cả "Tục Hồng Lâu Mộng" coi như một trường thiên, năm bộ hợp thành một hệ liệt xuất bản.

Trong hệ liệt ấy, "Tục Hồng Lâu Mộng" là bản chỉnh đốn, bìa ghi rõ bản chỉnh đốn; so với bản năm năm trước, tôi chỉnh đốn độ hơn một nghìn chỗ; có chỗ chỉnh đốn khá lớn, có chỗ chỉ thay một chữ một từ; tôi làm rất kỹ; tôi còn sẽ chỉnh đốn tiếp, chừng nào còn làm nổi chuyện này.

Người dẫn: Câu hỏi của độc giả dưới đây, không biết tiên sinh Lưu có xem phim truyền hình bây giờ không, hơi liên quan: "Xin hỏi tiên sinh Lưu, ngài nhìn nhận thế nào về văn học mạng và các sản phẩm chuyển thể như phim truyền hình đang thịnh hành 'Mễ Nguyệt truyện', 'Lang Nha bảng'?"

Lưu Tâm Vũ: Tôi thấy có thể sống hòa nhã với họ, nhưng quả thật đó là hai lãnh vực khác nhau. Người trong lãnh vực ấy với tôi cũng rất lễ độ. Như hồi trước Baidu lập một mảng gọi là Baidu Văn học, đại hội thành lập mời gần như toàn tay viết mạng; tiểu thuyết mạng của họ tôi chẳng xem mấy, thử đọc một chút cũng không thích nổi. Nhưng tôi thấy đó chính là đa nguyên văn hóa: họ hình thành một lãnh vực sáng tác và đọc riêng; tôi là người viết văn học truyền thống, cũng có một lãnh vực độc giả văn học truyền thống riêng; mọi người chung sống chan hòa vẫn rất tốt; hơn nữa hai bên có chút tương hỗ, học hỏi lẫn nhau, hấp thụ chút dinh dưỡng của nhau cũng là chuyện có thể.

Người dẫn: Cái này thú vị đấy; đây là người đến thăm chuyện cũ với tiên sinh Lưu: "Em là học sinh khóa 67 trường trung học số 13 Bắc Kinh; tuy thầy chưa từng dạy lớp em, nhưng hồi ấy em đã biết thầy là một thầy giáo trẻ; quãng đời ấy của thầy em cũng chưa từng nghe kể; hồi ấy hiệu trưởng cùng bí thư chi bộ là ông

Tào Lập San, hiệu trưởng là ông hiệu trưởng họ Vương; thoắt đã năm mươi năm trôi qua; gặp lại thấy thầy vẫn trẻ trung, chúc thầy vạn sự hanh thông, mạnh khỏe sống lâu!"

Lưu Tâm Vũ: Cảm ơn người bạn cùng trường này!

Người dẫn: Cảm ơn độc giả ấy. Tiếp theo, đây là một câu hỏi rất lớn: "Tiên sinh Lưu, xin hỏi các tác phẩm mang phong cách hiện đại chủ nghĩa còn có thể phục hưng không?"

Lưu Tâm Vũ: Đây là một vấn đề học thuật quá chuyên môn; tại đây e rằng có người không hiểu nổi câu hỏi này. Hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây đã sa sút; về sau có hậu hiện đại; khái niệm hậu hiện đại là sự song hành của những thời gian khác nhau trong cùng một không gian; nhiều thuật ngữ học thuật lắm; bàn tới lại phải nhắc Susan Sontag, gì đó Michel Foucault nước Pháp; thì quá phức tạp; ở đây chúng ta bàn không nổi.

Người dẫn: Câu hỏi này quả thật quá lớn.

Lưu Tâm Vũ: Quá chuyên môn.

Người dẫn: Chuyện này cũng chẳng phải một hai câu nói rõ nổi; vấn đề này thì, tôi thấy để tôi trả lời vậy! "Hồng Lâu Mộng" bản nguyên tám mươi hồi cộng hai mươi tám hồi: cái này tôi khá tò mò, vì "Hồng Lâu Mộng" thường gặp là bản tám mươi hồi và bản một trăm hai mươi hồi, mua được không? Cái này thì đều mua được cả. Vị độc giả này định mua bản nào? Tôi góp ý: nếu là thưởng thức cá nhân, mua của Nhân dân văn học xuất bản xã là được. Nếu làm nghiên cứu học thuật thì nhiều quá; nếu bạn đã bước vào lãnh vực ấy, tôi nghĩ tự bạn sẽ biết phân biệt, tự chọn thôi. Nếu là thưởng thức, tôi thấy của Nhân dân văn học vẫn khá hơn; vì vấn đề phiên bản của "Hồng Lâu Mộng" nhiều quá! Viết nổi hơn một trăm cuốn sách; cảm ơn vị độc giả này.

Câu hỏi này: "Xin hỏi thầy Lưu, những sách chuyên sâu như 'Kinh Dịch', 'Hoàng Đế nội kinh' thì đọc thế nào?" Tôi không biết thầy Lưu có hiểu nổi không.

Lưu Tâm Vũ: Tôi thấy lúc đầu có thể đọc kiểu sói và đọc kiểu trăn; ban đầu, nếu muốn đọc, cứ đọc qua một lượt đã rồi tính; kể cả "Sơn Hải kinh" và mấy thứ như thế đều có thể đọc kiểu ấy.

Người dẫn: Cổ tịch kinh điển vẫn nên đọc nhiều một chút; ít ra chẳng có hại; có khi đọc không hiểu; tôi thấy đọc còn hơn không đọc; có khi không thể định lượng được; đọc nhiều sách, đọc nhiều kinh điển chẳng có hại gì. Còn thính giả nào có câu hỏi nữa không? Nếu không có thì buổi giảng hôm nay của chúng ta đến đây; cảm ơn quý vị thính giả đã đến; xin dành một tràng vỗ tay thật nhiệt liệt lần nữa cảm ơn tiên sinh Lưu Tâm Vũ!

(Bài ghi chép lại theo bài diễn thuyết ngày 28 tháng 2 năm 2016 tại Thư viện Thiên Tân)

# Kim Bình Mai là tổ tiên của Hồng Lâu Mộng: không có Kim Bình Mai thì không có Hồng Lâu Mộng

Phá thoát khỏi khuôn khổ tiểu thuyết trường thiên kiểu "Tam Quốc Diễn Nghĩa", "Thủy Hử", "Tây Du Ký" vốn dựng bia lập truyền cho đế vương tướng tá, anh hùng hào kiệt, thần Phật tiên nhân, mà dồn bút mực tô đậm nhuộm sâu hiến dâng cho những nhân vật "ngoài sử", "không thấy tên trong kinh truyện", thì "Kim Bình Mai" mang tính chất khai sáng.

"Kim Bình Mai" ra đời phần lớn vào cuối thời Gia Tĩnh, đầu thời Vạn Lịch nhà Minh, khoảng năm 1570; rồi sau đó độ một trăm tám mươi năm, khoảng năm 1750, vào triều Càn Long nhà Thanh, xuất hiện "Hồng Lâu Mộng". Tác giả "Hồng Lâu Mộng" là ai cũng còn tranh luận, nhưng đại đa số nhà nghiên cứu đã thống nhất nhận định: là Tào Tuyết Cần. "Hồng Lâu Mộng" chịu ảnh hưởng sâu đậm của "Kim Bình Mai" trên nhiều phương diện.

Xét về câu chuyện sách viết, "Hồng Lâu Mộng" có thể nói là phiên bản phóng đại của "Kim Bình Mai". Phủ Tây Môn trong "Kim Bình Mai": bảy gian mặt tiền, năm lớp sân, kèm cả khu vườn; trong vườn có nhà mái cong, dưới nhà là thư phòng Phi Thúy hiên, lại có núi giả, hang đá, lầu đình, quả thật rất lộng lẫy. Gia tộc họ Giả trong "Hồng Lâu Mộng": phủ Ninh Quốc, phủ Vinh Quốc chiếm nguyên một con phố, về sau xây thêm biệt thự thăm thân Đại Quan viên, đình đài lầu các, hồ nước, điền trang hùng vĩ vô cùng; hình dung không gian chuyện của cuốn sau thành sự phóng đại của cuốn trước, chẳng có gì bất hợp. Chủ và nô trong "Kim Bình Mai" cộng lại mấy chục miệng ăn, đã là khá đông; "Hồng Lâu Mộng" hồi sáu lại chép: "Cả một nhà trong phủ Vinh tính gộp lại, người tuy không đông, trên dưới cũng tới ba bốn trăm..." Cũng là một sự phóng đại.

Hai cuốn đều viết chuyện gia tộc từ thịnh mà suy. Gia tộc Tây Môn khởi nghiệp từ một nhà phá sản, lúc phát đạt nhất là phú thương và quan đề hình; phủ họ Giả trong "Hồng Lâu Mộng" được thiết định thuở tổ phụ từng có công khai quốc, khi câu chuyện bắt đầu đã là gia tộc thơ lễ trâm anh, phủ Ninh phủ Vinh đều thừa hưởng tước vị. Trải qua một phen phồn hoa, yến tiệc cuối cùng cũng tan. Trong "Kim Bình Mai", người chủ nhân ông Tây Môn Khánh chết, gia tộc Tây Môn về sau cố công cầm cự; gia tộc họ Giả trong "Hồng Lâu Mộng" suy sụp đến mức "một vùng đất mênh mông trắng toát, hoàn toàn sạch sẽ", người chủ nhân ông Giả Bảo Ngọc buông tay giữa vách đá. Quỹ đạo phát triển tình tiết hai cuốn đều là đường xuống dốc. Kết cục "Kim Bình Mai" chẳng thể gọi là viên mãn lớn, nhiều nhất chỉ là "viên mãn nhỏ"; theo ý đồ sáng tác của Tào Tuyết Cần chứ không phải theo tục thư của Cao Ngạc, kẻ chẳng phải người hợp tác với ông, thì kết cục "Hồng Lâu Mộng" là một bi kịch triệt để, phá vỡ "mỹ học viên mãn" kéo dài hàng nghìn năm trong văn học nghệ thuật Trung Quốc; mà sự phá vỡ ấy, nên nói là do "Kim Bình Mai" dẫn đường.

Nhân vật số một của "Kim Bình Mai" là Tây Môn Khánh; hắn vừa là "nam số một", vừa là cái số một áp trên tất cả mọi vai nam nữ già trẻ khác. Tuy hắn chết ở hồi bảy mươi chín, nhưng trong hai mươi mốt hồi sau, hồn ma hắn lúc nào, nơi nào cũng hiện diện, có thể gọi là "thời đại hậu Tây Môn Khánh"; "cái số một" mà tác giả khắc họa này có máu có thịt, thiện ác xen lẫn, tính cách rõ nét, sống động như in, chiếm một địa vị quan trọng trong phòng tranh nhân vật của kinh điển văn học dân tộc chúng ta.

Nhân vật số một của "Hồng Lâu Mộng" là Giả Bảo Ngọc; tương tự, vừa là "nam số một", vừa là "số một" áp trên tất cả mọi vai nam nữ già trẻ khác. Tiếu Tiếu Sinh đổ hết công lực vào viết Tây Môn Khánh trong "Kim Bình Mai"; Tào Tuyết Cần dốc mồ hôi nước mắt nặn ra Giả Bảo Ngọc. Ta cần chú ý: cả hai "số một" đều mang đặc điểm của "con người mới" trong cái thời đại mà sách phản ánh. Đem "số một" của tiểu thuyết trường thiên dâng tặng độc giả dưới bộ mặt "người mới", tuyệt nhiên không phải việc tác giả tầm thường nào làm nổi. Song tâm đắc riêng của tôi khi đọc là: Tiếu Tiếu Sinh viết "Kim Bình Mai" không có một thứ gì siêu hình thúc đẩy; ông rất bình tĩnh vẽ bức tranh đời thường, viết xấu nhiều hơn đẹp; rất bình tĩnh bóc trần nhân tính, viết ác nhiều hơn thiện. Có lẽ ông chưa từng ý thức rằng Tây Môn Khánh dưới ngòi bút ông có thể được khái quát thành một loại "người mới"; với ông, hắn chỉ chạy theo chữ "giống như thật"; viết ra được một sinh mệnh "giống như thật" như thế thì rốt cuộc đánh giá ra sao, ông mặc kệ; ông chỉ viết "hắn như vậy", không chịu trách nhiệm giải thích "vì sao hắn như vậy", còn "hắn có nên như vậy hay không" thì ông càng mặc kệ. Nhưng nhìn lại bây giờ, tôi thấy giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ của hình tượng nghệ thuật Tây Môn Khánh đều rất cao. Hắn khiến ta nhận thức được điều gì? Nhận thức rằng vào cuối thời Minh, xã hội canh nông đang bị giải cấu trúc; cái hệ giá trị "mười năm dưới cửa sổ không ai hỏi, một phen thành danh thiên hạ biết", dựa vào gian khổ đọc thánh hiền thư, qua khoa cử mà bước vào quan trường, bị tên phá sản Tây Môn Khánh này thách thức quyết liệt: hắn chẳng đọc thánh hiền thư, chẳng dự khoa cử, hắn coi trọng kinh doanh, coi trọng lưu thông, coi trọng việc lấy tiền sinh tiền; tích góp của cải xong, hắn chẳng có thứ nào mua không được, kể cả mua một chức quan để làm. Tây Môn Khánh hưởng lạc chí thượng, tạo ra một lối sống kiểu mới; đại trạch viện của hắn, không chỉ tam cô lục bà, tăng ni đạo sĩ ra vào thoải mái, kỹ nữ càng có thể bước thẳng qua chính môn, thậm chí len sâu tận nội thất; Nho, Đạo, Thích hắn đều dùng được, hô đến vẫy đi; còn bản thân hắn thì ba giáo nào cũng chẳng tin, thứ hắn tin tuyệt đối là thực lực tài sản. Nếu cuối thời Minh, mâu thuẫn xã hội chưa gay gắt đến nỗi quân khởi nghĩa nông dân đánh thẳng vào Tử Cấm Thành, triều chính chưa mục ruỗng đến nỗi hoàng tộc chỉ lo vơ vét tích của, chẳng nỡ xuất bạc trả lương binh, dẫn đến tám kỳ Mãn Thanh ngoài ải ồ ạt tràn vào, thì liệu những "người mới" mà Tây Môn Khánh đại diện tụ lại thành một sức mạnh tư bản, ký với hoàng thất một khế ước nhượng bộ nào đó, có khiến Trung Quốc trở thành một quốc gia tư bản chủ nghĩa không? Nhưng lịch sử không chứa đựng chữ "giả sử". Loại "người mới" như Tây Môn Khánh, cùng sự sụp đổ của nhà Minh, e rằng cũng chỉ còn trước pháp lệnh đẫm máu "giữ tóc thì không giữ đầu, giữ đầu thì không giữ tóc" mà cạo sạch tóc trước trán, để lại đuôi sam sau gáy, trong môi trường khắc nghiệt hơn nữa tìm khe hở cho kinh tế hàng hóa phát triển. Loại "người mới" như Tây Môn Khánh, khỏi nói, là bóc lột giả mà lỗ chân lông đầy vết máu bẩn; nói hắn "mới" chỉ nhằm tỏ rằng "chưa từng có trước đây"; họ có lẽ vô tình đẩy bánh xe lịch sử tiến lên, nhưng dấu chân

lưu lại đen kịt. "Kim Bình Mai" viết Tây Môn Khánh sống động đến thế, khoái cảm thẩm mỹ nó ban cho ta rất phong phú: viết hắn ác, ác một cách thản nhiên; viết hắn thi thoảng ấm áp, ấm áp đến thật thà; viết hắn yêu Lý Bình Nhi yêu đến chẳng chê thân tàn tạ, hơi thở khó nghe, biết bao nữ độc giả đọc phải thở dài; viết hắn trước lúc chết lập di chúc chu đáo ngăn nắp, lúc hấp hối thở hắt như con trâu, khiến ta thấy vô cùng thật mà lại kinh ngạc lạ lùng. Vậy thì Giả Bảo Ngọc trong "Hồng Lâu Mộng", như một hiện thân của "người mới", viết ra thì khó khăn nhiều hơn xa. Tây Môn Khánh có thể có nguyên mẫu trong đời sống xã hội; thấu hiểu nguyên mẫu sâu sắc, có công lực nghệ thuật, phác bạch thuần tả là xong. Giả Bảo Ngọc thì sao? Nguyên mẫu có lẽ chính là Tào Tuyết Cần, nhưng phác bạch thuần tả Tào Tuyết Cần ngoài đời thì chẳng thành nổi cái hình trong sách; ông lấy một số nguyên tố trong đời sống thật của mình, phóng đại, tô vẽ, lựa dùng vào sách; Giả Bảo Ngọc phần lớn phải nhờ tưởng tượng, nhờ thăng hoa. Sự "mới" của Tây Môn Khánh là vô tâm cắm liễu; sự "mới" của Giả Bảo Ngọc là Tào Tuyết Cần cố ý trồng hoa. Tôi cứ thấy: thời "Kim Bình Mai", Tây Môn Khánh có rất nhiều đứa, thậm chí nơi đâu cũng có, là thứ nhìn thấy được, với tay chạm tới trong đời sống xã hội; nhưng Giả Bảo Ngọc trong "Hồng Lâu Mộng", đời sống xã hội có lẽ chỉ có chút bóng dáng; hắn đầy đủ mượt mà chỉ tồn tại trong sách; nói cách khác, Tây Môn Khánh trong "Kim Bình Mai" là sản phẩm của chủ nghĩa tả thực nghiêm ngặt; Giả Bảo Ngọc trong "Hồng Lâu Mộng" là sản phẩm của tưởng tượng nghệ thuật lãng mạn do chủ nghĩa lý tưởng chi phối. Tây Môn Khánh là một "người mới ô uế"; Giả Bảo Ngọc là một "người mới chui từ bùn ra mà chẳng dính bùn". Tây Môn Khánh ngoài sùng bái tiền tài, hưởng lạc, không có tư tưởng; Giả Bảo Ngọc lại có tư duy siêu hình phong phú. Tây Môn Khánh khinh miệt chế độ khoa cử, với Nho, Đạo, Thích lấy thái độ thực dụng, nhưng không có ý thức tấn công chủ quan; Giả Bảo Ngọc phê phán chế độ khoa cử rõ ràng, với đạo Khổng Mạnh chỉ tiếp nhận một phần, đại thể phủ định bằng lý trí; ông hủy tăng báng đạo, chẳng tin quỷ thần, mang tình người rộng lượng: nhìn trăng sao thì dài tiếng than, gặp chim én và cá dưới sông cũng muốn giao tiếp; Giả Bảo Ngọc là "người mới đích thực". Hình tượng "người mới" như thế xuất hiện trong môi trường sáng tạo của thời Càn Long nhà Thanh, còn tồi tệ hơn cả thời Minh, quả là một kỳ quan văn hóa, một thần tích văn học. Dù giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ của hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc đều cao hơn Tây Môn Khánh, nhưng đem nhân vật không thấy trong kinh truyện làm "số một" trong một bộ tiểu thuyết trường thiên, mà dốc hết sức khiến hình tượng ấy "ra mới", thì "Hồng Lâu Mộng" hẳn là bước theo vết xe "Kim Bình Mai", lại "xanh hơn lam vì từ lam mà ra".

Bố cục vai của "Kim Bình Mai" là dưới một nhân vật nam chính, triển khai miêu tả một nhóm phụ nữ. Trong văn học cổ điển Trung Quốc, tiểu thuyết trường thiên mà vai nữ quan trọng đến thế và đông hơn cả vai nam, "Kim Bình Mai" là người mở đường. Có nhà luận bình cho rằng tác giả "Kim Bình Mai" không tôn trọng phụ nữ; nhận định ấy có lý ở chỗ những người đàn bà được miêu tả hầu như đều là kẻ bị Tây Môn Khánh chà đạp: ngoài một vợ năm thiếp, hắn còn qua lại với a hoàn trong nhà, vú nuôi, vợ gia nhân; người tình của hắn còn gồm cả vợ người làm ngoài phủ, thậm chí quý phu nhân; chưa kể kỹ nữ hắn từng ghé. Với những người đàn bà ấy, Tây Môn Khánh chơi đùa, giày vò, thậm chí còn chơi trò SM; hắn đơn giản chạy theo khoái lạc xác thịt, chẳng đáng gọi là tình yêu. Chỉ riêng chuyện trước và sau khi Lý Bình Nhi chết cũng chẳng phải hắn bỗng dưng có ý thức tình yêu siêu hình, mà tựa như có một bàn tay vô hình kéo vặn mặt thuần khiết

tiềm ẩn trong nhân tính hắn lòi ra, khiến hắn biểu lộ một thứ tình cảm có thể gọi là tình yêu, vượt trên giao hợp và khoái lạc tính dục. Thứ tình cảm ấy khi bộc phát rất mãnh liệt, rất chấn động; nhưng cũng chính vì chẳng có thứ sâu sắc có thể gọi là tư tưởng thuộc phạm trù siêu hình chống đỡ, nó cũng rất ngắn ngủi: tựa quả pháo, ầm ầm rền vang xong, nhanh chóng hóa thành tro tàn. Bố cục nhân vật của "Hồng Lâu Mộng" cũng là dưới một nam chính, triển khai miêu tả một nhóm nữ. Cái đại cục ấy, Tào Tuyết Cần có chịu Tiếu Tiếu Sinh khơi gợi không? Khó khẳng định. Nếu có, thì hẳn là kiểu khơi gợi "tại sao ta không đi ngược lại": ngươi không tôn trọng phụ nữ, ngược lại càng thúc đẩy ta tôn trọng phụ nữ hơn; những người đàn bà dưới bút ngươi bị Tây Môn Khánh coi thường, thường tự mình cũng chẳng coi trọng mình; còn ta sẽ viết một nhóm phụ nữ đặc biệt xứng đáng được tôn trọng, được trân quý, hơn nữa trong nhóm ấy còn viết ra những người đặc biệt tự trọng tự ái; Tây Môn Khánh dưới bút ngươi là ác thủ giẫm đạp hoa, Giả Bảo Ngọc dưới bút ta là "chúa hoa động đỏ son" (绛洞花王) che chở hoa. Một nhà văn chịu ảnh hưởng của tác phẩm nhà văn khác, chuyện ấy trong lịch sử văn học rất nhiều; nhưng nhiều khi chỉ là bắt chước, đi theo; vậy nếu Tào Tuyết Cần chịu ảnh hưởng Tiếu Tiếu Sinh, thì ông đã hóa mục nát thành thần kỳ, là sự vượt lên, là sáng tạo độc đáo trên nền khơi gợi ấy.

Trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", "Thủy Hử", "Tây Du Ký", nổi bật chỉ những vai lớn mà tác giả cho là quan trọng; vai nhỏ thường chỉ được lướt qua trong văn bản kể chuyện, khó lòng dựng nổi thành hình tượng nghệ thuật; độc giả khó mà để lại ấn tượng gì với những "vai vụn rác" ấy, huống hồ ấn tượng sâu đậm. "Kim Bình Mai" mở rộng cực mạnh xúc tu của văn bản tiểu thuyết trường thiên, ban linh hồn cho một số vai nhỏ, khiến độc giả đối với những sinh mệnh nhỏ bé thấp hèn ấy cũng nảy sinh sự quan tâm thương xót đúng nghĩa. Ví dụ đoạn "Thủy Hử" viết Phan Kim Liên, Võ Đại, Võ Tòng, Tây Môn Khánh, xem ra là phần viết đời sống tinh tế nhất toàn bộ sách, nhưng so với "Kim Bình Mai" vẫn còn thô nét. "Kim Bình Mai" viết ra: Võ Đại có đứa con gái do người vợ trước để lại tên Nghênh Nhi; cô bé trải qua một kiếp gian nan: cha chết thảm, mẹ kế ngược đãi, Vương bà sai sử, láng giềng nuôi giúp, gả vội vàng cho xong, cuối cùng thất tung đâu mất; tuy chỉ là vai phụ tí hon, vẫn khiến độc giả cay cay sống mũi. Lại ví dụ thằng Tiểu Thiết Côn Nhi, con trai đôi vợ chồng gia nhân phủ Tây Môn là Lai Chiêu với Nhất Trượng Thanh: nó vô tội bị Tây Môn Khánh đánh thậm tệ, đó là cảnh nặng nhất của nó; nhưng độc giả tinh ý sẽ thấy nó cũng hiện diện xuyên suốt toàn bộ sách: ngày lễ tết, cha mẹ đem mấy món thịt cá thừa của chủ nhân gom lại về, nó tham ăn xin mớm, bị mẹ đánh vài cái; nó không hay biết gì đã lớn tới mười lăm tuổi, bưng bình đi mua rượu cho khách nhà; sau cha chết, nó theo mẹ tái giá; rồi về sau nó sẽ thế nào? Sinh mệnh bé như con kiến, khiến người suy đoán mãi. Lối khắc họa một loạt nhân vật quan trọng, ngoài chính vai và vai phụ, chú ý bố trí thêm nhân vật nhỏ, thậm chí chăm chút nặn ra cả vai chỉ xuất hiện một lần, trong "Hồng Lâu Mộng" cũng được thể hiện: ví dụ cuối hồi sáu mươi và đầu hồi sáu mươi mốt, viết một tiểu đồng để tóc kiểu nắp bô (tóc cạo thành dạng nắp bô), phác họa cái miệng lươn lẹo, tâm lý vừa tự ti vừa tự kiêu của nó rất sinh động, độc giả nhìn qua nhớ mãi.

"Kim Bình Mai" cố ý mượn một đạo sĩ tên Ngô Thước tới phủ Tây Môn, cho Tây Môn Khánh và các người đàn bà bói vận mệnh, để báo trước với độc giả quỹ đạo vận mệnh và điểm đến cuối cùng của các nhân vật ấy; chuyện đó ở hồi hai mươi chín, là lần rà soát vận mệnh vai diễn tập trung, toàn diện nhất; trong toàn bộ sách còn rất nhiều chỗ, với một nhóm nhân vật hay một nhân vật, lại dùng hình thức khác nhau để củng cố hoặc bổ sung những ám chỉ, tiên tri ấy. Thủ pháp này trong "Kim Bình Mai" vẫn còn hơi gượng ép cứng nhắc, cách diễn đạt quá lộ liễu. Đến Tào Tuyết Cần viết "Hồng Lâu Mộng", ông cũng dùng thủ pháp tương tự nhưng cao minh hơn nhiều: trong hồi năm ông viết Thái Hư huyễn cảnh, viết Cảnh Hư tiên cô, viết Giả Bảo Ngọc lén xem những quyển sổ của "Mệnh mỏng ty", nghe trình diễn "Hồng lâu mộng thập nhị khúc", ám chỉ và tiên đoán vận mệnh, điểm đến cuối cùng của mọi nàng trong chính sách "Kim Lăng thập nhị thoa", cùng vận mệnh của vài nhân vật trong phó sách và hựu phó sách; sắc màu thần thoại, giọng điệu phiêu diêu, lời lẽ thơ mộng, bầu không khí mơ hồ, kết thành chương đoạn đặc sắc nhất trong tiểu thuyết trường thiên cổ điển Trung Quốc, vượt xa cảnh đạo sĩ Ngô thần tiên bói vận mệnh trong "Kim Bình Mai". Hơn nữa, giống Tiếu Tiếu Sinh, Tào Tuyết Cần cũng không chỉ dựa vào một hồi tổng cương ấy để hoàn thành việc tiên đoán quỹ đạo vận mệnh và kết cục cuối của vai diễn; ông dùng bút mực nhiều hơn, cách thức khéo hơn, như viết thơ đố đèn, vịnh cúc vịnh liễu, để tô bổ, kéo dài những lời tiên tri ấy. Về phương diện này nghệ thuật "Hồng Lâu Mộng" cao hơn "Kim Bình Mai", nhưng vốn mượn từ "Kim Bình Mai"; điều ấy xác chứng phán đoán "'Kim Bình Mai' là tổ tiên của 'Hồng Lâu Mộng'".

"Kim Bình Mai" sáng tạo ra một lối tự sự tiểu thuyết trường thiên: lấy dòng chảy sinh hoạt thường nhật tựa như bình lặng để bộc lộ tính cách nhân vật, bóc trần nhân tình thế thái; cứ viết liên tục trà rượu ăn mặc, viết việc hồng việc tang, viết cãi vã đấu môi, viết cười đùa nghịch ngợm; tình tiết tiến triển thường dựa vào chuỗi chuyện vặt gợn sóng lan tỏa, thi thoảng cũng có hòn đá khơi dậy ngàn lớp sóng, nhưng xét tổng thể phần nhiều là chuyện không có sinh ra chuyện, rồi đâu vào đấy. "Hồng Lâu Mộng" cũng viết theo kiểu ấy; đến nỗi có độc giả cứ thắc mắc sao trong sách vừa xong bữa này lại tới bữa kia, qua lễ này lại tới lễ nọ, người chết lo đám tang, người sống mừng sinh nhật; cái gọi là "chết cũng không đọc nổi", chính là chẳng biết thưởng thức hương vị từ dòng sinh hoạt ấy. Tây Môn Khánh cùng đám nhân vật quanh hắn trong "Kim Bình Mai" phần nhiều thuộc tầng lớp phố chợ, ngôn ngữ thô tục, động tác tay chân biên độ thường khá lớn, xung đột nhân tế thường lộ ngay ra bên ngoài; nhân vật "Hồng Lâu Mộng" phần nhiều thuộc phạm trù quý tộc: dù "cô quỷ Phượng" Vương Hy Phượng thi thoảng phun vài câu tục tĩu, nhưng tổng thể lúc giữ đúng phép tắc vẫn nhiều hơn; như Giả mẫu, Vương phu nhân, dì Tuyết, thi thoảng trong bụng họ đấu pháp với nhau, mặt ngoài vẫn đi đứng như không chuyện gì, tương hỗ đang "chiến đấu mỉm cười". Với văn bản lấy dòng chảy sinh hoạt thường nhật tựa bình lặng ấy để bộc hiện đời sống, khắc họa nhân vật, muốn thưởng được hương vị, bí quyết là nắm lấy điểm vào: nhân tính. "Kim Bình Mai" viết nhân tính, nhất là lạnh lùng viết ra mặt ác của nhân tính, sức xuyên thấu thấm cả mặt giấy; đọc ra sự hé lộ nhân tính trong dòng chảy văn bản, tức là đọc ra hương vị rồi. "Hồng Lâu Mộng" viết nhân tính, trọng điểm không nằm ở bóc trần cái ác, cũng không nằm ở bóc trần cái thiện, mà viết ra sự phức tạp của nhân tính. Vương Hy Phượng tại Thiết kham tự tham ô chẳng có chút giằng co lương tâm, với Lưu bà bà lại quả thật có lòng cứu giúp; Lâm Đại

Ngọc cá tính phóng khoáng vượt ngoài công lợi, lại lòng dạ nhỏ nhen, còn chế giễu Lưu bà bà là "mẹ loài châu chấu" (母蝗虫); Tình Văn thông minh lanh lợi lòng trong quang minh, lại dùng cây trâm sắc đâm đau tiểu hoàn Trụy Nhi; Tập Nhân dịu dàng hòa hoãn cả đời biết nhường biết nhịn, lại khi Giả Bảo Ngọc mượn nửa bên cây hải đường héo mà khen Tình Văn, thật sự đổi mặt nói lời khó nghe... Nhà "Kim học" giáo sư Vương Nhữ Mai chủ trương đem "Kim Bình Mai" và "Hồng Lâu Mộng" đọc hợp bích, rất có lý. Xét kỹ hai văn bản: "Hồng Lâu Mộng" viết tang sự Tần Khả Khanh, rõ ràng có bóng dáng tang sự Lý Bình Nhi của "Kim Bình Mai"; viết đoàn lộ bộ nghi trượng khi Nguyên Xuân về thăm nhà, cũng rõ ràng có bóng dáng đoàn nghi trượng của Chu Miễn hồi phủ trong "Kim Bình Mai".

Rất nhiều vai trong "Kim Bình Mai" đặt tên theo lối đồng âm ẩn nghĩa, phía trước đã liệt kê rồi, không nhắc lại. Thủ pháp này được "Hồng Lâu Mộng" kế thừa, đặc biệt với những vai bị tác giả chê bai mỉa mai. Như sách viết mấy người quản sự của phủ Vinh Quốc: tổng lĩnh ngân khố phòng tên Ngô Tân Đăng (吴新登, đồng âm "无星戥" tức cân không sao định: thời ấy cân bạc phải dùng cây cân có con sao định trượt để xác nhận trọng lượng; "cân không sao định" nghĩa là hắn cân bạc chẳng đáng tin tí nào); đầu mục kho lương tên Đới Lương (戴良, đồng âm "大量" nghĩa là đong bằng đấu to thả cửa, cũng chẳng đáng tin); còn một người quản mua tên Tiền Hoa (钱华, đồng âm "钱花", đem tiền chủ nhân tiêu xả tay). "Hồng Lâu Mộng" còn có vài người khách thanh nhàn góp vui cạnh chủ phủ Giả Chính: có người tên Chiêm Quang (詹光, đồng âm "沾光", bám bóng hưởng sáng), tên Thiện Sính Nhân (单聘仁, đồng âm "善骗人", giỏi lừa người), tên Trình Nhật Hưng (程日兴, đồng âm ẩn nghĩa "成日助兴", ngày ngày góp hứng), tên Hồ Tư Lai (胡斯来, đồng âm ẩn nghĩa "胡乱肆意来", tùy tiện lung tung mà tới). "Kim Bình Mai" có Bặc Chí Đạo (卜志道, đồng âm "不知道", chẳng biết); "Hồng Lâu Mộng" có Bặc Thế Nhân (卜世仁, đồng âm "不是人", chẳng phải người, là cậu ruột của Giả Vân). Tây Môn Khánh trong "Kim Bình Mai" có bốn tiểu đồng Cầm, Kỳ, Thư, Họa; "Hồng Lâu Mộng" thì có bốn a hoàn (Bảo) Cầm, (Tư) Kỳ, (Đãi) Thư, (Nhập) Họa. Gia nhân nam của Tây Môn Khánh trong "Kim Bình Mai" có Vượng Nhi, Hưng Nhi; gia nhân nam của Giả Liên và Vương Hy Phượng trong "Hồng Lâu Mộng" cũng có Vượng Nhi, Hưng Nhi. Xét riêng kỹ thuật đặt tên vai diễn, cũng thấy rõ quan hệ kế thừa giữa "Hồng Lâu Mộng" và "Kim Bình Mai".

Văn bản "Kim Bình Mai" có những đoạn chữ khiêu dâm, viết thẳng sinh dục, viết thẳng quá trình giao hợp. Một bạn trẻ từng thảo luận với tôi, nó hỏi: văn khiêu dâm có gì mà chẳng viết được? Nó quen thuộc văn học nước ngoài, kể cho tôi vài nhà văn đoạt giải Nobel văn chương có tác phẩm chứa chữ khiêu dâm; hơn nữa một số Hán học gia nó tiếp xúc còn bảo: văn học khiêu dâm ở Trung Quốc hai triều Minh Thanh thực ra từng khá phồn thịnh, xuất hiện không ít tác phẩm xứng danh xuất chúng, như "Nhục Bồ đoàn" của Lý Ngư đầu đời Thanh; văn học khiêu dâm phương Tây là sau khi những tác phẩm Trung Quốc kiểu "Nhục Bồ đoàn" được dịch sang, chịu khơi gợi mới nảy mầm. Ý kiến của nó, để tham khảo. Tôi đáp: tôi có lẽ khá bảo thủ; tôi cho rằng thứ chữ chỉ say sưa viết khiêu dâm thì không thể là văn học hay; văn học dung chứa được khiêu dâm, nhưng phải chừng mực. Theo tôi, văn học hay vẫn nên viết xã hội nhân sinh, thăm dò nhân tính; thứ văn học phi hiện thực, siêu hiện thực hoàn toàn dựng bằng tưởng tượng bay bổng như thiên mã, cũng cho

ra được tác phẩm hay; nhưng so ra, thứ thiên về tả thực hoặc lấy sức tưởng tượng dồi dào soi chiếu hiện thực trong cõi hư ảo vẫn mang giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ hơn. Bạn trẻ hỏi tiếp: nay văn hóa nghe nhìn phát triển thế, phim khiêu dâm, video khiêu dâm chẳng khó kiếm, sao anh còn chủ trương người chưa thành niên đừng xem bản đầy đủ "Kim Bình Mai", sao anh còn tỏ ra thông cảm với cách xuất bản bản lược tiết? Tôi đáp: tôi chủ trương văn hóa nghe nhìn, nhất là chương trình điện ảnh truyền hình, phải phân hạng, phân khung giờ; phân hạng điện ảnh nghĩa là có phim chỉ người trưởng thành mới được xem, có phim người chưa thành niên phải có người lớn đi kèm hướng dẫn mới được xem; truyền hình có thể lập kênh dành cho người trưởng thành, hoặc xếp chương trình phù hợp với người trưởng thành vào khung giờ sau khi trẻ em thường đã ngủ. Còn đọc sách (kể cả sách điện tử), tức đọc chữ, thứ mật mã mà nhà sinh vật học Nga Pavlov gọi là "hệ tín hiệu thứ hai": đối với người biết chữ, khả năng khơi dậy "phiên dịch trong não" của nó không chắc kém quyền lực hơn mật mã nghe nhìn của "hệ tín hiệu thứ nhất". Có những người chưa thành niên, kể cả một số người trưởng thành, nghiện chữ khiêu dâm rồi dẫn đến tự thỏa mãn sinh lý quá mức, rối loạn mất kiểm soát tâm lý; ví dụ cũng chẳng hiếm. Cho nên tôi còn chủ trương đọc "Kim Bình Mai" chớ dính chặt vào những đoạn chữ khiêu dâm; đọc một bản "Kim Bình Mai" đã lược bỏ ít nhiều chữ khiêu dâm, tổn thất không lớn, vẫn thu được lợi ích về nhận thức và thẩm mỹ. Bạn trẻ cười tôi: "Ông cụ quả thật bảo thủ!" Nhưng hai bên trao đổi ngang hàng, qua một phen va chạm mỗi bên giữ quan điểm riêng, cũng vui vẻ đầm ấm.

Trên đây tôi liệt kê rất nhiều phương diện "Hồng Lâu Mộng" chịu ảnh hưởng của "Kim Bình Mai"; vậy phần miêu tả khiêu dâm của "Kim Bình Mai" có ảnh hưởng tới "Hồng Lâu Mộng" hay không? Tào Tuyết Cần, cùng người cộng tác Chi Nghiễn Trai, thuộc "Kim Bình Mai" rất rõ, ước chừng đã đọc qua nhiều lần; nhưng về phần miêu tả khiêu dâm, văn bản "Hồng Lâu Mộng" tự giác vạch ranh giới với "Kim Bình Mai". "Hồng Lâu Mộng" viết chuyện Giả Liên tư thông với đa cô nương, với vợ Bào Nhị, là đoạn "ấy" nhất trong sách; nhưng cũng chẳng viết sinh dục, chẳng viết quá trình giao hợp; tất cả chỉ dăm ba câu, chạm tới là dừng, và viết thế hoàn toàn nhằm khắc họa nhân vật, phục vụ việc nặn ra hình tượng nghệ thuật. Viết chuyện Giả Thụy, nói theo lý có thể trải ra cả đoạn dài chữ khiêu dâm, Tào Tuyết Cần cũng chẳng làm vậy, nắm giữ chừng mực rất khéo. Điều tuyệt vời nhất khiến "Hồng Lâu Mộng" vượt "Kim Bình Mai", là viết ra sự giao lưu tinh thần giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, viết ra tình yêu đích thực; đương nhiên đó chẳng phải tình yêu vô tính, mà là thứ tình yêu phong phú kết hợp hồn xác.

Trước khi đọc "Kim Bình Mai", tôi rất thưởng thức, thán phục một số ngôn ngữ sinh động trong "Hồng Lâu Mộng"; sau khi đọc "Kim Bình Mai" mới thấy nhiều thứ ngôn ngữ ấy đã xuất hiện trong "Kim Bình Mai" từ trước. Ví dụ: "Liều xé xác một mạng, cứ việc đánh cả hoàng đế" (vào "Hồng Lâu Mộng" hóa thành "Chấp xé xác cả thân, dám đem hoàng đế lôi xuống ngựa"); "Dựng chòi dài nghìn dặm, chẳng có bữa tiệc nào không tan"; "rung chuông đánh trống"; "chẳng lo toan nhà cửa"; "xoay mòng mòng"; "giết gà vặn cổ"; "ngậm (giữ) xương (ống) mà hở thịt"; "kẻ quán xuyến (là) hũ nước dơ"; "rải đất còn che mắt người hậu thế" ("Hồng Lâu Mộng" hóa thành "chớ như người trước rải đất che mắt người sau")... Đương nhiên những thứ ngôn ngữ ấy

cũng chưa chắc chỉ có trong văn bản "Kim Bình Mai" trước "Hồng Lâu Mộng"; có khi chúng lưu truyền mãi trong miệng người hai triều Minh Thanh; nhưng nhiều bằng chứng cho thấy, xét riêng mảng ngôn ngữ, việc viết "Hồng Lâu Mộng" quả thật hưởng lợi trực tiếp từ "Kim Bình Mai". Chúng ta đều biết trong cổ bản "Hồng Lâu Mộng" (thường gọi "Thạch Đầu Ký") có rất nhiều lời phê của Chi Nghiễn Trai. Chi Nghiễn Trai không phải người bình điểm tầm thường; bà thực chất là người cộng tác của Tào Tuyết Cần; trong lời phê, bà cũng thu dụng rất nhiều lời ăn tiếng nói của "Kim Bình Mai". Ví dụ "Kim Bình Mai" có một câu đối: "Tuyết ẩn lộ ti phi thủy kiến, liễu tàng anh vũ ngữ phương tri" (cò ẩn tuyết, bay lên mới thấy mình; vẹt giấu liễu, cất tiếng mới hay giọng). Khi bình điểm "Thạch Đầu Ký" hồi bảy, thấy Tào Tuyết Cần viết chuyện Giả Liên với Vương Hy Phượng ân ái hay ở chỗ chẳng viết thẳng mà để độc giả tự ý hội, bà liền mượn câu "liễu tàng anh vũ ngữ phương tri" để hình dung, rất sát nghĩa. "Kim Bình Mai" hồi năm mươi có câu "Mười ngày bán một đòn kim chẳng ai mua, một ngày bán ba đòn giáp lại bán được"; hồi chín mươi ba lại có lối viết "Ba ngày chẳng bán nổi một đòn thật, một ngày bán được ba đòn giả"; Chi Nghiễn Trai trong lời phê cũng dùng một câu ngạn tương tự: "Một ngày bán ba nghìn điều giả, ba ngày chẳng bán nổi một điều thật." "Kim Bình Mai" hồi chín mươi sáu có câu "Tuổi già sắc non chuốc cực khổ, tuổi trẻ sắc non chẳng vững bền", do một đầu đà họ Diệp ở chùa Thủy Nguyệt trong sách nói ra; sau hai câu ấy ông còn thuyết một bài dài, khái quát đại ý là tiên đoán Trần Kinh Tế cuối cùng sẽ "chẳng yểu mệnh thì nghèo khó". Lời phê của Chi Nghiễn Trai ở hồi ba, đúng chỗ viết Giả Bảo Ngọc "mặt như trăng rằm mùa thu, sắc như hoa xuân buổi sớm", bà phê thêm: '"Tuổi trẻ sắc non chẳng vững bền", cùng lời "chẳng yểu mệnh thì nghèo khó", tôi vẫn ghi lòng; nay đọc tới đây, buông tiếng khóc to!' Có thể thấy chẳng riêng Tào Tuyết Cần và Chi Nghiễn Trai thuộc những câu trong "Kim Bình Mai", mà cả bậc trưởng bối của họ cũng từng thuộc lòng "Kim Bình Mai", thường trích những câu ấy kể cho con cháu nghe; Chi Nghiễn Trai khi bình điểm "Thạch Đầu Ký" nghĩ tới những lời ấy, thương cảm đến mức bật khóc thành tiếng. Đương nhiên xét tổng thể, vì "Hồng Lâu Mộng" viết phần nhiều người trong gia tộc quý tộc, ngôn ngữ họ tương đối thanh nhã, trích kinh dẫn điển nhiều hơn; nhà Tây Môn Khánh trong "Kim Bình Mai" dù từng có của có quyền, sống đời say sưa son phấn, nhưng rốt cuộc vẫn thuộc tầng lớp phố chợ, ngôn ngữ tương đối thô tục. Lời đối đáp nhân vật "Kim Bình Mai", tiếng địa phương, nhất là câu nói hai vế (歇后语), rất nhiều, đọc lên cay nồng chua xót, tươi sống dữ dội; nói thật, tôi thấy thường còn hơn "Hồng Lâu Mộng": như thấy người, như nghe tiếng, sinh động hơn, đã đời hơn. "Kim Bình Mai" thi thoảng có vẻ dùng câu nói hai vế quá nhiều: như sau khi Quan Ca Nhi chết, Phan Kim Liên đứng sau vách mượn tiếng mắng tiểu hoàn mà phun ra cả một chuỗi dài, hơi có vẻ chắp nối. "Hồng Lâu Mộng" cũng có một số câu nói hai vế đặc sắc, giàu sáng tạo, như "Lấy gỗ hoàng bách làm dùi khánh: mặt ngoài sang trọng, ruột bên trong đắng".

Dù "Hồng Lâu Mộng" chịu ảnh hưởng sâu đậm của "Kim Bình Mai", không có "Kim Bình Mai" khai sáng trước thì cũng không có sự vượt lên của "Hồng Lâu Mộng", nhưng văn bản hai bộ tiểu thuyết trường thiên ấy khác nhau vẫn rất lớn. "Kim Bình Mai" lạnh, "Hồng Lâu Mộng" nóng; "Kim Bình Mai" thi thoảng chẳng phân phải trái, "Hồng Lâu Mộng" yêu ghét phân minh; "Kim Bình Mai" không có khát vọng tối hậu, "Hồng

Lâu Mộng" tràn đầy lý tưởng và hy vọng nóng bỏng; "Kim Bình Mai" chỉ là tả thực phác bạch, "Hồng Lâu Mộng" có tưởng tượng lãng mạn... Những điều ấy đều đáng để chúng ta lưu tâm.

# Chuyện Hồng

**1**

Đầu năm 2004, tôi bắt đầu viết hồi ký. Một người thường chỉ khi cảm thấy những việc trọng đại trong đời đã qua hết, mới có nổi cái tâm thế để viết hồi ký. Khi đặt ngòi bút xuống dòng đầu tiên "tôi bắt đầu hồi tưởng", tâm thế của tôi đúng như vậy. Nhưng nào ngờ, trong những năm tháng tiếp theo vẫn còn có "chuyện mới" đón chờ tôi, một thời gian làm tôi rối bời tâm trí, việc viết hồi ký buộc phải tạm dừng.

Mọi chuyện bắt nguồn từ một cuộc điện thoại. Khoảng cuối hạ năm 2004, điện thoại để bàn reo lên, tôi tiện tay nhấc máy, hóa ra là Phó Quang Minh của Quán Văn học hiện đại gọi đến. Trước đó ông ấy đã nhiều lần gọi điện mời tôi sang quán của họ giảng những điều tâm đắc khi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Lời mời đầu tiên, tôi nhớ là năm 2002; lúc ấy mấy cuốn "Cái chết của Tần Khả Khanh", "Cái chết của Giả Nguyên Xuân", "Cái chết của Diệu Ngọc" cùng các bài viết liên quan đến Hồng của tôi đã sớm tập hợp thành sách xuất bản, và năm 1999 được sửa chữa tái bản dưới nhan đề "Bí ẩn tam thoa Hồng Lâu". Ông thấy vậy cho rằng tôi có thể đến quán của họ trò chuyện với những người yêu thích Hồng Lâu Mộng. Tôi cứ từ chối mãi. Chẳng có lý do gì đặc biệt, tôi chỉ trả lời ông ấy: "Bây giờ lười đi nói lắm." Phó Quang Minh tính tình hiền lành, mỗi lần bị tôi khước từ, trong giọng đáp lại chẳng nghe ra chút nào sự bực dọc, luôn nói: "Thế thì thôi, bây giờ chưa nói vậy. Nhưng tôi vẫn hy vọng anh sẽ đến giảng. Để lát nữa tôi gọi điện lại hẹn anh nhé?" Với cái tính hiền lành ấy, dù tôi lập dị đến đâu cũng khó tránh khỏi bị hóa mềm. Hôm ấy hẳn là lòng tôi mềm hẳn: "Thôi được. Có lỗi với anh vì anh không chê tôi, lần này tôi sẽ đi giảng."

Khoảng mùa thu năm 2004, tôi nhận lời đến Quán Văn học hiện đại, giảng những điều tâm đắc của mình khi xuất phát từ Tần Khả Khanh để giải mã trong văn bản Hồng Lâu Mộng cái "chân sự ẩn, giả ngữ tồn". Hôm ấy phòng diễn thuyết kín chỗ. Ghế cũ không đủ, lại phải chuyển thêm mấy chiếc từ phòng họp khác sang. Nghe nói có khán giả xem tin dự báo rồi từ Thiên Tân lặn lội đến chỗ.

Tôi không có bài giảng, chỉ có một tờ giấy phác đề cương, cứ thế mà nói chuyện. Khi đang giảng, tôi thấy có người quay phim nhưng cũng chẳng để tâm. Tôi biết thiết bị của Quán Văn học hiện đại tân tiến, "trang bị tận răng", chắc chỉ ghi hình lại làm tư liệu lưu trữ của quán thôi. Sau này mới hay, lúc ấy Quán Văn học hiện đại đang hợp tác với tổ chuyên mục "Bách gia giảng đàn" của CCTV-10 (kênh Khoa giáo), tuyệt đại đa số các bài giảng sau khi biên tập sẽ được sắp xếp phát sóng như chương trình của "Bách gia giảng đàn".

Một thời gian sau, bỗng thấy CCTV-10 "Bách gia giảng đàn" phát sóng loạt chương trình "Hồng Lâu Mộng lục nhân đàm". Phần giảng của tôi được đưa vào đó, cắt thành hai tập trên dưới; xem theo giờ dự báo thì thấy biên tập rất tốt, lời dẫn giữa các phần cũng vừa phải, hình ảnh chèn vào, nhạc nền phối thêm đều khá hấp dẫn. "Bách gia giảng đàn" không thông báo trước cho tôi về chuyện này, cũng chẳng phải chuyện quá

đáng; tìm lại bản thỏa thuận ký với Quán Văn học hiện đại, lúc ấy tôi không đọc kỹ, trên đó có một điều khoản đại ý là diễn giả đồng ý để quán dùng tư liệu ghi hình cho mục đích phổ biến văn hóa. "Bách gia giảng đàn" đã có thỏa thuận hợp tác riêng với Quán Văn học hiện đại, việc tận dụng tư liệu quay các bài diễn thuyết tại quán là chuyện hợp tình hợp lý.

Tưởng rằng hai tập chương trình ấy phát xong là xong, tôi có thể quay lại yên tâm viết tiếp hồi ký; nào ngờ chuyện ấy không những không phải điểm kết thúc, mà lại là khúc dạo đầu của một trận phong ba lớn.

**2**

Từ đó "Bách gia giảng đàn" không còn hợp tác với Quán Văn học hiện đại nữa, mà chủ động liên lạc với tôi, nói rằng sau khi "Hồng Lâu Mộng lục nhân đàm" phát sóng, hai tập của tôi có tỷ suất xem khá cao. Chương trình truyền hình sản xuất ra là cho khán giả tay cầm điều khiển từ xa xem; khán giả xem được vài phút mà bị cuốn hút, không bấm điều khiển chuyển kênh, thì chương trình coi như không làm uổng. Để tiếp tục phục vụ khán giả, cung cấp cho họ những chương trình thích nghe muốn xem, tổ chương trình sau khi nghiên cứu quyết định mời tôi triển khai đầy đủ nội dung hai tập ấy thành một loạt chương trình.

Ban đầu, tôi vẫn như lệ thường từ chối.

Hình ảnh của tôi lên hình chẳng được đẹp. Tôi xấu hổ việc ra mặt phô trương. Tôi không cần dựa vào truyền hình để tăng thêm danh tiếng. Tôi hiểu những điều tâm đắc trong nghiên cứu Hồng học của mình cách xa Hồng học chính thống. Tôi không muốn vướng vào những tranh cãi ồn ào. Tôi muốn làm những việc khác mà mình thích, ví dụ viết hồi ký. Nói tóm lại, tôi lười đến chỗ họ ghi hình cái loạt chương trình gì đó.

Dở là, lời từ chối của tôi vẫn chưa đủ cứng rắn. Tôi không từ chối việc gặp gỡ các biên đạo trong tổ chương trình. Tôi nghĩ rằng, từ chối qua điện thoại có lẽ quả thật tỏ ra thiếu thiện chí với người; đối diện mà nói cho họ biết tính tôi vốn phóng túng quái dị như vậy, tôi không ghi hình chương trình, không phải phủ nhận công sức vất vả của họ; thực ra có những chương trình của "Bách gia giảng đàn" tôi vẫn xem và thấy cũng hay, mong họ thông cảm cho tính tình của tôi, đồng thời đừng hiểu lầm sự tôn trọng và thiện ý của tôi dành cho họ. Vậy cả chúng ta gặp nhau một mặt, nói cho rõ ràng, sau khi "một tiếng cười xóa tan hiểu lầm", rồi thì "phân chia hai ngả từ nay, giữ lấy bình yên riêng", được không?

Trong buổi gặp, những "đạo lý lớn" của họ cũng như "đạo lý vừa" đều không lay chuyển nổi tôi. Cuối cùng khiến tôi mềm lòng chẳng phải "đạo lý nhỏ", mà là "chuyện nhỏ". Vài biên đạo kia phần đông thuộc thế hệ "70", làm việc ở Đài Truyền hình Trung ương, không còn được hưởng cơ chế "bát cơm sắt" ngày xưa, mà thuộc diện hợp đồng thuê; đứng vững nổi ở chỗ đó hay không phải xem thành tích công tác, mà chỉ tiêu quan trọng của thành tích công tác chính là tỷ suất xem của chương trình ghi hình. Đài thi hành "chế độ loại cuối bảng" với các chuyên mục, nghĩa là nếu chuyên mục của bạn liên tục một thời gian đứng bét về tỷ suất xem, cả chuyên mục sẽ bị bãi bỏ; "da chẳng còn, lông gắn vào đâu được?" Chuyên mục bị xóa, đến nhà sản

xuất cũng phải tìm lối khác mưu sinh, huống hồ gì biên đạo thường? Nguyên trước đây tôi chẳng tán đồng việc đài ấy lấy tỷ suất xem làm chuẩn mực duy nhất, thực hiện "loại cuối bảng"; tôi cho rằng có chương trình tuy tỷ suất xem thấp nhưng nội dung tốt, hình thức cũng khá, đáng giữ lại hết mức có thể. Huống hồ nghe nói hệ thống "Tố Phúc Thụy" (CSM) mà họ căn cứ để phán đoán tỷ suất xem thì số điểm khảo sát hết sức hạn chế, chưa chắc phản ánh chuẩn xác thiện ác yêu ghét của đông đảo khán giả. Tôi từng chấp nhận cách nói "tỷ suất xem là khởi nguồn của mọi điều ác". Nhưng hôm ấy, thứ đối diện với tôi là mấy sinh mạng hồng hào đang sống. Họ cần làm ra những chương trình có tỷ suất xem tương đối cao để bảo đảm quyền lợi cơ bản của mình. Tôi nhớ lại từng đến chuyên mục "Bác vật" của kênh họ, tham gia ghi hình một kỳ nói về cây như ý, cũng từng phát sóng; hỏi ra mới hay, chuyên mục ấy đã bị bãi bỏ vì tỷ suất xem đứng bét, các biên đạo trong đó cũng gió thoát mây tan, "ai nấy phải tự đi tìm cửa sống riêng". Nữ biên đạo đã biên tập hai tập của tôi trong "Hồng Lâu Mộng lục nhân đàm", trong mắt tôi vẫn là một cô bé gái; trò chuyện mới hay cô đã rời quê ra Bắc Kinh phấn đấu được mấy năm, quyết tâm mua lấy một căn hộ chung cư ngoài vành đai bốn, tiền đóng trước không ít, hàng tháng còn phải trả khoản vay mua nhà cũng chẳng nhỏ... Với tôi, tỷ suất xem chỉ là một "chủ đề" có thể khen chê tùy ý; với cô ấy, tỷ suất xem lại là nhân tố để an thân lập mệnh! Lòng tôi đã mềm, bèn trái với ý định ban đầu, trong cơn xúc động vỗ ngực quyết luôn: "Mình ghi hình thôi! Phải giảng sao cho khán giả thích nghe thích xem, kéo tỷ suất xem lên!"

**3**

Đầu năm 2005, tôi lần lượt ghi hình 23 tập loạt chương trình "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng", "Bách gia giảng đàn" sắp xếp phát mỗi tuần cuối một tập. Sau này có người viết sách, kể rằng biên đạo "Bách gia giảng đàn" trong lúc ghi hình thường ngắt lời kể của tôi, đòi tôi kể lại theo yêu cầu của họ, tả cảnh ghi hình ấy đơn giản là đem bạn đặt lên chiếc giường của quỷ dữ: dài quá thì họ cưa bớt, ngắn quá thì họ nặn kéo dài ra. Điều ấy không đúng với thực tế ghi hình của tôi. Trước khi ghi hình, tôi chỉ có bản thảo trong bụng; viết ra chỉ là một xấp giấy vụn, trên đó là đề cương đơn giản cùng những đoạn trích nguyên văn Hồng Lâu Mộng và tài liệu liên quan cần dẫn dụng; đến hiện trường, tôi thường lại bỏ sót những gì liệt kê trong đề cương, mà linh cơ chợt nảy bổ sung vào không ít; hơn nữa tôi không thể nào hoàn tất phần kể trong thời gian quy định (45 phút), lần nào cũng quá giờ, có lúc vượt hẳn gấp đôi; nhưng các biên đạo (kể cả đạo diễn tại trường) chưa bao giờ ngắt lời tôi, lúc nào cũng giữ đúng lời hứa hẹn từ trước: "Thưa ông Lưu, ông cứ nói thoải mái, vui vẻ là được!" Dù phần ứng khẩu của tôi rất cao, lại quen quá giờ, nhưng họ sau khi ghi hình nhiều lời khen ngợi khích lệ: "Trôi chảy tự nhiên, không có câu cụt vụn, cử chỉ tay chân vừa vặn, những lúc bước sân khấu thỉnh thoảng (ví dụ khi giải thích 'rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm') vô cùng sinh động, toàn bộ phần kể mạch logic chặt chẽ, tựa bóc măng từng lớp, nút thắt nối nhau khiến người nghe nghiện..." Tôi hỏi liệu việc quá giờ có gây phiền phức lúc biên tập không, họ đáp: "Chúng tôi thích cắt dựng chương trình của ông, chẳng có chỗ nào cần vá víu; chỉ có lúc thật lòng không nỡ cắt bớt vài nội dung, cứ nghĩ cắt đi thì tiếc; song do quy định cứng về thời lượng chương trình nên đành phải ra tay tàn nhẫn cắt bỏ; còn chuyện ông 'quá giờ lớn' thì chúng tôi lại mừng ngoài mong muốn, vì có thể thuận tiện thay đổi kế hoạch ban đầu, một tập định sẵn hóa thành hai tập..." Thế là tôi và các biên đạo trong tổ ấy cộng tác rất ăn ý, mỗi

lần giảng xong tôi giao xấp giấy vụn cho họ. Họ dựa theo bản ghi hình, đối chiếu đề cương và đoạn trích trên giấy, trước tiên dựng thành bản chữ của chương trình, trong đó có lời mở lời kết và lời dẫn do họ chấp bút, gửi qua thư điện tử cho tôi; tôi sửa xong lại phản hồi cho họ. Sau này tôi xuất bản bốn bộ sách, phần lớn chữ trong đó chính là dựa trên bản chỉnh sửa chương trình ấy mà gia công thêm.

Sau khi loạt chương trình "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" phát sóng, tỷ suất xem vọt lên, nghe nói tỷ suất xem bình quân chung trở thành mức cao nhất trong các chuyên mục thời gian ấy. Những năm ấy loạt giảng lịch sử Thanh của Diêm Sùng Niên cũng vọt tỷ suất xem, "Bách gia giảng đàn" trong một thời gian trở thành một trong những chuyên mục khiến khán giả thích nghe muốn xem, nhà sản xuất Vạn Vệ tiếng thơm lừng lẫy, các biên đạo cũng ngẩng đầu thở phào; khỏi phải nói, gót chân của họ trong đài đứng vững vàng lắm rồi. Sau này tôi và Vạn Vệ có một lần trao đổi, hình thành vài điểm nhận thức chung: chương trình truyền hình thuộc văn hóa đại chúng, tuy cũng phải chăm sóc cả hai cực trí thức cao cấp và người mù chữ, nhưng đối tượng phục vụ vẫn là quần chúng trình độ văn hóa trung bình; "Bách gia giảng đàn" không phải bê giảng đường văn học đại học lên màn ảnh, nó đương nhiên có trách nhiệm lan tỏa văn hóa, nhưng bắt buộc phải có tính giải trí nhất định, tức dễ hiểu, dễ rõ, thú vị, cuốn hút; có người phê bình "Bách gia giảng đàn" biến thành "trường thuyết thư", đương nhiên phải đề phòng các bài giảng trong chuyên mục một mực cầu thú vị mà đánh mất nội hàm văn hóa; nhưng tiếp thu đặc điểm gần gũi quần chúng của nghệ thuật thuyết thư truyền thống, lấy nó làm "chai" để đựng "nước" văn hóa, có lợi cho khán giả tay cầm điều khiển thấy "giải khát" mà không bấm chuyển kênh ngay, từ đó buộc chặt khán giả, thậm chí nuôi dưỡng ra một đội "fan" cho chuyên mục.

Loạt "giải mã" mỗi tuần phát một tập, hướng đi tổng của nút thắt bí ẩn là: "Nguyên mẫu của hình tượng nghệ thuật Tần Khả Khanh trong Hồng Lâu Mộng rốt cuộc là ai?" Nhưng khán giả nghe mãi nghe mãi, thấy sắp hé lộ đáp án rồi, lại mọc ra nhánh mới, vẫn không có màn "lật bài ngửa" cuối cùng; trong thời gian ấy nghe nói luôn có khán giả nhiệt tâm hỏi nhau: "Thật ra thân phận thật của Tần Khả Khanh là gì? Tập tới có biết ngay kết luận không?" Có người sốt ruột đến sinh khí, có người càng nghe càng hoài nghi, nhưng càng giận càng ngờ họ càng nghe tiếp. Mục đích giảng của tôi, mục đích "Bách gia giảng đàn" ghi hình phát sóng loạt chương trình này, đều không phải bắt khán giả nhất định phải chấp nhận quan điểm của tôi (chuyện này từ lời dẫn của biên đạo và những tuyên bố kiểu "tôi chưa chắc đúng, chỉ để anh/chị tham khảo" mà tôi lặp đi lặp lại trong bài giảng có thể chứng minh), mà là kích thích khán giả mở cuốn Hồng Lâu Mộng nguyên thư ra đọc. Mục đích ấy quả nhiên đạt được; có tư liệu cho thấy, trong giai đoạn ấy doanh số bán các phiên bản Hồng Lâu Mộng trong nhà sách tăng mạnh.

Lúc ấy các bài giảng nhiều đề tài khác nhau của "Bách gia giảng đàn" đều được hoan nghênh, sau này càng tạo cao trào lớn với loạt giảng Tam Quốc của Dịch Trung Thiên và loạt giảng Luận ngữ của Vu Đan; "Bách gia giảng đàn" trở thành chuyên mục thương hiệu của Đài Truyền hình Trung ương, Vạn Vệ sau đó nhờ vậy được thăng chức, các biên đạo của chuyên mục cũng phần đông trở thành trụ cột của kênh.

Tuy nhiên, những điều không vui của tôi lại kéo đến dồn dập.

**4**

Tôi sớm trở thành một sự tồn tại ven rìa của giới văn đàn. Tôi từng nổi, nhưng chuyện ấy đã thành chuyện xưa xa vời vợi. Từ sau năm 2004, định vị của tôi cho bản thân rất rõ ràng: chỉ là một "người lãnh lương hưu". Tôi quen, và vui lòng sống cuộc đời không ai chú ý tới. Tôi vẫn viết, năm nào cũng vẫn xuất sách; đó là cách tôi tiêu hao sinh mệnh của mình. Tôi hình dung việc viết của mình như trồng "bốn gốc cây": cây thứ nhất là "cây tiểu thuyết", cây thứ hai là "cây tùy bút bút ký", cây thứ ba là "cây phê bình kiến trúc", cây thứ tư mới là "cây nghiên cứu Hồng Lâu Mộng".

Tuy nhiên, loạt giảng "giải mã" trên "Bách gia giảng đàn" lại khiến tôi bất ngờ nổi danh trở lại. Dù tôi từ chối mọi cuộc phỏng vấn, các trang báo đô thị vẫn không tiếc khoảng trắng đăng tin, bàn luận chuyện giảng về Hồng Lâu Mộng của tôi. Trên mạng cũng náo nhiệt lắm. Tất nhiên cũng có bài trên tạp chí, chẳng hạn "Nghiên cứu văn nghệ" còn đăng chuyên tập công kích dữ dội bài giảng của tôi. Cái điện thoại nhà tôi chuông này nối chuông kia; rút dây điện thoại ra thì lại bỏ lỡ những cuộc gọi quan trọng của thân bằng cố hữu chẳng dính gì đến vụ này. Tôi muốn yên tĩnh, nhưng khó mà yên tĩnh được. Phiền muộn ngày một tăng.

Có những bạn trẻ vốn chẳng biết tôi là ai, họ phát hiện ra tôi vì tôi lên "Bách gia giảng đàn". Có người trở thành "fan" của tôi, nhưng kiểu hâm mộ của họ thỉnh thoảng khiến tôi trợn tròn mắt. Hai mươi ba tập "giải mã" phát xong, sách của tôi cũng xuất bản phát hành; nhà xuất bản tổ chức buổi ký tặng ở hiệu sách Tân Hoa phố Vương Phủ Tỉnh, chợt thấy một thanh niên dán trên lưng tấm băng khẩu hiệu bằng giấy điện hình trái tim: "Em yêu Lý Vũ Xuân, yêu Lưu Tâm Vũ hơn nữa". Tôi thì vẫn biết Lý Vũ Xuân là quán quân cuộc thi "Siêu nữ", nhưng chẳng hề vì tấm khẩu hiệu ấy mà cảm động đến run rẩy, ngược lại hơi lóng ngóng bối rối. Lại chợt thấy một cô gái trên lưng dán khẩu hiệu "fan cấp tro cốt của Lưu Tâm Vũ", thật sự giật mình toát mồ hôi. "Tro cốt"? Là nguyền rủa tôi à? May nhờ biên tập viên nhà xuất bản kịp thời hướng dẫn tại chỗ, bảo tôi rằng "fan cấp tro cốt" nghĩa là mức độ sùng bái cao nhất, là lời tụng ca chứ không phải lời nguyền. Ngược với những người sùng bái ấy, có cư dân mạng cực kỳ phản cảm, kiên quyết bài xích tôi; họ khoác "mã giáp" (nick ẩn danh) lên mạng dùng thứ ngôn ngữ khắc nghiệt nhất chế giễu thậm chí chửi bới tôi. Một cách nói phổ biến là: gã tên Lưu Tâm Vũ này đang mượn cách đó mưu cầu nổi tiếng, mưu cầu tiền bạc. Tôi không khỏi thấy oan. Thật ra tôi cũng từng là người có tiếng tăm, cũng đã kiếm được không ít tiền nhuận bút, tiền bản quyền, mà chỉ riêng lương hưu của tôi cũng đủ cho tôi sống một cuộc sống đàng hoàng. Việc tôi đến "Bách gia giảng đàn" giảng, vốn là chuyện "ghép đôi cưỡng ép", chẳng phải do tôi tự mình mưu cầu mà ra.

Còn có lời chỉ trích "trốn tránh hiện thực, chui đầu vào đống giấy cũ", "viết tiểu thuyết không nổi rồi chạy sang Hồng học quậy phá"; lại lấy tôi làm ví dụ, nói rằng: "Hồng Lâu Mộng là rác rưởi văn hóa, một bộ tiểu thuyết đồi trụy, trong đó ngoài chuyện tình duyên còn có gì nữa? Vậy mà nuôi sống được cả một đám người! Có kẻ lại đi ăn cơm bằng cái gọi là nghiên cứu Hồng học, đáng xấu hổ! Đáng khinh!" Tôi đương

nhiên càng thấy oan hơn. Trong lúc đăng các bài viết liên quan đến Hồng, tôi vẫn viết và đăng không ít trung và đoản thiên tiểu thuyết phản ánh nỗi khổ dân gian, khắc họa nông dân công và công nhân thất nghiệp thành thị, như "Cô gái Lọ Lem bên sông hộ thành", "Bụi và mồ hôi", "Đứng trên băng", "Gà xào đàn bà dữ" v.v.; Nhà xuất bản Nhân dân Văn học đã in tập tiểu thuyết lấy nhan đề "Đứng trên băng"; những tác phẩm ấy có bài đăng ở Đài Loan, có bài được dịch sang tiếng Pháp xuất bản ở Pháp, vậy sao lại bảo tôi không viết tiểu thuyết quan tâm hiện thực nữa? Chỉ là cái "cây tiểu thuyết" và hai cây khác tôi trồng, giữa chuyện thị phi do "Bách gia giảng đàn" gây ra, đã bị "cây nghiên cứu Hồng Lâu Mộng" che khuất mất rồi thôi!

Những điều không vui ấy, chỉ có thể chậm rãi tiêu hóa trong những ngày tháng trôi qua.

Nhưng trong làn sóng phê phán, chế giễu thậm chí chửi rủa ấy, tôi cũng hình thành một giác ngộ mới: Hồng Lâu Mộng với tư cách kinh điển văn hóa của dân tộc chúng ta còn xa mới hình thành nổi sự đồng thuận toàn dân; bởi vậy, không chỉ tôi, mà phải có nhiều người hơn nữa đứng ra quảng bá Hồng Lâu Mộng, đặc biệt phải để thế hệ trẻ hiểu rằng mỗi dân tộc đều có những văn bản kinh điển khiến mình tự hào. Ở Ấn Độ, là các vở kịch của Kalidasa như Sakuntala; ở nước Anh, là kịch và sonnet của Shakespeare; ở thế giới Ả Rập, là Nghìn lẻ một đêm; ở Ý, là Thần khúc của Dante; ở Tây Ban Nha, có Don Quixote; ở Pháp, là Les Misérables (Những người khốn khổ) của Hugo, đương nhiên còn kể được nhiều hơn nữa; ở Nga, là Chiến tranh và hòa bình của Tolstoy, cũng đương nhiên còn kể được nhiều hơn nữa; ở Nhật Bản, là Truyện Genji của Murasaki Shikibu; ở Triều Tiên và Hàn Quốc, Truyện Xuân Hương với tư cách kinh điển văn hóa dân tộc của họ chẳng hề bị chia sẻ vì đối đầu chính trị; ở Mỹ, có thể kể tiểu thuyết của Mark Twain v.v.; trong nền văn học tiếng Đức, Goethe, Schiller cùng tác phẩm của họ khỏi phải nói, còn có Truyện hóa thân của Kafka v.v... Hồng Lâu Mộng của Trung Quốc chúng ta hội tụ tinh hoa văn hóa từ dòng văn hiến thời Tiên Tần, thơ Đường từ Tống, đến hí khúc Nguyên Minh, lại có thể coi là bộ bách khoa toàn thư của xã hội truyền thống Trung Quốc; tác giả Tào Tuyết Cần trong tác phẩm đã nêu lên câu hỏi tối hậu "Lẫng dẫng trên đời khéo khổ công", rồi qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc hồi đáp câu hỏi ấy, nêu lên lý tưởng xã hội "thế pháp bình đẳng", cổ vũ độc giả theo đuổi cuộc sống thi vị đầy tình chân thực... Rất nhiều người, đặc biệt là một số bạn trẻ hiểu phiến diện về Hồng Lâu Mộng, phần nhiều vì họ chưa đọc, hoặc nói cách khác chưa đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng; ấn tượng của họ về tác phẩm đại khái đến từ sân khấu hí khúc, điện ảnh, phim truyền hình dài tập, truyện tranh liên hoàn ("tiểu nhân thư"), thậm chí từ chuyện nghe đồn. Tuyệt đối không thể gói Hồng Lâu Mộng thành một "tiểu thuyết tình yêu", không thể gọi là "tác phẩm đồi trụy", không thể khinh miệt là "rác rưởi"; đó là một thái độ hư vô chủ nghĩa đối với văn hóa truyền thống dân tộc. Một dân tộc nuôi sống một nhóm người chuyên nghiên cứu, quảng bá kinh điển văn hóa dân tộc mình là chuyện hết sức bình thường, sao lại coi là đáng xấu hổ, đáng khinh được? Năm 1977 khi viết "Chủ nhiệm lớp", trong lòng tôi có một nỗi lo âu: cảm thấy "Cách mạng văn hóa" đã tạo ra đứt gãy văn hóa, đến nỗi ngay cả bí thư đoàn được công nhận là phẩm chất ưu tú cũng động tí đã chỉ trích văn chương trước "Cách mạng văn hóa" và văn chương nước ngoài là "sách vàng". Qua tác phẩm ấy, tôi đã kêu lên tiếng hô "cứu lấy trẻ em!". Vậy

mà ba mươi mấy năm qua đi, tôi vẫn còn nỗi lo âu: không ít bạn trẻ không thừa nhận Hồng Lâu Mộng, không coi là báu vật văn hóa dân tộc, thậm chí khinh bỉ là "quyển sách rác". Cũng như khi viết "Chủ nhiệm lớp", tôi vẫn xuất phát từ trách nhiệm xã hội, lấy thân phận "người lãnh lương hưu", chạy vạy hô hào quảng bá Hồng Lâu Mộng; xét cho cùng vẫn là "cứu lấy trẻ em!".

Sự hiểu lầm, chê ghét, công kích, châm biếm của những người bình thường, gồm cả thế hệ trẻ, đối với việc tôi nghiên cứu và giảng về Hồng Lâu Mộng, tuy làm tôi uất ức, nhưng chưa đến mức khiến tôi phẫn nộ.

Còn chuyện khiến tôi phẫn nộ đến mức mất cả bình tĩnh, cuối cùng cũng xuất hiện.

**5**

Nước chúng ta có cơ quan chuyên nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Đó là trong Viện Nghiên cứu Nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa có một Viện nghiên cứu Hồng Lâu Mộng (Hồng học sở); dựa trên nền tảng ấy lại phái sinh ra Hội Hồng Lâu Mộng; lãnh đạo của hai nơi từ lâu kiêm nhiệm lẫn nhau. Bản chất, việc quảng bá Hồng Lâu Mộng tới quần chúng là công việc chính của Hồng học sở và Hội Hồng học, nhưng lâu nay công tác của họ ở phương diện này chẳng có gì đáng kể.

Có người cho rằng tôi chui vào "Bách gia giảng đàn" của CCTV-10 giảng về Hồng Lâu Mộng là "quạ chiếm ổ chim loan". Chuyên gia giáo sư mới là người phải giảng chứ! Sao đến lượt cậu? Cậu có tư cách gì? Bản thân tôi quả thật thấy mình chưa đủ tư cách. Ở đầu bài đã kể rồi: khi Phó Quang Minh mời tôi sang Quán Văn học giảng điều tâm đắc nghiên cứu Hồng, ban đầu tôi căn bản không biết bài giảng ấy sẽ được biên tập phát lên "Bách gia giảng đàn". Sau đó đi ghi hình 23 tập loạt "giải mã" ấy, cũng là từ chối trước rồi được cảm hóa mới miễn cưỡng nhận lời. Nhiều người không biết, tôi cũng về sau mới rõ: thực ra trước tôi, Quán Văn học và chuyên mục "Bách gia giảng đàn" đã gần như bắt gọn trong một lưới tất cả chuyên gia học giả nghiên cứu Hồng Lâu Mộng có thể mời được. Kể cả Phùng Kỳ Dung, Lý Hy Phàm từng đảm nhiệm lãnh đạo Hồng học sở và Hội Hồng học lâu năm cùng các chuyên gia trong sở trong hội, cả Chu Nhữ Xương vốn đã rút khỏi Hồng học sở từ lâu, các giáo sư đại học, cả Vương Mông v.v., đều đã ghi hình chương trình, đều đã phát sóng, và đều do Tổng công ty Truyền hình Quốc tế Trung Quốc chế thành đĩa phát hành trong ngoài nước, chỉ là ồn ào không lớn. Nghe nói có chương trình ghi hình của chuyên gia Hồng học sở tỷ suất xem cực thấp, cá biệt có người tỷ suất xem bằng không. Thực ra tôi là người được tìm đến lấp chỗ trống trong tình huống tổ chương trình cạn kiệt tư nguyên, qua sự giúp đỡ của Phó Quang Minh. Vạn không ngờ, bài giảng của tôi lại kéo về tỷ suất xem vọt lên.

Các chuyên gia Hồng học sở và Hội Hồng học cực kỳ bất mãn với việc ghi hình phát sóng loạt "giải mã" của tôi. Họ thông qua truyền thông tiến hành cuộc "đánh hội đồng" đối với tôi, như giới truyền thông sau này gọi vậy. Trong đó một chuyên gia nói: cậu có thể nghiên cứu "Tần học" trong phòng sách của mình, cũng có thể đăng báo, xuất sách, nhưng cậu không được lên đài truyền hình giảng cái quan điểm của mình. Cách nói ấy khiến tôi không vui. Truyền thông nghĩ đủ cách tìm đến tôi, hỏi tôi đáp trả ra sao? Tôi liền nói mình là

công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, có quyền công dân nhận lời mời (tôi nhấn mạnh là đài truyền hình mời tôi chứ không phải tôi gắng ép lên truyền hình) đến đài ghi hình chương trình; còn chương trình ghi hình xong họ có phát hay không, tự có một bộ chế độ duyệt xét của họ ở đó, chẳng còn dính gì đến tôi nữa. Truyền thông có được lời của chuyên gia và lời đáp của tôi, liền làm cả trang báo tin tức, tiêu đề có lúc cứ chèn vào giữa vị chuyên gia và tôi cái ký hiệu "VS" to đùng. Quan điểm "Tần học" của tôi quả thật đáng để thương nghị; giai đoạn ấy cũng có một số phê bình liên quan tranh biện với tôi về quan điểm cụ thể, nhưng chuyện tôi có tư cách lên "Bách gia giảng đàn" hay không, một thời gian thành chủ đề lớn nhất.

Lúc ấy Vạn Vệ và các bạn dường như cũng cảm nhận được áp lực bất thường. Bản chất nội dung chương trình của họ hoan nghênh phê bình, càng vui khi tạo ra tranh biện, nhưng nút thắt vấn đề biến thành họ có mời sai người, làm sai chuyện hay không, thế là vượt khỏi phạm vi học thuật. Bản chất sau khi tôi ghi hình xong phần kể về Tần Khả Khanh, Giả Nguyên Xuân, Diệu Ngọc, họ còn dự định mời tôi tiếp tục đáp ứng mong muốn của khán giả nhiệt tâm, giảng tiếp các hình tượng nữ giới trong "Kim Lăng thập nhị thoa" như Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Sử Tương Vân, cùng Giả Bảo Ngọc nữa. Bản thân tôi không muốn sa sâu thêm vào xoáy dư luận, họ cũng thấy sự việc đến bước ấy vẫn nên cẩn trọng là hơn, bèn không ghi hình tiếp xuống nữa; tình huống này sau đó bị một số truyền thông gọi là "Lưu Tâm Vũ sau khi bị 'đánh hội đồng' đã bị 'chém đứt đôi'". Người ta chú ý thấy, "Bách gia giảng đàn" lại đặc biệt mời Chu Tư Nguyên đến, mời ông ghi hình một loạt bài giảng bác bỏ tôi, kịp thời sắp xếp phát sóng. Có phóng viên dán mắt vào tôi hỏi: anh thấy gì về lời bác bỏ của Chu? Tôi nói tôi đã xem, thấy ông ấy rất nhã nhặn phong thái học giả, quan điểm của ông cũng rất đáng để khán giả tham khảo; lời dưới còn chưa dứt, phóng viên đã mất hứng thú phỏng vấn tiếp. Ông ta biểu thị: cậu khen người bác bỏ cậu là "nhã nhặn", vậy chúng tôi đưa tin còn có ý nghĩa gì nữa? Chúng tôi mong là cậu đấu với hắn một trận "PK"!

Sự việc nếu dừng lại ở đây cũng coi như xong. Nhưng có người báo cho tôi biết: số 6 năm 2005 tạp chí "Hồng Lâu Mộng học san" của Hồng học sở khác thường đăng đề mục đầu bài cuộc phỏng vấn dài ký của phóng viên tạp chí với Phùng Kỳ Dung và Lý Hy Phàm, vu bài giảng của tôi trên "Bách gia giảng đàn" lên thành tuyến chính trị từ góc độ chính trị: "Anh phải cẩn thận đấy!"

Tìm đúng số "Hồng Lâu Mộng học san" ấy ra mở ra xem, tôi phẫn uất đến cực điểm.

Bài giảng của tôi đương nhiên có thể bị phê bình, dù là phê phán gay gắt; nếu trong tiền đề học thuật, tôi lẽ ra cũng phải chịu đựng. Nhưng hai vị Phùng, Lý lại tiến hành một bản án chính trị đối với tôi. Hai vị Phùng, Lý mà "lời biên tập" gọi là "những nhà Hồng học có đức cao vọng trọng trong giới Hồng học" ấy, Phùng Kỳ Dung đưa ra phán đoán dứt khoát: "Đài Truyền hình Trung ương phát loại chương trình này là sự hỗn loạn đối với văn hóa xã hội. 'Tần học' của Lưu Tâm Vũ hôm nay đạt đến tình trạng như vậy, hóa thành một vấn đề xã hội, liên quan rất lớn với việc Đài Truyền hình Trung ương đẩy gió thêm sóng... Mong Đài Truyền hình Trung ương coi trọng chuyện này, mong họ đối với xây dựng văn hóa xã hội phải phát huy tác dụng tích

cực, đừng phát huy tác dụng hỗn loạn. Tôi nhắc nhở lãnh đạo Đài Truyền hình Trung ương phải nghiêm túc cân nhắc lưu ý vấn đề này; nếu ai cũng làm bừa như vậy, giới văn hóa chẳng còn là giới văn hóa nữa... Không thể nhìn họ quậy phá mãi như thế được." Theo logic của ông, không những bài giảng của tôi nên cấm phát sóng, "tiêu độc", nhà sản xuất "Bách gia giảng đàn" nên bị xử lý bãi chức, người phụ trách kênh CCTV-10 cũng nên chịu trách nhiệm, ít nhất một phó đài trưởng CCTV nên bị bãi chức vì buông lỏng việc ghi hình phát sóng bài giảng của tôi hình thành "sự hỗn loạn đối với văn hóa xã hội". Lý Hy Phàm thì nói tôi "quấy nhiễu phương hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật"; đó cũng là một tội danh chính trị không nhỏ. Thế hệ trẻ chưa trải qua những "giai cấp đấu tranh trên mặt trận văn hóa" của mấy chục năm trước; tuy trong những cuộc "đấu tranh rực lửa" như "phản tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong", "phản nhóm phản đảng Đinh (Linh) Trần (Kỳ Hà)", "phê bình bộ phim Võ Huấn truyện", "phê bình Hồng Lâu Mộng nghiên cứu của Du Bình Bá", tôi vẫn chỉ là một thiếu niên, nhưng tuổi trẻ của tôi trải qua trọn vẹn quá trình "Cách mạng văn hóa", hiểu rõ một người cầm bút nếu bị tuyên bố "hóa thành một vấn đề xã hội", "quấy nhiễu phương hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật", thì gần như đồng nghĩa với tội chết.

Đến tháng năm nào rồi mà hai vị Phùng, Lý còn giữ cái tư duy như thế, và không phải chỉ nói trong phòng khách nhà mình hay trong những cuộc họp phạm vi nhỏ, mà lợi dụng diễn đàn công khai, in ra trắng đen, tuyên bố với xã hội. Tôi đọc thấy thật sự phẫn nộ đến mức tóc dựng ngược mũ. Tôi có chịu nổi cái kiểu ấy của họ đâu! Phải đấu tranh!

Có lẽ, mặc kệ họ mới là đối sách tốt nhất. Nhưng, vừa sau khi số "Hồng Lâu Mộng học san" ấy ra đời, bạn bè ở hải ngoại gọi điện cho tôi; tôi nghe máy, đầu dây bên kia nói: "Anh vẫn còn ở nhà đấy à!" Câu nói kỳ lạ; điện thoại gọi đến nhà tôi, tôi nghe máy, dĩ nhiên là ở nhà, hơn nữa y biết tôi vẫn quen ở sâu ra ít, không ở nhà thì ở đâu? Y liền nói, nghe được tiếng anh, yên tâm rồi; y nói thấy truyền thông bên kia đưa tin, quyền uy lớn của giới Hồng học đã kiện cáo tôi lên rồi, lo tôi sẽ bị xếp vào loại "phần tử quấy nhiễu"... Sự quan tâm của y, tôi lĩnh tình, nhưng kiểu điện thoại ấy làm tôi rối bời tâm trí; về sau có người quan tâm tôi cho biết: cái gọi là "bản phỏng vấn ký" đó, thực ra chỉ là một biến thể của lá thư họ dâng lên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, họ mong thông qua tầng cao nhất để "giải quyết chính trị" tôi! Điều này khiến cơn giận của tôi leo thang thêm. Đương nhiên, chuyện họ dâng thư lên chính trị gia tầng cao có thể chỉ là tin đồn. Tôi không có cách nào chứng thực, nhưng cũng không có cách nào bác bỏ. Sự việc đến hôm nay, truyền thông ngoài biên giới đã có đưa tin, lẽ ra hai vị Phùng, Lý phải ra làm sáng tỏ; nếu là tin đồn, ít nhất họ phải nghiêm chỉnh bác bỏ tin đồn trên "Hồng Lâu Mộng học san".

Đúng vào lúc ấy, chương trình "Đông phương chi tử" (Người con ưu tú phương Đông) của kênh CCTV-1 lại đến mời tôi ghi hình phỏng vấn. Tôi không muốn ghi. Phía nhà xuất bản khuyên tôi vẫn nên đi ghi. Ghi một chương trình như vậy với nhà xuất bản cũng là một sự khẳng định cho loạt "giải mã" của tôi, đương nhiên, cũng có lợi cho việc bán sách. Lại có bạn bè khuyên tôi: "Có thể thấy bá đạo của Phùng, Lý bây giờ đã chẳng còn ăn thua gì; anh ghi chương trình này, cũng coi như dập dần chút ngọn lửa cực tả của họ." Thế là tôi

nhận lời. Nhưng bày tỏ không muốn đến đài truyền hình ghi, mong họ thuê tạm một không gian gần chỗ tôi ở để ghi hình. Họ thuê một không gian trong một quán trà. Kiểu ghi hình là MC Trương Vũ hỏi đáp với tôi. Mở đầu trôi chảy đấy. Bỗng nghe Trương Vũ hỏi: "Có người chỉ trích bài giảng của anh hình thành sự hỗn loạn văn hóa xã hội, quấy nhiễu phương hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật, anh đáp thế nào?" Tôi bị kích động mạnh, thế là mất cả phong độ, lập tức đứng bật dậy nói: "Tôi không ghi nữa! Tôi không nghe nổi câu ấy! Bọn họ dựa vào đâu mà nói tôi như thế? Sao còn mang ra cái bộ 'lấy giai cấp đấu tranh làm cương'? Sao gắn cho tôi tội danh chính trị? Quá đáng cái gì thế!" Tôi phắt dậy bước ra cửa quán trà, Trương Vũ cùng quay phim các nhân viên công tác kinh hãi, kẻ vội vàng chặn tôi lại, khuyên tôi về chỗ ngồi cũ. Trương Vũ mỉm cười nói: "Thưa ông Lưu, tôi hỏi theo đề cương phỏng vấn đấy, bản thân tôi không có quan điểm như thế. Hơn nữa, ông không muốn trả lời thì bỏ qua câu hỏi này hoàn toàn được, vì sao phải giận dữ lớn đến thế?" Tôi vốn là người sống bằng tình tính, thật sự sinh ra cơn giận lớn, đương nhiên giận là giận đám Phùng, Lý, cùng với sự liên tưởng do họ gây ra về cái "truyền thống" chưa hề mai một của thế lực cực tả hễ gặp vấn đề học thuật là vu lên thành vấn đề chính trị để đày đoạ người ta vào chỗ chết. Tôi bảo trợ lý vội lấy thuốc cứu tim cấp tốc cho tôi; dược hiệu lan tỏa, ngực tức giảm bớt, tôi mới hơi bình tĩnh lại, với Trương Vũ họ xin lỗi, rồi tiếp tục ghi hình xuống. Vài ngày sau cuộc phỏng vấn phát sóng; nhìn tổng thể, là khẳng định việc giảng về Hồng Lâu Mộng của tôi trên "Bách gia giảng đàn" đã phát huy tác dụng lành tính, dấy lên làn sóng mới đọc Hồng Lâu Mộng.

**6**

Chẳng bao lâu sau khi hai ông Phùng, Lý thông qua "bản phỏng vấn ký" trên "Hồng Lâu Mộng học san" lên án tôi về mặt chính trị, một hôm, trợ lý riêng Ngạc Lực của tôi nhận được điện thoại của Văn phòng Bộ Ngoại giao, mời tôi sang Bộ Ngoại giao giảng một buổi Hồng Lâu Mộng. Ngạc Lực báo lại, tôi khá kinh ngạc. Tôi bảo Ngạc Lực tiếp tục trao đổi thêm với phía mời. Theo tôi nghĩ, hẳn là hệ thống Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ của Bộ Ngoại giao, hoặc Cục Cán bộ hưu già, tổ chức một bài giảng phong phú đời sống ngoài giờ. Nhưng sao họ không mời các chuyên gia Hồng học sở, Hội Hồng học sang giảng Hồng Lâu Mộng, lại cứ tìm đúng tôi? Sau khi Ngạc Lực trao đổi sâu hơn với phía mời, thông tin truyền về khiến tôi càng kinh ngạc. Người ta bảo y: không phải mời đi giảng buổi tối hay ngày nghỉ cuối tuần, mà là giảng trong giờ làm việc; những viên chức trong bộ ai có thể tạm dừng việc đều sẽ đến nghe; địa điểm diễn giảng bố trí ngay cái phòng họp báo dùng để trả lời câu hỏi của ký giả nước ngoài; hơn nữa, đến giờ Bộ trưởng Lý Triệu Tinh cũng sẽ đến nghe. Tôi rất khó xử. Tào Tuyết Cần viết "Bảo Ngọc xưa nay vẫn không thích tiếp chuyện với bọn quan lại đàn ông, lại rất ghét những lúc phải mũ áo xúng xính đi mừng đi thăm các nơi"; tôi đọc Hồng chịu ảnh hưởng sâu sắc câu ấy, sợ gặp quan, sợ họp hành, sợ nghi lễ, sợ sân khấu. Nhưng suy đi nghĩ lại, người ta mời là thiện ý, thị tình khó chối, cứng cỏi da mặt một phen, đi vậy.

Giờ giảng định vào ngày 21 tháng 11, thứ Hai, giảng lúc hai rưỡi chiều, mong tôi có mặt sớm nửa tiếng. Nói sẽ phái xe đến đón, tôi bảo Ngạc Lực kiên quyết từ chối, hai chúng tôi tự đi metro, quả thật rất tiện, ra khỏi cổng ga metro, đi mấy bước là tới Bộ Ngoại giao. Người Văn phòng đón ở cửa, đưa chúng tôi trước tiên đến

phòng khách quý cạnh phòng họp báo. Trước khi đi, tôi nói với Ngạc Lực: "Trưa nay tiểu Bush về Mỹ. Lý Triệu Tinh chắc chắn phải đi tiễn. Tốt tốt tốt, đỡ phải chào hỏi xã giao với y." Những ngày ấy Lý Triệu Tinh hẳn ngày ngày bồi quốc chủ tiếp đãi tổng thống Mỹ, đang trong trạng thái bận rộn. Nào ngờ vừa ngồi yên định trong phòng khách quý, đã thấy Lý Triệu Tinh khoác chiếc áo khoác chuẩn mực bay nhẹ từ ngoài cửa bước vào; y vừa tiễn tiểu Bush lên máy bay Air Force One xong lập tức quay về ngay. Y tươi cười đầy mặt bước đến bắt tay tôi, còn bảo nhiếp ảnh gia đứng đợi sẵn một bên chụp ảnh; bắt tay tôi xong, mặt quay về ống kính, khựng lại; kiểu tạo hình cơ thể này tôi đã nhìn quen thuộc trên tin tức truyền hình, nhưng đến khi chính mình cũng thành một cảnh trong đó, thì thật không quen. Tôi đi không mang sách của mình, nhưng người ta đã chuẩn bị sẵn một chồng sách, bảo tôi ký tặng cho Bộ trưởng Lý và trong bộ. Lý Triệu Tinh mời tôi ngồi lên sô pha, vỗ lên bìa sách của tôi nói: "Quần chúng hoan nghênh, là tốt rồi đấy!" Một viên chức đi cùng hỏi tôi: "Chúng tôi ghi hình được không?" Lòng tôi đang thầm lẩm bẩm, Lý Triệu Tinh nói: "Ghi lại làm đĩa, gửi tới các đại sứ quán lãnh sự quán ngoài nước, làm tư liệu tham khảo cho các nhà ngoại giao của chúng ta. Bây giờ phải triển khai 'ngoại giao văn hóa' mà; chúng ta tổ chức loạt giảng, chính là để cán bộ ngoại giao nâng cao trình độ am hiểu văn hóa truyền thống." Sau đó đi diễn giảng. Ngồi kín không còn chỗ trống. Lý Triệu Tinh ngồi hàng ghế đầu, lúc nghe dường như còn cầm bút ghi chú gì đó.

**7**

Mùa xuân năm 2006, tôi theo lời mời của Hiệp tiến xã Hoa Mỹ (China Institute) và Đại học Columbia nước Mỹ, đã diễn thuyết về Hồng Lâu Mộng tại Đại học Columbia.

Ngày hôm sau buổi giảng về Hồng Lâu Mộng của tôi ở Đại học Columbia, gần như tất cả báo chí Hoa văn ở Mỹ đều lập tức đưa tin. Tiêu đề của "Tinh Đảo nhật báo" dùng chữ khổ lớn nhất: "Lưu Tâm Vũ tại Columbia lời hay ý đẹp giảng Hồng Lâu"; phần tóm tắt viết: "'Giải mã Hồng' của Lưu Tâm Vũ ở Columbia, đúng là ngàn lần mời vạn lần giục mới chịu lộ diện. Sự hóm hỉnh hài hước của ông, lời hay nối nhau như chuỗi ngọc, đến cả Hạ Chí Thanh bậc tông sư văn học đương đại Trung Quốc cũng đặc biệt đến dự ủng hộ, vừa nghe vừa gật gù không ngớt. Trong giảng đường chỗ ngồi kín hết chẳng còn trống, người nghe đều theo 'Hồng Lâu Mộng' của Lưu Tâm Vũ mà say mê quên cả đường về trong phủ Vinh quốc phủ Ninh quốc."

Lần đầu tiên tôi gặp tiên sinh Hạ Chí Thanh là năm 1987; chuyến ấy sang Mỹ diễn thuyết ở hơn chục trường đại học nổi tiếng (đề tài là "Tình trạng văn học Trung Quốc và hành trình sáng tác cá nhân"), trạm đầu chính là Đại học Columbia. Lần đó tiên sinh Hạ không đến nghe tôi diễn thuyết, cũng không tham dự cuộc họp mặt đông đảo giới văn hóa New York chào đón tôi, nhưng ông thông qua nghiên cứu sinh của mình, mời tôi đến một quán ăn ở phố người Hoa gặp riêng, thể hiện tính cách đi một ngả riêng của ông. Lần ấy tôi tặng ông một món đồ thủ công mỹ nghệ dân gian, là tấm gương trừ tà dân trấn vùng Giang Chiết treo cạnh cửa lớn, làm bằng thiếc, chạm khắc hoa văn họa tiết rất tinh xảo; ông nhìn thấy liền nói: "Tôi ghét nhất những thứ mê tín này." Tôi hơi ngượng, ông liền nói tiếp: "Cậu đã mang đến rồi, tôi cũng nhận vậy." Sự chân thật thẳng thắn của ông để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc.

Sáng ngày tôi diễn thuyết ở Columbia năm 2006, tiên sinh Hạ đến nghe, ngồi hàng đầu, ngay đối diện bục giảng. Giảng xong tôi bước tới cảm tạ sự ủng hộ của ông, ông nói chiều nữa còn đến nghe nữa; tôi khuyên ông khỏi cần đến nữa, vì tất cả người đến nghe đều có thể chỉ chọn một buổi; khán giả bình thường phải mua vé vào cửa, một buổi 20 đô la Mỹ, có người chỉ chọn buổi sáng, hoặc chỉ chọn buổi chiều; nghe đủ cả hai buổi, thực ra vẫn rất mệt. Nhưng buổi chiều tiên sinh Hạ vẫn đến, vẫn ngồi hàng đầu, từ đầu đến cuối toàn thần chú chú.

Báo chí đưa tin "Hạ Chí Thanh đến dự ủng hộ" (dòng dẫn chữ to đặt trên tiêu đề lớn), tôi cho rằng chẳng phải khoa trương. Đây là tình hình thực tế. Ông không những chuyên chú nghe một hậu bối ngoài nghề như tôi, chẳng có danh xưng đầu hàm giáo sư, nghiên cứu viên, chuyên gia, học giả gì hết, diễn thuyết, còn mấy lần lớn tiếng bày tỏ cảm tưởng. Một lần là khi tôi giảng về sự đối đầu giữa hai phe lực lượng chính trị Càn Long và Hoằng Tích mà "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" (双悬日月照乾坤) ám chỉ, cùng xu hướng chính trị của người viết sách mà "cưỡi bè chờ đế tôn" (乘槎待帝孙) bày tỏ, ông thốt lên tiếng cảm thán: "A, ra là thế!" Một lần là khi tôi giảng cách đặt tên bốn tiên cô Thái Hư huyễn cảnh, ngầm chứa bốn người phụ nữ ảnh hưởng lớn nhất trong đời Giả Bảo Ngọc, nhất là khi "Độ Hận bồ đề" ám chỉ Diệu Ngọc, đối với từng tầng suy luận của tôi, ông lớn tiếng tán dương: "Tuyệt!" Cuối cùng tôi nhấn mạnh, Tào Tuyết Cần vượt lên trên tình hoài chính trị, không viết Hồng Lâu Mộng thành một bộ tiểu thuyết chính trị, mà thông qua việc khắc họa hình tượng Giả Bảo Ngọc và thiết kế "Tình bảng", nâng văn bản Hồng Lâu Mộng lên tầm cao nhân văn; lúc ấy lão Hạ còn lớn tiếng hơn nữa thốt ra hai chữ: "Vĩ đại!" Tôi thấy ông đã công nhận luận điểm của tôi, đang tán dương độ cao viết văn của Tào Tuyết Cần khi từ tầng mặt chính trị thăng hoa lên tầng mặt quan tâm tối hậu của nhân loại.

Sau đó không chỉ một người có mặt nói với tôi, tiên sinh Hạ Chí Thanh xưa nay chưa từng tâng bốc bừa ai, thậm chí có thể nói là vẫn keo kiệt lời khen; ông trước mặt mọi người tỏ thái độ lớn tiếng như thế là hiếm thấy. Tiên sinh Hạ còn bày tỏ với ký giả phỏng vấn, sau khi nghe hai buổi giảng của tôi, ông sẽ đọc hai quyển sách tôi tặng, và, theo tôi cái đó mới quan trọng hơn: ông nói ông sẽ "ôn lại giấc mộng cũ, đọc bù gấp Hồng Lâu Mộng".

Đến Columbia diễn thuyết, mục đích ban đầu của tôi chẳng qua chỉ là đánh thức hứng thú sơ khởi của người Mỹ bình thường đối với Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng; nào ngờ các chuyên gia đến nghe, nhất là bậc đại nho như lão Hạ, lại trao cho tôi sự ủng hộ kiên định như thế, thật là mừng ngoài mong đợi.

Đương nhiên, tôi chỉ là lời của một nhà; lời tán dương ủng hộ của lão Hạ cũng chỉ là một phản ứng cá nhân của ông. Người trong nước đại khái đều biết lão Hạ từng viết bằng tiếng Anh bộ "Lịch sử tiểu thuyết hiện đại Trung Quốc", được dịch sang tiếng Trung truyền về phía chúng ta, tạo ra ảnh hưởng to lớn. Thẩm Tùng Văn và Trương Ái Linh, hai tiểu thuyết gia từng bị phía chúng ta gạch khỏi lịch sử văn học một thời gian, giá trị tác phẩm của họ cuối cùng đã được thừa nhận phổ biến; Tiền Chung Thư từng chỉ được coi là một học

giả giỏi ngoại văn, bộ trường thiên "Thành bị vây" ông viết trong thập niên 40 thế kỷ 20, từ thập niên 50 đến 70 căn bản không được tái bản, trong lịch sử văn học cũng chẳng nhắc một chữ, đến thập niên 90 trở đi lại trở thành tiểu thuyết bán chạy. Tôi biết trong nước hiện vẫn có một số người không tán đồng bộ "Lịch sử tiểu thuyết hiện đại Trung Quốc" của tiên sinh Hạ; họ có thể tiếp tục không tán đồng với tiên sinh Hạ, gồm cả Thẩm Tùng Văn, Trương Ái Linh cùng "Thành bị vây", hoặc giữ thái độ phê phán; nhưng có một điểm là tuyệt đại đa số đều thừa nhận: không ai được phép tự cho chân lý độc chiếm trong tay mình, lấy tâm thái bá chủ, tác phong học phiệt đối phó người khác.

**8**

Trước khi kết thúc hoạt động ở Mỹ mùa xuân năm 2006 quay về nước, lão hữu New York Mai Chấn Tài khuyên tôi gửi hai quyển "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" một và hai cho tiên sinh Dư Anh Thời ở Princeton. Tiên sinh Dư là bậc đại sư học thuật thông suốt học vấn Đông Tây, tác phẩm dày công chất cao ngang người; tôi ngưỡng mộ ông từ lâu, nhưng chưa từng có một lần gặp mặt. Hướng nghiên cứu chính của tiên sinh tuy là lịch sử học, văn hóa học, nhưng cũng từng đi sâu vào lãnh vực Hồng học, bộ "Hai thế giới của Hồng Lâu Mộng" của ông ảnh hưởng đặc biệt lớn. Tôi nói mình một là ngoại hành học thuật, hai là cách viết như vậy e quá đại chúng, thật ngượng ngùng; hơn nữa tôi cũng không có địa chỉ cụ thể của ông. Anh Chấn Tài nói, địa chỉ thì anh có thể thăm dò được, anh cứ để sách lại, anh sẽ giúp gửi đi. Đúng lúc ấy trong tay tôi chỉ còn hai cuốn sách để tự dùng, càng do dự hơn. Anh Chấn Tài nói cứ gửi hai cuốn ấy đi. Ấy là trước khi tôi lên sân bay về nước, cũng không tìm được giấy thư ra hồn, bèn xé một phong bì, viết vài chữ, đại ý là không dám mong ông tra cứu chỉ dạy, chỉ để bày tỏ sự ngưỡng mộ của tôi với ông, kẹp vào trong sách, giao anh Chấn Tài gửi đi.

Tôi về nước cuối tháng 5, giữa tháng 7 chợt nhận được lá thư tự tay tiên sinh Dư gửi đến, như sau:

Tâm Vũ tiên sinh:

Hai tuần trước nhận được tiên sinh Mai Chấn Tài chuyển gửi bộ "giải mã" hai quyển của ngài, mừng ngoài mong đợi. Gần đây ngài là nhà văn được "Hồng học" hoan nghênh nhất; lấy khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương làm điểm xuất phát, vận dụng trí tưởng tượng viễn cao của nhà văn, từ trong "Hồng học" "Tào học" khai mở khu vườn mới, sáng tạo ra "Tần học" mà tiền nhân chưa hề biết. Toàn thư tư tưởng thâm nhập vào chỗ vi tế mênh mông ("tư nhập vi mang", 思入微茫), khắp nơi dẫn dắt người say mê, kính phục vô cùng. Hai quyển tặng là bản ngài tự dùng, đã sửa chữ sai, càng đáng quý. Anh Thời đương nhiên trân trọng cất giữ, thường xuyên đọc tới, để ôn lại giấc mộng cũ. Anh Thời thuở đầu cũng mê say Hồng Lâu Mộng, từng vọng ngôn luận bàn, thực ra không đáng khiến người hiểu biết bật cười. Tuổi trung niên trở đi, bận rộn với nghiệp chính, sớm đã thành lính đào ngũ lạc hậu của "Hồng học". Từ nay chỉ mong làm một độc giả bình thường, càng mong ngài thường xuyên có trước tác mới, làm mới tai mắt. Ngài trước tác phong phú, từ nay nếu có luận trước về lịch sử văn hóa, lịch sử văn học Trung Quốc, xin hãy cho biết, để sớm ngày thu mua (收

购). Cảm tạ lắm cảm tạ lắm. Riêng viết thư đáp lễ này, cùng gửi lời tri ân sâu sắc nhất. Xin lượng không hỏi han từng người.

Soạn an.

Dư Anh Thời bái thượng

06.6.29

Tiên sinh Dư vậy mà trong bề bộn công việc vẫn lật xem hai quyển sách do một ngoại hành như tôi viết, chuyện này khiến tôi mừng rỡ quá mức. Bên này có chuyên gia phê phán tôi, thực ra căn bản không đọc sách của tôi, chỉ nhìn từ xa một cái, đã thấy tôi đại nghịch bất đạo, nhất định phải trừ khử mới hả giận. Tiên sinh Dư nhẫn nại lòng đọc sách của tôi; lời khẳng định của ông là "toàn thư tư tưởng thâm nhập vào chỗ vi tế mênh mông ('tư nhập vi mang', 思入微茫), khắp nơi dẫn dắt người say mê"; đây chẳng phải khách khí tâng bốc bừa; theo người quen biết tiên sinh Dư cho tôi biết, ông xưa nay chưa từng lấy lời rẻ tiền khách khí đối phó ai; điều đó cho thấy ông nhận ra phương pháp nghiên cứu tôi dùng là "đọc tinh tế văn bản", và tôi sử dụng chiến lược văn bản đại chúng hóa giống tiểu thuyết trinh thám. Bên này có người dán nhãn cho tôi, bảo tôi là "phái 'sách ẩn' mới"; dán nhãn thì chẳng sao, nhưng kính mong đọc kỹ hết sách tôi rồi hãy chọn một cái nhãn cho xác đáng. Luận bàn của tôi, tiên sinh Dư một lời chọc thủng: "Lấy khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương làm điểm xuất phát, vận dụng trí tưởng tượng viễn cao của nhà văn, từ trong 'Hồng học' 'Tào học' khai mở khu vườn mới, sáng tạo ra 'Tần học' mà tiền nhân chưa hề biết." Đọc trước tác Hồng học của tiên sinh Dư thì biết, quan điểm của ông với tiên sinh Chu không những khác nhau, chỗ va chạm còn khá nhiều; chuyện tôi "lấy khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương làm điểm xuất phát" sao giấu nổi mắt ông; còn phương pháp "nghiên cứu nguyên mẫu" tôi dùng, "trí tưởng tượng viễn cao của nhà văn" thường chiếm ưu thế, cũng là thực tế; ông tuyệt không tùy tiện khẳng định hay phủ định tôi, sau khi định vị chính xác cho tôi, ông nói tôi "sáng tạo ra 'Tần học' mà tiền nhân chưa hề biết"; thực ra đây là một ngữ khí phán đoán trung tính (thừa nhận có tính độc sáng, nhưng cũng còn chờ người ta kiểm nghiệm thêm), bày tỏ sự tôn trọng, thấu hiểu và bao dung của một đại sư học thuật đối với nghiên cứu thử nghiệm của một người yêu thích ngoại hành. Ông chưa chắc tán đồng, nhưng khích lệ tôi "khai mở khu vườn mới", tấm lòng học thuật rộng lớn biết bao!

Tôi thông qua bạn bè ở Mỹ xin được sự đồng ý của tiên sinh Dư, đăng lá thư ông gửi tôi này trên "Văn hội báo" Thượng Hải, cũng chuyển tiền nhuận bút của báo cho ông, ông đã nhận. Có người nói, thư của Dư Anh Thời chẳng qua là tỏ ra khách khí thôi. Nói thẳng ra, dù chỉ thuần túy là khách khí, tâm linh tôi cũng cần sự nuôi dưỡng của thứ khách khí ấy. Mong môi trường nhân văn chúng ta đang sống, từ sau có thể bớt đi, thậm chí rửa trôi sạch thứ bá khí bè phái mượn chính trị vu cáo, nhiều thêm thứ khách khí chân thành dung nạp dị kiến, thiện cảm với người.

Từ Mỹ về, lại nhận lời đi Hương Cảng tham gia hoạt động triển lãm sách. Khi phía mời sắp chỗ ngồi bên bàn dài tiệc Tây, đặt chỗ của tôi ngay đối diện chỗ của tiên sinh Kim Dung. Sau khi chào hỏi nhau, tiên sinh Kim Dung nói với tôi: "Lưu Tâm Vũ, tôi đồng ý với phân tích của anh về Tần Khả Khanh." Một lúc tôi không nói nên lời; y tưởng tôi không nghe rõ, liền nâng giọng nói lại một lần nữa. Trong lòng tôi ấm áp. Tiên sinh Kim Dung nói với tôi như thế hẳn chẳng phải khách khí chứ? Trong thời gian triển lãm sách, có hôm tôi đang đi vào sảnh triển lãm, bỗng có người chạy tới từ phía đối diện, dáng thấp hơn tôi, mập tròn trịa, chưa kịp mở miệng đã ôm chầm lấy tôi. Người bên cạnh vội giới thiệu, hóa ra là Nghê Khuông; mức độ được độc giả hoan nghênh của y ở triển lãm sách, tôi quả thật không thể so được; y vui vẻ nói: "Lưu Tâm Vũ, gặp anh mừng quá! Hồng Lâu Mộng tôi từ nhỏ đã đọc, chỉ thấy Tần Khả Khanh kỳ lạ, nào nghĩ tới cái mạch suy luận của anh! Phần giải mã của anh hay quá! Tôi hoàn toàn thuyết phục! Hoàn toàn thuyết phục!" Cuộc gặp gỡ tình cờ này đương nhiên cũng khiến tôi phấn khởi hẳn lên.

Từ Hương Cảng về Bắc Kinh, lại nhận lời mời của "Bách gia giảng đàn", đi ghi hình tiếp chương trình.

Đến năm 2010, bà Nhiếp Tùng Tùng, nhà sản xuất "Bách gia giảng đàn" thuở trước, lại cùng nữ biên đạo ấy (biên tập "Hồng Lâu Mộng lục nhân đàm" từ sớm nhất; lúc này đã kết hôn và mang thai) tìm đến tôi, ghi hình loạt "Chân chuyện của Hồng Lâu Mộng"; cộng gộp lại như vậy, tổng cộng tôi đã ghi hình phát sóng trên "Bách gia giảng đàn" 61 tập chương trình giảng Hồng Lâu Mộng. Đầu năm 2011, tôi lại tung ra "Lưu Tâm Vũ tục Hồng Lâu Mộng" hai mươi tám hồi. Tuy xét về phản ứng xã hội vẫn sôi nổi ồn ào, mà chê nhiều khen ít, nhưng có người chú ý thấy, quan viên chuyên gia Hồng học sở và lãnh đạo Hội Hồng học không ai lên tiếng, chỉ có cá biệt hội viên Hội Hồng học và giáo sư đại học ra phê phán (trong ý kiến của họ tôi thấy có không ít điều đáng để tôi nghiêm túc cân nhắc); có người đến hỏi tôi: "Sao hai vị ấy không tiếp tục dập vùi đài truyền hình và anh là thứ hình thành hỗn loạn văn hóa xã hội, quấy nhiễu phương hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật?" Câu hỏi này tôi đương nhiên trả lời không nổi.

Tôi nghĩ, sóng gió về Hồng Lâu Mộng trong cuộc đời tôi, đại khái đã vượt qua hết rồi chứ? Năm 2012, hẳn tôi có thể tĩnh tâm viết hồi ký được rồi.

Ngày 22 tháng 9 năm 2011 Lục Diệp cư

**[Phụ] Điều thấy trên mạng: chữ "tư nhập vi mang" (思入微茫) trong thư của Dư Anh Thời không phải đang mỉa mai ngầm Lưu Tâm Vũ**

Sau khi thư của tiên sinh Dư Anh Thời gửi Lưu Tâm Vũ được đăng tải trên chuyên mục "Bút hội" của "Văn hội báo", có người đăng bài, cho rằng Dư Anh Thời trong thư nói sách của Lưu Tâm Vũ "tư nhập vi mang" (思入微茫) là mỉa mai lạnh lùng chế giễu cái tác phẩm Hồng học méo mó của Lưu Tâm Vũ, chẳng khác gì quát hắn là "kẻ lừa dối", có thể gọi là một mũi kim trúng huyệt; mà gã ngoại hành Hồng học Lưu Tâm Vũ vậy mà không nhìn ra, còn viết thư đáp lại Dư Anh Thời và đắc ý mãn nguyện, chuyện này đã rơi thành trò cười, thuộc loại trò đùa quốc tế.

Điều này có phải là thật không?

Tiên tác "Phương Dĩ Trí vãn tiết khảo" của Dư Anh Thời có lời tựa của Tiền Mục; đoạn trích từ bài tựa "Tựa khảo vãn tiết Phương Mật Chi của quân Anh Thời" như sau:

Bản liệt truyện về Mật Chi trong "Thanh sử cảo", bộ "Đồng Thành kỳ cựu truyện" của Mã Kỳ Xưởng, đều chỉ ghi việc Mật Chi qua đời, không kể rõ chuyện y gặp họa. Năm Khang Hy thứ 12 tu biên lại "Đồng Thành huyện chí", cách năm Mật Chi mất chỉ hai năm, cũng chẳng ghi chuyện y gặp nạn giữ tiết chết. Chuyện ấy thuở ấy hẳn là điều cả thiên hạ kiêng né, hậu nhân vì thế ít truyền kể lại. Riêng Anh Thời lại vì chuyện ấy mà lục lọi moi móc phơi bày; cái chết gặp nạn của Mật Chi vào năm Tân Hợi, văn chương này của Anh Thời cũng đúng vào năm Tân Hợi; trước sau đúng ba trăm năm, chuyện khó gặp và trùng hợp lại như thế đấy. Còn việc Anh Thời suy định đoạn Mật Chi chết ở Hoàng Khủng Than, càng có thể gọi là tư tưởng thâm nhập chỗ vi tế mênh mông (思入微茫), thấu suốt chỗ huyền minh; tâm sự người ba trăm năm trước ôm trong lòng, được người ba trăm năm sau phát hiện lại. Cái gọi là hạo khí thường tồn, tinh phách không tán, chỉ riêng chuyện này cũng đủ tin phần nào rồi.

Tiền Mục viết tựa cho trước tác của Dư Anh Thời, cho rằng Dư "có thể gọi là tư tưởng thâm nhập chỗ vi tế mênh mông (思入微茫)", vậy đó là mỉa mai lạnh lùng, chẳng khác gì quát hắn là "kẻ lừa dối" hay sao?

Có một kẻ tên Thẩm Trị Quân chẳng biết là ai đâu, đăng trên "Nghệ thuật bình luận" bài văn méo mó "Lưu Hạng nguyên lai bất độc thư: về ngữ nghĩa của trò đùa quốc tế mà ông Lưu Tâm Vũ đã mở ra", lại nhắm vào cuối thư của tiên sinh Dư: "Ngài trước tác phong phú, từ nay nếu có luận trước về lịch sử văn hóa, lịch sử văn học Trung Quốc, xin hãy cho biết, để sớm ngày thu mua (收购)." Chỉ ra rằng đó cũng là Dư Anh Thời mỉa mai lạnh lùng, cho rằng lộ rõ nhất là cụm "để sớm ngày thu mua". Nghĩa của "thu mua" là từ các nơi sưu tầm mua về số lượng lớn. Lời ngoài ý: "luận trước" "về lịch sử văn hóa, lịch sử văn học Trung Quốc", miễn cậu viết ra nổi, in bao nhiêu tôi mua bấy nhiêu, khỏi phiền tặng, cũng chẳng sợ bán chạy. Có thể thấy, Dư Anh Thời hết sức thiếu kiên nhẫn với việc lại nhận sách tặng của ông Lưu, và cũng tuyệt đối không tin gã "giải mã" viết nổi "luận trước" "về lịch sử văn hóa, lịch sử văn học Trung Quốc".

Vậy "thu mua" có phải mang cái nghĩa nhức nhối mà bài văn méo mó của Thẩm nói không? Đương nhiên là không; xin xem trang 116 bộ "Phương Dĩ Trí vãn tiết khảo" của Dư Anh Thời do Nhà xuất bản Tam Liên in năm 2004; trong đó bàn về việc "Cổ kim thích nghi" bị cấm hủy và nguyên do đổi tên đổi chủ, có những câu chữ như sau: "Càng đáng cười hơn, chính văn sách này có vô số chữ 'lữ' (履) mà các tay buôn sách đều không sửa (thực ra cũng không sửa xuể), riêng lại sửa một chữ trong 'Phàm lệ' đầu quyển để lừa người. Mà các nhà tàng thư cũng thế, mờ mịt chẳng hay, đủ chứng minh rằng thuở thu mua (收购), chưa từng mở sách ra xem." Tra từ điển "Hán điển": "trưng" (征) là động từ, nghĩa chứng minh, kiểm nghiệm. "Túc trưng" (足征): đủ để chứng minh. "Túc trưng thu mua chi tế": đủ chứng minh thuở mua về cất giữ. Người mua về cất giữ là ai? "Nhà tàng thư". Hành vi tàng thư của nhà tàng thư, có phải là "từ các nơi sưu tầm mua về số lượng lớn"

như bài văn méo mó của Thẩm nói không? Đương nhiên không phải. Lá thư Dư Anh Thời gửi Lưu Tâm Vũ, trong đó câu "từ nay nếu có luận trước về lịch sử văn hóa, lịch sử văn học Trung Quốc, xin hãy cho biết, để sớm ngày thu mua", chẳng qua chỉ là một lời khiêm nhường tự xem mình như người tàng thư, vậy thôi.

# ·Lời tựa gốc «Hồng lâu nhãn thần»·

## Hồng lâu nhãn thần

Cuốn này gồm ba tập bài viết đọc và thưởng thức Hồng Lâu Mộng.

Tập thứ nhất, Hồng lâu nhãn thần, rút ra mấy đoạn trong sách miêu tả ánh mắt nhân vật, bàn về cái hay của chúng, cùng độc giả chia sẻ ngòi bút già dặn, sắc sảo của Tào Tuyết Cần.

Tập thứ hai, Hồng lâu thập châu, chuyên tập trung phân tích những lời nói sinh động của nhân vật trong sách.

Một cuốn tiểu thuyết đọc lên khiến người ta thấy đã, một là nhờ ngôn ngữ kể chuyện phải sinh động, trôi chảy, hai là nhờ ngôn ngữ nhân vật hiện lên cá tính rõ nét. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần đã dệt ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật vào nhau thành văn bản, viết nên hết sức thành công. Những lời nhân vật trong Hồng Lâu Mộng nghe như gặp tiếng người, nhìn như thấy thần thái, sáng lấp lánh như những hạt châu ngọc, trong sách chỗ nào cũng có; tôi chỉ nhặt lên một phần trong số ấy đem ra thưởng thức mà bàn thêm thôi.

Những "hạt châu" tôi nhặt, phần lớn gồm ba yếu tố. Một là tâm đắc khi nghiên cứu Hồng học, có chỗ là kiến giải riêng của riêng tôi; dĩ nhiên chỉ để tham khảo, tôi nào có tưởng mình nắm chân lý trong tay rồi bắt người khác phải công nhận, chỉ mong người đọc gặp lời một nhà này thì thêm một góc suy nghĩ, thêm chút niềm vui trao đổi. Hai là cuộc bàn về chính "hạt ngọc" ngôn ngữ cụ thể được nhắc tới, trong đó có những tục ngữ tiếng quê giờ đây khó còn ai thốt ra nữa, chẳng hạn "gà mẹ đen một ổ", rốt cuộc diễn tả ý gì? Tra sách công cụ chưa chắc tìm được đáp án sẵn, hỏi bậc tiền bối cũng thường không dám khẳng định, đành phải đem ra bàn; qua bàn bạc, vừa giúp đọc thấu Hồng Lâu Mộng, vừa thêm kinh nghiệm về sự phong phú, sinh động của ngôn ngữ dân tộc chúng ta. Ba là từ một "hạt ngọc" ngôn ngữ cụ thể mà nảy sinh những xúc cảm, chiêm nghiệm về thực tại xã hội chúng ta cùng chung sống, về lòng người thời thế, thậm chí cả bản tính con người.

Tập thứ ba, Hồng lâu tế xử, biểu lộ đầy đủ hơn tâm đắc của tôi khi đọc tinh tế văn bản Hồng Lâu Mộng. Cũng gồm cả những bài viết lan từ trong sách ra ngoài sách. Cuối cùng, Giải mã Lưu Tâm Vũ là hồ sơ phỏng vấn truyền hình lần đầu tiên được đưa vào sách, đọc lên hẳn thấy thú vị, mong giúp mọi người hiểu và rộng lượng hơn cho việc nghiên cứu Hồng học của tôi, nhất là việc mở ra "Tần học" xuất phát từ Tần Khả Khanh.

Tôi là người Trung Quốc, tôi nói tiếng Trung Quốc, tôi viết chữ vuông Trung Hoa, tôi đọc sách viết bằng chữ vuông Trung Hoa; tôi tự hào vì dân tộc mình có được Hồng Lâu Mộng, một kiệt tác viết bằng chữ vuông,

ghi lại tiếng nói Trung Hoa lấp lánh như những hạt châu. Xin lấy tình cảm mộc mạc nhất này, cùng những độc giả đồng cảm cùng vui.

Ngày 15 tháng 5 năm 2010, viết tại Lục Diệp cư

【Nội dung cuốn này đã có phần gia tăng so với ấn bản Hồng lâu nhãn thần in riêng trước kia, đặc biệt là thu nhận thêm Mười túi khôn tặng độc giả thiếu niên để đọc Hồng Lâu Mộng, khiến bộ sách càng hợp để ba thế hệ ông bà, cha mẹ, con cháu trong nhà cùng sưu tầm và xem đọc。】

# Nhìn chết trân

Tiểu Hồng là một hình tượng hết sức khó lường trong ngòi bút Tào Tuyết Cần. Tên khai sinh của nàng là Lâm Hồng Ngọc, con gái Lâm Chi Hiếu, quản gia lớn phủ Vinh Quốc.

Phủ Vinh Quốc vốn đã có quản gia lớn Lại Đại, người giữ chức này truyền từ đời cha ông; mẹ ông là bà Lại đến khi câu chuyện bắt đầu vẫn còn sống khỏe, thường vào phủ vấn an Giả mẫu rồi ngồi đánh bài với bà. Xét ra thì phủ Vinh Quốc đã có hai vợ chồng Lại Đại, gia nô mấy đời, đứng ra coi việc quản gia, là đủ rồi; vậy mà lại còn có thêm cặp vợ chồng Lâm Chi Hiếu và Lâm Chi Hiếu gia đích, nghe vẻ chẳng phải gia nô thế nghiệp, cũng cùng nhận việc quản gia lớn; lại nữa, một người điếc như trời, một người câm như đất, khiến độc giả đọc lên không khỏi thấy vài phần lạ lùng.

Phủ Ninh Quốc địa vị còn cao hơn phủ Vinh Quốc, nhưng trong sách chỉ xuất hiện một mình Lại Thăng làm quản gia lớn. Chẳng lẽ vì lúc câu chuyện bắt đầu, phủ Vinh Quốc đông nhân khẩu hơn phủ Ninh Quốc, nên cần thiết lập thêm một cặp quản gia lớn?

Càng đáng ngẫm hơn là ở vài cổ bản, tên Lâm Chi Hiếu vốn viết là Tần Chi Hiếu, về sau mới đem chữ "Tần" sửa thành chữ "Lâm". Lâm Hồng Ngọc nếu họ Lâm thì trùng họ với Lâm Đại Ngọc; nếu họ Tần thì lại có một mối liên hệ nào đó với Tần Khả Khanh. Tào Tuyết Cần viết thật là mờ mờ ảo ảo.

Trong sách, chữ "Tần" không phải là một chữ đẹp đâu. Khi Bảo Ngọc theo Giả Chính lần đầu đi tham quan Đại Quan viên, một anh khách thanh trong lúc đề vịnh hẳn là nhớ tới câu thơ cổ "tìm được vườn đào tốt để tránh nhà Tần", bèn khuyên dùng bốn chữ "Tần nhân cựu xá" làm biển đề. Bảo Ngọc vội nói: "Cái này càng thêm lộ liễu quá. 'Tần nhân cựu xá' mang ý tránh loạn, dùng sao được?" Những câu chữ như vậy hiển nhiên tuyệt không phải là văn thừa bút thừa. Chẳng lẽ những ai họ Tần trong sách đều mang phần "tránh loạn"?

Chưa kể Tần Khả Khanh. Ở góc tây nam Đại Quan viên còn có vợ Tần Hiển làm nhiệm vụ trực đêm; vợ Lâm Chi Hiếu kéo cô ta đến để thay thím Liễu giữ chức trù trưởng bếp trong, Bình Nhi không bằng lòng, lý do là chưa quen biết gì cô họ Tần này. Vì sao vợ Lâm Chi Hiếu lại tiến cử vợ Tần Hiển? Chẳng lẽ Lâm Chi Hiếu vốn họ Tần, về sau muốn "tránh loạn" cho chắc ăn hơn mới đổi sang họ Lâm?

Sợ rằng cũng chính vì "tránh chữ Tần" mà hai vợ chồng mới âm thầm sống kiệm lời, điếc trời câm đất. Vợ Lâm Chi Hiếu đã là đàn bà trưởng thành, vậy mà lại nhất định nhận cô dâu trẻ Vương Hy Phượng làm mẹ nuôi; tay trong rõ ràng có quyền, hoàn toàn có thể sắp xếp con gái vào chỗ cao sang hơn chút, vậy mà lại nhất quyết đặt Lâm Hồng Ngọc vào viện Di Hồng: đầu tiên là canh giữ căn nhà trống, về sau Bảo Ngọc dẫn theo một đoàn người vào ở, Lâm Hồng Ngọc chỉ là a hoàn hạng ba lo tưới hoa, cho chim ăn, quạt lò nấu trà,

bao phen bị các a hoàn hạng nhất, hạng nhị là Tình Văn, Thu Văn, Bích Ngân dồn ép chèn ép. Tóm lại, nhìn từ cách thiết kế lai lịch mà nói, vai Lâm Hồng Ngọc cứ chất đầy những nút thắt bí ẩn.

Cái tên Lâm Hồng Ngọc, họ thì trùng họ Đại Ngọc, tên lại còn va chạm với chữ trong tên cả Bảo Ngọc lẫn Đại Ngọc, nên Vương Hy Phượng vừa nghe qua đã nhăn mặt bĩu môi: "Đúng là đáng ghét! Như thể hưởng được lộc của chữ Ngọc, anh cũng Ngọc, tôi cũng Ngọc." Điều ấy khiến người ta càng thấy vợ chồng Lâm Chi Hiếu khác vợ chồng Lại Đại: họ không thuộc loại sinh ra lớn lên ngay trong nhà chủ. Nếu quả là gia nô sinh ra lớn lên trong phủ, lấy đâu ra cái dám đặt tên con gái bắt buộc trùng chữ "Ngọc" trong tên mấy bà chủ; e rằng họ đã đặt sẵn tên cho con gái từ trước, sau đó mới nhân một duyên cơ nào đó mà đến phủ Vinh Quốc.

Càng đáng tìm hiểu hơn nữa là sách dành không ít ngòi bút viết chuyện tình giữa Lâm Hồng Ngọc với Giả Vân. Lâm Hồng Ngọc về sau gọi tắt là Tiểu Hồng, nhưng chữ "Hồng" (đỏ) không những trùng với viện Di Hồng, mà còn ngầm khớp với Giáng Vân hiên ("giáng" tức sắc đỏ); Giáng Vân hiên là tên Bảo Ngọc tự đặt cho nơi ở của mình: hồi còn ở cùng Giả mẫu, cậu đã gọi không gian mình cư ngụ là "Giáng Vân hiên", dời sang viện Di Hồng rồi vẫn cứ gọi như thế. Nếu hiểu "giáng" là Tiểu Hồng thì "Vân" lại vừa đúng chính là Giả Vân. Đây rốt cuộc là chuyện thế nào?

Dựa vào vài lời phê ký tên Chi Nghiễn Trai và Ky Hốt Tẩu trong cổ bản, có thể biết Bảo Ngọc về sau bị bắt vào ngục; ở miếu Ngục Thần, không những Thiến Tuyết xuất hiện ("thiến" cũng là màu đỏ), mà Tiểu Hồng và Giả Vân cũng xuất hiện. Vậy thì cái tên "Giáng Vân hiên" này, liệu có ẩn chứa một ẩn dụ đặc biệt, gắn với Tiểu Hồng và Giả Vân?

Chuyện tình Tiểu Hồng và Giả Vân là một chương quan trọng trong Hồng Lâu Mộng. Cảnh hai người gặp nhau lần đầu có hai nét vẽ đặc biệt xứng đáng được thưởng thức kỹ. Nét thứ nhất tả cảm giác thính giác của Giả Vân: "chỉ nghe trước cửa vang lên tiếng gọi non dịu một tiếng 'Anh ơi'." Người ta gọi đâu phải gọi cậu, mà là Tiểu Hồng từ viện Di Hồng đi ra truyền gọi Bồi Dính, tiểu đồng của Bảo Ngọc. Từ lời Bồi Dính, Tiểu Hồng nghe rõ Giả Vân bước ra từ trong nhà là cậu ruột trong họ, "không lẩn tránh như trước nữa, cứ nhìn chết trân (下死眼), đinh hai mắt vào Giả Vân." Ngòi bút Tào Tuyết Cần nhiều lần tả tỉ mỉ ánh mắt nhân vật; theo ý tôi, cái "nhìn chết trân" (下死眼) của Tiểu Hồng đinh chặt vào Giả Vân mà xem xét kỹ, có thể bình là "ánh mắt số một" toàn thư.

Trong thời đại ấy, xã hội ấy, trong một tòa phủ quý tộc ấy, trong hoàn cảnh cụ thể ấy, dù là tiểu thư hay a hoàn, đều phải hành xử theo lễ giáo; đối với phái nam, nhất là thanh niên trai tráng, tuyệt không được nhìn thẳng, nhìn trừng trừng, nhìn lâu; liếc trộm đã thuộc hàng hành vi bất chính, huống hồ chi nhìn chết trân mà đinh chặt vào xem. Nhưng Tiểu Hồng là đứa có can đảm. Nàng uất ức không được như ý ở viện Di Hồng, nàng biết mình khó lòng lại gần Bảo Ngọc, dù Bảo Ngọc có tỏ ra hơi chú ý mình thì mai hậu cũng chẳng có nổi tiền đồ như Tập Nhân; nàng cũng không cam lòng vui một ngày tính một ngày mà chẳng màng lo âu gì

như Tình Văn; nàng hiểu sâu "rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn"; nàng đánh cờ đi trước cả bảy tám nước: tuy cha mẹ nàng là quản gia lớn trong phủ, đến tuổi lớn nhà đem gả cho gia nhân trai thì cảnh ngộ có khi khá hơn chút so với những đứa xuất thân thấp kém hơn, nhưng nàng cũng chẳng cam lòng để cha mẹ sắp đặt chuyện hôn nhân, nàng muốn tự mình chọn người, tự lách ra một con đường tự lực! Ba chữ "nhìn chết trân" (下死眼) của Tào Tuyết Cần đã làm sống dậy ánh mắt tâm hồn của một nữ nô mang ý thức tự chủ!

# Nhìn nhau trong gương

Quả thật là một bức tranh tuyệt diệu, hay nói đúng hơn, một thước phim sống động: Xạ Nguyệt ngồi trước hộp trang điểm, tháo bỏ trâm vòng, xõa tóc ra; Bảo Ngọc đứng sau lưng nàng, cầm cái lược thưa chải từng đường cho nàng. Khuôn hai người vốn đang yên tĩnh, bỗng Tình Văn chạy vào: cô ta vừa thua bạc, trở về lấy tiền để gỡ vốn, trông thấy cảnh ấy liền mắng ngay bằng chiếc miệng sắc như dao: "Kìa, chưa uống rượu giao bôi đã gỡ tóc cài trâm cho nhau rồi?" Bảo Ngọc vội tỏ ý cũng sẵn sàng chải đầu giúp cô, Tình Văn đáp: "Tôi chẳng có phúc lớn thế." Cầm tiền xong, cô sầm rèm bỏ ra ngoài. Thế là Bảo Ngọc với Xạ Nguyệt nhìn nhau trong gương, Bảo Ngọc cười nói với bóng Xạ Nguyệt trong gương: "Trong nhà này chỉ có nó là lắm điều nhất." Xạ Nguyệt vội xua tay qua gương, Bảo Ngọc biết ý. Quả nhiên Tình Văn hất rèm bước vào, hỏi không vừa lòng: "Thế nào là lắm điều? Nói ra cho rõ?" Xạ Nguyệt cười: "Thôi cút đi, lại đến đây định vặn nhau à?" Tình Văn còn đấu miệng thêm vài câu rồi mới một mạch chạy đi chơi tiếp. Sau đó, khung cảnh lại trở về yên tĩnh.

Ở bên cạnh Bảo Ngọc, Xạ Nguyệt "hiển nhiên lại là một Tập Nhân". Sách chép: có lần Bảo Ngọc đi mưa về viện Di Hồng, vì các a hoàn không mở cửa kịp lúc, cửa mở xong, cậu cáu bậy quất luôn một cước, nào ngờ trúng phải Tập Nhân; Tập Nhân "bất giác những toan tính ngày thường về chuyện mai sau đua tranh vinh hoa, khoe khoang (争荣夸耀) đều nguội ngắt như tro tàn cả". Điều đó cho thấy Tập Nhân là người có mục tiêu đời sống rõ ràng: làm cho được thiếp lớn số một của Bảo Ngọc, và nhân đó mà "đua tranh vinh hoa, khoe khoang"; Xạ Nguyệt hiển nhiên chẳng có mục tiêu đời sống như thế. Nàng giống Tập Nhân, có thể đứng thay Tập Nhân khi nàng vắng mặt, chẳng qua vì nàng cũng có thể cung cấp cho cuộc sống trần thế của Bảo Ngọc một chỗ dựa mang tính kỹ thuật, né được những phiền nhỏ lỗi nhỏ mà thôi.

Xem cách miêu tả trong sách thì thấy, tuy Tập Nhân tính dịu dàng thuận hòa, khí chất như quỳnh như lan, nhưng nói về nhan sắc thì tuyệt không thuộc hàng nhất lưu; Xạ Nguyệt còn tầm thường hơn chút nữa. Tuy sách cũng vài lần viết Tập Nhân miệng lưỡi không chịu kém ai, và viết cảnh Xạ Nguyệt đứng ra đuổi tẹt màn làm loạn vô lý của mẹ nuôi Phương Quan, phơi ra mặt góc cạnh trong tính cách của hai người, nhưng xét chung lại, họ vẫn thuộc dạng tính cách tròn trịa, không dữ tợn như than nổ, sắc như kéo dùi kiểu Tình Văn, cũng không lãng mạn tùy hứng như Phương Quan.

Sau khi Tình Văn bị đuổi đi, Bảo Ngọc gần như không giữ nổi mình, Tập Nhân khuyên giải thế này: "Bà chỉ nghĩ chị ấy đẹp quá, thế nào cũng có tính lẳng lơ. Bà biết rõ những cô đẹp như người trong tranh, chắc không bao giờ đứng đắn, nên có ý ghét. Chứ thô thô vụng vụng (粗粗笨笨) như chúng tôi lại hóa hay."

Tập Nhân nói mình "thô thô vụng vụng", kéo cả Xạ Nguyệt vào, xưng là "chúng tôi", e rằng chưa chắc đã là lời khiêm tốn giả tạo. Nhìn hai người dưới con mắt chủ tử phong kiến: "thô" (粗粗) tức nhan sắc không đến

nỗi tinh xảo non tơ, chẳng thành mối đe dọa kiểu "con hồ ly quyến rũ" đối với công tử trong phủ; "vụng" (笨笨) tức có lẽ với kẻ địa vị thấp hơn mình thì tỏ ra uy quyền tôn nghiêm, nhưng với chủ tử thì trước mặt sau lưng đều quyết không nhiều lời, nhiều nghĩ, lung tung động đậy.

Theo ý tứ cấu tứ của Tào Tuyết Cần, trong chuỗi a hoàn của Bảo Ngọc còn có tên Đàn Vân ghép cặp với tên Xạ Nguyệt. Trong bài thơ Hạ dạ tức sự viết sau khi Bảo Ngọc vào ở Đại Quan viên, có hai câu: "Song sáng, Xạ Nguyệt mở gương cung; trong phòng khói tỏa, Đàn Vân thưởng hương ngự." Sau khi Tình Văn yểu mệnh, Bảo Ngọc soạn Phù dung nữ lỗi để tưởng niệm nàng, trong đó lại có cặp câu đối: "Hộp xạ nguyệt mở lại thêm buồn, gương đành loan vắng; gỗ đàn vân tung ra từng mảnh, lược hóa rồng bay", vừa khéo nhét tên hai a hoàn vào.

Ngoài ra cậu còn thiết kế một a hoàn tên Kỳ Tán; tên Kỳ Tán lại vừa đúng đối ứng với tên Tình Văn. Tiếc rằng các a hoàn của Bảo Ngọc như Đàn Vân, Kỳ Tán cùng Mị Nhân, trong tám mươi hồi trước đều chỉ có danh mà chẳng thấy việc; chăng sẽ xuất hiện ở tám mươi hồi sau, tham gia đẩy diễn cốt truyện?

Trong bài giảng truyền hình và cuốn sách cùng tên Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng, tôi thám dật ra rằng trong tiến triển tình tiết tám mươi hồi sau, Tập Nhân bị Trung Thuận vương điểm danh đòi nên buộc phải rời phủ Vinh Quốc; lúc ra đi, nàng dặn đôi trẻ Bảo Ngọc với Bảo Thoa vừa thành hôn: "Dù thế nào cũng phải giữ lại Xạ Nguyệt." Trung Thuận vương ra lệnh hai người nhà chữ Bảo cắt giảm a hoàn, chỉ cho giữ lại một tên; hai vợ chồng quả nhiên giữ lại Xạ Nguyệt. Nhưng khi hoàng đế thông qua Trung Thuận vương thực hiện đợt tàn phá thứ hai lên phủ Vinh và phủ Ninh, Bảo Thoa đã chết từ trước, Bảo Ngọc bị bắt vào ngục, còn Xạ Nguyệt thì bị quan phủ tịch thu đem bán đi, mất hẳn dấu vết. Sách dành cho Xạ Nguyệt một kết cục bi thảm mơ hồ, đại khái là bị bán đi như thế.

Nhưng khi sách viết đến cảnh Bảo Ngọc chải tóc cho Xạ Nguyệt rồi hai người nhìn nhau trong gương, một lời phê của Ky Hốt Tẩu lại viết thế này: "Xạ Nguyệt thản nhiên chẳng nói một lời, khiến tôi cay mũi, đúng là cái gọi là trước cảnh thương tình." Nội dung lời phê không ăn khớp với đoạn tình tiết ấy trong sách, vì trong đoạn ấy Xạ Nguyệt đâu có "thản nhiên chẳng nói một lời", huống chi đấy chính là thời kỳ toàn thịnh của phủ Vinh Quốc, phồn hoa náo nhiệt, chủ tớ cùng vui, ai nấy đều miệng cười mắt mở.

Thế là từ lời phê ấy, tôi suy đoán rằng Xạ Nguyệt có nguyên mẫu; nguyên mẫu này trải qua một biến cố thảm liệt, cuối cùng gặp lại được người phê sách; người phê sách đọc cho bà nghe đoạn văn về cảnh nàng với Bảo Ngọc nhìn nhau trong gương; nỗi đau thương của bà không lộ ra bề ngoài mà là "thản nhiên chẳng nói một lời", thật đúng là "lúc này vô thanh thắng hữu thanh", khiến người phê sách cay mũi, không khỏi đem cảnh phồn hoa ngày xưa trong sách đối chiếu với cảnh tiêu điều hôm nay ngoài sách, xúc cảm nghìn trùng!

# Liếc mắt ra hiệu «giết gà lau cổ»

Đây là một nét miêu tả ánh mắt vô cùng sinh động, gắn liền với ngôn ngữ cơ thể.

Con gái của Giả Liễn và Vương Hy Phượng mắc bệnh đậu mùa, cả nhà tổng động viên, đủ mọi biện pháp gìn giữ Đại Thư cho cô bé thoát qua kiếp nạn.

Có những độc giả hiện đại không mấy hiểu: mắc đậu mùa là chứng bệnh to tát gì, sao phủ Vinh Quốc lại căng thẳng đến mức ấy? Thật ra chỉ cần lục lại văn hiến đời Thanh là biết: thuở đó đậu mùa vừa bùng phát, ngay cả trong cung điện cũng như đứng trước đại địch, mà chẳng có biện pháp nào khá hơn để ngăn sự lây lan, khả năng chữa khỏi rất thấp, hoàn toàn là cái cảnh phó mặc cho trời định đáng sợ. Không ít hoàng tử, công chúa yểu mệnh vì đậu mùa. Huyền Diệp nên được thành Khang Hy hoàng đế, một yếu tố rất quan trọng chính là hồi bé ông mắc đậu mùa mà chỉ để lại vài vết sẹo trên mặt. Đậu mùa là thứ bệnh hễ đã qua và trụ được thì tự có sức miễn dịch suốt đời, không bao giờ tái phát nữa; sau khi Thuận Trị hoàng đế băng hà, Hiếu Trang thái hậu nắm thực quyền triều chính chính là cân nhắc đến điểm này, sợ lập con cháu khác lên ngôi mà lỡ nhiễm đậu mùa băng hà thì bất lợi cho triều đình, bèn quả quyết tôn lập Huyền Diệp làm Khang Hy hoàng đế; tất nhiên, cũng bởi trông thấy Huyền Diệp còn nhiều ưu điểm khác.

Cứ mỗi lần đậu mùa bùng phát, nhà Thanh đều để hàng loạt trẻ thơ bỏ mạng; Tào Tuyết Cần mất ở tuổi bốn mươi cũng bởi đứa con trai độc nhất chết vì đậu mùa, đau thương quá độ. Trong "Hồng Lâu Mộng", chuyện Đại Thư nhiễm đậu mùa được lập tức sắp xếp cách ly chữa trị, Giả Liễn với Phượng Thư cũng phải tạm ngưng sinh hoạt vợ chồng, chẳng chút gượng ép, đúng là bức chân dung chân thực về thế thái thông thường của thời đại ấy. Chủng đậu mùa bò để có được miễn dịch chống đậu mùa là bước tiến y học mới có từ cận đại, còn uống viên thuốc phòng bệnh càng là thành quả y học mới của ba chục năm gần đây.

Vương Hy Phượng thật sự sốt ruột vắt vẻo vì con gái. Giả Liễn lại lợi dụng khoảng trống ấy để ăn vụng. Khi Đại Thư khỏi bệnh, phải từ thư phòng ngoài quay trở lại chỗ ở chung với Phượng Thư, Bình Nhi xếp gọn chăn màn, phát hiện ra chứng cứ ăn vụng của Giả Liễn: một lọn tóc đen dài của đàn bà. Giả Liễn định giật lấy, Bình Nhi vùng vẫy hết sức; đang lúc ấy thì Phượng Thư tới, hỏi Bình Nhi lúc dọn đồ đạc có thấy thiếu đi cái gì, hay thừa ra cái gì không. Liếc mắt ra hiệu «giết gà lau cổ» (杀鸡抹脖使眼色儿), chính là bộ dạng Giả Liễn tung ra cho Bình Nhi từ sau lưng Phượng Thư vào khoảnh khắc đó. Bình Nhi không đổi sắc mặt, ung dung tự nhiên như chẳng có việc gì, thế là che giấu giúp Giả Liễn lọt qua; ai ngờ Giả Liễn qua sông phá cầu, Phượng Thư vừa bước đi, cuối cùng vẫn giành lại được lọn tóc ấy.

Đây là tình tiết ở hồi hai mươi mốt của "Hồng Lâu Mộng", hồi mục hồi ấy là "Tập Nhân hiền thục giận hờn khuyên Bảo Ngọc; Bình Nhi khéo léo lời mềm cứu Giả Liễn". Nửa trước hồi viết mâu thuẫn giữa Tập Nhân và

Bảo Ngọc, xen giữa một nét Bảo Thoa âm thầm thưởng thức Tập Nhân. Trong cổ bản, ngay chỗ ấy có một lời phê Chi Nghiễn Trai, ý nói hồi này lấy hai a hoàn để biểu hiện quan hệ của hai cặp chủ nhân; về sau, tức tám mươi hồi sau, có hồi mang hồi mục "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng", văn chương hồi ấy không còn qua Tập Nhân, Bình Nhi phản chiếu quan hệ nhị Bảo cùng Liễn Phượng nữa, mà trực tiếp diễn tả cuộc va đập ý thức của hai cặp nhân vật kia.

Trong loạt bài giảng truyền hình cùng cuốn sách "Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng", tôi đã thám dật ra rằng sau tám mươi hồi có tình tiết Vương Hy Phượng bị Giả Liễn bỏ, và đổi vị trí với Bình Nhi. Có người nghe, người đọc nêu ý kiến: Phượng Thư bị bỏ thì còn tin nổi, chứ bà ta đổi chỗ với Bình Nhi thì khó lòng chấp nhận.

Một độc giả hỏi: Vương Hy Phượng dẫn Xảo Thư ra ở riêng chẳng xong rồi à? Sao bà ta chịu nổi cái nhục lớn đổi chỗ với Bình Nhi? Đó là suy nghĩ của người hiện đại. Ngày nay phụ nữ ly hôn với chồng, đương nhiên được pháp luật bảo vệ, dẫn con ra ở riêng; còn thời đại mà "Hồng Lâu Mộng" miêu tả là xã hội nam quyền, người đàn bà bị chồng bỏ chỉ có thể một mình quay về nhà mẹ đẻ, không được mang theo nổi một đứa con.

Lại có độc giả hỏi: Vương Hy Phượng đã bị bỏ thì phải về nhà họ Vương chứ, làm sao còn ở nhà họ Giả? Trong bài giảng và trong sách, tôi chưa trình bày kỹ tâm đắc thám dật về điểm này, nhân bài này xin bổ sung: câu chuyện tiến tới giai đoạn ấy, bốn gia tộc lớn trong sách đều lần lượt bị hoàng đế ra tay; kẻ bị đánh trước tiên lẽ ra là nhà Sử, tức nhà ngoại của Giả mẫu, hai người chú của Sử Tương Vân đều bị tước tước vị; kế đến bị đánh là nhà Vương. Nhà Vương vốn có Vương Tử Đằng làm quan lớn nơi triều đình, anh trai của Vương phu nhân và Tiết phu nhân, bác hoặc cậu ruột của Phượng Thư; người này bị hoàng đế phế quan trị tội, lây lan sang mấy chi nhà Vương, tất cả đổ ào ào như ngôi lâu đài nghiêng ngả; chi của Phượng Thư cũng sa sút toàn bộ. Anh ruột bà là Vương Nhân chỉ lo tự mình sống sót, nào còn quản sống chết của bà. Vì vậy, khi Giả Liễn bỏ Vương Hy Phượng, bà đã chẳng còn nhà ngoại để về, chẳng có ai nhà ngoại nhận lãnh, đành phải chấp nhận phương án: ở lại nhà Giả, Giả Liễn nâng Bình Nhi lên làm chính thất, còn mình hạ xuống địa vị a hoàn thông phòng như Bình Nhi ngày trước.

Cộng thêm một điều: tình tiết tiến đến giai đoạn ấy, Giả Nguyên Xuân đã mất hết sủng ái của hoàng đế, hoàng đế đã sai Trung Thuận vương đến niêm phong nhà Giả; Trung Thuận vương biết Vương Hy Phượng vốn là tay nắm quyền lớn nhất phủ Vinh Quốc, muốn tra rõ tài sản phủ Vinh Quốc, tuyệt không cho phép bà rời khỏi phủ vì bất cứ lý do gì. Vương Hy Phượng "biết mệnh", cam chịu nhục mà tồn tại, nhưng bản tính vốn cứng cỏi, đôi khi vẫn không tránh được ngẩng cao cổ để "gắng làm anh hùng". Tiếc rằng giờ đây chúng

ta chỉ biết Tào Tuyết Cần sau tám mươi hồi đặt được một hồi mục như thế, còn văn chương cụ thể viết ra sao, đành phải mường tượng trong mơ hồ mà thôi.

# Liếc xéo

"Từ điển Hán ngữ hiện đại" giải "liếc xéo" (乜斜) theo hai nghĩa: một là đôi mắt vì buồn ngủ nheo lại thành một vệt chỉ; hai là mắt hơi nheo mà nhìn xéo (thường biểu thị sự khinh miệt hoặc bất mãn). Tào Tuyết Cần viết "Hồng Lâu Mộng", không chỉ một lần dùng chữ "乜斜" để tả ánh mắt nhân vật, nhưng cái ý vị ông gán cho từ này lại phong phú hơn lời giải của "Từ điển Hán ngữ hiện đại".

Hồi ba mươi viết chuyện trưa hè oi bức, Bảo Ngọc chán chê, tiện chân đi vào phòng trên của Vương phu nhân, thấy Vương phu nhân nằm ngủ trên giường mát trong gian trong, Kim Xuyến ngồi bên cạnh vừa bóp chân vừa nheo mắt nhìn xéo lờ đờ lắc lư (乜斜着眼乱恍); chữ "乜斜" ở đây, thật ra chỉ tả ánh mắt mơ màng uể oải lúc buồn ngủ của Kim Xuyến. Bảo Ngọc lặng lẽ trêu ghẹo cô, có động tác có lời đùa; Kim Xuyến buột câu chẳng nên nói nhất, câu nghi ngờ về chuyện dâm ô: "Em chỉ cho cậu một mẹo hay này: cậu sang sân nhỏ phía đông bắt quả tang cậu Hoàn với chị Thái Vân đi." Bảo Ngọc và Kim Xuyến đều không ngờ Vương phu nhân hồi đó chưa ngủ sâu, bỗng trở mình vùng dậy, tát thẳng vào mặt Kim Xuyến một cái, chỉ vào mặt mắng: "Con đĩ hèn hạ này! Các cậu nhà này đều bị chúng mày làm hư hỏng cả!" Trong cơn thịnh nộ, bà lập tức gọi mẹ Kim Xuyến tới, đuổi Kim Xuyến ra khỏi phủ; hậu quả thế nào ai cũng rõ: "ôm nỗi tủi nhục, vì tình liệt liệt mà Kim Xuyến chết oan".

Cái chết của Kim Xuyến, xét tính chất có phải là chủ nô hại nữ nô chăng? Nhìn theo quan điểm hôm nay, câu trả lời khẳng định. Thực ra Bảo Ngọc cũng phải chịu một phần trách nhiệm; Kim Xuyến tuy khinh phù cợt nhả, nhưng Bảo Ngọc trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy cũng chỉ phóng thích ý thức đặc quyền của công tử quý tộc, mặt đẹp trong nhân cách chẳng chút bộc lộ; khi Vương phu nhân đánh mắng Kim Xuyến thì cậu ta chuồn mất dạng, cũng chẳng chịu ở lại biện hộ van xin cho Kim Xuyến vài câu.

Nói cho cùng, xét ngòi bút Tào Tuyết Cần, ông chưa chắc định tả áp bức giữa chủ với tớ; hình như ông đang viết thêm một bi kịch tính cách nữa, bởi hồi hai mươi ba, chỗ viết Giả Chính và Vương phu nhân triệu kiến các con, ông đặc biệt viết trước lúc Bảo Ngọc bước qua cửa, một bọn a hoàn đứng dưới mái hiên, trông thấy cậu đều chỉ nhoẻn miệng cười, duy có Kim Xuyến kéo tay Bảo Ngọc lại nói: "Môi tôi vừa bôi nhiều sáp thơm và ngọt lắm, cậu có thích ăn không?" Kim Xuyến ỷ ngày thường Vương phu nhân lệ thuộc vào mình, chẳng biết thu mình khỏi cái điệu khinh phù ấy, sớm muộn rồi cũng sinh chuyện.

Còn Vương phu nhân trước cái chết gieo mình xuống giếng tự vẫn của Kim Xuyến, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần thì không ác độc vô tình mà lòng đầy ý hối; điều ấy rất hợp với tính cách vốn nhất quán của Vương phu nhân, kể cả việc sau này bà quyết định lục lựa Đại Quan viên, đuổi Tình Văn cùng mấy a hoàn khác; văn tự thuật của Tào Tuyết Cần viết "Vương phu nhân vốn là người thiên chân lãng mạn, vui giận đều xuất từ trong

lòng, chẳng giống những kẻ tô lời che giấu ý nghĩ", tôi cho rằng đó không phải lời mỉa mai phản phúng, mà là nét vẽ trắng thuần túy về tính cách Vương phu nhân.

Cái chết vì liếc xéo của Kim Xuyến: trong tính ngẫu nhiên ẩn chứa tính tất nhiên.

Liếc xéo của Kim Xuyến là đôi mắt buồn ngủ. Mắt say cũng có thể thành hình liếc xéo. Hồi hai mươi tư "Túy Kim Cương khinh tài chuộng nghĩa hiệp" viết Giả Vân chịu ấm ức ở nhà cậu ruột Bốc Thế Nhân, đang phiền não cúi đầu bước về nhà, nào ngờ đâm sầm vào một gã say rượu, chính là vô lại phố chợ Túy Kim Cương Nghê Nhị; khi Nghê Nhị đang nắm yết hầu Giả Vân, mắng xong định ra tay thì Giả Vân vội gọi: "Anh Hai dừng tay, là tôi va phải anh!" Nghê Nhị nghe giọng người quen, mở đôi mắt say nhìn kỹ, thấy là Giả Vân, vội buông tay, lảo đảo chuyển cơn giận thành mừng.

Trong đoạn miêu tả ấy Tào Tuyết Cần tuy không dùng chữ "乜斜", nhưng mặt là mắt say, chân là bước lảo đảo, độc giả liên tưởng tới đôi mắt liếc xéo của Nghê Nhị cũng rất tự nhiên. Nhân vật Túy Kim Cương này rất đáng ngẫm. Nói cho đúng, hắn cho vay nặng lãi nơi phố chợ, thuộc loại xã hội lấp chỗ trống kiếm tiền ngoài vòng pháp luật, dường như chẳng có gì gọi là giá trị tích cực; vậy mà Tào Tuyết Cần lại dùng gam màu sáng rỡ để vẽ hắn, đưa hắn lên hồi mục, khen "khinh tài chuộng nghĩa hiệp"; lời phê Chi Nghiễn Trai còn chỉ rõ, trong đời sống thực của tác giả cũng từng gặp loại nhân vật như Túy Kim Cương; ý ngoài lời là những ân nhân cứu trợ trong số phận lắm truân chuyên của họ, lại chính là kiểu "vô lại phá nhà" ấy.

Túy Kim Cương là người bên lề xã hội tầng đáy; trong sách còn có một kẻ bên lề xã hội khác nổi bật không kém là Liễu Tương Liên; với đứa con trai lang thang của một nhà thế gia sa sút như Liễu Tương Liên, Tào Tuyết Cần lại dành cho nhiều tình thương và lời ca tụng hơn.

Tiết Bàn nhầm Liễu Tương Liên biết diễn tuồng thành một "tướng công" có thể khinh nhờn. Ở đoạn tình tiết "bá vương đần tán tỉnh bị đánh đau" hồi bốn mươi bảy, Tào Tuyết Cần tả ánh mắt mê sắc đần độn của Tiết Bàn từ đủ mọi góc độ; nghe Liễu Tương Liên nói những lời rõ ràng là lừa gạt mình, nó lại tin thành thật, "mừng đến ngứa ngáy khó chịu, nheo mắt liếc xéo vội cười nói" (喜得心痒难挠，乜斜着眼忙笑道)... Ánh mắt này của Tiết Bàn, khác với mắt buồn ngủ của Kim Xuyến và mắt say của Nghê Nhị, là con mắt sắc tình trọn vẹn; nhìn Liễu Tương Liên bằng ánh mắt ấy, dĩ nhiên càng khơi quyết tâm đánh cho nó một trận thật đau của Liễu Tương Liên.

Nhưng chúng ta cần chú ý: dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Liễu Tương Liên là người sống theo cái ý riêng của mình, thường biến đổi theo tùy hứng. Đánh Tiết Bàn xong, hắn trốn chuyện đi ẩn náu; có độc giả tưởng câu chuyện của hắn kết thúc ở đó, nào ngờ đến hồi sáu mươi sáu hắn bỗng cùng Tiết Bàn xuất hiện trước mặt Giả Liễn cùng một lúc; hỏi ra mới biết hắn đã kịch tính giải tán bọn cường đạo cướp đoàn thương thuyền của Tiết Bàn, với Tiết Bàn không những bỏ hết hiềm khích cũ mà còn kết bái làm anh em nữa! Giả Liễn nhân thể tác thành mối đính ước giữa hắn và Uyên Tam thư; ai ngờ trở về kinh thành, nghe vài câu của Bảo Ngọc,

hắn lại kiên quyết nuốt lời, đòi lấy lại cặp Uyên Ương kiếm đã dùng để đính ước, dẫn tới cảnh Uyên Tam thư gieo mình vào lưỡi kiếm tự vẫn. Sau đó một đoạn văn mờ ảo lẩn khuất khiến độc giả hiểu rằng Liễu Tương Liên đã lánh vào cửa Phật xuất gia, từ đó không tái xuất trần gian nữa.

Trong loạt bài giảng truyền hình cùng cuốn sách "Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng", tôi đã thám dật ra rằng sau tám mươi hồi Liễu Tương Liên tái xuất trần gian, không những làm "cường lương" (强梁, kẻ cướp) chống đối hoàng đế và thế lực chính trị phe nhật, mà còn gặp gỡ Tiết Bảo Cầm, người chẳng gả nổi vào nhà Mai Hàn lâm, giữa loạn ly, để cuối cùng Bảo Cầm quy về đúng như câu "Nếu không bên liễu cũng bên mai" (不在梅边在柳边); một trong những căn cứ chính là Tào Tuyết Cần đã đặt sẵn âm điệu cho đặc điểm tính cách và quỹ đạo số phận của Liễu Tương Liên ngay từ trước: hắn là loại sinh mệnh giỏi thay đổi theo tùy hứng nhất, cũng giỏi ra ngoài ý đoán nhất.

# Giả Chính đưa mắt

Cho rằng "Hồng Lâu Mộng" mang nội hàm tư tưởng phản phong kiến là một kết luận rất đáng kính trọng. Nhưng có những người giữ quan điểm ấy lại dựng Giả Chính thành một cái vỏ đại diện cho chính thống phong kiến, cắt ra từ sách vài lời ăn tiếng làm của ông, nhất là những câu răn dạy Bảo Ngọc, rồi khái quát mạch chính của toàn thư thành cuộc đấu tranh giữa "người mới" của thời đại ấy (đại biểu giai cấp thị dân mới nổi) với thế lực ngoan cố phong kiến; tôi cho rằng quan điểm như thế mang nhược điểm giản đơn hóa, bất lợi cho việc hiểu tấm lòng khổ tâm của Tào Tuyết Cần, thấm sâu cái vị chân thật của "Hồng Lâu Mộng".

Sách viết về Giả Chính cũng theo lối lập thể. Với Giả Chính cần nhìn đủ mọi phía. Giả Chính dẫu sao cũng có mặt trung thành với hoàng đế, có oai nghiêm của quyền cha, quyền chồng, có tư tưởng chính thống phong kiến, xét tổng thể với Bảo Ngọc là áp đặt áp lực ý thức hệ buộc cậu phải đi "con đường chính" của công danh sự nghiệp; nhưng sách cũng nhiều lần viết đến những mâu thuẫn trong lòng Giả Chính; linh hồn ông do nhiều yếu tố hợp thành, lại thường xuyên lên men, sinh ra đủ thứ hương vị phức tạp.

Hồi hai mươi hai viết "làm câu đố đèn, Giả Chính buồn vì điềm sấm", đã triển khai nhiều tầng lớp những xao động trong lòng Giả Chính. Vì nguyên mẫu của ông không phải con đẻ của nguyên mẫu Giả mẫu mà là con nuôi kế tự, nên tuy "chân sự ẩn" thì vẫn "giả ngữ tồn": sách viết đến thái độ lạnh nhạt của Giả mẫu đối với ông và nhu cầu tình mẫu tử âm ỉ trong lòng ông, viết đến cảnh giác kinh hồn của ông trước những điềm chẳng lành hé lộ trong câu đố đèn của Nguyên Xuân, Nghênh Xuân, Thám Xuân, Tích Xuân các cháu, viết ra nỗi cô độc khổ sở, mệt mỏi hiu quạnh trong lòng ông vào đúng lúc gia tộc đang độ thịnh.

Đây là một hình tượng có máu có thịt; thưởng thức hình tượng nghệ thuật này phải thoát khỏi khuôn dán nhãn, phải thấm được công lực khai phá, thăm dò nhân tính của Tào Tuyết Cần.

Theo lối nghĩ thô kệch của một số người, Giả Chính vừa đưa mắt lên hẳn chẳng có chuyện gì lành, lại sắp rao giảng tư tưởng chính thống phong kiến gì đây? Nhưng ở hồi hai mươi ba, chỗ viết Giả Chính và Vương phu nhân triệu tập các con để công bố dụ của Nguyên phi cho chúng dọn vào Đại Quan viên, khi đàn cháu đã đông đủ, Tào Tuyết Cần đặc biệt đặt xuống một nét bút thế này: "Giả Chính đưa mắt nhìn lên (贾政一举目), thấy Bảo Ngọc đứng ngay trước mặt, phong tư phiêu dật, vẻ đẹp hơn người; liếc sang Giả Hoàn, thì diện mạo ươn hèn, đi đứng vụng về; bỗng nhớ đến Giả Châu, lại nhìn Vương phu nhân chỉ còn mỗi một đứa con đẻ, ngày thương yêu quí như trân, còn bộ râu cằm mình đã ngả bạc; bởi mấy điều ấy, lòng ngày thường ghét bỏ muốn trị tội Bảo Ngọc bỗng giảm đi tám chín phần."

Chỗ này viết ánh mắt của Giả Chính từ hình dạng bên ngoài thẳng xuống tận tầng sâu nội tâm, chứng tỏ ông cũng có thứ tình thân thẩm mỹ vượt qua phán đoán của giá trị quan niệm phong kiến.

Nửa trước hồi bảy mươi tám viết "Lão học sĩ nhàn trưng Quỷ hoạch từ", càng viết thêm một tầng sâu nữa: "Gần đây Giả Chính tuổi đã cao, danh lợi nguội lạnh; vậy mà thuở đầu thiên tính vốn là người thơ rượu phóng đãng, chỉ vì ở trong hàng con cháu, không khỏi phải lấy đường chính mà khuyên răn. Gần đây thấy Bảo Ngọc tuy không chịu đọc sách, lại khá hiểu được lối ấy, xét kỹ ra cũng chưa đến nỗi làm nhục tổ tiên bao nhiêu..." Độc giả đọc tới đây sẽ cảm nhận Giả Chính với Bảo Ngọc chẳng phải thế lực không đội trời chung: sâu trong linh hồn, cả hai đều có yếu tố xem nhẹ công danh, thơ rượu phóng đãng; chỉ khác Giả Chính ngày thường tự đè nén mình rồi còn đè nén cả đàn con cháu, còn Bảo Ngọc biết vùng thoát khỏi đè nén mà tự phóng thích thôi.

Trong loạt bài giảng truyền hình cùng cuốn sách "Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng", tôi đã nói với mọi người tâm đắc thám dật của mình: "Lão học sĩ nhàn trưng Quỷ hoạch từ" là lần tuôn trào lớn của nỗi bi thương tiếc nhà Minh lắng đọng sâu trong lòng Giả Chính.

Có người nghe, người đọc nêu câu hỏi: Giả Chính là quan lại của triều Mãn Thanh, sao lại có nổi thứ tâm tư ấy? Người khác còn chỉ rõ hơn: Tào Tuyết Cần là con cháu bát kỳ, đâu phải di lão di thiếu nhà Minh, vậy sao lại qua tình tiết như thế, nhân vật như thế mà tỏ bày nỗi bi nhà Minh trong sách?

Muốn thông suốt vấn đề này, phải biết ba sự kiện.

Thứ nhất, thủy tổ họ Tào là thành viên bát kỳ Mãn Châu, và chính Bạch kỳ mà nhà ông thuộc lại là một trong "Thượng tam kỳ" của bát kỳ. Luôn luôn có người lầm tưởng thủy tổ Tào Tuyết Cần là thành viên Hán quân kỳ; thực không phải. Nếu là thành viên Hán quân kỳ được biên chế vào khoảng trước sau lúc Mãn Thanh nhập quan, thì trong cả hệ thống xã hội, thân phận khá thấp kém. Thuộc thành viên chính Bạch kỳ, trên danh nghĩa xem như thuộc Mãn tộc chính thống nhất.

Thứ hai, thủy tổ Tào Tuyết Cần vốn là người Hán, nhưng bị người Mãn bắt làm tù binh từ sớm; thuở đó người Mãn thắng nổi thiên hạ hay chưa, còn khó mà nói; nhưng thủy tổ họ Tào đã cùng người Mãn tác chiến chung một trận tuyến, lập công lao to lớn, về sau còn cùng nhau nhập quan; triều Thanh định đô Bắc Kinh, thống nhất quốc gia, những người Hán theo chủ Mãn đoạt được thiên hạ như thủy tổ nhà Tào lần lượt chia phần trái cây chiến thắng, được bổ nhiệm làm quan lại có quyền có thế; nhà Tào về sau ba đời bốn người đảm nhiệm Giang Ninh Chức tạo, dưới triều Khang Hy vinh quang vô biên. Đặc biệt là ông nội Tào Tuyết Cần, tức Tào Dần, với Khang Hy đúng nghĩa "bạn chơi thuở bé"; ngoài công việc trong nhiệm kỳ Chức tạo, ông còn kiêm nhận những trọng trách như chính vụ muối, đúc đồng, khắc in sách điển, càng đảm nhiệm vai trò mật thám liên lạc đơn tuyến bí mật với Khang Hy mà người ngoài không hề hay biết; trong đó một nhiệm vụ đặc công là làm quen thân thiết với di lão di thiếu nhà Minh, lúc vỗ bề lôi kéo cũng chính là lúc dò ra ý nghĩ trong lòng cùng hành động bên ngoài của họ.

Thứ ba, tuy bị biên chế vào bát kỳ Mãn, nhưng dòng họ Tào rốt cuộc vẫn là huyết quản chảy giòng máu Hán; mà ở trong chính Bạch kỳ, địa vị nhà ông còn thấp hơn cả thành viên Mãn tộc, thuộc hạng "bao y", tức nô tài; cơ quan được phân phối cho họ là Nội vụ phủ, tức một cơ quan chuyên phục vụ hoàng gia.

Từ thơ văn Tào Dần để lại, tìm được không ít vết tích nhỏ: trong những bài xướng họa với di lão di thiếu nhà Minh, bản thân ông cũng phóng ra u hoài bi Minh; một phía có thể vì mục đích "thống chiến", phía khác cũng không loại trừ trong lòng quả có thứ cảm xúc ấy dâng lên. Nhưng Tào Dần làm thế lại có chỗ dựa: Khang Hy sáu lần nam tuần, bốn lần nghỉ tại Giang Ninh Chức tạo thự do Tào Dần tiếp giá; hơn nữa, để nhấn mạnh tính hợp pháp cùng tính liên tục của chính quyền Mãn Thanh trên đất Trung Hoa, Khang Hy đặc biệt đi tế lăng Minh Thái Tổ, tự tay đề bia "Trị Long Đường Tống" (cai trị hơn hẳn Đường, Tống); bởi vậy, mức độ vừa phải bày tỏ nỗi bi thương nhà Minh, đối với người như Tào Dần, thuộc loại "đánh bóng chạm mép", chưa chắc đã nghịch nghãi; khéo xử lý thì ngược lại còn là một sự xác nhận cho điểm "phụng thiên thừa vận" của Mãn Thanh.

Hiểu những tình huống ngoài sách ấy giúp ta hiểu được tình tiết "nhàn trưng Quỷ hoạch từ" của Giả Chính trong sách.

# Nhìn nhau mà cười

Ngòi nổ của vụ lục lựa Đại Quan viên chính là chiếc túi thơm thêu xuân cô Ngốc nhặt được trên tảng đá giữa vườn. Vậy rốt cuộc ai đã đánh rơi chiếc túi thơm ấy ở đó?

Phần đông độc giả tán thành phán đoán này: kẻ bất cẩn đánh rơi nó là tình nhân của Tư Kỳ, a hoàn lớn của Nghênh Xuân. Lúc lục lựa, người ta lục ra từ rương của Nghênh Xuân một bức thư mật Phan Hựu An, biểu huynh của Tư Kỳ, viết gửi cô, trong thư nhắc đến chuyện "hai cái túi thơm được ban tặng, nay đã kiểm nhận"; như vậy, khi Phan Hựu An lẻn vào vườn hẹn hò kín đáo với Tư Kỳ, rất có thể ít nhất đã đeo sẵn một chiếc túi thơm thêu xuân, chỗ khuất mắt cởi áo xin tình, lại bị Uyên Ương vô ý kinh động cho tan tác, hoảng hốt đánh rơi lên tảng đá, hết sức hợp lý.

Nhưng trong số độc giả "Hồng Lâu Mộng" xưa nay, vẫn có cách hiểu khác về chuyện rốt cuộc ai để rơi chiếc túi thơm ấy ở đó.

Chẳng hạn một độc giả tên Từ Cận Sẩu lại cho rằng chiếc túi thơm thêu xuân ấy không do Tư Kỳ hay Phan Hựu An đánh rơi; vậy của ai? Của Tiết Bảo Thoa! Có người nghe xong có thể bật cười khe khẽ, sẽ tưởng vị độc giả họ Từ ấy là thanh niên thời hiện đại, biết đâu chỉ lên mạng đăng bài, mượn kiểu "lời chưa đủ giật gân thì chết không cam tâm" để kiếm lượt truy cập cho đông. Nhưng tôi phải nói với bạn: Từ Cận Sẩu là quan lại văn sĩ cuối đời Thanh, cùng Khang Hữu Vi với Lương Khải Siêu đồng chí hướng; ông gần gũi với những nhân tình thế thái miêu tả trong "Hồng Lâu Mộng" hơn chúng ta bao nhiêu bậc chẳng đếm nổi; thân một bậc bác học, ông giải thích người đánh mất chiếc túi thơm trong sách theo lối ấy, tự có logic của mình.

Ngày hôm sau vở kịch xấu xa lục lựa Đại Quan viên diễn ra, Tích Xuân "thề giữ nết gầy cứng, dứt khoát đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc"; Vưu thị bị Tích Xuân cà lồng một trận, uất ức đi sang chỗ Lý Hoàn đang dưỡng bệnh; nói chưa bao nhiêu lời thì có người vào báo "Cô Bảo đến chơi", quả nhiên là Tiết Bảo Thoa. Đêm trước lúc lục lựa, Hành Vu viện nơi Bảo Thoa ở không hề bị động đến sợi lông nào, lý do là do vợ Vương Thiện Bảo đề xuất và Vương phu nhân gật gù: không lục lựa nhà bà con; vậy sao lại không tha cho Tiêu Tương quán? Chẳng lẽ Lâm Đới Ngọc không phải bà con? Những chỗ ấy Tào Tuyết Cần xuống bút rất kỹ, dù không minh họa tâm trạng Vương phu nhân, độc giả tinh ý vẫn đâm thẳng được vào tim bà. Đoàn quân rầm rộ khám xét tuy không tràn vào Hành Vu viện, nhưng tường không có chỗ nào gió lọt; Bảo Thoa dò rõ thực hư rồi, hôm sau liền đến nhà Lý Hoàn, nói mẹ mình khó chịu trong người, người đàn bà đáng tin trong nhà lại ốm, phải đích thân về trông nom một thời gian; lẽ ra rút khỏi Đại Quan viên về nhà họ Tiết phải trình bày với Giả mẫu hay với Vương phu nhân, hoặc đi nói với Phượng Thư, nhưng Bảo Thoa nhấn mạnh "việc này cũng chẳng phải chuyện gì to tát, cứ tạm đừng nói, đợi mẹ tôi khỏe thế nào tôi lại sang", nên chỉ đến thông báo với Lý Hoàn, nhờ chị chuyển lời. Trước quyết định triệt thoái ấy của Bảo Thoa, Tào Tuyết Cần viết ánh mắt của Lý

Hoàn và Vưu thị thế này: "Lý Hoàn nghe xong chỉ nhìn Vưu thị mà cười, Vưu thị cũng chỉ nhìn Lý Hoàn mà cười." Bọn người nhất thời đều im lặng, a hoàn dâng lên bát cháo bột vừa pha, mọi người cứ uống cháo bột đã.

Cái nhìn nhau mà cười của Lý Hoàn và Vưu thị, nụ cười ấy hẳn là nụ cười khẽ không tiếng, lòng hiểu nhau chẳng cần nói ra. Họ đều thấu suốt tâm cơ của Bảo Thoa. Đúng thật là chỗ nào cũng giả vờ ngu dại, tự nhận giữ mình chất phác.

Nếu Bảo Thoa quả thật sở hữu túi thơm thêu xuân, chúng ta cũng chẳng cần vỗ bàn kinh ngạc. Sách nhiều lần viết Bảo Thoa kiến thức phong phú, từ tao nhã đến tầm thường không gì không thông. Cô ta nếu có túi thơm thêu xuân, cũng không có nghĩa là lòng dạ dâm ô, chỉ là muốn mở rộng mặt nhận thức càng rộng càng tốt mà thôi. Anh cô là Tiết Bàn chắc chắn nắm trong tay không ít loại vật phẩm đồi trụy ấy, cô ta có được chẳng tốn công sức nào. Dĩ nhiên, chuyện cô ta mang vật ấy vào Đại Quan viên rồi đánh rơi trên tảng đá, khả năng thật sự quá nhỏ; Từ Cận Sẩu muốn giải thích điểm này cho trọn vẹn e rằng cũng không dễ. Dẫu vậy, tôi thấy quan điểm của Từ Cận Sẩu vẫn có giá trị tham khảo. Sách viết Bảo Thoa vốn mang "nhiệt độc", phải thường xuyên nuốt "Lãnh hương hoàn" để cân bằng trạng thái thân tâm.

Ta có thể đặt Bảo Thoa cạnh "nhị Ngọc" để so sánh.

Bảo Ngọc với Đới Ngọc tuy thông minh vượt người, lại "ngũ độc bất thức", chẳng thấu chuyện đời: hai người không hiểu việc công danh sự nghiệp, Bảo Ngọc không biết dùng dụng cụ cân bạc, Đới Ngọc không nhận ra giấy cầm cố; ngồi dưới sân xem vở "Lỗ Trí Thâm say náo Ngũ Thai Sơn" mà thuộc nổi câu hát nào đâu, gặp kịch bản "Tây sương ký" thì mừng rỡ phát cuồng, còn Bảo Thoa thuở còn nhỏ đã lướt qua cả bộ "Nguyên nhân bách chủng"; Bảo Ngọc không biết chén lục ngọc đấu quý giá cỡ nào, Đới Ngọc chẳng hay tuyết hái trên cành mai mới đủ nấu thứ trà thượng phẩm, còn nước mưa tích từ năm ngoái thì "uống thế nào được"...

Bảo Thoa có thể trở thành bậc khuê tú mẫu mực trong cái gia đình quý tộc của thời đại ấy, xã hội ấy, không phải vì cô đơn thuần, chân thành, trong suốt, mà đúng là vì cô cái gì cũng biết mà vẫn giả vờ cái gì cũng không biết, lời nói cử chỉ thường khiến người khác thấu rõ trong lòng mà lại chẳng thể chọc thủng; đó là lợi thế giúp cô bơi lội giữa xã hội ấy, môi trường ấy, nhưng cũng chính điều đó khiến cô dù có được con người Bảo Ngọc vẫn không thể có được trái tim Bảo Ngọc.

Bảo Thoa đến từ biệt, Lý Hoàn, Vưu thị ban đầu chỉ nhìn nhau mà cười, ứng phó bằng im lặng. Sau đó Lý Hoàn mới nói: "Một vài hôm, thế nào cô cũng về, đừng để tôi phải mang lỗi đấy." Lúc ấy Bảo Thoa lại phóng ra một câu rất sắc, rằng "Việc gì mà mang lỗi? Đó là thường tình của người ta cả, chị có phải thả bọn giặc ra đâu."

Le ra Bảo Thoa chẳng nên ngoài êm trong sắc đến thế; sao cô ta buột miệng ra ngay được câu "chị có phải thả bọn giặc ra đâu"? Chẳng lẽ quả như lời Từ Cận Sẩu, đối với vụ lục lựa, ngoài né tránh, cô ta còn có một thứ tâm lý vi tế nào khác?

# Nhìn theo bằng ánh mắt

Có một bản cổ "Hồng Lâu Mộng" được gọi là "bản Tĩnh tàng", giữa thế kỷ XX từng nổi lên mặt nước rồi lại biến mất đầy thần bí. Những người từng đọc bản cổ ấy đã chép lại mấy lời phê có riêng trong đó, gửi cho các hồng học gia đương thời, nhờ vậy những lời phê "bản Tĩnh tàng" mới lan truyền ra ngoài. Tôi cũng rất coi trọng tư liệu ấy, đưa vào phạm vi tham khảo cho việc thám dật của mình.

Sau khi loạt bài giảng truyền hình cùng cuốn sách "Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng" của tôi công bố, có người xem, người đọc chỉ ra: trước hồi sáu mươi bảy của "bản Tĩnh tàng" có một lời phê rất dài, liên can đến kết cục toàn thư, vậy mà trong tâm đắc thám dật của tôi lại không hề chấp nhận nó; vì sao thế?

Trước hết, về hồi sáu mươi tư và hồi sáu mươi bảy của bản cổ "Hồng Lâu Mộng", qua nghiên cứu khảo chứng của không dưới một hồng học gia, cơ bản đã thành nhận thức chung: văn chữ hai hồi ấy không phải ngòi bút Tào Tuyết Cần, dĩ nhiên cũng không phải do Cao Ngạc tạo ra, mà hẳn là do người khá thân với Tào Tuyết Cần phỏng đoán ý tưởng của ông rồi gắn ghép bổ khuyết. Riêng hồi sáu mươi tư, vẫn có người cho rằng nửa trước đại thể là phần Tào Tuyết Cần để lại; còn hồi sáu mươi bảy thì chính văn hoàn toàn không đáng tin, giá trị của lời phê trong đó càng thêm đáng ngờ. Trong các bản cổ còn lưu khác, hồi sáu mươi bảy đều không có bất cứ lời phê nào, lời phê của "bản Tĩnh tàng" quả thật rất độc gia. Còn lời phê đặt trước hồi ấy, chữ sao lục rối loạn đến mức không tài nào đọc nổi, ý câu chữ loạn xạ đến độ chẳng hiểu nói gì, đó cũng là một nguyên nhân quan trọng khiến tôi không dám chấp nhận. Gắng chấm câu mà đọc, đại thể là nói hồi cuối cùng viết Bảo Ngọc "buông tay nơi vực thẳm", đạt tới cảnh giới "giác ngộ"; cậu xuất gia mà chẳng cần cạo tóc, trở về đỉnh Thanh Chấp phong, vẫn phải nằm trong giấc mộng của Chân Sĩ Ẩn, còn kẻ dẫn đường phía trước đưa cậu trở về chính là Uyên Tam thư. Thám dật của tôi thì hồi cuối cùng lại có Nhị Nha Đầu xuất hiện.

Vì sao tôi coi trọng Nhị Nha Đầu, cho rằng cô sẽ ở khoảnh khắc then chốt nhất đóng vai trò khiến Bảo Ngọc bừng ngộ thăng hoa? Vì ở hồi mười lăm, sách viết Bảo Ngọc theo Phượng Thư đến một nông trang; với Phượng Thư, đó chẳng qua là tìm chỗ tạm "thay áo", nhưng với Bảo Ngọc thì là bước vào một môi trường khác hẳn ngày thường, sinh ra một trải nghiệm sinh mệnh tươi mới. Ở nông trang, Bảo Ngọc gặp Nhị Nha Đầu, một cô gái quê chất phác; Nhị Nha Đầu xe tơ cho cậu xem, làm cậu mở rộng tầm mắt.

Vốn đoạn văn ấy tựa như chẳng có gì lay động nổi độc giả, nhưng đến lúc lên xe rời nông trang, Tào Tuyết Cần lại viết ra những dòng chữ kinh tâm động phách thế này: "Đi ra chưa được bao xa, chợt thấy Nhị Nha Đầu phía đối diện ôm em trai bé trong lòng, cùng mấy cô gái vừa nói vừa cười đi tới. Bảo Ngọc hận không

thể xuống xe chạy theo cô, liệu chắc bọn người chẳng bằng lòng, đành phải nhìn tiễn bằng ánh mắt (以目相送), hiềm nỗi xe nhẹ ngựa nhanh, một chớp mắt đã mất tăm."

Về sự xuất hiện của Nhị Nha Đầu, lời phê Chi Nghiễn Trai chỉ rõ: "chỗ nào cũng điểm tình, lại cài trước một đoạn hậu văn". Bên cạnh "nhìn tiễn bằng ánh mắt" và "xe nhẹ ngựa nhanh", bà lại phê: "Bốn chữ này có bài toán. Đời người tan hợp, há chẳng phải thường như thế." Bốn chữ được nhắc đến, đa số hiểu là "xe nhẹ ngựa nhanh"; tôi thấy nên chỉ vào "nhìn tiễn bằng ánh mắt" mới đúng: ánh mắt ấy của Bảo Ngọc toát ra nỗi khổ lớn của cậu khi bị giam hãm trong nhà giàu sang, cùng khát vọng lớn trở về cuộc sống đồng quê chất phác, đồng thời cũng là một nét phục bút lớn: đến cuối cùng cậu sẽ được Nhị Nha Đầu dẫn dắt mà bừng ngộ, từ đó buông tay nơi vực thẳm (tức xuất gia đi tu), trở về thiên giới, tức là "do không thấy sắc, từ sắc sinh tình, truyền tình nhập sắc, tự sắc ngộ không".

Xin lưu ý, "sắc tức là không, không tức là sắc" là thuyết từ của Phật giáo, nhưng Tào Tuyết Cần lấy tám chữ "từ sắc sinh tình, truyền tình nhập sắc" làm cây cầu dẫn tới giác ngộ, đã vượt khỏi khái niệm "sắc không" của Phật giáo tục đời, nhấn mạnh lên ý nghĩa trọng đại của chữ "tình" trong vũ trụ nhân sinh.

Xưa nay nhiều người dùng các lý thuyết sẵn có trên thế giới để đọc giải "Hồng Lâu Mộng": Vương Quốc Duy ngay từ đầu thế kỷ trước đã thử dùng triết học bi quan của Schopenhauer để giải thích bộ sách kỳ lạ này; giữa thế kỷ XX người ta vận dụng quan điểm văn nghệ của các nhà Nga Bielinsky, Chernyshevsky, Dobrolyubov (gọi tắt là Bi, Xe, Đô), nhất là dùng lý thuyết "nhân vật điển hình trong môi trường điển hình" mà Engels nêu ra để phân tích, luận chứng chủ đề cùng nhân vật của "Hồng Lâu Mộng", càng trở thành một trào lưu; đến tận lúc bước vào thế kỷ XXI vẫn còn kẻ mang triết học Kant, Nietzsche, Heidegger ra làm chuyện, lại còn cả kẻ du nhập phê bình nữ quyền, chủ nghĩa kết cấu, hậu hiện đại, chủ nghĩa giải cấu trúc để diễn giải "Hồng Lâu Mộng". Mười tám thứ khí giới sắc bén của phê bình văn nghệ, hễ chỗ nào đáng lấy thì đều có thể mượn, đều có thể thử. Nghiên cứu của chính tôi cũng luôn mượn dùng phương pháp nghiên cứu nguyên mẫu cùng đọc kỹ văn bản.

Nhưng Tào Tuyết Cần viết "Hồng Lâu Mộng" lại vượt lên trên mọi lý thuyết; ông không viết cuốn tiểu thuyết này dưới sự hướng dẫn, khơi gợi của một lý thuyết sẵn có nào; ông tự tạo ra thứ văn bản vừa "giấu việc thực" vừa "giữ lời giả", trong sách lại "chỗ nào cũng điểm tình", lấy chữ "tình" xâu chuỗi toàn thư; tựa như ông đang khải thị cho chúng ta: cái quý giá nhất trong vũ trụ nhân sinh không phải công danh lợi lộc, không phải nối dõi tông đường, không phải âm thanh ánh sáng sắc màu điện ảnh, mà là những khoảnh khắc hưởng thụ tình cảm giữa người với người, giữa người với thiên nhiên; dù chỉ ngắn ngủi, thoáng qua rồi mất, chỉ cần đã hưởng được chân tình, nhân sinh đã mang ý nghĩa và giá trị thực tại.

Tôi từng nói nghiên cứu Hồng học của mình khởi đi từ Tần Khả Khanh, có thể gọi là "Tần học"; thực ra danh xưng chính xác hơn hẳn phải là "tình học".

# Thế pháp bình đẳng

Am ni cô mà Diệu Ngọc ở trong vườn Đại Quan rốt cuộc gọi là am Lung Thúy (栊翠庵) hay am Lũng Thúy (拢翠庵)? Các bản cổ Hồng Lâu Mộng không thống nhất với nhau về cách viết. Bản thông hành lấy chữ đầu trong tên am là 栊: trước kia có cách nói "liêm lung" (帘栊, mành song), "栊" mang nghĩa song gỗ mắt nhỏ; đem ghép với chữ "thúy" (翠, xanh biếc) thì nghĩa khó hiểu. Còn "拢" (lũng) mang nghĩa chải vuốt, họp lại; thế thì "lũng thúy" là sắp cho ngay ngắn, tụ về một chỗ cả một sắc xanh biếc, lấy đó làm tên am hợp lý hơn. Dưới này khi nói đến chốn ở của Diệu Ngọc, tôi theo cách viết Lũng Thúy am.

Trong bảng chính "Kim Lăng thập nhị thoa", Diệu Ngọc là người phụ nữ duy nhất chẳng thuộc dòng máu của "tứ đại gia tộc" Giả, Sử, Vương, Tiết, cũng chẳng phải người gả vào làm dâu một "tứ đại gia tộc" nào; hơn nữa nàng còn đứng hàng thứ sáu, trước cả Vương Hy Phượng vốn chiếm phần diễn dày đặc bậc nhất trong sách. Có thể thấy Tào Tuyết Cần trân quý nàng khác thường ra sao.

Suốt tám mươi hồi trước, Diệu Ngọc chỉ hai lần xuất hiện đích danh: một lần nàng đãi mọi người uống trà ở am, một lần đêm rằm tháng Tám khuya, bài liên cú của Lâm Đại Ngọc với Sử Tương Vân còn dang dở thì bỗng nhiên nàng xuất hiện, rồi đưa hai người về am, một hơi nối cho trọn bài thơ. Có những độc giả vì không hiểu mấy câu trong khúc "Thế nan dung" viết về nàng: "Đến đầu cuối, phong trần khang tạng trái ý riêng, thật tựa ngọc trắng không vết sa vào bùn lầy, lại đâu cần, vương tôn công tử than duyên bạc!", lại chịu thêm ảnh hưởng của phần sách tiếp bút của Cao Ngạc, nên hiểu lầm nhân vật này một cách không đáng có; điều đó cần được nói rõ thay nàng. Nhất là câu "phong trần khang tạng trái ý riêng" (风尘抗脏违心愿), bị hiểu sai nặng nhất. Có độc giả vừa thấy chữ "phong trần" đã liên tưởng đến "phụ nữ phong trần", đoán rằng về sau Diệu Ngọc hẳn phải sa vào lầu xanh. Thực ra xưa kia chữ "phong trần" còn có một nghĩa rất thông dụng: chỉ "trần thế", tức xã hội tục gian. Còn chữ "抗脏" ở đây phải đọc theo âm "khang tạng" (抗藏), cả hai chữ đều thanh thượng, nghĩa là cang trực, chẳng chịu uốn nắn; người xưa hay dùng từ này theo nghĩa ấy, như bài "Đắc nữ nhi tiêu tức" của Văn Thiên Tường có câu: "抗脏到底方是汉，娉婷更欲向何人" (cang trực đến cùng mới là hán tử, nết kiều diễm còn muốn hướng về ai?). "Phong trần khang tạng trái ý riêng" ý nói Diệu Ngọc cuối cùng vẫn trở về trần thế, làm nên việc lớn cang trực bất khuất, đáng ca đáng khóc; việc ấy tuy trái với nguyện ban đầu của nàng là làm "người ngoài ngạch cửa" trọn một kiếp, là cái kết thảm liệt của sự tự hy sinh kiểu "ngọc trắng không vết sa vào bùn", nhưng chẳng hề đồng nghĩa với sa đọa, ngược lại càng chứng tỏ phẩm cách cao quý của nàng. Vậy rốt cuộc nàng có yêu Giả Bảo Ngọc hay không? Câu "vương tôn công tử than duyên bạc" có phải chỉ chính Giả Bảo Ngọc thở dài than mình với nàng không có duyên? Kết quả khảo nghiệm của tôi bác bỏ những phỏng đoán ấy. Nàng thưởng thức cái thoát tục của Giả Bảo Ngọc, cho rằng Bảo Ngọc là kẻ hiếm hoi "chút chút có tri kiến", nhưng người thầm yêu Bảo Ngọc chưa chắc là nàng; vương tôn công tử than "vô duyên" ấy lại là người khác, mà tôi đã khảo ra: đó là Trần Dã Tuấn xuất hiện ở hồi thứ mười bốn (Tào Tuyết Cần có văn bản gọi rõ ông ta cùng mấy người khác là "vương

tôn công tử"). Trong tiểu thuyết tham dật "Diệu Ngọc chi tử", tôi đã viết nên hình dung của mình về số phận Diệu Ngọc sau tám mươi hồi, độc giả nào hứng thú có thể tìm đọc.

Nửa hồi "Lũng Thúy am trà phẩm mai hoa tuyết" chỉ dùng tất cả 1325 chữ (theo thống kê trên bản Canh Thần; các bản khác chênh nhau không đáng kể), mà đã làm tính Diệu Ngọc nhảy ra khỏi trang giấy. Tào Tuyết Cần viết cảnh Diệu Ngọc kéo Bảo Thoa, Đại Ngọc ra buồng bên thưởng thứ trà riêng, Bảo Ngọc lẻn theo; bộ trà cụ nàng dành cho hai người ấy, tên gọi vừa khó viết vừa khó đọc, đều là cổ vật hiếm có khó tìm; chén đưa cho Bảo Ngọc thì lại là cái "lục ngọc đấu" nàng thường dùng uống trà hằng ngày, nhìn qua có vẻ tầm thường. Đến lúc ấy Bảo Ngọc càu nhàu, dĩ nhiên chủ yếu là đùa, anh cười nói: "Người ta thường nói 'thế pháp bình đẳng', sao hai cô được dùng đồ cổ quý, mà tôi lại phải dùng đồ tục này?" Diệu Ngọc lập tức nghiêm giọng: "Thế là đồ tục à? Không phải tôi nói liều đâu, nhà cậu chưa chắc đã tìm ra được cái đồ tục này!" Rốt cuộc gia thế nhà Diệu Ngọc là như thế nào? Vì sao từ Giang Nam nàng lại phiêu bạt đến vườn Đại Quan trong kinh? Sao nàng lại sở hữu được nhiều thứ sứ quý trân ngoạn giá trị bằng thành đến thế? Thật ra nàng chính là người phụ nữ bí ẩn nhất trong bảng chính thập nhị thoa, độ bí ẩn còn hơn cả Tần Khả Khanh.

Câu "thế pháp bình đẳng" Giả Bảo Ngọc nói ra bắt nguồn từ Kinh Kim Cang. Trong Kinh Kim Cang, đoạn xưa kia được trích dẫn nhiều nhất là mấy câu "tất cả hữu vi pháp, như mộng như huyễn, như bọt như bóng, như sương lại như điện, nên quán như thế", một quan niệm rất hư vô. Nhưng Kinh Kim Cang cũng có câu "thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ" (是法平等，无有高下), lại cho người ta cảm nhận một lời hứa ấm áp rằng trước Phật pháp mọi người bình đẳng, khiến tín chúng thêm vững lòng bước tiếp giữa chốn hồng trần tấp nập. Đáng chú ý: khi viết câu nói ấy của Giả Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần cố ý viết "thế pháp bình đẳng" thay cho "thị pháp bình đẳng"; câu chữ trước sau chỗ ấy các bản cổ chênh nhau khá nhiều, riêng bốn chữ này hoàn toàn như nhau, đủ thấy đó là bút và ý gốc của Tào Tuyết Cần. Qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần phát biểu một quy luật ứng xử: con người trên đời nên sống bình đẳng với nhau; điều ấy thuở ông đã vượt thời đại, mà đem đặt vào hôm nay vẫn là tư tưởng rất tiên tiến. Liên tưởng đến thời gian gần đây, vẫn còn kẻ ghét nghèo quý giàu, thậm chí kỳ thị những tỉnh có đông nông dân đi làm ăn xa, đối với những người lao động nhập cư đến từ vùng ấy "thật thà đến mức chẳng khách khí chút nào"; vậy những kẻ ấy há chẳng nên thấy thẹn, há chẳng nên chuyển hướng theo tinh thần "thế pháp bình đẳng" hay sao?

# Sự nhược cầu toàn hà sở nhạc

Cách khái quát kiểu ấy cũng có phần hợp lý: Lâm Đại Ngọc nhỏ nhen nhưng mang ý thức phản kháng phong kiến; Tiết Bảo Thoa khoan dung khéo léo, ngoan ngoãn tuân theo và gìn giữ lễ giáo phong kiến. Nhưng xin lưu ý: đó chỉ là cái "lẽ" mà người hiện đại khái quát một cách thô sơ "từ một góc nhìn nhất định"; thực ra với nhân vật dưới ngòi bút mình, Tào Tuyết Cần chưa bao giờ dùng thứ bút ngu dại vẽ đều một màu, ông viết nổi cái phức tạp của con người, cái gọi là "sống động như thật" đấy. Hồi theo học với Giả Vũ Thôn ở Dương Châu, Lâm Đại Ngọc còn bé lắm, độ mới năm tuổi, thế mà đã tự biết đọc chữ "mẫn" (敏) thành "mật" (密) để kiêng huý tên mẹ là Giả Mẫn; đâu có phải bẩm sinh đã là "người mới" "phản phong kiến". Tiết Bảo Thoa rượt bướm, tình cờ nghe Tiểu Hồng ở đình Trích Thúy tâm sự chuyện riêng, đã không ngần ngại đổ vấy cho Lâm Đại Ngọc để mình "con ve lột xác" thoát thân; việc ấy xét theo cả chuẩn mực đạo đức phong kiến cũng là cử chỉ chẳng đẹp. Hồi uống trà ở am Lũng Thúy, Đại Ngọc bị Diệu Ngọc châm chọc cay nghiệt: "Cô mà lại là người rất tục." những nàng cũng chẳng nhỏ nhen nổi giận, mà dung nạp được tính lập dị của Diệu Ngọc. Còn Tiết Bảo Thoa chỉ vì nghe Giả Bảo Ngọc nói một câu ví nàng như Dương Quý Phi "thể phong khiết nhiệt" đã nổi cơn thịnh nộ, đến mức "mượn quạt mà một lời đánh hai phía", vừa nói năng lạnh lùng quái đản với Bảo Ngọc, vừa rầy la một trận con a hoàn vô tội là Điến Nhi; lòng dạ ấy đâu có rộng rãi gì.

Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, trong Đại có Thoa, trong Thoa có Đại; hai người vừa như hai dòng nước chảy riêng, hai đỉnh núi đối sừng sững, vừa như hình với bóng, âm với dương quyện làm một. Đến hồi thứ bốn mươi chín, Bảo Ngọc thấy Lâm Đại Ngọc quả thật chẳng còn nghi kỵ Bảo Thoa nữa, hai người thân thiết như chị em cùng mẹ, anh "trong lòng ức ức không vui", "chỉ âm thầm lấy làm lạ"; một ngòi bút linh động viết ra được cái phức tạp của tính người, cái khôn lường của tình người như vậy, những nhà văn kiểu cứ định tính nhân vật xong rồi mới tả tỉ mỉ tuyệt nhiên không thể có được.

Nếu đọc kỹ Hồng Lâu Mộng, sẽ thấy Lâm Đại Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần tuy tính tình nhất quán từ đầu đến cuối, cảnh giới tư tưởng lại không ngừng đổi thay, nâng lên. Hồi thứ bảy mươi sáu, cùng Sử Tương Vân liên cú ở quán Ao Tinh, lúc ấy nàng đã khác thời ngâm thơ cúc: bớt đi chút u uất oán than, thêm vào chút điềm tĩnh thiền ngộ. Khi ấy hai người ngồi xuống hai chiếc đôn trúc Tương phi bên bờ ao, trông thấy cảnh đẹp dưới ánh trăng, Sử Tương Vân nói nên ra giữa nước vừa chèo thuyền vừa uống rượu; Lâm Đại Ngọc cho rằng cứ ngồi thế ngắm trăng đã lắm rồi: "Việc mong đủ cả có vui gì!"

Ở mấy chục hồi trước, Lâm Đại Ngọc để lại ấn tượng một "nhà hoàn hảo chủ nghĩa"; nỗi khổ của nàng thường bắt nguồn từ chữ "cái đẹp chưa tròn trĩnh, chuyện lành lắm cái ma" (美中不足，好事多魔; lưu ý: Tào Tuyết Cần trong sách nhất định viết "hảo sự đa ma" bằng chữ 魔 (ma quỷ), chứ chẳng phải chữ 磨 (mài mòn) của cách nói quen thuộc, ẩn sâu một ý tứ). Đúng như câu "tình càng nặng càng cân đo tình", nước

mắt nàng cứ lăn dài chẳng đứt chỉ; nhưng đến hồi quán Ao Tinh, hình như nhờ tôi luyện trong cuộc sống, nàng đã bừng tỉnh, không còn nghĩ chuyện cầu toàn, nước mắt cũng hình như còn dự trữ chẳng nhiều: kiếp cỏ tiên Chương châu trên trời xuống trần trải kiếp nạn, để trả ơn Thần Anh thị giả ngày trước tưới ân cam lộ, phần nàng còn thiếu đã chẳng bao nhiêu. Theo khảo chứng của ông Chu Nhữ Xương, theo ý đồ của Tào Tuyết Cần, Lâm Đại Ngọc không chết vì cái "kế tráo đổi" mà Cao Ngạc viết ra, mà vì bị dì Triệu vu cáo (cố nói nàng với Bảo Ngọc có "chuyện phong tình bất chính"), lại uống nhầm thuốc Giả Xương, Giả Lăng phối sai (điều này biết được từ một lời phê của Chi Nghiễn Trai ở hồi thứ ba); "dao gió gươm tuyết gắt gao vùi dập", nàng liền tự gieo mình xuống hồ mà chết. Trong bài liên cú của Sử, Lâm có câu "Hàn đường độ hạc ảnh, lãnh nguyệt táng hoa hồn" (Ao lạnh đưa bóng hạc, trăng lạnh chôn hồn hoa), chính ngầm chỉ chốn về cuối cùng của hai người. Bản thông hành Hồng Lâu Mộng viết câu sau thành "lãnh nguyệt táng thi hồn" (trăng lạnh chôn hồn thơ), có người rất ưa, nhưng bút gốc của Tào Tuyết Cần hẳn phải là "táng hoa hồn" (chôn hồn hoa) (trong sách chữ "hoa hồn" xuất hiện mấy lần, như lúc Đại Ngọc chôn hoa ngâm: "Đêm qua ngoài sân vang tiếng bi ca, biết là hồn hoa hay hồn chim? Hồn hoa hồn chim khó giữ trọn, chim lặng lời mà hoa thẹn thùng"...). Hạc ví Tương Vân, hồn hoa ví Đại Ngọc; điều đó chúng ta nên biết.

Câu "sự nhược cầu toàn hà sở nhạc" phơi bày một lẽ: bạn cứ phải chạy theo cái đẹp, nhưng dù thế nào cũng không cần chạy theo sự hoàn hảo. Chẳng hạn có người cầu toàn chuyện vệ sinh, đến nỗi rửa tay bao nhiêu cũng thấy chưa đạt cảnh giới hoàn hảo, bèn rửa mãi rửa hoài; rửa xong rồi, vừa cầm vật gì đã lập tức nghi mình dính trùng bệnh, trong lòng lúc nào cũng ức ức khó vui. Lại chẳng hạn có những phụ nữ nhan sắc vóc dáng thực ra chẳng tệ, lại vì muốn hoàn hảo mà đi chỉnh hình rồi lại chỉnh hình; người thì chưa gây hậu quả xấu gì, nhưng chỉ một câu của người thân bạn "chị chẳng tự nhiên như hồi xưa" cũng đủ khiến họ giận hờn mất trí; người còn bị lừa gạt, tốn kém không biết bao nhiêu mà thành ra "gương mặt méo mó", trước sự lấp liếm chối cãi của cơ sở thẩm mỹ, đành bước lên con đường khiếu nại, kiện tụng dài dằng dặc. Lại có kẻ chỉ biết theo đuổi kiểu "ai gặp cũng yêu" trong quan hệ, gọt bỏ hết những góc cạnh tính cách cần phải có, thậm chí chẳng dám giữ nguyên tắc; cuối cùng ngậm bồ hòn ghét mấy phần tử biến chất, không chống, không đấu, kết quả ngược lại đắc tội với số đông, thậm chí đến khi các phần tử biến chất bị điều tra xử lý thì mình cũng dính bẩn một thân. Những chuyện trên là cầu toàn với chính mình mà rước lấy đau khổ lo âu; còn nếu cầu toàn trách móc người khác, thiếu lòng khoan dung nhẫn nại, cũng sẽ rước lấy bực bội rối trí, trầm uất cáu bẳn, khó mà cộng việc với ai. Cầu hoàn hảo mà đi đến cực đoan sẽ gây ra nhân cách bệnh hoạn, thậm chí phân liệt tâm thần: thấy mình khó lòng hoàn hảo nổi, người ta sẽ tự sát; thấy người khác thật sự chẳng thể hoàn hảo, người ta sẽ nảy sinh ý xấu "thôi thì diệt luôn cho xong".

Cô Lâm rốt cuộc bị chính hoàn cảnh hiểm ác xung quanh hủy hoại, một kết cục bi kịch lớn; nhưng câu tỉnh ngộ "việc đã đòi cầu toàn thì còn vui gì" nàng để lại cho chúng ta rất đáng nhấm nháp từng chút, giúp ta xây dựng tâm thế lành mạnh, nâng cảnh giới tinh thần của mình lên.

# Thị chân danh sĩ tự phong lưu

Thế giới pha lê, tuyết trắng mai hồng; cảnh đông vườn Đại Quan quả thật đẹp đến động lòng người, nhưng đẹp hơn nữa lại là những đóa hoa xuân thì nô nịp giữa chốn ấy: các cô gái thơm phức son phấn "xẻ thịt tanh, nhai gân hôi", Sử Tương Vân dẫn đầu nhai ngấu nghiến thịt hươu nướng. "Bộ tộc BoBo" (bourgeois-bohème) hôm nay chẳng ai còn coi ăn đồ nướng là cử chỉ thiếu thanh nhã nữa, nhưng thuở trong sách của Tào Tuyết Cần, chủ nhân nhà quý tộc tuyệt không thể ăn kiểu "nướng thịt tự phục vụ"; thím Lý khách trú nơi đây còn cho đó là ăn thịt sống, kinh ngạc đến ngỡ ngàng. Nhưng Sử Tương Vân đúng như đóa hải đường bung nở, kiều diễm ngơ ngác mà phóng khoáng; không chỉ tự mình ăn ngon lành hớn hở, cô còn kéo được Bảo Cầm v.v. xúm lại nếm thử. Lâm Đại Ngọc trêu: "Hôm nay Lư Tuyết am thực là đốn kiếp, chỉ tại con Vân làm hại thôi. Ta phải khóc cho Lư Tuyết am mới được!" Sử Tương Vân đáp trả: "Chị biết cái gì! 'Thị chân danh sĩ tự phong lưu' (đúng là danh sĩ chân chính tự nhiên phong lưu), các người đều giả thanh cao cả, đáng ghét nhất! Bây giờ chúng tôi đang tanh hôi ăn vung nhồm nhoàm, nhưng chốc nữa sẽ là bụng gấm miệng thêu cả đấy!" Quả nhiên sau đó khi liên cú làm thơ ở Lư Tuyết am, chỉ mình cô với Bảo Cầm, hai đứa ăn thịt hươu nhiều nhất, đại triển kỳ tài, tài nghệ át cả các bông hoa.

Trong câu "thị chân danh sĩ tự phong lưu", chữ "phong lưu" là cách dùng như trong "vô số nhân vật phong lưu, còn phải xem ngày nay": chỉ tài năng xuất chúng, ánh sáng tràn ra ngoài người. Ý cả câu là bậc tao nhân nhã sĩ đích thực chẳng cần trang điểm làm màu, từng cử chỉ, điệu bộ tự nhiên đã toát ra phong thái thanh cao siêu tục, gu đẹp cao sang.

Trong Hồng Lâu Mộng, Sử Tương Vân là người phụ nữ tuyệt phẩm đẹp nhất ở cái đẹp tự nhiên, khỏe khoắn. Lâm Đại Ngọc là cái đẹp ốm o; dĩ nhiên đó cũng là một vẻ đẹp có sức quyến rũ riêng, đến Giả Bảo Ngọc còn phải say đắm. Tiết Bảo Thoa là cái đẹp hàm súc tự động thu mình: uống "Lãnh hương hoàn" để dập cái "độc nhiệt" bên trong; sau khi vào ở vườn Đại Quan, chỗ ở của nàng tại Hành Vu uyển trống trải như hang tuyết, đến Giả mẫu còn thấy thanh sơ đến mức vô lý; thế nhưng nàng "dẫu vô tình vẫn động lòng người", từ khi Hồng Lâu Mộng lan tỏa, bao nhiêu độc giả đã đặt nàng vào vai người tình trong mộng. Sức bút Tào Tuyết Cần thật đáng nể phục: nói cho cùng, dựng nổi hai hình tượng Lâm, Tiết đã là quý hiếm, ông lại viết thêm một Sử Tương Vân, chẳng có tí bệnh trạng như Đại Ngọc, cũng chẳng hề khép kín như Bảo Thoa; hồn nhiên lãng mạn, như áng mây cuốn giăng. Cảnh cô "xẻ thịt tanh, nhai gân hôi", cùng cảnh say nằm trên đệm hoa sơn dược, nhìn từ bên ngoài, tuyệt đối là một màn nghệ thuật hành vi uyển chuyển; nhưng với chính cô, đó hoàn toàn là làm theo tính nết, như chuyện mặc đồ nam của Bảo Ngọc lừa Giả mẫu tưởng là Bảo Ngọc, hay chuyện rượt người tuyết giữa trời tuyết lớn v.v., đều là trạng thái thường ngày của sinh lực sôi nổi trong cô; chẳng giống Đại Ngọc chôn hoa, được sắp đặt công phu, cưỡng ngựa bằng lý trí; cũng chẳng giống Bảo Thoa rượt bướm, chỉ một lần tình cờ khó tái hiện.

"Thị chân danh sĩ tự phong lưu": cái nền thiên tính hiển nhiên là một nhân tố tiềm ẩn, nhưng nên nói hơn, đó là một sự tu dưỡng, một cảnh giới. Giờ đây đám tiểu tư theo đuổi cái gọi là gu sống, trình độ phổ thông của họ là đạt tới mức dùng nội thất IKEA, uống cà phê Starbucks, ăn pizza Pizza Hut, đọc Kundera và Trương Ái Linh, xem phim nghệ thuật Pháp, nuôi chó chihuahua... Có kẻ trách họ "rút vào tổ ấm nhỏ làm một cõi, mặc kệ việc nước việc dân nghèo"; thực ra điều đó chẳng công bằng: đa số những người ấy vẫn ôm cả thế giới trong lòng, nhiều bài đăng liên quan trên mạng chính do họ đưa lên; với những tầng lớp xã hội khó khăn hơn mình về kinh tế, đa số trong họ cũng quan tâm, và trong khả năng cho phép, cũng có đóng góp. Ở đây muốn nhắc họ học Sử Tương Vân một chút: bỏ cái làm màu gượng ép, tôn trọng tự nhiên phóng khoáng, tu luyện thành danh sĩ chân chính phong lưu nhã nhặn.

Bỗng nhiên nhớ đến Lục Văn Phu, ông mất mới đây. Đây là một nhà văn xuất sắc chưa bao giờ phô trương; một đời ở Tô Châu, viết về Tô Châu, tác phẩm của ông có thể nói đậm đà hương vị Cô Tô: cầu nhỏ nước reo róc rách, sâu trong con hẻm vọng tiếng đàn tranh đàn tỳ bà, đặc sắc đến thế. Ở con người ông, tôi nếm được đúng cái "thị chân danh sĩ tự phong lưu". Một lần là năm 1978, ông ra Bắc Kinh nhận giải truyện ngắn xuất sắc toàn quốc; tôi gọi ông là anh Lục, từ lâu ngưỡng mộ đại danh, khao khát được trò chuyện để học hỏi. Thế là một hôm anh chủ động rủ cả đoàn đi ăn chung ở một nhà hàng ngoài nhà khách; tôi tất nhiên bám theo, đến quán ngồi cạnh anh; mọi người tán gẫu tự nhiên, hào hứng; rượu cạn, anh đứng dậy đi ra, mọi người cũng lục tục bước khỏi quán, ra đến đường vẫn vừa đi vừa chuyện trò. Tôi cứ hỏi anh những chuyện kỹ thuật của truyện ngắn; câu trả lời nghe có vẻ hờ hững, sau này nhai kỹ lại, toàn là lời "chạm sắt thành vàng". Đi được xa lắm, anh Lục bỗng dừng bước, mỉm cười hỏi tôi: "Mình trả tiền chưa?" Trời đất, cả bọn mới nhớ ra: chúng tôi quên trả tiền mà đã bỏ nhà hàng đi rồi. Thế là tôi theo anh Lục quay lại quán, anh trả bù tiền ăn; tôi hỏi người ở quầy: "Sao lúc nãy các anh không chặn chúng tôi lại?" Anh ta cười, chỉ anh Lục: "Nhìn phát biết ngay chẳng phải kẻ tầm thường, nhất định sẽ quay lại trả bù tiền, chúng tôi vội gì!"

Cái dáng vẻ của anh Lục, hình như đời nào cũng chẳng giận hờn, chẳng bao giờ lớn tiếng vội vàng, luôn hiền hòa dễ mến, luôn nhường nhịn người khác, giờ đây hiện về như trước mắt. Lại nhớ năm 1983, cả đoàn chúng tôi cùng đi thăm hồ Hồng Trạch, cùng lên một chiếc xe minibus; sau mưa đường trơn, xe chạy chậm dần, giữa đường lại chết máy. Tôi ngồi trên xe, nhìn ra ngoài mặt nhựa là một vùng lầy lội, trong bụng khá khó chịu; bỗng thấy anh Lục thong thả xuống xe, dáng vẻ thanh lịch bước về một quán cháo ven đường làng, gọi một bát cháo thanh, ngồi trên chiếc ghế dài bên cái bàn gỗ sơ sài của quán, hai bàn chân cẩn trọng đặt vững trong bùn lầy, rồi nhấp nháp bát cháo. Ôi, cái thần thái đem việc uống một bát cháo thanh quê thành một hoạt động thẩm mỹ, khó tả biết bao; tôi quả thật liền liên tưởng đến cảnh "xẻ thịt tanh, nhai gân hôi" của Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng: Tương Vân nói ăn xong như thế mới có "bụng gấm miệng thêu". Mà cũng đúng chẳng bao lâu sau bát cháo thanh ấy, anh Lục cho ra đời tuyệt tác "Nhà ẩm thực". "Thị chân danh sĩ tự phong lưu", chẳng phải đó là cách diễn giải tốt nhất ở thời đại hôm nay hay sao?

# Duy đại anh hùng năng bản sắc

Vì triều đình có một lão thái phi băng hà, hoàng đế ban chiếu cáo thiên hạ: các nhà có tước vị trong một năm không được mở tiệc tùng, nhạc hát; vì thế mười hai đào hát của viện Lê Hương mà nhà Giả chuẩn bị cho chuyến thăm thân của Nguyên phi cũng phải được tha, giải về. Nhưng các cô vốn được mua bằng bạc, "quyền sở hữu" thuộc về nhà Giả, nên cũng có thể giữ lại làm a hoàn sai khiến; cuối cùng có tám người bằng lòng ở lại nhà Giả; tự nguyện ra đi có Linh Quan, Bảo Quan và Ngọc Quan. Cảnh Linh Quan viết chữ Tường dưới nền, cảnh tỉnh ngộ tình ở viện Lê Hương là những màn quan trọng của Hồng Lâu Mộng; nhưng rốt cuộc Linh Quan với Giả Tường sau này nên duyên vợ chồng hay chim én chia phường, vì tám mươi hồi sau của Tào Tuyết Cần đã thất truyền nên ta không thể biết. Lại có một Dược Quan đã mất. Tám người ở lại được phân về các chủ nhân: Giả mẫu nhận Văn Quan, nhà Bảo Ngọc có Phương Quan, nhà Đại Ngọc có Ngẫu Quan; nhà Bảo Thoa, Tương Vân, Thám Xuân, Bảo Cầm, Vưu thị lần lượt là Nhụy Quan, Quỳ Quan, Ngải Quan, Đậu Quan và Già Quan.

Tám cô gái ở lại đều rất tinh nghịch, Phương Quan càng hoạt bát lanh lợi; Bảo Ngọc rất mến, cho nàng cải trang thành đứa "tiểu thổ phan" (mọi rợ phương xa), còn đặt cho cái hiệu "Da Luật Hùng Nô"; sau vì có người phát âm không tròn vành rõ chữ, gọi lệch thành "dã lư tử" (con lừa rừng), bèn đổi gọi là "Ôn Đô Lý Na", nghe nói là phiên âm của thứ thủy tinh sao vàng nước Phúc Lang Tư Nha ở ngoài biển Tây. Phương Quan đắc ý lắm, con cháu vườn Đại Quan reo hò theo, phong khí nổi lên một thời; Đậu Quan của Bảo Cầm cũng cải trang thành thư đồng. Chuyện vui thế, Tương Vân há lại đứng ngoài? Cô bèn cho Quỳ Quan vốn hát vai đại hoa diện cải trang thành trai; vì Quỳ Quan vốn họ Vi, cô đặt cho tên là "Vi Đại Anh", ngầm lấy ý "duy đại anh hùng năng bản sắc".

Trong sách, Tương Vân là người phụ nữ giàu nhất cái đẹp bản sắc và khí phái hào sảng. Bản thân cô cũng thích con gái mặc đồ con trai; có lần cô mặc bộ đồ của Bảo Ngọc, đứng ở chỗ cách Giả mẫu một quãng, lừa cho Giả mẫu nhận nhầm cô là Bảo Ngọc, chọc cho mọi người cười ồ. Đại Ngọc rất chân tình, không giả dối; nhưng Đại Ngọc nhỏ nhen, hay nghi ngờ, thường làm nũng với Bảo Ngọc, chẳng tránh khỏi gượng ép. Còn Bảo Thoa từ nhỏ đã dựa vào "Lãnh hương hoàn" duy trì sức sống, gắng dồn nén những run động của cô gái xuân thì, mang chiếc mặt nạ chuẩn mực để lấy lòng người khác, nhất là bề trên, chỉ thỉnh thoảng mới lộ ra chút chân tình, như dịp đến thăm Bảo Ngọc sau khi anh bị đánh. Nói chung, nàng rất kém bản sắc.

Hồi thứ năm, Giả Bảo Ngọc du hồn cảnh Thái Hư, xem "trang sách Kim Lăng thập nhị thoa", lại nghe mười hai khúc Hồng Lâu Mộng; khúc "Lạc trung bi" (Buồn giữa cảnh vui) viết về Tương Vân hát rõ ràng: "May mắn sinh ra, anh hào được tính hiên ngang, tình riêng nhi nữ chưa vương vít lòng." Gần đây tiền bối Chu Nhữ Xương trong tác phẩm mới chỉ ra: Giả Bảo Ngọc với Lâm Đại Ngọc thương hơn yêu; người anh thật sự say đắm lại là Sử Tương Vân; và hồi mục hồi thứ ba mươi mốt "nhân kỳ lân phục bạch thủ song tinh" (nhờ chiếc

kỳ lân ngầm báo đôi đầu bạc) chính chỉ việc Bảo Ngọc với Tương Vân cuối cùng gặp gỡ, đầu trắng chung đôi. Với phán đoán thứ nhất của cụ Chu, hiện nay tôi còn khó lòng tán thành trọn vẹn. Nhìn vào tám mươi hồi sách, xét về tình yêu, Bảo Ngọc thật lòng yêu, yêu tha thiết, chỉ yêu mình Đại Ngọc, rõ ràng lắm; còn khi ở bên Bảo Thoa, Tương Vân, có thể thấy anh rất thưởng thức hai người, có tình cảm sâu nặng, nhưng chỉ là tình bạn khuê các. Xét về phía Tiết Bảo Thoa: nàng thầm yêu Bảo Ngọc, nhưng gắng dồn nén cái rung động "vượt khuôn" của mình; nàng không hề giống mẹ nàng với cô ruột là Vương phu nhân, mưu tính đủ đường muốn Giả Bảo Ngọc cưới nàng; bản tính nàng vẫn hiền lành, kết cục cũng bi kịch. Xét về phía Tương Vân: trong tám mươi hồi sách, cô chưa hề rung động lần đầu, chưa yêu Bảo Ngọc hay chàng trai nào khác; cô sống tự nhiên, đường hoàng với Bảo Ngọc và các chị em, hồn nhiên lãng mạn, miệng nói chẳng che đậy, làm theo tính nết, sống thi vị, mang màu sắc trung tính nhất định: vừa là bậc hào kiệt trong phái nữ, cũng khá có khí phái đàn ông.

Tương Vân đặt cho Quỳ Quan tên "Vi Đại Anh", chẳng phải chỉ vì Quỳ Quan trùng hợp họ Vi rồi tạm lấy đó đặt tên; thực ra vì cô lấy "duy đại anh hùng năng bản sắc" làm châm ngôn. Chúng ta đều nhớ, ở Lư Tuyết am cô từng dẫn đầu nướng thịt, nhai ngấu nghiến thịt hươu tự nướng, và khi bị Đại Ngọc trêu chọc đã buông câu "thị chân danh sĩ tự phong lưu". "Duy đại anh hùng năng bản sắc" với "thị chân danh sĩ tự phong lưu" có thể ghép thành một câu đối; nếu thêm một câu hoành phi, thì "tế nguyệt quang phong" là vừa.

Xét về làm người, ngàn sắc vạn sắc, khó nhất là bản sắc. Cái gọi là "đại anh hùng" chưa chắc phải giành được thành tích nào rực rỡ trên chính trường, kinh tế hay học thuật; một người giữ được lòng không ác ý, đối xử tử tế với người, có ích cho xã hội, chịu trách nhiệm với chính mình, đã là anh hùng vô danh, chẳng phụ một lần đến với đời.

Hiện giờ chúng ta đều đang ở giai đoạn xã hội chuyển mình. Có người nói, giữa chốn đời khôn lường như thế, đành phải đeo một chiếc mặt nạ nhân cách nào đó để tự bảo vệ, "chuyện không vừa ý thường chiếm tám chín phần, việc có thể nói với người chẳng được hai ba", vì thế sống rất mệt, và thường là giữa chốn náo nhiệt, trong những buổi vui đùa rôm rả, lòng vẫn thấy cô đơn lắm, thậm chí có cái rét mướt của cảnh không ai chống đỡ; cảm giác như thế, tôi cho là bình thường. Tôi không chủ trương ai cũng phải tỏ ra bản sắc như Sử Tương Vân trong vườn Đại Quan, phong lưu như danh sĩ; chúng ta đang ở trong mạng lưới quan hệ rắc rối hơn vườn Đại Quan xa, quá thẳng thắn, quá hồn nhiên, quả thật chưa chắc được mọi phía ủng hộ, có khi còn chịu thiệt thòi câm lặng. Nhưng trong cái xã hội nhỏ, môi trường nhỏ gồm những người thân thuộc, thông gia, bạn bè, đồng nghiệp, người cùng sở thích thân thiết nhất của mình, thì thả lỏng bản thân, tỏ ra đúng bản sắc, vẫn rất cần thiết. Nói thẳng ra, chúng ta vất vả xoay xở quan hệ với mọi phía, chẳng phải để sau khi nhận được phần thù lao, phần đền đáp chính đáng từ quan hệ xã hội, thì có thể trong phạm vi tình thân, tình yêu, tình bạn, được sống một phen đúng bản sắc hay sao?

# Tiểu tâm không quá du đích

Nhà Tiết trú nhờ nhà Giả, chẳng phải vì nhà mình ở kinh thành không có nhà sẵn. Xét từ góc độ dì Tiết, ở nhà chị và anh rể có nhiều cái tiện; huống chi con gái đeo khóa vàng phải gả cho chàng đeo ngọc, để nên chuyện "kim ngọc lương duyên", tất nhiên càng gần đích thì tỷ lệ thành công càng cao. Còn Tiết Bàn, lúc đầu còn sợ cậu ruột quản thúc, sau phát hiện cậu ấy chẳng buồn hỏi đến việc nhà, mà hai anh họ Giả Trân, Giả Liễn của phủ Ninh phủ Vinh lại đồng thanh đồng khí với hắn, thế là "vui đến quên cả Thục", ở luôn phủ Vinh quốc, chẳng nỡ dời đi. Tiết Bảo Thoa giữ trọn đạo hiếu, mẹ anh làm chủ, nàng theo vậy. Đương nhiên, vào ở nhà Giả, về sau còn vào được Hành Vu uyển trong vườn Đại Quan tiên cảnh, khiến đời sống nàng thành như thơ như hát; bề ngoài nàng chẳng tỏ tình gì, trong lòng chắc chắn thấy thật là phúc ba kiếp.

Lúc mới đến phủ Vinh quốc, Lâm Đại Ngọc cũng từng nhắc mình phải "bước nào cũng để lòng, lúc nào cũng để ý, chẳng nỡ tiện miệng nói thêm một câu, tiện chân bước thêm một đường"; nhưng tính nết chi phối hành vi, cũng quyết định số phận; về sau ở cái phủ ấy, nàng làm theo ý mình, lời nói thêm ra thì nào phải dăm ba câu, đường bước thêm ra thì nào phải dăm ba bước. Người yêu nàng dĩ nhiên chẳng bao giờ thật lòng so bì; kẻ ghét nàng thì đều khó lòng thứ tha.

Về cách làm người xử thế của Tiết Bảo Thoa, có luận gia chỉ ra đó là thuận theo khuôn phép lễ giáo phong kiến. Đương nhiên có biểu hiện có thể định tính như thế, nhưng có cái thì chẳng cần gì phải "nâng lên trình độ nguyên tắc" cả. Nàng có tính cách khác Lâm Đại Ngọc, mà xét về tính cách thì thực ra khó mà bàn phải trái. Tiết Bảo Thoa làm việc thận trọng: cái đó do tính cách kiểu thu mình của nàng quyết định, nhưng cũng có phần vượt lên trên tính cách, có thể gọi là sự tu dưỡng; đó chính là ưu điểm của nàng.

Nhà Tiết mới đến phủ Vinh quốc thì ở viện Lê Hương; sau viện Lê Hương được khoanh vào vườn Đại Quan, thành nơi ở và tập luyện của gánh hát, nhà Tiết bèn dọn sang một khuôn viên ở góc đông bắc phủ. Khu này cách với các cụm nhà khác của phủ Vinh quốc bằng bức tường, nhưng có lối đi hẹp và cửa bên thông nhau; dì Tiết, Tiết Bảo Thoa, cùng Tiết Bảo Cầm, Hương Linh v.v. đều hay đi cửa bên này. Hồi thứ sáu mươi hai, Tào Tuyết Cần đặc biệt viết một nét: Bảo Ngọc đến nhà nàng làm khách, về thì nàng cùng Bảo Ngọc về vườn Đại Quan; vừa qua cửa bên, nàng đã sai bà già khóa cửa lại, chìa khóa tự cầm lấy. Bảo Ngọc thấy thế cho là làm thừa; Bảo Thoa nói với anh: "Cẩn thận thế cũng không lấy gì làm quá! Bên nhà cậu mấy hôm nay xảy ra nhiều việc lôi thôi, không có người nào bên tôi dính dáng vào đấy, thế mới biết là đóng cửa này cũng có công hiệu. Nếu cửa mở, những người quen lối thuận đường cứ theo đây mà đi, thì ngăn làm sao được? Chi bằng khóa lại, ngay mẹ tôi và tôi cũng không được đi lối ấy. Lỡ có xảy ra việc gì cũng không thể đổ cho người bên này được." Về sau trong vườn Đại Quan phát hiện chiếc túi thêu xuân tình, nhen thành vở kịch xấu xí lục soát vườn, Bảo Thoa liền dứt khoát dọn khỏi vườn Đại Quan, ra ở cùng mẹ, càng tỏ rõ nguyên tắc xử thế "cẩn trọng chẳng bao giờ là quá" của nàng.

"Cẩn trọng chẳng bao giờ là quá" nghĩa là, xét về việc làm việc nhất định phải cẩn thận chu đáo, thì tăng cẩn trọng lên thế nào cũng chưa phải quá. Quả là một câu kim ngôn. Gần đây vợ tôi nằm viện, tôi vào chăm; y tá với vợ tôi đã rất quen, nhưng mỗi lần treo truyền và phát thuốc, chị vẫn phải xem trước tấm thẻ bệnh nhân trên giường, lại hỏi một câu tên chị ấy, xác nhận rồi mới treo bình truyền, đặt bát thuốc nhỏ. Tôi từng cười hỏi cô y tá: "Có nhất thiết phải qua mấy khâu máy móc như thế không?" Chị nói phải thế, không sợ vạn, chỉ sợ một. Bệnh viện chị từng có một cặp song sinh cùng vào viện, nằm hai khoa khác nhau; một đứa ra vườn hoa đi dạo, đứa kia đến tìm chị, thấy giường vắng người, nằm lên đọc tạp chí, đọc một lúc thì ngủ mất; y tá đến chuẩn bị truyền, tưởng người trên giường là chị cả, bèn cắm ống truyền vào cái kim sẵn trên tay đứa em; hơn nửa tiếng sau chị cả trở về mới phát hiện nhầm người, thành ra một tai nạn y khoa!

Một người bạn hơn tôi hai tuổi, ba năm trước thi lấy bằng lái xe, mua một chiếc Santana chạy đi chạy lại; thời kỳ mới ra đường làm quen xe, vì cẩn trọng, anh bám theo một chiếc xe tải mà không dám vượt, bám mãi đến hơn mười cây số, từng bị người quen lấy làm chuyện cười. Nhưng bây giờ tất cả ai biết anh đều kính nể anh, vì ba năm nay tay lái anh thuần thục, đi lại tự do, mà vẫn giữ kỷ lục không một lần vi phạm, không một tai nạn, đến chuyện xước xát nhỏ cũng chưa từng có; ngồi xe anh, an toàn nhất, êm ái nhất. Anh nói với tôi, bí quyết của anh là phán đoán chính xác tài xế trước sau trái phải rốt cuộc định chạy thế nào: "Chỉ nghĩ đến việc mình không mắc lỗi thì chưa đủ, càng phải đề phòng người khác lấy lỗi lầm mà cản trở, thậm chí làm hại mình." Anh quả thật thấm nhuần tinh túy của cao luận "cẩn trọng chẳng bao giờ là quá" của Tiết Bảo Thoa.

Kết cục bi thảm của số phận Tiết Bảo Thoa, chẳng phải do nàng cẩn trọng quá mức mà nên, cũng chẳng thể tránh được chỉ nhờ mọi việc đều cẩn trọng; cái đó do thời đại, tình hình xã hội và tai họa không thể cưỡng lại quyết định; đóa mẫu đơn lạnh lùng kiều diễm tàn lụi, cũng như đóa phù dung gãy rơi giữa gió sương, đều khiến chúng ta đấm ngực thở dài. Nhưng những suy nghĩ, cách làm nhất định của Tiết Bảo Thoa thể hiện một sự tu dưỡng vượt thời đại, mang tính phổ quát, đến nay mọi người vẫn có thể đồng tình.

# Đáo để hoàn nên quy bản lai diện mục

Trong hồi uống trà ở am Lũng Thúy, Diệu Ngọc bộc lộ tột độ tính cách phóng túng quái dị; đến hồi thứ bảy mươi sáu, cô xuất hiện đích danh lần thứ hai, lại cho thấy mặt ấm áp thấu tình đạt lý trong tính cách ấy. Trước tiên cô đứng trong bóng tối ở quán Ao Tinh nghe Lâm Đại Ngọc, Sử Tương Vân liên cú làm thơ; nghe đến hai câu "Hàn đường độ hạc ảnh, lãnh nguyệt táng hoa hồn" (Ao lạnh đưa bóng hạc, trăng lạnh chôn hồn hoa) thì bước ra chỗ sáng, nhập vào, đưa Đại, Tương về am của mình, nhân hứng một hơi nối cho trọn bài thơ. Kết quả bài liên cú tức cảnh ba mươi lăm vần đêm rằm tháng Tám ở vườn Đại Quan ấy, một mình cô chiếm riêng mười ba vần, còn Đại, Tương mỗi người chỉ có mười một vần. Cô quả thật "Lan ví chất, tiên ví tài". Đại, Tương trầm trồ: "Thế mới biết ngày nào chúng ta cũng bỏ chỗ gần đi tìm chỗ xa. Hiện có bậc thi nhân ở đây, mình lại cứ 'bàn việc binh trên giấy'!" Đó chẳng phải lời nịnh hót khách sáo, mà là lời tán thưởng từ tận phổi; cũng đủ thấy Diệu Ngọc là người phụ nữ Tào Tuyết Cần trong lòng trân quý đặc biệt.

Mười ba vần Diệu Ngọc nối, theo tôi gọt giũa, là khái quát bằng nghệ thuật sự sụp đổ của nhà Giả và cảnh các người đẹp tan tành như mây sau tám mươi hồi. Có hai vần đặc biệt thú vị. Một là "Thạch kỳ thần quỷ bác, mộc quái hổ lang đốn": mặt chữ tả cái rợn ngợp của những hòn đá Thái Hồ và những gốc cây trong vườn Đại Quan về đêm; thực ra "thạch kỳ" tức "kỳ thạch", chính là Giả Bảo Ngọc: số phận về sau của anh là bị "thần quỷ" (chính thống xã hội và thế lực ác tục gian) không dung, ai cũng muốn vồ đánh. Còn "mộc quái" tức "quái mộc", chính là Lâm Đại Ngọc: nàng về sau sẽ bị "hổ sói" (lễ giáo phong kiến và kẻ tham lợi) nuốt chửng, lụi tàn thảm thiết. Hai là "Chung minh Lũng Thúy tự, kê xướng Đạo Hương thôn": hàm nghĩa là sau tám mươi hồi, khi nhà Giả bị lục soát trị tội, các phần khác của vườn Đại Quan một thời hoang vắng tiêu điều, nhưng Diệu Ngọc chẳng phải thành viên nhà Giả, cũng chẳng phải nô bộc nhà Giả (thuở ấy chủ nhân phạm tội thì nô tài sẽ bị coi là "động sản" cùng bất động sản tịch thu sung công rồi phân phối hoặc bán), nên tạm thời cô còn có thể ở am Lũng Thúy hít thở một thời gian. Còn Lý Hoàn, tôi có bài khảo chứng ra nguyên mẫu của bà là người vợ góa của Tào Ngung. Tào Phủ bị trị tội, với tư cách chị dâu goá, bà không bị liên đới; vì thế bà và con trai bà (đứa con sinh sau khi cha mất của Tào Ngung) còn có thể tìm lối khác; con sau này thi cử đỗ đạt làm quan, bà cũng thành phu nhân có cáo mệnh. Tào Tuyết Cần lấy người này làm nguyên mẫu, xử lý nghệ thuật, viết bà thấp xuống một bậc thế hệ, nhưng vẫn để lại không ít dấu vết của sự thật cuộc sống; đó cũng là lý do Lý Hoàn trong tiểu thuyết sau khi nhà Giả đổ vẫn còn đội miện phượng, khoác tà áo gấm ráng trời. Câu thơ của Diệu Ngọc "gà gáy thôn Đạo Hương" cũng chính khớp với tình tiết sau tám mươi hồi về chuyện chỉ riêng bà với Giả Lan là "vẫn được khá".

Trước khi nối mười ba vần, Diệu Ngọc nhấn mạnh "đáo để vẫn phải trở về với diện mạo vốn có"; đó vừa là tuyên ngôn mỹ học, vừa là lời thề cuộc đời. Diệu Ngọc là một "kẻ cô độc lập dị", trong mọi hoàn cảnh vẫn kiên trì diện mạo vốn có của mình, tức sống theo đúng tính nết của mình; điều ấy, ở thời đại nào miền đất nào cũng cực khó làm nổi. Xã hội đòi cá nhân phục tùng tập thể, thiểu số phục tùng đa số, đòi cá nhân phải

nhường nhịn người khác; đó là điều kiện tất yếu để xã hội vận hành và phát triển, tôi cho rằng mỗi chúng ta phải nghĩ thông điều đó. Nhưng tôi cũng một mực kêu gọi xã hội, tập thể tôn trọng sinh mệnh cá nhân. Năm 1978 tôi đã đăng một truyện ngắn "Anh yêu từng chiếc lá xanh", bày tỏ khát khao mãnh liệt từ tận đáy lòng: nếu một người chẳng hề làm trở ngại tập thể và người khác, còn bằng lao động của mình góp cho xã hội một phần công sức, thì tập thể, người khác, thậm chí mọi phía của xã hội, chẳng những phải giữ sự tôn trọng đối với tính cách phóng túng quái dị hay khép kín sâu lắng của người ấy, mà còn phải hiểu rằng chỉ khi đủ thứ đời tư, đủ kiểu tính cách, đủ hướng sở thích đều được khoan dung, khi xã hội thật sự thực hiện được công bằng trong sự cùng tồn đa nguyên, mới là một cảnh giới lý tưởng. Diệu Ngọc tuy có khuyết điểm, như cô chê Lưu lão lão bẩn, không nhận ra bà lão quê này cũng có cái đẹp của tâm hồn; chỉ vì Giả mẫu đưa chiếc chén có nắp men Thành ngũ sắc quý giá mà cô dùng dâng trà cho Lưu lão lão, bà uống cạn thứ trà còn trong chén, cô liền chẳng thèm giữ nữa thứ cổ sứ quý giá ấy. Nhưng nhìn chung, trong hoàn cảnh thế lực không dung, Diệu Ngọc vẫn có thể sống cuộc đời như mây nhàn hạc dã, tuyệt không làm hại, lừa dối, tổn hại ai; phải nói là rất đáng khẳng định, cũng rất không dễ dàng. Huống chi theo khảo chứng của tôi, sau tám mươi hồi cô còn dũng cảm hy sinh mình để cứu Giả Bảo Ngọc và Sử Tương Vân, càng khiến người ta kính phục.

Sau khi nói "rốt cuộc vẫn phải trở về với diện mạo vốn có", Diệu Ngọc nói tiếp: "Giờ kết thúc thế nào cũng phải quay trở lại thần của thơ. Nếu vất bỏ sự thực, chỉ tìm tòi những điều quái lạ, thì một là mất hẳn bản sắc khuê các của chúng ta, hai là không dính dáng gì đến đầu bài." Câu ấy một phía cho thấy phong cách nghệ thuật Tào Tuyết Cần theo đuổi: lấy tình thật việc thật làm gốc mà nảy nở nên những đóa hoa lạ, quả tiên của nghệ thuật; một phía khác, còn cho chúng ta biết, tuy Diệu Ngọc là ni cô tu hành để tóc, trong lòng cô vẫn luôn coi mình cùng Đại, Tương v.v. là những thành viên của "khuê các chúng ta". Cô "Vân Không vị tất Không", thân ở am ni, lòng hướng khuê các; cô cũng có đời tình riêng kín đáo của mình; nhưng kẻ cô say mê chẳng phải Giả Bảo Ngọc, vị vương tôn công tử than duyên bạc với cô cũng tuyệt không phải Giả Bảo Ngọc. Còn những lời phân giải liên quan, có khi đều nằm trong những trang Tào Tuyết Cần viết xong rồi lại thất truyền, chúng ta không còn được thấy nữa; nghĩ đến không khỏi thở dài!

# Trông thấy chim yến thì nói chuyện với chim yến

Trong một bộ tranh thẻ thuốc lá (yên họa) đề tài Hồng Lâu Mộng, có một bức vẽ Phó Thu Phương, một nhân vật chưa hề chính thức xuất hiện trong tám mươi hồi trước. Phỏng đoán Tào Tuyết Cần sẽ viết về nàng sau tám mươi hồi; có khi trong những trang ông đã soạn xong, nàng đã được viết đích danh rồi, chỉ cùng với năm sáu bản thảo như cảnh Khiết Tuyết, Tiểu Hồng ở miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc, đều bị "người mượn đọc làm thất lạc" cả.

Phó Thu Phương được nhắc nghiêm túc ở hồi thứ ba mươi lăm. Anh trai nàng là Phó Thí, tính là môn sinh của Giả Chính, cứ muốn lợi dụng em gái Thu Phương bám víu nhà hào, thường sai người đến phủ Giả thăm hỏi liên lạc; hôm ấy lại sai hai mụ vú đến, còn chỉ đích danh đòi gặp Giả Bảo Ngọc. Vốn dĩ Bảo Ngọc ghét nhất gặp những chàng trai ngu dại con ó dại, thế mà lại phá lệ cho hai bà già vào viện Di Hồng thăm hỏi. Tào Tuyết Cần phân tích: "Vì Bảo Ngọc nghe nói nhà Phó Thí có người em gái tên gọi Phó Thu Phương, sắc tài vẹn hai, cũng là viên ngọc quý trong khuê các. Mắt tuy chưa trông thấy, nhưng tấm lòng trộm nhớ thầm yêu rất là chân thành, kính cẩn. Vì yêu người mà thương cả những gì quanh người, anh mới dung cho hai mụ vú họ Phó đến gần hỏi thăm." Sách cho biết Phó Thu Phương đã hai mươi ba tuổi, hơn Giả Bảo Ngọc nhiều. Chi Nghiễn Trai chỉ ra, ngòi bút Tào Tuyết Cần là "một cây nghìn cành, một suối vạn nhánh, vô ý tiện tay, mà mạch ngầm chôn ngàn dặm". Đến Vệ Nhược Lan, kẻ chỉ xuất hiện đúng một cái tên ở hồi thứ mười ba, cũng là nhân vật có màn trọng vai sau tám mươi hồi; huống chi Phó Thu Phương mà ở hồi thứ ba mươi lăm thân thế đã được phân tích kỹ lưỡng, chắc chắn không thể là vật thừa lóe lên một cái rồi tuyệt không tái hiện. Một số độc giả, bình gia cuối nhà Thanh đều đoán được điều đó; khi đề từ ngâm vịnh nhân vật Hồng Lâu Mộng, nhiều bài được sáng tác riêng cho Phó Thu Phương; mấy chục năm trước trong tranh thẻ thuốc lá có hẳn một bức dành riêng cho nàng, chẳng có gì lạ. Trong tiểu thuyết tham dật "Diệu Ngọc chi tử" tôi viết của mình, tôi đã xếp nàng xuất hiện đích danh, viết nàng có cứu giúp Giả Bảo Ngọc lúc gặp nạn; viết như thế có lẽ còn khớp dụng ý ban đầu của Tào Tuyết Cần khi đặt ra nhân vật này.

Hai bà già họ Phó sai đến phủ Giả thăm hỏi, vốn là những nhân vật qua cảnh thứ yếu nhất, nhưng Tào Tuyết Cần lại để họ gánh nhiệm vụ hết sức quan trọng: qua chuyện hai người vừa đi vừa bàn tán sau khi rời viện Di Hồng, tính cách Giả Bảo Ngọc được tô đậm thêm một lớp, để lại trong lòng độc giả ấn tượng rất sâu. Trong sách viết như sau. Bà này cười nói: "Chả trách được, người ta thường nói cậu Bảo này bề ngoài thì xinh đẹp, mà bên trong thì hồ đồ, chỉ là của để nhìn chứ không phải để ăn, quả nhiên là ngây ngô! Chính mình bị bỏng tay, lại đi hỏi người khác có đau không, thế chẳng phải ngốc là gì?" Bà kia lại cười nói: "Lần trước tôi sang, nghe nhiều người nhà bên ấy kêu ca, cậu ấy ngây ngô thực, bị mưa to ướt như con gà luộc ấy, thế mà lại bảo người khác 'mưa to đấy, tránh đi mau'. Bà xem, có đáng buồn cười hay không? Thường lúc vắng người, cậu ấy ngồi cười khóc một mình; trông thấy con chim yến, thì nói chuyện với con chim yến;

trông thấy con cá ở dưới sông, thì nói chuyện với con cá; nhìn thấy sao tỏ trăng sáng, không thở ngắn than dài, cũng rên thầm rỉ kín..."

Theo Chi Nghiễn Trai tiết lộ, thực ra Tào Tuyết Cần đã đại thể hoàn thành được độ mười một hồi Hồng Lâu Mộng nữa; hồi cuối là "bảng tình" (tình bảng), mỗi nhân vật lên bảng đều có một "lời khảo"; "lời khảo" của Bảo Ngọc là "tình bất tình" (情不情): chữ "tình" đầu là động từ, nghĩa là người này biết đem tình cảm của mình trao cho những sự vật thậm chí vô tình, mang một tấm lòng yêu thương rộng lớn bao trùm. Đoạn đối thoại của hai bà già họ Phó không chỉ là một lời chứng nữa cho "tình bất tình" của Bảo Ngọc, mà còn sinh động vạch ra cái tính ngang bướng theo đuổi lối sống thi vị không vụ lợi của anh.

Hình tượng nghệ thuật công tử quý tộc Giả Bảo Ngọc, đối với chúng ta, dĩ nhiên chủ yếu mang giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ, không thể lấy làm tấm gương bắt chước. Nhưng những nhân tố nhân đạo ẩn trong "tình bất tình" của anh vẫn không mất đi tư cách một nguồn cảm xúc đáng để chúng ta tiếp nhận khi giữa xã hội hôm nay đối diện với từng con người cụ thể trong tầng lớp yếu thế; nó giúp tăng thêm lòng thương, thúc giục chúng ta giơ tay ra cứu người ngã, giúp kẻ khó.

Những biểu hiện mà bà già kể, kiểu Bảo Ngọc "trông thấy con chim yến thì nói chuyện với con chim yến", theo tôi không chỉ là "tình bất tình", mà hơn thế, là một sự theo đuổi khiến đời mình thêm đậm chất thơ. Giả Bảo Ngọc được khắc họa trong Hồng Lâu Mộng, nói là kẻ ngỗ ngược phản phong kiến thì chẳng bằng nói là một người lý tưởng hóa lúc nào cũng muốn thoát ra ngoài xã hội vụ lợi. Lý tưởng của anh, thực ra ở thời đại nào, thể chế xã hội nào cũng không thể thực hiện trọn vẹn: anh muốn hoa nở rồi chẳng tàn, muốn các thiếu nữ xuân thì nhan sắc mãi mãi, hơn nữa chẳng bao giờ thêm tuổi thành già, mãi mãi là con gái, mãi mãi chẳng lấy chồng, mãi mãi như hoa xuân bên cạnh anh; còn phải tiệc lớn chẳng tan, niềm vui chẳng dứt... Ta không được đọc Hồng Lâu Mộng sau tám mươi hồi, có khi ngược lại lại là may mắn của chúng ta. Nói thật, một Giả Bảo Ngọc như thế, cái đau xé ruột xé gan khi anh đối diện với gió mưa cuồng nộ vùi dập hoa thơm, những trang chữ ấy dù có tồn tại, chúng ta há nỡ đọc cho hết nổi?

Nhưng nếu không đem y nguyên những thở ngắn than dài, lẩm bẩm một mình của Giả Bảo Ngọc ra dùng, mà giữa lúc chủ nghĩa vụ lợi đang ngùn ngụt như hôm nay, chọn lọc vừa phải thái độ sống thi vị của anh, thỉnh thoảng cũng trông thấy chim yến thì nói chuyện với chim yến, thấy cá dưới sông thì chào cá vài câu, coi ráng sớm nắng chiều, trăng sao như những người bạn có hồn, nhìn chăm chú suy ngẫm, thậm chí khe khẽ ngân nga, thì chắc chắn có lợi. Chúng ta không thể, cũng chẳng cần, bắt buộc đời mình phải được thi vị hóa trọn vẹn như Giả Bảo Ngọc; nhưng chúng ta chẳng hại gì nếu để cuộc đời mình, ít nhất, được khảm vào vài mảnh thơ, đúng không nào?

# To nhỏ đều có thiên lý

Trong một buổi cơm xã giao toàn người cùng ngành, mọi người vừa cười đùa vừa nói chuyện phiếm thoải mái, trong đó có một ông tranh lời liên tục. Chuyện ấy vốn chẳng có gì, mỗi người một tính: tính "cái đài nói chuyện" bao giờ cũng hợp với xã giao hơn kiểu "cái bầu cưa mồm", chẳng nên lấy làm gai mắt. Nhưng lần đó, lời ăn tiếng nói của vị này toàn là những chuyện bới bêu chế giễu đồng nghiệp và người quen: lúc thì nhại đi nhại lại mấy lần câu nói hớ của ai đó ở một dịp nào, lúc thì diễn tả sống động như thật cái dáng ăn xấu xí của người kia. Ông ta như nghiện, không dừng nổi, chuyện này nối chuyện kia, móc tới móc lui, dần dần trêu chọc đến cả một người hiền lành ngồi cùng bàn, tả lại năm xưa lúc làm bản kiểm điểm người ấy "rụt rè hèn cúi" ra sao, thậm chí đứng hẳn dậy khỏi chỗ ngồi, diễn lại "bước nhảy ếch" mất nhã của một ai đó; đến một biên tập viên kỳ cựu và một tài xế mà ai cũng quen mặt cũng không bỏ qua, kể bừa những chuyện bẩn về hai người mà chẳng ai kiểm chứng nổi... Trên bàn, kẻ cười ồ, người mím môi im lặng; tôi chịu không thấu, đành giả vờ đi nhà vệ sinh, lánh khỏi bàn để khỏi nghe những lời bẩn thỉu ấy.

Có người chỉ thích soi người khác qua khe cửa, qua lỗ khóa, và từ đó hình thành một định thức tâm lý. Chẳng hạn, ngày tôi mới về một đơn vị, tôi hỏi riêng một người đi trước vài năm, ý là phiền ông giới thiệu giúp mấy người cùng chia nhóm học tập với chúng tôi. Ông ta liền hớn hở mặt mày kể lể: người này năm xưa cùng quẫn không lối thoát, may ông tình cờ gặp ngoài phố, nổi lòng tốt đưa về đơn vị mình, mà tiếng phổ thông của ông ấy thì vụng đến độ viết bài ra toàn câu gở ngoằn ngoèo; người kia ở nhà bị vợ kìm kẹp ra sao; người nọ hồi bị điểm danh trước mặt mọi người ở hội trường thì tái mặt thế nào... Đến cả cô phụ trách ghi chép nhóm học tập, ông ta cũng vẽ vời thêm mắm thêm muối một chuyện riêng của cô. Nghe hết một lượt, thì ngoài chính ông ta ra, đúng là "huyện Hồng Động chẳng còn ai là người lành" cả. Từ đó, đương nhiên tôi cũng thành mũi nhắm để ông ta bới bêu với người khác; có lúc, ngay trong những dịp xã giao chính thức, ông ta vẫn dùng mấy câu chữ đường hoàng để giới thiệu tôi với khách một cách mỉa mai, khiến tôi vừa xấu hổ vừa bất lực.

Bây giờ tôi ngại xã giao, ngại mấy buổi cơm nhất định, thực ra chính vì chẳng còn muốn gặp kiểu người ấy, nghe kiểu ồn ào nhức tai ấy nữa. Trải qua đủ thứ ma sát giữa người với người, tôi mới hiểu rằng: hết sức nhìn người bằng thiện ý, không tiếc lời khen chân thành, lẽ ra phải trở thành định thức tâm lý và chuẩn mực xã giao của chúng ta.

Chính vì có cái ngộ ra ấy, nên đọc lại cảnh "qua màn" ở Hồi 39 Hồng Lâu Mộng, tôi thấy nó có vị riêng hẳn. Tào Tuyết Cần viết: Lý Hoàn vô tình sờ trúng chùm chìa khóa trên người Bình Nhi, bèn ngậm ngùi cảm khái: "Ngày ngày tôi vẫn nói cười với người ta: có Đường Tăng đi thỉnh kinh, thì có ngựa trắng vác người; có Lưu Trí Viễn đánh lấy thiên hạ, thì có tinh dưa đến dâng mũ giáp; có mợ Phượng, thì có chị. Chị chính là chùm chìa khóa tổng của bà chủ chị, còn cần chùm chìa khóa này nữa làm gì?" Bảo Thoa tiếp lời: "Mợ nói thật

đấy. Chúng tôi khi rỗi việc bàn tán người này người kia, các chị trong đám ấy trăm người chẳng chọn ra được một, cái hay là mỗi người mỗi cái hay riêng." Cái "chúng tôi" Bảo Thoa nói là đám tiểu thư chủ tử của họ, còn "các chị" là chỉ Bình Nhi và bọn a hoàn bậc trên. Sau đó Lý Hoàn lại khen Uyên Ương: không những hầu Giả mẫu chu đáo thỏa mãn, mà "lòng lại công bằng", chẳng hề cậy sự tin yêu của Giả mẫu mà "cậy thế hiếp người", "thường hay nói tốt giúp người khác". Tích Xuân cũng khen Uyên Ương, kéo theo Bảo Ngọc, Thám Xuân khen Thái Hà; đương nhiên Tập Nhân cũng được nhắc đến và tán thưởng hết mực. Giữa cuộc, Lý Hoàn còn nâng những lời tán thưởng ấy lên thành lý luận: "Việc lớn việc nhỏ đều có cái thiên lý"

"Việc lớn việc nhỏ đều có cái thiên lý", nghĩa là dù sang hay hèn, cao hay thấp, sự hiện diện của một con người luôn có một lẽ cơ bản nhất, tức "mỗi người mỗi cái hay riêng"; khi nhìn người khác, ta nên lấy điều đó làm điểm xuất phát. Với gia đình, bè bạn thì khỏi phải nói; với đồng nghiệp, láng giềng, người cùng ngành, người quen, cũng phải thế. Dĩ nhiên, xã hội có mặt phức tạp của nó; "biết người biết mặt khó biết lòng", kẻ cùng làm việc lẫn người xa lạ tình cờ gặp, đều có khi nhược điểm lấn át ưu điểm, thậm chí giấu trong lòng ý đồ xấu xa, có thể bất lợi hay gây hại cho mình, thì phải phòng ngừa, đừng vội vàng bình phẩm. Nhưng trong giao tiếp, tôn trọng người, đối xử tử tế với người, tôn cái thiện, khen cái đẹp, hiểu rằng quan hệ giữa người với người là sự nương tựa bổ khuyết lẫn nhau, vẫn phải là ý thức chủ đạo; đùa cợt thì được, hài hước thì nên có, nhưng dù bới bêu sau lưng hay mỉa mai cay nghiệt trước mặt, đều không phải. Nói nhẹ thì đó là thú thấp hèn, nói nặng thì là tính người cay độc trái với nhân hậu, nặng nữa thì tự bêu mình đến quên cả dạng.

Một đám chủ tử trong gia tộc quý tộc phong kiến như Lý Hoàn mà còn biết nhìn ưu điểm của a hoàn, khen cái hay của họ, lại còn hiểu rằng cuộc đời hai bên hòa hợp với nhau chính nhờ nương tựa lẫn nhau; vậy chúng ta, những người sống trong môi trường nhân văn hôm nay, giữa mình đã chẳng còn quan hệ chủ nô, há chẳng phải càng nên khắc ghi câu "việc lớn việc nhỏ đều có cái thiên lý", trong xử thế tích cực khẳng định lẫn nhau, trao nhau lời khen chân thành hơn sao?

# Mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng

Độc giả nói chung đều nhớ Tích Xuân biết vẽ; nghệ nhân đất nặn Nê nhân Trương ở Thiên Tân từng tạo một tượng đất rất sống động mang tên "Tích Xuân tác họa", hình ảnh tượng ấy được báo chí đăng tải khắp nơi, gây sốt một thời; phim truyền hình nhiều tập cũng có đoạn tả Tích Xuân cầm bút vẽ. Nhưng độc giả thường bỏ qua sở trường của Thám Xuân, chỉ biết nàng làm thơ kém hơn Đại, Thoa, Tương, tưởng nàng chỉ có tài quản gia việc nhà; thực ra Tào Tuyết Cần còn dựng nàng thành một nhà thư pháp, chúng ta chớ có lơ đãng mà lỡ mất.

Trong Hồng Lâu Mộng, ngoài chỗ tả phòng ngủ Tần Khả Khanh dùng thủ pháp khoa trương cực độ, mọi miêu tả chỗ ở khác đều viết theo lối hiện thực. Tả phòng của Tần như vậy là có dụng ý riêng: ngầm ám chỉ thân phận công chúa huyết thống hoàng tộc thật sự của nàng, nên ông buộc phải dùng "bút cong" như thế. Những phần khác tả không gian phủ Giả, tuy có nâng tầm nghệ thuật nhưng vẫn cố cho người đọc thấy tính chân thực; chẳng hạn viết về lần đầu Lâm Đại Ngọc bước vào gian chính phòng nơi Giả Chính với Vương phu nhân ở trong phủ Vinh Quốc, nàng thấy trên giường "sát tường phía đông, quay mặt về tây, đặt một chiếc gối tựa lưng bằng đoạn xanh hơi cũ", "dọc cạnh giường kê một hàng ba ghế, trên ghế cũng trải tấm phủ in vân mực hơi cũ"; chữ "hơi cũ" lặp lại hai lần, độ tin cậy nhờ thế tăng hẳn.

Lưu Lão Lão lần thứ hai vào phủ Vinh Quốc, Giả mẫu dẫn nàng đi dạo một vòng hết thảy trong Đại Quan viên, gần như vào đủ phòng kín của mỗi cô tiểu thư. Trong đó, đoạn tả kỹ nhất là Thu Sảng trai nơi Thám Xuân ở. Thám Xuân vốn thích rộng rãi, ba gian nhà không làm vách ngăn, giữa nhà kê một cái án lớn gỗ hoa lê mặt đá Đại Lý; trên án chất cao các loại bút thiếp của danh nhân, vài chục khối nghiên báu, đủ thứ ống bút, bút cắm trong ống như rừng cây; bên kia đặt cái bình hoa sứ Như Châu to bằng cái đấu, cắm đầy hoa cúc trắng như thủy tinh. Phía tường tây treo chính giữa một bức "Yên vũ đồ" lớn của Mễ Tương Dương, hai bên treo một câu đối, bút tích của Nhan Lỗ công, rằng: "Phong lưu cảnh đượm màu mây khói, chất phác người quen thú suối rừng". Trên án đặt một cái đỉnh lớn; cái giá gỗ đàn tía bên trái đặt một cái mâm lớn lò Đại Quan, trong mâm bày vài chục quả phật thủ vàng tươi mọng; cái giá sơn mài bên phải treo một cái khánh Tị Mục bằng ngọc trắng, bên cạnh treo một cái dùi nhỏ... Thế nào? Từ xưa đến nay, mấy nhà thư pháp nào có được một không gian phóng bút cao nhã rộng rãi như thế?

Sau chuyến Nguyên Xuân về thăm nhà, "bèn sai Thám Xuân chép lại theo thứ tự cho chỉnh tề toàn bộ các bài đề vịnh ngày ấy"; việc điểm danh cho Thám Xuân chép, chính vì Nguyên Xuân biết cô em này tinh thông thư pháp.

Chỉ nhìn đoạn tả chỗ ở của Thám Xuân trên đây, ta khó tránh cảm giác gu thẩm mỹ của nàng rất quý tộc; những đồ bày trong phòng, cái nào chẳng tinh xảo đắt đỏ, có thứ còn có thể gọi là báu vật vô giá. Nhưng

Tào Tuyết Cần đặt phẩm vị thẩm mỹ của Thám Xuân ở một bậc cao hơn: vượt trên cái nhìn phú quý và thanh nhã thông thường, biết đuổi theo cái đẹp mộc mạc đến từ thôn quê dân gian. Ngày "lễ tiễn hoa", nàng kéo anh Bảo Ngọc ra một góc, thì thầm chuyện riêng, nhờ Bảo Ngọc ra ngoài mua giúp về cho mình vài thứ đẹp. Bảo Ngọc nhất thời nghĩ không ra có gì đáng mua, nói với nàng rằng ngoài ấy "chẳng qua là những món cổ vàng ngọc đồng sứ chẳng có chỗ nào vứt"; nàng chỉ rõ: "Ai cần những thứ ấy! Như lần trước anh mua cái lẵng đan bằng cành liễu, hộp phấn khoét bằng nguyên khúc rễ trúc, cái lò gió nặn bằng đất thó, thế mới đúng, em thích muốn chết... Anh cứ chọn những thứ mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng, những thứ ấy, anh mua nhiều về cho em!" Thảo nào trong buồng nàng, trên cái giường cao chân treo màn the màu xanh lá hành thêu hoa cỏ sâu bọ; Bản Nhi từ quê lên, nhìn phát là nhận ra trên màn có cào cào và châu chấu.

Biết thưởng thức những đồ thủ công thôn quê mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng, mới đáng gọi là phẩm vị thẩm mỹ bậc cao. Người Trung Quốc bây giờ thật sự giàu lên rồi; đây tạm không bàn chuyện phân phối của cải bất công, chỉ xét riêng tầng lớp khá giả và đại phú: đuổi theo phong nhã, mê sưu tầm, khoe gu, tự xưng am hiểu, hưng thịnh thành một phong khí; các cấp thị trường cũng nhân đó mà mọc lên, từ phiên đấu giá cao cấp đến sạp hàng đại chúng, hút một lũ người đông đảo: kẻ thì đầu óc chỉ nghĩ đến lùng đồ lạ giá rẻ đợi lên giá hốt bạc, kẻ thì một tay tung vạn lạng phong độ ngời ngời để khoe giàu, kẻ thì dốc lòng dốc sức thề lùng được báu vật truyền đời, kẻ thì mua vào bán ra liên tục, thuần túy là đầu tư y như chơi chứng khoán chơi ngoại tệ... Trong mắt những người ấy, "cái lẵng đan cành liễu, hộp phấn khoét rễ trúc, lò gió nặn đất thó" v.v. đều là đồ chẳng đáng xu nào, chẳng có giá trị sưu tầm; có khi mình vô tình nghịch mấy thứ ấy bị người ta trông thấy còn ngại "mất thể diện". Chính dưới tác động của thứ "một lòng phú quý, cặp mắt thể diện" ấy, đồ thủ công thôn quê mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng ngày càng khó tìm, có thứ đã thất truyền. Hội chùa năm Dậu, tôi thấy đầy những con gà nhựa, gà bông, gà tôn, gà thạch cao xuất xưởng từ dây chuyền công nghiệp, mà chẳng thấy con gà vải, con gà đất làm thủ công; chật vật lắm mới gặp người thổi kẹo gà, nặn bột gà, nhưng người đứng xem thì ít, người mua lại càng ít; hỏi chuyện người bán hàng dân gian ấy, hẳn bảo đành chịu, cũng chỉ tự mình đi tìm chút vui, dựa vào nghề ấy thì không thể nào mưu sinh.

Xã hội chúng ta vẫn cần phổ biến quan điểm thẩm mỹ kiểu Thám Xuân: biết thưởng thức sản phẩm thôn quê mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng, không những giữ được một khối lượng lớn di sản văn hóa thủ công dân gian, mà còn nối được sự giao cảm tâm linh giữa tầng lớp giàu sang và tầng lớp nghèo khó, thuận lợi cho việc nuôi dưỡng một khí hậu xã hội hài hòa trên nền đồng thuận thẩm mỹ.

# Rốt cuộc bắt thăm mới công bằng

Shakespeare nước Anh sống vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17, sớm hơn Tào Tuyết Cần hơn một thế kỷ; trong tác phẩm của ông có câu danh ngôn: "Hỡi kẻ yếu, tên của ngươi là đàn bà!" Tào Tuyết Cần cũng xót xa cho những nữ nhân yếu thế bị xã hội giày xéo, hủy hoại, nhưng cảnh giới tư tưởng của ông lại đi lên một tầng nữa so với Shakespeare: ông tuyên bố "xương thịt của con gái là nước kết thành"; động cơ sáng tác Hồng Lâu Mộng là vì "bỗng nhớ đến tất cả những người con gái ngày ấy, xét kỹ từng người một, thấy cử chỉ kiến thức đều hơn mình, sao cái ta râu ria oai oán lại thật chẳng bằng các nàng cẩm thoa ấy?... Trong khuê các vốn có người rõ ràng, vạn không thể... để họ mai một đi". Những hình tượng thiếu nữ tuổi xuân trong ngòi bút ông, ai nấy tính cách nổi bật, nghe tiếng như thấy người, mà mỗi người một vẻ: kẻ hào sảng, kẻ lửa lẻ, kẻ xinh xắn, kẻ đằm thắm, kẻ ranh mãnh, kẻ lanh lợi... Có "nữ anh hùng" như Vương Hy Phượng, cũng có cô tiểu thư nhút nhát như Nghênh Xuân.

Thân thế của Nghênh Xuân trong các cổ bản Thạch Đầu Ký dị văn mọc lên như rừng: có bản nói con vợ trước của Giả Xá, có bản nói thiếp sinh của Giả Xá, có bản nói con vợ trước của Giả Chính, lại có bản nói con gái Giả Xá được cho Giả Chính nhận nuôi; đủ thấy khi định vị nhân vật này, Tào Tuyết Cần đã bỏ nhiều công suy nghĩ. Vì bản thảo cả sách chưa định thì ông đã đột ngột qua đời, nên tuy chúng ta đại khái biết Nghênh Xuân sau khi lấy chồng bị Tôn Thiệu Tổ, con "sói Trung Sơn" ấy, hành hạ đến chết, nhưng tình tiết cụ thể vẫn chỉ có thể dựa vào tưởng tượng. Xét riêng hình tượng Nghênh Xuân, lấy câu danh ngôn của Shakespeare mà than cho nàng là vừa ý nhất.

Năm 1874, nước Anh xuất bản một cuốn sách tên là "Long chi đế quốc", sách chép rằng thương nhân Anh Philip kể cho Tào Phủ, người tiếp đón mình, nghe chuyện kịch Shakespeare, bỗng phát hiện sau bình phong có kẻ nghe lén; Tào Phủ

bèn đi kéo một cậu thiếu niên từ sau bình phong ra quở mắng; cậu thiếu niên ấy hẳn chính là Tào Tuyết Cần. Đây là một giai thoại thú vị dính dáng đến hai vị văn hào lớn của Anh lẫn Trung, đủ dùng làm chuyện trò.

Vẻ ngoài của Nghênh Xuân được tả qua lần Đại Ngọc vào phủ ở Hồi 3: người tầm thước, má như trái vải tươi, mũi bóng như xoa mỡ, tính ôn hòa ít nói, thoạt nhìn đã thấy mến. Một lần Giả Chính với Vương phu nhân triệu kiến con cháu trong phủ; Bảo Ngọc đến sau hết, thấy cậu bước vào, chỉ có Thám Xuân, Tích Xuân với Giả Hoàn đứng dậy; điều ấy nói rõ Nghênh Xuân lớn hơn cả bốn người kia, vì là chị, nên thấy Bảo Ngọc không cần đứng dậy đón. Sống trong môi trường lễ pháp phong kiến nghiêm ngặt như vậy, Nghênh Xuân vì chẳng tranh giành gì với đời, chịu được nhường được, nên không như các chị em khác hay nảy sinh lo âu, cũng chưa từng va chạm cãi vã với bất kỳ ai trên dưới trong phủ. Hồi 38 viết cảnh các cô gái ăn cua xong,

Lâm Đại Ngọc tựa lan can ngồi câu cá, Bảo Thoa cúi bên bậu cửa sổ bẻ nhị hoa quế thổi xuống mặt nước cho cá ăn, Thám Xuân, Tích Xuân, Lý Hoàn đứng trong bóng liễu rủ xem chim óc cò bạc; còn Nghênh Xuân thì sao? Tào Tuyết Cần dành cho nàng một hành động: "ngồi một mình dưới bóng hoa, lấy kim châm hoa mạt ly". Một hình tượng thiếu nữ thùy mị êm đềm đẹp làm sao; ai có thể vẽ nàng thành bức tranh mỹ nhân tuyệt mỹ?

Trong sách, Nghênh Xuân hiếm khi mở miệng; có nói thì phần lớn cũng theo kiểu bị động, người hỏi mới đáp. Khi ở Thu Sảng trai tình cờ lập xã hải đường, nàng chẳng hào hứng gì, chỉ theo đám đông; Lý Hoàn phong nàng làm một phó xã trưởng, phụ trách hạn vần, nàng mới hiếm hoi phát biểu một ý kiến: "Theo tôi, cũng chẳng cần phải theo một người ra đề hạ vần, rốt cuộc bắt thăm mới công bằng"

Sau đó nàng quả thật áp dụng cách giống như bắt thăm: tay nàng tùy tiện lật một quyển sách, lật trúng thơ thất ngôn luật, bèn để cả đám làm thất ngôn luật; lại bảo cô tiểu hoàn nói bừa một chữ, cô bé đang tựa cửa đứng, bèn nói chữ "môn"; chữ "môn" thuộc vận "thập tam nguyên" của thi vận, chữ vận đầu tiên bèn định là "môn"; lại kéo ngăn "thập tam nguyên" trong cái hộp tập vận, rút bừa ra bốn thẻ "bồn", "hồn", "hẳn", "hôn"; thế là toàn bộ luật chơi vịnh bạch hải đường được xác lập.

Trong một môi trường xã hội mà sự chia chác lợi ích ngày càng tinh vi, luật chơi còn chưa hoàn chỉnh, kẻ yếu thường chọn hoặc phục tùng cách bắt thăm. Nghênh Xuân buông câu "rốt cuộc bắt thăm mới công bằng" tuyệt không phải ngẫu nhiên; đó là chi tiết nghệ thuật Tào Tuyết Cần triển khai từ đặc điểm tính cách của nàng. Khi viết thơ đèn, Tào Tuyết Cần lại cố ý dành cho Nghênh Xuân một bài có đáp án là cái bàn tính: "Trời chuyển, người xoay, lý chẳng cùng, / Người xoay trời đứng cũng không xong, / Tại vì tính toán quanh co mãi, / Mà số âm dương vẫn chửa thông!" Bài thơ đèn ấy thực ra nói lên một tâm trạng bất lực: không tin vào sự toan tính chính xác, thà giao phó tất cả cho "vận may".

Trong xã hội chúng ta đang sống, điều người dân bình thường mong ước là thiết lập được một cơ chế phân phối xã hội công bằng hợp lý. Như việc bán nhà thương mại giá rẻ ở Bắc Kinh: đối tượng được mua tuy có quy định riêng, nhưng "cả ngày rối bời xào xạc", chỉ thấy có người dọn vào hưởng ba phòng vệ sinh lắp bảy cái tivi, dưới nhà còn đậu xe hơi sang trọng; nhiều dân cư đủ điều kiện xếp hàng ngày đêm chờ nhận số, xếp đến kiệt sức rồi lại được báo "hàng đợi này vô hiệu", trông mòn con mắt, người mòn xác; tin mới nhất là đã áp dụng cái phương án "bắt thăm công bằng" kiểu Nghênh Xuân, sẽ quay số bằng máy tính; đối với cộng đồng yếu thế, đó có lẽ đúng là một tin chẳng thể gọi là tốt đẹp bao nhiêu, nhưng rốt cuộc vẫn chấp nhận được. Tào Tuyết Cần qua cuốn sách của mình đề cao một tình cảm nhân đạo "tình bất tình" (情不情): chữ "tình" đầu là động từ, nghĩa là với cả những vật "bất tình", tức những thứ không biết tình nghĩa, cũng chủ động trao cho chúng đầy ắp lòng yêu thương. Giờ đây chúng ta đang đối diện với biết bao dân thường biết

yêu thương; ít nhất, hãy thực hiện cho trọn cái công bằng của việc "bắt thăm" này, chớ để tái diễn kiểu sự cố "xổ số xe BMW" ở Tây An nhé!

# Trạng nguyên bảng nhãn há chẳng có kẻ hồ đồ

Trong bốn cô Nguyên, Nghênh, Thám, Tích dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Thám Xuân được chú nhiều nhất, Nguyên Xuân thứ hai; riêng Nghênh Xuân và Tích Xuân, mỗi cô chỉ có nửa hồi "bản truyện" được lên làm nhân vật chính: của Nghênh Xuân là "tiểu thư nhút nhát chẳng buồn hỏi chuyện cài phượng vàng bị cầm cố", của Tích Xuân là "thề giữ nết gở cứng, đoạn tuyệt phủ Ninh Quốc". Thân thế Nghênh Xuân trong các bản chép tay cổ còn lưu lại nay dị văn cực nhiều: rốt cuộc đặt nàng là con vợ trước của Giả Xá, hay thiếp sinh, hay con vợ trước của Giả Chính, Tào Tuyết Cần hình như đã do dự, cuối cùng cũng chưa chốt; còn việc xác lập Tích Xuân là em ruột của Giả Trân thì các cổ bản với bản thông hành đều nhất trí.

Vì người có vai vế cao nhất hai phủ họ Giả là Giả mẫu, mà bà lại đặc biệt thương các cô gái, nên bà tập hết các tiểu thư của hai phủ về phủ Vinh Quốc nuôi, sau lại sắp hết vào ở Đại Quan viên. Thám Xuân vào ở Thu Sảng trai được viết rõ ràng; Nghênh Xuân với Tích Xuân, đầu sách nói hai cô ở lầu Trích Cẩm và hiên Liễu Phong, sau lại nói hai cô ở Tử Lăng châu và Ngẫu Hương tạ; hay là các cô đã dọn nhà trong Đại Quan viên?

Sau vụ "mê lời gièm của kẻ gian, soát xét Đại Quan viên", vì trong rương a hoàn Nhập Họa bị lôi ra đồ đàn ông cùng một bao lớn bạc vàng thoi, coi như phạm phải phép tắc phủ, Tích Xuân cho rằng chuyện đó làm mình mất mặt, bèn sai người gọi chị dọ Vưu thị đến, nhất định đuổi Nhập Họa đi. Nhập Họa quỳ xin; Vưu thị cho rằng Nhập Họa tuy chẳng nên lén đưa đồ vào viên, nhưng những tiền của ấy thực đều là Giả Trân thưởng cho anh nàng, Nhập Họa không hề tư thông với đàn ông ngoài kia như a hoàn Tư Kỳ của Nghênh Xuân, chỉ là biến "muối quan" thành "muối tư", tội chẳng to, mắng cho một trận, cảnh cáo rồi cho ở lại nhìn biểu hiện cũng được; vậy mà Tích Xuân vẫn mặt lạnh lòng lạnh, nói: "Mang ngay nó đi cho rồi, đánh nó, giết nó, hay bán nó đi, tôi cũng mặc kệ." Vưu thị khuyên thêm, Tích Xuân đâu có nghe, còn đưa cả cuộc tranh cãi từ chuyện tha hay không tha cho Nhập Họa kéo sang những lời đồn nhơ bẩn về phủ Ninh Quốc, nghĩa là nàng không những đuổi cứng Nhập Họa, mà còn từ nay cắt đứt một đường với phủ Ninh Quốc. Bị em chồng vạch mặt trước một đám a hoàn mụ mẫ, tính nết tốt đến đâu cũng khó lòng nhịn, Vưu thị nói "cô Tư còn trẻ mà hồ đồ"; Tích Xuân cãi lại: "Các người không đọc sách, không biết mấy chữ, nên toàn là đám ngốc cả"; lời qua tiếng lại, Vưu thị nóng lên, mỉa mai: "Cô là trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, tài tử số một xưa nay! Bọn tôi chỉ là hạng hồ đồ, chẳng sáng suốt gì bằng cô!" Lúc này Tích Xuân buông ra một câu danh ngôn vang như tiếng kim thạch rơi xuống đất: "Trạng nguyên bảng nhãn há lại không có kẻ hồ đồ hay sao? Nên biết họ cũng có những điều không thể giác ngộ!"

Tính gở cứng quái dị của Tích Xuân có thể sánh với Diệu Ngọc. Tài thơ của nàng tuy tầm thường, nhưng hơn các bậc giỏi thơ như Đại, Thoa, Tương một mặt: biết vẽ. Số phận bi thảm của nàng được lộ rõ ở Hồi 5: "Thương thay con gái nhà khuê các, một ngọn đèn xanh cạnh phật bà". Có người đời Thanh ghi trong bút ký rằng từng thấy cổ bản phần sau tám mươi hồi, Tích Xuân cuối cùng "mặc áo nhà sư đi ăn xin". Cao Ngạc

viết tiếp lung tung kiểu "mộc hoàng ân, nhà Giả nối ân trạch", bảo Tích Xuân sau đó an thân trong Lũng Thúy am sau khi Diệu Ngọc bị bắt cóc; điều ấy không hợp nguyên ý Tào Tuyết Cần: Lũng Thúy am xây khi Nguyên Xuân về thăm nhà, đến khi phủ Giả sa sút mới hơn ba năm, đâu phải "miếu cổ" (trang sách Thái Hư huyễn cảnh ở Hồi 5 vẽ là miếu cổ), trong đó lấy đâu ra phật cổ?

Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa thời xưa tương đương huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi hôm nay; sự mê tín vào những kẻ "leo cung nguyệt bẻ cành quế", "vươn đầu xuất chúng" ấy, không những xưa kia tồn tại, đến nay vẫn còn trong đám tục chúng nói chung. Nhưng sớm hơn hai trăm năm nay, Tào Tuyết Cần đã qua nhân vật Tích Xuân phát ra tiếng nói: "Trạng nguyên bảng nhãn há lại không có kẻ hồ đồ?!" Bỏ qua điểm nhân vật Tích Xuân bất gần tình người, lạnh mặt lạnh lòng quá đà, sa vào bi quan; riêng cái nhìn xuyên thấu, vạch trần của nàng đối với trạng nguyên bảng nhãn, thì quả thật gióng lên tai người điếc, mắt người mù. Dĩ nhiên, thước đo của Tích Xuân dành cho họ là một thước đo khác: có "giác ngộ" được hay không; tức điều khái quát trong khúc "Hư Hoa Ngộ" thuộc mười hai khúc Hồng Lâu Mộng nói về nàng: con người cần hiểu rằng "Nhìn rõ cả ba xuân rồi, liễu xanh đào thắm thì sao?... Kể chi đào nở đầy trời, nhị hạnh dày trên mây, rốt cuộc ai nắm được mùa thu?... Sống chết kiếp nạn, ai mà tránh được?" Thước đo ấy quá hư vô, quá tiêu cực, chúng ta khó đồng ý; nhưng những trạng nguyên bảng nhãn thám hoa ngày xưa phần nhiều say mê danh lợi, dục vọng đốt lòng, mấy ai thật sự thoát khỏi "dây cương danh, khóa chốt lợi", lại mang được bản lĩnh thật ra phúc cho xã hội? Nhìn họ như "hổ giấy", rất cần.

Chẳng những trạng nguyên bảng nhãn thám hoa dưới chế độ khoa cử xã hội phong kiến xưa kia chẳng đáng tôn thờ đuổi theo, mà cả những quán quân á quân hạng ba cùng các thứ "lọt nhóm đầu" dưới cơ chế thi cử, trao giải đã cải cách đi cải cách lại nhiều lần hôm nay, cũng không thể mù quáng tôn sùng bắt chước. Tiếc rằng đến nay, thứ mắt thường tục tiện coi bằng cấp cao, thứ hạng cao, chức danh cao, địa vị cao, chức tước cao, chỗ ngồi cao là trên hết hết, mà bỏ qua tố chất thực tế, năng lực thực hành, tiềm năng khai phá và triển vọng bền vững của con người, vẫn lan tràn trong xã hội; hiện tượng che mờ, chặn đứng, cản trở, hủy hoại những trang tuấn kiệt "không thứ hạng" có tài thật có năng lực thật, vẫn không phải chuyện cá biệt. Trong tình thế ấy, theo Tích Xuân mà hô một câu "trạng nguyên bảng nhãn há lại không có kẻ hồ đồ?", vẫn có tác dụng thanh tâm tỉnh táo.

# Người pha lê ruột thủy tinh

Vương Hy Phượng chỉ lờ mờ nhận mặt vài chữ, là người nghèo nhất chữ nghĩa trong bụng so với cả lớp trẻ nhà Giả; những việc dính tới văn tự hằng ngày như ghi sổ, trù tính, khai đơn, tra sách, nàng đều sai một cậu bé chưa đến tuổi trưởng thành là Sái Minh lo liệu, kỳ thực cậu ấy chính là thư ký riêng của nàng. Nhưng nọ một hôm bỗng nhiên Lý Hoàn, Thám Xuân v.v. tìm đến, nói muốn tôn nàng làm "giám sát ngự sử" của xã thơ Đại Quan viên, nàng hiểu ngay rằng chiếc mũ cao ngự sử ấy đội lên đầu mình tuyệt chẳng phải điều gì hay ho, bèn chọc thủng mưu chước của đám Thám Xuân: "Tôi đoán ra rồi! Đâu phải mời tôi làm giám sát ngự sử, rõ ràng là bắt tôi làm tay buôn đồng đi nộp tiền. Các cô gầy dựng cái xã chi đó thì tất phải xoay phiên làm chủ tiệc; tiền lương tháng không đủ xài, mới nghĩ ra cái phép này lôi tôi vào, rồi tiện thể xin tiền tôi, phải cái chủ ý ấy chăng?" Một bài nói làm cả đám phá lên cười; Lý Hoàn bèn bảo nàng: "Chị thật là người pha lê ruột thủy tinh!"

Lý Hoàn bảo Vương Hy Phượng là "người pha lê ruột thủy tinh", khen ngoài mặt mà chê trong bụng; nghe lời nghe tiếng, nghe trống nghe điệu, mà Vương Hy Phượng vốn là kẻ phương diện nào cũng phải vươn đầu chiếm thế, chịu câu mỉa ấy sao cam lòng được, bèn buông ra "hai xe lời lẽ vô lại bẩn kiểng dân chợ, toan tính sổ sách chia từng phân từng ly", chọc cho Lý Hoàn vốn ít nói, mồm mép vụng, cũng một hơi kể ra cả mảng dài vạch khuyết điểm của nàng, thậm chí còn bảo Vương Hy Phượng với Bình Nhi "chỉ nên đổi địa vị cho nhau mới phải". Đoạn văn ấy không những khắc họa tính cách Lý Hoàn thêm đầy đặn, mà còn là "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm", hé lộ rằng phần sau tám mươi hồi quả có tình tiết Vương Hy Phượng bị Giả Liễn bỏ, Bình Nhi được nâng lên hàng chính thất.

Cái gọi là "người pha lê ruột thủy tinh", chẳng phải nói người ấy hồn nhiên, trong suốt với người khác, chẳng có thành phủ, quá thẳng thắn, mà là chỉ sự thông minh vượt người, toan tính cùng tột: ý đồ của người khác dù diễn đạt kín đáo đến mấy, thậm chí còn chưa nói hết toàn bộ ý, thì y đã rõ như lòng bàn tay, và lập tức có sẵn lời đối đáp cùng sách lược ứng phó. Vương Hy Phượng đúng là thế: nàng chọc thủng mưu kế của đám Thám Xuân Lý Hoàn, gặp một đòn công kích siêu mức của Lý Hoàn thì nhanh chóng ứng theo thế cuộc, chuyển công thành thủ, thậm chí chịu khó tạo ra một bầu không khí "bỏ vũ khí đầu hàng", cầu lấy hiệu quả "quân liều tất thắng"; khi Lý Hoàn cuối cùng hỏi: "Cái thi xã ấy rốt cuộc chị quản hay không quản?", câu đáp của nàng thật hết sức khéo léo: "Đâu thể nói thế! Nếu tôi không tốn mấy đồng tiền cho thi xã thì chẳng hóa ra tôi là kẻ lật lọng ở vườn Đại Quan này, còn dám mơ ăn cơm nơi đây nữa à? Sớm mai tôi nhậm chức ngay, xuống ngựa lạy ấn tín, trước tiên để lại năm mươi lạng bạc cho các cô từ từ làm chủ tiệc hội. Sau này tôi chẳng làm thơ chẳng viết văn, chỉ đóng kẻ tục mà thôi; giám sát cũng được, chẳng giám sát cũng được, đã có tiền rồi, các cô đuổi tôi ra cũng được!" Một bài nói thế là xóa tan cơn giận, cả đám đều vui vẻ, ai nấy hài lòng.

"Người pha lê ruột thủy tinh", sâu xa hơn còn hàm ý tầm nhìn siêu thường đối với người khác. Hồng Lâu Mộng viết rất sống động việc Vương Hy Phượng luôn biết học trò "hi hí ban y" để dỗ Giả mẫu cười tươi, và từ ân sủng Giả mẫu ban vì lòng vui ấy mà thu về lợi thực; nàng lại nhìn thấu tâm can Giả Liễn chỉ một cái mắt, hoặc dùng lời nói chọc thủng, hoặc dùng sắc mặt tỏ thái độ, trong tám mươi hồi đầu cơ bản chế ngự Giả Liễn đến độ hắn bó tay. Cái tầm nhìn thấu người ấy của Vương Hy Phượng chính là tiền đề tâm lý cho những hành vi liều lĩnh ngang ngược của nàng. Dù nay chúng ta không còn được thấy phần sau tám mươi hồi dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, nhưng ngay phần trước ông đã báo trước rất rõ cho độc giả biết "người pha lê ruột thủy tinh" này chẳng có kết cục gì đẹp, sinh mệnh của nàng kết thúc cực kỳ thảm đạm: "Việc đời tính rất thông minh, / Còn mình, mình tính phận mình vẫn sai, / Sống lần ruột đã nát rồi, / Chết mang tiếng hão là người tinh ranh... Ôi! Vừa vui vẻ đã âu sầu..." Trái tim thủy tinh một khi vỡ, sẽ cắt ra dòng máu phun trào ra sao; người pha lê một khi tan thành từng mảnh, sẽ là cảnh tượng nhức nhối chẳng nỡ nhìn lại biết mấy!

Sóng đôi với "người pha lê ruột thủy tinh", trong kho từ vựng Hồng Lâu Mộng có câu "đờm mê tâm, mỡ che lỗ"; cảnh "Phượng ghen ầm ĩ phủ Ninh Quốc", Vương Hy Phượng gặp Vưu thị là mắng tới tấp, và câu ấy bật ra ngay từ đầu môi. Một kẻ "đờm mê tâm, mỡ che lỗ" thì đương nhiên tối tăm hoàn toàn, chẳng còn chút ưu điểm nào đáng nói. Thực ra nếu so với Vương Hy Phượng, năng lực coi việc của Vưu thị chưa chắc kém bao nhiêu: như khi Giả mẫu giao nàng lo sinh nhật cho Vương Hy Phượng, nàng xử lý rất tốt, trả lại khoản tiền hùn của mấy kẻ nghèo hèn cùng vài cô a hoàn, mua được lòng người, mà lại chẳng bớt xén bỏ túi, dùng số bạc ấy làm cho buổi sinh nhật phong phú rực rỡ muôn màu. Chồng là Giả Trân, con là Giả Dung đều vắng nhà, chợt nghe bố chồng là Giả Kính nuốt tiên đan chết, trước biến cố bất ngờ ấy khả năng ứng biến của Vưu thị cũng chẳng yếu, tỏ ra trình độ coi việc nhất định. Khả năng ấy của Vưu thị bị kìm hãm, chủ yếu vì chồng là Giả Trân mang tước vị trong thân, lại là tộc trưởng, cực kỳ mạnh bạo; huống hồ nàng là vợ kế, khác hẳn Vương Hy Phượng mang theo của hồi môn oang oang được Giả Liễn cưới làm chính thất đầu phòng. Trong Hồng Lâu Mộng, phần diễn của Vưu thị không ít; độc giả tinh ý hẳn tìm được trong những tình tiết ấy nhiều chỗ nàng hơn Vương Hy Phượng. Nhưng kết cục của Vưu thị sau tám mươi hồi cũng thảm lắm. Tào Tuyết Cần đã viết ra sự áp đặt tàn nhẫn của đại môi trường xã hội cùng những biến cố lớn lên số phận cá nhân; "cá nhân là con tin của lịch sử": будь là "người pha lê ruột thủy tinh" hay "đờm mê tâm, mỡ che lỗ", rốt cuộc quyết định số phận con người thường không phải phẩm chất của y, mà là thế cuộc lớn.

Nhưng chúng ta không nên vì thế mà sa vào thuyết định mệnh. Xét trên bình diện cá nhân, dù đứng trước số phận ra sao, cũng phải cố nâng cao phẩm chất tâm linh của mình. Chớ làm "người pha lê ruột thủy tinh", quá mệt, lại khó đối xử thiện với người; đương nhiên cũng chớ "đờm mê tâm, mỡ che lỗ", sống mụ mẫ mơ hồ. Cái hàm ý "nan đắc hồ đồ" của Trịnh Bản Kiều vẫn đáng để chúng ta chiêm nghiệm: việc lớn phải tỉnh táo, nguyên tắc lớn phải giữ vững; với việc nhỏ thậm chí vài việc trung bình, với người khác thì chẳng sao

"vô tâm" một chút, với chính mình thì chẳng sao "sống được đâu hay đó" một chút. Cuộc sống như vậy mới đích thực giản dị tự nhiên, vô愧 với lương tâm.

# Đầy quá thì tràn bớt ra ngoài

Giả mẫu khởi xướng chuyện "rảnh rỗi kiếm vui, hù vàng mừng thọ", mở tiệc thọ cho Phượng, giao Vưu thị chu toàn việc ấy; Vưu thị đành tuân lệnh. Nhận lệnh xong, nàng sang phòng Phượng bàn cách hành sự, không khỏi giận hờn nhẹ: "Cái con ranh này, mày tốt số quá đấy! Tao cứ tưởng có chuyện gì gọi tụi này đến, hóa ra đơn thuần chỉ vì cái ấy. Đóng tiền của thì thôi, còn bắt tao phải đau lòng lo toan, mày định tạ tao cái gì nào?" Phượng cười đáp: "Chị đừng giở trò nữa! Tôi có gọi chị đến đâu mà phải tạ! Chị sợ lo toan? Bây giờ chị cứ về thưa với bà cụ, sai người khác thay là xong!" Vưu thị bèn phản kích: "Xem kìa, nó vênh cái mặt lên thế đấy! Tôi khuyên cô nên dè dặt một chút thì hơn, đầy quá thì tràn bớt ra ngoài!"

Mới mở đầu Hồng Lâu Mộng đã có tình tiết Tần Khả Khanh mộng báo cho Phượng, trong đó có lời cảnh báo "trăng tròn rồi khuyết, nước đầy thì tràn", lại nối tiếp buông ra những câu tục nghĩa thông với nhau như "trèo cao tất ngã đau", "cây đổ khỉ vượn tan", "tiệc vui cũng tàn"; song "nước đầy thì tràn" trong ngữ cảnh ấy chủ yếu báo trước một trạng thái vật đạt tận cùng thì quay ngược lại, còn "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài" mà Vưu thị nói là đòn đánh vào một thứ tâm thái xấu xa; bài học dành cho độc giả, trọng tâm mỗi bên mỗi khác.

Vương Hy Phượng nói chuyện với Vưu thị kiểu ấy, dựa vào chính ngọn núi dựa là Giả mẫu. Bằng trò hi hí ban y cùng những pha tấu hài nối tiếp không nghỉ, nàng dỗ cho Giả mẫu cười sảng khoái; thế là những tích xấu hành thẹn của nàng đều qua mắt được Giả mẫu cùng Vương phu nhân v.v.

Người đọc Hồng Lâu Mộng kỹ càng đều phát hiện trong sách thi thoảng lại hiện lên khái niệm "tiền quan trung", nghĩa là chi tiêu kinh tế phủ Giả do một tổng trương phòng quản lý; quyền hạn của Phượng là lĩnh từ tổng trương phòng số ngân tháng, tiền tháng, rồi phát xuống khắp nơi theo định lệ: từ Giả mẫu, Vương phu nhân, đến Lý Hoàn, Bảo Ngọc, các tiểu thư, dĩ nhiên còn cả chính nàng, cho tới đám a hoàn to nhỏ, đều phát từ tay nàng xuống. Theo lẽ, những bạc tiền ấy là của "quan trung", tuyệt chẳng phải tiền riêng của nàng; vậy mà cứ lĩnh ứng trước xong, nàng lại bảo Vượng Nhi mang ra ngoài cho vay lấy lãi, bạc lãi về mình, mấy năm như một ngày gom của kiểu ấy; thường vì gốc lãi chưa thu kịp mà đình trệ việc phát tiền tháng; chuyện này về sau đến cả Tập Nhân còn biết, còn Giả mẫu với Vương phu nhân thì mãi bị bịt kín mắt. Sau khi Bảo Ngọc bị cha đánh hội đồng, lúc dưỡng thương thèm canh lá sen, Giả mẫu dồn dập bảo làm ngay; việc ấy đương nhiên do Phượng đảm nhiệm, nàng truyền lời xuống bếp làm ra mười bát trở lên, giải thích rằng món này ngày thường hiếm khi làm, nay đã làm cho Bảo Ngọc thì tiện thể làm nhiều hơn, mời Giả mẫu, Vương phu nhân, Tiết phu nhân đều nếm thử; Giả mẫu trách nàng lấy tiền quan trung làm nhân tình; lời trách ấy đương nhiên chỉ miệng nói, trong bụng bà thấy cô cháu dâu này xử sự thật chu đáo đủ đường; Phượng cũng tỏ ý số canh làm thừa chẳng cần tốn của quan trung, cái chủ tiệc này nàng còn chi nổi.

Phủ Giả có phủ quy, có tổng trương phòng, người trong phủ gọi là "quan trung"; từ Giả mẫu đến Phượng, đám người hầu hạ trong phủ, miệng thì ai nấy thừa nhận, thậm chí kính nể cái "quan trung" ấy; nhưng thực tế là từ trên xuống dưới, nhiều người trong bụng lại có một cây cân riêng, đem tư lợi một mình ra làm ngôi sao chuẩn, hại "quan trung" mà béo mình, hưng thịnh thành một thứ phong khí. Tào Tuyết Cần viết cực kỳ tỉ mỉ: như vụ án lộ tường vi với bột phục linh lôi kéo mặt rộng khắp nơi, ai thực sự làm theo phép tắc? Phượng với thân phận nội đương gia, lá gan càng lớn, lừa trời vượt biển, tham lam vô đáy, lại chẳng tin gì âm ty báo ứng, trăm đường chẳng kiêng nể; hễ có niềm tin yêu của lão tổ tông Giả mẫu che chở, tâm thái của nàng há chỉ "tự thấy mình khá", thậm chí là "tự thấy mình xuất sắc"; Vưu thị nói nàng "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài", chỉ chính cái điên cuồng có chỗ dựa nên chẳng sợ gì ấy.

Tôi nghĩ, câu "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài", dùng để khuyên nhủ người thường khiêm tốn thận trọng thì đương nhiên cũng hợp; nhưng xét ngữ cảnh nó xuất hiện cùng hình ảnh ngôn từ của nó, thì hẳn nhắm hơn cả vào những kẻ cuồng vọng lớn kiểu Phượng.

Ý gốc của Tào Tuyết Cần chưa chắc là viết Phượng thành một tham quan; Phượng dưới ngòi bút ông là nhân vật phức tạp, với số phận bi thảm sau này của nàng, ông cũng tiếc nuối than thương. Nhưng hôm nay ta đọc Hồng Lâu Mộng, cũng chẳng sao không lấy thứ tiêu cực nơi Phượng, ví dụ tâm thái cuồng vọng "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài", ra làm bài học. Trong hiện thực ta đang sống, có những công vụ viên trở thành tham quan không chút e dè, cũng hệt như Phượng: tâm thái phình to quá mức, tự thấy "trong triều có người", ai làm gì được mình? "Kiện cứ kiện, đổi người khác đến thì có!" Hoành hành vô kỵ, ngang ngược vô độ; bạn bảo hắn "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài", hắn lại cố tình tràn ra thêm một phen, mà vẫn cứ bám vị chẳng buồn dời. Hiện giờ có những tham quan còn thua cả Phượng: Phượng ít ra còn bày được mấy bát canh lá sen mời người, ít ra còn thấy nhục khi công khai xài "tiền quan trung" làm nhân tình, ít ra cuối cùng vẫn thu về được các khoản cho vay cả gốc lẫn lãi, phát xuống khắp nơi số ngân tháng tiền tháng, thời gian chậm trễ cũng còn trong giới hạn; bây giờ có kẻ tham quan đến giấy vệ sinh trong nhà cũng đưa công phí thanh toán, đãi khách riêng bằng quỹ công thành thói quen, còn các khoản cho vay trái phép thì chẳng có đường nào thu hồi, làm cấp dưới đến lương cũng chẳng phát nổi.

Nhưng xét từ gốc mà nói, tâm thái "đầy quá thì tràn bớt ra ngoài" tất dẫn hành vi tới mất chuẩn trầm trọng, và cuối cùng giáng xuống đầu y chẳng phải âm ty báo ứng nào, mà là báo ứng hiện đời. Phượng kia, "Việc đời tính rất thông minh, / Còn mình, mình tính phận mình vẫn sai", "Ôi! Vừa vui vẻ đã âu sầu!" Chỉ riêng điểm ấy, hẳn cũng đủ làm một số người hôm nay của chúng ta rùng mình chăng?

# Đẩy đổ bình dầu chẳng buồn đỡ

Cái miệng của Vương Hy Phượng hơn ba nghìn khẩu súng Mauser; nàng ta lưỡi đồng môi sắt, mồm nói lia lợi như hạt châu lăn, cũng thích kẻ mình sai khiến được như mình, đầu lưỡi nở hoa, miệng giọng giòn tan. Nàng tuyên bố ghét nhất lũ người hầu kiểu "nhất định kéo một câu ra làm hai ba đoạn, gặm nhấm chữ nghĩa, cất giọng đặt điệu, ừ ử rì rì": "Tôi nóng muốn bốc hỏa lên mất, bọn nó nào có biết! Hồi trước Bình Nhi nhà tôi cũng từng thế đấy, tôi hỏi ngay: chẳng phải cứ nói rì rầm như tiếng muỗi mới gọi là mỹ nhân? Nói mấy lần mới khá lên." Nên khi tình cờ phát hiện cô a hoàn làm việc lặt vặt ở viện Di Hồng là Tiểu Hồng, nói chuyện lại "ngắn gọn dứt khoát", nàng lập tức gọi về trướng, dùng cho bằng được.

Phàm ai từng đọc Hồng Lâu Mộng đều khó quên những ngôn từ sống động của Vương Hy Phượng: những lời lửa lẻ như "Xưa nay ta chẳng tin sự báo ứng âm ty địa ngục gì cả", "thà chịu xẻo thịt cũng dám lôi cả hoàng đế xuống ngựa", cùng thứ dí dỏm mềm như hình dung cảnh Bảo Ngọc với Đại Ngọc sau trận cãi vã nắm tay giảng hòa: "giống hệt chim ưng vàng quắp chặt chân con diều hâu, hai bên cùng khoen vào nhau rồi!" Nhiều độc giả thuộc nằm lòng, buột miệng đọc được.

Vương Hy Phượng thuở nào trong đáy lòng cũng khinh rẻ Vưu thị phủ Ninh Quốc; khi chuyện Giả Liễn lén cưới Vưu Nhị thư bại lộ, nàng sang ầm ĩ phủ Ninh Quốc gây sự, đã hô to lên câu ấy: "Cô thì vừa chẳng có tài cán, vừa chẳng có mồm mép, đúng là cái bầu cưa miệng, chỉ biết một mực kính cẩn để lấy tiếng hiền lành, mà bọn nó thì vừa chẳng sợ cô, vừa chẳng nghe cô!" "Bọn nó" là chỉ Giả Trân và Giả Dung, hai kẻ ấy quả thật là "ông mai" trong vụ Giả Liễn lén cưới Vưu Nhị thư. Trong tám mươi hồi đầu, Vương Hy Phượng ở nhà đối với Giả Liễn lúc nào cũng phải chiếm thế thượng phong; Giả Liễn trước mặt nàng ngược lại tựa như "cái bầu cưa miệng", nói chuyện với nàng lúc nào cũng bị hóc nghẹn. Cái gọi là "nhất tòng nhị lệnh tam nhân mộc" (一从二令三人木: một theo, hai lệnh, ba thôi cả), là chỉ giai đoạn đầu Giả Liễn luôn buộc phải phục tùng Vương Hy Phượng; đến phần sau tám mươi hồi, vì các loại ác của nàng lần lần bại lộ, bước sang giai đoạn hai, tức Giả Liễn có thể ra lệnh cho nàng; giai đoạn chót, nàng bị Giả Liễn bỏ.

Sau tang sự Tần Khả Khanh, Giả Liễn với Lâm Đại Ngọc từ Dương Châu cũng lo xong việc tang Lâm Như Hải, trở về phủ Vinh Quốc. Vương Hy Phượng dâng tiệc rượu tẩy trần cho Giả Liễn, nhắc đến chuyện giúp coi phủ Ninh Quốc, một tràng nói của Vương Hy Phượng, không biết Tào Tuyết Cần mô phỏng theo kiểu gì mà viết ra được: "Ta đây đâu quản nổi mấy việc ấy! Hiểu biết lại hẹp, mồm mép lại vụng, bụng thì thẳng như ruột ngựa, người ta đưa cho cái dùi, mình lại ngỡ là cái kim; mặt mũi lại mềm, đừng nổi khi người ta cho hai câu ngon ngọt, là lòng lại nhân từ... Chẳng dám nói thừa một câu, chẳng dám bước thừa một bước." Đây là thứ "lời khách khí" nghe mà nổi da gà. Còn nói đến đám bà vú người hầu mình đối phó, nàng tả thế này: "Các bà quản gia nhà ta, bà nào dễ bắt bẻ? Sai một li họ cười cợt trêu chọc, lệch một tí họ chỉ trâu mắng bò càu nhàu. Ngồi trên núi xem hổ đánh nhau, mượn dao giết người, nhờ gió thổi lửa, đứng trên bờ cạn, đẩy

đổ bình dầu mà chẳng buồn đỡ, đều là trọn một bộ võ nghệ..." Nghe thì đủ khiến người ta hít một hơi lạnh ngược.

Tạm kệ chuyện Vương Hy Phượng tự vẽ mình thành người đàn bà hiền lành khờ khạo, rồi vẽ người khác thành một lũ xấu béo gian trá ranh mãnh, nhằm đạt mục đích khen ngợi bản thân, bịt kín đường vấn tội; giờ đây ta cứ riêng lôi những "trọn một bộ võ nghệ" kiểu phản diện từ miệng nàng ra mà bàn luận, thì cũng vẫn thú vị lắm.

Bây giờ có vài "công bộc" dường như còn mang "nếp cũ" của các "bà quản gia" phủ Giả: với cấp trên, "sai một li thì cười cợt trêu chọc", "lệch một tí thì chỉ trâu mắng bò càu nhàu"; ở những tiệc tùng công tư, ngoài "chuyện bẩn cười chơi" ra thì toàn cái "trêu chọc" với "càu nhàu" ấy. Với phần trách nhiệm mình đang gánh, chẳng những không nói gì đến trách nhiệm với nhân dân, mà với cấp trên đồng liêu cũng chẳng có lòng đoàn kết tiến lên, đồng tâm cộng khổ; "ngồi trên núi xem hổ đánh nhau", "mượn dao giết người" là đem chức vị phục vụ nhân dân ra làm mạng lưới quyền lực tranh danh đoạt lợi; "nhờ gió thổi lửa" tạo mâu thuẫn nội bộ; phạm vi mình phụ trách xảy ra chuyện thì chẳng chịu giải quyết nghiêm túc; việc của các ngành anh em đáng phải phối hợp giải quyết thì càng "đứng trên bờ cạn", mặc kệ người ta vùng vẫy giữa "sóng nguy hiểm" mà chẳng giơ tay cứu; bạn nói xem có tồi tệ không, có nên phơi bày vạch trần, phê phán bãi miễn hay không?

"Đẩy đổ bình dầu chẳng buồn đỡ", tôi từng nghe một bà cụ trong khu dân cư ngõ hẻm kể, còn có thể nói là "vạ lây đổ bình dầu mà không chịu đỡ"; cái nó tả là thái độ không chịu trách nhiệm tột bậc. Bà cụ bảo: "đẩy đổ" chưa chắc là cố ý làm điều xấu; nhưng vì quen làm ẩu cẩu thả, nên sẽ "một phút thiếu chú ý" làm vạ lây đổ luôn "bình dầu". Việc này vốn chẳng khó cứu vãn, chỉ cần kịp thời đỡ dậy là vấn đề giải quyết xong, dù chảy mất một chút dầu, thiệt hại cũng hữu hạn. Vậy mà cứ có những kẻ gánh vác trách nhiệm nào đó mà nhác nhởi lười biếng, trong phạm vi trách nhiệm "bình dầu" chẳng may bị vạ lây đổ rồi, lại cứ để đó chẳng thèm đỡ thẳng, mặc dầu chảy ục ục xuống đất; trong bụng hắn chỉ nghĩ: "Dù sao cái bình ấy cũng chẳng phải tôi cố ý đẩy đổ", "Dù sao dầu ấy cũng chẳng phải dầu nhà tôi", "Dù sao chai dầu chảy cạn rồi, khu này rồi cũng được bổ sung thêm một chai khác". Những gã ấy, có khi lại cứ với một tờ kiểm điểm mà lọt qua trách nhiệm tai nạn, về sau vẫn bám ghế y nguyên, họp thì vẫn ngủ gật, tiệc tàn thì vẫn xiên răng; bạn nói xem đáng giận không? Có nên nghĩ ra một phép tắc ngăn chặn triệt để loại "công bộc" ấy chăng?

# Nhiều người ăn càng vui

Giả mẫu vốn là một kẻ theo chủ nghĩa hưởng thụ. Trong chuyện ăn uống, bà thực hành nghiêm ngặt phương châm tám chữ của cụ Khổng Phu tử: "thực bất yểm tinh, khoái bất yểm tế" (cơm chẳng ngại tinh, thịt xay chẳng ngại mịn). Trên phương diện thưởng thức nghệ thuật, bà dám "phá lối mòn cũ kỹ"; chuyện bài trí nhà cửa, nói theo ngôn ngữ hôm nay, cũng chính là làm thiết kế nội thất. Gu thẩm mỹ của bà vừa cao quý vừa thanh nhã. Ai từng đọc Hồng Lâu Mộng hẳn đều để lại ấn tượng sâu đậm về những điều ấy.

Tuy nhiên có một chi tiết thường bị nhiều độc giả bỏ qua: ở Hồi bảy mươi lăm, Giả mẫu đã thốt ra một câu từ tận đáy lòng, bày tỏ thú hưởng thụ mãnh liệt nhất trong đời bà, đó là: nhiều người ăn càng vui.

Giả mẫu là lão tổ tông được hai phủ Ninh, Vinh tôn kính. Bà là phụ nữ; địa vị tuy tôn quý, chức tộc trưởng vẫn để Giả Trân đảm nhiệm. Mấy bà lão trực canh trực đêm ở phủ Vinh Quốc say rượu, đang tất bật chia nhau hoa quả thừa trong tiệc của các chủ tử; khi a hoàn của Vưu Thị đến điều khiển chúng thì hai bà lão mất kiên nhẫn, nhân men rượu buột miệng câu "việc nhà ai mặc nhà nấy", gây nên một phen sóng gió. Thật ra nếu đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, ta sẽ thấy hai bà lão đó nói chẳng sai: dù cả phủ Ninh Quốc lẫn phủ Vinh Quốc đều nhận Giả mẫu làm lão tổ tông, về kinh tế hai bên vẫn tính toán riêng. Giả Trân năm tết quỳ trước giường Giả mẫu rót chúc rượu, nhưng chúc xong lui ra ngoài thì chỉ lo truy hoan mua tiếu, nào có thật lòng để ý thiệt hơn của phía phủ Vinh Quốc nơi Giả mẫu ở.

Giả mẫu mới là cây cột chống trời của phủ Vinh Quốc. Của riêng của bà rất dồi dào. Ai cũng biết, và bà từng ngầm tỏ ý: chuyện cưới vợ cho Bảo Ngọc, gả chồng cho Đại Ngọc chẳng phải động tới "tiền của công", một tay bà gánh trọn. Giả Liễn với Phượng Thư giữ việc quản gia phủ Vinh Quốc, lúc quỹ chi tiêu xoay không nổi đã mở lời với Uyên Ương, nhờ cô giúp một tay, lén đem vài cái rương lớn đầy đồ vàng bạc thuộc tài sản riêng của Giả mẫu đi cầm, để gỡ cơn túng quẫn. Vì sao Uyên Ương dám liều lĩnh đến thế? Thực ra việc này Uyên Ương vẫn bí mật tâu lên Giả mẫu; Giả mẫu cứ coi như không biết, Uyên Ương cứ coi như chưa nói, còn Giả Liễn với Phượng Thư cũng cứ coi như chưa làm. Tào Tuyết Cần viết thật tuyệt. Ông vẽ ra viễn cảnh "túi ruột của đại gia đình phong kiến cũng đã vơi cạn", đồng thời phác họa sự mặc hiểu đầy tinh tế giữa mấy hạng người trong nội bộ gia tộc.

Mới gặp Lưu lão lão, Giả mẫu đã bảo ngay: "Tôi già rồi, chẳng còn làm được gì nữa; mắt mờ, tai điếc… Họ hàng đến chơi, sợ người ta cười tôi, tôi cũng chẳng biết tiếp ai; chẳng qua thứ nhai nổi thì ăn vài miếng, buồn ngủ thì ngủ một giấc, lúc buồn thì chơi đùa với lũ cháu con một hồi là hết chuyện." Lưu lão lão chỉ cần dạo một vòng Đại Quan viên là rõ trong bụng đó toàn lời nhún nhường. Xem kìa, khi dẫn Lưu lão lão cùng đoàn người tới Tiêu Tương quán của Lâm Đại Ngọc, Giả mẫu khuyên bảo Phượng Thư ân cần thế nào, để Phượng Thư và mọi người phân biệt được sự khác nhau giữa the thuyền dực với nhuyễn yên la; rồi khi sang

Hành Vu uyển của Bảo Thoa, bà lại răn dạy Bảo Thoa không được tiết kiệm đến mức vô lý như vậy, lập tức sai Uyên Ương: "Con đem cái chậu cây bằng đá, cái bình phong bằng lụa trên bàn, cùng chiếc đỉnh đá màu vân ám... rồi lấy cái màn lụa trắng vẽ thủy mạc mang đến đây." Việc gì đến tay Giả mẫu, bà xử lý cũng sáng suốt mà nhanh gọn.

Hồi bảy mươi ba, một chuỗi sự cố ngẫu nhiên khiến Giả mẫu đích thân truy xét chuyện đánh bạc. Lão tổ tông nổi giận, ai dám che chở riêng? "Dù ai cũng chối quanh một lượt, rốt cuộc chân tướng vẫn phơi bày." Oai nghiêm và thủ đoạn quyết đoán của Giả mẫu hiện sống động trên trang giấy.

Vì vậy, đơn giản hóa Giả mẫu thành kiểu "người hưởng phúc" ngồi chỏm trên đỉnh tháp của đại gia đình phong kiến, kiểu "phúc càng sâu càng cầu phúc thêm", thì hoàn toàn không đúng. Đây là một lãnh tụ gia tộc vừa buông quyền để hưởng thụ, lại vừa mọi lúc mọi nơi nắm toàn cục gia tộc, khi cần còn đích thân can thiệp xuống từng phần, thậm chí từng chi tiết.

Sang Hồi bảy mươi lăm, nhà Chân ở Giang Nam, vốn gắn bó cái thị cái suy cùng nhà họ Giả, đã bị hoàng đế tịch thu gia sản trị tội; hơn nữa phủ Vinh Quốc đã trái luật vua, giúp nhà Chân giấu tài sản chuyển sang; lượng tô thuế phủ Vinh Quốc thu được cũng không còn đạt mức cũ. Toàn bộ cục diện đã thành một thế chật vật xoay không nổi, lay lắt trước gió mưa. Nhưng chính trong hồi này, Tào Tuyết Cần đặc biệt ghi lại: Giả mẫu ăn cơm xong, đi lại dưới đất cho tiêu thực, trước sai Tiết Bảo Cầm với Thám Xuân ngồi vào hai bên bàn ăn cùng mình, rồi bảo Vưu Thị ngồi xuống ăn, lại gọi các a hoàn Uyên Ương, Hổ Phách và Ngân Điệp cùng ngồi một chỗ mà ăn. Trong một gia đình quý tộc kiểu ấy, chuyện đó rất trái lệ. Theo khuôn phép, đừng nói bọn nô tài không có tư cách ngồi vào chỗ ấy, ăn cơm trước mặt Giả mẫu, đến các thiếu phu nhân, tiểu thư cũng không được vậy. Nhưng Giả mẫu không những lại một lần nữa "phá lối mòn cũ kỹ", còn cười với mọi người: "Nhiều người ăn càng vui."

Coi "nhìn đông đông người ăn cơm" làm một niềm vui lớn của đời người, điều đó cho thấy Giả mẫu mang trong lòng một tình cảm kiểu "cả tộc đủ đầy thì tôi mới vui". Giả mẫu tuy là tổng chủ tử của một đại gia đình phong kiến, vẫn hiểu rằng chỉ khi "đông đông người", kể cả các a hoàn dưới hạ trong không gian của bà đều có cơm no đủ, mới đáng gọi là phồn vinh, mới có được sự ổn định hòa thuận của gia tộc, và chính bà mới nhận lại được niềm khoái lạc vững chắc. Điều ấy, đối với mấy vị "quan phụ mẫu" hôm nay đang cai quản một vùng rộng hay một lĩnh vực nào đó, hẳn vẫn còn mang lại gợi mở đáng tham khảo?

# Người đời từ bé ai chẳng đi qua thế cả

Vì Giả Liễn say rượu lăng loàn với con vợ của gia nhân họ Bào Nhị, Vương Hy Phượng nổi cơn ghen lớn, cuối cùng hai vợ chồng náo tới tận trước mặt lão tổ tông Giả mẫu. Nào ngờ Giả mẫu tuy cũng quát mắng Giả Liễn, nhưng lại nói với Phượng Thư một bài như thế này trước mặt mọi người: "Có gì đâu mà to tát! Bọn trẻ đang tuổi xanh, cái tính mèo tham ăn, nào có chắc được là chẳng thế? Từ bé, người đời ai cũng đã đi qua thế cả..." Nghe được câu đó vào tai, thấm xuống lòng, Phượng Thư vậy mà chịu thôi không lăn lê bò toét nữa; một cuộc náo loạn, cuối cùng lại khép lại bằng tiếng cười.

Các nhà bình luận và độc giả trước đây có người định vị Giả mẫu như tên đại tội nhân ngồi chỏm trên đỉnh tháp của gia tộc phong kiến: bảo bà không làm mà hưởng, xa xỉ tột cùng, giữ gìn chính thống phong kiến, lại lấy vẻ khai minh giả tạo mà đánh lừa lòng người. Những lời bà nói sau cái hồi mục "Biến sinh bất trắc, Phượng Thư bát thố" (biến cố ập đến, Phượng Thư ghen tuông) chính là phơi bày bản chất mục nát của bà theo cách hiểu ấy: để gìn nền trật tự chính thống của phủ Giả, bà không tiếc vứt bỏ chiếc mặt nạ đạo đức phong kiến giả tạo, trần trụi bào chữa cho lối sống hoang phí của quý tộc phong kiến, cổ xúy chủ nghĩa hưởng thụ xây trên nền bóc xương hút tủy người lao động.

Nhưng khi viết Giả mẫu, Tào Tuyết Cần đã không, và cũng không thể, xuất phát từ góc độ phân tích giai cấp. Ông trung thực với trải nghiệm đời mình, trung thực với sự thật khách quan, trung thực với khát vọng khắc họa nguyên mẫu cuộc sống lên trang giấy cho nó có được sinh mệnh nghệ thuật. Nếu gạt bỏ lối nhìn "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh", đọc một cách bình tĩnh những dòng chữ ông viết, ta sẽ thấy Giả mẫu quả là hình tượng không thể đóng khung bằng cái nhãn đơn giản: tình thương yêu với đàn cháu đối lập với thái độ lạnh nhạt với Giả Chính, Giả Xá; sự thương yêu Lưu lão lão đối lập với sự nghiêm khắc với mấy bà lão mở sòng bạc trong phủ; sự mù quáng giữ khuôn phép quý tộc đối lập với tinh thần "phá lối mòn cũ kỹ" khi bàn về hát xướng; những lần khấn vái cầu phúc thọ mê muội đối lập với nhận thức tỉnh táo về gian khó của đời người; sự tinh tế nhạy cảm trong hưởng thụ cuộc sống đối lập với cái "được hồ đồ thì cứ hồ đồ". Muôn vàn nét dường như mâu thuẫn ấy lại dung hòa lạ thường trong thế giới tinh thần cũng như lời ăn tiếng nói của bà. Với hình tượng nghệ thuật này, có lẽ ta chẳng cần khen chê vội, mà nên xem nó như mẫu vật quý giá giúp nhận diện một kiểu tồn tại con người của thời đại đó.

Diễn giải kỹ bài nói ấy của Giả mẫu bằng ngôn ngữ hôm nay, ta được mấy tầng nghĩa khá phong phú. Thứ nhất: ăn và dục là bản tính; sự tồn tại giới tính của từng cá nhân chẳng có gì đáng kinh ngạc. Thứ hai: với điều kiện chủ quan không thật lòng muốn thay đổi tình trạng hôn nhân, thỉnh thoảng lỡ bước ngoài luồng chỉ là "có gì đâu mà to tát"! (Giả Liễn và con đĩ ấy tuy có vài lời oán trách Phượng Thư lẳng lơ, nhưng đó chỉ là nói chơi lúc hứng mà thôi.) Thứ ba: với điều kiện hai bên đều tự nguyện, ngoại tình thông gian chưa hẳn đã là trọng ác đại tội; "nào có chắc được là chẳng thế", vợ chồng chẳng cần phải náo tới tan cửa nát nhà.

Thứ tư: "bọn trẻ đang tuổi xanh", phải cho phép người trẻ mắc lỗi; ai cũng phải trải qua quá trình trưởng thành từ ngông cuống đến chững chạc. Thứ năm: chớ tưởng chỉ riêng mình gặp chuyện uất ức kiểu này; bạn đời đa tình gây ra vài chuyện phong lưu, hoặc đơn giản vì "cái tính mèo tham ăn", dù bẩn dù thối cứ kéo tới giải tỏa lúc cần; loại chuyện này nói cho cùng là một quy luật phổ biến, "từ bé người đời ai cũng đã đi qua thế cả", chỉ ít người chịu nhìn thấu nói ra thôi. Thứ sáu: nhìn thấu nói ra rồi, hai vợ chồng nên trở về với trạng thái thường nhật ân ái hòa hợp vốn có.

Một người bạn trẻ hay bàn luận Hồng Lâu Mộng với tôi bảo rằng, theo anh, những phát biểu của Giả mẫu kể cả đặt cạnh hôm nay vẫn nghe như chuông reo đánh thức kẻ điếm; chuyện tranh luận về quan hệ ngoài luồng bây giờ, hiếm nhà luận nào dõng dạc vài câu đã sáng tỏ quan điểm mà lại giàu sức thuyết phục hơn Giả mẫu. Tôi chỉ cho anh thấy: lập luận của Giả mẫu nghiêng hẳn về phía đàn ông; bao che cho phía chồng thì thừa, đòi phía vợ nhẫn nhị thì quá khắt khe; chẳng biết năm xưa trước chuyện lỡ bước của chồng bà là Giả Đại Thiện, bà có thật lòng cười xòa qua được không? Người bạn trẻ đáp: nếu bỏ đi yếu tố này trong lời Giả mẫu, thứ sẽ khiến các nhà nữ quyền bất mãn, còn lại việc đòi hai vợ chồng "gánh nước cân đôi", cùng phải hiểu rằng "từ bé người đời ai cũng đã đi qua thế cả", thì xét theo hoàn cảnh xã hội hôm nay, ít ra vẫn khá gợi mở. Không biết quý độc giả nghĩ sao?

# Cô ả bán dầu gội đầu bằng nước

Chữ "dầu" trong câu này chẳng phải dầu ăn, mà là thứ dầu bôi tóc dùng cho phụ nữ, kiểu như trong câu đùa của Sử Tương Vân: "cái đầu vịt này đâu phải cô đầu kia, đầu đâu mà có dầu hoa quế".

Câu ấy do Vương phu nhân nói. Phượng Thư đau bệnh, cần bào viên thuốc "điều kinh dưỡng vinh", phải dùng hai lạng nhân sâm thượng hạng. Vương phu nhân trước sai a hoàn tìm ngay trong phòng mình; tìm ra chỉ vài nhánh mảnh như thân trâm, phần còn toàn rễ tơ vụn. Sang hỏi bên Hình phu nhân thì càng không có. Chỉ đành cầu cứu Giả mẫu; bên Giả mẫu thì có nguyên một gói lớn, nhánh nào cũng to bằng ngón tay, nhưng đem cho thầy thuốc xem, thầy bảo thứ này không giữ được lâu, dù tốt đến đâu trăm năm cũng hóa tro; nhân sâm bên Giả mẫu tuy chưa thành tro nhưng cũng chỉ là củ mục nát, sức thuốc mất từ lâu, căn bản không dùng được nữa. Vương phu nhân bèn thở dài: "Cô ả bán dầu lại bôi đầu bằng nước lã. Xưa nay ở nhà vẫn có thứ tốt, cho người ta biết bao nhiêu, đến lượt mình cần dùng lại phải đi van nài khắp nơi." Đoạn tình tiết ở Hồi bảy mươi bảy này xác chứng rõ ràng điều Chi Nghiễn Trai vẫn luôn nhắc chúng ta: cái Tào Tuyết Cần viết là cái "mạt thế" của một gia đình quý tộc. Sau tám mươi hồi, chắc chắn ông sẽ từng bước xiết chặt, viết tới cảnh phủ Giả cùng cả bốn đại gia tộc Giả, Sử, Vương, Tiết "rầm rầm như tòa nhà sắp đổ, leo lét như ngọn đèn sắp tàn", "giống chim ăn hết lương thóc bay về rừng, còn lại một bãi đất trắng phau, sạch trơn thật sạch"; tuyệt không thể như Cao Ngạch, còn viết ra thứ gì "bốn nàng đẹp gặp điềm lành ra câu cá, nghe lời răn nghiêm khắc hai lần vào trường học", cùng "được vua ban ơn, nhà Giả nối dài phúc ấm".

"Cô ả bán dầu gội đầu bằng nước" là một câu tục ngữ. Nói ra thì bà chủ bán dầu bôi tóc lẽ ra không bao giờ thiếu dầu để dùng, thế mà bà lại cứ lấy nước bào gỗ, thậm chí nước lã, thay cho dầu hoa quế và các loại mỹ phẩm khác, tạm gỡ cho tóc xuôi nếp, tạm bóng lên một chút cho qua.

Nay thứ dầu bôi tóc như loại được chép trong Hồng Lâu Mộng gần như đã tuyệt tích; dùng liệu hấp dầu trong các hiệu tóc ngày nay, cùng mousse với keo xịt gì đó, phần lớn đều chứa nhiều hóa chất công nghiệp. Dầu bôi tóc ngày xưa thì toàn chế từ thảo mộc nguyên chất. Thuở nhỏ mỗi ngày tôi đi học về học đều phải bốn lần băng qua hội chùa Long Phúc ở Bắc Kinh. Tuy mắt tôi chú ý chủ yếu là mấy sạp quà vặt và đồ chơi, nhưng đi lâu ngày đôi khi vẫn để lòng tới những sạp hàng khác. Tôi nhớ hội chợ ấy có sạp dầu bôi tóc thơm phức, đứng từ xa đã ngửi thấy mùi; khách đến phần lớn là phụ nữ. Trên sạp bày đủ cỡ chai lọ thủy tinh, dán nhãn đủ sắc màu, trên nhãn thường vẽ tranh mỹ nhân hay hoa lá bướm chim; trong lọ đựng chính là dầu bôi tóc, chia thứ dầu hoa quế, dầu hoa lài, dầu hoa hồng... Trông sạp có ông chủ cũng có bà chủ. Tôi chỉ nhớ bà chủ kia đeo hàm răng bạc, trên đầu lúc nào cũng cài hoa lụa rực rỡ, kẻ lông mày cong cong mảnh mai, hai má điểm son hồng; chỉ không biết trên tóc bà có thật sự bôi dầu không, hay đang "gội đầu bằng nước" đấy chăng?

Sau này tôi từng ngồi tám chuyện với một bà cụ chung sống trong cùng sân nhà hẻm, nhắc tới Hồng Lâu Mộng, chạm đến câu "cô ả bán dầu gội đầu bằng nước"; bà cụ lại bảo, câu đó bà nghe từ sớm lắm rồi, nhưng ý của nó là chê người "keo kiệt", "giỏi vơ tiền". Một câu tục ngữ trong quá trình lưu truyền ý nghĩa cứ thêm dần phong phú, rồi trong những ngữ cảnh khác nhau lại tách dòng hóa ra những nghĩa khác nhau; đó là hiện tượng ngôn ngữ hết sức bình thường.

Đem câu ấy đặt vào hôm nay, thật ra còn rút ra được những nghĩa giàu hơn nữa. Bây giờ có những người kinh doanh chẳng chịu bỏ công nâng chất lượng sản phẩm, siết quản lý hay làm marketing khoa học, chỉ biết dùng cái "gội đầu bằng nước" theo kiểu "khổ nhục kế" của chính mình để cắt giảm chi phí, thậm chí bóp lương người làm công, không đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí theo quy định cho toàn thể nhân viên. Kiểu "gội đầu bằng nước" bớt xén ấy, sớm muộn cũng dẫn tới hậu quả "tóc khô", "tóc rụng", rồi thành "đầu trọc lốc". Ban đầu, cái "gội đầu bằng nước" còn chỉ là sự thu mình chủ quan; về sau, muốn lấy chút dầu ra "bôi đầu" cũng chẳng còn sức; "gội đầu bằng nước" thành kế bất đắc dĩ. Rồi về sau nữa, nghĩa là doanh nghiệp đến dầu cũng không còn, trên thực tế đã ngừng vận hành bình thường; cái "gội đầu bằng nước" chỉ còn chứng tỏ đang gượng gạo giữ mặt. Dĩ nhiên cũng có trường hợp khác: buổi đầu hưởng thụ cuồng nhiệt "dầu hoa quế" của mình, tức từ "tăng phúc lợi" vô độ tiến tới lỗ vốn vẫn "chia cổ tức", cuối cùng thành "sủi cảo vỡ nhân", thậm chí mang tiếng "sủi cảo" mà chẳng có nhân nào, trong nồi toàn nước đục với vỏ nát; "dầu hoa quế" thì mất sạch, vậy thì sao khỏi phải "gội đầu bằng nước"? Có phải vài doanh nghiệp nhà nước đang diễn đúng vở kịch náo nhiệt ấy, cuối cùng đẩy tuyệt đại đa số công nhân vào thảm cảnh?

Dù vì lý do nào dẫn tới cảnh "cô ả bán dầu gội đầu bằng nước", thì đó cũng chẳng phải chuyện tốt. Mong rằng sau khi lấy câu ấy tự giễu xong, người ta sẽ chỉnh đốn, sửa chữa tình hình trở về một thế cục bình thường, phát triển bền vững.

# Người đọc sách cứ lấy lẽ phải làm trọng

Hồng Lâu Mộng chữ chữ như ngọc; ngôn ngữ nhân vật đặc biệt xuất sắc mà lại đầy cảm tính, ít khi tác giả cố tình gọt đẽo những câu triết lý rực rỡ lúc viết thoại; thật sự mỗi vai có một giọng riêng không lẫn được. Ví như Sử Tương Vân, một hình tượng nghệ thuật quyến rũ biết bao; nhưng soát kỹ lời nàng nói, đều tuôn tự nhiên từ bản tính hoạt bát, hầu như chẳng có tí lý tính trừu tượng nào. Câu đùa "cái đầu vịt này đâu phải cô đầu kia, đầu đâu mà có dầu hoa quế" dí dỏm mà đậm tình vị. Đến lúc cùng cô hầu Thúy Lũ bàn âm dương, nàng cũng vẫn một nét ngây thơ, chẳng chút hơi bác học, nói như chơi trò vẹo lưỡi.

Nhưng Giả Vũ Thôn, vai xuất hiện ngay từ Hồi một, lại là hạng người thích phán những câu triết lý. Ở Hồi hai, hắn giảng cho Lãnh Tử Hưng cả một bài dài về "luận hai khí âm dương kích phát va đập"; chuyện đó tạm bỏ qua, chỉ riêng câu hắn để lại sau khi được Chân Sĩ Ẩn chu cấp tiền áo lên kinh dự thi cuối Hồi một, đã đủ đáng để ngẫm. Chân Sĩ Ẩn tối hôm trước mới đưa bạc với quần áo, sáng hôm sau canh ngũ hắn đã lên đường, để lại lời: "Người đọc sách không hỏi ngày hoàng đạo ngày hắc đạo, cứ lấy lẽ phải làm trọng, nên chẳng kịp đến từ biệt tận mặt."

Đàn ông được Tào Tuyết Cần miêu tả ngoại hình cụ thể, ngoài Bảo Ngọc ra, phải kể Giả Vũ Thôn: y sinh ra lưng dày vai khoẳn, mặt rộng miệng vuông, lông mày gươm mắt sao, sống mũi thẳng, hàm má nở, trông hết sức cường tráng. Vì sau này y qua lại mật thiết với Giả Chính, hai bên đồng thuận về giá trị công danh lộc lương, nên Bảo Ngọc coi y là "quốc tặc, sâu mọt ăn lộc", ghét cay ghét đắng; lại qua miệng Bình Nhi lộ ra chuyện y hãm hại thằng Ngốc Đá, cướp bộ quạt cổ quý của gã đem dâng Giả Xá, còn khiến Giả Liễn bị Giả Xá đánh hội đồng. Bình Nhi vì thế nghiến răng mắng y là "thằng hỗn giống trời không đánh chết, từ giữa đường nào chui tới". Theo lời phê của Chi Nghiễn Trai trong tám mươi hồi trước tiết lộ, sau tám mươi hồi còn sẽ viết tới cảnh nhà Giả sa sút, y trả ơn bằng oán, hung hăng đạp thêm vài cú vào nhà Giả; dĩ nhiên cuối cùng chính y cũng không thoát khỏi số phận "chê chiếc mũ sa còn nhỏ, để rồi vác càng xiềng nặng vai". Nhiều nhà bình luận đã chỉ ra: đây là mẫu "gian hùng" điển hình.

Tôi cho rằng khi khắc họa nhân vật, tuy Tào Tuyết Cần giấu trong đó tình yêu ghét, khen chê, nhưng luôn trả lại cho nhân vật sự sống động, viết nên cái phức tạp của tính cách và sự khó lường của bản tính con người. Cũng như ta không thể vì người mà bỏ lời đối với những nhân vật có thật trong lịch sử, thì với vai nghệ thuật Giả Vũ Thôn, ta cũng không thể vì hành vi xấu của y mà vứt bỏ những lời sáng suốt của y.

Khi nhặt những hạt ngọc ngôn trong lời nhân vật Hồng Lâu Mộng, có thể chọn câu của Giả Vũ Thôn "người đọc sách không hỏi hoàng đạo hắc đạo, cứ lấy lẽ phải làm trọng" làm một ví dụ. Tách câu ấy ra khỏi cuốn sách, đặt vào môi trường xã hội hôm nay, nó vẫn còn gợi mở cho chúng ta.

Bát quái âm dương, ngày hoàng đạo hắc đạo của Trung Quốc, chòm sao tử vi, bói bài tây phương; mấy thứ trò ấy không thể nói là hoàn toàn chẳng có chút lý, đại khái một phần là suy đoán xác suất hay toán học mờ, còn phần lớn là tùy tiện phi khoa học. Đến hôm nay, kẻ mê tín những thứ ấy mà xa lánh khoa học chính xác vẫn rất đông, trong đó không thiếu người đọc sách. Ví như theo con giáp, nhóm máu, chòm sao mà phán đoán khí chất vận mệnh của một người, tôn đó lên như lời sấm; vì câu chúc lành ít mà sinh ra lo âu, thí dụ có không ít. Thử nghĩ kỹ xem: cả thế giới đông đảo thế ấy, chia theo con giáp thì cũng chỉ có mấy loại; lẽ nào người cùng con giáp lại thật sự chung số phận chung cảnh ngộ? Ngay bên cạnh bạn cũng kiếm ra được những người cùng một loại mà cảnh ngộ khác biệt một trời một vực. Bị mấy lời nói thô vụng mơ hồ ấy làm cho đảo điên thần hồn, lo toan day dứt, chẳng phải quá buồn cười sao? Lại như dạo này vệt đen mặt trời hoạt động mạnh, trong hoàn cảnh đó đi máy bay có an toàn không? Riêng yếu tố này thì dĩ nhiên độ an toàn giảm đi, là "ngày không nên đi đường"; nhưng khoa học kỹ thuật hiện nay đủ sức đẩy ảnh hưởng của nó xuống mức nhỏ nhất trong lĩnh vực dẫn đường hàng không. Ngược lại, có những ngày giờ được cuốn "lịch vạn thắng" ghi là hoàng đạo cát nhật, tối thích xuất hành, thì lại đúng lúc ấy xảy ra tai nạn máy bay, tai nạn xe cộ. Điều đó cho thấy quyết định trạng thái của mọi sự việc phải là tập hợp của nhiều nhân tố, mà khoa học chính xác chính là nhận biết và nắm bắt "lẽ phải" của các lực hợp thành ấy. Người đọc sách thật sự nên đi đầu thoát khỏi mê tín, "cứ lấy lẽ phải làm trọng".

# Gỗ hoàng bá làm dùi khánh

Đây là vế đầu của một câu yết hậu ngữ; vế sau là "ngoài thì thể diện, trong thì đắng". Nói câu này là Giả Trân của phủ Ninh Quốc. Một số người đọc Hồng Lâu Mộng vẫn chưa nắm rõ: Giả Trân tuy kém Giả mẫu hai bậc vai vế, kém cha hắn là Giả Kính cùng Giả Xá, Giả Chính của phủ Vinh Quốc một bậc, nhưng từ khi câu chuyện trong sách bắt đầu, hắn đã là tộc trưởng họ Giả; trong thời đại ấy, đó là thân phận không phải nhỏ. Trên phương diện tộc vụ, Giả Trân không những tổng quản cả hai phủ Ninh, Vinh, phạm vi quản lý của hắn còn bao gồm mọi người họ Giả có tên trong tông phổ bên ngoài hai phủ. Xây Đại Quan viên, hắn là giám đốc công trường; khi Giả mẫu dẫn các nữ quyến trong phủ cùng Bảo Ngọc tới quan Thanh Hư làm đạo tràng, hắn làm tổng chỉ huy, phô bày oai tộc trưởng, sai đầy tớ phun nước bọt vào mặt Giả Dung lười biếng, dằn lũng đám con cháu trong họ. Trong sách còn không ít chi tiết khắc họa tài xoay xở ứng đối của hắn với tư cách tộc trưởng: mùa Trung thu, khi dấu hiệu suy sụp của gia tộc hiện ra ngày một dày, đêm mở yến mọi người chợt nghe tiếng thở dài bên chân tường kia, tiếng đóng mở quái đản của cánh cửa từ đường; ai nấy hoảng hồn, riêng hắn vẫn quát nghiêm giọng lớn, tỏ rõ cái khí phách cương mãnh nơi con người hắn.

Nhiều bài bình luận Hồng Lâu Mộng trước đây đều phân tích Giả Trân như một nhân vật phản diện đơn giản; nhất là chuyện loạn luân giữa hắn với Tần Khả Khanh, lời mắng của lão bộc Tiêu Đại, dường như đã đóng đinh hắn trên cột sỉ nhục. Tôi thì cho rằng Tào Tuyết Cần không hề có ý biến hắn thành "tấm gương phản diện", mà cố sức trình trước mặt chúng ta hình tượng đầy máu thịt của một tộc trưởng tráng niên giữa một đại gia đình quý tộc phong kiến có thật. Hắn có tội lỗi, cũng có ánh sáng; có điên rồ, cũng có bản lĩnh. Mọi yếu tố hội tụ nơi con người hắn; với vai này chúng ta không nên vội vàng dán nhãn, mà nên phân tích tỉ mỉ kiểu tồn tại cùng giá trị thẩm mỹ của hắn. Trong "Tần học" do tôi tự gây dựng, tôi khảo chứng ra nguyên mẫu của Tần Khả Khanh là một đứa con gái của Dận Nhẫn, hoàng thái tử bị phế đời Khang Hy; trong tiểu thuyết, Dận Nhẫn ẩn hiện qua ký mã "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế". Theo cách viết ban đầu của Tào Tuyết Cần, chính vì phủ Ninh Quốc liều lĩnh nhận nuôi đứa con gái của vị "lão thiên tuế" đã "đổ vỡ" ấy nên cuối cùng mới bị soát gia sản, diệt vong; "việc nhà tiêu vong, tội đầu nằm ở Ninh" chính là nói cái ý đó. Trong quá trình nhận nuôi, Tần Khả Khanh danh nghĩa là con dâu Giả Dung, thực chất là tình nhân của Giả Trân; tình yêu giữa hai người chân thành mà sâu nặng. Trong quá trình nhiều lần chỉnh lý bản thảo, để tránh án văn tự, Tào Tuyết Cần sau đó nghe theo lời khuyên của Chi Nghiễn Trai, xóa đi rất nhiều đoạn đã viết xong, rồi vá víu lại, nói nguồn gốc của Tần Khả Khanh là một con hoang được bế về từ trại trẻ mồ côi (dưỡng sinh đường).

Lời nói của Giả Trân trong sách lúc nào cũng rất khớp với thân phận của hắn, tính cách nổi bật, có một hương vị riêng. Câu yết hậu ngữ "lấy gỗ hoàng bá làm dùi khánh: ngoài thì thể diện, trong thì đắng" được hắn buột ra khi tiếp nhận lễ tô cuối năm do trang đầu Ô Tiến Hiếu làng Hắc Sơn, một trong những trang

điền của phủ, đem đến; vì Ô Tiến Hiếu tưởng lầm phủ Giả có nương nương trong cung chống lưng thì ắt giàu sang không lo, nên hắn nói ra câu mang màu sắc tự trào ấy.

Khó kiếm nhất ở con người là biết mình. Biết mình, đương nhiên đồng thời còn phải biết người. Biết cả hai rồi, đối với mặt yếu của bản thân, ta cần có năng lực tự trào. Tự trào hóa giải được lo âu, nóng vội, sợ hãi và bối rối. Tự trào là thứ hài hước mềm, giúp người ta hạ cánh êm giữa khó khăn. Kẻ thiếu năng lực tự trào, dù ưu thế hơn kém thế, vẫn có thể vì tâm lý cứng đờ mà không chịu nổi biến cố, thậm chí không chịu nổi cú sốc chỉ đơn thuần là tin đồn. Giả Trân có thể nói ra câu "bộc lộ nền tài sản của nhà" như thế trước mặt ông trang đầu từ miền xa xôi đến, cho thấy trong tình thế gia tộc suy sụp, tâm lý của hắn vẫn khá khỏe mạnh; đó cũng là bản vốn để hắn còn vùng lên cố gỡ được trong thế đi xuống.

Bỏ qua Hồng Lâu Mộng, gác riêng Giả Trân, câu yết hậu ngữ "lấy gỗ hoàng bá làm dùi khánh: ngoài thì thể diện, trong thì đắng" vẫn có thể gợi cho chúng ta nhiều liên tưởng. Người và việc trên đời, giống cái dùi khánh ấy không ít; nhưng biết tỉnh táo nhận ra điều đó thì hiếm; nhận ra rồi lại biết tự trào, thẳng thắn đối diện với số phận, nỗ lực đổi thay, vùng lên, thì càng hiếm hơn nữa.

# Trâu không muốn uống nước cố đè sừng?

Đây là một câu mang cảm xúc kháng cự mãnh liệt, nên phải thêm dấu hỏi; đọc lên thì cần hất giọng lên cao ngoan cố ở cuối câu.

Câu ấy do Uyên Ương nói. Với tư cách người hầu được cưng chiều của lão tổ tông Giả mẫu, bình thường lời ăn tiếng nói của Uyên Ương luôn ôn hòa, không gấp không nóng, hiện ra dịu dàng chất phác mà dí dỏm dễ mến. Nhưng nào ngờ lão sắc quỷ Giả Xá lại nhắm tới nàng, muốn xin với Giả mẫu đem nàng về làm thiếp; Hình phu nhân chẳng những không cản, còn đích thân đi vận động Uyên Ương. Thế là mặt kiêu căng lì lợm trong tính cách Uyên Ương phá kén mà ra; Tào Tuyết Cần đã viết cho nàng một loạt câu nói sôi sục đanh thép, đọc lên khiến người ta không khỏi vỗ án tắc thưởng.

A hoàn phủ Giả, có loại sinh ra nuôi lớn ngay trong nhà, có loại đến giữa đường. Loại sinh ra nuôi lớn trong nhà thuộc hạng "nô thế", là hạng khó tự nắm số phận mình nhất; chủ tử muốn bóp nghẹo thế nào thì bóp, phản kháng thường thường chỉ vô ích. Uyên Ương lại đúng thuộc loại gia nô ấy: cha mẹ nàng ở Nam Kinh trông giữ nhà cũ của phủ Giả, anh chị nàng làm việc ở phủ Vinh. Bình Nhi với Tập Nhân, hai đứa không phải nô thế nhà nuôi, rất lo cho nàng, vì anh chị nàng ắt sẽ ra tay giúp chủ ép hôn. Uyên Ương liền nói: "Sinh ra ở nhà này thì đã làm sao? 'Trâu không muốn uống nước cố đè sừng' liệu có được chăng? Tôi không bằng lòng, chẳng lẽ giết cả bố mẹ tôi?"

Về sau người chị dâu của Uyên Ương quả nhiên chạy vào Đại Quan viên, định thuyết phục nàng khuân theo; Uyên Ương nhìn thấu ruột gan bà ta chỉ một cái, nói với Bình Nhi, Tập Nhân: "Con đĩ này đúng là chỉ chuyên nghề 'bán rau chào khách', nghe chuyện này mà nó chịu ngồi yên, chẳng chạy tới vỗ về nịnh bợ mới là lạ!" Bà chị dâu vừa mở miệng bảo có "lời hay" có "chuyện vui to trời" muốn báo cho Uyên Ương, Uyên Ương đã chỉ ngay mặt mắng: "Khép cái mồm bẩn ấy lại rồi cút khỏi đây cho khuây! Còn lâu mới 'hay'! Chim cắt của Tống Huy Tông, ngựa của Triệu Tử Ang, đều là 'tranh' hay cả đấy! Chuyện gì mà 'vui'! Nốt đậu 'trạng nguyên' lên kín đầy mủ, rộn ràng chuyện vui cả rồi! Quái sao ngày ngày thèm thuồng con gái nhà người làm tiểu thiếp, cả nhà dựa cậy nó mà ngang ngạnh hà hiếp, cả nhà hóa ra toàn tiểu thiếp! Nhìn mà nóng mắt, bèn cũng đẩy tôi vào hố lửa! Nếu tôi được sủng, các người ngoài đó ngang tàng càn bậy, tự phong mình là cậu cả; nếu tôi thất thế, các người rút cổ rùa lại, sống chết mặc tôi!" Một trận mắng thật sảng khoái, máu và lệ cùng phun. Trong đó hai chỗ "chuyện hay" (好话/好画) và "chuyện vui" là mượn đồng âm để chế giễu người chị dâu: vì hầu hạ tầng trên của phủ Giả, nghe nhiều thấy nhiều nên thấm, Uyên Ương biết chim cắt Tống Huy Tông vẽ, ngựa Triệu Tử Ang vẽ đều là tranh hay; đời Thanh người ta khiếp nhất là bệnh đậu mùa, thuở ấy hễ dịch lan ra là chết bao nhiêu người, nhất là trẻ sơ sinh; nếu nốt "đậu trạng nguyên" lên được đầy mủ, tuy có thể để lại vết rỗ, nhưng báo hiệu mạng sống đã yên, nên dân gian gọi là "chuyện vui". Giữa lúc

gấp gáp Uyên Ương buột ra hai câu ấy, rất hợp thân phận tầm nhìn của nàng, cũng tỏ rõ với người chị dâu, nàng vừa giận dữ càng khinh miệt.

Uyên Ương kháng hôn là một trong những chương đoạn hay nhất của Hồng Lâu Mộng, đồng thời chôn sẵn mồi chìm cho phần sau tám mươi hồi. Bản viết tiếp của Cao Ngạch khóa chặt cái chết của Uyên Ương vào mô-típ "theo chủ mà chết", thế là trái ý Tào Tuyết Cần. Là tôi trung của Giả mẫu, nếu soi bằng con mắt hôm nay, Uyên Ương mang dáng dấp một thư ký cơ mật. Trải qua thời gian dài sống cạnh nhau va chạm dung hợp, ngoài chuyện chủ thương nô thuận, nô nhớ ơn chủ, giữa nàng với Giả mẫu đích thực nảy sinh tình cảm thật vượt ngoài ranh giai cấp. Giả mẫu mà chết trước nàng, nàng đau xót tột cùng là điều tất nhiên; hơn nữa việc những lời nói hành vi kháng hôn kịch liệt kể trên của nàng tạm thời thắng được, cũng chính nhờ có chiếc ô che rộng tên Giả mẫu; Giả mẫu vừa chết thì chẳng ai còn che chở nổi nàng, nàng chỉ có thể rơi vào lòng bàn tay Giả Xá. Theo dựng bố cục tám mươi hồi sau của Tào Tuyết Cần, cái chết của Uyên Ương tuy mượn hình thức "theo chủ mà chết", nhưng bản chất vẫn là cuộc phản kháng Giả Xá; mà ý nghĩa còn chẳng dừng ở phản kháng một kẻ ác: phải biết hạng "nô thế gia sinh" như nàng là tài sản chủ tử đếm bằng "miệng", sống chết không được tự quyết; tự mình đi chết, đó là phá "tài sống" của nhà chủ, sẽ bị coi là tội lớn nhằm vào cả tập đoàn chủ tử. Tiếc thay hôm nay chúng ta đã hết duyên được thấy cái chết của Uyên Ương dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần.

Thời đại đã đổi, xã hội đã tiến; trong quan hệ giữa người với người hôm nay, kiểu quan hệ chủ nô trong Hồng Lâu Mộng đã không còn, nhưng cá nhân thỉnh thoảng vẫn gặp phải sự đe dọa của thế lực xấu, thậm chí thế lực ác. Trong hoàn cảnh ấy, hút lấy dưỡng chất hữu ích từ Uyên Ương, cất lên tiếng phản kháng "Trâu không muốn uống nước cố đè sừng?", cầu cứu pháp chế, pháp luật cùng dư luận đạo đức xã hội, gồm cả trật tự công và phong tục lành, để thoát khỏi đe dọa, giữ quyền lợi công dân khỏi bị xâm phạm, vẫn là phương tiện cần thiết để gìn giữ phẩm giá cuộc sống.

# Người trước rải đất làm mờ mắt người sau

Giả Liễn trộm cưới Vưu Nhị thư, Phượng Thư mưu kế hại Vưu Nhị thư, khiến nàng sẩy mất thai nam nhi đã thành hình, rồi trong bi thương tuyệt vọng nuốt vàng tự vẫn, bị đem thiêu chôn vội vàng. Với câu chuyện này, lòng độc giả Hồng Lâu Mộng đồng cảm với Vưu Nhị thư là thống nhất; riêng đánh giá về Phượng Thư lại nảy sinh chia rẽ: có người thấy Phượng Thư thực thà âm hiểm độc ác, đó là một lần phơi bày lớn mặt tối trong tính người; lại có người cho rằng, trong thế đứng một chồng nhiều vợ ấy, những gì nàng làm vẫn còn thể hiện một kiểu phụ nữ phản kháng quyền chồng, vẫn có mặt có thể hiểu và có thể tha thứ.

Nhà Thanh vào chủ Trung Nguyên rồi, cho phép người Mãn người Hán thông hôn; phụ nữ xuất hiện trong Hồng Lâu Mộng, thực chất là hỗn hợp Mãn Hán. Câu chuyện Tào Tuyết Cần viết tuy mang rõ tính tự thuật, tính tự truyện, nhưng ông không muốn đóng đinh quá cụ thể triều đại với địa vực. Sau khi Lâm Đại Ngọc vào phủ Vinh Quốc, câu chuyện về cơ bản xảy ra ở Bắc Kinh; sách nhiều lần viết tới giường kang: lên giường, xuống giường, bàn kang, một gối quỳ trên giường một chân đứng dưới đất mà ăn cơm... đó đều là những tình huống vùng Kim Lăng Giang Nam không thể có. Viết phục sức trang điểm của nhân vật, đàn ông bị né tránh cái bím tóc; trong mọi nhân vật nam chỉ có Bảo Ngọc được viết là chải bím, mà cũng chẳng phải kiểu bím theo luật Thanh triều phải cạo trọc nửa đầu trước. Trang phục nhân vật nữ về cơ bản toàn theo kiểu cách người Hán (nhà Thanh sau khi nhập quan quy định nghiêm ngặt tóc áo đàn ông, với quần áo phụ nữ Hán thì về cơ bản giữ phong cách Minh triều); không có miêu tả xà lòe, búi hai lưỡi liềm, giày đáy chậu hoa và những thứ trang phục nữ Mãn điển hình; còn dáng dấp bàn chân phụ nữ thì hầu như ít đụng tới, đến nỗi có độc giả cứ hỏi mãi: các nàng Lâm Đại Ngọc, Bảo Thoa rốt cuộc là kim liên ba tấc hay chân tự nhiên vậy?

Nói Hồng Lâu Mộng hoàn toàn không hề viết tới bàn chân phụ nữ thì cũng chẳng đúng. Viết chuyện "nhị Vưu hồng lâu", sách viết thẳng Vưu Tam thư là chân nhỏ: khi nàng chống lại sự trêu ghẹo của Giả Trân, Giả Liễn, vừa cười vừa mắng, "dưới là quần xanh giày đỏ, một đôi kim liên lúc ngẩng lúc chụm, không nửa khắc nào ra dáng nghiêm trang". Điều đó cho thấy bà già Vưu, người mà cha Vưu Thị cưới làm kế thất, là phụ nữ người Hán; hai đứa con gái "mang theo từ chồng cũ" của bà, từ nhỏ đã bị bó chân. Vưu Nhị thư bị Phượng Thư "dụ vào Đại Quan viên", đem ra mắt Giả mẫu; Giả mẫu đeo kính xem xong đôi tay nàng, "Uyên Ương lại vén váy nàng lên"; đó là viết ngầm việc mời Giả mẫu kiểm tra chân nàng bó có đạt hay không. Giả mẫu xem xong tháo kính, cười khen "càng là đứa con gái đủ đàng đúng mực"; cái gọi là "đủ đàng đúng mực" nghĩa là từ đầu đến chân đều vừa khuôn vừa lệ. "Kim liên" của Vưu Nhị thư, tính theo chuẩn mực đương thời, là khiến lão tổ tông trong phủ hài lòng.

Nhưng dựa vào nghiên cứu nguyên mẫu nhiều nhân vật trong Hồng Lâu Mộng của chúng ta, đại thể có thể xác định: phụ nữ thuộc "bốn đại gia tộc" đều theo tục Mãn, chân là chân tự nhiên, không bó chân. Bởi tổ tiên "bốn đại gia tộc" hẳn đều từ thuở ở ngoài quan ải đã bị người Mãn bắt làm tù binh, biên vào chính

bạch kỳ, làm nô tài bao y; phụ nữ họ sinh ra về sau, về cơ bản lớn lên trong văn hóa tập quán người Mãn. Còn Lâm Đại Ngọc thì khá khó đoán: mẹ nàng là phụ nữ của "bốn đại gia tộc", song cha nàng là Lâm Như Hải rất có thể lại là người Hán; cha mẹ có thống nhất được ý kiến hay không, hoặc cho nàng bó chân hoặc mặc nàng chân tự nhiên, Tào Tuyết Cần không viết, độc giả đành mỗi người theo mỗi tưởng.

Với các a hoàn trong Hồng Lâu Mộng, con Ngốc được viết cố ý "hai bàn chân to" làm nét đặc trưng nổi bật; có thể thấy a hoàn trong phủ chẳng phải đứa nào cũng chân to. Hơn nữa các a hoàn chửi nhau là "cái móng con", lại chế giễu kẻ ngại chạy vặt là "sợ đi nhiều chân to ra", đủ thấy hạng chân nhỏ không ít. Bảo Ngọc trong "Phù Dung sấm" có câu "trò chơi sau rèm, gót sen vắng ngắt", có thể thấy Tình Văn là chân nhỏ. Nhưng như Uyên Ương, con cháu thế bộc sinh ra nuôi lớn ngay trong phủ, chúng ta phán đoán nàng là chân tự nhiên, hẳn cũng không sai mấy.

"Đứa con gái đủ đàng đúng mực" Vưu Nhị thư chết rất thảm. Một năm sau, Phượng Thư bỗng làm ra vẻ thương hại nói với Giả Liễn: "Tôi bỗng nhớ ngày mốt là ngày giỗ đầu của Vưu Nhị thư. Chúng tôi từng tốt với nhau một khoảng, tuy chẳng làm được gì khác, rốt cuộc cũng phải đến viếng mộ, đốt giấy cho nàng; dù nàng chẳng để lại mụ nào trai gái, cũng chớ để 'người trước rải đất làm mờ mắt người sau' mới phải."

"Người trước rải đất làm mờ mắt người sau" rốt cuộc nghĩa là gì? Có người giải thích là "cẩu thả cho qua chuyện". Nhưng trong cổ bản "Thạch Đầu Ký", chỗ viết Phượng Thư nói câu này, có bản ở trước nó là "cũng nên" (也要), có bản lại là "chớ nên" (也不要). Nếu chọn "cũng nên" (也要), tức cách chọn của bản hiệu chú Viện Hồng học Hồng lâu mộng đang rất phổ biến hiện nay, thì cả câu nói sẽ chẳng thông: Phượng Thư cố tình nói câu này để lừa gạt người, nàng không thể trực tiếp bày tỏ chủ trương với lễ giỗ Vưu Nhị thư cứ "cẩu thả cho qua".

Tôi từng hỏi thăm một bà cụ ven hồ Thập Sát Hải ở Bắc Kinh; cụ bảo đó là câu tục ngữ ngày xưa thường nghe lớp trên của cụ nói, đúng ra phải là "người trước rải đất chớ làm mờ mắt người sau", nghĩa là làm việc phải chu đáo tận mức, chớ để việc người trước làm ra bất lợi cho người sau. Ghi lại đây để các nhà nghiên cứu Hồng học cùng bạn mộng Hồng tham khảo.

Riêng tôi nghiêng về cách nói đúng của câu tục ngữ này là "người trước rải đất chớ làm mờ mắt người sau". Gác riêng chuyện Phượng Thư gì đó ra một bên, thì đến hôm nay, câu này với chúng ta há chẳng còn tác dụng cảnh tỉnh nhất định sao?

# Đem miến nấu nước lã anh ăn đi tôi xem

Chuyện "Hồng lâu nhị Vưu" thật khó lòng quên: Vưu Nhị thư hiền lành mà yếu đuối, Vưu Tam thư xốc nổi mà cứng cỏi. Giả Liễn "bao bồ nhí" ở hẻm Tiểu Hoa Chi, không những bao riêng Nhị thư mà còn nuôi luôn cụ bà Vưu cùng Tam thư. Giả Trân vốn là gã mê sắc, thừa chỗ hở chui vào; có lần y chạy sang hẻm Tiểu Hoa Chi, đang lúc vơ vẩn lăng loàn thì Giả Liễn về đến nơi, và Giả Liễn lại tỏ thái độ bằng lòng "dùng chung"; thế là hai anh em cứ thế ngồi chung mâm uống rượu với Vưu Tam thư, cười nói vui đùa. Đúng lúc ấy, Vưu Tam thư đứng phắt trên giường, chỉ thẳng vào Giả Liễn mà vừa cười vừa quát mắng: "Anh đừng có giở giọng đường mật với tôi. Đem miến nấu với nước lã, anh ăn đi tôi xem. Đưa người vẽ lên sân khấu, khéo kẻo làm rách giày. Anh đừng lú lấp ruột gan, tưởng chừng tôi không biết việc trong nhà các anh hay sao? Lần này anh em nhà anh định vung một ít tiền thối ra, coi chị em chúng tôi là đĩ thõa để mua vui. Các anh đừng có nghĩ nhầm!..." Cô lấy cách chế giễu hai gã quý tộc làm phương thức chống lại, mình nói mình nghe, hùng hồn phóng khoáng một phen, đến nỗi hai gã chẳng buông nổi một câu phản kháng ra hồn; cái cảnh ấy ngược đời lạ thường, cứ như thể cô ta đang "bao" đàn ông chứ không phải đàn ông "bao" cô ta. Uống đã say đủ hết ý, cô cũng chẳng cho hai anh em ngồi lâu nữa, đuổi cổ ra ngoài rồi đóng cửa ngủ một mình.

"Đem miến nấu nước lã, anh ăn đi tôi xem", ở đây nghĩa là "ý định của anh định giấu ai, tôi rõ mười phân vẹn mười"; trong câu có một sức nặng tố giác đối phương, quát mắng đối phương, tỏ rõ quyết không khuất phục; vì thế giọng đọc nhất định phải cao vút, đọc liền một hơi với vế "xách búp bê kịch bóng lên sân khấu, khéo kẻo chọc thủng lớp giấy ấy" thì sức xô đẩy càng mạnh hơn.

Câu này lại xuất hiện thêm một lần trong chuyện khác của Hồng Lâu Mộng. Nhân dịp phủ Ninh, phủ Vinh làm lễ mừng thọ tám mươi cho Giả mẫu, Vưu thị với cương vị cháu dâu bắt buộc phải tỏ lộ đạo hiếu, nên mấy ngày liền chẳng về phủ Ninh, ban ngày đón đưa khách khứa, tối đến lại sang Đào Hương thôn trong Đại Quan viên nghỉ nhờ ở chỗ Lý Hoàn. Hôm ấy buổi tối Vưu thị đi thẳng vào vườn, thấy cửa chính cùng khắp các cửa ngõ vẫn chưa đóng, đèn lồng muôn màu vẫn treo lủng lẳng, bèn sai tiểu hoàn đi gọi nữ hạ nhân trực ca. Tìm mãi chẳng gặp một người, đành phải ra ngoài cửa thứ hai tìm mấy người đàn bà coi việc, gặp hai bà già đang chia nhau đồ trái cây trên bàn tiệc chủ nhân vừa dọn xuống, bèn bảo họ đi gọi người quản việc đến. Hai bà già nghe rõ đây chẳng phải mệnh lệnh của Phượng Thư mà của Vưu thị, liền không đặt vào mắt, cứ mải mê chia trái cây, buông một câu "các bà quản gia vừa giải tán xong", tưởng qua được; nào ngờ tiểu hoàn từ phủ Ninh sang đâu phải đứa dễ bị lừa, chỉ ngay chỗ hụt: nếu chủ tử phủ Vinh truyền lệnh thì chắc đã "chạy đi truyền ngay như chó vẫy đuôi" từ lâu rồi. Hai bà già một là đã uống rượu, hai là bị con bé móc đúng chỗ hụt, xấu quá hóa giận, đáp trả: "Đồ ranh dơ bẩn!... Chuyện gì mà 'miến nấu nước lã anh ăn chị cũng ngó' hả? Mỗi nhà một cửa, mỗi nhà một mái; chị em có giỏi thì về sai khiến đám người bên các chị đi!" Tiểu hoàn liền chạy thẳng vào Đại Quan viên, trước mặt người phủ Vinh, kể lại lời hai bà già cho Vưu thị nghe.

Tình tiết này tuy không cuốn hút bằng chuyện nhị Vưu, nhưng dụng ý Tào Tuyết Cần viết nó rất đáng chúng ta coi trọng: ông mượn nó để diễn tả mâu thuẫn giữa các nhánh của một đại gia tộc quý tộc. Xét trên mặt ngoài, phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc như môi với răng: phủ Vinh có Giả mẫu, bậc tôn trưởng cao nhất hai phủ, phủ Ninh có Giả Trân, tông trưởng của cả họ Giả; hai phủ tất nhiên vinh thì cùng vinh, khô héo thì cùng khô héo; lợi ích đã gắn bó khó tách rời thì chủ nhân hai phủ lẽ ra chẳng phân bỉ, muốn sai khiến hạ nhân bên kia phủ đều được tùy ý. Nhưng thực tế lại là các nhánh họ hàng khác nhau hợp ngoài mà lìa trong, ngoài nhún nhường mà trong ôm lòng khác; Tào Tuyết Cần còn kéo dài tình tiết này thành cơ hội để Hình phu nhân chèn ép Vương Hy Phượng, đúng như hồi mục nói "kẻ mang hiềm khích cố lòng gây hiềm khích"; từ một chuyện bé mọn, ông lột trần cuộc tranh đoạt ngầm kiểu "gà đấu mắt đỏ" trong đại gia tộc phong kiến, đem lại cho chúng ta giá trị nhận thức cùng thú thẩm mỹ vô cùng phong phú.

Câu "miến nấu nước lã anh ăn chị cũng ngó" (清水下杂面你吃我也看, chữ viết hơi khác Vưu Tam thư) tuôn ra từ miệng hai bà già chia trái cây ấy mang giọng phản châm: nghĩa là "chị đừng chia cắt chuyện đời rõ ràng thế chứ, đâu có chuyện gì trắng đen phân minh đến thế". Hai bà lại nhân men rượu buột miệng hô ngay lên câu "mỗi nhà một cửa, mỗi nhà một mái", phơi bày diện mạo khuất kín của hai phủ Ninh, Vinh: lợi ích tách dòng, đối phó qua loa với nhau, thậm chí va chạm xô xát. Tiểu hoàn tất nhiên nắm lấy lời ấy làm chứng cứ, nóng ruột chạy đi tố cáo với Vưu thị; kết quả sóng này đẩy sóng kia, dâng thành một trận phong ba mưa gió.

Trong bối cảnh xã hội hôm nay, câu tục ngữ "đem miến nấu nước lã anh ăn đi tôi xem" vẫn có thể, trong những phạm vi xác định, sống dậy thành một tiếng nói mộc mạc đòi hỏi sự "công khai minh bạch". "Đừng tưởng có thể lừa phèo qua chuyện; miến nấu nước lã anh ăn tôi xem, rồi hãy xem sau!" vẫn là lời dội xuống đất kêu vang, vẫn đủ sức răn đe người nghe.

# Đánh mất thể thống lớn thì chẳng ra gì

Tiết Bảo Thoa trợ giúp Lý Hoàn, Thám Xuân lo việc nhà, mở đầu đã buông một câu "dưới trời không có thứ gì là vô dụng", thực xứng danh chí lý. Nhà Lại Đại gợi cho các cô một sự khai sáng: hóa ra một chiếc lá sen rách, một cọng rễ cỏ héo đều đáng tiền. Vườn nhà họ Lại nhỏ hơn Đại Quan viên phủ Giả nhiều, nhưng chỉ nhờ lối kinh doanh biến mọi thứ thành bạc tiền nên vừa tiết kiệm được kha khá chi tiêu vì hoa đội đầu, măng ăn đều lấy sẵn trong vườn khỏi mua ngoài, vừa có thể đem số thừa bán ra ngoài thu về hai trăm lạng bạc. Vật chất thiên hạ đều dùng được; Bảo Thoa nói tiếp: "Dùng được thì đáng tiền." Thám Xuân tính sổ càng tính càng hưng phấn; thế là ba người bàn bạc một phen, quyết định trong Đại Quan viên thực hành chính sách mới hưng lợi trừ tệ, và chính sách được thi hành chính là chế độ giao khoán theo trách nhiệm cá nhân. Mười mấy năm trước đã có người viết bài, cho rằng thể chế cá nhân khoán theo trách nhiệm chức vị từ sớm đã được Hồng Lâu Mộng mô tả rất cụ thể rất sinh động qua hồi thứ năm mươi sáu "Thám Xuân nhanh trí hưng lợi trừ bỏ tệ cũ; Bảo Thoa đúng thời ân nhỏ giữ trọn đại thể". Quả thật vậy; nhưng bài này tôi không muốn dừng lập ý ở phương diện đó nữa. Điều tôi muốn nhấn mạnh là một góc tư tưởng khác của Tiết Bảo Thoa.

Tiền đề của giao khoán là gắn chặt trách nhiệm cá nhân với lợi ích cá nhân. Nói thẳng ra, tức là trước hết thừa nhận ai cũng có lòng tư, tính người vốn chứa điều ác; do vậy hãy thuận theo tâm tính ấy mà cưỡi nó, "trao cho quyền hành, động vào lợi ích". Việc mình khoán dính đến lợi ích của chính mình thì mình mới tận tụy hết sức, chắc chắn ra công hạ giá thành, giảm lãng phí, nâng kỹ thuật, quý trọng thu nhập. Mỗi người khoán đều như thế thì cục diện lớn ắt thịnh vượng; nói theo lời Bảo Thoa, tức là riêng sản lượng một năm thôi đã đủ để "thật tốt thay, ba năm trong chẳng đói khát"!

Nhưng giao khoán là vung lên một thanh kiếm hai lưỡi. Lưỡi này sắc bén để đẩy cao tính tích cực sản xuất; lưỡi kia thì rất có thể, bởi không kiềm chế nổi điều ác trong bản tính người, lại làm lòng tư của kẻ hưởng lợi phình to, làm tổn thương người khác, gây ra những va chạm bất hòa giữa người với người, thậm chí lăn dài thành một cuộc khủng hoảng. Tào Tuyết Cần tài hại ở chỗ: ông không chỉ viết ra mặt hợp lý của "chính sách mới" của Thám Xuân nhanh trí, Bảo Thoa đúng thời cùng hiệu quả phồn vinh của nó, mà còn dành không ít mực viết ra bao nhiêu sóng gió to nhỏ hình thành từ việc chưa thực sự dựng nổi cơ chế phân phối công bằng. Chỉ riêng chuyện cãi vã giữa thằng tiểu đồng tóc húi cua coi cửa góc vườn với thím Liễu đã đủ thấy chế độ khoán làm quan hệ giữa đám hạ nhân tầng đáy Đại Quan viên căng hơn xưa: ai nấy trừng trừng đôi mắt như chim tranh mồi; trong mắt chỉ còn bạc tiền lợi lộc, còn đâu nửa phần tình nghĩa nhường nhịn?

Tiết Bảo Thoa vốn là người có đầu óc tỉnh táo lạ thường. Cái gọi là "Bảo Thoa đúng thời", nói theo ngôn ngữ hôm nay, chính là "Bảo Thoa hiện đại": vừa bơi giỏi trong dòng nước mới, vừa cảm thông với sức ì của hiện thực, lúc nào cũng tìm cách giữ thế cân bằng lành mạnh giữa phát triển và truyền thống. Cô một mặt

khẳng định chế độ khoán theo trách nhiệm, một mặt lại đưa ra ý tưởng "phân đều của cải". Ý tưởng ấy được cụ thể hóa thành ba điểm. Thứ nhất, những người khoán các hạng mục trong Đại Quan viên hưởng ưu đãi về thuế lệ, khỏi phải nộp tiền vào phòng trục chi của phủ; đổi lại, họ cũng không được lãnh nữa bạc hay vật dụng tương ứng từ phòng ấy: chẳng hạn thứ dầu thơm xịt đầu, phấn son, hương, giấy mà trước kia họ lãnh về hầu hạ chủ nhân cùng các cô lớn trong vườn, hoặc chổi quét, hót rác, cây phất trần, cùng lúa gạo nuôi chim chóc, hươu nai, thỏ ở khắp các nơi, từ nay đều do họ tự lo từ thu nhập khoán. Thứ hai, phần dư ra sau khi đã chuẩn bị xong đồ cung ứng thuộc về họ, để "vá víu vào nhà mình". Thứ ba, ngoài phần "vá víu vào nhà mình", còn phải góp ra vài dây tiền, mọi người góp đủ, phân phát cho những bà già không khoán hạng mục nào. Khi trình bày ý tưởng ấy, Bảo Thoa nhấn đi nhấn lại: "Tuy lấy hưng lợi tiết dụng làm cương, nhưng mà... đánh mất thể thống lớn thì chẳng ra gì"; "cứ hễ chút lợi rơi vãi nào cũng dồn cả vào kho công, đến lúc ấy trong ngoài oán than rền, há chẳng mất nốt cái thể thống của nhà các người sao?" Cô lại đặc biệt triển khai, giảng rõ vì sao phải chia lợi cho đám hạ nhân tầng thấp nhất chẳng hề tham gia khoán: "Người ta tuy không lo liệu mấy việc này, nhưng ngày đêm vẫn ở trong vườn trông nom đám người sai phái: đóng cửa khép cổng, dậy sớm ngủ khuya, mưa to tuyết lớn, các cô ra vào, khiêng kiệu, chèo thuyền, kéo xe trượt băng, hễ việc thô việc kệch nào cũng là phận sự của họ; một năm vất vả trong vườn đến cuối năm, vườn này đã có lợi tức thì cũng là phần đáng được chấm chút ít."

"Thể thống lớn" của Tiết Bảo Thoa, dĩ nhiên, chỉ sự ổn định của phủ Giả, ít nhất là sự phồn vinh hòa hợp trên mặt ngoài. Người xưa đọc hồi chữ này, điểm nóng thích thú phần nhiều nằm ở lối nghĩ "giao khoán", chưa coi trọng đủ ý tưởng "phân đều của cải" đi kèm với nó. Xã hội thực của chúng ta thực hành "giao khoán" đã khá lâu, thậm chí có người đã hình thành khuôn nghĩ đơn giản "cải cách tức giao khoán". Thực ra "giao khoán" chẳng phải vạn năng: có lĩnh vực, có hạng mục không nên khoán cho tư nhân; mà thi hành khoán cũng không thể chỉ bảo đảm lợi ích của người khoán trực tiếp mà bỏ qua lợi ích của những thành viên xã hội bình thường thiếu năng lực, thiếu hứng thú, chẳng cần thiết tham gia khoán, đặc biệt là lợi ích của các nhóm yếu thế trong xã hội. Ý tưởng "phân đều của cải" của Tiết Bảo Thoa tuy rất không triệt để, lại cũng chẳng thể nào thực hiện trọn vẹn trong loại xã hội cô đang sống, nhưng đối với chúng ta người nay vẫn rất đáng tham khảo; đặc biệt là cô nghĩ được đến chuyện làm sao để đám lam lũ làm những "việc thô kệch" như khiêng kiệu, chèo thuyền, kéo xe trượt băng cũng được "chấm chút ít" lợi ích từ cải cách thể chế, để giữ cho xã hội khỏi "không ra gì" vì "đánh mất thể thống lớn"; lối nghĩ ấy, dù thế nào, vẫn khiến người ta phải sâu sắc suy ngẫm.

# Canh chừng kẻo trượt khỏi nếp gấp lớn

Với Giả Bảo Ngọc và đám con gái, buổi "quần hoa khai yến đêm ở Di Hồng mừng thọ" là một màn nghệ thuật hành vi tập thể sảng khoái thỏa chí; nhưng nhìn từ góc độ quy phép của phủ Giả, đó lại là một cuộc vi phạm tập thể nghe rợn người. May mà Tập Nhân, Tình Văn đám này lắm trí: chúng cố ý lôi kéo bằng được cả Thám Xuân, Lý Hoàn cùng Bảo Thoa, những người đang thay Vương Hy Phượng quản lý phủ sự; nhờ thế cuộc tụ họp uống hát ban đêm ấy mới đạt được tính chính đáng.

Phủ Giả nhiều quy tắc. Mỗi sớm mỗi chiều ở Đại Quan viên, bà quản gia vợ Lâm Chi Hiếu đều dẫn theo mấy người đàn bà coi việc đi kiểm tra từng nơi; tối hôm ấy cũng chẳng ngoại lệ. Đến giờ lên đèn, người đi đầu cầm đèn lồng dẫn đường, vợ Lâm Chi Hiếu đến nơi, trước tiên điểm lại đám người trực đêm ra đón, thấy đông đủ, lại dặn đừng đánh bạc uống rượu, say rồi ngủ mê lỡ việc; đám trực đêm vội nói "nơi nào có đứa gan dạ đến thế". Vợ Lâm Chi Hiếu lại hỏi Bảo Ngọc đã ngủ chưa; Bảo Ngọc vội bước ra chào hỏi lịch sự, còn mời bà vào nhà; bà ấy cũng vào, với khẩu khí người hầu già có mặt mũi, khuyên răn Giả Bảo Ngọc một cách tuy rất mềm mỏng nhưng trình bày rất rõ ràng; Bảo Ngọc đành ngoan ngoãn nghe lời, đám tiểu hoàn cũng chỉ có thể phụ họa vâng dạ giúp Bảo Ngọc. Sau cùng đoàn của vợ Lâm Chi Hiếu rời viện Di Hồng, Tình Văn vội đóng cổng vườn, vào trong cười nói: "Cái bà này chắc uống rượu ở đâu mới đến đây, ba hoa bốn chỏm, lại còn dạy dỗ chúng mình một trận rồi đi!" Bấy giờ Xạ Nguyệt liền nói: "Chị ta cũng chẳng thiện chí gì; nhưng chẳng đành, đôi lúc phải hay hay nhắc nhớ, cũng là ý canh chừng kẻo trượt khỏi nếp gấp lớn"

Tào Tuyết Cần viết nét bút này nhằm phô bày lối sinh tồn của đại gia tộc quý tộc thêm lập thể, thêm tinh vi. Trong phủ đệ của cái tộc "gắn trâm trăm năm" ấy, người hầu già từng hầu hạ hai ba đời chủ nhân không những uy nghiêm hơn hẳn đám nô tì trẻ, mà chính các chủ nhân trẻ tuổi cũng phải kính cẩn đối đãi. "Chiếc nếp gấp lớn" của lễ pháp phong kiến, trong không gian thời gian ấy, không cho phép "trượt khỏi dáng vẽ".

Xạ Nguyệt là một trong những cô lớn bên cạnh Giả Bảo Ngọc, thân phận thấp hơn Tập Nhân tí ti, ngang vai với Tình Văn, Thu Văn. Tính cô trầm ổn: không như Tập Nhân mang trong bụng "đại chí" "đua tranh vinh hoa, khoe khoang", cũng chẳng như Tình Văn phong lưu lanh lợi đầy góc cạnh cá tính; mà so với Thu Văn thì lại tỏ ra rộng lượng phóng khoáng hơn nhiều. Tào Tuyết Cần thiết kế cô thành người chứng kiến cuối cùng của cảnh "chư hương tan lạc, nước chảy mây trôi". Đêm yến ấy, cái thăm cô rút lên ghi dòng thơ "Nở tới trà mi, chuyện hoa cũng dứt". Theo lời phê của Chi Nghiển Trai tiết lộ, khi phủ Giả thất bại, Tập Nhân buộc phải ra đi, đã từng nói với Giả Bảo Ngọc "dù thế nào cũng giữ lại Xạ Nguyệt"; mà trong mấy chục hồi văn hậu Tào Tuyết Cần đã viết xong, Xạ Nguyệt quả thật trở thành người hầu trung thành duy nhất còn kề cạnh cặp vợ chồng Bảo Ngọc, Bảo Thoa khốn cùng nghèo khó. Huống nữa, châu phê của cổ bản Thạch Đầu Ký còn có câu "Xạ Nguyệt lặng lẽ im lời khiến tôi cay mũi, đúng là thương cảm trước cảnh"; dường như khi người phê sách phê đoạn văn ấy, nguyên mẫu đời thực của Xạ Nguyệt vẫn ngồi ngay bên cạnh, thật đáng để

ngẫm nghĩ. Theo khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương, Chi Nghiển Trai chính là nguyên mẫu của Sử Tương Vân trong sách; sau một phen gió bụi lăn lóc, bà rốt cuộc gặp gỡ hợp duyên với Tào Tuyết Cần, cùng nhau hợp sức viết sách; mà nguyên mẫu của Xạ Nguyệt, rốt cuộc cũng còn tìm được họ, cùng trải qua những năm tháng gian nan, đúng như hai câu "Gió trăng bên Tần Hoài nhớ thuở phồn hoa", "Ca khóc giữa chợ Yên, cảnh gặp gỡ bi thương".

Sự đổ nát của phủ Giả, nhân tố bên ngoài tất nhiên là chủ yếu, nhưng sự mục ruỗng bên trong cũng là một phương diện. Cái gọi là "nếp gấp lớn", tức là "đại cục diện", "quy phạm nền tảng"; trên mặt ngoài tưởng còn giữ được vẻ bóng bẩy "viên phân lừa láng bốn mặt" khá đường hoàng khí phái, kỳ thực bên trong đã bị khoét rỗng từ lâu, ai nấy tự dối mình, lại tự dối người. Về sau trong phủ loạn tượng nối nhau, Giả mẫu nổi giận đích thân hỏi đến, nghiêm tra việc tụ cờ bạc ban đêm; vợ Lâm Chi Hiếu đành phải vâng lệnh soát xét; kết quả một phen lòi ra ba đứa cầm đầu lớn, tám đứa cầm đầu nhỏ, cộng lại đến hơn hai mươi người vướng vào; đến lúc này mới biết, phủ Vinh Quốc và Đại Quan viên dưới màn đêm, bề ngoài là "cõi hiền hòa giàu sang", tưởng như một màu yên ổn ngọt ngào, kỳ thực đã sớm "gà gáy chó sủa, chứa bẩn nhét ô", trượt khỏi "nếp gấp lớn" nghiêm trọng; chiếc áo khoác ngoài lộng lẫy ấy đã rối nếp tuột khuyá, lộ ra chỗ không đẹp mắt, huống chi nguy cơ chồng chất, tai ương sắp ập đến.

Một chế độ, một hệ thống quy phạm, hễ đã xác lập là phải thi hành nghiêm chỉnh, kiểm nghiệm nghiêm khắc; "canh chừng kẻo trượt khỏi nếp gấp lớn", nói cho đúng, chỉ nên làm một vạch giới hạn cuối cùng; đâu thể nào đến "nếp gấp lớn" cũng mặc kệ nó trượt khỏi dáng? Nhưng không những ở thời đại dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, mà đến ngày nay, vẫn còn tồn tại những người, những việc liều lĩnh bất chấp "nếp gấp lớn", phá mặt vượt chế vi phạm luật, thật khiến người ta phẫn nộ thở than.

Giữ gìn "nếp gấp lớn", cầu được hiệu quả biểu như nhất như, đúng khuôn đúng phép, nên bắt tay từ hai phương diện. Một là phải trừng trị không tha tham quan ô lại, nâng cao uy nghiêm của pháp luật quy phạm, xây dựng lành mạnh cơ chế giám sát thanh tra tinh sạch hữu hiệu; hai là từ trong quần chúng ra, về trong quần chúng vào, thông qua thủ tục dân chủ, gạt bỏ trong "nếp gấp lớn" những "khe nếp" hoa mỹ vô thực, chẳng theo nổi, dẫn đến "tội chẳng phạt chúng" hoặc "siết chết người lương thiện, làm khó kẻ gian tà", để chế độ quy phạm của chúng ta hợp lý hơn và khả thi hơn.

# Đàn ông mà giở cái bộ dạng lẩm cẩm như đàn bà

Tôi từng viết một bài "Nói chuyện dì Triệu", dò xét vì sao Tào Tuyết Cần lại tả dì Triệu như thế. Phần lớn nhân vật dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần được dựng dựng hết sức lập thể, viết ra sự phức tạp trong tính cách, sự phong phú trong nội tâm, cái khó lường trong nhân tính của người này hay người kia; nói cách khác, có ưu điểm viết ưu điểm, có khuyết điểm viết khuyết điểm, không vì có tì vết mà bỏ qua cái hay, cũng không vì có cái hay mà che khuất chỗ thiếu. Nhưng đến phần viết dì Triệu, ông dùng bút khắc khổ đến cùng, khiến người đọc cảm thấy nhân vật bị dẹp phẳng; người đàn bà này dưới ngòi bút ông chỉ còn xấu xa thô tục, ngu dốt đần độn, chẳng còn biểu hiện nào khác. Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần là một cuốn tiểu thuyết mang tính tự thuật, các nhân vật trong đó đều có nguyên mẫu đời sống, dì Triệu cũng không ngoại lệ; hẳn trong cuộc sống trước kia của ông thật có người vợ lẽ của cha như thế, cứ nhớ đến là ông không nén nổi lòng ghét; khi đưa nguyên mẫu đời sống này vào tiểu thuyết, ông đã đổ vào đó quá nhiều mối hận cùng khinh bỉ, hình thành nên bức tranh bằng mực mà chúng ta đang thấy.

Theo khảo chứng của tiên sinh Chu Nhữ Xương, theo nguyên ý nguyên bút của Tào Tuyết Cần, thiết kế cái chết của Lâm Đại Ngọc tuyệt không phải như bản tiếp bút của Cao Ngạc: vì Phượng Thư thi hành "kế tráo đổi", Giả mẫu trở mặt, nàng mới "đốt thơ tuyệt tình si", "hồn về trời ly hận". Kẻ gây ra cái chết của Lâm Đại Ngọc chẳng phải Giả mẫu hay Vương Hy Phượng, mà là dì Triệu. Dì Triệu giăng chuyện bịa đặt, nói Lâm Đại Ngọc với Giả Bảo Ngọc có "chuyện bất tài"; rồi mua chuộc Giả Xương, Giả Lăng, hai kẻ đảm nhiệm phối chế thuốc ở nhà thuốc phủ Vinh Quốc, bỏ độc tố chậm vào thuốc Lâm Đại Ngọc uống hằng ngày, làm nàng suy kiệt cả người lẫn lòng, cuối cùng "trăng lạnh mai táng hồn hoa", tự gieo mình xuống vùng nước của Đại Quan viên. Mục đích quan trọng hơn của dì Triệu khi làm thế là hạ bệ được Giả Bảo Ngọc, để con trai bà đẻ ra là Giả Hoàn thừa kế gia tài vạn quán của phủ Vinh Quốc. Bản thân Tào Tuyết Cần chính là nguyên mẫu của Giả Bảo Ngọc; với người vợ lẽ của cha đã hại chết nguyên mẫu của Lâm Đại Ngọc, ông hận đến tận tủy xương, khi đưa vào sách, hạ bút khó lòng bình tĩnh, cũng dễ hiểu thôi. Bài tế "Phù Dung thố" trong hồi thứ bảy mươi tám của Hồng Lâu Mộng vừa tưởng niệm Tình Văn, vừa ngầm ám chỉ số phận Đại Ngọc; trong đó hai câu "Bịt chặt miệng lũ nô tỳ xu nịnh, hỏi sao nỡ tha nhẹ; mổ lấy ruột gan người đàn bà hung hãn, cơn căm vẫn chưa nguôi", luận giả phần nhiều cho là mắng Tập Nhân và Vương phu nhân; kỳ thực hiểu thành mắng dì Triệu thì e chính xác hơn.

Trong bài "Nói chuyện dì Triệu", tôi đặc biệt đề cập một tình tiết ở nửa đầu hồi thứ sáu mươi bảy: Tiết Bàn từ Giang Nam đem về một lô đặc sản địa phương, Tiết Bảo Thoa chia tặng rộng rãi cho người phủ Giả, cũng gửi Giả Hoàn một phần; dì Triệu bèn cố ý đem đi trình Vương phu nhân xem, nói vài lời nửa vời chẳng ra gì, tưởng khen vài câu về cô ruột của Vương phu nhân là Bảo Thoa sẽ kiếm được chút lợi; nào ngờ Vương phu nhân chẳng buồn nhìn y một cái, để y hít phải một mũi tro bụi, đành bực dọc lủi đi. Trong đoạn miêu tả ấy có dùng đến một tính từ "蝎蝎蜇蜇" (rề rà nũng nịu như bị bọ cạp châm), tôi cho nó hết sức sinh động, tổng

quát rất chuẩn xác cái bộ dạng xấu xa của dì Triệu. Nhưng về sau nghiên cứu kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, tôi đã chấp nhận kiến giải mà các chuyên gia từ sớm đã nêu ra: rằng hồi thứ sáu mươi tư và sáu mươi bảy hiện tồn, đặc biệt là nửa đầu hai hồi ấy, rất có thể chẳng phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần, mà do người khác vá nối vào.

Cái "蝎蝎蜇蜇" (rề rà như bị bọ cạp châm) tả một dáng điệu ti tiện mất hết hình dạng, như thể vừa bị bọ cạp châm phải. Từ ngữ này đã xuất hiện ở hồi thứ năm mươi mốt: tại viện Di Hồng, đêm đó Xạ Nguyệt ra khỏi nhà đi tiện chuyện cá nhân, Tình Văn cũng chẳng khoác áo dày, theo ra ngay định hù Xạ Nguyệt một phen; "bỗng một luồng gió nhẹ lùa tới, chỉ thấy lạnh thấu da thịt xâm vào tận xương, không nén nổi nổi gai ốc"; Bảo Ngọc trong nhà lớn tiếng báo cho Xạ Nguyệt: "Tình Văn ra kìa!" Một là để Xạ Nguyệt khỏi bị dọa, hai là để Tình Văn mau quay vào. Tình tiết này lại dẫn ra phía sau chuyện Tình Văn nhiễm lạnh mắc bệnh, nhưng vì phải sửa lại cái lỗ chẳng may Bảo Ngọc làm cháy trên chiếc áo tước kim cầu, màn kịch trọng "Tình Văn dũng liệt bệnh vá áo tước kim cầu". Đây đều là nguyên bút của Tào Tuyết Cần. Chính trong tình tiết ấy, Tào Tuyết Cần viết Tình Văn về đến nhà trách Bảo Ngọc: "Chuyện gì đến nỗi hù chết được nó? Chẳng hiểu sao mỗi cậu hay giở cái trò 'rề rà như đàn bà'!"

"Rề rà như đàn bà" là một câu chế giễu nhắm vào nam nhi; nghĩa là bạn lẽ ra phải giữ khí phách đàn ông, sao lại như bị bọ cạp châm mất hình dạng, biến thành bà bà mẹ mẹ như các bà các má, nhìn đã mắt! Trong tình huống cụ thể này, thái độ của Giả Bảo Ngọc xét khách quan có nhất thiết thuộc loại "rề rà như đàn bà" hay không, xin để dịp khác bàn; nhưng câu tục ngữ ấy đến ngày nay, có thể nói vẫn còn tác dụng cảnh tỉnh nhất định: nhắc nhở các đấng nam nhi, dù ở đâu lúc nào cũng nên có cái dáng điệu tương xứng với thân phận giới tính của mình, chớ gặp phải tình huống nào đó lại biến thành "rề rà như đàn bà": bà bà mẹ mẹ, càm ràm triền miên, hoặc thì úp úp mở mở, hoặc thì hoảng hốt lo sợ, gây nên sự phiền chán, nhất là khiến phái nữ khịt mũi cười lạnh.

# Ông nội nằm trong chiếc nôi

"Ông nội nằm trong chiếc nôi, thằng cháu chống gậy chống gùi", đây là câu Giả Vân nói.

Hồng Lâu Mộng viết nhiều cặp chuyện tình: tình yêu tri kỷ của Giả Bảo Ngọc với Lâm Đại Ngọc, mối tình nguội lạnh của Tiết Bảo Thoa dành cho Giả Bảo Ngọc, mối tình nồng cháy của Tần Chung với Trí Năng, mối si tình của Linh Quan hướng về Giả Tường, mối tình đơn phương của Vưu Tam thư với Liễu Tương Liên, mối tình bí mật của Tư Kỳ với Phan Hựu An, mối tình táo bạo của Giả Vân với Tiểu Hồng... Trong đó chuyện tình Giả Vân và Tiểu Hồng được tả đậm nét nhất: "Cô gái si để rơi chiếc khăn tay chuốc lấy tương tư", "trên cầu Eo Ong mượn lời truyền tâm sự"; riêng hồi mục dành riêng cho hai người đã có đến hai dòng như thế, đủ thấy họ là hai vai trò hết sức quan trọng, xuyên suốt từ đầu đến cuối. Chuyện tình của họ một sóng vài khúc; mà những tình tiết như ở đình Trích Thúy, Tiểu Hồng và Trụy Nhi thì thầm bị Bảo Thoa vô tình nghe lọt, rồi Bảo Thoa để thoát khỏi thế khó xử của mình không tiếc dùng "kế ve thoát vỏ", chuyển nghi ngờ của Tiểu Hồng sang đầu Lâm Đại Ngọc, quả thật giàu chất kịch tính, đối với khắc họa nhân vật phát huy tác dụng một đá trúng nhiều chim, đồng thời giăng sẵn mồi nháy "rắn cỏ dây tro, mạch ngầm nghìn dặm" cho phần sau tám mươi hồi, thật là một đoạn văn diệu kỳ rực rỡ mà linh hoạt phiêu dật.

Đáng hận thay, Cao Ngạc khi tiếp bút đã viết rơi mất Tiểu Hồng, lại bừa bãi viết Giả Vân thành một gã gian tà độc ác, khiến một số độc giả đến nay vẫn chưa thưởng thức đàng hoàng được hai hình ảnh khéo léo hiền lành mà hoạt bát này dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần.

Giả Vân và Tiểu Hồng dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần đều là những người có khuyết điểm: Giả Vân dùng hết tâm kế đem long não cùng xạ hương đút lót Phượng Thư để mưu một việc ngon lành; Tiểu Hồng lấy miệng lưỡi lưu loát đổi lấy ánh mắt ưu ái của Phượng Thư, đạt được mục đích leo lên cành cao là "học hỏi chút mắt mày cao thấp, ra vào trên dưới, việc to việc nhỏ cũng cần được mở mang kiến thức". Nhưng đó đều là những hành vi lợi mình mà chẳng hại ai, do hoàn cảnh sinh tồn cụ thể của họ quy định, không thể trách móc quá khắt khe. Theo châu phê của Chi Nghiễn Trai tiết lộ, phần sau tám mươi hồi sẽ viết đến chuyện vợ chồng Giả Vân, Tiểu Hồng đã thành đôi, gan dạ mạo hiểm đến miếu Ngục Thần thăm Bảo Ngọc đang chịu xiềng xích tù tội, an ủi cứu giúp chàng; với Phượng Thư họ cũng chẳng phụ nghĩa vì nàng gặp họa; trong những chương hồi ấy, hai nhân vật rất thế tục này sẽ bộc lộ mặt khá sáng ngời trong nhân cách. Tiếc rằng những trang chữ Tào Tuyết Cần đã viết xong ấy bị "người mượn đọc" làm thất lạc, ngày nay chúng ta đã vô duyên được thấy.

Giả Vân tuy là một thành viên của tông tộc họ Giả, nhưng nhánh nhà anh đã suy vi lắm; vì sinh tồn và phát triển, anh không khỏi phải đổ hết tâm trí đục lỗ trong phủ Vinh Quốc. Một lần may mắn được gặp Bảo Ngọc, cậu em nhỏ hơn mình đến bốn năm tuổi; Bảo Ngọc buột miệng khen: "Giờ chú nhìn ra dáng hơn xưa,

thật giống con tôi thế"; Giả Vân thừa cơ chui vào, cười đáp: "Tục ngữ có câu 'ông nội nằm trong chiếc nôi, thằng cháu chống gậy chống gùi'; tuổi tuy lớn hơn, nhưng núi cao nào cao quá mặt trời; từ khi bố con tôi mất, mấy năm nay chẳng ai trông nom dạy dỗ; nếu bác Bảo không chê cháu ngốc nghếch, nhận làm con trai, ấy chính là phúc phần của cháu." Về sau anh quả thật nhờ thân phận ấy lọt vào viện Di Hồng, đi đến tận mép giường Bảo Ngọc, lại tặng Bảo Ngọc chậu hải đường trắng, trở thành cái cớ để đám con gái trẻ Đại Quan viên kết xã làm thơ.

Câu tục ngữ Giả Vân trích dẫn không phải của tộc Hán mà của tộc Mãn; đây cũng là một ví dụ Hồng Lâu Mộng hòa quyện văn hóa Mãn Hán làm một. Chiếc nôi là công cụ nuôi trẻ đặc hữu của người Mãn; trẻ trai trẻ gái có thời gian quy định riêng để nằm nôi; lên nôi là một ngày rất quan trọng, gia đình sẽ có hàng loạt sắp đặt đặc biệt; chỉ tiếc hình chế của chiếc nôi nay đã thất truyền, chẳng biết còn hy vọng phục nguyên được hay không.

Giả Vân trích tục ngữ Mãn tộc ấy mang theo vẻ xu nịnh, nhưng cũng phản ánh trong xử thế của anh có mặt uyển chuyển. Bỏ qua nhân vật cùng tình tiết trong sách, chỉ riêng câu tục ngữ, nó chẳng những nói ra hiện thực tồn tại rằng tuổi tác và vai vế không nhất thiết phải tương xứng, còn chứa đựng một lối nghĩ linh hoạt phá bỏ khuôn phép cứ theo thâm niên mà xếp bậc. Trạng thái tâm lý thông đạt khoan dung ấy, giữa đạo đời hôm nay, vẫn là một chuẩn mực lành mạnh mà người hiện đại chúng ta có thể tham khảo. Dạo này có không ít sinh mệnh trẻ tuổi hình như "tồn tại vượt vị": tuổi còn nhỏ đã thành nhà văn bán chạy sách, tiền nhuận bút có thể lọt vào bảng danh phú hào; đến trường học làm khảo sát lấy mẫu, từ học sinh trung học cơ sở đến trung học phổ thông rồi đại học năm nhất năm hai, các em đều đưa những nhà văn trẻ ấy xếp ngang hàng với Lỗ Tấn trong phần trả lời sau các câu hỏi "quen thuộc nhất" hay "ưa thích nhất". Có những người thuộc hàng ông nội vì thế phẫn uất trào dâng, gần như không thể chịu nổi, nhưng lại không thể cấm tuyệt được sự tồn tại ấy, đến mức tổn thương nguyên khí, hao tổn thân sức; tôi khuyên họ chẳng ngại cười mà đáp: "Ông nội nằm trong chiếc nôi, thằng cháu chống gậy chống gùi." Chớ cần kinh ngạc lạ thường đến thế, càng chẳng cần cáu gắt hoảng hốt đến thế; thiên đạo, thế đạo thường hay "không theo thứ tự"; với những sự vật mình thấy thật sự "loạn trật tự gây hại", có thể phê bình, có thể chỉ chính, nhưng nên xuất phát từ lý trí, lòng dạ rộng mở, hoa nở hoa tàn mặc nó, cứ để sóng sau đẩy sóng trước.

# Đánh trống gõ mõ làm ầm ĩ

Phượng Thư sau khi sẩy thai, sức khỏe mãi khó hồi phục; phủ Vinh Quốc một thời có phần rơi vào thế chân không quyền lực; cộng thêm sau khi gánh hát nhỏ tan rã, đám "thập nhị quan" phần lớn được phân vào Đại Quan viên, các cô gái càng thêm thế tụm đụm nhau; mọi mâu thuẫn bộc lộ, chuyện lạ nối nhau xuất hiện, khóc to kêu nhỏ vang lên không ngừng, kiện cáo chồng chất, khó giải khó phán. Giữa cục diện rối ren ấy, ngay cả Thám Xuân thông minh hơn người, xử sự quả quyết cũng thường mất phương châm, chật vật như người "vừa ấn được quả bầu xuống thì quả bồ hòn đã nổi lên".

Bao nhiêu mâu thuẫn đan cài rối rắm: "Bột hoa nhài thay chỗ tường vi tiêu; hồng lộ kéo theo phục linh sương", ầm ĩ đến cùng, ngay cả Bảo Ngọc cũng bị cuốn vào. Trước tình thế ấy, Đại Quan viên nên trị lý thế nào? Bình Nhi sau một phen điều tra xác định Liễu Ngũ Nhi quả thật chịu oan; nhờ Bảo Ngọc gánh lấy trách nhiệm, có thể giải thoát cho Thái Vân, vừa giữ được thể diện của Thám Xuân, cũng chẳng cần bãi nhiệm chức đầu bếp của thím Liễu để đổi sang vợ Tần Hiển, tránh một cuộc cải tổ quyền lực động chạm gân cốt một cách thừa thãi; thế là nàng đi trình với Phượng Thư, thuyết phục Phượng Thư chấp nhận chính sách lấy nhu thắng cương của mình.

Nào ngờ Phượng Thư là một "pháp gia" đích thực. Phương lược trị lý của nàng: "Theo ý tôi, phải gọi tất cả bọn a hoàn ở nhà bà đến; tuy không tiện tự tiện tra tấn, nhưng cứ bắt chúng quỳ lên mảnh sành giữa trời nắng, cơm nước cũng chẳng cho ăn uống; một ngày không thú thì cứ quỳ một ngày; dù là gang sắt đúc đi nữa, một ngày cũng phải thú ra hết. Lại rằng 'thớt có tanh ruồi mới đậu'; dù vợ họ Liễu có không lấy trộm đi nữa thì cũng phải có chút bóng dáng gì đó người ta mới đổ cho; không xử tội trộm cắp thì cũng đuổi ra khỏi dùng; triều đình còn có luật trị kẻ sai sót nữa là, thế cũng chẳng oan ức gì nó." Thời kỳ "Văn hóa Đại cách mạng", bọn "Tứ nhân bang" tâng "pháp gia" lên tận trời xanh; nghe qua tưởng chừng họ chủ trương "trị quốc theo pháp"; nhưng thực chất họ đâu có muốn dựng nên một hệ thống pháp chế lấy dân làm gốc, mà muốn thi hành sự áp bức hà khắc kiểu "trẫm tức là pháp". Vương Hy Phượng thật xứng danh "tiền bối tốt" của bọn "Tứ nhân bang": quan niệm "pháp chế" của nàng tước đoạt trọn quyền bào chữa của bị cáo, chơi trò "ép cung, tin cung", chủ trương bắt gió bắt bóng, từ chối điều tra nghiên cứu, một người nói được là được, cho oan sai giả lầm chẳng có gì ghê gớm, đúng là gieo gai không kể hậu quả; hơn nữa nàng chẳng có chút tầm nhìn lịch sử nào: nhận hối lộ ba nghìn lạng bạc ở chùa Thiểm Giám hại chết hai mạng người, nàng từng tuyên bố "xưa nay chẳng tin gì đến âm ty địa ngục báo ứng; bất kể việc gì, chỉ cần tôi muốn làm là tôi làm"; không mê tín quỷ thần vốn chẳng sai, nhưng không hiểu rằng điều thiện ắt thắng điều ác, "chẳng phải không báo, chỉ chưa đến giờ", một lòng độc đoán chẳng chút kiêng nể, ấy mới là sai lầm lớn.

Tào Tuyết Cần qua Bình Nhi khẳng định một lối trị quốc trị gia khác. Sau một trận sóng gió ở viện Di Hồng, nàng được mời đến xử lý; Tập Nhân nói với nàng: "Việc đã xong rồi, đừng nhắc nữa." Nàng cười đáp: "Tha

được thì tha cho người, việc bớt được thì cứ bớt cho đỡ phiền." Đối mặt với Phượng Thư cố chấp ý mình, nàng biết muốn đẩy được phương lược trị lý của mình ra rất khó, bèn kiên trì khuyên bảo bằng cái logic vòng vo: "Cớ chi phải đau lòng vì mấy chuyện ấy! Buông được khi thì buông tay, việc gì to tát đâu, vui lòng mà ra ơn thì hơn... chẳng qua lại kết oán với bọn tiểu nhân, khiến người ta ôm hận trong lòng. Vất vả lắm mới có mang được cậu bé trai, đến sáu bảy tháng vẫn sảy mất, biết đâu chẳng phải ngày thường mệt nhọc quá sức, uất ức tổn thương mà nên? Bây giờ nhân sớm còn kịp, thấy một nửa coi như không thấy một nửa, cũng là xong." Nào ngờ một bài nói của Bình Nhi lại thuyết phục được luôn Phượng Thư. Ý Bình Nhi gộp lại là nên "nắm cái lớn, buông cái nhỏ"; ở thời đại ấy, với vai vế như Phượng Thư, đẻ ra một đứa con trai là việc lớn bằng trời sập; Bình Nhi làm bài viết đúng điểm ấy, làm mềm lòng Phượng Thư.

Được Phượng Thư gật đầu, thế là "phán oan quyết ngục, Bình Nhi thi hành quyền biến"; nàng ra tuyên bố với bà quản gia vợ Lâm Chi Hiếu: "Việc lớn coi thành nhỏ, việc nhỏ coi như không, thế mới là nhà thịnh vượng. Chỉ vì chút việc nhỏ mà đánh trống gõ mõ ầm lên, không ra lẽ."

Về sau Hình phu nhân từ tay Ngốc Đại tỷ lấy được chiếc túi thơm, đem giao vào tay Vương phu nhân; Vương phu nhân nổi giận tìm đến Phượng Thư, đuổi Bình Nhi ra ngoài, lại nghe theo cái chủ ý ô thối của vợ Vương Thiện Bảo, đánh trống gõ mõ làm ầm lên, lục lựa Đại Quan viên, gây nên một trận náo loạn trời đất; đúng như lời Thám Xuân: "Há chẳng biết những nhà đại tộc thế này, nếu kẻ ngoài giết tới, một lúc chẳng thể giết chết được; chính đúng như người xưa đã nói 'con sâu trăm chân, chết cũng không ngã'; tất phải tự trong nhà tự giết tự diệt trước, mới thảm bại tan tành được!" Quả nhiên, trải qua một trận đánh trống gõ mõ loạn xạ ấy, chưa nói Tình Văn bỏ mạng, Tư Kỳ bị đuổi, Phương Quan đám bị ép đi tu, Tích Xuân dứt khoát với phủ Ninh... ngay cả Giả mẫu, Vương phu nhân những bậc chủ nhân cũng nguyên khí tổn hại nặng, cả gia tộc nhanh chóng lộ vẻ suy bại; phần sau tám mươi hồi, Tào Tuyết Cần sẽ tăng tốc viết đến cục diện diệt vong "ầm ầm như sắp đổ đình, chập chờn như ngọn đèn xanh cạn dầu".

Thời đại chúng ta đang sống đã khác về chất với thời đại dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, huống chi Hồng Lâu Mộng là tiểu thuyết chứ chẳng phải luận văn trị quốc trị gia bình thiên hạ; không thể đem những tình tiết cùng lời thoại nhân vật trên đây áp đặt máy móc vào hôm nay; nhưng việc né tránh kiểu "đánh trống gõ mõ làm ầm ĩ", đối với việc chúng ta ngày nay xây dựng xã hội hài hòa, có thể nói vẫn có giá trị tham khảo.

# Có động chạm gì đến ai

Một người bạn trẻ mê Hồng kể với tôi rằng, trái với nhiều người, cậu rất không thích Tình Văn, nhất là cảnh Tình Văn lúc bệnh nặng quát mắng tiểu hoàn, thấy Trụy Nhi liền bất ngờ chống người dậy nắm chặt lấy tay con bé, lấy từ bên gối ra cây trâm kim loại đầu nhọn sắc gọi là "nhất trượng thanh", đâm loạn vào tay Trụy Nhi, đau đến mức con bé khóc gào om sòm; Tình Văn còn nhân thế tự chuyên, lập tức đuổi cổ Trụy Nhi ra khỏi phủ. Những nét miêu tả ấy khiến cậu ta sinh lòng ghét Tình Văn, và hết sức thông cảm với Trụy Nhi.

Một người mê Hồng khác lại nói với tôi: Tào Tuyết Cần há tất phải viết nét bút ấy trong hồi "Tình Văn dũng liệt bệnh vá áo tước kim cầu"? Viết chẳng hạn để những bà các má kiểu vợ Chu Thụy đi xử lý Trụy Nhi chẳng phải xong rồi sao?

Thời Tào Tuyết Cần còn chưa có những khái niệm lý luận văn nghệ như tính điển hình hay tính nhân dân; ông chỉ viết những sinh mệnh sống động tươi nguyên, và Tình Văn dưới ngòi bút ông đúng là một sinh mệnh vừa khiến người ta yêu đến run rẩy vừa khiến người ta giận đến ngứa răng: trong hồi "Xé quạt đổi một nụ cười ngàn vàng", Giả Bảo Ngọc từng bị cô làm giận xanh cả mặt, về sau lại bị cô chọc cho cười sảng khoái. Trước đây có luận giả dựa vào thân phận mà gọi cô là "nữ nô tỳ mang tinh thần phản kháng"; trong tính cách cô quả có nhân tố ngang tàn, nhưng nào cô từng muốn "vươn thoát thân phận nô lệ"? Cô cùng một loạt cô lớn cô bé loại một loại hai trong Đại Quan viên đều hết sức quý trọng thân phận đã giành được, hài lòng với cuộc sống "chủ nhân thứ hai" đang sống; điều họ sợ hãi chính là bị đuổi ra ngoài, đánh mất thân phận "nô tỳ nữ". Tình Văn quát mắng những tiểu hoàn thân phận thấp hơn mình, vừa mở miệng đã là "đuổi ra ngoài"; với Trụy Nhi, nào cô có chút "tình cảm giai cấp" nào "cùng là nô tỳ nên thương nhau"? Dù Trụy Nhi có lấy cắp chiếc vòng râu tôm của Bình Nhi, hành vi ấy quả thật chẳng phải, nhưng chúng ta nghĩ kỹ lại sẽ thấy: chiếc vòng vàng đeo trên cổ tay Bình Nhi, kẻ "chủ nhân tập sự" ấy, bản chất là kết tinh của máu mồ bao nhiêu dân chúng tầng dưới; đối với Trụy Nhi vốn ở tầng tương đối đáy, việc cô cất giấu chiếc vòng vàng mà Bình Nhi tạm tháo xuống để đi ăn nướng cùng Tương Vân, Bảo Cầm..., chẳng qua là theo lối phi quy chuẩn thu hồi lại từ tay bóc lột một món đồ có chứa máu mồ của chính mình mà thôi; sao Tình Văn lại không thể chịu đựng nổi đến thế, nhất định đòi đuổi đi mới cam tâm?

A hoàn trong Đại Quan viên cũng có người tỉnh táo; Tiểu Hồng là một trong số ít ỏi người biết trước biết sau ấy. Cô đã nói ra châm ngôn "rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn"; dĩ nhiên cô cũng tuyệt chẳng mong bị đuổi đi như "kẻ có tội"; nhưng cô không hề có ý nghĩ ở lâu trong phủ để "đua tranh vinh hoa, khoe khoang", mưu một chỗ vợ lẽ tiểu thiếp; một mặt cô mạnh dạn theo đuổi Giả Vân ở xóm hành lang phía Tây khi ấy còn khá nghèo hèn ngoài phủ, một mặt chẳng dựa vào hậu thuẫn quan hệ, mà hoàn toàn nhờ năng lực bản thân, trước tiên trong phủ chọn cành cao mà đậu: cô giành được ánh mắt ưu ái của Vương Hy Phượng, học được mắt mày cao thấp, ra vào trên dưới, việc to việc nhỏ cũng

mở mang tầm mắt nhiều nhiều; thế là cô thực sự nắm được số phận của mình. Theo châu phê của Chi Nghiển Trai, chúng ta biết rằng phần sau tám mươi hồi, khi Vương Hy Phượng, Giả Bảo Ngọc bị số phận trêu ngươi chật vật cùng cực, vợ chồng Giả Vân, Tiểu Hồng đã tự lập được trong xã hội sẽ đứng thẳng dậy đi cứu giúp họ.

Đáng chú ý là Tào Tuyết Cần cố ý thiết kế Tiểu Hồng và Trụy Nhi thành một cặp bạn thân mật: ở đình Trích Thúy, chính Trụy Nhi đem chiếc khăn tay Giả Vân nhặt được trả lại cho Tiểu Hồng; hơn nữa, chiếc khăn giao cho Tiểu Hồng ấy rất có thể là của chính Giả Vân, còn Tiểu Hồng lại gửi Trụy Nhi đem một chiếc khăn của mình cho Giả Vân. Ở cái thời đại, cái môi trường xã hội ấy, nhất là trong một phủ đệ quý tộc hiển hách nghiêm ngặt, hành vi cùng lời nói của hai cô mới thực sự mang tính ngang tàn trái lệ, là những điều mà đám Tình Văn chỉ có thể trông theo mà không với tới được, tỏa ra ánh sáng nhân tính đích thực. Từ đó có thể suy đoán: Trụy Nhi kỳ thực sớm nhìn thấu việc Đại Quan viên chẳng phải chỗ ở lâu dài; bị đuổi ra ngoài thì dĩ nhiên chẳng hay, nhưng bản thân phải chuẩn bị sẵn cho ngày ra đi; còn chiếc vòng râu tôm của Bình Nhi, lấy về vừa khéo làm vốn liếng mưu sinh sau này khi ra ngoài; hành vi của Trụy Nhi chẳng phải thói tham của nhỏ thông thường, mà là một cuộc phiêu lưu có tính toán xa. Sinh mệnh kiểu Tình Văn, hoàn toàn dựa vào sự sủng ái của Bảo Ngọc, hết sức mong manh; ngày thường mở miệng định đuổi đứa này đứa kia, đến lượt mình bị đuổi ra thì không thể nào sống tiếp nổi, chỉ còn đường chết yểu. Không biết phần sau tám mươi hồi còn có Trụy Nhi xuất hiện nữa hay không, nhưng chúng ta có thể hình dung: người đàn bà sớm bày sẵn mưu tính ra ngoài tự lập ấy, sau khi bị đuổi ra, nhất định sẽ đứng vững được, ngoan cường sinh tồn tiếp.

Bài trò chuyện tối mật của Tiểu Hồng và Trụy Nhi, nào ngờ lại bị người nghe lén; xét từ phía hai cô, thật chẳng biết rốt cuộc bị Tiết Bảo Thoa hay Lâm Đại Ngọc nghe trộm. Phản ứng của Tiểu Hồng là sợ họ Lâm hơn sợ họ Tiết; phần sau tám mươi hồi có hay không tình tiết Tiểu Hồng cảnh giác, thậm chí hiểu lầm, làm bất lợi cho Lâm Đại Ngọc? Khó nói được. Phản ứng của Trụy Nhi lại là: "Đã nghe rồi thì sao, có động chạm gì đến ai, người nào lo việc người ấy là xong." Trước đó tôi có nói mấy lời tốt về Trụy Nhi, giờ đây lại buộc phải phê phán cái ý thức ấy của cô. "Có động chạm gì đến ai": chỉ lo mưu lợi ích, mưu lối đi cho riêng mình; đó là một lối nghĩ hẹp hòi vị kỷ. Chính dưới sự chi phối của ý thức ấy, Trụy Nhi lấy trộm cắp làm phương tiện đổi thay hoàn cảnh đời mình; tuy ở trên tôi đã phân tích vài yếu tố đáng hiểu, đáng thông cảm trong đó, nhưng phương tiện ấy rốt cuộc trái với chuẩn mực đạo đức được mọi thời đại đồng thuận. Đương nhiên chúng ta không thể đòi hỏi Trụy Nhi có ý thức tập thể kiểu xã hội hiện đại, nhưng ngay trong sách của Tào Tuyết Cần cũng viết đến đám tiểu hí tử nhà Phương Quan biết đứng lại với nhau, cùng căm cùng giận, khiến dì Triệu đến hỏi tội cùng đám bà già áp đặt lên đầu chúng phải chịu thất bại lớn, giành lại một hơi thở của tập thể.

Trụy Nhi là một hình tượng nghệ thuật đáng suy ngẫm mãi mãi. Rốt cuộc cô phạm tội gì? Muốn thoát khỏi số phận "kẻ có tội", sinh mệnh kiểu cô rốt cuộc nên bước lên một con đường như thế nào?

# Hoa rụng rồi kết trái bí ngô

Một người bạn kể với tôi rằng, đọc Hồng lâu mộng, chỗ khiến cậu ta khó giữ được sự nhẫn nại nhất chính là đoạn "Kim Uyên Ương ba lượt xướng lệnh bài ngà"; cậu ta không hiểu vì sao Tào Tuyết Cần phải dành nhiều trang giấy đến thế để viết cảnh các nữ quyến nhà Giả tụ họp lại cùng chơi bài ngà.

Tào Tuyết Cần soạn Hồng lâu mộng tuyệt không có chữ thừa bút nhàn. Đoàn tả đoạn "Kim Uyên Ương ba lượt xướng lệnh bài ngà", trước hết thông qua những dòng văn ấy khắc họa sâu thêm tính cách khác nhau của từng nhân vật; sau nữa là chôn sẵn mầm cho tình tiết phía sau: Lâm Đại Ngọc chẳng hề kiêng nể gì mà đọc to ngay trước mọi người những câu trong Mẫu đơn đình và Tây sương ký; ở cái thời đại ấy, ở cái gia đình ấy, đó là một hành vi "lạc đường", bởi Mẫu đơn đình với Tây sương ký bị coi là thứ "sách vặt" độc hại mà các tiểu thư khuê các tuyệt đối không được phép đụng tới; dẫu có trộm đọc sau lưng trưởng bối phong kiến thì làm sao dám phô bày liều lĩnh đến thế? May thay lúc ấy cụ Giả mẫu và mấy người đều không để ý, song cái "lợi điểm yếu" ấy đã bị Tiết Bảo Thoa nắm chắc trong tay; bà lúc đó cũng không lộ vẻ gì, về sau lại tìm riêng Lâm Đại Ngọc để "tra hỏi" một trận, giáo huấn cô một bài thật đau. Song Tào Tuyết Cần viết đoạn văn này còn có dụng ý sâu xa hơn nữa: ông vẫn là lối "một tiếng mà thành hai khúc ca, một bàn tay mà viết thành hai trang giấy", giỏi "một đá đánh ba chim", trải văn hoa lệ theo thế "một cây nghìn cành, một suối vạn mạch". Ở đoạn này, dụng ý càng sâu hơn của ông là mượn những câu lệnh bài ám chỉ hoàn cảnh chính trị nhà Giả đã rất khó xử, tô đậm cái thế "gió đã đầy lầu, mưa sắp ập tới", đặt sẵn đại phục bút cho cảnh phủ Giả sụp đổ về sau.

Theo kết quả khảo chứng, Hồng lâu mộng là cuốn tiểu thuyết mang tính tự thuật; Tào Tuyết Cần đã chiếu cái thịnh suy vinh nhục của gia tộc mình qua ba triều Khang, Ung, Càn vào tác phẩm, lấy máu và nước mắt mà nâng lên thành chân thực nghệ thuật. Đoạn này viết mọi người xướng lệnh bài: cụ Giả mẫu xướng "Trời xanh đứng ở bên trên", "Một vành đỏ chói đương treo giữa trời", ám chỉ việc Ung Chính băng hà đột ngột, Càn Long lên ngôi thi hành chính sách hoài nhu đại xá thiên hạ; nguyên mẫu của phủ Giả trong sách là nhà Tào nhờ thế thoát khỏi cục diện nguy hiểm bị Ung Chính trừng trị, hồi phục ở mức khá giả. Song ba quân bài cụ rút ghép lại lại thành con "quỷ bù đầu", chẳng lành chút nào, chẳng lẽ phủ Giả vẫn còn tai ương? Vì thế cụ mới xướng câu cuối "Quỷ này ôm chặt đùi sau Chung Quỳ", thầm mong có được thần bắt quỷ kiểu Chung Quỳ phù hộ cho nhà mình. Lệnh bài của Sử Tương Vân thì nói thẳng ra "Hai vầng nhật nguyệt sáng trưng trần hoan" (双悬日月照乾坤), ám chỉ thời Càn Long sơ niên, phe đối lập về chính trị, tức Hoằng Tích con trai của thái tử bị phế đời Khang Hy, đã tự lập một triều đình nhỏ ngầm dưới đất; hình thành cái thế hiểm trở "hai vầng nhật nguyệt treo" tức "hai bộ tư lệnh": Hoằng Tích định tranh quyền quyết đấu với Càn Long, còn nguyên mẫu trong thực tế cuộc sống của "tứ đại gia tộc" trong sách do duyên cớ lịch sử đều buộc phải đứng về phe Hoằng Tích về mặt chính trị; vì vậy khi Càn Long dập tắt "án nghịch Hoằng Tích", những "gia tộc vọng tộc trăm năm" như nhà Tào ắt chịu lây lất, cuối cùng đều "cơ nghiệp tan tành khắp

nơi". Nếu hiểu hết những tầng nghĩa ấy thì đọc hồi "ba lượt xướng lệnh bài" sẽ không thấy khô khan khó hiểu nữa; kiên nhẫn gỡ từng chữ mà ngẫm, hẳn sẽ thấy thú vị vô cùng.

Dĩ nhiên trong mấy lệnh bài ấy, thú vị nhất vẫn là phần của già Lưu. Câu "Sâu trên đống lửa cháy thành ra tro" của bà cũng là điềm chẳng lành cho nhà Giả, nhưng câu kết "Đến khi hoa rụng lại là quả dưa" lại là một câu "chọc ghẹo" đậm màu kịch tính, vừa khiến người trong sách cười ồ, cũng đủ làm người đọc mỉm cười thú vị.

Văn chương Tào Tuyết Cần có một đặc điểm nổi bật là giỏi dùng thủ pháp lấy tương phản làm nền tôn nhau: trong sách ông viết không biết bao nhiêu loài hoa, lại thường xuyên lấy hoa ví người, nhưng tuyệt đại đa số những bông hoa ấy đều có số phận bi kịch: "Hoa rơi dòng nước đỏ ngòm", "Hồn hoa chôn chặt dưới vành trăng trong", "Hoa đồ mi nở là ngày xuân đi"; những bông hoa như những thiếu nữ thanh xuân, hay nói ngược lại, những mỹ quyến như hoa, đến cùng đẹp đẽ nhất cũng chỉ có kết cục "một nắm đất sạch vùi giấu phong lưu". Song giữa một khung cảnh suy tàn ấy, ông lại đưa vào người nông dân như già Lưu để tạo "vệt màu nhảy tông"; trong tình tiết "ba lượt xướng lệnh bài", ông cố ý dùng lời "quê mùa" của "bà mẹ quê" ấy là "Đến khi hoa rụng lại là quả dưa" để điều hòa cái không khí bi kịch "chốn nào sóng gió, chốn nào sầu muộn".

Ngay đến hôm nay, lấy hoa ví người, coi hoa như mã số của tuổi xuân, vẫn còn rất thịnh hành: "búp hoa của tổ quốc", "thời điểm hoa nở"... gần như tất cả cha mẹ, thầy cô, người lớn đều coi con trẻ như những nụ hoa non mơn mởn, cứ ước gì ngày ngày ngồi canh bên cạnh, trợn mắt mong nó bừng lên. Nhưng quan tâm quá mức thường hóa ra là chiều chuộng đến hư hỏng; kéo mầm cho mau lớn, bẻ nụ ép cho nở, hoa chưa kịp nở mà gốc đã héo, chuyện ấy lúc lúc vẫn xảy ra. Còn có kẻ nhất tâm muốn con mình thành mẫu đơn, quân tử lan, thành loài hoa phú quý, hoa phát tài; nhìn cái "siêu cảnh tượng" tại hội trường tuyển sinh của vài trường nghệ thuật ở Bắc Kinh, thật khiếp đảm kinh tim. Trước hiện thực hôm nay, ngẫm nghĩ lại lời nói chất phác của già Lưu vẫn rất có ích: việc gì cũng tranh nhau làm "hoa để ngắm"? Để con cháu mình bén rễ thật vững trên mảnh đất màu mỡ, "Đến khi hoa rụng lại là quả dưa", há chẳng phải là mùa gặt đáng mừng nhất, cái phúc lớn nhất sao?

# Đo đầu mà làm mũ

Chuyện ấy đã xảy ra sau vụ soát xét Đại Quan viên của phủ Vinh quốc: chưa đợi thế lực bên ngoài giết vào, tự nhà mình đã tự hủy tự diệt trước, cả tòa phủ đệ hiện rõ một màu suy tàn. Song lão tổ tông phủ Vinh là cụ Giả mẫu vẫn cố chấp tổ chức một cái Tết Trung thu náo nhiệt vui tươi y như mọi năm. Vưu thị từ bên phủ Ninh quốc sang thăm hầu; cụ Giả mẫu thích đông vui, giữ bà lại ăn cơm cùng. Ngày ấy cụ Giả mẫu ăn một thứ cháo gạo cẩm, tức cháo nấu từ loại "gạo son" rất đặc biệt mà sản lượng cực ít. Cụ ăn xong phần của mình, xuống đất đi lại cho tiêu thức, khoanh tay sau lưng xem Vưu thị và mấy người kia ăn cơm cho đỡ buồn; thấy người hầu bưng cơm trong tay lại đang cầm một bát cơm của đám hạ nhân, còn phần của Vưu thị thì vẫn là gạo trắng, cụ quở ngay: "Mày mê à? Sao lại lấy thứ cơm ấy cho mợ mày?" Người ấy đáp: "Cơm của cụ hết rồi. Hôm nay thêm một cô, nên thiếu." Uyên Ương vội giải thích: 'Từ nay đều phải "đo đầu mà làm mũ" (可着头做帽子), không thể để thừa một tí gì.' Vương phu nhân tiếp lời: "Mấy năm nay hạn lụt thất thường, gạo ở trại không nộp đủ số. Mấy thứ gạo ngon lại càng khó khăn lắm, nên đều nấu đủ ăn thôi, sợ một mai thiếu không mua đâu ra." Cụ Giả mẫu lúc ấy mới hiểu ra, hóa ra đúng là cái kiểu "đàn bà khôn khéo không có gạo cũng không nấu được thành cháo".

Sự suy tàn của phủ Giả, nhân tố bên ngoài là một phương diện, nhưng nhân tố bên trong mới là phương diện chủ yếu hơn. Hồi thứ sáu viết già Lưu lần đầu tiến phủ Vinh quốc, tác giả đặc biệt ghi lại cảnh bà tận mắt thấy đám đầy tớ nữ hầu hạ Vương Hy Phượng dùng bữa trưa: những món ngon đưa vào nối nhau không nghỉ, rồi lại bưng ra kê lên chiếc bàn trên giường ấm ở gian phòng khác, tất cả chỉ vừa động vài cái đũa thôi. Về sau viết già Lưu lần thứ hai vào phủ Vinh, cụ Giả mẫu dẫn bà dự hai tiệc ở Đại Quan viên, cũng toàn một màu chỉ biết phô trương, không một tí tiết giảm, phí của trời không tiếc. Dù hồi thứ mười ba, trước khi treo cổ tự vẫn, Tần Khả Khanh đã vào mộng dặn dò Vương Hy Phượng lời cảnh cáo "Nếu chỉ nhìn trước mắt cho là vinh hoa mãi mãi mà không tính đến mai sau, thì không phải là kế lâu dài", nhưng phủ Giả nào có thật sự chịu cần kiệm; từ cụ Giả mẫu trở xuống, ai cũng chỉ biết hưởng lạc say sưa.

Đại Quan viên thuở đầu không lập bếp; Giả Bảo Ngọc và các tiểu thư ở trong vườn, mỗi bữa đều phải ra khỏi vườn, cùng cụ Giả mẫu và các trưởng bối dùng cơm chung. Về sau Vương Hy Phượng bỗng phát lòng tốt, nói thà phiền phức thêm chút chứ đừng để các cô gái nhỏ phải chịu gió lạnh giá rét, bữa nào cũng chạy từ trong vườn sang bên cụ Giả mẫu để ăn, thế là trong Đại Quan viên lập ra bếp riêng, giao cho thím Liễu quản phụ trách. Một lần, cô lớn trong phòng Nghênh Xuân là Tư Kỳ sai cô bé Liên Hoa Nhi chạy sang bếp, bảo thím Liễu đun một bát trứng gà non mềm; tưởng đó chỉ là thứ tầm thường, chẳng có lý gì lại đun không nổi, nhưng thím Liễu liền càu nhàu ngay: "Thứ ấy đắt lắm, không biết vì sao năm này hiếm trứng gà thế! Mười đồng một quả trứng cũng không mua được. Hôm nọ ở nhà trên muốn cho bà con ít trứng để ăn cháo, bốn, năm người đi mua mãi mới được hai nghìn quả. Bây giờ bảo tôi tìm đâu ra? Về nói với chị ấy, hôm khác hãy ăn vậy." Kết quả gây nên một trận phong ba to: Tư Kỳ thân hành ra trận, dẫn băng tiểu hoàn

dưới trướng xông thẳng vào bếp, đập phá đồ đạc trong đó tan nát bét, còn quăng tung ra ngoài một trận loạn xạ.

Việc thím Liễu không bằng lòng đun trứng cho Tư Kỳ có nguyên nhân về quan hệ nhân sự: trong Đại Quan viên, hai bên vốn thuộc hai phe lợi ích xung khắc nhau. Song cái hoàn cảnh bà kể ra cũng phải coi là thật: dù lúc ấy phủ Vinh quốc còn nắm nhiều bạc trắng, thì tài nguyên của xã hội đã bắt đầu khan hiếm, đã xuất hiện tình trạng có tiền cũng chẳng mua được hàng.

Phủ Giả dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, tuy thuở đầu túi trong đã lòi đáy, nhìn ngoài vẫn còn vẻ khung oai uy nghiêm; đến sau thì trong ngoài cùng ngột ngạt, mưa gió xói mòn, rốt cuộc lộ rõ cảnh thoi tháp: "Ầm ầm như sắp đổ đình, Chập chờn như ngọn đèn xanh cạn dầu". Dĩ nhiên đó chủ yếu là do các nhân tố chính trị xã hội quyết định; song những gì sách biểu hiện qua đủ thứ chi tiết, về cảnh ngộ sinh tồn hình thành do người người không biết quý trọng nguồn tài nguyên môi trường mà lãng phí thành tật, cũng đủ khiến chúng ta người hôm nay phải rùng mình răn sợ.

"Đo đầu mà làm mũ" của phủ Giả mang tính bị ép buộc, không phải tiết kiệm tự giác; đó là kiểu "tạm ổn" bất đắc dĩ trong dòng sống xa hoa cực độ của quý tộc phong kiến. Thực ra, "đo đầu mà làm mũ" đáng lẽ phải trở thành một nguyên tắc sống tự giác của mọi người. Tài nguyên thiên nhiên có hạn; khai thác hưởng dùng không kiềm chế sẽ dẫn tới khủng hoảng môi trường nghiêm trọng. Đầu to bao nhiêu thì may mắn to đúng bấy nhiêu, thế có gì đâu mà không tốt? Đầu thế thì bụng cũng thế. Vì sao nhất định phải căng phình cái dạ dày cho đến mức trương lên mới cam lòng? Đội trên đầu cái mũ to quá khổ có dễ chịu gì? Cảm giác cái dạ dày sắp bị căng vỡ có đẹp đẽ gì? Hãy nhìn cảnh tượng trong các quán ăn khắp nơi của chúng ta: ăn uống vô độ, thức ăn thừa chất đầy bàn, không cho là nhục mà còn lấy làm vinh, những hủ tục xấu ấy sao mãi chưa chịu tiêu tan. Dĩ nhiên bây giờ người gói đồ ăn mang về sau khi đi nhà hàng đã đông lên, hơi an ủi đôi chút; song ý thức tiết kiệm của dân ta thật sự vẫn cần nỗ lực tăng cường. Lãng phí trong ẩm thực chỉ là một phương diện; trên các phương diện nguồn nước, nguồn gỗ, nguồn cỏ, nguồn dầu mỏ, cảnh lãng phí đều khiến người ta giật mình kinh hãi, thực đã đến chỗ không thể không đánh chuông cảnh tỉnh dữ dội nữa rồi.

Bây giờ chúng ta nên đem "đo đầu mà làm mũ" coi như một ngữ tích cực mà đề xướng. Gần đây có bạn nhờ tôi viết một câu cổ xúy tiết kiệm, tôi đã viết ngay thế này: "Đo đầu mà làm mũ, đầu cũng thoải mái, mũ cũng thoải mái, há còn ham cái 'giàu sang' ảo ấy làm gì!"

# Chuột kho lúa đi hỏi quạ mượn lương

Thím Liễu, cũng như bà Chu, vợ Vương Thiện Bảo và mấy người kia, đều là những nữ tỳ của phủ Giả. Thời đại mà Tào Tuyết Cần miêu tả, địa vị nữ tỳ rất thấp, còn nữ tỳ nào đã lấy chồng thì địa vị lại thấp hơn nữa: cái tên của chính họ coi như biến mất, trên dưới trong nhà gọi họ bằng họ hoặc tên chồng rồi thêm hai chữ "vợ nhà". Dĩ nhiên thấp là thấp tương đối; trong đám ấy cũng chia ba sáu chín bậc: như vợ Lại Đại, vợ Lâm Chi Hiếu của phủ Vinh quốc, vợ Lại Thăng của phủ Ninh quốc, đều là vợ các tổng quản lớn, bản thân nắm một quyền hành nhất định, những chủ trẻ gặp phải cũng phải lễ độ nhường nhịn ba phần. Vợ chồng Chu Thụy là bồi phòng của Vương phu nhân (khi Vương phu nhân gả sang phủ Giả, hai vợ chồng họ như một thứ "động sản", cùng với tráp váy của cải, theo hầu sang luôn); vợ chồng Vương Thiện Bảo thì là bồi phòng của Hình phu nhân. Còn thím Liễu lại thấp hơn mấy bậc so với các bà quản gia và đám bồi phòng của các phu nhân: bà chỉ là một đầu bếp trưởng được phái vào bếp trong Đại Quan viên thôi.

Tuy thím Liễu chẳng qua chỉ là một cái đầu bếp, nhưng đó là chức "mỡ" khiến bao nhiêu con mắt đỏ lựng tranh giành. Tào Tuyết Cần viết Hồng lâu mộng, tuyệt không chỉ viết lão gia phu nhân quý tộc, công tử tiểu thư, cũng không chỉ viết a hoàn; ông duỗi ngòi bút tới mọi ngóc ngách trong ngoài phủ, khắc họa đủ loại nhân vật ba giáo cửu lưu. Từ hồi 58 đến hồi 61, ông đẩy câu chuyện Đại Quan viên từ cửa sổ sa hồng tỏa ra tới bếp lò nấu nướng, từ cô lớn cô bé a hoàn viết luôn tới đứa con gái đầu bếp khao khát được vào vườn làm a hoàn mà không nổi, thậm chí còn viết tới cả thằng tiểu đồng chỉ việc đóng mở cửa cổng với mái tóc để kiểu "nắp bô"; rồi trải các dục vọng va chạm giữa đủ hạng người lan tỏa như gợn sóng, nhân vật nào cũng sống động như đang đứng trước mắt, lời nói nào cũng sinh động như đang vang bên tai; đúng là một ngòi bút thần, viết cạn niềm vui nỗi đau nhân gian.

Mở đầu hồi 61 viết cảnh thím Liễu cãi vã với thằng tiểu đồng tóc "nắp bô" (tức cạo sạch quanh đầu, làm mái tóc tròn vo như nắp bô cầu), đúng là tiếng tiếng như đậu rang, câu câu nổ lời hay, khiến người ta nhịn không được mà bật cười, gấp sách lại rồi vẫn nhớ mãi không thôi.

Thằng tiểu đồng muốn thím Liễu vào trong vườn hái vài quả mơ cho nó ăn. Thuở ấy hoa quả cây cối trong Đại Quan viên cùng với ngó sen, củ ngọt, cỏ thơm đều theo quy hoạch của Thám Xuân, Bảo Thoa mà thi hành chế độ "giao khoán trách nhiệm", quả mơ quả nào cũng có người chuyên trông nom, làm sao tiện tay trộm đem ra ngoài được? Huống hồ dì cậu dì cô của thằng nhóc có hai ba người chuyên quản cây quả; nên nghe thằng tiểu đồng xin vậy, thím Liễu nổi cơn giận liền đáp một câu: "Đúng kiểu chuột kho lúa đi hỏi quạ mượn lương: kẻ giữ của thì không có, kẻ bay lượn lại có" (仓老鼠和老鸹去借粮，守着的没有，飞着的有).

Tôi nghiên cứu Hồng lâu mộng, có khi cũng ra thôn quê ngoài thư phòng, hỏi han bạn làng cho sáng việc. Họ chưa chắc đã đọc Hồng lâu mộng, đa số chỉ còn ấn tượng về bộ phim truyền hình nhiều tập, nhưng

nhắc tới những lời quê mùa của già Lưu và mấy vai ấy trong sách thì hưởng ứng rất nhiệt tình. Bạn làng tên Tam nói: "Chuột kho lúa hỏi quạ mượn lương, kẻ giữ của thì không có, kẻ bay lượn lại có." Câu ấy anh từng nghe những người già nay đã khuất kể lại. Anh cho tôi biết, chuột kho lúa khác chuột nhà; tôi vốn tưởng chuột kho lúa nghĩa là "con chuột trong kho", anh bảo không phải, chuột kho lúa thường làm tổ ngoài ruộng rộng; loại chuột này to xác hơn chuột nhà, đuôi ngắn, đặc điểm lớn nhất là hai má có thể phồng lên cao vời thành hai cái túi chứa đồ, ngậm trước hạt ngô hạt đậu trong má rồi mới vận về hang cất kho (cũng chính vì thế mà có tên gọi ấy); anh từng làm lái máy nông nghiệp, tận mắt thấy những hang chuột bị đào mở, lương thực cất giấu trong đó nhiều nhất lên tới hai ba chục ký! Còn loài chim thì thường kiếm đâu ăn ngay đó: "bồ câu không ăn đồ còn hơi, én nhỏ không ăn đồ rơi đất"; quạ (tức con quạ đen) tuy ăn tạp, thịt rau chẳng chê, nhưng chỉ biết bay lượn kiếm mồi, trông thấy thì đáp xuống mổ ngay vào mồm, tuyệt không có khả năng cất trữ lương thực. Chuột kho lúa mà lại đi hỏi quạ mượn lương là trái cả logic, hơn nữa còn tỏ ra giả dối, xảo trá, tham lam, xấu xa. Nửa sau câu ngụ ngôn này phải nhắc giọng lên cao, tạo cái thế chất vấn kháng nghị, nghĩa là: mày giữ của cải mà còn giả nghèo than không có gì ăn, há lại kẻ bay lượn vất vả kiếm mồi lại có đồ dư ăn?

"Chuột kho lúa hỏi quạ mượn lương" là điển hình của hành vi "lấy cái dư hại cái thiếu". Biển đổi thành cày ruộng, đời đổi mới từng ngày, song tính người vẫn thông suốt với nhau; đến hôm nay vẫn còn không ít ví dụ để mặt ác trong tính người tràn lan: giấu kỹ "kho lương" của mình, còn với tay về phía "quạ" nghèo xin "mượn"; cái "mượn" ấy thực ra chính là "lừa", một khi đã vào tay thì quyết không bao giờ trả. Quan tham lại nhũng, thương buôn gian trá, hào trưởng ác đức nhiều kẻ dùng trò này: hoặc đặt tên mục khéo léo để thu các khoản tiền, hoặc mớm môi lưỡi lùa người ta bỏ vốn đầu tư; vừa bắt đám lam lũ "hiến dâng vô tư", vừa chuyển công thành tư, thậm chí lén dời cả "hang chuột" của mình ra ngoài biên giới. Những người lương thiện phải hết sức cảnh giác đấy!

# Gà mái đen cả một ổ

Mâu thuẫn giữa Hình phu nhân với Vương Hy Phượng không phải là mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu kiểu bình thường. Mẹ chồng nàng dâu thông thường sống chung trong cùng một không gian, hợp nhau hay không hợp nhau, hoặc bà mẹ chồng chuyên tìm lỗi nàng dâu, tạo thành một cặp mâu thuẫn, nảy sinh rắc rối, thậm chí gây nên bi kịch. Còn mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu giữa Hình phu nhân và Vương Hy Phượng lại là một vụ rất riêng biệt; trong xã hội phong kiến, cũng thuộc loại đặc biệt hiếm thấy.

Đọc Hồng lâu mộng nhất định phải để ý rằng: dù sách đặt đại trưởng bối của phủ Vinh quốc, cụ Giả mẫu, có người con trai cả là Giả Xá, và sau khi Giả Đại Thiện chồng cụ Giả mẫu chết, Giả Xá kế tục nhận tước, tước vị giáng xuống từng bậc, chẳng còn hàng công hầu mà chỉ còn nhất đẳng tướng quân, song cái tước ấy cũng khá lắm; theo lẽ thường, đứa con trưởng thừa tước này phải ở trong phủ Vinh quốc, sống cùng cụ Giả mẫu, giữ trọn đạo hiếu để làm trọn phận sự làm con. Nhưng sách viết ra thật lạ lùng: chính người con trai cả thừa tước thay cha là Giả Xá lại chẳng ở trong phủ Vinh quốc, chẳng sống chung một sân vườn với cụ Giả mẫu, mà ở riêng một khuôn viên cửa lớn sơn đen cách trở với phủ Vinh quốc; hai bên qua lại phải ra khỏi cổng nhà mình, ngồi xe đi một đoạn đường, rồi mới vào cổng nhà kia, thật ngoài sức tưởng tượng. Còn kỳ lạ hơn nữa: Giả Chính, người con trai thứ hai của cụ Giả mẫu, không hề có tước vị, chỉ nhờ hoàng ân ban cho một chức quan không cao lắm, vậy mà hai vợ chồng ông lại cư ngụ ngay chính phòng giữa trên trục trung tuyến của đại môn phủ Vinh quốc, nghiễm nhiên thành chủ nhân số một của phủ Vinh quốc.

Càng thú vị hơn: theo trật tự luân thường thời ấy, Giả Liễn con trai Giả Xá và nàng dâu Vương Hy Phượng đáng lẽ phải sống trong khuôn viên cửa đen kia với cha mẹ, hết đạo hiếu chăm lo phụng dưỡng; nhưng sách viết ra lại là một tình thế rất đặc biệt: trong đại viện cửa đen nơi Giả Xá và Hình phu nhân ở không hề có người con trai đã trưởng thành và nàng dâu nào sống cùng; sách gọi Giả Liễn là cậu Hai, nhưng trong sách không hề có một người con trai nào hơn tuổi Giả Liễn hầu cạnh vợ chồng Giả Xá; duy chỉ xuất hiện Giả Thông, một người con trai khác của Giả Xá, song Giả Thông được miêu tả là mày đen miệng nhem, tuổi tác chênh nhau không nhiều với Giả Hoàn nhà phủ Vinh, rõ ràng chưa đủ tư cách đứng ra coi việc quản gia, phụng dưỡng cha mẹ trong khuôn viên cửa đen ấy.

Sách viết rằng Vương Hy Phượng là cháu gái gọi cô của Vương phu nhân, phu nhân số một phủ Vinh quốc; về danh nghĩa thì Giả Chính mời Giả Liễn sang phủ Vinh quốc coi việc, thực chất là Vương phu nhân gọi Vương Hy Phượng đến để nắm quyền trong phủ. Vợ chồng Giả Liễn và Vương Hy Phượng ngày thường ở ngay một "vườn trong vườn" của phủ Vinh quốc. Vì sao Tào Tuyết Cần lại viết như thế? Nếu hoàn toàn hư cấu, vì sao ông lại dựng nên kiểu hư cấu ấy? Theo tôi, ông viết cuốn tiểu thuyết này dĩ nhiên có yếu tố hư cấu, nhưng khác hẳn những tác phẩm hư cấu thuần túy: ông có nguyên mẫu đời sống; tác phẩm mang tính tự thuật, tự kể và tính chất gia sử.

Trong đời sống thật, nguyên mẫu của cụ Giả mẫu là phu nhân của Tào Dần, viên chức dệt Giang Ninh, chị em ruột với Lý Hú, viên chức dệt Tô Châu; sau khi chồng là Tào Dần rồi con trai là Tào Ngung lần lượt bệnh chết, vua Khang Hi chủ trì, để Lý Hú chọn ra người cháu của Tào Dần là Tào頫, nhận làm con dưới danh nghĩa Tào Dần, thành con trai của bà. Nguyên mẫu của Giả Chính chính là Tào頫; còn nguyên mẫu của Giả Xá thì nên là một người anh ruột của Tào頫, người không hề bị nhận làm con nuôi cùng một lượt với Tào Phủ. Tình hình đặc biệt trong đời sống ấy chiếu vào tiểu thuyết, hình thành hiện tượng văn bản chúng ta đang thấy hôm nay.

Hiểu rõ những điều ấy rồi, thì chẳng khó gì hiểu được mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu giữa Hình phu nhân và Vương Hy Phượng mà sách viết tới. Theo quan hệ nhân vật do sách đặt ra, Vương Hy Phượng đáng lẽ phải đặt lợi ích của Giả Xá và Hình phu nhân lên hàng đầu; nhưng biểu hiện cụ thể trong cốt truyện lại là: Vương Hy Phượng với Vương phu nhân, Tiết phu nhân kết thành một tập đoàn lợi ích, coi đám người trong cửa lớn sơn đen như Giả Xá, Hình phu nhân là những kẻ có cũng được mà không có cũng chẳng sao. Điều đó tất nhiên trước hết làm nảy sinh sự bất mãn dữ dội của Hình phu nhân.

Hình phu nhân tuy chỉ là vợ kế của Giả Xá, Giả Liễn, Giả Nghênh Xuân, Giả Thông đều không phải con bà đẻ ra, nhưng đã được Giả Xá cưới làm vợ cả thì các con cái phải coi bà như mẹ mà hiếu kính; vậy mà Vương Hy Phượng đối xử với bà ra sao? Bề ngoài qua loa, thực chất chẳng hề để vào mắt. Sách mấy lần viết sự bất mãn của Hình phu nhân với Vương Hy Phượng, còn viết đến cả cuộc va chạm trực diện giữa hai người. Có lần, điều đó được nói ra qua miệng Hưng Nhi, đứa đầy tớ của Giả Liễn, với Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư: "Bây giờ ngay bà mẹ chồng chính thức của mợ ấy còn ghét, thường bảo 'Chim khôn biết tìm nóc nhà quan mà đỗ' (雀儿拣着旺处飞), 'gà mái đen cả ổ cùng đen' (黑母鸡一窝儿), việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng." "Chim khôn biết tìm nóc nhà quan mà đỗ" thì dễ hiểu, bởi lão tổ tông họ Giả là cụ Giả mẫu đang ở phủ Vinh quốc, người tuy già, oai vẫn còn, gia sản rất dày; Vương Hy Phượng níu chặt được cụ Giả mẫu, tự nhiên có lợi to. Còn "gà mái đen cả một ổ" nghĩa là thế nào? Người hiện đại muốn hiểu cho đúng phải mất công suy ngẫm lắm.

"Gà mái đen cả một ổ" là câu ứng với "chim khôn biết tìm nóc nhà quan mà đỗ". Chim quên gốc chạy theo chỗ sung, bị coi là một tật xấu. Còn gà mái đen, so với gà mái trắng hay gà hoa lư, có hình ảnh chẳng đẹp đẽ gì, hay bị kỳ thị; nhưng gà mái đen lại biết bầy đàn, không bỏ rơi nhau, cái đó lại được coi là một đức tính. Ý của Hình phu nhân là: mày Vương Hy Phượng không nên đi nịnh lão tổ tông để mưu lợi ích cho tập đoàn nhà ngoại mình; mày vốn là nàng dâu của khuôn viên cửa đen này, dù bây giờ thế lực nhà này chẳng bằng thế lực nhà kia, không rực rỡ bằng, mày cũng phải ôm ấp với họ hàng chồng bên này, mưu lợi cho bên này chứ; giờ mày lại quay sang tính toán cho nhà ngoại, thế chẳng phải là lo chuyện người khác một cách mù quáng, gây loạn vô bổ sao?

Người hiện đại nói năng, kể cả các bà già ở nông thôn, cũng hiếm ai dùng ngữ "gà mái đen cả một ổ" nữa. Ngày nay người ta chuộng ăn gà đen hơn; con gà đen từ trong ra ngoài toàn màu đen, giá thị trường đắt hơn gà thường; mà kiểu nuôi gà ngày nay cũng đã đổi mới, cảnh "gà mái đen cả một ổ" càng ngày càng hiếm gặp. Phong tục xã hội, giá trị quan niệm đều đã đổi thay, hoàn cảnh lời nói của người ta hôm nay chẳng còn như xưa nữa: câu tục "chim khôn biết tìm nóc nhà quan mà đỗ" vẫn thường xuất khẩu nhập tâm, nhưng phần nhiều đã chẳng còn là lời chê bai, mà hóa thành câu "rèn chí" kiểu "kim chỉ nam"; riêng "gà mái đen cả một ổ" thì gần như tuyệt tích khỏi miệng người, dần trở thành một câu nói khó hiểu chẳng vì cớ gì.

Nhưng hôm nay, khi đọc hai câu tục "đối nhau" ấy trong Hồng lâu mộng, ta vẫn cứ mỉm cười nhẹ trong sự ngẫm ngợi lặng thầm.

# Nắm lấy lẽ phải mà đóng bè

Có các nhà Hồng học cho rằng Đại Quan viên dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần là một thế giới lý tưởng thanh sạch tươi đẹp, được viết ra để đặt cạnh xã hội trần tục ô trọc bên ngoài vườn; lời ấy có phần đúng đắn của nó. Tương đối mà nói, trong Đại Quan viên sống những thiếu nữ như muôn ngàn bông hoa, tỏa hơi ngọc ý lan hương; lại còn được "Giáng Động Hoa Vương" Giả Bảo Ngọc nâng niu che chở, quả thực thanh mát hơn nhiều so với thế giới ngoài vườn nơi những gã râu ria bẩn thỉu và các phu nhân "mắt cá chết" hoành hành. Song nếu cứng nhắc kết luận Đại Quan viên là một thế giới lý tưởng không nhiễm bụi trần thì tôi không dám tán thành.

Hồng lâu mộng từ hồi 55 tới hồi 61, nguyên bảy hồi liền dùng để viết cái cảnh "loạn" trong Đại Quan viên, duỗi ngòi bút từ tầng chủ nhân xuống tận đáy tầng nô tỳ, từ khuê phòng các công tử tiểu thư trải rộng tới bếp núc cửa cổng; đó là đoạn văn có cốt truyện chặt chẽ nhất, nhịp kể gấp gáp nhất, sóng gió đan cài nhiều nhất, âm thanh om sòm nhất trong toàn bộ cuốn sách. Điều quý giá hơn cả là trong đoạn dài này, Tào Tuyết Cần đào sâu tính người của mấy hạng nhân vật trên giữa dưới trong phủ Giả, và đào rất sâu, có thể nói sức lực xuyên qua mặt giấy, khiến ta đọc lên vừa hoa mắt chóng mặt, vừa tỉnh ngộ thêm nhiều điều.

Đại Quan viên há phải là chỗ thuần khiết mát lành một màu? Trước hết, những kẻ ti tiện rặt một bụng răn reo như dì Triệu sẽ chui vào để sinh phi sự, làm ầm ĩ. Sau nữa, những a hoàn bà già sống trong vườn hay hằng ngày phải vào vườn làm việc, nào ai thật sự là "cây đèn tiết dầu"? Nhất là cả lũ tiểu hí tử con hát sau khi chia xuống các phòng trong vườn càng khuấy cho cuộc sống vốn chưa chắc đã yên ổn thêm xôn xao rối ren. Tào Tuyết Cần viết các loại nhân vật, các tập đoàn lợi ích to nhỏ, những va chạm lợi ích giữa họ, viết tỉ mỉ sinh động, nghe như thấy tiếng, nhìn như thấy hình; lại đan cài thông suốt, một đá đánh mấy chim, khiến chúng ta lúc thì nhịn cười, lúc thì vỗ bàn khen hay; tuy chỉ là chữ nghĩa trải ra, đọc lên lại có cả ánh sáng màu sắc điện ảnh như phim ảnh hôm nay, thật sự đã quá ghiền!

Phương Quan, Ngẫu Quan và mấy cô con hát được chia vào vườn, phần nhiều sống theo bản tính, đều muốn thoát khỏi sự kềm hãm của các "mẹ nuôi"; còn bà già Hạ và đám "mẹ nuôi" kia thì ráng giữ lấy quyền lợi đang hưởng là khấu trừ tiền lệ hàng tháng của các cô; các bà quản cây hoa cỏ trong vườn phải ngăn a hoàn bẻ hoa lượm quả, để đảm bảo thu nhập dự án khoán không hao tổn; thằng tiểu đồng canh cửa cổng vườn thì có nhu cầu được ăn vài quả mận chín trong vườn; từ ông coi cổng tới đám đầy tớ khắp nơi, hễ khách đưa quà qua tay là luôn luôn ăn bớt một phần để tự mình hưởng thụ, lại rút thêm một phần làm quà tặng thân bằng cố nhân; thím Liễu coi bếp trong vườn luôn luôn mưu đẩy con gái là Liễu Ngũ Nhi vào viện Di Hồng kiếm một chức "mỡ", vì vậy với Tình Văn, Phương Quan và mấy cô nàng thì hầu hạ nịnh bợ đủ kiểu; còn Tư Kỳ lại muốn nắm hoạt động của căn bếp vào tay mình, trước sai Liên Hoa Nhi đi mở màn, rồi tự mình thân xuất chinh, bằng thủ đoạn đánh, đập, cướp để giành "quyền điểm món"; về sau còn nhân Liễu Ngũ Nhi

mắc oan bị giam, mưu để vợ Tần Hiển phe mình đoạt quyền thím Liễu; song cuối cùng Liễu Ngũ Nhi được trắng án tha về, thím Liễu khôi phục chức cũ, vợ Tần Hiển chỉ "trị quốc" được nửa buổi liền rút lui im hơi lặng tiếng, còn thiệt cả mớ tiền của...

Giữa cuộc tranh giành lợi ích cắn xé đan chéo ấy, dì Triệu là kẻ biểu hiện ngu muội tối đa. Bởi chuyện "phấn hoa lài thay thế bột tường vi", bà định đi tìm Phương Quan hỏi tội; bản thân đang lo lắng thất thường, lại còn bị người như bà già Hạ xúi bẩy làm súng cho họ bắn. Bà già Hạ xúi bà khuấy to chuyện thêm nữa: "Dì thử nghĩ xem, nhà này ngoài bà Hai ra, còn ai bằng dì? Dì không ra tay đấy thôi, chứ dì ra tay, ai lại không sợ? Cứ ý tôi, nhân dịp mấy con ranh này không phải là hạng người chính thức trong nhà, dù có gây chuyện với chúng cũng không sao đâu. Mau lấy hai việc này, nắm lấy lẽ phải mà đóng bè (抓着理扎个筏子), tôi sẽ làm chứng cho. Dì có ra oai chuyến này, sau mới trị nổi họ được..."

Câu "nắm lấy lẽ phải mà đóng bè" của bà già Hạ chẳng những hàm ý "có lý thì khỏi nhường ai", mà còn hàm ý ngoài việc giữ phần phải, còn phải "đóng một cái bè". Bè dùng để qua sông; qua sông nào? Dĩ nhiên là qua dòng sông "pháp lý", mong tìm được một vị chấp pháp công chính, căn cứ vào "lẽ phải" và "chứng cứ" mà phán quyết có lợi cho bên kiện cáo.

Nói công bằng mà thôi, bỏ qua động cơ xấu xa "mượn dao giết người" đi, cái lý thuyết "nắm lấy lẽ phải mà đóng bè" của bà già Hạ cũng chẳng có gì sai trái. Dĩ nhiên dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, dì Triệu xông vào viện Di Hồng gặp Phương Quan, lẽ thì nói không xuôi, bè thì chẳng đóng nổi; khi ầm ĩ ngập trời rồi, khiến Vưu thị, Lý Hoàn, Thám Xuân ba người coi việc đều phải thân hành đến hiện trường, bà cũng đâu có biết kiện tụng lý trí: "Dì Triệu tức quá, phùng má trợn mắt, hút hơi kể lể đầu đuôi." Cái kiểu ấy thì sao cầu được phán quyết công bằng? Cuối cùng bà nổng nhiệt tới, uất ức mà về, còn làm Thám Xuân mất mặt theo, há thu được chút gì đâu?

Tào Tuyết Cần viết cảnh bà già Hạ xúi giục dì Triệu, tất nhiên ông đứng ở lập trường phủ nhận, nét tả lộ rõ sự chế nhạo khinh bỉ. Song theo tôi, nếu đơn độc rút riêng câu "nắm lấy lẽ phải mà đóng bè" ra, đặt sang hôm nay để ngẫm, vẫn còn đáng tham khảo. Trong hiện thực cuộc sống hôm nay, khi lợi ích của mình va chạm với lợi ích của người khác, một là có thể chọn cách xử lý riêng tư ngoài vòng pháp luật (như kiểu va quẹt nhẹ, đuôi xe giữa những chiếc xe cơ giới), hai là có thể "nắm lấy lẽ phải mà đóng bè": đặt những chứng cứ chắc chắn lên trên "chiếc bè" ấy, ngoan cố đi kiếm một phán quyết công minh của pháp luật.

# Cây đèn cao một trượng tám

"Ma ma", lại có thể viết là "mạ mạ", đọc giống từ "má"; trong Hồng lâu mộng viết tới không ít bà vú, trong đó để lại ấn tượng sâu nhất có vú Lý vú nuôi của Giả Bảo Ngọc và Vú Triệu, vú nuôi của Giả Liễn. Phủ Giả mà sách viết tới ngay sau khi mở đầu tuy đã rơi vào "thời mạt", đang đi xuống dốc, song phô trương vẫn không phải chuyện nhỏ. Lâm Đại Ngọc từ Dương Châu lên kinh thành nương nhờ phủ Vinh quốc; thấy cô chỉ mang theo hai người hầu, là vú Vương và tiểu hoàn Tuyết Nhạn, cụ Giả mẫu chê ít, lập tức điều một tiểu hoàn hạng hai bên người là Anh Ca (về sau đổi tên thành Tử Quyên) sang cho cô; ngoài ra, theo lệ thường của các tiểu thư như Nghênh Xuân, còn phái thêm bốn bà vú giáo dưỡng, hai a hoàn hầu cận coi việc trâm cài rửa mặt, rồi sắp đặt năm sáu tiểu a hoàn quét dọn phòng ốc sai vặt; thử tính xem một chủ nhân nhỏ cần bao nhiêu kẻ dưới hầu hạ!

Nhân vật vú Lý trong sách có phần diễn không ít. Bảo Ngọc đến Lê Hương viện nơi Tiết phu nhân ở để chơi với Tiết Bảo Thoa, về sau Lâm Đại Ngọc cũng đến; Tiết phu nhân giữ chúng lại ăn cơm uống rượu; vú Lý lải nhải ngăn Bảo Ngọc uống rượu, khiến cậu rất bực, thế thì thôi đi; Bảo Ngọc say xỉu trở về Giáng Vân hiên, tức chính chỗ ở của mình, đòi a hoàn rót cho chén trà Phong Lộ; nào ngờ a hoàn Thiến Tuyết nói chén trà Phong Lộ pha từ sáng nay đã bị vú Lý uống mất. Bảo Ngọc nghe vậy nổi giận dữ dội, quăng ngay cái chén đang cầm xuống đất cho vỡ tan, nước trà bắn ướt cả tà váy Thiến Tuyết. Bảo Ngọc vốn nổi giận vì vú Lý, ai ngờ sau đó vú Lý chẳng sao, Thiến Tuyết lại oan uổng bị đuổi ra ngoài. Trong tám mươi hồi đầu, Thiến Tuyết biến mất từ đấy; Cao Ngạc tiếp bút cũng không còn thấy bóng dáng người này nữa. Thực ra, theo lời phê của Chi Nghiễn Trai tiết lộ, Tào Tuyết Cần đã viết ở phần sau tám mươi hồi những đoạn văn dài về Thiến Tuyết; nhân vật này là được cố tình mai phục lâu như thế: phủ Giả bị tịch gia, Giả Bảo Ngọc đeo cùm vào ngục, Thiến Tuyết chẳng kể oan khuất ngày trước, đến miếu Ngục Thần an ủi cứu giúp Bảo Ngọc; đây là những chương hồi hết sức quan trọng, nhưng phần bản thảo đã viết xong ấy lại bị "người mượn đọc" làm thất lạc! Vú Lý sau đó lại xuất hiện ở chỗ ở của Bảo Ngọc, bà không những tiếp tục tự tiện hưởng thức đồ ăn Bảo Ngọc cố ý để dành,, còn hét mắng qua loa với Tập Nhân và các a hoàn trong phòng Bảo Ngọc, nói toàn những lời nửa vời; trong đó có một câu, chính là: "Cậu Bảo Ngọc đúng là cây đèn trượng tám: soi thấy nhà người, chẳng soi thấy nhà mình" (丈八的灯台，照见人家，照不见自家). Về sau Bảo Ngọc chuyển vào ở viện Di Hồng trong Đại Quan viên, bà còn xuất hiện trong tình tiết "ở cầu Phong Yêu nói lời giả truyền tâm sự"; ước đoán phần sau tám mươi hồi cũng sẽ còn một lời kết cuối cùng về bà vú này.

Câu ngụ ngôn vú Lý nói khá sinh động, chưa từng thấy trong sách khác, thật đặc biệt. Trong miệng vú Lý, đó là câu gắn tiếng than phiền về Giả Bảo Ngọc. Ý vú Lý là: mày Bảo Ngọc cứ chê bọn già nhà tôi bẩn thỉu, nhưng chính buồng Giáng Vân hiên mày ở, bọn a hoàn nghịch phá, vỏ hạt dưa rơi đầy đất, mày cũng chẳng hề ghét bỏ chúng! Vậy rõ ràng mày là cái đèn cao một trượng tám, chỉ soi ra được khuyết điểm của kẻ xa, chứ chẳng soi thấy vấn đề ngay dưới chân mình. Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần quả thực là một

nhân vật "việc làm ngang trái, tính ương gàn"; cậu trân trọng thiếu nữ thanh xuân, và về phụ nữ có một "tam đoạn luận" kỳ lạ: "Khi con gái chưa đi lấy chồng, khác nào một hạt châu rất quý; lấy chồng rồi, không hiểu sao lại sinh ra rất nhiều tật xấu. Dù vẫn là hạt châu đấy, nhưng đã trở thành hạt châu chết, phai mờ ánh sáng; đến già thì không phải là hạt châu, mà là mắt cá đấy!" Thuở trước có luận gia cho rằng quan điểm ấy của Bảo Ngọc mang ý nghĩa chống phong kiến, biểu lộ sự tố cáo phê phán hiện tượng xã hội phong kiến áp bức phụ nữ, thông qua hôn nhân do cha mẹ sắp đặt mà vùi dập mặt đẹp đẽ của thiếu nữ thanh xuân; cách phân tích như vậy có lý do của nó nhưng chưa chắc đã chuẩn xác: sự trân trọng của Bảo Ngọc dành cho thiếu nữ thanh xuân đạt tới mức ao ước khiến họ mãi mãi dừng tuổi, vô hạn kỳ giữ nét xuân, luôn luôn rong chơi cùng cậu ngắm hoa vịnh thơ; đó là một lý tưởng bất khả thực hiện trong mọi thời đại, một sự theo đuổi thi vị siêu hiện thực; nhưng trong đó lại chứa đựng vấn đề tối cực về sinh tồn nhân loại rất đáng khai thác bàn bạc.

"Cây đèn trượng tám: soi thấy nhà người, chẳng soi thấy nhà mình", câu cổ ngữ này nếu bỏ qua tính nhằm đích cụ thể vào vú Lý trong sách, đem ra hôm nay suy ngẫm thì có thể nhận được gì? Trò chuyện với một người bạn, anh ấy bảo có thể coi nó như lời nhắc nhở: đừng chỉ nhìn thấy khuyết điểm của người khác mà không thấy lỗi lầm của mình. Tôi lại nghĩ cũng có thể hiểu theo hướng này: thà chỗ mình để lại bóng tối chịu chút thiệt thòi, cũng phải giương cao đuốc sáng, soi tỏ một khoảng trời cho người khác. Theo Chi Nghiễn Trai tiết lộ, trong hồi cuối cùng Hồng lâu mộng Tào Tuyết Cần sẽ xếp ra "Tình bảng"; "Giáng Động Hoa Vương" Giả Bảo Ngọc với tư cách người hộ hoa đứng trước muôn hoa, lời khảo ngữ của cậu là "tình bất tình": chữ "tình" đầu là động từ, nghĩa là cậu có thể dâng tình cảm yêu thương trân trọng cho cả những sự vật "bất tình"; đó là một tấm lòng nhân văn rộng lớn, cao quý hiếm thấy, đáng để chúng ta đi đi lại lại mà suy ngẫm mãi.

# Xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên

Việc Uyên Ương kháng hôn khiến Hình phu nhân giật mình. Bà vốn là vợ kế của Giả Xá; trở lại chỗ ở của Nghênh Xuân trong Đại Quan viên, bà răn dạy Nghênh Xuân một trận, trong đó có những lời như "Hơn nữa con lại đâu phải con đẻ của ta... còn ta thì cả đời không con không cháu, cả đời thanh sạch", đủ chứng bà chưa từng sinh nở. Bà tưởng mình đã đủ tam tòng tứ đức, hiền thục đến bậc ấy: Giả Xá muốn nhận Uyên Ương làm thiếp, bà không những không ngăn cản, còn đích thân đi vận động; theo bà nghĩ, với Uyên Ương đó là một bước lên địa vị xã hội; nếu chịu theo về bên Giả Xá mà sinh thêm được một con trai nửa gái thì càng có phúc hưởng; bà vợ cả lại rộng lượng dễ chịu đến thế, bánh từ trên trời rơi xuống, Uyên Ương há có lý nào lại không đưa tay nhận lấy? Ai ngờ Uyên Ương bật ra tiếng kêu "Trâu không muốn uống nước cố đè sừng?!", chuyện này rốt cuộc khó mà tiến hành nổi.

Nghe tin Uyên Ương kháng hôn, Giả Xá không những giật mình mà còn phẫn nộ. Ông có cái suy luận riêng của ông: ông quyết đoán nguyên nhân Uyên Ương chối từ là tuân theo một quy luật, quy luật "xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên" (自古嫦娥爱少年); và ông tiếp lời gay gắt sắc lẹm: "Ta bảo cho mà biết, mày về bảo vợ mày rằng: xưa nay 'chị hằng yêu tuổi trẻ' chắc nó chê ta già, có lẽ nó chỉ yêu các cậu trẻ thôi! Chắc chắn là nó đã nhắm vào Bảo Ngọc, có lẽ cả thằng Liễn nữa. Nếu nó có bụng ấy thì bảo nó hãy mau mau xếp lại. Ta muốn lấy, nó không bằng lòng, sau còn ai dám lấy nó nữa? Đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai nó tưởng cụ thương nó, sau này sẽ chính thức gả nó cho một người ở ngoài phủ này. Bảo nó nghĩ kỹ đi: dù nó lấy ai nữa, cũng khó thoát khỏi tay ta! Trừ phi nó chết đi, hay suốt đời không lấy chồng, ta mới chịu! Nếu không, bảo nó nên mau mau nghĩ lại, sẽ có nhiều điều hay đấy."

Những lời ác độc ấy của Giả Xá nghe lạnh sống lưng, đầy sát khí. Uyên Ương biết rồi, chẳng những không chút sợ hãi, còn chống trả ngoan cường hơn nữa: ngay trước mọi người, cô giấu sẵn một cây kéo trong tay áo, xông tới trước mặt cụ Giả mẫu quỳ xuống thề, nói tới cuối cùng mở tóc ra định cắt. Lời thề của cô hết sức dứt khoát tuyệt tình: "Cháu nói trước mặt mọi người ở đây, đừng nói là Bảo Ngọc, chứ dù 'Bảo Kim', 'bảo Ngân', 'Bảo Thiên Vương', 'Bảo Hoàng Đế' nào nữa, cháu cũng chẳng lấy, cứ ở vậy suốt đời là xong chuyện!" Trong cơn vùng lên phản kháng cô chọn lời vội vàng, đến cả câu "Bảo Hoàng Đế" cũng buột miệng thốt ra; ở thời đại ấy, đó là phạm điều tối kỵ lớn, nhưng khi ấy Uyên Ương chết còn không sợ, còn kiêng nể tránh né gì nữa? Cô tuyên bố: "Nếu cụ ép quá, cháu đành một nhát dao là xong đời, chứ không thể nào tuân lời được!" Khi nói câu ấy, cô còn chưa biết cuối cùng cụ Giả mẫu sẽ thái độ thế nào; cô nói nếu ngày kia cụ Giả mẫu qua đời, cô hoặc tìm cái chết, hoặc đi tu: "Nếu bảo cháu không thực bụng, chỉ tạm lấy lời chống đỡ rồi sau này mưu tính khác, thì đã có giời đất, quỷ thần, mặt trời, mặt trăng chứng giám, chiếu thẳng xuống cổ họng, cho nhọt mọc ngay trong cổ, vỡ ra thối rữa thành một bã nhừ nhoét (日头月亮照着嗓子，从嗓子里头长疔，烂了出来，烂化成酱)!" Đáng chú ý là lúc thề, cô đặt "mặt trời, mặt trăng" cạnh nhau; lẽ thường người ta chỉ nói "mặt trời chiếu xuống" thế này thế kia, chứ chẳng ai đồng thời nói "mặt trăng

chiếu xuống"; điều đó khiến ta nhớ lại lần Uyên Ương ba lượt xướng lệnh bài, trong câu lệnh bài có câu "Hai vầng nhật nguyệt sáng trưng trần hoan" (双悬日月照乾坤). Điều này tỏ rõ: khi Tào Tuyết Cần viết chuyện của năm ấy (theo khảo chứng là năm Càn Long nguyên niên), thế cục chính trị lúc bấy giờ chính là người con trai trưởng đích xuất của thái tử bị phế, cũng là cháu trưởng đích tôn của Khang Hy, Hoằng Tích, đã thành "vầng trăng" treo lơ lửng trên trời, "muốn che ánh đẹp, e rằng khó che nổi", mưu đạt tới cảnh giới "Vừng trăng vừa ló trên trời, Dưới trần ngửa mặt muôn người ngắm trông", rõ ràng muốn phân thắng bại cùng "vầng mặt trời" tức thiên tử (thực chất là ám chỉ Càn Long).

Kết cục của Uyên Ương phần sau tám mươi hồi rốt cuộc là gì? Bản tiếp sách của Cao Ngạc viết cô treo cổ tuẫn chủ sau ngày cụ Giả mẫu an táng, nhấn mạnh cái "trung thành" của cô; đó cũng là một cách sắp cốt truyện tạm chấp nhận được, song thực ra Uyên Ương dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần không những là nhân vật rất có chủ kiến, giàu tính phản kháng, ý thức tự ngã cao vút, mà tuyệt không phải kẻ tuân thủ lễ giáo phong kiến: cô phát hiện Tư Kỳ và Phan Hựu An tư thông trong Đại Quan viên; tuy thấy hơi kinh ngạc xấu hổ, nhưng cô không lấy đạo đức phong kiến mà xét Tư Kỳ là vượt phép phạm tội; biết Tư Kỳ ôm hổ thẹn nằm ốm, cô kịp thời sang thăm, đuổi hết người khác ra, đứng thề rằng: "Tôi chỉ mách một người thôi, cũng xin chết ngay lập tức! Em cứ yên tâm dưỡng bệnh, đừng phí hoài mạng nhỏ!" Ở thời đại ấy, ở hoàn cảnh ấy, lại mang thân phận a hoàn được sủng ái, có mặt mũi, có uy quyền bên người lão tổ tông trong đại môn quyền quý, vậy mà cô coi việc liều lĩnh táo bạo của Tư Kỳ là riêng tư cá nhân của chính Tư Kỳ; cô tôn trọng sự riêng tư ấy, bảo vệ sự riêng tư ấy, thử hỏi quan niệm của cô Uyên Ương đây đã siêu trước đến mức nào! Dĩ nhiên thực chất đó là quan niệm siêu trước của chính Tào Tuyết Cần.

"Xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên": tuy Giả Xá thừa nhận đây là một quy luật tình yêu khách quan, nhưng ông vẫn ráng dựa vào quyền thế tiền tài mà lật ngược nó. Thực ra hồi ấy Giả Xá cũng chỉ khoảng sáu mươi tuổi, theo cách phân chia hôm nay vẫn đang trong giai đoạn tráng niên, chẳng phải ông già tám mươi cửu chín gì đâu. Thời đại tiến bộ, nhưng tiến bộ đôi khi cũng phải trả giá không lường trước; ví dụ kinh tế bay lên, còn giá trị quan tục thế ở vài phương diện lại mất chuẩn mực; "xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên" hình như đã chẳng còn là định luật tình yêu nữa. Giả Xá nếu sống đến hôm nay, chỉ cần đăng báo xin hôn qua truyền thông, khai rõ mình tước nhất đẳng tướng quân, có nhà to xe sang gia sản dày, thì chắc chắn sẽ có vô số "Hằng Nga" đẹp hơn cả Uyên Ương tranh nhau kéo đến bên ông; bạn thấy có phải thế không?

# Cánh bèo còn có ngày gặp gỡ

Trong tập thứ hai của loạt sách này, tôi đã bàn về vấn đề tên gọi Lâm Chi Hiếu trong sách: ở một số cổ bản "Thạch Ký", Lâm Chi Hiếu rõ ràng được viết thành Tần Chi Hiếu. Tần Khả Khanh, Tần Chi Hiếu, Tần Hiển, liệu những cái tên nhân vật ấy có phải được đặt một cách tùy tiện? Phân tích quy luật đặt tên nhân vật của Tào Tuyết Cần cho toàn bộ tác phẩm, tôi nhận ra rằng ông đặt tên cho nhân vật hết sức tâm huyết, chịu khó suy nghĩ. Theo tôi, ý tưởng ban đầu của Tào Tuyết Cần là chẳng những thiết lập ra Tần Khả Khanh, thông qua số phận nàng ám thị sự tồn tại của lực lượng chính trị phái "trăng" trong sách, mà còn chuyển phái "trăng" sang đám đầy tớ nhà họ Giả, từ những đại tổng quản nắm việc tương đối nhiều đến đám phu dịch tầng dưới cùng chỉ được phân phối canh gác ở một góc phủ, đều bố trí vài người họ Tần, nhằm đậm thêm cái không khí đấu tranh chính trị kiểu "hổ với heo rừng chạm trán nhau" ẩn trong lời ngầm của tiểu thuyết. Nhưng trong quá trình viết, Tào Tuyết Cần liên tục điều chỉnh mạch nghĩ của mình, cũng không ngừng tu chỉnh phần đã viết, chỗ xóa chỗ sửa; trong quá trình ấy, về sau ông quyết định làm giảm bớt thành phần "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" trong tình tiết, không để Tần Chi Hiếu vốn được định vai thành viên phái "trăng" nữa gánh lấy nhiệm vụ nặng nề như thế, mà chỉ viết hai vợ chồng Tần Chi Hiếu thành những đại tổng quản thân phận đơn thuần trong phủ Giả; thế là ông đổi tên Tần Chi Hiếu thành Lâm Chi Hiếu.

Tần Chi Hiếu tuy đã đổi gọi là Lâm Chi Hiếu, nhưng nguyên mẫu cuộc sống của nhân vật này cùng vợ y, vì xuất phát từ bên phái "trăng" lấy thái tử bị phế cùng Hoằng Tích làm nguyên mẫu, thuộc loại nhân vật phân lưu ra từ lực lượng chính trị đã "hỏng việc" (dù có khi được tặng cho nhà Tào, nguyên mẫu của nhà Giả, ngay từ khi thái tử chưa "hỏng việc"), nên trong cách miêu tả họ vẫn để lộ ra vài dấu vết nhện giăng. Chẳng hạn sách viết hai vợ chồng Lâm Chi Hiếu xử thế kín đáo, tuy nắm việc trong phủ mà một kẻ như trời điếc, một kẻ như đất câm; vợ Lâm Chi Hiếu lẽ ra đã qua trung niên, vậy mà vẫn phải nhận Vương Hy Phượng mới ngoài hai mươi làm mẹ nuôi, để che mắt người; nhưng trở về chính nhà mình, trong không gian riêng tư, hai vợ chồng lại có thể thường xuyên thủ thỉ trò chuyện, ngậm ngùi hoài cũ; con gái họ là Lâm Hồng Ngọc nghe mãi, tai nghe mắt thấy lâu ngày, cũng hiểu ra câu "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn. Có ai ăn đời ở đời với nhau mãi đâu? Chẳng qua độ dăm ba năm, mỗi người đi mỗi ngả, còn ai nhìn ngó đến ai nữa?"

Thật ra, đọc kỹ "Hồng Lâu Mộng" sẽ thấy trong sách còn có một nhân vật khác nữa cũng từng nói câu "rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn". Người nói câu ấy chẳng họ Tần, quan hệ với vợ Lâm Chi Hiếu và Lâm Hồng Ngọc cũng khá lơ đễnh, nhưng cô lại gắn bó mật thiết, đằng đuổi lợi ích với một người khác họ Tần trong phủ; người họ Tần ấy là vợ Tần Hiển, vẻ ngoài rất có đặc điểm: gò má nhô cao, mắt to tròn.

Nhân vật cũng thốt ra câu "rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn" chính là Tư Kỳ, cô a hoàn đứng đầu trong viện Nghê Xuân. Tư Kỳ mạnh dạn yêu đương với Phan Hựu An, người anh họ thân thiết với cô từ thuở còn tấm bé, còn mua chuộc bà già coi cửa viên viên cho Phan Hựu An lén chạy vào Đại Quan viên gặp gỡ riêng với mình; đây là tình tiết ai cũng quen thuộc.

Hành vi yêu đương tự do của Tư Kỳ đáng được khẳng định. Nhưng Tư Kỳ lại là một nhân vật phức tạp. Sau khi Đại Quan viên lập bếp riêng, cậu Bảo Ngọc cùng các tiểu thư trong viên cùng Lý Hoàn, Giả Lan... khỏi phải bữa nào cũng ra thượng phòng phủ Vinh Quốc để ăn cơm, thuận tiện biết bao; còn các cô lớn các cô bé cũng nhờ thế hưởng được nhiều lợi ích; hiển nhiên ai có quan hệ tốt với người quản bếp thì hưởng lợi ích càng nhiều; trong hoàn cảnh ấy, có vài cô a hoàn lớn bắt đầu tranh giành quyền chi phối cái bếp. Người phủ cử vào Đại Quan viên quản bếp là thím Liễu; thím Liễu lại chẳng hợp nổi với Tư Kỳ; người thím Liễu hết lòng nịnh hót là đám người viện Di Hồng; nàng vẫn mơ đưa con gái mình là Liễu Ngũ Nhi vào Di Hồng viện hầu hạ; Tình Văn muốn nàng xào riêng giúp mình một món rau ngải, nàng vội rửa tay sạch sẽ tự tay xào, sợ làm Tình Văn không vừa ý; đương nhiên thân thiết nhất với nàng là Phương Quan; cơm nước nàng dọn riêng cho Phương Quan, sách miêu tả tỉ mỉ, đến Bảo Ngọc nhìn thấy ngửi thấy còn thèm, bỏ cả đồ ăn trên tiệc sinh nhật mà sang ăn cơm của Phương Quan; về chuyện giúp Liễu Ngũ Nhi vào Di Hồng viện, Phương Quan cũng quả thật rất nhiệt tình, trước mặt Bảo Ngọc nhiều lần tiến cử, không tiếc sức lực.

Tư Kỳ bất mãn vô cùng vì thím Liễu đối đãi tử tế với người khác mà hà khắc với mình; cô sai tiểu hoàn Liên Hoa Nhi đi xuống lệnh, bắt thím Liễu hầm một chén trứng non mềm; thím Liễu liền càu nhàu một tràng dài, rất không bằng lòng; Liên Hoa Nhi về thuật lại y như thế, Tư Kỳ nổi trận lôi đình, hầu hết Nghê Xuân ăn cơm xong liền "thân chinh ngự giá", dẫn bọn tiểu hoàn xông thẳng vào bếp, thực hiện đúng một cuộc "đập, phá, cướp" có thật cả tên lẫn nghĩa. Chỉ trút giận thôi chưa giải quyết được vấn đề; về sau khi thím Liễu và Liễu Ngũ Nhi mẹ con gặp chuyện, vợ Lâm Chi Hiếu đứng ra chủ trì, thay người phụ trách nội bếp, chính là vợ Tần Hiển; việc này dĩ nhiên vừa ý hết mức Tư Kỳ, từ đó trở đi cô có thể thao túng cái bếp này rồi!

Ai ngờ việc đời đổi thay như mây trắng hóa chó xám: nhờ Bình Nhi, người thay Vương Hy Phượng thi hành quyền lực, áp dụng chính sách "chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không", oan tình của mẹ con họ Liễu được rửa sạch, thím Liễu vẫn quay lại chủ trì cái bếp; vợ Tần Hiển chỉ phấn khởi được nửa ngày liền phải xuống đài ra đi, còn bị điều đi canh gác góc khuất viên viên; Tư Kỳ nghe tin giận đến ngã ngửa.

Cảnh Tư Kỳ hẹn hò vụng trộm với Phan Hựu An trong viên bị Uyên Ương vô tình đụng phải; tuy Uyên Ương ngay lúc ấy đã tỏ ý sẽ không tố cáo, Tư Kỳ từ đêm ấy vẫn khiếp sợ triền miên, ốm liệt giường. Uyên Ương quả là người tốt; cô chẳng những không đi tố cáo Tư Kỳ, mà còn lén đến thăm, đứng thề trước mặt, một lần nữa bảo đảm tuyệt không làm hỏng việc của Tư Kỳ; lúc ấy Tư Kỳ cảm động đến rơi nước mắt, nói ra một tràng dài, trong đó có những câu: "...Lại tục ngữ có câu: 'Dựng rạp ngàn dặm, nhưng không có tiệc nào không tan'. Vài ba năm sau, chúng ta cũng phải xa nhau, mỗi người mỗi ngả. Câu tục ngữ lại nói: 'Cánh bèo

mặt nước lênh đênh, cũng khi gặp gỡ nữa mình với ta'. Sau này được gặp nhau, em xin tìm cách đền ơn chị."

Nếu nói Lâm Hồng Ngọc có thể thốt ra tục ngữ "rạp dù làm dài đến nghìn dặm" là vì từng nghe cha mẹ bàn tán về "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế đã hỏng việc", thì Tư Kỳ cũng buột miệng thốt ra câu ấy, liệu có phải nghe từ vợ Tần Hiển hay không? Đây thật đáng để suy ngẫm!

Dĩ nhiên, trong hoàn cảnh ấy nói với Uyên Ương những lời ấy, điều Tư Kỳ muốn biểu đạt chủ yếu là lời thề biết ơn tất báo. "Cánh bèo còn có ngày gặp gỡ, người ở đời há lại chẳng có lúc gặp nhau": việc đời trần gian, số phận mỗi người, thật có một mặt rất khó đoán định. Cánh bèo trên mặt nước, xét ra một khi đã lớn lên thì mỗi chiếc ở một góc nước, chẳng dính dáng gì đến nhau; nhưng nếu một cơn cuồng phong mưa giật kéo tới, sau đó thì sao? Rất có thể những cánh bèo vốn cách xa nhau giữa dòng lại bám chặt vào bên nhau; trong cuộc sống, con người sau khi chia tay càng khó nói là mãi mãi không gặp lại; hôm nay bạn giúp đỡ tôi lúc tôi sa cơ, mai có lẽ ngược lại tôi cứu trợ bạn lúc bạn gặp nạn; Tư Kỳ thốt ra được nhận thức nhân sinh như thế, Uyên Ương nghe xong xúc động đến xót xa rơi lệ.

Sau vụ lục lựa Đại Quan viên, âm mưu của Tư Kỳ bại lộ, cô bị đuổi ra ngoài. Tuy tám mươi hồi sách không nói gì đến kết cục của Uyên Ương, nhưng từ muôn vàn mồi nhúng ta có thể biết rằng phần sau tám mươi hồi sẽ viết: qua xong tang lễ Giả mẫu, Giả Xá trả thù cô một cách tàn nhẫn, và cô lấy cái chết kháng cự.

Tư Kỳ và Uyên Ương đều là nạn nhân của thời đại và xã hội ấy; hai cánh bèo ấy, đoán chừng về sau đã không còn gặp lại nhau, không thể cứu giúp lẫn nhau; nhưng sự mong mỏi nhân sinh "cánh bèo còn có ngày gặp gỡ" của Tư Kỳ thì quả đáng để chúng ta lặp đi lặp lại mà nhấm nháp.

# Cơm nồi khác thơm hơn

Do trong cung một lão thái phi tạ thế, Giả mẫu, Vương phu nhân... đều phải tham dự các hoạt động tang tế, còn Vương Hy Phượng thì do sảy thai mà thể hư chẳng lo việc được, nên các công tử tiểu thư phủ Vinh Quốc được thêm thoải mái vui chơi hết ngày này sang ngày khác. Mùa xuân hoa thược dược nở rộ, đúng lúc Giả Bảo Ngọc, Tiết Bảo Cầm, Hình Tụ Yên, Bình Nhi... tụm lại sinh nhật gần nhau, họ tụ tập ở vườn Hồng Hương ăn uống tưng bừng, nói cười rôm rả, thảnh thơi thích thú vô cùng. Trong những dịp như thế, các a hoàn loại một có thể tham dự; a hoàn loại hai trở xuống nếu không được phân công việc gì liên quan thì đành chỉ trông ngóng mà than.

Phương Quan vốn là một trong những tiểu hí tử được phủ Vinh Quốc nuôi; trong cung có tang, Nguyên phi không thể nữa về thăm nhà, trong một năm phủ cũng không cho diễn kịch nữa, nên phủ Vinh Quốc giải tán gánh hát; Phương Quan không muốn ra đi, liền được phân vào Di Hồng viện làm a hoàn; đương nhiên cô chẳng thể nào thành a hoàn loại một, tạm chấp nhận xếp vào loại hai vậy; ngày mở tiệc thọ lớn ở vườn Hồng Hương, cô chẳng có phần tham dự, một mình ôm bụng buồn thủ Di Hồng viện, cô liêu biết bao; tuy cũng có thể ra viên chơi trò đấu cỏ với các a hoàn khác, nhưng cuối cùng vẫn không thể vào vườn Hồng Hương uống cho thật say mới chịu.

Nhưng Phương Quan có hai ưu thế: một là tính cách cô thẳng thắn hoạt bát, rất được Bảo Ngọc yêu thích; hai là cô quen thân đặc biệt với thím Liễu quản nội bếp. Bảo Ngọc bên vườn Hồng Hương vui đủ rồi, nhớ đến Phương Quan, quay về Di Hồng viện tìm, lần nào cũng trúng: Phương Quan đang nằm sấp mặt vào trong trên giường, Bảo Ngọc đẩy cho ngồi dậy, Phương Quan liền càu nhàu "Các người cứ uống rượu bỏ mặc em", Bảo Ngọc lấy muôn vàn lời dỗ dành. Đúng vào cái lúc ấy, thím Liễu sai người bưng đến mâm cơm chuẩn bị riêng cho Phương Quan.

Thím Liễu thuở trước cùng đám người gánh hát của Phương Quan đều mưu sinh ở Lê Hương viện; trong quãng thời gian ấy, Phương Quan và thím Liễu thiết lập quan hệ mật thiết; về sau thím Liễu được cử sang Đại Quan viên trông coi bếp, gánh hát giải tán Phương Quan lại vừa đúng được phân vào Di Hồng viện, quan hệ hỗ trợ tương lợi giữa hai người được nối tiếp thuận lợi; Phương Quan hứa giúp con gái thím Liễu là Liễu Ngũ Nhi sang hầu cạnh Bảo Ngọc, còn thím Liễu, khỏi phải nói, phương thức báo đáp Phương Quan hàng đầu chính là cung cấp cho cô những mâm cơm riêng tinh xảo ngon lành.

Vậy thím Liễu sai người mang đến cho Phương Quan một bộ đồ ăn như thế nào? Sách viết rất kỹ: hé nắp hộp cơm, "bên trong là một bát canh da gà bọc tôm, lại một bát vịt tần rượu, một đĩa nem ngỗng ướp mặn, một đĩa bốn miếng bánh cuốn hạt thông trộn với sữa, cùng một liễn lớn cơm gạo tám hấp nóng hổi xanh biếc thơm phức". Đúng là đủ sắc, đủ thơm, đủ vị. Phương Quan hưởng đặc ân ấy lâu ngày, nhìn thấy chỉ nói

"Mỡ ngấy lắm, ai ăn được những thứ này!" Còn Bảo Ngọc ngửi thấy mùi ngon hơn thức ăn mọi ngày, liền ăn một miếng bánh cuốn, rồi xới nửa bát cơm chan canh, ăn rất ngon lành.

Nào ngờ chuyện Bảo Ngọc ăn "cơm của a hoàn loại hai" ấy của Phương Quan bị các a hoàn lớn là Tập Nhân, Tình Văn... hay biết; Tình Văn ganh tức, dùng ngón tay chỉ thẳng vào trán Phương Quan, mắng nó là "con hồ ly tinh", nghi nó cố tình rủ Bảo Ngọc đến ăn chung; Tập Nhân thì ôn hòa thông suốt, nói chẳng qua là va phải ngẫu nhiên thôi, Bảo Ngọc như con mèo, ngửi thấy mùi thơm là muốn ăn ngay một miếng, đúng là "cơm nồi khác thơm hơn".

"Cơm nồi khác thơm hơn", câu ấy nói lên một quy luật phổ biến. Đồ ăn ngon đến đâu mà ăn liên tục cũng ngấy. Ở nhà nấu ăn hằng ngày cũng phải luôn luôn đổi món. Đi nhà hàng cũng chẳng thể cứ mãi một quán. Thỉnh thoảng đến nhà bạn làm khách, ăn bữa cơm của người ta, trình độ chế biến món ăn thực ra bình thường, nhưng vẫn thấy khẩu vị mới lạ, lời cảm tạ xuất phát tận đáy lòng.

Ăn uống thì thế, trên hành trình nhân sinh, thỉnh thoảng nếm thử chút "cơm nồi khác" cũng rất cần. Khái niệm "khác nồi" có thể mở rộng rất xa: khác nghề, khác giới, khác chuyên môn đều có thể coi là "khác nồi"; "cơm nồi khác" không thể lấy làm cơm hằng ngày; nếu thật ăn mãi thế, ăn không tiêu hóa chắc chắn ngộp, mà ăn quen rồi thì cũng chẳng còn "khác nồi" nữa, thành ra "đổi nồi". Nhưng với tiền đề giữ nồi của mình ăn phần cơm bổn phận, thỉnh thoảng nếm "cơm nồi khác", thì không những khẩu vị mở ra hớn hở, thấy "ngon lạ thường", mà dinh dưỡng tiếp thu được cũng nhất định quý giá hơn hẳn; đặc biệt việc nạp vào vài nguyên tố vi lượng, có tác dụng dưỡng sinh vô cùng trọng yếu.

Trong môi trường xã hội được miêu tả trong "Hồng Lâu Mộng", lương thực tinh thần của trai trẻ gái trẻ trước tiên là Tứ thư Ngũ kinh bị quy định cưỡng ép; như Lâm Đại Ngọc, một nữ tử tài hoa chán ghét khinh rẻ đạo Khổng Mạnh và đường công danh, "cơm nhà" của nền tu dưỡng văn hóa của nàng là thơ Đường từ Tống; như lúc nàng dạy Hương Lăng học thơ, nàng đặc biệt nhắc đến thơ Vương Duy, Lý Bạch, Đỗ Phủ và sớm hơn là Đào Uyên Minh...; những "bữa cơm" ấy thời ấy được cho phép "ăn" tùy ý; nhưng như 《Tây Sương ký》《Mẫu Đơn Đình》, diễn trên sân khấu thì được xem, còn sách thì không được đọc, bị coi là "sách dâm từ sắc"; nhưng một khi nàng nhận lấy 《Tây Sương ký》 từ tay Bảo Ngọc, đọc một hơi hết trang, lại nghe xuyên vách những câu trong 《Mẫu Đơn Đình》 do các cô bé gánh hát Lê Hương viện đang tập hát, lập tức phát huy hiệu ứng "cơm nồi khác thơm hơn": tim rung thần xiêu, say mê như mất trí.

Đối với chúng ta người hiện đại, không cần phải như Giả Bảo Ngọc chỉ "va phải ngẫu nhiên" ăn vài miếng "cơm nồi khác", mà nên tự giác mở rộng thực đơn lương thực vật chất và lương thực tinh thần của mình, nhiều lấy từ "cơm nồi khác" khoái cảm, nhiều bồi bổ dinh dưỡng.

# Tự cho rằng tiêu vài đồng tiền đồng thối (几个臭铜) là chẳng có việc gì không xong được

Viết xuống đề tài này, trong lòng tôi khó chịu vô cùng.

Đây là một câu độc thoại nội tâm của Tiết Bàn trong Hồi thứ tư "Hồng Lâu Mộng". Là kẻ thừa kế của một trong bốn đại gia tộc Kim Lăng, Tiết Bàn tranh mua với Phùng Uyên, công tử nhà hào nhỏ thôn quê, để giành đứa bé gái bị người buôn người bắt cóc về nuôi lớn là Chân Anh Liên, gầm lên sai đàn em đánh Phùng công tử tan nát cả người, rồi ung dung tự nhiên dẫn theo mẹ ruột em gái gia quyến lên đường đi kinh đô; Giả Vũ Thôn khi ấy đang nhậm chức phủ Ứng Thiên ở Kim Lăng, thụ lý vụ án, nghe thoáng qua thì bản năng nổi giận: "Sao lại có việc chó má như thế? Đánh chết người rồi chạy trốn, lẽ nào lại không bắt được hay sao!" Nhưng qua gã môn tử vốn là "Hồ Lô tăng" chỉ điểm, hắn mới biết nhà họ Tiết là hào môn quý tộc đứng thứ tư trên "hộ quan phù" Kim Lăng, lại có thông gia với nhà Giả đứng đầu bảng mà hắn đang dựa vào, tuyệt đối không được phép đắc tội, cũng căn bản chẳng thể dựa vào dân chúng hay nỗ lực cá nhân mà đem họ ra "pháp luật trừng trị" được; gã "Hồ Lô tăng" ấy đặc biệt bảo hắn rằng Tiết Bàn căn bản chẳng có cái gọi là "chạy trốn vì sợ tội": "Hắn đánh Phùng công tử cướp lấy nữ tỳ, rồi thản nhiên coi như không có việc gì. Mang ngay gia quyến lên đường, để anh em đầy tớ ở nhà lo liệu, chứ không phải vì việc nhỏ ấy mà chạy trốn đâu." Tào Tuyết Cần viết tâm lý Tiết Bàn: "Hắn coi án mạng và việc quan cũng như chuyện đùa, tự cho rằng chỉ quẳng ra vài đồng tiền đồng thối (几个臭铜) là không có việc gì không xong được." Giả Vũ Thôn sau khi rõ ràng "hộ quan phù" cũng liền "xử bừa án Hồ Lô", và đem bản án "tinh vi" ấy dâng làm quà tiến thân để leo cao thêm với bốn đại gia tộc.

Tào Tuyết Cần không hề viết Tiết Bàn thành một tên lưu manh giản đơn hóa. Phía sau ông dành không ít trang viết về cái điên rồ dốt nát của hắn, nhưng đồng thời cũng viết ra tình thân chân thành của hắn với mẹ ruột và em gái; khi giao du với những người bạn cùng giai cấp như Giả Bảo Ngọc, Phùng Tử Anh..., hắn cũng thường lộ ra vẻ ngây thơ khẩn thiết; có lần hắn lừa Bảo Ngọc ra khỏi Đại Quan viên, nói thế này: "Nếu không phải việc gì thì tôi cũng chẳng dám làm phiền anh; chỉ vì ngày mai mồng ba tháng năm là ngày sinh của tôi, không biết Trình Nhật Hưng ở hàng bán đồ cổ kiếm đâu được những ngó sen tươi vừa to vừa dài, lại giòn ngọt thế, những quả dưa hấu rất to, một con cá tầm tươi ngon dài như thế và một con lợn Xiêm được xông hương cây bách do nước Xiêm La đem đến cống to lớn như thế... Tôi vội vàng dâng hiến mẹ tôi, rồi khẩn trương biếu vào trong cho bà cụ, bác út, dì ruột; giờ còn để lại chút ít, tôi định ăn một mình thì sợ tổn phúc, nghĩ đi nghĩ lại, ngoài tôi ra chỉ có anh là đáng ăn thôi, nên đặc biệt mời anh đến..." Anh xem, Tào Tuyết Cần còn kèm theo viết luôn cả ngôn ngữ hình thể của Tiết Bàn; trong đoạn văn này, sinh mệnh ấy hiện ra bộ dạng khờ khạo đáng yêu; nhưng đây cũng chính là cái sinh mệnh từng gầm lên sai đàn em giữa ban ngày ban mặt đánh Phùng Uyên tan nát cả người đấy thôi!

Những người theo chủ nghĩa Mác cho rằng bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội; con người bị chế độ tạo dựng; cá nhân thuộc về một giai cấp hay tầng lớp nhất định; chủ thể của tư tưởng ý thức con người là ý thức giai cấp. Thời Tào Tuyết Cần viết sách, Marx và chủ nghĩa Mác chưa tồn tại trên thế giới, nhưng đọc những trang văn về Tiết Bàn trong "Hồng Lâu Mộng", chúng ta lại có thể dùng lý luận chủ nghĩa Mác nêu trên để hiểu. Hơn nữa Tào Tuyết Cần còn viết ra tính người phức tạp, khiến độc giả tỉnh ngộ rằng sinh mệnh kiểu Tiết Bàn, trong tính người vẫn còn chất thiện: phía sau có cảnh hắn hối hận rơi lệ trước mẹ ruột và em gái, bộc lộ mặt mềm đối lập với tàn bạo trong tính người của hắn. Sinh mệnh như thế, nếu không sống trong địa vị giai cấp ấy và cái chế độ ấy, thì mặt thiện trong tính người có thể đè nén được mặt ác. Nhân vật Giả Vũ Thôn dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần cũng thế: nghe thoáng qua chuyện Tiết Bàn đánh chết người rồi khoan khoái ngang nhiên tiến về kinh thành, cái phẫn nộ "Sao lại có việc chó má như thế?" là thật, là sự phun trào lương tri trong tính người của hắn; nhưng khi hắn "bình tĩnh" lại trước "tổng hòa các quan hệ xã hội" của hiện thực, hắn liền quăng cái lương tri ấy sang tận nước Java; biểu hiện của hắn khiến chúng ta hiểu rằng sự xuất hiện của tham quan ô lại, kỳ thực cũng do một "luật chơi quan trường" khó tránh khỏi quyết định. Phía sau Tào Tuyết Cần viết đến sự suy bại của "bốn đại gia tộc", Tiết Bàn đương nhiên chẳng có kết cục gì tốt đẹp, còn Giả Vũ Thôn thì "Mũ the chê nhỏ hay sao, Để gông cùm phải vương vào đáng lo"; nhưng đó chẳng phải thắng lợi của dân chúng, chẳng phải công lý được đòi lại, mà chỉ là hiện tượng tái phân chia lợi ích trong tập đoàn thống trị dưới quyền hoàng quyền mà thôi.

Hồi thứ mấy của "Hồng Lâu Mộng" là tổng cương toàn sách? Đa số thường cho rằng Hồi thứ năm là tổng cương, vì trong đó qua các trang sổ tiên đoán của Kim Lăng thập nhị thoa cùng mười hai khúc nhạc, tiết lộ toàn diện quỹ đạo số phận các nhân vật chính trong sách. Nhưng Mao Trạch Đông lại chỉ ra rằng nên coi Hồi thứ tư, tức hồi trình ra "hộ quan phù" và viết đến Tiết Bàn "tự cho rằng chỉ tiêu vài đồng tiền thối (几个臭钱) là không có việc gì không xong được", làm tổng cương toàn sách. Nhà cách mạng nhìn từ "Hồng Lâu Mộng" thấy được tính tất yếu của "chiếc búa chém ra thế giới mới, chiếc liềm cắt đứt càn khôn cũ".

Dưới câu "tự cho rằng chỉ tiêu vài đồng tiền thối (几个臭钱) là không có việc gì không xong được" của Tiết Bàn, Chi Nghiễn Trai phê như thế này: "Người ta bảo Tiết Bàn là ngốc, ta thì cho rằng đây là đại triệt ngộ." Đây là những lời vô cùng đau xót.

Đã hơn hai trăm năm mươi năm trôi qua kể từ khi Tào Tuyết Cần viết nên những trang chữ "Hồng Lâu Mộng". Hôm nay đọc bộ sách đồ sộ này, một trong những thành quả nên có là phải nỗ lực, phải phấn đấu nhằm triệt tiêu tận gốc tàn dư của thời đại cũ, chế độ cũ kiểu "tự cho rằng tiêu vài đồng tiền đồng thối là không có việc gì không xong được".

# Rạp dù làm dài đến nghìn dặm

Có bạn hỏi tôi: cuốn "Hồng lâu thập châu" của anh viết đã khá nhiều rồi, sao những "ngọc ngữ" mà bạn đọc bình thường còn thấy xa lạ anh cũng nhặt lên bàn nghị một phen, mà viên "ngọc" ai ai cũng thuộc lòng "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn" lại mãi chẳng thấy anh viết tới? Thực ra tôi cũng luôn luôn mày mò cách viết bài thưởng thức viên "ngọc" này; chỉ vì e rằng nói nông thì chẳng thú vị gì, mà nói sâu thì dính líu nhiều phương diện quá, sợ một bài văn ngắn không chứa nổi. Thế nhưng bây giờ tôi vẫn thử một phen, xem có thể nói chuyện dài gọn lại, mỗi tầng ý chạm đến là thôi được không.

Trước hết phải dính líu đến chính là 《Kim Bình Mai》. "Hồng Lâu Mộng" là một cuốn sách khác hẳn 《Kim Bình Mai》. 《Kim Bình Mai》 tính văn học rất mạnh, khắc họa nhân vật, viết đối thoại nhân vật rất xuất sắc; nhưng 《Kim Bình Mai》 không những miêu tả tình dục quá mức, mà tác giả khi phơi bày chính trị thối nát, xã hội sa đọa, tính người đen tối thì chỉ có lạnh lùng, không một chút màu sắc lý tưởng nào, chẳng nâng lên nổi điều gì thuộc về tinh thần. Còn "Hồng Lâu Mộng" thì khác: Tào Tuyết Cần xuyên qua miêu tả, qua tạo dựng nhân vật, đôi khi trực tiếp ngay trong ngôn ngữ tự sự, hòa đổ vào ánh sắc phê phán, đưa ra lý tưởng xã hội và nhân sinh lấy thanh xuân nữ tính chưa bị nhiễm ô làm biểu tượng, nâng lên thành chất thơ chứa đựng hàm ý triết lý. Nhưng không cần né tránh: giữa "Hồng Lâu Mộng" và 《Kim Bình Mai》 lại có quan hệ thừa kế và đột phá rõ rệt về văn học; như hai câu "Quân liễu lôi vua xuống ngựa", "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn" mà vài độc giả cho là những câu tục ngữ tuyệt nhất dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, kỳ thực sớm đã có sẵn trong 《Kim Bình Mai》 rồi.

Dĩ nhiên, Tào Tuyết Cần sử dụng "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm...", dù về ý tưởng tổng thể hay chiều sâu ý vị đều cao minh, sâu sắc hơn tác giả 《Kim Bình Mai》. Tào Tuyết Cần ở Hồi thứ hai mươi sáu để Tiểu Hồng nói ra câu ấy. Sách kể rõ rằng vợ chồng Lâm Chi Hiếu đại tổng quản phủ Vinh Quốc quyền hành rất lớn, vậy mà một kẻ như trời điếc, một kẻ như đất câm; càng quái dị hơn, vợ Lâm Chi Hiếu tuổi còn lớn hơn Vương Hy Phượng lại nhận cô làm mẹ nuôi; còn con gái họ là Lâm Hồng Ngọc tức Tiểu Hồng, tuy dung nhan cũng khá được, miệng lưỡi linh lợi, nhưng hai vợ chồng chẳng dựa vào thế lực sắp xếp con vào hạng a hoàn loại một loại hai, chỉ lặng lẽ xếp vào Di Hồng viện làm a hoàn sai vặt tưới hoa nuôi chim đun ấm trà; về sau vẫn là nhờ bản lĩnh thật của Tiểu Hồng, mới đậu được cành cao, trở thành một tướng mạnh dưới trướng Phượng Thư. Hai vợ chồng đại tổng quản ấy vì sao kín đáo thấp điều như thế? Việc này lại dính líu đến vấn đề bản bản "Thạch Ký": ở một số cổ bản, Lâm Chi Hiếu thuở đầu được viết là Tần Chi Hiếu; theo tôi phân tích, rất có thể nguyên mẫu cuộc sống của y chính là đầy tớ của gia tộc thật nơi nguyên mẫu Tần Khả Khanh xuất thân, về sau được tặng cho nhà Tào làm đầy tớ (chuyện ấy thời ấy thường có, chẳng có gì lạ); Tào Tuyết Cần ban đầu định trong sách cũng điểm rõ họ đến từ cùng một nền tảng với Tần Khả Khanh, về sau ông đổi

ý, muốn che giấu điểm ấy, mới quyết định đổi họ nhân vật từ Tần thành Lâm. Họ tuy đổi, nhưng một số đặc điểm của nguyên mẫu thì không đổi, vẫn được viết ra như thật.

Nghiên cứu "Tần học" của tôi tiết lộ nguyên mẫu cuộc sống của Tần Khả Khanh là một người con gái của Dận Nhưng, thái tử thời Khang Hy lập rồi phế hai lần; trong sách Dận Nhưng hóa thành "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế"; y "hỏng việc", nên con gái y Tần Khả Khanh thuộc loại được che giấu; những đầy tớ y tặng cho nhà Giả trước khi "hỏng việc", tuy chưa đến mức bị truy cứu tận đáy, nhưng rốt cuộc thuộc loại "lai lịch không sạch"; vì thế vợ Lâm Chi Hiếu phải nhận Vương Hy Phượng làm mẹ nuôi để tăng thêm chút cảm giác an toàn, còn hai vợ chồng thủ thỉ với nhau trong nhà, cũng khiến Tiểu Hồng trưởng thành sớm hơn những đứa cùng tuổi, biết rõ thế đạo "mây trắng hóa chó xám" đổi thay.

Tiểu Hồng thốt ra câu ấy lúc đối thoại với Giai Huệ, một tiểu hoàn chỉ xuất hiện đúng một lần duy nhất; nàng còn nói tiếp: "Có ai ăn đời ở đời với nhau mãi đâu? Chẳng qua độ dăm ba năm, mỗi người đi mỗi ngả, còn ai nhìn ngó đến ai nữa?" Những lời ấy với bài kệ "Ba mùa xuân qua rồi, chư phương tàn hết; mỗi người phải tự tìm cho mình lối riêng" mà Tần Khả Khanh đọc ở Hồi thứ mười ba là thông suốt hoàn toàn với nhau. Theo Giai Huệ tiết lộ, đến giai đoạn câu chuyện phát triển lúc ấy, Giả Bảo Ngọc và mọi người còn chưa hề có giác ngộ "tiệc lớn tất tan": "Thế mà hôm trước cậu Bảo còn bảo: nào là thu xếp buồng ở, nào là may quần áo mới, như là câu chuyện còn đầm ấm lâu dài hàng mấy trăm năm nữa!"

Câu tục ngữ "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm..." trong "Hồng Lâu Mộng" thông suốt một mạch với "Cây đổ khỉ vượn tan", với bài 《Hảo Liễu Ca》 cùng phần giải chú của Chân Sĩ Ẩn...; bên trong có sự tổng kết mang tính quy luật rằng việc đời quyết không đông cứng mà nhất định sẽ biến đổi, đồng thời cũng chứa đựng cảm xúc tiêu cực của thế giới quan, nhân sinh quan bi quan.

Ngày quốc khánh Pháp 14-7-2000, tôi tình cờ đang ở Paris, chứng kiến "tiệc bàn dài nghìn dặm" do dân chúng Pháp tự phát tổ chức: người ta dọc kinh tuyến chạy xuyên qua trung tâm Paris, trung tâm nước Pháp trải tiệc, đại thể nối liền nhau, dùng chung một loại khăn trải bàn giấy cùng hoa văn, từng nhà mang rượu món mình chuẩn bị ra chia sẻ với láng giềng đồng nghiệp; ở sân Bảo tàng Louvre và cầu Nghệ thuật trên sông Seine, nghe nói là nơi kinh tuyến đi qua, tôi thấy trai gái già trẻ hoặc dựa bàn hoặc ngồi đất, vừa ăn uống vừa hát xướng, náo nhiệt vô cùng; lại từ truyền hình thấy đủ thứ hình ảnh trực tiếp nơi kinh tuyến đi qua, thật thú vị biết bao. Đến lúc mặt trời lặn, "tiệc bàn dài nghìn dặm" xuyên suốt nước Pháp ấy tan trong tiếng hát tiếng cười. Tôi thấy cái lãng mạn khoáng đạt của người Pháp quả đáng để chúng ta học hỏi. Thực ra trong "Hồng Lâu Mộng" sớm đã viết đến không ít đồ vật Tây Dương, như hộp thuốc hít thủy tinh kim tinh, cao trị đau đầu "Y Phất Na"...; "dùng cái Tây phục vụ cái Trung", từ câu "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn" chúng ta lọc bỏ cảm xúc bi quan, đổ vào đó phong độ lãng mạn kiểu Pháp, chẳng phải cũng thành một câu nói đẹp đấy sao?

# Liễu giấu vẹt, nghe tiếng mới hay

Chi Nghiển Trai là cộng sự của Tào Tuyết Cần. Dĩ nhiên bà chủ yếu thông qua châu phê để chỉ rõ căn cứ cuộc sống và đặc sắc nghệ thuật của "Thạch Ký", chỗ trực tiếp cầm bút vá víu văn bản không nhiều. Bà (dùng ngôi thứ ba nữ tính ở đây là bởi về bản chất tôi tín phục những khảo chứng của ông Chu Nhữ Xương: Chi Nghiển Trai là nguyên mẫu của Tương Vân trong sách, là người em họ họ Lý của Tào Tuyết Cần; sau khi gia tộc suy bại, hai người trải qua muôn vàn gian khó, gặp gỡ đầy kịch tính, ẩn cư nơi thôn quê, đổ hết tâm huyết cùng nhau theo đuổi sự sáng tác "Thạch Ký") ngay trong châu phê hồi thứ nhất, một mặt chỉ ra rằng triều đại niên đại, địa dư quốc độ trong sách "đại hữu khảo chứng", khiến chúng ta biết bộ sách này của Tào Tuyết Cần tuy giấu việc thật đi, dùng giả ngữ thôn ngôn mà tự sự, nhưng quả là một tác phẩm mang tính tự thuật, tự truyện; mặt khác lại chỉ ra rằng, khi biến cái thật của cuộc sống thành cảnh giới nghệ thuật, Tào Tuyết Cần sử dụng rất nhiều thủ pháp cao siêu.

Trong châu phê hồi thứ nhất, Chi Nghiển Trai đã tổng kết như thế này kỹ xảo viết văn của Tào Tuyết Cần: "Việc thì là việc thật, nhưng cách kể cũng có khung có giá, có quanh co khúc khuỷu, có xuôi có nghịch, có soi chiếu đối đáp, có ẩn có hiện, có chính có nhuận, đến mức những cái kỳ như rắn cỏ vệt tro, khe núi truyền thanh, một gõ hai tiếng vang, sáng sửa đường tắc, tối vượt Trần Thương, mây rồng mưa sương, hai núi đối sừng sững, vấy mây đỡ trăng, tán phấn mặt sau, nghìn nét cần vạn lớp nhuần..." Từ ngữ bình luận của bà vô cùng phong phú, khiến độc giả sinh ra hàng loạt hình tượng liên tưởng; vừa tăng thêm sức thẩm mỹ cho ngòi bút Tào Tuyết Cần, vừa thường đem lại khoái cảm đọc cho chính những câu châu phê của bà.

Ở Hồi thứ bảy, Tào Tuyết Cần bằng thủ pháp khá hàm súc viết cảnh Giả Liễn và Vương Hy Phượng giữa trưa làm chuyện phòng the tại nhà; câu chấm mắt thực ra chỉ một hai câu: "Ngay khi ấy nghe thấy ở trong có tiếng cười, lại là tiếng Giả Liễn. Liền đấy có tiếng mở cửa. Bình Nhi mang cái chậu đồng ra gọi người móc nước." Có độc giả trẻ hỏi tôi: "a hoàn thông phòng lớn" là cái gì? Tôi chỉ bảo cậu ấy tự mình ngẫm nghĩ hai câu miêu tả ấy. Chi Nghiển Trai hết lời khen ngợi cách viết này của Tào Tuyết Cần, bà nói: "Văn hay nghĩ lạ! Với cái làm người của A Phượng, há lại có lý gì chẳng chú tâm vào hai chữ phong nguyệt? Nếu thẳng tay viết ra bằng bút minh, chẳng những xúc phạm đến thân giá của A Phượng, mà cũng chẳng còn văn hay để thưởng; mà nếu không viết thì lại vạn phần không được; nên chỉ dùng phép 'liễu giấu vẹt, nghe tiếng mới hay', chấm phá nhẹ vài nét, không những lời văn kín đáo vi tế, mà cũng chẳng đến nỗi làm nhơ bẩn cái khí phách anh hùng, cốt cách tuấn kiệt của A Phượng."

"Liễu giấu vẹt, nghe tiếng mới hay" đặt vào đây, gợi mở cho độc giả thấy kỹ xảo nghệ thuật cao siêu của Tào Tuyết Cần, thật thích đáng vô cùng. Chi Nghiển Trai hiển nhiên có nền tu dưỡng văn hóa rất sâu; bà nhiều lần buột miệng ngâm ra, với tay lấy được những câu thơ hay để bình điểm văn bản của Tào Tuyết Cần.

Hồi thứ ba viết cảnh Lâm Đại Ngọc lần đầu "hoàn lệ", Chi Nghiển Trai phê: "Trăng lên sa song, người tới bậc thềm; bóng trên cửa sổ bước vào trước; bút chưa tới mà ý đã tới rồi!" Châu phê hồi thứ mười lăm dẫn thơ vịnh hoa nhất trượng hồng của sứ thần nước An Nam thuở trước: "Tường năm thước đâu che nổi, để lại nửa phần cho người xem." Hồi thứ mười sáu viết Giả mẫu tâm trí bồn chồn, đứng lặng dưới hành lang đại đường, bà phê: "Đối cảnh với câu 'trời chiều tựa lều vẫn man mác trông xa', ta gấp sách lại mà khóc." Hồi thứ hai mươi lăm viết buổi sớm Bảo Ngọc muốn nhìn kỹ Tiểu Hồng, cô bé hôm trước tình cờ rót trà cho cậu, "lại tiếc là phía trước có một cành hải đường che khuất, trông không được rõ", bà phê: "Cái mà ta gọi là chỗ hay của sách này đều tỏa ra từ những câu thơ từ, đều thuộc loại bút pháp này. Xin hỏi người đọc, đây há chẳng phải 'người cách vầng hoa xa hơn cả chân trời' ư?" Châu phê hồi thứ ba mươi bảy nói: "Hay lắm! Tình cao mắt lớn được mấy người? Đúng là 'một chim không hót, núi càng thêm u tịch' vậy." Loại như thế, đều là những ví dụ khéo dùng câu thơ để bình điểm chỗ hay của bút pháp tiểu thuyết.

Chi Nghiển Trai cũng rất giỏi vận dụng sống động tục ngữ tiếng lối làm vũ khí sắc bén cho việc bình điểm. Loại câu ấy bà lần lượt đưa vào châu phê rất nhiều, chẳng hạn: "Một ngày bán được ba ngàn cái giả, ba ngày chẳng bán nổi một cái thật!" "Người mà đổi lối thường, chẳng bệnh thì vong." "Chuyện không vừa ý thường tám chín phần, nói được với người chẳng nổi hai ba." "Người trong hơi thở quên hơi thở, cá trong nước quên nước..." và nữa.

Trong hồi phê cuối Hồi thứ hai mươi bảy, Chi Nghiển Trai tổng kết rằng: "'Thạch Ký' dùng phép cắt, phép rẽ, phép đột ngột, phép cài phục tuyến, phép từ gần dần xa, phép biến rườm thành giản, phép việc nặng chấm nhẹ, phép hư thảo thực ứng, đủ thứ phép tắc, bao giờ cũng ngoài ý liệu người ta, bao giờ cũng chẳng thấy một sợi gượng ép nào, đúng là 'thuận tay với tới chẳng gì chẳng phải' vậy." Tài năng của Tào Tuyết Cần dĩ nhiên phi thường, như Quan Âm nghìn tay không việc gì không làm nổi; kỹ thuật phê bình của Chi Nghiển Trai cũng bút diệu sinh hoa, linh động tự nhiên; chẳng hạn ở hồi Uyên Ương kháng cự việc bị ép làm thiếp, bà xúc động trước cảnh Uyên Ương lúc nguy nan nhắc đến những người chị em từng cùng nhau vượt qua biết bao năm tháng, khiến người đọc liên tưởng dồn dập, liền vung bút viết: "Ta tính thử ra thì đây cũng là mười hai thoa: thật là hoa trong gương, trăng trong nước, báo trong mây, chim trong rừng, chuột trong hang; vô số để khảo cứu, không ai để chỉ trỏ; có dấu vết để tìm, có hình dạng để dựa; chín khúc tám khúc, tiếng xa bóng gần, khói mờ lửa ảo, dọc ngang hiện ẩn; nghìn lạ trăm quái, hoa mắt chuyển thần, bày ra cái đại du hí pháp nghìn tay nghìn mắt!"

Chẳng những tiểu thuyết của Tào Tuyết Cần là kinh điển của dân tộc Trung Hoa chúng ta, châu phê của Chi Nghiển Trai cũng là báu vật của văn hóa Trung Hoa. Nhà văn đương đại có thể sang Tào Tuyết Cần "trộm nghệ", nhà phê bình đương đại cũng có thể từ nơi Chi Nghiển Trai "đoạt báu" đấy!

# Giả mẫu luận về cửa sổ

Qua "Hồng Lâu Mộng", không những có thể hiểu được lịch sử, triết học, tôn giáo, trật tự luân lý, thần thoại truyền thuyết, thơ ca từ phú, nghệ thuật nấu ăn, phương thức dưỡng sinh, đồ dùng trang phục, phong cảnh thiên nhiên, phong tục dân gian của Trung Quốc thời cổ, mà còn có thể hiểu được nghệ thuật viên lâm và tâm lý thẩm mỹ kiến trúc của dân tộc Trung Hoa; những yếu tố ấy hoàn toàn không phải được chắp vá ra một cách gượng ép, mà đã hòa quyện trọn vẹn vào việc xây dựng nhân vật, dòng chảy tình tiết và cách dùng chữ của tiểu thuyết.

Chẳng hạn ở Hồi thứ bốn mươi, trong sách Giả mẫu dẫn Lưu lão lão dạo Đại Quan viên, đến quán Tiêu Tương nơi Lâm Đại Ngọc ở, phát hiện tấm sa che cửa sổ chẳng đúng.

"Bức màn này khi mới treo, trông đẹp đấy, nhưng để lâu phai màu. Ngoài sân không có cây đào cây hạnh nào, mà trúc đã có lá xanh rồi. Cứ treo màn xanh không ăn màu. Ta nhớ nhà ta có những bức màn treo cửa sổ bốn năm màu kia mà. Ngày mai, bảo lấy thay bức màn này đi."

Phượng Thư nghe vậy, liền nói trong nhà còn có mấy tấm the thuyền dực màu ngân hồng, có đủ kiểu hoa chiết chi, lưu vân vạn phúc, bách điệp xuyên hoa.

Giả mẫu liền chỉ ra rằng đó không phải the thuyền dực, mà là loại cao cấp hơn, nhuyễn yên la, có bốn màu: vũ quá thiên thanh, thu hương sắc, tùng lục, ngân hồng. Loại lụa này còn có tên khác là hà ảnh sa, mềm mà dày, nhẹ mà khít.

Chi tiết nhỏ này khiến người ta nhận ra, cách người Trung Quốc nhìn nhận về cửa sổ khác hẳn với người phương Tây. Người phương Tây cho rằng cửa sổ chỉ để lấy sáng và thông gió, dù về hình thức bên ngoài của cửa sổ cũng biến hóa ra không ít kiểu dáng. Còn người Trung Quốc thời cổ lại cho rằng cửa sổ trước hết phải là một khung tranh, cửa sổ phải khiến cảnh vật bên ngoài tạo thành một bức tranh đẹp; vì thế trong việc chọn sa che cửa sổ, cũng phải phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ ấy. Bên ngoài đã là khóm trúc "phượng vĩ sum suê" thì sa che cửa sổ phải là màu ngân hồng, tạo thành sự tương phản với khóm trúc, từ đó tạo nên hiệu quả như thơ như họa.

Sau đó Giả mẫu lại dẫn Lưu lão lão đến Thu Sảng trai nơi Thám Xuân ở, một lần nữa bà để ý đến cửa sổ, "đứng trong màn cửa sổ nhìn ra sân sau một lượt", nói: "Cây ngô đồng ở thềm hành lang đằng sau đẹp nhỉ, chỉ phải tội hơi nhỏ thôi." Đang nói thì chợt có một cơn gió thổi qua, văng vẳng nghe thấy tiếng trống nhạc. Giả mẫu hỏi: "Nhà ai cưới vợ đấy? Ở đây gần phố nhỉ?" Vương phu nhân cùng mọi người cười đáp: "Ngoài phố thì nghe làm sao được? Đó là mười mấy cô gái bé của chúng ta đang tập đàn hát đấy." Giả mẫu bèn cười nói: "Đã là chúng nó tập, sao không gọi vào đây mà tập... cứ bày ở nhà thủy tạ Ngẫu Hương tạ, nhờ

tiếng nước mà nghe càng hay!" Giả mẫu chê cây ngô đồng ngoài cửa sổ còn nhỏ, chính là vì bà coi khung cửa sổ ấy như một khung tranh; cửa sổ đã lớn thì cây ngô đồng trên "bức tranh" bên ngoài cũng phải to hơn mới trông hài hòa, đẹp mắt. Cửa sổ cổ điển Trung Quốc không cách âm là bao; điều đó không hẳn vì kỹ thuật chế tác còn kém về mặt cách âm, mà là cố ý để cửa sổ đóng vai trò "lọc âm": dù đã đóng cánh cửa lại, vẫn để cho âm thanh tự nhiên bên ngoài và nhạc âm do người tạo ra thấm vào trong, tạo thành sự cộng hưởng giữa trong và ngoài cửa sổ. Cho nên bà chủ trương ra ngồi trong đình thủy tạ trên mặt nước, mở cửa sổ thưởng thức tiếng trống nhạc vọng theo sát mặt nước truyền tới.

Lâm Đại Ngọc chịu ảnh hưởng từ gia đình, lại chịu ảnh hưởng gu thẩm mỹ của Giả mẫu, nên hiểu rất sâu cái diệu thú của cửa sổ. Quán Tiêu Tương có một cửa sổ hình vầng trăng tròn; ở Hồi thứ ba mươi lăm, Lâm Đại Ngọc từ ngoài về, liền sai a hoàn tháo cả giá lẫn con vẹt biết ngâm bài Táng hoa từ của nàng xuống, treo sang móc bên ngoài cửa sổ vầng trăng, còn tự mình ngồi trong nhà, cách qua tấm sa cửa sổ trêu đùa con vẹt, lại dạy thêm cho nó vài câu thơ tự mình viết. Lúc ấy bóng trúc bên ngoài rọi vào tấm sa ngân hồng, cả gian nhà rợp bóng xanh biếc, chiếu giường cũng nhuốm hơi mát; chim màu ngoài cửa sổ, người ngọc trong nhà, chiếu rọi lẫn nhau, khiến người ta như say như mê.

Dẫu sao con vẹt cũng chỉ là một loại thú cưng do con người nuôi dưỡng mà thành. Hồi thứ hai mươi bảy có viết, Lâm Đại Ngọc vừa đi ra ngoài vừa dặn a hoàn: "Dọn nhà đi, buông cửa sổ xuống, xem con chim yến đã về chưa, bỏ rèm xuống, chặn cái đôn đá sư tử lại, đốt lò hương rồi đậy nắp lại." Có thể thấy những khung cửa sổ dán nhuyễn yên la ấy là loại có thể tháo hẳn khung sa xuống được, để cho thiên nhiên bên ngoài cửa sổ và con người trong nhà hoàn toàn thông suốt hòa làm một. Mà con chim yến lớn chính là môi giới cho sự gần gũi giữa thiên nhiên và con người; trong phòng ở quán Tiêu Tương vốn có tổ chim yến. Sau khi chim yến trở về, rèm cửa không khép hẳn lại, nói là lấy "sư tử" chặn lại; cái "sư tử" ấy kỳ thực là một món đồ thủ công mỹ nghệ bằng kim loại hoặc ngọc thạch, đè lên một góc rèm cửa, khiến rèm cửa tạo thành một đường cong đẹp mắt, khiến bên trong và bên ngoài cửa sổ hình thành một quan hệ vừa thông suốt vừa che chắn, mập mờ khó nói rõ; trong đó thật sự ẩn chứa những yếu tố văn hóa hết sức phong phú!

Lâm Đại Ngọc có làm một bài 《Đào hoa hành》, gần như từ đầu đến cuối đều ngâm vịnh nỗi thương xót lẫn nhau giữa người và hoa trong ngoài cửa sổ: "... Hoa đào nọ ngoài rèm gió liệng, Người trong rèm sớm biếng điểm trang. Trong ngoài chừng độ tấc gang, Người đây hoa đấy lại càng gần thêm. Gió muốn thổi cho rèm lại mở, Hoa muốn nhòm rèm cứ đứng ngay. Ngoài rèm hoa vẫn nở đầy, Mà trong rèm lại người gầy hơn hoa. Hoa cũng biết xót xa ai đó, Đứng ngoài rèm nhờ gió hỏi han... Tiếng quyên bỗng gọi xuân đi, Rèm này lặng lẽ trăng kia lờ mờ!" Giả mẫu cũng từng có thời trẻ tuổi, từng nghịch ngợm ở đình Chẩm Hà bên nhà họ Sử, ngã xuống hồ suýt chết đuối; tuy được cứu lên kịp thời, nhưng rốt cuộc vẫn bị đanh trúc va phải trán, để lại một vết sẹo nhỏ. Lúc trẻ có lẽ bà không đa cảm như Lâm Đại Ngọc, nhưng gu thẩm mỹ của Lâm Đại Ngọc đối với ngoại tổ mẫu, có thể nói là kế thừa trọn vẹn y bát của bà, lại còn phát huy rộng thêm;

hết thảy hành vi và những câu thơ của nàng, đều là những diễn giải mang tính nghệ thuật cho bài luận về cửa sổ của Giả mẫu.

# Tên tiểu hí tử để tóc kiểu nắp bô

## Hồng lâu tế xử

Tôi quyết định viết một loạt bài "Hồng lâu tế xử", chia sẻ với các bạn mê Hồng những điều rút ra từ việc đọc kỹ Hồng Lâu Mộng. Những "tế xử" ấy thường bị các vị đọc lướt nuốt chửng nguyên vẹn mà bỏ qua. Chẳng hạn từ cuối hồi sáu mươi sang hồi sáu mươi mốt, sách viết chuyện thím Liễu, đầu bếp coi bếp trong Đại Quan viên, từ nhà anh trai nàng trở về, đến cửa góc thì gặp một tên tiểu hí tử để tóc kiểu nắp bô, hai bên có màn cà khịa tranh luận rất đúng với thân phận từng người; tuy chỉ là đoạn văn chuyển tiếp hình như soạn ngay đầu hồi cuối hồi chẳng có gì để tâm, cái tế xử này lại đầy thú vị, đáng nghiền ngẫm lắm.

Những năm gần đây không ít nhà nghiên cứu say sưa phân tích hồi thứ năm mươi sáu, cho rằng chuyện viết Thám Xuân nhanh trí khởi việc làm lợi, trừ bỏ thói hư tích tụy, Bảo Thoa thấu người, ân huệ nhỏ giữ trọn đại thể, tức việc thực hành chế độ giao khoán theo trách nhiệm cá nhân trong Đại Quan viên, đối với cải cách kinh tế hôm nay cũng có ý nghĩa tham khảo đáng kể. Lại còn có nhà nghiên cứu cho rằng nội dung hồi này rất hợp với thứ "chủ nghĩa phúc lợi mới" mà nhà kinh tế học Ý Pareto cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đề xướng. Pareto cho rằng nếu một nhóm lợi ích xã hội thu nhập cao tự nhượng lại một phần lợi ích, để bù đắp cho nhóm khác thu nhập thấp, cấu thành một loại phúc lợi xã hội, thì hai bên có thể cùng giữ được lợi ích, trạng thái xã hội cũng theo đó hướng tới hài hòa, hiệu quả ấy gọi là "tối ưu Pareto". Tào Tuyết Cần sống ở Trung Quốc đóng cửa khép kín hơn một trăm năm trước Pareto, vậy mà trong hồi năm mươi sáu Hồng Lâu Mộng lại có thể miêu tả sinh động cảnh "nội các tạm thời" phủ Vinh Quốc thực hành "chủ nghĩa phúc lợi mới", khiến không ít nhà nghiên cứu ngợi khen ca tụng liên hồi.

Quả thật, chuyện hồi sách ấy viết là chuyện phủ Giả suýt rơi vào tình trạng khuyết quyền lực, ba chiếc xe ngựa ghép tạm thành một đội lại có thể quyết tâm canh tân đổi mới. Khi ấy chủ phủ Vinh Quốc là Giả Chính bị hoàng đế phái đi công sai xa, "tổng lý nội các" Vương Hy Phượng mà Vương phu nhân vẫn dựa dẫm lại nghỉ việc vì bệnh, cộng thêm triều đình mất lão thái phi, nên Giả mẫu, Hình phu nhân, Vương phu nhân, kể cả nữ chủ nhân phủ Ninh Quốc là Vưu thị, và cả nàng dâu kế thất của Giả Dung là họ Hứa, vì đều thuộc hàng "cáo mệnh phu nhân" nên theo quy định đều phải tham dự toàn bộ lễ tế dài ngày, ban đầu mỗi sáng sớm đi tối mới về, sau còn rời kinh lên lăng tẩm nơi xa; dù họ Giả nói dối với hoàng gia rằng Vưu thị đang ở cữ nên đi không được, cho bà ở lại coi sóc phủ Ninh Quốc nhà mình và mỗi ngày sang hiệp lý phủ Vinh Quốc, thì phủ Vinh Quốc rốt cuộc vẫn cần lập một "nội các tạm thời", thế là Vương phu nhân chỉ định ba người Lý Hoàn, Thám Xuân, Bảo Thoa nhận chức: một góa phụ, một con gái xuất thân thiếp, một cô họ ngoại khác họ, thật đúng cái thế "tướng thiếu thì lính gánh". Thực ra Tào Tuyết Cần hạ bút cố gắng khách quan chu đáo hết mức. Ông dẫu quả có ý khen ngợi sự nhanh trí của Thám Xuân, sự thông tuệ của Bảo Thoa giữa dòng chữ, nhưng cũng viết rõ bọn tôi tớ phủ Vinh Quốc đối với "ba chiếc xe ngựa" ấy vẫn mang

lòng thù địch giai cấp không sao tan nổi, hệt như đối với Vương Hy Phượng: "Vừa ngã xuống một con quỉ dạ soa, lại thêm lên ba con sao thái tuế, đến cả việc đêm đến uống rượu chơi đùa cũng mất trắng!"

Quản lý Đại Quan viên, quả thật "giao khoán vào là thần hiệu" sao? Giữa các nhóm lợi ích có thực sự nhờ dầu bôi trơn của "tối ưu Pareto" mà yên ổn với nhau, hướng tới hài hòa hay chăng? Trong khoảng từ hồi năm mươi tám đến hồi sáu mươi mốt, Tào Tuyết Cần lại chính là viết rõ cái căng thẳng quan hệ nhân gian do chế độ giao khoán trách nhiệm do Thám Xuân, Bảo Thoa thiết kế triển khai tạo ra, cùng những sự kiện quần chúng không lúc nào khỏi lên men vì những cái cớ vặt vãnh; "ba chiếc xe ngựa" áp lực chồng chất, Vương Hy Phượng nghỉ bệnh vẫn chỉ định Bình Nhi giúp chính, và Bình Nhi cũng bận tối mắt tối mũi.

Màn đấu môi của tên tiểu hí tử để tóc nắp bô với cô nhà họ Liễu nơi cửa góc, chính là xuất hiện trên cái nền lớn ấy. "Mã tử cái" tức là kiểu tóc nắp bô: kiểu tóc ấy thời ấy là thường thấy ở các bé trai chưa thành niên. Tên tiểu hí tử trước hết tóm lấy cái bớt rằng cô nhà họ Liễu trông chẳng giống người vừa từ nhà mình trở về, biết đâu đã lén lút đi với "gã tình nhân", làm chỗ dựa để uy hiếp, bắt nàng ăn trộm mấy quả mơ trong vườn cho hắn. Cô nhà họ Liễu liền than phiền rằng từ khi thực hiện chế độ giao khoán trách nhiệm cây trái, đứa nào đứa nấy "khác hẳn bộ dạng mặt xé toạc nhau", quản lý thì chặt chẽ rồi, nhưng trong bụng toàn là tiền bạc. Cô nhà họ Liễu chỉ rõ cậu mợ dì ghẻ của tên tiểu hí tử đều là người giành được nhiệm vụ giao khoán, "Thế mới là 'chuột ở trong kho lại hỏi vay thức ăn của quạ'. Cái giống ở liền trong kho không có thức ăn lại còn đi hỏi cái giống bay trên trời à?" Tên tiểu hí tử liền moi chuyện riêng của nàng, rằng đang xoay xở để đưa Ngũ Nhi nhà họ Liễu vào hầu ở viện Di Hồng. Cô nhà họ Liễu ngạc nhiên không hiểu sao hắn rành rõi đến thế, hắn liền cười đáp: "Chẳng lẽ chỉ các người mới có người móc nối bên trong, chứ chúng tôi lại không có người móc nối bên trong sao? Dù tôi đứng đây nghe sai, nhưng bên trong cũng có hai đứa chị em địa vị đàng hoàng, việc gì giấu nổi chúng tôi?"

Lời cuối cùng của tên tiểu hí tử để tóc nắp bô đặc biệt khiến người ta phải suy ngẫm. Trung Quốc cho đến nay vẫn là một xã hội lấy huyết thống, dây nhựa, quan hệ cũ, gương mặt quen thuộc làm trọng tâm giao tiếp. Con người với con người trước luật chơi xã hội không thể đồng nhất "xa lạ hóa" được; thi hành pháp chế xử việc thì với người thân khoan dung, với người dưng nghiêm khắc; bởi thế, quy tắc tốt đến mấy, thiết kế khéo đến mấy, khi triển khai cũng luôn bị giảm giá mạnh. Vấn nạn ấy giải quyết thế nào? E rằng cải cách kinh tế cùng tiến bộ chính trị phải song hành tương trợ với giáo hóa tâm hồn, và về điểm ấy phải kiên trì nỗ lực bền bỉ không ngơi nghỉ.

# Những thú cưng trong Hồng Lâu Mộng

Thấy đề tài, điều ta nghĩ tới trước hết ắt là con anh vũ ở Quan Tiêu quán (có bản cổ chép tên nó là "Oanh ca" 莺哥 thay cho "Anh ca" 鹦哥). Mối quan hệ thân mật giữa Lâm Đại Ngọc với thú cưng ấy, ở đầu hồi ba mươi lăm có một đoạn tả rất tinh tế: thấy Đại Ngọc về, nó xổ tới chào đón, còn gọi cô nhỏ hầu: "Tuyết Nhạn! Cô về đấy, vén rèm lên". Đại Ngọc tuy bị nó xổ tới làm giật mình, có chút trách móc, nhưng vẫn gõ tay vào cái cầu hỏi: "Đã lấy thêm nước và đồ ăn cho nó chưa?" Con anh vũ bèn thở dài một cái hệt như giọng Đại Ngọc ngày thường than thở, rồi đọc ngay ra những câu trong Từ mồ chôn hoa; Tử Quyên, cô lớn ra đón, cùng Đại Ngọc nghe vậy đều bật cười. Đại Ngọc lại dặn Tử Quyên đem cái cầu anh vũ vốn treo trên hành lang treo sang vào cái móc ngoài cửa sổ hình mặt nguyệt, rồi bước vào trong nhà; uống thuốc xong, "thấy bóng trúc bên ngoài chiếu vào màn the, suốt nhà lờ mờ êm dịu, ghế đệm mát lạnh... Không cách giải buồn", Đại Ngọc liền đứng trong cửa sổ, "đùa với con anh vũ, rồi đem những thơ từ ngày thường của mình thích, dạy cho nó đọc". Từ đoạn miêu tả này thấy rõ: thú cưng anh vũ của Đại Ngọc không nuôi trong lồng mà nuôi trên cầu; một mặt có thể vì nó có tầm vóc khá lớn, mặt khác hẳn là vì Đại Ngọc muốn cho nó một khoảng sinh hoạt tương đối tự do.

Hồi hai mươi ba viết Đại Ngọc nghe hát vọng qua tường, đó là những câu từ trong vở Mẫu Đơn Đình, hồi Kinh Mộng; tuy không dẫn ra câu "Biết rằng ta sinh ra cả kiếp vẫn yêu chuộng tự nhiên", nhưng trái tim Đại Ngọc thông suốt trọn vẹn với trái tim Đỗ Lệ Nương, điều ấy thể hiện đầy đủ qua mối quan hệ của Đại Ngọc với thú cưng. Anh vũ rốt cuộc là thú cưng hàng hóa đã được con người thuần hóa; Đại Ngọc không chỉ nuôi anh vũ, nàng còn dung nạp cả những con yến to của thiên nhiên. Hồi hai mươi bảy, sách viết Đại Ngọc vừa bước ra khỏi Quan Tiêu quán vừa dặn Tử Quyên: "Dọn nhà đi, buông cửa sổ xuống, xem con chim yến đã về chưa, bỏ rèm xuống, chận cái đôn đá sư tử lại, đốt lò hương rồi đậy nắp lại." Hiển nhiên, trong không gian cư ngụ của Đại Ngọc có một tổ yến; chim yến mẹ ngày ngày bay đi kiếm mồi về mớm cho đàn con, Đại Ngọc không những chẳng chê chẳng phiền nhà yến ấy mà còn chăm chút nâng niu đủ đầy. Có lẽ tổ yến nằm trong ô cửa sổ, ở khoảng không gian xám ngay ngoài chính điện; chính điện và khoảng không gian xám ngăn cách bằng tấm rèm mềm.

Loài thú cưng xuất hiện nhiều nhất trong Hồng Lâu Mộng là chim muông. Hồi ba, Đại Ngọc lần đầu vào phủ Giả, trước tiên đến khu viện phía Tây của Giả mẫu, bước qua môn thùy hoa, chỉ thấy "hai bên hành lang xuyên núi với dãy phòng thượng, treo đủ thứ chim quý như anh vũ, họa mi...". Về sau xây Đại Quan viên, chim muông ở viện Di Hồng càng nhiều. Cây đặc sắc của viện Di Hồng là trồng chung chuối và hải đường; còn thú cưng đặc sắc, hồi hai mươi sáu qua mắt người đến chơi là Giả Vân thấy "phía ấy có hai con hạc đứng rỉa cánh ở dưới gốc cây thông". Dĩ nhiên cũng viết "trên dải hành lang treo lủng lẳng mấy cái lồng đẹp, trong có nhiều thứ chim lạ", nhưng hạc thần hiển nhiên là con cưng yêu thích nhất của Bảo Ngọc; sau khi dời vào viện Di Hồng, cậu viết ra bài Tứ thời tức sự thi, trong đó có tới hai câu đều nhắc tới chú hạc

thương yêu: "Hạc nồng giấc điệp trên rêu đá", "Sân rợp bóng thông chim hạc đứng". Về sau hồi bảy mươi sáu, Đại Ngọc với Tương Vân đối thơ dưới trăng, Tương Vân ngâm ra câu sấm ngôn "Cò rò bóng hạc bên ghềnh". Ông Chu Nhữ Xương cho rằng hạc trong sách là biểu tượng của Tương Vân; trong cốt truyện cuối của bản chân gốc Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có tình tiết Bảo Ngọc, Tương Vân cuối cùng gặp gỡ hiệp nhau, Tương Vân rút cuộc mới là người Bảo Ngọc yêu nhất. Thuyết này để tham khảo. Dĩ nhiên, đọc tám mươi hồi đầu, độc giả sẽ cảm nhận được Bảo Ngọc sùng bái, ân cần với mọi thiếu nữ tuổi xuân. Vì thế, đối với loài chim muông tượng trưng cho phụ nữ trong viện Di Hồng, sách thiết kế cũng phong phú nhất: không chỉ có "chim thần (hoặc tương ứng với Đại Ngọc), chim lạ (hoặc tương ứng với Bảo Thoa)", mà còn có các giống thường tương ứng với đám tiểu hoàn to nhỏ; hồi ba mươi viết lúc trời mưa, mấy cô diễn nhỏ Lê Hương viện là Bảo Quan, Ngọc Quan cùng Tập Nhân đùa nghịch, "mọi người lại đắp nghẽ cái mương, nước dồn trong sân, bèn đem mấy con vịt đầu xanh, hạc đỏ đầu, le hoa, uyên ương sặc sỡ, con thì bắt, con thì xua, khâu cánh lại, thả trong sân chơi..."

Trong hồi "Thử tài đề biển đối tại vườn Hội Phương" (hồi mục bản thông hành chép là "Đại Quan viên thử tài đề biển đối"), khi Giả Chính bắt cậu đặt tên cho cảnh giới sau này gọi là Đào Hương thôn, Bảo Ngọc phát biểu ầm ĩ, nhấn mạnh chữ "tự nhiên". Đến hồi ba mươi sáu, Tào Tuyết Cần cố ý viết ra màn này: Giả Tường, chủ gánh hát nhà Giả, muốn lấy lòng Linh Quan mình yêu quý, bỏ một lạng bạc tám tiền mua tặng nàng chú chim biết diễn trò tên gọi "Lượng Sí Đồng Ngô"; Linh Quan không những chẳng chịu nhận ân huệ, còn quát mắng nhà Giả đã tiêu bạc mua đám con gái họ "nhốt vào cái chuồng tội này học thứ đồ bỏ đi ấy", cho rằng mua con chim ấy để nó chạy loạn trên sân khấu trong lồng, ngậm mặt quỷ vẫy cờ là "Rõ ràng anh đem con chim sẻ ra hình dung chúng tôi để làm trò cười!", làm Giả Tường vô cùng lúng túng, đành phải tháo cái lồng thả chim đi. Chuyện này dẫu là để viết cảnh Bảo Ngọc ở Lê Hương viện ngộ ra ân tình ai được phần mình, nhưng cũng khiến chúng ta hiểu được quan niệm về thú cưng của Tào Tuyết Cần: tôn trọng bất kỳ sinh mệnh nào, tôn sùng tự nhiên, che chở kẻ yếu nhỏ. Trong phủ Giả, nhất là Đại Quan viên, cũng có vài con vật cỡ lớn hơn; hồi năm mươi sáu, khi Bảo Thoa với Thám Xuân bàn tính thực hiện "chế độ giao khoán" trong Đại Quan viên, có nhắc tới việc vườn nuôi "to nhỏ đủ thứ chim muông hươu thỏ". Một chi tiết hồi hai mươi sáu cũng đáng chú ý: Bảo Ngọc dạo theo suếm Thấm Phòng ngắm cá vàng một lát, chợt thấy trên sườn dốc kia hai con hươu con chạy vun vút như mũi tên; đang phân vân thì bỗng thấy Giả Lan đằng sau cầm cây cung nhỏ đuổi theo. Bảo Ngọc rốt cuộc là vai chú, Giả Lan đành phải dừng lại, giải thích là đang "tập quen cưỡi ngựa bắn cung"; nét bút ấy dĩ nhiên ngầm cài chuyện sau này Giả Lan đỗ võ cử, nhưng Bảo Ngọc chẳng đồng tình, nói thẳng: "Gãy súc răng mất rồi, đến lúc đó mới thôi không tập nữa thì được!" Trong mắt Bảo Ngọc, hươu con không thể làm hại, động vật đều là bạn của loài người; thứ "điên dại" ấy của cậu thậm chí đồn ra cả ngoài, hồi ba mươi lăm Tào Tuyết Cần cố ý qua cuộc đối thoại của hai bà già nhà họ Phó đến hỏi an, chỉ rõ Bảo Ngọc là thứ "tình si", "hạt giống tình": "trông thấy con chim yến, thì nói chuyện với con chim yến; trông thấy con cá ở dưới sông, thì nói chuyện với con cá".

Có bạn mê Hồng bàn với tôi: phủ Giả liệu có nuôi thú cưng mèo và chó không? Câu trả lời là khẳng định. Hồi năm viết Bảo Ngọc đến phủ Ninh Quốc, ngủ trưa trong buồng của Tần Khả Khanh, sắp xếp ổn thỏa mọi thứ xong, "Tần thị liền dặn mấy tiểu hoàn ngồi trông chừng cho tốt ở dưới mái hiên, đừng cho mèo chó đến cắn nhau." Có thể thấy phủ Ninh Quốc mèo chó cưng nhiều lắm, phủ Vinh Quốc chắc cũng vậy. Tuy văn bản Hồng Lâu Mộng không có miêu tả cụ thể nào về mèo cưng phủ Vinh Quốc, nhưng khi "Lư Tuyết Nghiễm tranh đối thơ tức cảnh", Tương Vân "lấy sẵn tại chỗ" ngâm ra câu "Hạc trên lầu đã ngủ yên", Đại Ngọc chẳng chịu thua kém, "cười ôm chặt lấy ngực, cũng hô to: 'Quen người, mèo cũng ủ rền nệm nhung.'" Có thể thấy phim truyền hình Hồng Lâu Mộng sắp đặt cảnh Vương Hy Phượng ôm mèo Ba Tư là trí tưởng tượng hợp lý.

Tiếc rằng sau khi Tào Tuyết Cần đại thể viết xong Hồng Lâu Mộng, vì "kẻ mượn sách làm thất lạc" cùng những nguyên nhân còn bí ẩn hơn nữa, nay chúng ta chỉ còn thấy được bản gốc tám mươi hồi đầu (thực ra còn chưa đủ). Nhưng một số người sống cùng thời đại với ông đã từng được đọc toàn bộ bản gốc. Có một quý tộc người Mãn là Minh Nghĩa, tự Ngã Trai, nhỏ hơn Tào Tuyết Cần chừng mười mấy tuổi, thời không sinh tồn của hai người có chồng lấn; trong bản thảo Lục Yên tỏa song tập của ông có hai mươi bài vịnh Hồng Lâu Mộng, suy xét từ câu trong tiểu tự trước bộ thơ "Ông Tào họ Tuyết Cần đưa ra bộ Hồng Lâu Mộng do chính ông biên soạn... tôi từng thấy bản chép tay của nó", thì cái ông đọc hẳn là một bản toàn văn xoay chuyển mượn được từ chỗ Tào Tuyết Cần. Một bài trong số ấy ông nhớ lại tình tiết trong sách: "Chiều muộn say nhẹ đội lệch mũ, lầm con cún nhỏ ra con mèo ngọc; bỗng nghe tiếng cười nói trong phòng, cố ghé tới dưới đèn đùa một trận." Ông đã thấy đoạn miêu tả thú vị về Bảo Ngọc say về lầm con chó nhỏ cưng ra con mèo trắng lớn cưng. Thế mà giờ đây bất cứ bản Hồng Lâu Mộng nào cũng tuyệt nhiên không còn chi tiết ấy nữa. Biết đâu tìm được một bản chép tay từng qua tay Minh Nghĩa đọc, sướng biết bao nhiêu!

# Hòa Thạc Thục Thận công chúa

Năm 2009 Viện bảo tàng Cố cung Bắc Kinh chuyên chở không ít văn vật quý giá sang Đài Bắc, mở triển lãm lớn về văn vật thời Ung Chính tại viện bảo tàng Cố cung nơi đó; trong số ấy có chiếu thư truyền ngôi của Khang Hy cho Ung Chính, viết bằng hai thứ chữ Mãn và Hán, tựa như bằng chứng sắt đá xác lập cơ sở kế thống của Ung Chính; nhưng giới chuyên gia lịch sử Thanh sớm đã chỉ rõ, tờ chiếu này là chế tác sau khi Ung Chính lên nối ngôi, nghi vấn còn rất nhiều. Dẫu vậy, lịch sử do kẻ thắng viết nên và trưng bày; kể cả việc viết nên và trưng bày ấy không hoàn toàn hợp với sự thật, thì sự thật căn bản, tức ai thắng ai thua, vẫn luôn là điều chẳng thể lay chuyển nổi.

Vừa nối ngôi, Ung Chính liền ban đại ân. Trong đó có việc phong Dận Tự, hoàng tử thứ tám, và Dận Tường, hoàng tử thứ mười ba, làm thân vương, phong Hoằng Tích, con đích của Dận Nhưng, thái tử bị phế, hoàng tử thứ hai, làm quận vương. Dận Tự ngay từ đời Khang Hy đã là một kẻ mạo hiểm tranh ngôi báu, từng bị Khang Hy quát mắng trước mặt mọi người, vậy mà Ung Chính lại nâng địa vị y từ Đa La bối lặc lên thành Liêm thân vương. Hành động ấy của Ung Chính nhằm bịt miệng mưu đồ soán vị của Dận Tự. Nhưng Dận Tự há phải cái ngọn đèn dầu tiết kiệm; hắn cấu kết với Dận Đường, hoàng tử thứ chín, tiếp tục dòm ngó đại vị; thế là Ung Chính quả quyết sau hai ba năm trị tội chúng tàn nhẫn: trước tước tước vị, rồi đuổi khỏi tông thất, chưa đủ, lại tiến thêm bước nữa hủy bỏ "nhân tịch" của chúng, đổi tên Dận Tự thành A Kỳ Na, đổi tên Dận Đường thành Tái Tư Hắc; dân gian có nói hai tên ấy lần lượt nghĩa là "con chó", "con lợn", nhưng có chuyên gia dựa vào tiếng Mãn và chữ Mãn khảo cứu kỹ càng, cho rằng nghĩa lần lượt là "con cá đông trên mâm thớt" và "đáng ghét bỏ"; về sau lại để hai đứa em này lần lượt chết bất đắc kỳ tử nơi chỗ giam giữ. Dù nói thế nào chăng nữa, đối với một đối thủ chính trị như Dận Tự, việc Ung Chính muốn bắt thì buông trước, phong thân vương trước, là một nước cờ hay.

Còn chuyện phong Dận Tường, hoàng tử thứ mười ba, làm thân vương, thì là vì Ung Chính thực lòng coi trọng cậu. Khang Hy từng hai lần phong tước cho các con trưởng vào năm Khang Hy thứ ba mươi tám và thứ bốn mươi tám. Lần phong đầu, Dận Tường mới mười ba tuổi, chẳng được ban tước cũng chẳng lạ. Nhưng đến lần phong thứ hai cậu đã hai mươi ba tuổi, đến Dận Đề, hoàng tử mười bốn nhỏ hơn cậu hai tuổi (lúc ấy gọi là Dận Châm, về sau Ung Chính đổi thành Dận Đề), cũng được phong làm bối tử, vậy mà Dận Tường vẫn chẳng được phân phong, điều đó rất đáng lạ. Nhưng giới sử học phân tích giải thích tình huống này rất ít. Ung Chính vừa lên ngôi lại lập tức phong người em thứ mười ba này làm Hòa Thạc Di thân vương, và hết sức tin dùng dựa cậy cậu. Thực ra Dận Đề mới là đứa em ruột thịt duy nhất của Ung Chính vừa cùng cha vừa cùng mẹ; cuối đời Khang Hy, trong ngoài triều đều xem trọng cậu, cho rằng cậu là hoàng thái tử nội định trên thực tế mà Khang Hy chưa công bố; Khang Hy bổ nhiệm cậu làm chinh Tây đại tướng quân, lập nên chiến công lừng lẫy. Đang tại chức, cậu bỗng nhận tin phụ vương băng hà, liền phi ngựa không nghỉ chân chạy về kinh thành, thì hoàng tử thứ tư đã đăng lên bảo tọa, bắt cậu quỳ phục; thuở đầu

cậu bằng mọi giá không chịu thừa nhận sự thật ấy, mẹ cậu lại bênh vực cậu, kiên quyết không cho Ung Chính "dời cung" mình vào Tử Cấm Thành hưởng tôn hiệu hoàng thái hậu, làm Ung Chính vô cùng lúng túng. Lúc ấy hoàng tử mười bốn là địch thủ chính trị khó đối phó nhất của Ung Chính: huyết khí phương cương (nhỏ hơn ông mười tuổi), cánh tay lông cánh chân đủ đầy, lại có hoàng thái hậu che chở nên không tiện ra tay thô bạo. Ung Chính bèn tôn hoàng tử mười ba làm cánh tay, để níu giữ cục diện chính trị.

Hoàng tử mười ba, Di thân vương Dận Tường, với gia đình Tào Tuyết Cần có một quan hệ đặc biệt. Năm Ung Chính thứ hai, Ung Chính giao Tào Phủ, chức chức tạo Giang Ninh (nếu không phải cha Tào Tuyết Cần thì là chú cậu), cho Di thân vương "trông nom"; đến nay chúng ta vẫn còn thấy được bản tấu khẩn an của Tào Phủ có châu phê dài gần ba trăm chữ của Ung Chính, trong đó nhiều câu "lời quái đản" đáng suy ngẫm, như rằng "mọi việc nghe lời dạy bảo của vương tử mà làm... đừng chạy loạn cửa quan hệ, mù quáng phí tâm tư sức lực mua lấy họa hại... Vì các người vốn quen cái tệ hỗn xược từ xưa nay, sợ người ta mượn danh ý trẫm mà hầm hè với ngươi... Nếu có ai dọa nạt tống tiền ngươi, cứ hỏi nhờ Di thân vương... Phải nắm chắc chủ ý, bớt chút loạn lạc; nếu hủy hoại thanh danh của trẫm, trẫm sẽ trị tội nặng..." Thanh danh của Ung Chính, há đến nỗi bị Tào Phủ

một vai vế nhỏ bé ấy "hủy hoại" sao được? Gã "người" mang sức mạnh "dọa nạt", "tống tiền" khiến Ung Chính bất an rốt cuộc là ai? Và vì sao nhất định phải giao Tào Phủ cho Di thân vương trông nom? Hiệu quả trông nom của Di thân vương rốt cuộc ra sao? Từ đó lại trải qua đủ bốn năm, Tào Phủ mới rốt cuộc bị trị tội, tội trạng công khai là "quấy nhiễu trạm dịch"; còn cái tội không thể công khai là gì? Chúng ta người hậu bối dĩ nhiên phải coi trọng hồ sơ chính thức, nhưng tin tuyệt đối vào "quan đảng", e rằng mãi mãi không thể tới gần những sự từng xảy ra.

Những bản cổ Hồng Lâu Mộng (phần nhiều gọi là Thạch Đầu Ký) mà nay chúng ta nhìn thấy, trong đó bản Kỷ Mão với bản Canh Thìn, theo chuyên gia khảo chứng, bản mẹ xuất phát ngay từ phủ Di thân vương đời Càn Long; lúc ấy người kế thừa tước vị ấy là Hoằng Hiểu, anh em con chú con bác của Càn Long. Chỗ ở cố định những năm cuối đời của Tào Tuyết Cần ở ngoại ô phía Tây Bắc Kinh, có chuyên gia cho rằng ở Bạch Gia Thoán, mà Bạch Gia Thoán chính là nơi Di thân vương dựng biệt thự.

Tóm lại, mọi sắp xếp nhân sự Ung Chính thực hiện sau khi lên ngôi, không việc nào không mang hàm ý chính trị mãnh liệt.

Có người chú ý thấy, Ung Chính đối với Dận Nhưng, thái tử hai lần lập hai lần phế đời Khang Hy, cùng Hoằng Tích con đích của y, hết sức hậu đãi. Thái tử bị phế tuy vẫn bị quản cấm theo ý chỉ của Khang Hy, chẳng có tự do hành động, nhưng y phục cơm áo được tăng thêm, cung ứng được bảo đảm. Hoằng Tích thì được phong quận vương; điều ấy vốn chẳng phải ân điển sáng tạo của Ung Chính, mà là việc Khang Hy đã định trước lúc qua đời.

Lại còn có người đặc biệt chỉ rõ, Ung Chính vừa nối ngôi không lâu, đã nhận con gái thứ sáu của thái tử bị phế về làm con nhà mình; liệu đó có phải tỏ rõ tấm lòng ái mộ của Ung Chính với đứa cháu gái?

Ai cũng biết, xưa nay có thuyết "Mãn Mông một nhà thân". Ngay từ trước khi chinh chiến ngoài quan ải, định đỉnh Trung Nguyên, tầng lớp thượng lưu họ Mãn với tầng lớp thượng lưu dân tộc Mông Cổ đã không ngừng thông hôn để củng cố liên minh chính trị hai bên. Sau khi vào chủ Trung Nguyên, định đô Bắc Kinh, trong hai mươi công chúa của Khang Hy có bảy vị hạ giá các vương công Mông Cổ. Chuyện ấy tuy chẳng thể đồng nhất với "hòa phiên", nhưng từ kinh thành phồn hoa gả đến thảo nguyên tương đối gian khổ, huống chi gặp phải người chồng hoàn toàn chẳng thể nắm chắc trong tay, bất luận thế nào cũng khó gọi là may mắn hạnh phúc.

Chính sách truyền thống của cha vua đem công chúa hạ giá vương công Mông Cổ, Ung Chính dĩ nhiên sẵn lòng thừa kế. Nhưng khi Ung Chính lên ngôi ông đã bốn mươi bốn tuổi, mà chỉ nuôi khôn lớn được một đứa con gái; kho dự trữ công chúa để hạ giá vương công Mông Cổ của ông thiếu hụt trầm trọng. Thế là ông lập tức bổ sung ba vị công chúa, tức là nhận về từ chỗ anh em con chú con bác ba đứa cháu gái. Hai vị trong số đó là con gái thứ tư của Di thân vương, người được ông trọng dụng tín nhiệm (về sau gọi Hòa Thạc Hòa Huệ công chúa), và con gái trưởng của Trang thân vương Dận Lộc (về sau gọi Hòa Thạc Đoan Nhu công chúa); còn một vị nữa, chính là con gái thứ sáu của thái tử bị phế, tức em gái thứ sáu của Hoằng Tích.

Trước khi Ung Chính đăng cơ, thái tử bị phế đã là "con hổ chết" trên bàn chính trị rồi; huống chi đến năm Ung Chính thứ hai, y cũng chết nơi chỗ giam giữ, Ung Chính vui lòng ban tên thụy cho y là "Lý Mật thân vương".

Vậy thì, con gái thứ sáu của thái tử bị phế được Ung Chính nhận làm công chúa, liệu có chứng minh được rằng những đứa con gái của thái tử bị phế đều được tắm gội ân huệ của tân hoàng, thuộc thành phần hạnh phúc hay chăng?

Xét theo sử liệu, biết được vị Hòa Thạc Thục Thận công chúa này sinh vào năm Khang Hy thứ bốn mươi bảy, mùng hai tháng giêng; ngay tháng chín năm ấy, thân phận thái tử của cha nàng bị phế bỏ, cả nhà lâm vào trạng thái bị quản cấm; tuy nửa năm sau cha nàng một cách kịch tính lại được phục lập làm thái tử, nhưng nàng chỉ là một đứa trẻ sơ sinh, hẳn là chẳng có ký ức gì. Đến năm Khang Hy thứ năm mươi mốt, cha nàng lại bị phế lần nữa, lúc ấy nàng độ bốn tuổi, có lẽ lưu lại chút ít ký ức. Đó hẳn là những ký ức rất kinh khủng. Thái tử bị phế truất bị quản cấm, cả đại gia đình y, vợ chính thất và nhiều thiếp thất của y, cùng những đứa trẻ các người đàn bà ấy sinh ra, kể cả toàn bộ nam nữ tôi tớ, nhất loạt cũng theo đó đánh mất tự do; tuy Khang Hy ra lệnh tăng thêm y phục cơm áo, bảo đảm cung ứng, nhưng ai cam lòng sống kiểu cuộc đời ngục tù ấy? Ai tìm được đường thoát chạy, nhất định sẽ chẳng bỏ qua bất cứ cơ hội nào. Giả sử đúng lúc ấy một người đàn bà bên cạnh thái tử bị phế sinh được một đứa con gái, chưa kịp đăng ký ghi danh ở Tông Nhân phủ, thì mẹ nó tìm cách vận chuyển đứa bé ra khỏi chỗ giam giữ, gửi gắm giấu kín ở nhà một quan lại

ngày thường thân mật giao thiệp, là hoàn toàn khả dĩ. Nếu nói khi thái tử bị phế lần đầu cả nhà ai nấy không ngờ tới, luống cuống tay chân, thì trước lần phế thứ hai vài cá nhân trong nhà có phương án ứng biến, cũng chẳng có gì lạ. Nay chúng ta tuy chưa tìm được dẫn chứng về thành viên gia tộc thái tử bị phế tìm cách trốn ra ngoài giấu kín, nhưng rõ ràng có thể tra được trong quyển thứ hai trăm tám mươi sáu bộ Thanh Thánh Chủ thực lục một ghi chép như thế này: ngay khi thái tử bị phế lần thứ hai, trong cung thái tử có một người tên Đắc Lân, bằng cách "giả chết", bảo người ta chuyên chở mình ra ngoài như cái xác; lúc ấy một vị đại học sĩ là Tung Chúc liền phạm pháp vương triều che giấu hắn. Đương nhiên sau đó sự việc lộ ra, Đắc Lân bị xử tử, Tung Chúc bị trừng phạt.

Ung Chính có thực sự thương xót đứa anh hai bị hai lần lập hai lần phế của mình chăng? Có thực sự đầy lòng từ ái với đứa con gái của gã anh hai đen đủi ấy chăng? Vậy tại sao trước khi đăng cơ ông không đem đứa con gái thứ sáu của gã anh hai đón về nuôi làm con kế? Cô gái ấy, mãi đến năm mười bốn tuổi, vẫn chịu đủ nỗi đau bị quản cấm. Nàng bị Ung Chính đón ra khỏi chỗ giam giữ, chưa quá mấy năm, tức là lúc nàng mười bảy mười tám tuổi, vào năm Ung Chính thứ tư, liền hạ giá lấy Quan Âm Bảo, họ Bát Nhĩ Tề Cát Đặc xứ Khoa Nhĩ Thấm, được phong làm Hòa Thạc Thục Thận công chúa. Vị ngạch phò Quan Âm Bảo ấy đến tháng hai năm Ung Chính thứ mười ba đã "rũ ra, nguội lạnh, nằm im luôn" (tiếng lóng Bắc Kinh chỉ sự chết). Năm ấy Hòa Thạc Thục Thận công chúa mới hai mươi sáu bảy tuổi, từ đó thủ tiết ở góa, thủ mãi đến mùng mười tháng chín năm Càn Long thứ bốn mươi chín mới qua đời, thọ bảy mươi bảy tuổi. Trong bảy mươi bảy năm cuộc đời nàng, có mười bốn năm theo cha chịu giam cầm, hơn năm mươi năm thủ tiết ở góa.

Hôm ấy tình cờ xem được một chương trình truyền hình, một học giả làm khách mời nhắc tới Hòa Thạc Thục Thận công chúa, hỏi bằng giọng hài cợt: "Không biết Lưu Tâm Vũ có biết đến bà ta không?" Lời ngoài miệng ý nói: những đứa con gái của thái tử bị phế đời Khang Hy đều có thể lấy bà ta làm dẫn chứng, có thể biết chúng vốn chẳng có khủng hoảng sinh mệnh gì, hoàn toàn chẳng cần phải giấu kín.

Tôi biết Hòa Thạc Thục Thận công chúa. Bỏ qua góc nghiên cứu đặc biệt về Hồng Lâu Mộng xuất phát từ Tần Khả Khanh của tôi, riêng số phận của vị công chúa này thôi, tôi đã cảm nhận được cái lạnh lùng quỷ quyệt của chính trị cung đình. Đánh giá thế nào nền thống trị của Ung Chính vượt khỏi sức của tôi, nhưng nếu coi việc Ung Chính nhận nuôi con gái thái tử bị phế như một hành vi từ bi thiện cử, e rằng là xem thường quá thấp quyền thuật chính trị của ông ấy rồi?

# Mắt thấy miếu Ngục Thần

Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, một phương pháp không thể thiếu chính là tiến hành "khảo sát thực địa". Chẳng hạn sách nhắc tới đèn minh giác; đèn minh giác là gì? Đó là thứ đèn có vỏ ngoài trong suốt làm bằng nguyên liệu sừng dê. Nó được chế tạo thế nào? Có người nói là nấu sừng dê thành keo, để nguội thành lá mỏng, rồi khảm lắp lên khung. Thực ra ở khu Xưởng Kiều Bắc Kinh đến nay còn một hẻm Dương Giác Đăng, nơi ấy thời Thanh từng tụ tập mấy xưởng làm đèn sừng dê; hơn bốn mươi năm trước tôi dạy học ở một trường trung học gần đó, từng tới thăm một ông thợ làm đèn khi ấy đã là cụ già tám chín mươi, nhờ ông kể kỹ cách chế tạo: dùng nước canh sợi củ cải luộc mềm sừng dê tuyển chọn, rồi dùng cả một bộ khuôn căng cho cái sừng dê phồng to mỏng ra; những khuôn đầu tiên hình thoi quay tơ, những khuôn cuối cùng to như quả dưa hấu; chiếc đèn minh giác hình cầu thành phẩm trên dưới đều có miệng nhưng quanh mình chẳng cần khung. Ngoài ra, những sự vật như đá đông mỡ, hải đường Tây phủ, trà Phong Lộ được nhắc trong sách rốt cuộc là thứ gì, và ý nghĩa của những câu trong lời đối thoại nhân vật như "gà mẹ đen một ổ", "người trước rắc đất làm mù mắt người sau", cùng vì sao không nói "chết đi sống lại" mà lại nói "bảy chết tám sống"... đều là những điều có thể thu hoạch được qua khảo sát, tìm hỏi, thu thập dân gian và hỏi han các bậc cao niên.

Tào Tuyết Cần tuyệt nhiên chưa từng hợp tác với Cao Ngạc. Hai người họ Tào họ Cao chẳng quen biết, chẳng giao thiệp, quỹ đạo cuộc đời hoàn toàn không chồng lấn hay cắt nhau. Cao Ngạc tiếp hậu bốn mươi hồi Hồng Lâu Mộng là chuyện hai chục năm sau khi Tào Tuyết Cần qua đời. Nhà buôn sách Trình Vĩ Nguyên đem đại thể là tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần với bốn mươi hồi của Cao Ngạc hợp khắc in thành bản một trăm hai mươi hồi lưu hành ngoài xã hội, khi ấy Tào Tuyết Cần đã từ giã cõi đời gần ba chục năm. Nhiều người tưởng rằng Tào Tuyết Cần không viết hết Hồng Lâu Mộng, viết tới hồi tám mươi thì mất, thực ra hoàn toàn không phải chuyện đó. Tào Tuyết Cần là người đã viết xong Hồng Lâu Mộng; xét từ lượng lớn châu phê ký tên Chi Nghiển Trai, Kỳ Hộ Soung trong bản cổ Hồng Lâu Mộng có thể biết, Chi Nghiễn Trai thậm chí còn dẫn ra nguyên một hồi mục hoàn chỉnh nằm sau hồi tám mươi: "Tiết Bảo Thoa mượn lời hàm ý châm biếm, khuyên can; Vương Hy Phượng biết mệnh mà vẫn gắng làm anh hùng". Phó sát Minh Nghĩa cùng thời với Tào Tuyết Cần viết hai mươi bài tuyệt cú Đọc Hồng Lâu Mộng, cũng cho thấy điều ông đọc là một bản có kết cục lớn cuối cùng "đá quy về dưới núi". Dựa vào những phục bút trong khoảng tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, châu phê của Chi Nghiển Trai, cùng một số tư liệu khác, chúng ta có thể thám dò được toàn bộ quan niệm kết cấu, diễn biến tình tiết, số phận nhân vật, thậm chí vài chi tiết, vài câu văn của phần sau hồi tám mươi của Tào Tuyết Cần. Bản thảo Tào Tuyết Cần hoàn thành lẽ ra là một trăm lẻ tám hồi; trước hồi nhất có năm điều Phàm lệ, cuối Phàm lệ có một bài thơ quan trọng; hồi cuối có Bảng Tình, trong bảng ngoài Giả Bảo Ngọc chia chín tổ mỗi tổ mười hai thoa, cộng khai liệt một trăm lẻ tám nữ tính. Trước khi Tào Tuyết Cần qua đời, bản thảo một trăm lẻ tám hồi của ông chỉ còn thiếu vài "bộ phận" (thơ từ) chờ viết tốt để cài vào, toàn thư còn cần thông thống bản thảo gỡ bỏ vài "gai nhọn" mâu thuẫn trước sau. Bộ Hồng Lâu

Mộng của ông vốn chẳng cần ai đến tiếp viết từ hồi tám mươi mốt. Sự thất lạc không vết của bản thảo hai mươi tám hồi sau ông viết xong, cùng sự xuất hiện của bản tiếp Cao Ngạc, e rằng không phải là một chuyện đơn giản, cấp thiết phải nghiên cứu sâu.

Bản cổ Hồng Lâu Mộng (tên sách chính thức phần nhiều gọi Thạch Đầu Ký) hồi hai mươi có châu phê ký tên Kỳ Hộ Soung: "Thiếp Tuyết đến miếu Ngục Thần mới trình ra chính văn." Và chú rõ việc "an ủi Bảo Ngọc" diễn ra trong miếu Ngục Thần. Hồi hai mươi sáu lại có châu phê ký tên Kỳ Hộ Soung: "Hồi miếu Ngục Thần có đoạn văn dài về Thiếp Tuyết và Tiểu Hồng, tiếc rằng thất lạc không còn bản thảo, than ôi!" Đây đều là những chỗ lộ ra nội dung hai mươi tám hồi sau Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Thiếp Tuyết làm a hoàn của Bảo Ngọc, xuất hiện ở hồi bảy, Bảo Ngọc sai cô đi thăm Bảo Thoa; đến hồi tám thì xảy ra "sự kiện trà Phong Lộ", Bảo Ngọc say rượu trút giận lên cô, khiến cô bị đuổi đi oan uổng. Từ đó cho tới hết tám mươi hồi đầu, Thiếp Tuyết không xuất hiện nữa. Nhưng Tào Tuyết Cần dùng bút pháp "rắn luồn trong cỏ, đường tro kéo xa ngàn dặm"; vai này tới sau hồi tám mươi, khi nhà Giả sa sút, Bảo Ngọc bị bắt vào ngục, lại xuất hiện, hơn nữa trong hồi miếu Ngục Thần, Thiếp Tuyết còn "trình ra chính văn", nghĩa là trong hồi ấy cô sẽ trở thành vai chính; đây là một nét lớn trong bố cục toàn thư của Tào Tuyết Cần: chẳng hạn Nghênh Xuân, Tích Xuân suốt bảy mươi hồi đầu cứ làm vai phụ, nhưng đến hồi bảy mươi ba "Tiểu thư nhu nhược chẳng buồn hỏi chuyện phượng vàng", Nghênh Xuân "mới trình ra chính văn", còn hồi bảy mươi tư "Lập chí cô ngao đoạn tuyệt với phủ Ninh Quốc", Tích Xuân "mới trình ra chính văn"; vậy thì trong một hồi nào đó sau hồi tám mươi, Thiếp Tuyết "mới trình ra chính văn", mà không gian xảy ra câu chuyện hồi ấy chính là miếu Ngục Thần, ba chữ "miếu Ngục Thần" chắc chắn cũng được đưa vào hồi mục.

Miếu Ngục Thần là nơi nào? Trong nhà lao há lại có miếu thần? Thờ phụ lại vị thần nào?

Tôi luôn muốn tìm được dấu tích miếu Ngục Thần đời Thanh ở Bắc Kinh, mãi không được như nguyện. Tháng mười năm 2006, tôi đến huyện Nội Hương, tỉnh Hà Nam; nơi ấy có một dinh cơ huyện đời Thanh được bảo tồn khá nguyên vẹn, chuyện này tôi nghe nói từ lâu, cũng rất muốn tham quan; bước vào rồi mới thấy quả thật cái dinh cơ huyện ấy "đủ năm loài tạng", cùng Tử Cấm Thành Bắc Kinh xưng danh "Bắc có đầu rồng, Nam có đuôi rồng", quả thật cũng có lý của nó, là tiêu bản hoàn chỉnh của trung tâm vận hành quyền lực cơ sở tương phối với trung tâm vận hành quyền lực tối cao đời Thanh. Phía Tây nghi môn có một viện phụ, hai bên cửa viện có phù điêu con Tý Án; Tý Án là con thú hung dữ ngoác hàm nanh sắc, người xưa lấy nó làm đồ đằng của nhà lao, khiến người nhìn thấy sinh lòng khiếp đảm. Đây chính là gọi là "nam giám". Tôi lập tức nghĩ tới: có nhà lao thì bên trong liệu có miếu Ngục Thần không? Đi vào xem kỹ, ôi, quả thật có miếu Ngục Thần! Đây lại là nguyên vật đời Thanh! Miếu Ngục Thần dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, đại thể hẳn là bộ dạng như thế này.

Khu ngoại viện nam giám quay mặt về Nam, là một chốn miếu đường nhỏ bé. Đông Tây sương phòng đều chẳng lớn, là phòng lính ngục. Cụm kiến trúc này cấu thành sân trước nhà lao; ở nam viện, dưới chân bức

tường giữa hai cái cửa quỉ có một giếng nước, miệng giếng nhỏ lạ thường, kẻ tù nhân yếu nhất muốn gieo mình xuống giếng cũng khó nhét được đầu lẫn thân vào. Bên trong cửa quỉ lần lượt là nam giám, nữ giám cùng những phòng tra tấn âm u rùng rợn.

Tôi khảo sát kỹ miếu Ngục Thần. Tuy qua tu bổ, tượng và tranh bích họa toàn là thứ mới vá lại hai chục năm trở lại đây, nhưng đại thể vẫn phản ánh được bố cục không khí năm xưa. Vị ngục thần được thờ tay phải vuốt râu, thần thái từ ái; hoá ra đó chính là Cao Dao (chữ Đào phải đọc là Dao), lương thần thời Thuấn trong truyền thuyết. Cao Dao hẳn là ông tổ tư pháp của dân tộc chúng ta; thuở ấy phong hóa chất phác, kẻ phạm tội xâm hại người khác rất hiếm, Cao Dao đối với người bị xử có tội thực hiện hạn chế thân thể, cách thức rất giản đơn: trên mặt đất dùng cành cây vẽ một vòng tròn, vẽ kẻ có tội vào trong đó, trong thời gian quy định không cho bước ra ngoài vòng. Đây chính là "vẽ đất làm ngục". Nhưng theo của cải xã hội tăng thêm, cùng các nhân tố phức tạp sâu thẳm trong lòng người nổi lên, kẻ phạm tội tổn hại người khác và tập thể tăng nhiều, thủ đoạn cũng ngày càng xảo quyệt độc địa; với chúng, vẽ đất làm ngục không còn tác dụng, thế là xuất hiện nhà lao vách cao canh gác nghiêm. Sự ra đời và biến lưu của nhà lao là một môn học hỏi rất sâu, ở đây không bàn. Điều tôi quan tâm là, trong xã hội phong kiến mà quan lại mục ruỗng đến thế, tư pháp đen tối đến thế, trong nhà lao rốt cuộc vẫn tồn tại một khoảng không gian nhỏ bé như thế: bất kể tù nhân mới vào ngục hay chờ xét xử, đã bị kết án, thậm chí sắp bị giải đi hay xử trảm, vẫn được cho phép tới khoảng không gian nhỏ bé ấy (thường là ngày sóc và ngày vọng, tức mùng một và rằm âm lịch), tạm thời vượt lên quyền lực tư pháp nhân gian, mà tâm giao với một vị ngục thần hiền hậu đáng mến, cầu mong ngài phù hộ cho mình gặp hung hóa lành, hoặc có thể oan khuất được rửa sạch, vô tội được thả, hoặc dù tội có đáng, cũng cầu nguyện ít chịu tra tấn dày vò, được khoan hồng giảm án, dù bị tuyên tử hình thì trước vị ngục thần vẫn còn có thể cầu lấy một sự bảo đảm cho kiếp sau.

Miếu Ngục Thần là một không gian thần bí mang cảm ứng tâm linh đặc biệt. Trong hai mươi tám hồi sau Hồng Lâu Mộng, Tào Tuyết Cần sẽ viết tới khoảng không gian ấy. Giả Bảo Ngọc từng đối xử với Thiếp Tuyết thô bạo đến thế, khiến cô bị đuổi ra ngoài oan uổng. A hoàn phủ đệ quý tộc sợ nhất là bị đuổi: một là coi như bị đóng đinh trên cột sỉ nhục (Kim Xuyến vì thế mà gieo mình xuống giếng "chết liệt"); hai là sẽ bị bán chuyển tay hoặc "kéo ra ghép cho thằng đàn em", hoàn toàn không nắm được số phận mình, đối mặt với sự sa đọa toàn diện về kinh tế, về phẩm chất cuộc sống. Chuyện Kim Xuyến, Trụy Nhi, Tư Kỳ cho tới Tình Văn bị đuổi, xét cùng cực vẫn là do bản thân họ có "khuyết điểm"; riêng Thiếp Tuyết chẳng hề có chút "khuyết điểm" nào, chỉ vì lúc ấy Bảo Ngọc say rượu cáu bẳn kiểu công tử quý tộc thôi; đương nhiên, những tiếng "đuổi ra ngoài" mà Bảo Ngọc gào lên nhắm thẳng vào vú Lý, vú nuôi cậu, nhưng khi ấy cậu ở chung một không gian lớn với Giả mẫu, làm kinh động Giả mẫu, rốt cuộc chuyển cơn giận sang Thiếp Tuyết; Thiếp Tuyết mang oan bị đuổi, theo "luật chơi" của đám chủ nhân, cũng là "hợp lý hợp tình" cả. Bảo Ngọc kể từ đó, hiển nhiên đã quên sạch bóng Thiếp Tuyết. Nhưng, "Tiệc tùng rốt cuộc chỉ là không", phủ Giả "Ầm ầm như sắp đổ đình", "Cây đổ khỉ vượn tan", "Đến sau cơ nghiệp tan tành khắp nơi"; những kẻ từng vô ý hay cố ý chọc giận ngày trước, có kẻ sẽ "Oan oan tương báo thật chẳng nhẹ": chẳng hạn Kim Vinh từng thiệt thòi

trong trận náo loạn nhà học hồi chín, sẽ đến chế giễu khinh khi, đắc ý trước Bảo Ngọc trong ngục. Và ngay lúc Bảo Ngọc chìm vào vực thẳm nhất của cuộc đời, bỗng nhiên Thiếp Tuyết xuất hiện trong miếu Ngục Thần, không phải để trả thù, mà là chẳng chấp chuyện cũ, đến an ủi cứu giúp cậu; kiểu miêu tả ấy, sức lay động biết bao nhiêu! Dù viết bóng tối sâu trong lòng người, hay viết ánh sáng thiện mỹ toả ra từ sâu thẳm lòng người, ngòi bút Tào Tuyết Cần đều xuyên thủng tờ giấy, khiến ta không thể không phục.

Mắt thấy miếu Ngục Thần trong dinh cơ huyện Nội Hương, đối với việc tiếp tục thám dò hai mươi tám hồi sau bản chân gốc Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có ý nghĩa phi thường. Tôi còn định tiến hành thêm nhiều "khảo sát thực địa" nữa với nội dung trong Hồng Lâu Mộng.

# Lễ cửa là bột phục linh

Phục linh là loài nấm cùng cương cùng thuộc với linh chi trong phân loại thực vật học, phần nhiều ký sinh ở rễ tùng đỏ hoặc tùng đuôi ngựa. Hái phục linh về sấy khô, nghiền mịn chất bột bên trong, chế thành món bổ trắng như sương, gọi là bột phục linh. Theo lời truyền, phục linh ký sinh trên rễ tùng già nghìn năm bổ người nhất, bột phục linh chế từ nó cũng đắt giá nhất.

Trong hồi sáu mươi Hồng Lâu Mộng viết quan lại xứ Việt Đông đến phủ Vinh Quốc kinh thành muốn yết kiến Giả Chính, mang theo ba giỏ bột phục linh, một giỏ nói rõ là lễ cửa biếu đám người gác cổng, để họ đưa danh thiếp và hai giỏ bột phục linh còn lại dâng Giả Chính vào trong. Khi vị quan Việt Đông này tới bái kiến, Giả Chính chẳng có ở kinh; hoàng đế phái ông công sai xa, mãi bận rộn ngoài đó chưa về kinh. Điều ấy vị quan Việt Đông hẳn là biết, nhưng đã đến kinh rồi thì chủ phủ Vinh Quốc dù vắng mặt, ông vẫn cứ phải tới tỏ lòng lễ phép; có thể thấy tuy Giả Chính chẳng được phong tước như anh ông là Giả Xá, nhưng chức viên ngoại lang Bộ Công hoàng đế ban cho vẫn đáng kể là một chức béo, nhất là đối với các quan địa phương trù trữ công trình, việc dâng quà kính cẩn viên ngoại lang Bộ Công ở kinh đô quả thật là bài học bắt buộc.

Quan Việt Đông mang ba giỏ bột phục linh đến phủ Giả, chỉ để đưa tin mình đến yết kiến vào trong, để Giả Chính hay biết, mà lại đem tới một phần ba, tức nguyên một giỏ bột phục linh làm lễ cửa; có thể thấy đại môn nhị môn phủ Vinh Quốc nghiêm ngặt đến dường nào: người thường không thể bước vào, ngay cả việc nhắn một lời, để lại chút dấu vết cho bạn, cũng nhất định phải "nước chảy qua thì mặt đất ướt".

Hồi sáu viết Lưu lão lão từ quê lên kinh ra tới ngoài cửa phủ Vinh Quốc, cái thấy được còn chưa phải nhà coi cửa của đại môn, mà chỉ là bọn canh cửa góc: "Thấy mấy người đương ngồi trên ghế lớn, ưỡn ngực, phưỡn bụng, khoa chân múa tay, nói chuyện ba hoa", oai vệ biết bao! Với Lưu lão lão mò tới gần nói chuyện, họ chẳng buồn nheo mắt lấy một cái, coi nàng như bụi đất. Nhà coi cửa góc còn thế đấy, khí phách nhà coi cửa lớn lại ra sao? Cửa hai tầng sâu hơn nữa, nhà coi cửa há chẳng càng dữ tợn như sói hổ?

Từ hồi năm mươi tám đến đầu hồi sáu mươi hai, Hồng Lâu Mộng dùng nét bút tinh tế tả cảnh trạng thái sinh tồn của tầng đáy Đại Quan viên. Dĩ nhiên chữ "đáy" này chỉ là tương đối: họ thuộc tầng đáy trong phủ Vinh Quốc, nhưng xét trên toàn xã hội thì họ còn xa mới tới mức tầng đáy. Thím Liễu, đầu bếp coi nội bếp trong Đại Quan viên, muốn đưa con gái là Liễu Ngũ Nhi vào viện Di Hồng làm việc, bèn kết giao thân thiện với Tình Văn, Phương Quan... Có một thứ đồ tiến cống quý giá là mai khôi lộ; trong quá trình tiến dâng hoàng gia, có một phần rơi vào tay phủ Vinh Quốc. Thực ra phủ Vinh Quốc cũng chính là một nhà coi cửa lớn của hoàng gia, và mai khôi lộ ấy cũng là một thứ lễ cửa. Mai khôi lộ vốn để trong buồng Vương phu nhân; bà đương nhiên lấy ít nhiều cho Bảo Ngọc hưởng thụ; Bảo Ngọc lại chia cho các a hoàn, đến Phương

Quan cũng có thể xin Bảo Ngọc xin được, đem tặng thím Liễu cùng Ngũ Nhi uống; còn thím Liễu sau khi nhận được nửa lọ nhỏ, ngoài phần để lại cho Ngũ Nhi, lại rót nửa chén cho đứa cháu trai đang mắc bệnh nóng trong; thế là thứ đồ lẽ ra hoàng gia chuyên hưởng đã len vào tận nhà dân thường. Liễu Ngũ Nhi khuyên mẹ đừng phô trương mà lan truyền ra ngoài; thím Liễu tuyên bố tín điều của mình: "Cần gì mà phải sợ. Sợ gì cái ấy. Chúng ta vất vả hầu hạ, kiếm được chút ít thứ này thứ nọ là lẽ tất nhiên, chứ có phải đi ăn trộm đâu?..."

Đến nhà anh trai, đứa cháu pha nước giếng vừa gánh lên, uống một bát, tức khắc lòng dạ khoan khoái, đầu óc mát lành. Em gái bỏ đào, anh chị em chồng báo mận; Tào Tuyết Cần viết rất thú vị: hóa ra anh trai thím Liễu đúng là người trực nhật ở cổng phủ Vinh Quốc; lễ cửa bột phục linh của vị quan Việt Đông, ông được chia một gói lớn, thế là vợ ông bớt ra một gói nhỏ đưa cho cô nhà họ Liễu. Bột phục linh cách ăn thứ nhất là trộn với sữa người mà dùng, cách thứ hai là uống với sữa bò, cách thứ ba là pha với nước sôi mà uống; nghe nói đại bổ, đúng hợp với Liễu Ngũ Nhi vốn mang chứng bệnh yếu từ nhỏ.

Hồi mục hồi sáu mươi Hồng Lâu Mộng là "Bột hoa nhài thế mạng bột tường vi; mai khôi lộ lôi ra bột phục linh", dùng bốn món vật sinh ra xung đột va chạm, tạo nên những bước ngoặt gào khóc trong số phận nhân vật, quả thật khéo léo tuyệt vời. Bột hoa lài với bột tường vi đều là mỹ phẩm có giá trị dược liệu; mai khôi lộ và bột phục linh là thực phẩm nhàn hạ cao cấp tiếng là có công hiệu dưỡng sinh trị bệnh. Vì Phương Quan tặng mai khôi lộ, Liễu Ngũ Nhi quyết định báo ân đáp nghĩa, bèn lại bớt ra một gói nhỏ bột phục linh có được từ nhà cậu; nhân lúc hoàng hôn vắng người, hoa che liễu khuất, nàng lẻn vào Đại Quan viên, ra tới ngoài viện Di Hồng, gặp cô nhỏ Xuân Yến, bèn nhờ cô chuyển bột phục linh cho Phương Quan. Lúc ấy Liễu Ngũ Nhi vẫn còn trong trạng thái "chờ phân phối", chưa có tư cách đi sâu vào Đại Quan viên; kết quả, khi nàng quay về bếp thì lại đụng ngay bà quản gia Lâm Chi Hiếu dẫn người tuần tra; bị hỏi cung, nàng hoảng hốt ngôn loạn, liền bị coi là nghi phạm giam lại, còn lây cả mẹ nàng: bếp bị lục soát, một lọ nhỏ mai khôi lộ, một gói bột phục linh đều bị phát hiện. Bà quản gia Lâm Chi Hiếu sớm có sẵn "nguồn nhân lực" dự trữ trong tay mình, đó chính là vợ Tần Hiển; thế là bà chủ trương bãi nhiệm thím Liễu, bổ nhiệm đầu bếp mới là vợ Tần Hiển.

Cuộc tranh đoạt quyền kiểm soát bếp Đại Quan viên này được viết hết sức tinh diệu. Trong dòng chảy tình tiết, chuyện liên quan tới anh trai nhà coi cửa của thím Liễu bày tỏ tục lệ thu lễ cửa; một nét nhỏ mà xuyên thủng xuyên qua thế đạo lòng người, thật đáng suy ngẫm sâu sắc. Nay đã hơn hai trăm năm sau cái thời đại Hồng Lâu Mộng miêu tả, chúng ta tự hỏi lương tâm: thứ ác tục lễ cửa ấy, rốt cuộc đã tuyệt tích hay chưa?

# Tiểu Cát Tường hỏi Tuyết Nhạn mượn áo

Ngoài cô lớn hầu cận, dì Triệu còn ít nhất hai cô nhỏ. Một cô tên Tiểu Thước, chính thức xuất hiện ở đầu hồi bảy mươi ba; tối muộn thế mà bỗng chạy tới viện Di Hồng, đi thẳng đến trước mặt Bảo Ngọc, báo với cậu rằng dì Triệu vừa "thả ruồi" bên tai Giả Chính, "coi chừng ngày mai lão gia hỏi cung cậu", nói xong vội vàng bỏ đi. Xét ra chim thước khôn hẳn phải loài quạ, lẽ ra chỉ báo tin vui chẳng báo tin buồn, nhưng "lành dữ chẳng nằm trong tiếng chim hót"; ví như lấy hình ảnh mà nói, con Tiểu Thước này chỉ vỗ nhẹ đôi cánh, nào ngờ lại từng vòng từng vòng kéo ra phong ba, phong triều cho tới đại phong bão: Giả mẫu tự mình tra chuyện đánh bạc, lục soát Đại Quan viên, Tình Văn chết, Phương Quan bị đuổi...

Cô nhỏ kia nữa bên cạnh dì Triệu tên Tiểu Cát Tường. Cô chỉ xuất hiện chìm trong bóng tối. Hồi năm mươi năm viết Thám Xuân coi việc nhà, gặp một tình huống: em trai dì Triệu là Triệu Quốc Cơ chết. Trên trật tự luân thường, Thám Xuân nhận Giả Chính làm cha, Vương phu nhân làm mẹ; dì Triệu chỉ là một công cụ xả ham muốn sinh con mà cha nàng dùng tới, là một nô tỳ thế tập của tông tộc họ Giả. Dì Triệu nói Triệu Quốc Cơ là cậu của Thám Xuân; Thám Xuân không nhận, tuyên bố cậu mình là Vương Tử Đằng, em trai Vương phu nhân, "năm ngoái mới được thăng tuần kiểm chín tỉnh", còn Triệu Quốc Cơ chỉ là người đàn ông hầu Giả Hoàn đi học. Thám Xuân kiên trì theo chế độ đãi ngộ nô tỳ sinh ra trong nhà, chỉ thưởng cho Triệu Quốc Cơ hai mươi lạng bạc. Đây là một đoạn tình tiết khiến độc giả đọc xong lạnh cả lòng trong Hồng Lâu Mộng.

Chữ nghĩa Tào Tuyết Cần thật là kim thưa mật thêu, kẽ hở nào cũng len vào được, tinh vi suýt soát. Đến hồi năm mươi bảy, ông viết cái cao trào cuối cùng trong chuyện tình Bảo, Đại của tám mươi hồi đầu: Tử Quyên lanh lẹ dò chàng Ngọc bận rộn bằng lời lẽ tình cảm. Xét ra tập trung viết Tử Quyên nhân danh nhà họ Lâm miền Giang Nam sắp đến đón Lâm Đại Ngọc để dò phản ứng của Bảo Ngọc, qua đó thắt chặt tiền đồ hôn nhân của hai người Bảo, Đại, thì hồi sách ấy cũng đã rất hay rồi; nhưng ông lại cố ý cài thêm một nét: viết chuyện Tuyết Nhạn, a hoàn thấp hơn Tử Quyên một cấp, từ chỗ Vương phu nhân lấy nhân sâm về Quan Tiêu quán, kể rằng khi nghỉ chân ở hạ phòng nhà Vương phu nhân, dì Triệu vẫy tay gọi cô; hóa ra em trai dì Triệu là Triệu Quốc Cơ mất, mai đưa tang; dì Triệu định dẫn cô nhỏ Tiểu Cát Tường đi giữ đêm canh táng, mà Tiểu Cát Tường muốn hỏi mượn Tuyết Nhạn chiếc áo lụa nguyệt bạch để mặc.

Tuyết Nhạn là nhân vật xuất hiện từ rất sớm. Hồi hai viết Giả Vũ Thôn đến nhà Lâm Như Hải làm thầy học, "Khéo thay chỉ có một nữ sinh, cùng hai a hoàn bạn học"; nữ sinh tất nhiên là Đại Ngọc; còn Tuyết Nhạn thì hẳn là một trong hai a hoàn bạn học ấy. Hồi ba viết Đại Ngọc vào phủ Giả, "chỉ đem theo hai người: một là vú nuôi từ nhỏ họ Vương, hai là con bé mười tuổi, cũng theo hầu từ nhỏ, gọi là Tuyết Nhạn. Giả mẫu thấy Tuyết Nhạn còn bé quá, nguyên vẹn một vẻ trẻ con... bèn đem một a hoàn hạng nhì bên cạnh mình, tên là Anh Ca, ban cho Đại Ngọc." Theo hầu Đại Ngọc rồi, Anh Ca đổi tên thành Tử Quyên, từ a hoàn hạng nhì lên hàng a hoàn hạng nhất. Hồi sáu viết thím Liễu coi nội bếp có đứa con gái là Liễu Ngũ Nhi, "tuy là con gái

nhà bếp, nhưng dung mạo cũng thuộc loại như Bình, Tập, Tử, Uyên"; có thể thấy về sau Tử Quyên là nhân vật chất lượng cao đứng hàng với ba cô lớn Bình Nhi, Tập Nhân, Uyên Ương. Bình, Tập, Tử, Uyên đều có nhiều màn diễn trọng tâm trong sách; riêng Tuyết Nhạn tuy sau đó thỉnh thoảng vẫn được nhắc tới, nhưng mãi mãi chỉ là một sự tồn tại như cái bóng.

Nhưng đến hồi năm mươi bảy, khi Tuyết Nhạn tự kể lại cảnh Tiểu Cát Tường hỏi mượn áo của mình, hình tượng nhân vật này bỗng nhiên trở nên sống động rõ nét, như thể một khoảnh khắc đèn pha rọi trúng cô; mấy trăm chữ ấy, chẳng ngại coi là "chính truyện của Tuyết Nhạn".

Tuyết Nhạn tâu lại với Tử Quyên như thế này: "...Đứa hầu nhỏ theo dì ấy là Tiểu Cát Tường không có quần áo, muốn mượn cái áo lụa nguyệt bạch của tôi. Tôi nghĩ: bọn họ cũng được cấp hai cái áo như mọi người, sợ đem ra mặc đi đưa đám thì hỏng, nên không dám mặc áo của mình, lại đi mượn của người khác. Mượn làm hỏng áo cũng là việc nhỏ, nhưng tôi nghĩ xưa nay dì ấy đối với chúng ta chẳng tử tế gì. Vì thế tôi bảo: quần áo trâm vòng của tôi, cô tôi giao cho chị Tử Quyên giữ cả. Bây giờ tôi phải trình cô tôi như thế mất nhiều thì giờ lắm, lại làm lỡ việc của dì thôi. Chi bằng dì mượn chỗ khác là hơn."

Khi câu chuyện đi tới đoạn này, Tuyết Nhạn theo Đại Ngọc vào phủ đã mấy năm rồi; cô không còn "nguyên vẹn một vẻ trẻ con", đã trải luyện khá lão luyện thế sự. Thử đặt mình nghĩ thay cô: Đại Ngọc vốn là kẻ gửi gắm dưới mái nhà người, cô còn nằm ở dưới cả mái dưới kia; thân phận cô không những thấp hơn Tử Quyên, mà tiền đồ cũng đáng lo hơn Tử Quyên. Nếu tình huống xấu nhất xảy ra, chẳng hạn Đại Ngọc chẳng may bệnh mất, thì đường lui của Tử Quyên là sẵn sàng: cô vốn là a hoàn của Giả mẫu, quay về bên Giả mẫu là xong; nhưng Tuyết Nhạn tính toán thế nào? Cô chẳng phải nô tỳ thế tập nhà Giả, cũng chẳng phải hạng Tập Nhân được nhà Giả bỏ bạc mua về; xét về lý, nếu Đại Ngọc qua đời, cô đáng được trả về họ Lâm, nhưng họ Lâm đã tan tác ly tán, biết đi đâu về đâu? Bởi thế, dù có chất phác hiền hậu đến mấy, cô cũng buộc phải lúc nào để mắt xem người khác "có cái lợi gì đến chỗ chúng ta", thực hiện tự bảo vệ nghiêm ngặt, và biến Tử Quyên cùng cô Lâm thành hai bức tường che chắn. Việc Tuyết Nhạn từ chối cho Tiểu Cát Tường mượn chiếc áo lụa nguyệt bạch, không phải nhỏ nhen, mà là một sinh mệnh nhỏ đang phiêu bạt trong hành trình cuộc đời, đang nỗ lực giữ gìn quyền lợi cơ bản của mình, để kiếm lấy chút an toàn.

# Bảo Quan và Ngọc Quan

Kim Lăng thập nhị thoa rốt cuộc có tất cả mấy nhóm? Ở hồi thứ năm, khi Bảo Ngọc lén xem sổ bộ ở Thái Hư huyễn cảnh, văn bản ghi rõ có ít nhất ba nhóm, lần lượt chép vào Chính sách, Phó sách với Hựu phó sách. Tiên sinh Chu Nhữ Xương khảo chứng rằng, trong hồi cuối cùng của bản thảo thất truyền phần sau tám mươi hồi mà Tào Tuyết Cần viết dở dang, tức hồi một trăm linh tám, có một bảng gọi là "Tình bảng": Bảo Ngọc được liệt riêng một hàng với tư cách Giáng Động hoa vương, tiếp theo là chín nhóm mười hai kim thoa; nói cách khác, sau Chính sách, Phó sách, Hựu phó sách còn phải có Tam phó, Tứ phó... cho đến Bát phó. Vậy thì, ngoài mười hai thoa Chính sách mà Tào Tuyết Cần ghi rõ ra, những nữ giới nằm trong các sách còn lại là những ai? Xưa nay độc giả bàn tán mỗi người mỗi ý. Nhưng riêng tôi, tôi cho rằng một trong các sách ấy là "Kim Lăng thập nhị quan", điều này hẳn chẳng còn gây nghi ngờ.

"Kim Lăng thập nhị quan" ấy là những ai? Nhà họ Giả chuẩn bị cho chuyến Nguyên phi về thăm nhà, ngoài việc hì hục xây cất Đại Quan viên cái "phần cứng", còn trang bị thêm đám tiểu hí tử, tiểu ni cô, tiểu đạo cô... cái "phần mềm". Thập nhị quan chính là một lũ cô bé được phái Giả Tường sang Cô Tô mua về; đem về phủ Vinh Quốc rồi an trí ở viện Lê Hương, giao cho giáo tập huấn luyện. Đến khi Nguyên phi về thăm nhà, đứa nào đứa ấy hát lên cao vút lanh lảnh hơn cả tiếng đá nứt, múa ra dáng biến ảo như thiên ma, tuy chỉ là lối biểu diễn hóa trang, nhưng nỗi vui buồn đều biểu lộ rõ hết, được Nguyên phi khen ngợi ban thưởng hậu hĩnh. Sau đó chúng lưu lại trong phủ, chờ triệu gọi biểu diễn bất cứ lúc nào.

Câu chuyện tiến triển đến sau hồi thứ năm mươi lăm, sách chép rằng trong cung có một vị Thái phi trước thì lâm trọng bệnh, sau băng hà; triều đình không cho phép các nhà quan hoạn tổ chức hát xướng nữa, mà chuyến về thăm nhà kế tiếp của Nguyên phi lại mịt mờ không thấy manh hy vọng, thế là phủ Giả giải tán ban hát viện Lê Hương; đám hí tử, ai có cha mẹ anh em đến lãnh thì lãnh về, ai tự nguyện ở lại cũng được. Kết quả có tám quan ở lại, đều được phân phối đi khắp nơi làm nha đầu: Văn Quan theo hầu Giả mẫu; lúc ấy Vưu thị đang giúp việc quản lý phủ Vinh Quốc, đòi lấy Già Quan; Phương Quan sang viện Di Hồng, Ngẫu Quan sang quán Tiêu Tương, Nhụy Quan sang Hành Vu uyển, Ngải Quan sang Thu Sảng trai; ngoài ra Sử Tương Vân nhận Quỳ Quan, Tiết Bảo Cầm nhận Đậu Quan. Vậy những quan nào chẳng bằng lòng ở lại mà bỏ đi là những quan nào? Sách không chép rõ, song cũng chẳng khó suy đoán. Trước hết có Dược Quan đã chết, chuyện ở hay đi đều khỏi cần tính đến cô. Phần trước sách còn có một quan vai diễn rất nặng là Linh Quan: cô từng được đưa thẳng lên hồi mục, hơn nữa mối tình giữa cô và Giả Tường, chủ ban hát, từng khiến Bảo Ngọc bỗng đại ngộ điều "tình duyên của người ta, trời đã định trước". Linh Quan chẳng chịu ở lại làm nha đầu là thế tất; Giả Tường nhất định tìm cách đón cô ra ngoài sắp xếp chu đáo, và nữa, trong phần tám mươi hồi sau của Tào Tuyết Cần, cô với Giả Tường nhất định còn sẽ có vai diễn.

Những gương mặt đã từng xuất hiện trong phần trước của sách, nhưng sau khi ban hát bị giải tán thì mất tăm mất tích, còn có Bảo Quan và Ngọc Quan.

Bảo Quan và Ngọc Quan từng xuất hiện trong viện Di Hồng. Hồi thứ ba mươi, sau khi Bảo Ngọc tình cờ trông thấy Linh Quan vẽ chữ Tường, chợt có một trận mưa ập xuống, cậu cuống quít chạy về viện Di Hồng, nào ngờ cửa lớn đóng then, gõ mãi chẳng ai mở, lửa giận bốc cao trong bụng; Tập Nhân về sau nghe tiếng mới chạy ra mở cửa, Bảo Ngọc chẳng buồn xem người tới là ai, đã đá thẳng một cú vào ngay giữa ngực. Cơn biến ấy hình thành thế nào? Sách chép rõ: "Hóa ra ngày mai là tiết Đoan dương; mười hai cô gái trong bọn, đứng đầu là Văn Quan, đều được nghỉ học, kéo vào vườn chơi khắp nơi. Quả tình cờ, hai cô bé Bảo Quan đóng vai tiểu sinh và Ngọc Quan đóng vai chính đán đang chơi đùa cùng Tập Nhân trong viện Di Hồng thì bị trận mưa lớn giữ chân. Mọi người lấp kín các rãnh nước, nước đọng đầy trong sân, rồi mấy con vịt đầu xanh, chim le lông hoa, uyên ương sặc sỡ, con bị bắt con bị xua, khâu liền cánh lại, thả trong sân cho vui; cửa viện được đóng lại. Tập Nhân với đám người đều ngồi trên hành lang cười đùa..."

Bảo Quan với Ngọc Quan chơi đùa rất có óc sáng tạo. Dường như chúng thân với Bảo Ngọc và đám người viện Di Hồng gần gũi nhất; thuở ấy Phương Quan hình như vẫn chưa quen biết mấy với Bảo Ngọc cùng mọi người bên ấy. Hồi thứ ba mươi sáu, Bảo Ngọc chạy sang viện Lê Hương, định nhờ Linh Quan hát cho mình một khúc trong Mẫu đơn đình, vừa tới nơi gặp ngay Bảo Quan và Ngọc Quan đang chơi ở sân, thấy cậu đến, hai cô cười đón mời ngồi. Bảo Ngọc bước vào trong xin Linh Quan hát, bị Linh Quan lạnh lùng từ chối thẳng; chưa bao giờ Bảo Ngọc bị con gái ghét bỏ lánh xa đến vậy, cậu lúng túng đỏ cả mặt lùi ra, thì lại chính Bảo Quan với Ngọc Quan bước ra đón, hỏi han đầu đuôi, giải thích cho cậu hiểu vì sao Linh Quan lại như thế; cho tới khi Giả Tường xuất hiện, Bảo Ngọc tận mắt chứng kiến tình yêu thương sâu nặng giữa Linh Quan và Giả Tường, mới bừng bừng đại ngộ vì sao hôm ấy dưới giàn hoa tường vi, Linh Quan lại say đắm cứ vẽ đi vẽ lại chữ Tường...

"Kim Lăng thập nhị quan" trong sách chẳng ai là nhân vật bóng mờ cả: có quan vai diễn rất nặng như Phương Quan, Linh Quan; những quan khác, chẳng hạn Ngẫu Quan đốt giấy tiền cúng linh hồn đã khuất của Dược Quan; khi Phương Quan bị dì Triệu ngược đãi hành hạ, bốn quan Ngẫu, Nhụy, Quỳ, Đậu xông thẳng vào viện Di Hồng, đứa đỡ lấy trước ngực dì Triệu, đứa chống lấy sau lưng, hai đứa kia kẹp chặt tay trái tay phải, dõng dạc che chở cho Phương Quan, la hét ầm ĩ; còn Ngải Quan thì đứng trước mặt Thám Xuân tố giác bà già họ Hạ xúi giúc dì Triệu... Mười hai quan này, quan quan đều chẳng phải thứ "đèn tiết dầu"!

Theo lời sách chép, thập nhị quan lấy Văn Quan làm đầu. Hồi năm mươi tư, phủ Vinh Quốc rộn ràng tiệc Nguyên tiêu, Giả mẫu sai mười hai quan hát hiến tặng hai bà họ hàng là Tiết phu nhân với bà thím họ Lý, nói các cô "đều là người trong nhà có nghề hát", nghĩa là thứ gì hay nhất đều từng xem từng nghe cả, nên "thiếu gì phải bày ra một kiểu mới lạ: sai Phương Quan hát một vở 'Tầm mộng', chỉ dùng đàn đề hòa với tiêu quản, còn sinh, tiêu nhất loạt bỏ cả". Lúc này Văn Quan buông ra một câu rất kinh điển: "Thế mới phải

chứ! Vở hát của chúng tôi dĩ nhiên chẳng lọt nổi mắt các bà dì, các bà thông gia với các cô thuyền quyên, chỉ nghe chúng tôi một bề phát thoát khẩu xỉ (phát âm, khẩu hình răng miệng), rồi lại nghe thêm một bề cổ họng mà thôi."

Bảo Quan với Ngọc Quan dĩ nhiên cũng đều là những hí tử đầy đủ phát thoát khẩu xỉ cùng cổ họng trong veo ngọt ngào. Hai cô không chịu ở lại phủ Giả, đoán chừng đã được cha mẹ hoặc anh trưởng đón về. Rằng vận mệnh sau này của họ thế nào? Nghĩ đến thật bận lòng. Ngoài ra, Bảo Quan và Ngọc Quan vốn luôn hoạt động chung với nhau, sao cái tên của hai cô lại vừa khéo trùng với Bảo Ngọc? Điều này, giống như ở hồi hai mươi tám, cô kỹ nữ cứ phải mang tên Vân Nhi, trùng với Sử Tương Vân, đều đáng để người ta suy ngẫm: chăng bên trong còn hàm chứa điều ám chỉ nào?

# Liên Hoa Nhi mắt tinh

Trong đám a hoàn viện của Nghênh Xuân, Tư Kỳ đứng hàng đầu, kế đến là Tú Cát; cả hai đều có vai diễn không ít trong sách, độc giả Hồng Lâu Mộng thông thường đều nhớ đến họ, nhất là Tư Kỳ: cô gan góc yêu đương với Phan Hựu An anh em biểu, trao đổi thư từ kín đáo, đổi tặng tín vật, còn dứt khoát hối lộ bà già họ Trương coi cửa đưa người tình vào Đại Quan viên, đêm trăng hưởng thú mây mưa bên hòn đá dưới gốc quế lớn; khi chuyện bại lộ, đứng trước mặt Phượng Thư cùng đám người, cô ta lại chẳng hề tỏ ra sợ hãi hay xấu hổ. Cao Ngạc trong phần tiếp viết thiết kế kết cục của cô là giữ trọn tình mà chết, đâm đầu vào cột; cách xử ấy hẳn gần với ý tưởng ban đầu của Tào Tuyết Cần. Nhưng Liên Hoa Nhi, cô a hoàn nhỏ trong viện Nghênh Xuân, cũng có vai diễn, lại thường bị một số độc giả bỏ qua.

Đọc kỹ Hồng Lâu Mộng, niềm vui vô tận. Thuở thiếu thời tôi đã đọc Hồng Lâu Mộng rất kỹ; điều ấy chẳng phải do chịu ảnh hưởng của các hồng học gia, thuở ấy cũng chưa xuất hiện thứ lý thuyết "đọc tỉ mỉ văn bản"; người dẫn đường cho lối đọc kỹ ấy của tôi chính là mẹ tôi. Chẳng hạn mẹ sẽ buột miệng: ồ, vợ Vương Thiện Bảo với vợ Tần Hiển là họ hàng đấy! Tôi từng nói điều này với chị Tông Phác, chị giật mình: hai người này làm gì thành họ hàng được? Ai cũng còn nhớ, vợ Vương Thiện Bảo là bồi phòng của Hình phu nhân, còn vợ Tần Hiển thì trực đêm ở cổng phía nam Đại Quan viên; bà từng một thời được vợ Lâm Chi Hiếu, bà quản gia phủ Vinh Quốc, phong làm đầu bếp nội trù, thay thế thím Liễu; nào ngờ mừng chưa đầy nửa ngày đã bị Bình Nhi "xử oan quyết ngục" "hoàn trả nguyên trạng", thím Liễu được gỡ oan trở về nắm quyền nội trù. Trong "kho nhân lực" của Bình Nhi chẳng có tên vợ Tần Hiển; vợ Lâm Chi Hiếu nói rằng đã "tiền trảm hậu tấu", bổ nhiệm luôn vợ Tần Hiển rồi; Bình Nhi đáp: "Vợ Tần Hiển là ai? Tôi không quen biết mấy." Ngọc Xuyến, a hoàn lớn trong phòng Vương phu nhân, nhắc bà: vợ Tần Hiển là thím của Tư Kỳ; cha mẹ Tư Kỳ tuy theo bên đại lão gia Giả Xá, nhưng chú thím của cô lại làm việc bên nhà nhị lão gia Giả Chính. Điều đó nói lên rằng hai nhà Tần Hiển và anh trai y đều toàn là thế nô của phủ Vinh Quốc. Sau này khi lục soát Đại Quan viên, sách lại chép rõ vợ Vương Thiện Bảo chính là bà ngoại của Tư Kỳ. Ta nghĩ kỹ một chút: một đứa con gái của vợ Vương Thiện Bảo lấy một tên nô bộc nam họ Tần, sinh ra Tư Kỳ; đứa em trai của tên nô bộc ấy gọi là Tần Hiển. Vậy thì vợ Tần Hiển há chẳng phải một người họ hàng của vợ Vương Thiện Bảo sao? Dĩ nhiên, hai người gọi nhau thế nào là một bài toán khó; theo tục miền Bắc còn lưu truyền tới nay, biết đâu vợ Tần Hiển lại theo Tư Kỳ mà gọi vợ Vương Thiện Bảo là cụ ngoại, còn vợ Vương Thiện Bảo biết đâu lại gọi cô ta là nàng dâu Hiển Tử.

Tư Kỳ vẫn muốn trừ khử thím Liễu để giành quyền kiểm soát nội trù. Vì thế cô liên tiếp ra đề khó cho thím Liễu. Còn thím Liễu dựa vào quan hệ thân quen với đám người viện Di Hồng, cũng chẳng coi đám người bên Nghênh Xuân ra gì. Tư Kỳ sai Liên Hoa Nhi đi bảo thím Liễu rằng muốn một chén trứng hấp thật non. Tiêu chuẩn "thật non" ấy rất khó nắm bắt, bà có chăm chút đến mấy, món trứng hấp ra vẫn bị trách là "hấp già". Thím Liễu biết khách tới chẳng thiện chí, liền dài dòng lê thê lẩm bẩm rằng trứng khan hiếm xin miễn

phục vụ; Liên Hoa Nhi không chỉ động miệng mà còn động tay, lục tủ rau tìm thấy hơn mười quả trứng, buông lời chỉ trích khó nghe vô cùng: "Có phải trứng của thím đẻ ra đâu mà sợ người ta ăn đi?" Trong cuộc cãi vã, Liên Hoa Nhi còn tố thêm bộ dạng xấu xa của thím Liễu nịnh hót Tình Văn ở viện Di Hồng, khiến thím Liễu càng xấu hổ hóa giận. Liên Hoa Nhi về đến viện Nghênh Xuân, kể cho Tư Kỳ nghe cảnh ngộ ở bếp; Tư Kỳ cơn giận từ tâm can bốc lên, ác khí nơi mật đảm sinh ra, sau khi hầu Nghênh Xuân ăn cơm tối xong, liền dẫn đầu Liên Hoa Nhi cùng đám tiểu hoàn xông thẳng vào bếp, ban bố mệnh lệnh đánh, đập, cướp: "Cứ đem hết thảy rau quả trong rương trong tủ quăng ra cho chó ăn, chúng mình đừng hòng được hưởng gì!" Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, sự gan góc về dục vọng cùng tính tự chủ kiên trì trong việc theo đuổi hôn nhân của Tư Kỳ, hòa quyện với sự ngang ngàng kiêu căng của cô trong cuộc tranh giành quyền kiểm soát nội trù, dung hợp thành một hình tượng nghệ thuật đáng tin.

Chi Nghiển Trai nói văn chương Tào Tuyết Cần "tinh tế như lông bò", ví dụ minh chứng quá nhiều. Sau khi Liễu Ngũ Nhi bị xem là phạm nhân khả nghi ăn trộm rồi bị giam giữ, vợ Lâm Chi Hiếu nhắc đến chuyện phòng Vương phu nhân mất một hũ rượu mai quế lộ; trong đám bà già a hoàn vây xem lại vừa đúng có mặt Liên Hoa Nhi, con bé nghe thấy vội nói ngay "hôm nay tôi lại trông thấy một lọ đựng rượu mai quế lộ". Ban đầu nó lục soát trong bếp xem có trứng hay không, về sau chắc chắn còn theo Tư Kỳ làm tiên phong xông vào bếp đánh, đập, cướp; mắt con bé tinh, nhìn thấy trong tủ chén nửa chai nhỏ rượu mai quế lộ thím Liễu được Phương Quan cho, lúc ấy vì hứng thú chẳng nằm ở rượu mai quế lộ nên nó cũng chẳng để ý gì đặc biệt; buổi tối nghe vợ Lâm Chi Hiếu nhắc tới, nó liền dẫn đoàn tuần tra tới bếp, lập tức rút ngay lọ lộ ra làm vật chứng trộm cắp, lại tiến thêm một bước, phát hiện một gói bột phục linh, khiến thím Liễu và Liễu Ngũ Nhi càng thêm miệng mồm khó cãi, đối mặt với số phận kinh khủng: mỗi người bị phạt bốn mươi đại bản, mẹ bị đuổi ra ngoài vĩnh viễn không bao giờ được bước qua cửa thứ hai nữa, con gái thì giao cho trang viên, hoặc bán đi hoặc gả cho ai đó.

Về sau nhờ Bảo Ngọc ra mặt thế mạng, che lấp kẻ gian thật sự, Bình Nhi xử oan quyết ngục, gỡ oan cho mẹ con nhà họ Liễu, việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không; căn bếp đã giành được trong tay, thế nào lại thuộc quyền trở về thím Liễu, Tư Kỳ giận điên cả người, Liên Hoa Nhi chắc cũng uất ức hờn dỗi. Dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Nghênh Xuân là người nhút yếu nhất, nhưng đúng là a hoàn lớn trong viện cô như Tư Kỳ, tiểu hoàn nhỏ như Liên Hoa Nhi, đều mạnh mẽ, thậm chí hung hãn; kiểu thiết kế tương phản dữ dội giữa tính cách chủ với nô ấy thực sự thú vị, và vị nghĩa vô cùng.

# Bà lớn viện Bắc

Bà lớn viện Bắc chỉ Hình phu nhân. Hồng Lâu Mộng hồi bảy mươi lăm, viết cảnh Vưu thị từ phủ Vinh Quốc trở về phủ Ninh Quốc, cách cửa sổ lén nhìn lén nghe Giả Trân cùng đám bạn cà chơn hủ bại tụ bạc tìm vui, trong đó bộ dạng xấu xa của Hình Đức Toàn là khó coi nhất; Vưu thị khẽ nói với Ngân Điệp, a hoàn lớn hầu cận bên mình: "Đó là em trai của bà lớn viện Bắc (北院里大太太) đang càm ràm với bà ấy đấy!" Trong các cổ bản Hồng Lâu Mộng còn tồn tại (phần nhiều mang tên Thạch Đầu Ký), cụm "Bắc viện lý" (北院里) lại có chỗ chép thành "Bắc viễn lý" (北远里); nói chung đều viết ra rõ ràng phương vị "Bắc" này.

Đọc kỹ Hồng Lâu Mộng (từ cổ bản tới bản thông hành hiện nay), trong đầu độc giả đều hình thành đại khái quan niệm phương vị về phủ Vinh, phủ Ninh và nơi ở của Giả Xá: phủ Ninh ở phía đông, phủ Vinh ở phía tây; còn Giả Xá, y cư ngụ trong một ngôi nhà cửa sơn dầu đen chỉ cách phủ Vinh một bức tường; phía trước hai phủ Vinh Ninh là phố Vinh Ninh; giữa hai phủ vốn có một con đường hẹp thuộc đất tư họ Giả; để đón Nguyên phi về thăm nhà, người ta bỏ con đường hẹp đi, gộp lấy vườn cũ trong phủ Vinh, nhà Giả Xá và vườn trong phủ Ninh mà hợp nhất mở rộng, xây nên Đại Quan viên. Sách nhiều lần viết đến tình trạng cụ thể các sân viện nhà cửa trong hai phủ Vinh Ninh cùng nhà Giả Xá, trước sau về cơ bản ăn khớp với nhau; đủ thấy khi viết cuốn tiểu thuyết này, Tào Tuyết Cần đã "trong bụng sẵn một ngôi nhà" (胸有成屋).

Người phủ Vinh Quốc bên tây trong sách nhắc đến phủ Ninh Quốc thì gọi là "đông phủ". Ninh ở đông, Vinh ở tây, nhà Giả Xá kẹp ở giữa; đó hẳn là bố cục không gian hai phủ họ Giả trong sách. Nhưng hồi bảy mươi lăm, Vưu thị lại cứ gọi Hình phu nhân là "bà lớn viện Bắc" (北院里的大太太), vậy phải giải thích điều ấy thế nào?

Tiên sinh Quan Hoa Sơn, nay là giáo sư Đại học Đông Hải ở Đài Loan, sớm từ ba mươi năm trước đã viết luận văn thạc sĩ nhan đề 《Kiến trúc và viên lâm trong Hồng Lâu Mộng》, sau chính thức xuất bản tại Đài Loan; năm 2008, Nhà xuất bản Văn nghệ Bách Hoa Thiên Tân đã đem bộ sách tư liệu phong phú, luận chứng tinh tế này cung cấp cho chúng ta, tin rằng các bằng hữu mê Hồng đọc lên đều sẽ thấy hăng hái thú vị. Quan Hoa Sơn đã lược ra tính hiện thực của bố cục kiến trúc hai phủ Vinh Ninh trong Hồng Lâu Mộng cùng tính hư ảo của Đại Quan viên cái "viên lâm ngòi bút" này, chỉ rõ rằng cái trước thể hiện tư tưởng trọng trật tự của Nho gia, cái sau thể hiện tư tưởng thuận theo tự nhiên của Đạo gia, lại dùng hình thái hình học để trao những ý nghĩa biểu tượng khác nhau, tức là nhà vuông mà vườn tròn. Trong đó ông cũng nghiên cứu tới nhà Giả Xá, cho rằng lời sách chép về "cửa lớn sơn dầu đen" của y phù hợp với quy chế xây dựng nhà cửa quan phẩm tam phẩm trong 《Minh Hội Điển》 (nhà Thanh đại thể thừa kế chế độ nhà Minh). Tôi rất khâm phục nghiên cứu của tiên sinh Quan. Nhưng về việc Vưu thị gọi Hình phu nhân là "bà lớn viện Bắc" thì cách giải thích của ông tôi chẳng thể tán đồng: "Dùng 'Bắc viện' để gọi viện của Giả Xá, dường như không

có lý do thực chất nào về phương vị, chỉ là cách gọi theo thói quen, nhằm phân biệt với đông viện, tây viện và nam viện của đám hạ nhân thôi!"

Hồng Lâu Mộng là một cuốn sách lạ "chôn giấu chuyện thật" (真事隐) rồi "cất giữ lời giả" (假语存). Coi nó là toàn bộ hư cấu hay coi nó là văn học báo cáo đều là sai cả. Cách viết của tác giả bắt tay từ "chuyện thật"; nghĩa là chẳng những tuyệt đại đa số nhân vật có nguyên mẫu đời sống, mà hai phủ Vinh Ninh cùng dinh thự Giả Xá cũng đều có nguyên mẫu không gian; nhưng sau khi được nâng lên thành văn bản tiểu thuyết, chúng lại được pha vào "lời giả" với mức độ khác nhau. Sáng tác văn học hiện đại có thuyết "điển hình luận": tác giả đem chất liệu thực tế trong đời sống qua trí tưởng tượng nghệ thuật bước vào hư cấu, và "môi trường điển hình" cùng "nhân vật điển hình" hình thành từ đó trở thành đối tượng thẩm mỹ độc lập; độc giả thông thường thưởng thức "điển hình" là đủ, khỏi cần mải miết đào xới nguyên mẫu. Song cách viết của Tào Tuyết Cần lại chẳng phải như thế (thời ông sống, toàn nhân loại cũng chưa đưa ra nổi lý thuyết mỹ học "điển hình luận"); ông đúng là hy vọng người thưởng thẩm vừa từ "lời giả" thu được ý vị "rời xa sự thật", vừa từ "lời giả" nhìn thấu tấm lòng khổ tâm "giữ lại sự thật" của tác giả. Vì thế ông mới than rằng: "Trang đầy những chuyện hoang đường, / Tràn tít nước mắt bát ngát chua cay. / Đừng cho rằng tác giả là kẻ ngây, / Ai hay ý vị chỉ đầy ở trong đó?" Chúng ta đọc Hồng Lâu Mộng cũng cần "si", nghĩa là miệt mài không mệt mỏi đi khám phá những "chuyện thật" ẩn giấu trong "lời giả", mới nếm được vị đậm đà của cuốn sách lạ này.

Về nguyên mẫu của hai phủ Vinh Ninh, tôi tương đối phục tùng khảo cứu của tiên sinh Chu Nhữ Xương; nói gọn lại, nguyên mẫu của chúng hẳn là dinh thự của một vị a ca nào đó thất thế thời Ung Chính; đầu thời Càn Long, sau khi Tào Phủ khôi phục chức vụ ở Nội vụ phủ, ông đã dẫn cả nhà gồm cả Tào Tuyết Cần dọn từ căn nhà nhỏ "mười tám rưỡi gian" ở Toán Thị Khẩu vào nhờ (bấy giờ chủ phủ là ai còn cần khảo xét); về sau Hòa Thân trên nền móng ấy dựng nên những phần dinh thự xa hoa có nơi còn vượt cả hoàng cung; đến cuối nhà Thanh thì Cung thân vương Dịch Hân cải tạo hưởng dùng. Sự phóng túng tưởng tượng của Đại Quan viên, hẳn là lấy khu vườn dinh thự ấy làm "điểm gốc" mà triển khai. Xét về quan hệ nguyên mẫu nhân vật: nguyên mẫu của Giả Xá với Giả Chính quả là anh em ruột, nhưng nguyên mẫu của Giả Xá lại không cùng quá kế cho nguyên mẫu của Giả mẫu, nên dù sách viết Xá với Chính cùng do Giả mẫu đẻ ra, Xá với tư cách trưởng tử tập tước vẫn phải ở riêng xa mẹ. Nguyên mẫu của Vưu thị trong sách cũng có; câu cô gọi Hình phu nhân là "bà lớn viện Bắc" hẳn là lời nguyên văn trong đời sống. Vì sao dinh thự Giả Xá lại là "viện Bắc"? Một cách giải thích: chỗ cư ngụ của nguyên mẫu Giả Xá vốn không nằm sát đông bên phủ Vinh Quốc, mà nằm ở khu phố phía bắc. Một cách khác: vị trí không gian của phủ Ninh Quốc nguyên mẫu vốn không thẳng hàng với phủ Vinh Quốc, nghĩa là phố Vinh Ninh đặt xiêu vẹo từ tây bắc chạy xuống đông nam (phố Tam Tọa Kiều nơi phủ Cung thân vương hiện nay cũng nghiêng lệch như thế); vì thế trong đời thực, người đông phủ gọi phúc tấn trong dinh thự lệch về tây bắc ấy là "bà lớn viện Bắc"; đó là một ví dụ "giữ chân" nằm trong "lời giả" của Hồng Lâu Mộng.

# Vợ của A Kỳ Na

Sau khi Ung Chính lên ngôi hoàng đế, y lần lượt trừ khử từng kẻ thù chính trị. Dận Tự, người em thứ tám của y, sau hai phen phế thái tử thời Khang Hy, từng lộ liễu dòm ngó ngai thái tử; thuở Khang Hy vừa băng hà, Ung Chính vừa lên ngôi còn cố ý nâng cao địa vị của Dận Tự, nhưng rất nhanh đã nắm được chứng cứ để trừng trị: trước tước tước vị, rồi đuổi khỏi hoàng tộc giáng làm thứ nhân; thấy thế vẫn chưa giải nổi cơn hận, y sai người gọi Dận Tự là A Kỳ Na. Truyền thuyết dân gian nói A Kỳ Na nghĩa là con chó, nhưng theo khảo chứng của các chuyên gia sử Thanh dựa trên tiếng Mãn, nghĩa của nó hẳn là "con cá đông trên thớt". Bị giáng đến mức chẳng còn tính là người, lại bị giam lỏng nghiêm ngặt, Ung Chính vẫn cho rằng giữ lại rốt cuộc là mối họa, thế là đầu độc y chết. Dận Đường, người em thứ chín, bị Ung Chính mắng là "kẻ si dại béo phì sưng phồng, bịa đặt vu vạ, cuồng loạn trái lệ, hạ tiện vô liêm sỉ", cũng trước bị tước tước vị, rồi trục xuất khỏi hoàng tộc phế làm thứ nhân, lại bị sai người gọi là Tái Tư Hắc; truyền thuyết dân gian nói Tái Tư Hắc nghĩa là con lợn, các chuyên gia cũng khảo chứng ra được, nghĩa chuẩn xác của nó là "kẻ đáng ghét". Dận Đường bị an trí đến Đại Đồng để quản thúc, cuối cùng cũng bị đầu độc chết. Với Doãn Chỉ, người anh thứ ba, và Dận Đề, người em cùng mẹ thứ mười bốn, Ung Chính cũng tiến hành những đòn đánh không thương tiếc. Thật ra thuở ấy Khang Hy đặt tên cho các con trai đều dùng chung một chữ Dận (胤): Ung Chính tên là Dận Chân (胤禛), thập tứ a ca tên là Dận Trinh (胤祯), tên hai người rất gần nhau cả về hình lẫn âm chữ; Khang Hy đặt tên như vậy chắc là vì thấy hai người cùng một mẹ sinh ra, cách đặt ấy có thể tỏ ra thân mật thêm chút; nào ngờ sau khi ông băng hà, cặp anh em ruột thịt ấy trong cuộc đấu quyền đã rách mặt nhau; Ung Chính tất nhiên chiếm thượng phong, không những khiến Dận Trinh cùng với các người em khác không được dùng tiếp chữ Dận (胤) vốn là chữ riêng của hàng a ca, mà trước đổi tên thành Doãn Trinh (允禎), rồi đổi nữa thành Doãn Đề (允禔).

Bát a ca Dận Tự chắc từ dung mạo tới tài năng đều quả thực khá nổi bật, hơn nữa rất khéo kết lấy lòng người, thuở đầu cũng khá được Khang Hy ưu ái. Nhị a ca Dận Nhưng vì là con do hoàng hậu sinh, chưa đầy ba tuổi đã được Khang Hy lập làm thái tử; Khang Hy nuôi dưỡng cậu ta tận tâm, thậm chí lúc mình thân chinh xuất trận còn từng giao cậu ta nhiếp chính thay; song Khang Hy trường thọ, quyền lực rốt cuộc chẳng thể bàn giao cho thái tử; lòng nối nghiệp vội vã, giữa hoàng đế với hoàng thái tử cuối cùng bùng nổ xung đột; trải hai phen lập hai phen phế, Khang Hy cả người lẫn lòng đều kiệt sức, nhưng ông vẫn nhờ các quý tộc triều thần dâng ý kiến nên lập ai làm thái tử mới. Thật ra trên chuyện lập trữ, Khang Hy tuyệt chẳng thể nghe theo ý kiến của bất kỳ ai ngoài chính ông; ông chỉ làm bộ dạng và tiến hành thử thách; nào ngờ cuối cùng quý tộc triều thần gần như đồng thanh đề cử Dận Tự, thế thì sao chịu nổi! Kết quả như vậy, thứ nhất nói lên đám thần bộc này xâu xé liên kết với nhau, tự cho mình đúng; thứ hai nói lên Dận Tự bụng dạ chẳng ngay, ngầm hoạt động. Khang Hy đại nộ, không những cho tới lúc lâm chung cũng không lập lại trữ quân, mà còn cực kỳ ghét cay ghét đắng Bát a ca.

Cả đời Khang Hy sinh được ba mươi lăm hoàng tử hai mươi công chúa; trong số con trai có hai mươi bốn đứa nuôi được tới tám tuổi trở lên và được xếp thứ tự; Đại a ca với nhị thập tứ a ca chênh nhau tới bốn mươi mốt tuổi. Thuở Khang Hy tại thế, hơn chục hoàng tử đứng đầu gần như đều đã lấy vợ sinh con; dĩ nhiên các a ca này hầu hết chẳng chỉ có một bà vợ, song chính thất thì chỉ có một, gọi là đích phúc tấn (嫡福晋, hay viết là phúc kim 福金, là phiên âm từ tiếng Mãn). Tuy Khang Hy ngày ngày vạn cơ quốc sự rườm rà, ông vẫn còn dư sức quan tâm tình hình từng mặt của mỗi vị a ca; cảm tình xấu về Dận Tự sau này của ông cũng lan tới cả Quách La La thị, đích phúc tấn của Dận Tự. Trong 《Thanh Thánh Tổ thực lục》 quyển 235 chép lời bình nghị của Khang Hy về hoàn cảnh gia đình Dận Tự, nói Dận Tự "xưa nay vẫn bị vợ khống chế".

Trong hồ sơ chính thức nhà Thanh, vợ các hoàng a ca hiếm khi được ghi chép, nhưng bà vợ này của Dận Tự lại mấy lần được ghi lại thậm chí được miêu tả. Thời Khang Hy, ông sai đại nho Hà Trác dạy học cho Dận Tự; đang lúc thầy trò đối đáp, đích phúc tấn của Dận Tự đi qua ngoài cửa phòng, cô ta chẳng những ghé mắt nhìn vào trong, mà có lẽ thấy bộ dạng cùng giọng điệu chua ngoét của Hà Trác buồn cười quá hóa, bèn cười phá lên, tiếng cười sang sảng vang ra tới ngoài sân; thuở đó lẫn về sau, Dận Tự đều chẳng hề quở trách cử chỉ quá lố ấy của vợ. Tuy đàn bà tám kỳ Mãn Châu về tục sinh hoạt vốn luôn ít bị ràng buộc hơn đàn bà họ Hán chút ít, ví dụ giữ chân thiên túc, tiếng nói trong việc nhà hơi lớn hơn, nhưng kiểu làm càn như thế vẫn tuyệt đối không cho phép. Sau khi Ung Chính lên ngôi, trước hết y làm bộ, cho Dận Tự nhập các trợ lý chính vụ; nhà mẹ đẻ của đích phúc tấn đến chúc mừng, cô ta dám lớn tiếng nói thẳng mối ngờ vực với Ung Chính: "Chúc cái gì mà mừng? Còn chưa biết mai kia mốt nọ lúc nào mất cái đầu đây!" Quả nhiên chẳng bao lâu Dận Tự liền gặp hàng loạt đòn đánh; sau khi vợ chồng cùng bị phế làm thứ nhân, cô ta lại buông câu với thái giám canh chừng: "Ngày thường mỗi bữa tôi chỉ ăn một chén cơm, hôm nay anh thêm cho tôi hai chén nữa; chết không nguyên xác cũng chẳng sao, ăn được tới ngày ấy hãy nói!" Ung Chính biết chuyện liền ép cô ta tự vẫn; chết rồi bị "tán cốt dĩ phục kỳ cô" (散骨以伏其辜, rải xương tán cốt để đền tội). Cô chết đi rồi Dận Tự mới bị gọi là A Kỳ Na, nhưng chúng ta cũng chẳng sao nếu gọi cô là vợ của A Kỳ Na.

Ông nội, bác và cha của Tào Tuyết Cần thuở sống đều giao hảo với Dận Tự, Dận Đường. Khi Ung Chính hạ lệnh tra xét tịch thu gia sản nhà họ Tào, viên quan phụ trách tịch thu về sau có tấu trình riêng: lục ra ở gia miếu họ Tào một cặp sư tử bằng vàng to lớn, thứ mà chỉ hoàng đế mới được hưởng dụng; Tào Phủ nhận tội rằng đó là đồ mình cất giấu hộ cho Dận Đường. Tào Phủ thoát khỏi tai ương lớn, đến đầu thời Càn Long lại trở về Nội vụ phủ làm việc; thuở ấy Tào Tuyết Cần đã đủ khả năng viết văn, trong những lời trò chuyện riêng tư của gia tộc, cậu hẳn đã nghe bố mẹ kể chuyện về vợ của A Kỳ Na; điều này có lẽ giúp ích phần nào cho việc cậu sáng tác Hồng Lâu Mộng, tạo dựng hình tượng nghệ thuật như Vương Hy Phượng. Nghĩ tới lời ăn tiếng nói cùng phong thái của Vương Hy Phượng: "Muôn người dưới gầm trời này, tôi không cười ai thì thôi... Nó là con vua Na Tra, tôi cũng đòi gặp cho được; đừng có nói láo nữa, mà không mang nó đi ngay, xem tôi cho mày một cái tát ra trò!" Nhân vật này hẳn lấy một người đàn bà nào đó của họ Tào làm nguyên mẫu; nhưng với tư cách một điển hình nghệ thuật, liệu bên trong có bao nhiêu nguyên tố của vợ A Kỳ Na?

# Trà đáp tử · phích nước · máy nước uống

Vườn thú ngoài cửa Tây Trực Môn Bắc Kinh, giữa thời Càn Long gọi là biệt thự Hoàn Kê, về sau được gọi là "vườn Tam Bối Tử"; nhà Thanh phong tước cho nam giới hoàng tộc có bốn đẳng: thân vương, quận vương, bối lặc, bối tử, và nơi ấy từng thuộc sở hữu của một vị bối tử xếp hàng thứ ba. Sau khi vị "Tam Bối Tử" kia chết, khu vườn này một thời thuộc về Phú Sát Minh Nghĩa; vị Minh Nghĩa tự Ngã Trai ấy từng xem qua một bộ Hồng Lâu Mộng có nguồn gốc từ Tào Tuyết Cần, viết hai mươi bài đề vịnh, thu vào bộ 《Lục Yên tỏa song tập》 do chính ông biên soạn, rất đáng nghiên cứu. So với những viên lâm quý tộc nghiêm chỉnh, trong vườn này kiến trúc không nhiều, chỗ điêu khắc nhân tạo cũng ít, chủ yếu là cảnh dại, thú dại mê người. Cuối nhà Thanh, nơi đây trước trở thành "trường thí nghiệm nông sự", du nhập một số cây cỏ nước ngoài, về sau lại ở phần phía đông lập nên "Vạn Sinh viên", mua từ nước ngoài một lô động vật, chở bằng tàu thủy trước tới Đường Cô rồi mới vận về Bắc Kinh. Sau khi nước Trung Quốc mới thành lập, vườn thú thêm vào nhiều loài vật quí hiếm, nhưng đại thể vẫn giữ nguyên bố cục "đông động, tây thực".

Phong phân hoàng tộc nhà Thanh, nếu muốn nói kỹ hơn một chút, đến năm thứ sáu đời Thuận Trị mới định rõ thành mười hai đẳng: Hòa Thạc thân vương, Đa La quận vương, Đa La bối lặc, Cố Sơn bối tử, Phụng Ân trấn quốc công, Phụng Ân phụ quốc công, Bất nhập bát phân trấn quốc công, Bất nhập bát phân phụ quốc công, Trấn quốc tướng quân, Phụ quốc tướng quân, Phụng quốc tướng quân, Phụng ân tướng quân. Theo bài văn của Phổ Kiệt, hậu duệ hoàng tộc cuối Thanh, sự khác biệt giữa nhập bát phân với bất nhập bát phân mà ông biết chỉ nằm ở cấp phụ quốc công. "Hòa Thạc" (和硕) là phiên âm tiếng Mãn, nghĩa "một phương"; "Đa La" (多罗), "Cố Sơn" (固山) lần lượt là tiếng Mãn nghĩa "một góc" và "kỳ (lá cờ)"; "một phương" lớn hơn "một góc", mà "một góc" lại lớn hơn "kỳ". Phong các tước vị này, đại thể có sự khác nhau giữa "phong vì công" và "phong vì ân": loại "phong vì công" được "thế tập võng thế" (cha truyền con nối đời đời chẳng giáng cấp), loại "phong vì ân" thì mỗi đời phải giáng xuống một bậc; dĩ nhiên, tùy theo lợi ích của mình, hoàng đế (cuối Thanh thời Đồng Trị, Quang Tự thì chủ yếu là hoàng thái hậu) có thể bất cứ lúc nào giáng tước hoặc thăng tước những người hoàng tộc này.

Thú vị nhất vẫn là cái khác biệt "nhập bát phân" với "bất nhập bát phân" ở tước công ấy. "Bát phân" chỉ tám đặc ân: xe ngồi được dùng "chu luân" (bánh xe sơn đỏ); ngựa cưỡi được thắt "tử cương" (dây cương tím); trên mũ được dùng núm ngọc quý cao cấp hơn cả núm san hô; trên mũ còn được cài hoa linh hai mắt (lông đuôi công có hai vòng mắt); được dùng đèn sừng trâu; được dùng trà đáp tử (茶搭子); trên yên ngựa được đặt đệm tọa; cửa lớn phủ đệ được đóng đinh đồng to. Trong tám đặc vinh ấy, trà đáp tử là thứ gì? Là đồ đựng nước nóng, na ná chiếc phích nước hiện đại. Việc có được dùng hay không một đồ đựng chè nóng giữ ấm, ở nhà Thanh lại là một trong những dấu hiệu quan trọng phân biệt đẳng cấp tước công!

Trà đáp tử mà tước công nhập bát phân dùng rốt cuộc trông ra làm sao? Tôi luôn muốn biết, cũng đã hỏi qua một số người, nhưng mãi chẳng nắm được đầu mối. Theo trí tưởng của tôi, hẳn đó là một loại ấm chè được bọc kín bằng vật liệu giữ nhiệt. Thời thiếu niên tôi, tuy khi ấy phích nước đã rất thịnh hành, nhưng nhà tôi cùng mấy nhà họ hàng, bạn bè, láng giềng vẫn còn tục cho ấm chè sứ lớn "mặc" áo bông ôm sát thân; trong trí nhớ, nước chè rót ra từ cái ấm quấn bông ấy ấm vừa phải chẳng nóng bỏng, uống rất hợp miệng. Hồng Lâu Mộng chép: đêm đông, Bảo Ngọc sau khi đi giải quyết ngoài trời, đi tới hành lang sau hoa thính; a hoàn Thu Văn hầu cậu rửa tay, chê nước trong chậu tiểu hoàn bưng theo đã nguội mất; quả tình lại có một bà già xách một ấm nước sôi đi tới, thứ ấy vốn là nước chuẩn bị pha chè cho Giả mẫu; Thu Văn nhờ thế lực ép người, nói: "Thứ nước nào tôi cũng chẳng cần! Nếu bà không đưa, tôi cứ việc đổ ấm nước chè (茶吊子) của cụ ra mà rửa tay!" Bà già ban đầu không chịu đưa, về sau nhìn rõ là người hầu cận Bảo Ngọc, vội nâng ấm chế thêm nước nóng vào chậu tiểu hoàn đang bưng. Cái ấm ấy từ chỗ được rót nước sôi vào, vượt qua bao nhiêu khoảng không gian mới xách tới nhà Giả mẫu, nếu chẳng có lớp giữ nhiệt che chở chắc chắn đã biến thành nước lạnh; tôi đoán nó chính là loại đồ dùng kiểu trà đáp tử. Vinh Quốc công trong tiểu thuyết, độc giả có thể tưởng tượng thuộc hàng nhập bát phân; đương nhiên, sau khi câu chuyện tiểu thuyết bắt đầu thì Giả Xá trưởng tử của Giả mẫu chỉ giáng tập xuống nhất đẳng tướng quân, còn Giả Chính chủ phủ Vinh Quốc thì chẳng có tước vị gì, dĩ nhiên cũng chẳng thể công khai dùng trà đáp tử; song đem cái thứ ấy biến thông một chút, ví dụ đổi thể tích hình thái màu sắc, hưởng thụ nguồn nước nóng cung ứng bất cứ lúc nào, thì cũng chẳng còn tính là tiếng việt nữa.

Thập niên 60 thế kỷ XX, ở một nhà máy đường phố gần Thập Sát Hải, một anh công nhân chỉ tờ giấy lót hộp giấy nói với tôi: "Cái này là cắt ra trải từ vỏ trà đáp tử năm xưa đấy." Tôi bóp nghía thử, cảm giác rất kỳ quặc, chẳng giống lòng bông hay lòng tơ, na ná vải bạt mà lại hơi bở rệu; khoảnh khắc ấy cách nhà Thanh sụp đổ chưa đầy quá nửa thế kỷ, nếu tính từ năm 1924 khi Phổ Nghi bị trục xuất khỏi Tử Cấm Thành, đám quý tộc Mãn Thanh sa sút tan rã, thì cũng chỉ ba mươi mấy năm; vậy mà cái trà đáp tử từng mang lại vinh quang kiêu hãnh cho các gia tộc tước công nhập bát phân, đã rơi xuống thành tấm đệm giẫm dưới bước chân lịch sử. "Đạo chính của nhân gian đúng là bể dâu", tin thật vậy!

Cho tới hai mươi năm trước, phích nước có thể nói là vật dụng thiết yếu của người bình thường chúng ta Trung Quốc. Ngày tôi kết hôn, trong số quà tặng nhận được có tới mấy cái phích nước. Một thời từng thịnh hành phích nước vỏ thiếc in hoa màu. Loại mộc mạc hơn thì vỏ bằng tre gỗ hoặc nhựa; loại tiết kiệm hơn nữa là vỏ que sắt đan có lỗ thủng quét sơn xanh. Còn bây giờ thì đa số là vỏ thép không gỉ. Một người bạn đồng lứa với tôi kể rằng, khi hồi tưởng chuyện cũ, anh sẽ khởi đầu từ những chiếc phích nước đã lần lượt dùng qua; cùng với những đoạn sống ngày cũ được kéo ra theo từng chiếc phích thay thế, những vui buồn giận dữ, ly hợp ca khóc trong cuộc đời tầm thường mà chỉ mình anh hiểu được vị của nó sẽ dồn dập trào lên tận đáy lòng, cảm khái muôn phần.

Nhưng phích nước cũng đang rút khỏi cuộc sống hằng ngày của nhiều người Trung Hoa trẻ tuổi. Nếu nói cái đặc quyền mang dấu hiệu trả đáp tử đánh mất của các tước công nhập bát phân Mãn Thanh thuở ấy là bi kịch của họ, thì việc những công dân Trung Hoa trẻ hôm nay từng bước tạm biệt phích nước là màn hài kịch của sự phát triển xã hội. Trong những căn nhà kiểu mới ngày càng nhiều hiện chỉ có máy nước uống dùng can nước lớn mà chẳng còn phích nước; hôm nọ tôi tới nhà một người bạn già, vô tình buông câu "phích nước", đứa cháu nội nhỏ liền chớp mắt tò mò hỏi: "Phích nước là cái gì thế?" Từ giọng non nớt ấy, tôi bỗng cảm nhận được một tiếng bước chân của lịch sử.

# Nhịn đói

Giờ này tôi hiếm khi tham dự các bữa tiệc rượu; hôm ấy tình cờ nhận lời đi dự, trước khi dọn món lên, chợt thấy một vị huynh đài móc ra cả một bộ ống tiêm, trước mặt mọi người cứ như chẳng có chuyện gì, vén áo lên tự đâm kim vào bụng mình; tôi không khỏi thán phục đến ngẩn ngơ, bên cạnh lại có người quen ghé tai nói: đừng có ếch ngồi đáy giếng mà lấy làm lạ, giờ kiểu làm ấy khá thịnh hành, là tiêm insulin đấy, mắc bệnh tiểu đường mà chẳng nỡ bỏ thú ăn ngon... Vào bàn, quả nhiên vị từng đâm kim vào bụng ấy trăm điều không kiêng kỵ, ăn húp sùm sụp. Sinh mệnh thuộc về mỗi người, tôi chẳng có quyền can thiệp vào lối sống của kẻ khác; nhưng về tới nhà, nghĩ lại cảnh trên bàn tiệc, vẫn không khỏi âm thầm dèm pha.

So theo chiều dọc, so với ba mươi năm trước, nay người ta chẳng những phổ biến đủ no đủ ấm, chất lượng ăn uống của cư dân thành thị cũng phổ biến được nâng cao; so theo chiều ngang, so với những nơi khác trên thế giới kể cả các nước phát triển, tần suất dân thường chúng ta Trung Quốc đi nhà hàng (chưa tính loại quán cơm nhanh, mà chỉ những quán bước vào ngồi xuống gọi món) hẳn thuộc hàng dẫn đầu. Ở đây tạm không đề cập vấn đề tiêu dùng công quỹ. Tóm lại, từ ngữ cũ "đánh chén" (打牙祭) giờ đã rất kém thịnh hành, vì chuyện người bình thường xuống quán xá chẳng còn là việc khó nhọc gì nữa. Ăn ngon uống cay vốn là chuyện tốt, nhưng đúng như cổ bản Hồng Lâu Mộng nói: "việc lành nhiều ma" (好事多魔). Xin chú ý: chẳng phải chữ "ma" nghĩa mài mòn trắc trở (磨) mà là chữ "ma" nghĩa quỷ dữ (魔), tức là vui quá hóa buồn, trong phúc có họa nằm phục sẵn; hiện nay có kha khá người mắc bệnh, chẳng phải suy dinh dưỡng do thiếu đói, mà là thừa dinh dưỡng mất cân bằng do tham ăn; bệnh tiểu đường chẳng còn mới mẻ gì, còn có thống phong đang lan rộng, thứ "bệnh phú quý" kia càng đáng sợ hơn: có vị chỉ vì dự tiệc bào ngư vây cá quá dày, khiến purin tích tụ trong thân thể, thông thường đau trước ở kẽ ngón chân cái, nặng thì lan sang các bộ phận khác trên mình.

Bị bệnh rồi thì làm sao? Dĩ nhiên cần xét nghiệm, cần uống thuốc. Nay lại rất thịnh hành "liệu pháp thực dưỡng", và hình như thứ thức ăn nào cũng có công hiệu chữa bệnh, lấy ăn thay cho chữa, hình như có thể gói trọn trăm bệnh đều hết. Tôi thì lại thấy một lối chữa bệnh được viết trong Hồng Lâu Mộng đáng tham khảo hơn. Sách chép Giả mẫu đưa Lưu Lão Lão dạo Đại Quan viên, hưng trí quá cao, mệt nhọc quá nên người khó chịu, mời Vương thái y đến chẩn trị; vị Vương thái y này sau khi bắt mạch nói với tộc trưởng Giả Trân: "Thái phu nhân chẳng có bệnh gì khác, chỉ tình cờ cảm phải chút phong hàn; rốt cuộc chẳng cần uống thuốc, chỉ ăn uống thanh đạm hơn một chút, thường giữ cho người hơi ấm lên một chút là khỏi; bây giờ tôi viết sẵn toa thuốc để đây, nếu lão thái thái thích uống thì theo toa sắc một thang mà uống, còn lười uống thì cũng thôi." Viết xong toa thuốc vừa định từ giã, thì vú nuôi bế Đại Thư Nhi (con gái Phượng Thư, về sau Lưu Lão Lão đặt tên cho bé là Xảo Thư) đến nhờ xem bệnh; Vương thái y bắt mạch, sờ đầu, xem lưỡi rồi cười nói: "Tôi nói ra thì cô bé lại sẽ mắng tôi mất, chỉ cần đói hai bữa cho thật thanh tịnh là khỏi thôi..." Sách về sau lại chép Tình Văn nghịch ngợm nhiễm phải phong hàn: "Bệnh tuy nặng thực, nhưng may chị ta xưa nay

là người chỉ dùng sức lực chứ chẳng hay dùng đến tâm trí, hơn nữa ăn uống xưa nay thanh đạm, đói no chẳng tổn hại; lối bí truyền trong phủ họ Giả này, bất kể trên dưới, hễ hơi chút cảm gió ho khan là nhất định lấy nhịn đói làm chính, sau mới đến uống thuốc." Rõ ràng với "liệu pháp nhịn đói" mà Vương thái y chủ trương, phủ Giả thi hành, Tào Tuyết Cần chẳng hề có ý mỉa mai, mà tỏ thái độ khẳng định trọn vẹn. Điều này e rằng chẳng phải "tổ truyền bí pháp" của họ Tào, bởi không ít tư liệu cho biết ông nội Tào Tuyết Cần là Tào Dần, người hưởng thụ kiểu "cơm chẳng chê tinh, thịt bằm chẳng chê nhuyễn", từng khắc in tinh mỹ 《Đường Sương phổ》 cùng mấy cuốn "ẩm thực chỉ nam" xa lạ khác; về sau chẳng may lây nhiễm bệnh sốt rét, hoàng đế Khang Hy tuy ngoài quy cách vẫn chiếu cố, phái ngựa trạm phi nước đại đem kim kê nạp sương gửi tới cho y, nhưng cũng nhân đó, trên tấu chương của Lý Húc (đồng liêu của Tào Dần, anh vợ của y, anh trai nguyên mẫu bà Giả mẫu trong Hồng Lâu Mộng), phê phán thói hư thích ăn nhân sâm của Tào Dần. Thuốc đặc hiệu do hoàng ân ban tặng vận tới nơi thì Tào Dần đã trút hơi thở cuối; biến cố đau thương của gia tộc này có lẽ đã thúc đẩy việc cha anh đời sau của Tào Tuyết Cần, nhất là bản thân cậu tự tỉnh thức, hiểu được tác hại của việc mê tín thuốc men bổ phẩm, tổng kết từ dân gian ra bí quyết "liệu pháp nhịn đói".

Con người khó tránh khỏi dục vọng; dục vọng có hiệu ứng tích cực như khơi dậy sáng tạo lực, cạnh tranh lực cùng nhiệt tình thẩm mỹ; song dục vọng quá mãnh liệt, thu nạp vô độ, không những sinh ra tật bệnh về sinh lý, tâm lý của chính mình, còn có thể dẫn tới bi kịch xã hội. Đè nén dục vọng vừa phải, áp dụng lối "nhịn đói" để bồi dưỡng hệ thống sinh lý cùng hệ thống tâm lý, nhằm khiến mình trở lại bình thường, tiếp xúc người khác và bước vào xã hội trong trạng thái khỏe mạnh, là điều hết sức cần thiết.

Nay máy tính rất phổ cập, từ học sinh tiểu học tới cụ già nghỉ hưu, ngày ngày bật máy tính ngày càng đông: lên mạng, tra tìm tài liệu, mở blog, trò chuyện trên mạng, mua sắm trên mạng... Không ít người đã mắc "bệnh lệ thuộc máy tính": máy tính hỏng hóc, giống như điện thoại di động hỏng hóc, gần đạt mức "khóc than như chết cha chết mẹ" (如丧考妣). Đây thực ra cũng là một thứ "bệnh nghiện ăn", thuộc dạng "thừa dinh dưỡng" về tiếp nhận thông tin. Một người bạn kể với tôi: tuy anh thích lợi dụng máy tính, nhưng mỗi tuần nhất định sắp xếp một đến hai "ngày nhịn đói", không bật máy, không lên mạng (dĩ nhiên trừ khi có sự kiện trọng đại xảy ra); anh nói cái lời "nhịn đói" ấy đem lại lợi ích rất rõ rệt cho thân xác cùng tinh thần anh, lại khiến anh hình thành được "phong cách ăn" tốt sau mỗi lần bật máy: "không tham ăn", "không kén ăn", "không mê tín". Thôi, liên tưởng tới đây thì dừng bút, bằng không "liên tưởng quá độ" cũng sẽ gây ra "thống phong tư duy" đấy.

# Hai đời Vinh quốc công

Dòng dõi phủ Ninh quốc được "Hồng Lâu Mộng" trình bày rất rõ ràng: đời thứ nhất, Giả Diễn được phong Ninh quốc công; đời thứ hai, Giả Đại Hóa giữ chức Tiết độ sứ Kinh Doanh, thế tập Nhất đẳng Thần uy tướng quân; đời thứ ba, Giả Kính đỗ tiến sĩ nhưng không tập tước; đời thứ tư, Giả Trân thế tập tước Tam phẩm Uy liệt tướng quân; đời thứ năm, để tang sự cho Tần Khả Khanh được thật hoành tráng, Giả Dung bỏ ra một nghìn hai trăm lạng bạc mua lấy chức Ngũ phẩm Long cẩm úy.

Nhưng dòng dõi phủ Vinh quốc thì lại tỏ ra khá mơ hồ. Tên của vị Vinh quốc công đời thứ nhất: ở hồi thứ ba, khi Lâm Đại Ngọc vào phủ, trên tấm biển vàng chữ ngự bút trong đường Vinh Hy, bên cạnh có một hàng chữ nhỏ đề ngày tháng vua viết ban cho Vinh quốc công là Giả Nguyên (贾源); vậy mà đến hồi thứ năm mươi, trên cái bọc vải vàng có niêm bốn chữ "Ơn vua lâu dài" mà Giả Dung lãnh về từ kho Quang Lộc Tự, một bên dấu ấn của bộ Lễ lại ghi một hàng chữ nhỏ: "Ninh quốc công là Giả Diễn, Vinh quốc công là Giả Pháp (贾法), đời đời được lĩnh thưởng để tế xuân". Các bản cổ đều tồn tại cách viết mâu thuẫn trước sau giữa Giả Nguyên và Giả Pháp như thế. Ở hồi thứ hai, khi Lãng Tử Hưng mổ xẻ chuyện nhà Vinh quốc với Giả Vũ Thôn, y bảo rằng "từ khi Vinh công chết, con trưởng là Giả Đại Thiện tập tước". Tập tước chức gì? Theo ví dụ của Giả Đại Hóa mà suy đoán, hẳn cũng phải là nhất đẳng tướng quân chớ; vậy mà ngay tiếp sau đó, ở chính hồi thứ ba, Lâm Như Hải lại bảo Giả Vũ Thôn rằng ông anh cả "hiện tập tước nhất đẳng tướng quân". Thế là Giả Xá đời thứ ba phủ Vinh quốc lại thế tập đúng tước vị của Giả Đại Hóa đời thứ hai phủ Ninh quốc. Vậy rốt cuộc Giả Đại Thiện thế tập tước gì?

Hồi thứ năm, khi Giả Bảo Ngọc du hồn trong Thái Hư cảnh giới, tiên cô Cảnh Hoàn kể với các tiên nữ rằng nàng vốn định sang phủ Vinh đón Giáng Châu, vừa đi ngang phủ Ninh thì tình cờ gặp linh hồn hai ông Ninh công, Vinh công; hai vong hồn ấy nói với nàng: "Con cháu chúng tôi tuy nhiều, nhưng chẳng có đứa nào nối nghiệp. Chỉ có cháu đích tôn là Bảo Ngọc... may ra có thể thành đạt được", mong nàng tìm cách dẫn dắt Bảo Ngọc đi vào đường chính đạo. Trong đoạn tường thuật này, ông Ninh công chỉ là nhân vật phụ; còn ông Vinh công nói Bảo Ngọc là cháu đích tôn của mình, vậy ông Vinh công ấy hẳn phải là Giả Đại Thiện, ông nội của Bảo Ngọc, chứ không thể là cụ tổ Giả Nguyên (hay Giả Pháp). Điều đó khiến người ta thấy rằng tước vị Giả Đại Thiện thế tập đã không giảm cấp như trường hợp Giả Đại Hóa; hắn vẫn là một quốc công.

Đáng chú ý nhất là hồi hai mươi chín. Khi bà Giả mẫu đưa đoàn nữ quyến phủ Vinh quốc rầm rộ sang đạo quán Thanh Hư làm lễ cầu tiêu, Tào Tuyết Cần chép rõ: đạo trưởng của quán là đạo sĩ họ Trương, ngày xưa từng làm người "thay thân" (替身) cho Vinh quốc công. Cái gọi là thay thân, tức là người hành nghề tôn giáo xuất gia thế thân cho thân chủ để cầu thần Phật phù hộ. Vậy đạo sĩ họ Trương rốt cuộc là thay thân của Giả Nguyên (hay Giả Pháp), hay là thay thân của Giả Đại Thiện, người chồng quá cố của bà Giả mẫu? Trong câu chuyện này, Giả Trân, Phượng Thư, Bảo Ngọc đều gọi ông bằng cụ Trương tổ. Nếu quả ông là thay thân của

Giả Nguyên (hay Giả Pháp), thì nhất định ông phải cùng thế hệ với vị Vinh quốc công đời thứ nhất, thuộc hàng ông sơ của họ; thế thì Giả Trân, Phượng Thư, Bảo Ngọc đâu thể gọi ông bằng "ông tổ", mà phải xưng "ông sơ" mới phải đạo. Đạo sĩ họ Trương gọi bà Giả mẫu là "lão thái thái"; bà Giả mẫu thì gọi ông là "lão thần tiên"; nếu ngày xưa ông từng là thay thân của bố chồng bà Giả mẫu, e rằng hai bên không thể xưng hô thoải mái như thế. Càng đáng suy ngẫm hơn nữa, đạo sĩ họ Trương nhìn Bảo Ngọc mà nói: "Tôi xem cậu ấy bóng dáng, nói năng, đi đứng, giống hệt đức Quốc công nhà ta ngày trước vậy." Nói đoạn, hai mắt rơi lệ. Nếu đạo sĩ họ Trương là thay thân của Giả Nguyên (hay Giả Pháp), thì "đức Quốc công" trong câu ấy phải là ông sơ của Bảo Ngọc; vậy mà bà Giả mẫu đáp lời ông ra sao? Bà cũng không kìm nổi, mặt đầy vệt nước mắt: "Thật thế, bao nhiêu con cháu nhà này chẳng được đứa nào giống ông cháu cả, chỉ có cháu Ngọc là giống thôi." Có thể thấy "đức Quốc công" mà đạo sĩ họ Trương nhắc tới hẳn phải là ông của Bảo Ngọc, tức người chồng khuất núi của bà Giả mẫu là Giả Đại Thiện; một bà goá bỗng nghe nhắc tới người chồng quá cố bèn lệ giàn giụa, là tình cảnh hoàn toàn có thể hiểu được.

Có lẽ sẽ có người nói: bà Giả mẫu chỉ buột miệng nói đại thế thôi; lẽ ra phải nói "tôi nuôi bấy nhiêu con, cháu, chắt, mà chẳng đứa nào giống cụ cố (hay ông sơ) của chúng nó", bà đã nén "chắt" và "ông sơ" xuống thành "cháu" và "ông" rồi. Nhưng mỗi lần nhắc tới việc gia tộc trong sách, bà Giả mẫu chưa bao giờ buột miệng lung tung về vai vế; trong cái thời đại, cái xã hội, kiểu gia đình ấy, bất cứ ai nói tới những chuyện này cũng tuyệt đối không được phép mở miệng ra là sai. Ở hồi bốn mươi bảy bà Giả mẫu kể: "Khi tao về nhà này làm chắt dâu, đến bây giờ tao cũng có chắt dâu rồi... Trước sau năm mươi tư năm." Tôi từng phân tích trong một cuốn sách khác: bà không nói năm mươi năm cũng chẳng nói năm mươi lăm năm, là bởi nguyên mẫu của nhân vật, bà họ Lý, tính ngược từ năm đầu tiên đời Càn Long xuống thì đúng là năm mươi tư năm trước đã từ nhà họ Lý gả cho Tào Dần. Tuy Tào Dần và đời trước ông trong cuộc sống thực không hề được phong quốc công, nhưng vua Khang Hi sáu lần nam tuần thì bốn lần lưu lại phủ Giang Ninh Chức tạo nơi Tào Dần nhậm chức; chiếu sang tiểu thuyết, phóng đại thành quốc công gia, cũng là điều có thể hiểu được. Còn "chắt dâu" mà bà Giả mẫu nói tới, thì chỉ vợ kế của Giả Dung cưới sau khi Tần Khả Khanh chết, tức thị họ Hứa (许氏, cứ bản cổ làm chuẩn; bản thông hành lại in thành 胡, họ Hồ).

Nói tóm lại, qua lối đọc kỹ văn bản, tôi nghiêng về cách hiểu này: khi Giả Đại Thiện thế tập tước, ông đã không giảm cấp xuống nhất đẳng tướng quân như Giả Đại Hóa; ông là Vinh quốc công đời thứ hai; đạo sĩ họ Trương chính là người thay thân của ông; và đến sau khi ông chết, con trưởng là Giả Xá mới theo lệ của Giả Đại Hóa, giảm cấp thế tập chức nhất đẳng tướng quân.

# Đai ngọc treo giữa rừng

Ngay từ năm 1984, cụ Chu Nhữ Xương đã công bố bài "Lãnh nguyệt hàn đường phú Mật phi: Đại Ngọc yểu mất vào lúc nào, ở đâu, vì cớ gì", nêu quan điểm thiết kế kết cục của Tào Tuyết Cần dành cho Đại Ngọc là tự đắm mình xuống hồ. Trong loạt bài giảng và sách "Giải mật Hồng Lâu Mộng", tôi kế thừa, phát triển thêm phán đoán ấy của cụ Chu, chủ yếu dựa vào vô số chỗ phục bút trong tám mươi hồi đầu bản cổ Thạch Đầu Ký mà thám dật ra rằng: trong hai mươi tám hồi sau đã viết xong nhưng chẳng may thất lạc, Tào Tuyết Cần sắp đặt cho Đại Ngọc lìa đời bằng cách chìm xuống hồ trong đêm Trung thu; toàn bộ quá trình ấy cấu thành một màn nghệ thuật hành động thấm thía đẹp buồn, thể hiện cái chất tiên nữ của Đại Ngọc: sống đã như thơ, mất cũng như thơ.

Thuyết Đại Ngọc chìm hồ mà cụ Chu đưa ra hơn hai mươi năm trước hình như ít người lưu tâm; qua lần tôi truyền bá trên diễn đàn Bách gia giảng đàn, phản ứng mới bắt đầu dậy mạnh. Những kẻ hoài nghi nêu ra chủ yếu hai câu hỏi. Một là, khi táng hoa, chính Đại Ngọc đã phủ quyết lời Bảo Ngọc đề nghị quăng những cánh hoa rụng xuống nước: "Thả xuống nước không được đâu. Anh tưởng nước ở đây sạch à? Khi chảy đến những chỗ gần nhà người ta ở, thì nước chứa đủ hôi thối, vẫn làm hoa dơ bẩn..." Cô chủ trương an táng dưới đất, để những cánh hoa trong nấm hương phần ngày lâu theo đất mà tan. Với hoa rụng, Đại Ngọc còn chủ trương chôn cất chứ không chịu cho trôi nước, vậy làm sao đến cuối đời cô lại tự mình chìm xuống hồ? Câu hỏi thứ hai: trang sách "Kim Lăng thập nhị thoa chính sách" ở hồi thứ năm có vẽ và ghi hai câu "Ai treo đai ngọc giữa rừng, / Trâm vàng ai đã vùi trong tuyết dày?", nếu câu sau hàm ý Bảo Thoa cuối cùng chết cô độc trong ngày tuyết, thì câu trước có phải hàm ý Đại Ngọc cuối cùng dùng đai ngọc treo lên cây, thắt cổ tự vẫn?

Đúng như bậc tiền hiền Thái Nguyên Bồi từng nói: "Đa khi vi quý, bất thủ cẩu đồng" (nhiều hướng kiến khác nhau mới đáng quý, không lấy sự đồng tình tùy tiện), mỗi bạn mê Hồng đều có quyền tham gia bàn bạc, độc lập suy nghĩ. Về hai câu hỏi nêu trên, xin trình bày ý kiến cá nhân dưới đây, chỉ mang tính tham khảo.

Đại Ngọc là tiên thảo Giáng Châu nơi cõi tiên, theo Thị giả Thần Anh hạ trần, lấy cả đời nước mắt trả ân nghĩa người tưới tẩm mình bằng cam lộ; nước mắt chảy hết rồi, dĩ nhiên nàng phải trở về cõi tiên. Khi Đại Ngọc chìm xuống hồ, cuối cùng sẽ chẳng còn tử thi, không tồn tại khả năng như cánh hoa rụng bị cuốn trôi ra khỏi Đại Quan viên. Dĩ nhiên, trước khi về lại cõi tiên, nàng vẫn là một con người phàm trần; nàng bị dì Triệu hại bằng thuốc độc chậm được phối chế qua tay Giả Xương, Giả Lăng; trong 《Táng hoa từ》 nàng hát: "Thân kia trong sạch muôn vàn, / Đừng cho rơi xuống ngập tràn bùn nhơ." Nàng cũng khao khát được yên nghỉ dưới lòng đất; nhưng: "Nào đâu là chỗ chân trời, / Nào đâu là chỗ có đồi chôn hoa?" Sự hiểm ác của trần gian khiến nàng không sao có được "đồi chôn hoa". Vì thế, tại điểm giới hạn khi bà Giả mẫu khuất núi, bệnh tình hiểm nghèo, nước mắt chảy cạn, ân nghĩa trả cho trọn, việc nàng chọn tự chìm xuống vùng

“nước ở đây sạch” ấy trong đêm Trung thu là điều có thể hiểu được. Tào Tuyết Cần dùng rất nhiều chỗ phục bút (tôi đã kể sáu chỗ mầm quan trọng trong phần ba cuốn “Diệu phẩm”) để ám chỉ nàng cuối cùng tự chìm trong dòng nước sạch của Đại Quan viên; nét bút lúc táng hoa thực ra không hề mâu thuẫn với những chỗ phục bút ấy.

Còn về “đai ngọc treo giữa rừng”, cách hiểu của tôi là: biết đâu Tào Tuyết Cần sẽ viết tới một chi tiết, đó là trước khi chìm xuống hồ, Đại Ngọc tháo chiếc đai ngọc ở thắt lưng, treo lên gốc cây ven bờ, để lại dấu tích cho những người đi tìm nàng; bởi thực chất nàng là “độn” đi theo lối tiên gia, cuối cùng chẳng còn tử thi.

Trong “Hồng Lâu Mộng” nhiều lần nhắc tới khăn hông. Khăn hông là dây thắt buộc bên trong lớp áo ngoài, khá dài, lối buộc thường gập hai đầu lại chéo nhau thả một nút thòng. Thời ấy hay có người dùng khăn hông thắt cổ tự vẫn; Tần Khả Khanh “xuân tàn nơi xà vẽ, bụi hương rơi xuống”, e rằng dùng cũng chính là thứ khăn hông ấy. Nhưng đai ngọc với khăn hông vốn khác nhau: nó thường buộc bên ngoài áo, chiều dài có hạn, giống cái thắt lưng da chúng ta dùng ngày nay; siết chặt xong không phải dùng hai đầu dư ra buộc nút, mà dùng móc khóa ghép lại. Chiếc đai ngọc cổ nhất từng được khai quật thuộc thời Hậu Chu đời Ngũ đại; dĩ nhiên nó chẳng phải làm hoàn toàn bằng ngọc đá, chất liệu nền vẫn là gấm vải: loại đơn giản chỉ có móc khóa bằng ngọc ở hai đầu; loại cầu kỳ thì cả dây đeo gắn đầy những khối ngọc lớn nhỏ, hình dáng không giống nhau, như chiếc đai ngọc khai quật ở lăng Định Lăng nhà Minh tại Bắc Kinh, dài cả thảy một mét bốn mươi sáu, làm bằng hai lớp lụa trơn vàng kẹp giữa một lớp da thuộc, trên dây dùng sợi đồng mảnh xâu hai mươi món trang sức ngọc trắng chia thành hình chữ nhật, hình khuê (thẻ ngọc nhọn đầu), hình quả đào. Hồi bốn mươi chín của “Hồng Lâu Mộng” chép bộ đồ đi tuyết của Đại Ngọc: khoác ngoài chiếc áo hạc mặt sa đỏ lót lông cáo trắng, buộc một dây “thanh kim loé lục song hoàn tứ hợp như ý” (青金闪绿双环四合如意绦). Dây ấy dệt bằng tơ; cái Đại Ngọc buộc hẳn là một chiếc đai ngọc, còn “song hoàn tứ hợp như ý” hẳn là lời tả những khối ngọc và móc khóa trên chiếc đai ấy. Rõ ràng đai ngọc không thích hợp để thắt cổ tự vẫn; nhưng Đại Ngọc trước khi chìm hồ treo sợi thanh kim loé lục song hoàn tứ hợp như ý lên cành cây ven bờ hồ thì hoàn toàn khả dĩ.

Bức họa trên trang sách hồi thứ năm được chép cụ thể thế này: “Trang đầu vẽ hai cây khô, trên cây treo một cái đai ngọc; dưới đất có một đống tuyết, trong tuyết có cái trâm vàng.” Chẳng cần nói cũng biết đây bóng gió tên họ của Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa; nhưng theo lối thủ pháp quen thuộc của Tào Tuyết Cần là “một tiếng mà hai bài ca, một tay mà hai bản văn” (nhất thanh nhi lưỡng ca, nhất thủ nhi nhị độc), hẳn còn có tầng ý vị khác. Bức cảnh “trên cây treo một vòng đai ngọc” và phán từ “Ai treo đai ngọc giữa rừng” sẽ ứng nghiệm ra sao trong hai mươi tám hồi sau của Tào Tuyết Cần, rất đáng để chúng ta thám dật, thảo luận sâu hơn.

# Tình cờ gặp gỡ nơi Đại Hành cung

Năm Khang Hi thứ ba mươi tám, hoàng đế Khang Hi lần thứ ba nam hạ, tuần du tới Nam Kinh, lấy Giang Ninh chức tạo thự làm hành cung; mẹ của Tào Dần, quan Giang Ninh chức tạo, là bà Tôn thị, tuy đã cao tuổi sáu tám vẫn tiến lên bái kiến; Khang Hi trông thấy bà "mặt lộ vẻ vui", trước mặt nhiều bề tôi an ủi khen ngợi bà Tôn thị: "Đây là người già nhà ta." Ngoài ban thưởng hậu hĩnh, nhà vua còn phấn khởi cầm bút đề ba chữ lớn "Huyên Thụy đường". Trên đây chỉ là bản tóm lược nét to; nếu soi kỹ thì phải làm rõ mấy vấn đề sau: nơi Khang Hi gặp bà Tôn thị rốt cuộc là Giang Ninh chức tạo thự hay Giang Ninh chức tạo phủ? Hay thự với phủ vốn là một quần thể kiến trúc liền nhau? Ngày Khang Hi đề chữ "Huyên Thụy đường" là mùng mười tháng tư; hai bài văn cùng thời hiện còn, chi tiết nhất khi kể chuyện này, bài 《Ngự thư Huyên Thụy đường ký》 của Phùng Cảnh chép "đúng lúc trong sân hoa huyên nở rộ", bài 《Huyên Thụy đường ký》 của Mao Tập Khả còn viết rõ hơn: "Năm ấy vừa sang đầu hạ, hoa huyên dưới sân đều sum suê tốt tươi sớm hơn thường lệ, như biết trước lọng xanh của vua sắp tới và làm điềm lành cho mẫu thân trường thọ, há phải con số ngẫu nhiên sao!" Theo điều kiện khí hậu lúc bấy giờ, hoa huyên liệu có thể đã nở và tươi tốt đến thế?

Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, tôi theo hai phương pháp: một là đọc kỹ văn bản, một là nghiên cứu nguyên mẫu. Qua đọc kỹ văn bản, chúng ta sẽ thấy trong tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần có chủ ý sắp đặt ở hồi bảy mươi sáu, tại quán Ao Tinh khi Đại Ngọc với Tương Vân liên ngâm, tác giả đặt cho Đại Ngọc câu "Sắc khoẻ đơm hoa kim huyên", lại bố trí cho Tương Vân một lời bình thế này: "Hai chữ 'kim huyên' (金萱) tiện thể cho chị quá, đỡ bao nhiêu sức... nhưng chẳng đáng phải nhân đó mà tán tụng bậc thánh thay người ta." Từ đó biết được chuyện vua Khang Hi đề biển lớn "Huyên Thụy đường" cho tổ tiên Tào Tuyết Cần, qua tay Tào Tuyết Cần đã bị "chôn giấu chuyện thật" (真事隐) rồi lại "giữ lời giả mà cất" (假语存); tấm biển ngự bút "Vinh Hy đường" treo ở chính phòng phủ Vinh quốc mà Đại Ngọc trông thấy khi vào phủ hồi thứ ba, nguyên mẫu chính là tấm "Huyên Thụy đường" đề ngày mùng mười tháng tư năm Khang Hi thứ ba mươi tám kia. Nhưng Tào Tuyết Cần dùng những tư liệu nguyên mẫu ấy, mục đích đã quyết chẳng phải "tán tụng bậc thánh"; ông muốn rời xa hệ tư tưởng chủ lưu đương thời, để bộc lộ triết lý nhân sinh độc đáo của mình.

Cuối tháng năm 2007, tôi vào Nam Kinh theo lời mời của "lớp học thị dân" (市民课堂), đến giảng buổi thứ sáu mươi ba trong loạt chuyên đề của họ với đề tài "Thế giới Hồng học trong mắt tôi"; còn địa điểm, thì ở hội trường Đại Hành cung. Thế nào là Đại Hành cung? Cái tên tuy mới xuất hiện từ thời Càn Long, nhưng cả đời Càn Long có một cách làm khiến người ta phải suy ngẫm: việc gì ông cũng noi gương ông nội là Khang Hi, hiếm khi khoe lấy cha là Ung Chính làm khuôn mẫu; chuyến nam tuần của ông cũng bước theo dấu chân người ông, đến Nam Kinh, ngay cả chỗ lưu trú cũng cố giữ không vượt lệ cũ, vẫn ở đúng không gian năm xưa Tào Dần đón giá thánh giá; dĩ nhiên nơi ấy đã được cải tạo một phen, và không còn dùng vào việc gì khác. Hội trường Đại Hành cung ngày nay, thực chất chính là nơi ông nội Tào Tuyết Cần từng đón Khang Hi,

cũng chính là nhà cũ của Tào Tuyết Cần. Ở một nơi như thế để kể những suy ngẫm của mình khi đọc Hồng Lâu Mộng, thật sự có một vị rất khác trong lòng.

Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, việc trước hết làm rõ phong vân chính trị ba triều Khang, Ung, Càn và thăng trầm gia tộc mà Tào Tuyết Cần đã trải qua, đã biểu đạt, là hết sức cần thiết. Như trong "Hồng Lâu Mộng" chép cảnh Giả Chính nghiệm thu Đại Quan viên vừa hoàn công, bước đầu tiên y ra lệnh "cho đóng cửa vườn lại, để chúng ta xem bên ngoài đã, rồi sẽ vào sau"; thưởng ngoạn xong cửa mặt, tường ngoài, nắm được đại cảnh và tổng phong cách của khu vườn rồi mới mở cửa vào viện, lối quanh dẫn tới chỗ u tịch, xuyên rừng hoa lướt qua liễu, từng chỗ một nhấm nháp thưởng lãm, cuối cùng toàn cục thấm vào lòng, đạt tới niềm khoái lạc thẩm mỹ lớn. Cũng như cứ đứng mãi ngoài cổng vườn thì không thể đánh giá được Đại Quan viên, nếu chỉ khảo sát thanh sử và bám chặt vào Tào học thì nghiên cứu Hồng Lâu Mộng dĩ nhiên khó thoát phiến diện; nhưng nếu từ ngoại vi đi dần vào trong, cuối cùng quy về đọc kỹ văn bản Hồng Lâu Mộng, suy ngẫm, khảo biện, cảm ngộ, vậy thì sao lại có thể gán cho nó cái tên xấu xa là "ngoại Hồng học"?

Suốt buổi nói chuyện, thi thoảng tôi lại tự hỏi: không biết cụ Nghiêm Trung có ngồi trong hội trường không? Cụ Nghiêm Trung là một trong những hồng học gia của Nam Kinh, gần ba mươi năm nghiên cứu mối liên hệ giữa Tào Tuyết Cần, Hồng Lâu Mộng với Nam Kinh, dụng công rất sâu, thu hoạch rất dồi dào; loạt bài giảng và sách "Giải mật Hồng Lâu Mộng" của tôi từng tham khảo cuốn "Hồng Lâu tùng thoại" của cụ, đối với cụ có thể nói là thần giao đã lâu, tôi rất khâm phục. Qua khảo sát thực địa và tra cứu tư liệu, cụ cho chúng ta biết: thời Tào Dần, Giang Ninh chức tạo thự và Giang Ninh chức tạo phủ là hai không gian không thông với nhau; cái trước là nơi Tào Dần đón giá vua Khang Hi, cũng là chỗ đặt "Huyên Thụy đường"; cái sau là không gian cư ngụ của Tào Dần và vợ con người nhà; ngoài ra còn có Giang Ninh chức tạo cục, là xưởng máy dệt vải. Hoa huyên vùng Giang Ninh không thể nào nở vào đầu tháng tư âm lịch; vì thế những lời của văn nhân đương thời về cảnh "hoa huyên trong sân nở rộ" khi vua Khang Hi đề biển "Huyên Thụy đường", nhất là việc nhấn mạnh hoa huyên biết trước ân vua sắp tưới xuống nên cố nở sớm, tất cả đều là lời xu nịnh "tán thánh". Chân tướng hẳn phải là: Khang Hi gặp bà Tôn thị, bà vú ngày xưa thân thiết nhất với người (chẳng phải vú bú, mà là "bà vú dạy bảo"), tình cảm biết ơn sâu trong tính người bỗng dâng trào, có khi chẳng còn để ý xem hoa huyên trong sân đã nở chưa; hoa huyên vốn tượng trưng cho người mẹ, nên nhà vua đề to "Huyên Thụy đường" để tỏ nỗi lòng.

Làm rõ quan hệ giữa tổ tiên Tào Tuyết Cần với ba hoàng đế Khang, Ung, Càn là điều sống còn để chúng ta hiểu văn bản "Hồng Lâu Mộng". Tào Dần bốn lần đón giá Khang Hi ở Nam Kinh, vinh hiển cùng cực; sao mới qua hai ba mươi năm, dòng dõi nhà ấy trong gia phổ đã mất dấu; đến mức Tào Dần có ai nối hậu, Tào Tuyết Cần rốt cuộc là cháu đích tôn hay cháu thừa tự của ông, cũng không ai làm rõ nổi; sự đứt gãy lớn trong gia sử kiểu này thật khiến người ta kinh hãi. Nếu không phải dính vào đại án chính trị mà bị tiêu hủy hồ sơ một cách bất khả kháng thì hiện tượng này tuyệt đối sẽ không xuất hiện. Người Trung Hoa dựa vào thờ cúng tổ tiên để giữ gìn sự tồn tại và phát triển của tộc đoàn; xa thì thôi, chỉ tính từ đầu nhà Thanh, nhiều gia tộc đã

trải qua vô số lần chấn động xã hội mà vẫn giữ được gia phổ sót lại qua muôn vàn tai ương, ghi chép đời này sang đời khác rõ mồn một. Sao đến đời thứ ba, con cháu Tào Dần lại mờ ảo như khói như sương? Đây chính là điều tôi khao khát được nghe cụ Nghiêm Trung chỉ giáo tận mặt.

Sau buổi nói chuyện, người làm báo ở Nam Kinh cho tôi biết cụ Nghiêm có đến nghe. Sau đó lại tạo duyên cho chúng tôi gặp nhau trong một bữa cơm. Tôi vốn không hay biết buổi giảng lẫn bữa cơm tối hôm ấy đều nằm trong phạm vi Đại Hành cung, cũng chẳng dám mơ cụ Nghiêm Trung sẽ nghe tôi giảng và bằng lòng gặp tôi; vì thế chữ "tình cờ gặp gỡ" quả thực nói được niềm ngạc nhiên thích thú của tôi. Tôi biết, trong cách hiểu "Hồng Lâu Mộng", cụ Nghiêm Trung và tôi có những bất đồng lớn. Cụ cho rằng phủ Vinh, phủ Ninh và những không gian liên quan như am Thuỷ Nguyệt trong ngòi bút Tào Tuyết Cần đều ở Nam Kinh; kinh đô mà Lâm Đại Ngọc từ Tô Châu vào, cũng chính là Nam Kinh (Thành Thạch Đầu); nguyên mẫu của Nguyên Xuân là cô con gái Tào Dần gả cho Bình Quận vương làm phúc tấn (vợ chính thất)... Tóm lại, cụ cho rằng "bản sự" của Hồng Lâu Mộng ở Nam Kinh, còn tôi cho rằng "bản sự" của nó ở Bắc Kinh (chỉ pha trộn thêm vài cố sự của họ Tào ở Nam Kinh); nguyên mẫu của Nguyên Xuân là người khác chứ chẳng phải cô của Tào Tuyết Cần, phúc tấn Bình Quận vương; những chỗ chia hướng khác nữa cũng không ít. Vì hai năm nay tôi đã trải qua không ít chuyện phe pha kết đảng, bài trừ dị kiến như trừ kẻ thù, nên trước chuyện cụ Nghiêm Trung có dung nạp được tôi hay không, thật có chút e dè thấp thỏm. Không ngờ gặp nhau trên bàn rượu, lại như người quen tái ngộ sau lâu ngày, nói chuyện rất vui vẻ. Chúng tôi tranh thủ thời gian trao đổi quan điểm trên một số vấn đề; với mấy điều tôi xin hỏi, như thái độ ứng xử của vị thái tử bị phế năm xưa khi theo Khang Hi nam tuần ở Giang Ninh, nhất là quan hệ của vị ấy với họ Tào, cụ hoặc trả lời ngay tại chỗ, hoặc hẹn sau sẽ kể cho kỹ. Cụ Nghiêm Trung hơn tôi tám tuổi; gặp mặt mới hay cụ vẫn mang nặng giọng Hồ Nam; cụ không phải người Nam Kinh sinh ra lớn lên, vậy mà đã thành chuyên gia về lịch sử, văn hoá Nam Kinh, với mối quan hệ giữa Tào Tuyết Cần, Hồng Lâu Mộng và Nam Kinh thì thám u, khai ẩn; gần đây cụ còn hợp tác với cụ Chu Nhữ Xương cho ra mắt cuốn "Giang Ninh chức tạo và họ Tào". Nghe cụ nói một bức, tôi cảm nhận được sự che chở như anh trưởng, sự chân thành như bạn hữu; thật là cái cảm giác gặp nhau đã muộn màng.

Tôi luôn say mê cái phong độ quân tử của các bậc tiền hiền đầu thế kỷ trước. Cụ Thái Nguyên Bồi nêu ra "đa khi vi quý, bất thủ cẩu đồng", quả thật nói sao làm vậy, bao dung rộng rãi; cụ Hồ Thích nhờ khảo chứng đã khiến những người vốn say mê phái sách ẩn chuyển điểm hứng thú sang lối nghĩ của ông rằng Hồng Lâu Mộng là một cuốn tiểu thuyết hiện thực, có thể nói là mở ra làn gió mới của Hồng học; nhưng ông chưa bao giờ bớt sự tôn trọng với chủ soái phái sách ẩn là Thái Nguyên Bồi, cũng chưa bao giờ coi những người cứ làm sách ẩn là kẻ thù truyền kiếp. Nội dung phong trào Văn hoá mới Ngũ Tứ tạm chưa bàn; riêng cái cục diện bách gia tranh minh ấy, và cái phong độ chung của đa số người tham dự tuyệt không biến bất đồng quan điểm thành phán quyết chính trị hay công kích nhân cách, thật là điều hôm nay chúng ta vẫn phải kế thừa và phát huy.

Nam hành trở về, tôi sẽ giữ liên lạc với cụ Nghiêm Trung, trao đổi tâm đắc nghiên cứu Hồng. Viết những dòng này đã vào giữa mùa hè oi ả; hoa huyên vùng Đại Hành cung, chắc đã thật sự nở rộ rồi chăng?

**Phụ lục: thơ cụ Chu Nhữ Xương tặng**

Tâm Vũ hiền hữu,

Nghe đọc bài văn của huynh, tôi cho là rất hay. Các văn nhân bây giờ phần đông chẳng hiểu "văn bút" là gì nữa rồi; cái hơi thở bát cổ khó lòng thoát ra được bao giờ: chẳng phải bát cổ của văn chương, mà là bát cổ của con người.

Giúp tôi gửi lời cám ơn tới "Loạn Đàm tập", tôi cũng rất mừng. Gửi kèm hai bài thơ nhỏ.

Nhữ bái

Đinh Hợi, ngày hai mươi lăm tháng năm

Nghe đọc văn Tâm Vũ

Lưu với Nghiêm hẹn gặp Đại Hành cung,

Thành Giang đồn xôn xao, đỏ thắm phủ sở.

Kẻ chủ bắc người chủ nam, mỗi người mỗi hướng,

Đâu ngại gì nói cười, hai trái cùng một lòng.

Bút khoẻ văn xuôi, nghĩa vị dài,

Có tình có lý, mỗi điều đôi vừa.

Mây trôi nước chảy như lời thuật chuyện nhàn,

Ai biết dây đàn son giàu lên trầm bổng.

# Phó Hằng bao giờ trở về quê nhà?

Hai bạn trẻ mê Hồng nêu một câu hỏi để bàn với tôi: trong chương trình Bách gia giảng đàn thường xen kẽ vài bức chân dung vua nhà Thanh, độ xác thực của chúng rốt cuộc ra sao? Ý kiến của tôi là: về đại thể là xác thực. Triều Minh lẫn triều Thanh đều có giáo sĩ phương Tây hầu việc ở hoàng cung, có vị kiêm luôn hoạ sư; những bức chân dung hoàng thất mà hạng người ấy tham gia, hẳn mang tính chất viết sinh nhất định! Một bạn trẻ nói, tranh Trung Hoa truyền thống phần nhiều là đại tả ý; tranh nhân vật công bút tuy nét bút tinh tế, nhưng thường vì không hiểu giải phẫu cơ thể con người nên loại hoạ nhân vật chẳng phát triển được, khó có được chức năng gần giống nhiếp ảnh. Một bạn trẻ khác nói, triều Minh khó phán đoán, nhưng chân dung hoàng thất nhà Thanh từ sau đời Khang Hi ít nhiều đạt tới mức "giống về hình"; đến cuối Thanh, người nắm quyền thực tế là Thái hậu Từ Hy, bà mời nữ hoạ sĩ người Mỹ Carl sang vẽ cho mình bức tượng dầu theo đúng phép tắc phương Tây, nghĩa là bà phải thật sự ngồi đó làm "người mẫu" (dĩ nhiên phần lớn thời gian là các quý phụ khác thế bà giữ tư thế), mất chín tháng mới hoàn thành đại công; nay vào Di Hoà viên vẫn còn thấy một bản chép Carl để lại; bà Carl còn viết cuốn "Từ Hy thái hậu họa tượng ký", sớm đã có bản tiếng Trung, đọc rất thú vị.

Tôi nói, vẽ chân dung cho vua e rằng áp lực khá lớn, biết đâu lại cố tô hồng chút ít; nhưng nếu vẽ cho công thần thì có khi chẳng cần che giấu gì dung mạo, ra sao thì cứ thế mà vẽ cho giống! Tôi lấy ra một tập tạp chí Tử Cấm Thành phát hành tháng một năm 2008 cùng hai bạn cùng thưởng lãm. Trên đó có bài của chuyên gia Cố cung ông Nhiếp Sùng Chính bàn về chân dung công thần ở Tử Quang các; ông Nhiếp cho chúng ta biết: thời Càn Long, vua ra lệnh cho hoạ sĩ cung đình vẽ chân dung những bề tôi rực rỡ chiến công, treo ở Tử Quang các để biểu dương; tích tụ qua năm tháng, ít nhất đạt trên hai trăm tám mươi bức. Những hoạ công nhận mệnh chế tượng phần nhiều khó tra xét, nhưng ít nhất có hai người lưu lại danh tính: một là người nước ngoài từ Bohemia (nay thuộc CH Séc) sang, tên Hán là Ai Khải Mông; hai là người bản địa Kim Đình Tiêu; rất có thể hai người hợp tác chế tác. Tiếc thay sau cuộc cướp phá của "Liên quân tám nước" năm 1900, nay trong Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh chỉ còn lại hai bức, và đều là bản chép. Nhưng trong một số bảo tàng hải ngoại vẫn còn vài bản gốc; trong các phiên đấu giá cổ vật hải ngoại cũng từng xuất hiện vài bức chân dung công thần Tử Quang các đem ra tham giá, có bức bị cá nhân mua về sưu tầm. Tháng chín năm 2001, tại nhà một nhà sưu tầm cá nhân người Mỹ ở New York là Dora Wong, ông Nhiếp được xem bức "Chân dung Đại học sĩ Nhất đẳng Trung dũng công Phó Hằng" được bảo tồn vô cùng nguyên vẹn, dọc 155 centimet, ngang 95 centimet, phía trên có lời ngự bút kèm ấn khen ngợi bằng hai thứ văn tự Mãn và Hán do Càn Long đề; Phó Hằng trong tranh đang độ trung niên, đứng khoác trọn bộ quan phục; mũ áo dùng kỹ thuật công bút truyền thống Trung Hoa, riêng cách vẽ gương mặt tuy viền ngoài dùng đường nét phác thảo, nhưng về dùng màu thì hoàn toàn tôn trọng tính khách quan của giải phẫu cơ thể, lấy đậm nhạt sáng tối tạo cảm giác khối, rõ ràng đã vận dụng kỹ thuật hội hoạ dầu phương Tây. Chỉ xét thuần tuý từ góc độ tranh chân dung mà thưởng thức, đây cũng đáng gọi là một kiệt tác Đông Tây hợp bích.

Bức chân dung Phó Hằng lưu lạc nơi đất khách quê người tất nhiên khiến chúng tôi hết sức chú ý. Chúng ta đều biết, trong hồi thứ mười sáu bản cổ "Hồng Lâu Mộng", khi Vú Triệu, vú nuôi của Giả Liễn xuất hiện, bỗng có một dòng châu phê Chi Nghiển Trai ngắn gọn: "Là vú của Văn Trung công." Nghĩa sao đây? Hồng giới bao đời tranh cãi um sùm. Theo khảo chứng của cụ Chu Nhữ Xương, thời Ung, Càn nhà Thanh, người sau khi chết được vua thụy "Văn Trung" mà giữ tước công, chỉ có duy nhất Phó Hằng đời Càn Long; một người chị của y là hoàng hậu của Càn Long, cả đời chinh chiến cho nhà vua, đánh tây phạt nam, cuối cùng nhiễm bệnh mà khuất trong chiến dịch Miến Điện. Tôi trình bày ý kiến của mình với hai bạn trẻ mê Hồng như sau. Thứ nhất, dòng châu phê của Chi Nghiển Trai này nhằm chỉ nhận nguyên mẫu của vai diễn. Thứ hai, quan hệ tương ứng giữa hình tượng nghệ thuật trong "Hồng Lâu Mộng" và con người ngoài đời thật là: Giả Đại Thiện ứng với Tào Dần, cùng thế hệ với Khang Hi; Giả Chính ứng với Tào Phủ (㬎), cùng thế hệ với Ung Chính; Bảo Ngọc ứng với Tào Tuyết Cần; Giả Liễn là anh họ của Bảo Ngọc, cùng thế hệ với Càn Long. Thứ ba, tôi đoán vào những năm đầu triều Càn Long, một bà vú nuôi trong nhà Phó Hằng đã trở thành vú nuôi của một người anh họ nào đó của Tào Tuyết Cần; người anh họ ấy chính là nguyên mẫu của Giả Liễn; còn Vú Triệu quyết chẳng phải vai trò thuần tuý hư cấu, nguyên mẫu của nàng chính là bà vú ấy từ nhà Phó Hằng sang.

Một bạn trẻ hoài nghi ý kiến của tôi: nhà Phó Hằng vẫn đại phú đại quý, còn nhà Tào ngay từ đầu đời Ung Chính đã chịu đòn đánh nghiêm trọng; tuy thời ấy trong giao du giữa các gia tộc quyền quý có tục đem gia nô của mình tặng cho nhà khác như món quà, nhưng đến đầu triều Càn Long, họ Phó với họ Tào đã hoàn toàn bất đối xứng, làm sao bà vú nhà Phó có thể chuyển lưu sang nhà Tào được? Một bạn mê Hồng khác nói, số phận của thời đại, xã hội, gia tộc, cá nhân, bên trong lẫn bên ngoài những nét to, khung lớn, vẫn còn nhiều nhân tố quỷ quyệt và những trường hợp cá biệt ngoài dự liệu; Chi Nghiển Trai đã hạ bút mấy chữ "vú của Văn Trung công" thì ắt có nguyên do, tuyệt không phải bút ngu nguỵt tuỳ tiện. Chúng ta quyết tâm thăm dò tiếp cho cùng.

Gần đây lại có chân dung công thần Tử Quang các xuất hiện ở các hãng đấu giá nước ngoài; những bề tôi trung thành với vua ngày ấy rốt cuộc nên đánh giá ra sao tạm chưa bàn, nhưng những bức chân dung tinh xảo của họ lẽ ra phải được trở về quê cũ. Bức chân dung Phó Hằng, thứ mang mối liên hệ bí ẩn nào đó với "Hồng Lâu Mộng", bao giờ mới hồi hương để chúng ta được một phen tận mắt ngắm phong tư?

# Bình lệch Phượng Thư

Phượng Thư bị người ta chê trách, trước hết là vì chuyện "làm quyền Thiết Khảm tự". Nhưng thật ra, cái tội đầu ấy của Phượng Thư rất đáng được phân tích một cách bình tĩnh.

Nói là "làm quyền Thiết Khảm tự", chẳng thà nói là "làm quyền Man Đầu am": Phượng Thư đáng lẽ phải trú tại Thiết Khảm tự mà nàng chẳng ưa ở, "bèn sai người đến hẹn với sư bà Tĩnh Hư ở Man Đầu am, dọn mấy gian phòng ra để sẵn", rồi vào ở ngay cái am có tiếng hấp bánh bao thơm lừng ấy. Chuyện này xét từ phía Phượng Thư thì mang tính chất tình cờ. Việc sư già Tĩnh Hư chủ động xin nàng giúp là: "Có một thí chủ họ Trương, giàu lắm. Cô con gái ông nhỏ tên là Kim Kha, năm ấy theo mọi người đến chùa tôi đốt hương, không ngờ lại gặp Lý công tử, em vợ quan phủ Trường An. Lý công tử vừa trông thấy Kim Kha đã si mê, lập tức sai người đến hỏi cưới..." Theo đoạn kể đầu tiên ấy, người ta dễ liên tưởng tới Oanh Oanh và Trương sinh trong "Tây sương ký"; nếu Kim Kha với Lý công tử nên đôi, biết đâu còn đẹp hơn hôn nhân cha mẹ sắp đặt; nhưng sư già nói tiếp: "Không ngờ Kim Kha đã nhận lời đính ước với con ông Thủ Bị cũ ở Trường An rồi. Nhà họ Trương muốn hủy hôn, lại sợ ông Thủ Bị chẳng chịu, nên đáp dối là con đã có nơi. Ai ngờ Lý công tử nhất định đòi cưới; nhà họ Trương đang lúng túng hai đầu; không ngờ nhà ông Thủ Bị nghe tin ấy chẳng hỏi trắng đen, liền sang làm loạn, bảo: Một cô con gái mà định gả cho mấy người à? Cố không cho chuộc lại lễ vật, còn kiện tụng lên quan. Bên gái nóng lòng, đành sai người tìm cửa chạy vạy lên trên, cá quyết đòi chuộc lại lễ đính ước. Tôi nghĩ bây giờ cụ Vân làm Tiết độ sứ Trường An thân với quý phủ, sao mợ không khuyên ông bà viết một lá thư, nhờ cụ Vân nói giúp với ông Thủ Bị một tiếng, e gì hắn chẳng nghe. Nếu chịu làm, thì nhà họ Trương dốc hết cơ nghiệp để tạ ơn cũng vui lòng." Từ đó có thể biết: đây là một vụ kiện dân sự. Xét bằng con mắt hôm nay, Trương Kim Kha với công tử nhà Thủ Bị chưa từng gặp mặt, vốn là hôn nhân cha mẹ sắp đặt, tỉ lệ hạnh phúc nếu thành đôi cực thấp; còn Lý công tử rốt cuộc đã từng thấy Trương Kim Kha, đã yêu nàng ngay từ ánh mắt đầu tiên, lại cưới hỏi đàng hoàng qua mối mai; cha mẹ Trương Kim Kha cân nhắc tình lý mà động tâm trước lời cầu hôn của Lý công tử, là điều chẳng có gì lạ; nhà ông Thủ Bị trước sang quậy phá sau kiện lên quan, chẳng có điểm nào đáng thương cảm. Điều sư già thay mặt nhờ vả Phượng Thư, chẳng qua là qua "cửa sau", "tờ giấy giới thiệu" mà thúc đẩy việc hủy bỏ một khế ước hôn nhân vốn chẳng đáng tiếc. Mãi tới hôm nay, những năm tám mươi thế kỷ hai mươi, những kẻ có đầu có mặt trong xã hội ta há chẳng vẫn còn "viết giấy giới thiệu", mà các viên chức tương đương cụ Vân há chẳng vẫn còn nhận "giấy" và theo lời dặn trong "giấy" mà lo việc sao? Dĩ nhiên, trong vụ này Phượng Thư có vấn đề đòi hối lộ, nhận hối lộ; nhưng cái tuyên ngôn "Xưa nay ta chẳng tin sự báo ứng âm ty địa ngục gì cả. Bất cứ việc gì ta đã quyết là làm" của nàng, thì cũng có thể coi là một sự khinh miệt, thách thức công khai đối với trật tự thống trị phong kiến và khuôn phép lễ giáo phong kiến. Tào Tuyết Cần tất nhiên lên án Phượng Thư; ngay hồi kế tiếp ông chép rõ: "Phượng Thư nhận được thư trả lời của Vân Quang, nói việc ấy đã xong xuôi cả. Sư già liền đến báo tin cho nhà họ Trương. Ông Thủ Bị không biết làm thế nào, đành nuốt giận nhận lại món tiền sêu tết khi trước." Nếu câu chuyện kết thúc ở đó thì cũng chẳng đáng kể; nhưng: "Không ngờ ông

phú hộ họ Trương tuy ham quyền tham của lại nuôi được đứa con gái biết nghĩa đa tình; nghe cha mẹ hủy bỏ hôn ước với người chồng trước, ép gả sang nhà họ Lý, nó lặng lẽ lấy dây gai tự thắt cổ chết. Con trai ông Thủ Bị nghe tin Kim Kha thắt cổ chết, hắn cũng là kẻ đa tình, bèn gieo mình xuống sông chết theo, chẳng phụ nghĩa với vợ. Để rốt cuộc hai nhà họ Trương, họ Lý vừa mất người vừa mất của, còn Phượng Thư thì ngồi mát hưởng ba nghìn lạng bạc. Việc này Vương phu nhân chẳng hay một tí nào. Từ đó, Phượng Thư càng thêm bạo gan, sau này gặp chuyện kiểu ấy cứ tuỳ ý mà làm, khỏi cần ghi nhiều." Đây là thứ gọi là "bút sử" chăng! Nhưng chúng ta đọc "Hồng Lâu Mộng", cũng chẳng cần để Tào công dắt mũi hoàn toàn. Xét dưới góc độ pháp luật hiện đại, hai mạng người Trương Kim Kha và con trai ông Thủ Bị chưa thể tính vào "máu nợ" của Phượng Thư: Kim Kha tự vẫn là do quan niệm "một nữ chẳng gả hai cửa" bị cố chấp quá mức; con trai ông Thủ Bị chỉ dựa vào một tin tức cũng gieo mình xuống sông; xét bằng con mắt người hiện đại chúng ta thì quả là khó hiểu, họ vốn hoàn toàn có thể không phải chết. Phượng Thư có trách nhiệm thì cũng chỉ là trách nhiệm gián tiếp rồi lại gián tiếp. Nếu soi kỹ hơn nữa, Trương Kim Kha và con trai ông Thủ Bị là những người đầy óc đạo đức phong kiến, giá trị riêng biệt của cá nhân gần như chẳng hiện diện; còn Phượng Thư lại là kẻ xông xáo dám làm, sống động phá vỡ xiềng xích đạo đức phong kiến; nàng không hề có động cơ giết người, nàng chỉ khinh thường tính thiêng liêng của khế ước hôn nhân phong kiến, nhìn thấu tính giả dối của trật tự bề ngoài nơi quan trường phong kiến, thẳng thắn lợi dụng "tờ giấy giới thiệu" và "cửa sau" để giải quyết một việc nhỏ "trút giận giúp người" mà thôi. Là một cá thể, nàng lại mang giá trị riêng biệt khá độc đáo, vượt ra ngoài tính quy định của cộng đồng xã hội đương thời.

Từ thế kỷ hai mươi mốt trở đi, giới phê bình văn học ngày càng nồng nhiệt ca ngợi những lời việc phản phong kiến của Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Nhưng thật ra, những lời việc mà Bảo Ngọc, Đại Ngọc trực tiếp khinh miệt, đối kháng với các bậc chủ nhân phong kiến gần như bằng không: với bà Giả mẫu, hai người kính yêu tận đáy lòng, gửi gắm niềm mong hạnh phúc của đời mình vào bà tổ phong kiến ấy; với bà Hình phu nhân, có thể họ chẳng có chút tình cảm nào, nhưng vẫn luôn kính trọng; với Vương phu nhân, có lúc yêu giận đan xen (như Bảo Ngọc), có lúc lạnh mắt đứng ngoài (như Đại Ngọc), nhưng nhìn chung họ sống hòa hợp với nhau. Riêng Vương Hy Phượng thì khác. Với bà Giả mẫu, nàng xu nịnh mua vui, lừa dối trăm phương, kết quả giành được một đặc quyền khiến người ta trợn tròn mắt, chẳng những xét trong phủ họ Giả mà xét trên cả xã hội. Lâm Đại Ngọc mới vào phủ đã phát giác: trước mặt bà Giả mẫu, "bọn này ai nấy cũng im hơi lặng tiếng, khép nép nghiêm trang, vậy người kia là ai, mà dám vô lễ, ăn nói bô bô thế?" Cái gọi là "buông tuồng vô lễ" ấy, chính là công khai vượt qua trật tự tôn pháp phong kiến, đạt tới mức phô bay cá tính tột bậc. Cái tự do cá tính Phượng Thư tự giành được ấy, xa xa hơn Lâm Đại Ngọc chỉ biết nép vào góc vườn khóc thầm hoa tàn, càng xa xa hơn Giả Bảo Ngọc mỗi phen đi ngang phòng đọc sách của cha đã run rẩy khiếp đảm. Với bà Hình phu nhân, bà mẹ chồng phong kiến ấy, sự khinh miệt và đối kháng của Phượng Thư rất rõ ràng; điều hiếm có là, với Vương phu nhân, chỗ dựa thực tế của nàng (vừa là cô ruột, vừa là bà chủ chính thức của phủ Giả trao việc quản gia), nàng cũng tuyệt không có cái kính yêu kiểu Bảo Ngọc hay cái êm ả kiểu Đại Ngọc. Hồi ba mươi sáu chép: Phượng Thư từ phòng Vương phu nhân quay ra, vừa đến thềm đã có mấy bà đỡ việc đứng chờ ở đấy, thấy nàng ra đều cười nói: "Hôm nay mợ vào trình việc gì mà

lâu thế? Chớ để nóng người đấy!" Phượng Thư vén tay áo lên mấy vòng, chân kiễng lên bực cửa, cười nói: "Chỗ này gió lùa mát quá, đứng hóng một lúc rồi sẽ đi." Rồi bảo mọi người: "Các chị bảo tôi trình chuyện nửa ngày! Bà cứ nhớ ra những việc hai trăm năm trước mà hỏi tôi, há lại chẳng nói sao!" Lại cười lạnh: "Từ giờ trở đi, tôi làm việc phải cay nghiệt một chút mới được. Có oán trách tôi, đến trình với bà, tôi cũng chẳng sợ. Đám con đĩ hèn hạ óc ngu dốt, lưỡi thối, chết chẳng tử tế kia, đừng có mơ mộng làm mẹ nữa... Ngày mai sẽ còn ngày bớt lương khắp lượt cho mà coi." Tôi cho rằng bức chân dung Phượng Thư "vén tay áo lên mấy vòng, chân kiễng trên bực cửa" là bức chân dung nhân vật xuất sắc nhất trong toàn bộ "Hồng Lâu Mộng"; muốn nói phản phong kiến, thì chính cái điệu bộ ấy đã là phản phong kiến trăm phần trăm. Xin hỏi, Bảo Ngọc, Đại Ngọc được bao người nâng lên trời bằng chữ "phản phong kiến", vậy họ có bức chân dung nào thể hiện tinh thần thách thức lễ giáo phong kiến sống động hơn bức chân dung kiễng chân lên bực cửa của Vương Hy Phượng không? Dĩ nhiên, tuy chưa từng công khai báng bổ, khinh miệt triệt để bà Giả mẫu, Vương phu nhân, nhiều tư tưởng, lời nói của Bảo Ngọc, Đại Ngọc quả thật chứa đầy nhân tố phản phong kiến; nhưng chúng ta cũng đừng quên, câu "liều thân chịu xé xác, dám lôi cả hoàng đế xuống ngựa" lại chẳng phải họ hô lên, cũng chẳng phải hạng Tình Văn, Tư Kỳ hô lên, mà là Vương Hy Phượng hô lên giữa chỗ đông người; bất kể động cơ nàng hô câu "tục ngữ" ấy ra sao, nếu đo bằng tiêu chuẩn "Văn cách mạng" giữa thế kỷ hai mươi, thì cái tội "công kích ác ý" nàng phạm còn nặng hơn Bảo Ngọc và Đại Ngọc nhiều.

Bàn về nhân vật trong "Hồng Lâu Mộng", thực ra nên xếp Vương Hy Phượng ngang hàng với Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc trong phổ hệ phản phong kiến. Chuyện "gian xúi giục, Lục lựa Đại Quan viên" thường bị luận giả coi là trận chà đạp lớn của thế lực phong kiến đối với những sinh mệnh tuổi xuân nở rộ như hoa; mà trong trận chà đạp ấy, Vương Hy Phượng chẳng những chẳng phải kẻ khởi xướng hay người tham gia nhiệt tình, ngay từ đầu còn là đối tượng bị nghi ngờ, bị truy xét đầu tiên, phải "vừa tức vừa thẹn, mặt tím bầm lại, liền vịn vào cạnh giường quỳ xuống", tốn bao công sức mới rửa sạch mình cho xong; nếu không, e rằng chẳng tránh khỏi bị "đình chỉ công việc để kiểm tra", thậm chí "bãi nhiệm đem ra xét xử". Khi Vương phu nhân nghe lời gièm pha của vợ Vương Thiện Bảo, "bỗng nhớ lại chuyện cũ, bèn hỏi Phượng Thư: Lần trước chúng ta theo cụ vào chơi trong vườn, có một đứa lưng hơi cong, vai hơi thon, lông mày và mắt lại hơi giống em Lâm của chị, đang quát mắng bọn a hoàn nhỏ; sau định hỏi xem là đứa nào, lại quên mất. Hôm nay khớp đúng rồi, chắc là nó chứ gì? Phượng Thư đáp: So sánh ra, chẳng có đứa a hoàn nào đẹp bằng con Tình Văn cả. Về cách ăn nói đi đứng, thì nó hơi trai lơ. Như mẹ vừa nói, có nhẽ là nó đấy, nhưng con cũng quên mất việc hôm nọ, không dám nói bừa." Trong hoàn cảnh ấy, Phượng Thư đáp được như thế, có thể coi là đã che chở cho Tình Văn hết sức lực mình có được; so với thái độ lạnh tanh, thờ ơ, tê liệt, thậm chí kiểu "con rùa rụt cổ, sống chết mặc bầy tôi" của một số nhân vật có chút tiếng nói ở Trung Quốc những năm tám mươi thế kỷ hai mươi đối với những người bị lời gièm pha tấn công, thì mạnh hơn xa, hoặc có thể nói là khác biệt về chất.

Phượng Thư bị cuốn vào cuộc Lục lựa Đại Quan viên, trong thế bị động vẫn có phần chủ động của riêng nàng. Khi Tình Văn quấn tóc chạy đến, đánh "xình" một cái, mở toang hòm ra, hai tay bưng đáy hòm dốc

ngược xuống đất, bao nhiêu đồ đạc tung ra cả, để tỏ thái độ đối kháng, Phượng Thư cũng chẳng hề nổi giận; cuối cùng còn cười nói, chẳng lục ra được gì thì sang chỗ khác, thực chất là che chở cho đám a hoàn Di Hồng viện qua cửa; đến chỗ Đại Ngọc, nàng một mặt an ủi Đại Ngọc, một mặt công khai thanh minh cho Tử Quyện và các cô; đến chỗ Thám Xuân, vợ Vương Thiện Bảo bị Thám Xuân tát một cái, Phượng Thư dĩ nhiên trong bụng reo mừng; đến chỗ Hy Xuân, lục ra được "vật trộm cắp" của Nhập Hoạ, chính Hy Xuân lại đẩy Nhập Hoạ xuống hố lửa, còn Phượng Thư bề ngoài rầy la, thực chất đang tha thứ; đến chỗ Nghênh Xuân lục ra được "bằng chứng sắt" của "tội trạng" Tư Kỳ, tuy vì Tư Kỳ lại chính là cháu ngoại vợ Vương Thiện Bảo nên Phượng Thư không khỏi có phần khoái cảm nhìn tai họa của kẻ khác, nhưng nàng "thấy Tư Kỳ cúi đầu không nói gì và cũng không có ý sợ hãi hổ thẹn, cũng lấy làm lạ". Tất cả những điều ấy đều chứng tỏ: trong cuộc đối kháng giữa thế lực phong kiến Đại Quan viên và những kẻ yếu bị chà đạp, Vương Hy Phượng chẳng những chẳng đứng về phe thế lực phong kiến, mà cũng chẳng phải trung lập nghiêm khắc; sự đồng tình của nàng nghiêng hẳn về phía những kẻ bị hại.

Ở đây tôi chẳng muốn mượn cái gọi là "phân pháp nhị nguyên" để phân tích Phượng Thư. Thật ra, nếu đặt Phượng Thư lên tấm nền lớn của dòng chảy lịch sử mà khảo sát, một số hành vi trọng đại của nàng chẳng cần "chia hai" vẫn có thể phán định là mang tính chất tự giác, lấy cá nhân làm gốc mà khinh miệt lễ pháp hiện hữu, có tác dụng làm rệu rã trật tự phong kiến, ít nhất về khách quan mang tác dụng tiến bộ. Hoặc hỏi: chẳng lẽ việc nàng hại chết Vưu Nhị thư cũng là tiến bộ sao? Mức độ và tốc độ nàng ngược đãi Vưu Nhị thư e rằng có phần quá đáng; nhưng nàng theo đuổi một kết cấu gia đình nhất phu nhất thê lý tưởng, nàng phản kháng việc Giả Liễn lén lút rước vợ lẽ về nhà, nàng gìn giữ phẩm giá của cá nhân trong đời sống tình dục và tình cảm (trong đó có vụ nàng "bày tương tư cuộc" hại Giả Thuỵ), sự khẳng định giá trị bản thân và nắm giữ chủ động số phận của nàng, đều nhuộm màu phản nghịch thoát ra khỏi khuôn phép phong kiến, mang thứ ánh sáng chói lòa còn nhỏ giọt máu của hạng đại diện tư sản sơ khai thời kỳ tư bản chủ nghĩa ban đầu. Phượng Thư thích tiền, vơ tiền, còn cố làm cho "tiền đẻ ra tiền"; điều này, ở cái Trung Hoa mà kinh tế hàng hóa bị dồn nén nặng nề, chẳng những chẳng nên coi là tội lỗi, mà còn rất đáng nghiên cứu từ hướng tích cực. Phượng Thư trích bớt tiền nguyệt, trì hoãn phát nguyệt lệ, đem tiền đi sinh lợi, cho vay cắt cổ; cho vay kiểu gì thì sách chẳng chép rõ, nhưng hẳn là dùng hình thức cho vay mà đưa tiền làm vốn lưu động của tư bản thương nghiệp; trong đó liệu có khả năng kẻ vay tiền đem đi mở cơ sở sản xuất không? Tôi cho là có. Ở hồi mười sáu, Vú Triệu nhớ lại năm xưa "họ Giả nhà ta hồi còn ở miền Cô Tô, Dương Châu, trông nom việc đóng thuyền bể, và sửa sang đường bể, chỉ có sửa soạn đón tiếp vua một lần, mà tiền bạc tiêu như bể nước"! Vương Hy Phượng vội vàng tiếp lời: "Họ Vương nhà tôi cũng đã sửa soạn đón tiếp vua một lần rồi. Bấy giờ ông tôi còn giữ riêng việc đón tiếp người các nước đến triều cống. Người nước ngoài đến, đều do nhà tôi tiếp đãi cả. Những thuyền bè hàng hóa ở ngoài đến các tỉnh Việt, Mân, Điền, Chiết đều là của nhà tôi." Điều đó chứng minh Vương Hy Phượng là sản phẩm của một gia đình mại bản thuộc hạng Trung Hoa sớm nhất thời ấy tiếp xúc với thế giới bên ngoài; nàng mang ít nhiều tư tưởng sùng bái tiền tệ kiểu tư sản, cái điệu bộ của kẻ cá nhân chủ nghĩa giai cấp tư sản, là điều chẳng có gì lạ cả.

Tào Tuyết Cần mượn quyển sách trong "Ti mệnh ti" của Thái Hư cảnh giới mà khái quát số phận cả đời Vương Hy Phượng: "Chim phượng kìa sao đến lỗi thời, / Người đều yêu mến bực cao tài, / Một theo hai lệnh, ba thôi cả, / Nhìn lại Kim Lăng luống ngậm ngùi." Sự sinh không đúng thời của nàng, thực chất là một loại tính siêu thời. Cái câu đố "一从二令三人木" khiến vô số hồng học gia "gục ngã", mãi chẳng thể hình thành nhận thức chung về đáp số; theo tôi, cái phỏng đoán rằng Vương Hy Phượng cuối cùng chỉ đi từ bước thứ nhất Giả Liễn nghe theo nàng hết lời, sang bước thứ hai chuyển sang nàng phải nghe theo Giả Liễn, tới bước thứ ba rốt cuộc bị "bỏ", là phỏng đoán thiếu căn cứ nhất. "一从二令三人木" hẳn phải tương ứng với câu "机关算尽太聪明，反算了卿卿性命" (tính toán khôn ngoan tột bậc, rốt cuộc lại tính luôn cả mạng sống của mình) trong khúc "Thông Minh Lụi" (聪明累) thuộc "Mười hai khúc Hồng lâu mộng" phía sau. Bi kịch của Vương Hy Phượng chưa chắc hội tụ ở cảnh "rầm rầm toà nhà đổ" hay "gia tan người tán, mỗi người một ngả"; nó nằm ở mâu thuẫn gay gắt giữa điều chủ thể nàng ý thức được và điều khách quan chẳng thể chứa đựng, cung cấp; nói sáng rõ hơn, chính là khoảng cách không thể vượt qua giữa sự tồn tại cá nhân và tiến trình lịch sử, cho nên mới phải "than cuộc đời, rốt cuộc khó định"!

# Thèm một bát cháo gạo cẩm

Cháo có thể là thứ lấp bụng rẻ mạt hạ đẳng nhất, như thứ cháo thô nấu trong nồi to ở những chái cháo, xưởng cháo mà các chùa miếu hay những cơ cấu từ thiện của xã hội cũ, hoặc những nhà giàu muốn gieo phước cầu báo, lập nên.

Cháo lại có thể là món ăn tinh xảo, thượng hạng nhất, như trong "Hồng Lâu Mộng" chép: phủ Ninh quốc mất Tần Khả Khanh, bà mẹ chồng của cô là Vưu thị lại đúng lúc ấy "đang bị chứng dạ dày phát lại, nằm ở trên giường" nên chẳng thể ra lo liệu tang sự; vì thế bố chồng của cô là Giả Trân mới mời vợ em họ mình là Vương Hy Phượng từ phủ Vinh quốc sang phủ Ninh quốc chủ trì việc tang. Thế là cô Phượng không những quyền đến lệnh hành, với kẻ dưới ra oai tùy tiện, còn khéo léo đủ mặt tám phương, lấy lòng chị cả cho đến cùng: "Thấy Vưu thị bệnh phát, Giả Trân lại quá buồn, chẳng thiết ăn uống, nàng ngày nào cũng bảo nấu các loại cháo dừ và món ăn ngon từ phủ kia, sai người mang đến khuyên ăn."

"Các loại cháo dừ", có thể thấy không những chủng loại nhiều mà thủ tục chế tác cũng khá công phu; còn mấy món nhỏ ăn kèm cháo, hẳn chẳng những thứ nào cũng tinh tế, nhất định còn có cái kiểu cách loại cháo nào phải đi với món nhỏ nào. Cháo dừ và món nhỏ cô Phượng tặng Giả Trân, Vưu thị, giá trị e rằng chẳng kém món cà tím chế kiểu già tưởng (茄鲞) đã dâng lên trong bữa tiệc tiếp đãi Lưu Lão Lão; hơn nữa đây còn là món tuyệt diệu có thể khơi lại cái thèm ăn đang tàn lụi.

Có người nói, viết "Hồng Lâu Mộng", Tào Tuyết Cần thực ra là liên tục viết chuyện ăn uống: xong bữa này lại viết bữa kia, xong yến lớn lại viết tiệc nhỏ, xong bữa chính lại viết món đêm khuya, xong món chính lại viết đồ nhắm, viết mãi tới cảnh các cô son phấn "róc thịt tanh, xé thịt sống"; trong khoảng ấy quả thật thể hiện kiến thức về văn hoá ẩm thực Trung Hoa của ông đạt tới mức gần như chẳng có gì không biết, chẳng có gì không rõ; mà khi đặt bút lại gần như không gì không tả nổi, không gì không triển khai được, khiến người ta phục lăn, khen hay.

Trong "Hồng Lâu Mộng" nhiều lần viết cụ thể tới canh, tới cháo, đến mức hồng học gia quá cố ông Dư Bình Bá từng viết riêng cho chuyện này một bài "Bảo Ngọc vì sao chỉ toàn uống thứ loãng?" (in trong "Độc Hồng Lâu Mộng tuỳ bút"). Ông lấy hồi thứ tám làm ví dụ: hồi ấy chép Giả Bảo Ngọc sang viện Lê Hương thăm Tiết Bảo Thoa, sau đó Lâm Đại Ngọc cũng đi tới; ở đó Bảo Ngọc trước dùng mấy thứ trà quả tinh tế, rồi cùng chân ngỗng với mỏ vịt ướp rượu mà uống ba chén rượu; sau đó lại uống sảng khoái hai bát canh da gà măng chua; cuối cùng ăn nửa bát cháo gạo cẩm (碧粳粥); ăn cơm xong lại còn uống thứ trà đặc vừa pha, mới chịu từ giã ra về.

Đọc đoạn ấy, dù chân ngỗng mỏ vịt ướp rượu hay canh da gà măng chua, tôi cũng chưa thấy ham lắm; riêng cháo gạo cẩm, đọc tới thôi nước bọt đã rỉ ra mãi, thầm ước ao lắm thay.

Hồi sáu mươi hai của "Hồng Lâu Mộng" chép Phương Quan, cô diễn trò được phân vào phòng Bảo Ngọc ở Di Hồng viện sau khi gánh hát giải tán, bảo bà Liễu đầu bếp chuẩn bị giúp mình một phần cơm; bà Liễu sai người mang tới một hộp cơm; mở nắp ra xem, bên trong có một bát canh da gà bọc viên tôm, một bát vịt tần rượu, một đĩa nem ngỗng ướp mặn, một đĩa bốn miếng bánh cuốn hạt thông trộn với sữa, cùng một liễn lớn cơm gạo tám nóng, thơm phức. Đây chẳng qua chỉ là thực đơn của a hoàn hạng ba hạng tư, vậy mà so với mâm cỗ Tiết phu nhân đãi Bảo Ngọc ở hồi thứ tám thì hầu như chẳng khác gì. Phương Quan còn càu nhàu: "Mỡ ngấy lắm, ai ăn được những thứ này!" Rốt cuộc chỉ lấy canh chan cơm ăn một bát, gắp mấy miếng thịt ngỗng thôi là bỏ. Bảo Ngọc đúng là mê thứ loãng: hắn ngửi thấy, ngỡ vị hơn mọi lần, liền ăn một miếng bánh cuốn, lại bảo tiểu hoàn Xuân Yến xới cho nửa bát cơm, chan canh ăn thử, thấy thật là ngọt lành dễ chịu. Bát cơm gạo tám xanh biếc ấy chan với canh, há chẳng thành ra một bát cháo loãng sao? Mà lại là cháo loãng nước canh gà; nghĩ tới quán cháo gà "Tiểu Thiệu Hưng" vẫn còn tồn tại ở Thượng Hải ngày nay, e rằng vị cũng gần gần thế đấy?

Tào Tuyết Cần tinh thông văn hoá ẩm thực Trung Hoa là nhờ có tông phong gia học: người ông của cậu là Tào Dần không những từng giữ chức Thông chính sử, Giang Ninh chức tạo, kiêm quản thuế muối, là đại quan được vua Khang Hi nhà Thanh sủng tín, mà còn là một văn nhân có thanh thế: y chủ trì việc biên khắc "Toàn Đường thi", bản thân lại có "Liền Đình thi sao" 8 quyển, "Thi sao biệt tập" 4 quyển, "Văn sao", "Từ sao", "Từ sao biệt tập" mỗi bộ một quyển; ngoài ra còn biên khắc những bộ sách xa lạ của tiền nhân, trong đó có "Quyện thường ẩm soạn lục" (居常饮馔录) một quyển, bên trong gồm "Tang sương phổ" (糖霜谱), "Chu phẩm" (粥品) và "Phấn diện phẩm" (粉面品) của người Tống, "Toàn sử" (泉史), "Chế phủ tiên pháp" (制脯鲜法) của người Nguyên, "Nương lục" (酿录), "Minh tiên" (茗笺), "Thư hương phổ" (蔬香谱), "Chế thư phẩm pháp" (制蔬品法) của người Minh. Cuốn "Chu phẩm" do một người đời Tống ký tên Đông Khê độn sĩ (东溪遁叟) soạn, tiếc rằng nay khó tìm được, không đọc được nữa. Chắc chắn Tào Tuyết Cần đã đọc, hoặc ít nhất nghe bậc trưởng bối kể qua, và ít nhất một phần đã được nấu nướng nếm thử các loại cháo món chép trong sách ấy; vì thế nét tả cô Phượng "ngày nào cũng từ phủ kia nấu các loại cháo dừ, món ăn tinh tế, sai người mang đến khuyên ăn" của cậu tuyệt không phải bút tuỳ tiện mà ra. Sau tờ giấy là kinh nghiệm sống sâu dày và vốn hiểu biết văn hoá ẩm thực chống lưng.

Nay thức nhanh kiểu Tây đang thịnh hành ở Bắc Kinh. Tiệm gà rán KFC của Mỹ chiếm từ sớm khu đất vàng phía tây nam quảng trường Thiên An Môn, cách Lăng tưởng niệm Chủ tịch Mao chỉ một phát tên; cả ngày toả ra mùi nồng nồng dầu ô-liu rang gà, cửa ra vào đông như hội. Gần đây tiệm thức nhanh McDonald's của Mỹ lại khai trương ngay miệng nam phố Vương Phủ Tỉnh sầm uất nhất, bán hamburger, khoai tây chiên, bánh táo; thoắt cái trai tài gái sắc đổ xô tới như vịt. Hai tiệm thức nhanh Mỹ này đều tự nhận cửa hiệu của họ tại Bắc Kinh là lớn nhất trong hàng nghìn cửa hàng chuỗi trải khắp thế giới. Ngoài ra, Bắc Kinh còn có

tiệm gà rán Bang Ni của Canada, tiệm thức nhanh Mỹ Ni Mẫu Tư của Pháp, tiệm thức nhanh 123 của Hồng Kông, v.v... Thức nhanh kiểu Tây tự có vài ưu điểm riêng; dẫu chẳng có thêm ưu điểm nào nữa thì bước vào đó thưởng lãm chút phong tình xứ người cũng khá thú vị. Nhưng tôi luôn thấy người Trung Hoa nên tự mở ra lối thức nhanh của riêng mình; chẳng hạn thực đơn Phương Quan nói trên, nếu lược bớt chút mà tung ra như một suất thức nhanh kiểu Trung, tin rằng hình thái, màu sắc, hương vị, dinh dưỡng đều quyết chẳng kém các suất thức nhanh Tây kể trên, thậm chí còn vượt lên; mà trong đó đáng yêu nhất, hẳn là một bát cháo gạo cẩm nấu bằng nước canh gà nóng hổi.

Tính sơ thì đời mình cũng đã uống không ít thứ cháo: từ thứ cháo bắp vụn mộc mạc tới thứ cháo Lạt Bát tinh tế; từ cháo thịt nạc trứng bách thảo phong vị riêng của người Quảng Đông tới cháo tám báu hạt sen khẩu vị Bắc Kinh; kể cả cháo gà, cháo cá, cháo tôm, cháo cua, cháo rau, cháo sữa; cộng lại tất cả đều chẳng bằng một bát cháo gạo cẩm trắng ngần lôi cuốn hơn, ngon miệng hơn, quyến rũ hơn, để lại dư vị hơn. Huống chi lại vào lúc vừa đi chơi xa trở về nhà, lúc mới khỏi bệnh nặng, lúc sau những giờ lao động nhọc nhằn, lúc khuya trước giờ đi ngủ...

Nóng hổi, xanh biếc, thơm lừng, mềm mịn; bát cháo vừa đến môi, niềm vui chan chứa!

# Để thế giới biết đến Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng

(1) Một tác phẩm văn học xuất sắc được sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ có thể trở thành "tấm danh thiếp" của một dân tộc, một quốc gia.

Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng có thể làm "tấm danh thiếp" của dân tộc Hoa Hạ và của Trung Quốc.

Xin lấy vài ví dụ về "tấm danh thiếp" văn học của các dân tộc, các nước trên thế giới:

☆ Hy Lạp: khoảng thế kỷ 6 đến 5 trước Công nguyên, ba đại bi kịch gia Aeschylus

Sophocles

Euripides

hài kịch gia Aristophanes

☆ Ấn Độ: khoảng thế kỷ 4 đến 5, Kalidasa, kịch "Sakuntala"

☆ Nhật Bản: khoảng thế kỷ 10, Murasaki Shikibu, tiểu thuyết dài "Truyện Genji"

☆ Iran: khoảng thế kỷ 13, Saadi, tập tản văn "Vườn hoa hồng"

☆ Ý: thế kỷ 13 đến 14, Dante, trường thơ "Thần khúc"

☆ Anh: thế kỷ 16, Shakespeare, 37 vở kịch

☆ Tây Ban Nha: thế kỷ 16, Cervantes, tiểu thuyết dài "Don Quixote"

☆ Trung Quốc: thế kỷ 18, Tào Tuyết Cần, tiểu thuyết dài "Hồng Lâu Mộng"

☆ Triều Tiên: thế kỷ 18, "Truyện Xuân Hương" (tiểu thuyết, kịch)

☆ Đức: thế kỷ 18 đến 19, Goethe, kịch thơ "Faust"

☆ Pháp: thế kỷ 19, Hugo, tiểu thuyết dài "Những người khốn khổ"

☆ Đan Mạch: thế kỷ 19, Andersen, "Truyện cổ Andersen" (truyện cổ tích)

☆ Nga: thế kỷ 19, Lev Tolstoy, tiểu thuyết dài "Chiến tranh và hòa bình"

☆ Mỹ: thế kỷ 19, Mark Twain, truyện dí dỏm

☆ Cuba: thế kỷ 19, José Martí, thơ

☆ Áo: thế kỷ 19 đến 20, Kafka, tiểu thuyết "Sự hóa thân"

.....

Các trước tác của nhà triết học Trung Quốc cổ đại cùng thơ ca của các thi nhân cổ đại, ở nước ngoài biết đến khá nhiều. Nhưng có một cách nói cho rằng loại văn học tự sự trường thiên của Trung Quốc, so với tác phẩm của các dân tộc khác, hình như yếu hơn; cách nói ấy là không đúng. Theo tôi, Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần hoàn toàn có thể sánh vai với bất kỳ "tấm danh thiếp" văn học nào của bất kỳ dân tộc, quốc gia nào trên thế giới.

Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng có thể, và nên, trở thành một tấm "danh thiếp" văn hóa của dân tộc Hoa Hạ và Trung Quốc.

(2) Hồng Lâu Mộng là nơi hội tụ đủ mọi tinh hoa của văn hóa Trung Hoa, là một đỉnh cao của văn hóa cổ điển Trung Quốc.

Qua Hồng Lâu Mộng có thể hiểu được lịch sử, triết học, tôn giáo, trật tự luân lý, thói quen thẩm mỹ, thần thoại truyền thuyết, thơ từ phú phóng, nghệ thuật sân vườn, nghệ thuật ẩm thực, lối dưỡng sinh, dụng cụ y phục, phong cảnh thiên nhiên, phong tục dân gian của Trung Quốc cổ đại... mà những yếu tố ấy không hề được bày ra gượng ép, rời rạc, mà hoàn toàn hòa quyện vào việc khắc họa nhân vật, dòng chảy cốt truyện và cách vận dụng văn chữ của tiểu thuyết.

Chỉ xin lấy một ví dụ. Hồi 40, trong sách Giả mẫu dẫn Lưu lão lao đi dạo Đại Quan viên, đến viện Tiêu Tương nơi Lâm Đại Ngọc ở, bèn thấy màn cửa sổ có gì đó không ổn.

"Bức màn này khi mới treo, trông đẹp đấy, nhưng để lâu phai màu. Ngoài sân không có cây đào cây hạnh nào, mà trúc đã có lá xanh rồi. Cứ treo màn xanh không ăn màu. Ta nhớ nhà ta có những bức màn treo cửa sổ bốn năm màu kia mà. Ngày mai, bảo lấy thay bức màn này đi."

Nghe vậy Phượng Thư liền thưa rằng trong nhà còn có loại sa mỏng tựa cánh ve màu ngân hồng, với đủ thứ hoa văn: hoa chéo cành, mây trôi chữ vạn mang phúc, trăm con bướm đan qua hoa.

Giả mẫu lại chỉ ra rằng đó đâu phải sa cánh ve, mà là thứ cao cấp hơn nữa, nhuyễn yên la, có bốn thứ màu: vũ quá thiên thanh, thu hương sắc, tùng lục và ngân hồng. Loại vải này còn gọi là hà ảnh sa, mềm, dày, nhẹ, khít.

Chính chi tiết ấy khiến người ta hiểu được, cách người Trung Quốc nhìn về cửa sổ khác với người phương Tây. Người phương Tây cho rằng cửa sổ chỉ để lấy sáng và thông gió, dù trên hình dáng bên ngoài họ cũng biến tấu ra muôn vàn kiểu cách. Người Trung Quốc xưa lại cho rằng cửa sổ trước hết phải là một khung tranh: cửa sổ phải khiến cảnh vật bên ngoài kết thành một bức tranh đẹp, do vậy khi chọn màn cửa sổ cũng phải hợp nhu cầu thẩm mỹ ấy; ngoài kia vốn là rặng trúc "đuôi phượng ve vẩy", thì màn cửa sổ phải chọn thứ ngân hồng, tạo thành sự tương phản với nó, từ đó kiến tạo nên hiệu quả như tranh như thơ.

(3) Hồng Lâu Mộng có tầm tinh thần rất cao, thông suốt với các truyền thống văn hóa ưu tú của những dân tộc khác trên thế giới, cùng nhau đúc nên những giá trị phổ quát của nhân loại.

Không thể giản đơn quy Hồng Lâu Mộng về một cuốn tiểu thuyết tình yêu, cũng không thể giản đơn quy nó về một bộ sử viết về sự hưng suy của một gia đình quý tộc phong kiến.

Tào Tuyết Cần có khuynh hướng chính trị, trong Hồng Lâu Mộng có nhân tố chính trị, nhưng Tào Tuyết Cần không dùng nó để bày tỏ chính kiến bất đồng. Tào Tuyết Cần đã vượt lên trên chính trị, thông qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc, bày tỏ tầng suy nghĩ cao hơn nữa: loài người nên sống chung bình đẳng, trên mặt đất này nên có cuộc sống đầy chất thơ.

Tào Tuyết Cần mượn miệng Giả Bảo Ngọc tuyên bố: "Xương thịt của con gái là nước kết thành, xương thịt của con trai là bùn kết thành. Tôi trông thấy con gái thì người tôi nhẹ nhàng, khoan khoái, trông thấy con trai thì như bị phải hơi dơ bẩn vậy" (Hồi 2).

Rồi lại mượn miệng tiểu hoàn Xuân Yến chuyển đạt quan điểm của Giả Bảo Ngọc: "Khi con gái chưa đi lấy chồng, khác nào một hạt châu rất quý; lấy chồng rồi, không hiểu sao lại sinh ra rất nhiều tật xấu. Dù vẫn là hạt châu đấy, nhưng đã trở thành hạt châu chết, phai mờ ánh sáng; đến già thì không phải là hạt châu, mà là mắt cá đấy! Cũng là một người, sao lại hóa ra ba dạng như thế?" (Hồi 59)

Lúc thế giới chưa hề có "phong trào giải phóng phụ nữ" và "chủ nghĩa nữ quyền", Tào Tuyết Cần lại, giữa thời Thanh đời Càn Long, thời kỳ mà hoàng quyền, thần quyền cùng phu quyền kết dính chắc nhất ở Trung Quốc, dồn điểm chú ý vào những người con gái tuổi xuân, rành rành đứng ra bênh vực sự bất công cho nhóm yếu thế trong xã hội là thiếu nữ tuổi xuân, đấu tranh giành quyền làm người cho họ. Hơn nữa, cái "thuyết ba giai đoạn của phụ nữ" ấy của ông không chỉ là sự thách thức đối với trật tự đạo đức nam tôn nữ ti của xã hội phong kiến, mà còn tránh được kiểu luận bàn rỗng tuếch thuần "giới tính", chỉ ra rằng giá trị chủ lưu của xã hội phong kiến, thông qua chế độ hôn nhân do cha mẹ sắp đặt và tông pháp gia đình, đã

khiến những người con gái tuổi xuân theo việc lấy chồng và năm tháng trôi qua mà từ trong trắng sa xuống ô uế.

Tào Tuyết Cần qua ý đồ nghệ thuật bộ Kim Lăng thập nhị thoa chính sách, phó sách, lại phó sách..., đã khắc họa một loạt hình tượng thiếu nữ tuổi xuân, dựng nên một hành lang nhân vật văn học dài dằng dặc. Ông không né tránh sự phức tạp khó lường trong nhân tính của từng nhân vật, nhưng nhìn tổng thể, ông đã hát lên bài ca ai điếu thương tiếc dành cho những người con gái ấy.

Tào Tuyết Cần còn qua lời hai bà lão, miêu tả trạng thái sinh tồn cùng tình cảm nhân cách của Giả Bảo Ngọc:

"Thường lúc vắng người, cậu ấy ngồi cười khóc một mình; trông thấy con chim yến, thì nói chuyện với con chim yến; trông thấy con cá ở dưới sông, thì nói chuyện với con cá; nhìn thấy sao tỏ trăng sáng, không thở ngắn than dài, cũng rên thầm rỉ kín..." (Hồi 35)

"Lẫng dẫng trên đời khéo khổ công?" Đó là một câu thơ ở phần mở đầu bản cổ Thạch đầu ký vốn được gọi là "Giáp Tuất bản" (những bản cổ Hồng Lâu Mộng còn tồn tại đến nay phần lớn đều lấy tên Thạch đầu ký). Đây chính là câu hỏi tối thượng, là tầng suy nghĩ cao nhất của loài người. Qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc, Tào Tuyết Cần bày tỏ tư tưởng "thiên nhân hợp nhất", "thế pháp bình đẳng". Theo lời tiết lộ của Chi Nghiển Trai, người cộng tác với Tào Tuyết Cần, hồi cuối sách có một Bảng tình (Tình bảng), ngoài Giả Bảo Ngọc ra là những bảng danh nữ tính cứ mười hai người một nhóm, mỗi nhân vật còn kèm một câu khảo ngữ; khảo ngữ của Giả Bảo Ngọc là "tình bất tình", chữ "tình" đầu tiên là động từ, nghĩa là cả đối với những sự vật không có tình cảm, cũng đem tình cảm của mình ra yêu thương chăm sóc. Đó là một tấm lòng nhân văn thật rộng lớn.

(4) Hồng Lâu Mộng mang sức quyến rũ nghệ thuật phi thường.

Cái đẹp của sự khiếm khuyết. Giống như tượng thần Vệ nữ Milô hiện đang trưng bày tại bảo tàng Louvre ở Paris, Pháp.

Bản thông hành Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi mà người ta đọc ngày nay, qua khảo chứng, bốn mươi hồi sau là phần Cao Ngạch viết tiếp.

Riêng tôi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng đã sử dụng hai phương tiện: một là nghiên cứu nguyên mẫu, hai là đọc kỹ văn bản.

Tôi bắt tay từ nhân vật Tần Khả Khanh, nghiên cứu quá trình Tào Tuyết Cần sửa đổi văn bản, từ đó hiểu được hoàn cảnh cụ thể của giai đoạn lịch sử ông sống, số phận gia đình và cá nhân ông, tâm lý sáng tác của ông, và ông đã xuất phát từ chân thực của cuộc sống, trải qua trí tưởng tượng nghệ thuật, để khắc họa hình

tượng nghệ thuật thế nào. Bản thân tôi là người viết tiểu thuyết; tôi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, một trong những mục đích là để học hỏi Tào Tuyết Cần, đặc biệt học cái tài của ông trong việc nâng chân thực cuộc sống lên thành hình tượng nghệ thuật.

Nghiên cứu "Tần học" của tôi chỉ là ý kiến của riêng một nhà. Nhà Thanh có Viên Mai hai câu thơ: "Thai hoa như mễ tiểu, dã học mẫu đơn khai" (hoa rêu bé tựa hạt gạo, cũng nở bắt chước mẫu đơn). Đầu thời dân quốc, Thái Nguyên Bồi có hai câu: "Đa kỳ vi quý, bất thủ cẩu đồng" (nhiều ngả mới đáng quý, chẳng lấy sự đồng liều). Hai câu thơ ấy cùng hai câu nói ấy là châm ngôn của tôi khi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng.

Thành quả nghiên cứu của tôi đã được Nhà xuất bản Đông Phương tung ra trong năm nay dưới dạng cuốn "Lưu Tâm Vũ giải mã Hồng Lâu Mộng" tập một, tập hai (cả thảy 36 bài giảng).

Kỹ thuật viết của Tào Tuyết Cần rất cao siêu. Ông sử dụng thủ pháp "thảo xà hối tuyến, phục diên thiên lý" (vết rắn trong cỏ, vệt tro ẩn mình, chôn dấu nghìn dặm). Trong lúc tưởng như vô ý thuận tay, ông đã cài sẵn bút phục, tạo nên những nút thắt gây hồi hộp.

Chẳng hạn ở cuối hồi 8. Chuyện về Tấn Tuyết, "sự kiện trà Phong Lộ", chưa kịp triển khai đã bỗng dừng hẳn, thế lại có lời kể quái dị về thân thế Tần Khả Khanh. Người cộng tác phê sách của ông (lúc thì ký tên Chi Nghiễn Trai, lúc thì ký tên Kỳ Hộ Sẩu, lúc lại không ký tên) đã hé lộ trong châu ngữ: "Tấn Tuyết đến miếu Ngục Thần mới thấy chính văn... Tôi chỉ thấy có đúng một lần khi chép sạch, năm sáu bản thảo, trong đó có đoạn miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc, bị người mượn đọc làm thất lạc. Than ôi!"

Chiến lược thuật chuyện của Hồng Lâu Mộng rất cao minh, vừa có phong vị ngôi thứ nhất vừa có phong vị ngôi thứ ba. Ngôn ngữ tự sự cũng như đối thoại nhân vật đều lưu loát sinh động, hơn nữa còn in đậm phong cách cá nhân của tác giả.

(5) Nên phổ cập trong nước, quảng bá ra ngoài, đưa Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng vào trong kết cấu tri thức phổ quát của nhân loại.

Tôi để ý thấy người phát ngôn Bộ Ngoại giao chúng ta, trong lúc phát biểu, có dẫn lời ca trong loại hình sân khấu cải biện từ Hồng Lâu Mộng, để ví von việc vượt khó khăn, trải gian hiểm mà tiến tới mục đích. Thực ra, ngay trong ngôn ngữ tự sự của tác giả trong Hồng Lâu Mộng cũng tìm được những lời đáng dẫn dụng; chẳng hạn hồi 17, 18, đoạn viết Giả Chính dẫn Giả Bảo Ngọc và các bạn đi dạo Đại Quan viên, có những câu như: "khi trong hoa, khi dưới liễu, khi trên núi, khi bên sông, đến rặng đồ mi, vào giàn mộc hương, lên đình mẫu đơn, qua vườn thược dược, tới viện tường vi, tựa vào khóm ba tiêu, ngang dọc, quanh co...", hoặc: "Chợt thấy ngọn núi lớn chắn ngang... vòng sát chân núi một cái quay lại là đường to bằng phẳng rộng rãi, trước mắt hiện ra một cái cửa lớn". Những lời ấy hình như có thể dùng để ví von việc đàm phán cần lấy sự

kiên nhẫn và nhượng bộ lẫn nhau mà đạt kết quả. Dĩ nhiên, lời ăn tiếng nói của nhiều nhân vật trong sách giản dị sáng sủa, càng có thể lấy của xưa dùng cho nay, xin kể ra vài ví dụ:

"Thế pháp bình đẳng." (Hồi 41, Giả Bảo Ngọc nói)

"Việc lớn việc nhỏ đều có cái thiên lý." (Hồi 39, Lý Hoàn nói)

"Trâu không muốn uống nước cố đè sừng?" (Hồi 46, Uyên Ương nói)

"Cứ theo cái đầu mà làm mũ." (Hồi 75, Uyên Ương nói)

"Nhà to có cái khó của nhà to." (Hồi 6, Vương Hy Phượng nói)

"Việc đã đòi cầu toàn thì còn vui gì?" (Hồi 75, Lâm Đại Ngọc nói)

"Chân danh sĩ tự phong lưu." (Hồi 49, Sử Tương Vân nói)

"Chỉ đại anh hùng mới giữ bản sắc." (Hồi 63, Sử Tương Vân nói)

"Dưới trời này chẳng thoát nổi một chữ lý." (Hồi 65, Hưng Nhi nói)

"Cẩn thận thế cũng không lấy gì làm quá." (Hồi 62, Tiết Bảo Thoa nói)

Trong Hồng Lâu Mộng có nhắc đến một số nước ngoài kia, như Nữ Nhi quốc, Tấn Hương quốc, Chân Chân quốc; nhắc đến đồ chơi nước Ba Tư, thuốc hít Tây hiệu Oa Kháp, cao thuốc Y Phất Na, viên đá quý kim tinh pha lê mang tên Ôn Đô Lý Na của nước Phất Lang Tư Nha...

Hy vọng những người trong ngành ngoại giao phát huy ưu thế của mình, quảng bá Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng ra thế giới.

Có những bản cổ (bản chép tay) Hồng Lâu Mộng có thể đang lưu lạc ở nước ngoài; cần phát hiện tin tức, tiến hành tìm kiếm, tranh thủ đưa bảo vật về nhà.

Tổ tiên mấy đời của Tào Tuyết Cần lần lượt đảm nhiệm chức Giang Ninh Chức tạo. Đặc biệt là ông nội ông là Tào Dần, thế hệ cha là Tào Ngung và Tào Phủ, thực tế đều kiêm nhiệm vụ đặc biệt do hoàng đế giao phó: tiếp đãi, giao thiệp với thương nhân nước ngoài sang Hoa. Tư liệu về phương diện này cũng cần chú ý sưu tầm.

Nghe đồn có một cuốn sách do nhà xuất bản Douglas ở London, Anh xuất bản năm 1874, tác giả tên Willam Winston, tên sách DRAGON'S IMPERIAL KINGDOM, bìa vàng in hình rồng vàng, khổ sách lớn hơn

khổ 32 mà nhỏ hơn khổ 16, dày khoảng 3 cm. Trang 53 cuốn sách có đoạn chép chuyện Tào Tuyết Cần nghe lén thương nhân người Anh tên Philip kể chuyện kịch Shakespeare cho cha cậu nghe, bị phát hiện và chịu trách phạt. Trước "Cách mạng văn hóa", thư viện của hai cơ quan ở Bắc Kinh đều có cất giữ cuốn này, trong "Cách mạng văn hóa" bị thất lạc. Loại tư liệu như vậy nên tìm cách sưu tầm tiếp từ nước ngoài.

Hiện nay trong nước có một số cách nhìn mơ hồ, sai lầm, chẳng hạn cho rằng Hồng Lâu Mộng là một "tác phẩm đồi trụy"; cho rằng hiện thực còn bao nhiêu vấn đề cấp bách cần giải quyết như tham nhũng, tai nạn mỏ, mất học, nợ lương, khó khăn trong khám chữa bệnh..., mà nghiên cứu phổ cập Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần là "no rồi rảnh rang sinh chuyện", thậm chí là "suy đồi về tinh thần". Những quan điểm hư vô chủ nghĩa dân tộc trên lĩnh vực văn hóa ấy, thái độ coi thường thậm chí xóa bỏ truyền thống văn hóa dân tộc ấy, cùng cái lối nghĩ và cái lối làm đem việc chú trọng giải quyết vấn đề trước mắt đối lập với công trình tinh tế lâu dài rèn đúc hồn dân tộc, theo tôi đều là những điều nhất định phải phê phán, khuyên giải, chỉnh sửa.

Trong nước, nên làm tốt công tác phổ cập Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng.

Với nước ngoài, nên lấy Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng làm một tấm "danh thiếp" văn hóa rực rỡ chói lọi của dân tộc và quốc gia mà quảng bá.

(Bài này là bản đề cương phần chia sẻ cảm nhận về việc nghiên cứu Hồng Lâu Mộng, được trình bày theo lời mời của Bộ Ngoại giao ngày 21 tháng 11 năm 2005, trước khoảng 200 nhà ngoại giao.)

# Người trong hiên Khoa Đầu Bão Tất

Khi dọn lại sách cũ, tôi lôi ra được một cuốn tiểu thuyết, trang tựa còn nguyên dòng đề tặng của tác giả, cuối dòng ký "giữa mùa xuân năm Nhâm Tuất". Năm Nhâm Tuất ấy hẳn là năm 1982. Giữa mùa xuân năm đó, tôi ghé ngang một hiệu cắt tóc ở đại nhai Hoa Thị, đúng lúc một vị tiên sinh gầy và cao cắt tóc xong bước ra; vốn đã ăn mặc chỉnh tề, nay vừa mới sửa sang đầu tóc, càng thêm vẻ nho nhã thanh lịch. Ông chủ động chào hỏi trước, nét mặt dáng đứng lễ nghĩa chu đáo. Tôi nhìn cho kỹ: à, hóa ra là tiên sinh Kim Ký Thủy.

Những năm 1975 đến 1980, tôi từng mấy năm làm biên tập viên văn học ở Nhà xuất bản Bắc Kinh; hồi ấy tạp chí Thập Nguyệt mà tôi tham gia sáng lập đang tích cực làm phong phú đề tài sáng tác: ngoài những tác phẩm phản ánh bước chân thời đại cải cách, mở cửa, còn có loại phản tư, loại đề tài lịch sử cách mạng, chuyện nhà cửa con cái... Tôi cũng mời đăng được một số tiểu thuyết lịch sử, như Chuyện Tào Tuyết Cần của tiên sinh Ngô Ân Dụ, in kèm tranh chân dung thêu tinh xảo của tiên sinh Phạm Tăng, rất được bạn đọc khen ngợi. Nghe tin tiên sinh Kim Ký Thủy đang cầm bút viết loạt Ngoại biên Hồng Lâu Mộng, quyển thứ nhất viết về Tư Kỳ, tôi liền chạy sang xin bản thảo.

Hồi ấy toà soạn của chúng tôi ở Đông Hưng Long nhai gần Hoa Thị, nhà ông thì ở Cân Mạo hồ đồng cũng gần Hoa Thị, đi bộ sang rất tiện. Ông sống trong một cái đại viện đông người chen chúc; cái viện ấy thuở trước hẳn là nhà ở của một người giàu. Căn phòng ông ở sâu rất hẹp, chắc chưa đầy hai mét, chiều dài thì chắc cũng chỉ độ năm mét, xét kết cấu thì phải là cải tạo từ một khúc hành lang quanh hiên ngày xưa. Nhà tuy hết sức chật hẹp nhưng dọn dẹp thật thanh sạch; nhà như người, người như nhà: chẳng nổi bật gì, đặc biệt bình dị, khiêm hòa, lễ phép, tuyệt không có ý nghĩ vượt quá phần mình, lúc nào cũng sẵn sàng nhường bước. Nhưng trên vách treo một khung gương chữ nhật, coi như tấm biển mộc, do chính tiên sinh Ký Thủy đề tựa, là năm chữ lớn "Khoa Đầu Bão Tất hiên". "Bão tất" (ôm gối) là tả cái không gian nhỏ chỉ đành phải tạm chịu; còn "khoa đầu" thì về sau tôi mới biết là dẫn điển từ Sử ký: "Hổ bôn chi sĩ, đề cữ khoa đầu", "đề cữ" là nhảy xổm, "khoa đầu" là không đội mũ; đời Đường Vương Duy có câu thơ "Khoa đầu cơ cứ trường tùng hạ, bạch nhãn khan tha thế thượng nhân" (đầu trống, chân vắt chữ cơ dưới tùng cao, mắt trắng nhìn người đời). Có thể thấy dưới vẻ ngoài mềm mại của tiên sinh Ký Thủy vẫn còn đó những xương cứng.

Ngày tôi sang xin bản thảo năm 1979, ông nói đang viết Tư Kỳ nhưng chưa sửa định. Tôi bèn ngồi tám với ông một lúc về Hồng Lâu Mộng; cụ thể đã tám những gì, thì đến lần gặp nhau ngoài hiệu cắt tóc năm 1982, tôi chẳng còn nhớ nữa. Nhưng ông vẫn nhớ, và ông diễn đạt thế này: "Ông tám với tôi nhiều như vậy, mà không một chữ nào đụng tới quá khứ của tôi." Nhìn nét mặt ông, hình như ông rất cảm kích điều ấy. Ông liền mời tôi vào hiên Khoa Đầu Bão Tất ngồi chút ít, tôi mừng rỡ đi theo. Lúc ấy tôi đã thôi làm biên tập

viên. Ông lấy ra một cuốn Tư Kỳ do Nhà xuất bản Nhân dân Sơn Tây phát hành tháng 8 năm 1981, đề tựa, đóng dấu triện, hai tay trân trọng đưa cho tôi. Tôi mừng biết bao!

Việc giao thiệp của tôi với tiên sinh Ký Thủy, đúng là nhạt mà càng thêm nhạt. Tôi chưa từng nhắc đến quá khứ của ông trước mặt ông, chủ yếu vì thấy hai bên chưa quen biết sâu, làm thế là bất lịch sự. Thực ra tôi rất tò mò về quá khứ của ông. Ông là cháu đời thứ mười ba của Đa Nhĩ Cổn, khai quốc công thần nhà Thanh. Đa Nhĩ Cổn sau khi chết tuy bị hoàng đế Thuận Trị tước tước vị, đào mộ, nhưng đến triều Càn Long được minh oan, hậu duệ ông khôi phục tước Duệ thân vương và được thế tập mãi. Vị Duệ thân vương cuối cùng ở phủ đệ phía Đông Đan, phố Ngoại giao bộ; tiếc là sau này đã hoàn toàn khác xưa. Trong kháng chiến chống Nhật, tiên sinh Ký Thủy kiên quyết từ chối sự cám dỗ của Mãn Châu quốc giả tái phong tước Duệ thân vương, có bài thơ chí: "Ngọ dạ mẫn tâm vấn, hành tàng chỉ tự tri; thử tâm như khiếu nhật, đại địa định vô tư" (nửa đêm hỏi lòng mình, đi ở chỉ mình hay; tấm lòng này như mặt trời trong trẻo, đất rộng quyết chẳng tư vị). Sau khi nước mới thành lập, ông dốc sức vào sự nghiệp xây dựng văn hóa, cùng Lão Xá, Triệu Thụ Lý và các bạn biên tập tạp chí Thuyết Thuyết Xướng Xướng. Nhưng ông vì thân thế xuất thân của mình mà chịu muôn vàn sỉ nhục, trong đó có việc bị một số kẻ tự cảm thấy ưu việt chế giễu là "bát kỳ đệ tử điển hình"; ông sợ người khác dù chỉ xuất phát từ tò mò cũng hỏi ngay trước mặt những câu khó xử, nên sau mỗi lần ấy, ông chỉ có thể rúc trong hiên Khoa Đầu Bão Tất, lặng lẽ liếm cho sạch từng sợi chỉ máu của lòng tự tôn bị thương.

Cuốn Tư Kỳ ông viết, cả sách chỉ 55 nghìn chữ, một cuốn mỏng tang. Nhưng hồi ấy vừa mở máy in đã 155 nghìn bản, đủ thấy được hoan nghênh đến mức nào. Nói cho nghiêm ngặt, Tư Kỳ không tính là sách tiếp văn Hồng Lâu Mộng: nó không viết nối tiếp từ hồi 80 của Tào Tuyết Cần, mà đơn độc bê riêng nhân vật Tư Kỳ ra, dùng mười hai hồi văn chữ mang thể Tào để kể một đoạn chuyện, dựng lên một nhóm hình tượng nghệ thuật. Ông đặt cho Tư Kỳ họ gốc là họ Tần, điều này thú vị lắm: ông không nối Tư Kỳ với Tần Khả Khanh, lại giải thích rất thỏa đáng tại sao Tư Kỳ lại xông pha xung trận giúp bà họ Tần Hiển tranh quyền quản lý bếp trong của bà Liễu. Trong câu chuyện ông viết, chiếc túi thơm Tư Kỳ nhờ bà Trương gác cánh môn chuyển bí mật cho Phan Hựu An không phải là chiếc túi thêu xuân mà cô Ngốc Đại tỷ nhặt được; trên túi thêu một đôi dưa thơm, một đôi bướm, "sợi dây mưa leo uốn lượn quấn quýt nối liền với đôi bướm". Hiển nhiên ông đã vận dụng kinh nghiệm sống nơi phủ vương ngày trước, điều mà những tác giả khác khó với tới. Cuốn Thực lục cuộc sống phủ vương do ông cùng Chu Sa Trần hợp tác được Nhà xuất bản Thanh niên Trung Quốc tung ra năm 1988. Khi tôi viết cuốn Giải mã cổ bản Hồng Lâu Mộng, tôi đã dẫn ghi chép về việc phu nhân thụ cáo của phủ vương "an phẩm đại trang" (mặc đại trang theo phẩm hàm) trong đó, để chứng minh thành phần hiện thực của văn bản Hồng Lâu Mộng. Tiếc rằng tiên sinh Ký Thủy sau khi dọn về khu nhà rộng rãi ở Xương Vận cung đã chưa kịp viết thêm gì nữa thì bỗng quy tiên. Nếu không, để ông viết tiếp Hồng Lâu Mộng phần sau hồi 80 của Tào Tuyết Cần, nhất định sẽ khiến chúng ta được no mắt.

# Cụ già ngoài tám mươi đến cổ vũ

Ngày hôm sau khi tôi giảng về Hồng Lâu Mộng tại Đại học Columbia, gần như mọi báo chí tiếng Hoa ở Mỹ đều lập tức đăng tin; tờ Tinh Đảo Nhật báo lấy tiêu đề bằng thứ chữ cỡ to nhất: "Lưu Tâm Vũ nói Hồng Lâu Mộng đầy lời dí dỏm tại Columbia". Phần dẫn giải viết: "'Giải mã Hồng lâu' của Lưu Tâm Vũ ở Columbia đúng là vạn lần rủ mới chịu xuất hiện. Ông hóm hỉnh dí dỏm, câu chuyện nối tiếp nhau toàn ý hay, đến cả bậc tôn thố của văn học Trung Quốc đương đại là Hạ Chí Thanh cũng đặc biệt đến dự, vừa nghe vừa gật gù liên tục, phòng giảng chật ních chỗ ngồi, khán giả cùng theo 'giấc mộng Hồng lâu' của Lưu Tâm Vũ mà lưu luyến quên đường về giữa phủ Vinh Quốc và phủ Ninh Quốc."

Tôi lần đầu gặp tiên sinh Hạ Chí Thanh là năm 1987, chuyến sang Mỹ diễn thuyết ở hơn mười trường đại học nổi tiếng (đề tài là tình hình văn học Trung Quốc cùng hành trình sáng tác cá nhân), trạm đầu tiên chính là Columbia. Lần ấy tiên sinh Hạ không dự buổi diễn thuyết của tôi, cũng không tham dự buổi họp mặt đông đảo giới văn hóa New York chào đón tôi, nhưng ông thông qua nghiên cứu sinh của mình mời tôi xuống một nhà hàng ở phố người Hoa gặp riêng, toát lên cái tính cách ngang tàng một cõi của ông. Lần đó tôi tặng ông một món đồ thủ công dân gian: tấm gương trừ tà mà dân cư các thị trấn vùng Giang Chiết thường treo bên cánh cửa lớn, làm bằng thiếc, khắc hoa văn hình mẫu rất tinh tế công phu. Vừa trông thấy, ông đã nói ngay: "Tôi cực kỳ ghét mấy thứ mê tín này." Tôi hơi bối rối, ông lại nói tiếp: "Cậu đã mang đến thì tôi cũng nhận vậy." Sự thật thà của ông để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc.

Lần này sang Mỹ, ngày trước buổi diễn thuyết ở Columbia một nhóm danh sĩ văn hóa New York tụ tập nhỏ ở quán rượu xanh giữa Công viên Trung tâm, làm tiệc tẩy trần cho tôi. Tiên sinh Hạ dẫn vợ cùng đến; ông lưng thẳng người khỏe, hai mắt ánh sáng, hoàn toàn chẳng giống một cụ già ngoài tám mươi. Trong tiệc ông gọi vợ mình là "mẹ", hai vợ chồng mỗi người gọi một món chính Tây, đồ ăn dọn lên thì đổi cho nhau mỗi người một nửa, hài lòng như trẻ nhỏ, vui vẻ hòa thuận biết bao.

Sáng ngày tôi diễn thuyết, tiên sinh Hạ sang nghe, ngồi hàng ghế đầu, đối diện ngay bục giảng. Xong buổi, tôi tiến lên cảm ơn sự ủng hộ của ông, ông bảo chiều còn đến nghe nữa; tôi khuyên thôi, hai buổi nghe trọn, rất mệt. Nhưng buổi chiều tiên sinh Hạ vẫn đến, vẫn ngồi ghế đầu, từ đầu đến cuối hết sức chuyên chú.

Báo viết "Hạ Chí Thanh đến cổ vũ" (bằng chữ cỡ nhị hào đặt phía trên tiêu đề làm câu dẫn), tôi nghĩ chẳng phải khoa trương; đó là thực tế. Ông không những chuyên chú nghe tôi, một kẻ ngoài ngành tuổi đàn cháu chẳng mang thân phận chức danh giáo sư, nghiên cứu viên, chuyên gia, học giả, còn mấy lần to tiếng bày tỏ cảm nghĩ. Một lần là lúc tôi giảng đoạn "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn" ám chỉ sự đối đầu giữa hai phe thế lực chính trị Càn Long và Hoằng Hi, cùng câu "cưỡi bè chờ đế tôn" bày tỏ khuynh hướng

chính trị của người viết sách, ông thốt lên lời cảm khái: "À, ra là thế!" Một lần là lúc tôi giảng việc đặt tên bốn tiên cô Thái Hư huyễn cảnh, ngầm chứa bốn người phụ nữ ảnh hưởng nhất cuộc đời Giả Bảo Ngọc, đặc biệt "Độ Hận bồ đề" ám chỉ Diệu Ngọc, trước từng tầng suy luận của tôi, ông lớn tiếng khen: "Tuyệt!" Cuối cùng, khi tôi nhấn mạnh rằng Tào Tuyết Cần vượt lên trên tình cảm chính trị, không viết Hồng Lâu Mộng thành một bộ tiểu thuyết chính trị, mà qua việc khắc họa hình tượng Giả Bảo Ngọc cùng thiết kế Bảng tình, nâng văn bản Hồng Lâu Mộng lên tầm nhân văn, thì cụ Hạ càng to tiếng hơn gọi vang hai chữ: "Vĩ đại!" Tôi hiểu là ông đã chấp nhận luận điểm của tôi, ca ngợi độ cao sáng tác của Tào Tuyết Cần khi vượt từ bình diện chính trị lên bình diện mối quan tâm tối hậu của nhân loại.

Về sau không chỉ một người có mặt hôm ấy nói với tôi rằng, tiên sinh Hạ Chí Thanh xưa nay chưa bao giờ khen bừa người, thậm chí có thể nói là keo kiệt lời khen; việc ông công khai to tiếng biểu thị như thế là chuyện hiếm thấy. Tiên sinh Hạ còn nói với phóng viên đang phỏng vấn rằng, nghe xong hai bài giảng của tôi, ông muốn "ôn lại giấc mộng cũ, đọc bù gấp Hồng Lâu Mộng".

Đi diễn thuyết ở Columbia, mục đích ban đầu của tôi chẳng qua chỉ là khơi dậy hứng thú bước đầu của người Mỹ bình thường đối với Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng; nào ngờ các chuyên gia đến nghe, nhất là bậc đại nho như cụ Hạ, lại cho tôi sự ủng hộ vững chắc đến thế, thật là mừng ngoài dự tính.

Dĩ nhiên, tôi chỉ là ý kiến của riêng một nhà; lời khen ủng hộ của cụ Hạ cũng chỉ là một phản ứng cá nhân của ông. Người trong nước phần đông đều biết cụ Hạ từng viết bộ Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc hiện đại bằng tiếng Anh; khi được dịch ra tiếng Trung truyền sang phía chúng ta, nó tạo nên ảnh hưởng khổng lồ: hai tiểu thuyết gia Thẩm Tùng Văn và Trương Ái Linh vốn từng bị phía chúng ta gạch khỏi lịch sử văn học một thời gian dài, giá trị tác phẩm của hai người cuối cùng đã được thừa nhận phổ biến; Tiền Chung Thư có lúc chỉ bị coi là một học giả giỏi ngoại ngữ, bộ tiểu thuyết trường thiên Thành bao vây ông viết trong thập niên 40 thế kỷ 20 từ thập niên 50 đến thập niên 70 hầu như không được tái bản, trong lịch sử văn học cũng chẳng nhắc đến một lời, đến sau thập niên 90 mới trở thành tiểu thuyết bán chạy. Tôi biết hiện nay trong nước vẫn có một số người không phục bộ Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc hiện đại của tiên sinh Hạ; họ có thể tiếp tục không phục tiên sinh Hạ, kể cả Thẩm Tùng Văn, Trương Ái Linh cùng Thành bao vây, hoặc giữ thái độ phê phán; nhưng có một điều tuyệt đại đa số người đều thừa nhận: ai cũng không được tự cho mình độc chiếm chân lý, đem tâm thái bá chủ với lề lối học phiệt ra ứng xử với người khác.

# Chân nhện và cánh chim

Cùng vợ già xem phim Mai Lan Phương xong, hai vợ chồng bước ra khỏi rạp, rảo bước chậm trên vỉa hè, bàn tán cảm nghiệm lúc xem phim. Bỗng nghe sau lưng vang tiếng gậy tre gõ đất; ngoảnh lại, là một người mù đeo kính đen. Tôi lập tức ý thức được mình không nên chiếm con đường nổi dành cho người mù dưới chân, bèn né sang, xin lỗi: "Xin lỗi, thật ngại quá!" Người mù chẳng nhích đâu, lại gọi đúng tên tôi. Vợ già sửng sốt; ngược lại, tôi không thấy lạ gì. Chắc chắn ông đã nghe qua loạt bài giảng giải mã Hồng Lâu Mộng của tôi trên Bách gia giảng đàn qua truyền hình. Hỏi ra, quả vậy. Tôi liền nói: "Cảm ơn cụ đã nghe bài giảng của tôi, hoan nghênh phê bình chỉ giáo nhé!" Đó vốn chỉ là một câu khách sáo, nào ngờ ông nghiêm túc "chỉ giáo" ngay: "Anh giảng thì dễ tai đấy, nhưng quan điểm thì chuyện khác; có mấy chỗ anh phát âm sai đấy! Chữ '角色' (nhân vật) chẳng được đọc thành '脚色' (cước sắc), mà phải phát âm là '决色' (quyết sắc)! Lưu lão lao, hai chữ 'lão lao' anh đọc đều hết thanh ba; theo tập quán người phương Bắc, chữ trước đọc thanh ba, chữ sau đọc thanh nhất với hơi đọc ngắn... Những chỗ này còn là chuyện nhỏ; có chỗ lại là lỗi lớn đấy! Anh bảo Sử Tương Vân về sau 'tái trảm' (再醮), thực ra phải là 'tái tiếu' (再醮) mới đúng; chữ '醮' ấy phải đọc là 'tiếu' cơ mà! Điều kỳ lạ là rõ ràng anh nhận mặt được chữ '醮' kia! Trước đó anh giảng chuyện phủ Giả đi 'đả tiếu' ở quán Thanh Hư, chữ '醮' ấy không biết lặp lại bao nhiêu lần, lần nào anh cũng phát âm chính xác là 'tiếu'! Góa phụ 'tái tiếu', nghĩa là nàng lại làm một lễ cầu phúc, tức là tái giá..."

Vợ già thay tôi cảm ơn trước: "Cảm ơn nhé! Đúng là nên cứ như vo gạo, hạt cát nào cũng phải nhặt ra cho anh ấy!" Tôi xúc động lắm: giữa một buổi chiều muộn thế này, một địa điểm thế này, một người dưng lại hào phóng chỉ bảo đến thế, thật là phúc khí lớn của tôi!

Nào ngờ đâu, ông tiếp nối bằng một câu chuyện thế này: "Trên đời này, hình như chỉ một mình tôi biết tại sao anh mắc cái lỗi ấy... Chắc chắn là hơn năm mươi năm trước, trong đại viện ký túc xá hồ đồng Tiền Lương, anh ngày ngày nghe bà nội tôi nói 'tái trảm', 'tái trảm'... Đó là lời nói sai của phàm tục, từ điển chẳng công nhận; anh lên truyền hình giảng, há thể theo tệ tục mà đọc sai âm được, phải tuyệt đối theo sách công cụ chính thống mới đúng!" Nói tới đây, mặt ông hơi quay về phía vợ tôi: "Cậu tẩu, chị nói xem, có phải cái lý ấy không?"

Tôi mừng lẫn kinh, hai tay đập vào vai ông, gào lên: "Hi Tử! Là cậu à!"

Ông dùng nắm tay trái đấm nhẹ một cái vào ngực tôi: "Cẩu phú quý, vô tương vong!" (được sang quý thì chớ quên nhau!). Cậu còn nhớ tôi đấy!"

Chúng tôi vào một nhà hàng gần đó, gọi vài món ăn nhà, vừa ăn vừa thoải mái kể chuyện.

Vợ già hỏi ông: "Sao cụ chỉ nghe hai câu đã nhận ra cậu ấy?" Hi Tử cười mỉm nói: "Nếu hắn không lên truyền hình, e rằng tôi cũng chưa chắc nhận ra. Chúng tôi hơn nửa thế kỷ chưa gặp nhau. Dĩ nhiên, giọng nói thuở ấy của hắn tôi vẫn luôn nhớ. Hồi ấy chúng tôi đều chưa đổi giọng cả! Còn tôi thì, mắt mọc ngay trên tim. Người lớn tuổi, chỉ cần từng nghe thấy một tiếng, thì khi lại vang lên một tiếng nữa, bất kể cách nhau bao lâu, ở nơi nào, dù ồn ào, nhiều âm thanh đè lên che lẫn, xâm phạm lẫn nhau, phần đông tôi vẫn có thể 'nhìn thấy' người phát tiếng, một đoán một trúng!"

Tôi nói: "Tôi ở nơi sáng, anh nhìn thấu hết. Còn anh đã đi qua những gì? Có thể kể cho tôi nghe được không?" Ông đáp: "Tôi tốt nghiệp trường học dành cho người mù, vào xưởng thủ công mỹ nghệ, trước làm công nhân, sau làm kỹ thuật viên, giờ dĩ nhiên cũng nghỉ hưu rồi! Vợ tôi cũng mắt mọc trên tim. Nhưng con gái chúng tôi thì giống hệt các anh các chị. Không ngoa, sách nổi nước ta xuất bản tôi gần như đã đọc hết. Bây giờ con gái nhờ máy vi tính, còn giúp tôi thêm mở mang tầm hiểu biết. Sống đến già, học đến già, thế hệ chúng tôi, ai mà chẳng có cái tâm sức ấy?"

Tôi nói: "Thú thật: những năm qua, tôi quên mất anh rồi, quên sạch đến xứ Java..." Ông nói: "Ai cũng có số phận riêng; chia xa nhiều năm, gặp lại mà còn nhớ ra đã là chuyện không dễ. Thực ra tôi cũng từng quên anh; đến khi radio, truyền hình có anh xuất hiện, tôi mới bắt đầu để tâm. Nếu hôm nay tôi chẳng tình cờ cũng đến xem Mai Lan Phương, đâu có cuộc gặp gỡ này. Con gái từng hỏi tôi: hồi bé, chú đã thấy người này có thể thành nhà văn chưa? Tôi bảo nó: có, vì nó từng vẽ lên tường cho tôi..."

Về đến nhà, tôi kể kỹ cho vợ nghe câu chuyện hơn nửa thế kỷ trước. Thuở ấy, trong đại viện ký túc xá hồ đồng Tiền Lương, bà nội Hi Tử thường cằn nhằn rằng mẹ cậu là "góa phụ tái giá", khiến hai mẹ con chịu không ít khí uất; thực ra điều khiến mẹ cậu uất ức bất mãn nhất, là chị em ruột của cậu đều bình thường, còn cậu sinh ra đã mù cả hai mắt. Hồi ấy cậu thường ngồi trên chiếc ghế mây cũ rách tựa sát chân tường bên ngoài nhà để phơi nắng. Có lần, đám con trai tinh nghịch chúng tôi lấy phấn, lấy cậu làm tâm điểm, vẽ lên bức tường đen những chiếc chân nhện, còn khúc khích cười kỳ dị. Ban đầu tôi cũng thấy trò phá phách ấy đã đời, nhưng thấy nét đau đớn trên mặt cậu cứ ám mãi không tan, lòng chợt thấy day dứt; sau một lát, đám trẻ tan hết, tôi lại gần xóa sạch những chiếc chân nhện ấy, vẽ thay hai chiếc cánh to. Nói cũng lạ, tôi chẳng hề nói cho cậu biết sự sửa đổi ấy, thế mà Hi Tử lại mỉm cười; nụ cười ấy dưới nắng đẹp như một đóa hoa đang nở...

Vợ già nghe xong bảo tôi: "Làm người, anh phải tiếp tục đề cao lòng nhân ái đấy. Nếu anh còn viết nổi, thì vẽ chân nhện phải hướng tới tầm Kafka, còn vẽ cánh, ít nhất cũng phải có cái vị của chiếc vòng hoa trên nấm mồ trong truyện 'Thuốc' của Lỗ Tấn chứ!"

# Hồng học chia sẻ với công chúng

- Lời tựa cho sách "Khổng Phương trung quan Hồng Lâu Mộng" của Mã Khải

Ở Anh có Sa học, nghiên cứu Shakespeare cùng các vở kịch, các bài thơ của ông, tất nhiên cũng nghiên cứu tới cả thân thế cuộc đời của ông. Sa học có những bậc uy quyền, có những người cả đời lấy Sa học làm nghiệp, tất nhiên cũng hình thành những quan điểm chủ lưu; nhưng hiếm lắm mới thấy kẻ bá đạo trong giới học thuật nào không cho phép hạng người gốc cỏ "chen miệng" nói "ngoại đạo", càng chưa từng có viện nghiên cứu nào tự cho mình quyền làm trọng tài: bất cứ ai, miễn có thể tự lập nên một lý luận trọn vẹn, đều có thể đăng bài, thậm chí cho ra cả chuyên khảo, tham gia nghiên cứu về Shakespeare, báu vật quốc gia của nước Anh. Năm 2000 tôi từng sang Anh du ngoạn một chuyến, ngồi trong nhà hát Toàn Cầu bên bờ sông Thames xem diễn kịch Shakespeare. Nghe nói đó chính là nhà hát thuở ấy Shakespeare và đồng đội của ông từng dùng; dĩ nhiên nay đã trải qua nhiều lần tu bổ, nhưng mỗi lần tu bổ cũng chẳng biến nó thành "hiện đại": trên khán đài vòng cung vẫn là những ghế dài gỗ nguyên thô sơ, sân khấu vẫn giản dị thế cũ, còn khoảng đất giữa nhà hát vẫn chẳng đặt ghế, thậm chí chẳng lát sàn, chẳng đổ xi măng, chẳng ốp gạch, chỉ là đất trống phủ một lớp cát mỏng, khán giả đứng ngay trên đó mà xem diễn. Lần ấy tôi xem Romeo và Juliet do một gánh hát Bồ Đào Nha diễn bằng tiếng Bồ. Không có màn mở màn cũng không màn bế mạc; bước vào thì trên sân khấu đã dựng sẵn cảnh trí: một chiếc xe con cửa mở toang, bên cạnh xe có cột cao vút, chỏm cột gắn một bục nhỏ. Vở diễn bắt đầu bằng cả một đoàn người hóa trang xếp hàng theo người đánh trống đi đầu mà dậm chân tiến vào trường, từ dưới khán đài bước lên sân khấu, rồi diễn ra câu chuyện mà chúng ta ai cũng thuộc nằm lòng. Mở đầu tôi hết sức kinh ngạc: cảnh trí bằng chiếc xe con hiện đại, sao hợp nổi với một câu chuyện cổ điển như thế? Nhân vật trong kịch rõ ràng toàn mặc y phục cổ mà! Nhưng xem tiếp xuống, tôi dần bị cái thủ pháp mới lạ ấy cuốn hút: tuy nghe không hiểu tiếng Bồ, nhưng nhìn chung buổi diễn vẫn cứ nghiêm chỉnh theo nguyên bản của cụ Shakespeare mà triển khai; diễn viên từ cửa bên này chiếc xe bước vào, từ cửa bên kia bước ra để tỏ sự chuyển đổi không gian; bục nhỏ trên chỏm cột cao lúc được coi như ban công nhỏ, lúc lại được coi như lầu canh gác, nhìn vào đều thấy tự nhiên đẹp mắt... Vở diễn xong, toàn thể diễn viên lại theo người đánh trống đi đầu bước xuống sân khấu, rong chơi quanh khoảng đất giữa nhà hát, khán giả muốn theo họ mà vung tay đạp chân cũng được; tôi cũng không nỡ đứng ngoài cuộc, hòa vào đám đông, cứ theo tiếng trống mà đi khỏi nhà hát, ra đến ven sông ngoài kia... Chuyến ấy, tôi thấm thía sâu sắc rằng Shakespeare không chỉ là tài sản chung của toàn thể dân Anh, từ hoàng tộc đến dân nghèo, từ chuyên gia đến gánh hàng bán rau; ông còn là tài sản chung của cả nhân loại, từ người nói tiếng Bồ Đào Nha đến người nói tiếng Trung.

Anh có Shakespeare, chúng ta có Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần; sánh vai ngang hàng, tuyệt nhiên chẳng kém cạnh gì. Hồng Lâu Mộng quả thật là một bộ sách kỳ lạ; bảo nó là bộ bách khoa toàn thư của văn hóa truyền thống Trung Hoa, tuyệt chẳng phải khoa trương. Huống hồ nó còn có mặt vượt thời đại: vài nội

dung trong đó thực chất phản truyền thống, siêu truyền thống, bắt nối được với ý thức mới của chúng ta hôm nay. Trải qua hơn trăm năm, việc nghiên cứu Hồng Lâu Mộng đã hình thành một ngành học chuyên biệt: Hồng học. Nhưng việc Hồng học được công chúng cùng hưởng chung, thì phải đến những năm gần đây mới dần lộ rõ.

Mấy năm gần đây, Hồng học công chúng cùng hưởng đã đưa ra không ít luận điểm hay, tác phẩm tốt. Có những chuyên gia uy quyền hoặc cười khẩy, hoặc thậm chí xấu hổ hóa giận, ra dáng "Hồng học thuộc riêng ta, kẻ khác chớ có nhúng tay". Nhưng "trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng" là chính sách văn hóa bắt buộc phải tuân thủ, mà câu châm ngôn học thuật "đa kỳ vi quý, bất thủ cẩu đồng" (nhiều hướng khác nhau mới đáng quý, quyết không tùy tiện đồng thuận) của bậc tiền hiền Thái Nguyên Bồi ngày càng thấm sâu vào lòng người; lại còn đúng như thi nhân đời Thanh Viên Mai đã ngâm rằng: "Hoa rêu bé như hạt gạo, cũng học cách nở như mẫu đơn." Cứ coi chuyên gia uy quyền là "mẫu đơn" đi nữa, thì những nụ hoa khác, kể cả đóa hoa rêu bé bằng hạt gạo, cũng có quyền nghiên cứu, quyền phát biểu để tự mình bung nở.

Trên nền lớn như thế, tôi đọc được bản thảo sách "Khổng Phương trung quan Hồng Lâu Mộng" của tiên sinh Mã Khải; e rằng đây là một đóa hoa mới của Hồng học, to hơn và rực rỡ hơn đóa hoa rêu nhiều. Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng dưới góc độ kinh tế học, quản trị học, sớm đã có người mở phong khí đi trước, nhưng mãi chưa thật sâu sắc, tỉ mỉ. Trong chuyên khảo này của tiên sinh Mã Khải, có nội dung người khác cũng từng trình bày, có nội dung ít nhất đối với tôi là lần đầu được thấy, rất tươi mới. Chẳng hạn nhờ đọc kỹ văn bản, ông phát hiện trong Hồng Lâu Mộng hễ bàn chuyện tiền bạc là lại lặp lấy "hai mươi lượng bạc" như một câu cửa miệng; rốt cuộc chuyện này là thế nào? Ông đã đưa ra lời giải thích khá có tầm kiến giải. Góc phân tích "Tiểu Hồng nơi công sở" của ông cũng giàu tính mới mẻ. Dĩ nhiên bản thảo này vẫn còn cần mài giũa thêm; chẳng hạn ông đồng nhất số "nguyệt lệ ngân" mà bà lão, các phu nhân, các tiểu thư, các a hoàn trong phủ Giả lãnh từ kho "quan trung" thành "tiền lương của nhân viên", thì phép so sánh chẳng ổn. Lại chẳng hạn phán đoán của ông về mẹ Liễu Ngũ Nhi là thím Liễu, cho rằng bà chẳng phải hậu duệ nô bộc đời đời kiếp kiếp nhà Giả mà thuộc hạng "dân tự do", thì điều này là sai. Sách viết rõ ràng anh trai thím Liễu giữ nhiệm vụ trực cửa phủ Vinh Quốc, đó là hiện tượng chỉ nô tài trong nhà mới có. Huống chi việc phải tìm cách cho Liễu Ngũ Nhi vào viện Di Hồng làm việc, cũng chính vì Liễu Ngũ Nhi thuộc hàng hậu duệ nô bộc thế tập, đến tuổi là phải "phân phòng" (chia vào chỗ ở của một chủ tử nào đó để hầu hạ); chỉ vì Liễu Ngũ Nhi vốn mang chứng bệnh yếu, nên mới chưa kịp "phân phòng". Những "gai góc" ấy đều chẳng khó mài giũa; tin rằng bản thảo sau khi được mài giũa nhất định sẽ càng thêm xuất sắc.

Nguyện chuyên khảo này của tiên sinh Mã Khải có thể thúc đẩy hứng thú của tầng lớp đông đảo bình dân đối với việc đọc nguyên tác Hồng Lâu Mộng, và hơn thế nữa, khiến Hồng học tiến thêm một bước trở thành một lĩnh vực học thuật do công chúng cùng chia sẻ.

# Xướng đọc Tào Hồng, hứng thú càng thêm nồng nàn

Chiều ngày mười một tháng sáu năm nay, tôi nhận một cuộc phỏng vấn trực tiếp dài bốn mươi lăm phút của cô Tô Khoát thuộc đài Gia Ân Đài Loan; cô phụ trách một chuyên mục đọc sách, bởi NXB Thương Chu Đài Loan vừa cho ra mắt bản chữ phồn thể của "Lưu Tâm Vũ tục Hồng Lâu Mộng", sách mới lên kệ, cô mong qua cuộc đối thoại với tôi có thể tăng thêm hứng thú của độc giả Đài Loan đối với cuốn tục thư. Câu hỏi đầu tiên cô nêu ra: "Ông đã điều chỉnh tâm lý mình ra sao dưới áp lực hoài nghi và phê bình?" Hỏi đúng chỗ lắm! Xét cho cùng, tục viết Hồng Lâu Mộng vốn chỉ là hành vi cá nhân của một gã hưởng lương hưu như tôi, để tránh mắc chứng sa sút trí tuệ tuổi già mà kiếm vài việc mình thích làm, chuyện này chỉ là một trong mấy việc ấy; còn hai năm gần đây việc tục viết càng đẩy nhanh nhịp độ và tốc độ, thì càng là vì muốn vượt lên trên nỗi cô độc và tịch mịch. Nào ngờ sau khi tục thư xuất bản, nó dường như biến thành một sự kiện văn hóa xã hội mang tính công cộng, tiếng vang hết sức mạnh: tuy có tiếng động viên, ủng hộ, nhưng sóng giọng hoài nghi, phê bình cũng rộ lên inh ỏi chẳng kém. Mọi tiếng nói liên quan, tôi đều phải lắng nghe; mọi áp lực tạo thành từ đó, tôi đều phải gánh chịu theo lẽ. Thích nghi tâm thế bằng cách nào? Biện pháp duy nhất là đặt ngay ngắn vị trí của chính mình.

Đặt ngay ngắn vị trí, tức là tỉnh táo nhận rõ định vị vai trò của mình. Tôi chẳng phải chuyên gia, giáo sư, chẳng phải tài tử, đạt nhân, càng không thể là Tào Tuyết Cần thứ hai; tôi không thể nào tục viết được giống hệt những bản thảo Tào Tuyết Cần viết ra rồi lại thất lạc, không thể nào tạo thành một văn bản xuất sắc mà ai nấy lập tức công nhận giá trị. Cuốn tục thư của tôi chẳng qua chỉ là thêm một quyển nữa vào số muôn vàn tục tác của Hồng Lâu Mộng mà thôi; nhà xuất bản gộp tám mươi hồi mà tiên sinh Chu Nhữ Xương chỉnh lý dựa trên mười một cổ bản với hai mươi tám hồi tục tác của tôi, cho ra một bản một trăm lẻ tám hồi, cũng chẳng qua là giữa muôn vàn bản đọc, cung cấp cho độc giả thêm một lựa chọn nữa mà thôi; chẳng hề có chuyện tục thư của tôi ra mắt thì người ta mất luôn phương án đọc bản thông hành Trình - Cao một trăm hai mươi hồi. Thực tế hiệu sách vẫn ngày ngày bán đủ thứ bản đọc Hồng Lâu Mộng khác nhau; riêng loại một trăm hai mươi hồi, ngoài bản hiệu chú Viện Hồng học thịnh hành nhất mấy chục năm nay, còn có mấy loại nữa, như bản cuối Thanh có lời bình của Hộ Hoa Chủ Nhân, Đại Mỗ Sơn Dân; còn cổ bản Hồng Lâu Mộng, ngoài bản ảnh in, mấy năm gần đây đã ra không ít bản hiệu đính do các nhà nghiên cứu đương đại chỉnh lý. Tôi chỉ là một kẻ sùng bái Tào Tuyết Cần, yêu mến Hồng Lâu Mộng. Gần hai mươi năm qua tôi nghiên cứu Hồng: giai đoạn một là lúc đó lúc này phát biểu vài điều tâm đắc; giai đoạn hai tập trung vào Tần Khả Khanh, qua việc moi bí mật nhân vật này mà phơi bày đặc trưng văn bản của Hồng Lâu Mộng: "chân sự ẩn" mà rồi "giả ngữ tồn", "rắn cỏ vệt tro, mai phục ngàn dặm"; giai đoạn ba bước vào thám dật, tức tìm cách moi lại nội dung hai mươi tám hồi sau mà Tào Tuyết Cần viết xong rồi bị thất lạc; cuối cùng mạnh dạn mượn hình thức tục thư, cố tái hiện đại khái diện mạo mà hai mươi tám hồi sau của Tào Tuyết Cần có lẽ có được. Sau khi tục thư xuất bản, trong những tiếng hoài nghi, phê bình, nhiều tiếng rất thiện chí, và

những vấn đề được nêu ra, những khuyết điểm được chỉ ra, đều có tính gợi mở đối với tôi; tôi đang thu thập, chỉnh lý, suy nghĩ sàng lọc, sau này dùng để tu chính tục thư, vô cùng hữu ích.

Niềm vui lớn nhất của việc tôi nghiên cứu Hồng, tục Hồng, là trong quá trình ấy nó thúc tôi đi đi lại lại đọc, thưởng thức văn bản đại khái tám mươi hồi mà Tào Tuyết Cần để lại. Càng đọc, tôi càng thấy tục thư của Cao Ngạc tuy có vài ưu điểm, nhưng chí ít ở ba mặt, y đã trái nghiêm trọng với nguyên ý của Tào Tuyết Cần. Thứ nhất, y biến Hồng Lâu Mộng thành một bộ tiểu thuyết tình yêu. Thực ra nguyên thư của Tào Tuyết Cần đến Hồi bốn mươi chín đã viết đến cảnh "Đại Thoa hợp nhất": Đại Ngọc không còn cãi vã giận hờn với Bảo Ngọc, cũng không còn nghi kỵ Bảo Thoa nữa; kể từ đó chỉ có Hồi năm mươi bảy lại đề cập chuyện tình Bảo - Đại, nhưng chẳng phải hai người giận hờn với nhau, mà là cảnh "Tử Quyên khéo lời ân cần dò hỏi cậu Ngọc hay vội vàng": Bảo Ngọc hiểu lầm một phía, nổi cơn đến mức sinh bệnh. Dù tính theo tám mươi hồi, thì từ Hồi năm mươi tám đến Hồi tám mươi, suốt hai mươi ba hồi hoàn toàn chẳng viết chuyện tình Bảo - Đại nữa; sao có thể cho rằng Hồng Lâu Mộng chính là bộ sách viết chuyện tình Bảo - Đại và chuyện hôn nhân ba người Bảo, Đại, Thoa? Sự hiểu lầm ấy hình thành, chính vì bao đời nay ấn tượng của nhiều người về Hồng Lâu Mộng không đến từ việc đọc nguyên bản, mà đến từ những sản phẩm phái sinh như diễn tuồng, điện ảnh, phim truyền hình, truyện tranh liên hoàn... Trong những tác phẩm cải biên ấy, phần nhiều chỉ moi ra quan hệ tam giác Bảo, Đại, Thoa trong tám mươi hồi trước cùng "mưu đánh tráo cô dâu", "đốt thi cảo dứt tình si", "hồn về trời Ly Hận" trong tục thư của Cao để dựng thành chủ thể; còn những mâu thuẫn va chạm giữa đám a hoàn, bà già trong Đại Quan viên ở Hồi năm mươi tám đến sáu mươi mốt, cuộc tranh đấu giành quyền khống chế bếp trong, v.v., mà Tào Tuyết Cần cực sức viết ra, gần như bị cắt bỏ sạch; thực ra đó cũng là nội dung quan trọng của Hồng Lâu Mộng; đến Hồi bảy mươi lăm còn điểm minh nhà Chân bị hoàng đế trị tội, sai người đem sản vật phạm pháp giấu vào phủ Giả, càng chứng tỏ điều Tào Tuyết Cần muốn viết là sự diệt vong của đại gia tộc quý tộc trong cục diện tranh quyền lớn lao, há thể gói gọn giản đơn thành một bộ "tiểu thuyết tình yêu"? Nét hỏng lớn thứ hai của tục Cao là bóp méo hoàn toàn hình tượng Bảo Ngọc trong tám mươi hồi trước: kẻ đối nghịch với giá trị chủ lưu đương thời, ghét lối cầu quan tiến chức. Nét hỏng lớn thứ ba là sửa đổi kết cục đại bi kịch mà Tào Tuyết Cần đã định sẵn, "Đống xương trắng, họ tên đâu? Nào công tử, nào hồng trang?", nhà tan người chết, phả hệ đứt gãy, thành kết cục đại hài kịch chỉ còn chút sóng gió nhỏ rồi "nhận ân hoàng ân", "phục chức thế tập", "kéo dài ấm lộc", "lan quế cùng tỏa hương". Lý do tôi bỏ tục Cao mà theo tám mươi hồi sau để tục viết Tào Hồng, chính là xuất phát từ sự tôn kính và truy tìm nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần.

Nhận lời phỏng vấn của cô Tô Khoát đài Gia Ân Đài Loan, điều khiến tôi vui nhất là cô đã "đọc bù gấp" Hồng Lâu Mộng cho cuộc phỏng vấn này, chủ yếu là đọc lại tám mươi hồi trước của Tào Tuyết Cần. Tôi nói với cô rằng, thực ra những năm qua, dù lên Bách gia giảng đàn giảng Hồng, dù xuất bản vài bộ sách nghiên cứu Hồng, cho đến tục Hồng, tôi thật ra không phải muốn từ đó kiến tạo giá trị văn bản cá nhân, mà là nhằm xướng gọi mọi người đọc thẳng Tào Hồng, tức tám mươi hồi cổ bản Tào Tuyết Cần truyền lại. Công cuộc xướng đọc Tào Hồng của tôi đã thu được hiệu quả tốt đẹp, giờ đây hứng thú càng thêm nồng nàn. Có

người phê bình nói văn chương cuốn tục thư của tôi quá tệ, nên vội vàng đem Tào Hồng ra "rửa mắt"; trời ạ, đó chẳng phải chính là mục tiêu tôi muốn đạt tới sao! Cuốn tục thư của tôi, quý vị hoàn toàn có thể mặc kệ; nhưng xin quý vị hãy dành chút giờ rảnh rang đọc thẳng Tào Hồng để dưỡng mắt nuôi tim!

# Giới thiệu bản hội hiệu "Hồng Lâu Mộng" của Chu Nhữ Xương

Cuốn "Hồng Lâu Mộng" hội hiệu của Chu Nhữ Xương do Nhà xuất bản Nhân dân phát hành lần đầu tiên vào tháng 12 năm 2006 là một sách đọc văn học cổ điển vô cùng quý giá.

Trong quá trình lưu truyền, "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần đã xuất hiện nhiều dị bản khác nhau: thế kỷ XVIII đến XIX có bản chép tay, có bản in chữ gỗ rời; sang đầu thế kỷ trước có bản thạch ấn, về sau lại có bản sắp chữ chì. Để tiện cho độc giả đọc và nghiên cứu, từ khi nước Trung Quốc mới thành lập, "Hồng Lâu Mộng" đã được chỉnh lý và xuất bản nhiều lần: có "bản thông hành" dành cho độc giả bình thường (tức bản một trăm hai mươi hồi mà trang bìa ghi Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc hợp tác), có các bản in sắp chữ (có bản thêm chú thích) hoặc bản ảnh in của từng cổ bản riêng lẻ, cũng từng xuất hiện những bản mang nét riêng như bản của tiên sinh Du Bình Bá dùng mấy cổ bản đối chiếu lẫn nhau; nhưng mãi vẫn thiếu hẳn một bản hội hiệu, tinh hiệu gom về càng đầy đủ càng tốt những cổ bản hiện tồ, để so từng chữ từng câu, nghiên cứu, cân nhắc rồi chọn giữ chọn bỏ. Bản hội hiệu, tinh hiệu được tiên sinh Chu Nhữ Xương đích thân tinh chỉnh thêm lần cuối trước khi lên máy in, ra mắt lần đầu vào tháng 12 năm 2006 do Nhà xuất bản Nhân dân phát hành, đã lấp vào chỗ trống lịch sử ấy, đem đến cho người đọc và người nghiên cứu "Hồng Lâu Mộng" khắp toàn cầu một phiên bản mới quý giá hiếm có.

Công trình này do tiên sinh Chu Nhữ Xương khai mở từ năm 1948: vừa mượn được từ tay tiên sinh Hồ Thích cổ bản "Chi Nghiễn Trai trùng bình Thạch Đầu Ký" (bản Giáp Tuất), ông lập tức sao chép ra bản phụ, cùng anh trai là Chu Hỗ Xương bước những bước chân đầu tiên. Sau đó trải qua nửa thế kỷ gió bụi thời cuộc và thăng trầm nhân sinh, gian nan đủ đường, đổ rồi lại dựng; sau khi Chu Hỗ Xương qua đời, con gái Chu Nhữ Xương là Chu Luân Linh lại tham gia; một nhà hai đời ba người, tư gia tu sách, vượt qua mọi khó khăn, rốt cuộc đại công cáo thành. Vì bản thảo cuối cùng do Chu Nhữ Xương định đoạt nên phần hội hiệu của cuốn sách chỉ ghi tên một mình ông.

Bản hội hiệu này lấy mười một cổ bản mà hai chú cháu thu lượm được trong quá trình làm việc, đối chiếu nghiên cứu từng chữ từng câu, lại qua bàn bạc cân nhắc, chọn ra câu chữ cho là hợp nhất hoặc gần nhất với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, rồi nối kết lại với nhau, cuối cùng hình thành một thiện bản. Trong hội hiệu còn thêm chú thích cần thiết, trình bày với độc giả vì sao chọn đúng chữ ấy, từ ấy, câu ấy, và vì sao phải giữ lại vài chương vài đoạn nhất định. Chẳng hạn bản hiệu chú của "Viện Hồng học" mà chúng ta người bình thường vẫn đọc (Nhân Dân văn học xuất bản xã lần đầu năm 1982) thì không phải đem từng cổ bản hiện tồ đối chiếu để hội hiệu, mà lấy một cổ bản là "bản Canh Thìn" làm bản nền rồi sửa chữa; bản ấy có ưu điểm nhưng cũng tồn tại khiếm khuyết rõ rệt: ví dụ "Phàm lệ" mà Tào Tuyết Cần viết trước hồi thứ nhất của toàn thư, nó chỉ lấy trong đó một phần rất ít đặt trước chính văn hồi một, xử lý đặc biệt theo kiểu thụt

xuống thấp hơn hai ô; thế là đông đảo độc giả đọc bản ấy không thể đọc được trọn vẹn "Phàm lệ", còn bản Chu hội "Hồng Lâu Mộng" lại trình bày đầy đủ "Phàm lệ" Tào Tuyết Cần viết trước hồi thứ nhất. Những ưu điểm tương tự của bản Chu hội gặp khắp nơi, kể không xiết.

Mới đọc bản Chu hội, vì ấn tượng với bản thông hành in hành từ trước đã quá sâu đậm, người ta thường có phản ứng kinh ngạc thậm chí khó hiểu: hồi mục câu chữ này sao "lạ mắt" vậy? Sao chữ này lại thành "chữ viết nhầm", "chữ sai" vậy? Nhưng đọc kỹ nghĩ kỹ, nhất là xem qua chú thích tiên sinh Chu thêm vào, sẽ hiểu được rằng những hồi mục câu chữ "lạ mắt" kia thực ra gần bút gốc của Tào Tuyết Cần hơn; còn việc vài chữ "phi quy chuẩn" đến thế, chính chứng tỏ lúc sáng tác bộ bạch thoại tiểu thuyết này, Tào Tuyết Cần nhiều khi buộc phải "mượn âm dùng chữ", "sáng tạo chữ mới", khiến chúng ta hiểu rằng văn bạch thoại sau năm 1919 đã có một quá trình tiến hóa và chuẩn hóa từng bước. Qua việc đọc bản Chu hội này, ta cũng có thể tỉnh ngộ thêm đôi chút về sự biến chuyển của văn bản tiếng mẹ đẻ, và đó cũng đúng là một nét đặc sắc của bản sách này.

Quan điểm học thuật của tiên sinh Chu Nhữ Xương là: Tào Tuyết Cần đại thể đã viết xong "Hồng Lâu Mộng"; toàn bộ sách không phải một trăm hai mươi hồi, sau tám mươi hồi còn hai mươi tám hồi nữa, quy mô toàn thư là một trăm lẻ tám hồi; ông cho rằng tục thư của Cao Ngạc trái nghịch với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, đáng lẽ trên phương diện xuất bản phải cắt rời khỏi "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần. Vì vậy bản "Hồng Lâu Mộng" do ông hội hiệu chỉ thu nhận tám mươi hồi. Nhưng để độc giả phổ thông có thể hiểu được toàn mạo "Hồng Lâu Mộng" của Tào Tuyết Cần, ông cô đọng thành văn những thành quả thám dật nhiều năm trời của mình về nội dung phần sau tám mươi hồi, phụ thêm vào cuối sách; nhờ thế bản này không những mang nét đặc sắc gần nhất với bút ý nguyên gốc của Tào Tuyết Cần, mà còn đáp ứng được mong ước của độc giả phổ thông muốn tìm hiểu toàn mạo "Hồng Lâu Mộng" của ông.

Cuốn bản Chu hội "Hồng Lâu Mộng" do Nhà xuất bản Nhân dân phát hành này biên tập tinh tâm, in ấn trang nhã, đã cung cấp cho đông đảo người yêu mến và người nghiên cứu "Hồng Lâu Mộng" một bản tổng hội tinh hiệu khó có được.

# Thơ cụ Chu tặng, có người đáp hòa

Tạp ký chuyến đi Mỹ giảng Hồng học

Đi chơi Hawaii cùng anh L, người bạn cũ Mai huynh tiễn chúng tôi ra sân bay; trước lúc nhận thẻ lên máy bay, anh đưa tôi một cái túi giấy, trên mặt hiện nụ cười tinh nghịch, dặn dò tôi: "Sang đến đằng ấy hãy mở ra xem, trên bãi biển cứ từ từ mà ngắm."

Hawaii khác hẳn với điều tôi tưởng tượng. Tôi nghĩ chốn ấy nóng bỏng nên chỉ mang theo áo sơ mi; nào ngờ nhiệt độ trung bình đa số ở quanh hai mươi lăm độ, thỉnh thoảng lại có mưa rào nhỏ, áo khoác ngoài vẫn thiếu không được. Tôi tưởng có thể lấy câu "bãi cát vàng tự nhiên, hải âu bạc tung bay" để tả cảnh biển nơi đây, hóa ra đó là những hòn đảo núi lửa, bãi biển vốn dĩ toàn đá đen cát đen bị dung nham thiêu cháy; những bãi cát vàng trắng mắt nhìn thấy nay đều được rải bằng cát nhập từ nước Úc về. Vì toàn vùng trong thời gian dài cấm đánh bắt cá, hệ sinh thái biển gần bờ đặc biệt nên chẳng có hải âu nào bay lượn, loài chim trông thấy phần lớn là bồ câu. Tôi tưởng nơi ấy đã gần Nam Thái Bình Dương, trong thảm thực vật nhiệt đới ắt nhiều rắn, mà thứ tôi sợ nhất lại chính là rắn, đã tự chuẩn bị sẵn thuốc trị nọc rắn; nhưng hướng dẫn viên bảo chúng tôi: "Những đảo núi lửa này không có con rắn nào cả; nếu bảo có thì cũng chỉ hai con: một con ở trong sở thú, một con đang ở ngay trước mặt quý vị, tức là tôi đây, con rắn trùm xứ này!" Tôi nguyên tưởng hoa của bang Hawaii hẳn phải là một loài hoa nhiệt đới đặc biệt nào đó, không ngờ lại là thứ mẫu đơn đỏ gấm quen thấy ở Bắc Kinh...

Nhưng Hawaii quả có một vẻ duyên khiến lòng người say đắm mê hoặc. Dân bản địa nơi đó coi màu đen là cao quý, coi thân hình mập mạp là đẹp; người gặp nhau đều chào nhau "Aloha"; dù là giai điệu guitar êm ái du dương hay vũ điệu váy cỏ phóng khoáng, đều chuyển tới bạn sự thiện ý dồi dào và hồn nhiên.

Khách sạn chúng tôi nghỉ lại cách bãi biển Waikiki nổi tiếng rất gần; đi bộ sang tới đó, thuê hai ghế nằm một chiếc ô che nắng, bỏ vào thùng đá miễn phí hai chai nước giải khát, khoác nguyên bộ đồ bơi, tắm nắng tắm biển thay phiên nhau, thật đúng là vui sướng như thần tiên. Tôi mang theo chiếc túi giấy Mai huynh đưa, dựa lưng vào ghế nằm, rút thứ bên trong ra xem, hóa ra là một cuốn tạp chí tiếng Hoa "Kim Chu tuần san" in tại New York; thế mới phát hiện có trọn một trang đăng những bài thơ cổ thể liên quan tới tôi.

Trước khi tôi sang Mỹ, báo "Bắc Kinh vãn báo" đã đăng bài "Thơ tặng anh Tâm Vũ sang Mỹ tuyên giảng Hồng học" của tiên sinh Chu Nhữ Xương:

Lần trước Anh Luân rộn rã việc giảng Hồng, nay từ đất Mỹ lại thổi mạnh gió Cần.

Vượt Thái Bình dương, lầu son mở cảnh rạng đông; vào thành Nữu Uyên, màn đỏ trải ra trang nghiêm.

Mười bốn bộ kinh, Hoa-Hạ nâng trọng; ba nghìn thế giới, tính linh hanh thông.

Vườn thơm vốn là nhà của người Tần, chuyện thật khó che trong mộng cảnh tỉnh.

"Kim Chu tuần san" đăng lại những bài ấy, đọc lại tôi vẫn xúc động như thuở ban đầu. Nhưng điều khiến tôi kinh ngạc và càng xúc động hơn là ngay sau thơ cụ Chu, tạp chí liền đăng bốn bài thơ hòa theo vận của cụ. Bài đầu tiên chính là của Mai huynh Chấn Tài:

Trăm năm khảo cứu rực rỡ như lửa đỏ, vui thấy Tần học cuồn cuộn cơn lốc xoáy.

Khẽ lay cán quạt, nghìn điểm nghi ngờ tan giải, trăm hoa cùng nở rộ tứ hải tôn vinh.

Lạnh lùng đón muôn lời vây công vẫn quang minh trực thẳng, tự nói ra điều khó nói mà lý lẽ luôn viên thông.

Hỏi chăng ngươi có mối mộng ba xuân, hóa thân vào bảng tình Kim Lăng.

Còn có bài của tiên sinh Lưu Bang Lộc:

Kiên trì không bỏ cuộc dõi theo Hồng của Tuyết Cần, bậc tông sư đương thời đạo đức đáng làm gương.

Mười bậc kiệt tài văn đàn đứng đầu bảng danh, một phen luận Tần giữ địa vị cao cả.

Vén màn ảnh ảo lộ diện mạo chân thật, chỉ thủng cửa huyền lối vướng trở thông liền.

Ba mươi sáu chương xoa dịu mê hoặc trong mộng, ngọn lửa tinh túy truyền đời tỏa ra từ đó.

Bài hòa thơ của tiên sinh Trần Dịch Nhiên thì là:

Sau cơn kiếp nạn văn đàn một tiếng pháo nổi danh, phố dài khẽ lay làn gió Chung cổ lâu.

Tảng băng bị đập vỡ bia thần đổ ngã, truyền thống trở về Nho học được tôn vinh.

Chuyện thật ẩn mình nhờ được giải mã, Thái Hư huyễn cảnh phải mất công suy tới tận cùng.

Lời nói mộng của A Mãn (biệt hiệu của Tào Tháo, ám chỉ bậc họ Tào) lừa được đám đông, may còn nhờ cao nhân mới điểm tỉnh ra.

Tiên sinh La Tử Giác hòa thơ rằng:

Bỗng nghe tin hoa nghệ của Mỹ Hiệp rực sắc đỏ, New York lại thổi lên làn gió giảng học.

Cụ Tuyết Cần bụng gấm sáng ngời nghìn đời, chàng Lưu miệng thêu được vạn kiều bào kính phục.

Hồng lâu mộng tỉnh khói mây tan hết, máu biếc thành sách thông suốt chốn Cảnh Huyễn.

Than tôi hay tin muộn thiếu phúc lắng tai, vẫn chẳng hổ thẹn kính hòa, chất đầy ngưỡng mộ trong tim.

Ngoài những bài thơ hòa theo vận cụ Chu, còn có bảy bài nữa cũng nhằm cổ vũ tôi, trong đó có bài "Vô đề" của tiên sinh Triệu Chấn Tân: "Từ sớm tài danh đã chấn động cửu châu, văn học vết thương mở dòng trào lưu. Hồng lâu nay lại mở ra diện mạo mới, leo lên tầng lầu chót trên cùng."

Dĩ nhiên tôi thấu hiểu rõ: những người ấy kẻ là bạn cũ, kẻ mới quen biết, kẻ còn chưa từng gặp mặt, đều thuộc hàng "fan" của tôi, có kẻ còn tự đặt cho mình một danh xưng riêng gọi là "Liễu tư" (nghĩa là sợi dây liễu); người ta làm việc cần được nâng đỡ, tạo được thành quả cần được cổ vũ; một bờ giậu cần ba cây cọc, một con người tối thiểu cần ba người giúp sức; trong nước lẫn ngoài nước đều có những "Liễu tư" cùng tôi giải mã "Hồng Lâu Mộng", đó là phúc phận của tôi. Nhưng tôi cũng biết rõ, những người hận không thể "xé tôi ra làm hai" vẫn có đông lắm; trong nước đã từng lãnh hội qua, hải ngoại tuy chưa gặp, nhưng chưa chắc là không có. Với họ, tôi muốn nói: thật khổ cho họ, đã phải tiêu tốn nhiều thời gian và tâm lực đến thế, đầu tư vào việc đối phó với tôi một tình cảm dữ dội như vậy; hễ trong lời công kích của họ có những yếu tố mang giá trị học thuật, tôi đều nghiêm túc cân nhắc; còn những lời thuộc loại bịa đặt vu khống, công kích nhân thân, tôi chỉ có thể cười một tiếng rồi thôi, và xin chúc họ mạnh khỏe vui vẻ, đừng vì giận tôi mà tổn hại thân sức, bỏ bê công việc.

Thưởng xong mấy bài thơ ấy, ngoái nhìn ra biển khơi, chỉ thấy giữa những lớp sóng cuộn tròn, các tay lướt sóng khỏe mạnh đang uyển chuyển mà kiên cường nhào lộn lên xuống; bỗng thấy mình phải học theo họ, làm một kẻ cưỡng sóng không bao giờ biết lùi bước!

# Thơ tặng huynh Tâm Vũ sang Mỹ diễn thuyết Hồng học

## Phụ lục

Chu Nhữ Xương

Mới hay nhà văn tiên sinh Lưu Tâm Vũ nhận lời mời của Hoa Mỹ Hiệp Tiến xã, sắp sang Mỹ tại Đại học Columbia tuyên diễn "Hồng lâu" chi "mộng", mừng lắm bèn làm thơ tiễn đưa, rồi lại viết bài nhỏ ghi lại sự việc này; hoặc có người muốn nghe, nên công bố lên báo. Các bậc phương gia nhã học đọc chắc cũng có tri âm giải được vị, vậy đáng để lưu truyền. Bài thơ rằng:

Lần trước Anh Luân rộn rã việc giảng Hồng, nay từ đất Mỹ lại thổi mạnh gió Cần.

Vượt Thái Bình dương, lầu son mở cảnh rạng đông; vào thành Nữu Uyên, màn đỏ trải ra trang nghiêm.

Mười bốn bộ kinh, Hoa-Hạ nâng trọng; ba nghìn thế giới, tính linh hanh thông.

Vườn thơm vốn là nhà của người Tần, chuyện thật khó che trong mộng cảnh tỉnh.

Nay để bạn đọc thế hệ trẻ dễ hiểu, ở cuối văn này đính kèm lời giản thích, từng câu đại khái nói qua như sau:

Câu đầu là nói, năm 2000 tiên sinh Lưu nhận lời mời của Hội Văn hóa Anh - Trung và Đại học London, chuyên đi London giảng một lần về "Hồng học", rất được hoan nghênh, ảnh hưởng lan xa. Vì thế câu hai tức nói, lần này lại được mời chuyên đi Nữu Uyên giảng sách của Tuyết Cần, tức học vấn của "Hồng lâu". "前度" (lần trước), mượn ngầm câu của bậc danh sĩ đời Đường là Lưu Vũ Tích "前度刘郎今又来" (người họ Lưu thuở trước nay lại đến), khéo gắn hợp vào hoàn cảnh. "畅芹风" (thổi mạnh gió Cần), bắt chước ngữ pháp của cổ nhân trong câu "大畅玄风" ("huyền" chỉ triết lý Lão - Trang).

Câu ba tả lúc bay vượt đại dương, mắt thấy biển mây ráng sáng, như khí tượng hồng lâu vừa thức giấc. Câu bốn, "绛帐" (bức màn đỏ) mượn điển các danh sư ngày xưa khi mở lớp giảng dạy đều treo màn đỏ, mượn rất hợp cho nghĩa "bục giảng" ngày nay. "Màn đỏ" đối với "lầu son", tự cho là hết sức công xảo.

Trên đây là bốn câu thuộc liên đầu và liên cổ. Dưới đây là liên bụng, hai câu thứ năm và thứ sáu: câu trên nghĩa gì? Nghĩa là nói, Trung Hoa vốn có mười ba kinh là quốc túy, riêng tôi đề xuất nên xếp "Hồng lâu mộng" đứng ngay sau mười ba kinh, làm một bộ kinh điển quan trọng, gọi là kinh thứ mười bốn; có thêm kinh này thì tinh hoa văn hóa dân tộc Hoa-Hạ lại tăng thêm một phần trọng lượng quan trọng! Câu dưới thì

chỉ rõ việc tuyên diễn phổ cập "Hồng học" sẽ mang lại cho sự giao lưu dung hội giữa các dân tộc, các quốc gia trên thế giới một tiền cảnh tươi đẹp mới.

Liên cuối là nơi vẽ rồng chấm mắt, kết tụ toàn thi: nói chuyện khi Đại Quan viên "thử tài", đám thanh khách đề trên biển hiệu bốn chữ "Tần nhân cựu xá", Bảo Ngọc nghe rồi, trong lời phê của mình lần đầu tiên vạch tỏ một bí mật lớn của toàn thư: viên này cảnh này, chính là nơi người "tránh Tần" từng cư ngụ; xây viên để đón giá thăm thân mà buông ra thứ "lời nghịch" như thế, đáng sợ thay! Và Bảo Ngọc cũng không nhịn nổi phải nói: cái này càng lộ liễu quá chừng, đây là lời "tránh loạn", sao dùng được?! Tuyết Cần ở đây đã dùng nét bút đặc biệt duy nhất trong toàn thư, vạch tỏ tầng sâu phía sau cái "quá lộ" ấy: chính là biến cố và tai họa lớn sinh ra từ cuộc tranh chấp quyết liệt của hai phe trong cục diện chính trị!

Ý tổng kết của câu cuối: từ đó có thể ngộ, bản gốc của Tuyết Cần ngay đầu sách đã "tự kể" mình từng trải qua "hư mộng", bèn giấu "chuyện thật" đi, giả mượn linh thạch hạ trần mà "dàn trải" thành một truyện kỳ buồn vui ly hợp; cái "chuyện thật" bị giấu ấy chính là mục tiêu quan trọng mà chúng ta dốc sức thám dật, cũng chính là chiếc chìa khóa duy nhất để hiểu rõ động cơ đại ý của tác giả và tác phẩm, cùng mọi giá trị ý nghĩa của nó.

Tháng giữa mùa xuân năm Bính Tuất

# Chỉ kẻ say mê mới giải được vị

Ngày 29 tháng 3 năm 2009, trợ lý riêng Ngạc Lực của tôi nhận được một tin nhắn điện thoại do Chu Kiến Lâm, con trai tiền bối lão gia Chu Nhữ Xương, gửi cho anh; anh chép ngay ra giấy, hôm sau mang đến cho tôi xem.

Ngạc Lực làm nghề khắc triện. Ban đầu anh là bạn thân của đôi Ngô Tổ Quang - Tân Phượng Hà, về sau trở thành một người bạn khác tuổi của tôi, giúp tôi lo liệu mấy việc. Nay vợ chồng cụ Ngô đều đã quy tiên, anh giúp tôi cũng đã mười bảy năm, mắt anh nhìn tôi từ cái tuổi trung niên đang viết "Tự răn tuổi năm mươi" bước vào tuổi cận thất thập. Nếu anh chuyển tin nhắn ấy sang điện thoại của tôi, mắt già tôi nhìn sẽ vất vả, nên anh chép ra rồi đem đến.

Tôi tiếp lấy xem, thì ra là thơ tặng của cụ Chu lão:

Nghe con trai Kiến Lâm đọc trên báo bài "Chân nhện và cánh" của huynh Tâm Vũ, lòng có cảm xúc, làm luật cú gửi gắm tâm tình:

Lâu rồi không gặp Lưu lang, chốn cao ngơi bút nghiên vẫn dồi dào.

Tranh màu cùng nến cửa sổ rực sắc, nơi biên giác mơ thấy lầu hồng.

Nhìn bóng biết tâm còn khỏe mạnh, nghe tiếng cảm được cảnh hanh thông.

Xuân mới mừng tuyết mới vừa rơi, cỏ thơm phủ khắp phía đông thành.

"Chân nhện và cánh" là một bài tôi đăng trong chuyên mục cá nhân "Đa vị tiễn bính" trên nhật báo Kim Văn ở Thiên Tân, trong đó chỉ có một phần nội dung liên quan đến Hồng Lâu Mộng. Không ngờ nó lại một lần nữa khiến cụ Chu lão quan tâm, cổ vũ và thúc giục tôi.

Từ 2005 đến 2008, tôi ghi hình và phát sóng 45 tập "Lưu Tâm Vũ giải mật Hồng Lâu Mộng" trong chuyên mục Bách gia giảng đàn của kênh Khoa giáo Đài truyền hình Trung ương (CCTV-10), đồng thời lần lượt xuất bản bốn cuốn sách cùng tên, gây chấn động kha khá. Trong các buổi giảng, tôi đã hết lời tuyên minh rằng mình tuân theo đạo đức học thuật "đa kỳ vi quý, bất thủ cẩu đồng" (đáng quý là nhiều ngả ý kiến, chớ vội đồng nhất một cách tùy tiện) mà tiền hiền Sái Nguyên Bồi đề xướng, và mượn hai câu thơ của Viên Mai đời Thanh "hoa rêu bé bằng hạt gạo, cũng học mẫu đơn mà nở" để định vị thân phận phát ngôn của mình. Tôi cũng đã mấy lần nói với thính giả và bạn đọc rằng việc tôi nghiên cứu Hồng Lâu Mộng là tiến hành dưới ảnh hưởng của tiền bối Chu Nhữ Xương, trong nghiên cứu "Tần học" của tôi có hòa vào rất nhiều thành quả

học thuật của ông, còn những quan điểm của cụ Chu lão mà tôi dẫn dụng đều trước hết đã được chính ông đồng ý. Dĩ nhiên, chỗ tôi hiểu Hồng Lâu Mộng cũng có vài điểm khác biệt thậm chí xung khắc với cụ Chu lão, điều đó ông cũng rõ; nhưng ông chưa bao giờ đòi tôi phải giữ giống ông, chúng tôi trên tiền đề "cảnh thông", luôn luôn tôn trọng "giải riêng" của mỗi bên.

Thuở trẻ, cụ Chu lão đạt văn bằng cử nhân hệ Tây ngữ Đại học Yên Kinh, trình độ văn chương tiếng Anh từng khiến giáo sư kinh ngạc tán thưởng. Dĩ nhiên về sau ông lại vào nghiên cứu sinh hệ Trung văn của chính đại học ấy để đào sâu thêm, nền tảng quốc học cũng được rèn rất chắc. Ban đầu nhờ ưu thế tiếng Anh giỏi, ông hoàn toàn có thể dạy học làm giáo sư hệ Tiếng Anh ở đại học, hoặc theo nghiệp dịch Anh - Hán hay Hán - Anh, nhưng tình yêu với Hồng Lâu Mộng đã đưa ông lên con đường suốt đời ái Hồng, hộ Hồng, nghiên Hồng, con đường không thể quay đầu ấy.

Năm 1947, Chu Nhữ Xương còn chưa tốt nghiệp đại học đã lên báo biện luận với Hồ Thích về vấn đề năm sinh năm mất của Tào Tuyết Cần. Khi biết anh chỉ là một sinh viên chưa ra trường, Hồ Thích không những không khinh rẻ, đến năm 1948 còn thân mật tiếp đón anh ngay tại nhà, hơn nữa sảng khoái đem bản cổ quí mình cất giữ (bản Giáp Tuất) cho mượn. Sau khi Chu Nhữ Xương cùng anh trai Chu Hựu Xương xin phép Hồ Thích chép lại toàn văn bản Giáp Tuất, trong hoàn cảnh giải phóng quân đã vây thành, từ Viên Kinh vùng ngoại tây đi vào nội thành vô cùng khó khăn, Chu Nhữ Xương vẫn lăn xả vào nội thành đến nhà họ Hồ, trả nguyên vẹn bản Giáp Tuất. Mấy ngày sau, Hồ Thích lên máy bay ở sân bay tạm Đông Đơn, trước rời Bắc Kinh, rồi chuyển sang Đài Loan; lúc lên máy bay ông chỉ mang theo hai bộ sách, trong đó một bộ chính là bản Giáp Tuất do Chu Nhữ Xương trả lại. Ngạc Lực khi trò chuyện với tôi từng bàn: hồi đó nếu ông Chu giữ lại bản Giáp Tuất, chờ Bắc Kinh hòa bình giải phóng, nước mới thành lập, đem hiến cho nhà nước, há không phải lập một công lớn sao? Tôi nói, tiếp xúc với ông Chu không phải nhiều, nhưng tôi có một cảm giác rất mãnh liệt: ông rốt cuộc là một thư sinh thuần túy, tuyệt đối không hiểu chính trị, cũng không giỏi vun đắp quan hệ nhân tế, dùng tiếng địa phương Bắc Kinh mà nói là có cái kiểu "khăng khăng khoét một vết". Thời Nhật giả thống trị Thiên Tân, ông đóng cửa ở nhà đọc sách, từ chối làm việc cho quân xâm lược, tình cảm ái quốc của ông không gì nghi ngờ nổi; tin Nhật Bản đầu hàng truyền đến, ông xúc động khôn cùng. Nhưng ông không hiểu chính trị, mà hạt nhân của chính trị là tranh đoạt và phân phối quyền lực; một người hiểu chính trị thì lúc ấy sẽ không chỉ dừng ở yêu nước, sẽ có đầu óc chính trị, biết chọn vị thế chính trị. Ví dụ, quân Nhật ở Thiên Tân đầu hàng rồi, thì phải xem ai đến tiếp quản; nếu lực lượng chính trị tới tiếp quản không phải phe mình thuộc về, không phải phe mình lựa chọn, thì sẽ bình tĩnh đối xử, chứ không dựa vào tình cảm ái quốc chất phác lao ra đường, đi đón bọn chiến thắng đầu tiên tiến vào thành. Ông Chu thuở ấy nghe tin Nhật đầu hàng, xúc động bước khỏi thư trai đi chào mừng kẻ thắng trận; đâu có thể biết trước rằng, Đảng Cộng sản lúc đó vì tính toán chiến lược nên quân đội chưa lập tức tiến Thiên Tân, mà quân đội đầu tiên kéo vào Thiên Tân cũng chẳng phải quân Quốc dân đảng, mà là thủy quân lục chiến Mỹ. Trong Thế chiến thứ hai, Mỹ chống pháp-xít Đức và Nhật, quân Mỹ là đồng minh của Trung Quốc, điều này dân thường ai cũng biết; vậy thì, quân Mỹ tiến vào Thiên Tân trước, dân thường Thiên Tân tự nhiên "đan thực hồ

tương, dĩ nghênh vương sư" (mang cơm mang rượu ra nghênh đón quân nghĩa), vậy mà cũng phải trách sao? Thuở ấy ông Chu với thân xác thư sinh yếu ớt, chen giữa đám đông ven đường, nghĩ rằng quân Nhật cuối cùng cũng thất bại, cay đắng đã cùng, ngọt bùi sắp tới, rưng rưng lệ nóng, đó là biểu hiện hết sức tự nhiên. Ông Chu không hiểu chính trị, nhưng hiểu đạo đức truyền thống: mượn đồ của người thì nhất định phải trả, huống chi bản Giáp Tuất là bản dơ quý hiếm, làm sao có thể giữ lại không trả cho Hồ Thích? Chuyện Hồ Thích sảng khoái cho mượn sách và chuyện ông Chu "hoàn bích quy Triệu" chẳng dính gì tới chính trị, nhưng đều là biểu hiện của mỹ đức truyền thống của văn nhân Trung Hoa.

Năm 1953, ông Chu xuất bản "Hồng Lâu Mộng tân chứng", cuốn sách khi ấy gây chấn động. Lúc đó Hồ Thích đã ở Đài Loan, lại còn tiếp tục tham chính. Bản gốc trong sách nhắc tới Hồ Thích toàn dùng cách diễn đạt trung tính, nhưng mọi người thử nghĩ xem, trong hoàn cảnh đó nhà xuất bản có dám in thế không? Nên để ban biên tập ra tay, thêm vào mấy câu phê phán, hơn nữa trước tên Hồ Thích còn gắn định ngữ hai chữ "vong nhân" (kẻ cuồng vọng). Chớp mắt đã sang năm 1954, xảy ra sự kiện nổi tiếng là Mao Trạch Đông tỏ ý khẳng định hai "nhân vật tí hon" phê phán "Hồng Lâu Mộng nghiên cứu" của Du Bình Bá, rất nhanh lại phát triển thành phong trào phê phán Hồ Thích. Thế là trên Nhân dân nhật báo xuất hiện bài viết của Chu Nhữ Xương phê phán Hồ Thích và vạch ranh giới với ông. Có những người trẻ lật báo cũ đóng tập, đọc thấy bài ấy, không khỏi kinh ngạc om sòm, cho rằng ông Chu nào có thể "vong ân phụ nghĩa" đến thế? Cái "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của ông, nhìn tựa sách đã biết kế thừa "Hồng Lâu Mộng khảo chứng" của Hồ Thích, ông vạch nổi ranh giới sao? Lại cần gì phải vạch ranh giới? Ông giữ im lặng chẳng được sao? May thay, cuối đời ông Chu xuất bản cuốn "Ta với tiên sinh Hồ Thích", kể rõ đầu đuôi sự việc tường tận. Năm 1953, đúng lúc "Hồng Lâu Mộng tân chứng" của ông Chu ra mắt, Hội Liên hiệp văn hóa giới Trung Quốc họp đại hội, trong hội gần như mỗi người một cuốn. Nhìn về sau, trong thời "Văn cách", Mao Trạch Đông cho in phần "Sử liệu tê niên" trong "Hồng Lâu Mộng tân chứng" thành bản chữ lớn để mình đọc, lại rất hứng thú với mục "yêm chi mễ" (gạo son) trong "Tân sách ẩn", đến nỗi tìm được thứ gạo ấy nấu cháo đãi thủ tướng Nhật sang thăm Trung Quốc; những tình huống kiểu đó đều chứng minh, Mao Trạch Đông khi đó không những đã đọc "Hồng Lâu Mộng tân chứng", mà ít nhất cũng rất hứng thú với hai phần "Sử liệu tê niên" và "Tân sách ẩn". Rõ ràng là Mao Trạch Đông giao xuống một nhiệm vụ: để Chu Nhữ Xương chủ động viết bài vạch ranh giới với Hồ Thích và tự phê bình, rồi sẽ yên chuyện, tức là qua cách này bảo vệ ông. Khi ấy thấy hỏa lực phê phán Du Bình Bá dữ dội lạ thường, lại còn lôi cả Hồ Thích ra, ông Chu đương nhiên căng thẳng, đang lo âu thì nằm viện, bỗng có Lý Hy Phàm, một trong hai "nhân vật tí hon" được Mao Trạch Đông đại lực khẳng định, nhẹ nhàng đến trước giường bệnh, ôn hòa khả thân, bảo ông yên tâm dưỡng bệnh, lại nói ông với Du Bình Bá, Hồ Thích vẫn có phân biệt. Điều đó đương nhiên ngang với việc cho ông Chu nuốt viên "định tâm hoàn". Từ bệnh viện trở về nhà, chẳng bao lâu đã có cán bộ Bộ Văn nghệ của Nhân dân nhật báo tìm đến tận nhà. Tôi nói ông Chu không hiểu chính trị, cũng không giỏi vun đắp quan hệ nhân tế, từ các bài hồi ký của ông có thể tìm ra rất nhiều ví dụ: chẳng hạn trong bài viết ông luôn nói là anh Chung Lạc của Nhân dân nhật báo tìm gặp mình, mà ông hồn nhiên không biết Chung Lạc họ Điền, và trong giới văn nghệ gần như ai cũng biết bút danh Viên Ưng của anh ta, người về sau làm chủ nhiệm Bộ Văn nghệ Nhân dân nhật báo,

từng nổi tiếng với thơ nhi đồng, lại là danh gia tản văn. Ông nhớ lại thuở ấy Chung Lạc ngồi xe riêng của Đặng Thác đưa ông đến tòa soạn Nhân dân nhật báo; đó là lần đầu (có lẽ cũng là lần cuối) ông được ngồi xe cán bộ cao cấp; đến tòa soạn, tổng biên tập Đặng Thác thân mật tiếp đón... Ông đâu viết nổi một bài hợp yêu cầu; bài sau đó đăng dưới tên ông thực chất là ban biên tập "cải tạo triệt để" mấy lượt trên bản thảo gốc của ông. Cảnh ngộ của trí thức Trung Quốc thuở ấy là như thế: nếu cho rằng anh không có tư cách đăng bài phê phán người khác, thì bài anh viết dù "hay" đến mấy cũng không được đăng; mà một khi đã quyết định nhất định bắt anh "qua ải" bằng bài phê phán người khác, thì bài của anh dù "dở" mấy cũng sẽ được sửa "hay" hộ rồi đăng theo đúng kế hoạch. Ông Chu năm ấy đã "qua ải" như thế. Nhưng đến nay ông vẫn chưa hiểu rằng thái độ của Đặng Thác đối với ông là do thái độ của Mao Trạch Đông lúc đó quyết định, nên ông ngộ nhận rằng từ đó về sau có thể khiến Đặng Thác ghi nhớ và giữ mãi thái độ thân mật ngày ấy. Vì thế, trong một bài hồi ký khác, ông viết đến triển lãm lớn kỷ niệm 200 năm ngày mất của Tào Tuyết Cần tổ chức năm 1962, khi Đặng Thác xuất hiện, ông tiến lên chào hỏi, tự báo họ tên, nhưng Đặng Thác hết sức lạnh nhạt, khiến ông khó xử, canh cánh trong lòng mãi không nguôi. Ông đâu biết, Đặng Thác vẫn chìm nổi trên đỉnh sóng chính trị, từng bị Mao Trạch Đông gọi đến tận giường quát tháo là "thư sinh mà làm báo", "người chết mà làm báo", về sau phải rời chức khỏi Nhân dân nhật báo sang Ủy ban thị chính Bắc Kinh làm việc dưới sự lãnh đạo của Bành Chân; năm 1962 tâm trạng ông khó mà vui, đang phải suy nghĩ muôn vàn vấn đề, viết chuyên mục "Dạ thoại Yên Sơn" trên Bắc Kinh văn báo, làm sao có thể tình cờ gặp Chu Nhữ Xương mà tươi cười rạng rỡ?

Mùa đông năm 1953, tôi 12 tuổi; vì 5 tuổi đã đi học nên khi ấy tôi đã học đến lớp nhất sơ trung. Tôi sớm lộ trí tuệ. Thuở đó chịu ảnh hưởng người lớn trong nhà, tôi đã đọc Hồng Lâu Mộng, và rất hứng thú. Khi ấy nhà tôi ở hồ đồng Tiền Lương, Bắc Kinh; ngoài đầu đông ngõ, bên kia đường có một hiệu sách, tôi thường ghé chơi. Một hôm trong hiệu sách ấy tôi thấy "Hồng Lâu Mộng tân chứng", lật ra thấy một bức "tranh tưởng tượng nhân vật Hồng Lâu Mộng", kinh ngạc vô cùng, vì trí tưởng tượng của tôi vốn nảy nở từ sân khấu Kinh kịch, xa lạ với bức họa ấy. Tôi mua luôn cuốn sách đem về nhà ôm đọc. Như hiểu như không, cũng khó lòng đọc hết cuốn. Nhưng hai tiết "Tào Tuyên thất lạc" và "Một tầng quan hệ quá kế đầy vi diệu" trong đó lại cho tôi cảm giác sảng khoái như đọc tiểu thuyết trinh thám. Thế là tôi chạy đến trước mặt đám người lớn khoe khoang, khiến họ "tịch thu" cuốn sách đem đi đọc luân phiên, rồi từ đó nhà chúng tôi lúc nào cũng có bàn luận về Hồng Lâu Mộng. Sự việc ấy thực ra chính là "nguyên động lực" khiến đến năm 1991 (ba mươi tám năm sau) tôi bắt đầu đăng tải nhiều bài tâm đắc đọc Hồng, từng bước hình thành tư duy "Tần học", và đến năm 2005 tung ra bộ "Hồng Lâu Vọng Nguyệt" tụ tinh đại thành, cuối cùng nhờ CCTV-10 Bách gia giảng đàn mà công bố nghiên cứu Hồng của mình ra xã hội với sức mạnh lớn hơn, gây tranh luận, gây chấn động, có "fans", muốn dừng cũng không nổi.

Năm 1991, tôi mở chuyên mục "Hồng lâu biên giác" trên phụ san của báo Đoàn Kết, thỉnh thoảng đăng mấy đề tài "biên giác" mà giới Hồng học chính lưu ít đụng tới, ví dụ "màn trướng rèm che trong Đại Quan viên" gì đó. Không ngờ những lời ngoài ngành của một kẻ ngoại hành như tôi lại lọt vào mắt ông Chu; ông công

khai viết bài cổ vũ, còn thiết lập quan hệ thư tín với tôi, cho tôi có được nguồn động lực quý giá: không tự hổ thẹn vì mình chỉ là một hạt hoa rêu, cũng học mẫu đơn, cố bung cho tròn cái bông hoa tí hon của mình. Ông Chu đối với tôi, đúng như Hồ Thích ngày xưa đối với ông, thể hiện tấm lòng nâng đỡ vô tư của bậc đại gia học thuật dành cho người đi sau, bậc vãn bối.

Thư ông Chu gửi tôi đều do đích thân ông tự tay viết. Vì mắt ông hỏng từ lâu, hỏng tới mức một mắt hoàn toàn mù lòa, một mắt chỉ còn thị lực 0.1, nên coi như ông đang sờ soạng viết chữ trên giấy trong bóng tối: mỗi chữ to bằng đồng xu cổ, lại thường chữ chồng chữ, nét chồng nét, nhận diện hết sức khó khăn; nhưng đọc thư của ông dần dần trở thành một thú vui lớn của tôi; xem đi xem lại nhiều lần, nắm được quy luật xuống bút của ông, tốc độ nhận diện càng lúc càng nhanh; dĩ nhiên, những chữ sau nhiều ngày vẫn không nhận chắc thì đành phải cuối cùng hỏi con gái kiêm trợ lý của ông là bà Chu Luân Linh. Mười mấy năm tích góp lại đã có vài chục lá thư. Nội dung những lá thư ấy toàn là chuyện Hồng: hoặc trả lời nhẫn nại những vấn đề tôi nêu ra, hoặc cổ vũ và chỉ chỉnh những bài nghiên Hồng mới của tôi; điều càng khó quý hơn là ông vô tư cung cấp cho tôi những tư liệu mới nhất trong tay, hoặc trực tiếp viết cho tôi những ý nghĩ, cảm ngộ mới nhất của mình. Có nhà xuất bản mong đưa thư từ giữa ông Chu và tôi ra thành một cuốn sách, cung bạn đọc mộ Hồng tham khảo; bà Chu Luân Linh cũng đã nhập máy phần lớn thư từ, nhưng một lần máy tính trục trặc, khắc phục xong lại format hóa, toàn bộ dữ liệu đã nhập bỗng mất sạch! Tuy vậy tôi tin qua nỗ lực lần nữa, cuốn thư tín lục này sớm muộn cũng ra mắt độc giả.

Tôi với cụ Chu lão tuy thư từ qua lại khá nhiều, nhưng cộng lại mười mấy năm số lần gặp nhau chỉ độ bốn năm lần. Tôi đến nhà thăm ông hai lần. Hoàn cảnh nhà ông, nói thật, cũ kỹ, nghèo nàn, chẳng có tàng thư phong phú, càng không có đồ bày biện xa hoa; nhưng ở lại đó lâu một chút, lại cảm nhận được một bầu không khí "tân khổ tài nhân dụng ý tầm" (người tài gian khổ tìm kiếm bằng cả tâm ý), một khí cốt học thuật "lân tuân kiến thử chi ly" (gầy guộc càng lộ rõ vẻ tàn tạ), đang lan tỏa, đang phừng phừng.

Biên chế nguyên thủy của cụ Chu lão thuộc sở Hồng học của Học viện Nghệ thuật; thứ nhất ông không hiểu chính trị (đại học có "chính trị đại học", viện nghiên cứu cũng có "chính trị học thuật"), thứ hai không giỏi vun đắp quan hệ nhân tế, nên ông xin rút khỏi sở Hồng học, người ta cũng sẵn mừng cho ông rút; tuy còn giữ cho ông một hư hàm trong Hội Hồng học, nhưng học san mấy năm nay cơ bản biến thành "địa bàn phê Chu". Thôi thì cũng được. Cụ Chu lão mấy năm qua hết lời tuyên minh, ông không phải cái "Hồng học gia" gì, càng không hiểu "giới Hồng học" nghĩa là gì. Quả thật, cụ Chu lão nào đã từng dựa vào Hồng học để "ăn cơm", "làm quan", "phát tài"? Ông vốn là cao thủ tiếng Anh; thập niên 80 thế kỷ XX, ông cùng vài người khác được mời sang Mỹ dự hội nghị thảo luận về Hồng Lâu Mộng; xuống máy bay, qua hải quan, người ta thấy trên xe đẩy của đoàn cả một đống lớn đồ vật, đương nhiên định soát kỹ, trớ trêu thay những người đi cùng đều không biết tiếng Anh, đành phải nhờ ông Chu ra mặt giao thiệp; ông nói với nhân viên hải quan đoàn họ là đoàn gì, vì sao phải mang theo nhiều tư liệu như thế; vì tiếng Anh ông thốt ra cổ kính, chuẩn mực đến mức làm nhân viên hải quan sửng sốt; cũng giống như có một người Mỹ tóc vàng mắt xanh nhập

cảnh Trung Quốc qua hải quan bỗng mở miệng dùng thứ Hán ngữ nhã nhặn rằng: "Chư vị, tiểu sinh chắp tay kính lễ. Đoàn chúng tôi toàn là nghiên cứu viên chuyên nghiệp, tất phải mang theo tư liệu phong phú để dự hội thảo, mong thông cảm, xin rộng đường..." Nhân viên hải quan Mỹ nghe xong lập tức miễn kiểm cho họ qua. Cụ Chu lão còn viết một tay tản văn đẹp, tập tản văn của ông cũng ra không ít. Nghiên cứu văn học cổ điển, ông cũng không chỉ một mặt Hồng Lâu Mộng; với tuổi cao chín mươi, ông ghi hình phát sóng trên CCTV-10 Bách gia giảng đàn chương trình "Chu Nhữ Xương bình thuyết tứ đại danh tác", trình bày tâm đắc nghiên cứu "Thủy hử truyện", "Tam quốc diễn nghĩa", "Tây du ký" cũng kiến giải độc đáo, sinh động tươi vui, được hoan nghênh nhiệt liệt, ảnh hưởng sâu xa. Bộ thơ tuyển chú hai thi nhân đời Tống là Dương Vạn Lý và Phạm Thành Đại do ông thực hiện mấy chục năm tái bản không ngừng. Ngoài ra chớ quên, ông Chu còn là một nhà thư pháp; chuyên khảo bàn về thư pháp của ông, Ngạc Lực từng đảm nhiệm vai trò biên tập viên phụ trách đặc ước, ảnh hưởng trong quần chúng mộ thư pháp cũng rất lớn.

Tôi không muốn viện dẫn cách gọi "Hồng học thái đấu" mà vài người dành cho cụ Chu lão. Con người sẽ bị tung hô mà sụp đổ. Vỗ tay quá giòn sẽ đánh chết người. Cụ Chu lão là một người bình thường. Ông chỉ say mê Hồng Lâu Mộng. Tào Tuyết Cần than: "Đầy trang những chuyện hoang đường, / Tràn tít nước mắt bao nhượng chua cay. / Đừng cho chỉ giả là ngây, / Ai hay ý vị chỉ đầy ở trong?" Cụ Chu lão say mê nghiên cứu Hồng Lâu Mộng trọn một đời, nay qua đại thọ chín mươi mà vẫn còn nêu ra quan điểm mới; ông tự gọi mình là "Giải Vị đạo nhân", đủ thấy niềm vui của ông không phải là muốn làm "thái đấu Hồng học", càng không muốn làm và né xa "bá chủ Hồng học"; ông chỉ vì say mê không ngừng đi sâu thể vị Hồng Lâu Mộng mà có được chút giải đọc, nên lòng sinh ra đại hoan hỷ.

Mấy năm trước, cứ gần tới tết Dương lịch, tôi thường vẽ tay vài tấm thiệp chúc năm mới gửi thân hữu và các bậc tiền bối văn hóa mà tôi kính trọng. Trong triển lãm tưởng niệm Băng Tâm do Quán Văn học Hiện đại tổ chức năm 2009, người ta trưng bày mấy tấm thiệp tự vẽ tôi tặng tiền bối Băng Tâm; tôi không đi xem triển lãm, Ngạc Lực đi, anh về tả lại cho tôi nghe, tôi nhớ lại hồi đó quả thật tôi vẽ thế. Thiệp tự vẽ của tôi theo kiểu "xem khách bưng món", hiếm khi lặp lại cùng một bố cục, luôn tùy đối tượng được tặng mà vẽ ra nội dung có thể mang lại niềm ngạc nhiên thích thú cho hắn hay nàng. Tôi nhớ đã vẽ tặng cụ Chu Nhữ Xương một ý cảnh "một rèn mưa xuân", vì chúng tôi từng bàn trong thư từ: phương án giản hóa gộp chữ "liên" (帘) làm bằng vải với chữ "liên" (簾) bện bằng tre tơ thành một chữ "帘", kết quả là "一簾春雨" (một rèn mưa xuân) trong thi từ cổ in thành "一帘春雨" thì hoàn toàn không thông, vì chữ "帘" (bức rèm) che kín hết cửa sổ cửa đi, chỉ có chữ "簾" mới nhờ có nhiều khe hở mà tạo được hiệu quả thị giác "một rèn mưa xuân" và gợi lên thi ý nồng đậm. Tôi còn vẽ ý cảnh theo câu thơ của Trương Nghi Tuyền bạn hữu Tào Tuyết Cần, "hữu thuỳ trượng quá yên lâm" (có ai chống gậy qua rừng khói), làm thiệp năm mới gửi cụ Chu lão. Mỗi lần nhận thiệp của tôi, ông đều rất vui, và có thơ đáp tặng. Nhưng thiệp năm mới vì phải bỏ trong phong bì quy cách của bưu điện để gửi, nên kích thước tôi vẽ đều nhỏ. Tôi cũng từng vẽ tranh màu nước khổ to hơn, như đình Thấm Phương trong Đại Quan viên; loại tranh ấy chỉ có thể chụp ảnh thu nhỏ rửa ra rồi dán lên thiệp. Tôi cũng từng gửi cụ Chu lão, ông cũng rất vui.

Hổ thẹn thay, tuy cụ Chu lão thỉnh thoảng có thơ tặng tôi, nền tảng cựu học của tôi quá kém, đến nay vẫn không thể xướng họa cùng ông. Nhưng lòng tôi vẫn luôn đầy kính ý và cảm kích với ông. Tôi chỉ có thể đáp tạ ông bằng những lời này:

Chỉ kẻ say mê mới giải được vị,

có đông tri âm tất truyền được lâu.

Hoàn cảo ngày 11 tháng 4 năm 2009 tại Lục Diệp cư



Tranh màu nước Lưu Tâm Vũ tặng Chu Nhữ Xương

# Hối không theo thầy thưởng hoa hải đường

Đau lòng viếng thầy Như Xương

Mấy hôm trước tôi còn đọc thấy tản văn của thầy Chu Như Xương trên nhật báo Kim Vãn; chiều hôm nay bỗng nhận tin ông quy tiên. Tuy mấy tháng trước điện đàm với con gái ông là Chu Luân Linh đã biết ông lâu rồi không rời nổi giường, thường hay sốt nhẹ, trong tâm đã có chút chuẩn bị, nhưng vẫn cứ nghĩ đầu óc ông còn minh mẫn thế, văn tư còn cuồn cuộn thế, chắc không đến nỗi đâu. Gọi điện cho Luân Linh để viếng thăm, chị bảo trí óc cha quả thật vẫn luôn ở trạng thái tốt nhất, mấy hôm trước còn dặn dò chị về ý tưởng các chương của cuốn sách mới; chỉ là các cơ quan khác rõ ràng đang suy kiệt; vốn là thư sinh yếu ớt, rốt cuộc đã trải hơn chín mươi mùa xuân, "tơ" chưa dứt mà "con tằm" đã chết, cũng thuộc về lẽ thường. Chị bảo không định lập linh đường tại nhà, không làm lễ truy điệu, để ông cụ lặng lẽ ra đi.

Xuất thân ban đầu tôi chỉ là một độc giả nhiệt thành của Hồng Lâu Mộng; đến năm 1992 mới bắt đầu viết và đăng vài bài viết về Hồng Lâu Mộng. Khi ấy phụ san của báo Đoàn Kết thu nhận tôi, cho phép mở chuyên mục "Hồng lâu biên giác"; đăng liên tiếp một số bài xong, một hôm bỗng nhận được thư của tiên sinh Chu Như Xương. Ông khen tôi "thiện quan năng ngộ" (quan sát tinh tường, lĩnh ngộ nhanh), chú ý tới những vai nhỏ trong Hồng Lâu Mộng như Vạn Nhi, Nhị Nha Đầu, thậm chí có một bài bàn đến "man trướng rèm che trong Đại Quan viên", khích lệ tôi tiếp tục đọc tinh, dò sâu Hồng Lâu Mộng. Nhận được thư ông, tôi phấn khởi khác thường, liền viết thư đáp ngay: một để tạ ơn, hai để hỏi học. Từ đó ông lần lượt gửi thư cho tôi, chúng tôi trước hết trở thành bạn thư khác tuổi. Những lá thư ông viết hồi đầu còn tương đối rõ ràng; nhưng theo sức mắt càng lúc càng suy kiệt, tới mức một mắt hoàn toàn mù, một mắt chỉ còn thị lực 0.01, việc ông viết bài khi ấy chủ yếu đã dựa vào Luân Linh: ông khẩu thuật, Luân Linh ghi chép, rồi đọc lại cho ông nghe, kể cả dấu câu, ông chỉnh sửa lại, cuối cùng chép ra hoặc đánh máy thành bản định cảo đem đi đăng. Nhưng viết thư cho tôi, ông vẫn kiên trì tự tay viết; kết quả chữ viết ra thường to bằng quả hồ đào, chữ dưới che mất nửa chữ trên, hoặc hốt hoài trái phải, một trang giấy phải viết rất lâu, có lá thư còn tốn nguyên một ngày, Luân Linh viết xong phong bì gửi đến chỗ tôi. Đọc thư của ông, tôi vừa khổ vừa ngọt: khổ ở phải đoán, ngọt ở khi đoán ra chép lại thì hóa ra là lời chỉ dạy quý giá, sự cổ vũ nồng nhiệt, cuộc thảo luận bình đẳng, thứ văn bản điển nhã. Hai mươi năm qua, thầy Như Xương gửi tôi khoảng vài chục lá thư, thư tôi gửi ông cũng phải có số lượng tương ứng; trong đó một lần trao đổi thư từ được đem lên Bút hội đăng tải, còn giành được một giải thưởng. Mấy hôm nữa tôi sẽ liên hệ với bà Chu Luân Linh, quy tụ, sắp đặt lại thư từ giữa chúng tôi, xuất thành một cuốn sách, chủ yếu để tỏ rõ tấm lòng học thuật và phong phạm cao đẹp nâng đỡ hậu bối của thầy Như Xương.

Những bài viết về Hồng Lâu Mộng của tôi khởi đầu từ "biên giác", kéo dài sang luận về nhân vật, lại tiến thêm một bước phát triển sang nghiên cứu nguyên hình vai diễn, cuối cùng hội tụ vào Tần Khả Khanh, tìm

cách từ việc dò nguyên hình Tần Khả Khanh mà đi sâu vào các tầng mặt: tích lũy tư liệu của Tào Tuyết Cần, tâm lý sáng tác, thủ pháp nghệ thuật, cảm ngộ nhân sinh, phân tích bản tính con người, suy gẫy tối hậu. Đối với tôi, một kẻ ngoài cổng "Hồng học" như thế, thầy Nhữ Xương không những dung nạp được "ngoại hành thoại" của tôi, mà để dắt tôi qua "cổng Hồng học", không chỉ khuyên bảo ân cần, còn vô tư cung cấp cả ý tưởng lẫn tư liệu độc gia. Trong quá trình nghiên cứu Tần Khả Khanh, phải động đến tư liệu về thái tử Dận Nhưng (về sau bị Ung Chính đổi tên thành Doãn Nhưng) đời Khang Hi, hai phen lập rồi hai phen phế; để giúp tôi đào sâu thăm dò, thầy Nhữ Xương đã trong thư không một chút giữ lại mà viết ra những tư liệu độc gia cùng thành quả khảo chứng mà chính ông nắm giữ nhưng chưa kịp dùng trong bài viết, và tuyên bố tôi dùng thoải mái. Thuở thầy Nhữ Xương còn là sinh viên, Hồ Thích từng vô tư cho ông mượn bản tay sao cô bổ "Thạch đầu ký", tức bản Giáp Tuất, đem về nhà sử dụng; nay có người hỏi: "Bây giờ còn ví dụ nào như Hồ Thích vô tư nâng đỡ hậu bối như thế nữa không?" Tôi cho rằng sự vun trồng vô tư của thầy Nhữ Xương dành cho tôi đúng là tương tự phong phạm học thuật của Hồ Thích năm xưa, điều đó tôi sẽ khắc ghi, cảm niệm mãi mãi!

Những cuốn sách về Hồng Lâu Mộng tôi đã xuất bản, các chương trình ghi hình phát sóng trên CCTV-10 Bách gia giảng đàn, cũng như bộ tục Hồng Lâu Mộng hai mươi tám hồi tung ra năm ngoái, đều sử dụng nhiều thành quả nghiên cứu của thầy Nhữ Xương. Khi báo ông tôi sẽ dùng thành quả học thuật của ông, ông vui vẻ đồng ý. Có thể nói ở mức độ nào đó, chuyện nay đây tôi bị một số người coi là "Hồng học gia", thực chất là nhờ thầy Nhữ Xương gắng sức cõng tôi trên vai mới giành được thành tích ấy. Dĩ nhiên chúng tôi đại phương hướng nhất trí, nhưng cũng có vài điểm bất đồng to nhỏ: cái lớn, chẳng hạn những năm gần đây ông công bố tác phẩm cho rằng nữ chính đầu tiên của Hồng Lâu Mộng nên là Tương Vân chứ không phải Đại Ngọc, chân ái của Bảo Ngọc không phải Đại Ngọc mà là Tương Vân, tôi không tán thành; cái nhỏ, như ông cho rằng Bảo Ngọc có một nha đầu chuyên lo giúp cậu tắm, bản thông hành gọi là Bích Hoàn, ông chủ trương nên là Bích Lang; cô nha đầu mà Bảo Thoa hỏi xem có cầm quạt của nàng hay không, bản thông hành viết Điền Nhi, ông chủ trương nên là Tịnh Nhi; riêng tôi lại nghĩ vẫn nên gọi Bích Hoàn và Điền Nhi, vân vân; cả hai chúng tôi đều cho rằng Hồng Lâu Mộng đến cuối cùng nhất định sẽ có "Tình bảng", nhưng danh sách soạn ra cũng có không ít khác biệt.

Tôi có thể coi là môn đệ tư thục của thầy Nhữ Xương; nhưng như ông từng nói, chúng tôi là "quân tử chi giao đạm như thủy" (tình nghĩa quân tử nhạt như nước). Tuy thư từ không ít, ông còn thường làm thơ tặng để khích lệ, thỉnh thoảng lại gọi điện; phần lớn do con cái nhà ông bắt máy, lớn tiếng nhắc lại lời tôi cho ông nghe (tai ông đã điếc từ sớm), ông đáp lời, con cái lại chuyển đạt cho tôi; nhưng có mấy lần, ông thấy chưa đủ đã, nhất định đòi con cái trao máy vào tay mình, trực tiếp đối thoại với tôi, thân mật lạ lùng, thật thà lạ lùng; đang viết bài này, âm thanh ấy dường như vẫn còn vọng lại bên tai tôi. Nhưng chúng tôi quen biết hai mươi năm, gặp mặt đếm trên đầu ngón tay cũng chỉ dược mấy lần. Lần đầu tiên đến nhà ông, tôi thấy đồ đạc cũ kỹ, chẳng thấy một món thời thượng, cũng không thấy tàng thư đáng kể, khá lấy làm lạ; về sau lại đi thêm mấy lần, mới ngộ ra thú vui của ông toàn nằm trong nghiên cứu học thuật chăm chú không

nghỉ và sáng tác văn chương; đương nhiên "Hồng học" là thú vui chính nhất của ông, nhưng ông khước từ nhãn "Hồng học gia"; sự hiểu Hồng Lâu Mộng của ông là một bách khoa toàn thư của văn hóa Trung Hoa, ông nghiên "Hồng" tức là nghiên cứu đại văn hóa Trung Hoa; ông còn là một tản văn gia, một nhà thư pháp và nhà lý luận thư pháp xuất chúng.

Thầy Nhữ Xương tạo nghệ học thuật cực cao, nhưng không giỏi kinh doanh quan hệ nhân tế, đặc biệt vụng về trong chuyện tranh danh tranh vị. Xem ông trên Bách gia giảng đàn giảng "tứ đại danh tác cổ điển": răng thưa thiếu, miệng móm mém, đầy mặt nếp nhăn; nhưng hễ mở miệng giảng là hai tay mười ngón đan vào nhau, mặt nở nụ cười thật thà trẻ thơ, câu câu đều là học vấn, sâu mà giản dịch, rất có duyên với thính giả, tới mức có những fans trẻ khen ông phong độ tiên tiên. Người trong nhà ông cũng đều hiền hậu. Tôi biết một chuyện xảy ra mấy năm trước: trong khu dân cư của họ, có những người không nuôi chó, đối với mấy bà con hàng xóm nuôi chó gây tiếng sủa quấy ngủ, phân chó ngang đường, ghét cay ghét đắng, bèn soạn một bức thư trình thẳng lên chính quyền thành phố, yêu cầu cấm nuôi chó; họ đến nhà ông xin ký tên; thầy Nhữ Xương hoàn toàn không nghe thấy, chẳng hay biết chuyện gì; con cái tiếp khách, cũng chưa kịp xem kỹ nội dung bức thư, đã thay ông ký tên. Ai ngờ giới truyền thông đưa tin chuyện này, có lẽ vì trong số người ký tên ông Chu nổi tiếng nhất, nên đặt tiêu đề "Chu Nhữ Xương cùng nhiều người kêu gọi cấm nuôi chó". Tôi đọc đoạn trích bức thư kêu gọi cấm chó, thấy người soạn chắc chắn là một kẻ căm ghét chó, chê chó tan tành không một điểm tốt, kết quả dẫn đến mạng internet xôn xao, phe yêu chó phẫn nộ tập thể, chửi ông Chu tan nát máu me, có kẻ còn tìm ra số điện thoại nhà ông, gọi đến hưng sư vấn tội. Về sau tôi gọi điện cho nhà họ Chu, máy trả lời "số này không tồn tại"; nghĩ ra mấy cách, mới nối được máy Chu Luân Linh; chị nói đằng nào cũng phải đổi số, mà không nỡ nói rõ với cha. Thật ra thầy Nhữ Xương tai điếc mắt mờ, lại rất ít khi xuống nhà hoạt động, đâu có thể vì tiếng chó sủa đống phân mà thấy quấy nhiễu, càng đâu thể ghét chó và ghét cả người nuôi chó làm thú cưng? Thay người chịu mắng, cho tới lúc quy tiên còn mờ mịt không hay. Nhưng lại có một ai đó trong giới học thuật biết chuyện, đứng một bên chế giễu: "Nuôi chó có gì không tốt? Tôi còn nuôi mấy con ngao Tạng đấy."

Nhớ lại mấy năm trước, lần cuối tôi đến bái kiến thầy Nhữ Xương, ông nói xuân đã về, hải đường sắp nở rộ, thật muốn cùng bạn đi xem hoa hải đường! Ông nói dù chỉ nhìn thấy một mảng hồng trắng mơ hồ cũng đã tốt; lại nói hải đường chẳng phải không hương, mà tự có một thứ khí tức đặc biệt, nhạt nhòa, thanh nhã. Tôi lập tức hẹn khi hải đường nở sẽ kiếm xe đưa ông cùng đi thưởng hoa. Ông nói biết ở Bắc Thổ Thành trồng một mảng lớn hải đường; tôi nói vườn phủ Nhiếp chính vương ngày trước, nay là cố cư của Tống Khánh Linh, cây hải đường to như chiếc ô khổng lồ, đến kỳ nở hoa rực rỡ như ráng chiều, cũng là một lựa chọn. Tôi hiểu rõ thầy Nhữ Xương say mê nhất Sử Tương Vân trong Hồng Lâu Mộng, mà hải đường chính là một trong những biểu tượng của Tương Vân. Nhưng sau đó tôi rốt cuộc không giữ nổi lời hẹn, nay hối tiếc đã muộn rồi!

Vội viết ngày 31 tháng 5 năm 2012

# Tôi tục "Hồng Lâu Mộng"

Về vấn đề âm vận hồi mục và sự đối ứng từ tính

Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần về đại thể đã hoàn thành, nhưng chưa kịp thống nhất bản thảo lần cuối; các bản chép tay truyền thế, cùng một hồi mà hồi mục thường xuất hiện khác biệt, hồi mục của các bản thông hành cũng không hẳn giống nhau.

Hồi mục Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần không soạn theo mẫu thất ngôn quen thuộc với người đương thời, mà dùng hai câu tám chữ đối ứng, mở lối riêng, có tính độc sáng rõ nét. Điều được người ta ca ngợi nhiều nhất là hồi thứ mười chín: "Tình thiết thiết lương tiêu hoa giải ngữ / Ý miên miên tĩnh nhật ngọc sinh hương" (Nghĩa tình tha thiết, đêm lành hoa hiểu lời / Ý tình triền miên, ngày vắng ngọc tỏa hương), lấy nhịp 3/2/3, thanh bằng trắc cùng từ tính trên dưới hai câu đối ứng nghiêm ngặt không chỗ nào hở; chữ "hoa" ở câu trên chỉ ra Xí Nhân, chữ "ngọc" ở câu dưới vừa khớp Đại Ngọc, mà tính cách của Xí, của Đại cùng những biểu hiện trong truyện hồi này cũng được truyền đạt đầy ắp thi vị. Nhưng Tào Tuyết Cần trong hồi mục cũng không nhất nhất chạy theo sự chỉnh tề; về nhịp tám chữ, tuy 3/2/3 chiếm đa số, vẫn linh hoạt đa dạng: như "手足耽耽小动唇舌 不肖种种大承笞挞" (Anh em rắp ráp khẽ động môi lưỡi / Kẻ bất hiếu muôn vàn chịu roi đòn lớn) là nhịp 4/4, "撕扇子作千金一笑 因麒麟伏白首双星" (Xé quạt mua lấy nụ cười ngàn vàng / Vì kỳ lân gieo mầm đôi sao bạc đầu) là nhịp 3/1/4, vân vân. Xét về âm vận bằng trắc, lấy hồi một làm ví dụ: "甄士隐梦幻识通灵 贾雨村风尘怀闺秀" (Chân Sĩ Ẩn trong cơn mộng ảo nhận ra ngọc thông linh, Giả Vũ Thôn giữa cảnh phong trần tưởng nhớ người khuê tú), nếu cố bắt bẻ thì chữ "thông" (通) trong "nhận ra ngọc thông linh" và chữ "khuê" (闺) trong "người khuê tú" không nên đều là thanh bằng; câu dưới nếu đổi thành "阃秀" (cô khuê trong nhà) hình như càng "vừa vặn" hơn; nhưng tất cả bản chép cổ và bản thông hành đều giữ "闺秀" (khuê tú), điều đó chứng tỏ Tào Tuyết Cần tuyệt không keo cứng máy móc trong hồi mục. Xin lưu ý lời Đại Ngọc khi truyền cho Hương Lăng bí quyết làm thơ trong hồi thứ bốn mươi tám do chính Tào Tuyết Cần viết: "Lời và câu văn xét cùng vẫn là việc phù du, cần nhất là lập ý phải quan trọng; nếu ý thú đã chân thật, thì lời câu chẳng cần trau chuốt tự nhiên vẫn hay, cái đó gọi là 'bất dĩ từ hại ý' (chớ lấy lời hại ý)." Khi soạn hồi mục, Tào Tuyết Cần chính là tuân hành nguyên tắc "bất dĩ từ hại ý". Điều ông cân nhắc chủ yếu là làm sao khái quát cho chính xác nội dung được viết trong hồi, chứ không cố ý cầu sự chuẩn xác ở thanh bằng trắc và đối ứng từ tính. Ví dụ rõ nhất là hồi mục hồi thứ ba mươi "宝钗借扇机带双敲 椿龄画蔷痴及局外" (Bảo Thoa mượn cớ quạt, qua cơ duyên một lời gõ kép / Xuân Linh vẽ chữ Tường, si lan đến kẻ ngoài cuộc) (có bản viết 椿龄 Xuân Linh là 龄官 Lệnh Quan hoặc 椿灵 Xuân Linh): phải xác định nhịp của nó thế nào? Nếu cho là 4/4 thì "Bảo Thoa mượn cớ quạt / qua cơ duyên một lời gõ kép" không ăn khớp với điều viết trong hồi; điều hồi ấy viết là nha đầu Điền Nhi đến hỏi Bảo Thoa có giấu quạt của nàng hay không, chứ không phải Bảo Thoa hỏi ai vay quạt; "机带双敲" (qua cơ duyên một lời gõ kép) càng kém phần xuôi tai; hình như phải hiểu nhịp là 2/3/3 mới đúng: Bảo Thoa / mượn cớ quạt (mượn cơ hội Điền Nhi hỏi quạt) /

(hướng về Bảo Ngọc, Đại Ngọc trong lời ăn tiếng nói) gõ kép; nhưng câu dưới nếu cũng hiểu theo 2/3/3 thì thành: Xuân Linh / vẽ chữ Tường si / lan đến kẻ ngoài cuộc, vẫn không xuôi bằng hiểu theo nhịp 4/4: Xuân Linh vẽ chữ Tường / si lan đến kẻ ngoài cuộc. Tóm lại, hồi mục hồi thứ ba mươi nếu cứ đem chuẩn đối ứng nghiêm ngặt ra đo, riêng về nhịp đã có vấn đề, huống chi bắt bẻ về âm vận và đối ứng từ tính cũng sẽ thấy vấn đề. Nhưng nếu đọc hồi mục này theo tinh thần "bất dĩ từ hại ý", thì lại thấy rất hợp lý, và khá dễ đọc lên. Lấy thêm ví dụ hồi thứ bốn mươi chín "琉璃世界白雪红梅 脂粉香娃割腥啖膻" (Thế giới lưu ly, tuyết trắng mai hồng / Cô gái phấn son xẻ thịt tanh, nếm mùi nồng), nếu không đi thưởng thức nội dung hồi mà chỉ một mực đòi nó phải "chỉnh tề", thì "tuyết trắng mai hồng" với "xẻ thịt tanh, nếm mùi nồng" từ tính hoàn toàn không đối: câu trước là lặp kiểu tính từ cộng danh từ, câu sau là lặp kiểu động từ cộng tính từ, hình như nên "đính chính"; nhưng xin hỏi: xét về nội dung hồi, hồi mục ấy há không sát hợp sao? Màu sắc và ý vị của bản thân hồi mục há không đẹp đẽ độc đáo sao? Dĩ nhiên thưởng thức tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng cũng là người nhân thấy nhân, trí giả thấy trí; có nhà bình luận chủ trương không nên đưa thành ngữ vào hồi mục, nhưng trong hồi mục, Tào Tuyết Cần cũng nhiều phen dùng thành ngữ, như "千金一笑" (nụ cười ngàn vàng), "手足耽耽" (anh em rắp ráp), "投鼠忌器" (đánh chuột e vỡ đồ), vân vân; ví dụ rõ nhất là hồi thứ bốn mươi tư "变生不测凤姐泼醋 喜出望外平儿理妆" (Biến cố bất ngờ, Phượng Thư đổ cơn ghen / Vui vượt mong đợi, Bình Nhi sửa soạn trang điểm); ngoài ra hồi mục hồi thứ ba mươi chín của bản thông hành nhiều bản viết "村姥姥是信口开河 情哥哥偏寻根究底" (Bà ngoại thôn quê buông lời suông như sông tràn / Chàng trai đa tình cứ tìm tận gốc hỏi tới đáy), hình như cũng được phần đông bạn đọc chấp nhận thuận lòng. Có một nhà bình luận cho rằng hồi mục tốt nhất trong tám mươi hồi đầu là hồi hai mươi bảy: "滴翠亭杨妃戏彩蝶 埋香冢飞燕泣残红" (Đích Thúy đình, Dương Phi đùa bướm sặc sỡ / Mộ hương phần, Phi Yến khóc hoa tàn), và đề nghị hồi mục sách tục nên đem đó làm quy chuẩn; nhưng tiên sinh Chu Nhữ Xương lại cho đây là hồi mục dở nhất: lấy "Dương Phi" (杨妃), "Phi Yến" (飞燕) để ví Bảo Thoa, Đại Ngọc là tục không sao chịu đựng nổi, huống chi trong sách viết rõ Bảo Thoa căm phẫn tận xương khi có người lấy Dương Phi ví mình. Ông Chu chỉ ra: có bản, ở hồi hai mươi bảy, chữ "飞燕" hoặc viết thành "飞尘" (bụi bay) hoặc bỏ trắng, đó phải là dấu vết còn lưu lại thuở ấy Tào Tuyết Cần với Chi Nghiễn Trai tiếp tục gọt giũa hồi mục của hồi ấy mà chưa đạt tới hoàn thiện.

Tôi tục Hồng Lâu Mộng, khi soạn hồi mục luôn luôn đối chiếu hồi mục tám mươi hồi đầu; về nhịp, ngoài 3/2/3 còn có 4/4, 3/1/4, thậm chí cả 5/3: "玻璃大围屏酿和番 腊油冻佛手埋奇祸" (Bình phong lớn bằng thủy tinh nhen mối hòa phiên / Phật thủ đông bằng dầu la vùi tai họa lạ); về âm vận và từ tính, tôi hết sức khiến trên dưới hai câu đối ứng với nhau, nhưng vẫn luôn coi việc khái quát chính xác nội dung hồi là việc hàng đầu. Hổ thẹn thay, tôi không nghĩ ra nổi những câu tuyệt như "Tình thiết thiết lương tiêu hoa giải ngữ / Ý miên miên tĩnh nhật ngọc sinh hương" kia.

# Thơ từ sau tám mươi hồi

Trong tám mươi hồi đầu, Tào Tuyết Cần đã thay các nhân vật trong sách viết rất nhiều thơ, đem lại cho bạn đọc thú thẩm mỹ miệng ngậm hương, lòng dâng men rượu. Có bạn vừa nghe tin tôi tục Hồng Lâu Mộng từ hồi tám mươi trở đi đã hỏi, trong sách tục của tôi rốt cuộc viết bao nhiêu thơ? Đến khi cầm bộ tục mọn của tôi, qua loa lật vài trang, đã chê thơ ít.

Tào Tuyết Cần về đại thể đã viết xong Hồng Lâu Mộng. Nhìn tình trạng các bản chép cổ còn tồn tại, có thể biết Tào Tuyết Cần thường viết trước phần văn tự tự sự, rồi sau đó mới bổ sung thơ từ vào trong. Bài thơ đèn tỏ hồi thứ hai mươi hai ông chưa viết hết, thứ mọi người nay thấy "toàn mạo" trong bản thông hành một trăm hai mươi hồi phải là do người khác bổ về sau. Hồi thứ bảy mươi lăm, Chi Nghiển Trai ghi rõ: "Thiếu thơ Trung thu, đợi Tuyết Cần." Trong hồi ấy thiếu ba bài thơ ngâm Trung thu của Bảo Ngọc, Giả Hoàn, Giả Lan; đo từ hồi mục "赏中秋新词得佳谶" (Thưởng Trung thu, tân từ đắc giai xách, tức ngâm thơ mới dịp Trung thu mà được điềm lành), trong đó một bài thơ còn sẽ trở thành "giai xách", nghĩa là chôn sẵn một lời tiên tri tốt đẹp. Đây là chỗ đáng suy ngẫm đặc biệt: truyện phát triển tới giai đoạn ấy, họ tộc Giả đã nguy cơ tứ phía, đại hạn ngày càng gần, sao còn "tân từ thành giai xách"? Trong ba người làm thơ, Bảo Ngọc sau cùng sẽ "buông tay nơi vách đá", Giả Lan sẽ tước lộc lên cao mà chịu nỗi đau mất mẹ; số phận của hai người ở phần văn tự trước đó đã được tiên báo rõ ràng, hình như chẳng cần ở hồi này lại mượn một bài thơ ám thị; huống chi xuất gia và mất mẹ cũng tuyệt không phải "giai huống" (cảnh tốt đẹp); vậy chăng trong bài thơ của Giả Hoàn lại có "giai xách" về chuyện cuối cùng hắn trái lại đắc ý? Hồi này viết Giả Xá đọc xong bài thơ của Giả Hoàn liền bày tỏ thái độ, đọc lên rất quái dị: "Bài thơ này cứ ý tôi xem thực có khí cốt... không mất cái khí phái nhà hầu môn chúng ta... Từ nay cứ thế mà làm, mới đúng khẩu ngữ của chúng ta; sau này cái tiền trình thế tập ấy, nhất định chẳng chạy thoát nổi phần cháu đâu." Theo lời đã nói ở phần trước của sách, Giả Chính không hề thế tập tước vị; người thế tập tước của phủ Vinh quốc là Giả Xá, tước hiệu nhất đẳng tướng quân; nếu Giả Xá chết, hoàng đế vẫn cho hậu duệ phủ Vinh quốc thế tập tước, trước hết phải đến lượt Giả Liên; Giả Liên còn có em ruột là Giả Tông; ngay cả khi ấy hoàng đế muốn cho hậu duệ của Giả Chính thế tập, cũng phải là Bảo Ngọc đứng trước; sao Giả Xá lại vỗ đầu Giả Hoàn mà biểu đạt rõ ràng cái "giai xách" ấy thành "sau này cái tiền trình thế tập nhất định chẳng chạy thoát nổi phần cháu"? Có thể thấy đây không phải là văn bỏ, ngữ thừa, mà phải là một bút ẩn xa; Giả Hoàn trong tương lai xa xôi rốt cuộc quả nhiên giành được "tiền trình thế tập"; tôi đã ở hồi thứ một trăm linh bảy bộ tục ứng bút một nét, mong bạn đọc tinh ý chú ý.

Có những fans nhiệt thành của tôi (họ tự gọi mình là "sợi liễu") làm một phép thống kê, nói với tôi rằng chị ấy đã soát thơ từ vận ngữ trong bốn mươi hồi tục thư của Cao Ngạc, kể cả lời cảm thán thể tao cuối bức thư của Tiết Bảo Thoa trong hồi thứ tám mươi bảy, bài ngâm khi Đại Ngọc gảy cầm, cứ một ngắt nghỉ tính là một câu, cộng thêm những câu dẫn người trước như "Nghìn xưa khó nhất chỉ một chữ chết, đau lòng há

riêng bà Tức phu nhân", tất cả cộng lại được 106 câu, trung bình mỗi hồi 2.65 câu. Còn thơ, từ, khúc và liên ngữ trong bộ tục của tôi cộng lại 145 câu, trung bình mỗi hồi khoảng 5.2 câu, hơn hẳn Cao Ngạc. Bộ tục của Cao thực chất chỉ có bốn bài thơ, tính ra Tiết Khoa, Bảo Ngọc, Giả Hoàn, Giả Lan mỗi người một bài. Ý chị ấy là bênh vực tôi: vì sao bộ tục của Cao dài tới bốn mươi hồi mà thơ ít, một số bạn đọc vẫn dung thứ, còn bộ tục của Lưu chỉ hai mươi tám hồi, số câu thơ lại vượt Cao tục, thì lại bị bắt bẻ?

Thật ra trong bộ tục của tôi cũng có mấy bài thơ và khúc là mượn của người trước, nhưng do chính tôi viết cũng đã trên trăm câu. Tôi không thể phán đoán trong hai mươi tám hồi đã viết xong rồi thất truyền của Tào Tuyết Cần rốt cuộc có bao nhiêu thơ từ ca phú, nhưng những gì tôi viết ra đều dựa theo những bút ẩn Tào Tuyết Cần cài sẵn trong tám mươi hồi đầu, hoặc theo những điều Chi Nghiển Trai đã nhắc rõ trong phê ngữ. Hồi thứ sáu mươi tư, Đại Ngọc có năm bài "Vũ Mỹ ngâm"; Chi Nghiển Trai có phê: ""Vũ Mỹ ngâm" đối chiếu với "Thập độc ngâm" về sau." Theo cách hiểu của tôi, nhà thơ đủ sức sánh vai với Đại Ngọc thì Bảo Thoa phải xếp thứ nhất; và sau khi Đại Ngọc tiên độn, Bảo Thoa lấy Bảo Ngọc, chị luôn không quên khuyên Bảo Ngọc đọc thánh hiền thư, đi ứng khoa mưu cầu công danh, "mượn lời thơ hàm súc can gián", rốt cuộc ép Bảo Ngọc bỏ nhà ra đi xuất gia làm hòa thượng. Sau khi Bảo Ngọc ẩn độn, Bảo Thoa sa vào nỗi khổ muộn lớn, bèn lấy mười nhân vật quả thật từng tồn tại trong lịch sử, hoặc do người trước tạo dựng, viết thành mười bài "Thập độc ngâm", để trút nỗi u uất trong lòng, và qua thơ câu mong ngóng Bảo Ngọc cuối cùng sẽ trở về. Tôi đã ở hồi thứ chín mươi hai bộ tục, "霰宝玉晨往五台山 雪宝钗夜成十独吟" (Sớm, Bảo Ngọc tuyết hạt lên đường sang núi Ngũ Thai / Đêm, Bảo Thoa tuyết trắng làm xong Thập độc ngâm), hoàn thành sự "đối chiếu" với hồi thứ sáu mươi tư phía trước. Hồi thứ bảy mươi là hội các bạn thơ Đại Quan viên phân nhau điền từ liễu tú; Tào Tuyết Cần cố tình viết Bảo Ngọc rút trúng bài từ "Điệp luyến hoa" nhưng không nộp nổi bài, đây hẳn lại là một bút ẩn. Sau tám mươi hồi, Bảo Ngọc nhất định sẽ điền một khúc "Điệp luyến hoa"; trong Kim Lăng thập nhị thoa ai có duyên với con bướm? Chuyện Bảo Thoa đuổi bướm ở Đích Thúy đình ai cũng có ấn tượng sâu sắc; vì thế tôi ở hồi thứ chín mươi tư bộ tục, viết sau khi Chân Bảo Ngọc đưa trả Giả Bảo Ngọc, Giả Bảo Ngọc đối diện cái chết của Bảo Thoa, trăm cảm giao tạp, bèn điền xong khúc "Điệp luyến hoa". Mở đầu Hồng Lâu Mộng, nhân vật trong sách là Giả Vũ Thôn viết một bài thơ Trung thu; Chi Nghiển Trai vì xem đủ bản thảo của Tào Tuyết Cần, bèn phê: "Dùng thơ Trung thu mà khởi, dùng thơ Trung thu mà thu." Nghĩa là bài thơ nhân vật ngâm cuối cùng của toàn thư cũng nên là thơ Trung thu. Tôi theo gợi ý ấy, truy tung leo vết, không dám hơi chút xuyên tạc, đã ở hồi thứ một trăm linh sáu bộ tục an bài liên cú Trung thu của Bảo Ngọc với Tương Vân tổng cộng hai mươi hai vận. Ở hồi thứ một trăm linh tám, tôi còn soạn 19 câu "Liên hoa lạc", nhưng đó không phải thơ, mà là khúc hát tục.

# "Trắng xóa" và "chết sạch"

Sau khi bộ tục thư của tôi ra đời, không ít bạn đọc, nhà bình luận khó chấp nhận lối viết cho nhiều nhân vật của tám mươi hồi đầu lần lượt chết trong sách tục, đã chất vấn rằng: há "trắng xóa" lại chính là "chết sạch" sao?

"Giống chim ăn hết lương thóc bay về rừng, còn lại một bãi đất trắng phau, sạch trơn thật sạch!" Đây là lời tiên tri Tào Tuyết Cần viết rõ ràng ở hồi thứ năm, nghĩa là nói bốn đại gia tộc Giả, Sử, Vương, Tiết cuối cùng sẽ sụp đổ hoàn toàn, triệt để, hiện ra cảnh hoang liêu "trắng xóa". Cao Ngạc trái với nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần, ở cuối bốn mươi hồi tục thư viết nhà họ Giả "nhận hoàng ân", "phục thế chức", "kéo dài ân trạch thế gia"; ông viết trên nền tuyết trắng xóa, Bảo Ngọc xuất gia khoác chiếc áo đi mưa bằng lông vượn màu đại hồng quỳ xuống trước mặt Giả Chính; khung cảnh ấy sánh được với vẻ đẹp êm ả "thế giới lưu ly, tuyết trắng mai hồng" thuở nhà họ Giả đang thịnh; dưới ngòi bút ông, bi kịch đảo chuyển thành hí kịch, vị Bảo Ngọc kháng cự giá trị chủ lưu xã hội và người cha giữ trọn giá trị chủ lưu xã hội một cái quỳ mà hóa tan xung đột.

Trong hai mươi tám hồi đã viết xong rồi thất truyền của Tào Tuyết Cần, liệu có viết tới cái chết của nhiều nhân vật trong sách không? Qua việc tôi đọc tinh văn bản tám mươi hồi đầu, khảo chứng thám dật, kết luận là khẳng định. Không ít bạn đọc, nhà bình luận đặc biệt khó chấp nhận chuyện bộ tục của tôi tập trung viết ba người nhà họ Tiết nối nhau qua đời; có lẽ tôi quả thật an bài tiến trình chết của Tiết Bàn, di mẫu họ Tiết và Tiết Bảo Thoa quá dày đặc; nguyên bút của Tào Tuyết Cần chưa chắc như vậy, nhưng nguyên ý của Tào Tuyết Cần, theo cách hiểu của tôi, chính là muốn để ba nhân vật nhà họ Tiết này lần lượt chết.

Không ít người ví phần văn tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần như "Nữ thần Venus cụt tay", nhấn mạnh không cho phép bất cứ ai phá hoại "khoảng không tưởng tượng" của nó bằng cách "gắn tay". Nhưng tôi phát hiện có những người nói câu ấy chưa hề thực sự thưởng thức kỹ "Nữ thần Venus cụt tay". Chẳng hạn tôi nói với một người làm truyền thông: "Tào Tuyết Cần chưa từng viết câu 'Lâm muội muội rơi từ trên trời xuống'." Hắn giật mình: "Thật sao?" Tôi liền bảo hắn, "Lâm muội muội rơi từ trên trời xuống" là một câu hát trong vở kịch Việt Hồng Lâu Mộng do Nhà hát kịch Việt Thượng Hải cải biên dàn dựng thập niên 60 thế kỷ XX, quyền tác giả thuộc về biên kịch Từ Tiến. Điều đó chứng tỏ "Nữ thần Venus cụt tay" trong tâm khảm nhiều người thực ra không phải văn bản tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, mà là những dạng chuyển hóa như phim truyền hình, điện ảnh, diễn xuất sân khấu, truyện tranh khổ nhỏ. Có kẻ thấy sách tục của tôi viết Đại Ngọc với Bảo Ngọc lần lượt lên thiên giới, cười nhạo là "sách tục ma huyễn"; hỏi kỹ mới ra, hóa ra hắn căn bản chưa đọc kỹ hồi thứ nhất do Tào Tuyết Cần viết; nửa đầu hồi một, phần "Chân Sĩ Ẩn trong cơn mộng ảo nhận ra ngọc thông linh", viết rõ mười mịm rằng Bảo và Đại vốn là Thần Anh thị giả cùng Giáng Châu tiên thảo nơi thiên giới, hai người lần lượt được Cảnh Hoàn tiên cô an bài hạ phàm; chuyện họ là thần

tiên trên trời là thiết định của Tào Tuyết Cần, làm gì phải do tôi bịa đặt bằng bút pháp "ma huyễn"? Điều đó chứng tỏ, nếu thật lòng muốn gìn giữ "Nữ thần Venus cụt tay", thì xin hãy chịu khó đọc thông suốt tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần.

Các tác phẩm cải biên từ Hồng Lâu Mộng không thể bày tỏ hết mọi nội dung trong tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, điều ấy dễ hiểu. Nhưng những kẻ miệng luôn miệng đòi gìn giữ "Nữ thần Venus cụt tay", lại không thể đọc kỹ tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, thì thật đáng tiếc.

Tào Tuyết Cần sẽ viết thế nào sự diệt vong của tứ đại gia tộc sau tám mươi hồi? Cái chết có phải là hạt nhân của sự kiện không? Ở hồi thứ tám, ông viết cảnh Bảo Ngọc với Bảo Thoa trao đổi xem đồ đeo trên người của nhau (ngọc thông linh và khóa vàng), đúng lúc đó ông viết một bài thơ, hai câu cuối bài thơ ấy là: "Đống xương trắng, họ tên đâu? Nào công tử, nào hồng trang!" Xin hỏi: đây có phải là câu viết bừa không? Không viết ở chỗ khác, lại viết ngay ở chỗ Bảo Thoa đưa khóa vàng cho Bảo Ngọc xem, có phải ngẫu nhiên không? Nếu ngòi bút Tào Tuyết Cần tùy tiện đến thế, toàn viết mấy văn bỏ ngữ thừa chẳng phải bút ẩn hay tiên tri, vậy có đáng gọi là kinh điển không? Có thể đem "Nữ thần Venus cụt tay" ra ví không? Tôi cho rằng, khi họ Giả, họ Tiết còn đang thịnh vượng, Tào Tuyết Cần viết ra lời tiên tri như thế, tức là chứng tỏ sau tám mươi hồi ông sẽ tả ra một kết cục đại bi kịch, một đại bi kịch triệt để mà tất cả văn tự Trung Quốc trước kia chưa từng có, là bước đột phá lớn đối với định thế thẩm mỹ quen thuộc đại đoàn viên của người Trung Quốc trước đó! "Xương trắng như núi" chẳng phải "chết sạch" thì cũng là "chết nhiều nhiều" chứ? Có những người luôn không nỡ để Bảo Thoa chết, nghĩ rằng để chị ta goá chồng chẳng phải cũng xong sao? Theo lối viết nhà họ Giả "kéo dài ân trạch" kiểu Cao Ngạc thì chị ta đương nhiên có thể goá chồng; nhưng chúng ta rõ ràng biết từ phê ngữ của Chi Nghiễn Trai rằng sau tám mươi hồi Tào Tuyết Cần sẽ viết Bảo Ngọc bị nhốt vào ngục, có tình tiết Khiến Tuyết ở miếu Ngục Thần an ủi Bảo Ngọc; nếu khi Bảo Ngọc nhập ngục mà Bảo Thoa chưa chết, chị ta sẽ bị lôi đi bán; nếu thật có đoạn tả như thế, những người không nỡ để Bảo Thoa uất ức mà chết, liệu lòng họ có nỡ nổi không?

Ông nội Tào Tuyết Cần là Tào Dần, là "bạn chơi từ bé" của hoàng đế Khang Hi, có thể gọi là "anh em tình thắm". Đời Khang Hi, họ Tào được hoàng đế sủng ái sâu nặng; sang đời Ung Chính bị đánh đập, nhưng vẫn còn một số hồ sơ tra cứu được; đến đời Càn Long, sau "án nghịch Hoằng Tích", họ Tào bị liên lụy, bị nhổ tận gốc, lại chẳng lưu lại một chữ hồ sơ nào. Từ Tào Dần tới Tào Tuyết Cần chỉ độ ba đời tổ tôn mà gia phả đứt đoạn, đến nỗi hôm nay chúng tôi còn phải cực nhọc chứng minh rốt cuộc có thật hay không một con người tên Tào Tuyết Cần. "Xương trắng như núi" mà lại "quên họ tên": cái "chuyện thật" tang thương của gia tộc ấy bèn "ẩn" trong "giả ngữ" mà khéo léo "tồn" lại. Thưởng thức "Nữ thần Venus cụt tay" mà không đi vào chân vị của văn bản Hồng Lâu Mộng, há khác nào người mù sờ voi?

# Về việc Đại Ngọc trầm hồ

Bốn mươi hồi tục thư của Cao Ngạc có thể lưu truyền từ đời Càn Long đến nay nhờ mấy nhân tố; một trong các nhân tố là hắn đảo ngược kết cục đại bi kịch được thiết định trong tám mươi hồi đầu thành đại hỷ qua tiểu bi, khiến văn bản của hắn duy trì được trong mức độ khoan dung của kẻ thống trị phong kiến. Nghe nói hoàng đế Càn Long đọc Hồng Lâu Mộng xong có một câu bình: "Chắc cuốn này là làm cho nhà Minh Châu!" Càn Long chính là phái sách ẩn sớm nhất; y đẩy chỗ dựa của câu chuyện lùi về thời đại của cụ tổ Thuận Trị, cũng đồng nghĩa với miễn trừ "tội hiện hành" cho cuốn Hồng Lâu Mộng ám chỉ ba triều Khang, Ung, Càn, đặc biệt là thời kỳ y chấp chính; y tha bổng cho Hồng Lâu Mộng, đến nỗi về sau cơ quan in ấn của ho gia là điện Vũ Anh cũng in bộ Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi, sang cuối Thanh trong Tử Cấm Thành còn xuất hiện bích họa Hồng Lâu Mộng. Một nhân tố khác là văn bút miêu tả cái chết của Đại Ngọc trong Cao tục tinh tế ưu mỹ; câu "Khổ Giáng Châu, hồn về trời Ly Hận" (Giáng Châu đau khổ, linh hồn trở về trời Ly Hận) đã rút nước mắt của vô số bạn đọc hơn hai trăm năm nay; trong những cải biên đủ dạng thức, tình tiết Đại Ngọc đốt thi cảo dứt tình si luôn luôn được giữ lại và tô vẽ hết mức.

Trong bộ tục của tôi, tôi an bài điểm quy túc của Đại Ngọc là trầm hồ tiên độn, hồi quy thiên giới. Văn bút tôi khó với nổi Cao Ngạc, nhưng vì sao tôi kiên trì quan điểm Đại Ngọc trầm hồ?

Có vài phóng viên khi phỏng vấn tôi, và vài bạn đọc khi bình luận, cho rằng Đại Ngọc trầm hồ là "bịa đặt hoang điên" của tôi; điều đó chẳng sao, nhưng ngay sau đó họ lại hỏi: "Sự tưởng tượng hoang điên như thế của anh, không biết cụ lão tiên sinh Chu Nhữ Xương sẽ đánh giá ra sao?" Họ hoàn toàn không biết rằng Đại Ngọc trầm hồ chính là một quan điểm học thuật mà tiền bối Chu Nhữ Xương đã nêu từ hơn hai mươi năm trước; theo khảo chứng của ông, trong phần văn tự tám mươi hồi sau do Tào Tuyết Cần đã viết rồi nhưng thất lạc, Đại Ngọc đúng là đắm xuống đầm mà tiên độn. Việc thám bí, thám dật Hồng Lâu Mộng của tôi, kể cả viết tục thư, đều nhận được cổ vũ, ủng hộ to lớn từ cụ Chu lão; sự hiểu Hồng Lâu Mộng giữa chúng tôi có thể gọi là đại đồng tiểu dị; thực chất tôi là người không ngừng khuếch đại hóa, đại chúng hóa thành quả nghiên cứu học thuật của cụ Chu lão, phát huy tác dụng phổ cập, quảng bá. Chuyện vài chuyên gia, uy quyền hồng học không thể dung thứ tôi, thật ra là họ lâu nay không thể dung thứ cụ Chu lão; thấy tôi lại đem nhiều quan điểm của cụ Chu lão ra khuếch đại quảng bá, họ giận sôi cả gan. Nhưng thật ra cụ Chu lão cũng vậy, tôi cũng vậy, đều chỉ là "nhất gia chi ngôn" (quan điểm của một nhà), chỉ cung mọi người tham khảo thôi; nếu hỏi vì sao những quan điểm của cụ Chu lão qua miệng nói và bài viết của tôi lại gây phản ứng lớn lao, còn ảnh hưởng của vài viên quan hồng học, chuyên gia, uy quyền nào đó lại chẳng hiển hách là bao, thì cần người đứng ngoài phân tích, chỉ rõ nguyên nhân.

Sớm từ năm 1984, cụ Chu lão đã công bố một luận văn khá dài "Lãnh nguyệt hàn đường phú Mật Phi - Đại Ngọc yêu chiết vào lúc nào, nơi đâu, vì cớ gì", luận chứng kỹ càng rằng kết cục của Đại Ngọc dưới ngòi bút

Tào Tuyết Cần phải là đắm xuống đầm. Trong loạt tác phẩm về sau như "Chân chuyện của Hồng Lâu Mộng", ông cũng nhiều lần lặp lại, làm tỉ mỉ và đào sâu thêm thành quả nghiên cứu của mình. Tôi tán thành cách nhìn cơ bản ấy của ông; trong các buổi giảng về Đại Ngọc trên Bách gia giảng đàn Đài truyền hình Trung ương của tôi, cùng cuốn sách "Giải mật Hồng Lâu Mộng" liên quan, tôi đều mở riêng một tiết bàn bạc phần tâm đắc nghiên cứu phương diện này; mọi người có thể tìm đĩa, video, sách ra xem, ở đây không nhắc lại.

Theo nghiên cứu của cụ Chu lão, Đại Ngọc trầm hồ phải là vào đêm Trung thu; ban đầu ở mốc thời gian cụ thể này tôi cũng tán thành. Nhưng trong tiến trình tục thư, tôi buộc phải xếp ra trình tự thời gian phát triển của sự kiện: tính từ việc Giả Nguyên Xuân thăm thân, đến hồi tám mươi, hẳn đã là mùa thu năm thứ ba kể từ đó: "Ba xuân khi đã qua rồi / Hoa tàn, thơm hết, mọi người chia tay!" Từ hồi tám mươi mốt trở đi, đương nhiên phải viết tới kết cục của "chư phương": hoặc chết, hoặc xuất gia, hoặc gả xa; và tất nhiên sẽ từ mùa thu của "mùa xuân thứ ba (năm thứ ba)" viết sang mùa đông, bước vào "mùa xuân thứ tư (năm thứ tư)". Năm ấy tứ đại gia tộc sẽ gặp đòn đánh nặng nề, các biến cố bi kịch nối nhau kéo đến. Theo những bút ẩn trong tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, cùng những hé lộ, rò rỉ trong phê ngữ của Chi Nghiển Trai và Ky Hốt Tẩu, nếu an bài Đại Ngọc tiên độn vào đêm Trung thu của năm ấy, thì từ sau Trung thu tới nhập đông tuyết rơi chỉ còn hai ba tháng; muốn chen vào khoảng ba tháng ấy các tình tiết như hai Bảo thành hôn, Giả Bảo Ngọc lần đầu xuất gia rồi lại được Chân Bảo Ngọc đưa trả, rất khó đứng vững; nên tôi chọn cách biến thông, an bài Đại Ngọc trầm hồ vào đêm trăng tròn lễ Đoan Ngọ; như thế vừa không trái với bút ẩn tám mươi hồi đầu, vừa mở đủ thời gian cho các tình tiết biến cố lớn của gia tộc kể trên. Trình tự thời gian bộ tục của tôi kết thúc ở "mùa xuân thứ sáu (năm thứ sáu)" sau khi Nguyên phi thăm thân; vào đêm Trung thu năm ấy, tôi tuân theo gợi ý "dùng thơ Trung thu khởi, dùng thơ Trung thu thu" của Chi Nghiển Trai ở hồi một, an bài tình tiết Bảo Ngọc với Tương Vân liên cú giữa cuộc phiêu lưu.

Nhân tiện nói vài câu: nhiều cơ quan truyền thông, nhà bình luận xếp nghiên cứu của cụ Chu lão và tôi vào phái sách ẩn (có kẻ còn nói nhầm thành "phái chỉ mục"). Hơn trăm năm phát triển hồng học quả thật có phái sách ẩn, tiêu biểu là Sái Nguyên Bồi; phái này cho rằng Hồng Lâu Mộng là bộ sách tang thương sự mất của nhà Minh, vạch ra sai lầm của nhà Thanh, ghép từng nhân vật trong sách với các nhân vật lịch sử cuối Minh sơ Thanh như Mã Sỹ Anh, Nguyễn Đại Thặng, Tiền Khiêm Ích, Trần Viên Viên, Liễu Như Thị; gần đây Đài Loan vẫn có hồng học gia cho ra mắt bộ sánh lớn của phái sách ẩn. Còn cụ Chu lão và tôi thuộc phái khảo chứng, tức cho rằng trong "giả ngữ" của Hồng Lâu Mộng tồn tại "chuyện thật", mà "chuyện thật" chính là sự chìm nổi của gia tộc Tào Tuyết Cần cùng các gia tộc liên quan trong cuộc đấu tranh quyền lực ba triều Khang, Ung, Càn.

# Tiểu Cát Tường từ đâu ra?

Có những độc giả, người phê bình mong trong phần tiếp viết của tôi được thấy câu chuyện tình yêu giữa Bảo Ngọc và Đại Ngọc, thế rồi phát hiện ngay từ hồi tám mươi sáu Đại Ngọc đã đắm mình xuống hồ mà thoát cõi theo tiên, thất vọng hẳn hoi. Về phần kết cục của Đại Ngọc, ngòi bút của tôi quả có chỗ chưa đủ; nhưng phải nói rõ với mọi người một điều: nhìn từ văn bản tám mươi hồi Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, trước hết không thể coi Hồng Lâu Mộng là một tiểu thuyết tình yêu; tám mươi hồi dành nhiều trang giấy viết những câu chuyện ngoài tình yêu. Lấy nhân vật trong chính sách "Kim Lăng thập nhị thoa" làm ví dụ, chuyện của bốn chị em "tứ Xuân" gồm Giả Nguyên Xuân, Giả Nghênh Xuân, Giả Thám Xuân, Giả Hy Xuân đều chẳng phải chuyện tình yêu gì cả, nhưng đều hết sức quan trọng, gợi lên nơi độc giả tiếng than dài thăm thẳm kiểu "原应叹息" (bốn chữ đồng âm với tên Nguyên - Nghênh - Thám - Hy của các chị, nghĩa là "đáng lẽ phải than thân"); chuyện của Vương Hy Phượng có đoạn chạm tới sắc tình, nhưng cũng không phải chuyện tình yêu; chuyện của Sử Tương Vân, Lý Hoàn, Diệu Ngọc, Xảo Tỷ không có tình yêu; chuyện Tần Khả Khanh cực kỳ quỷ quái, mối quan hệ mập mờ giữa cô và Giả Trân người thường khó hình dung có chứa yếu tố tình yêu; chỉ có chuyện Đại Ngọc tỏ tình công khai, Bảo Thoa lặng lẽ thương thầm Bảo Ngọc, cùng tam giác quan hệ tạo thành từ đó, mới thực sự là những dòng văn đàng hoàng miêu tả tình yêu. Chưa kể trong văn bản tám mươi hồi còn có chuyện của biết bao nữ nhân khác, như Tình Văn xé quạt, Uyên Ương chống hôn, Bình Nhi sửa trang điểm, Hương Lăng đổi váy, Bảo Cầm làm thơ, bà cả họ Vưu lo liệu mừng sinh nhật Hy Phượng..., đều thể hiện những phương diện khác của đời sống xã hội và sinh mệnh cá nhân. Huống chi sách còn viết tới nhiều nhân vật nam, phần lớn cũng không viết chuyện tình của họ mà viết những hoạt động khác của họ, phản chiếu nhân tình thế thái của xã hội ấy cùng những phen trồi sụt trong quan trường. Thứ hai, xét riêng về ngòi bút tình yêu, trong tám mươi hồi đầu Tào Tuyết Cần cũng chẳng chỉ viết chuyện tình của Bảo Ngọc và Đại Ngọc; ông còn dùng mực đậm màu rực viết chuyện tình Giả Vân với Tiểu Hồng, chuyện tình Giả Tường với Linh Quan (đều được ghi lên hồi mục), còn có chuyện tình Tần Chung với Trí Năng, Tư Kỳ với Phan Hựu An, Bồi Dính với Vạn Nhi...

Nếu bạn thực sự tĩnh tâm thưởng thức "tượng Venus đứt tay" tức văn bản tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần, bạn sẽ thấy tuy ở bốn mươi hồi đầu Tào Tuyết Cần đã vận hết sức lực viết chuyện tình khắc cốt ghi tâm của Bảo Ngọc, Đại Ngọc, cùng cuộc vướng víu tam giác giữa Đại Ngọc, Bảo Thoa với Bảo Ngọc, thì đến hồi bốn mươi chín, khi bốn nữ quyến thuộc là Tiết Bảo Cầm, Hình Tụ Yên, Lý Văn, Lý Kỳ đến phủ Giả, ông đã long trọng khép lại chuyện tình Bảo - Đại cùng quan hệ tam giác Bảo - Đại - Thoa: Đại Ngọc không còn nghi kỵ Bảo Thoa nữa; Bảo Cầm vào phủ được Giả mẫu sủng ái, kẻ ăn giấm ghen nói lời chua cay không phải Đại Ngọc mà là Bảo Thoa; Đại Ngọc đối đãi với Bảo Thoa, Bảo Cầm như chị em ruột thịt, đến nỗi Bảo Ngọc thấy kỳ lạ, hỏi: "Tự bao giờ Mạnh Quang đỡ án trước Lương Hồng?" Chuyện tình Bảo - Đại từ đó không còn là chủ thể của cuốn sách nữa. Theo thiết kế thần thoại ở hồi thứ nhất, Đại Ngọc vốn là cỏ Đáng Châu tiên thảo giáng trần, phải lấy nước mắt cả một đời để trả ơn ân tưới cam lộ năm xưa của Bảo Ngọc vốn là Thần Anh

thị giả giáng trần; mà ở hồi bốn mươi chín, trên thân "tượng Venus đứt tay" chữ nghĩa đã minh minh bày ra: nước mắt của Đại Ngọc không còn bao nhiêu nữa, nghĩa là hành trình "hoàn lệ" của cô đã gần đến điểm cuối. Đọc tiếp xuống, về sau chỉ còn hồi năm mươi bảy, hồi "Huệ Tử Quyên lấy lời lẽ thử chàng Ngọc bận rộn", coi là cơn sóng cuối cùng dính líu đến chuyện tình Bảo - Đại; nhưng nội dung khi ấy cũng chẳng còn là chuyện Đại Ngọc đối với Bảo Ngọc "tình càng nặng, càng thêm nâng niu tình"; lúc này Đại Ngọc đối với Bảo Ngọc chẳng có chút nghi kỵ cũng chẳng làm trò cáu bẳn; là lời nhắc của Tử Quyên rằng nhà họ Lâm sẽ đến đón Đại Ngọc đi đã châm ngòi cho cơn bùng nổ cảm xúc đơn phương của Bảo Ngọc. Dù coi cả từ hồi một đến hồi năm mươi bảy đều là "chuyện tình Bảo - Đại", thì trong hai mươi ba hồi cuối trên thân "tượng Venus đứt tay" hoàn toàn không còn nét miêu tả tình yêu Bảo - Đại nữa, chiếm khoảng một phần ba trong tám mươi hồi. Xin hỏi, làm sao có thể hiểu Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần thành một "tiểu thuyết viết chuyện tình yêu của Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc"? Lại làm sao có thể trông mong ở phần sau tám mươi hồi do Tào Tuyết Cần viết ra vẫn là những dòng chữ vấn vương triền miên về Bảo - Đại?

Trong phần tiếp viết, tôi để nhiều vai diễn của tám mươi hồi đầu tiếp tục bước ra, viết những số phận khác nhau của họ. Có độc giả vì chưa từng đọc kỹ tám mươi hồi đầu nên tưởng nhầm những nhân vật ấy là tôi bịa đặt tuỳ tiện. Ví dụ trong phần tiếp viết có đoạn đối thoại liên quan chiếc áo khoác lụa giữa Tuyết Nhạn, tiểu hoàn của Đại Ngọc, với Tiểu Cát Tường, đứa hầu nhỏ của dì Triệu, và tình tiết sau đó Tuyết Nhạn cứu giúp Tiểu Cát Tường; có độc giả cứ chắc chắn Tiểu Cát Tường là do tôi bịa ra, họ cho rằng trong Hồng Lâu Mộng chỉ nên có chuyện tình Bảo - Đại, rời khỏi Bảo, Đại, Thoa mà viết vai khác thì đọc lên thấy "lạ mắt". Ở hồi năm mươi bảy, Tào Tuyết Cần dùng vài trăm chữ viết về Tuyết Nhạn: dì Triệu định đưa đứa hầu nhỏ Tiểu Cát Tường đi dự đám ma của em trai mình, tự mình có chiếc áo lụa trắng ánh nguyệt, sợ làm bẩn, bèn hỏi mượn của Tuyết Nhạn. Tuyết Nhạn thuở nhỏ theo Đại Ngọc từ Giang Nam đến phủ Giả, trong phủ không có gốc rễ; dì Triệu với bọn chúng kiểu "quả hồng mềm thì kén mà bóp", đòi mặc áo của cô. Cô bé năm xưa tiến phủ còn đẫm đà hồn nhiên trẻ con nay đã được tôi luyện qua đời sống, khéo léo đẩy khéo câu hỏi ấy đi, và rút ra được kinh nghiệm nhân thế: "Chỉ là tôi nghĩ, ngày thường ả ta đã từng có chút tốt đẹp nào đến với bọn mình đâu?" Trong cuộc mưu sinh đầy gian khó, rốt cuộc cô đã hiểu cách gìn giữ cái lợi ích nhỏ bé của mình bằng trao đổi ngang giá. Thưởng thức "tượng Venus đứt tay", nếu không đọc ra được những nét bút giàu hàm ý mà Tào Tuyết Cần ban cho những vai phụ, những con người tí hon này, thì quả là điều đáng tiếc vô cùng. Vì thế, nếu bạn thấy những miêu tả của tôi trong phần tiếp viết về những nhân vật như Tiểu Hồng, Tuyết Nhạn, Tiểu Cát Tường, Oanh Nhi, Trụy Nhi, Thiến Tuyết, Điến Nhi, Vạn Nhi, cô gái áo đỏ, Nhị Nha Đầu... nhìn không thoải mái, thì xin bạn hãy đọc lại tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, nhấm nháp kỹ những dòng văn liên quan những nhân vật ấy, hẳn bạn sẽ thu nhận được vài cảm ngộ thẩm mỹ đặc biệt chứ?

# Giả Bảo Ngọc sau tám mươi hồi

Nếu ví văn bản tám mươi hồi Hồng Lâu Mộng truyền đời của Tào Tuyết Cần như "tượng Venus đứt tay", thì bản Hồng Lâu Mộng một trăm hai mươi hồi mà Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc tiếp viết rồi dồn ghép ra cách đây hơn hai trăm hai mươi năm nên được ví như "tượng Venus được nối lại cánh tay". Sai lầm lớn nhất trong việc "nối tay" của bốn mươi hồi sau ấy là bóp méo hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc mà Tào Tuyết Cần đã vất vả tạo dựng trong tám mươi hồi đầu. Xưa nay không ít độc giả bất mãn vì chuyện này; bởi vậy, ý tưởng tháo cái "cánh tay nối" của Cao Ngạc ra để thử gắn vào một cánh tay khác ăn khớp với tám mươi hồi đầu đã có sẵn nhiều người từ lâu. Nhà văn Đoan Mộc Hống Lương vừa qua đời từng trực tiếp nói với tôi rằng ông muốn tiếp viết từ sau tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần đến hết một trăm mười hồi.

Giả Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần khước từ con đường công danh sự nghiệp, căm ghét bọn sâu mọt hại nước, coi kỳ thi khoa cử như thuốc độc, nhìn công danh lợi lộc như cặn bã; anh chàng chẳng bao giờ bước vào ngôn ngữ chính thống, có riêng một bộ óc và thứ tiếng nói phiến loạn độc đáo, mang tấm lòng bao la "tình bất tình"; "tình bất tình" là lời nhận xét về Giả Bảo Ngọc trong cuốn Tình bảng mà Tào Tuyết Cần định viết cho phần sau tám mươi hồi, và trong các bản chép tay cổ của tám mươi hồi đầu, Chi Nghiễn Trai không chỉ một lần dẫn lời phê ấy; chữ "tình" đầu trong "tình bất tình" là động từ, chữ "tình" sau là danh từ, nghĩa là Bảo Ngọc lấy lòng yêu thương đối đãi với vạn vật trời đất, đến cả những hiện hữu vốn vô tình với mình anh cũng dùng chân tình mà đối xử. Nhưng trong phần tiếp viết của Cao Ngạc, Bảo Ngọc vâng lời nghiêm khắc hai lần vào học tại trường nhà, từ kẻ vốn chán ngấy văn bát cổ chuyển sang nghiêm túc nhận lời chỉ bảo của thầy học và cha đẻ, miệt mài rèn luyện xuống từng bài từng bài; anh còn mở lớp giảng Liệt Nữ truyện cho cô cháu gái, đến cả tấm gương giữ tiết liệt rướm máu kiểu "cô họ Tào cắt mũi mình" cũng đem ra khuyên Xảo Tỷ noi theo; cuối cùng anh còn bước vào phòng thi, không phụ kỳ vọng của cả dòng họ, đỗ cử nhân, rồi mới đi xuất gia; xuất gia rồi còn phải tìm ra con thuyền khách chở cha, quỳ xuống từ biệt cha bằng một cuộc hòa giải, và để lại hậu tự cho dòng họ, khiến họ Giả rốt cuộc "Lan Quế tề phương" (lan với quế cùng tỏa hương, chỉ con cháu đều nên danh giá). Có người nói, dù thế nào thì về tuyến tình tiết chuyện tình Bảo - Đại viết trong tám mươi hồi đầu, Cao Ngạc vẫn nối tiếp khá ổn, rốt cuộc cũng giữ được một kết cục bi kịch khiến người ta nghẹn ngào thở than; đó quả là một ưu điểm của phần tiếp viết của ông. Nhưng ông cứ nhất định viết sao cho không những Bảo Ngọc tự mình chấp nhận văn bát cổ, mà ngay Đại Ngọc cũng ủng hộ Bảo Ngọc đi viết văn bát cổ; điều ấy đã bứng tận gốc nền tảng tư tưởng của chuyện tình Bảo - Đại mà Tào Tuyết Cần viết ra trong tám mươi hồi đầu. Một Bảo Ngọc như thế, còn phải là chàng Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần nữa hay sao? Một Đại Ngọc như thế, còn phải là cô Đại Ngọc duy nhất trong tám mươi hồi đầu chẳng chịu khuyên Bảo Ngọc lập thân làm danh nữa hay sao? Bảo - Đại mất đi mối tình cùng chung hệ giá trị phiến loạn, dẫu viết có vấn vương triền miên mấy, liệu còn là thứ tình yêu giàu chiều sâu nội hàm như thứ tình yêu mà "tượng Venus đứt tay" trình bày không?

Tôi tiếp viết Hồng Lâu Mộng, một hoài bão lớn là không những kế thừa đúng đắn hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc mà Tào Tuyết Cần tạo dựng trong tám mươi hồi đầu, còn phải cố sức làm tỏa sáng thêm vẻ đẹp nhân cách của nhân vật ấy. Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần "ngũ độc bất thức", anh chẳng biết làm hại người là thế nào; Giả Hoàn cố tình đẩy đổ ngọn nến đang cháy muốn làm mù mắt anh, anh thành thật tin đó chỉ là sơ suất lỡ tay. Trong phần tiếp viết tôi sắp đặt cảnh Bảo Ngọc rời nhà gặp cướp; anh không hiểu giật của là gì, chủ động đưa bạc cho kẻ cướp. Về sau gia phủ sa sút, Bảo Ngọc bị giam cầm cùng chỗ với Giả Hoàn, Giả Thông; Hoàn và Thông bắt nạt anh, anh lại lấy đức trả oán. Đến khi vào tù, buồng giam có một tử tù phạm án giết người, sau trận tra khảo toàn thân dính đầy máu me, anh cẩn trọng lau máu cho kẻ "bất tình" ấy; người cùng buồng định múc nước lạnh cho hắn uống, anh biết người mất quá nhiều máu mà uống ngập nước lạnh sẽ dẫn đến chết, liền ngăn lại. Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần mãi mãi giữ trọn trái tim con trẻ thuần khiết; trong phần tiếp viết tôi viết anh đối đãi với người bằng hồn nhiên thơ trẻ, lúc nào cũng tự soi xét mình trước, mà cố sức hiểu người, thương người. Trong những ngày lang thang, anh gặp lại Trụy Nhi; Trụy Nhi là kẻ bị đuổi khỏi phủ Giả sau khi vụ trộm vòng râu tôm của Bình Nhi bại lộ; ngày ấy Bảo Ngọc còn giận vì cái "việc xấu hổ" của Trụy Nhi, nhưng khi Trụy Nhi tình cờ tái ngộ anh, thổ lộ động cơ năm xưa làm việc ấy là để giành lấy chút tự chủ thêm chút nữa cho ngày mai mình bị kéo đi gả cho đám tiểu đồng, trong lòng anh hối hận vì năm xưa đã khinh miệt oan cái sinh mệnh tí hon này... Bảo Ngọc dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần đặc biệt trân trọng những con người nơi rìa xã hội; trong phần tiếp viết tôi viết anh cùng Tương Vân sống chung với đám ăn mày, trong cảnh nghèo khó cùng cực vẫn nếm được niềm vui của cuộc đời. Tôi tiếp nối lối viết ở tám mươi hồi đầu về những va chạm tất yếu vì khác biệt giá trị giữa Bảo Ngọc và Bảo Thoa thời hai người còn tương mộ, viết cuộc tranh luận giữa hai người quanh cách hiểu câu "hòa quang đồng trần"; tôi lý giải nguyên nhân lần xuất gia đầu tiên của anh là do Bảo Thoa giấu anh lo được tư cách sinh viên Quốc Tử Giám, rồi ép anh đến Quốc Tử Giám tuân phục; anh thực nhẫn nại tới cùng cực mới bỏ nhà lên Ngũ Đài sơn; cuối cùng anh gầy mòn đến "da bọc xương", ngày tuyết tình cờ gặp Bắc Tĩnh vương, về sau dẫn đến lời anh giảng cho Tương Vân nghe về "thế pháp bình đẳng"... Tất cả những điều ấy đều kết tụ tấm lòng khổ tâm của tôi: gỡ bỏ những bóp méo của Cao Ngạc về Bảo Ngọc sau tám mươi hồi, cố sức trả lại sự thanh trắng cho hình tượng Bảo Ngọc sau tám mươi hồi của Tào Tuyết Cần. Phần tiếp viết của tôi có lẽ quả thật vụng về; nhưng nếu nó đánh thức được độc giả đọc lại, suy ngẫm lại hình tượng Bảo Ngọc trong tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, không để hình tượng Bảo Ngọc trong bốn mươi hồi tiếp của Cao Ngạc làm hỏng cảm nhận thẩm mỹ của độc giả về Bảo Ngọc của Tào Tuyết Cần, thì tôi đã mãn nguyện lắm rồi!

# Bước vào văn thể Tào

Khó khăn lớn nhất khi tiếp viết là bước vào được văn thể của Tào Tuyết Cần. Nếu không bước vào văn thể Tào mà dùng văn thể tiểu thuyết đương đại để viết thì tất nhiên thuận tiện hơn nhiều. Trên thực tế, tiên sinh Chu Nhữ Xương từ sớm đã dùng hình thức tùy bút viết ra Chân chuyện của Hồng Lâu Mộng; cuốn Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng của tôi, dựa trên các bài giảng ở Bách gia giảng đàn của Đài truyền hình trung ương mà biên soạn thành sách, cũng có thể coi là một lối kể chuyện hoàn thành bằng phương thức giảng nói. Nhưng thật sự muốn tiếp viết Hồng Lâu Mộng thì phải nỗ lực bước vào văn thể Tào, để cho văn bản từ hồi tám mươi mốt trở đi ít nhiều cũng sinh ra cảm giác đọc nối liền, ăn khớp với tám mươi hồi trước.

Mười mấy năm trước tôi đã viết ba cuốn tiểu thuyết "Cái chết của Tần Khả Khanh", "Cái chết của Giả Nguyên Xuân", "Cái chết của Diệu Ngọc"; đó là một lối khá sinh động để thể hiện thành quả nghiên cứu "Tần học" của tôi. Văn bản Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần có đặc điểm là "giấu việc thật" đi mà lại để "lời giả lưu giữ". Phía sau bức tranh sinh hoạt gia đình quý tộc bên ngoài và những miêu tả tình bạn, tình ý khuê các của đám công tử hồng trang kia, quả thực tồn tại bóng đổ khổng lồ của cuộc chơi quyền lực ba triều Khang, Ung, Càn; những hiện tượng văn bản trong sách như "Nghĩa Trung thân vương lão thiên tuế", "hỏng việc rồi", câu "nhật nguyệt cùng treo, chiếu sáng càn khôn", địa danh "Hoàng Hải Thiết Võng sơn", câu "Bè tiên lên hỏi thăm nàng đế tôn", hay cảnh Hy Phượng tránh giấy tờ, sai Sái Minh bảo Bảo Ngọc viết hộ tấm thiệp tặng lễ không ghi trên dưới tên tuổi..., đều là sự chiếu của bóng tối ấy. Đến hồi bảy mươi lăm tác giả hẳn hoi minh viết nhà Chân bị hoàng đế tịch gia: đến vài người đàn bà, sắc mặt chẳng ra sắc mặt, thế mà chạy sang phủ Vinh Quốc cất giấu tài sản phạm pháp; thấy vậy biết phần sau tám mươi hồi ắt viết đến hai phủ Ninh, Vinh bị vướng vào cuộc tranh đoạt quyền lực hoàng gia kiểu "hổ với nghê chạm trán", mây đen hóa thành sấm chớp mưa dông, "Ầm ầm như sắp đổ đình", "Đến sau cơ nghiệp tan tành khắp nơi". Nhưng những cuốn tiểu thuyết về Tần Khả Khanh, Giả Nguyên Xuân của tôi là viết thẳng ra cái bí mật nằm sau văn bản Hồng Lâu Mộng, chỉ có giá trị tham khảo giúp độc giả lĩnh hội "việc thật" mà Tào Tuyết Cần giấu giữ bằng "lời giả", không thể coi là tác phẩm tiếp viết.

Văn bản tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần, dẫu ngầm chứa cuộc tranh giành quyền lực ba triều Khang, Ung, Càn (nhất là vụ án mưu phản của Hoằng Tích thời Càn Long), nhưng trong cách nắm giữ văn thể, ông cố ý làm mờ nhạt vùng miền, nước nhà và niên hiệu triều đại; ông cố ý nói rõ trong sách vị hoàng đế phía trên còn có Thái thượng hoàng, trong khi thực tế từ đời Thuận Trị nhập chủ Bắc Kinh đến thời kỳ đầu Càn Long khi Tào Tuyết Cần viết sách, các hoàng đế nhà Thanh chưa từng có Thái thượng hoàng ở trên; miêu tả nam nhân trong sách né tránh chuyện cạo trán để bím tóc (chiếc bím tóc của Bảo Ngọc trong sách không phải kiểu tóc đàn ông nhà Thanh); viết trang phục nữ nhân tuy khá tinh tế nhưng tuyệt không có miêu tả áo xì bào, lưỡng bả đầu, hài đế chậu hoa; trong lời xưng hô quý tộc tuyệt chẳng thấy các chữ Bối lặc, Bối tử,

Cách cách xuất hiện; còn những người phụ nữ trong sách rốt cuộc ai chân to ai chân nhỏ? Ngoài vài vai riêng lẻ như chị cả họ Vưu được điểm rõ, nhìn chung rất mập mờ (con gái người Mãn thời Thanh đều chân to)... Có người lo rằng tôi sẽ viết phần tiếp thành bí sử cung vua nhà Thanh; sao tôi lại viết thế được? Phần tiếp viết của tôi bước vào văn thể Tào, bước thứ nhất chính là kế thừa ngòi bút cong kín của Tào Tuyết Cần: "viết Thanh mà chẳng nói Thanh".

Tám mươi hồi đầu của Tào Tuyết Cần viết đích trực tiếp đều là sinh hoạt ngày thường của chủ nô trong phủ Giả, kéo dài ra xã hội, viết tới kẻ vô lại chợ búa Nghê Nhị, anh trai cùng hai cô em họ khác cha của Hoa Tập Nhân (trong đó có cô gái áo đỏ), góa phụ họ Kim với con trai Kim Vinh, Nhị Nha Đầu...; cuộc tranh quyền giữa hoàng tộc chỉ làm nền hiện ẩn như rồng trong mây. Trong phần tiếp viết, dựa theo những phục bút ở tám mươi hồi đầu và châu phê của Chi Nghiễn Trai, tôi cho rằng Tào Tuyết Cần phần sau tám mươi hồi sẽ viết tới các cuộc tranh đấu quyền lực như "hổ với nghê vồ giết nhau", "Đuổi nhau rồng đánh tan vèo đám mây", "xạ phổ" (vườn tập bắn cung); nhưng tôi cũng đoán chắc ông vẫn phải hết sức viết ngầm; bởi thế, trong phần tiếp viết tôi cũng chủ yếu viết dòng đời của những chủ nhân, nô tài, thân quyến, con người rìa xã hội ấy ở tám mươi hồi đầu, chỉ dùng hai hồi để viết cuộc sinh tử tranh đấu giữa phái "mặt trăng" và phái "mặt trời", và còn dùng cách để nhân vật khác nhắc tới. Trên thực tế ngay trong tám mươi hồi đầu, Tào Tuyết Cần đã thường dùng lối viết nghiêng qua miệng vai phụ để diễn đạt nội dung trọng yếu nhất: như hai bà vú nhà Phó Thí bàn tán cái "đồ khờ" của Bảo Ngọc; Xuân Yến thuật lại lý lẽ ba đoạn của Bảo Ngọc rằng con gái chưa lấy chồng là viên ngọc quý, lấy chồng rồi trước mất ánh sáng sau biến thành mắt cá; và chuyện Giả Xá mượn tay Giả Vũ Thôn cưỡng chiếm bộ quạt cổ vô giá của thằng Ngốc Đá cũng không phải miêu tả đích trực tiếp, mà là qua miệng Bình Nhi kể lại cho Bảo Thoa nghe... Lối viết này chính là tinh túy của văn thể Tào; phần tiếp của tôi học chưa giống hẳn, nhưng cần biết rằng phương pháp kể nghiêng qua người ngoài ấy chẳng phải sự "nghèo mà lấy rẻ" của riêng tôi.

Tào Tuyết Cần thường bỏ qua nét mặt cử động của nhân vật, chỉ viết "kẻ này nói", "người kia nói", "kẻ này mỉm cười rồi nói", "người kia lại nói"; chỉ qua nói đi nói lại như thế mà tính cách nhân vật, quan hệ nhân vật, hoạt động tâm lý, hàm ý phong phú đều bày ra hết. Ví dụ rõ nhất là nửa hồi thưởng trà ở am Lũng Thúy hồi bốn mươi mốt: chỉ hơn nghìn chữ mà khiến hình tượng Diệu Ngọc sống động nhảy lên giấy. Phần tiếp viết của tôi cũng học lối bút pháp ấy; nhưng nói mãi nói mãi, độc giả thường thấy khô khan nhạt nhẽo; đó là biểu hiện của kẻ ngu dốt nỗ lực bước vào văn thể Tào mà không đạt được chỗ tinh diệu. Nhưng liệu có mấy đoạn đáng gọi là cố hết sức mà làm, chút chút có thể giải buồn được chăng?

Sự hiểu văn thể Tào của đa số độc giả và người phê bình thường chỉ giới hạn trong việc dùng từ cụ thể. Tôi đã nghe vài ý kiến chỉ ra rằng một số từ ngữ trong phần tiếp viết là những từ vựng tiếng Hán hiện đại mà thời Càn Long không thể có. Những ý kiến phê bình này vô cùng quý giá; tôi sẽ sau khi tổng hợp lại lần lượt phân tích, và trong lần chỉnh lý phần tiếp viết sẽ chọn điều hay mà theo. Ngoài ra, nghĩ tới có độc giả chưa quen với những phục bút trong tám mươi hồi đầu, nhất là chưa quen châu phê trong bản chép tay cổ, tôi

trong phần tiếp viết thường dùng vài câu để "ôn lại", "bày ra cho rõ"; điều này lại khiến những người quen thuộc với "tượng Venus đứt tay" chỉ trích là "vẽ rắn thêm chân". Quả thật, nếu tìm được những dòng văn sau tám mươi hồi mà Tào Tuyết Cần đã viết, thì ông quyết chẳng "tự mình nhắc mình" bao giờ; nắm bắt thế nào cho đúng liều lượng tự sự ở những chỗ ấy? Cũng phải giải quyết trong lần chỉnh lý mới được.

# Cùng khung hình với Lâm muội muội

Năm 1996, tôi từng tham gia một chương trình truyền hình, bàn xem nếu Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa bước vào giới công sở thì ai trong hai người thắng cuộc? Khi ấy đã gần mười năm kể từ buổi phát sóng đầu tiên bộ phim truyền hình nhiều tập Hồng Lâu Mộng do đạo diễn Vương Phù Lâm thực hiện, nhưng sau đó phim tái phát sóng liên tục, độ nóng không giảm, mọi người đặc biệt quan tâm tới các diễn viên trong phim, nhất là Trần Hiểu Húc, người vào vai Lâm Đại Ngọc: cô xuất hiện ở đâu là có người chỉ trỏ vây xem, mong được chụp ảnh cùng, xin chữ ký. Buổi ghi hình lần đó, Trần Hiểu Húc vừa xuất hiện đã gây chấn động. Ngoài những vị khách mời tham gia bàn luận, trường quay còn có mấy hàng ghế khán giả; ánh mắt khán giả phần lớn đổ dồn lên người Trần Hiểu Húc. Ban biên soạn sắp cho tôi ngồi cạnh Trần Hiểu Húc; về sau trong chương trình biên tập rồi phát sóng, những cú máy chung khung hình giữa cô và tôi khá nhiều. Lúc ấy tuy tôi đã đăng không ít bài viết dính líu tới Hồng Lâu Mộng, cũng đã ra cuốn sách đầu tiên về Hồng Lâu Mộng, nhưng tiếng vang chưa lớn; phải đến năm 2007 khi tôi nhận lời sang mục Bách gia giảng đàn của kênh khoa giáo Đài truyền hình trung ương, liên tục ghi hình và phát sóng loạt chương trình Giải mã Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ gây hiệu ứng chấn động, mọi người, nhất là thế hệ trẻ, mới gắn tôi với Hồng Lâu Mộng. Sau khi phát sóng buổi trò chuyện cùng khung hình với Trần Hiểu Húc năm 1996 ấy, có khán giả kinh ngạc: "Lưu Tâm Vũ chẳng phải viết tiểu thuyết hay sao? Sao lại ngồi cạnh Trần Hiểu Húc?" Thu hình buổi đó, Trần Hiểu Húc đã thôi tham gia diễn xuất trong phim truyền hình, cô có riêng công ty quảng cáo, nghe đồn làm ăn rộn ràng, lợi tức như cây mè ra hoa, đốt nào cao hơn đốt ấy. Tôi tham gia ghi hình chương trình ấy hăm hở hẳn hoi, với mục đích đi sâu vào đời sống tích lũy tư liệu, từ nhiều hướng hút lấy dinh dưỡng.

Ngày nay vẫn có thể tìm trên mạng buổi trò chuyện truyền hình cách đây hai mấy năm. Trong buổi bàn luận đại khái chia hai phái: phái này cho rằng Lâm muội muội chẳng biết ứng xử với đời, quá tùy hứng, lời ăn tiếng nói cay độc sắc nhọn, vào giới công sở khó lòng khá nổi; còn chị Bảo thì đặc biệt giỏi tiếp người xử vật, hàm súc sâu dày, nói năng làm việc đều đo trước kích thước, tám phương khéo léo, ai gặp cũng yêu, nếu vào giới công sở ắt như cá gặp nước, chắc chắn trong tay phần thắng. Trần Hiểu Húc bày tỏ quan điểm của cô: ưu thế lớn nhất của Lâm muội muội nằm ở tính sáng tạo; ví dụ hành động mang hoa đi chôn của cô chẳng phải chuyện nhỏ, đó chính là thứ tinh thần doanh nghiệp không thể thiếu. Nghe vậy trong lòng tôi khoái trí vô cùng, tỏ ý tán đồng kiến giải của cô, nói với mọi người rằng chôn hoa thực chất là một bộ môn nghệ thuật hành vi hoàn chỉnh, độc sáng. Trần Hiểu Húc cho rằng chị Bảo tuy biết thu phục lòng người nhưng đầy mưu tính trong bụng, cuối cùng vẫn chẳng giữ nổi người. Buổi bàn luận trực tiếp lần ấy thật thú vị; MC cũng chẳng hạ kết luận cuối cùng, để khán giả đem các lập luận các bên về làm tài liệu tham khảo hữu ích.

Thời gian trôi nhanh thật. Xem băng ghi hình ngày ấy, tóc tôi còn dày tốt; giờ đây đã tóc thưa sắc nhạt. Điều đáng than hơn nữa: khi tôi năm 2007 đến Bách gia giảng đàn ghi hình chương trình về Hồng Lâu Mộng thì

Trần Hiểu Húc đã quy tiên. Nhưng kiến giải của Trần Hiểu Húc rằng Lâm muội muội vào giới công sở chưa chắc đã thất bại, ngược lại còn khá nhiều phần thắng, đến nay vẫn vang vọng bên tai tôi.

Hiện nay hồng học dân gian đang phát triển mạnh mẽ. Những bàn tán về Lâm muội muội và chị Bảo càng lúc càng phong phú đa dạng. Gần đây tôi chú ý thấy không ít hồng học gia dân gian bày tỏ quan điểm như sau: nhìn từ tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, Giả mẫu sớm đã có ý với bà Vương phu nhân vì chuyện giữ cả nhà mẹ con dì Tiết ở lâu trong phủ Giả; bà đưa ra hai mươi lạng bạc mừng sinh nhật Bảo Thoa, thực chất là hạ lệnh đuổi khách ngầm (năm ấy Bảo Thoa mười lăm tuổi, lẽ ra phải xuất giá rồi); mà trong sách, Vương Hy Phượng với Lâm Đại Ngọc rất thoải mái nói đùa, lại từ đầu tới cuối chưa từng dành riêng một câu nào nói với Tiết Bảo Thoa. Chỉ xét riêng hai điểm ấy thì bốn mươi hồi sau do Trình Vĩ Nguyên, Cao Ngạc dồn ghép ra, với tình tiết Giả mẫu lạnh lùng bạc đãi Lâm Đại Ngọc, Vương Hy Phượng hăng hái dựng kế tráo cô dâu, là xoay hoàn toàn ngược chiều với tám mươi hồi đầu. Còn có luận giả dân gian moi từ trong sách ra biết bao chi tiết để phơi bày mặt tối nhân tính của Tiết Bảo Thoa. Tăng Tiết chê Lâm từng thịnh hành rộng rãi một thời; nay bênh Lâm phê Tiết lại thành khí hậu. Thời Thanh, thời Dân quốc đều có người nói: lấy vợ phải lấy Tiết Bảo Thoa, kết bạn phải kết Lâm Đại Ngọc. Đem đặt vào giới công sở của nền kinh tế thị trường hiện nay thì Lâm với Tiết rốt cuộc ai có ưu thế? Loại chương trình trò chuyện như năm 1996, thực ra thật sự có thể ghi hình lại một phen nữa.

Ân sư của tôi, tiên sinh Chu Nhữ Xương, lại ưng hình tượng nghệ thuật Sử Tương Vân hơn. Nhất là về cuối đời, ông thậm chí đưa ra quan điểm: Sử Tương Vân mới là "vai nữ số một" trong Hồng Lâu Mộng. Tôi yêu thầy tôi, nhưng tôi càng yêu suy nghĩ độc lập. Tôi cũng hết sức thưởng thức Sử Tương Vân, nhưng tôi vẫn cho rằng "vai nữ số một" trong Hồng Lâu Mộng là Lâm Đại Ngọc. Tôi đặc biệt khảo cứu một vấn đề: tại sao Sử Tương Vân ở hồi hai mươi bỗng dưng xuất hiện, mà trước và sau đó, cho đến hết hồi tám mươi, vẫn chưa hề giống các cô thoa khác được giới thiệu một vòng lai lịch thân thế? Qua phân tích lột lớp lớp vỏ măng, cuối cùng tôi rút ra kết luận: người đề châu phê ký tên Chi Nghiễn Trai trong bản Thạch đầu ký cổ chính là nguyên mẫu của vai Sử Tương Vân; mà đây cũng đúng là quan điểm tiên sinh Chu Nhữ Xương kiên trì suốt một đời. Bộ phim truyền hình nhiều tập Hồng Lâu Mộng đạo diễn Vương Phù Lâm thực hiện năm 1987 đã dốc rất lớn công lực trong tuyển chọn diễn viên: Âu Dương Phấn Cường vào vai Giả Bảo Ngọc, Trần Hiểu Húc vào vai Lâm Đại Ngọc, người người khen ngợi khỏi phải nói; thực ra Quách Tiêu Trân được chọn vào vai Sử Tương Vân, theo tôi cũng vô cùng vừa khớp. Năm ấy Trung tâm chế tác phim truyền hình Bắc Kinh dựng tiểu thuyết trường thiên Chung cổ lâu của tôi thành phim truyền hình tám tập, đã mời Quách Tiêu Trân đóng vai Hạnh Nhi, cô gái quê nông trong phim, khiến tôi hết sức hài lòng.

Một bạn trẻ đến thảo luận với tôi, hỏi: Lâm muội muội, chị Tuyết, chị Sử, rốt cuộc ai đáng yêu hơn? Tôi bảo cậu ấy đừng vội vào cuộc bàn luận; trước hết, hệ thống ký hiệu cậu dùng đã không chuẩn. Gọi Lâm Đại Ngọc là Lâm muội muội thì không sai: trong sách Hồng Lâu Mộng lấy Giả Bảo Ngọc làm chủ thể, Lâm Đại Ngọc nhỏ hơn cậu, nên là Lâm muội muội; nhưng quán sát tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng, dù trong lời

tự sự của tác giả hay đối thoại của nhân vật, tuyệt đối không hề có cách gọi "chị Tuyết", chỉ có lối viết "chị Bảo"; bởi vì Tiết Bảo Thoa hơn Giả Bảo Ngọc tuổi, là chị họ của cậu; sao không gọi "chị Tuyết" mà gọi là chị Bảo? Đáng suy ngẫm. Sách viết về Sử Tương Vân, trong đối thoại nhân vật luôn gọi là chị Sử cả; quán sát tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng tuyệt không có chữ "tiểu thư họ Sử"; điều này chúng ta cũng nhất định phải chú ý. Vì vậy muốn bàn Hồng Lâu Mộng, trước hết phải đọc kỹ Hồng Lâu Mộng, đọc tinh Hồng Lâu Mộng.

Nhìn tổng thể, Lâm muội muội, chị Bảo, chị Sử cả đều lấy nước làm xương thịt, ngọc làm tinh thần, lan làm hơi thở; đều là những nhân vật mang tính bi kịch trong thời đại ấy, xã hội ấy. Họ đều đáng để chúng ta hiểu, thương cảm, than ngợi, thưởng thức. Còn độc giả mỗi người rốt cuộc yêu quý ai hơn, đều có thể nói hết ý mình, tranh luận thẳng thắn. Sức quyến rũ của Hồng Lâu Mộng cũng chính là ở chỗ ấy.

# Giải mã Lưu Tâm Vũ

[Chương trình đặc biệt CCTV-10]

Giới thiệu chương trình:

Nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ,

sau khi Giải mã Hồng Lâu Mộng,

lần đầu tiên xuất hiện trên truyền hình.

Người dẫn chương trình vốn nổi tiếng sắc bén, nói thẳng nói thật,

Trương Việt, đối diện cùng Lưu Tâm Vũ:

những phơi bày độc quyền trực tiếp nhất, chân thực nhất.

Chương trình đặc biệt do Bách gia giảng đàn độc quyền dâng tặng:

Giải mã Lưu Tâm Vũ.

Trương Việt: Vâng, cảm ơn các bạn khán giả tại trường quay và trước màn hình truyền hình. Các bạn đang theo dõi chương trình đặc biệt của Bách gia giảng đàn. Nói là đặc biệt vì hôm nay có hai điểm đặc biệt: thứ nhất là hình thức chương trình đặc biệt, bởi ngày thường chúng ta thấy Bách gia giảng đàn đều có một vị giáo sư uyên bác đứng đây thuyết giảng, hôm nay lại biến thành một người dẫn chương trình "chẳng có học" ngồi đây trò chuyện; đó là hình thức. Thứ hai, nội dung cũng rất đặc biệt: vị khách mời của chúng ta hôm nay, sau khi làm một loạt chương trình ở Bách gia giảng đàn của chúng tôi, đã gây phản ứng vô cùng lớn trong năm 2005, gần như trở thành một sự kiện của giới văn hóa. Và vị nhân vật trung tâm của sự kiện ấy, sau khi "gây chuyện", đã "biến mất khỏi mọi âm thanh", lâu rồi không ra mắt; hôm nay là lần đầu tiên, sau khoảng thời gian dài như thế, anh ấy đối diện với khán giả của báo chí truyền hình. Xin mời nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ, người đã giải mã Hồng Lâu Mộng cho chúng ta. Mời anh lên.

Trương Việt: Thầy Lưu chào thầy! Tên mà ê-kíp định cho số chương trình hôm nay của chúng ta quả là rất "độc địa": nó gọi là Giải mã Lưu Tâm Vũ.

Lưu Tâm Vũ: Thôi mà!

Trương Việt: Tôi cũng thấy thế đấy; hay là chúng ta giải mã ông ấy nhé?

Khán giả: Có!

Lưu Tâm Vũ: Kiểu này là sao vậy hả?

Trương Việt: Yên tâm! Vậy chúng ta hãy "giải mã" cuộc đời hồng học của thầy Lưu.

Clip nối một: Năm 2005, mục Bách gia giảng đàn tung ra loạt chương trình quy mô lớn Giải mã Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ; từ nguyên mẫu Tần Khả Khanh, nhà văn nổi tiếng Lưu Tâm Vũ đã diễn giải một cách hoàn toàn mới câu chuyện ẩn sau Hồng Lâu Mộng. Sau khi phát sóng, chương trình tạo ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội. Vì sao Lưu Tâm Vũ, một nhà văn, lại đi vào con đường nghiên cứu hồng học? Cuộc đời Hồng Lâu Mộng tác động tới trải nghiệm nhân sinh của anh như thế nào? Và hình tượng mà anh yêu mến nhất trong Hồng Lâu Mộng rốt cuộc là ai? Xin mời theo dõi chương trình đặc biệt của Bách gia giảng đàn: Giải mã Lưu Tâm Vũ.

Trương Việt: Tôi muốn hỏi thầy đọc Hồng Lâu Mộng lần đầu là ở độ tuổi nào?

Lưu Tâm Vũ: Tôi nghĩ phải là hồi đi học tiểu học. Bởi tôi thấy gối trên chiếc giường cha tôi ngủ đặc biệt cao, tôi nhấc cái gối lên thì thấy bên trong có nó, tuy chưa phải sách khâu chỉ nhưng in từ đời rất cổ: Hồng Lâu Mộng, trong còn có tranh khắc chân dung nữa. Thế là tôi thấy khá thú vị: ông ấy nhìn cuốn này thế nào nhỉ, để tôi xem thử được không? Cha mẹ tôi cho rằng tôi còn nhỏ, chẳng khuyến khích tôi đọc, nhưng thật sự phát hiện tôi lôi cuốn sách từ dưới gối ra đọc thì cũng chẳng quở trách gì. Nên lần đầu tôi đọc hẳn là hồi tiểu học, khoảng chừng mười hai tuổi đoạn ấy.

Trương Việt: Tôi thấy tôi cũng gần như thầy, cũng bắt đầu đọc Hồng Lâu Mộng từ hồi tiểu học. Nhưng hồi đó tôi đọc chẳng hiểu gì cả, cũng phân không ra trong sách ai là đàn ông, ai là đàn bà. Riêng chuyện Giả Bảo Ngọc đích thực là nam hay nữ đã làm tôi mất mấy năm suy nghĩ: lại gọi cậu ấy là huynh huynh Bảo, hẳn phải là con trai; mà cứ bảo cậu ấy vấn một bím tóc to, mặc áo đỏ, tôi nghĩ chắc chắn là con gái; thế nên mãi vẫn chưa ngộ ra. Hồi mới đọc Hồng Lâu Mộng thì xem cái gì? Lật xem những bộ cánh thật đẹp, những món ăn thật ngon; lớn thêm chút nữa thì xem người ta yêu đương. Không biết hồi đầu tiên đọc Hồng Lâu Mộng, thầy thích chọn xem chỗ nào?

Lưu Tâm Vũ: Đoạn có đánh nhau.

Trương Việt: Đánh nhau á?

Lưu Tâm Vũ: Chuyện náo loạn trường học ấy; chuyện náo trường học bây giờ đa số người đều bỏ qua cho bằng không.

Trương Việt: Tức mấy đứa học trò nhỏ ném nhau đủ thứ đồ chứ gì.

Lưu Tâm Vũ: Đúng đúng đúng, vì hồi ở trường tôi là người khá hướng nội, kiểu ít ngôn ngữ cơ thể; đọc đến đoạn ấy là tôi thấy nhân vật trong sách xả giận thay mình rồi. Còn đoạn Túy Kim Cương Nghê Nhị nữa, tôi cũng thích đọc. Anh ấy là hàng xóm của Giả Vân, vai phụ thôi, nhà anh ấy cùng Giả Vân đều ở Tây lang hạ. Người khác thấy sẽ kỳ lạ, nhưng vì khi đó tôi sống gần chùa Long Phúc ở Bắc Kinh, quanh đó có các ngõ Đông lang hạ, Tây lang hạ; trong Hồng Lâu Mộng xuất hiện tên địa danh này, Tây lang hạ, nên tôi đặc biệt thích thú. Những nơi chốn ấy, khoảng cách giữa con trai với con gái còn quá lớn.

Trương Việt: Thế thì theo tôi thầy chọn nhầm sách rồi. Thầy mê đánh nhau thế, lẽ ra phải đọc Thủy hử truyện.

Lưu Tâm Vũ: Đúng là sau đó tất nhiên tôi cũng đọc những thứ khác nữa.

Trương Việt: Vậy đến độ tuổi nào thì thầy cảm nhận mình bắt đầu hiểu được chút hương vị của cuốn Hồng Lâu Mộng?

Lưu Tâm Vũ: Tôi nghĩ là đến thời kỳ thanh niên rồi; nói cho đúng là vào giai đoạn cuối của "Cách mạng Văn hóa". Khi ấy đọc Hồng Lâu Mộng rất an toàn, bởi Chủ tịch Mao đã phát biểu vài ý kiến của mình về Hồng Lâu Mộng; về sau việc bình luận về Hồng Lâu Mộng trở thành chuyện hết sức an toàn, mà Hồng Lâu Mộng lại được tái bản, nên tôi đọc Hồng Lâu Mộng vào lúc này. Đọc Hồng Lâu Mộng tôi có điều tâm đắc riêng: chính cái cảm giác thấm thía của nhân sinh. Ngày trước đọc, ví dụ bên trong có một vai tên Lâm Hồng Ngọc, tức Tiểu Hồng, cô ta nói "Rạp dù làm dài đến nghìn dặm, cũng không có tiệc nào là tiệc không tàn", ngày xưa làm sao có thể bị câu nói ấy lay động được? Thực ra khi ấy mình còn rất trẻ, chưa già chút nào. Chưa già, nhưng thấy dường như đã trải qua nhiều chuyện rồi, giữa người với người tình nghĩa nhạt nhòa, bắt đầu trầm trầm ngẫm những điều ấy; tôi thấy từ lúc đó mới đọc ra vị của nó.

Trương Việt: Vậy đến bao giờ thầy bắt đầu thấy mình thực sự hiểu Hồng Lâu Mộng, có thể đứng lên nói về Hồng Lâu Mộng?

Lưu Tâm Vũ: Nói thẳng, đến tận hôm nay tôi cũng chẳng dám nói mình đã đọc thông Hồng Lâu Mộng, dám đứng ra nói. Xin nhấn mạnh lại một lần nữa, là Bách gia giảng đàn...

Trương Việt: Tất cả là do chúng tôi ép cả.

Lưu Tâm Vũ: Ừ. Một lần lại một lần, ba lần lại bốn lần cứ kéo tôi đến đây giảng, tôi khăng khăng nói với họ tôi không giảng. Vì tôi không tự tin; nhưng khi ghi hình thì tôi rất nghiêm túc. Tính tôi là thế, hoặc là tôi không nhận lời; nhận lời rồi thì tôi khá nghiêm túc. Ví dụ chương trình hôm nay, đã nhận lời rồi thì tôi ngoan ngoãn ngồi đây, anh hỏi gì tôi nói được là tôi nói hết, tôi là người như thế, nên tôi đã khá hết mình

ngồi đây giảng. Hiệu quả thế nào thì tôi vừa không kỳ vọng, vừa không đoán trước; nó hoàn toàn là chuyện vô tâm cắm liễu mà liễu mọc thành hàng. Có người bảo anh muốn nổi tiếng; thật ra nói lời khó nghe thì tôi từng nổi tiếng từ lâu lắm rồi, tôi không cần nổi tiếng thêm nữa. (Vỗ tay) Nên phải nói là trong trạng thái ấy, đến giờ tôi vẫn giữ một lòng kính cẩn, không dám nói mình đã hiểu thông, đọc thông Hồng Lâu Mộng. Tôi thấy càng vậy càng tốt; bởi nếu tôi thấy mình hoàn toàn hiểu hết, đọc thông hết, tôi là người đúng rồi, ngồi đây giảng Hồng Lâu Mộng là để nói cho anh biết thế nào mới đúng, thì đã không còn trạng thái hiện nay nữa. Tôi sẽ chẳng còn chịu đọc nữa, vì thấy mình biết hết rồi đọc làm gì? Tôi còn muốn đọc, vẫn còn đầy ắp cảm giác mới mẻ, tôi thấy mình có thể còn có những điều thu hoạch mới.

Trương Việt: Trong tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng, nhân vật thầy thích nhất là ai?

Lưu Tâm Vũ: Điều này trong những số tôi ghi hình tôi đã nói: tôi nói tôi thích nhất Diệu Ngọc, khiến nhiều người kinh ngạc lắm. Vương Mông, đồng nghiệp của tôi, cũng là bạn của tôi, gọi điện riêng cho tôi, từng hỏi sao anh lại chọn Diệu Ngọc; Diệu Ngọc là người đáng ghét nhất, người ấy ghét nhất chính là Diệu Ngọc.

Trương Việt: Kiêu sa, lập dị.

Lưu Tâm Vũ: Đấy, nhiều người hiểu như thế, nhất là bị bốn mươi hồi tiếp viết của Cao Ngạc làm hỏng, gắn liền lại thành một hình tượng như thế. Thật ra tôi thấy Diệu Ngọc sống rất không dễ dàng gì. Bởi mỗi người yêu thích điều gì đều có nguyên nhân cá nhân riêng; tính tôi vốn khá lập dị, khó hòa đám, và vì cái cá tính ấy tôi đã vấp phải không ít trắc trở trong đời. Nói đến cùng, lớp vỏ bọc ngoài có thể mang màu sắc chính trị hoặc xã hội, nhưng thực chất là bi kịch tính cách, là tính cách này của tôi đấy? Thực ra tôi thấy mình không có ác ý, và cũng khá đấy chứ; nhưng người ta lại thấy bạn... kiểu người ấy nhỉ? Nên bây giờ soi vào tấm gương Diệu Ngọc ấy, tôi nhìn thấy chính mình. Tôi thích cô ấy không có nghĩa là tôi cho cô ấy là một hình tượng tích cực hay tấm gương đáng học tập; không phải ý đó, chỉ là tôi thấy cách Tào Tuyết Cần lý giải sinh mệnh này khiến tôi chấp nhận nhất. Toàn bộ ưu điểm, khuyết điểm, yếu đuối của cô, giống như lời Hình Tụ Yên phê bình cô: "không ra nam, không ra nữ, không ra tăng, không ra ni"; đó là lời phê rất cay độc. Nhưng trên người Diệu Ngọc có nhiều điều tỏa sáng; vì thế đối với chính mình tôi cũng có một niềm tự trọng, một niềm tự tin, một niềm tự yêu thương.

Trương Việt: Vậy tôi muốn hỏi, điều gì trên người Diệu Ngọc khiến thầy yêu mến và kính trọng đến thế?

Lưu Tâm Vũ: Tôi thấy với xuất thân cụ thể mà sách miêu tả về cô và hoàn cảnh sinh tồn sau đó của cô, việc giữ được một phẩm giá cá nhân là rất khó khăn; vậy mà cô giữ được. Ví dụ cô đã vào tới kinh thành, thầy tu viên tịch rồi, thầy lại không cho cô về phương Nam; phủ Giả muốn mời cô, cô đòi phải đưa thiếp mời. Có thể bảo cô khệnh kháng; cô cứ nhất định đòi phủ Giả đưa thiếp mời; không đưa thiếp mời, cửa quyền quý lấy thế áp người thì tôi không đi. Lại ví dụ chuyện cô tiếp đãi Giả mẫu: câu đầu tiên Giả mẫu đã nói "Tôi không uống trà Lục An đâu"; bà là lão tổ tông mà, bà nói sao thì nói, lời hiền từ nhất và lời chuyên chế nhất,

bà muốn nói là nói; mà Diệu Ngọc dám mềm mỏng mà cự lại. Hơn nữa Diệu Ngọc sớm đề phòng đúng điểm ấy của bà; đó là cái khôn của Diệu Ngọc, tôi thấy rất ghê gớm. Lại như Lâm Đại Ngọc, ai dám nói Lâm Đại Ngọc tục? Anh có thể nói Lâm Đại Ngọc bụng dạ nhỏ nhen, yếu bệnh triền miên; anh dám nói Lâm Đại Ngọc tục à? Cô ta mà còn biết tục nữa? Vậy mà Diệu Ngọc chẳng khách khí, điểm một câu: "Cô mà lại là một người rất tục đấy!" Không phải tục tầm thường đâu. Trong hoàn cảnh ấy thẳng thắn đến thế, trong giao thiệp xã giao dám dùng thứ ngôn ngữ như vậy để bày tỏ thẳng tâm ý, rất không dễ dàng. Nên tôi thấy cách làm người xử thế của Diệu Ngọc có một tiền đề: trên nền tảng gìn giữ tự trọng và tự yêu thương bản thân, cô không hề làm trở ngại kẻ khác, đối với người khác cô không tính tấn công, không tính xâm chiếm, thậm chí theo thám dật của tôi, về sau cô còn có thể cứu giúp người khác. Vì thế tôi thấy một hiện hữu sinh mệnh như thế nên được dung nạp. Tôi kêu gọi xã hội chúng ta hãy dung nạp người kỳ quặc, hãy dung nạp con người nơi rìa xã hội, hãy dung nạp người tính tình lạnh lẽo lập dị, hãy dung nạp người hướng nội, hãy dung nạp người nói năng khó nghe. (Vỗ tay)

Clip nối hai: Năm 1977, ông Lưu Tâm Vũ đăng truyện ngắn Chủ nhiệm lớp, mở màn cho "văn học vết thương"; sau đó lần lượt đăng nhiều tác phẩm tiếng tăm văn đàn như Chung cổ lâu, Tứ bài lâu, Tê phượng lâu... Năm 1993, Lưu Tâm Vũ bắt đầu bước chân vào nghiên cứu hồng học, và nhờ góc độ tiếp cận, phương pháp nghiên cứu cùng thành quả học thuật khác thường đã gây sự chú ý rộng rãi trong xã hội.

Ông Lưu Tâm Vũ cho rằng Hồng Lâu Mộng là tác phẩm mang tính tự truyện, mang đặc điểm gia sử; nhiều nhân vật trong đó đều có nguyên mẫu trong đời sống, còn Tần Khả Khanh chính là chiếc chìa khóa tổng để giải đọc Hồng Lâu Mộng; phá giải được nguyên mẫu đời sống của Tần Khả Khanh sẽ giúp hiểu ý đồ sáng tạo đích thực của Tào Tuyết Cần. Ông cho rằng xuất thân thật sự của nguyên mẫu Tần Khả Khanh là con gái của thái tử bị phế Dận Nhưng thời Khang Hy nhà Thanh, được giấu giếm tại phủ họ Tào, tức một bậc tôn quý ngang hàng công chúa. Mọi nghi vấn liên quan nàng đều gắn mật thiết với thân phận thật ấy. Vì sao ông Lưu Tâm Vũ lại rút ra những quan điểm này? Với thân phận tiểu thuyết gia, liệu ông có lẫn lộn nghiên cứu học thuật với sáng tạo văn học? Và trước các phản ứng khác nhau trong xã hội, ông sẽ đối mặt ra sao?

Giải mã cuộc đời hồng học của Lưu Tâm Vũ, xin tiếp tục theo dõi chương trình đặc biệt của Bách gia giảng đàn: Giải mã Lưu Tâm Vũ.

Trương Việt: Trước tiên, thay mặt những người phản đối thầy, tôi hỏi thầy một câu. Chính vì kiểu nghiên cứu nguyên mẫu của thầy, đi tìm trong lịch sử nhân vật để so sánh với nhân vật trong tiểu thuyết, khiến toàn bộ nghiên cứu của thầy mang màu sắc tiểu thuyết trinh thám; nên có người hoài nghi thầy, hỏi có phải thầy đang bịa chuyện? Có phải thầy đã đem tài năng nhà văn, người viết tiểu thuyết, áp dụng vào nghiên cứu học thuật? Thầy nghĩ sao về chuyện này?

Lưu Tâm Vũ: Tôi thấy việc họ nảy sinh suy nghĩ ấy, đưa ra nhận định ấy là việc của họ; tôi chưa chắc buộc phải đứng trước câu hỏi như thế rồi đi kiếm thêm một câu trả lời, bởi việc của tôi đã làm rồi, tôi đã làm theo

cách đó. Tôi thấy thực ra hiện nay tất cả những ai nghiên cứu Hồng Lâu Mộng đều gặp phải một khó khăn lớn: sự thiếu hụt của tư liệu lịch sử xác thực đáng tin. Đó là vấn đề chung mà tất cả chúng ta phải đối diện, kể cả chuyện Tào Tuyết Cần có thật sự là tác giả của Hồng Lâu Mộng hay không; ít nhất gần đây ra hai cuốn sách: một cuốn, tác giả cho rằng người viết là Tào Phủ, có khi là cha của Tào Tuyết Cần; nhưng Tào Phủ có phải là cha của Tào Tuyết Cần hay không cũng vẫn chưa có sử liệu đủ cứng để thẩm định; còn một vị khác, tự gửi sách tặng tôi, cho rằng tác giả của Hồng Lâu Mộng là Hồng Thăng, chính là tác giả của Trường sinh điện; đều có thể đưa ra không ít chứng cớ phụ. Nên tôi thấy đều nên tôn trọng cả; tuy tôi đứng trên lập trường tác giả Hồng Lâu Mộng là Tào Tuyết Cần, xuất phát từ điểm ấy để nghiên cứu, nhưng tôi rất tôn trọng những ý kiến khác nhau của mọi người. Nên tôi thấy nếu có người cho rằng tôi này khác với người kia, tôi thuộc dạng bịa chuyện, thế này thế kia, thì tôi thấy họ hoàn toàn có thể có ý kiến như thế; giống như tôi thấy người kia bảo tác giả là Hồng Thăng, người ấy cũng kiếm được vài căn cứ, tôi thấy họ có quyền có ý kiến của họ. Trong một xã hội, đối với một sự vật có muôn và quan điểm khác nhau để mọi người lựa chọn, xã hội ấy chẳng phải mới là xã hội hài hòa hay sao? (Vỗ tay)

Trương Việt: Thực ra thầy vừa nói đến một tâm thái học thuật khá cởi mở và đa nguyên: ai cũng có thể nói điều mình muốn nói.

Lưu Tâm Vũ: Đúng.

Trương Việt: Còn thầy tin kiểu nào thì thầy chọn kiểu đó.

Lưu Tâm Vũ: Đúng đúng đúng.

Trương Việt: Tôi không hiểu vì sao thầy lại đem nhân vật Tần Khả Khanh trong Hồng Lâu Mộng ra làm chiếc chìa khóa giải đọc Hồng Lâu Mộng?

Lưu Tâm Vũ: Chuyện này có hai nguyên nhân; một nguyên nhân rất riêng tư. Tôi đấy, anh nhìn tôi ngồi đây, về cơ bản định vị của bản thân tôi là tôi là người Bắc Kinh, bởi tám tuổi tôi đến Bắc Kinh, từ đó chưa từng rời thành phố này; những chuyến ra ngoài thăm hỏi ngắn hạn thì không tính, tôi an cư ở đây. Nhưng nơi sinh của tôi là Thành Đô, Tứ Xuyên; Thành Đô con phố nào? Phố Dục Anh đường. Dục Anh đường là gì? Là trại nuôi trẻ mồ côi, tức dưỡng sinh đường. Tôi không phải đứa trẻ bị bỏ rơi ở dưỡng sinh đường đâu, tôi không phải. (Cười) Nhưng thời kháng chiến, điều kiện kinh tế nhà chúng tôi lúc ấy khá khó khăn, nhà cửa trên con phố ấy thuê rẻ; mẹ tôi ngày ấy gian khó lắm ở đấy, sinh tôi cũng chẳng phải ở bệnh viện mà là ở trong nhà, mời một người đến đỡ đẻ; nên tôi sinh ở phố Dục Anh đường. Vì thế khi đọc văn bản Hồng Lâu Mộng, phát hiện Tần Khả Khanh là trẻ được nhặt về từ dưỡng sinh đường, tôi khác hẳn những độc giả khác, tôi khá nhạy cảm; đây đương nhiên là một nguyên nhân quá riêng tư: từ nhỏ, mỗi lần đọc đến chỗ ấy tôi có phản ứng tâm lý, ôi, dưỡng sinh đường; bởi mẹ tôi nhiều lần nói với tôi Dục Anh đường chính là dưỡng sinh đường. Đó là một nguyên nhân.

Còn một nguyên nhân nữa là tôi thấy nàng gây cho tôi nhiều thắc mắc nhất. Các vai khác đương nhiên cũng có thắc mắc, bởi tôi cho rằng tám mươi hồi đầu về cơ bản do Tào Tuyết Cần viết, còn bốn mươi hồi sau của Cao Ngạc là chuyện khác hẳn. Do đó lấy mười hai thoa mà nói, ngoài Tần Khả Khanh, kết cục của những người kia ra sao cũng đều là những thắc mắc; nhưng những thắc mắc ấy chẳng sắc bén như vậy. Tần Khả Khanh là người chết ngay từ trong tám mươi hồi đầu, mà lại chết ngay ở hồi mười ba; thế nhưng nàng để lại nhiều thắc mắc đến thế; nên nàng khơi dậy trong tôi hứng thú khám phá bí mật.

Trương Việt: Việc đem Tần Khả Khanh đối chiếu với nhân vật có thật trong lịch sử để tìm nguyên mẫu nghiên cứu, kiểu nghiên cứu nguyên mẫu này là cách do thầy phát minh hay là phương pháp nghiên cứu có từ xưa?

Lưu Tâm Vũ: Cách này từ xưa đã có; cổ đến mức nào thì tôi không dám nói. Thật ra phương pháp nghiên cứu của tôi gồm hai thứ. Một là nghiên cứu nguyên mẫu. Nghiên cứu nguyên mẫu ít nhất từ thế kỷ XX đã là một khuôn mẫu nghiên cứu rất phổ biến trong giới văn học Trung Quốc lẫn nước ngoài. Ví dụ ở Anh, người ta thường cho rằng tác phẩm Jane Eyre chính là tác phẩm mang tính tự truyện của tác giả; lại ví dụ David Copperfield, thường được coi là tác phẩm tự truyện của Dickens; như Lev Tolstoy người Nga, người ta cho rằng Nehlyudov trong Phục sinh lấy chính ông làm nguyên mẫu, còn Maslova, cô điếm trong truyện cũng có nguyên mẫu; như Ba Kim với Gia: Ba Kim qua đời cũng một thời gian rồi, trước sau có nhiều bài viết về ông đều chỉ rõ nhóm nguyên mẫu của Gia chính là dòng họ Thành Đô của ông, trong đó người anh cả Giác Tân chính là anh ruột của ông; nên nghiên cứu nguyên mẫu chẳng phải phát minh gì của tôi, thực ra là một phương thức nghiên cứu khá cổ điển.

Phương pháp nghiên cứu khác nữa của tôi là đọc tinh văn bản. Đọc tinh văn bản là một phái nghiên cứu văn học xuất hiện ở phương Tây trong thế kỷ XX, chủ trương đọc kỹ từng chữ từng câu văn bản. Bạn là độc giả bình thường thì bạn có thể đọc lướt; bây giờ còn có kiểu gọi là đọc đường chéo, càng ghê hơn: một trang chữ dày cộp, lướt một cái, vẽ hình chữ X là coi như hiểu chuyện gì xảy ra; xã hội hiện nay lượng thông tin lớn, đó cũng là một lối đọc; nhưng muốn nghiên cứu Hồng Lâu Mộng thì phải đọc tinh văn bản. Tôi dùng đọc tinh văn bản; tôi dùng sự kết hợp hai phương pháp ấy; kết hợp lại thấy có thành quả, tôi rất vui, tôi cứ tiếp tục bước tiếp.

Trương Việt: Vậy mà nghiên cứu nguyên mẫu vốn là phương thức có từ lâu rồi, tại sao lần này ở đây chúng ta lại gặp cơn phong ba to đến thế?

Lưu Tâm Vũ: Tôi nghĩ là vì một số người hiện nay bị người ta gọi là hồng học gia "chính lưu", tư tưởng họ bị hóa cứng. Tôi đương nhiên biết phê bình người khác như thế mình hơi ngại ngùng, nhưng không còn cách nào khác, bởi người ta phê tôi trước. (Cười) Anh xem bài giảng của tôi, từ đầu tới cuối tôi có một câu nào phê bình ai không? Không. Đúng không? Hơn nữa tôi đi đâu cũng nói ý kiến của tôi chưa chắc đúng; tôi nói quan điểm của các vị khác với tôi, tôi vẫn rất tôn trọng. Tôi nhớ còn một lần nữa, trong đó có một chi tiết,

tôi nói tôi chắp tay thi lễ với các vị thế ấy thế này, hình như đều được giữ lại trong những số chương trình đã cắt dựng phát sóng.

Trương Việt: Chúng tôi nhìn thấy trong chương trình: thầy luôn luôn thừa nhận sai sót, bảo tôi nói chưa chắc đúng, xin tham khảo thôi.

Lưu Tâm Vũ: Nhưng họ giận dữ đến thế, tôi thấy họ khá hóa cứng. Sự hóa cứng của họ là họ đã khuôn mẫu hóa việc nghiên cứu Hồng Lâu Mộng; họ đặt ra một quy phạm và đóng đinh nó lại, không cho nó chuyển động nữa. Ví dụ họ cho rằng Hồng Lâu Mộng là giáo khoa thư đấu tranh giai cấp; anh cứ nghiên cứu dưới tiền đề ấy là xong; phương pháp nghiên cứu tức là ví dụ lấy hồi thứ tư làm tổng cương, xem bốn gia tộc lớn áp bức nô lệ ra sao.

Trương Việt: Hộ quan phù.

Lưu Tâm Vũ: Nghiên cứu hộ quan phù; đó là một góc độ nghiên cứu rất đáng tôn trọng, quan điểm ấy cũng tự thành một thuyết riêng, rất có giá trị tham khảo; nhưng anh phải dung cho người khác có cách khác của họ. Bởi người ta gây dựng bao nhiêu năm rồi đấy chứ? Họ là một hiện hữu rất hùng mạnh; thấy anh bỗng dưng ầm ĩ sôi nổi thế, ảnh hưởng lớn đến thế, có lẽ họ khó chấp nhận.

Trương Việt: Tôi muốn nghe ý kiến của thầy. Sau khi toàn bộ việc giải mã Hồng Lâu Mộng gây phản ứng khổng lồ, trong cảm nhận của thầy, trong sự kiện này điều khiến thầy thấy an ủi nhất là gì? Điều khiến thầy thấy tiếc nuối nhất là trạng thái nào?

Lưu Tâm Vũ: Điều an ủi nhất là tôi thấy dường như quả thật đã đánh thức một số người trước đây chẳng hứng thú gì với Hồng Lâu Mộng, nhất là giới trẻ, khiến họ nảy sinh hứng thú với Hồng Lâu Mộng; đó là một trong những mục đích tôi muốn đạt tới, tôi thấy ý nghĩa rất lớn. Vì có một kiểu nói rằng: anh ngày xưa viết Chủ nhiệm lớp, anh chú ý hiện thực xã hội; giờ sao anh chẳng chú ý hiện thực xã hội nữa mà đi chú ý Hồng Lâu Mộng? Tôi thấy sau cải cách mở cửa, theo làn sóng văn hóa phương Tây đổ vào ồ ạt, làn sóng ấy là cần thiết, là tất yếu, không thể ngăn cản, và cũng có lợi. Nhưng trong hoàn cảnh ấy, một bộ phận thế hệ trẻ của chúng ta dành trọn thời gian xem đại phim Mỹ, xem phim Hàn, hoặc đọc tiểu thuyết dịch; họ khinh thường hoặc chẳng kịp để tâm tới truyền thống cổ điển Trung Quốc; hoặc chưa đến mức khinh thường thì họ cũng chẳng có thời gian, chẳng có hứng thú. Nên qua bài giảng và hai cuốn sách của mình, tôi tỏa ra chút sức nóng cuối cùng mà một người lãnh lương hưu, tôi định vị mình như vậy, có thể phát huy. Ở tuổi này rồi; thời Chủ nhiệm lớp tôi ngoài ba mươi, giờ tôi hơn sáu mươi, vậy mà tôi còn gây nổi một cơn chấn động. Một trong những hiệu ứng chấn động ấy khiến tôi an ủi là: có những bạn trẻ trước kia không biết Trung Quốc còn có một cuốn sách thú vị như Hồng Lâu Mộng. Chưa nói nó vĩ đại ra sao; anh cứ nói nó chẳng vĩ đại cũng được, nhưng nó cũng thú vị như mọi cuốn sách hay; tôi cần khơi dậy hứng thú của họ; chỉ nói vĩ

đại chẳng ích gì, vì tôi không hiểu cái gì vĩ đại, tôi cũng chẳng có tội; nhưng một thứ thú vị như thế mà anh không đọc, anh chẳng phải là... có đúng không? Đúng không? Mất mất một thú vui rồi còn gì?

Trương Việt: Thực ra thầy Lưu đã trả lời một cách gián tiếp cả câu hỏi khác nữa: có nhiều người bảo ông hơi "làm việc không đúng nghề"; giờ ông đã cho chúng ta biết, ông là một ông già về hưu, "nghề chính" của ông là an dưỡng tuổi già. Trong hoàn cảnh ấy, ông làm gì cũng đều tính là nghề chính được hết, đúng không? Mời thầy nói tiếp.

Lưu Tâm Vũ: Tôi chẳng phải nhà văn chuyên nghiệp, cũng chẳng phải người có nhiệm vụ công việc; bây giờ tôi hoàn toàn có thể sống đời hưu của mình. Nhưng anh xem, tôi vẫn can dựa xã hội, mà can dựa đến mức gây tranh cãi lớn; nên bản thân tôi thấy khá an ủi. (Vỗ tay)

Chuyện không an ủi, không vui, là tôi thấy tôi chẳng mấy muốn ló mặt ra ngoài nữa, chẳng mấy muốn lại trở thành điểm nóng của xã hội. Nói thật lòng, nói chuyện thực, tôi cũng chẳng muốn vừa được một số người yêu mến lại vừa bị một số người ghét đến thế. Nhưng lần này tình hình xảy ra thế này: kẻ thích thì thích đến chết; kẻ không thích thì hận đến mức muốn xé tôi ra làm hai; đó chẳng phải điều tôi mong nhận được. Thực ra thuở đầu Bách gia giảng đàn mời tôi giảng, tôi rất miễn cưỡng. Miễn cưỡng chỗ nào? Là đối diện máy quay mà giảng, dưới kia còn ngồi một số khán giả, xong lại còn phát sóng; bây giờ tôi rất sợ. Đương nhiên tôi đâu thể so với đại minh tinh như chị; nhưng khoan đã đừng lắc đầu, tôi cũng nhờ chút ánh sáng lên truyền hình rồi: vào cửa hàng bách hóa, có người hỏi: ôi, anh có phải ông già giảng Hồng Lâu Mộng không đấy? Đấy, tôi cũng bị người ta nhận ra, nên đừng tưởng chỉ có chị mới bị nhận ra, bây giờ họ nhận ra tôi nữa đấy. Nhưng tôi đặc biệt ngại ngùng. Còn có một lần tôi biểu hiện đặc biệt, giờ nghĩ lại khá hối hận: tôi vào một quán ăn, quản lý sảnh lập tức chạy tới: thưa thầy Lưu, chào mừng thầy, thầy có phải thầy Lưu không? Khi ấy đang ở cùng vài người bạn, tôi đặc biệt chẳng muốn cho ai biết, tôi đáp: xin lỗi, tôi không họ Lưu. Nụ cười trên gương mặt cô ấy tan biến trong tích tắc cùng cái lúng túng của cô khiến tôi bất ngờ; nhưng tôi cũng chẳng sửa lời.

Trương Việt: Thầy làm minh tinh không quen nhỉ,

Lưu Tâm Vũ: Tôi phải làm sao đây?

Trương Việt: Không được phủ nhận kiểu đó đâu, tuyệt đối không được.

Lưu Tâm Vũ: Vậy chị dạy tôi nên làm thế nào đi? Chị chỉ cho tôi một chiêu.

Trương Việt: Phải thành tâm đặc biệt thừa nhận: vâng tôi là đó, chào nhé, rồi chạy thật nhanh.

Lưu Tâm Vũ: À, còn chào nữa, chạy nhanh.

Trương Việt: Vậy khi đối diện những thính giả, khán giả khác, thái độ mà thầy mong đợi, dù người ta đồng ý hay không đồng ý với quan điểm của thầy, là thái độ như thế nào? Thầy muốn trao đổi với họ theo kiểu nào?

Lưu Tâm Vũ: Tôi không thể kiểm soát thái độ của người khác, và tôi cũng thấy mình không có tư cách đặt trước một tiền đề rằng anh bắt buộc phải có thái độ gì với tôi. Anh đã làm chuyện này rồi thì thái độ nào anh cũng phải chịu. Ví dụ tôi đến nhà sách Tân Hoa ở Vương phủ tỉnh ký tên bán sách, có người dán sau lưng một trái tim đỏ to: "người hâm mộ 'cấp tro cốt' của Lưu Tâm Vũ". Nhìn thấy tôi hết hồn, nghĩa là gì? Có phải nguyền rủa tôi không? (Cười) Người ta bảo không, hiện giờ giới trẻ thịnh hành chữ này, "cấp tro cốt" tức là fan cứng nhất. Cái này đáng sợ thật; tôi lớn tuổi hơn, không quen. (Cười)

Trương Việt: Thầy chưa giận mặt người ta chứ? Người ta tốt ý đấy.

Lưu Tâm Vũ: Suýt nữa thì gương mặt tròn trịa vui vẻ của tôi biến thành mặt dài thòng; nghe giải thích xong mới hiểu.

Lưu Tâm Vũ: Còn một chuyện nữa, nhìn thấy tuy chưa đến mức hết hồn nhưng tôi cũng rất kinh ngạc: "Em yêu Lý Vũ Xuân, nhưng yêu Lưu Tâm Vũ hơn". (Cười lớn)

Trương Việt: Rõ ràng tất cả chúng ta đều hết hồn. Độc giả ấy bao nhiêu tuổi, là người đọc thế nào?

Lưu Tâm Vũ: Tôi không hỏi cô ấy, nhưng nhìn dáng vẻ chắc khoảng mười bảy mười tám tuổi, học sinh cấp ba gì đó.

Trương Việt: Con trai hay con gái?

Lưu Tâm Vũ: Là con gái.

Trương Việt: Thầy hài lòng chứ? Với cách nói ấy?

Lưu Tâm Vũ: Hồi đó tôi sững sờ, chẳng nói được hài lòng hay không, vì trước hết tôi chẳng quen biết Lý Vũ Xuân; tôi biết cái tên ấy, nhưng một bài hát của cô ấy tôi cũng chưa từng nghe; làm sao lại xếp cạnh nhau được? Kiểu này tôi cũng phải chấp nhận, phải chịu, bởi người ta ủng hộ bạn. Còn có cả những thứ trên mạng, kiểu chửi bới, hoặc thứ mang hơi hướng áp phích chữ lớn thời Văn hóa cách mạng, xúc phạm nhân cách hoặc tấn công thân chủ thế ấy thế này, bạn cũng phải chịu, bởi người ta có suy nghĩ ấy chứ, đúng không? Bạn không có lý do cấm người ta nghĩ thế. Nên thái độ của tôi bây giờ là tôi đều chịu hết, bởi chuyện này là tôi làm, tôi giảng, phát sóng rồi, sách in ra rồi; nó giống như một quang phổ, từ cấp độ này tới cấp độ kia, mọi sắc thái ở giữa, giống như phím đàn piano từ cao âm xuống trầm âm, anh đều phải chịu hết. Bây giờ tôi giữ thái độ chịu đựng tất cả.

Clip nối ba: Trong loạt chương trình Giải mã Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ, ông Lưu Tâm Vũ đã chinh phục khán giả bằng năng lực ngôn ngữ nổi bật, giành được nhất trí khen ngợi của những người mê Hồng. Thậm chí có người cho rằng làn sóng không ngừng do loạt chương trình Giải mã Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ gây ra gắn liền với phong cách ngôn ngữ họ Lưu thông tục, sinh động, đầy nút thắt; trước điều đó, ông Lưu Tâm Vũ nhìn nhận thế nào? Còn đời sống thường nhật của Lưu Tâm Vũ là một trạng thái sống ra sao? Giải mã cuộc đời hồng học của Lưu Tâm Vũ, xin tiếp tục theo dõi chương trình đặc biệt của Bách gia giảng đàn: Giải mã Lưu Tâm Vũ.

Trương Việt: Thực ra đến chương trình chúng tôi giảng Hồng Lâu Mộng chẳng phải chỉ có mình thầy; nhưng người gây phản ứng lớn nhất cũng chỉ có mình thầy. Nên tôi nghĩ ngoài nội dung nghiên cứu của thầy ra, chuyện này còn liên quan tới một điều khác: cách bày tỏ của thầy. Cách bày tỏ của thầy khá thuận lợi cho khán giả tiếp nhận, nên mọi người nghe hiểu rồi, thấy hứng thú rồi. Tôi muốn cùng thầy trò chuyện về cách bày tỏ ấy: ví dụ thầy có học qua không? Thuật thuyết trình đấy ạ? Đã rèn luyện bản thân chưa?

Lưu Tâm Vũ: Trước khi nhận ghi hình chương trình này, tôi tiếp xúc với ban biên soạn, với nhà sản xuất; tôi rất tán đồng một định vị của họ: truyền hình của chúng ta, Bách gia giảng đàn, chẳng phải đại học truyền hình; nó chính là phục vụ người dân bình thường, người có văn hóa trung bình, thậm chí thấp hơn chút nữa còn chẳng sao; đương nhiên anh văn hóa cao thi thoảng xem truyền hình thì cũng hoan nghênh; nhưng tần số của chúng ta định vào người bình thường, đám chúng sinh mênh mông. Người đi làm về mệt lử, đứa đi học vừa vật lộn xong bài tập; là làm cho những con người ấy xem chơi theo nghĩa nào đó, tức giảng tri thức thì cũng là một hình thức giải trí, tiêu khiển, để khơi dậy trong họ chút hứng thú với tri thức. Sau khi chấp nhận tiền đề ấy, tôi hợp tác với họ rất vui vẻ; tức lối giảng của tôi là làm cho nó có nút thắt: nghe hết số một tôi để lại một cái móc, anh phải đợi số hai nghe tiếp; đến số hai tôi lại còn một cái móc nữa. Dĩ nhiên có người phát chán: móc nhiều thế, biến thành cái gì rồi?

Trương Việt: Ông kể chuyện thuyết thư à?

Lưu Tâm Vũ: Đúng là có người nói vậy. Tôi thấy Bách gia giảng đàn không thể làm thành hình thức kể chuyện thuần túy, nhưng cần hấp thụ vài phương pháp của thuyết thư. Nên nghe nói hiện nay Bách giảng đàn trở thành mục có tỷ lệ khán giả khá bảo đảm trong đài, một mảng chương trình; tôi cũng khá vui; nếu trong đó tôi góp được chút vai trò, tôi cũng an ủi lắm. Nên tôi thấy việc tôi khiến chương trình sống động lên được, thực ra gắn với định vị tổng thể chương trình của đài các chị, với nhà sản xuất và ban biên soạn; công sức của họ đóng vai trò lớn; tôi hoàn thành dưới sự dẫn dắt của họ. Nói thật, tôi cũng từng bước lên giảng đường rất cao cấp, mắt nhìn mũi, mũi lắng vào tim, nghiêm trang phô trương; tôi đưa ra một bài luận với ba mươi lăm chú thích, đúng không? Mở miệng ra kinh điển, mở miệng ra nguồn gốc; nhưng đối diện ai? Đó là nơi chuyên môn, chẳng phải diễn thuyết đối diện đám chúng sinh mênh mông như thế này; nên tôi cũng xem khách mà bưng món thôi.

Trương Việt: Tức là lúc làm chương trình, thực ra thầy cố ý đem những nghiên cứu học thuật bày tỏ bằng một cách thức thông tục, thú vị.

Lưu Tâm Vũ: Đúng; thực ra những gì tôi giảng đều có căn cứ, dù có người bảo anh bịa chuyện. Có người hỏi sao anh không nói rõ căn cứ ra? Rất rối rắm lắm. Ví dụ khi tôi giảng Tần Khả Khanh, nguyên mẫu của nàng liên quan gia tộc Dận Nhưng; Dận Nhưng thuở đầu vì sao gọi là Dận Nhưng? Về sau vì sao đổi thành Doãn Nhưng? Và những sử liệu nhà Thanh thời ấy, tôi phải lần lượt nói rõ xuất xứ: quyển nào trang mấy, hoặc tôi tham khảo những tác phẩm liên quan của những ai; anh nghĩ xem, chương trình như thế có phát sóng được không? Phát sóng rồi có ai xem không? Đúng không? Đây rốt cuộc là Bách gia giảng đàn; tôi chẳng phải hoàn thành thành quả học thuật của riêng tôi, cũng chẳng mong người nghe tôi xong sẽ ùn ùn đi làm hồng học; họ có hứng thú với Hồng Lâu Mộng là đạt mục đích rồi.

Trương Việt: Tôi nghĩ có lẽ giới học giả lo rằng nếu khán giả nghe nhiều thứ các phiên bản khác nhau rồi sẽ lẫn lộn đủ thứ phiên bản với nhau, đem tác phẩm văn học, sân khấu, phim điện ảnh, phim truyền hình lẫn với lịch sử có thật. Chẳng hạn hỏi một đứa trẻ: kể lịch sử nhà Thanh xem, vua Khang Hy là người thế nào? Thằng bé sẽ bảo: cậu ấy là anh em kết bái của Vi Tiểu Bảo; Vi Tiểu Bảo có bảy bà vợ, trong đó một bà là em gái cậu ấy. Thế là tiêu đời; chắc giới học giả lo điều đó. Nhưng nếu khán giả chúng ta có đủ năng lực phân biệt, biết chuyện gì là chuyện gì, hẳn cũng chẳng đến mức xảy ra vấn đề ấy.

Trương Việt: Vâng, bây giờ chúng ta dành chút thời gian cho khán giả tại trường quay; ai muốn đặt câu hỏi về nghiên cứu hồng học của thầy Lưu, bây giờ có thể hỏi.

Khán giả một: Thưa thầy Lưu, thầy đến Bách gia giảng đàn giải mã Hồng Lâu Mộng, giải mã Tần Khả Khanh, đã sáng tạo thêm một nhánh mới trong hồng học: Tần học; tinh thần đào sâu và thái độ nghiên cứu của thầy, tôi rất khâm phục. Nhưng theo trình độ kém cỏi của tôi, có một vấn đề tôi không hiểu, tôi muốn hỏi: ý tưởng hay động cơ lúc ấy của thầy Lưu là gì khi nghiên cứu nguyên mẫu nhân vật trong Hồng Lâu Mộng? Với một khán giả, độc giả tầm thường như tôi, một lúc khó lòng nắm được mối quan hệ ấy: biết nguyên mẫu nhân vật trong Hồng Lâu Mộng thì giúp ích gì cho việc hiểu Hồng Lâu Mộng, đọc cuốn sách này, hay nghiên cứu Hồng Lâu Mộng; mối quan hệ nằm ở chỗ nào? Tôi đã nghĩ lâu mà chưa nghĩ ra kết quả, xin thầy chỉ giáo.

Lưu Tâm Vũ: Hỏi rất hay. Câu hỏi này gồm hai phần; một phần là động cơ nghiên cứu của tôi, có phải động cơ xấu không. Bây giờ tôi nói với mọi người: tôi không có động cơ xấu, tôi thấy động cơ của tôi là tốt. Vì chính tôi viết tiểu thuyết, trong khi viết đã gặp một vấn đề: nhất là sau thập niên 80 của thế kỷ XX, việc dịch giới thiệu văn học nước ngoài ngày càng hưng thịnh, trào lưu văn học nước ngoài truyền vào Trung Quốc; thuở ấy các nhà văn gặp nhau mở miệng là Márquez, Faulkner thế này thế kia, chẳng bàn những cái ấy thì anh rớt hậu; nhiều nhà văn cũng miệt mài ngắm nghía người ta viết kiểu gì, "ma huyễn" kiểu gì, biến hình kiểu nào, hay dòng ý thức ra sao... Bản thân tôi rất nhiệt tâm, tham gia quá trình ấy, và từ đó tôi cũng hấp

thụ được nhiều dinh dưỡng. Nhưng tôi chợt nghĩ, tôi vẫn là một kẻ viết bằng tiếng mẹ đẻ, cũng chẳng định như vài nhà văn sang nước ngoài thì quy hóa theo xứ sở, dùng tiếng địa phương mà viết để thành nhà văn thiểu số trong xã hội ấy; tôi không đi con đường ấy; ở Trung Quốc tôi vẫn kiên trì dùng tiếng mẹ đẻ viết những tác phẩm hiện thực khá truyền thống. Thế là tôi thấy trước hết mình vẫn phải học hỏi từ những tác phẩm kinh điển trong nền cổ điển Trung Quốc của chúng ta; lựa chọn đầu tiên chính là Hồng Lâu Mộng. Nhất là lúc ấy tôi đang ấp ủ cuốn tiểu thuyết trường thiên thứ ba mang tên Tứ bài lâu; nhìn tổng thể ý tưởng cuốn tiểu thuyết này, nó mang tính tự truyện, tự thuật, tính gia sử; mà Hồng Lâu Mộng lại đúng là một cuốn sách như thế. Làm sao chuyển hóa chất liệu đời sống mình nắm giữ, những con người thật trong cuộc sống, những con người sống động, thành hình tượng nghệ thuật; đó là điều tôi cần hoàn thành; đó là động cơ của tôi. Đương nhiên nghiên cứu Hồng Lâu Mộng là đi ngược lại, bởi nó là một thành phẩm, cái bày ra trước mắt tôi là thứ Tào Tuyết Cần viết xong rồi; tôi phải xem hình tượng nhân vật ấy từ đâu đến; điều ấy có lợi cho sáng tạo của tôi; nên đây là động cơ của tôi.

Câu hỏi thứ hai vừa nãy hỏi rất hay. Anh muốn viết tiểu thuyết, cứ thế khám phá, làm nghiên cứu nguyên mẫu Tần Khả Khanh, xuất phát từ Tần Khả Khanh, nghiên cứu hết những nhân vật anh hứng thú; vậy đối với chúng tôi, nghe anh nói những thứ ấy có ích gì? Tôi thấy ở đây cần tuyên bố thêm lần nữa: nghiên cứu của tôi rất cá nhân hóa, là một án lệ riêng, tuyệt đối đừng coi nghiên cứu của tôi là chuẩn mực, là thứ đúng đắn, là thứ anh bắt buộc chấp nhận. Lúc đến đài truyền hình ghi chương trình này, tôi đã dặn dò đi dặn lại điểm ấy; tôi không có ý đó. Vậy anh không có ý đó, lại chẳng bảo đảm đúng, sao còn giảng cho chúng tôi nghe làm gì? Để khơi dậy hứng thú của anh với Hồng Lâu Mộng.

Tôi kể về một chuyện xảy ra với tôi ở Anh: năm 2000, theo lời mời của phía Anh, tôi từng sang Anh giảng về Hồng Lâu Mộng, và là lời mời tương đối cao cấp, do Hội Văn hóa Anh - Trung mời; tôi cũng giảng ở Đại học London. Thuở ấy có mấy hôm tôi khổ não lắm, bởi trong khuôn viên Đại học London, tôi làm một cuộc khảo sát: gặp một sinh viên đại học, hoặc tôi cho rằng hắn là sinh viên đại học, thực ra có khi không hẳn; tôi hỏi: bạn có biết Tào Tuyết Cần không? Bạn biết Hồng Lâu Mộng không? Tôi hỏi khoảng hai mươi người, câu trả lời đều là không biết, bằng không. Gặp hai mươi người, kết quả tôi nhận về là một con số không. Trở về tôi cáu bẳn, bèn đến Đại học Bắc Kinh, bên hồ Vị Danh, cũng tìm hai mươi người, hỏi: bạn có biết Shakespeare không? Biết Hamlet không? Cái biểu tình tôi gặp phải là kiểu gì? Anh chàng bán điên bán dại à? Tôi mà không biết Shakespeare? Còn một nữ sinh về sau nổi nóng luôn: em mà không biết cả Hamlet nữa thì em còn học ở đây làm gì? Anh là ai? Ở đâu tới thế? Nhưng ngay lúc đó tôi nghĩ: sinh viên Trung Quốc nên biết Shakespeare, nên biết Hamlet; điểm này mọi người đừng hiểu lầm; hai mươi sinh viên ấy đều biết đại văn hào nước Anh cùng tác phẩm tiêu biểu của ông; vì thế trước tiên tôi thấy mừng; nên biết, chúng ta biết càng nhiều càng tốt; nhưng đem hai chuyện đặt cạnh nhau, khó chịu lắm, rất khó chịu.

Trương Việt: Cảm nhận được sự khác biệt giữa văn hóa cường thế và văn hóa nhược thế.

Lưu Tâm Vũ: Huống chi Hồng Lâu Mộng của chúng ta bản thân vốn rất cường thế! Viết hay đến thế! Đặt vào văn học thế giới hơn hai trăm năm trước, nhìn song song thời đó, nó đã là một đỉnh cao rồi, xét về tiểu thuyết trường thiên. Nhưng sinh viên chúng ta thuộc lòng tác phẩm ngoại quốc đến thế, còn những sinh viên ngoại quốc ấy lại chẳng biết gì về Hồng Lâu Mộng và Tào Tuyết Cần; mà họ chẳng biết, họ rất lịch sự: SORRY, biết anh là người Trung Quốc, những gì anh hỏi tôi rất vui lòng lắng nghe; anh hỏi gì cơ à? À, hỏi hai cái này; rất tiếc, tôi thật sự không biết; anh ấy rất ngại ngùng, thấy mình lẽ ra phải biết, muốn cho tôi một chút thỏa mãn; nhưng anh ấy thật sự không biết, và anh ấy được phép không biết; anh hiểu chứ? Nó chưa bước vào phạm trù kiến thức thường thức của người Anh; còn lý do nữ sinh Bắc Kinh nổi nóng với tôi là cô ấy cho rằng Shakespeare, Hamlet là thứ thường thức, không phải tri thức. Nên tôi thấy, làm một người Trung Quốc, một nhà văn Trung Quốc, lại yêu thích Hồng Lâu Mộng, tôi có trách nhiệm, thậm chí với mỗi người tôi gặp, phải nói với họ: Tào Tuyết Cần vĩ đại, Hồng Lâu Mộng hay lắm; anh chưa có hứng thú à? Vì tôi từng gặp những người nói Hồng Lâu Mộng chẳng phải chỉ là cuốn tiểu thuyết thôi à! Hồng Lâu Mộng có gì đâu! Chẳng phải tình yêu Bảo - Đại, kế tráo cô dâu, Đại Ngọc đốt thảo cả, Bảo Ngọc khóc linh thôi sao? Đó là ấn tượng từ các vở sân khấu cải biên thôi. Trong Hồng Lâu Mộng còn có Tần Khả Khanh nữa đấy; còn biết bao nhân vật khác nữa; anh phải biết chứ; tôi mang tâm trạng như thế. Nên mục đích của tôi là đánh thức mọi người đọc Hồng Lâu Mộng; anh đọc Hồng Lâu Mộng rồi thì quan điểm của anh hoàn toàn có thể khác tôi; nhưng anh nên đọc; anh là người Trung Quốc; Hồng Lâu Mộng là tác phẩm văn học viết bằng chính tiếng mẹ đẻ của chúng ta; bất cứ lúc nào chúng ta cũng không thể quên tiếng mẹ đẻ; đúng không? (Vỗ tay)

Trương Việt: Còn vị nào nữa không?

Khán giả hai: Qua việc nghe thầy giải mã Hồng Lâu Mộng ở Bách gia giảng đàn, tôi có suy nghĩ thế này: tôi thấy năng lực đọc của thầy phi thường. Ngày xưa tôi đọc sách, hồi nhỏ đọc từng trang một; lớn lên, chút tư tưởng nội dung rồi, đọc từng câu một; nhưng tôi thấy thầy đọc Hồng Lâu Mộng là đọc từng chữ một, mỗi một chữ thầy đều trầm ngâm rất tinh tế. Xã hội bây giờ khá phù phiếm; vậy mà thầy có thể tĩnh tâm như thế, từng chữ một, nghiêm túc nghiên cứu, khai phá, trầm ngâm không ngừng trong lĩnh vực học thuật, dường như mang lại chút tác dụng tĩnh âm cho cái thời đại nóng vội này; tôi nghĩ vậy. Với bản thân tôi, đó cũng là tấm gương tốt; tôi cho rằng đọc sách, làm học thuật lẽ ra phải tỉ mỉ đến mức ấy. Tôi nói hết chỗ đó thôi.

Trương Việt: Được, cảm ơn.

Khán giả ba: Thầy Lưu chào thầy! Tôi xem qua không ít tác phẩm của thầy; nhưng tôi thấy có lẽ Tần Khả Khanh là nhân vật vô cùng quan trọng bên trong; còn việc thầy khảo chứng nguyên mẫu của nàng, tôi đồng ý cách làm ấy; nhưng thầy khảo chứng nguyên mẫu cho nhiều nhân vật quá; tôi thấy có phải nhất định phải khảo chứng nguyên mẫu cho tất cả? Nếu cứ phải khảo chứng nguyên mẫu hết thì các nhà văn hiện nay cứ ghi nguyên mẫu của mình vào đấy, rồi niêm phong lại; bao nhiêu năm sau chúng ta mở ra xem, xem hậu thế

khảo chứng về họ có khớp với ban đầu hay không. Tác giả thì có thể chưa hẳn thế, độc giả thì chưa hẳn được phép khác; nên tôi thấy đôi khi việc khảo chứng nguyên mẫu liệu có nên chiếm làm chủ thể?

Lưu Tâm Vũ: Ý bạn hỏi là nguyên mẫu có phải điều phổ quát áp đặt cho mọi thứ, bất kỳ tác phẩm nào cũng phải nghiên cứu kiểu ấy? Đương nhiên không! Chẳng những nghiên cứu nguyên mẫu không thể phổ quát hóa cho mọi tác phẩm, mà với một tác phẩm cụ thể như Hồng Lâu Mộng, hoặc bất kỳ tác phẩm cụ thể nào, đều có thể dùng những phương pháp nghiên cứu khác nhau; nhất thiết phải có tiền đề đa nguyên. Hồng Lâu Mộng, tôi đi từ nghiên cứu nguyên mẫu và đọc tinh văn bản để giải đọc; đó chỉ là phương pháp cá nhân tôi lựa chọn; người khác hoàn toàn có thể dùng phương pháp khác để nghiên cứu Hồng Lâu Mộng; và cá nhân tôi cũng chưa từng nói mọi vai trong Hồng Lâu Mộng đều phải khám phá nguyên mẫu; ví dụ Đạo nhân Không Không, hòa thượng đầu ghẻ, đạo sĩ chân què bên trong có nguyên mẫu không? Tôi đã không tiến hành nghiên cứu nguyên mẫu; tôi cho rằng đây có thể chỉ là những nhân vật tưởng tượng của tác giả; nên tuyệt không có ý đó.

Trương Việt: Ý thầy Lưu là muốn tìm nguyên mẫu nghiên cứu cũng phải xét bản chất của tác phẩm đó là gì.

Lưu Tâm Vũ: Đúng.

Trương Việt: Tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu thì không thể tiến hành nghiên cứu nguyên mẫu. Còn Hồng Lâu Mộng là tiểu thuyết có yếu tố tự truyện.

Lưu Tâm Vũ: Đúng.

Trương Việt: Bao nhiêu năm sau, nếu chị nghiên cứu Tứ bài lâu, chị có thể dùng kiểu nghiên cứu nguyên mẫu.

Lưu Tâm Vũ: Cô nói chẳng sai.

Khán giả bốn: Thầy Lưu chào thầy, cô chủ trì chào cô! Lần đầu tiên tôi đọc Hồng Lâu Mộng là thời trung học; khi ấy chắc tuổi còn nhỏ, cũng chẳng có bậc cao nhân nào như thầy Lưu chỉ điểm nhiều; về cơ bản coi như chưa đọc hiểu, bởi ấn tượng khi đó của tôi là trong sách thơ nhiều, từ ngữ thật lộng lẫy. Lên đại học, vì thư viện nhiều sách, nên tôi đọc không ít sách như của cụ ông Chu Nhữ Xương, cũng đọc vài bài viết của thầy Lưu, có thêm hứng thú sâu hơn với Hồng Lâu Mộng. Nhưng lúc ấy đọc lại Hồng Lâu Mộng, tôi theo vài ý kiến trong sách rồi đi đối chiếu, với tâm thế xem lời các vị nói có đúng là như thế không. Rồi bây giờ xem loạt bài giảng của thầy trên Bách gia giảng đàn xong, lại muốn đọc Hồng Lâu Mộng thêm một lần nữa. Tôi xin hỏi thầy Lưu: với những bạn trẻ chúng tôi, vốn chưa hiểu sâu lắm về Hồng Lâu Mộng, nếu đọc lại Hồng Lâu Mộng thì thầy có khuyên nhủ gì? Cảm ơn thầy.

Lưu Tâm Vũ: Khuyến nghị của tôi rất đơn giản: hãy tôn trọng Hồng Lâu Mộng, hãy đọc Hồng Lâu Mộng, hãy biết từ Hồng Lâu Mộng phát hiện niềm vui, biết nhận được niềm vui trong lúc đọc; còn anh đọc xong nảy sinh những suy nghĩ gì, thẩm mỹ của anh cuối cùng sinh hiệu quả gì, đó là chuyện cá nhân anh, do rất nhiều nhân tố quyết định, chuyện ấy tôi chẳng quản. Mục đích của tôi là đánh thức anh đọc lại. Lần này ở Mỹ, tiên sinh Hạ Chí Thanh vì ngồi hàng ghế đầu nghe tôi diễn thuyết; buổi sáng nghe xong buổi chiều còn đến nữa; tôi bảo chiều nay thôi ạ, trời oi thế này, New York đã bắt đầu nóng rồi; ông vẫn đến, đến rồi vẫn ngồi hàng đầu, mấy lần gật gù khen hay; sau đó trả lời phỏng vấn báo chí, ông nói: nghe Lưu Tâm Vũ giảng xong, tôi phải "đọc bù gấp" Hồng Lâu Mộng, ôn lại Hồng Lâu Mộng; nghe vậy tôi xúc động, bởi tôi thấy ông là chuyên gia chứ chẳng phải độc giả bình thường. Nếu bài diễn thuyết của tôi quả đánh thức được sự quan tâm của mọi người thì mục đích của tôi quả đạt rồi; thật ra chẳng cần thiết chấp nhận những quan điểm cụ thể của tôi.

Trương Việt: Nghìn lời vạn tiếng, thực ra vẫn là câu cũ: chị có đồng ý với nghiên cứu của anh hay không đều chẳng sao; mục đích của anh chẳng qua chỉ mong anh thấy cuốn Hồng Lâu Mộng này thú vị lắm đấy, tôi về xem thử; chỉ vậy thôi.

Lưu Tâm Vũ: Đúng đúng.

Trương Việt: Vậy công việc hiện nay của thầy, thứ thầy gọi là công việc rất rìa, gồm những bộ phận nào?

Lưu Tâm Vũ: Công việc của tôi gồm bốn phần:

Thứ nhất, năm xưa tôi gây chú ý cho mọi người bằng viết tiểu thuyết, nên tôi tiếp tục viết tiểu thuyết. Ngay tháng này, tôi còn đăng trên Dương Thành buổi tối của báo Dương Thành chuyên mục cả trang Hoa Địa một truyện sáu nghìn chữ; truyện sáu nghìn chữ là truyện ngắn rất điển hình; tôi viết sau chuyến thăm Mỹ trở về; nên tôi liên tục đăng tác phẩm tiểu thuyết mới.

Công việc thứ hai, tôi viết rất nhiều tùy bút. Những tùy bút ấy phần lớn để xả bớt u uất trong lòng mình, bởi xã hội hiện nay áp lực quá lớn, người mắc bệnh trầm cảm nhiều, vấn đề tâm lý nhiều; tôi thường xuyên tự thanh lý cho chính mình, tự làm vệ sinh tâm lý; nên trước tiên tôi viết cho chính mình, cho người thân của mình, cùng những ai cảnh ngộ giống tôi, rồi mọi người cùng nhau tập "thể dục tâm hồn". Tôi nhớ mười mấy năm trước tôi viết một bài gọi là Năm mươi tự răn; bài viết ấy khi đó có tiếng vọng trong phạm vi nhất định. Tôi thấy mình năm mươi tuổi rồi, liệu có biến thành con người thế này không: bỗng ngồi trên ghế sa-lông, nghĩ rằng mình đã không còn nổi tiếng nữa, tác phẩm nổi giờ đều do người khác viết, nhất là những người trẻ; bắt đầu lải nhải than người trẻ thế này không đúng, thế kia không đúng; tôi bảo tôi phải tự cảnh tỉnh, đừng sống như thế. Tôi thấy mười mấy năm qua nay tôi có thể an lòng tự đánh giá: tôi đã không sống như thế; tôi không ghen tị với người trẻ, không ghen tị với những nhà văn hiện bán chạy hơn tôi, không ghen tị với những nhà văn trên bảng xếp hạng, không ghen tị với những nhà văn mới đoạt giải; tôi tiếp tục làm việc

của mình; trong quá trình ấy tôi cũng nhờ tùy bút không ngừng điều chỉnh tâm lý của mình, cùng cách nhìn những tình hình xã hội ấy. Đó là công việc thứ hai.

Thứ ba, tôi viết bình luận kiến trúc; điều này nhiều người không biết; cái này có tính văn học không? Đây là một lối viết vượt lãnh vực; tôi đã xuất hai cuốn sách.

Thứ tư, nghiên cứu Hồng Lâu Mộng. Hướng lớn của nghiên cứu tôi, thực ra chủ yếu là "tư thụ" một đại gia hồng học, tức tiên sinh Chu Nhữ Xương; tôi hoàn thành nghiên cứu Tần học dưới sự chỉ đạo của tiên sinh Chu Nhữ Xương; nghiên cứu của chúng ta có hai điểm xuất phát căn bản nhất, nói ra thì rất đơn giản. Một là chúng ta kiên trì nhắc mọi người chú ý: tám mươi hồi đầu Hồng Lâu Mộng do Tào Tuyết Cần viết là một chuyện; Cao Ngạc là kẻ tiếp viết, bốn mươi hồi sau của ông là chuyện khác; hai người này chẳng quen biết nhau, độ tuổi sống khác nhau, chưa từng có giao thiệp; do đó nói Cao Ngạc tiếp viết hay thì đó cũng là chuyện tiếp viết hay của riêng ông; nên nghiên cứu của chúng tôi là nghiên cứu tám mươi hồi đầu. Thứ hai, tiền đề của chúng ta là cho rằng tám mươi hồi đầu, phiên bản lưu hành hiện nay, cũng chẳng tốt; nên anh thấy trong bài giảng tôi nhắc đi nhắc lại bản cổ Hồng Lâu Mộng. Bây giờ tôi sẽ nói cho anh biết tôi đang làm việc gì: tôi định đem thành quả mà tiên sinh Chu cùng anh trai ông, đã qua đời, tên Chu Hỗ Xương, cùng các con gái họ, dùng hơn nửa thế kỷ hoàn thành: đem mười ba bản cổ Hồng Lâu Mộng so từng câu một, rồi chọn ra câu được coi là gần Tào Tuyết Cần nhất, hoặc hợp nguyên bút nguyên ý của Tào Tuyết Cần nhất, lập thành một phiên bản mới. Phiên bản này hiện rất hiu quạnh; tuy đã xuất bản chính thức nhưng rất hiu quạnh. Tôi định đặc biệt giới thiệu với độc giả trẻ phiên bản này, với tư cách người bình điểm hoặc dẫn đọc; hoặc chẳng gọi là bình điểm cũng chẳng gọi là dẫn đọc, gọi là giới thiệu hay sao đó; cái mật mã này chưa nghĩ ra; giờ cũng có nhà xuất bản đang liên hệ với tôi; tôi sẽ làm chuyện này. Như thế không có nghĩa phiên bản cuối cùng của chúng ta ắt là tốt nhất; nhưng chúng ta cố sức đem thành quả của những nhà nghiên cứu hoặc người yêu thích cùng chung quan điểm này dâng cho xã hội, dâng cho độc giả, nhất là độc giả trẻ; chúng tôi cho đó là một phiên bản khá tốt, hướng tới độc giả mà phổ biến.

Trương Việt: Đó là bốn công việc rìa của thầy; còn cuộc đời rìa của thầy chủ yếu gồm những nội dung gì?

Lưu Tâm Vũ: Một nội dung rất quan trọng trong cuộc đời rìa của tôi là ra cánh đồng vẽ tranh màu nước ngoài trời; nó tạo thành một niềm vui rất lớn trong đời sống của tôi. Vì sao tôi ra nông thôn? Ở nông thôn tôi có mấy bạn làng; có bạn làng thân thiết với tôi lắm; họ tranh thủ thời gian rỗi lại đưa tôi đi; bởi họ biết đâu đâu còn có phong cảnh hoang, ruộng đất hoang; nơi ấy giờ càng ngày càng ít, đúng là năm nào cũng ít hơn năm nào; các nhà đầu tư không ngừng giành lấy quyền sử dụng những mảnh đất ấy. Nhưng tôi xin chắp hai tay lại: may thay quanh thư phòng tôi chọn còn sót lại vùng đất ngập mặn, còn có vài mảnh vườn điền mang dáng vẻ hoang sơ. Ra đó vẽ tranh màu nước là một niềm vui rất lớn trong đời sống của tôi.

Trương Việt: Tức biết đâu một ngày nào đó chúng ta sẽ được thấy tập tranh của thầy.

Lưu Tâm Vũ: Chuyện này chẳng dám nói; chủ yếu là tự vui thôi.

Trương Việt: Chứng minh đầy đủ cho quan điểm của mọi người là "làm việc không đúng nghề"; đồng thời cũng chứng minh, thực ra mỗi một việc "làm việc không đúng nghề" đều là nghề chính cả.

Lưu Tâm Vũ: Đúng.

Trương Việt: Ai quy định một con người chỉ được làm gì và bắt buộc phải làm gì?

Lưu Tâm Vũ: Đúng. (Vỗ tay)

Trương Việt: Vậy chúng ta muốn đơn giản bàn với thầy về tương lai: chúng ta đều nghe thầy giảng Tần Khả Khanh, giảng Diệu Ngọc, giảng Nguyên Xuân; chúng tôi không biết thầy có còn quay lại Bách gia giảng đàn giảng Hồng Lâu Mộng nữa không? Nếu giảng tiếp, thầy muốn giảng về ai hơn?

Lưu Tâm Vũ: Có thể cân nhắc; nhưng tôi cũng chẳng biết khán giả có hứng thú không?

Trương Việt: Vậy xin lấy ý kiến tại chỗ luôn nhé: mọi người có hứng thú không?

Khán giả: Có hứng thú.

Trương Việt: Thế thì xem ra chỉ có thể thế được rồi.

Lưu Tâm Vũ: Phải tôn trọng; bởi một khi anh đã làm một việc trong xã hội, khiến hành vi của anh xã hội hóa, thì phải lắng nghe ngoan ngoãn theo đa số người trong xã hội, tôn trọng mong muốn của họ, lắng nghe ý kiến của họ.

Trương Việt: Vâng, chúng tôi sẽ mong chờ những bài giảng giải mã Hồng Lâu Mộng thú vị hơn nữa của thầy Lưu Tâm Vũ. Vâng, hôm nay cảm ơn mọi người tham dự, và cảm ơn thầy Lưu!

Lưu Tâm Vũ: Cảm ơn chị, cảm ơn mọi người!

(Chương trình này phát sóng trên CCTV-10 năm 2006)

# Tiên sinh Chu Nhữ Xương tặng thơ

Tiên sinh Chu Nhữ Xương tặng thơ vào đêm trước ngày năm 2010 Bách gia giảng đàn của CCTV-10 khai phát loạt Chuyện thật sau tám mươi hồi của Hồng Lâu Mộng của Lưu Tâm Vũ:

Mừng nghe nhà văn nổi tiếng, tiên sinh Lưu Tâm Vũ, lại một lần bước lên đài giảng Hồng của Đài truyền hình trung ương

(Một)

Hồng mới tươi xanh, nhờ ai trồng? Nhìn ra đồng hoang, cảnh thật đáng than.

Mừng thay xuân phong lại thổi tới, trồng đào vun hạnh khắp vườn hoa nở.

(Hai)

Nhờ có nguồn đầu, nước sống sinh sôi; xuôi dòng nghìn dặm trăm hoa rực rỡ.

Cành mới riêng tươi thêm màu ý mới; mở cõi hồng hoang thuở khai sáng nặng tình nhất.

(Ba)

Chẳng quý sự na ná, quý sự khác thường; trăm sông quy biển gọi là triều tông.

Đã từng một bàn tay muốn che mặt trời; nào ngờ trời quang vẫn chín tầng cao.

(Bốn)

Thám dật vì sao hết sức cần mẫn? Rắn cỏ vệt tro nặng tựa nghìn cân.

Việc nhân chẳng nhường mới thật hiệp nghĩa; rồng trọn cả đầu đuôi an ủi Tuyết Cần.

Năm Canh Dần, ngày hai mươi lăm tháng chính, định bản cuối cùng

# Túi gấm thứ nhất: Chân Anh Liên bị bắt cóc

# Mười túi gấm dành cho độc giả thiếu niên đọc Hồng Lâu Mộng

Hiểu bi kịch, trân trọng điều đẹp đẽ

Các bạn trai, các bạn gái ơi, tôi muốn dâng tặng các bạn mười túi gấm để đọc Hồng Lâu Mộng. Túi gấm thứ nhất, tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện Chân Anh Liên bị bắt cóc.

Hồng Lâu Mộng là một bộ tiểu thuyết bi kịch. Thế nào là bi kịch? Trong thế kỷ hai mươi, chúng ta từng có một nhà văn vĩ đại tên là Lỗ Tấn. Tiên sinh Lỗ Tấn đã cho chúng ta biết: bi kịch là đem những điều giá trị trong cuộc đời mà phá hủy ra trước mắt người xem. Nghĩa là những con người đẹp đẽ, những sự việc tốt lành bị tiêu diệt đi, đó chính là bi kịch. Vậy thì ngay từ hồi thứ nhất, Hồng Lâu Mộng đã đặt nền cho cái tông bi kịch ấy rồi.

Nó kể một câu chuyện như thế nào? Sách nói ở đất Tô Châu có một cửa thành gọi là cửa Xương. Tác giả viết rằng cửa Xương này đúng là chỗ phú quý phong lưu hàng nhất nhì trong cõi trần. Nghĩa là sao? Tức là trên đời này, trong đời sống của con người, nơi đây thứ nhất được gọi là phú quý, nghĩa là dân cư nhìn chung sống khá giả; lại còn được gọi là phong lưu, nghĩa là nơi ấy có văn hóa. Nơi đó sinh sống một con người, tên là Chân Sĩ Ẩn, thân phận của ông là hương hoạn. Hương hoạn là gì? Là người từng làm quan, sau không làm nữa, trở về quê nhà cư ngụ; kiểu người như vậy được gọi là hương hoạn. Chân Sĩ Ẩn sống một cuộc sống nhỏ lành rất ổn thoả: ngắm hoa, uốn trúc, rót rượu, ngâm thơ. Nhà ông khá khang trang, có vườn tược; ông có thể trồng hoa, trồng tre, thỉnh thoảng tỉa tót cây tre, rảnh rang thì rủ bạn bè cùng uống rượu làm thơ.

Nhà Chân Sĩ Ẩn, các bạn thử nhìn xem, vốn đang sống một cuộc sống nhỏ lành thật tốt, đầy chất thi vị. Ông và vợ chỉ có một đứa con gái độc nhất. Vợ ông lâu ngày không có thai, đến hơn nửa trăm tuổi mới sinh được một cô con gái nhỏ, nên ông đặc biệt yêu chiều cô bé này, thường xuyên bế cô vào lòng.

Một hôm Chân Sĩ Ẩn bế con gái ra ngoài, đến phố ngoài sân xem cảnh nhộn nhịp; con bé có tên sữa là Anh Liên, tức Chân Anh Liên. Bấy giờ từ phía đối diện đi tới một đạo sĩ và một nhà sư. Đạo sĩ là đạo sĩ chân khiễng, đi khập khiễng; nhà sư thì đầu đầy ghẻ lở. Hai người đi tới, nhà sư trông thấy cô bé Chân Sĩ Ẩn đang bế bỗng thốt ra một câu hết sức đáng sợ: “Thí chủ! Con bé này có mệnh không có vận, làm lụy đến cha mẹ, thí chủ ẵm nó làm gì?” Câu nói ấy rất đáng sợ. Thí chủ là cách gọi của nhà sư thời xưa dành cho những người gặp được, vì nhà sư chủ yếu sống nhờ bố thí của thiên hạ; ví dụ họ cầm chiếc bát đi khất cơm, hoặc

đưa bình bát ra, bạn bỏ ít tiền vào, phải không? Vì vậy họ gọi tất cả những ai ban cho mình tiền của là thí chủ.

Có mệnh không có vận nghĩa là gì? Nghĩa là cô bé tuy được sinh ra mang một sinh mệnh, nhưng suốt cuộc đời về sau chẳng có vận may gì tốt đẹp, và vì bất hạnh của mình, còn làm lụy đến cả cha mẹ. Nghe những lời ấy, Chân Sĩ Ẩn tất nhiên khó chịu lắm. Dĩ nhiên là khó chịu rồi, cha mẹ ai nghe lời ấy mà vui nổi? Ông chỉ cho rằng nhà sư nói lời điên rồ, không thèm đáp, quay người trở vào trong sân.

Trôi qua một thời gian, tới tiết Nguyên tiêu. Phố xá đông vui hẳn lên. Thời xưa có một tục lệ, nhất là ở Giang Nam: cứ đến loại ngày lễ ấy, trên đường lại có hội rước, gọi là xã hoả đèn hoa. Nghĩa là sao? Rằng nhiều người dân tự động tổ chức với nhau, hoá trang thành nhân vật trong đủ thứ chuyện thần thoại, diễu hành dọc phố, vừa đi vừa xách đủ loại đèn lồng, thi thoảng còn đốt pháo hoa, nhìn rất đẹp mắt.

Đến đúng ngày ấy, cô bé Chân Anh Liên rất muốn đi xem hội. Cha mẹ đã lớn tuổi, một lúc bất cẩn, không tự tay dẫn con đi, mà giao cho một gia nhân tên là Hoắc Khải, bảo cậu đưa con bé đi xem xã hoả đèn hoa. Gia nhân liền dẫn Chân Anh Liên ra khỏi nhà. Xem đám thì phải men theo phố, bám theo đoàn diễu hành mà tiến lên, cứ thế từng bước từng bước càng cách xa nhà. Đang lúc ấy, người gia nhân chợt thấy bụng căng, muốn đi vệ sinh, bèn đặt Chân Anh Liên ngồi trên bậc cửa nhà người ta, rồi tự mình đi giải quyết. Giải quyết xong quay lại nhìn thì bậc cửa đã trống, đứa bé mất tích: Chân Anh Liên bị kẻ bắt cóc bắt mất rồi.

Các bạn thấy chưa, Hồng Lâu Mộng ngay hồi đầu tiên đã viết một chuyện như thế. Để làm gì? Để định lấy tông giọng cho toàn bộ cuốn sách, để viết bi kịch. Nhà họ Chân vốn sống rất yên ổn, đúng không? Vậy mà cha mẹ hơn nửa trăm tuổi bỗng một đêm đánh mất đứa con gái độc nhất, thảm thiết biết bao! Sau này sách kể tiếp: Chân Anh Liên bị bắt cóc, nuôi lớn lên, người ta coi cô như một món đồ mà bán đi. Chân Anh Liên về sau trong sách, lớn lên chẳng nhớ mình là người đất nào, chẳng nhớ cha mẹ mình là ai, cũng chẳng nhớ mình họ Chân, càng không biết mình tên Chân Anh Liên. Người nhà mua cô đặt cho cô một cái tên khác: Hương Lăng.

Nhà họ Chân về sau thảm thương lắm. Đánh mất đứa con gái cưng, hai vợ chồng thấy sống chẳng còn ý nghĩa gì nữa; ngày trước còn ngắm hoa, uốn trúc, rót rượu, ngâm thơ, về sau chẳng còn chút hứng thú nào nữa. Bên cạnh nhà họ có một ngôi miếu nhỏ gọi là miếu Hồ Lô. Đến một số tiết khí nhất định, miếu Hồ Lô phải dâng đồ cúng trước tượng Phật. Trong số đồ cúng có một thứ gọi là đồ cúng chiên, tức là đem vài thứ đi chiên ngập dầu, bày lên đĩa, đặt trước tượng Phật. Vậy chuyện gì xảy ra lúc chiên đồ cúng? Vì miếu nhỏ mà lửa to, ngọn lửa liếm phải giấy dán cửa sổ bén cháy, dập mãi không tắt, thiêu rụi cả miếu; miếu cháy thôi thì còn đỡ, nhưng lửa lây lan thiêu sạch luôn cả một dãy phố láng giềng.

Chân Sĩ Ẩn và vợ vốn sống cuộc đời nhỏ lành, nhưng trải qua vụ con gái bị bắt cóc, rồi vụ miếu Hồ Lô chiên đồ cúng gây hỏa hoạn, mọi thứ hoàn toàn tan thành mây khói, hai vợ chồng lưu lạc xuống thôn quê, thảm

thương vô cùng. Cho nên đọc Hồng Lâu Mộng phải hiểu được hồi thứ nhất, phải hiểu câu chuyện nhà họ Chân, chuyện Chân Sĩ Ẩn trong hồi ấy, phải hiểu rằng mở đầu bằng một bi kịch chính là để định lấy tông bi kịch chung cho toàn bộ cuốn sách. Vì vậy giờ đây khi bạn đọc Hồng Lâu Mộng, túi gấm thứ nhất tôi mách bạn là: bạn phải nắm được đặc điểm bi kịch ấy; sách không viết hài kịch, sách viết về cuộc sống tươi đẹp, gia đình tươi đẹp, con người tươi đẹp và sự việc tươi đẹp đã gặp tai hoạ, gặp thế lực ác, cuối cùng bị tiêu diệt ra sao.

Tuy cuốn sách này viết cách đây hơn hai trăm năm, kể về một câu chuyện cổ xưa, nhưng thời đại phát triển đến hôm nay, chúng ta đều đã có cuộc sống tốt đẹp hơn xa thuở kia bội phần, mà xã hội vẫn còn tồn tại thế lực đen tối, vẫn còn kẻ bắt cóc; các bạn học trò à, các bạn vẫn đang đối mặt với loại đe doạ sinh mạng ấy. Cha mẹ cho bạn một sinh mệnh, nhưng nếu bạn không chú ý, có thể bị kẻ bắt cóc lừa đi, bị thế lực đen đẩy vào con đường sai trái. Vì vậy hôm nay chúng ta đọc Hồng Lâu Mộng, đọc ngay hồi thứ nhất, bạn từ nhỏ đã phải hiểu rằng tác giả thực ra đang dạy chúng ta trân trọng cuộc sống hoà bình an ổn, trân trọng cha mẹ mình, trân trọng bạn bè, thầy cô của mình. Phải biết làm thế nào để tránh bi kịch, để bi kịch trần gian dần dần giảm bớt, như thế chúng ta mới có thu hoạch thực sự.

Bài giảng này tôi đã kể một câu chuyện bi kịch mở đầu; bây giờ tôi hỏi vài câu, thử xem bạn nghe xong còn nhớ được không. Câu chuyện Hồng Lâu Mộng ban đầu xảy ra ở nơi nào? Có phải ở Nam Kinh không? Có phải ở Bắc Kinh không? Ở địa phương nào? Trong câu chuyện hồi thứ nhất, nhà họ Chân ở đâu? Tốt, rồi nói đến nhà Chân Sĩ Ẩn, Chân Sĩ Ẩn là một quan chức đã nghỉ việc, ông và vợ có một đứa con gái độc nhất, được đặt một cái tên sữa là gì, bạn còn nhớ không?

Trao xong túi gấm này cho bạn, tôi sẽ trao tiếp túi gấm thứ hai, tức nội dung bài giảng kế tiếp: bạn hãy ghi nhớ những người con gái xuân thì được viết trong sách.

Vì sao bắt buộc phải ghi nhớ? Vì cuốn sách này được dâng tặng cho phụ nữ. Qua nhân vật nam chính, vai nam số một Giả Bảo Ngọc, sách đã nói ra những lời như sau: xương thịt của con gái là nước kết thành, xương thịt của con trai là bùn kết thành; trông thấy người con gái xuân thì thì thấy nhẹ nhõm khoan khoái, trông thấy đám đàn ông trưởng thành ấy, đám râu ria ô trọc, thì chỉ thấy tanh hôi bẩn thỉu vô cùng. Điều đó thật đáng nể. Xin mong chờ túi gấm thứ hai tôi dành tặng cho bạn.

# Túi gấm thứ hai: Kim Lăng thập nhị thoa

Ghi nhớ những người con gái xuân thì tươi đẹp trong sách

Hồng Lâu Mộng thật phi thường. Những bộ tiểu thuyết trường thiên cổ điển trước kia, như Tam Quốc diễn nghĩa, Thủy Hử, Tây Du ký, vai nữ trong những truyện ấy hoặc quá ít ỏi, hoặc toàn những vai phản diện như loại tinh xương trắng. Đến Hồng Lâu Mộng thì khác hẳn: tác giả bắt đầu khẳng định giá trị sinh mệnh của phụ nữ, ông viết ra hàng loạt câu chuyện về những người con gái xuân thì. Bài giảng này vì thế có nhan đề là Kim Lăng thập nhị thoa.

Bạn có thể thắc mắc: anh nói cuốn sách này viết về phụ nữ, vậy Kim Lăng thập nhị thoa chẳng phải chỉ phụ nữ hay sao? Đúng vậy. Kim Lăng là một khái niệm địa lý. Trong truyện, những nhân vật ấy, nơi sinh ra và tổ quán của họ đều thuộc Kim Lăng. Thu hẹp lại thì Kim Lăng chính là Nam Kinh; tên gọi khác của Nam Kinh đúng là Kim Lăng. Nhưng Kim Lăng trong sách là một khái niệm địa lý rộng: lấy Nam Kinh làm trung tâm, Dương Châu bên kia sông Trường Giang so với Nam Kinh cũng tính vào vùng Kim Lăng, Vô Tích và Tô Châu gần Nam Kinh cũng tính vào Kim Lăng, đến Hàng Châu xa hơn về phía nam của Nam Kinh cũng tính vào Kim Lăng; nó là một khái niệm Đại Kim Lăng.

Vậy thì những người con gái xuân thì trong sách, tổ quán của họ đều nằm trên vùng đất ấy. Thập nhị thoa nghĩa là gì? Thoa là gì? Thoa, thời cổ đại, là vật mà phụ nữ dùng để vấn tóc: dài dài, cắm được lên tóc, giữ cố định mái tóc đã chải sẵn, đồng thời lại còn là một món trang sức rất đẹp.

Sách viết về một nhóm các cô gái, những thiếu nữ xuân thì, trong đó đa số là tiểu thư, là phụ nữ xuất thân gia đình quý tộc, nên sách dùng chữ thoa để đại diện cho người con gái; Kim Lăng thập nhị thoa nghĩa là mười hai người con gái sinh ra trên đất Kim Lăng. Thực ra Hồng Lâu Mộng viết tới rất nhiều người con gái xuân thì, đâu phải chỉ mười hai người. Vì sao lại gọi là Kim Lăng thập nhị thoa? Bạn xem hồi thứ năm sẽ rõ.

Hồi thứ năm viết Giả Bảo Ngọc ngủ trưa, làm một giấc mộng, mộng thấy mình bay lên trời, lên chốn nào? Thái Hư huyễn cảnh, một nơi hư vô mờ ảo. Ở đó cậu gặp một nàng tiên, Cảnh Huyễn tiên cô. Cảnh Huyễn tiên cô dẫn Giả Bảo Ngọc du ngoạn trong Thái Hư huyễn cảnh, trông thấy nhiều tòa cung điện; trên một tòa điện treo tấm biển đề ba chữ ti Bạc Mệnh. Bạc mệnh nghĩa là gì? Nghĩa là vận mệnh không được tốt đẹp.

Giả Bảo Ngọc bước vào tòa điện ấy, bên trong hóa ra là nơi cất giữ hồ sơ, lưu trữ hồ sơ của một số phụ nữ, có nhiều chiếc tủ lớn. Vì sao hồ sơ của những người con gái ấy lại được lưu giữ trong một tòa điện như thế? Vì họ có một điểm chung: đều bạc mệnh cả. Cậu ngước lên tủ, có tủ đề Kim Lăng thập nhị thoa chính sách, có tủ đề Kim Lăng thập nhị thoa phó sách, lại có tủ đề Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách. Một sách

nghĩa là một quyển sổ đóng gáy. Như vậy ít nhất có ba nhóm, mỗi nhóm là hồ sơ của mười hai người con gái Kim Lăng, đúng không?

Giả Bảo Ngọc hỏi Cảnh Huyễn tiên cô rằng tôi thường nghe người ta bảo vùng Kim Lăng rộng lớn lắm, sao chỉ có mười hai người con gái? Cảnh Huyễn tiên cô đáp thế này: con gái ở vùng Kim Lăng rất đông, nhưng cung điện của chúng tôi chỉ lưu hồ sơ những người con gái quan trọng nhất. Cho nên đâu phải người con gái nào cũng đủ tư cách được ghi vào sổ sách. Sách còn viết Giả Bảo Ngọc mở tủ tuỳ hứng lật hồ sơ, đoạn viết rất thú vị: cậu lật trước đâu phải chính sách, mà là hựu phó sách. Lật hai trang, xem không hiểu, chán chê rồi cất trả lại. Sau đó lại lấy phó sách ra lật một trang, cũng xem không hiểu, lại cất trả vào. Cuối cùng cậu rút ra chính sách, thì đọc từ đầu đến cuối.

Mỗi tập hồ sơ được thiết kế rất thú vị: đều có một bức tranh, cạnh đó có mấy dòng chữ. Những bức tranh ấy chính là hướng đi và kết cục cuối cùng của đời người con gái ấy; những dòng chữ ấy gọi là phán từ. Ví dụ như chúng ta đi học, cuối mỗi học kỳ đều có nhận xét phẩm chất, đúng không? Cô giáo ghi một bản tổng kết; thì những dòng chữ cạnh tranh ấy cũng tương đương một bản tổng kết số phận của những người con gái ấy. Mười hai người con gái trong Kim Lăng thập nhị thoa chính sách là mười hai vai quan trọng nhất trong sách, các bạn học trò ơi nhất định phải ghi nhớ kỹ nhé. Mười hai người nào?

Bây giờ chúng ta tính thử xem. Trước hết có hai người song hành ngang hàng. Hai người này không phân nhất nhì, đồng hạng nhất, đó chính là Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa.

Sách có một nhân vật nam chính tên Giả Bảo Ngọc, quý công tử phủ Vinh Quốc ở kinh thành. Lâm Đại Ngọc là em họ bên cô ruột của cậu. Tiết Bảo Thoa hơn cậu tuổi một chút, là chị họ bên dì ruột. Em họ bên cô nghĩa là con gái của em gái ruột cha cậu; chị họ bên dì nghĩa là con gái của em gái ruột mẹ cậu. Hai người con gái này phần diễn rất nhiều trong sách, là hai vai nữ cực kỳ quan trọng. Ghi nhớ được chưa?

Lâm Đại Ngọc với Tiết Bảo Thoa hợp lại thành một bức tranh, một bài phán từ. Rồi Kim Lăng thập nhị thoa còn có bốn tiểu thư nữa, bạn phải nhớ, đều là tiểu thư họ Giả tông tộc ở kinh thành trong Hồng Lâu Mộng, đều họ Giả. Người đầu tiên là Giả Nguyên Xuân, chị ruột của Giả Bảo Ngọc. Sách viết Giả Nguyên Xuân sớm nhập cung, trở thành hoàng phi. Kế đó là Giả Nghênh Xuân. Giả Nghênh Xuân cũng là chị của Giả Bảo Ngọc, nhưng khác cha khác mẹ, là con gái của bác cậu. Rồi có một người tên Giả Thám Xuân, cùng cha với Giả Bảo Ngọc nhưng khác mẹ. Cho nên đọc Hồng Lâu Mộng cần biết xã hội đương thời khác nay: ngày ấy một gia chủ quý tộc ngoài vợ chính ra còn có thể có vợ lẽ. Giả Thám Xuân là con gái của một bà vợ lẽ của cha Giả Bảo Ngọc trong sách; Giả Bảo Ngọc là con do vợ chính của cha cậu là Vương phu nhân sinh ra. Còn một tiểu thư tên Giả Tích Xuân; thân phận của Giả Tích Xuân bạn cần chú ý: cô cũng ngang hàng em gái của Giả Bảo Ngọc, nhưng không những khác cha khác mẹ với cậu, mà còn không phải đứa trẻ ra từ cùng một phủ. Vì trong Hồng Lâu Mộng, họ Giả tông tộc có hai tòa phủ: một gọi là phủ Ninh Quốc, một gọi là phủ Vinh Quốc; tổ tiên xa xưa là hai anh em ruột, sau chia thành hai phủ.

Giả Tích Xuân thuộc phủ Ninh Quốc, vai vế ngang hàng với Giả Bảo Ngọc. Vì lão tổ tông phủ Vinh Quốc trong sách, bà cụ Giả mẫu, thích con gái, nên bà đem tất cả những cô gái cùng thế hệ ấy về nuôi dưỡng, cho ở cạnh mình.

Vậy tính đến đây được mấy thoa rồi? Mới nói được sáu thoa. Sáu thoa còn lại là ai? Có một vai rất quan trọng tên Sử Tương Vân, là cháu họ bên nhà anh em ruột của Giả mẫu; cụ thể quan hệ thân thích ra sao tôi sẽ không mổ xẻ tỉ mỉ với bạn nữa, bạn về nhà hỏi cha mẹ nhé; nói chung là một người thân thích. Người con gái xinh đẹp này từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, được hai người chú thím luân phiên nuôi lớn; vì nhà thân thích với Giả mẫu nên thường xuyên được Giả mẫu rước sang phủ Vinh Quốc ở, trở thành một vai cực kỳ quan trọng trong sách.

Còn một người con gái tên Diệu Ngọc: cô là ni cô, nhưng là một ni cô rất đặc biệt, cô mang tóc tu hành, cũng là một vai rất quan trọng trong sách.

Vậy bây giờ được mấy thoa rồi? Chúng ta nhắc lại thử xem: song hành nhất hạng là hai thoa Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa; bốn tiểu thư họ Giả, được sáu thoa; thêm Sử Tương Vân và Diệu Ngọc là tám thoa, đúng không? Bốn thoa còn lại là ai? Có một cặp mẹ con: một là Vương Hy Phượng, một là con gái bà gọi là Xảo Thư. Vương Hy Phượng trong sách cũng là người con gái xuân thì, nhưng đã xuất giá. Bà là người con gái hết sức mạnh mẽ, cá tính sòng phẳng. Ở phủ Vinh Quốc, bà là người lo việc, là bà quản gia, phần diễn rất nhiều. Con gái bà sinh đúng ngày mùng bảy tháng bảy âm lịch, có khéo không? Khéo ghê, nên sau đặt tên là Xảo Thư. Hai người con gái này cũng là hai thoa trong Kim Lăng thập nhị thoa. Còn hai thoa nữa. Một người gọi là Lý Hoàn, là vợ của Giả Châu, anh ruột của Giả Bảo Ngọc. Thoa cuối cùng là một nhân vật bí ẩn gọi là Tần Khả Khanh, vợ của quý công tử phủ Ninh Quốc tên Giả Dung. Tính ra, Kim Lăng thập nhị thoa gồm đúng mười hai người con gái xuân thì vừa kể trên.

Xin lưu ý trong hồi thứ năm, khi tác giả viết Giả Bảo Ngọc lật xem Kim Lăng thập nhị thoa chính sách, thứ tự xếp hạng không giống những gì tôi vừa nói; tôi nói như thế là để bạn dễ nhớ, còn thứ tự trong sách thì chứa nhiều tầng ý sâu hơn, mai sau bạn đọc Hồng Lâu Mộng sẽ phải tự ngẫm. Trong hồi thứ năm, mười hai thoa được xếp theo một sắp đặt riêng. Nhất nhì không phân thứ bậc là Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa; kế đó Giả Nguyên Xuân; kế Giả Thám Xuân; kế Sử Tương Vân; kế Diệu Ngọc; sau đó mới là Giả Nghênh Xuân, Giả Tích Xuân, Vương Hy Phượng, Xảo Thư, Lý Hoàn, Tần Khả Khanh.

Vậy là bạn đã nắm được mười hai người con gái của Kim Lăng thập nhị thoa chính sách; cách dùng túi gấm này là lần theo từng người con gái mà tra tìm nội dung Hồng Lâu Mộng. Ví dụ lần này tôi muốn lần theo số phận Giả Thám Xuân một lượt, bạn cứ dựa vào hồi mục rút ra những phần liên quan đến cô để đọc kỹ; mười một thoa còn lại cũng dùng cách ấy để làm quen sâu thêm. Còn nếu bạn đã quen thuộc cả mười hai người con gái xuân thì trong chính sách rồi, thì có thể dùng túi gấm này theo cách cao cấp hơn nữa: vì trong sách, ngoài Kim Lăng thập nhị thoa chính sách còn có Kim Lăng thập nhị thoa phó sách, tác giả chỉ công bố một

người; bạn là học trò thông minh thì có thể cùng bạn bè, thầy cô, cha mẹ thảo luận: mười một thoa còn lại là ai, có phải là Tiết Bảo Cầm, Vưu Nhị thư, Vưu Tam thư không? Các bạn cứ bàn, cứ suy ngẫm. Nắm được lối tiếp cận Kim Lăng thập nhị thoa này, bạn như nắm được một túi gấm thần cơ, xoay chuyển đủ kiểu để bước vào thế giới Hồng Lâu Mộng.

Được, dưới đây để lại mấy câu hỏi cho bạn về suy ngẫm: Lâm Đại Ngọc với Giả Bảo Ngọc quan hệ thế nào? Tiết Bảo Thoa với Giả Bảo Ngọc lại quan hệ thế nào? Bốn tiểu thư họ Giả là những ai? Trong số họ, ai với ai vừa cùng cha vừa cùng mẹ, ai với ai cùng cha khác mẹ, ai với ai vừa khác cha vừa khác mẹ, mà đều ngang vai vế với nhau. Đúng không? Bạn cứ suy ngẫm nhé.

Sau đây xin mong chờ túi gấm thứ ba của tôi nhé!

# Túi gấm thứ ba: Giáng Động hoa vương

Thế nào để thưởng thức "vai nam số một" Giả Bảo Ngọc trong sách

Ngay từ đầu tôi đã nói Hồng Lâu Mộng là một bộ bi kịch; tôi đã cho bạn biết trong thời đại phong kiến hơn hai trăm năm trước, đó là một xã hội trọng nam khinh nữ, vậy mà tác giả lại dành lòng thương cảm cho những người con gái xuân thì; ngoài việc viết hàng loạt người con gái xuân thì, ông còn tạo dựng một nhân vật nam đi nâng niu che chở những người con gái ấy, chính là Giả Bảo Ngọc. Giả Bảo Ngọc là một nhân vật rất vượt thời đại; có nhà nghiên cứu chỉ ra rằng thực tế trong xã hội phong kiến hơn hai trăm năm trước, chưa từng xuất hiện một con người thực nào có thể coi là ngang với Giả Bảo Ngọc trong sách; đây là sản phẩm lý tưởng hóa của tác giả.

Muốn hiểu Giả Bảo Ngọc thì dĩ nhiên phải đọc trọn Hồng Lâu Mộng; nhưng nếu chúng ta chưa thể đọc trọn, phải nắm nhân vật quan trọng Giả Bảo Ngọc bằng cách nào? Phải bám lấy điểm then chốt.

Tác giả viết Giả Bảo Ngọc thành một con người phức tạp, tính cách có nhiều phương diện; phương diện chủ yếu là gì? Khi là học trò đọc Hồng Lâu Mộng, chúng ta rút từ Giả Bảo Ngọc nguồn dinh dưỡng tinh thần gì? Xin lưu ý, bạn nhất định phải nhớ một câu Giả Bảo Ngọc trong sách từng nói, đúng bốn chữ, bốn chữ nào? Thế pháp bình đẳng. Giả Bảo Ngọc với tư cách một hình tượng nghệ thuật, hơn hai trăm năm trước đã rành rẽ đưa ra chủ trương của mình: trên thế giới này có một pháp tắc. Pháp tắc gì? Pháp tắc bình đẳng, người với người bình đẳng, người sinh ra đã bình đẳng. Thực ra lời tuyên bố sinh mà bình đẳng đến ở Mỹ còn xuất hiện rất muộn, nhưng trong Hồng Lâu Mộng của tổ tiên chúng ta, qua miệng Giả Bảo Ngọc đã nói ra rồi: thế pháp bình đẳng.

Cho nên khi đọc cuốn sách này, mọi hành vi của Giả Bảo Ngọc, mọi tình tiết câu chuyện liên quan cậu đều phải bám lấy điểm then chốt ấy. Sách có ba đoạn tình tiết thể hiện tư tưởng bình đẳng ấy của Giả Bảo Ngọc.

Đoạn thứ nhất viết họ Giả tông tộc có hai tòa phủ đệ: một phủ Ninh Quốc, một phủ Vinh Quốc. Người vai vế cao nhất phủ Ninh Quốc là Giả Kính; con ông tên Giả Trân; Giả Trân ngang thế hệ với Giả Bảo Ngọc, hai người là anh em con chú con bác. Con Giả Trân tên Giả Dung; Giả Dung cưới người vợ tên Tần Khả Khanh. Sách nói rõ ràng rằng cha nuôi của Tần Khả Khanh là một viên tiểu lại, viên cha nuôi này có một đứa con trai ruột tên Tần Chung. Sách viết minh mạch: viên cha nuôi này thuộc dạng hoạn nang xiết hẹp. Hoạn nang xiết hẹp nghĩa là bao tiền trong túi y ít ỏi đến mức chẳng dám nhắc với ai, vừa nhắc đã thấy mất mặt, nên gọi là xiết hẹp. Làm quan lương bổng thấp kém, không có tiền. Nhưng sách viết một hôm Giả Bảo Ngọc sang phủ Ninh Quốc chơi, gặp Tần Chung. Xét vai vế thì Tần Chung còn thấp hơn cậu một bậc, nhưng Giả Bảo Ngọc

không vì thứ đẳng cấp vai vế của xã hội phong kiến mà coi thường Tần Chung, cũng không vì nhà Tần Chung nghèo, cha cậu ta hoạn nang xiết hẹp mà khinh rẻ Tần Chung. Vừa gặp Tần Chung, cậu đã thấy như quen biết từ lâu; cậu thấy Tần Chung trước hết là một chàng tuấn lang, dung mạo thanh tú khỏi phải nói, ăn nói lại có văn hóa, có tu dưỡng, thông minh lanh lợi, tức thì quý mến Tần Chung, muốn kết bạn. Cậu trước hết vượt qua sự bất bình đẳng về vai vế, rồi vượt qua sự bất bình đẳng giàu nghèo. Đối diện Tần Chung, cậu thậm chí còn có tâm trạng hổ thẹn, nói: "Đối diện với người bạn thiếu niên thông minh lanh lợi thế này, tôi hóa ra thành lợn bùn chó ghẻ rồi." Cậu tự hạ thấp mình thành con lợn lăn trong bùn, con chó ghẻ lở loét. Cậu chân thành tự hạ bệ mình như thế, chỉ thấy tiếc nuối: ôi, sớm gặp được cậu ta hay biết bao, kết bạn với nhau hay biết bao! Dĩ nhiên sách cũng kể Tần Chung gặp Giả Bảo Ngọc xong rất ngưỡng mộ Bảo Ngọc: hóa ra Bảo Ngọc là đại công tử phủ Vinh Quốc, và ai cũng biết cậu sẽ là chủ phủ Vinh Quốc mai sau; ví dụ nếu Giả Chính qua đời thì cậu chính là người kế thừa. Huống chi Bảo Ngọc trước mắt ăn mặc vô cùng lộng lẫy, bên cạnh có đông người hầu hạ, không những a hoàn mà còn tiểu đồng. Tần Chung thấy hai chữ giàu nghèo hạn chế đời người quá đỗi: cậu ta giàu thế mà mình nghèo thế này, mình vốn chẳng dám giao du, nào ngờ cậu ta lại chủ động muốn giao du với mình; thế là hai người giao du với nhau.

Sách về sau viết Tần Chung chết. Chết rồi thì hết tình tiết à? Trải qua nhiều hồi, chợt có một nét hô ứng: mùa thu, hoa sen nơi Đại Quan viên phủ Vinh Quốc mà Bảo Ngọc ở tàn hết, kết ra gương sen; cậu tự tay hái rất nhiều gương sen tươi, sai Dính Yên, đứa tiểu đồng thân cận nhất, mang lên mộ Tần Chung dâng cúng. Đây là ví dụ đầu tiên trong sách chứng tỏ Giả Bảo Ngọc tôn thờ nguyên tắc xử thế thế pháp bình đẳng, đối đãi người khác bình đẳng.

Ví dụ thứ hai: một a hoàn bên cạnh Bảo Ngọc tên Tập Nhân; đến dịp tết, phủ Vinh Quốc cho phép Tập Nhân về nhà thăm thân. Bạn thử nghĩ, Tập Nhân là một a hoàn, thân thích cô đi thăm cũng là những nhà nghèo trong ngõ xóm ngoài xã hội; nhưng Bảo Ngọc đối đãi Tập Nhân bình đẳng, cậu sai tiểu đồng Dính Yên đi cùng, lặng lẽ đến tận nhà Tập Nhân. Cả nhà Tập Nhân nhìn thấy kinh hãi: sao hậu duệ quốc công, đại công tử phủ Vinh Quốc lại đến tận nhà chúng ta? Bảo Ngọc chẳng thấy mình cao cao tại thượng, cậu nghĩ mình với Tập Nhân là bạn bè, muốn xem gia đình cô ăn tết ra sao; thái độ của cậu hoàn toàn là thái độ bình đẳng.

Ví dụ thứ ba càng nói lên vấn đề. Trên kia không phải đã kể rồi đó, vợ Giả Dung phủ Ninh Quốc là Tần Khả Khanh; Tần Khả Khanh chết, nhà tang lễ rất lớn. Thời ấy người chết rồi, đưa vào quan tài nhưng không chôn ngay, phải chuyển đến một chỗ lưu giữ, chọn ngày lành rồi mới hạ huyệt. Họ Giả tông tộc có một ngôi gia miếu riêng gọi là Thiết Khảm tự. Người ta chuyển linh cữu Tần Khả Khanh về Thiết Khảm tự; tổng chỉ huy lo liệu toàn bộ tang sự là Vương Hy Phượng, một người chị dâu của Bảo Ngọc.

Vương Hy Phượng rất yêu Bảo Ngọc; mà Bảo Ngọc với Tần Chung là đôi bạn tốt, nên bà cũng thương quý luôn Tần Chung. Trong lúc đoàn đưa linh cữu từ trong thành ra ngoài thành hướng về Thiết Khảm tự, Vương

Hy Phượng cho Bảo Ngọc và Tần Chung ngồi chung xe với mình. Sau đó Vương Hy Phượng muốn đi vệ sinh, cho xe tách khỏi đoàn đưa tang đông đảo, vào đến một thôn trang; đương nhiên có rất nhiều gia nhân cùng a hoàn bà vú lo liệu cho Vương Hy Phượng một buồng riêng để bà tiện việc, rửa tay rửa mặt. Bảo Ngọc và Tần Chung rong chơi trong thôn quê; hai đứa trẻ thành thị lần đầu đến nơi đồng quê, trông gì cũng lạ, thấy nông cụ cũng lạ, thấy nhà cửa đất bùn cũng lạ. Vào đến trong nhà, thấy trên giường kháng có một vật gì đó chẳng biết là gì, hình như quay được, hai người leo lên kháng nghịch. Bấy giờ nghe một cô gái nói: đừng nghịch lung tung, hỏng mất, để tôi quay cho hai cậu xem. Hóa ra đó là một cái xe kéo sợi; bạn biết xe kéo sợi chứ? Thời ấy trồng bông, sau khi tẩy hạt người ta đặt bông lên xe kéo sợi để se thành sợi. Cô gái quê ấy se bông cho hai cậu xem, bảo vật này dùng thế nào. Đúng lúc ấy có tiếng gọi cô gái: Nhị Nha Đầu, mày chạy đi đâu thế? Nhị Nha Đầu bước xuống kháng đi mất; cảnh diễn đến đây lẽ ra cũng chẳng còn gì để viết nữa.

Nhưng tác giả viết rất hay. Ông viết Vương Hy Phượng xong việc trở ra xe, lại gọi Bảo Ngọc và Tần Chung lên cùng. Lúc ấy Bảo Ngọc nhìn ra ngoài cửa sổ xe, thấy một tốp con gái quê đi tới, trong đó có Nhị Nha Đầu, mà Nhị Nha Đầu còn bế đứa em trai nhỏ, vừa cười vừa nói bước tới. Đây là một câu rất quan trọng trong Hồng Lâu Mộng, câu nào? "Bảo Ngọc cứ ước ao được xuống xe theo cô ấy ngay." Cậu thấy cuộc sống nông thôn đẹp đẽ thế, Nhị Nha Đầu chất phác thế, lao động tuyệt diệu thế, mình làm quý công tử quý tộc chẳng thú vị gì, chi bằng xuống xe, ở quê sống cùng Nhị Nha Đầu với mọi người cho xong. Suy nghĩ của cậu là chân thật. Tác phẩm hơn hai trăm năm trước mà được thế, thật không đơn giản; cho nên tác giả viết hình tượng Giả Bảo Ngọc rất có tầm cao: cậu thực sự có một tư tưởng hết sức bình đẳng, đến đứa con gái quê mùa nhất trong thôn cậu cũng tôn trọng, thậm chí muốn sống cùng.

Hồng Lâu Mộng viết Giả Bảo Ngọc là lập thể: không chỉ viết ưu điểm của cậu, mà cả tật xấu nữa.

Nếu bạn là học sinh rất quen thuộc với Hồng Lâu Mộng, thì tôi phải kiểm tra bạn đấy: bạn đã đọc kỹ hồi thứ ba mươi chưa? Hồi thứ ba mươi viết năm hành vi của Giả Bảo Ngọc, trong đó hai hành vi rất xấu, hai hành vi rất tốt, một hành vi chẳng tốt chẳng xấu; tôi không thể triển khai ở đây, chỉ nói với bạn đây là một bài tập: bạn phải biết Giả Bảo Ngọc là hình tượng một quý công tử sống động có thật, cậu có tật xấu; ví dụ nhờ thân phận quý công tử mà có đặc quyền, lúc nổi nóng thì kinh khủng lắm, có thể gây ra bi kịch cho người khác. Huống chi đôi khi cậu rất hời hợt khinh suất; vì đùa cợt tuỳ tiện với Kim Xuyến, a hoàn hầu cạnh mẹ cậu, khiến Kim Xuyến bị Vương phu nhân đuổi đi, cuối cùng thấy nhục nhã quá gieo mình xuống giếng tự vẫn. Cho nên Bảo Ngọc không thể trở thành tấm gương để bạn học noi trọn vẹn. Là nữ sinh, bạn không thể nghĩ rằng mình nhất định phải thích kiểu con trai biểu hiện như Bảo Ngọc.

Nhưng dù thế nào, tác giả đã viết ra được những điều tỏa sáng trong tâm hồn và linh hồn của Bảo Ngọc. Tôi đã cho bạn biết ngay từ đầu, bây giờ xin tổng kết lại: đọc Hồng Lâu Mộng, chúng ta nên rút từ Giả Bảo Ngọc nguồn dinh dưỡng tinh thần gì? Bốn chữ nào? Thế pháp bình đẳng. Quan niệm bình đẳng; ngay trong

thời đại ấy tác giả đã thông qua bộ tiểu thuyết này, qua hình tượng Giả Bảo Ngọc, nêu lên được rồi. Sinh mà bình đẳng, đó là lời về sau được ghi trong Bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, nhưng trong Hồng Lâu Mộng của chúng ta, Giả Bảo Ngọc đã hô lên từ rất sớm. Vì vậy Hồng Lâu Mộng là một cuốn sách vĩ đại, và mặt ấy trong tinh thần Giả Bảo Ngọc đặc biệt đáng để chúng ta chăm chỉ rút ra dinh dưỡng.

# Túi gấm thứ tư: Tiễn biệt Hoa thần

Cảnh đẹp nhất trong sách

Bài giảng trước nói về Giả Bảo Ngọc. Túi gấm của bài trước dùng thế nào? Phải tìm trong sách những tình tiết và câu chuyện thể hiện Giả Bảo Ngọc thực hành nguyên tắc nhân sinh thế pháp bình đẳng. Thuở nhỏ Bảo Ngọc tự đặt cho mình một biệt hiệu gọi là Giáng Động hoa vương. Chữ 绛 này giống chữ 降 (trong hàng phục, hàng hạ); gỡ bộ bên tai đi, thay vào một bộ tơ, chữ ấy đọc là jiàng, nghĩa là màu đỏ thẫm. Cậu tự ví mình như vị vương tử đứng trong một hang động đỏ thẫm, che chở trăm hoa. Sách vì thế viết về rất nhiều người con gái xuân thì, như trăm hoa cùng đua nở; lại viết nhiều cảnh sắc đẹp đẽ, nhất là cảnh xuân, càng là trăm hoa đua nở đúng nghĩa. Đầu sách không đã nói rồi đó: Hồng Lâu Mộng là bi kịch, nó trước tiên bày ra trước mặt bạn những cảnh đẹp, rồi mới viết những cảnh đẹp ấy tan biến, cho đến những số phận bi thảm của một số nhân vật đẹp đẽ. Cho nên trong bài giảng này chúng ta phải nắm trọng điểm những cảnh đẹp, những trường cảnh lớn trong sách.

Trước hết là một trường cảnh mùa xuân: sách có một đoạn tình tiết viết về tiễn biệt Hoa thần. Tiễn biệt nghĩa là làm một nghi thức, từ giã ai đó, tiễn người ấy ra đi. Hoa thần là gì? Là giả định rằng trên trần gian có rất nhiều hoa nở, thì những bông hoa ấy đều do thần tiên trên trời quản lý; Hoa thần mùa xuân là bận rộn nhất, vì mùa xuân hoa nhiều nhất. Các bạn thử nghĩ: hoa nghênh xuân nở sớm nhất, màu vàng, chắc bạn từng thấy chứ? Rồi đào, hạnh, mận, lê, trắng đấy, hồng phớt đấy, hồng đậm đấy, nối tiếp nhau nở; còn có đinh hương tỏa thơm nồng nàn, có hải đường tuyệt đẹp, có mộc lan, nhiều nhiều loại hoa. Vậy hoa xuân nhiều đến mức nào? Nhiều loài nở chồng lên nhau: bạn chưa tàn thì tôi đã nở, một loài vừa hé thì loài khác lại bừng. Nhưng hoa xuân có một loài nở sau chót. Ngày xưa có một câu thơ cũ "Nở tới trà mi, chuyện hoa cũng dứt". Nghĩa là sao? Có một loài hoa gọi là hoa trà mi, thuộc giống hoa dây leo; hoa trà mi nở tức là mọi loài hoa lẽ ra nở trong xuân đã nở hết rồi. Hoa trà mi tàn xong, chuyện nở hoa coi như khép lại.

Ai đang quản lý những bông hoa mùa xuân cùng chuyện nở hoa ấy? Hoa thần, Hoa thần mùa xuân. Cho nên những cô cậu thiếu niên trong sách tin rằng có một Hoa thần đang cai quản những bông xuân hoa ấy. Cuối cùng mùa xuân qua đi, Hoa thần kết thúc việc quản lý nở hoa, bà ấy phải ra đi, người ta phải tiễn đưa. Dĩ nhiên mùa hè còn hoa, mùa thu còn hoa, mùa đông còn hoa, nhưng xuân hoa là nhiều nhất, đẹp nhất, đáng trân trọng nhất. Sách ghi ngày đưa tiễn Hoa thần là ngày nào? Là ngày hai mươi sáu tháng tư âm lịch. Và năm ấy trong sách, ngày ấy đúng trùng với tiết Mang chủng trong hai mươi tư tiết khí âm lịch, người ta nhân ngày ấy đưa tiễn Hoa thần; dĩ nhiên đây là Hoa thần mùa xuân.

Sách viết phủ Vinh Quốc về sau, để đón đại tiểu thư nhà là Giả Nguyên Xuân, vì nàng đã đến bên hoàng đế làm quý phi, về thăm nhà theo lệ tỉnh thân, phủ xây một khu vườn rất lớn gọi là Đại Quan viên. Sách tả Đại

Quan viên rất cụ thể, đẹp mê hồn. Trong Đại Quan viên lại chia thành nhiều viện riêng cụ thể, do những người khác nhau cư ngụ. Bạn đương nhiên nhớ rồi: Giả Bảo Ngọc ở đâu? Viện Di Hồng. Cảnh viện Di Hồng có đặc sắc gì? Chuối và hải đường đặt hai bên: trước nhà chính, một bên là cây hải đường, một bên là cây chuối, rất đẹp. Vậy Lâm Đại Ngọc ở chỗ nào trong Đại Quan viên? Quán Tiêu Tương. Cảnh quán Tiêu Tương thế nào? Gọi là "đuôi phượng ve vẩy, sáo rồng vi vu". Tre trong quán Tiêu Tương mọc cao lên, ngọn tre rủ xuống, giống đuôi chim phượng; đuôi phượng vốn rậm nhiều lông nên gọi đuôi phượng ve vẩy. Còn sáo rồng vi vu nghĩa là trong viện có một dòng nước xuyên qua một lỗ trên tường quán Tiêu Tương, chảy vào một dòng kênh nhỏ hiu hiu. Ngày xưa người ta cho rồng là loài linh vật sinh ra nước. Nên miệng rồng nhả nước, nước chẳng nhiều, róc rách chảy qua, như đang ngâm vịnh thơ. Đẹp không? Đẹp lắm.

Sách lại viết Tiết Bảo Thoa dọn vào Hành Vu uyển trong Đại Quan viên; sân vườn ấy có nhiều đá núi lớn, nhiều cây leo, nhiều cỏ thơm. Lại viết Giả Thám Xuân ở Thu Sảng thư trai, gọi tắt là Thu Sảng trai. Giả Nghênh Xuân ở châu Tử Lăng, về sau lại nói ở lầu Xuyết Cẩm. Giả Tích Xuân ở Ngẫu Hương tạ, về sau lại ở Noãn Hương ổ. Đều là những kiến trúc vườn cảnh rất đẹp. Còn Lý Hoàn dẫn theo con trai Giả Lan, ở trong một khu vườn bày biện thành cảnh nông thôn, gọi là Đào Hương thôn. Đều rất đẹp.

Đến ngày hai mươi sáu tháng tư năm ấy, các cô gái trong Đại Quan viên, tiểu thư đấy, a hoàn đấy, trước tiên tự trang điểm cho mình thật đẹp. Các cô làm gì? Các cô làm một nghi thức tiễn biệt Hoa thần: nở tới trà mi, chuyện hoa cũng dứt. Trà mi đã tàn, mùa xuân khép lại, Hoa thần cai quản hoa xuân ơi, bà vất vả rồi, chúng con tiễn bà về trời nghỉ ngơi. Các cô tiễn Hoa thần bằng cách nào? Các cô lấy giấy màu, gấm màu, lụa màu cùng kim chỉ khâu ra rất nhiều kiệu con, xe ngựa con để đưa tiễn. Vì các cô tưởng tượng thần tiên về trời cũng cần phương tiện đi lại, nên chuẩn bị kiệu và xe ngựa, làm tí hon, tượng trưng thôi. Ngoài ra, ngày xưa khi tiễn ai đó hay đón ai đó còn có cả đội nghi trượng.

Những người con gái xuân thì trong Đại Quan viên mừng vui khôn xiết, coi việc tiễn biệt Hoa thần như một ngày hội, biến nó thành lễ tiễn hoa. Các cô buộc những chiếc kiệu con, xe ngựa con làm sẵn lên cành cây, cành bụi, cành hoa trong vườn, còn buộc thêm rất nhiều dải lụa màu trên những cây cỏ ấy; gió thổi qua, khắp Đại Quan viên những dải lụa đẹp đẽ phất phơ.

Sách viết rất nhiều cảnh đẹp kiểu ấy, những trường cảnh lớn; ngoài từng cá nhân có những biểu hiện đẹp đẽ riêng, thì như một quần thể con gái, một cộng đồng người con gái xuân thì, họ có nhiều màn trình diễn vẻ đẹp tập thể; tiễn biệt Hoa thần là một trong những trường cảnh quan trọng bậc nhất.

Vậy túi gấm này trao cho bạn rồi, bạn dùng thế nào? Bạn phải tra tìm trong Hồng Lâu Mộng: đây là trường cảnh lớn mùa xuân, vậy có trường cảnh lớn mùa hè không? Có. Ví dụ về sau sách có đoạn viết, mùa hè, hoa mẫu đơn, hoa thược dược nở, những người con gái xuân thì tụ họp mừng sinh nhật, họ chơi oẳn tù tì, uống rượu, cười đùa, cũng là cảnh rất đẹp. Đến mùa thu, có cảnh ăn cua, thưởng cúc, ngâm thơ cúc.

Mùa đông có cảnh đẹp không? Cũng có. Vào mùa đông, cả Đại Quan viên hóa thành thế giới lưu ly; trời đổ tuyết, trong vườn có một quả đồi nhỏ; trên quả đồi ấy xuất hiện một cảnh tượng thế nào? Một thiếu nữ xinh đẹp đứng đó, khoác tấm áo choàng lộng lẫy gọi là Phù Diệp cầu. Làm bằng gì? Làm bằng những sợi lông trên đầu vịt trời ghép lại với nhau; phải tốn biết bao nhiêu con vịt trời, mà chỉ lấy đúng mảng lông xanh biếc lấp lánh trên chỏm đầu vịt trời thôi. Sau đó hiện ra một bức tranh vô cùng đẹp: trên sườn đồi tuyết trắng đứng một người con gái xinh đẹp, bên cạnh có một a hoàn, trong lòng ôm một cái bình, trong bình cắm hoa hồng mai. Bấy giờ lão tổ tông Giả mẫu trong sách tán thưởng rằng: các bạn xem cảnh tuyết ấy, cô gái đứng đấy, bên cạnh lại có một cô gái nữa, cảnh người thật ấy chẳng phải còn đẹp hơn bức Song Diễm đồ treo trong phòng tôi sao? Đó là một bức danh tác của người xưa. Vậy mùa đông cũng có cảnh đẹp; bạn nắm được túi gấm này, bạn sẽ không ngừng khai phá đủ loại trường cảnh lớn đẹp đẽ trong sách.

Tôi không thể liệt kê từng cảnh cho bạn, bạn tự đi tìm mà xem. Vậy dựng nên những trường cảnh ấy nhằm mục đích gì? Để bạn hiểu trân trọng mùa xuân, trân trọng tuổi xuân, trân trọng tuổi thiếu thời của mình; vì xuân đi rồi không trở lại, hoa tàn phải chờ sang năm mới nở lại; trong sách có rất nhiều câu như thế đáng để bạn nhai ngẫm. "Hoa rơi, nước trôi đỏ." Nghĩa là gì? Cánh hoa lả tả rơi xuống mặt nước Đại Quan viên, trôi theo dòng nước. Vì cánh hoa quá nhiều, cánh hoa đỏ làm đỏ cả mặt nước. Trong sách có câu thơ như thế này: "Giấc xuân tan theo làn mây, hoa bay lướt theo dòng nước." Mùa xuân như một giấc mộng, theo gió lay, theo thời gian trôi, cuối cùng cũng tan; những cánh hoa bay cuối cùng như vừa nói, trôi đi theo dòng nước; cho nên điều này với điều tôi nói trong bài giảng đầu tiên, rằng Hồng Lâu Mộng là bi kịch, là thống nhất với nhau, gắn chặt vào nhau, bạn nhất định phải hiểu.

Cuối bài học này, tôi vẫn để lại bài tập cho bạn; vừa nãy đã nói rồi, nhắc lại một lần nữa: ngoài trường cảnh lớn đẹp đẽ kiểu tiễn biệt Hoa thần mà tôi nêu, còn những màn đẹp đẽ mang tính tập thể nào nữa, nhất là vào mùa hè, mùa thu, mùa đông? Bạn tự mở sách ra mà tìm; qua túi gấm này bạn sẽ thu hoạch rất lớn.

# Túi gấm thứ năm: Bắt bướm · Táng hoa · Say nằm · Xâu hoa

Những con người và sự việc đẹp nhất trong sách

Túi gấm vừa rồi giúp bạn tra tìm trong sách những trường cảnh lớn mang quần ảnh đẹp đẽ, cảm nhận vẻ đẹp tập thể. Còn bài giảng này sẽ nói về những hành vi đẹp đẽ của từng nhân vật cụ thể, để bạn hiểu vẻ đẹp sinh mệnh, vẻ đẹp hành vi của họ. Bài giảng này nói về những khoảnh khắc đẹp của bốn nhân vật: bắt bướm, táng hoa, say nằm, xâu hoa.

Bắt bướm, các bạn học trò chắc lập tức bật cười: bạn biết ngay đó là Tiết Bảo Thoa. Tiết Bảo Thoa trong sách là một người con gái rất xinh đẹp; ngày thường cô rất đĩnh đạc, ăn nói làm việc chẳng vượt khuôn phép. Nhưng trong Đại Quan viên, cô dù sao vẫn là một thiếu nữ. Một hôm trông thấy một con bướm đẹp bay lượn phía trước, cô không nhịn được rút từ trong tay áo ra chiếc quạt; có thể thấy đó là chiếc quạt gấp, vì quạt tròn khó mà nhét vừa trong tay áo. Cô rút chiếc quạt ấy mở ra đuổi theo con bướm, vồ lấy con bướm; bức tranh này gọi là Bảo Thoa bắt bướm, là một đoạn tình tiết rất quan trọng trong sách.

Sách viết đoạn Tiết Bảo Thoa bắt bướm rất thú vị: vồ một cái không trúng, vẫn muốn vồ nữa; con bướm thì phe phẩy cánh bay về phía trước. Trong tình tiết này xuất hiện một kiến trúc đẹp gọi là đình Trích Thúy, một chiếc cầu nhỏ quanh co dẫn đến cái đình xây giữa hồ. Đình Trích Thúy có đặc điểm gì? Bốn mặt đều có cửa sổ, cửa sổ có thể đẩy mở, đóng lại. Cô đuổi theo con bướm, con bướm bay về phía cầu; đuổi lên đến cầu, bướm lại bay về phía đình; cô đuổi đến tận đình. Không đuổi kịp, cô định bỏ cuộc, bỗng nghe trong đình có hai tiểu hoàn đang nói chuyện, nói mấy chuyện kín đáo, mấy câu tâm tình riêng; Tiết Bảo Thoa không có ý nghe trộm, nhưng bắt bướm bắt đến tận đó, không nghe cũng phải nghe, nghe thấy rồi, khó xử lắm: nghe trộm chuyện riêng tư của người khác chẳng phải điều nên làm, vậy làm thế nào? Huống chi trong đình hai tiểu hoàn lại có đoạn đối thoại thế này: chúng mình nói chuyện ở đây, nếu có người nghe lén ngoài cửa sổ thì tệ lắm, chúng mình mau mở hết cửa sổ ra đi!

Tiết Bảo Thoa là người con gái rất có tâm cơ; tuy là tiểu thư quý tộc, ngày thường đĩnh đạc trầm tĩnh, hiền hòa dễ mến, nhưng vào lúc then chốt cô có năng lực ứng biến rất cao. Cô dậm chân xuống, hô: "Tần nhi, cậu chạy đi đâu thế!" Tần nhi là biệt danh cô đặt cho Lâm Đại Ngọc. Cô dùng chiêu ấy để che giấu việc mình vừa nghe thấy hai tiểu hoàn trong đình nói chuyện riêng. Đang lúc ấy, hai tiểu hoàn quả nhiên mở toang cửa sổ đình, trông thấy cô; cô làm hẳn cho tới cùng, sải bước vào đình, bảo các cô giấu Tần nhi đi đâu rồi, giấu cô Lâm đi đâu rồi, cố ý lục lạo một vòng trong đình, lại nói chắc chắn chạy sang hang đá bên kia rồi, bị rắn cắn cũng mặc; nói xong cô men qua phía cầu của đình mà lên bờ ra đi.

Đoạn tình tiết này rất quan trọng. Thứ nhất nó tả một cảnh tiểu thư quý tộc bắt bướm; thứ hai nó phát huy tác dụng rất tốt trong việc dựng nhân vật Tiết Bảo Thoa, tô đậm tính cách cô: vừa thông minh xinh đẹp, lại vừa giỏi ứng phó sự việc bất ngờ. Dĩ nhiên trong đó có một điểm không ổn: dù sao đi nữa, bạn đừng để hai tiểu hoàn nghĩ rằng Lâm Đại Ngọc đến trước cửa sổ nghe trộm lời các cô trước, đúng không? Cho nên xưa nay có một số độc giả cho rằng cô làm thế không phù hợp, sẽ khiến hai tiểu hoàn sinh ác cảm với Lâm Đại Ngọc. Nhưng xét theo mạch phát triển tình tiết trong sách, đó cũng là phương sách bất đắc dĩ của cô; e rằng cô không hề cố ý đổ tội cho Lâm Đại Ngọc, vu oan cho Lâm Đại Ngọc. Nó viết về một thủ đoạn ứng phó bất đắc dĩ của con người trong tình huống gấp gáp.

Đó là một người, một hành vi bên trong: Bảo Thoa bắt bướm, một bức tranh đẹp.

Kế đó tôi phải nói với bạn về một ký ức được khắc cốt ghi tâm suốt nghìn đời; dĩ nhiên nói nghìn đời hơi cường điệu, vì Hồng Lâu Mộng đến nay mới hơn hai trăm năm; nhưng trong khoảng thời gian rất dài, ký ức khắc sâu vào lòng người chính là một cảnh trong Hồng Lâu Mộng: Đại Ngọc táng hoa.

Đại Ngọc táng hoa là chuyện thế nào? Bài trước không đã kể rồi đó: mùa xuân trăm hoa tàn rụng, cánh hoa rơi đầy đất, thậm chí rơi xuống cả mặt nước. Vậy giải quyết chuyện ấy thế nào? Táng hoa của Đại Ngọc là một nghệ thuật hành vi mang tính liên tục. Nghệ thuật hành vi, kiểu nghệ thuật ấy, ở phương Tây, ở ngoài nước ta, mãi đến nửa sau thế kỷ hai mươi mới xuất hiện; nó không phải đơn giản là vẽ một bức tranh hay tạc một pho tượng, mà là dùng hành vi để biểu đạt một sự sáng tạo nghệ thuật. Cho một ví dụ: có một số người phương Tây leo lên một quả núi; ví núi ấy cao năm trăm mét, họ có mười hai người, thì một người nằm phục xuống, rồi một người nữa nằm phục xuống, cuối cùng một người nữa nằm phục xuống, khiến độ cao quả núi nhân đó tăng thêm một mét do bàn tay con người tạo ra; người khác chụp lại, gọi là làm cho núi cao thêm một mét; chụp xong mọi người tan về. Nghệ thuật hành vi là một nghệ thuật của thời gian, qua đi là mất hẳn. Người phương Tây rất đắc ý, bảo bạn xem nghệ thuật phương Tây phát triển nhường nào, chúng tôi có nghệ thuật hành vi đấy. Thực ra Trung Quốc, từ hơn hai trăm năm trước trong Hồng Lâu Mộng, đã có nghệ thuật hành vi rồi.

Lâm Đại Ngọc táng hoa chính là nghệ thuật hành vi; nghệ thuật hành vi kiểu gì? Trước hết cô có hành trang đặc biệt, cô có đạo cụ: Đại Ngọc vác một chiếc cuốc hoa, đầu cuốc treo một cái túi hoa có thể đựng cánh hoa, tay cầm một cây chổi hoa; muốn quét cánh hoa vào túi phải có chổi. Bạn học trò ơi, bạn hình dung thế nào? Đại Ngọc trong sách là tiểu thư quý tộc, thân thể yếu ớt, bệnh tật triền miên; thứ cô vác nổi có phải là cái cuốc to dùng để bới đất không? Cô vác nổi đâu, chính bạn còn không vác nổi. Có phải là cái chổi to mà công nhân vệ sinh dùng quét đường không? Càng không thể. Đó là đạo cụ cô chế tác công phu cho nghệ thuật hành vi của mình. Từ một số phim điện ảnh, phim truyền hình hay tranh phục nguyên có thể biết: chiếc cuốc hoa của cô là một cây trúc thon mảnh, đầu trước gắn một phiến mỏng đại diện cho lưỡi cuốc, rất nhẹ, thân thể cô gánh chịu nổi. Túi hoa thì Đại Ngọc thêu thùa khéo tay, tự mình khâu lấy một cái, một túi

nhỏ có thêu, tượng trưng để đựng cánh hoa, treo trên cuốc hoa. Chổi hoa mới cầu kỳ: có thể là một cây trúc thon mảnh, bên dưới buộc chặt cái gì đây, có phải là cái chổi dùng bây giờ không? Không, mà là những lông vũ của chim chóc; đẹp không? Buộc chặt xuống dưới làm cái chổi quét hoa. Huống chi nghệ thuật hành vi của Đại Ngọc là nghệ thuật có âm thanh, không phải nghệ thuật câm lặng; ví dụ vừa rồi tôi nêu chuyện làm núi cao thêm một mét là nghệ thuật câm, không có âm thanh; còn Đại Ngọc là nghệ thuật có âm thanh: cô đã soạn sẵn một bài thơ, bài từ táng hoa; cô vừa vác cuốc hoa, trên cuốc treo túi hoa, một tay cầm chiếc chổi hoa thanh nhã, vừa bước về nơi táng hoa, vừa ngân nga bài từ táng hoa do chính mình sáng tác. Đẹp không? Đây là con người đẹp, sự việc đẹp, bức tranh đẹp đạt đến cảnh giới tột bậc trong Hồng Lâu Mộng, chan chứa thi tình họa ý.

Về sau lại xuất hiện một bức tranh đẹp khác, của một tiểu thư quý tộc khác: Sử Tương Vân. Tính cách Sử Tương Vân khác hẳn Tiết Bảo Thoa và Lâm Đại Ngọc. Tiết Bảo Thoa tương đối trầm tĩnh đĩnh đạc, nhẹ dàng chẳng nổi giận; Lâm Đại Ngọc yếu bệnh, thi thoảng nhỏ nhen buôn lời cay độc. Sử Tương Vân thì cười to nói lớn, tính như con trai. Sách viết Sử Tương Vân cùng các chị em trong Đại Quan viên mừng sinh nhật thay nhau, chúc thọ cho nhau; cô uống rượu chơi oẳn tù tì, say rồi, tìm một chỗ mát: sau tảng đá có một chiếc ghế dài bằng đá, cô lấy tấm vải quý của mình gọi là khăn giao tiêu, một tấm khăn tay to, gói mấy búp hoa thược dược làm gối, nằm ngủ ngay trên ghế đá ấy; gió thổi hoa thược dược rơi đầy người cô; cũng là một cảnh rất đẹp trong sách. Cô tuy không như Lâm Đại Ngọc có kế hoạch, chủ động làm một nghệ thuật hành vi, cô là say nằm, say rồi không tự giác; nhưng cũng ngang một nghệ thuật hành vi, rất đẹp, trở thành đề tài vẽ mãi không hết của rất nhiều họa sĩ hiện đại.

Bảo Thoa bắt bướm, Đại Ngọc táng hoa, Tương Vân say nằm vừa kể trên chắc bạn đều quen thuộc; còn một cảnh nữa có thể bạn đã bỏ sót, hoặc cũng đã chú ý tới: ai vậy? Làm việc gì? Chính là Giả Nghênh Xuân. Giả Nghênh Xuân trong sách là người con gái rất nhu nhược, ai cũng có thể bắt nạt cô, không tí sức phản kháng nào, một sinh mệnh đáng thương. Nhưng sách viết mùa thu, mọi người tụ họp ăn cua, thưởng cúc; rồi thi xã của họ quyết định tổ chức một buổi thi vịnh cúc; trước khi chuẩn bị làm thơ, cho mọi người tĩnh tâm cấu tứ; sách viết từng tiểu thư có trạng thái khác nhau, và có một nét bút viết Giả Nghênh Xuân đang làm gì: Giả Nghênh Xuân một mình dưới bóng hoa, dùng kim hoa xâu hoa lài. Kim hoa là loại kim thời ấy phụ nữ quý tộc hay dùng, thường làm bằng ngà voi, thân kim hơi to, lỗ kim cũng to. Bấy giờ hoa lài đã nở; cô hái rất nhiều hoa lài, xâu từng bông một lại; xâu ít thì làm vòng đeo tay hoa lài, xâu nhiều thì làm chuỗi đeo cổ hoa lài. Một cô gái nhu nhược, hay bị bắt nạt, hay bị xem nhẹ, nhưng cô cũng trân trọng sự tồn tại của sinh mệnh mình.

Cho nên đọc Hồng Lâu Mộng, tôi trao cho bạn một túi gấm mới: phải biết săn lùng những hành vi nghệ thuật của những con người ấy, những chất thơ trong cuộc sống, những bức tranh đẹp ấy và hành vi đẹp ấy.

Vậy ngoài bốn người bốn hành vi tôi nêu, người khác còn không? Có. Mong bạn về nhà chuẩn bị kỹ, xem có thể nêu thêm được mấy ví dụ nữa không.

# Túi gấm thứ sáu: Ngâm thơ điền từ

Thưởng thức thơ từ trong sách

Hồng Lâu Mộng tuy là một cuốn tiểu thuyết, kể chuyện, nhưng bên trong cài cắm rất nhiều thơ, từ, ca, phú.

Có lẽ bạn sẽ nói: à, nhiều bài thơ từ tôi thuộc làu cả rồi! Nhưng chỉ biết thuộc lòng thơ từ trong Hồng Lâu Mộng thì chưa đủ. Bây giờ tôi trao cho bạn một túi gấm: thơ từ trong Hồng Lâu Mộng phải nắm bắt thế nào? Bạn phải chia ra mấy tầng bậc.

Tầng thứ nhất: bạn phải nắm được nó xuất hiện ở khớp nối nào của tình tiết, phải hiểu nó giữ vai trò gì trong việc đẩy tình tiết tiến triển; đây là chiêu thứ nhất trong túi gấm tôi trao cho bạn đấy nhé!

Tầng thứ hai: bạn phải hiểu nghĩa bề mặt của câu chữ bài thơ từ ấy; điều này rất quan trọng, phải biết thưởng thức.

Tầng thứ ba mới đáng chú ý: nó chẳng giống những bài thơ từ đứng lơ lửng tách rời đâu; nó mượn thơ từ để bộc lộ tính cách người viết, hơn nữa còn ngầm báo hướng vận mệnh về sau và kết cục cuối cùng của người ấy.

Có những bài thơ từ lại là thơ làm đèn đố, nên còn có tầng thứ tư nữa: nếu đó là thơ đố thì cuối cùng phải có một đáp án, đố một vật, bạn phải đoán xem nó đố cái gì.

Thế nên, với túi gấm tôi vừa trao này mà đi đọc lại thơ từ trong Hồng Lâu Mộng, chắc chắn phần thu hoạch sẽ lớn hơn nhiều so với ngày xưa chỉ biết đọc, chỉ biết thuộc.

Bây giờ xin nêu một ví dụ, mời bạn nghe một bài thơ:

Yêu ma hồn vía còn chăng, / Mình như cuốn lụa hơi đằng sấm ran.

Ai nghe thấy cũng hết hồn, / Ngoảnh đầu nhìn lại tro tàn khói bay.

Vừa nãy tôi đã trao cho bạn một túi gấm, giờ ta dùng túi gấm ấy mà thưởng thức bài thơ này từng bước một. Bước thứ nhất, cần biết bài thơ xuất hiện ở điểm nào của tình tiết. Tết đến, có một tiết mục là đoán đèn đố quanh dịp Nguyên tiêu, nên trong tiểu thuyết xuất hiện một tình tiết thế này: cô cả phủ Vinh Quốc là Giả Nguyên Xuân vào cung được phong Hiền Đức phi, nhân dịp Nguyên tiêu sai tiểu thái giám hầu cận mang một chiếc đèn lồng, trên đèn đề bài thơ vừa rồi tôi đọc, đem về phủ Vinh Quốc cho mọi người cùng đoán.

Giờ ta xem nghĩa bề mặt của bài thơ: nói có một thứ đồ mà yêu ma đều khiếp sợ, yêu ma vừa nghe đến đã mất hết can đảm. Vì sao? Vì hình dạng của nó rất đặc biệt: thân nó như một xấp vải buộc chặt; còn nếu phát ra tiếng thì khí thế như sấm, bỗng dưng vang lên inh ỏi như trời giáng sét; ngoảnh đầu lại nhìn thì ôi chao, nó đã hóa thành một đống tro tàn.

Túi gấm tôi trao bảo bạn bước vào tầng thứ ba: đây là ai viết? Giả Nguyên Xuân. Sao nàng lại làm ra một bài thơ như thế? Tác giả vì sao an bài nàng viết đúng một bài như vậy? Bài thơ ngầm báo số phận của nàng, là một điềm gở. Dĩ nhiên đây là một bài thơ đèn đố, nên còn có tầng thứ tư: đố một vật. Bạn học trò ạ, bạn đoán ra chưa? Đáp án của nó chính là pháo nổ.

Thế đó, muốn thưởng thức được thơ trong Hồng Lâu Mộng, cứ theo những diệu kế trong túi gấm của tôi mà thưởng thức thì chắc chắn có thu hoạch. Thơ trong Hồng Lâu Mộng nhiều lắm: các công tử các tiểu thư lập xã làm thơ, có một xã vịnh hải đường trắng, có một xã vịnh cúc, về sau còn xuất hiện cảnh vịnh hồng mai..., họ làm ra rất nhiều bài. Kết xã không chỉ viết thơ mà còn điền từ. Lại tới mùa xuân, bông liễu bay lượn, Sử Tương Vân dẫn đầu lấy "bông liễu" làm đề tài điền từ.

Trong đó có hai bài từ đáng để bạn coi trọng nhất, cũng phải nắm bắt theo từng bước của túi gấm tôi vừa trình bày. Lâm Đại Ngọc điền một bài từ, điệu từ gọi là 《Đường đa lệnh》. Trong thi ca cổ điển, thơ và từ khác nhau cơ bản ở hai điểm: một là, thơ luật cổ điển câu chữ chỉnh tề, còn từ là trường đoản cú, số chữ mỗi câu không bằng nhau; hai là, thơ do tác giả tự đặt đề mục, còn từ có các điệu từ khác nhau, điệu từ là cố định, nó quy định bài từ phải bao nhiêu câu, mỗi câu mấy chữ.

Bài 《Đường đa lệnh》 Lâm Đại Ngọc điền chia làm hai phần thượng hạ; đa số các bài từ đều chia hai phần thượng hạ. Phần thượng như sau:

Phấn rơi nào bãi trăm hoa, / Nào lầu yến tử hương mà còn đâu? / Hàng đoàn hàng đội theo nhau, / Kìa ai thả những quả cầu này đây?

Mỏng manh trôi dạt thân này, / Uổng công gắn bó thiệt ngày phong lưu!

Phần hạ như sau:

Cỏ cây âu cũng rầu rầu, / Tuổi xanh âu cũng bạc đầu đến nơi.

Kiếp này thôi thế thì thôi, / Ai người nâng lấy ai người bỏ rơi!

Gió đông đành gả cho rồi. / Đi thì đi hẳn đoái hoài làm chi!

Ngoài việc biết nó xuất hiện ở cơ duyên nào, phải hiểu nghĩa bề mặt của nó, hơn nữa qua nghĩa bề mặt mà hiểu vì sao tác giả khiến người này viết bài từ ấy: để tượng trưng cho số phận của người ấy, thể hiện tính cách của người ấy. Vậy là lúc bông liễu bay lượn cuối xuân, Lâm Đại Ngọc viết ra một ý nghĩa như thế này: cuối xuân, hoa ven nước rụng phấn xuống dòng, vùng nước ấy gọi là Bách Hoa châu, chứng tỏ mùa xuân sắp qua. Trên bờ có lầu các, chim yến đang bay; lẽ ra nơi lầu các ấy, vì tứ phía trăm hoa đua nở, hương thơm nồng nàn, nhưng nay xuân sắp tàn, hương thơm chỉ còn lại chút ít dư vị. Nhìn bông liễu từng cụm một bị gió lay, lăn lộn trên đất như quả cầu, nàng bèn nghĩ đến số phận của chính mình. Lâm Đại Ngọc là cô nhi mồ côi cha mẹ: trước mẹ mất, sau cha cũng mất, nàng gửi gắm ở nhà ngoại, tức phủ Vinh Quốc trong kinh thành; số phận nàng là kẻ phiêu bạt, nên nàng nói mình cũng như bông liễu, mỏng manh bạc mệnh, vận hạn chẳng tốt, tức là "có mạng mà không có vận".

Còn nếu chỉ vô ích mà lưu luyến những bông liễu ấy thì chẳng có tác dụng gì; kể xiểng cái vẻ đẹp vốn có của bông liễu cũng chẳng nhiều ý nghĩa. Vì sao? Bạn nhìn kia, ngay dưới đó nàng viết tiếp: bông liễu tuy là thảo mộc, lẽ ra thảo mộc với người phải khác nhau, người có tình cảm, còn thảo mộc dường như vô tình, vô tri vô giác; nhưng Lâm Đại Ngọc chỉ ra rằng: bạn xem cái thảo mộc ấy, nó cũng có tình cảm, nó cũng biết buồn khổ; nó đang độ xuân thì, "thiếu hoa" nghĩa là quãng thời gian tươi đẹp nhất trong đời sống; nàng nói bạn xem bông liễu ấy, nó thế mà lại có tình, mà đang giữa quãng tuổi đẹp nhất thì đầu lại bạc trắng, nó đang lo lắng đó!

Vì sao lo lắng? Nó than rằng đời mình trôi nổi lênh đênh, cuối cùng ai sẽ che chở, ai sẽ nhận lấy nó; thấy bông liễu như bị ép gả cho gió đông, chẳng theo ý mình. Thế rồi mùa xuân vội vã bước chân ra đi, bỏ mặc nó; làm sao bây giờ? Chỉ còn cách mặc nó bay đi. "Bằng nhĩ khứ": chữ 尔 nghĩa là "bạn", tức kệ nó đi! Sao nỡ lòng nào cực nhọc giữ nó ở lại mãi? Đây là một bài từ rất bi thống, thể hiện tiếng than về thân thế của Lâm Đại Ngọc và dự cảm mơ hồ của nàng về số phận bấp bênh phía trước.

Trong sách viết rất thú vị: Tiết Bảo Thoa cũng điền một bài từ, điệu từ của cô khác với điệu từ Lâm Đại Ngọc điền, là 《Lâm Giang Tiên》. Trước khi đọc bài từ của mình ra, Tiết Bảo Thoa đã tuyên bố với mọi người: tôi sẽ làm trái lại; bài của Linh muội quá thảm thiết, cô ấy nói bông liễu quá tệ, thế thì tôi cứ nói nó tốt. Cô nói tốt thế nào? Bài từ của cô cũng chia hai phần thượng hạ. Phần thượng:

Trước thềm xuân biết múa may, / Gió đông cuốn rải hoa này khắp nơi.

Bướm ong nhao nhác bay hoài,

Đâu theo dòng nước? Đâu vùi bụi thơm?

Phần hạ:

Muôn dây nghìn sợi vẹn toàn, / Cũng đành khi hợp khi tan tha hồ!

Đừng cười là giống chơ vơ,

Mây xanh lên vút ta nhờ gió đông.

Ôi, bài phản án của Tiết Bảo Thoa làm thật hay, hoàn toàn khác hẳn Lâm Đại Ngọc. Theo cô, bông liễu đáng lẽ phải vui vẻ chứ: trước mặt một điện đường xây bằng bạch ngọc, đến mùa xuân cũng biết múa may; gió đông đâu phải thứ gì độc ác, nó thổi rất đều đặn; lúc này thấy bông liễu xuất hiện, bông liễu được hoan nghênh lắm: đàn ong vây quanh thành cụm, bướm cũng bay qua bay lại làm thân mật. Tốt đẹp thay!

Tiếp đó cô đưa ra hai câu hỏi ngược: sao lại nói bông liễu cuối cùng trôi theo dòng nước? Đừng nói linh tinh; há lẽ nó nhất định rơi xuống đất bị người giẫm đạp hóa thành bụi thơm sao? Chưa chắc đâu. Rồi cô tiếp tục làm phản án, và đó cũng là lời tự ví bản thân: tôi cứ chấp nhận số phận này, "muôn dây nghìn sợi cuối cùng chẳng đổi"; bông liễu nhiều lên sẽ quấn quýt vào nhau, đúng không? Tiết Bảo Thoa nói: có gì đâu, cái số phận này tôi nhận; gió lay tôi thế nào cũng được, hợp cũng kệ, tan cũng kệ, tôi đều nhận. Huống hồ, trong tuổi xuân thì tôi là một bông liễu, vốn chẳng có rễ; liễu vô căn, nhẹ bẫng lửng lơ, đúng không? Tốt mà! Rồi sao nữa?

"Mây xanh lên vút ta nhờ gió đông": tôi theo gió đông bay lên, bay lên, thẳng đến trong mây. Điều này rất khớp với hoàn cảnh Tiết Bảo Thoa được viết trong sách: sở dĩ cô từ đất Kim Lăng chạy lên kinh thành là để tham gia tuyển chọn tú nữ vào cung; nhà cô sớm tạo dư luận rằng cô là con gái đeo khóa vàng, sau này sẽ lấy chàng trai đeo ngọc. Nên sống giữa xã hội ấy, cô hết sức thích ứng với xã hội ấy, hy vọng mượn đủ mọi sức mạnh của xã hội để địa vị bản thân được nâng lên.

Vậy nên thưởng thức thơ từ Hồng Lâu Mộng cũng phải phân tầng bậc. Còn có người nhắc tôi: nhất định phải nói rõ với các bạn học trò rằng, trong Hồng Lâu Mộng có hai câu thơ hay nhất, xuất hiện trong cảnh liên thơ. Liên thơ là gì? Bạn một câu, tôi một câu, sau đó tôi lại nói một câu, bạn lại tiếp một câu, có thể hai ba người hoặc nhiều người cùng hoàn thành một bài thơ.

Trong Hồng Lâu Mộng có một hồi viết về đêm trung thu, Lâm Đại Ngọc và Sử Tương Vân liên thơ ở một nơi trong viên lâm gọi là quán Ao Tinh, liên ra hai câu đến nay vẫn khiến tất cả độc giả Hồng Lâu Mộng phải trầm trồ, hai câu trộn vào thơ Đường cũng chẳng hề kém cạnh. Hai câu nào? "Cò rò bóng hạc bên ghềnh / Hồn hoa chôn chặt dưới vành trăng trong." Tôi sẽ không triển khai thêm; xin bạn dựa vào túi gấm tôi trao mà giải mở từng tầng một, thưởng thức cho trọn vẹn.

# Túi gấm thứ bảy: Tứ đại gia tộc

Ghi nhớ những gia đình quý tộc mà sách vạch trần

Túi gấm thứ bảy giúp bạn nắm bắt Hồng Lâu Mộng thế nào? Đó là bạn phải biết Hồng Lâu Mộng thực ra là một cuốn tiểu thuyết viết về tội ác của những nhà hào môn quý tộc trong xã hội phong kiến, và trong những nhà hào môn ấy có một số công tử tiểu thư trẻ tuổi là vô tội; nhưng cha chú, dòng họ của họ, trong xã hội ấy thuộc giai cấp thống trị, có rất nhiều vấn đề. Cho nên tìm hiểu sự bố trí các nhà hào môn quý tộc trong Hồng Lâu Mộng là điều hết sức cần thiết.

Vậy túi gấm này sẽ bảo bạn: phải nắm được tứ đại gia tộc nêu ở hồi thứ tư toàn thư. Hãy nhớ cho kỳ kỹ: Hồng Lâu Mộng viết chuyện của bốn gia đình quý tộc. Bốn gia tộc lớn nào? Thứ nhất là tông tộc họ Giả, gia tộc được viết nhiều nhất trong tiểu thuyết. Xã hội đương thời có những bài ca cửa miệng để hình dung những nhà hào môn ấy. Bài ca cửa miệng về tông tộc họ Giả nói gì? Nó gọi là "Giả không phải là giả dối, ngọc làm nhà ở, vàng làm ngựa cưỡi". Tức là họ này họ Giả (贾), nghe cứ như là giả (假) vậy: nhà quý tộc giả à? Nhưng nó chẳng giả chút nào, nó là hào môn quý tộc thật sự: điện đường của nó như thể dùng bạch ngọc mà dựng, ngựa nó cưỡi như thể bằng vàng mà đúc; đó là lời tả trong bài ca cửa miệng. Giả không phải là giả dối, ngọc làm nhà ở, vàng làm ngựa cưỡi.

Một gia tộc nữa là họ Sử, có một câu ca cửa miệng hình dung họ Sử: "Cung A phòng xây lên ba trăm dặm đã đủ chưa? Họ Sử đất Kim Lăng vẫn ở không vừa." Cung A phòng là một cung điện khổng lồ triều Tần xây cất, về sau trở thành một công trình bỏ dở, vì chưa kịp xây xong thì triều Tần đã sụp đổ; đủ thấy quy mô của nó to lớn đến chừng nào, tương truyền có tầm trải dài ba trăm dặm. Thế mà một cung điện như thế vẫn chưa đủ chỗ cho một nhà hào phú vùng Kim Lăng, tức nhà họ Sử này, ở. Đủ thấy họ Sử thuở ấy thật không phải vừa: không chỉ giàu có mà con cháu còn đông đúc.

Có bạn học trò có thể nhắm mắt nghĩ ngay: ông nói sách viết nhà họ Giả thì hiển nhiên rồi, khỏi bàn; còn viết họ Sử, ai là người họ Sử? Trong sách không viết trực tiếp tới phủ đệ nhà họ Sử, nhưng có một nhân vật hết sức quan trọng, gọi là Giả mẫu. Bà là phối ngẫu của quốc công gia phủ Vinh Quốc. Kể từ khi câu chuyện bắt đầu, cả phủ Ninh Quốc lẫn phủ Vinh Quốc, các vị quốc công đều đã mất, những người cùng bậc vai vế cũng đã khuất nốt, chỉ còn lại một người, là bà Giả mẫu của phủ Vinh Quốc: kể từ lúc câu chuyện tông tộc họ Giả bắt đầu, bà là cụ bà có vai vế cao nhất.

Nhưng bạn hãy lưu ý: bà từ gia tộc nào gả sang họ Giả? Từ họ Sử. Bản thân bà vốn họ Sử. Trong sách cũng nên chú ý: có lúc gọi bà là Giả mẫu, có lúc gọi tắt bà là cụ bà, vì địa vị của bà cao nhất. Có lúc lại xưng bà là Sử thái quân, chính vì ngày xưa bà là tiểu thư họ Sử, gả sang họ Giả; họ Giả với họ Sử thông gia với nhau.

Sách còn viết tới một nhân vật quan trọng khác là Sử Tương Vân. Sử Tương Vân là hậu duệ của đại gia tộc họ Sử này; cha mẹ nàng sớm mất cả, nhưng ngày thường nàng còn hai nhà bác cùng dì ghẹ chăm sóc.

Sách viết rất rõ: hai vị thúc bá của nàng được phong hầu. Vậy nên đến khi câu chuyện bắt đầu, họ Sử vẫn rất mạnh, đến nỗi có đến hai người con trai nối dòng được hoàng đế phong tước hầu. Bậc đẳng quý tộc thuở trước, bạn nắm được chứ? Công, hầu, bá, tử, nam: công tước hàng thứ nhất, hầu tước hàng thứ hai. Vậy nên tuy những người cùng đời với Giả mẫu bên họ Sử không còn nữa, nhưng họ có hai người hậu duệ được phong hầu tước: một là Bảo linh hầu Sử Nãi, một là Trung Tịnh hầu Sử Đỉnh. Vì thế trong sách, tuy họ Sử chẳng còn oai phong như lời tục ngữ tả thuở trước, nhưng vẫn rất vẻ vang: có hai người con cháu được phong hầu tước.

Trong Hồng Lâu Mộng, trước tiên có nhà họ Giả, tông tộc họ Giả; sau có họ Sử; tiếp theo nữa là nhà họ Vương.

Họ Vương là một nhà hết sức quan trọng trong tứ đại gia tộc, cũng có một câu ca cửa miệng nói về nhà này: "Vua Đông Hải thiếu ngọc trắng làm giường, phải đến vay Kim Lăng vương." Nhà họ Vương giàu đến mức nào? Tương truyền trong biển lớn có một vị Long Vương, Long Vương oai phong lắm, quản hết mọi vùng biển trên mặt đất. Long Vương vốn sống đã quá xa hoa, nhưng y còn muốn xa hoa hơn nữa, muốn có một chiếc giường bạch ngọc, một chiếc giường đắp bằng ngọc trắng, mà không có; cầu ai đây? Cầu nhà họ Vương ở trên đất liền. Long Vương đành đến lạy chào nhà họ Vương đất Kim Lăng: cho tôi vay, hay bán, hay là tặng cho tôi một chiếc giường bạch ngọc chăng? Việc ấy với nhà họ Vương thế mà làm được. Vậy nên nhà họ Vương cũng không phải vừa.

Nhân vật họ Vương trong sách có những ai? Chủ phủ Vinh Quốc là Giả Chính, một người con của Giả mẫu; người vợ cả ông cưới lại là một tiểu thư nhà họ Vương: phu nhân Vương. Sao sách lại gọi vợ Giả Chính là phu nhân Vương? Chính vì cô ấy từ nhà họ Vương trong tứ đại gia tộc gả sang họ Giả.

Mà em gái ruột phu nhân Vương này lại gả cho một gia tộc quý tộc khác, đó là nhà họ Tiết. Về nhà họ Tiết, dân gian cũng có ca cửa miệng: "Được mùa tuyết lã chã rơi, ngọc châu như đất, vàng thời sắt thoi." "Được mùa tuyết tốt": qua câu này chơi chữ đồng âm với họ của họ, Tiết (薛); xưa kia người phương Nam đọc hai chữ 薛 và 雪 phát âm gần giống nhau, đồng âm; nghĩa là nhà họ Tiết lớn biết bao!

Nhà này giàu đến mức nào? Ngọc châu là thứ quí giá, nhưng đối với nhà họ thì như đất, đâu đâu cũng có; vàng quí giá lắm chứ, nhưng với nhà họ thì như sắt thoi, chẳng đáng tiền, nhà họ thừa mứa.

Trong một số bản Hồng Lâu Mộng, thứ tự xếp bốn nhà đặt họ Tiết cuối cùng, đúng như tôi vừa nói; cũng có bản đặt nhà họ Vương cuối cùng. Chênh lệch giữa các bản ấy không đáng ngại; tóm lại, bạn học trò ạ, hãy

nhớ rằng trong sách có tứ đại gia tộc; một diệu kế trong túi gấm để hiểu tứ đại gia tộc là ghi nhớ lời dân gian hình dung họ, nhớ bốn bài ca cửa miệng ấy.

Nhà họ Giả trong sách được phong quốc công gia. Thuở hoàng triều mở nước như trong truyện, tổ tiên họ Giả lập nhiều công lao chiến trận cho hoàng triều, nên sau khai quốc được phong công tước, quý tộc hàng nhất đẳng. Ninh quốc công chết, Vinh quốc công chết; đến thế hệ dưới thì vẫn được thừa kế tước hiệu quý tộc, nhưng phải hạ xuống một bậc. Chi Ninh quốc công: hậu duệ truyền lại của Ninh quốc công tên là Giả Kính; lẽ ra ông phải tập tước hiệu quý tộc, nhưng ông không thèm, ông theo đạo giáo, chẳng chịu ở phủ Ninh Quốc trong thành, chạy ra quán đạo ngoài thành luyện đan cùng các đạo sĩ, rồi nhường tước hiệu quý tộc lẽ ra mình được cho con trai ông. Tiểu thuyết viết con trai ông tên Giả Trân, cùng thế hệ với Giả Bảo Ngọc, là một người anh em con bác của Bảo Ngọc.

Vậy nên tước hiệu quý tộc Giả Trân tập bị hạ cấp, là tam đẳng tướng quân. Bực tướng quân trong chuyện cũng là tước hiệu quý tộc khá lắm rồi. Bên phủ Vinh Quốc: hậu duệ truyền lại của Vinh quốc công tên Giả Xá, anh của Giả Chính, tước vị ông tập là nhất đẳng tướng quân; cũng bị hạ, nhưng cũng khá lắm. Những quan hệ nhân vật này bạn tuyệt đối phải nhớ; chỉ khi nhớ được, bạn mới lần ra được bốn gia tộc lớn này là chuyện gì.

Nhà họ Vương trong triều cũng có tước hiệu, làm quan to. Sau khi chuyện bắt đầu, sách giới thiệu họ Vương có một người tên Vương Tử Đằng, làm quan rất to, cuối cùng thăng đến Tiết độ sứ Kim Lăng, Thống chế chín tỉnh, Đô kiểm điểm chín tỉnh, quan to lắm. Người này chắc chắn là một người anh hoặc em ruột của phu nhân Vương và dì Tiết; sách không nói rõ ràng lắm, nhưng là anh em ruột của hai chị em họ.

Còn họ Sử, như vừa nói, đến thế hệ nay còn hai người tập tước hầu, thì cao hơn cả nhất đẳng tướng quân lẫn tam đẳng tướng quân; hơn nữa, không chỉ có tước hiệu quý tộc, họ còn có vài chức quan khác, cũng làm những việc cụ thể cho hoàng đế.

Vậy ba gia tộc ấy đều tập tước hiệu quý tộc, lại đều làm quan.

Sao nhà họ Tiết lại ngồi ngang hàng với họ? Vì nhà họ Tiết rất giàu có. Tổ tiên nhà họ vốn chẳng được phong tước hiệu quý tộc hay làm quan to; họ là phường thái mãi của cung đình. Bây giờ bạn đi thăm Tử Cấm Thành Bắc Kinh, một hoàng thành mênh mông; vua cùng người trong hoàng cung cần dùng biết bao nhiêu thứ, đúng không? Phải có người lo sắm sửa mua chuộc giúp họ, nên triều đình nuôi một hạng người chuyên làm việc thái mãi cho họ; tổ tiên nhà họ Tiết vốn làm nghề ấy.

Vậy nên đến lúc Hồng Lâu Mộng mở đầu, tuy chồng dì Tiết đã mất, Tiết Bàn vẫn kế nghiệp công việc ấy của cha.

Bốn gia tộc lớn này gọi là một nhà vinh thì cùng vinh, một nhà tổn thì cùng tổn; họ nâng đỡ che chở nhau, đều có chiếu cố qua lại, dây dưa vào nhau; một nhà bị hoàng đế trị tội, chỉnh đốn, thì sẽ lây sang mấy nhà kia.

Vì thế đừng chỉ để ý rằng trong sách có Giả Bảo Ngọc, có Kim Lăng thập nhị thoa, mà phải biết cái bối cảnh lớn phía sau là tứ đại gia tộc. Vì sao cuối cùng số phận những công tử tiểu thư ấy đều không tốt, gọi là "có mạng mà không có vận"? Chính vì về sau sách viết hoàng đế ra tay đánh vào tứ đại gia tộc, những công tử tiểu thư ấy vô tội mà bị cuốn vào, cuối cùng số phận đều rất bạc bẽo. Đây lại là một túi gấm đọc Hồng Lâu Mộng tôi trao cho bạn. Hai bài giảng dưới, tôi sẽ cho bạn biết những thủ pháp nghệ thuật quan trọng của Hồng Lâu Mộng, bạn nắm túi gấm ấy thế nào để thưởng thức văn bản Hồng Lâu Mộng tốt hơn.

# Túi gấm thứ tám: Chơi chữ đồng âm ẩn nghĩa

Hiểu thủ pháp nghệ thuật ấy của sách

Đọc Hồng Lâu Mộng phải nắm được một thủ pháp nghệ thuật mà tác giả thường dùng, đó là chơi chữ đồng âm ẩn nghĩa (谐音寓意). Không hiểu thủ pháp này thì đọc Hồng Lâu Mộng coi như đọc uổng. Kể từ hồi thứ nhất, tác giả đã dùng dày đặc thủ pháp ấy: đặt tên người, tên đất đều dùng nó; bây giờ ta tách riêng khía cạnh tên người ra nói một chút.

Hồi mục hồi thứ nhất gọi là gì? "Chân Sĩ Ẩn trong mơ thức rõ viên ngọc thông linh; Giả Vũ Thôn giữa gió bụi thương cô gái khuê các". Chân Sĩ Ẩn là tên một người, Giả Vũ Thôn là tên một người khác; thực ra cả hai đều có đồng âm ẩn nghĩa. 甄士隐 (Chân Sĩ Ẩn) ngụ ý cuốn sách này che giấu rất nhiều chuyện có thật trong cuộc sống. Tiểu thuyết chú trọng hư cấu, việc giấu đi những chuyện thật trong đời không có gì lạ; nhưng tác giả lại còn nói với bạn rằng ông còn "giả ngữ tồn" (假语存, lời dối được giữ lại): cái tên Giả Vũ Thôn (贾雨村) chơi chữ với 假语存, giả ngữ tức văn bản hư cấu; trong câu chuyện hư cấu ấy, ông cố tình gìn giữ một số tình huống thật của cuộc sống. Đó là một lối viết cực nhọc, gian nan, mà cũng vô cùng khéo léo.

Vậy nên đọc hồi thứ nhất bạn phải hiểu rằng cuốn sách này giấu đi chuyện thật, rồi bằng văn bản hư cấu của tiểu thuyết gìn giữ nhiều tình huống thật sự của gia tộc tác giả cũng như của chính tác giả trong thời đại ấy. Cho nên ngay từ hai nhân vật mở đầu, tên của họ đã mang đồng âm ẩn nghĩa.

Còn những nhân vật khác xuất hiện trong đó thì sao? Cũng có đồng âm ẩn nghĩa. Ví dụ bài giảng thứ nhất tôi đã nói với bạn: Chân Sĩ Ẩn có một cô con gái nhỏ, tuổi ngoài năm mươi mới sinh được cô con gái dễ thương này, đặt tên gì đây? Chân Anh Liên (甄英莲). Có phải chơi chữ không? Phải. Chơi với âm nào? Với 真应怜, "thật ra nên thương hại nó" đấy chứ, há chẳng nên thương hại sao!

Còn nhớ tôi kể Chân Anh Liên bị bắt cóc thế nào không? Có một người hầu dẫn con bé ra phố xem cảnh nhộn nhịp; người hầu ấy tên gì? Tên Hoắc Khải (霍启), có phải cũng là chơi chữ không? Về sau nhà này gặp nạn gặp họa chính là do y mà khởi nguồn, nên gọi là "họa khởi" (祸起, tai họa khởi đầu). Đồng âm ẩn nghĩa xuất hiện dồn dập ngay trong hồi thứ nhất; bạn không hiểu chơi chữ đồng âm, không biết dùng túi gấm này, mắt liếc qua một cái là trôi, ngơ ngác mơ hồ, thế thì phí.

Túi gấm này đòi hỏi bạn khi đọc Hồng Lâu Mộng, cứ mỗi lần gặp tên người tên đất là phải hết sức động tâm, phải nghĩ xem nó chơi với âm gì, diễn đạt ý gì.

Ví dụ về sau tác giả viết phủ Vinh Quốc: Giả Bảo Ngọc qua lại trong phủ, bỗng chạm mặt phòng quản sự của phủ Vinh Quốc, mấy người quản sự. Phủ Vinh Quốc là một phủ đệ to lớn; tổng quản, như sách viết, là

Giả Liễn và vợ y là Vương Hy Phượng. Giả Liễn là kẻ sợ vợ, nên quyền hành lớn rơi vào tay Vương Hy Phượng.

Dưới tay Vương Hy Phượng có rất nhiều người làm việc; xuất hiện mấy cái tên người làm việc đều là chơi chữ, thú vị lắm. Một người tên Ngô Tân Đăng (吴新登), y lo việc gì? Lo xuất na, tức coi tiền bạc ra vào của phủ đệ; nhưng cái tên ấy chơi chữ với 无星戥 (vô tinh đặng), người nay nghe không hiểu, người xưa nghe phát là hiểu. Xưa đo cân nặng bạc trắng bằng cách nào? Bạc tính theo trọng lượng: càng nặng giá trị càng lớn, mua được càng nhiều thứ; phải dùng dụng cụ để cân, trong dụng cụ ấy có một con "tinh tinh" (准星, vạch chuẩn di động); thứ đồ đó gọi là cái đặng (戥子), hình dáng giống chiếc cân hai bên đĩa bạn thấy trong trường học bây giờ: bên này đặt bạc, bên kia một vạch chuẩn trôi chạy, nhờ vạch chuẩn di chuyển mà biết được cân nặng miếng bạc.

Thế rồi người coi tiền bạc ấy ra sao? Y "vô tinh đặng": y căn bản chẳng chịu nghiêm chỉnh cân đong kỹ lưỡng số bạc cho phủ đệ; nói cách khác, thường xuyên tham ô, làm tay chân. Y trông cái đặng cân bạc, nhưng lại không chịu nắm chắc vạch chuẩn trên đó; "vô tinh đặng" (无星戥) đấy, tồi tệ chưa? Phủ Vinh Quốc lại dùng đúng loại người này để coi tiền bạc.

Lại có một người thái mãi, cầm bạc trong phủ ra ngoài sắm đồ cho phủ; người này tên Tiền Hoa (钱华), cũng chơi chữ. Y xài tiền chẳng đau lòng, tiền đâu phải của y, y hoang phí lãng phí, hơn nữa khẳng định còn tham ô giữa chừng, nên gọi là tiền "hoa" (花): cái kiểu xài tiền của y là xài róc rách ào ào, xài cả nắm cả túi. Những nét mực ấy, nếu bạn không hiểu đồng âm ẩn nghĩa, mắt nhìn qua là lỡ hết; đọc Hồng Lâu Mộng nhất định phải hiểu được tấm lòng khổ tâm của tác giả.

Về sau tác giả viết tới ông chủ phủ Vinh Quốc, tức chủ phủ Vinh Quốc là Giả Chính. Anh trai ông là Giả Xá, sau khi cha mất, tập tước nhất đẳng tướng quân; Giả Chính thì không tập tước hiệu quý tộc, vì theo luật chơi của hoàng gia đương thời, chỉ có trưởng nam mới được tập tước vị quý tộc; ông là con thứ, nên không tập. Nhưng hoàng đế rất nhớ công khai quốc cho hoàng triều của tổ tiên họ, thưởng thêm cho ông làm quan: tức là bạn không cần thi cử khoa bảng, leo từng bậc lên; ta trực tiếp cho bạn một chức quan. Vậy nên từ lúc chuyện bắt đầu, Giả Chính đã làm quan rồi.

Ban ngày Giả Chính lên triều, lo việc cho hoàng đế; xong việc về nhà, ông làm gì? Ông nuôi một đám khách thanh, lại gọi là tướng công; đám người này hầu chuyện trò với ông, gặp việc cho ông hiến kế, đánh cờ với ông, ngâm thơ với ông, cùng ông ngắm hoa, cùng ông uống rượu. Trong sách, những khách thanh tướng công hầu Giả Chính có vài người được ghi tên; tên gì cơ à? Toàn là đồng âm ẩn nghĩa nhé! Một người tên Thiềm Quang (詹光): khỏi phải nói, chơi chữ với 沾光, nghĩa là y đến để "mượn ánh sáng", hưởng nhờ ánh quang của phủ Vinh Quốc.

Một người nữa tên Đan Sính Nhân (单聘仁): chữ 单 khi làm họ đọc là shàn, thế là thành 善骗人, "thiện phiến nhân", giỏi lừa gạt người. Cả ngày hầu Giả Chính cười đùa vui vẻ, tỏ ra cung kính lắm, kỳ thực liên tục lừa Giả Chính, moi lợi ích từ tay Giả Chính. Lại có người tên Trình Nhật Hưng (程日兴), cũng chơi chữ cũng ẩn nghĩa: cả ngày ở đó "hưng phong tác lãng", dấy sóng gió; ngày nào y cũng "hưng" ra một trò mới, bề ngoài là lấy lòng Giả Chính, dỗi Giả Chính cười, thực chất thì cứ gây chuyện cho Giả Chính. Lại có người tên Hồ Tư Lai (胡斯来), cũng đồng âm ẩn nghĩa: y cứ 胡, lung tung làm việc; "Hồ Tư Lai", không phải người đứng đắn.

Vậy nên sách viết Giả Chính nuôi một đám khách thanh như thế, đặt những cái tên ấy, ngụ ý rằng bản thân Giả Chính tưởng chừng khá đứng đắn, thực ra giả bộ đứng đắn; đám khách thanh y nuôi: kẻ hưởng nhờ ánh quang, kẻ giỏi lừa gạt, kẻ ngày đêm dấy sóng gió, kẻ luôn làm càn, toàn những nhân vật chẳng ra gì cả.

Sách viết tông tộc họ Giả không chỉ có hai chi được phong quốc công, còn có vài chi nhánh khác: tổ tiên có lẽ là cùng một người, nhưng về sau anh em sinh con đẻ cháu, những chi truyền xuống dần sa sút, trở nên nghèo khó. Sách viết tới một người tên Giả Vân. Xét về huyết thống, Giả Vân là hậu duệ chính tông của tông tộc họ Giả; nhưng đến đời y, nghèo không thể nghèo hơn: cha mất, mẹ nhờ ở một gian nhà dưới hành lang phía Tây của một ngôi chùa, gian nan qua ngày. Gặp khó khăn, y định cầu một người cậu giúp đỡ một phen; vậy mà người cậu ấy chẳng những không giúp, còn lạnh lùng nói năng đâm chọc, khiến y tuyệt vọng cùng cực.

Sách đặt cho cậu của Giả Vân một cái tên: Bốc Thế Nhân (卜世仁), chơi chữ ẩn nghĩa là 不是人, "bất thị nhân", không phải người; đủ thấy tác giả căm phẫn ghét cay ghét đắng nhân vật này. Vậy nên đọc Hồng Lâu Mộng nhất định phải nắm được thủ pháp nghệ thuật đồng âm ẩn nghĩa này. Đồng âm ẩn nghĩa đôi khi không giống các ví dụ liệt kê ở trên là trực tiếp chơi một âm, mà là chơi chữ chen ngang.

Trước đây tôi đã nhiều lần nói: tông tộc họ Giả, phủ Ninh Quốc và phủ Vinh Quốc có bốn tiểu thư. Bốn tiểu thư nào? Giả Nguyên Xuân, Giả Nghinh Xuân, Giả Thám Xuân, Giả Tích Xuân. Chữ cuối tên bốn tiểu thư đều là "xuân", chữ trước mỗi người một khác; nối lại là chơi chữ ẩn nghĩa, bạn biết chưa? Cùng đọc một lượt xem, nối lại thành âm gì? Một chuỗi âm thanh này đây: "nguyên ứng than thở" (原应叹息), tức số phận những người con gái ấy về sau đều không tốt; xét từ gốc rễ, chúng ta căn bản đáng lẽ phải than thân cho họ. Vậy nên Hồng Lâu Mộng là một khúc ai điếu tuổi xuân, một cuốn sách hát tiễn những kiếp nữ bất hạnh của tuổi xuân; cho nên nối tên bốn tiểu thư tông tộc họ Giả lại chính là "nguyên ứng than thở". Bốn tiểu thư đều có a hoàn, a hoàn thì có nhiều, mỗi tiểu thư đều có một a hoàn lớn đứng đầu: a hoàn lớn đứng đầu của Giả Nguyên Xuân tên Bão Cầm; của Giả Nghinh Xuân tên Tư Kỳ; của Giả Thám Xuân tên Đãi Thư; của Giả Tích Xuân tên Nhập Họa. Vậy chữ cuối tên bốn cô a hoàn nối lại tạo thành đồng âm ẩn nghĩa thế nào, chắc bạn đã rõ: "cầm kỳ thư họa" (琴棋书画).

Vậy nên khi đọc Hồng Lâu Mộng, những chỗ ấy không thể nuốt trọn một chùm mà đọc qua; bạn phải nhận lấy túi gấm này, phá giải đồng âm ẩn nghĩa trong những cái tên ấy.

Ngoài thủ pháp nghệ thuật đồng âm ẩn nghĩa, cuốn sách còn có một thủ pháp nghệ thuật quan trọng nữa, tôi sẽ trao túi gấm liên quan cho bạn trong bài giảng kế tiếp.

# Túi gấm thứ chín: Rắn cỏ vệt tro

Chú ý những bút phục trong dòng tiến triển tình tiết của sách

Túi gấm thứ chín, tôi muốn dạy bạn hiểu một chiêu trong các thủ pháp nghệ thuật của tác giả Hồng Lâu Mộng, đó là cài bút phục, gọi là "rắn cỏ vệt tro", mạch ngầm chạy ngàn dặm.

Có nghĩa gì là rắn trong cỏ? Cỏ mọc cao cao, có con rắn bò trong cỏ, cỏ lúc thì che mất đầu này thân rắn, lúc thì che mất đầu kia; nhìn qua bạn thấy con rắn như đứt đoạn nối liền lận, kỳ thực nó là một chỉnh thể. Vậy nên hai chữ "rắn cỏ" là hình dung cách làm văn: không nói cho rõ hết ngay, cố ý kể một đoạn rồi chèn xuống một mồi chữ phục, qua một đoạn nữa mới mở nắp đáp án, lôi gói bí mật ấy ra xòe cho xem. "Vệt tro" cũng mang ý ấy. Bây giờ các bạn đi học điều kiện tốt lắm, trường nào sân bãi trang bị hiện đại. Như hồi bé tôi chạy bộ, đường chạy chỉ là thầy thể dục nắm một nắm vôi trắng, vừa lùi vừa rắc tro xuống đất. Thầy không thể rắc cho liền mạch được mà đứt đoạn nối đoạn; người xưa mượn hình ảnh vệt tro ấy để hình dung việc làm văn: đứt quãng, tưởng như không liền lạc, dường như chẳng hay; nhưng nhìn kỹ lại thì đó vẫn là một vệt nét rất rõ ràng. Hồng Lâu Mộng chính là dùng thủ pháp nghệ thuật như thế: rắn cỏ vệt tro, mạch ngầm chạy ngàn dặm. Mạch ngầm chạy ngàn dặm nghĩa là sao? Đôi khi tác giả chèn một mồi chữ ở phía trước, không vội giao kết quả, phải lâu lâu sau rất nhiều, ông mới quay lại ứng chiếu mồi chữ ấy. Trong Hồng Lâu Mộng bút phục rất nhiều; giờ tôi rút ra vài chiêu từ túi gấm, dạy bạn học cách sử dụng.

Chiêu thứ nhất: phát hiện những bút phục gần trong Hồng Lâu Mộng, hay gọi là bút phục lộ liễu. Chôn xong nét chữ ấy không phải đợi lâu, chưa cần tới cuối sách, vài hồi sau đã sắp hé lộ; hơn nữa đó là bút phục rất lộ liễu. Ví dụ bài giảng đầu tôi có kể: cô con gái nhỏ của Chân Sĩ Ẩn là Chân Anh Liên bị bọn buôn người bắt đi; đây là một bút phục: con bé đi đâu rồi, độc giả sẽ treo lòng. Chưa mấy hồi sau, tới hồi thứ tư, tác giả mở nắp đáp án, ứng chiếu luôn: à, hóa ra sau khi bị bắt đi, con bé được nuôi vài năm, rồi bị bán như bán đồ vật cho nhà khác; đây là một bút phục.

Còn một số bút phục là bút phục xa: xuất hiện rồi mà cả tám mươi hồi đầu chẳng hé lộ, phải đến sau hồi tám mươi mới được giải đáp.

Chẳng hạn sách viết về một cụ già nông thôn mà bạn rất quen thuộc: Lưu lão lão. Cụ Lưu này là một bà lão cô độc vùng nông thôn quanh kinh thành; chồng cụ mất, cụ sống cùng con gái và con rể; con gái với con rể sinh được một trai một gái, cụ có cháu ngoại trai, có cháu ngoại gái, cả nhà sống cuộc đời gian nan. Mùa đông sắp tới, nhà không những thiếu ăn mà quần áo ấm cũng chẳng lo nổi, làm thế nào? Cụ nghĩ ra một kế. Con rể cụ họ Vương, tổ tiên từng làm quan nhỏ, từng tìm cách nối quan hệ với nhà họ Vương của phu nhân Vương phủ Vinh Quốc, tức thông tông với nhau. Thông tông là gì? Xã hội phong kiến Trung Hoa chú trọng

tông tộc: bạn họ Vương, bạn thuộc tông tộc họ Vương; tôi cũng họ Vương; vốn dĩ tôi với bạn chẳng có quan hệ huyết thống nào, xa nhau tám trượng chẳng chạm; nhưng tôi bám víu bạn, nịnh nọt tìm gặp bạn, nói tôi cũng họ Vương, bạn cũng họ Vương, liệu bạn nhận làm bác tôi, tôi làm cháu bạn, để trên gia phả tông tộc chúng ta tính là có dây mơ rễ má với nhau.

Vậy thuở trước tổ tiên phu nhân Vương vì sao lại dây dưa với hạng tiểu lại, tiểu nhân vật như thế? Tiểu nhân vật bám víu lên thì dễ hiểu; vì thời ấy nhà họ Vương làm quan chưa phải to lắm, để củng cố địa vị và leo lên cao hơn, trên giữa dưới đều phải kết giao, nên đã nhận lời xin thông tông của tổ tiên con rể cụ Lưu. Nghĩ ra mối quan hệ này, cụ Lưu chạy thẳng sang phủ Vinh Quốc, nghĩ đủ mọi cách để người ta cứu tế mình chút ít. Lần đầu tiên sang phủ Vinh Quốc, cụ không gặp được phu nhân Vương, càng không gặp được Giả mẫu, chỉ gặp Vương Hy Phượng; Vương Hy Phượng đối xử với cụ khá tốt, giúp cụ hai mươi lạng bạc, vậy là cụ qua đông chẳng còn trở ngại gì.

Sau đó lần thứ hai cụ lại sang phủ Vinh Quốc; lần này cụ may mắn, Giả mẫu hay tin, bảo mời vào cho ta xem mặt; rồi Giả mẫu dẫn cụ đi chơi khắp nơi trong Đại Quan viên. Có một chi tiết, một bút phục hết sức quan trọng: đi chơi tới chỗ Giả Thám Xuân ở, gọi là Thu Sảng trai. Ở nơi này xảy ra chuyện giữa hai đứa trẻ: một đứa là ai? Chính là cậu cháu ngoại mà cụ Lưu khi ấy theo vào phủ Giả ở kinh thành có mang theo, tên Bản Nhi, một cậu bé; còn một đứa là bé gái; ai ấy à? Con gái Vương Hy Phượng, khi ấy chưa đặt tên, người ta thường gọi là cháu Đại Thư. Hai đứa bé gặp nhau trong phòng Giả Thám Xuân; có một chi tiết: lúc ấy thằng Bản Nhi tay ôm một quả phật thủ. Phật thủ là thứ quả trên cây vốn thường không ăn được, hình dáng giống bàn tay Phật; đương nhiên về sau cũng có người đem chế thành thức ăn, thái lát xào lên cũng ăn được.

Quả phật thủ đặt trong một chiếc đĩa lớn trong phòng Giả Thám Xuân; Bản Nhi xin một quả. Cháu Đại Thư lúc ấy ôm một quả bưởi lớn; quả bưởi lớn người phương Nam còn gọi là hương viên (香橼), tỏa ra hơi thơm thanh khiết. Cháu Đại Thư trông thấy quả phật thủ là muốn, Bản Nhi chẳng chịu cho; sau nhờ người lớn khuyên bảo, Bản Nhi mới đưa quả phật thủ cho cháu Đại Thư, còn cháu Đại Thư bỏ quả bưởi, tức quả hương viên, đang ôm, đưa lại cho Bản Nhi. Bản Nhi là con trai, trông quả hương viên tròn trịa có thể đá như quả bóng, cũng mừng lắm. Đây là một bút phục hết sức quan trọng.

Sau hồi tám mươi, tác giả sẽ viết họ Giả bị hoàng đế ra tay đánh, cả gia tộc diệt vong. Trong hoàn cảnh ấy, tất cả nhân vật cuối cùng đều gặp số phận tồi tệ. Cháu Đại Thư này về sau mới có tên, do cụ Lưu đặt, vì nàng sinh đúng ngày mùng bảy tháng bảy nên gọi là Xảo Thư. Xảo Thư về sau bị một người cậu ruột, cùng một người anh em con bác, bán vào lầu xanh; về sau cụ Lưu cùng một số người khác nghĩ mọi cách cứu nàng thoát ra. Được cứu về nông thôn, nàng lớn lên lấy chồng, chồng nàng chính là Bản Nhi cũng đã trưởng thành. Vậy nên cảnh xảy ra trong phòng Giả Thám Xuân ấy là một bút phục rất lớn: trông thì như một cuộc đổi đồ giữa hai đứa trẻ, thực chất báo trước một mối nhân duyên đã se kết. Phật thủ là một hình

dạng hết sức may mắn; còn hương viên, trong đó có chữ 椽 chơi chữ đồng âm với 缘 (duyên), một mối duyên lành đẹp đẽ.

Thế nên xem Hồng Lâu Mộng, tôi trao bạn một túi gấm là bạn phải chú ý bút phục của nó; đây chính là một bút phục. Trong Hồng Lâu Mộng bút phục rất nhiều, nhất là chỗ sách viết Giả Nguyên Xuân tỉnh thân về thăm nhà, trong đó có tiết mục hát tuồng; một trích đoạn gọi là 《Hào Yến》; châu phê nói rằng diễn trích đoạn này là một bút phục, chôn trước sự suy vong của nhà họ Giả.

《Hào Yến》 là một trích đoạn hát. Trích đoạn hát là gì, tức trích đoạn của một vở lớn: một vở hát nếu diễn trọn từ đầu tới cuối thì gồm rất nhiều màn nối tiếp, rút riêng một đoạn, một màn trong đó ra diễn, gọi là trích đoạn. 《Hào Yến》 là một trích đoạn trong vở dài 《Nhất Bổng Tuyết》. Nhất Bổng Tuyết là một món cổ vật chạm khắc công phu bằng bạch ngọc, cầm trên tay như thể bưng một nắm tuyết; vở này kể chuyện vì món cổ vật ấy mà một gia tộc bị hủy diệt.

Tác giả trong tám mươi hồi đầu không viết tới kết cục lớn phủ Giả tan rã, nhưng viết tới rất nhiều cổ vật; trong đó một món cổ vật hết sức quan trọng là dịp cụ Giả mẫu làm lễ thọ bát thập, một nhà sư khách lạ đến phủ Giả tặng. Bạn cứ tra sách đi, tôi để lại một bài tập về nhà: món cổ vật gì nhỉ? Rất có thể món cổ vật trong sách giống như Nhất Bổng Tuyết trong vở hát, dẫn tới sự hủy diệt của một gia tộc. Vậy nên đọc Hồng Lâu Mộng mà không hiểu bút phục thì chẳng được.

Vở hát thứ tư gọi là 《Ly hồn》. 《Ly hồn》 là một trích đoạn trong vở lớn 《Mẫu Đơn Đình》, kể chuyện người con gái xinh đẹp Đỗ Lệ Nương. Người chú giải chỉ ra rằng trích đoạn này được diễn ở đây cũng là một bút phục, chôn trước cái chết của Đại Ngọc: Đại Ngọc cuối cùng vẫn rời cõi trần; trích đoạn này báo trước kết cục của nàng.

Người chú giải còn chỉ ra thủ pháp bút phục mà tác giả sử dụng vô cùng cao siêu, gọi là: một cây nghìn cành, một suối vạn nhánh, vô ý tiện tay, mà mạch ngầm chôn ngàn dặm. Như như nhẹ nhàng viết xuống một nét, dường như chẳng có ý gì, thực ra chẳng phải lời thừa, đó là bút phục. Nào, bạn học trò ạ, từ nay đọc Hồng Lâu Mộng, bạn hãy đặc biệt chú ý thủ pháp nghệ thuật cài bút phục của tác giả. Bài giảng kế tiếp tôi sẽ quy nạp tổng kết tư tưởng trung tâm của cuốn Hồng Lâu Mộng.

# Túi gấm thứ mười: Chân tình trên hết

Nắm bắt tư tưởng trung tâm của Hồng Lâu Mộng

Bây giờ trao cho bạn túi gấm cuối cùng, giúp bạn hiểu chủ đề của Hồng Lâu Mộng, tức tư tưởng trung tâm của nó.

Hồng Lâu Mộng là một cuốn sách rất vĩ đại; chủ đề và tư tưởng trung tâm của nó rốt cuộc là gì, độc giả và các nhà nghiên cứu qua các thời đều có cách nói khác nhau. Hôm nay tôi đem một trong những cách nói quan trọng ấy làm túi gấm hiến tặng bạn.

Thực ra Hồng Lâu Mộng, thông qua những hình tượng nghệ thuật như Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, đã nêu lên một nguyên tắc nhân sinh tối thượng: muốn chúng ta biết rằng thứ quí giá nhất ở nhân gian, trong vũ trụ, chính là thứ tình cảm trong sáng, thanh sạch, tinh khiết.

Trong Hồng Lâu Mộng, đối với hai hình tượng Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, cộng sự của tác giả, tức người chú giải, có một cách nói: tác giả cuối cùng ban cho Bảo Ngọc và Đại Ngọc mỗi người một lời khảo bình; khảo bình nghĩa là lời nhận xét. Bạn học trò ạ, mỗi cuối học kỳ, thầy cô có phải ghi cho bạn lời nhận xét hạnh kiểm không? Vậy thì tác giả Hồng Lâu Mộng, ở phần cuối toàn thư, thực tế cũng viết xuống lời khảo bình, tức lời nhận xét, cho một số nhân vật chính.

Với Lâm Đại Ngọc là hai chữ: tình tình (情情); chữ 情 thứ nhất là động từ, chữ 情 thứ hai là danh từ. Nghĩa là Lâm Đại Ngọc đem toàn bộ tình cảm của mình trao cho người có tình với nàng, người ấy là Giả Bảo Ngọc; nàng trả lại cho Bảo Ngọc nước mắt của cả cuộc đời mình. Đây là một sự đánh giá rất cao đối với Lâm Đại Ngọc. Dâng hiến toàn bộ tình cảm của một đời người cho người mình yêu nhất, đó là điều đẹp đẽ lắm giữa cuộc sống nhân gian.

Nhưng điều nhà văn khẳng định mạnh hơn là Giả Bảo Ngọc. Theo người chú giải, tác giả cuối cùng ban cho y lời khảo bình thế nào? Gọi là tình bất tình (情不情): chữ 情 đầu tiên cũng là động từ, chữ 情 sau là danh từ. Tức hình tượng Bảo Ngọc này không phải vừa: y không những trao tình cảm cho những ai có tình với mình, ví dụ như Lâm Đại Ngọc. Còn nhớ cảnh trong sách chứ? Mùa xuân hoa đào tàn rồi, cánh hoa rơi rụng lác đác, hai người cùng đọc một cuốn sách dưới gốc đào, và cùng say mê cuốn sách ấy, gọi là 《Tây Sương ký》; lòng hai người in nhau như dấu với hình.

Vậy nên y cũng giống Lâm Đại Ngọc, có mặt trao tình cảm của mình cho đối tượng yêu mình, có tình với mình. Nhưng y còn vượt lên hơn: y còn trao tình cảm cho cả những người y chưa chắc đã có tình sâu nặng; đây là điểm phi thường trong hình tượng Giả Bảo Ngọc do tác giả Hồng Lâu Mộng dựng nên. Ví dụ sách

viết về một cô a hoàn tên Bình Nhi. Bình Nhi là a hoàn của ai? Trước đây tôi đã vô số lần nhắc: quản gia phủ Vinh Quốc là vợ chồng, Giả Liễn với vợ y là Vương Hy Phượng. Giả Liễn là kẻ sợ vợ, nên quyền hành lớn rơi vào tay Vương Hy Phượng; cả phủ gọi bà là Nhị nãi nãi.

Nhị nãi nãi Vương Hy Phượng này có một cô a hoàn lớn hầu cận thân tín gọi là Bình Nhi. Hoàn cảnh của Bình Nhi rất éo le: Giả Liễn là kẻ tầm thường tục tiện, Vương Hy Phượng lại là kẻ tham lam; nàng vừa phải ứng phó với Giả Liễn, vừa phải ứng phó với vợ y là Vương Hy Phượng, mà cả hai đều là chủ tử của nàng. Có lần hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, đánh đập mắng nhiếc Bình Nhi, trút giận vào nàng. Bình Nhi với Bảo Ngọc chẳng có gì là tình cảm đặc biệt, họ chỉ quen biết hòa thuận với nhau thôi; nhưng trông thấy Bình Nhi bị đôi vợ chồng hành hạ dằn vặt như vậy, Bảo Ngọc xót xa vô cùng, bèn mời Bình Nhi đến Di Hồng viện, nơi chốn y ở trong Đại Quan viên, sai cô a hoàn lớn của mình là Tập Nhân lấy quần áo cho Bình Nhi thay, lấy đồ trang điểm cho Bình Nhi sửa soạn lại dung nhan; Bình Nhi dần dần lắng xuống khỏi cái cảm giác thê thảm sau trận bị đánh bị mắng; y lại tự tay dùng kéo tre cắt một bông hoa tươi, cài lên tóc Bình Nhi.

Sau đó Bảo Ngọc nằm nghiêng trên giường, có một đoạn tâm trạng: y có yêu Bình Nhi như yêu Lâm Đại Ngọc chăng? Không phải. Bình Nhi có yêu y như Lâm Đại Ngọc yêu chăng? Cũng không phải. Giữa họ là một quan hệ không tình, là quan hệ bất tình; nhưng lúc ấy Giả Bảo Ngọc nghĩ: mạng sống của Bình Nhi đáng thương làm sao! Bình Nhi là cô a hoàn mà Vương Hy Phượng ngày xưa từ nhà họ Vương gả sang nhà họ Giả có mang theo; cha mẹ ruột của nàng là ai nàng còn chẳng biết, từ bé đã bị bán vào nhà Vương Hy Phượng. Đến phủ Vinh Quốc, kỳ thực nàng là một mạng sống không rễ như bèo dạt; chẳng biết lai lịch của mình, rồi lại bị đôi vợ chồng ấy hành hạ dằn vặt. Bảo Ngọc nghĩ tới đây rất buồn đau: sao người lại có thể đối xử với người như thế?

Sách còn viết: lúc ấy, Giả Bảo Ngọc càng nghĩ càng thấy Bình Nhi đáng thương, đau lòng rơi mấy giọt nước mắt. Bạn xem, lúc ấy tình cảm của Bảo Ngọc có cao thượng hay không?

Cuốn sách dạy bạn điều gì? Phải hiểu rằng thứ quí giá nhất trên đời chính là thứ tình cảm trong sáng vượt lên giai cấp, vượt lên chủ nô, vượt lên nam nữ, vượt lên tình yêu, vượt lên hôn nhân, vượt lên mọi yếu tố công lợi trong xã hội; thương hại kẻ bất hạnh, thương hại kẻ yếu thế; dù chỉ làm được chút việc nhỏ bé cho họ, đưa họ về chỗ mình ở, giúp họ sửa soạn lại dung nhan, cũng là một niềm vui lớn của đời người. Huống hồ còn liên tưởng được tới thân thế bất hạnh của họ, rơi nước mắt. Vậy nên Bảo Ngọc là một mạng sống "tình bất tình" như thế.

Hơn hai trăm năm trước, tổ tiên chúng ta viết nên tác phẩm ấy, dựng nên hình tượng nghệ thuật ấy, thật không phải vừa. Hơn nữa sách còn viết tiến thêm một bước: tấm lòng bác ái của Giả Bảo Ngọc rộng đến mức nào? Không chỉ trao tình cảm cho những mạng sống như Bình Nhi, mà với những thứ vô tình của thiên nhiên, y cũng trao tình cảm. Sách viết: trông thấy con chim yến, thì nói chuyện với con chim yến; trông thấy con cá ở dưới sông, thì nói chuyện với con cá; nhìn thấy sao tỏ trăng sáng, không thở ngắn than dài, cũng

rên thầm rỉ kín. Bảo Ngọc là một "con người viết hoa", vượt lên thân phận công tử quý tộc, vượt lên thân phận một người trong xã hội; y là một thành viên của thiên nhiên, với cá với chim đều đối xử bình đẳng, tôn trọng chúng, che chở chúng, thưởng thức chúng, giao lưu đối thoại với chúng.

Vậy nên đặc điểm "tình bất tình" của Giả Bảo Ngọc là một phẩm chất cao quí đặc biệt đáng chú ý khi chúng ta đọc Hồng Lâu Mộng; đó cũng là một chủ đề tác giả muốn gửi gắm qua cuốn sách này: phải hiểu rằng thứ quí giá nhất trên đời chính là thứ tình cảm trong sáng ấy.

Trong sách có một đoạn viết rất tinh vi thứ tình cảm ấy của Bảo Ngọc: về sau y mắc bệnh một trận, sau khi dưỡng bệnh hồi phục được chút sức lực, y chống gậy đi lại trong Đại Quan viên, ngắm dây liễu rủ vàng, hoa đào khoe thắm; sau một quả non nhìn thấy một cây hạnh lớn: mùa xuân đã qua, hoa hạnh đã tàn hết, mọc ra tán lá rậm rạp, còn kết những quả hạnh nhỏ cỡ hạt đậu.

Lúc ấy y có một hoạt động tâm lý: bạn xem, tôi ốm mấy ngày, đã phụ bạc cả hoa hạnh; hoa hạnh nở đẹp biết bao, hoa rụng theo dòng nước đỏ; hoa một khi tàn rụng thì không thể nào lấy lại được, tôi đã lỡ mất. Rồi y liên tưởng tới những người nữ trẻ tuổi trong Đại Quan viên. Những người nữ ấy có kẻ bắt đầu đi lấy chồng, rời khỏi cuộc sống tuổi xuân này. Giả Bảo Ngọc từng có một tam đoạn luận: ông nói những người con gái thời ấy, trước khi lấy chồng như viên ngọc châu vô giá; lấy chồng rồi, chẳng hiểu sao lại thay đổi, dần mất đi ánh sáng của viên ngọc châu; về sau nữa, thành ra con mắt cá.

Tam đoạn luận ấy nghĩa là gì? Tức y ý thức sâu sắc rằng xã hội ấy là xã hội thần quyền, hoàng quyền, nam quyền; người nữ chỉ trong tuổi xuân thì mới được hưởng một cuộc sống chất phác không chịu chi phối của hệ tư tưởng chủ lưu xã hội; một khi lấy chồng, họ liền hợp thành một thể với chồng, gia nhập vào guồng vận hành của xã hội ấy, sẽ chạy theo danh vị, chạy theo tài sản; tuổi càng lớn, càng quên đi thứ tình cảm chất phác của tuổi xuân thì.

Dưới ngòi bút tác giả, chỉ có những người nữ trẻ chưa lấy chồng mới là tốt đẹp nhất. Bảo Ngọc trông thấy một cây hạnh liền liên tưởng tới số phận những người nữ trẻ quanh mình, sinh ra một tình cảm bi mẫn. Bi mẫn là gì? Bây giờ bạn còn nhỏ, lớn lên sẽ dần dần sinh ra cảm xúc ấy: đó là đối với tiền cảnh bi kịch của một sự vật nảy sinh lòng thương, sinh ra một sự đồng tình sâu dày; từ nhỏ bạn phải rèn luyện lòng đồng tình ấy, thương kẻ yếu thế, thương những mạng sống mà tuổi xuân đã khuất.

Lúc ấy y tự khiến chính mình xúc động, nước mắt tuôn ra. Chúng ta là thiếu niên thanh niên hôm nay, chưa nhất định phải học Bảo Ngọc; không phải bảo bạn phải đa sầu đa cảm như y; nhưng trong hành vi tư tưởng của Bảo Ngọc có chất dinh dưỡng tinh thần đáng để chúng ta hấp thu: đó là trân trọng những quãng thời gian tốt đẹp, những giai đoạn sinh mệnh tốt đẹp sắp nhanh chóng phai tàn.

Vậy nên cuốn Hồng Lâu Mộng thông qua rất nhiều câu chuyện tình tiết, nhất là thông qua hình tượng nghệ thuật Giả Bảo Ngọc, diễn đạt một chủ đề rõ rệt: ở trên thế giới này, cho dù là tài sản, địa vị hay công danh, cùng vài thứ khoái lạc xác thịt, thú vui ăn uống linh đình, đều chẳng có bao nhiêu giá trị; thực sự có giá trị chính là thứ tình cảm trong sáng ấy, sự thưởng thức vô tận dành cho mùa xuân, nỗi nhớ tiếc vô tận dành cho tuổi xuân, sự tôn trọng che chở vô tận dành cho những sinh mệnh đẹp đẽ. Túi gấm này bảo bạn: khi đọc Hồng Lâu Mộng, nếu bạn nắm được một tư tưởng trung tâm, một chủ đề như vậy, bạn đọc sẽ càng ngày càng ngon lành đậm đà; như đoạn tả Bảo Ngọc đứng trước gốc hạnh vừa rồi, trong sách dường như chẳng phải đoạn quan trọng gì; nhưng có túi gấm rồi, bạn sẽ hiểu rằng mỗi đoạn trong cuốn sách đều đáng đọc kỹ, đều đáng nhấm nháp cho thật kỹ.

Các độc giả thiếu niên ạ, mong mười túi gấm tôi hiến dâng sẽ hữu ích suốt đời cho việc đọc Hồng Lâu Mộng của bạn.

# Mục lục


Bìa 1
- Mục Lục - 2
Tập 1: Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (thượng) 7
Tập 2: Lưu Tâm Vũ bàn về Hồng học (hạ) 19
Tập 3: Bí ẩn hôn phối trong phủ Giả 31
Tập 4: Bí ẩn Tần Khả Khanh được nhận nuôi 42
Tập 5: Bí ẩn sinh tồn của Tần Khả Khanh 54
Tập 6: Bí ẩn thân thế của Tần Khả Khanh 66
Tập 7: Bí ẩn vụ cảnh báo đêm trong trướng điện 77
Tập 8: Bí ẩn thăng trầm của nhà họ Tào 89
Tập 9: Bí ẩn nhật nguyệt cùng treo 101
Tập 10: Bí ẩn Tưởng Ngọc Hàm 113
Tập 11: Bí ẩn Bắc Tĩnh vương 125
Tập 12: Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (thượng) 136
Tập 13: Giải mã nguyên mẫu Tần Khả Khanh (hạ) 146
Tập 14: Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (thượng) 155
Tập 15: Bí ẩn Tần Khả Khanh bị tố giác (hạ) 166
Tập 16: Bí ẩn nguyên mẫu Giả Nguyên Xuân 175
Tập 17: Bí ẩn lời phán về Giả Nguyên Xuân 184
Tập 18: Bí ẩn cái chết của Giả Nguyên Xuân 194
Tập 19: Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (thượng) 204
Tập 20: Bí ẩn thứ tự xếp hạng Diệu Ngọc (hạ) 215
Tập 21: Bí ẩn tình ái của Diệu Ngọc 225
Tập 22: Bí ẩn thân thế của Diệu Ngọc 235
Tập 23: Giải mã kết cục Diệu Ngọc 246
Tập 24: Bí ẩn huyết thống của Lâm Đại Ngọc 255
Tập 25: Bí ẩn đôi mày của Lâm Đại Ngọc 265
Tập 26: Bí ẩn Thoa Đại hợp nhất 274
Tập 27: Bí ẩn hiểm cảnh của Lâm Đại Ngọc 284
Tập 28: Giải mã kết cục Lâm Đại Ngọc 293
Tập 29: Bí ẩn tuyển tú của Tiết Bảo Thoa 302
Tập 30: Bí ẩn chỉ hôn của Tiết Bảo Thoa 313
Tập 31: Bí ẩn tình ái của Tiết Bảo Thoa 324
Tập 32: Bí ẩn quan hệ với Giả mẫu của Tiết Bảo Thoa 334
Tập 33: Bí ẩn tình chướng của Tiết Bảo Thoa 344
Tập 34: Giải mã kết cục Tiết Bảo Thoa 355
Tập 35: Bí ẩn bảo thạch của Giả Bảo Ngọc 365
Tập 36: Bí ẩn nhân cách của Giả Bảo Ngọc 375
Tập 37: Bí ẩn ý dâm của Giả Bảo Ngọc 384
Tập 38: Bí ẩn đa nhân cách của Giả Bảo Ngọc 394
Tập 39: Giải mã kết cục Giả Bảo Ngọc 404

Tập 40: Bí ẩn xuất tràng của Sử Tương Vân 411
Tập 41: Bí ẩn ký dưỡng của Sử Tương Vân 421
Tập 42: Bí ẩn đính hôn của Sử Tương Vân 431
Tập 43: Bí ẩn kỳ lân vàng của Sử Tương Vân 441
Tập 44: Giải mã kết cục Sử Tương Vân 451
Tập 45: Bí ẩn toàn bản Hồng Lâu Mộng 461
Tập 46: Bí ẩn kết cấu Hồng Lâu Mộng 472
Tập 47: Bí ẩn Giả Nghênh Xuân 483
Tập 48: Bí ẩn Hương Lăng 493
Tập 49: Bí ẩn Giả gia hoạch tội 499
Tập 50: Bí ẩn Giả Tích Xuân 510
Tập 51: Bí ẩn Tập Nhân và Xạ Nguyệt 521
Tập 52: Bí ẩn Giả Thám Xuân 531
Tập 53: Bí ẩn Vương Hy Phượng và Xảo Thư 542
Tập 54: Bí ẩn Lý Hoàn 553
Tập 55: Bí ẩn miếu Ngục Thần 563
Tập 56: Kim Lăng thập nhị thoa phó sách 573
Tập 57: Kim Lăng thập nhị thoa hựu phó sách 584
Tập 58: Bí ẩn Tình bảng 595
Tập 59: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (thượng) 606
Tập 60: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (trung) 616
Tập 61: Bí ẩn hồi mục sau 80 hồi (hạ) 626
Chuyện về cổ bản và bản thông hành 637
Không đọc phàm lệ, thật đáng tiếc 652
Đá thừa Nữ Oa vá trời, ngọc thông linh bảo ngọc, và Giả Bảo Ngọc: có phải là ba trong một? 656
Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần vốn có thơ mở đầu hồi 663
Sự phản chiếu của lịch sử gia tộc 666
Bốn đại gia tộc gây chú ý 668
Chung Tình đại sĩ (钟情大士)? Chủng Tình đại sĩ (种情大士)? 671
Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần trần thuật linh hoạt bằng ba ngôi kể 674
Không hiểu được Hồi thứ bảy, thì đừng đọc Hồng Lâu Mộng 676
Xương trắng chất chồng, quên mất họ tên 679
Dò xét kỹ càng, tinh chọn để cầu chân thực 682
Từ Phong Nguyệt bảo giám mà chắt lọc, cải biên? 685
Nguyên mẫu của Sử Tương Vân: một người em họ mang họ Lý của Tào Tuyết Cần 688
"Chân sự ẩn" rồi mới "giả ngữ tồn" 693
"Tần nhân cựu xá" càng thêm lộ liễu 696
Mấy dòng lời phê Chi Nghiễn Trai không thể không biết 702
Đừng bỏ qua: những con em tông tộc họ Giả đã được và đang mưu cầu chân sai việc 708
Tiểu Hồng là nhân vật quan trọng xuyên suốt cả sách 711
Rùa sáu chân · Hai mươi sáu tháng tư · Mồng ba tháng năm 717
Ngày hai mươi sáu tháng tư là ngày thánh đản của Đại vương Che Trời 722

Bí ẩn kim kỳ lân 728
Ai là kẻ tố giác · Nhìn nhận Tập Nhân thế nào · Giả mẫu khéo khen Bảo Thoa 732
Chẩm Hà các thập nhị thoa 740
Giả mẫu bàn cửa sổ cần ngẫm kỹ, sách đến hồi ba mươi tám đã qua hơn một phần ba 745
Không thể xem thường Vưu thị, Lý Hoàn cũng có lúc sắc sảo cay nghiệt 751
Ba câu chuyện về dục vọng 755
Lư Tuyết Nghiễm (芦雪广) không phải là Lư Tuyết Am (芦雪庵) · Giải mã thơ đố đèn của Tiết Bảo Cầm 758
Đừng bỏ qua các cảnh đệm 766
"Vai vụn lẻ tẻ", "vô tình thuận tay" đều thấy công lực 771
Thêu dệt bức tranh nhân sinh phức tạp 775
Chọn từ Hồng Lâu Mộng ra bốn cảnh đẹp nhất, bạn chọn bốn cảnh nào? 780
Bi kịch tự cứu của "Hồng lâu nhị Vưu" 785
Hoặc đánh, hoặc giết, hoặc bán 792
Gai góc · Phật thủ lạp du đông · Bình phong kính · Quan trung 799
Gió nổi từ ngọn thanh bình 809
Khuyết thơ Trung thu đợi Tuyết Cần · gạo yên chi Ngọc Điền 816
Chẳng thèm cái công danh ấy, chẳng để người đời xem đọc khen ngợi 822
Hai hồi này có phải nguyên bút của Tào Tuyết Cần không? Nếu là bổ tác, tác giả hẳn chẳng phải Cao Ngạc 831
Điều anh nhất định phải biết: Tào Tuyết Cần đã viết xong Hồng Lâu Mộng 835
Thám dật Hồng Lâu Mộng từ hồi thứ tám mươi mốt đến hồi một trăm lẻ tám 839
Bốn cách đọc sách 862
Kim Bình Mai là tổ tiên của Hồng Lâu Mộng: không có Kim Bình Mai thì không có Hồng Lâu Mộng 882
Chuyện Hồng 891
·Lời tựa gốc «Hồng lâu nhãn thần»· 908
Nhìn chết trân 910
Nhìn nhau trong gương 913
Liếc mắt ra hiệu «giết gà lau cổ» 915
Liếc xéo 918
Giả Chính đưa mắt 921
Nhìn nhau mà cười 924
Nhìn theo bằng ánh mắt 927
Thế pháp bình đẳng 930
Sự nhược cầu toàn hà sở nhạc 932
Thị chân danh sĩ tự phong lưu 934
Duy đại anh hùng năng bản sắc 936
Tiểu tâm không quá du đích 938
Đáo để hoàn nên quy bản lai diện mục 940
Trông thấy chim yến thì nói chuyện với chim yến 942
To nhỏ đều có thiên lý 944
Mộc mà chẳng tục, thẳng mà chẳng vụng 946
Rốt cuộc bắt thăm mới công bằng 948

Trạng nguyên bảng nhãn há chẳng có kẻ hồ đồ 951
Người pha lê ruột thủy tinh 953
Đầy quá thì tràn bớt ra ngoài 956
Đẩy đổ bình dầu chẳng buồn đỡ 958
Nhiều người ăn càng vui 960
Người đời từ bé ai chẳng đi qua thế cả 962
Cô ả bán dầu gội đầu bằng nước 964
Người đọc sách cứ lấy lẽ phải làm trọng 966
Gỗ hoàng bá làm dùi khánh 968
Trâu không muốn uống nước cố đè sừng? 970
Người trước rải đất làm mờ mắt người sau 972
Đem miến nấu nước lã anh ăn đi tôi xem 974
Đánh mất thể thống lớn thì chẳng ra gì 976
Canh chừng kẻo trượt khỏi nếp gấp lớn 978
Đàn ông mà giở cái bộ dạng lẩm cẩm như đàn bà 980
Ông nội nằm trong chiếc nôi 982
Đánh trống gõ mõ làm ầm ĩ 984
Có động chạm gì đến ai 986
Hoa rụng rồi kết trái bí ngô 989
Đo đầu mà làm mũ 991
Chuột kho lúa đi hỏi quạ mượn lương 993
Gà mái đen cả một ổ 995
Nắm lấy lẽ phải mà đóng bè 998
Cây đèn cao một trượng tám 1000
Xưa nay Hằng Nga vẫn yêu thiếu niên 1002
Cánh bèo còn có ngày gặp gỡ 1004
Cơm nồi khác thơm hơn 1007
Tự cho rằng tiêu vài đồng tiền đồng thối (几个臭铜) là chẳng có việc gì không xong được 1009
Rạp dù làm dài đến nghìn dặm 1011
Liễu giấu vẹt, nghe tiếng mới hay 1013
Giả mẫu luận về cửa sổ 1015
Tên tiểu hí tử để tóc kiểu nắp bô 1018
Những thú cưng trong Hồng Lâu Mộng 1020
Hòa Thạc Thục Thận công chúa 1023
Mắt thấy miếu Ngục Thần 1027
Lễ cửa là bột phục linh 1031
Tiểu Cát Tường hỏi Tuyết Nhạn mượn áo 1033
Bảo Quan và Ngọc Quan 1035
Liên Hoa Nhi mắt tinh 1038
Bà lớn viện Bắc 1040
Vợ của A Kỳ Na 1042
Trà đáp tử · phích nước · máy nước uống 1044
Nhịn đói 1047

Hai đời Vinh quốc công 1049
Đai ngọc treo giữa rừng 1051
Tình cờ gặp gỡ nơi Đại Hành cung 1053
Phó Hằng bao giờ trở về quê nhà? 1057
Bình lệch Phượng Thư 1059
Thèm một bát cháo gạo cẩm 1064
Để thế giới biết đến Tào Tuyết Cần và Hồng Lâu Mộng 1067
Người trong hiên Khoa Đầu Bão Tất 1074
Cụ già ngoài tám mươi đến cổ vũ 1076
Chân nhện và cánh chim 1078
Hồng học chia sẻ với công chúng 1080
Xướng đọc Tào Hồng, hứng thú càng thêm nồng nàn 1082
Giới thiệu bản hội hiệu "Hồng Lâu Mộng" của Chu Nhữ Xương 1085
Thơ cụ Chu tặng, có người đáp hòa 1087
Thơ tặng huynh Tâm Vũ sang Mỹ diễn thuyết Hồng học 1090
Chỉ kẻ say mê mới giải được vị 1092
Hối không theo thầy thưởng hoa hải đường 1099
Tôi tục "Hồng Lâu Mộng" 1103
Thơ từ sau tám mươi hồi 1105
"Trắng xóa" và "chết sạch" 1107
Về việc Đại Ngọc trầm hồ 1109
Tiểu Cát Tường từ đâu ra? 1111
Giả Bảo Ngọc sau tám mươi hồi 1113
Bước vào văn thể Tào 1115
Cùng khung hình với Lâm muội muội 1118
Giải mã Lưu Tâm Vũ 1121
Tiên sinh Chu Nhữ Xương tặng thơ 1139
Túi gấm thứ nhất: Chân Anh Liên bị bắt cóc 1140
Túi gấm thứ hai: Kim Lăng thập nhị thoa 1143
Túi gấm thứ ba: Giáng Động hoa vương 1147
Túi gấm thứ tư: Tiễn biệt Hoa thần 1151
Túi gấm thứ năm: Bắt bướm · Táng hoa · Say nằm · Xâu hoa 1154
Túi gấm thứ sáu: Ngâm thơ điền từ 1158
Túi gấm thứ bảy: Tứ đại gia tộc 1162
Túi gấm thứ tám: Chơi chữ đồng âm ẩn nghĩa 1166
Túi gấm thứ chín: Rắn cỏ vệt tro 1170
Túi gấm thứ mười: Chân tình trên hết 1173